VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP NĂM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP NĂM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP NĂM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

619-2006/CXB/12-1332/GD

Mã số : 7X388n6 - CNĐ

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

Tổ Phiên dịch Viện Sử học phiên dịch

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP NĂM

(Tái bản lần thứ nhất)

Phiên dịch : **Đỗ Mộng Khương, Phạm Huy Giu, Nguyễn Ngọc Tỉnh, Nguyễn Mạnh Duân, Nguyễn Danh Chiên, Trương Văn Chinh**

Hiệu đính : **Nguyễn Trọng Hân, Cao Huy Giu**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXVII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837] (Thanh Đạo Quang năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, ban ân chiếu cho trong ngoài.

Lời chiếu rằng : "Trẫm nghĩ vương giả không riêng, ra lệnh đều theo thời tiết, nước nhà có phúc, lòng hiếu đến cả người ngoài, bởi vì theo lòng nhân để đứng đầu mọi người, mà cùng vui, phải có ban ân huệ.

Trẫm kính nối mưu xưa, vâng nhờ vận tốt, được phúc lành rất to lớn ; càng cẩn thận để sáng thêm, khi ban hành một chính lệnh ; chỉ nghĩ theo thuận đạo trời. Hằng năm, đầu xuân ban ơn ; thần dân vui vẻ, may nhờ trời đất ủng hộ, miếu xã phù trì, triều dã lặng vui ; xa gần yên ổn.

Năm nay chính gặp thánh mẫu Hoàng thái hậu, tuổi thọ vừa mới bảy mươi ; vui mừng hợp chín câu chúc[1], phúc họp chốn cung tiên, lòng tôn thân cùng chung sáu cõi ; ơn ban ngành khánh tiết, thấm móc mưa do tự chín tầng, đem của chín châu, dâng vui lòng mẹ ; thu lấy năm phúc ban cho thứ dân, nay hơi dương đầm ấm, lòng sáng vẻ vang. Ôn hòa thay khí sang tam dương, [tháng giêng] mở đầu phúc tốt ; rộng rãi như sống nuôi muôn vật, tưới khắp ơn trên, bèn giáng ân điển tất cả 13 điều :

---

(1) Chữ Hán là cửu như thơ *Thiên bảo Kinh Thi* chúc vua sống lâu như Mặt Trời, như Mặt Trăng, như núi, như non, như gò, như đống, như núi Nam Sơn, như cây Tùng, cây Bách.

1. Các quan văn võ ở Kinh, tự chánh ngũ phẩm trở lên, cùng ban hằng năm các địa phương đến hội, đều cho ăn yến và thưởng cho có cấp bậc.

2. Các đền miếu phát tích của Lịch đại đế vương đều cho tế một tuần.

3. Thần kỳ các tỉnh hợp tế một tuần.

4. Thuế thân, tiền điệu ở các địa phương năm nay chia làm 10 thành, tạm hoãn 5 thành.

5. Lúa ruộng bị tổn thương năm ngoái, đã khám báo, thì được tha hay giảm thuế có từng bậc.

6. Các quan viên trong ngoài, nhân việc công sai nhầm bị giáng từ năm Minh Mệnh thứ 17 trở về trước, làm danh sách tâu lên xét cho khai phục.

7. Các quan viên trong ngoài, nhân việc công sai nhầm bị phạt bổng, đã chua vào danh sách từ năm Minh Mệnh thứ 17 trở về trước, không cứ đã trừ lương đủ hay chưa, đều được miễn cả.

8. Các địa phương có người tài đức giỏi giang, ẩn nấp ở núi rừng, do quan địa phương xét thực tâu lên để chọn dùng.

9. Các địa phương có người vốn học sách binh thư, dũng cảm, biết phép, hoặc cưỡi ngựa bắn súng giỏi giang, am hiểu võ nghệ, hoặc sức khỏe hơn người, mang nặng đi xa, không cứ là hạng quân hay hạng dân, đều cho thượng ty xét thực, đưa bộ hạch lại tâu lên, theo tài bổ dụng.

10. Các địa phương có hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ, xét hỏi kỹ lưỡng, đem việc tâu lên, giao bộ bàn lại, đợi Chỉ nêu khen.

11. Các nhà trạm, cấp cho tiền lương tự tháng giêng đến tháng sáu, có thứ bậc.

12. Nhà Dưỡng tế ở các địa phương, những người góa vợ, góa chồng, mồ côi, không con, tàn tật, không kêu vào đâu được. Quan có trách nhiệm phải lưu tâm nuôi nấng, không để cho đến nỗi mất nhờ.

13. Những thổ tri huyện, thổ tri châu tại chức mà chưa có lệ lương, thì đều cấp lương cho.

Than ôi ! Theo sinh khí mùa xuân mà mừng vui, đầu năm cùng hưởng phúc ; đọc lại thơ *Thiên bảo* để chúc thọ, đức tốt thêm sáng tươi.

Chuẩn định từ nay hằng năm đến 30 tháng chạp và 3 ngày tết Nguyên đán, đại thần văn võ cùng nhân viên các nha ty sáu bộ, đều miễn không phải ứng trực, duy ban võ tự Quản vệ trở xuống, phải cắt lượt ứng trực như thường, làm lệ mãi mãi.

Nội các nghĩ rằng từ trước lệ đóng ấn vàng phải có quan ứng trực cùng với khoa đạo hội xét, xin những ngày ấy, bộ viện đương ban để tư vụ hoặc thư lại mỗi chức một người, nếu lâm thời có việc cần, được chuyển báo cho tiện.

Vua phê bảo rằng : không trực là không ngủ đêm mà thôi, chứ không phải là cả ngày không đến đâu, chớ lầm.

Thưởng tiền cho quan quân đạo Ninh Bình.

Vua dụ rằng : "Tiết xuân ấm áp, các quan lớn nhỏ ở Kinh đều được ăn yến ban thưởng, mà quan quân làm việc khó nhọc ở ngoài, xông pha gió rét, rất là đáng thương. Vậy thưởng cho Kinh lược đại sứ Tạ Quang Cự 100 quan tiền. (Hà Duy Phiên trước đã thưởng bạc lạng, nên không dự). Biền binh ở quân thứ, xét ra ai là người sai phái làm được xuất sắc, thì thưởng cho tiền lương một tháng, người kém thì cho lương nửa tháng".

Vua sai lính ở Kinh chia nhau đi đổi đóng ở các địa phương : (vệ Trung dinh Hổ uy đóng ở Gia Định ; vệ Trung bảo nhất đóng ở An Giang ; hai vệ Bảo nhất tiền hậu dinh Long võ đóng ở thành Trấn Tây ; vệ Hùng nhuệ tả chia nhau đóng ở Thanh Hoa, Nghệ An ; vệ Tả nhị quân Vũ lâm đóng ở Hà Nội ; vệ tả dinh Thần cơ chia nhau đóng ở Nam Định, Hưng Yên ; vệ Kỳ võ nhất chia nhau đóng ở Sơn Tây, Ninh Bình ; vệ Kỳ võ nhị chia nhau đóng ở Hải Dương, Bắc Ninh).

Vua nghĩ các vệ quân ở Kinh đi đóng ở Nam Kỳ, Trấn Tây, đường sá xa xôi, thưởng tiền lương có thứ bậc (phàm người đóng ở Trấn Tây, cho 2 tháng lương ; đóng ở Gia Định, An Giang, cho một tháng rưỡi). Lại sai lấy 6 chiếc thuyền hiệu Bình cho lính ngồi, nhân tiện cho chở các thứ của công đem đi giao cho Gia Định để đỡ khó nhọc. (Tiền 10 vạn quan, sa hoa dày nửa sợi 20 cây, the nam hoa to 20 tấm, nhiễu trơn 23 cuốn, trừu hoa 2 bông 20 tấm, trừu hoa nam 2 bông 30 tấm, trừu hoa nam 3 bông 20 tấm, vải trắng 1.000 tấm, sại nam 300 tấm, đều do Gia Định nhận chứa vào kho, súng đồng quá sơn 39 cỗ, áo trận đoạn lông 17 vệ chia cấp cho các tỉnh).

Chuẩn định từ nay hằng năm lính Kinh đi đóng ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ, cùng sai phái đi đánh giặc, ngày khởi hành, đường quan bộ Binh đem theo ty thuộc đến kiểm xét xem biền binh có đủ số không, áo quần, khí giới có được chỉnh tề tinh nhuệ không, súng điểu thương máy đá phải cho giương máy đốt thuốc bắn thử một phát, để xét xem máy đá lửa có tốt không, nếu đều được đầy đủ tinh hảo, cứ thực tâu lên, không được như thế thì tham hặc để trừng trị. Sau khi đến chỗ đóng của quan địa phương khám lại một lần, rồi nói kèm vào tập tâu báo lính thú đến tỉnh. Sau có sai

phái cũng thân tự kiểm xét, đến khi đóng mãn hạn đổi về hàng ngũ ở Kinh, bộ Binh lại kiểm duyệt như trước.

Biền binh tỉnh Quảng Ngãi giải tù phạm đi đường thủy đến đồn điền thành Trấn Tây, tù phạm 42 người mà phái giải đi chỉ có 13 người, lúc ra đi, Suất đội Nguyễn Văn Lực ăn của đút cho 6 người nghỉ việc, mới đến cửa biển Cầu Huân tỉnh Khánh Hòa, bỏ neo đi lấy củi, tù phạm là lũ Lý Thành Hưng người nhà Thanh, nhân lúc lính canh phòng sơ suất, đánh lính sai đi, đẩy xuống nước, cướp thuyền trốn đi. Việc ấy đến tai vua, Nguyễn Văn Lực phải tội thắt cổ đợi Chỉ, Án sát Quảng Ngãi là Đặng Kim Giám vì là chuyên trách việc hình, phải giao bộ Hình nghiêm nghị bắt phải tìm cách bắt kẻ tù phạm ấy. Lại truyền dụ từ Bình Định trở về Nam đến Hà Tiên, mật sức cho các đồn ở các cửa biển, cùng hương thôn ven biển và các đảo để ý khám xét, nếu lũ tù phạm ấy thẩm đến nơi nào, bắt được cả bọn thưởng 300 quan tiền, bắt được một người trở lên cũng thưởng hậu, người chứa giấu cũng phải tội như tù phạm ấy.

Vua dụ bộ Hình rằng : Lũ tù phạm ấy phần nhiều là tội lưu, theo nhẹ cho đổi làm tội đồ, lại khoan hồng giảm tội phát đi làm binh, sung vào đồn điền thành Trấn Tây, cấp cho canh ngưu điền khí, cho có đất để ở, có ruộng làm ăn, có khổ sở gì đâu, mà lại trái mệnh lệnh, tự nhận lấy cái vạ chết cả họ. Chẳng qua lũ kia quen tính hung tợn, không biết ân cách nên nhớ, phép nước nên sợ, cho nên tối tăm ngoan cố đến như thế, nên truyền Chỉ cho từ Thừa Thiên đến Bình Thuận, khi phái giải tù phạm đến Trấn Tây, phải khóa xích cẩn thận, như 30 tên tù phải 30 tên lính giải, cốt để sức lính đủ hạn chế được mạng chết lũ tù, giữ cho không xảy ra việc gì. Lại cho các tướng quân, tham tán, đề đốc thành Trấn Tây, nếu tiếp được tù phạm các hạt đưa đến, nên châm chước chia đặt, không cho tụ cả một nơi, hoặc đến nỗi muỗi kêu thành sấm lại thêm khó nhọc, xét thấy đứa nào không yên bản phận, làm gian phạm tội, hoặc có lòng bất trắc, cho chém trước rồi mới tâu, chớ nên cẩu thả. Lại thông dụ cho các địa phương tự nay phàm phái quan binh đi công sai như đi thú, tải tiền của, giải lương, giải tù phạm, lúc khởi hành, thượng ty đều phải thân tự kiểm điểm số lính, thiếu một người trở lên thì đem quản viên phái đi ấy tham hặc trừng trị, nếu không quan tâm đến, ủy cho viên quan hèn kém cho lính nghỉ việc, thì xét hỏi về tội thất sát, nếu đến hỏng việc, phải trị tội nặng. Rồi lại dụ sai các tỉnh những tù phạm giải đi Trấn Tây, nếu chưa phát đi thì cho đổi phát đi các địa phương 2 huyện Để Định, Vĩnh Điện ở Bắc Kỳ.

Đắp thành đất tỉnh Bình Thuận (từ tả đến hữu dài 82 trượng, từ đằng trước đến đằng sau dài 70 trượng, thân cao 6 thước 5 tấc, chân rộng 1 trượng 2 thước, 4 góc

thành đều đặt mỗi góc một pháo đài, đằng trước đằng sau, bên tả bên hữu đều mở 1 cửa, hào rộng 1 trượng 2 thước). Vua sai thuê dân phu 2.000 người cùng với biền binh làm việc đắp thành. Tuần phủ Dương Văn Phong tâu nói : Dân Thổ thuộc hạt ấy trốn đi mới về, đau ốm mới khỏi, chưa nên đốc thúc đi làm việc, xin chỉ cứ thuê dân Kinh làm việc, còn số giản binh phải điền, hãy cho tạm hoãn. Vua y cho.

Vua nhân bảo bộ Hộ rằng : Trước đây Bình Thuận có lũ ác man nổi loạn, giết hại nhân dân, đã phái quan quân đến nơi đánh giết, là tự chúng làm nên tai họa. Trẫm không vì một vài đứa ngu muội, ngờ cả loài giống ấy, chỉ giết kẻ đầu sỏ, còn những người bị hiếp đi theo, đều cho thú tội, tha cả, sau dân Thổ lần lượt trở về, trẫm đã dụ cho quan tỉnh hết lòng vỗ về, tìm đất xử trí, khiến cho chớ mang lòng ngờ sợ, lại phát chẩn cho kẻ nghèo cùng, tha cho thuế lệ, ân điểm thêm hậu, không biết ngày nay đã yên họp như cũ chưa, tình trạng sinh lý cư xử thế nào, vậy sai Dương Văn Phong xét hỏi tâu lên. Phong tâu nói : Dân Thổ tự sau khi dẹp yên giặc, người trở về còn kém số cũ hơn 1.000 người, sinh lý chưa được dồi dào, nhưng cũng hơi khởi sắc, còn như cách ăn ở, tiếng nói, áo quần gần giống như người Kinh. Vua bèn giáng dụ, phải gia tâm mở bảo, khiến cho ngày càng tiêm nhiễm phong tục người Kinh, để tỏ là coi dân như một.

Đến khi việc đắp thành xong, tính số tiền gạo cấp cho binh dân trội hơn giá tính trước (tiền hơn 1.000 quan, gạo hơn 1.000 phương). Phong xin đòi lại.

Vua bảo rằng : Trù tính nhân công sai lầm là lỗi ngươi, không phải lỗi binh dân, bèn giáng Phong 2 cấp, còn số tiền gạo cấp thừa, chuẩn cho làm phần thưởng cho binh dân.

Thự Đề đốc Hà - Ninh là Tôn Thất Bật đóng quân ở Lũng My, cho Lương Sơn là rừng rậm hiểm trở, giặc giữ chỗ hiểm chống lại, thế khó tiến thẳng. Chia ủy Lãnh binh Nghệ An là Vũ Văn Thuyên theo đường bên hữu để đánh úp đằng sau giặc, thí sai Phó quản cơ cơ Hữu định là Trần Văn Lai đi đường bên tả để đánh đằng trước giặc. Thuyên bồi hồi không tiến, lại đem một toán quân vào sâu trận địa của giặc, bị chết tại trận, Bật bèn đi đường giữa đốc quân cố sức đánh, liền phá được trại giặc, giặc bèn vỡ tan, Bật lại chuyển về Cao Trĩ, đi gấp tiến thẳng đến Lương Chính, đem việc ấy tâu lên và tự nhận lỗi.

Vua dụ rằng : Người chia đường điều quân, trước sau giáp đánh, nguyên để chẹn họng sọc nách, khiến cho giặc đầu đuổi không trông được nhau, cho dễ thành công, vốn không phải là thất sách, chỉ vì toán quân bên hữu lừng khừng, đến nỗi toán quân bên tả hỏng việc, Vũ Văn Thuyên đáng lẽ phải chiểu theo quân pháp,

nhưng đương lúc đánh dẹp, tạm theo nhẹ cách lưu, cho đi giết giặc chuộc tội. Trần Văn Lai ra trận bỏ mình, lập tức cho truy tặng thực thụ Phó quản cơ, thưởng thêm 20 lạng bạc để khuyến khích người hết sức làm việc bỏ mình ở chiến trường.

Vua lại nghĩ Bật đem một đạo quân đánh giặc thắng trận, sai tỉnh Thanh Hoa tải ra 1.000 quan tiền chiểu theo công trạng chia thưởng cho.

Ngày Bính Tuất làm lễ Xuân hưởng.

Vua lại tha thuế điền thổ cho xã Văn Xá 5 năm, lấy năm nay bắt đầu.

Vua sai khắc ấn ngọc đề 4 chữ "hành tại chi tỉ" (ấn bằng ngọc vuông đều 2 tấc 3 phân, dày 3 phân, bề cao suốt 1 tấc 7 phân 1 ly). Từ nay về sau, khi vua đi tuần thú, xét các địa phương, xe vua đương đi đường, có cần ban huấn điều, sắc thư, thì đóng ấn ngọc này.

Vua cho Tả phó đô ngự sử là Phan Bá Đạt sung đại thần Cơ mật viện, lại kiêm quản viện Hàn lâm ; Lang trung biện lý bộ Hộ là Nguyễn Song Thanh điệu bổ làm Lang trung bộ Binh, biện lý việc bộ ấy.

Vua cho Án sát Định Tường là Hà Thúc Văn điệu bổ làm Án sát Vĩnh Long ; Tư vụ phủ Nội vụ là Thân Văn Quyền thăng thụ Viên ngoại lang bộ Hình, lại thự Án sát Định Tường.

Mới đặt chức tri huyện huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú An. Tỉnh hạt có 1 phủ (Tuy An), 2 huyện (Đồng Xuân, Tuy Hòa), địa thế rất rộng, từ trước khi đặt một tri phủ kiêm lĩnh 2 huyện, thế khó trông coi cho xiết. Vua bèn cho quan tỉnh, trích tổng Đồng Xuân thượng đổi thuộc vào huyện Tuy Hòa, đặt 1 chức tri huyện, tổng Đồng Xuân hạ, số đinh điền gấp đôi, chia làm 2 tổng, vẫn thuộc huyện Đồng Xuân. Còn phủ Tuy An kiêm lý huyện Đồng Xuân thống hạt huyện Tuy Hòa. (Huyện lỵ Tuy Hòa đặt ở địa phận thôn Phú My).

Kinh lược sứ Thanh Hoa là Trương Đăng Quế, Phó sứ là Doãn Uẩn, Nguyễn Đăng Giai, mới đến tỉnh, trước hết sai thị vệ đến các đạo quân Tôn Thất Bật, Nguyễn Văn Kỳ hỏi dò tình hình trong quân, sức cho nhân thế mạnh tiến nhanh. Lại nghĩ số quân ở tỉnh không có mấy, làm sớ xin tạm lưu một vài ngày, đợi quân vệ Kỳ võ ở Kinh phái đi đều đến, sẽ đem đến quân thứ, chờ cơ điều khiển. Và quân vệ Kỳ võ trước phái đến Nghệ An, cũng không có việc gì làm, đã điều đến để thêm sức quân.

Vua dụ rằng : "Lũ ngươi mình mang gánh nặng, phàm công việc đánh giặc, vỗ yên dân, cốt cho trúng khớp, và nghiêm đốc tướng sĩ hăng hái tiến lên, cho chóng

giết được giặc, tức như trận Lương Sơn gần đây, Vũ Văn Thuyên bồi hồi không tiếp ứng, nên Trần Văn Lai vào chỗ hiểm bị chết trận, đủ biết là chưa dẹp yên được giặc không phải tại quan quân không nhiều, cũng không phải là sự thế khó làm, chỉ bởi quan bắt giặc chưa được người giỏi mà thôi. Nay cho truyền báo các đạo, đều nên dũng cảm có tiến không lùi, nếu ai nhút nhát chùn lại thì tuyên Chỉ đem chém ngay ở trước quân, để răn mọi người cho nghiêm quân luật. Bèn sai Nghệ An, Hà Tĩnh trích ra hai vệ lính thú của Quảng Bình, Quảng Trị đi theo quân thứ để sai khiến".

Thự Đề đốc Hà - Ninh là Tôn Thất Bật đánh tan lũ giặc ở Cao Trĩ, đến thẳng đầu địa giới châu Lương Chính. Bật trước từ Lương Sơn về Cao Trĩ, bọn giặc lại tụ họp vài trăm, liền đặt đồn trại để kháng cự, Bật bèn chia quân giáp đánh, trước đem súng du sơn bắn giặc, giặc đều chạy vỡ tơi bời, quân ta đều tiến lên, chém được sáu đầu giặc, phá hết cả đồn trại. Vua nghe biết khen ngợi. Có thổ mục sách Ngọc Lặc là Phan Thúc Giáp theo quân hướng dẫn thực là đắc lực, cho thưởng thụ làm Đội trưởng, thưởng thêm ngân tiền Phi long hạng lớn 5 đồng.

Tình hình quân thứ Kinh lược Tạ Quang Cự, Thám tán Hà Duy Phiên ở Ninh Bình, lâu không tiếp tục báo tin. Vua dụ quở rằng : "Lũ ngươi vâng mệnh đi bắt giặc, từ mùa đông đến mùa xuân chưa bắt được một tên giặc nào, khi trước bọn giặc chia đóng ở Thanh Hoa quấy rối để chia sức lực quan quân ta, thì sự thế lúc ấy, còn bị lo ràng buộc, gần đây thổ phỉ Thanh Hoa đã bị quan quân đánh tan, mà sào huyệt giặc ở một dải Sơn Âm, từ trước đến nay, quan quân đã đến nơi tìm bắt, còn 4 mặt chung quanh, các ngả giặc có thể trốn thoát, lại có các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Hưng Hóa chia phái ngăn chặn, bọn giặc đã thành hồn cả ở đáy nồi. Vả lại bọn Quách Tất Công chỉ là kẻ phạm trốn tránh, không như kẻ công nhiên cất quân kháng cự, việc gì đến nỗi làm việc thủ đoạn độc ác, trẫm ngóng về phía Bắc, mong tin thắng trận, không lúc nào yên lòng, lũ ngươi thân làm đại thần sao không thể tất lòng trẫm mà ngồi yên nghễu nghện à ? Cho đem ngay công việc trù tính tâu vào rõ ràng, từ nay việc thường cũng 5 ngày hoặc 10 ngày một lần báo, không được kéo dài. Và thổ ty thổ mục Ninh Bình, phần nhiều vì tình riêng thân cận quen thuộc giấu giếm lẫn cho nhau, tuy nhiều lần hiểu dụ, nhưng che bịt đã lâu, chưa thể hiểu biết được, từng đã giam cầm, bắt phải đi nã, bảo rõ mọi đường họa phúc, thế mà đã lâu chúng đã không bắt được tên nào giải đi đến quan, lại không chịu chỉ thực đích chỗ tướng giặc ẩn núp, rõ là ngoài mặt thuận theo, trong lòng trái ngược, mà các ngươi bị chúng lừa dối đấy mà thôi. Nay cho truyền tập họp bọn chúng lại, đương đường tuyên Chỉ nghiêm hạn cho trong một tháng, phải bắt cho được tướng giặc, chính yếu phạm, thứ yếu phạm cùng bè lũ giặc dẫn đến để kết án trị tội, tất được thưởng hậu, nếu không làm được như thế, sẽ giải cả về Kinh trị tội."

Lại mật bảo rằng : Thổ dân một xã Sơn Âm mang lòng phản nghịch đã lâu, ngu ngoan quá lắm, tội ác không thể tha được, quan quân đến nơi, tất phải đốt nhà, đốt núi, đốt cả rừng cây, đem nhân dân đi, không cứ trai gái trẻ già, đều đưa về tỉnh giam lại, đợi sau sẽ xử trí, những ruộng đất phận rừng đều cho dân ở bên cạnh đến ở cày trồng. Còn các huyện có thổ dân cũng nên làm ra sổ sách lượng chia làm xã thôn, không được nhân theo thói man, gọi là trại sách. Lại nên tùy theo địa thế, chia sẻ xếp đặt, cho thế chia sức yếu, không cho theo như trước dám mưu tính chống lại mệnh lệnh triều đình, mới là kế hay nhất về xếp đặt công việc về sau. Các ngươi nên cẩn mật mà làm.

Giảm bớt số biền binh 2 đồn Hưng Bình, Du Mộc ở phủ Thừa Thiên. Năm trước trích lấy dân phụ cận 100 người, đặt làm 2 đội, đến nay chuẩn cho theo lời bàn của bộ Binh, liệu để mỗi đồn 20 người, còn số thừa, sung bổ vào đội thứ 4 quân phủ Thừa Thiên.

Bộ Binh tâu nói : "Từ trước đến nay người huyện Tống Sơn ngụ cư các hạt thì sổ đinh dân sở tại để riêng ra một hạng, hằng năm có người mới đến tuổi, và già ốm mà chết, do quan địa phương trừ đi và biên vào, đến kỳ tháng 4 làm thành ngạch để phòng giản tuyển vào các vệ đội. Vả lại ngạch lính, sổ đinh của dân, quan hệ đến chính thể, người huyện Tống Sơn ở Thanh Hoa đều có căn cước, quen ở hàng ngũ đã lâu, lệ trước toàn trừ sưu thuế, bổ vào chính ngạch vệ binh, cố nhiên là phải, còn như những người huyện Tống Sơn ngụ cư các hạt, xét ra đều là bông lông chưa chắc đã thật cả, thế mà từ trước để riêng một hạng ở sổ đinh, đã không là dân, lại không là lính, hơn nữa, mỗi khi đến kỳ giản tuyển, phần nhiều mượn cớ già ốm trốn tránh, người phải tuyển không có mấy, há chả phải có tên mà không có thực ư ? Xin phàm người huyện Tống Sơn, ngụ cư xã thôn nào đều cho biên vào sổ đinh, cùng dân cùng chịu binh dao dịch để ngăn việc dối trá giả mạo. Vua cho lời tâu ấy là phải.

Tổng đốc Hải - An là Nguyễn Công Trứ tâu nói : 3 huyện Đường Hào, Đường An, Thanh Miện thuộc hạt ấy, ruộng xấu dân nghèo. Gần đây thường gặp năm mất mùa, ngày càng cùng quẫn thêm. Vua đặc cách cho những tiền thóc thuế thiếu từ năm ngoái trở về trước, đều cho hoãn cả.

Quan quân tỉnh Quảng Ngãi đi tuần ở biển, gặp 3 chiếc thuyền giặc ở phận biển Xa Hoàng. Quan đi bắt giặc là Suất đội Bùi Văn Đoạt, Đội trưởng Trần Văn Thực, mỗi người đem một chiếc thuyền quân, viên coi đồn là Nguyễn Văn Miêu đem 10 chiếc thuyền dân cùng đánh nhau với giặc, giặc đã hơi lui, bỗng gặp gió đông hơi nổi lên, thuyền giặc sấn đến chống chọi, súng đạn bắn rối rít. Trần Văn Thực

cùng quân lính nhảy xuống nước, thuyền dân vớt lên được khỏi chết đuối, giặc bèn cướp lấy thuyền rồi đi. Việc ấy đến tai vua. Vua ghét là hèn nhát, sai chém Trần Văn Thực ở đồn sở, bêu đầu để răn mọi người, quân lính đều phải đánh 100 trượng, đeo gông nặng một tháng ; Bùi Văn Đoạt, Nguyễn Văn Miêu không biết hăng hái giết giặc, lại đến hỏng việc, đều phải tội chém giam đợi lệnh. Án sát Đặng Kim Giám phải giáng 2 cấp, Phó lãnh binh Trần Hữu Di phải giáng 4 cấp, cho phái thêm thuyền quân, sai Trần Hữu Di thân đốc ra biển, đuổi theo bắt giặc. Lại sai Quản vệ quân Vũ lâm là Vũ Viết Tuấn, Quản vệ thủy sư là Lương Công Trung, Lê Văn Sức đem 270 biền binh thủy bộ mạnh giỏi, chia nhau đi sáu thuyền ô, lê, hải hiệu tuần biển, hợp với thuyền quân ở Kinh phái đi trước cùng đến phận biển Quảng Ngãi để đánh giặc. Ngày hôm sau thuyền giặc lại đến đảo Lý Sơn, viên Thủ ngự là Nguyễn Văn Điện đem dân phu thuyền đánh cá ra sức đón đánh, giặc nhân thế gió, đánh lật úp thuyền của Điện. Điện chìm xuống biển chết.

Vua nghĩ xứ ấy có tù phạm phát phối. Dụ cho quan tỉnh phái ngay biền binh đến phòng thủ, liệu cấp giáo dài cho dân sở tại, sai đều luyện tập, nếu thuyền giặc có lên bờ cướp bóc thì theo quan quân hợp sức đánh giặc.

Quan đi bắt giặc của tỉnh Bình Định là Quản vệ Đỗ Đức Tấn cùng với giặc đánh nhau, thu được súng ống khí giới, thuyền giặc chạy về phía đông. Thự Lãnh binh là Nguyễn Văn Tôn cũng ở đấy không chịu thân đốc quân tiến đánh, lại đem quân về, Tổng đốc Vũ Xuân Cẩn đem việc ấy chỉ tên hặc tội. Tôn phải giáng một cấp không được xét công khấu trừ.

Án sát Quảng Ngãi là Đặng Kim Giám phải tội miễn quan. Vua cho thự Lang trung bộ Hộ là Trương Quốc Dụng đổi thự Án sát Quảng Ngãi.

Vua dụ rằng : Đặng Kim Giám lấy khoa đạo xuất thân, trước đi đến Vân Trung đốc vận lương quân, dự có công nhỏ, được cất nhắc đến chức quan đầu tỉnh, thế mà từ khi đến tỉnh lỵ đến nay, chưa làm được mọi điều tốt, bừa bãi có tiếng, lầm lỗi rất nhiều, nhiều lần tạm phạt nhẹ, chưa nỡ đuổi ngay, gần đây xảy ra việc tù phạm đánh lính áp giải, quan đi bắt giặc làm hỏng việc, làm việc vấp váp, kiến thức tầm thường, khó mong làm nên công trạng, vậy lập tức cách chức, về Kinh theo bộ làm việc.

Kinh lược sứ Trương Đăng Quế, Phó sứ Doãn Uẩn đạo Thanh Hoa tâu nói : "Lãnh binh Nguyễn Văn Kỳ đạo Cẩm Thủy cùng Quản vệ Nguyễn Tiến Vạn tự Kim Lô đến La Khán đánh phá trại giặc, chém được 7 tên. Vừa được tin Kinh lược đại thần đạo Ninh Bình tư báo rằng đã theo hẹn tiến đến Cổ Lũng để hợp sức đánh

giặc, tin báo đến, đã lập tức tính ủy Phó sứ Nguyễn Đăng Giai đem 200 quân vệ Kỳ võ đến ngay La Khánh sách ứng. Lại nhân tiện chiêu phủ thổ mục, thổ dân để đợi xếp đặt. Lại nghe tin thự Đề đốc đạo Lương Chính là Tôn Thất Bật, vì đằng trước bọn giặc giữ chỗ hiểm cùng bắn ra, quân chưa tiến lên được, cũng đã sức ngay cho đạo quân Phó lãnh binh Đặng Công Thập ở sách Nông Vụ (thuộc huyện Lôi Dương tiếp giáp Lương Sơn), đạo quân Quản vệ Ngô Tài Đắc ở động Lâm Tự (thuộc châu Lương Chính) đều tiếp địa giới ngăn chặn rất nghiêm. Lại định ngày đến quân thứ Lương Chính cùng đánh thẳng sào huyệt giặc, tùy nghi kinh lý".

Vua dụ thưởng cho Nguyễn Văn Kỳ kỷ lục quân công 2 thứ, Nguyễn Tiến Vạn kỷ lục quân công 1 thứ, còn chém được đầu giặc, gia thưởng cho tiền (một đầu giặc theo lệ thưởng 6 quan tiền, nay gia thưởng cho 10 quan). Lại sai lũ Trương Đăng Quế đem Chỉ dụ hiểu thị các dân Thổ.

Dụ rằng : "Bọn dân Thổ các ngươi đều là con đỏ của triều đình, bỗng bị một vài đứa Thổ tù ức hiếp, phải đi theo giặc, phiền đến quan quân tiến đánh, nhiều kẻ bị giết chết. Lại nghe nói các trại, người nhiều ruộng ít, tích lũy không nhiều, một khi không làm là bị đói khát, nghĩ đến thương xót biết bao. Vả lại triều đình có cả uy đức, rất có nhân nghĩa. Những kẻ trái lệnh, cố nhiên là không tha, mà người biết hối lỗi, cũng cho đổi mới, nay nên đem hết súng điểu thương đến cửa quân dâng nộp, lập tức tha hết tội trước cho về yên nghiệp, để kịp mùa cày cấy, khỏi thiệt hại đến làm ăn sinh sống, nếu còn mê man không tỉnh ngộ, theo giặc chống cự quan, ví phỏng không chết về gươm giáo, cũng chết về đói khát, đâu có thể giữ được tính mạng, toàn được thân gia, 2 đường họa phúc khác nhau, quan hệ không nhỏ, lũ ngươi tuy ở đất man cũng có trí khôn, nên sớm nghĩ bỏ đường dữ theo đường lành, chớ để lo vào mình, nếu đã hiểu thị lần này vẫn còn tối tăm ngoan cố thì quan quân đến nơi, giết hết không sót một người nào, đến lúc ấy hối, về sau cũng không kịp".

Tỉnh Quảng Yên bắt được giặc trốn là Dương Ba An đem giết đi. Vua thưởng cho quan tỉnh kỷ lục 2 thứ, chức dịch đi bắt giặc 200 quan tiền.

Định rõ quan hàm cho tổng đốc, tuần phủ các địa phương.

Lệ trước quan hàm tổng đốc, tuần phủ đều biên các chữ "đề đốc quân vụ kiêm lĩnh lương hướng".

Vua bảo Nội các rằng : "Tổng đốc có trách nhiệm chuyên cai quản một địa phương, phàm các việc đều phải kiêm quản, còn 2 việc binh và lương đã có người chuyên coi, thì có chuyên trách, như Trấn Tây tướng quân Trương Minh Giảng lĩnh An Hà tổng đốc ; Tham tán Lê Đại Cương lĩnh An Giang tuần phủ ; Đề đốc

Bùi Công Huyên thì chỉ đề đốc việc quân Trấn Tây, không can thiệp gì đến An Giang, vậy hàm tổng đốc chỉ viết "đề đốc quân vụ" mà bớt chữ "kiêm lý lương hướng", hàm tuần phủ chỉ viết chữ "kiêm lý lương hướng" mà bớt chữ "đề đốc quân vụ". Hà Nội đã có Tổng đốc Đặng Văn Thiêm, lại đặt Hà Ninh đề đốc Tôn Thất Bật, thì hàm tổng đốc chỉ viết "kiêm lý lương hướng", không phải lại viết chữ "đề đốc quân vụ", còn như Sơn Tây có tổng đốc mà không có tuần phủ, đề đốc ; Hưng Yên có tuần phủ mà không có tổng đốc, đề đốc, thì hàm tổng đốc, tuần phủ ấy viết cả quân vụ lương hướng, còn thì theo lệ ấy mà suy ra, tự nay về sau có đặt thêm cũng theo lệ này mà thi hành".

Lãnh binh đạo Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoa là Nguyễn Văn Kỳ tiến quân đến Cổ Lũng, liền đánh tan được 5 đồn giặc, đến thẳng Trình Hoàng, đốt phá sào huyệt của giặc Hà Công Kim ; nhân quân tỉnh Ninh Bình chưa đến, bèn về đóng quân ở sách Vũ Lao. Kinh lược sứ là Trương Đăng Quế nghe tin báo, một mặt tư cho Kinh lược Ninh Bình biết khẩn đốc biền binh đến cùng với Nguyễn Văn Kỳ hợp sức đánh dẹp cho xong ngả ấy, một mặt tư cho Phó sứ Nguyễn Đăng Giai nhân tiện trích lấy đạo quân của Lãnh binh Vũ Văn Thuyên ở La Khán (Tôn Thất Bật nghe tin Ninh Bình hội đánh Cổ Lũng, phái Vũ Văn Thuyên đem 800 quân từ La Khán tiến đi) chia đường đánh phá các trại Thiết Úng, Nhân Kỷ, đánh thẳng vào phía hữu châu Lương Chính, để cho đạo quân của Tôn Thất Bật dễ làm việc. Quế lại được nghe đường vận lương ở châu Lương Chính, thuyền ở xa bến xã An Lạc (cách quân thứ một ngày đường), rừng cây rậm rạp mà quân đi bộ giải có ít, lập tức tính ủy Phó sứ Doãn Uẩn đi trước. Còn Quế định ngày hôm sau đem quân tiếp đến, bỗng gặp Tôn Thất Bật cho báo rằng mặt trước quân thứ, phàm các đường trọng yếu có thể đi đến Lương Chính, giặc đều đặt đồn kháng cự, chưa dễ đánh tan được ngay. Dò xét được một đường từ Thúy Sơn chuyển đến sách Cự Lạt, có thể đánh đằng sau lưng giặc, xin cho thêm quân ngay. Quế bèn lưu đóng quân ở An Lạc để làm thanh thế cứu viện, sai Quản vệ Nguyễn Văn Tiến đem 300 quân theo Doãn Uẩn đến hội cùng với Tôn Thất Bật tiến đánh giặc và đem tình hình tâu lên.

Vua dụ rằng : "Thổ phỉ nhiều lần bị đánh giết, thế đã chết dần chết mòn, chẳng qua dựa vào hang hố, mưu tính liều chết kháng cự mà thôi, duy lương hướng trong quân, là việc rất quan yếu, nay kho tàng của trại giặc, thường bị quan quân đốt phá, cùng quẫn không nhờ vào đâu được, tất mong thừa cơ cướp lương để đỡ đói khát, nên nghiêm sức cho biền binh vận tải phải gia ý đề phòng. Nay vệ lính thú của Nghệ An, Hà Tĩnh chắc đã đến quân thứ, nên liệu phái 200 hay 300 đến ngay Vũ Lao, đốc thúc cho Nguyễn Văn Kỳ nhân sức mạnh tiến ngay, không phải đợi

quân tỉnh Ninh Bình, còn đạo quân Tôn Thất Bật đi đường Thúy Sơn đánh sau lưng giặc, đấy cũng là một cách đi đường xa đánh bất ngờ, cho lập tức tiến lên bắt chém cho sạch lũ giặc ở Lương Chính, Cổ Lũng. Lại điệu thêm một vệ quân tỉnh Nghệ An đi theo để sai phái".

Biện lý bộ Lễ là Nguyễn Viễn Du ốm, vua cho nghỉ phép về quê dưỡng bệnh, cho Thị lang bộ Hộ là Đào Trí Phú quyền làm công việc bộ Lễ. Viễn Du về đến Gia Định thì chết.

Cấm dân gian không được bắn ống sắt (tức là ống lệnh bằng sắt, tiếng to nghe xa không khác gì tiếng súng, từ trước đến giờ dân gian ngày tế kỳ yên hay ngày tết hay dùng).

Sai thông dụ cho trong ngoài Kinh thành cùng các tỉnh trực, không cứ quan quân dân chúng, tự nay về sau có lễ kỳ yên, tế thần, cùng ngày tết tiệc vui, được dùng ống tre, pháo giấy, còn ống sắt thì cấm hẳn, người nào phạm thì chiếu luật trái phép trị tội nặng thêm một bậc.

Đặt thêm một sở Kiển Đông gọi là nhà Minh Thiện (ở bên tả nhà Quảng Học, chỗ học của các con còn bé của nhà vua).

Vua sai Nội các truyền họp bọn trưởng sử 4 Quảng đường, tuyên Chỉ rằng : Lũ ngươi có trách nhiệm phụ đạo hoàng tử, nên khuyên bảo các hoàng tử chăm chỉ học hành, không được chơi đùa và nuôi gà chọi, chó săn, làm những việc vô ích, nếu sau khi học hỏi nghỉ ngơi, muốn chơi vui chốc lát, chỉ cho nuôi cá chậu 3, 5 con, còn ngoài ra đều không được, trái lệnh này tuy lỗi ở hoàng tử, nhưng lũ ngươi cũng có lỗi.

Trả lại vị hiệu cho hoàng tử Miên Phú, cấp cho nửa lương hằng năm, cho cùng học tập với các hoàng tử, nhưng không được dự châu hầu. Trước đây Miên Phú ham chơi với trẻ bướng, phi ngựa làm chết người. Vua sai lột mũ áo, cất mất lương hằng năm, giam vào nhà vắng vẻ, gần đây hơi biết sợ biết hối, cho nên có lệnh ấy.

Ngày Đinh Dậu, duyệt binh. Vua ngự lầu Ngũ Phượng để xem. Đồng hồ ở Ngọ Môn, từ trước đến nay, lúc bắt đầu canh, lúc giao canh, lúc tan canh, đánh trống, thì giờ phần nhiều không đúng, vua dụ cho Khâm thiên giám từ nay nên chọn giao cho người am hiểu trông coi, nếu còn có sai lầm, để các ty cờ trống, hộ vệ, đánh trống, bắn ống lệnh, nhân đó không đúng giờ, lập tức đem người canh giữ trị tội nặng ; ấn quan cùng chức dịch cũng đều giao cho bộ nghị xử.

Làm lại điện Phụng Tiên. Điện trước ở phía bắc Thái miếu, cách làm 3 gian. Vua nghĩ ngoài tường phía bắc Thế miếu có chỗ đất rộng, có thể di điện làm ở đấy,

định muốn theo cách thức Thế miếu, đổi làm 9 gian, miếu ở đằng trước, điện ở đằng sau, vừa hợp tình hợp lễ. Bèn đến trước điện lạy khấn, bói một quẻ, được quẻ tốt, vua rất mừng, bèn sắc cho Công bộ triệu tập thợ sửa soạn gỗ, chọn ngày tốt khởi công làm, rồi phát lính ở Kinh 3.000 người, sai Đô thống Phạm Hữu Tâm trông coi việc làm, Thống chế Nguyễn Tăng Minh, thự Thống chế Lương Văn Liễu, cùng trông coi việc làm, Thị lang bộ Công Nguyễn Đắc Trí, Biện lý Công bộ Bùi Quỹ cũng cắt lượt nhau đến sở làm việc cùng xem xét.

Lại sai làm tạm điện Phụng An để rước thờ thánh vị, rồi dỡ điện cũ chọn gỗ đem làm điện mới.

Các tỉnh Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hoa, tiền thóc thuế lệ năm trước, còn thiếu nhiều, vua dụ cho quan tỉnh xem xét kỹ lưỡng nếu hương nào, tổng lý xã nào đã thu trước, giữ cả làm của mình, thì cứ theo tên đòi ngay, chiếu luật trừng trị. Nếu bị điêu háo tai thương, không thể nộp đủ được, cho khám rõ tình hình tâu lên, chước lượng tha cho hoặc cho hoãn lại.

Kinh lược phó sứ đạo quân Thanh Hoa là Nguyễn Đăng Giai đóng quân ở La Khán. Thấy đạo quân Lãnh binh Ninh Bình Trần Hữu Lễ 1.500 người từ Cổ Lũng đến, sai trở lại tìm bắt dư đảng giặc. Giai bèn chia quân theo 2 bờ sông tiến đánh Thiết Ứng, giặc dựa vào rừng bắn ra, quân ta hăng hái tranh nhau, đi trước liền lấy được đồn giặc, bắn chết vài đứa, giặc liền chạy trốn. Duy đạo quân tiếp ứng của Lãnh binh Vũ Văn Thuyên ở mặt sau vẫn còn chưa đến, Giai bèn tạm đóng quân ở đấy. Vừa gặp Kinh lược Ninh Bình tự rút đạo quân Trần Hữu Lễ ở Phù Liễn về. Kinh lược sứ Trương Đăng Quế được tin báo, đem việc ấy tâu lên và nói : "Nay bọn giặc ở Lương Chính, giữ chỗ hiểm chống lại, là sợ sức mạnh của thự Đề đốc Tôn Thất Bật, cho nên hết sức cố giữ, tuy có tìm được đường khác, chưa tiện tiến ngay, phải từ Thiết Ứng, Nhân Kỷ đánh xuống cho chúng thế chia sức yếu, mới dễ tiến lấy, mà quân ta tiến đánh Nhân Kỷ thì Cổ Lũng lại ở đường sau, trại giặc ấy tuy đã phá tan, nhưng lũ giặc trốn tránh đều chưa bắt hết, nếu vội rút đạo quân Hữu Lễ, không khỏi bọn giặc lại tụ lại quấy rối. Xin vẫn để Hữu Lễ ở lại Cổ Lũng để làm thanh thế hậu lộ cho Nguyễn Đăng Giai, để được chuyên việc giáp đánh Lương Chính, hầu được vẹn toàn" (sớ ấy tối khẩn đệ chưa đến).

Đạo quân Nguyễn Đăng Giai liền từ Thiết Ứng thẳng tiến đến Nhân Kỷ, thì giặc nghe bóng gió đã chạy trốn trước, đạo quân Tôn Thất Bật bèn cùng Phó sứ Doãn Uẩn từ Ngọc Khuê xuyên qua núi đánh vào lũy dài của giặc (giặc theo núi đóng trại dài hơn một dặm, chỗ ấy là chỗ năm trước Hà Công Thái đánh nhau với

Tây Sơn, người ta gọi là Lũy Kêu), lấy súng du sơn bắn mãi, giặc bị chết nhiều đều chạy tan, lũ Bật bèn vào động Khương Chính đốt phá sào huyệt của tướng giặc Lê Phi Thái. Ngày hôm ấy Nguyễn Đăng Giai cũng đến hội. Trương Đăng Quế được tin báo lập tức làm sớ tâu lên, liền tiến đến động Khương Chính trù tính công việc, nhân hỏi biết trận đánh ở Thiết Ứng. Vũ Văn Thuyên đi đường vòng, nên không chặn được đường về của giặc, bắt chém không được nhiều, đem việc ấy tâu tiếp một thể.

Vua dụ rằng : "Quan quân chia đường tiến đánh, liền đánh tan trại giặc, đánh thẳng đến sào huyệt của giặc ở Lương Chính, việc bắt giặc cũng là đáng khen, vậy Tôn Thất Bật vào đánh giặc trước, thưởng gia quân công một cấp ; Nguyễn Đăng Giai tiến đến sau, thưởng quân công gia kỷ lục 3 thứ ; quản vệ đi trận ấy, người theo Tôn Thất Bật thì được thưởng quân công kỷ lục 2 thứ ; người theo Nguyễn Đăng Giai thì được thưởng quân công kỷ lục 1 thứ ; quan quân 2 đạo đều thưởng tiền lương có cấp bậc. Vũ Văn Thuyên hèn nhát không có tài, lập tức bắt xích giải về Kinh, giao bộ Hình nghiêm nghị".

Còn như tập trước xin lưu đạo quân Trần Hữu Lễ làm thanh ứng đằng sau cho Nguyễn Đăng Giai cũng là hợp lẽ, nhưng sào huyệt của giặc nay đã phá tan, chỉ còn tìm bắt giặc trốn, thực dễ làm việc, thì đạo quân ấy không cần lưu lại, truyền dụ cho Trần Hữu Lễ đem ngay biền binh mang đi trước trở về Ninh Bình theo kinh lược, tham tán sai phái, không được lấy chia tan sức quân, mượn lời đùn đẩy. (Đến lúc bộ Hình bàn tâu lên, Thuyên lại phải tội xử chém đợi Chỉ vua).

Lại dụ quở Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên ở đạo quân Ninh Bình rằng : "Lũ ngươi từ khi vâng mệnh đi đánh giặc đến nay, đóng quân ăn tốn lương, không từng làm được việc gì, nhiều lần quở mắng giục gấp, không thấy trả lời, thậm chí tư điệu biền binh tỉnh bên cạnh vua và hẹn ngày hội đánh thổ phỉ, việc thuộc quân cơ cũng không tâu lên. Lại cứ Thanh Hoa tâu báo : "Ninh Bình hội đánh trước đã sai hẹn, mà phái đạo quân Trần Hữu Lễ đến hơn 1.000 người, mới đến nơi rồi lại rút về ngay, cắt đặt như thế lại là lầm lẫn quá, không biết có ý kiến gì, thực không thể hiểu được. Nay quan quân Thanh Hoa phá tan sào huyệt của giặc, nay mai có thể tâu báo là thành công, mà đạo quân Ninh Bình từ trước đến nay chưa bắt được giặc trốn nào để kết án trị tội, công việc trù tính cũng chưa tâu lần nào, thì đến ngày nào mới làm xong việc. Vả lại cũng là vâng mệnh đi kinh lược, mà làm việc như thế, còn mặt nào trông thấy ai nữa. Chắc lũ ngươi chưa mất trí khôn, sớm biết sợ hối, sao đợi phải nói nhiều".

Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên liền tâu rằng : "Một dải Cổ Lũng ở Thanh Hoa cùng với Ngọc Lân, Thạch Bi ở Ninh Bình cùng tiếp giáp nhau ; từ trước đến nay bọn giặc quấy rối, phải phái quân đi chặn bắt, nên không được để ý tới Sơn Âm. Đến như hẹn ngày cùng đánh giặc, thì Trần Hữu Lễ đã đến Mộc Sơn, suốt mấy ngày đánh phá nhiều sở trại giặc, chém được vài tên tại trận, lấy được khí giới, tiến đến đóng ở đất Canh Chân, mà đạo quân Thanh Hoa chỉ tự Võ Lao vào Trình Hoàng, đốt phá qua loa mà thôi và Trần Hữu Lễ đến nơi đã rút lui trước rồi. Vả lại Cổ Lũng, núi rừng man mác, còn từ Trình Hoàng xuống đến Võ Lao đều đã yên lặng, mà lên đến thôn Châm (tiếp giáp châu Mai thuộc Hưng Hóa) gần một ngày đường, bọn giặc còn tụ họp nhiều, đã sức cho Trần Hữu Lễ chuyển đi cùng với đạo quân quản cơ phái đi trước là Nguyễn Văn Nghĩa hợp sức đánh giặc, rồi nhân tiện về quân thứ Phù Liễn. Cái cớ tâu báo chậm trễ, là vì một mặt đi đến Mộc Sơn, một mặt đi đến thôn Châm, điều độ việc quân, chưa thể cùng hội để làm sớ tâu, nay đã đem đại binh chuyển đến Sơn Âm, chia đường đánh bắt, còn như trù tính công việc xếp đặt về sau, thì các huyện An Hóa, Phụng Hóa, Lạc Thổ, dân duy là Man Thổ, nhưng ruộng nương, người cùng súc vật chả kém gì người Kinh, phen này kinh lý, không những giặc cướp phải dẹp hết, xã thôn phải xử phân mà làm sổ sách, sửa đổi phong tục, cũng phải 10 phần chu đáo, duy bọn giặc trốn phần nhiều chưa bắt được, chưa tiện bắt đầu làm việc, xin cho chúng thần hết lòng làm dần dần. Và Thổ ty là Quách Công Khoản tự đem thủ hạ bắt được yếu phạm là Quách Công Thản giải nộp, đã cấp thưởng cho để khuyến khích. Quách Công Tiếp báo dẫn quan quân bắn giết được tên giặc trốn là Mai Bá Nghiễm (người xã Bồng Báo, ngụy xưng là phủ dụ sứ) chém được bọn giặc 4 đầu và lần lượt bắt được bọn thân của giặc đưa về tỉnh tra xét, đã làm tập tâu riêng tâu lên".

Vua dụ rằng : "Lũ ngươi từ tháng chạp năm ngoái, bỏ chậm việc quân báo, nay xem lời tâu, phần nhiều là phụ diễn lời nói không. Vả lại sự thể trong quân, đi một bước, hình khác đi, tức trong vòng 10 ngày tình trạng đã khác, đâu có lẽ hơn một tháng không báo, vốn phải giao bộ nghiêm nghị, nhưng nghĩ đương lúc đánh giặc, nên cho mưu tính lập công về sau, tạm phạt nhẹ, đều giáng 2 cấp. Lũ ngươi vâng mệnh đi bắt giặc, đã bảo cho cần nhất đánh thẳng vào Sơn Âm, thế mà lại loanh quanh ở Thạch Bi, Phù Liễn để phí thì giờ, tuy đánh phá được sào huyệt giặc ở Cổ Lũng, công không bù lỗi. Lại Kinh lược, Tham tán đều có ban cấp ấn quan phòng, nếu đi đường khác không ngăn trở gì, đều cứ việc của mình mà tâu, việc gì phải đợi cùng ký tên, chẳng qua lũ ngươi tự nghĩ không có công trạng, sợ triều đình hỏi tội, cho nên không dám tâu, đem việc ấy nói thác mà thôi, nay đã tạm phạt nhẹ,

phải nên cảm kích phấn khởi khác thường, thượng khẩn đánh bắt cho được các đầu sỏ giặc ở Sơn Âm, không những tha cho tội trước, lại có thưởng hậu, nếu vẫn cứ không công trạng gì, thì tội ấy không thể chối được".

Lại lũ thổ ty đã bắt được kẻ yếu phạm, còn biết vì triều đình ra sức, gia ơn lùi hạn đến trung tuần tháng 2, đem đầu sỏ giặc là Lê Duy Hiển, chính yếu phạm là Quách Tất Công, Quách Tất Tại lần lượt dẫn bắt cho được, nếu không làm được như thế thì lại theo dụ trước giải về Kinh trị tội nặng. Còn Quách Tất Khoản cho gia thưởng 50 quan tiền, Quách Công Tiếp thưởng 30 quan tiền.

Vua lại bảo Nội các rằng : "Trước đây Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên Kinh lược Ninh Bình, đã phái hai viên thị vệ đi theo quân thứ sai phái, vả lại tự trước đến nay, phàm có việc gì ở biên thùy, thường khiến thị vệ theo đi, muốn cho xem rõ tình hình trong quân và thay đổi đi về để tiện xét hỏi, há chỉ cho đi cầm roi theo bàn đạp ngựa cho người sai khiến đâu, thế mà đã lâu không thấy tâu báo gì là cớ làm sao ! Vậy sai chọn người mẫn cán cho đi thay và rút người phái đi trước về Kinh trừng phạt".

Bổ Hồ Sĩ Trinh làm Đốc học Quảng Trị, Nguyễn Công Hợp làm Đốc học Hà Tĩnh, Nguyễn Đình Lập làm Đốc học Nghệ An.

Thu thuế ao cá tỉnh Định Tường (cộng 1.070 sở, có sở dài từ 5 thước đến 8 trượng, rộng từ 4 thước đến 1 trượng, chia làm 8 hạng, dài từ 5 thước đến 1 trượng, mỗi sở tiền thuế 5 tiền, theo thứ tự tăng thêm, dài từ 7 trượng 1 thước đến 8 trượng, mỗi sở tiền thuế 4 quan tiền, cho dân sở tại lĩnh trưng).

Người nhà Thanh ở Gia Định có thuyền đã nộp thuế, không phải chở của công, xin đi buôn ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ, quan tỉnh ấy tâu xin giúp.

Vua dụ rằng : "Người buôn nước Thanh, gian dối trăm vẻ, từ trước đến giờ, nói dối là đóng thuyền đi buôn, trong đó ngầm chở thóc gạo, mua trộm thuốc phiện, đã nhiều lần, vỡ lở ra rồi. Trước đây theo lời bàn của kinh lược sứ, không cho ra biển đi buôn, cốt để ngăn đứt sự gian ác, nay lại tâu xin cho chúng, sao không nghĩ bọn chúng sau khi đã ra ngoài biển, tự do đi vào Nam ra Bắc, có thể giữ được không tệ ư ? Vậy thuyền ấy nên cho đem bán cho nhân dân, không đắt thì cho chi tiền công trả theo giá để làm của công, từ nay về sau người nhà Thanh cùng các người Minh Hương vĩnh viễn không được đóng thuyền vượt biển, nếu quan địa phương không xét được thì có tội.

Tổng đốc Hải - An là Nguyễn Công Trứ, thự Tổng đốc Định - An là Trịnh Quang Khanh, Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương hội đồng đốc suất đắp

đê sông Cửu An (1 đoàn từ Bằng Ngang đến Ba Đông hai bờ dài suốt hơn 5.070 trượng, thuê dân hơn 10.000 người làm việc, còn một đoạn từ Ba Đông đến Duyệt Lễ dài hơn 2.320 trượng, 1 đoạn từ Bích Chàng đến Văn Nhuệ và chặn ngang sông nhỏ dài hơn 2.120 trượng, 1 đoạn từ Quang Liệt đến Biện Tân dài hơn 3.170 trượng. Cùng các đoạn sông cũ huyện Thanh Miện, Gia Lộc, Đường An, Đường Hào tỉnh Hải Dương dài suốt hơn 24.300 trượng. Sức sai dân sở tại và các dân xã thế nước đến được phải làm). Dâng sớ nói : trước định đắp thêm một đoạn đê từ Bích Chàng đến Bình Trì để ngăn nước lụt mùa hạ, nhưng xứ ấy địa thế thấp, hàng năm khoảng tháng 4 tháng 5, nước nhiều, nước ứ ở ruộng, tự sông Kinh Khương tỉnh Hải Dương (thuộc địa hạt 2 huyện Đường Hào, Đường An) tiêu xuống cả ở đấy, nay đắp đê ngăn lại, thì nước mưa tự hạt Văn Giang tỉnh Bắc Ninh chạy rót xuống không khỏi ứ đọng, xin theo ý dân, đổi đắp từ Bích Chàng đến cầu Văn Nhuệ, chặn ngang sông cũ cho đến đê nhỏ xã Kinh Dương (thuộc huyện Đường Hào) đã giữ được nước lụt mà nước mưa vẫn tiêu ra sông Kinh Khương, khỏi cả được nạn úng thủy, lại bớt được nhân công đến 2.000 trượng.

Vua bảo rằng : "Đúng như lời các ngươi nói thì làm một việc mà lợi 2, 3 đường, có gì là không nên, bèn cho phép làm. Vừa 3 tháng, đê đắp xong. Vua thưởng lũ Trứ đều gia một cấp, sa màu mỗi người 3 tấm, Phi long, đại kim tiền ; cát tường, bát bảo, ngũ bảo, tiểu kim tiền mỗi người đều 1 đồng. Bố, án 3 tỉnh và nhân viên thân biền, khám biện, chuyên biện đều thưởng kỷ lục, kim ngân tiền có cấp bậc, dân phu làm việc không vào hạng phải thuê, thưởng chung tiền 5.000 quan.

Ngày Quý Mão, đặt 9 cái đỉnh ở trước sân Thế miếu. Trước đây đúc 9 cái đỉnh to (cao hơn 5 thước, đến hơn 6 thước, vòng lưng to 11 thước 6 tấc đến hơn 8 tấc, nặng 4.100 cân hay 4.200 cân có lẻ). Phàm các thứ chim cá, giống thú cây cỏ cùng đồ binh khí, xe, thuyền cho đến thiên văn địa lý trong nước, lớn nhỏ đều đủ, đều theo hình ấy mà đúc.

1. Cao đỉnh, khắc các hình : Mặt Trời, biển Đông, núi Thiên Tôn, sông Ngưu Chử, sông Vĩnh Tế, chim trĩ, con hổ, con ba ba, con rồng, hoa tử vi, quả mít, hạt thóc tẻ, trầm hương, gỗ thiết, cây hành, thuyền nhiều dây, súng lớn.

2. Nhân đỉnh, khắc các hình : Mặt Trăng, biển Nam, núi Ngự Bình, sông Hương, sông Phả Lợi, chim công, con báo, con đồi mồi, con cá voi, hoa sen, quả nam trân, hạt thóc nếp, cây kỳ nam, cây ngô đồng, cây hẹ, thuyền nhỏ, súng luân xa.

3. Chương đỉnh, khắc các hình : 5 sao, biển Tây, núi Thương Sơn, sông Linh Giang, sông Lợi Nông, con gà, con tê, con rùa, con cá sấu, hoa nhài, quả soài,

cây đậu xanh, cây đậu khấu, cây gỗ thuận, cây kiệu, thuyền đồng mông, súng điểu thương.

4. Anh đỉnh, khắc các hình : sao Bắc đẩu, sông Ngân Hán, núi Hồng Sơn, sông Mã, sông Lô, con hạc, con ngựa, con ve, con rắn, hoa văn côi, cây cau, cây dâu, cây tô hợp, cây thị, cây nghệ, lá cờ, đạn bươm bướm.

5. Nghị đỉnh, khắc các hình : sao Nam đẩu, cửa biển Thuận An, cửa quan Quảng Bình, sông Bạch Đằng, sông Cửu An, chim uyên ương, con voi, con bươm bướm, cá hoa xanh, hoa hải đường, cây mai, cây biển đậu, cây quế, cây gỗ đàn, cây vải, thuyền Hải đạo, súng trường.

6. Thuần đỉnh, khắc các hình : gió, cửa biển Cần Giờ, núi Tản Viên, sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Định, chim hoàng oanh, con bò lang, con trai, cá rô, hoa quỳ, cây đào, cây đậu vàng, cây túc sa, cây gỗ táu, cây hương nhu, cái thuyền, bài đao.

7. Tuyên đỉnh, khắc các hình : mây, núi Duệ Sơn, núi Đại Lãnh, sông Lam Giang, sông Nhị Hà, chim yểng, con lợn, con giải, cá hậu ngư, hoa trân châu, quả long nhãn, củ lạc, tổ yến, cây trắc, cây gừng, thuyền lê, cái nỏ.

8. Dụ đỉnh, khắc các hình : sấm, cửa biển Đà Nẵng, cửa quan Hải Vân, sông Vệ Giang, sông Vĩnh Điện, con vẹt, con dê, con hến, cá lành canh, hoa dâm bụt, quả lê, đậu trắng, lá dầu, cây thông, cây tử tô, thuyền ô, dao phác.

9. Huyền đỉnh, khắc các hình : mưa, cầu vồng, núi Hoành Sơn, sông Tiền Hậu Giang, sông Thao, núi Thúc Thu, con ngựa, con cà cuống, con trăn, hoa lan 5 lá, quả vải, cây bông, sâm nam, cây sơn, cây tỏi, cái xe, ống phun lửa, đều 17 loại, mỗi loại đều 9 cái.

Hơn một năm đúc xong, sai quan có trách nhiệm chọn ngày tốt đặt đỉnh (dưới đỉnh kê bằng tảng đá). Đến ngày hôm ấy, vua thân đến miếu tế cáo. Lễ xong. Dụ rằng : Trẫm xem xét đời xưa, đúc đỉnh theo hình các vật, nhưng đồ cổ còn ít, nhà biên chép truyền nói không đúng, chép ra đều là vạc nấu ăn, còn như đỉnh to cao và nặng, không những gần đây không có, dẫu 3 đời (Hạ, Thương, Chu) cũng ít nghe thấy. Nay bắt chước người xưa mà lấy ý thêm bớt, đúc thành 9 đỉnh to, sừng sững đứng cao, to lớn nặng vững, không vết mẻ chút nào, đáng làm của báu, con con cháu cháu, giữ mãi đến không bao giờ hết. Vậy thông dụ cho 31 trực tỉnh và thành Trấn Tây đều biết.

Ngày Bính Ngọ, vua ngự điện Thái Hòa nhận lễ lạy mừng. Ban yến cho quần thần, văn tự tứ phẩm và ngũ phẩm trở lên, không cứ dưới tên có bị xử phân hay

không, đều được dự. Thưởng hậu cho các viên đốc biện, giám tu, chuyên biện cùng các thợ đúc cấp, kỷ, áo quần và tiền. Các quan địa phương đều dâng biểu mừng.

Nguyên Thượng thư bộ Lễ là Phan Huy Thực bị cách chức. Trước đây phát ra việc đồ thờ vàng giả. Thực vì không làm sổ giao nhận đồ thờ , nên sinh ra mối tệ, trước cất chức giao bộ Lại bàn, đến nay bàn xin xử tội đồ. Vua đặc cách đổi làm cách chức, cố sức làm việc. Con viên ấy là Chủ sự Phan Huy Vịnh cũng bị tước hàm ấm, rút xuống là cử nhân làm hành tẩu ở bộ Binh.

Dời làm nhà lính của ty Trấn Phủ ra nơi khác (trước là phường Nhuận Đức, nay dời đến phường Vinh An, cho gần với bộ Hình, nhà ấy 15 gian, 4 bề xây tường gạch, để làm nơi canh giam người có tội).

Cho viện Thái y, từ tòng bát phẩm y phó đến tòng cửu phẩm y sinh, chiếu phẩm chi lương (từ trước cho là viên chức nhỏ tạp nhạp, không dự lệ cấp lương, đến bây giờ mới cấp cho).

Kinh lược sứ Thanh Hoa là Trương Đăng Quế ở quân thứ Lương Chính, hỏi biết lũ giặc sau khi bị thua, những giặc ở Tam Lô (là thượng du châu Lương Chính tiếp giáp các huyện hạt Man Duy, Trình Cố), Tứ Động (là thượng du châu Quan Hóa tiếp giáp Hưng Hóa) đều chạy về sào huyệt ; bọn giặc ở Lương Chính đều lẻn trốn ở Lâm Lũng. Bèn tính ủy Phó sứ Nguyễn Đăng Giai đến Tứ Động. Thự Đề đốc Tôn Thất Bật đến Tam Lô đuổi theo rồi cùng Phó sứ Doãn Uẩn ở lại đấy ra bảng yết thị chiêu an, và phân phái đi tìm bắt những giặc trốn ở rừng rú, đem tình hình tâu lên, và nói : động Khương Chính là chỗ đường sá 4 bề thông suốt, rất là xung yếu, nên đặt một đồn lớn để trấn áp và làm lỵ sở của châu ngày sau, đã bắt 300 dân huyện Lôi Dương hợp cùng quan quân sửa đắp, gọi là đồn Ninh Lương, phái quân đóng giữ.

Vua phê bảo rằng : việc làm cũng phải. Quế lại mật tâu nói quan quân tuy đã phá tan sào huyệt của giặc, nhưng các sách ở thượng du chưa san phẳng hết, đầu sỏ giặc cũng chưa kết án trị tội. Việc chạy khắp rừng bắt loài thú, thế cũng thực khó, ngày đêm tính nghĩ thực rất sốt ruột. Cứ theo Nguyễn Đăng Giai, Tôn Thất Bật tư rằng : hiện nay đuổi bắt bọn giặc, tất phải trách vào dân thổ, dùng người man trị người man, mới mong kiến hiệu. Vả lại năm ngoái thổ phỉ Thanh Hoa nổi loạn, 2 châu Quan Hóa, Lương Chính đều là lũ giặc, duy sách Kim Lô huyện Cẩm Thủy thân thuộc với Hà Công Đức, Hà Công Hồ, tình nguyện theo đi đánh giặc để chuộc tội của bọn chúng mỗi khi đi đánh dẹp đều xin đi đầu, có người bắn giết được bọn giặc, cũng có người bị chết tại trận, không tránh chút nào. Vừa rồi trận đánh ở

Thiết Ứng, cháu Hà Công Đức là Hà Công Kỳ, mình bị trọng thương mà cũng cố gắng theo quân đi đánh giặc, trước sau vì triều đình ra sức, không có chí khác chút nào, xin cho lũ Hà Công Đức đi theo quân thứ, để cho đem thân thuộc cùng cố sức tìm bắt bọn giặc, nếu có sơ suất hỏng việc, tự chịu lấy lỗi. Đã bàn với Phó sứ Doãn Uẩn cũng cùng ý kiến nghĩ nên mượn cơ hội ấy, trước ở sách Kim Lô, bắt đem nộp hết cả súng điểu thương và chia đặt xã thôn, đổi đặt dịch mục để dẫn đầu cho các sách khác, vì Kim Lô là sách lớn, đã cúi đầu theo mệnh lệnh, thì các sách khác cũng có thể lần lượt xong việc được. Sau khi việc đã xong, nếu bọn chúng rõ có công trạng thực, sẽ tâu xin minh oan cho, cho đổi theo tỉnh sai phái, không khiến được dự việc dân, thì xếp đặt dễ dàng, mà ngày sau không phải lo nghĩ. Nếu ngoài mặt thuận theo mà trong lòng trái ngược, thì xin giết tất cả, cho đáng với tội.

Vua phê bảo rằng : Trẫm cũng có ý như thế, bèn sai Nghệ An tuyên Chỉ : đem ngay Hà Công Đức cởi hết xích khóa, đưa đến quân thứ Trương Đăng Quế, khiến cho tìm cách bắt giặc. Hà Công Hồ cũng cho cởi khóa, lưu tỉnh để quản thúc.

Vua lại dụ Trương Đăng Quế rằng : sào huyệt giặc ở Lương Chính, đã bị phá tan, bọn nhờ vào hang, dựa vào thế núi, đã không có chỗ nương nhờ, mà tỉnh tiếp giáp là Hưng Hóa, Nghệ An, đều đã phái quân ngăn chặn, sự thế ngày nay khác gì vây chuồng bắt lợn, lo gì không bắt được. Bọn giặc đã hòng ẩn nấp ở rừng rậm, quân ta há không biết theo dấu chân tìm bắt, sao lại cho là đi khắp rừng bắt thú là khó được. Vậy thượng khẩn nghiêm đốc tướng biền binh dõng chia đường đuổi theo tìm bắt. Và dụ bảo dân Thổ ra sức dẫn bắt, đem những đầu sỏ giặc bắt lấy cho hết, không được mượn cớ là khó.

Lại sai truyền dụ cho quan bắt giặc ở Hưng Hóa là Vệ úy Nguyễn Văn Quỳnh đem quân từ Phú Lệ sang thẳng sông Mã đến châu Quan Hóa cùng với đại binh Thanh Hoa cùng đánh.

Quan đi bắt giặc đạo Nông Cống tỉnh Thanh Hoa là Ngô Tài Đắc đóng quân ở Lâm Lự, có tên Lê Công Vụ làm gián điệp cho giặc, man báo là : có 30 tên giặc họp ở thôn Hung, mưu toan đánh úp. Đắc tin lời, ủy Suất đội Đặng Văn Cáo đem 80 binh dõng đi bắt, cho Vụ làm hướng đạo. Khi đến nơi, Vụ thầm trốn đi, chợt có bọn giặc hơn 200 đứa, xông lại vây, quân bèn vỡ thua. Đắc đem việc ấy cáo cấp. Trương Đăng Quế mới được tin, giục phải đi ngay, liền lại phái Quản vệ Nguyễn Tiến Vạn đem quân đến cứu, đến nơi thì Đắc đã nhân đêm lẻn về. Vạn bèn thẳng tiến đến Bát Vân 2 lần gặp giặc phục quân bắn súng, biền binh có người bị thương và chết, lại dẫn quân về thôn Hung. Quế bèn ủy Doãn Uẩn đem một vệ quân

Kỳ võ đi ngay đốc thúc tiến đánh, và trù tính công việc kinh lý, rồi đem việc quan bắt giặc làm lỡ việc và ý liệu không chu đáo, dâng sớ xin nhận tội.

Vua dụ rằng : bọn thổ phỉ Nông Cống, chẳng qua linh tinh ô hợp, Ngô Tài Đắc bấy lâu chỉ đóng quân ở Lâm Lự, không biết chờ cơ đánh giết, lại bị người Thổ đánh lừa, khinh thường tiến quân làm lỡ cơ hội, đến lúc quân cứu viện tiếp đến, lại không biết xông lên giáp đánh, bèn tự lẻn về, thực là hèn nhát. Vậy phải cách chức, theo quân gắng sức chuộc tội, Nguyễn Tiến Vạn giáng 4 cấp, Trương Đăng Quế xử trí lầm lỡ, phạt lương 6 tháng.

Quyền lĩnh Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh là Phạm Văn Điển tâu nói : "Tiếp được phủ Quỳ Châu báo rằng : quan đi bắt giặc đạo Nông Cống tỉnh Thanh Hoa, gặp giặc bị thua, bọn giặc trốn vào phận rừng hạt phủ ấy, đã phái thự Lãnh binh là Nguyễn Cửu Đức đem 500 biền binh đi ngay, kiêm lĩnh đạo quân Quản vệ Phan Văn Đạt phái đi trước, chiểu địa hạt ngăn chặn bắt".

Vua dụ sai đốc thúc ngay Nguyễn Cửu Đức lập tức theo đường Quỳ Châu tiến lên, thẳng đến địa đầu Lâm Lự tỉnh Thanh Hoa, hội với quan bắt giặc đạo ấy, hợp sức lại vây bắt.

Sai quan tỉnh Thanh Hoa chiểu theo lần trước, liệu lưu dân Thổ 1.000 người, đến tuần tháng 2, ít việc sẽ tha cho về.

Đắp đê vệ nông ở bên cạnh núi Linh Thái ở Thúy Hoa.

Trước đây vua nhân đi tuần, thấy trong ruộng lúa 2 bên núi ấy có một dải khe nhỏ, nước mặn đầy tràn, muốn đắp đê để ngăn nước mặn đã lâu mà chưa làm được, đến nay sai quan ở Kinh hỏi dân sở tại, mọi người đều vui lòng muốn đắp, bèn phái 1 quản vệ, 300 biền binh đắp một đoạn đê ngang ở cửa khe (hạn cho đắp mặt rộng 6 thước, chân rộng 1 trượng, cao hơn mặt nước 4 thước), đê đắp xong, nước mặn không vào được, nông dân được lợi mãi.

Chuẩn định từ nay phàm đoàn thuyền vận tải vì ổn thỏa mà được thưởng, thì các người lái thuyền so với biền binh đi tải thuyền ấy, bổng[1] thì gấp hai, hướng[2] thì gấp ba, cho có phân biệt. (Như biền binh được thưởng tiền bổng 1 tháng, thì người lái thuyền dự có quan chức được thưởng tiền thưởng 2 tháng, binh dân sung làm người lái thuyền thì thưởng tiền 3 quan, ngoài ra theo lệ ấy mà suy).

---

(1) Lương tháng có cả tiền cả gạo gọi là bổng.

(2) Lương tháng chỉ có gạo thôi, gọi là hướng.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXVIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837].

Mùa xuân, tháng hai, duyệt tuyển các hạt Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh ở Bắc Kỳ (huyện Tam Nông ở Hưng Hóa phụ tuyển ở trường Sơn Tây). Vua sai Bố chính Sơn Tây là Ngụy Khắc Tuần, thự Bố chính Hà Nội là Tôn Thọ Đức, thự Bố chính Nam Định là Trần Quang Tiến chia nhau đi làm việc ấy (lệ trước tuyển trường chọn phái quan văn quan võ đều 1 viên, đến nay đặc cách cho chỉ phái 1 quan văn, còn bản bính sổ tuyển cho thông phán hay kinh lịch ở tỉnh ấy làm thay). Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, vì đắp đê sông Cửu An, công việc bận nhiều, cho hoãn đến tháng 10. Trước đây, vua dụ Nội các rằng : "6 năm 1 lần duyệt tuyển là để biết hạng già hạng trẻ, chia đều thuế khóa, thực là việc to trong dân chính, không phải chỉ cốt phô trương số đinh nhiều làm gì, thế mà từ trước đến nay các địa phương cứ đến kỳ tuyển, sổ đinh thường thường thêm gấp lên, đến năm sau lại giảm xuống như trước, toàn vì tuyển quan không biết kính theo đức ý của triều đình, không khỏi tăng hay sao, không biết thực hay dối, đều cho biên thêm số nhiều để cầu khen thưởng, đến khi tuyển xong, số dân thêm hay giảm, lợi hại không liên quan, có tính gì đến. Vả lại xã nào thực háo đã có tăng khống, thì xã nào nên tăng, không khỏi có sự giấu giếm, cho nên các dân xã không cứ nhiều người hay ít người, sau khi tuyển hết thảy, đều tìm cách xoay xở nói bịa là người chết, người trốn, để cầu may được miễn thuế, quan địa phương cũng không tra xét, nên có cái tệ ấy. Chuẩn cho từ nay, các

quan lại vâng mệnh đi duyệt tuyển, cốt phải xem xét số dân tăng hay háo, chước lượng nhiều người hay ít người, không được cho trốn tránh giấu giếm, cũng không được bắt ép tăng hão, còn có tình tệ cho quan địa phương cứ thực hặc tâu, nếu thiên tư ẩn giấu không phát ra, một khi tổng lý đi kêu, lập tức đem quan lại duyệt tuyển và quan địa phương giao bộ nghiêm nghị, nếu tổng lý không tố cáo ngay, sổ tuyển đã xong, mới tìm cách nói bịa đặt là chết hay trốn đi để mong được giảm bớt, thì phải tội".

Đến khi tổng sách tâu lên, số đinh trội lên của 3 hạt đều không được 7 phần, các quan đi tuyển đều không được thưởng. (Tỉnh Hà Nội : số đinh 51.877 người, hơn khóa trước 3.521 người. Tỉnh Sơn Tây : số đinh 29.551 người, hơn khóa trước 2.800 người. Phụ tuyển huyện Tam Nông 640 người, hơn khóa trước 28 người. Tỉnh Bắc Ninh : số đinh 52.235 người, hơn khóa trước 2.900 người).

Giám lâm Vũ khố là bọn Lang trung Đặng Khuê, Viên ngoại lang Tôn Thất Quý tâu xin đem nồi đất, chậu đất 2.000 cái do thuyền công chở về, giao cho 2 xưởng pha lê tráng men đập vụn ra để xây miệng lò và làm khuôn các đồ vật.

Vua bảo Nội các rằng : "Vật dẫu rất nhỏ như mẩu tre, mạt cưa, còn không nên bỏ, huống chi nồi đất, chậu đất là đồ dân gian thường dùng, nay muốn đem những đồ vật tốt lành ấy đập nát ra, sao hủy hại của trời đến thế ư ? Chả qua bọn ấy lập tâm yêu cầu, để dự làm mối sau này thay đổi, lập tức sai đánh mỗi người 30 hồng côn, rồi cách chức". Cho thự Lang trung bộ Binh là Hồ Ngọc Tài làm Lang trung Vũ khố, Chủ sự là Lê Quang Quỳnh làm Viên ngoại lang bộ Công, cùng nhau hộ lý quan phòng Vũ khố.

Tả tham tri bộ Lễ là Nguyễn Trung Mậu hết phép nghỉ, đến Kinh, chuẩn cho đổi bổ làm Tả tham tri bộ Binh.

Trong Kinh kỳ mưa. Từ bắt đầu sang mùa xuân đến nay, chưa được trận mưa to. Phủ Thừa Thiên là Nguyễn Trọng Tân cầu đảo ở miếu Vũ Sư, chưa mưa, vua sai Phủ doãn Nguyễn Văn Toán cầu đảo ở miếu Nam Hải long vương. Vua lại mật đảo ở trong cung, làm thơ đem đốt ở trước chùa Hoành Nhân, ngày hôm sau mưa to, đồng ruộng đầm đìa, lúa tốt bật lên, lập tức phát hương lụa trong kho, sai đem đến 2 miếu lễ tạ, thưởng Nguyễn Văn Toán kỷ lục một thứ.

Sai bộ Binh phái thủy sư ở Kinh kỳ : 2 suất đội, 100 biền binh đi đóng ở Nam Định, 1 suất đội, 50 biền binh đi đóng ở Hải Dương, theo diễn thủy sư 2 hạt, để cho hiểu biết, đều đến đầu tháng 2 tháng 3, đi thuyền ở Kinh phái đi, khi hết

hạn, đáp thuyền vận tải công về, thuyền tải mỗi năm một lần thay đổi, biền binh hiện phải đi đều phát cho áo quần và tiền lương một tháng.

Phó lãnh binh ở Quảng Ngãi là Trần Hữu Di có tội phải cất chức. Vua cho Phó vệ uý vệ Hoàn võ dinh Tiền phong là Ngô Văn Trạch thay. Di trước đem lính đi tuần ở biển, ban đêm nhận lầm thuyền buôn là thuyền giặc, bắn 1 người bị thương, 1 người chết. Vua nghe biết việc ấy, bảo rằng : không bắt được giặc, lại bắt người buôn, rất đáng ghét. Sai cách chức phát đi làm lính ở thành Trấn Tây, bắt phải thu tiền mai táng 20 lạng bạc, cấp cho người chết.

Bọn Quản vệ Vũ Viết Tuấn ở Kinh phái đi tuần ở biển bắt được một chiếc thuyền người nhà Thanh ở phận biển Lý Sơn, Quản vệ Nguyễn Văn Cúc ở tỉnh phái đi cũng bắt được một chiếc thuyền ở cửa biển Đại Cổ Lũy, trong thuyền đều không có hàng buôn, chỉ có cát, đất, cần gỗ, vòng sắt, thanh la đồng, trống nhỏ, cùng thuốc phiện là đồ cấm, đều đưa về tỉnh tra xét. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên và nói : Thuyền giặc tự khi nghe biết thanh thế quan quân ở Kinh phái đi, đều đã tìm phương ẩn nấp, không dám phát ra đi ăn cướp nữa.

Vua sai truyền dụ cho Vũ Viết Tuấn chia nhau đi các hạt Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa để tìm bắt.

Trông coi viện Hàn lâm là Phan Bá Đạt tâu nói : "Việc giấy tờ thuộc viện ấy, thiếu người làm việc, tự nay có nghĩ soạn tiên, biểu là việc quan trọng, xin chuyển tư quan ở bộ sức cho thuộc ty là người khoa giáp xuất thân, bàn nhau khởi thảo, mới có thể được thỏa đáng".

Vua nói rằng : "Đặt ra viện Hàn lâm, cốt để làm các việc từ chương, làm việc nếu quả thiếu người, nên chọn người có văn học tâu xin bổ, cho có chuyên trách, nay thuộc viên các bộ, người khoa giáp xuất thân đã làm việc bộ, lại kiêm việc giấy tờ, thì viện ấy chả gần như không có việc gì ư ! Không cho như lời xin".

Chuẩn định từ nay về sau, hằng năm tiết Thanh minh, lăng các thánh hoàng đế, phái hoàng tử các tước công chia nhau đến bái yết. Lăng các thánh hoàng hậu vẫn phái nhân viên Tôn thất đến làm lễ.

Vua cho Vệ úy vệ Tiền nhất quân Vũ lâm là Hồ Bình làm Phó lãnh binh Nghệ An.

Bắt đầu đặt chức tri phủ phủ An Biên tỉnh Hà Tiên (phủ lỵ đặt ở sau đồn Trấn Biên), hạt phủ ấy nhân dân ngày càng đông, ruộng đất ngày càng mở rộng, thu thuế, bắt lính, công việc ngày càng nhiều. Vua chuẩn cho chọn bổ một tri phủ kiêm

lý huyện Hà Châu. Lại cho chiểu số đinh dân phiên 2 tổng mới đặt ở trong huyện, theo lệ 5 suất đinh tuyển 1, được 54 người, trích 22 người sung làm lính trạm Phù Dung, 32 người bổ làm lính lệ thuộc phủ.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Lê Văn Đức trong tập thỉnh an có nói : Sơn Tây gần đây ninh thiếp, nhưng biền binh chia phái đi nhiều ngả, hoặc có một vài đứa bậy bạ, cổ động mê hoặc kẻ ngu dân, không nên không phòng bị trước.

Vua sai điệu 200 lính thú vệ An võ ở Hà Nội đi đến đóng giữ.

Bố, án tỉnh Cao Bằng là Trần Huy Phác, Bùi Quốc Trinh trong tập thỉnh an nói 2 việc : 1) Tiền thuế hạt ấy đã cho chiết nộp bằng bạc của địa phương, nay hỏi ra thì dân tình người ở xa thì lấy mang nhẹ làm tiện, đều muốn nộp bằng bạc, người ở gần thì lấy đổi bạc làm khó, lại muốn nộp bằng tiền, có lẽ nên cho tùy tiện ; 2) Người Nùng tự 19 tuổi trở lên cấm không được dóc tóc, để đổi thói quê mùa.

Vua dụ rằng : Chính sách của vương giả, cốt khiến cho dân được tiện, nếu được tiện lợi cho dân, lẽ nào không châm chước sửa đổi. Vậy 3 huyện Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên hơi xa, cho theo dụ trước chiết nộp thuế bằng bạc lạng ; 2 huyện Thạch Lâm, Thạch An gần tỉnh, cho theo như cũ nộp bằng tiền ; còn như người Nùng đến đất nước ta, ở lẫn với người Thổ, chính nên một phen sửa đổi cho theo phong tục người Kinh, nhưng phải khai hóa dần dần, không cần nghiêm quá, để cho họ vui theo, thế mới tốt.

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên ở quân thứ Ninh Bình, tự Phù Liễn đem quân về, chia đường tiến đánh bọn giặc Sơn Âm. (Đạo quân của Quang Cự từ xã Bình Hiểm, Bắc Ninh đến giáp địa đầu xã Kim Bôi, Sơn Tây ; đạo quân của Duy Phiên từ xã Tràng Môn, Bắc Ninh đến giáp địa đầu xã Minh Hương, Sơn Tây. Lại tính ủy Hộ phủ Trần Văn Trung đem một đạo quân từ xã Thượng Lũng giáp xã Tràng Môn, đến xã Chân Phúc giáp xã Bình Hiểm tỉnh Bắc Ninh, còn mặt Sơn Tây ủy cho Phó lãnh binh Hoàng Văn Viện theo địa phận ngăn chặn). Lượng lưu binh dõng giữ chỗ hiểm yếu, đặt phục binh ở 4 phía ngoài, làm sớ tâu lên.

Vua dụ rằng : "Từ trước đến nay, quan quân chia đi đánh các xứ Cổ Lũng, Thạch Bi, đã san bằng chỗ hiểm trở, cắt vây cánh của giặc, các đường trọng yếu thông sang tỉnh bên cạnh, đã có các tỉnh bên cạnh phái quân ngăn chặn các chỗ, chỉ còn một dải Sơn Âm, như cá ở đáy nồi, chả qua đợi chết ngày gần đây, nay lấy binh lực như thế, chia đường đánh thẳng, khó gì mà chả lập tức giết hết, chỉ ở quan quân ta hết lòng cố sức thế nào đấy mà thôi, kinh lược tham tán, nguyên ủy cho việc bắt giặc, phàm công việc quân, đều được điều khiển, tức là công bậc nhất, tội hàng đầu,

trách nhiệm không đổ cho ai được. Tự Trần Văn Trung cho đến lũ tướng biền, đều phải hết lòng tìm bắt, ai chém được đầu tướng giặc là Lê Duy Hiển, chính yếu phạm là Quách Tất Công, Quách Tất Tại, hẳn có thưởng rất hậu, nếu để chúng hoặc chạy thoát thuộc phận đồn nào, phải xử theo quân pháp".

Tả phó đô ngự sử viện Đô sát kiêm quản viện Hàn lâm là Phan Bá Đạt phải tội cất chức. Vua cho Tả tham tri bộ Binh là Nguyễn Trung Mậu kiêm quản ấn triện 2 viện Đô sát và Hàn lâm. Đạt tra trộm cướp ở Thừa Thiên, lấy đến kẻ không tội. Viện thuộc theo làm việc là Ngự sử Phan Đăng Đệ làm việc ấy, chỉ tên hặc tội và nói em người vợ lẽ của Đạt, có tin là mưu tính ăn tiền.

Vua cho là lạ, sai cất chức Đạt, giao đường quan 6 bộ hội lại xét, xét không có tình hình ăn của đút lót, duy nhẹ dạ nghe kẻ phạm cung xưng giả dối, đánh khảo người thường dân, nên thêm đà lụy đến, chuẩn cho giáng bổ làm Lang trung bộ Hình làm việc bộ ấy. Phan Đăng Đệ bịa đặt ra việc chỉ hặc là việc bóng gió, cũng phải giáng bổ làm Tư vụ bộ Lại.

Cho thự Bố chính Quảng Bình là Ngô Dưỡng Cáo làm Tả thị lang bộ Hình, Đại lý tự Thiếu khanh là Nguyễn Văn Nhị làm Phó sứ ty Thông chính, kiêm trông coi công việc bộ Hình.

Đề bạt Nguyễn Văn làm Chủ sự bộ Hình. Thự Đại lý tự Thiếu khanh là Vũ Văn Thạc làm Chủ sự bộ Lại, được thự Giám sát ngự sử đạo An - Hà (Văn trước quyền lĩnh Tuần phủ Ninh Bình, Thạc làm Án sát, vì xử án thảo lược sơ suất, đều phải giáng làm cửu phẩm thư lại).

Cho Lang trung bộ Hộ biện lý việc bộ là Vũ Đức Khuê làm Tả thị lang bộ Hộ, Thái bộc Tự khanh Nguyễn Văn Toán làm Thị lang Thương trường, kiêm lĩnh 2 kho súng đạn, thuốc súng, vẫn kiêm nhiếp Phủ doãn Thừa Thiên, Lang trung bộ Binh biện lý việc bộ là Nguyễn Hợp làm Tả thị lang bộ Binh.

Cho Hoàng Văn Diễn làm Thượng thư bộ Lại ; Nguyễn Văn Lý làm Lang trung bộ Lại ; Phan Văn Nhã, Lê Vạn Hanh làm Lang trung bộ Lễ ; Đoàn Tụ, Ngô Văn Thể làm Lang trung bộ Binh ; Đỗ Cao Mại, Phạm Khắc Trạch, Nguyễn Trọng Nguyên làm Lang trung bộ Hình.

Cho Nguyễn Văn Uẩn làm Án sát Quảng Bình, lại thăng thự Bố chính, cho Viên ngoại lang bộ Binh là Phan Trứ làm Án sát Quảng Bình, Viên ngoại lang bộ Hộ là Trịnh Ngọc Lâm, Nguyễn Đức Hộ làm Lang trung bộ Hộ, Đức Hộ vẫn lĩnh chức Đại sứ cục Bảo tuyền.

Triệu Bố chính Biên Hòa là Phạm Duy Trinh, thự Bố chính Hà Nội là Tôn Thọ Đức, thự Bố chính Tuyên Quang là Trần Ngọc Lâm, đến thượng tuần tháng 4 về Kinh yết kiến (lũ Duy Trinh ở chức ấy đã quá 3 năm, cho nên cho triệu về Kinh).

Đổi thự Tả tham tri bộ Lại là Lê Bá Tú gia hàm Tham tri bộ Lễ, Thị lang bộ Lễ là Nguyễn Tri Phương cũng gia hàm Tham tri bộ Lễ, đều cho ăn lương Tòng nhị phẩm. Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ là Lâm Duy Nghĩa thăng thụ Thị độc học sĩ, vẫn đều sung làm công việc Nội các.

Lâm Duy Nghĩa tâu việc thường sợ tránh, vua bảo tận mặt rằng : "Bề tôi đối với vua cũng như con đối với cha, tình rất tương thân, ngươi chức ở nơi gần cung cấm, lại là ấn quan, phàm việc đều được bày tâu, trẫm không vì lời nói mà bắt tội người, sao lại sợ tránh như thế ? Trẫm tự khi lên ngôi đến nay, đặt ngôn quan, mở đường can ngăn, lúc mới chầu, chưa từng không tỏ ôn tồn, dẫn cho người nói, lũ ngươi há còn không biết, nên nghĩ dâng điều hay, bỏ điều dở, biết điều gì thì nói, nói thì nói cho hết, dù trái tai, chạm vẩy, cũng không tính đến, nếu có sự không ngờ, cũng không xấu hổ với Long Bàng, Tỷ Can[1] ở dưới đất, nhưng đó chỉ là nói cho quá ra đấy thôi, trẫm há làm như người không theo lời can ấy đâu, nếu chỉ dựa dẫm, cầu giữ lộc vị, là người bề tôi đủ số mà thôi, có ích gì về việc giúp đỡ phát minh đâu".

Nghĩa cúi đầu tạ lui ra.

Ban sách *Thông giám tập yếu* cho trường học các trực tỉnh.

Đạo quân Kinh lược phó sứ Thanh Hoa là Nguyễn Đăng Giai tiến đến châu Quan Hóa, thẳng đến Phú Lệ, đi đến đâu, giặc đều trốn xa, cùng Quản vệ đạo Hưng Hóa là Nguyễn Văn Quỳnh cùng gặp nhau, bèn chia nhau đi chiêu dụ, tùy tiện kinh lý. Đạo quân thự Đề đốc Tôn Thất Bật tiến đến Tam Lô, giặc đã bỏ sào huyệt trốn đi, Bật sai đốt hết cả, lại về đóng ở quân thứ Khương Chính. Phó sứ đạo Nông Cống là Doãn Uẩn thân đốc quan quân từ Bát Vân đến đánh sào huyệt giặc ở Thọ Thắng (Thọ Thắng là tên sách, chỗ ở của đầu mục giặc ngụy xưng hậu đồn chánh thống lĩnh Lê Duy Hiển). Giặc giữ chỗ hiểm chống cự, quân ta hăng hái cố đánh, liền phá được trại của giặc, giặc bị súng bắn bị thương nhiều, bèn vỡ chạy trốn. Kinh lược sứ Trương Đăng Quế được tin, đem sự trạng tâu lên.

---

(1) *Long Bàng* : trung thần nhà Hạ, can vua Kiệt mà bị chết ; *Tỷ Can* : trung thần nhà Ân, can vua Trụ mà bị chết.

Vua giáng dụ thưởng Doãn Uẩn quân công kỷ lục 2 thứ, Quản vệ đi trận ấy là Nguyễn Tiến Vạn, quân công kỷ lục 1 thứ, biền binh có người bị thương gia thưởng gấp đôi. Trương Đăng Quế lại đem công việc trù tính mật tâu : hiện nay việc bắt giặc thực là việc khó, vì chúng tự biết phản nghịch là tội không tha giết, một khi nghe tin tìm bắt, thì hang sâu hốc tối, không đứa nào là không tìm chỗ trốn tránh, để kéo dài tính mạng, mà các phận núi Lương Chính, Quan Hóa, rừng cây rậm rạp, dù gần ngay trong 100 bước, không đến tận nơi cũng không biết là có người ẩn nấp hay không. Lại như việc bắt nộp súng điểu thương, đã đến 1, 2 đứa ra thú, hiểu dụ 2, 3 lần, nhưng chúng đều nói dối là bị giặc bắt hiếp đi theo, gánh lương cho giặc, đến chết vẫn không dám nhận việc cầm súng chống cự quan quân, đã bàn với Phó sứ Doãn Uẩn, Nguyễn Đăng Giai và thự Đề đốc Tôn Thất Bật, định trước hết bảo về uy đức triều đình, cho đem nhau ra thú, phàm động sách nào đã ra thú hết cả thì đều đổi ra làm xã, sách nhỏ thì vẫn làm 1 xã, sách lớn thì chia làm 2, 3 xã thôn, chọn bầu lý trưởng, phó lý, sai làm sổ đinh điền, đợi ra thú đã hết, làm sổ đã xong, rồi mới hiểu bảo họa phúc, bắt nộp súng điểu thương, thì đã có người có tên, thế tất không dám lại trốn, cũng không nói thoái thác được. Lại bắt chúng dẫn bắt kẻ yếu phạm, chả ở động sách này tất ở động sách khác, như thế thì đâu có thể nhảy thoát ra ngoài các phận rừng thượng du được. Đến lúc ấy, nếu có đứa ẩn giấu chống cự, lập tức chém ngay, giết một người để răn trăm người, thì súng điểu thương cũng phải đem nộp, mà các giặc phạm sẽ không có chỗ ẩn nấp nữa. Hơn nữa nay đã đặt làm xã thôn, bầu ra lý trưởng theo làm việc quan, dần dần theo phong tục người Kinh, nếu có thổ mục, thổ tù, chẳng qua cũng một người dân, không được quen thói như trước, vả lại thổ dân xứ ấy phần nhiều có gian trá xảo quyệt, không phải chỉ một mực ngu xuẩn mà thôi, nhưng từ trước đến giờ bị thổ tù lừa dối, tập thành thói quen, nếu sai làm việc theo như người Kinh, thì các thổ tù cũng không thể ức hiếp được. Tôi nay còn ở Lương Chính, hiểu dụ dân ấy, dần đã quay đầu về, chính đang sức cho làm sổ đệ nộp.

Tờ sớ đệ vào đến nơi, vua phê bảo rằng : "Mọi việc tâu lên đều hợp ý trẫm, cố gắng thêm lên, trẫm đương chờ xem thành công".

Vua lại dụ rằng : "Dân Thổ thói quen mờ tối, dễ mê khó hiểu, cải cách dần dần cho không đến nỗi khó nhọc, cũng phải như câu nói : bắt nộp súng, chúng đều đến chết nói thoái thác, không nhận cầm súng bắn quan quân, xem thế đủ biết là ngu. Vả lại bọn chúng đều là con đỏ của triều đình chỉ vì một vài đứa thổ ty bậy bạ, dọa dỗ ức hiếp, bị tai họa bất ngờ, thực cũng đáng thương, cho nên trước đã xuống dụ, nếu biết hối lỗi ra thú, thì tội trước đều không hỏi đến, còn súng điểu thương là tục

thổ dùng để đánh ác thú, người thường vẫn có, há vì có súng cho là chống cự quan quân mà bắt tội ư ! Nếu đem lẽ ấy hiểu dụ hai ba lần, khiến cho chúng hiểu rõ, cùng bảo ban nhau, chớ đem lòng ngờ sợ bậy nữa". Quế lại nói : Kinh lý châu Lương Chính là việc bắt đầu. Xin sức cho bộ chọn ngay tri châu, cho đến cung chức, để ngày sau dễ làm việc, và châu sở đã làm đồn lớn, nên phái một quản vệ đắc lực ở tỉnh sung lĩnh quản phủ Thọ Xuân, dời đến đóng ở đấy để đàn áp. Cấp sự trung Ngô Kim Lân ở Kinh phái đi, gần đây theo quân thứ Tôn Thất Bật giúp việc giấy tờ, cũng từng đốc quân đánh giặc, dự có khó nhọc một chút, xin nên lượng cho khen thưởng.

Vua bèn cho viên phải cách mới đề bạt bổ làm Tư vụ bộ Binh là Lê Nguyên Trung làm Tri châu châu Lương Chính (Trung trước làm Bố chính Quảng Ngãi, có lỗi phải cách, phải theo quân thứ cố sức làm việc). Thăng chức cho Ngô Kim Lân làm Lang trung bộ Binh, vẫn lưu làm việc ở quân thứ.

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên ở quân thứ đạo Ninh Bình, đem đại binh tiến đánh sào huyệt giặc ở Sơn Âm, phân phái đi tìm lũ giặc, giặc ở trong bụi rậm nấp bắn ra rồi lại chạy trốn, núi khe man mác, hơn 5 ngày chưa bắt được tên giặc nào, bèn đốc thúc ngay đẫn phá cỏ rừng, mở mang đường sá, hết sức để tìm bắt cho được, đem ngay tình hình tâu vào.

Vua dụ rằng : "Nay bọn giặc ấy vây cánh đã cắt, sào huyệt đã phá, mặt ngoài lại đã phái quân ngăn chặn, quyết không dám vượt qua Sơn Âm một bước, quân ta tìm bắt càng gấp, thì thế giặc càng cùng, giặc cũng là người, không bé như con kiến, hầu trốn vào đâu được, cũng phải có phép tàng hình, há có thể chắp cánh mà bay trốn được ư ? Phải nghiêm đốc tướng biền binh dõng, sớm tối theo vết chân đi tìm chớ cho giặc được rỗi chút nào, chớ để hơi có sơ hở, thì giặc không trốn đi đâu được, tất là bị bắt". Bèn gia ơn từ Kinh lược trở xuống đều thưởng trước tiền lương nửa tháng.

Nhân bảo quan hầu rằng : "Nhà Lê từ đời cuối, chính lệnh về tay họ Trịnh, làm vua thì như Noãn vương nhà Chu, Hiến đế nhà Hán, chỉ giữ ngôi không, ý trời đã không có nhà Lê nữa, giặc Tây Sơn ngầm gian, dân không chịu nổi. Thế tổ Cao hoàng đế ta nổi lên, thương dân, đánh kẻ có tội, mệnh trời ở đấy, lòng dân theo về, rồi thống nhất được cả nước, họ Lê đâu có lẽ lại nổi lên được, mà kẻ hiếu loạn thường thường mượn tiếng phù Lê, trước thì Duy Hoán, Duy Lương, nay thì Duy Hiển càn xưng danh hiệu lừa dối dân hèn. Ôi ! Đế vương phải có xứng đáng, ngôi báu không thể cho bậy, sao mà dân kia không biết, lại bị chúng mê hoặc đến thế !".

Định rõ điều lệ thi Hương, thi Hội.

(Về thi Hương, thi Hội, đầu bài kỳ thứ nhất, kỳ thứ hai vẫn theo như trước, viết vào quyển thi ; đầu bài kỳ thứ ba, thi Hương đều chiểu vi niêm yết, thi Hội thì quan phát cho mỗi người một tờ, trong quyển làm văn không phải viết đầu bài. Quan trường chiểu số quan viên nội trường sao đưa mỗi người một bản và sao riêng một bản tư bộ để lưu chiểu.

Về dấu quyển của học trò Gia Định, năm trước phụ thí trường Thừa Thiên, đã cho hợp cùng Phú Yên đánh dấu sắc xanh, mùa thu năm nay thi riêng trường tỉnh mình, thì sắc xanh nên bỏ, lại đem Phú Yên cùng Quảng Ngãi, Bình Định đều dùng sắc đỏ.

Về những viên phủ huyện sung làm việc trường thi, đường đi hơi xa thì cho đi ngựa trạm, gần tự trong 6, 7 trạm thì đình cấp, nhưng cho lấy lính lệ. Những viên ở tỉnh được phái đi, cũng theo lệ ấy.

Về các học trò đi thi, có trót bị lý trưởng khai lầm tên tuổi, quán chỉ, thì cho lúc nộp quyển bẩm rõ xin cải chính, nếu im lặng bị giác ra thì phải tội mà mất cả khoa danh.

Về quan trường chấm văn phê hạng, phải cân nhắc xác đáng mới được phê, không được phê lại, sẽ bị đình thần nghị tội.

Về chữ húy Tiên sư Khổng tử, cho được theo chữ thật mà viết).

Trường thi ở Nghệ An năm trước bàn cho đi đến phủ lỵ Diễn Châu, cho tiện học trò Thanh Hoa hợp thí, đến nay quan tỉnh nói là địa thế không tốt, lại cho theo trường sở cũ mà làm rộng thêm ra.

Phái viên đi công cán ở Quảng Đông về, mua được sa màu, xem kỹ ra thì đều là hàng nam (đấy là người buôn nhà Thanh, mua sa ở Hà Nội và các tỉnh đem về nhuộm lại đóng dấu vào giả làm hàng Trung Quốc, đem bán để lấy lời nhiều). Vua sắc cho từ nay về sau, phàm dân gian dệt được các thứ hàng tơ nam như lĩnh, lụa, sa, trừu và tơ cân, không cứ tơ sống hay chín, đều không được bán cho người buôn nhà Thanh và người buôn Tây dương để xuất khẩu, người nào phạm, chiểu luật vi chế xử tội, tịch thu tang vật sung công. Quan địa phương, người coi đồn, không xét được, cũng phải giao nghị xử.

Khởi công đóng 6 chiếc thuyền các hiệu tuần biển chữ Bình (平) chữ Định (定). Vua sai thự Quản vệ là Đoàn Kim coi làm việc ấy.

Chuẩn định từ nay, các quan ngoài, không cứ thự hàm hay quyền nhiếp, các tổng đốc, tuần phủ, đề đốc, bố chính, án sát đều chiếu phẩm cấp cho mãng bào, hoa bào mỗi người một bộ, chép làm lệnh. (Lệ trước đốc, phủ, đề đốc, bố, an, phàm thự hàm vẫn mặc triều phục phẩm cũ, thự hàm án sát không được cấp).

Cho Bố chính Hà Tiên là Đoàn Khiêm Quang thăng thự Hữu tham tri bộ Lễ, Khiêm Quang mới đến Kinh vào chầu, vua hỏi về đất Ba Xuyên rộng hẹp thế nào, tâu rằng : đất ấy có thể bằng một tỉnh. Vua nói rằng : xứ ấy nếu khai thác được, thì nhân dân ngày nhiều, sinh nở càng lắm, tự nhiên có lợi vô cùng, việc gì phải tham đất đai của người, như nước Xiêm đối với Vạn Tượng, để gây hiềm khích với ngoại di.

Bộ Lễ nghĩ năm nay kính gặp khánh tiết lớn Hoàng thái hậu 70 tuổi, chước định ngày công việc phải làm tâu lên. (Làm lầu kết hoa, rạp kết hoa và các sở nhà ăn yến, xin chọn phái đổng lý đại thần dự tính làm trước. Quan phiên thành Trấn Tây và các đầu mục các biên giới mới mở mang, cùng thổ ty các hạt từ Thanh Hoa trở ra Bắc, cung tiến phẩm nghi, do quan địa phương sở tại làm lễ điệp giúp, rồi liệu chọn 4, 5 người hoặc 3, 4 người, trước kỳ khánh tiết đệ tập tâu lên. Cho theo viên được vua chấm tên, đến Kinh chúc thọ. Cống sứ nước Hỏa Xá, cho lui đến tháng 10 tiến Kinh, các hạng số phẩm nghi đợi đến ngày tiến Kinh, do bộ làm tờ dâng để mừng điền vào. Kim tiên chúc mừng, các bài nhạc cùng thể văn lễ điệp, ân chiếu, biểu mừng, do quản viện Hàn lâm làm sẵn trình lên.

Hai bộ Lại, Binh kê tên đốc, phủ, đề đốc, bố án, lãnh binh các tỉnh tâu lên đợi vua chấm tên, sau khi được Chỉ, do bộ tư đi, hạn cho trung thần tháng 10 đến Kinh chờ đợi. Và tư cho các địa phương cứ văn võ trong hạt, ngũ phẩm trở lên, quan viên hưu trí cùng nghỉ phép về quê, có ai tình nguyện đến Kinh chúc thọ, thì chiểu cấp giấy thông hành. Ca nhạc thổ tục ở thành Trấn Tây và biên giới mới mở mang, cùng nhạc cũ, phường chèo, các trò múa rối ở Bắc Kỳ chước lượng tư dài hạn cho hạ tuần tháng 9 đến bộ diễn tập. Nghi tiết ngày đại khánh cùng đồ bản bày đặt đến kỳ lần lượt dâng lên, duy việc tâu dâng huy hiệu, rất là phép lớn tôn thân, chưa dám tự tiện nghĩ định, đợi gần đến kỳ sẽ tâu lại đợi Chỉ).

Vua dụ rằng : "Năm nay lạm nhờ trời đất cùng thương, miếu xã ban phúc, Thánh mẫu Hoàng thái hậu ta gặp lành khỏe mạnh, mới đến tuổi thọ 70, trẫm lấy cả thiên hạ phụng dưỡng, thân đem các quan hoan hô chúc thọ, nên phải đủ cả nghi văn, không ví như lục tuần khánh điển, về việc phái làm lầu hoa, rạp hoa cùng nhà ăn yến, đợi sau dần dần xuống Chỉ cho làm, còn như thổ ty các tỉnh tự Thanh Hoa

trở ra Bắc, đều đã đổi quan Thổ đặt quan Kinh, thổ nghi cung tiến nên cho cả vào thuộc tỉnh, không nên tiến riêng ; thổ ty các biên giới mới mở mang không giống như thế, chiểu nghị mà làm ; phiên thuộc ở Trấn Tây, sự thể thuộc thành đã lâu, nếu có lòng thành dâng tiến, do đường quân phái dẫn 1, 2 người phiên mục cùng thổ nghi đem tiến, còn thì theo nghị thi hành.

"Lại chuẩn định tự nay về sau phàm gặp năm đại khánh, các địa phương theo lệ có kính dâng phẩm vật, cho làm lễ điệp (trước dùng hạ tiên) do viên được vua chấm đệ tiến, còn hằng năm tiết Thánh thọ, chỉ theo lệ ủy quan chúc mừng, không phải làm tờ hạ tiên riêng, còn như lễ khánh tiết xong, sau một ngày, các quan văn võ ở Kinh theo lệ trước dâng biểu chúc mừng, các địa phương ở ngoài, đợi khi ân chiếu phát đến, làm tờ biểu đệ sau".

Vua nghĩ việc làm lầu rạp, công việc bận nhiều, sắc cho các địa phương hỏi khắp trong hạt, không cứ quan dân ; cục thợ hạng nào có người trần thiết khéo léo, thì hoặc cấp tư, hoặc phái đến, hạn cho tháng sau đến Kinh ứng trực. Sai Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Khoa Minh, thự Hữu tham tri bộ Lễ là Đoàn Khiêm Quang trông coi việc ấy. Có cử nhân Hoàng Quý Luyến ở Hà Nội trước nhân can án phải về quê, người đồn là viên ấy có tài khéo. Vua sai đòi đến, làm việc ở sở đốc công Vũ khố, rồi trao cho chức Tư vụ.

Ngày Giáp Tý, tế trời đất ở đàn Nam Giao, đêm hôm ấy có mưa.

Vua dụ rằng : "Hôm vừa qua, kính gặp đại lễ tế trời, trẫm trước hết đến trai cung, chính mình thấy ruộng lúa ven đường tuy sắc lúa xanh tốt, nhưng nước ở ruộng đã cạn, vả lại gần đây sắc trời quang đãng, khí nóng rất nhiều, giữa mùa xuân mà bức nóng, thực sợ người và vật không được yên, bèn trong lúc dâng hương dâng rượu, cầu khẩn trời cho mưa ngay cho muôn vật tươi tốt, triệu dân yên vui, không ngờ lòng thành thấu đến trời, làm lễ xong về cung, đã thấy chuyển sang gió bắc, nắng lui trời mát, khoảng chiều mây đen bỗng họp, đêm khuya mưa to trút xuống hết trận này đến trận khác, trẫm trong lúc vui mừng, càng thêm cảm sợ, nhân nghĩ trước đây Quảng Nam, Quảng Bình tâu báo đã được mưa khắp, duy Quảng Ngãi, Quảng Trị lại nói vẫn chưa thấm nhuần, vẫn thấy bận lòng, nên sai truyền dụ để hỏi".

Phận biển Chu Mãi, Cảnh Dương phủ Thừa Thiên có giặc biển đón cướp thuyền buôn gạo. Thủ ngự là Phạm Văn Thuận đem thuyền quân đi tuần ở biển đuổi theo không kịp.

Vua nghe việc ấy, bảo bộ Binh rằng : "Kinh kỳ là nơi tôn trọng, giặc biển bèn dám nhòm sơ hở ngầm phát, rất là đáng giận, quan quân ở đồn ấy không biết ra sức bắt lấy, để cho bay xa, thì gọi là đi tuần ở biển là làm việc gì ; lập tức cách chức Phạm Văn Thuận cho đeo tội đi bắt giặc, bọn Kinh doãn đều bị giáng, rồi cho thự Đề đốc Nguyễn Văn Mỹ đem thuyền quân ở phủ và ở đồn ấy ra biển đuổi bắt. Lại phái Quản vệ vệ Cẩm y là Hoàng Văn Hậu, Quản vệ thủy sư là Đoàn Khác đem biền binh thủy bộ mỗi vệ 60 người, chọn lấy người khỏe mạnh, am hiểu, chia nhau đi bốn chiếc thuyền Ô, Lê, đem đủ súng ống, khí giới, thuốc đạn, chiến cụ, nhanh chóng tiến đi, cốt trong 10 ngày bắt được bọn giặc ấy kết án trị tội, rất có thưởng hậu. Vả lại nay gió bắc thịnh phát, thuyền giặc chắc chưa chạy về phương Bắc được, chỉ ẩn nấp ở các hòn đảo gần phía nam, để hòng quấy rối. Vậy sai các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đốc thúc thuyền quân phái đi trước, đều đến các hòn đảo thuộc hạt mình tìm bắt, nếu sợ khó nhọc, sợ hiểm trở, không dám vượt biển đuổi cho đến cùng, để bọn ấy lại lén lút ở bộ phận biển nào, tức cứ quan đi bắt giặc và quan địa phương hạt ấy hỏi tội".

Lại truyền Chỉ : "Cho viên ở Kinh phái đi thứ trước, trích lấy một chiếc thuyền tuần biển, hoặc một chiếc thuyền Hải hiệu, hai chiếc thuyền Ô, đi tuần tiễu phía nam từ Quảng Nam, phía Bắc đến Quảng Trị, còn các thuyền khác chia nhau đi phía nam đến Bình Thuận, phía bắc đến Quảng Nam, đi lại như thoi dệt vải, cùng liên tiếp nhau, cốt cho khí độc ở biển yên lặng, thuyền đi buôn bán được nhanh chóng, không làm được như thế, quyết nhiên không tránh lỗi được".

Cách vài ngày, giặc biển lại ngầm phát ở phận đồn Đại Áp, Tiểu Áp tỉnh Quảng Nam. Quan tỉnh ấy, Bố, Án là Hồ Hựu, Lê Hữu Đức, Lãnh binh là Vũ Văn Huân cùng quan đi bắt giặc, người coi giữ đồn đều giáng cách có cấp bậc, bọn ở Kinh phái đi thứ trước là Vũ Viết Tuấn, Lê Văn Sức, Lương Công Trung, Đinh Văn Lân cũng đều giáng 2 cấp.

Vua lại dụ bộ Binh rằng : "Bờ biển nước ta rất dài, việc tuần phòng biển rất là quan trọng. Trước đã chuẩn định hằng năm cứ tuần tháng 2, các tỉnh ven biển đều phái thuyền quân đi tuần ở biển, nhưng từ trước đến nay, quan đi bắt giặc phần nhiều không có đắc lực, các người hèn nhát thường thường không dám ra xa ngoài biển, gián hoặc có người dám đi, lại không chịu hết sức tìm bắt giặc. Lại có kẻ cầu công làm bậy mong được thưởng, sinh ra mối tệ, như thế cũng là có tiếng, không có

sự thực. Năm ngoài dụ cho thuyền ở Kinh đi tuần biển, một là để thao luyện lính thủy, cho biết bơi lội ; một là để diễn tập, đánh dưới nước cho quen biết đường biển ; và cho giặc biển nghe thấy thanh thế, không dám sinh sự, thế là làm một việc mà được 3 điều lợi, duy thuyền quân phái đi trước đây, lâu ngày đi lại tìm bắt giặc, rất là gian lao, tất phải thay đổi để giúp sức sẵn có. Vậy cho các quản vệ hiện đi tuần, vẫn lưu lại để cai quản, còn tự suất đội đến binh đinh, cứ 3 tháng chiếu số thay đổi, để cho khi nhọc khi rỗi được đều nhau. Nay hai hạt Quảng Ngãi, Bình Định đã được yên lặng, thuyền ở Kinh không phải ở cả một nơi. Vậy hai chiếc thuyền tuần hải đi đến các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Phú Yên, các thuyền Ô, Lê hải hiệu, lập tức chiểu phận biển trở vào Nam đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Quảng Yên, Vạn Ninh, đi lại tuần xét, nếu qua giới phận tỉnh nào, không thấy thuyền quân tỉnh phái đi tuần biển, cứ thực hặc tội tâu lên, đến kỳ tháng 7 mưa lụt, lập tức cho rút về đội ngũ".

Sơn Tây, Hà Nội, nuôi được tằm kén trắng nhiều và tốt, thưởng cho quan tỉnh kỷ lục mỗi người một thứ, nhà làm nghề nuôi tằm được thưởng 100 quan tiền, chuẩn cho kén trắng ươm thành tơ, thì đem nộp vào Kinh. Lại sai chia đưa giấy trứng ngài (tằm) đến các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hoa, Nghệ An, Hà Tĩnh, theo cách thức mà nuôi.

Lại thu thuế bãi đánh lưới chim ở tỉnh Hà Tiên. Năm đầu Gia Long định tiền thuế bãi đánh lưới chim, mỗi năm 500 quan tiền, cho dân lĩnh trưng. Đến Minh Mệnh năm thứ nhất, bãi thuế ấy đi, Nhà nước mua quạt lông, do tỉnh bắt nhà đánh chim phải nộp (hằng năm quạt lông hạng lớn 20 bó, mỗi bó tiền 3 quan ; quạt lông hạng nhỏ 200 cái, mỗi cái 3 tiền). Đến nay bộ Hộ bàn cho là mối lợi ở đâu, dân hẳn đi theo, trong đó ngầm tự chọn lấy, thể không hỏi được, thành ra ơn bất nhẫn của triều đình bỗng làm túi tham của dân gian dối. Xin bỏ việc cấm ấy, cho dân đấu giá lĩnh trưng, và bắt nộp lông chim theo như lệ.

Vua theo lời bàn ấy.

Vua cho Phó vệ úy vệ Thủ hộ tiền là Tôn Thất Nghị thăng thự Phó vệ úy vệ Loan giá ; Cai đội vệ Thủ hộ trung là Tôn Thất Trúc thăng thự Phó vệ úy vệ Thủ hộ tiền ; Thành thủ úy Thanh Hoa là Tôn Thất Trị thăng thự Phó vệ úy vệ Dực bảo.

Sai quan đi kiểm duyệt biền binh các tỉnh Bắc Kỳ. Thự Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Lê Văn Thảo, cùng Ngự sử đạo Thanh Hoa là Nguyễn Huy Hoán đi

đến Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh ; Đề đốc thủy sư là Vũ Văn Từ cùng Binh khoa Cấp sự trung là Trần Hiển Doãn đi đến Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, cho mang cờ, bài, mang theo lính thị vệ, hộ vệ, mỗi người 2 tên, hạn đến 19 tháng này (tháng 2) khởi hành, trước sau ngày mồng 4 về đến Kinh phục mệnh. Phàm biền binh thủy bộ ở tỉnh có khỏe mạnh không ? Voi ngựa, súng ống thuyền mành có được vững bền không ? Cho đến việc quân lính ngồi đứng tiến lui, chèo thuyền, cưỡi ngựa, có được am hiểu không ? Đều phải nói rõ trong tờ tâu. Lại tự lãnh binh đến suất đội có xét được người nào tài dũng xuất sắc, hoặc hèn kém không làm nổi việc, cũng cho đem tâu, để việc quân nghiêm chỉnh. Lại dụ sai Nghệ An liệu phái 4 suất đội, 140 biền binh đến trước Bắc Ninh đợi viên khâm phái đến, chia nhau lệ thuộc làm việc.

Thự Lãnh binh Nghệ An là Nguyễn Cửu Đức tiến đến xã Thanh Nga (thuộc huyện Quế Phong, phủ Quỳ Châu) dò xét được bọn giặc ở Nông Cống, Thanh Hoa nhiều bọn ngăn chặn ở đường quan yếu, bèn đêm cho vài chục kỳ binh[1] đi theo đường núi ngầm phục ở sau lưng giặc, đại binh đánh trống mà tiến lên, phục binh bắn súng mà hưởng ứng, bọn giặc bất thình lình sợ vỡ, thừa thắng tiến thẳng đến sào huyệt giặc là sách Quân Thiên (sách Quân Thiên ngụy xưng là chánh tả đồn, Lang Văn Thái ở đấy), giặc bỏ đồn không mà trốn, Đức bèn đóng quân ở động Lâm Lự, tìm bắt giặc trốn. Quyền lĩnh Tổng đốc là Phạm Văn Điển đem việc ấy tâu lên, vua khen là hành binh có mưu lược, thưởng Đức kỷ lục quân công một thứ, quân kỳ binh phái đi, thưởng chung 500 quan tiền.

Vua cho Nhất đẳng thị vệ là Nguyễn Trọng Tính làm Chưởng vệ, vẫn lĩnh thị vệ, kiêm quản viện Thượng tứ, đội Dực võ, đội Thượng thiện và đội Ngư hộ ; Nhị đẳng thị vệ là Vũ Huy Dụng làm Nhất đẳng thị vệ, vẫn lĩnh thị vệ, nhưng kiêm quản viện Thượng trà, đội Tài hoa, thự Hòa thanh, thự Thanh bình, ty Lý thiện ; Phó quản cơ Định man là Nguyễn Văn Hùng làm Phó vệ úy vệ Thủy tỉnh Khánh Hòa.

Quan thành Trấn Tây tâu nói : dò thám được tin nước Xiêm sai tướng là bọn Phi Nhã Chất Tri, Phi Nhã A Mạt, Bồ Nô Mẹ Tri cùng Nặc Ong Giun, giặc Ma, giặc Cố, đem 5.000 quân đóng ở Bắc Tầm Bôn. Lại sai 3 người quan võ đóng ở Lò Gò Vật. Xét ra 2 phủ Hải Đông, Hải Tây tiếp giáp với Bắc Tầm Bôn, Lò Gò Vật, tuy ở đồn có biền binh người Kinh người Thổ, cũng đủ chống giữ, nhưng chỗ trọng yếu ở biên thùy nên có trọng binh làm thanh thế tiếp viện, để phòng khi có việc cần

(1) Kỳ binh là quân bất ngờ.

cấp, đã phái Phó lãnh binh Nguyễn Đức Trung đem 9 chiếc thuyền 400 quân đến bờ biển Sà Năng để đàn áp. Lại bọn 300 người dân Phiên, tự nước Xiêm trốn về (trước bị nghịch Minh xua đuổi, chia ở Gia Đột Kha Luật), đã sức cho An phủ phủ Hải Đông tìm đất cho họ ở.

Vua cho là phải, dụ rằng : "Giặc Xiêm chẳng qua trong lòng nhút nhát hoang mang, tự làm kế phòng giữ, quyết không dám nhòm chỗ hở và biên thùy ta, nhưng về phần ta, giữ vững bờ cõi, có phòng bị thì tự khắc không lo, việc phái quân và thuyền đến bờ biển Sà Năng, nếu xét quả là không có việc gì, thì rút về ngay".

Tỉnh Hưng Hóa, có giặc người nước Thanh hơn 300 người đến lấn cướp động Sơn Yêu châu Thuỷ Vĩ, Tri châu là Hoàng Đình Khản thân đốc quân dân đến đánh chém được hơn 10 đầu giặc, lấy được khí giới. Việc ấy tâu lên, vua khen ngợi, thưởng cho Khản áo nhung tơ, áo vải tây mỗi thứ 1 cái, ngân tiền Phi long hạng lớn 10 đồng.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Lê Văn Đức mật tâu rằng : "Địa phương Côn Minh là chỗ giặc trốn Lê Quảng Khải ở, núi rừng rộng hiểm, đã chiêu dụ nhiều cách mà chúng cũng không dám thò đầu ra, việc phái riêng người đi dò bắt, ít thì không thể chống được mạng chết, nhiều thì sẽ giục cho chạy xa, sự thể thực là khó khăn, nay hạn bắt giặc gần hết, càng phải nóng ruột, xin gia hạn cho 6 tháng nữa, mật ủy người tìm bắt, may ra có thể xong việc". Vua y cho.

Vua đi tuần chơi sông Lợi Nông, xem lúa ở ruộng, ngày hôm sau về cung.

Lính mộ ở các tỉnh Bắc Kỳ, phần nhiều là người Bắc Kỳ mà khai mạo quê ở Quảng Bình trở vào Nam, sau khi trốn, cứ theo quê quán, sức về cho dân biên vào hạng tráng, dân bị khổ về việc ấy, bèn cho theo lời bộ Binh bàn "từ nay về sau, ngày lính mộ đầu quân, quản quan cứ theo lời hắn tha ra, chính quán hoặc ngụ quán, có vợ con gia sản hay không, đều cho biên vào ngạch, chua rõ ở dưới tên, sau khi thành ngạch, đưa về địa phương, sai xã thôn sở tại cứ thực kết nhận làm danh sách đưa vào bộ lưu chiểu, nếu có tên nào bắt chước để làm giả mạo, dân không nhận thì đều cho đem vào hạng lính, còn tên lính mộ phải đánh 80 trượng, để lưu ngũ, sau có trốn thì xóa sổ lính đi, mà đuổi về hạng tráng, lý dịch dụng tình giấu giếm, dối trá, việc phát giác ra phải trị tội nặng, viên đứng chiêu mộ có tình riêng mua chuộc, mạo danh thay thế thì trị tội rất nặng".

Vua sai tỉnh Quảng Nam chiểu biền binh thủy bộ ở tỉnh ấy, từ sau đến kỳ chia ban, 2 vệ Tả thủy, Hữu thủy cùng các vệ cơ bộ binh đều chia làm 3 ban, các lính

phái đi đóng lâu ở 2 thành An Hải, Điện Hải và đi đóng giữ pháo đài Định Hải, nên liệu phái một phần lính thủy, một phần lính bộ hợp lại cho đủ một vệ 500 người, mỗi tháng một lần đổi để lính thủy lính bộ cùng xen lẫn cho bờ biển được mạnh mẽ (tự trước chuyên lấy lính thủy đóng mãi).

Đạo quân của Kinh lược phó sứ Thanh Hoa là Nguyễn Đăng Giai đóng ở Quan Hóa, thổ dân 12 động lục tục đến quân thứ đầu thú, sai làm sổ đinh điền đã gần xong, bèn chuyển về quân thứ Lương Chính, cùng Kinh lược sứ Trương Đăng Quế hội bàn. Đạo quân của Phó sứ Doãn Uẩn tự Thọ Thắng tiến đến sách Quân Thiên, động Lâm Tự, bọn giặc đều đã tan trốn cả. Thự Lãnh binh Nghệ An là Nguyễn Cửu Đức đưa bọn giặc ra thú và tìm bắt được hơn 90 người. Doãn Uẩn cho là bọn ấy bị giặc bắt hiếp đi theo, đều tha cả, bèn đóng quân ở đấy, treo bảng yết thị "chiêu an", tùy tiện kinh lý, tư cho Nguyễn Cửu Đức rút quân về Nghệ An, liệu để lại biền binh ở phủ Quỳ Châu để ngăn chặn. Trương Đăng Quế đem cả các việc ấy tâu vào. Lại nói : thượng lưu Quan Hóa có 3 sông cùng chảy rót vào động Hồi Xuân (1 là sông Mã tự động Vân Lung chảy xuống, 1 là sông Lũng tự động Sơn Trà chảy xuống, 1 là sông Lô tự động Tam Lô chảy xuống), chỗ ấy địa thế cao ráo, xin làm 1 đồn để làm châu lỵ, gọi là đồn Tòng Hóa. Lại nay Thanh Hoa có việc vận tải, đã sai thự Phó lãnh binh thủy sư là Đặng Công Thập, Thành thủ úy là Đặng Công Thành, đem lính thủy đi đánh trận cùng biền binh 2 đội Túc võ, Quảng võ, rút về hàng ngũ ở tỉnh. Đạo quân Hưng Hóa cũng xin chỉ để lại 1 quản vệ, 200 biền binh để đóng bắt giặc trốn. Vua đều y cho. Sai trích 2 vệ ở Quảng Trị, Quảng Bình cho về trước. Lại nghĩ tiết đến cuối xuân, cho liệu tính tình hình, hoặc lui về Thanh Hoa, hoặc chọn chỗ cận tiện tốt lành cho đóng quân, để tránh nóng nực lam chướng. Đạo quân Nguyễn Cửu Đức đã về đến tỉnh Nghệ. Vua nghĩ trước đánh sào huyệt giặc ở động Lâm Lự bắt được nhiều giặc, thưởng cho Cửu Đức gia một cấp, Quản vệ đi trận ấy là Phan Văn Đạt kỷ lục hai thứ, suất đội đều một thứ, binh dõng 300 quan tiền.

Chuẩn định từ nay về sau, phàm phải đi làm việc quân hạt khác, không cứ ở Kinh phái đi hay tỉnh phái đi đường thủy hay đi đường bộ, phàm đường đi về từ một tháng trở lên thì đều chiếu theo lệ đi đánh giặc, mỗi tháng chi gạo lương một phương và cấp cho một cáp muối. Chép làm lệ mãi.

Biền binh 2 vệ cơ ở Bình Định, Quảng Nam đến Kinh thao diễn. Vua ngự đài thành cửa Nam để xem. Thấy đội ngũ chỉnh tề, phép trận am hiểu, thưởng áo quần

cho các quản suất, thưởng tiền cho binh đinh có cấp bậc. Lại nghĩ hai vệ cơ ấy đều là lính mới tuyển, huấn luyện một lần, đã thuộc kỷ luật, rất khen ngợi, xuống dụ thưởng cho Tổng đốc Vũ Xuân Cẩn, Bố, Án là Hồ Hựu, Lê Hữu Đức, cùng các lãnh binh, quản vệ, quản cơ, đều gia một cấp, suất đội đều kỷ lục một thứ.

Chia phủ Kinh Môn tỉnh Hải Dương làm 2 phủ Kinh Môn, Kiến Thụy. Phủ Kinh Môn thống hạt 7 huyện, đất rộng người nhiều. Cho quan tỉnh chiểu theo địa thế liền nhau, chia làm 2 phủ, bèn trích 3 huyện Giáp Sơn, Đông Triều, Thủy Đường ở phía đông bắc (điền thổ hơn 82.740 mẫu, đinh số hơn 3.980 người) theo như trước làm phủ Kinh Môn, kiêm lý huyện Giáp Sơn thống hạt huyện Đông Triều, Thủy Đường ; 4 huyện Nghi Dương, An Dương, Kim Thành, An Lão ở phía tây nam (điền thổ hơn 86.620 mẫu, đinh số hơn 4.990 người), đặt riêng làm phủ Kiến Thụy. Lại nghĩ phủ Kiến Thụy được lĩnh 4 huyện, đặt thêm nha môn phân phủ, phủ đặt quản phủ, tri phủ, mỗi chức 1 người, kiêm lý huyện Nghi Dương, thống hạt huyện An Dương ; phân phủ đặt 1 viên đồng tri phủ, kiêm lý huyện Kim Thành, thống hạt huyện An Lão, còn trước đặt 2 tri huyện Nghi Dương, Kim Thành thuộc phân phủ Kinh Môn, đều bỏ bớt đi. Lấy đồn Minh Liễn huyện Nghi Dương làm thành phủ Kiến Thụy. Còn 200 bộ binh, 100 thủy binh, 6 chiếc thuyền Ô, Lê, trước phái đến đóng giữ do phủ cai quản, mà rút quản cơ về.

Bộ Hộ tâu nói : "Các địa phương theo lệ có nộp thuế bằng muối, tự trước đến nay, chỉ ra không có mấy, chứa nhiều, không khỏi lâu ngày sinh ẩm ướt, nghĩ nên cho dân chiết nộp bằng tiền".

Vua dụ cho các hạt Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Thuận, Quảng Bình, Thanh Hoa, vẫn theo lệ trước nộp thay bằng tiền. Còn tỉnh lớn như Quảng Nam, Nghệ An thường chứa phải 1.500 phương ; tỉnh vừa như Quảng Trị, Hà Tĩnh phải 1.000 phương ; tỉnh nhỏ như Khánh Hòa, Hà Tiên phải 500 phương ; còn thừa cũng cho chiết nộp bằng tiền. Rồi lại chuẩn định các hạt được chứa muối và lệ muối hao khóa thanh tra (tỉnh lớn như Bình Định, Gia Định, Vĩnh Long, Thanh Hoa, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh cùng thành Trấn Tây số muối thường chứa cũng như Quảng Nam, Nghệ An ; tỉnh vừa như Quảng Bình, Quãng Ngãi, Bình Thuận, Biên Hòa, Định Tường, An Giang, Ninh Bình, Hưng Yên, Lạng Sơn cũng như Quảng Trị, Hà Tĩnh ; tỉnh nhỏ như Phú Yên, Quảng Yên, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang cũng như Khánh Hòa, Hà Tiên, mỗi khóa thanh tra, muối hoa cứ 10 phương cho trừ hao 5 thưng, muối Ba Thắc cứ 10 phương cho trừ hao 2 thưng 5 cáp). Lại nghĩ số muối ở kho Kinh thừa thãi nhiều, thưởng cho hoàng tử công cho đến quan lại, lính, thợ, có thứ bậc.

Quan thành Trấn Tây tâu nói : "Thành ấy cùng tỉnh Hà Tiên đều do tỉnh An Giang cấp lương thực, mà kho tàng chưa được thừa thãi lắm. Xin sai quan tỉnh An Giang đặt giá mua 50.000 hộc thóc, và tư lấy tiền kho tỉnh Vĩnh Long 20.000 quan, tỉnh Định Tường 30.000 quan để vận đến. Vua y cho.

Vua cho Lý Văn Phức làm Lang trung bộ Công quyền biện việc bộ.

Giáng Chưởng vệ Nguyễn Trọng Tính, Nhất đẳng thị vệ Vũ Huy Dung làm Ngũ đẳng thị vệ. Trước đây 2 xã Diên Lộc, Phương Diên (đều thuộc huyện Phú Vinh), phàm gặp các lệnh tiết Thánh thọ, theo lệnh phải cung tiến phẩm vật. Vua nghĩ là chưa hợp lễ ý, sắc cho hằng năm do viên quản thị vệ lấy tiền công mua sắm giúp, bọn Tính đã lâu quên mất, bỏ mà không làm, đến nay việc phát giác ra, đều phải tội. Vua cho thự Phó vệ úy vệ Loan giá là Tôn Thất Nghị kiêm lĩnh thị vệ, thị vệ trưởng là Vũ Văn Trí, Lê Mậu Hạnh, Vũ Văn Cận đều hiệp lĩnh thị vệ. Lê Mậu Hạnh kiêm quản Ngư hộ, Vũ Văn Trí kiêm quản đội Thượng thiện, Vũ Văn Cận kiêm quản viện Thượng trà, Chưởng vệ vệ Cẩm y là Nguyễn Tiến Lâm kiêm quản thự Hòa thanh, thự Vệ úy Lê Văn Phú kiêm quản thự Thanh bình, thự Phó vệ úy Hoàng Văn Hậu kiêm quản các đội Dực võ Tài hoa, Phó vệ úy Bùi Văn Thị quyền giữ viện Thượng tứ, ty Lý thiện, thuộc quyền quản hạt của Quang lộc tự.

Chuẩn định quan Kinh, văn tự viên ngoại lang, khoa đạo, thừa chỉ, võ tự phó vệ úy trở lên, nếu ốm đau đến viện thái y cầu chữa bệnh thì phải phái thầy thuốc xem mạch, lấy thuốc kho công để chữa, mỗi năm chia ra làm 4 quý, biên vào sổ chi tiêu.

Chuẩn định phủ Nội vụ từ nay về sau có lấy đồ vật trong kho, vàng từ 1 lạng, bạc từ 10 lạng trở lên, hạn trong 3 ngày phải biên vào sổ tiêu, quá hạn 1 thứ, người chủ thủ phải phạt 40 roi, 2 thứ phải phạt 80 trượng, quá hạn 3 thứ, chiểu luật vi chế phạt 100 trượng. Giám lâm phải xử tội giảm một bậc.

Bọn Lê Bá Tú, Lâm Duy Nghĩa ở Nội các gần đây những phiếu nghĩ dâng lên, văn lý phần nhiều hàm hồ, vua thường phải xóa chữa mấy trang mấy tờ, có khi buổi chầu đến xế bóng, bèn xuống dụ khiển trách, đều phạt lương 3 tháng, không được xét công khấu trừ. Lại thông dụ cho bộ, các, từ nay phàm phụng dụ Chỉ, cần phải manh mối rõ ràng, làm phiếu nghĩ kỹ càng, nếu làm lao thảo qua loa, lời và nghĩa có chỗ không thông, để bút vua phải phê chữa cả bài hoặc quá nửa, thì phải tội.

Bắc Ninh gạo đắt, dân thiếu lương ăn. Vua sai quan tỉnh phát thóc kho giảm giá bán ra cho dân. Vua dụ rằng : "Tỉnh Bắc Ninh việc nhiều, nay lại có việc bán thóc ra, thự đốc Hoàng Văn Trạm là quan võ biền, người giúp việc chỉ có Án sát Phạm Thế Hiển, không khỏi kiệt quệ, mà một đạo Thanh Hoa, việc bắt giặc hơi

rảnh, chuẩn cho Trương Đăng Quế nếu cùng Doãn Uẩn có thể làm xong việc được, nên cho Nguyễn Đăng Giai về Bắc Ninh cung chức".

Quế tâu nói : "Bọn thổ phỉ nay tuy đã tan, nhưng chính yếu phạm như bọn Phạm Công Nho, Hà Công Kim, Phạm Thúc Liêm vẫn chưa bắt được một tên nào, sau này chưa hẳn đã vô sự, tất phải một phen đuổi bắt cho hết mầm ác, bề tôi cùng Doãn Uẩn đều là tay mới, duy Nguyễn Đăng Giai đã làm quan tỉnh ấy, địa thế chỗ hiểm, chỗ bằng, thổ tục dân tình vốn đã quen thuộc, gần đây đánh bắt đi đến đâu, liền có hiệu quả, phần nhiều là sức của Giai. Lại lũ thổ ty, thổ mục đến thú, trong đó cũng có người nhận quan chức của giặc, hết thảy giao cho mang đi theo quân là vì được chúng tin theo, giữ được không xảy ra việc không ngờ, nếu giao cho người khác cai quản thay, không khỏi sinh ra ngờ, thì việc đánh bắt chưa xong, mà mầm sợ trốn lại phát, sự thế hiện nay, không có Giai không được, xin để Giai ở lại làm việc, để nhờ tay quen, còn việc bán thóc ra ở Bắc Ninh, xin đổi phái Doãn Uẩn đủ làm nổi việc, bề tôi kính được chọn phái, ngày đêm chỉ nghĩ hết lòng làm việc, thực không dám sợ khó mà đùn đẩy, duy người làm được, tôi có chỗ không kịp, không dám tự mình dối trá".

Sớ ấy tâu vào, vua rất lấy làm phải, và khen Quế có phong độ đại thần, bèn sai Bố chính Sơn Tây là Ngụy Khắc Tuần nhân đi đến ngay Bắc Ninh làm việc, Nguyễn Đăng Giai vẫn ở lại Thanh Hoa cho được đánh giặc từ đầu đến cuối, Doãn Uẩn cũng ở lại theo Trương Đăng Quế cùng bàn làm việc, để chuyên làm việc đã giao phó cho.

Thị vệ Trương Văn Hổ tự quân thứ Ninh Bình về tâu rằng : "Quan quân vây bắt giặc ở Sơn Âm, đi đến đâu mở núi đẵn cây, thế giặc đã cùng, vẫn cố chết trốn ẩn, không chịu ra hàng. Có đứa nhân ban đêm lẻn đến chỗ quan quân đóng ném đá vào".

Vua nói rằng : "Chúng mờ tối, ngu dại như thế, rất là đáng giận, xét ra cái tội trái mệnh chỉ ở đầu sỏ là Lê Duy Hiển, chính yếu phạm là bọn Quách Tất Công, Tất Tại, Tất Tế, còn các thổ dân cũng là con đỏ của triều đình, nguyên không nỡ săn như săn chim, giẫy như giẫy cỏ, giết hết tất cả".

Vậy truyền dụ cho Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên sai những người Thổ đã ra thú, quen biết lối đi, đi vời gọi cho chúng ra thú ngay và làm nhiều bảng gỗ nói rõ : "Ngày nay đại binh họp đông như mây, sào huyệt đã phá, bị tiêu diệt, có thể đứng mà chờ, triều đình chỉ nghĩ tội tại kẻ đầu sỏ, không nỡ chém giết cả, nếu biết đem bọn thủ nghịch, chánh yếu phạm, trói giải đến trước cửa quân, hoặc chém đầu dâng

nộp, thì không những tha tội cho, lại thưởng cho rất hậu, nếu còn u mê không tỉnh ngộ, thì quan quân vây tìm ngày càng ngặt, đốt cửa núi, đốt nhà, còn chỗ nào để ẩn thân, lấy thức gì để nuôi sống, giả sử không bị quan quân bắn giết, cũng đói rét mà chết, muôn muôn phần không thể sống được. Thổ dân các ngươi, nếu có một chút trí khôn, nên sớm tìm cách cứu chết, bằng cố tình bè đảng với lũ ác, tất đến đều phải chu di, thế là các ngươi mất cả lẽ phải, tự chuốc lấy diệt vong", rồi treo bảng ấy ở rừng cho mọi người đều biết. Lại binh cơ quan yếu, tất phải để ý đề phòng, tuy thế giặc đã cùng, nhưng con ong còn có nọc, con thú đến lúc cùng cũng vẫn đánh, nữa là người ư ? Nên nghiêm sức cho quan bắt giặc ban đêm đặt nhiều đồn dò thám, và ngầm chia du binh vài mươi đạo chặn nấp khắp nơi, nếu có bọn giặc lẻn ra thì đón bắt ngay, hoặc dùng súng điểu thương bắn chết, hoặc trước sau vây bắt, thì có thể bắt được thủ nghịch, việc dùng binh cốt nhân cơ hội, đặt mưu kế, nếu trúng khớp, được tâu công ngay, há chả hơn khắp rừng tìm bắt, mất nhiều ngày giờ ư !

Quan tỉnh Gia Định dâng sớ tâu : "Đem lính coi kho ngạch cũ ở tỉnh cùng dân đinh ở trong sổ đinh mới chọn được, cộng hơn 80 người". Vua cho đặt hai đội tuần thành nhất và nhị.

Hoàng tử Miên Thủ vâng mệnh đi tế ngày giỗ ở Thái miếu. Lúc mờ sáng, xôi lợn chưa đủ, vội giục làm lễ. Vua nghe biết nói rằng : "Điển lễ nhà tôn miếu, long trọng biết nhường nào, tuy làm lễ nên ở lúc sáng sớm, nhưng lễ phẩm hoặc có chưa kịp, thì đợi một chút không hại gì, làm lễ xong, rồi đem việc hặc tâu, thì tội ai người ấy chịu, há chả phải lẽ, sao lại vội vàng như thế, ngày thường trẫm dạy bảo ở chỗ nào, lâu nay theo sư bảo học hỏi những việc gì ? Phải lột ngay áo mũ, lại phạt bổng một năm, về sau không cho phái sung đi tế. Những biền binh đệ lễ, vì ham ngủ, đến nỗi không kịp việc, bọn suất đội Lê Văn Mẫn, phải tội bất kính, xử tội thất cổ giam đợi lệnh. Biền binh phải đóng gông một tháng, lại đánh 100 hồng côn, ty viên Quang lộc tự là Tôn Thất Tuân phải cách chức, đường quan bộ Lễ cũng phải nghị phạt, bèn sai đến ngày hôm sau tế lại".

Vua dụ rằng : "Lễ giỗ, nguyên có lợn rượu, cỗ bàn, mà nay thiếu xôi lợn, cũng chưa thành lễ, lòng ta rất là sợ hãi không yên. Kinh *Lễ ký* có nói : Lễ theo lẽ phải mà làm, *Truyện* cũng có nói : Lễ thà quá về hậu, chuẩn cho bộ Lễ làm lễ phẩm tam sinh, phái hoàng tử Phú Bình công Miên An sớm hôm sau kính cẩn làm lễ (Lễ dùng lời khấn 3 tuần rượu), hầu để đền lỗi của trẫm".

Sơn man Quảng Ngãi lấn cướp đồn ở biên giới, Lãnh binh là Nguyễn Vĩnh thân đốc lính đồn để đánh chém được 4 đầu giặc, quân Man tan vỡ. Việc ấy tâu lên. Vua thưởng cho Vĩnh kỷ lục một thứ.

Đặt đồn điền tỉnh Khánh Hòa.

Trước đây quan tỉnh bọn Nguyễn Văn Điển nghĩ rằng điền thổ hạt ấy nhiều nơi bỏ hoang, xin ở hai bên đường cái quan, chọn những chỗ dễ làm thì khai khẩn trước. Đến nay tâu xin chuẩn cho. Đặt đồn điền 2 sở ở xã Bình Hòa, xã Đại An (xã Bình Hòa thuộc huyện Quảng Phúc, xã Đại An thuộc huyện Vĩnh Xương), lượng bắt những biền binh mãn hạn, cho đến đóng ở đấy để cày cấy, cấp cho canh ngưu, điền khí, thóc giống ; quan tỉnh thời thường thân đến khuyên bảo xem xét, rồi chiểu số ruộng khai khẩn, số thóc thu hoạch và cấp phát lương lính, làm danh sách tâu lên. Mỗi sở 2 suất đội, 100 biền binh, vụ cày cấy họp lại cùng làm, việc xong rút về, liệu để lại 1 suất đội, 30 biền binh dẫn nước vào ruộng, chăn nuôi trâu cày, chống giữ thú rừng. Đến lúc lúa chín, lại họp sức lại thu hoạch, việc xong lại rút về, liệu để lại 1 suất đội, 15 lính coi giữ điền khí, thóc giống và chăn nuôi trâu cày, binh đinh đều được cấp mỗi tháng 1 phương gạo, người ở lại thì xét cấp, người rút về thì thôi.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXIX*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837].

Mùa xuân, tháng 3, ngày Mậu Dần, tiết Thanh minh. Vua lễ yết lăng Thiên Thụ, làm lễ xong đi chơi suối nóng, đóng lại ở hành cung Tả Trạch (ở địa phận 2 thôn Dương Hòa thượng hạ), thưởng cho viên đốc biện cùng biền binh làm việc áo quần và tiền có thứ bậc. Sai bộ Lễ đến tế thần núi sông và thần suối nóng. Ngày Kỷ Mão, vua thân đến xem suối nóng, bảo quan hầu rằng : "Trẫm trước nghe nói : nguyên Tả Trạch có suối nóng ở đấy, ngờ là ở dưới có lưu hoàng, cho nên khí nóng bốc lên, sai khám đều nói rằng không, nay mới biết rõ tình hình, kìa như nước không đun lửa mà nóng, trời đất cấu tạo ra, cũng là một việc lạ, bèn sai quan Kinh doãn dựng bia ở xứ ấy. Ngày Canh Thìn, xe vua về cung, gió núi thổi mạnh, thuyền vua đi qua các ghềnh được ổn thỏa, thưởng cho quan quân hộ dẫn là lũ Phạm Hữu Tâm kỷ lục đều một thứ. Thuyền Thanh tước đi sau, vì gió bị lật đổ, mui thuyền bị gãy hỏng, người giữ thuyền ấy bị phạt trượng phải cách".

Vua bảo bộ Công rằng : "Trẫm nghe nói các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định cũng có suối ấm, nên hỏi kỹ để giúp việc nghiên cứu cách vật". Vậy sai các quan tỉnh, ủy người đi xem xét suối ấy vuông hay tròn, rộng hay hẹp, trong hay đục, sâu hay nông, vị nước tốt hay xấu, tính nước lành hay độc, có chữa khỏi bệnh tật gì không, cách tỉnh thành bao nhiêu dặm, đường đi khó dễ thế nào, bên cách có cây và đá nhiều hay ít, có dân cư không, đều vẽ thành đồ bản, ghi rõ múc lấy nước

suối ấy đệ lên trình vua xem. (Quảng Nam 5 sở : 1 ở thôn Phúc Nhân, huyện Vinh Hòa, 1 ở xã Ngọc Nha, huyện Hà Đông, 1 ở xã Gia Cát, 1 ở xã Bàn Thạch, 1 ở xã Phúc Bình, đều thuộc huyện Quế Sơn. Quảng Ngãi 3 sở : 1 ở trại Mỹ Thịnh, huyện Chương Nghĩa, 1 ở thôn Thạch Bích huyện Bình Sơn, 1 ở thôn Thạch Trụ, huyện Mộ Hoa. Bình Định 5 sở, đều ở ấp Hội Vân, huyện Tuy Viễn).

Giáng chức Phúc long hầu Tôn Thất Vĩnh làm Phúc long tử (cho cấp chiếu văn ấn đồng, còn ấn bạc, sách bạc cấp trước, do bộ Hình thu giữ). Vĩnh đi hộ giá, đi thuyền riêng phạm vào đường vua đi, đến lúc về, qua trước tôn lăng, người trong thuyền buông mái chèo đánh sênh, hát xướng ầm ĩ, phủ Tôn nhân cho là bất kính, chỉ tên hặc tội, giao xuống bộ Lễ bàn xin phạt trượng cách chức. Vua bảo rằng : Vĩnh không theo lễ phép, không những có tội với triều đình, lại có tội với gia tiên, lại nghĩ Phúc long công là thân huân đại thần. Vĩnh là con trưởng, nếu vì một phen có lỗi, vội cách mất tước, lòng trẫm có chỗ chưa nỡ, tạm gia ân giáng làm tước tử, chi lương chánh ngũ phẩm, lột mất mũ áo, không cho dự ban chầu mừng. Lại phái đường quan bộ Hình, chưởng vệ Cẩm y mỗi chức một viên, dẫn đến trước đền Phúc long công tuyên Chỉ thay làm dạy bảo, đánh ngay 50 roi, cho về nhà cũ.

Kinh lược sứ Thanh Hoa Trương Đăng Quế ở quân thứ Lương Chính, mật phái người cố sức làm việc là Hà Công Đức, bắt được đầu mục giặc là Ngụy trung đồn Trương Công Mật, Ngụy quản đạo Phạm Công Quán cùng bè lũ hấn 7 tên. Lại phái Quản vệ Nguyễn Lương Nhàn, Phạm Bạch Như bắt được đầu mục giặc là lũ Tả đồn Lang Văn Thái, Ngụy tham tán Tạ Văn Ninh 8 tên ở động Lương Sơn. Sau do thám được tin đầu đảng giặc là Phạm Công Nho, Hà Công Kim vẫn ngầm họp trốn tránh ở các phần rừng thượng du Tam Lô, tức thì tỉnh ủy Phó sứ Nguyễn Đăng Giai đi ngay theo bắt, rồi thân đến Ái Chử, lại qua châu Quan Hóa, qua huyện Cẩm Thủy về An Lạc đóng quân. Phó sứ đạo Nông Cống là Doãn Uẩn phái Lại mục phủ Thọ Xuân là Lê Danh Chấn cùng cách viên là Ngô Tài Đắc bắt được gián điệp của giặc là Lê Công Vụ, đầu mục giặc là Ngụy hậu đồn Lê Yên, Uẩn lại chuyển đến Lương Sơn đốc thúc bọn Nguyễn Lương Nhàn tìm bắt giặc còn sót. Trương Đăng Quế đem cả các việc tâu vào. Vua xuống dụ thưởng quân đạo Lương Sơn 100 quan tiền, quân đạo Nông Cống 200 quan tiền, Ngô Tài Đắc cho phục chức cai đội, theo quân thứ sai phái. Chuẩn cho phép tự nay về sau bắt được giặc, duy đầu sỏ là lũ Phạm Công Nho, Hà Công Kim, Phạm Bá Nho, Phạm Thúc Liêm mới phải đóng cũi đưa về Kinh, còn các thứ yếu phạm, lập tức lăng trì xử tử ở trước quân, tòng phạm chém ngang lưng, hoặc chém ngay bêu đầu, không phải giải đi giam giữ, lại nhọc sức quân. Các thẻ, lính, gấm, đoạn vóc quân thứ đem đi, không cứ tướng biền

binh dõng, ai bắt chém được đầu sỏ giặc, hoặc lập được công trạng rõ ràng, cho đem để hậu thưởng, không phải đợi tâu.

Đạo quân Quỳ Châu tỉnh Nghệ An cũng bắt được đầu mục giặc là Lê Phúc Hiển, giải về Kinh giết đi, Quản phủ Trần Văn Chiến, quyền Biện phủ vụ Hoàng Đăng Giản đều thưởng gia một cấp, binh dõng thưởng chung 100 quan tiền.

Dương phận đồn bãi Bạch Câu tỉnh Thanh Hoa có bọn giặc biển lén lút phát ra, quan tỉnh cùng viên coi giữ đồn, quan đi bắt giặc đều phải phân biệt giáng cách. Vua dụ sai phái thêm thuyền quân đi dò bắt. Đồn Tiến tỉnh Bình Thuận cũng có giặc biển trói thuyền buôn mà ăn cướp hàng hóa, Thủ ngự là Trần Quang Nghĩa đem quân và dân đuổi theo, giặc bèn chạy.

Vua nghe biết việc ấy, nói rằng : đấy tuy không bắt được giặc, nhưng cứu được thuyền buôn, cũng còn hơn để cho chúng ăn cướp no chán rồi lại chạy xa, bèn thưởng Quang Nghĩa gia một cấp, quân dân 50 quan tiền.

Vua cho Án sát Bình Định là Hà Đăng Khoa thăng thự Bố chính, thự Án sát Phú Yên là Vũ Thế Trường đổi thự Án sát Bình Định ; nguyên Bố chính Sơn Tây phải cách lưu là Đỗ Huy Cảnh, hết hạn nghỉ phép đến Kinh, lại bổ dụng làm Viên ngoại lang bộ Hình, thăng thự Án sát Phú Yên.

Mới đặt chức tri phủ 3 phủ Tòng Hóa, Thông Hóa, Phú Bình tỉnh Thái Nguyên. (Năm trước chỉ đặt tên phủ, cho viên châu huyện sở tại kiêm làm việc phủ).

Làm viện Lý thuận ở trong đại nội.

Cho viện Đô sát : từ nay phàm gặp các ngày giỗ các thánh đế, hậu, đều phải phái quan khoa đạo đến xem xét lễ nghi như lệ 5 lễ thưởng. Lại cho Khâm thiên giám tự nay về sau in sách lịch, phàm những ngày nên cấm hát xướng, yến lạc, mặc các sắc đỏ, tía, đều thêm một khuyên mực to ở trên đầu dòng, những ngày nên cấm xử việc hình, sát sinh, thêm một khuyên mực nhỏ, để tiện cho người xem, đến ngày ban lịch, tư kèm cho các địa phương biết.

Vệ úy vệ Tiền nhị dinh Vũ lâm là Phan Văn Cửu ốm yếu, nhu nhược không làm nổi việc, giáng làm hàm Phó vệ úy, lấy ấm tước Chương Nghĩa bá được chầu hầu, chuẩn cho chiểu lệ không cai quản quân, cấp cho nửa lương. Cho thự Phó vệ úy vệ Tả bảo nhị là Phan Đình Vinh đổi thự Phó vệ úy vệ Tiền nhị, nguyên Vệ úy Hậu vệ tỉnh Sơn Tây là Bùi Văn Đức đổi bổ làm Phó vệ úy Tả bảo nhị.

Cho Hữu thị lang bộ Hộ quyền biện công việc bộ Lễ là Đào Trí Phú về bộ Hộ cung chức.

Lãnh binh tỉnh An Giang là Lê Hữu Du chết, cho Vệ úy Hậu vệ vệ Long võ là Trần Bá Vinh làm Lãnh binh tỉnh An Giang, Phó vệ úy vệ Định võ là Hoàng Văn Quý làm Phó vệ úy Hậu vệ vệ Long võ.

Xây đắp thành Quảng Trị. Chuẩn cho thuê bắt binh dân 4.000 người làm việc, hậu cấp tiền gạo (binh mỗi tháng 2 quan, dân 4 quan, gạo đều 1 phương). Sai Thống chế dinh Tiền phong là Trần Văn Trí đi trông coi làm việc ấy, ty bộ Công và khoa đạo mỗi bên một người, cùng trông coi việc làm, vừa 2 tháng việc xong, từ đổng lý đến binh dân, đều cho ăn yến một thứ, xem tuồng 3 ngày. Phái ty thuộc 2 bộ Lễ, Công, cùng ty Lý thiện đến trông coi việc khoản đãi, lại thưởng kỷ lục và tiền có thứ bậc.

Bờ biển phủ Thừa Thiên yên lặng, cho rút lính tuần biển của Quản vệ Hoàng Văn Hậu, Đoàn Khác ở Kinh phái đi, đều về cả, thự Đề đốc là Nguyễn Văn Mỹ cũng cho trở về, cùng với phủ doãn, phủ thừa tìm cách tra bắt.

Giặc trốn tỉnh Cao Bằng ngụy xưng Nghĩa Thắng lữ, chánh quản lữ tên là Mai (người tổng Thông Nông huyện Thạch Lâm) tụ họp đi theo tướng giặc Tuyên Quang là Nông Văn Sĩ mưu toan quấy rối. Sĩ sai bè lũ hắn là bọn Trương Văn Quần đi xua Thổ, Nùng 2 tổng Thông Nông, Hà Quảng vài trăm người đánh phá phủ lỵ Hòa An, Tri phủ là Nguyễn Dĩnh cùng gia quyến 5 người bị giặc giết hại. Thí sai Tri sự là Nguyễn Huy Đàm đem dân phu sở tại hết sức đánh nhau với giặc bắt sống được 2 tên. Giặc lại tràn xuống 2 đồn Phù Tang, Sóc Giang, người giữ đồn là thí sai tòng cửu phẩm bá hộ Nông Thuần Trung, Bế Kim Tòng đều đem quân dân đánh giết, chém được 6 đầu, bắt sống được 3 đứa, còn đều chạy tan. Quan tỉnh lập tức phái ủy Quản cơ cơ Cao hùng là Hoàng Nghĩa Uyển đem quân đi đuổi bắt, và tư ngay cho các tỉnh bên cạnh là Tuyên Quang, Thái Nguyên theo địa giới ngăn chặn.

Việc ấy tâu lên. Vua dụ rằng : "Giặc Mai ở Cao Bằng, trước đã có Chỉ tìm bắt rất ngặt, mà không bắt được, để cho tro tàn lại cháy ; Bố, Án là Trần Huy Phác, Bùi Quốc Trinh đều giáng 2 cấp, cho một người đi ngay, thân đốc quan bắt giặc và triệu họp 3 cơ hương dõng cũ, ra sức tìm bắt. Lại phải nhiều cách chiêu dụ dân về yên nghiệp làm ăn. Và 2 tổng Thông Nông, Hà Quảng bị lũ giặc lừa dỗ đem nhau đi theo, ngu dại không gì hơn nữa, nên bảo ban bọn chúng không biết gì, triều đình chưa nỡ làm tội, đều nên cảm phát lương tâm, sau nếu lại để cho giặc lừa được, tất phải đem đổng lý chém ngay, tỏ cho mọi người biết. Bọn Nguyễn Huy Đàm, Nông Thuần Trung, Bế Kim Tòng, đều bắt chém được bọn giặc, cũng đều đáng khen, cho đều lập tức được thực thụ. Đàm lại gia hàm Kinh lịch, lĩnh Tri sự, thưởng tiền 100 quan. Trung và Tòng đều được thưởng ngân tiền Phi long hạng lớn mỗi

người 10 đồng, truy tặng Tri phủ Nguyễn Dĩnh làm Viên ngoại lang bộ Binh, hậu cấp tiền tuất 100 quan.

Thự phủ Lạng Sơn, Cao Bằng là Trần Văn Tuân tiếp được tin báo, sai ngay Phó quản cơ cơ Lạng hùng là Nguyễn Hữu Xuân đem quân đi cùng bắt giặc, lại nghĩ mình có trách nhiệm kiêm hạt, dâng sớ xin thân hành đi tùy nghi đánh giặc và vỗ yên dân. Vua y cho.

Mới đặt chức hộ vệ trưởng, trật chánh lục phẩm. Vua bảo bộ Binh rằng : Ty hộ vệ đều là người tôn thất chọn bổ vào để cầm gươm đứng hầu bên cạnh, tất phải là người mẫn cán quen biết mới xứng chức ấy, thế mà gần đây các người hộ vệ đi đứng đều là sơ sài, toàn do ngày thường không có huấn luyện, nay cho cứ theo toàn số chia làm 5 ban, mỗi ban đặt hai hộ vệ trưởng, do lũ quản suất chọn bổ, để đốc suất ban của mình, hằng ngày đương ban, hộ vệ trưởng ứng trực, đem gươm đứng hầu, còn người không đương ban thì cần phải luyện tập, phàm phép chầu hầu đi đứng, cho đến tất cả võ nghệ, cần phải am hiểu, ai không theo đúng thì phải tội.

Định lệ tâu xin khen thưởng cho nhân việc làm việc trong ngoài. Dụ rằng : chính thể lớn của Nhà nước là thưởng và phạt, thưởng đáng công, phạt đáng tội, thì người có công phấn khởi, mà người có tội biết răn chừa, việc thịnh trị của các đời Đường, Ngu, Hạ, Thương, Chu không ngoài việc ấy. Trẫm tự khi thân coi chính sự đến nay, thường ân cần về việc thưởng phạt, cốt cầm cả hai đầu, giữ theo lẽ phải, cân nhắc cho thích đáng, duy tự trước đến nay, người có lỗi phải phạt, hoặc do người cai quản xét ra, hoặc bị người ngoài hặc tâu, liền theo nhẹ nặng, phân biệt giáng phạt cho chừa, thực đã chu đáo. Còn đến việc nên thưởng, thì các quan có trách nhiệm chỉ sợ cho là cầu ơn, không chịu tâu xin giúp cho, cho nên sổ tên quan văn quan võ, người phải giáng thì nhiều mà người gia cấp kỷ thì ít, như thế lệch về một bên, chưa được rõ công bằng. Chuẩn định từ nay trở đi các nha trong ngoài làm công việc, gián hoặc có việc doanh tạo, tu bổ khơi đắp, hộ giải cùng đi tra khám, kiểm soạn, biên chép, nghĩ bàn, việc gì khó khăn phiền trọng, mà làm được thanh thỏa và bắt giặc, phát việc gian, yên dân, cấm thuộc lại, cho đến tất cả sự kiện nên khen thưởng, thì do thượng ty đều cứ thực trạng, cùng nhân viên chuyên làm việc, khai ra tâu lên, và nói rõ các chữ "có nên khen thưởng hay không do tự ơn vua, chờ trẫm lượng ban ân cho, để cho người biết khuyến khích, mà phép thưởng phạt của Nhà nước đều được công bằng, chính thể được rõ ràng.

Kinh lược phó sứ Thanh Hoa là Nguyễn Đăng Giai, thự Đề đốc Tôn Thất Bật, đóng quân ở Ái Chử, bắt được đầu sỏ giặc là Phạm Công Nho, đóng cũi giải về Kinh giết đi. Giai trước mang theo gia quyến người phạm tội bị giam là

Nguyễn Văn Thắng (Tham hiệp Thanh Hoa trước) cố sức chuộc tội là Lê Phúc An (Bố chính Thanh Hoa trước) đi theo quân thứ, sai cùng thám tử Vi Văn Ái dò bắt giặc trốn, hỏi biết Phạm Công Nho ẩn nấp ở núi sách Bất Căng, sấn đến ập bắt, Nho vừa chống cự vừa chạy, chém trúng vài nhát, mới bắt được. Trương Đăng Quế được tin báo, đem việc ấy tâu lên. Và nói : Nay giặc trốn còn nhiều, nêu nghiêm đốc biền binh đi tìm bắt, cũng khó một mẻ lưới vét hết được, mà trời nóng, lam chướng, không tiện ở lâu. Các người theo giặc, có danh mục, nay biết ra thú, xin tha tội cho chúng, bắt phải cùng nhau dẫn đi bắt, ngõ hầu dễ được việc, và kẻ phạm phải giam là Nguyễn Văn Thắng cùng người nguyên can án ấy là lũ Nguyễn Huy Chiểu (Án sát Thanh Hoa trước) nếu được tha tội, sai đem gia nhân thủ hạ đi bắt giặc để chuộc tội, tưởng cũng giúp được một việc.

Vua dụ rằng : "Phạm Công Nho là đầu sỏ giặc, tất phải bắt sống giải đến dưới cửa khuyết, hết phép trừng trị, cho thỏa lòng người. Vậy phái 1 quản vệ, 60 biền binh, đi trước đến địa đầu Quảng Bình đón đến tiếp giải. Lại truyền dụ từ Thanh Hoa đến Quảng Trị đều thêm quân lính, chiểu địa hạt luân lưu giải đi. Bố, án hoặc lãnh binh sở tại thân đi xem xét, chớ để sơ hở, cho chúng hoặc được chết ngon lành. Thám tử Vi Văn Ái cùng thân thuộc các phạm viên, thưởng cho 300 quan tiền. Lại trước đã giáng sai yết thị, tuy trót đi theo giặc, nếu biết hối tội, thực lòng theo hàng đều cho tha tội, nay lại dụ rõ : nếu tòng phạm ra thú, bắt được chánh thứ yếu phạm giải lên, tức thì cho tha tội, yếu phạm bắt được chánh thứ yếu phạm giải đến quan, cũng tha cho tội chết, để chúng đều mong bắt giặc chuộc tội, không mang lòng ngờ vực nữa, còn giải thưởng bắt được, không cứ quan, quân, dân chúng, phàm bắt được : Ngụy thượng thư Đinh Kim Bảng, thưởng 500 quan tiền và cho chức hàm thiên hộ, chánh yếu phạm là Hà Công Kim, Phạm Thúc Liêm, đều thưởng 400 quan tiền và trao cho chức hàm bá hộ, yếu phạm là Lê Phi Thái (người động Khương Chính, ngụy xưng Chánh tổng quản), Phạm Thúc Hiển (người động Lô Thượng, ngụy xưng Hổ dực tiền đồn chánh thống lĩnh), Lê Phi Ất, đều thưởng 300 quan tiền, thứ yếu phạm đều 200 quan tiền. Người phạm tội phải giam là lũ Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Huy Chiểu cho đều tha ra phát đi quân thứ. Vả lại trước sau bắt được quân giặc, chẳng qua 5, 7 đứa thú đinh dò được đích xác, sấn vào vây bắt, là bắt được ngay, xem tình hình ấy, chắc cũng chẳng phiền đến sức quân. Nay tính đốt ngón tay, đã gần đến tiết Lập hạ, nên liệu để biền binh, chia phái đi ngăn chặn, còn thì phải rút về trước, khỏi phải nóng nực lam chướng lâu ngày".

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên đạo quân Ninh Bình đóng quân thứ ở Sơn Âm đốc binh dõng các đạo chia nhau đi vây bắt, chém được 17 đầu

giặc, bắt sống được trai gái già trẻ hơn 270 người, thu được súng ống binh khí rất nhiều, duy đầu sỏ giặc là Lê Duy Hiển, chánh yếu phạm là lũ Quách Tất Công, Tất Tại chưa bắt được tên nào, dâng sớ nhận tội chậm trễ. Và nói : Các thổ ty theo quân đi chặn bắt giặc có Quách Tự Pháo bị giặc bắn chết, Cao Viết Xâm bị giặc bắn bị thương, xin lượng cấp cho tiền để phân biệt với biền binh, và nay hạn gấp rút đã hết, xin tạm lưu bọn chúng lệ thuộc theo đi bắt giặc.

Vua dụ rằng : "Lũ ngươi tự mùa đông năm ngoái vâng mệnh đi bắt giặc, rất lâu chưa thấy thành công, thực là có tội, nhưng nghĩ sào huyện giặc đã phá, giặc ấy tất sẽ phải chết, tạm truyền Chỉ quở trách, phải trong tháng 3 này bắt được đầu sỏ giặc để cho xong việc, phạm nhân bắt được, trong ấy có Quách Tất Cần (ngụy xưng Đốc chiến) là cháu Quách Tất Công, cùng em gái và vợ lẽ Quách Tất Tế, cho đều đem chém, còn trai gái hơn 270 người tống về Ninh Bình, rồi phái Đại lý Tự khanh là Nguyễn Văn đi ngựa trạm đến hội đồng với Án sát Bùi Mậu Tiên tra xét, phàm vợ con thân thuộc của giặc thì giam cấm, người ở Sơn Âm thì phân phát cho xã dân các tỉnh gần quản thúc, các đàn bà, con gái đều tha cả. Còn như bọn thổ ty lại thêm cho một hạn, nếu vẫn không được công trạng gì, lập tức áp giải trị tội nặng cũng chưa muộn. Quách Tự Pháo cho thưởng 10 lạng bạc, Cao Viết Xâm 5 lạng. Lại truyền Chỉ tuyên bảo cho các thổ ty biết là triều đình thương dân như một, bọn chúng nay là bề tôi ở nơi biên giới xa, có biết vì nước hết sức khó nhọc, thì đãi ngộ cũng như quan trong triều, nên cố gắng cảm khích để mưu lập công, không những chuộc tội mà thôi. Từ nay về sau, trong quân không cứ có việc gì hay không, cứ 5 ngày một lần tâu, không được để chậm đến việc quân báo như trước, nếu bắt chém đầu được sỏ giặc Lê Duy Hiển, Quách Tất Công, cho cưỡi ngựa mang ngay cờ đỏ báo tin thắng trận, cho lòng trẫm được yên rồi sau lại đệ tập vàng trong giấy đỏ".

Tập sớ thỉnh an của Án sát sứ Nam Định là Vũ Đĩnh nói : Việc tuyển bổ quan văn quan võ, sai phái biền binh cùng phòng chế, điều tễ trong tỉnh hạt, bố, án, lãnh binh có được hội bàn với đốc phủ không ? Cùng các tiết yết kiến nhau, cùng vái chào, tra trong điển lệ, chưa có nói rõ, xin sắc xuống nghị định, cho được thống nhất.

Vua dụ rằng : "Triều đình chia hạt đặt quan, đốc, phủ để tóm đại cương, bố, án, lãnh binh đều giữ một việc, chức chế đều đã rõ ràng, nhưng chia đặt lần đầu, tiết mục chưa được đầy đủ, trong đó việc của tỉnh gián hoặc có sự thể quan trọng, tất phải góp ý kiến cùng bàn, mà phép yết kiến nhau cũng nên có lễ văn cùng giao thiệp, vậy sai 6 bộ hội đồng chước nghị, đến lúc tâu lên, vua chuẩn cho sao lục phát giao các địa phương nhất luật thi hành. Đốc phủ tuyển bổ quan văn quan võ : văn từ

huyện thừa trở lên, bố, án được dự bàn ; võ từ đội trưởng, suất đội trở lên, đề đốc, chánh phó lãnh binh được dự bàn, nhưng do đốc phủ làm tờ tâu, trong tờ tâu nói hội đồng với viên nào mà thôi, không được ký tên vào tờ tâu. Thông phán, kinh lịch, bát cửu phẩm thư lại, hai ty Phiên, Niết và tri bạ, thư lại các vệ cơ, do các nha lựa chọn, bẩm trình đốc phủ đề bổ. Còn việc thuộc việc quân, như giặc cướp lén lút phát ra, hoặc hạt bên cạnh tư về việc bắt giặc, cùng việc sang hộ đê, đại hạn, nước lụt, nhân dân điêu háo, cần phải ngăn ngừa cứu chữa, thì đề đốc, bố, án đều được dự bàn, cũng do đốc phủ chuyên làm tập tâu, gián hoặc có ý kiến khác nhau, cũng nói rõ ở trong tập tâu đợi Chỉ. Nếu thượng ty ức chế thì được làm tờ phong kín đệ thẳng. Còn việc chỉ tầm thường, sai phái biền binh, đều do đốc phủ hội đồng với đề đốc, lãnh binh phân phái, bố, án không phải dự bàn. Nếu bố, án làm việc quan phải phái biền binh, chỉ bẩm đốc phủ chiểu theo làm việc. Hội nghị ở công đường, chính giữa đặt chiếu đốc phủ, tổng đốc ngồi mé trên bên tả, tuần phủ ngồi mé dưới bên hữu, nếu chỉ có một viên thì ngồi giữa chiếu, gian bên tả đặt chiếu bố, án, gian bên hữu đặt chiếu đề đốc, chánh phó lãnh binh, tỉnh nào chỉ có bố, án, lãnh binh, không có đốc phủ, thì đều đặt chiếu ở gian giữa, theo thứ tự mà ngồi. Đề đốc, bố, án mới đến yết kiến đốc phủ, dùng áo thường, đến sân dinh chào đốc phủ, đề đốc, bố, án vái 3 vái, đốc phủ đáp lại một vái, đến lúc từ biệt ra về, vái một vái, đốc phủ vái đáp lại. Lúc hội nghị gặp thường, đều một vái, đáp lại một vái. Lãnh binh mới đến yết kiến đốc phủ, vái 3 vái, lúc hội nghị gặp thường, vái một vái, đốc phủ chỉ ở chỗ ngồi chắp tay vái mà thôi. Bố chính cùng với đề đốc, án sát cùng với lãnh binh yết kiến nhau, đều lấy ngang hàng tiếp nhau, vái một vái, đáp lại một vái. Lãnh binh yết kiến đề đốc, bố chính, đều vái 3 vái, đề đốc đáp lại một vái, bố chính đáp lại 2 vái. Án sát yết kiến đề đốc, vái 2 vái, đề đốc đáp lại 1 vái. Bố, án yết kiến nhau, vái một vái, đáp lại một vái. Phàm viên nào lấy bản chức là thự lý, hộ lý đều chiểu theo hàm cũ".

Tập thỉnh an của Án sát Nghệ An là Trần Ngọc Dao nói : "Hạt tỉnh ấy, năm nay được mùa, trộm cắp dẹp hết, ngoài đồng trong làng đều yên, ở nha không có án, việc hình chỉ để không".

Vua nói rằng : "Nghệ An nguyên là tỉnh to, tuy phong tục, dân không đến điêu bạc, nhưng người nhiều đất rộng, từ trước đến nay việc kiện tụng cũng nhiều, việc hình ngục xong xuôi, giảm ít, rất không phải là dễ, từ khi bổ dụng Trần Ngọc Dao làm Án sát, chưa qua vài năm, đâu được nhà ngục bỏ không đến thế, như lời nói ấy, không những mừng cho ngươi, cũng rất mừng cho dân một phương ấy, nhưng chưa biết có quả thực không, vậy sai quyền lĩnh Tổng đốc Phạm Văn Điển, Bố chính

Nguyễn Đình Tân xét rõ tâu lên". Lũ Điển tâu nói : "Hiện nay người phạm tội phải giam không có mấy, án cũ đã xong cả, so với năm trước thực là giảm ít, cũng nhờ dân thuần tục tốt, cho nên việc kiện cáo không nhiều, chưa chắc toàn là công của Trần Ngọc Dao".

Vua nói rằng : "Trần Ngọc Dao có chức trách xét hỏi việc hình, biết khiến cho nhà giam không ứ đọng, án không chồng chất, chả phải công là gì, bèn giáng dụ khen ngợi, thưởng cho Dao gia 2 cấp, 3 tấm sa, kim tiền Phi long hạng lớn 1 đồng, để khuyến khích người làm việc xứng chức. Sai bộ Lại sao lục dụ ấy phát đi các tỉnh, cho biết cố gắng".

Tập thỉnh an của Bố chính Gia Định là Hoàng Quýnh nói : "Xét thấy sổ duyệt tuyển năm ngoái của hạt tỉnh ấy, người 60, 70 tuổi trở lên còn để vào hạng tráng, cộng hơn 420 người, hỏi đến quan tỉnh trước đã làm việc ở tuyển trường nói rằng : dân hạt ấy tự lúc gặp biến loạn đến nay, có người bỏ sản nghiệp lưu tán đi nơi khác, có người già ốm mà chết, cũng có người theo giặc mà chết ở trong thành, hoặc bị quan quân giết chết, xã thôn sở tại hoặc có bẩm tỉnh, quan trước nhất khái cho là không có người điền vào, không có rút đi, đến kỳ duyệt tuyển, tuy có đến kêu, tuyển quan cũng chiểu lệ lấy vắng mặt biên vào hạng tráng, các người trốn hết đã không trừ, lại bắt phải tăng tục đến hơn 2.000 người, thành ra con số ở trong sổ tăng hão, mà dân sau khi chiến tranh càng khổ. Lại gần đây việc tra bắt kẻ theo giặc về hạt ấy đến hơn 1.360 tên, trong đó có người bị giặc bắt hiếp đi theo, hoặc có người cùng tên cùng quê quán, chưa thể một lúc xét rõ ràng được, phải theo giấy tờ bắt cả, cho nên một người bị bắt, không những cả thân thuộc phải liên can, chạy tan như chim cá, những người họ xa sợ hoặc vạ lây, cũng không khỏi nghi ngờ cái gì cũng sợ, cho nên dân bỏ làng càng nhiều, mà lính bắt điền vào càng khó. Lại nghe gần đây kẻ phạm tội không đến xử tử, phần nhiều đổi phát đi Trấn Tây, cho đủ người ở biên giới, những lũ ấy đều là người ác, mất hết lương tâm, quân lính làm phản ở Trấn Ninh, bọn giặc ở Phiên An đều là lũ ấy gây nên họa loạn. Nay thành Trấn Tây, ngoài có nước Xiêm dòm chỗ hở mà quấy rối, trong có Lạp man chưa hẳn cam lòng thần phục, mà rất nhiều bọn ấy ở lẫn dưới cạnh nách tướng quân, tham tán, các nơi bờ cõi tiếp giáp để làm thanh ứng, lại là dân binh 6 tỉnh Nam Kỳ, ngày thường phần nhiều ngờ vực, lúc hoãn cấp không đủ cậy, bề tôi ngu tối rất lấy làm lo. Có người nói rằng 6 tỉnh đã an cư lạc nghiệp, dân đều thích việc nghĩa biết lẽ phải, đáng cho gần người trên, thần dân cũ của Chân Lạp, đều đã quên vua cũ mà thờ vua ta rồi, nước Xiêm sợ thế mạnh của ta, trăm đời không dám nhòm ngó bờ cõi của ta, làm ra lời nói ấy đều là người không biết sự thế, không biết lo xa trông trở lại, xin nhà vua lưu tâm".

Vua dụ rằng : "Việc mà ngươi nói, phần nhiều chỉ biết một mặt, nhưng trong đó có điều nên nghe, nói về sổ duyệt tuyển còn có người tuổi già để vào hạng tráng, đã sắc cho bộ Hộ xét sổ cho miễn trừ. Việc án giặc tra bắt, cũng giao nộp cho 6 bộ hội đồng với viện Đô sát, Đại lý tự xét lại tâu lên, còn như tù phạm phát đi Trấn Tây, cho làm việc đáng lo, thế thì chỉ biết một bề, chưa biết được hai bề, kìa như tội tù can án, tội phạm nguyên chưa đến xử tử, chính nên đem ra các biên giới xa để chống ma quỷ, nếu không an trí ở nơi biên viễn, thì sẽ để vào chỗ nào ? Trước đây việc phát ra ở Phiên An, nếu không phải Nguyễn Văn Quế hèn kém, Bạch Xuân Nguyên tham tàn, thì một vài đứa tội tù, đâu được gây nên việc lớn, việc gì phải quá đề phòng lỗi trước, mà đưa ra ý kiến câu chấp như người sợ canh nóng mà thổi cả dưa ư ? Vả lại lo xa nghĩ lại, theo lẽ cố nhiên phải thế, nhưng cũng nên hết sức ở việc nên làm, nếu chỉ lo riêng tính quá, đi, rút lại cũng không ích gì. Kìa như Nam Kỳ đều là con đỏ của ta, thì nên nghĩ cách khuyên bảo, khiến cho chúng giàu mà biết lễ phép mới phải, sao lại đổ cho là không đủ trông cậy ? Chân Lạp là tôi tớ của ta, thì nên nghĩ để vỗ yên dân, khiến cho chúng sợ uy mà nhớ đến đức mới phải, sao lại đổ cho là không đủ tin ? Việc biên phòng của ta có cái thế không thể xâm phạm được, thì dù có giặc mạnh cũng không có chỗ hở đáng dòm, huống chi nước Xiêm là giặc hung ác mà thôi, còn mạnh hay yếu há thèm tính đâu ? Tóm lại, đặt ra lời nói, không khỏi quá khích, nhưng không hại gì, chọn điều nên lấy thì lấy, về văn tự, trẫm cũng không khắt khe khiển trách, và cả tờ tâu, hình như về việc nước mưu tính mà xét đến ý nói, cũng chỉ lấy phận sự bắt giải làm lo, cho nên kể hết tình hình điêu tệ ở Nam Kỳ, dự làm địa vị của mình mà thôi. Ngươi là người trẫm đặc cách chọn bổ, thân nhận trách nhiệm chăn nuôi dân, nên vỗ nuôi có phương pháp, mong cho việc lớn binh dân, ngày thêm chỉnh đốn, không được lấy dân ốm đã lâu để vin cớ.

Rồi cho 6 tỉnh Nam Kỳ đem sổ tuyển năm Minh Mệnh thứ 16, so với khóa trước, phàm người 60, 70 tuổi trở lên còn ở ngạch tráng thì cho theo thực đem vào hạng miễn trừ binh dao thuế thân, đều làm danh sách, do bộ tâu lên, để làm văn kiện lưu chiểu. Trong sổ giặc hơn 4.050 tên cho các quan địa phương chỉ cứ đích thân chánh thứ yếu phạm, đại đầu mục mà tra bắt. Còn thân thuộc chúng, cùng đầu mục, binh đinh nhỏ mọn và những đứa không biết tên và quê quán, đều tha không bắt.

Chuẩn định từ nay phàm ngày 5 lễ hưởng ở các miếu và ngày giỗ các thánh đế hậu, bày đặt đồ thờ thì đường quan bộ Lễ, văn tế nghi tiết thì quản quan Thái thường tự, lễ phẩm xôi, lợn thì quản quan Quang lộc tự dự trước thân đến coi xét. Đường quan bộ Lễ, quản quan Thái thường tự phải kính chờ làm lễ. Số người làm lễ

không đủ, mới phái đến lang trung, viên ngoại. Các lễ tiết Chính đán, Đoan dương, sóc, vọng đều do lang trung, viên ngoại ở bộ tự xem xét làm việc. Lại sắc tự nay về sau, khi vua có đi chơi, gặp ngày giỗ ở các miếu, cấm mặc sắc đỏ sắc tía, thì tàn lọng đi tùy giá, không đặt nữa, quân Cẩm y, Hộ vệ đi hộ giá, cũng không được mặc sắc đỏ.

Định lại lệ ban lương lại dịch các địa phương.

(Lệ trước vị nhập lưu thư lại thuộc ty các hạt, đều cứ thực ngạch chia làm 3 ban, người ban ứng trực thì mỗi người lương tháng tiền 1 quan, gạo 1 phương, đến nay đổi định lại 2 ty tả thừa hữu thừa ở Thừa Thiên và lại dịch 2 ty bố án ở các hạt tỉnh lớn như Quảng Nam, Bình Định, Gia Định, Vĩnh Long, Nghệ An, Thanh Hoa, Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương, Sơn Tây ; tỉnh vừa như Quảng Ngãi, Bình Thuận, Biên Hòa, Định Tường, An Giang, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Lạng Sơn đều chia làm 2 ban, người ban ứng trực, thì mỗi tháng cấp tiền 1 quan, gạo 1 phương ; tỉnh nhỏ như Phú Yên, Khánh Hòa, Hà Tiên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Quảng Yên, Cao Bằng cũng chia làm 2 ban, người ban ứng trực thì mỗi tháng cấp tiền 5 tiền, gạo 1 phương, duy ty An Biên thành Trấn Tây 20 người, ở Kinh trích bổ đi, vẫn y như cũ, thường xuyên mỗi tháng cấp tiền 1 quan, gạo 1 phương).

Vua cho Lang trung biện lý bộ Hình là Phan Bá Đạt làm Thái thường Tự khanh, biện lý công việc bộ Lễ ; Biện lý bộ Lễ là Phan Thanh Giản kiêm quản ấn triện Quang lộc tự.

Vua đến chỗ thợ làm điện Phụng Tiên, thấy nền móng cột rường tề chỉnh, thưởng cho người giám tu đến các thợ 1.000 quan tiền.

Ngày Canh Dần, vua rước Từ giá đi chơi núi Thúy Hoa đóng ở hành cung, thưởng cho quan quân làm việc cấp kỷ và tiền.

Ngày Nhâm Thìn, sai quan đến tế thần 2 núi Thúy Hoa, Linh Thái.

Vua rước Từ giá đến thăm chùa Thánh Duyên, thưởng cho biền binh chuyên xây chùa tháp 400 quan tiền. Vua dụ rằng : "Núi này là danh nham phúc địa, xưa đức Hoàng tổ Hiếu Minh hoàng đế ta đã dựng chùa ở đấy, để lưu truyền danh thắng. Trước đây gặp phải binh hỏa, bỗng đến điêu tàn, năm vừa qua trẫm nhân lúc rỗi đi tuần, chỉ nghĩ làm tốt đẹp thêm, làm tòa chùa lớn, sắc tường trang nghiêm, nay được Hoàng thái hậu thân đến dâng hương, thánh từ vui vẻ, trẫm kính dâng từ chỉ, thưởng cho chùa ấy 1.000 quan tiền, còn núi Linh Thái tuy chưa đến nơi, nhưng tháp cổ Chiêm Thành, từng đã sửa lại, cũng thưởng 300 quan tiền, đều giao

cho Kinh doãn phụng giữ để cung đèn hương hằng năm. Lại tha hai phần năm thuế thân năm nay cho 4 xã thôn (Hà Trung, Đông An, Vinh Hòa, Miêu Nha) ở gần núi Thúy Hoa (đầu xuân đã tha 5 thành)". Ngày Giáp Ngọ, vua về cung.

Vua nghe nói chùa Phúc Hải xã Hải Châu, chính thuộc tỉnh Quảng Nam, có bia đá khắc huy hiệu Hiến tông Hiếu Minh hoàng đế, quanh năm thờ cúng, vua cho là khinh thường, sai quan tỉnh đến chùa làm lễ cáo, cho thợ đục bỏ chữ, đem đá bia ấy chôn chỗ đất sạch sau chùa.

Cấp kiếm ấn ngà cho 2 đạo Lương trừ, Binh bị thành Trấn Tây, mỗi đạo 1 cái.

Vua sai mật dụ Tướng quân, Tham tán là bọn Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương rằng : "Thành Trấn Tây là nơi trọng yếu ở biên cương, trẫm thương dân như một, muốn khiến dân Phiên sớm nhiễm phong tục người Kinh, đều thấm nhuần đức hóa nhà vua, lũ ngươi mình đảm đương gánh nặng, từ trước đến nay tuyên dương đức ý, người Phiên đã vui theo giáo hóa chưa ? Tình trạng thế nào ? Xét xem súc man các phủ, đã nên đổi đặt danh hiệu xã thôn ? Cùng các sự việc, việc gì đổi định mà lòng dân phiên đều thỏa thuận, nên cứ thực tâu lên, việc nào còn quen tục cũ chưa tiện đổi ngay, không hại gì tạm để theo cũ, nên làm thế nào yên ủi dạy dỗ, khiến cho chúng chịu ảnh hưởng ngày càng cảm hóa mà không tự biết, mới là cách tốt dùng thói Kinh biến hóa thói man rợ, nên khéo xét mà làm.

Miễn sai dịch cho từ đội nhất đến đội ngũ vệ vệ Hổ uy tiền. Biền binh các đội ấy, ông cha hắn là người Thanh Hoa, Nghệ An, lúc mở nước, theo hầu bên ngựa, dự có khó nhọc một chút, đều ở vào lệ được toàn trừ, chỗ ấy là đất công, lại không có ruộng lương, năm ngoái lại tuyển Kinh binh, đem dồn bổ cả, vua nghĩ đến mà thương, chuẩn cho từ nay phàm gặp việc công, không có Chỉ vua không được sai phái một loạt như các vệ Cấm binh.

Định rõ lệ thuế thuyền buôn Nam Kỳ đi buôn ở thành Trấn Tây, Gia Long năm đầu định lệ thuyền buôn đi buôn ở Nam Vang chia làm 3 hạng, theo hạng đánh thuế (hạng nhất mỗi thứ tiền thuế 210 quan, hạng nhì 140 quan, hạng ba 70 quan), không lấy thước tấc bề ngang lòng thuyền làm chuẩn, người buôn dùng tre kết bè bên thuyền chở hàng, không có hạn lượng. Đến nay bộ Hộ bàn xin sai quan sở tại khám đo thước tấc bề ngang lòng thuyền trong hạt, làm thành danh sách, nộp tại sở Tào chính, định lại thuế thuyền (hạng nhất mỗi thứ tiền thuế 200 quan, hạng nhì 150 quan, hạng ba 100 quan).

Lại nói : Từ trước đến nay, thuyền buôn đều do quan sở tại thu thuế, nay thành Trấn Tây biền binh đóng nhiều, nên dùng muối và tiền gạo cho ngoài biên đầy đủ.

Xin phàm thuyền các tỉnh đến buôn bán ở Trấn Tây, thuyền ấy là hạng nào, cùng số muối gạo chở trong thuyền, quan địa phương phê giấy nói rõ, khi đến thành xét thực, đánh thuế một phần mười hàng hóa, theo giá khấu trừ tiền thuế (gạo 1 phương giá 1 quan tiền, muối 1 phương giá 3 quan tiền), nếu còn thiếu thì chiểu thu bằng tiền cho đủ ngạch, còn thừa thì mua hết cả mà trả tiền theo giá. Còn như thuyền của thành hạt đi buôn ở 6 tỉnh, thì cũng chiểu theo lệ này thu tiền thuế.

Vua theo lời bàn ấy, lại chuẩn định những thuyền nguyên đi buôn ở 6 tỉnh (thân thuyền ngắn kém không sâu rộng như thuyền đi buôn Trấn Tây), nếu có đem hàng đến buôn bán ở Trấn Tây thì đánh thuế thêm (bề ngang lòng thuyền 6 thước trở lên, mỗi thứ tiền thuế quan 5 quan, 5 thước trở lên thì 3 quan, đều thu gấp đôi, 4 thước 8, 9 tấc trở xuống, tiền thuế 1 quan 5 tiền, thì thu gấp rưỡi). Thuyền phủ Ba Xuyên chở tạp hóa đi buôn ở Trấn Tây thì đánh thuế theo như lệ (thuyền bè ngang lòng thuyền 7 thước trở lên tiền thuế 7 quan, 6 thước trở lên tiền thuế 6 quan, 5 thước trở lên tiền thuế 5 quan), nếu chở muối, gạo, theo lệ trước mà thi hành.

Làm đồn Thu Bồn tỉnh Quảng Nam, nguyên Thu Bồn là nơi sản xuất quế, khách buôn nhiều người tập họp, buôn bán với người Man, bọn ác man gián hoặc lẻn xuống quấy rối. Vua chuẩn cho quan tỉnh tìm chỗ làm 1 đồn nhỏ ở đồn nguyên ấy, phái 1 suất đội, 30 biền binh thuộc tỉnh đến đóng giữ.

Sơn man tỉnh Quảng Ngãi lại họp bọn hơn 1.000 người, thẳng đến các đồn, quan quân đuổi đánh, người Man bị súng bắn chết và bị thương nhiều, cũng dắt nhau chạy tan, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên.

Vua dụ rằng : Giống Man lạo hoảng hốt bất thường, triều đình đã gia ân khoản đãi, cho được buôn bán, thế mà vô cớ gây ra việc, mưu đồ xâm lược, vả lại quân của nhà vua, đối với di địch, chúng đến thì ngăn chặn, chúng đi thì không đuổi, nên nghiêm sức cho quan quân bắt giặc, đi dò xét xa để rình, nếu chúng lại đến thì đón chặn trước, đánh cho một trận rất dữ, khiến cho chúng sợ oai mãi, mới không dám làm lo ở biên thùy. Kể thì đánh giặc tất phải chém đầu bắt sống, mới là việc thực, nếu chỉ đối trận bắn ra, tuy giết chết được, nhưng chúng vẫn còn mang vết thương mà trốn, vác thây nhau mà chạy, thì cũng vẫn là suông không thể cầu thưởng được. Bọn sơn man kia chỉ có tên nỏ, so với súng điểu thương máy đá, đâu có thể địch được mảy may, nên sức cho quân ở ngoài biên, tập quen cách mở đóng bắn súng điểu thương, đến khi ra trận tất giết được nhiều giặc.

Tỉnh Bắc Ninh bắt được nhiều giặc trốn là Ngô Văn Cải (ngụy xưng Thống lĩnh 2 đạo tây bắc) đem giết đi. Vua thưởng cho người bắt được giặc 300 quan tiền.

Phủ Thừa Thiên phái biền binh thuộc phủ đi dò xem thượng đạo, qua đường núi Tam Kỳ, thẳng đến các man Lao Tào, so với năm trước, đi xa hơn 4 ngày đường, để đem đồ bản dâng lên. Vua khen tốt, suất đội cùng binh đinh đi chuyến ấy, đều thưởng cho áo quần và tiền.

Quan quân đạo Ninh Bình bắt được chánh yếu phạm của giặc là Quách Tất Tại, đóng cũi giải về Kinh đem giết đi. Khi trước Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên nghe biết Tất Tại ẩn núp ở sơn phận xã Thượng Lũng đất Thung Thăng (tiếp giáp Sơn Âm) bàn với Hộ phủ Trần Văn Trung, chia phái quân chặn phục, thuộc hạ của Trung là lính vệ Hải Dương Nguyễn Văn Lưu, Ngô Văn Hoàng vào trước, được Quản vệ là Nguyễn Túc, Suất đội Đặng Văn Chỉ, cùng đến bắt giải đưa về quân thứ, quân các đạo đi khắp núi tìm bắt, lần lượt chém được 7 đầu giặc, bắt sống được đàn ông đàn bà hơn 100 người. Bọn Cự đem việc ấy tâu lên.

Vua ra dụ cho Nguyễn Văn Lưu, Ngô Văn Hoàng đều bạt bổ làm Đội trưởng, thưởng cho 500 quan tiền ; Nguyễn Túc gia quân công 1 cấp ; Đặng Văn Chỉ kỷ lục quân công 2 thứ ; Trần Văn Trung trước cách lưu, đổi làm giáng 4 cấp lưu ; Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên đều gia 1 cấp. Lũ đàn ông, đàn bà bắt được giao cả cho tỉnh Ninh Bình tra xét.

Vua lại dụ rằng : Quách Tất Tại tuy là đầu sỏ giặc, nhưng từ trước đến nay không thấy chúng xuất đầu, kháng cự quan quân, lại không bằng Quách Tất Công là tối yếu phạm trong bọn giặc, kinh lược, tham tán cần không nên lấy cớ cho là đã bắt được Quách Tất Tại là xong việc. Nên thượng khẩn tìm cách bắt chém đầu sỏ giặc là Lê Duy Hiển, tối yếu phạm là Quách Tất Công, cùng Quách Tất Tế, Đinh Thế Đội, mới có thể gọi là thành công. Còn như người Thổ một dải Sơn Âm, cam tâm theo giặc, tuy thế lực đã cùng, vẫn còn bắn súng chống quan quân, đã bị bắt được, cũng không chịu chỉ thực chỗ kẻ thủ nghịch ẩn trốn, độc ác, ngu tối, thực là đáng ghét, nên truyền Chỉ cho Nguyễn Văn, Bùi Mậu Tiên xét những phạm nhân trước sau giải đến tra xét, nếu xét ra những đứa tội tình xem ra nặng, cho đem chém ngay, còn người Sơn Âm cùng các xã : Trương Môn, Hưng Thi, Bình Hiểm gần đây đều xích khóa giam lại, chớ vội chia đưa bảo quản.

Thự đốc Thanh Hoa là Hoàng Văn Ẩn ốm lâu chưa khỏi, vua cho giải chức ở ngoài điều trị. Cho Bố chính Nguyễn Nhược Sơn, Án sát Nguyễn Quốc Hoan hội đồng quyền giữ ấn quan phòng Tổng đốc.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Khoa Minh giải chức Cơ mật viện đại thần, chuyên làm việc bộ. Khoa Minh trước theo xe vua đi

chơi núi Thúy Hoa. Vua ngoảnh lại hỏi, thường không thấy mặt, hỏi ra thì đã về trước rồi. Vua bảo các quan đi theo hầu rằng : "Nguyễn Khoa Minh làm quan đến nhất phẩm, lại sung Cơ mật viện đại thần, chức vụ quan yếu biết là nhường nào, duy có việc coi làm lầu kết hoa, rạp kết hoa, nhưng ngày khánh tiết còn xa, đâu đến cần kíp không đợi được, nếu có việc cần, sao không đem việc ấy tâu lên, mà lại tự tiện trở về ?". Bèn giao cho bộ Lại bàn, Minh phải giáng 2 cấp. Lại nghĩ bộ Hộ nhiều việc, thế khó trông coi cả việc viên, bèn cho miễn chức viện Cơ mật. Cho thự Hữu tham tri bộ Lễ là Đoàn Khiêm Quang sung Cơ mật viện đại thần. Nguyễn Khoa Minh, Đoàn Khiêm Quang đều cho được miễn cả việc trông coi lầu rạp kết hoa, về bộ viện cung chức. Còn xưởng thợ làm lầu rạp kết hoa, chuyển ủy cho đường quan bộ Công cắt lượt nhau đi xem xét.

Vua cho Thị độc học sĩ viện Hàn lâm là Lâm Duy Nghĩa thăng thự Thông chính Phó sứ, vẫn sung làm việc Nội các.

Trả lại chức hàm cho Nguyễn Trọng Tính, Vũ Huy Dụng. Bọn Tính trước có lỗi, bị giáng bổ Ngũ đẳng thị vệ, cho lũ Tôn Thất Nghị thay vào. Đến nay vua bảo Nội các rằng : "Bọn mới được kiêm Lãnh thị vệ là Tôn Thất Nghị, Hiệp lãnh thị vệ là Lê Mậu Hạnh, Vũ Văn Cận, đều là tài khí nhỏ nhen như cái đấu cái giỏ, không thể trọng dụng được. Nguyễn Trọng Tính, Vũ Huy Dụng dẫu kiến thức tầm thường, nhưng thờ trẫm hơn 30 năm, chó ngựa còn biết chủ nhân, nữa là người ư ? Cổ nhân có câu nói "nhân duy cầu cựu" nghĩa là người thì dùng người cũ, cũng nên bỏ chỗ xấu lấy chỗ tốt ; gia ân cho Nguyễn Trọng Tính được trả lại nguyên hàm Chưởng vệ, vẫn Lãnh thị vệ kiêm coi viện Thượng tứ đội Dực võ ty Thượng thiện và Ngư hộ ; Vũ Huy Dụng được trả lại nguyên hàm Nhất đẳng thị vệ, vẫn Hiệp lãnh thị vệ và kiêm trông coi viện Thượng trà, đội Tài hoa, thự Hòa thanh, thự Thanh bình và ty Lý thiện. Tôn Thất Nghị trả về vệ Loan giá ; thự Phó vệ úy Lê Mậu Hạnh trả về Thị vệ trưởng ; Vũ Văn Cận trả về coi viện Thượng trà, để cho biết rằng : người thì thăng chức, người thì giáng chức, đều theo tài năng mà trọng dụng".

Quan thành Trấn Tây tâu nói : Đã phái Đội trưởng thông ngôn là Lê Văn Khoa giả dạng đi thám 2 phủ Bắc Tầm Bôn, Lò Gò Vật, nói dối tên là Mường Giao, nhờ người Thổ dẫn đến chỗ ở của Nặc Ong Giun là súc Tà Nặc. Ong Gian tin thực, tỏ bày vì nước Xiêm quẫn bách muốn về đất cũ, cho đem theo thuộc hạ là lũ tên Che 3 người về thành, kêu xin nhận cho, nếu được báo tin cho biết, đến tháng 7 tháng 8 mùa nước lên, đem gia quyến trốn về.

Xét ra tên Giun phản anh theo giặc là người có tội lớn, quyết không có lý trở về, nếu nhân quẫn bách xin về, rất không thể cho nói đến việc ấy, lũ tên Che là lũ

bạn thần, cũng không nên để cho người Phiên biết đến, trót đã mật đưa đến tỉnh An Giang giam giữ.

Vua mật dụ rằng : "Tên Giun sai người đưa tin là bị người Xiêm làm khổ quẫn bách muốn về, hay là ngoài mặt nói thác là muốn về đất cũ, nhưng trong lòng thực muốn nom dòm thành Trấn Tây, hoặc giặc Xiêm gian xảo, tự nghĩ không thể bắn súng công khai, muốn bắn tên nỏ ngầm, ngầm sai người đến dỗ bọn phiên mục để tiện làm việc cũng chưa biết được, nên nghiên cứu 2, 3 lần, xem xét kỹ lưỡng, đem tình hình tâu vào rõ ràng".

Lại bọn quan Phiên từ trước đến nay triều đình đối đãi cũng như tôi con, về việc có thông tin với tên Giun hay không, nay cũng không cần phải nói đến. Việc ấy cần phải xử cho khéo, không nên hơi lộ ra tiếng nói sắc mặt để yên lòng kẻ phản trắc. Còn lũ tên Che đưa đi An Giang cũng phải, nhưng nên hậu cấp tiền gạo, đối đãi cho khéo, chớ nên giam giữ nghiêm khắc quá, lại thêm sợ ngờ. Vả lại tên Giun phản anh theo giặc, triều đình cố nhiên không thèm dỗ đến mà bắt tội, nếu chúng tự về, do thành phải giải về Kinh, xét về sự lý cũng không có gì là không nên, chuẩn cho lũ ngươi gia tâm trù tính cho kỹ, cốt cho đúng khớp, mật làm tập tâu tâu lên.

Quan đi tuần phủ Hải Tây tìm bắt được 2 đứa thám tử nước Xiêm ở sông Tầm Bông Trắc, hỏi về tình hình giặc, chúng nói tướng nước Xiêm là Phi Nhã Chất Tri ở Bắc Tầm Bôn sắp đắp thành mới (ở xứ Tha La Gia Cầm) cho Nặc Ong Yểm là Trưởng đồn. Tờ tâu lên, vua nghĩ bọn ấy ít tuổi, không thèm giết, sai hãy giam lại (một đứa tên là Bi 20 tuổi, một đứa tên là Xiêm 16 tuổi, giả làm đứa chăn ngựa để nhòm ngó biên thùy).

Chia gán dân tiếp giáp các đồn ven biên giới tỉnh Quảng Ngãi. Đầu năm Gia Long lấy các xã thôn ấp thượng bạn 3 huyện hạt tỉnh ấy đặt làm 2 lân, theo 6 cơ Tĩnh Man đóng đồn, ngăn ngừa sơn man (Cơ thứ nhất 4 lân là : Trung Phấn, Trung Võ, Trung Oai, Trung Tín ; cơ thứ hai 5 lân là : Tiền Thái, Tiền Thuận, Tiền Vân, Tiền An, Tiền Sơn ; cơ thứ ba 4 lân là : Tả Sơn, Tả Thanh, Tả Dũng, Tả Hùng ; cơ thứ tư 5 lân là : Hữu An, Hữu Trí, Hữu Hội, Hữu Hòa, Hữu Dũng ; cơ thứ năm 4 lân là : Hậu Thành, Hậu Nghĩa, Hậu Tường, Hậu Quỳnh ; cơ thứ sáu 5 lân là : Nội Phúc, Nội Lộc, Nội Thọ, Nội Bảo, Nội Tài). Năm ngoái lại tuyển binh đinh trích cơ thứ sáu làm vệ thứ nhất Quảng Ngãi. Đến nay chuẩn cho chiểu theo mặt đất nối liền bổ vào 5 cơ, để tiện sách ứng. (3 lân Hữu An, Hữu Trí, Hữu Hội thuộc cơ thứ tư trước đổi làm Trung An, Trung Trí, Trung Hội phụ thuộc vào cơ thứ nhất ; 4 lân Hậu Thành, Hậu Nghĩa, Hậu Tường, Hậu Quỳnh thuộc cơ thứ năm trước đổi làm

Hữu Thành, Hữu Nghĩa, Hữu Tường, Hữu Quỳnh thuộc vào cơ thứ tư ; 5 lân Nội Phúc, Nội Lộc, Nội Thọ, Nội Bảo, Nội Tài thuộc cơ thứ sáu trước đổi làm Hậu Phúc, Hậu Lộc, Hậu Thọ, Hậu Bảo, Hậu Tài phụ thuộc vào cơ thứ năm, còn các lân khác vẫn theo như cũ).

Tỉnh Gia Định có tên Hoàng Diệp người nhà Thanh, nhờ tên phạm tội phải chém Hoàng Văn Thông là phủ thuộc của Kiên An công, mạo nhận thuyền riêng làm nhiêu thuyền (thuyền được tha không phải nộp thuế) đi buôn ở Hạ Châu, Phúc Kiến và các xứ Nam Kỳ, Bắc Kỳ, hơn 10 năm không nộp thuế Nhà nước. Thông đã bị giết, phủ thuộc là bọn Nguyễn Bá Lực lại vin cớ để chậm không theo lời dạy sai đem thuyền về nộp. Bố chính là Hoàng Quỳnh xét được việc gian ấy, bắt để hỏi, nhận tội cả, án dâng lên, bọn Hoàng Diệp, Nguyễn Bá Lực đều phải tội mãn lưu [lưu đủ 3.000 dặm], phạt lương Kiên An công 4 năm, quan tỉnh cùng người coi giữ đồn Cần Giờ lần lượt đều vì tội thất sát, phân biệt giáng cách, thưởng cho Hoàng Quỳnh được gia một cấp.

Vua nhân việc ấy thông dụ cho các địa phương rằng : "Nhiêu thuyền cùng với thuyền người nhà Thanh hình sắc đã khác, lại có thẻ thuyền làm dấu hiệu, thế mà thuyền ấy giả mạo đã lâu, mà quan địa phương cùng người coi đồn không có một người nào xét ra được, há chả phải sợ quyền thế mà không dám cất tiếng nói lên ư ? Trẫm làm vua cả nước, dù hoàng thân quốc thích, hơi có trái phép, chưa từng tha thứ, lũ ngươi trách nhiệm một địa phương, tự nay nên nghiêm sức cho phủ huyện, đồn cửa quan thuộc hạt mình, đều giữ phép làm việc công, không kiêng người quyền thế, phàm gặp hoàng thân quốc thích cho đến tất cả các người quyền yếu cấp giấy cho người thuộc hạ ra ngoài làm việc gì, không cứ nhiêu thuyền, phàm xét ra có sự làm bậy, lập tức bắt nộp lên quan hặc tội, trừng trị cho hết mối tệ, nếu thiên tư dung túng không việc ấy nói ra, người khác phát giác ra, thì tội che đậy lại lớn hơn".

Lại sai bộ Hộ cùng kiểm xét những nhiêu thuyền ở sổ ngạch, sai quan sở tại thu cả giấy cũ, cấp cho thẻ thuyền, chiểu theo hạng thuyền mà đánh thuế, có người còn giả mạo, chiểu luật trị tội.

Mới đặt châu Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoa.

Kinh lược sứ Trương Đăng Quế tâu nói : "Các động sách Trịnh Vạn, Mậu Lộc, Quân Thiên, Lâm Lự (ở bên tả sông Lương) thuộc châu Lương Chính, dân ở dựa núi, hai ba nhà một, không thành thôn xóm, mà chỗ nào cũng rừng rậm, núi khe, đi lại rất là gian hiểm, và cách xa châu lỵ, thế khó trông coi, hơn nữa, xứ ấy 2 mặt tây

bắc giáp giới với phủ Quỳ Châu tỉnh Nghệ An, huyện Sầm Tộ phủ Trấn Biên cũng là nơi quan yếu, nếu khống chế ở chỗ ấy thì Lâm Lự, Quân Thiên không chỗ hiểm đáng nhờ. Xin chia Trịnh Vạn ra làm 2 xã, hợp với 2 xã Thọ Thắng, Mậu Lộc, gọi là tổng Trịnh Vạn ; chia Quân Thiên, Lâm Lự làm 8 xã thôn, gọi là tổng Quân Nhân. Lại trích tổng Như Lăng, Lôi Dương, Luận Khê thuộc huyện Nông Cống gần đấy, tất cả 4 tổng đặt riêng là châu Thường Xuân, làm đồn ở Trịnh Vạn để làm nơi châu lỵ. Lại Cẩm Thủy chia đặt huyện lỵ, mà hạt ấy dân cư đông đúc, và không có núi khe hiểm xa, xin làm huyện lỵ ở đất xã Thạch Lẫm (ở bên tả sông Mã), phái lính đến làm, để viên huyện dời đến đóng ở đấy. Vua đều nghe theo cả.

Vua sai các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Bình Thuận tìm mua ván gỗ thổ sản nộp vào Kinh (các gỗ tốt như gỗ táu, gỗ thuận, gỗ khổ, gỗ mít dài tự 3,5 thước, mặt 1 thước 5,6 tấc, dày 2,3 tấc trở lên, mỗi hạt lấy 300 hay 400 tấm làm hạn).

Khai mỏ sắt ở tổng Bằng Mạc (thuộc châu Lộc Bình) tỉnh Lạng Sơn (mỗi năm lấy thuế sắt chín 200 cân, chiết nộp bằng bạc tốt 10 lạng).

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên đạo quân Ninh Bình tâu nói : "Quan quân tiếp tục bắt được chánh yếu phạm của giặc là Quách Tất Công, Quách Tất Lĩnh (em là Tất Công) và vợ con thân thuộc Quách Tất Tế, xét ra bọn chúng một nhà chứa ác đã lâu, nhiều lần kháng cự quan quân, thực là tội to ác lắm, các thân thuộc bắt được có đứa dưới 15 tuổi, xin đem cùng với đứa trên 16 tuổi, đều đem chém cả".

Vua y cho, dụ rằng : "Vợ con Quách Tất Công đã bắt được, thì bọn giặc cùng quẫn đã quá, chắc hẳn khó lòng trốn khỏi lưới trời, nay tính đốt ngón tay đã đầy 3 tháng, cho lại gia hạn đến trung tuần tháng 4, phải bắt được bọn thủ phạm, chánh yếu phạm, kết án trị tội. Và quân quan lâu ngày khó nhọc, gia ân tự kinh lược trở xuống đều thưởng tiền lương một tháng". Có thị vệ tự quân thứ về nói rằng mùa hạ lúc nắng lúc mưa, biền binh nhiều người bị cảm nhiễm. Vua tức thì dụ sai quan tỉnh phái thầy thuốc đến chữa, lại sai thị vệ đem cho các thứ thuốc (rượu thuốc trị bách bệnh 5 hòm, dầu bạc hà 10 lọ, dầu đinh hương, dầu quế mỗi thứ một chai).

Vua lại nghe xứ ấy khi nước mưa chảy xuống, các chất bẩn thỉu ở rừng rậm trôi xuống khe suối, quan quân uống phải, biến thành chứng sốt rét. Vua giáng dụ cho kinh lược, tham tán dự sẵn tự ngày trời tạnh, đủ đồ chứa nước, múc nước chứa lại. Và sai ở tỉnh đem nhiều chum sành để hứng nước mưa, đợi sau khi mưa 2, 3 ngày mới được múc nước ở khe suối để uống, cho giảm bớt chất độc.

Kinh lược sứ Trương Đăng Quế, Phó sứ Doãn Uẩn, Nguyễn Đăng Giai ở quân thứ Thanh Hoa đem binh dõng các đạo rút về, thự Đề đốc Thanh Hoa Tôn Thất Bật

về trước Hà Nội cung chức, làm sớ tâu lên nói : Nay thổ dân các châu huyện đều đã yên hợp như cũ, công việc kinh lược tưởng đến thượng tuần tháng sau có thể xong cả, lũ đầu mục giặc còn sót lại, đã treo giải thưởng cho dân tìm bắt, chắc cũng lần lượt bị bắt, tất không mầm mống còn sót, còn như thú đinh cùng người gắng sức chuộc tội là bọn Hà Công Đức, hiện đương bắt phải bắt giặc, đợi có công trạng hay không vẫn do quan tỉnh quản thúc, tâu xin đợi Chỉ. Còn những lính liệu để đóng giữ 2 đồn Ninh Lương, Tòng Hóa và lỵ sở 2 huyện châu Cẩm Thủy, Thường Xuân đợi sau cũng do tỉnh chước lượng phái quân đến đổi. Và Nguyễn Đăng Giai ở ngoài đã được 9 năm, khi xong việc, xin cùng nhau về Kinh vào yết kiến, được nhân tiện về thăm cha mẹ, lại về lỵ sở cũ.

Vua xem tờ tâu không bằng lòng, xuống dụ rằng : "Trước đây Kinh lược sứ xin lưu Nguyễn Đăng Giai trù tính công việc bắt giặc để nhờ tay quen, nay xin tha Hà Công Đức cho đi bắt giặc chuộc tội, trẫm đều nghe theo lời xin, nay Nguyễn Đăng Giai hiện đã về tỉnh, không từng bắt được yếu phạm kết án trị tội, mà Hà Công Đức tự khi phát đi theo quân thứ đến nay, phàm giặc còn trốn như bọn Hà Công Kim, Phạm Bá Nho, Phạm Thúc Liêm cũng không bắt được đứa nào thì lời nói trước bảo sao ? Lại như chiêu phủ dân Thổ, thì súng điểu thương chúng đã nộp chưa ? Cho đến việc lượng chia xã thôn, làm sổ sách đã xong cả chưa, trong tập tâu đều không nói rõ, chỉ nói giặc trốn, thế tất bị bắt, việc kinh lý tưởng cùng đã xong cả, nói sao dễ dàng đến thế ! Lại nói quản thúc thủ phạm, thay đội quân đóng đồn, do tỉnh tâu lên rồi làm, lại hình như đùn đẩy cho người, trẫm rất không hiểu. Nay biền binh trót đã rút về tỉnh lỵ nghỉ ngơi, nên đem ngay việc quân đóng mãn hạn là 2 vệ Hữu nhị quân Vũ lâm và Phi kỵ viện Thượng tứ (nguyên đóng ở Hà Nội theo Tôn Thất Bật đi bắt giặc). Trung vệ Long võ (lính thú ở Thanh Hoa) cho về đội ngũ cũ, gián hoặc có người nào chết, thì cấp tiền tuất gấp đôi. Và quan quân trèo đèo lội suối lâu ngày khó nhọc, chuẩn cho quan tỉnh sắm sửa trâu rượu ban cho ăn yến một tiệc, nhưng đợi sau khi việc yên, hát ca thắng trận trở về, xong việc sẽ khải hoàn. Còn như Nguyễn Đăng Giai xin về Kinh yết kiến rồi nhân tiện về nhà thăm cha mẹ, sao không lấy chức phận của mình làm lo, vội xin cho rác tai, đạo làm tôi, trước việc công sau mới đến việc riêng, há nên như thế, tạm hãy ghi lỗi, chuẩn cho lập tức phải thân đi đốc thúc các thú đinh cùng những người cố gắng làm việc chuộc tội phải đến tận nơi đuổi bắt giặc trốn, cốt phải lần lượt bắt chém cho hết mầm ác, nếu chúng lại được trốn giết, tức là trách nhiệm của ngươi ; Trương Đăng Quế chuyên trách về việc vỗ về, dẹp yên nhân dân cùng các việc phải kinh lý, phải để ý tính kỹ cho được thỏa đáng ; duy Doãn Uẩn ở đấy cũng không có việc gì, mà bộ Hình nhiều việc, cho lập tức về Kinh cung chức".

Truy tặng viên có tội cố sức làm việc là Nguyễn Khả Bằng làm Cai đội hàm Chánh ngũ phẩm ; Lê Phúc An làm Chánh lục phẩm, đều chiểu phẩm cấp tiền tuất. (Bằng đánh nhau với giặc bị thương rồi chết. An theo quân ốm chết).

Vua cho Học chính là Nguyễn Duy Phiên thăng thự Đốc học Quảng Nam.

Bọn Ngự sử đạo Ninh Bình, Phú Yên là Ngô Văn Địch ; Ngự sử đạo An Giang, Hà Tiên là Võ Danh Thạc, dâng sớ phong kín nói : "Ở Sơn Âm, gò đất nhiều cái hình như gươm súng, họ Quách đời đời làm giặc phản bội cũng bởi phong thổ xui nên, xin bắt người địa phương ấy chỉ dẫn mồ mả ông cha bọn nghịch phạm Quách Tất Công, đào hết bỏ đi, các gò đất hình như gươm súng ở gần chỗ ở của họ Quách, đều san bằng đi cho hết gốc rễ giặc".

Vua nói rằng : "Thói quen của giặc, quan hệ ở phong thổ, đó là lời nói thường của nhà địa lý, thực không đáng nói, lại lấy lý mà bàn, như ngồi trên lò lửa, còn thấy tự đốt ngay, huống chi giặc ở trên gươm súng há sống được ư, nếu là đất tốt thì người hung ác không có lẽ được tốt lành. Vả lại đại binh đến nơi đốt cả núi, đốt cả cây, dời dân đi nơi khác thì khí xấu kém ở núi rừng đều đã tan hết, không còn nữa, há lại chung đúc được phong khí ấy để làm giặc ư ? Nhưng một nhà họ Quách, chứa ác đã lâu, thực có tội thừa, cha Quách Tất Công là Tất Thúc đã làm phản nghịch, nay anh em chú cháu Tất Công lại nổi làm giặc, tội ác to lắm, nếu ông cha hắn còn sống cũng phải tội lây. Người đời xưa đánh giặc làm loạn, phá nhà làm ao chuôm để tỏ sự nghiêm phạt, thì mả ông cha giặc ấy và chỗ đất ở của hắn đào bỏ đi, san bằng đi, theo lẽ cũng không có gì là không nên, từ trước đến nay không thèm nói đến, nay có người nhắc đến, chuẩn cho lũ kinh lược, tham tán tra hỏi mả Quách Tất Thúc và mả tổ bọn Tất Công, Tất Tại, Tất Tế cùng mồ mả cha mẹ chúng, đào lấy hài cốt đập nát ra, đem bỏ xuống sông để răn kẻ loạn thần tặc tử nghìn đời về sau, còn gò đất cũng chước lượng san đào đi.

Cho Thủy sư Đề đốc là Vũ Văn Từ kiêm quản việc Tào chính.

Tuần phủ Hưng Hóa là Ngô Huy Tuấn chết, cho Bố chính Sơn Tây là Ngụy Khắc Tuần làm Bố chính Hưng Hóa, hộ lý ấn Tuần phủ quan phòng ; Án sát Bình Thuận trước gia hàm Bố chính là Lê Đức Tiệm làm Bố chính Sơn Tây (Tiệm nghỉ cư tang, hết hạn đến Kinh chờ bổ).

Nêu thưởng thọ dân 100 tuổi trở lên ở các địa phương (Quảng Nam 5 người, Bình Định 3 người, Hà Tĩnh 2 người đều thọ 100 tuổi ; Quảng trị 1 người, 110 tuổi).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXX*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837], mùa hạ, tháng tư, ngày mồng một, làm lễ Hạ hưởng. (Lệ trước lễ phẩm 5 lễ hưởng ở các miếu, trâu thì dùng con to béo, đến nay chuẩn định vị chính hiến ở Thái miếu, Thế miếu, đều đổi dùng 1 con nghé). Tỉnh Hà Nội tiến quả vải, ngựa trạm đi chậm không kịp ngày lễ, sắc cho từ nay về sau, phàm kính gặp 5 lễ hưởng, ngày giỗ, cùng các lễ tiết Thánh thọ, Vạn thọ, Chính đán, Đoan dương, các địa phương theo lệ có dâng phương vật thổ ngơi, thì phải phái thuộc viên lĩnh đệ, trước một ngày hiện đã đến Kinh, chậm để lỡ việc thì phải tội, duy việc tiến thời vật mới, vẫn theo lệ phát trạm như cũ.

Vua sai thự Vệ úy Thủy sư ở Kinh kỳ là Nguyễn Văn Pháp, Phó vệ úy là Phan Công Quý coi đem biền binh chia ngồi 15 chiếc thuyền Ô chữ Bình chữ Định lĩnh chở tiền gạo đồ vật kho công ở Bắc Kỳ nộp về Kinh.

Mới đặt phủ Hoằng Đạo tỉnh Vĩnh Long, hạt tỉnh ấy 2 huyện Tân Minh, Bảo An thuộc phủ Hoằng An, địa thế rộng rãi, số đinh điền nhiều (huyện Tân Minh số đinh hơn 9.390 người, điền thổ hơn 35.700 mẫu ; huyện Bảo An số đinh hơn 8.870 người, điền thổ hơn 42.070 mẫu), chiếu cho chiểu theo địa thế nối liền, Tân Minh ở phía nam sông lớn, chia làm 2 huyện là Tân Minh và Duy Minh, vẫn thuộc phủ Hoằng An kiêm lý huyện Tân Minh, thống hạt huyện Duy Minh, huyện Bảo An ở phía bắc sông lớn, chia làm 2 huyện Bảo An và Bảo Hựu, lập riêng làm phủ Hoằng Đạo, kiêm lý huyện Bảo Hựu, thống hạt huyện Bảo An ; 2 huyện Duy Minh

và Bảo An đều đặt Tri huyện, mà bỏ bớt chức Huyện thừa ở Tân Minh, Bảo An đặt từ trước. (Phủ lỵ Hoằng An đặt tại thôn Phúc Hạnh, huyện lỵ Duy Minh đặt tại thôn Phúc Khánh, phủ lỵ Hoằng Đạo đặt tại thôn An Đức, huyện lỵ Bảo An đặt tại thôn An Lý).

Bổ Trịnh Quang Khanh làm Tổng đốc Định - An, Nguyễn Văn Hy làm Bố chính An Giang, Tôn Thọ Đức làm Bố chính Hà Nội, Trần Quang Tiến làm Bố chính Nam Định, Trần Ngọc Lâm làm Bố chính Tuyên Quang, Lê Hữu Đức làm Án sát Quảng Nam, Lê Quang Huyên làm Án sát An Giang, Phùng Đắc Ninh làm Án sát Hà Tĩnh, Nguyễn Quốc Hoan làm Án sát Thanh Hoa, Vũ Đức Quyền làm Án sát Thái Nguyên, Phạm Quỹ làm Án sát Lạng Sơn.

Phó lãnh binh Hà Nội là Đoàn Văn Bạt chết, cho Phó vệ úy quân Vũ lâm Vũ Viết Tuấn làm Phó lãnh binh Hà Nội.

Bọn Kinh lược sứ Thanh Hoa là Trương Đăng Quế phái ủy thổ ty châu Quan Hóa là Hà Văn Vân tìm bắt giặc trốn. Vân bắn chết chính yếu phạm là Phạm Bá Nho ở phận rừng động Lực Canh đem đầu về dâng. Việc ấy tâu lên. Vua sai ướp muối đóng hòm giải về Kinh, giao bộ Hình hết phép trừng trị, cho Hà Văn Vân làm Cửu phẩm bá hộ, thưởng cho 400 quan tiền (ở Quan Hóa lúc bắt đầu gây ra việc, chỉ có anh em tên Vân không chịu theo giặc, đến khi quan quân mới đến, lập tức đem thổ mục thổ dân 4 động đến quân thứ tự nguyện đi bắt giặc).

Vua đi tuần chơi tỉnh Quảng Nam. Sai hoàng tử Ninh Thuận công Miên Nghi cùng với Khâm phái đại thần là Thượng thư Nguyễn Công Hoán, Thống chế Nguyễn Tăng Minh ở Kinh đóng giữ, Thị lang bộ Lại là Tôn Thất Bạch, Thị lang bộ Binh là Nguyễn Hợp sung chức giữ ấn ở Kinh.

Vua dụ Ninh Thuận công Miên Nghi rằng : "Từ xưa đế vương có lễ đi tuần thú, để tỏ ra việc xem xét đổi mới, nay cho Quảng Nam là nơi gần Kinh kỳ, đã ra dụ chọn ngày tốt, sai bắc xe đi tuần, nhân để xét địa phương, xét quan lại. Nghĩ Kinh sư là nơi căn bản quan trọng, bèn sai ngươi ở lại coi giữ, mỗi ngày giờ Mão đến ngay tả vu điện Cần Chính, hội đồng với đại thần ở lại Kinh làm việc, giờ Tỵ về phủ, giờ Mùi lại vào làm việc, giờ Thân về phủ, giờ Dậu lại cùng các đại thần ở trực, còn việc giữ ấn ở Kinh, cứ mỗi ngày giờ Mão tiến ban làm việc, giờ Thân thoái ban, ngươi nên kính theo phép tắc, chớ được rỗi chơi. Phàm gặp ngày giỗ các miếu, hội đồng với hoàng tử các tước công không đi theo xa giá, cắt lượt nhau làm lễ. Lại thường đến cung Từ thọ kính thăm sức khỏe, các quan chức lớn nhỏ không

đi theo xa giá, cho ngươi và các đại thần ở lại Kinh điều khiển, còn như tập tâu các hạt Quảng Trị trở ra Bắc, phải phát đệ ngay đến hành tại[1]".

Lại cho một cái ấn ngà, nếu có việc vâng theo Từ chỉ và nội cung, cho tự làm tờ tâu tâu lên, còn thì mỗi ngày đem việc bình an trong Kinh tâu báo một lần, thăm sức khỏe và báo việc trong cung, cách một ngày một lần báo. Lại phái một quản vệ 300 biền binh cắt lượt ra vào để làm hộ vệ.

Sai Tả thị lang bộ Hộ là Vũ Đức Khuê đi trước, đến hành cung dọc theo đường, dò xét dân tình lại tệ. Dụ rằng : Thăm địa phương, xem phong hóa là việc lớn của Nhà nước, Ngu, Thuấn đời thịnh còn có việc 5 năm 1 lần đi tuần, huống chi Quảng Nam là nơi gần Kinh kỳ, đã 10 năm nay chưa từng đi tới, lòng dân trông ngóng đã lâu, năm ngoái định muốn đi tuần, lại vì mưa lụt hoãn lại. Nay tiết trời hòa thuận, năm lại được mùa, cử hành điển lễ to lớn, các vật liệu làm hành cung dọc đường, đã cho cấp trả giá đắt cho dân, chắc cũng đã đều được nhờ ơn, nhưng nghĩ quan lại chưa biết thể theo đức ý, yêu sách ra ngoài việc, cho nên thực tốn nhiều mà giá trả cho thì ít, chưa khỏi phụ lòng mong của dân. Nay như cờ thúy hoa đi đến đâu, vốn để xem phong tục, xét quan lại, gia ơn cho các làng, khiến cho dân ta có lợi không hại, là lòng sẵn có của trẫm, ngươi đi lần này, nên triệu tập tổng lý, dịch mục sở tại, đem đại ý lời dụ này tuyên bảo, khiến cho đều nói rõ thực phí nhân công vật liệu, tức thì chiểu giá cấp cho, ngoài ra còn có tình gì ẩn giấu và nhân viên làm việc, hoặc có các tệ quấy nhiễu, cứ thực bày tỏ, rồi cho ở lại Nam Chân, đợi xa giá đến thì đi theo hầu.

Lại ở trước các sở hành cung tỉnh Quảng Nam mỗi nơi đặt một cái trống, gọi là trống đăng văn, phàm người có điều gì oan uổng, cho được đánh trống bày kêu, đường quan 6 bộ cùng khoa quan đạo đi theo vua, cắt lượt nhau thu nhận đơn, cứ thực tâu lên, để biết hết tình dân (mỗi ban một ngày một đêm, đường quan cùng khoa đạo đều 2 người).

Cho Đô thống quyền giữ ấn triện Tiền quân là Phạm Hữu Tâm sung làm hành doanh đại thần.

Ngày Ất Mão, xe vua tự Kinh sư khởi hành, thuyền vua theo sông Hương tiến đến hành cung Phúc Tượng. Ngày Bính Thìn, xe vua đến hành cung Hải Vân, sai tế thần núi Hải Vân. Ngày Đinh Tỵ đến hành cung Đà Nẵng, vua ngự đài An Hải, chỉ cửa biển Đà Nẵng bảo các quan theo hầu rằng : Cửa biển này, hai bờ giáp núi,

(1) Hành tại là chỗ vua đóng, ngoài Kinh thành.

thuyền tàu ra vào không dễ, nhân triệu Hộ phủ Hồ Hựu, Lãnh binh Nguyễn Văn Lượng tỉnh Quảng Nam bảo rằng : Lũ ngươi nên đào giếng chứa nước ở đài thành để phòng khi có cấp báo. Ngày Mậu Ngọ, vua đi chơi núi Ngũ Hành, dừng chân ở hành cung Động Thiên Phúc Địa, sai tế thần núi Ngũ Hành, bảo bộ Hộ rằng : Chỗ này núi động lóng lánh, đá núi rất đẹp, trong động nhiều danh thắng thờ Phật. Khi trẫm bắt đầu ra đi, trước mặt đã vâng lời Từ dụ, nên cúng 100 lạng bạc ở núi Ngũ Hành, vậy cho phát bạc ở kho Quảng Nam 100 lạng và trẫm cũng bố thí 1.000 quan tiền, giao cả cho bố, án để chi tiêu thay vào các tiết hằng năm, và ngày Thánh thọ đại khánh tụng Kinh làm phúc để cầu Thánh mẫu hoàng thái hậu ta sống lâu mãi mãi, dưới đến thần dân đều được khỏe mạnh vui vẻ.

Vua thưởng tiền cho các người đi theo hầu, hoàng tử công, thân công 100 quan tiền, hoàng tử 80 quan tiền, các quan văn võ 1.800 quan tiền, ty lại binh đinh cùng các trạm dọc đường đều thưởng cho có cấp bậc.

Tả thị lang bộ Hộ được vua phái đi là Vũ Đức Khuê tâu nói : "Đã xét các sở hành cung theo dọc đường, nhân dân làm việc đều vui mừng được đón rước, đi làm việc quên nhọc, không ai ca thán gì, duy về giá nhân công vật liệu cần đến ở Quảng Nam, xem ra đắt hơn ở Thừa Thiên".

Vua nói rằng : "Quảng Nam phận rừng hơi xa, lấy vật liệu hơi khó, không gần mà dễ như Thừa Thiên, hơn nữa việc làm các sở hành cung vững chắc rộng rãi chỉnh tề, Quảng Nam lại hơn, nên giá phải đắt hơn Thừa Thiên, bèn chuẩn cho chiểu theo 7 sở hành cung tự Phúc Tượng đến Vĩnh Điện (Phúc Tượng, Mỹ Gia, Hải Vân, Cam Tuyền, Đà Nẵng, Động Thiên Phúc Địa, Vĩnh Điện) cứ sổ xét ra phải chi mà cấp cho. (Một sở hành cung ở Thuận Trực lần trước làm để lại, không được dự lĩnh tiền)".

Ngày Tân Dậu, thuyền vua đến thành tỉnh Quảng Nam. Vua ngự hành cung Vĩnh Điện, Hộ phủ là Hồ Hựu đem các quan văn võ cùng kỳ lão lạy mừng. Vua bèn sai ban kim tiền, ngân tiền và vải lụa cho kỳ lão (100 tuổi trở lên 4 người, đều thưởng cho cát tường bát bảo tiểu kim tiền 1 đồng, Phi long ngân tiền hạng lớn 3 đồng, lụa màu mỗi thứ 1 tấm ; 90 tuổi trở lên 62 người, đều thưởng Phi long ngân tiền hạng lớn 3 đồng, vải màu 1 tấm ; 80 tuổi trở lên 666 người, đều thưởng Phi long ngân tiền hạng lớn 2 đồng ; 70 tuổi trở lên 666 người, đều thưởng Phi long ngân tiền hạng lớn 1 đồng). Và thưởng tiền cho dân các xã bày hương án quỳ đón (những xã ven đường : Thừa Thiên 52 xã thôn, Quảng Nam 46 xã thôn, đều thưởng 20 quan tiền ; các xã thôn không ở ven đường mà tình nguyện đặt hương án quỳ đón, thuộc Quảng Nam 58 xã thôn, đều thưởng 10 quan tiền).

Ngày Nhâm Tuất, giảm thuế thân năm nay cho tỉnh Quảng Nam hai phần năm số tiền thuế (đầu xuân đã giảm 5 thành). Ngày hôm ấy xe vua trở về, sai tế thần biển. Ngày Giáp Tý, xe vua về đến Kinh thành.

Vua cho là các sở hành cung ven đường, cách thức quê mùa mộc mạc, rất khen, thưởng cho Kinh doãn và quan tỉnh Quảng Nam cùng các người làm việc như lãnh binh, quản vệ cơ, phủ huyện đều gia một cấp, các biền binh làm việc đều thưởng tiền lương một tháng.

Vua lại dụ Nội các rằng : "Việc đi xét địa phương, đời Nghiêu Thuấn đã có, một năm 4 lần đi tuần, người đời ấy chưa từng chê là mau, sau rồi các vua hiền, thường đi tuần thú về các mùa, gọi là điển lễ long trọng. Vả lại Quảng Nam là danh khu ở tả trực, cách phía nam Kinh kỳ trăm dặm, các năm Minh Mệnh thứ 6 thứ 8, đã 2 lần đi tuần, xem địa phương, xét quan lại, gia ân cho các làng, dân tình đều thỏa thuận, sau vì nhiều việc, chưa kịp cử hành, năm ngoái vì muôn việc hơi rỗi, sẽ định đi tuần, rồi đương thứ Hộ phủ là Phan Thanh Giản dâng sớ can ngăn, trình bày nhiều khoản, như nói rằng năm mất mùa, dân đói, trẫm nghe nói không vui, đến khi sai ngôn quan[1], xét hỏi lại là nói dối, đình thần nghị xử tội nói dối nói bậy, nghĩ phải chém đợi lệnh, trẫm đặc cách xử nhẹ, giáng làm lục phẩm, cho làm việc chuộc tội, chả bao lâu Giản biết xấu hổ, cố gắng lại nhắc lên tứ phẩm, coi làm việc bộ.

Nay trẫm đi đến tỉnh Quảng Nam, mắt trông thấy lúa thóc được mùa, làng mạc vui vẻ, dọc đường đốc hương cúi lạy, đèn lửa huy hoàng, ông già trẻ con, hoan nghênh sợ chậm, nhiều lần gọi kỳ lão 1, 2 người đến trước mặt hỏi han, lại sai quan hầu hỏi khắp mọi người, đều nói : Tình thực vui mừng, được đón rước, chỉ sợ cờ của vua không đến, giả sử có làm 3, 4 sở hành cung, đều trả tiền công tiền vật liệu bằng giá đắt, chưa từng động tốn đến của dân chút nào, thì có khổ gì mà nỡ nói ra miệng 2 chữ "bất nguyện". Trẫm xem lòng dân yêu kính, xuất tự lòng thành. Lập tức ngay trước mặt thưởng cho kỳ lão kim tiền, ngân tiền, vải lụa, tha thuế thân cho toàn hạt, để thỏa lòng trông mong của dân ta. Nay xe đã trở về đến Kinh, nên truy bàn tội Phan Thanh Giản tâu trước không thực, duy trước đã giáng bổ, tội không xét lại, chuẩn cho cung chức như cũ, tha cho nghị lại, vậy sai bộ Lại thông dụ cho trong ngoài đều biết.

Vua thưởng cho lưu Kinh hoàng tử công và lưu Kinh đại thần đều gia một cấp, giữ ấn lưu Kinh đều kỷ lục 2 thứ, hoàng tử công, hoàng tử thân công đi theo hầu văn từ biện lý bộ vụ, sung biện các vụ, võ từ quản vệ trở lên, đều kỷ lục một thứ.

---

(1) *Ngôn quan* : Đô sát viện, ngự sử, khoa đạo.

Định lệ thưởng gia cấp cho hoàng tử công, hoàng tử thân công.

Dụ rằng : "Tự trước đến nay, hoàng tử công, hoàng tử thân công, mỗi khi gặp ân điển và có công khó nhọc một chút mà nên thưởng, thì cho là không có chức vụ đều không được dự, còn như có sự lầm lẫn nên phạt, thì phạt để răn, không khác gì quan trong triều. Kìa như chính thể lớn của Nhà nước, chỉ có thưởng và phạt, cho hoàng tử công, hoàng tử thân công, trong là hoàng thân, về phận làm tôi con, cũng như nhau cả, nay thưởng thì không được dự, chỉ phạt thì phải chịu, thực chưa công bằng. Vậy chuẩn định từ nay về sau phàm hoàng tử công, hoàng tử thân công, nếu có khó nhọc một chút, nên được dự thưởng cấp kỷ, trừ do tự đặc Chỉ ra, còn thì việc thuộc vào bộ nào do quan thì bộ ấy tâu xin đợi Chỉ, để cho thống nhất.

Chuẩn cho giản binh tại ngũ các hạt từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Hà Tiên, trở ra Bắc đến Cao Bằng, tự mồng một tháng năm đến cuối tháng chạp, phàm người theo lệ cấp lương tháng 5 tiền, hoặc chỉ một phương gạo, thì chiểu theo số người hiện có, đều cấp thêm tiền, mỗi tháng đủ 1 quan tiền. Rồi lại dụ cho từ mồng một tháng giêng sang năm đến cuối tháng, theo lệ ấy mà tiếp tục cấp.

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên ở đạo quân Ninh Bình bắt được đầu sỏ giặc là Lê Duy Hiển, đệ ngay cờ đỏ báo tin thắng trận.

Trước đây quan quân đánh phá đồn Sơn Âm, đầu mục giặc là Quách Công Đề, Quách Công Cát (thổ ty xã Cố Đế) đem Lê Duy Hiển ngầm ẩn ở phận núi thôn Đầm Da xã Cố Đế, đạo quân của Hà Duy Phiên ở xã Hưng Thi, nghe được tin báo, lập tức phá thuộc hạ Vệ úy vệ Hà Nội là Trần Văn Luận đến ngay tìm bắt, quyền sai Suất đội ở chuyến đi ấy là Nguyễn Văn Diên, Ngoại ủy Đội trưởng là Đỗ Công Huyên bắt ngay được Duy Hiển. Đề, Cát cũng bị biền binh bắt được. Tạ Quang Cự nghe tin, tự Sơn Âm đến ngay, cùng Hà Duy Phiên họp ở đồn Ninh Cương, phát đồ thưởng áo quần, hà bao gấm, bài bạc thưởng cho lũ Diên ngay trước mặt để khuyến khích. Liền đem tin thắng trận tâu lên.

Vua khen tốt, thưởng Quang Cự, Duy Phiên đều gia quân công 1 cấp người Trần Văn Luận cũng thưởng gia quân công 1 cấp ; Nguyễn Văn Diên được bạt bổ làm Cai đội ; Nguyễn Công Huyên được bạt thụ Chánh đội trưởng, biền binh thưởng chung 500 quan tiền, những giặc bắt được là Quách Công Đề, Quách Công Cát lăng trì xử tử, còn Lê Duy Hiển thì đóng cũi đưa về Kinh để giết.

Vua lại dụ rằng : "Lê Duy Hiển tuy ngụy xưng là minh chủ, nhưng xét tình hình, đều bởi Quách Tất Công, dụng ý gây việc, chẳng qua cho Duy Hiển là vật lạ có thể bán được đắt, giả suy tôn lên để thỏa mưu gian dựa cỏ nhờ cây mà thôi, nếu

chưa bắt được Tất Công thì Duy Hiển dù bắt được, ngày sau hắn lại tìm một người khác giả làm dòng dõi nhà Lê, dựa vào để làm loạn, thế là mầm ác vẫn chưa hết được. Kinh lược, tham tán nên đốc tướng biền binh dõng nhân lúc thế giặc cùng quẫn, thượng khẩn tìm bắt, cốt được Tất Công, mới là xong việc, nếu Tất Công lọt lưới, là vẫn chưa xong, nhọc thì nhọc đấy, há đủ kể công, nên phải cố gắng".

Vua lại giáng dụ cho Kinh lược sứ ở Thanh Hoa là Trương Đăng Quế rằng : "Đạo quân Ninh Bình khi trước làm việc tuy là chậm trễ, nhưng gần đây thì đã bắt được yếu phạm Quách Tất Tại, nay lại bắt được đầu sỏ giặc là Lê Duy Hiển ; chỉ còn tối yếu phạm là Quách Tất Công nay mai cũng tất bắt được, thế mà ở Thanh Hoa đầu sỏ giặc và yếu phạm chạy trốn tránh còn nhiều, thực trạng bắt giặc so với Ninh Bình lại là hạng kém, phải theo dụ trước bắt Nguyễn Đăng Giai, nghiêm đốc thú đinh cùng những người cố sức chuộc tội, hết sức tìm bắt, cho chóng thành công. Lũ ngươi mình nhận trọng trách, nên cố gắng hết sức, để không phụ với lòng, không thẹn với người, chắc không đợi trẫm nói nhiều".

Cách vài ngày, đạo quân Ninh Bình lại bắt được Quách Tất Công ở phận rừng xã Thượng Lũng, tin thắng trận báo đến. Vua vui vẻ lắm, thưởng Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên đều gia quân công 1 cấp, người bắt được trước là Cai tổng Vũ Huy Chúc cho bạt bổ làm Lục phẩm Cai đội, theo tỉnh sai phái, người cùng đi là Chánh đội trưởng suất đội Nguyễn Khắc Quy cho thăng thụ Cai đội, binh dõng thưởng chung 1.000 quan tiền. Giặc bắt được là Quách Tất Công đóng cũi giải về Kinh để giết.

Lại dụ rằng : "Quan quân từ mùa đông đến mùa hạ, gối đầu bằng gươm giáo, trải qua hiểm trở, dãi dầu bấy lâu, trẫm rất thương lắm, Quách Tất Công tuy không phải là minh chủ, thực thì thủ mưu nay đã bắt được, có thể gọi là xong việc, chuẩn cho lập tức rút về Ninh Bình, thưởng trước cho ăn yến xem tuồng một lần, cho được cùng vui, nhưng nghỉ ngơi mươi ngày, kinh lược, tham tán đi đường trạm về Kinh yết kiến, biền binh Kinh phái đi và tỉnh phái đi đều về đội ngũ cũ ; đầu mục giặc là bọn Quách Tất Tế, Đinh Thế Đội, chuyên trách cho Hộ phủ Ninh Bình là Trần Văn Trung khẩn đốc thổ mục, thổ dân tìm bắt cho được. Lại gia thưởng tiền cho từ kinh lược trở xuống đến binh lính đều có cấp bậc. (Kinh lược 100 quan tiền, tham tán 80 quan, lãnh binh đều 15 quan, quản vệ đều 10 quan, chánh phó quản cơ đều 8 quan, suất đội đều 5 quan, biền binh đi trận ấy không cứ Kinh phái hay tỉnh phái đều thưởng mỗi người 1 quan tiền. Quân các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Hưng Hóa phái đi chiểu địa hạt đóng giữ thì thưởng cho một nửa suất, còn người trích được đi đánh giặc thì thưởng cho cả suất". Yếu phạm là Hoàng Đồng Nguyệt rồi bị binh dân bắt

được giải nộp, Nguyệt tự cắn lưỡi, lũ Quang Cự lập tức sai lăng trì xử tử, liền đem việc ấy tâu lên. Vua cho thưởng binh dân 300 quan tiền.

Bố chính Hà Tĩnh là Cao Hữu Dực, dâng sớ xin vào Kinh yết kiến. Vua y cho.

Vua sai ban phép cấp ruộng cho các tỉnh từ Bình Thuận trở vào Nam.

Vua dụ bộ Hộ rằng : "Việc quân cấp khẩu phần công điền, năm trước đã có lệ định khâm lục tống cho trong ngoài, duy tỉnh Bình Thuận đến Hà Tiên, ruộng đất trước không có mẫu sào đẳng hạng, cho nên chưa ban cấp, nay khám đạc đã xong, nên soạn đem cách thức quân cấp công điền, in ra thành bản, chiểu cấp cho xã dân các tỉnh đều một bản, còn tiền thuế thân, thuế đầu quan, cho chiểu theo có ruộng công hay không, theo lệ thu thuế lấy năm nay làm bắt đầu. (Người có ruộng công đều mỗi năm nộp tiền thuế thân 1 quan 4 tiền và tiền đầu quan 1 tiền, người không có ruộng công thì tráng hạng mỗi năm nộp 1 quan 2 tiền, dân đinh già có tật, thì nộp một nửa)".

Rồi chuẩn y lời bộ bàn, tư cho các tỉnh chiểu quan danh, phẩm trật mới định, cùng quân hiệu đã nhiều lần bàn định, so sánh rồi sức cho đều theo hạng cấp ruộng, còn bản in cũ hoặc có điều nên định lại thì đợi xét cho đổi, được vua chuẩn định, lại khắc in, tiếp tục giao cho, theo làm mãi mãi.

Bọn khâm phái là Đề đốc Vũ Văn Từ, thự Thống chế Lê Văn Thảo, Khoa đạo Trần Hiển Doãn, Nguyễn Huy Hoán tự Bắc Kỳ về phục mệnh đem tập kiểm duyệt quân nhu, sát hạch viên biền tâu lên. Vua cho là Từ, Doãn làm việc rất tường tất, cho triệu vào để hỏi, lại đem việc quan tỉnh hạt nhanh hay chậm, bàn tài phẩm quan tỉnh cao hay thấp. Vua khen là người có kiến thức, đều thưởng gia một cấp và 3 cuốn sa. Thảo, Hoán cho là làm việc sơ suất, đều giáng một cấp. Biền binh các tỉnh tinh luyện, chỉ Sơn Tây là hơn cả. Vua thưởng cho tổng đốc gia một cấp, bố, án, lãnh binh đều kỷ lục 2 thứ, các viên biền xét ra người tài nghệ xuất sắc cho ghi tên thăng bổ, người nào hèn kém không làm nổi việc, nếu dự có công trạng đánh giặc, cho theo nguyên hàm về hưu trí, nếu không có quân công thì phải giáng 1 cấp, bắt về hưu.

Đổi bổ Lang trung bộ Lễ là Phan Văn Nhã làm Lang trung bộ Lại.

Sai quan biên chép *Ngọc điệp* [gia phả nhà vua]. Vua cho Hữu thị lang bộ Hộ là Đào Trí Phú sung chức Phó tổng tài. Lại cho thự Lang trung bộ Hộ là Trần Danh Bảo sung chức Tôn phả tổng toản tu. Thự Viên ngoại lang bộ Công là Đỗ Huấn Đại sung chức Toản tu.

Định lại địa phương sung quân ở các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra Bắc (theo đường xa gần, chia làm 4 hạng khí độc là : phụ cận, cận biên, biên viễn, cực biên ; phía nam đến Bình Thuận mà thôi ; tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Nghệ An lấy Cam Lộ làm phụ cận, Quảng Ngãi làm cận biên, Phú Yên làm biên viễn, Bình Thuận làm cực biên ; tỉnh Thanh Hoa, Ninh Bình lấy Quảng Bình làm phụ cận, Quảng Nam làm cận biên, Bình Định làm biên viễn, Khánh Hòa làm cực biên ; tỉnh Hà Nội, tỉnh Nam Định, tỉnh Hưng Yên lấy tỉnh Hà Tĩnh làm phụ cận, Cam Lộ làm cận biên, Quảng Ngãi làm biên viễn, Phú Yên làm cực biên ; tỉnh Hải Dương, tỉnh Quảng Yên, tỉnh Bắc Ninh lấy Nghệ An và Trấn Ninh làm phụ cận, Hà Tĩnh làm cận biên, Quảng Bình làm biên viễn, Quảng Ngãi làm cực biên ; tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây, tỉnh Hưng Hóa, tỉnh Tuyên Quang lấy Thanh Hoa làm phụ cận, Nghệ An làm cận biên, Hà Tĩnh làm biên viễn, Cam Lộ làm cực biên ; tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Cao Bằng lấy Ninh Bình phụ cận, Thanh Hoa làm cận biên, Nghệ An làm biên viễn, Hà Tĩnh làm cực biên. Còn những quân lưu phát phối từ Quảng Nam trở vào Nam, cùng Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình và địa phương 3 bậc lưu là Hà Tĩnh trở ra Bắc, vẫn theo lệ định năm Minh Mệnh thứ 14).

Phận đồn Hải Vân phủ Thừa Thiên lại có thuyền giặc lẻn lút, viên coi đồn là Lê Trọng Chính thân đem thuyền quân ra sức đuổi bắt, giặc bèn bỏ thuyền buôn, chạy về phía đông, việc ấy tâu lên, thưởng cho Trọng Chính kỷ lục 1 lần, biền binh tiền lương 1 tháng. Bọn giặc ấy lại đến ngoài biển Bình Định, Phú Yên cướp thuyền buôn rồi đi. Quan tỉnh cùng quan bắt giặc, viên coi đồn, phải giáng cách có thứ bậc.

Kinh lược phó sứ đạo quân Thanh Hoa là Nguyễn Đăng Giai lại đến thượng du lâm lũng các hạt Quan Hóa, Cẩm Thủy, Lương Chính thân đốc thú đinh, các người cố sức làm việc, cùng thổ mục, thổ dân chia đường đi tìm bắt giặc trốn, ngụy Thượng thư là Đinh Kim Bảng ẩn ở xã Thịnh Điện (thuộc châu Quan Hóa), bọn làm việc chuộc tội là Hà Công Đức, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Huy Chiểu đem thủ hạ đến bắt được, bọn thổ mục Thượng Lô là Phạm Phúc Thượng lại bắn giết được ngụy Chánh thống lĩnh là Phạm Phúc Hiển cùng bọn giặc ấy 4 tên ở phận rừng huyện Man Duy. Kinh lược sứ Trương Đăng Quế được tin báo, đem việc ấy tâu lên và nói bọn giặc ở tỉnh Thanh Hoa, trong đó cổ động, mê hoặc, xui giục, dụ dỗ thì Đinh Kim Bảng làm đầu, hung hăng chống lại quan quân thì Phạm Phúc Hiển là nhất, đã đem đầu của Phúc Hiển ướp muối đóng hòm, cùng đích thân Đinh Kim Bảng đóng cũi đưa đến cửa khuyết, hết phép trừng trị.

Vua dụ rằng : "Thực trạng việc bắt giặc vẫn là đáng kể, duy Phạm Thúc Liêm, Hà Công Kim đều là thủ mưu, tối yếu phạm, nếu chưa kết án trị tội, tất đến tro tàn

lại cháy, phải khẩn đốc tìm bắt cho được mới là xong việc, còn những tên đầu mục nhỏ mọn tuy có 1, 2 đứa lọt lưới, trẫm cũng không đòi hỏi khắt khe, giao cho quan địa phương cũng được, bọn thổ mục làm việc chuộc tội hợp sức bắt được giặc, chưa nên thưởng cho chức hàm, cho theo dụ trước, người bắt được Đinh Kim Bảng thì thưởng 500 quan tiền, người chém được Phúc Hiển thì thưởng 300 quan tiền".

Vua lại nghĩ các xứ Quảng Địa, Phố Cát, Trấn Man ở Thanh Hoa, Quỳ Châu ở Nghệ An đều có phái quân đóng chặn, khó nhọc lâu ngày, sai quan 2 tỉnh liệu để lại 50 hay 60 hoặc 100 người, còn thì đều rút về hàng ngũ, gia ân chiểu lệ thưởng biền binh đóng chặn ở đạo Ninh Bình cùng các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Hưng Hóa mà cấp thưởng cho. Trương Đăng Quế liền đem công việc kinh lý bày tâu :

"6 huyện châu Thạch Thành, Quảng Địa, Cẩm Thủy, Lương Chính, Quan Hóa, Thường Xuân vốn là ràng buộc, cai trị một cách sơ sài, vừa rồi xảy ra việc loạn, đều bởi thổ tù chuyên chế thổ dân mà sinh ra, nay xin đổi sách động làm xã thôn, làm sổ sách đinh điền, lại chọn người thông hiểu làm lý trưởng cai quản dân ấy, còn đều biên vào sổ đinh chịu sai dịch. Những người trước làm phòng ngự, thiêm sự, đồng tri, đều thu lấy bằng sắc, bỏ ngạch cũ đi, trong bọn ấy có người có thể sai khiến được, thì do tỉnh tâu xin đổi bổ chức hàm bá hộ, theo tỉnh sai phái, để trừ mối tệ thổ tù kế tiếp nối theo.

"Dân cư ở động sách, địa thế rộng rãi, nay đã đổi làm xã thôn, đặt ra tên tổng, xin chọn người đầu mục thật thà cho làm cai tổng, phó tổng, mỗi chức 1 người, theo viên tri châu, tri huyện xướng suất các việc quan.

"Những động sách đất hẹp dân ít, vẫn theo như cũ, chỉ đổi tên làm xã thôn, động sách nào sổ đinh điền gấp đôi, thì liệu chia làm 3, 5 xã hoặc 7, 8, 9 xã thôn cho dễ cai quản, những sổ đinh có người ra thú thì chọn người khỏe mạnh biên vào sổ, còn thì đều không hỏi đến, số ruộng có chỗ bỏ hoang sót sổ cũng đều cứ thực biên vào sổ, mà tha cho cả các tội bỏ hoang ẩn lậu tự trước.

"Trước kia thổ phỉ làm loạn, bị hiếp đi theo bọn giặc có đến hàng nghìn, xin phàm thổ mục, thổ dân đến cửa quân đầu hàng thì sức cho đem súng điểu thương đến nộp, cho về yên nghiệp, biên vào sổ đinh, sai các viên huyện châu vỗ về dạy bảo, khiến cho chúng đổi làm điều lành, không cần truy xét tội trước.

"Sổ sách đinh điền 3 bản đều đóng ấn kinh lược quan phòng, bản giáp nộp bộ, bản ất để ở tỉnh, bản bính giao về cho xã thôn chấp chiểu, hằng năm do quan địa phương sức làm sổ điền sổ đinh cùng giống như người Kinh.

"Dân Thổ từ trước đến nay chỉ làm đầy tớ thổ tù, phàm con em thổ tù mới được đón thầy học tập, còn đều ngăn cấm, nên thổ dân phần nhiều ngu dốt mê hoặc, nay xin cho các viên huyện châu chọn con em thổ dân những người hơi sáng suốt, dạy cho học chữ để biến đổi phong tục người Man, không phải đặt thêm chức dạy học.

"Hai huyện Thạch Thành, Quảng Địa đã bị tàn phá, lại theo quan quân đi đánh giặc, đài tải lương thực, cùng các huyện châu Cẩm Thủy, Quan Hóa, Lương Chính, Thường Xuân, tình hình hao hụt đều là đáng thương, về thuế lệ phải nộp năm nay cùng số để thiếu năm trước, xin lượng tha giảm, để chữa bệnh đói túng của dân.

"Sổ điền các huyện châu cũng nên đại số qua loa, còn giới hạn các thôn xã, kinh lý buổi đầu, chưa tiện đo đạc, xin đợi sau 3 năm, do quan địa phương sức làm địa bạ để định địa giới.

"Sổ cũ của huyện châu cùng số đinh mới thêm ra nhiều, nên chọn phần làm lính, nhưng sau khi binh hỏa, nhân dân chưa về đủ cả, cũng xin đợi sau 3 năm, chiểu số tuyển lính, đều theo lệ 5 đinh lấy một.

"Về súng điểu thương của thổ dân đem nộp và đương trường bắt được tất cả hơn 550 cây súng do tỉnh làm danh sách phụng giữ. Lại tùy theo địa thế xa gần, đinh điền nhiều ít, chia đặt tổng làng, làm ra sổ sách. Về phủ Quảng Hóa : huyện Cẩm Thủy trước 7 tổng 52 sách, trang, trại, đặt làm 9 tổng 71 xã thôn. Huyện Quảng Địa trước 5 tổng 26 sách, trang, trại, đặt làm 27 xã. Huyện Thạch Thành trước 6 tổng 61 sách, trang, trại, dồn làm 54 xã. Về phủ Thọ Xuân : châu Quan Hóa trước 13 động, thôn, đặt làm 6 tổng 28 xã. Châu Lương Chính trước 15 động, đặt làm 8 tổng 43 xã thôn. Châu Thường Xuân mới đặt, trước 2 tổng 17 động sách, đặt làm 4 tổng, 26 xã thôn. Huyện Lôi Dương 2 tổng Bái Đô, Mực Sơn ở thượng du, trước 14 trang sách, dồn làm 12 xã. Về phủ Tĩnh Gia : huyện Nông Cống 2 tổng Lai Triều, Lãng Lăng ở thượng du trước 7 sách. Về phủ Thiệu Hóa, huyện Thụy Nguyên 3 tổng Quảng Thi, An Tràng, Ngọc Lặc ở trung du, trước 18 sách, đều đổi làm xã. Số đinh sổ cũ 1.690 người, mới thêm 1.393 người, cộng 3.083, điền thổ sổ cũ hơn 4.920 mẫu, mới thêm hơn 8.302 mẫu, cộng 13.223 mẫu".

Lại xin phái 4 suất đội, 200 biền binh thuộc tỉnh đến đóng giữ ở chỗ quan yếu đồn Ninh Lương. Quản phủ Thọ Xuân cũng lưu ở đấy để đàn áp.

Vua dụ rằng : "Thổ tù ở Thanh Hoa noi theo thói cũ đời đời kế tiếp, quen dùng thế lực hiếp chế tiểu dân, một khi nổi lên làm loạn, những dân ngu dại bị chúng xua đuổi, tệ ấy có đã lâu, sau khi việc yên, tất phải một phen chỉnh lý để trừ bỏ thói cũ, nhưng thay đổi phong tục phải dần dần, cũng nên châm chước việc nên làm trước

làm sau, làm gấp, làm thong thả. Kể thì sổ đinh điền làm ra, chỉ muốn dùng thói người Kinh đổi thói người Man, nguyên không phải bắt phải thêm nhiều, xếp đặt như thế, chính là lý thế đương nhiên, còn việc làm địa bạ tuyển binh đinh và đạc điền, chia địa giới đợi sau này nhân dân đầy đủ, ruộng đất mở thêm, dần dần bàn làm, không phải cứ hạn 3 năm. Súng điểu thương của chúng theo nộp, cho chiểu cái còn dùng được thì trả tiền mỗi khẩu 5 quan, cái không dùng được thì 3 quan, nhưng phải truyền bảo ngay trước mặt chúng, súng điểu thương là khí giới hung ác, không phải là đồ thường dùng của mọi người, cho nên bắt phải nộp quan, quan trả tiền cho, nên dùng tiền ấy mua trâu bò, cày cấy làm ăn, cùng vợ con cùng vui hưởng thái bình, khiến cho cùng bảo ban nhau, sau có nộp tiếp chiểu theo lệ ấy mà cấp. Lại nghĩ thổ dân ấy, sau khi binh biến, cửa nhà điêu tàn, tình thực đáng thương, về việc thuế khóa, không đợi bọn kinh lược nói, trẫm đã nghĩ cách giúp đỡ cho chúng trước rồi, về 6 huyện châu, thuế ruộng thuế thân năm nay phải nộp cùng tiền thóc để thiếu tự năm trước, gia ân rộng tha cho cả, 7 tổng thuộc huyện Lôi Dương, Nông Cống, Thụy Nguyên cũng thế, còn như đồn Ninh Lương, địa thế hơi xa, lam chướng lại nặng, quản phủ không phải đóng ở đấy, cho đóng ở phủ lỵ hoặc ở chỗ yếu địa cận tiện, đi lại trông nom, các biền binh đồn ấy chia làm 2 ban, 1 tháng hoặc 15 ngày một lần đổi, đợi sau này địa phương ấy yên ổn cũng liệu rút về".

Quế lại tâu nói : "Khi trước đến Ái Chử theo lời dụ tra xét việc Lãnh binh Nguyễn Văn Kỳ giải vây hồi trước, vì Kỳ mới đến, không thấy giặc đâu, có ý khinh địch, bèn đóng đồn ở chỗ thấp, 4 bề đều núi, giặc xúm đến vây xung quanh, hơn 10 ngày dựa trên cao bắn súng xuống, quân ta hầu không thể giữ được đồn, một hôm Quản vệ là Phạm Văn Huy ngầm lập đồn nhánh, vừa mới đẵn cây ở rừng, bỗng một con trâu tự trong bụi rậm xông ra, quân lính reo hò tranh nhau đuổi đi, trâu chạy đến đồn giặc, giặc bất ngờ sợ vỡ, đại binh nhân đó mới giải được vây, xét tình hình ấy, hình như có quỷ thần xui nên".

Vua phê bảo rằng : "Xem tờ tâu sửng sốt, có thể bảo là trời giúp đấy, bèn sai quan tỉnh biện sính lễ, phát hương lụa trong kho giao cho kinh lược sứ sai người đến làm đàn để tế".

Tuần phủ Thuận - Khánh là Dương Văn Phong dâng tập thỉnh an nói : "Ngạch thuế thuyền buôn hạt ấy đã chuẩn cho theo lời bàn của Bộ, chiết nộp bằng thóc gạo, nay các chủ thuyền đều xin nộp bằng tiền, xin đề đạt lên giúp".

Vua nói rằng : "Trước đây vì kho ở tỉnh tích trữ chưa đầy, cho nên cho chiết nộp bằng thóc, là muốn cho công tư đều lợi, nay xem lời tâu, đã không phải lòng

người vui theo, trẩm lấy lòng trăm họ làm lòng mình, không lo kho tàng không đầy, chỉ lo không tiện cho người buôn thôi, nên y cho".

Phủ doãn Thừa Thiên trước là Vương Hữu Quang hết hạn nghỉ phép đến Kinh, vua sai cho cung chức như cũ. Thương trường là Nguyễn Văn Toán không phải kiêm làm việc phủ nữa.

Sai bọn Lang trung biện lý Nội vụ là Lê Văn Hào, Thị vệ trưởng là Nguyễn Văn Thống, Phó vệ úy thủy sư là Nguyễn Văn Lưu, cai quản ngôi thuyền Linh Phượng đi Lã Tống làm việc công, đến lúc trở về, Hào vì làm việc không khéo, phải tội cách chức.

Vua sai làm ấn bằng ngà cấp cho Tư giáo Tôn thất, tự hệ thứ nhất đến hệ thứ 7, mỗi hệ 1 cái.

Tiết Vạn thọ, vua thưởng cho các đại thần kinh lược việc ngoài biên.

Dụ rằng : "Nay gặp tiết Vạn thọ, các công hầu văn võ bộ viện ở Kinh và các quan tư mục ở ngoài đến Kinh chiêm bái, đều được theo ban chúc mừng, mà thự Trung quân Chưởng phủ lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh là Tạ Quang Cự, Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh là Trương Đăng Quế, thự Thượng thư bộ Công là Hà Duy Phiên, vì kinh lược việc ngoài biên khó nhọc lâu ở ngoài, cho nên chưa từng cùng dự yến ban thưởng, lòng trẩm áy náy thường nghĩ mãi không thôi, nên sai thị vệ đi ngựa trạm đem cho : Tạ Quang Cự, Trương Đăng Quế Phi long kim tiền hạng lớn mỗi người 1 đồng, cát tường, bát bảo, ngũ bảo, kim tiền hạng nhỏ mỗi thứ 1 đồng ; Hà Duy Phiên Phi long kim tiền hạng lớn 1 đồng, ngũ bảo kim tiền hạng nhỏ 1 đồng ; Phó sứ Nguyễn Đăng Giai cũng thưởng cát tường, bát bảo, ngũ bảo, kim tiền mỗi thứ 1 đồng, để tỏ lòng trẩm yêu mến các ngươi, ngày gần đây xong việc, đợi Chỉ tuyên triệu về Kinh chiêm bái cũng chưa muộn.

Thự phủ Lạng Bình là Trần Văn Tuân đem theo hơn 200 biền binh Lạng Sơn tiến đến Cao Bằng, đốc cùng Án sát Bùi Quốc Trinh, Phó lãnh binh Đặng Văn Đinh tìm bắt giặc trốn thì giặc đều đã trốn xa. Cứ theo tên giặc bị bắt nói : đầu mục giặc ở Tuyên Quang là Nông Văn Sĩ, Nông Văn Thạc và giặc Mai ngầm tụ họp ở trang Ngọc Mạo xã Yên Lạc (trang Ngọc Mạo thuộc huyện Để Định, xã Yên Lạc thuộc huyện Vĩnh Điện) định sẽ vượt qua địa giới để nã bắt, rồi tư báo cho tỉnh Tuyên Quang định ngày cùng đánh. Án sát Tuyên Quang là Nguyễn Văn Liễn, Phó lãnh binh là Nguyễn Đăng Khánh lập tức phái Quản cơ Tuyên Quang là Phạm Văn Khai đem 500 binh dõng cùng với thự Tri phủ An Ninh là Phạm Trạc Như đi ngay, đem việc ấy tâu lên.

Vua cho là số quân phái đi hơi ít, xuống dụ sai Nguyễn Đăng Khánh đem thêm biền binh tiếp tục tiến đi.

Lại dụ cho Trần Văn Tuân rằng : "Nông Văn Sĩ là đầu sỏ giặc có tiếng, tội ác đầy trời, đã lâu chưa bắt được, để kết án trị tội, nay ngươi tự xin đi để bắt giặc, đã dò thám biết đích chỗ giặc ẩn nấp, sao không một mặt đi bắt, một mặt tâu lên, lại chỉ tư cho tỉnh bên cạnh cùng đánh, không khỏi coi thường việc bắt giặc, nhưng việc đã qua không nói đến, không cần xét kỹ. Nay một đạo Cao Bằng chuyên trách cho ngươi, cầm quân đi ngay bắt giặc cho bằng được, tất có hậu thưởng. Gần đây 2 đạo Thanh Hoa, Ninh Bình, phái đại thần chia nhau đi kinh lược, lần lượt bắt được thủ phạm Lê Duy Hiển, Quách Tất Công, chính yếu phạm Quách Tất Tại, Phạm Bá Nho, Phạm Phúc Hiển cùng ngụy Quốc sư là Hoàng Đồng Nguyệt, ngụy Thượng thư là Đinh Kim Bảng, đóng cũi giải về Kinh, không tên nào lọt lưới. Sơn Âm vốn gọi là nơi tuyệt hiểm, đảng giặc dựa làm sào huyệt. Lương Chính, Quan Hóa cũng là chỗ hiểm xa, người không đi đến, ngày nọ quan quân đến nơi, cũng đều giẫy như giẫy cỏ, bắt như bắt chim, không sót mống nào, đủ biết bọn giặc tội ác đã đầy, rồi cũng không tránh khỏi lưới trời. Nay quan quân 2 ngả ấy đã được thưởng hậu, lần lượt khải hoàn, vinh quang biết là nhường nào ? Hơn nữa, Ngọc Mạo, Vân Trung, năm trước quân nhà vua từng đã đến nơi, sào huyệt của giặc đã tan, hiểm nào cậy được, bọn Nông Văn Sĩ như cá ở trong nồi, vây cánh đã mất, sức đâu chống cự được, nếu quả hết sức tìm bắt, khó gì chả hẹn ngày bắt được, ngươi đã biết tự nhận lấy việc bắt giặc, nên thực lòng làm việc thực, để được thành công, nếu việc làm không chú ý đến lời nói, thì không những triều đình đã có pháp luật, và ngươi còn mặt nào đứng ở trên đời".

Gặp Bố chính Tuyên Quang là Trần Ngọc Lâm nhân ngày khánh tiết vào chầu.

Vua cho triệu đến mắng rằng : "Bọn Nông Văn Sĩ, Nông Văn Thạc năm trước thông đồng với đầu sỏ giặc là Nông Văn Vân quấy rối ở Cao Bằng, Tuyên Quang, kháng cự quan quân, tội ác to lắm, sau Nông Văn Vân bị quan quân đốt phá mà 2 tên kia vẫn còn trốn giết, đấy là việc của địa phương ngươi chưa làm xong, trẫm vẫn nghĩ đến việc ấy, ngày đêm chưa yên. Gần đây đã triệu ngươi hỏi đến việc ấy, ngươi nói là bọn kia trốn xa, không có tung tích gì, nay tỉnh Cao Bằng dò thám được đích chỗ bọn chúng trốn ở trong hạt ngươi, thì người cùng quan lại cả tỉnh tự trước đến giờ, hình như tượng gỗ, không nghe biết gì, đáng lẽ phải trị tội ngay, nhưng tạm nghĩ đang lúc cần người bắt giặc, cho người lập tức đi ngựa trạm về tỉnh, đới tội lập công, nếu chưa bắt được cả bọn, chỉ bắt được một tên Nông Văn Sĩ, trẫm

cũng cho là công của ngươi, không làm được như thế, thì tội ngươi khó lòng chối được.

Binh bị đạo thành Trấn Tây là Tôn Thất Tố chết. Vua cho Viên ngoại lang bộ Lại sung hành tẩu viện Cơ mật là Lê Văn Du thăng thụ chức Binh bị đạo thành Trấn Tây.

Quản thị vệ là Vũ Văn Giải tự đường biển đi làm việc công về. Vua lại sai kiêm quản các đội thự Dực võ, Thượng thiện, Hòa thanh, Thanh bình, Lý thiện.

Mới đặt vệ Kim ngô. Vua chuẩn cho các thống quản quân Vũ lâm, quân Cấm binh, chọn lấy biền binh những người khỏe mạnh thông hiểu, quân Vũ lâm làm 100 người, quân Cấm binh 200 người, sung bổ vào, chia làm các đội nhất, nhị, tam, tứ ngũ lục (đội nào cũng 1 suất đội, đội trưởng và ngoại ủy đội trưởng đều 2 người và 46 binh đinh (cùng với vệ Cẩm y ứng trực, mỗi tháng một lần đổi, còn quản vệ thì lâm kỳ chọn bổ, không có viên nhất định, đều theo chức của mình sung lĩnh, 2 tháng 1 lần đổi.

Lại theo lời bộ Binh bàn, chế cấp cho ấn, bài đeo, áo mặc, cờ của quân, binh trượng, thuyền bè, nhà cho quân ở và chước định ban kỳ, ban thứ.

(Về ấn đồng khắc 5 chữ "Kim ngô vệ đồ ký" kiểm ngà khắc hai chữ "kim ngô".

Về bài đeo, chánh phó vệ suất đội, mỗi người một bài ngà, vệ úy thì khắc 4 chữ "kim ngô vệ úy", phó vệ úy khắc 4 chữ "kim ngô phó vệ", suất đội khắc 4 chữ "kim ngô suất đội", chánh, phó vệ mỗi người một cái bài vàng, đều khắc 2 chữ "kim ngô", suất đội mỗi người một cái bài bạc, suất đội đội nhất khắc 4 chữ "kim ngô nhất đội", đội thứ 2 đến đội 6 cũng thế.

Về áo quần, màu áo khi theo hầu, chầu mừng và các ngày khánh tiết, vệ úy, phó vệ úy thì mũ đầu hổ, áo đơn thêu rồng 4 móng, đã có quan bản vệ cấp, còn suất đội thì mũ xuân thu, áo móng ngựa đều 6 bộ, biền binh thì áo mở bụng bằng vũ đoạn 5 sắc in hoa tây, 250 cái, đều có bổ tử, đằng trước thêu chữ "kim ngô", đằng sau thêu chữ "tài", quần bằng sại nam màu cánh kiến 250 cái, áo nhung phục chầu trực ngày thường, suất đội thì áo mở bụng bằng tơ lông màu đại hồng 6 cái, đội trưởng, ngoại ủy đội trưởng thì áo mở bụng bằng đoạn lông màu vàng 24 cái, binh đinh thì áo mở bụng bằng đoạn lông màu đại hồng 226 cái, cũng dùng bổ tử, đằng trước thêm chữ "kim ngô", đằng sau thêu tên đội, lại cấp cho áo mở bụng bằng vải đen trong lót vải trắng 250 cái, kính gặp ngày giỗ ở các miếu thì mặc.

Về cờ của đội quân, cờ ngũ hành 5 lá, theo cách thức cờ ngũ hành của vệ Cẩm y, cờ đuôi nheo vẽ rồng mây 12 lá, mỗi đội đều 2 lá, trong lá cờ thêu tên đội, như loại "kim ngô nhất đội", thước tấc chiều dài chiều rộng, theo cách thức như cờ đuôi nheo vệ Cẩm y, duy giữa cờ và giải dài, đều dùng trừu lông sắc đỏ, diềm cờ sắc xanh, đuôi cờ góc dưới sắc vàng, để hơi khác với cờ vệ Cẩm y.

Về binh trượng, quản vệ đã có gươm chuôi bít vàng lĩnh tự trước, còn 6 suất đội đều cấp cho gươm chuôi bọc bạc, đội trưởng, ngoại ủy đội trưởng 24 người, gươm bằng sắt tây mạ bạc 12 thanh, kỳ đao 12 con, giáo 3 cạnh 200 cái, dao đeo 200 con, chiêng, trống, khánh đồng tròn, loa bằng thau mỗi thứ 1 cái, thanh la đồng 6 cái, nón lính 300 cái, 100 cái chóp bằng bạc để dùng khi chầu mừng trực hầu, 200 cái chóp bằng sắt tây, để dùng ngày thường.

Về thuyền, 2 chiếc thuyền lê, 1 chiếc thuyền nhỏ đi nhanh, để phòng khi sai phái.

Về nhà cho quân ở, nhà quân ở của vệ Cẩm y, Ngân thương, Giáo dưỡng trước ở hai bên tả, bên hữu trong Hoàng thành, còn thừa 6 gian, 3 gian bên tả cho đội nhất, đội tam, đội ngũ ở, 3 gian bên hữu cho đội nhị, đội tứ, đội lục ở.

Về ban kỳ, vệ binh chia làm 2 ban, do viên sung lĩnh quản vệ chia ban, trích lưu một nửa ứng trực, một nửa cho về.

Về ban thứ, người trong ban liệt vào hàng dưới vệ Cẩm y).

Cho Vệ úy Hậu vệ dinh Tiền phong là Nguyễn Văn Lược kiêm sung Vệ úy vệ Kim ngô, thự Phó vệ úy vệ Tiền nhị quân Vũ lâm là Phan Đình Vinh kiêm sung Phó vệ úy vệ Kim ngô, ban ấy mãn hạn, do bộ Binh đổi phái người sung lĩnh.

Xây đắp bờ sông hộ thành ở phía tả Kinh thành (tự cầu An Hội đến góc đài Trấn Ninh), phát 3.000 lính Kinh làm việc, sai thự Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Lê Văn Thảo trông coi việc ấy.

Giặc trốn tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Văn Nhân tụ họp ở phận rừng huyện Lập Thạch, Quản phủ Vĩnh Tường là Lê Huy Trị cùng quan bắt giặc tỉnh phái đi là Quản cơ Hoàng Văn Lưu đem quân và voi đi bắt, giặc đều chạy thoát, biền binh lại có người chết và bị thương. Tổng đốc Lê Văn Đức nghe tin báo, lập tức phái Lãnh binh là Vũ Đình Quang đi ngay, đốc thúc đuổi bắt. Việc ấy đến tai vua, bọn Lê Huy Trị đều phải giáng chức.

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên ở đạo quân Ninh Bình, về đến tỉnh lỵ Ninh Bình, dâng sớ nói : Hiện nay công việc xếp đặt về sau, còn phải sửa sang, trong đó việc bắt nộp súng man, làm sổ đinh điền, rất là quan yếu, mà việc làm buổi đầu, lòng người không khỏi ngờ lạ, xin liệu để biền binh lại đến đóng ở thành phủ Thiên Quan, đợi mọi việc xong xuôi, sẽ theo dụ về Kinh, biền binh cũng cho về hàng ngũ.

Vua lúc đầu, nghĩ là ngày về vội quá, chuẩn cho hãy tạm ở đến xong việc, dụ chưa đến nơi, mà sớ xin lưu lại đã tâu vào. Vua cho là hết lòng làm việc nước, giáng dụ khen ngợi.

Phận biển các cửa Bạch Câu, Biện Sơn tỉnh Thanh Hoa, giặc biển lại phát ra, quan tỉnh và quan bắt giặc, viên coi giữ cửa biển đều bị giáng cách. Vua sai truyền dụ cho thuyền quân ở Kinh phái đi, đi tuần bắt ngay.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - QUYỂN CLXXXI

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837], mùa hạ tháng 5.

Chuẩn định từ nay về sau, phàm xe vua đi tuần, không cứ đi đường thủy, đường bộ, và giờ phút nào. Cứ nghe tiếng khánh đồng tròn ở ngự doanh đánh 3 tiếng trước, 2 tiếng sau làm hiệu, thì các đội Cẩm y, Kim ngô, cùng các vệ đường bộ, các thuyền đường thủy cho đến thuyền đỏ các nha đều lập tức đánh thanh la, treo hiệu cờ, nếu chậm trễ sai lầm thì các quản viên thủy bộ phải theo luật trái lệnh phạt lương 9 tháng, người cố ý thì chiểu luật trái phép phải phạt trượng, cách chức. Hành dinh đại thần và thống quản cũng phân biệt nghị xử.

Lãnh binh Bình Định là Nguyễn Văn Tôn nhiều lần bị lỗi, giáng đến 6 cấp. Vua ghét là người hèn kém, chuẩn cho cách chức, theo bộ cố sức làm việc chuộc tội, cho Vệ úy vệ Trung nhị quân Vũ lâm là Nguyễn Tiến Tá làm Lãnh binh tỉnh Bình Định.

Vua nghĩ ở biển Hà Tiên nhiều đảo lớn đảo nhỏ, thuyền giặc Đồ Bà thường ẩn nấp ở đấy để đón cướp, sai quan tỉnh phái người xét xem có bao nhiêu đảo, tên đảo là gì, có dân cư hay không ? Cùng đường bộ cách nhau xa hay gần và hình thế thế nào, vẽ đồ bản nói rõ. Lại chỗ nào nên đặt đồn canh giữ, chỗ nào nên phái quân đón phục, tính bàn tâu lên.

Quan tỉnh liền tâu nói : "Các đảo thuộc hạt, chỉ đảo Phú Quốc có dân cư, đã đặt đồn đóng giữ, còn đảo Dương (trước gọi là hòn Ông), đảo Âm (trước gọi là

hòn Bà), đảo Vu, đảo Thăng, đảo Thổ Châu, đảo Cổ Luân, đảo Thát, đều không có dân cư, xa cách đường bộ (đảo Dương, đảo Âm đều cách 4 ngày đường đi thuyền, đảo Vu 3 ngày, đảo Thăng 2 ngày, đảo Thổ Châu, đảo Cổ Luân đều 2 ngày rưỡi, đảo Thát 1 ngày). Lại không có hình thế để đón đồn đặt phục binh được, hằng năm cứ tháng 3 tháng 4 là kỳ gió nam, thuyền giặc hoặc tạm đậu ở đảo Âm, đảo Dương, đảo Thăng, đảo Thổ Châu 1, 2 ngày, lại tan đi 4 ngả ăn cướp. Tháng 9 tháng 10, mùa gió đông bắc, hoặc ở đảo Vu, đảo Cổ Luân, đảo Thát bỏ neo 1, 2 ngày vững bền, rồi lại chạy về, chưa từng ở lâu đến 5, 6 ngày, đã hỏi người địa phương sở tại, lời nói đại khái giống nhau. Xét ra chiểu theo phận biển, hòn đảo nhiều ngả mà giặc biển đậu lại bất thường, có khi ở đảo này, có khi ở đảo khác, chả qua 1, 2 ngày để đợi chiều gió rồi đi, các thuyền quân đi tuần tiễu, xin theo dụ trước, cứ tháng 4 thì phái đi, tháng 10 rút về, không phải làm đồn bảo làm gì.

Vua y cho.

Chia đặt huyện Kỳ Hoa tỉnh Hà Tĩnh làm 2 huyện Kỳ Hoa, Hoa Xuyên (trích phía nam huyện Kỳ Hoa 2 tổng Đỗ Chử, Cấp Dẫn, 88 xã thôn trang giáp phường trại, chia làm 4 tổng là Đỗ Chử, Cấp Dẫn, Hoàng Lễ, Hà Trung, đinh số hơn 5.470 người, điền thổ hơn 12.300 mẫu, vẫn làm huyện Kỳ Hoa thuộc phủ Hà Hoa kiêm lý. Phía bắc huyện Kỳ Hoa 4 tổng : Lạc Xuyên, Thổ Đỗ, Vân Tản, Mỹ Duệ, 91 xã thôn, đinh số hơn 4.450 người, điền thổ hơn 19.300 mẫu, đặt thêm làm huyện Hoa Xuyên, huyện lỵ đặt ở xã Vân Phong, chiểu theo lệ ít việc, mỗi năm cấp tiền công nhu 30 quan. Huyện Hoa Xuyên sau đổi làm huyện Cẩm Xuyên).

Ngoài thành tỉnh Hà Nội thất hỏa, cháy lan hơn 1.400 nhà, có người bị thương chết. Vua sai lấy tiền thóc phát chẩn. Nhân dụ bộ Công rằng : Ngoài thành Hà Nội dân cư đông đúc, đường sá cong hẹp, cửa nhà liền nhau, cho nên thường gặp hỏa hoạn, nếu bắt làm nhà ngói cả, thì người giàu nghèo không đều nhau, thế khó bắt ép, duy nhân sau khi bị hỏa tai này, lường đo địa thế, chia vạch cửa nhà cho có thứ tự mới giữ được không lo. Vậy sai Tổng đốc Đặng Văn Thiêm trù tính.

Thiêm bèn xem địa thế, mở đường sá, nghiêm sức các hộ phố dự bị đồ chứa nước, đồ cứu hỏa, lại chọn đất lập đền thờ Hỏa thần, sai dân sở tại mùa xuân mùa thu cầu cúng, đem công việc tâu lên. Vua cho lời tâu là phải.

Phái thêm thuyền quân đi tuần biển.

Vua dụ bộ Binh rằng : Nước ta bờ biển dài suốt, việc tuần biển rất là quan trọng. Trước đã chuẩn định cứ tuần tháng 2, phái thuyền quân ở Kinh đi dò bắt giặc nhà Thanh, duy mỗi khi đến tháng 5, mùa gió nam, giặc biển Đồ Bà thường xâm

phạm các tỉnh phía nam, dòm lúc sơ hở đón cướp, tất phải phái thêm quân đi tuần cho yên giặc biển, nay cho phái 1 quản vệ thủy sư, 2 suất đội thủy bộ, 80 biền binh, 10 lính pháo thủ, mang theo súng lớn, thuốc đạn, hỏa khí, chiến cụ, chia nhau đi hai chiếc thuyền hiệu Bình Hải, Tĩnh Hải đi đến phận biển các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đi lại xem xét để bắt giặc.

Lại truyền Chỉ cho các tỉnh đều sức cho quan bắt giặc đi tuần ở biển, không được lấy cớ đã có quân ở Kinh phái đi, mà có ý đùn đẩy, một khi có giặc biển lén lút ở xứ nào, trước hết đem quan bắt giặc tỉnh phái đi, trị tội rất nặng. Và 2 chiếc thuyền ở Kinh mới phát đi, cứ tự Phú Yên đến Bình Thuận chuyên việc đánh bắt giặc Đồ Bà, còn các thuyền Ô, Lê, hải hiệu phái đi trước cứ tự Bình Định đến Quảng Yên, Vạn Ninh chuyên việc đánh bắt giặc nhà Thanh, đến mùa mưa lụt sẽ rút về, hằng năm kỳ tháng 2 và tháng 5, phái quân đi tuần biển, chiểu theo lấy làm thành lệ.

Ngày Giáp Thân, vua thân đi cày ruộng tịch điền. Lệ trước, trước một ngày tiến đồ đi cày để vua xem. Vua bảo bộ Lễ rằng : "Lễ văn lễ khí, đều quan có trách nhiệm giữ, cái mâm bồng đan, cái bát có chân bằng gỗ, cái phạn vuông, cái phạn tròn, đều là đồ thờ cả, còn không thể hết thảy thân xem xét được, huống chi là đồ cày ruộng. Tự nay về sau, cho bộ Lễ hội đồng với bộ Hộ, Kinh doãn xét đệ bày đặt theo như nghi lễ". Ngày hôm ấy, vua lễ cày ruộng tịch điền, vua ngự đài Quan Canh làm một bài thơ, cho triệu quan ngoài là bọn Cao Hữu Dực, Tôn Thọ Đức đến gần trước mặt đem thơ cho xem, nhân ra dụ rằng : "Chính mình đi cày tịch điền là điển lễ trọng yếu, chăm chú đến gốc, trọng việc làm ruộng, trước đã theo đời xưa mà làm, hai năm Minh Mệnh thứ 16, 17 bỗng nhiên mưa ướt, sai quan làm thay, vẫn áy náy trong lòng, năm nay gặp kỳ tạnh nắng, trẫm tự mình cầm roi cầm cày, 3 lượt đi, 3 lượt lại, nặng lòng vì dân, tự thấy coi nhẹ khó nhọc, cày xong làm ngay một bài thơ để bảo các quan to đến Kinh, nên đem thơ ấy sao lục phát cho các trực tỉnh, mỗi tỉnh một đạo, khiến cho đều chăm khuyên dân cày ruộng, cùng xứng với ý trẫm". Bèn ban yến cho quần thần ở vườn Thư Quang (năm trước ở cung Khánh Ninh). Chiều hôm ấy, vua đi chơi cửa biển Thuận An, xem thao diễn thủy sư, các thuyền hải hiệu nhiều dây hàng thứ không đúng kỷ luật, quản quan phải phạt. Lại đi chơi núi Thúy Hoa, hành cung trần thiết chưa được chỉnh tề, xe vua đến không có chỗ dừng chân, các người đốc biện phải tội phạt trượng và cách chức. Rồi sai quay xe về, sắc cho quan có trách nhiệm làm một cái đình ở trên đá vuông mặt sau tháp Diều Ngự, gọi tên là đình Tiến Sảng.

Vua cho các quan tỉnh đến Kinh chầu, đều về lỵ sở, Bố chính Hà Tĩnh là Cao Hữu Dực tâu nói : "Cha hắn 74 tuổi, xin cho tiện đường về thăm".

Vua bảo Nội các rằng : "Chính sách vương giả lấy việc trọng già làm trước, năm trước các đại thần ở Kinh, người có cha mẹ già ở nhà 60, 70 tuổi trở lên, đã hậu thưởng cho nhung, quế, sa, lụa, nay cha của Cao Hữu Dực cũng gia ân cho 3 thanh quế Thanh Hoa hạng tốt, 1 đôi lộc nhung, sa màu, lụa màu mỗi thứ 5 tấm cho Cao Hữu Dực đem về nhà, tuyên dụ ban cấp.

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên đạo Ninh Bình đến phủ Thiên Quang dâng sớ nói : bọn thổ dân thổ mục theo đi đánh giặc, cố sức để chuộc tội, cố nhiên không ví như biền binh, nhưng hơn 5 tháng xông vào chỗ lam chướng, trải qua chỗ hiểm trở cũng là khó nhọc, nay may đã thành công, các biền binh đi trận đã được thưởng tiền cho ăn yến, đều được đội ơn, thì bọn ấy cũng nên cùng thấm nhuần cho tí ơn thừa để tỏ coi dân như một, đã sai quan tỉnh sắm nhiều trâu, rượu và đem con hát đi theo, rồi đương đường truyền cho tập họp lại, chia cho ăn uống, liền ngày chơi hát để được cùng vui, mới lấy nghĩa lý hiểu bảo, bắt phải nộp súng man, có tên Quách Công Phóng, lòng còn trông ngóng lời nói gian dối, lập tức lôi ra chém ngay, cho nên xin đem nộp súng, tất cả được hơn 1.600 cây súng, thế là bọn chúng đã biết sợ phép, nên vỗ về bằng ơn, chi phí dẫu nhiều cũng không thèm tính, không cứ súng dùng được hay không dùng được, xin theo lệ thưởng cho mỗi cây súng 5 quan tiền, khiến cho chúng biết đức ý của triều đình. Còn như việc chia đặt xã thôn, làm sổ đinh điền, hiện đương lần lượt làm tiếp.

Vua phê bảo rằng : "Dùng cả ân oai rất được phong thể đại thần, lòng trẫm thực là khen ngợi, bèn thưởng Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên đều gia quân công 1 cấp, bài đeo cát tường bạch ngọc mỗi người một cái, cùng dây đeo kết ngọc san hô, các thổ ty, thổ mục, thổ dõng đi theo quân đánh giặc, đều thưởng cho có thứ bậc (thổ ty, thổ mục người nào phẩm cao, lại có thực trạng xuất lực, đều thưởng Phi long ngân tiền hạng lớn 4 đồng, người nào phẩm thấp hoặc sự trạng tầm thường, mỗi người 2 đồng, và liệu cho đồ thưởng bằng áo quần, hà bao, thổ dõng người nào theo quân thứ ngay từ lúc quan quân mới đến, thưởng tiền mỗi người một quan, người sau mới triệu tập thì được một nửa quan)".

Lũ Tạ Quang Cự lại tâu nói : "Khi trước quan bắt giặc là bọn Phạm Văn Thuyết phân phái đi đóng chặn các đồn, hoặc bị giặc đánh úp, quân lính có chết và bị thương, hoặc canh giữ sơ sài để cho bọn giặc trốn thoát, duy lúc này việc bắt giặc đương cần, chưa kịp tra rõ tâu vào, xin nhận tội chậm trễ".

Vua nghĩ việc về trước tháng 3, gia ân cho bọn Phạm Văn Thuyết đều giáng 2 cấp. Dụ rằng : "Lũ ngươi lúc trước đem quân đi chậm trễ, thường bị quở trách, sợ đem việc ấy tâu lên, lại bị xử phân, cho nên lần chần, đợi công việc xong mới nói đến, mong được khoan tha, thực là quỷ quyệt để trốn trách nhiệm, trẫm tạm nghĩ khó nhọc ở ngoài lâu ngày, sao nỡ lại bắt tội, nên tha cho, nhưng bầy tôi thờ vua nên thực thà, không nên quỷ quyệt, từ nay về sau nên lấy thành thực làm đầu, mới có thể không hổ phận làm tôi, nếu lòng còn quỷ quyệt, tất có ngày bại lộ, nên phải cẩn thận".

Tổng đốc Long - Tường là Đoàn Văn Phú dâng tập thỉnh an nói : "Ruộng đất của dân hạt ấy, có người nguyên ruộng nhiều mà biên vào sổ ít, có người nguyên ruộng ít mà biên vào sổ nhiều, xin cho dân thú tố cáo, khám thực chữa lại".

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Trước nghĩ các tỉnh ở Nam Kỳ, ruộng đất công tư chưa có mẫu nào, đặc cách sai Kinh lược đại thần khám đạc làm sổ, nhưng kinh lý lần đầu, công việc bề bộn, cẩn thận việc lớn hoặc còn bỏ sót việc nhỏ là thế không tránh khỏi được, nay lời tâu của Đoàn Văn Phú chính hợp ý trẫm, nên thông dụ cho đốc phủ, bố án các tỉnh, thông sức cho lý dịch và các người điền hộ các xã thôn trong hạt, đều cứ ruộng đất công tư hiện cày cấy, nếu trót có ẩn lậu, hạn cho tự năm nay đến năm Minh Mệnh thứ 20, đến quan địa phương mà tra thú, đều không phải tội và không phải nộp thuế bù, nhưng theo ngày đến thú biên vào sổ bắt đầu tính thuế, nếu ngoại hạn ấy còn dám cố ý trái lệnh, thì trị tội nặng hơn một bậc. Còn hoặc nguyên ruộng ít mà biên sổ nhiều thì không cứ hạn năm nay, cho được đến kêu, quan địa phương đến khám, theo thực chữa lại, có sự gian dối kêu bậy, mong giấu bớt ruộng đi, thì phải tội".

Cấm dân gian giềm pha tiền vàng, tiền bạc.

Dụ rằng : "Công dụng tiền của, quý ở lưu thông, Nhà nước mới chế ra Phi long kim ngân tiền hạng lớn hạng nhỏ cùng long văn tiền, nhật nguyệt tinh vân tiền, ngũ bảo bát bảo, các hạng kim ngân tiền có 10 thành, 9 thành, 8 thành, 7 thành không đều nhau, lần lượt ban cấp cho dân tiêu dùng và nộp thuế khóa, thông hành tất cả, đều có giá trị, người đều tiện lợi. Gần đây nghe nói có một vài đứa ngu dại giềm pha cho là pha lẫn đồng kẽm, không phải là bản sắc vàng bạc, mong để lừa dối người có của, ngầm khiến giảm giá để được mua rẻ, cho có lợi nhiều. Kìa như Nhà nước tôn chuộng, tức là quý báu, giả sử nay lấy một miếng đồng, miếng sắt, chạm khắc giá trị vào, ban bố, dân gian dám không theo ư ? Vả lại vàng bạc có phân, có thành, đó là bản sắc, nếu 7, 8 thành không được gọi là vàng bạc ư ? Huống chi giá

Nhà nước định so với giá thị trường lại rẻ, như đồng ngân tiền hạng lớn nặng hơn 7 đồng cân, giá thị trường đến 3 quan 5 tiền mà giá của Nhà nước chỉ 2 quan, dù bạc 7 thành, không đáng giá 2 quan tiền ư ? Còn như nộp thuế, nộp cho Nhà nước, cũng đều chiểu thu, thì người có tiền ấy có thiệt gì đâu ? Mà tiền vàng, tiền bạc lại dám gièm pha như thế, đáng lẽ xét hỏi ngặt, đem những đứa phạm tội ấy chém ngay, cho mọi người biết, lại nghĩ không dạy bảo mà đem giết, người nhân không nỡ làm như thế, nay cho bộ Hộ thông dụ cho các địa phương trong ngoài, sức khắp cho các quan, quân dân và người buôn trong hạt, từ ngày mồng 1 tháng 7 trở về sau, còn dám gièm chê khinh rẻ bác bỏ như trước thì phải tội chết không tha. Người tố cáo bắt được thì được thưởng 10 lạng bạc, đem ngay tài sản của người phạm tội để thưởng, không đủ thì lấy của kho cấp cho. Còn người hống hách quấy rối hoặc nhận của đút, cố ý tha kẻ có tội thì xét xử theo pháp luật. Lại hạ lệnh phàm các hạng quan quân, dân, người đi buôn đều theo giá nhất định mà mua bán (đồng Phi long kim tiền hạng lớn mỗi đồng nặng trên dưới 7 đồng cân, giá tiền là 60 quan, kim tiền hạng nhỏ mỗi đồng nặng trên dưới 3 đồng cân, giá tiền 30 quan ; ngân tiền hạng lớn mỗi đồng nặng trên dưới 7 đồng cân, giá tiền 2 quan ; ngân tiền hạng nhỏ mỗi đồng nặng trên dưới 3 đồng cân, giá tiền 1 quan ; long văn kim tiền mỗi đồng nặng 5 đồng cân thì giá tiền 43 quan, nặng 4 đồng cân thì giá tiền 34 quan, nặng 3 đồng cân thì giá tiền 26 quan, tiền bằng bạc mỗi đồng nặng 1 lạng thì giá tiền 3 quan, nặng trên dưới 7 đồng cân thì giá tiền 2 quan, nặng 5 đồng cân thì giá tiền 1 quan 5 tiền, nặng trên dưới 3 đồng cân thì giá tiền 1 quan ; nhật nguyệt tinh vân kim tiền mỗi đồng nặng 1 đồng cân, giá tiền 9 quan ; cát tường ngũ bát bảo kim tiền hạng nhỏ mỗi đồng nặng trên dưới 1 đồng 5 phân, giá tiền 13 quan), hoặc muốn tăng cao giá lên cũng được, còn khi nộp vào Nhà nước hay nộp thuế đều chiểu giá cho khấu trừ".

Các phận cửa biển Cầu Mông, Đa Nùng tỉnh Phú Yên có thuyền giặc ăn cướp thuyền buôn rồi đi mất, quan tỉnh và quan bắt giặc, viên coi giữ cửa biển đều bị giáng cách. Bố chính là Tôn Thất Lương tự xin đem biền binh giả làm thuyền buôn ra biển để tìm bắt. Vua y cho. Rồi vì giặc biển yên lặng lại đem quân về.

Định rõ lệ thay đổi lính thú ở thành Trấn Tây và tỉnh Hà Tiên. Trước đây nghị định biền binh các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang phái quân đóng ở Trấn Tây, Hà Tiên, vừa cày cấy, vừa luyện tập, cứ 6 tháng một lần đổi, quan tỉnh Hà Tiên cho là kỳ hạn đổi hơi gấp, người đi đóng đồn không thể làm xong được việc cấy gặt, xin một năm một lần đổi. Vua sai tướng quân, tham tán thành Trấn Tây bàn kỹ, đến nay tâu lên nói : "Một hạt Hà Tiên, việc canh phòng

mùa thu, việc cày ruộng mùa đông, sự thể hơi giống như Trấn Tây, về kỳ hạn thay đổi quân đóng đồn xin đều theo lệ định trước, duy đến kỳ thay đổi, chỉ phái một nửa lính mới, lưu lại một nửa lính cũ, lần sau cũng thế, thì người đóng đồn đều 1 năm, lính mới lính cũ đã được giúp đỡ nhau, mà việc làm cỏ và cấy lại được trọn vẹn".

Vua nghe theo lời tâu ấy.

Quan võ tỉnh Vĩnh Long là Phạm Văn Phượng, nhà còn cha mẹ già, xin nghỉ việc về nhà nuôi cha mẹ, quan tỉnh đề tâu lên giúp.

Vua nói rằng : "Quan viên về quê nuôi cha mẹ, luật có nói rõ, nguyên vì người đi làm quan xa, cha mẹ ở nhà sớm tối không có người hầu hạ, mà đặt ra luật ấy, trẫm lấy đạo hiếu trị thiên hạ, vẫn muốn khiến cho ai ai cũng hết đạo hiếu, duy Phạm Văn Phượng có trách nhiệm cai quản quân, và lại quê ở hạt tỉnh ấy cũng có thể thời thường thăm xem, không như người đi làm quan xa, hà tất phải viện lệ kêu xin, không cho về".

Án sát Hà Tiên là Hồ Công Hy thông đồng với thuộc ty nhận của đút lót tha cho bọn giặc, tính tang đến hơn 120 lạng bạc, việc phát ra phải tội chết.

Vua cho Viên ngoại lang ty An Biên thành Trấn Tây là Phạm Ngọc Quang thăng thự Án sát Hà Tiên.

Mới đặt chức Quản phủ phủ An Ninh tỉnh Tuyên Quang. Làm đồn Tuyên Định ở xã Niêm Sơn (thuộc huyện Để Định), địa giới hạt ấy tiếp giáp Cao Bằng, Thái Nguyên, liền với nước Thanh, rất là quan yếu. Tổng đốc Lê Văn Đức tâu xin chọn đặt quản phủ, thêm quân đóng giữ bắt phải tìm bắt giặc trốn. Lại xét thấy địa thế xã Niêm Sơn phía trên đến Vân Trung, ngang qua đồn Tuyên Tĩnh, phía dưới đến huyện lỵ Để Định, đường sá cùng thông, dân cư hơi đông, gặp khi có việc cũng dễ bắt lính, xin đặt một đồn gọi là đồn Tuyên Định, liệu phái biền binh đóng giữ, để cùng đồn Tuyên Tĩnh chống đỡ với nhau và làm thanh ứng cho huyện nha Để Định. Vua nghe lời tâu ấy, cho Quản cơ Tuyên Quang là Phạm Văn Khai làm Quản phủ An Ninh, kiêm quản biền binh đóng giữ 2 đồn Tuyên Định, Tuyên Tĩnh đi lại tuần tiễu ở Vân Trung.

Án sát Tuyên Quang là Nguyễn Văn Liễn tâu nói : "Những biền binh thuộc tỉnh và biền binh đóng giữ, lần lượt phái đi Vân Trung, Ngọc Mạo bắt giặc, chỉ còn hơn 40 người, rất là ít ỏi, yếu ớt, đã tư cho Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Lê Văn Đức phát thêm lính thú để đóng giữ". Vua cho là phải, sai Lê Văn Đức phái thêm lính cơ tỉnh Sơn Tây, chia nhau đến Tuyên Quang, Hưng Hóa, cùng với lính thú phái đi

trước, cứ 6 tháng một lần đổi. (Lệ trước mỗi tỉnh 200 lính, nay phái thêm mỗi tỉnh 100 lính nữa). Nhân dụ bộ Binh rằng : "Bố, Án có trách nhiệm giữ bờ cõi, giữ vững thành trì là việc cần nhất, gặp việc sai phái tất phải tính toán trước, nếu thấy số lính hơi ít ỏi, ra vẻ yếu ớt thì một mặt tâu lên, một mặt tư cho tỉnh bên cạnh điều thêm lính, không nên khinh thường phái đi hoặc để sơ hở. Vả lại, Lê Văn Đức đối với Hưng Hóa, Tuyên Quang, chức được cai quản cả, việc tỉnh ấy và số quân nhiều hay ít, từng đã biết sẵn, nếu hạt nào gặp có việc bắt giặc mà số lính ít, thì khi tiếp được tờ tư điều quân, phải lập tức phái đi ngay, hoặc biết trước là có việc, cũng chước lượng tùy theo nặng nhẹ, liệu phái quân đến đóng giữ để đủ trấn áp, rồi sau đem việc ấy tâu vào mới là thỏa đáng, đấy là việc cốt yếu phòng bị từ trước khi xảy ra, không những các tỉnh Sơn - Hưng - Tuyên mà thôi, nên thông dụ cho Đốc, Phủ, Bố, Án các tỉnh tả trực hữu trực, phàm có việc giống như thế, đều theo như thế mà làm".

Vua cho thự Phó vệ úy vệ Tiền dinh Thần cơ trước là Phan Văn Hứa làm Phó vệ úy vệ Trung nhất quân Vũ lâm ; Phó vệ úy vệ Tả dinh Hổ uy là Nguyễn Văn Vinh làm Phó vệ úy vệ Trung nhị.

Cho Vệ úy quyền lĩnh Quản cơ cơ Hưng hùng là Lâm Uy làm Vệ úy vệ Hưng Hóa, Quản cơ cơ trung Sơn Tây là Phạm Văn Hề làm Phó vệ úy vệ Sơn Tây.

Sửa xây mặt trong phía tiền hữu thành ở Kinh (xây bằng gạch, trên rộng 1 thước 8 tấc, dưới rộng 2 thước 8 tấc, chân rộng 2 thước 9 tấc 5 phân). Vua sai quyền Chưởng ấn triện Tiền quân là Phạm Hữu Tâm, Thống chế là Nguyễn Tăng Minh coi làm việc ấy.

Kinh lược sứ Trương Đăng Quế, Phó sứ Nguyễn Đăng Giai ở đạo quân Thanh Hoa, nghiêm đốc thúc bọn thú đinh và người cố sức làm việc chuộc tội, lần lượt bắt được đầu mục giặc là Hà Công Tư (người sách Cổ Lũng, ngụy xưng Khang Vũ quân điều bát), Lê Phi Hiếu (người động Khương Chính, là con giặc chết chém Lê Phi Ba, ngụy xưng Phó tướng), yếu phạm của giặc là Lê Phi Ất, Lê Phi Bài và bọn thân của tối yếu phạm là Hà Công Kim, Phạm Thúc Liêm vài mươi người đem nộp, duy 2 giặc Công Kim, Thúc Liêm vẫn chưa bắt được, bọn chúng kêu xin gia hạn cho, bèn sai giam lại đợi Chỉ, rồi đem việc bắt giặc chưa xong, dâng sớ xin gia hạn.

Vua nói rằng : "Bọn làm việc chuộc tội và ra thú, trước đã được quân thứ tâu xin tha cho đi bắt giặc để chuộc tội, nếu dằng dai không có công hiệu gì thì đối với lời nói trước làm sao ? Nhưng hiện nay nóng nực, lam chướng chính nhiều, lại thêm mưa rừng xuống nhiều, nước suối chảy mạnh, việc bắt giặc không thể chốc lát xong

ngay được, thực là sự thế xui nên, nay không cần bắt buộc hạn gấp, chỉ nên gia tâm đốc sức khiến cho đều ra sức tìm bắt, cốt được thành công, chớ để cho ngôn quan phải hặc tội mà thôi".

Rồi cho triệu Trương Đăng Quế về Kinh. Dụ rằng : "Ngươi là đại thần nhất phẩm, chức giữ cơ mật trọng yếu, há nên ở ngoài lâu, nay việc kinh lý đã làm xong, chỉ còn 1, 2 đứa giặc trốn, cho giao cho Nguyễn Đăng Giai nghiêm đốc bọn thú đinh và làm việc chuộc tội tìm bắt, cốt bắt được 2 yếu phạm là Hà Công Kim, Phạm Thúc Liêm để kết án trị tội, khi ngươi tiếp được dụ đến, lập tức đi thong thả về Kinh cung chức. Rồi thì Nguyễn Đăng Giai phái ủy Suất đội Vũ Đình Lượng cùng bọn hiệu lực là Hà Công Đức bắt được Hà Công Kim đóng cũi giải về Kinh. Tin đến nơi, vua rất mừng lập tức dụ cho Trương Đăng Quế vẫn theo dụ trước về Kinh, Nguyễn Đăng Giai cũng cho vào yết kiến, những biền binh đi trận ấy đều cho rút về nghỉ ngơi, tên giặc còn trốn là Phạm Thúc Liêm, sai quan tỉnh hạn ngặt cho bọn hiệu lực, thú đinh tìm bắt. Thưởng cho Vũ Đình Lượng kỷ lục một thứ, binh dõng thưởng chung cho 400 quan tiền. (Giặc Hà Công Kim giải đến tỉnh Hà Tĩnh, nhân bị thương nặng gần chết, bèn đem giết đi). Có Động trưởng động Trịnh Vạn là Cẩm Bá Hiển, trước theo quân đi bắt giặc, bị giặc bắt được, giặc dỗ, không theo giặc liền bị hại, bọn Quế đem việc ấy tâu lên, vua khen tốt, cho truy tặng Cai đội, hàm Tòng ngũ phẩm, làm đài kỷ niệm ở làng, ban cho biển ngạch "Trung tiết" để nêu khen.

Quế lại tâu nói : "Thổ ty, thổ mục người đã theo đi đánh giặc dự có công trạng, thì xin bổ riêng chức hàm cai đội, đội trưởng, theo tỉnh sai phái, còn bọn nguyên phòng ngự, thiêm sự, phòng ngự đồng tri, lúc thổ phỉ bắt đầu nổi loạn, im lặng không phân biệt phải trái, mặc kệ cho chúng làm, đâu được danh sắc như trước, xin đều cách chức, trong đó có người còn sai khiến được thì do tỉnh tâu xin đổi bổ chức hàm bá hộ, còn thì bắt về quê chịu sai dịch". Vua nghe theo.

Quế lại dâng sớ đem 16 tên đầu mục giặc đến quân thứ thú tội, xin phân biệt phát làm binh. Vua đặc cách chuẩn cho tạm tha tội chết, giao cho tỉnh giam giữ, bắt phải ủy cho thuộc hạ bắt cho được chính yếu phạm là Phạm Thúc Liêm mới được lượng giảm nhẹ tội, đến khi hết hạn không được công trạng gì, người danh mục to thì phát sung quân nơi cực biên yên chướng, người danh mục nhỏ thì phát sung quân nơi biên viễn, người làm việc chuộc tội là Hà Công Đức cùng bọn Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Huy Chiểu rồi cũng bị giam, Công Đức rồi chết ở trong ngục.

Vua cho Hữu tham tri bộ Binh là Hà Quyền được bổ làm Tả tham tri bộ Lại, vẫn sung Cơ mật viện đại thần, Hữu thị lang bộ Hộ là Đào Trí Phú thăng thự Hữu

tham tri bộ Hộ ; Lang trung biện lý công việc bộ Công là Bùi Quỹ thăng thự Hữu thị lang bộ Công ; Cấp sự trung Bình khoa là Trần Hiển Doãn thăng thự Lang trung bộ Công, biện lý việc bộ ; Hữu thị lang bộ Công phải cách lưu là Nguyễn Đắc Trí đổi bổ làm Lang trung bộ Hộ, biện lý việc bộ.

Bố chính Hưng Hóa là Nguyễn Khắc Tuân có tang nghỉ, cho Tả thị lang bộ Hình là Ngô Dưỡng Cáo làm Bố chính Hưng Hóa, hội đồng với Án sát Trịnh Văn Nho hộ lý ấn tuần phủ quan phòng.

Vua dụ Nội các rằng : "Tỉnh Hưng Yên năm trước gặp nạn nước lụt, lúa thóc mất mùa, trẫm nhiều cách cứu chữa, đào sông, đắp đê để giữ ruộng nương, gần đây nghe nói lúa chiêm tốt bội thường hơn các năm trước nhiều lắm, chắc là dân ta lấy năm được mùa, bù năm mất mùa, nguyên khí lại như trước, duy ở Kinh liền ngày mây đen dày khắp, trông về phía bắc thì nước sông mênh mông. Vả lại tính đốt ngón tay gần đến tiết Hạ chí, mà ở Bắc Kỳ, khí hậu mùa hạ, mưa cơn mưa trận thường xuống, nước lụt thường nhiều, hơn nữa lại bờ sông Cửu An đê nhỏ, mới đắp, đất chưa bền chặt, thực thấy không được yên tâm, nên truyền dụ cho Hà Thúc Lương lập tức sức khắp các nhà làm ruộng trong hạt đem cả đàn ông, đàn bà thu hoạch lúa thóc đem cất, chọn để vào chỗ cao cho khỏi có sự lo bất ngờ, còn đê điều cũng thượng khẩn nghiêm đốc phòng hộ, không được sơ sài trễ nải chút nào".

Thúc Lương liền tâu nói : "Dân gian thu hoạch đều đã xong, duy nước sông lại lên, hơn mực nước đầu mùa xuân 4 thước 6 tấc, tràn vào chân đê trên dưới 2 thước. Vả lại, sông Cửu An đê nhỏ, nguyên để ngăn nước lụt mùa hạ, giữ lúa chiêm mà thôi, đất đê ấy thấp mỏng, chưa được dính liền, nếu không tháo nước vào đồng, sợ nước sông lên mạnh, xếp đặt không kịp, không khỏi tai họa vỡ đê, xin thân đến khám, tùy tiện khơi đào, đợi đến sau tiết Tam phục[1], nước sông dần trút xuống, lấp lại như cũ, rồi đem những chỗ đê hạ lưu đào ra trước mở ra, cho nước lụt ở ruộng đồng chóng tiêu, để kịp cấy vụ mùa".

Vua phê bảo rằng : "Thế là thế phải như thế, chỉ được làm như thế".

Sai quan ghi chép tập *Minh Mệnh chính yếu*.

Cơ mật viện lũ Hà Quyền tâu nói : "Làm việc có kỷ cương pháp độ, công bình chính đại, nếu nắm được cốt yếu thì không khó nhọc và việc làm được thành, ngày xưa như thiên Điển thiên Mô đời Đường Ngu, bài Huấn bài Cáo đời Hạ, Thương, Chu, đại cương đại yếu về phép trị dân trị nước, sáng tỏ đáng làm gương, xuống đến

(1) *Tam phục* là sơ phục, trung phục, mạt phục, kỳ phục thứ ba vào đầu tháng 7 âm lịch.

đời sau, các sách *Trinh Quán khai nguyên chính yếu* đời Đường, sách *Tam triều bảo huấn* đời Tống, cũng đủ thấy trị thể một đời ở đấy.

Hoàng thượng ta sửa sang đổi mới, trăm việc đều làm, mà nói về cương lĩnh cơ yếu thì cốt ở kính trời theo phép trước, chăm làm việc, yêu nhân dân, đặt ra quân đội, thương sót việc hình, sửa việc văn, dạy việc võ, cầu người hiền, xét quan lại, trọng việc nông, chuộng tiết kiệm, cùng là việc đắp thành lũy, giữ vững bờ cõi, nhớ lại tự năm Minh Mệnh thứ nhất đến nay 18 năm, thể thống trị nước rực rỡ hơn xưa, xin phái Lang trung đến Tư vụ 6 bộ thuộc viện Đô sát viện và Nội các, người thông hiểu có văn học, mỗi sở một người, đem các bản chữ son, cùng bản biên của viên Khởi cư trú, chia ra môn loại, chép lại làm một sách *Minh Mệnh chính yếu*. Lũ thần đi cắt lượt nhau đi xem xét làm việc, phàm các việc cứ thực viết thẳng, để tỏ là sách chép sự thực, sách làm xong, xin cho in ra, để cho cả nước cùng xem, truyền về đời sau cho biết việc cốt yếu trị nước bình thiên hạ gốc ở đấy cả.

Vua theo lời tâu ấy, cho lấy viện Tả đãi lậu làm sở hội họp làm việc.

Nhân dụ rằng : "Trẫm xem sách *Trinh Quán chính yếu* có chép cả việc nhà Tùy, cũng việc đời Vũ Đức[1] đến cả tờ thư của Thế Tích đưa có Lý Mật cũng chép cả vào, sao gọi là *Trinh Quán chính yếu* ? Nay *Minh Mệnh chính yếu* nên chép sự thực, không chép hư danh, phàm việc thuộc về đời Gia Long cùng những việc không quan hệ đến chính thể, đều bỏ đi thì phải".

Trương Minh Lượng, quyền Tri huyện Trà Vinh tỉnh Vĩnh Long tra tấn người đến chết, bị quan tỉnh đem ra hặc tội, Lượng bèn đem ấn vượt địa giới đến Gia Định, vu khống bịa đặt ra tệ quan tỉnh làm việc thiên tư, xin tâu giúp cho. Tổng đốc Gia Định là Nguyễn Văn Trọng đem việc ấy tâu lên. Vua sai Nguyễn Văn Trọng cùng Bố chính Hoàng Quýnh làm Khâm sai đại thần đem cả bị can và làm chứng xét hỏi, sai thị vệ đem cờ bài khâm sai cấp cho. Trọng lấy cớ Trương Minh Lượng có tình thân họ ngoại, tâu xin trốn tránh. Vua không nghe, dụ rằng : "Đem lòng trung thờ vua là chức phận nhân thần, há không nghe người đời xưa làm việc công quên tình riêng, không kiêng người thân, không tránh kẻ thù ư ? Huống chi Lượng với ngươi vốn không phải để tang nhau, việc gì mà tránh, ngươi là đại thần của nước, được trẫm chọn phái đi làm việc, chỉ nên giữu đạo công và lòng trung, bỏ hết tính quen biết, cốt tra ra thực tình, không oan uổng không tha, để xứng đáng với chức vụ trẫm đã ủy cho". Đến khi thành án, Minh Lượng phải mãn lưu [lưu 2.000 dặm].

---

(1) *Vũ Đức* : niên hiệu của Đường Cao Tổ, Trinh Quán là niên hiệu Đường Thái Tôn.

Vua sai bọn Viên ngoại lang hộ lý quan phòng Vũ khố là Lê Quang Quỳnh đi thuyền Nam Hưng sang Quảng Đông làm việc quan.

Quan tỉnh Hà Tiên tâu nói : "Đường quan báo tự trạm Phù Dung ở tỉnh lỵ đến phủ lỵ Quảng Biên, dài hơn 10.000 trượng, quãng giữa có một núi đất (cách tỉnh lỵ nửa ngày đường) bên tả tiếp giáp bãi biển, bên hữu giáp rừng rậm, chỗ ấy thực là xung yếu ; xin đắp một thành đất gọi là thành Thổ Sơn (mặt trước tự góc bên tả đến góc bên hữu dài 17 trượng, cao 7 thước dày 1 trượng, ngoài đóng cọc gỗ, trong đắp đất đầy, hào rộng 2 trượng 3 thước, sâu 5 thước, đoạn giữa mở một cửa cao 7 thước rộng 6 thước, trên làm một cái nhà vuông, mặt sau từ góc tả đến góc hữu dài 28 trượng 4 thước, đóng cọc gỗ, 2 góc tả hữu, ngoài đóng cọc gỗ, trong đắp đất dầy, đoạn giữa cùng mở một cửa, cao 7 thước, rộng 6 thước, trên gác bằng gỗ, tự tả hữu mặt trước đến tả hữu mặt sau, đều 11 thước chia đặt súng gang phách sơn, súng đồng quá sơn, mỗi nơi 2 cỗ, 2 bên tả hữu thành làm nhà cho quân ở 1 tòa 3 gian), trên đỉnh núi làm một chòi canh (cao 1 trượng 4 thước), một chỗ để đốt lửa báo hiệu (cao 1 trượng 5 thước), phái 1 suất đội, 50 biền binh để đóng giữ, thì trong có thể làm chỗ che cho tỉnh lỵ, ngoài có thể làm tiếp viện cho phủ Quảng Biên".

Vua y cho.

Tỉnh Quảng Trị lúa chiêm mất mùa. Vua cho thóc tô phải nộp năm nay và để thiếu tự năm trước, cho dân chiết nộp bằng tiền. Vua lại sai Lễ khoa Cấp sự trung là Hà Thúc Trương, Công khoa Cấp sự trung là Mai Hữu Điển đi phát tiền thóc cho dân vay.

Vua dụ rằng : "Toàn hạt Quảng Trị đất xấu dân nghèo, liền năm mất mùa, tuy dân hèn hết sức cấy gặt, nhưng cũng không được thường đủ, trẫm rất nghĩ bồi đắp vun giồng, để đời sống của dân được no đủ, năm ngoái trẫm đi tuần thú, dụ sai quan tỉnh hỏi khắp trong dân trong hạt có ai nghèo túng thì cho vay tiền thóc công, sau cứ tâu nói, dân không muốn lĩnh, nay như trẫm nghĩ đến đời sống của dân mà làm việc giúp đỡ cho kẻ không đủ, thế mà quan địa phương không biết bảo rõ ý đức triều đình, không làm cho dân tin, để cho dân hèn hoặc ngờ là khi lĩnh nộp tiền thóc, nha lại chưa chắc không nhũng nhiễu, cho nên không dám vay, và dân nhận vay do tổng lý bảo kết, hoặc giả cho là nếu có 1, 2 đứa trốn hay chết, thì không khỏi phải trả đền, cho nên không dám đứng lên nhận vay chăng ? Những ẩn tình ấy, lẽ cũng tất có, trẫm làm cha mẹ dân, muốn cho ai cũng được yên ở làm ăn, đâu có vì thế so kè mà không cứu chữa cho dân ư ? Nay cho chọn quan khoa đạo cầm cờ tiết, đi ngựa trạm đến khắp các xã thôn bảo rõ lòng thực thương dân của trẫm, khiến

cho dân đều tin, rồi lại hỏi rõ dân nghèo thực có quẫn bách khổ lụy, mà tình nguyện vay tiền của Nhà nước tự 10 quan đến 100 quan, thóc tự 10 hộc đến 100 hộc, không cứ có tổng lý bảo kết hay không, lập tức đem tiền thóc trong kho tỉnh ấy cho vay, hạn đến vụ hạ năm sau, nộp trả Nhà nước, không phải trả lãi, nếu thóc năm ấy chưa được thuận hòa, thành thục, xin hoãn lại 6 tháng hay 1 năm cũng được, gián hoặc có người không may bị chết mà con cháu không đủ sức trả nợ, hoặc cố ý trốn đi mất, đều tha cho cả, không bắt thân thuộc và tổng lý nộp đền. Vả lại triều đình chăm thương dân hèn, cho nên đem của kho Nhà nước cho vay, khiến cho sinh lý ngày càng tấn tới, nguyên để giúp người nghèo, không tiếp thêm cho người giàu, những người được lĩnh tiền vay, nếu có nợ cũ của nhà giàu, cấm nhà giàu không được tìm cách ức hiếp, bắt phải trả lại, ai trái lệnh này, phải trị tội nặng".

Bọn Thúc Trương đến nơi phát cho dân vay hơn 27.800 quan tiền và hơn 1.400 hộc thóc, dân đều được lợi. Vua thưởng cho bọn Trương đều gia một cấp và mỗi người một bó vải (mỗi bó 10 tấm, 5 tấm vải màu, 5 tấm vải trắng). Vua lại nghĩ số quan điền quan thổ tỉnh Quảng Trị nhiều mà ngạch thuế hơi nặng, đặc cách gia ân cho làm hạng công điền công thổ, giao cho dân quân cấp, chiểu theo đẳng hạng công điền thổ nộp thuế, bắt đầu từ Minh Mệnh năm thứ 19.

Đổi huyện Thuận An tỉnh Gia Định làm huyện Cửu An (vì có trùng tên với phủ Thuận An tỉnh Bắc Ninh).

Vua sai phủ Thừa Thiên san phẳng núi Phúc Tượng, núi Phú Gia và núi Hạ. Trước đây, vua đi tuần tỉnh Quảng Nam, đường đi tự núi Phúc Tượng đến đèo Hải Vân, qua 2 lần núi cao, các người theo hầu khó nhọc, cho nên sai liệu san phẳng đi, để tiện cho người đi (chỗ cao nhất 2 núi Phúc Tượng, Phú Gia san thấp xuống 1 trượng, chỗ cao nhất là núi Hạ san thấp xuống 7 thước, đều hạn bề rộng 2 trượng, lại đem đất đá san ra, bỏ ra 2 bên và lấp vào các hố ở đoạn dưới), các dân phu làm thuê, hậu cấp cho tiền gạo. Đến lúc công việc xong, vua thưởng cho Kinh doãn cùng huyện viên đốc biện đều được kỷ lục một thứ.

Cho Đô thống dinh Thần cơ kiêm chưởng Tiền quân là Phạm Hữu Tâm giả chức Kiêm quản thủy quân chuyên làm công việc ở quân doanh.

Vua cho Giám sát ngự sử đạo Lạng - Bình là Phạm Huy Diệu làm Lang trung bộ Công.

Cho Tả tham tri bộ Lại là Hà Quyền tạm giả chức Cơ mật viện, kiêm làm công việc bộ Công ; Thị lang bộ Lễ gia hàm Tham tri sung biện các vụ là Nguyễn Tri Phương quyền sung Cơ mật viện đại thần.

Bắt đầu đặt nha môn Mộc thương. Trước đây công việc Mộc thương, bộ Công trông coi cả, Viên ngoại lang thuộc bộ chuyên làm việc kho là Nguyễn Trực Phương đem việc nên làm, bẩm báo lên, quan bộ Công không chịu để đạt, Trực Phương bèn làm tập riêng bày tâu : xin chia người làm việc ở kho làm 2 : một là mộc thương chủ thủ, một là mộc thương đốc công, phàm việc chi tiêu, đối chiếu với nhau. Lại xin theo lệ Nội vụ, Vũ khố thay đổi nhau, khiến cho đều biết niên phận, nghĩ tự cố gắng.

Vua cho là quan bộ Công đùn đẩy nhau không phải lẽ, đều phải phạt.

Bèn chuẩn cho nghị định đặt riêng nha môn mộc thương, phàm các gỗ chứa cất thu chi, đều thuộc nha ấy, giám lâm, lang trung, viên ngoại lang, mỗi chức một người, thuộc nha gọi là ty Thanh thận ; chủ sự, tư vụ, mỗi chức một người ; bát cửu phẩm thư lại, mỗi chức 2 người ; vị nhập lưu thư lại 20 người, chế cấp cho ấn quan phòng bằng đồng (khắc 4 chữ "mộc thương quan phòng") và kiềm ngà (khắc hai chữ "mộc thương"), phàm những việc nên tâu, giám lâm tự làm tờ tâu riêng, bộ Công không kiêm quản nữa, nếu tư cho các địa phương, do bộ có liên quan phải tư. Lại đặt ty Doanh thiện ở mộc thương đốc công, phàm các thợ cùng cơ đội Kiên chu, Thiện chu trước thuộc thủy sư đều thuộc cả vào ty ấy, vẫn thống thuộc vào bộ Công, đặt 1 đốc công, lấy người có hàm viên ngoại lang sung làm chức ấy. Thuộc ty : chủ sự, tư vụ, mỗi chức 1 người, bát cửu phẩm thư lại mỗi chức 2 người, vị nhập lưu thư lại 15 người, dấu đồ ký và kiềm của ty Doanh thiện quan cấp cho trước, nay giao cho viên đốc công giữ để làm việc, chức viên ngoại lang trở lên sẽ do đình thần cử, còn tự chủ sự đến bát cửu phẩm thư lại, ở mộc thượng thì do bộ Lại, ở đốc công thì do bộ Công chọn bổ, sau có khuyết thì do viên cai quản chọn thuộc viên tâu xin thăng bổ, vị nhập lưu thư lại cũng đều mộ người sung cho đủ ngạch. Tự lang trung đến tư vụ đều cấp bài ngà, còn chủ sự tư vụ chiểu theo lệ Nội vụ, Vũ khố lần lượt ứng trực. Lại định chương trình để thi hành. (Về nha môn mộc thương, phàm những gỗ ở Kinh và tỉnh ngoài hằng năm cung nộp và mua về, có bộ Công giao cho thu và xẻ ra làm việc, còn thừa chia từng hạng thu cất. Lại chiểu số gỗ hiện cất, xem xét thừa thiếu, thứ nào nên mua thêm cho đủ dùng phải tính toán trước, hằng năm cứ kỳ tháng 9 tháng 10 tâu xin, sau khi được Chỉ, đưa sang bộ Công tư đi làm việc, để tiện đến kỳ tải năm sau đệ nộp. Nếu gặp công trình tu tạo tất cả việc lớn việc nhỏ, có bộ Công tư phát, thì chước lượng số chi, cốt cho vừa phải, hoặc bất kỳ tiếp nội giám thị vệ truyền bảo làm đồ vật, lập tức bảo sở đốc công nhận lĩnh để làm, nhưng phải đem sự việc tâu lại và tư bộ lưu chiểu. Gỗ ở kho, 3 tháng 1 lần làm sổ sách phụng thủ, đến cuối năm cứ số gỗ cất trước và mới thu

vào, khai tiêu và hiện còn, hội lại làm sổ cho, xong đều do bộ Công xét lại. Những gỗ thu vào tiêu và hiện còn, cùng số thuyền tăng giảm của bộ Công, hết năm hợp lại làm sổ sách gấm vàng tiến lên vua xem. Việc thanh tra vẫn theo lệ định lấy năm Tỵ, năm Hợi làm kỳ hạn, do bộ Công tâu xin, sai quan tra xét.

Về ty Doanh thiện ở Mộc thương. Phàm gặp có việc hưng tạo, tính nhân công, tính giá vật liệu, trao cách thức cho các người chuyên biện, liệu lấy thợ làm việc, hằng năm kỳ tháng 7, liệu tính số thợ nên lưu nên giảm, bẩm bộ đưa theo để làm, kỳ tháng 12 lại tính số thợ cần dùng báo bộ tâu xin triệu tập, để mùa xuân năm sau đến làm việc, còn số thợ chế tạo xong do nha môn Mộc thương dâng nộp, giấy tờ lĩnh nộp, đều do bộ Hộ nhận thực.

Về dinh thự của nha môn Mộc thương ở các xưởng gỗ, xây tường xung quanh, chọn làm 1 tòa nhà ngói 3 gian 2 chái làm sở làm việc quan. Một tòa nhà ngói xung quanh xây tường gạch quan cấp cho trước, vẫn giao cho viên dịch đốc công ở. Biền binh canh giữ ở kho, theo lệ trước 1 quản vệ, 2 suất đội, 100 biền binh, cứ 3 tháng 1 lần đổi. Từ tháng 4 đến tháng 7 phái thêm 1 suất đội, 50 biền binh do viên thủ hộ chiểu theo nhiều việc hay ít việc trích phái đến canh giữ sở đốc công. Tiền công thu hằng năm về mộc thương 110 quan tiền, sở đốc công 50 quan tiền, đều lấy vào trong số 500 quan tiền công nhu của bộ Công). Rồi cho Viên ngoại lang bộ Hình là Nguyễn Công Dao thăng thự Lang trung Mộc thương, đổi bổ Nguyễn Trực Phương làm Viên ngoại lang Mộc thương, Chủ sự Nguyễn Văn Tố thăng thự Viên ngoại lang bộ Công sung làm đốc công Mộc thương. Đổi cơ đội Kiên chu, Thiện chu làm tượng cục Kiên chu, Thiện chu sở Mộc thương đốc công, đặt chánh phó giám đốc để cai quản, cho Quản cơ Đinh Văn Quý làm Giám đốc sở Mộc thương đốc công, Cai đội Lê Văn Xuyên sung chức Phó giám đốc, phàm công việc về thợ cùng với Viên ngoại lang ty Doanh thiện bàn bạc mà làm. Ở tượng cục Kiên chu, đặt chánh bát phẩm, chánh ty tượng, tòng bát phẩm, phó ty tượng mỗi chức 5 người ; chánh tòng cửu phẩm tượng mục mỗi chức 10 người . Ở tượng cục Thiện chu đặt chánh bát phẩm, chánh ty tượng, tòng bát phẩm, phó ty tượng mỗi chức 1 người, chánh tòng cửu phẩm tượng mục mỗi chức 1 người, lấy suất đội, tri bạ, thư lại cũ sung làm các chức ấy, còn binh đinh đều làm thợ ở cục (Kiên chu 490 người, Thiện chu 87 người).

Vua nghĩ mùa hạ nắng nực, lính Kinh nhiều người ốm, cho nghỉ việc vài ngày, phái thầy thuốc chia nhau đến các sở thợ điều trị, người nào xin về quê thì cấp hạn cho về, người nào xin lưu ngũ thì tùy theo bệnh nặng nhẹ cấp thêm tiền lương tháng

(ốm nặng 1 quan, ốm nhẹ 5 tiền), trước ăn gạo giã dối, đổi cho ăn gạo trắng. Còn bọn y sinh, chuẩn cho định khóa trình, cứ 3 ngày 1 lần, do bộ xem xét, phân biệt thưởng phạt.

Tỉnh Cao Bằng bị nước lụt, 2 phố Mục Mã, Lương Mã ở ngoài thành cùng nhà dân quanh tỉnh trôi mất hơn 100 nóc nhà, có người bị chết đuối. Vua giáng dụ cho quan tỉnh xuất tiền, gạo phát chẩn cho dân.

Bố chính Cao Bằng là Trần Huy Phác tâu nói : "Thự phủ Trần Văn Tuân đi bắt giặc ở Vân Trung, binh dõng đem đi không kém 2.000 người, tiền gạo tỉnh ấy không đủ cung cấp, mà kho tàng tỉnh Lạng Sơn cũng chưa đầy đủ, xin tư cho tỉnh Bắc Ninh vận tải 10.000 phương gạo đến Lạng Sơn chuyển giao đến tỉnh để đưa đến quân thứ. Vua bèn dụ Trần Văn Tuân rằng : "Ngươi đem quân đi bắt giặc, đã hơn 10 ngày, chưa thấy tâu báo tình hình, mà việc vận tải lương quân, cứ Trần Huy Phác tâu lên thực là khó khăn, hơn nữa tỉnh Bắc Ninh gần đây mất mùa, tỉnh Cao Bằng mới bị nạn lụt, dân tình không khỏi quẫn bách, vả lại đi khắp rừng tìm muông thú, chưa chắc chốc lát có thể bắt được, mới một việc lương quân, động nhọc đến 3 tỉnh, lòng trẫm thực không nỡ làm như thế, và nay nóng nực quá, đem quân đi vào tháng 6, nhà binh vẫn kiêng, lại thêm vào kỳ mưa rừng thường trút xuống, xông pha ở chỗ lam chướng lâu, thực nhiều điều không tiện, khi dụ này đến nơi, nếu đã bắt chém được đầu sỏ giặc, trẫm cho ngay là công của ngươi, lỗi trước đều không hỏi đến. Cho đem binh dõng khải hoàn và báo ngay cho Trần Ngọc Lâm, Nguyễn Đăng Khánh ở đạo Tuyên Quang rút quân về tỉnh, nếu giặc đã bay xa, còn phải tìm bắt, thì sai thổ mục, thổ dân sở tại tìm bắt, cùng lập tức rút quân về, khỏi phải vận lương không kịp".

Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng tâu nói : "Thuế thân các xã thôn mới đặt thuộc phủ Tây Ninh, nộp thay bằng dầu rái, nhựa trám, có nên theo ân chiếu cũng như người Kinh, đều được quyền hoãn không, và xin ban cho chữ tên họ, để phân biệt nòi giống".

Vua nói rằng : "Dân Man ấy đã thuộc về đồ bản sổ sách của triều đình, thương dân như một, há nên chia rẽ kia khác, về lệ nộp dầu nhựa năm nay cũng gia ân tạm hoãn 5 phần 10, còn như ban cho họ thì cho chép ra 1 tờ kê các họ liệu mà ban cho (như các chữ Lý, Đào, Dương, Hạnh, Ngưu, Đương, Tượng, Mã v.v...)".

Lại nghĩ hạt phủ ấy đất nhiều chỗ bỏ không, cho lấy lính cơ đóng giữ và một nửa thổ binh mới tuyển cho đi khai khẩn, Nhà nước cấp cho canh ngưu điền khí, thóc giống, hằng năm thu hoạch xong, đem thóc chứa vào kho ở phủ.

Lãnh binh Quảng Bình là Tô Huệ Vân tuổi già về hưu trí. Vua cho Vệ úy vệ Hậu nhị quân Vũ lâm là Nguyễn Lương Nhàn thay chức ấy.

Mới đặt vệ Long thuyền.

Vua sai bộ Binh chọn thủy sư, những người am hiểu lấy 150, hợp với 3 đội Phụng thị cũ đặt làm 1 vệ 6 đội, cho thự Phó vệ úy thủy sư là Đoàn Khác đổi thự Phó vệ úy vệ Long thuyền.

Đổi tên cầu An Hội làm cầu Gia Hội, lập chợ Gia Hội, xây dựng phố dài.

Vua nghĩ một dải phố bờ phía đông sông tả hộ thành, dân cư xen lẫn nhà gianh, thường bị nạn cháy, bèn sai thự Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Lê Văn Thảo coi đem biền binh làm nhà ở chợ Gia Hội lợp bằng ngói (89 gian), mặt trước chợ ra đến sông làm một cái đình gọi là đình Quy Giả, đình làm 2 tầng, lại từ phía bắc cầu Gia Hội đến chỗ ngang với góc đài Trấn Bình làm lên phố dài gọi là phố Gia Hội, Đông Ba, Đông Hội (Tất cả 399 gian, đài suốt hơn 319 trượng, dân xin làm lại 147 gian, Nhà nước làm 252 gian, đều cột bằng gạch, xây bằng vôi, mặt trước làm cửa ngõ, cứ 3 gian ngăn bằng tường gạch, mặt sau xây gạch, vách mở cửa cuốn, sau vách để không 5 thước làm đường nhỏ, từ phía bắc cầu Gia Hội đến phía nam cầu Đông Ba gọi là phố Gia Hội, từ phía bắc cầu Đông Ba đến phía nam cầu Thế Lại gọi là phố Đông Ba, từ phía bắc cầu Thế Lại đến chỗ ngang với góc đài Trấn Ninh gọi là phố Đông Hội, bờ sông xây bờ đá, lan can xây bằng gạch để ngăn chắn).

Cho dân thường tự làm hai nhà thì không phải đóng thuế địa tô, nhà của Nhà nước làm mà dân muốn ở thì mỗi gian mỗi năm nộp tiền 20 quan, nhận đủ 120 quan thì được nhận làm của riêng, tiền ấy do phủ Thừa Thiên thu giữ, để phòng chẩn cấp cho dân nghèo và chi phí việc sửa sang cầu cống, đường sá. Quan phủ Thừa Thiên lại xin ở 2 tầng trên, dưới đình Quy Giả như gặp khi có xe vua đi qua đều đặt hương án, treo cờ đỏ để đón và tiễn theo như lễ nghi. (Các phố Gia Hội, Đông Ba, Đông Hội cũng thế). Còn ngày thường ngồi từng hàng và lên đấy ngoạn cảnh thì không cấm. Các người bày hàng ở phố chợ thì chia ra từng hạng đánh thuế (hằng năm 1.286 quan tiền) cùng với tiền nhà ở phố phải nộp (30.240 quan tiền) sung cấp cho dinh vệ các quân để chi phí việc công nhu.

Vua nói rằng : "Làm ra phố chợ, cốt để phòng hỏa hoạn, tiện cho dân ở, nguyên không thèm tính toán tiền thuê, duy nhân dân có lợi được ở, mà biền binh phải làm rất là khó nhọc. Vả lại dinh vệ các quan thường năm theo lệ có cấp tiền công nhu, nay các nhà ở phố chợ, số tiền phải nộp xem ra nhiều, nên lấy số tiền ấy

cấp thêm cho một nửa, cho được cùng hưởng lợi ấy. Vậy cho bộ Hộ châm chước bán định thi hành". (Các đội Túc trực, Trường trực, Thường trực vệ Cẩm y ; 10 vệ 2 dực tả hữu quân Vũ lâm ; các dinh Thần cơ, Tiền phong, Long võ, Hổ uy, Hùng nhuệ, mỗi dinh 10 vệ ; 6 vệ Trung bảo nhất nhị, Tiền bảo nhất nhị, Hậu bảo nhất nhị ; 15 vệ 3 dinh Thủy sư ; mỗi vệ mỗi năm cấp cho 200 quan tiền. Vệ Long Thuyền, 4 vệ dinh Kỳ võ, mỗi vệ cấp cho 150 quan tiền, 3 vệ kinh tượng nhất nhị tam, 2 vệ Phi kỵ, Khinh kỵ viện Thượng tứ và vệ Võng thành, mỗi vệ đều 100 quan tiền, 5 đội vệ giám thành ; 4 đội Dực võ ty kỳ cổ, 3 đội Trấn phủ ; 3 đội thự Hòa thành ; 7 đội ty Lý thiện ; 2 đội Dực thắng ; 5 đội Dực hòa ; 2 đội Dực hùng ; 3 đội Dực cường ; 4 đội Dực vĩnh ; 2 đội Dực oai ; 4 đội Dực thịnh ; 4 đội Dực chấn ; 2 đội Dực tín ; 4 đội Dực mỹ ; mỗi đội ty đều 10 quan). Rồi cho 3 phố Gia Hội, Đông Ba, Đông Hội đều lấy tên hàng gọi là 3 hàng ở phía đông thành. Lại từ chợ Gia Hội thẳng đến hạ ấp chợ doanh, chia đặt làm 8 hàng, tên hiệu riêng biệt, gọi là 8 hàng dọc sông (Gia Thái hàng, Hòa Mỹ hàng, Phong Lạc hàng, Doanh Ninh hàng, Hội Hòa hàng, Mỹ Hưng hàng, Thụy Lạc hàng, Tam Đăng hàng, dài suốt hơn 452 trượng), các hạng đều có biển ngạch (viết rõ tên hàng như các chữ Gia Hội hàng v.v...) đặt 1 người hàng trưởng, để truyền bảo công việc cho nhanh.

Bố chính Định Tường là Trần Tuyên có tang xin nghỉ việc, vua cho thự Bố chính Bình Định là Hà Đăng Khoa làm Bố chính Định Tường, Lang trung bộ Hộ biện lý bộ vụ là Nguyễn Song Thanh thăng thự Bố chính Bình Định. Trước đình thần cử Song Thanh thăng thự Bố chính Định Tường. Vua đã y cho, rồi lại nghĩ Song Thanh tự lúc bé đi học ở Nam Kỳ, quen biết nhiều, mới đổi bổ đến Bình Định.

Ra dụ từ nay, phàm đình thần cử ra, tuy không phải là quê quán chính, nhưng có quê ở ngụ, quê mẹ quê vợ và địa phương lúc bé đi học thì phải nói rõ trong tập tâu, đợi Chỉ, không được hàm hỗn.

Vua cho Lang trung bộ Công biện lý bộ vụ là Trần Hiển Doãn làm Lang trung bộ Binh, biện lý bộ vụ.

Vua cho triệu Tổng đốc Hải - An là Nguyễn Công Trứ về Kinh vào chầu.

Sai bộ Hộ tư cho các địa phương tìm mua cây có hoa theo thổ ngơi mà trong Kinh vẫn chưa có. Quan bộ Công là Nguyễn Khoa Minh nghĩ ở Biên Hòa có nhiều cây nhài gốc to, tư cho quan tỉnh ấy chọn lấy 10 cây tải vào (mỗi cây chứa 1 sọt đất to, vài mươi người mới mang nổi) đến lúc đến Kinh dâng lên. Vua hỏi ra mới biết, nói rằng : "Dù có vật lạ nhưng truyền đệ nhọc người, trẫm cũng không cho là quý, nữa là cây có hoa tầm thường ấy. Sai đều truyền Chỉ quở mắng".

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXXII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837]. Mùa hạ, tháng 6. Vua sai Tả thị lang bộ Lại là Tôn Thất Bạch kiêm thự việc viện Đô sát.

Quan thành Trấn Tây tâu nói : "Các phủ thuộc thành ấy chiêu tập lưu dân lập được 22 thôn ấp, cùng ở lẫn với dân Phiên, khai khẩn đất hoang, nhưng thiết lập lần đầu, sinh lý chưa được thừa thãi, xin đợi đủ 3 năm, làm sổ đinh điền, chước định ngạch thuế. Duy phủ Ba Xuyên, nhân những dân đến ngụ trước, đặt làm 7 thôn, xin cứ theo sổ đinh điền (đinh 116 người, điền 624 mẫu) ở gần ngay đấy do tỉnh An Giang làm sổ, để sang năm bắt đầu thu thuế". Vua y cho.

Vua dụ bộ Hộ rằng : "Tự xưa các bậc đế vương, trị dân không ai không lấy việc trọng nông làm việc trước, bởi thế cho nên chung quanh nhà không trồng trọt thì phải nộp thuế bằng vải, mà ruộng nương ngày một mở mang, thì có phép quan địa phương được phong thêm đất thăng chức, thực lấy việc của dân không thể chểnh mảng được. Trẫm tự khi nối ngôi đến nay, về việc đời sống của dân càng để ý lắm, nhân nghĩ 1 hạt Biên Hòa, rất là rộng rãi. Trong đó nguồn lợi của đất so với các tỉnh ở Nam Kỳ cũng chả kém lắm, thế mà những đất cấy lúa được, chưa khai khẩn hết, những người lêu lổng chưa về làm ruộng hết, vì thế cho nên tô thuế thu được trong 1 năm, không đủ cung chi tiêu 1 năm, trước đã theo lời bàn của đình thần, do quan sở tại, đều chiểu ruộng đất bỏ hoang trong hạt, khuyên dạy dân trồng trọt, đặt làm phép xét công, thế mà hạt ấy gần đây, việc báo cáo về khẩn hoang lại vẫn lặng ngắt,

vì nhân dân lười biếng đã quen thói rồi, mà thượng ty sở tại không biết khuyên bảo đốc thúc, nên truyền dụ cho bọn bố, án, tự nay phải sức rõ cho dân trong hạt, đều chiểu đất bỏ hoang, không cứ ở vào xã thôn nào đều được đến quan báo xin khai khẩn, về canh ngưu, điền khí cùng thóc giống có người nào mà không đủ, thì lấy của công cấp cho. Cuối năm đem số ruộng đã khai khẩn được ấy, báo lên bộ, 6 năm thành ruộng thuộc, theo lệ bắt đầu thu thuế. Và dân Man hạt ấy ở xó rừng hẻo lánh, từ trước đến nay, triều đình chỉ ràng buộc gọi là, duy chúng đã kêu vào hạng dân có tên trong sổ, cũng là dân ta, cần phải vỗ về dạy bảo, dạy cho chúng biết cày ruộng, trồng dâu và trồng trọt, cho đến nói năng, quần áo ăn mặc, cốt cho bỏ dần thói Man, ngày càng nhiễm phong hóa người Kinh, rồi tính đất lập làng, làm thành sổ ngạch, đấy là việc cần làm để dùng thói người Kinh thay đổi thói người Man.

Bỏ danh ngạch 2 đội Ngân thương nhất, nhị. Biền binh 2 đội ấy chỉ còn 45 người, chiểu cho theo lời bộ Binh bàn, lấy 27 người đội nhất ở Kinh thì dồn vào đội lục thường trực, còn 18 người đội nhị lưu ở thành Trấn Tây thì đổi làm đội Tuần thành ở Trấn Tây.

Vua nghĩ việc dẹp giặc ở hai tỉnh Thanh Hoa, Ninh Bình đã xong, thông dụ cho trong, ngoài.

Dụ rằng : "Trước đây đầu sỏ giặc là lũ Lê Duy Lương, Lê Duy Nhiên nổi loạn ở địa phương Ninh Bình, đã sai quan quân đánh bắt ; liền lập tức bắt được, đem chém giết ngay đi, duy Quách Tất Công, Quách Tất Tại vẫn còn lọt lưới, trẫm nghĩ 2 giặc ấy còn trốn ở rừng sâu, thế tất mượn tiếng dựng con cháu nhà Lê làm cờ, thông đồng gây loạn, thì nhân dân phương ấy chưa được ở yên, bèn đến mùa đông năm ngoái, sai Tổng đốc An - Tĩnh là Tạ Quang Cự làm Kinh lược đại sứ Ninh Bình, thự Thượng thư bộ Công là Hà Duy Phiên làm Tham tán, đem quân đi ngay, trù tính công việc bắt giặc, quả nhiên không ngoài ý nghĩ, bọn Quách Tất Công liền dám ngay tháng ấy suy tôn Lê Duy Hiển làm Minh chủ, liên kết với thổ phỉ Thanh Hoa, đều hẹn ngày nổi loạn ở các châu Quan Hóa, Lương Chính, may quan quân đã đến trước tận nơi, cho nên Quách Tất Công phải câm không dám nổi loạn ở Ninh Bình, duy thổ ty Thanh Hoa ngu tối không sợ chết, tụ họp chống lại quân, lại sai Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh là Trương Đăng Quế sung làm Kinh lược sứ Thanh Hoa, Thị lang Doãn Uẩn và Bố chính Nguyễn Đăng Giai sung làm Phó sứ, sai Đề đốc Hà - Ninh là Tôn Thất Bật cùng đi nghiêm đốc biền binh tùy tiện đánh dẹp, quân nhà vua đến đâu, lần lượt yên lặng, gần đây bắt sống được đầu sỏ giặc là Lê Duy Hiển, Quách Tất Công, Quách Tất Tại, Phạm Công Nho, Đinh Kim Bảng,

Hà Công Kim, chém được đầu sỏ giặc là Phạm Bá Nho, Phạm Phúc Hiển, Hoàng Đồng Nguyệt cùng bè lũ giặc ấy, phàm những tên đóng cũi đưa về Kinh, lập tức giao đình thần tra hỏi, liền đem chém ngay, nghìn dao đẽo thịt tan nát lại bêu đầu treo ở các địa phương, để răn bảo rõ ràng, lòng người cùng hả, nay thổ dân đem nhau theo hàng ra thú, trong nhà có súng điểu thương thì đều vui lòng nộp cho Nhà nước, nhân đó mà kinh lý xếp đặt, chia đặt quan người Kinh để cai trị, những mối tệ thổ tù cố kết tự trước, bỗng chốc tiêu tan, đã ra dụ tuyên triệu các Kinh lược đại thần về Kinh vào chầu, quan quân phái đi cũng đã khen thưởng rất hậu, lần lượt khải hoàn, nhân dân 2 tỉnh Thanh Hoa, Ninh Bình được ở yên như cũ, tự nay về sau có thể cùng yên, không có việc gì nữa".

Định rõ lệ treo cờ bắn súng khi thuyền quan ra vào cửa biển. Hai bộ Binh, Công bàn tâu, cho là : Cửa biển Thuận An ở Thừa Thiên, có thành Trấn Hải, cửa biển Đà Nẵng ở Quảng Nam có 2 thành An Hải, Điện Hải từ trước đến nay, việc treo cờ bắn súng khi thuyền công ra vào đã có lệ định, trong đó còn khuyết lược, sâm si, không đều, xin một phen định lại cho rõ. Vua đặc cách cho theo lời bàn mà thi hành. (Về thuyền phái đi nước ngoài, không cứ là hạng thuyền nào, khi ra vào cửa biển Thuận An, trên thuyền treo cờ vàng, bắn 3 phát súng, thành Trấn Hải cũng treo cờ vàng, bắn 3 phát súng để trả lời, gián hoặc số thuyền từ 2 chiếc trở lên đồng thời ra ngoài cửa biển, trên thuyền bắn súng dẫu nhiều, trên thành cũng chỉ bắn trả lời 3 phát mà thôi, nếu có thuyền nào nguyên không mang súng như loại thuyền Nam hưng, thì khi ra vào cửa biển, trên thành cũng treo cờ vàng bắn 3 phát súng, phàm những thuyền đi ngoại quốc làm việc công về đến cửa biển Thuận An thì thành Trấn Hải chiểu lệ treo cờ bắn súng, lại treo thêm cờ đỏ khánh hỷ ở trên cờ vàng, nếu thuyền ấy khi đi đường, đã đến địa phương nào đậu lại, hàng hóa trong thuyền đã bốc lên, chỉ còn thuyền không trở về thì cờ đỏ khánh hỷ không phải treo nữa. Và thuyền phái đi ngoại quốc, khởi hành từ cửa biển Thuận An, thành Trấn Hải đã bắn súng, thuyền ấy chuyển vào cửa biển Đà Nẵng bỏ neo đỗ lại, thì ở thuyền cùng 2 thành Điện Hải, An Hải đều không phải bắn súng nữa, duy từ cửa Đà Nẵng nhổ neo đi ra biển và đi việc quan trở về vào đỗ, thì ở thuyền và ở thành đều theo lệ ra vào cửa biển Thuận An treo cờ bắn súng.

Về những thuyền đi công xuất bắt giặc khi ra cửa biển Thuận An thì thuyền ở thành đều treo cờ vàng bắn 3 phát súng, gián hoặc số thuyền tự 2 chiếc trở lên, thì không cứ là thuyền hạng nào, mỗi thuyền đều treo cờ vàng, bắn 3 phát súng, mà ở thành chỉ treo cờ vàng bắn 3 phát súng ở chiếc thuyền đi ra sau cùng, còn những thuyền đi ra trước là các hiệu thuyền nhiều dây thì ở thành cũng treo cờ vàng, bắn

3 phát súng, còn thuyền không phải là thuyền nhiều dây, thì ở thành không phải bắn súng, khi thuyền đi làm việc công về, vào cửa biển, thì thuyền ở thành cũng theo như thế, duy ở thành lại treo thêm cờ đỏ khánh hỷ ở trên cờ vàng.

Về các hạng thuyền vận tải đồ vật, khi ở cửa biển Thuận An đi ra, không cứ có đáp chở đồ vật, hàng của Nhà nước hay không, ở thuyền ở thành đều không phải treo cờ bắn súng, duy khi về vào cửa biển, không cứ là thuyền hiệu nào, ở thuyền ở thành đều treo cờ vàng, bắn 3 phát súng, ở thành lại treo thêm cờ đỏ khánh hỷ ở trên cờ vàng, nếu số thuyền tự 2 chiếc trở lên, tiếp tục vào cửa biển, không cứ mấy ngày, chỉ cứ chiếc thuyền vào trước và chiếc thuyền vào sau cùng, ở thuyền ở thành đều treo cờ bắn súng như trước, các thuyền đi giữa mà là thuyền nhiều dây thì ở thuyền ở thành cũng đều treo cờ bắn súng, không phải thuyền nhiều dây thì ở thuyền ở thành chỉ treo cờ vàng mà thôi.

Về các đoàn thuyền chuyên chở vào Nam, ra Bắc, vận tải của công về đến cửa biển Thuận An, nếu đoàn thuyền tự 50 chiếc trở lên, thì chiếc thuyền đến trước nhất, trên thành treo cờ đỏ khánh hỷ, bắn súng 3 phát, đến khi cả đoàn thuyền thanh thỏa, thì chiếc thuyền đến sau cùng cũng thế, nếu đoàn thuyền không đầy 50 chiếc trở xuống, thì thuyền mới đến đầu tiên, trên thành chỉ treo cờ đỏ khánh hỷ, không phải bắn súng, đợi cả đoàn thuyền ra vào thanh thỏa, chiếc thuyền vào sau cùng mới bắn súng 3 phát, quãng giữa nếu có thuyền nhiều dây ở Kinh phái đi coi vận tải, thì ở thuyền ở thành đều treo cờ bắn súng như trước, không phải là thuyền nhiều dây thì thôi.

Về những thuyền đi công xuất tầm thường, như vận tải, Nam tự Quảng Nam đến Bình Thuận, Bắc tự Quảng Trị đến Ninh Bình, cùng những thuyền đi tuần bất kỳ không cứ là hiệu thuyền nào hay đoàn thuyền mấy chiếc, đi về mấy lần, ở thuyền ở thành đều không phải treo cờ bắn súng.

Về các thuyền đi bắt giặc, tải đồ, gián hoặc nhân có việc đến tạm đỗ ở cửa biển Đà Nẵng thì ở thuyền ở thành đều không phải treo cờ bắn súng.

Về thuyền phái đi việc công, sắp đến ngoài cửa biển Thuận An, nếu gặp sóng gió không tiện vào, thì trên thành vẫn theo lệ trước, treo cờ vuông sắc lam, cho trong thuyền trông thấy tránh đi, để khỏi trở ngại.

Về thuyền ngoại quốc, bất kỳ đến đỗ ở cửa biển Thuận An, hay phận cửa biển Đà Nẵng, vẫn chiếu theo lệ trước, thuyền nước ấy dù có treo cờ, không cứ là cờ hiệu gì, sắc gì, các thành Trấn Hải, Điện Hải và An Hải đều không phải treo cờ, duy xét ra là thuyền công của nước ấy nhân đi công cán đến, mà thuyền ấy có bắn

súng thì không cứ mấy phát, trên thành cũng bắn súng trả lời chỉ 3 phát, nếu thuyền buôn có bắn súng chào 7 tiếng trở lên, thì ở thành cũng đều bắn súng trả lời chỉ 3 phát, nếu thuyền ấy bắn súng không đến 7 tiếng thì không phải bắn súng trả lời.

Về thuyền bọc đồng nhiều dây, thuyền bọc đồng hai cột buồm, cùng các hiệu thuyền chữ Bình, chữ Định đều gọi là thuyền hạng lớn, ở thuyền đều theo cỗ súng mang đi trước mà bắn, duy ở thành trả lời thì dùng súng hạng to tất cả, thuyền Nam hưng cũng thế. Còn các thuyền Hải vận, Giang vận, Hải đạo, Ô, Lê đều gọi là thuyền hạng nhỏ, ở thuyền cũng đều theo cỗ súng mang đi trước mà bắn, duy ở thành bắn trả lời, dùng súng hạng vừa tất cả, còn như thuyền ngoại quốc đến đỗ, phải bắn trả lời, đều dùng súng hạng to, 2 cửa biển Thuận An, Đà Nẵng đều theo lệ ấy).

Giặc trốn ở tỉnh Hưng Hóa là Nguyễn Thiết Thạch ngầm ẩn ở hạt huyện Thanh Thủy, Thanh Sơn. Tỉnh phái Phó quản cơ là Bùi Đình Long đem quân đi bắt, giặc nhân lúc chẳng ngờ, đêm đến đánh úp, suất đội cùng binh dõng đi trận ấy chết mất 10 người, khí giới bị giặc cướp mất nhiều. Việc ấy đến tai vua, Bùi Đình Long phải cách chức, quan tỉnh đều giáng 1 cấp, gia hạn ngặt bắt phải tìm bắt giặc ấy.

Ba chiếc thuyền giặc biển Đồ Bà lẻn lút ở hòn Rái tỉnh Hà Tiên, quan đi bắt giặc là Quản cơ Nguyễn Văn Do, Phòng thủ úy là Nguyễn Toán đem quân đuổi đánh, bắt được đầu mục giặc là Băng Ly Ma Ô Tôn, Băng Ly Ma Cô Lý và bè lũ hắn 43 tên, chém được 12 đầu giặc, còn thì nhảy xuống biển chết, lấy hết được thuyền súng và khí giới. Việc ấy tâu lên. Vua khen là bắt giặc xuất sắc, cho Nguyễn Văn Do làm Phó vệ úy các quan quân, vẫn lĩnh chức Quản cơ cơ hữu Hà Tiên, Nguyễn Toán làm Quản cơ vẫn lĩnh chức Phòng thủ úy ở sở Phú Quốc, đều gia thưởng quân công 1 cấp, Phi long kim tiền hạng nhỏ 1 đồng, áo nhung bông, quần nhiễu điều trơn mỗi thứ 1 cái, suất đội đi trận ấy đều thưởng kỷ lục quân công 3 thứ, Phi long ngân tiền hạng lớn 10 đồng, áo mở bụng bằng trừu trơn, áo ngắn bằng vải tây, quần trừu màu đỏ 2 hàng hoa, mỗi thứ 1 cái, đội trưởng ngoại ủy đều kỷ lục quân công 2 thứ, Phi long ngân tiền hạng lớn 5 đồng, biền binh thưởng chung 800 quan, những tên giặc bắt được đều giết cả, bêu đầu ở hòn đảo ven biển, trong đám giặc ấy có 3 đứa chưa đến tuổi, sai chặt năm ngón tay bên phải, giao cho thuyền buôn đem đến các bến buôn bán Địa Bàn, Đông Trúc, Tây Trúc thả ra để cho bảo nhau sợ hãi mãi mãi.

Định lệ tá lại cần cù các địa phương.

Vua dụ bộ Lại rằng : "Phép xét công bàn kẻ lại, cần phải thời thường khuyến khích cho chăm làm việc, tự trước đến nay viên dịch các nha ở Kinh, người làm

việc cần cù, đã cho trưởng quan xét tâu, lượng ban ơn cho, nhưng viên dịch các nha ở ngoài vẫn chưa nói đến. Vả lại bọn chúng chức thấp, lương ít, nếu không có cách để khích lệ thì lấy gì mà khuyên, nên bắt đầu từ năm nay, tá lại phủ Thừa Thiên cùng các trực tỉnh, tự thông phán kinh lịch đến vị nhập lưu cho đến viên dịch ty An Biên thành Trấn Tây, chuẩn cho các thượng ty giữ lòng công xem xét, ai là người liêm, cần, mẫn cán, không có sự xấu khác, cứ đến cuối năm chia hạng làm thành sách tâu lên, đợi Chỉ khen thưởng".

Định lệ thưởng cho viên trông coi cửa biển ở các địa phương hộ dẫn thuyền công.

Vua dụ bộ Công rằng : "Nước ta bờ biển dài suốt, thuyền buôm tiện lợi, trong đó cửa biển Thuận An ở Kinh kỳ, thuyền công ra vào rất nhiều, cửa Cần Giờ ở Nam Kỳ, cửa Liêu ở Bắc Kỳ kém hơn, cửa Đà Nẵng ở tả trực, sông Gianh ở hữu trực, cửa Thi Nại ở tả kỳ, cửa Biện Sơn ở hữu kỳ, lại kém nữa, khi thuyền công ra vào cửa biển, người trông coi cửa biển đều có phái người và thuyền đi hộ dẫn, cũng có khó nhọc một chút, chính phải chước định lệ thưởng để khuyến khích. Nay chuẩn cho bắt đầu tự năm nay, cửa biển Thuận An thì do Kinh doãn, hằng năm cứ tháng 6 và tháng 12 làm danh sách tâu lên mỗi kỳ một lần, còn các cửa biển Cần Giờ, Cửa Liêu, Đà Nẵng, sông Gianh, Thi Nại, Biện Sơn thì do quan tỉnh đến cuối năm tâu lên một lần, cứ các người trông coi canh giữ cửa biển, ai là người xuất lực hộ dẫn thuyền công được ổn thỏa, có sự thực rõ ràng, đều nói rõ ở trong tờ tâu, đợi Chỉ khen thưởng. Còn người nào lười biếng chậm trễ, làm nhỡ việc thì không phải hạn đến cuối năm, cho lâm thời tùy việc, chỉ tên hặc tội để trừng trị.

Kinh lược sứ Trương Đăng Quế, Phó sứ Nguyễn Đăng Giai ở đạo quân Thanh Hoa, tự Thanh Hoa về đến Kinh. Vua ra dụ khen ngợi, thưởng Quế : quân công 1 cấp, kỷ lục quân công 1 thứ ; Giai : quân công 1 cấp, tầm thường kỷ lục 1 thứ ; Doãn Uẩn : quân công 1 cấp ; Tôn Thất Bật : quân công 1 cấp, quân công kỷ lục 2 thứ, quan đi trận ấy chiểu danh sách công trạng thưởng cho có cấp bậc. Cho Quế nghỉ ngơi 10 ngày, vẫn giữ chức Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh, sung Cơ mật viện đại thần, Giai lại về làm Bố chính Bắc Ninh, Nguyễn Tri Phương giải chức Cơ mật viện, về Nội các làm việc.

Đổi thuộc nhân viện Thái y làm vị nhập lưu y sinh, định ngạch là 10 người (lệ trước thuộc nhân 116 người).

Sai các quan trong ngoài hỏi rõ những con cháu công thần được tập ấm, người có thể dùng được thì tâu lên. Dụ rằng : "Từ trước đến nay, con cháu công thần chỉ

lấy ấm hàm ở nhà đều không làm việc gì, trẫm nghĩ ông cha bọn ấy có công với nước cho chức thế tập để cùng nước hưởng phúc, trong bọn ấy cũng tất có người có tài đáng dùng làm việc đời, sao nỡ để cho nhàn tản.

Vậy cho Kinh doãn và đốc phủ, bố, án các tỉnh hỏi khắp các con cháu công thần văn võ trong hạt đã được chức hàm tập ấm, có người nào tình nguyện đi làm việc, đều cho tư về Kinh, do bộ sát hạch rồi tâu lên lượng cho lục dụng. Có Phi kỵ úy Phan Thiên Lân là cháu Vọng các công thần bộ Hộ, tăng Tham chính Phan Thiên Phúc và Phi kỵ úy Nguyễn Thái Phác là con Lễ bộ kiêm Đốc học Nguyễn Thái Nguyên đã được bộ Binh sát hạch tâu lên, đặc cách chuẩn cho Phan Thiên Lân giao bộ nghị bổ, Nguyễn Thái Phác không có tài nghệ gì, cũng cho ghi vào sổ Hoa danh.

Định lại từ nay phàm ấm sinh học ở Quốc tử giám đã được 1 năm trở lên, mà xét kỳ khảo khóa văn thể làm đủ 3 trường, thì gặp khoa thi Hương, cho được vào thi, không phải câu nệ đủ hạn 2 năm.

Lại cấm dân gian ngầm làm súng điểu thương. Vua dụ bộ Binh rằng : "Súng điểu thương là lợi khí dùng trong việc quân, tự trước đến nay, thổ dân các hạt quen dùng làm đồ đi săn để kiếm ăn, gián hoặc có đứa bậy bạ nhờ có binh khí ấy đi xui giục nhau làm bậy, tức như vài năm nay, thổ dân các tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Thanh Hoa, Ninh Bình họp bọn nổi loạn, thường lấy nấp bụi rậm bắn súng làm đắc sách, nhiều lần quan quân tiến đánh, sau khi dẹp yên, các súng thu được và chúng đem nộp có đến hàng vạn, trẫm hỏi tình hình, phần nhiều do thợ người Kinh làm cho chúng, vả lại ngầm làm binh khí, luật đều có nói rõ thế, mà tự trước quan địa phương sở tại không biết nghiêm cấm, thực là coi thường pháp luật, việc đã qua rồi, không cần xét kỹ. Nay cho đốc phủ, bố án các tỉnh đều sức rõ điều cấm, sức khắp trong hạt, nếu người thợ nào dám ngầm làm và sửa chữa súng điểu thương cho người, thì đều phải tội chết. Các quan phủ, huyện, châu cùng thượng ty sơ suất cũng trị tội nặng".

Quan tỉnh Hưng Yên tâu nói : Đồn Lục Giang hạt ấy, tuần phòng mặt sông, xét hỏi kẻ gian, hằng năm các tỉnh đem giải của công, chiểu theo địa hạt phòng giữ, cũng là nơi quan yếu. Gần đây nhân nước sông chảy xói sụt lở, xin tìm đất, dời làm nơi ở khác. Vua y cho (trước làm ở xã Thúy Lam, nay dời đến xã Hà Lão, thân lũy cao 5 thước, chân rộng 3 thước, mặt rộng 1 thước 5 tấc).

Quan thành Trấn Tây tâu nói : "Dân phủ Ca Thê thuộc thành ấy, tán lạc mới về, tuyển được số lính 56 người, dồn làm đội thứ 6, cơ lục Tịch biên, đi đóng ở đồn

Hải Đông, và đội nhất cơ Gia hóa biên vào sổ thuộc hạt thành ấy, tỉnh Gia Định đã bàn xin giao cho trông coi, chỉ còn 16 người, xin đem về sổ ở dân để sung điền vào số giản binh các phủ còn thiếu". Vua y cho.

Lính đi tuần của đồn Sa Tôn phủ Hải Đông bắt được thám tử nước Xiêm. Vua sai đem chém ở địa đầu, cho mọi người biết, thưởng cho lính tuần 50 quan tiền.

Vua sai bộ Lại truy xét các quan Kinh từ ngũ phẩm, quan ngoài bố, án trở lên, trước nhân có lỗi về việc quan phải cách, theo thứ tự kê tâu lên. Đến khi tờ tâu dâng lên, vua gia ơn lại dùng Trần Danh Bưu làm Chủ sự phủ Nội vụ ; Đỗ Khắc Thư làm Chủ sự Vũ khố ; Nguyễn Bá Nghi, Đặng Kim Giám làm Tư vụ Vũ khố ; Phan Hiển Đạt, Trần Tú Dĩnh làm Tư vụ phủ Nội vụ.

Lại dùng viên phải cách là Phan Huy Thực làm Lang trung bộ Lễ. Dụ rằng : "Phan Huy Thực năm trước hơi biết siêng năng, được thăng đến chức hàm nhị phẩm, ơn nước thực trọng hậu. Gần đây tuổi già hay ốm, làm việc tầm thường, lại hay lầm sót, thậm chí đồ thờ nhà tôn miếu không biết xem xét, đến nỗi phát ra cái án vàng giả, cho phải cách bãi, thực cũng đáng tội, lại nghĩ án ấy, người coi giữ tự ăn trộm, thực chỉ vì chức giữ đồ thờ, sơ suất không xem xét mà bị lỗi, còn có thể tha, nay đặc cách gia ơn nếu biết cảm khích cố gắng, trẫm tất lại cất nhắc, nếu vin cớ là già ốm, không làm gì được, thì tự cam ruồng bỏ, không phải trẫm không thương đến tôi tớ lâu năm".

Điện Phụng Tiên đã làm xong (hàng cột chính, cột lớn, cột vừa, ván vách đều sơn sắc tía ; hàng cột trước, cột xà, hoành, rui, bức xuyên hoa đều sơn son thếp vàng), tả hữu lưỡng vu đổi làm đông tây phối điện, tả hữu trường lang đổi làm tả hữu tòng viện. Khám thờ, thần ngự đổi làm sập rồng, chăn đệm trong chính tẩm. Vua dụ : "Cho hằng năm từ mồng 1 tháng 2 đến cuối tháng 9 không phải phô bày ra, từ mồng 1 tháng 10 đến cuối tháng giêng, khi trời hơi lạnh, lại kính cẩn bày ra, cho hợp nghĩa quạt nồng đắp lạnh".

Ngày Ất Mão, vua đem hoàng tử các tước công, các quan văn võ rước Thánh vị Thế tổ Cao hoàng đế, Cao hoàng hậu đến chính điện làm lễ yên vị. Trước đây bộ Lễ bàn tâu : "Ngày rước Thánh vị, vua ngồi xe đi theo sau". Vua nói rằng : "Thánh vị ở trước mà trẫm ngồi xe theo sau, lòng trẫm thực là không yên". Ngày hôm ấy rước Thánh vị tự điện Phụng An thờ tạm đến điện Phụng Tiên, vua đi bộ theo sau. Rồi ra dụ thưởng cho viên giám tu cùng các người tùy biện đều được cấp kỷ và áo quần, quan lại binh thợ thưởng chung 7.000 quan tiền, thưởng riêng cho thợ sơn 200 quan tiền.

Cho lấy 1 quản vệ, 2 suất đội, 50 biền binh ở quân Cấm binh sung làm thủ hộ, đều cấp cho bài đeo, quản vệ bài ngà, khắc 3 chữ "quản trung trực", suất đội bài ngà khắc 3 chữ "suất trung trực", binh đinh bài sừng khắc 2 chữ "trung trực", mỗi tháng 1 lần thay đổi. Lại định năm nay mỗi tháng 1 lần vào ngày 13, tự sang năm về sau mỗi tháng 2 lần vào 2 ngày là ngày 13 và 28 làm hạn, ngày hôm ấy 1 quản vệ, 1 suất đội, 20 biền binh, cứ theo viên Nội giám thủ hộ hướng dẫn đến chính điện, tiền điện, phàm những chỗ các xà, ván ghép, bức xuyên hoa, liên hoa, ván trần, ván vách, chỗ nào cũng lau, cốt được 10 phần sạch sẽ sáng bóng, làm lệ mãi mãi.

Chuẩn định : Các đường đi ở các miếu trước điện, những quan viên tuần tra đương ban, cùng các người thủ hộ ty Từ tế và các ty bộ viện, nhân việc công phải đi qua đường ấy, đều cho đi lại, còn nhân viên nhàn tản, cấm không được tự tiện lai vãng.

Tỉnh Quảng Trị có bọn man Lèo tràn đến châu Ba Lan, bắt Thổ lại mục châu Tầm Bồn là Hạt Sà Phầu rồi đi, Thổ tri châu là Hướng Nội đem dân đi trốn, Tri phủ phủ Cam Lộ là Nguyễn Văn Sán nghe biết, lập tức đem lính thú cơ Định man đến ngay đồn Tĩnh Man tìm bắt. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên.

Vua phê bảo rằng : "Thổ ty vô dụng đến thế là cùng, chỉ có quan quân đến ngay thì bọn Man điên cuồng tự khắc tan ngay. Bèn sai Án sát Nguyễn Huy Chuẩn đem 300 lính tỉnh đốc thúc cùng với Nguyễn Văn Sán tiến đánh". Lại sai Quản vệ khinh kỵ là Nguyễn Văn Thị đem biền binh dinh Kỳ võ đi đến phủ Cam Lộ tiếp ứng. Chuẩn đến châu Nà Bồn, cho quân đi dò xét, thì bọn Man Lèo đã trốn xa từ trước. Gặp mưa lụt, lam chướng, quân lính ốm nhiều. Vua sai đều rút quân về. Hướng Nội vì hèn kém phải cách chức.

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên ở đạo quân Ninh Bình, vì việc kinh lý đã xong, về Kinh phục mệnh, dâng sớ nói : Thổ dân tiếp tục nộp súng điểu thương lại được hơn 1.500 khẩu, súng thần công 6 khẩu (mỗi khẩu thần công cho 10 quan tiền), các sổ sách đinh điền của thổ dân các xã thuộc huyện Lạc Thổ cùng huyện Phụng Hóa, An Hóa đều đã làm xong, phát đệ đem nộp lên bộ (huyện Lạc Thổ toàn là thổ dân, trừ 1 xã Sơn Âm, điền thổ định phân cấp riêng, còn thì chia làm 4 tổng 50 xã, nhân số 3.964 người, điền thổ hơn 4.176 mẫu. Huyện Phụng Hóa xen vào có 7 xã dân Thổ, nhân số 212 người, điền thổ hơn 414 mẫu. Huyện An Hóa xen vào có 5 xã dân Thổ, nhân số 183 người, điền thổ hơn 308 mẫu). Từ nay về sau các việc tuyển lính và ngạch thuế, xin nên cũng như lệ dân Kinh.

Lại thổ ty, thổ mục lần lượt tình nguyện hết sức khó nhọc, trong đó có người thực vì triều đình ra sức, bắt giặc giải nộp lên quan, có người lúc trước thì hư ứng, nhưng sau thì biết sợ phép, nếu nhất khái phân phát đi hạt khác, sợ không phân biệt, huống chi nay đã đặt ra tổng xã, mà xét ra thổ dân phần nhiều ngu dốt. Xin chọn những người sai phái đắc lực và người hơi thuần thực, tự Quách Công Tiếp đến Quách Công Nhật 11 người cho làm Tổng trưởng, Lý trưởng. Còn Chánh đội trưởng theo tỉnh là Quách Công Độ, dù có công bắt được yếu phạm, nhưng là người ít thành thực, xin cho theo nguyên hàm, bổ đi tỉnh khác, Suất đội cơ Ninh hùng là Quách Công Toản giao cho việc bắt giặc, cuối cùng không có thực trạng, xin cách chức ngay, cùng với bọn Quách Công Truy 8 người phát đi làm lính ở tỉnh khác, những thổ mục nhỏ mọn khác, ngu ngốc không biết gì thì bắt phải về làm hạng dân thường, không được xưng làm thổ mục như trước nữa, thì cái tệ thổ mục kế tập cố kết với nhau tự trước đến nay, có thể đổi hết được.

Vua cho là phải, cho Quách Công Độ bổ đi sai phái ở tỉnh Hưng Yên, bọn Quách Công Toản phái đi làm lính ở 2 tỉnh Hải Dương và Quảng Yên, lại lấy 3.000 quan tiền kho chia cấp cho những thổ dân nộp súng điểu thương.

Lũ Quang Cự lại nói : Tục Man tự trước, thổ ty thổ mục phần nhiều thông gia với nhau ở xã khác, riêng kết vây cánh ; khi xảy ra việc gì thì giấu giếm lẫn cho nhau, để giúp nhau làm sự ác, xin từ nay về sau chỉ được lấy vợ lấy chồng ở trong làng, người trái lệnh ấy, thì chiểu luật vi chế phạt trượng, bắt phải ly dị, việc nhân đinh điền thổ đều do tổng lý trông coi cùng nộp thuế lệ, thổ ty thổ mục không được sai dân làm việc riêng, điền thổ thì cứ theo giới hạn, không được xâm chiếm lẫn nhau. Dân huyện Lạc Thổ cùng nhiều người muốn đi học, trước đây thổ ty đón người Kinh dạy con học, nhưng con em thổ dân thì không cho học là muốn để ngu dốt cho dễ áp chế, mà người Kinh phần nhiều không phải là người tốt, việc tranh kiện, mưu làm giặc đều bởi bọn ấy xui giục, xin nên cấm người Kinh không được đến chỗ các người Thổ dạy học, rồi đặt chức Huyện giáo, Tổng giáo để dạy dân học. Còn như ngầm giấu súng điểu thương thì do thợ người Kinh, tham lợi mà làm, đúc trộm diêm sinh, lưu hoàng, thuốc súng cũng do người nhà Thanh nấu trộm chế trộm, xin phàm thợ rèn chỉ đặt 1, 2 lò ở cạnh phủ, số thợ chỉ hạn có 5, 6 người, nếu thuê đánh dao đẵn củi và đồ làm ruộng thì cũng phải trình quan, các người nhà Thanh bắt về tỉnh hết, cấm không được trọ ở huyện thổ.

Vua nói rằng : "Người Kinh gián hoặc có một vài người không tốt, mượn tiếng là dạy học, đến các thổ huyện dỗ làm việc phi nghĩa, bọn ấy cố nhiên là nên cấm

hẳn, còn người thực là có văn học, dạy dân lấy hiếu để trung tín, có gì là không nên, việc gì phải cấm tất cả, để tỏ ra không rộng ư ? Nhưng nay xếp đặt lần đầu, các con em thổ ty thổ dân cho đến quan Kinh các phủ huyện mà học, hoặc đón người Kinh là người thành thực để dạy học cũng được, đợi sau này tiêm nhiễm văn phong, dần dần tiến lên, lại liệu đặt chức dạy học cũng chưa muộn.

Lại như súng điểu thương là khí giới hung ác, diêm sinh lưu hoàng để chế thuốc súng, đều không phải nhà dân được có. Làm súng trộm, chế thuốc trộm đã có điều mục nghiêm cấm, nay sửa đổi thói tệ, chỉ có việc ấy là cần mà thôi. Còn như dao đẵn củi và đồ làm ruộng là đồ dùng hằng ngày của dân gian, mà người nhà Thanh tùy tiện trú ngụ cũng là việc thường tự trước đến nay, nếu người đúc làm cái gì hơi một tí lại phải trình quan, người đến trú ngụ bắt phải về tỉnh, há chả thêm phiền nhiễu ư ? Nay truyền dụ cho tỉnh Ninh Bình cùng các tỉnh tiếp giáp lân cận, sức rõ điều cấm, nghiêm sức dân trong hạt không được làm trộm súng điểu thương, gươm giáo các thứ quân khí đem bán cho các người Thổ, cũng không được nấu trộm diêm sinh lưu hoàng làm thuốc súng cho chúng, dám có cố ý phạm điều cấm ấy, không cứ người Kinh, người nhà Thanh, người phạm ấy cùng người Thổ thuê làm hay mua đều phải xử tử. Còn thợ rèn làm thuê những đồ thường không phải ấn định số thợ số lò, cũng không phải trình quan, người nước Thanh cũng cho lưu ngụ cho được tiện, còn các việc khác đều theo như lời xin. Bèn đổi huyện Lạc Thổ làm huyện Lạc An, bỏ tên xã Sơn Âm, dời dân xã ấy (133 người) đến các xã ven biển tỉnh Ninh Bình quản thúc rất ngặt. Chia ruộng đất xã ấy cho các xã lân cận, nhận lĩnh cày cấy và ở. Các người không phải là người xã Sơn Âm mà có Chỉ giam cấm thì đều tha ra cả, đốt giấy má của giặc, phàm các thứ bạc cùng đồ đồng của giặc mà bộ biền bắt được đem cấp cho biền binh cả, duy đồ binh khí thì nộp vào kho.

Dân hạt Quảng Nam đem việc án mạng vào kêu ở Kinh nói là phủ huyện ngâm mãi không kết xong án, lên kêu ở tỉnh thì tỉnh lại giao về huyện.

Vua bảo bộ Hình rằng : "Phủ huyện có chức trách xét việc hình, nếu viên huyện tra xét bất lực, để dân đến tỉnh kêu, phải đổi giao về phủ, tùy theo việc nặng nhẹ khó dễ mà định hạn phải xét, nếu viên phủ chưa trích phạt được việc án mà người ấy lại đến kêu, thì quan tỉnh phải thân tự đem xét, cho chóng được thân oan ra lẽ, đem cả bọn phủ huyện hặc tội mới phải, há nên đùn đẩy không xét ư ? Tạm truyền Chỉ quở mắng quan tỉnh Quảng Nam sai bắt can phạm và nhân chứng xét xử cho chóng xong. Lại đem việc ấy truyền thị cho các tỉnh đều biết.

Tri huyện Tam Dương tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Diễn theo quan đi bắt giặc do tỉnh phái đi để bắt giặc, trong khi đi đường, có lính cơ cầm súng điểu thương, nạp sẵn thuốc đạn, nhỡ chạm phải cò máy, Diễn bị trúng đạn, ngã ngựa chết.

Vua nghe biết thương lắm, truy tặng Diễn làm Đồng tri phủ, cho 100 quan tiền. Lính cơ là Trịnh Tiến Thành thì án ở tỉnh nghĩ chiểu luật "cung tên bắn người bị thương, nhân đó mà chết, xử tội mãn lưu, bộ Hình xin chiểu luật "ty ấu ngộ sát tôn trưởng"[1], đổi làm tội trảm quyết, kiêm quản Đô sát viện là Tôn Thất Bạch giữ lấy ý kiến mình tâu lên cho là hắn cầm súng nạp đạn, cốt định giết giặc, chỉ vì nhỡ chạm phải cò súng, bắn chết viên huyện, việc xảy ra là vô tâm, tình cũng đáng tha. Xin chiểu luật "cung tiến thượng nhân" xử nặng hơn một bậc, đổi làm tội thắt cổ đợi Chỉ.

Vua nói rằng : "Lời Bạch tâu tha tình định tội, hình như phải mà là không phải, như tay cầm cung tên trông lên trời mà bắn, nhỡ trúng phải người bên cạnh, gọi là vô tâm còn thể được, nay cầm đồ hung khí hướng vào người không biết tránh, để đến nỗi phạm giết người tôn trưởng, sao được gọi là vô tâm, huống chi Nguyễn Diễn gần đây, cố sức bắt giặc, vẫn là người tốt, tự nhiên vô cố phải chết thảm như thế, nói đến đau lòng, chính phải đem kẻ phạm tội mổ gan lọc máu để tế, còn sợ chưa đủ yên ủi được hồn người hiền ở dưới đất, đâu có lẽ kẻ tiểu tốt lỡ giết quan huyện hiền tài mà không phải đền mạng ư ? Tuy hắn không có lòng cố sát, nhưng có sự thực giết người, "giết người thì chết" là lời bàn khắp xưa nay, một câu ấy đủ làm án chắc chắn. Trịnh Tiến Thành lập tức phải chém ngay, một là để đáng với tội, hai là để răn người khác, để cho quan quân biết súng ấy, lúc ra trận đối với giặc mới được bắn để giết quân giặc, lúc vô sự không được giương máy nạp đạn, có khi nhỡ chạm phải chết người".

Định lệ thưởng cho các vệ lính Kinh đi đóng đồn về. Phàm đi đóng đồn mãn hạn rút về, vệ nào khí giới hoàn hảo, binh đinh trốn thiếu ít, các vệ đi đóng ở miền Nam, đường sá xa xôi, thì quản vệ được thưởng gia 1 cấp, suất đội kỷ lục 2 thứ, tự quản vệ đến binh đinh đều thưởng tiền lương 1 tháng rưỡi ; các vệ đi đóng ở miền Bắc, đường sá hơi gần, thì quản vệ kỷ lục 2 thứ, suất đội kỷ lục 1 thứ, tự quản vệ đến binh đinh đều thưởng tiền lương 1 tháng, nếu có thêm việc vận tải của công và có công cán khác được thanh thỏa thì lại thưởng riêng.

Chuẩn định từ nay về sau, các cử nhân giám sinh theo tỉnh hậu bổ, nhân ốm mà chết thì cấp cho tiền tuất 30 quan và 3 tấm vải, còn người đã thử quyền chức huyện, thì chiểu theo thực hàm mà cấp tiền tuất.

Vua rước Hoàng thái hậu từ giá ra chơi cửa biển Thuận An, lại đi chơi chùa Thánh Duyên núi Thúy Hoa. Vua bảo quan phủ Thừa Thiên rằng : Tính trẫm thích

(1) Ty ấu ngộ sát tôn trưởng là người dưới lỡ giết chết người trên.

trồng trọt, không phải vì chơi xem, thực muốn để khuyên bảo nhân dân ấy, như các chỗ cát trắng ở cửa biển Thuận An, không trồng trọt các thứ khác được, chỉ có cây bừa, tính ưa đất ấy, mà quả ăn được, lá dùng lợp nhà được, năm trước trẫm sai trồng dừa ở đấy, nay đã to lớn rườm rà, thế là đất bỏ đi mà lại thành đất hữu dụng, lũ ngươi nên đem ý ấy hiểu thị dân sở tại, sai để lại nhiều quả dừa để trồng thêm, Nhà nước cấp cho tiền, còn quả và lá cho dân được tự ăn dùng, đấy cũng là một việc làm lợi cho dân.

Vua ngự đình Tiến Sảng, bảo quan hầu rằng : Trẫm nghe nói : xứ Giang Lưu Ba nước Tây (Giacácta kinh đô Nam Dương), viên Tổng trấn sở tại hằng năm ăn lương bằng bạc nhiều, mà chợ nhiều, bến đò nước ấy đánh thuế người buôn, không cái gì là không có thuế. Nay của cải là mỡ máu của dân, nhân dân không đầy đủ thì vua đầy đủ với ai, nước ấy bóc lột kẻ dưới để dâng người trên như thế, ví như thân người, mỡ máu đã hết thì chỉ còn xương khô, nhân dân hết của, nước dựng với ai, việc ấy thực là đáng cười.

Bèn sai bắc xe đi chơi xem cá ở đầm Hà Trung, rồi quay xe trở về.

Trước khi vua sắp đi tuần chơi, sai Quản thị vệ là Vũ Văn Giải hội đồng với bộ Công, cứ tự cửa Thuận An đến núi Thúy Hoa, chọn quãng giữa đường làm một chỗ nghỉ trưa, bèn phái lính và thợ làm ở mỏm bãi cát ấp Hà Thành, gọi là hành cung Hà Thành.

Tỉnh Bắc Ninh gạo đắt, vua chuẩn cho thóc tô phải nộp vụ chiêm năm ấy, cùng là để thiếu tự năm trước và thóc bán ra cho dân được giảm giá chiết nộp bằng tiền. Quan tỉnh lại dâng sớ tâu nói : Hạt ấy ruộng chiêm ít mà ruộng mùa nhiều, xin hằng năm tô thuế phải nộp chia làm 10 thành, mùa hạ thu 3 thành thóc, 7 thành tiền ; mùa đông thu 7 thành thóc, 3 thành tiền, cho dân được tiện. Vua y cho.

Vua cho Lang trung bộ Lễ biện lý bộ vụ kiêm quản Quang lộc Tự khanh là Phan Thanh Giản làm Lang trung bộ Hộ, biện ký bộ vụ, Hữu tham tri bộ Lễ là Đoàn Khiêm Quang cho giải chức Cơ mật viện, chuyên làm việc bộ và kiêm quản Quang lộc tự.

Vua cho Quản cơ cơ Hữu kiên là Nguyễn Thường Hứa, làm Phó vệ úy vệ Quảng võ.

Vua sai phủ Nội vụ từ nay về sau, những bạc Tây dương chứa ở kho như loại hoa biên, song chúc, quỷ đầu của nước Lữ Tống, đều gọi là tiền bạc Tây dương cả, chia làm hạng lớn hạng nhỏ 2 hạng, hạng lớn tính là 7 đồng cân 2 phân bạc, hạng nhỏ tính làm 2 đồng cân 8 phân bạc làm mức, sổ sách chi tiêu và còn lại, theo thế mà làm.

Vua sai Quản phủ Thừa Thiên kiểm soát các sở kho tàng, biền binh có làm nhà tranh ở ngoài tường để thổi nấu thì dỡ hết đi.

Quan tỉnh Quảng Ninh tâu nói : Biền binh đi bắt giặc về tỉnh, bị ốm đến hơn 990 người, chữa thuốc phần nhiều đã khỏi, người còn ốm chỉ còn hơn 20 người.

Vua khen tốt, thưởng cho thự Án sát là Bùi Mậu Tiên gia 1 cấp, thưởng cho y sinh 200 quan tiền. Nhân đó, dụ bộ Binh rằng : "Nhà nước nuôi quân, vốn muốn cho mọi người cùng mạnh khỏe để phòng khi có việc, mà khi sai phái hoặc nhân lam chướng, hoặc nhân làm việc khó nhọc thì không phải cảm nhiễu ốm đau cũng là lý thế tất nhiên, nhưng cốt ở thượng ty và quản viên thường xem xét luôn, khiến cho binh lính không được giả mạo, tự nhiên người ốm liền khỏi, mà lính tại ngũ cũng có thể thường đủ được. Nay bệnh binh tỉnh Ninh Bình lần lượt phái đi bắt giặc, quê quán cách xa, đã không có vợ con họ hàng bảo dưỡng, thuốc thang cơm cháo, đều nhờ ở Nhà nước, mà thầy thuốc cũng không có phương thuốc hay như Biển Thước, Trọng Cảnh, chữa bệnh lại được khỏi nhiều như thế, là cũng do quan địa phương để tâm bàn xét. Nhân nghĩ các hạng biền binh quê ở các hạt đến đóng ở Kinh, tự tháng giêng năm nay đến giờ, bệnh binh xin về quê điều dưỡng hơn 3.400 người, người đã khỏi bệnh đến hàng ngũ chỉ được một phần ba, thậm chí như bệnh binh ở Bình Định hơn 900 người, người khỏi chỉ có hơn 70 người, xét ra lính ấy đã không đi đánh giặc mà vừa có bệnh, bèn được về quê, thủy thổ đã quen lại có vợ con điều dưỡng, không giống như thầy thuốc Nhà nước chữa, sao khỏi bớt không được mấy như thế. Hơn nữa, chăm làm việc vua, khó nhọc, nhàn rỗi cốt phải đều nhau, như ốm gần đến nửa năm, đã đến kỳ phân ban vẫn nói chưa khỏi, hầu muốn thác ốm cả năm, riêng chiếm nhàn rỗi, mà người khỏe mạnh làm việc khó nhọc cả năm không được nghỉ ngơi chút nào, có lẽ nào như thế được, đó là không khỏi trốn tránh giả dối, mà quan địa phương sở tại không tra xét ra đấy thôi, nên truyền dụ cho Thượng ty các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định đều chiểu những bệnh binh về quê, sức cho phủ huyện tổng lý giục phải chữa gấp cho chóng khỏi, giải về đội ngũ, không được mượn cớ tạm yên như trước, nếu cứ nấn ná để bệnh binh còn được giả dối, cho số lính ốm thêm nhiều, sẽ giao đình thần nghị tội không tha".

Lại sai thông dụ cho ở Kinh cùng các tỉnh ở ngoài là Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh đều chiểu những lính phái đi đánh giặc ở Thanh Hoa, Ninh Bình, nhân ốm chết ở quân ngũ hay ở tỉnh đều cấp tiền tuất gấp đôi, người chết ở nhà quê cũng

chiểu lệ cấp tuất cho gia đình, các người ốm ở quân ngũ đã có Nhà nước điều trị cho, còn về quê, người ốm nặng thì cho 2 quan tiền, người ốm nhẹ 1 quan, người đã khỏi đến quân ngũ cũng theo lệ ấy truy cấp.

Đê xã Vân Trai (thuộc huyện Tiên Phong), tỉnh Sơn Tây vỡ. Trước đấy đến tiết sơ phục, nước sông lên rất mạnh, hơn đầu mùa xuân 18 thước. Quan tỉnh tâu lên.

Vua sai ra dụ ngay cho đốc phủ, bố, án, lãnh binh các tỉnh phận có sông, đều phải cắt lượt nhau đến đóng ở bờ sông, phàm những chỗ đê xung yếu, hết sức sang hộ, rồi khi mưa mãi không tạnh, nước sông lên đến 21 thước 3 tấc, đoạn đê Vân Trai bỗng thấy nước vỗ vào đất, tiếng vang như sấm, vỡ lở dài hơn 10 trượng, thế nước chảy mạnh, sáu huyện Tiên Phong, Phúc Tạo, Minh Nghĩa, Thạch Thất, An Sơn, Mỹ Lương, ruộng nương đều ngập mất, nước tràn vào 3 mặt tây nam bắc tỉnh thành. Việc đến tai vua. Vua dụ rằng : "Đê sông quan hệ đến sự lợi hại đời sống của dân không nhỏ, trẫm ngày đêm để tâm, thức ngủ không quên, gần đây cứ liên tục báo lên bộ về tình hình nước lên mạnh, trẫm cho là cất đặt cuống quýt, toàn không nắm vững, thì đê điều quyết không giữ vững được, nay quả nhiên không ngoài sự đoán trước thực là đáng phàn nàn, đáng tức giận. Tổng đốc Lê Văn Đức cùng phủ huyện tỉnh phái đều phân biệt giáng cách, sai đem ngay gạo, muối chia đến nơi bị lụt phát chẩn cho dân và thượng khẩn lấp kín chỗ đê vỡ, chớ để vỡ thêm".

Đức lại tâu nói : "Phía nam xã Vân Trai có sông nhỏ, gọi là sông Chiết Giang, gần với chỗ vỡ ấy (sông ấy phát nguyên từ núi Tản Viên, đi qua các huyện Tiên Phong, Phúc Lộc, Minh Nghĩa, Thạch Thất, An Sơn, Mỹ Lương, chảy đến xã Hoàng Xá huyện Chương Đức tỉnh Hà Nội, cùng sông Hát hợp làm một, lại chảy qua các huyện Sơn Minh, Hoài An, Kim Bảng, Duy Tiên, theo sông lớn huyện Nam Xang mà chảy ra biển), đê ấy mới vỡ, thế nước theo ngay sông ấy chảy đi sau mới tràn vào ruộng, nay được tạnh luôn vài ngày, dần đã rút xuống, nước đều rót vào sông ấy, thuận dòng mà xuống biển, nhà cửa nhân dân được ở như thường, đường sá có thể đi được, tình hình hiện tại không thiệt hại lắm, còn chỗ đê vỡ được khẩn đốc đến đắp lấp, tưởng độ 10 ngày có thể lấp kín chỗ vỡ".

Vua phê bảo rằng : "Nay xem tờ tâu trẫm hơi yên lòng, có thể gọi là không may mà may, bèn sai chiểu sổ dân phu làm việc, hậu cấp tiền gạo (mỗi người mỗi ngày 2 tiền và 1 bát gạo), phàm tre gỗ dùng làm cọc cừ, trả tiền cho giá đắt".

Nước sông Hưng Yên lên to gấp bội đến 14 thước, chỗ đào ở 2 bên bờ sông Cửu An, nước chảy rất mạnh, đê giữ nước bị vỡ 3 đoạn, 5 huyện thuộc phủ Khoái Châu, đồng ruộng nước sâu 5, 6 thước, trông ra mênh mông, tràn vào 4 mặt ngoài thành tỉnh ấy, quan tỉnh đốc lính chống giữ ở cửa thành, làm tờ tâu lên.

Vua phê bảo rằng : "Không ngờ nước lên to quá như thế, sức người thực khó chống nổi". Tỉnh Hải Dương vì đê sông Cửu An vỡ, nước lụt chảy xuống, các đê nhỏ ở các huyện Đường An, Đường Hào, Thanh Miện đều vỡ lở, nước tràn đến các huyện Gia Lộc, Vĩnh Lại, Cẩm Giàng, ruộng nương cửa nhà của dân đều bị chìm ngập, vua ra dụ sai phát gạo muối phát chẩn cho các người bị thiệt hại về nạn lụt".

Tổng đốc Nguyễn Công Trứ vừa đến Kinh vào châu vua, vua chuẩn cho lập tức đi ngựa trạm về bàn cách phát thóc cho dân vay.

Hai xã Phù Liệt, Dương Liệt ở tỉnh Bắc Ninh (huyện Văn Giang) có 2 lần đê, Tổng đốc Hoàng Văn Trạm nghĩ rằng đê trong đắp đã hơn 30 năm, chưa từng bị lụt, xin đến kỳ nước lụt đào một đoạn đê ngoài cho nước chảy để thí nghiệm, nước sông theo chỗ đào vỡ toang ra rót vào đê trong, 2 bên đê đều là đầm sâu, chất đất không bền chặt, sụt lở đến hơn trăm trượng, xuýt nữa bị vỡ, Trạm thân đem quân và dân, cắm vài hàng cọc cừ bao ở bên ngoài chỗ vỡ, đem rạ và lá cây bỏ xuống, thế nước chảy mạnh liền bớt, bèn cắm một đoạn đê quai vạc dài 14 trượng, đem đất đắp lấp, để phòng giữ lụt sau, rồi đem tình hình tâu lên. Và nói : Chỗ đê trong sụt lở, nên phải đắp lại, hoặc làm đê mới khác, đợi sau lại tính làm tiếp.

Vua nói rằng : "Đê trong ở xứ ấy từ trước đến nay chỉ nhờ đê ngoài ngăn giữ, đê ngoài vững chắc thì nước sông không phải lo, đê trong chỉ để không, khi trước đắp đê ấy, há chẳng tốn công tốn của ư ? Nay nên đắp lấp chỗ đê vỡ ở đê ngoài, cốt phải 10 phần vững chắc, để chống nước lụt, cho dân được ở yên. Còn như nói là làm đê mới khác, thực là kiến thức noi theo lầm lỗi cũ, không nghĩ đê ngoài không giữ được thì đê trong được việc gì, có lẽ nào chỗ nào cũng đắp hai lần đê, nói như thế đều là hư văn, không phải có ý thực vì nước vì dân, sao bằng cứ làm theo việc cũ, đem những đoạn đê ngoài, đoạn nào nên đắp cao thêm dày thêm, tùy chỗ mà sửa chữa, chẳng cũng dùng sức ít mà nên công nhiều ư, cho nên mới bỏ đê trong, chỉ giữ gìn đê ngoài.

Cấp thêm áo trận cho vệ binh các tỉnh Nam Kỳ (Biên Hòa 2 vệ, Gia Định 5 vệ, Vĩnh Long 4 vệ, Định Tường 2 vệ, An Giang 1 vệ, cộng 14 vệ, chiểu theo cách thức lần trước mà chế cấp). Rồi lại định cách thức áo trận của quan quân trong Kinh và ngoài tỉnh (áo quản vệ dài 1 thước 4 tấc 5 phân, ở Kinh suất đội áo dài 1 thước 4 tấc, binh đinh 1 thước 3 tấc, ở các tỉnh ngoài, áo suất đội, binh đinh đều ngắn hơn 1 tấc).

Đặt thêm suất đội Loan nghi nhất (lệ trước chiểu theo các vệ, mỗi đội chỉ đặt 1 suất đội, đến nay nghĩ rằng đội ấy sớm tối ứng trực, không ví như các đội khác, cho nên đặt thêm).

Đạo quân của thự phủ Lạng - Bình là Trần Văn Tuân tự đồn Long Khê tiến đến núi Ngọc Mạo, đầu sỏ giặc là Nông Văn Sĩ đã trốn trước sang đất nước Thanh, Phó lãnh binh Nguyễn Đăng Khánh, Quản cơ Phạm Văn Khai ở đạo Tuyên Quang cũng lục tục đến, phân phái nhau đi tìm bắt giặc, bắt được bè lũ giặc là bọn Tô Văn Tiệp (ngụy xưng Chưởng trung bộ) hơn 10 đứa cùng súng ống chúng chứa giữ, Án sát Bùi Quốc Trinh đi đường khác từ Tháp Nà thẳng đến An Lạc. Giặc Thạc, giặc Mai cũng đã lẩn trốn, bắt được Hoàng Văn Quần và bè lũ hắn 2 đứa. Bố chính Tuyên Quang là Trần Ngọc Lâm liền cùng đến quân thứ hội bàn, gặp lúc mưa rào luôn mãi, đường vận tải lương hơi khó, Tuân đem tình hình tâu lên, và nói : "Giặc Sĩ là người tàn nhẫn, người không theo hắn thì hắn giết. Dân tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên tiếp cận đều bị hắn hiếp chế, 2 xã An Lạc và Ân Quang (An Lạc là chính quán của giặc Sĩ, Ân Quang là chỗ nhà ở) xa cách phủ huyện, dân ấy cậy thế của hắn ngày càng hung hãn. Quân đi tuần phòng ven đồn có thông đồng với chúng, như Dương Văn Long mới được đến đấy (Long giữ đồn Tuyên Tĩnh, nhận chức Thống chế của giặc, đến nay việc phát ra bị giết), cho nên hắn được ở phố Vân Trung (Vân Trung thuộc xã Vân Quang, chỗ ở của giặc Nông Văn Vân) đặt đồn thu thuế, chiêu tập bè lũ, rèn luyện binh khí, đặt ra danh mục ngụy, mưu toan nổi loạn, nếu không trừ ngay đi, tất thành mối lo ở ngoài biên, nhưng nay đương mùa hạ, chưa tiện đóng quân lại, tìm cho đến cùng, đợi đến mùa thu gặt xong, 3 đạo quân Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên lại hết sức tìm bắt các sào huyệt giặc ở An Lạc, Ân Quang, hoặc giết cả đi, hoặc dời đi nơi khác mới có thể hết được mầm ác, yên được mặt đất".

Vua dụ quở rằng : "Ngươi trước đây đem quân vượt qua địa giới, không từng tâu qua, trẫm cho là ngươi phát huy tài năng khác, tha cho lỗi đã qua, để cho mưu tính lập công, thế mà từ trước đến nay điều độ trái phép, để cho đầu sỏ giặc được lọt lưới trước, chỉ khó nhọc, không có công trạng, không khỏi đem câu "giặc đã trốn xa" để trả lời, tội ấy không thể chối được, cho theo ngay dụ trước rút quân, lại về Lạng Sơn yên lặng đợi phân xử, còn việc bắt giặc, đợi sau xuống dụ cho thi hành, không cho ngươi chỉ nói suông, rút cục không được thực dụng".

Lại mật dụ Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Lê Văn Đức rằng : "Ngươi năm trước thống lĩnh đại binh tiến đến Vân Trung, đánh dẹp đầu sỏ giặc nhiều đứa đã bị giết, duy còn giặc Sĩ, giặc Thạc, một vài đứa trốn vẫn bay xa, và giặc Sĩ rất là tàn bạo, đi đến đâu là giết hại, nhân dân nhiều lần bị thảm hại, tội ác chứa chất của hắn so với đầu sỏ giặc là Nông Văn Vân chỉ kém một bậc, vừa rồi vì giặc Vân đã bắt được, việc lớn đã gần xong, không nỡ để quân quan đóng lâu thêm khó nhọc, cho

nên cho hát khúc khải hoàn rút quân về, ban tước đền công, nay giặc ấy lại chiêu tập bè lũ, ngầm về Ngọc Mạo sinh sự. Dân sở tại như các xã An Quang, An Đức, An Định, An Lãng, Giai Lạc phần nhiều dung túng cấp dưỡng cho chúng, tức như bọn người con đồn Tuyên Tĩnh là Dương Văn Long, Cai tổng Ân Quang là Nông Đình Khánh hoặc thông đồng với giặc, hoặc nhận chức tước của giặc, mưu làm việc trái phép, chưa khỏi lửa tàn lại cháy, mà Trần Văn Tuân làm việc hồ đồ, tiến lui không có chừng mực, chắc không đương nổi gánh nặng ấy, lập tức đã có Chỉ rút về, thì công việc phải bắt giặc ở xứ ấy, đi xe nhẹ, đến đường quen, không ai hơn được ngươi. Hơn nữa, Tuyên Quang là kiêm hạt của ngươi, nên nói là đi Kinh lược, đến đóng ở tỉnh thành, mật sai người có tài giỏi hỏi han tình hình cho đích xác, tìm cách tra bắt, hoặc nên căn cứ ở thổ mục thổ dân sở tại, bắt phải tìm bắt, hoặc nên đợi mùa thu mùa đông giáp nhau, chia quân đến đánh úp, binh dõng phải đi nên dùng bao nhiêu, và những tổng mục thông đồng với giặc, những xã dân chứa nuôi giặc, nên trừng trị thế nào, cốt cho giặc trốn bắt được hết, dân biên thùy đổi mới để làm kế hay nhất, nhọc một lần mà nhàn rỗi mãi mãi, khỏi phải đập bụi cỏ cho rắn sợ, chỉ nhọc đi lại, mới là mưu kế hoàn toàn".

Tờ dụ đến nơi, vừa gặp đê Vân Trai vỡ, Đức dâng sớ xin tạm ở lại để cứu cho dân bị nạn lụt, và hàn lấp chỗ đê vỡ, công việc được xong thì đi ngay Tuyên Quang trù tính.

Vua dụ rằng : "Thế không thể trông nom, chính nên làm việc cần kíp trước để giúp đời sống nhân dân, còn bọn giặc trốn ở Tuyên Quang chẳng qua sống tạm hằng ngày, không quan khẩn lắm, đợi đến quãng tháng 9 tháng 10, rồi mới thân đi đánh giặc, tuân theo dụ trước thi hành cũng chưa muộn".

Phái thêm đại thần đi tuần tra.

Thự Tham tri là Đoàn Khiêm Quang, thự Thống chế là Lương Văn Liễu, thự Thị lang là Bùi Quỹ đều sung chức Tuần tra phủ Nội vụ ; thự Thị lang là Nguyễn Hợp, Biện lý là Trần Doãn Hiển, Lý Văn Phức đều sung chức Tuần tra các sở thuyền.

Vua sai bộ Lại tra xét những cử nhân, giám sinh hậu bổ, hiện đã thử bổ quyền tri huyện, không cứ đã mãn hạn hay chưa, đều cho thực thụ. Lại truyền dụ cho đốc phủ, bố, án các tỉnh : phàm những nhân viên hậu bổ, nên sai phái đi làm việc công để xem người ấy thế nào, nếu người có thể nhận được chức trách dân xã thì gặp có khuyết tri huyện, huyện thừa lập tức tâu xin bổ thụ, ai hèn kém cũng tâu xin rút về học tập ở bộ.

Quan phủ Thừa Thiên tâu nói : "Năm trước lệ định những quan quân ở lỵ sở hoặc đồn đóng xa quê quán, hoặc có người chết thì quan địa phương cứ theo thuyền riêng trong hạt bắt chở về quê, cho thuyền ấy được trừ thuế lệ 1 năm. Từ trước đến nay, ở đâu chỉ cho tải đệ đến Kinh mà thôi. Nay có thự Phó vệ úy vệ Tiền phong hữu là Nguyễn Hoàng Thỏa đóng ở Bắc Ninh ốm chết, thuyền đưa đến Kinh. Nguyễn Hoàng Thỏa là con có hiếu của công thần (Nguyễn Hoàng Đức), xin nên lại bắt thuyền buôn chở về nguyên quán ở Định Tường, các thuế thuyền trước và thuyền sau đều giảm cho một nửa, không nên cho trừ cả, tự nay có việc nào giống thế, theo đấy làm lệ".

Vua nghe theo.

Quan tỉnh Phú Yên tâu nói : "Phía hữu thành mới, có một dải sông dài, mỗi khi đến kỳ mưa, nước lụt tràn ngập, xin đắp đê nhỏ để ngăn giữ (dài hơn 290 trượng) đường cái ở mặt sau thành, có một đoạn đê hơi thấp (dài hơn 116 trượng), nước lụt mùa thu thường theo chỗ ấy chảy tràn, cũng nên bồi đắp, nay nhân việc làm ruộng được rồi, xin liệu bắt dân cận tiện 1.000 người đi làm việc ấy". Vua y cho.

Quan thành Trấn Tây nói : "Hạt thành ấy có đồn phủ Sơn Phủ, đường sông khó vận tải, đất đều gò núi, không ruộng nào đáng khai khẩn, mà hạt phủ Sơn Bốc có nhiều đất bỏ không, có thể cày cấy được, đường thủy đường bộ đều tiện, nghĩ xin dời đồn Sơn Phủ đến chỗ bằng phẳng rộng rãi để cho thổ biền phiên mục theo bọn án, phủ, hiệp lý đóng giữ. Đồn Lô An bờ sông bị nước xói lở, cũng chọn nơi cao ráo, dời đồn ấy đến đoạn dưới ngang đối với thành. Và đường sá hạt ấy, một đường tự Lô An đến Cam Xà Tích Đà, thẳng suốt đến đồn Sơn Phủ, một đường tự Cam Xà Tích Đà suốt đến Ân Khu, tiếp giáp địa giới phủ Tây Ninh tỉnh Gia Định, đã phái lính Phiên, dân Phiên khai đắp, để tiện việc quan báo (2 đầu 4 mặt đều rộng 23 trượng 4 thước, thân cao 7 thước 2 tấc, chân dày 1 trượng 4 thước, 2 đường dài suốt hơn 72.900 trượng)".

Vua khen là kinh lý được thích hợp, thưởng cho Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Lê Đại Cương đều gia một cấp, coi làm là bọn án phủ, hiệp lý đều kỷ lục 2 thứ, phiên liêu, phiên mục cho chước cấp hà bao gấm và áo quần, binh dân thưởng chung 3.000 quan tiền.

Kinh lược Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên ở đạo Ninh Bình, tự Ninh Bình về, vào yết kiến vua. Vua dụ rằng : "Lũ ngươi trước đây đem quan quân đi kinh lý Ninh Bình, tuy không giống như người vâng mệnh chuyên việc đánh giặc, nhưng tùy cơ đánh dẹp, khiến cho một phương ấy, giặc hết dân yên, trẫm rất khen

ngợi. Vậy đều thưởng gia quân công 1 cấp, kỷ lục quân công 1 thứ, còn tự Lãnh binh trở xuống đến suất đội thì định hạng làm danh sách tâu lên, đợi ban ơn cho. Và Bố chính Ninh Bình là Trần Văn Trung đã theo đi đánh giặc, dự có khó nhọc một chút, dưới tên nguyên phải giáng 4 cấp, cho khai phục 3 cấp ; Án sát Bùi Mậu Tiên tuy không dự đi đánh giặc, nhưng vận lương tiếp tế, cũng là đáng khen, dưới tên nguyên phải giáng 1 cấp, cho khai phục cả.

Trần Văn Trung ở phủ Thiên Quan, phái người đi dò xét giặc trốn là Quách Tất Tế, Đinh Thế Đội, không có bóng dấu gì, vì việc tỉnh rất nhiều, xin về làm việc. Vua y cho, cho gia hạn 6 tháng, tìm cách tra bắt.

Cho Thị lang Thương trường là Nguyễn Văn Toán đổi bổ làm Thị lang Vũ khố ; Lang trung bộ Công là Phạm Huy Diệu quyền lĩnh Thương trường và 3 kho súng ống thuốc đạn.

Định niên hạn tha tù phạm phát làm binh. Phàm quan phạm tội thì đến cuối năm, do quan địa phương cứ theo trong năm ấy có biết hổ thẹn cố gắng không, cùng với những người cố sức chuộc tội, chia hạng làm thành danh sách, còn người nguyên phải tội quân lưu thì hạn 10 năm, người tội đồ thì hạn 5 năm ; người phải tội phát làm binh thì hạn 3 năm, hết hạn tha cho về chịu sai dịch, gián hoặc có người niên hạn chưa đủ mà tuổi đã đến 70, cho quan địa phương đem việc ấy tâu lên, không cứ niên hạn, duy những người phải tội trảo, giảo giam hậu, tội tình rất nặng, vẫn làm binh như trước, không theo lệ này.

Định đồn canh, trại quân của các dinh vệ ở Kinh thành.

(Phận đồn canh của 5 vệ tả dực, 5 vệ hữu dực dinh Vũ lâm : từ nửa đài Nam Thắng chuyển về tay trái qua các đài : Nam Chính, Nam Xương, Nam Hanh, Đông Thái đến Đông Trường, dài suốt hơn 549 trượng. Trong ấy, từ mặt trong đài Nam Thắng chuyển về tay trái đến phía trước phía sau bên tả bên hữu điện Thanh Hoà và phần đất các phường : Hiệu Trung, Ninh Bật, Đoan Hòa, Ngưng Hy, Trung Thuận, Nhân Hậu, Tích Thiện, Dưỡng Sinh, Phú Văn, Thận Cần, Nghĩa Tích, thuộc về đồn tả dực. Phần đất các phường : Huệ Cát, Thuận Cát, Lý Cát, Trinh Cát, Tĩnh Nhất, An Tĩnh, Nhuận Đức, Phúc Tuy thuộc về đồn Hữu Dực. Việc canh cửa, canh giữ 2 tầng trên dưới cửa Ngọ Môn 50 người ; canh giữ các cửa Hiển Nhân, cửa Chương Đức, cửa Thể Nhân, cửa Quảng Đức, cửa Đông Nam, mỗi cửa đều 10 người.

Phận đồn canh của 2 vệ dinh Tiền phong : tự sau nách đài Đông Trường qua đài Đông Gia, Đông Phụ đến nửa đài Đông Vĩnh dài suốt hơn 257 trượng và phần đất các phường : Đông Phúc, Minh Thiện, Hóa Thành, Vĩnh An, Thuận Bình,

Nhân Tiệm, việc canh cửa, canh giữ cửa chính đông 30 người, canh giữ cửa Thủy quan Đông Thành 20 người.

Phận đồn canh của 5 vệ dinh Long võ : tự nửa đài Đông Vĩnh chuyển về phía sau qua đài Đông Bình, Định Bắc giáp nách bên trái đài Bắc Hòa dài suốt hơn 269 trượng, và phần đất các phường : Nhân Cơ, Học Hải, Phong Doanh, Nhiêu Dụ, Chiêm Ân, Thường Dụ, Đa Lộc, Tuyền Thanh, Ân Thực, Hà Thanh, Ninh Viễn, Tứ Dịch, việc canh cửa, canh giữ cửa Đông Bắc, cửa Trấn Bình mỗi cửa 30 người.

Phận đồn canh của 5 vệ dinh Thần cơ : tự nửa đài Nam Thắng chuyển sang bên tay phải, qua đài Nam Hùng, Nam Minh giáp nách trước đài Tây Trinh, dài suốt hơn 283 trượng và phần đất các phường : Tích Khánh, Túc Võ, Vệ Quốc, Nam Trị, Nam An, Nam Ninh, Nam Cường, Đại Hữu, việc canh cửa, canh giữ cửa chính nam 20 người.

Phận đồn canh của 6 vệ dinh Hổ uy : tự đài Tây Trinh chuyển về phía sau, qua đài Tây An đến nách sau đài Tây Dực dài suốt hơn 266 trượng, lại phía trước phía sau bên tả bên hữu cung Khánh Ninh và phần đất các phường : Khánh Mỹ, Tư Trung, Địch Cần, Quả Nghị, Phục Lễ, An Mỹ, Bảo Hòa, Quy Hậu, Bảo Cư, Vụ Bản, Ngưng Tích, Nam Thọ, việc canh cửa, canh giữ cửa tây nam 30 người, canh giữ cửa Thủy quan Tây Thành 20 người.

Phận đồn của 5 vệ dinh Hùng nhuệ : tự đài Tây Dực chuyển về phía sau qua đài Tây Tĩnh, Tây Tuy đến nửa đài Tây Thành dài suốt hơn 270 trượng và phần đất các phường : Bảo Ninh, Đại Hanh, Sư Trinh, Tốn Vũ, Đôn Hóa, Thuận Tắc, Long Bình, Gia Mỹ, Thừa Đức, Gia Cầm, An Lạc, Huân Đạo, Ân Trạch, Hậu Sinh, Mộc Đức, Xử Nhân, Do Nghĩa, An Tây, việc canh cửa, canh giữ cửa chính tây 30 người.

Phận đồn canh của 10 vệ Ngũ bảo : tự nửa đài Tây Thành chuyển về phía tay trái, qua các đài Bắc Điện, Bắc Thuận, Bắc Trung, Bắc Thanh đến đài Bắc Hòa dài suốt 532 trượng và phần đất các phường : Linh Ứng, Phú Thứ, Hòa Thái, Ngưỡng Trị, Tây Lộc, Quy Thiện, Tây Ninh, Vô Uổng, Tây Thành, Hàm Thanh, Đại Đồng, Khang Ninh, Tráng Cố, Diễm Tĩnh, Bắc Trường, Ninh Bắc, việc canh cửa, canh giữ cửa tây bắc, cửa chính bắc, mỗi cửa 30 người.

Phận đồn của 4 vệ Kỳ võ : chung quanh đài Trấn Bình ở ngoài cửa Trấn Bình, dài suốt hơn 240 trượng và phần đất các phường : Thừa Thiên, Tuyên Hóa, Định Bắc, An Bắc, việc canh giữ cửa Trường Định 10 người. Nếu gặp khi xe vua đi chơi ngoài 100 dặm, đều chiểu số lính canh lấy gấp đôi lên để canh gác cho nghiêm, các mặt đất phận đồn canh, phải sửa sang cho sạch sẽ, mặt thành có chỗ sạt lở bé nhỏ, thì

đều tự tu bổ, công trình nặng nhiều thì báo bộ khám xét và để ý tuần tra, có quân du côn ở lẫn vào, thì bắt giải trừng trị.

Trại lính dinh Vũ lâm trước ở 2 bên tả hữu ngoài Hoàng thành, vẫn ở như cũ. Trại lính từ dinh Tiền phong đến dinh Kỳ võ đều ở phận đồn của mình. Còn các đội Cẩm y, Loan giá, Kim ngô là thân binh, Thủy sư, Kinh tượng đều có đồn đóng riêng và các vệ đội linh tinh, chiểu theo lệ như lệ thường để canh gác).

Lãnh binh ở tỉnh Thanh Hoa là Nguyễn Văn Kỳ già yếu, giáng làm Lãnh binh tỉnh Quảng Bình, Lãnh binh tỉnh Quảng Bình là Nguyễn Lương Nhàn thăng thự Lãnh binh tỉnh Thanh Hoa (Lãnh binh tỉnh Thanh Hoa trật Tòng nhị phẩm, Lãnh binh Quảng Bình trật Tòng tam phẩm).

Phó lãnh binh Hưng Hóa là Bùi Văn Đạo tuổi già về hưu trí. Vua cho Phó vệ úy Tiền vệ dinh Hổ uy là Đoàn Văn Sách thay.

Định lệ thưởng cho viên thanh tra đi việc quan về. (Phàm đi làm việc quan thanh tra các địa phương về, có xét được dối trá việc trọng, mà tự trước đến nay chưa phát giác ra, thì không cứ tỉnh hạt lớn nhỏ, đường sá xa gần, viên đồng lý được thưởng gia 1 cấp, nhân viên thừa biện thưởng kỷ lục 3 thứ, còn tuy không xét ra được nhưng làm việc thanh thỏa thì chiểu theo đường đi xa xôi như các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên ở Nam Kỳ và các hạt Hà Nội, Nam Định, Quảng Yên, Hải Dương, Hưng Yên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng ở Bắc Kỳ thì đồng lý được thưởng kỷ lục 3 thứ, nhân viên thừa biện kỷ lục 2 thứ, những tỉnh hơi gần như các hạt Quảng Nam, Quảng Ngãi ở Nam Trực, Quảng Trị, Quảng Bình ở Bắc Trực, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa ở Tả Kỳ, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa ở Hữu Kỳ, tỉnh Ninh Bình ở Bắc Kỳ, thì đồng lý được thưởng kỷ lục 2 thứ, nhân viên thừa biện được thưởng kỷ lục 1 thứ).

Ác man tỉnh Quảng Ngãi lại tụ họp bè lũ cướp bóc dân ngoài biên, quãng vài ngày, 3 lần lẻn ra ăn cướp, quan quân các đồn đến đánh, lại dẫn nhau đi, không bắt được 1 đứa, không chém được 1 đầu, quân lính lại có người bị thương.

Vua nghe biết quở trách, sai Bố chính Đặng Đức Thiệm đi đốc Lãnh binh Nguyễn Văn Vĩnh tìm cách chặn đánh, khi Thiệm đến nơi, có vài trăm giặc Man lại lấn xuống đồn Ngũ cơ, Nguyễn Vĩnh thân đem biền binh đuổi đánh, bị đạn lạc trúng phải, bọn giặc cũng nhiều đứa bị thương chết, chúng bèn chạy trốn. Thiệm bèn theo các đồn đi đến, sửa sang hào lũy, đào hố cắm chông, phòng giữ nghiêm ngặt, hơn 1 tháng, quân Man không dám đến nữa, dân được ninh thiếp. Vua thưởng cho Thiệm kỷ lục 1 thứ, cho về tỉnh canh chức, Nguyễn Vĩnh được thưởng kỷ lục 2 thứ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXXIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837], mùa thu, tháng 7, ngày mồng một, làm lễ Thu hưởng.

Khoa thi Hương ở các tỉnh : Thừa Thiên, Gia Định, Nghệ An. Vua sai : Hà Quyền, Tả tham tri bộ Lại, sung làm Chủ khảo trường Thừa Thiên và Phan Thanh Giản, Biện lý bộ Hộ sung làm Phó chủ khảo ; Doãn Uẩn, Tả tham tri bộ Hình, sung làm Chủ khảo trường Gia Định và Hà Đăng Khoa, Bố chính Định Tường, sung làm Phó chủ khảo ; Vũ Đức Khuê, Tả thị lang bộ Hộ sung làm Chủ khảo trường Nghệ An và Lâm Duy Nghĩa, Thông chính Phó sứ, làm việc ở Các, sung làm Phó chủ khảo.

Vua nghĩ số học trò đi thi ở trường Thừa Thiên nhiều hơn khoa trước, đặc cách chuẩn cho định lấy thêm số đỗ (2 hiệu sắc vàng và sắc đỏ thẫm, mỗi hiệu 8 người ; 2 hiệu sắc xanh và sắc đen, mỗi hiệu 7 người ; sắc đỏ 5 người ; tổng số là 35 người). Khoa này danh sách các trường dâng lên, đỗ cử nhân tất cả 51 người :

(*Trường Thừa Thiên* 35 người : Lê Doãn Xuân, Nguyễn Tường Vĩnh, Hoàng Trọng Từ, Lê Đức, Lê Văn Đạt, Phạm Chân, Phạm Văn Tuyển, Lê Tiến Ích, Tạ Kim Vực, Trình Nho, Trần Kim Vỹ, Lê Thúc Đôn, Nguyễn Văn Dục, Trần Tiễn Thành (trước là Mẫn), Thái Viết Điến, Nguyễn Văn Mưu, Lê Văn Thành, Trần Công Chính, Lê Dần, Trần Nguyên Phóng, Nguyễn Doãn Thành, Lưu Lượng,

Phạm Văn Trị, Nguyễn Văn Đĩnh, Tạ Kim Pha, Mai Văn Mỹ, Lê Văn Nhượng, Phan Huy Cảnh, Nguyễn Công Tùng, Hoàng Công Tính, Bùi Đạo, Nguyễn Công Chính, Tiết Văn Hanh, Hoàng Văn Thận, Trần Ngọc Diễm. *Trường Gia Định* 11 người : Nguyễn Văn Chiêm, Bùi Văn Phong, Nguyễn Công Dự, Nguyễn Văn Trị, Nguyễn Khắc Điều, Lê Văn Dự, Nguyễn Tiến Hội, Nguyễn Văn Quyển, Vũ Doãn Nguyên, Trần Thành Lập, Hoàng Mẫn Chính. *Trường Nghệ An* 5 người : Vương Đình Chiểu, Vũ Nguyên Doanh, Nguyễn Phong, Phạm Trọng Cát, Phan Quang Nhiễu).

Khi bộ Lễ duyệt lại quyển đỗ, thì trường Thừa Thiên bị truất 3 người là Nguyễn Công Tùng, Bùi Đạo và Mai Văn Mỹ (Nguyễn Công Tùng thì bài phú viết lầm chữ đầu đề ; Bùi Đạo thì bài phú, cùng với tú tài Vũ Văn Khiêm lời văn suýt soát giống nhau ; Mai Văn Mỹ thì là con người trùm phường hát đội Thanh bình, văn lý lại tầm thường, đều truất xuống làm tú tài). Quan trường phải phạt. Trường Nghệ An điểm duyệt quá khắc, suốt cả các quyển văn, không quyển nào trúng cả 3 kỳ, dự trúng 2 kỳ cũng không được mấy người, bọn Vũ Đức Khuê bèn dâng sớ nói : "Tìm người giỏi hơn trong bọn kém ấy, được 5 quyển chọn hơi khá, xếp vào loại cử nhân".

Vua bảo bộ Lễ rằng : "Triều đình mở khoa thi, kén học trò, vốn muốn được nhiều nhân tài để giúp việc Nhà nước, trường Nghệ An khoa thi năm nay lại có cả học trò Thanh Hoa hợp thí, số học trò đến hơn 3.000 người so với khoa trước đông gấp đôi, huống chi Nghệ An, Hà Tĩnh và Thanh Hoa, vốn có tiếng là văn học, sao ngạch đỗ ít ỏi như thế ; phải tìm người giỏi trong bọn kém, rồi mới chỉ được 5 người ư ? Điển lễ tiến cử nhân tài, chính nên châm chước theo văn lý chọn lấy đỗ cho thỏa lòng mong của học trò, thế mà lại hẹp hòi quá như thế, thì rồi thành ra sự thể gì ? Tội của bọn Vũ Đức Khuê đã không thể chối được. Quan khoa đạo là bọn Ngô Văn Địch, nhân thế tâu xin quyển thi trường này, không kể có dự trúng hay không, đều phải đệ cả về bộ ; và xin sắc xuống, phải kiểm duyệt lại, chước lượng chọn lấy đỗ cho người có thực học, được thu dụng hết, ngõ hầu được thỏa lòng mong nhờ ơn của học trò. Vua cho là phải, bèn sai đường quan 6 bộ, đem các quyển đỗ và hỏng hội xét lại ở viện Tả đãi lậu, lấy thêm 15 người cử nhân nữa :

(Mai Thế Tuấn, Phan Đình Phong, Đinh Viết Thận, Hồ Sĩ Tuấn, Nguyễn Hữu Độ, Đặng Văn Khải, Lê Triết, Đỗ Xuân Tường, Lê Cán, Nguyễn Thái Thông, Phan Hữu Khải, Phan Đình Tuyển, Hoàng Bá Nghi, Vũ Văn Dật, Nguyễn Côn).

Vua lại nghĩ những quyển hỏng ở trường thi từ trước vẫn không có lệ đệ vào Kinh để lấy đỗ thêm, nếu nhất khái đem làm hợp cách lấy đỗ, sợ chưa đủ tỏ rõ kén

chọn công bằng, lại ra dụ sai quan tỉnh phái dẫn 5 người lấy đỗ trước và 15 người lấy thêm, về Kinh sát hạch lại. Khi các người ấy đến Kinh, vua đặc cách sai Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế và Tả tham tri bộ Lại là Hà Quyền làm chủ khảo, đến sở tả lỗ bộ xét hạch, lấy đỗ 15 người : (Mai Thế Tuấn, Phan Quang Nhiễu, Phan Hữu Khải, Đỗ Xuân Tường, Lê Triết, Hồ Sĩ Tuấn, Vũ Văn Dật, Nguyễn Côn, Nguyễn Hữu Độ, Đinh Viết Thận, Nguyễn Thái Thông, Phạm Trọng Cát, Hoàng Bá Nghi, Vũ Nguyên Doanh, Vương Đình Chiểu) và đánh hỏng 5 người : (Phan Đình Tuyển, Đặng Văn Khải, Lê Cán, Nguyễn Phong, Phan Đình Phong).

Bộ Lễ xét bàn, xin ban ân, cho 15 người hạng trúng làm cử nhân, còn 5 người hạng kém cùng với 44 người mà quan trường đã lấy đỗ tú tài 70 người mà 6 bộ lấy thêm, cộng 119 người, đều ban ân cho làm tú tài, các cử nhân sang năm đi thi Hội, nếu dự trúng Tiến sĩ hay Phó bảng, thì chiểu lệ mà làm, không trúng đều cho về học tập, đợi khoa thi Hương sau lại thi, người không đỗ thì giáng làm tú tài. Còn tú tài cũng đợi khoa sau lại thi, người nào hỏng, nếu có đỗ tú tài khoa trước thì vẫn được để tên ở sổ, còn thì đều tước bỏ đi, để cho cùng với cử nhân, tú tài các trường thi có phân biệt.

Ngự sử là bọn Nguyễn Văn Lượng tâu nói : "Lời bàn của Bộ chưa được thỏa lòng mong của sĩ tử, xin phàm các cử nhân tú tài được ban ân cho đỗ, chuẩn cho cùng với cử nhân tú tài các khoa được như nhau, duy các cử nhân khoa sau thi Hội không trúng, lại hạn cho thi Hội 2 khoa, mới cho chiểu lệ đợi bổ, các tú tài gặp có ân điển hạch bổ giáo chức, và lệ cống cử hằng năm thì không có tú tài khoa trước, đều không được dự".

Vua dụ rằng : "Quan trường trường ấy, lấy đỗ số ít, lòng trẫm cần kíp gây dựng nhân tài, muốn thu nhặt rộng rãi, đã sai 6 bộ hội xét lấy thêm. Lại nghĩ cân nhắc văn chương kén chọn, tất phải mười phần tinh tường xứng đáng, nên lại đòi về Kinh hạch lại, nay bộ Lễ tâu bàn thực là hợp lý, vả lại các tên lấy đỗ, phần nhiều tên ở ngoài tên Tôn Sơn[1], mà lại lấy đỗ thế là đang ở nơi bùn lầy mà đem lên mây xanh, bọn học trò được ơn tốt như thế thì lòng mong được thỏa biết nhường nào.

Lại nói rằng : "Cử nhân đợi thi Hội, 3 khoa không đỗ, mới chiểu lệ đợi bổ, tú tài thi lại không đỗ, gặp có giáo chức và cống cử, đều không được dự". Này như sĩ

(1) *Tôn Sơn* : người Tống Ngô, là tài tử ở Hoạt Kê. Khi đi thi, có người làng gửi con cùng đi. Lúc treo bảng, Sơn đỗ cuối cùng về trước, người làng hỏi con có đỗ không ? Sơn trả lời : tên đỗ cuối cùng là Tôn Sơn, vậy tên con ông ở ngoài tên Tôn Sơn. Người đời sau nhân thế, ai thi không đỗ gọi là tên lạc ở ngoài Tôn Sơn (tra *Từ Hải*).

tử có thực tài thực học, tất do khoa mục xuất thân, để kịp thời bổ dụng ; sao lại có cử nhân mà để đợi đến 3 khoa, thì thân mình để ở ngoài sự nghiệp, chậm đến 9 năm, biết ngày nào ra giúp việc triều đình, tú tài mà tuyển bổ, hoặc cống cử đều không được dự, thì mặc áo tú tài đến bạc đầu, xét ra không bổ ích gì cho đời. Lại câu nói : "Chưa thỏa lòng mong của sĩ tử", rất là càn bậy, thử nghĩ quyển thi đã hỏng, mà lại lấy đỗ, từ xưa đến nay, đâu có ân cách như thế, há còn chưa thỏa lòng ư ? Còn như câu nói ấy, thì thi một kỳ mà lấy đỗ, mới thỏa lòng mong chăng, tạm đều truyền Chỉ quở mắng, duy tên cử nhân thứ 3 là Phan Hữu Khải, xét quyển thi bỏ sót một chữ đầu đề, giáng làm tú tài, còn thì theo như lời bàn của Bộ, quan trường là Vũ Đức Khuê, Lâm Duy Nghĩa, giao bộ Lại nghị xử, đều giáng 1 cấp".

Chuẩn định từ nay về sau, các cử nhân trường thi ở Kinh, lấy đỗ do bộ Lễ tâu xin, cho làm lễ chiêm bái, hoặc ở sân điện, hoặc ở ngoài cửa Đại cung môn, để được yên lòng trông xem văn vật chế độ của một nước, các cử nhân đều trú ngụ ở nhà gần bên tả Quốc tử giám, lặng yên chờ đợi sau khi quyển thi xét xong, được Chỉ mới chuẩn cho về quê quán, rồi sai truyền hợp các cử nhân khoa ấy ở viện Tả đãi lậu và ra đầu bài xét hạch lại (Nhật mộ bích vân hợp thi, ngũ môn, bài luật)[1] xong, dâng lên vua xem, một lát, quan nội thần mang ra một bài thơ của vua làm, sai Hà Quyền tuyên đọc ở ngoài cửa Đại cung môn do các cử nhân mới đỗ quỳ nghe. Buổi chiều ngày hôm ấy, vua ngự ở điện Đông các, triệu các đình thần vào hầu, bình thơ của các cử nhân, lại giao cho Cơ mật Nội các và 6 bộ hội duyệt, chia thứ hạng dâng trình.

Trần Văn Tuân, Thự phủ Lạng Sơn, Cao Bằng, từ Cao Bằng về đến Lạng Sơn, vua thấy đem quân đi không có công trạng, sai giải chức về Kinh, đợi Chỉ. Cho Hà Thúc Lương, Tuần phủ Hưng Yên làm Tuần phủ Lạng Sơn - Cao Bằng, vẫn giữ nguyên hàm Thị lang bộ Binh ; Trần Ngọc Dao, Án sát Nghệ An, thăng thự Bố chính Hưng Yên, hội đồng với Án sát Vũ Trọng Đại, hộ lý ấn Tuần phủ quân phòng. Trước đây Nguyễn Cổng Trứ, Tổng đốc Hải - An về Kinh bệ kiến, vua nghĩ năm trước giặc Vân nổi loạn, Trứ từng lĩnh quân đi đánh dẹp, đã thân đến địa hạt ấy, nên triệu tập Trứ hỏi rằng : "Cao Bằng, Tuyên Quang còn có giặc trốn là Nông Văn Sĩ, Nông Văn Thạc ẩn nấp mà Trần Văn Tuân không thể bắt được, ngươi có mưu lược gì, có thể làm tuyệt hết cỗi rễ độc ác ấy không ?". Trứ tâu thưa rằng :

---

(1) *Nhật mộ bích vân hợp thi* : Buổi chiều hôm mây biếc tụ họp.
Ngũ môn : thơ làm theo thể 5 chữ.
Bài luật : bài thơ làm đủ 16 câu.

"Bọn giặc Sĩ ở hẻo lánh nơi rừng rú, chỗ ấy xa xôi, nhân khi sơ hở, lén lút ra vào bất thường, một khi nghe tin quan quân tiến đến, thì tìm cách ẩn trốn, lùng bắt rất khó, chỉ có Quản phủ phủ Thông Hóa ở Thái Nguyên là Dương Đình Cẩm và Đội trưởng ở Tuyên Quang là Nguyễn Văn Cầu đều là người Thổ đã quen biết mặt giặc, mà lại chịu quen thủy thổ, giao cho bắt giặc, tưởng cũng được việc".

Vua cho là phải, bèn sai 2 viên quan tỉnh ở Thái Nguyên và Tuyên Quang đòi Dương Đình Cẩm, Nguyễn Văn Cầu đến công đường, truyền dụ rằng : "Bọn ngươi từ trước đến nay, từng vì triều đình gắng sức, đã được giấy khen, nay giặc Sĩ, giặc Thạc còn đương trốn giết, thường thường lẻn ra trộm cướp như loài chuột loài chó, làm trở ngại cho dân địa phương, nay kính theo Chỉ dụ, chuẩn cho bọn ngươi cùng nhau để tâm tìm bắt ; hoặc tùy cơ tìm cách, giả làm người đi buôn, mật đi theo vết chân, cốt bắt sống được 2 tên phạm ấy, hoặc chém giết hay bắn giết được chúng, đem đầu dâng nộp, lập tức chiểu theo lệ thưởng các năm trước ; bắt sống được thì mỗi tên phạm thưởng 800 lạng bạc, chém được thì 500 lạng, thưởng cấp cho, nhưng trước hết phát tiền kho, thưởng cho mỗi người 100 quan, để chiêu mộ thủ hạ ra sức tra bắt". Dương Đình Cẩm liền bắt được 5 người là bè lũ giặc Thạc ở phận rừng An Lạc, thưởng cho 100 quan tiền.

Phó lãnh binh tỉnh Sơn Tây là Hoàng Văn Viện chết. Vua cho Lê Khoan Mạnh là thự Vệ úy vệ Tiền nhất quân Vũ lâm, làm Phó lãnh binh tỉnh Sơn Tây.

Chuẩn định từ nay, phàm lính ở Kinh tới kỳ phân ban, từ đội trưởng đến quân lính, không cứ quê quán xa gần, nếu có người tình nguyện ở lại hàng ngũ làm việc quan, thì quan viên đều biên giao cho bộ Binh, chuyển tư cho bộ Hộ, chiểu lệ cấp cho lương bổng để làm lệ mãi. Lại răn bảo rõ rằng : phàm đương ở ban, thì ngày ở trại lính, trông coi việc quân, thực tập nghề võ, và chia phái canh giữ, ứng trực, không được bỏ thiếu. Còn quản quan thì cấm không được sai lính làm việc riêng, từ 1 người và 1 ngày trở lên, nếu trái lệnh thì xử tội.

Đặt thêm phủ Kiến Xương thuộc tỉnh Định Tường.

Tỉnh Định Tường cai quản 1 phủ (Kiến An) và 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Đăng, Kiến Hòa) năm trước, quan tỉnh thấy địa thế Kiến Đăng dài rộng, số đinh điền gấp đôi, tâu xin chuẩn cho đặt riêng phân huyện để chia ra làm việc, đến nay ở phân huyện đổi làm huyện Kiến Phong và đặt thêm phủ Kiến Tường, kiêm lý huyện Kiến Phong, thống hạt huyện Kiến Đăng ; còn phủ Kiến An vẫn kiêm lý huyện Kiến Hưng, thống hạt huyện Kiến Hòa.

Cấp thêm kính thiên lý cho cửa biển Thuận An. Vua sai chọn phái 1 người thị vệ hoặc đội Kim sang, Cảnh tất, Hộ vệ đã quen thạo nom dòm, chỉ bảo cho bọn quản vệ, suất đội, tấn thủ, thủ ngự ở cửa biển ấy học tập, cứ mỗi 10 ngày, bộ Công 1 lần phái đến xét hạch, nếu chưa hiểu, gia một hạn nữa, đến 3 hạn mà không thể am hiểu, thì phạt tội xuy, nếu học đã biết cách, chuẩn cho hằng ngày đến vọng lâu kỳ đài Trấn Hải để dòm trông, phàm có thuyền công đi ở mặt biển, hoặc thuyền quân, thuyền buôn của nước ngoài lảng vảng trên mặt biển, tức thì xét rõ, báo bộ tâu lên, nếu có lầm lẫn để lỡ việc, phải trị tội nặng. Lại phái thị vệ hiểu rõ phép trông, đem cấp cho các tỉnh : Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, mỗi tỉnh 1 ống, rồi ở lại đấy vài ngày để chỉ bảo cho cách nom dòm và mở đóng lau chùi. Lại nhân tiện chuyển đi các tỉnh trở vào Nam, trở ra Bắc đã được ban cấp cho kính ấy (Quảng Nam, Bình Định, Bình Thuận, Gia Định, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, Trấn Tây, Nghệ An, Thanh Hoa, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh), xem xét các tỉnh chưa am hiểu thì cũng chỉ bảo cho.

Ninh Bình bị mưa lụt, nước sông lên đầy, lúa ruộng phần nhiều bị ngập, quan tỉnh tâu lên, vua sai đốc sức phủ huyện tìm cách để khơi thông. Vua bảo quan hầu rằng : "Hằng năm đến mồng 7 tháng 7, trong cung phần nhiều treo đèn, đặt yến để làm vui, nay tỉnh Sơn Tây vỡ đê, nhân dân phần nhiều đắm đuối, trẫm đâu có thể vui được một mình, nên bãi đi. Lại nói rằng : nước lụt làm tai nạn, là bởi chính lệnh của trẫm có khuyết điểm, hoặc hình phạt không đúng, biết là trời phạt, hối sao kịp được, chỉ có sợ hãi tu tỉnh mà thôi".

Lê Văn Đức, Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên tâu nói : "Chỗ vỡ đê Vân Trai, đã bắt dân phu 3.000 người đắp lấp lại, mới đóng cọc cắm kè được 1, 2 trượng, bỗng gặp nước lụt lại tràn về, sâu đến 9 thước, 10 thước không có hạn, công việc không thể làm được nên tạm phải đình công, đợi khi nước rút xuống, khẩn cấp làm ngay".

Vua nói : "Đê điều vỡ lở, dân địa phương chịu tai nạn riêng ấy, bách thiết nhường nào, nếu chỗ vỡ chưa lấp kín được, thì đồng ruộng ứ nước, bao giờ tiêu hết được, lúa mùa sao cấy lại được, nhân dân sao sớm được ở yên, thử nghĩ việc cần cấp hiện nay, còn gì lớn hơn việc ấy, chức vụ của quan tổng đốc còn gì trọng hơn việc ấy, há nên cho là làm việc hơi khó, ngồi nhìn thế nước, mặc cho chảy mạnh xung phá, mà không chú ý đến hay sao ? Theo ý trẫm nghĩ, nay chỉ có lấp kín chỗ đê vỡ là việc rất cần nhất, nhưng chỉ đắp lấp ở 2 bên, không những công phu khó khăn mà chỗ vỡ càng hẹp thì thế nước càng xói, rút lại không thành hiệu được, sao bằng bắt nhiều thuyền đem đến dòng sông ở mé trên gần chỗ vỡ, bỏ neo xuống,

mỗi chiếc thuyền 5, 3 sợi dây, dần dần xuống tới ngang với chỗ vỡ xếp thành hàng chữ nhất, cốt được vững chắc, chớ để neo nhổ lên, tức là kế tiếp nối liền nhau làm chỗ chân đứng, rồi trước hết cắm cọc cắm kè hai ba lần, sau đem vật liệu củi tre và đất, tìm cách để cho ổn. Rồi đem đá khối xếp đè lên và đổ đất vào đầy, như thế thì chỗ vỡ mất chảy, ngõ hầu lấp kín được ngay, mà đồng ruộng mong cấy lại được, nhân dân mong được ở yên".

Lê Văn Đức theo dụ, vát thêm quân dân làm gấp, lại lễ cầu ở miếu Hà thần, nước sông rút mạnh, vừa 6 ngày mà lấp kín chỗ vỡ, nước ứ ở đồng tiêu dỉ hết cả. Vua dụ thưởng cho quan văn võ tỉnh phái đi cấp kỷ và kim tiền ngân tiền, lại phát hương lụa ở kho nội phủ, sai thị vệ mang giao cho Lê Văn Đức để lễ tạ Hà thần.

Hưng Yên, Hải Dương liền cùng đem việc nước lụt đã rút tâu báo. Vua bảo Nội các rằng : "Trẫm nghe nước lụt đến đâu, phần nhiều bùn lầy bồi lên ; sau khi nước rút thì là màu mỡ tốt, lúa mùa thu hoạch càng bội, nên truyền dụ cho các quan tỉnh cần phải khuyến khích việc nông tang, phàm trăm thứ thóc và khoai, đậu, cho chí dâu gai, có thể nhờ được no ấm thì tùy tiện trồng trọt, cốt mong cho đem chỗ được bù vào chỗ mất, chuyển mất mùa làm được mùa".

Lại sức cho phủ huyện khám xét phần mộ nào bị nước lụt sạt lở, không kể quan quân hay thường dân, có chủ thì cấp cho mỗi ngôi mộ 3 quan tiền, không có chủ thì 1 quan, sai dân sở tại sửa đắp.

Đê công ở xã An Triều, xã Mai Linh (đều tên xã, thuộc huyện Hưng Nhân tỉnh Hưng Yên), bị nước lụt xói vào lở xuống sông mất quá nửa, gần sát với đê tư, chỗ ấy phần nhiều là hồ ao, thế rất nguy hiểm. Tuần phủ là Hà Thúc Lương thân đốc phủ huyện tỉnh phái, phía ngoài đê cắm kè, đóng cọc, phía trong thì dùng thuyền nan xếp đầy đá vứt xuống, sau đem hòm đựng đá, sọt đựng đất đắp lấp cao bằng đê, giữ được vô sự.

Vua nghe thấy bảo rằng : "Nước sông năm nay lên dữ khác thường, nên đoạn đê ấy sạt lở, thường xảy ra công việc khó khăn ; thế mà biết tìm cách giữ gìn, nguy mà lại yên, thật đáng khen ngợi". Quan tỉnh và văn võ lại dịch đi theo làm việc được thưởng cấp kỷ và tiền có thứ bậc, vật liệu cần dùng để sang hộ, dân sở tại tự cho là phận sự của thân mình, nhà mình không muốn lĩnh tiền, vua y cho.

Vua dụ bộ Công rằng : "Việc phòng giữ nước sông ở Bắc Kỳ, từ trước đến nay, làm đắp đê điều toàn là của kho, chi tiêu công việc thường phí đến hơn 100 vạn vẫn không tiếc ; vả lại dựng cột ở sông, ghi xem mực nước để làm tiêu chuẩn dự phòng

giữ nước, kế ấy rất hay, duy quy thức số trượng của đê điều (tự đất phẳng đến mặt đê cao 1 trượng 2 thước) thực không thể ấn định một loạt được, tức như đoạn nào địa thế vốn cao, thân đê không phải theo y số trượng, đã đủ chống giữ được nước lụt, còn đoạn nào hơi thấp, tuy thân đê theo đúng số trượng, vẫn còn thấp kém, phải tùy thế mà đắp cao thêm, không hại gì, không thế thì một dải đê dài, gián hoặc có một đoạn thấp, đến khi nước lên cứ theo chỗ thấp tràn vào, thì chỗ cao nhờ để làm gì ? Năm nay nước sông lên dữ khác thường, đê điều đầy tràn, mà cột ở sông ghi mực nước, có nơi như quan lại ở Sơn Tây dựng cột trôi đi sai đến 2 trượng (cột ghi mực nước bị sóng gió đánh đổ, quan lại tỉnh ấy lại dựng lên, không theo chỗ cũ, nên ngấn ghi không hợp) và khiến cho người không lấy gì làm chuẩn đích.

Nay nước sông dần lui, ngấn nước vẫn còn, chính nhân đó mà ghi nhận để nghiệm cho thực, chuẩn cho các quan ở phận tỉnh có sông, đều phái viên làm được việc, cứ theo đê điều trong hạt, khám thực khắp cả, đoạn nào ngấn nước cách mặt đê còn bao nhiêu, tràn quá mặt đê bao nhiêu, làm tập tâu tâu lên". Đến khi các tỉnh tâu lên mực nước cao thấp phần nhiều không giống nhau, bèn sai bộ Công xét rõ, đoạn nào còn phải đắp cao hơn và đắp đầy thêm, châm chước bàn định tâu lên.

Quan ở bộ xin lấy ngấn nước lụt mùa thu năm nay làm chuẩn đích, phàm sông to về trung lưu, đê điều phải cao hơn ngấn nước 1 thước 5 tấc ; hạ lưu và sông vừa, đê điều cao hơn 1 thước, giả thử như thượng lưu sông to, đoạn nào ngấn nước còn cách mặt đê 1 thước, thì gia cao 5 tấc ; đoạn nào ngấn nước tràn quá mặt đê 1 thước, thì đắp thêm 1 thước, lại gia cao 1 thước 5 tấc nữa, nếu đoạn nào ngấn nước cách mặt đê từ 1 thước 5 tấc trở lên thì không phải đắp thêm, ngoài ra theo lệ ấy mà suy, còn đất đắp thêm, chiều mặt đê rộng tự 1 trượng 5 thước đến 2 trượng thì thu lại ước 5 thước, hai bên để lưu không đều 2 thước 5 tấc, đoạn nào rộng tự 1 trượng 4 thước trở xuống thì thu lại ước 3 thước, 2 bên để lưu không 1 thước 5 tấc cho đỡ công sức. Lại đê điều, có chỗ phải đương thế nước xung khích, cũng có chỗ thế nước không xung khích lắm, nên phải tùy thế đắp dày, không phải nhất khái theo y thức, xin do các quan tỉnh tính nghĩ, tâu xin thi hành.

Vua y lời bàn ấy. Lại sai truyền dụ cho các quan tỉnh đều thân hành đi khám, tùy thế tính kỹ, hoặc trước nghị phải cao thêm 1 thước 5 tấc, nhưng đoạn ấy xung yếu, thấp khuyết phải cao hơn 2 thước, hoặc 3 thước thì chuẩn cho trù tính làm việc ngay, nếu đoạn nào không phải là hiểm yếu xung khích, đáng giảm bao thước tấc thì cũng chuẩn cho lượng giảm, không phải câu nệ.

Vua chỉ lên nóc điện bảo quan hầu rằng : "Phàm gặp mưa to thì các chỗ máng nước ở cung điện, nước chảy dội rất là mạnh, 2 bên mái ngói đều có thẩm lậu, trẫm thường sai người lên nóc để xem, máng nước sâu đến 2 thước, cái cớ sở dĩ dội mạnh và thẩm lậu là bởi mưa xuống như trút, chỗ miệng máng chảy ra không kịp, mà lại có 2 mái ngăn chắn. Lấy đấy mà xem, thì nước sông bị đê ngăn chắn, nên đê điều vỡ lở nhiều nơi, lại còn ngờ gì nữa".

Giảm bớt viên dịch thuộc ty bộ Công :

(Lệ định : Lang trung, viên ngoại, chủ sự, tư vụ đều 4 người ; bát cửu phẩm thư lại đều 8 người, vị nhập lưu 50 người, sau vì kiêm quản công việc ty Mộc thương bận nhiều, nên đặt thêm chủ sự, tư vụ đều 1 người ; bát cửu phẩm thư lại đều 2 người, vị nhập lưu 20 người, đến nay ty Mộc thương đã đặt nhà riêng, chuẩn cho chiếu số đặt thêm mà giảm bớt).

Đúc sách vàng, ấn vàng tấn tôn :

(Sách dài 6 tấc 3 phân, rộng 3 tấc 6 phân, 2 trang mặt trước mặt sau chạm khắc rồng mây, 3 tờ ở giữa khắc bài sách phong và xâu 4 cái vòng vàng, sách ấy nặng 43 lạng 7 đồng ; ấn vuông 1 tấc 7 phân, dày 2 phân 7 ly, cao suốt 1 tấc 6 phân 2 ly, núm ấn có 2 tầng như con rồng ngồi, ấn nặng 81 lạng 1 đồng cân 6 phân).

Dụ rằng : "Năm nay kính gặp tiết mừng lớn thánh mẫu Hoàng thái hậu ta 70 tuổi ; nhân nghĩ lòng hiếu của bậc thiên tử, không gì lớn hơn là lễ tấn tôn cha mẹ, trẫm xét rộng điển lễ đời xưa, có đúc vàng khắc ngọc, tấn dâng tôn hiệu, để tỏ đức tốt. Nay nghĩ tôn dâng huy hiệu là Nhân tuyên Từ khánh Hoàng thái hậu, chuẩn cho quan có trách nhiệm dự bị trước, kính cẩn sửa đúc sách vàng và ấn vàng, đợi trẫm kính duyệt lại, đến kỳ chọn ngày tốt làm lễ, khắc ghi đức lớn lâu dài để rộng tỏ lòng hiếu của trẫm.

Làm xe máy cưa ván gỗ (bắt chước kiểu mẫu Tây dương làm ra). Vua thưởng cho thợ 100 quan tiền.

Vua đến chơi xem, bảo quan hầu rằng : "Trẫm xem xe ấy dùng trâu chuyển vận, con trâu đã cày quen, thì dẫu gày yếu, nhưng sai khiến được chuyển động, còn như con trâu chơi dưng, dù to béo nhưng thở hộc lên không làm nổi, thế nên trẫm rất ghét những kẻ chơi dưng mà không làm việc".

Sai tỉnh Quảng Yên làm lại sổ sách đinh điền. Vua dụ bộ Hộ rằng : "Nhân dân hạt này cùng thấm nhuần thanh giáo, nhiễm phong tục người Kinh đã lâu, thế mà từ

trước đến nay, số mục đinh điền vẫn dùng lệ thường làm, định lại một phen, cho chính thể đều nhau, nên sai quan tỉnh chuyển sức cho viên phủ, châu, huyện bắt tổng lý sở tại, cứ thực biên báo, sổ đinh thì ghi rõ họ tên và tuổi ; ruộng đất thì ghi rõ mẫu, sào, thứ bậc ; sổ làm xong đệ vào bộ xét lại, sau có nhân đinh được trừ, điền thổ khai khẩn nộp thuế, theo lệ thi hành".

Cho Bùi Quỹ, Hữu thị lang bộ Công đổi làm thự Tả thị lang bộ Hình.

Bàn dời con cháu nhà Lê đến Tả kỳ.

Trước đây tập thỉnh an của Phạm Lương Phú là Án sát Sơn Tây tâu xin : phàm con cháu họ Lê tản cư ở dân gian, do sở tại hằng tháng kiểm điểm, để cho có quản thúc, không dám làm trái phép.

Vua dụ Nội các rằng : Ngày trước ngôi nhà Lê, giữa chừng bị suy, họ Trịnh lấn áp, ngụy Tây diệt mất, thế là nhà Lê mất nước đã hơn 5, 6 mươi năm, triều ta dựng lại non sông, có cả nước Việt, thực là lấy thiên hạ ở trên tay nhà Tây Sơn, cùng với nhà Lê nguyên không can thiệp. Nhờ Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta khiến cho đã đứt được nối, đã mất được còn, phong cho con cháu nhà Lê là Lê Duy Hoán làm tước công nối dòng dõi, cấp cho ruộng thờ cúng và phu coi miếu, ban ơn cho nước bị diệt vong, rất nhiều rất hậu, thực là đế vương đời trước chưa nghe thấy thế, không những con cháu nhà Lê hàm ơn đội đức vô cùng, ngay các vua nhà Lê có thiêng, cũng biết cảm động ở dưới chín suối, ngờ đâu Duy Hoán quên ơn phản lại, mưu đồ trái phép, làm ra lời ngụy gièm pha, giặc lớn không theo đạo lý, tự phạm hình phạt không thể tha, con hắn là Duy Lương hiện còn trốn, cũng để đấy không hỏi đến, dù trung hậu như nhà Chu, cũng không hơn được, thế mà Duy Lương lại giúp cho giặc, họp bàn chống lại quan quân, liền bắt được ngay chịu tội, chỉ giết một mình hắn, cũng không từng bắt tội đến 1 người trong họ hắn, duy chuẩn cho theo lời bàn của các quan, tước hết danh hiệu trả về ngạch dân, cũng là theo nghĩa lý nên phải thế. Không ngờ mầm ác còn sót lại là Lê Duy Hiển, lại ngụy xưng là minh chủ, đặt thành lời bội nghịch, xui giục mê hoặc thổ dân. Kìa, một họ không nổi lên được nữa, lẽ ấy đã rõ rệt, chúng ngu tối không biết, bèn cố cam tâm làm phản ; bọn bất mãn ấy lại phụ thêm làm gian, theo việc làm ấy, không những tự giết thân mình lại muốn gieo vạ cho cả họ nữa, tuy người phản nghịch, tất phải giết, không thèm bắt tội lây, nhưng việc thuộc án trọng quan hệ, cũng không thể không theo pháp luật mà tha được. Nếu muốn được toàn, tất phải khu xử khéo, khiến cho yên phận giữ phép, khỏi mắc vào hình pháp mới là bụng nghĩ của người nhân.

Vậy sai 6 bộ hội đồng với viện Đô sát bàn cho xác đáng, nên xử trí thế nào, hoặc lựa chỗ cho dời đi, cho dòng dõi một nhà họ Lê đều giữ được toàn vẹn, để tỏ sự hết lòng nhân nghĩa, bàn cho thỏa đáng tâu lên.

Đến nay lời bàn dâng lên : cho là đời xưa nhà Chu xử với nhà Ân, cũng lấy dựng nhà Thành Chu, dời dân ngoan ngu làm kế cốt yếu. Cho nên sau khi loạn lớn, không có tục khác lẫn vào ; mà con cháu nhà Ân, thần phục nhà Chu, là vì cách khu xử có đạo lý. Vả lại vận hội họ Lê đã lâu, lịch số đã hết, quân một lữ của nhà Tây Sơn, lấy được có thừa quân mười vạn của nhà Thanh, cứu giúp không nổi, đó là hiệu nghiệm rõ ràng, một họ không nổi lên được, thế mà chúng ngu tối không biết, thường thường mưu đồ càn bậy, không có căn cứ, trước thì Duy Hoán, sau rồi Duy Lương, Duy Hiển đều vì mưu phản phải giết, chắc rằng bọn hèn mọn ấy, tự chúng bị tội, không đủ làm lo cho triều đình, duy làm phản làm loạn, phải giết cả họ, điều luật nghiêm cấm còn đó, tuy lòng vua có không nỡ, nhưng công luận quyết cũng khó dung, đâu được thường cầu điển lệ khoan tha, thì sở dĩ xử trí như thế, chính là mưu tính cho con cháu nhà Lê mà thôi.

Nay xin cho từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, đều chiểu các người họ Lê ngụ ở hạt ấy, hết thảy đàn ông đàn bà, già trẻ, bắt giao bộ Hộ tất cả, để bộ xét tùy theo nhiều ít phát đến các tỉnh ở Tả kỳ, liệu chỗ xếp đặt cho ở, các tổng lý sở tại thời thường kiểm điểm, có người tự tiện trốn đi thì báo quan bắt để trị tội, người chết cũng báo để làm bằng, hoặc người nào tuổi đến 15, biên thêm vào sổ, đều cứ số thêm hay giảm ấy, 3 tháng 1 lần báo lên tỉnh, các tỉnh hằng năm cứ cuối tháng 6 và tháng 12, làm sổ báo về bộ để xét lại, nếu tổng lý tra xét không chu đáo và mượn cớ dọa nạt sách nhiễu sẽ trị tội nặng hơn, thì bọn chúng được gần gũi nương tựa nơi gần Kinh kỳ, cùng giúp nhau để sống. Sau này dạy bảo thấm thía, tất đều là dân đời thái bình.

Vua nghe theo, ra dụ cho đàn bà con gái, không phải dời đi, có ai muốn theo đi cũng cho, chuẩn cho bộ Hộ : Từ nay tiếp được các tỉnh giao người đến, liệu phát đi hai ba tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam, mỗi huyện trên dưới 15 người, mới dời đến, cấp cho trai tráng, mỗi người 10 quan tiền, già trẻ và đàn bà con gái tình nguyện theo đi thì cấp cho một nửa. Đến chỗ phân phối, sáp nhập vào dân làng ; trai tráng cấp cho mỗi người 1 mẫu hoặc 5 sào ruộng quan hay ruộng trại, binh lính sai dịch và thuế thân đều được miễn đủ, hạn 5 năm cũng giống như dân thường. Còn đến vua Lê, ruộng tự điền và phu cai mộ, vẫn theo Chỉ trước, do quan địa phương trông nom.

Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Khoa Minh bị bệnh, xin phép nghỉ. Vua sai Tham tri là Đào Trí Phú, Biện lý là Nguyễn Đắc Trí, quyền giữ ấn ở bộ làm việc.

Cho Trương Đăng Quế, Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh, kiêm quản Khâm thiên giám.

Bổ thụ Hà Duy Phiên làm Thượng thư bộ Công, Lê Đăng Doanh làm Bố chính Quảng Trị, Nguyễn Trọng Tân làm Phủ thừa phủ Thừa Thiên, Trương Quốc Dụng làm Án sát Quảng Ngãi, Vũ Thế Trường làm Án sát Phú Yên, Bùi Mậu Tiên làm Án sát Ninh Bình, Nguyễn Đức Tân làm Lang trung bộ Công, Tôn Thất Thiết làm Phó sứ ty Từ tế, Phạm Trọng Huyên làm Đốc học Quảng Ngãi, Đỗ Túc Trưng làm Đốc học Gia Định, Lê Hiếu Hữu làm Đốc học Định Tường, Nguyên Duy làm Đốc học Hưng Yên.

Bổ thụ Phạm Phi làm Lãnh binh Hà Nội ; Lê Quang Quảng, Giáp Văn Tân làm Vệ úy quân Cấm binh, Quảng vẫn làm Phó lãnh binh Vĩnh Long, Tân làm Phó lãnh binh Bắc Ninh ; Đặng Công Thập, Trần Đại Tự làm Phó vệ úy, Thập vẫn sung làm Phó lãnh binh thủy sư ở Thanh Hoa, Tự sung làm Phó lãnh binh Nam Định ; Nguyễn Nghĩa Thịnh làm Vệ úy vệ Quảng Nam ; Đỗ Đức Tấn làm Vệ úy vệ thủy Bình Định ; Lê Văn Diệp làm Phó vệ úy vệ thủy Phú Yên ; Tôn Thất Mậu làm Vệ úy vệ Bình Thuận, Đỗ Văn Đô làm Phó vệ uý ; Lê Văn Tự làm Vệ úy vệ tả thủy Gia Định, Chu Viết Mưu làm Phó vệ úy ; Vũ Văn Nhượng làm Vệ úy vệ tả thủy Biên Hòa ; Nguyễn Văn Hựu làm Uý vệ tả thủy Vĩnh Long ; Nguyễn Văn Tây làm Vệ úy vệ hữu thủy Vĩnh Long, Nguyễn Văn Điệp làm Phó vệ úy ; Vũ Văn Lương làm Phó vệ úy vệ tả thủy Định Tường ; Phạm Văn Quân làm Phó vệ úy vệ thủy Hà Tiên ; Tôn Thất Tự làm Vệ úy vệ Nam Định ; Tôn Thất Cung làm Vệ úy vệ Hải Dương ; Phạm Văn Phái làm Phó vệ úy quân Cấm binh, vẫn lĩnh Quản cơ cơ tả thủy Nghệ An.

Bổ thụ Phan Đình Vinh làm Phó vệ úy vệ tiền nhị Hữu dực quân Vũ lâm ; Nguyễn Văn Tập làm Vệ úy vệ tiền dinh Thần cơ, Lê Văn Đắc làm Phó vệ úy vệ hữu ; Lê Phụ Khuê làm Vệ úy vệ hữu dinh Tiền phong ; Lê Viết Chuyên làm Phó vệ úy vệ tả dinh Long võ ; Trần Ngẫu làm Phó vệ úy vệ hữu ; Lê Kim Trợ làm Phó vệ úy vệ hữu dinh Hổ uy ; Lê Tất Ứng làm Vệ úy vệ Kinh tượng nhất ; Phạm Văn Đống làm Phó vệ úy vệ Phi kỵ viện Thượng tứ ; Nguyễn Văn Lân làm Phó vệ úy vệ Trung bảo nhị Trung quân ; Vũ Văn Tân làm Phó vệ úy vệ Tiền bảo nhất, Tiền

quân ; Man Văn Nội làm Vệ úy vệ nhị ; Nguyễn Lợi làm Phó vệ úy ; Đinh Văn An làm Phó vệ úy vệ Hữu bảo nhất Hữu quân ; Nguyễn Văn Gia làm Vệ úy vệ nhị ; Dương Văn Chiêm làm Phó vệ úy ; Trần Ngọc Cẩn làm Phó vệ úy vệ Hậu bảo nhất Hậu quân ; Trần Văn Quản làm Phó vệ úy vệ nhị ; Nguyễn Văn Pháp làm Vệ úy tam Trung dinh Thủy sư ở Kinh kỳ, Nguyễn Văn Đông làm Phó vệ úy ; Nguyễn Văn Kỳ làm Vệ úy vệ ngũ ; Trần Văn Thiện làm Phó vệ úy ; Đồng Văn Cương làm Phó vệ úy vệ nhị Tả dinh ; Trần Văn Phương làm Phó vệ úy vệ tam ; Nguyễn Bá Tình làm Phó vệ úy vệ tứ ; Phan Văn Cẩn làm Phó vệ úy ; Phan Văn Mẫn làm Phó vệ úy vệ nhất Hữu dinh ; Trần Văn Vô làm Phó vệ úy vệ nhị, Phan Công Quý làm Phó vệ úy vệ tứ ; Nguyễn Đình Liệu làm Vệ úy vệ Minh võ dinh Thần cơ ; Dương Đình Lâm làm Phó vệ úy ; Lê Văn Hạt làm Phó vệ úy vệ Toàn võ ; Phan Văn Đạt làm Vệ úy vệ Phấn võ dinh Tiền phong ; Nguyễn Đức Nhân làm Phó vệ úy vệ Tuyên võ dinh Hổ uy ; Tôn Thất Tư làm Phó vệ úy vệ Cung võ.

Cho Nguyễn Văn Trung, Quản cơ cơ Hữu cường làm Vệ úy vệ Ninh Bình.

Quan tỉnh Thanh Hoa tâu nói : "Binh dõng thuộc tỉnh, trước đây tính để lại đóng giữ đồn các châu Quan Hóa, Lương Chính, Thường Xuân, người đau ốm quá nửa, xét ra khí hậu địa hạt ấy, từ tháng 3 trở đi, lam chướng rất nhiều, biền binh không thể ở đấy lâu được. Nay sau khi đánh bắt và kinh lý, nhân dân cùng đem nhau trở về cày ruộng mà làm ăn, đào giếng mà uống như trước, địa phương yên tĩnh, binh dõng ở đấy cũng không làm việc gì, xin đều rút về, từ nay về sau, hằng năm 1 viên bố án và lãnh binh thân đem một vệ lính tỉnh đi kinh lược hạt ấy, xem xét mà phủ dụ. Vua cho lời tâu là phải.

Sai bộ Binh phân phát các Hoa danh, Giáo dưỡng đến các tỉnh Nam Kỳ, Bắc Kỳ để đợi bổ. Về sách Hoa danh từ trước đến nay, người dự có đi đánh trận là 14 người, cho bổ làm chánh đội trưởng suất đội. Về binh Giáo dưỡng người dự vào đi đánh trận 3 lần trở lên là 11 người, cho bổ làm đội trưởng, người đi đánh trận 2 lần trở xuống 32 người, cho bổ làm ngoại ủy đội trưởng và thưởng cho áo quần có thứ bậc.

Bắt đầu làm Vọng lâu.

Vua dụ rằng : "Cửa biển Thuận An là bờ biển quan yếu ở Kinh, từ trước đến nay các thuyền ra vào, chỉ căn cứ vào giấy tờ ở đồn biển báo lên, chưa khỏi chậm trễ. Chuẩn cho tự phía mặt trước Kinh thành theo ven biển đến thành Trấn Hải, liệu làm Vọng lâu, chế cấp cờ hiệu, để làm dấu hiệu truyền báo cùng nhau. Chỗ lầu ấy

lựa phái suất đội, thư lại và biền binh đều ở trên lầu để gác trông, nếu thấy lầu ở phía sau treo báo cờ hiệu sắc gì, tức thì theo thứ tự theo đúng sắc treo lên để tin tức được nhanh, nên sai 2 bộ Binh, Công châm chước bàn định điều lệ kê ra tâu lên. Lại nói : phép cờ báo hiệu ấy, xưa Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta muốn làm mà chưa quả quyết. Cho nên trẫm noi theo chí tiên đế làm ra, tuy trạm thủy truyền báo bằng ngựa, cũng không nhanh chóng như thế được, rồi chuẩn cho theo như nghị định, ở cửa lầu chính đông, phía mặt tả Kinh thành, nhân đấy làm một sở Vọng lâu, các nơi : Đông Trì, An Quán, Phả Trì, Thạch Căn, Phù An, Dương Nỗ, Thuận An, Trường Châu, Cáp Châu (đều tên đất) và chỗ gần phía tả thành Trấn Hải, tất cả 10 sở (dài suốt hơn 2.740 trượng theo thứ tự gọi là Kỳ lâu thứ nhất đến thứ 10, đặt biền binh gác trông, cấp cho cờ hiệu và bài hiệu.

(Lầu cửa chính đông, thị vệ 1 người, hộ vệ, cảnh tất, cờ, trống đều 3 người ; Kỳ lâu thứ nhất đến thứ 9 đều suất đội 1 người, đội trưởng 1 người, ngoại ủy 1 người , thư lại 2 người, quân lính 10 người ; Kỳ lâu thứ 10, hai bộ Binh, Công và ty bưu chính, tư vụ hoặc bát cửu phẩm đều 1 người, hộ vệ, cảnh tất, kim sang đều 2 người, mỗi tháng 1 lần thay đổi, mỗi sở cờ hiệu 30 bức, bài hiệu 30 chiếc, mặt trước bài ấy, phía trên viết hiệu cờ, phía dưới viết màu sắc cờ, mặt sau viết bài ở kỳ lâu thứ mấy), để ghi nhận dấu chuyển báo, có chậm trễ sai lầm thì tùy việc nhẹ nặng xử tội.

(Đến khi ấy bắt đầu treo cờ hiệu, như thuyền Kinh phát đi nước ngoài, lúc ra cửa biển, dùng cờ hiệu giáp nhất ; phái đi việc bắt giặc, hoặc đi tuần ở biển dùng cờ hiệu giáp nhị ; phái đi các hạt, hoặc đến Đà Nẵng giải vận hóa hạng, dùng cờ hiệu giáp tam. Lúc vào cửa biển, đều gia thêm dải đỏ ở trên, tức là cờ hiệu mậu cửu. Thuyền ở Nam Trực giải hóa hạng đến Kinh, lúc vào cửa biển, dùng cờ hiệu ất nhất ; Bắc Trực dùng cờ hiệu ất nhị ; Tả Kỳ dùng cờ hiệu ất tam ; ở quãng giữa lục tục vào cửa biển, dùng cờ hiệu ất tứ ; Hữu Kỳ dùng cờ hiệu ất ngũ ; Nam Kỳ dùng cờ hiệu ất lục ; Bắc Kỳ dùng cờ hiệu ất thất ; thuyền vận tải ở Nam, dùng cờ hiệu ất bát ; thuyền vận tải ở Bắc dùng cờ hiệu ất cửu ; cả đoàn thuyền được thanh thỏa đều thêm cờ hiệu mậu cửu. Thuyền công phái đi ngoại quốc, bỏ neo ngoài biển, dùng cờ hiệu bính nhất ; thuyền giải vận hóa hạng ở Nam Trực, Tả Kỳ, Nam Kỳ, Nam Tào, dùng cờ hiệu bính nhị ; thuyền giải vận hóa hạng ở Bắc Trực, Hữu Kỳ, Bắc Kỳ, Bắc Tào, dùng cờ hiệu bính tam ; thuyền đi làm việc bắt giặc và tuần biển trở về, dùng cờ hiệu bính tứ ; nếu không tiện vào cửa biển, theo gió chạy đi thì đều thêm cờ hiệu mậu cửu.

Thuyền quân nước Thanh, bỏ neo ở ngoài biển dùng cờ hiệu đinh nhất ; thuyền buôn vào cửa biển dùng cờ hiệu đinh nhị ; thuyền quân các nước Tây dương, bỏ neo

ở ngoài biển, dùng cờ hiệu đinh tam ; thuyền buôn dùng cờ hiệu đinh tứ ; thuyền nước ngoài bị nạn gió, dùng cờ hiệu đinh ngũ ; chạy đi đều thêm cờ hiệu mậu cửu. Cửa biển, sóng gió nổi dữ, dùng cờ hiệu mậu nhất ; lại yên tĩnh, thì thêm cờ hiệu mậu cửu. Thuyền phái đi việc công, mắc cạn dùng cờ hiệu mậu nhị, nếu ra được khỏi chỗ cạn thì thêm cờ hiệu mậu cửu. Nước biển lên mau khác thường, dùng cờ hiệu mậu tam ; thấy thuyền giặc kiểu nước Thanh, đi lại ngoài biển, dùng cờ hiệu mậu tứ ; thuyền giặc kiểu Tây dương dùng cờ hiệu mậu ngũ ; nếu đã chạy đi, đều thêm cờ hiệu mậu cửu. Thuyền phái đi việc công mà lỡ việc, dùng cờ hiệu mậu lục ; nếu cứu khỏi thì thêm cờ hiệu mậu cửu. Trông thấy thuyền quân nhiều, gián hoặc phe phẩy cờ, đánh trống, bắn súng thì dùng cờ hiệu mậu thất, thấy thuyền quân dị dạng số nhiều, không phải là thuyền quan, thuyền vận tải, thuyền buôn thì dùng cờ hiệu mậu bát, chạy đi thì đều thêm cờ hiệu mậu cửu. Trông xa thấy những thuyền ở ngoài biển, chưa thể phân biệt rõ là thuyền hạng nào, chỉ nhận là giống thuyền của nước mình, thì dùng cờ hiệu mậu cửu. Phàm các cờ hiệu ấy, nếu khi thông báo, ngày đã về chiều và ngày hôm ấy sắc trời mây mưa mù mịt, lầu ở phía trên cùng lầu ở phía dưới xem nhận khó đích thực, hoặc đêm tối không tiện kéo cờ, thì cứ việc phải báo là bài hiệu gì, tức thì đem bài ấy lần lượt báo ngay. Việc nào phải dùng cờ hiệu ấy, lại thêm cờ hiệu khác, thì đem bài hiệu ấy và bài phải gia thêm cùng đệ đi cả. Nếu thuyền phái đi việc công ở ngoại quốc trở về, vào cửa biển, phải đem bài hiệu giáp nhất cùng với bài hiệu mậu cửu cùng đệ đi.

Hiệu cờ mượn dùng khi hỏi đáp như hỏi : Hiện nay ở cửa biển, chiều gió thuận hay nghịch, hoặc gió phụ tức thì mượn dùng cờ hiệu mậu cửu, treo lên ở lầu cửa chính đông, lầu ở phía dưới đều theo thứ tự treo lên, đến lầu cờ thứ 10, phải xét cửa biển hiện nay, gió thuận thì dùng cờ hiệu ất nhị để trả lời, nếu gió nghịch thì mượn dùng cờ hiệu mậu nhất, gió phụ thì mượn dùng cờ hiệu ất tứ để trả lời, các lầu cũng đều theo thế đệ báo, gặp khi trời mù mịt, hoặc chiều hôm ban đêm, cũng chiểu dùng các hiệu bài ấy. Tháng giêng, tháng chạp, gió đông bắc, gió chính đông, gió bắc là thuận ; gió tây nam, gió chính tây, gió chính nam là nghịch ; gió đông nam, gió tây bắc là phụ. Tháng 2 gió chính đông, gió đông bắc, gió đông nam là thuận ; gió chính tây, gió tây nam, gió tây bắc là nghịch ; gió bắc, gió nam là phụ. Tháng 3 và tháng 4, gió đông nam, gió chính đông, gió chính nam là thuận ; gió tây bắc, gió chính bắc, gió chính tây là nghịch ; gió đông bắc, gió tây nam là phụ. Tháng 5, gió chính nam, gió đông nam, gió tây nam là thuận ; gió chính bắc, gió đông bắc, gió tây bắc là nghịch ; gió chính đông, gió chính tây là phụ. Tháng 6 và tháng 7, gió tây nam, gió chính nam, gió chính tây là thuận ; gió đông bắc, gió chính bắc, gió chính

đông là nghịch ; gió đông nam, gió tây bắc là phụ. Tháng 8, gió chính tây, gió tây nam, gió tây bắc là thuận ; gió chính đông, gió đông bắc, gió đông nam là nghịch ; gió chính nam, gió chính bắc là phụ. Tháng 9 và tháng 10, gió tây bắc, gió chính tây, gió chính bắc là thuận ; gió đông nam, gió chính đông, gió chính nam là nghịch ; gió tây nam, gió đông bắc là phụ. Tháng 11, gió chính bắc, gió tây bắc, gió đông bắc là thuận ; gió chính nam, gió đông nam là nghịch ; gió chính đông, gió chính tây là phụ. Gián hoặc truyền hỏi sóng gió ở cửa biển yên hay động, thì mượn dùng cờ hiệu đinh tứ, trước hết treo ở lầu cửa chính đông, các lầu ở phía dưới, theo thứ tự nhận mà làm việc, đến lầu thứ 10, xét xem hiện nay sóng ở cửa biển yên lặng thì cũng dùng cờ hiệu mậu nhất, lại thêm cờ hiệu mậu cửu để trả lời ; nếu sóng gió cuồn cuộn thì vẫn mượn dùng cờ hiệu mậu nhất để trả lời, hoặc ngày trời mù mịt hay ban đêm cũng đều chiểu lệ dùng bài đệ báo.

Lầu cờ ở khoảng giữa, như thấy lầu ở phía trên có hiệu cờ truyền hỏi, lại thấy lầu ở dưới có hiệu cờ khai báo, cùng treo lên, thì trước hết cứ theo hiệu cờ ở lầu phía dưới, lập tức treo báo ; đợi lầu phía trên tiếp nhận treo lên xong thì bỏ ngay. Lại đem hiệu cờ lầu phía trên thuyền hỏi treo lên, để cho lầu ở phía dưới, theo đấy mà treo.

Lầu cờ thứ 10 : tiếp thấy hiệu cờ lầu phía trên thuyền hỏi, đồng thời lại có việc phải thông báo, thì trước hết đem hiệu cờ trả lời treo lên, đợi lầu ở phía trên nhận thấy treo tiếp xong, liền đem cờ hiệu phải thông báo treo lên.

Phàm khi thông báo, lầu ở phía dưới trông thấy lầu phía trên, hiện đã tiếp được treo cờ đúng màu sắc thì mới được bỏ xuống, nếu thấy cờ ở lầu phía trên treo tiếp có sai lầm, tức thì đem bài hiệu đi báo ngay để cho treo lại ; nếu các lầu phía trên trót đã treo lầm, cũng đều theo bài ở lầu ấy đệ đi, còn từ lầu trên truyền hỏi, mà lầu ở dưới có sai lầm thì cũng thế.

Phàm các lầu thông báo, thư lại phải có sổ nhật ký biên rõ, ngày nào, giờ nào, treo cờ hiệu gì, cuối tháng hội nộp ở bộ.

Biền binh thường trực ở lầu cửa chính đông, phàm tiếp được lầu phía dưới thông báo, thì một mặt treo hiệu cờ lên, một mặt đem bài hiệu ấy chuyển đến sở thị vệ.

Thông báo bằng kỳ bài, chỉ dùng từ lầu cờ thứ 10 gồm phía tả thành Trấn Hải đến Kinh mà thôi, nếu gặp xe vua đi tuần, chợt có việc phải tâu báo, thì đồn ở thành Trấn Hải chỉ theo lệ dùng tờ bẩm mang đến hành tại, do bộ chuyển lên, không được dùng cờ, bài.

Từ trước đến nay, thuyền bè ra vào cửa biển Thuận An, ở thành Trấn Hải, theo lệ có treo cờ bắn súng, nay đã có hiệu cờ thông báo thì cờ các sắc lệ trước đều bỏ, duy bắn súng vẫn như cũ).

Hoãn tô ruộng và tiền, thóc năm trước thiếu cho dân bị thủy tai ở 5 huyện thuộc Hưng Yên và 6 huyện thuộc Hải Dương. Số tô thiếu về vụ hạ của 6 huyện bị thủy tai thuộc Sơn Tây, cho chiết nộp bằng tiền.

Sai quan thanh tra nha Mộc thương.

Cho Trần Hiển Doãn, Biện lý bộ Binh sung chức Đổng lý ; Nguyễn Xuân Quang là Ngự sử đạo Định - An làm phó. Nha môn Mộc thương mới đặt ra, chuẩn cho bộ bàn, đem sổ chứa cũ và mới thu, khai tiêu và thực còn từ mồng 1 tháng 7 năm Minh Mệnh thứ 14, đến cuối tháng 6 năm ấy, tra xét kỹ càng để rõ đủ thiếu, hạn 2 tháng phải xong. Viên nhận được sung phái và theo làm việc (thuộc ty các nha, lục thất phẩm trở xuống 8 người) đều gia cấp cho tiền, gạo, lương 2 tháng.

Đóng thêm thuyền bọc đồng có nhiều dây :

(Năm trước nhiều lần đóng thuyền bọc đồng ; 3 chiếc thuyền Thụy Long, Linh Phượng, Phấn Bằng là lớn nhất ; 3 chiếc thuyền Thanh Loan, Kim Ưng, Vân Điêu là hạng vừa ; 5 chiếc thuyền Dương hiệu các chữ Thanh, Bình, An, Định, Tĩnh lại vừa nữa ; 5 chiếc thuyền Hải hiệu các chữ Thanh, Bình, An, Định, Tĩnh và 5 chiếc thuyền Tuần hải từ số 1 đến số 5 đều là hạng nhỏ, tất cả là 21 chiếc thuyền. Đến nay đóng thêm 9 chiếc, tính suốt cả đủ số trước sau 30 chiếc. Về đóng thêm 3 chiếc hạng lớn, vừa, đặt tên là các hiệu : Tường Hạc, Thần Giao, Tiên Ly, cùng với các chiếc Thanh Loan, Kim Ưng, Vân Điêu là 6 chiếc. Còn 6 chiếc hạng nhỏ, thì 5 chiếc vẫn dùng Hải hiệu cùng với 9 chiếc hiệu cũ chia làm nhất nhị (như loại Thanh Hải nhất, Thanh Hải nhị, Bình Hải nhất, Bình Hải nhị) để phân biệt, 1 chiếc gọi là Tuần hải số 6.

Sửa sang 2 điện Văn Minh và Võ Hiển, thưởng cho biền binh làm việc 200 quan tiền.

Làm lại công đường Đại lý tự : (Trước cấp cho nha thự Thương bạc, chỉ có 3 gian, 2 đầu xây tường gạch, đổi làm 3 gian 2 chái và thêm một nhà bếp).

Tỉnh Bắc Ninh bắt được tên giặc trốn là Trần Trọng Phan (ngụy xưng là Hậu quân) đem giết. Vua thưởng cho người đi bắt 200 quan tiền.

Triệu Trấn Tây tướng quân, lĩnh Tổng đốc An Giang, Hà Tiên là Trương Minh Giảng vào chầu.

Vua cho là Giảng ở nơi biên giới đã lâu, đã hơn 3 năm mà hạt ấy chính đương yên ổn cho nên triệu về. Sai Dương Văn Phong, Tuần phủ Thuận - Khánh đến Vĩnh Long quyền lĩnh ấn Tổng đốc quan phòng tỉnh Long - Tường ; Đoàn Văn Phú, Tổng đốc Long - Tường, chuyển đến Trấn Tây quyền lĩnh ấn triện Trấn Tây tướng quân, cùng với Tham tán Lê Đại Cương, Đề đốc là Bùi Công Huyên cùng bàn làm việc. Lê Đại Cương quyền lĩnh ấn Tổng đốc quan phòng tỉnh An - Hà.

Thị lang Nội các gia hàm Tham tri là Lê Bá Tú, Nguyễn Tri Phương đều bị tội cất chức, vua sai Hà Quyền, Tả tham tri bộ Lại, quyền làm việc Nội các. Trước đây, vua nghĩ chức Giám lâm ở phủ Nội vụ, phần nhiều không xứng chức mà thanh tra chỉ làm cho xong việc, đặc cách phái bọn Tú đi tra xét, cũng không biết xét kỹ (như nhận làm các chậu giấy làm chậu sơn ; hỏi chế tạo thế nào, đều không thể nói được) sai đóng gông giam cấm rồi lại tha.

Bèn sai Hà Duy Phiên, Thượng thư bộ Công ; Tôn Thất Bạch, Thị lang bộ Lại ; Vương Hữu Quang, Phủ doãn ; Nguyễn Văn, thự Đại lý Thiếu khanh mang theo khoa đạo, đem sổ sách hóa hạng trong kho đối chiếu, xem xét kỹ càng, trong sổ có tờ của Các thần tâu xin bán hạ giá số vải Tây dương hạng 6, Phiên nói : "Vải ấy là Phương mua, có dấu vết nhiều, mà xin đem bán hạ giá, tất có quan ngại". Phương quát lên nói : "Việc ấy can gì đến chủ thủ, mà lại trách móc khắt khe như thế, sống chết, họa phúc, do tự *ơn* vua, sau này chẳng qua mang lòng hiềm báo lại nhau mà thôi". Phiên lập tức đem việc ấy hặc tội tâu lên.

Vua nói : "Phương là quan nhỏ, dám bừa bãi như thế, bất kính còn gì hơn, sai cách chức, giao xuống bộ Hình nghị xử. Lại truyền Chỉ, xét hỏi ngay trước mặt về đáng được tội gì". Phương chỉ nói : Lúc tai vạ đến, tinh thần tối tăm, phục xuống đất mà khóc, xin chịu tội chết. Đến khi lời bàn của Bộ dâng lên, Phương phải tội vì mắng chế sứ[1], phải trượng và tội đồ gia thêm bậc ; Tú cùng phái đi vì sơ suất, lầm lỡ, chiểu lệ nịch chức[2] xử cách chức.

Vua nghĩ Phương nhiều lần đã sai phái làm việc khó nhọc, vẫn biết cố gắng, đặc cách làm Vị nhập lưu thư lại ở phủ Nội vụ ; Tú cũng giáng làm Lang trung phủ Nội vụ, ghi giáng 2 cấp ; thanh tra kỳ trước là Nguyễn Văn Nhị, Nguyễn Song Thanh, đều giáng 2 cấp ; bọn Phiên tìm ra được nhiều sự tình tệ của viên chủ thủ, đều hưởng gia 1 cấp ; khoa đạo đi theo xem xét đều được kỷ lục 2 thứ ; Giám lâm là Nguyễn Lạc Thiện, Tôn Thất Mạch và Đốc công là Phan Đình Sĩ đều cách chức.

---

(1) *Chế sứ* : người vua sai đi.

(2) *Nịch chức* : làm việc không hết chức vụ.

Diễn voi trận ở giáo trường, thành ngoài phía nam. Vua thân hành đến duyệt.

Quốc vương nước Hỏa Xá là Vĩnh Bảo chết, người nước ấy theo tục, cùng nhau lập người cháu gọi bằng cậu tên là Liệt nối làm Quốc trưởng, báo đến Phú Yên, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua bảo bộ Lễ rằng : "Nước ấy ở nơi cõi xa hẻo lánh, quen thói quê mùa, không biết nghi lễ giao tế ; Quốc trưởng tôn lập lên, cũng như là Tù trưởng người Man, tuy từ trước đến nay, liệt vào Quốc vương, nhờ cậy ơn huệ hiển hách ; nhưng cũng chưa được theo phép chia đất phong cho, thì 2 lễ dụ tế và tuyên phong, không phải sai sứ đi làm gì. Vả lại nước ấy năm nay chính đến lệ cống, đã chuẩn cho tháng 10 tiến Kinh, tạm đợi khi sứ nước ấy đến, lại giáng Chỉ cho thi hành".

Bộ Hộ tâu nói : "Từ nay phàm số thóc thu hoạch ở tịch điền các địa phương, xin cho lượng lưu lại ở tỉnh để chi việc lễ và năm sau gieo mạ để cấy. Còn thì đến kỳ vận tải nộp về Kinh để cung vào việc thổi xôi các kỳ tế tự, tỉnh nào đường thủy vận tải không thông, thì cho vẫn trữ lại để chi dùng. Vua nghe theo.

Đình thần bàn dâng danh sách xét án mùa thu. Vua nghĩ là năm nay kính gặp khánh tiết, người hoãn tội chết hơn 340 người, người giảm tội phát vãng hơn 180 người.

Cho Hoàng Đăng Thận, Cai đội vệ Kỳ võ tứ làm Phó quản cơ ; lại thăng thự Phó vệ úy vệ Nghĩa võ, dinh Hổ uy.

Tháng 8, bộ Binh theo dụ lựa bàn phép thi võ cử. Xin lấy các năm Dần, Tỵ, Thân, Hợi mở khoa thi Hương ; các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu mở khoa thi Hội. Phàm khoa thi Hương, kỳ đệ nhất thi mang nặng ; kỳ đệ nhị thi các tài côn, quyền, đao, bài ; kỳ đệ tam thi bắn súng điểu sang, người 3 kỳ đều trúng cả, gọi là Cử nhân võ, người 3 kỳ dự trúng là Tú tài võ. Phép thi khoa Hội đều theo như thi Hương, người 3 kỳ đều trúng, là trúng cách thi Hội, trong đó người thông cả văn tự thì đều vào thi điện, còn chỉ biết nghề võ, cho tự trình bày được miễn thi, đợi khi vào đình đối xong, người nào quyển văn có phân số là Võ tiến sĩ, ngoài ra không đủ phân số cùng với các người trúng thi Hội mà miễn thi điện đều là Võ phó bảng. Duy các tỉnh Kinh trực trở vào Nam, từ khi có nghị đưa người đi học võ đến nay, các tỉnh báo đến, người thông thạo nghề võ hãy còn ít ỏi, cần phải học tập ngày càng nhiều, lại tiếp tục bàn điều lệ tâu lên để làm. Lại xin từ nay các hạng quân hiệu từ đội trưởng đến binh đinh, người có sức mạnh và nhanh nhẹn, muốn do thi võ xuất thân, thì cho đều được khi việc công nhàn rồi, chiểu theo các nghề võ trong phép thi, thời

thường gia công luyện tập, đợi sau này thành tài nhiều, ở Kinh do chức thống quản ; ở ngoài do địa phương xét thực báo bộ, cũng chuẩn cho vào thi. Vua cho lời tâu là phải.

Cho Phan Huy Thực, Lang trung bộ Lễ, làm Tả thị lang bộ Lễ ; Phan Bá Đạt, Thái thường Tự khanh, làm Hữu thị lang bộ Lễ, vẫn lĩnh Thái thường tự ; Phan Thanh Giản, Lang trung bộ Hộ, biện lý bộ vụ, thăng thự Hữu thị lang bộ Hộ ; Lý Văn Phức, Lang trung bộ Công, biện lý bộ vụ, thăng thự Hữu thị lang bộ Công ; Ngô Kim Lân, Lang trung bộ Binh, đổi bổ Lang trung bộ Công, biện lý bộ vụ. Con trai Thực là Phan Huy Vịnh, cũng chuẩn cho trả lại hàm tập ấm Chủ sự bộ Binh trước.

Hoàng Văn Ẩn, thự đốc Thanh Hoa, trước nhân mắc bệnh nghỉ việc, ở ngoài điều trị, đến nay bệnh dần trầm trọng, tuổi già lại yếu, chuẩn cho nguyên hàm Vệ úy dinh Vũ lâm về hưu trí. Cho Phạm Văn Điển, Chưởng phủ quyền lĩnh Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh, đổi lĩnh Tổng đốc Thanh Hoa.

Cho Nguyễn Long, Viên ngoại lang bộ Binh làm Viên ngoại lang phủ Nội vụ, hội đồng với Lê Bá Tú, hộ lý ấn quan phòng phủ Nội vụ.

Triệu Án sát Quảng Yên là Lê Kinh Tế về Kinh, rồi điệu bổ làm Lang trung bộ Lễ.

Bổ thụ Trịnh Văn Nho làm Án sát Hưng Hóa (Nho trước là Lang trung, quyền lĩnh Án sát, đến nay mới được bổ thực thụ).

Gia cho Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm là Nguyễn Tăng Minh hàm Đô thống.

Vua nói : "Nguyễn Tăng Minh tuy không có công lao chiến trận, nhưng ra vào chầu hầu bên cạnh hơn 30 năm, một lòng thành thực, thực là đại thần tâm phúc. Cho nên trẫm đặc cách thưởng hậu".

Thự Đề đốc Kinh thành là Nguyễn Văn Mỹ chết, cho Lương Văn Liễu, Lãnh binh quyền thự Thống chế dinh Long võ, thăng thụ Chưởng vệ, thự Thống chế dinh Long võ, lại thự Đề đốc Kinh thành, kiêm trông coi việc phủ Thừa Thiên.

Tỉnh Ninh Bình bắt được tên giặc trốn là Quách Công Ôn đem giết. Chánh đội trưởng là Quách Công Độ, vì bắt được tên phạm ấy, vua thưởng cho kỷ lục 2 thứ, 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn và 200 quan tiền. Độ trước có Chỉ bổ đi sai phái ở Hưng Yên ; chuẩn cho tạm ở lại để bắt giặc. Thổ mục là Cao Viết Hiệp bổ đi làm việc ở Hà Nội, cũng tự nguyện cấp hạn cho nã bắt giặc trốn là Quách Công Kiên. Vua y cho.

Quan thành Trấn Tây tâu nói : Dân Phiên ở hạt phủ Hải Đông, năm trước vì tên phản nghịch là Minh xua đuổi, theo sang nước Xiêm ở súc Tà La, nay nghe người Xiêm muốn dời đến Vọng Các, bèn đem gia quyến xin về hơn 1.000 người. Xin xếp đặt cho ở các xứ gần đồn, cho được ở yên.

Vua nói : "Thói cũ dân Phiên hay dời chỗ ở bất thường, nay chúng chán ghét giặc Xiêm, đem nhau trở về, há có lẽ nào không nhận, nhưng vì số dân nhiều, nên chước lượng sắp xếp chia ở các phủ, để chúng cày cấy, an cư, nuôi sống, không nên tụ họp ở gần Hải Đông mà thôi. Và người nhiều, số dân lẫn lộn ; trong đó hoặc có gián điệp trà trộn, nom nhòm sự động tĩnh, nên mật sai án sát, tuần phủ sở tại để tâm dò xét, chớ để cho chúng đạt được mưu ấy. Vả lại triều đình làm việc quang minh chính đại, vốn không phải nhận chứa kẻ phản nghịch, vời gọi kẻ trốn tránh, chúng tìm về chốn cũ, nhân đó mà vỗ về, chính là ý kiến thương dân như một mà thôi, duy nơi biên thùy là chỗ quan yếu, không nên canh phòng sơ khoáng, chúng mất cả dân, hoặc có mưu ngầm đuổi theo bắt về, cần phải phòng giữ nghiêm ngặt hơn, cho chúng không thể thừa cơ sơ hở được".

Sáu tỉnh Nam Kỳ tâu nói về việc số giản binh còn thiếu nhiều chưa đủ ngạch.

Vua dụ rằng : "Quân là để giữ nước, quý ở chỗ thực binh thực ngạch, để phòng khi có việc, năm ngoái giản binh các tỉnh đã theo lời bàn tâu của kinh lược đại thần, theo từng quý xét và thi hành, trẫm nghĩ buổi đầu kén chọn dồn thành đội ngũ, cùng là lấy uy hình mà trị, sao bằng dùng cách dạy bảo trước, đã ra dụ cho phải gia tâm phủ dụ, thế mà trốn thiếu vẫn nhiều, đáng nên chiểu nghị tội, nhưng tạm nghĩ xứ Nam Kỳ được bình tĩnh lâu ngày, mọi nơi không biết việc binh ; thì việc chưa am hiểu hàng ngũ, chẳng khỏi noi theo thói cũ, bỗng đủ bỗng trốn, chưa có thể bỗng chốc bỏ hết được".

Nay chuẩn cho bọn đốc phủ, bố, án đều sức rõ cho các quản suất vỗ về quân lính cho yên hàng ngũ, còn thiếu thì nghiêm trách phủ, huyện bắt điền vào, cuối năm cứ thực khai danh sách tâu lên, nếu vẫn còn trốn thiếu nhiều, lập tức theo nghị trước trị tội.

Tỉnh Tuyên Quang mộ quân. Cơ Tuyên Quang, nhiều lính trốn mất, chuẩn cho dồn làm 2 đội nhất nhị, còn thiếu thì mộ thêm lính ở trong Nam sung vào (quân hiện có 66 người, mộ cho đủ đội 50 người).

Đinh Doãn Trung, Án sát Gia Định, tra xét án giặc thảo lược sơ suất, việc phát ra bị tội cách chức ; cho Thân Văn Quyền, thự Án sát Định Tường, đổi đi thự Án sát Gia Định ; Lê Hữu Bản, thự Lang trung bộ Công, đổi đi thự Án sát Định Tường.

Nguyễn Gia Nghi, Án phủ Ba Xuyên, nát rượu bỏ việc quan, bị quan thành Trấn Tây hặc tội, vua chuẩn cho phải cách chức ngay ; cho Mai Hữu Điển, Công khoa Cấp sự trung, đổi bổ Viên ngoại lang bộ Binh đổi đi lĩnh Án phủ Ba Xuyên.

Sai ở Kinh và các tỉnh ngoài đóng 50 chiếc thuyền hiệu, vận tải đường biển, lấy thợ ở cục Kiên chu, chia đi chỉ bảo.

(Ở Kinh 5 chiếc, Gia Định 7 chiếc, Vĩnh Long 6 chiếc, Định Tường 4 chiếc, Biên Hòa 3 chiếc, Bình Thuận và Nghệ An đều 5 chiếc, Bình Định 4 chiếc, Quảng Bình và Thanh Hoa đều 3 chiếc, Khánh Hòa và Phú Yên đều 2 chiếc).

Chuẩn định từ nay, phàm kính gặp chính ngày giỗ, 2 thành cửa biển Thuận An, Đà Nẵng, nếu có thuyền bè ra vào, chuẩn cho chiểu theo lời bàn của Bộ treo cờ lên để tỏ rõ hiệu lệnh làm thành lệ (trước định : ngày hôm ấy các kỳ đài ở Kinh và tỉnh ngoài đều miễn treo cờ).

Bố, án Thanh Hoa là Nguyễn Nhược Sơn, Nguyễn Quốc Hoan tâu nói : Đã ủy Tổng mục Trịnh Vạn, tìm được 1 cây quế, có thể bóc lấy được, xin cho lấy về cùng với sản vật địa phương, để đến kỳ khánh tiết đem dâng.

Vua bảo rằng : "Đấy là thổ sản chính cung lại nhận làm của mình, để sung cống hiến, thì giãi tỏ lòng thành ở chỗ nào ? Phải lập tức đem quế ấy cung nộp thuế khóa, sản vật địa phương, bọn ngươi đã sửa soạn, cũng đình chỉ. Rồi chuẩn cho Tổng đốc mới lĩnh chức là Phạm Văn Điển tự biện đem dâng, không cứ nhiều ít, chỉ đủ tỏ lòng thành kính mà thôi".

Đặt thêm chuyên viên kiểm xét ở phủ Nội vụ.

Vua dụ rằng : "Phủ Nội vụ là nơi của kho chứa cả ở đấy, trước đã chuẩn định : phàm đồ vật chế tạo bằng vàng bạc, do Nội các hội đồng với Nội vụ xem xét, thu hay chi của công, thì do 4 nha (2 bộ Hộ, Công, Đô sát, Nội vụ) mắt cùng xem xét để tỏ sự xét thực mà ngăn sự bớt xén, lập pháp thực là chu đáo. Lại nghĩ thợ may lĩnh hàng để may, số ấy rất nhiều, trong đó, thay đổi bớt xén, giả mạo thông đồng làm gian, nhiều lần việc đã vỡ lở, tức đã tùy việc nghiêm trị. Lại dụ rõ ràng cho bọn đốc công và giám lâm thời thường gia công kiểm xét, răn bảo đinh ninh, không những 2, 3 lần. Duy số chi biện có nhiều, thế cũng khó xét khắp được, sao bằng đặt thêm chuyên viên kiểm xét, mắt trông tai nghe được nhiều, thì bọn quan lại thợ thuyền không tốt ấy, dù có lòng riêng bớt xén, cũng sẽ phải sợ mà không dám lộ. Nay chuẩn cho viện Cơ mật, 2 bộ Hộ, Công và viện Đô sát đều phái 1 người thuộc

viên ; phàm các sở thợ ở Nội vụ, chỉ lĩnh hóa hạng trong kho, đồ vật để may mặc, thêu dệt đều phải hội đồng xét thực, trong đó có thứ dài, ngắn, nhiều ít, cốt được vừa phải, các số chi và số còn thừa, đều phải đăng ký vào sổ để lưu chiểu, nếu xét có các tệ phù lạm, giả mạo, bớt xén, chuẩn cho hặc tội, trừng trị ngay.

Lại sai làm 2 cái triện đồng : (1 cái khắc 4 chữ "tứ nha kiểm ký" dài 1 tấc rộng 6 phân ; một cái khắc 2 chữ "hội chí" vuông đều 4 phân, đều đóng bằng son), bộ Hộ giữ lấy, phàm hằng ngày hội đồng ghi chép và việc nào phải làm tờ tâu đều cho đem dùng, các hàng hóa trong kho thừa ra, cũng chuẩn cho dùng ấn hội chí đóng ở mảnh cuối để đánh dấu.

Định lại vị thứ đền triển thân. Đền thờ nguyên trước thờ 9 án, lấy phía tây làm trên, đến nay chuẩn cho bộ Lễ hội đồng với phủ Tôn nhân xét cả hội điển Bắc triều, lấy án chính giữa làm trên, chiếu theo thế thứ, dời đổi chỗ thờ :

(Án chính giữa, thờ Hoàng trưởng tử triều trước là Thành công Tôn Thất Chương,

Án tả nhất, thờ Tương Dương quận vương Tôn Thất Hạo,

Án hữu nhất, thờ Hải Đông quận vương Tôn Thất Đồng,

Án tả nhị, thờ An Biên quận vương Tôn Thất Mân,

Án hữu nhị, thờ Thông Hóa quận vương Tôn Thất Điên,

Án tả tam, thờ An Tây công Tôn Thất Huy,

Án hữu tam, thờ Thuận An công Tôn Thất Hy,

Án tả tứ, thờ các vị hoàng tử triều trước chết sớm,

Án hữu tứ, thờ các vị hoàng tử trước chết sớm, cha của An Tây công là Ý công Tôn Thất Bảo, nguyên trước thờ thần bài, giao cho con người con thứ là Tôn Thất Hiệp, tức Phó vệ úy vệ Dương võ Tôn Thất Quỳ đem về thừa tự).

Làm thêm đền triển thân ở phía sau để thờ công chúa chết mà không có con nối. (Đền ở phía sau đền triển thân, 5 gian 2 chái, bày 5 án thờ :

Án chính giữa, thờ con gái thứ 9 của vua triều trước là Ngọc Dao, thụy là Trinh Thục, trước thờ ở đền triển thân,

Án tả nhất, thờ con gái thứ 3 của vua triều trước là Ngọc Toàn,

Án hữu nhất, thờ trưởng công chúa thứ 16 là Ngọc Thành, thụy là Nhu Khiết,

Án tả nhị, thờ các vị con gái chết sớm của vua triều trước,

Án hữu nhị, thờ các vị con gái trưởng của vua là Ngọc Tôn, thụy là An Tĩnh và con gái chết sớm của vua xưa.

Điển lệ cúng tế, mùa xuân mùa thu 2 kỳ tế ở đền triển thân, mỗi lễ dùng 9 con lợn, đền ở phía sau dùng 6 con lợn, xôi cũng như thế, và chè quả, hương nến, trầu rượu. Lễ dựng cây nêu, đều dùng hương nến, trầu rượu, lễ chính đán, thì gia thêm bánh chưng và phẩm, quả).

Rồi nghĩ công chúa thứ 3 của triều trước là Ngọc Toàn khi ngụy Tây Sơn vào cướp Gia Định, đem quân chống cự với giặc, bị giặc bắt, giữ nghĩa không chịu nhục, gieo mình xuống sông tự tận, tiết liệt rõ rệt, tai mắt mọi người đều nghe biết ; đặc cách tặng phong là Minh Nghĩa thái trưởng công chúa, cho tên thụy là Trinh Liệt, làm thần bài và ghi sự trạng vào tôn phả.

Lại sai phủ Thừa Thiên mộ 15 người dân ở ngoài sổ, sung làm canh giữ 2 đền, còn 10 người biền binh vệ trung, trước bắt canh giữ, nay cho rút về hàng ngũ.

Đặt thêm thuộc ty tỉnh Quảng Nam, kinh lịch, bát cửu phẩm thư lại, mỗi chức 1 người ; vị nhập lưu thư lại 4 người, cửa biển Đà Nẵng và 2 thành Điện Hải, An Hải, hạt tỉnh ấy chứa chất đường cát, giao nhận vật hạng của Nhà nước, việc công hơi nhiều, quan tỉnh xin đặt riêng nhân viên ty Thừa biện, để theo viên chuyên trông coi thành làm việc. Vua chuẩn cho theo lời bàn bộ Hộ, tăng thêm viên ngạch ở tỉnh để sung vào, không cho đặt danh sắc riêng.

Con thứ 7 của vua là Miên Thẩn, thân cận với trẻ ngu độn, sửa sang trong nhà không nghiêm. Vua nghe biết sai tước bỏ áo mũ và phạt lương 1 năm ; không cho dự chầu hầu.

Vua xem địa đồ, bảo các bề tôi rằng : "Nước ta duy có Nam Kỳ, Bắc Kỳ, bờ cõi rộng lớn, còn 1 dải ở giữa, dựa núi gần biển, số người ít, trẫm thường xem địa đồ Bắc quốc (Trung Quốc), 1 huyện đến 20.000 xã dân, tuy toàn hạt Thừa Thiên ở nước ta cũng không thể so sánh với đất 1 huyện ở Bắc quốc. Lại bàn đến sử đời trước bảo rằng : Sách *Xuân Thu*, *Tả thị* chép ra nói ít mà đủ ý, đáng khen tài làm sử và văn chép sử, còn sử đời Hán đã không bằng sử cổ, sử đời Hán, nói còn gọn gàng ; sử đời Đường, Tống lại không bằng, như sử đời Thanh thì lại không bằng sử đời Đường, Tống".

Bắt đầu đặt chức Chưởng ấn Cấp sự trung ở 6 khoa, trật Tòng tứ phẩm.

Vua nói : "Viện Đô sát giữ chức đài hiến, có quan hệ đến phong hóa kỷ cương, trẫm nghe khoa, đạo ở Bắc triều (Trung Quốc) đều có chức Chưởng ấn, mỗi khoa, đạo đều 5, 6 người, nay chuẩn cho trước hết đặt thêm mỗi khoa đều 1 chức Chưởng ấn Cấp sự trung để làm cấp bậc thăng chuyển. Bèn cho Nguyễn Trung Nghĩa, Ngự sử đạo Ninh - Thái làm Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung ; Nguyễn Danh Quan, Ngự sử đạo Hải - An làm Hộ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung ; Hà Thúc Trương, Lễ khoa Cấp sự trung làm Lễ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung ; Nguyễn Danh Hiển, Ngự sử đạo Trị - Bình làm Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung ; Trần Văn Thông, Ngự sử đạo Định - Biên làm Công khoa Chưởng ấn Cấp sự trung".

Cấp mũ áo ngũ phẩm cho quan khoa đạo viện Đô sát : (Áo bào bằng thứ đoạn đậu 8 sợi tơ trơn bóng, mũ bằng the đen, cấp sự trung các khoa 6 người, cấp cho 3 bộ mũ áo ; ngự sử các đạo 17 người, cấp cho 9 bộ để dùng mặc chung). Lệ định quan ngũ phẩm các nha, mũ áo triều không được đặc Chỉ, thì không được cấp.

Vua ưu đãi chức ngôn quan, đặc cách cấp cho. Lại chuẩn cho mũ châu của Viện trưởng và Chưởng ấn ở 6 khoa, cùng các khoa đạo mới cấp, đều thêm hai miếng sừng bịt bạc ở trên đầu mũ, gọi là mũ giải trãi, để hợp với ý nghĩa con giải trãi chỉ húc kẻ gian tà. Lại chuẩn định từ nay, viên khoa đạo phái đi việc công, được có mang cờ khâm sai và đến ngay các địa phương thì ấn triện cấp trước vẫn được mang theo, nếu phái đi tỉnh ngoài tra xét, thì ấn triện giao cho Viện trưởng tạm giữ.

Thái tử thiếu bảo Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Khoa Minh chết.

Vua nghe biết nói rằng : "Khoa Minh ra vào châu hầu lâu ngày, trải khắp trong ngoài, cần lao rõ rệt, ủy dùng đang tốt. Gần đây, nhân bệnh trầm trệ, thường sai trung sứ đến thăm hỏi, ban cấp cho thuốc thang của vua dùng, hầu mong cho chóng được yên khỏi, để hưởng ơn huệ yêu thương, nay nghe tin chết, rất là thương tiếc. Vậy ban cho 4 cây gấm Trung Quốc, vải, lụa mỗi thứ 10 tấm, tiền 800 quan, sáp ong 50 cân, dầu thắp 500 cân và cho tế 1 tuần".

Lãnh binh tỉnh Quảng Bình là Nguyễn Văn Kỳ chết. Cho Nguyễn Văn Tập, Vệ úy vệ Tiền dinh Thần cơ làm Lãnh binh Quảng Bình.

Cho trả lại mũ áo của hoàng tử thứ 9 là Miên Thủ ; chuẩn cho được cùng các hoàng tử theo ban châu hầu. Miên Thủ trước vì vâng mệnh đi tế vội vàng lỗi phép, đã phải quở phạt, từ đấy hơi biết tu tỉnh cho nên gia ân.

Thự Bố chính là Trần Ngọc Dao, Án sát là Vũ Trọng Đại tỉnh Hưng Yên tâu nói : "Đi khám sông Cửu An để giữ nước ở Sài Thị tràn lở 5 đoạn :

Ở tả ngạn, 1 đoạn dời đắp ra các chỗ khác, dài 27 trượng, nước sâu 4, 5 thước ; ở hữu ngạn, 1 đoạn giáp nơi đê ngắn, dài 19 trượng, nước sâu 17 thước ; 1 đoạn dài 32 trượng, sâu 14 thước ; 1 đoạn đắp bọc đầm sâu, dài hơn 20 trượng, nước sâu 6, 7 thước ; 1 đoạn đê ngắn giáp đê công dài 24 trượng, nước sâu 45 thước và 1 đoạn đê công ở phận xã Phó Nham khai đào trước dài 15 trượng, nước sâu 4, 5 thước ; 1 đoạn tiểu bối ở xã Dưỡng Phúc, Nhân La dài 31 trượng, nước sâu 2, 3 thước, đều ở thượng lưu, nước sông còn chảy vào ruộng, nên đắp lấp kín trước cho kịp mùa làm ruộng, nhưng 5 đoạn đê ở Sài Thị đều là chỗ làm khó, chưa tiện đắp lấp ; phải đến sau khi nước lụt rút hết, mới có thể trù làm được. Nhưng xét 4 đoạn ở bờ bên hữu đê Sài Thị, thế nước đều thuận chảy vào chỗ vỡ năm trước ở đê công Sài Quất, rồi sau tràn vào đồng ruộng các huyện, chỗ ấy nước không sâu lắm, việc làm hơi dễ, xin đắp làm đê ở đấy, chân đê rộng 2 trượng, mặt rộng 5 thước, thân cao 5 thước ; cùng với 2 đoạn đê đào trước, lấp kín như cũ, cho nước ở đồng ruộng theo hạ lưu tiêu đi, đợi khi cày cấy được thư, đem ngay các chỗ đào trước ở đê bối hạ lưu lấp hết".

Vua y lời tâu, nhân bảo bộ Công rằng : "Các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Phú Xuyên thuộc tỉnh Hà Nội, hằng năm mùa thu mùa hạ 2 kỳ nước lên, nước lụt tràn ngập, 1 dải đường cái quan, không có thuyền công đi được, nếu có việc cần kíp, đem quân đi không tiện, nên sai quan Tổng đốc là Đặng Văn Thiêm, hết lòng trù tính, hoặc đắp đê, hoặc bắc cầu, thế nào cho ổn thỏa, làm tập tâu tâu lên".

Thiêm tâu nói : "1 dải đường ấy, các trạm từ Hà Nội đến Hà Phú, dài suốt hơn 11.590 trượng, hai bên đường thấp trũng, có nơi thì thượng du có đê, mà hạ du không đê ; có nơi bốn bề đều không đê cả, nước lụt đầy dẫy, thế tất đến thế, nếu nhất khái bồi đắp cả, sợ có chỗ làm không nổi được, nghĩ nên hoặc tuỳ đoạn đắp cao lên, hoặc nên vẫn theo như cũ".

Vua nói : "Sửa đắp đường sá, nguyên muốn công tư 2 bề lợi cả, nay cứ tình hình ấy, nếu bồi đắp hết thì nước ở thượng lưu tiêu hết vào đâu, các nhà cửa ruộng nương của dân thượng du tất nhiên bị hại, nếu tùy từng đoạn bồi đắp, vẫn để 1 đoạn cho nước chảy ra, thì kỳ mưa lụt người đi đường vẫn không khỏi trở ngại về sự đi thuyền, mà chỗ phóng thủy càng hẹp, thế nước càng xói mạnh, không những chỗ đắp không được việc, mà nơi ở miền hạ du, hại lại càng lắm, há chẳng tốn công tốn sức mất không, lại không bằng cứ theo như cũ là hơn".

Nay chuẩn cho : Chỉ sức cho các phủ huyện, sau khi tạnh nắng, xét từng đoạn, tùy thế sửa đắp, chớ để ngày thêm sụt lở, đến khi mưa lụt, bắt nhiều thuyền bè, chở đò liên tiếp, để cho đi lại quan báo không đến chậm trễ, thế là tốt.

Các hoàng tử vào hầu, vua sai hỏi về kinh sử đã học, đều được thông hiểu đại nghĩa. Vua cho là ngày thường thầy bạn giảng dạy có phương pháp, thưởng cho Giáo đạo Nguyễn Đăng Tuân được gia 1 cấp, bọn giảng tập đều được kỷ lục 1 thứ.

Dụ rằng : "Bọn ngươi từ nay phải gia tâm dạy bảo, dẫn dụ cho các hoàng tử lấy nết tốt, nói phải, cốt mong cho đức nghiệp ngày càng tiến, không phải chỉ chuyên về chương, cú, huấn, hỗ mà thôi".

Tập thỉnh an của Bố chính Gia Định là Hoàng Quỳnh tâu nói : "Thuyền đại dịch[1] và thuyền chịu nộp thuế ở thuộc hạt phần nhiều lấy tên đàn bà biên vào bài chỉ thuyền, lại giả mạo là quê ở Bình Thuận trở ra Bắc, tìm cách trốn tránh, xin phải sửa đổi tệ ấy".

Vua sai bộ Hộ bàn bạc thỏa đáng, chuẩn định cho thi hành :

(Phàm 6 tỉnh Nam Kỳ và từ Bình Thuận đến Quảng Bình trở ra, người có thuyền đại dịch và thuyền chịu nộp thuế có tên trong sổ, thì quan địa phương phải xét rõ người chủ thuyền và chức dịch địa phương làm giấy cam kết, quả là người thực, quê thực ; theo như trước cấp cho bài chỉ để chấp chiểu, nếu giả mạo tên và quê quán, sẽ chiểu luật xét xử, gián hoặc có người tỉnh khác đưa về cho sở tại tra xét, nếu từ trước trót đã làm giả mạo đến thú, thì tha tội và cho chữa lại. Thuyền nào đàn bà lĩnh bài chỉ, thì cho gia trưởng, chồng hay con có đủ cả dân làng kết nhận bảo đảm mới đổi cấp bài mới, nhưng đều phải làm sổ đệ lên nha môn Tào chính để xét, đợi kỳ làm ngạch thuế thuyền, khai vào tờ tâu, hạn đến cuối tháng 12 năm ấy là cùng, ngoài hạn ấy còn dám dối trá, giấu ẩn thì chủ thuyền phải phạt 100 trượng và đóng gông 1 tháng, còn thuyền thì tịch thu sung công, lý trưởng phải phạt 100 trượng và bãi dịch. Lại cứ chủ thuyền cùng lý dịch chia nhau phải nộp 30 quan tiền để sung vào số thưởng cho người tố cáo. Phủ huyện thì chiểu lệ thất sát nghĩ xử.

Từ nay có đóng mới hai hạng thuyền ấy phải trình quan tỉnh sở tại xét thực mới được đóng mới, người buôn các tỉnh, nếu đến tỉnh khác đóng thuyền, trước hết bẩm

(1) *Đại dịch* : thuyền đã nộp thuế thuyền rồi, thì không phải đi vận tải của công (tra *Hội điển*).

lên quan tỉnh mình trình bày rõ ràng, đi đến tỉnh nào có cả tổng lý nhận thực, quan tỉnh phê vào giấy làm bằng, đến nơi trình quan địa phương. Khi đóng thuyền xong, phái khám theo như lệ, tạm cấp cho giấy để chấp chiểu, rồi tư cho quan tỉnh sở tại biết, đợi sau khi thuyền ấy chạy về, cấp cho giấy bài chỉ khác).

Cho Nguyễn Lợi, Phó vệ úy vệ Tiền bảo nhị, làm Phó vệ úy vệ Tiền nhất dinh Vũ lâm ; Dương Văn Chiêu, Phó vệ úy vệ Hữu bảo nhị, làm Phó vệ úy vệ Hậu nhị dinh Vũ lâm.

Chuẩn định từ nay phàm thuyền ngoại quốc đến phận cửa biển Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam, không cứ là hiệu cờ nước nào và dáng thuyền thế nào, việc coi giữ cửa biển lập tức thân đến hỏi rõ, là việc quan yếu thì làm tập tâu tâu lên, do ngựa trạm đệ đi, hoặc phái đi tối khẩn, là việc thường cũng tư bộ chuyển lên để biết ngay tình trạng, trái lệnh thì phải tội.

Quản phủ Trấn Định tỉnh Nghệ An là Phạm Văn Thuyên, tham ngược bừa bãi, thổ dân ở 2 huyện Cam Cát, Cam Môn thuộc hạt đều khổ cả, chúng bèn đem nhau trốn đi, cầu cứu giặc Man ở Khung Giang đến áp bức phủ thành ; Thuyên sợ, đem việc khẩn cấp tâu báo. Rồi bọn giặc dẫn đi, Thuyên bèn ban đêm đốt trại lính ở ngoài thành phủ, làm giả ra tình trạng giặc phá. Phái viên ở tỉnh đến xét được sự trạng, bắt Thuyên để hỏi, nhận tội cả việc ấy, tâu lên, vua sai áp giải Thuyên đến địa phương chém đầu, nêu rõ tội trạng cho bớt lòng căm phẫn của dân, thổ dân khi ấy dần dần lại trở về. Vua chuẩn cho tạm hoãn thuế lệ năm ấy.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - QUYỂN CLXXXIV

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837].

Mùa thu, tháng 9, vua ban cho con cháu công thần, người được tập tước thì đều cho phẩm hàm và cấp cho áo mũ.

Dụ rằng : "Triều đình nghĩ thương đến con cháu công thần, vì ông cha người ấy có công với nước, đã chuẩn cho nối phong thế tước[1], để cùng với non sông hưởng phúc lâu dài, còn như quan chức thì phải xem người ấy có tài hay không, cho nên từ trước đến nay, gián hoặc có người được phong tước, mà chưa trao cho chức phẩm, lại nghĩ có tước mà không có chức thì không được dự vào hàng ban chầu và không có mũ áo vinh thân, thế là cùng với người áo vải có khác gì, vẫn chưa hợp sự thể, nhưng cho làm quan tùy từng người, không nên cho rộng quá, nếu nhất khái giao cho làm việc hay coi quân thì tài không xứng với chức, lại mắc phải tội lỗi, chuyển thành không phải là ý bảo toàn.

Nay chuẩn cho : Võ Di Thái mới phong tước Bình Giang bá, trao cho chức Phó quản cơ trật Tòng tứ phẩm ; Mai Đức Trực, tước Vĩnh Lại tử, trao cho chức Cai đội, trật Chánh ngũ phẩm. Lại khi trước bọn Phạm Văn Hội, tập phong tước Tiên Hưng bá đã được tập tước, đâu phải còn mang hàm cũ tập ấm Kỵ đô úy, Ân kỵ úy. Phạm Văn Hội, Nguyễn Văn Chân, đều đổi lại trao cho chức Phó quản cơ ;

---

(1) *Thế tước* : đời nào con cháu cũng được tập ấm phong tước.

Đỗ Văn Cương đổi lại trao cho chức Cai đội, cùng với Ngô Tòng Hòa, Tống Hổ Thanh trước tập ấm là Hiệu úy vệ Cẩm y đều cho theo chức cũ được vào chầu yết, lại gia ơn chuyển phẩm cấp cho mũ áo đại triều ban võ mỗi người 1 bộ, còn người lục thất phẩm trở xuống theo lệ chưa được có mũ áo thì cũng chiểu phẩm cấp cho mũ áo bào và đai bằng sừng cho được vinh thân, như thế thì con cháu huân thần đã đội ơn được ban thế tước, mà người có tài thì trao cho chức sự, người không có tài cũng được phẩm hàm vinh dự, về phép lớn đền công mới là chu đáo, từ nay có người được tập tước nên trao cho phẩm hàm gì, do bộ Lễ tới kỳ đề tâu rõ ràng, đợi Chỉ.

Rồi lại chuẩn định : phàm người được tập tước hầu, thì cho hàm quản cơ, trật chánh tứ phẩm ; tước bá, cho hàm phó quản cơ, trật tòng tứ phẩm ; tước tử cho hàm cai đội, trật chánh ngũ phẩm ; tước nam cho hàm chánh đội trưởng, trật chánh lục phẩm ; dưới tước nam nghị cũ cho tập ấm chức hiệu úy thì nay đổi làm thiên hộ, trật chánh thất phẩm, trong đó, đời trước chưa được tập phong tước tử, nam ; mà lấy phái dưới ngành bàng được tập ấm, nên giáng xuống cho tập chức hiệu úy và người cha có công được phong tước nam, con được tập ấm chức hiệu úy thì vẫn tập ấm chức hiệu úy vệ Cẩm y, hàm chánh ngũ phẩm đều một đời mà thôi, ngoài ra đã được tập tước đến các cháu, cháu tằng, cháu huyền, cháu lại, theo nghị trước được tập ấm chức hiệu úy, thì đều đổi lại cho chức thiên hộ, hàm chánh thất phẩm, còn cấp cho áo triều, so sánh với nhân viên tại chức, châm chước giảm bớt, cho có phân biệt :

(Chánh, tòng tứ phẩm : mũ, phía trước hoa bằng vàng, phía sau hoa bằng bạc, đều 1 cái, áo bào và xiêm đều dùng the đoạn hoa mây cùng màu ; chánh, tòng ngũ phẩm, mũ, trước sau đều hoa bạc, áo bào bằng thứ đoạn đậu 8 sợi tơ, thêu hoa bông tròn nhị tắc, xiêm bằng the hay đoạn tùy dùng ; chánh, tòng lục phẩm, mũ trước sau đều hoa bạc, áo bào bằng đoạn đậu 8 sợi tơ trơn bóng, xiêm bằng the trơn).

Truy phong Thiếu bảo quận công Tống Viết Phúc làm Ninh Giang quận công.

Dụ rằng : "Tống Viết Phúc khi trước theo tiên đế, theo đuổi việc chiến tranh, công lao thường rõ rệt, không may chết trước ở nơi sa trường, chưa được xong việc, đã được hậu đãi, gia tặng tên thụy, nhưng không được dự vào thờ phụ ở miếu đình cho nên ban phong cho đất hưởng lộc, chưa từng bàn đến, lại nghĩ ra trận bỏ mình, tiết liệt rõ rệt, gia ân truy phong là Ninh Giang quận công, để tỏ rõ đời đời được tập tước làm bề tôi, ghi cùng non sông mãi, con viên ấy là Tống Viết Trì, đáng cho tập ấm tước hầu, nhưng cha hắn dù đối với nước có công lao, nhưng so với các công thần có khác, chuẩn cho giáng tước tập phong là Ninh Giang bá, trao cho hàm Phó quản cơ, được vào triều yết".

Cho thự Chưởng phủ, lĩnh Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh là Tạ Quang Cự về lỵ sở.

Quan bắt giặc ở Sơn Tây phái ủy là Quản cơ Nguyễn Vân Nghĩa bắt được giặc trốn là Đinh Công Thự và con hắn 3 đứa đều giết cả. Vua thưởng cho binh, dõng đi trận ấy 100 quan tiền.

Quan tỉnh Quảng Yên tâu nói : "Dân các châu huyện Tiên Yên, Vạn Ninh, Hoành Bồ, Vân Đồn thuộc hạt ấy gián hoặc có hao mòn mới yên, hoặc dời đi không nhất định, tình rất quẫn bách, về việc tuyển lính, tâu xin nên hoãn hay nên miễn".

Vua sai Ngô Văn Địch, Ngự sử đạo Bình - Phú đi khám, đến khi về nói : dân ở 4 huyện châu ấy, tình hình thật là hao mòn, xin chước lượng gia hạn cho 1 năm hoặc 2 năm, trong đó người nước Thanh đến trú ngụ, tiếng nói không thông hiểu, phong tục không giống nhau, chưa thể dùng vào hàng ngũ được, xin nên miễn tuyển, duy bọn chúng từ trước đến giờ, theo lệ nộp tiền thuế thân và gạo cước (mỗi người tiền thuế thân 9 tiền 30 đồng, gạo cước 1 bát) hình như quá nhẹ, xin chiểu nghị định thuế lệ người nước Thanh phân biệt thứ bậc đánh thuế (người có vật lực thì mỗi người hằng năm nộp thuế 6 quan 5 tiền, người vật lực hơi kém thì nộp một nửa, còn người có tên trong sổ mà không có nhà để ở thì vẫn thu thuế thân và gạo cước), danh hiệu gọi là phố là am đổi làm xã thôn. Bèn chuẩn cho bộ Hộ xét lời bàn thi hành, thưởng cho Địch kỷ lục 2 thứ và 10 lạng bạc.

Sai đốc, phủ, bố, án các tỉnh Nam Kỳ, sức rõ cho phủ huyện khuyên bảo dân trong hạt, đem hết ruộng đất còn bỏ hoang báo lên để khai khẩn ; chuẩn cho đến cuối năm cứ theo số ruộng đất trong hạt tăng giảm, làm sổ tâu lên.

Đạo trưởng nước Tây dương là Cao Lăng Ni đem tà giáo Gia Tô ngầm ngụ ở hạt huyện Phù Ninh thuộc Sơn Tây, thông đồng với tướng giặc, mưu đồ trái phép, tự xưng là quân sư của ngụy. Tỉnh phái quan đi bắt giặc nã bắt được đem giết. Vua thưởng cho 500 quan tiền.

Thổ ty các thuộc huyện ở phủ Trấn Định thuộc bờ cõi mới mở mang tỉnh Nghệ An xin dâng 1 con voi đực để làm lễ mừng đại khánh tiết. Vua cho là lễ dâng ấy không phải là thổ ngơi, từ chối thì không yên lòng thành, bèn sai quan tỉnh thu lấy, điền vào ngạch voi, rồi chi tiền công, mua giúp các thứ phương vật, đến kỳ dâng kèm.

Sai làm cửa bằng pha lê, gắn vào các điện Trung Hòa, Quang Minh, Văn Minh.

Vua bảo thị thần rằng : "Triều nhà Thanh, tiết Trùng cửu[1], vua tôi cùng lên chỗ cao, thưởng thú uống rượu làm vui, ở phía trước Kinh thành, cách sông, có núi

(1) *Trùng cửu* : tiết mồng 9 tháng 9.

Ngự Bình hơi cao, nên khai thác 1 chỗ, trồng khắp hoa, cỏ, hằng năm đến ngày Trùng cửu, đặt bày bức màn vàng, để trẫm cùng các ngươi lên đấy, cùng thưởng tiết tốt cũng nên".

Cho Phan Huy Thực, Tả thị lang bộ Lễ, kiêm coi Quang lộc tự.

Bổ thụ Thân Văn Quyền làm Án sát Gia Định.

Chuẩn định từ nay, phàm các nha môn chọn người sung làm chủ thủ phủ Nội vụ, gián hoặc có lỗi nhỏ tầm thường, thì người tiến cử được miễn nghị ; nếu có ai lười biếng chơi bời và kém cỏi, bị viên giám lâm xét hặc thì viên tiến cử bị xử tội sơ suất, phạt lương 6 tháng ; cứ mỗi người lại gia tội 1 bậc, nếu người ấy phạm tội bớt xén, trộm cắp, tang vật đến 80 lạng trở lên, viên tiến cử phải xử theo luật nặng "bất ưng vi"[1] giáng 2 cấp, còn chủ thủ theo lệ 3 năm 1 khóa xét công, đủ khóa chia hạng làm danh sách tâu lên đợi Chỉ khen thưởng.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Lê Văn Đức lĩnh đem biền binh đến Tuyên Quang kinh lược, dâng sớ tâu lên.

Vua dụ rằng : "Ngươi đi chuyến này, phàm công việc vỗ về chiêu tập và sửa sang phải trù tính cho kỹ, về việc bắt giặc không phải câu nệ kỳ hạn, cốt phải thực hành 2 chữ thành công của trẫm". Đức dâng mật sớ nói : "Trước đây được mật dụ, cứ lời mật tâu của Kinh lược Ninh Bình, viên Tuyên uý đồng tri thuộc Sơn Tây là Đinh Thế Hộc, bụng dạ xảo quyệt, chưa chắc chịu yên phận giữ phép, quả như lời nói, phải nghĩ cách để xử trí, xét ra Thế Hộc tự trước đến nay, đã theo đi làm việc bắt giặc và phái giữ đồn trại, đều biết cố gắng, chưa thấy lộ ra tình trạng khác, nhưng hắn là người nói nhiều, cũng không phải thành thực, và nghe nói hắn là chú tên giặc trốn Đinh Thế Đội, có hiềm khích với nhau, cho nên bỏ nơi đất cũ ở Thạch Bi, đến ngụ làng khác, là sợ thế không dung nhau, có lẽ nên nhân thế giao cho hắn làm việc để xem hắn có thực theo hay trái, nay xin đem cha con một nhà Thế Hộc đều đưa đi Ninh Bình bắt phải tìm giặc trốn là bọn Thế Đội, nếu biết ra sức lùng bắt cũng có thể dùng để khi có việc sai phái, không thế thì là ngoài mặt thuận theo, trong lòng phản bội, đặt vào hình pháp, còn tránh vào đâu". Vua nghe theo. Thế Hộc khi đã về Ninh Bình liền đem tư hiềm ngầm xui đảng hắn giết người, phải tội trảm giam hậu.

Tỉnh Ninh Bình tâu lên nghĩ xử dân 2 xã Thạch Bi, Thanh Nê ; chứa giấu giặc phạm là Đinh Thế Đội, xin phân biệt phát đi đày và phát đi làm lính, vua đặc cách chuẩn cho, tạm để lại giam cấm, bắt phải tìm giặc để chuộc tội.

---

(1) *Bất ưng vi :* không nên làm mà làm.

Tập thỉnh an của thự Đề đốc Hà Nội là Tôn Thất Bật nói : "Từ trước đến nay các hạng biền binh thủy bộ, phép thao diễn không giống nhau, tới kỳ sai phái, sợ chưa được giỏi hết, và các nghề khiên, chắn, côn, quyền dùng về việc bắt giặc, thực là đắc lực, mà cũng chưa từng tập đến, xin từ nay phàm người ở ban, như bộ Binh, thì dạy cả nghề khiên, chắn, côn, quyền và phép thả thuyền đi, quay lái về, chở thuyền, chèo thuyền ; thủy quân thì dạy cả phép bắn súng điểu sang, giáo dài và ngồi xuống đứng lên bắn, đâm, cho thủy bộ người nào cũng quen thạo, thì khoảng vài năm, thành đội quân tinh nhuệ cả".

Vua bảo rằng : "Phàm việc chuyên 1 nghề thì tinh tường, nhiều nghề thì lảm nhảm, cho nên từ xưa lập ra quân, đặt ra có thủy có bộ, nguyên muốn cho đều chuyên một nghề để cầu tinh, nếu biền binh thủy, bộ quả đã thông thạo nghề của mình rồi sau cùng nhau luyện cả, thực là rất tốt, nếu nghề của mình còn chưa tinh mà cho tập bừa bãi thì không khỏi lảm nhảm không tinh, khi dùng há có thể hẳn được việc ư ? Nhưng, phép nhà binh đến khi có việc phải ứng biến, sử dụng không cùng, có lúc bỏ thuyền mà đánh trận trên bộ, cũng có lúc dời dinh mà đánh úp dưới nước, cũng nên cho biết qua phương pháp để phòng khi phải dùng thì mới được. Vậy thông dụ cho các chưởng lãnh, thống quản ở Kinh ; các đốc phủ, bố, án, lãnh binh ở tỉnh ngoài và bọn tướng quân, tham tán, đề đốc, lãnh binh ở thành Trấn Tây, đều sức cho viên được trông coi thủy, bộ thuộc hạt, cứ biền binh đương ban diễn tập các kỹ nghệ, như bộ binh thì chuyên tập hiệu lệnh, cử, chỉ, đứng, ngồi, bắn, đâm, súng điểu sang, giáo dài, côn, quyền, khiên, chắn, tất cả các phép trận đánh trên bộ ; thủy binh thì chuyên tập buồm, cột buồm, tay sào, mái chèo, tiến, lui, chèo chở, kiêng tránh gió, sóng, tất cả các phương pháp đi thuyền cần được tinh thạo, rồi sau bộ binh có lúc tập cả thủy chiến, thủy binh có lúc tập cả bộ chiến, cho đều am tường thì tới khi có việc sai phái, hết thảy là quân đã luyện sẵn, lo gì không cùng làm được việc".

Tập thỉnh an của Bố chính Hà Nội là Tôn Thọ Đức tâu nói : "Việc học ngày nay phần nhiều vượt bậc, từ khi nhỏ đã tập làm văn chương, không biết theo thứ tự mà tiến, xin phàm các con em nhân dân 7, 8 tuổi trước hết dạy cho đọc sách *Trung kinh, Hiếu kinh*, cho đến tiểu học *Tứ thư*[1] rồi sau kế tiếp giảng *năm kinh và tử, sử*[2] học tập nghề thi cử, để cho phong độ học trò được sửa đổi".

---

(1) *Tứ thư* : 4 sách truyện : Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử.

(2) *Năm kinh* : Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu.

- *Tử* : Chư tử, Lão, Trang, Dương, Mặc, v.v...
- *Sử* : 21 bộ sử ký (tra *Từ Hải*).

Vua bảo rằng : "Đời xưa đặt ra dạy học, 8 tuổi vào trường tiểu học, 15 tuổi vào trường đại học, vẫn có thứ bậc, duy thói quen của học trò và phong hóa của dân, 1 phen sửa đổi không ngoài lẽ thường về đạo làm người và việc hằng ngày, năm trước ban bố điều lệ dạy toàn là mối lớn, dạy trung, dạy hiếu, cái ý xin cho học *Trung kinh, Hiếu kinh* cũng không ngoài việc ấy, huống chi người ta đi học, mở quyển là có ích, sách nào mà không nên đọc ; điều hay nên noi gương, điều dở nên răn chừa, tức là học đấy, còn người không muốn học, thì dẫu ngày đọc *Trung kinh, Hiếu kinh*, cũng có ích gì đâu ? Trẫm muốn đem thân cho kẻ dưới theo, khiến cho dân ta đều biết hiếu, đễ, trung, tín, tiết nghĩa liêm sỉ, hết dần cái thói ngạo mạn, đều có hạnh kiểm quân tử, cùng làm thói tốt, mới là quý mà thôi, nay chỉ lo học trò nhiều người vượt bậc, tập làm văn chương, vội muốn cho bỏ hết điều vẫn học tập từ trước đến nay, mà theo bậc tiểu học, thì việc ấy ngại ở ý kiến mới, thế tất ngăn trở ở sợ khó, có khi không có sách đọc được, đến bỏ học, sao bằng cứ theo như cũ là hơn".

Tập thỉnh an của Bố chính Hưng Hóa là Ngô Dưỡng Cáo nói : "3 phủ, 6 huyện, 16 châu thuộc hạt ấy, địa thế rộng lớn, núi rừng dài suốt, cách tỉnh thành rất xa, năm trước đặt làm 3 phủ, chỉ có danh tiếng mà không có quan đóng giữ, xin nên tìm chỗ làm phủ lỵ, đặt tri phủ, quản phủ mỗi chức 1 người, phái quân đóng giữ".

Vua dụ rằng : "Đặt quan người Kinh, cố nhiên là việc cốt yếu dùng người Kinh đổi người Man, nhưng việc ấy phải dần dần, tất phải có cơ hội mới có thể làm được, nếu vô cớ mà thay đổi thì người yên thường theo thói cũ nghe thấy không khỏi làm lạ lùng, người quen thói quê mùa thì chưa dễ đã theo giáo hóa, huống chi làm phủ, đặt quan, tất phải phái quân đóng mãi, thì lương hướng không lấy ở đâu được, và thủy thổ chưa từng chịu quen, các việc còn nhiều ngăn trở, rất là khó làm, tạm đợi sau bàn dần mới được, duy có người trách nhiệm ở một địa phương, chính nên theo đạo công giữ mình trong sạch, tuyên dương lòng tốt của triều đình, cốt cho dân Man biết cảm, thổ mục sợ oai, bỏ dần thói cũ, càng nhiễm phong hóa người Kinh, đấy cũng là một cách đổi thay phong tục, nên phải cố gắng".

Tập thỉnh an của Bố chính Biên Hòa là Phạm Duy Trinh tâu nói : "Ruộng đất mới khai khẩn thuộc hạt ấy chỉ phải dùng lửa đốt một lần mới có thể cày cấy được, năm sau cày bừa 2 lần, đã thành ruộng tốt, xin chiểu từ ngày có đơn xin trưng, tính đủ 3 năm, theo lệ nộp thuế, không nên viện cớ 6 năm".

Vua bảo rằng : "Khẩn, trưng ruộng đất là việc cần của dân để làm kế sinh sống, dụng công 1 năm có thể cày cấy được, kế tiếp 2 năm thành thục điền, tự thu được lợi, đã đủ đền bồi được công lao khai khẩn, thì 3 năm, bắt đầu đánh thuế chắc đã

vừa phải, việc gì phải đợi lâu đến 6 năm, trước đây, bộ bàn, chậm đến 6 năm, thực chưa thỏa đáng, tức như các tỉnh ở Nam Kỳ, ở đây cũng đều là đất tốt bỏ hoang, nhân dân ở nhiều, có khi ở nơi ấy khai khẩn, cày cấy không được mấy năm, lại bỏ đi nơi khác, há chẳng lại thành cày cấy lậu thuế, rút cục không có kỳ hạn bắt đầu thu ư ? Đó chỉ là mở đường cho dân gian lười biếng, trốn thuế, ít khi yên nghiệp được lâu, nay không cứ 1 tỉnh Biên Hòa mà thôi, phải thông dụ cả trong ngoài, chuẩn định phàm khẩn trưng ruộng đất, tính tự năm báo xin khai khẩn, đủ hạn 3 năm phải chiểu lệ bắt đầu thu thuế, đã không lầm lỡ về chậm, lại không lầm lỡ về sớm, thực là phép thường vẫn thông hành".

Tập thỉnh an của Bố chính Nam Định là Trần Quang Tiến tâu nói : "Lính mộ ở Bắc Kỳ, năm trước bàn định lính ở trong Nam thì mỗi năm cấp cho áo quần 1 lần, lính ở ngoài Bắc thì quê quán nhà gần tiện, không theo lệ ấy, nhưng xét số lính mộ thuộc hạt hơn 900 người, người có quê quán thực chỉ có 20 người, còn thì đều không biết ở đâu, mà gần đây phái việc bắt giặc, tạm là đắc lực, xin châm chước bàn định may quần áo cấp cho".

Vua bảo rằng : "Triều đình làm việc, hết thảy vốn công bằng, cùng là lính mộ cả, nhưng có người được việc, người không được việc khác nhau, nếu nhất khái may quần áo cấp cho, trong đó không khỏi quá lạm, chỉ là tốn hão, còn như một lòng giữ phép, ở hàng ngũ làm việc chăm chỉ, há có tiếc đâu ? Bèn chuẩn cho bộ Binh bàn định, truyền dụ cho các tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Nam Định, Hưng Yên, đều xét lính mộ trong hạt, ai là người vẫn ở yên trong quân ngũ, lâu không trốn tránh, và sai phái thực có đắc lực, thì chuẩn cho lấy đủ giấy bảo kết của viên quản suất, rồi may cấp cho áo quần năm nay, sang năm vẫn không trốn tránh, cũng chiểu lệ ấy thi hành, nếu sau khi đã cấp quần áo, rồi lại trốn mất, tức thì cứ quan tỉnh và quản suất bắt đền nộp vào kho".

Tập thỉnh an của thự Bố chính Bình Định là Nguyễn Song Thanh tâu nói : "Lính ở Kinh ốm, xin nghỉ về quê, đã 3 hạn chưa khỏi, tức thì sai thải ra và bắt tên khác điền vào, nên có nhiều người giả vờ ốm mong để trốn tránh, chỗ này giải, chỗ kia bắt, không một lúc mà đủ được, ngạch lính sở dĩ thường thiếu, là bởi cớ ấy". Vua bèn chuẩn định từ nay phàm hằng năm, đầu mùa xuân, biền binh họp hết lại, đến cuối tháng 6, có người đau ốm thì cho ở lại trại lính, bắt thân nhân bảo dưỡng, không được xin nghỉ về quê, đợi kỳ tháng 7, mới được chiểu lệ chia ban nghỉ ngơi.

Tập thỉnh an của thự Án sát Phú Yên là Đỗ Huy Canh tâu nói : "Phận biển hạt tỉnh ấy xa rộng, trước đây giặc nhà Thanh lén lút quấy nhiễu thuyền buôn. Ở tỉnh

tìm cách đem thuyền đại dịch đi tuần bắt, quả bắt được người buôn gian mà giặc Thanh cũng mất tích, xin cho các tỉnh ven biển chiểu theo cách thức thuyền đại dịch sửa, đóng 2, 3 chiếc, để đi tuần tra ở biển".

Vua bảo rằng : "Gần đây giặc Thanh thường thường lảng vảng trên mặt biển, nhân khi sơ hở lẻn ra, khi nghe tin thuyền quân đi tuần bắt, liền chạy xa ngay, ít khi cùng gặp. Tỉnh Phú Yên ngầm đem thuyền đại dịch dò bắt, rất có kiến hiệu, cũng nên bắt chước mà làm, nhưng thuyền phải đi là mượn thuyền của dân để dùng, chưa phải thuyền công cấp cho, nay chuẩn cho tỉnh Phú Yên và các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Bình Thuận chiểu theo mẫu thước thuyền đại dịch, đều đóng 2 chiếc, mỗi khi đến kỳ tiết gió nam phái biền binh đắc lực giả làm thuyền buôn ngồi thuyền ấy, chuẩn bị thuốc đạn, súng ống, khí giới, ngầm ra ngoài biển, thứ nhất thì nhân bọn chúng nhận lầm lại đón, hoặc bắt gặp chúng cướp bóc thuyền buôn, nhân đó mà chẹn bắt, tự có thể bắt được ; thứ hai thì làm ra thuyền binh ở tỉnh đi tuần tiễu để việc phòng giữ mặt biển thêm mạnh thì làm một việc mà tiện cả hai".

Tập thỉnh an của Án sát Thanh Hoa là Nguyễn Quốc Hoan tâu nói : "Các thổ dân miền thượng du thuộc hạt ấy, phần nhiều gian giảo, dối trá, mà nơi ở núi khe hiểm xa, rừng chàm lơ mơ không rõ, nên dễ trốn lủi, xin chiểu cho theo địa phận, bắt dân san sửa đường sá, làm cho rộng ra, cho rừng rậm không hiểm, không gọi nhau tụ tập được nữa".

Vua ra dụ sai quan Tổng đốc là Phạm Văn Điển sức cho châu huyện sở tại, phàm con đường quan quân lần trước đã qua, một ngả từ lỵ sở cũ huyện Thọ Xuân, đến Nông Vụ, thẳng tới Thường Xuân, một ngả từ huyện Cẩm Thủy đến Thiết Úng, qua Quan Hóa, thẳng suốt đến Phú Lệ, một ngả từ huyện An Lạc đến Vạn Lại, đến Lương Chính, thẳng suốt đến An Khương, chuyển đến Thượng Lô. Lại các ngả đường từ Lương Chính chuyển đi Nhân Kỷ, Ái Thượng, đợi việc làm ruộng xong, bắt dân các làng cắt bỏ bụi rậm hai bên, tùy thế sửa sang, rộng phải 3 trượng để tiện đi lại, sau 1, 2 năm, hoặc có cỏ mọc lấp đường, mới phải sửa sang lại, không phải hằng năm sửa dọn làm phiền cho dân.

Tập thỉnh an của Án sát Sơn Tây là Phạm Lương Phú tâu nói : "Các huyện Lập Thạch, Bất Bạt, An Lạc, Mỹ Lương thuộc tỉnh ấy, việc án để lại đã lâu, chưa xử xong được mà kẻ phạm lâu mãi không có kỳ hạn bắt được. Xin phàm trong bản án, như có chỉ rõ tên và quê quán kẻ phạm, chước lượng gia hạn nã bắt cho xong, còn như án nhân mạng, nguyên không thân nhân người chết, không biết người nào giết,

không tra bắt vào đâu được thì xin lập thành án, đợi khi phát ra, khỏi phải để lưu làm vụ án tra xét chưa xong".

Vua bảo rằng : "Mạng người là án quan trọng, không phải như tình tiết thuộc tội nhẹ, mà có thể lập án, không thi hành. Xem ra đã có việc giết người tất có người giết người, sao có thể bảo là không có kẻ phạm được. Đời xưa viên quan giỏi, thấy có việc oan uổng, tuy không đến quan tố cáo, vẫn hết lòng xét hỏi, giãi tỏ lẽ oan cho, khiến cho dân không tội oan nào là không minh bạch, huống chi việc đã đến quan, có đủ việc thực, há được cho là không biết hung phạm là ai, mà không minh oan giúp ư ? Tức như câu nói : *"Án mạng không tra bắt vào đâu được, xin khỏi phải lưu lại làm vụ án tra xét chưa xong"* mở ra manh mối ấy, thì kẻ phạm cho trốn là đắc sách, mà quan lại càng mượn thể coi thường pháp luật, đổi tội nặng làm tội nhẹ, tệ ấy truyền lại sẽ không nói xiết được, đó chẳng qua người muốn lấy tiếng là xử án thanh thỏa, nhưng không biết chưa xứng sự thực, lời xin ấy không chuẩn cho thi hành".

Tập thỉnh an của Án sát Hưng Yên là Vũ Trọng Đại tâu nói : "Thành tích việc quan cửa hộ phủ trước là Hà Thúc Lương và sự trạng tốt của Lãnh binh Ngô Văn Giai, Tri huyện Nguyễn Văn Cư, ai cũng hết lời khen ngợi. Lại xin đi khắp đê điều các tỉnh, khám xét lợi hại. Đến khi sai người xét hỏi, thì Hà Thúc Lương chỉ không sách nhiễu, dân không ta oán mà thôi, không phải có để yêu cây cam đường, khiến người có nhớ sau khi đi như lời đã nói[1] ; Ngô Văn Giai chỉ biết lặm hết chức vụ, cũng chưa có xuất sắc gì ; Nguyễn Văn Cư, thì hộ đê may được giữ vững, cũng là nhân có người giúp mà nên việc, không phải riêng công của mình".

Vua cho là Trọng Đại muốn làm ra tiếng khen hão, truyền dụ quở mắng, lại răn bảo rằng : "Ngươi theo tính quen sơ suất coi thường, lại ham uống rượu, làm việc hồ đồ, thuộc lại và dân không ai sợ hãi, thế mà không biết tự xét mình, chỉ làm ra tiếng khen quá sự thực, há chẳng phải là biết việc người thì sáng, suy việc mình tối ư ? Phải nên xét sửa thân mình và lòng mình, không nói cười cẩu thả, chừa tính say rượu mê man, nghiêm chỉnh oai dung, khiến cho thuộc lại biết sợ, không dám nói dối ; dân biết yêu mến không dám khinh nhờn, thế mới được. Vả lại người giữ chức trông nom dân một phương, về đê điều sông Cửu An, việc có lợi nên làm, việc có hại nên bỏ, vẫn chưa thể tính làm cho chu đáo thanh thỏa được, lại muốn đi khắp các hạt, tính giúp lợi hại cho người, sao viển vông quá thế".

---

(1) *Cam đường* : Ông Thiệu Bá đời Chu tuyên bố đức chính vua Văn Vương ở dưới gốc cây cam đường, người đời sau nhớ đức tốt của ông nên yêu cây cam đường.

Tướng quân Trấn Tây là Trương Minh Giảng đến Kinh bệ kiến.

Vua khen và yên ủi mãi, cho 1 cái nhẫn bằng hoàng kim. Dụ Nội các rằng : "Triều đình ưu đãi đại thần có công, đặt ra lễ ôm gối, là ý kiến tỏ ra thân ái tin dùng, lẽ ấy rất long trọng khác thường. Khi trước các quan to đem thống quân đi đánh dẹp, như bọn Phạm Văn Điển, Tạ Quang Cự, Lê Văn Đức, Phạm Hữu Tâm đều đến ngày khải hoàn, cho làm lễ ôm gối, để tỏ lễ số khác thường. Nay Trương Minh Giảng, trước đây phụng mệnh đi đánh giặc Khôi, sau lại dẹp yên giặc Xiêm, nhân nghĩ biên giới Trấn Tây là nơi quan trọng, vẫn ở lại trị yên, tính đốt tay đến nay đã 5 năm, tuy không ví như các thống binh, sau khi xong việc liền khải hoàn ngay, nhưng nghĩ khi ấy đi đánh, chính là lúc khi giặc đương thịnh, thế mà một trận đánh ở Biên Hòa, Vĩnh Long, đầu tiên nén được sức mạnh của giặc, nghịch tặc từ đó sợ hãi mất vía, giữ cô thành khốn đốn, dễ cho ta đánh giữ. Việc ấy thực là quân công thứ nhất. Sau giặc Xiêm đem cả nước đến xâm chiếm, đã vượt qua Hà Tiên, Châu Đốc, đi xa vào sâu, Giảng lại phải đem số quân mấy nghìn, dùng cách lấy ít chống nhiều, ứng biến nghĩ ra mưu lạ, nhiều lần được đại thắng trận, bọn giặc sợ trốn, biên giới vỗ yên, thì so với công của các quan ta đem quân khi trước, thực có phần hơn, không phải là không kịp. Nay nhân vào chầu, nên nêu rõ ân vinh đặc biệt, cho đến ngày 19 tháng này làm lễ ôm gối.

Lại trước đây bọn Phạm Văn Điển về đến nam bắc trường đình, liền sai quan đình thần đón đến đường phía trước tuyên Chỉ để úy lạo, nay Trương Minh Giảng trong lòng muốn chóng được vào yết kiến, theo đường trạm lên đường, không dự báo tin trước, nên chưa kịp phái viên đón tiếp, lòng trẫm vẫn thấy áy náy, chuẩn cho sau khi lễ thành, ban yến ở công đường bộ Lễ, đình thần văn võ dự tiệc dâng mời, để tỏ yêu quý vinh dự". Giảng, nhân đem các hạng ngọc của loài sâu loài thú dâng trình, nói : "Đây là các vật của thổ quan thuộc thành ấy, thành khẩn xin dâng giúp :

(Vệ úy là Nhâm Trật dâng ngọc loài sâu, ngọc rồng, trích châu thủy tinh mỗi thứ 1 viên ; Quản cơ Trà Giao dâng ngọc hổ, ngọc voi, ngọc hươu, ngọc ngựa, mỗi thứ 1 viên, ngọc lợn, ngọc rết mỗi thứ 2 viên ; Ốc Nha Lịch Y Sô là tên Giao dâng ngọc cá, ngọc sâu mỗi thứ 1 viên ; An phủ ở Nam Vang là tên Ma dâng ngọc voi, ngọc tê mỗi thứ 1 viên ; An phủ Kim Trường là tên Kế và Tượng mục Phó cơ là Cổ Đột dâng ngọc ếch và thạch chi mỗi thứ 1 viên).

Vua bảo rằng : "Triều đình không quý vật lạ, tuy ngọc dạ quang chiếu vào xe cũng không lấy làm quý, huống chi thứ ngọc gọi là loài sâu, loài thú, hoặc để tránh đồ binh khí, trừ chướng khí, cũng là được nghe lời truyền lại, chưa chắc đã toàn

thực, nhưng nghĩ bọn chúng đã lấy làm quý, thành tâm dâng tiến, lòng và lời khẩn thiết, nếu từ chối không nhận, thì sao yên được lòng kẻ phương xa giãi tỏ lòng thành, nên thu nhận rồi phân biệt thưởng cho :

(Nhâm Trật, Trà Giao đều thưởng 1 đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ và 1 cái áo bằng tơ mượt màu lam ; tên Giao, tên Ma đều thưởng cát tường, bát bảo, ngũ bảo kim tiền hạng nhỏ, mỗi thứ 1 đồng và 1 cái áo tơ mượt màu lam ; tên Kế và Cô Đột đều thưởng 1 đồng cát tường ngũ bảo kim tiền hạng nhỏ)".

Vua ngự điện Cần Chính, cho Trương Minh Giảng làm lễ ôm gối, tự tay rót rượu ban cho, lại cho một hình con hổ bằng vàng và bảo rằng : "Tướng quân dẹp yên giặc cướp, trị yên biên cương, để trẫm không phải lo ở phía tây, nên đặc cách cho con hổ vàng này, là lấy nghĩa hổ thần mạnh mẽ. Ngươi phải cố gắng để cùng nước cùng hưởng phúc". Chiều hôm ấy vua ngự điện Đông Các, thân làm bài thơ ban cho, nhân bảo thị thần rằng : "Đế vương đời xưa, làm thơ ban cho bề tôi có công, hoặc giả làm các chữ lão ngưu (trâu già), không phải là ý lấy lễ đãi bầy tôi, nên trẫm không dùng chữ ấy".

Vua triệu Trương Minh Giảng hỏi chỗ ở xa hay gần và bảo nên tránh nắng gió. Giảng thưa rằng : "Thần ngày thường quen với chăm chỉ khó nhọc, không từng kiêng tránh".

Vua bảo rằng : "Ngươi nay, thân đảm đương trách nhiệm nặng, không thế, sao làm nổi việc, trẫm ở trong cung, cũng thường đi thủng thỉnh chơi xem để tập chăm chỉ khó nhọc, không những khỏi phải nhàn rỗi bỏ việc, mà cũng là một phép thêm thọ, nhân hỏi kỷ luật đem quân của nước Xiêm thế nào ?". Giảng thưa : quân nước Xiêm đi đến đâu, cướp bóc bừa bãi.

Vua bảo rằng : "Quân nước ấy không có kỷ luật như thế, cầu lấy hơn người, chẳng cũng khó ư ?". Lại hỏi : Người ta nói : tục nước Phiên, phần nhiều dùng thuật phù chú, có không ? Giảng thưa có, người nào lấn cướp, lấy trộm của cải vợ con của chúng thì chúng thư phù để nguyền rủa, người ấy tất chết.

Vua bảo rằng : "Phù chú của chúng, tất có tà thần giúp sức, nhưng người ta tự xử, quả thực biết giữ lòng trung hiếu, sợ gì nguyền rủa, còn xâm chiếm của cải, vợ con của người thì là không có lẽ phải thiên nhiên, ví thử không phù chú cũng phải chịu tai vạ, cho nên chúng được thi hành tà thuật ấy mà thôi". Lại nói : Tục nước Phiên tôn chuộng đạo Phật, thì kiểu chùa và tượng Phật thế nào ? Giảng thưa : Kiểu chùa, nhân công, vật liệu phí tổn không kém 2.000 lạng bạc, mà quy thức quê kệch, cột chùa thì sơn đỏ, tượng Phật thì thếp vàng, nhưng cũng có nơi thếp vàng chưa

được nửa, vẫn để chất mộc mà thôi. Lại hỏi : Có Kinh Phật không ? Giảng thưa : Kinh Phật làm bằng lá, viết bằng giùi, gọi là Kinh bơi diệp. Giảng nhân nói : Ở bên thành Trấn Tây, có 1 ngôi chùa ở núi rất cao, thần, trước đấy đắp thành cũng cao gần bằng, dự làm ra thế tranh cao.

Vua bảo rằng : "Bốn bề chùa ấy, cũng nên xây tường, đắp thành để trông cho đẹp. Khi có việc thì đóng quân ở đấy cũng là một kế xếp đặt công việc về sau". Giảng lại nói địa thế hạt thành ấy thấp trũng đến kỳ nước lụt, dân Phiên thường đắp đê đắp bờ để bảo vệ việc nông. Vua bảo rằng : "Trẫm nghĩ đê công ở Bắc Kỳ, khi bắt đầu cũng nhân nước lụt, bồi đắp nhỏ thôi, về sau thế nước ngày lên to phải theo mà đắp cao dày hơn, đến nay bèn không thể bỏ được, sợ hạt thành ấy ngày nay như thế, thì hơn vài mươi năm nữa, thế cũng không khác gì công đê Bắc Kỳ, nay phải trù nghĩ trước làm thế nào, có thể bảo vệ được việc nông, mà nhân dân khỏi phải sự khổ đắp đê, mới là tốt".

Sai chế bài ngà "Trấn Tây tướng quân" cho Trương Minh Giảng đeo. Lại chế bài ngà đốc phủ, bố án ở các tỉnh trực kỳ, mỗi viên 1 cái, phát giao cho nhận giữ, viên nào gặp khi có tuyên triệu về Kinh, chuẩn cho đeo bài về Kinh để cho được đi ở cửa Đại cung.

Quan tỉnh Hà Tiên tâu nói : "Do thám được tin đầu mục nước Xiêm ở phủ Cổ Công sắm sửa thuyền bè sắp đến nom nhòm quấy nhiễu phủ Khai Biên, đã phái thú binh ở tỉnh đi đến đóng giữ, vào khoảng 10 ngày, như quả không có sự gì, lại đến đảo Lam cùng với thuyền quân đóng ở đấy, chiểu theo phận biển đi tuần tiễu". Vua cho là phải.

Ngự sử đạo Định - An là Nguyễn Xuân Quang tâu nói : "Hiệu chè người buôn nước Thanh, có phạm đến miếu húy tôn hiệu, phận tôi con, mắt trông thấy, trong lòng không yên, xin phải răn cấm".

Vua bảo rằng : "Giấy hiệu chè, nguyên tự nước Thanh làm ra, cần bán được đắt hàng, đối với chữ kính kiêng của triều ta, vốn là không biết, nếu theo phép nước nhà tránh người nước khác, không những là viển vông khó làm, lại sợ thành ra hại cho người buôn. Duy có người buôn nước ta, biết mà không đổi, thì lỗi ở người ấy, không ở người kia. Vậy sai bộ Lễ thông dụ cho hộ phố các địa phương, phàm mua bán chè của người Thanh, nếu thấy có dùng nhầm chữ miếu húy tôn hiệu thì dán lấp hoặc cắt bỏ đi".

Định điều cấm về việc chèo hát ở dân gian các hạt Nam Kỳ.

Vua bảo bộ Lễ rằng : "Trước đây Lê Văn Duyệt, Tổng trấn Gia Định chứa nuôi con hát, nhiều đến nghìn người, đam mê trò vui, con hát cậy thế mạnh của hắn, đùa bỡn phụ nữ, trai gái lẫn lộn, phong tục hỏng nát, không gì quá hơn thế, đến khi nghịch Khôi khởi ngụy, bọn con hát đem nhau ùa theo cả, sau khi việc yên, bè lũ chúng ngầm tan hết, nay nghe thói tệ ấy dần thịnh, phải ngăn cấm trước, vả lại chèo hát tạ thần thì con hát 5 người trở xuống cũng là đủ làm vui, như dân xã ở Bắc Kỳ, chỉ có 2, 3 người con hát, có gì là không được, từ nay nên lập điều cấm rõ ràng để trừ thói khinh bạc, bèn chuẩn cho nghị định : phàm các xã thôn, diễn trò chèo hát tạ thần, trong 1 năm chỉ được hát xướng 1 lần là 1 ngày đêm mà thôi, còn người hát được chiêu tập ở thôn dân gần tiện : 5 người, nếu quá số ấy, thì xử về tội trái phép. Lại do quan địa phương xét thực người làm nghề đi hát, còn ở ngoài sổ thì sức sai đăng ký vào sổ để chịu sai dịch, có người tình nguyện về Kinh, xin bổ vào thự Thanh bình, thì phải giải về Kinh để sung bổ, còn thì đều phải về làm ruộng, nếu dám vẫn như trước, không chăm chỉ làm ăn sinh sản thì phát đi làm lính ở đồn điền Trấn Tây ; tổng, lý tư tình ẩn giấu và phủ, huyện không xem xét đến, sẽ phân biệt trị tội".

Cấp binh khí cho phủ, châu, huyện các địa phương. (Phàm thuộc nơi xung yếu như phủ thì cấp cho giáo dài 30 ngọn, quắm dài 10 cái, quắm ngắn 10 cái ; châu, huyện đều giáo dài 20 ngọn, quắm dài 10 cái, quắm ngắn 5 cái).

Lại dụ cho dân gian từ Hà Tĩnh trở ra Bắc thay đổi cách ăn mặc.

Dụ rằng : "Trước đây từ sông Gianh trở ra Bắc, cách ăn mặc vẫn còn tục cũ, ra dụ cho đổi theo cách ăn mặc từ Quảng Bình trở vào, để cho phong tục như nhau, lại gia hạn rộng cho được cắt may thong thả, thế mà từ năm Minh Mệnh thứ 8 đến nay đã trải 10 năm, vẫn nghe nông phu thôn phụ miền ngoài, phần nhiều lần lữa chưa đổi, xét ra từ Quảng Bình trở vào Nam, hết thảy ăn mặc theo lối nhà Hán, nhà Minh, đội mũ, mặc áo mặc quần chỉnh tề như thế, so với ngoài Bắc theo như cũ, con trai đóng khố, con gái mặc áo vạt khép với nhau, dưới mặc váy thì đẹp xấu dễ thấy rõ ràng, lại có nơi đã theo tục hay, cũng có nơi vẫn yên như cũ, há chẳng phải là có ý trái lệnh ư ? Các đốc phủ, bố án các tỉnh, nên đem ý ấy dẫn bảo khuyên nhủ, lại ban cho trong năm nay phải thay đổi tất cả ; nếu sang năm sau, vẫn có người theo như cũ, thì trị tội".

Chưởng phủ sự phủ Đô thống Hữu quân, tước Hiệu Thuận bá là Nguyễn Văn Xuân chết.

Trước đây vua nghe nói Xuân bị bệnh, chuẩn cho con viên ấy là Nguyễn Văn Thu, Phó vệ úy vệ Tráng võ tự nơi đóng quân ở Nghệ An về nuôi cha, vua thường sai

trung sứ đến thăm hỏi, và ban cho thuốc thang. Đến khi chết, vua dụ rằng : "Nguyễn Văn Xuân coi việc quân lâu ngày, tỏ ra người có công lao tài năng từ trước, lại từng 2 lần đi tuần ngoài biên, không từ khó nhọc, nay tuổi đến 60, 70, kính cẩn không thay đổi, lòng trẫm thực rất yêu mến, không ngờ đã chết, thực phải buồn rầu, vậy thưởng cho 3 tấm gấm Trung Quốc, 3 tấm nhiễu màu, 5 tấm the màu và 100 quan tiền, ngày an táng cho tế 1 tuần".

Sai thông dụ cho các tỉnh từ Quảng Bình trở vào Nam, phàm tra xét việc án, như xét ra sót tên trong sổ mà kẻ phạm tội thuộc tội nhẹ phải chiểu lễ xử trí, thì người có quê quán, sức sai ghi vào sổ đinh, nếu không biết quê quán, và dù có quê quán, nhưng dân làng không muốn bảo quản, thì đều phát đi sung làm lính ở đồn điền Trấn Tây.

Sai Đề đốc, Lãnh binh Trấn Tây đi khám các đường quan yếu ở hạt thành ấy.

Dụ rằng : "Thành Trấn Tây trong thì vỗ yên dân ở biên giới, ngoài thì ngăn ngừa bọn giặc, thực là địa đầu quan yếu, về đường sá đi lại, và chỗ núi sông hiểm hay dễ, gò chầm cao hay thấp, tất phải biết hết hình thế, mới có thể lâm cơ ứng biến, giữ được vạn toàn. Nay là kỳ nước lụt mùa thu lên to, Tướng quân Trương Minh Giảng đã về Kinh chiêm yết, quyền giữ ấn làm việc là Đoàn Văn Phú, vừa mới đến lỵ sở, không phải chuyên trách, chuẩn cho vẫn ở thành ấy làm việc, Tham tán Lê Đại Cương lại tuổi già, cũng không tiện thân hành. Vậy bọn thự Đề đốc Bùi Công Huyên và lãnh binh, phó lãnh binh, nên lập tức cùng nhau lần lượt đi khám các nơi ấy, nhưng cho tùy tiện, như gặp nước lên thì đi thuyền, nước xuống thì đi bộ ; giả danh đi tuần xét hoặc đi săn, trải qua các địa đầu Hải Đông, Hải Tây, Sơn Phủ, Sơn Bốc, phàm các ngả đường quan yếu, thân tự đi xem ; nơi nào là rừng rậm hiểm trở, nơi nào rộng rãi bằng phẳng ; nơi nào là cao ráo ; nơi nào là lầy lội ; cần phải biết rõ hết thảy, để khi có việc sai phái quân nhà vua đi đến đâu, chẳng những xe đi nhanh thuộc đường, tự ta nắm được kế hoạch nhất định thắng, tất đánh được giặc phải bỏ mạng. Duy dân Phiên thuộc thành ấy vốn mang lòng ngờ sợ, khi đi nên đem duyên do phải đi, dự truyền bảo trước, còn biền binh mang theo, cũng chỉ trên dưới 100 người, đi qua dọc đường đều phải vỗ về yên ủi, hết thảy đón tiễn đưa cho đều cấm và nghiêm cấm quân nhân không được tạ sự dọa nạt. Lại sai phát 500 khẩu súng điểu sang máy đá ở kho Kinh và trích lấy lưu hoàng, đá lửa ở 2 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường chuyển vận đi để dùng (Vĩnh Long, lưu hoàng 1.000 cân, đá lửa 10.000 cân ; Định Tường, lưu hoàng 1.000 cân).

Định lại việc nấu chế phiến thau (trước dùng đồng đỏ 7 phần, kẽm 3 phần, nay đổi làm đồng 6 phần, kẽm 4 phần).

Vua đến chơi chỗ chuồng hổ xem diễn tập voi, sai voi đánh hổ giết đi. Buổi chiều hôm ấy thuyền vua về đóng ở bên sông phía đông nam Kinh thành xem diễn các trò vui (các địa phương lần lượt phái đưa phường hát phường nhạc và các kỹ nghệ đến Kinh, chuẩn cấp cho tiền gạo, diễn tập ở bộ Lễ).

Các tỉnh ở Bắc Kỳ tâu báo : "Dòng sông đã yên sóng".

Vua bảo rằng : "Nước lụt năm nay khác thường, nên đê điều hoặc có nơi vỡ lở, hoặc có nơi đầy tràn, ngoài ra, nhiều nơi xảy ra hung hiểm luôn, thế mà nguy rồi lại yên, giữ được vô sự, nay đến tiết Sương giáng, cùng mừng sông được yên sóng, thật là nhờ trời thương giúp, Hà thần hiển linh, lòng trẫm kính cảm sao xiết, nên sai lấy hương lụa mang đưa cho tỉnh Sơn Tây để tạ miếu Hà thần.

Sai Biện lý bộ Công là Ngô Kim Lân đi đường trạm đến Hưng Yên xem xét các đoạn đê bị nước lụt chảy tràn, quả là do nước sông lên mạnh khác thường, không đê đường nào chống giữ nổi, hay là do việc người làm còn chưa tốt. Lại trước đây Nguyễn Công Trứ, Trịnh Quang Khanh làm việc đắp đê, chỉ giữ được vụ chiêm mà không giữ được cả vụ mùa, nên gia tâm xét hỏi làm thế nào có thể giữ được cả vụ chiêm vụ mùa, nghĩ định ổn thỏa tâu lên. Lân đến khi đó, đi khám khắp cả, rồi dâng sớ nói : Xét ra kỳ nước lụt rất lâu, đê tạm bỏ ở vòng ngoài, bị tràn lở 3, 4 chỗ ; đường quai nhỏ hộ đê tràn lở hơn 30 đoạn, đê công ở xã Phó Nham, lại đã đào ra, nước đã chảy ra lan tràn khắp 4 mặt mà nước sông Cửu An hơn lúc thường vẫn đến 14 thước, thì nước sông lên to khác thường, tự biết được đại khái, vì ở thượng lưu sông Cái, thẳng đến sông Cửu An mới có chỗ sông nhánh, khi có cửa sông hút nước vào, thế nước bèn theo đó chảy mạnh, các đê đường đắp ra đất mới, chưa gắn liền, đã chịu lụt ngay, mà chỗ đắp cũ cũng chưa được cao lắm, nước lụt chảy xói vào, không tránh khỏi vỡ lở, là thế tất phải đến thế. Nếu nay cần giữ được cả hai kỳ nước cho vụ chiêm vụ mùa, thần đã xét địa thế cùng cả ý kiến mọi người, chỉ có nhân đê đắp cũ liệu đắp cao dày thêm mà thôi, nhưng hai bên bờ tả hữu sông ấy, một dải đất dài, nếu bồi đắp tất cả, không những công việc nặng nhiều, sức dân không đủ làm được, mà hai bên bờ đều có đê giữ nước thì thế nước càng xói mạnh, sợ đất mới đắp chưa liền, chịu lụt không nổi, vả lại bờ phía hữu chỉ có 3 huyện Kim Động, Tiên Lữ, Phù Dung, bờ phía tả thì huyện Đông An, Thiên Thi và 7 huyện như các huyện Đường An, Đường Hào thuộc Hải Dương ở cả phía ấy, về địa thế, bờ phía tả hơi cao, làm việc xem ra dễ hơn, mà địa thế bờ phía hữu thấp kém, đã 10 phần không thể làm được, xin trước hết ở bờ phía tả, tùy từng đoạn mà đắp cao dày thêm. (Bờ bên tả : từ cửa sông đến chỗ đầm sâu ở Sài Thị, đê tạm bỏ ở vòng ngoài và đê giữ nước đã vỡ lở nhiều chỗ, dù có đắp kín cũng khó giữ vững, không nên đắp bồi,

nhưng cứ theo đê công cũ ở mé ngoài đê giữ nước ; một đoạn từ Kinh Khê trải qua các xã Điều Nha, Đại Quan, Thuần Lễ, kéo dài đến đầm sâu ở Sài Thị tiếp giáp với đê giữ nước hơn 1.400 trượng, trong đó có hơn 300 trượng, rất là xói mạnh, phải đắp cao dày thêm. Còn hơn 1.100 trượng đất đắp dày gắn liền, vững chắc theo như cũ sửa sang qua ; một đoạn từ đầm sâu ở Sài Thị cho đến đê quai giữ nước cũ ở xã Đồng Lý, hơn 1.690 trượng gần được vững chắc, chỉ nên đắp cao thêm, không phải đắp dày ; một đoạn từ Đồng Lý đến đường quai nhỏ mới đắp ở Bích Chàng hơn 2.330 trượng, còn là thấp và mỏng, phải đắp cao dày thêm như cách thức đê ở sông hạng vừa ; một đoạn đường quai nhỏ từ Bích Chàng đến Văn Nhuệ dài hơn 2.100 trượng là thế nước chảy đến, dân làng đắp riêng, không thành thể thức đê, phải đắp cao dày thêm, như cách thức đê ở sông nhỏ ; một đoạn từ chỗ cầu Văn Nhuệ chặn ngang đến đường quai nhỏ ở các huyện thuộc Hải Dương, thì do Hải Dương chiếu theo cách thức đê sông nhỏ mà đắp kế tiếp).

Còn như bờ phía hữu (trên tự cửa sông cho đến bến Biện) đoạn nào sạt lở thì vẫn theo như cũ lấp kín lại ; để bảo vệ lúa vụ chiêm, đến kỳ nước lớn, gặp có nước lụt lên gấp bội, liền phải mở ra, để rút bớt nước ở bờ phía tả, đợi sau vài năm, đất ở bờ phía tả gắn chặt, xem dần thế nước ; rồi sau sẽ lại định đến bờ phía hữu.

Vua phê bảo rằng : "Ngươi nói được hợp lý, không phụ việc làm ấy, chẳng tiếc của kho Nhà nước, mong lợi cho đời sống của dân, bèn bảo bộ Công rằng : Nhân dân trong nước, ai không là con cái triều đình, dù một người mất nơi nương nhờ, lòng trẫm vẫn không nỡ, huống chi nhà cửa ruộng nương của dân 12 huyện ấy, không nên có trọng nơi kia mà khinh nơi này, nhưng xét kỹ tình hình hiện tại, nếu vội đem đắp cả hai bờ thì dòng sông càng xói mạnh, khi gặp nước lụt bỗng lên to, thế tất khó giữ được cả hai bên, làm hại lại nhiều, sao bằng trước hết làm việc ở bờ phía tả, cho 9 huyện ở đấy còn có thể giữ được cả lúa mùa, chả hơn là mất cả hai vụ ư ? Vậy đem bản tâu của Ngô Kim Lân sao lục ra, phát cho 2 tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, tính công việc bắt đầu đắp và đến hiểu thị cho 3 huyện ở bờ phía hữu, đó là triều đình trước làm chỗ dễ, sau đến chỗ khó, cũng là việc bất đắc dĩ cho dân đều biết. Lại nghĩ đê nhỏ ở đường sông tỉnh Hải Dương (dài suốt 24.000 trượng) so với tỉnh Hưng Yên thì rất dài, lại ra dụ chuẩn cho đê đường ở phía tả sông Cửu An, do 2 tỉnh Nam Định, Hưng Yên phải tự làm lấy, tỉnh Hải Dương không phải đến hội lại cùng làm để cho chuyên sức ở hạt của mình, đều cho đến sau khi khai ấn sang năm thì làm. Tỉnh Hưng Yên liền trù tính nhân công vật liệu, nghĩ xin đắp sắn lại các đoạn và đắp riêng đê mới ở huyện Hưng Nhân, bắt 10.000 dân phủ ở 2 tỉnh Nam Định, Hưng Yên làm việc. Vua y cho.

(Đắp đê công cũ ở xã Kinh Khê, Điều Nha dài 376 trượng, mặt rộng 2 trượng, chân rộng 7 trượng, thân cao 1 trượng 1 thước ; 1 đoạn đê chắn giữ ở Sài Thị dài 50 trượng, mặt rộng 1 trượng 5 thước, chân rộng 6 trượng, thân cao 1 trượng 5 thước ; đắp đê quai ở sông Cửu An, một đoạn từ Đồng Lý đến Bích Chàng dài 2.319 trượng 3 thước, mặt rộng 1 trượng 2 thước, chân rộng 4 trượng, thân cao từ 1 trượng đến 9 thước 4 tấc ; tự Bích Chàng đến Đa Lộc, dài 1.133 trượng 9 thước, mặt rộng 9 thước, chân rộng 3 trượng, thân cao 9 thước ; 1 đoạn sắn lại từ Đa Lộc qua sông cũ đến quai nhỏ xã Hoàng Thứ huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương, dài 112 trượng, mặt rộng 1 trượng 5 thước, chân rộng 5 trượng, thân cao 9 thước. Đắp riêng đê mới ở Hưng Nhân từ Hà Lão qua các xã An Triền, Mai Lĩnh đến Nhật Tảo dài 570 trượng, mặt rộng 1 trượng 2 thước, chân rộng 4 trượng, thân cao 1 trượng).

Làm lầu kết hoa và rạp kết hoa. Sai Phạm Hữu Tâm, Đô thống dinh Thần cơ, quyền Chưởng Tiền quân ; Hà Duy Phiên, Thượng thư bộ Công, sung làm Đổng lý và Mai Công Ngôn, quyền thự Thống chế dinh Hùng nhuệ ; Đào Trí Phú, thự Hữu tham tri bộ Hộ làm chức phó. Thưởng tự đổng lý trở xuống đến lính và thợ tiền lương 1 tháng. Kỳ lão, hương thân ở 6 huyện thuộc hạt Thừa Thiên thành khẩn xin đến ngày khánh tiết, đặt bày hương án ở mặt trước ngoài Kinh thành (từ cầu Bạch Hổ đến cầu Gia Hội) để cung tiến sản vật đương mùa, ngõ hầu được tỏ tấm lòng mọn, quan huyện ở Kinh đề tâu lên giúp. Vua phê bảo rằng : "Nếu tự lòng thành phát ra thì có gì là không được, bảo bộ Lễ rằng : năm nay gặp thất tuần đại khánh tiết của Hoàng thái hậu, điển lễ rất trọng, nghĩ Thánh mẫu ta lâu nay phụng thờ Hoàng khảo Cao hoàng đế, sinh, nuôi thân trẫm đến lúc trưởng thành, trẫm nhờ phúc thừa của mẹ, mới có ngày nay, thì mẹ vì con quý, lễ thực là phải. Các chữ huy hiệu dâng lên phải trước hết xin cáo ở tôn miếu, rồi đem ý ấy trình bày vào tờ biểu mới đủ tỏ rõ lòng hiếu của trẫm, vả lại việc này thực là vâng lời di huấn của Hoằng khảo ta chứ không phải lòng riêng của trẫm".

Mộ dân dời ra ở núi Hải Vân. Trước đây vua cho là núi Hải Vân, đoạn giữa đường hiểm và dài, chuyển lên chỗ đỉnh núi, cao đến hơn 30 trượng, người đi khó khăn. Sai viên Kinh doãn và Giám thành bộ Công phải khám đổi lấy đường khác, đến khi đem bản đồ dâng lên thì đường mới và đường cũ này cũng dài bằng nhau, gián hoặc có 1, 2 đoạn hơi phẳng mà chuyển lên đỉnh núi, cao cũng như nhau.

Vua bảo rằng : "Một phen làm lại, sẽ để làm lợi nghìn muôn đời không cùng, ví thử công làm và của kho, động phí đến hàng vạn, không kể vào đâu, nhưng xét tình hình ấy, nào có lợi gì, huống chi cửa quan hùng tráng ấy là nơi hiểm tự nhiên,

để làm nơi che chở bảo vệ nước nhà, nếu san cao mà làm cho thấp, chuyển thành không phải ý nghĩa đặt chỗ hiểm để giữ nước, nên bãi bỏ đi. Bèn ra dụ cho quan huyện ở Kinh và quan tỉnh Quảng Nam thông sức cho dân thuộc hạt có người nào muốn làm nhà để ở hai bên đường núi, thì thuế thân và đi lính đi phu đều miễn cho, khai khẩn vườn ruộng, cấy trồng thóc lúa lấy hoa lợi, cũng chuẩn cho miễn nộp thuế, người không đủ sức dời đến làm nhà thì quan cấp vốn cho, cốt để cho từ đỉnh núi đến chân núi, đoạn nào cũng có nhà ở nối liền nhau, cho người đi đường có nơi dừng chân tạm trú, đói có chỗ ăn, khát có chỗ uống, còn số người hiện tại đến ở, chuẩn cho 3 tháng 1 lần tâu biết tình trạng. Rồi sau 6 người dân ngoại tịch ở Quảng Nam xin làm nhà ở đường núi, vua chuẩn cấp cho mỗi người 10 quan tiền.

Cho Nguyễn Tăng Minh, Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm gia hàm Đô thống, làm Đô thống Hữu quân, vẫn kiêm quản ấn triện dinh Hổ uy ; Mai Công Ngôn, quyền thự Thống chế dinh Hùng nhuệ, đổi bổ làm thự Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm ; Nguyễn Tiến Lâm, Chưởng vệ Cẩm y thăng thự Thống chế dinh Hùng nhuệ.

Sai Hữu thị lang bộ Hình là Doãn Uẩn, Hữu thị lang bộ Hộ là Phan Thanh Giản, Hữu thị lang bộ Công là Lý Văn Phức cắt lượt đi đến sở chính yếu, hội đồng với đường quan Nội các kiểm duyệt các việc.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXXV*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837], mùa đông, tháng 10, ngày mồng một, làm lễ Đông hưởng, bỗng gặp trận mưa lênh láng. Vua thưởng cho từ nhân viên chấp sự đến hỗ giá, the, đoạn có thứ bậc.

Mở khoa thi Hương ở Hà Nội, Nam Định (lệ trước lấy tháng 9 là kỳ thi, đến nay vì nước lụt mùa thu mới xuống, người đi thi khổ về bùn lội, mới định lại lấy tháng 10 để làm lệ mãi).

Sai Nguyễn Đình Tân, Bố chính Nghệ An sung làm Chủ khảo trường Hà Nội ; Trần Ngọc Dao, thự Bố chính Hưng Yên sung làm Phó chủ khảo ; Đoàn Khiêm Quang, thự Hữu tham tri bộ Lễ sung làm Chủ khảo trường Nam Định ; Phạm Khôi, Án sát Lạng Sơn sung làm Phó chủ khảo, lấy đỗ cử nhân tất cả 35 người :

(*Trường Hà Nội* 17 người : Nguyễn Văn Tòng, Hoàng Đình Tuy, Nguyễn Khắc Thiệu, Lê Văn Thái, Dương Danh Thành, Vũ Văn Tuấn, Nguyễn Thúy, Khương Bá Khanh, Dương Công Bảng, Nguyễn Văn Thái, Đỗ Biểu, Vũ Khách, Trần Can, Lê Hoàn Nguyện, Phan Mậu Thịnh, Lê Văn Thông, Lê Văn Huy.

Trường Nam Định 18 người : Phạm Thế Húc, Vũ Ngọc Ôn, Trần Dương Quang, Phạm Khách, Nguyễn Đức Nghiệp, Nguyễn Đình Chân, Phạm Văn Nghị, Lương Trọng Sán, Vũ Khả Thái, Vũ Văn Bách, Nguyễn Quang Sán, Phạm Huy Thục, Nguyễn Duy Hổ, Vũ Doãn Khái, Doãn Khuê, Lã Huy Nhuận, Vũ Hữu Giác, Trần Văn Chù).

Đến khi bộ Lễ duyệt lại quyển đỗ, thì cử nhân trường Hà Nội là Khương Bá Khanh, kỳ đệ nhị bỏ mất chữ đầu đề, bị giáng là tú tài, quan trường là Nguyễn Đình Tân và Trần Ngọc Dao đều phạt lương 1 năm, cử nhân trường Nam Định là Nguyễn Quang Sán, kỳ đệ tam, văn lý nhiều đoạn không thông hoạt cũng truất làm tú tài, quan trường là Đoàn Khiêm Quang, Phạm Khôi, sau khi đã mở giấy dán tên ra, lại lấy đỗ thêm, coi xét việc trường là Nguyễn Danh Hiển, Bùi Hữu Thành, không đem việc ấy hặc tâu, lại cùng ký tên tâu lên, đều giáng 4 cấp đổi đi, Đoàn Khiêm Quang rồi được xét bổ làm Viên ngoại lang phủ Nội vụ ; Phạm Khôi xét bổ Chủ sự bộ Binh.

Định lại lệ khảo khóa các hạt ở Bắc Kỳ.

Lệ trước hằng năm tháng 4 tháng 10, xét duyệt học trò, đến nay 2 trường Hà Nội, Nam Định đổi lấy tháng 10 thi Hương. Bèn chuẩn y lời tâu xin của bộ Lễ định lại khóa mùa đông vào tháng 11, khóa mùa hạ vào tháng 5.

Hai bộ Lại, Binh lần lượt dâng bản kê khai các đốc phủ, bố án ở ngoài, đợi được vua chấm. Vua bảo rằng : Ngày khánh tiết còn xa, mà các tỉnh đường đi cũng có xa gần không giống nhau, chuẩn cho chiểu các viên được khuyên trong danh sách :

(Vũ Xuân Cẩn, Tổng đốc Bình - Phú ; Trịnh Quang Khanh, Tổng đốc Nam Định ; Hồ Hựu, Hộ phủ Quảng Ngãi, Quảng Nam ; Lê Đăng Doanh, Hộ phủ Quảng Trị, Quảng Bình ; Đặng Đức Thiệm, Bố chính Quảng Ngãi ; Nguyễn Đăng Uẩn, thự Bố chính Quảng Bình ; Nguyễn Thế Đạo, Án sát Hà Nội ; Phùng Đắc Ninh, Án sát Nghệ An ; Trịnh Văn Nho, Án sát Hưng Hóa) đều lập tức truyền Chỉ cho tự tính ngày đăng trình, cốt phải trước, sau mồng 7, 8 thượng tuần tháng 11 đến Kinh, còn các quan to không được dự điểm khuyên, phải truyền dụ cho biết.

Nay khánh điển nước nhà, trong ngoài truyền tin vui vẻ, là phận tôi con, không ai là chẳng muốn theo triều ban chúc mừng, để biểu hiện lòng vui, lòng trẫm vẫn đã soi tới, lại nghĩ bọn ngươi, trách nhiệm đương bận rộn, chưa tiện vời gọi, phải đều lấy chức vụ làm trọng, tức là hết lòng trung, phúc của nước nhà to lớn, việc vui còn nhiều, thời kỳ của tôi con thờ vua còn dài, đợi lần sau tuyên triệu cũng chưa muộn.

Lại thượng ty hạt nào, đều không dự điểm khuyên thì phải theo lệ, phái viên mang đệ đồ lễ đi đường trạm tới Kinh, để kịp chúc mừng.

Trước đấy, Tổng đốc Hải - An là Nguyễn Công Trứ, dâng sớ xin về Kinh để đến ngày ấy theo triều ban chúc thọ. Vua phê bảo rằng : "Ngươi mới về tỉnh lỵ, công việc còn nhiều, cố gắng làm hết chức vụ, cũng như được vào yết kiến".

Nguyễn Hữu Khuê, Bố chính Hải Dương cũng đem việc ấy tâu xin. Vua bảo rằng : "Bố, án không bì với đốc, phủ được ; từ nay trở đi không được tâu xin rối rít, nhân bảo thị thần rằng : điển lễ khánh tiết năm nay, trẫm muốn triệu quan to ở các địa phương, cho được chúc thọ, nhưng công việc các tỉnh bề bộn, hoặc sợ sơ khoáng bỏ việc, như Lê Văn Đức đương đi làm việc bắt giặc ; Đặng Văn Thiêm, Nguyễn Công Trứ thân đương nơi quan yếu, há có thể triệu được ư ? Duy chỉ Trịnh Quang Khanh ở Nam Định trong hạt vô sự, nhưng chưa biết lòng người thế nào, tại sao thế, dân Nam Định gần đây, tuy đã hướng theo giáo hóa, nhưng người chuộng đạo Gia Tô hãy còn nhiều, 1 tỉnh đến hơn 200 xã, không kém vài vạn người, trong đó tất có người đạo trưởng xua đuổi cổ động giúp như gần đây ở Sơn Tây bắt được người đạo trưởng Tây dương xưng là đi du lịch các nơi, biết đâu ở Nam Định không có hạng người ấy ư ? Vả lại đạo giáo Gia Tô làm mê người đã lâu, các người con trai chưa mất lương tâm, còn chịu bỏ giáo, còn như con gái đàn bà mê hoặc càng quá lắm, đại phàm quan phủ có bắt người theo đạo ngay bấy giờ bước qua chữ thập thì chỉ bắt đàn ông, không bắt đàn bà con gái, cho nên đàn bà con gái lại không có lòng hối cải. Chúng đã không chịu bỏ giáo, há lại chịu nghe cho chồng con hắn bỏ giáo ư ? Không những thế, nghe nói quan phủ có đòi bắt bước qua chữ thập thì mỗi xã chỉ chọn trẻ chăn trâu và người không biết đạo giáo, vài người theo lệnh mà thôi, còn đến hương lão, tổng lý vốn theo đạo ấy, chưa từng có chịu đến quan, mưu ngầm của hắn đến thế, như ở Kinh năm trước, người xã Dương Xuân, theo đạo Gia Tô, án xử phải tội thắt cổ ngay, mà người cùng đạo có 1 bà già muốn đem mình chết theo, tuy dọa bằng oai voi giầy và gươm chém, cũng cam xin chết, đủ biết đạo Thiên chúa sao mê hoặc quá đến thế. Các thói tệ ấy, nếu muốn rửa sạch, tất phải trị bằng nghiêm hình, nếu chỉ giam cấm đánh phạt, cũng không biết sợ, nhưng dạy dân tất phải dần dần, đâu có thể muốn đổi mau chóng mà vội buộc bằng pháp luật được.

Bố chính Định Tường là Hà Đăng Khoa chết. Vua cho Thân Văn Quyền, Án sát Gia Định thăng thự Bố chính Định Tường ; Nguyễn Văn, thự Đại lý tự Thiếu khanh thăng thự Án sát Gia Định ; Trương Hảo Hợp, thự Hình bộ Lang trung làm Đại lý tự Thiếu khanh.

Vua nghĩ điển lễ khánh tiết gần tới kỳ, chuẩn cho Nguyễn Văn tạm lưu lại, để theo triều ban chúc mừng, cho đủ hàng quan to giữ chức chăn dân ở Nam Kỳ, khi việc xong, lại đến lỵ sở mới, nhận chức.

Trả lại chức cho viên bị cách là Nguyễn Tri Phương làm Chủ sự phủ Nội vụ.

Sai tỉnh Hà Nội trích phái 1 quản vệ và 300 biền binh ở vệ Hà Nội đi đóng giữ Ninh Bình.

Tập thỉnh an của Lê Đăng Doanh, hộ phủ Quảng Trị, Quảng Bình tâu nói : "Ruộng công, ruộng tư ở các xã, thôn, phường thuộc tỉnh Quảng Trị, gián hoặc có làm nhà ở, đất để mộ, làm đình chùa, miếu vũ mà thuế lệ thu theo thuế ruộng cũng là hơi cao, xin theo lệ công thổ, cho nộp thay bằng tiền để tiện cho dân".

Vua bảo rằng : "Hạt ấy đất xấu dân nghèo, không bì như hạt khác, từ trước đến nay, mỗi khi gặp mất mùa, phát chẩn và cho vay tiền thóc, kể có nghìn vạn, nay xin đổi nộp lệ thuế cũng là bớt ở trên mà thêm cho dưới, có tiếc gì đâu, sai khám xét minh bạch tâu lên, rồi đặc cách cho (làm nhà ở hơn 2.400 mẫu, đất để mộ, đình chùa, miếu vũ, vườn, nền các hạng hơn 400 mẫu đều chuẩn cho đổi theo lệ công tư, mỗi mẫu nộp thay bằng tiền là 1 quan 1 tiền)".

Lê Văn Đức, Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên từ Tuyên Quang về Sơn Tây nhận chức. Trước đấy vua sai Hà Thúc Trương, Lễ khoa Cấp sự trung đến các xứ Ngọc Mạo, An Lạc thuộc tỉnh Tuyên Quang để xét hỏi sự trạng, Tuần phủ Lạng Bình là Trần Văn Tuân và tình hình thổ mục dân sở tại, và trù nghĩ công việc xếp đặt về sau, tâu lên. Khi Trương đến nơi, dâng sớ nói : Hỏi ra được biết trước đây quân của Trần Văn Tuân đóng ở Long Khê cách Ngọc Mạo vừa nửa ngày đường dừng lại không tiến quân, nên giặc Sĩ, giặc Thạc trốn thoát được. Đến khi quan bắt giặc ở Tuyên Quang là Phạm Văn Khai bắt được giặc trốn lại tranh làm công mình, hỗn mạo tâu lên. Lại thổ dân sở tại tự sau khi thổ phỉ sinh sự, đau khổ trước chưa khỏi, lại có việc tuyển tân binh, thu thuế thiếu, không kể xiết (2 huyện Vĩnh Điện, Để Định, phải chịu 27 người giản binh, hộ thuộc hạt và hộ trú ngụ ở các xã An Lạc, Giai Lạc, An Đức, trước đã lưu tán thiếu bạc thuế hơn 280 lạng). Phương kế ngày nay, như muốn biên giới được yên ổn, không ngoài 2 điều ban bố văn giáo và nghiêm chỉnh vũ bị. Mục ban bố văn giáo có 6 điều :

1. Sửa lại việc chạy trạm.

(Từ khi đặt ra các trạm ở dọc đường, quan quân đi lại, sách nhiễu biếu xén, cũng có khi nhân việc riêng tự tiện bắt phu trạm, vì người Thổ không biết chữ, dọa nạt chẳng việc gì là không theo. Nay xin mỗi trạm đặt 1 người dân Kinh biết chữ, và cấp cho lương tháng, phàm có đi lại, chiểu giấy cấp trạm, thì tệ ấy trừ được).

2. Cẩn thận việc tuyển chức phủ huyện.

(Phủ, huyện thuộc hạt ấy, duy có Phạm Dược, Tri phủ An Ninh, như là hơi biết chính thể trị dân, dân sợ mà mến, ngoài ra, như Nguyễn Đăng Tuyển ở Vụ Xuyên và Kiều Năng Thân ở Vĩnh Tuy dung túng thuộc hạ sách nhiễu, lại sao có thể trị dân được, cho nên khi chọn không nên không cẩn thận).

3. Tỉnh giảm việc phát khiển sung quân và đày đi nơi xa. (Hai huyện Vĩnh Điện, Để Định ở nơi xa xôi, một khi phát đi sung quân và đi đày, tỉnh phái đã thiếu người, cả đến phủ huyện, không có lính sai khiến phải bắt thổ dõng canh giữ ; nếu có sự lo bất ngờ, là lại sinh ra một thứ giặc).

4. Miễn cho việc thu thuế bỏ thiếu. (Số bạc thuế hiện thiếu, xin miễn bắt phải trả).

5. Rộng phép tuyển lính. (Lính Thổ 2 huyện số ấy không được mấy, xin để sung vào ngạch thổ dõng, cho lệ thuộc theo việc đi bắt giặc).

6. Cần thưởng cho người đi bắt được giặc. (Phàm bắt được bọn giặc, không kể lớn nhỏ, một khi có ngụy thư, ngụy từ cùng là khí giới, lập tức thưởng ngay).

Mục nghiêm chỉnh võ bị có 4 điều :

1. Kén chọn nhân tài.

(Nay huyện An Ninh đặt thêm quản phủ như Chánh đội trưởng Nguyễn Khắc Khoan, Mai Văn Đạo, đều là người trung hậu, và hiểu việc quân, xin chớ cho là người Thổ mà coi khinh thường).

2. Thêm lính ở phủ.

(Lính thuộc về phủ phải dùng trên dưới 200 người. Nay những tên ra thú, nhờ ơn được phát vãng sung quân và đi đầy, xin tha ra cho làm lính, theo phủ sai phái).

3. Chưa đủ lương thực.

(Có quân lính thì có lương, xin đến kỳ thu hoạch, đặt giá mua 3, 4 nghìn hộc thóc để đủ dùng).

4. Đóng đồn ở Vân Trung.

(Nơi ấy từ sau khi 3 lần bị tàn phá, phủ huyện cho là xa cách, sai phái không đến địa hạt ấy, nay xin đặt quản phủ đóng đồn ở đấy, để khống chế đường quan yếu ở An Lạc, Ngọc Mạo).

Có đủ 10 điều ấy thì giặc trốn đã không dung thân vào đâu được, rồi sau hạ lệnh ân xá, khoan tha cho tội, nếu chúng cố ý không đến thú, sẽ cũng trốn mãi ở phương xa, tất không thể làm lo cho dân biên giới nữa.

Vua cho là Trần Văn Tuân trước đã dừng lại ngăn trở việc quân, sau lại mạo công cầu thưởng nên cách chức và giao xuống bộ Hình nghị tội, tội đáng xử trảm, nhưng đặc cách giảm cho, phát đi làm lính, đóng ở Ai Lao.

Lại dụ Lê Văn Đức rằng : "Trẫm xem các điều Hà Thúc Trương tâu bày, cũng có 1, 2 điều có thể lấy được nhưng còn là kiến thức của thư sinh, ngươi nay thân

đến Kinh lược Tuyên Quang, nên sao lục lấy nguyên tập ấy đưa đến, phải xét lại kỹ càng, điều nào có thể thi hành được, điều nào thi hành không tiện, lần lượt bàn cho thỏa đáng, tâu lên".

Đến nay Đức mật tâu : "Cho là 6 điều về ban bố văn giáo của Trương trình bày, về điều sửa lại việc chạy trạm, xin trạm đặt người Kinh biết chữ, chiểu giấy cấp trạm, xét ra trạm dịch tự thành Tuyên Quang đến huyện Để Định, trước nhân việc bắt giặc mà đặt, việc xong đã đình bãi ngay, nay công văn ở tỉnh phát đến phủ huyện cũng là thưa ít, việc gì lại đặt nữa, huống chi đặt người Kinh, có thể hẳn là giữ được không tệ chăng ? Xin từ nay phàm nhân dịch tỉnh phái đi công cán, đi qua các nơi ấy, cấm không được bắt phu đài đệ và sách nhiễu biếu xén, nếu trái lệnh, sẽ trị tội nặng. Về điều cẩn thận việc tuyển quan phủ huyện, tỏ ra viên phủ huyện có tài hay không, phải do quan tỉnh sát hạch, phân biệt người tốt người xấu, tâu xin thăng, giáng. Và đặt ra quan người Kinh là muốn đổi quan Thổ, bổ quan Kinh, thế mà quan lại lúc bấy giờ không biết tuyên dương đức ý của triều đình, coi dân là man rợ không biết gì, hoặc câu nệ về văn lý, hoặc dọa nạt về pháp luật để làm địa vị sách nhiễu, khiến cho chúng dám giận mà không dám nói, muốn không sinh sự có được không, xin nêu ra dụ răn bảo, tẩy trừ tình tệ ấy, nếu có ai dám cố ý trái lệnh, thì trừng trị nghiêm ngặt, thượng ty tư vị che chở và sơ suất cũng giao bộ nghị xử.

Về điều "tỉnh giảm việc phát khiển quân lưu", việc ấy thì tình hình là thực, xin nên sắc cho bộ chước lượng làm việc. Về điều "tha thu thuế thiếu" và "rộng phép tuyển lính" xét ra 2 hạt huyện ấy, từ khi giặc Vân nổi loạn, các bộ thuộc hạt và hộ trú ngụ trốn đi gần hết, về thuế thiếu hơn 280 lạng, xin nên rộng tha cho, còn như tuyển lính, hiện có phép thưởng, cả tỉnh hạt đều thế, nay miễn riêng cho 2 huyện, như huyện khác thì sao ? Nhưng dân ấy hao tán đã lâu, nên tạm hoãn cho 2, 3 năm. Về điều "cần thưởng cho người bắt được giặc" thì 1 tên giặc Nông Văn Sĩ đã có treo thưởng, còn bọn giặc khác thì tới khi ấy, lượng cấp không phải ấn định trước.

Còn 4 điều về việc nghiêm chỉnh võ bị, trong đó có xin tù phạm quân, lưu tha cho làm lính, kìa như quân lưu là tù tội nặng, không phải như tù tội nhẹ phát làm binh, nếu không gặp ân điển mà nhất khái tha ra, thì e rằng hình danh nhẹ, nặng không phân biệt được, cùng là Nông Văn Sĩ, tội to ác lắm, can về tội không được thả,đã có Chỉ treo thưởng rõ ràng, nay chưa bắt được, vội hạ lệnh tha, thì những kẻ mắt thấy tai nghe, có khi cho là phép nước không giãi tỏ, phải lấy tạm bợ làm nhân, ân, huống chi chúng tự biết mang tội rất nặng, ví thử có tha, cũng không dám thò ra, thế thì dùng khoan tha làm gì ? hai điều ấy thi hành đều không tiện, còn các

điều khác, chước lượng nghĩ bàn, cùng với sự thể bắt giặc, xin đem hết sự hiểu biết của mình mà trình bày. Kìa như giặc Nông Văn Sĩ làm phản, lúc đầu hắn chẳng qua là người đầy tớ nhanh nhẹn của giặc Vân, nguyên không có phần dân kế tiếp cai quản xua hiếp dễ dàng, từ khi giặc Vân ủy đến Thái Nguyên chống cự, nhân quan quân đạo ấy mấy lần hỏng việc, mới thêm tiếng ác, nếu nay bắt thổ mục thổ dân sở tại tìm bắt, thì chúng vốn sợ hắn hung ngược, không khỏi hưởng ứng hão, rút cục không được việc thực, nếu dùng nhiều binh dõng, chia đi úp bắt thì hắn nghe tiếng chạy sang nước Thanh, đi lại chỉ thêm vất vả, chẳng bằng chuyên ủy cho viên có tài cán ở đấy chờ cơ hội để tra bắt, ngõ hầu có thể bắt được. Người có thể sai khiến được, có Quản phủ mới bổ là Phạm Văn Khai thường theo việc bắt giặc, từng đến địa phương Ngọc Mạo, Vân Trung, tình hình rất là am hiểu, nghĩ nên trích thêm 2 viên suất đội ở Hữu quân và 100 biền binh đóng giữ ở Tuyên Quang cùng với 80 người lính phủ cấp trước và cho mộ thêm 20 tên thủ hạ, cho đủ số 200 tên, giao cho Khai quản lĩnh. Chánh đội trưởng là Mai Văn Đạo, hơi biết việc quân cũng cho đem 100 người thủ hạ và thổ dõng đi theo, nhưng đến các xứ Vân Trung, Ngọc Mạo, An Lạc, tùy chỗ mà đóng, đi lại tuần bắt không phải làm đồn bảo, phàm các đường quan yếu tiếp giáp nước Thanh, lượng phái đặt quân mai phục, nếu hắn quen lối cũ tự lẻn về thì lập tức chặn bắt, hoặc từ trước đến nay cứ ở nước Thanh, thì thuê đất người Nùng nước Thanh dò bắt, còn gạo lương chi cho binh dõng, cho đến nơi gần tiện đặt giá mua, hoặc là thu trước rồi trừ vào thuế, không phải cất chứa đến 3, 4 nghìn hộc lại phải canh giữ khó nhọc, như thế mà chậm lại cho 5, 3 tháng, có khi bắt được giặc ấy, dân ở biên giới có thể được yên tĩnh.

Lại việc nã bắt tên giặc trốn là Nguyễn Quảng Khải, đã ủy cho Nguyễn Văn Biểu là Phòng thủ úy, mật đến địa phương Côn Lôn, hết lòng dò bắt, nhưng xứ ấy địa thế rộng lớn, rừng rú sầm uất, Khải vẫn mang lòng ngờ sợ, chuyển dời không nhất định, dò được đến nơi, hắn lập tức xuyên qua núi đi trốn, thần đã sức cho chọn nơi đất lành làm đồn trại, nó phao lên là được lệnh phái đến đóng giữ chỗ địa đầu quan yếu, nhân để chiêu phủ nhân dân, rình lúc tiện đặt mưu cơ, hoặc có thể bắt được. Sớ tâu vào, vua đều nghe theo, về việc răn bảo lưu quan người Kinh sai thông dụ cho các tỉnh biên giới đều biết.

Án sát Tuyên Quang là Nguyễn Văn Liên nghĩ giặc trốn là bọn Nông Văn Sĩ, Nông Văn Thạc còn trốn ở nước Thanh, đến kỳ lúa mùa chín, thế tất lẻn về họp nhau tìm lương thực, bèn dâng sớ tự xin thân đem biền binh đi đến 2 huyện Để Định, Vĩnh Điện tùy cơ đánh bắt.

Vua y cho, dụ rằng : "Bọn giặc Sĩ trốn tội giết đã lâu, đó là trách nhiệm của hạt ngươi chưa làm xong, ngày nọ Trần Ngọc Lâm từng đã nã bắt, cũng không thành hiệu, nay ngươi xin đi, cũng biết cố gắng, nhưng phải xét công việc cẩn thận, mong cho tất được việc, như Trần Văn Tuân nói hão, không công trạng tự chịu tội lỗi, gương ấy không xa, nên phải cố gắng.

Liên bèn mang theo Quản cơ Nguyễn Đắc Khanh đem hơn 100 quân theo, đường phía hữu tiến thẳng đến huyện Vĩnh Điện, mật sai Suất đội Mai Văn Đạo đem thủ hạ đi ngay đến ải Bắc Nậm, Bình Môn huyện Để Định (đều là tên ải thuộc nơi giáp giới nước Thanh) đi tuần để ngăn chặn, lại phi tư cho Cao Bằng, Thái Nguyên hội lại cùng đánh. Đến khi Liên đến Vân Trung, chia phái quân đi lùng tìm các xứ Ngọc Mạo, Ân Quang, An Lạc thì giặc Thạc trốn trước, bắt sống và chém được bọn chúng hơn 40 người, hỏi ra mới biết giặc Sĩ đã chết, cứ tên giặc bắt được báo chỉ, đào được đích thây tên Sĩ, đem việc ấy tâu lên, vua sai đóng hòm đem đầu giặc ấy dâng đến cửa khuyết, giao cho quan có trách nhiệm đập nát vứt xuống sông, vua thưởng cho Liên gia 1 cấp, và quan quân đi chuyến ấy : Quản phủ Phạm Văn Khai kỷ lục một thứ, biền binh 300 quan tiền, quan bắt giặc ở Cao Bằng, Thái Nguyên là bọn Bế Văn Định (nguyên họ Nguyễn Hựu), Dương Đình Cẩm, được thưởng mỗi người 5 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn rồi chuẩn cho Liên rút quân về ngay, giặc Thạc còn trốn thì bắt Phạm Văn Khai đốc sức dân sở tại rình bắt giải đến quan lĩnh thưởng.

Sai bọn đại thần văn võ là Trương Minh Giảng, Phạm Hữu Tâm, Trương Đăng Quế, Nguyễn Công Hoán, Hà Duy Phiên, Nguyễn Trung Mậu, Hà Quyền tính bàn xếp đặt công việc thành Trấn Tây.

Vua tới triều bảo rằng : "Nay nước Chân Lạp đã vào bản đồ, trẫm muốn chia đặt phủ, huyện để dạy bảo, nhưng phong tục nước ấy khác hẳn, về phương kế vỗ yên và phục theo, không phải câu nệ bằng pháp luật, chỉ khiến cho biết qua sự thể triều đình, dần dần thấm vào, thì có thể đổi được thói cũ mà thôi, nên phải tính kỹ. Bọn Giảng hội bàn, cho là hạt thành Trấn Tây bên ngoài chống giữ giặc Xiêm, bên trong vỗ yên dân Phiên, thực là nơi quan trọng ở biên thùy, từ trước đến nay, nước Phiên ấy, nguyên vẫn chịu ơn gây dựng của triều đình, duy có Quốc trưởng, chính sự phần nhiều đổ nát, hèn nhát thành quen thói, năm trước khi bị giặc Xiêm xâm chiếm xung đột, phải sợ chạy bỏ mất, nhờ Hoàng thượng ta, oai thần lừng lẫy, ơn đức ban xa, quét sạch quân Xiêm, thu lại cõi đất, lại phong cho con gái vua nước ấy là Ngọc Vân làm quận chúa, cai quản lấy dân, làm thành trì để cai trị, phái quan

quân để giữ giúp, người đầu mục quan người Phiên thì được giao chức người Kinh, dân Phiên đa số tuyển làm lính Thổ, các kế vun trồng giúp cho nước Phiên, không việc gì là không chu đáo, duy công việc quân dân và chức vụ quan liêu, còn theo thói cũ, chưa rỗi mà sửa sang, quận chúa là một người con gái thì chỉnh đốn, xếp đặt các việc ở ngoài thực khó làm nổi.

Nay dân Phiên mới yên, mà giặc Xiêm chưa hết nom dòm, về việc biên phòng, quan trọng không phải là nhỏ, cùng là hằng năm phái quân đi canh giữ giúp, sao bằng chỉnh đốn giúp một phen khó nhọc mà nhàn rỗi, lâu dài chả hơn ư ? Tạm lấy lợi hại mà nói, như nơi quan yếu, đặt bổ quan ta, phái quân canh giữ, chia đặt phủ huyện, khiến cho đều có thống thuộc, cai trị chăn dân có người, tự khắc thanh thế được lừng lẫy, mà thống nhất được lòng người, đó là 1 điều lợi. Mở đồn điền, luyện quân lính, chứa sắm quân nhu, khí giới, thanh thế của ta đã lớn mạnh, giặc ở bên ngoài tất sợ mãi mà không dám động đến, thì tự quận chúa đến quan nước Phiên được hưởng yên vui lâu dài, nhân dân đều thỏa thuê làm ăn sinh sống, đó là 2 điều lợi. Dạy bảo dân Phiên đều học tiếng Kinh, chữ Kinh, gặp khi có công việc, cùng nhau báo cáo, đều được thông hiểu, có thể không có lo về ý kiến không hợp nhau, đó là 3 điều lợi. Chiêu tập nhân dân người Kinh, người Thổ đến ở đấy thông thương và khai khẩn, thì sinh sản tụ họp ngày càng nhiều, đồng ruộng ngày càng mở mang, của cải chứa chất ngày đến giàu thịnh, đó là 4 điều lợi. Đã có trưởng quan để cai trị, binh, dõng để canh giữ thì dân không lo tai họa từ ngoài đến, dần dần có thể tự cường, không có cái tệ hèn yếu lâu mãi, đó là 5 điều lợi. Có 5 điều lợi ấy, nếu không xếp đặt làm việc sớm, thì chợt có tin nguy cấp, hại ấy lại không nói xiết, cái gương việc trước không xa, nhưng thứ tự thi hành việc trị, tất phải châm chước việc làm trước, sau, hoãn, cấp, mới có thể làm được, nghĩ nên đầu tiên Kinh lý các phủ Hải Tây, Hải Đông, Sơn Định, Quảng Biên là nơi địa đầu quan yếu, trong đó có 3 phủ Hải Tây, Hải Đông, Sơn Định trước đã đặt án phủ, hiệp lý và phái quân đóng giữ, nhưng chức ty giữ việc, chưa có định rõ, mà người được đặt, lại dùng người phẩm trật hơi thấp, phàm việc phần nhiều noi theo thói cũ, chưa được thành hiệu, nay xin ở 3 phủ ấy, đổi đặt các chức hàm, tuyên, phủ, sứ, phó lãnh binh, còn phủ Quảng Biên đặt thêm chức phòng thủ úy, nhưng đều đặt ra thuộc ty, định rõ chức vụ, khiến cho biết có trách nhiệm riêng, trước hết lấy việc mở đồn điền, sửa quân nhu, dạy quân lính làm việc cốt yếu, lại chiểu theo hình thế, tính chia thành tổng xã, cho đều liên lạc thống thuộc với nhau, cốt được 10 phần thỏa đáng, bẩm lên thành để tâu xin làm việc, còn việc trù tính, phải đem lợi hại đến dẫn bảo bọn thổ quan, thổ dân, khiến cho đều hiểu biết, khỏi phải ngờ sợ. Các phủ ấy Kinh lý đã

xong, thì phàm các phủ ở khu vực bên trong lần lượt cử hành, tất phải theo mà xong cả, bèn kê khai các chức vụ nên đặt và công việc phải làm tâu lên.

(Phủ Hải Tây, lấy 5 huyện Ca Âu, Vọng Vân, Thâu Trung, Ý Dĩ, Ngọc Bi thuộc vào. Phủ Hải Đông lấy 4 huyện Ca Thi, Chân Tài, Phúc Lai, Bình Tiêm thuộc vào, đều đặt 1 tuyên phủ sứ, dùng quan tòng tam phẩm ; 1 quan lãnh binh, dùng quan tòng tam phẩm, các thuộc viên : 1 tri sự, 2 lại mục, 10 vị nhập lưu thư lại, 1 cơ lính đóng giữ tỉnh, trích phái lính ở hai tỉnh Gia Định, Vĩnh Long sung vào. Phủ Sơn Định, lấy phủ Mỹ Lâm và 5 huyện Sơn Phủ, Sơn Trung, Trưng Thụy, Hoa Lâm, Quế Lâm thuộc vào, đổi đặt 1 tuyên phủ sứ và 1 lãnh binh, thuộc viên : 1 tri sự, 1 lại mục, 8 vị nhập lưu thư lại, nửa cơ lính đóng giữ tỉnh, trích lính đóng ở thành sung vào. Phủ Quảng Biên, lấy 2 huyện Khai Biên, Kim Trường thuộc vào, vẫn 1 án phủ sứ như cũ, đặt thêm 1 phòng thủ úy, thuộc viên : 1 lại mục, 6 vị nhập lưu thư lại, nửa cơ lính đóng giữ tỉnh, trích lính ở tỉnh Hà Tiên sung vào. Phủ nào nên phái thêm lính Kinh và nên phái thêm lính Thổ, do thành thỏa thuận làm việc.

Phàm công việc phải làm của tuyên phủ, phó lãnh binh, đều được cùng ký tên, tạm đóng ấn án phủ quan phòng, đợi sau khi Kinh lý xong việc, lại cùng với ấn triện phủ huyện đáng đặt chế cấp một thể. Phòng thủ úy cũng được cùng với án phủ sứ cùng ký tên. Lương thương chi dùng, do ở thành vận cấp, nhưng bắt tuyên phủ, án phủ, lãnh binh, phòng thủ úy đốc thúc ngay khai khẩn ruộng, hạn cày cấy trong 2 năm, đủ chi lương quân, để đỡ phải vận lương. Nguyên an phủ, thổ quan ở các phủ, trừ đã được bổ vệ úy ra, còn thì bổ thụ chức hàm quan cơ cai đội, nhưng đều lĩnh chức phiên cũ, cùng theo các tuyên phủ, phó lãnh binh, an phủ, phòng thủ úy bàn bạc làm việc. Phàm công việc thuế lệ, từ tụng của dân Thổ, cho đều tự làm việc theo như cũ, gián hoặc có việc gì trọng đại, quan yếu, phải trình các viên tuyên phủ sở tại làm cho ổn thỏa. Thổ quan người nào thực tâm gắng sức hoặc trông ngóng, lười biếng do bọn tuyên phủ cứ thực bẩm lên thành, tâu xin thăng giáng để tỏ sự khuyên răn. Phủ Sơn Định là phủ Sơn Bốc cũ đổi ra ; phủ Mỹ Lâm là phủ Ca Lâm cũ đổi ra ; các hạt Ca Âu, Vọng Vân, Thâu Trung, Ý Dĩ, Ngọc Bi, Chân Tài, Bình Tiêm, Ca Thi, Phúc Lai, Sơn Phủ, Sơn Trung, Trưng Thụy, Khai Biên, Kim Trường, nguyên trước là tên phủ Hoa Lâm, Quế Lâm, nguyên là tên Man, đều đổi làm huyện ; Ngọc Bi là Lạp Bi cũ đổi ra, Ca Thi là Ca Thê cũ đổi ra, Phúc Lai là Ba Lai cũ đổi ra, Trưng Thụy là Trưng Lai cũ đổi ra, Hoa Lâm là Cần Đô cũ đổi ra, Quế Lâm là Cần Chế cũ đổi ra).

Vua y lời bàn ấy, ra dụ chuẩn cho Trương Minh Giảng sau khi lễ khánh chúc xong, về tỉnh lỵ chiểu theo từng khoản, làm việc cho ổn thỏa.

Lại sai đường quan 6 bộ chọn cử 20 người có thể làm nổi chức huyện, không câu nệ văn học, chỉ lấy người nào từng trải, thành thực, có thể chăn nuôi, cai trị được dân ở biên giới, đem tên tâu lên, đợi Chỉ chọn bổ. Người được cử, tuy là lại dịch, phẩm trật thấp, cũng chuẩn cho cứ theo phẩm của mình, làm công việc tri huyện.

Đặt đồn tuần phòng ở An Mỹ thuộc thành Trấn Tây (An Mỹ là tên thôn).

Ngày Ất Mão có sấm, vua tới triều bảo thị thần rằng : Tháng 10 mà có sấm, đó là lý gì, hằng năm thường đến tháng 8 thì cầu vồng không mọc, sấm bắt đầu không có, từ đấy khí trời bốc lên, khí đất sa xuống, khí trời đất không gặp nhau, bế tắc lại mà thành mùa đông, lẽ ấy là thường, nhưng khí hậu phong thổ nước ta không giống với Trung Quốc. Ngạn ngữ có câu "Tháng mười sấm rạp, tháng chạp sấm động", thì tháng nào có sấm hoặc khí âm bốc lên, khí dương sa xuống, gặp nhau mà thành tiếng, chưa thể biết, vả lại cơ trời cảm ứng, đều báo tốt, xấu, lẽ ấy rất huyền vi, vốn không thể thân thiết tìm hiểu được cả 10 phần, mà nghìn dặm không cùng phong thổ, cũng không thể nhất khái bàn được. Cũng có khi sấm và mưa khác thường mà nghiệm được khí không hòa, cũng có khi khác thường mà không nghiệm. Trẫm từng nhớ trước đây 7 năm, ngày 3 tháng 11, ước sau giờ Ngọ, có tiếng sấm động, mà năm ấy khí trời từng ấm như mùa xuân, và năm Nhâm Thìn ngày tháng 11, sắc trời tạnh sáng, chợt nghe 1 tiếng sấm rất to, không biết phát ra ở xứ nào, liền phái đi dò hỏi chỗ ấy, đều không biết rõ, mà năm ấy, khí hậu cũng không trái khác, đó cũng không biết được vì cớ gì. Nay khí trời lúc tạnh lúc mưa, rét ấm không thường, trong một ngày, vừa mặc áo đơn áo kép, liền mặc áo bông, và mỗi buổi sớm từng thấy có sương mù, thế thì có thể biết khí trời cũng hơi trái hòa đấy. Không hiểu Khâm thiên giám có ghi chép cho nhớ hay không ?

Định lại chức Đô thống Chưởng phủ sự ở phủ Ngũ quân đô thống, trật chánh nhất phẩm ; đô thống, phủ Ngũ quân đô thống, trật tòng nhất phẩm (trước định quan chế bậc võ : Chưởng phủ sự phủ đô thống các quân là chánh nhất phẩm, chưa có hàm tòng nhất phẩm). Nguyên thự Chưởng phủ là Tạ Quang Cự, đổi làm Đô thống thự Đô thống Chưởng phủ sự phủ Trung quân đô thống ; Phạm Văn Điển đổi làm Đô thống, thự Đô thống Chưởng phủ sự phủ Tả quân đô thống ; Nguyễn Văn Trọng đổi làm Đô thống, thự Đô thống Chưởng phủ sự phủ Hậu quân đô thống ; Đô thống dinh Thần cơ, quyền giữ ấn triện Tiền quân là Phạm Hữu Tâm, đổi bổ Đô thống, thự Đô thống Chưởng phủ sự, phủ Tiền quân đô thống, vẫn kiêm lĩnh ấn triện dinh Thần cơ ; mới bổ Hữu quân Đô thống là Nguyễn Tăng Minh đổi làm Đô thống phủ Hữu quân đô thống.

Tập ấm phong cho con Đoàn Văn Trường, nguyên lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh, tước Diên Hựu tử là Phó lãnh binh Hưng Hóa, Đoàn Văn Sách làm tước Diên Hựu nam.

Tổng đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên là Hoàng Văn Trạm già yếu, chuẩn cho theo hàm cũ về hưu, cho Tôn Thất Bật thự Đề đốc Hà Nội, Ninh Bình, quyền giữ ấn Tổng đốc quan phòng Bắc Ninh, Thái Nguyên, nhưng giảm bớt chức Đề đốc Hà Nội, Ninh Bình.

Sai biền binh vệ Cẩm y thi diễn súng điểu sang, lấy trúng hay hỏng nhiều, ít, định thưởng phạt.

Bố chính Ninh Bình là Trần Văn Trung tâu báo : "Ruộng nương ở thuộc hạt ấy, trước nhân nước lụt lên, bị tràn ngập cả". Vua dụ sai xét tình hình thực tại, trù tính làm việc. Trung dâng sớ nói : Hạt tỉnh ấy tiếp giáp Hà Nội, nước ở 2 ngả sông Nhị Hà cùng với 3 ngả sông đầu nguồn thuộc tổng ấy đều thông đến hạ lưu sông Gián, rồi chia làm 2 ngả, một ngả là sông Cái chảy ra cửa Liêu, một ngả là hai sông nhỏ chảy chạnh ra Chính Đại và cửa Kiền, trong đó có nhiều chỗ quanh co, mỗi khi đến kỳ nước lụt lên to, chảy đi không được nhanh, nên ruộng nương thường bị tràn ngập, nghĩ nên sắn ngang đoạn giữa sông nhỏ ấy, đào một con sông mới, qua huyện Kim Sơn để thông ra biển.

Vua dụ rằng : "Việc nông là sự sinh sống của dân, lòng trẫm rất lo, theo như tính nghĩ, quả có thể tiêu được nước ứ, mà lợi việc làm ruộng, dù tốn đến cự vạn, cũng không tiếc nào, nhưng xét tình hình ấy và chiếu đồ bản, hạt ấy tiếp giáp Hà Nội, mỗi khi đến kỳ nước lụt dâng lên, nước ở thượng lưu các ngả hợp lại, chảy rót thẳng xuống đến sông Cái, tiêu thụ còn hoặc không kịp, bèn muốn đào một sông mới ở đoạn giữa sông nhỏ, thì thế nước chảy chạnh, đã là ngang chậm, mà một đường đến biển rất xa, nước tiêu tiết sao có thể thấu được, huống chi hạt huyện Kim Sơn, nguyên có 3 con đê ngăn nước mặn, nếu đào sắn ngang ở đấy thì nước ở thượng lưu chưa chắc đã tiết được mà nước mặn lại theo đấy chảy vào, lại thành hại đến việc làm ruộng, há chẳng làm khổ thêm cho dân ta ư ? Chẳng bằng hãy cứ theo như cũ, chỉ đến lúc ấy, tùy thế khơi đào còn hơn.

Lang trung bộ Công làm việc ở bộ là Nguyễn Đắc Trí, vì kiến thức hồ đồ, chuẩn cho trở về nhận chức Lang trung.

Các địa phương theo tục xét hỏi những người con hiếu và đàn bà tiết nghĩa trong hạt đem sự trạng tâu lên, trong đó có Nguyễn Văn Thiệu là con người hiếu tử ở Phú Yên, Nguyễn Văn Tựu, tuổi 40, thuận thờ cha mẹ, chưa từng trái ý chút nào, cha tên ấy có tật bệnh, không ăn được, Thiệu cũng không ăn, có thức ăn ngon, dùng

nhiều cách để tìm phụng dưỡng, làng mạc lớn bé đều khen là hiếu. Bộ Lễ bàn xin châm chước cấp cho 20 lạng bạc và đoạn lần ngoài lần trong, mỗi thứ 1 tấm, còn như biển ngạch, cha tên ấy đã được nêu thưởng, còn cùng ở với nhau, nghĩ nên đình cấp.

Vua bảo rằng : "Nguyễn Văn Trực trước vì hiếu hạnh được nêu thưởng, con hắn là Nguyễn Văn Thiệu lại nối được đạo hiếu, được làng mạc cùng suy tôn, thực là một việc rất tốt ở triều thịnh. Kể thì Nhà nước dạy điều hiếu, làm điều trung, nguyên là mưu tính về phong tục và lòng người, nếu con của Thiệu lại có hiếu hạnh, thế là 1 nhà 3 đời được tất, thì hay là nhường nào ! Trẫm tất nên thưởng rất hậu, thưởng cho ngày nay, há nên tiếc ư ? Nên cấp cho cả biển ngạch (biển ngạch khắc 4 chữ "Thiệu thuật hiếu phong"[1]. Còn con hiếu, đàn bà tiết nghĩa được dự nêu thưởng có 4 người :

(Con có hiếu là Nguyễn Xuân Áng, người huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An, cha chết, tuổi còn nhỏ, thờ mẹ, đối đãi với em đều biết kính thuận, một hôm mẹ con đi cắt lúa, chiều trở về qua núi Bùi, có con hổ xông ra làm cho mẹ hắn ngã bị thương, mọi người đều sợ chạy, Áng một mình cầm gậy đến phía trước để bảo vệ mẹ, chống cự với hổ, hổ mới bỏ chạy, đến khi mẹ ốm chết, hằng ngày đến mộ thương khóc, 3 năm không thôi, người đều nghe biết. Phạm Đình Nghị, người phủ Thạch Hà thuộc tỉnh Hà Tĩnh, từ lúc nhỏ mồ côi cha, biết lấy hiếu thờ mẹ, có bọn cướp đến cướp phá nhà tên ấy, mẹ tên ấy bị cướp trói, đánh, Nghị thương xót xin đem mình thay vào, bọn cướp tha cho mẹ, mà dẫn Nghị vào rừng sâu, may có dân sở tại đuổi theo, Nghị được thoát khỏi, người đều khen là hiếu. Đàn bà tiết nghĩa là Nguyễn Thị Quyên, người huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, 20 tuổi, chồng chết không có con, ở góa giữ tiết, phụng dưỡng mẹ chồng, nhiều người cầu cưới làm vợ, Thị Quyên thề quyết chí không lấy chồng lần nữa, đến khi mẹ chồng chết, 3 năm hết tang, bỗng gặp tên đầu mục ngụy tây, thích về sắc đẹp, bức hiếp cầu lấy làm vợ, Thị Quyên liền cạo đầu làm sư để toàn đạo người đàn bà, đến nay đã 79 tuổi. Vi Thị Phí người châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn, 26 tuổi, sinh được 1 con trai, vừa được 3 tháng thì chồng chết, đã mãn tang chồng, có người mối cầu lấy làm vợ kế, cha mẹ cũng khuyên bảo, nhưng thị tự cắt tóc, thề không đổi chí, ở góa ở nhà chồng, trên thờ bố mẹ chồng, dưới nuôi con ấy đến tuổi trưởng thành, trước sau toàn tiết, người không ai nói vào đâu được, đến nay đã 51 tuổi).

---

(1) *Thiệu thuật hiếu phong* : nối theo nếp hiếu.

Chia đặt huyện Bình An tỉnh Biên Hòa làm 2 huyện Bình An, Nghĩa An. Huyện Bình An đất rộng người nhiều (số đinh hơn 4.900 người, ruộng đất hơn 6.600 mẫu), thế khó trông coi khắp được, chuẩn y lời xin của quan tỉnh, lấy 5 tổng (Bình Chính, Bình Điền, Bình Thổ, Cửu An, Quảng Lợi) vẫn để làm huyện Bình An, 5 tổng (Bình Thiện, An Thủy, An Bình, An Điền, An Thổ) đặt thêm làm huyện Nghi An (đặt 1 tri huyện ; huyện lỵ đặt ở thôn Linh Chiểu Tây).

Định lại điển lễ ở Văn miếu và đền Khải Thánh. Trước đấy, vua cho là từ trước đến nay, nghị định lễ lệ ở Văn miếu và đền Khải Thánh ở Kinh và tỉnh ngoài, vẫn chưa chu đáo đầy đủ, sai bộ Lễ xem xét điển cũ, phân biệt bàn tâu, lại sai đình thần bàn lại, đến nay lời bàn dâng lên, vua chuẩn cho bắt đầu thi hành từ ngày Xuân tế năm Mậu Tuất sang năm.

(*Về đồ thờ :* nậm và chén, Văn miếu ở Kinh, chính vị 1 cái nậm và 3 cái chén mạ vàng, 3 cái đĩa bằng bạc, nậm bằng đồng 1 cái và thìa đồng để đựng huyền tửu[1]. Phối vị đều 1 nậm, 3 chén mạ vàng, 3 cái đĩa bạc. Vị tiên triết, chén 3 cái, đĩa 1 cái, đều bằng bạc, 2 án đông tây đều 3 cái nậm bạc. Vị tiên hiền, tiên nho thờ phụ ở đấy, đều 3 cái chén, 1 cái đĩa bằng thau ; 14 án ở đông vu, tây vu, đều nậm thau 2 cái. Đền Khải Thánh, chính vị 1 cái nậm, 3 cái đài, 3 cái chén mạ vàng. Phối vị đều 1 cái nậm, 3 cái chén, 1 cái đĩa bạc. Vị tiên nho thờ phụ ở đấy, đều 3 cái chén, 1 cái đĩa bằng thau ; 2 án đông tây đều 1 cái nậm thau. Văn miếu ở tỉnh ngoài, chính vị 1 cái nậm, 3 cái đài, 3 cái chén bằng bạc. Phối vị đều 1 cái nậm đồng, 3 cái chén bạc, 3 cái đài bằng thau. Vị tiên triết đều 3 cái chén, 1 cái đĩa bằng thau. Đông tây đều 3 cái chén thau. Vị thờ phụ đều 3 cái chén, 1 cái đĩa bằng thiếc ; đông tây đều 2 cái nậm thiếc. Đền Khải Thánh, chính vị, 1 cái nậm, 3 cái chén bằng bạc, 3 cái đài thau. Phối vị đều 3 cái chén, 1 cái đĩa bằng thau ; đông tây đều 1 cái nậm thau. Các vị thờ phụ 3 cái chén, 1 cái đĩa bằng thiếc ; đông tây đều 1 cái nậm thiếc.

Đăng và hình[2], Văn miếu ở Kinh, chính vị : đăng 1 cái, hình 2 cái, phối vị đều hình 2 cái, vị tiên triết đều hình 1 cái. Đền Khải Thánh, chính vị, hình 2 cái, phối vị đều hình 1 cái, đều dùng chất đồng.

---

(1) *Huyền tửu :* nước lã.

(2) *Đăng :* thứ đồ bằng sành, dùng đựng đồ lễ, có chân đế và có nắp đậy.
Hình : tựa như cái chóe, có 3 chân, có nắp, dùng đựng canh rau dâng lên.

Phủ và quỷ[1], Văn miếu ở Kinh, chính vị : phủ 1 cái, quỷ 1 cái. Phối vị và tiên triết tòng tự, mỗi án đều phủ 1 cái, quỷ 1 cái. Đền Khải Thánh, chính vị : phủ 1 cái, quỷ 1 cái ; phối vị và tòng tự, mỗi án đều 1 cái, quỷ 1 cái, phủ thì núm vuông, quỷ thì núm tròn, đều dùng chất đồng.

Biên và đậu[2], Văn miếu ở Kinh : chính vị, biên 10 cái, đậu 10 cái ; phối vị : mỗi án biên 8 cái, đậu 8 cái ; tiên triết : mỗi án biên 6 cái, đậu 6 cái ; thờ phụ : mỗi án biên 4 cái, đậu 4 cái. Đền Khải Thánh, chính vị : biên 8 cái, đậu 8 cái ; phối vị : mỗi án biên 6 cái, đậu 6 cái ; thờ phụ : mỗi án biên 4 cái, đậu 4 cái. Biên làm bằng tre, đậu làm bằng chất đồng. Ở tỉnh ngoài : đăng, hình, phủ, quỷ, biên, đậu đều giảm bớt.

Về phẩm vật để tế : Lụa dùng để tế - Văn miếu, chính vị, lụa hạng nhất 1 tấm viết các chữ vàng "lễ thần chế bạch"[3]. Tự phối, mỗi vị lụa hạng nhì 1 tấm. Tiên triết, mỗi án lụa hạng ba 1 tấm, đều viết bằng bạc. Còn thờ phụ và đền Khải Thánh và ở tỉnh ngoài đều tỉnh giảm cả. Về trâu lợn, Văn miếu ở Kinh, chính vị, trâu, dê, lợn mỗi thứ 1 con. Phối vị và chính vị ở đền Khải Thánh, mỗi vị dê 1 con, lợn 1 con. Vị tiên triết và vị phối hưởng, đông tây ở đền Khải Thánh đều dê 1 con, lợn 1 con. Thờ phụ hợp cả 16 án, mỗi án lợn 1 con.

Văn miếu ở tỉnh ngoài, chính vị, trâu dê lợn mỗi thứ 1 con ; phối vị đông tây lợn đều 1 con ; vị Tiên triết cũng lợn 1 con ; thờ phụ cũng lợn 5 con. Đền Khải Thánh, chính vị lợn 1 con ; phối vị cũng lợn 1 con ; thờ phụ cũng lợn 1 con. Về xôi, Văn miếu ở Kinh và tỉnh ngoài, chính vị đều dùng 1 mâm xôi lớn. Đền Khải Thánh, chính vị đều dùng 1 mâm xôi hạng vừa, còn thì đều theo thứ tự giảm bớt.

Về âm nhạc : Văn miếu ở Kinh thì 6 bản nhạc, 6 lần tâu, lễ nghênh thần [đón thần về] tâu bản nhạc cảnh văn ; dâng lụa và tuần rượu đầu, tâu bản chiêu văn ; tuần rượu thứ nhì, tâu bản ý văn ; tuần rượu sau cùng, tâu bản hiển văn, khi hạ cỗ lễ bỏ ra, tâu bản bính văn ; khi tiễn thần, tâu bản huy văn, đều gọi chung là nhạc đại thành. Trên thềm nhà 2 bên, đặt 1 chuông to và 1 trống to. Dưới thềm hai bên đông tây, đặt 1 chuông lớn và 1 cái khánh treo một mình, 12 cái chuông nhỏ cùng làm 1 cái giá treo chuông, 12 cái khánh nhỏ cùng làm một cái giá treo khánh. Múa, thì

---

(1) *Phủ :* cái hộp vuông, làm bằng gỗ, dùng đựng các xôi.
Quỷ : hộp tròn, cũng bằng gỗ, đùng đựng xôi, cơm.

(2) *Biên :* miệng loe ra, giữa thắt cổ bồng, dưới có đế, làm bằng tre, dùng đựng hoa quả dâng lễ.
Đậu : cũng như biên, bằng gỗ, dùng đựng cơm thịt để lễ.

(3) *Lễ thần chế bạch :* thứ lụa dùng để lễ thần.

dùng 6 hàng, mỗi hàng 3 người, 3 tuần dâng rượu , đều dùng múa văn như múa vũ thược[1]. Đến Khải Thánh, vẫn đặt nhạc nhỏ làm lễ, còn như ở tỉnh ngoài, thì vẫn theo như cũ, chuông trống cùng nhạc nhỏ cổ súy mà thôi.

Về thờ phụ : Nguyên trước ở Văn miếu có 95 vị tiên hiền tiên nho thờ phụ ở đấy, thăng tiên hiền là Hữu Tử Nhược, tiên nho là Chu Tử Hy, làm tiên triết ; tiên nho là Tả Khâu Tử, Khâu Minh, Chu Tử Đôn Di, Trình Tử Hiệu, Trình Tử Di, Trương Tử Tái, Thiệu Tử Ung làm tiên hiền. Lại thờ thêm học trò của Mạnh tử như Nhạc Chính Khắc, Công Đô Tử, Vạn Chương, Công Tôn Sửu ; tiên nho đời Hán là Trịnh Huyền ; tiên nho đời Tấn là Phạm Nịnh ; tiên nho đời Tống là La Tòng Ngạn, Lý Đồng, Phạm Trọng Yêm, Doãn Đôn, Hoàng Cán, Trần An Khanh, Ngụy Liễu Ông, Hà Cơ, Vương Bách ; tiên nho đời Nguyên là Kim Lý Tường, Hứa Khiêm, Trần Hiệu, Triệu Phục, Ngô Trừng ; tiên nho đời Minh là La Khâm Thuận, Thái Thanh ; tiên nho đời Thanh là Lục Lũng ; về nước ta là Sỹ Nhiếp, Chu An, tất cả 25 vị, phân biệt biên vào hàng tiên hiền, tiên nho. Tiên hiền là Khổng Tử Trung, đổi làm Tử Miệt Tử ; tiên nho là Khổng Tử An Quốc, đổi làm Tử Quốc Tử để tránh tiếng gọi của tiên thánh. Đến Khải Thánh, 2 bậc, thờ thần tiên nho Trương Địch, cùng tiên nho Chu Thị Phụ Thành, Trình Thị Hưởng, Chu Thị Tùng, phân biệt đông tây, để tỏ rõ 4 gã họ : Chu [Đôn Di] họ Trình [Trình Di, Trình Hiệu] họ Trương [Trương Tái] họ Chu [Chu Hy] do đấy mà ra. Còn nguyên trước thờ phụ là Thái Nguyên Định, đổi thờ ở nhà 2 bên Văn miếu bày hàng ở trên tiên nho Thái tử Trầm để nêu rõ họ Thái học Trương Địch là cha Trương Tái, Thái Nguyên Định là cha Thái Trầm).

Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh là Tạ Quang Cự tâu nói : "Phủ Trấn Định tiếp giáp đất Xiêm, có giặc trốn là Lang Khâm Nhạ ở phía nam sông Khung, cùng với người nước Lào, cùng làm bè lũ vây cánh, viện thanh thế nước Xiêm, dọa dỗ dân ở biên giới, đã phái quan quân đi tuần tiễu cho lòng người được yên. Lại 2 xứ Phàm Linh, Phàm Lệ, có nhiều dân trốn ở phủ Trấn Tĩnh, Trấn Định, ngầm họp với bọn ác, dựa ở nơi hiểm, thường quấy nhiễu ở ngoài biên, tất phải đánh phá sào huyệt của chúng, thì một hạt Trấn Định mới có thể ở yên được".

Vua bảo rằng : "Giống người Man quen thói dọa nạt, mà dân Trấn Định động thấy là hoảng sợ, thường thường có tin báo đến, triều đình không khỏi phải chú ý xếp đặt, đường sá đi lại thực là khó nhọc, nếu không một phen đem quân đến đánh thì khó mong được yên lâu dài. Vả lại 1 bọn ở Phàm Linh, Phàm Lệ, nguyên ở địa

(1) *Vũ thược* : vũ là cái cờ bằng lông chim, thược là cái sáo nhỏ ngắn có 3 lỗ.

hạt Trấn Định, thế mà dám cậy là hiểm xa, thông đồng với giặc, lại làm tai mắt cho chúng, tuyến dẫn qua sông Khung sinh sự, rất là đáng ghét, nên phái thêm 600 binh dõng, giao cho 1 quản vệ đắc lực, đến thẳng 2 xứ ấy, chẹn đường quan yếu, đuổi hết dân về phủ ; chọn đất cho ở yên, dám có trái mệnh tức phải đánh rất dữ dội, khiến cho chúng sợ oai mãi mãi, một là để tuyệt hẳn đường thông đồng với người Man, một là để ngăn hẳn mối bọn ấy tuyến dẫn, thì địa phương ấy mới có thể giữ được yên ổn. Đến khi quan quân tiến đến, giặc Man đã sợ hãi trốn trước, đuổi bắt được 3 tên giặc, bèn đốt hết kho tàng thuyền bè, xua dân trở về".

Vua nghe tin, khen ngợi, thưởng cho Quản vệ Phan Đại Tùng quân công kỷ lục 2 thứ, viên biền binh dõng đều thưởng cho tiền gạo lương 1 tháng.

Thự Lang trung bộ Lễ là Nguyễn Đăng Huân, trước Tri phủ Điện Bàn, tại chức 4 năm, tự giữ thanh liêm kiệm ước và bình tĩnh giản dị thân với dân, nha lại và dân yêu như cha mẹ, gặp khi có tang cha, đưa biếu đều không nhận. Đến khi bổ làm chức ở Kinh, hộ giá đi tuần phía nam, dân nghe tin đến, đón đường thăm hỏi, nhiều người biếu vàng và tiền cũng không nhận, đến nay chết ở nơi làm quan, trong túi không có gì cả, chỉ có một cái áo rét được thưởng để làm đồ liệm mà thôi.

Quan khoa đạo là Nguyễn Tự, Lê Văn Thực làm sớ đem sự trạng tâu lên, và nói : Quan lại trị dân quý hồ thanh bạch, quan lại thanh liêm ở triều đình, cố nhiên không thiếu người, nhưng tìm được người đặc biệt thì trước có Nguyễn Hữu Hoàng, Tri phủ Anh Sơn, nay có Nguyễn Đăng Huân, phẩm hạnh tiết tháo không những dân hạt sở tại đều biết, mà sĩ phu không ai là không biết, so với người xưa, tưởng chẳng kém gì, xin lượng gia ơn điển, khiến cho người liêm được cảm khích phấn khởi.

Sớ dâng lên, vua thương tiếc lắm, truy thụ Lang trung bộ Lễ, thưởng cho 100 quan tiền, sai bắt thuyền đưa về quê và thưởng cho 100 quan để nuôi vợ con viên ấy. Lại nghe nói hãy còn mẹ già, thưởng thêm 100 quan tiền và sắc cho quan địa phương thời thường thăm hỏi.

Vua tới triều, hỏi sự trạng Nguyễn Đăng Huân khi làm quan, Phan Huy Thực đem những điều được nghe biết tâu trả lời. Vua bảo rằng : Tiếc rằng triều đình mất người hiền lương ấy, nay sao có thể làm cho sống lại ở chín suối được ? Lại hỏi sự trạng Nguyễn Hữu Hoàng, Hà Quyền đem cả đầu cuối tâu lên. Vua bảo rằng : Thế thời Nguyễn Hữu Hoàng trước đã nêu thưởng rồi, nhân ngoảnh lại hỏi Trương Đăng Quế rằng : Ngươi có biết Nguyễn Hữu Hoàng, Nguyễn Đăng Huân không ? Quế thưa rằng : Tiết tháo thanh liêm của 2 người ấy, thần cũng có nghe biết, nhưng

người ta giữ được tiết tháo, có khi lúc đầu hơi biết cố gắng, mà về sau không trọn vẹn, cầu được người có trước có sau ít lắm, cho nên tuy hoặc có nghe biết, cũng ít khi dám khinh thường tâu lên.

Vua bảo rằng : "Phàm người ta, việc tự mình làm ra, còn không thể tự tin, huống chi người khác, nếu thấy có việc thực, bèn phải tâu lên, có gì là không nên, sau nếu thay đổi tiết tháo, là hắn tự chịu, triều đình tự có phép công, há nên đoán trước là sau này không thể giữ được, mà không để tâu cho để phải bỏ sót người hiền ư ?".

Bèn dụ cho Nội các rằng : "Liêm là đầu sáu kế[1] [để xét quan lại]. Tự xưa làm việc, tất lấy khen thưởng khuyến khích quan lại liêm chính làm đầu, trẫm chỉnh đốn quan cai trị, ân cần để ý đến dạy làm điều trung hiếu, từ trước đến nay, xét có thực trạng thanh liêm, tức đã nêu thưởng rất hậu, lại nghĩ gián hoặc có người bình sinh không có người đề cập đến, mãi đến sau khi chết mới tâu lên, như Tri phủ Nguyễn Hữu Hoàng, Lang trung Nguyễn Đăng Huân, thực là đáng tiếc, vả lại tất đợi ngôn quan nói đến, rồi sau khen thưởng thì sợ không khỏi được 1 người bỏ sót 10 người, về phép khuyến liêm, vẫn còn chưa đầy đủ, nay phải châm chước thế nào ấn định điều lệ chương trình rõ ràng, bảo rõ trong ngoài. Rồi chuẩn cho 9 chức quan ở bộ, viện hội đồng bàn kỹ tâu lên. Đến khi lời bàn dâng lên, cho là liêm nghĩa là không tạm lấy của người, hay cho người mất tí gì, phàm có chức quan, mà biết lấy đấy giữ mình, cố nhiên nên khen thưởng, nhưng phép khen thưởng tất bắt theo văn pháp, thì người đều sợ sau này không được trọn vẹn, ai chịu đem thân bảo đảm tâu lên, nếu nhất khái cho tiến cử rộng rãi, thì sau khi việc xảy ra không đòi hỏi dùng thủ đoạn quỷ quyệt trước mắt, cũng chưa khỏi cái tệ bè đảng, vin dựa nhau, 2 cách ấy cũng không phải là ý lập pháp. Xin phàm văn võ ở trong Kinh ấn quan các nha và thân biền phụ thuộc, nếu có người thanh liêm tiết nghĩa, ấn quan thì do viên đồng sự, thuộc liêu thì do quản quan, đều được làm tập riêng, bảo cử tâu lên, nếu nha nào, hoặc có sự ghen ghét, không để tâu minh bạch cho, mà thượng ty nha khác biết đích thực trạng, cũng được cử riêng, để ngăn ngừa sự bưng bịt. Ở tỉnh ngoài, các thượng ty đốc phủ bố án được cử lẫn với nhau, các viên phủ châu huyện thuộc hạt thì do đốc phủ bố án bảo cử, lãnh binh và quản vệ, quản cơ thì do đốc phủ để đốc bảo cử, người nào dám có a dua, thiên tư một chút nào, thì người cử và người được cử, sẽ phân biệt trị tội. Nếu người ấy sai khi đã được khen thưởng, cất nhắc, lại thay

(1) *Sáu kế* : kế hoạch xét quan lại có 6 điều : liêm thiện, liêm năng, liêm kính, liêm chính, liêm pháp, liêm biện.

đổi tiết tháo, phải trị tội nặng hơn, người chủ cử được miễn, như thế thì người vì nước gây dựng nhân tài, khỏi mang lòng sợ sệt rụt rè mà người bị ngừng trệ được tự hiện ra, phong hóa liêm khiết có thể nổi bật ở đời. Vua y lời bàn.

Án sát Sơn Tây là Phạm Lương Phú bị bệnh, vua chuẩn cho nghỉ việc và cho ở lại ngụ sở để điều trị. Cho Phạm Huy Diệu, Lang trung bộ Công, quyền lĩnh Thương trường[1] làm Án sát Sơn Tây, vẫn làm việc ở Thương trường, đến ngày Khánh tiết được theo triều ban chúc mừng.

Sung chức dạy bảo trông nom hoàng tử là Nguyễn Đăng Tuân tự trình bày già mệt, xin cử hưu quan là Trần Thiên Tải để thay.

Vua bảo rằng : "Trách nhiệm dạy bảo trông nom thực khó được người, nay lão thần ở triều, còn có thể sai khiến được thì cùng giúp việc nước, còn như hưu quan thì ít người có thể làm được chức ấy, duy có Lê Đăng Doanh là Hộ phủ Quảng Trị, năm trước từng dạy trẫm học, có thể đương được chức ấy, về nhân phẩm cũng hơn Thiên Tải".

Lại dụ các hoàng tử rằng : "Chức vụ của các ngươi chỉ ở việc xem xét thức ăn và thăm hỏi, còn như làm thơ, thì anh em cùng bàn luận với nhau, đó cũng hơn là thích cái khác, nhưng ý nghĩa thờ người trên, sai kẻ dưới, phải ngày ngày giảng tập, mới là có tiến ích được".

Vua từng cùng các bề tôi bàn về thơ, hỏi Lý Văn Phức rằng : "Ngươi trước đây sang Quảng Đông, từng có lĩnh tập thơ của vua làm ra mang theo, người nhà Thanh xem thơ ấy cho là thế nào ?". Phức thưa rằng : "Văn sĩ nhà Thanh từng nói : Tập thơ của các vua Bắc triều, duy có vua Càn Long là hơn cả, nhưng cũng không bằng thơ của vua làm, giản dị thanh đạm".

Vua bảo rằng : "Vua Càn Long là bậc trước, trẫm không dám khinh suất bàn luận, duy xem thơ ấy thì lập ý cao xa, lời văn đường hoàng, cố nhiên không phải bậc mặc khách tao nhân[2] so bì được, nhưng không câu nệ thanh âm và luật điệu, người đọc đọc đi đọc lại, mấy lượt chưa thể am hiểu. Kể thì thơ là để ngâm vịnh tính tình, cũng phải có vần, có luật, nếu sơ suất quá như thế, chưa dám lấy làm khuôn phép, nước ta, thơ của vua Lê Thánh Tông rất là thanh tao, xưa nay chẳng ai bì kịp, nhưng phần nhiều luyện từng chữ, gọt từng câu, chưa thoát khỏi phong vận người đời Đường".

---

(1) *Thương trường* : chức quan trông coi các kho tàng trong Kinh.

(2) *Mặc khách tao nhân* : người văn sĩ hay chữ, hay thơ.

Lại bảo Trương Đăng Quế, Hà Quyền rằng : "Từ trước đến nay, ra đầu đề thơ, phần nhiều ở trong bài thơ cổ, dùng chữ "phú đắc", câu ấy ra đầu bài, đại khái nghĩ ra đầu bài ấy mà thôi, thế mà sĩ tử làm văn, phần nhiều dẫn dùng câu khác trong bài thơ ấy, như lấy "xuân du phương thảo địa"(1) ra đầu bài thì làm văn lại dẫn các ý : "Hạ thưởng lục hà trì, thu ẩm hoàng hoa tửu"(2), sao lại câu nệ như thế. Giả thử đầu đề là phú đắc "vũ", phú đắc "kiều"(3), thì hai chữ vũ, kiều ấy không biết chỉ đích là lấy ở bài thơ nào".

Lại quan trường chấm xét quyển văn của học trò, phần nhiều cứ dẫn những câu và chữ có sẵn ở trong sách, thì khuyên điểm nêu khen, cho là nhớ được chỗ trang sách, đấy cũng là thói quen câu nệ quá lắm, đại phàm làm văn, phải phát minh ý đầu bài và phô bày ý kiến của mình, việc gì phải dẫn dùng chữ ở trong sách, như Đức Khổng tử dạy người, chỉ cầu nghĩa lý cho rất đúng mà thôi, có từng ấn chỉ lấy chữ trong sách đâu !

Định lệ cấm che giấu dân lưu tán.

(Phàm dân lưu tán ẩn trú ở làng bên cạnh thì lý trưởng sở tại lập tức bắt giải lên quan, người dám che giấu thì 1 người phải phạt 60 trượng, mỗi người lại thêm 1 bậc, 5 người thì mãn trượng ; 6 người thì 60 trượng và đồ 1 năm ; mỗi 3 người lại gia một bậc, như 7, 8 người, chỉ kết tội 60 trượng và đồ 1 năm, đến 9 người mới gia 1 bậc, 70 trượng và đồ 1 năm rưỡi ; ngoài ra theo thế mà làm : 18 người thì tội mãn đồ ; 21 người trượng 100, lưu 2.000 dặm ; mỗi 5 người gia 1 bậc, tội chỉ đến mãn lưu thôi. Người nhận của lót thì tính tang theo luật "trái phép" xử nặng, và truy tang nộp quan. Lý trưởng, tổng trưởng sở tại biết rõ tình hình mà dung túng thì cũng tội như nhau, không biết rõ tình hình thì theo luật "thất sát" xử tội. Không kể quân dân hạng nào, tố cáo được thực thì mỗi người thưởng 5 quan tiền, cứ tên lý trưởng che giấu ấy trách thu để thưởng, nếu tố cáo 10 người, có 1 người được thực, thì đình thưởng tha làm tội ; 2 người trở lên được thực và tố cáo có 1, 2 người, mà xét ra 3, 4 người trở lên thì chiểu lệ thưởng cho, toàn không thực cả, thì phải tội phản tọa).

Cho Lê Đoàn, Phó vệ úy vệ Nghiêm võ làm Vệ úy vệ Tráng võ.

Con của Hứa Đức Đệ nguyên Thượng bảo khanh là Hứa Đức Hân kêu là nhà nghèo không lấy gì theo học được, thành khẩn xin bổ dụng.

---

(1) *Xuân du phương thảo địa :* mùa xuân đi chơi ở nơi có cỏ thơm.

(2) - *Hạ thưởng lục hà trì :* mùa hạ ngắm thưởng ao hoa sen.

- *Thu ẩm hoàng hoa tửu :* mùa thu uống rượu cúc.

(3) *Vũ :* mưa.

Kiều : cái cầu.

Vua nghĩ Đức Đệ đi theo lâu ngày, làm quan thanh bạch, chuẩn cho nhắc bổ Đức Hân làm Bát phẩm thư lại, học tập chính sự ở bộ Lại.

Binh cơ Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, hiện số không có mấy. Vua chuẩn cho quan tỉnh trích lấy 50 người tinh, mạnh, dồn làm 1 đội Tuần thành, còn người già ốm đem trả về sổ ở làng chịu sai dịch.

Tỉnh Bắc Ninh bắt được bọn giặc trốn là Nguyễn Trạc, Nguyễn Văn Túc đem giết (Trạc ngụy xưng là Phó hậu quân, Túc ngụy xưng là Chánh tiền quân), quan bắt giặc là thự Quản cơ Nguyễn Hữu Diệu được chuẩn cho thực thụ ngay, vẫn lĩnh Quản phủ Thiên Phúc, lại thưởng cho kỷ lục quân công 1 thứ, 1 đồng cát tường bát bảo kim tiền hạng nhỏ, 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn, còn biền binh thì thưởng chung 100 quan tiền.

Ba huyện Thần Khê, Diên Hà, Hưng Nhân thuộc phủ Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên, trước đây nhân nước lụt tràn ngập, ruộng nương nhiều chỗ không cấy được, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên, chuẩn cho chiểu thuế lệ tiền thóc phải nộp, đều hoãn cho.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXXVI*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837].

Mùa đông, tháng 11. Cho : Nguyễn Trung Mậu, Tả tham tri bộ Binh thăng thự Thượng thư bộ Hộ, vẫn kiêm quản viện Hàn lâm và Ty thông chính ; Phan Huy Thực, Tả thị lang bộ Lễ, thăng thự Tả tham tri bộ Lễ, kiêm quản Quang lộc tự ; Phan Bá Đạt, Hữu thị lang bộ Lễ, thăng thự Hữu tham tri bộ Binh, vẫn kiêm quản Thái thường tự ; Nguyễn Trung Nghĩa, Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung, thăng thự Lang trung bộ Lại, quyền thực việc bộ ; Vũ Thành Phong, Thị độc Nội các, thăng thự Lang trung bộ Lễ, biện lý việc bộ ; Lê Bá Tú, Lang trung phủ Nội vụ, thăng thự Thị lang phủ Nội vụ ; Nguyễn Tri Phương, Chủ sự, thăng thự Lang trung, hội đồng hộ lý ấn quan phòng phủ Nội vụ ; Vũ Viết Sĩ, thự Lang trung bộ Binh, đổi bổ thự Lang trung ty Vũ khố, hội đồng với Thị lang Nguyễn Văn Toán và Lang trung Hồ Ngọc Tài hộ lý ấn quan phong ty Vũ khố.

Duyệt tuyển binh đinh ở các tỉnh Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên (ngày tháng 2 năm ấy, chính là đến kỳ tuyển, vì có việc sửa đắp đê điều, nên hoãn lại). Vua sai Bố chính Hà Tĩnh là Cao Hữu Dực, Bố chính Thái Nguyên là Lê Trường Danh, Bố chính Hải Dương là Nguyễn Hữu Khuê chia đi các tỉnh ấy, đến khi sổ tổng kê dâng lên, số đinh tỉnh Nam Định xem ra được hơn 7 phần, quan tuyển duyệt và quan tỉnh, đều được thưởng kỷ lục 1 thứ, còn thì được chỉ 3, 4 phần, đều không được dự thưởng.

Dân ven biển ở hai huyện Quảng Điền, Phú Vinh thuộc phủ Thừa Thiên có đem việc quan mua gỗ, trình bày kêu lên. Vua bảo rằng : "Việc đặt giá mua, đã dụ cho chỉ cứ người làm nghề đẵn gỗ và nơi thổ sản, nay dân hạt ấy sinh nhai ở mặt nước, mà lại bắt lên núi đẵn gỗ, không trách chúng kêu ca, lập tức tha cho. Kinh doãn, huyện thần, đều phải giáng, phạt".

Thị lang Vũ khố là Nguyễn Văn Toán phải cất chức. Toán trước lĩnh chức Thương trường, bọn chủ thủ mới và cũ thông đồng bớt xén gạo công đến hơn 2.000 phương, Toán biết mà không đem tâu, đến nay việc phát ra, giao xuống bộ Hình nghiêm nghị, bèn cách chức, phát đi làm đồn điền ở trên nguồn.

Phó lãnh binh thủy sư tỉnh Nam Định là Trần Quảng Tứ già ốm, được về hưu trí, vua cho Tôn Thất Tự, Vệ úy vệ Nam Định làm thay.

Đặt chuyên viên khoa đạo tra xét kho và điều lệ sát hạch : (Phàm kỳ lĩnh lương bổng, biền binh canh giữ ở kho, thuộc dinh vệ nào, do viên chưởng lĩnh lĩnh thay chuyển cấp ; chủ thủ và lại dịch do viên chưởng ấn bộ Hộ lĩnh thay chuyển cấp, về giấy tờ tiền gạo, đều làm 2 bản, 1 bản lưu chiểu ở bộ, 1 bản theo lệ xem xét, phê chữ làm bằng. Chỗ biên số mục trong đơn, cũng đều đóng dấu, để phòng tra xét. Viện Đô sát hằng tháng 1 lượt phái 1 người khoa đạo chuyên giữ việc sát hạch ; làm bài ngà cấp cho viên khoa đạo xét kho. Phàm sở kho, tất cả chi phát tiền gạo, phái viên hội đồng với giám lâm, xét có giấy tờ, mới cho chủ thủ chiểu phát, gián hoặc có xét ra : chi lần nữa, và mạo lĩnh, tẩy, thay số mục, cùng là tình tệ khác, sẽ nghiêm hặc trừng trị. Số chi phát hằng ngày đều chiểu thủ chủ phải ghi sổ minh bạch, phái viên so giấy tờ lĩnh trước phù hợp, sức đem triện của Thương trường, đều đóng vào chỗ số mục, rồi cùng với giám lâm biên chữ vào, giám lâm biên chữ phụng duyệt, phái viên biên chữ phụng hạch, để làm hồ sơ lưu chiểu. Còn như cầm ống gạt và bỏ thẻ cùng kiểm xét nghiêm ngặt, chớ để cho lạm dụng quỷ quyệt chút nào. Kho Thượng mễ[1], mới đến ngày mồng một hằng tháng, giám lâm phải lượng tính số gạo trong tháng phải kính đệ làm giấy tạm lĩnh thóc, do bộ Hộ phê giấy chi phát, giao cho lính canh giữ xay giã, chứa vào kho, đến khi kính đệ, phái viên đều xét thực ghi chép như trước, đến cuối tháng biên rõ đưa bộ xét lại. Gạo lương các bậc ở Nội cung cho đến số gạo cấp hằng tháng cho các ban *lão ni, lão tỳ, nhũ áo*[2] và người được có ân ban, khi lĩnh, quan thị vệ làm đơn lĩnh, cung giám nhận thực,

(1) *Thượng mễ* : kho gạo riêng của nhà vua.
(2) *Lão ni* : sư nữ già.
Lão tỳ : người đầy tớ gái già.
Nhũ áo : vú già.

do bộ Hộ phê phát, sở kho chiểu số phụng đệ. Về các chỗ khóa kín ở các cửa hiệu cửa kho và kho tiền, phái viên cùng với giám thủ niêm phong đánh dấu, giao lính canh giữ. Như có chi phát và mưa gió bất kỳ, giám thủ báo cho phái viên xét xem dấu niêm trước mới được mở ra. Lại hằng năm, ngày gói ấn, đương thứ phái viên cũng dự hội đồng niêm phong đánh dấu, đến sau ngày khai ấn, nên chi phát, thì theo lệ trước mà làm, còn các hiệu kho chứa đầy, vẫn niêm, khóa, phụng giữ như cũ, nếu có phải cào quét, dọn dẹp, hoặc gặp mưa gió, giám thủ báo rõ với bộ Hộ cùng phái viên đều đến, mới được mở niêm. Còn như sở kho, hằng năm mùa xuân mùa hạ, số tiền thóc tô thuế ở Thừa Thiên ; các hạng thóc ở Minh Xuân, Bái Ân thuộc Quảng Trị và thóc gạo ở tào thuyền trong Nam ngoài Bắc giải vận đem nộp vào kho, viên Thương trường trước hết tư cho viện Đô sát phái riêng 1 viên khoa đạo đến kiểm xét, hết thảy theo như lệ trước, cũng mỗi tháng 1 lượt thay đổi).

Văn của vua làm tập đầu (biểu 1 quyển, dụ 11 quyển, tạp ký 1 quyển và mục lục 1 quyển) ; thơ của vua làm, tập thứ ba (từ mùa xuân năm Minh Mệnh thứ 14 đến mùa đông năm thứ 15, gồm 10 quyển, tất cả 453 bài và 2 quyển mục lục) ; tập thứ tư (từ mùa xuân năm thứ 16 đến mùa đông năm thứ 17, gồm 10 quyển, tất cả 522 bài và 2 quyển mục lục), lần lượt san khắc đã xong. Vua sai in ra rồi trang hoàng thành pho sách, thưởng cho viên chuyên biện, hội biện và bọn thợ làm việc 100 lạng bạc.

Vua bảo thị thần Trương Đăng Quế rằng : "Trẫm từng nhớ bài thơ của đời Thanh có câu "đi theo dọc núi cho thuyền đi chậm", cho là từng chữ từng câu thanh nhã, lời ý hòa hoãn, lòng trẫm rất thích, nhân nghĩ đến phép trị nước, không nên cầu trị gấp quá, phải có ý thư thả lâu dài mới có thể thành công, cũng như thế đấy".

Ngự sử đạo Ninh - Thái là Nguyễn Văn Đạt, dâng sớ xin sưu tập các truyện ký phong vật đời trước làm ra, xem xét sửa lại thành sách, và chính thể của bộ, viện, đều biên chép thành pho. Lại xin đầu bài thi chuyên lấy *Kinh Truyện* và tập văn của các nhà ghi chép trong Nam sử làm câu hỏi chính, Bắc sử làm dẫn giải phụ thêm, ngõ hầu lời nói việc làm thuở trước của nước ta, không đến nỗi mất, mà sĩ tử đều có thực dụng.

Vua bảo rằng : "Sưu tập truyện ký phong vật đời trước làm ra, thực là việc hay, về văn hiến, trẫm vẫn thích nghe, đã sắc cho các địa phương đi khắp tìm hỏi, lại sai các nha đem tất cả thể lệ, phân từng loại, biên chép thành tập, để rõ chính thể trị nước của đời thịnh, nhưng các việc ấy, vốn không phải là hằng năm, hằng tháng có thể làm được, chậm đến 10 năm không hại gì, huống chi nay việc cần phải làm, vẫn

phải cố gắng, lần lượt cử hành, đối với việc có thể hoãn được, chưa có thì giờ mà thôi. Còn như đầu bài thi, xin hỏi về Nam sử, xét ra *Sử ký* về đời trước của nước Việt ta, phần nhiều không chép đúng, lầm lẫn còn nhiều, còn phải 1 phen sửa lại, mới rõ là sử đúng, nếu vội vàng làm đầu bài cho học trò thi, cũng chưa là thích hợp. Vậy sai bộ Lễ xét kỹ bàn lại, tâu lên. Đến khi lời bàn dâng lên, cho là từ trước đến nay, trong ngoài có tiến dâng thơ văn ghi chép, thì đều đã nêu thưởng, xin đợi sau chọn sai văn thần trông coi việc ấy, lại tìm hỏi thơ, văn từ phú của các nhà làm ra từ đời trước và các ghi chép về nhân vật, sự tích, sơn xuyên tiếp tục đệ lên, nhưng chia từng môn, định từng loại, làm thành quyển, thành pho trình dâng. Còn chính thể các bộ, viện, phải đợi sách *Minh Mệnh chính yếu* làm xong, rồi sau sai quan làm *Hội điển tắc lệ* để tỏ bảo sau này. Duy sử nước Việt đời trước ghi chép phần nhiều sơ lược, tự Lê trung hưng về sau, quyền thần cướp quyền, gươm Thái A[1] cắm ngược như Trịnh Tùng bất đạo[2] mà sử thần không biết bắt chước Đổng Hồ[3] xưa chép thẳng, chép rõ chính tội của hắn, chỉ là hồi hộ đổ lỗi ở nhà Lê, sai lầm như thế, nếu dùng làm đầu bài, thì tới khi làm văn, khó nói ra được, phải đợi các sách hội điển chính yếu và thơ văn ký truyện biên chép xong, lại xin sai quan sửa lại sử ký Nam Việt của các đời, khiến cho bọn học trò công nhiên truyền dạy cùng nhau mới có thể dùng đề thi cử được. Vua cho là phải.

Sung chức dạy bảo trông nom hoàng tử là Nguyễn Đăng Tuân tâu nói : Thần nghe, đức tất học rồi sau mới thành, học tất giảng rồi sau mới rõ, vì thầy và bạn, nguồn gốc được thấm dần từ đấy. Gần đây hoàng tử học ngày dần tiến, thực là có nhờ ở viên giảng tập và chính tự, không phải một mình sức thần có thể làm được, nay Hoàng tử xuất các[4], ngày càng thêm, tất phải nhiều người dạy bảo, mới mong tiến ích. Về học đường, chức giảng tập 10 người, chức chính tự 5 người ; xin đặt thêm mỗi chức 5 người, để sung giảng dạy. Vua cho lời tâu là phải.

Định số ngạch lễ sinh, chiêm hậu, lương y ở các trực tỉnh[5]. Trước đây định ngạch : Lễ sinh hiệu, mỗi tỉnh 30 người ; ty chiêm hậu và lương y mỗi tỉnh 10 người hoặc 5 người không đều nhau, đến nay định làm tỉnh lớn, lễ sinh 15 người, tỉnh vừa 12 người, chiêm hậu, lương y, tỉnh lớn 5 người, tỉnh vừa 4 người, số thừa

(1) *Thái A* : tên một thứ gươm thời cổ.
(2) *Bất đạo* : không theo lẽ phải và là một trong tội thập ác.
(3) *Đổng Hồ* : tên chức sử quan thời cổ.
(4) *Xuất các* : được phong và đi học.
(5) *Trực tỉnh* : Tả trực và Hữu trực.

trả về sổ dân, duy tỉnh Thanh Hoa có Nguyên miếu[1] ở đấy, tiết lễ rất nhiều, lễ sinh cho lấy 20 người làm hạn, tỉnh Hà Nội in và đóng quan lịch, công việc cũng nhiều, chiêm hậu cho lấy 7 người làm hạn.

Bộ Hộ tâu nói : "Vệ Nhuệ võ ở dinh Hùng nhuệ đã thuộc vào hàng ngũ tỉnh Thanh Hoa, cùng các vệ không khác, duy trước là 3, định chọn 1, mà theo lệ có trích bổ vào vệ Cẩm y, so với các hạng binh, đinh có khác. Xin phàm sai phái tạp dịch, lượng giảm cho bằng nửa các vệ, ngõ hầu là công bằng thỏa đáng. Còn như lệ hằng năm cấp quần áo thì người nào gần quê nhà, nên đình cấp ; gặp khi có tuyên triệu về Kinh thì lại cấp". Vua y lời bàn ấy.

Tập thỉnh an của Tạ Quang Cự, Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh nói : 2 đội nhất, nhị cơ An tráng và 2 đội nhất, nhị Trấn định đều là hạng lính triệu mộ và người can án phát đi làm lính dồn bổ vào, hằng năm thường phải đi đóng giữ địa đầu biên giới, xin may cấp cho quần áo, để cho oai dung quân được hùng tráng. Vua nghe theo.

Tập thỉnh an của Đặng Văn Thiêm, Tổng đốc Hà Nội, Ninh Bình tâu nói : Các xã dân biệt nạp thuế sản vật, xin chiểu vật nào khó kiếm, thì cứ theo cũ phải nộp, ngoài ra như loại vải, lụa sại nam và dầu thắp đèn, trừ bỏ hết cả, cho cùng với dân trong huyện cùng chịu đi lính và đi phu.

Vua chuẩn cho bộ Hộ bàn định, phàm các dân biệt nạp từ Hà Tĩnh trở ra Bắc đều do quan tỉnh xem xét, các xã có thổ sản và có nghề nghiệp của mình đều cho như cũ, duy không phải thổ sản hay làm nghề ấy thì tức cứ thực tâu xin bỏ ngạch, chịu đi lính.

Tập thỉnh an của Lê Văn Đức, Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên tâu nói : Giặc trốn hạt tỉnh ấy là bọn Nguyễn Văn Nhàn, Nguyễn Thiết Thạch, họp bọn, lén lút, lúc ra lúc vào, vẫn chưa trừ hết, việc bắt giặc bận hơn tỉnh khác, các lính ở Kinh đi đóng đồn, từ nay về sau có đổi phái, xin tăng đủ 2 vệ, đợi sau khi yên ổn, sẽ tỉnh giảm đi.

Vua bảo rằng : "Tỉnh ngươi, số binh khá nhiều, nếu huấn luyện có phương pháp, lấy để tuần phòng trong hạt, tự có thừa sức, lính đồn chẳng qua nhờ làm thanh thế đàn áp mà thôi, nếu phải sung làm bắt giặc thì hầu để lính tỉnh là vô dụng ư ? Bọn giặc trốn kia, lẩn trốn ở dân gian, tạm kéo dài chốc lát, chỉ bắt phủ huyện sở tại, nghiêm sức dân trong hạt, không được chứa chấp nuôi nấng, khiến cho chúng

(1) *Nguyên miếu* : thờ Triệu tổ Nguyễn Kim.

không có chỗ nương thân, và nghiêm đốc quan bắt giặc cố sức lùng bắt, tự có thể lần lượt bắt được, sao phải nhiều binh làm gì, huống chi nay đương vô sự, chỉ có 1, 2 đứa trộm cướp vặt, vội xin thêm binh, chẳng hầu là lo tính quá ư ? Vua không y lời xin ấy.

Phó lãnh binh Nam Định là Trần Đại Tựu chết. Vua cho Phan Văn Đạt, Vệ úy vệ Phấn võ, dinh Tiền phong làm Phó lãnh binh Nam Định.

Người Thổ ở thành Trấn Tây, có tên Giao, trá xưng là thần tiên, đặt ra lời yêu quái để mê hoặc dân chúng và truyền lan đến đất giặc. Vệ úy là Ốc Tâm mật cáo lên thành, phái người bắt được, đem việc ấy tâu lên. Vua sai đem giết, thưởng cho Ốc Tâm, Phi long ngân tiền hạng lớn, hạng nhỏ mỗi hạng 5 đồng, người bắt được thì 100 quan tiền.

Lính tuần phủ Hải Tây bắt được gia thuộc Nặc Ong Giun là bọn tên Ấn 3 người, ở phận biển Sâm Tấn (giáp giới với phận biển Bắc Tầm Bôn), giải đến thành xét hỏi, chúng đều nói tướng Xiêm là Phi Nhã Chất Tri, ngày tháng 11 đã về Vọng Các, để lại bọn đầu mục Xiêm là Phi Nhã Sâm Phủ Vị Lạc cùng với Nặc Ong Yểm (anh tên Giun) đóng giữ đồn Chàng Kế (tức phủ Bắc Tầm Bôn) cho tên Giun ở súc Châm Nặc (thuộc phủ Mường Côn Bồ Lai, năm trước Chất Tri chia Bắc Tầm Bôn cho tên Yểm làm An phủ, một ngả là phủ Cần Sư giáp Hải Tây ; một ngả là phủ Mường Côn Bồ Lai giáp Bang Khang), Yểm và Giun, lòng không ưa nhau, đem việc Giun định về Nam Vang tố cáo với đầu mục Xiêm là Ba Lặc Dao, chuyển báo cho Chất Tri, Giun sợ tội, cho nên lại sai bọn chúng lẻn đi tìm hỏi tin tức, người sai trước là tên Che, nhờ Mường Dao (tức Lê Văn Khoa) dẫn đến thành kêu cầu kế về và dặn là số quân hiện có của Xiêm, Lào ở Bắc Tầm Bôn chẳng qua 500 người, người Thổ xứ ấy phần nhiều oán người Xiêm ức hiếp khổ lắm, quan quân nếu muốn lấy đấy, thì có bọn Ba Lặc Đột làm nội ứng, thế rất là dễ (Ba Lặc Đột là Phó an phủ Bắc Tầm Bôn, không phục tên Yểm, mà cùng với tên Giun cùng là tâm phúc với nhau, cho nên có mưu ấy). Quan thành ấy là bọn Đoàn Văn Phú đem cả tình trạng tâu lên, và nói bọn chúng là bọn bạn thần, tên là Giun, nay từ trong bọn giặc đến, tức là do thám, nên xử tội nặng, tỏ ý cấm hẳn không cho đến.

Vua bảo rằng : "Bọn tên An đến đây, hoặc vì tên Giun chủ mưu sai khiến, hoặc vì giặc Xiêm giả làm ra thế phái đi dò thám ; trong đó thực, dối chưa thể biết được, nhưng cứ lý mà nói, túng sử tên Giun tình thực không tin, cũng không đủ cho là có hay không, huống chi triều đình làm việc chính đại quang minh, há nên dung cho bọn bội nước và anh ấy ư ? Nhưng không thèm vội, bẩn gươm giáo, hãy nghiêm

ngặt giam cấm, nếu việc tên Giun tiết lộ ra, hoặc đến nỗi cùng giết lẫn nhau, cũng là tự chúng làm lấy lo mà thôi. Rồi sau tên Giun quả nhiên bị tên đầu mục nước Xiêm tố cáo ra, bắt đưa đến Vọng Các.

Thanh tra các hạt Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng ở Bắc Kỳ (Hà Nội của kho Nhà nước nhiều hơn, phái riêng 1 viên kiêm hạt Ninh Bình theo lệ trước, vẫn thuộc về Thanh Hoa).

Vua sai Bùi Quỹ, thự Tả thị lang bộ Hình ; Hoàng Tế Mỹ, Án sát Hải Dương ; Ngô Kim Lân, Biện lý bộ Công ; Nguyễn Trung Nghĩa, quyền biện Lại bộ ; Nguyễn Nhược Sơn, thự Bố chính Thanh Hoa ; Vũ Đức Quyền, Án sát Thái Nguyên, chia nhau đi trông coi, chuẩn cho chiểu lệ thường ở Nam Kỳ mà thưởng cấp, lấy khóa này làm bắt đầu :

(Các hạt : Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, công việc nhiều, phàm khóa 6 năm, đồng lý đều thưởng tiền 100 quan, khóa 3 năm đều 80 quan. Các hạt Lạng Sơn, Cao Bằng việc ít, khóa 6 năm 80 quan, khóa 3 năm 60 quan, các người theo làm việc, vẫn theo lệ trước).

Bổ thụ Đào Trí Phú làm Hữu tham tri bộ Hộ. Cho Phan Thanh Giản, thự Hữu thị lang bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần.

Bố chính Phú Yên là Tôn Thất Lương, làm quan thanh liêm, sinh kế trong nhà không đủ, phủ Tôn nhân đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : "Lương là dòng dõi nhà vua, nhắc lên làm quan, trước ở Thanh Hoa về việc bạn đồng liêu riêng nhận của lót, không dính dáng chút nào, tự đổi đi hạt khác, lại biết cẩn thận giữ được tiết liêm, túi quan trống rỗng, tiếng khen khắp cả mọi người, đáng nên nêu rõ để khuyến khích phép làm quan. Vậy thưởng trước cho Lương 100 quan tiền, đợi sau tuyên triệu khen ngợi, cất nhắc lại thưởng cho con viên ấy là Tôn Thất Điêu 100 quan tiền để giúp việc nuôi nấng được đầy đủ".

Các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Cao Bằng được mua gạo rẻ mà kho tàng vẫn chưa đầy đủ. Vua chuẩn cho quan tỉnh đều chiểu quan lại binh đinh cùng thú binh thuộc hạt, số gạo lương phải chi về tháng 12 năm nay và tháng giêng sang năm, chiết cấp bằng tiền.

Quan tỉnh Phú Yên tâu nói : "Ngạch giản binh thuộc tỉnh ấy, gián hoặc có 1 xã thôn mà phải chịu cả binh thủy, bộ, lại có chia thuộc 2, 3 đội, rất là linh tinh, xin

chiếu theo dân ở liền nhau và số binh phải chịu, đổi lại đồn làm vệ Phú Yên, thủy vệ Phú Yên, cơ Phú Yên và vệ tả Bình Định (từ 4 đến 10 gồm 7 đội) và trích chọn lính giữ kho trước đồn thành 1 đội, xin đặt làm đội Pháo thủ, đội Pháo thủ mộ trước đổi làm đội Tuần thành". Vua y cho.

Mới đặt huyện Long Khánh thuộc tỉnh Biên Hòa. Tù trưởng trại Man ở 2 đồn Long An, Phúc Khánh thuộc hạt Biên Hòa, tình nguyện đặt thành ấp làng. Vua chuẩn cho quan tỉnh xét địa thế nối liền nhau, đặt làm 5 tổng 36 xã thôn (số đinh 541 người) hợp làm 1 huyện, gọi là huyện Long Khánh, 3 sách Man Bình Thuận trước (số đinh 52 người) ở Long An, cũng lập làm 1 tổng 3 thôn, lệ thuộc vào huyện ấy, đặt 1 tri huyện, chọn người địa phương ấy sung bổ, lại lệ và tiền công nhu hết thảy theo lệ các huyện mới đặt ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng ở Bắc Kỳ (lại 1 người, thông lại 4 người, thuộc lệ 30 người, hằng năm cấp tiền công nhu 30 quan). Lại nghĩ dân Man buổi đầu chia đặt thuế thân, chuẩn cho cũng giống như người Kinh, mà đinh cho thuế Man, còn đạc điền, hoãn cho 6 năm, giản binh hoãn cho 10 năm.

Nước Thủy Xá sai sứ đến cống và đủ cả lễ mừng dâng lên. Vua ngự điện Cần Chính, cho sứ nước ấy làm lễ chiêm bái. Lại theo bộ Lễ ban cho quốc vương mới nối theo họ Vĩnh, vẫn tên là Liệt, ban cấp cho 1 đạo sắc thư và đồ thưởng, đợi sau khi lễ khánh hạ xong, giao cho sứ bộ lĩnh đem về nước.

Quận Chúa nước Chân Lạp là Ngọc Vân sai quan cung tiến lễ phẩm. Thành thần phái dẫn đến Kinh chúc mừng, đem việc ấy tâu lên.

Phiên mục ở Trấn Tây là bọn Chưởng vệ Trà Long, Mộc Tiết đến Kinh, đem ngọc quý dâng lên, vua thưởng cho có thứ bậc. (Trà Long dâng 1 con hổ ngọc, 2 con cẩm kê, được thưởng 1 đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ và 1 cái áo bằng tơ vũ màu hồng ; Cai đội là Mộc Tiết dâng nhân ngọc và lư ngọc mỗi thứ 1 viên, Suất đội Sô Môn dâng nhân ngọc 1 viên, đều được thưởng 1 đồng cát tường bát bảo kim tiền hạng nhỏ và 1 cái áo bằng tơ vũ màu lam, Thông ngôn là Trần Văn Khuể dâng nhân ngọc 1 viên được thưởng 1 đồng ngũ bảo kim tiền hạng nhỏ và cấp chung cả 100 quan tiền, 50 phương gạo). Rồi thưởng cho Trà Long mũ áo mãng bào tam phẩm ban võ, cho đứng vào bậc ở dưới tam phẩm.

Dụ rằng : "Trà Long tuy là Phiên mục Trấn Tây, nhưng từ trước đến nay vì triều đình hết sức thường lập chiến công, lại hay cai quản đốc suất được bộ lạc, dẹp yên được dân ở biên giới, các việc thích hợp, rất đáng khen ngợi, nay đến Kinh chúc thọ, trẫm coi cũng như tôi tớ ở triều đình, đặc cách ban ơn, không cho là ngoại

phiên mà phân biệt. Suất đội Mộc Tiết cũng thưởng cho áo ngũ phẩm có bổ tử, lại cho mỗi người 1 áo chống rét. (Trà Long 1 áo tay hẹp bằng nhung bông Nha Lang, cốt bông, trong lót lụa màu. Mộc Tiết 1 áo tay hẹp bằng trừu trơn màu tím, cốt bông, trong lót vải tây). Bộ Lễ nhân tâu nói : Tam phẩm trở lên theo lệ được bày hàng ở điện trước cung Từ Thọ, nay Trà Long cũng dự vào hàng ấy, sợ hoặc không thích hợp. Vua bảo rằng : "Trấn Tây nay là của ta, thì hắn cũng là thần tử của ta, còn hàng ở dưới tam phẩm, có gì là không nên, Kim Nhật Đan đời Hán không phải là người nước ngoài ư ?".

Thổ tri châu, tri huyện, huyện thừa 3 châu Na Bôn, Làng Thìn, Xương Thịnh thuộc phủ Cam Lộ tỉnh Quảng Trị ; 3 huyện Trình Cố, Sầm Nưa, Man Duy thuộc phủ Trấn Man tỉnh Thanh Hoa và 2 huyện Liêm, Khâm thuộc phủ Trấn Ninh tỉnh Nghệ An đến Kinh đều cấp cho áo có bổ tử hàm tòng thất phẩm văn giai. (Phủ, cấp cho 50 quan tiền, 10 phương gạo ; đến ngày trở về đều cấp 50 quan tiền).

Tiết thất tuần đại khánh của Hoàng thái hậu. Trước hết vua sai bộ Lễ soạn định nghi tiết tấn tôn và khánh hạ, tâu xin chung cho thi hành :

(- Hai ngày trước ngày tấn tôn, vua thân đến Thế miếu, đem việc cáo các miếu, điện Phụng Tiên, chia sai hoàng tử các công làm lễ kính cáo, trước 1 ngày phái hoàng tử công kính đệ biểu tâu đến cung Từ Thọ lạy dâng. Lại phái Tôn thất đại thần, đến cáo ở đền Hoa quốc công. Chính ngày làm lễ, phái hoàng tử, thân công 2 người bưng sách, ấn ; 2 người bưng tiếp và đại thần ban văn tuyên đọc sách, ấn đều 1 người.

- Ngày Khánh tiết, từ thượng tuần tháng ấy đến ngày Đại khánh : điện ở trước cung Từ Thọ và các sở nghi môn, lầu kết hoa, rạp kết hoa và các lầu kết hoa, rạp kết hoa ở ngoài Hoàng thành đều bày đặt màn trướng, treo đèn kết hoa, hoàng tử các công và văn võ bách quan lấy ngày 7 làm bắt đầu, đều mặc áo đẹp tới hầu ở nhà 2 bên tả hữu điện Cần Chính, nhưng mang theo áo có bổ tử, nếu tiếp được cung giám truyền Chỉ rước Từ giá đến chơi xem lầu kết hoa, rạp kết hoa nào, tức thì mặc áo có bổ tử quỳ đón ở 2 bên tả hữu trước lầu và rạp, làm lễ 1 vái rồi chia ban đứng hầu, các ca công tục nhạc cùng các người làm trò vui, đều tập hợp múa hát, diễn trò chơi. Khi Từ giá trở về, đều phải quỳ tiễn. Chức quan văn võ làm việc tại công sở cũng phải mặc áo đẹp. Công chúa, trưởng công chúa trở xuống mệnh phụ văn võ tam phẩm trở lên, cũng tự thượng tuần tháng ấy đến ngày Đại khánh, người có mũ áo thì phải đội mũ mặc áo, người không có mũ áo thì mặc áo đẹp, mỗi ngày đến cung Từ Thọ đợi hầu. Phàm khi rước Từ giá đến chơi chốn nào, đều phải quỳ đón,

quỳ tiễn ở điện trước và 2 bên tả hữu ngoài lầu kết hoa theo như nghi thức, miễn cho đi theo hầu.

- Các nha môn ở trong Kinh và tỉnh ngoài trước ngày Đại khánh 10 ngày và sau ngày chính tiết 1 ngày, tất cả là 12 ngày, cấm xử việc hình, trước ngày chính lễ 3 ngày và sau ngày chính lễ 1 ngày, tất cả 5 ngày, cấm việc sát sinh, còn 5 đêm ấy, 2 tầng đệ nhất đệ nhị lên kỳ đài và ở trên tường phía trước Kinh thành, mỗi đêm thắp 1.000 ngọn đèn lộ thiên, các nha môn quan quân và nhân dân trong ngoài thành đều treo đèn ở trước cửa, dân 6 huyện thuộc phủ Thừa Thiên, ở phía bắc đường phố dài về mặt trước Kinh thành, phải đặt bày hương án, tán lọng, hương nến đủ cả, đều hướng về phía nam ; bên án ấy có biên ghi danh hiệu xã, thôn, ấp, giáp ở huyện nào, 5 ngày ấy các thân hào kỳ lão, viên dịch đều mặc áo mũ, chiểu theo án bày quỳ từng hàng, ngoảnh mặt về phía bắc, đốt hương bái chực, không phải cung tiến sản vật theo mùa.

- Trung tuần tháng ấy, xin chỉ chọn điểm hoàng tử, thân công : 2 người tiếp, bưng hòm biểu mừng ; 12 người sung chức bưng nậm, bưng chén dâng thọ và 3 quan văn võ đại thần sung chức bưng nậm, bưng chén dâng thọ, và 2 người sung chức xem xét thức ăn của vua, 2 quan đại thần ban võ sung chức hậu hộ ; 8 viên thị vệ sung chức tiền đạo ; 2 viên thị vệ sung chức ban rượu ; 4 viên thị vệ sung chức mang giáo có cheo đuôi báo ; 4 viên khoa đạo sung chức Khởi cư chú[1].

- Các ngày 15, 20, 24 tháng ấy, vua thân đến cung Từ Thọ hầu cơm ; nữ nhạc dâng hát, hoàng tử, các công, công chúa, trưởng công chúa trở xuống, lần lượt thay ban theo hầu.

- Trước ngày Đại khánh 3 ngày, vua thân đến điện Phụng Tiên đem việc ấy lễ cáo, trước ngày Đại khánh 2 ngày, Hoàng thái hậu thân đến điện Phụng Tiên làm lễ kính cáo, trước ngày Đại khánh 1 ngày ; phái Tôn thất đại thần đến cáo ở đền Hoa quốc công. Ngày chính lễ, vua thân đến làm lễ ở cung Từ Thọ, hoàng tử, các công và ban văn từ thự tứ phẩm, ban võ từ thự tam phẩm trở lên, theo lạy ở tiền điện, còn chức quan văn võ và ủy viên các địa phương đều lạy mừng ở trước sân lầu kết hoa. Lễ xong, quan ở bộ bắt đầu dẫn đến các bề tôi ở nước phụ thuộc và các đầu mục ở nơi phiên phụ mới mở mang theo bên hữu nghi môn vào trước sân lầu kết hoa làm lễ 5 lạy chúc mừng, sau dẫn quan viên hưu trí cùng người chưa đủ phẩm phục và kỳ lão tôn thất, họ Trần ở Văn Xá[2] đến trước lầu kết hoa, viên nhân xã Văn Xá họ

(1) *Khởi cư chú* : chức quan chép sử.
(2) *Văn Xá* : nói quê ngoại nhà vua.

Lê Xuân ở Ba Nguyệt và các cử nhân hành tẩu ở 6 bộ, giám sinh ở Giám đến phía ngoài cửa tả hữu nghi môn, xếp thành 2 hàng làm lễ 5 lạy, hộ vệ bắn mừng 9 tiếng. Vua ngự về cung, bách quan đi ra. Phi tần cho đến trưởng công chúa và hoàng nữ hoàng tôn công nữ[1], thiếp của hoàng tử, các công, phụ nữ tôn thất, mệnh phụ văn võ đều mặc phẩm phục do cung giám dẫn vào sân làm lễ chúc mừng 3 lần quỳ và 6 vái. Sau ngày làm lễ 1 ngày, vua ngự điện Thái Hòa ban ân chiếu. Sau ngày làm lễ 2 ngày, vua ngự điện Cần Chính, nhận lễ triều hạ, ban yến cho hoàng tử, các công và bách quan).

Ngày Canh Dần làm lễ Tấn tôn, vua thân đem các quan đến cung Từ Thọ, dâng sách vàng, ấn vàng, dâng huy hiệu Hoàng thái hậu là Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu.

Sách văn rằng : Trộm nghe có đức tất được danh, tôn thân là đạt hiếu, thế nên danh nêu trong sách ngọc, vịnh đức tốt như thơ *Tư trai*[2], tiếng lưu ở sử son, dâng lễ trọng tại cung Trường Lạc đều là để tỏ phúc tốt mà nêu tiếng khen lớn.

Kính nghĩ Thánh mẫu Hoàng thái hậu bệ hạ, chứa phúc rộng lớn, khuôn phép nghiêm trang, giúp nghiệp đế thêm vẻ huy hoàng, dựng nền giáo hóa, dạy tuổi trẻ trong khi nối nghiệp, mở rộng lòng từ, 8 cõi đầm ấm gió hòa, 7 tuần tuổi thọ mạnh khỏe, kính gặp khánh điển, lòng vui bội phần, đức tốt lớn thay, rộng dày không thể nói được ; dựa vào cổ lễ, tôn sùng để tỏ tiếng thơm, kính đem các quan mang sách vàng, ấn vàng kính dâng huy hiệu là Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu. Cúi xin nhận tôn hiệu vẻ vang yên vui phúc lớn mãi, 9 châu vinh dưỡng, thư lòng yêu mến hằng ngày, tuổi thọ tăng thêm, xin chúc sống lâu như núi.

(Trước ngày tấn tôn 1 ngày, Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công dệ tờ biểu tâu, ngày hôm ấy Kiến An công là Đài bưng sách, Thọ Xuân công Miên Định bưng tiếp ; Định Viễn công là Bính bưng ấn, Ninh Thuận công Miên Nghi bưng tiếp, vua đều thưởng cho 1 đồng Phi long kim tiền hạng lớn và 1 tấm đoạn vũ màu đại hồng, Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh là Trương Đăng Quế, tuyên đọc sách văn ; Đông các Đại học sĩ lĩnh Trấn Tây tướng quân là Trương Minh Giảng tuyên ấn, đều thưởng cho 1 đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ và 1 tấm đoạn vũ màu đại hồng. Lại gia thưởng cho kỷ lục đều 1 thứ).

Trước khi ấy mưa rét hằng tuần, vua thân làm bài thơ tự trách mình, ngày hôm ấy, tự giờ Thìn kính duyệt sách ấn, đến lúc lễ thành, trời quang sáng ra, vua cho là

---

(1) *Công nữ :* con gái các thân công.

(2) *Tư trai :* Thơ Tư trai ở Đại nhã *Kinh Thi*, ca tụng đức tốt của Thái Nhâm sinh ra vua Văn Vương nhà Chu là thánh minh.

có điềm việc tốt, mừng lắm, giáng dụ thưởng cho từ hoàng thân công trở xuống đến văn tứ phẩm, võ tam phẩm ở Kinh trở lên, và đốc phủ, bố án về Kinh, đều thưởng gia 1 cấp, các tỉnh ngoại Kinh, văn tứ phẩm, võ tam phẩm trở lên, phàm người cách lưu thì đổi làm giáng 4 cấp lưu, người giáng 5 cấp lưu trở lên, cho được khai phục 2 cấp, người giáng 4 cấp lưu trở xuống, cho được khai phục 1 cấp.

Đình thần văn võ dâng sớ nói : Ngày nay cử hành đại lễ, chuyển mưa làm tạnh, thực là lòng chí hiếu cảm động, trời đất rộng yêu, thành khẩn xin thiết triều, nhận lễ mừng, cho thỏa lòng vui chút ít. Vua bảo rằng : "Các khanh, lòng vui mừng chân thành, đáng nên soi xét, nhưng gần đến khánh tiết, sẽ đợi sau khi lễ thành, ngự ở điện nhận lễ mừng, ban chiếu gia ân, nay nếu vội làm, chẳng cũng trùng điệp ư, bèn thôi".

Gia thưởng cho hoàng tử công, hoàng tử, thân công và các quan văn võ ở Kinh và tỉnh ngoài, Phi long kim tiền hạng lớn, hạng nhỏ và tiền đồng hạng rất lớn, có mỹ hiệu tùy theo thứ bậc.

(Hoàng tử công đến quan ở Kinh, chánh nhị phẩm trở lên và lãnh đốc, tổng đốc tới Kinh, mỗi viên một đồng Phi long kim tiền hạng lớn. Quan ở Kinh, tòng nhị phẩm đến tòng tam phẩm và tuần phủ, bố chính tới Kinh, mỗi người 1 đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ. Tứ phẩm được dự vào đình thần, án sát cùng chưởng vệ phò mã, đô úy, chánh phó vệ úy tới Kinh, mỗi người 1 đồng cát tường, bát bảo kim tiền hạng nhỏ. Quan tỉnh ngoài, đốc phủ, đề đốc, mỗi người 1 đồng Phi long kim tiền hạng lớn ; bố, án mỗi người 1 đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ ; chánh phó lãnh binh, mỗi người 1 đồng cát tường bát bảo kim tiền hạng nhỏ. Hoàng tử công, thân công, tiền đồng hạng lớn đều 20 hiệu. Quan ở Kinh, văn võ chánh tòng nhất phẩm và lĩnh tổng đốc tới Kinh, đều 15 hiệu ; văn võ chánh tòng nhị phẩm và tổng đốc tới Kinh đều 13 hiệu ; văn chánh tòng tam phẩm và tuần phủ, bố chính tới Kinh đều 10 hiệu ; văn tứ phẩm được dự đình thần và án sát tới Kinh đều 8 hiệu ; võ chánh tòng tam phẩm đều 9 hiệu ; văn võ chánh tòng tứ phẩm đều 7 hiệu ; văn chánh tòng ngũ phẩm đều 6 hiệu. Quan ở tỉnh ngoài, lĩnh tổng đốc đều 15 hiệu ; tổng đốc, tuần phủ, đề đốc đều 13 hiệu ; bố chính đều 10 hiệu ; án sát đều 7 hiệu ; chánh, phó lãnh binh đều 9 hiệu).

Lại vâng theo Từ dụ thưởng tiền cho các dân làng đặt án khấu đầu chúc mừng (ở xa thì 10 quan, xa vừa 7 quan, gần thì 5 quan).

Chuẩn định giá trị hạng tiền đồng rất lớn có mỹ hiệu (1 đồng giá tiền là 1 tiền) ; từ nay về sau có mua bán lấy đấy làm chuẩn, có thuận tình tăng giá cũng cho phép, người nào giảm bớt thì theo luật trái phép xử tội.

Sai cấp trả mũ áo cho hoàng tử thứ 7 là Miên Thẩn và thăng Tôn Thất Vĩnh làm tước Phúc Long bá.

Dụ rằng : "Ngày nay đại lễ tôn dâng huy hiệu Thánh mẫu ta khánh thành, chính nên rộng ban ơn của Thái hậu, vả lại hoàng tử thứ 7 Miên Thẩn, trước vì thân cận với trẻ ngu dại, trị nhà không nghiêm, đã phải cất bỏ mũ áo, gần đây hơi biết sợ, biết hối, gia ân chuẩn cho trả lại mũ áo, lại được dự chầu hầu, duy vẫn phạt lương hoàng tử, lại bắt các sư bảo, phụ đạo, phải gia tâm dạy bảo, cốt mong học nghiệp được tu tỉnh, tiến bộ, nếu vẫn hôn mê lười biếng như trước, không biết xét mình sửa nhà cho nghiêm thì là như thứ gỗ mục không thể chạm trổ được, tất phải trị tội. Tôn Thất Vĩnh trước can tội trái phép bất kính, phải giáng xuống tước Tử, không dự triều ban, nhưng nghĩ Hòa tĩnh Phúc Long công được thờ Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta, lặn lội vất vả, tuy không có công đánh trận, thực hay nếm trải hiểm trở, rõ rệt trung cần, nay con của công tuy không hiền, nhưng bị giáng phạt lâu rồi, đã đủ trừng giới, truy nghĩ đến người huân lao thân cận, nên đời đời được thưởng lâu dài, gia ơn cho Tôn Thất Vĩnh được tấn phong là Phúc Long bá, lại trao cho chức hàm Quản cơ và cấp cho mũ áo, thứ bậc ở dưới tứ phẩm, rồi chiểu phẩm chi lương. Từ nay phải răn sửa nhiều hơn, làm việc theo đường lối, nếu mờ tối không biết đổi lỗi, bỏ sự kiểm điểm, không giữ lễ phép, trẫm tất giữ phép trừng trị ; quyết không thể cầu được ân điển nữa. Lại sai phủ Tôn nhân tra rõ nhân viên can án ở trong Tôn thất, ai là tội lỗi tầm thường, đều đem sự việc phạm tội trước, kê rõ trình dâng đợi Chỉ.

Chỗ đê đá khuyết lở ở thành Trấn Hải có cát bồi hơn 10 trượng.

Vua nghe tin báo, mừng lắm. Dụ rằng : "Thành Trấn Hải đặt ra là để cho Kinh kỳ và bờ biển được vững mạnh. Gần đây vì mưa gió đập vỗ, đê đá phía trước thành nhiều chỗ lở khuyết ; thậm chí cách bờ hào chỉ gần 4 thước, sức người đã không làm được, đã sai quan 2 lần đến cầu khấn ở miếu Nam Hải long vương chưa được ứng nghiệm, nay đại lễ khánh thành, bỗng nghe được ngay cát bồi, thực là sức thần hiển linh, điềm lành ứng triệu, nên sai quan có trách nhiệm sắm sửa lễ phẩm trâu lợn, và phát hương, lụa của Nội kho, lễ tạ.

Sai Phan Huy Thực, thự Tả tham tri bộ Lễ ; Phan Bá Đạt, thự Hữu tham tri bộ Binh và Nguyễn Trọng Tân, Phủ thừa phủ Thừa Thiên chia nhau đến các miếu sở Vũ sư Đô thành hoàng, hội đồng để cầu tạnh, ngày hôm trước, sau khi lễ thành, trời lại mưa liên tiếp không thôi, cho nên lễ đảo, rồi mà mưa tạnh nắng lên. Vua mừng lắm, lập tức sai sửa lễ đến tạ, thưởng cho bọn Thực đều kỷ lục 1 thứ.

Ngày Mậu Tuất, vua rước Từ giá đến chơi lầu kết hoa ở trước Ngọ Môn, vua bỏ cả tàn lọng, thân đeo túi đựng cung tên, cưỡi ngựa dẫn đi trước, hoàng tử thân công 8 người chia đi đối hàng, cầm nghi trượng đi theo hầu. Khi Từ giá đến nơi, vua đến phía trước lầu chính, làm lễ 1 vái rồi đứng hầu, văn võ bách quan đều làm lễ 1 vái ở hai bên tả hữu trước sân rồi chia ban đứng hầu, dân chúng ở mé ngoài hàng rào cách 5, 3 trượng cũng phục xuống, cúi đầu chúc thọ. Các ca công, phường nhạc quê và các trò chơi, họp hết lại, hát múa làm vui.

(Ở trước sân cung Từ Thọ và 4 bề, 4 góc Hoàng thành có 18 tòa lầu kết hoa, rạp kết hoa, và 8 tòa cửa kết hoa, đều bao phủ bằng đoạn vũ màu hồng và vải tây hoa, bày thảm đệm, châu ngọc, đồ chơi, coi rất là đẹp. Lại lấy nhiều hình người bồi bằng giấy của nước Thanh, nước Tây mặc áo đẹp vào làm giống hình bát tiên, lại chế máy móc luân chuyển, khiến cho các thứ người giấy voi ngựa tự chạy tự động được. Ở mặt trước lầu chính, làm 3 tòa núi giả, các trò múa rối leo dây, đủ cả, sĩ phu dân chúng chơi xem lấp kín cả đường).

Hoàng thái hậu khen ngợi, vua rất vui mừng, thưởng cho hoàng tử thân công đi theo hầu mỗi người 1 tấm sa, lại thưởng cho viên coi lầu rạp cùng quan quân thuyền thợ và các người diễn trò vui, cấp kỷ và tiền có thứ bậc.

(Người trông coi đều thưởng gia 1 cấp, các người theo làm việc chia làm 3 hạng : hạng nhất thì thưởng kỷ lục 2 thứ, hạng nhì 1 thứ, hạng 3 tiền lương 1 tháng, các người làm nghề thợ khéo các địa phương giải đến chia làm 2 hạng. Hạng nhất mỗi người 10 quan tiền, hạng nhì 8 quan. Thợ ở ngạch chia làm 3 hạng : hạng nhất mỗi người 2 quan, hạng nhì 1 quan 5 tiền, hạng ba 1 quan. Các người diễn trò vui 100 quan).

Vua bảo thị thần rằng : "Hằng năm khánh tiết, trẫm đều có thơ để ghi mừng, nay thơ khánh tiết có câu : "Đều muốn một người thêm hưởng phúc, thọ từ bảy chục đến vô cùng"[1]. Từ nay về sau, khánh tiết còn nhiều, nên trích câu ấy, dùng đoạn gấm kế tiếp làm câu đối rồi treo ở trước lầu kết hoa cho được nghe xem khắp cả. Lại hỏi bọn Phạm Hữu Tâm, Hà Duy Phiên rằng : "Các sở lầu kết hoa, rạp kết hoa, sĩ phu dân chúng đến xem, có nhiều người già không ?". Viên ấy thưa rằng : "Nhiều". Vua bảo rằng : "Người già không phải giống nhau, như tuổi chỉ 50, 60 còn khá, còn 70, 80 tuổi trở lên thì thân thể suy bại, dáng đi lảo đảo, dựa gậy mà đi, nếu chen lấn ở chỗ đông người, có khi bị va chạm, sinh ra không tiện, nên sai phủ Thừa Thiên phái 10 người biền binh đặt riêng 1 chỗ hơi rộng, để cho người già xem.

---

(1) Phiên âm câu thơ chữ Hán : "Hàm nguyên nhất nhân tăng hữu khánh, tự tòng thất dật chí vô cương".

Ngày Tân Sửu làm lễ Đại khánh. Vua đem hoàng tử công, hoàng tử, hoàng tử thân công, văn võ bách quan đến cung Từ Thọ dâng tờ kim tiên và lễ phẩm chúc mừng.

(10 chi nhân sâm thượng phẩm chính bắc và 1 con nhân sâm Tây dương rất lớn có chữ "Thánh thọ diên linh"[1] ; 1 cái gậy như ý bằng ngọc trắng có chữ "Kiên trinh vĩnh cửu, cát tường phúc thọ"[2] ; 4 cái đồ chơi bằng vàng là : ứng long, tường lân, thái phượng, linh loan ; 4 cái đồ chơi bằng ngọc trắng là tiên cô, đại quả, hoa bình, xong hoa ; ít đôi chậu cảnh cành vàng lá ngọc ; 1 cái chậu bạc trổ hoa, khảm hạt ngũ sắc thành chữ "Thiên hạ thái bình" ; 1 đôi bình hoa to bằng đồ sứ nước Tây vẽ toàn hoa vàng và 100 bộ áo gấm, đoạn, sa lĩnh các màu).

Làm lễ dâng rượu thọ : (Lần thứ nhất, Kiến An công Đài bưng nậm, Diên Khánh công Tấn bưng chén. Lần thứ hai, Thường Tín công Cự bưng nậm ; An Khánh công Quang bưng chén. Lần thứ 3, Hoàng trưởng tử Trường Khánh công bưng nậm, Phú Bình công Miên An bưng chén. Tấu nhạc 5 bản nhạc : Khi rước Hoàng thái hậu lên tọa, thì tấu bản nhạc sùng khánh, dâng rượu thọ lần thứ nhất, tấu bản nhạc tập khánh, lần thứ nhì tấu bản nhạc chương khánh, lần thứ 3 tâu bản nhạc bảo khánh ; lễ xong, tâu bản nhạc thành khánh). Làm lễ xong, thưởng hoàng tử thân công và quan viên dự làm việc (Người bưng tờ hạ tiên là hoàng tử Miên Trinh, Miên Bảo, bưng nậm và chén là hoàng tử công, thân công 6 người, đều được thưởng 1 đồng cát tường bát bảo kim tiền hạng nhỏ và 1 tấm nhiễu trơn hàng nam, tuyên đọc tờ chúc mừng là Thị lang Tôn Thất Bạch kỷ lục 1 thứ). Nhạc sinh múa 8 hàng, đều thưởng cho tiền lương 1 tháng. Vâng Từ chỉ ban yến cho các phi tần, công chúa trở xuống ở tiền điện và ở tả, hữu trong lầu kết hoa. Lại phát của kho trong cung thưởng cho hoàng tử công, thân công cho đến họ ngoại, mệnh phụ cùng các chùa quán có thứ bậc.

(Hoàng tử công 4 người, tiền 2.000 quan, Kiến An công 1.000 quan, thân công 6 người 3.000 quan, công chúa 1 người và trưởng công chúa 10 người 3.300 quan, con trai con gái của vua 10.000 quan, cung nhân triều trước 600 quan, cháu trai cháu gái của vua 500 quan, con trai con gái các công 1.000 quan, quận công Thiện Khuê, công tử Thiện Chỉ 500 quan, thiếp ở phủ hoàng tử công 500 quan, thiếp ở phủ thân công 800 quan, con trai con gái công chúa, trưởng công chúa 100 quan, con trai con gái tôn thất 5.000 quan ; mệnh phụ các văn võ 3.000 quan ; xã

(1) *"Thánh thọ diên linh"* : tuổi thọ sống lâu mãi.

(2) *"Kiên trinh vĩnh cửu, cát tường phúc thọ"* : kiên trinh dài lâu, điềm tốt, phúc thọ.

Văn Xá và họ Trần 1.000 quan, xã Ba Nguyệt và họ Lê Xuân 500 quan, các chùa quán 1.640 quan. Lại 3.000 quan do phủ Thừa Thiên đặt tự điền, sắm tự khí, để giao cho họ Trần coi giữ phụng thờ. Thừa Thiên liền đặt mua được 10 mẫu 5 sào ruộng, chuẩn cho để làm tự điền 5 đời từ Hoa quốc công trở lên trở về trước, mà tha cho thuế).

Ngày Nhâm Dần, vua ngự ở điện Thái Hòa, nhận chầu mừng ; ban ân chiếu cho trong Kinh và ngoài tỉnh).

Chiếu rằng : Trẫm nghĩ đức to được thọ, mệnh trời giúp đỡ đức thuần, tích phúc cho dân, phép vua đặt lời để dạy, vì tôn quý cha mẹ mới là đạt hiếu, mà yên vui tuổi thọ thực tại lòng nhân. Kính nghĩ Thánh mẫu ta Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu, sử sách để tiếng thơm, nết tốt tựa ngọc quý, giúp hoàng khảo dựng lại cơ nghiệp, đức trinh rộng tỏ nữ nghi, khuyên tuổi trẻ nối sáng nếp xưa, phúc lành mưu để cho cháu, nhân từ ban cho dân chúng, ơn huệ thấm khắp nước nhà, mệnh ban tự trời, hưởng phúc rất lớn, đức sánh với đất, dày rộng không cùng. Sao Vụ[1] sáng tỏ nghìn thu, bóng soi biển Quế[2], tuổi tiên mừng đầy bảy chục, vui khắp thềm huyên[3], thực tổ tiên để phúc cho, khắp cả nước cùng mừng rỡ, gần khuôn mẫu tốt ; được rực rỡ nhiều, lòng hiếu noi theo, nối tiếng thơm trong phả ngọc, chín châu vinh dưỡng, đón phúc lớn ở cung tiên, thừa hoan đủ cả sang giàu, mừng chúc cho hợp tình lễ, kính chọn ngày 14 tháng này, kính cáo các miếu. Ngày 16, kính đem sách vàng, ấn vàng tôn dâng huy hiệu, phép thường dãi tỏ, khí hòa hay thêm, trời mưa chuyển hóa tạnh quang, khí lạnh bỗng hết, buổi sớm nổi bừng, sắc đẹp lễ lớn khánh thành, càng tỏ phúc trời giúp cho ; hẳn được lành mạnh thọ mãi. Nay nhân buổi sớm quý báu, bèn sửa lễ nghi long trọng, ngày 24 lễ cáo điện Phụng Tiên, ngày 27 thân đem hoàng tử, hoàng đệ, quần thần dâng tờ kim tiên, kính cẩn làm lễ khánh thọ, rộng lòng hiếu trị để ban ơn, mong hưởng thọ như Mặt Trời, Mặt Trăng mới mọc ; nhờ lượng nhân từ mà giáng phúc, hẳn thỏa lòng được đánh trống múa hát vang lừng.

Bèn giáng ân điển gồm 18 điều :

- Các hoàng tử công, hoàng tử, các công và tôn nhân, đều gia ân cho.

- Hoàng tử công, hoàng tử, các công, văn võ tự tòng ngũ phẩm trở lên và bộ, tự, viện Đô sát, thự ngũ phẩm, đều cho dự yến 1 thứ và thưởng cho có thứ bậc.

---

(1) *Sao Vụ* : thuộc địa phận nước Việt.
(2) *Biển Quế* : tức biển Nam.
(3) *Thềm huyên* : theo điển cũ, nhà huyên từ là mẹ.

- Ở Kinh và tỉnh ngoài, tự hoàng tử công, thân công trở xuống, văn từ ngũ phẩm, võ từ ngũ phẩm trở lên và đồng tri phủ, tri châu, tri huyện, huyện thừa đều thưởng gia 1 cấp. Các chức quan lớn, nhỏ ở trong Kinh hay tỉnh ngoài, như có tội lỗi, không cứ tội danh công hay tư phải giáng lưu thì đều chuẩn cho khai phục 1 cấp.

- Quan viên ở Kinh và tỉnh ngoài, nhân việc công lầm lỗi phải phạt bổng xử phân đã từng kết án, thì đều được tha cho.

- Quản vệ, quản cơ ở tỉnh ngoài, không được dự gia cấp thì đều thưởng cho tiền lương 1 tháng.

- Quan viên văn võ ở Kinh và tỉnh ngoài, trừ những viên đã được lần lượt thưởng cho và dự yến cho gia cấp, còn ở Kinh, văn lục thất phẩm, võ lục phẩm trở xuống, dự có hàm suất đội và sung thị vệ, ở tỉnh ngoài, văn lục thất phẩm và võ ngũ lục phẩm trở xuống, dự có hàm suất đội thì đều thưởng tiền lương 2 tháng, ngoài ra không cứ có bổng hay không, đều thưởng tiền và gạo 2 tháng.

- Vị nhập lưu thư lại các nha môn ở Kinh và các binh đinh thuyền thợ, đều thưởng mỗi người 1 quan tiền, nhưng đợi sang năm đều đủ cả, cho đều ban cấp.

- Giám sinh, ấm sinh học ở Giám và cử nhân, tú tài, sĩ nhân làm hành tẩu ở các bộ, đều thưởng cho tiền lương 1 tháng.

- Cha mẹ quan viên tam phẩm trở lên ở Kinh và tỉnh ngoài, trừ người phạm vào tội thập ác[1] và các tội danh không được phong tặng, còn thì đều chiếu phẩm phong tặng có thứ bậc.

Tiền gạo và các thuế lệ sản vật để thiếu tại dân, từ năm Minh Mệnh thứ 16 trở về trước, do bộ Hộ làm bản tâu lên, chước lượng tha cho.

Các tiền thuế thân, tiền đầu quan, tiền thuê hộ khẩu ở các địa phương về năm nay, đã chuẩn cho tạm hoãn 5 phần 10 thì 5 phần ấy đều được miễn.

Phủ Tây Ninh ở Gia Định, tiền thuế thân, tiền đầu quan cho chiết nạp, dầu rái, nhựa trám, đã cho tạm hoãn 5 phần 10, thì 5 thành ấy đều được miễn.

Các địa phương vay thóc công từ năm Minh Mệnh thứ 17 trở về trước, quá hạn chưa trả xong, do bộ Hộ xét rõ tâu lên đợi Chỉ rộng tha cho.

---

(1) *Thập ác* : 10 tội ác - mưu phản, mưu đại nghịch, mưu bạn, làm giặc, bất đạo, bất kính, bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, nổi loạn (tra ở *Hình luật*).

Ba tỉnh Thanh Hoa, Hà Nội, Ninh Bình, gián hoặc có điêu háo phiêu lưu tất cả 165 xã thôn, trang, ấp, phường, giáp, trại, cho chiểu từ Minh Mệnh năm thứ 17 trở về trước, tiền thóc cùng thuế lệ sản vật bỏ thiếu và thóc vay đều tha cho.

Các quân dân 80 tuổi trở lên, cấp tiền 1 quan, gạo 1 phương ; 90 tuổi trở lên, vải 1 tấm, gạo 2 phương ; 100 tuổi trở lên, lụa 1 tấm, gạo 3 phương, nhưng chiểu lệ để tâu rõ để nêu thưởng.

Biền binh ở tỉnh ngoài theo lệ không chi tiền, gạo chuẩn cho từ tháng 12 năm nay đến tháng 1 sang năm, phàm đương ban và bắt thêm làm việc quan, đều chiểu tháng thưởng cấp tiền cho đủ lệ lương.

Từ tháng 10 năm Minh Mệnh thứ 18 trở về trước, quan viên văn võ ở Kinh và tỉnh ngoài, bị tội lỗi phát đi làm việc để chuộc tội và làm lính ở các địa phương, cho đều đem bản khai họ, tên, tuổi, quê quán và tội trạng do bộ xét nghị tâu lên, đợi Chỉ ban ơn).

Than ôi ! Tuổi nhiều ban ơn nhiều, dồi dào thấm khắp, lòng tốt hợp đức tốt, vui vẻ vô cùng, tám nghìn năm là xuân, phụng dưỡng được yên lòng mãi, lễ mười năm một tiết, thần dân được nhờ ơn nhiều, báo khắp xa gần, trông nghe đều thỏa.

(Lệ trước, chiếu thư, dụ chỉ, đều viết chữ mực, đại xá, đàm ân, đều dùng ấn "Hoàng đế chi bảo", vì là khánh tiết lớn, đặc cách cho ân chiếu viết chữ son dùng ấn "Hoàng đế tôn thân chi bảo". Lễ tấn tôn xong, tờ dụ thưởng cho thần công trong ngoài được gia cấp cùng viết son. Ngày hôm ấy, Tham tri Đào Trí Phú tuyên đọc tờ biểu chúc mừng và Tham tri Hà Quyền tuyên đọc tờ chiếu, đều thưởng kỷ lục 1 thứ).

Vua duyệt xem bản đồ thứ bậc chỗ ngồi ngày ban yến, do bộ Lễ dâng lên, thấy thân công hàng ngồi ở dưới hoàng tử, bảo rằng hoàng tử tuy thân hơn thân công, nhưng lấy thứ bậc trên dưới lớn bé mà nói, thì thân công ở trên hoàng tử, mới hợp sự thể.

Ngày Quý Mão, vua ngự điện Cần Chính nhận lễ mừng : hoàng tử, các công và quần thần làm lễ dâng rượu thọ :

(Lần thứ nhất, Hoàng trưởng tử Trường Khánh công dâng rượu thọ, Thọ Xuân công Miên Định bưng nậm, Phú Bình công Miên An bưng chén.

Lần thứ hai, Kiến An công Đài dâng rượu thọ, Định Viễn công Bính bưng nậm ; Diên Khánh công Tấn bưng chén.

Lần thứ ba, Đông các Đại học sĩ Trấn Tây tướng quân là Trương Minh Giảng dâng rượu thọ, thự Tiền quân Đô thống Chưởng phủ sự là Phạm Hữu Tâm bưng nậm, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Binh là Trương Đăng Quế bưng chén.

Tấu nhạc 5 bản nhạc : khi vua ngự lên ngai báu, tấu bản nhạc bảo thành, dâng rượu thọ lần thứ nhất, tấu bản nhạc bình thành ; lần thứ hai tấu bản nhạc doãn thành ; lần thứ ba tấu bản nhạc gia thành ; lễ xong tấu bản nhạc khánh thành).

Ban yến, tự quan Kinh tứ phẩm, làm việc ở bộ, sung làm việc ở Các ; quan ngoài từ án sát trở lên ở trên điện và 2 nhà bên tả hữu, thưởng cho có thứ bậc :

(Thưởng riêng cho hoàng tử công, thân công và đại thần văn võ dâng thọ đều 1 tấm nhiễu trơn màu hoa hồng và 1 tấm đoạn vũ màu quan lục. Thưởng chung cho hoàng tử công, hoàng tử, thân công đều 1 tấm nhiễu trơn màu hoa hồng và 3 tấm đoạn vũ các màu. Quan ở Kinh và quan tỉnh ngoài, văn võ tới Kinh : chánh nhất phẩm thưởng mỗi người 2 tấm đoạn vũ các màu và 2 tấm sa dày nửa sợi, dệt con mãng xà to, mây và thủy ba ; tòng nhất phẩm đều 2 tấm đoạn vũ các màu, 1 tấm sa dày nửa sợi, dệt con mãng xà to, mây, thủy ba màu tím và 1 cuốn trừu hoa bông tròn nhị tắc màu hoa hồng ; chánh nhị phẩm đều 1 tấm đoạn vũ và 2 tấm sa dày nửa sợi, dệt con mãng xà to, mây, thủy ba cùng màu đại hồng ; tòng nhị phẩm đều 1 tấm đoạn vũ màu đại hồng, 1 tấm sa dày nửa sợi, dệt con mãng xà to, mây, thủy ba màu tím và 1 cuốn trừu hoa bông tròn nhị tắc màu hoa hồng ; chánh tam phẩm đều 1 cuốn to đoạn vũ, 1 tấm sa dày nửa sợi dệt con mãng xà to, mây, thủy ba cùng màu đại hồng và 1 cuốn trừu hoa bông tròn nhị tắc màu hoa hồng ; tòng tam phẩm đều 1 cuốn to đoạn vũ, 1 tấm sa dày có hoa nửa sợi, màu đại hồng ; tứ phẩm làm việc ở bộ, sung làm việc ở các và án sát tới Kinh, đều 1 cuốn to đoạn vũ màu đại hồng và 1 cuốn trừu hoa bông tròn nhị tắc màu hoa hồng).

Văn võ từ ngũ phẩm ở Kinh, văn giai, bộ, tự, thự viên ngoại lang, thự khoa đạo ; võ giai, tập ấm từ ngũ phẩm và ủy viên các địa phương cùng quan viên hưu trí, dự yến ở yến đường lầu Phu Văn (chánh tứ phẩm đều 1 cuốn đoạn vũ màu đại hồng và 1 tấm sa dày nửa sợi dệt dây dưa, con bướm hoa chìm nổi ; tòng tứ phẩm đều 1 cuốn đoạn vũ màu quan lục và 1 tấm sa là hàng nam hoa to màu bảo lam ; chánh tòng ngũ phẩm, ủy viên các tỉnh và cai đội, suất đội thành Trấn Tây, đều 1 cuốn nhỏ đoạn vũ màu quan lục và 1 tấm sa là hàng nam hoa to ; quan hưu trí tòng nhị phẩm, 7 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn, chánh tam phẩm 6 đồng, tòng tam phẩm

5 đồng, chánh tứ phẩm 4 đồng, tòng tứ phẩm 3 đồng, chánh tòng ngũ phẩm 2 đồng).

Các sứ bộ thuộc quốc và đầu mục nơi tân cương phiên phụ dự yến ở Xưởng tướng quân (chánh sứ nước Hỏa Xá bạc 16 lạng, phó sứ 12 lạng, người tùy tùng đều 3 lạng. Thổ tri châu, tri huyện, huyện thừa ở các phủ Cam Lộ, Trấn Man, Trấn Ninh đến Kinh, thì bạc đều 12 lạng ; thổ lại mục và hành nhân đều 2 lạng, người tùy tòng đều 1 lạng ; thổ tri châu, tri huyện, huyện thừa không dự đi chuyến ấy đều 6 lạng).

Thưởng lụa hoa cho quan tỉnh ngoài như đốc phủ, đề đốc, bố, án, lãnh binh và đạo viên binh bị, lương trừ ở Trấn Tây (tổng đốc đều 1 tấm đoạn đậu 8 sợi tơ ; thêu con mãng xà hoa bông tròn nhị tắc màu tím, 1 tấm đoạn đậu 5 sợi tơ hoa bông tròn nhị tắc màu quan lục, 2 tấm sa dày nửa sợi, dệt con mãng xà to, mây, thủy ba, một tấm nhiễu trơn màu hoa hồng ; tuần phủ, đề đốc, đều 1 tấm đoạn đậu 8 sợi tơ, hoa hồng tròn nhị tắc và 2 tấm sa dày nửa sợi, dệt con mãng xà to, mây thủy ba cùng màu thiên thanh, 1 tấm nhiễu trơn màu hoa hồng ; bố chính đều 2 tấm sa dày nửa sợi dệt con hạc, hoa bông tròn nhị tắc, thủy ba và con lân và 1 cuốn nhiễu trơn màu hoa hồng ; án sát, lãnh binh, đạo viên binh bị, lương trừ, đều 1 tấm sa dày nửa sợi, dệt dây dưa, con bướm hoa chìm nổi và 1 cuốn nhiễu trơn tơ hàng nam màu hoa hồng). Thưởng lụa hoa cho vua nước Hỏa Xá :

(Hai cây gấm Trung Quốc, 2 tấm đoạn vũ màu lam và hồng, hai tấm nhiễu màu lam và hồng, 20 tấm sa hàng nam các màu).

Thưởng lụa hoa, kim tiền cho quận chúa, huyện quân nước Chân Lạp :

(Quận chúa Ngọc Vân 3 cuốn nhỏ sa nền quế, màu hoa cà, ngọc lam, trà thanh ; 3 cuốn nhỏ sa nền vân màu hoa hồng, đậu xanh ngọc lam và cát tường, bát bảo, ngũ bảo tiểu kim tiền hạng nhỏ, mỗi hạng 2 đồng. Huyện quân Ngọc Biện, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên, mỗi người đều 3 cuốn nhỏ the mỏng, màu đỏ thẫm, trà thanh, hoa hồng và cát tường, bát bảo, ngũ bảo kim tiền hạng nhỏ mỗi thứ 1 đồng).

Thưởng lụa hoa, ngân tiền cho Phiên mục ở thành :

(Chưởng vệ, 1 cuốn to đoạn vũ màu đại hồng, 1 tấm sa dày nửa sợi, dệt dây dưa, con bướm hoa chìm nổi màu bảo lam ; vệ úy chánh tam phẩm, 1 cuốn đoạn vũ màu đại hồng, 1 tấm sa dày nửa sợi, dệt dây dưa, con bướm hoa chìm, nổi ; vệ úy tòng tam phẩm 5 người, đều 1 cuốn đoạn vũ màu đại hồng, 1 tấm sa là hàng nam hoa to màu tím. Quản cơ 7 người đều 1 cuốn nhỏ đoạn vũ màu đại hồng, 1 cuốn

nhỏ trừu hoa hàng nam màu hoa hồng ; phó quản cơ 13 người, đều 1 cuốn nhỏ đoạn vũ màu đại hồng, 1 cuốn nhỏ trừu hoa hàng nam màu cánh kiến ; cai đội 28 người, đều 1 cuốn nhỏ đoạn vũ màu đại hồng ; chánh đội trưởng 42 người đều 1 cuốn nhỏ đoạn vũ màu quan lục ; đội trưởng 5 người đều 1 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn.

Thưởng ty Lý thiện đều 100 quan ; phường vũ dật, ca nhạc sinh đều tiền gạo lương nửa tháng, các dân làng đặt án (chúc thọ) đều 20 quan. Các người ca nhạc, diễn kịch ở các nơi mới mở ở Thanh Nghệ, Bắc Kỳ, Trấn Tây, thưởng chung cả 100 quan tiền.

Sai bộ Lễ dự cỗ bàn lễ phẩm, kim ngân giấy tiền đến mồng 2 tháng sau, phái hoàng tử công 1 người đến tế ở đền hai Hoàng phi họ Hồ (tức Nhân hoàng hậu), họ Phạm, đại thần Tôn thất 1 người đến tế ở đền Triển thân ; ngày mồng 3 cho tế ở viên tẩm từ sở tôn thân có người chủ tự thì do người chủ tự, không có chủ tự thì do phủ Tôn nhân phái chức quan Tôn thất làm lễ (viên tẩm Anh Duệ thái tử ; các đền sở : Thiệu Hóa quận vương, Vĩnh Tường quận vương, Hòa tĩnh Phúc Long công, Quảng Uy công, Thái Bình công, Long Thành Thái trưởng công chúa, Phúc Lộc Thái trưởng công chúa, Từ Uyên Thái trưởng công chúa, Lộc Thành công chúa).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXXVII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 [1837], mùa đông, tháng 12.

Vua nhân lúc rỗi, duyệt xem các sở lầu kết hoa, thấy biền binh đội Loan nghi phần nhiều vắng ban, thực lâu mới đến, vua bảo rằng : "Vệ Loan giá là thân quân theo hầu, không bì như quân khác, sao dám ham chơi bỏ chức vụ đến thế, nếu không nghiêm nghị trừng trị, sao răn được kẻ khác, đều phải đánh trượng đau, còn suất đội cách xuống làm lính, Quản vệ là Tôn Thất Nghị giáng làm Chánh đội trưởng. Cho Tôn Thất Tường, thự Phó vệ úy vệ Tiền dinh Tiền phong, bổ thụ làm Phó vệ úy vệ Loan giá (Tường trước làm Vệ úy vệ Loan giá, can án phải giáng, nay được bổ).

Ban cấp các tập thơ văn vua làm cho các quan trong ngoài (Hoàng tử công, hoàng tử, thân công và các sở kiền đông cùng đình thần ban văn, các đốc phủ, bố, án tới Kinh và các trực tỉnh, thành Trấn Tây, thơ vua làm tập ba tập bốn, tập thơ tiểu bình, văn vua làm tập đầu, đều 1 bộ ; Quốc tử giám, Học chính, các địa phương, thơ vua làm tập ba, tập bốn đều 1 bộ). Sắc cho các học thần, phàm sách công cấp cho, đều cho học trò sao chép học tập, lâu ngày rách nát, không phải tội, không được bó lại gác lên.

Cho đốc phủ, bố án các tỉnh đến Kinh trở về tỉnh lỵ, Phiên liêu thành Trấn Tây và bọn thổ, châu, huyện các nơi mới mở cũng đều cho về.

Bỏ bớt 2 huyện Vĩnh Hòa, Hội Nguyên thuộc phủ Tương Dương tỉnh Nghệ An, chia đặt huyện Đông Thành làm 2 huyện Đông Thành, An Thành ; 4 huyện thuộc phủ Tương Dương, số đinh rất là ít (huyện Tương Dương số đinh 124 người ; huyện Kỳ Sơn số đinh 101 người ; huyện Vĩnh Hòa số đinh 99 người ; huyện Hội Nguyên số đinh 86 người). Huyện Đông Thành địa thế rộng xa, đinh điền gấp đôi (số đinh hơn 12.570 người, điền thổ hơn 76.430 mẫu). Theo lời bàn tâu của quan tỉnh, huyện Vĩnh Hòa hợp lại làm huyện Tương Dương, do viên phủ Tương Dương kiêm lý ; huyện Hội Nguyên hợp lại làm huyện Kỳ Sơn do viên huyện trông coi cả ; 5 tổng : Cao Xá, Lý Trai, Quan Trung, Vân Trục và Thái Xá ở huyện Đông Thành số đinh hơn 7.100 người ; điền thổ 39.316 mẫu) vẫn làm huyện Đông Thành, thuộc phủ nha Diễn Châu kiêm lý ; 5 tổng : Thái Trạch, Quan Triều, Hoàng Trường, Vạn Phần, Cự Lâm (số đinh hơn 5.470 người, điền thổ 37.115 mẫu), đặt thêm làm huyện An Thành, đặt tri huyện, huấn đạo mỗi chức 1 người, lệ thuộc vào phủ Diễn Châu thống hạt.

Sai Lê Bá Tú, thự Thị lang phủ Nội vụ ; Nguyễn Tri Phương, Lang trung ; Vũ Văn Trí, Hiệp lãnh thị vệ, chia nhau coi các hiệu thuyền Phấn bằng, Thụy long, Linh phượng đi làm việc công ở Bột Nê, Giang Lưu Ba và Hạ Châu[1]. Vua sai truyền dụ cho quản vệ thủy sư đi theo thuyền, nếu thấy phái viên có làm việc gì không công bằng, không cho phép thì tùy việc ngăn hẳn, nếu phái viên cố chấp không theo, khi xong việc công trở về, phải đem việc ấy hặc tâu, tra xét quả thực thì có thưởng, nếu một mực lặng im, chiểu luật tư tình che chở xử tội. Lại phái Thị vệ Lê Nguyên theo đi Giang Lưu Ba học tập máy móc.

Tỉnh Bình Định giá gạo rất đắt, vua dụ cho dân hạt ấy có muốn đem các vật hạng sản xuất nộp quan (như các vật cây gỗ kỳ nam, trầm hương, vải lụa, tơ sợi, dầu, mỡ) đều giảm giá gạo chiết cấp cho.

Đổi lại tuần ty ở sông, thuộc các tỉnh Nam Kỳ làm sở thuế quan, chia phái bộ, ty thu thuế. Bộ Hộ tâu nói : "Sở thuế quan các tỉnh bắt đầu đặt thêm ngạch thuế chưa định, cứ theo lời báo hằng năm thu tiền thuế đến trên dưới 100.000, thế mà người đứng thu chuyên do tỉnh phái, chưa chắc không có tệ lạm, dối, bớt xén, các sở Tuyên úy ở Định Tường, An Lạc, Đông Xuyên ở An Giang, Giang Thành ở Hà Tiên ; số tiền thuế 4 sở ấy hơi ít, vẫn cho tỉnh phái đến thu. Còn Lật Giang, Phú Mỹ tây, Bình Thuyên ở Gia Định, Phúc Châu, Phúc Lễ ở Biên Hòa ; Hùng Ngự,

(1) *Bột Nê* : tức là Bo-nê-ô thuộc Nam Dương quần đảo. *Giang Lưu Ba* tức Giacácta, kinh đô Nam Dương. *Hạ Châu* : Mã Lai.

Mậu Đăng, Mỹ Tho ở Định Tường ; Long Hồ, Thiện Mỹ, Hàm Long ở Vĩnh Long ; Chu Giang, Tân Châu, Trấn Di ở An Giang ; tất cả 14 sở, tiền thuế rất nhiều, xin phái mỗi nơi 1 viên chức ở Kinh hội đồng với phái viên của tỉnh ngồi thu, sở thuế quan ở An Mỹ thành Trấn Tây cũng như thế, phàm họ tên, thuyền buôn, thước tấc thân thuyền, cùng số tiền thuế thu được, hằng năm biên ghi, cuối tháng phải báo tỉnh, tỉnh đem số lớn, hằng tháng tư bộ. Cuối năm làm thành sổ tâu lên, do bộ xem xét chước định ngạch thuế, bắt đầu từ mồng 1 tháng giêng sang năm, sở nào hơn số địa phương thu lần trước, thì được nghị thưởng ; nếu kém hoặc thiếu, thì nghị phạt và bắt phải bồi, nơi nào dám có trưng thu, ngoài ngạch thuế, để thiệt cho người buôn, thì địa phương phải hặc, nếu thiên tư che chở sẽ bị phạt.

Vua y lời bàn ấy, sai xét nơi việc nhiều hay ít, châm chước cấp cho tiền nhu phí có thứ bậc :

(Sở quan thuế Tuyên Uy, tiền thuế 1 năm hơn 280 quan, cấp tiền nhu phí 6 quan.

Sở quan thuế Đông Xuyên, hơn 800 quan, cấp 15 quan. 2 sở quan thuế An Lạc, Giang Thành đều hơn 900 quan, cấp 15 quan.

Sở quan thuế Phúc Lễ hơn 12.200 quan, cấp 60 quan.

Sở quan thuế Lật Giang hơn 16.300 quan, cấp 80 quan.

Sở quan thuế Phú Mỹ tây hơn 13.000 quan, cấp 70 quan.

Sở quan thuế Mỹ Thu hơn 7.600 quan, cấp 45 quan.

Sở quan thuế Phúc Châu hơn 5.200 quan, cấp 35 quan.

Sở quan thuế Mậu Đăng hơn 6.800 quan, cấp 40 quan.

Sở quan thuế Long Hồ hơn 4.900 quan, cấp 30 quan.

Sở quan thuế Chu Giang hơn 4.600 quan, cấp 30 quan.

Sở quan thuế Trấn Di hơn 4.800 quan, cấp 30 quan.

Sở quan thuế An Mỹ 5.000 quan, cấp 35 quan.

Sở quan thuế Bình Thuyên hơn 1.000 quan, cấp 15 quan.

Sở quan thuế Hùng Ngự hơn 2.800 quan, cấp 25 quan.

Sở quan thuế Thiện Mỹ hơn 2.500 quan, cấp 25 quan.

Sở quan thuế Hàm Long hơn 1.900 quan, cấp 20 quan.

Sở quan thuế Tân Châu hơn 3.400 quan, cấp 25 quan).

Sai sở chính yếu làm sách *Cao Man kỷ lược*. Vua bảo Nội các rằng : "Người nước Lạp có nước đến nay hơn 1.200 năm, chưa rõ năm bắt đầu dựng nước, ngang với nước ta và nước Trung Hoa là triều đại nào, nên tra rõ thế thứ làm thành tập, để dâng lên xem. Nhân bảo thị thần rằng : Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta, lặn lội khó nhọc, trải đủ phong trần, hơn 30 năm, để có cả nước, trong đó, công thần phụ tá tưởng chẳng là ít, thế mà điều lệ truy tặng, ghi chép cũng không có mấy. Có người ngày nay trẫm còn nhớ tên, mà cũng không thấy chép, thì bị mai một ở trong hàng trận, chắc phải tất có, các viên tổng tài làm sách thực lục, nên xem khắp sách vở, hoặc tìm hỏi rộng ra, người thực có họ, tên, công trạng thì phải ghi chép hết, mới tỏ là sử thực".

Tướng quân Trấn Tây là Trương Minh Giảng vào bệ kiến xin về lỵ sở. Vua bảo ngay trước mặt rằng : Người nước Xiêm không phải là giỏi về thủy chiến, chỉ cậy có súng mà thôi, súng xung tiêu của ta, chứa ở thành ấy cũng có nhiều, tự đủ làm phòng bị, còn như hình thế dùng binh, thì ta làm chủ, mà chúng là khách, chống chọi không khó. Tướng quân nên nghĩ giữ vững bờ cõi, trẫm có thể không lo về phía tây. Giảng, lạy nhận mệnh lệnh. Đến khi lên đường, vua sai 2 viên đại thần văn võ tiến đến trường đình phía nam. Lại phái giám thành đi theo, phàm hết thảy các việc kiến thiết thành trì lỵ sở, phủ huyện và đường sá xa gần, núi sông, bằng, hiểm ở Trấn Tây đều xem xét kỹ càng, vẽ bản đồ dâng lên.

Cho Nguyễn Song Thanh, Bố chính Bình Định đổi bổ làm Tuyên phủ sứ Hải Tây (nguyên Án sát Đặng Văn Bằng trước nhân ốm chết, vẫn chưa bổ điền chức khuyết, đến nay đổi lại đặt chức Tuyên phủ sứ, đình thần cử Song Thanh sung vào).

Bộ Lại tâu nói : "Các phủ Hải Tây, Hải Đông, Sơn Định, Quảng Biên thuộc thành Trấn Tây buổi đầu chia đặt, sự thể rất quan trọng. Vậy nên đặt 3 người tri sự, tự có chức trách, xin chọn ngay ở trong 6 bộ sung bổ, còn 6 người lại mục, lấy vị nhập lưu thư lại thuộc thành ấy làm nổi việc sung vào ; 34 người thư lại, thì đến nơi ấy chọn lấy các ty lại các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang sung vào, cho người và nơi làm việc cùng hợp.

Vua y lời tâu ấy. Lại nghĩ phủ Ba Xuyên, người Kinh người Thổ ở lẫn lộn, công việc cũng nhiều ; chuẩn cho đặt nha lại ở phủ để sung làm việc (lại mục 1 người, vị nhập lưu thư lại 5 người).

Cho Đoàn Văn Sách, Phó lãnh binh Hưng Hóa làm Phó lãnh binh Hải Đông ; Trần Văn Tuấn, Phó vệ úy vệ Hữu dinh Hùng nhuệ làm Phó lãnh binh Hưng Hóa ; Phạm Văn Sĩ, Chánh đội trưởng suất đội vệ Hữu bảo làm Phòng thủ úy Quảng Biên.

Bắt đầu đóng 5 chiếc thuyền Hải vận, sai thự Chưởng vệ là Đoàn Kim trông coi việc ấy.

Định lệ kiểm xét lau chùi ấn báu. Dụ rằng : ấn báu là đồ quan trọng của Nhà nước, từ trước đến nay tôn trọng cất ở điện Trung Hòa, về việc nên dùng ấn báu nào thì tâu lên xin Chỉ, do cung giám mang ra để dùng, còn thì đại thần ở ngoại đình, ít khi trông thấy, tuy điện Trung Hòa là nơi trẫm ở sớm tối, quyết không phải hạn chế bất ngờ, nhưng đồ vật rất quan trọng, cũng không nên chỉ có đàn bà và hoạn quan dự biết, không phải là phép hay có thể truyền bảo muôn năm. Nay định bắt đầu từ năm nay, ngày phong ấn, thái giám bưng các hòm ấn báu và kim sách, kim bài, phù tín đến trên án chính giữa điện Cần Chính. Nội các trước hết kê khai danh sách các hoàng tử đã được phong và các viên đại thần văn võ nhất phẩm cùng là Cơ mật, Nội các đợi trẫm khuyên điểm. Đến ngày hôm ấy, đội mũ mặc áo, xem xét lau chùi các thứ việc làm, xong niêm phong khóa lại cẩn mật, lại do thái giám bưng lên, tôn kính cất đi, chuẩn cho tập hợp làm thanh sách 1 lần, để về sau làm định lệ, nếu có tình tiết gì khác, phải tâu ngay trước mặt để phòng sự che lấp, từ nay phải theo lệnh giữ phép mà làm, để tỏ phép hay vô cùng.

Đến khi bản thanh sách tâu lên, vua bảo rằng : ấn truyền quốc là để truyền muôn đời, chỉ có vua nối ngôi lập nên, mới được mở xem, từ nay về sau, đến ngày phong ấn, chỉ chiếu sách ấn chép ở trong sổ, mở hòm kiểm nhận lau chùi, còn như ấn truyền quốc, phen này đã qua tay trẫm viết chữ niêm phong ghi dấu, lần sau chỉ phải kiểm nhận chữ vua viết niêm phong để tỏ là thận trọng mà thôi.

Chuẩn định các trạm ven đường từ Kinh trở ra Bắc đến Quảng Bình, trở vào Nam đến các tỉnh ở Nam Kỳ, và các dân sở tại có người xin lĩnh các đồ vật của công như súng điểu sang, súng thần công và thuốc đạn để săn bắn thú rừng thì đều cho chước lượng cấp phát, rồi chiểu theo số bắt được, thưởng cấp có thứ bậc :

(Như bắt được voi đực thì nộp ngà, mỗi hạng lớn 1 đôi 50 cân trở lên thưởng tiền 30 quan ; hạng vừa 1 đôi 40 cân trở lên, thưởng 15 quan ; hạng nhỏ 1 đôi từ 20, 30 cân trở lên, thưởng 10 quan. Bắt được con tê thì nộp sừng, mỗi người 1 chiếc dài trên dưới 3 tấc, thưởng tiền 5 quan ; 5 tấc đến 7 tấc trở lên, thưởng 10 quan. Bắt được con bò tót thì nộp sừng, mỗi 1 đôi thưởng 5 quan. Bắt được con hổ thì nộp đuôi, mỗi đuôi thưởng 10 quan. Phàm bắn được, không kể nhiều ít, thuốc đạn chi ra đều đến cuối năm khai vào sổ tiêu).

Hiệp lĩnh thị vệ là Vũ Huy Dụng nhận việc công lên núi, nghe nói hổ hại trâu cày ruộng, tâu xin phái thêm quân lính đến vây. Dụng bắn trước giết được 1 con hổ ; quan quân nhân thế liền giết chết 3 con nữa.

Vua khen rằng : Dụng tuy không khỏe như Biện Trang[1], nhưng có việc làm như Biện Trang mới thưởng gia 1 cấp, còn quan quân hợp sức bắt, thưởng cho kim tiền, ngân tiền, có thứ bậc.

Lại khoa Cấp sự trung là Nguyễn Tự, thự Ngự sử đạo Hải An là Nguyễn Văn Thịnh dâng sớ nói : Bậc vương giả làm khánh hạ ban ân, khắp cả bề tôi, lại ban ơn đến cả cha mẹ người ấy, là vì ơn mưa móc giáng xuống thấm nhuần từ lá đến gốc, khuyên người làm con phải hiếu, cũng khuyên người làm cha mẹ phải hiền, có quan hệ đến giáo hóa ở đời rất lớn. Năm nay kính gặp khánh tiết ban ơn, phàm cha mẹ, quan tam phẩm trở lên ở Kinh và tỉnh ngoài, đều được chiếu phẩm phong tặng, còn đến cha mẹ quan, tứ, ngũ phẩm trở xuống, chưa được dự vào lệ phong tặng, xét trong phép nhà Thanh điển lệ phong tặng, từ nhất phẩm đến lục phẩm, mà lấy ba đời, hai đời, một đời làm thứ bậc, cũng xem xét phẩm trật của người ấy để cho cha mẹ của người ấy được vinh hiển, vốn không hiềm là rộng. Xin theo đó châm chước quan tứ ngũ phẩm, cũng đều chiếu phẩm phong tặng, cho người làm cha, người làm con trong nước không ai là không càng cố gắng và càng khích lệ để được hưởng phúc vô cùng.

Vua sai bộ Lễ bàn, cho là bậc vương giả ban ơn, thực là đạo hậu, mà thể cách ban ơn của triều đình, nên phải châm chước cho thích hợp, bảo chiếu ban ân năm nay, so với ân điển đại khánh của vua, sự thể hơi khác, 10 năm 1 tiết, điển lễ rất nhiều, người làm tôi con, chỉ nên một mực hiếu trung, thì cha mẹ hiển vinh nổi tiếng sẽ không chỉ ở ngày nay, về việc xin gia ơn phong tặng và dẫn dùng hai đời, ba đời, xin đợi thứ sau, do đặc ân ban ra, mới có thể tỏ là cách rộng.

Vua bảo rằng : "Lời bàn của Bộ là phải. Lại nghĩ quan văn võ nhất phẩm là chân tay giường cột, làm đại thần trong nước không ví như chức quan giúp việc, thì ông bà, chuẩn cho đều phong tặng, các trực tỉnh ở ngoài, án sát tuy là quan tứ phẩm, nhưng giữ việc hình 1 tỉnh, giữ chức rất to, cha mẹ sinh ra, cũng chuẩn cho phong tặng, nên bàn thi hành".

Bộ thần tâu nói : "Lệ trước phong tặng cha mẹ quan viên, đều chiểu phẩm hàm của con, kém đi 2 bậc, nay ông bà quan nhất phẩm được tặng hàm, nghĩ nên theo thứ tự giảm kém cha mẹ sinh ra 2 bậc, ngõ hầu hợp nghĩa gần xa. Về chánh nhất phẩm, ban văn, ông xin tặng hàm thiêm sự phủ thiêm sự ; chánh nhất phẩm ban võ, ông tặng làm vệ úy quân Cấm binh, hàm chánh tam phẩm ; tòng nhất phẩm ban văn, ông tặng làm Thái bộc Tự khanh ; tòng nhất phẩm ban võ, ông tặng làm Phó vệ

(1) *Biện Trang* : làm quan đại phu nước Lỗ, có sức khỏe, đâm 1 lần được 2 con hổ.

úy quân Cấm binh, hàm tòng tam phẩm ; bà đều tặng làm Thục nhân. Thực thụ án sát trật chánh tứ phẩm, thì người cha phong tặng làm làm Hàn lâm viện Thị độc hàm chánh ngũ phẩm ; thự án sát trật tòng tứ phẩm thì người cha phong tặng làm Hàn lâm viện Thị giảng, hàm tòng ngũ phẩm, người mẹ đều phong tặng làm Nghi nhân. Duy có thự án sát trật chánh ngũ phẩm thì phẩm trật xem ra thấp, chưa dám khinh suất bàn đến. Lại chiểu theo lệ trước thì hiện nay ở Kinh và tỉnh ngoài, thự hàm tam phẩm cùng chánh tứ phẩm làm việc ở bộ, tòng tứ phẩm sung làm việc Các, cho đến chánh tứ phẩm như thiếu khanh, lang trung, phủ thừa phủ Thừa Thiên, các đạo viên lương trừ binh bị thành Trấn Tây, đều chưa được dự, xin đợi Chỉ một thể".

Vua bảo rằng : "Triều đình tuy có phẩm trật nhất định, nhưng chức thưởng cũng có khinh, trọng không giống nhau, cần phải coi đó làm thứ bậc, mới rõ thỏa đáng, xét ra các viên tam phẩm thự hàm, đều hiện làm việc bản chức tam phẩm ; các viên biện lý, sung biện, cũng là chuyên làm công việc 1 nha, chức ấy hơi trọng, nay chuẩn cho : phàm tứ phẩm, thự tam phẩm ở Kinh và tỉnh ngoài, và người biện lý bộ vụ, sung biện các vụ ở Kinh, thì không cứ là phẩm hàm gì, đều được cùng như các viên tam phẩm, được chiểu phẩm hàm phong tặng cha mẹ ; phủ thừa phủ Thừa Thiên, so với án sát các trực tỉnh không khác, cũng chuẩn cho cùng như lệ án sát, còn như thự án sát chánh ngũ phẩm thì nguyên trật hơi thấp, và lang trung thiếu khanh ở bộ, tự cùng các đạo viên Trấn Tây, tuy là tứ phẩm, nhưng vẫn làm việc thuộc bộ, thuộc thành, đâu được bàn phiếm".

Tổng đốc Thanh Hoa là Phạm Văn Điển tâu nói : "Biền binh 2 đội Thiên thiện đóng giữ ở hạt huyện Quảng Địa, trước đã chuẩn cấp cho ngưu canh điền khí để khai khẩn ruộng hoang, nay đã đủ 3 năm, phái khám hiện được hơn 60 mẫu, trong đó người mạnh khỏe có thể cày cấy được là 24 người, thóc mùa gặt xong đủ giúp lương ăn, xin đình lệ cấp lương, còn phái đi làm việc bắt giặc, bị ốm 10 người, mới dồn vào 3 người, chưa thể khai khẩn cày cấy được, xin vẫn chi cấp như cũ, đợi sau khi khai khẩn được đất hoang, có thể tự nuôi đủ, lại chiểu lệ đình cấp". Vua y cho.

Người Man nước Nam Chưởng hơn 1.000 người lấn cướp 2 động Tiên Phong, Phong Thanh thuộc châu Ninh Biên tỉnh Hưng Hóa, thổ dân sợ hãi chạy đi, quan tỉnh nghe báo, lập tức phái biền binh bắt điệu thổ dõng các châu tùy cơ cùng hợp lại đánh bắt, đem việc ấy tâu lên.

Vua dụ rằng : "Tiểu Man ngu dại ở Nam Chưởng, trước thường cướp bóc ở địa đầu nơi biên viễn, khi nghe biết quan quân tiến đánh, liền chạy trốn ngay vào rừng sâu, nay bèn dám lẻn đến, chắc chúng chẳng qua lại dở trò như năm trước mà thôi,

nhưng việc phòng giữ nơi biên giới, cũng không nên sơ khoáng, chuẩn cho phái thêm một viên quản cơ đắc lực, lĩnh đem 1, 2 trăm biền binh đến ngay đồn Ninh Biên, tìm phương pháp đánh bắt, hoặc chia quân mai phục ở đường quan yếu, dụ chúng đến mà đánh úp, hoặc do bất ngờ, nhân ban đêm đánh úp, cốt đem bọn chúng đánh ác liệt một phen, cho không dám lại đến làm hại dân ở biên giới, quân tỉnh phái đi, đến địa đầu châu Ninh Biên, người Man nghe tin, tức thì kéo đi, lại rút quân về.

Chủ thủ kho ở Kinh có Lê Công Tín thất cổ chết. Hình khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Ngô Văn Địch tâu nói : "Trước thấy Công Tín có nói : bộ Hộ phái người, không công bằng, phàm người ngu độn, khôn khéo luồn lọt, thì phái sung vào Thương trường, đến khi đủ hạn, lại không thăng chuyển, lại làm chủ thủ, không tránh khỏi sự bớt xén, cùng làm việc với chúng, tội tất lây đến mình. Cứ theo như thế, thì duyên cớ Công Tín tử tận, tưởng do sự uất ức không hứng thú". Vua bảo rằng : "Bộ trưởng đem lòng xem xét tư vị, hoặc có thể có, còn như bảo là phái người ngu độn sung vào, thì gần đây chủ thủ hoặc có ngầm bán thóc gạo, hoặc tự tiện thay đổi giấy tờ, đã gọi là ngu độn mà lại làm được như thế ư ? Và Công Tín quả là biết người cùng làm việc có tình riêng bớt xén giả mạo, tức thì phát giác tâu lên, lại sao không được, đương lúc đức vua sáng khắp như Mặt Trời, dẫu nơi hẻo lánh xa xôi, có kẻ oan khuất, đều được đánh trống đến kêu, huống chi ngay ở kinh sư, há không kêu được, bèn sợ liên lụy, mà phải coi nhẹ đời sống ư ? Lời viên cấp sự nói, chưa đủ hết lẽ, vả lại án ấy đã giao bộ Hình biên xét, chuẩn cho phải hết lòng xét hỏi, cần được thực tình. Lại từ nay phàm sung bổ chức chủ thủ ở Thương trường, như có cần cù làm được việc, chuẩn cho viên giám lâm xét thực, tâu xin cất nhắc, đủ hạn 6 năm, do bộ Hộ giữ mực công bằng sát hạch, bàn khen, bàn thưởng, khiến cho khỏi phải một mình tùi ngùi, và bộ Hộ từ nay có chọn bổ chức chủ thủ, phải tẩy bỏ sự nể nang cho lòng người phục, nếu không công bằng ngay thẳng, để ý yêu ghét, việc phát giác ra, tất giao nghị xử không tha.

Đến khi bộ Hình đem vụ án dâng lên, sự chết của Tín là gia đình khổ bách, tự tìm phẫn khích mà tự hại. Thương trường và bộ Hộ đều được miễn nghị.

Bộ Binh phát chiếu văn cho thuộc biền ở Gia Định, có chỗ viết nhầm, nộp trả lại thì chuyên tào là Lang trung Đoàn Tụ, Tư vụ Trần Vinh, sợ tội giấu đi không trình đường quan, tỉnh ấy đã có 3 lần tư hỏi, chưa thấy cấp lại, bèn đem việc tâu lên. Vua lấy làm lạ bảo rằng : "Triều đình đặt quan, chia tào, định cục, lớn, nhỏ cùng ràng buộc nhau, như thân mình sử dụng cánh tay, cánh tay sử dụng ngón tay, không

thể không phải theo, nếu ty viên mà có thể dối được đường quan cũng như đường quan mà dám có dối triều đình, nay thuộc ty bộ Binh, thông đồng che giấu 1 năm nay, đường quan không người nào biết mà phát giác thì ngoài việc ấy còn nói sao được, mầm mống ấy thực không thể để cho thêm lên được, giao xuống bộ Hình nghị xử, Vinh phải tội lưu, Tụ phải tội đồ ; bọn đường quan Trương Đăng Quế vì sơ suất phải giáng chức, bèn chuẩn cho bộ Binh, viện Đô sát bàn định điều lệ chuyên ty tiếp nhận ở các nha để thi hành. (Mỗi nha chọn 1 viên ngoại lang hoặc chủ sự, 1 bát cửu phẩm thư lại, 4 vị nhập lưu thư lại, đặt làm ấn tào, phàm các tào trong nha giao bản thảo sớ văn có đủ tự tích đường quan, đem ngay bản tinh tả đóng triện vào, còn ty thông chính đệ giao chương sớ, công văn các nơi, cùng là việc công văn các nha ở Kinh đệ đến, chuyên do ấn tào tiếp nhận trình đường quan cho chữ chiểu giao các tào nhận lấy làm việc, theo ngày ghi chép vào sổ, trừ sớ sách các nơi, riêng do ty thông chính xét xong bỏ đi, còn công văn cái nào chỉ để lưu chiểu và đưa đến làm xong ngay thì theo từng khoản vòng bỏ đi, các viện chưa thể làm xong được, thì do chuyên tào xin gia hạn đến cuối tháng đem suốt cả số bản tờ nhận giao đã làm xong hay chưa làm xong làm bản trình đường quan phê làm bằng để lưu chiểu, nếu quá hạn thì đem ra hặc tội trừng trị).

Bộ Công tâu nói : Các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh từ trước đến nay, bắt giải thợ làm việc đến Kinh, phần nhiều đem những người vụng về gầy yếu để phái đi, xin định lệ xử phân để khuyên răn :

(Phàm bắt giải thợ mộc thợ cưa, thợ đóng thuyền, do tỉnh sức cho phủ huyện, tổng lý chọn lấy người làm khéo, khỏe mạnh, khi đến làm, viên đốc công xét lại, chia làm 10 phần, nếu xét ra thợ vụng yếu 1 phần thì tổng lý bị tội trượng 60 trượng, mỗi một phần thêm 1 bậc, nhưng tội chỉ đến trượng 100 và đồ 3 năm là cùng, phủ huyện và quan tỉnh sơ suất không xem xét, do bộ hặc xét, nếu tượng mục giải thợ tư tình cho thay đổi thì phải tội theo tội tổng lý, ăn tiền của thợ cùng là trốn, thì tùy theo số người kết tội, một người thì trượng 70, mỗi một người thêm 1 bậc ; nhưng tội chỉ trượng 100, lưu 3.000 dặm là cùng, số tiền nhiều thì chiểu luật "trái phép" nghĩ xử, người cùng phái, biết tình hình không phát giác cũng phải tội như thế, không biết tình hình được giảm 3 bậc). Vua y lời tâu.

Cho Lê Đăng Doanh, Bố chính Quảng Trị, Hộ lý tuần phủ Trị - Bình, làm Tả phó đô ngự sử viện Đô sát, kiêm quản ty Thông chính.

Giáng Nguyễn Văn Nhị, Phó sứ ty Thông chính biện lý bộ Hình làm Án sát Sơn Tây. Nhị học vấn hẹp hòi, kiến thức tầm thường, cho nên bị giáng. Án sát

Sơn Tây trước là Phạm Lương Phú, chuẩn cho bệnh khỏi tới Kinh đợi Chỉ. Phạm Huy Diệu vẫn ở Thương trường cung chức. Lương Phú sau chết.

Lại cho Hà Thúc Lương, Tuần phủ Lạng - Bình làm Tuần phủ Hưng Yên ; Trần Ngọc Giao, thự Bố chính Hưng Yên, đổi làm thự Bố chính Lạng Sơn, Hộ lý ấn Lạng - Bình tuần phủ quan phòng. Vua cho là Hưng Yên có việc bồi đắp đê điều, Thúc Lương cai trị nơi ấy đã lâu, được am hiểu cả, cho nên đổi bổ đến đấy.

Tổng đốc Hải - An là Nguyễn Công Trứ tâu nói : "Việc ngăn giữ nước sông, thần ngày đêm tính nghĩ, không dám theo ý một mình, phàm gặp hương thân, kỳ lão, người hơi biết lẽ phải thì liền hỏi, đều nói : Một dải sông Nhị Hà phải chứa 100 dòng sông mà chảy rót xuống cửa biển tỉnh Nam Định, nay từ huyện Tiền Hải trở ra, bãi sông ngày càng bồi, cửa biển ngày càng nông mà các sông Hát Môn, Nhật Đức, Nguyệt Đức, Thiên Đức ở thượng nguồn chia từng ngả chảy xuống, nhiều chỗ đã bị lấp, năm mới rồi, nước lũ lên to, không phải là hơn mức thường, thế mà nước sông tiêu tiết, không được nhanh lắm, nên phải ứ đọng lại, xét kỹ lời ấy, xét rõ tình hình, thì các dòng sông ở Bắc Ninh đều qua Hải Dương, rồi sau chảy đến biển, sông Hàm Giang là sông lớn thuộc hạt ấy, từ trước đến nay, kỳ nước lũ mùa hạ, nước sa không đến, nước thủy triều vẫn lên xuống như thường, thượng lưu bị úng tắc không thông suốt được đã rõ ràng. Nay cửa biển đã không khai đào được, chỉ có chia dòng nước chảy như sông Hát Môn, thông đến Ninh Bình ; sông Nhật Đức, Nguyệt Đức, Thiên Đức thông đến Hải Dương, nếu không khơi thông sớm, thì lối nước chảy cũ ngày càng ngăn lấp, nước lũ hằng năm càng ứ thêm bội, một con đê cũ, sợ cũng chống giữ không nổi. Vả lại sông Cửu An là lợi hại của 11 huyện, mà sông Nhị Hà là lợi hại của 6 tỉnh, thực không thể không trù liệu sớm.

Vua sai bộ Công bàn lại : cho làm Ninh Bình tiếp giáp Hà Nội, các nước sông Hát Giang và 2 phái sông Châu Giang cùng với 3 phái dòng sông đầu nguồn, chảy qua Hà Nội đều chảy rót vào phận sông hạt tỉnh ấy, mỗi khi đến kỳ nước lên, lúa ruộng đã không tránh khỏi ngập mất, nay nếu lại khơi thông sông Hát Giang hơn nữa, thực sở nước ở thượng lưu chưa chắc tiêu được, mà thế nước càng thêm chảy mạnh, há chẳng lại làm hại cho dân 1 phương ấy ư ? Duy dòng nước chảy các sông Nhật Đức, Thiên Đức, Nguyệt Đức, nhiều chỗ bồi lấp, đến kỳ nước lụt đầy dẫy, chảy đi không nhanh, nay ở chỗ bồi lấp, tùy đoạn mà khơi đào, khiến cho nước ở thượng lưu thông xuống Hải Dương, chuyển ra đến biển, cũng là có lý, xin sai quan tỉnh Bắc Ninh khám đích xác, trù tính kỹ tâu lên, vua y cho.

Quyền lĩnh Tổng đốc là Tôn Thất Bật tâu nói : Thượng lưu dải sông Nhật Đức, nguyên từ Thái Nguyên với sông Nhị Hà vốn không liên quan nhau, duy sông

Thiên Đức, Nguyệt Đức họp phái với sông Nhị Hà cửa sông Thiên Đức, lối nước chảy bồi lấp gần thành bình địa (dài hơn 1.160 trượng). Phía ngoài cửa sông ấy, tiếp giáp sông Nhị Hà lại có đất bãi Tàm Xa, bồi nổi lên ở giữa sông đã trải lâu năm, năm trước mấy lần khơi thông, lối nước chảy cũ, vừa khơi ra, lại tắc liền, rút cục cũng không thể chảy mạnh, nghĩ nên ở chỗ cửa sông ấy, đào một đoạn mới, tiếp với sông cũ, còn đoạn nào nông hẹp thì khơi cho sâu rộng ra, đoạn nào uốn cong thì sắn cho thẳng, dài suốt hơn 5.000 trượng (chỗ cửa sông đào từ bờ sông 2 xã Phương Trạch, Ngọc Giang thẳng đến dòng sông cũ xã Du Lâm dài hơn 2.200 trượng, quãng hạ lưu nông hẹp, nên khai sâu và rộng thêm, tự xã An Thường đến xã Phù Ninh dài 1.100 trượng, quãng sông uốn cong, phải sắn thẳng 2 đoạn, một đoạn từ xã Phù Ninh đến xã Thịnh Lân, dài hơn 1.400 trượng ; một đoạn từ xã Cổ Thiết đến xã Lập Ái, dài hơn 400 trượng, số tiền phải chi đến hơn 342.000 quan). Lại ở hai bên bờ, đắp thêm đê giữ nước mới giữ được không ngại.

Còn như sông Nguyệt Đức phát nguyên từ bãi Trung Hà, huyện An Lạc tỉnh Sơn Tây, chảy đến huyện An Lãng, dọc theo các huyện Kim Hoa, Thiên Phúc, Hiệp Hòa, Yên Phong, Việt Yên, Võ Giàng, Quế Dương tỉnh Bắc Ninh, chuyển ra Hải Dương để xuống đến biển, từ trước, hai bên nguyên có đê cũ, còn cửa sông bị đất cát bồi lấp dài hơn 400 trượng, dòng sông ở hạ lưu hãy còn sâu rộng, nếu nay khai đào cửa sông ấy, thì làm việc hơi dễ, mà nước ở thượng lưu sông Nhị Hà cũng có thể giảm bớt được.

Vua bảo rằng : "Việc phòng giữ nước sông ở Bắc Kỳ, trẫm chưa từng một đêm nào là không để bụng, nay thực có thể khai thông thế nước, để cho đê điều bền vững, đời sống của dân được yên ổn lâu dài, dẫu phải tốn trăm vạn, không tính kể đến, nhưng khai đào một phen, quan hệ đến sự lợi hại, không phải là nhỏ, tất phải cân nhắc tính kỹ mới tiện cử hành. Vả lại xét trong bản đồ trong hạt Bắc Ninh thì dòng lớn sông Nhị Hà, do sông Thiên Đức chảy ra sông Lục Đầu, thế nước hơi gần ; mà do sông Nguyệt Đức chảy ra sông Lục Đầu, thì thế nước hơi xa, thế mà tập tâu ấy trình bày, sông Thiên Đức bị lấp đã lâu, phải khơi đào khai sắn đến hơn 5.000 trượng, công trình trọng đại nhường nào, mà sông Nguyệt Đức phải khai đào chỉ có 400 trượng, làm việc hơi dễ, cứ tình hình thực tại, rất khó tính xa, nhưng trong đó tính toán sự lý phải làm chỗ dễ trước mà chỗ khó sau, thì dòng sông Thiên Đức hãy tạm đình chỉ. Rồi phái Hình khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Văn Địch đi ngựa trạm đến Sơn Tây cùng với đốc thần Lê Văn Đức xét các đoạn bồi lấp ở sông Nguyệt Đức, khám đích xác, tính kỹ càng tâu lên".

Đến khi cùng ký tên, dâng sớ nói : Các đoạn bồi lấp từ trên mặt nước ở bờ sông đến mặt đất cao 1 trượng 3 thước, đến nay khai đào, không những làm việc rất khó, mà vào kỳ nước lên, thì đất sa ở bờ sông, tất sẽ theo nước sụt lở, rồi lại bồi lấp ; ví thử có tiểu tiết được nước ở sông lớn, rút cục cũng không được mấy, huống chi khi đã khai đào thì sông ấy cùng sông Nhị Hà, hai sông tụ hội với nhau, thì đồng ruộng các huyện An Lãng, An Lạc, Thiên Phúc, một dải ven sông, lấy gì chống lụt.

Vua bảo rằng : "Cứ tình hình ấy, không những không lợi mà lại có hại, việc ấy bèn thôi".

Quan tỉnh Cao Bằng tâu nói : "Hai tổng Hà Quảng, Thông Nông, huyện Thạch Lâm thuộc hạt ấy, số đinh điền tuy không nhiều, nhưng rừng núi rộng rãi, đường đi nhiều ngả, xin chiểu theo đường đất xa gần, chia làm 4 tổng (Hà Quảng, Quảng Trù, Thông Nông, Lương Năng), mỗi tổng đặt một cai tổng để thừa hành công việc dễ được chu đáo. Lại dân hạt ấy người Thổ và người Nùng ở lẫn với nhau, lời nói không giống nhau, người biết tiếng Kinh thì ít, từ trước đến nay, nói giảng các điều răn bảo, người nghe chỗ hiểu, chỗ không. Xin nên theo tiếng dễ hiểu, dịch ra tiếng Thổ, giao cho các xã thôn mỗi thôn 1 bản, để cho truyền tập với nhau". Vua y cho.

Dồn lại quân hiệu lẻ tẻ ở Kinh và tỉnh ngoài. Bộ Binh bàn tâu : cho là triều đình đặt ra việc binh có quân, dinh, cơ vệ cai quản lẫn nhau, lại định làm thân binh, cấm binh, tinh binh, danh hiệu đều phân biệt, thì việc binh đã rõ ràng và đầy đủ, duy trong đó các hạng lẻ thừa còn có người lính cũ lưu ở ngạch, lại có người xã dân toàn trừ, có người là dân ngoại tịch chiêu mộ, có người là tù phạm dồn bổ, hoặc không thành đội ngũ, hoặc tên gọi chưa xứng đáng ; xin đều định lại dồn bổ, cho danh hiệu được chính. Vua y lời bàn ấy.

(Phủ Thừa Thiên : Đội tể sinh đổi làm ty tể sinh ; nguyên trước suất đội và ngoại ủy đội trưởng, đổi làm ty trưởng, trật tòng thất phẩm ; thứ ty trưởng trật tòng bát phẩm, binh đinh gọi là tể phu. Lính trạm ở Kinh, và các tỉnh đổi làm phu trạm, nguyên trước đội trưởng, đổi làm dịch thừa, vẫn trật tòng thất phẩm ; thứ đội trưởng đổi làm dịch mục, vẫn trật chánh bát phẩm. Ở Khánh Hòa, binh đội An Lâm 3 người, trước thuộc nguyên Đồng Hương, nay đổi làm binh đồn Đồng Hương ; binh đội Bình Lâm 11 người, trước thuộc nguyên Nha Trang, vẫn theo các thủ ngự đốc thu thuế man. Thuộc binh đồn Long An ở Biên Hòa 16 người, trước gọi ba thuyền Toàn nhất, Toàn nhị, Toàn tam đội Toàn thắng ; và thuyền Kiên tam đội Kiên uy, dồn lại làm binh đồn Long An. Thuộc binh đồn Phúc Khánh 30 người trước gọi 2 thuyền Du nhất, Du nhị đội Du sơn và 2 đội Kiên sai nhất, nhị, dồn lại

làm binh đồn Phúc Khánh. Thuộc binh đồn An Lợi 35 người trước gọi là thuyền An nhất đội Tiền súng ; thuyền Tân nhất đội Tân thành ; thuyền Cao nhất đội Kiên uy đội Cao sơn, dồn lại làm binh đồn An Lợi. Thuộc binh đồn Định Quan 70 người trước gọi là thuyền Uy nhất, thuyền An nhất, thuyền Mã soi, dồn lại làm binh đồn Định Quan. Thuộc binh đồn Phúc Vĩnh trước gọi thuyền Uy tam, nay đổi làm binh đồn Phúc Vĩnh. Quân đóng ở Côn Lôn thuộc Gia Định 6 người trước gọi là đồn An Hải, nay đổi làm quân đồn Côn Lôn. Quân đóng giữ Cổ Chiên, 37 người trước gọi đội Tuần hải, nay đổi là quân đồn Cổ Chiên. Quân đóng giữ Bân Côn 3 người trước gọi đội ngự hải, nay đổi làm quân đồn Bân Côn. Quân đóng giữ Ngao Châu 6 người, trước gọi đội ngự, nay đổi làm quân đồn Ngao Châu. Quân đồn Định An 36 người, trước gọi đội Bình hải, nay đổi làm quân đồn Định An. Quân đóng giữ Giang Thành ở Hà Tiên 21 người, trước gọi đội Cường Thành, nay đổi là quân đồn Giang Thành. Quân đóng giữ ở Nghi Giang 4 người trước gọi đội Chiến Sai, nay đổi làm quân đồn Nghi Giang. Quân đóng giữ ở Đông Xuyên tỉnh An Giang 21 người trước gọi đội Đông Xuyên nay đổi làm quân đồn Đông Xuyên. Quân đóng giữ ở Tân Châu 53 người, trước gọi 2 đội Tân Châu nhất nhị, nay đổi làm quân đồn Tân Châu. Quân đóng giữ ở An Lạc 20 người, trước gọi đội An Lạc, nay đổi làm quân đội An Lạc. Quân đóng giữ ở Chu Giang 91 người, trước gọi 2 đội Chu Giang nhất nhị, nay đổi làm quân đồn Chu Giang. Quân đóng giữ ở Cường Thắng 54 người, trước gọi đội Cường Thắng, nay đổi làm quân đồn Cường Thắng. Quân đóng giữ ở Trấn Di 51 người, trước gọi đội Trấn Di, nay đổi làm quân đồn Trấn Di. Quân đóng giữ ở Mỹ Thanh 53 người, trước gọi đội Mỹ Thanh, nay đổi làm quân đồn Mỹ Thanh.

Hà Nội 9 người, thuộc binh đồn Bài Lễ ở Hà Nội 9 người đổi làm quân đồn Bài Lễ. Quân ở cửa biển Cần Giờ tỉnh Gia Định 76 người, quân ở cửa biển Đông Minh 13 người, quân đóng giữ ở Lôi Lạp 13 người, quân đóng giữ ở Hùng Ngự tỉnh Định Tường 25 người, quân đóng giữ ở cửa biển Tiểu 27 người, quân đóng giữ ở Tuyên Uy 65 người, quân đóng giữ ở Thông Bình 5 người, quân đóng giữ ở Bông Nguyên 19 người, quân đóng giữ ở Tam Giang 4 người đều đổi làm quân đóng đồn các cửa biển.

Biền binh vệ Kiên uy tỉnh Nghệ An 7 người dồn bổ làm binh đội An tráng thuộc tỉnh ấy. Binh Phục Hoa tỉnh Thanh Hoa 5 người, trước can án Gia Tô, phát đi làm binh, nay dồn bổ làm quân đội Thiên Thiện thuộc tỉnh ấy. Thuộc binh phủ Thiên Quan tỉnh Ninh Bình 2 người trước là binh mộ, nay dồn bổ làm binh cơ Ninh Bình thuộc tỉnh ấy).

Mới định thuế đầm ở Bình Thuận. (Đầm Ma Ly, đầm Phan Phố, đầm Phan Tiến, hằng năm thu tiền thuế đều 800 quan, đầm Vị Nệ 400 quan, đầm La Hãn 350 quan, đầm Long Vĩnh, đầm Phan Văn đều 300 quan). Vua lại cho là thuế đầm đã định, còn lệ trước ngạch thuế thủy lợi về nghề đánh cá, nhất khái thu cả, thì hoặc có thu 2 lần, tha hết cả, thì gián hoặc có kẻ tiếng là chịu thuế đánh cá, nhưng kỳ thực mưu làm việc nghề khác, có thể sót lậu được, bèn dụ cho từ nay về sau, tiền thuế thủy lợi nghề đánh cá hạt ấy, trước phải nộp, tha cho 5 phần 10 (lệ trước mỗi năm thu 490 quan).

Quan tỉnh tâu nói : "Các đầm ấy đều là các vụng ngoài biển, đường biển dài suốt, lợi đánh cá không phải chỉ một nơi, từ trước người đánh cá chài lưới chung nhau từng có câu nói "ruộng là của riêng, cá là của công", nay đã đặt ra đánh thuế đầm, tất phải lập rõ quy tắc, xin phàm tất cả thuyền đánh cá, không cứ hạt mình hạt khác, đầm nọ đầm kia, nếu đến đánh cá nơi nào, báo trước cho người lĩnh trưng, cứ 11 phần lấy 1 phần, không được đòi hỏi khắt khe, còn có trà trộn đến đánh cá trộm thì tịch hết thuyền bè gia sản, lại trị bằng tội đáng phải chịu. Vua nghe lời.

Trong Kinh kỳ mưa lâu, vua sợ hại việc làm ruộng, sai Tôn Thất Bạch, Tả thị lang bộ Lại đến miếu Đô thành hoàng cầu tạnh. Vua tới triều bảo thị thần rằng : Ơn huệ Nhà nước như mưa móc của trời, nay mưa dầm liên hằng tuần, trẫm ngờ là hoặc ứng vì trước nhân khánh tiết ban ơn rất quá, cho nên kinh *Xuân Thu* chép "sương sa xuống không chết cỏ" là chê việc hình phạt sơ suất. Kể thì phép trị nước, khoan hồng nghiêm khắc đều thi hành, ơn uy cùng giúp đỡ, mới hợp lẽ trung bình, có khi yêu hơn oai, vẫn đem đến điềm xấu. Lại nói gần đây mới được mưa thấm nhuần, trẫm vui mừng khôn xiết, có làm thơ ghi sự mừng, lòng hơi tự mãn, ý hẳn đầy quá thì tràn bớt đi, có phạm lời răn của người trước, điềm ứng mưa dầm, hoặc cũng bởi cớ ấy, chính phải sợ hãi, tu tỉnh không lúc nào rỗi, bèn làm một bài thơ "Cầu tạnh", sai Nội các đệ đến miếu sở, mưa liền tạnh rồi sửa lễ, lễ tạ.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng đời xưa đều là bậc đại thánh nhân, nhưng chính sự nói và làm, không có sách vở chép đủ, thì người đời sau nghe thấy sẽ tất nói rằng : Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng là người đời xưa, ta cũng là người, biết theo và bắt chước ai, bởi thế nên trẫm đối với các việc ở triều đình, ngày đêm lo lắng, lần lượt làm hết, là muốn chép thành sách vở cho con cháu ta, có chỗ dựa theo, không thế thì không chứng tỏ, tất không tin, lấy gì làm phép trước để lưu mãi về sau".

Xây dựng hành cung ở núi Thúy Hoa và cửa Thuận An (mỗi sở đều 1 tòa 3 gian 2 chái, gỗ đều dùng gỗ rắn, trên lợp ngói, 4 bề xung quanh xây tường gạch).

Vua bảo bộ Công rằng : "Hành cung ở 2 xứ Thuận An và núi Thúy Hoa, tuy lợp cỏ tranh, thềm đất, làm theo lối tiết kiệm, quê kệch, nhưng hằng năm thường dựng lên, thường dỡ bỏ đi, cũng không khỏi chỉ tốn phí vật liệu nhân công, chi bằng đổi làm gạch ngói để mong được lâu dài hơn. Bèn theo lời bàn của bộ, mỗi sở phái ra 2 quản vệ, 10 suất đội 500 biền binh, giao cho Thống chế Mai Công Ngôn, Nguyễn Tiến Lâm chia nhau trông coi việc ấy".

Tỉnh Bình Thuận tiếp tục chuẩn binh đinh, dồn thành vệ, cơ, thừa ra hơn 260 người, chuẩn cho đặt làm đội Ngũ vệ Hữu thủy Bình Thuận, đặt 1 phó vệ úy, còn vệ thủy Bình Thuận trước đổi làm vệ tả thủy Bình Thuận, đặt 1 phó vệ úy.

Cho Lương Bi, Phó vệ úy vệ Ninh Bình, thăng thự Vệ úy kiêm quản 2 cơ Ninh Bình, Ninh Tráng ; nguyên Vệ úy là Nguyễn Văn Trung đổi bổ làm Vệ úy vệ Nam Định.

Vua nghĩ tháng quý đông rét lắm, dụ cho Kinh doãn sức khắp các huyện viên, hỏi có người dân nghèo đói rét, thì phát tiền gạo chẩn cấp.

Sửa sang phần mộ khai quốc tôn thần[1] là Quốc uy công Tôn Thất Hiệp, sai tỉnh Thừa Thiên thuê dân để làm. Phần mộ Anh quốc công là Nguyễn Hữu Tiến bị lạc mất, các phu coi mộ cấp trước, chuẩn cho trả về sổ dân chịu sai dịch.

Định lại điều lệ phiếu nghĩ, chương sớ ở các nha. Dụ rằng : điển lệ nhà Thanh nhà Minh ở Bắc triều, phàm chương sớ các nơi, chuyên do đại học sĩ ở Nội các làm phiếu xin Chỉ, dần đến quyền của Nội các rất trọng, gây ra nhiều việc, không thể ngăn được. Trẫm lên ngôi đến nay, cân nhắc việc xưa nay, biết rõ tệ ấy, thân định sung làm việc Nội các, chỉ dùng quan tứ phẩm. Còn chương sớ các nơi, chia giao cho đường quan 6 bộ làm phiếu nghĩ, khỏi đến nỗi Nội các lấn quyền 6 bộ, để phòng sự xảy ra. Nay nghĩ bản tâu các nơi, trong đó phải trái hay dở sự lý nhiều cớ ; nếu hết thảy đều biên phiếu xin Chỉ ban hành, mà bộ thần không có phân biệt bàn tâu, thì việc gì cũng đều quyết định ở vua, mà làm bề tôi không sáng kiến phát minh gì được, há chẳng thiếu chức vụ ư ? Huống chi sau khi đợi Chỉ, địa phương ở ngoài đều vin lấy có Chỉ, không dám lại nói, thì đối với việc thường còn khá, nếu gặp sự thể trọng đại, có khi đến lỡ việc, há chẳng phải là lập phép chưa tốt hết ư ?

Từ nay phàm chương tấu các nơi, việc đã thỏa hợp, và sai lầm nhỏ mọn không quan ngại lắm, vẫn chiếu theo lệ trước làm phiếu xin Chỉ thi hành, nếu là việc quan trọng, nghĩ bàn hơi khó, chuẩn cho tấu ngay trước mặt xin Chỉ, theo thế mà làm,

(1) *Tôn thần* : phần mộ họ Tôn thất.

nếu trong đó việc tâu lên chưa hợp, nên bác, nên bàn hoặc nên nghị xử thì đều làm tập riêng nghị tâu, gồm cả tập tâu trước cùng dâng lên, do Nội các làm phiếu xin Chỉ ban hành, và lời bàn của bộ sao lục phát đi, địa phương vẫn chưa phục tình, cũng chuẩn cho cứ lý giữ phép tâu lên, đợi Chỉ định đoạt, như thế thì chức sự không ai không sửa chữa rõ ràng, mà trong ngoài cùng ràng giữ nhau, có thể thi hành được lâu dài mà không sinh tệ.

Phiên mục phủ Hải Đông thành Trấn Tây, Vệ úy lĩnh chức An phủ, quản lý các cơ thổ binh ở đồn phủ là Sa Tháp, dung chứa người làm phản, liên quan thông với giặc Yết, mưu đem Nặc Ong Giun về nước Lạp, bị dân phiên tố giác. Quan thành ấy là bọn Đoàn Văn Phú, Lê Đại Cương, Bùi Công Huyên mật sai Lãnh binh là Nguyễn Văn Hòa, đi đến nã bắt, xích giải về thành xét trị, bè lũ hắn là cai đội cơ thập Tịch biên, sung quản là Đô Y thấy việc tiết lộ, bèn họp trở về đất Tăng Cần Lăng (tên đất) giết hại dân Kinh buôn bán hơn 100 người để làm thanh thế. Án phủ là Phạm Ngọc Oánh, Hiệp lý phủ vụ là Đoàn Đức Giảng sai Quản cơ là Bồn Đột đuổi theo, đánh nhau ở đất Châm Bốc (tên đất), bọn phản nghịch ấy đều tan, Đô Y chỉ cùng mấy chục người chạy trốn, bọn Đoàn Văn Phú nghe báo, lập tức phái ủy Phó lãnh binh là Vũ Đức Trung coi đem biền binh đi theo bắt, đem việc ấy tâu lên.

Vua cho là bọn Phú không biết dự phòng trước khi việc xảy ra, đều giáng 1 cấp ; Sa Đáp mang hai lòng, tình tội đã rõ, chuẩn cho xét gấp chém ngay, các thổ binh, thổ dân dựa theo Đô Y sau đã sợ hãi chạy tan, thì đều phủ dụ gọi về cho ở yên như cũ, dân Kinh bị thảm hại cũng phái đi tìm xét khắp nơi thu nhặt chôn cất. Lại mật dụ cho Tướng quân Trương Minh Giảng rằng : "Trấn Tây là nơi trọng yếu ở biên thùy, sự thể rất quan hệ, phàm các công việc phòng bị bên ngoài, vỗ yên bên trong, phải nên tính kỹ cẩn thận mới mong được thanh thỏa. Trước đây, Tướng quân về Kinh chiêm yết, trẫm từng đem việc phiên phụ mới quy phục, lòng người Man chưa dễ tin hết được, một lời dặn dò đinh ninh, thế mà người về chưa đến thành đã thấy phát ra việc Sa Tháp, Đô Y, quả là không ngoài ý nghĩ của trẫm. Bọn Sa, Đô kia chẳng qua là bọn giặc nhỏ mọn, thì làm gì được, e việc có quá hơn thế mới là đáng lo mà thôi, vì ngôn ngữ phong tục người Man, cùng là phần nhiều không giống nhau, nhất đán ta lấy được cả, chưa chắc có thể thay đổi được hết phong tục để theo ta, mà không để tâm đến. Cho nên ta vỗ về chúng phải có cách, ta ngăn chúng càng phải có phương pháp, nếu phòng bị hơi sơ sài, thì chúng thấy có sơ hở là sinh lòng làm loạn, lúc ấy mới dùng uy vũ để trị, chắc là cũng khó. Vả lại chúng một khi lỡ bước, thì đều tự mang lòng ngờ sợ, không tránh khỏi lại tốn một phen xếp đặt, lại sinh thủ đoạn hung ác, sao bằng đem lòng thành tín để vỗ về mà ngăn ngừa cũng

không thiếu sót chút nào, chúng thấy không có chỗ hở, có thể thừa cơ được, lại cảm lòng đối đãi thành thực, nếu có 1, 2 kẻ mưu khác cũng sẽ tiêu tán ngấm ngầm mà không dám hành động. Rồi sau chỉ việc ta muốn làm, nhân đó mà tùy thế dẫn bảo, khiến cho đổi tục người Thổ, theo tục người Kinh, há chẳng thỏa hiệp tất cả, dễ làm việc ư ?".

Lại nghe ngươi thường lấy giản dị đối đãi người Man, không ngại khinh thân, đi một mình đến các nơi thôn cư hẻo lánh. Kể thì đối đãi với người giản dị, để cho chúng đem lòng cảm phục, cố nhiên là phải, nhưng thân mình nhận trọng trách một địa phương, trách nhiệm không phải là thường, cũng không nên khinh suất giản dị quá, khi có sự bất ngờ, túng sử thân mình không tiếc, còn việc nước thì sao ? Cho nên biết tiếc thân cũng là để trong đám Phiên liêu, có người có thể thân tín, đối đãi thành thực, khiến cho hắn vui lòng làm việc cho ta, dân Man có người biết theo tục người Kinh trước thì hậu thưởng để khuyến khích người khác, cần thân một người mà mọi người đều hằng ngày mong được thân với ta, thưởng một người mà mọi người đều xúm nhau bắt chước, còn như dân Kinh đi lại buôn bán, lập thành thôn xóm, hoặc ở tỉnh thành, hoặc ở các phủ cũng nên khiến cho chúng chọn đất làm nhà để ở, liên lạc thông với nhau, cho tạm thời dễ trông nom đối phó, mà về ta thì huấn luyện hàng quân, định rõ lệnh tướng, sắm quân nhu, sửa khí giới, làm thành bảo, dò thám xa, các việc đều nghiêm chỉnh đầy đủ, cho người ngoài trông thấy oai nghiêm, có cái thế không thể xâm phạm được, như thế thì căn bản vững mạnh, biên giới lặng yên, dân Thổ ai chẳng mến sợ, giặc ngoài nghe thấy phải kinh, mưu kế vạn toàn, không gì hơn thế. Và nay hạt thành ấy buổi đầu chia đặt, công việc còn nhiều, cần phải khéo thể theo ý ấy, tùy tiện xếp đặt, thì công tất thành được, mà các việc không việc gì không ổn thỏa. Đường sá xa xôi, không thể sớm tối bảo ngay trước mặt được, phải cố gắng lo toan, nên kính theo đấy, rồi sai suất đội ty Kỳ cổ là Trần Văn Tình đi đường trạm tới thành Trấn Tây truyền Chỉ thăm hỏi Minh Giảng, khi đi đường về gian nan có được yên lành không, nhân dò hỏi việc tên Đô Y quấy rối, nhân dân hạt thành ấy yên ổn thế nào, lập tức về tâu, để biết tình hình biên giới.

Quan tỉnh Ninh Bình tâu nói : các huyện An Lạc, An Hóa, Phụng Hóa thuộc hạt ấy chiểu lệ 7 đinh [tuyển 1], tuyển được 592 người, dồn bổ làm 10 đội cơ Ninh hùng, xin chia làm 3 ban, một ban lưu lại quân ngũ, chi lương và chia phái đi đóng giữ các sở thuế hạt phủ Thiên Quan, về binh khí thì sức cho phải tự biện lấy.

Vua bảo rằng : "Súng điểu sang của dân Thổ trước đã thu nộp, nay đã đổi tục Thổ theo tục Kinh, chọn điểm như nhau cả, tất phải đối đãi bằng thành thực, sao lại

tỏ ra không rộng lượng, nên phát của kho cấp cho mỗi đội 5 khẩu điểu sang, 15 ngọn giáo dài". Quan tỉnh lại tâu nói : "Hạt tỉnh ấy nay tuy vô sự, vẫn có 1, 2 tên giặc trốn, chưa bắt để xử tội hết, mà các tỉnh Sơn - Hưng tiếp giáp, chính đương truy nã đầu sỏ giặc trốn, cũng nên ngăn chặn, huống chi phận rừng Sơn Âm là nơi giặc phạm lẩn trốn ngày trước, từ sau khi quan quân rút về, từng đã phái đi dò thám, thì những chỗ ra vào khai phá, trước kia, gai góc lại mọc lên, sợ bọn phạm trốn ấy nhân lúc sơ hở, lại đến ẩn trốn ở đó, định đến sang năm sau ngày khai ấn, phái binh tới chỗ ấy, đốc suất dân ở gần tiện, dẫn phạt gai góc bụi rậm, cốt cho đi lại được bằng phẳng và nhân tiện đến thẳng địa đầu tiếp giáp tỉnh Sơn - Hưng tuần tiễu. Xin tạm để lại 500 biền binh ở Hà Nội phái đi đóng giữ trước để phòng điều khiển".

Vua bảo rằng : "Số lính tỉnh ấy và lính đóng đồn không ít, chắc cũng đủ sung sai phái, việc gì phải để lại nhiều các biền binh ở Hà Nội, phải cho về hàng ngũ, còn thì theo như lời xin thi hành".

Sai các địa phương trù tính bàn định tiết kiệm tiền của tiêu dùng.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Tiền của là việc lớn của nước, từ xưa, liệu thu vào, làm chi ra, chẳng qua cẩn thận về dùng tiền của. Trẫm từ khi thân coi việc nước đến nay, chỉ lấy bớt tiêu dùng làm chú trọng đến gốc, mong cho trong ngoài ngày được giàu thịnh, rồi xét các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Biên Hòa, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Quảng Yên, Lạng Sơn, Cao Bằng, số tô thuế thu vào không đủ cung số chi ra, thường ở tỉnh bên cạnh giúp lương, chuyển vận khó nhọc, xét nguyên do ấy, hoặc làm việc chi tiêu không biết dè dặt, hoặc cầu lợi việc riêng, lính lưu ban nhiều, không khỏi hư phí của kho Nhà nước, ngay như tỉnh Hà Tĩnh, chẳng qua bằng 1 phần tỉnh Nghệ An mà thôi, công việc không mấy mà chi dùng nhiều gấp đôi, đem một tỉnh để suy các tỉnh khác, toàn do quan địa phương không biết lo xa việc trị nước, nên mới thế mà thôi. Kìa như đời xưa, cày cấy 3 năm, tất có thóc thừa đủ ăn 1 năm ; cày cấy 9 năm, tất có thóc thừa đủ ăn 3 năm, hiện nay Nhà nước, đức sáng soi khắp chồng chất, 4 biển lặng yên, mà các tỉnh đương lúc vô sự, chi thường đã thấy không đủ, hầu lấy gì để phòng khi có việc ? Chuẩn cho thông dụ các đốc, phủ, bố, án phải hết lòng trù tính thế nào, có thể dè dặt được của dùng thì cho đều trình bày từng điều tâu lên". Đến khi các tỉnh tâu lên, sai bộ thần chiểu từng khoản xét bàn, chuẩn định thi hành.

(Định lại số tiền công nhu cấp hằng năm ở các hạt : Phủ Thừa Thiên và các tỉnh lớn như Quảng Nam, Bình Định, Gia Định, Vĩnh Long, Nghệ An, Thanh Hoa,

Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, thành Trấn Tây đều 200 quan ; tỉnh vừa như Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Biên Hòa, Định Tường, An Giang, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Lạng Sơn đều 150 quan ; tỉnh nhỏ như Phú Yên, Khánh Hòa, Hà Tiên, Quảng Yên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng đều 100 quan. Tri phủ phân phủ ở các phủ, nơi nhiều việc lắm và nơi nhiều việc thì 50 quan ; nơi nhiều việc vừa và ít việc thì 40 quan. Các huyện nơi nhiều việc lắm và nơi nhiều việc thì 30 quan, nơi nhiều việc vừa và ít việc thì 20 quan.

Gạo dưỡng liêm ở các phủ huyện và gạo lương cai phó tổng, mỗi phương gạo chiết cấp 1 quan 2 tiền ; gạo lương phủ, huyện, châu, các tỉnh ở biên giới cũng như thế. Dịch thừa, dịch mục các trạm, chia làm 2 ban, gạo lương cũng chiết cấp bằng tiền.

Lệ lương các man phủ, thổ huyện, số tiền gạo đều 18 (gạo 18 phương, tiền 18 quan) chiết cấp 5 lạng bạc Thổ.

Thuộc binh của đốc, phủ, bố, án, lãnh binh, chánh phó quản vệ, quản cơ, theo lệ chi gạo lương mỗi tháng 1 phương, nay đình cấp, duy có mang đi sai phái về việc bắt giặc, thì tạm thời tâu xin cấp, việc xong lại thôi.

Hằng năm, kỳ đầu xuân, biền binh thuộc tỉnh, họp cả các ban lưu, chi lương thao diễn, 1 tháng đổi làm 15 ngày, lại chiểu lệ chia ban.

Vị nhập lưu thư lại 2 ty thuộc tỉnh và lại mục thư lại ở phủ, huyện, châu đều hằng tháng cấp lương tiền thì 5 quan, gạo 1 phương, nay chiết cấp bằng tiền 1 quan 2 tiền ; gạo lương tri sự ở phủ cũng thế, duy gạo lương bổng quan quân binh đinh tỉnh nào, có phải chiết cấp thì chiểu theo giá chợ.

Lệ dịch các phủ huyện châu chia làm 2 ban, các lệ thục và lệ dịch đương ban, theo lệ chi lương gạo mỗi tháng 1 phương đổi làm 15 bát, chiết cấp bằng tiền là 6 tiền.

Tỉnh Lạng Sơn khi gặp có sứ bộ nhà Thanh đi, về 2 lần yết cáo các đền Quỷ Môn, Hổ Lao, Cao Bá, Đông Môn, Kỳ Cùng, Pha Long, Phục Ba và miếu Hội đồng ở tỉnh ấy, mỗi thứ lễ phẩm chi tiền công 100 quan, đổi lại từ nay về sau, chỉ yết cáo miếu Hội đồng, mỗi lần chi 30 quan, còn thì bỏ bớt.

200 lính mộ ở Hải Dương phái đi đóng giữ ở Lạng Sơn, 6 tháng 1 lần thay đổi, đổi làm 100 giản binh, mỗi năm 1 lần thay đổi ở Hà Nội đi đóng ở Cao Bằng cũng như thế.

Biền binh cơ Thái hùng ở Thái Nguyên, quê quán ở hạ du, cùng đội Thái dũng, lệ trước thường xuyên chi lương, nay chia làm 2 ban : 1 ban ở lại hàng ngũ, 1 ban cho về.

Cơ Quảng hùng ở Quảng Yên, lệ trước chia làm 2 ban, nay đổi làm 3 ban, 1 ban lưu tại ngũ, 2 ban cho về.

Bốn cơ Tiền, Hậu, Tả, Hữu ở Ninh Bình, cùng cơ Ninh tráng chia làm 4 ban : 1 ban lưu tại ngũ, 3 ban nghỉ ngơi ; cơ Ninh hùng chia làm 3 ban, 1 ban lưu tại ngũ, 2 ban nghỉ ngơi.

10 vệ giản binh tỉnh Nghệ An, chia làm 4 ban : 1 ban lưu ngũ, 3 ban nghỉ ngơi ; binh đóng giữ phủ Diễn Châu theo lệ phái toàn vệ, nay đổi lấy 100 người làm chuẩn đích : binh coi kho ở tỉnh 100 người, đổi làm 50 người ; binh coi kho phủ Diễn Châu 50 người, đổi làm 30 người.

4 đồn : Thạch Lĩnh, Vân Trúc, Kỳ Lộ, Phúc Sơn tỉnh Phú Yên, mỗi đồn canh giữ tù phát phối, nguyên có 2 người bách hộ và 30 người dân ở gần đấy, nay đổi lại, phái 1 đội trưởng và 15 người lính. Còn bách hộ mỗi tháng đều 1 người cùng theo canh giữ, gạo lương cũng chiết cấp bằng tiền, nơi khuyết thì bỏ ngạch ấy.

Sơn Man 2 đồn Bình Nguyên, Nha Trang tỉnh Khánh Hòa, hằng năm nộp thuế sản vật và tiền 2 lễ khai trường tạ trường hoặc 80 quan, hoặc 130 quan, nay đổi làm đều 30 quan, còn tiền khoản tiếp sơn man đồn Bình Nguyên 100 quan, nay đổi làm 50 quan, đồn Nha Trang 50 quan, nay đổi làm 20 quan.

Tỉnh Phú Yên quân ít mà phái đi đóng ở Trấn Tây đến 500 người giảm làm 300 người, tỉnh Bình Thuận quân nhiều, mà phái đi đóng ở Trấn Tây chỉ 300 người, tăng làm 500 người, còn thì đều cứ số quân hiện có, chia làm 3 ban, 1 ban lưu tại ngũ, 2 ban cho về.

Sách Man ở thượng nguyên tỉnh Biên Hòa, đã chia đặt huyện, xã, các thủ ngự, quản mục đặt trước thì đều bỏ đi.

Lại răn quan địa phương bắt binh đinh làm việc riêng. Dụ rằng : "Nhà nước nuôi quân, nguyên để dùng khi có việc, lại chia định ban thứ nghỉ ngơi cho đỡ khó nhọc, thế mà từ trước đến nay, các tỉnh một khi có sai phái, thường thường xin bắt đến ban được nghỉ, tốn lương, nhọc người, từng không chú ý đến, há quân ở hàng ngũ có không đủ ư ? đều bởi quan trên muốn được quân nhiều, lợi dụng làm việc riêng, lại không biết răn bảo quan viên phủ dụ huấn luyện hết thảy, cho bán lấy tiền nghỉ việc, nên binh ngũ chưa sung, giảng tập không sẵn, tới khi có việc sai phái,

toàn không đắc lực, không tránh khỏi tâu xin hàm hồ, tệ cũ phát sinh bởi đó, nhiều lần đã giáng dụ răn bảo, lơ mơ như không nghe thấy. Vả lại các đốc, phủ, bố, án, lãnh binh theo lệ được thuộc binh, chi lương để phục dịch, triều đình đối đãi thực hậu, đâu đến không người sai bảo, mà lại sai đến tinh binh, rất là không hợp. Vậy thông dụ cho các đốc, phủ, bố, án, lãnh binh, các trực tỉnh, từ nay phải kính theo minh dụ, gột rửa lỗi trước, phàm sai khiến làm việc riêng, chỉ cứ thuộc binh, không được riêng sai binh trong ngạch, còn như binh được nghỉ, gặp khi có bắt giặc là việc mà quan trọng thì mới được tâu xin bắt thêm, nếu sai phái tầm thường, không được tâu xin hàm hỗn.

Án sát Khánh Hòa là Nguyễn Bá Thân, dung túng thuộc ty những tệ, việc phát ra, phải cách chức. Vua cho Trần Văn Thông, Công khoa Chưởng ấn Cấp sự trung thăng thự Án sát Khánh Hòa.

Cho Vũ Doãn Cung, Ngự sử đạo An - Tĩnh làm Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung ; Nguyễn Xuân Quang, Ngự sử đạo Định - Biên làm Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung.

Thiệu Hóa quận công là Tôn Thất Thiện Khuê tới hàng ban chầu, đứng ở trên thự Thống chế, ngôn quan hặc tâu. Vua bảo rằng : "Thiện Khuê bậc ở dưới chánh nhị phẩm ban võ, nay đứng trên thự Thống chế, cũng không phải vượt bậc, duy có là Tôn thất, họ thân được tập tước, chính nên khiêm tốn tự giữ, nếu có người cùng với mình ban thứ, chưa phân biệt lắm, sao không tâu rõ đợi Chỉ quyết định mà lại nghiễm nhiên đứng lên trên, nên phạt lương 3 tháng, từ nay về sau, các viên chánh nhị phẩm ban võ, không cứ là thực thụ hay chưa, chuẩn cho Thiện Khuê bậc ở hàng dưới.

Truy phong Trần Văn Thuật là tước Hương Cần tử. Dụ rằng : Năm nay kính gặp thất tuần đại khánh tiết của thánh mẫu Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu, sao bảo vụ mở điềm lành, lòng vui thực sung sướng lại nghĩ đến họ Trần xã Văn Xá, từ tổ 4 đời của thánh mẫu ta, nguyên trước là Tương tác lang[1] truy tặng Trung nghị đại phu, Tư trị Thiếu khanh, Thái bộc Tự khanh, tên thụy là Đôn Nhã, là Trần Văn Thuật, sinh ra Văn Xá bá, Văn Xá bá sinh ra Gia Bình hầu, Gia Bình hầu sinh ra Hoa quốc công, họ Trần đời đời tích cực, ơn trạch để lại tiếng thơm, nên thánh mẫu ta hưởng phúc 70 tuổi, rồi đến thượng thọ 100 tuổi, vun trồng nguồn gốc vốn có từ đấy. Vả lại từ Hoa quốc công trở về trước, đều đã truy tặng chức hàm, nhưng phong tước thì chỉ từ Văn Xá bá trở về sau 3 đời, nay chuẩn cho truy phong

(1) *Tương tác lang* : tên một chức quan thời cổ.

Trần Văn Thuật làm Hương Cần tử để tỏ đạo hậu, mà thỏa hương hồn nơi chín suối. Rồi theo quan chế đã từng định lại, xét ra phẩm hàm tặng trước, vẫn chưa thỏa hợp, nên cáo sắc truy phong đổi làm Tướng sĩ lang, tặng trung thuận đại phu, tán trị doãn, Hồng lô Tự khanh, Hương Cần tử, tên thụy là Đoan Cẩn, chính thất là Lê thị, đổi tặng Cung nhân, vẫn tên thụy là Trinh Thuận.

Hỏi tìm sự tích cuối đời Lê. Dụ rằng : "Nước có sử là để tỏ bảo đời sau, tất phải tìm nhặt rộng khắp, mới đủ để chứng sự thực. Nước ta từ đời Hồng Bàng trở về sau, đến niên hiệu Đức Nguyên đời Lê Gia Tông trở về trước, còn có sách sử ký của bọn Ngô Sĩ Liên, Lê Hy, có thể xét được, duy vào khoảng niên hiệu Vĩnh Trị, Cảnh Hưng[1] vẫn là còn thiếu ; kéo dài đến nhà Tây Sơn gây nạn vài mươi năm nay, tuy đảng ngụy ấy liền bị giết cả, vốn không đủ nói, nhưng loạn hết mà đến trị, không có kẻ ngụy, sao biết được người chân chính, chưa nên cho là mất hết, chuẩn cho bộ Lễ tư cho các trực tỉnh, tìm hỏi dân gian, phàm từ niên hiệu Vĩnh Trị, Cảnh Hưng trở về sau, đến thời kỳ ngụy Tây vùng nổi lên, ai có cất được bản chép riêng, ghi được sự tích, không cứ chữ hay nôm, cho đều đem nộp, dù giấy chữ rách nát, lời nói quê kệch cũng cứ thực đệ đến bộ, để khảo cứu thêm, không phải chữa lại, hoặc mất sự thực, các người dâng bản ghi chép, có thể dùng được thì bỏ đi, cũng không phải tội.

Tập thỉnh an của Đặng Văn Khiêm, Tổng đốc Hà - Ninh tâu nói : Thuộc lại ở phủ huyện, xin xét đổi bổ nha mới, ở làm việc lâu, không nên hạn lấy 3 năm lại đổi bổ, hằng năm đều do quan sở tại tra xét phân biệt người giỏi, người bình thường, người lười biếng, định rõ thưởng phạt, còn số lại lệ, chiểu theo hạng nhiều việc hay ít việc, chước lượng thêm bớt.

Vua sai bộ Lại bàn kỹ : Cho là bọn lại xảo trá, căn cứ lâu ngày, dần dà làm bậy, dân hèn bị chúng dọa nạt nên có câu "quan thăng, nha lại vẫn còn", thế tất phải thế, trước đây định ra hạn 3 năm 1 lần đổi, thực để ngăn ngừa gian dối, duy bọn ấy chức phận tuy nhỏ, cũng có liêm, tham khác nhau, quan hệ ở sự xướng suất thế nào mà thôi, nếu nhất khái lấy 3 năm làm hạn, thì bọn ấy dự biết chuyển đổi có kỳ, không khỏi đem lòng nhũng vặt, gặp việc lại đổ lẫn cho nhau, không những thay đổi phiền phức, mà phép lập ra ở chỗ này, tệ sinh ra ở chỗ khác, ngăn lấp thường e không thể nào hết được. Xin theo như ý nghĩ định của quan tổng đốc, còn phép thưởng phạt khuyên răn, xin phàm các nha phủ huyện ở tỉnh ngoài, từ tri sự lại mục cho đến các người lại dịch, khi có sai phái, như giục thuế, xét việc hình và thu

(1) *Vĩnh Trị* : niên hiệu đời Lê Hy Tông (1676 - 1689).
Cảnh Hưng : niên hiệu đời Lê Hiển Tông (1740 - 1787).

lương, tất cả các việc quan, viên phủ huyện, tuỳ việc giao cho chuyên trách, hằng tháng biên vào sổ để lưu chiểu, đến cuối năm đem suốt thực trạng đã làm, chia làm các hạng ưu, bình, thứ, liệt do tỉnh xét lại, chiểu theo lệ tá lại cần cù, thuộc tỉnh ấy kê khai tâu lên đợi thưởng, gặp khi có chỗ khuyết đáng thăng thì trước hết, đem hạng ưu, tâu xin suy bổ, hạng bình kế theo, hạng liệt trả về sổ dân chịu sai dịch. Còn như lại lệ, số người nhiều hay ít, chỉ xem ở công việc nhiều hay ít, xin phàm các nha phủ huyện ở Kinh và tỉnh ngoài, tri sự, lại mục nên đặt đã tâu xin chuẩn cho thi hành, còn lại lệ, đều chuẩn theo phủ nào, nhiều việc lắm hay nhiều việc, hạn cho thông lại 12 người, lệ dịch 50 người, nhiều việc vừa hay ít việc, cùng huyện nào nhiều việc lắm hay nhiều việc thì thông lại 10 người, lệ dịch 40 người, huyện nào nhiều việc vừa hay ít việc thì thông lại 8 người, lệ dịch 30 người để làm địch ngạch mãi, lại chiểu lệ chia ban chi lương. Vua nghe theo.

Đổi viện Cơ mật thuộc Nam chương kinh làm Nam ty, Bắc chương kinh làm Bắc ty. Trước đây viện thần châm chước bàn định chia tào định cục, đã chuẩn cho đặt làm Nam, Bắc chương kinh, đến nay Nội các xét trong điển lệ nhà Thanh, gọi Nam Bắc chương kinh là chức danh chia giữ việc giấy tờ của nhà Mãn, Hán, không phải là tào, cục, cho nên sai đổi, để cho danh nghĩa được chính.

Giá gạo ở Nghệ An đắt vọt lên (1 phương gạo trị giá 1 quan 6 tiền 30 đồng), quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua bảo bộ Hộ rằng : "Ngày trước kho chứa tỉnh Nghệ An, thóc gạo chưa đầy đủ, mà năm ấy thóc rất được mùa, đã giáng Chỉ tháng 12 năm ấy đến tháng giêng năm sau, gạo lương chuẩn cho chiết cấp bằng tiền là muốn để cho thóc chứa vào kho được đầy, hay chính kỳ trưng thu, lại gặp lúc giáp hạt, nhân dân mua bán thì ít, vì thế gạo đắt, là thế tất nhiên, duy giá ấy, so với hạt khác, vẫn chưa cao lắm, phải nên chước lượng cho vừa phải, nay chuẩn cho quan lại binh đinh và quân đóng đồn thuộc tỉnh ấy. Kỳ tháng giêng sang năm, gạo lương phải chi, gia giá chiết cấp bằng tiền (1 phương gạo chiết cấp tiền 1 quan 8 tiền, nếu lại cao, gia đến 1 quan 9 tiền cũng được), cho được công tư hai bề đều tiện".

Bố chính Nam Định là Trần Quang Tiến tâu nói : "Thuộc hạt ấy có tự điền của Lê Bồi là công thần đời Lê, xin giao ruộng ấy cho dân sở tại quân cấp". Vua bảo rằng : "Hậu đãi người có công là phép thường xưa nay, Lê Bồi là tôi tớ nhà Lê, có công lao đáng ghi chép, ở đời Lê thì là phải, nay cả nước là một nhà, 1 tấc đất, 1 người dân là của triều đình, mà ngôi nhà Lê hết đã trải bao năm, gia phái Lê Bồi cũng đã hơn 12 đời, hắn đối với bản triều có công trạng gì, thế mà ruộng tốt của dân xã ấy, riêng làm lợi cho họ ấy cày cấy mãi có được không ? Quang Tiến không

nhân ai tố cáo, biết xét trong sổ điền, lời xin ấy rất phải, nên thưởng gia kỷ lục 1 thứ. Rồi truyền dụ cho các địa phương từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, có tự điền đời cố Lê cấp cho, nay vẫn chiếm đoạt thì phải trả lại cho dân hết".

Ngày Quý Dậu, tế hợp hưởng. Trước đấy vua bảo bộ Lễ rằng : "Cuối năm hợp tế là việc đại tế của Nhà nước, xét trong sử sách theo nghĩa hợp lại mà tế, trước không chép rõ là nên dùng ngày nào, triều ta theo dùng phép cũ, lấy ngày 15 tháng 12 làm lễ, đời Minh, Thanh Bắc triều, lấy trước ngày trừ tịch 1 ngày đến tế, xét ra không ý nghĩa gì, vả lại quốc tục bản triều, ngày tuế trừ dựng cây nêu, cũng có cáo tế, nay đổi lấy ngày tuế trừ làm ngày tuế hợp hưởng, trẫm thân đến miếu sở làm lễ, để tỏ lễ ý. Lại cho là ngày ấy sắp tới tiết Nguyên đán, quan quân dân chúng đều có giết thịt gà, lợn cúng tổ tiên để truy báo tự gốc, nếu theo lệ răn cấm giết thịt, không tiện cho người, chuẩn cho sau khi có Chỉ, bỏ hẳn cấm ấy. Phủ Tôn nhân và bộ Lễ theo lệ nghĩ phái hoàng tử, các công và văn võ đại thần phụng sung việc nhiếp tế và thừa tế, đem việc ấy tâu lên.

Vua cho là hoàng tử chầu hầu thì nhiều, định lại từ nay phàm kính gặp việc thừa tế các án thờ ở tả, hữu các miếu và Thái miếu, đều phái hoàng tử công, hoàng tử và các công làm lễ, không phải theo như trước phái văn võ đại thần.

Chuẩn định từ nay, phàm tế Nam giao, theo lệ dùng 4 con nghé non, 8 con trâu đực, trước kỳ tế 3 tháng, Quang lộc tự cùng phủ Thừa Thiên mang theo ty tể sinh đến. Trong số trâu của Nhà nước chọn lấy, con nào hợp thức, thiếu thì mua thêm, đem đến sở chăn nuôi, nuôi nấng đúng phép, đường quan ở bộ, tự và Kinh doãn, thời thường đi lại xem xét, định làm lệ mãi.

Sửa lại miếu Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, vua chuẩn cho cấp tiền mỗi miếu 500 quan, do quan tỉnh Ninh Bình đốc sức phu miếu và dân phụng tự làm việc.

Thự Bố chính Định Tường là Trần Văn Tường chết, vua chuẩn cho thực thụ ngay, và gia ơn cho 300 quan tiền. Lại cho Trần Tuyên làm Bố chính Định Tường (Tuyên trước làm Bố chính Định Tường, vì có tang về quê, đến nay hết tang, lại bổ chức ấy).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXXVIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838]. (Thanh Đạo Quang năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng. Vua chuẩn định bắt đầu từ tết Nguyên đán năm nay, ở Kinh, ngày mồng 1, thì hoàng tử, các công, cho đến văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm ; ngày mồng 2 thì văn chánh lục phẩm, võ chánh ngũ phẩm ; đều cho ban yến, (lệ trước ban yến chỉ đến văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm). Phàm quan chức dự yến, người thự hàm thì theo phẩm thăng thự ; người bị giáng, cách được lưu tại chức thì theo phẩm được trước để thưởng cho, từ nay lấy đó làm lệ.

Chuẩn cho giản binh tại ngũ từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Hà Tiên, trở ra Bắc đến Quảng Bình, từ mồng 1 tháng 2 đến cuối tháng 6, phàm người theo lệ cấp lương hằng tháng tiền 5 tiền, hoặc chỉ gạo 1 phương, thì chiểu theo số người hiện có đều kế tiếp cấp cho tiền mỗi tháng đủ 1 quan.

Sai quân ở Kinh chia đi đóng thay đổi ở các địa phương : (2 vệ Long võ hữu Hữu bảo nhị đóng ở Trấn Tây ; vệ Trung dinh Hổ uy đóng ở Gia Định ; vệ Tả dinh Tiền phong đóng ở An Giang ; vệ Tiền nhất quân Vũ lâm, chia đóng ở Thanh Hoa, Nghệ An ; vệ Tiền dinh Thần cơ, đóng ở Hà Nội ; vệ Kỳ võ tam chia đóng ở Sơn Tây, Ninh Bình ; vệ Kỳ võ tứ chia đóng ở Nam Định, Hưng Yên ; vệ Tiền dinh Hổ uy chia đóng ở Bắc Ninh, Hải Dương). Biền binh đi thú đóng ở Nghệ An trở ra Bắc, đường đi hơi gần, đều thưởng cho tiền và gạo lương 1 tháng ; đóng ở Gia Định, An Giang hơi xa thưởng cho 1 tháng rưỡi ; đóng ở Trấn Tây rất xa thưởng cho 2 tháng,

quản vệ đến ngoại uỷ đội trưởng, thưởng cho áo quần có thứ bậc, thư lại, binh đinh sau khi đến đóng, đến tháng cuối thu cũng cấp cho quần áo. Và quân ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đi đóng ở Trấn Tây, đều thưởng cho gạo tiền lương 1 tháng rưỡi ; quân ở Quảng Nam đóng ở Gia Định, quân ở Khánh Hoà, Bình Thuận, đóng ở Trấn Tây, đều thưởng cho 1 tháng, từ nay về sau hằng năm chiếu theo lệ ấy thi hành.

Cho thống quản các dinh, cứ người có thể làm được quản vệ, đem tên tâu lên. Đến khi sớ dâng lên, trong đó có bọn cai đội Mai Văn Đồng, Nguyễn Duy Sĩ, Trần Văn Diệp, Trần Hữu Phúc đều dự có công trạng thực về việc bắt giặc xuất sắc ; vua chuẩn cho đều được thăng thụ chức Thành thủ uý ; Mai Văn Đồng, cùng cai quản nửa vệ Tiền nhất quân Vũ lâm, đóng ở Thanh Hoa ; Nguyễn Duy Sĩ, cùng cai quản nửa vệ Tiền dinh Hổ uy, đóng ở Hải Dương ; Trần Văn Diệp, cùng cai quản nửa vệ Kỳ võ tam đóng ở Ninh Bình ; Trần Hữu Phúc cùng cai quản nửa vệ Kỳ võ tứ đóng ở Hưng Yên.

Vua cho là đường sông ở Trấn Tây việc sai phái thì thuyền Hải đạo rất là đắc lực, sai trích lấy ở Gia Định, Vĩnh Long mỗi tỉnh một chiếc ; Biên Hoà, Định Tường mỗi tỉnh hai chiếc, cùng với 6 chiếc cấp trước, tất cả 12 chiếc, sung làm thuyền định ngạch thuộc thành ấy.

An phủ phủ Khai Biên tỉnh Hà Tiên là tên Dy làm phản. Khi trước có tên Khống từ nước Xiêm trốn về (người ở phủ Khai Biên, năm trước sang nước Xiêm nhận chức Ba Lật), Dy ẩn giấu đi, Án phủ là Trương Sùng Hy biết tình hình, bắt Khống đem nộp ; Dy sợ tội, bèn cùng thổ mục là tên Châu, ngầm dụ sơn man chế tạo khí giới mưu đồ sinh sự ; chợt nghe tên Đô Y ở Hải Đông nổi loạn, liền họp bọn 500 người đến phủ Long Tôn đốt cướp đồn trại, suất đội cơ Khai Biên sung Quản cơ là Sô Mịch, Phó quản cơ là Ân Ôn đều đến theo, giết hại lính người Kinh đóng giữ ở đấy, chia đường quấy nhiễu, Hộ phủ là Lê Văn Trung tính uỷ Án sát Phạm Ngọc Quang, thân lĩnh biền binh đuổi bắt. Quan thành Trấn Tây là bọn Đoàn Văn Phú được tin báo, cũng phái Phó lãnh binh là Nguyễn Tiến Phúc, đem 2 vệ Tiền bảo, Khánh Hoà và phiên mục là Vệ uý Nhâm Trật cùng thổ binh đi đến cùng đánh bắt, đem việc ấy tâu lên.

Vua dụ rằng : "Giặc Dy cố ý chứa giữ giặc trốn trong bọn giặc, thì ngầm mưu làm loạn, năm, tháng đã lâu, thế mà Trương Sùng Hy hình như tượng gỗ, không biết gì đến, đến khi mưu làm giặc đã lộ, không nã bắt giam giữ, để đến sinh ra rắc rối, thực là có thiếu chức vụ, phải cách chức ngay, được tại chức, quan tỉnh là Lê Văn Trung,

Phạm Ngọc Quang đều giáng 1 cấp, chuẩn cho uỷ thêm Phó lãnh binh là Hoàng Quang Thông, đi ngay cùng với Phạm Ngọc Quang cố sức giết hết bọn giặc ấy, và nhân tiện xét rõ Trương Sùng Hy từ trước đến nay làm việc thế nào, để gây thành việc biến ấy, cứ thực hặc tâu. Lại điệu 500 biền binh ở An Giang đi đến Hà Tiên, 500 biền binh ở Vĩnh Long đi đến Trấn Tây, lệ thuộc để theo sai khiến.

Phó lãnh binh đạo Hải Đông là Vũ Đức Trung đuổi bắt tên phản nghịch Đô Y ở súc Châu núi Kha, Đô Y chạy thoát, lẩn trốn ở rừng rú, thự Đề đốc là Bùi Công Huyên thân đem biền binh người Kinh người Thổ, tiếp tục đi kinh lý, Vệ uý đạo Khai Biên là Nhâm Trật đánh nhau với giặc Châu ở súc Cầm Lịch, phá tan được, bắn giết được 9 tên trong bọn chúng, giặc Dy ở Long Tôn nghe tin Châu thua, liền đem bè lũ rút trốn.

Vua nghe tin khen ngợi, thưởng cho Nhâm Trật 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn. Lại bảo Nội các rằng : Thổ mục là Đô Y, tên Dy, tên Châu, lòng chứa mối hoạ, đã không phải một ngày, và mật dụ binh dân Man Lạp, không phải chỉ một người, mà tướng quân, tham tán thành Trấn Tây, từng không biết đến, thì chức vụ ở đâu ? Trương Minh Giảng trước đây về Kinh ; lúc bấy giờ việc phát ra, tuy không ở đấy, nhưng ngày thường không biết để tâm dò xét, lỗi cũng khó từ chối, Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương đều giáng 2 cấp, Đoàn Văn Phú quyền nhiếp chưa lâu, Bùi Công Huyên không có trách nhiệm chăn nuôi dân đều được miễn nghị. Nay phải nghiêm đốc quan bắt giặc hết sức tìm bắt bọn phạm ấy, cần bắt bằng được, để chuộc tội trước.

Tướng quân thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng tự Kinh trở về, đi qua Gia Định, nghe tin phủ Khai Biên đạo Hải Đông có việc, lập tức thượng khẩn đi ngay phi báo trước về thành, nói phao lên là "thân đem đại đội binh, thuyền, ngày sắp tới sẽ đến nơi", cho lòng người được yên. Tổng đốc Gia Định là Nguyễn Văn Trọng tức thì phái 300 biền binh và 5 chiếc thuyền thuộc tỉnh ấy đi hộ tống, và làm sớ tâu lên. Vua phê bảo rằng : "Sự cơ chính là tốt, làm việc cũng phải".

Án phủ là Phạm Ngọc Oánh, Hiệp lý là Đoàn Đức Giảng ở đạo Hải Đông phái vận lương thực, đạn dược đến quân thứ, khi đi đến đường rừng Ca Thi bị giặc cướp mất, biền binh gián hoặc có người bị thương, bị chết, quan thành ấy là bọn Đoàn Văn Phú đem việc tâu lên. Vua dụ rằng : "Địa hạt Trấn Tây ở chỗ biên thuỳ, rất là quan yếu, ngày trước nhân giặc Xiêm vừa dẹp yên, dân Man mới phụ thuộc, trẫm uỷ Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Lê Đại Cương chuyên chịu trách nhiệm ở địa phương ấy, về công việc phòng giữ bên ngoài, phủ dụ bên trong,

từng đã ân cần răn bảo, cốt mong để ý vỗ yên, cho được thoả thiếp, cớ sao đột nhiên phát ra việc Sa Tháp, Đô Y, tên Châu, tên Dy làm phản, bè lũ đi theo nhiều, mà ở thành từng không biết đến, khiến cho người kinh lạ vô cùng. Đoàn Văn Phú mới quyền nhiếp làm việc, cố nhiên không đáng trách, còn như Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương ngày thường dạy nuôi trái phép, lòng người không theo, và lại thiếu sự phòng ngừa, gây ra việc biến, là lỗi của ai ? Nên đều truyền Chỉ quở mắng. Rồi cho truyền dụ các phiên mục, đi khắp hiểu dụ bọn thổ binh thổ dân, đại khái nói rằng : Nước Chân Lạp từ khi quy phụ triều đình đến nay, có việc gì là công việc phiền nặng và khổ luỵ, bèn đến nỗi cam tâm phản nghịch như thế, kìa như Sa Tháp chứa nuôi người phản nghịch, ngầm mưu làm loạn, ác nghiệt tự mình gây ra, tự chịu tội giết, bọn giặc Đô Y, tên Dy, tên Châu, chẳng qua vì lòng riêng, cùng bè với kẻ ác, mưu làm việc bậy, không lâu rồi cũng phải giết, còn như thổ binh, thổ dân sở tại, toàn là đều không can gì cả, cớ sao dựa theo bọn ấy, để chịu tai hoạ diệt vong ư ? Tức như trước đây 4, 5 năm, giặc Xiêm đánh phá nước Chân Lạp, tàn ngược bừa bãi, giết hại nhân dân, bắt cả vợ con, đốt nhà cửa, phá chùa tháp. Lúc ấy nhân dân nước Chân Lạp gặp phải ngọn lửa tàn ngược của nước Xiêm, cha không thể giữ được con, chồng không thể nhìn được vợ, tán lạc, đói khổ, không tạm sống được, đã được triều đình thương xót, sai tướng thống lĩnh đại binh, không tiếc tiền lương trăm vạn, giết lui giặc Xiêm, giúp toàn hạt được yên. Và lại để quân ở lại để đàn áp bọn giặc cho dân được ở yên vô sự, thế là đem dân Chân Lạp ở trong bùn than, đặt lên trên chiếu đệm, việc ấy tai mắt mọi người cùng được trông, nghe biết cả, nếu không có quan quân gắng sức dẹp nước Xiêm, thì nước Chân Lạp chắc đã thành đất hoang hết cả, đâu được vui có sống như mấy năm nay ư ? Phàm người có tâm trí, cũng nên biết 1, 2 điều, sẽ cảm ơn không ngớt, sao phải vội sinh oán vọng, cam chịu cho giặc lừa dối dỗ dành, mắc tội lỗi ấy, là cũng chưa nghĩ mà thôi, nếu người Thổ có bị người Kinh khắc khổ sự gì, hoặc quan lại lấn áp, sách nhiễu, có tình tệ gì, cho cứ thực trình bày rõ ràng tất cả, tướng quân, tham tán sẽ thân oan xét cho, quyết không tư vị che chở. Nay triều đình coi người Thổ cũng như người Kinh, vốn không chia khác, sao lại còn mang lòng không yên, để hãm thân vào theo giặc, tự chóng mang tội, nên phải sớm quay đầu về, chớ để bọn giặc lừa dối được, các người là dân đều trở về yên nghiệp làm dân như cũ, người quân lính cũng đều trở về đội ngũ làm quân như cũ, không nên sợ hãi, chạy vào rừng, để phải đói khổ, còn từ trước có bị giặc bắt hiếp theo chúng, đều khoan tha cho, không truy xét nữa. Nếu cố chấp, mê muội không tỉnh ngộ, tự chịu ngu dại, thì khi quân nhà vua đến, đánh giết càng dữ, không những hoạ đến thân mình, mà lại giết cả vợ con, hối không kịp nữa,

khiến cho thổ dân sở tại, cảm hết nghĩ lại, cùng theo về yên ổn, rồi bọn phản nghịch chơ vơ không nơi nương tựa, tự khắc phải bắt được".

Bèn sai Binh khoa Cấp sự trung Trần Văn Triện mang tờ dụ đi ngay tuyên dụ bảo rõ, nhân tiện dò xét quan lại ở thành phủ có gây nên việc biến không, hoặc tự bọn phạm nghịch có ý gây vạ, cứ thực về tâu.

Điệu quân đóng ở Gia Định : vệ trung dinh Hổ uy và cơ tả Quảng Nam đều một nửa đi đóng giữ ở Trấn Tây ; phái thêm quân ở Kinh, vệ trung dinh Hùng nhuệ đóng ở Gia Định. Lại cho đem gạo ở Vĩnh Long 30.000 phương, ở Định Tường 20.000 phương vận tải ở Trấn Tây để dùng. Đặt trạm An Nông thuộc tỉnh An Giang (ở hạt phủ Chân Thành) tự tỉnh lỵ qua Vĩnh Tế cho đến Hà Tiên ; đường sá xa xôi, chuẩn cho đặt 1 trạm giữa đường, bắt 60 người dân Phiên sung làm lính trạm ; chọn đặt dịch thừa, dịch mục, mỗi chức 1 người, để truyền đệ văn thư quan trọng đi về. Lại nghĩ phủ Khai Biên có việc, cho phái 1 người lại viên ở tỉnh giúp việc.

Dời làm đồn Phú Quốc ở Hà Tiên ra nơi khác và làm thêm đồn Hàm Ninh.

Trước đây, vua nghĩ Phú Quốc là chỗ bờ biển quan yếu, 12 xã thôn sở tại, địa thế hơi rộng, sai quan tỉnh ấy xem chỗ hình thế đẹp, cho làm đồn ở phận thôn An Thái để ngăn ngừa giặc biển. Ngày trước xây dựng chưa xong, bỗng ở Nam Kỳ có loạn, dân cư phiêu tán, mới thành rừng hoang. Đến nay Bố chính Lê Văn Trung thân hành đi khám lại, dâng sớ nói : địa hình đồn cũ, vốn là hiểm yếu, nhưng mặt phía sau một dải suối cạn, mùa mưa mới có nước, mà cỏ cây ở trong rừng trôi ngập xuống đấy, uống vào sinh nhiều bệnh, thật không phải nơi đất lành để đóng quân, duy có xứ Bình Sa thôn Phú Đông, phía trước giáp cửa biển Dương Đông ; phía sau liền với miền núi ; bên tả có gò Sa ; bên hữu có sông Dương Đà, lại nhiều nước ngọt có thể múc uống được, dân cư nối liền, thuyền buôn tụ hội, xin nên dời làm ở đấy, vẫn gọi là đồn Phú Quốc.

Lại thôn Hàm Ninh, có 1 khoảnh gò cát, phía trước tới bãi biển, bên tả giáp sông Diệp, bên hữu và phía sau đều giáp rừng rú, dân ở đấy năm trước thường bị giặc Đồ Bà cướp bóc, chỗ ở không nhất định, vả lại từ đấy đến Phú Đông, cách nhau chỉ mấy khắc, giả sử có việc gì hoãn hay kíp, hưởng ứng cũng tiện ; xin đặt riêng một đồn gọi là đồn Hàm Ninh, liệu bắt cơ Tả ở Hà Tiên 2 suất đội và 70 biền binh theo viên phòng thủ uý chia phái đóng giữ. (Đồn Phú Quốc dài suốt 45 trượng 1 thước 6 tấc, cao 7 thước 2 tấc, dày 9 thước ; thân đồn và 4 góc, trong ngoài đều làm hàng rào gỗ, giữa đổ đầy đất, 2 bên tả hữu đều xây 1 cửa cao 8 thước, rộng 6 thước ; ở trên làm nhà vuông ; hào đào rộng 1 trượng, sâu 3 thước ; bên trong đồn,

có trại lính 5 gian 2 chái ; phía sau đồn làm kho thuốc đạn 2 gian, bên ngoài đồn phía trước bên tả, chỗ gò cát làm 1 chòi canh cao 2 trượng, trên đồn chia đặt 2 cỗ súng gang phách sơn, 6 cỗ súng đồng quá sơn, 1 suất đội, 50 biền binh đóng giữ ở đấy. Đồn Hàm Ninh dài suốt 32 trượng, chiều cao chiều dày cũng như đồn Phú Quốc, 4 mặt đều đóng hàng rào gỗ ; bên tả xây 1 cửa cao 8 thước, rộng 5 thước, trên bác bằng gỗ ; hào đào rộng 8 thước, sâu 3 thước ; bên trong đồn, có trại lính 3 gian 2 chái ; đoạn giữa phía mặt trước, dựng 1 cái chòi canh cao 2 trượng ; 2 góc tả, hữu đặt 2 cỗ súng đồng quá sơn, 1 suất đội 20 biền binh đóng giữ ở đấy).

Vua y lời tâu ấy.

Chuẩn định từ nay, phàm chức tri phủ các phủ có khuyết, giao đình thần chọn cử, thì nếu tri huyện, xét có thực trạng xuất sắc mới được chỉ tên bảo cử tâu lên, còn thì đều cho đồng tri phủ thăng bổ, cho hợp giai cấp, ghi để làm lệ. (Từ trước phần nhiều cho tri huyện thôi bổ, là lỗi về vượt bậc).

Ngày Tân Tỵ, làm lễ Xuân hưởng. Vua thân đến Thái miếu làm lễ, chức quan bồi tế noi theo như trước làm việc, các đại thần đều chiểu lệ chia đứng ở 8 án thờ hai bên tả, hữu ; quan tứ ngũ phẩm, hoặc chiểu theo vị án thờ, hoặc xếp hàng đứng ngang vai nhau, phần nhiều mạo muội mất trật tự.

Vua bảo bộ Lễ rằng : "Các án thờ ở 2 bên tả hữu đã có quan thừa tế làm việc ; quan bồi tế thì nên lấy án chính làm trọng, mới hợp nghĩa "lễ thống thuộc cả ở trên", chuẩn cho từ nay, phàm dự bồi tế ở Thái miếu, văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên, đều chiểu phẩm xếp hàng đứng ở 2 bên tả hữu đường giữa sân, không cứ phẩm nào, số viên nhiều ít, đều không được chia đứng như trước, cho nghiêm chỉnh thứ bậc và hợp lễ độ. Lại sắc từ nay, phàm đại lễ hưởng tự, có chọn bắt biền binh các vệ đội để theo thự Thanh bình, sung vào hàng múa, thì sau khi lễ xong, cho đều chiểu số người, thưởng cấp cho tiền".

Thái giám giữ kho là Dương Uy vì cha mẹ già đau yếu, xin nghỉ gia hạn về nguyên quán ở Thanh Hoa thăm hỏi. Vua bảo Nội các rằng : "Chức thái giám là để quét rửa ở nội đình, bất kỳ sai khiến đến, hẳn quê ở ngoài 500 dặm, không thể đi, về chốc lát được, đã là không tiện, huống chi bọn ấy, là người ngu tối không có kiến thức, nếu đi đường xa, hoặc bị bọn giặc lừa dối dẫn dụ làm điều trái phép, sự quan hệ không phải là nhỏ, lời xin ấy không cho thi hành và từ nay về sau, bọn thái giám nếu có gia tình bách thiết, mà quê ở gần Kinh kỳ thì mới chuẩn cho xin nghỉ, còn ở xa từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, thì không được xin nhằm ; ghi để làm lệnh".

Cho Chưởng vệ lĩnh thị vệ là Nguyễn Trọng Tính quản lĩnh viện Cung giám.

Vua bảo rằng : "Viện Cung giám, tuy không ví như các ty, cố nhiên không nên đặt viên chuyên trách cai quản, nhưng để cho cùng nhau trông coi, mà không có 1 quan ngoài xem xét đến, sợ không tỏ ra thế trong ngoài ràng buộc lẫn nhau. Nay chuẩn cho từ thủ lĩnh thái giám trở xuống, năm nay cho Nguyễn Trọng Tính trông coi, còn từ nay về sau, hằng năm đầu mùa xuân, do bộ Binh tâu xin phái 1 viên đại thần văn võ, hoặc quản thị vệ để thay, cho có thống thuộc ; ghi để làm lệ".

Lại chuẩn định từ nay thái giám, cung giám thường trực ở nơi nào, phải do thủ lĩnh thái giám nơi ấy tra xét, không để ban trực vắng thiếu, nếu không phải đặc Chỉ sai phái, mà dám tự tiện đương đêm ra ngoài và không kể ngày đêm, dám cùng người ngoài giao du nói chuyện hão, hoặc các việc nhỏ như đánh bạc, xem trò vui ; đều phải trói lại đánh 40 côn đỏ ; nếu đem việc quan trọng của việc quân việc nước tiết lộ ra, hoặc việc ở cung cấm, bàn nói với người ngoài, và giúp cho người dò thám tin tức ngày thường ở trong cung, thì xử tử không tha, nếu thủ lĩnh che chở không phát giác, cũng phân biệt trị tội, thủ lĩnh có phạm tội, cho thái giám hoặc cung giám bậc dưới cứ thực tâu lên, lượng cho khen thưởng, nếu cùng ở với nhau không phát giác ra, mà thái giám, cung giám ở chỗ khác biết tố cáo ra thì gia bậc thưởng cho.

Phái quân ở Kinh đi tuần ngoài biển. Vua bảo bộ Binh rằng : "Trước đã giáng dụ, hằng năm thuyền binh ở Kinh đi tuần biển, cứ tuần đầu tháng 2 thì phái đi, nay khi trời tạnh sáng, đường biển thuận tiện, chính là kỳ thuyền buôn đi lại, phải dự trước việc canh phòng tuần tiễu, cho bờ biển được nghiêm. Vậy phái thuyền hiệu Thanh hải 1 chiếc, ngồi trong đó, thuỷ sư : suất đội, đội trưởng đều 1người, biền binh 30 người ; bộ quân : suất đội 1 người, biền binh 45 người, pháo thủ 5 người. Thuyền hiệu Tuần hải 2 chiếc, mỗi chiếc thuỷ sư : suất đội 1 người, biền binh 25 người ; bộ quân : đội trưởng 1 người, binh 25 người, pháo thủ 4 người. Thuyền Ô 2 chiếc, mỗi chiếc thuỷ sư : suất đội 1 người, binh 20 người ; bộ quân : đội trưởng 1 người, binh 20 người, pháo thủ 2 người. Giao cho quản vệ thuỷ sư và bộ quân đều 1 người, cứ từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận chia nhau đốc thúc đi lại tuần phòng, nếu gặp giặc thì chặn bắt. Lại truyền Chỉ cho các tỉnh từ Quảng Nam đến Bình Thuận cũng đều lập tức phái đi tuần biển, không cứ hạn tháng 2.

Sai các địa phương làm sổ tâu về số đinh các phủ huyện trong hạt tăng hay giảm, nghị định thưởng phạt có thứ bậc.

Vua dụ rằng : "Giữ dân, không có cách gì khác, cốt ở sự yên nuôi, sinh sản đấy mà thôi, cho nên đời xưa nói đến nước thịnh trị, tất phải nói là dân đã đông đúc,

trẫm từ khi lên ngôi đến nay, chỉ chăm lo việc vỗ nuôi nhân dân và gia ơn cho kẻ quan, quả, cốt mong cho dân ta sinh sản ngày một nhiều để được cường thịnh, thế mà gần đây, sổ đinh các địa phương, mỗi khi gặp năm duyệt tuyển mới thấy số tăng thêm, kể thì hạng tráng lên hạng lão, thì hạng thiếu lại thành hạng tráng, là lẽ thường sinh sôi ra ; đâu có lý hằng năm đều không sinh trưởng thêm lên, riêng đến kỳ tuyển duyệt mới có thể ghi chép vào sổ được, xét nguyên nhân ấy, toàn bởi thượng ty địa phương ấy không chịu gia tâm xem xét, mà phủ huyện sở tại cũng không để ý đến việc dân, hết thảy nghe theo hương hào, tổng lý, trong đó, giấu bớt trừ đi thì nhiều, tục vào thì ít, nên hộ khẩu không thấy tăng lên, vả lại đốc, phủ, bố, án chỉ tóm đại cương, phủ huyện có trách nhiệm về xã dân, sao cũng một niềm cho làm việc ở ngoài bụng nghĩ, nên phải phân biệt thưởng phạt, để tỏ khuyên răn. Các tỉnh từ Bình Định trở vào Nam đến Hà Tiên, năm nay hiện đến kỳ tuyển duyệt, và các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, với huyện Tam Nông ở Hưng Hoá, năm thứ 18, vừa mới tuyển duyệt, cùng là các tỉnh Quảng Yên, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hoá, nguyên không có lệ tuyển duyệt, không phải xét bàn. Còn các hạt từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Quảng Ngãi, trở ra Bắc đến Ninh Bình, chuẩn cho Kinh doãn và các đốc, phủ, bố, án đều căn cứ sổ đinh các phủ huyện trong hạt về năm Minh Mệnh thứ 18, so với năm thứ 17, xem hạt nào tăng nhiều, hạt nào giảm ít, và không tăng, không giảm, hợp thành số lớn, chiết tinh chia làm 100 thành, tăng 1 thành trở lên là hạng ưu, 1 thành là hạng bình ; số tăng giảm không đến 1 thành, cùng là không tăng không giảm là hạng thứ ; giảm 1 thành trở lên là hạng liệt ; làm sổ tâu lên, đợi trẫm quyết định". Đến khi sổ dâng lên, vua chuẩn cho bộ Hộ châm chước bàn việc thưởng phạt thi hành. (Các phủ, huyện cứ theo số người ở sổ đinh trong 2 năm 17 và 18, chia làm 100 thành, tăng 1 thành, thì thưởng kỷ lục 1 thứ ; 2, 3 thành, thưởng 2 thứ ; 4, 5 thành thưởng 3 thứ ; 6 thành trở lên, gia 1 cấp. Giảm 1 thành thì phạt lương 6 tháng ; 2, 3 thành phạt 1 năm ; 4, 5 thành phạt 1 năm rưỡi ; giảm 6 thành trở lên, giáng 1 cấp. Các thượng ty đều chiểu số tăng giảm ở phủ huyện, đem số tăng trừ số giảm, tính đổ đồng về số tăng giảm không đến 1 thành và 1 thành thì miễn nghị ; 6, 7 thành thưởng 3 thứ ; từ 8 thành trở lên, gia 1 cấp. Giảm 2, 3 thành, phạt lương 6 tháng ; 4, 5 thành phạt 1 năm ; 6, 7 thành phạt 1 năm rưỡi ; từ 8 thành trở lên, giáng 1 cấp ; phủ Thừa Thiên, thì đề đốc và phủ thừa, đều phải nghị xử, các tỉnh, thì bố chính và đốc phủ là chuyên trách ; án sát, chuyên giữ việc hình, không xử đến).

Sai tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Bình tìm chỗ thuê dân chăn nuôi ngựa của Nhà nước, về việc cấp phát tiền lương và phân biệt thưởng phạt, đều theo như lệ ở Thừa Thiên, Quảng Nam năm trước nghị định.

Lại cho viên phải cách ra làm quan là Vũ Hữu Quỳnh làm Tư vụ ở Vũ khố ; Nguyễn Danh Giáp làm Tư vụ bộ Công, sung làm việc ở sở đốc công.

Vua ngự giá chơi xem kho thuốc đạn, đi thuyền ở ao Ký tế, bắn thử, lấy chim bắn được, chia cho các đại thần theo hầu, nhân bảo bộ Binh liệu đem biển binh đến chỗ gần nước ở mạn trong tường, xung quanh ao ấy, trồng tre khắp cả, để làm chỗ cho chim đậu ở.

Định lệ dán giấy vàng vào phiếu nghĩ chương sớ. Lệ cũ các nha ở Kinh, tiếp được chương sớ các hạt đệ đến, trước hết duyệt bản phụ, nghĩ lời Chỉ làm phiếu, rồi đem bản chính nguyên phong và bản phiếu cùng dâng lên, kính đợi vua phê, tuân theo lời phê phụng mệnh thi hành. Còn như các nha ở Kinh tiếp được bản tâu, có xin giao cho bộ thần làm phiếu nghĩ, và bộ thần có xin giao cho viện Cơ mật, Nội các và viên quan đương ứng trực làm phiếu nghĩ, thì trước hết đem nguyên bản phong lại dâng trình, còn nha làm phiếu, hoặc đem lý do phúc tâu ngay trước mặt, hoặc chiểu lý theo lệnh làm phiếu, thì nguyên tập không phải lại dâng nữa, đem riêng tờ nghĩ lời Chỉ làm phiếu để tâu xét lại. Sau khi được Chỉ, tuân theo lời phê, phụng hành. Đến nay, quan 6 bộ hội bàn, cho là nguyên tập đã dâng trình, mà trong phiếu lại nói, đã phạm trùng điệp, huống chi bản tâu cùng phiếu nghĩ, mà chia làm 2, thì trong đó có chỗ phải đối chiếu, so sánh thường khi phiền sự kiểm duyệt, chưa đủ tỏ ra thận trọng ; bèn dâng sớ xin từ nay, phàm tiếp được tất cả chương sớ, gặp có phong kín tâu lên thẳng, và việc quân quan hệ, do viện Cơ mật mang đệ, thì đem nguyên phong dâng trình, không phải mở xem, còn theo thường làm việc thì việc thuộc nha nào, do nha ấy đem chính bản nguyên phong, mở xem tất cả, nếu có việc nên bác, hoặc nên đổi nghị, thì làm tập riêng tâu xin, cùng với nguyên tập cùng dâng, đợi Chỉ tuân theo làm việc, ngoài ra đều chiểu theo sự lý làm phiếu nghĩ ; dùng riêng 1 mảnh giấy vàng, nêu lên nói rõ ngày tháng năm nào ; tiếp được sớ tâu ở tỉnh nào, hoặc án nói việc gì, chiểu trong bản ấy, kính nghĩ lời Chỉ dẫn ở bên trên bản tâu ; rồi đem chính bản dán giấy vàng ấy, bỏ vào nguyên phong dâng trình, để tiện mở xem, đợi khi được châu điểm, hoặc có châu phê, chữ son đổi lại giao ra, chiểu lời phê trong đó xin đóng ấn thi hành, còn mảnh giấy vàng dán trước, đã được chữ vua phê bảo, thì bóc ra dán vào bản phụ, giao cho Nội các nhận giữ để lưu chiểu, gián hoặc có việc thuộc việc quan ngại, phải tâu ngay trước mặt thì dâng tâu lên, sau khi được Chỉ, chiểu lý theo lệnh làm phiếu, lại đem nguyên sớ dán giấy vàng dâng trình, rồi chiểu theo trước làm việc. Chương sớ các nha ở Kinh có xin giao cho quan ở bộ làm phiếu, và các nha 6 bộ xin giao cho Cơ mật, Nội các và viên quan đương ứng trực làm phiếu thì đều chiểu theo thế mà làm, nếu khi có do quan ở

bộ, viện hay quan ở Các, theo sắc được Chỉ dụ riêng, thì theo y lệ trước, nhưng dùng giấy phiếu dâng trình, để cho phân biệt, còn như sổ sách, số mục rất nhiều, đều do ty chuyên trách kê cứu, làm phiếu đề tâu để xét lại, cũng theo lệ trước.

Vua nghe theo lời bàn ấy, phàm các phiếu giấy vàng dán vào, chuẩn cho Nội các đóng thành tập để giữ.

Xây đắp thành tỉnh Biên Hoà (chu vi dài suốt 338 trượng, cao 8 thước 5 tấc, dày 1 trượng 5 thước ; hào đào rộng 3 trượng ; cửa thành 4 cửa). Vua sai phát 4.000 binh dân làm việc, lại cho là công trình trọng đại, phái Vệ uý vệ Tả bảo nhị là Nguyễn Văn Gia, thự Phó vệ uý vệ Tiền dinh Long võ là Phan Văn Lăng, Vệ uý vệ Tả thuỷ Gia Định là Lê Văn Tự, Vệ uý vệ Bình Thuận là Tôn Thất Mậu đi coi làm, khi công việc xong, thưởng cấp kỷ và tiền có thứ bậc.

Đặt đồn điền ở Tả hữu trạch nguyên.

Vua dụ bộ Hộ rằng : "Lâu nay nước nhà được yên, hộ khẩu ngày càng nhiều, đồng ruộng các địa phương sở tại vì thế ngày càng mở mang, thế mà đất ở Kinh kỳ bỏ hoang còn nhiều, tức như 2 trạch nguyên bên tả bên hữu, cách Kinh thành vốn không xa lắm, từ trước đến giờ bỏ cỏ hoang há chẳng đáng tiếc ư ? Trước đã phái Phó sứ ty Hộ thành binh mã là Nguyễn Văn Xướng mang theo giám thành cùng đi ngắm đo, vẽ bản đồ dâng lên để xem, trong đó, những chỗ gần tiện, có thể cày cấy ở được, tất cả được hơn 10 chỗ, nên truyền Chỉ cho Kinh doãn, liệu thuê 2.000 người dân hạt ấy, hợp lực khai khẩn, cỏ hoang thì khai phá, hổ báo thì đuổi đi, cốt được ruộng đất có thể cày cấy được, hạn trong 1 tháng phải mở rộng rãi bằng phẳng, rồi cho nhân dân nhận lĩnh cày cấy và ở, tự làm lấy mà ăn, để cho được vui sự vui, lợi sự lợi, đợi sau 6 năm, hiện thành vườn ruộng, chiểu lệ, bắt đầu thu thuế". Sau khai khẩn được thành đất hơn 140 mẫu, dân đến xin ở và cày cấy hơn 90 người, sai cấp cho mỗi người 10 quan tiền để làm vốn, sai, dịch đều miễn cả. Lại phát các tù, đi đày ở các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi và người phát làm binh khổ sai, làm việc chuộc tội ở Kinh hơn 70 người, sắp xếp vào đồn điền, do phủ Thừa Thiên quản thúc, để cho đem sức khai khẩn cày cấy.

Đồng hồ cầm canh ở Ngọ Môn không đúng giờ. Vua nghe thấy, bảo Nội các rằng : Nay tiết vừa lập xuân, ngày thì 46 khắc, đêm 50 khắc, trừ lúc chập tối và lúc mờ sáng 4, 5 khắc, thế là 1 đêm còn trên dưới 45 khắc, chia làm 5 canh, mỗi canh phải được 9 khắc, cớ sao đêm hôm trước, giờ Dậu chính 2 khắc bắt đầu vào canh, mà giờ Tuất chính 2 khắc đã sang trống canh hai, thì canh đầu trước sau chỉ có 8 khắc, canh đầu nếu ngắn như thế, về sau không khỏi hơi dài, vì thế khoảng canh tư,

canh năm, dụng ý tăng, giảm, thậm chí canh năm đến 8, 9 khắc, mà trời hãy còn tối chưa sáng, bất đắc dĩ, lại chậm chậm để đợi, nên canh năm khác nhau nhầm lẫn so le, toàn không chuẩn định, nên đem lại viên ty Khâm thiên người giữ đồng hồ cầm canh, phạt trượng, giám chánh, giám phó đều phạt lương, rồi sai phân biệt hằng năm 24 khí hậu, tiết nào đồng hồ ban đêm là bao nhiêu ; trừ lúc chập tối và mờ sáng, còn là bao nhiêu, mỗi canh đáng phải thời khắc bao nhiêu, lần lượt kê rõ tâu lên, đến khi tâu lên, vua chuẩn cho từ nay về sau, chiểu theo thế thi hành. (Tiết Lập xuân Lập đông : Mặt Trời mọc chính giữa giờ Mão 1 khắc 5 phân, Mặt Trời lặn đầu giờ Dậu 2 khắc 10 phân, ngày 45 khắc 5 phân, đêm 50 khắc 10 phân ; trong đó trừ lúc mờ tối, buổi tối 1 khắc 13 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả là 3 khắc 11 phân, suốt đêm thực còn tất cả 46 khắc 14 phân, mỗi canh 9 khắc 5 phân 8 sao ; suốt đêm đồng hồ cát[1] 23 chuyển 4 phân 6 ly, mỗi canh 4 chuyển 6 phân 9 ly, sau khi sưu không[2], bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu khắc đầu 8 phân, đến chính giờ Tuất 1 khắc 14 phân, khắc phân ấy, đồng hồ cát ống cát chảy ra 4 chuyển 7 phân. Canh hai từ chính giờ Tuất 2 khắc, đến chính giờ Hợi 3 khắc 5 phân, đồng hồ cát 9 chuyển 4 phân. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 6 phân, đến đầu giờ Sửu khắc đầu 11 phân, đồng hồ cát 14 chuyển 1 phân. Canh tư từ đầu giờ Sửu khắc đầu 12 phân, đến đầu giờ Dần 2 khắc 2 phân, đồng hồ cát 18 chuyển 8 phân. Canh năm từ đầu giờ Dần 2 khắc 3 phân, đến đầu giờ Mão 1 khắc 8 phân, ống chảy cát ra khắc phân ấy, đồng hồ cát 22 chuyển 4 phân 6 ly, đến đầu giờ Mão 3 khắc 8 phân, tổng hợp các canh lại đồng hồ 23 chuyển 4 phân 6 ly.

Tiết Vũ thuỷ sương giáng : Mặt Trời mọc chính giờ Mão khắc đầu 14 phân, Mặt Trời lặn đầu giờ Dậu 3 khắc 1 phân, ngày 46 khắc 2 phân, đêm 49 khắc 13 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 12 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 9 phân, thực còn suốt đêm tất cả 46 khắc 4 phân, mỗi canh 9 khắc 3 phân 8 sao, suốt đêm chiếu đồng hồ cát 23 chuyển 1 phân 1 ly, mỗi canh 4 chuyển 6 phân 2 ly, sau khi sưu không, bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu khắc đầu 11 phân, đến chính giờ Tuất 1 khắc 13 phân ; khắc phân ấy, đồng hồ cát ống cát chảy ra 4 chuyển 6 phân 2 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 1 khắc 14 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 1 phân, đồng hồ cát 9 chuyển 2 phân 4 ly. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 2 phân, đến đầu giờ Sửu khắc đầu 4 phân, đồng hồ cát 13 chuyển 8 phân 6 ly. Canh từ

(1) *Đồng hồ cát :* thời cổ, chế thứ đồng hồ cát này, dùng ở nơi giá rét, để thay thứ đồng hồ nước, vì sợ rét quá, nước thành băng không nhỏ giọt xuống (tra *Từ hải).*

(2) *Sưu không :* ta thường gọi đánh trống thu không, là lúc nhá nhem tối, người làm ở đồng về nghỉ cả.

từ đầu giờ Sửu, khắc đầu 5 phân, đến đầu giờ Dần 1 khắc 11 phân, đồng hồ cát 18 chuyển 4 phân 8 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần 1 khắc 12 phân, đến đầu giờ Mão 1 khắc 2 phân, ống chảy cát ra, khắc phân ấy, đồng hồ cát 22 chuyển 1 phân 1 ly, đến đầu giờ Mão 3 khắc 2 phân tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 23 chuyển 1 phân 1 ly.

Tiết Kinh trập, hàn lộ : Mặt Trời mọc chính giờ Mão khắc đầu 6 phân, Mặt Trời lặn đầu giờ Dậu 3 khắc 9 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 11 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 7 phân, thực còn suốt đêm tất cả 45 khắc 7 phân, mỗi canh 9 khắc 1 phân 4 sao, suốt đêm đồng hồ cát 22 chuyển 6 phân 2 ly, mỗi canh 4 chuyển 5 phân 2 ly, sau khi sưu không bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu 1 khắc 6 phân, đến chính giờ Tuất 2 khắc 7 phân, khắc phân ấy, đồng hồ cát ống chảy ra 4 chuyển 5 phân 1 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 2 khắc 8 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 8 phân, đồng hồ cát 9 chuyển 2 ly. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 9 phân, đến đầu Sửu khắc đầu 10 phân, đồng hồ cát 13 chuyển 5 phân 3 ly. Canh tư từ đầu giờ Sửu, khắc đầu 11 phân, đến đầu giờ Dần 1 khắc 11 phân, đồng hồ cát 18 chuyển 4 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần 1 khắc 12 phân, đến đầu giờ Mão, khắc đầu 5 phân, ống cát chảy ra, khắc phân ấy, đồng hồ cát 21 chuyển 6 phân, đến đầu giờ Mão 2 khắc 10 phân tổng hợp các canh lại đồng hồ cát 22 chuyển 6 phân 2 ly.

Tiết Xuân phân Thu phân : Mặt Trời mọc chính giờ Mão khắc đầu, Mặt Trời lặn chính giờ Dậu khắc đầu, ngày 48 khắc, đêm 48 khắc, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 11 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 7 phân, suốt đêm thực còn tất cả 44 khắc 8 phân, mỗi canh 8 khắc 13 phân 6 sao, suốt đêm đồng hồ cát 22 chuyển 1 phân 6 ly, mỗi canh 4 chuyển 4 phân 3 ly, sau khi sưu không bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu 1 khắc 11 phân, đến chính giờ Tuất 2 khắc 9 phân, khắc phân ấy, đồng hồ cát ống cát chảy ra 4 chuyển 4 phân 3 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 2 khắc 10 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 8 phân, đồng hồ cát 8 chuyển 8 phân 6 ly. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 9 phân, đến đầu giờ Sửu, khắc đầu 6 phân, đồng hồ cát 12 chuyển 2 phân 9 ly. Canh tư từ đầu giờ Sửu, khắc đầu 7 phân, đến đầu giờ Dần 1 khắc 5 phân, đồng hồ cát 17 chuyển 7 phân 2 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần, 1 khắc 6 phân, đến giờ Mão, khắc đầu 4 phân, ống cát chảy ra, khắc phân ấy, đồng hồ cát 21 chuyển 1 phân 6 ly, đến đầu giờ Mão 2 khắc 4 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 22 chuyển 1 phân 6 ly.

Tiết Thanh minh, bạch lộ : MặtTrời mọc đầu giờ mão 3 khắc 8 phân, Mặt Trời lặn chính giờ Dậu, khắc đầu 7 phân, ngày 48 khắc 14 phân, đêm 47 khắc 1 phân,

trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 11 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 7 phân, suốt đêm thực còn tất cả 43 khắc 9 phân, mỗi canh 8 khắc 10 phân 8 sao, suốt đêm đồng hồ cát 21 chuyển 8 phân, mỗi canh 4 chuyển 3 phân 6 ly, sau khi sưu không, bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu 2 khắc 3 phân, đến chính giờ Tuất 2 khắc 14 phân, khắc phân ấy đồng hồ cát ống cát chảy ra 4 chuyển 3 phân 6 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 3 khắc, đến chính giờ Hợi 3 khắc 10 phân, đồng hồ cát 8 chuyển 7 phân 2 ly. Canh ba từ chính giờ hợi 3 khắc 11 phân, đến đầu giờ Sửu khắc đầu 6 phân, đồng hồ cát 13 chuyển 8 ly. Canh từ từ đầu giờ Sửu khắc đầu, đến đầu giờ Dần 1 khắc 2 phân, đồng hồ cát 17 chuyển 4 phân 4 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần 1 khắc 3 phân, đến chính giờ Dần 3 khắc 20 chuyển 8 phân, đến đầu giờ Mão 1 khắc 12 phân, tổng hợp các canh lại đồng hồ cát 21 chuyển 8 phân.

Tiết Cốc vũ, Xử thử : Mặt Trời mọc đầu giờ Mão 3 khắc 1 phân, Mặt Trời lặn chính giờ Dậu khắc đầu 14 phân, ngày 49 khắc 13 phân, đêm 46 khắc 2 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 12 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 9 phân, suốt đêm thực còn tất cả 42 khắc 8 phân, mỗi canh 8 khắc 7 phân 6 sao, suốt đêm đồng hồ cát 21 chuyển 2 phân 6 ly ; mỗi canh 4 chuyển 2 phân 5 ly, sau khi sưu không, bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu 2 khắc 11 phân, đến chính giờ Tuất 3 khắc 4 phân, khắc phân ấy, đồng hồ cát ống cát chảy ra 4 chuyển 2 phân 5 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 3 khắc 5 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 11 phân, đồng hồ cát 8 chuyển 5 phân. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 12 phân, đến đầu giờ Sửu, khắc đầu 4 phân, đồng hồ cát 12 chuyển 7 phân 5 ly. Canh tư từ đầu giờ Sửu, khắc đầu 5 phân, đến đầu giờ Dần khắc đầu 12 phân, đồng hồ cát 17 chuyển. Canh năm từ đầu giờ Dần, khắc đầu 13 phân, đến chính giờ Dần 3 khắc 4 phân, ống cát chảy ra khắc phân ấy, đồng hồ cát 20 chuyển 2 phân 6 ly, đến đầu giờ Mão 1 khắc 4 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 21 chuyển 2 phân 6 ly.

Tiết Lập hạ, Lập thu : Mặt Trời mọc đầu giờ Mão 2 khắc 10 phân, Mặt Trời lặn chính giờ Dậu 1 khắc 5 phân, ngày 50 khắc 10 phân, đêm 45 khắc 5 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 13 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 11 đêm, suốt đêm thực còn tất cả 41 khắc 9 phân, mỗi canh 8 khắc 4 phân 8 sao, suốt đêm đồng hồ cát 20 chuyển 9 phân 5 ly, mỗi canh 4 chuyển 1 phân 9 ly, sau khi sưu không bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu 3 khắc 3 phân, đến chính giờ Tuất 3 khắc 8 phân ; khắc phân ấy đồng hồ cát ống cát chảy ra 4 chuyển 1 phân 9 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 3 khắc 9 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 13 phân, đồng hồ cát 8 chuyển 3 phân 8 ly. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 14 phân, đến đầu giờ Sửu khắc đầu 3 phân, đồng hồ cát 12 chuyển 5 phân 7 ly. Canh tư từ đầu giờ Sửu khắc đầu

4 phân, đến đầu giờ Dần khắc đầu 7 phân, đồng hồ cát 16 chuyển 7 phân 6 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần khắc đầu 8 phân, đến chính giờ Dần 2 khắc 12 phân, đồng hồ cát ống cát chảy ra ở 19 chuyển 9 phân 5 ly, đến đầu giờ Mão khắc đầu 12 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 20 chuyển 9 phân 5 ly.

Tiết Tiểu mãn, Đại thử : Mặt Trời mọc đầu giờ Mão 2 khắc 7 phân, Mặt Trời lặn chính giờ Dậu 1 khắc 8 phân, ngày 51 khắc 1 phân, đêm 44 khắc 14 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 14 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 13 phân, suốt đêm thực còn 41 khắc 1 phân, mỗi canh 8 khắc phân 1 sao, suốt đêm đồng hồ cát 20 chuyển 5 phân 1 ly, mỗi canh 4 chuyển 1 ly, sau khi sưu không bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu 3 khắc 7 phân, đến chính giờ Tuất 3 khắc 10 phân ; khắc phân ấy đồng hồ cát ống chảy cát ra 4 chuyển 1 phân. Canh hai từ chính giờ Tuất 3 khắc 11 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 13 phân, đồng hồ cát 8 chuyển 2 phân. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 14 phân đến chính giờ Tý 3 khắc 14 phân, đồng hồ 12 chuyển 3 phân. Canh tư từ đầu giờ Sửu khắc đầu, đến đầu giờ Dần khắc đầu 1 phân, đồng hồ cát 16 chuyển 4 phân. Canh năm từ đầu giờ Dần khắc đầu 2 phân, đến chính giờ Dần 2 khắc 9 phân, ống chảy cát ra, khắc phân ấy, đồng hồ cát 19 chuyển 5 phân. Đến đầu giờ Mão khắc đầu 9 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 20 chuyển 5 phân 1 ly.

Tiết Mang thực, Tiểu thử : Mặt Trời mọc đầu giờ Mão 2 khắc 2 phân, Mặt Trời lặn chính giờ Dậu 1 khắc 13 phân, ngày 51 khắc 11 phân, đêm 44 khắc 4 phân, trong đó trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 14 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 13 phân, suốt đêm thực còn tất cả 40 khắc 6 phân, mỗi canh 8 khắc 1 phân 2 sao, suốt đêm đồng hồ cát 20 chuyển 2 phân, mỗi canh 4 chuyển 4 ly, sau khi sưu không, bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu 3 khắc 12 phân, đến chính giờ Tuất 3 khắc 13 phân, khắc phân ấy đồng hồ cát ống chảy cát ra 4 chuyển 4 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 3 khắc 14 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc, đồng hồ cát 8 chuyển 8 ly. Canh ba từ giờ Tý khắc đầu, đến đầu giờ Sửu khắc đầu 1 phân, đồng hồ cát 12 chuyển 1 phân 2 ly. Canh tư, từ đầu giờ Sửu khắc đầu 2 phân, đến đầu giờ Dần khắc đầu 2 phân, đồng hồ 16 chuyển 1 phân 6 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần khắc đầu 3 phân, đến chính giờ Dần 2 khắc 3 phân, đồng hồ cát ống chảy cát ra 19 chuyển 3 phân, đến đầu giờ Mão khắc đầu 3 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 20 chuyển 2 phân.

Tiết Hạ chí : Mặt trời mọc đầu giờ Mão 2 khắc 1 phân, Mặt Trời lặn chính giờ Dậu 1 khắc 14 phân, ngày 15 khắc 13 phân ; đêm 44 khắc 2 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 2 khắc, buổi sớm cũng thế, tất cả 4 khắc, suốt đêm thực còn tất cả

40 khắc 2 phân, mỗi canh 8 khắc 4 sao, suốt đêm đồng hồ cát 20 chuyển 6 ly, mỗi canh 4 chuyển 1 ly, sau khi sưu không bắt đầu vào canh một, từ đầu giờ Tuất khắc đầu 1 phân, đến đầu giờ Hợi khắc đầu 1 phân, khắc phân ấy, đồng hồ cát ống chảy cát ra 4 chuyển 1 ly. Canh hai từ đầu giờ Hợi khắc đầu 2 phân, đến đầu giờ Tý khắc đầu 1 phân, đồng hồ cát 8 chuyển 2 ly. Canh ba từ đầu giờ Tý khắc đầu 2 phân, đến đầu giờ Sửu khắc đầu 1 phân, đồng hồ cát 12 chuyển 3 ly. Canh tư từ đầu giờ Sửu khắc đầu 2 phân, đến đầu giờ Dần khắc đầu 1 phân, đồng hồ cát 16 chuyển 4 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần khắc đầu 2 phân, đến chính giờ Dần 2 khắc 14 phân, đồng hồ cát ống chảy cát ra 19 chuyển 6 ly, đến đầu giờ Mão khắc đầu 1 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 20 chuyển 6 ly.

Tiết Đông chí : Mặt Trời mọc chính giờ Mão 1 khắc 14 phân, Mặt Trời lặn đầu giờ Dậu 2 khắc 1 phân, ngày 44 khắc 2 phân, đêm 51 khắc 13 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 2 khắc, buổi sớm cũng thế, tất cả 4 khắc, suốt đêm thực còn tất cả 47 khắc 13 phân, mỗi canh 9 khắc 8 phân 6 sao, suốt đêm đồng hồ cát 23 chuyển 9 phân 3 ly, mỗi canh 4 chuyển 7 phân 8 ly, sau khi sưu không bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu khắc đầu 1 phân, đến chính giờ Tuất 1 khắc 10 phân ; khắc phân ấy đồng hồ cát ống chảy ra 4 chuyển 7 phân 8 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 1 khắc 11 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 3 phân, đồng hồ cát 9 chuyển 5 phân 6 ly. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 4 phân, đến đầu giờ Sửu, khắc đầu 12 phân, đồng hồ cát 14 chuyển 3 phân 4 ly. Canh tư từ đầu giờ Sửu khắc đầu 13 phân, đến đầu giờ Dần 2 khắc 6 phân, đồng hồ cát 19 chuyển 1 phân 2 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần 2 khắc 7 phân, đến đầu giờ Mão 1 khắc 14 phân, đồng hồ cát ống cát chảy ra 22 chuyển 9 phân 2 ly, đến đầu giờ Mão 3 khắc 14 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 23 chuyển 9 phân 3 ly.

Tiết Tiểu hàn đại tuyết : Mặt trời mọc chính giờ Mão 1 khắc 13 phân, Mặt Trời lặn đầu giờ Dậu 2 khắc 2 phân, ngày 44 khắc 4 phân, đêm 51 khắc 11 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 14 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 13 phân, suốt đêm thực còn tất cả 47 khắc 13 phân, mỗi canh 9 khắc 8 phân 6 sao, suốt đêm đồng hồ cát 23 chuyển 9 phân 3 ly, mỗi canh 4 chuyển 7 phân 8 ly, sau khi sưu không bắt đầu vào canh một từ chính giờ Dậu, khắc đầu đến chính giờ Tuất 1 khắc 9 phân, khắc phân ấy đồng hồ cát ống chảy ra 4 chuyển 7 phân 8 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 1 khắc 10 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 2 phân, đồng hồ cát 9 chuyển 5 phân 6 ly. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 3 phân, đến đầu giờ Sửu khắc đầu 11 phân, đồng hồ cát 14 chuyển 3 phân 4 ly. Canh tư từ đầu giờ Sửu khắc đầu 12 phân, đến đầu giờ Dần 2 khắc 5 phân, đồng hồ cát 19 chuyển 1 phân 2 ly. Canh

năm từ đầu giờ Dần 2 khắc 6 phân, đến đầu giờ Mão 1 khắc 13 phân, đồng hồ cát ống cát chảy ra 22 chuyển 9 phân 2 ly, đến đầu giờ Mão 3 khắc 13 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 23 chuyển 9 phân 3 ly.

Tiết Đại hàn tiểu tuyết : Mặt Trời mọc chính giờ Mão 1 khắc 8 phân, Mặt Trời lặn đầu giờ Dậu 2 khắc 7 phân, ngày 44 khắc 14 phân, đêm 51 khắc 1 phân, trong đó, trừ mờ tối, buổi tối 1 khắc 14 phân, buổi sớm cũng thế, tất cả 3 khắc 13 phân, suốt đêm thực còn tất cả 47 khắc 3 phân, mỗi canh 9 khắc 6 phân 6 sao, suốt đêm đồng hồ cát 23 chuyển 6 phân, mỗi canh 4 chuyển 7 phân 2 ly, sau khi sưu không, bắt đầu vào canh một, từ chính giờ Dậu khắc đầu 6 phân, đến chính giờ Tuất 1 khắc 13 phân, khắc phân ấy đồng hồ cát ống chảy ra 4 chuyển 7 phân 2 ly. Canh hai từ chính giờ Tuất 1 khắc 14 phân, đến chính giờ Hợi 3 khắc 4 phân, đồng hồ cát 9 chuyển 4 phân 4 ly. Canh ba từ chính giờ Hợi 3 khắc 5 phân, đến đầu giờ Sửu khắc đầu 11 phân, đồng hồ cát 14 chuyển 1 phân 6 ly. Canh tư từ đầu giờ Sửu khắc đầu 12 phân, đến đầu giờ Dần 2 khắc 3 phân, đồng hồ cát 18 chuyển 8 phân 8 ly. Canh năm từ đầu giờ Dần 2 khắc 4 phân, đến đầu giờ Mão 1 khắc 9 phân, đồng hồ cát ống cát chảy ra 22 chuyển 6 phân, đến đầu giờ Mão 3 khắc 9 phân, tổng hợp các canh lại, đồng hồ cát 23 chuyển 6 phân.

Sửa sang hồ Tĩnh Tâm, phát hơn 8.000 quân ở Kinh đi làm việc. Vua sai Đô thống Hữu quân là Nguyễn Tăng Minh và Tham tri bộ Hộ là Đào Trí Phú trông coi việc ấy.

(Nguyên trong ao Ký tế có 2 gò đất : phía nam làm kho diêm tiêu, phía bắc làm kho thuốc lửa, đến nay đổi làm hồ Tĩnh Tâm. Gò đất phía nam gọi là đảo Bồng Lai : dựng điện Bồng doanh, đài Thanh tâm, lầu Trừng luyện, gò phía bắc gọi là đảo Phương trượng, dựng gác Nam huân, lầu Tĩnh tâm, nhà Thiên nhiên, hiên Dưỡng tinh, xung quanh hồ xây tường gạch ; làm 4 cửa : phía nam gọi là Hạ huân, phía bắc gọi là Đông hy, phía đông gọi là Xuân quang, phía tây gọi là Thu nguyệt. Từ cửa Thu nguyệt đến cửa Xuân quang, đắp ngang 1 con đê, gọi là đê Kim oanh, ở giữa là đình Tứ đạt. Đường đê phía đông phía tây đình ấy, bắc 2 cái cầu, phía đông gọi là cầu Lục liễu, phía tây gọi là cầu Bạch tần ; phía nam đình ấy, bắc cầu Hồng cừ, suốt đến điện Bồng Doanh ; phía bắc, bắc cầu Bích tảo, suốt đến các Nam huân, cầu đều làm nóc ở trên, phía tây nam cầu Bạch tần, làm cái nhà vòng quanh. Lại ở phía tây đảo Bồng Lai, đắp lên đảo Doanh Châu, cùng với đảo Bồng Lai, Phương Trượng, gọi là 3 đảo giữa hồ, bờ phía đông hồ ấy xây 1 cống nước chảy thông với ao Học hải, các kho thuốc đạn trước, dời đến ao Học hải ; nửa ao ấy làm lầu chứa sách, vẫn

gọi là ao Học hải ; nửa ao làm kho thuốc đạn gọi là ao Ký tế, kho diêm tiêu trước dời đến chứa ở tầng dưới lầu chứa sách).

Vua bảo thị thần rằng : Năm, tháng, phương hướng, phải chọn tốt hay lợi, không thể không cả, nhưng không nên câu nệ quá mà thôi, ngày trước, Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta, từng lấy ngày Ngọ cất quân, đó là ngày vua cho, mà rất được toàn thắng, vì có thể thừa cơ được, cho nên không câu nệ kiêng kỵ, và sau khi đại định, phàm có xây dựng, phần nhiều không chọn ngày, giờ nhưng các việc tốt lành cả, Nguyễn Hữu Thận đến nói với trẫm, trẫm bảo bậc đại thánh nhân làm việc không phải người tầm thường có thể lường biết được, Hoàng khảo ta đối với sửa làm việc thường thì thế ; còn đối với việc trọng đại, chưa từng không chọn ngày lành. Như xây dựng lăng Thiên Thụ, nhiều lần sai quan xem bói, chưa được cùng tốt cả, bảo trẫm tự bói lấy, bói được quẻ dự, Nguyễn Hữu Thận cho là tốt lành lắm, vì cất giấu lâu quan hệ đến nghìn muôn đời, cho nên phải cẩn thận mà thôi, người học phép thuật ở đời phàm việc kiêng tránh tất cả, sao ngu tối quá thế ! Đến khi công việc làm xong, vua thường đến chơi xem cho là ở đấy khí đất thiêng liêng, đặc ân phong cho thần hồ Tĩnh Tâm, sắc cho quan có trách nhiệm lập miếu để thờ, hằng năm, xuân thu 2 kỳ tế (lễ dùng bằng lợn) do viên quản vệ làm lễ, như chợt gặp ngự giá ra chơi, thì viên thái giám làm lễ thay. Ghi để làm lệ.

Bắt đầu đặt chức Hiệp lý Kinh kỳ thuỷ sư. Vua cho là thuỷ sư 15 vệ, công việc cũng nhiều, người cai quản chỉ là đề đốc quan võ, sợ khó nhanh chóng được việc, cho nên đặt quan văn để cùng làm việc, đổi bổ Hữu tham tri bộ Hộ là Đào Trí Phú làm Tả tham tri bộ Binh và cùng làm công việc thuỷ sư ở kinh kỳ. Sai quan có trách nhiệm chế cấp ấn triện.

Cho Nguyễn Hợp thự Hữu thị lang bộ Binh, đổi làm thự Bố chính Bình Định, Trần Hiển Doãn Lang trung bộ Binh biện lý bộ vụ thăng thự Bố chính Quảng Trị, chuẩn cho cùng với Án sát Nguyễn Huy Chuẩn hộ lý ấn Trị Bình tuần phủ quan phòng ; Trịnh Ngọc Lâm Lang trung bộ Hộ đổi bổ Án sát Lạng Sơn ; Nguyễn Đồng Khoa thự Lang trung bộ Lại đổi thự Án sát Quảng Trị.

Triệu Tuần phủ Thuận Khánh là Dương Văn Phong, Án sát Hưng Yên là Vũ Trọng Đại về Kinh tuyển dụng. Cho Tôn Thất Lương, Bố chính Phú Yên, thăng thự Tham tri bộ Binh, Tuần phủ Thuận Khánh ; Nguyễn Xuân Quang Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung thăng thự Án sát Hưng Yên ; Vũ Đức Quyền, Án sát Thái Nguyên, thăng thự Bố chính Phú Yên ; Trịnh Văn Nho Án sát Hưng Hoá, đổi bổ Án sát Thái Nguyên ; Hà Thúc Trương, Lễ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung, thăng thự

Án sát Hưng Hoá ; Dương Văn Phong, chuẩn cho tạm lưu quyền lĩnh Tổng đốc Long – Tường, đợi Đoàn Văn Phú việc bắt giặc xong trở về, lại theo dự về Kinh đợi Chỉ. Đức Quyền chưa đến lỵ sở mới, liền can việc dân kiện giao tra xét, phải cách chức.

Bố chính Khánh Hoà là Nguyễn Văn Điển làm việc lầm lẫn nhiều phải giáng đến 3 cấp, vua chuẩn cho hàm tòng tứ phẩm, theo làm việc ở bộ Công ; cho Vũ Đình Án sát Nam Định thăng thự Bố chính Khánh Hoà, Lê Hữu Đức Án sát Quảng Nam, đổi bổ Án sát Nam Định ; Nguyễn Trọng Nguyên Lang trung bộ Hình đổi bổ Án sát Quảng Nam.

Thượng thư bộ Lại là Hoàng Văn Diễn vì tuổi già dâng sớ xin về hưu. Vua không y cho.

Cho Kiến An công Đài 300 phương gạo.

Lãnh binh Trấn Tây là Nguyễn Văn Tình có tội phải cất chức. Tình trước đây, thừa lệnh thành phái đi tuần xét phủ Sơn Bốc, chợt gặp phủ Hải Đông có cấp báo, quan thành ấy sức cho đi đón chặn đường giặc, chậm trễ không tiến quân và đi đến súc Sâm bắt được bọn làm phản, bị thổ dân đón đường cướp lấy, lại dẫn quân rút về nơi đóng cũ ở đất Sơn Kê, An phủ Trung Thuỵ là tên Hồng ở phía sau, nhân cướp xe lương làm phản bỏ đi, Tình vì thế mang lòng ngờ ghét, phàm thổ mục, thổ binh theo đi đánh trận, đều mắng đuổi đi mà đốt phá trại ở của chúng, có Vệ uý lĩnh An phủ Mỹ Lâm là Sô Đôn không chịu đi, đem việc ấy báo về thành tâu lên.

Vua dụ viện Cơ mật rằng : "Nguyễn Văn Tình làm việc lầm bậy, hầu đến nổi loạn, tội hẳn vốn phải tội nặng, nhưng tạm nghĩ trận đánh ở cửa biển Thuận An năm trước, dự có quân công, chỉ vì không có học nên đến nỗi thế, tạm chuẩn cho cách chức phát làm binh cho làm việc chuộc tội, còn như Sô Đôn, khi nghe triệu đến liền phái thổ binh theo đi đánh trận, một lòng quy thuận, bỗng bị viên quan võ hèn kém mắng nhục, cũng chẳng chịu đi, có chí hăng hái theo việc quân như thế, không đổi khí tiết sẵn có, thực là đáng khen, vậy thưởng cho 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn, 2 người thổ mục đi trận ấy, cũng đều thưởng cho 5 đồng tiền ấy. Lại truyền dụ cho Sô Đôn cho đến thổ mục, thổ binh, vì bọn ngươi giúp triều đình gắng sức, trước sau đi theo việc quân, tuy gặp viên quan võ hèn làm nhục, cũng không lòng khác, triều đình đã soi xét lòng thành, sẽ đem viên quan hèn ấy trị tội. Nay đặc ơn truyền Chỉ yên ủi, khen ngợi, từ nay chớ vì thế đem lòng ngờ sợ, phải cùng bảo nhau, hết sức hết lòng ; triều đình tất sẽ gây dựng cho, không bỏ sót người phương xa. Tên phạm làm phản là tên Hồng, rồi đến quân thứ Phó lãnh binh Vũ Đức Trung, nói dối

đến thú, thăm dò tình hình việc quân. Trung xét được việc thực, bắt cả người cùng bọn 4 tên đem giết.

Vua khen là có kiến thức, thưởng kỷ lục 2 thứ, 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn, và răn về tra bắt bọn làm phản, người bè lũ với kẻ ác thì trừng trị, người bị bắt hiếp đi theo thì khoan tha cho, cần chớ lây đến dân thường.

Giặc làm phản ở phủ Hải Đông là Đô Y, họp bọn hơn 1.000 người, vây quấy đồn Cần Đa, thổ binh trong đồn đều cầm khí giới theo giặc, thự Đề đốc là Bùi Công Huyên nghe tin báo, phi sức cho Vũ Đức Trung qua đồn Sa Tôn tiến đến đánh bắt, quan thành ấy là bọn Đoàn Văn Phú đem việc ấy tâu lên.

Vua dụ rằng : "Đô Y chẳng qua là bọn giặc hèn nhỏ mọn, trước đây cứ theo lời tâu, quan quân đuổi bắt, bọn chúng đều đã tán lạc, nương tựa ở rừng mà sống, nay cớ sao lại có hơn nghìn tên đột nhiên đến quấy nhiễu, rất lấy làm đáng lạ, Bùi Công Huyên là thống lĩnh đại viên, sao không lập tức đem quân tiến đánh, lại loanh quanh phái uỷ viên khác, làm đến nỗi chậm trễ, nên giáng 1 cấp cho chừa. Đoàn Văn Phú, Lê Đại Cương, lần lượt tâu báo, phần nhiều là cuống quýt, thực đã không thể đương nổi trọng trách. Hiện nay Trương Minh Giảng, chắc đã đến thành, nên bày nhiều mưu kế tuỳ tiện điều khiển, một mặt phái thêm biền binh theo Bùi Công Huyên làm việc bắt giặc, một mặt hỏi rõ đích xác bọn giặc cướp bóc lần trước là thổ dân nào, đem giết hết không để sót, khiến cho chúng biết răn sợ. Lại như thổ mục thổ dân được phái đi, phần nhiều mang khí giới theo giặc, và đem nhau đi trốn, ngu dại như thế, thực khó lấy ơn cảm hoá, cũng nên lưu tâm xét hỏi, chớ giữ ý kiến không thích hợp, tên nào mang lòng phản bội, tức thì đem chém giết ngay để răn kẻ khác, không nên bợ dung kẻ gian, để có bắt chước cái dại lại thêm 1 tầng tội lỗi, ngươi phải kính theo. Rồi sau Trương Minh Giảng về đến lỵ sở thành ấy ; Văn Phú dâng sớ tự xin thân đến phủ Hải Đông trù liệu việc quân". Vua y cho. Nhân bảo bộ Binh Trương Đăng Quế rằng : "Đoàn Văn Phú đi lần này có thể thành công không ?". Quế thưa : "Phú mới tiến lên, chưa quen bày trận". Vua bảo rằng : "Công thành hay không, là cốt ở người, khi trước Trương Minh Giảng đánh nước Xiêm có công, lúc đầu đâu từng học tập binh pháp và am hiểu bày trận ? Vả lại quân ta, vốn khen là dũng cảm, nếu được tướng giỏi cai quản, thì đánh trận tất phải thắng, nếu người tướng hèn nhát, thì quân lính cũng theo mà chạy tan, như Tống Phước Lương, không phải là không lão luyện về bày trận, mà việc đánh nước Xiêm, tự rút quân trước, thế thì sự am hiểu có đáng quý đâu ?"

Phó lãnh binh đạo Khai Biên là Nguyễn Tiến Phúc tiến đến đất Thạch Môn (tên đất), bọn giặc tự trên cao phóng tên đạn xuống, quân ta hăng hái tiến lên, chém

được 5 đầu giặc ngay tại trận, giặc đều chạy trốn. Việc đến tai vua, thưởng cho Tiến Phúc kỷ lục 1 thứ, và 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn.

Thự Ngự sử đạo Nam Ngãi là Nguyễn Văn Lượng dâng sớ nói : từ xưa đế vương 1 đời nổi lên, tất đặt quốc hiệu, hoặc lấy tên chỗ đất bắt đầu nổi lên, hoặc lấy tên nước đã được phong, lấy về trưng triệu cũng có, lấy ở đổi triều đại cũng có, không phải cố ý làm thế để cho khác nhau, để tỏ rõ các đời mà lưu mãi về sau. Cõi Nam ta, từ khi có nước đến giờ, việc đặt quốc hiệu so với đế vương xưa còn thiếu ; mà gọi là Nam Việt thì cũng là một nước trong Bách Việt là tên đặt từ xưa, không phải là danh hiệu một đời nổi lên, đến đời sau sử thần đem tên họ trước mà xưng hô, như là Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê. Quốc triều ta bắt đầu khai sáng, chưa kịp đổi lại hiệu cũ là "Việt", nay Bắc Nam vô sự, thiên hạ thái bình, xin đặt quốc hiệu để đổi mới cõi Nam, hầu để về sau làm khuôn phép cho đế vương nghìn muôn đời.

Vua bảo thị thần rằng : "Nước Việt ta từ đời Trần, Lê, trở về trước, gọi là nước An Nam, bản triều đổi lại gọi là Việt Nam, thần dân trong ngoài vẫn nghe biết cả, Nguyễn Văn Lượng học thức ngày thường ở đâu, mà đại hiệu nước nhà lại không biết đến, vả lại hắn là người trong phong hiến[1] sao lại nói ra lời cuồng bậy đến thế, nên cách chức ngay, phát đi làm việc ở quân thứ Trấn Tây, Thượng thư bộ Lại là Hoàng Văn Diễn trước đây tâu cử cho là làm nổi chức khoa đạo, chuẩn cho phải giáng 2 cấp".

Ngày Giáp Ngọ duyệt binh, vua ngự lầu Ngũ phượng để xem, đương xuống ngựa để lên lầu, có Cai đội viện Thượng tứ là Phạm Văn Định nâng giữ cái bàn đạp, không cẩn thận va chạm vào ngựa vua ngự. Vua sai quân Cẩm y dẫn ra trước cửa Ngọ Môn đem chém, mọi người đều kinh sợ. Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công hết sức xin, bèn tha cho ; nhân bảo Thống chế dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Tiến Lâm rằng : quân các vệ ở dinh ấy, phần nhiều là hát xướng lêu lổng từ trước đến nay, thường thường trốn tránh, vậy người có tên ở sổ, ngươi nên hằng ngày phải huấn luyện, khiến cho chúng có sức mạnh và biết lễ phép, nếu còn dám bỏ hàng ngũ, tức thì chém ngay để bảo cho mọi người biết.

Lại bảo bộ Binh Trương Đăng Quế rằng : Binh giáp của Nhà nước, quý ở có thực dụng, diễn tập quân lính có trống có nhạc, từ tiên đế ta mới dùng theo phép của Tây dương, dẫu khi ra trận, lúc nhanh lúc chậm, lúc tiến, lúc lui, phải tuỳ cơ ứng biến, không phải cứ theo âm nhạc, nhưng khi huấn luyện khiến cho người nghe có nhịp, việc ấy cũng không nên không có.

---

(1) *Phong hiến* : Phong hoá, pháp độ. Phong hiến, nói chung chức trách viên Ngự sử.

Lại bảo rằng : lúc quốc sơ quân có thao diễn luyện tập, chỉ có quân túc trực mà thôi, ngoài ra các vệ, cơ đều không cả, là vì buổi đầu cố sức tiến lên, tay không dời gươm giáo, mình không bỏ mũ áo trận, vốn đã quen phép đánh trận, nay là đời thủ thành dễ sinh ra trễ nải, không thể không giảng tập được.

Đổi lại chức Miếu thừa 2 ty Từ tế, trật Tòng lục phẩm (trước Tòng thất phẩm), đặt thêm mỗi ty 1 người điển sự, trật tòng thất phẩm. Nguyên trước đặt cai đội 3 người, nay đổi làm quan võ chánh ngũ phẩm ty Từ tế ; chánh đội trưởng suất đội 1 người, đổi làm quan võ tòng ngũ phẩm ty từ tế cùng với các từ tế vâng làm công việc 2 ty.

Xây đắp bờ phía tây sông tả Hộ thành (từ cửa đến thành ngoài đài Trấn Bình) và bắc cầu dài ở chỗ bến phố Đông Hội, gọi là cầu Đông Hội (nguyên cầu Thanh Tước trước vì mục nát bỏ đi, đến nay lại bắc mà đổi tên ấy, khoảng giữa cầu ấy đặt ván gỗ có máy, phàm thuyền bè đi lại thì nhấc lên, sau khi qua rồi, lại hạ xuống, lấy 20 người dân phụ cận canh giữ). Sai thự Tiền quân là Phạm Hữu Tâm trông coi việc ấy. Đến khi cầu làm xong, vua khen là kiểu mới, làm khéo, thưởng cho bọn chỉ bảo, đốc công tiền, bạc, áo, quần ; còn biền binh và thợ cùng phu dịch, thưởng cho tiền gạo lương tháng.

Mỏ chì ở Thái Nguyên, gần đây lấy số chì không được mấy, vua cho là tính nhầm, tốn của kho, sai rút bọn đốc biện là Nguyễn Đức Hộ, Nguyễn Đại Cận về Kinh đợi Chỉ, rồi uỷ cho quan tỉnh thuê đắt người có vốn khai lấy để nấu, biền binh phái đi trước cũng rút về hàng ngũ hết. Quan tỉnh bỗng xét ra bọn Hộ còn thiếu số chì đến hơn 40 vạn cân, đều phải cách chức, không cho ở lại sở mỏ, bắt phải nộp đền.

Tập thỉnh an của Tổng đốc Định Biên là Nguyễn Văn Trọng tâu nói : ruộng đất ở hạt tỉnh Gia Định, năm trước bắt đầu đo, gián hoặc có ruộng nhiều mà số mẫu ít ; có ruộng ít mà số mẫu nhiều, ruộng hoang thì biên là ruộng thực canh ; ruộng của tên Giáp, biên là tên Ất. Xin nên phái khám, chữa lại cho thực.

Vua chuẩn cho theo lời bộ Hộ bàn, sai sức khắp các xã, thôn hạt ấy, cứ theo ruộng đất hiện cày cấy như đã có ấn lậu và số mục ruộng bỏ hoang, ruộng thực canh, cùng họ tên người có ruộng có sự không phù hợp, thì cho đều đem duyên cớ bày tỏ lập tức phái thuộc viên hội đồng với phủ, huyện sở tại khám lại mà sửa chữa, rồi làm sổ kính đệ lên. Các tỉnh Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên có giống như thế, cũng chiểu theo lệ ấy thi hành.

Cho Ngô Ngọc Triệu, Quản cơ cơ tả Bình Thuận đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Hữu thuỷ Bình Thuận.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CLXXXIX*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838]. Sai Hà Duy Phiên Thượng thư bộ Công kiêm quản Tào chính.

Bãi chức quản phủ ở các phủ, đổi đặt làm trú phòng. Trước đấy, Tổng đốc Hải An là Nguyễn Công Trứ tâu nói : "Quản phủ có chức vụ là phải coi quân bắt giặc, xin nên chế cấp cho cái ấn, để gặp khi có việc sai phái biền binh do quản phủ chuyên biện, dùng để làm tin". Vua sai 2 bộ Lễ, Binh bàn, tâu lên, cho là dựng phép phải cốt về sau, mà xét mối tệ, đặt quan nên xét sự thực cho xứng với danh, khoảng năm Gia Long, các hạt từ Quảng Bình trở vào Nam, không đặt chức quản phủ, duy từ Hà Tĩnh trở ra Bắc sự thế hơi khác, mỗi phủ đặt một quản phủ, hoặc lấy quản vệ quản cơ, hoặc lấy cai đội sung lĩnh chức ấy. Minh Mệnh năm thứ 13 [1832], phủ Diễn Châu ở Nghệ An, phủ Tĩnh Gia ở Thanh Hoa bỏ bớt chức quản phủ, và phủ Hà Hoa ở Hà Tĩnh đều cho quản vệ đem quân đóng giữ, thực là để chính tên quan mà ngăn mối tệ. Vả lại từ trước đến nay các việc ở phủ hạt đều do tri phủ trông coi, quản phủ chẳng qua chỉ chuyên về việc bắt giặc cướp mà thôi, nếu cấp riêng cho ấn, thì bọn chúng là quan võ, không am hiểu kỷ luật đối với người hơi biết tự kiềm chế thì không khỏi có sự khinh thường nghe người, đóng ấn, mượn tiếng là đi tuần bắt, sách nhiễu hương thôn, người không biết tự kiềm chế thì sẽ đến nhờ đấy làm bùa hộ thân, phàm tra xét việc án, thúc đốc tiền lương, không việc gì là không tranh làm với tri phủ, thì có khác gì cho loài lang sói chăn dê, tệ ấy không thể nói xiết được,

việc Nguyễn Công Trứ tâu xin là sai. Nay xin từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, nguyên trước đặt chức quản phủ thì 36 phủ chiểu theo lệ các phủ Hà Hoa, Diễn Châu, Tĩnh Gia đều bỏ bớt đi, rồi do thượng ty sở tại tuỳ theo từng nơi xung yếu hay giản dị phái quân đóng giữ, phái đến 300 người trở lên thì cho quản vệ quản cơ trông coi ; 100 người trở xuống thì cho suất đội trông coi. Phủ hạt ấy nếu có trộm cướp lén lút tức phải đem quân nã bắt, có tù nặng giam cấm, cũng đem quân canh giữ, còn đến việc thu lương bắt lính hỏi hình án, đều không được dự, các quản phủ trước rút về ở bộ đợi bổ.

Vua bảo rằng : "Lời bàn ấy phải lắm ! Duy các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, so với các tỉnh trở vào Nam sự thể không giống nhau, mà bọn chúng ở các phủ, năm tháng đã lâu, hiểu biết dân tình, am tường địa thế, nếu rút về hết thảy, phái riêng viên khác đóng giữ thì người mới chưa chắc đã làm được việc, sao bằng bọn kia xe nhẹ đi đường quen còn hơn. Nay chuẩn cho bộ Binh đem những viên hiện tại, nguyên là quản vệ, quản cơ, cai đội thuộc tỉnh lĩnh chức quản phủ, thì chỉ gọi là quản vệ, quản cơ, cai đội, các người chưa có nguyên hàm vệ, cơ, đội, thì trước hết cho chức hàm quản vệ, quản cơ, cai đội thuộc tỉnh, do tỉnh lượng phái biền binh giao cho quản lĩnh, vẫn đóng giữ ở phủ cũ, để cho quen việc".

Bình Định có nhiều thú rừng làm hại. Vua nghe tin, sai thông dụ cho đốc, phủ, bố, án các trực tỉnh, nếu nghe báo tin có hổ làm hại, phải thân tự mang quân, hoặc phái hay sai quân đến hội với phủ huyện sở tại tìm cách để bắt, có người giết được hổ thì chuẩn cho theo lệ thưởng cấp (mỗi con hổ thưởng tiền 10 quan).

Tiền kho Sơn Tây được thừa thãi, sai chuyển vận đến Hà Nội 30 vạn quan, mua các đồ vật.

Sai quan đại thần xét coi lính Kinh thao diễn. Vua dụ Nội các rằng : "Xem ra việc binh có thể nghỉn ngày không dùng đến, nhưng không thể một ngày không giảng tập, nay Nhà nước nhàn rỗi, chính nên theo mùa luyện tập, cho được thành đội quân mạnh mẽ cả, vậy bắt đầu từ ngày mồng 4 tháng này, trước hết là Tả dực dinh Vũ lâm, sau đến Hữu dực, kế tiếp đến các dinh Thần cơ, Tiền phong, Long võ, Hổ uy, Hùng nhuệ và các bảo[1], chia làm 8 ban, hằng ngày chia ban đến giáo trường thao diễn, chuẩn cho Trương Đăng Quế, Mai Công Ngôn, Phạm Hữu Tâm, Hà Duy Phiên, Nguyễn Tăng Minh, Lê Đăng Doanh, cứ 2 quan văn võ làm một cặp, mỗi cặp 3 ngày, theo lần lượt đi xem xét việc tập cốt đủ. Mỗi ban đều thao diễn 3 lần ; theo như phương pháp đi đánh trận, phép bắn súng điểu thương chỉnh tề

(1) *Bảo :* quân ở Kinh có ngũ quân, ngũ bảo.

am hiểu tất cả. Việc xong cùng ký tên tâu lên, nếu tới khi ấy, hạng biền binh nào đi và đánh không đều, hàng ngũ không có thứ tự, lập tức vạch ra hặc tội trừng trị. Đến khi tâu lên, dinh Tiền phong và Bác bảo nghề diễn giỏi hơn, thưởng cho thống quản và suất đội có thứ bậc. Lại sai đội Kinh tượng, đội Thượng tứ và Thuỷ sư Kinh kỳ lần lượt chia ban thao diễn, đều đủ 3 lần để cho quen luật quân".

Tuần phủ An Giang sung làm Tham tán Trấn Tây là Lê Đại Cương có tội bị miễn chức, cho quyền hộ Tổng đốc Long – Tường là Dương Văn Phong đổi lĩnh Tuần phủ An Giang, sung làm Tham tán đại thần ở thành Trấn Tây.

Vua dụ rằng : "Lê Đại Cương trước làm Tổng đốc An – Hà, có tội bị cách nhiều lần, được khởi phục đến chức Tuần phủ An Giang, lại uỷ cho giữ chức Tham tán ở Trấn Tây, long trọng biết là chừng nào ? Chính phải trình bày mưu mô để chuộc lỗi trước. Thế mà từ trước đến nay, ở thành đã lâu ngày, mà công việc ở ngoài biên, nên chăng chỉ theo người. Nay dân Man không yên, quấy rối ở biên giới, lại sợ việc, sợ khó nhọc, rụt cổ ở trong thành, nhiều lần tâu báo, chỉ cốt bàn suông, không từng đánh bắt một lần nào, ốm yếu không tài như thế, hầu dùng hắn làm gì, nếu cho dời khỏi chức về Kinh thì là để mình ra ngoài việc, lại là đắc sách, chuẩn cho cách chức, cho làm thuộc viên thành Trấn Tây, phái đi theo quân thứ ở Hải Đông làm việc chuộc tội".

Tướng quân thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng mật tâu nói người tố cáo ở Hải Tây thám thấy 1.000 quân Xiêm chia làm 2 đạo, 1 đạo ở đồn Sa Đâu, 1 đạo ở đồn Viên Chăn, ý muốn nhòm ngó biên giới, chính nên phòng bị nghiêm ngặt mà xét ra hiện tại thổ mục thổ dân phần nhiều mang lòng trông ngóng không thể tin dùng được.

Vua mật dụ rằng : "Việc biên phòng không nên sơ khoáng, người Phiên không đủ cậy nhờ, trẫm vẫn đã phải tính trước, nhiều lần phái quân ở Kinh đi và sức điệu biền binh sinh lực các tỉnh, kể đến hàng vạn, sức quân chắc đã đầy đủ, nay nên tuỳ cơ chặn đánh, nếu giặc Xiêm biết sợ lỗi trước không dám vượt cõi gây việc thì thôi, nếu tham lợi, khinh thường tiến quân, gây ra mối thù, thì nên sửa soạn quân đội, đánh một trận rất ác liệt, cho chúng mảnh giáp chẳng còn, đem lòng sợ hãi mãi, còn như thổ mục thổ dân, thuận theo hay chẳng thuận theo cũng không bõ kể. Bọn chúng phần nhiều ngu tối, thấy lợi quên lẽ phải, bề ngoài thuận tiện theo, bề trong không thuận, cũng là thói thường, việc gì phải trách lắm, nếu thế quân ta cường thịnh, làm việc hợp thời cơ, dù giặc Xiêm chắc cũng không dám thò đầu đua chọi, huống chi bọn man ấy, nếu chúng có đem hai lòng, cũng không dám nổi dậy, tự

nhiên tiêu hoá ngầm ngầm, nay nên xem xét người nào cam tâm theo giặc thì đem quân đánh bắt, kể tội rõ ràng mà giết, người nào đem lòng hàng phục thì tuỳ việc khen thưởng, đem ơn tín mà vỗ về. Sai đều đem lính Thổ thuộc thành ấy ra ngoài đóng giữ, không nên để ở trong thành, khỏi lo những việc bất ngờ, gián hoặc có khi phải để lại ít nhiều, cũng cho đóng ở đồn riêng, phàm khí giới chúng tự làm ra thì cho chúng cầm giữ, không phải thu lại, nhưng khí giới của ta, cũng không nên lạm cấp, là vì không nên nhẹ tin, mà bị chúng lừa dối được, cũng không nên ngờ vực, khiến cho chúng nghi, mang lòng sợ hãi : cần phải xử trí cho đúng khớp, để được yên lặng tất cả, nếu chúng một lòng hàng phục, khi đánh giặc lớn cũng chưa để bắt chúng xung phong, huống chi là mang hai lòng, phàm việc tự ta, cốt phải tự cường, khi ra trận đều hăng hái giết dữ, giặc Xiêm chợt thấy cũng phải sợ run, nên nghiêm sức cho quan quân, quyết không thể rút lui chút nào, người trái phép lập tức chém ngay, chắc phải chiến thắng đánh đâu lấy được đấy". Bèn dụ sai Tổng đốc Định Biên là Nguyễn Văn Trọng tức thì chiểu sổ biền binh ở tỉnh, liệu để lại coi giữ tỉnh thành, còn thì đem hết đến Trấn Tây, hội lại làm việc. Ngày đến thành theo Trương Minh Giảng lĩnh quân đi đến địa đầu chặn đánh, liền đem ngay ấn "Hà An tổng đốc quan phòng" giao cho Nguyễn Văn Trọng tức lĩnh ấn "Trấn Tây tướng quân" làm thay, có việc gì nên tâu thì dùng. Lại nghĩ các tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang nhiều lần điệu đến số biền binh đóng ở thành Trấn Tây có nhiều giáng dụ sai phát thêm quân nhu, súng ống, thuốc đạn, muối, gạo, phái chở đến đủ dùng.

Bọn giặc ở đạo Khai Biên tỉnh Hà Tiên là tên Di, tên Chu đem bè lũ trốn vào núi Dao Bốc. Phó lãnh binh là Nguyễn Tiến Phúc đánh cho phải chạy, đuổi đến núi La Ngốc bắt được bọn của chúng là Sô Mịch và bọn Xà Non, tên Ốc hơn 10 tên cùng nam phụ lão ấu hơn 400 người, thổ dân các phủ Ca Thi và Ba Lai cũng có nhiều người đi theo giặc, thổ mục là Mộc Tức, Ba Sô đem thuộc hạ đến hàng phục, chém tên thổ mục làm phản là Giao, truyền đem bêu đầu ở quân thứ Hải Đông. Trương Minh Giảng được tin báo, liền đem sự trạng tâu lên.

Vua dụ thưởng cho Nguyễn Tiến Phúc quân công kỷ lục 2 bậc, Phi long ngân tiền hạng lớn 15 đồng, Phó vệ uý vệ Khánh Hoà ở trận đi ấy là Nguyễn Công Nhàn quân công kỷ lục một bậc, Phi long ngân tiền hạng lớn 10 đồng. Thổ quan là Vệ uý Nhâm Trật, Quản cơ Ốc Tây đều được thưởng một chiếc áo nhung bông, Phi long ngân tiền hạng lớn 10 đồng. Quan quân và lính Thổ được thưởng chung tiền đều 200 quan, giặc bắt được là bọn Sô Mịch phải xử tử bằng tội lăng trì (tùng xẻo), còn đàn ông đàn bà cho đem tra xét rõ ràng, các người cam tâm theo giặc thì giết ngay,

người bị bắt hiếp đi theo thì được tha. Thưởng cho Mộc Tức chức hàm Cai đội, vẫn lĩnh chức An phủ Chân Tài ; thưởng cho Ba Sô chức hàm Chánh đội trưởng, vẫn lĩnh chức An phủ Ba Lai, lệ thuộc theo quan quân đạo Hải Đông đi bắt giặc. Lại thưởng cho Phi long ngân tiền hạng lớn mỗi người 10 đồng.

Đạo quân của Phó lãnh binh Hà Tiên là Hoàng Quang Thông, thự Án sát là Phạm Ngọc Quang đuổi bắt bọn giặc ở núi Côn Xa, bắn trúng vào vai tên Chu, bè lũ hắn chạy trốn, phần nhiều bị quan quân bắt được, chỉ tên Chu một mình chạy thoát.

Vua nghe tin bảo rằng : "Một ngả Khai Biên, quân giặc phần nhiều đã bị trói, duy còn 2 giặc là tên Di, tên Chu hãy còn trốn giết, chuẩn cho bắt. Hoàng Quang Thông và Phạm Ngọc Quang ở lại đấy theo dấu chân tìm đến cùng, chớ để trốn thoát, còn Nguyễn Tiến Phúc, Nhâm Trật thì đi gấp đến thẳng Hải Tây cùng với các đạo đóng để ngăn cấm".

Lại dụ Trấn Tây tướng quân là Trương Minh Giảng rằng : "Hiện nay việc bắt giặc rất khẩn, ngày trước các đại thần châm chước bàn xếp đặt việc các phủ ở Hải Đông, tạm hãy đình chỉ, đợi sau khi việc yên, lại giáng Chỉ cho thi hành. Xét ra ở biên cương có việc, chính là lúc thần tử phải hết sức khó nhọc, các người lần trước chọn cử có thể làm được chức huyện, nếu đã đến thành, nên phân phái vận lương theo đi đánh giặc, có ai biết cố gắng lập công, tức thì cứ thực tâu lên, sẽ cho lục dụng, gián hoặc có người không thể làm việc ở hàng trận được, hèn kém không có tài thì cũng chuẩn cho rút về, không để đặt mình vào không có việc. Lại sai bộ Binh chọn thị vệ hộ vệ đội trưởng, đội trưởng hay ngoại uỷ đội trưởng ở các vệ Cẩm y, Kim ngô, người có tài lực và am hiểu nghề võ lấy 50 người, phát đến thành Trấn Tây lượng bổ làm suất đội ở các vệ các cơ. Lại phái các đội Hoa danh và Giáo dưỡng cùng toàn đội sáu đội Thường trực đi ngay theo thành Trấn Tây sai phái, cho được kịp thời làm việc.

Nước Nam Chưởng sai người nhà là Tạo Khâm Phân đưa thư đến Nghệ An kêu xin chịu tội và sửa lễ cống. Tổng đốc là Tạ Quang Cự đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo thị thần rằng : "Nam Chưởng là một nước nhỏ, ở nơi biên giới xa xôi, trước đây kính thờ bản triều ta, xưng phần phụng công sáu, bảy năm nay, lại dám kết bè với bọn giặc Xiêm, bỏ việc triều cống, giặc Huống ở Trấn Ninh mưu việc làm phản, cũng giúp làm bậy và nhiều lần lấn cướp đồn Ninh Biên ở Hưng Hoá, doạ nạt dân ở biên giới không phải một việc mà thôi, nay lại xin sửa sang chức cống thì việc làm trước sau lại nhiều trái ngược, hoặc bị nước Xiêm xui giục, nhờ đó, để thử

xem cử động của triều ta hay bị nước Xiêm bức bách, theo về triều ta cầu khỏi hỏi tội, ngoài đó còn có kế gian gì khác cũng chưa biết được". Bèn sai Lang trung bộ Hình là Phạm Khắc Trạch, Lễ khoa Cấp sự trung là Lê Văn Thực đi đến xét hỏi, hắn nói : "Quốc trưởng hắn là Lư Mang mới chết, em quốc trưởng là Oan Na quyền coi việc nước, mà con quốc trưởng lại sai người cầu thông với nước Xiêm, chưa định người được lập, vì thế mà đến". Bọn Trạch về đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : "Nước ấy, việc trở về trước, tội ở quốc trưởng, cố nhiên không phải nói. Nay nhân ngôi quốc trưởng chưa định, muốn vin thanh thế triều ta, tự tranh cướp nhau, triều đình làm việc quang minh chính đại, quyết không dung nạp, các người đến đó, chuẩn cho đuổi về ngay, đợi sau việc nước ấy yên ổn, ai được nối làm quốc trưởng, danh phận rõ ràng, nếu biết thực lòng xin cống, do tự lòng chân thực, do tình cứ thực chuyển tâu lên mới được".

Chuẩn định từ nay về sau, sớ tấu của các địa phương, phàm việc gì có quan hệ đến quân quốc trọng sự và tâu bày việc mật cùng là việc khẩn cấp phải phát đi ngay, thì chỉ viết bản chính phát đi ngay, không phải lại viết bản phụ để đến chậm trễ, chép để làm lệ (từ trước đến nay tấu sớ đều viết 2 bản : 1 bản chính, 1 bản phụ). Quyền hộ Ninh - Thái tổng đốc là Tôn Thất Bật dâng tập thỉnh an nói : "Thái Nguyên là nơi kiêm hạt, rừng núi nối liền, đường đi nhiều ngả. Xin thân đi tuần tiễu, cho được am tường địa thế".

Vua dụ rằng : "Ngươi không tạm an nhàn, chí cũng đáng khen, nhưng hộ đốc là một chức trọng, không ví như tướng tá. Nếu một mình đơn độc đi tuần, e không nên làm, mà vô cố đem nhiều binh mã tiến đến, không khỏi làm cho người ngờ sợ. Vậy việc ngươi xin đi tuần tiễu, đợi có nhân tiện, rồi sau mới đi được".

Bố chính Gia Định là Hoàng Quýnh dâng tập thỉnh an nói : "Nay thành Trấn Tây ở ngoài biên giới có giặc, việc phòng bị phải nghiêm, mà nhân dân trong hạt thì kiêu ngạo lười biếng, binh lính thì khi đủ khi trốn, bảo là dân ở Nam Kỳ, vốn khen là dân trung nghĩa, chưa chắc đã phải, xin phái quân ở Kinh đi đến đóng giữ để giúp việc trấn áp. Lại ở hai cửa biển Cần Giờ và Lôi Lạp thuộc hạt ấy, nghĩ nên xây pháo đài hoặc đắp thành đất, phát quân đóng giữ, cho bờ biển vững mạnh".

Vua dụ rằng : "Việc phòng ngừa miền biển, nay không phải cần kíp, giặc Xiêm kia, nếu có manh tâm nhòm ngó, quyết không dám vượt qua một dải đường biển Hà Tiên - Vĩnh Long đột nhiên đến ngay đây, huống chi bọn chúng đều những chiếc thuyền bé nhỏ, mà thuỷ chiến lại không được giỏi, đâu có thể vượt xa mấy lần biển đua chọi với người được, hẳn không có lẽ đó. Về việc nghĩ xây pháo đài ở

cửa biển, tạm chờ sau bàn dần, duy việc xin phái quân ở Kinh trấn áp, rất hợp công việc, trước đã giáng dụ phái đi, trong đó có nói : "Nhân dân Nam Kỳ vốn khen là trung nghĩa chưa chắc đã phải", thì lời nói ấy không khỏi không thích hợp. Kìa như người trung nghĩa, ở đâu là không có, đời xưa có nói : "Trong ấp mười nhà, hẳn có một người trung tín", huống chi nơi đó là chỗ nhà vua bắt đầu dựng nghiệp, được việc rất nhiều, cũng là dân ấy, chỉ vì quan địa phương không được người tốt, nên dần sinh ra kiêu ngạo lười biếng, tập thành thói quen, tệ ấy chồng chứa từ đấy, sao được đem việc trốn thiếu hiện nay mà mạt sát cả người trong một tỉnh, cần phải tuyên dương đức hoá, để ý vỗ về, một phen chấn chỉnh, khiến cho có mạnh và biết lễ pháp, chớ câu nệ hão quá vu cho người".

Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương dâng tập thỉnh an nói : "Kế hoạch giữ nước sông hiện nay, không gì bằng đem 2 cửa sông Thiên Đức, Nguyệt Đức đào sâu khơi thông, khiến cho chia chảy xuống Hải Dương, có thể không lo gì nước lớn đầy tràn !".

Vua dụ rằng : "Về việc ngăn giữ nước sông, trẫm đã 2, 3 lần để tâm trù nghĩ, nếu có thể lợi cho dân thì dù tốn đến hai trăm vạn vẫn không tiếc, tức như việc khai thông 2 sông Thiên Đức và Nguyệt Đức, cũng sao từng không bàn đến, nhưng cứ Bắc Ninh, Sơn Tây tâu báo và phái người đi khám xét, đều nói rằng : cửa 2 con sông ấy bồi lấp đã lâu, nếu một phen khơi sâu, thì về sông Nguyệt Đức chước tính nhân công phải đến hơn 23 vạn công, về sông Thiên Đức lại phải gấp 10 lần, mà xét ra mặt đất so với mặt nước sông Nhị Hà cao đến 1 trượng 3 thước, sợ khơi rồi lại lấp, không khỏi mất khó nhọc nhiều, mà không lợi gì, nên nay không quả quyết làm, há như ngươi cóp nhặt rãi thừa, bàn suông trên giấy, xét với thực dụng có bổ ích gì ? Nay nên đem ngay các đoạn đê sông Cửu An, tuỳ tiện sửa đắp, ngõ hầu có thể chữa được sai tệ, để giúp đời sống của dân, đó là công việc trong chức phận của ngươi, nên cố gắng lo toan, chớ bàn cao hão làm gì".

Án sát Cao Bằng là Bùi Đức Trinh dâng tập thỉnh an nói : "Tỉnh thành và kho đồn cách nhau, thì Lãnh binh xin dời đóng ở đó, cho có chuyên trách, để đốc sức biền binh canh giữ".

Vua bảo rằng : "Lãnh binh coi giữ quân trong một tỉnh, đâu có lẽ chuyên ở đồn trên núi mà không trông coi cả tỉnh thành ? Duy ở thành đã có bố, án và thành thủ uý, mà kho đồn lại là nơi quan yếu và ở cách tỉnh thành không xa, chuẩn cho lãnh binh dời đóng gần đó, nhưng phải đi lại tỉnh thành. Phàm các việc tuần phòng canh giữ phải xem xét hết thảy, chớ vì chuyên trách ở kho đụn mà đối với phận sự phải làm, hơi có ý kiến đùn đẩy".

Lại sai quan tỉnh trích lấy đội thứ 3, quân trong Nam thuộc vệ Cao Bằng, đặt làm đội Pháo thủ, chuyên giữ súng ống khí giới.

Dân ở các hạt Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định sửa đắp đê điều, phần nhiều góp tiền thuê người khác làm, không chịu tự mình đi làm việc.

Vua nghe tin, dụ bộ Công rằng : "Ghét khó nhọc, thích nhàn rỗi, đó là thường tình của người ta, mà làm quen cần khổ, mới là dân đời thịnh trị, vả lại việc ngăn giữ nước sông, trẫm sớ dĩ ngày đêm lo tính, không tiếc phí tổn, chỉ lấy chống lụt, giúp việc làm ruộng làm kế nuôi dân ta, đến khi khởi công sửa đắp, đổi bỏ tệ cũ thuê khoán, chuyên thuê dân trong hạt, cốt để cho bờ sông giữ vững, đã có thể cho dân được ở yên mà tiền gạo chi ra lại có thể giúp lương ăn cho dân, trẫm để tâm đến lương thực của dân như thế là nhất, không ngờ bọn dân thường quen thói lười biếng, lại cùng nhau thuê người khác làm, có thể hoặc trị bọn hào dịch gian dối sâu mọt, đặt điều doạ nạt mà dân thường không biết, không dám thò đầu ra làm việc, cùng nhau đóng góp thuê tiền, để cho chúng kiếm lợi, ở đó tình trạng như thế, không những tốn không của kho Nhà nước, mà dân ta lại phải khổ luỵ, trẫm nghe tin đó, rất lấy làm bất bình". Chuẩn cho truyền Chỉ cho Tổng đốc Hải An là Nguyễn Công Trứ, Tổng đốc Định – An là Trịnh Quang Khanh, Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương đều đem việc ấy hiểu thị mà răn bảo, còn dám có thuê riêng thì trị tội nặng. Đến khi làm xong, các nhân viên đi làm việc, đều chia hạng nghị khen nghị thưởng. Lúc đó có dân huyện Hưng Nhân xin thôi không lĩnh số tiền gạo thuê làm, đặc cách gia ân thưởng chung cho 800 quan tiền (Năm trước sửa đắp tư đê 70 trượng, đã đưa thưởng tiền 30 quan, rồi sau đê ấy bị bỏ, cho nên dân ấy tự nguyện ra sức sửa đắp đê mới 70 trượng, lấy tiền ấy bù vào đê tiền kia, không dám lĩnh tiền thuê nữa).

Tiếp tục đào đường cửa biển Thanh Hoa, sai quan tỉnh thuê dân để làm (năm trước khơi đào đường cửa biển từ xã Bố Vệ huyện Đông Sơn xuống tới bờ phía nam, đến nay lại tiếp tục đào tự cửa biển cũ Hương Bào đến đoạn trên cửa biển, dài 249 trượng để thông với dòng sông).

Xem lại ngày tế Giao. Trước đấy xem lấy ngày 13 tháng này làm lễ, đến nay bỗng gặp trời mưa rét, bộ Lễ xin sai quan kính cáo đổi ngày. Vua bảo rằng : "Thờ trời cốt ở hết lòng thành, trẫm từ khi nối ngôi đến nay, phàm kính gặp ngày tế Giao, đều hết lòng thành kính cẩn trọng, thân làm việc, chưa từng có thay đổi, tấm lòng thành kính chắc đã được trời soi xét. Nay gần đến ngày đại tế, gặp phải gió mưa dữ dội, trẫm nghĩ đàn tế Giao của triều ta nguyên là tế lộ thiên, nếu trong lúc mưa làm lễ thực sự có trái phép, không thể không kêu xin đổi ngày, hầu được tề chỉnh, đó

thực là bất đắc dĩ. Lại nhớ khoảng năm Gia Long, từng đã có nhân việc đổi định lại ngày tế Giao, thì là cũng có việc cũ có thể xét được, bèn sai Hiệp biện Đại học sĩ là Trương Đăng Quế kính đến đàn sở kính cáo, đổi lại lấy giờ lành ngày 17 tháng này làm lễ, nhân bảo Hà Quyền rằng : "Ngươi nên rộng xét sách vở và việc cũ nhà Minh nhà Thanh, lễ tế Nam Giao có làm nhà làm điện không ? Kìa như đời xưa có nhà Minh Đường, há chẳng phải là nơi tế trời ư ? Từ nay trở đi, nên dự làm màn vàng, nếu ngày tế Giao, hoặc gặp mưa gió, thì làm lễ ở đấy cũng được".

Lĩnh tổng đốc An – Tĩnh là Tạ Quang Cự tâu nói : "Lỵ sở hai phủ Tương Dương và Quỳ Châu, địa thế bức hẹp, khí hậu xấu kém, quan quân không tiện đóng ở, xin chọn nơi hình thế có thể nương tựa, lam chướng hơi nhẹ, thì dời làm ra đấy (Lỵ sở mới phủ Tương Dương ở xã Chính An huyện Tương Dương, lỵ sở mới phủ Quỳ Châu ở sách Thượng Đạo, Nghĩa Hưng, huyện Quỳnh Lưu).

Vua nghe theo lời tâu ấy.

Quân vệ Tả dinh Tiền phong đi đóng ở An Giang, đi thuyền hiệu chữ Bình số một, vừa đến phận biển Đề Di ở Bình Định, nhân gặp gió bão, thuyền bị vỡ ngay ở Hòn Kiền, chết đuối hơn 280 người.

Vua nghe tin thương lắm, truy tặng thự Phó vệ uý là Trần Văn Phúc làm Phó vệ uý, gia thưởng cho gấm Trung Quốc 1 tấm, lụa 5 tấm ; từ suất đội đến binh đinh, đều cấp cho vải lụa, sai quản lĩnh sắm sửa quan tài và đồ khâm liệm, tuỳ tiện đưa về, rồi chuẩn cho chiếu theo lệ chết trận, cấp tiền tuất cho gia đình. Lại lập đàn ở bãi biển cho tế một tuần, những người còn sống, 74 người, đều cấp tiền cho và cho về quê quán, phái vệ Khinh kỵ viện Thượng tứ đi đóng thay. Lại dụ sai đem tên lái thuyền ra bãi biển chém đầu, bêu cho mọi người biết, suất đội đi kèm phải cách chức. Quan tỉnh ấy liền tâu nói : chỗ thuyền quân bị đắm nước sâu vài mươi trượng, lại nhiều giống cá dữ, đã bắt dân lặn xuống mò các đồ vật công, thấy có cá voi đến hàng đàn, cá dữ đều lánh xa, không làm hại người.

Vua bảo rằng đó là thần biển hiển linh, sai đem lễ thái lao để lễ tạ, nhân đó vua bảo bộ Công rằng : "Từ trước tới nay, các địa phương hằng năm đem đệ tờ khai và đồ bản xét đo cửa biển vẫn là thiếu sót, nên truyền Chỉ cho các tỉnh đều phái người hội đồng với viên coi cửa biển xem đo kỹ lưỡng các cửa biển trong hạt, rộng hẹp sâu nông và đường cửa biển ngang lệch cong thẳng thế nào, thuyền bè ra vào hướng nào là tiện ? Cùng là phận biển, chỗ nào có đảo nhỏ, ghềnh đá, cát ngầm, cát nông, dài rộng sâu nông thế nào ? Các hòn đảo ở biển cách bờ ước bao nhiêu dặm ? Đi bộ mấy giờ có thể tới bờ, chân đá chân cát dài ra mấy trượng mấy thước, thuyền bè đi

qua, hoặc nên theo bên tả, hoặc nên theo bên hữu, tránh xa mấy trượng thước, có thể không quản ngại, ở giữa đảo lại có vụng sâu có thể đậu được không ? Và hình núi đối ngạn ở trước sau tả hữu, trông giống hình gì, có thể ghi nhận hết thảy kỹ càng, vẽ thành bản đồ nói thêm rõ ràng, hạn trong 1 tháng, phát đệ đến bộ, lại phái thuỷ sư, giám thành khám lại, rồi sao đưa cho thuỷ sư theo đó nhận kỹ, để phòng đi thuyền đường biển.

Cho thự Phó vệ uý vệ Trung dinh Long võ là Nguyễn Cửu Ngọ kiêm trông coi cả đội Kim thương ; cho Lang trung bộ Công quyền lĩnh Thương trường là Phạm Huy Diệu làm Lang trung bộ Binh cai quản 2 kho súng ống thuốc đạn. Lễ khoa Cấp sự trung là Nguyễn Nghị thăng thự Công bộ Lang trung, trông coi công việc Thương trường.

Phó vệ uý dinh Tiền phong sung làm Giám đốc sở Đốc công là Nguyễn Văn Nghị vì làm việc chậm trễ, lầm lỡ, giáng bổ làm Phó quản cơ, phái đến quân thứ Trấn Tây, gắng sức làm việc, lấy thợ chánh ty sở Nội tạo là Trần Văn Hiệu làm Phó giám đốc sở Đốc công kho Vũ khố, chuẩn cho trật Chánh ngũ phẩm.

Trấn Tây tướng quân là Trương Minh Giảng tâu nói : "Bọn giặc lấn cướp đồn Sơn Phủ, Cai đội sung Quản cơ là Sơn Sinh đem quân sấn đến, giặc đều chạy tan. Ở đạo Hải Tây, giặc Xiêm ở đồn Sa Đâu vẫn còn ẩn ở trong rừng, đã sức điệu Phó lãnh binh là Nguyễn Tiến Phúc chuyển đến hai núi Cẩm Thạch và Đậu Khấu tiếp giáp với Bắc Tầm Bôn chặn giữ các đường hiểm yếu. Ở đạo Hải Đông cũng có 2.000 quân Xiêm từ Lò Gò Vật đi đến, mưu đánh đồn Chi Trinh, ở thành liền đã phái thêm biền binh chia đi chặn đánh".

Vua bảo rằng : "Người Xiêm hay nói dối, khi đến khi đi, chưa thể vội tin được, duy sự phòng bị của ta không nên sơ hở chút nào, chỗ nào nên đánh bắt thì sai phái đánh bắt, chỗ nào nên tuần phòng thì thân phái đi tuần phòng, không để có giặc rồi mới đề phòng, không vì có giặc mà không chuẩn bị, thì chúng nếu có mưu gian cũng không thể làm gì được".

Phiên mục là Sơn Sinh, khi nghe bọn giặc đến bến cướp, liền biết sấn đến, tuy không có công thực bắt chém được, nhưng sốt sắng làm việc quan, hướng theo lẽ phải, hăng hái đáng khen, chuẩn cho truyền Chỉ khen thưởng và thưởng cho 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn. Còn đạo Hải Đông nên phái thêm biền binh, cần vài nghìn người, sai đi đánh dẹp cho biên giới chóng yên, nhưng trong quân phải có đại tướng mới trấn phục được lòng quân. Đoàn Văn Phú chưa từng trải việc quân, Bùi Công Huyên không có danh vọng lớn, việc quân đội là việc lớn, sợ không thể

làm một mình được. Nay chuẩn cho Trương Minh Giảng, Nguyễn Văn Trọng theo ngay dụ trước, một người ở lại thành đàn áp, một người đến ngay quân thứ Hải Đông hay Hải Tây, hiệu lệnh ba quân, thì các đạo không ai là không hăng hái tranh đi trước, mà giặc ở ngoài nghe tiếng, cũng sẽ sợ mà không dám động.

Chuẩn định từ nay trở đi, phàm các quan quân đi đánh giặc, xung phong phá trận, mình chịu tên đạn, chết về việc nước thì đều chiểu theo lệ cấp tuất thêm gấp đôi, cấp cho gia đình, chép làm thành lệ. Quan tỉnh Hà Tiên tâu nói : "Biền binh ở đồn điền, khai khẩn ruộng đất, tất cả được 2.000 mẫu, năm nay gặt được hơn 930 hộc thóc, trừ thuế lệ trưng thu và liệu để thóc giống còn thừa hơn 590 hộc, xin nộp vào kho cả để phòng chi cấp".

Vua bảo rằng : "Chia quân đi làm đồn điền là việc cần làm cho ngoài biên được đầy đủ, từ nay nên khuyên bảo bọn biền binh, tiếp tục khai phá cho nguồn lợi ở đất không sót, để lương ăn của người được thừa thãi".

Tù bị giam can án nguỵ ở Gia Định hơn 360 người, gián hoặc có người cùng tên bị bắt cả, mà thân thuộc cũng phải bắt, có người thân thuộc của nguỵ binh, trước vì tên chính phạm chưa bắt được mà bắt giam ; cũng có người chính phạm đã bắt được mà thân thuộc cũng giam cả, đã lâu năm chưa xét xong, phần nhiều chết ở trong ngục, bộ Hình cho là liên can đà luỵ, đem việc ấy hặc tâu.

Vua phê bảo rằng : "Việc hặc ấy rất phải, xem tờ tâu trẫm cũng phải bất bình, lập tức dụ sai Thị giảng học sĩ sung biện Các vụ là Lê Khánh Trinh, thự Hải An đạo Giám sát ngự sử là Nguyễn Văn Thịnh mang cờ bài, đem cả thuộc ty trấn phủ bộ Hình đi ngay hội đồng với thự Án sát là Nguyễn Văn tra xét, phàm vợ con thân thuộc của tiểu đầu mục nguỵ và binh đinh nguỵ, trước hết đem xét tha, như một tên phải bắt lại vì trùng tên bắt cả 2 người, thì xét đích tên phạm tội chiểu án kết nghĩ, còn người trùng tên bị bắt cả và thân thuộc ấy đều tha ra cả". Bọn Khánh, Trinh đến nơi tra xét một tháng thì xong.

Vua khen làm nhanh, truyền Chỉ khen thưởng, đều thưởng gia một cấp, quan tỉnh ấy là Nguyễn Văn Trọng, Hoàng Quýnh và nguyên Án sát Nguyễn Đức Trinh đều giáng một cấp.

Sai tỉnh Gia Định phái đưa những tên tù phạm sung án phải khổ sai đến thành Trấn Tây sắp xếp làm binh ở các đồn bảo nơi biên viễn. Các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, Biên Hoà, An Giang, Hà Tiên nếu có tù phạm hạng ấy cũng chuẩn cho phát vãng tất cả.

Tổng đốc An - Tĩnh là Tạ Quang Cự tâu nói : "Biền binh các vệ thuộc tỉnh ấy giữ súng điểu thương máy đá, lâu ngày bị mòn hỏng, mà ở tỉnh không có thợ rèn, xin phát cho thợ ở Kinh để sửa chữa".

Vua bèn sai sở Đốc công ở kho Vũ khố chọn phái thợ làm máy đá 3 người tinh xảo đi ngay. Lại nghĩ tỉnh Thanh Hoa, tỉnh Hà Tĩnh thợ rèn có nhiều, giáng dụ sai hai tỉnh ấy chọn lấy 10 người đến sở thợ ở Kinh học tập cho thành nghề, đã đủ một năm, người thành thuộc được 16 người (Thanh Hoa 5 người, Hà Tĩnh 11 người), chuẩn cho đều đặt làm cục thợ máy đá thuộc tỉnh ấy, tỉnh Nghệ An từ sau có sửa chữa súng điểu thương máy đá thì được tư cho tỉnh Hà Tĩnh để lấy, thợ ở Kinh đều thưởng tiền 10 quan, rút về xưởng thợ.

Kiểm xét xe cộ khí giới của biền binh ở các tỉnh thuộc Tả hữu trực kỳ. Sai thự Tiền quân là Phạm Hữu Tâm, Hộ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Nguyễn Danh Quán đến tỉnh Khánh Hoà, tỉnh Bình Thuận ; thự Thống chế Vũ lâm là Mai Công Ngôn, thự Thị lang Hộ bộ là Phan Thanh Giản, Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Vũ Doãn Cung đến các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoa chiểu lệ kiểm xét.

Ngày Kỷ Mùi, tế trời đất ở đàn Nam Giao.

Vua bảo Nội các rằng : "Từ trước tới nay, Khâm thiên giám làm lịch, lệ theo sách "*hiệp kỷ biện phương*", nói, ngày Mậu(1) gần ngày Xuân phân(2) và ngày Thu phân(3) là ngày tế Xã(4), có khi không lấy ngày ấy để tế, cũng nên viết chữ Xã ở trên chỗ cách, há không phải là hư văn không có sự thực ? Nay chuẩn cho ngày tế Xã về mùa thu, định lấy ngày Mậu gần ngày Thu phân để tế, vẫn nêu chép như cũ. Còn như ngày tế Xã về mùa xuân, định lấy sau ngày tế Giao(5) thì tế, nhưng tế giao của bản triều, theo lệ có bói chọn ngày lành, thì ngày tế Xã chưa thể ấn định trước được, từ nay về sau, sách lịch không nên chép rõ, hằng năm đợi ngày tế Giao, xem chọn được ngày lành, do bộ Lễ đem cả ngày tế Giao, ngày tế Xã, tư cho trong ngoài biết".

Bộ Lễ lại bàn tâu : "Cho là lệ trước hằng năm Khâm thiên giám phải chọn 3 ngày lành để tế Giao, đều lấy trước ngày rằm tháng 2 làm hạn, tới kỳ gặp phải mưa gió, có nhiều sự không tiện, tức như năm nay sau ngày vào cung trai, mưa rét bỗng phát ra, không khỏi phải cáo xin hoãn lại, thực là việc xuất ư bất đắc dĩ. Ý hẳn

(1) Một danh từ ở trong hàng can.
(2) Theo nông lịch là ngày giữa mùa xuân.
(3) Ngày giữa mùa thu.
(4) Ngày tế thần hậu thổ.
(5) Đàn tế trời.

Khâm thiên giám khái nệ cho là trước ngày rằm ban đêm sắc trời sáng sủa, tất cả các quan làm việc đều được thanh thoả, và sau ngày tế Giao, 2 tiệc tế vào ngày Đinh ngày Mậu cùng các việc tế, lễ lệ đều vào tháng trọng xuân hoặc là không nghĩ tiết hậu hằng năm sớm muộn không giống nhau thì khí trời nóng lạnh mưa nắng cũng không thể dự định trước được, nếu đến hạ tuần tháng trọng xuân, việc tế Giao đã xong, phàm các việc tế lần lượt cử hành, dẫu kéo dài đến trước ngày rằm tháng 3, cũng không sai lầm về xuân tế. Nay xin bàn định, từ nay phàm đến cuối năm, Khâm thiên giám suy tính tiết Xuân phân năm sau ở vào thượng tuần hay hạ tuần tháng 2, đều đến sau tháng giêng năm mới, suy nghiệm khí trời nóng lạnh, như năm nào tiết Xuân phân ở trong hay ngoài thượng tuần tháng 2, mà khí hậu mùa xuân năm ấy nghiệm là khí trời sớm được nắng tạnh thì theo y lệ trước chọn ngày lành vào trước ngày rằm tháng 2, nếu năm nào tiết Xuân phân hơi muộn, mà suy nghiệm khí hậu mùa xuân năm ấy, khí trời còn rét thì nên chọn ngày lành vào trước hay sau ngày 20 tháng 2, còn các lễ lệ xuân tế, lần lượt chọn ngày lành, tư bộ chiểu theo làm việc.

Vua theo lời bàn ấy. Bộ thần lại nghị xin hằng năm ở tầng thứ nhất đàn Nam Giao làm thêm nhà rộng 5 gian lợp vải xanh, chiểu theo thể thế quanh gò, chước định làm hình tròn. (Bề ngang 6 trượng 4 thước 8 tấc, gian chính giữa và 2 gian tả nhất hữu nhất đều rộng 1 trượng 5 thước 8 tấc, 2 gian tả nhị hữu nhị đều rộng 8 thước 7 tấc, cột lớn 4 cái, mỗi cái cao 16 thước 2 tấc, cột vừa 8 cái, mỗi cái cao 9 thước 9 tấc, cột nhỏ 12 cái, mỗi cái cao 6 thước 3 tấc, trên để 1 cái thiền hồ, gỗ đều sơn xanh, lợp bằng vải xanh sơn dầu, trong treo vải xanh, bên tả bên hữu và phía sau quây màn rộng bằng vải xanh).

Hai án vị chính hiến, đặt ở gian chính giữa, hơi lui về phía bắc.

Hai án, tả hữu phối vị đặt ở các gian tả nhị, hữu nhị, hơi tiến về phía nam. (Mỗi án màn hứng bụi và bình che bằng đoạn vũ mỗi thứ một chiếc, một án chính vị : hai án phối vị bên tả đều dùng màu tím, chung quanh viền màu hồng, một án chính vị bên hữu dùng màu vàng, chung quanh viền màu xanh đều lót vải vàng). Mái phía trước trên ngọ giai, trong đặt vị hành lễ của vua (dùng một màn hứng bụi bằng đoạn vũ vàng, chung quanh viền sắc đỏ, trong lót vải vàng).

Tầng thứ hai trước hương án là bái vị của vua, làm nhà lợp vải vàng một gian hai chái. (Vuông 1 trượng 8 thước, gian chính giữa rộng 7 thước 2 tấc, hai chái đều rộng 5 thước 4 tấc, 4 cái cột cái mỗi cái cao 10 thước 8 tấc, 12 cái cột con, mỗi cái cao 7 thước 2 tấc, gỗ đều sơn vàng, lợp bằng vải vàng sơn dầu, trong bày một bức hứng bụi như trước).

Tới kỳ, ty có trách nhiệm đem bày đặt trước sau khi lễ xong, cùng với nhà lợp vải vàng làm trước ở tầng thứ ba, thu cất đi để phòng dùng đến. Còn như tàn vuông và tròn bày trước ở tầng thứ, nhất thứ nhì 40 cái, 2 bên tả hữu nhà lợp vải ở tầng thứ hai, bày ra 2 hàng, để trông cho nghiêm trang. Xin cho bộ Công bắt thợ chiểu theo cách thức dự làm để tế Giao sang năm bắt đầu bày đặt, biên thành điển lệ. Vua nghe theo.

Phủ Trấn Ninh tỉnh Nghệ An có tên dân Man giết người, quan phủ nghe theo tục Man giả bạc đền mạng, quan tỉnh cho là việc án mạng là quan hệ tâu xin phái thuộc viên tra xét.

Vua bảo rằng : "Bọn chúng là dân Man hoang hốt, chưa hiểu pháp luật, nếu nhất khái chiểu luật trừng trị, không những sinh ngờ sợ nhiều, huống chi không dạy mà giết, cũng là việc triều đình không nỡ thế, tạm cho theo tục cũng được, việc gì phải thêm việc, lại chuẩn cho chuyên sức cho phủ huyện đòi bọn chúng đến, bảo cho biết tội giết người thì phải chết, phép nước rất nghiêm, từ nay nên theo phận giữ phép, tập nhiễm phong hoá của người Kinh, không thế tất trị tội theo pháp luật không tha".

Cho Tả tham tri Lại bộ quyền làm việc ở Nội các là Hà Quyền kiêm sung Cơ mật viện đại thần.

Tỉnh Hà Tĩnh bắt được tên giặc trốn là Đinh Lợi giết ngay. Thưởng cho người bắt được tên phạm ấy 50 lạng bạc.

Ngày sinh Diên Khánh công tới cõi thọ 40 tuổi, sai Hoàng tử Ninh Thuận công Miên Nghi cùng với Quản thị vệ là Võ Văn Giải đem đồ mừng ban cho.

Tỉnh Quảng Nam có giặc biển lén lút, cướp thuyền buôn ở phận biển đảo Trà Sơn, thuyền buôn đậu vào cửa biển Thuận An.

Vua nghe tin, liền sai thự Đề đốc là Lương Văn Liễu đi trông coi thuyền quân đóng giữ cửa biển. Lại phái biền binh vệ Cẩm y vệ Long thuyền đi 4 chiếc thuyền ô, lê ra biển đuổi bắt. Trước đấy tỉnh Quảng Nam thám thấy một chiếc thuyền kiểu lạ (toàn thân sắc đen, 2 cột buồm đều nhau, đầu thuyền giống như cái ngà voi) không đem việc ấy tâu lên, chỉ tư cho từ Quảng Ngãi trở vào Nam, phái thêm quân để cùng đánh.

Vua dụ quở trách, tạm cho ghi lỗi một lần, bắt phải tìm cách dẹp bắt, rồi thông dụ cho các trực tỉnh từ nay phàm mặt biển hạt nào thám thấy thuyền giặc khác kiểu tâu lên thì đem sự việc tâu rõ, nếu chưa tiện tâu vào ngay, thì phải thông báo cho các tỉnh trở vào Nam, trở ra Bắc tuần bắt ngặt hơn, nếu coi thường xao nhãng, để

cho thuyền giặc vẫn dám đậu ở ngoài biển quấy rối ở hạt tỉnh nào, thì chỉ hỏi tội tỉnh ấy và quan địa phương không báo.

Vua đi chơi hồ Tĩnh Tâm, có một người thợ làm dây dắt thuyền, đi nhầm vào gần cửa Thu Nguyệt, sai bắt xích lại giao cho bộ Hình trị tội.

Bèn bảo Nội các rằng : "Cửa cấm tự tiện vào, luật có điều cấm nhà bốn bể ở chốn túc vệ phải chầu chực là để nghiêm việc phòng bị mà răn sự chẳng ngờ, đâu được sơ suất lười biếng như thế, các người đương ban canh giữ đều phạt 100 trượng. Quản vệ vệ Cẩm y phải giáng một cấp. Và nơi vua đi tuần chơi, không cứ trong hay ngoài Kinh thành, phàm những đường vua đi qua gọi là hành tại, canh cửa hầu giữ cần phải định lại, điều lệ chương trình nên sai bộ Binh bàn kỹ thi hành". (Phàm cửa và đường vua đi ở nơi hành tại, cửa chính ra vào phải đi qua, phái vệ Cẩm y, vệ Kim ngô, các đội đều 2 người, đội trưởng đều 4 người, thị vệ 2 người, hộ vệ 4 người, binh đinh 10 người, đều canh giữ ở ngoài cửa, quản vệ một ngày một đêm luân phiên túc trực. Mỗi cửa tả hữu, vệ Cẩm y, vệ Kim ngô, cai đội đều 1 người, đội trưởng đều 2 người, thị vệ 1 người, hộ vệ 2 người, binh đinh 5 người, vẫn do quản vệ đương ban, bất kỳ tuần tra. Còn như các cửa phong khoá không phải đi qua, thì mỗi cửa, vệ Cẩm y, vệ Kim ngô, đội trưởng đều 1 người, binh đinh 5 người, các viên đương ban thủ hộ đều lần lượt thay đổi cầm gươm súng, thường xuyên canh giữ, không được vắng chút nào. Ban đêm nếu có nhân viên nào ra vào, phải có thẻ bài được lệnh vua, xét thực mới cho đi, nhưng phải làm thẻ bài trình tiến, có lười biếng chút nào thì phải tội). Rồi lên lầu Tĩnh Tâm, sai đem các lời dẫn giải về mười cảnh trong hồ, tuyên bảo các bầy tôi đi theo hầu.

- Oanh đê xuân sắc là vẻ xuân ở trên đê kim oanh.
- Khúc tạ hà phong là gió đưa hương sen vào nhà Khúc tạ.
- Tĩnh hồ minh nguyệt là trăng sáng ở hồ yên lặng.
- Trúc kính hạ lương là hóng mát mùa hè ở đường trồng trúc.
- Thuỷ tạ quan ngư là ngồi nhà Thuỷ tạ xem cá.
- Hồ lâu yên vũ là khói mưa ở lầu trong hồ.
- Khinh kha thưởng liên là thuyền nhẹ thưởng sen.
- Nam huân lãm thắng là gió nam hứng thú.
- Trừng luyện vãn riếu là buổi chiều nhìn xa ở lầuTrừng luyện.
- Tam châu hiểu cảnh là cảnh buổi sớm ở 3 bãi biển.

Phó lãnh binh đạo Hải Đông ở thành Trấn Tây là Vũ Đức Trung đánh phá tan được giặc Xiêm ở Vũ Chân. Đức Trung ở đồn Chi Trinh, thấy quân Xiêm họp với quân Man nhiều đến 4.000 người, tức thì thân đem quan quân người Kinh người Thổ hơn 1.000 người, chia đường thẳng tiến, liền phá được 7 đồn, chém giết quân giặc đến vài trăm, còn số bị thương không thể tính được, đốt xe lương, cướp khí giới, giặc bị thua to, nhân đêm tối chạy trốn ra khỏi địa giới. Tướng quân là Trương Minh Giảng đem việc ấy tâu lên.

Vua vui mừng lắm, thưởng cho Vũ Đức Trung thăng Chưởng vệ sung chức Lãnh binh quan ở thành Trấn Tây, thưởng thêm cho một cái nhẫn mạ vàng, khảm ngọc kim cương, một cái bài liên hỉ bằng ngọc trắng và 1 đồng Phi long kim tiền hạng lớn có dây đeo ngọc san hô. Quản cơ đi trận ấy là Nguyễn Văn Trí, Đỗ Văn Nghị đều được gia hàm Phó vệ uý ; Phó quản cơ là Nguyễn Tiến Tuyên, Phó quản cơ người Thổ là Pa Nộn đều gia hàm Quản cơ, đều được thưởng một cái nhẫn mạ vàng, một đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ. Bọn suất đội không cứ người Kinh người Thổ đều thưởng cho 5 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn. Và từ Vũ Đức Trung đến phó quản cơ đều gia quân công một bậc, suất đội đều thưởng quân công kỷ lục 2 bậc, biền binh thưởng chung cho 1.000 quan tiền. Tổng đốc Đoàn Văn Phú vận lương tiếp tế cũng thưởng cho kỷ lục 2 thứ. Vũ Đức Trung chuẩn cho ở lại đồn Chi Trinh canh giữ nghiêm ngặt, Đề đốc là Bùi Công Huyên ở lại đồn Sa Tôn làm tiếp ứng. Đoàn Văn Phú ở đồn Hải Đông chuyên coi việc vận lương. Lại nghĩ Vũ Đức Trung xuất thân nơi hàng ngũ, trước đây thự Tiền quân là Phạm Hữu Tâm từng cho là người có tài làm việc bảo cử tâu lên, để cử được người, chuẩn cho gia một cấp, để khuyến khích người vì nước tiến người hiền.

Cho Bố chính An Giang là Nguyễn Văn Hy đổi bổ làm Tuyên phủ sứ đạo Hải Đông ; Án sát Lê Văn Huyên thăng thự Bố chính ; Lang trung biện lý Hộ bộ là Nguyễn Đắc Trí đổi bổ Án sát An Giang.

Triệu thự Tiền quân Phạm Hữu Tâm về. Vua bảo rằng : "Trước đây Man ở biên giới thành Trấn Tây không được yên tĩnh ; trẫm cho Phạm Hữu Tâm là người từng trải chốn hàng trận, vốn có quân công. Nhân sai đi đến 2 tỉnh Thuận An, Khánh Hoà duyệt binh, hoặc có cấp báo ở Trấn Tây, tức là phải đi đến ngay đan quân đánh giặc. Nay bọn giặc đều đã tan vỡ, quân Xiêm lại bị lũ quan quân đánh dữ dội bắt chém rất nhiều, thì việc ở ngoài biên hẹn ngày có thể xong được. Vả lại quan đại thần ban vũ trong Kinh, hiện nay không có mấy, mà việc duyệt binh ở hai tỉnh đã có các viên khoa đạo phái đi, cũng đủ làm việc, khi dụ đến nơi, chuẩn cho Phạm Hữu Tâm đem ngay cờ bài giao cho Cấp sự trung là Nguyễn Danh Quán nhận lấy làm việc, rồi đi đường trạm về Kinh nhậm chức.

Sửa đắp đường dài ở ngoài thành tỉnh Hưng Yên. Thành tỉnh ấy làm ở nơi ruộng chiêm, thế đất thấp ướt, trước vì đường cũ bao đắp đường dài (dài suốt hơn 847 trượng) làm đê chắn bên ngoài, năm ngoái nước lụt quá chừng, nhiều chỗ ngập lở, quan tỉnh ấy xin chỗ bị sạt lở ở hai đoạn đầu cuối (dài hơn 500 trượng) theo công trình nhỏ, chỗ vỡ lở ở đoạn giữa (dài hơn 200 trượng) theo công trình lớn, thuê thợ sửa đắp và làm thêm một cái cống đá (trước làm 1 cống) để tiêu nước mưa. Vua y cho.

Ngày giỗ ở điện Phụng Tiên, quan tứ ngũ phẩm các nha nhiều người bỏ thiếu. Tả phó đô ngự sử là Lê Đăng Doanh đem việc ấy tâu hặc cho ty thuộc các nha giao bộ Lại nghị xử ; ty thuộc bộ Lại giao viện Đô sát nghị xử. Bộ Lại liền đem thuộc viên ở viện đủ thiếu tư đến viện. Đăng Doanh bèn tâu nói : tập hặc tâu trước đã nói rõ, thuộc viên ở viện hiện đến chầu đủ, mà bộ Lại còn phải tư hỏi, hình như lấy ở viện nêu ra hặc tội làm hiềm, đem lòng báo trả lại.

Vua bảo Nội các rằng : "Viện Đô sát cũng là một bộ phận ở trong các nha, tư rõ để theo đấy làm việc, lẽ tất phải thế, ngay thuộc viên ở Cơ mật Nội các, tập hặc tâu trước không nói đến, cũng phải tự xét không riêng thuộc viên viện ấy mà thôi, đó là nhân việc công phải làm, sao được chỉ là việc riêng. Lê Đăng Doanh lại nói là báo trả lại, không khỏi đem lòng giận, thành ra không phải, nên truyền Chỉ từ nay phải đều hết chức vụ làm việc công quên việc riêng, chớ giữ ý kiến thiên lệch, chớ coi nhau bằng giới hạn, lẽ phải nên nói, dù người thân hay thù vẫn không kiêng nể, việc phải nên làm, dù ơn hay oán vẫn không nghĩ đến, mới không phụ lòng chia chức đặt quan của trẫm, giả sử có đem lòng hiềm báo oán, thì quyết không thể tránh được soi xét rõ ràng của trẫm".

Cấm nhà dân cất giấu sách *Lê sử tục biên*. Dụ rằng : "Sử ký các đời của nước An Nam, trong đó chữ nghĩa sự tích còn nhiều giản lược, còn từ Lê trung hưng trở về sau, quyền chính về tay họ Trịnh, vua Lê chỉ giữ ngôi hão, cho nên chép ra các quyển *Bản ký tục biên*, đều là tôn họ Trịnh, đè nén họ Lê, thậm chí việc làm của họ Trịnh trái ngược, cũng đều nể chép khen tốt, giày mũ đảo lộn, không gì tệ hơn việc ấy, rút cục sự biên soạn lúc bấy giờ, đều là người riêng của họ Trịnh, không phải do sự bàn công chép thẳng, tuy trước khắc từng bản, nay đã tán lạc, nhưng bản in của sĩ dân cất giữ được để lại, há không có người còn. Nếu để sách chép ấy riêng cùng truyền xem, hầu đến chìm đắm lòng người, không thể không một phen thu hết, để làm kế hay nhất về thế đạo phong tục, nên thông dụ cho các quan địa phương sức khắp cho các quan lại sĩ thứ trong hạt, nếu có cất giấu riêng sách Lê sử

Bản kỷ tục biên, không cứ bản in hay bản sao, đều phải đưa nộp lên quan, do cấp trên phát đệ về bộ tâu xin tiêu huỷ, đợi sau tìm hỏi việc cũ, xem xét kỹ càng, sai quan chép làm chính sử, khắc in ban hành để tỏ chép thực. Nếu dám giấu riêng thì theo luật Cất giấu sách quái gở" trị tội.

Sai các tỉnh lớn từ Hà Tĩnh trở ra Bắc tính liệu làm đồn ở nơi quan yếu.

Vua bảo bộ Binh rằng : "Trước đây trẫm mở xem địa đồ Hà Nội, thấy hạt ấy cùng với các tỉnh bên cạnh liền nhau, đường thuỷ đường bộ cùng thông, mà thế hơi lệch về phía tây bắc, bờ phía bắc sông Nhị Hà tức là Bắc Ninh phía tây, chỉ vài dặm đường nữa, bên là địa phận Sơn Tây. Từ trước tới nay chưa từng thiết lập đồn ải, nếu gặp sự hoãn cấp, sợ hoặc vội vàng không kịp đề phòng, thế mà quan giữ bờ cõi, chưa thấy tính đến, và lại không riêng tỉnh ấy, phàm nơi tiếp giáp địa đầu các hạt, đều nên tính chỗ đặt đồn, để làm phòng bị trước khi có việc, nên truyền dụ cho các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoa, Ninh Bình, Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, đều chiểu từ tỉnh mình đến địa đầu hạt tiếp giáp, nơi nào là hiểm yếu nên đặt cửa ải, hoặc là nơi bằng phẳng cũng phải làm đồn canh phòng, rồi liệu để biền binh canh giữ, không phải quá nhiều, như việc thường đã có giấy tờ đưa đi thông báo, còn cửa ải và đồn đặt ra chỉ để ngăn ngừa cướp giặc xung đột, và có việc quân quan trọng, báo ngay đến tỉnh cho tiện phòng bị trước, đó là việc cần phải lo xa, đều nên bàn cho thoả đáng tâu lên. Đến khi các tỉnh tâu lên, sai bộ Binh xét lại lời bàn, cho là cửa ải và đồn đặt ra là để nghiêm phòng bị mà thông quan báo, tất phải chọn con đường quan yếu ở nơi 2 tỉnh tiếp giáp nhau, mà 4 bề đều không có đường khác có thể đi được, mới phải đặt đồn, nay lời xin của các tỉnh, đại khái chỉ căn cứ vào địa thế của hạt ấy và sự bắt đánh giặc cướp mà nói, trong đó việc quan báo có được thông hay không ? Ngăn chặn có trông nom chu đáo hay không ? Không từng tư báo cho tỉnh bên cạnh xếp đặt cho tường tất, cho nên việc định địa thế đặt đồn, hoặc được một bề, bỏ sót một bề, thì khi có việc như có việc quân, hai bên không liên quan với nhau, sao báo ngay đến tỉnh được. Vả lại nay trong nước yên ổn, nhân dân yên vui, các tỉnh nguyên trước đặt đồn bảo, nhiều thì 7, 8 nơi, ít thì không kém 2, 3 nơi, cũng đủ để phòng ngừa sự bất ngờ, nếu đặt không mà không thiết với sự thực, rút cục cũng có ích gì ? Nay xin do các tỉnh 2 bên tư cho nhau, thân đến xem xét ở nơi địa đầu tiếp giáp, chỗ nào là con đường xung yếu, đặt chung một đồn, nếu hạt ấy khi nghe có cấp báo, tất do đồn ấy đi báo cho hạt kia, hạt kia cũng vậy, cho được nhanh chóng để chống giữ ngay, còn đồn sở, hoặc lượng phái dân phu cận tiện, hoặc do tỉnh nào phái quân đóng giữ, để kịp tuần phòng sách ứng, hết thảy công việc, đều cùng bàn thoả đáng, làm sớ tâu lên.

Vua theo lời bàn ấy, rồi cho rằng các hạt ở Bắc Kỳ địa giới liền nhau, đường sá đi lại, phần nhiều đều thông suốt cả, không ví như các tỉnh từ Ninh Bình trở vào, địa thế kéo dài, nên việc xin đặt thêm đồn ải 1, 2 nơi đều đình cả.

Chuẩn định từ nay đến kỳ khoa thi Hội, quan ở Giám sát hạch trước các giám sinh, hạng kém thì đều không cho dự phúc hạch (theo lệ có sai quan sát hạch lại mới cho cùng với cử nhân vào thi), định làm lệ mãi.

Định lại phép thi Hương và thi Hội.

Vua dụ rằng : "Khoa cử để kén nhân tài, thực có liên quan đến thịnh điển, mà cân nhắc thích đáng, mới mong thu nhặt không sót được nhiều người, từ trước đến nay, điều lệ trường thi Hương thi Hội, nhiều lần đã chuẩn y cho bộ bàn, trong đó chấm xét quyển văn, thi Hương thì lấy ưu, bình, thứ, liệt chia hạng ; thi Hội thì lấy phân số định thứ bậc, đến khi suốt cả ba kỳ, quyển nào một kỳ đã phê hạng liệt, hoặc không được một phân thì đều không dự trúng cách. Kìa như tắc bóng ở trường thi, đều có dài như một ngày, gián hoặc có văn lý 2 kỳ rất giỏi, mà chợt có một kỳ văn lý không thông hoạt, quan trường đã phê liệt và không dự phân số, thì câu nệ vào thể lệ trường thi đặt ra ngoài Tôn Sơn[1], như thế không khỏi bỏ sót nhân tài, vả lại chước định lấy hay bỏ, cốt ở hợp suốt 3 kỳ, cân nhắc chất lượng. Nay chuẩn cho quan chấm trường ở trường thi Hương thi Hội theo từng kỳ chấm xét, quyển nào văn lý toàn là lầm bậy không thể lấy được, thì phê hạng liệt và không được một phân, còn thì tuy là tầm thường nhưng chưa đến nỗi sai lầm quá, một kỳ ấy không hại gì, hãy phê hạng thứ hay một phân, để lưu chỗ về sau, đợi đến suốt cả 3 kỳ, nếu 2 kỳ khác văn lý xuất sắc, thì có thể để vào trúng cách, nếu đều không thể lấy được, lúc đó đánh hỏng chưa muộn. Lại như thi Hương, quyển nào 3 kỳ đều dự hạng thứ trở lên, thi Hội quyển nào đã được phân số đủ lệ, mà xét kỹ văn lý bình thường, chưa được lấy làm cử nhân hay trúng cách, thì cũng chuẩn cho giáng làm tú tài hoặc phó bảng, nhưng ở trong bản tâu phải tâu bày rõ ràng, không nên vin vào lệ lấy đỗ, thành ra quá lạm, từ nay về sau chép vào điều lệ phép thi, để tuân hành mãi mãi.

Nêu thưởng dân sống lâu 100 tuổi ở các địa phương.

(Quảng Ngãi 8 người, Phú Yên 3 người, Quảng Nam, Bình Định, Hà Nội, mỗi tỉnh 2 người, Quảng Trị 1 người).

---

(1) Tôn Sơn là người đỗ cuối bảng, ngoài Tôn Sơn tức là thi hỏng.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXC*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838]. Mùa xuân, tháng 3, ngày Giáp Tuất, mới định quốc hiệu là nước Đại Nam.

Dụ rằng : "Nước ta từ Thái tổ Gia dụ Hoàng đế, gây nền ở cõi Nam, đến các vua, ngày thêm mở rộng, có cả đất của nước Việt Thường cho nên trong nước trước gọi là Đại Việt, lịch chép cũng lấy 2 chữ ấy chép ở đầu, vốn không ví như nước Đại Việt theo dùng tên riêng của nước An Nam. Đến Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế, ta có cả nước An Nam, còn lịch chép chỉ chép đơn giản 2 chữ Đại Việt, về lẽ phải vốn là không hại gì, xưa nay vẫn làm, đã trải bao năm, thế mà có bọn quê mùa không biết, thấy lịch các triều nhà Trần, nhà Lê nước An Nam cũng có chữ Đại Việt, theo người nhận nhầm, sinh nghi ngờ bậy, liên quan đến quốc thể không phải là nhỏ. Trẫm xét các đời trước, như đời Đường, Tống trở về trước, phần nhiều lấy nơi nổi lên làm vua, làm danh hiệu có cả thiên hạ, đến đời nhà Nguyên, nhà Minh, lại hiềm nơi theo tên cũ, bèn lấy chữ hay làm quốc hiệu. Đến đời nhà Đại Thanh trước gọi là Mãn Châu, sau đổi lại làm Đại Thanh, đều nhân thời tuỳ tiện, việc theo lẽ phải mà ra. Nay bản triều có cả phương Nam, bờ cõi ngày càng rộng, một dải phía đông đến tận biển Nam, vòng qua biển Tây, phàm là người có tóc có răng, đều thuộc vào trong đồ bản, bãi biển xó rừng khắp nơi theo về cả, trước gọi là Việt Nam, nay gọi là Đại Nam, càng tỏ nghĩa lớn, mà chữ Việt cũng vẫn ở trong đó. *Kinh Thi* có nói : "Nước nhà Chu dẫu cũ, mệnh vận đổi mới !" để cho đúng với tên

và sự thực. Chuẩn cho từ nay trở đi, quốc hiệu phải gọi là nước Đại Nam, hết thảy giấy tờ xưng hô, phải chiểu theo đó tuân hành, gián hoặc có nói liền là nước Đại Việt Nam, về lẽ vẫn phải, quyết không được lại nói 2 chữ Đại Việt, còn hiệp kỷ lịch năm nay, trót đã ban hành, không phải thay đổi hết thảy, nhưng nên in lại 3.000 tờ nhãn lịch trình dâng, chờ ban cho các quan viên ở Kinh và tỉnh ngoài, cho rõ hiệu lớn, còn thì phải lấy năm Minh Mệnh thứ 20 làm bắt đầu đổi chép chữ Đại Nam ban hành, để chính tên hiệu và khắp các nơi xa gần".

Vua bảo Nội các rằng : "Từ trước đến nay, phủ Nội vụ và Vũ khố phàm việc nhỏ bé cũng hết thảy làm tờ tâu lên, trẫm thường một bữa cơm 5, 3 lần xem xét, kìa như một bữa cơm 3 lần nhổ ngậm, một lần gội đầu, 3 lần búi tóc, theo đó đối đãi người hiền, cố nhiên là nên lắm, còn như việc bé nhỏ, việc gì phải khổ thân nhọc lòng, nếu việc có liên quan đến của kho Nhà nước, dù là việc nhỏ, cũng phải tâu rõ, để làm bản lưu, các ngươi nên trù nghĩ thế nào, có thể để cho tờ tâu, không đến nhiều quá, thế là tốt".

Thuyền giặc nhà Thanh lẻn ra ở phận biển Phan Lý tỉnh Bình Thuận, thuyền quân ở Kinh phái đi tuần đậu ở vụng La Hàn không biết đến.

Vua nghe tin bảo rằng : "Việc đi tuần biển, đã dụ bảo phải đi lại tuần phòng luôn, khi ấy thuyền buôn có thể đi lại được, thì không có sóng gió phải tránh, cớ sao lại bỏ neo ở đấy, để cho bọn giặc được quấy rối gây chuyện, Quản vệ là Nguyễn Văn Thanh, Đinh Văn Lân đều phải giáng 2 cấp, thuyền đi tuần của Cai đội thuỷ sư là Nguyễn Văn Điếm gặp quân giặc ở ngoài biển Đề Di tỉnh Bình Định hết sức đánh nhau với chúng, cứu thoát thuyền buôn, thưởng cho 5 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn. Lại phái Quản vệ thuỷ sư là Phan Công Quý đem 4 chiếc thuyền quân, cứ đi từ Thừa Thiên trở ra Bắc đến Quảng Yên, hết sức tìm bắt".

Cho Lại bộ Viên ngoại lang là Lê Quang Nguyên đổi lĩnh Án phủ sứ phủ Quảng Biên.

Tổng đốc Định Biên là Nguyễn Văn Trọng đến thành Trấn Tây cùng với Tướng quân là Trương Minh Giảng, Tham tán là Dương Văn Phong bàn việc bắt giặc, dâng sớ nói : "Quan quân đạo Hải Đông đuổi bắt bọn giặc ở các xứ Trưng Thuỵ, Bình Tiêm bắt giết được rất nhiều, bọn chúng đều đã tan vỡ".

Vua bảo rằng : "Giặc Xiêm từ khi thua ở Phủ Chân, mất vía, đêm phải trốn chạy, địa phương Hải Tây hiện cũng yên ổn, chỉ còn bọn giặc ở Hải Đông, chẳng qua là giặc cỏ nhỏ nhặt, định ngày có thể bắt được, việc đánh bắt sớm muộn, chắc có thể xong việc. Tổng đốc Nguyễn Văn Trọng chuẩn cho ở lại 10 ngày rồi về ngay

Định Biên nhận chức, vả ở thành ấy nhiều lần điệu biền binh các tỉnh gần đến 2 vạn, nay việc gần xong, việc gì phải dùng nhiều quân, nên để lại theo Lãnh binh Võ Đức Trung ở đồn Chi Trinh một nghìn vài trăm người ; theo thự Đề đốc Bùi Công Huyên ở đồn Sa Tôn 500 người ; theo Tuyên phủ Nguyễn Văn Hy ở đồn Hải Đông 300 người ; theo Tổng đốc Đoàn Văn Phú ở Ba Lai cho đến một dải Trưng Thuỵ, Bình Tiêm 600, 700 người ; ở địa đầu quan yếu đạo Hải Tây để lại 2.000 người chia đi đóng giữ cho bờ cõi vững mạnh, nhưng chiểu số biền binh phải đóng ở thành sung phái. Còn đóng mãn hạn và điệu thêm thì rút hết về hàng ngũ cũ, để cho nghỉ ngơi. Tỉnh Hà Tiên mở rộng mặt đất cũng đã lặng yên, cho liệu để lại 300 người theo Lãnh binh Hoàng Quang Thông tìm bắt các tên giặc trốn, còn ở An Giang điệu đến và ban đóng trước mãn hạn, đều cho về ngay, Án sát Phạm Ngọc Quang cũng chuẩn cho về tỉnh nhận chức.

Lại bảo Trương Minh Giảng, Dương Văn Phong rằng : "Trước cứ các đại thần trù tính công việc kinh lý ở thành Trấn Tây, từng đã chuẩn y lời bàn, vừa rồi nhân ở biên giới có việc, bèn bảo tạm đình, nay việc bắt giặc gần xong, thì nhân cơ hội làm việc có thể thừa thế được, đến lúc này mà sửa sang, càng dễ làm việc, chuẩn cho chiểu theo nghị trước, chước lượng lần lượt thi hành".

Định các thủ phủ thủ huyện ở các địa phương. Trước đây sai bộ Lại tra rõ phủ huyện ở các hạt, phàm phủ huyện nào gần liền với tỉnh thành thì gọi là thủ phủ, thủ huyện, đến nay sớ dâng lên, chuẩn cho theo nghị thi hành :

(Phủ Thừa Thiên, huyện Hương Trà ; tỉnh Quảng Nam thì phủ Điện Bàn, huyện Duy Xuyên ; tỉnh Quảng Ngãi thì phủ Tư Nghĩa, huyện Bình Sơn ; tỉnh Bình Định thì phủ An Nhân, huyện Tuy Phúc ; tỉnh Phú Yên thì phủ Tuy An, huyện Tuy Hoà ; tỉnh Khánh Hoà thì phủ Diên Khánh, huyện Vĩnh Xương ; tỉnh Bình Thuận thì phủ Hàm Thuận, huyện Tuy Phong ; tỉnh Biên Hoà thì phủ Phúc Long, huyện Nghĩa An ; tỉnh Gia Định thì phủ Tân Bình, huyện Tân Long ; tỉnh Định Tường thì phủ Kiến An, huyện Kiến Đăng ; tỉnh Vĩnh Long thì phủ Định Viễn, huyện Vĩnh Trị ; tỉnh An Giang thì phủ Tuy Biên, huyện Đông Xuyên ; tỉnh Hà Tiên thì phủ An Biên, huyện Kiên Giang ; tỉnh Quảng Trị thì phủ Triệu Phong, huyện Hải Lăng ; tỉnh Quảng Bình thì phủ Quảng Ninh, huyện Bố Trạch ; tỉnh Hà Tĩnh thì phủ Đức Thọ, huyện Thạch Hà ; tỉnh Nghệ An thì phủ Anh Sơn, huyện Chân Lộc ; tỉnh Thanh Hoá thì phủ Hà Trung, huyện Đông Sơn ; tỉnh Ninh Bình thì phủ An Khánh, huyện Gia Viễn ; tỉnh Hà Nội thì phủ Hoài Đức, huyện Thọ Xương ; tỉnh Nam Định thì phân phủ Thiên Trường, huyện Mỹ Lộc ; tỉnh Hưng Yên thì phủ Khoái Châu, huyện

Kim Động ; tỉnh Hải Dương thì phủ Bình Giang, huyện Cẩm Giàng ; tỉnh Quảng Yên thì phủ Hải Ninh, huyện Yên Hưng ; tỉnh Sơn Tây thì phủ Quảng Oai, huyện Phúc Thọ ; tỉnh Hưng Hoá thì huyện Tam Nông ; tỉnh Tuyên Quang thì phủ Yên Bình, huyện Hàm Yên ; tỉnh Bắc Ninh thì phủ Từ Sơn, huyện Võ Giàng ; tỉnh Thái Nguyên thì phủ Phú Bình, huyện Đồng Hỷ ; tỉnh Lạng Sơn thì phủ Trường Khánh, huyện Văn Uyên ; tỉnh Cao Bằng thì phủ Hoà An, huyện Thạch An ; tỉnh Hải Dương thì huyện Cẩm Giàng, sau đổi lấy huyện Thanh Lâm).

Các phủ nha chưa được đặt ra, thì vẫn do phủ viên kiêm thự làm việc. Lại nghĩ hạng khuyết các huyện theo lệ trước hoặc do đình thần chọn cử, hoặc do địa phương đề tâu xin bổ, chuẩn cho từ nay trở đi, phàm phủ huyện có khuyết, đều giao đình thần chọn cử.

Bãi bỏ chức cai trưng thuế trường các địa phương ở Kinh và tỉnh ngoài. Theo lệ trước, ở thuế trường, đặt một chức cai trưng, cai quản cả cai lại các huyện, phần được trưng thu thuế lệ, phần nhiều coi thường pháp luật mưu tính lợi riêng, bèn theo lời bộ Hộ bàn, từ nay phàm các địa phương, tới kỳ trưng thu thuế, bỏ bớt chức cai trưng, chỉ phái lại dịch thuộc hạt ấy, người liêm chính cần mẫn sung làm cai lại ở các huyện, huyện lớn thì mỗi huyện một người, huyện nhỏ thì hai huyện một người chuyên coi việc giữ thẻ, bỏ thẻ và chiểu ngày biên vào sổ thượng ty sở tại. (Ở Thừa Thiên do viên Phủ doãn, ở các tỉnh do viên Bố chính) thân đến công trường đốc sức, dân có nộp tiền thóc, sản vật, lập tức biên thu, không được làm khó khăn hay bác bỏ, tỉnh nào nếu có đặt riêng kho công ở các hạt phủ huyện, thì viên phủ huyện thân tự xem xét, chỉ phái một người thuộc viên ở tỉnh, sung làm cai lại làm việc, cai lại theo từng ngày biên vào sổ, đều có dân xã nhận thực, thượng ty và phủ huyện đóng kiểm và triện nhỏ làm bằng còn giấy hợp đồng thì cấm chỉ.

(Giấy hợp đồng là cai trưng, cai lại làm ra, chia cho xã dân giữ để lưu chiểu, nhân đó mà sách nhiễu dân).

Sai các tỉnh ở Bắc Kỳ mua các đồ vật :

(Tỉnh Nam Định : vàng, bạc, vải trắng, sại nam, lụa ; tỉnh Bắc Ninh : vàng, bạc, vải trắng, sại nam, sơn sống, đồng khối đỏ, đồng lá đỏ, chì, thiếc, các hạng sắt, tơ sống, mảnh gang, vỏ gai, cánh kiến, các hạng lụa, nhung hươu, sừng tê, than mỏ ; tỉnh Hải Dương : vàng, vàng vụn, bạc, vải trắng, sại nam, các hạng sắt, đồng đỏ, cánh kiến, tơ sống, vỏ gai, sơn sống, các hạng lụa, than mỏ ; tỉnh Sơn Tây : vàng, vàng vụn, bạc, vải trắng, các hạng sắt, mảnh gang, đồng đỏ, chì, kẽm, tơ sống, sại nam, cánh kiến, sơn sống, các hạng lụa vỏ gai, sừng tê, nhung hươu ; tỉnh

Hưng Hoá : vàng, vàng vụn, bạc, sừng tê, nhung hươu ; tỉnh Tuyên Quang cũng như tỉnh Hưng Hoá).

Bắt đầu thu thuế sân đánh chim ở An Giang. (Sân đánh chim ở vào chỗ giáp giới hai thôn Thường Thịnh, Trường Thịnh thuộc huyện Vĩnh Định, bề dài 8 trượng, bề ngang 6 trượng, cho dân sở tại lĩnh trưng mỗi năm nộp tiền thuế 100 quan).

Tù giam ngục tỉnh Gia Định là bọn Nguyễn Văn Quang (cháu nội của Khâm sai thuộc nội Chưởng cơ Nguyễn Văn Bình, cháu họ của Khâm sai Chưởng cơ Nguyễn Văn Thuỵ), mưu vượt ngục, đem cả tên phạm tội bị giam là Lê Văn Sơn, cháu họ của Lê Văn Duyệt, giữ thành làm phản, có tên tù phải tội lưu là Trần Vinh (nguyên là Tư vụ bộ Binh bị tội lưu, phát đi an trí ở Gia Định) biết chuyện, đem việc ấy tố cáo ra, quan tỉnh tra được việc thực, đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : "Thủ phạm Nguyễn Văn Quang là con cháu công thần ở Vọng Các, trước can án ăn cướp, triều đình chưa nỡ giết, còn để giam cấm, thế mà dám chứa ngầm lòng ác, mưu đồ làm phản vượt ngục, lấy việc trước của tên giặc đã chết là Lê Văn Khôi làm khuôn mẫu. Ý muốn chiếm thành làm phản, làm khổ nhân dân, thực là đáng ghét đáng giận, Lê Văn Sơn là cháu Lê Văn Duyệt, cứ lời bọn đồng mưu phản ngục nói "muốn suy tôn lên để mưu khởi sự", xét ra Lê Văn Duyệt lúc còn sống từng đã phạm tội to trong mười tội ác. Con nuôi hắn là Lê Văn Hán lại theo nghịch Khôi làm phản, một nhà cha con đều nên phải chém, chỉ nghĩ Lê Văn Duyệt lúc đầu theo vua, dự có chút công khó nhọc, nên chưa nỡ giết mà thôi, nay cháu họ phạm tội phải giam, lại được bọn ác suy tôn, muốn cùng triều đình gây biến, mối hoạ không trừ, hầu đến mầm ác lại mọc, bọn Nguyễn Văn Quang, Lê Văn Sơn 6 tên, chuẩn cho lăng trì xử tử. Ông của Nguyễn Văn Quang là Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn Thuỵ, văn bằng đã được, đều chọ lấy lại. Lại cho là tù bị giam, phần nhiều tính ác không chừa, gương trước chẳng xa, nên phải răn rõ, chuẩn cho chọn lấy viên xứng đáng ở thuộc tỉnh sung làm chức đề lao, còn các tù phạm hiện phải giam, canh giữ nghiêm mật, phàm những gông khoá đồ dùng trong ngục, hết thảy đều phải bền chắc, nếu hình cấm quá nghiêm ngặt, tù trong ngục dù chết cũng không phải tội. Còn như Trần Vinh, khi biết âm mưu của bọn tù trong ngục biết tố cáo ngay, mưu gian liền cản trở, phép nước được tỏ bày, thực đáng khen thưởng. Chuẩn cho lập tức tha tội, lại thưởng cho 100 lạng bạc, do bộ Lại xét bổ làm vị nhập lưu thư lại ở các bộ. Đề lao là Nguyễn Văn Nghĩa không biết xem xét, phạt 100 trượng, cách chức, phái đi thành Trấn Tây làm binh ; Niết ty là Nguyễn Văn Chức vụ giữ việc hình, phải giáng một cấp ; Bố chính là Hoàng Quỳnh phạt bổng 1 năm.

Đình thần tâu nói : Tù giam ở ngục Gia Định mưu làm phản vượt ngục, suy tôn tội phạm phải giam là Lê Văn Sơn, tức là cháu họ tên phạm cũ Lê Văn Duyệt, con của nghịch phạm Lê Văn Hán, thế là trước sau mưu làm giặc đều từ một nhà Lê Văn Duyệt gây nên, mầm ác không thể không trừ, các con cháu Lê Văn Duyệt là bọn Lê Văn Yên, Lê Văn Tề, Lê Văn Phúc, Lê Văn Thận, Lê Văn An, Lê Hào, Lê Văn Sầm, Lê Văn Doanh 8 tên, vẫn đương giam cấm, xin xử chém cả cho hết mầm ác".

Vua bảo rằng : "Lê Văn Duyệt là hoạn quan làm đầy tớ, chỉ dùng sai khiến ở trong cung, nguyên không phải tài năng kỳ dị, hay dũng tướng mưu thần, chẳng qua trước vì Nhà nước lắm việc, Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta, phàm tôi tớ trong triều, ngoài các trấn, đều sai đem quân đánh giặc, cho chóng rửa được thù thẹn, vừa gặp buổi rồng mây gặp hội, và Nhà nước sẽ bắt đầu thịnh lớn, nên trời tổ ban phúc cho, bách thần hết sức giúp, lại nhờ có mưu mô của triều đình, kế hoạch thần diệu làm việc quyết định sáng suốt, hằng năm Hoàng khảo ta, thân đem sáu quân các công thần chưa từng tự chuyên đánh dẹp, tai mắt mọi người, đều nghe thấy cả, sau khi đại định, vinh phong cho các công thần, hắn cũng vì đi ở nơi hàng trận, có công khó nhọc, lạm dự phong tước quận công, em hắn là Lê Văn Phong, làm quan đến tòng nhất phẩm, con nuôi hắn là Lê Văn Yên lại được gả công chúa cho, một nhà anh em, rất nhiều vinh hiển ơn nước hậu biết chừng nào, thế mà cậy công kiêu bậy, khinh thường hiến pháp, riêng nghĩ làm xằng, không việc gì là không làm, hằng muốn mượn cớ đem quân ra đóng ở ngoài, hy vọng nghe ngóng, hầu cho là không ai dám làm gì, đã bị mọi người tố giác, Hoàng khảo ta đã soi biết tâm tích, nhưng nghĩ hắn là một kẻ hoạn quan, ai chịu nghe theo, sẽ không làm gì được, hãy nín nhịn bỏ qua. Đến khi trẫm lên ngôi vua, tóm cả muôn việc, hắn sợ không thoả được mưu gian, liền dám đem lòng bất mãn, càn ngạo bất kính, thường thấy lộ ra lời nói và nét mặt, trẫm lại nghĩ bầy tôi cũ không còn mấy người, càng thương yêu hơn, cũng không lấy làm ngờ ghét, thế mà hắn kiêu ngạo tăng thêm, càn dỡ càng lắm, tức như việc chiêu nuôi bọn tù phạm hung ác người nhà Thanh để làm tâm phúc ; cố kết với gian thần là Lê Chất, để làm việc ngầm cùng là ngầm kén voi trâu khoẻ mạnh, đem theo đến chỗ đóng, riêng thu cả thuyền bè 6 tỉnh, coi như của mình, lại đắp thành cao, đào hào sâu, ngang với kinh sư, phàm các việc ấy đều là chứa chất lòng ác, ngầm mang lòng không theo pháp luật. Ngoài các việc ấy, tội ác còn nhiều, xét việc làm của hắn, việc gian rõ ràng, tính đốt tay không xiết được, hơn nữa giúp đỡ cho Trần Nhật Vĩnh, tàn ngược bừa bãi, hút máu mủ nhân dân 6 tỉnh Nam Kỳ, số của lót thường đến vài mươi vạn, đến khi việc vỡ lở, sợ tội đến mình, không đừng

được mới xin đem Nhật Vĩnh ra chém, để tự che đậy mà nhân dân bị giày xéo nát nhừ, đã không xiết kể. Sau khi chết, lại phát xuất ra việc riêng giấu giấy đóng ấn sẵn, riêng đóng thuyền bè gỗ nam, làm rất nhiều việc không công bằng không theo pháp luật, triều đình cũng chưa nỡ hỏi đến, thế mà trong hàng ngũ của hắn, như lũ Lê Văn Khôi, Thái Công Triều, nhân thấy ngày thường dối trá lăng phạm người trên, tập thành thói quen, không còn biết có triều đình, cho nên xác thịt của hắn chưa tan hết, mà bọn Khôi đem nhau nổi loạn, giữ thành làm phản, cháu họ hắn là Lê Văn Hán cũng cùng với hắn trước sau cùng mưu, thậm chí đến bọn trẻ con chơi đùa gà chọi chó săn, không ai là không hùa theo làm loạn, để cho dân 6 tỉnh Nam Kỳ phải khổ, giặc Xiêm nhân đó xâm lấn quấy rối ngoài biên, gan óc quân dân tan tành hết cả, may nhờ trời đất thương giúp, miếu xã ban ơn, trẫm sai tướng đem quân, chỉ bảo kế hoạch, thêm được tướng có mưu, quân hùng mạnh, hợp sức cùng lòng, trước dẹp yên giặc Xiêm, sau dẹp yên thành Phiên An, lâu đến 3 năm, rồi sau mới xong việc, mà quân dân khổ cực, không biết đã bao nhiêu, nói đến không ai là không nhức đầu đau ruột, trước đã được đình thần nghị xử : lời nói và việc làm của chúng trái ngược, đáng phải tội chém 7 người, tội thắt cổ 2 người và tội sung quân 1 người, nhưng xét việc gây biến ở Phiên An, thực là tai hoạ bậc nhất, xin xử tội lăng trì xử tử và bổ quan tài, chém xác chết, để tỏ răn bảo rõ ràng. Cứ theo án ấy định, không kể tội của hắn, thân thuộc đã phải tội lây, và đem việc Lê Văn Hán cùng với giặc Khôi làm phản, thì một nhà anh em thân thuộc cũng nên phải tội chết, hiện nay chỉ cứ tên giặc Lê Văn Hán và người ở cùng một nhà là bọn Lê Văn Nguyên, Lê Văn Thiện phải xử chém mà thôi, còn người không ở cùng nhà thì hãy tạm giam cấm, các đàn bà con gái và trẻ con đều tha không phải tra bắt. Lê Văn Duyệt cũng tha chém xác cho xương khô được toàn, còn như con của tên giặc Lê Văn Hán là Lê Văn Sơn cũng còn giam cấm, thực đã quá nhờ điển lệ khoan hồng, mấy lần xét án mùa thu đình nghị và pháp quan lại đều cho là bọn Lê Văn Yên theo luật nên phải tội lây và xin xử chém, nhưng trẫm cũng chưa nỡ quyết vội, không ngờ bọn tù trong ngục lại muốn suy tôn Lê Văn Sơn, mưu theo vết xe cũ của giặc Khôi như thế, ác nghịch ngập trời, tội không tha được. Nay đình thần tâu lên, thực do ở lòng công phẫn công tâm, nếu trẫm lại tạm bợ dung cho kẻ gian, giả sử ngày sau lại sinh biến khác thì người sẽ cho trẫm là thế nào ? Cho nên không thể không theo lời xin ấy, Lê Văn Yên chuẩn cho tự chết, Lê Văn Tề, Lê Văn Phúc, Lê Văn Thận, Lê Văn An, Lê Hào, Lê Văn Sầm, Lê Văn Doanh đều chém ngay, còn con của Lê Văn Yên là Lê Văn Diễn, Lê Văn Minh, con của Lê Văn Tề là Lê Văn Hợp, Lê Văn Dũng tạm tha cho tội chết, phát đi an trí ở Cao Bằng, đợi khi

trưởng thành, do địa phương xét, quả là yên phận giữ phép, hay hoặc có tình trạng hung ác khác, cứ thực tâu bày, đợi Chỉ, đó là một nhà Lê Văn Duyệt bạn nghịch, ác nghiệt tự mình gây ra, tội giết không tha được, có can phạm đến đại nghĩa đại pháp, không thế không được.

Vả lại trẫm từ khi nối ngôi vua tới nay, hậu đãi các công thần, sống thì vinh, chết thì thương, đến con cháu cũng được đời đời tập ấm, có phẩm tước để nối nghiệp nhà, có mũ đai để thân được vinh hiển, ân điển ngày càng nhiều, trong ngoài vốn nghe biết, không đợi nay phải nói nhiều, giả sử phạm phải tội lỗi tầm thường, tức luật có nghị công, còn có thể lượng cho tha thứ, còn như lòng hung bạo như sài lang, hại dân hại nước, gây tai vạ với triều đình, nếu lại theo tình bỏ phép, thì sao tỏ được nghĩa xuân thu, mà tỏ bảo về sau, chuẩn cho bộ Hình đem nguyên uỷ án ấy thông dụ cho các địa phương các trực tỉnh, cho cả nước biết triều đình thưởng người có công, phạt người có tội, là do lòng đại công chí chính, không vì lỗi nhỏ mà mất cả công, cũng không vì tội to mà pháp luật phải khuất khúc, khiến cho kẻ thiện biết khuyến khích, kẻ ác biết răn chừa, làm gương để răn mãi". Bộ Hình lại tâu nói : tội của phạm viên Lê Chất giống với tội Lê Văn Duyệt, cháu họ của Duyệt đã phát đi Cao Bằng, thì người họ để tang một năm bị tội lây của Chất là bọn Lê Luận 8 tên cũng nên phân phát đi an trí ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, do quan địa phương quản thúc. Vua nghe theo.

Chuẩn định từ nay phàm các nha tiếp được chương sớ ở bốn phương đưa đến, việc thuộc quan khẩn trọng đại, thì lập tức đem nguyên phong tiến trình, chờ được phê bảo phát xuống tuân hành, hoặc chiểu lễ, làm phiếu nghĩ, không phải hết thảy xem xét trước, thành ra chậm trễ, chép làm thành lệ.

Nguyên Án sát Hưng Yên là Vũ Trọng Đại theo lời triệu về Kinh.

Vua bảo rằng : "Đại chính sự không có gì là giỏi, nhưng văn học cũng có khả quan, sai đổi bổ Lang trung bộ Hộ sung vào sở chính yếu để làm sách, nhân bảo các thị thần rằng : quốc thể không có gì trọng bằng sử, mà tài làm sử, chép sử, thực khó có người, như sử nhà Lê chép sứ Trung Quốc sang thấy Tương Dực đế mình lệch mà béo, có thơ chế giễu rằng : "Nước An Nam, bốn trăm năm vận còn dài, ý trời thế nào cho vua quỷ xuống". Kìa như sử để chép việc hay việc dở của vua, để làm gương răn bảo đời sau, có cần đến tướng mạo đẹp hay xấu đâu ? Khi trước trẫm đi tuần ra Bắc, sứ nhà Thanh khen là tướng phúc thọ, đáng vị thiên tử, kể thì người nước khác đến nước ta, hoặc thấy người đi cày nhường bờ, người đi đường nhường đường, chính sự công bằng, kiện tụng thanh thoả mà khen ngợi, cố nhiên nên chọn lấy để ghi ở sử xanh, nếu chỉ đem tướng mạo mà nói, đâu đáng chép vào sách vở ?".

Sửa sang núi Ngự Bình.

Vua cho núi ấy là nơi thắng cảnh ở Kinh kỳ, từ trước tới nay chưa từng sửa sang, cây cỏ um tùm, đường sá rậm rạp, bèn phái ra 500 biền binh, cứ theo đường từ bờ sông Lợi Nông chạy dài đến chân núi, tuỳ thế sửa sang, chỗ rậm rạp thì cắt bỏ đi, chỗ gập ghềnh thì san bằng phẳng, rồi ở bến sông thì xây bậc đá, khe nhỏ thì bắc cầu ván gỗ, 2 bên đường từ chân núi đến đỉnh núi thì trồng hoa cỏ để tỏ làm nơi danh thắng.

Hoãn việc tuyển lính ở huyện Tiền Hải, tỉnh Nam Định 3 năm, huyện Tiền Hải là nơi mới lập, ruộng nương đều nước mặn, dân làm ăn chưa được dồi dào, quan tỉnh tâu xin lui hạn lại, vua y cho.

Án sát Vĩnh Long là Hà Thúc Giao dâng tập thỉnh an nói : 4 huyện Vĩnh Bình, Vĩnh Trị, Tuân Nghĩa, Trà Vinh đều thuộc hạt ấy, đều có thổ dân, chữ viết và tiếng nói cùng với người Kinh có khác, xin nên chọn người Kinh tập học chữ Thổ để cho am hiểu và cho con em dân Thổ tới viên huấn đạo, giáo thụ học tập chữ Kinh, khiến cho dần thấm phong hoá người Kinh.

Vua bảo rằng : "Dân Thổ đã thuộc về đồ bản của ta, như ở hang tối dời đến cây cao, nên phải dần dần, nay lại muốn cho ngay người Kinh học chữ Thổ, so với nghĩa "dụng hạ biến đi"[1], thành ra chưa hợp. Chuẩn cho tỉnh ngươi và An Giang, Hà Tiên đều bảo ban thổ dân trong hạt, cho con em hấn thường tới huấn giáo ở phủ huyện học tập chữ Kinh, không được noi theo thói cũ, chỉ tới nhà sư Thổ để học hỏi, người nào học biết được nghĩa sách chữ Hán thì liệu đặt làm tổng trưởng, lý mục, cho biết được có khuyến khích. Lại sai lần lượt học tập tiếng nói, áo mặc, ăn uống của người Kinh, thấm thía đã lâu, tự khắc có cơ theo giáo hoá, không nên gấp quá, lại chọn người Kinh minh mẫn biết chữ, thì chước miễn binh dao, khiến cho học cả chữ Thổ, cho tình ý thông nhau, để tiện sai khiến ; như thế mà làm cho có thứ tự, sẽ thấy phong tục khác nhau, có thể đổi dần dần làm văn tự và luân lý cùng giống nhau tốt đẹp".

Án sát Quảng Trị là Nguyễn Huy Chuẩn dâng tập thỉnh an nói : "Dân giàu trong hạt, phần nhiều theo lối nuôi dê con hoặc giữ văn tự không trả, hoặc đem lãi làm gốc, hà khắc quá, xin phàm vay nợ năm tháng đã lâu, lấy lãi đã nhiều, thì tha không đòi, để cứu những người nghèo túng".

Vua chuẩn cho theo bộ Hộ bàn : Phàm cho vay nợ và chịu nợ, từ cuối tháng chạp năm Minh Mệnh thứ 10 trở về trước thì đều tha cho, còn thì cho đòi hỏi, gián

(1) Dùng thói người Kinh đổi thói người Thổ.

hoặc có chịu nợ mà mưu tính lật lừa không trả, và cho vay mà lấy lời trái luật, cố giữ văn tự, và lấy giá rẻ cướp đều cho là hèn, giống nuôi sản nghiệp của người, chiếm vợ con của người, tất cả tình tệ đều đem đến quan xét xử, chiểu luật trừng trị. Lại dụ cho trong hạt như có người, gia tư giàu có, thường hay giúp kẻ nghèo thiếu, hoặc vay nợ không thể trả được, đốt văn tự không đòi, chuẩn cho quan địa phương xét thực, tâu lên đợi Chỉ khen thưởng để khuyến khích người thích làm việc nghĩa. Quan khoa đạo là bọn Võ Doãn Cung, Nguyễn Thế Trị nhân đó tâu xin đặt kho Nghĩa thương, lấy thóc lương 2, 3 vạn hộc chứa vào và cho dân giàu đem thóc nộp kho, chiểu lệ khen thưởng, như gặp năm có mất mùa thì bán ra và cho dân nghèo vay, việc ấy thi hành ở Quảng Trị đã có hiệu quả, nên thông dụ cho các địa phương thi hành suốt cả.

Vua bảo rằng : "Nghĩa thương là dân gian lập riêng lên, còn kho công thì gọi là kho Thường bình, từ xưa đã làm, có thành hiệu lắm, tỉnh Quảng Trị là nơi đất phần nhiều rắn xấu, người giàu thì thóc chứa đầy huân đợi giá, người nghèo thì cấp bách về việc làm ruộng, khổ không có vốn riêng, không thể không nhờ vào vay mượn cho nên người giàu thì càng giàu, mà nghèo thì càng nghèo, cũng là thế tất phải thế. Nếu kho Thường bình đã lập lên, thì sự thu phát được tiện, được mùa hay mất mùa không lo, nếu gặp năm mất mùa, giảm giá bán ra, để giúp cho dân nghèo, đó thực là việc cần tế cấp, nên sai quan tỉnh trù nghĩ, nên lập kho ở chỗ nào bàn tâu chờ Chỉ. Đó là chỉ vì ở Quảng Trị đất xấu dân nghèo phải cứu chữ tệ lệch ấy, nên thi hành một hạt ấy mà thôi, nếu thi hành suốt cả nước thì chưa nên làm. Quan tỉnh ấy lại tâu nói : "Hạt tỉnh ấy sản xuất ra thóc không nhiều, mà người buôn gạo đi lại cũng ít, dầu muốn đặt thêm giá mua vừa, thế cũng khó lắm, còn như khuyên dân đem thóc nộp thì người giàu thích việc nghĩa chưa dễ thấy nhiều, nếu có 1, 2 kẻ lòng và của ngang nhau, cũng chẳng được bao nhiêu, nếu hằng năm lấy thóc lương chứa vào thì kho tỉnh hiện chứa thóc 10 vạn hơn 2.000 hộc, hằng năm thu nộp vào lại hơn 48.000 hộc, lấy đó để chi ra vẫn thấy dồi dào, lại sao phải hằng năm lấy thóc lương đặt riêng một kho, chỉ thêm nhiều việc làm gì ? Huống chi các huyện đến tỉnh, gần thì nửa ngày, xa thì một ngày, lại đều có đường thuỷ đi thông được, xin từ nay phàm gặp kỳ "thanh hoàng vị tiếp"[1], giá gạo nếu có hơi cao, do tỉnh chước lượng tâu xin chi thóc kho ra, giảm giá bán ra cho dân, để thư cấp cho dân, như thế thì dân hèn nghèo thiếu, đã có kho nhà vua giúp cho, mà người giàu cũng không thể nhân lúc cấp cầu lợi được, tuy tiếng không có kho Thường bình mà thực có kho Thường bình".

(1) Nghĩa là lúa cũ hết, lúa mới chưa có, tức là lúc giáp hạt.

Vua khen lời tâu ấy là phải, rồi có người xã Đốn An (tên xã thuộc huyện Địa Linh) đàn bà goá là Nguyễn Thị Khiết và con trai là Lê Mậu Điều xin đốt văn tự nợ, tính tất cả hơn 200 lạng bạc, 34.000 quan tiền, hơn 370 hộc thóc, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên.

Vua khen ngợi, chuẩn cho Lê Mậu Điều được miễn thuế hộ khẩu, thuế thân, binh dao 15 năm.

Bố chính Biên Hoà là Phạm Duy Trinh dâng tập thỉnh an nói : 6 tỉnh ở Nam Kỳ ruộng đất màu mỡ, xin đến cuối năm đều chiểu theo lệ ruộng bỏ hoang khai thêm trong hạt theo sổ đinh chia phần, nghị định thưởng phạt để tỏ khuyên răn.

Vua dụ khiển trách rằng : "Hạt ngươi đất rất màu mỡ và dân Thổ ở các sách, đổi thói người Thổ theo thói người Kinh, chính là lúc ngày càng tụ họp mở mang, thế mà gần đây số ruộng khai khẩn thêm, so với các tỉnh lại kém cỏi, ngươi, mình làm chức chăn dân, lại không nhận trách nhiệm của mình, chỉ mượn cớ nói suông, thực đáng gọi là mặt dày, nay nên gia tâm khuyên giục, phải được ngoài đồng làm không có ruộng bỏ không, người có của thừa mới là không phụ chức của mình, đừng nên lượm nhặt những lời nói phiếm, bàn đến việc của người khác".

Hộ phủ Hưng Hoá là Ngô Dưỡng Cáo dâng tập thỉnh an nói : 12 đồn ở trong tỉnh hạt là Bảo Thắng, Phong Thu, Ninh Biên, Bảo Nghĩa, Lô Khê, Trấn Hà, Đông Quang, Bách Lẫm, Quỳnh Lâm, Vạn Bờ, Bằng La, Thượng Hạ lộ, trong đó lính ở đồn Quỳnh Lâm theo lệ do tỉnh phái đến đóng giữ, còn các đồn khác, hoặc là thủ hạ, hoặc là thổ binh từ 20, 30 đến 70 người không giống nhau, từ trước đến nay, chỉ trình bày tổng số, thường khi có phái điểm, không khỏi sự đội tên mạo nhận, xin uỷ viên tra xét, có người trá mạo và suy yếu thì thải bớt đi. Đồn nào theo lệ được chi lương, nên đình cấp cho đỡ tốn. Lại xét ngoài các đồn sở, ven núi bên động, còn nhiều đất bỏ không, có thể trồng cấy được, nên sức cho khai khẩn để làm ruộng lương.

Vua chuẩn cho theo bộ Binh bàn : Đồn nào quan yếu nhất thì số lính lấy 50 người làm hạn, quan yếu vừa thì 30 người, không quan yếu thì 20 người, đến kỳ tháng 4 kê khai rõ họ, tên, tuổi, quê quán, làm sổ kính đệ lên. Lính mộ thì thường xuyên canh giữ, lính Thổ thì mỗi năm một lần thay đổi, nếu có ai già yếu đau ốm, viên quản đồn bẩm báo lên cho thải ra điền vào, bỏ tên trong sổ, không phải phái người xét lại.

Lại thông dụ cho các trực tỉnh : phàm các đồn bảo dọc theo biên giới có binh dân canh giữ, thì quan tỉnh đều chuyển sức cho phủ huyện sở tại xét xem nơi nào có

đất bỏ không, có thể cày cấy được, liệu cho khai khẩn cày cấy, mỗi người một mẫu hoặc 5, 7 sào, lấy một năm làm hạn do tỉnh phái khám, làm sổ đưa lên bộ Hộ để xét, phân biệt kẻ siêng người lười, chước nghị thưởng phạt, các ruộng khai khẩn được ấy, sung làm ruộng lương cho các đồn, hoa lợi thóc thu được, chia cấp cho ăn dùng, đồn nào theo lệ được chi lương, đợi 3 năm thành điền, đình cấp tất cả.

Vua nghĩ bộ Lại công việc hơi ít mà bộ Công hơi nhiều, chuẩn cho theo lời 6 bộ bàn, chiểu hiện ngạch các bộ ty liệu thêm hay bớt. (Bộ Lại, lang trung, viên ngoại, chủ sự, tư vụ, mỗi chức 4 người, giảm làm mỗi chức 3 người, vị nhập lưu thư lại 70 người giảm xuống làm 60 người. Bộ Công, chủ sự, tư vụ, mỗi chức 4 người, thêm làm mỗi chức 5 người, vị nhập lưu thư lại 50 người thêm làm 60 người). Phó đô ngự sử viện Đô sát là Lê Đăng Doanh tâu nói : "Công việc bộ Lại tuy không nhiều bằng các bộ, nhưng việc phải làm, chưa phải là ít lắm, vả bộ Lại đối với sáu chức quan thì là hơn cả, văn chức thì ở trên, lấy chính thể mà nói nên theo ngạch cũ, xin phàm có đình nghị, giao cả khởi thảo, cho công việc cùng với các bộ ngang nhau.

Vua phê bảo rằng : "Lý luận cũng phải, nhưng việc hiện nay thực không phải thế, chính sách có tuỳ nghi, việc làm không thể cố chấp, nếu ngày khác công việc bộ Lại nhiều, đặt thêm nữa có hại gì".

Ngày Mậu Thân, tiết Thanh minh.

Vua đến lăng Thiên Thụ làm lễ yết, thấy phía hữu núi Thiên Thụ cây thông xanh tốt, mà phía tả bỏ không, sai viên coi giữ biền binh 2 vệ trung tiền đem cây thông để trồng, cho xứng với bên hữu.

Kỳ thi Hội, cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Binh bộ Thượng thư kiêm Cơ mật viện đại thần là Trương Đăng Quế sung làm Chủ khảo ; Công bộ Thượng thư là Hà Duy Phiên sung làm Phó chủ khảo.

(Khoa ấy số học trò chỉ có hơn 130 người, cho nên chỉ đặt chủ khảo mà bớt chức tri cống cử, còn các chức giám thí, tuần sát, đề điệu, đồng khảo và thư tả cũng đều giảm bớt số người. Kỳ thi từ ngày tiến trường đến ngày xuất bảng tất cả là 18 ngày). Sắc cho bộ Lễ đem chữ dời gần đây mới chế, để đến kỳ thứ ba in đầu bài phân phát cho học trò, đầu bài chế sách thi điện cũng theo thế mà làm.

Cho Đô sát viện Tả phó ngự sử là Lê Đăng Doanh, quyền giữ ấn triện bộ Binh, Lại bộ Tả thị lang Tôn Thất Bạch kiêm sung Cơ mật viện đại thần.

Vua ngự xem trường thi Hội, gặp lúc trời mưa rét, quan trường ra đón, sai ban cho rượu, lại chia cấp cho sinh viên đi thi ăn cơm uống rượu và lò sưởi đệm cỏ, rồi miệng đọc một bài thơ tự viết lấy để bảo.

(Thơ rằng :

Trời tuyết cho than buổi sớm nay
Anh hoa nhả hết, trạng khoa này,
Mới hay tùng bách càng ưa rét,
Cố gắng cùng nhau báo đức dày).

Nhân bảo quan trường là bọn Trương Đăng Quế rằng : "Trẫm từ lên ngôi tới nay, để ý trọng việc văn đã lâu, mà học thức của học trò, chưa thấy ngày được cao sáng, là vì thầy, bạn nguồn gốc không bằng đời trước, không phải nhân tài có khác ? Vả sự học quý ở có kiến thức, đem ra làm việc mới có thực dụng, bài thi không cần phải tìm tòi sự lạ lùng bí ẩn, dù đem việc hiện nay ra hỏi, nhưng kiến thức sâu hay nông cũng định được. Đến khi sách dâng lên, lấy trúng cách 11 người là Nguyễn Cửu Trường, Dương Danh Thành, Đinh Viết Thận, Phạm Văn Nghị, Nguyễn Văn Tùng, Lê Duy Trung, Lê Thiện Trị, Doãn Khuê, Phạm Chân, Trần Tiến Thành, Hoàng Trọng Từ, Phó bảng 10 người là Nguyễn Tường Vĩnh, Tạ Kim Vực, Dương Công Bình, Nguyễn Hữu Độ, Lê Thúc Đôn, Diệp Xuân Huyên, Nguyễn Văn Dục, Phan Quang Nhiễu, Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Xuân Bảng ; Dương Danh Thành, sau vì cung khai tam đại[1] không thực, bị truất, không được dự thi Điện.

Sai thự Chưởng vệ Vệ nhất dinh Hữu thuỷ sư ở Kinh kỳ là Phạm Văn Cục, coi đem 3 chiếc thuyền binh, đem cả thuyền binh và thuyền vận tải, thuyền làm việc ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Bình lĩnh chở thóc gạo Bắc Kỳ về Kinh.

Định lại lệ chở nộp thóc vua dùng ở Gia Định (Thóc này ở 7 xã thôn huyện Phúc Lộc, bông thưa gặt muộn, theo lệ cũ mỗi năm phải nộp 100 hộc, nay đổi làm 50 hộc).

Lại định phủ Thừa Thiên, các tỉnh Quảng Trị, Hà Nội, Nam Định mua gạo nếp, hằng năm lấy 1.100 hộc làm hạn. (Phủ Thừa Thiên 300 hộc, tỉnh Nam Định 400 hộc, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Hà Nội đều 200 hộc).

Cho Phó vệ uý vệ Khánh Hoà là Nguyễn Công Nhàn làm Vệ úy để đóng ở thành Trấn Tây, Nhàn là người siêng năng tài cán, sai phái được việc, quan thành ấy tâu lên, cho nên có lệnh ấy.

Định niên hạn xét hạch người viết chữ tốt. Bộ Lễ tâu nói : "Gần đây các địa phương chọn người viết chữ tốt đưa vào bộ xét thực, phần nhiều là người tâm

(1) Quyển thi phải để tên mình, tên bố, tên ông gọi là cung khai tam đại.

thường, mà một hạt Thừa Thiên hằng năm đến 20, 30 người, khiến cho bọn tầm thường, hy vọng may mắn được tiến xin, từ nay, phàm xét hạch người viết chữ tốt ở các địa phương, lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, 3 năm một lần, mỗi khi đến đầu năm, quan địa phương hỏi khắp trong hạt, nếu có người vốn học nghề viết, triệu tập đến công đường khảo xét phép viết, người chữ già và tốt thì được cho tư về Kinh, do bộ làm danh sách tâu lên cùng với Nội các cùng xét, nếu có người kém cỏi và mượn người viết giúp thì quan địa phương ấy sẽ giao đình thần nghị xử". Vua nghe theo.

Ngày sinh của Điện Bàn công Phổ 40 tuổi thọ, sai phát các vật hạng trong kho, phái hoàng tử Miên Thẩm đem theo Hiệp lĩnh thị vệ là Võ Huy Dụng mang đến thưởng cho.

Biền binh cơ Trung tỉnh Quảng Nam và Vệ tả tỉnh Bình Định về Kinh thao diễn, đội ngũ chỉnh tề, phép bày trận hơi được am hiểu. Vua khen ngợi, thưởng cho quan tỉnh và quản quan đều có được kỷ lục một lần, biền binh gạo tiền lương một tháng, rồi cho về.

Làm xe máy xẻ gỗ ở thác dài thôn Dương Hoà, nguồn Tả Trạch. Sai bộ Binh bắt một quản vệ, 300 biền binh khơi đường nước chảy, đắp bờ đê, tuỳ thế mà làm, công việc làm xong, cắm gỗ làm cưa, máy móc nhanh nhẹ, xẻ thành tấm ván, cũng được bằng phẳng, thưởng cho Phó giám đốc chế ra là bọn Vũ Huy Trinh 100 lạng bạc.

Vua bảo bộ Công rằng : "Xe máy này so với công người không hơn không kém lắm, nhưng đằng kia là sức người, mà đây thì tự nhiên, thì hơn kém có thể thấy được".

Thuyền giặc nước Thanh ngầm nổi lên ở phận biển cửa Hải Vân, cướp lấy của cải đồ vật trong thuyền ở bến đò Thanh Khê rồi đi.

Vua dụ quở trách thự Đề đốc Lương Văn Liễu vì đi tuần bắt giặc không có công trạng, phải giáng 2 cấp, cho rút quân về, giặc lại đón cướp thuyền buôn ở hang Giơi tỉnh Quảng Nam, Lãnh binh đóng giữ ở Đà Nẵng là Nguyễn Văn Lượng phải cách, được lưu tại chức, quan tỉnh là Hồ Hựu, Nguyễn Trọng Nguyên đều phải giáng một cấp, bèn sai chọn quân Cấm binh dinh Vũ lâm người tinh nhanh khoẻ mạnh được việc, chia đi 4 chiếc thuyền ô, mỗi chiếc một suất đội, 40 quân lính ra biển tuần bắt. Cửa Y Bích, cửa Trào ở Thanh Hoa, cửa Cù Huân ở Khánh Hoà, cửa Vị Nê ở Bình Thuận cũng có giặc nước Thanh ngầm nổi lên, tỉnh phái thuyền quân đi tuần biển đuổi theo, giặc trông về phía đông mà chạy.

Vua nghe tin bảo rằng : "Đó tất cả là nhân dân tỉnh Quảng Đông nhà Thanh bị đói, nhân đó hợp bọn vượt cõi đóng ở biển đón thuyền buôn để cướp lương ăn, bèn truyền dụ cho các tỉnh ở ven biển đều phải thêm quân đi tuần bắt". Tuần phủ Thuận Khánh là Tôn Thất Lương, Tuần phủ Nam Ngãi là Hồ Hựu đều xin thân đem biền binh đi bắt. Vua y cho.

Vua bảo bộ Hình rằng : "Từ trước tới nay, thuyền đánh cá nhà Thanh thường tụ họp bè lũ ở phận biển Quảng Yên, mượn tiếng là đánh cá, hoặc đón cướp thuyền buôn, hoặc mua trộm thóc gạo, thậm chí như muỗi họp thành sấm, thành thêm không hay, tức như năm trước, nguỵ Vành nổi loạn, dẫn dụ giặc nhà Thanh, giặc Răng trắng để làm ngoại viện, mưu đánh tỉnh thành Quảng Yên, thế là gương trước không xa, nhiều lần đã bắt được bọn đầu sỏ giặc biển là Lý Công Đồng và bè lũ hắn, lại sai đuổi hết thuyền đánh cá ra khỏi bờ cõi, mấy năm nay khói biển lặng yên, bọn chúng chắc đã tán lạc, không còn vết tích, thế mà năm nay, phận biển Thừa Thiên, Quảng Nam đều có thuyền giặc cướp bóc, liền lại trốn đi, tình hình như thế, hình như có đích chỗ ẩn nấp, nhân lúc sơ hở lén lút, nghĩ tỉnh hạt Quảng Yên giáp liền với bờ cõi nhà Thanh, đất rộng dân thưa, lại có nhiều hòn đảo, dễ làm sào huyệt trộm cướp, nếu không xét cùng nguồn tận gốc, thì không thể trừ hết mầm ác, nên sai quan tỉnh Quảng Yên phái ngay thuyền quân đi tuần xét các hòn đảo xem có thuyền đánh cá nhà Thanh tụ họp bè lũ hay không ? Đem việc ấy tâu lên ngay và nếu thám thấy thuyền chúng chỉ là dáng thuyền đánh cá, thì đuổi ra khỏi bờ cõi, nếu tụ tập rất nhiều, lại có khí giới đi cướp bóc, thì một mặt phái quân chặn ngay, một mặt phi tư cho tỉnh Hải Dương hiệp lực cùng bắt. Tổng đốc Hải An là Nguyễn Công Trứ có trách nhiệm trông coi cả hạt ấy cũng chuẩn cho phái người đi ngay dò xét, nếu thấy giặc Thanh ngầm tụ, thì đem ngay quân thuỷ sư cùng đánh, không được chuyên uỷ cho tỉnh Quảng Yên".

Lại bảo bộ Binh rằng : "Lệ trước thuyền binh tuần ngoài biển ở Kinh phái đi, định cho tra bắt trở vào Nam đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Quảng Yên, lại nghĩ bờ biển dài suốt, trông nom sợ không chu đáo, mà giặc biển thường thường nổi ngầm ở phận hạt Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thanh Hoa, Nghệ An, tới khi cần đến triệu tập, thực có thế không thể kịp được, huống chi đường biển các hạt ấy phần nhiều là thuyền buôn đi lại, việc tuần bắt lại càng phải cẩn mật hơn, nên truyền dụ cho thuyền quân tuần ngoài biển ở Kinh phái đi, trở vào Nam thì từ Bình Định đến Kinh, trở ra Bắc thì từ Biện Sơn trở vào, đều phải theo lần lượt chia đi tuần bắt luôn luôn, cho tin tức cùng nghe để dễ vây bắt. Hiện nay tỉnh Quảng Yên đã có quan quân đóng đồn, bọn giặc thế tất không dám quen như cũ đóng ở biển, mà từ

Khánh Hoà, Phú Yên trở vào Nam, nếu có sinh lòng nhòm ngó, thì đương tiết hậu gió nam này, khi nghe được tin báo, ta ở đầu gió đón đánh chúng cũng không thể trốn thoát được".

Sứ bộ sang nước Thanh là Phạm Thế Trung, Nguyễn Đức Hoạt, Nguyễn Văn Nhượng về đến Kinh sư, vì làm việc không khéo, đều phải giáng 2 cấp, sau cho Phạm Thế Trung theo nguyên hàm Lễ bộ Thị lang quyền làm công việc bộ Công ; Nguyễn Đức Hoạt theo nguyên hàm Hàn lâm Thị giảng học sĩ quyền làm việc ở Nội các ; Nguyễn Văn Nhượng lại trở về nhận chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám.

Bọn thự Thống chế dinh Vũ lâm là Mai Công Ngôn, thự bộ Hộ Thị lang là Phan Thanh Giản, Hộ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Vũ Doãn Cung, vâng mệnh phái đi kiểm duyệt khí giới của quân ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa về, cho đều cung chức theo như trước. Bọn Công Ngôn dâng sớ nói : "Thuyền bè và binh khí của các tỉnh đều chỉnh tề cả, các biền binh thuỷ bộ ở Nghệ An, Hà Tĩnh cách ngồi, dậy, đi, đứng và chèo thuyền, lái thuyền hơi được thông thạo, duy thuỷ sư tỉnh Thanh Hoa, kỹ nghệ vẫn là không hiểu rõ, và đem việc sát hạch quan quân có tài hay không tâu lên, các quan tỉnh và các lãnh binh quản suất, phân biệt thưởng phạt có thứ bậc.

Vua lại cho là thuỷ sư ở Thanh Hoa chỉ có một cơ, chuẩn giao cho thự Lãnh binh chuyên coi bộ binh là Nguyễn Lương Nhàn trông coi cả, mà bỏ bớt chức Phó lãnh binh quan thuỷ sư, Hộ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Nguyễn Danh Quán từ Bình Thuận, Khánh Hoà về, dâng sớ về việc kiểm duyệt khí giới của quân 2 tỉnh, trong tập tâu cùng với thị vệ, hộ vệ cùng phái đi là bọn Lê Phụ Thạc và Tôn Thất Dự cùng ký tên để tâu.

Vua bảo Nội các rằng : "Từ trước tới nay, phái quan đại thần và khoa đạo khâm mạng đến các địa phương, gián hoặc có thị vệ, hộ vệ cùng đi, chỉ là tuỳ phái mà thôi, việc ấy làm đã lâu rồi, người đều biết cả, nay việc duyệt binh ở 2 tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà, viên phái đi trước là thự Tiền quân Phạm Văn Tâm có Chỉ rút về, chuyên uỷ cho Nguyễn Danh Quán, vả chức phẩm khoa đạo dẫu thấp, nhưng đã phụng mệnh xuất sai, thì công việc phải có chuyên trách, kiểm duyệt khí giới của quân, thực quan hệ đến chính thể lớn, các người nhỏ mọn, đâu được can dự, thế mà cho cùng ký tên, sao làm việc hồ đồ đến thế. Quán và bọn Thạc, Dự đều phải cách chức". Nhân bảo bộ Binh rằng : "Giảng việc võ ; sửa việc quân, việc trị nước, thực không thể thiếu được, gần đây sai các đại thần thao diễn các hạng bộ binh, đều được khoẻ mạnh, am hiểu cả, duy có thuỷ binh vẫn chưa được tinh luyện mười

phần, trong đó lại nhiều người gầy yếu, xét nguyên do ấy cũng tại địa phương quen đem những người nghèo yếu thay thế vào, không những lỗi ở cai quản không biết huấn luyện nên thông dụ cho ở Kinh và các tỉnh ngoài, từ nay phàm các thuỷ binh, chèo lái thuyền trái phép, hàng ngũ không được chỉnh tề, thì là huấn luyện không đầy đủ, trách ở quản suất, còn như không được khoẻ mạnh, phần nhiều là người gầy yếu, là chọn cấp không tinh, tức trách ở quan địa phương, đều xét bởi đâu, phân biệt trị tội".

Vua nghĩ tiết trời nắng nực, cho các sở làm việc ở Kinh hằng ngày đến giờ Ngọ thì nghỉ, giờ Mùi lại tới làm. Lại chuẩn định từ nay, phàm sở nào công việc đã hoàn thành, dự được ân thưởng thì không cứ quan quân nguyên phái đi làm việc các bộ ty trông coi và người các nha theo đi, mà quan ở bộ coi người làm việc, do viên đồng lý kê khai cả chờ thưởng.

Cho Phó vệ uý vệ Tam dinh Thuỷ sư là Nguyễn Văn Đông đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Nhất ; Phó vệ uý vệ Ngũ dinh Trung là Trần Văn Thiện đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Tam dinh Hữu ; Phó vệ uý vệ Tứ dinh Tả là Phạm Văn Cẩn đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Ngũ.

Định lại lệ khoá thanh tra ở các địa phương.

(Phàm 3 năm xét tính, 6 năm so sánh, tới kỳ thanh tra, các tỉnh lớn như Bình Định, Gia Định, Vĩnh Long, Quảng Nam, Nghệ An, Thanh Hoa, Hà Nội, Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, phái tứ phẩm lang trung, hoặc lục khoa chưởng ấn ; phủ Thừa Thiên và các tỉnh vừa Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, Định Tường, Hà Tiên, An Giang, Trấn Tây, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Yên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng phái ngũ phẩm viên ngoại lang hoặc khoa đạo, mỗi hạt đều một viên trông coi. Duy An Giang và Trấn Tây, sự thể liên quan với nhau, chỉ phái một viên làm việc kiêm cả biên, đổi cấp cho mỗi tỉnh một ấn thanh tra quan phòng, còn ấn thanh tra kiêm hạt cũ thì phong lại cất vào kho. Thuộc ty các nha sáu bộ phái đi theo làm việc : Hà Nội 4 người ; Quảng Nam, Bình Định, Nghệ An, Thanh Hoa đều 3 người ; Quảng Trị, Quảng Bình, Gia Định, Vĩnh Long, Nam Định, An Giang và Trấn Tây đều 2 người ; Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Thuận, Biên Hoà, Định Tường, Hà Tiên, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Yên, Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng đều 1 người trông coi. Các tỉnh lớn khoá 6 năm thưởng tiền 80 quan, khoá 3 năm thưởng tiền 60 quan ; tỉnh vừa khoá 6 năm thưởng

tiền 60 quan, khoá 3 năm thưởng tiền 50 quan. Duy ở Thừa Thiên, theo lệ không có so sánh, thưởng tiền 30 quan, các nhân viên làm việc vẫn theo lệ trước thưởng cấp). Lấy năm nay là năm Mậu Tuất bắt đầu thi hành.

Xây bậc đá ở chỗ bến trước nhà Di luân Quốc tử giám, sai bộ Binh liệu phái biền binh làm việc. Lại ở ngoài tường và đường đi mặt trước Võ miếu trồng khắp cây tùng và cây phong.

Trấn Tây tướng quân Trương Minh Giảng, Định – Biên Tổng đốc Nguyễn Văn Trọng, Tham tán Dương Văn Phong dâng sớ nói : "Dò thám biết giặc Xiêm vẫn ở xứ Sâm Súc thuộc địa phận của chúng, họp quân đến 5, 6 nghìn người, đã bàn định Trương Minh Giảng ở lại thành trấn áp, Nguyễn Văn Trọng đem quân đi đến Hải Đông trù tính việc quân".

Vua bảo rằng : "Giặc Xiêm thêm lòng ác, làm việc bội loạn, từ khi bị quan quân đánh mạnh, phải thua chạy, chắc đã sợ khiếp, còn họp quân ở Sâm Súc, chẳng qua sợ ta lại đánh, cho nên làm kế tự giữ mà thôi, quyết không dám trở lại nom nhòm nữa, nếu đem nhiều quân ở lâu chống giữ, cũng không ích gì, lại khiến cho chúng sợ mà thêm phòng bị, hầu không bao giờ xong, sao bằng chỉ các đồn Chi Trinh và Sa Tôn ở địa đầu, liệu để quân tinh nhuệ, dựa nhau cùng đối phó, khiến cho có hình thế không xâm phạm được, nếu chúng lại còn xâm lấn quấy rối, tức phải đánh giết rất ác liệt một phen, đó là ta nắm được kế hay vạn toàn. Nguyễn Văn Trọng mình chịu trách nhiệm một địa phương, chức vị rất trọng, chuẩn cho về ngay lỵ sở cũ ở Định Biên. Một dải Hải Đông đã bắt Tổng đốc Đoàn Văn Phú chuyên chủ làm việc, phải đem ngay quan quân và quan lính Thổ theo đi đánh ra sức tìm bắt, đem ngay bè lũ giặc Y, bắt chém bằng hết để cho xong việc".

Bọn Giảng sau lại tâu nói : "Cứ lời thám tử nói, giặc đã đem quân rút đi, nhưng chúng phần nhiều mang lòng gian dối, hoặc giả làm cách đó để thừa cơ ta bỏ phòng bị rồi đến, đã sức cho quan quân phòng ngự gấp hơn".

Vua khiển trách bảo rằng : "Bọn ngươi liệu tính thế giặc, có thể gọi là mờ mịt, trước đây việc biên phòng chưa đủ, quan quân chẳng nhiều, lại có bọn giặc quấy rối. Giặc ấy lúc đó, chia quân bốn phía, vẫn sợ chưa được đắc chí, huống chi sau khi đã bị thua trận, lại làm gì được. Vả từ khi cõi tây có việc đến nay, trưng điệu binh lính ở Kinh và tỉnh ngoài kể có hàng vạn, lương thướng chuyển vận, khó nhọc biết là chừng nào ? Trẫm chỉ ngày mong cho thành công, để khỏi nhọc quân tốn lương, bọn ngươi sao không tính nghĩ đến việc ấy, hoặc muốn ngoài biên chia đóng đại binh, để chống sự khinh từ ngoài đến, tự mình được nằm yên không lo, mà khi

nước hao tốn sức quân mệt lâu, thì phó cho tự nhiên mà thôi, nên truyền Chỉ quở mắng, Đoàn Văn Phú ở Hải Đông lâu, không từng có thi thố được việc gì, nếu để ở đó, cũng không được việc gì, chuẩn cho khi dụ đến nơi, lập tức về Vĩnh Long nhận chức. Còn đạo Hải Tây tuy hiện nay yên ổn, nhưng là nơi quan yếu trọng địa, cũng phải có quan to để trấn áp, chuẩn cho thự Đề đốc Bùi Công Huyên chuyển đến đạo Hải Tây cai quản quan quân và thổ binh đóng canh để giữ vững bờ cõi. Còn như địa đầu đạo Hải Đông đã có Lãnh binh mới thăng là Vũ Đức Trung vừa lập chiến công, trẫm xét người đó rất am hiểu việc hàng trận, chắc có thể một mình đương được nơi đó, chuẩn cho vẫn ở đồn Chi Trinh, kiêm quản binh lính đồn Sa Tôn, đi lại trấn áp, phàm các công việc phòng ngự ở Hải Đông, giao cho chuyên trách cả, để giữ thành luỹ, nay việc ngoài biên đã thư, lòng dân đã định, thành Trấn Tây chính không có việc, Dương Văn Phong lưu ở đó cũng đủ được việc. Trương Minh Giảng nên liệu mang biền binh thân đến một dải Ba Lai, Trưng Thuỵ, Bình Tiêm ở phía sau Hải Đông, đốc thúc ngay quan quân đánh bắt, được sớm tâu công, nếu kéo dài ngày chậm trễ, chỉ trách ở người.

Thanh Hoa, Nghệ An và Bắc Kỳ phải đưa con cháu nhà Lê lần lượt đến Kinh, sai phân phát an trí ở các địa phương Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, người còn trốn tránh, bắt sở tại thúc giục tra xét, tiếp tục giải đi.

Vua bảo Nội các rằng : "Trước đây tướng giặc là Lê Duy Lương, Lê Duy Hiển mượn cớ là dòng phái nhà Lê, tập hợp dân Thổ gây sự ở địa phương Ninh Bình và Thanh Hoa, nguỵ xưng danh hiệu, quấy rối nhân dân, nhiều lần đã phái quan quân bắt được, chém ngay, đáng chịu lấy tội. Vả họ hàng giặc ấy, theo luật phải tội lây, nhưng nghĩ dòng dõi còn lại của triều bị diệt, không nỡ đem giết hết, bèn chuẩn y lời bàn của các quan, an trí ở các địa phương trực tỉnh phía Nam, cho yên phận làm ăn, khỏi phải liên luỵ với lũ ác, vạ đến người hiền lành, đó là yêu, không phải là ghét. Lại dụ sai bộ Hộ chước lượng cấp cho ruộng và tiền, thực là nhân nghĩa rất mực. Lại nghĩ Thái Tổ và Thánh Tông nhà Lê đều có công đức với người, nay con cháu vì cùng họ chống lại giáo hoá nhà vua, nên phải dời đi, cũng là đáng thương. Vả mẹ đẻ của Thường Tín công Cự là con gái vua Hiển Tông nhà Lê, họ ngoại dây dưa, có ân tình ấy, nay họ Lê đã giải phát đến Kinh, chuẩn cho công ấy tự xuất của riêng 4.000 quan, đưa cho bộ Hộ chiểu theo nhân khẩu già trẻ đã giải đến mà chia cấp, rồi hiểu thị rõ ràng, cho đều đến nơi an trí ở yên, chớ nên trốn tránh, tự phạm tội lỗi, để cho toàn vẹn một đoạn ơn riêng ấy, triều đình phen này xử trí, đối với phép công tình riêng chu đáo như thế, thì công ấy đối với họ Lê, tình nghĩa đã hết, không nên đề cập đến nữa. Từ nay phàm các người họ Lê vĩnh viễn không cho đến

trong công phủ, cho đến thư từ đi lại đều cấm. Công là người rất thân của Nhà nước, nên lấy công nghĩa làm trọng, nếu không biết cẩn thận, lánh sự hiềm nghi, tư tình theo bọn tiểu nhân, hoặc đến sinh thêm rắc rối, thì tội không thể chối được. Trẫm giữ lòng chí công, quyết không lấy ơn riêng bỏ phép nước, còn như họ Lê đã được đặc cách thương cho được toàn, từ nay nên giữ phép, đều giữ lấy thân, nếu lại cầu cạnh người quyền quý, thông đồng ngấm ngầm, có người giác ra, tất phải tội chết không tha".

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Lê Văn Đức tâu xin vào chầu. Vua y cho.

Giá bạc ở Kinh sư cao đắt, vua muốn cho tài hoá lưu thông, tiêu dùng thuận lợi, cho tiền lương của quan Kinh, chiết cấp bằng bạc lạng có thứ bậc :

(Từ nhất phẩm đến chánh nhị phẩm trước 1 tháng vào kỳ tháng 7. Tòng nhị phẩm đến tòng tam phẩm lĩnh trước 2 tháng vào tháng 7 tháng 8. Chánh tứ phẩm lĩnh 2 tháng vào tháng 4 tháng 5. Tòng tứ phẩm đến tòng lục phẩm lĩnh 1 quý vào kỳ tháng 4. Tòng lục phẩm đến tòng bát phẩm lĩnh 1 quý vào kỳ tháng 4, lại lĩnh trước 1 tháng vào kỳ tháng 7. Cộng là 4 tháng. Tòng nhất phẩm 1 tháng chiết cấp bạc 10 lạng. Chánh nhị phẩm 1 tháng chiết cấp bạc 8 lạng. Tòng nhị phẩm 2 tháng chiết cấp bạc 8 lạng. Chánh tam phẩm 2 tháng chiết cấp bạc 6 lạng. Tòng tam phẩm 2 tháng chiết cấp bạc 5 lạng. Chánh tứ phẩm 2 tháng chiết cấp bạc 3 lạng. Tòng tứ phẩm 3 tháng đều chiết cấp bạc 3 lạng. Chánh, tòng ngũ phẩm 3 tháng chiết cấp bạc 2 lạng. Tòng lục phẩm 4 tháng chiết cấp bạc 2 lạng. Chánh, tòng thất phẩm 4 tháng chiết cấp bạc 2 lạng, theo giá Nhà nước tiền 3 quan chiết cấp 1 lạng, thừa ra thì cấp bằng thực tiền).

Định lại lệ hao cố định về than sắt. Đúc làm đinh đóng thuyền và các việc đồ sắt, sắt sống Hà Sung mỗi 100 cân cho trừ hao 51 cân 6 lạng, than gỗ cần dùng 355 cân 4 lạng, sắt sống Hà Nội, mỗi 100 cân cho trừ hao 56 cân 4 lạng, than gỗ cần dùng 402 cân 3 lạng, sắt chín ở Bình Thuận mỗi 100 cân cho hao 20 cân, cần than gỗ 310 cân ; sắt sống Quảng Nam mỗi 100 cân cho trừ hao 58 cân, cần than gỗ 350 cân. Sắt chín Quảng Nam mỗi 100 cân cho hao 27 cân, cần than gỗ 275 cân. Sắt Tây dương, mỗi 100 cân cho hao 24 cân, cần than gỗ 250 cân. Sắt cũ mỗi 100 cân cho hao 23 cân, cần than gỗ 220 cân ; sắt nát mỗi 100 cân cho hao 36 cân, cần than gỗ 210 cân, sắt vụn mỗi 100 cân cho hao 55 cân, cần than gỗ 301 cân.

Lại sắt chín ở Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên như rèn làm đinh đóng thuyền mỗi 100 cân hao 24 cân, cần than gỗ 350 cân, rèn làm các việc đồ sắt mỗi 100 cân hao 33 cân, than gỗ cần dùng 380 cân.

Rèn làm đồ sắt ở thuyền, sắt chín Bình Thuận mỗi 100 cân cho hao 24 cân, cần than gỗ 320 cân, sắt sống Quảng Nam mỗi 100 cân hao 63 cân, than gỗ phải 350 cân, sắt chín mỗi 100 cân hao 34 cân, than gỗ 275 cân. Sắt Tây dương mỗi 100 cân cho hao 26 cân, than gỗ 260 cân, sắt cũ mỗi trăm cân cho hao 28 cân, cần than gỗ 257 cân 8 lạng.

Rèn làm đinh sắt dùng vào việc công, sắt chín Thanh Hoa mỗi 100 cân cho hao 15 cân, dùng than gỗ 215 cân. Sắt sống Bình Định, mỗi 100 cân cho hao 53 cân, dùng than gỗ 304 cân, sắt chín mỗi 100 cân cho hao 27 cân, dùng than gỗ 255 cân. Sắt sống Nghệ An mỗi 100 cân cho hao 60 cân, dùng than gỗ 355 cân, sắt chín ở Nghệ An, Hà Tĩnh, mỗi 100 cân cho hao 25 cân, dùng than gỗ 355 cân.

Rèn làm đồ sắt việc công. Sắt chín Thanh Hoa mỗi 100 cân cho hao 35 cân, dùng than gỗ 260 cân, sắt sống Nghệ An mỗi 100 cân cho hao 66 cân, dùng than gỗ 360 cân. Sắt chín ở Nghệ An, Hà Tĩnh mỗi 100 cân cho hao 32 cân, dùng than gỗ 254 cân.

Rèn làm đinh móc câu ở thuyền và xe súng, các hạng đồ sắt và neo sắt, dây xích, cột sắt lưới sắt để thông nòng súng và đèn lộ thiên, sắt sống Hà Sung mỗi 100 cân cho hao 57 cân 2 lạng, dùng than gỗ 402 cân 6 lạng, sắt sống Hà Nội mỗi 100 cân cho hao 60 cân 5 lạng, dùng than gỗ 403 cân 7 lạng. Sắt chín ở Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên mỗi 100 cân cho hao 33 cân, dùng than gỗ 370 cân.

Rèn làm dao gươm và bánh lái thuyền. Sắt sống Hà Sung mỗi 100 cân cho hao 63 cân, dùng than gỗ 460 cân. Sắt sống Hà Nội mỗi 100 cân cho hao 73 cân, dùng than gỗ 500 cân. Sắt chín ở Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên mỗi 100 cân cho hao 43 cân, dùng than gỗ 415 cân.

Lại sắt chín Hà Nội, như rèn làm khuôn ấn, kim tiền, ngân tiền, mỗi 100 cân cho hao 34 cân 3 lạng, dùng than 356 cân, rèn làm giá sắt bổ đào, mỗi 100 cân cho hao 34 cân 13 lạng, dùng than gỗ 378 cân 8 lạng, rèn làm đạn sắt lan can, mỗi 100 cân cho hao 34 cân 12 lạng, dùng than gỗ 360 cân. Sắt sống Ngưu Giang luyện làm các hạng đinh sắt, mỗi 100 cân cho hao 58 cân, dùng than gỗ 280 cân, rèn làm các đồ sắt, các đinh sắt đóng thuyền, mỗi 100 cân cho hao 64 cân 8 lạng, dùng than gỗ 300 cân. Sắt sống hạng xấu ở Biên Hoà rèn làm đinh sắt mỗi 100 cân cho hao 65 cân, dùng than gỗ 300 cân.

Quan tỉnh Quảng Ngãi tâu nói : "Nguyên quân đội ở Quy Nghĩa hơn 100 người, trước đã bố trí cho ở các xã dọc biên giới, cấp cho ruộng đất bỏ không hơn 20 mẫu, để cho khai phá cấy cày, đến nay đã được 3 năm, đều đã ở yên làm ăn, thì tô ruộng

xin bắt đầu thu từ năm nay, thuế thân cũng lấy năm nay làm bắt đầu, cho cùng với dân sở tại thu nộp một thể. Vua y cho.

Bộ Binh tâu nói : "Lính Kinh trốn thiếu đến hơn 1.500 người".

Vua bảo rằng : "Nhà nước nuôi quân, lúc ngày thường định có lệ lương, gặp khi sai phái tuỳ việc gia thưởng. Nay giặc cướp yên ổn, biên giới lặng trong, đã không có việc bắt bớ đánh dẹp khó nhọc như những năm trước, hằng năm sai phái, chẳng qua thay đổi đóng đồn mà thôi, các sở làm việc cũng không có. Công trình to tát có việc phải làm, vật liệu thì Nhà nước cấp tiền, nhân công thì Nhà nước trù tính, không từng bắt binh lính phải chịu chút nào. Và khi trời mưa rét ướt thì cho nghỉ việc, trời nóng nực buổi trưa lại cho thôi làm là để cho đỡ khó nhọc mà nuôi sức lực, không việc gì là không chu đáo trọn vẹn, đâu đến nỗi nghèo khổ mà trốn ư ? Tóm lại vì bọn thống quản cai quản ngày thường ít biết hay thể theo lòng trẫm, vỗ nuôi sĩ tốt, các cai đội cho đến bọn thư lại, gián hoặc có 1, 2 kẻ không hiền, hoặc bắt phải theo hầu, hoặc để ở nhà làm việc riêng, hơi có không như ý, thì dụng tình lấn hiếp, bọn thống lãnh cũng mờ mịt như không biết, không chịu khuyên răn. Còn như việc đóng góp, tuy đã nhiều lần giảng dụ, răn rõ, nhưng thói quen đã lâu, chưa thể bỏ hết, quân lính sở dĩ trốn thiếu nhiều là bởi cớ đó. Nay chuẩn cho truyền Chỉ quở mắng, các thống quản, cai quản đều phải đem lòng thương yêu binh lính và nghiêm cấm tình tệ của thuộc biền, lại dịch, lại thường tới bọn binh lính dẫn bảo để cho yên lòng ở nơi hàng ngũ, học tập đều đặn, nếu cho thuộc biền hèn kém, lại dịch sâu mọt, tạ sự lừa dối, sai làm việc riêng, cho đến nhà công chính làm đơn bày kêu, quan sẽ dãi bày lẽ phải cho. Vả lính trốn là tội nặng luật có điều nghiêm cấm, không nên tự trốn, để can phạm vào hình pháp, khiến cho có sức mạnh và lễ phép, đều nghĩ răn xét, nếu đã được dạy bảo cặn kẽ, mà còn có người ngu tối không biết, tự tiện trốn tránh, thì quan địa phương cùng với các phủ huyện phải xét hỏi ngay, cốt bắt được đưa về hàng ngũ, lại chuyển sức cho tổng lý sở tại và thân thuộc tên ấy không được tự chứa giấu nhau, thì ở quan đã lợi vì lính cũ am hiểu hàng ngũ quân đội, mà lại không phiền đòi bắt trở đi trở lại, ở dân đã không khó nhọc chọn điều, đi lại hao tốn, mà lại khỏi tội ẩn giấu, kẻ nào trái phép thì trị tội nặng. Lại nghĩ vệ Cẩm y ngày thường chầu hầu, không ví như quân lính khác, tiền gạo lương tháng đều đã nhiều hơn, mà cũng có người trốn tránh, vậy sắc cho từ nay phàm lính trốn vệ ấy, có người bắt được thì thưởng cho 10 quan mỗi người, còn lính trốn ở các vệ khác, người bắt được thì mỗi người thưởng cho 3 quan, duy lý dịch ở nguyên quán thì không được dự".

Huyện An Dương tỉnh Hải Dương có lệ khí, truyền nhiễm, chết mất hơn 300 người, sai quan phát thuốc điều trị và lập đàn tế để trừ lệ khí.

Cho Phó vệ uý vệ Cẩm y chuyên coi các đội Trường trực, Thường trực là Phan Văn Hoà, đổi bổi làm Phó vệ uý vệ Hữu nhất tả dực dinh Vũ lâm, chuyên coi việc các đội Túc trực là Hoàng Văn Hậu đổi coi các đội Trường trực và Thường trực.

Sai bộ Công sát hạch các thợ, vua bảo Nội các rằng : "Trăm thợ đều chuyên giữ nghề của mình thì chế tạo đều được tinh xảo, gần đây các thợ phần nhiều vụng về, lại hay trốn tránh khuyết ngạch, mà bọn tượng mục đều che giấu cho, nên sai bộ Công sát hạch, tượng mục cục nào thực có tài nghề khéo giỏi mà thợ ở cục ấy đủ ngạch thì nghị thưởng, còn trước siêng sau lười, làm cẩu thả cho tắc trách, mà thợ cục ấy lại trốn thiếu, thì bắt nặng hơn.

Chuẩn định từ nay phàm cuối tháng voi ở Kinh hội lại thao diễn, như tháng sau không gặp ngày miếu hưởng thì cứ đến ngày 28, 29 tháng ấy chiếu lệ tâu xin, nếu gặp ngày tế hưởng, thì trước ngày 23, 24 đem việc ấy tâu lên, biên chép làm lệ.

Trấn Tây tướng quân là Trương Minh Giảng, Tham tán là Dương Văn Phong tâu báo tình hình đánh dẹp và nói viên quan bị cách là Lê Đại Cương ở đạo Trà Đi, ở đồn canh giữ, chia sai quân lính tìm đường tiến đi.

Vua xem tờ tâu, không hài lòng, bảo rằng : "Lê Đại Cương xuất thân hèn mọn, không có công lao, đã từng cất làm Tổng đốc An - Hà, ơn nước sâu nặng biết bao, thế mà trước đây Nam Kỳ có việc biến động, cùng với Lê Phúc Bảo cùng đem đại binh tiến đánh, chưa thấy giặc mà chạy, toàn quân chết hết, bèn bỏ thành trốn, không lấy bờ cõi làm lo nghĩ, tội ấy đã không tha giết, tạm nghĩ trong lúc dùng quân, nên cho tự sửa đổi, đặc ân cho giáng cách, chưa bao lâu lại được khôi phục, làm đến chức Trấn Tây tham tán đại thần, lại kiêm Tuần phủ An Giang, thế mà không biết tuyên dương đức hoá, để đến nỗi người Thổ nổi lên như ong quấy rối, điềm nhiên không biết xét làm việc để lo cho vua cha, pháp luật không thể tha được, bèn cách chức, phát đến trại quân gắng sức chuộc tội, chính phải cầm khí giới đi trước, hăng hái xông lên giết giặc, vẫn chưa thể báo được mảy may, lại nghiễm nhiên theo địa vị đại tướng, tuỳ ý phóng túng chỉ bảo. Kìa như triều đình thưởng người có công, phạt kẻ có tội, pháp kỷ rõ ràng, đã phải cách chức làm lính thì thân mình còn có quan chức gì, sao được bừa bãi như thế. Không ngờ một kẻ già yếu không có tài, lại dám trên không sợ phép nước, dưới không nghĩ công luận, quá đến như thế, nếu không trị tội sao tỏ được hình pháp. Lê Đại Cương phải bắt xích ngay giải về Kinh, giao cho bộ Hình nghiêm nghị. Tướng quân Trương Minh Giảng vì

khi Nam Kỳ có việc, từng sung chức Tham tán dự có công lao, cất lên đến nhất phẩm, tấn phong bá tước, triều đình đền đáp công lao cũng không phải bạc, mùa đông năm ngoái vào chầu lại thưởng cho rất hậu, rồi cho phục chức, thế mà về chưa đến thành đã phát ra việc giặc Y quấy rối. Trẫm trước cho là tạm dời khỏi chức, bọn giặc nhân đó sinh lòng khác, nay đã về thành, rất mong chóng được dẹp yên, để thư đêm ngày lo nghĩ. Không ngờ mùa đông năm ngoái về tỉnh lỵ, đến nay tính đốt tay gần hết 3 xuân, chưa được xong việc, từ trước đến nay chưa từng trù tính mưu kế giành lấy phần thắng, trước đã giao cho Đoàn Văn Phú đi đến Hải Đông, gần đây lại đùn cho Nguyễn Văn Trọng tiếp tục đến quân thứ, tự mình ở thành nằm yên, đã thiếu chức phận của mình, nhiều lần tâu báo việc ngoài biên, nói năng lúng túng toàn không rõ ràng, xem ra không thi thố được mảy may, chỉ có hai chữ nghiêm phòng, lại che chở cho Lê Đại Cương để cho hắn ngạo mạn, lại không hặc tâu, có nhiều sự không đúng. Chuẩn giao cho bộ Lại nghị xử. Dương Văn Phong thân làm Tham tán đại thần, một mực hùa theo, không phân biệt phải trái, thậm chí Lê Đại Cương càn dỡ không được việc, cũng không cứ thực nghiêm hặc, thực là tư vị. Đoàn Văn Phú quyền lĩnh ấn triện Tướng quân không thi thố được chút nào, đến khi giao cho việc quân, nhút nhát không có tài, cũng sai đình thần nghị tâu cả. Lê Đại Cương sau phải tội chém giam hậu ; Trương Minh Giảng phải cách mất chức Đông các Đại học sĩ, giáng làm Binh bộ Thượng thư, vẫn lĩnh chức Trấn Tây tướng quân kiêm An Giang Tổng đốc và giáng 2 cấp, nguyên trước gia hàm Thái tử thái bảo và tước Bình Thành bá, chuẩn cho mang theo ; Dương Văn Phong phải giáng 3 cấp, Đoàn Văn Phú phải giáng 1 cấp.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCI*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838], mùa hạ, tháng 4, ngày mồng một, làm lễ Hạ hưởng.

Trước đấy 5 ngày tế hưởng ở các miếu, chọn phái ấn quan ở ban văn được sung làm chấp sự.

Vua nghĩ các hoàng tử phần nhiều đã trưởng thành, ngày thường tới chầu, thù ứng lên xuống cũng đã am hiểu, chuẩn định những ngày tế hưởng hằng năm ở các miếu, về việc tán xướng, đọc chúc vẫn theo như trước chọn người, còn các tiết bưng lô hương hợp hương, tiếp nhận phúc tửu tộ nhục, lấy hoàng tử công, hoàng tử cắt lượt sung làm việc.

Lại bảo Nội các rằng : "Lệ cũ hằng năm 5 lễ hưởng[1] thì 2 bên tả hữu vũ, các án vương công thờ phụ do nhân viên Tôn thất ; các án công thần, do các quan văn võ tứ ngũ phẩm, được sung làm phân hiến. Nghĩ tới các bề tôi thân huân trước được truy phong tước, ấp, con cháu các viên ấy lại chuẩn cho nối phong thế tước, áo mũ vinh thân, nay nếu được tới chốn miếu đình, thân dự bái kiến, đối việt anh linh của tổ tiên, chẳng những kẻ còn người mất đều được nhờ ơn, lại thêm vinh hiển và khiến cho bọn chúng truy nhớ đến lòng trung, công lao của ông cha, càng nghĩ cố gắng đó cũng là một việc dạy trung dạy hiếu. Chuẩn định từ nay phàm ngày lễ

(1) 4 lễ hưởng ở 4 mùa và 1 lễ Hợp hưởng ở cuối năm về tháng chạp.

hưởng, nếu trẫm kính đến nhà Thái miếu làm lễ, thì thờ phụ ở hai bên giải vũ, phái các nhân viên được tập tước chiểu án thờ phân hiến, trong đó nếu không có con cháu nối theo hoặc viên được tập tước nhân sai phái đi việc quan, thì ngày đó các án thờ phụ ở nhà Thế miếu, đều theo như trước làm việc. Lần sau trẫm kính đến nhà Thế miếu làm lễ, cũng chiểu theo như thế mà làm, hết lượt thì bắt đầu lại".

Chuẩn định số biền binh coi giữ các cửa ở nhà Duyệt thị, suất đội hoặc hiệu úy vệ Cẩm y một người, đội trưởng 2 người, binh đinh 20 người, ngày đêm thường xuyên canh giữ mỗi tháng thay đổi một lần, quản vệ thời thường tuần xét cho canh cửa được nghiêm, nếu bỏ vắng, canh phòng sơ sài thì phải tội.

Vua ra chơi cung Trường Ninh, thấy 4 bề tường cung có cây rậm rạp, binh lính các đội Dực võ canh giữ không chịu quét bỏ, sai cất tiền lương binh đinh 2 tháng, suất đội và kiêm quản đều phải giáng.

Vua dụ rằng : "Biền binh các đội Dực võ, nguyên là tôi tớ lúc trước của trẫm, làm việc hơn 30 năm, cho nên từ khi trẫm lên ngôi tới nay, thường ban ơn huệ, hết thảy việc làm, không nỡ cùng với các quân cùng phái, chỉ sai canh giữ những nhà riêng ở hành cung mà thôi, không ngờ ơn quá coi thường sinh lười biếng đến thế, vả bọn chúng tuy có tiếng là quân Dực võ, vốn không phải thực là Dực võ, tại sao thế ? Là vì tôi tớ thời xưa, đến nay hoặc trốn hoặc chết, kẻ có tội thì phát đi xử trí, kẻ có công thì được thăng quan, nay hiện còn đã không một người cũ, há nên lạm ban ơn huệ, chuẩn cho bộ Binh từ nay có phân phái làm việc thì các đội Dực võ ấy cũng như các vệ".

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Từ trước tới nay, vua ngự đi chơi ở ngoài Kinh thành, theo lệ có sai quan giữ thành ; còn như vua ngự đi chơi nhà riêng ở hành cung trong Kinh thành, thì sai quan canh giữ Hoàng thành, chưa được định lệ. Vả nơi vua ngự ở gần, cố nhiên không có việc khác đáng lo, nhưng lập pháp cần phải chu đáo, mới là rất tốt đẹp, chuẩn định từ nay, phàm vua ngự chơi nhà riêng ở hành cung trong Kinh thành qua một đêm thì hai quan văn võ đại thần đương ban vào chực, vẫn chực sẵn ở tả hữu vu điện Cần Chính, giữ chìa khoá ở cửa Đại cung, rồi lấy viên vào chực ban sau theo hầu ứng chực ở hành tại, ngày hôm sau cũng thế, đợi khi xa giá về cung, lại theo lệ thường ứng trực".

Cho Lại bộ Tả tham tri quyền sung Cơ mật viện đại thần là Hà Quyền lại về Nội các sung làm công việc ở Các.

Ban lệ cấp nửa lương và áo mùa xuân cho con cháu công thần được tập ấm là bọn Tống Viết Trì, Phạm Văn Chân, Nguyễn Văn Hội và Võ Di Thái.

Thợ chánh ty sở đốc công phủ Nội vụ là Lê Văn Tâm may áo của vua, xét ra có ăn bớt, phạm tội bất kính, phải giảo giam hậu, sai thông dụ cho bọn thợ thuyền, từ nay nên coi đó làm răn, phàm hết thảy đồ vật may ra, nếu dụng tình trộm bớt, thì bắt tội chết không tha.

Định lại điều lệ về tội trộm cắp. Phàm những trộm cắp đã bị phạt trượng và thích chữ vào mặt hay bị phạt trượng và phải tội đồ, mà lại tái phạm, khi việc phát ra, thông tính trước sau phạm đến 10 lần trở lên, thì cùng với phạm tội ba lần phải tội giảo giam hậu, nếu chưa đến 10 lần, và chưa bị phạt trượng thích chữ, phạt trượng tội đồ, mà tái phạm đến hơn 10 lần, thì đều phát đi sung làm quân ở nơi cận biên, còn người đã bị thích chữ 2 lần mà lại phạm tội thì vẫn theo luật giảo giam hậu.

Người chưa bị phạt trượng thích chữ và phạt trượng tội đồ, khi việc phát ra, thông tính phạm tội chỉ dưới 10 lần, thì vẫn theo lệ cũ, xử theo tội trộm cướp lâu năm.

Chuẩn định từ nay, phàm cửa biển Đà Nẵng thấy có tàu nước ngoài chạy đến gần, hoặc đậu vào vụng biển Trà Sơn, thì lãnh binh cai quản 2 thành cùng viên coi giữ cửa biển xem xét hình dáng tàu ấy là tàu binh hay tàu buôn, tức thì đem tình hình đại khái tâu vào ngay, một mặt phái người xét hỏi, nếu quả là tàu binh, có sự quan ngại lại tiếp tục tâu ngay. Nếu tàu ấy đến để thông thương thì theo lệ rất khẩn phát đệ, cho có phân biệt.

Trấn Tây tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Dương Văn Phong tâu nói : "Quan quân đạo Hải Đông chia làm 3 đạo, lùng bắt bọn giặc, bắt chém rất nhiều, lấy lại dân Thổ về, nam phụ lão ấu hơn 1.300 người và thu được gươm súng, xe, trâu rất nhiều. Vua khen ngợi, thưởng cho Phó lãnh binh đi trận ấy là Đoàn Văn Sách, Quản cơ là Trần Văn Tri, Nguyễn Văn Đức, Hoàng Văn Quang, Phó quản cơ là Lê Văn Bích, Nguyễn Văn Của ; quan người Thổ là Chưởng vệ Nhâm Vu, Quản cơ Bồn Đột cho đến bọn suất cơ, suất đội đều được quân công cấp kỷ và kim ngân tiền có thứ bậc, binh lính thưởng chung cho 600 quan tiền, những thổ dân đem về đều được tha cả. Lại cho là việc bắt giặc hơi thư, sai rút 6 đội Thường trực thuộc vệ Cẩm y phái đi trước và binh lính ở các đội Hoa danh, Giáo dưỡng trở về hàng ngũ ở Kinh.

Có thị vệ tự thành Trấn Tây về, đệ dâng một hộp ngọc của Tướng quân Trương Minh Giảng dâng lên, trong giấy kê khai thổ mục, thổ nhân xin hiến các thứ ngọc 30 viên và hai con chim trĩ xứ man, ngoài ra không có chương sớ.

Vua không vui lòng, giờ lâu dụ rằng : "Không ngờ Trương Minh Giảng gần đây lại hồ đồ lỗ mãng không thông sự lý quá đến như thế, trẫm từ tháng chạp năm ngoái tới nay, nghe tin dân Thổ ở Trấn Tây không yên, mấy lần phi dụ điều quân chuyển lương, ngày không hết việc, rất mong định ngày xong việc, cho quân dân sớm được nghỉ ngơi, thế mà đã hết ba tháng xuân, lại sang đầu mùa hạ, công việc gần xong, mà tướng quân tham tán chưa bàn rút quân, chỉ nói cho to ra, nhọc quân tốn lương phải bận tâm về phương Tây, thường thêm chú ý, hiện nay châu ngọc còn chẳng thèm nhìn nữa là mấy hòn đá rắn ấy mà có thể động được lòng ư ? Việc ấy về Trương Minh Giảng vô tâm mà làm, thì lỗi ấy còn nhỏ, nếu có tính toán mà làm, thì sẽ coi trẫm là vua thế nào chăng lại lấy các thứ ấy để thử, huống chi trong lúc bắt giặc, cớ sao chăm chú đến việc ấy, để chậm không kịp chờ. Vả lại trẫm sai Trương Minh Giảng đi tìm bắt giặc cướp, đâu từng sai đi tìm châu ngọc mà lại hấp tấp như thế, để cho đẹp lòng trẫm ư ? Việc ấy ở trẫm, thực không thể phân tích được, ở Trương Minh Giảng tự biết mà thôi". Ngọc và chim trĩ ấy đều cho ném trả và truyền Chỉ quở mắng, nên triệu tập những người đem tiến các vật ấy yên ủi và bảo rằng : "Các thứ ngọc ấy đã dâng trình giúp, hoàng đế đã soi xét lòng thành của các ngươi rồi, vả lại các ngươi thực muốn lấy thế để bày tỏ lòng trung. Nay dân Thổ không yên, tự chịu giết hết, bọn người vốn không can thiệp, duy bọn ngươi đã thông tiếng nói, lại thuộc đường đi, kẻ có quan chức thì sao không lĩnh quân giết giặc, chiêu phủ những người bị bắt hiếp phải theo, để cho yên phận làm ăn, kẻ không có quan chức thì cũng nên tìm cách bắt chém bọn giặc, hoặc hướng dẫn quan quân đánh phá sào huyệt, thì công nào to bằng ? Triều đình tự phải đặc cách ban ơn, thưởng cho tất hậu, càng thấy lòng trung nghĩa chân thật, há chẳng hơn mấy hòn ngọc đấy ư ? Nay được trả về, lại thưởng cho mỗi người 3 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn, bấm đốt và năm, sắp tới tiết ngũ tuần vạn thọ, khi ấy nếu muốn tiến dâng mới được, nay thì chưa nên".

Tam pháp ty tâu xin : "Từ nay phàm viên tử của quan văn kêu xin học việc ở bộ, vào Giám học tập. Viên tử của quan võ xin vào ngạch Hoa danh, Giáo dưỡng, cùng là những việc binh đinh già ốm xin thải, thợ thuyền, sai dịch, bổng hướng, tiền lương, cho đến tù phạm quân lưu làm binh, hoặc có cha mẹ già hay nhà con một xin đổi phát để được nuôi, ở Kinh cho đầu đơn ở bộ có liên quan, ở tỉnh ngoài do địa phương sở tại đều chiểu sự lý xem xét làm việc, nếu nhất khái đến nhà công chính, kêu vượt thì ném trả bác đi, và chiểu luật trái phép phạt trượng, cho mọi người biết hướng theo, việc có ty chuyên trách, không đến nỗi kêu nhàm phức tạp". Vua cho là phải.

Quảng Bình, Phú Yên, Khánh Hoà, Nghệ An, Nam Định, Hà Nội, Quảng Yên, 7 tỉnh tâu báo : 4 quý năm ngoái, toàn hạt đều được yên ổn, chuẩn cho theo bộ Lại bàn tâu, từ đốc, phủ, bố, án cho đến phủ huyện đều được thưởng gia cấp kỷ có thứ bậc.

Sai đổi mũ cho quân Hộ vệ, Cảnh tất vệ Loan giá : (áo nẹp mở bụng bằng vũ đoạn, thắt lưng bằng vải đỏ, mũ ra trận, giày da đen, định lấy 3 năm mới đổi một lần, chép làm lệ).

Cho thự Phó vệ uý vệ Nghĩa võ là Hoàng Đăng Thận làm Phó vệ uý vệ Hữu nhị Tả dực dinh Vũ lâm.

Chuẩn định tỉnh Thanh Hoa, Nghệ An lấy quế sản vật đem nộp. Tỉnh Thanh Hoa hằng năm phải 7, 8 cây, vỏ nặng trên dưới 60 cân ; tỉnh Nghệ An hằng năm phải 5, 6 cây, vỏ nặng trên dưới 50 cân, làm mức thừa thì Nhà nước thu mua, thiếu thì cứ hộ đi lấy quế phải bồi thường, dám giấu giếm thì trị tội nặng hơn.

Quyền lĩnh Ninh - Thái tổng đốc là Tôn Thất Bật, nhà có mẹ già gần 70 tuổi, anh viên ấy là Hộ vệ đội trưởng Tôn Thất Tạo, tâu xin về nuôi mẹ, phủ Tôn nhân đem việc ấy để tâu giúp.

Vua bảo rằng : "Tôn Thất Bật dự hàng dòng dõi nhà vua, lại giữ chức đứng đầu một địa phương, mẹ già viên ấy không người hầu nuôi, triều đình nên phải phái người thăm hỏi. Nay phủ Tôn nhân đã để đạt lên, chuẩn cho Tôn Thất Tạo về nhà hầu nuôi rồi chiểu phẩm cấp cho bổng lệ để giúp cho nuôi được đầy đủ, cho Tôn Thất Bật yên tâm làm việc".

Mặt trong phía tả, phía hữu, phía sau Kinh thành nhân mưa lụt, sạt lở nhiều chỗ.

Vua cho là kiểu cũ cao rộng quá, dễ bị mưa lụt làm lở, sai bộ Công nghĩ định kiểu mới để xây lại. (Kiểu cũ : mặt thành rộng hơn 4 trượng, bậc thứ 3 cao hơn 8 thước, đổi bậc thứ 3 chia làm 2 bậc, bậc thứ 3, bậc thứ 4. Còn bậc thứ 3 thì lấy cao 2 thước 5 tấc 2 phân, sâu xuống đất 5 tấc, trên rộng 1 hòn rưỡi gạch, dưới rộng 2 hòn gạch làm hạn, bậc thứ 4 lấy cao 4 thước, 7 tấc, móng 5 tấc, sâu xuống đất 1 thước, trên rộng 3 hòn gạch, dưới rộng 4 hòn gạch làm hạn).

Đặt thêm huyện Vĩnh Bảo ở Hải Dương, 2 huyện Vĩnh Lại, Tứ Kỳ thuộc hạt tỉnh ấy, đinh điền gấp bội và địa thế xa rộng, không liên thuộc với nhau, Tổng đốc Nguyễn Công Trứ dâng sớ xin trích 3 tổng ở huyện Vĩnh Lại (Ngải Am, Đông Am, Thượng Am, số đinh 631 người, ruộng 5.795 mẫu 7 sào), 5 tổng ở huyện Tứ Kỳ

(An Bố, Đông Tạ, Bắc Tạ, Viên Gia, Vu Trì, số đinh 1.200 người, ruộng 11.987 mẫu 9 sào), đặt thêm một huyện, gọi là huyện Vĩnh Bảo.

Vua y cho, bèn đổi định tri phủ Ninh Giang kiêm lý huyện Vĩnh Lại, thống hạt huyện Vĩnh Bảo, phân phủ kiêm lý huyện Gia Lộc, thống hạt huyện Tứ Kỳ, đem huyện Thanh Miện (trước thuộc phủ nha kiêm lý Ninh Giang) đổi thuộc về phủ Bình Giang, tri phủ Bình Giang kiêm lý huyện Đường An, thống hạt huyện Đường Hào. Lại đặt thêm phân phủ kiêm lý huyện Cẩm Giàng thống hạt huyện Thanh Miện.

Chuẩn định từ nay phàm kho tàng các địa phương, hết thảy đều để yên việc thu chi thì Phiên ty đều thân đến xem xét, có nơi nào không theo đúng phép và tình tiết gì khác đem ngay chủ thủ vạch ra hặc tội, như có đi làm việc quan vắng cho chọn thông phán kinh lịch thuộc ty ấy làm thay.

Trấn Tây tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Dương Văn Phong tâu nói : "Tháng trước biền binh 12 cơ Tịch biên hơn 300 người, đi đóng ở Sơn Phủ, ngầm tự trốn về quê nhà ở Mỹ Lâm, đã sức cho An phủ là Ô Đôn hiểu bảo, nay đều đã đem khí giới trước đến nộp".

Vua bảo rằng : "Bọn chúng vô cớ lẩn trốn, chính phải một phen trừng trị để răn kẻ khác, nhưng bọn giặc Thổ chưa yên, nếu buộc bằng pháp luật, không khỏi sợ hãi chạy tan tác, huống chi số ấy rất nhiều, giết cũng không thể giết hết, hãy cho yên nghỉ, để cùng bảo ban nhau, trở về cho đủ số, sau khi việc yên sẽ xét rõ ai là thủ xướng, thì chém giết rõ ràng chính đáng, giết một người răn trăm người để ngăn cái mầm sau này quen như cũ trốn đi, thì uy đức đều ban hành mà quân dân Man Thổ đều biết sợ phục. Và từ nay có tâu báo, phàm việc thuộc về quan trọng khẩn cấp, chuẩn cho tâu ngay, còn công việc tra bắt tầm thường, không phải câu nệ hạn định, 10 ngày hay hơn 10 ngày báo một lần cũng được".

Sai phát Phi long ngân tiền hạng nhỏ ở phủ Nội vụ vận chuyển đến Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường và thành Trấn Tây (Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường đều 100 đồng, Thành Trấn Tây 200 đồng).

Chuẩn định từ nay, phàm thượng ty ở các địa phương mỗi năm đều một lần hỏi rõ trong hạt như có một người thiếu mất hồn giải tuổi mới 12 tuổi trở lên, tư về bộ để lưu chiểu, nhưng cho giữ nuôi ở quê, còn từ 13 tuổi đến 65 tuổi, đưa vào Kinh, do bộ đều tâu giúp, giao sở thị vệ xét thực, sung vào giám tự, dân gian dám có giấu giếm, việc phát giác ra thì phải tội, bắt đầu từ năm nay.

Ngự sử đạo Định - An là bọn Hoàng Thu dâng sớ nói : "Nay lúa chiêm đã chín, các dân hạt Thừa Thiên thuê làm việc ở các công sở, xin tạm hãy cho về, để kịp mùa làm ruộng".

Vua bảo rằng : "Làm gạch ngói để đủ dùng, cầu cống để giúp cho người đi lại, đều là việc không thể thôi được, triều đình trọng dụng sức dân, đặt giá đắt để thuê, đều đã trông nhờ ở kho nhà vua vui lòng cho quên khó nhọc, huống chi dân số 6 huyện hạt Thừa Thiên không kém 5 vạn, mà phải thuê chỉ hơn nghìn người, đâu có ngăn trở đến việc làm ruộng, nhưng ngôn quan đã đem việc ấy bày tâu, dẫu không phải lời bàn thiết thực, cũng chưa nên bỏ đất không để ý, nên sai Kinh doãn xét xem sở nào có thể hoãn được thì liệu cho về, đợi sau khi thóc nộp vào kho lại làm".

Bộ Hình tâu nói : "Năm ngoái 6 bộ, đô sát, đại lý hội lại cùng xét cái án giặc ở thành Phiên An trước, đem việc sau khi ra thú, lại trốn mất hơn 500 tên, xin chuẩn cho bắt quan địa phương sở tại tra bắt. (Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Hải Dương, mỗi tỉnh 1 tên. Thừa Thiên, Quảng Bình, Bình Thuận, Nghệ An, Hà Nội, mỗi tỉnh 2 tên. Quảng Trị, Quảng Nam, mỗi tỉnh 3 tên, Quảng Ngãi 4 tên, Bình Định 5 tên, Định Tường 35 tên, Biên Hoà 48 tên, An Giang 45 tên, Vĩnh Long 135 tên, Gia Định 221 tên).

Từ trước tới nay, có tỉnh toàn chưa bắt để trị tội, có tỉnh bắt để trị tội không được mấy, xin nên định kỳ hạn nhất định, hạn cho trong một năm phải tìm khắp bắt cho kỳ được, không được việc qua không để ý đến". Vua y cho.

Định lại kiểu mẫu Văn miếu ở các địa phương (Kiểu cũ : nhà vuông 2 toà, mỗi toà 1 gian 2 chái, đổi làm hai dãy nhà 2 bên tả hữu, mỗi toà đều 5 gian, xây bằng tường gạch để bày các vị thờ phật).

Bớt chức huyện thừa huyện kiêm lý ở 6 phủ Bắc Kỳ (Phủ Thiên Trường kiêm lý huyện Giao Thuỷ, phủ Kiến Xương kiêm lý huyện Vũ Tiên, phủ Từ Sơn kiêm lý huyện Đông Ngạn, phủ Lạng Giang kiêm lý huyện Phượng Nhãn, phủ Khoái Châu kiêm lý huyện Đông An, phủ Tiên Hưng kiêm lý huyện Thần Khê. Năm trước các phủ đều bớt chức huyện thừa, duy 6 nha ấy vì nhiều việc lắm mà thống hạt 2 huyện trở lên cho nên những huyện kiêm lý vẫn để huyện thừa, đến nay mới bỏ hết).

Cho Lang trung biện lý bộ Lễ là Vũ Thành Phong quyền thự Bố chính Hưng Hoá, Hình khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Ngô Văn Địch quyền thự Án sát, hội đồng lý ấn tuần phủ quan phòng. Trước đây sắc cho bộ Lễ tư cho các địa phương hỏi khắp chốn dân gian, như có những người con hiếu cháu hiền, chồng giữ nghĩa, vợ giữ tiết và những vật rồng rắn chim muông kỳ lạ, với những sự tầm thường có thể lựa chép được thì không cứ thế đại lâu chóng, lời tục ngữ quê mùa đều không cứ mười phần đúng cả hay không ? Nhưng được nghe thấy cũng được, phàm có lý thú, có thể giúp vui được thì nên ghi chép rõ ràng, đóng thành tập do bộ tâu lên.

Đến nay Bố chính Hưng Hoá là Ngô Dưỡng Cáo, thự Án sát là Hà Trúc Trương ghi chép dẫn lời nói của ông già hạt huyện Trấn An, đại khái nói rằng : "Lão ngu này nào còn biết gì để phiền quan tỉnh hỏi đến, nhưng rồng rắn là vật lạ, việc ấy không từng thấy, trung thần, nghĩa sĩ, sử tất phải chép, còn như con hiếu cháu hiền, chồng giữa nghĩa, vợ giữ tiết, nơi nào là không có, dân ta vốn là man mọi, trong đó làm con cháu mà biết kính thờ thì có, vợ chồng đối xử với nhau, không lấy vợ lấy chồng lần nữa cũng có, nhưng đó chỉ là đạo thường hàng ngày, không cần phải nói thêm thừa, cầu như người xưa khóc măng[1], bửa băng[2], chặt cánh tay[3] hay khoét mắt[4], không thấy người nào, không dám nói bậy, còn như việc đáng cười thì dẫu nói cả ngày cũng không hết được, nhưng chẳng qua là chuyện đùa cợt, trong đó việc có lý thú có thể giúp vui được thì cũng ít. Vả ngu lão này thuở nhỏ gặp lúc loạn ly, khổ sở đã nhiều, không ngờ bóng dâu đã xế, may gặp đời thái bình, kính thấy nhà vua ban khắp chính, nhân, trị giáo có phương pháp, khiến cho trăm họ được yên nghiệp vui vẻ, con em được kính thờ cha anh nên lão phu hơi tàn này vẫn được nhờ ơn nhà vua, chỉ sợ khi đã chết không có người cúng, không khỏi làm quỷ đói ở nơi chín suối mà thôi". Bộ Lễ cho là nói thác làm lời của ông già, ngầm chê hặc tâu. Vua giận sai đòi về Kinh chờ Chỉ, rồi cho bọn Phong làm thay và dụ sai xét hỏi ngay việc ấy và việc tỉnh có bỏ dễ không ? Dân tình có ta oán không ? Cứ thực tâu lên. Bọn Phong khi đã đến tỉnh hỏi được việc thác ra lời ông già, là tự viên huyện Trấn An là Đỗ Văn Dũ khi rỗi làm ra, lại đem việc án mạng bỏ dìm ở tỉnh, đủ các chứng cớ hặc tâu, 2 người bèn phải cách chức, Dũ sợ tội bỏ quan trốn đi.

Lang trung ở Mộc thương là Nguyễn Công Dao, Viên ngoại lang là Nguyễn Trực Phương tư tình làm bậy, việc phát ra, đều phải cách chức, phát làm binh vệ thủ hộ, cho Thị lang bộ Lễ quyền làm việc bộ Công là Phạm Thế Trung quyền nhiếp công việc ở Mộc thương.

Cho Phó vệ uý vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm là Hoàng Đăng Thận làm Phó vệ uý vệ Cẩm y, cho cùng với Vệ uý Lê Văn Phú chuyên coi các đội Túc trực ; Hoàng Văn Hậu vệ Cẩm y thăng thự Vệ uý. Lại cho Phó vệ uý về Hậu nhất dinh Vũ lâm là Đoàn Quang Mật làm Phó vệ uý vệ Cẩm y, cho cùng Hoàng Văn Hậu chuyên coi các đội Thường trực, Trường trực.

---

(1) *Khóc măng* : đời xưa có con hiếu, cha mẹ muốn ăn măng, không kiếm được, ngồi khóc, tự khắc măng mọc lên.

(2) *Bửa băng* : đời xưa có con hiếu, cha mẹ muốn ăn cá, trời rét nước đóng thành băng, ngồi khóc, tự nhiên băng bửa ra, cá nhảy lên, xem ở *Nhị thập tứ hiếu*.

(3) *Chặt cánh tay* : người đàn bà giữ tiết, goá chồng, còn trẻ tuổi, bị người ghẹo, nắm lấy tay, về chặt cánh tay đi.

(4) Cũng có người khoét mắt, cho người khỏi ghẹo, thuộc về hạng tiết phụ.

Trong Kinh mùa mưa.

Vua bảo bộ Lễ rằng : "Gần đây trong Kinh, suốt tuần ít mưa, rất mong mưa lắm, nay được một trận đầm đìa, các ruộng đồng đều thấm khắp, nên truyền dụ cho các địa phương hiện nay mưa móc thế nào, làm tờ tâu, tâu vào ngay, cho yên lòng trẫm".

Cho Phan Huy Thực làm Lễ bộ Tả tham tri, Phan Thanh Giản làm Hộ bộ Hữu thị lang, Bùi Quỹ làm Hình bộ Tả thị lang, Lý Văn Phúc làm Công bộ Hữu thị lang, Lê Bá Tú làm Nội vụ phủ Thị lang, Trần Đại Bản làm Hộ bộ Lang trung, Nguyễn Văn Chính làm Lễ bộ Lang trung, Trần Danh Bảo làm Binh bộ Lang trung, Phạm Gia Kỷ làm Hình bộ Lang trung, Lương Quốc Quang, Thang Huy Thận, Đỗ Quang làm Công bộ Lang trung và Hộ bộ Viên ngoại lang Nguyễn Thu đến Hàn lâm Thừa chỉ Lê Quang Khiêm, được thực thụ tất cả 34 người.

Vua nghĩ rằng sắp tới Vạn thọ khánh tiết, nên đặc cách gia ơn. Lại nghĩ rằng tự trước tới nay dưới tên quan viên văn võ có ghi gia cấp, lại ghi giáng cấp, do án bị can, tội ấy thuộc việc riêng, theo lệ vốn không được xét để khấu trừ, phàm việc thuộc sai lầm, chuẩn cho gia một cấp, trừ giáng một cấp, còn việc thuộc cố ý và can quân chính xử phân thì 2 cấp được trừ một cấp.

Thổ ty phủ Cam Lộ thuộc tỉnh Quảng Trị hằng năm chia ban vào chầu, thưởng cho Thổ tri châu Tầm Bôn là Hướng Già được hàm Tòng thất phẩm văn giai và một bộ áo có bổ tử. (Hướng Già mới được phân bổ chưa có phẩm phục, nên mới cấp cho). Kịp khi về ban cho rất hậu. (Thổ tri châu 3 người đều thưởng một cặp áo sa dày, hoa dây dưa, con bướm vừa chìm vừa nổi màu tím, một cái áo mở bụng bằng nhung bông trơn bóng màu xanh sẫm, lót bằng lụa Cao Bộ, quần bằng nhiễu trơn màu tím và trừu hoa bông tròn màu hoa hồng mỗi thứ 1 cái, hà bao gấm một bộ. Thổ lại mục 3 người đều được áo the dày hoa dây dưa con bướm vừa chìm vừa nổi màu tím, áo mở bụng bằng tơ 8 sợi trơn bóng màu tím trong lót vải nâu mỗi thứ một chiếc, quần trừu nam hoa to màu hoa hồng một chiếc, hà bao gấm một bộ, 6 tên đi theo hầu đều cho một tấm vải nâu).

Tiết Vạn thọ. Chuẩn cho văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên thì trước một ngày, văn chánh lục phẩm, võ chánh ngũ phẩm thì ngày chính nhật, đều ban yến một lần, sau làm lệ thường. Giờ Thân hôm ấy sai múa bát dật[1] ở lầu Phu Văn, cho quan dân cùng xem (Lệ cũ múa ở nhà Duyệt thị).

---

(1) Nhạc 8 hàng, mỗi hàng 8 người.

Chuẩn cho quan viên văn võ ở Kinh và tỉnh ngoài, từ cuối năm thứ 18 trở về trước, có nhân việc công bị phạt lương ghi ở sổ thì đều tha cho, người phải giáng lưu thì lượng cho khai phục.

Chuẩn cho từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Hà Tiên trở ra Bắc đến Cao Bằng, dân binh tại ngũ ở các hạt từ mồng một tháng 6 đến cuối tháng 12, phàm những người theo lệ cấp lương tháng tiền được 5 tiền hay gạo chỉ một phương, thì chiểu theo số người hiện có đều, được cấp thêm cho mỗi tháng tiền đủ một quan. Từ đó hằng năm kính gặp 2 tiết Vạn thọ, Chính đán, giáng Chỉ ban ơn cho, bèn lấy làm lệ thường.

Vua bảo Nội các rằng : "Đề đốc Vũ Văn Từ, thự Thống chế Lương Văn Liễu, chiểu phẩm nguyên dự đình thần, duy Vũ Văn Từ hiện coi thuỷ sư ở Kinh kỳ, Lương Văn Liễu hiện thự Đề đốc ở Kinh thành đáng được công hay quá, cho lấy thuỷ sư và công việc Thừa Thiên làm việc chính, còn đình nghị có lầm lỗi phải phạt, không can gì thì đáng được thưởng cho cũng không được cùng hàng với đình thần. Binh bộ Tham tri Đào Trí Phú hiệp lý thuỷ sư Kinh kỳ, cũng cho lấy công việc thuỷ sư làm việc chính, đáng được thưởng phạt cùng xét xử giống như Vũ Văn Từ, duy công quá thuộc việc ở bộ, so với đường quan chuyên biện đều được giảm một bậc, còn đình nghị đáng được thưởng phạt, vẫn cho dự cùng đình thần, từ nay về sau có công việc giống như thế, thì chiểu lệ ấy thi hành".

Cho ty Thanh cẩn, từ nay phàm chi tiêu vàng, bạc, tiền, cứ đến cuối năm hội các sổ lại, do Nội vụ xem xét đưa cho viện Cơ mật làm phiếu xin Chỉ để lưu chiểu. (Theo lệ trước hàng tháng đã có khai tiêu từng ngày, đến kỳ tháng giêng lại hội các khoản tiêu một lần). Bố chính Hà Tiên hộ lý tuần phủ là Lê Văn Trung, Án sát Phạm Ngọc Quang bị tội miễn chức, sai thự An Giang Bố chính là Lê Quang Huyên quyền giữ ấn tuần phủ quan phòng tỉnh Hà Tiên, kiêm lĩnh ấn triện bố án. Trước đấy Lê Văn Trung hặc tâu nguyên Án phủ Quảng Biên là Trương Sùng Hy làm việc tư tình nhận của lót, buông tha quân giặc, gây nên việc biến, đến khi quan quân đuổi bắt, lại ngầm dặn phiên mục gặp giặc đừng bắt, có Chỉ bắt tra trị tội. Sùng Hy bèn làm đơn gièm lại nhau, vạch ra các việc Lê Văn Trung cùng Phạm Ngọc Quang chứa giấu giặc trốn là Nguyễn Tòng Chính (nguyên Tri phủ Lạc Hoá trước can tội những tệ, án xử giáo hậu trốn đi, Trung cùng quen biết, nhận là người nhà, Quang cũng ngầm đưa cho tiền gạo). Và buôn riêng đậu khấu, buông tha vợ giặc, quan thành Trấn Tây đem việc ấy tâu lên, bọn Trung phải giải chức chờ xét, sai khâm phái là Thị giảng học sĩ Lê Khánh Trinh, Ngự sử Nguyễn Văn Thịnh (nguyên phái

đến Gia Định tra xét án giặc), đến ngày tra xét biết hết tình trạng. Án thành, Lê Văn Trung, Phạm Ngọc Quang đều phải giáo giam hậu, Nguyễn Tòng Chính phải giáo quyết, Trương Sùng Hy phải chém bêu đầu, tịch thu hết tài sản, vợ con phát đi làm tôi tớ thành Trấn Tây.

Vua nhân bảo Nội các rằng : "Bọn Lê Văn Trung không có tài năng huân nghiệp gì, đã được nhấc lên đến chức quan đứng đầu một địa phương, lộc nước ơn vua long trọng hậu đãi biết chừng nào, thế mà không nghĩ theo việc công giữ pháp luật, để mong báo đền chút đỉnh, lại đem tình riêng quen biết, thông đồng che chở, tự hãm vào pháp luật, đem thân danh vứt đi như không, không biết đó thực là lòng gì ? khiến cho mọi người rất bất bình, bọn chúng phải tội "giáo hậu" đáng chịu lấy tội, vẫn sợ ngoài hấn ra, hoặc có kẻ ngu tối không biết, theo vết xe đổ ấy thì luỵ cho thân cho nhà không nhỏ, thực là đáng giận, đáng tiếc, nên thông dụ cho các quan lớn nhỏ ở Kinh và tỉnh ngoài, bọn ngươi không ai là không từ thuộc viên cho đến đường quan, từ bố án cho đến đốc phủ, đều là người giúp việc Nhà nước, đều nên lấy Lê Văn Trung và Phạm Ngọc Quang làm răn, bỏ hết sự nể nang, giữ lòng công bằng, trung trực, ngõ hầu được yêu quý lâu dài, nếu lấy ơn riêng, bỏ phép công, không những bỏ mất thân danh, thực rất phụ lòng gây dựng của triều đình, không thể không bảo ban cặn kẽ, không sợ nói nhiều, nếu đã được lần này bảo rõ, vẫn còn mê muội không hiểu, thì là người đã mất lương tâm, không kể là loài người nữa. Đến khi ấy trẫm chỉ có giữ phép nghiêm trị cũng chẳng biết làm thế nào được. Lại bảo rằng : Trước đây Binh khoa Cấp sự trung là Trần Văn Triện đi xét hỏi quan lại thành Trấn Tây về duyên cớ gây biến, đến lúc về tâu, chỉ là noi theo tờ sớ ở thành đã bày tỏ khi trước mà thôi, không từng xét được đích tình tham nhũng của Sùng Hy, chức khoa đạo là quan tai mắt, mà làm việc không được việc như thế, thì việc xét hỏi chỉ một thị vệ cũng đủ, dùng khoa đạo làm gì".

Ngoài biển Hoa Phong tỉnh Quảng Yên có giặc người Thanh đón cướp thuyền buôn, chủ có thuyền đậu vào cửa Luộc, việc đó tâu lên.

Vua bảo bộ Binh rằng : "Tỉnh Quảng Yên tiếp giáp với nước Thanh, các hòn đảo có nhiều ngả, thường có thuyền người Thanh tụ họp bè lũ, lấy đánh cá làm sinh kế, rồi thường thường nhân lúc sơ hở đón cướp thuyền buôn, tệ ấy có đã lâu, vì bọn chúng lênh đênh như bèo, không có căn cứ, mà ở biển mênh mông, chẳng ai coi giữ, thấy lợi lòng tham bốc lên, sợ gì mà chẳng làm, cho nên khi đến thì là đánh cá, khi đi thì là giặc biển, nhòm ngó gây chuyện, là thói thường của chúng, đã ra dụ sai phái thuyền binh đi đuổi, thế mà quan tỉnh không chịu gia tâm tra bắt, để cho chúng còn được làm lên túp nhà cáo xứ Cát Úc, Cát Vận, để làm nơi ẩn trốn. Cứ theo tỉnh

Thanh Hoa và các tỉnh từ Thừa Thiên trở vào Nam tâu báo, giặc biển ngầm nổi, biết đâu không phải bọn ấy lén lút gây việc ư, và địa hạt Hoa Phong giáp với bãi biển, viên huyện có trách nhiệm tuần phòng cũng một mực dung túng, tổng lý sở tại, lại lợi về việc đổi chác, ngầm cho thuyền người Thanh đi lại mua bán thóc gạo, để giúp lương cho bọn cướp mưu tính nhiều lợi, cho nên bọn chúng được nhờ đó nương náu, ngầm đi cướp bóc, nay phát ra việc thuyền buôn bị cướp, thế khó che đậy mới phải tâu lên, thì ngoài việc ấy ra còn nhiều, không phải một lần mà thôi, quan tỉnh ấy là Lê Dục Đức tại chức từ trước đến sau chuẩn cho phải giáng 4 cấp, Nguyễn Đồng Khoa ngày làm việc còn ít phải giáng 2 cấp. Tri huyện Hoa Phong kiêm quyền coi việc phủ là Lê Duy Vĩnh cách chức được lưu lại làm việc nhưng bắt Lê Dục Đức phải thân đem binh thuyền ra biển đi tuần bắt".

Bộ Hộ tâu nói : "Từ trước đến nay, lệ trưng thu thuế lệ vàng bạc ở các địa phương, cho đem các đồ vật hạng cũ của các nhà để nộp, cho được chóng xong thuế khoá Nhà nước, rồi cứ nguyên sắc phái đưa nấu đúc, cũng là để trọng của kho của Nhà nước, nhưng các thứ vụn vặt lẻ tẻ, người không tốt thì dễ sinh tham nhũng, xin từ như các loại vòng vàng, vòng bạc, hoa tai, nhẫn bằng vàng bạc thì cũng cho cân thu, để tiện cho dân, ở tỉnh lượng theo nhiều ít, cho thợ đúc thành phiến lạng, còn số gạn hao, phàm bạc lẻ 10 lạng cho trừ hao 5 phân 3 ly, vàng đã đúc 10 lạng cho trừ hao 4 phân, ở các tỉnh vàng vụn 10 lạng cho trừ 2 đồng cân, vàng vụn ở Tuyên Quang cho trừ hao 5 đồng cân, phái viên đi đặt giá mua cũng coi đó làm lệ, đều đem phiến lạng đã đúc được đệ nộp".

Vua theo lời tâu ấy.

Bộ Lại tâu nói : "Năm ngoái kính gặp tiết thất tuần đại khánh của Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu, ông bà cha mẹ quan viên văn võ ở Kinh và tỉnh ngoài được phong tặng có thứ bậc. Nay tra cả điển lệ triều Minh, triều Thanh châm chước nghĩ định điều lệ tâu lên, vua đặc cách chuẩn định thi hành.

(Viên nào mẹ đích còn sống thì cứ cấp phong cho mẹ đích, đã chết, thì chỉ cấp phong cho mẹ đẻ, hoặc mẹ đích và mẹ thứ đều đã chết thì chỉ tặng phong cho mẹ đẻ).

Viên nào trong khi ban ơn ở nhà để tang cha mẹ thì được dự, người ở nhà phụng dưỡng cha mẹ thì không được dự, còn như các viên dưỡng bệnh, đi bắt giặc, chờ bổ thì tra lấy danh hàm, lý lịch tâu lên chờ Chỉ.

Viên nào sau khi ban ơn có lỗi phải giáng điệu, cấp phải giáng ấy vẫn ở phẩm đáng được phong tặng, đều chiểu theo phẩm phải giáng mà làm việc biện lý, nếu

phẩm phải giáng đã đến phẩm không được phong tặng thì nếu về sau có công lao tài năng chính tích nhờ được khai phục nguyên hàm, hoặc thăng thụ chức khác, so với phẩm cũ ngày ban ơn ngang nhau, thì do bộ tâu rõ chờ Chỉ lượng cho phong tặng, người hiện phải giáng lưu thì không cứ mấy cấp, đều chiểu theo cấp phải giáng theo phẩm phong tặng.

Viên nào đáng được phong tặng, do bộ cứ sự trạng đã khai tư cho các địa phương, đều chiểu theo nguyên quán tổng lý xét hỏi xem có quả thực không.

Tỉnh ở biên giới như tỉnh Cao Bằng, thổ quan chiếu phẩm đáng được phong tặng thì đều chuẩn cho được dự, duy phiên mục ở Trấn Tây là không được dự).

Bộ thần lại nghĩ Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế theo lệ được phong tặng, hai đời cha viên ấy đã nhận chức quan của ngụy, nhưng ông viên ấy không từng theo ngụy, có được dự phong hay không, tâu rõ chờ Chỉ.

Vua bảo rằng ông của Trương Đăng Quế, theo lệ đáng được phong, chỉ vì con không hiền, che mất cả điều hay, có lẽ chưa hợp. Bộ ngươi nên hội đồng với bộ Lễ tham khảo cổ điển và thể lệ nhà Minh, nhà Thanh ở Trung Quốc, bàn cho thoả đáng tâu lên. Quan 2 bộ tâu nói : điển lệ Bắc triều, người cha không được phong mà người ông được dự thì không có biên chép rõ ràng có thể xét được, nhưng xét trong *Truyện dạy*, đức thánh Khổng bảo Trọng Cung rằng : "Con con trâu đốm loang, đỏ và có sừng, dẫu muốn không dùng, thần núi sông có bỏ chăng ? Đó là con nó tốt, không vì bố xấu mà bỏ, thì bố tốt đâu phải vì con không tốt mà mất cả", lấy đấy suy ra, ông của Trương Đăng Quế được truy tặng là phải. Vua y cho.

Vua nhân bảo Nội các rằng : "Minh Mệnh năm thứ 9, đình thần nghị rằng cha của quan viên, phàm người nhận chức hàm nhà Lê mà làm tay sai cho nhà Trịnh, cố nhiên không đáng nói, còn thực làm bầy tôi nhà Lê, nếu gia cho quan tước, thì trong lòng người ấy tất không tự yên, sẽ cho rằng sau khi chết không được trọn tiết thờ nhà Lê, một đoạn bàn bạc thực là chính đại, có thể giúp cho phong hoá ngàn đời, đến nay xét ra thực thấy càng lâu càng rõ, nên sai bộ Lại truy xét bộ nào chủ thảo và khởi thảo thì tâu lên chờ Chỉ khen thưởng". Bộ thần sau đem bộ Binh chủ thảo, nguyên thự Tham tri Lê Văn Đức khởi thảo tâu lên, bèn thưởng Đức kỷ lục 2 thứ, cùng làm việc là nguyên Thị lang Trương Minh Giảng kỷ lục một thứ.

Tổng đốc Bình Định, Phú Yên là Trịnh Quang Khanh, Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương đều phải giáng chức ; cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Tổng đốc Sơn – Hưng – Tuyên là Lê Văn Đức đổi lĩnh Tổng đốc Định – Yên. Hình bộ Hữu thị lang Doãn Uẩn nguyên giữ ấn Hưng Yên tuần phủ quan phòng. Trước đây nước Tây là

nước Pha Nha (cùng gần với nước Phú-lãng-sa, đều đem đạo Gia Tô truyền bảo, nhưng dòng đạo khác nhau) đạo trưởng tên là Y, gọi là Vô-y-na-xu (đạo hiệu thứ nhất), tên Minh gọi là Du-minh-cô (đạo hiệu thứ 2) và tên Hiền gọi là Du-thê, tên Vọng gọi là Dê-du-ni-mô, đi đến hạt tỉnh Nam Định dụ người truyền giáo, người theo giáo thì có hơi thuộc kinh đạo và học biết chữ Tây, đều đặt làm đạo trưởng, giáo trưởng chia đi các tỉnh, họp nhau giảng đạo. Từ khi lệnh nghiêm cấm đã ban hành, các đạo đường đạo quán phải bỏ đi hết, bọn chúng cũng tìm phương lẩn lút, đến nay có đạo trưởng người nước ta là Đặng Đình Viên (người xã Tiên Châu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên) trốn ở tỉnh Bắc, sai đạo đồ là Vũ Văn Lân đem thư chữ Tây đến tỉnh Nam Định tìm hỏi chỗ ở của bọn Y-na-xu tặng cho thuốc và các thức, bỗng bị lý dịch xã An Liêm (tên xã thuộc huyện Thư Trì) bắt được giải đưa nộp tỉnh, Trịnh Quang Khanh bắt dân hạt ấy và tư cho tỉnh ở Hưng Yên chiểu quê quán tra bắt, đều nói không có các tên ấy, đem việc ấy tâu vào.

Vua bảo rằng : "Gia Tô tả đạo làm hại rất nhiều, bọn người nước Tây thường thường lẻn đến nước ta, nhân đem thuật ấy cổ động dụ dỗ dân ngu, ngầm mưu gây việc, tức như năm ngoái ở Sơn Tây phát ra việc đạo trưởng nước Tây là Cao-lăng-xê thông với giặc mưu nổi loạn, gương sáng chẳng xa, tai mắt mọi người đều nghe thấy. Không ngờ còn có lũ này trà trộn ở chốn dân gian, đi lại gửi thư cho nhau, trong đó há không tình riêng liên kết bè lũ, thế mà không tra bắt ngay cho sạch gốc rễ, chỉ căn cứ vào lý dịch cung đại khái, hy vọng xong việc. Bọn đạo trưởng kia nguyên là dối trá chẳng lành, mà lý dịch sở tại, hoặc là đồ đệ yêu nhau, ẩn giấu, sao được nhẹ tin như thế, sự thể quan yếu, coi như không để ý đến, không biết bọn ngươi làm quan, thì làm việc gì ? Trịnh Quang Khanh cho giáng xuống hàm chánh tam phẩm, làm Tuần phủ Nam Định, Hà Thúc Lương giáng xuống làm chánh tứ phẩm, làm chức lương chừ đạo, hạn trong một tháng, nếu bắt được bọn chúng trị tội, thì khoan tha tội trước, khai phục nguyên hàm, không thế tất phải trói đem về Kinh trị tội, còn chức Tổng đốc Định – Yên và Tuần phủ Hưng Yên, cho Lê Văn Đức và Doãn Uẩn làm thay.

Bọn ngươi đều do trẫm đặc cách kén chọn, nên phải tự mình hết lòng tìm cách bắt giặc, đem chém giết ngay cho hết tả đạo, không được riêng đùn cho người, có phụ sự uỷ thác lớn, lại một mặt truyền bảo dân gian đại khái nói : đạo trưởng nước Tây cổ động mê hoặc lòng người, mưu toan làm phản, phép nước không thể dung tha, nay sai nã bắt, cốt chỉ trừ bỏ người nước Tây ấy để khỏi làm hại dân. Người dân các ngươi cùng với chúng khác loài, sẽ không liên can đến, ai hay tố cáo, chỉ bảo hay nã bắt giải lên quan, tất có hậu thưởng, chớ nên giấu giếm chứa chấp để

phạm tội nặng, dù trước đã lầm theo đạo, nay biết tình nguyện hối đổi, bước qua giá chữ thập, đó là thực lòng bỏ đạo, đều cho tha về sinh nghiệp, khiến cho hiểu biết rõ ràng, đều biết theo điều hay tránh điều dở, sẽ không phải trị bằng hình pháp mà tự cảm hoá được".

Lại sai Nghệ An, Thanh Hoa đều phái một quản vệ và 500 biền binh chia đi đóng giữ ở Nam Định và Hưng Yên để giúp việc đàn áp.

Lại cho rằng quan quân tra bắt, bọn chúng thế tất sẽ trốn, mà đường đi tất phải qua Quảng Yên đi qua Khâm Châu, Liêm Châu trốn về Ma Cao, sai truyền dụ cho quan tỉnh ấy, lập tức ở nơi trọng yếu trong hạt, đường thuỷ bộ đi qua, phải xét hỏi ngặt hơn, nếu thấy mắt xanh mũi lõ, đích là người Tây thì giải lên quan, nếu có dân hạt Nam Định, Hưng Yên hướng dẫn chúng cũng bắt tất cả, quan đi bắt giặc ở tỉnh Nam Định là Quản cơ Lê Ngọc Thế liền bắt được đạo trưởng là Y-na-xu ở xã Can Lao (tên xã thuộc huyện Giao Thuỷ), Trịnh Quang Khanh đem việc ấy tâu lên.

Vua phê bảo rằng : "Vẫn chưa hết trách nhiệm, nhưng còn hơn không bắt được một tên nào".

Bèn dụ thưởng cho Lê Ngọc Thế gia một cấp và 20 lạng bạc, biền binh hiện đi chuyến ấy cho 30 lạng bạc, người tố giác 50 lạng bạc, Y-na-xu lập tức chém và bêu đầu, tên phạm bắt được trước là Vũ Văn Lân phải tội giam hậu.

Quan tỉnh Nghệ An tâu nói : "Giản binh pháo thủ thuộc tỉnh, chỉ có một đội 60 tên, tới khi sai phái bắt giặc, thực sự không đủ, xin trích thêm binh lính các thôn xã liền nhau lấy 40 người, dồn làm 2 đội Pháo thủ nhất và Pháo thủ nhị". Vua y cho.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838], mùa hạ, tháng 4 nhuận, sung chức dạy bảo Hoàng tử là Nguyễn Đăng Tuân tâu nói : "Năm trước các hoàng tử công cùng giảng sách ở nhà tập thiện, đặt ra 2 viên giáo đạo, 2 viên tán thiện, 4 người bạn độc giúp đỡ nhiều người nên chóng tiến đức, nay các hoàng tử ra ở phủ, và tuổi sắp trưởng thành thì nhiều, đều hội giảng ở nhà đoan bản, mà người chờ giảng chỉ có chức giảng tập và chính tự mà thôi, xin đặt hoàng tử tán thiện 2 người, chọn người vốn có học hạnh sung vào để cho sớm hôm giảng tập, thù ứng cùng nhau, hầu có bổ ích". Vua theo lời tâu ấy.

Cho Phó vệ uý vệ Quảng Bình là Hà Văn Củ thăng thự Vệ uý vệ Hậu nhất Tả dực dinh Vũ lâm ; Vệ uý vệ thủy Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Cúc thăng thự Vệ uý vệ tứ thuỷ sư ở Kinh kỳ, Phó vệ uý vệ thuỷ Phú Yên là Lê Văn Diệp thăng thự Phó vệ uý vệ ngũ dinh Hữu thuỷ sư ; Quản cơ cơ Tả thuỷ Hải Dương là Nguyễn Văn Quỳnh làm Phó vệ uý vệ thuỷ Phú Yên ; thự Quản cơ cơ Tả thuỷ Nam Định là Nguyễn Văn Gián làm Phó vệ uý vệ thủy Quảng Ngãi ; Phó quản cơ cơ Nam Định là Nguyễn Văn Tứ làm Phó vệ uý vệ Hưng Hoá.

Cho Lại bộ Tả thị lang là Tôn Thất Bạch rút khỏi viện Cơ mật, chuyên làm việc bộ.

Vua nghĩ viện Cơ mật ấn quan Nội các vẫn chưa đủ người, dự chuẩn cho phàm ban ngày, đều chiểu theo lệ thường ứng trực làm việc, duy ứng trực ban đêm thì

cùng nhau cắt lượt, đêm viện thần phải trực, thì ấn quan Nội các miễn trực, đêm Các thần phải trực, thì ấn quan viện Cơ mật cũng miễn trực, đợi sau đủ người, lại chia ban ứng trực như lệ.

Cho Kiến An công Đài 500 quan.

Đình thần tâu dâng án đổi trộm đồ vàng ở nhà Thế miếu, người phạm tội là nguyên Từ tế phó sứ Tôn Thất Diệu, thủ hộ Tôn Thất Biểu, phải đổi theo họ mẹ gọi là Phạm Diệu, Trương Biểu đều phải thắt cổ chết ngay, Miếu lang là Tôn Thất Quán có bụng dung túng đổi làm công tính Nguyễn Hựu thị phát sung làm miếu phu ở Nguyên miếu, nguyên quyền biện phủ Tôn nhân là Tôn Thất Bằng bị cách lưu (án này đã 4 năm nay ; bộ Hình tra xét không ra, đến nay đình thần xét lại, người phạm tội mới phải chịu).

Vua bảo Nội các rằng : "Phạm Diệu, Trương Biểu tuy là họ xa, cũng vì không người dạy bảo, lưu đãng làm càn, nên phải tự mắc tai vạ, xét đến nguyên nhân, trách ở viên giữ việc dạy ở các hệ và bọn nguyên làm việc ở phủ Tôn nhân không biết hết lòng dạy dỗ. Lại nghĩ trong sổ tôn thất bèn có hạng người bất chính như thế, mắc vào tội gian dối trộm cắp, trẫm thực xấu hổ cho tôn thất, nên sai phủ Tôn nhân truyền họp các người đầu ngành và dự có quan chức họ tôn thất, tuyên Chỉ bảo ban về từ trước tới nay dòng dõi nhà vua, để tiếng tốt, hiền tài kế tiếp sinh ra, ở triều đình thì Tôn Thất Khê bày mưu giúp đỡ, Tôn Thất Hội giúp việc siêng năng, công nghiệp rực rỡ, mọi người đều nghe thấy cả. Lại như ngày nay, võ thì Tôn Thất Bật mưu dũng dựng công, văn thì Tôn Thất Lương liêm cần giữ tiết, đều có thể dựng nên, thực vẻ vang mày mặt cho họ tôn thất, các người trong sổ tôn nhân sao không biết trông đó làm gương, thấy người hiền mong cho bằng, hiện nay gặp hội rất thanh bình, phàm các dân thường còn biết trở lại thực thà thuần hậu, cùng làm thói tốt, huống chi người trong cành vàng lá ngọc, đã có lương tôn thất để nuôi, lại có nhà học tôn thất để gây dựng, cái ơn hoà thuận dựng nuôi, như thế là cùng, sao còn lêu lổng vi phạm phép tắc, hoặc làm sự gian dối, phạm pháp luật, người còn có lương tâm, há không hổ thẹn ư ? Phúc của Nhà nước rộng lớn, ngành cỗi trăm đời mai sau dòng dõi phồn thịnh, đâu chỉ nghìn ức năm, các ngươi đầu ngành đều nên đem điều trung tín hiếu để, ngày thường bảo ban, cha anh lấy đó thường dạy, con em lấy đó răn nhau, cốt mong tài đức thành đạt, để giúp việc cho nước nhà, nếu có người tài phẩm tầm thường, cũng nên giữ phận mình theo lẽ phải, để được lành tốt về sau, đó thực là có mong mỏi lắm, trong đó hoặc có kẻ có tính ngu ngoan, không theo dạy dỗ, chuẩn cho việc nhỏ thì do viên giữ việc dạy ở các ngành, việc

lớn thì do phủ Tôn nhân trừng trị, nếu thường răn không chừa, tức là tâu xin xoá bỏ tên ở trong sổ tôn thất, cho cũng như người ngoài, không được tạm bợ chút nào, đợi đến việc vỡ lở, rồi sau mới trị bằng hình pháp, thì lại là không tốt, chuẩn cho đem dụ này in phát cho nhân viên tôn thất mỗi người một bản để cho sớm chiều ghi nhớ, thường thêm răn xét". Giám thủ ty Tả từ tế là Trần Văn Đa, Nguyễn Văn Tài, lấy trộm đồ thờ và điếu ống bằng vàng, đến nay thành án, đều phải tội chém giam hậu.

Lại cho Phan Huy Thực làm Lễ bộ Thượng thư, trước vì việc của Phạm Diệu, Trương Biểu, phải cách, đã được khai phục đến hàm Tham tri, đến khi án ấy dâng lên, vua bảo rằng : Giám thủ tự lấy trộm, người ngoài kiểm xét làm sao được, Phan Huy Thực tình có đáng tha, nên có lệnh ấy.

Tôn Thất Tư ở ty Hữu từ tế lấy trộm hương vòng, việc ấy phát ra, sai đổi theo họ mẹ, phát đi làm binh ở vệ thủ hộ, Từ tế sứ là Tôn Thất Đạm và miếu lang, miếu thừa đều phải phạt, sắc cho từ nay về sau thời thường xem xét, thấy có kẻ lập tâm không tốt, hạnh kiểm thấp hèn thì bẩm rõ lên phủ Tôn nhân tâu xin trị tội đuổi ra, nếu còn tạm bợ ở lâu, để liên luỵ đến người khác, thì tội lỗi không nhỏ.

Vua nghe bên ngoài có nói công việc thuỷ sư nặng hơn binh bộ, sai dò xét quả có nhiều người nói thế, bèn bảo Nội các rằng : "Trước đây thuỷ sư ở Kinh kỳ chỉ có 6 vệ, mà phải giữ số thuyền nhiều, cố nhiên là phiền trọng, gần đây thêm làm 15 vệ, thuyền bè cũng không tăng thêm, thì công việc há chẳng rất là nhẹ bớt ư ? Vả lại binh bộ phải làm công việc thành trì, mà thuỷ binh ngoài việc tu tạo thuyền bè, không phải việc gì khác, hai bên đều nhau, vốn không có sự quá nhẹ quá nặng, thế mà bên ngoài còn có câu nói thế, thực không hiểu được, nên sai bộ Binh xét xem, nếu quả công việc thuỷ sư có quá nặng, chuẩn cho vạch ra việc quá nặng là việc gì, liệu phải sửa chữa, đem giao cho binh bộ làm thay, nếu không có gì quá nặng thì người làm ra câu nói ấy nêu là ngu tối càn bậy, cũng không nên nghe, còn nói phao lên để mê hoặc lòng người, chuẩn cho chưởng lãnh thượng ty thông dụ cho bọn quân dân không được đem câu nói công việc thuỷ sư quá nặng nói riêng với nhau, kẻ nào trái lệnh thì trị tội nặng. Bộ Binh liền đem một hai việc vặt trước bàn chuyên giao cho thuỷ sư thì xin chia cho các vệ binh bộ cho được bằng nhau. Vua y cho (hằng năm các khánh tiết bắn súng mừng và đầu xuân tế cờ bắn súng mừng, việc khiêng đem cỗ súng giao cho biền binh dinh Thần cơ làm thay, đàn tế Nam Giao, trồng cây đinh liệu và khiêng trâu bò, giao cho các bảo Cấm binh dinh Vũ lâm làm thay. Tiết Chính đán trồng cây nêu ở các sở cung điện, giao cho biền binh vệ Cẩm y và vệ Kim ngô làm thay). Vua cùng bộ Binh Trương Đăng Quế ban về phép thuỷ chiến, dụ rằng : "Trong nước tuy yên, không nên quên việc đánh trận, binh chế triều

ta, đánh trận bằng voi, đánh trận trên bộ, đều đã am hiểu, duy đánh trận ở dưới nước, vẫn chưa tập quen, trẫm thường hỏi phái viên đi công cán ở ngoại quốc về, đều nói các nước phương Tây, duy có nước Hồng Mao và Ma-li-căn là giỏi về thuỷ chiến, khi lái thuyền đi, hoặc phải ngược gió, hoặc được xuôi gió, không khi nào là không nhanh chóng, tuỳ cơ ứng biến, lanh lợi vô cùng, thực nên bắt chước. Kìa như thi thư để dạy học trò, võ Kinh để dạy quân đội, từ trước đều thế, riêng đánh trận ở dưới nước, chưa có sách làm ra cho người học tập, trẫm cũng biết qua một vài phương pháp phương Tây, muốn các ngươi tính nghĩ kỹ càng, làm thành quyển thành pho, cho binh lính ngày đêm học tập, phàm nghe tiếng trống thì tiến, không vì thế địch rất mạnh mà tạm tính rút lui, nghe tiếng chiêng thì lùi, dù thế địch tan vỡ, cũng không được tham lợi mà khinh tiến, và khi đoàn thuyền tiến lui, hoặc nhanh như chim bay, hoặc chậm như cua bò, nhưng không khi nào không có phép để cho nghiêm chỉnh, kẻ làm binh lính chỉ biết sợ tướng, không sợ giặc, đi nhanh không dám quá, đi chậm cũng tự cố, khi tiến khi lùi, đều như nối liền nhau, mới là được việc. Giả như ta thừa thắng đuổi giặc, quân giặc thấy thuyền ta đuổi gấp, thì hơi hạ buồm xuống, khiến cho thuyền đi chậm, để tránh đạn súng, quân ta ứng biến không nhanh, thì thuyền ta nhân gió vượt qua, mà súng thành ra bắn hão, cho nên chợt thấy thuyền buồm thuyền địch hơi hạ, buồm thuyền ta cũng hạ, mới cùng gặp nhau mà súng bắn hẳn tin. Lại súng đặt ở đầu thuyền thì ít, mà hai bên thì nhiều, nếu không biết tuỳ cơ chạy vừa, thì thuyền gặp giặc mà đi, sao giết được giặc, lúc đó chỉ cốt 8 người thợ lái lái thuyền có biết cách lái, mà người bắn bắn ra cho thích hợp, rồi sau mới được mà thôi. Lại như thuyền ta không may gãy cột buồm, vỡ mỏ neo, thì nên chạy gấp đến ngay thuyền địch, bỏ thuyền ta mà nhảy sang cướp lấy làm thuyền của ta, nếu thuyền địch bị gãy cột buồm, vỡ mỏ neo thì thuyền ta dù đương gặp gió đánh mạnh, chỉ nên vòng quanh ở bên để bắn súng, không nên tới gần, phàm việc giống như thế rất nhiều, lúc ngày thường phải luyện tập sẵn thì khi việc đến mới đối phó được, ngươi chức làm quan tư mã nên nghĩ định ra phương lược để dạy thuỷ sư ngõ hầu mới là phòng bị trước khi có việc". Nhân bảo Đào Trí Phú rằng : "Người nay cai quản cả thuỷ sư, phàm sĩ tốt viên biền, người có kỹ nghệ tinh thục thì bầu cử lên, đợi trẫm kén dùng, Đề đốc Vũ Văn Từ tài khí tầm thường ví như thuyền nhỏ chở nặng, trẫm mong gì được ?".

Lại từng bảo các quan hầu rằng : "Ngày nay các nước phương Tây, lớn nhỏ ở xen nhau, mà đều giữ được bờ cõi, không cắn nuốt lẫn nhau, các nước ấy phần nhiều theo đạo Gia Tô, nghe nói truyền lại, ngày xưa đạo chủ là Chi-thu (Giê-xu) có thề ước rằng : phàm các nước anh em ở phương Tây, nếu có người mưu tính, thì

các nước cùng đánh, từ Chi-thu đến nay đã 1840 năm, các nước đều giữ lời ước ấy, cho nên không lấn đánh nhau. Nhưng trẫm thường nghe ngày xưa, vua nước Hồng Mao ở phương Tây không có con trai, chỉ sinh được người con gái, gả cho vua nước Pha-nha, nguyên tục ở phương ây, dù tôn quý làm vua một nước cũng chỉ lấy một vợ, không có vợ lẽ, người con gái ấy đã về nước Pha-nha, về sau vua nước Hồng Mao chết, người trong nước nói : "Vua ta chỉ có một con gái, tức là con trai, nên làm vua trong nước, bèn yêu cầu với nước Pha-nha đón về lập làm vua". Lâu rồi vua nước Pha-nha ở một mình không thích, bèn bỏ nước ấy đi sang nước Hồng Mao, người vợ nhân trao cho làm chức quan to cùng ở với nhau. Vợ lại nói dỗi dỗ chồng đem hết đồ bản, quan lại, tài vật nước Pha-nha phụ thuộc về nước Hồng Mao, người chồng cũng nghe, người trong nước cũng đều thuận theo, đều làm tôi tớ nước Hồng Mao, cung dâng cống phú. Khi vua nước Pha-nha đã chết, người vợ vẫn còn, người nước Pha-nha cũng cam làm thần dân, không ai làm phản. Đến khi vợ vua nước Pha-nha chết, nước Hồng Mao không khống chế được nữa, lại làm nước láng giềng hoà hảo như xưa. Kể thì người ở phương Tây xem đến chế tạo đồ vật, phần nhiều có ý khéo, ngỡ là bậc đại trí, sao xử đoán việc lớn lại mờ mịt không biết phải trái, chẳng những ông vua nước ấy đắm mê về vợ, cả nước cũng không biết nên chăng chút nào, đem nhau làm con tin với nước láng giềng, sao mà ngu thế ? Nói là lời thề ước của đạo chủ cũng là nói dối. Xem ra lẽ phải ở đời, chia lâu tất phải hợp, giả sử trời sinh ra bậc vua anh hùng hào kiệt, mưu thần xét đoán, sáng suốt mở mang bờ cõi, biết đâu chẳng hỗn hợp các nước khác lại làm một, chỉ vì khí vận chưa đến, cho nên còn như thế mà thôi. Thử xem đời Xuân Thu, Chiến Quốc, các nước chư hầu thay nhau hùng trưởng, đều giữ đất đai, rồi sau rút lại vẫn là một há chẳng phải cũng là lẽ đấy ư ?".

Chuẩn định từ nay trở đi, phàm các giai trong cung được tấn phong vào trong tháng giêng, thì chiểu lệ cấp lương cả năm, từ tháng 2 đến trong tháng 7, lấy ngày mồng một tháng 7 làm đầu, cấp thêm bổng lệ sáu tháng, còn từ tháng 8 trở về sau thì đợi sang năm chi cấp. Chép làm lệ.

Hộ đốc Ninh - Thái là Tôn Thất Bật dâng tập thỉnh an nói : "Các quan võ không tự viết được, uỷ cho thuộc binh viết thay".

Vua bảo rằng : "Trong tập thỉnh an có các điều trình bày phần nhiều là việc cơ yếu, đã chuẩn cho đốc phủ, bố án phải tự tay viết lấy, để có sự thận trọng, gián hoặc có quan võ, không có học cũng không trở ngại, cho bố án viết thay, nếu việc tâu lên có liên can đến bố án thì chọn uỷ người thân tín có quan chức, còn như bọn nhỏ mọn đâu được cho dự biết công việc, sau chớ làm việc khinh suất như thế".

Lại chuẩn cho bộ Lễ thông dụ, từ nay phàm viết tập tâu đệ lên, tỉnh nào đốc, phủ là quan võ không tự viết được, đều chiểu theo lệ đó thi hành.

Cấp thuốc đạn thao diễn cho lãnh binh đến suất đội các trực tỉnh (hằng năm thuốc súng đều 24 phát, đạn chì 12 viên, chỉ cấp 1 lần).

Giờ Thìn, ngày Canh Thìn, có tiếng như tiếng sấm lớn phát ở phương tây bắc. Sai Viên ngoại lang bộ Lễ Phạm Bạch Như xét hỏi, bèn ở phận núi Phủ Ổ, huyện Hương Trà, dân sở tại đều nói rằng : "Ngày giờ ấy thấy một vật dài như tấm lụa, đầu có ngọn lửa sáng, mình lẫn màu xanh biếc, từ trong núi vụt lên đến giữa trời rồi xuống, phát ra tiếng sấm ấy, liền mưa xuống ngay". Bạch Như về, đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : "Lời nói ấy hơi có lý, phàm trời mưa có 3 thứ mưa, có mưa theo từng mùa, vào khoảng mùa thu mùa đông giao nhau, theo tiết hậu mà mưa, suốt ngày không thôi, đó là một ; có mưa trận vào lúc mùa hè nóng nực, khi trời giáng xuống, khí đất bốc lên, âm dương chạm nhau mà thành tiếng, cho nên có sấm to, tức có mưa lớn, mưa xuống một trận rồi thôi ngay, đó là hai ; có mưa bất thần khi rồng lên xuống, tất sinh ra mây, mây bốc lên mà thành mưa, trong khi đương mưa tất có gió to, duy mưa xuống chỉ ở chỗ rồng đi, chỗ nào rồng không đi tới thì không mưa, đó là ba. Lại thấy tiểu thuyết truyền rằng : rồng coi việc làm mưa, hoặc có con rồng lười không làm mưa, thì thượng đế bèn dùng sấm sét để răn. Nước ta, loài rồng rất nhiều, thường ở các sông, thấy có mây mù bốn phía, ban ngày tối om, tục gọi là rồng lấy nước làm mưa, đó là hiệu nghiệm. Ý hẳn con vật mà dân gian trông thấy, tức là con rồng làm mưa. Sấm để răn rồng, mà rồng làm được mưa, đó là lẽ thường, không phải là tai lạ dị vậy".

Trấn Tây tướng quân là Trương Minh Giảng thân đến Ba Lai, đốc thúc quan quân các đạo tìm bắt giặc trốn. Quân đạo Hải Đông bắt chém được bọn giặc 3 tên. Quân đạo Hải Tây đi tuần dò xét ở lạch Bông Xuy gặp hơn 500 tên giặc người Xiêm lên đến đầu địa giới, bắn giết được 2 đứa, chúng liền rút chạy, việc ấy tâu lên, thưởng cho tiền bạc đều có thứ bậc.

Khâm thiên giám tâu nói : "Hằng năm mùa thu tế Xã Tắc, đã vâng lệnh định lấy ngày Mậu gần tiết Thu phân thì tế, xét ra tiếng có sớm muộn, nếu năm nào tiết Thu phân ở vào trung tuần hạ tuần, rất thấy hơi muộn, thực có trở ngại việc làm, xin theo lệ trước, vào ngày Mậu đầu tháng 8 thì tế, theo lệ, trên chỗ gạch ngang phải khuyên một khuyên mực nhỏ, còn như ngày Mậu gần tiết Thu phân, trước làm việc nêu viết chữ xã, nên bỏ đi". Vua y cho.

Cho Phó đô ngự sử Đô sát viện là Lê Đăng Doanh kiêm làm công việc bộ Hình ; Thị lang quyền biện Công bộ là Phạm Thế Trung đổi sang quyền làm công việc bộ Hình ; Lang trung quyền biện Lại bộ là Nguyễn Trung Nghĩa đổi sang quyền làm công việc bộ Công.

Triệu biện lý Lễ bộ, quyền thự Bố chính Hưng Hoá hộ lý tuần phủ Vũ Thành Phong về bộ cung chức, lại lấy Nguỵ Khắc Tuần làm Bố chính Hưng Hoá hộ lý tuần phủ quan phòng (Tuần về cư tang hết hạn).

Vua dụ rằng : "Trước đây bộ Lễ hặc tâu : nguyên bố, án Hưng Hoá mượn lời ngầm chê nhau, đều cho giải chức, nhân vì kén dụng thiếu người, bèn cho Vũ Thành Phong quyền hộ tuần phủ, xét ra Vũ Thành Phong là người hặc trước, nếu cho ở lâu ở Hưng Hoá, sợ kẻ không biết, có khi cho là phàm người vạch nói lỗi của người, lại được thay giữ chức người ấy, thì là đặt phép ở lòng tham, dư luận mọi người chưa thể tin được, cho nên đặc cách triệu về".

Chọn được vạn niên cát địa ở phận núi xã Kim Ngọc, sai đại thần là Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên đi xem xét lại.

Vua dụ rằng : "Vạn niên cát địa, quan hệ rất lớn, bọn ngươi nên sức biền binh chém cắt cây cỏ, trẫm sẽ thân đến để xem".

Phủ Nội vụ hằng năm chi sáp vàng thêm nhiều, bộ Lễ châm chước bàn rút bớt đi, xin lượng giảm số lễ tạ ở các đàn miếu trung tự quần tự. Vua y cho (Lệ cũ mỗi năm dùng hơn 520 cân, giảm bớt làm hơn 250 cân).

Tham tán Trấn Tây Dương Văn Phong dâng tập thỉnh an nói : "Nước Chân Lạp thuộc về ta đã hơn 5 năm nay, phàm việc quân việc nước phòng giữ biên giới nhọc tốn rất nhiều, triều đình đều phải chú ý đến, duy chiểu theo nghị cũ, đặt ra các phủ Hải Tây, Hải Đông, Sơn Tịnh, Quảng Biên, nhưng thuế khoá cho chúng tự làm, thổ dân cho chúng sai khiến, tưởng nhân theo thời cũ, về việc sửa đổi vẫn thiếu". Vua bảo rằng : "Ngươi tự khi đổi lĩnh chức Tham tán tới nay, phàm những việc trước mắt, như bọn giặc chưa dẹp yên hết, dân ấy chưa được ở yên làm ăn, đều là công việc trong chức phận, trong khi thừa hành, còn sợ không chu đáo, bèn không nghĩ tới việc đó, bỏ gần tìm xa, đặt ra lời nói suông, quả có ích gì ? Nay cần phải gia tâm trù tính, tuỳ việc sửa sang cho đến giữ lòng trong sạch, hết sức công bằng thanh liêm mới là hết được chức phận, còn như việc dạy kẻ ngoan, kẻ hài lòng theo về, thì phải dần dần, triều đình tự có xử trí, không cần ngươi liến thoắng nói nhiều làm gì".

Định lệ chi lĩnh bổng hướng lương gạo ở kho trong Kinh (Phàm có đơn lĩnh gạo lương tự 300 phương trở lên, cho lượng tuỳ sức ngày vận chở, nhưng ở trong

đơn chua rõ, chia làm mấy lần, mỗi lần mấy phương, do bộ Hộ phê đưa cho Thương trường và hội đồng khoa đạo chiếu phát, chua ngay vào ở sau đơn, ngày nào lần thứ nhất đã phát gạo mấy phương, lần sau theo thế, còn từ 300 phương trở xuống, phải trong một ngày lĩnh xong, nếu xảy ra vì mưa gió không thể làm xong, thì không kể số gạo nhiều ít, do khoa đạo hội phát và viên ở kho, cũng chua vào sau đơn là ngày nào mới phát gạo, bao nhiêu phương, còn thì đợi lĩnh sau, lại chua ngày nào tiếp tục phát gạo, mấy phương, đều đóng dấu kiểm để phòng gian mạo, nếu không cớ gì khác, mà gạo lĩnh còn để ở kho thì chỉ tên hặc tội trừng trị, còn gạo sung công). Chuẩn cho sao lục giao cho các địa phương ở ngoài theo đó mà làm.

Cho thự Phó vệ uý vệ Long thuyền là Đoàn Khác làm Phó vệ uý kiêm vệ Tam dinh Trung thuỷ sư Kinh kỳ kiêm cai quản vệ Long thuyền.

Sai tỉnh Quảng Nam đục đá làm núi giả hơn 1.000 khối nộp vào Kinh.

Cho Phó giám đốc sở Đốc công ở Vũ khố là Trần Văn Hiệu làm Giám đốc, Cai đội Hoàng Văn Lịch, Vũ Huy Trinh làm Phó giám đốc.

Vua đi tuần chơi cửa biển Thuận An, xem diễn tập thuỷ sư, thưởng chung cho biền binh 500 quan, rồi đi chơi núi Thuý Hoa, cho là 2 sở hành cung ở Thuận An và Thuý Hoa làm lên chỉnh tề, thưởng cho đổng lý là thự Thống chế Mai Công Ngôn, Nguyễn Tiến Lâm cát tường ngũ bảo tiểu kim tiền, mỗi người một đồng, còn từ quản vệ đến suất đội và lính thợ thưởng cho quần áo và tiền có thứ bậc.

Dụ bộ Công rằng : "Thành Trấn Hải là nơi bờ biển trọng yếu ở Kinh kỳ, đã làm mấy tầng kè đá để chống giữ, năm trước thường nhân sạt lở, lại phải bồi đắp, không những 2, 3 lần, để được giữ vững bờ biển, trẫm cố nhiên không tiếc tốn phí, khốn nỗi sóng gió đánh đập, kè đá sạt lở ngày nhiều, tình hình đã thấy nguy hiểm, sức người không thể làm được, chỉ có nhờ ở sức thần mà thôi. Nên phái Thượng thư Lễ bộ là Phan Huy Thực vâng mệnh đến miếu Nam Hải long vương, hết lòng thành cầu đảo, xin thần giúp ngầm cho cát biển ngày một bồi, thành Trấn Hải vững mãi, sau phải sửa lễ lễ tạ để đền đáp phúc thần.

Thuyền vua về qua eo biển Hà Trung, cơ quan thái giám Nguyễn Đức, nhân sai đi việc công, cho thuyền đi xông qua đường tất lộ[1], quân vệ Cẩm y ngăn lại, Nguyễn Đức phải cách, thưởng cho quân vệ Cẩm y 100 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn, sắc cho từ nay về sau, phàm vâng lệnh phái đi việc công, như thuyền vua đã tiến đi, gián hoặc có việc quan trọng cần thiết phải chuyển đến thuyền Kim đĩnh

(1) *Tất lộ* : đường vua đi.

nhờ tâu lên. Nếu chỉ là việc thường, mà dám trực đột, thì không cứ là thái giám hay cung giám, cho biền binh theo hầu tuần tra bắt ngay trị tội nặng.

Phái viên thuyền Thuỵ long đi công cán về, nộp vải buồm, Vũ khố không chiểu thu ngay để bị mối xông. Giám lâm là Hồ Ngọc Tài, Vũ Viết Sĩ và thuộc viên 4 nha cùng làm việc đều bị phạt trượng, rồi lấy Viên ngoại lang Hộ bộ là Lê Huy Côn thăng thự Lang trung Vũ khố hộ lý ấn quan phòng. Tài đổi Lang trung Lại bộ, Sĩ đổi thự Lang trung Binh bộ.

Vua bảo Nội các rằng : "Từ trước tới nay, các phái viên về nộp các đồ vật ở kho chồng chứa kể có nghìn vạn, mà các nha Nội vụ, Vũ khố thường thường đùn đẩy lâu chậm, để thành hư hỏng, tuy việc đã vỡ lở, tội có người chịu, còn của công thì sao ? Chuẩn cho từ nay phàm các việc như thế, thì nha được nhận, đều phải thượng khẩn chiểu thu, còn thương ty 4 nha cùng làm việc, tuỳ việc chước phái, nếu gặp vật hạng đem nộp mà nhiều thì phải phái thêm chia nhau làm việc, các quan văn võ đại thần tuần tra và các khoa đạo cũng nhận làm trách nhiệm của mình, bắt đem nộp ngay, nếu cho kéo dài để có tổn hại thì đều giao bộ phân biệt nghị xử".

Chuẩn định cho từ sau trở đi, phàm thuyền công phái đi nước ngoài, đi về được ổn thoả như địa phương tiểu Tây dương hơi xa, viên quản toạ được thưởng kỷ lục 3 thứ, sau như Quảng Đông, Lữ Tống, Giang Lưu Ba thưởng kỷ lục 2 thứ, Tân Gia Ba, Hòn Cau hơi gần thưởng kỷ lục 1 thứ, và từ quản vệ đến binh lính đều thưởng gạo tiền lương 2 tháng, người lái thuyền mỗi người được thưởng 15 quan, gián hoặc có người bị bệnh chết, suất đội cấp tiền tuất 20 quan, chánh đội trưởng 15 quan, đội trưởng 13 quan, ngoại uỷ đội trưởng 11 quan, binh đinh 10 quan.

Cấp thêm thiên lý kinh cho các tỉnh ngoài Kinh sư (Thuỷ sư ở kinh kỳ, nguyên trước cấp 3 ống, tăng lên 7 ống, ba tỉnh Nghệ An, Thanh Hoa, Nam Định, nguyên trước cấp 1 ống tăng lên 2 ống, Bình Định, Gia Định, An Giang, Hà Tiên, Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, 8 tỉnh ấy nguyên trước cấp cho 1 ống, tăng thêm 1 ống, Vĩnh Long, Định Tường, Biên Hoà, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, 11 tỉnh ấy chưa được phát cấp, đều cấp cho 1 ống).

Sắc cho thuỷ sư ở Kinh kỳ, phàm các thuyền lớn, gặp có sai phái, các hạng thuyền phái đi tuần ở biển thì phát cho để trông nhòm, thượng ty các hạt đều sức cho thuộc biền học tập nhòm trông và cách mở đóng lau chùi, cốt được quen thạo.

Phận biển Khánh Hoà có một chiếc thuyền lớn của quân giặc nhà Thanh (2 bên sơn đen, mũi trước và 2 má sắc đỏ, lái phía sau và 2 bên ván giữa vẽ hình đầu rồng,

hai lỗ để bắn đều đặt súng lớn) cùng với thuyền đi tuần của Suất đội Lê Văn Tế ở Kinh phái đi, gặp nhau cùng đánh nhau, từ giờ Ngọ đến giờ Dậu, bọn giặc nhân ban đêm trốn thoát, việc ấy tâu lên.

Vua bảo bộ Binh rằng : "Bờ biển xa rộng, quân giặc nhà Thanh thường thường nhân sơ hở cướp bóc, nhưng từ trước tới nay trông thấy chẳng qua thuyền nhỏ mà thôi, nay lại có thuyền to dáng lạ, dám chống nhau với thuyền Nhà nước, thực đáng quái lạ. Lê Văn Tế đánh nhau với giặc cũng đã nhiều thì giờ, Quản vệ cùng phái đi là Đinh Văn Lân và bọn đóng đồn tỉnh phái đi không biết cùng đến đánh giúp để chúng được thoát, đều giáng 2 cấp, liền cho phái thêm thuỷ sư quản vệ một người, suất đội 1 người, biền binh 50 người, pháo thủ 8 người đi một chiếc thuyền hiệu Bình hải, đem theo súng lớn và đồ dùng đánh dưới nước cùng với thuyền binh phái đi trước, cứ từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận đi lại tuần tiễu bắt giặc. Lại thông dụ cho các bộ biển ở ngoài Kinh phái đi, đều ở các hòn đảo, chỗ nào có thể ẩn lánh được thì hết lòng tìm bắt, nếu bắt được chính thức thuyền giặc hạng lớn, thì thưởng tiền 1.000 quan, hạng vừa thì 500 quan.

Chuẩn định từ nay, phàm đoàn thuyền của Nam Kỳ, Bắc Kỳ vận chở đồ vật của công và gạo về Kinh, khi tiếp tin báo đến cửa biển Thuận An thì đề đốc hiệp lý thuỷ sư ở Kinh kỳ liệu phát thuyền binh đi đến cửa biển hộ dẫn (Đoàn thuyền từ 100 chiếc trở lên, phát quản vệ 1 người, binh thuyền 5 chiếc, từ 30 chiếc trở lên, phát quản vệ 1 người, binh thuyền 3 người).

Trong Kinh kỳ ít mưa.

Sai phủ Thừa Thiên và tỉnh tả hữu trực sửa đắp đường quan lộ.

Vua bảo bộ Công rằng : "Sửa đắp đường sá cũng là một việc vương chính, thường thấy các chỗ cát đá ở đường quan lộ, mùa hè nắng nóng, người đi rất khổ sở, lòng trẫm rất để tâm đến, tuy đường sá thì dài, công trình sửa sang thực không phải dễ, nhưng triều đình vì dân, mở mang tiện lợi, nếu phải tìm cách để tiện cho dân thì cũng nên lần lượt cử hành, nay chuẩn cho trước hết các quan địa phương ở Thừa Thiên và tả trực hữu trực, xét suốt đường quan lộ trong hạt, đoạn nào có cát dày cát mỏng hoặc cát sỏi lẫn lộn, tháng nắng khó đi thì đều đặt giá đắt thuê nhân dân sở tại mang đất bồi đắp, chính giữa đường rộng 1 trượng 5 thước, cao 4, 5 tấc trở lên, cho dễ mọc cỏ, 2 bên đường đắp nhiều đất, trồng các cây dễ sống cho được chóng xanh tốt để rợp đường đi, việc này không phải là việc chốc lát mà xong được, phải dần dần tiếp tục làm, cốt phải lần lượt được xong, người đi đường được tiện mà dân ta không kêu khó nhọc mới là việc tốt".

Tướng quân Trấn Tây Trương Minh Giảng tiến đến các xứ Trưng Thuỵ, Bình Tiêm, sai Phiên mục là Chưởng vệ Trà Long, Quản cơ Bồn Đột bắt được 7 tên trong bọn giặc, chiêu dụ thổ dân, phần nhiều đã trở về, liền đem ngân bài, ngân tiền thưởng công và quần áo thưởng cho, duy giặc Y trốn xa trong rừng sâu, chưa bắt được, định tìm bắt, các Phiên mục hết sức tìm tòi. Tham tán Dương Văn Phong đem việc tâu lên.

Vua bảo rằng : "Bọn Trà Long, Bồn Đột từ trước đến nay, từng theo việc bắt giặc, được việc rất nhiều, nên thưởng thêm cho Trà Long gia một cấp và nhẫn vàng khảm pha lê trong suốt, nhẫn vàng khảm pha lê đỏ mỗi thứ 1 chiếc, Bồn Đột thưởng kỷ lục 2 thứ, nhẫn vàng khảm pha lê trong suốt 1 chiếc. Xét ra từ trước đây giặc Y gây việc, vốn cậy có giặc Xiêm viện trợ, từ sau khi bị thua ở Phủ Chăn, không dám tiến nữa, giặc Y lực quẫn thế cùng, nay chẳng qua tìm phương ẩn trốn, cầu sống qua ngày. Trương Minh Giảng mình đương chức trọng, chưa nên đóng lâu ở chốn hàng trận, chuẩn cho rút về thành Trấn Tây làm việc. Lại địa đầu Hải Tây gần đây đã được ninh thiếp, thự Đề đốc Bùi Công Huyên cũng chuẩn cho về thành nhận chức. Còn Hải Đông, Hải Tây liệu để lại biền binh uỷ cho một lãnh binh theo lệ thường canh giữ, phàm các đồn bảo quan yếu chia bắt thổ mục thổ binh chiểu địa giới tuần tiễu, còn thì rút về cho nghỉ ngơi hết cả".

Dân hạt Bình Định đào được hơn 30 lạng vàng ở ngoài đồng, tình nguyện đem nộp, Đốc thần là Vũ Xuân Cẩn đem việc ấy tâu lên.

Vua khen là sợ phép không tham, chuẩn cho phát tiền kho 1.500 quan cấp cho và thưởng riêng tiền tạ thần 100 quan.

Cấp thêm cho thuỷ sư địa bàn và đồng hồ cát của Tây dương.

Vua bảo bộ Công rằng : "Việc lớn của thuỷ sư thuyền bè là quan hệ, trong đó xem kim phân biệt hướng, đo nước, xem giờ rất là sự cần về đi thuyền, trước đã cấp cho 4 cái địa bàn, 6 cái đồng hồ cát, 50 cái thước đo nước của nước Tây để giúp cho việc học tập, thế mà gần đây các biền binh phái đi và người lái thuyền phần nhiều không rõ, toàn vì bọn thống quản ngày thường không để ý dạy bảo nên mới thế, nay phát thêm cho 6 chiếc địa bàn, 4 chiếc đồng hồ cát phương Tây giao cho Đề đốc Vũ Văn Từ, Hiệp lý Đào Trí Phú chia cấp cho thuỷ sư, và ngày thường đốc sức chưởng vệ, quản vệ đều đem biền binh trong trại bảo ban kỹ càng, như đi đường thuyền đường biển, thế nào là chính đối, tả đối, thế là là thiên tả, thiên hữu, gặp chiều gió này nên theo hướng nào, gặp chiều gió kia nên chuyển hướng nào, thuyền đi mấy chuyển được mấy dặm là chóng, mấy chuyển được mấy dặm là chậm ? Cùng là các

núi ở phận biển nơi gần bờ thì chỗ nào là cát, chỗ nào là bùn ? Nước sông sâu phỏng độ bao nhiêu, lấy đó suy ra, thời thường giảng luyện, không những chuyên làm ở các hiệu thuyền bọc đồng nhiều dây, tức là các thuyền chữ Bình chữ Định, Hải vận, Hải đạo cho đến thuyền Ô, Lê, phàm biền binh thuỷ sư điều khiển cho tai mắt tiêm nhiễm, cốt cho ngày được thông thạo, đến khi có việc sai phái, phải liệu cấp tuỳ thuyền, để cho được việc, các ngươi từ đề đốc, hiệp lý cho đến bọn chưởng vệ, quản vệ, nên nhận làm phận sự của mình, ân cần như cha anh dạy bảo con em, để cầu cho thành tài, chớ coi làm lời hão, vẫn cẩu thả như trước".

Chuẩn cho các đội trưởng thực thụ ở các bảo các vệ Hùng nhuệ thuỷ sư, chiểu phẩm chi lương cũng giống như các vệ Thần binh, Cấm binh.

Đặt thêm vệ Chấn võ ở Hà Tĩnh, 2 vệ Thắng võ, Thiện võ ở Nghệ An, vệ Hùng võ cơ Hữu thuỷ ở Thanh Hoa. Trước đây bộ Binh tâu nói : "Các vệ giản binh ở Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Nghệ An (tỉnh Hà Tĩnh thuộc dinh Thần cơ, 4 vệ : Uy võ, Dương võ, Toàn võ, Minh võ. Tỉnh Nghệ An thuộc dinh Tiền phong, 4 vệ : Hoàn võ, Phấn võ, Trung võ, Trang võ ; thuộc dinh Long võ, 4 vệ : Nghị võ, Diệu võ, Định võ, Nghiêu võ thuộc dinh Hùng nhuệ, 2 vệ : Cường võ, Tráng võ. Tỉnh Thanh Hoa thuộc dinh Hổ uy, 4 vệ : Tuyên võ, Túc võ, Cung võ, Nghĩa võ ; thuộc dinh Hùng nhuệ, 3 vệ : Kiện võ, Quảng võ, Nhuệ võ) từ trước dồn bổ mỗi vệ trên dưới 600 người, mỗi đội hơn 60 người, chưa là phép nhất định, xin nên đổi định mỗi vệ đều 500 người, mỗi đội đều 50 người, đem cả các hạng lính mới cũ, chiểu tuỳ xã thôn liền nhau cung cấp cứ nguyên lính thuỷ, lính bộ dồn thành từng vệ từng đội, còn có thừa ra cũng dồn làm vệ đội, đặt thêm tên hiệu, xin đợi ở Kinh phái đến tỉnh kiểm duyệt khí giới của quân, lại cùng các quan tỉnh họp bàn. Đến khi Khâm phái là bọn Mai Công Ngôn, Phan Thanh Giản đến hội đồng với 3 tỉnh dồn bổ tỉnh Hà Tĩnh thừa ra 500 người, tỉnh Nghệ An, tỉnh Thanh Hoa đều thừa ra 1.000 người, dâng sớ xin đặt thêm tên hiệu vệ cơ. (Tỉnh Hà Tĩnh vệ Chấn võ thuộc dinh thần cơ. Tỉnh Nghệ An vệ Thắng võ thuộc dinh Tiền phong ; vệ Thiện võ thuộc dinh Long võ. Tỉnh Thanh Hoa vệ Hùng võ thuộc dinh Hổ uy. Cơ thuỷ Thanh Hoa đổi làm cơ Tả thuỷ, đặt thêm cơ Hữu thuỷ).

Vua nghe theo, chuẩn cho theo bộ Binh bàn, đổi định cả mới cũ là 25 vệ phẩm trật viên quản suất cũ mới cũng giống như vệ các tỉnh ở ngoài. (Nguyên trước, vệ uý thuộc Cấm binh trật chánh tam phẩm đổi làm tòng tam phẩm, phó vệ uý trật tòng tam phẩm đổi làm chánh ngũ phẩm ; cai đội trật chánh ngũ phẩm đổi làm tòng ngũ phẩm ; chánh đội trưởng suất đội trật tòng ngũ phẩm đổi làm chánh lục phẩm ; đội trưởng trật chánh thất phẩm đổi làm tòng thất phẩm), rồi cho các cơ thuỷ sư ở

Nghệ An, Thanh Hoa, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương (Tỉnh Nghệ An, 2 cơ Tả hữu thuỷ ; tỉnh Thanh Hoa, 2 cơ Tả hữu thuỷ ; tỉnh Hà Nội 1 cơ thuỷ ; tỉnh Nam Định 3 cơ Trung, Tả, hữu thuỷ ; tỉnh Hải Dương 2 cơ Tả hữu thuỷ), đều thăng làm vệ quản suất, theo y như phẩm trật các thuỷ vệ từ Quảng Bình trở vào Nam.

Cho nguyên thự Phó vệ uý vệ An võ là Hoàng Văn Hoá bổ thụ Phó vệ uý vệ Chấn võ, Thành thủ uý hiệp quản vệ Nghiêm võ là Tôn Thất Hàn thăng thự Phó vệ úy vệ Thắng võ, Thành thủ uý hiệp quản Diệu võ vệ là Nguyễn Đình Phú thăng thự Phó vệ uý vệ Thiện võ, Cai đội vệ Trang võ là Vũ Văn Thâu thăng thự Phó vệ uý vệ Hùng võ, Thành thủ uý hiệp quản Hùng nhuệ tả vệ là Dương Văn Thái bổ thụ Phó vệ uý vệ Tả thuỷ thuỷ sư Thanh Hoa.

Ba cơ trung, tả, hữu lính mộ ở Sơn Tây, số lính chỉ còn hơn 500 người, cho dồn làm cơ Sơn Tây.

Định các thức nhà thờ ở lăng và mộ các phi tần trở xuống (các phi : nhà thờ ở lăng, trong xây, tường gạch cao 4 thước 1 tấc, chiều dài 2 trượng 7 thước, chiều ngang rộng 2 trượng 7 tấc, ngoài xây tường gạch cao 4 thước 5 tấc, dài 5 trượng 4 thước, ngang rộng 4 trượng 5 thước, mặt trước chính giữa xây một cửa, cửa dùng gỗ sơn đỏ, phía trong cửa, trước bình phong dựng bia đá khắc những chữ : "mỗ phi mỗ thị chi tẩm[1]". Trước cửa xây thêm sân để lễ 3 cấp, mỗi cấp rộng 6 thước, mặt trước và tả hữu xây lan can cao 1 thước 8 tấc, chung quanh giới hạn cấm đều cách 20 trượng, chỗ giáp giới xây cột gạch để nhớ giới hạn.

Các tần : nhà thờ ở lăng, trong xây tường gạch cao 3 thước 6 tấc, dài 2 trượng 3 thước, rộng 2 trượng 3 tấc, ngoài xây tường gạch cao 4 thước 1 tấc, rộng 4 trượng 5 thước, chiều ngang 3 trượng 6 thước, phía trước bên trong cửa ở trước bình phong, có bia đá, khắc chữ : "mỗ tần mỗ thị chi tẩm", chung quanh giới cấm đều 12 trượng.

Tiệp dư trở xuống : các mộ trong xây tường gạch cao 3 thước 2 tấc, dài 2 trượng 1 thước, chiều ngang 1 trượng 8 thước, bên ngoài tường gạch cao 4 thước, dài 3 trượng 6 thước, chiều ngang 3 trượng 2 thước, cửa mặt trước ở trước bình phong có bia đá khắc chữ : "Tiệp trữ hoặc quý nhân, mỹ nhân, tài nhân, mỗ thị chi mộ". Chung quanh giới hạn đều 8 trượng. Phàm các hạn lệ giới cấm : nếu gặp dân cư và ruộng sâu khe cừ thì cứ chỗ tiếp giáp, xây cột gạch không cứ số trượng, giao cho biền binh canh giữ trồng cấy cỏ hoa, cốt được xanh tốt, các Kinh doãn, Kinh

(1) Nhà thờ ở lăng của phi nào, họ là gì.

huyện thời thường tuần tra nghiêm cấm dân sở tại không được chôn trộm phần mộ ở trong giới hạn và thả trâu dê giày xéo vào cây có lên hoa, kẻ nào phạm phép thì bắt tội. Lại từ bến đò đến các sở nhà thờ ở lăng và mả cũng đắp đường đi, để tiện việc đi lại xem thăm.

Thi Điện[1] : Sai đô Đốc thự Chưởng phủ là Phạm Hữu Tâm sung chức giám thí đại thần, Hiệp biên Đại học sĩ Trương Đăng Quế, Thượng thư Công bộ Hà Duy Phiên sung chức độc quyển, Lang trung Lại bộ Nguyễn Văn Lý, Lang trung Công bộ Đỗ Quang sung chức nhận quyển kiêm duyệt quyển. (Lệ trước độc quyển 4 viên bớt đi 2 viên).

Cho Nguyễn Cửu Trường, Phạm Văn Nghị đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân ; Đinh Viết Thận, Phạm Chân, Nguyễn Văn Tùng, Lê Duy Trung, Trần Tiễn Thành, Hoàng Trọng Từ, Lê Thiện Trị, Doãn Khuê đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân.

Vua hỏi Hà Quyền rằng : Nguyễn Cửu Trường đỗ đầu, thế nào ? Thưa rằng văn của Cửu Trường rất có kiến thức.

Vua bảo rằng : Trẫm xem văn, được thể thi Đình, còn Phạm Văn Nghị thì thuộc điển cũ mà thôi.

Định lại mũ áo Tiến sĩ. (Đệ nhất giáp đệ nhất danh, theo lệ cũ, cấp cho mũ áo lục phẩm, còn từ đệ nhất giáp đệ nhị danh trở xuống, đến đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân đều 1 chiếc mũ sa, trước sau đều có 1 bông hoa bạc, một chiếc áo bào bằng đoạn trơn màu xanh quan lục, có cả bổ tử nền đỏ thêu mây ngũ sắc, một cái xiêm bằng sa nam, 2 bên nền đỏ, nẹp cũng thêu mây ngũ sắc, một cái đai bằng sừng đem bịt đồng và khăn bịt đầu, hia, bít tất đủ bộ).

Dụ rằng : "Áo mũ Tiến sĩ mới, trước đã chuẩn y bộ bàn để thi hành, trẫm nghĩ khoa mục là đường phẳng, bước đầu tiến thân của học trò, nếu cấp cho mũ, đai, áo, xiêm cho thân được vẻ vang, nên khoa này thi Điện các người trúng cách chuẩn cho chiểu mũ áo định lại theo sổ đổi cấp, sau dùng làm lệ".

Quản cơ đóng giữ ở phủ Thiên Trường tỉnh Nam Định là Lê Văn Dũng bắt được đạo trưởng nước Tây là Du-minh-cô ở xã Hà Lan (tên xã thuộc huyện Giao Thuỷ). Lãnh đốc là Lê Văn Đức đem việc tâu lên, vua sai giết đi, thưởng cho người tố cáo 70 lạng bạc, thưởng chung cho biền binh 30 lạng bạc. Lê Văn Dũng trước tuy sơ suất, sau bắt được giặc, gia thưởng kỷ lục một thứ. Đạo trưởng nước Tây là Du-thê và đạo trưởng nước ta là Nguyễn Bá Tuấn (người xã Ngọc Đường, huyện

(1) Thi trong cung điện nhà vua.

Kim Động, tỉnh Hưng Yên) sau cũng bị quyền nhiếp huyện vụ huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình là Nguyễn Liêm bắt được, đều phải tội chém, thưởng cho Nguyễn Liêm thực thụ Tri huyện, quan tỉnh và Trần Văn Trung, Bùi Mậu Tiên đều gia một cấp, tên tố cáo được thưởng bạc 100 lạng, nha lại ở huyện được thưởng tiền 50 quan.

Lê Văn Đức tâu nói : "Lần lượt bắt được đạo trưởng nước Tây là Y-nu-xa, Du-minh-cô, Du-thê, tra xét, xưng là trước đây và mươi năm, bọn chúng từ xứ Mã Nê La nước hắn từ thuyền đến thành Ma Cao hoặc theo thuyền buôn của người Thanh đến cửa biển Liêu Lác tỉnh Nam Định, hoặc theo thuyền nước Anh Cát Lợi đến cửa biển Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam, sau khi vào cửa biển, đều có người theo tả đạo cũ tiếp dẫn cho ở, nên được chia nhau đi truyền giáo.

Vua bảo rằng : "Bọn chúng vốn là người Tây, không phải nòi giống ta, năm trước đều đáp thuyền buôn lẻn đến nước ta, nếu biết ngăn chặn từ trước, thì mầm ác sao từ sinh được, chỉ vì lúc bấy giờ viên coi giữ cửa biển ở đấy không xem xét kỹ, cho nên chúng được trà trộn ở chốn dân gian, cái thói lừa dối, dỗ dành không phải ngày nay mới có, nhưng việc đã lâu rồi, không phải xét kỹ, nên thông dụ cho tất cả các quan địa phương có phận biển, đều nghiêm sức cho các viên coi giữ cửa biển trong hạt, từ nay có thuyền buôn nước ngoài và nước nhà mới đến bỏ neo, tức thì đến tận nơi xét hỏi, nếu có hình dáng mắt xanh mũi lõ, đích là người Tây lập tức bắt giải quan, và người nước Tây từ trước đã ở nước ta, nếu có người lẩn trốn ra nước ngoài thì cũng bắt giải cả, nếu dám dụng tình nhận của lót, buông tha và sơ suất không chu đáo thì phải tội. Các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, tiếp tục xét bắt được đạo trưởng, đạo đồ người nước ta cũng nhiều. Vua không nỡ để vào hình pháp cả, phàm người tình nguyện bỏ giáo bước qua chữ thập thì đều được tha, chỉ người một mực ngu dại không hiểu biết thì mới giết.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838], tháng 5, trong Kinh liền mấy tuần ít mưa, sai thự Tham tri Binh bộ Phan Bá Đạt cầu đảo ở miếu Nam Hải long vương, không ứng nghiệm, lại đổi phái Thị lang Lại bộ Tôn Thất Bạch đến miếu Đô thành hoàng, Tham tri Binh bộ Đào Trí Phú đến đền Thái Dương cầu đảo, khoa đạo là bọn Võ Danh Thạc, Nguyễn Văn Đạt, Hoàng Thu dâng sớ xin cho ở Kinh và tỉnh ngoài, sửa sang các việc hình ngục, để cầu khí hoà của trời.

Vua đương lấy hạn làm lo, phê bảo rằng : "Lời nói rất phải, chính hợp lòng trẫm, tức thì xuống dụ cho ở Kinh do bộ Hình, ở các tỉnh ngoài do đốc phủ, bố, án, các thượng ty, đều cứ người phạm tội đương bị giam, chiểu án xét xử ngay, có người bị oan khuất thì lập tức tha ngay, cùng cả họp các tù phạm quân lưu ở các tỉnh đưa đến, bèn sắc cho bộ Hình, lần lượt kê khai từng tội tâu lên, trong đó, người tình tội hơi nhẹ có 18 tên, cho mở bỏ xiềng xích ngay, đổi phát đi làm đồn điền ở Tả hữu trạch nguyên. Lại sai bộ Công truyền Chỉ cho các sở làm việc đều đình chỉ.

Cho Tiến sĩ mới dự yến ở vườn Thư Quang.

Dụ rằng : "Xưa nay đỗ Tiến sĩ, theo lệ có ban yến, triều nhà Tống ban yến ở vườn Quỳnh Lâm, đến nhà Minh, nhà Thanh ban yến ở bộ Lễ, sự thể như một, Nhà nước ta văn vận tốt sáng, từ khi trẫm đặt ra các khoa thi Hội, thi Điện, vốn muốn chấn hưng văn giáo, từ trước đến nay người dự trúng cách thì chiểu theo điển lệ nhà Minh, nhà Thanh ban yến ở bộ Lễ. Nay nghĩ đã qua đình đối trúng tuyển, tất phải

ban yến ở vườn Thượng uyển cho nhiều ơn hậu, chuẩn cho lấy khoa này làm đầu, cho Tiến sĩ mới ăn yến ở vườn Thư Quang, sánh với việc cũ ở vườn Quỳnh Lâm đời xưa, tức gọi là ban yến ở vườn Thư Quang, so với ban yến ở bộ Lễ, ơn vinh biết là nhường nào ? Hôm ấy, Tiến sĩ mới lĩnh yến xong, trước hết đi xem vườn hoa của vua, lại cấp cho mỗi người một con ngựa thượng tứ, bộ Lễ mặc phẩm phục dẫn đi trước, biền binh che lọng đi theo, từ cửa đông đi ra, đi khắp các đường phố xem hoa, người đi xem đứng như bức tường, Tiến sĩ cưỡi ngựa xem hoa, bắt đầu từ đấy.

Vua nhân bảo Phan Huy Thực rằng : "Trẫm nay ban yến cho Tiến sĩ ở vườn Thư Quang là theo nghĩa phát triển tài năng, mở mang văn trị rực rỡ, Tiến sĩ triều cố Lê ân điển thế nào ? Thực thưa rằng : "khoa Tiến sĩ triều cố Lê đời bấy giờ quý lắm, cho nên sĩ phu chưa trúng Tiến sĩ, dù đã làm quan to, vẫn vào thi Hội". Vua bảo rằng : "Danh nên mộ, lòng người cũng như thế, nhưng đặt khoa thi chọn học trò, chỉ là thu lượm nhân tài để giúp Nhà nước, nếu đã làm quan, lại thi làm gì ?".

Sai bọn Tu soạn là Hồ Văn Cáo, Tư vụ là Nguyễn Văn Hựu đi thuyền Nam hưng sang công cán ở Quảng Đông.

Ác man ở nguyên Chiên Đàn tỉnh Quảng Nam lẩn xuống giết hại dân ở biên thuỳ, lại vào rừng sâu rồi đi, việc ấy tâu lên, viên coi giữ nguyên ấy phải cách chức giáng dụ cho quan tỉnh ấy tìm cách tra bắt.

Phát vũ đoạn ở phủ Nội vụ, chia cấp cho các địa phương cất để dùng. (Hà Nội 105 tấm, Thanh Hoa, Nghệ An đều 75 tấm, Quảng Nam, Bình Định, Vĩnh Long, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương, Nam Định, Hà Tĩnh đều 42 tấm, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, Định Tường, Quảng Trị, Quảng Bình, Ninh Bình đều 31 tấm).

Sai Kinh doãn làm lễ cày ruộng tịch điền.

Đắp đê ngang ở bên tả sông Phổ Lợi, bên tả sông ấy có một nhánh sông cũ chảy ngang vào, để dòng sông nhân đó lấp nông, cho nên phải đắp đê để ngăn giữ.

Định lại lệ lưỡng liêm cho các phủ huyện, châu ở các địa phương. Theo lệ trước, ngoài lương chính ra còn cấp thêm tiền gạo dưỡng liêm cho đủ số, nay chuẩn cho phàm các phủ, huyện, châu, nơi nào nhiều việc nhất thì tri phủ, đồng tri phủ, tri huyện, tri châu, đều chiểu theo lệ cũ cấp cả, nơi nhiều việc thì chiểu cấp cho 8 phần 10, nơi nhiều việc vừa thì cấp cho 6 phần, nơi ít thì cấp cho 5 phần.

Phó lãnh binh Quảng Yên là Nguyễn Văn Thìn, tự tiện cho lính phạm tội là Xa Văn Chấn về nhà (ở châu Đà Bắc, tỉnh Hưng Hoá) nhân đó gây việc, (thù giết Thổ tri châu là Xa Văn Thang) phải cách chức, cho Vệ uý vệ Hậu nhất dinh Vũ lâm là

Hà Văn Củ làm Phó lãnh binh Quảng Yên. (Vệ uý dinh Vũ lâm trật Chánh tam phẩm, Phó lãnh binh trật Tòng tam phẩm).

Tham tán Trấn Tây Dương Văn Phong tâu nói : "Quân đi tuần ở đạo Hải Tây bắt được các thẻ bằng gỗ có chữ Xiêm ở trên cây, dịch ra rằng : tướng Xiêm là Phi Nhã Chất Tri lừa dối dụ dỗ Phiên mục ở 3 đồn Trà Lô, Viên Chăn, Sa Đâu gây chuyện".

Vua bảo rằng : "Việc đó chẳng qua giặc Xiêm làm ra kế ly gián mà thôi, nếu quả có, tất phải bí mật không nói ra, đâu có lý treo thẻ, khiến cho mọi người đều biết cả, triều đình thấy rõ ở ngoài nghìn dặm, quân giặc đâu có đắt được mưu gian xảo, nên đem ý ấy bảo cho quan người phiên đều biết, cho đều yên tâm, chớ đem lòng ngờ sợ. Chưởng vệ đạo Hải Đông là Trà Long, Nhâm Vu, Quản cơ là Nha Suất, Phó quản cơ là Na Tiên bắt được bọn thân của tướng giặc và nhiều tên giặc. Tướng quân Trương Minh Giảng ở quân thứ đã lượng cấp cho ngân tiền ; ngân bài, quần áo, lại gia thưởng kỷ lục và tiền có thứ bậc".

Vua bảo rằng : "Ngày trước bọn tướng giặc ở Hải Đông là Sa Đáp, Đô Y làm phản, thổ quan thổ mục sở tại, gián hoặc có kẻ cam lòng theo giặc, cũng có kẻ lưỡng lự không quyết, đem lòng trông ngóng, trong đó biết vì triều đình ra sức, cùng theo quan quân bắt giặc, chắc cũng nhiều người, nay Sa Đáp đã phải giết, Đô Y trốn xa, còn bè lũ hoặc bị chém, hoặc bị bắt, chốn biên cương dần yên, nên phân biệt người lành người ác, định rõ thưởng phạt, khiến cho sợ phép nhớ ơn, chuẩn cho bọn tướng quân, tham tán, đề đốc nên giữ lòng công xét hỏi, trong đám quan người Phiên, ai là người bề ngoài thuận theo, trong lòng làm trái, lần lữa trông ngóng, thân tuy tòng quân, nhưng gặp việc không ra sức lắm, như bọn Ân Bi thì xem xét kỹ càng, nếu đã biết rõ lẽ thuận nghịch, nhất hướng theo quân, tức tâu vào rõ ràng, lượng cho khoan miễn, nếu tính ác khó thuần, giữ lòng phản trắc, cũng nên trị tội rõ ràng, khỏi để lo về sau. Ai là người trước sau theo quân, sai phái đắc lực như bọn Bồn Đột, Sơn Sinh thì cũng chọn lấy tâu lên, lượng cho quan chức, thì kẻ mang 2 lòng biết răn chừa, mà kẻ theo lẽ phải biết khuyến khích, đó cũng là việc cần để thu phục lòng người mới theo về. Bọn Giảng sau đem sự xét hỏi quan người Phiên làm danh sách tâu vào, đặc cách chuẩn cho bọn Chưởng vệ là Trà Long, Nhâm Vu, Vệ uý là Nhâm Trật, La Kiên, Ốc Tâm đều được thưởng gia một cấp, Quản cơ là bọn Nha Suất, Sa Tây, My Hồng, Ma Mịch đều được kỷ lục 2 lượt, Quản cơ Bồn Đột được gia Phó vệ uý hàm Tòng tam phẩm, Cai đội Sơn Sinh, An Mao đều được thưởng thụ Quản cơ, còn từ Bồn Lục đến Sa Tiệp 43 người, thưởng thụ Chánh phó quản cơ, Cai đội, Chánh đội trưởng, Đội trưởng có thứ bậc, Phó quản cơ là Ân Bi phải cách chức cho làm việc chuộc tội.

Dựng đền thờ Long thần ở núi Phụ Ổ.

Vua nghĩ trời lâu không mưa, thường cầu đảo ở các linh từ, chưa được ứng lập tức, nhân nghĩ tháng trước, chỗ có tiếng sấm phát ra ở núi Ô Phụ, núi đó tất có rồng, mà rồng hay làm ra mưa, sắc cho Kinh doãn truyền sức cho viên huyện Hương Trà đến núi ấy lập đàn cầu đảo, tức thì mưa ngay, xa gần thấm khắp.

Vua mừng lắm tức thì phát hương lụa ở kho trong, sai Thị lang Lại bộ Tôn Thất Bạch đem đi lễ tạ. Lại sai quan có trách nhiệm làm đền ở phận núi ấy, sắc phong thần núi ấy là Chiêu linh phổ trạch ở Sơn long thần, hằng năm cuối mùa xuân đến tế một lần. (Cứ sau ngày tế Nam Hải Long vương một ngày thì làm lễ), đặt phu giữ đền 5 người.

Vua tới châu, hỏi Kinh doãn Vương Hữu Quang việc làm ruộng có muộn không ? Quang thưa : mưa cũng chưa muộn.

Vua bảo rằng : "Thóc là gốc đời sống của dân, gần đây trải mấy tuần hạn hán, ngoài đồng chính mong mưa lắm, trẫm ở trong cung, từng sai một nơi cấy lúa, tuy hằng ngày phải tưới, cũng không lớn thêm, lòng trẫm càng lấy làm lo lắm, nhân đó phải cảm phong hàn, nay được mưa xuống, từ đó lúa khô, có thể cứu được mà bệnh xoàng của trẫm cũng khỏi". Lại hỏi bộ Công Hà Duy Phiên rằng : "Kỳ Tiểu mãn[1] nước sông ở Bắc Kỳ thế nào ?" Thưa rằng : "Các tỉnh tư báo có hơn lúc thường 5, 6 thước không nhất định".

Vua bảo rằng : "Như thế thì kỳ nước lên này tất lên to, chưa hết lo hạn, lại sẽ lo lụt". Các địa phương Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, trước báo về hạn, đến nay cũng đều được mưa.

Vua nghe tin, vui vẻ lắm.

Khoa đạo là bọn Đặng Quốc Lang, Lưu Quỹ, Lê Tập dâng sớ xin sắc xuống cho các nha xét việc hình đều theo luật của nước nhà mà xét xử, không được thêm bớt một chút nào.

Vua bảo rằng : "Lời tâu ấy là muốn thận trọng các việc hình ngục, nhưng so với sự lý, thì là cố chấp không thông, kìa như điều luật có hạn, mà tình lý vô cùng, phải nên châm chước cân nhắc cho rất thoả đáng. Như tội của kẻ phạm, nên chiểu theo luật ấy, nhưng việc ấy thuộc tội nặng, tự phải nghĩ định ngặt hơn, để tỏ răn bảo rõ ràng, trong luật nguyên có câu : gia đẳng trị tội, thế thì chém để khỏi chém, bắt tội để không có tội, về lý không phải là không nên, huống chi án nặng theo lệ do

(1) Thời tiết theo nông lịch, vào khoảng cuối tháng 4 hay đầu tháng 5.

Đô sát xét lại, nếu thấy rõ nha nào nghĩ xử nặng hơn, và so sánh điều luật có chỗ không đúng thì đem ra hặc tội tâu lên không ngại, nay nhất khái xin ngoài luật của nước nhà không được tăng thêm, thì gặp việc tội nặng hơn luật, sẽ kết nghĩ ra sao. Chả hầu như cố chấp không biết biến thông ư ? Duy việc hình ngục là tính mạng của người mà pháp luật là công bằng của cả nước, người giữ pháp luật chỉ nên đem lòng không khoáng nên thẳng lòng thẩm xét nghĩ, cốt được công bằng, trong đó pháp luật nên xử nặng hơn, cần phải xét ở tình lý, không được làm liều tự ý xử phạt nhẹ nặng thì mới được. Nên thông dụ cho các nha môn xét việc hình ở trong Kinh và tỉnh ngoài, đều nên định rõ tội danh, chiểu luật xét xử, nếu có việc tình tội quan trọng phải nặng hơn, thì phải trong bản án nói rõ điều luật này đáng phải tội gì, nhưng việc ấy thuộc tội nặng phải gia mấy bậc, chớ nên có chút hàm hỗn, như thế thì đã thích hợp về "nguyên tình định tội" mà lại không mấy ý cẩn thận hình phạt pháp luật".

Tuần phủ Thuận – Khánh là Tôn Thất Lương hặc tâu Tham tán Trấn Tây Dương Văn Phong trước ở Bình Thuận, có dân trong hạt cầu tha thuyền lậu, nhận tiền hối lộ đến 100 lạng bạc, bị người tố cáo, có Chỉ sai Phong tâu về, Phong không chịu nhận.

Vua cho là tang vật tuy chưa rõ, nhưng làm việc có tiếng tăm, tội cũng khó từ chối, giao bộ Hình nghị xử, phải cách đời khỏi chức. Khoa đạo là Võ Danh Thạc, Lê Chân giữ lời tâu, cho là làm quan thường phải nhục luỵ, không gì hơn tư tình nhận của lót, nay Phong nhận của lót, có người nói việc xưng ra mà vợ lẽ của Phong chưa từng đối chất, nếu không xét rõ, chỉ phải tội cách ly, thì phép luật triều đình có bị khuất, nếu việc thuộc về nói vu không đâu mà Phong phải tội, thì không khỏi nhục suốt đời, xin cho phái viên tra xét, để cho thực xét xử công bằng.

Vua bèn sai Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Nguyễn Tự đi tra xét thì việc ấy đều tự vợ lẽ Phong và người nhà riêng nhận của lót, đến khi việc phát hiện, đã đem bạc ấy trả lại người chủ, Phong không dự biết. Án xử vợ lẽ và người nhà viên ấy phải phân biệt phạt trượng, còn như tội đáng phải chịu của Phong, vì là quan to một địa phương, không dám khinh thường nghĩ xử, xin Chỉ định đoạt.

Vua bảo rằng : "Phong thân làm quan to, không biết trị nhà cho nghiêm, để cho đứa ở gái, nàng hầu được dối nhờn, tội đến người gia trưởng, vốn nên xử tội bỏ mất chức, nhưng nghĩ gần đây làm việc, vẫn biết cố gắng, tạm chuẩn cho cách lưu. Khoa đạo là Đặng Quốc Lương, Trần Trứ, Vũ Phạm Khải dâng sớ nói thẳng, làm quan không có đức, là hối lộ rõ ràng, cho nàng hầu nhận hối lộ, tỏ rõ còn gì hơn ?

Dương Văn Phong thực không nên để ở chức vị quan to, Nguyễn Tự theo chức quan mà làm, sợ gì người mạnh, 2 chữ "mạc cảm" là chức khâm sai, có nên như thế không ? Sớ dâng vào. Vua đặc cách cho Phong vẫn cách lưu, Tự phải giáng 2 cấp.

Sai ở Kinh và tỉnh ngoài đóng thêm thuyền Hải vận. (Ở Kinh 6 chiếc, Nghệ An 6 chiếc, Bình Định, Bình Thuận, Vĩnh Long đều 5 chiếc, Thanh Hoa, Gia Định, Định Tường đều 4 chiếc, Quảng Bình 3 chiếc, Quảng Nam, Phú Yên, Khánh Hoà, Biên Hoà đều 2 chiếc, Quảng Ngãi 1 chiếc).

Vua bảo rằng : "Thuyền hiệu Hải vận đi nhanh, vận chở rất là đắc lực, gần đây ở Kinh sư, lần lượt đóng được 49 chiếc, vẫn lo hàng năm vận chở số gạo ở 2 kỳ rất nhiều, mà thuyền chuyên chở trong Nam ngoài Bắc sai phái không đủ, nay chuẩn cho lại đóng 51 chiếc nữa để đủ số 100 chiếc, ở Kinh thì do bộ Công, ở các tỉnh ngoài thì do đốc phủ, bố, án, lãnh binh đều trù liệu trước, hạn đến thượng tuần tháng 12 năm nay bắt đầu làm, đến trung tuần tháng 3 năm thứ 20 phải xong tất cả".

Con Trương Phúc Giao, Trấn thủ Hà Tiên trước là Trương Phúc Ân tiến dâng 1 tập phụng biên việc cũ của nhà, sai đưa đến sở thực lục chọn xét chép vào. Thưởng cho Trương Phúc Ân áo the tay rộng và tay hẹp mỗi thứ 1 cặp, quần nhiễu trơn 1 chiếc, Phi long ngân tiền hạng lớn 10 đồng.

Đặt thêm phủ Quảng Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình, chia huyện Bình Chính làm 2 huyện Bình Chính và Minh Chính, huyện Phong Lộc làm 2 huyện Phong Lộc, Phong Đăng, chuẩn cho quan tỉnh ấy chiểu theo địa thế liên lạc mà chia lệ thuộc. (huyện Bình Chính 3 tổng 49 xã thôn ; huyện Minh Chính 3 tổng 46 xã thôn, huyện Phong Lộc 4 tổng 56 xã thôn ; huyện Phong Đăng 4 tổng 49 xã thôn), phủ Quảng Ninh vẫn kiêm lý huyện Phong Lộc, thống hạt huyện Phong Đăng, phủ Lệ Thuỷ, Quảng Trạch kiêm lý huyện Bình Chính, thống hạt huyện Minh Chính, huyện Bố Trạch.

Tỉnh Sơn Tây tâu báo cây ghi dấu nước ở sông hơn ngày thường hơn 12 thước.

Vua cho rằng sắp tới kỳ nước to, nước sông ngày dần lên to, sai truyền Chỉ cho các tỉnh có sông, đều sức cho trong hạt dự bị chứa nhiều vật liệu sang hộ ở mặt đê, các đốc, phủ, bố, án, lãnh binh lần lượt đến các phần đê tuần phòng xem xét.

Chuẩn định từ nay phàm các địa phương, hạt nào đốc, phủ thiếu người, bố, án, lãnh binh, hội đồng quyền giữ ấn quan phòng, thì nếu việc thuộc việc quân và suy cử quan võ, cho lãnh binh và phó lãnh binh cùng ký tên tâu vào, còn như việc thường, bố, án đều theo chức vụ làm việc, lãnh binh đều không được dự.

Cấp thêm cho đồng hồ cát, định giờ cho ở Kinh và các tỉnh ngoài.

(Phàm trước đã cấp phát đủ dùng thì thôi, còn 5 bộ Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình trước cấp đã bị vỡ mất, đều cấp cho 1 chiếc ; thuỷ sư Kinh kỳ trước cấp 10 chiếc, thêm 10 chiếc ; Quảng Nam, Gia Định, Hà Nội trước cấp 1 chiếc, thêm 2 chiếc ; Nghệ An, Thanh Hoa, Bắc Ninh, Nam Định, Sơn Tây, Hải Dương, Hà Tiên trước cấp 2 chiếc, thêm 2 chiếc ; Thừa Thiên, Quảng Trị, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Long, trước cấp 1 chiếc, thêm 2 chiếc ; Ninh Bình, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Quảng Yên, trước cấp 1 chiếc, thêm 1 chiếc ; còn các nha chưa từng được cấp phát như Tôn nhân phủ, Thừa biện ty, Đô sát viện, Hàn lâm viện, Thông chính ty, Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Tào chính, Bưu chính, đều cấp 1 chiếc ; Trấn Tây thành 5 chiếc ; An Giang, Hà Tĩnh, Hưng Yên đều 2 chiếc).

Sắc cho thuỷ sư Kinh kỳ, phàm các hiệu thuyền lớn phái đi việc công và các hiệu thuyền tuần biển đều được mang theo cho biết thì giờ. Thượng ty các hạt đều sức cho các viên chiêm hậu gia tâm sửa sang suy xét, cốt cho được phù hợp (1 ngày đêm 12 giờ, mỗi giờ 4 chuyển, như giờ Ngọ hôm nay bắt đầu tính đến giờ Ngọ ngày mai cộng là 48 chuyển) và được cấp cho một chiếc để ở tỉnh, còn thì chiểu theo thuộc hạt sở nào quan yếu, như Thừa Thiên, Thuận An, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thanh Hoa, Biện Sơn chẳng hạn thì chia cấp cho đủ dùng, hoặc thuyền công phái đi tuần biển và sai phái đi bắt giặc, cũng được mang theo, để bảo quân sĩ chia canh phòng giữ.

Thị vệ Lê Nguyên học được cách làm máy, lấy máy của nước Tây dùng để hút nước tưới ruộng rất tiện, chế ra đem dâng, gặp khi trời nóng lắm, nước ruộng khô cạn, vua sai bộ Công đốc thúc ngay chế tạo máy ấy có 3 cái, đưa cho phủ Thừa Thiên chia tưới đồng ruộng, bảo nếu có thành hiệu, nên cho dân đó theo cách thức mà làm.

Bộ Hộ tâu nói : "Số vàng bạc ngày càng giảm ít, giá trị càng cao, do dân gian phần nhiều đem chôn giấu và ngầm cùng người buôn nước ngoài đổi chác, xin cấm đi".

Vua bảo rằng vì con cháu dựng sản nghiệp, cũng là thường tình của người ta, không thể nào khỏi, nhưng tiền của cũng như nước suối, nên lưu thông mà không nên ứ đọng, người mưu tính cho con cháu, để cho tiền của khó tụ dễ tan, không bằng để cho phúc có của không hết, người xưa nói : "Để cho con vàng đỏ đầy hòm, sao bằng để cho con một pho sách, nếu chưa thể như thế được, muốn lấy tiền của để

cho người sau thì bỏ vàng bạc ra, mua nhiều ruộng đất, cũng không ngại, vẫn có thể làm của cho con cháu ngày sau, việc gì phải chứa nhiều vàng chôn, chỉ là tiền của ứ đọng, khi có con cháu không hiền, cũng không giữ được, há chẳng phải chỉ giữ tiền cho nhọc, rút cục vẫn không có, chẳng là ngu quá ư ?" Đó thực là kiến thức người thường không nghĩ đến được, phải một phen dạy bảo, cho tỉnh giấc mê, cho truyền Chỉ cho quan quân dân chúng, cấm không được vẫn đem vàng bạc chôn cất xuống đất, duy có bộ bàn cấm, đổi chác với người buôn nước ngoài, thế thì trở ngại khó làm, nên định lại phàm vàng bạc thông thương trong các tỉnh ở nước ta thì không kể là người buôn nước Thanh hay nước Tây, đều cho trao đổi với nhau, không ở lệ cấm, duy người buôn nước ngoài trao đổi xong, giương buồm về ; trừ bạc Phiên in thành tiền như các loại bạc đầu quỷ, bạc hoa biên, bạc mã kiếm thì cho được đem theo xuất khẩu, còn vàng bạc thành khối, hoặc hốt hoặc đĩnh, hoặc phiến không cứ nhiều ít, đều cấm không cho, người trái lệnh đều xử theo tội trái phép, phạt 100 trượng, tài sản sung vào Nhà nước, nhưng trích ra một nửa để sung thưởng cho người tố cáo, lấy mồng một tháng giêng sang năm bắt đầu thi hành.

Phận biển Nê Dữ, cửa Y Bích thuộc tỉnh Thanh Hoa lại có giặc Thanh ngầm nổi, cướp tài vật của thuyền buôn, chủ thuyền phải đậu vào cửa biển Liêu, Lác tỉnh Nam Định để báo, việc đến tai vua, Lãnh binh tuần biển ở Thanh Hoa là Nguyễn Lương Nhàn, các viên coi giữ các cửa biển Y Bích, Liêu, Lác đều phải giáng 2 cấp.

Vua nhân bảo bộ Binh rằng : "Hạt tỉnh Quảng Yên, đất ở bờ biển, giáp với nước Thanh, có nhiều hòn đảo, dễ làm thung lũng trộm cướp, gần đây giặc biển ngầm nổi, tả kỳ, hữu kỳ, đều lấy đó làm nơi ẩn nấp, trước đã giáng dụ cho Tổng đốc Hải An Nguyễn Công Trứ phái đi dò xếp đặt thế nào, chưa thấy tâu báo, nên truyền Chỉ sức phải tâu về, tức thì phái cán viên đắc lực đem theo binh thuyền đến hội họp ở Quảng Yên ngày đêm tuần bắt, phàm các thuyền của người Thanh làm nghề đánh cá đuổi hết ra ngoài biển, nếu xét trong thuyền có đạn đá, súng gươm và đồ dùng để ăn cướp, lập tức bắt để nghiêm trị, không cho bọn chúng nói thác là đánh cá, tạm thời bỏ neo, cho không có chỗ đặt chân, thì đường biển tự nhiên yên lặng".

Nguyễn Công Trứ tâu về nói : "Tự trước đến nay, từ tháng 8, 9 đến tháng 3, 4 người nhà Thanh có 500, 600 chiếc, tụ họp thành đoàn ở ngoài phận biển Quảng Yên đánh cá, phái thuyền quân ra, liền lại đi xa, mùa xuân năm nay đã phái người được việc ở địa phương ấy đi đến núi Chàng Sơn tra xét, có người phường Khai Vĩ là Lương Bình Tổ nói : "Phường của hắn, nhân khẩu kể có hàng nghìn người, vốn là lương thiện, nếu được đánh cá ở ngoài biển, xin tự ra sức bắt giải bọn ác ở phường

đánh lưới tôm". Xét ra một dải Chàng Sơn, vòng quanh suốt vài dặm, có đất cấy trồng được, có suối uống được, có vụng đậu thuyền được, người nước Thanh, nhiều người làm nhà ở trên núi, cấy trồng lấy hoa lợi, phàm các thuyền bè đều đỗ ở đây, nếu một phen bắt bớ đốt phá, chúng tất tan đi, khi quan quân đã về, thế ắt trở lại, nếu muốn vĩnh viễn cấm tuyệt, thực khó xếp đặt, nghĩ nên theo lòng mong muốn của Bình Tổ, cho tự trông coi, thì chúng được lợi, tự nhiên cùng ngăn cấm nhau, tưởng quan quân không đến tốn sức, mà giặc biển yên được".

Vua bảo rằng giặc ấy đóng ở biển quấy rối, thường làm lo cho dân ta, Nguyễn Công Trứ đã dò xét được Chàng Sơn là đích nơi giặc ẩn tụ, sao không lập tức phái quân đánh bắt, lại bị lời nói ngọt của Lương Bình Tổ lừa dối được, yêu cầu ở lại tụ họp như trước, há chẳng khiến cho kẻ gian được thoả lòng lừa dối ư ? Tâu đối hàm hồ, khó chối được lỗi, chuẩn giao cho bộ Binh nghị xử, các công việc nên xếp đặt cũng bàn tâu một thể. Đến khi nghị dâng lên, xin trước giáng Công Trứ 2 cấp. Lại nói từ trước đến nay thuyền nước Thanh thường đậu ở các hòn đảo thuộc tỉnh Quảng Yên, tụ họp thành đoàn, thế tất tụ họp những giặc trốn cùng là quân lêu lổng, nương tựa nhau làm gian, trước tuy làm đám nhỏ, sau thành bọn to, thực không thể để lớn dần lên được, vả Chàng Sơn là biên giới của ta, địa lợi có thể nhân theo được, chúng đã chiếm tiện nghi, lại theo mà ăn cướp làm giặc, thế mà quan tỉnh không trông coi đến, nếu bảo ở ngoài biển xa cách, thế không thể ở được, thì người nước khác còn có thể từ xa đến ở, há lại nhân dân ta đối với đất cát của ta lại có lý không thể ở được ư ? Xin sai Nguyễn Công Trứ thân đến nơi ấy xem xét hình thế, chỗ nào có thể đóng giữ được, liệu đặt đồn ải pháo đài, phái quân đóng giữ để làm kế lâu dài. Chiêu mộ dân đến ở, lập thành làng ấp, tuỳ tiện sinh nhai, cốt cho tin tức cùng thông, cho dễ xem xét đối phó, nhưng do Quảng Yên bất kỳ phái binh thuyền đi tuần tiễu, hiểu bảo bờ cõi rõ ràng. Nếu thuyền nhà Thanh chúng dám có vượt qua địa phận chạy sang, thì không cứ trong thuyền có đồ đánh cá hay đồ ăn cướp hay không ? Lập tức đem người và thuyền bắt giải, giết hết không tha, không được nương náu tạm dụng, lại để bị mua chuộc được. Ngoài ra có tình hình gì khác, cũng cho tính kỹ tâu vào. Và xưa nay thuyền buôn mất cướp, phần nhiều là cau khô tiền kẽm, đều không phải vật chi dụng thông hành của người nhà Thanh, chắc là bọn chúng đem những vật cướp được ấy trao đổi với thổ dân Quảng Yên, nhân đó mà mua trộm gạo, thổ dân cũng có lợi, cho họ đậu ở ngoài biển, im không báo cáo, từ đấy thành thói quen, xin cho Công Trứ chuyển sức cho tỉnh Quảng Yên, nghiêm răn các tổng lý sở tại, phàm thấy thổ dân còn dám giao thông, bán trộm gạo cho người Thanh, thì lập tức bắt giải quan, chiếu luật trị tội nặng, tổng lý dụng tình

dung ẩn, cũng bắt tội như người có tội ấy, như thế thì sào huyệt trộm cướp đã trừ, tức là mưu gian xảo của thuyền nhà Thanh không thể thi thố được, mà giặc biển có thể được yên hẳn.

Vua theo lời bàn ấy, lại sai Giám thành suất đội là Lê Đức Hảo đi, cứ tỉnh ấy phái người hướng dẫn đến dải núi Chàng Sơn và hết thảy những hòn đảo ở hải phận, đi hết xem đo trên núi dưới núi, nơi nào có thể lập được pháo đài và đồn ải ; vụng nước chỗ nào có thể đậu được binh thuyền ; nơi nào có đất có thể trồng được, có suối có thể uống được, có dân ta và người nhà Thanh đến ở hay không ? Trong đó từ hòn đảo nào đi vào bờ phải theo phương hướng nào, trượng, thước và số dặm bao nhiêu ? Đường biển vòng quanh chỗ nào sâu chỗ nào nông, đường núi cong hay thẳng ? Chỗ nào dễ chỗ nào khó ? Giặc nhà Thanh thường tụ họp ở nơi nào ? Quan quân nên đi đường nào đến đánh, phàm hình núi thế nước chỗ ấy, hết thảy vẽ thành đồ bản kỹ càng đem về trình tiến lên.

Duyệt tuyển binh đinh ở các tỉnh từ Bình Định trở vào Nam đến Hà Tiên. Sai Thị lang Hộ bộ Phan Thanh Giản, Bố chính Khánh Hoà Vũ Đĩnh, Bố chính Quảng Bình Nguyễn Đăng Uẩn, Lang trung Công bộ biện lý bộ vụ Nguyễn Trung Nghĩa, thự Bố chính Quảng Trị Trần Hiển Doãn, Tuần phủ Thuận – Khánh Tôn Thất Lương, Bố chính Quảng Ngãi Đặng Đức Thiệm, Bố chính Bình Định Nguyễn Hợp, Bố chính Biên Hoà Phạm Duy Trinh chia nhau đi làm việc.

Bình Định, Gia Định, nhân số đều hơn 44.000 người, đều lấy 25 ngày làm hạn ; Vĩnh Long nhân số hơn 36.000 người, lấy 20 ngày làm hạn ; Định Tường nhân số hơn 23.000 người ; An Giang, Hà Tiên hợp tuyển nhân số hơn 23.000 người đều lấy 15 ngày làm hạn ; Phú Yên nhân số hơn 7.000 ; Khánh Hoà nhân số hơn 8.000 ; Bình Thuận, Biên Hoà nhân số đều hơn 15.000, đều lấy 10 ngày làm hạn, Bình Thuận khoá này nguyên có thổ dân ở Thuận Thành phải tuyển cùng với dân Kinh một thể).

Vua bảo rằng : tỉnh Gia Định từ sau khi bị binh biến, thói dân kiêu bạc, rất không được như trước, nay duyệt tuyển là phép lớn, chỉ cần nhiều thưa thêm bớt, đều được vừa phải, không phải cốt tăng cho nhiều, ngươi đi lần này nên tìm ra gian giấu, đừng để bọn điêu hoạt dối được. Lại phải hết sức giữ sự công chính, không kiêng oán, không mua ơn ; mới xứng chức uỷ thác cho.

Đặt vệ Phòng hải ở Thuận An, sai phủ Thừa Thiên chọn lấy dân khoẻ mạnh ở ven biển thuộc hạt hơn 190 người.

(Từ Cự Lai đến Trung Đồng 28 xã, thôn, ấp, giáp, đinh số hơn 1.200 người, trích lấy 1 phần 6), dồn làm 4 đội tứ, ngũ, lục, thất, mỗi đội đặt một chánh đội

trưởng, suất đội, 2 đội trưởng, 2 ngoại uỷ đội trưởng cùng với 3 đội nhất nhị tam đặt trước (là dân toàn trừ), tất cả là 7 đội, gọi là vệ Phòng hải, đặt một phó vệ uý trông coi, phẩm trật, chiểu theo lệ thuộc tỉnh các hạt, binh đinh thì thân dung đều được miễn, hằng năm đến kỳ tháng giêng lượng phát đi tuần ngoài biển, sang mùa thu rút về, vẫn để 3 đội ngạch cũ ở cửa biển, đề phòng sai phái, còn 4 đội mới đặt thêm cho về nghỉ ngơi, để cho nửa năm đi làm việc, nửa năm làm ăn sinh sống. Định lại chương trình tuần biển và cách thức thuyền đi tuần.

Dụ rằng : "Nhà nước ta trong ngoài yên ổn, trộm giặc im hơi, duy một dải bờ biển dài suốt gần đây bọn giặc biển ngầm nổi lên, cướp bóc người đi buôn, không phải một lần, toàn bởi các người tuần tiễu sợ hãi sóng gió, tất chờ lúc sóng lặng gió êm, mới dám đi ra ngoài biển xa, thì lúc đó còn có giặc đâu để đi bắt. Mỗi khi có sóng gió, bèn đậu thuyền ẩn lánh ở biển trong và các hòn đảo, giặc bèn nhân đó nhòm lúc sơ hở, đón cướp no chán rồi chạy xa, thế là tuy có tiếng đi tuần bắt, mà rút cục không có sự thực. Và thuyền Nhà nước phải đi, như thuyền bọc đồng nhiều dây, thì bọn giặc trông thấy sợ hãi tất trốn trước, như các hiệu thuyền chữ Bình, chữ Định thì chất quá lớn không thể đi nhanh mà bắt được, thuyền Ô, Lê lại thấp nhỏ quá, đi biển sóng nhỏ, gặp giặc không tiện đuổi đến cùng, giặc biển chưa yên cũng vì duyên cớ đó.

Nay chuẩn cho bộ Binh châm chước bàn định các tỉnh có phận biển nối liền nhau, việc tuần tiễu nên thế nào, định rõ chương trình, cốt được 10 phần chu đáo, khiến cho biết để tuân theo, không chút đùn đẩy, bàn định thoả đáng kỹ càng tâu lên, theo thế mà làm. Lại chuẩn cho bộ Công châm chước bàn tính, đóng thuyền đi tuần, cách thức không phải như hiệu thuyền quá to, cũng không nên bé như thuyền Ô, Lê, trong hai thuyền ấy đóng cho vừa phải và được nhẹ nhàng nhanh chóng thuận tiện, thì đem kiểu mẫu trình lên để xem, chờ Chỉ theo thế mà làm. Hai việc ấy bắt hai bộ phải làm cho xong, nếu chương trình bàn định, gián hoặc có chỗ không chu đáo, để cho quan quân đi bắt giặc, còn có thể vin lời đùn đẩy, không chịu đem hết sức để bắt giặc, thì cứ hỏi tội ở bộ Binh. Nếu đóng thuyền đi tuần, xem thử không được nhanh, tiện, thì cứ hỏi tội ở bộ Công. Nếu như chương trình đã rõ, kiểu thuyền đã tiện, mà các tỉnh không biết sửa sang quân thuyền, khí giới, đốc thúc quan quân phái đi, để đánh bắt, không được việc, thì cứ hỏi tội ở quan địa phương. Đã sửa sang quân thuyền và đồ đánh giặc đầy đủ cả, mà quan quân đi bắt giặc vẫn lại sợ nhọc sợ khó, gặp giặc vẫn không bắt được, thì rõ là hèn nhát, dẫu có trăm miệng cũng không cãi được, đến lúc ấy, trẫm chỉ có đem pháp luật làm việc, quyết không khoan giảm một chút nào. Bộ Binh sau bàn tâu, cho là phận biển ở

Nam Kỳ từ trước không có giặc nhà Thanh đậu ở ngoài biển, vẫn theo như trước làm việc, còn : từ Bình Thuận trở ra Bắc đến Quảng Yên, các cửa biển ven biển có người canh giữ, thì đều theo phận biển tuần phòng, phàm những nơi phận biển hai cửa biển tiếp giáp nhau, do quan tỉnh sở tại đều dựng nêu ở trên bờ biển, biên rõ phía Nam thuộc cửa biển này, phía Bắc thuộc cửa biển kia, và phận biển 2 tỉnh tiếp giáp nhau, cũng cùng dựng nêu, hằng năm từ tháng trọng xuân đến tháng trọng thu, chính gặp tiết hậu thuyền công vận chở, thuyền buôn đi lại, thuyền đi tuần ở Kinh phái đi và tỉnh phái đi, đều trước hết phải đủ súng, đạn, khí giới, đạn đá, tất cả đồ dùng đánh trận dưới nước, và ống nhòm, lương thực theo thuyền, còn thuyền đi tuần ở các cửa biển thì cứ theo phận cửa biển tuần tiễu, thường đến chỗ tiếp giáp dựng nêu mới được trở về ; thuyền đi tuần của tỉnh phái đi thì theo mặt biển phận tỉnh tuần tiễu, còn đi thuyền cần phải đến chỗ dựng nêu, phía Nam đến địa phận tỉnh nào, phía Bắc đến địa phận tỉnh nào, lần lượt đi lại ở khoảng thuyền đi tuần các cửa biển mà đốc thúc, cửa biển nào sơ khoáng, bẩm tỉnh nghiêm hặc, thuyền đi tuần Kinh phái đi thì có 2 đoàn Nam Bắc, mỗi đoàn 4, 5 chiếc, chia làm 2 đợt, cách 3 ngày hay 5 ngày làm một đợt, đại khái đợt đi trước đến giữa giới phận, đợt sau mới từ đầu giới phận ra đi, đợt sau đến giữa giới phận, đợt trước lại từ cuối giới phận mà về, lần lượt đi lại ở khoảng các thuyền đi tuần ở phận tỉnh, phận cửa biển mà trông coi cả, thuyền nào sơ khoáng cũng lập tức báo tỉnh tham hặc. Thuyền đi tuần ở Kinh phái đi, tỉnh phái đi, ngày nào đi qua giới phận cửa biển nào, đều lấy đủ chữ biên nhận của viên coi giữ cửa biển để phòng tra xét. Trừ ngày có sóng gió, không thể đi được, còn thì đều phải đi chóng về chóng và không được tự tiện đậu ở chỗ nào, để cho ở mặt biển liên lạc với nhau, nếu gặp thuyền giặc, tức thì tiến đến đánh bắt ; ban ngày thì bắn 3 phát súng lớn, ban đêm thì đốt 5 quả pháo thăng thiên để làm hiệu, cho xa gần nghe thấy, đến ngay để cứu viện, nếu thuyền giặc nhân gió để chạy, thì đem thuyền kiểu mới để đuổi, nếu sóng lặng gió yên, thuyền kiểu mới sức gió không tiến được, thì đem thuyền Ô, Lê hay thuyền nhanh nhẹ để đuổi, lại là đắc lực, thì các quân đi bắt giặc không được vin cớ nói là vì sóng gió và sức thuyền không tiện đuổi đến cùng. Lại kỳ đi tuần biển hằng năm, các địa phương xưa nay giặc nước Thanh thường vẫn ngầm đậu, liệu cho thuyền quân đi đến để đóng, hoặc bắt thuyền đại dịch giả làm thuyền buôn, tuỳ chỗ đậu yên, thấy có thuyền giặc đem đến bỏ neo hoặc nhận nhầm mà đón cướp, thì lập tức xông ra ập bắt, tự khắc bắt được.

Vua theo lời tâu ấy, lại chuẩn cho theo lời bàn của bộ Công, ở Kinh đóng thuyền bọc đồng đi tuần biển (dài 4 trượng 4 thước 1 tấc, chiều ngang 1 trượng 4

tấc, trên làm một cái tràn đánh nhau giả). Các tỉnh ven biển cho theo kiểu thuyền đại dịch mà đóng, mỗi tỉnh 2 chiếc, tỉnh nào phận biển rộng lớn thì 3, 4 chiếc, đều thì gọi là thuyền tuần dương.

Tỉnh Quảng Bình bắt được đạo trưởng Gia Tô là Bố-di-du-mô-linh, đạo trưởng người nước ta là Vũ Đăng Khoa, Nguyễn Điểm đều giết cả, người bắt được kẻ phạm được thưởng 400 quan tiền, tài sản của tên phạm, bạc 18 lạng, tiền 15 quan, đều để sung làm phần thưởng. Sai truyền dụ cho các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa đều nghiêm sức cho trong hạt tra xét, không cứ người nước Tây hay người nước ta, phàm là đạo trưởng thì đều bắt để trị tội, còn các đạo đồ đều không phải tội, không được mượn cớ nhiễu dân.

Xây kho muối ở kho trong Kinh (ở mặt sau sở thu chi kho tiền, trong lòng dài 7 trượng, ngang 4 trượng 5 thước, cao 4 thước 5 tấc, chứa được 38.000 phương muối).

Tổng đốc Hà - Ninh là Đặng Văn Thiêm tâu nói : "Ba huyện Phú Xuyên, Duy Tiên, Nam Xang thuộc hạt tỉnh ấy, đều là đồng chiêm, dân hạt ấy đều xin thóc tô nộp cả về vụ hạ, tiền thuế nộp cả về vụ đông, đã cho chính cung năm nay và tiền thóc tô thuế để thiếu năm trước, chiểu đấy thu nộp, xin làm một năm, quả là tiện, sẽ theo thế thi hành mãi. Vua theo lời tâu ấy.

Vệ uý đạo Khai Biên tỉnh Hà Tiên là bọn La Kiên, Nhâm Trật, uỷ cho thổ mục là Ốc Tri, Liêm Mộc, bắt được tướng giặc là Ân Ôn và vợ con hắn 7 người, quan thành Trấn Tây được tin báo đem việc tâu lên. Vua khen ngợi, thưởng cho La Kiên, Nhâm Trật đều kỷ lục 1 thứ, Ốc Tri được thực thụ Đội trưởng, trật Tòng thất phẩm, Liêm Mộc được thực thụ Đội trưởng, trật Chánh bát phẩm, và ngân tiền, ngân bài, quần áo. Lại chuẩn định cách thưởng, phàm bắt được tên đầu sỏ giặc ở Hải Đông là Đô Y thì thưởng tiền 500 quan, thưởng công ngân bài 1 chiếc, Phi long ngân tiền hạng lớn 10 đồng, quần áo đều 4 chiếc và trao cho chức hàm Cai đội ; bắt được tên đầu sỏ giặc ở Khai Biên là tên Di, tên Châu thì thưởng tiền 300 quan, thưởng công ngân bài 1 chiếc, Phi long ngân tiền hạng lớn 8 đồng, quần áo đều 3 chiếc và trảo cho chức hàm Chánh đội trưởng ; bắt được tên đầu sỏ giặc ở Khai Biên tên là Trật, nguyên An phủ Trưng Thuỵ là tên Hồng, nguyên Phó an phủ Hải Đông là Trai Biện đều thưởng tiền 200 quan, thưởng công ngân bài một chiếc, Phi long ngân tiền hạng lớn 6 đồng, quần áo đều 2 chiếc, lại trao cho chức hàm đội trưởng ; bắt được nguyên An phủ Ca Thi là tên Sâm, nguyên An phủ Sơn Phủ là tên Mẫn, đầu sỏ giặc ở Khai Biên là tên Kim, đều thưởng tiền 100 quan, Phi long ngân tiền hạng lớn 3 đồng, quần áo đều 1 chiếc, còn thì chiểu theo chức giặc to nhỏ, hoặc 10 quan, hoặc 30 hay 50 quan, chước lượng treo thưởng, tên Kim sau bị quân dân phủ Khai Biên bắt được, liền theo cách thưởng cấp cho.

Vua nghĩ Lãnh binh tỉnh Hà Tiên là Hoàng Quang Thông, 5, 6 tháng nay khó nhọc lâu ở ngoài, chuẩn cho đem ngay biền binh phái đi trước về tỉnh nghỉ ngơi, trách uỷ cho Án phủ Khai Quảng là Lê Quang, nguyên Phòng thủ uý là Nguyễn Văn Sĩ, đốc thúc thổ mục thổ dân sở tại rình bắt giặc trốn.

Tháng 6, bộ Binh hặc tâu quyền lĩnh Tổng đốc Định An là Lê Văn Đức trước ở Sơn - Hưng - Tuyên có Chỉ sai bắt giặc trốn là Nguyễn Quảng Khải, đã gia hạn uỷ cho Phòng thủ uý là Nguyễn Văn Biểu đi bắt, lâu mãi chưa được, nay dẫu điều bổ nơi khác, cũng khó chối lỗi.

Vua bảo rằng : "Nguyễn Quảng Khải nguyên là thổ mục Tuyên Quang a dua theo giặc Vân, tội không tha được, đến khi thế cùng, ra thú, Lê Văn Đức không biết quản thúc, phái đưa về Kinh, để cho đem lòng ngờ đi trốn, tuy chúng tạm sống hơi tàn, không đáng cho làm khinh trọng, nhưng việc bắt giặc không được việc, trách nhiệm không thể đổ được, tạm cho xử nhẹ, phải giáng 2 cấp. Còn Nguyễn Văn Biểu lại giả hạn cho 6 tháng, nếu vẫn yên nhiên không được việc, trị tội chưa muộn".

Lê Văn Đức mật tâu nói : "Quảng Khải đi trốn, di chuyển không nhất định, mà thổ mục sở tại phần nhiều che giấu cho. Nguyễn Văn Biểu đã vỗ về trách hỏi, bọn chúng hơn 30 người đã cùng lời cam kết bắt, nhưng chưa chịu thực lòng báo chỉ, xin sắc xuống cho tỉnh Tuyên Quang bắt phải dẫn bắt, tất bắt được ngay. Vua bèn mật dụ cho Bố, Án Tuyên Quang là Trần Ngọc Lâm, Nguyễn Văn Liễn chọn bắt bọn thổ mục là cường hào, lấy 5, 7 người giam giữ ở tỉnh, sai uỷ người nhà chỉ dẫn đích chỗ Nguyễn Quảng Khải ẩn trốn, Trần Ngọc Lâm hoặc Nguyễn Văn Liễn một người thân đem biền binh đắc lực, đốc thúc cùng Nguyễn Văn Biểu chia đường ập lại bắt.

Cho Phó vệ uý vệ Hữu nhất Hữu dực dinh Vũ lâm là Phạm Văn Hoà đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Hậu nhất.

Tướng quân Trấn Tây là Trương Minh Giảng tâu nói : "Hạt phủ Hải Đông, trước nhân giặc Thổ không yên, nhân dân sợ phải chạy tan, gần đây, chia phái đi đánh, bắt chém giết rất nhiều, còn đều trốn chạy cả, thổ binh thổ dân sở tại đều đã trở về 8, 9 phần 10, xin triệu tập ngay binh các cơ, một nửa làm việc quan, một nửa ở lại cày cấy, đợi tháng 10 gặt xong, gọi ra sung làm canh giữ, khiến cho vừa cày cấy vừa canh giữ, nhọc rỗi đều nhau, mà việc làm ruộng, phần làm quân được tiện cả hai". Vua y cho, bảo, phàm công việc xếp đặt về sau, làm thế nào có thể lòng người được thoả thiếp, biên giới được vững mạnh, thì cho lần lượt trù nghĩ tâu lên.

Phận biển Lân Đà tỉnh Hà Tiên (thuộc huyện Kiên Giang) có giặc biển Đồ Bà ngầm nổi lên, cướp người, quan đi bắt giặc là Quản cơ Nguyễn Văn Do đem thuyền

quân đuổi bắt, chém được 8 đầu giặc, bắt được một đứa, còn thì rơi xuống nước chết, thu được thuyền bè, súng và khí giới. Việc ấy tâu lên, vua khen ngợi, thưởng cho Do được gia một cấp, một đồng cát tường bát bảo tiểu kim tiền và một chiếc áo nhung bông, suất đội đi chuyến ấy đều được thưởng kỷ lục 2 lần, Phi long ngân tiền hạng lớn 3 đồng, biền binh thưởng chung cho 300 quan tiền, quan tỉnh ấy là Lê Quang Huyên, Hoàng Quang Thông đều được thưởng gia một cấp, tên giặc bắt được lập tức lăng trì xử tử, phanh thây treo ở các nơi ven biển.

Cho lính ốm ở đội ngũ ở Kinh về quê quán.

Vua bảo Nội các rằng : "Từ trước tới nay, lính ốm ở đội ngũ ở Kinh đều do bộ Binh xét thực, cho nghỉ về quê điều trị. Gần đây cứ tỉnh Bình Định dâng tập tâu, binh lính phần nhiều thác bệnh trốn tránh, nên đòi bắt ngày thêm nhiều, ngạch khuyết càng lắm, đã bảo cho lính ốm được ở binh xá để điều dưỡng, là sẽ để đổi tệ ấy. Nhưng nay khi mưa nắng chưa lui, cảm nhiễm còn nhiều, nếu vẫn cho ở binh xá thì thuốc thang cơm nước không có người trông nom cho, có thể nhẹ chuyển thành nặng, nặng chuyển thành nguy, sao bằng cho về quê nhà, để có vợ con bảo dưỡng, cho được chóng khỏi chả là tốt ư ? Nên sai bộ Binh, chiểu binh lính tại ngũ, phàm người có ốm đau, xét ra là thực, đều tha cho về.

Cho Kiến An công Đài 1.000 quan tiền.

Thuyền Bắc tào đi qua phận biển cửa Nhượng tỉnh Hà Tĩnh, bị giặc biển cướp, việc ấy tâu lên, quan tỉnh và viên coi giữ cửa biển đều phải giáng chức, giáng dụ cho 2 tỉnh Nghệ An, Quảng Bình, phái thêm binh thuyền cùng bắt, lại sai bộ Binh phi tư cho Quản vệ thuỷ sư ở Kinh phái đi là Phan Công Quý hợp sức đuổi bắt.

Cho Tả tham tri Lại bộ quyền biện Các vụ là Hà Quyền về bộ nhận chức, kiêm sung làm Cơ mật viện đại thần.

Cho Biện lý Công bộ là Nguyễn Trung Nghĩa làm Bố chính Hà Tiên. Lễ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Lê Văn Thực thăng thự Án sát Hà Tiên, hội đồng hộ lý ấn tuần phủ quan phòng, quyền hộ Tuần phủ là Lê Quang Huyên, lại về nhận chức Bố chính An Giang.

Tuyển thêm ngạch lính ở bốn tỉnh là Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Ninh Bình. Bộ Binh tâu nói : "4 tỉnh nhờ ơn dạy nuôi cùng nhau yên ổn, đã lâu đến hơn 30 năm, sinh sản tụ họp ngày càng nhiều, số hộ khẩu ngày càng thịnh, xin nên chiểu lệ tuyển thêm, dồn thành đội ngũ". Vua theo lời, sai đình thần ban văn đem ngay sổ lính sổ hộ và sổ tuyển của 4 tỉnh tính suốt đổ đồng theo lệ 7 đinh lấy 1, chiểu số tuyển thêm.

(Tỉnh Thanh Hoa, các châu huyện Thạch Thành, Quảng Địa, Cẩm Y, Lương Chính, Thường Xuân, Quan Hoá. Tỉnh Nghệ An các châu huyện Tương Dương, Kỳ Sơn, Hội Nguyên, Vĩnh Hoà, đều là man thổ. Tỉnh Ninh Bình, huyện Kim Sơn là nơi mới đặt, đều cho hoãn lại thợ bạc, thợ ngoã, thợ nề ở 4 tỉnh, và thợ cưa, thợ đóng thuyền ở Nghệ An, thợ mộc, thợ làm dây kéo thuyền, thợ đóng thuyền ở Hà Tĩnh đều để lại ngạch, miễn tuyển thợ rèn ở Hà Tĩnh. Hộ lấy đá ở Thanh Hoa, số ngạch quá nhiều, chia làm 2 thành, 1 thành lưu ngạch, 1 thành phải tuyển, thợ nung vôi ở Nghệ An, thợ nhuộm, thợ thuộc da ở Thanh Hoa, thợ đóng thuyền ở Ninh Bình, đều phải tuyển).

Đình thần bàn tâu, một huyện Tống Sơn, về quê ngoại Gia Miêu, xin theo lệ trước, chuẩn miễn cho binh phần và thuế lệ tô dung, còn các xã thôn khác đều chiểu theo các huyện, tuyển điểm tất cả.

Vua bảo rằng : "Triều đình lập pháp, công cả thiên hạ, nguyên không có chỗ này chỗ kia khác nhau, từ trước tới nay dân các xã huyện Tống Sơn, ngạch thuế đều được tha miễn, hình như được nhẹ riêng, phần quân ba đinh lấy một, lại là phải nặng riêng, huống chi quý hương đã có quê ngoại Gia Miêu, chuẩn cho miễn binh thuế, đủ tỏ là nơi quê vua, các dân xã khác, đâu được nhất khái cùng theo như thế, định nghị đã thoả đáng. Nhưng nghĩ binh đinh tuyển trước, ngạch sổ đã thành, lâu nay quen theo diễn, nếu theo lệ 7 đinh lấy 1 mà tuyển điểm thì thừa ra phải rút về, đã không giúp được việc, mà người luyện tập đã quen phải bỏ, lại là đáng tiếc, chuẩn cho cứ số quân hiện tại, vẫn thể ở ngạch cũ, từ nay có trốn hay chết, chiểu lệ 7 đinh lấy 1, có khuyết ngạch thì phải điền vào, chưa đến lệ ấy thì miễn, còn như dân huyện ấy 100 người đóng giữ ở đồn Trấn Man, cũng vẫn để lại không phải tuyển. Và binh đinh các xã, nay đã lưu lại ngạch, phàm thuế lệ về tô ruộng thuế thân, tiền đầu lõi, gạo cước cho đến hết thảy sưu dịch gia ơn theo như trước miễn tha cho 3 năm, lấy năm nay làm bắt đầu, hết hạn ấy thì phải nộp chịu như lệ.

Cơ Thiện thuỷ tỉnh Nghệ An có trốn thiếu nhiều, luật quân không am hiểu, bộ Binh xin giao cả cho đình thần tuyển điểm. Vua y cho, đến khi sổ tuyển dâng lên, thưởng từ đình thần cho đến các người tuỳ biện 200 lạng bạc, nhưng chuẩn cho chiểu theo xã thôn liên nhau dồn thành vệ đội, tỉnh Nghệ An binh số 5.605 người (trước tuyển 5.166 người, tuyển thêm 439 người) dồn làm 5 vệ Trang võ, Trung võ, Phấn võ, Hoàn võ, Thắng võ dinh Tiền phong ; 5 vệ Nghiêm võ, Diệu võ, Nghị võ, Thiện võ, Định võ, dinh Long võ (2 vệ Nghị võ Thiện võ và từ đội 8 đến đội 13, vệ Định võ quê thuộc về Hà Tĩnh) 4 vệ Trung thuỷ, Tiền thuỷ, Tả thuỷ, Hữu thuỷ,

Thuỷ sư về Nghệ An, (vệ Tả thuỷ và từ đội 4 đến đội 17, vệ Hữu thuỷ quê thuộc về Hà Tĩnh) 2 đội : Pháo thủ nhất, Pháo thủ nhị cơ An tượng (14 người quê thuộc Hà Tĩnh) ; Hà Tĩnh binh số 5.585 người (trước tuyển 4.444 người, tuyển thêm 1.141 người) dồn làm 5 vệ Uy võ, Dương võ, Toàn võ, Minh võ, Chấn võ, dinh Thần cơ, 2 vệ Hà Tĩnh tả hữu cơ Tĩnh tương (2 người). Thanh Hoa binh số 6.485 người (trước tuyển 4.743 người, tuyển thêm 1.742 người) dồn làm 5 vệ Hùng võ, Tuyên võ, Túc võ, Thiện võ, Nghĩa võ dinh Hổ uy ; 5 vệ : Kiện võ, Quảng võ, Nhuệ võ, Cường võ, Tráng võ dinh Hùng nhuệ, 2 vệ Tả hữu thuỷ, Thuỷ sư ba đội thuộc tỉnh nhất nhị tam, hai đội Pháo thủ nhất nhị cơ Hoa tượng (2 người) ; Ninh Bình binh số 2.708 người (trước tuyển 1.870 người, tuyển thêm 838 người) dồn làm 4 cơ Ninh Bình tiền tả hữu hậu, cơ Ninh tráng (3 đội), cơ Ninh hùng (thổ binh).

Nghệ An có lý dịch xã Đông Tháp, thuộc huyện Đông Thành, nói dối lời quan truyền, bắt dân dỡ nhà, giả làm phiêu lưu để mong khỏi phải tuyển lính, việc ấy phát ra, giao xuống bộ Hình nghị xử án ấy dâng lên.

Vua bảo rằng xưa nay dân ở Hà Tĩnh trở ra Bắc, thường thường quen làm giả dối, tình thực đáng ghét, nay có việc ấy vỡ ra, nếu không nghiêm trị, thì sao răn được kẻ khác, nên lý trưởng y nghị xử chém, phó lý xử tội lưu, quan tỉnh đều phải giáng.

Án sát Quảng Trị Nguyễn Huy Chuẩn tâu nói : "Thổ dõng ở đồn Tĩnh Man cùng với thổ dân ở 4 châu Thượng Kế, Ba Lan, Tầm Bồn, Mường Bổng cùng đều trốn ẩn, xin phái quan quân thuộc tỉnh đi chiêu tập".

Vua sai Thị lang Hình bộ là Bùi Quỹ quyền làm Bố chính Quảng Trị, hộ lý ấn tuần phủ quan phòng, và kiêm chưởng ấn triện án sát, sai Chuẩn thân lĩnh biền binh đem theo cùng với tri phủ Cam Lộ là Nguyễn Văn Sán đi đến các châu tuyên bảo đức ý nhà vua để chiêu phủ. Khi Chuẩn tới nơi, bọn thổ ty thổ mục sợ tội, đến hết binh thứ, Chuẩn hỏi duyên cớ, hoặc có kẻ nói : đinh số ít mà biên vào sổ nhiều, thuế lệ không lấy gì nộp được, hoặc có kẻ nói : từ khi làm đồn Tĩnh Man, thổ dõng phải canh thêm khó nhọc, hoặc có kẻ nói : vì bị man liêu quấy cướp, nên sợ trốn đi, đều xin hết sức, chiêu dụ dân trở về, sau vì mưa lụt, lam chướng quá lắm, biền binh nhiều người bị ốm, Chuẩn đem tình hình tâu vào, cho lập tức rút về.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Các châu thuộc phủ Cam Lộ, làm tôi tớ triều đình đã lâu, ơn dạy nuôi so với thổ dân các hạt là hậu hơn cả, năm trước làm sổ nộp thuế là do bọn chúng tự xin, có ai bắt ức mà khai hão lên nhiều đâu ? Hằng năm nộp thuế, lệ mỗi người đều 2 đồng cân bạc, số ấy không bao nhiêu, đâu đến không cung nộp

được, đồn Tĩnh Man đặt ra, phái quân đóng giữ, nguyên vì bọn chúng làm đồn, bắt thổ dõng phụ canh đồn, chỉ 100 người, thời thường thay đổi, đâu đến nhọc mệt, man liêu nếu có thừa cơ sơ hở cướp bóc, thì biền binh ở đồn, tự đủ gom sức đánh bắt, sao từ trước tới nay không từng tâu báo, nay mới nói đến việc đó, tình hình ấy chưa chắc đã thực cả, tạm nghĩ hạt ấy ở nơi xa lánh, sinh lý chưa được dồi dào, nay đã biết sợ tội ra thú, cũng nên chước lượng cứu cho, nên 4 châu ấy thuế lệ năm nay phải nộp và năm trước để thiếu, gia ơn tha cho. Và ngạch thuế bọn chúng không cứ đinh tráng già trẻ cùng nộp như nhau so với lệ dân đinh hạng lão người Kinh được bớt một nửa không hợp, chuẩn cho từ nay về sau thuế lệ 4 châu ấy và các châu trong phủ hạt, đinh tráng vẫn theo như cũ nộp 2 đồng cân bạc, già trẻ thì nộp một nửa, nếu muốn chiết nộp bằng tiền hoặc thóc gạo sản vật thì cũng được (Tiền thì định là đinh tráng 1 quan, già trẻ 5 tiền ; thóc gạo sản vật thì tuỳ giá chiểu thu). Còn như lính Thổ ở đồn Tĩnh Man, đã từng trốn bỏ, quân đóng đồn cũng không phải để lại, cho rút ngay về đội ngũ ở tỉnh, còn đồn vẫn giao cho các châu đóng giữ, hằng năm đến mùa đông mùa hạ giáp nhau, tháng nào lam chướng rất ít thì phái người đi tuần tiễu, xem xét một lần.

Phái viên là Thị giảng học sĩ Lê Khánh Trinh, Ngự sử Nguyễn Văn Thịnh từ Nam Kỳ về.

Vua nghĩ đến trèo non lội suối khó nhọc, tra xét việc án cũng chóng xong, bèn cho Khánh Trinh thăng thự Hữu thị lang Lễ bộ, nhưng sung làm việc ở Các. Thịnh thăng thự Lang trung Công bộ và đều thưởng gia một cấp.

Trả lại nguyên hàm Tuần phủ Hưng Yên cho Hà Thúc Lương. Triệu Thị lang Hình bộ quyền hộ tuần phủ quan phòng là Doãn Uẩn về Kinh nhận chức. Trước đây tỉnh Nam Định phát ra cái việc đạo trưởng Gia Tô là Đặng Đình Viên người tỉnh Hưng Yên gửi thư riêng cho nhau. Thúc Lương phải giáng làm tứ phẩm đạo viên, cho hạn ngặt bắt phải bắt kẻ phạm tội, đến nay Thúc Lương thân đem biền binh đến huyện hạt Yên Dũng tỉnh Bắc Ninh bắt được Đình Viên đem về. Việc ấy tâu lên. Vua khen ngợi, nên có lệnh ấy, lại thưởng chung cho biền binh đi chuyến ấy và người do thám tiền 400 quan, Đặng Đình Viên phải giết. Lại nghĩ 2 tỉnh Định - An không có việc gì, rút biền binh Thanh Nghệ phái đi trấn áp trước trở về hàng ngũ.

Lại định điều lệ xét công cho phủ huyện các địa phương. Trước đây khoa đạo là bọn Ngô Văn Định, Nguyễn Văn Đạt và Võ Danh Thạc dâng sớ trình bày nói : "Việc trị dân không lấy nghe kiện làm tài mà lấy không có kiện làm quý, xưa nay phủ huyện hỏi việc hình xét công, chỉ lấy cái án nhiều ít làm thăng giáng, còn như

không có án và chỉ có 1, 2 án thì không ở nghị khen, xin sắc xuống nghị định, phàm trong khoa ấy mà không có án, và không có án kêu lên tỉnh, kêu về Kinh thì là hơn nhất, ít thì là bậc kém, phân biệt nghị thưởng còn án nhiều thì công nhiều, án dẫu nhiều, cũng không nên nghị".

Vua bảo Nội các rằng : "Việc hình danh, lấy nhiều ít làm thăng giáng, đó là định lệ về xét thành tích, nhưng trị dân quý ở ngăn kiện, nếu biết vỗ nuôi khéo, khiến cho yên ổn làm ăn, biết nhường nhau, không tranh nhau, đã không có thói kiện tụng, thì tự không có án đáng kết, há chẳng phải là chính tích tuần lương[1] nêu thưởng phải trước tiên, thế mà lệ trước chưa dự khen thưởng, vẫn là có thiên lệch. Nên sai bộ Lại đem chương trình xét công nghị định cho thoả đáng, đến nay nghị dâng lên, cho là lời khoa đạo nói ra, cố nhiên là lời bàn cốt cách, nhưng có hình án mà biết xử xong, cũng là lại trị hạng giỏi, nếu án giỏi mà không dự thưởng, thì người xét việc hình không được khuyến khích, có tài hay không có tài, sao phân biệt được. Vả năm trước đình thần lần lượt bàn các điều hình danh nhiều ít, trong đó đều có thứ bậc, mỗi khi đến kỳ đại kể, đem cả việc trưng lương, thôi binh, vấn hình trong khoá dồn cả lại xét công, phép xét thành tích, không ngoài các việc ấy, nên theo lệ cũ, duy có việc không có án và án ít thì chưa được bàn đến, nay xin tuỳ địa hạt to nhỏ và công việc nhiều ít, châm chước bàn khen thưởng, ngõ hầu là thoả đáng. Vua nghe theo (Phàm các phủ huyện trong khoá không có án thì nơi rất nhiều việc đều gia 2 cấp kỷ, nơi nhiều việc gia 2 cấp kỷ, nơi nhiều việc vừa gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ, nơi ít việc gia 1 cấp. Chỉ có một, hai án, lại không can kêu về Kinh, kêu lên tỉnh và can việc kêu, nhưng xét ra không có tình khác thì nơi nhiều việc lắm gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ, nơi nhiều việc gia 1 cấp, nơi nhiều vừa gia kỷ lục 3 thứ, nơi ít việc 2 thứ. Các phủ huyện châu thổ hiện đặt quan Kinh, trong khoá không có án thì nơi nhiều việc lắm gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ, nơi nhiều việc gia 1 cấp, nơi nhiều việc vừa gia kỷ lục 3 thứ, nơi ít việc 2 thứ. Chỉ có 1, 2 án lại không can việc kêu thì nơi nhiều việc lắm gia 1 cấp, nơi nhiều việc gia kỷ lục 3 thứ, nhiều việc vừa 2 thứ, nơi ít việc 1 thứ, trong đó nơi nào chỉ có 1, 2 án mà toàn ở hạng giỏi, và giỏi kém ngang nhau, mới chiếu theo lệ ấy, giỏi không bù được kém và toàn ở hạng kém thì chiểu lệ đáng được thưởng, tới khi đó chước giảm. Và viên phủ xét việc hình ở huyện thống hạt vẫn không được dự, chỉ cứ huyện kiêm lý là được).

Lãnh binh Thanh Hoa là Nguyễn Lương Nhàn vì đi tuần biển bất lực, giáng bổ làm Phó vệ uý vệ Kỳ võ nhất, cho Lãnh binh Hưng Yên là Ngô Văn Giai thăng thự

(1) *Tuần lương* : theo phép trước mà có lòng lương thiện.

Lãnh binh Thanh Hoa, Phó vệ uý vệ Hậu bảo nhất là Trần Ngọc Cẩn thăng thự Lãnh binh Hưng Yên. Lại cho là số binh tỉnh Thanh Hoa rất nhiều, đặt thêm một quan phó lãnh binh, kiêm quản thuỷ sư, cho Phó vệ uý vệ Tả dinh Hùng nhuệ là Phan Tùng thăng thự Phó lãnh binh Thanh Hoa.

Lãnh binh Vĩnh Long Nguyễn Văn Vân làm việc tầm thường, liền phải giáng nhiều cấp, giáng bổ làm Quản cơ cơ Hà Tĩnh, cho Vệ uý hàm Chánh tam phẩm làm Phó lãnh binh Quảng Yên là Hà Văn Củ làm Lãnh binh Vĩnh Long, Phó vệ uý vệ Hữu bảo nhất là Đinh Văn An làm Phó lãnh binh Quảng Yên.

Bỏ bớt chức phó lãnh binh quan thuỷ sư Hà Nội, vì thuỷ sư thuộc tỉnh ấy chỉ có một vệ, nên bớt đi, còn vệ binh giao cả cho phó lãnh binh kiêm quản.

Khởi phục cho viên phải cách là Phạm Phú Quảng làm Thị vệ trưởng, Nguyễn Văn Tĩnh (nguyên Lãnh binh Trấn Tây can án bị cách) làm Ngũ đẳng thị vệ.

Tỉnh Gia Định đệ nộp các thuốc Nhà nước mua, phủ Nội vụ xin giao cho Thừa Thiên bán hạ giá. Vua không cho, sai đem cất vào kho, chuẩn cho phàm có quan viên ốm đau do viện Thái y chữa thuốc thì văn từ bát cửu phẩm, võ từ thị vệ suất đội trở lên đều chi ra để chữa.

Vua lại bảo Nội các rằng : "Từ trước tới nay, các chim muông đem từ nước ngoài đến, như các loại kim thuý điểu cẩm kê, đại vĩ dương chưa đưa các vệ chăn nuôi, cũng là việc để biết các loài vật, nguyên không phải lấy lạ làm quý, gián hoặc có lăn ra chết, hết thảy bắt đền, thế là vì loài vật làm luỵ đến người, lòng trẫm không nỡ thế, nên tha cho"".

Hộ phủ Quảng Yên là Lê Dục Đức có tội phải miễn chức, Đức đem thuyền quân đi tuần bắt giặc biển, vừa đến phận biển Hà Lũ (tên đất thuộc huyện Hoành Bồ) nghe tin quân bắt giặc dẫn đi trước là bọn Trần Ích, gặp giặc đánh nhau ở đảo Đũa, chậm trễ không đến tiếp viện, bỗng gặp gió mạnh, quân lính bị giặc thừa cơ đánh chìm mất thuyền, bị chết rất nhiều, Đức tả tơi dẫn quân về.

Vua nghe tin liền giáng dụ sai Tổng đốc Nguyễn Công Trứ thân đem thuyền quân kíp đi đuổi đánh và nhân tiện xem xét hình thế núi Chàng Sơn, tính kỹ công việc giữ đánh, bàn định thoả đáng, tiếp tục tâu lên. Lê Dục Đức phải cách chức trói giải về Kinh giao cho bộ Hình nghị xử, sau phải tội trảm giam hậu.

Cho từ hoàng tử công đến các quan viên văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm, hằng năm chi bổng lệ gạo lương, được đổi cấp gạo trắng có thứ bậc, lấy ngày mồng 1 tháng 7 năm nay là bắt đầu.

Định lệ trừ hao nấu đúc thỏi đồng và chì đúc đạn.

(Khối đồng đỏ Tụ Long 100 cân, nấu đúc thành đồng đỏ Trang Liệt thành khí là 86 cân hơn 13 lạng, lấy ra chì được 1 cân 1 lạng, trừ hao 12 cân hơn 1 lạng, đồng đỏ Trang Liệt 100 cân đúc thành thỏi được 97 cân 5 lạng 4 đồng cân ; hao 2 cân hơn 10 lạng, đồng Tụ Long 100 cân, nấu thành đồng đỏ Trang Liệt, phải dùng than gỗ hơn 358 cân, đồng Trang Liệt 100 cân nấu thành thỏi, phải dùng các thứ chế vào, than 83 cân 5 lạng, dầu lạc 7 lạng 5 đồng cân, rơm 5 cân, chì cũ đúc đạn súng điểu thương hạng tốt mỗi 100 cân thu thành khí 97 cân 6 lạng, trừ hao 2 cân 10 lạng, hạng xấu mỗi 100 cân thành khí 95 cân 9 lạng, trừ hao 4 cân 7 lạng, đều dùng than gỗ 30 cân).

Sai Viên ngoại lang Binh bộ Phan Hiển Đạt đến 9 châu phủ Cam Lộ hỏi mua voi trận, phủ Cam Lộ phần nhiều sẵn voi, lệ cũ hằng năm tỉnh Quảng Trị mua nộp 10 con, uỷ cho quan tỉnh, chưa khỏi nhiễu dân, cho nên sai bộ Binh chọn người sung làm phái viên, khi Đạt đã đến, mua được hơn 10 con, bỗng nhân lam chướng bị bệnh, triệu về, thưởng cho 10 lạng bạc.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCIV*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838], mùa thu, tháng 7, ngày mồng một, làm lễ Thu hưởng, sai Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công tế thay.

Vua bảo Nội các rằng : "Hằng năm kính gặp ngày lễ hưởng, các văn khấn trẫm thân tự viết điền vào, nay sắp tới ngày làm lễ Thu hưởng, trẫm bỗng nhiên tay đau phải dán cao, chưa tiện hun rửa cầm bút, bộ Lễ ngày thường tới hầu, đâu có không biết, thế mà không tâu xin trước, đợi Chỉ chọn người cho kính điền, đến lúc việc đến nơi mới đem văn khấn đệ tiến, việc liên quan đến điển lễ, đâu được khinh suất như thế, Phan Huy Thực, Vũ Thành Phong nên đều giáng 1 cấp.

Vua ngự điện Quang Minh, triệu đình thần vào chầu, có viên ngự sử cũng đi vào hầu dâng tờ nói việc ; khi đã bãi triều, sắc cho từ nay trở đi, có triệu đình thần vào chầu ở điện Quang Minh thì đó là nơi cung cấm nghiêm mật, ngôn quan không được theo ban.

Định khuyết hạng[1] các phủ huyện châu đặt lại hay mới đặt ở các địa phương trong Kinh và tỉnh ngoài. Bộ Lại tâu nói : "Năm trước nghị định phủ huyện châu các hạt, phàm nơi xung yếu phiền kịch, bi khốn, khó làm việc, có cả 4 điều đó là nơi nhiều việc nhất, có 3 điều là nhiều việc, có 2 điều là nhiều việc vừa, có một điều và không điều nào là ít việc. Gần đây các phủ huyện châu đã được chia đặt, trong

(1) *Khuyết hạng* : nơi lỵ sở của quan chức.

đó có nơi đặt lại, cũng có nơi mới đặt, cùng với khuyết hạng nguyên nghĩ năm trước, danh và thực rất là không hợp, xin tư cho các địa phương đều chiểu phủ huyện châu thuộc hạt, lỵ sở nào không đặt lại thì vẫn theo như cũ, còn thì phàm có đặt lại hay mới đặt, lại chước nghĩ khuyết hạng, kỹ càng làm sổ tâu lên, chờ Chỉ quyết định, để cho thống nhất. Đến nay sổ dâng lên, chuẩn cho Bộ bàn lại thi hành. (Phủ Thừa Thiên : huyện Hương Trà là nơi nhiều việc, Quảng Điền, Phú Vinh, Hương Thuỷ, Phong Điền, Phú Lộc, 5 huyện ấy đều là nơi nhiều việc vừa, Hải Lăng, Địa Linh, Minh Linh 3 huyện ấy đều là nơi ít việc. Tỉnh Quảng Bình : phủ Quảng Ninh là nơi ít việc, huyện Phong Đăng là nơi ít việc, phủ Quảng Trạch là nơi nhiều việc vừa, huyện Minh Chính là nơi ít việc. Tỉnh Quảng Nam : huyện Quế Sơn, huyện Duy Xuyên đều là nơi ít việc. Tỉnh Bình Định : phủ An Nhân là nơi ít việc, huyện Tuy Phúc là nơi ít việc, phủ Hoài Nhân là nơi nhiều việc vừa, huyện Phù Mỹ là nơi nhiều việc vừa. Tỉnh Bình Thuận : phủ Hàm Thuận là nơi nhiều việc, huyện Hoà Đa là nơi nhiều việc vừa, phủ Ninh Thuận là nơi nhiều việc, huyện Tuy Phong là nơi ít việc. Tỉnh Gia Định : phủ Tây Ninh là nơi nhiều việc, huyện Quang Hoá là nơi ít việc. Tỉnh Biên Hoà : 2 huyện Nghĩa An, Long Khánh đều là nơi ít việc. Tỉnh Vĩnh Long : phủ Hoàng An là nơi ít việc, huyện Duy Minh là nơi ít việc, phủ Hoàng Đạo là nơi ít việc, huyện Bảo An là nơi ít việc. Tỉnh Định Tường : phủ Kiến Tường là nơi nhiều việc vừa, 2 huyện Kiến Đăng, Kiến Hoà đều là nơi ít việc. Tỉnh Hà Tĩnh ; phủ Hà Hoa là nơi ít việc, huyện Hoa Xuyên là nơi ít việc. Tỉnh Nghệ An : phủ Diễn Châu là nơi nhiều việc, huyện An Thành là nơi nhiều việc vừa, phủ Tương Dương là nơi ít việc, huyện Kỳ Sơn là nơi ít việc, phủ Quỳ Châu là nơi ít việc, huyện Quế Phong là nơi ít việc. Tỉnh Thanh Hoa : phủ Thiệu Hoá là nơi nhiều việc vừa, huyện Đông Sơn là nơi nhiều việc vừa, huyện An Định là nơi ít việc, phủ Quảng Hoá là nơi nhiều việc vừa, 3 huyện Cẩm Thuỷ, Thạch Thành, Quảng Địa đều là nơi ít việc, phủ Thọ Xuân là nơi nhiều việc vừa, 3 châu Lương Chính, Quan Hoá, Thường Xuân đều là nơi ít việc. Tỉnh Ninh Bình : phủ Thiên Quan là nơi nhiều việc, 2 huyện Lạc An, An Hoá, đều là nơi nhiều việc vừa. Tỉnh Hà Nội : phủ Hoài Đức là nơi nhiều việc nhất, huyện Thọ Xương là nơi nhiều việc vừa, phủ Lý Nhân và phân phủ là nơi nhiều việc, Ứng Hoà phân phủ là nơi nhiều việc. Tỉnh Nam Định : huyện Chân Ninh là nơi nhiều việc, huyện Nam Chân là nơi nhiều việc vừa. Tỉnh Hưng Yên : huyện Tiên Lữ là nơi nhiều việc. Tỉnh Hải Dương : phủ Ninh Giang và phân phủ đều là nơi nhiều việc, huyện Vĩnh Bảo là nơi nhiều việc vừa, huyện Tứ Kỳ là nơi nhiều việc, phủ Bình Giang và phân phủ đều là nơi nhiều việc, 2 huyện Đường Hào, Thanh Miện, đều là nơi nhiều việc vừa, phủ Kinh Môn là nơi

nhiều việc, 2 huyện Đông Triều, Thuỷ Đường đều là nơi nhiều việc vừa, phủ Kiến Thuỵ và phân phủ đều là nơi nhiều việc, 2 huyện An Lão, An Dương đều là nơi nhiều việc vừa. Tỉnh Sơn Tây : Vĩnh Tường phận phủ đều là nơi nhiều việc nhất, phủ Quốc Oai là nơi nhiều việc, phân phủ là nơi nhiều việc vừa, phủ Quảng Oai là nơi nhiều việc vừa, phân phủ là nơi ít việc. Tỉnh Tuyên Quang : phủ An Ninh là nơi nhiều việc vừa, 2 huyện Để Định, Vị Xuyên đều là nơi nhiều việc vừa, 2 huyện Vĩnh Tuy, Hàm An và châu Chiêm Hoá đều là nơi ít việc. Tỉnh Thái Nguyên : phủ Phú Bình là nơi nhiều việc vừa, phủ Tòng Hoá là nơi ít việc. Tỉnh Hưng Hoá : 2 huyện Thanh Sơn, Thanh Thuỷ đều là nơi ít việc. Tỉnh Quảng Yên : phủ Hải Ninh là nơi nhiều việc vừa, phủ Sơn Định là nơi ít việc. Tỉnh Lạng Sơn : phủ Trường Khánh là nơi ít việc, phủ Trường Định là nơi nhiều việc vừa. Tỉnh Cao Bằng : phủ Hoà An là nơi nhiều việc, huyện Thạch An là nơi ít việc. Còn như các phủ huyện ở Trấn Tây và Hà Tiên đợi sau tính dần).

Khởi phục cho viên phải cách là nguyên Phủ thừa Nguyễn Xuân Cảnh làm Tư vụ ; nguyên Án sát Trần Thế Nho làm cửu phẩm thư lại do bộ Lại xét bổ, nguyên Án sát Đinh Doãn Trung, nguyên Lang trung Ngô Thế Vinh, nguyên Tư nghiệp Phạm Đình Thuân đều cho theo bộ gắng sức làm việc (Thế Vinh, Đình Thuân đều vì ốm xin từ).

Vua nghĩ kho chứa trừu vải đầy cả, chuẩn cho các địa phương thuế thổ sản năm nay chiểu giá nộp thay bằng tiền.

Bãi bỏ các sở kỳ lâu từ Kinh thành đến cửa biển Thuận An. Vua bảo bộ Binh rằng : "Cửa biển Thuận An xưa nay việc quan báo theo lệ do bọn tấn thủ thủ ngự báo bằng giấy tờ, trước đây làm ra kỳ lâu là muốn cho nhanh chóng, nhưng hiệu cờ các lầu báo lên, so với báo bằng giấy tờ không nhanh hơn mấy, mà thủ hộ lại mất nhiều người, huống chi nhòm trông sắc cờ thường thường sai nhầm, thường phải đi lại nhận rõ, càng là phức tạp, lại không bằng đi từ cửa Thuận An đến báo là hơn, nên bãi đi".

Lại sai thành Trấn Tây khuyên bảo quân dân khai khẩn ruộng đất.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Thành Trấn Tây nhiều đất bỏ hoang, năm trước đã sai sức bắt biền binh, chiêu mộ nhân dân ra sức khẩn trị thế mà từ trước tới nay chưa nghe được có thành hiệu, xét ra trước vì thổ dân quấy rối, trong khi đánh bắt, chưa có thì giờ rỗi để làm ruộng, cũng là thế phải như vậy, hiện nay việc yên, quân dân sở tại chắc đã cùng yên ổn vô sự, chia đặt quan lại để vỗ về cai trị, cũng đã có người, nên truyền dụ cho Tướng quân Trương Minh Giảng nhân lúc nhàn rỗi này

đốc thúc khai khẩn, cốt cho đồng ruộng ngày càng mở rộng, thóc lúa thêm nhiều, để làm việc cần thiết cho dân biên giới được đầy đủ. Lại nghe hạt ấy đất nhiều màu mỡ, mà chất đất xốp nhẹ, không rắn mịn lắm, thường đến tháng 3, tháng 4 là mùa cày cấy, nếu không có mưa thì lúa mạ dễ bị khô héo, tháng 7 tháng 8 là kỳ đâm bông, bỗng gặp mưa lụt, lại bị ngập mất, nếu không nhân thiên thời, địa lợi, đặt ra phương pháp, thì có cấy mà không có gặt, há chẳng chỉ nhọc mà không công ư ? Nay nên trù tính, hoặc tuỳ phương chứa nước để tưới, hoặc chọn thứ lúa sớm, có thể trong 3 tháng vừa cấy vừa gặt, để làm thóc giống cho mùa hạ mùa thu, nắng lụt cũng không thể làm hại được, thế mới tốt.

Sai tỉnh Hà Tiên phái giải viên phạm tội là Lê Văn Trung, Phạm Ngọc Quang về Kinh giam cấm. Vua bảo bộ Hình rằng : "Triều đình lập pháp, giữ việc chí công, phàm người có tội, pháp luật tất thi hành, cố nhiên không được tư khuất chút nào, nhưng vì quan ở địa phương, dân đều trông vào, mỗi khi có lỗi, lại bắt giam ở địa phương phạm tội, thì quân dân trông nghe thấy cả, không nhã, có khi coi khinh quan trưởng, chuẩn cho từ sau trở đi, phàm các đốc, phủ, bố, án, lãnh binh can án, tội phải đồ, lưu trở lên, sau khi án định, phải trói đưa về Kinh, theo án trừng trị, không nên giam cầm ở tỉnh, ghi làm lệ mãi."

Đặt thêm huyện Mỹ Hoá ở tỉnh Thanh Hoa, huyện Hoằng Hoá, hạt tỉnh ấy địa thế rộng xa, công việc bận nhiều, quan tỉnh xin lượng chia làm hai, bèn chuẩn cho 5 tổng là Từ Minh, Hành Vĩ, Bút Sơn, Bái Cầu, Kim Chuyết (100 xã thôn) vẫn để làm huyện Hoằng Hoá, 3 tổng Dương Sơn, Dương Thuỷ, Lỗ Hương cùng với 1 tổng Đại Lý huyện Hậu Lộc (79 xã) đặt làm huyện Mỹ Hoá thuộc phủ Hà Trung thống hạt. Lại sai trích tổng Thần Phù (8 xã thôn ấp trại) huyện Nga Sơn đổi thuộc về huyện An Mô tỉnh Ninh Bình.

Đặt đội hương binh các cơ Tĩnh man ở Quảng Ngãi, sau quan tỉnh triệu mộ dân ở các thôn ấp ở gần đồn ải, tuỳ theo liên lạc dồn bổ làm đội hương binh các cơ Tĩnh man.

(Cơ nhất Tĩnh man 1 đội 46 người, cơ nhị 2 đội nhất nhị 89 người, cơ tam 3 đội nhất nhị tam cộng 127 người, cơ ngũ 1 đội 37 người), mỗi đội đặt 1 người bách hộ để trông coi, gặp khi có giặc man thì hợp theo quan quân đánh bắt, không có việc thì cày cấy nộp thuế, thuế thân đều được miễn.

Cho tam đẳng thị vệ là Nguyễn Tiến Song thăng thự Phó vệ uý vệ Hùng nhuệ tả, Phó vệ uý vệ Uy võ Đào Quang Minh thăng thự Vệ uý vệ Hữu bảo nhất Hữu quân, Phó vệ uý vệ Trang võ Phạm Văn Lợi thăng thự Vệ uý vệ Hậu bảo nhất

Hậu quân. Phó vệ uý vệ Tam dinh Trung thuỷ sư là Đoàn Khắc điệu bổ làm Phó vệ uý vệ ngũ dinh Tả, nhưng kiêm quản vệ Long thuyền, Vệ uý vệ Bình Thuận Tôn Thất Mậu thăng thự Vệ uý vệ Phi kỵ, kiêm lĩnh viện Thượng tứ.

Sai thống quản đại viên các quân dinh ở Kinh, cử người có thể làm được quản vệ, mỗi quân dinh một người.

Thổ mục cũ ở phủ Trấn Ninh tỉnh Nghệ An là bọn Thiệu Xá Ly vì bất đắc chí ngầm đem lòng oán vọng, họp bè lũ giết chết thổ Huyện thừa huyện Liên là Lĩnh Xỉ đóng ở Lạc Điền, nổi lên làm giặc, đồng Tri phủ là Đỗ Kim Tuấn đem phủ thuộc biền binh thổ dõng chia đường đánh bắt, chém được Xá Ly và bọn giặc hơn 10 đứa, thu được khí giới rất nhiều.

Vua nghe tin khen ngợi, thưởng cho Đỗ Kim Tuấn thăng thụ Tri phủ và 1 đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ. Các thổ huyện thừa được thưởng kim tiền, ngân tiền, quần áo có thứ bậc, binh dõng đi trận ấy được thưởng chung 300 quan tiền. Lĩnh Xỉ không chịu theo giặc, nên bị giết, thưởng cho vải lụa đều 3 tấm, cấp cho tận nhà.

Lĩnh tổng đốc Định - An là Lê Văn Đức, vì cớ 2 ty Phiên, Niết ở tỉnh Bình Định và phủ huyện tra xét việc án phần nhiều chưa xong, đem sự việc hặc tâu.

Vua bảo Nội các rằng : "Cẩn thận, xót thương việc hình ngục là chính sách lớn của triều đình, xưa nay phàm án lớn nhỏ có trình hạn, nhiều ít có thưởng phạt, là muốn việc hình ngục được thanh thoả, mà người không phải đà luỵ, gần đây lại sai ở Kinh và tỉnh ngoài, đều đem tội phạm bị giam xét ngay, chớ để đọng lại, ban dụ ân cần biết nhường nào ? thế mà bọn Phiên, Niết phủ huyện tỉnh ấy không lấy xét việc hình làm lo, tự ý để chậm trễ, đều giao cho bộ Lại nghị xử, còn các án chưa xét xong, chuẩn cho Lê Văn Đức sức cho phải xét xong ngay, cho hết án đọng, xét ra Lê Văn Đức từ khi đến tỉnh đến nay, lần lượt bắt giáo trưởng Gia Tô, tra xét xong ngay. Nay lại xét ra những viên trẻ nải trong hạt, cứ thực tâu hặc, không tư vị chút nào, nên thưởng gia một cấp để khuyến khích quan lại địa phương có lòng công trung. Đến khi nghị bộ Lại dâng lên, Phiên, Niết và phủ huyện phải giáng phạt có thứ bậc.

Viên ngoại lang Công bộ Đỗ Mậu Thưởng vâng lệnh phái đi công cán Hoàng Sa về, đem bản đồ dâng lên, vua cho là trải qua nhiều nơi, xem đo tường tất so với phái viên mọi lần thì hơi hơn. Đỗ Mậu Thưởng và các người đi cùng đều được gia thưởng áo quần và tiền.

Tổng đốc Hải Dương Nguyễn Công Trứ thân đem thuyền quân đến phận biển Quảng Yên bắt giặc, dâng sớ tâu lên.

Vua bảo rằng : "Ngươi nên đem nhiều mưu kế cho xứng với uỷ nhiệm".

Vua se mình mới khỏi, ngự ở điện Cần Chính, Hoàng tử công, thân công, các quan tới sân lạy mừng. Sai ban thức ăn cho quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm trở lên và thưởng cho kim tiền, ngân tiền có thứ bậc.

Vua bảo Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : "Nay 4 phương vô sự, duy còn giặc biển chưa yên, trước đây sai Nguyễn Công Trứ đi bắt giặc biển Quảng Yên, xứ ấy núi khe xa hiểm, sóng gió khôn lường, quân ta không quen mà bọn giặc thì quen, lại thêm đường biển mông mênh dễ bề trốn tránh, chỉ nên dùng kế thì hơn, nếu chỉ lấy tiếng là tuần tiễu, khi gặp thuyền giặc, đánh trống giương cờ thì chúng bèn đi xa, thế là cũng chỉ khó nhọc mà thôi.

Lại nói rằng dân ở Nam Định, trước đây Phan Vành nổi loạn, nhiều người đi theo, lại tả đạo Gia Tô làm mê hoặc đã lâu, trẫm rất lấy làm lo, gần đây trộm giặc im hơi, nhân dân yên ổn mà người theo đạo Gia Tô đều biến đổi ác theo lương, không ngờ dân thuần thói tốt được như thế, còn chừng nào bằng. Nay địa phương ấy may giữ được vô sự, Trịnh Quang Khanh nên lại uỷ cho trách nhiệm Tổng đốc. Lại như Tổng đốc Sơn Tây khuyết, phàm việc uỷ cho bố, án, mà cũng có thể dẹp giặc yên dân, đê điều giữ vững, xem đó không phải đốc phủ mà có thể yên định được, nhưng quan ở địa phương, trách nhiệm nặng không thể không có đốc phủ, đại viên, ví như dùng thuốc, khỏi bệnh tuy không chuyên ở sức sâm linh, nhưng dùng thuốc không thể không có sâm linh.

Vua triệu bọn Lê Bá Tú, Nguyễn Tri Phương, Đoàn Khiêm Quang ở phủ Nội vụ bảo rằng : Lũ ngươi ngày trước có lỗi, nay đã biết hối chưa ? ba người đều lạy tạ.

Vua bảo rằng : "Trẫm đối với các quan to nhỏ, nhiều cách khuyên bảo, chẳng khác nào dạy bảo con, chỉ nghe và không nghe mà thôi, phàm người tài trí, không hơn nhau lắm, cốt ở sự cố gắng mà thôi, trẫm vốn không phải tư chất thánh trí, nhưng biết tự cố gắng sửa mình, cho nên gặp việc không việc gì là không làm xong, bọn ngươi nếu biết cố gắng vì nước hết sức khó nhọc, há chẳng khéo gỡ công danh mà được thương yêu lâu dài ư ?

Cho Hữu thị lang Hộ bộ Phan Thanh Giản rút khỏi viện Cơ mật, chuyên làm việc bộ.

Mới đặt quan người Kinh các thổ châu tỉnh Hưng Hoá (Phù Hoa, Thuỷ Vĩ, Quỳnh Nhai, Ninh Biên, Mai Sơn, Mộc Châu, Luân Châu, Lai Châu, tất cả 8 châu, các lỵ sở tuỳ tiện dựng lên, đều đặt 4 người thông lại, 20 lính lệ, mỗi năm cấp cho 20 quan tiền công nhu, còn Sơn La, Chiêu Tấn, Tuân Giáo, Văn Bàn, Đà Bắc,

Thuận Châu, Mai Châu, An Châu, các châu ấy sau có đổi đặt quan người thì chiểu theo lệ ấy thi hành).

Định lại từ nay phàm 3 năm, xét tất cả quan ngoài, ở tỉnh ngoài lãnh binh tự tâu bày, do bộ Binh chiểu lệ xem xét công quả, phân hạng làm danh sách tâu lên chờ Chỉ. Lệ trước kỳ ở trong Kinh xét, ở tỉnh ngoài, đốc, phủ, đề đốc, bố, án và quan lãnh binh đều đem sự trạng trong 3 năm làm thành bản tự tâu bày, chờ định thăng giáng, đến nay vua cho rằng lãnh binh vẫn thuộc tỉnh này, so với bố án đều có ty riêng thì có khác, cho nên định lại.

Định lại điều lệ ở phủ Tôn nhân. Năm trước bộ Lễ châm chước nghị định chức vụ và công việc ở phủ Tôn nhân, trong đó tiết mục còn có chưa đủ, đến nay Hoàng trưởng tử kiêm quyền chức Tả tôn chính phủ Tôn nhân là Trường Khánh công tâu xin xét cả điển lệ các triều, đặt rõ chương trình để lâu dài về sau.

Vua bèn sai phủ Tôn nhân hội đồng với bộ Lễ tiếp tục bàn, chuẩn định thi hành.

1. Về việc vào sổ, đặt tên :

- Hoàng tử công, hoàng tử, thân công, sinh con trai hay con gái, ngay ngày đó đóng ấn tước của mình tư cho phủ, người chưa được phong tước thì sức cho thuộc viên bẩm báo, đều nói rõ năm tháng ngày giờ, vợ cả hay nàng hầu họ gì, sinh ra con cả hay con thứ, con trai thứ mấy hay con gái thứ mấy, và lấy cả họ tên người đàn bà đẻ ấy, do phủ phái ổn bà ra xét nghiệm, lấy cung, đầy tháng làm tập tâu, xin đặt tên, kính chờ ban cho, Nội các lục tống đến phủ, chiểu lệ tư cho bộ Hộ, Quang lộc tự, Nội vụ phủ, Thanh thận ty và công sinh ra người con ấy tuân theo, về sinh con gái thì cho tự đặt tên theo như trước tư cho phủ để biên vào sổ đỏ để lưu chiểu, đến kỳ làm tôn phả, lại tư đến đối chiếu, chiểu hệ làm phả.

- Con của hoàng tử công, hoàng tử, thân công sinh ra con trai, con gái ; người hiện được trao cho tước công tước hầu, thì do phủ phái nghiệm như trước còn thì do viên hệ trưởng, người con sinh ra ấy được một tháng, chiểu trong đó cháu của hoàng tử công và hoàng tử, tức là hoàng tằng tôn, thuộc hạng bộ chữ Kỳ, cháu tằng tôn của hoàng tử công và hoàng tử tức là hoàng huyền tôn, thuộc hạng bộ chữ Sơn, do hoàng tử công và hoàng tử xin tên, người có tước phong thì đóng ấn tước của mình, người chưa có tước phong thì đề tên theo như lệ hoàng tôn thuộc hạng bộ chữ Nhân. Cháu của thân công tư phủ, nhưng chiểu theo chữ Phiên hệ ở các lục sao, tuỳ theo thứ bậc phiên hệ dưới một chữ, theo hạng bộ chữ Thổ, Kim, Thuỷ, Mộc, Hoả, phúc báo đặt tên đến cuối tháng làm bản tâu lên, còn sinh con gái thì cũng cho tự đặt, biên vào sổ đỏ, đợi kỳ làm phả.

- Tôn thất hiện trao quan chức, sinh ra con trai con gái, người phẩm cao thì cũng báo phủ phái nghiệm, người phẩm thấp và nhân viên nhàn tản đều do hệ trưởng lấy cung đưa sang phủ, đầy tháng do viên tư giáo đặt tên, đầy năm do phủ kê khai vào sổ xanh, lên 3 tuổi viết rõ vào phả, còn hệ trưởng và tư giáo sinh ra con trai hay con gái, đều tự bẩm rõ đến phủ, theo như trước mà làm.

- Quan Tôn thất ở ngoài sinh ra con trai con gái, từ tam phẩm trở lên, tư cho Bố chính tỉnh ấy phái nghiệm lấy cung, còn Tôn thất ở tỉnh không được tam phẩm thì cũng do Bố chính, đầy tháng đều do tỉnh tư bộ chuyển tư đến phủ kê khai vào sổ xanh, chuyển sức cho tư giáo đặt tên đưa đi. Ba tuổi lại tư lại do phủ viết rõ vào phả.

2. Về chương trình giáo dưỡng :

- Từ Hoàng tử công trở xuống đến phẩm quan Tôn thất như có chức nuôi dân ngoại tịch, nhờ cậy cửa quyền, làm điều phi pháp, và dân có tên trong sổ xin nhờ mạo nhận là thuộc viên trong phủ, riêng đặt chức mục, lạm cấp văn bằng, dặn cầu quan lại địa phương, doạ nạt hàng xóm, cầu miễn thuế và dao dịch, gây ra rắc rối, thì cho tra xét viên khoa đạo ở phủ, nghiêm hặc trừng trị.

- Hoàng tử, hoàng tôn vào học, từ 15 tuổi trở lên, văn lý hơi thông thì khi giảng đọc rỗi rãi, hoặc 10 ngày một lần, khiến cho diễn tập cỡi ngựa bắn súng, các sư bảo, tán thiện, chọn người am hiểu, theo đi chỉ bảo, không được vô cớ vin là diễn tập, tự tiện đi ra khỏi cửa đô thành, và chứa nuôi bọn nhỏ, đến nhờ dưới cửa, hoặc nịnh hót bày ra chọi gà, chó săn diễn kịch âm nhạc, xui làm điều trái, nếu có tệ ấy, thì bọn trưởng sử, tán thiện, giảng tập quản gia phải trị tội nặng, hoàng tử hoàng tôn phải nghĩ tới.

- Trong Tôn thất như có người hiếu thuận tiết nghĩa và người cô bần tàn tật, thì hệ trưởng, tư giáo bẩm phủ tâu, chờ ban ơn cho, các người say rượu hay đánh nhau, xa phí thì ngăn ngừa đi, người già khiến cho yên sở. Người trẻ đón thầy dạy học ; nếu có kẻ mồ côi sớm không nhờ vào đâu được, cho bẩm phủ để đưa vào Quốc tử giám, và đến tuổi, phải dẫn báo phủ khiêu bổ, không được kiêng giấu, thường để quá lệ, tất có phạm lỗi.

- Nhân viên từ tế, thủ hộ, xem xét đồ thờ, sân thềm sạch sẽ nghiêm trang, không được ngày đêm ồn ào và đem nấu thức ăn bày đồ vật ở nhà hai bên tả hữu và 2 nhà thờ phụ, và không những người ngoài, dẫu người trong Tôn thất cũng không được vô cớ dẫn dụ đi lại tự tiện vào, các quan Từ tế thủ hộ, thường phải xem xét, phân phái cắt lượt chầu chực, không được dung túng thuộc viên về thăm nhà, mượn người canh giữ thay, trái lệnh thì bị tội nặng.

- Tôn sinh học ở Giám, từ xấp xỉ 13 tuổi, phải học thuộc lòng giảng tập, lấy chuyên cần làm hạn định, 20 tuổi trở lên, hoặc làm bài một *Kinh* một *Truyện* và văn thể khoa trường, văn sách hỏi về việc đổi hoặc về điều luật, do quan ở Giám hội đồng với quan Học chính, sớm hôm hun đúc, không nên theo như trước chuyên do Học chính làm một mình, mỗi khi đến kỳ khảo khoá, bộ Lễ uỷ người có khoa mục cùng sát hạch, người nào ở vào hạng kém thì người ấy và tư giáo phải tội theo như lệ làm việc, giám thần, học chính và cha anh ngày thường không biết bảo thêm cũng phải tội như tư giáo, trong một năm và trong một hệ đuổi về tôn tịch đến 3 người, thì giám thần, học chính và tư giáo phải thêm bậc trừng trị. Và tôn sinh như có sự việc, tư giáo chuyển trình giám thần, học chính, gia hạn cho về thăm nhà, hết hạn không đến thì phải răn phạt, mỗi ngày thêm một bậc, tội chỉ đến 50 roi, nếu vô cớ mà bỏ thiếu, giám thần, học chính và cha anh người ấy phải đem trừng trị, dung túng thì giao bộ nghiêm nghị. Còn tư chất chậm dốt đã lâu năm sức học không tiến, bẩm phủ rút về, xét kỹ hạnh kiểm chưa bổ, để răn kẻ khác.

- Nhân viên Tôn thất ở Kinh ứng trực, tự tiện trốn đi, thì tội người trốn ấy đều sai bắt nã về, theo bộ nghị năm thứ 17 mà làm, trong đó hai ty Từ tế tả hữu được do bản ty bẩm phủ nói rõ cũng theo lệ ấy, còn quản viên không biết quản thúc, cha anh không biết cấm đoán, giao bộ phân biệt nghị xử, người trốn hết hạn không bắt được, tư giáo cũng giao nghị xử.

3. Về bổng lệ và cưới gả :

- Con trai con gái hoàng tôn hay con trai con gái tước công, phàm đến tuổi được chi lương, thì đầu năm công sinh ra ấy đóng ấn tước của mình tư cho phủ, người chưa phong tước thì sức cho thuộc viên bẩm báo, do phủ làm sổ đề tâu, sau khi được Chỉ, chiểu lệ lục tống cho các nha tuân theo.

- Tư giáo các hệ và các hộ vệ, từ tế, thu lĩnh, phàm đến kỳ kinh lĩnh lương bổng, chiểu lệ phân cấp, không được uỷ cho lại tư cầm bán nguyên đơn, giới kẻ cô ấu, không đem chia cấp và tích lại để sung vào đưa biếu hằng năm hoặc nói dối là sung làm việc công ở trong ty, người trái lệnh thì lại ty phải trị tội nặng, tư giáo thủ lĩnh sơ suất cũng phải nghị xử.

- Tôn thất bổ làm quan chức tỉnh ngoài, hoặc có mang con, em, cháu đi theo thì bẩm phủ để tâu chờ Chỉ, các con, em, cháu không được chi bổng, đợi khi về Kinh lại chiếu lệ cấp cho, nếu thăng đổi hạt khác mà tình nguyện mang thân nhân theo đi trước cùng đi thì cũng cho bẩm phủ, nếu hoặc thăng bổ làm quan trong Kinh hay cách tôn tịch, thì con, em, cháu phải đem về tất cả, nếu lẫn lữa kéo dài, tư giáo không biết xét cử thì cũng nghị xử cả.

Việc sớm cưới gả phải do mệnh lệnh cha mẹ, nếu mồ côi sớm, thì chú bác anh em bàn định việc hôn, nếu không có người họ gần thì do tư giáo, hệ trưởng xét liệu, các phiên hệ, đồ trang sức, khi gả chồng vâng theo dụ riêng, các Tôn thất chi xa từ hệ thứ nhất, cho đến hệ thứ 7, phàm con trai lấy vợ, tiền cưới 15 quan, con gái lấy chồng tiền 10 quan, quan có phẩm và nhàn tản cũng giống nhau.

4. Về lệnh cấm và ưu tuất :

- Kính gặp chính ngày kỵ ở các miếu, từ hoàng tử đến các nhân viên nhàn tản, Tôn thất, phàm cưới gả, yến vui, ca xướng, mặc áo màu đỏ, màu tía và mổ giết đều cấm.

- Từ hoàng tử thân công đến Tôn thất công hầu phẩm quan trở xuống, phàm các người nhà tranh kiện khống tố, hoặc đánh nhau với người đều do sở ty xét xử, không được riêng tự đòi hỏi.

- Phủ đệ vườn tược nhà riêng và nghi trượng, phục sức, đồ dùng đều không được làm lâu đài nhà 3 nóc, tô điểm rồng phượng các thứ xa hoa.

- Thuật sĩ xem sao mệnh tướng số, nói bậy, hoạ phúc, dẫn dụ làm điều không phải, từ hoàng tử công cho đến nhân viên nhàn tản, nếu có nuôi chứa ở nhà, hoặc đi lại giao tiếp thì đều cấm.

- Nhân viên lớn nhỏ trong Tôn thất sinh được con trai con gái, đã báo ở phủ mà bị chết, thì cứ thực khai nộp, người bổ ra tỉnh ngoài cũng chiểu lệ chuyển tư do tư giáo đưa vào phủ viết bằng mực, dụng tình không báo thì gia đẳng trị tội, nếu nhân viên nào đã mất mà vợ còn đương chửa, thì người vợ ấy phải đem có mang mấy tháng, báo lên rõ ràng, hoặc vợ cả vợ lẽ có con mà lại đi lấy chồng, thì khi cải giá phải báo rõ ràng với chồng trước hiện sinh được trai gái mấy người do tư giáo lấy đủ thân thuộc kết nhận, bẩm phủ để lưu chiểu.

- Về lệ cấp tiền phúng. Các phiên hệ, đến khi ấy chờ Chỉ, còn phàm Tôn thất chi xa, người có quan phẩm thì từ tứ phẩm trở lên, chiểu phẩm cấp tuất, ngũ phẩm trở xuống, tiền tuất đủ 25 quan, theo lệ tuất cấp cho, không đến số đó và chưa có quan phẩm, cũng đều cấp cho tiền phúng 25 quan. Người chết trận thì tứ phẩm trở lên, đến khi ấy tâu xin chờ Chỉ, ngũ phẩm trở xuống cấp thêm cho gấp đôi, người phái đi việc công đi đường bị chết thì cấp thêm một nửa, con gái Tôn thất chưa đi lấy chồng, thì cấp cho tiền phúng 15 quan, người đã đi lấy chồng thì cấp cho 10 quan, chồng chết không có con, gia một bậc cấp cho 20 quan, người nghèo thiếu, thì không cứ trai gái đều chiểu lệ tiền phúng bản thân chia làm 5 thành, cấp thêm 1 thành).

Cho nguyên Phó lãnh binh thuỷ sư Thanh Hoa là Đặng Công Thập án bổ làm Phó vệ uý vệ Nhất dinh Tả thuỷ sư Kinh kỳ, thự Phó vệ uý vệ Nhất dinh Tả là Lê Văn Sức thăng thự Phó vệ uý vệ Tứ, Quản cơ cơ hữu Hà Nội là Dương Văn Khải bổ thụ Phó vệ uý vệ Quảng Bình.

Bộ Binh tâu nói : "Thuỷ binh có đội Long thuyền, bộ binh có vệ Cẩm y, cùng là thân binh theo hầu cả, nhưng đội Long thuyền đặt ra, ngày thường chỉ chuyên giữ việc cung ứng nước cho vua dùng và giữ gìn thuyền vua, khi có đi tuần chơi ở đường sông thì sung vào theo hầu chèo chờ mà thôi, còn việc sai phái vặt thì cũng ít. Không ví như vệ Cẩm y ngày thường túc trực, lại còn canh giữ các sở, sai phái rất nhiều, nếu để lại cả thường xuyên ứng trực, số người nhiều mà không có việc gì, tưởng chưa thích hợp với nhiều việc ít việc, nay xin trong 6 đội Long thuyền chọn người quê thuộc phủ Thừa Thiên mà thao diễn đã quen, lấy 180 người dồn làm 3 đội nhất nhị tam, vẫn để làm thực ngạch quân đội Long thuyền. Còn 150 người rút về các vệ thuỷ sư cùng với biền binh các vệ, phỏng theo lệ vệ Kim ngô đổi bổ, hằng năm từ tháng giêng đến tháng 6, công việc hơi nhiều, do thuỷ sư đề đốc cùng làm chọn lấy người thân thể khoẻ mạnh mà diễn tập hơi quen lấy 150 người, bổ làm ba đội tứ ngũ lục đội Long thuyền để sung việc theo hầu, hai tháng 1 lần đổi, từ tháng 7 trở đi, công việc hơi ít lại đem về vệ cũ, nếu gặp bất kỳ đi tuần chơi, lại chọn lấy sung vào, việc xong thì thôi.

Và phàm người được dự tuyển, thì quản vệ phải trong khi nhàn rỗi, gia tâm thao diễn, khiến cho mới cũ cùng giúp nhau, am hiểu tất cả, như thế thì quân vệ Long thuyền đều có việc mà quân các vệ thuỷ sư cũng được lần lượt chọn bổ, giúp cho luyện tập, chắc có thể đều được thực dụng. Vua theo lời tâu ấy.

Lĩnh Tổng đốc Định - Yên là Lê Văn Đức dâng tập thỉnh an nói : "Huyện nào ở tỉnh hạt nguyên có người theo đạo Gia Tô, xin tạm đặt chức tổng giáo để giúp việc dạy bảo".

Vua cho là phải, bảo bộ Lại rằng : "Dạy bảo thói chính, phép trị dân cần phải làm trước, tỉnh Nam Định gần đây, hằng năm được mùa, dân được yên ổn, đã nhiều người, đã giàu của, tất phải dạy bảo thêm, huống chi trước đây gián hoặc có bỗng bị tả đạo mê hoặc, nay biết cải hối, đã có cơ hồi tâm hướng đạo, nhưng buổi bắt đầu mới bỏ tà giáo, chưa khỏi mịt mờ, chẳng biết theo vào đâu, nên phải dạy học thêm, khiến cho đều lấy chính đạo làm chỗ dựa theo, thì tôn sùng đạo chính bèn bỏ được đạo tà, tất không bị mê đi theo đường khác nữa. Nay chuẩn cho Lê Văn Đức chiểu ngay trong hạt huyện nào nên đặt tổng giáo, thì chọn đặt mỗi huyện một hai người

hay ba bốn người, không phải câu nệ có học rộng, lời văn giỏi, chỉ cần người có học hành hiểu biết văn lý thì cho làm, hằng tháng cấp cho tiền một quan, gạo một phương, cũng không phải làm ra nhà học, tức là cho tuỳ tiện trú ngụ, dạy bảo các con em nhà dân tổng ấy và tổng lân cận, trước hết dạy mười điều huấn dụ, sau đến những câu cách ngôn trong kinh truyện và chính học của thánh hiền, cho biết noi theo đạo nghĩa, để được đổi thói bạc, theo lòng trung, nuôi thành tục tốt.

(Đến khi sổ dâng lên, tỉnh hạt ấy có 4 phủ, 18 huyện, chỉ có huyện Tiền Hải mới đặt, không theo Gia Tô tả đạo, còn 17 huyện 257 xã thôn, tính đặt tổng giáo 39 người).

Hộ phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Hồ Hựu dâng tập thỉnh an nói : "Con cháu nhà Lê, sắp xếp cho ở tỉnh hạt, xin đều dùi lỗ thủng, đeo vòng ở vành tai bên tả, nếu có lẩn trốn, tìm bắt cho dễ".

Vua khiển trách rằng : "Triều đình ban ơn cho nước bị diệt, được thờ tự lâu dài, cái nghĩa dòng dõi đứt được nối, mất được còn, nghe biết khắp cả, không ngờ con cháu họ Lê như bọn Lê Duy Hoán, Duy Lương, Duy Hiển cùng theo nhau quên ơn oán lại, cũng chỉ giết đến thân hắn, không nỡ bắt tội lây đến họ hàng, gần đây lại chuẩn y đình nghị, liệu chỗ xếp đặt cho ở, khiến cho yên phận giữ phép đều được bảo toàn, và lại chiểu phát tiền lộ phí, lượng cấp ruộng quan điền, về nuôi nấng chu toàn cho thực không gì là không chu đáo, chúng nếu còn có nhân tâm, tự phải biết cảm, nếu không biết cảm mà trốn, thì trị tội tự có phép thường, trốn mà dám làm việc trái phép, thì giết đi tự có hình luật thường, chúng trốn hay không, vốn không thèm kể, đâu có lo trước sự trốn, bèn vô cố làm nhục bằng hình phạt phi lý, làm việc phi thường, như thế còn thành chính thể gì nữa. Ngươi trước đã có tội phải truất cách, đã được khởi phục, cất đến chức hàm ngày nay, thế mà gần đây chỉ làm ra lời bàn suông, toàn không có thực hiện, và thân làm quan to một tỉnh, há không có phương pháp khác có thể xét được kẻ ác, răn được kẻ gian, lại đem thiển kiến quê mùa càn bậy tâu nhảm ở trước vua cha, rất là đáng khinh".

Cho quản vệ các bảo thuỷ sư túc trực đi chầu cùng giống với quan quân Thân binh Cấm binh.

Vua bảo bộ Binh rằng : "Lệ trước các vệ Cẩm y, Vũ lâm đều được lên điện đứng hầu, đêm thì túc trực ở nhà 2 bên tả hữu điện Cần Chính, khi vua có đi chơi, đeo gươm 2 bên tả hữu, còn như quản vệ các bảo thuỷ sư, ngày chỉ ứng trực ở nhà 2 bên tả hữu, đêm thì túc trực ở viện Đãi lậu 2 bên tả hữu ngoài cửa cung, không được dự vào hàng đi hầu. Nay các bảo thuỷ sư phẩm trật đã cùng như cấm binh, trẫm đãi

ngộ thần hạ cùng thân như nhau, há nên có chỗ phân biệt. Từ nay phàm quản vệ các bảo thuỷ sư đều chuẩn cho được dự lên điện đứng hầu, đêm cũng túc trực ở nhà 2 bên tả hữu, duy gặp khi vua đi chơi, quản vệ thuỷ sư có chức vụ riêng, còn quản vệ các bảo cũng cùng quan quân Thân binh, Cấm binh thay nhau đeo gươm theo hầu".

Cho thự Vệ uý vệ Nhị dinh Trung thuỷ sư là Nguyễn Văn Cúc đổi thự Vệ uý vệ Tứ dinh Hữu, Phó vệ uý vệ Kiện võ dinh Hùng nhuệ là Trần Văn Vĩnh điệu bổ làm Phó vệ uý vệ Túc võ dinh Hổ uy, Phó vệ uý vệ Túc võ là Lê Văn Chấn điệu bổ làm Phó vệ uý vệ Kiện võ.

Bắc cầu Hàm tế. (Ở thành ngoài phía tả Kinh thành, chỗ ấy có cửa sông, cống nước chảy của Đông Thành, bắc cầu để thông đi lại).

Vợ Trung hưng công thần Ninh Hoà quận công Ngô Tòng Chu là Vũ thị, từ sau khi Ngô Tòng Chu chết vì nạn nước, tân khổ giữ tiết, đến nay tuổi ngoài bát tuần, bị bệnh chết, quan tỉnh Bình Định đem việc ấy tâu lên. Vua thương lắm, cho tiền tuất 100 quan.

Ấm thụ cho Nguyễn Cửu Khanh là cháu trung tiết công thần Du quận công Nguyễn Cửu Dật, làm Thứ đội trưởng (hàm Tòng bát phẩm), Tô Văn Trung là cháu Vọng Các công thần, Chưởng cơ Tô Văn Đoài làm Phi kỵ uý (hàm Tòng ngũ phẩm) đều coi giữ việc thờ cúng ông hắn.

Tổng đốc Vĩnh Long, Định Tường là Đoàn Văn Phú tâu nói : "Trước đây Kinh lược sứ thần bàn xin chuẩn cho thuế lệ thuyền sông ở Nam Kỳ, phàm buôn bán hàng hoá thì tuỳ hạng thu thuế, duy mang chở thóc gạo thì miễn thuế, thế mà gần đây các sở thuế quan có buôn chở thóc gạo cũng chiểu lệ đánh thuế, có khi không kể là làm ruộng hay đi buôn, phàm chở thóc gạo đều được miễn thuế, việc làm không nhất định, và nước sông ở 6 tỉnh nhiều ngả, mà người buôn xảo trá trăm vành, như mang chở hoá vật, khi đi thì vòng đường trốn thuế, đến khi về mượn cớ mang chở thóc gạo mới đi qua sở thuế quan, cùng là giấy thông hành, có nói dối là đi thăm họ hàng, hoặc mượn thể xin giấy mua thóc gạo để dùng, mong được miễn thuế, thế ấy không thể không được. Xin từ nay phàm viên biền tổng lý người được cấp giấy cho giấy thông hành, hoặc làm ruộng, hoặc đi buôn, hoặc thăm họ hàng, nhân đó mà buôn bán thì đều ở trong giấy nói rõ, như nhà làm ruộng chở thóc gạo đi bán, mua đồ vật chở về, và chỉ đi thăm họ hàng mà không buôn bán thì đều miễn thuế, không thì theo lệ đánh thuế, người cấp giấy nếu cho đi buôn là làm ruộng và nói dối là đi thăm và thuyền buôn đi vòng đường trốn thuế, việc phát giác ra, đều trị tội nặng thêm, sở thuế quan dám tự ức chế lạm thu, cũng chiểu luật định tội".

Vua sai bộ Hộ bàn, cho là sáu tỉnh Nam Kỳ là nơi đất cát màu mỡ, sản xuất ra thóc gạo, từ Bình Thuận trở ra Bắc, dân phần nhiều nhờ có thóc gạo ấy để ăn, nghị trước của quan Kinh lược sứ là lấy việc buôn bán thóc gạo, có quan hệ tới ăn dùng, đời sống của dân so với buôn bán thứ khác chuyên làm nghề buôn có khác, cho nên thu thuế, miễn thuế khác nhau, nay nếu nhất khái đánh thuế, thì buôn bán thóc gạo, thế tất ngày một ít, đó là muốn nặng về việc cấm buôn bán, mà hầu như lại làm khổ dân, xin phàm thuyền ở sông mang chở thóc gạo thì không cứ nhà nông chuyên chở, dù buôn bán cũng được miễn thuế, nhưng thuyền ấy tuy chở thóc gạo mà xét ra có nhiều hàng hoá để buôn, thì chiểu lệ thu thuế, còn thì theo như lời xin của quan tỉnh. Vua theo lời bàn ấy.

Tỉnh Gia Định lấy đô võ nghệ 5 người, sai Phạm Hữu Tâm, Trương Đăng Quế sát hạch lại tâu lên, chuẩn cho bổ vào vệ Cẩm y sai phái.

Vua nhân bảo thị thần rằng : "Khoảng năm Gia Long có người ở Trung Quốc sang, võ nghệ rất giỏi, trẫm thường hỏi đến, hắn nói : côn quyền chỉ địch 1 người chứ không có mưu kế địch được vạn người, xét ra nhà binh từ khi có súng đạn đến giờ, bắn ra không đâu là không bẻ gãy, người anh hùng mất cả tài nghệ, giả sử võ nghệ tuy tinh rút cục cũng vô ích, lời nói ấy thực là có lý, nhưng phép đâm đánh, vội vàng đối phó với địch, không phải là không giúp ích, quan quân không nên không biết".

Làm hầm cất chứa đồng, gang sắt ở Vũ khố (kho giáp nhị hầm dài 10 trượng 6 thước 2 tấc, sâu rộng đều 5 thước, trong hầm xây gạch làm 3 ngăn, chứa riêng, đồng hạng nhất 40.000 cân, đồng đỏ hạng nhì 50.000 cân, đồng hạng ba 30.000 cân. Kho giáp tam một hầm dài 10 trượng 7 thước 1 tấc, sâu rộng cũng đều 5 thước, trong hầm xây làm 2 ngăn chứa riêng các hạng gang : 450.000 cân, sắt sống và sắt đã luyện 800.000 cân, trên mặt dưới đáy và 4 bề hầm ấy đều xây gạch, trên mặt trát bằng vôi trộn mật). Sắc cho từ nay phàm tuần tra, lấy vôi trát ở mặt hầm làm tín nghiệm, như có sứt mẻ và dấu vết sửa chữa, hơi có lỗ hổng nghi ngờ thì phải xem xét.

Chuẩn định từ nay phàm quan trong triều sai đi việc công, bỗng tự nhiên ốm đau, thì do địa phương sở tại xét nghiệm, nếu giả dối để ở lại thì hặc tâu, nếu bệnh tình là thực, phải nên gia tâm chiếu cố, rồi dâng sớ tâu lên.

Định lại lệ quan văn dẫn vào yến kiến, bộ Lại tâu nói : "Từ trước đến nay các văn niên dẫn kiến, đem cả lý lịch sự trạng làm bản viết ra, đến khi vào yết kiến theo bản ấy đọc thuộc lòng, rất là phiền phức. Xét ở sử trước nhà Tống thì có sáp tử, nhà

Minh thì có thủ bản, tuy cách thức không giống nhau, đại khái muốn cho thần hạ được giãi tỏ lòng thành, mà tài phẩm kiến thức cũng có thể nhân đó biết được qua. Xin từ nay phàm các người thăng thụ, thực thụ và theo lệ được dẫn vào yết kiến, đều phải viết sẵn bằng bản giấy hồng đào, trước hết đem từ lúc ở nhà xuất thân, sau đến lý lịch, trong đó dự được khen thưởng hoặc do tự ân cách, hoặc theo công trạng mà được ; phải giáng phạt là do việc công hay việc tư, cứ thực bày tỏ, không phải câu nệ, toàn dùng thể văn biền ngẫu, cũng không phải hạn định số chữ, nhưng cần phải sự trạng rõ ràng, văn lý thông sướng, không được dẫn dùng những lời phù phiếm không thiết thực, lại phải thân tự viết lấy không được mượn người, nếu trình bày công quá, hoặc có ẩn điều xấu nêu điều tốt, phô bày không thực, xét ra thì có tội. Còn thanh đơn dẫn kiến do bộ theo lệ cho làm, không quá 100 chữ, đến ngày dẫn kiến, viên được dẫn kiến ở dưới thềm điện bưng hộp thủ bản giơ ngang trán dâng lên (do Nội các tiếp nhận), rồi chiểu theo thanh đơn tuyên đọc, việc xong, thủ bản ấy tiến vào trong cung để vua xem". Vua theo lời tâu ấy.

Sai các tỉnh biên giới Bắc Kỳ đều cử dân tuấn tú trong hạt.

Dụ rằng : "Các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Quảng Yên ở Bắc Kỳ đời cố Lê trở về trước, hết thảy uỷ cho thổ mục cai quản, có ý trị bằng ràng buộc, coi như man rợ, không được như dân ở trung châu. Kìa như chúng tuy ở nơi xa lánh, nhưng cũng là đất nhà vua, tôi nhà vua, thế mà nhất khái cho là quê mùa xa cách, nên nay hơn mấy trăm năm vẫn còn thói hủ, trong đó tuy có người có chí, học hành đáng khen thì cũng suốt đời không được thấy văn vật phồn thịnh vĩnh viễn, không được tiến dụng, đãi người sao hẹp hòi thế ? Bản triều thương dân như một, không phân biệt trong ngoài, gần đây các thổ huyện châu ở các tỉnh đều đặt quan người Kinh để cai trị, vốn muốn hun đúc thấm nhuần, trông thấy thành hiệu, để được cùng hay, khiến cho có đường tiến thân, đổi quan người Thổ, bổ quan người Kinh, đã không phải một ngày, tức là ra khỏi hang tối dời lên cây cao, lòng người cũng muốn. Gần đây phần nhiều đã mộ phong hoá người Kinh, tiến lên ngùn ngụt, thì vui theo nước nhà vua để xem lễ nghi, nghĩ vì triều đình mà gắng sức, tưởng cũng phải là không có người, nay chuẩn cho tuần phủ, bố án thượng ty các tỉnh đều xét con em của Thổ quan hoặc nhà dân trong hạt, không cứ học đủ văn thể ba kỳ, ai là tuấn tú thông thái thì chọn lấy đưa về Kinh cho học ở Quốc tử giám, ai là người có thể đem quân làm việc thì cũng đưa về Kinh, do bộ phân phái làm hành tẩu ở các dinh vệ tuỳ tài bổ dụng, mỗi tỉnh 3, 4 người hoặc 1, 2 người cũng được. Đó là lòng chí nhân bác ái của trẫm muốn cho dân tuấn tú ở nơi biên giới xa xôi cũng dự vào hàng làm quan, quan địa phương các ngươi nên

đem ý lớn dụ này, tuyên bảo rõ ràng, khiến cho vui lòng, tự gắng sức làm việc, để thoả lòng tác thành, nếu có người chỉ muốn ở yên không muốn dời đi xa thì cũng không cưỡng, và không phải hạn định một lần, từ nay có người có chí theo lễ nghi, sẵn lòng ra làm việc thì cũng chuẩn cho làm danh sách tâu lên". Tỉnh Lạng Sơn sau cho người Thổ là Nông Đăng Tuyển theo lệnh ra đi, khi đã đến Kinh, cho đưa đến Quốc tử giám học tập và cấp lương cho (tháng cấp tiền 2 quan, gạo 1 phương).

Phát vải trắng ở phủ Nội vụ chia cấp cho các trực tỉnh cốt để dùng (Quảng Nam 1.000 tấm, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình, 3 tỉnh ấy đều 700 tấm, Vĩnh Long, An Giang, Nghệ An, Thanh Hoa, 4 tỉnh ấy đều 800 tấm, Bình Định, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, 4 tỉnh và thành Trấn Tây đều 500 tấm, Khánh Hoà, Phú Yên, 2 tỉnh ấy đều 400 tấm).

Tỉnh Ninh Bình, gió bão mưa to, nhà cửa dân gian phần nhiều bị đổ nát, ruộng lúa ngập mất, huyện Kim Sơn lại có nước biển dâng lên, người và súc vật trôi chết rất nhiều, quan tỉnh phải đem gạo muối để chẩn cấp, liền đem việc ấy tâu lên.

Vua nghĩ hạt Kim Sơn bị tai nạn, so với các huyện lại nặng hơn, thương lắm, giáng dụ sai phát tiền kho cấp cho người chết mỗi người 3 quan, và dân hạng tráng người nội tịch thì phát chẩn mỗi người tiền 1 quan, gạo 1 phương, dân ngoại tịch thì một nửa, nam phụ lão ấu đều một phần ba. Có cai tổng ở huyện Yên Mô là Trần Văn Phán tự xuất thóc là 100 hộc để chẩn cấp cho dân đói.

Vua nghe biết mà khen ngợi, chuẩn cho quan tỉnh khoản đãi, thưởng cho dê rượu, chi thóc kho cấp trả đủ số. Thanh Hoa, Nam Định kế tiếp báo có tai nạn cũng đều sai chẩn cấp cho.

Thuyền đi tuần của quản vệ Phan Công Quý ở Kinh phái đi và thuyền giải đồ vật ở Kinh phái đi, cũng gặp gió làm hỏng mất 10 chiếc, biền binh chết đuối đến hơn 300 người.

Vua vì thế thương xót lắm, sắc cho quan có trách nhiệm chọn chỗ làm đàn ở bãi biển Thuận An, sắm lễ phẩm tam sinh, cỗ, cơm, vàng bạc và tiền giấy, phái phủ Thừa Thiên là Nguyễn Trọng Tân đi đến chiêu hồn cho tế một tuần, các biền binh ở kinh phái đi, người quê nhà gần thì do quản quan chuyển báo cho vợ con thân quyến, người ấy đều đến đàn sở khóc lễ và chuẩn cho chiểu lệ cấp tuất trận vong cấp cho người nhà. Lại sai tỉnh Thanh Hoa ban tế 1 tuần ở bãi biển.

Vua bảo thị thần rằng : "Khoảng năm Gia Long, Kinh thành gió bão một ngày đêm, ngói trên nóc nhà đều tan nát, trẫm suốt đêm không ngủ, đến sáng nhìn thấy trên chỗ ngồi có tấm ván sắp rơi mà không rơi, đó cũng là trời thương, nay tỉnh

Ninh Bình, tỉnh Thanh Hoa có gió dữ như thế, so với trước cũng không kém. Trẫm nhớ năm trước ở Thanh Hoa, Ninh Bình có con xích lân đi qua, nước biển dâng lên dữ, người và súc vật, nhà cửa phần nhiều bị trôi mất, như nay có lẽ cũng gặp con xích lân ấy đi qua chăng ? Người ta nói con xích lân, sừng vẩy nó đều có lửa sáng, đi đến đâu gió mưa theo đến đấy, không biết vật ấy là vật gì ?" Gặp ngay tin ở Hà Nội nước sông xuống bớt tâu vào.

Vua mừng nói : Cùng một ngày ấy, ở Ninh Bình thì có gió dữ mà ở Hà Nội thì không, nước sông đại hà lại rút xuống, thực là trời giúp, há chẳng phải sự may ở trong sự không may ư ?

Vua bèn làm một bài thơ đầu đề là "Hà Nội nước xuống", nhân bảo Nội các rằng : "Trẫm gần đây nhân lúc nhàn rỗi, ngẫu nhiên làm 2 bài thơ đầu đề là : Hà giu bất tưởng yểm[1] và Trọc thuỷ cầu châu[2], đến nay bài ấy chuẩn cho chép ra, đưa cho Tổng đốc Đặng Văn Thiêm, Lê Văn Đức điều hoạ nguyên vận, nhân tiện phát trạm đệ đi, để bắt chước việc phong nhã của vua tôi nhà Ngu xướng hoạ nối hát với nhau, bọn Thiêm liền hoạ tiến lên, đều thưởng cho một đồng Phi long kim tiền hạng lớn.

Sai thị vệ Hoàng Bá Bàng đi đến Thanh Hoa, Ninh Bình xét hỏi về tình hình dân bị tai nạn, đến khi về tâu nói nhân dân thuộc các huyện Hậu Lộc, Tống Sơn, Nga Sơn tỉnh Thanh Hoa bị chết đuối hơn 500 người ; dân thuộc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cũng chết hơn 300 người. Vua thương lắm, tức thì ra dụ sai quan 2 tỉnh đều cho tế một tuần, quan tỉnh Thanh Hoa lại tâu xin cứu chữa, chuẩn cho các xã bị tai binh đao tạp vụ năm ấy đều được hoãn lại một năm.

Tháng 8, ngày mồng một, vua ngự điện Cần Chính coi chầu, khi xong, sai Nội các đem dụ vua phê về đại kế tuyên đọc ở cửa Đại cung, các quan văn võ đại thần đều quỳ để nghe.

Dụ rằng : "Năm nay chính gặp kỳ ở Kinh xét, cứ 2 bộ Lại, Binh đem tờ tâu của các đại thần trong ngoài tâu lên, trẫm xét thực kỹ càng, trong đó có người vì nước tỏ mưu, người không có tài, ngồi không ăn lương cũng có, không thể không làm cho xong một phen để tỏ thăng giáng. Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế, Thượng thư Hà Duy Phiên gặp việc cố gắng, hằng ngày hết sức chăm chỉ khó nhọc lâu mà không lười biếng, đều thưởng gia 1 cấp ; thự Chư quân Đô thống phủ là

---

(1) *Hà giu bất tưởng yểm* : nghĩa là ngọc có vết và ngọc trong sáng không che cho nhau được, ý nói đức tốt và lầm lỗi không che cho nhau được.

(2) *Trọc thuỷ cầu châu* : nghĩa là tìm ngọc ở nước đục.

Phạm Hữu Tâm, Phạm Văn Điển, Tạ Quang Cự, Nguyễn Văn Trọng đều có quân công rực rỡ, siêng giữ chức phận, chuẩn cho đều được thực thụ ; Thượng thư Lại bộ Hoàng Văn Diễn già yếu không làm được việc, chậm bỏ lỡ việc, giáng một cấp, cho về hưu trí ; thự Thượng thư Hộ bộ Nguyễn Trung Mậu, tài mưu chưa được phát triển, không thể làm được chức chính khanh, đổi bổ làm Thị lang bộ Công ; hộ lý Tuần phủ Nam Ngãi là Hồ Hựu nói suông không bổ ích, làm việc kiệt quệ, đâu có thể làm được một chức quan đứng đầu một địa phương, chuẩn cho về Kinh do bộ chiểu ngay cấp phải giáng bổ dụng, còn thì đều theo như cũ làm việc, bộ Lại sau tâu nói : Hoàng Văn Diễn trước sau phải giáng, tính suốt đến 6 cấp, nên giáng bổ hàm chánh ngũ phẩm cho về hưu trí".

Vua nghĩ Diễn làm quan thanh bạch, tiết tháo ấy đáng khen, đặc ân giáng làm Hữu thị lang Lại bộ, sung làm sư phó bảo các hoàng tử còn nhỏ. Lại cho là Nguyễn Trung Mậu từng làm chức Á khanh, tài cũng đáng tiếc, chuẩn cho bổ thụ Công bộ Hữu tham tri, Hồ Hựu đã đến Kinh, chiểu nguyên giáng 4 cấp, điệu bổ Nội vụ phủ Viên ngoại lang.

Bộ Binh đem lại sự trạng tự trình bày công quá 3 năm của các lãnh binh, chưởng vệ ở Kinh và tỉnh ngoài, chia hạng tâu lên, chuẩn cho hạng ưu thưởng gia 1 cấp, hạng bình gia kỷ lục 2 lần, hạng thứ theo như cũ làm việc, hạng liệt giáng 1 cấp, đình thăng 3 năm.

Cho Thượng thư Công bộ Hà Duy Phiên đổi bổ Thượng thư Hộ bộ, nhưng kiêm quản Tào chính ; Tả phó đô ngự sử Lê Đăng Doanh kiêm biện Lại bộ nhưng kiêm quản ty Thông chính ; Nội vụ phủ Thị lang Lê Bá Tú đổi bổ Hữu thị lang Binh bộ ; Nội vụ phủ Lang trung Nguyễn Tri Phương thăng thụ Tả thị lang Lễ bộ, sung làm việc Nội các ; nguyên Tả thị lang Lễ bộ quyền biện Hình bộ Phạm Thế Trung đổi bổ Tả thị lang Hình bộ ; Nội vụ phủ Viên ngoại lang Đoàn Khiêm Quang thăng thụ Hộ bộ Lang trung, làm công việc bộ ; Nội các Thị giảng học sĩ Nguyễn Đức Hoạt đổi bổ Nội vụ phủ Lang trung hộ lý ấn quan phòng ; Phủ doãn Thừa Thiên Vương Hữu Quang đổi bổ làm Bố chính Quảng Nam, hộ lý ấn Nam Ngãi tuần phủ quan phòng ; Phủ thừa Thừa Thiên Nguyễn Trọng Tân thăng thự Phủ doãn ; thự Công bộ Lang trung Nguyễn Thịnh đổi bổ thự Phủ thừa ; Án sát Tuyên Quang Nguyễn Văn Liễn thăng thự Bố chính Quảng Yên, hội đồng với thự Án sát Nguyễn Đồng Khoa hộ lý ấn tuần phủ quan phòng ; Hộ bộ Lang trung Vũ Đức Dụng đổi bổ làm Án sát Tuyên Quang, Liễn sau vì giặc trốn là Nguyễn Quảng Khải chưa bắt được, lại để lại ở ngoài để đi bắt giặc.

Bổ Nguyễn Đăng Uẩn làm Bố chính Quảng Bình ; Nguyễn Nhược Sơn làm Bố chính Thanh Hoa ; Trần Ngọc Dao làm Bố chính Lạng Sơn ; Đỗ Huy Cảnh làm Án sát Phú Yên ; Trần Văn Thông làm Án sát Khánh Hoà ; Nguyễn Văn làm Án sát Gia Định ; Lê Hữu Bản làm Án sát Định Tường ; Võ Danh Thạc làm Công khoa Chưởng ấn Cấp sự trung.

Cho Lễ bộ Viên ngoại lang Trần Danh Bưu thăng thự Hộ bộ Lang trung, hàm Tòng tứ phẩm, làm việc theo bộ Công là Nguyễn Văn Điển bổ thụ Lang trung.

Vua cho rằng Thượng thư hai bộ Lại, Công còn phải chọn bổ, chuẩn cho ấn triện bộ Lại thì giao cho Lê Đãnh Doanh, Hà Quyền, Tôn Thất Bạch tạm giữ, ấn triện bộ Công giao cho Nguyễn Trung Mậu, Lý Văn Phức tạm giữ làm việc, từ nay có việc giống như thế chiểu đấy mà làm.

Tỉnh Bình Thuận gạo đắt, thiếu lương thực, thổ dân lại quá lắm, tuần phủ Tôn Thất Lương đem việc ấy tâu lên, sai phát thóc kho để cho vay, còn ngạch thuế phải nộp năm nay, người không đủ sức nộp thì cho hoãn đến sang năm.

Vua dụ rằng : "Việc tích trữ là sinh mệnh của dân, đời xưa, 3 năm cày cấy, tất có lương chứa đủ ăn một năm, 9 năm cày cấy, tất có lương chứa đủ 3 năm, là để phòng bị trước, nay hạt ngươi gạo đắt, dân Kinh nguyên có tích trữ, thì còn có thể tự túc được, dân Thổ toàn không có của thì thường phải đói khốn, xem đó đã biết được đại khái, cần phải bảo ban bọn dân Thổ, đều nên chăm việc gốc, gắng sức làm ruộng, chăm chỉ cày cấy cho đến tất cả các thứ khoai đậu ngô sắn cùng trồng cấy cho nhiều, nếu ăn dùng có thừa thì cất chứa làm đồ dùng ngày khác, chớ nên lười biếng như trước, khi có kém hay mất mùa lại thành ra thiếu thốn, nên phải răn kỹ".

Chuẩn định từ nay, phàm con cháu các quan, người theo thứ bậc được tập ấm thì nếu có chết đợi khi hết tang, do bộ Binh xét xem con cháu người ấy đã đến tuổi, có thể nối được nghiệp cha, thì một người được tâu xin tập tước, nếu viên được tập ấm không có con, và con cháu đều không thể nối nghiệp, cũng đem lý do tâu rõ đợi Chỉ ghi làm lệ mãi.

Khởi phục viên bị cách là Trương Phúc Cương (nguyên thự Bố chính An Giang) làm Tư vụ.

Vua hỏi bộ Hình rằng : "Xét việc hình án mùa thu năm nay người phạm tội so với năm ngoái thì năm nào nhiều ?" Nguyễn Công Hoán thưa rằng : hơn một chút, 5, 3 tên mà thôi.

Vua bảo rằng hằng năm xét việc hình án về mùa thu thường tới 500 người, trẫm xét kỹ 2, 3 lần, đêm lại nối ngày, rất là khó nhọc, còn như nước Thanh, mỗi

lần xét án, nhiều đến vạn người, xem xét sao có thể khắp được, ý hẳn chia cho bộ Hình, Nội các, khoa đạo xét duyệt mà thôi. Đến khi đình thần đem bản hội thẩm dâng lên, đặc cách chuẩn cho giảm tội chết phát làm quân, làm binh hơn 30 tên. Khi ấy có tỉnh Sơn Tây xét nghĩ 2 tên phạm, nói vừa được giảm xuống giảo giam hậu, hình như là được hoãn.

Vua bảo rằng : phàm người can án giam hậu, để đợi đến mùa thu quyết định, đâu có lẽ giam hậu thì không thể quyết được, quan tỉnh xét xử như thế, đặt ra luật làm gì, giao bộ Lại nghị xử đều phải phạt.

Sai phát Phi long kim tiền hạng lớn, hạng nhỏ ở phủ Nội vụ cho các trực tỉnh cất đi để dùng. (Quảng Nam, Bình Định, Gia Định, Vĩnh Long, An Giang, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoa, Hà Nội, Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương 13 tỉnh và thành Trấn Tây đều Phi long ngân tiền hạng lớn 5 đồng, kim tiền hạng nhỏ 10 đồng, cát tường, bát bảo, ngũ bảo kim tiền 15 đồng ; Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, Định Tường, Hà Tiên, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Quảng Yên, Lạng Sơn, Cao Bằng 17 tỉnh đều Phi long kim tiền hạng lớn 3 đồng, kim tiền hạng nhỏ 5 đồng, cát tường bát bảo, ngũ bảo kim tiền 10 đồng).

Sai chế áo nhung phục tượng binh cấp cho các địa phương (lấy số voi làm chuẩn định, một thớt voi phải 2 người chăn, cấp cho 2 cái áo mở ở giữa bằng vũ đoạn, 10 năm một lần đổi).

Chuẩn định từ nay phàm các hạt tổng đốc xuất thân là quan võ, cho đến đề đốc, như có việc phải mật tâu, không cứ hạn ở 4 tháng mạnh, người có chữ nghĩa, thì tay mình tự viết, hoặc bảo ý mình, sai người thân tín hoặc bố án viết giúp, nhưng bất kỳ mật tâu phát đệ, còn không có việc phải tâu thì thôi, không phải theo kỳ đệ tập thỉnh an, các bố án thỉnh an, nguyên trước định là mùa xuân, mùa thu 2 tháng trọng, đổi làm 2 tháng mạnh, cùng với tập của đốc phủ bản tỉnh cùng đệ, cho đỡ chạy trạm.

Cho các hạt từ Quảng Nam trở vào Nam, đều đặt cục thợ máy đá thuộc tỉnh, chuẩn cho chiểu theo số súng Nhà nước cấp cho nhiều ít, nhiều thì mỗi tỉnh 6, 7 người, ít thì mỗi tỉnh 3, 4 người, duy chỉ Gia Định đã có ngạch thợ thì thôi.

Tỉnh Quảng Nam có một án mạng, án ở phủ nghĩ xử phải thắt cổ chết, Án sát Nguyễn Trọng Nguyên xử lại lấy dao cắt ở họng (án ấy người chồng lấy dao cắt cổ họng vợ). Án ấy dâng lên, vua bảo rằng : "Tội thắt cổ treo đầu lên, trong luật có chép rõ, Nguyễn Trọng Nguyên có trách nhiệm xét hỏi việc hình, lại theo ý kiến mình làm ra hình phạt ngoài pháp luật, thế là luật nào ? sai phạt 6 tháng lương".

Cho Án sát Biên Hoà là Nguyễn Đức Trinh thăng thự Bố chính Phú Yên ; Binh bộ Lang trung là Ngô Văn Thể đổi bổ Án sát Biên Hoà.

Cho Chủ sự bộ Binh là Phạm Bá Siêu thăng thự Đốc học Sơn Tây.

Cho Vệ uý vệ Ngũ dinh Thuỷ sư là Nguyễn Văn Ký đổi bổ Vệ uý vệ Nhị.

Thự Bố chính Quảng Trị Trần Hiển Doãn đi duyệt tuyển từ Gia Định về phục mệnh. Vua triệu vào yết kiến để hỏi, Doãn nhân nói nhà có mẹ già tuổi ngoại 70, không có người thăm nuôi, đặc cách cho 3 cho sâm Cao Ly, 3 thanh quế Thanh Hoa, chuẩn cho em viên ấy đem về nuôi thay.

Sổ tuyển Định Tường đã xong, số đinh tăng lên, so với các hạt tỉnh rất kém, bộ Hộ xét hặc.

Vua bảo rằng : "Các tỉnh từ Bình Định trở vào Nam, số duyệt tuyển được tăng hơn, nhiều thì 12 thành trở lên, ít thì không kém 10 thành, chỉ có Gia Định sau khi bị binh biến, điêu háo, trong đó số tăng hơn còn được 8 thành, huống chi tỉnh Định Tường, đất tốt dân đông, từ trước tới nay không có việc gì, mà số tăng hơn chỉ được 6 thành, sao ít ỏi đến như thế, đó là quan tỉnh và phủ huyện có lòng che chở, chỉ nghe bọn tổng lý giảm bớt đi, tuyển quan cũng không xét đến, một chiều dựa theo, nên Bố chính Trần Tuyên phải giáng 3 cấp, tuyển quan Đặng Đức Thiệm phải giáng 2 cấp, phủ huyện đều giáng 1 cấp, rồi phái Lang trung bộ Hộ là Trần Danh Bưu đi cùng với Tổng đốc Long - Tường là Đoàn Văn Phú hết lòng xem xét, dân nào không điêu háo mà số đinh ít ỏi thì xét ra tăng thêm, phải tăng từ 10 thành trở lên, nếu có điêu háo rõ rệt cũng cứ thực tâu lên, không cần bắt phải tăng vào sổ tất cả. Dân chính là việc quan trọng, cốt ở quân bình nhau mà thôi". Khoa đạo là bọn Hoàng Thu, Vũ Phạm Khải dâng sớ nói : "Thánh nhân đối với muôn dân, cũng như trời đất đối với muôn vật, không đâu là không bao bọc, cho nên lập chính quý ở đại thể, mà ngoài pháp luật còn có sự gian, cũng là thế không thể hết được. Việc duyệt tuyển đặt ra, nguyên ý chính việc lập pháp là muốn khiến cho quân bình mà không bắt tất phải tăng, từ trước đến giờ số tuyển các tỉnh 100 thành mà tăng 5, 6 thành thì có, hay 3, 4 thành cũng có, nay tỉnh Định Tường sổ tuyển đã xong, nhân dân sở tại mới về yên nghiệp, nếu ở dân nhiều người lại xét lại, ngoài số 3 thành, giả sử tăng đến 4 thành trở lên, số ấy không nhiều, thuế khoá binh đinh cố nhiên không lấy đó làm hơn kém, huống chi là số phải tăng 10 thành, ngoài ra há lại hẳn không còn dân ẩn lậu đâu ? Pháp lệnh có hạn, tưởng không thể hết được thói gian vô cùng, và một phen cử động chỉ thêm bận phiền, về việc phái người đi cùng làm việc xin nên đình chỉ".

Vua phê bảo rằng : Nói quá càn bậy, hầu cản trở việc nước ư ? Giao xuống bộ Hình nghị xử. Đến khi Trần Danh Bưu về, đem số đinh dâng lên tăng được hơn 10 thành. Vua rất khen ngợi, thưởng cho Bưu được gia 2 cấp, Phi long kim tiền hạng lớn 2 đồng, Đoàn Văn Phú dưới tên đeo giáng 4 cấp, chuẩn cho khai phục 2 cấp, và thưởng cho Phi long kim tiền hạng lớn 3 đồng. Khi đó có xét ra bị điêu háo 18 thôn, thì binh, thuế để thiếu, đều cho hoãn lại, bọn Hoàng Thu bộ bàn xử theo tội "vi chế", vua đặc cách gia ơn đều phạt 6 tháng lương.

Quan thành Trấn Tây tâu nói : "Thành hạt ấy lần lượt khẩn ruộng, cộng được hơn 3.000 mẫu, phần nhiều vì nước lụt và hạn, nên thu gặt không được bao nhiêu, nay xin ở phía hữu thành, đắp một con đê để giữ nước lụt và làm một cống để dẫn nước". Vua nghe theo.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Thành Trấn Tây gần đây việc bắt giặc đã xong, việc biên phòng dần bỏ, nay lại gặp mưa lụt tràn ngập, cày cấy không thể làm được, quân lính đóng giữ đã không bận về canh phòng, lại không bận về cày cấy, để lại nhiều có ích gì, nên truyền dụ cho bọn tướng quân, tham tán, cứ theo lính thú tỉnh Gia Định, Vĩnh Long và Định Tường liệu rút 2, 3 cơ cho về đội ngũ, một mặt thì binh sĩ nhờ được nghỉ ngơi, một mặt thì vận chở lương thực đỡ phải nhọc tốn, thực là tiện cả hai, đến ngày mồng 1 tháng 11 là kỳ khô cạn, lại gọi ra đi đóng theo như số, để phòng canh giữ mùa đông, sang năm tháng 8, tháng 11 cũng chiểu theo đó mà thi hành".

Tỉnh Hưng Yên có ngôi đền cũ (ở xã Diên An, huyện Kim Động, bia khắc làm từ ngày tháng 5 năm Chính Hoà thứ 12) làm tượng đá vị tiên sư và tứ phối để thờ, dân sở tại cho là trong xã không yên, đem bỏ vào trong đầm nước, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên, vua sai chọn nơi đất sạch để chôn, kẻ thủ xướng phải tội lưu, kẻ tòng phạm phải tội đồ.

Bố chính Gia Định là Hoàng Quỳnh dâng tập thỉnh an nói : ở miếu Thành hoàng tỉnh ấy nguyên trước làm thần tượng, xin đổi làm bài vị.

Vua dụ rằng : "Làm tượng để thờ là do tự đạo Phật, không phải lễ đời xưa, từ trước đến giờ, đền miếu ở Kinh và tỉnh ngoài đều làm thần bài, sao miếu Thành hoàng tỉnh ấy riêng làm tượng gỗ, đó là do quan đầu tỉnh lần trước tự ý làm càn, lâu ngày noi theo, không người nói đến, không cứ hình tượng có giống không, chỉ đem mũ vàng, áo hoàng bào là mũ áo của đế vương, mà dùng làm đồ phục sức của thành hoàng, đã là tiếm vượt, rất trái với ý của lễ, chuẩn cho đem tượng trước chôn cất đi, lại đổi làm thần bài cho hợp điển lễ".

Bố chính Khánh Hoà là Vũ Đình dâng tập thỉnh an nói : "Tỉnh hạt ấy nhiều đất bỏ hoang, xin sắc cho các tỉnh lớn ở Bắc Kỳ chiêu mộ các dân cùng túng, dời đến đó, để cày cấy khai khẩn".

Vua dụ rằng : "Phép trị dân cốt thuận lòng người, hạt ngươi đất bỏ không tuy nhiều, nhưng cỏ cây rậm rạp, phải tốn trước một phen chặt đốn, rồi sau cày cấy mới có thể được ; nếu dời dân nơi khác đến đấy thì trước mắt chỉ thấy mệt nhọc mà chưa thấy có lợi được nhờ, dân mới đến ấy, giữ sao cho được đều ở yên mà không trốn tránh, thực có chỗ làm không được, trước đã chuẩn y lời bàn của quan tỉnh trước, phái quân làm đồn điền, gần đây khẩn ruộng được thóc, làm có thành hiệu, nay nên gia tâm khuyên bảo giúp đỡ, mong cho khẩn trị ngày càng thêm, và hằng năm lúc mùa đông mùa xuân giáp nhau, đã là việc làm ruộng được rồi, lại không mưa lụt, nên nhân kỳ binh biền tập hợp cả, sai đến những nơi bỏ hoang gần ngay tỉnh thành, tuỳ tiện cắt bỏ cỏ cây, khai phá thành ruộng, rồi trồng cấy hoa cốc để lấy lời, hoặc mộ cùng dân mà cấp cho, thì tụ họp mở mang ngày thêm, sẽ thấy những khu rừng núi rậm rạp, có thể biến làm nơi đất tốt đậu thóc đầy rẫy".

Bố chính Tuyên Quang là Trần Ngọc Lâm dâng tập thỉnh an nói : 2 phủ An Bình, An Ninh thuộc hạt đã đặt quan người Kinh kiêm làm chức dạy học, duy chức làm việc quan không thể kiêm chức dạy học được. Xin nên đặt chức giáo thụ để dạy bảo thổ dân học tập biết văn tự.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Dân Thổ đã đổi quan người Thổ bổ quan người Kinh, tất phải dạy khiến cho biết chữ Hán, mới có thể tiêm nhiễm phong hoá người Kinh, nhưng chúng mới học văn tự, dạy bảo từng câu từng chữ, một thầy dạy học cũng thừa, chưa nên vội đặt học quan ở phủ huyện, chỉ là đặt hão, nên truyền Chỉ cho tuần phủ, bố, án các tỉnh ở biên giới từ Tuyên Quang cho đến Hưng Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hoá, các thượng ty đều chiểu theo lệ gần đây ở Nam Định tạm đặt chức tổng giáo, liệu đặt mỗi phủ một người hoặc hai ba người, không phải câu nệ người có học rộng, chỉ nên chọn học trò người Kinh hơi có học hạnh, cấp bằng đặt làm tổng giáo, hằng tháng cấp cho tiền một quan, gạo một phương, cũng không phải làm nhà học, tức cho tuỳ tiện trú ngụ để dạy bảo, không cứ con em của thổ mục hay thổ dân, đều hằng ngày phải dạy học, khiến cho biết chữ biết đọc sách, đợi sau văn học ngày được nhiều, lại đặt chức dạy học ở phủ huyện cũng chưa muộn".

Cho Vệ uý vệ hữu nhất dinh Vũ lâm là Tôn Thất Bằng làm Chưởng vệ ; thự Thống chế dinh Long võ là Lương Văn Liễu chuẩn cho giải chức thự Thống chế

Long võ, vẫn theo hàm Chưởng vệ thự Đề đốc Kinh thành kiêm làm việc phủ Thừa Thiên.

Hộ đốc Bắc Ninh Tôn Thất Bình tâu nói : "Kho thóc ở tỉnh chứa đầy mà thóc tô phải nộp mùa đông năm nay hầu đến 60 vạn hộc, xin phát ra 3 vạn hộc giảm giá để bán".

Vua cho hỏi bộ Hộ, Hà Duy Phiên thưa rằng : không có việc mà bán ra, không ích lợi cho dân, huống chi trong khi xuất nhập, tệ gian sinh ra, sợ có chưa tiện.

Vua bảo rằng : "Đại thần mưu việc nước, như thế rất xứng lòng trẫm", bèn giáng dụ chuẩn cho chiểu số thóc phải nộp mùa đông năm nay, cho dân theo giá chợ chiết nộp tiền một nửa, còn thực thóc phải nộp, kho tỉnh không thể chứa được, thì nên cho xay ra gạo vận chuyển ngay đến Hà Nội, đợi kỳ tải sang năm nộp về Kinh.

Cửa biển Tiểu Áp tỉnh Quảng Nam bị cát bồi lấp, chuẩn cho bỏ bớt đồn ở cửa biển ấy dồn cả về cửa biển Đại Áp, chia phái tuần phòng, nhưng chiếu lệ nơi nhiều việc, đặt một viên bát phẩm thư lại, theo viên thủ ngự làm việc.

Quan tỉnh Ninh Bình tâu nói : "Trại Bình Sa ấp An Lâm thuộc tỉnh hạt ấy, đất giáp bãi biển, nguyên có một con đê riêng để chống nước mặn (An Lâm, tên ấp, Bình Sa, tên trại, trước thuộc huyện Kim Sơn đổi thuộc về Yên Mô, đê dài hơn 3.460 trượng, mặt rộng 5 thước, chân rộng 1 trượng, thân cao 4 thước), hôm trước vì nước biển dâng lên to, nhiều chỗ bị sạt lở, nay nước đã xuống bớt, tự nên sửa đắp để giúp việc làm ruộng, nhưng công trình to lớn, mà dân vừa bị nạn bão xong, không đủ sức làm, xin cho chi tiền công để thuê làm". Vua bảo bộ Công rằng : đó cũng là lấy công việc thay cho phát chẩn. Vua y cho.

Làm thêm sách bằng lụa cho các bậc trong cung. Vua dụ rằng : "Trước đây chuẩn y lời bàn của bộ, phàm 9 bậc ở trong cung mới phong hay tấn phong đều có ban cấp sách bạc và sách mạ vàng có từng bậc. Nay nghĩ trong cung tần nhà vua, nếu biết kính vâng lời dạy bảo trong cung, khuya sớm siêng năng cẩn thận, thì bậc và hàm được thăng còn nhiều. Vả lại theo lệ tấn phong, có ban sách, nếu lần lượt giữ lại thì sau này sách được phong trước, tất phải chồng chất, chuẩn định từ nay, phàm cung tần nhà vua nhờ được tấn phong bậc khác, thì nên cấp cho sách bạc hoặc sách mạ vàng, do quan có trách nhiệm chiểu lệ làm việc, lại chiểu theo kiểu mẫu tấn phong lần trước, làm riêng một bản sách lụa điền đủ các chữ bậc hàm được phong trước, nhưng ở chỗ niên hiệu đóng ấn "ngự tiền chi bảo", chuyển giao cho giữ, còn sách phong trước đưa cho thái giám cất đi, biên chép làm lệnh".

Đắp bờ đê 2 đầm La Bích, Tô Đà ở phủ Thừa Thiên. (Đầm La Bích thuộc huyện Phú Lộc, đê dài hơn 130 trượng, chân rộng 2 trượng, mặt rộng 1 trượng, thân cao 5 thước ; đầm Tô Đà thuộc huyện Hương Thuỷ, đê dài hơn 70 trượng, cao rộng cũng như đê La Bích, đều ở giữa để cửa cống rộng 1 trượng). Hai đầm ấy cùng thông với sông Lợi Nông, quan Kinh doãn tâu xin đắp ngang một cái đê nhỏ để ngăn nước sông, sau này thành ruộng, có thể được hơn 400 mẫu, bèn cho thuê dân để làm.

Cho Bố chính Hà Tĩnh là Cao Hữu Dực làm Thị lang Binh bộ, Hiệp tán Trấn Tây thành cơ vụ, trước đây đặt quan lại ở thành Trấn Tây, đã có chức hiệp tán, nhưng chưa từng tuyển bổ. Đến nay vua bảo thị thần rằng : chức hiệp tán thực khó có người, Trần Hiển Doãn thì chưa quen việc, Đoàn Khiêm Quang, Hoàng Quýnh thì gặp việc hay sơ suất, Nguyễn Đăng Giai thì hay nói khoác, gặp việc rụt rè, Nguyễn Hợp thì trẻ tuổi, Đặng Đức Thiệm thì chậm chạp, duy có Cao Hữu Dực từng làm quan ở ngoài, làm việc hơi quen, có thể đương được, bèn có lệnh ấy, ra dụ phàm có việc lớn phải họp bàn thì chuẩn cho cùng với tướng quân, tham tán, đề đốc cùng ký tên để tâu, ký tên ở sau đề đốc, nếu việc thường thì không dự, còn hộp tờ tâu cấp cho hiệp tán trước, gặp khi có việc quan trọng khẩn yếu, thì cho viết để tâu, như theo lệ dâng tập thỉnh an, chiểu theo lệ bố án các tỉnh, lại sai quan có trách nhiệm chế cấp cho ấn đồng "hiệp tán cơ vụ quan phòng" và kiềm ngà mỗi thứ một cái.

Cho Hộ bộ Lang trung làm việc ở bộ là Đoàn Khiêm Quang thăng thự Bố chính Hà Tĩnh, hộ lý ấn tuần phủ quan phòng.

Lại lấy Trịnh Quang Khanh làm Tổng đốc Định - An, triệu Lãnh đốc Định - An là Lê Văn Đức về Kinh bổ dùng. Vua dụ rằng : "Trịnh Quang Khanh trước vì tỉnh Nam Định phát xuất ra việc tả đạo nước Tây, đã phái giáng hàm làm Tuần phủ, lại gia hạn ngặt bắt phải đi bắt, nay các tên đạo trưởng đã bắt đến trị tội, duy còn Dê-du-ni-mô vẫn chưa bắt được, tưởng không bao lâu cũng bắt được, còn như nhân dân trong hạt đều được yên ổn làm ăn, nhân nghĩ Trịnh Quang Khanh tuy không có tài năng gì khác, nhưng từ trước tới nay chăn nuôi cai trị dân một phương, giữ không lỗi lớn, bấy lâu giáng bổ cũng đủ để răn, gia ơn cho khởi phục nguyên hàm, nhưng phải tìm cách dò bắt tên Dê-du-ni-mô cho kỳ được, cho hết mầm mống ác. Lại treo thưởng hậu các hạt từ Hà Tĩnh đến Bắc Kỳ, không kỳ quan, quân, dân chúng có ai bắt được tên phạm ấy đưa nộp đến quan thì thưởng tiền 1.000 quan hoặc tố cáo báo bắt, hiện bắt được thì cũng thưởng hậu, kẻ nào dám chứa và ẩn giấu

thì cũng tội như kẻ phạm". Quang Khanh tâu nói : "Biền binh các cơ thuộc tỉnh ấy phần nhiều theo đạo Gia Tô, đã sức cho bước qua chữ thập, trong đó có bọn Phạm Viết Huy, Đinh Đạt, Bùi Đức Thể 2, 3 lần dụ bảo, đều xin chết theo Thiên chúa, vẫn không chịu bước qua, xin nên xử tội chém".

Vua bảo rằng : "Bọn chúng chỉ ngu xuẩn chấp mê nhất thời, so với người cưỡng hiếp phạm tội nặng, tình tội có khác, gươm búa đã chém, muốn hối sao được, lòng trẫm thương xót hiếu sinh, không nỡ thế, chuẩn cho đem đến bãi biển, sai bước qua giá chữ thập, bảo cho bọn chúng tính mệnh ở giây phút, nếu không bước qua, tức thì chém đầu quăng xuống biển, rất không có lý lại thấy giáo chủ Gia Tô, chúng nếu bước qua ngay thì là còn biết sợ, còn có một điểm lòng người cảm hối, tức cứ thực tâu lên, không thế thì chém cũng chưa muộn". Quang Khanh bèn đem bọn Viết Huy bảo cho hoạ phúc, chúng đều bước qua hơn 10 lần, sai tha cho và thưởng cho mỗi người 10 quan tiền, để khuyến khích người trót theo tả đạo mà biết hối.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCV*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838], mùa thu, tháng 9, xây dựng nhà thờ ở lăng Nguyên phối thần phi họ Hồ, (tức là Nhân hoàng hậu) (ở bờ phía tây sông Hộ Thành, thuộc phân xã Vạn Xuân). Nhà thờ cũ ở bờ phía đông sông Hộ Thành, thờ chung với Gia phi họ Phạm.

Vua thấy thể chế chưa hợp, cho nên tôn dựng nhà thờ riêng, sai bộ Lễ đổi định phép thờ, chọn 20 người dân xã sung làm phu coi đền thờ, đặt 1 ty vụ coi giữ để xướng suất, (Gia phi họ Phạm cũng dựng nhà thờ riêng ở bờ phía tây, còn nhà thờ cũ ở bờ phía đông chuẩn cho cứ để thờ, các án theo thứ tự bày thờ, đổi làm đền Ý Thục. Sau lại dời về vườn Thư Thanh phía tây thành). Dựng đền thờ Vĩnh Tường quận vương (cũng ở bờ phía tây sông Hộ Thành).

Cho Thượng thư bộ Hình Nguyễn Công Hoán làm Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên. Hoán vào bệ kiến từ biệt.

Vua bảo ngay trước mặt : "Ngươi ở trong Kinh lâu ngày, nay bổ ra tỉnh ngoài để hiểu biết tình trạng địa phương. Kể thì muôn việc trên thế giới đều do ở làm việc, chọn gì trong ngoài, ngươi biết giữ lòng lo sợ, tuy có tội lỗi cũng là lầm lỡ mà thôi, đi đâu mà chẳng được". Lại hỏi năm nay ngươi bao nhiêu tuổi ? Thưa rằng : "Thần 45 tuổi". Vua bảo rằng : "Còn kém trẫm 3 tuổi, răng đã gần lung lay và rụng chưa ? Trước Hoàng khảo ta khoẻ mạnh gấp 10 trẫm, tuổi ngoài 30, đã thấy rụng răng, vì hằng ngày giữ gìn cẩn thận thì khoẻ mạnh như thường, vẫn không liên quan đến răng bền hay rụng".

Cho Tả phó đô ngự sử Lê Đăng Doanh kiêm quyền làm công việc bộ Hình, Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên kiêm làm công việc bộ Lại, Tả thị lang bộ Lại Tôn Thất Bạch kiêm giữ ấn và công việc ty Thông chính sứ.

Pho *Minh Mệnh chính yếu* biên tập gần xong. Thưởng trước cho từ viên đồng lý đến các người làm việc 100 lạng bạc.

Vua dụ rằng : "Chính yếu là việc trọng yếu của chính thể, Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta lúc mới khai sáng, chưa có thì giờ làm ra, nay được yên đã lâu, lễ nhạc, điển chương đều đầy đủ cả, trăm quan tuân theo, truyền để muôn đời, không có tệ gì, cứ thực chép thẳng, chính yếu là ở đấy, không cần phải nhiều lời khen ngợi, phàm việc lớn thì nên chép rõ, việc nhỏ thì chép qua, nối liền với nhau, làm ra cẩn án biên thêm ở sau. Vả lại làm sách phải theo phép viết sử, chua riêng viết chung, tuỳ thế chuyển bút, không thế thì trùng điệp".

Mới đặt huyện Phúc Bình tỉnh Biên Hoà. Dân Man 3 đồn Bình Lợi, Định Quan, Phúc Vĩnh thuộc tỉnh hạt ấy, tình nguyện chia lập thành tổng, làng lệ thuộc biên vào sổ hộ khẩu, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên, vua chuẩn cho đặt làm 1 huyện để thống trị. Lại đem dân Kinh 1 tổng ở gần huyện Phúc Chính lệ thuộc vào, gọi là huyện Phúc Bình (Người Man 4 tổng, 48 xã thôn, số người 519 người, dân Kinh 1 tổng 16 xã thôn, số người 635 người) về thuế thân của dân Man cho sang năm bắt đầu thu, còn như đạc điền tuyển binh, hoãn hạn năm lại, cùng việc huyện nha phải đặt lại, lệ phải cấp công nhu, đều theo như lệ huyện Long Khánh mới đặt năm trước. (Huyện lỵ đặt tại phân xã Chính Hưng).

Vua dụ rằng : "Dân Man hạt ấy vào bản đồ, sổ sách đã lâu, thế mà lần trước, quan tỉnh không biết trù tính dựng đặt, để đổi quan người Thổ bổ quan người Kinh. Nay Bố chính Phạm Duy Trinh bèn biết đề nghị chia đặt tổng, làng, lập lên huyện lỵ, cho ngày càng tiêm nhiễm phong hoá người Kinh, bộ Lại nên bàn khen thưởng. Và các phủ huyện châu như Bình An, Long Khánh thuộc hạt ấy ; cùng là Tây Ninh thuộc Gia Định ; Hà Châu, Kiên Giang, Long Xuyên thuộc Hà Tiên ; Hướng Hoá thuộc Quảng Trị, phần nhiều là dân Man, mới thấm nhuần thanh giáo, lần lượt đặt dựng tổng làng, giống như dân Kinh. Nay dân ở biên giới thuộc hạt biên vào sổ hộ khẩu cả, vậy các viên đương thứ tỉnh phủ, huyện cũng phân biệt, nghị thưởng để khuyến khích. Sau chuẩn cho theo lời bộ bàn, Phạm Duy Trinh thưởng gia 1 cấp, các người dự làm việc và các người theo làm việc ở các tỉnh Gia Định, Hà Tiên Quảng Trị thưởng kỷ lục, tiền lương có thứ bậc".

Chuẩn định từ nay suất đội vệ Cẩm y có cha hoặc mẹ chết, chuẩn cho về quê quán lo việc tang ma 1 tháng, hết hạn, đến nhận chức, không cần chọn viên khác

sung bổ. Ghi lấy làm lệ (Lệ trước hạn cho 2 tháng, giống như suất đội các vệ cơ ở ngoài Kinh và tỉnh ngoài, đến nay cho là vệ ấy ngày thường phải đến hầu, cho nên đổi).

Thăng chức cho Chu Phúc Năng, Nguyễn Ân làm Phụng nghi thái giám, Trần Khoa làm Hộ thảng thái giám, sai quan có trách nhiệm chế cấp ấn ngà cho thái giám (Khắc 6 chữ "Thái giám thần đẳng đồ ký", lối chữ chân phương) để dùng công đồng.

Tổng đốc Hà - Ninh Đặng Văn Thiêm tâu nói : "Ninh Bình là kiêm hạt. Từ trước đến nay phàm việc tất phải xét hỏi, còn như tình hình dân sinh, lợi hay hại, tỉnh ấy vốn không tư cho biết, nên chưa kịp cùng bàn trù tính. Có Chỉ sai quan tỉnh là bọn Trần Văn Trung tâu lên". Bọn Trung tâu nói : "Trước kia giặc Thổ Sơn Âm là việc quan trọng, đã từng mật trình mấy lần, quan tổng đốc cũng chưa thể làm thoả đáng được, đến khi phái đại thần đi kinh lý, việc bắt giặc đã xong. Gần đây trong hạt yên ổn, không có việc gì quan trọng phải báo, duy có hôm trước, huyện Kim Sơn bỗng bị tai hoạ bất ngờ, đã tư trình ngay, không phải đợi hỏi mới báo".

Vua bảo rằng : "Xem tờ tâu, tình ý và lời nói không hợp nhau, Đặng Văn Thiêm trách nhiệm kiêm 2 tỉnh, chức vụ rất to, hạt kiêm nếu có việc quan trọng, tất phải thi thố trù tính giúp cho hạ ty, thì mới phục tình, thế mà trước đây tỉnh Ninh Bình có việc, công việc xếp đặt, không giúp cho được thoả đáng, nên hạ ty không khỏi có lòng coi thường, thì cũng tự có chỗ thiếu sót. Còn như nơi bọn Trần Văn Trung làm việc thuộc kiêm hạt của Đặng Văn Thiêm, việc lớn tất phải trình rõ, lẽ phải như thế, nếu thượng ty trong lòng coi như chỗ ngứa ngoài da, không chịu quan tâm thì cứ thực hặc tâu không ngại, đâu được có việc phải tư cho biết, lại tự ý bỏ qua, hình như coi khinh thượng ty, thì lại càng không đúng lắm. Nay tạm đều miễn xét kỹ, từ nay về sau nên cùng lòng dựng nước, để mong cùng giúp công việc, không được theo như trước chia rẽ chống cự này khác, muôn một hoặc có lầm lỡ tất liên can bộ Lại nghị tội không nhỏ".

Bốn trại thuộc động Phong Thu, châu Chiêu Tấn, tỉnh Hưng Hoá (Man Lãng, Tân Na Công, Diêm Đường, Hắc Ba Y) năm trước bị họ Điêu riêng chiếm bán đợ cho người nước Thanh mà lấy bạc thuế. Đến nay việc phát giác, vua sai quan tỉnh xét thực làm sổ, động mục là Điêu Quốc Trinh, Điêu Doãn Long đều phải cách chức phát làm lính, Tri châu Điêu Quốc Quán phải giáng 1 cấp.

Thự Phủ doãn Thừa Thiên Nguyễn Trọng Tân chết. Vua nghĩ chọn người sung chức thiếu, bộ Lại đem sổ biên chức quan tiến lên vua xem, thấy bộ Hình phần

nhiều là người ngoài Bắc, bảo các quan rằng : "Gần đây ở Nam Kỳ thăng chuyển toàn dùng người Nam cho nên ở bộ ít người Nam, kể thì Nam Bắc một nhà, sao lại chia khác. Nhưng nên khiến cho xen lẫn, như nhà Thanh có người Mãn, người Hán thế mới được, bèn cho Tả thị lang bộ Hình Phạm Thế Trung đổi bổ làm Phủ doãn Thừa Thiên".

Lập trường diễn tập ở phía trong đài Đông Ba. Sai quan quân đội Kim sang, dinh Thần cơ dự bị súng điểu thương và thuốc đạn. Chuẩn cho đường quan bộ viện khi rỗi việc quan đến đấy tập bắn, từ khoa đạo trở lên có muốn diễn tập cũng cho, thuốc đạn chi ra do bộ Binh hằng ngày ghi sổ, đến cuối năm đề vào sổ tiêu, đợi sau viên nào thuộc thạo, tâu lên đặc cách ban thưởng.

Mới đúc ấn "tể gia chi bảo" làm bằng chất vàng, vuông mỗi bề 1 tấc 3 phân, dày 2 phân 5 ly, cao 1 tấc 3 phân, núm hình con rồng.

Vua dụ rằng : "Từ trước đến nay trong cung gặp có việc thưởng, phạt, ban hành dụ chỉ, mượn ấn "Minh Mệnh thần hàn" để dùng, xét ra trị quốc trước hết phải tể gia, cổ nhân đã liệt vào 8 điều mục, nên sai quan có trách nhiệm đúc 1 quả ấn "tể gia chi bảo" để dùng ở trong cung".

Tiết Trùng dương. Vua đi chơi núi Ngự Bình. Trước đấy, vua bảo bộ Lễ rằng : "Trùng dương nhai tiết, từ xưa đã có. Nước ta tục dân thuần phác, phàm các tiết Thất tịch, Trùng dương, phần nhiều không thưởng ngoạn, nay trong nước được yên, chính là gặp thời vui chơi, nên lấy năm nay làm bắt đầu, mồng 9 tháng 9 trẫm đi chơi núi Ngự Bình, cho các quan theo hầu dự yến, nhân dân được du thưởng để tỏ cùng vui. Đến nay quan có trách nhiệm chăng màn vàng ở trên núi, kiệu vua lên đến nơi, trăm quan đều mặc áo đẹp lạy đón ở bên tả núi.

Vua quay bảo các quan theo hầu rằng : "Lên cao trông xuống, lầu nhà đều thấp, cho nên nói "lên núi Thái Sơn mà thấy thiên hạ nhỏ". Trăm quan làm lễ khánh thọ, lễ xong, vào hầu yến. Vua thân rót rượu cúc của vua dùng ban cho hoàng tử, thân công, đại thần văn võ, mỗi người 1 chén, và nói : rượu này rất tốt, trẫm uống 1 chén, 2 lần mới hết. Phan Huy Thực cũng chính là người biết uống rượu, đã phải cau mày chưa ? lại ban cho bánh khảo và bùa đào trừ tà, mà bảo rằng : trẫm cầu cho bọn khanh tiêu hết tai nạn để được sống lâu. Các quan đều lạy tạ, bèn sai Nội các dâng bút giấy, vua làm bài thơ (ngũ ngôn, 10 vần) để ghi nhớ việc ấy, rồi về cung thưởng chung cho các người theo hầu văn từ lang trung, võ từ quản vệ trở xuống đến lại dịch binh đinh và thợ làm việc 2.000 quan tiền.

Tổng đốc Hải - An Nguyễn Công Trứ đem đại đội binh thuyền chia đường thẳng đến Chàng Sơn vây bắt giặc biển, chém tại trận được 1 đầu giặc, giặc bỏ

thuyền lên bờ chạy, quan quân đuổi theo bắt, chém được nhiều, thu được cả thuyền mành khí giới, xét thấy nhà cửa có hơn 50 nhà, đều có tang vật cướp được, khoảng núi ấy, cấy lúa được hơn 500 mẫu, đều đốt phá hết. Việc ấy tâu lên, thưởng cho quản vệ, quản cơ đi trận ấy đều kỷ lục 2 thứ, suất đội đều 1 thứ, binh dõng thưởng chung cho 300 quan tiền. Trứ bèn cùng với Suất đội giám thành Lê Đức Hảo ở Kinh phái đi cùng xem hình thể núi Chàng Sơn vẽ thành đồ bản đệ lên dâng. Sớ nói : hai bên tả hữu Chàng Sơn lại có Đông Chàng, Tây Chàng, Nam Chàng, Đàm Chàng giúp đỡ lẫn nhau, một dải phía đông núi cao, cây rậm, giữa có dòng sông gọi là sông Thông Đồng, một dải tây nam núi non thấp phẳng, phía dưới rộng và phẳng, đất cát màu mỡ, người nước Thanh tụ ở đấy thường đến trên 500 nhà, từ trước đến nay, Quảng Yên cho là nơi không thể đến được, mới thành sào huyệt của giặc cướp. Nhưng chúng đón cướp tất ở các cửa biển lớn nhỏ Vạn Ninh (thuộc xã Vĩnh Thực) ; đánh cá thì tất ở các phận biển Vậng Thôn ở Vân Đồn (thuộc xã Quan Lạn) và U Nang ở Hoa Phong (tên đất, thuộc các xã Chân Châu, Xuân Áng), chặn được đường đi đến, thì không dám vượt biển, canh giữ cho nghiêm, thì không đón cướp được. Nghĩ định ở Chàng Sơn, vụng Đàm Úc ở phía đông, vụng Thảng Úc ở phía tây nam, đều làm 1 đồn lớn, mỗi đồn đặt 1 quản vệ hoặc quản cơ, 500 binh, 20 chiếc thuyền. Bên tả Thảng Úc, bên hữu Đàm Úc làm 1 pháo đài, những nơi cao đều đặt lầu canh, chỗ đốt lửa, phía trước là bãi cát thì lập xưởng đóng thuyền, duy ở ngoài biển tin tức khó thông, hai bên tả, hữu hộ ứng, mới giữ được không ngại. Còn vụng Cai Úc ở cửa biển lớn, Vậng Thôn ở Vân Đồn, đều làm 1 đồn. Đồn Cai Úc bên tả làm pháo đài, bên hữu làm chỗ đốt lửa, 200 biền binh, 6 chiếc thuyền ; đồn Vậng Thôn chỉ làm 1 chỗ đốt lửa, 150 biền binh, 4 chiếc thuyền Chàng Sơn nếu có hoãn cấp, lập tức đốt lửa làm hiệu, 2 đồn ấy cũng đốt lửa làm hiệu, một mặt đem binh thuyền ở đồn, 1 mặt phi tư cho các châu huyện Vạn Ninh, Hoa Phong, Vân Đồn, cho đến tỉnh thành đều đến sách ứng, như thế thì tin tức cùng thông, chiếu cố được nhanh chóng, bờ biển có thể yên hẳn.

Và ở Chàng Sơn thành điền đã được hơn 500 mẫu. Các lính ở đóng đồn cấp cho điền khí để khai khẩn trồng cấy, không ngoài 1 năm, chi tiêu thừa thãi, cũng không phải cấp gạo thêm lương. Còn như thổ mục và thủ hạ hắn ở Vạn Ninh, Hoa Phong, Vân Đồn, đều là quen chịu sóng gió, có thể chiến đấu được, xin mộ người địa phương ấy 1 cơ 10 đội, mỗi đội 50 người để giúp việc sai phái. Vả lại nay vào tiết cuối thu, gió mưa không lường, tạm trở về Hoa Phong, đợi hướng gió thuận tiện, lại đến Chàng Sơn liệu việc. Lại chỗ tiếp giáp với Vạn Ninh là núi Trúc Sơn động La Phù (tên động) thuộc châu Vĩnh An, vốn là địa giới nước ta, nay cũng nên tính lấy lại.

Sớ tâu vào. Vua bảo rằng : "Từ trước đến nay giặc biển trộm nổi dậy cướp người buôn bán. Trẫm đã liệu biết tất lấy các đảo gần biển làm sào huyệt ẩn nấp. Nay cứ lời tâu, Chàng Sơn quả nhiên có một hòn đảo quanh co, thuyền có thể đậu lén lút, đất cát phì nhiêu có thể mưu sống được, hiện nay người Thanh tụ ở đấy đến hơn mấy trăm nhà, trồng cấy đến hơn 500 mẫu, vả chăng xét thấy có tang vật trộm cướp, sự trạng rõ ràng, nếu không sớm tính đánh đuổi, hằng năm thuyền đánh cá hàng trăm hàng nghìn, tụ họp thành đoàn. Thực là 1 chằm vực lớn của kẻ trốn tránh, lửa đom đóm, muỗi thành sấm, thế tất ngày càng lớn, hơi độc ở biển bao giờ yên được, đó là trách nhiệm của người chưa xong, tất phải đi nữa làm cho thoả đáng để cho xong việc. Còn nghĩ định chọn đất làm đồn luỹ, pháo đài và mộ dân Thổ trước sung làm lính đóng đồn, rất là hợp lý, nhưng 1 phen xếp đặt nên phải 10 phần chu đáo, đợi sau đi khắp xem xét trù tính kỹ càng, tâu lên, lại giáng Chỉ cho thi hành. Còn như địa giới Trúc Sơn động La Phù, châu Vĩnh An là bãi biển xa xôi, việc đã lâu rồi, bản đồ sổ sách khó xét, nay nếu tư đến Quảng Đông, ta lấy được đất làm vinh, thì chúng tất lấy mất đất làm nhục, việc liên quan đến cương giới, tất không khỏi tốn nhiều lời biện chiết, lại thành ra không khéo. Duy dân ở biên giới ở chỗ phần nhiều không căn cứ đích xác, hoặc do tỉnh Quảng Yên phái người đến tận nơi viên đồn Trúc Sơn, nói rõ đất ấy nguyên trước thuộc về cương giới triều ta, tự phải giao trả, để đưa tin lặng lẽ ở lời nói, không động đến thanh sắc, mà chúng tự nhiên phải nghe, thế là tốt.

Trong tập thỉnh an của Án sát Nghệ An là Phùng Đắc Ninh nói : "Đồn Quy Hợp thuộc tỉnh ấy là cổ họng của Trấn Man, Trấn Tĩnh, địa thế rộng mênh mông, xin đặt tri châu để cai trị, phàm việc bắt lính thu thuế, tuần phòng, phải chuyên trách cả".

Vua bảo rằng : "Quy Hợp địa thế tuy rộng, nhưng thuộc về đồn ấy chỉ có 7 động sách, số dân không đầy 100 người, từ trước đến nay đã đặt 1 thủ ngự, 1 thư lại, cũng đủ làm việc, việc gì phải lại đặt viên thừa, rồi chuẩn cho theo bộ Hộ bàn : động, sách đều đổi làm xã, đổi định lại thuế lệ (Lệ trước : sách Trú Cẩm 12 người, hằng năm nộp tiền thuế 28 quan, sáp ong, mật ong mỗi thứ 6 cân. Sách Vụ Quang 6 người, hằng năm nộp thuế tiền 14 quan, 8 tiền, sáp ong, mật ong mỗi thứ 4 cân, 8 lạng. Sách Chúc A 6 người, tiền thuế mỗi năm nộp 12 quan, sáp ong, mật ong, mỗi thứ 3 cân. Động Động Dịch 10 người, hằng năm nộp 4 cân sáp, 1 tấm vải hoa mán, nộp thay bằng tiền 2 quan 5 tiền. Sách Trà Lũ 3 người, hằng năm nộp 6 cân sáp ong. Sách Phủ Lưu trước bị phiêu tán không có người, lệ nộp tiền thuế 4 quan, sáp ong, mật ong mỗi thứ 1 cân 8 lạng. Sách Minh Mông 38 người, sung làm lính

Thổ ở đồn, không phải thuế lệ, đổi định làm hạng tráng, tiền đại dịch[1] 2 quan 5 tiền, sáp ong, mật ong mỗi thứ 1 cân. Minh Mông đổi làm Trừng Thanh, đem về chịu thuế, chọn dân các xã 20 người sung làm lính Thổ ở đồn, mỗi tháng 1 lần thay đổi. Xã Phù Lưu do viên đồn chiêu hồi theo lệ nộp thuế).

Lại nghĩ đồn ấy từ trước không thuộc phủ, huyện nào, cho lệ thuộc ngay vào huyện Hương Sơn (thuộc tỉnh Hà Tĩnh), 7 xã thuộc đồn ấy đặt làm tổng Quy Hợp, đặt 1 cai tổng, theo viên đồn sai phái (cấp cho đồn sở 10 ngọn giáo dài, 5 con dao quắm, 5 khẩu súng điểu thương).

Án sát Quảng Yên, Nguyễn Đồng Khoa dâng tập thỉnh an nói : "Các viên thổ huyện, châu Yên Hưng, Vạn Ninh, Hoành Bồ thuộc tỉnh ấy đều là thổ mục, sợ không thể làm nổi chức, xin đều rút về theo tỉnh sai phái, và các châu Vạn Ninh, Tiên Yên, Vân Đồn đường biển dài và cách trở. Các thóc tô đã chuẩn cho chiết nạp bằng tiền, nhưng xét giá trước đều có khi cao hạ không giống nhau, xin chước lượng vừa phải, cho có tiêu chuẩn nhất định".

Vua bảo rằng : "Thổ huyện, thổ châu gần đây đặt bổ quan người Kinh là muốn để hun đúc giáo hoá, các thổ quan cũng chuẩn cho cùng làm việc, sai khiến cùng giúp nhau, triều đình coi như một, nguyên không chia rẽ kẻ nọ người kia, huống chi chức việc làm được hay không, chỉ quan hệ ở người giỏi hay không giỏi, quan người Kinh chưa hẳn đều hèn kém cả, đâu có thể giữ ý kiến riêng của mình mà nhất khái ấn định được ? Bọn chúng nếu quả không thể làm được, hoặc tỏ ra dấu vết hèn kém, thì lấy phép công bắt tội cũng được, bãi đi cũng được, đâu có vô cớ triệt bỏ chức vụ, thì sao tỏ là chí công mà thoả lòng mong của bầy tôi xa được. Duy có thuế khoá cho chiết nạp, vốn để tiện cho dân, lượng tính phải nên vừa phải, nên sai bộ Hộ bàn. Đến khi tâu lên, chuẩn định cho thi hành. (Thuế lệ hằng năm không cứ thu mùa hạ hay thu mùa đông, mỗi 1 hộc thóc định tiền đại nạp là 1 quan 8 tiền. Ở tỉnh phải chi lương bổng cũng theo giá ấy chiết cấp)".

Án sát Bình Thuận Nguyễn Quốc Cẩm dâng tập thỉnh an nói : "Nguyên thổ dân Thuận Thành, sang năm chính đến hạn tuyển lính. Xin theo lệ dân Kinh lượng giảm 6 đinh lấy 1".

Vua bảo rằng : "Thổ dân hạt ngươi bắt đầu chia lập tỉnh ấp, đổi quan người Thổ, bổ quan người Kinh, không biết đã dần bỏ thói hủ chưa ? Huống chi sau khi bị biến loạn giặc cướp, phiêu tán mới về, chưa được 10 phần tụ đủ. Nếu vội vàng tuyển

(1) *Đại dịch :* thay cho việc phu dịch.

lính, không tránh khỏi tình hình quẫn bách. Chuẩn cho đến kỳ tháng 2 sang năm, thử đòi bọn chúng 1, 2 trăm người đến tỉnh sai phái, đủ 1 tháng cho về, xem chúng đã tập quen tiếng Kinh, dần nhiễm phong hoá người Kinh chưa ? Cứ thực tâu lên đợi Chỉ ; còn tuyển lính đợi sau sẽ làm cũng được".

Án sát Hà Nội Nguyễn Thế Đạo dâng tập thỉnh an nói : "Trong hạt ấy giặc dẹp hết, dân được yên, duy có tệ lính trốn vẫn chưa đổi hết được, vì dân gian có đặt khoán ước, niên khoá đã đủ, đổi điền tên khác. Có người muốn ở lại ngũ thì lại sợ bị trong làng chê khinh, cũng không dám ở, xin nên định rõ điều cấm, răn tổng lý, trách phủ huyện, để cho dân không coi thường pháp luật, lính không thường trốn".

Vua bảo rằng : "Binh dân là chính sách lớn của Nhà nước, từ trước đến nay phân xử lính trốn cho đến việc cấm chứa lính trốn, nhiều lần đã định rõ chương trình, chắc đã chu tất. Quan địa phương nếu biết thực lực vâng làm, có nhân theo khoán ước trong làng, chứa giấu lính trốn, việc phát giác ra, lập tức xét rõ trừng trị, lo gì thói tệ không đổi, ngạch binh không đủ. Nếu vâng làm bất lực mà muốn thêm điều ngặt để cấm, xét ra cũng chỉ nói suông, có ích gì, còn như nói rằng làm lính đã mãn khoá ở làng, có người muốn ở lại, sợ bị trong làng chê khinh cũng không dám ở lại, nói thế lại không sát tình lý, kìa như một tên lính trốn, cả làng chịu luỵ phải bắt người điền vào, hẳn nếu ở lại, thì người làng đâu có chỗ không vui, mà chê là trái thói nên không dám ở, đủ thấy ghen ghét rất nhiều mà không tự biết là nói quá mà thôi. Nay dân địa phương đã được yên ổn, không làm thói quen trộm cướp, đều có lòng mong được trị an, làm chức chăn nuôi dân, chỉ nên theo giữ phép cũ, trị bằng cách không nhiễu dân, cho dân được cùng yên, không nên đem việc nhỏ trong dân gian muốn thay đổi nhiều làm gì".

Án sát Phú Yên Đỗ Huy Cảnh dâng tập thỉnh an nói : "Ở tỉnh ấy trước làm việc, phàm dân xã có cung người trốn vào sổ thêm, thì người trốn cho chua bên cạnh "thu đền thuế thân" mà họ tên vẫn cùng với người mới vào sổ thêm cũng biên vào sổ, đến năm sau mới đem vào hạng tráng, chưa khỏi chỉ thêm số hão. Xin phải định rõ điều lệ, để cho người ở, người trốn có phân biệt".

Vua chuẩn cho theo bộ Hộ bàn, từ nay phàm dân xã các địa phương có đem đinh tráng ở sở cung là trốn, mà lấy dân bỏ sót ghi thêm vào, thì cho đem người trốn để riêng làm 1 hạng, ở vai chua các chữ ngày tháng năm nào trốn, kê khai ở sau hạng dân thực nạp, như kê số đăng háo, không được đem tên ấy khấu trừ đi, còn thuế thân năm ấy của dân trốn chiếu lệ phải thu. Nếu có trở về, lý lịch sở tại bẩm tỉnh ngay và biên vào hạng dân thực nạp, nếu trốn biệt, từ năm sau trở đi được miễn phải thu, nhưng để riêng ở sau sổ, đợi đến kỳ tuyển thì bỏ đi.

Án sát Vĩnh Long Hà Thúc Giao dâng tập thỉnh an nói : "Ruộng đất trong hạt rộng và nhiều, dân trong thôn nhiều người trưng chiếm. Kẻ giàu lợi dụng sức của kẻ nghèo, không hỏi giấy phái lai, dung chứa tất cả, tổng lý cũng không tra xét, việc đã vỡ lở, cũng chưa đổi hết. Xin phàm có việc ấy, thì dân lậu và hương dịch chiểu luật gia đẳng trị tội, tổng lý và phủ huyện cũng đều phải nghị xử".

Vua bảo rằng : "Ẩn lậu số đinh, điều luật có nói rõ, chương trình xem xét dân ngụ lâu ở các tỉnh Nam Kỳ nhiều lần đã chuẩn y lời bàn của đình thần và kinh lược đại thần, đã được chu đáo, thực biết thời thường răn bảo, tự có thể bỏ thói tệ, còn người nghèo bỏ sức, người giàu bỏ ruộng, giúp nhau để sống, cũng là thường tình của dân gian, hầu xem xét vào đâu mà bắt tội, há chẳng lại thêm nhọc thêm nhiễu ư ? Duy có dân Nam Kỳ lười biếng thành thói quen, có nhiều kẻ du thủ, du thực, hoặc vì quyền thế phải chứa giấu, hoặc mượn nhà giàu làm chỗ trốn tránh, thường thường mò mẫm cắp trộm, ngày quen làm trái phép, cũng là thế không tránh khỏi, không riêng điền chủ thuê người làm mướn mà thôi, các mối tệ ấy không thể không cấm, nên thông dụ cho đốc phủ, bố án 6 tỉnh đều sức rõ trong hạt, không cứ điền chủ, ngay phàm quan viên, hào mục đều không được chứa nuôi kẻ côn đồ, phóng đãng sót tên trong sổ, ai phạm vào điều cấm, thì phải tội, phủ huyện chuyển sức cho tổng lý thường phải xem xét, nếu thấy người không có tên ở sổ đến ngụ, thì cho vào sổ ngay, chia cấp cho ruộng bỏ không để cày cấy, cho có chỗ ở, nếu chủ ruộng, nhà giàu cố ý chứa giữ người lậu tên trong sổ, việc phát giác ra, sẽ trị tội nặng, tổng lý và phủ huyện sơ suất, cũng phân biệt nghị xử".

Hộ phủ Lạng Sơn, Cao Bằng Trần Ngọc Dao dâng tập thỉnh an nói : "Tỉnh hạt ấy tiếp giáp địa giới nhà Thanh, hằng năm có nhiều người Thanh sang buôn bán mưu sinh, không kém vài trăm người, phải có người cai quản để cùng thống thuộc. Xin đến kỳ đấu giá thuế quan, mùa đông năm nay yết thị cho các hộ phố có người xin lĩnh quản thì đầu đơn, nhận nộp thuế lệ năm nay".

Vua chuẩn cho theo bộ Hộ bàn, chọn trong hộ ngạch Minh Hương lấy 1 người có thể làm được việc, cho trông coi việc ấy, phàm người Thanh xin đến tỉnh hạt, xét quả là lương thiện có mang theo bài chỉ của châu nước ấy, thì dẫn đến lĩnh giấy tỉnh cấp cho, tuỳ tiện làm ăn. Nếu dám tự tiện đi buôn, làm mướn làm thuê thì bắt giải trừng trị. Các người từ tháng 2, tháng 3 tới ở đến tháng 6, tháng 7 về, thì mỗi người nộp 3 quan tiền thuế ; ở đến tháng 8, tháng 9, hoặc cuối năm mới về thì mỗi người đều 5 quan, cuối năm chiểu số thu được làm sổ kính đệ lên, không phải đấu giá. Sau lại chuẩn cho tỉnh Cao Bằng theo lệ ấy mà làm, đổi định lại tiền thuế mỗi người 5 quan, không cứ hạn tháng.

Các tỉnh Bắc Kỳ tâu báo dòng sông yên sóng.

Vua sai phát hương lụa kho trong Kinh đưa cho Sơn Tây sửa lễ tạ miếu Hà thần, các quan tỉnh đến viên biền lại dịch, được thưởng kỷ lục tiền lương có từng bậc. Lại chuẩn cho lấy mùa nước lớn mùa thu năm ấy làm bắt đầu, hạt nào có đòi bắt binh dân đến chỗ đê canh giữ và nhân dân tự biện gỗ đá vật liệu, phí tổn bao nhiêu làm danh sách tâu lên đợi Chỉ thưởng cấp. Hằng năm theo lệ ấy mà làm. Lại cho là đê bối sông Cửu An cùng với sông Cái không khác gì, thì về tỉnh Hải Dương sau có tâu báo yên sóng, chuẩn cho cùng với 5 tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, cùng ký tên tâu lên, không phải làm tập tâu riêng.

Chia đặt phủ Phúc Long tỉnh Biên Hoà làm 2 phủ Phúc Long, Phúc Tuy. Tỉnh Biên Hoà trước có 1 thống phủ (Phúc Long), 4 huyện (Phúc Chính, Phúc Yên, Long Thành, Bình Yên). Gần đây đất cát ngày mở mang, hộ khẩu thêm nhiều, đặt thêm 3 huyện (Nghĩa An, Long Khánh, Phúc Bình), địa hạt rộng mà công việc nhiều, 1 phủ, thế không thể trông khắp, bèn chuẩn cho theo bộ Lại bàn chiểu theo địa thế gần nhau, lấy 4 huyện thuộc phủ Phúc Long, kiêm lý Phúc Chính, thống hạt Bình An, Nghĩa An, Phúc Bình, còn 3 huyện đặt làm phủ Phúc Tuy, kiêm lý Phúc An, thống hạt Long Thành, Long Khánh.

Cho Tả phó đô ngự sử Lê Đăng Doanh thăng thự Thượng thư bộ Hình nhưng kiêm việc viện Đô sát, Lang trung biện lý bộ Lễ Vũ Thành Phong thăng thự Tả thị lang bộ Hình.

Chuẩn định từ sau phàm trong Kinh và tỉnh ngoài, các viên văn, võ phải cách mới được khởi phục, chờ bổ ở bộ, đều theo lệ viên thừa, hằng tháng cấp cho tiền 1 quan, gạo 1 phương, chờ ngày bổ làm quan, chiểu phẩm chi lương.

Tỉnh Quảng Nam gạo đắt, quan tỉnh là Vương Hữu Quang, Nguyễn Trọng Nguyên dâng sớ xin chiểu số đường, quế phải mua năm nay, phát trước thóc công để giúp lương ăn cho dân.

Vua phê bảo rằng chính hợp ý trẫm, bèn sai tăng giá phát thóc cho cấp cho, có ai muốn lĩnh tiền thì cũng cho, thưởng cho bọn Quang đều được kỷ lục 1 thứ.

Cho Vệ uý vệ Tả Bắc Ninh là Tôn Thất Đường thăng làm thự Vệ uý vệ Tiền di Hổ uy.

Định lệ hao về đường cát Nhà nước mua ở kho Đà Nẵng.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Đường cát tinh vốn ẩm ướt, tích trữ lâu ngày dễ sinh hao hụt, là thế không tránh khỏi được, kìa như viên chủ thủ để không đúng phép, và

dụng tình bớt xén, cố nhiên phải tội, còn để lâu mà không cho trừ hao, cũng chưa đủ rõ công bằng, bèn sai quan tỉnh tuỳ theo lâu chóng chước nghị lệ hao, tâu lên chuẩn cho thi hành (Hằng năm lưu trữ, tính từ ngày tháng bắt đầu thu, như tháng 3 năm nay đến tháng 3 sang năm tính đủ 1 năm làm hạn, đủ 2 năm thì mỗi 100 phần cho trừ hao 1 phần ; 2 năm rưỡi lại thêm 1 phần ; 3 năm trở lên đến 3 năm rưỡi lại thêm 1 phần. Ngoài ra cứ lần lượt theo lệ ấy mà làm. Người coi giữ, phơi phóng không siêng, đến nỗi trong vòng 2 năm, sắc đường ẩm đen, hao thiếu thì bắt phải nấu lại, nếu thiếu thì cứ số đường phải đền tất cả ; lại chiểu tội đáng phải xét xử tội nặng. Duy chỉ 3 năm trở lên là đã lâu ngày, phơi phóng không khô, nếu có nấu lại, trừ lệ được trừ hao, còn thiếu thì bắt đền cho đủ số nhưng được miễn xử phân)".

Đổi vệ Dực bảo làm vệ Dực bảo nhất. Chuẩn cho mộ thêm 5 đội đặt làm vệ Dực bảo nhị, lệ thuộc theo các hoàng tử còn nhỏ sai phái.

Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công tâu nói : "Năm trước mua được 2 súng sắt cũ, dùng để bắn voi rừng, trâu rừng, nay nghĩ súng ấy có liên quan đến việc binh. Xin nộp vào kho".

Vua bảo bộ Binh rằng : "Từ trước đến nay, súng ống từ hoàng thân, quốc thích cho đến quan viên trong ngoài, có người được Nhà nước cấp, có người mua riêng, đến kỳ diễn tập vẫn không cấm, nhưng chưa định có hạn lệ, bộ ngươi nên bàn cho thoả đáng".

Quan ở bộ bàn xin từ nay phàm hoàng tử công, hoàng tử, các thân công, mỗi người đều cho được dùng riêng 1 khẩu súng thần công, 6 khẩu súng điểu thương, văn võ quan chức trong ngoài nhất nhị phẩm mỗi người đều được 3 khẩu súng điểu thương, tam, tứ phẩm 2 khẩu, suất đội 1 khẩu. Hoàng tôn, công tử tuổi 16 trở lên chưa được phong tước, thì nếu có học tập việc võ cũng mỗi người được 1 khẩu súng điểu thương. Không cứ Nhà nước cấp hay mua riêng đều theo hạn định để dùng, còn thừa thì đem nộp, còn như mã thương ngắn và đại bác đều cấm không được giấu riêng. Và nhà ai hoặc có đời trước để lại, hoặc nhặt được ở nơi khác, không cứ súng ống hạng nào lập tức đem nộp quan. Về nộp súng riêng, ở Kinh do bộ Hộ, ở ngoài do quan địa phương, liệu tính giá trả tiền. Ai trái thì chiếu luật hỏi xét.

Vua nghe theo. Chuẩn cho ở Kinh lấy cuối tháng 10, ở ngoài cuối tháng 11, phải nộp xong. Nếu chậm trễ quá hạn, phải xử theo luật cố ý trái phép, tự phá huỷ và chôn giấu, đem vứt bỏ, sẽ trị tội nặng.

Sai thự Lang trung bộ Công Đỗ Khắc Thư, Ngự sử đạo Định - Biên Tô Trân đi khắp phủ hạt Thừa Thiên xem xét đất bỏ không có thể trồng được gai, chọn được

trên 70 mẫu (ở chân rừng các xã Trúc Lâm, Hải Cát, Thạc Lại, Diễn Phái, Thạch Hạn). Chuẩn cho bộ Binh chia phái quan quân các vệ đi khai khẩn để trồng. (Mỗi trượng thưởng 1 quan tiền).

Cho thự Đề đốc Hà - Ninh quyền hộ ấn Tổng đốc quan phòng Ninh - Thái là Tôn Thất Bật làm Thống chế Tổng đốc Ninh - Thái, Thị lang bộ Binh Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương làm Tham tri Tuần phủ Hưng Yên.

Định rõ điều lệ bổng mãn[1]. Phàm thuộc viên các nha ở Kinh và tỉnh ngoài, được dự hạng bổng mãn thì công, tội, thưởng, phạt, xét việc nhiều ít để làm thứ bậc, còn giữ chức hơi nhiều, vẫn theo nghị định Minh Mệnh năm thứ 16 (hạng ưu thưởng gia 1 cấp, hạng bình gia kỷ lục 2 thứ, hạng thứ theo như cũ nhận chức, hạng kém đình thăng 3 năm). Còn thì công việc ít như ở trong Kinh 2 ty Từ tế cả, hữu ty viện, phụng trực lăng Thiên Thụ, thuộc viên các phủ hoàng tử công, hoàng tử thân công, Hàn lâm viện, Khâm thiên giám, Quốc tử giám, Giám thừa, Tào chính, Hộ thành, thuộc viên các nha, thân binh, cấm binh tri hạ ; các tỉnh ở ngoài : chiêm hậu ty, linh đài lang, ty viên phụng trực ở Nguyên miếu, các loại ấy hạng ưu gia kỷ lục 2 thứ, hạng bình gia kỷ lục 1 thứ, hạng thứ cho lưu chức làm việc, hạng kém đình thăng 6 năm. Lại ở ngoài, như đốc học, giáo thụ, huấn đạo tại chức người đủ 3 năm, đã có chương trình sát hạch, phân biệt thăng giáng, còn 3 năm có kỳ đại kế, không phải kê vào danh sách.

Bộ Lễ tâu nói : "Năm trước nghị định chuẩn cho con cháu công thần được tập phong thế tước. Người phong tước công thì được tập phong 5 đời, người phong tước hầu thì được tập phong 4 đời, từ trước đến nay các công thần quá cố được phong, trong đó có nguyên phong Vĩnh Thuận hầu Tống Phước Lương, vì đánh giặc không có công, lại nhiều dấu vết kém : việc tập phong của con viên ấy đã có minh Chỉ tạm để lại đấy, nay xin không phải bàn nữa. Duy có nguyên phong Lương Tài hầu, truy phong Tân Thành quận công là Trần Văn Năng, trước đây theo tước hầu nguyên phong khi còn sống bàn tập phong cho con viên ấy làm Lương Tài bá được tập phong 4 đời, thực thấy quá câu nệ, nay xin nghị con cháu Trần Văn Năng, nên chiểu công mới được phong cho thế tập 5 đời, mới là công bằng".

Vua bảo rằng : "Báo đáp công lao là phép lớn của Nhà nước, chính nên phân biệt, đáng hay không đáng, đâu được cầu may quá lạm. Vĩnh Thuận hầu Tống Phước Lương, trước vì việc biến ở Phiên An giao cho việc quân lữ, chức vụ long

(1) *Bổng mãn* : làm quan đủ kỳ hạn nhất định, quan ở Kinh thì 2 năm là đủ hạn, quan ở ngoài thì 3 năm là đủ hạn

trọng đến bậc nào, mà đóng quân lâu ngày chút mưu không thi thố, sau nhân giặc Xiêm lấn bờ cõi, sai đem quân đi đánh dẹp, lại một mực hèn nhát không có tài, trận đánh ở cửa Thuận An, vô cố muốn tự rút quân. Nếu không có bọn tham tán Nguyễn Xuân, Trương Minh Giảng ngăn lại, chẳng gần hỏng việc ư ? Đến khi rút về quân thứ Gia Định, lại điều khiển trái phép, 2 lần đánh thành, phần nhiều có hao quân tổn tướng. Có tội, không công như thế, đáng phải lấy lại tước, trẫm nghĩ năm trước nương nhờ dự có chút công, cho nên được cho là Vĩnh Thuận hầu trọn đời đã là may lắm, đâu có lý tập phong. Vậy con cháu Tống Phước Lương theo nghị không chuẩn cho tập phong, còn như Lương Tài hầu Trần Văn Năng đã là tướng cũ của tiên triều, thường có công lao ; thờ trẫm lâu năm, hết lòng về việc nhà vua. Trước kia uỷ đi đánh giặc cũng biết dốc lòng trung dũng, nhưng ở trong quân không khỏi có người tham bỉ phao tiếng bừa bãi. Vả lại việc đánh ở Phiên An chưa được thành công, chỉ nghĩ là người mệt nhọc nhiều, mắc bệnh chết ở quân ngũ, bèn truy phong tước công, đấy là đặc cách gia ân so với người có công được ban tước có khác, lần trước, bộ nghị chiểu tước hầu được phong tước, con cháu theo thứ tự giáng phong, thực đã thoả hợp. Nay lại đem tước công, ân phong tâu xin tập tước, sao toàn không có định kiến. Vậy con cháu Trần Văn Năng đáng được tập phong, vẫn theo nghị trước mà làm.

Định thuế dao dịch của người Thanh ở các tỉnh Nam Kỳ.

Các bang người Thanh người có vật lực thì hằng năm nộp tiền thuế mỗi người 6 quan 5 tiền, người không có vật lực thì một nửa, đến nay chuẩn cho theo bộ Hộ bàn, phàm người có vật lực thì chiểu theo dân tráng Minh Hương biệt nạp hằng năm mỗi người nộp 2 lạng bạc, dân đinh 1 lạng, người không có vật lực gì giảm cho 1 nửa. Mãn hạn 3 năm toàn thu tất cả, các người Minh Hương và người Thanh nếu có tình nguyện nộp thay bằng tiền cũng được.

Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh tổng đốc Định - An Lê Văn Đức từ Nam Định về vào yết kiến. Vua chuẩn cho vẫn giữ chức Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Công kiêm làm công việc bộ Lại.

Mới đặt đại thần kiêm lĩnh công việc Quốc tử giám.

Vua dụ rằng : "Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, lấy việc dạy nuôi nhân tài làm việc cần. Xây dựng học xá, cấp lương sinh viên gia ơn cho học trò, ban bố sách vở, chẳng qua khiến cho có nhiều người thành tựu, để giúp việc Nhà nước, nhưng các học quan chỉ lấy việc dạy và sát hạch làm tròn chức vụ. Ngoài ra, quy trình giảng dạy, công việc học tập, không được nghe chút nào, thì học trò sao cố gắng mà phấn

khởi được, học trò vẫn chưa thành tài, là bởi cớ ấy. Xét ra Quốc tử giám là nơi đại học gương mẫu phép tắc, xem phong hoá phải do đấy trước, mà gần đây người giữ chức dạy, cẩu thả tắc trách, không làm được gì, huống chi người khác, nên sai bộ Lễ bàn để cho hăng hái làm việc".

Quan ở bộ bèn nghị xin chọn phái 1 viên đại thần ban văn, kiêm lĩnh công việc Quốc tử giám, để cho học trò kính theo khuôn phép, không được gần nhờn như quan ở Giám, phàm học trò 4 phương đều cho được đến Giám học tập, hằng tháng 4 khoá tập văn, quyển văn của giám sinh và các học trò, quan ở Giám phải chấm duyệt chịu thứ bậc cao thấp, rồi chuyển đệ lên đại thần kiêm lĩnh xét kỹ, đại thần kiêm lĩnh lại thân đến nhà Quốc học đốc sức các quan tế tửu, tư nghiệp ra đầu đề cho tập làm văn, nếu có người văn học giỏi giang, lượng thưởng bút, giấy, mực để khuyến khích (tư lấy ở Vũ khố phủ Nội vụ chiếu cấp. Giám sinh ở Giám nhiều kỳ khảo tập mà văn lý tầm thường không tiến ích, thì chỉ rõ hặc tâu đình cấp lương hoặc đình chọn bổ, người kém quá thì cách cho về. Khoá lệ 4 tháng trọng và phúc hạch học sinh tuế cống, cũng hàng năm 2 khoá phê chuẩn binh dao, đều đem theo 2 viên khoa đạo đến hội với quan ở Giám theo lệ mà làm. Lại xin hằng tháng phái khoa đạo tuần tra 2 lần, nếu có sinh viên tự tiện bỏ phòng nhà, và mất trật tự, thiếu hạnh kiểm, thì hặc tâu để đuổi. Học đường các trực tỉnh ở ngoài, đốc phủ, bố án cũng hằng tháng lần lượt đến cùng với học sinh hội cả học trò trong hạt thi tập làm văn, người văn lý giỏi, thì thưởng cho bút, giấy mực (chi tiền công chiểu biện). Hằng năm 2 khoá và khoa thi Hương khảo hạch học trò đi thi, đều thân đến học đường đốc sức, còn lấy, bỏ cốt cho tinh tường, xứng đáng, để thoả lòng mong của học trò. Lại xin từ Minh Mệnh năm thứ 20 trở về sau, học sinh tuế cống các hạt, không kỳ là tú tài hay học trò, đều hạn 40 tuổi trở lên mới được sung cử để khỏi cạnh tranh.

Vua bảo rằng : "Đại thần kiêm lĩnh tự có chức vụ, nếu tháng 1 lần đến hội bàn ra đầu đề và khoa tập làm văn hằng tháng đều trình duyệt cả, há chẳng là phiền phức khó lắm ư ? Nên đổi làm đại thần kiêm lĩnh, chỉ nên đốc sức bất kỳ, nếu quan ở Giám gương mẫu người thầy không đoan trang, giám sinh học nghiệp không tiến, cứ thực vạch ra hặc tâu trừng trị. Học đường trực tỉnh ở ngoài, thượng ty sở tại cũng đều thời thường đi lại khuyên bảo, không cần ấn định tháng 1 lần đến hội tập làm văn làm gì, còn như sĩ tử 4 phương đều cho đến Giám học tập kể thì đến nhà đại học để xem văn vật của nước, cố nhiên là lòng người vẫn thích, duy hằng năm 2 khoá, nếu trở về nơi sở tại sát hạch, thì đường sá đi lại đã phí tổn nhiều, bỏ cả học hành. Chuẩn cho phàm người đến Giám học tập thì mỗi khi đến kỳ thi mùa hạ, mùa

đông, cho cùng thi với học trò Thừa Thiên, người dự trúng thì do đại thần kiêm lĩnh và quan ở Giám tư cho sở tại trừ miễn binh dao, để cho học trò đi học ở Kinh phấn khởi, được lũ lượt rất nhiều. Ngoài ra theo như nghị mà làm".

Cho Hiệp biện Đại học sĩ Lê Văn Đức, Trương Đăng Quế kiêm lĩnh công việc Quốc tử giám, chuẩn cho lấy mồng 1 tháng 10 năm ấy bắt đầu, tháng chẵn do Lê Văn Đức, tháng lẻ do Trương Đăng Quế tuân theo dụ trước trông coi làm việc.

Lãnh binh An Giang Trần Bá Vinh tuổi già về hưu. Cho Vệ uý vệ Hữu bảo nhị là Nguyễn Văn Gia làm Lãnh binh An Giang.

Bộ Lại hặc tâu hậu bổ Tri phủ Đỗ Huy Lâm xuất thân hèn mọn (làm đày tớ người) dần dà thỉnh thác từ huấn đạo rồi tri huyện, rồi tri phủ, trải 15 năm bị công luận cùng khinh bỉ, nay xét học, hạnh, cử chỉ, không có gì đáng kể.

Vua bảo rằng : "Triều đình đặt quan chia chức, cốt ở được người, bọn hèn kém đâu được lạm dự, sai ngay Cơ mật, Nội các xét thực tâu lên, bèn cất mất chức, phát đi làm đồn điền ở đầu nguồn".

Cho hoàng tử công, hoàng tử thân công và quan văn võ nhất, nhị phẩm 1 áo chống rét, 1 nệm ngồi. Văn từ khoa đạo, võ từ quản vệ trở lên mỗi người 1 chăn bông (áo cấp theo lệ). Theo lệ trước, thưởng cấp áo mùa đông, viên ngoại lang không được dự, đến nay cũng chuẩn cho được dự, các quan trong triều có người năm trước chưa được ban cấp mũ 5, 6 cầu và dây tất thì cũng sai làm cấp cho.

Bộ Binh tâu nói : "Năm trước theo dụ chỉ giảm bớt giấy tờ, trong đó có nhiều việc chưa thể làm hết. Nay lại xét việc bộ cũng có việc nên bớt, chước nghĩ điều lệ, xin Chỉ thi hành. (Hằng năm các tỉnh phái biền binh đi đóng hạt khác đã có tập tâu, quan địa phương nơi đóng chỉ phải điểm rõ số mục, đến khi cho về chỗ đóng cũ, chỉ tư bộ để lưu chiểu, không phải đệ tập tâu như trước. Các tỉnh phái binh thuyền ra tuần ngoài biển, vẫn theo lệ trước làm tập tâu, đến khi rút về, cũng chỉ tư bộ, voi ngựa các tỉnh có chết, cứ mồng 1 tháng 2 năm ấy đến cuối tháng 2 sang năm vừa đủ 1 năm, phân biệt xét xử để tâu lên ; còn 2 tháng : tháng 2, tháng 8, cũng chỉ tư bộ lưu chiểu. Các đốc phủ bố án, chánh phó lãnh binh mộ lập thuộc binh, đã có định ngạch, không phải làm tập tâu, nhưng chiểu số tư bộ, đến kỳ biên vào ngạch, đem cả giấy phê ở tỉnh đưa về bộ xét lại. Các tỉnh giản binh kỳ tháng 2 điểm duyệt đã có tờ tâu, đến tháng 3 chia ban, tư bộ để xét, không phải tâu lại - các tỉnh kỳ tháng 4, vẫn theo lệ trước kính làm sổ lính, không phải làm sớ khác - theo lệ trước, 6 tỉnh ở Nam Kỳ mỗi năm 2 lần đều đem ngạch binh trong hạt quả đã điền đủ chưa, thao diễn đã tinh thục chưa ? Thuyền mành, súng, khí giới, quả đã chỉnh tề vững sắc

không ? Làm tập tâu vào. Nay binh đinh đủ hay thiếu đã xét xử ở cuối năm, làm tập đệ tâu. Lại lệ định 3 năm một lần chọn phái đại thần đi kiểm duyệt khí giới của quân, còn hằng năm 2 lần, làm tập tâu đều bỏ đi, các tỉnh đúc súng ống làm khí giới, vẫn đem việc ấy tâu xin rồi theo mà làm, còn đồ vật theo với súng và khí giới cấp trước, hoặc phải sửa chữa, và đạn không vừa nòng súng phải đúc lại, thì làm xong, làm sổ để tiêu, không phải tâu xin trước). Vua y lời tâu ấy.

Tỉnh Quảng Trị có sâu làm hại lúa.

Sai Bình Thuận đi khám ruộng đất thổ dân. Vua bảo bộ Hộ rằng : "Thổ dân tỉnh Bình Thuận trước đã đổi quan người Thổ, bổ quan người Kinh, thuộc vào sổ hộ, các ruộng đất từng đã phái quan ở Kinh khám đo, chước định thuế lệ cùng như dân Kinh. Nhân nghĩ bọn chúng từ trước noi theo phong tục Thổ, ruộng đất chỉ gọi là khoảnh thửa, mà không có mẫu, sào, thứ, hạng, khám đạc lần đầu, hoặc cho ruộng hoang làm ruộng thuộc, ruộng thuộc làm ruộng hoang, tưởng thế không tránh khỏi được. Nếu nhất khái cho là ngạch sổ đã thành, không phải một phen xét lại, thì ngạch thuế nhẹ, nặng, sợ chưa thích hợp công bằng, nên sai Tuần phủ Tôn Thất Lương thân đi khám xét cứ hiện số ruộng hoang, ruộng thuộc làm sổ tâu lên. Đến khi sổ dâng lên, số ruộng bỏ hoang tất cả hơn 2.150 mẫu, đặc cách chuẩn cho làm lại sổ mà được miễn tô".

Cấm thành Trấn Tây mở đặt cục hút thuốc phiện, đánh bạc.

Khi trước vua nghe quận chúa Ngọc Vân cho người buôn nhà Thanh, các nhà ở phố nấu bán thuốc phiện để kiếm lời, và thổ dân thuộc thành ấy có nhiều người mở sòng bạc chứa đánh bạc, giáng dụ cho Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Dương Văn Phong xét thực tâu lên. Bọn Giảng tâu nói phong tục người Phiên xưa nay lấy 2 việc ấy làm lợi, phàm chi cấp lương lính và chế tạo khí giới thuyền mành đều lấy ở đấy để chi cấp, nên noi theo thói cũ, chưa đổi.

Vua bảo rằng : "Thuốc phiện là thuốc độc, và trò chơi, đánh bạc đều có thể mê đắm lòng người, khiến cho hết của phá nghiệp, khi sa vào chốn ấy, thường mê mà không biết, vì thế cho nên triều đình lập ra pháp luật, 2 việc ấy đều cấm rất ngặt, thành Trấn Tây đã lệ thuộc đồ bản, sổ sách tự phải kính theo pháp luật, không được vượt qua chút nào, thế mà chúng chỉ thấy lợi nhỏ mà không biết là hại trái phong tục, hại ấy rất lớn. Huống chi biền binh đóng giữ ở thành đều là dân Kinh, đi lại buôn bán kể có hàng nghìn, hàng vạn, nếu không nghiêm cấm, thì không những người Thổ đắm đuối ngày càng sâu, lại khiến cho quân dân tiêm nhiễm thói xấu, phạm vào hiến pháp, làm hại càng nhiều, nên phái Lang trung bộ Lại Lê Khiêm Quang,

Viên ngoại lang bộ Hộ Nguyễn Hữu Trì sung làm Khâm sứ mang sắc dụ đi đường trạm đến ngay lấy tiền ở kho Trấn Tây 1 vạn quan, tuyên dụ thưởng cấp cho Quận chúa Ngọc Vân và thuộc biền Chưởng vệ Trà Long, Nhâm Vu đến cả bọn đầu mục người Phiên, nhưng phải ân cần bảo ban, bọn tướng quân, tham tán cũng phải hết lòng bảo rõ, các cục hút thuốc phiện, đánh bạc đặt trước đều cấm. Còn như thổ dân ở xa xôi, chưa thể đổi hết được, thì chuẩn cho 1, 2 lần mở bảo khiến cho chúng thay đổi dần. Nếu còn cố ý phạm pháp cũng chiểu luật trị tội nặng không tha".

Sai tỉnh Vĩnh Long phát tiền ở kho 3 vạn quan chở đến thành Trấn Tây.

Định lệ các địa phương thăm hỏi cha mẹ già của các quan viên.

Dụ rằng : "Từ xưa người làm tôi vâng theo chức vụ, đem hiếu làm trung, mà bậc vương giả khuyên lòng trung, trước hết phải rõ đạo hiếu. Trẫm từ khi yên ngôi đến nay, trong lòng cần nghĩ đến lấy đạo hiếu để trị, mỗi khi nghe các quan hoặc làm quan ở xa, mà ở nhà còn cha mẹ già, tức phải cấp cho bạc, lụa, thuốc men để giúp việc điều dưỡng, duy quan địa phương thăm hỏi, chưa từng có định lệ, nay chuẩn định phàm các địa phương ở Kinh và tỉnh ngoài, trong hạt nếu có quan chức làm quan xa văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, ở nhà còn có cha mẹ già, thì thượng ty trong hạt trên phải thời thường cho người thăm hỏi, nếu có tình trạng ốm đau bệnh nặng, phải phái thầy thuốc điều trị, để cho người con được yên lòng làm việc, đó là trẫm suy rộng lòng hiếu đến cả bậc già của người, vậy thông dụ cho mọi người đều biết".

Chuẩn định từ nay phàm con cháu công thần nhờ ơn được ấm thụ chức hàm được vào triều thỉnh, thì nếu có bị bệnh chết, đều chiểu phẩm cấp cho nửa lệ tiền tuất.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCVI*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838]. Mùa đông, tháng 10, mồng 1. Tế Đông hưởng.

Vua nhân hơi mệt, sai Hoàng tử Thọ Xuân công Miên Định kính đến tế thay ở Thế miếu. Chuẩn định từ nay về sau, kính gặp các lễ hưởng ở Thái miếu, Thế miếu, phái hoàng tử công, ở Triệu miếu, Hưng miếu phái thân công ; ở điện Phụng Tiên, từ hoàng tử thứ 30 là Miên Mật trở xuống lần lượt phái đi tế thay. Nếu vua thân đến Thái miếu làm lễ, các án thừa tế lấy hoàng tử công, hoàng tử thân công sung phái, nếu có đặc cách sai hoàng tử công kính làm lễ thay, thì thừa tế lại ở hoàng tử công và hoàng tử sung phái, không phải lại phái thân công, cho hợp tình, hợp lẽ. Ngày hôm sau, vua ngự điện Cần Chính, hoàng tử, thân công, văn võ trăm quan làm lễ lạy mừng, ban cho Phi long ngân tiền hạng lớn có từng bậc, lại sai bày tiệc cho ăn.

Vua bảo Phủ doãn Phạm Thế Trung rằng : "Nay mưa lụt không đến nỗi quá mức thường, nhưng hạn nhiều mà mưa thì mưa hẳn lâu, tưởng dân ta thu hoạch chưa xong, huống chi chính lại là mùa gieo mạ, gặp lần lụt này, có giữ được không hại chăng ? Trẫm lo đến lương ăn của dân lắm, chưa từng quên phút nào".

Cho Vệ uý vệ Cẩm y Lê Văn Phú kiêm quản đội thị vệ ; Thị vệ trưởng Lê Mậu Hạnh, Trần Văn Kiếm, Phạm Phú Quảng cũng chuẩn cho cùng với các quản thị vệ cắt lượt ứng trực ở nhà Duyệt thị.

Cho Thị lang bộ Lễ sung làm việc Nội các là Nguyễn Tri Phương ăn lương Tòng nhị phẩm.

Đốc học Nghệ An Nguyễn Đình Lập can án phải giáng đổi đi nơi khác, cho Tri phủ Thăng Hoa Nguyễn Trị làm Đốc học Nghệ An.

Trả lại nguyên tước Phúc Long hầu cho Tôn Thất Vĩnh. Vĩnh trước có tội phải giáng xuống tước tử, sau biết hối cải, được tiến lên tước bá và cho chức hàm quản cơ, đến nay cho trả lại tước cũ.

Khởi phục viên phải cách là nguyên Tham hiệp Vũ Hành làm Tư vụ thành Trấn Tây ; nguyên Lang trung Đoàn Tụ ; nguyên Tư nghiệp Đoàn Bá Trinh ; nguyên Đốc học Lê Văn Thạc làm giáo thụ các phủ ở Trấn Tây ; nguyên Tế tửu Nguyễn Huy Hựu ; nguyên thự Ngự sử Nguyễn Văn Lượng làm chánh bát phẩm thư lại ở Trấn Tây. Lại vì cần người sai phái ở các phủ, huyện thuộc thành hạt. Chuẩn cho các nha ở Kinh và các trực tỉnh từ Quảng Bình trở về Nam, phàm người nguyên bổ bát, cửu phẩm và vị nhập lưu thư lại, trước nhân can án cách mất chức việc về quê, thì đều kiểm tra thực số ngay làm danh sách tâu lên, lượng cho phân bổ.

Thống chế dinh Tiền phong Bình Khánh tử Trần Văn Trí chết, cho 300 quan tiền, 2 cây gấm Tống, cho Đô thống Hữu quân kiêm quản dinh Hổ uy Nguyễn Tăng Minh quyền lĩnh ấn và việc dinh Tiền phong.

Cho Tả thị lang bộ Lại Tôn Thất Bạch thăng thự Hữu tham tri bộ Lễ, kiêm làm công việc bộ Lại, vẫn kiêm quyền chức Tả tôn khanh phủ Tôn nhân.

Đặt thêm phân phủ phủ Hà Trung tỉnh Thanh Hoa, phủ Hà Trung nguyên cai quản 4 huyện (Tống Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hoá, Nga Sơn, gần đây lại đặt thêm 1 huyện (Mỹ Hoá), bộ Lại bàn xin thêm đồng tri phủ để chia trị, bèn chuẩn cho tri phủ kiêm lý Tống Sơn, thống hạt Nga Sơn, Hậu Lộc ; phân phủ kiêm lý Hoằng Hoá, thống hạt Mỹ Hoá.

Định lại phủ thuộc các hoàng tử xuất các[1] : số người lấy 4 người làm định ngạch (mỗi phủ 1 tư vụ hoặc chánh bát phẩm thư lại, tòng bát phẩm, 1 chánh cửu phẩm, 1 tòng cửu phẩm), số người thừa do bộ Lại chọn bổ, chờ có được phong tước công thì mới chiếu theo lệ trước (Minh Mệnh năm thứ 8, lệ định mỗi phủ tư vụ và chánh bát phẩm thư lại mỗi chức 1 người ; tòng bát phẩm, chánh cửu phẩm, tòng cửu phẩm mỗi chức 1 người).

Dân cư các huyện ở Hưng Yên thuộc hữu ngạn sông Cửu An, ruộng mùa, bỗng nhiên mưa lụt tràn ngập, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên, vua chuẩn cho tô thuế mùa đông năm nay lui hạn đến mùa hạ sang năm mới thu.

---

(1) *Xuất các* : hoàng tử ra khỏi các đến chỗ phong phiên.

Bộ Hộ tâu nói : "Tiền rất quan trọng đến nhu cầu hằng ngày trong dân gian, từ trước đến nay ở Kinh đô cục Bảo hoá, ở Hà Nội có cục Bảo tuyền, đúc kẽm làm tiền, là muốn cho tiền của lưu thông, để tiện cho dân chúng, nhưng tiền này đem dùng lâu ngày, trong đó không khỏi gãy nát. Vả lại cấm đúc trộm tiền , luật có điều ngặt thì trong dân gian nếu có tiền gãy nát, không khỏi coi như vật bỏ đi, trải qua nhiều ngày tháng, số ấy tưởng cũng không ít, cũng là bỏ làm vô dụng, sao bằng nộp vào kho công lĩnh giá, Nhà nước lại đem tiền ấy đúc lại, thì vật vô dụng chuyển thành hữu dụng, há chẳng công tư đều tiện ư ? Nay xin do thượng ty các địa phương, sức khắp cho dân trong hạt, phàm có tiền kẽm gãy nát thì cho nộp vào kho công cấp tiền cho (mỗi cân cấp 1 tiền 20 đồng, không đủ số cân thì cứ theo đấy tính rút) ; ở Thừa Thiên nộp vào Vũ khố ; trở vào Nam đến Hà Tiên, trở ra Bắc đến Thanh Hoa đều đến kỳ tải đem nộp, duy các tỉnh ở Bắc Kỳ nộp ở kho tỉnh Hà Nội".

Vua y lời tâu ấy.

Bộ Hình tâu nói : "Từ trước tới nay làm quan phạm tội từ cách chức trở lên, thu mất bằng sắc, đã từng tuân theo làm qua, nhưng chưa có giấy tờ rõ ràng. Vả lại các nha môn hỏi việc hình án, đối với kẻ phạm can án đã quá cố, án kết nghĩ là "không kết tội, thôi không kết tội", trong đó hoặc còn thiếu, không nói những chữ "bằng sắc tra thu phụng nộp", đến khi làm việc không tránh khỏi nhầm lẫn, thế là kẻ phải tội lại nay còn chức quan, xin từ nay phàm quan lại can án chưa xét xử xong mà thân mình đã chết cùng là đã được về quê quán hưu trí, hưu dưỡng, nuôi cha mẹ, dưỡng bệnh, đều đã chết, mà án bị can từ phải cách trở lên, thì ngày kết nghĩ, phải tra thu sắc bằng ngay, rồi chiểu phải tội gì, đáng theo luật lệ nào, trong án nói rõ các chữ ấy, xin theo luật này xét xử. Nhưng đã chết không kết tội hoặc đã bị giết thì thôi, còn sắc bằng đã được tra thu để nộp, đã được hưu trí, hưu dưỡng, về nuôi cha mẹ, dưỡng bệnh, thì sắc bằng vẫn do bộ Hình theo lệ tra thu, cốt phải 10 phần rõ ràng, không nên bảo là đã quá cố đã chết, mà lại đem bỏ ra ngoài không có xét xử, ngõ hầu không thiếu sót". Vua nghe theo.

Phó lãnh binh thuỷ sư Nam Định Tôn Thất Tự chết. Cho Vệ uý vệ Tứ dinh Tả thuỷ sư Kinh kỳ là Nguyễn Bá Tĩnh làm Phó lãnh binh thuỷ sư Nam Định.

Cho nguyên Phò mã Đô uý ấm phong Hoài bá là Vũ Mỹ làm Phó vệ uý vệ Trung dinh Hổ uy.

Định lệ sai phái thuyền hải vận mới đóng ở Kinh và tỉnh ngoài (hằng năm đến kỳ vận tải mỗi thuyền được mang suất đội, 30 biền binh, 2 người lái, từ 3 thuyền trở lên thành 1 đoàn, mỗi đoàn phái 1 quản giải, lấy quản vệ, quản cơ hoặc lãnh binh

làm chức ấy, mỗi thuyền đem theo 6 cỗ súng quá sơn, 2 cỗ súng thần công, súng điểu thương, giáo dài mỗi thứ 10 ngọn, 20 pháo thăng thiên, 30 ống phun lửa, 1 thanh la đồng, thuốc đạn hoả khí, móc sắt, hòn đá, đem theo 1 cờ vàng lớn. Khi thuyền ra đi và lúc vào cửa biển, phía sau lái treo 5 lá cờ ngũ hành vuông và dài. Khi ra, vào cửa biển, ở phía sau lái dựng 1 cờ long phan, như gặp các ngày khánh tiết và mồng 1, ngày rằm, treo ở cột buồm lớn 1 lá cờ vuông nhỏ, khi đi đường gặp thuyền công hiệu khác và các việc vui mừng và vào cửa biển, báo tin mừng, đều treo thêm trên cờ vàng lớn 1 lá cờ đỏ vuông, khi đậu, ở cột lái trước treo 2 thùng chứa nước, 2 hòn đo nước, 2 mỏ neo, 4 dây neo, thuyền của quản giải, thêm 1 trống trận hạng vừa, trung. Trình hạn giải vật hạng đến Kinh : Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình vào hạ tuần tháng 2 ; Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Nghệ An, Thanh Hoa vào trung tuần tháng 3 ; các tỉnh ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ vào thượng tuần tháng 4).

Sai Hà Nội rút lính cơ phái đi đóng ở Cao Bằng về ngũ (Theo lệ trước : 200 lính tỉnh Hà Nội phái đi đóng ở Cao Bằng. Trước đây, vì tỉnh hạt ấy đã yên ổn, lượng để lại 1 nửa, đến nay rút hết về).

Bộ Hộ tâu nói : "Gần đây các địa phương báo có thuyền buôn người Thanh nhân gặp gió đậu vào, cầu xin bỏ neo chờ cho thuận gió, còn thuế lệ phải nộp, hoặc miễn cả, hoặc giảm 1 nửa, thực là để thương người buôn xa, nhưng người buôn nước Thanh xảo trá trăm đường, chưa đủ tin cả. Trong đó hoặc giả làm tình hình gặp gió, đi đến các phận cửa biển nói dối là bỏ neo, chờ thuận gió, đậu lâu đến 5, 6 tháng, lúc đó có lén lút đem hàng hoá bán ngầm, tưởng cũng thế không thể không, nên châm chước định chương trình để phòng chỗ tệ. Xin phàm thuyền buôn có nhân gặp gió đến các phận cửa biển, thì quan sở tại xét xem quả là cột buồm, cột lái có hỏng gẫy, buồm và dây đứt rách, đích xác có thực trạng nạn gió, mà trong thuyền hàng hoá đều không, cùng là tuy có hàng hoá, mà chỉ là đỗ tạm để mua củi nước, trong 10 ngày đi ngay, thì mới được tâu xin miễn thuế. Ngoài ra, như trong thuyền còn có hàng hoá, mà đỗ lại đến 1 tháng trở lên, thì không kể có buôn bán hay không, phải chiểu ngạch thuế phải nộp theo lệ trưng thu, không được tâu xin khoan giảm". Vua y lời tâu ấy.

Chuẩn định lệ đấu giá bến đò thuỷ lợi các địa phương (Nơi nào phát mại vào kỳ tháng giêng năm sau thì phải đấu giá trước từ thượng tuần tháng 11 năm trước. Nơi nào phát mại vào kỳ tháng 3 thì phải đấu giá trước từ thượng tuần tháng giêng ; nơi nào phát mại vào kỳ tháng 6 thì phải đấu giá trước từ thượng tuần tháng 4, đều nội trong tháng đấu giá, làm tập tâu nộp bộ duyệt tâu lên, chờ được Chỉ sao đến, rồi sau

chiểu giá cấp giấy. Nếu để chậm trễ ngoài hạn và chưa tâu vào đã cấp giấy trước thì do bộ tâu hặc trừng trị).

Sai từ Quảng Bình trở về Nam đến Bình Thuận có người thông văn tự biết viết, biết tính, muốn đi làm việc, thì đem tên tâu lên.

Vua bảo Nội các rằng : "Hiện nay thiên hạ thái bình, học trò theo khoa cử đường chính, cố nhiên được tuyển, ngoài ra lại có học sinh hằng năm cống cử để bổ giám sinh tú tài để sung chức dạy học, thu nuôi tất cả, chưa từng không lấy nhân tài làm cần trước, học trò sinh mà gặp thời, dù có 1 nghề, 1 tài, ai không nghĩ cố gắng ra làm việc, cho vẻ vang với đời, nhân nghĩ ở nơi cửa nhà thấp bé, gián hoặc vốn theo học nghiệp muốn do khoa mục tiến thân, thì bị lề lối bó buộc không khỏi lăn lóc chốn trường thi, cũng có kẻ học tập biết viết biết tính toán, muốn đến các nha làm việc, thì bị ngạch bậc, sổ sách hạn chế, thành ra chìm đắm ở chốn thôn dã, các người như thế chắc cũng không ít, nếu không thu thập rộng rãi, dù có tình nguyện đi làm việc, rút cục cũng không có đường lối. Kể thì phép dùng người không nên theo cách thức, câu nệ. Nay địa hạt Trấn Tây mới đặt ra, việc sai phái cần người, nên truyền dụ cho Quảng Bình trở vào Nam đến Bình Thuận, ai là người hơi biết chữ, biết viết, biết tính toán, nếu có tình nguyện đến Trấn Tây làm việc, không kể nội tịch, ngoại tịch, ở Kinh nộp đơn ở bộ Lại, ở tứ trực và tả kỳ đều nộp đơn ở quan địa phương, chuyển tư đến bộ làm tờ tâu lên đợi Chỉ, lượng cấp cho tiền gạo phái đi, hoặc sung chức dạy học, hoặc sung làm lại điển, tuỳ tài lục dụng. Nếu biết cố gắng hơn nữa, tài năng ngày càng phát triển, thì do đấy dần dần tiến lên, cũng có thể đến quan to, lập công danh lớn, bước đường sắp tới chưa thể lường được. Đấy là trẫm nghĩ bọn chúng đường làm quan lật đật, cho nên mở ra đặc cách ấy để làm bậc tiến thân, các quan địa phương nên bảo ban rõ ràng, để cho người hơi biết tự lập, đều phấn khởi đem lòng chờ đợi mới được".

Sau rồi, học trò xin đi làm việc tất cả, được trên 50 người, vua đều sai đi.

Bộ Binh tâu nói : "Dịch trạm các tỉnh ở Nam Kỳ (Biên Thịnh, Biên Long, Biên Phúc, Biên Lễ, Gia Cẩm, Gia Nhân, Gia Tân, Gia Lộc, Định Tân, Định Hoà, Định An, Vĩnh Phúc, Vĩnh Giai, Giang Đông, Giang Mỹ, Giang Tư, Giang Phúc, Giang Nông, Tiên An, tất cả 19 trạm), từ trước đều do thuyền đệ đi. Nay đã có đường quan báo, xin nên cấp cho ngựa công, mỗi trạm đều 2 con, phàm gặp việc chiến trận, tin tức việc quân và các việc quan trọng, khẩn yếu, tức phải phi ngựa đệ đi cho nhanh, còn như việc thuộc tối khẩn, mà gió, nước thuận tiện thì đi thuyền, nếu bị nước ngược thì đi ngựa, còn khẩn vừa, đi thường, đều vẫn do thuyền đệ đi".

Vua nghe theo.

Tỉnh Định Tường sau vì trạm Định Tân thuộc tỉnh nguyên ở phận hạt Gia Định, xin đổi đặt ở quãng giữa tỉnh hạt (thuộc thôn Lang Hội huyện Kiến Hoà) mà dời trạm Định Hoà đến Cù Úc (thuộc thôn Nhân Nhượng huyện Kiến Hưng), trạm Định An đến Sầm Giang (thuộc thôn Kim Sơn huyện Kiến Đăng) để cho đường sá đều nhau đi thuyền, đi ngựa đều tiện. Tỉnh Gia Định cũng cho là trạm Gia Lộc thuộc tỉnh, đến trạm Định Hoà tỉnh Định Tường đường đi cách 1 ngày đường, xin ở quãng giữa đặt thêm 1 trạm Gia Tú (thuộc thôn Phúc Tư, huyện Cửu An). Vua đều y cho.

Lại nghĩ các trạm Gia Tú, Gia Cẩm, Gia Nhân thuộc tỉnh Bình Định ; Biên Phúc, Biên Lê thuộc tỉnh Biên Hoà cũng không tiện đi ngựa, đều chuẩn cho dùng thuyền.

Định lệ quan báo ở cửa biển Cần Giờ tỉnh Gia Định, cửa biển Phúc Thắng tỉnh Biên Hoà (từ nay phàm gặp có kiểu thuyền các nước Tây dương vào đến phận cửa biển, nếu cửa Cần Giờ trông thấy trước, thì viên coi cửa biển ấy phải xét rõ thuyền ấy là thuyền buôn hay là thuyền binh, đem ngay tình hình chuyển báo cho cửa Phúc Thắng làm tập tâu, cho ngựa trạm đi thẳng đến trạm Biên Thịnh tiếp đệ tâu vào. Nếu cửa Phúc Thắng trông thấy trước thì viên coi cửa Phúc Thắng một mặt làm tờ tâu cho phi ngựa đệ tâu vào, một mặt tư báo cho cửa Cần Giờ theo lệ xét hỏi. Nếu là thuyền binh, hoặc có viên quan ngại gì khác và việc cấp báo thì viên coi cửa Cần Giờ lập tức báo tỉnh lượng phái binh thuyền canh giữ ngặt hơn, làm lại tập tâu chuyển giao cho cửa Phúc Thắng phi ngựa tiếp tục tâu vào để biết tình trạng. Nếu đích là đi đến thông thương không có việc gì khác, chỉ theo lệ tối khẩn đệ tâu. Lại như thuyền công nước ta phái đi nước ngoài, về đến phận cửa biển, cửa Cần Giờ, cửa Phúc Thắng, cửa nào trông thấy trước thì cũng đến ngay nơi ấy hỏi rõ, rồi làm tập tâu đem tin tức ngày thuyền công đi đến và nhân vật trong thuyền yên lành phi ngựa đệ tâu, cửa Cần Giờ không phải đệ nữa, cửa Cần Giờ đệ trước, cửa Phúc Thắng cũng thế. Lại chuẩn cho quan cấp cho cửa Phúc Thắng 2 con ngựa).

Đem phủ Nội vụ làm ở vườn hoa (ở bên tả ngoài cung thành) các kho nội vụ và sở nội tạo ở gần nơi cung cấm, người làm việc đi lại ồn ào, cho nên dời đi. Sai thự Thống chế Mai Công Ngôn, Nguyễn Tiến Lâm đem 2.000 biền binh đi làm việc. Lại nghĩ đồ vật của kho đem cất có nhiều, ra dụ cho các Đại thần Phạm Hữu Tâm, Nguyễn Tăng Minh, Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên cắt lượt nhau đến trông coi.

Có người lấy trộm đinh súng ở xưởng thợ, quan Tiền quân Phạm Hữu Tâm xin đem chém.

Vua bảo rằng : Hình phạt là việc lớn của nước. Kẻ phạm pháp phải giao cho quan có trách nhiệm xét nghĩ mới rõ công bằng. Nay đời thái bình, quân đội cũng nên đọc sách biết lẽ. Mạng người rất quan trọng, há nên coi như cỏ rác, bèn sai đem kẻ ăn trộm giao cho bộ Hình tra trị.

Phân phái 5 chiếc thuyền công đi làm việc công ở nước ngoài (Thuyền Thuỵ Long cho Tham tri Đào Trí Phú sung làm chánh biện, Thị vệ trưởng là Phạm Phú Quảng làm phó ; thuyền Phấn Bằng cho Thị lang Nguyễn Tri Phương sung làm chánh biện, Viên ngoại lang Nguyễn Văn Tố làm phó, đều đi đến Giang Lưu Ba ; thuyền An Dương cho Thị lang Lê Bá Tú sung làm chánh biện, Viên ngoại lang Lê Viết Trị làm phó ; thuyền Linh Phượng cho Thị lang Lý Văn Phức sung làm chánh biện, Viên ngoại lang Phan Tĩnh làm phó ; thuyền Tiên Ly cho Vệ úy Lê Văn Phú sung làm chánh biện, Lang trung Trần Đại Bản làm phó, đều đi đến Hạ Châu, rồi chuẩn cho bộ Hộ bàn định, điều lệ đi đường biển. Về nhân viên phái đi làm việc, như phái đến Giang Lưu Ba 1 lần và đến Hạ Châu 2 lần, chánh biện, quan nhị tam phẩm thưởng cho mỗi người 30 đồng bạc Phiên, đều lĩnh tiền lương trước 60 quan ; phó biện quan tứ ngũ phẩm 20 đồng bạc Phiên, 30 quan tiền ; tuỳ biện quan tứ, ngũ phẩm trở xuống, 10 đồng bạc Phiên, tứ ngũ lục phẩm 12 quan tiền, thất phẩm 10 quan, bát cửu phẩm 7 quan ; người làm việc chuộc tội được 4 đồng bạc Phiên, người lái thuyền 6 đồng, phu lái 5 đồng, thông ngôn 10 đồng, thái y 3 đồng, thợ giữa ngọc 2 đồng, mỗi người đều 4 quan tiền ; quản vệ thuỷ sư 10 đồng bạc Phiên, 40 quan tiền, suất đội 5 đồng bạc Phiên, 15 quan tiền, đội trưởng 3 đồng bạc Phiên, 7 quan tiền, đội trưởng cấp bằng và ngoại uỷ đội trưởng 2 đồng bạc Phiên, 4 quan tiền, binh đinh 2 đồng bạc Phiên, hạng ưu 7 quan tiền ; hạng nhất 6 quan, hạng nhì 5 quan, hạng ba và người chưa dự hạng 4 quan. Phái đi Hạ Châu 1 lần, chánh biện, quan tam phẩm được 25 đồng bạc Phiên, lĩnh tiền trước 30 quan ; phó biện quan tứ ngũ phẩm được 12 đồng bạc Phiên, tứ phẩm 15 quan tiền, ngũ phẩm 10 quan ; tuỳ biện, quan ngũ phẩm trở xuống, 6 đồng bạc Phiên, ngũ phẩm 8 quan tiền, lục phẩm 7 quan, thất phẩm 6 quan, bát cửu phẩm 4 quan, người làm việc chuộc tội 2 đồng bạc phiên, người lái thuyền 5 đồng, phu lái 4 đồng, thông ngôn 7 đồng, thái y 2 đồng, thợ giữa ngọc 1 đồng, mỗi người 2 quan tiền ; quản vệ thuỷ sư, 6 đồng bạc phiên, 20 quan tiền, suất đội 3 đồng bạc Phiên, 8 quan tiền, đội trưởng 2 đồng bạc Phiên, 4 quan tiền. Đội trưởng cấp bằng và ngoại uỷ đội trưởng 1 đồng bạc Phiên, 2 quan tiền, binh đinh 1 đồng bạc Phiên, hạng ưu 4 quan tiền, hạng nhất 3 quan, hạng nhì 2 quan 5 tiền, hạng ba và người chưa dự hạng 2 quan. Về định giá bán ở Giang Lưu Ba, đường cát mỗi 100 cân giá 5 đồng rưỡi đến 6 đồng bạc. Thoi đồng

Thang Liệt, mỗi 100 cân giá 40 đồng đến 41 đồng bạc, thoi đồng Thu Lai mỗi 100 cân 37 đến 39 đồng, ngà voi mỗi 100 cân từ 115 đến 120 đồng, cánh kiến mỗi 100 cân từ 23 đến 25 đồng. Ở Tân Gia Ba, đường cát mỗi 100 cân từ 5 đến 5 đồng rưỡi, tiền đồng hạng lớn mỗi 25 quan giá 18 đồng đến 19 đồng rưỡi.

Về định giá thu mua : kẽm mỗi 100 cân giá bạc từ 5 đến 7 đồng rưỡi, chì mỗi 100 cân giá 5 đồng rưỡi đến 6 đồng rưỡi, diêm hạng mới mỗi gói giá nửa đồng ; súng điểu thương máy đá hạng mới mỗi khẩu giá 2 đồng rưỡi đến 3 đồng ; vũ đoạn mỗi tấm hạng nhất giá 9 đồng bạc, hạng nhì 8 đồng 2 hào rưỡi, hạng ba 7 đồng 2 hào rưỡi, hạng tư 7 đồng, hạng năm 5 đồng rưỡi. Vải trắng nước Tây, mỗi tấm dài 55 thước, rộng trên dưới 1 thước 4 tấc, hạng ba giá 5 đồng, hạng tư giá 4 đồng, hạng năm giá 3 đồng 7 hào rưỡi, hạng 6 mỗi tấm dài 33 thước, rộng trên dưới 1 thước 2 tấc giá 2 đồng, hạng bảy dài 34 thước, rộng trên dưới 1 thước 4 tấc giá 2 đồng ; vải trắng nước Tây hạng xấu dài 53 thước, rộng trên dưới 1 thước 5 tấc giá 3 đồng rưỡi, về giá cả hoặc có cao hạ xê xích nhưng tính đổ đồng không ngoài giá đã định ấy. Về khi về, do bộ Hộ xét xem giá bán có tăng không giảm, giá mua có giảm không tăng, tâu rõ đợi thưởng, nếu xét thấy có tình tiết bớt xén và giá bán có giảm không tăng, và giá mua có tăng không giảm, vạch ra hặc tội trừng trị, gián hoặc, giá hàng bán mua cùng có tăng giảm, châm chước định liệu công, tội thưởng phạt. Về biền binh thuỷ sư, chuyên coi thuyền mành buồm dây và công việc đi đứng, việc đi về : được ổn thoả, thì do bộ Công tâu lên đợi thưởng nếu trong thuyền hoặc có thấm rỉ nước ít nhiều và cho thuyền đi trái phép, sẽ phân biệt hặc tâu lên, còn như hàng hoá thừa hay thiếu, không phải trách nhiệm của mình, thưởng phạt đều không kể đến, duy phái viên có tệ riêng xâm phạm xê xích, cho được tố cáo, việc thực thì thưởng 100 quan tiền, vu cáo thì phải tội phản toạ. Về thông ngôn, chuyên trách phiên dịch tiếng nói địa phương nước ngoài. Nếu phiên dịch phân minh, thì do phái viên chiểu theo bạc bán nhiều hay ít, thưởng trước 5 đồng hoặc 10 đồng bạc Phiên, đến khi về lại tâu xin gia thưởng, nếu xét thấy quỷ quyệt, trong khi bàn giá thì ngầm thông với người buôn làm giá cao hạ, trong khi nói chuyện thì theo ý mình nói thêm bớt lời, cho được tuỳ việc trách phạt, khi về hặc tâu trừng trị. Về nhân viên được phái đi không được đem theo vật bán để lấy lợi riêng, xét ra thì có tội, khi trở về, thuyền công còn nhẹ, nếu có mua riêng áo quần, thức ăn đồ đạc, không phải vật cấm thì cũng cho, nhưng vật được mua ấy tất cả người trong thuyền không được nặng quá 5.000 cân).

Vua bảo thị thần rằng : "Việc thông dịch tiếng Tây dương, trẫm nghĩ rất khó, nay chọn 1 người đi sang nước ấy học tập, nếu người ấy thuần cẩn, thì thấy phong

cảnh nước ngoài, không ngăn được lòng nhớ đất nước, mà việc học không được chăm chỉ, còn người hoang đãng, thì đi về tốn kém cũng chỉ phí mất công phu, rút cục chẳng có ích gì. Vả lại phong tục nước ấy, giả dối nham hiểm bất thường, đạo giáo Gia Tô, ngày thường trẫm càng ghét lắm, bọn khanh há không nhớ việc Thái tử Anh Duệ ư ? Hoàng khảo ta lúc mới mở nước, bị Xiêm khống chế, gửi Thái tử Anh Duệ cho người Tây đem về nuôi dạy, để mưu tính giữ gìn. Đến khi lấy lại được Gia Định, nước ấy trả về, Thái tử không chịu bái yết Tôn miếu, nói rằng áo quần theo cách thức nước ấy, Hoàng khảo ta đến bây giờ mới hối, may có Cao hoàng hậu khéo dạy dỗ, vài tháng sau Thái tử mới thay lòng, đổi dạ, không thế, hầu làm người Tây rồi, lấy đấy suy ra, phong tục nước ấy dễ làm mê đắm lòng người, thực là đáng ghét".

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Công Hoán dâng tập thỉnh an nói : "Địa thế tỉnh Hưng Hoá rộng rãi, xin đặt thêm 1 tỉnh cùng với tỉnh Tuyên Quang, đổi đặt chức tuần phủ để cai trị, theo như phép đã định ở Lạng Bình".

Vua bảo rằng : "Lời của ngươi tâu thực muốn sửa sang bờ cõi, nhưng tỉnh Hưng Hoá ở nơi biên giới, đất cát tuy rộng mà dân còn ít, nếu vội vàng đặt thêm tỉnh, thì binh lương thành luỹ không khỏi một phen kinh doanh tốn nhiều, mà trước mắt cũng chưa thấy lợi, để sau vài chục năm dân cư tụ họp ngày nhiều, bàn cử hành dần, không hại gì mà cũng chưa muộn".

Bố chính Biên Hoà Phạm Duy Trinh dâng tập thỉnh an nói : "Cửa biển Xích Lam, huyện Phúc An thuộc hạt ấy một dải thượng nguyên liên tiếp với huyện Long Khánh, nguyên có 300 mẫu ruộng hoang, và chỗ đất màu mỡ có thể khai thẩn thành ruộng thì cũng không kém 300 mẫu, nhưng lâu nay đất cát bồi lấp, nước lụt mùa thu tràn ngập, không thể cày cấy được. Xin cho thuê bắt dân phu 500 người tuỳ thế khai đào, 1 tháng có thể xong, thì đất hoang cày cấy được, mà ruộng ngày mở mang ra".

Vua y cho, đến khi dòng nước đã thông, dân xin khai khẩn nộp thuế được hơn 170 mẫu, Duy Trinh lại xin đến mùa làm ruộng sang năm phái 1 quản vệ, 1 quản cơ đem lính hạ ban 150 người cấp cho thóc giống, trâu cày, đồ làm ruộng khai khẩn, cho hết nguồn lợi đất cát.

Vua khen là hết lòng với việc dân, thưởng cho kỷ lục 2 thứ.

Bố chính Định Tường Trần Tuyên làm việc kém và tầm thường, giáng bổ làm Án sát Vĩnh Long, cho Án sát Định Tường Lê Hữu Bản thăng thự Bố chính Vĩnh Long, Án sát Vĩnh Long Hà Thúc Giao đổi bổ làm Án sát Định Tường.

Tấn phong Tiền quân Đô thống Chưởng phủ sự Tân Phúc bá Phạm Hữu Tâm làm Tân Phúc hầu, Tổng đốc Ninh Thái Vũ Khê nam Tôn Thất Bật làm Vũ Khê tử.

Vua dụ rằng : "Phép cũ của bản triều, các chưởng phủ phần nhiều phong tước quận công, đấy là hư hàm, nguyên không phải là ấp ăn lộc, vốn không được vin để làm lệ, duy Phạm Hữu Tâm, Tôn Thất Bật trước kia đều có chiến công, đã được phong tước, nay đặc cách chuẩn cho gia ân, để tỏ chí ý ưu đãi công thần thêm mãi không thôi".

Tấn phong Phó vệ uý vệ Trung dinh Hổ uy Hoài bá Vũ Mỹ làm Hoài hầu.

Vua dụ rằng : "Hoài quốc công Vũ Tính (Võ Tánh), khi nghiệp vua mới nổi lên từng đi đánh dẹp, kính theo chăm chỉ khó nhọc ; lại biết trọn tiết với thành bị thế cô, trung thành rõ rệt, trước kia phép lớn truy phong ban tước quốc công, nếu theo thứ tự giáng phong, thì con viên ấy được tập phong tước hầu, cháu được tập phong tước bá, nhưng công liệt của ông ghi khắc vào cờ, mà vì nước bỏ mình, chưa được hưởng lộc đỉnh chung, con viên ấy là Vũ Khánh chết sớm, tuy đã truy cho chức hàm, chưa được tập tước. Trẫm nghĩ đến công lao trung thần, phải trọng báo hậu, cháu viên ấy Vũ Mỹ, nên tấn phong tước hầu, để được nhiều ơn đặc biệt.

Sai Vũ khố đóng thuyền máy hơi nước (theo kiểu thuyền Tây dương mà làm) thưởng cho đốc công, thợ làm việc 100 quan tiền.

Sai viện Hàn lâm làm sách *Khâm định tập vận trích yếu*, đến khi sách làm xong đem tiến (vần bằng 4 quyển vần trắc 6 quyển) dâng, biểu nói : âm vận là then chốt của thơ, tập vận để tô điểm cho thơ, có liên quan đến học làm thơ lắm, tìm ngược lên từ tiên nho nhà Hán, sách *Thuyết văn* của họ Hứa, chia ra từng bộ, chua cả âm, nghĩa, mà làm gốc học vần cho đời sau, tiên nho nhà Nguyên sách *Vận phủ*, *Quần ngọc* của họ Âm mới thêm linh động mà làm cho người làm thơ dùng vần được bắt chước. Đến niên hiệu Khang Hy nhà Thanh sách *Bội văn vận phủ*, đại yếu, gốc ở sách *Thuyết văn* mà tham khảo cả *Quảng vận*, *Tập vận*, cho đến các sách *Ngũ xã*, *Quần ngọc*, rộng thì có rộng nhưng chứng dẫn quá nhiều, quyển, pho rất lắm, không tiện việc xem, mà chỗ sơ sài thiếu sót cũng vẫn có. Người đời ấy bỏ bớt để cho tiện như các sách *Hàm anh*, *Tập thành*, thì việc lựa chọn, chú giải lại sơ lược quá, làm sách thực là khó. Được hoàng thượng ta có nhã ý dạy làm thơ, ban ơn cho học trò, sắc cho viện thần châm chước trong *Bội văn vận phủ*, bỏ bớt chỗ rườm rà, tóm lấy cốt yếu, để tiện cho người mới học, gọi là sách *Khâm định tập vận trích yếu*. Đã được hội đồng biên chép, trong đó lựa chọn lấy chữ thiết yếu, các người tầm thường cùng biết được, cho đến những vần xa xôi ít dùng, liệu bỏ bớt

thêm, còn như âm nghĩa và xuất xứ ở đâu, và một chữ mà có âm khác, nghĩa khác thì đều lần lượt biên chép, để cho xem một lần biết ngay. Lại tham khảo các tự điển, phàm vận phủ có lầm thì chữa lại, sót thì thêm vào, tất cả cương lĩnh tuyển tập, đều được dạy sửa chuẩn y. Nay hội lại làm thành sách, xin sắc xuống cho khắc in ban hành, để làm kim châm giúp cho người học làm thơ, làm gương sáng nêu ở trong rừng văn nghệ, thực là rất may cho sĩ tử trong nước.

Vua y cho, sai khắc in để ban hành.

Làm các hạng sắc cờ cấp cho dinh vệ các quân (cờ vuông, cờ đuôi nheo, cờ vuông dài, tất cả 1.296 lá).

Tháng 11, Bố chính Quảng Trị Trần Hiển Doãn phải miễn chức. Doãn trước kia được sung làm quan ở tuyển trường Gia Định, ở chậm lại, cưới vợ, mà trong sớ nói là ở lại nuôi mẹ ốm, lại để cờ bài khâm sai ở nhà riêng, và khoe khoang với người nhiều việc đáng khinh, bị quan tỉnh là bọn Hoàng Quýnh hặc tâu mới phải cách chức.

Vua nhân bảo thị thần rằng : "Từ trước đến nay dùng người hoặc cất nhắc làm việc ở phủ huyện uỷ cho chức viên ngoại lang và chủ sự dần dần lên đến quan to, thường khi có tội lỗi, như Trần Hiển Doãn, trẫm trước tưởng cũng là người tốt, sau vì nhầm bậy phải cách đuổi. Vả lại trẫm đối với thần tử khi được trẫm yêu bèn cậy yêu để chuộc tội lỗi, thế hầu để trẫm không được yêu chăng ? Kể thì trẫm yêu cũng vì có tài, làm việc có ích cho nước nhà, không phải có tình riêng, hắn cậy được yêu mà kiêu, đó là khí độ nhỏ nhen, dễ tự mãn mà thôi, nhân tài trong nước không ít, há vì một Hiển Doãn mà giống tất cả ư ?

Cho thự Bố chính Bình Định Nguyễn Hợp đổi bổ làm thự Bố chính Quảng Trị, cùng với Án sát Nguyễn Huy Chuẩn hộ lý ấn Trị - Bình tuần phủ quan phòng. Triệu Tả thị lang bộ Hình quyền lĩnh Bố chính Quảng Trị là Bùi Quỹ về Kinh nhận chức. Hợp vì quê vợ phải tránh, bèn đổi làm thự Bố chính Quảng Bình. Cho Bố chính Quảng Bình Nguyễn Đăng Uẩn chuyển bổ làm Bố chính Quảng Trị. Lang trung bộ Hình trông coi 2 kho súng và thuốc đạn là Phạm Huy Diệu đổi bổ làm Lang trung bộ Hộ thăng thự bố chính Bình Định.

Cho Viên ngoại lang bộ Công Lê Văn Thu thăng thự Lang trung bộ Công ; Viên ngoại lang bộ Binh Lê Giáp thăng thự Lang trung bộ Binh chuyên coi công việc 2 kho súng và thuốc đạn.

Cho Hữu tham tri bộ Lại Hà Quyền rút khỏi viện Cơ mật, kiêm giữ ấn vụ viện Hàn lâm, thự Hữu tham tri bộ Binh Phan Bá Đạt, đổi bổ làm Hữu tham tri bộ Hình,

Hữu thị lang bộ Hình là Doãn Uẩn đổi bổ Thị lang bộ Hộ ; tả thị lang bộ Hộ Vũ Đức Khuê đổi bổ Tả thị lang bộ Binh, thự Tả thị lang bộ Hình Vũ Thành Phong đổi làm thự Hữu thị lang bộ Hình ; Lang trung bộ Hộ Trần Bưu (nguyên là Danh Bưu, được bỏ bớt chữ Danh) đổi bổ Lang trung bộ Binh, biện lý bộ vụ.

Thự Bố chính Phú Yên Nguyễn Hữu Trinh chết, cho Án sát Đỗ Huy Cảnh thăng thự Bố chính ; Lang trung bộ Công Lương Quốc Quang đổi bổ làm Án sát Phú Yên, chuẩn cho cùng nhau giữ ấn tuần phủ quan phòng.

Hiệp lãnh thị vệ Vũ Huy Dụng, Vũ Văn Trí, vì được phái đi đường biển, cùng với đồng sự là Viên ngoại lang phủ Nội vụ Nguyễn Long ăn bớt tiền công đến trên 300 lạng bạc, bộ Hình nghị xử tội đồ. Vua đặc ân chuẩn cho cách chức phát ra nơi công trình làm việc chuộc tội.

Định rõ lệ lính ở Kinh thao diễn bắn súng (hằng năm kỳ tháng 7 chia ban, làm chỗ bắn bia ở đồng ruộng phía nam, các biền binh cầm súng điểu thương mỗi người được cấp thuốc súng 6 phát, đạn chì 6 viên, suất đội mỗi người được cấp thuốc súng 24 phát, đạn chì 12 viên, thay đổi nhau tập bắn. Lại mang đến 2 thứ súng quá sơn, thần công mỗi vệ mỗi thứ 2 cỗ, mỗi cỗ cấp cho 3 phát thuốc, quản vệ lần lượt nhau mỗi thứ 2 cỗ, mỗi cỗ cấp cho 3 phát thuốc, quản vệ lần lượt xem diễn, phái bộ ty đi đến ghi chép, viên thống quản cũng bất kỳ chợt thân đến xem xét. Người nào kỹ nghệ tinh thạo thì tâu xin khen thưởng, người không thạo thì phạt đánh bằng roi).

Bộ Lễ tâu nói : "Nguyên Chiêu thảo sứ Đinh Đạt Biểu (người Thanh Hoa), đầu thời Trung hưng, bỏ mình ở hàng trận, được cấp ruộng thờ cúng 20 mẫu, đến nay đã trên 30 năm, ơn cách đã thấy hậu lắm. Nếu để đời đời giữ mãi, thì so với các công thần được thưởng mãi đến đời sau, thực không phân biệt, ruộng ấy xin giao cho dân sở tại cày cấy nộp thuế. Còn cháu viên ấy là Đinh Đạt Huấn vẫn miễn cho binh dao suốt đời mà thôi !" Vua cho là phải.

Các tỉnh ở Nam Kỳ đem số ruộng đất khẩn thêm trong hạt làm sổ tâu vào. Vua chuẩn cho bộ Hộ xét số nhiều ít nghị thưởng, rồi lại ra dụ rằng : Trước vì ruộng đất ở Nam Kỳ còn bỏ không nhiều, đã giáng dụ sai quan địa phương gia tâm khuyên bảo, cốt cho dân đều chăm chỉ làm ruộng. Nay cứ tờ tâu, chỉ đem việc khai khẩn ruộng hoang tâu lên, còn như ruộng đất thực trưng có bỏ hoang hay không, không thấy nói đến, xét ra ruộng đất đều có ruộng hoang, ruộng thuộc, nếu ruộng thuộc đã biết cố gắng cày cấy, mà ruộng hoang lại biết ngày một mở mang, mới đáng nói đến công. Nếu ruộng hoang dẫu có khai khẩn thêm, mà ruộng thuộc lại bỏ hoang nhiều, thì chỗ được không bù chỗ mất, xét có ích gì ? Nên truyền dụ cho đốc phủ,

bố chính các tỉnh, xét hỏi ruộng đất thực trưng ghi ở sổ trong hạt, quả đều cày cấy tất cả, hay trong đó hoặc có bỏ hoang, phải đem nguyên số ruộng thực trưng ở các huyện chia làm trăm phần, trong đó bao nhiêu phần thực canh, bao nhiêu phần bỏ hoang, ước tính đại khái tâu lên, để biết tình trạng.

Mới chế đồ bác cổ (Đỉnh Sách mệnh nhà Thương, đỉnh Phủ kỷ nhà Thương, đỉnh Phủ ất nhà Thương, đỉnh Văn vương nhà Chu, đỉnh Vương bá nhà Chu, đỉnh Ung công Giam nhà Chu, đỉnh Tử Phủ Cử nhà Chu, chén sừng tê cái nhà Thương, chén Phủ Tân nhà Thương, be Tổ Mậu nhà Thương, be tượng nhà Chu, be hồ nhà Chu, chén Hợp Tôn Tổ Đinh nhà Thương, chén Quỳ Long nhà Thương, chén hình núi sấm nhà Chu, đỉnh hình chóp, có thú thao thiết nhà Thương, đỉnh Miệt Ngao nhà Chu, đỉnh Bá nhà Chu, đỉnh hình thao thiết nhà Chu, môi canh của Phụ Phủ Đinh nhà Thương, môi canh Giao Ly nhà Chu, liễn Trọng Câu Phủ nhà Chu, liễn Ngao nhà Chu, chén vuông Kỷ dậu nhà Chu, chén chỉ dọc bàn quỳ nhà Chu, liễn tròn Thúc Bang Phủ nhà Chu, liễn vuông Thái sư Vọng nhà Chu, chén tròn Tử Ất nhà Chu, bình vuông đầu ly nhà Chu, bình có tai cầm đầu ly vẽ sấm nhà Chu, bình nóng vẽ rồng núi nhà Hán, chén khắc hình đầu trâu nhà Hán, xe chim cưu nhà Hán. Tất cả 33 loại, mỗi loại đều 30 chiếc, tổng số 990 chiếc).

Vua rộng xem sách cổ, thấy chép loại đồ không giống nhau, gián hoặc có một vài bài minh, chữ nghĩa thiếu sót, không thể xét được, mới đem từ đỉnh Sách mệnh nhà Thương đến xe cưu nhà Hán 33 loại, giao cho quan có trách nhiệm chiểu theo hình dáng khắc đúc, đúc xong tự làm 33 bài minh, sai theo từng loại khắc vào.

Vua bảo bộ Công rằng : "Trẫm làm ra đồ bác cổ, là muốn để lại, về sau truyền cho lâu dài, xét ra đồ vật đời Tam đại để lại, đến nay coi là cổ, thì biết đâu nghìn, muôn năm sau không coi ngày nay là cổ, cũng như ngày nay coi ở Tam đại ?'

Vua lại nói : Chữ nghĩa đời xưa, nhiều chữ không thể hiểu được, như một chữ tất phải giải nhiều nghĩa mới có thể hiểu được, bài minh ngự chế này trẫm dùng thể văn ngày nay, cốt cho giản tiện dễ biết mà thôi, rồi đem bài minh phỏng theo đỉnh của Văn vương nhà Chu cho xem. Văn rằng : "Làm theo vật, bắt chước người, nước dẫu cũ, mệnh đổi mới, trăm đời con cháu, muôn năm noi theo". Lại đưa ra một bài minh văn cổ cho xem, để biết văn cổ lời văn phần nhiều mờ tối, không thể noi theo được.

Tuần phủ Thuận - Khánh Tôn Thất Lương dâng tập thỉnh an nói : "Nguyên 7 tổng thổ dân Thuận Thành đã từng đổi quan người Thổ, bổ quan người Kinh, nên kịp thời dạy bảo để dần dần thay đổi. Xin chọn học trò trong hạt, người có chút học

hạnh, chước miễn cho binh dao, đặt làm tổng giáo, mỗi tổng 1 người, để dạy dỗ con em thổ dân học biết tiếng Kinh, chữ Kinh". Vua y cho.

Tuần phủ An Giang sung Tham tán Trấn Tây, Dương Văn Phong dâng tập thỉnh an nói : "Số đinh trong tỉnh hạt nhiều hơn năm trước tất cả 4.400 có lẻ, xin nên gộp cả nguyên ngạch binh dân để đồng chọn lấy".

Vua không y cho, dụ rằng : "Hạt ấy đã được tụ tập yên nuôi, cho nên hộ khẩu mỗi năm càng tăng lên. Hiện nay được thái bình chính nên cho dân nghỉ ngơi, để cho cày cấy yên vui, ngày thêm phồn thịnh, tức là lợi cho Nhà nước rất nhiều, sao phải tuyển thêm làm gì ?

Lĩnh Tổng đốc Bình Phú Vũ Xuân Cẩn dâng tập thỉnh an nói : "Một hạt Bình Định ruộng công chỉ có trên 5 nghìn mẫu mà ruộng tư nhiều đến trên 1 vạn 7 nghìn mẫu, các ruộng tư thường bị bọn hào phú chiếm cả, người nghèo không nhờ cậy gì. Xin lượng xét định ra quy chế, phàm ruộng tư định hạn cho 5 mẫu, ngoài ra làm ruộng công cả chia cấp cho binh dân để làm ruộng lương, ruộng khẩu phần giúp cho sinh sống".

Vua dụ rằng : "Đời xưa chia ruộng cho dân làm ăn sinh sống khiến cho có của thường có lòng thường, thực là ý tốt, nhưng ngày nay ngày xưa công việc có khác, từ phép tỉnh điền bỏ ở đời Tần, trải qua Hán, Đường, Tống về sau, vẫn không làm lại được, tóm lại là vì đời khác, việc khác, có làm cũng không được, huống chi lâu, sổ sách đã thành, nay vô cớ cắt lấy của riêng, vốn liếng làm ăn khó nhọc của người, chắc không phải lòng người được yên, mà một phen làm ra thay đổi, sợ chưa thấy lợi, mà đã nhiễu không thể nói xiết. Việc ấy thực không thể làm được".

Tổng đốc Long - Tường Đoàn Văn Phú dâng tập thỉnh an nói : "Hai tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, tiền thóc đầy thừa, hằng năm thường chở đến An Giang chuyển giao cho Trấn Tây để dùng, xét ra 4 tổng (Phong Phú, Phong Thịnh, Phong Hoà, Phong Nẫm) huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường ở gần tỉnh An Giang, thì tiền thóc đinh điền chính cung, xin nộp vào kho tỉnh An Giang, về Nhà nước đã bớt được khó nhọc phải chở, về dân cũng được tiện việc đem nộp".

Vua nghe theo.

Bố chính Gia Định Hoàng Quýnh thấy thuế lệ trong tỉnh hạt bỏ thiếu nhiều, mới phân phái thuộc biền ở tỉnh bọn quản cơ, suất đội, hội đồng với phủ huyện đốc thu. Bộ Hộ đem việc hặc tâu lên.

Vua bảo thị thần rằng : "Hoàng Quýnh là người văn học hơi khá, khiến cho làm việc trị dân, cũng có đáng khen, nhưng ở chỗ bận làm việc nhiều thì không thể

làm được mà thôi, kìa như việc dân thì có dân quan, việc binh thì có binh quan. Việc bắt lính thu thuế là việc chức phận của phủ huyện. Việc trong, nếu bảo là không làm được mà lại mượn tay quan võ, thì còn dùng phủ, huyện làm gì ? Vả lại quan võ không biết văn lý, biết đâu việc dân, nay lại uỷ cho thu thuế, hầu muốn cho đeo gươm để doạ dân ư ? Làm việc như thế, muốn lòng người thiếp phục khó lắm, bèn sai chọn người có thể thay được, sau vì chọn dùng thiếu người mới thôi".

Tuyên phủ Hải Đông Nguyễn Văn Hy, Án phủ Ba Xuyên Mai Hữu Điển có tội, miễn chức. Trước đấy Án sát An Giang Đoàn Nguyên Thống, Lãnh binh Nguyễn Đăng Huyên chết. Ở tỉnh phái bắt thuyền người Thanh là Trần Tất Đồng chở quan tài và gia quyến 10 người về quê, trong khi đi đường Tất Đồng đem quăng tất cả xuống biển, cướp lấy vợ lẽ và của cải Đăng Huyên mà chạy về Quảng Đông, đến khi người nước Thanh đi cùng thuyền là bọn Hoàng Linh về phủ Ba Xuyên, Hy nguyên làm Bố chính cùng với Mai Hữu Điển biết tình hình việc ấy, nhận của lót tha cho chạy xa, đến nay việc phát giác, đều phải cách chức, bắt xích lại giao cho Trương Minh Giảng, Dương Văn Phong tra xét. Đến khi án dâng lên, Hy phải tội thắt cổ giam hậu, Điển phát đi sung quân ở biên giới xa.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Bờ cõi bản triều rất rộng, đất cát màu mỡ. Số người Thanh đến sinh sống có nhiều, triều đình cưu mang người phương xa cũng không cấm, nhưng bọn chúng gian dối trăm đường, có nhiều kẻ riêng đem gạo, ngầm sang nước Thanh và lén lút đến Hạ Châu, lại mua thuốc phiện là vật cấm mang về để bán, mối tệ ấy thường đã vỡ lở. Trước đã chuẩn y cho theo tập tâu bàn của kinh lược đại thần, cấm người Thanh không được ra biển thông thương, thực là lệ đặt ra để ngăn tệ, phòng gian. Nay ở An Giang phát giác ra việc người Thanh là Trần Tất Đồng, tình hình thảm độc, không ngờ làm cho người ta sởn tóc, nhưng xét nguyên nhân cũng tại quan địa phương khinh thường phái uỷ, nên kẻ hung hãn được thỏa lòng độc ác, nên truyền dụ các tỉnh Nam Kỳ cho đến bọn đốc, phủ, bố, án các địa phương, đều phải tuân theo các điều cấm, phàm người Thanh đến làm ăn sinh sống chỉ cho đi lại đường sông buôn bán, không được ra biển đi buôn. Và tất cả thuyền buôn trong hạt vượt biển buôn bán thì cũng không được mượn người Thanh làm lái thuyền hay thuỷ thủ, người trái lệnh thì bắt tội. Lại nghiêm sức cho viên coi giữ các cửa biển hết lòng tra xét. Nếu có người Thanh nhờ thuyền ra biển buôn bán và ngầm đáp thuyền buôn của dân trong hạt thì lập tức bắt giải để nghiêm trị, nếu hoặc xem xét không chu đáo và biết tình hình cố ý tha, không những người coi giữ cửa biển phải tội nặng, quan địa phương cũng giao cho bộ nghiêm trị".

Cho Án sát Khánh Hoà Trần Văn Thông thăng thự Tuyên phủ Hải Đông ; Đại lý Viên ngoại lang Lê Quốc Trinh đổi bổ Viên ngoại lang bộ Binh, điệu bổ quyền Án phủ Ba Xuyên.

Mới chế lỗ bộ ở hành cung các địa phương.

Từ trước đến nay hành cung ở tỉnh ngoài, các lễ tiết triều bái chỉ bày cắm cờ, giáo, gươm dài ở trước sân, đến nay chuẩn cho bộ Lễ tư cho các trực tỉnh và thành Trấn Tây đều chế lỗ bộ (4 tán vàng, 2 quạt vàng, 2 quạt hồng, 4 móng đứng, 4 móng nằm, 4 rìu vàng, 4 búa vàng, 6 gậy bát giác màu hồng, 6 gậy tròn màu hồng) phàm hằng năm kính gặp 3 tiết lớn, cùng bất kỳ tiếp được ân dụ, làm lễ tạ ơn, và gặp khi có thuộc quốc cống man triều cống ở địa phương thì đều bày [lỗ bộ] ở sân trước hành cung, còn nhã nhạc sang kiếm, biền binh ở sau.

Vua nghĩ mùa đông rét lạnh, sai Kinh doãn chiểu theo dân thực tại và các người phát vãng ở Tả hữu trạch nguyên cứ trai gái, cấp cho mỗi người vải đen, vải trắng mỗi thứ 10 thước, mỗi người 1 quan tiền.

Chuẩn định từ nay, phàm viên phải cách lưu, không có lương để phạt được, nếu có can án phải phạt thì đều cho miễn nghị.

Tổng đốc Thanh Hoa Phạm Văn Điển tâu nói : "Lúa chiêm thuộc hạt ấy đã bị nạn gió, đến lúa mùa lại nhân mưa lụt, sâu làm hại, hạt gạo phần nhiều không chắc, về thóc tô phải nộp mùa đông năm nay, xin cho dân chiết nộp bằng tiền". Vua y cho.

Bỏ bớt vệ Hà Tĩnh lính mộ ở Hà Tĩnh, các vệ binh trước chuẩn cho cùng với binh cơ Hà Tĩnh dồn làm 8 đội cơ Hà Tĩnh (3 đội lính Nam không chia ban, 5 đội lính Bắc chiểu theo lệ giản binh chia làm 2 ban, người đương ban thì mỗi tháng được cấp 1 phương gạo).

Quan thành Trấn Tây là bọn Trương Minh Giảng nói : "Biền binh 3 cơ An man thuộc thành ấy, trước khi bọn giặc nghịch Hải Đông gây sự chỉ biết hướng mộ triều đình, ra sức bắt giặc, trước sau sai phái, không khác lính Kinh"

Vua khen ngợi đặc cách chuẩn cho Cai đội cơ Nhất sung Quản cơ là Vũ Khiêm, Cai đội cơ Nhị sung Quản cơ là Tôn Ly, đều thưởng thụ Phó quản cơ, thí sai Quản cơ, Chánh đội trưởng cơ Tam sung Phó quản cơ là Đào Kim thưởng thụ Cai đội, thí sai Phó quản cơ. Ngoài ra bọn Suất đội đều được thực thụ. Sau lại gia ơn cho các Quản suất Tịch Biên, Khai Biên, Quảng Biên, An man và cơ Tượng mục, thuộc thành Trấn Tây hằng tháng được cấp tiền lương, bắt đầu từ tháng giêng sang năm (thực thụ Chánh phó quản cơ đều mỗi tháng 3 quan tiền. Cai đội, Chánh đội

trưởng, thí sai suất cơ và sung suất cơ đều 2 quan). Vua bảo Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : "3 cơ An man ở thành Trấn Tây nguyên là người Chàm Đồ Bà ở nhờ đất ấy, mà khi có việc phần nhiều ra sức giúp triều đình, trẫm muốn cấp áo quần và tiền, để cho càng biết cảm kích phấn khởi, sợ thổ binh các cơ cho là có chỗ phân biệt, sinh ra ghen ghét". Trương Đăng Quế tâu nói : "Đấy là ân cách của triều đình, ai dám nói xen vào, nhân nói đến Trấn Tây là đất mới phụ thuộc, việc phải sửa sang còn nhiều".

Vua bảo rằng : "Nay hãy dần dần xếp đặt, chuyển vận lặng ngầm, để cho nhân dân ấy có lòng thành thực, hướng theo giáo hoá, quan quân có lòng hết sức làm việc, trẻ thì lớn lên, lớn thì già đi, đều tiêm nhiễm phong hoá người Kinh, rồi sau mới xử trí tất cả chỉ theo sai khiến, đó là then chốt lớn để mở đóng chế ngự".

Vua lại mật dụ bọn Trương Minh Giảng rằng : "Trẫm nghe 3 cơ An man, từ sau khi theo quan quân đi đánh dẹp, phần nhiều bị người Thổ ghét, dần không cho ở, cho nên không có chỗ nương nhờ làm ăn, thường phải quẫn bách, việc ấy, có lẽ nào ở thành không biết. Vả lại 3 cơ ấy có lòng theo ta, chính nên vỗ về mà dùng, sao được để cho mất chỗ nhờ cậy, nay toàn hạt Trấn Tây đã thuộc bản đồ sổ sách của triều đình, không kể là dân Kinh, dân Thổ, mọi người đều được khai khẩn làm ăn, cùng nhau vui lợi, người Thổ kia sao được chiếm làm của mình, mà không cho người khác cùng làm được, huống chi hạt ấy địa thế đất tốt, nhân dân sở tại chưa chắc khai khẩn hết, lại cho 3 cơ ấy là ở nhờ đuổi đi không cho làm, có được không ? Bọn khanh nên xếp đặt cho thoả đáng, phàm biền binh 3 cơ ấy từ trước làm nhà ở nơi nào, làm ăn ở chỗ nào, đều cho nhận lấy để ở và cấy làm sinh nghiệp ở yên mãi nếu hoặc, nơi ở chưa ổn định, cũng phải chọn đất chia cấp, không để cho người Thổ được lấn áp xua đuổi, sinh ra lôi thôi thế mới được".

Lại từ trước đến nay, ở thành tâu cử chức An phủ các phủ huyện, chỉ theo quan Phiên chọn phái, đó là theo trước mà làm, vẫn là tạm thời, từ nay trở đi phàm có khuyết chức An phủ, nên chọn người theo việc quân sai phái được việc mà cử, không để cho quan Phiên được làm ơn, gây bè đảng cố kết kéo dài, sau này xử trí thêm phiền. Các thổ quan lĩnh các phủ, huyện thổ nơi nào đã đặt quan người Kinh hoặc đổi làm Phủ uý, Huyện uý, đều cho theo quan người Kinh làm việc, không nên để tên cũ An phủ. Lại như đặt quan người Kinh ở phủ huyện, theo nghị trước : trước hết ở các hạt Hải Đông, Hải Tây, Sơn Định, Quảng Biên lần lượt cử hành thì các phủ huyện bên trong tự khắc đem nhau hướng theo giáo hoá. Nhưng xét các địa phương ấy phần nhiều là biên giới, dân Kinh ít người đi lại, quan quân không tiện

đóng giữ, nếu chỉ đặt một viên huyện, thì người Man nhiều, người Kinh ít, xếp đặt cũng khó. Nay nên bàn tính hoặc ở các phủ bên trong như loại Chân Thành, Ba Xuyên, Kim Trường tiếp giáp với An Giang thì chia lập phủ, huyện, tổng, làng, đặt quan người Kinh đến ngay sửa sang, thì các địa đầu đã có trọng binh, chúng ở phía trong, hoặc có sinh lòng khác, sẽ sợ không dám hành động, trước gần rồi sau đến xa, làm dần dần cũng là kế hơn cả, nhưng sự thế tính xa có khó các ngươi cần phải trù tính kỹ lưỡng, thế nào cho ổn thoả cả thì cho một mặt tâu lên, một mặt thi hành. Bọn Giảng tâu nói : "3 cơ An man tuy nói là ở ngụ, từ trước đến nay cũng tuỳ chỗ bỏ không, dựng nhà để ở, người địa phương sở tại không đến đuổi đi, duy gần đây thấy có ghen ghét, từng đã răn bảo trước, cũng không dám tỏ ra lấn áp, nhưng đất cày cấy được, 3 cơ ấy phải lĩnh canh nộp thuế ở thổ quan, không được tự do, nên sự làm ăn sinh nhai của bọn chúng so với người thổ trước lợi lạc có không giống nhau. Xin nên xử trí dần dần. Còn việc đặt quan người Kinh ở các phủ huyện, gần đây đã ở các huyện Chân Tài, Bình Tiêm thuộc Hải Đông, Ngọc Bi thuộc Hải Tây, và My Tài thuộc Sơn Định, Hoá Di ở hơi gần thành sở, Lư An ở quanh thành, tạm đặt mỗi huyện 1 Tri huyện. Xét ra nhân tình đã thiếp phục. Nay theo minh dụ, bàn tính hai ba lần, phàm các hạt thuộc về thượng du, địa thế xa cách như Sơn Phủ, thuộc Sơn Định, Khai Biên thuộc Quảng Biên, tạm hãy làm dần ; ngoài ra như các phủ huyện Lô Việt, Tầm Vu, Thìn Tô, Lô Viên, Tầm Đôn, Tuy Lạp, Ba Man, Long Tôn, Bát Ca thuộc thành, và Ngọc Luật, Chân Thành, Ba Xuyên, Kim Trường, Ô Môn ở gần ngay An Giang, định nên lần lượt chia đặt quan người Kinh, còn như đặt ra tổng làng, tất cả công việc phải làm, chờ sau lại bàn. Lại như chức An phủ đặt trước, nên đổi làm Phủ uý, Huyện uý, cùng là chọn lấy người theo việc quân được việc để sung cư, xin đến lúc ấy theo dụ làm việc. (Tuy Lạp nguyên là Lôi Lạp đổi ra, Ba Nam nguyên là Ba Cầu Nam đổi ra, Bát Ca nguyên là Lợi Ỷ Bát đổi ra, Ngọc Luật nguyên là Mật Luật đổi ra, Chân Thành nguyên là Chân Thiêm đổi ra).

Vua cho là phải.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Công Lê Văn Đức sung đại thần viện Cơ mật ; Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh Trương Đăng Quế kiêm lĩnh Hiệp lý sự vụ thuỷ sư ở Kinh kỳ.

Mộ lính ở Hưng Yên. Hiện số quân vệ Hưng Yên là trên 230 người, chuẩn cho dồn làm 5 đội. Lại sai mộ lập 1 đội thuỷ binh để phòng sai phái, tuần tiễu phận sông.

Quan tỉnh Bắc Ninh tâu nói : "Dân xã các phủ, huyện trong tỉnh hạt năm trước có xã không đủ lệ tuyển, có xã tuyển trước còn có thừa đinh, lâu nay được vỗ yên,

sinh sản dần nhiều, đều ở lệ phải tuyển, nhưng trong đó nhiều người ít người lại không giống nhau, thì xã ít người tạm hãy đình tuyển, xã đông người chiểu số thừa, tuyển được trên 500 người, xin đặt làm 1 cơ 10 đội. Lại như lính mộ thuộc tỉnh : 2 vệ Bắc Ninh tả, hữu, chỉ còn hơn 500 người ; 3 cơ Trung, Tả, Hữu chỉ còn trên 1.000 người, rất là hư số linh tinh, xin dồn 2 vệ làm 1 vệ, 3 cơ làm 2 cơ Tả, Hữu, rồi đem cơ mới tuyển bổ làm cơ Trung, còn chia ban chi lương, cùng theo như các cơ Hậu quân".

Vua y cho, bảo bộ Binh rằng : "Binh dân là việc lớn, bọn Tôn Thất Bật, Nguyễn Đăng Giai, biết gia tâm xét hỏi, phân biệt nơi đông, nơi thưa, thực đáng khen thưởng, chuẩn cho đều thưởng gia 1 cấp, còn các xã dân điêu hao, gia ơn cho xã nào quá lắm thì hoãn bắt lính 4 năm, vừa thì 3 năm, vừa nữa thì cho 2 năm".

Định lại lệ chi phát của công ở Nội vụ, Vũ khố.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Nội vụ, Vũ khố là nơi tụ hội cả tiền của, số chi phát rất nhiều, từ trước đến nay các thuyền công phái đi ngoại quốc, được lĩnh các vật hạng cho 4 nha hội đồng xem xét, phàm có chi lĩnh thì chỉ do 2 nha ấy chiểu phát, xét ra bọn chủ thủ quen thói gian xảo, trong đó không khỏi đem nhẹ làm nặng, đem ít làm nhiều, hạng xấu bảo là tốt đẹp, hạng có dấu vết bảo là hoàn toàn, để phòng làm việc bớt xén gian dối. Còn các nha ở Kinh được lĩnh, thì quan có trách nhiệm và lại điển cùng nhau xét luận, chúng vẫn không thể giở được trò ấy. Còn như Thuỷ sư và các địa phương ở ngoài uỷ người đi lĩnh phần nhiều là võ biền chất phác chậm chạp, một vài lại dịch theo đi làm việc lại thấp kém, dẫu muốn xét nhận kỹ càng cũng không làm thế nào được, chỉ kết nhận hàm hồ mà thôi, đến khi giải về địa phương, bọn quan lại, người coi kho thu nhận lại bới lông tìm vết, bài bác quá đáng, nên gần đây việc phát giao của công phần nhiều là chiểu với số lĩnh trước không hợp. Các mối tệ ấy đã biết suốt cả, tự phải một phen chước định chương trình để trừ tệ cũ. Từ sau, phàm biền binh Thuỷ sư nhận lĩnh vật hạng chở giao các địa phương ở ngoài, và các địa phương phái uỷ người và thuyền đến lĩnh vật hạng chở về, thì khi đến kỳ, Vũ khố, phủ Nội vụ, chỉ vật hạng chiếu phát đều do 4 nha hội đồng xem xét, các vật hạng cân nặng bao nhiêu cân lạng cùng cả thước tấc dài rộng cho đến cả có vết tích lấm đất rách nát hay không, ghi chép rõ ràng tất cả rồi đều ghi tên xét thực vào đơn lĩnh vật hạng để làm hồ sơ lưu chiểu. Lại biên riêng 1 bản đóng dấu kiểm của 4 nha hội đồng giao cho người nguyên lĩnh giữ để lưu chiểu, về đến địa phương tức chiểu theo biên bản xét từng khoản nhận thu, quan địa phương tự mình xem xét, không được chuyển uỷ lại dịch người coi kho, để được sinh tệ. Nếu giám lâm chủ

thủ ở Vũ khố, phủ Nội vụ dám đổi thay hàm hỗn, do các nha hội đồng cứ thực hặc tâu, nếu đã biên giấy xác thực, mà bọn lĩnh đem về còn dám dụng tình bớt xén và để không cẩn thận, đến nỗi hư hỏng thì do quan địa phương hặc tâu lên, lập tức đều tra rõ trừng trị nghiêm ngặt".

Thuyền binh đi tuần bắt giặc của Tổng đốc Hải - Yên Nguyễn Công Trứ ở phận biển Chân Châu (tên xã) thuộc Hoa Phong gặp thuyền giặc người Thanh trên 60 chiếc, đánh nhau, Quản vệ bọn Nguyễn Văn Ngữ thu được 3 chiếc thuyền sam bản nhỏ và khí giới, bỗng gió đông lại thổi mạnh, lại chạy đến Vân Đồn, chờ gió thuận, đem việc ấy tâu lên và nói bọn giặc lảng vảng ngoài biển, khi tụ khi tan, binh thuyền không tiện ở lâu, xin đến chỗ giặc từ trước đến nay thường đậu, thiết lập đồn luỹ, pháo đài, phòng ngự nghiêm hơn, cần đến vôi rất nhiều phải do tỉnh Hải Dương thuê bắt binh dân mong để làm.

Vua bảo rằng : "Ngươi thân lĩnh đại đội biền binh ra biển đánh bắt cần phải đến thẳng Chàng Sơn đánh phá sào huyệt lũ giặc, tuy đến tiết mùa đông thường nổi gió sóng, nhưng không có ngày nào hơi được yên lặng, có thể nhân tiện cho thuyền đi ư ? Lại nói thác là gió sóng để hoãn lại. Lại khư khư về việc nung vôi, việc ấy có liên quan gì đến việc khẩn cấp, việc làm thực trái với nên khoan nên gấp. Nay nên làm thế nào đốc suất thuyền binh tiến đi mau chóng, cốt đem các nơi giặc vẫn tụ tập đậu lại ở dải Chàng Sơn tìm bắt khắp cả, bắt chém không để sót, đấy là việc cần trước, liền phải trải xem hình thế, trù tính công việc xếp đặt về sau, mới là không phụ việc uỷ thác. Còn như quan quân đi bắt giặc, đánh nhau với giặc, tuy không công trạng rõ ràng chém được đầu giặc, nhưng ngay lúc ấy thu được thuyền bè khí giới, cũng là đáng khen, bọn Nguyễn Văn Ngữ chuẩn cho đều thưởng kỷ lục 1 thứ, biền binh thưởng chung 100 quan tiền".

Định lại thuế lệ hộ làm gỗ ở Gia Định, Biên Hoà (tấm ván gỗ táu dày 1 tấc 2 phân, dài 3 trượng hoặc 2 trượng, mặt rộng 7, 8 tấc ; gỗ thuận chu vi 4 thước, dài 1 trượng 5 thước, hoặc 2 trượng, đều được).

Định lại lệ nuôi ngựa công (Theo lệ trước, cứ 10 con ngựa, thuê 4 phu chăn. Chuẩn cho số ngựa nuôi ấy như đẻ được 5 con thì được thuê thêm 2 người, đẻ được 10 con thì thuê thêm 4 người, theo lệ hằng tháng cấp cho tiền gạo, chước miễn cho tạp phái. Nếu nuôi không cẩn thận hoặc để chết thì cứ theo giá tiền bắt đền, các ngựa sinh đẻ, hằng năm tháng 2, tháng 8 báo lên bộ, nếu giấu bớt, có tội).

Chuẩn định từ nay về sau phàm quan trong Kinh bổ chức ngoài, hoặc quan tỉnh ngoài bổ chức trong Kinh và thăng đổi đi hạt khác, thì triều phục lĩnh trước đều do nha cũ, tỉnh cũ, chuyển cấp cho quan mới mặc, không được mang theo.

Đắp đê mới Phúc Thọ tỉnh Sơn Tây. Đê Phúc Thọ ở các xã Phú Nhi, Phù Sa, thế nước xói thẳng vào, bờ sông ngày càng sạt lở, cách tỉnh thành chỉ trên 6 trượng, Tổng đốc Nguyễn Công Hoán cho là đắp cao để chống giữ, công việc đã khó, nếu được tạm xong, cũng vẫn khó mong giữ vững, bèn đắp riêng một con đê mới, (từ xã Mông Phụ qua các xã Phú Nhi, Phù Sa, đến Thiều Xuân, dài trên 550 trượng) tâu xin theo cách đê thượng lưu sông lớn (mặt rộng 2 trượng, chân rộng 7 trượng, thân đê cao 1 trượng 2 thước) thuê dân các huyện bị thế nước chỗ ấy đến được, khởi công làm, một tháng thì xong, xin phái quan khám lại.

Vua bảo rằng : "Ngươi là quan địa phương ; phàm việc binh dân tiền tài thuế khoá trong hạt đều uỷ cho cả, há không có việc khác to hơn việc ấy ư ? Chuẩn cho ngươi thân tự kiểm xét, không phải phái người khác".

Thự Hữu thị lang bộ Lễ sung biện Các vụ Lê Khánh Trinh có tang. Lấy Tả tham tri bộ Lại là Hà Quyền sung làm việc Các.

Hoàng trưởng tử kiêm quyền chức Tả tôn chính phủ Tôn nhân là Trường Khánh công tâu nói : "Con cháu công thần đã được tập phong thế tước, mà các bầy tôi thân huân như bọn Nghĩa hưng quận vương Tôn Thất Khê, Quốc uy công Tôn Thất Hiệp, An tây công Tôn Thất Huy, Lạng giang quận công Tôn Thất Hội, con cháu có được tập tước hay không vẫn chưa bàn đến, xin nên giao cho quan bộ Lễ tra rõ điển lệ, nghị định thế tước, để khuyến khích tôn thân".

Vua bèn sai bộ Lễ bàn tâu, quan bộ Lễ tham chước điển lệ nhà Minh, nhà Thanh, xin phàm thân huân người trước được phong quận vương, thì con được tập phong quân công ; (theo lệ làm qua, trật chánh nhị phẩm) cháu được tập phong Phụng quốc tướng quân ; (trật chánh tam phẩm) tằng tôn[1] tập phong Phụng ân tướng quân (trật chánh tứ phẩm) ; huyền tôn[2] được tập phong Phụng quốc trung uý ; (trật chánh ngũ phẩm) lai tôn[3] được tập phong Phụng ân trung uý ; (trật chánh lục phẩm), từ sau đời đời vẫn tập phong Phụng ân trung uý.

Người nguyên trước được phong tước công và quân công thì con được tập phong Phụng quốc tướng quân, tôn tằng trở xuống theo thứ bậc được tập phong đến Phụng ân trung uý, cũng vẫn được tập phong không bao giờ hết, chỉ cho mỗi đời 1 người được tập phong.

---

(1) *Tằng tôn :* cháu 4 đời

(2) *Huyền tôn :* cháu 5 đời.

(3) *Lai tôn :* cháu 6 đời.

Lại xét luật có chép : các quan viên văn võ được tập ấm thì đều cho con cháu trưởng của vợ con cả tập ấm, nếu con cháu trưởng của vợ cả chết đi, con cháu thứ của vợ cả được tập ấm, nếu không có con cháu thứ của vợ cả, mới cho con trưởng của vợ thứ tập ấm, nếu không có con cháu trưởng của vợ thứ, cho em hay cháu người được thừa kế được tập ấm, nay lệ thế tước của thân huân cũng theo đấy thi hành, người nào không có con cháu vợ cả, vợ thứ, xin ở trong phái gần chọn một người theo lệ được thừa sự được tập phong lượng giảm 1 bậc để rõ hơn kém. Nhưng xét, cháu huyền tôn của Nghĩa hưng quận vương Tôn Thất Khê là Tôn Thất Quý, hiện bổ chức Trưởng sử kiêm lĩnh tư giáo sung tộc trưởng, xin tập phong là Phụng quốc trung uý ; cháu lai tôn của Quốc uy công Tôn Thất Hiệp là Tôn Thất Khoáng xin tập phong là Phụng ân trung uý ; cháu của Lạng giang quận công Tôn Thất Hội là Tôn Thất Cật hiện bổ Chánh đội trưởng suất đội thủ hộ trung vệ, xin tập phong Phụng ân tướng quân ; An tây công Tôn Thất Huy nguyên không con nối, có cháu họ gần là Tôn Thất Quỳ hiện bổ Phó vệ uý vệ Dương võ, xin phải kém con viên ấy một bậc, tập phong làm Phụng ân tướng quân, còn Tôn Thất Quý, Tôn Thất Cật, Tôn Thất Quỳ đều cho vẫn lĩnh chức của mình, mang tước hàm tập phong.

Vua bảo rằng : "Chính điển của triều đình, nên có thứ tự. Nay tôn phái người thân gần chưa được chuẩn định, thì tước phẩm người thân xa chưa nên vội bàn thi hành, lại nghĩ các bầy tôi thân huân công lao rực rỡ, con cháu viên ấy không nên hoặc có bỏ rơi. Tôn Thất Quý, Tôn Thất Cật, Tôn Thất Quỳ đã dự bổ quan chức thì thôi, duy có cháu lai tôn của Quốc uy công Tôn Thất Hiệp là Tôn Thất Khoáng chưa được bổ chức gì, gia ơn thưởng thụ Chánh đội trưởng thân binh, để báo đáp công lao".

Tiết Thánh thọ, tỉnh Hải Dương tiến cam đường, trong sọt cam có con rắn cuộn khúc, bộ Lễ và khoa đạo cho là bất kính, cùng dâng sớ hặc tội, giao xuống bộ Hình nghị định, thuộc lại ở tỉnh phải tội chém, quan tỉnh phải tội đồ.

Vua bảo rằng : "Phẩm vật đệ lên, việc liên quan đến cung quan trọng, tiến Từ cung thận trọng đến thế nào, lại có việc bất cẩn như thế, tội ấy không nhẹ, quan bộ Hình giữ phép nghĩ định, thực đã thoả đáng, duy việc ấy mới phát ra, trẫm kính vâng Từ dụ, pháp luật nên xử nặng, tình nên xử nhẹ, nên lượng cho giảm nhẹ, thuộc lại ở tỉnh cho đổi làm phát làm quân, Bố án Nguyễn Hữu Khuê, Hoàng Tế Mỹ đều đổi làm giáng 4 cấp".

Định lệ điển viết quan hàm vào chương sớ và tờ tư. (Phàm chương sớ tâu báo chỉ viết rõ chức quan, gián hoặc có được gia hàm như thái bảo, thiếu bảo, cùng dưới

tên có chua gia bị giáng cấp kỷ, không phải điền vào, duy phải cách lưu, không cứ chương sớ hay tờ tư, cứ thực ghi rõ. Còn giấy tờ tư báo được đem gia hàm viết lên trên mà hiện chức viết tiếp theo. Còn như các hàm cáo thụ đại phu, tướng quân, không được viết cả, duy thiếp báo danh, mừng thọ, không phải việc công, đều cho viết điền, nhưng ở dưới chữ cáo hàm viết luôn hiện chức.

Bộ Hộ tâu nói : "Phủ Nội vụ, sang năm đến khoa thanh tra, xin nhân đấy dời làm kho mới, sai quan tra xét, khởi công làm ngay trong tháng này để tiện chủ thủ mới cũ giao thay".

Vua y cho, bèn sai Tả thị lang bộ Hình Bùi Quỹ sung chức Đổng lý, thự Lễ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung Hoàng Thu làm phó.

Vua bảo bộ Lễ rằng : "Thi điện khoa này các tên trùng cách đã đổi cấp cho mũ, đai, áo, xiêm, để được vinh thân, nay đều đã bổ làm quan, phàm gặp các tiết lễ triều mừng, chuẩn cho mặc các thứ ấy theo ban làm lễ. Còn thể chế, tô điểm hoa ở áo, xiêm, đợi đến khoa sau do bộ bàn lại đợi Chỉ tuân hành biên thành điển lệ".

Sai quan có trách nhiệm chế cấp 10 loại dấu ngà cho thái giám (1 dấu khắc quản vụ thái giám đồ ký, 1 dấu khắc điển sự thái giám đồ ký, 1 dấu khắc kiểm sự thái giám đồ ký, 1 dấu khắc phụng nghi thái giám đồ ký, 1 dấu khắc thừa vụ thái giám đồ ký, 1 dấu khắc điển thảng thái giám đồ ký, 1 dấu khắc cung sự thái giám đồ ký, 1 dấu khắc hộ thảng thái giám đồ ký, 1 dấu khắc cung phụng thái giám đồ ký, 1 dấu khắc thừa biện thái giám đồ ký).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCVII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 [1838], mùa đông, tháng 12, chuẩn định từ nay hằng năm lịch làm xong, nhân viên làm việc ở Khâm thiên giám, do bộ Lại phân biệt nghị khen thưởng. Nếu suy tính có sai lầm, cũng phân biệt nghị xử.

Vua bảo Nội các rằng : "Xưa nay phàm vua ngự đại điện coi triều, theo lệ có thái giám theo hầu, ở liền ngay bên cạnh, để sửa sang áo vua, vì khi vua lên kiệu, lên ngai, áo long bào ngọc đeo hoặc có treo sấp dính vào nhau thì người theo hầu không dám tiến đến ngay để mở ra, cho nên không dùng bọn này không được. Vả lại như đời Đường thường sai chức chiêu dong đối dẫn bên vua, đến làm thành thơ, lại là đáng khinh, bản triều phàm việc chính đại quang minh, đâu thèm bắt chước như thế, huống chi bọn quan hoạn không nên gần ngay bên cạnh nơi vua ngự, đã là trông xem không nhã, sợ mở ra mối hoạn quan làm việc gần nơi tôn quý, đặt phép không tốt, việc ấy quan hệ không nhỏ. Chuẩn cho từ sau phàm gặp các việc điển lễ, trước hết phủ Tôn nhân dự phái hoàng tử tuổi từ 14, 15 trở lên 1 hay 2 người theo hầu để sửa sang áo vua, cho hợp lễ nghi, dùng làm phép hay để lại về sau".

Định lại biền binh 6 tỉnh Nam Kỳ : hằng năm lấy ngày 15 tháng giêng họp cả để thao diễn, đến 15 tháng hai chia ban, ghi làm lệ mãi (Lệ trước lấy kỳ tháng hai họp cả).

Định lại lệ xử phân tuần biển.

(Phàm phận biển hạt nào có giặc phát ra, lần thứ nhất viên coi giữ, viên đồn sở cửa biển chỗ ấy và quân bắt giặc tỉnh phái đi, nếu sơ suất không biết hoặc tra bắt không chăm để bọn giặc đi thoát, thì viên coi giữ cửa biển phải giáng 4 cấp, quân đi bắt giặc, Quản vệ, Quản cơ đều giáng 2 cấp, Suất đội giáng 1 cấp, ở chuyến đi ấy, nếu không có Quản vệ, Quản cơ mà Suất đội là chuyên phái, cũng phải giáng 2 cấp. Binh thuyền ở Kinh phái đi ở hạt ấy mà không chịu đánh bắt, Quản vệ giáng 2 cấp, Suất đội giáng 1 cấp, nếu đến hạt khác mà chỗ phát ra việc cướp, đường sá xa cách, không thể trông nom cả được thì miễn nghị ; xét ra có chậm trễ, thì xử theo tội chậm trễ. Đề đốc, doãn thừa ở Thừa Thiên, đốc phủ, bố án, lãnh binh ở các tỉnh, viên nào ra biển đi tuần bắt, mà có giặc phát ra, đều phải giáng 2 cấp ; còn các viên ở lỵ sở đều giáng 1 cấp, trong đó Lãnh binh ai là chuyên trách phòng giữ phận núi như Lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi thì được miễn nghị. Giặc phát ở phận biển hai cửa biển tiếp giáp, 2 viên coi giữ cửa biển đều giáng 2 cấp ; quân đi bắt giặc của 2 tỉnh phái đi đều giáng 1 cấp, quan tỉnh được xét xử giảm 1 bậc. Phàm nhân viên bị giáng cấp, đều được ở lại chức, nếu lại có giặc phát ra, nhiều tới 2 lần, hoặc 3, 4 lần, thì mỗi lần cũng đều theo như thế xử phân, người có cấp kỷ cho được xét trừ, tuy tính suốt số phải giáng nhiều như thủ ngự lần trước phải giáng 4 cấp, ngoài ra theo lệ suy tính, tạm hãy chuẩn cho đeo giáng lưu để xem làm việc sau này, đợi việc tuần bắt xong, có thực trạng cố gắng hay không, lại tâu xin xét xử, gián hoặc có giặc phát ra mà lập tức ra sức đuổi đánh, tuy không bắt được bọn giặc, nhưng cứu được thuyền buôn vẫn không mất gì, cũng được miễn nghị. Còn như thấy giặc mà không chịu đuổi đến cùng, lại tìm phương đậu yên và có ý rụt rè, cùng là hỏng lỡ việc quân, trong đó tình tiết còn nhiều, cho đến khi ấy xét ra sự trạng, chiểu luật định tội).

Tổng đốc Hải - Yên Nguyễn Công Trứ ở Vạng Thôn, châu Vân Đồn nghe tin ngoài núi Ỷ Cầm có trên 50 chiếc thuyền giặc Thanh, lập tức phái binh thuyền hiện đem đi chia làm 5 toán, đi đêm tiến đi ngay, gặp gió đông thổi mạnh, sóng đánh trôi giạt, gần sáng thuyền giặc đều giương buồm chạy thoát, có một chiếc chưa kịp nhổ neo, Suất đội toán trước bọn Nguyễn Công Khuyến đi thuyền nhẹ nhanh sấn đến chém được một đầu giặc, còn thì nhảy xuống biển chết cả. Trứ đem việc ấy tâu lên và xin tạm về Quảng Yên, chờ thuận gió lại đến Chàng Sơn.

Vua bảo rằng : "Ngươi đi lần này rất lâu, nhọc quân, tốn lương, giặc biển vẫn còn kết thành bọn lớn, xử theo luật quân còn chối sao được, nhưng gặp phải sự thế hơi khó, chưa nỡ bắt tội ngay, tạm xử nhẹ giáng 1 cấp. Vả lại giặc ấy đóng ở biển, rất là ngăn trở việc buôn bán đường biển. Nay đã biết rõ đích chỗ giặc lén lút, thì

việc đánh bắt không thể hoãn được, có thể trong tháng này lại đi làm xong cố nhiên là không thế, cũng chuẩn cho đến tháng giêng sang năm lại đi, cốt đem giặc ấy giết hết tất cả cho đến công việc xếp đặt về sau, phải hết lòng sửa sang, không được mượn cớ để chậm trễ".

Quan tỉnh Ninh Bình tâu nói : "Các làng ấp huyện hạt Kim Sơn, trước đây nhân bị nạn gió hơi nặng, các tiền thóc thu về mùa đông và còn thiếu trước, xin nên cho hoãn lại và con đê chống nước mặn (dài trên 3.400 trượng) từng bị nước biển ngập nhiều, nhiều chỗ vỡ lở, xin phát tiền gạo thuê dân sửa đắp".

Vua đều y cho.

Hai châu Mường Vang, Làng Thìn, phủ Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, có người nộp lại súng điểu thương, quan tỉnh ấy tư bộ để tâu lên.

Vua bảo rằng : "Trước kia sức nộp súng ống, là chỉ chuyên nói quan quân, dân chúng không được cất riêng, còn như 9 châu Cam Lộ ở biên giới xa xôi, thường có người Lào lấn cướp, chính nên cho sửa sang khí giới để được tự cường một chút, nếu có làm được súng ống cũng không nhiều, bắt phải báo nộp lại làm gì, trả lại cho chúng.

Quan tỉnh Thanh Hoa dâng sớ nói : "Cân thiên bình mới cấp cho hạng lớn hạng vừa mỗi hạng một chiếc, mỗi chiếc quả cân đều 10 quả, đã theo từng hạng xét lại, gián hoặc có sai. Bộ Hộ nhân đấy tâu rằng ở tỉnh mỗi hạng cân đã lấy 1 quả cân để cân, lại đọ với 6, 7 quả hoặc 4, 5 quả, theo từng hạng thay đổi, cầu cho đủ nguyên số 1 quả, thì trong đó xê xích tí chút, khó khiến cho đồ vật bằng nhau. Xin phàm dùng 2 hạng cân ấy, vật 100 cân thì lấy quả cân 100 cân mà cân, 50 cân thì lấy quả cân 50 mà cân, 10 cân tự có quả cân 10 cân, 10 lạng tự có quả 10 lạng, cốt phải ở chỗ mỏm nhọn ngang nhau, không phải đem hợp lại. Giao cho đình thần bàn, cho là cân nặng hay nhẹ cố nhiên ở cân, mà để cho nặng nhẹ đều nhau thực quan hệ ở mỏm nhọn, ở cái cần sắt mà thôi, mỏm nhọn ngang nhau thì nhẹ nặng không trái phép được. Xin phàm các nha trong Kinh và tỉnh ngoài, từ nay về sau có thu chi vật hạng, các người giám thủ hội đồng với người lĩnh, người nộp, trước hết đem cân ấy để cho bằng bặn ngay ngắn. Nếu vật nặng 100 cân, cân bằng quả cân 100 cân, hoặc lấy các quả 50 cân, 40 cân, và 10 cân mà cân ; vật nặng 50 cân, cân bằng quả cân 50 cân, hoặc lấy các quả 30 cân, 20 cân mà cân cũng được, còn thì theo đấy suy ra, cố nhiên không nên theo như bộ bàn gắn chặt nhất định, cũng không phải như tỉnh Thanh Hoa phải hợp cả lại, cốt ở trong khi mắt cùng xem xét, mỏm nhọn ngang nhau, tơ tóc không sai, phải lấy cân ấy làm tiêu chuẩn nhất định".

Vua bảo rằng : "Đình thần bàn phải lắm, vả lại lập pháp tuy hay nhưng làm có hay hay không thì cốt ở người, nếu nệ về xê xích tí chút thành sinh nghi ngờ, thì là làm nhà bên đường, không bao giờ xong, chuẩn cho theo nghị mà làm, và thông dụ cho các nha trong ngoài, phàm thu, chi phải dùng hai hạng cân ấy, thì xem mỏm nhọn ngang nhau, cần phải một mực công bằng, không để cho thuộc lại và người giữ kho được cân hơn, kém chút nào, thế mới tốt".

Bố chính Sơn Tây Lê Đức Tiệm có tội phải miễn chức. Tiệm cho người thầu khoán thu nộp thuế lệ đòi lấy tiền bạc, tham tang đến 700 lạng, bị bọn lại dịch, chủ thủ tố cáo, Tổng đốc Nguyễn Công Hoán hặc tội tâu lên, có Chỉ sai cách chức, xét rõ. Tiệm không chịu phục, hét to ầm cả công đường, Hoán lại đem việc ấy hặc tâu tiếp, xin phái quan ở Kinh ra tra xét. Tiệm cũng làm tập riêng đệ theo, nói : Hoán khi mới đến tỉnh, liền yết thị cho dân trong hạt, phàm quan lại có sự nhũng tệ, cho được bày tỏ, mở rộng ra mối kiện cáo. Lại thường gọi riêng vợ lẽ Bố chính cũ Nguỵ Khắc Tuân vào nhà hát xướng, hắn thường khuyên can, bèn lấy làm hiềm. Vả hắn nhân thấy Án sát Nguyễn Văn Nhị thanh bạch nghèo túng, vay giúp tiền của người buôn để làm lễ phần hoàng[1] riêng, mà Hoán cũng cho là tham tang, cố ý buộc vào tội.

Vua bảo rằng : "Lê Đức Tiệm mưu tính lợi riêng, đã bị quan Tổng đốc hặc tội tâu lên, tức là người có tội thế mà không biết, yên lặng chờ xử phân, to tiếng cắn càn, lại nhặt nhạnh những lời lơ mơ phù phiếm, liền tâu gièm lại, hắn nếu không phục viên Tổng đốc, há không sợ phép nước ư ? Vả lại trong tập tâu nói ra phần nhiều là việc không cần thiết, Nguyễn Công Hoán lúc mới đến tỉnh, chưa biết quan lại có tham nhũng hay không, nêu yết thị cho dân bày tỏ. Nếu quả là có, tuy không tránh khỏi phiền nhiễu việc, nhưng cũng không trái lẽ chính đáng, còn như hát xướng ở nhà riêng, việc ám muội giấu giếm không bằng chứng, hắn là kẻ có tội, theo luật có câu không được cáo cử việc khác, sao được phạm phải tâu nhàm như thế ? Lại như Nguyễn Văn Nhị nhà nghèo là việc riêng của một nhà, có can chi đến hắn lại phải vay tiền hộ, rất là vô lý, xem ra toàn là bịa việc không đâu, chẳng qua tự biết không chối được tội, lại muốn đẩy người xuống giếng mà thôi. Nguyễn Công Hoán ở Kinh làm Thượng thư bộ Hình nguyên là đại thần ra làm nhận chức Tổng đốc, việc làm của viên ấy công hay tư, tự không thể tránh được sự soi xét rõ của trẫm, nếu việc ấy quả là mang lòng hiềm vu để hãm hại, tự phải không đợi người cầu xin trước đã chọn phái đại thần đi rồi, duy Lê Đức Tiệm tham tang tư

(1) *Phần hoàng* : đốt bản sắc sao bằng giấy vàng cho người được truy phong biết.

tình, sự trạng đích xác, phải do người xét rõ định tội, còn phải phái riêng làm gì ?". Bèn sai Lang trung bộ Hình Đỗ Cao Mại mang dụ chỉ đi đến tuyên đọc, rồi đem Lê Đức Tiệm xích giam giao cho Nguyễn Công Hoán cùng với Nguyễn Văn Nhị xét nghĩ, án thành, Tiệm phải tội thắt cổ, giam chờ lệnh.

Vua lại cho là Nguyễn Văn Nhị giữ chức truyền cho chạy trạm, thế mà Tiệm đã can bị hặc tâu, còn vin lẽ được gián kín đưa lên thẳng, cho viết giấy phát đệ, phải giáng 1 cấp.

Nhân sai thông dụ cho các trực tỉnh, từ nay phàm bố án đã bị dốc phủ nêu ra hặc tội, nếu oan uổng thực, cho được uỷ người đến Kinh đánh trống đăng văn, bày tỏ kêu lên không được viện lệ làm sớ riêng đệ thẳng. Nếu có gửi phong kín tự phải viết giấy phát đi, ty bưu truyền cũng không được nhận đệ, trái lệnh thì có tội.

Ở Quảng Nam giá gạo còn cao. Vua nghĩ kho ở Kinh hiện chứa nhiều gạo trắng Gia Định, chuẩn cho phát 15.000 phương chở đi, phái khoa đạo và thuộc ty Thương trường bộ Hộ, mỗi nơi một người hội cùng quan tỉnh giảm giá bán ra.

Cho thự Đề đốc Kinh thành Lương Văn Liễu làm Thống chế dinh Hổ uy ; Lãnh binh Nam Định Lê Sách thăng thự Đề đốc kiêm làm việc phủ Thừa Thiên ; Lãnh binh Ninh Bình Trần Hữu Lễ thăng thự Thống chế dinh Tiền phong ; Lãnh binh Gia Định Trần Hữu Thăng thăng thự Thống chế dinh Thần cơ.

Cho Mai Công Ngôn làm Thống chế Tả dực, dinh Vũ lâm.

Bộ Hộ tâu nói : "Phu trạm ở dịch trạm các địa phương đều được tha miễn thuế thân, duy 6 tỉnh ở Nam Kỳ và 3 tỉnh Sơn Tây, Thái Nguyên, Lạng Sơn ở Bắc Kỳ có nơi miễn cả, có nơi miễn nửa, lại có nơi phải nộp theo lệ, rất không giống nhau. Xét ra phu trạm ngày đêm chạy trạm chuyển đệ, cùng là khó nhọc cả, há nên nơi này nơi nọ khác nhau, xin sai các quan tỉnh xem xét. Trạm nào công việc hơi ít mà số phu nhiều thì liệu bớt đi, trạm nào công việc rất nhiều và tuy hơi ít, nhưng số phu ít thì để lại, rồi chiểu số được giảm cho về làng chịu sai dịch, còn số để lại, thuế thân đều được miễn".

Vua y lời tâu ấy.

Chuẩn định từ nay về sau phủ huyện các địa phương tra xét án kiện cứ đến cuối tháng đều đem án nào thụ lý ngày nào và số người phạm hiện giam đã tra xét hay chưa, trong tháng ấy bẩm tỉnh. Lại đến 4 quý đem cả án xét trong quý là bao nhiêu, nói rõ nguyên uỷ tra xét, xét xử tội danh người phạm, làm thành danh sách do tỉnh xét lại, gián hoặc có xét trước chưa hợp, thượng ty bác trả về để xét lại, hoặc tình lý khó khăn, không thể xử xong như hạn được, theo lệ cho thêm hạn. Nếu để chậm

kéo dài không xử xong thì hặc tội tâu lên. Ở tỉnh xét án, đốc phủ chiểu theo hạn hằng tháng sức cho Niết ty tra xét cho xong, nếu để chậm kéo dài cũng cứ thực hặc tâu lên. Tỉnh nào không đặt đốc phủ, đợi khi án đệ lên, do bộ Hình xem xét, còn như đơn vượt khống, cũng án giao tra, đốc phủ đều theo hạn xét xử. Nếu có khó khăn, làm tập tâu xin gia hạn, nếu để chậm quá hạn, cũng do bộ xét lại. Lại như các châu, huyện, giam tra tù phạm, nha nào không có huyện thành mà lính lệ ít thì cho gửi giam ở tỉnh thành, phủ thành tiếp gần, nếu địa thế xa cách chiểu theo việc án nhẹ nặng, tù phạm nhiều ít, chọn 1 người Tổng mục gần tiện và liệu bắt dân gần đấy canh giữ, việc xong cho rút về ngay.

Tỉnh Hà Tĩnh bắt được tướng giặc trốn là Nguyễn Lộc đem giết. Vua thưởng cho quan đi bắt là Quản vệ Tôn Thất Quỳ được 1 lần kỷ lục, 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn ; quan quân đi bắt được thưởng chung 100 quan tiền.

Tổng đốc An - Tĩnh Tạ Quang Cự hỏi biết tỉnh Nghệ An là quê quán tổ tiên mình, tâu xin tránh.

Vua bảo rằng : "Ngươi là bầy tôi chân tay ruột thịt, thực không ví như quan chức cấp nhỏ, chỉ nên giữ phép công làm việc, để xứng với sự uỷ thác, việc ấy cũng không quan ngại gì, chuẩn cho tạm ở nhận chức, không phải quan tâm.

Sai thự Ngự sử Định - Biên là Trần Thiện, tứ đẳng thị vệ là Lê Văn Hợi, Cai đội là Hồ Văn Hoà (nguyên cai quản các hộ lấy tổ yến ở 3 tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hoà) đem 5 người ở hộ, lấy tổ yến, trách cứ tỉnh Gia Định phái bắt binh thuyền đưa đến đảo Côn Luân cùng với lính đồn đi lấy tổ yến. Côn Luân là nơi sẵn nhiều tổ yến, trước kia chuẩn định lính đồn 50 người hằng năm phải lấy tổ yến nộp mỗi người 6 lạng, đã 2 năm, chỉ được 3 cân, hỏi thì người giữ đồn nói : chim yến làm tổ ở hang cùng, hốc thẳm người đi lấy trước hết phải dùng dây to buộc vào gốc cây hoặc vào viên đá to vững chắc, rồi sau theo dây dòng vào, 1 tay cầm dây, 1 tay cầm đuốc, sờ tìm tạt ngang, thế rất khó khăn, không phải người quen biết không dám vào, từ trước đến nay lính ở đồn chỉ có 1, 2 người lấy được ở nơi nông và gần mà thôi. Bộ Hộ cho là Hồ Văn Hoà am hiểu nghề ấy, xin cho đem theo hộ lấy tổ yến đến tận nơi lấy, lại phái viên cùng đi trông coi, nên có lệnh ấy (hằng năm tháng giêng chim yến làm tổ, tháng hai lục tục đi lấy, đến hạ tuần tháng tư là hết, nếu có gió mưa bất kỳ, kéo dài đến tháng 5, tháng 6). Bộ Hộ lại nói nghe tin đảo Phú Quốc ở Hà Tiên sản xuất trầm hương rất tốt, xin chuẩn cho đến khi phái viên về nhân tiện xét hỏi.

Giá bạc ở Kinh sư ngày một lên, chuẩn cho bổng lệ quan viên ở Kinh từ nhất phẩm đến thất phẩm được lĩnh trước 1 kỳ năm sau, chiểu theo kỳ tháng 4 chiết cấp bạc lạng có từng bậc.

Định lại điều lệ cấp cáo sắc cho quan viên văn võ. (Quan chức trong ngoài, văn từ tòng ngũ phẩm, võ từ chánh tứ phẩm trở lên và văn giai đồng Tri phủ, Tri huyện, viên nào được thăng thụ, thực thụ, vẫn viết cấp cáo sắc như trước, viên nào đã được viết cấp, sau bị cách lưu và giáng đổi đi thì theo lệ xét thu, cấp cho sắc bằng khác, duy người phải giáng lưu thì không phải tra thu. Viên nào trước nhân bị giáng chưa được cấp cho, thì viết cấp tất cả, phàm thể văn ở cáo sắc bỏ bớt các chữ "trật : chánh, tòng phẩm nào ?" Còn như giáng cấp, gia cấp đều do bộ đăng ký vào sổ để lưu chiểu và chiểu nha phải tư tống, tư tờ sao, sao lục cho biết, không phải cấp bằng triều đình nữa.

- Văn từ chánh lục phẩm, võ từ tòng tứ phẩm trở xuống được thăng thụ, thực thụ, cùng quan chức văn võ có người được thăng thự, thực lý, gia hàm và bị giáng điệu đều theo như lệ trước cấp cho chiếu văn, duy chữ chiếu đổi làm chữ sắc.

- Phàm quan viên trong ngoài khi được đặc phái đem quân đi đánh dẹp, hoặc sung làm Kinh lược đại thần, và việc đi sứ, việc trường thi, tất cả sự thể quan trọng, theo lệ viết cấp sắc thư, ở trong Kinh, văn từ Thượng thư, võ từ Thống chế, Đề đốc ; ở ngoài Đốc phủ, Đề đốc, hoặc có đổi ngang nhau sang nha khác, cũng đều viết cấp 1 đạo sắc thư. Hạt nào theo lệ đặt Tuần phủ mà không hiện có quan, các Bố án, Lãnh binh được hộ lý, cấp cho 1 đạo sắc thư hội đồng, về thể thức văn ghi : "Sắc dụ cho thừa tuyên Bố chính sứ... chức, tên gì, chuẩn cho người hội đồng với các viên Án sát, Lãnh binh hoặc Phó lãnh binh hộ lý ấn Tuần phủ quan phong tỉnh mỗ..." Hạt nào Lãnh binh chuyên giữ chức khác, không dự vào việc tỉnh, thì bỏ bớt các chữ Lãnh binh đi. Như Bố chính gián hoặc có thăng điệu, hoặc khuyết, thì Bố chính làm việc kế tiếp đổi cấp cho một đạo sắc thư, còn Án sát, Lãnh binh hoặc Phó lãnh binh có thăng điệu hoặc khuyết thì người làm việc kế tiếp, không phải cấp sắc khác. Lại hạt nào hiện có đặt Tổng đốc, hoặc đi công suất lâu ngày, các Đề đốc, Bố án, Lãnh binh, hoặc Phó lãnh binh hội đồng hộ lý thì cũng theo thế mà làm ; còn thì nếu đi việc công ở kiêm hạt và về Kinh triều kiến, không lâu ngày, chỉ sao lục chỉ phát giao cho tuân theo làm việc, và hạt nào không đặt Lãnh binh, chỉ có Phó lãnh binh, thì Phó lãnh binh mới được cùng Bố chính hội đồng hộ lý. Hạt nào nguyên có Lãnh binh, bỗng nhân đi việc công, hoặc khuyết, thì Phó lãnh binh không được hộ lý. Ngoài ra như văn từ tòng thất phẩm, võ từ Chánh đội trưởng suất đội trở lên, có đổi cho nhau, thì đều do bộ lục chỉ truyền bảo, văn từ bát phẩm, võ từ Chánh đội trưởng không Suất đội trở xuống, do bộ cấp bằng.

- Phàm quan viên bổ thụ được cấp cáo trục sắc văn, nhân viên đổi ngang nhau được cấp sắc thư và lục chỉ, văn bằng, đều vẫn để chấp chiểu, duy sắc thư, lục chỉ, văn bằng được cấp khi sai phái, thì việc xong do bộ thu huỷ đi).

Kiêm lĩnh Hiệp lý Thuỷ sư Kinh kỳ Trương Đăng Quế tâu nói : "Trước kia hai bộ Lễ, Binh chước nghị ấn triện Thuỷ sư chiểu theo cách thức ấn triện 5 quân mà chế cấp. Nay ấn ấy so với ấn 5 quân hơi nhỏ, nghĩ nên đúc lại".

Vua bảo rằng : "Quốc triều chia đặt quan chức, về văn chỉ có 6 bộ, về võ chỉ có 5 phủ, sự thể rất quan trọng, còn các nha khác thì quan trọng vừa, trước đây 2 bộ Lễ, Binh chước nghị ấn triện Thuỷ sư giống với 5 quân, rất là chưa xứng đáng, nay xét ra tuy không hợp với lời bàn, nhưng so với hai dực Vũ lâm, 5 dinh Cấm binh, cũng đại khái ngang nhau, xét ra sự lý lại là thích hợp, chuẩn cho vẫn để lại dùng, không cần đúc lại".

Vua ngự hồ Tĩnh Tâm bắn thử súng 2 cò máy, đạn nổ rất mạnh, xét ra là Phó vệ uý coi đội Kim sang Nguyễn Cửu Ngọ đóng nhầm 2 tầng thuốc đạn.

Vua bảo rằng : "May mà trẫm từ tuổi trẻ đến nay quen dùng súng điểu thương, không thế thì quan hệ không nhỏ. Liền sai cất chức Cửu Ngọ, cho nhất đẳng thị vệ Vũ Văn Giải kiêm coi đội Kim sang, khi vua đi tuần, cho mang súng của vua".

Cho Phó vệ uý vệ Nhuệ võ dinh Hùng nhuệ Nguyễn Tiến Vạn thăng thự Vệ uý vệ Kỳ võ nhất ; Phó vệ uý vệ Quảng võ Nguyễn Thường Hứa thăng thự Vệ uý vệ Kỳ võ nhị ; Quản cơ cơ Hữu chấn Trung quân Lê Văn Kỳ thăng thự Vệ uý vệ Quảng Ngãi.

Đặt đội tuần thành Định Tường. Sai mộ dân ngoại tịch 50 người sung vào.

Lính mộ tỉnh Bình Thuận, cơ Bình Thuận hiện số không có mấy, vua chuẩn cho bỏ bớt tên cơ, dồn cả làm 2 đội Pháo thủ thuộc tỉnh (cơ Bình Thuận 36 người, 2 đội pháo thủ 25 người).

Đổi bổ Đội trưởng đội Thông ngôn làm đội trưởng các quân, cho sung chức Hành nhân ty Hành nhân[1] cai quản học trò ở 4 dịch quán học tập phiên dịch.

Bộ Binh tâu nói : "Sang năm chính gặp kỳ kiểm duyệt quân nhu ở Nam Kỳ, xin chọn phái quan ở Kinh đi".

Vua bảo rằng : "Các quan ở Kinh hằng ngày đến hầu bên cạnh chưa tiện phái đi, mà Tổng đốc các tỉnh cũng là đại thần thân tín có thể uỷ thác được, chuẩn cho đến mùa xuân sang năm là kỳ biền binh họp cả để thao diễn, việc kiểm duyệt biền binh tỉnh Gia Định, Biên Hoà lấy Tổng đốc Long - Tường sung phái ; kiểm duyệt biền binh tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, lấy Tổng đốc Định - Biên Nguyễn Văn Trọng sung phái, biền binh tỉnh Biên Hoà hội cả ở Gia Định, biền binh tỉnh

(1) *Hành nhân* : Chức quan giữ việc triều cận sinh vấn thời cổ.

Định Tường hội cả ở Vĩnh Long, do 2 quan Tổng đốc kiểm duyệt, biền binh 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên đều là không có mấy, không phải hội cả lại, vẫn do bố án kiểm duyệt, tất cả công việc kiểm duyệt đều theo lệ trước.

Bố chính Cao Bằng Trần Huy Phác nghỉ cư tang, lấy Án sát Hà Nội Nguyễn Thế Đạo thăng thự Bố chính Cao Bằng. Án sát Thanh Hoa Nguyễn Quốc Hoan đổi bổ làm Án sát Hà Nội, Lang trung bộ Hình Phạm Khắc Trạch đổi bổ làm Án sát Thanh Hoa ; Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung Vũ Doãn Cung thăng thự Án sát Khánh Hoà.

Chuẩn định từ nay phàm hằng năm các địa phương phái người về Kinh sao ngạch, thủ lĩnh, lại điển các ty hai bộ Hộ, Binh đều soạn giao sổ ngạch, nhưng ở sau bản sao đề tên xét nhận, trình đường quan phê chữ đóng ấn triện, nếu ty các bộ không soạn giao hoặc lại điển của tỉnh không xem xét để có sai nhầm thì nếu xét ra sẽ chiếu luật xử tội.

Tỉnh Phú Yên có tên tù Lê Viết Vân, lấy nguyên thự Bố chính Nguyễn Đức Trinh đem phát giác tội ác của hắn làm giận, nhân say rượu chửi mắng trước mặt mọi người, án ở tỉnh xử phải tội thắt cổ, bộ Hình ngờ là nặng, định lại phạt trượng phải đi đày.

Vua bảo rằng : "Nguyễn Đức Trinh là quan cha mẹ của hắn, nếu quả bất công, bất pháp, cũng phải đem việc kêu lên, sao được càn dỡ đem lời phục mạ, chửi quan trên, là khinh triều đình, khinh triều đình tức là làm loạn, người vô lễ phạm thượng không giết còn đợi gì, Lê Viết Vân cho đến sau kỳ thu thẩm, phải thắt cổ ngay".

Tuần phủ Hưng Yên Hà Thúc Lương tâu nói : "3 huyện Kim Động, Phù Dung, Tiên Lữ phủ Khoái Châu thuộc hạt ấy, ở hữu ngạn sông Cửu An, địa thế ẩm thấp, thường bị nước lụt tràn ngập, ruộng mùa phần nhiều không mong nhờ được, dân sở tại đều muốn sửa đắp con đê bờ ấy, may thoát được nạn lụt, đã xét con đê hữu ngạn từ đầm sâu Sài Thị đến bến đò Biện dài suốt trên 8.000 trượng, về phải đắp lại trên 1.700 trượng, phải xắn thẳng trên 1.000 trượng, còn thì phải đắp thêm cho cao, dày hơn công việc rất là nhiều và nặng, xin trước hãy đem 1 đoạn xắn thẳng từ Sài Quất đến Bằng Ngang, thuê bắt dân phu 2 tỉnh Nam Định, Hưng Yên, 1 vạn người đến mùa xuân sang năm thì đắp, hạn cuối tháng 3 thì xong, còn thì đợi đến năm sau lại làm. Việc giao xuống bộ Công bàn tâu, cho là bờ đê bên tả ngạn sông ấy, năm nay sửa đắp mới xong, chất đất chưa gắn liền, phải nên đắp thêm mới mong giữ vững, còn địa thế bên hữu ngạn so với tả ngạn hơi thấp, mùa nước lớn, thế nước phần nhiều chảy tạt vào hữu ngạn, nếu nay đắp ngay 1 đoạn xắn thẳng, sợ nước lên to

chưa chắc đứng được một mình, mà bờ đê tả ngạn mới xong đắp thêm chưa kịp, há chẳng hầu như hỏng cả hai ư ? Sao bằng tạm hãy đình công việc hữu ngạn lại, để chuyên sức giữ vững tả ngạn, cho ruộng dân 7 huyện có thể giữ được cả 2 kỳ nước lớn mùa hạ, mùa thu thì hơn, còn bờ đê hữu ngạn ấy, nên theo dụ trước đợi vài năm sau cho chất đất đê tả ngạn được liền chắc, rồi dần xem thế nước lại bàn. Hoặc là phía hữu ngạn không cần đắp nữa, để không phải lo nước xói, còn các đoạn đê cũ từ cửa sông đến bến đò Biện, chỗ nào lở sạt thực phải sửa sang để giữ lúa chiêm, thì nhân cũ tuỳ tiện sửa sang không hại gì, từ nay đến kỳ nước lớn, mở ra cho thế nước dễ tiêu tiết, rồi đem ngạch ruộng 3 huyện chuyển làm thuế lệ ruộng chiêm, thu cả vào vụ chiêm, thì dân yên trí cày cấy ruộng chiêm, không còn trông ngóng ruộng mùa nữa, nhưng chưa xét tình dân có tiện hay không, xin do tỉnh ấy xét hỏi bàn kỹ tâu lên". Vua cho là phải. Thúc Lương sau tâu nói : đã hỏi bọn Tổng lý các huyện, có người cho là tiện, có người cho là không tiện, xét ra lòng người không giống nhau, đâu có thể chiều theo ý muốn hết được, duy chỉ triều đình bàn tính ổn thoả, sau khi làm xong dân sẽ được nhờ, tức gọi là dân thì không thể cùng mưu tính trước được. Kia như đào sông Cửu An, là để giảm bớt nước sông cái, các tỉnh thượng du đều được lợi, nay đê tả ngạn đã đắp, nếu lại đắp đê hữu ngạn, thì không những nước sông cái tiêu tiết đã chậm, mà 2 bờ sông Cửu An đều bị nước xói, đến mùa nước lụt, sao giữ được 10 phần vững chắc, tưởng nên không đắp là phải, còn như ruộng mùa chuyển thành ruộng chiêm, tức là 2, 3 năm nay ruộng mùa đã cùng ruộng chiêm cày cấy như nhau, mà thường được mùa, đó là từng biết, gọi là không tiện có được không ? Nghĩ nên theo lời bộ bàn, đê bờ bên hữu không cần đắp nữa, ruộng mùa 3 huyện chuyển làm ruộng chiêm, thực là thuận tiện.

Vua phê bảo rằng : "Lời tâu rõ ràng, không được vẹn cả đôi đường, việc không đừng được, nên gia tâm giữ vững đê bên tả, còn đê bên hữu thì bàn dần mới được".

Đặt thêm viên dịch ở 3 cửa nhà Quảng Thiện, Quảng Học, Minh Thiện (trước đặt mỗi nhà chánh bát, chánh cửu phẩm thư lại mỗi chức 1 người, vị nhập lưu 30 người, đặt thêm tư vụ và tòng cửu phẩm thư lại mỗi chức 1 người).

Bộ Lễ bàn dâng điều cấm về áo mặc của quan và dân.

(Văn võ từ tam phẩm trở lên, áo mặc như các thứ nhiễu, đoạn, the, lĩnh, được tuỳ ý dùng, phàm lụa hoa cùng màu và các thứ hoa : mây, mãng, phượng, lân, hạc, hoa bông vòng tròn, sóng gợn, đều cho mặc, duy sắc vàng và hình rồng 5 móng, không được dùng, hà bao, trướng, màn, gối, nệm hoặc dùng gấm đoạn thêu đều được, còn đồ dùng có vẽ, khắc, khảm, trang điểm, đều không được làm rồng,

phượng, đồ sứ hàng Tống không cấm, trang sức bịt thuần bạc, hoặc xen lẫn vàng cũng được. Tứ phẩm như Biện lý bộ vụ sung biện các vụ và phủ thừa Thừa Thiên, Án sát các tỉnh, cho được cũng như tam phẩm. Áo của tứ, ngũ phẩm, như lụa hoa cùng màu và các thứ phượng, lân, hạc, hoa bông tròn, sóng gợn, đều được mặc, duy hình rồng năm móng sắc vàng và mây mãng, mãng hoa bông tròn, không được dùng, hà bao, gối, nệm hoặc dùng gấm đoạn thêu cũng được, màn trướng không được dùng gấm vóc, đồ đạc không được chế vẽ rồng phượng, bịt và trang sức không được xen lẫn vàng, đồ sơn dùng thếp bạc, hoặc thếp xen lẫn vàng cũng được. Lục, thất phẩm cũng như tứ, ngũ phẩm, hà bao cho dùng gấm đoạn cùng màu, không được xen lẫn màu, mặt gối có làm bằng gấm đoạn và thêu đều được, trướng màn, chăn, đệm không được dùng gấm vóc, đồ đạc không được vẽ rồng, phượng, bịt và trang sức không được xen lẫn vàng, đồ sơn không được thếp lẫn vàng. Áo của bát, cửu phẩm, cho dùng vải, lụa và lụa hoa ta, hoặc có nhiễu, đoạn, sa, lĩnh, hoa cùng màu, hàng Tống cũng cho dùng cả, duy các hạng mây mãng, mãng cuộn tròn, phượng, lân, hạc, hoa bông tròn, sóng gợn đều không được dùng, lụa nhuộm không được dùng sắc vàng, nhiễu đỏ không được may quần, hà bao, trướng, màn, chăn, gối, không được dùng gấm, vóc, đồ đạc đều dùng kiểu hoa chìm, trang sức bịt bằng đồng, thiếc hoặc bạc cũng được, đồ sơn chỉ cho thếp thiếc. Các viên tôn sinh học sinh và nhân viên Tôn thất, tuy chưa có phẩm cấp, các hạng phục dụng cho được cũng như lục, thất phẩm. Nếu Tôn nhân dự hàng bát, cửu phẩm thì cũng coi đấy chế dùng. Tiến sĩ, cử nhân, giám sinh, ấm sinh, con quan viên, tú tài, chưa có phẩm cấp, thì phục dụng cũng như bát, cửu phẩm. Phục dụng của đàn bà đều theo thứ bậc của chồng. Phàm đồ nữ trang từ tam phẩm trở lên, mệnh phụ được dùng toàn vàng, còn thì dùng cả bạc. Lại như phục dụng của cha mẹ, các quan đều xem phẩm cấp, giảm đi một bậc. Thân quyến của quan ngũ phẩm trở xuống, cùng như dân chúng, áo mặc thường của vị nhập lưu và quân dân đàn ông đàn bà chỉ cho dùng vải lụa, và các hạng lụa ta ; nếu có việc vui mừng, mặc, đẹp thì lụa ta và các thứ sa, lĩnh, trừu hàng Tống, các hạng hoa nhuộm các sắc, đều được, duy không được dùng sắc vàng, và các thứ nhiễu sa hoa mây, mãng, mãng hoa tròn, phượng, lân, hạc hoa tròn có sóng gợn, hà bao không được dùng gấm, vóc, còn nhiễu sa các sắc chỉ cho dùng làm áo khăn, không được may quần. Đồ đạc chỉ được dùng mộc mạc hoặc sơn đen, thếp thiếc, có vẽ khắc hình hoa chim cũng được, nhưng không được toàn dùng chạm, vẽ bịt hay trang sức đều dùng đồng thiếc, trong đó, cơi trầu, khay chè, nếu có bịt bạc hoặc khảm cũng không cấm, đàn bà chỉ cho dùng 1 cái trang sức ở đầu bằng vàng, hoa tai vàng và vòng bằng vàng tía mỗi thứ 1 đôi, ngoài ra đều dùng bạc,

nhẫn thì được vàng bạc tuỳ tiện, còn như bọn đầy tớ, từ người hầu hoàng thân quốc thích cho đến quan lại, hết thảy y phục đồ dùng đều giống như dân chúng. Còn các người ca nhạc, trang phục trong khi hát xướng, mũ được trang sức hình giao long và hoa, áo dùng sắc hồng vẽ mây, giao long, hoặc dùng áo lụa các màu, cũng được, nhưng không được trang sức mũ rồng áo vàng, nếu trái phép tiếm dụng thì phạt 100 trượng, quan có phẩm trật thì bãi chức không cho làm nữa, lại điển thì bãi dịch, các hạng nhân viên thì cách bỏ tên trong sổ cũ, còn các quân dân, thợ thuyền, con hát thì phạt trượng tột bậc đóng gông 3 tháng, các đầy tớ theo hầu phạm tội thì xử nặng hơn dân thường 1 bậc, phạt 60 trượng, đồ 1 năm).

Vua bảo rằng : "Đồ sơn, đồ thếp cũng là đồ thường dùng hằng ngày của dân gian, nếu hết thảy theo cách thức bóc đổi, rất là thêm phiền, điều khoản ấy nên bỏ đi ; còn thì theo như lời bàn, và hạn chế buổi đầu, còn phải khoan cho, để quen dần dần, về hạn cấm, lấy mồng một tháng giêng năm Minh Mệnh thứ 21 làm bắt đầu, trong đó bọn theo hầu đày tớ trai gái của nhà quyền thế và bọn nhạc công, con hát xa xỉ kiêu ngạo quá lắm, thói tệ đáng ghét. Nếu ngoài hạn có điều cấm, thì tăng bậc trị tội, còn quan quân dân chúng có phạm, đều chiếu theo tội trước xử tội giảm kém một bậc".

Xét tú tài các khoa tuổi từ 40 trở lên ở Quốc tử giám, cho Hiệp biện Đại học sĩ Lê Văn Đức, Trương Đăng Quế sung làm khảo hạch ; đại thần, tế tửu, tư nghiệp ở Quốc tử giám và tứ, ngũ phẩm có khoa học, ở các bộ, viện 6 người sung làm phân khảo, hạch xong làm danh sách tâu lên, hạng bình 9 người chuẩn cho làm huấn đạo ; hạng thứ, hạng liệt 70 người, người quê ở từ Hà Tĩnh trở về Bắc thì cho về học tập, mỗi người cấp cho 2 lạng bạc, người quê thuộc từ Quảng Bình trở về Nam thì chuẩn cho làm hành tẩu ở 6 bộ, hằng tháng cấp 1 quan tiền, 1 phương gạo.

Đắp phủ thành Ninh Thuận, Hàm Thuận thuộc Bình Thuận. Trước khi ấy quan tỉnh tâu nói : "Tỉnh hạt ấy một dải ven biển, đường bộ dài xa, từ trước đến nay thuế lệ đều nộp ở tỉnh, trong đó 2 huyện An Phúc, Tuy Định cách tỉnh rất xa, mỗi lần đến kỳ nộp thuế, vận tải vất vả và tốn. Định đắp thành, dựng kho ở 2 phủ Ninh Thuận, Hàm Thuận, cho dân đem nộp được gần. Vua y cho. Đến nay, chuẩn cho phủ lỵ Ninh Thuận vẫn đặt ở xã Kinh Doanh (tên xã thuộc huyện An Phúc) ; phủ lỵ Hàm Thuận dời đến đặt ở xã Phú Tài (tên xã, thuộc huyện Tuy Định) đều đắp thành đất, dựng kho lợp ngói, thu tiền, thóc tô thuế 2 huyện An Phúc, Tuy Định chứa vào đấy, phàm lương bổng quan lại, biền binh thuộc phủ và tất cả việc công, lấy ở đấy sung cấp (Thành ấy chu vi đều dài suốt 72 trượng, thân cao 5 thước, trên dày 3 thước, chân dày 5 thước, có 2 cửa thành. Trong thành, phía trước làm 1 toà phủ

đường 3 gian, 2 chái, lợp ngói, hai bên làm nhà, bên tả bên hữu mỗi bên một nhà, làm chỗ ở của lại lệ. Phía sau, làm kho lợp ngói 1 toà 9 gian, 2 chái, nhà trại của thương lại, thương binh đều làm ở ngoài phủ thành. Lính coi kho, phái lính tỉnh, mỗi phủ 20 người, 1 Suất đội, 1 Đội trưởng, 3 năm đến khoá thanh tra thì thay đổi, thư lại ở kho, lấy ở ty phiên thuộc tỉnh bát, cửu phẩm thư lại, mỗi phủ 1 người, cùng với một thư lại ở phủ sung làm chủ thủ. Hộc, phương, thùng, ống gạt do tỉnh làm cấp cho. Lính phủ, phái lính ở tỉnh, mỗi phủ 1 Suất đội, 30 lính, theo phủ phân phái các việc công canh giữ và tuần tiễu, mỗi tháng thay đổi một lần.

Cho Lãnh binh Bình Thuận Vũ Văn Nguyên thăng thự Chưởng vệ làm Lãnh binh Gia Định ; Phó lãnh binh Gia Định Nguyễn Văn Tiến thăng thự Lãnh binh Bình Thuận ; Phó vệ uý vệ Hậu nhị Hữu dực dinh Vũ lâm là Dương Thiều bổ thự Phó lãnh binh Gia Định ; Phó vệ uý vệ Kỳ võ nhị Nguyễn Ngọc Nghĩa thăng thự Lãnh binh Ninh Bình ; Phó vệ uý vệ Kỳ võ nhất Nguyễn Văn Tiến thăng thự Lãnh binh Nam Định.

Sai bộ Công xét biên các sách, phàm nói đến chiều gió có thể giúp cho việc đi biển nên tiến đi, nên đậu lại, cùng xét ngược lên từ Minh Mệnh năm thứ nhất đến nay, ngày tháng nào thuyền công hỏng việc, có thể làm chứng nghiệm cho các sách chia loại biên thành tập, chia làm 4 mục : 1 là phong vũ tổng chiêm, 2 là hành thuyền tự ký, 3 là tạo thuyền tự ký, 4 là vãng sự tập nghiệm, gọi là sách *Hải trình tập nghiệm*. Định lệ khảo hạch lái thuyền ngạch Thuỷ sư trong Kinh và tỉnh ngoài và xét công thưởng phạt. Trước đấy vua bảo bộ Công rằng : "Đất nước ta phần nhiều ven biển, thuyền mành của Thuỷ sư rất là việc quan trọng, các việc đi hay đậu cốt ở người lái và nước, mà hiểu biết đường biển hiểm hay dễ, gió, nước, thuận tiện hay không, thì người lái lại là người thầy ở thuyền, khi bình thường vô sự, nếu không chọn được người có huấn luyện sẵn, đến khi có việc bỗng đem sung phái, ví như đến lúc khát mới đào giếng, muốn cho thành công thì khó lắm. Từ trước đến nay, thuyền mành phái đi việc công, người lái phần nhiều lấy lính ra làm, trong đó, người hơi am hiểu chỉ 1, 2 người, nên khi cần đến phần nhiều không được việc, đều do lúc bình thường, việc lựa chọn, huấn luyện chưa được chu đáo, nay chuẩn cho ở Kinh do bộ Công hội đồng với Thống quản thuỷ quân, ở tỉnh ngoài do Đốc phủ hội đồng với Lãnh binh chọn trong biền binh Thuỷ sư lấy người có thể làm được người lái, thì hỏi về đường biển sâu, nông hiểm dễ, dùng là đích chỗ có bãi ngầm, ghềnh đá phải tránh, và ra biển chạy trông 4 bề, hình núi gần bờ, tỉnh nào phải lấy núi nào làm chuẩn, cho đến cả sắc Mặt Trời, tiết độ gió, chuyển lại phương hướng, người am hiểu 10 phần là hạng ưu, 8, 9 phần là hạng bình, 5, 6 phần là hạng thứ, chia từng

hạng, châm chước nghị định, hoặc nên cất bổ làm Chánh đội trưởng, Đội trưởng, ngoại uỷ Đội trưởng, hoặc nên cấp tiền gạo gấp đôi, làm danh sách tâu lên đợi Chỉ. Lại nên đặt phép xét công, hằng năm xem xét nếu năm nào không phải đi việc công, thì đem hạng đã chia định trước, xét lại, lấy có tài và không có tài làm thăng giáng, có phải đi việc công thì lấy có thanh thoả hay không làm thưởng phạt, cho biết cố gắng. Phàm các việc đó nên chước định chương trình thế nào cho được ổn thoả, bộ ngươi phải bàn kỹ tâu lên".

Đến nay, chuẩn y lời bàn định cho sao lục bản đồ phận biển cửa biển các hạt và sách tập nghiệm đường biển chia giao cho các Thuỷ sư trong Kinh và tỉnh ngoài mỗi nơi một bản. Lại ban cấp đồng hồ cát, địa bàn Tây dương, thước đo nước đủ dùng. Từ nay phàm ở Kinh, Đề đốc Hiệp lý thuỷ sư, ở ngoài Phó lãnh binh thuỷ sư, đốc sức bọn quản suất, đều hướng dẫn biền binh trong sổ quân, bảo ban kỹ lưỡng, đem đồ bản phận biển, cửa biển, các hạt, chỉ bảo tình hình hiểm dễ, dạy cho cách xem núi, đo nước, đem sách tập nghiệm đường biển, giảng rõ ngày, giờ, tiết, hậu, dạy cho việc xem sắc gió đi, tránh, lấy can, chi ở địa bàn phân phối độ số địa cầu, dạy cho biết xem kim định hướng, để ngày càng quen biết, đến cuối năm bọn quản suất đều làm dấu bẩu cử. Viên Chưởng lãnh hội đồng xét thực, chia từng hạng, tâu xin khen thưởng, khi có việc sẽ đem sung phái. Lại mỗi khi đến cuối năm đem công quá người được phái làm sổ xét công, do bộ Binh đề tâu, nghị thưởng, nghị phạt, các quản suất và Đề đốc, Lãnh binh cũng chiếu số biền binh huấn luyện được ưu, bình nhiều hay ít, phân biệt nghị xử.

(Sát hạch lái thuyền gồm 5 điều : 1 - Cửa biển hiểm dễ, thế nào gọi là hiểm, dễ ? Cửa biển hẹp hòi, hoặc vòng quanh khuất khúc, hoặc dưới có ghềnh đá, hoặc bên tả, hữu có bãi cát ngầm, hoặc nước thuỷ triều buổi sớm buổi chiều chảy gấp, hoặc cát dời không nhất định, hoặc không tiện cho mùa xuân mùa hạ, hoặc không tiện cho mùa thu mùa đông, là hiểm, thế là cửa biển nào ? Cửa biển sâu rộng, hoặc thẳng tắp không vòng, hoặc bùn nhuyễn không có ghềnh đá, hoặc thuỷ triều bình thường, là dễ, thế là cửa biển nào ? Chỗ hiểm thì dùng phép nào giữ được khỏi lo, chỗ dễ cũng nên đề phòng việc gì để được vạn toàn. 2 - Xem gió, trông khí trời, thế nào gọi là xem gió ? Hằng năm có 24 tiết hậu, tiết nào phải có gió gì ? Gió nào mạnh, gió nào nhỏ, gió nào thổi dài, gió nào thổi ngắn ? Thế nào là gió thuận, thế nào là gió nghịch ? Ngày nào là ngày sinh của thánh thần có gió bão, có lốc biển. Thế nào gọi là trông khí trời ? Trời đương tạnh sáng, khí nào hiện ở phương nào tất có gió lớn, mưa to và khí nào tuy có gió mưa to, rồi cũng tạnh ngay, mà đường biển không ngại 3 - Nghiệm xem núi, đo nước, thế nào là nghiệm xem núi, phận tỉnh nào, xứ sở nào

có núi ? Là núi mới mọc hay là núi đã lâu, trông xa trông gần là hình thế gì ? Tuy là 1 quả núi, nhưng 4 phương đông, tây, nam, bắc trông thì thế nào ? và núi nào ở trên mặt đất, núi nào ở giữa biển gọi là hòn đảo gì ? Có vụng nào sâu có thể đậu thuyền được không ? Thế nào gọi là đo nước ? Như thuyền đi, gió thuận chạy thẳng gió tạt ngang chạy vát, buông dây ở mũi thuyền, rút dây ở cuối thuyền bao nhiêu phân, đi được mấy dặm trượng ? Phận biển xứ sở nào đo được sâu mấy thước thác[1] ? Cửa biển nào sâu được bao nhiêu thước thác ? Lại dùng cách gì trong khi sóng gió thuyền chỉ chòng chành, đo được bao nhiêu, thừa ra bao nhiêu sẽ được số thước thác chính xác không sai. Lại như thuyền đi giữa biển, không cứ ngày đêm, gặp ngay mây mù đen tối, không rõ nơi nào, mà đo nước được mấy thước thác, thì biết rõ là xứ sở nào ? 4 - Xem kim định hướng, thế nào gọi là xem kim ? Mặt biển mông mênh khó có thể chuẩn định, vả lại hoặc ngày mờ đêm tối, mây mù tràn ngập, thậm chí cùng thuyền, nghe tiếng mà không tỏ mặt mày, thế là toàn nhờ địa la bàn làm thần giúp, thì thuyền ở nơi nào, kim chỉ can, chi nào, ước được bao nhiêu ngày, giờ, khắc, phân lại phải chuyển, chỉ hướng nào mới được thích hợp. Thế nào gọi là định hướng ? 4 góc, 4 hướng đều phối hợp can chi. Vả lại chia địa cầu ra 360 độ, cần phải chỉ ra tỏ tường tất cả. 5 - Phân rõ địa cầu, tất cả địa cầu có 360 độ, lấy nửa Tý đến nửa Mão có 90 độ, đến nửa Dậu có 90 độ ; từ nửa Ngọ đến nửa Mão có 90 độ, đến nửa Dậu có 90 độ. Như thuyền đến nơi nào là phận biển tỉnh hạt nào, tức lấy chỗ ấy chia ra nam cực bắc cực, chiếu rõ phương hướng cho thuyền đi. Các điều ấy ai am hiểu được mười phần là hạng ưu, tám, chín phần là hạng bình, năm, sáu phần là hạng thứ. Phàm người dự hạng ưu thì nguyên là Chánh đội trưởng được cất bổ Cai đội, Đội trưởng cất bổ Chánh đội trưởng suất đội, Ngoại uỷ đội trưởng cất bổ Chánh đội trưởng ; binh lính cất bổ Đội trưởng, gặp có khuyết đều được bổ trước. Người dự hạng bình thì nguyên là Chánh đội trưởng cất bổ Chánh đội trưởng suất đội ; Đội trưởng cất bổ Chánh đội trưởng ; Ngoại uỷ đội trưởng cất bổ Đội trưởng ; binh lính cho làm Đội trưởng cấp bằng, chiếu khuyết được bổ. Người dự hạng thứ thì nguyên là Chánh đội trưởng ghi tên, đợi khuyết được thí sai Chánh đội trưởng suất đội ; Đội trưởng thưởng cho 4 tháng tiền lương ; Ngoại uỷ đội trưởng thưởng 3 tháng tiền lương ; binh lính thưởng 2 tháng tiền lương. Hằng năm, người đã dự hạng : ưu, bình, thứ, nếu không phải đi việc công, thì do cai quản xét hạch lại, việc học thấy có tiến ích, như trước hạng thứ, nay hạng bình, trước hạng bình nay hạng ưu, thì theo lệ trước mà làm, còn người y như cũ, không tiến, không lùi thì cũng cho

(1) *Thác* : Thước đo của nước Anh, 2 mã 1 thác (Xem *Trung Hoa đại tự điển*).

vẫn ở nhận chức, nếu trước ưu mà nay bình, trước bình mà nay thứ, trước thứ mà nay không được thứ thì cũng do cai quản tâu rõ, đều đánh ngay 80 trượng, bắt phải cố gắng học tập, chờ sau lại xét nếu vẫn lười biếng không được như hạng đã dự trước thì lập tức cứ thực tâu lên hặc tội, viên biền thì giáng cách, binh lính thì đóng gông để răn.

Điều khoản xét công của người lái thuyền : Phàm trong 1 năm sai phái đi đường biển nhiều lần toàn được thanh thoả, hoặc tuy có 1 lần mà lại là phái đi ngoại quốc, cùng là không phải phái đi ngoại quốc mà xảy gặp gió sóng khác thường thuyền gặp nguy, biết chủ trì đi đứng thích hợp rút cục được thanh thoả thì đều là hạng ưu, trong 1 năm sung phái 2 lần, không kỳ xa gần, toàn được thanh thoả thì là hạng bình. Sung phái 1 lần được thanh thoả thì là hạng thứ ; không được thanh thoả thì là hạng liệt).

Định lệ thưởng phạt cho người lấy nộp vỏ quế ở Thanh Hoa, Nghệ An.

Vua cho là từ trước đến nay thuế quế hai hạt ấy chưa từng có phép cũ định rõ. Các hộ lấy quế, phần nhiều trong đó có gian xảo, bèn chuẩn y bộ Hộ nghị định, 3 châu Quan Hoá, Lương Chính, Thường Xuân, thuộc Thanh Hoa, 2 huyện Quế Phong, Thuý Vân thuộc Nghệ An, sản xuất ra cây quế, hằng năm đến kỳ đi tìm, quan tỉnh đều sức rõ cho phủ huyện trách tổng lý đem dân xã sở tại hết sức tìm kiếm, phàm tìm được mấy cây quế, đem cả số báo quan, phái thuộc viên hội đồng xem xét, quế còn non mỏng, thì giao cho giữ, già tốt thì theo phương pháp, bóc lấy, trong đó tổng xã nào tìm được mấy cây, bóc được mấy mảnh lần lượt đăng ký vào sổ, cất riêng đến kỳ đệ nộp, đem cả họ tên người tìm được quế và số cây số mảnh đã lấy được, kê khai tâu lên, rồi chiểu theo số mảnh nhiều ít, chất quế tốt, xấu, lượng cấp cho tiền, không phải lấy vỏ quế để thưởng, phủ huyện tỉnh phái đi cũng phân biệt thưởng cấp. Địa phận tổng xã nào có cây quế mà không tìm xét ra, lại để cho người khác tìm được, thì đem ngay tổng lý sở tại xử tội, người tìm được được thưởng gấp đôi, người nào dám giấu giếm mưu lợi thì theo luật trị tội, người tố cáo, được thực thì thưởng thêm cho, phủ huyện thiếu xem xét cũng nghị xử cả. Quan tỉnh đợi đến cuối năm, chiểu số hạt ấy nộp được trong một năm chước định thưởng phạt.

Quan tỉnh Quảng Nam tâu nói : "Hai nguồn Chiên Đàn, Thu Bồn thuộc hạt là đất sản xuất ra quế, từ trước đến nay, người buôn nhận mua, gián hoặc có ngầm để hạng tốt bán cho khách buôn, quế đem nộp quan chỉ là hạng thường, xin phái thuộc viên bộ Hộ đến trường giao dịch coi xét việc ấy. Phàm hàng hoá người buôn nhận

mua, đều đem để ở trường sở không được tự tiện đến các man, chờ cho người buôn man đem xuống, mới được cùng nhau đổi chác. Các hạng vỏ quế mua được, chiểu số tiền công bản lĩnh trước thu lấy, thừa nhiều thì theo giá cấp thêm, giảm ít thì bắt phải nộp lại".

Việc ấy giao xuống bộ Hộ bàn, cho là triều đình đặt phép phòng giữ, chỉ để cho bọn dân gian, buôn gian không được tự tiện thông thương quấy rối mà thôi. Còn như người lĩnh vốn công, không được thông hành buôn bán chỉ đợi hàng man tự đem đến, thì vỏ quế hạng tốt lấy vào đâu được. Vả lại ở nguồn ấy tự có, viên trông coi, lại có thư lại làm việc, nếu bọn chúng có khoé tệ khác không ngại, chọn phái thuộc viên ở tỉnh xem xét, là được, sao phải do bộ phái viên khác trông coi, chỉ thêm viên chức làm gì. Xin phàm người buôn lĩnh tiền đi mua, vẫn cho lĩnh giấy đến man đổi chác, khi về, số quế mua được đều chiểu số vốn công lĩnh trước nộp cho đủ ngạch, không được giảm ít. Lại nghiêm sức cho viên trông coi hết lòng xét hỏi và bất kỳ uỷ viên xem xét, nếu người buôn dám có tình tệ đem quế tốt bán riêng và để thiếu thì gia đẳng trị tội.

Vua bảo rằng : "Người buôn lĩnh tiền đi mua, nếu cho thông với man buôn bán, thì không khỏi tham lợi sinh hiềm, gây nên thù giết, nếu nhất khái không cho, lại sợ hàng hoá để lại đem bán chỗ khác, có nhiều bất tiện, lời bàn ấy chưa hẳn đã vừa phải và hay cả, tuân thi hành lâu dài được. Chuẩn cho bắt đầu từ nay sang năm thử cho người lĩnh tiền đi mua chỉ giao dịch ở trường sở, do viên thủ ngự và phái viên ở tỉnh trông coi, làm trong 1 năm, tiện hay không thế nào, phải cứ thực tâu lên đợi Chỉ mới được".

Bộ Lễ tâu nói : "Từ trước đến nay, trong Kinh thành trộm cắp bừa bãi, không những ở dinh thự các nha và nhà quân nhà dân, tuy phủ đệ của bậc thân quý cũng có, chỉ vì quân du côn vô lại đi lại ở nhờ, cùng quẫn mà làm việc gian, và các phủ đệ nuôi nhiều đầy tớ, trong đó bọn liến láu ngày thường đua nhau phóng đãng, rượu chè cờ bạc, đến khi cùng quẫn thì sinh lòng gian trộm cắp, mưu kiếm ở ngoài không được bao nhiêu, thì lại lấy đồ vật của chủ, sở dĩ trộm cắp ngày nhiều, chưa hẳn không vì thế mà ra. Xin nên định rõ điều cấm, từ nay các phủ đệ của hoàng tử công, hoàng tử, thân công, công chúa, trưởng công chúa, tất cả những việc sai khiến, chỉ cứ binh lính thuộc phủ. Duy hoàng tử công, hoàng tử thân công gián hoặc có nuôi người theo hầu, đầy tớ nhỏ cũng cho nuôi đứa ở tuổi trẻ từ 14, 15 tuổi trở xuống có chỗ ở đích xác, mỗi phủ 5, 6 người, đủ để sai bảo, đợi đến tuổi đồn làm ngạch lính thuộc phủ, còn người các trực tỉnh trong Nam ngoài Bắc, tuy vốn là thuộc hạ, cũng đuổi đi hết, các khoa đạo chuyên việc xem xét phủ Tôn nhân, phải

thường tra hỏi, nếu có trái điều cấm, chứa nuôi nhiều người, tức phải chỉ thực tâu lên hặc tội, giao cho phủ Tôn nhân nghị xử, thì nhà thân quý khỏi mang tiếng, mà chốn Kinh kỳ được nghiêm túc yên ổn mãi".

Vua y lời bàn ấy.

Định lại lệ chia ban giám binh ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Ninh Bình (Tỉnh Hà Tĩnh thuộc dinh Thần cơ có 5 vệ, 2 vệ Hà Tĩnh tả, hữu, cơ Hà Tĩnh có 8 đội, tỉnh Nghệ An thuộc 2 dinh Tiền phong, Long võ, có 10 vệ, vệ Nghệ An tỉnh Thanh Hoa thuộc 2 dinh Hổ uy, Hùng nhuệ có 10 vệ, 3 đội thuộc tỉnh. Tỉnh Ninh Bình có 4 cơ tiền, hậu, tả, hữu, cơ Ninh hùng, cơ Ninh tráng có 3 đội chia làm 5 ban. Thuỷ sư tỉnh Nghệ An có 4 vệ trung, tiền, tả, hữu ; Thuỷ sư tỉnh Thanh Hoa có 2 vệ tả hữu, từ tháng giêng đến cuối tháng 6 chia làm 4 ban, từ tháng 7 đến tháng 12 chia làm 6 ban. Các đội linh tinh vẫn theo lệ trước không chia ban).

Định lại lệ lính ở Kinh, lính ở Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Nghệ An phải đi đóng đồn. Theo lệ trước, hằng năm, lính Kinh phái đi đóng ở Trấn Tây 2 vệ, đóng ở Nam Kỳ 4 vệ, đóng ở tỉnh Hữu kỳ trở về Bắc, 5 vệ. Lính ở Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Nghệ An chia đóng các tỉnh ở Bắc Kỳ 4 vệ, đổi làm lính ở Kinh đi đóng ở Nam Kỳ, Gia Định, An Giang mỗi tỉnh nửa vệ ; ở Bắc Kỳ, Hà Nội, Sơn Tây mỗi tỉnh nửa vệ ; Bắc Ninh, Hải Dương mỗi tỉnh nửa vệ. Lính ở Thanh Hoa đóng ở Bắc Ninh 1 vệ, đóng ở Ninh Bình, Hưng Yên mỗi tỉnh nửa vệ. Lính ở Nghệ An đóng ở Hà Nội, Nam Định mỗi tỉnh nửa vệ, Hải Dương nửa vệ. Lính ở Hà Tĩnh đi đóng ở Sơn Tây 1 vệ. Duy Trấn Tây vẫn như cũ không đổi.

Thuộc biền thổ mục ở Trấn Tây là bọn Trà Long, Trà Giao hiến 11 thớt voi đực, quan thành ấy lượng cấp cho áo quần đồ vật, và tâu lên.

Vua khen là lòng thành, thưởng thêm cho vũ đoạn ngân tiền, có thứ bậc.

Đổi định ngạch voi trong Kinh và tỉnh ngoài (Voi ở Kinh, các vệ 105 thớt, Quảng Nam 25 thớt, Quảng Ngãi 15 thớt, Bình Định 50 thớt, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, mỗi tỉnh 6 thớt, Gia Định 10 thớt, Trấn Tây 40 thớt, Quảng Trị 8 thớt, Quảng Bình 15 thớt, Hà Tĩnh, Ninh Bình mỗi tỉnh 6 thớt, Nghệ An, Hà Nội mỗi tỉnh 13 thớt, Thanh Hoa, Bắc Ninh mỗi tỉnh 10 thớt, Nam Định, Hải Dương mỗi tỉnh 8 thớt, Sơn Tây 12 thớt).

Chuẩn định từ nay phàm quan viên có mẹ đích chết, nếu mẹ đích không có con thì quan nhất phẩm chiểu lệ cha mẹ chết nghỉ 12 tháng lo việc tang, chước lượng cho nghỉ 9 tháng, mẹ đích có con thì nghỉ 6 tháng. Quan nhị phẩm, đến tứ phẩm cũng theo lệ ấy giảm dần. Còn như mẹ kế, mẹ có công gây dựng, mẹ nuôi, đều không được viện lệ ấy mà xin.

Dựng bia võ công. Trước vua nghĩ các quan vâng mệnh chuyên đi đánh dẹp, nhiều người có công lao, muốn dựng bia ghi công để mãi đời sau, sai bộ Binh bàn. Đến nay quan ở bộ tìm xét năm gần đây, bầy tôi kính theo việc võ như dẹp yên giặc Xiêm, uy dậy biên thuỳ, cùng là đánh dẹp giặc cướp ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ, và thắng trận ở Ba Lan, Đại Đồng, phàm người theo việc đánh bắt, được phong tước và con được tập ấm là 20 người, nghĩ nên ghi vào bia, để nêu chiến công (Trương Minh Giảng, Trương Phúc Đĩnh, Phan Văn Thuý, Nguyễn Xuân, Phạm Hữu Tâm, Trần Văn Trí, Hồ Văn Khuê, Nguyễn Công Hoán, Mai Công Ngôn, Phạm Văn Điển, Tạ Quang Cự, Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ, Vũ Văn Từ, Nguyễn Tiến Lâm, Tôn Thất Bật, Vũ Đình Quang, Lê Văn Thuỵ, Phạm Phi, Phạm Văn Lý). Đình thần bàn lại cho là Trương Minh Giảng tiến đánh giặc Khôi, trận đánh ở Biên Hoà, Vĩnh Long dự ở công đầu, đến khi giặc Xiêm tới xâm lấn, lấy ít đánh nhiều, một trận dẹp yên, công lao rất là cao cả ; Nguyễn Xuân, Phạm Hữu Tâm chiến dịch bình giặc Xiêm, công lao tài năng đã rõ, lại cùng lòng góp sức hạ thành Phiên An, xong được việc lớn ; Phạm Văn Điển, Lê Văn Đức tiến đánh giặc nghịch ở Vân Trung, muôn phần gian hiểm, vất cả không từ, rút cục đánh phá được sào huyệt giặc, đốt giết tướng giặc Nông Văn Vân, lập nên công lớn ; Tạ Quang Cự trong trận đốt giết giặc Vân, cũng dự có công, lại từng đánh phá Sơn Âm, Thạch Bi, bắt được giặc Lương, công cũng to lớn ; Phan Văn Thuý, lúc đầu, thế giặc đang mạnh, thân đem quan quân đến đánh ở Biên Hoà, Vĩnh Long, chém được nhiều giặc, tuy nhân bệnh xin về, chưa được xong việc, nhưng từ đấy giặc Khôi khốn quẫn vào thành, sợ không dám động, việc ấy thực là công đầu ; Trần Văn Trí là quan chức về hưu, tự xin đi đánh giặc, vốn là người già ở Biên Hoà, Vĩnh Long thường lập chiến công ; Mai Công Ngôn là Phó lãnh binh ở Phiên An, tự tay giết giặc, hiện mang nhiều vết thương, ngay lúc bấy giờ dẹp yên Phiên An, cũng đều là việc từ trước đến sau ; Tôn Thất Bật cai quản biền binh Sơn Tây, tiến đánh giặc Thổ, giặc trốn tụ họp đến trên 7.000 tên, thế mà đem 2.000 quân hăng hái tiến lên trước, một trận đánh ở Đại Đồng, được thắng trận hoàn toàn, 10 người ấy võ công đều đáng ghi chép, xin không kỳ quan tước cao, thấp, chỉ xem sự thế ai khó, chiến công ai lớn, mà chia thứ bậc, nên lấy Trương Minh Giảng làm trên nhất, thứ đến Nguyễn Xuân, Phạm Hữu Tâm, thứ nữa đến Phạm Văn Điển, Tạ Quang Cự, Lê Văn Đức, Phan Văn Thuý, Trần Văn Trí, Mai Công Ngôn, Tôn Thất Bật. Đều kê khai rõ quan hàm, họ tên sự trạng, khắc vào bia đá, để ở trước sân Võ miếu, bên tả : Trương Minh Giảng, Phạm Hữu Tâm, Tạ Quang Cự, Phan Văn Thuý, Mai Công Ngôn làm 1 bia đá ; bên hữu : Nguyễn Xuân, Phạm Văn Điển, Lê Văn Đức, Trần Văn Trí, Tôn Thất Bật làm 1 bia, còn thì công trạng tầm thường đều không dự.

Vua theo lời bàn ấy, sai viện Hàn lâm nghĩ soạn thể văn, bộ Công nghĩ định cách thức bia để thi hành (1 toà bia văn ; 2 toà bia danh trạng công thần ở 2 bên tả hữu đều rộng 1 thước 6 tấc 8 phân, cao suốt 4 thước 5 tấc ; bia văn dựng ở bên tả, phía trên bia công thần).

Vua sai quan đi thanh tra các hạt từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Quảng Ngãi, trở ra Bắc đến Ninh Bình. Lấy thự Hình khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là bọn Nguyễn Văn Đạt 9 người sung làm việc.

Cơ Nam tráng tỉnh Quảng Nam số quân lẻ loi không thành đội ngũ, chuẩn cho cứ số hiện có trên 300 người dồn làm 6 đội, còn thiếu 4 đội, bắt quản suất mộ để sung vào.

Đổi bổ Quản cơ cơ Hữu thuỷ Nghệ An Nguyễn Văn Tô làm Phó vệ uý vệ Hữu thuỷ Nghệ An.

Ngày Đinh Dậu, lễ Hợp hưởng.

Định lệ phí hao đồng, chì, thiếc đúc làm đồ vật. (Đồng bạch đúc làm đồ vật, thợ bạc lĩnh làm cứ 100 cân, thành đồ 90 cân 8 lạng, hao 9 cân 8 lạng phải dùng than gỗ 500 cân. Thợ đúc lĩnh làm cứ 100 cân thành đồ 91 cân 7 lạng, hao 8 cân 9 lạng, phải dùng 114 cân củi, 400 cân than gỗ. Thợ Mẫu Tài lĩnh làm dây dài cứ 100 cân thành đồ 90 cân, hao 10 cân phải dùng 500 cân than gỗ. Đồng đỏ luyện 12 lần đúc làm đồ vật, cứ 100 cân, thành đồ 96 cân 14 lạng, hao 3 cân 2 lạng, dùng hết 450 cân than gỗ. Các hạng đồng đỏ nấu thành đồng đỏ 12 lần, cứ 100 cân thành đồ 89 cân, hao 11 cân, dùng hết 1.000 cân than gỗ. Đồng nồi Trang Liệt, các hạng, các hạng đồng đỏ Lai Xương đúc thành đồ vật, cứ 100 cân, thành đồ 90 cân, hao 10 cân, dùng hết 500 cân than gỗ. Đồng nồi Trang Liệt 80 cân, kẽm 20 cân, hợp thành 100 cân, thành đồ 90 cân, hao 10 cân, dùng hết 450 cân than gỗ. Đồng Lai Xương 80 cân, thiếc 20 cân, đúc thành đồ 95 cân, hao 5 cân, cần dùng 171 cân than gỗ, 150 cân củi. Các hạng đồng ấy 70 cân, kẽm 30 cân, đúc thành đồ 90 cân, hao 10 cân, cần dùng 500 cân than gỗ. 60 cân đồng, 40 cân kẽm, thành đồ 95 cân hao 5 cân phải dùng 480 cân than gỗ. Nếu đúc làm bánh lái nửa chìm nửa nổi, đồng 80 cân, kẽm 20 cân, thành đồ 90 cân 11 lạng 5 đồng cân, hao 9 cân, 4 lạng, 5 đồng cân, phải dùng 85 cân, 11 lạng, 3 đồng cân than kính[1], 114 cân, 4 lạng than gỗ, 115 cân củi. Đúc làm các hạng súng, đồng 90 cân, kẽm 5 cân, thiếc 5 cân, thành đồ 95 cân, 7 lạng, hao 4 cân, 9 lạng, phải dùng 82 cân than kính. Làm chuông khánh,

(1) *Than kính* : thứ than có mùi khét.

đồng 80 cân, thiếc 20 cân, thành đồ 95 cân, 5 lạng 7 đồng cân, hao 4 cân, 10 lạng, 3 đồng cân, phải dùng 72 cân, 11 lạng, 6 đồng cân than kính, 272 cân, 11 lạng củi. Nguyên đồng nấu thành đồng 12 lần, cứ 100 cân thành đồ 89 cân, hao 11 cân, phải dùng 1.200 cân than gỗ. - Các hạng khối đồng đỏ làm ra đồ đạc cứ 100 cân thành đồ 93 cân 6 lạng, 4 đồng, hao 6 cân 9 lạng 6 đồng cân, cần dùng 200 cân than gỗ, 258 cân, 7 lạng củi. Đồng 80 cân, kẽm 20 cân, thành đồ 88 cân, hao 12 cân, cần dùng 300 cân than gỗ, 150 cân củi - Đồng Thu Lai cùng với tiền đồng nguỵ hiệu cũ đúc thành khối đồng, đúc làm đồ đạc, cứ 100 cân, thành đồ 94 cân, hao 6 cân, cần dùng 180 cân than gỗ, 60 cân củi - Lá đồng làm ra đồ đạc, cứ 100 cân, thành đồ 96 cân 8 lạng, hao 3 cân 8 lạng, cần dùng 100 cân than gỗ - Các hạng thiếc làm ra đồ vật, cứ 100 cân, thành đồ 91 cân, hao 9 cân, cần dùng 130 cân than gỗ. Đúc xiềng cứ 100 cân thành đồ 96 cân, 8 lạng, hao 3 cân, 8 lạng, cần dùng 75 cân than gỗ. - Thiếc luyện 12 lần, làm ra đồ vật, cứ 100 cân, thành đồ 93 cân 7 lạng, hao 6 cân, 9 lạng, cần dùng 150 cân than gỗ. Tấm đồng đỏ luyện thành đồng lá, cứ 100 cân thành đồ 89 cân, 13 lạng, 5 đồng cân, hao 10 cân, 2 lạng, 5 đồng cân cần dùng 368 cân, 12 lạng than gỗ. - Tấm kẽm mỏng đúc xiềng, cứ 100 cân, thành đồ 94 cân, 12 lạng 7 đồng cân, hao 5 cân, 3 lạng, 3 đồng cân, cần dùng 100 cân củi. Đồng đỏ làm ra đồ vật, cục thợ luyện đồng lĩnh làm ra, cứ 100 cân thành đồ 81 cân, 4 lạng, hao 18 cân, 12 lạng cần dùng 500 cân than gỗ. Thợ bạc lĩnh làm cứ 100 cân thành đồ 73 cân, 13 lạng, hao 26 cân, 3 lạng, cần dùng 90 cân than gỗ. Đồng lá rách nát làm ra đồ bạc, cứ 100 cân thành đồ 88 cân, 8 lạng, hao 11 cân 8 lạng, cần dùng 500 cân than gỗ. Đồng 80 cân, kẽm 20 cân, thành đồ 84 cân, 6 lạng, hao 15 cân, 10 lạng, cần dùng 490 cân than gỗ - Đồng bạch nát đúc làm đồ vật, cứ 100 cân thành đồ 90 cân 10 lạng, hao 9 cân, 6 lạng, cần dùng 380 cân than gỗ, 100 cân củi. Đồng đỏ nấu 12 lần, làm ra đồ đạc cứ 100 cân, thành đồ 92 cân, 8 lạng, hao 7 cân, 8 lạng, cần dùng 500 cân than gỗ. - Đồng vàng Thu Lai làm ra đồ vật, cứ 100 cân thành đồ 78 cân, hao 22 cân, cần dùng 450 cân than gỗ - Kẽm nát đúc làm đồ vật, cứ 100 cân thành đồ 87 cân, hao 13 cân, cần dùng 200 cân củi. Tấm kẽm mỏng, cứ 100 cân thành đồ 93 cân, hao 7 cân, cần dùng 120 cân củi. Tiền kẽm gãy vỡ đúc thành tấm thành khối, cứ 100 cân lấy được 12 cân, 8 lạng, hao 87 cân, 8 lạng, cần dùng 100 cân củi. Tiền đồng hiệu cổ gãy vỡ, đúc làm đồ vật, cứ 100 cân thành đồ đồng 52 cân, 1 lạng, chì 10 cân 7 lạng, hao 37 cân, 8 lạng, cần dùng 333 cân than gỗ. Đúc thành phiến thành khối, cứ 100 cân thành khí, đồng 52 cân, 1 lạng, 3 đồng cân, chì 22 cân 14 lạng 7 đồng cân, hao 25 cân, cần dùng 200 cân than gỗ).

Sai Tả thị lang bộ Hộ là Doãn Uẩn đem cả khoa đạo, bộ, ty đến kho cửa Tiên Thọ thanh tra đồ vật của kho. (Cứ theo sổ thanh tra ngày tháng 8 năm Minh Mệnh thứ 12 để lại và từ ngày tháng 9 năm ấy đến nay, lần lượt nộp vào chi tiêu, số còn lại theo từng khoản kiểm tra biên vào sổ). Chuẩn cho từ nay trở đi mỗi khi đến khoa kỳ thanh tra ở Nội vụ, tất cả phái viên tra xét, làm thành lệ mãi.

Chuẩn định từ nay có người buôn nước Thanh đem đồng khối nước Thanh sang nộp cho Nhà nước, thì Nhà nước trả cho tiền (100 cân đồng, trả 50 quan tiền), người nào dám phạm lệ cấm, đem bán riêng, thì bắt tội, còn tang vật sung công.

Phục chức viên bị cách là nguyên Trấn thủ Lê Huy Tích làm Cai đội, phát đến thành Trấn Tây xét bổ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCVIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839] (Thanh, Đạo Quang năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, dụ chuẩn cho quan viên trong Kinh, ngoài các tỉnh, từ cuối tháng 12 năm ngoái trở về trước, người nhân việc công bị phạt lương, thì do bộ làm danh sách tâu lên, lượng cho khoan miễn.

Ở Thừa Thiên giá gạo giảm hạ, lúa mạ xanh tốt, quan Kinh doãn đem việc tâu lên.

Vua phê bảo rằng : đầu xuân tốt đẹp lắm, rất thích hợp để lúa tốt.

Vua ngự điện Văn Minh, tuyên triệu hoàng tử, thân công, văn võ đại thần vào hầu, bảo rằng : gần đây nắng nực, hôm nay khí trời mát lành, trẫm rất vui mừng, bèn cho ngồi thong thả, cho ăn quả, uống nước trà, rồi lui.

Khai phục cho Trấn Tây Tướng quân Trương Minh Giảng nguyên hàm Đông các Đại học sĩ, gần đây thổ dân ở thành hạt ấy yên vui, biên giới thanh bình. Vua khen là có lòng vỗ trị, nên đặc cách gia ân. Viên Tham tán bị cách lưu là Dương Văn Phong cũng đổi làm giáng 4 cấp.

Kho mới phủ Nội vụ làm xong. Vua sai quan đại thần tuyên Chỉ cho bọn giám thủ ban cho ăn. Truyền lời huấn dụ, rồi sai đem bàn tay của bọn chủ thủ trước là Nguyễn Đức Huyên, Hoàng Hữu Nhẫn vứt bỏ đi (Bọn Huyên, năm trước về dối trá phải tội chặt tay treo ở cửa kho).

Ngày Ất Tỵ, tế Xuân hưởng.

Dân hạt Hà Tiên có Nguyễn Văn Xung ở Xiêm trên 30 năm, đến nay đem gia quyến trốn về. Vua sai phái đưa về Kinh, khi đã đến, sắc cho bộ Binh hỏi về tình trạng của giặc, trình bày từng điều tâu lên (- Hỏi về Phật vương và Ô Thiệt vương nước Xiêm nhân phẩm hơn hay kém và hành động lành hay ác, lòng người theo hay không theo như thế nào ? Xung nói : Phật vương nguyên là vợ thứ sinh ra, Phật vương trước chết đi, vì tuổi trưởng thành được nối ngôi, ở thành Vọng Các, nay ước trên 50 tuổi, người hắn tư chất hơi kém, chỉ nghe lời bọn dưới, làm việc không công bằng, lòng người tức giận ; Ô Thiệt vương là con vợ cả sinh ra vì tuổi trẻ tạm làm vua thứ hai, ở xứ Bằng Đổng, đối ngạn với thành Vọng Các, nay ước trên 20 tuổi, người hắn tính hơi thông minh, làm việc phần nhiều có lòng công, người trong nước đều đem lòng theo. Hỏi về quan nước Xiêm chuyên dùng người Xiêm, hay dùng lẫn người Kinh, người Thanh, nay ai làm đầu mục ? Xung nói : quan chức nước Xiêm, quan to phần nhiều là người Xiêm, gián hoặc có người Kinh, người Thanh chỉ là giúp việc, quan nước Xiêm chỉ biết Phạt Lăng là hạng mạnh và có quyền, Phật vương tin yêu, phàm việc làm cũng có khi không bảo Phật vương mà tự ý làm, Ô Phật vương, ghét là chuyên quyền thường phải ức chế, hắn tuy hơi dẹp, nhưng vẫn hung ác như trước. Hỏi về thành quách, nhân dân, kho tàng, súng ống, khí giới của nước Xiêm, Xung nói : chu vi thành Vọng Các ước trên 50 mẫu, xây bằng gạch, trong thành lại có lần thành nữa, ở trên đặt 3 cỗ đại bác, ngoài thành bốn mặt sông nhỏ vòng quanh, thông với sông lớn Tiền Giang, thẳng đến cửa biển Bắc - Nam. Thành có 4 cửa, 2 cửa hữu và hậu thường đóng. Trong thành có kho thuốc súng 1 toà 3 gian, 5 toà kho thóc, mỗi toà 5 gian. Binh khí vẫn dùng chỉ có súng điểu thương, giáo ngắn, đao ngắn mà thôi. Trước thành có chợ, chợ có hai phố, người buôn nước Thanh ở đấy mỗi phố ước trên 100 nhà, nhà ngói nhà gianh lẫn lộn ; quan nước Xiêm và nhà giàu ở đấy ước vài chục nhà. Ngoài thành dọc bờ sông, thổ dân ở khá đông, cũng có người kết bè, làm nhà ở trên mặt nước. Hỏi về thuế lệ đất, đinh nước Xiêm và binh đinh dao dịch, buôn bán đánh thuế nhẹ nặng thế nào ? Xung nói : thuế lệ đất, đinh đều nộp bằng bạc, còn như một người đinh, một mẫu ruộng, hằng năm thu bao nhiêu, không rõ số. Còn binh lính nguyên không có lựa chọn dồn thành cơ đội, lúc thường thì ở hàng ngũ dân, đều có quản mục, khi có việc thì triệu tập đến thành, trao cho khí giới để cầm đi đánh giặc, không cấp lương thưởng. Sai khiến việc thường, người không có của thì đến làm việc, người có của thì hằng tháng nộp bạc miễn dịch 6 hột, mỗi hột nặng 4 đồng cân. Nếu có các việc quan trọng công tác chiến đấu, hằng tháng nộp bạc miễn dịch 10 hột, quản mục

mượn người làm thay, đại khái quản mục phần nhiều sai làm việc riêng bóc lột cho béo mình ; lính, dân khổ sở không xiết kể. Còn bọn đi buôn mua bán, đổi chác, từ năm thứ 10 đến nay mới có đánh thuế, như 10 tấm vải lụa thu 1 tấm, 100 gánh củi, thu 20 gánh, người buôn cũng khốn khổ. Lại gần đây mất mùa nắng hạn luôn, gạo đắt thiếu lương thực, mà vua tôi nước ấy phàm thóc gạo và vải lụa, vật hạng cần dùng, đòi mua cả, giá cả 10 phần giảm 6. - Hỏi về khoảng năm Minh Mệnh thứ 14, giặc Khôi gây biến, người Xiêm sai Chất Tri, Phạt Lăng, đem quân sang xâm lấn, là có ý gì ? Sau khi quân bị thua chạy về, thì xếp đặt ra sao ? Xung nói : ngày tháng 8 năm ấy nghe có người Thanh ở ngụ Gia Định đưa thư của giặc Khôi thông báo cho Chất Tri, Phạt Lăng xin cứu viện, bọn Chất Tri nói với vua Xiêm, vua Xiêm y cho, Ô Thiệt vương can là không nên. Vua Xiêm không nghe, ngày tháng 10, sai Chất Tri đem 7.000 bộ binh, Phạt Lăng đem 7.000 thuỷ binh, chia đường lại cứu. Năm thứ 15, nghe tin đạo binh của Chất Tri bị quân ta đánh lui chạy về chỉ còn 400, 500 người, đạo binh của Phạt Lăng.cũng thua, chỉ còn 5.000 người. Ô Thiệt vương oán mãi bọn Chất Tri, toan đón giết ở biên cảnh, Phật vương can ngăn, mới thôi. Phạt Lăng đem về một chiếc thuyền đi biển và người Kinh theo đạo Gia Tô trai, gái, già, trẻ hơn 2.000 người, và cướp được dân Kinh ước hơn 300 người, các người theo đạo Gia Tô cho ở xứ Điếm Xiển, gần thành Vọng Các, Ô Thiệt vương cai quản còn thì đều cho ở xứ Bắc Liệt, gần nước Ô Đỗ, sai người nghiêm giữ. Vua nước Xiêm từ đây mới hối, chỉ sợ quân ta đến đánh, bèn bắt chước kiểu thuyền đi biển đóng 27 chiếc, chia đặt ở các cửa biển. Lại sửa chữa 4 cửa thành Vọng Các, cho đến cửa biển Bắc - Nam, Cổ Công, Chân Bôn đều đắp luỹ đặt súng. Hỏi về tình hình động tĩnh 4 phía láng giềng của nước Xiêm. Xung nói : nước Xiêm về phương Tây nam nghe như giáp giới với nước Ô Đỗ, năm trước thường đem quân đánh nhau, từ năm thứ 15 trở về sau, người nước Hồng Mao[1] đến chiếm đóng khoảng giữa hai nước, dần lấn cả đất, hai nước không dám chống cự, từ đấy không đánh nhau nữa. Hỏi về nước Xiêm có thông thương với nước láng giềng không ? Xung nói : Các nước Tây dương từ trước cũng có đến buôn ở nước Xiêm, cách nay ước trên 10 năm, nước Tây dương có đem một con ngựa đến bán, Phật vương trước giả giá rẻ, người buôn giận chém ngựa rồi đi, từ đấy không thông thương nữa. Nước Xiêm gần đây đóng hai chiếc thuyền kiểu Tây dương, hằng năm sai người Đồ Bà ở Xiêm đi đến các nước Tây dương mua chịu súng ống, còn thì thông thương với Xiêm chỉ có người Đồ Bà và người nước Thanh mà thôi. Hỏi về năm trước em của vua Phiên Nặc Chân

(1) *Hồng Mao* : nước Anh Cát Lợi.

là Nặc Giun, Nặc Yêm trốn chạy sang nước Xiêm, nay ở xứ nào ? Có nhận quan chức nước Xiêm không ? Xung nói : anh em Nặc Giun trước ở gần thành Vọng Các, không nhận chức gì ở Xiêm, từ năm thứ 14, Chất Tri đến xâm lấn, lấy bọn chúng làm tiền đạo, đến khi quân thua chạy về, không biết ở đâu. Hỏi về địa giới nước Xiêm rộng hay hẹp ? Xung nói : nước ấy phía trên từ giáp các nước Ai Lao, Xương Mại, phía dưới đến bờ biển ước 15 ngày đường, địa thế chênh lệch, về chiều rộng có nơi 1, 2 ngày đường, có nơi 3, 4 ngày đường, rất là không giống nhau).

Vua cho là biết qua tình hình địch, lại hiểu phong tục man di, chuẩn cho bổ vào ty Hành nhân TrấnTây, tuỳ việc sai phái.

Miễn cho biền binh từ Quảng Trị đến Bình Định thao diễn ở Kinh năm nay. Theo lệ trước, hằng năm các tỉnh Nam trực, Bắc trực và Tả kỳ lần lượt phái biền binh đến Kinh thao diễn.

Vua nghĩ Bình Định đường sá hơi xa, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi số lính hiện còn ít, cho nên miễn cho.

Sai lính Kinh vệ Kỳ võ nhị, vệ Hậu bảo nhất, đóng ở Trấn Tây ; vệ Tiền nhị dinh Vũ lâm chia đi đóng ở Gia Định, An Giang, vệ Long võ tả chia đi đóng ở Hà Nội, Sơn Tây ; vệ Kỳ võ nhất chia đi đóng ở Hải Dương, Bắc Ninh.

Cho Cai đội vệ Loan giá Phạm Văn Đàm cai quản cả vệ Tiền nhị dinh Vũ lâm, Phó vệ uý vệ Long võ tả Lê Viết Chuyên thăng thự Vệ uý ; thự Phó vệ uý vệ Kỳ võ nhị Trần Văn Ngũ đổi làm thự Phó vệ uý vệ Long võ tả, đều đem vệ binh đến các sở đóng đồn. Lại phái biền binh đội Cảnh tất[1] dinh Thần cơ 20 người đến Trấn Tây đổi đóng.

Vua nghe lính đóng thú ở Trấn Tây nhiều người bị bệnh sang độc đến chết, nhân đến kỳ đi đóng sai chọn ở viện Thái y 2 người, chuyên trị ngoại khoa cùng đi thuyền binh theo đến điều trị, mãn hạn đóng, cùng về với biền binh. Lại truyền Chỉ cho các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang hỏi rõ trong hạt có người giỏi về trị ngoại khoa thì mỗi người cấp cho 30 quan tiền, sai đi điều trị. Nếu quả có hiệu nghiệm, chuẩn cho thành tâu lên để khen thưởng.

Vua bảo bộ Binh rằng : hằng năm lính Kinh và lính các tỉnh từ Bình Thuận trở ra Bắc đến Quảng Nam đi đóng xa ở Trấn Tây, đi đường mệt nhọc và thuỷ thổ nơi ấy không tốt đẹp lắm, có nhiều biền binh mắc bệnh. Gần đây biên giới không lo ngại, nếu không cho đổi suốt để chữa, thì lâu ngày mệt mỏi nhiều, khi cần đến sợ

(1) *Đội Cảnh tất* : đội quân dẹp đường vua đi.

không được việc. Huống chi việc biên giới ở Trấn Tây cốt đóng giữ về mùa đông, mà các mùa : xuân, hạ, thu thì hơi ít. Nay chuẩn cho 2 vệ lính Kinh, phái đi đóng ở Trấn Tây, thì 1 vệ đến Trấn Tây, còn 1 vệ ở lại An Giang ; 5 vệ cơ Bình Thuận, Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, trích lấy 3 vệ cơ đến Trấn Tây, 2 vệ cơ để ở An Giang đủ 2 tháng thì người ở An Giang đổi đến Trấn Tây, người ở Trấn Tây chuyển về An Giang lần lượt thay đổi, cho mệt nhọc, nhàn rỗi được đều.

Lại nửa vệ lính Kinh phái đi đóng ở An Giang thì đổi đóng ở Vĩnh Long, còn nửa vệ lấy đi đóng ở Hà Tiên thì đình phái, chờ đến mồng 1 tháng 10 kỳ đông phòng, lại theo lệ đi đóng định trước, đều đến Trấn Tây và người đổi đi đóng ở Vĩnh Long, cũng phái đến Hà Tiên để đóng, cho phòng bị được nghiêm, mùa xuân sang năm, đổi đóng lại theo thế mà làm, thì trong khi chuyển đi, sức lính đã được thư thả, lại bớt được phí tổn vận lương. Khi có việc, vũ hịch đến tận nơi triệu gọi, cũng không đến nỗi chậm lỡ. Lại truyền Chỉ cho các đốc, phủ, bố, án Gia Định, An Giang, Vĩnh Long, phàm lính thú mới đến tỉnh, cho đều nghỉ ở nhà quân 1 tháng, hết hạn, thì cách một ngày diễn tập, phép bắn súng, phép đánh trận và các nghề đánh bằng khiên, bằng giáo dài, cốt cho dần quen. Tất cả việc tạp không được tự tiện sai phái. Nếu hoặc ở Trấn Tây có cấp báo, thì lính thú 3 tỉnh hiện đóng lập tức đến cứu, ở Hà Tiên có việc báo đến, An Giang cũng phái ngay lính đi đêm để kịp công việc. Ngoài ra như nửa vệ lính Kinh phái đóng ở Gia Định, 1 cơ Quảng Nam và các vệ cơ 6 tỉnh Nam Kỳ phái đi đóng ở Trấn Tây, An Giang, Hà Tiên, Hải Đông, Hải Tây, Sơn Định, Quảng Biên đều theo lệ trước. Lại như lính đóng ở Trấn Tây một năm thì thay, từ trước đến nay luân chuyển gần đến nửa năm mới về hàng ngũ. Nay chuẩn cho phàm lính Kinh và lính thú các tỉnh từ Bình Thuận trở ra Bắc sắp đến kỳ đổi đóng, thì Tướng quân, Tham tán nên xét lính thú, có chia đi nơi nào, dự rút về trước, đợi lính thú mới đến, lập tức cho về.

Hiệp tán Trấn Tây Cao Hữu Dực dâng thư phong kín nói : thành hạt Trấn Tây là thượng du 6 tỉnh Nam Kỳ, giáp giới với nước Xiêm, sau khi mới định, chưa tiện bỏ việc quân, hằng năm phải đi đóng đến 5000 - 6000 người, tiền, gạo phải chi đến 7, 8 vạn, đã nghiêm phòng thủ, kiêm việc vỗ yên. Tình hình hiện nay cũng gọi là vô sự. Nhưng xét ra quan Thổ, lính Thổ chẳng qua coi khoẻ, yếu, làm hướng theo hay không theo. Nay giặc Yêm, giặc Giun trông ngóng của bọn chúng đã hết, nhưng giặc Chân, giặc Cố còn dựa vào giặc Xiêm để nhòm ngó, nếu hoãn việc biên phòng thì chúng nhân lúc sơ hở, việc binh bị thường nghiêm, thì lại sinh vất vả phí tổn. Vả lại chúng là người Phiên khác, nay thành người có tên trong sổ, được triều đình che chở, đã cho làm quan, lại ban cho lộc, tuy mờ tối chưa thể thoát hết, nhưng ân huệ

đều được mắt thấy tai nghe, có lẽ nên cho chuyên trách việc phòng biên, để cho tự giữ ở biên giới không lo, thì thưởng để khuyến khích, ở địa phương không yên tĩnh, thì bắt tội để răn. Mà quan quân chỉ lặng yên để trị cũng là thế lấy quân nhàn rỗi đối địch với quân vất vả. Lại xét các tù phạm sung quân, phát lưu, tội đồ và sung phải khổ sai hiện giam ở thành ấy cộng trên 380 người, ngày thì đeo xiềng làm việc, đêm thì đóng gông canh giữ, quản thúc, phòng giữ rất là phiền phức. Xin nên tha cho an trí làm quân ở đồn điền, đấy cũng là trong khi vua thương, mà ngụ ý khiến cho biên giới được đầy đủ. Vua dụ rằng, các tù phạm ấy, tội tình nặng nhẹ, phát đi làm việc lâu chóng cũng có không giống nhau, nay gặp tiết xuân hoà, ban ơn cho sống, nên phân biệt lượng giảm. Chuẩn cho Tướng quân, Tham tán đem ngay các tù phải đi đày, tội đồ và can án trộm cắp phải khổ sai từ Minh Mệnh năm thứ 18 trở về trước, thì đều tha bỏ xiềng xích, an trí làm quân đồn điền, hoặc lấy quan quân kiểm thúc, nhưng thường xét hỏi, nếu có kẻ biết sợ, hối, cày cấy cùng yên, thì nên chia cấp cho ruộng, để cho có của yên sống lâu dài, nếu còn dám phạm pháp làm bậy thì giết không tha, còn những kẻ phạm sung quân và tội lưu, chưa nên tha vội, nên xét kẻ phạm nào án tỉnh hơi nhẹ, mà từ trước đến nay yên phận giữ pháp luật, làm danh sách riêng tâu lên, chờ ban ơn cho, còn như mán thổ hạt ấy, mới thuộc vào sổ sách, nếu giao ngay cho phòng giữ biên giới, thì chúng vốn hèn nhát phải có quan quân yên lặng trấn áp, còn có thể giúp việc được, nếu chỉ sai chúng tự giữ, tự kiểm chế lấy, thì thói quen sợ hãi, sao được việc ? Khi có hỏng việc liền sợ trốn ngay, bấy giờ lại theo mà bắt tội, thế tất phải đem quân tìm bắt, há chẳng thêm nhiều việc ư ? Lời xin ấy không chuẩn cho thi hành. Cao Hữu Dực ngươi mới được chọn bổ, tất cả công việc thành ấy cần phải thực hết sức cùng theo làm việc cho ổn ; để xứng với sự uỷ thác không phải kiến nghị tâu lên để tự khoe.

Sai tỉnh Khánh Hoà hỏi mua voi ngựa các man. Lại sai thị vệ và cai đội Kinh tượng, mỗi chức 2 người chia đi các tỉnh Quảng Nam đến Gia Định, Quảng Trị đến Sơn Tây, lựa chọn voi công, phàm cao từ 6 thước trở lên, to lớn mạnh khoẻ tập quen hiền lành, ngồi cưỡi được bình ổn, không sợ súng bắn ; hoặc không cao lớn quen lành, nhưng rất khoẻ mạnh nhanh nhẹn, thì giải đến Kinh để chọn.

Vua bảo bộ Binh rằng : voi ở Cam Lộ rất thuần và thông minh, so sánh còn hơn voi nước Chân Lạp và nước Xiêm, xét ra việc đánh bắt dùng voi nhỏ lại là đắc lực, mà đánh ở rừng núi càng thích hợp vì voi to thân hình nặng nề, xông pha hiểm trở rất khó, thực không bằng voi nhỏ nhanh nhẹn. Từ sau có phân phát cho các tỉnh, nên dùng voi nhỏ, còn voi lớn chỉ để ở Kinh chầu hầu được thôi. Lại nói rằng ngụy Tây Sơn đánh nhau với quân Tàu, phần nhiều dùng voi, ngựa Tàu sợ voi trông thấy

liền rụt lại cho nên phải thua, nước Tiểu Tây đánh nhau với nước Hồng Mao, cũng dùng voi xông vào giết chết, sau người nước Hồng Mao dùng cành tre để chắn voi không dám tiến, chờ cho hơi mệt, lấy giáo nhỏ đâm vào mũi voi, voi hoặc lăn ra chết, hoặc chạy về giày xéo, quân lính lại tự tan vỡ. Nhân xem đấy, đánh bằng voi được hay thua là ở người khéo dùng hay không khéo dùng mà thôi.

Phó lãnh binh Thái Nguyên Tống Văn Trị phải miễn chức, cho Vệ uý vệ Hà Nội là Trần Văn Luận được thay. Trước khi ấy huyện Phú Lương thuộc tỉnh hạt ấy có bọn cướp phá huyện nha, cướp tù, Trị đem quân đuổi bắt, vì chậm trễ không đi, để kẻ cướp chạy thoát, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên hặc tội, mới phải cách.

Thí sai Quản cơ thành Trấn Tây sung làm Phó lãnh binh Hải Tây Nguyễn Trương Cửu bị bệnh chết, cho Phó vệ uý vệ Dương võ Tôn Thất Quỳ làm Phó lãnh binh Hải Tây.

Tỉnh Nam Định tuyển lính ở ấp làng mới lập ở các huyện thuộc tỉnh, tất cả được 46 người, vua chuẩn cho dồn làm một đội Định uy theo tỉnh sai phái, nhưng chiểu theo lệ lính tuyển ở các cơ vệ, chia ban, chi lương.

Cho Vệ uý vệ Cường võ Hồ Văn Lưu làm Vệ uý vệ Hậu nhị Tả dực, dinh Vũ lâm ; Phó vệ uý vệ Nghị võ dinh Long võ, Phạm Văn Huy làm Vệ uý vệ Cường võ ; Phó vệ uý vệ Hùng nhuệ hậu Hồ Văn Thập làm Vệ uý vệ Nghị võ ; Quản cơ cơ Hữu định Trung quân Nguyễn Văn Đạc cho làm Phó vệ uý vệ Tiền bảo nhất.

Cho Nhất đẳng thị vệ Vũ Văn Giải cai quản viện Cung giám.

Bộ Binh tâu nói : "Đội Giáo dưỡng có Nguyễn Văn Tuấn mộ được 50 người dân ngoại tịch, xin bổ làm đội thập vệ tứ dinh Kỳ võ, rồi chọn lấy biền binh đội thập cũ, đặt làm đội hoa pháo, cho có chuyên trách". Vua y cho.

Bộ Lễ tâu nói : "Sang năm kính gặp tiết ngũ tuần vạn thọ đại khánh của hoàng thượng, thần dân không ai là không tỏ lòng vui mừng, xin tư cho Thượng ty các tỉnh dự bị phẩm vật địa phương và hỏi các hộ phố, hộ dân có ai tình nguyện về Kinh chúc thọ, thì trước khi ấy cho dẫn về Kinh để dự làm lầu rạp chúc mừng, cho thoả lòng thành kẻ dưới".

Vua bảo rằng : "*Kinh Thư* có nói : 1 người có phúc, triệu dân được nhờ, thì khắp cả cùng vui, tự là tính thường giữ đạo, nghe theo lòng dân để tỏ tình yêu kính, cố nhiên không ngại. Không kể các quan có lòng thành dâng lên, vốn đã xét tới, ngay thần dân nếu có giãi tỏ lòng thành, ta nguyên không nỡ từ chối, nhưng chúc thọ, cốt ở lòng thành, nếu do cưỡng ép và nhân đấy mà phải đóng góp, thì không nên mà thôi. Nên truyền Chỉ cho Thượng ty các địa phương đều nên hiểu bảo hộ

phố, hộ dân ngay trước mặt làm bọn chúng quả có lòng thành, tất được xét nhận. Nếu không phải ý muốn hoặc sức không như lòng, triều đình cũng không bắt ép, cần phải chớ góp riêng, chia nhau từng đồng, có cáo giác ra sẽ bắt tội. Các người muốn đi thì cho tuỳ tiện tự đến, không phải làm danh sách tâu trước, có khi bị lại dịch sách nhiễu."

Bộ Binh lại tâu xin tư các địa phương lại chiểu đường sá xa, gần, số binh nhiều ít, trước khi ấy lượng phái biền binh về Kinh lấy gỗ làm lầu rạp để làm nơi chúc thọ.

(Bắc trực : Quảng Trị, Quảng Bình, mỗi tỉnh 200 người dồn làm 1 cơ ; Nam Trực : Quảng Nam 300 người ; Quảng Ngãi 200 người dồn làm 1 cơ ; Tả Kỳ : Bình Định 300 người, Phú Yên 100 người, dồn làm 1 cơ, đều chọn phái 1 người quản vệ hoặc quản cơ để sai quản, đến thượng tuần tháng tám ấy đến Kinh ; Hữu Kỳ : Hà Tĩnh 200 người, Nghệ An, Thanh Hoa mỗi tỉnh 400 người, dồn làm 2 vệ ; Bắc Giang, Hà Nội 400 người, Sơn Tây, Bắc Ninh mỗi tỉnh 400 người dồn làm 2 cơ ; Nam Định 400 người, Hải Dương 300 người, Hưng Yên, Ninh Bình mỗi tỉnh 150 người, dồn làm 2 cơ, đều chọn phái vệ thì 1 Quản vệ, cơ thì 1 suất cơ, mỗi 2 vệ, 2 cơ, uỷ riêng Lãnh binh hoặc Phó lãnh binh kiêm lĩnh, hạ tuần tháng 3 đến Kinh ; Tả Kỳ : Khánh Hoà, Bình Thuận mỗi tỉnh 150 người, dồn làm 1 cơ ; Nam Kỳ : Gia Định 400 người, Biên Hoà 100 người, dồn làm 1 cơ ; Vĩnh Long 200 người, Định Tường, An Giang mỗi tỉnh 150 người, dồn làm 1 cơ, đều chọn phái 1 người Quản cơ cai quản, đến kỳ tháng 4, tháng 5 thuỷ bộ tuỳ tiện, đúng hạn đến Kinh. Thổ binh ở Bắc Kỳ : Lạng Sơn 70 người, Cao Bằng 30 người ; thổ binh Trấn Tây 100 người, đều phái viên nhận lấy, chờ đến thượng tuần tháng 12 đến Kinh làm việc. Ngoài ra, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Quảng Yên thuộc Bắc Kỳ, Hà Tiên thuộc Nam Kỳ, đều là biên trấn, số binh không nhiều, đã có thống hạt : Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, An Giang, làm thay, không phải gọi bắt). Bộ Công cũng tâu xin tư cho các địa phương thuê mộ người nghĩ giỏi làm khéo và giỏi một nghề, cho dẫn về Kinh đến sở thợ làm việc. Vua đều y cho.

Khoa đạo là bọn Nguyễn Tự dâng sớ xin cho các trực tỉnh đều làm lầu rạp ở hành cung, đến ngày ấy lạy mừng, để cho nhân dân trong hạt xem, cùng được vui vẻ.

Vua bảo rằng hư văn vô ích, chỉ thêm tốn mà thôi không cho.

Quan thành Trấn Tây bọn Trương Minh Giảng tâu nói : "Cứ Hải Tây thám báo, giặc Xiêm đem quân trước sau trên 8.000 đến Lò Gò Vật đắp thành chống giữ, đã cho sở tại chiểu hạt gia tâm phòng bị".

Vua bảo rằng : "Lời báo phần nhiều là truyền tin là thực cả, chúng nếu quả có mưu gian, phải ở cuối mùa thu đầu mùa đông, còn có thể nói được, nay đã đến xuân, nếu tình giặc có gian dối, quyết cũng không ngầm đến, huống chi quân nhiều lương thiếu chỉ chờ chết mà thôi, nhưng việc biên phòng, không nên sơ suất, Tướng quân Tham tán làm thế cũng phải". Bọn Giảng lại phái thám tử Nguyễn Văn Thuận đi dò xét, về nói : quân nước Xiêm người đắp thành thì không cấp lương, hàng ngày chỉ bắt lấy ở dân mỗi người nộp 1 bát gạo, 1 nắm cơm mà thôi, bọn Giảng đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : "Chúng làm việc như thế, đã biết đại khái trò trống của hắn, sai thưởng Văn Thuận 10 lạng bạc, 1 áo sa, 4 người tuỳ phái đều được 2 lạng bạc".

Cho Quản cơ cơ Hà Tiên Nguyễn Văn Do làm Vệ uý vệ Thuỷ Hà Tiên.

Sai bộ Binh hội đồng với nội các, thị vệ điểm binh ở trước cửa Ngọ Môn. Trước đấy chọn ngày tốt, lấy giờ tốt ngày 19 tháng ấy. Vua ngự lầu Ngũ Phượng duyệt xem bỗng gặp khí trời hơi lạnh bèn thôi.

Sai thự Thống chế Tiền phong Trần Hữu Lễ đem 2.000 người biền binh đến phận núi các tôn lăng cắt dọn cỏ cây.

Tấn phong hoàng tử thứ 10 là Miên Thẩm làm Tùng quốc công, hoàng tử thứ 11 là Miên Trinh làm Tuy quốc công, hoàng tử thứ 12 là Miên Bảo làm Tương quốc công.

Vua nhân bàn đến bổng lệ Tôn thất, bảo bộ Lễ rằng : "Ta xem Tôn thất triều Minh đều ăn lộc mà không làm việc, lâu năm người ăn lộc thì nhiều, tiền của Nhà nước đến nỗi không đủ, kìa như lễ thờ ở miếu, năm đời tình thân đã hết, chủ thờ còn cất huỷ, huống chi người họ Tôn thất có tài đức gì mà đời đời ăn lộc, chả là quá lạm ư ? Nên chọn người có tài thì dùng cho ăn lộc. Ngoài ra đời đã xa, thì bỏ bớt lộc đi mới được.

Tổng đốc Hải - Yên Nguyễn Công Trứ thân lĩnh đại đội binh thuyền lại đến Chàng Sơn tuần bắt giặc biển, dâng sớ xin thôn Vạn ở Vân Đồn xã Vĩnh Thực ở Vạn Ninh (Tên xã, tức cửa biển Đại, tiếp gần Bạch Long Vĩ thuộc Trúc Sơn), đều làm 1 đồn, (Thành đồn 4 mặt đều dài 23 trượng, chân sâu 1 thước 5 tấc, thân cao 5 thước, mặt trước xây đá, dày 2 thước, 5 tấc. Cấp giữa đổ đầy đất 3 thước 5 tấc, cấp trong xây đá 2 thước, 2 cửa trước sau đều dựng cột gỗ cao 9 thước, tầng trên làm lầu canh, dưới đóng 2 cánh cửa, bên tả làm một pháo đài, bên hữu làm một chỗ đốt lửa, về pháo đài chiểu theo thế núi, mặt rộng trên dưới 2, 3 trượng, cao 4 thước, sâu 1 thước, ngoài xây đá dày 4 thước, giữa đổ đầy đất), uỷ Lãnh binh tỉnh Hải Dương

Đồng Bá Huyên trông coi xã Xuân Áng (tên xã) thuộc Hoa Phong làm một đồn (4 mặt đều dài 19 trượng 3 thước. Cao, dày, và cách thức cửa theo như trước, bên hữu làm 1 chỗ đốt lửa, không có pháo đài) uỷ Phó lãnh binh tỉnh Quảng Yên Đinh Văn Yên trông coi. Vua y cho.

Sai thông dụ cho các địa phương từ Quảng Bình trở vào Nam, đều sức rõ các trạm ven rừng và dân xã sở tại, chiểu lĩnh súng ống thuốc đạn để bắt, giết thú rừng, chờ lĩnh cách thưởng ; hạt nào nghe có hổ dữ làm hại ở nơi nào, quan tỉnh tức khắc thân đem lính hoặc phái Lãnh binh, Quản vệ, hoặc Quản cơ 1 người đi đến cùng với phủ huyện ra sức bắt, giết để trừ hại cho dân. Lại như các hạt Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, phàm đường cái quan cỏ mọc rậm rạp như rừng thì cắt bỏ cho khoáng đãng, không để cho ác thú ẩn nấp được. Rồi dân ở Quảng Bình có bắn được voi rừng, lấy ngà nộp quan, trong đó không đủ lệ thưởng thì cũng sai cho thưởng. Từ sau lấy đấy làm lệ (Trước định cách thưởng, 1 đôi ngà nặng 50 cân trở lên, thưởng 30 quan tiền, 40 cân trở lên, 15 quan ; 20, 30 cân trở lên 10 quan, đến nay định thêm phàm một đôi không đủ 20 cân thì thưởng 8 quan, không đủ 10 cân thì thưởng 4 quan).

Người ở Hương Trà phủ Thừa Thiên là Ngô Viết Đức thấy núi ở ấp Thạch Hãn (tên ấp) có nhiều gỗ đẹp, cách bến đò không xa, tự đi cắt cỏ rậm mở đường lối, xin bộ Công chuyển trình lên cho.

Vua sai khám thấy thực, thưởng cho 50 quan tiền, rồi sai quan quân thuỷ, bộ 4.000 người đến để lấy.

Bắt đầu đặt quan người Kinh ở huyện thổ tại Trấn Tây. Tướng quân Trương Minh Giảng tâu xin trước 13 huyện ở gần thành hạt (Chân Tài, Bình Tiêm, Ngọc Bì, Mỹ Tài, Hoá Dị, Lư An, Chân Thành, Ngọc Luật, Kim Trường, Bát Ca, Ba Nam, Lư Viên, Thìn Tỏ) chia đặt Tri huyện. Lấy thi thư Huấn đạo là bọn Vũ Duệ Thức 13 người sung làm việc huyện, và nói bọn ấy vẫn chưa có hàm danh rõ ràng chính đáng, trong đó có người chi lương theo phẩm hàm, có người chi theo lương tháng, rất là không giống nhau. Xin sắc cho bộ nghị rõ, còn các huyện xin cho lần lượt làm dần.

Vua cho là chức Tri huyện là việc buổi đầu. Chuẩn cho bọn Vũ Duệ Thức đều theo chức của mình sung làm Tri huyện các huyện, đợi sau, thành tích việc quan có khá, do thành cứ thực tâu lên, chờ Chỉ bổ thụ, còn tiền lương được chi, chuẩn y bộ Hộ bàn, chiểu theo lệ cử nhân, giám sinh chờ bổ, hằng tháng cấp 3 quan tiền, 3 phương gạo, sau có được thực thụ, thì chiểu phẩm chi lương.

Phong Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh Trương Đăng Quế làm tước Tuy Thịnh nam. Trước Trương Đăng Quế được sung làm Kinh lược sứ cùng với bọn Trương Minh Giảng khám đo ruộng đất ở Nam Kỳ, chia đặt cửa quan, bến đò. Đến nay vua xem sổ tổng cộng thuế lệ năm trước do bộ Hộ dâng lên, thấy tiền thuế 6 tỉnh Nam Kỳ so với 13 năm trở về trước tăng đến gấp 3, nên rất khen.

Dụ rằng : "Các tỉnh ở Nam Kỳ từ trước yên tâm theo thói hủ lậu, ruộng đất chỉ kẻ dây, thửa, không đo bằng trượng, lượng tính mẫu, sào, định rõ ngạch thuế, cho nên dân gian gian dối thành thói quen, ruộng đất tuy nhiều, mà thuế khoá vẫn không tăng thêm. Trước kia, đặc cách sai Kinh lược đại thần bọn Trương Đăng Quế đi khám đo, lượng định thuế lệ, so với hạt khác vẫn nhẹ, thuế không tăng ngạch, ruộng không thêm tô, mà số tiền thuế tự nhiên ngày thấy đầy đủ, việc ích quốc, lợi dân thực có thành hiệu, cũng nên coi như mở mang bờ cõi đất đai, thực đáng ban cho tước, cho được vĩnh viễn, để báo đền công lao, mới có mệnh này. Viên cùng phái đi là nguyên Kinh lược sứ Trương Minh Giảng được phong tước bá, chuẩn cho cùng với nguyên Phó sứ là Tôn Thất Bạch. Nguyễn Đắc Trí đều được tập ấm 1 con làm Hiệu uý vệ Cẩm y".

Tổng đốc Ninh - Thái Tôn Thất Bật dâng tập thỉnh an nói kiêm hạt Thái Nguyên đất nhiều rừng rú thung lũng, giặc trốn là bọn Phan Văn Thể thường lúc có, lúc không ở hạt huyện Tư Nông, cướp bóc dân địa phương, xin thân đem binh, voi đi tuần tiễu.

Vua bảo rằng : "Hiện nay các tỉnh ở Bắc Kỳ đều yên ổn cả, gián hoặc có loài chuột, chó trộm cắp, không thành bọn lớn, chỉ nên nghiêm sức sở tại tìm cách đánh bắt là đủ, chức Tổng đốc rất long trọng, sao nên vô cớ thân đem binh mã đi đến, làm người nghe tiếng sợ hãi, tạm ở lại tỉnh làm việc mới được, ngươi được nhờ ơn biết cảm kích, gắng sức, trẫm đã xét biết, phàm việc làm nên theo qua kiến thức lão thành, cho tiếng khen để về sau mãi".

Lại dụ rằng : "Hai tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng không phải là kiêm hạt của Bắc Ninh, nhưng địa đầu xung yếu, hạt ngươi cũng liên tiếp, phàm việc đau ngứa cũng liên quan với nhau, không nên coi khác. Nay lính thú 2 tỉnh đã rút, biên cương sở tại yên ổn, cố nhiên không lo lắng gì, nhưng lo xa, nghĩ sâu, cũng phải dự tính trước, nếu nghe ở Cao Bằng có cấp báo, nên phái ngay Quản vệ hay Quản cơ đắc lực lĩnh 500 quân đi ngay đánh giúp, ở Lạng Sơn có cấp báo cũng thế. Lại phải riêng 1 đạo theo đường tắt đến thẳng Cao Bằng để chặn ngả sau. Việc binh phải dự mưu trước, việc nước phải cùng lòng, cần chớ hơi tỏ giới hạn".

Hộ phủ Hưng Hoá Nguỵ Khắc Tuần dâng tập thỉnh an nói : "Một dải Phù Hoa, Đà Bắc, Mộc Châu, An Châu, thuộc hạt, 2 bờ tả, hữu sông Đà, nguyên có nhiều thổ dân Thạch Bi tỉnh Ninh Bình ở tản, từ trước đến nay không biên vào sổ, xin kiểm xét số người, ít thì cho thuộc vào sở tại, nhiều thì lập thành xã thôn khác, biên vào sổ bắt đầu thu thuế, cho có thống trị".

Vua bảo rằng : "Bọn chúng tuy là dân lưu tán, cũng là con đỏ của triều đình, sao nên cho theo như trước không có chỗ dựa. Nay nên chuyển sức các viên Tri châu, phàm thổ dân ở Thạch Bi đến ngụ ở bờ sông, thuộc phận châu nào, số nhân khẩu từ 19 người trở xuống, sáp nhập vào thổ dân sở tại ; từ 20 người trở lên, cho biệt lập thành xã thôn, để dần dần đổi thói người Thổ theo thói người Kinh, rồi chọn đặt Lý trưởng, lệ thuộc vào viên Tri châu quản trị, bắt đầu thu thuế từ năm nay. Quan tỉnh ấy tìm xét ra số đinh cộng trên 360 người, tâu xin theo dụ làm việc. Vua y cho.

Thự Bố chính Quảng Bình Nguyễn Hợp dâng tập thỉnh an nói : "Súng ống nhà nước cấp cho các vệ, cơ, đồn, tấn, từ trước đến nay chỉ có đạn mà không có thuốc súng, đến khi có việc mới chi lĩnh ở kho, không khỏi chậm lỡ. Xin nên cấp đủ thuốc súng, mỗi một cây súng, một cỗ súng đều 50 phát".

Vua dụ rằng : "Súng ống cần dùng cho việc quân, tất phải có thuốc đạn theo sẵn, thế mà tỉnh ấy từ trước đến nay cứ theo như cũ làm qua, thử nghĩ súng ống có đạn không thuốc, khi cần đến sao có thể dùng được. Nguyễn Hợp mới đến làm tiếp, bèn biết tra xét kỹ càng tâu xin sung cấp, dự phòng trước khi có việc, thực là hợp lẽ, nên thưởng gia kỷ lục 2 thứ, cho theo ngay lời xin thi hành".

Quyền thự Án sát Hưng Hoá Ngô Văn Địch dâng tập thỉnh an nói : "1 nhà thổ mục họ Cầm vốn được thổ dân sợ phục, Chánh đội Cầm Nhân Cảm đã đổi bổ đi Quảng Yên, nhưng em và cháu hắn là bọn Cầm Nhân Đôi vẫn ở đất của mình, xin do bộ liệu chỗ chia riêng ra các tỉnh xa, kiềm thúc nghiêm hơn, nếu có trông ngóng gì lập tức trị tội nặng".

Vua bảo rằng : "Từ trước dân hèn ở biên giới, thường bị thổ mục hiếp chế, triều đình không nỡ coi như sinh thành ở ngoài giáo hoá, bèn đặt ra châu huyện, đặt quan người Kinh để cai trị, vốn muốn cho tiêu hoá, ngấm ngầm cùng theo phong tục tốt. Người làm quan địa phương cần phải bảo rõ pháp kỷ, để ý vỗ về, cho dân hèn đều sống yên, thổ mục đều biết sợ, tự bỏ được các tệ vũ đoán từ trước. Nếu người nào làm càn như cũ, để hại cho dân, thì trị tội rõ ràng chính đáng, mới đủ cho lòng người phải phục. Nay vô cớ vội đem họ hàng họ Cầm không phân biệt lành dữ, hết

thảy chê là vây cánh, đem đày phương xa, há chẳng thành ra làm cho mọi người mang lòng ngờ sợ ư ? Triều đình làm việc giữ rất công bằng, không nên tỏ cho người là không rộng lượng, lời xin ấy không cho thi hành. Nếu bọn chúng có lòng bất trắc, phải chờ có việc ác, có thể nêu ra, lập tức hặc tâu trị tội, để không còn nói về sau, thế mới được".

Tướng quân Trấn Tây Trương Minh Giảng dâng tập thỉnh an nói : "Tả, hữu gần thành đã phái khai khẩn ruộng để cày, cấy, nhưng hoặc gặp hạn khô, hoặc nhân nước lụt nên lúa thóc vì thế kém tốt. Nay xin chiểu tuỳ địa lợi, hoặc cấy lúa, hoặc trồng ngô, nhưng chiểu theo kỳ gặt, tính số thu được nhiều ít, chước định thưởng phạt để khuyên răn".

Vua bảo rằng : "Địa lợi đều có thích hợp, lúa, ngô, đều để nuôi sống người, tuỳ thổ ngơi mà trồng trọt, có gì là không được, duy đến kỳ thu hoạch, xét phân số định thưởng phạt, thì là phiền phức. Vả lại, quan quân đi đóng xa, trẫm thường thương nghĩ đến khó nhọc. Nhưng vì số lính đóng nhiều, cho nên lúc không có việc, cho đi làm đồn điền, để cho biên giới được đầy đủ, bớt việc vận chở lương thực, các Tướng quân, Tham tán cần nên thường phải khuyên bảo, để không nhàn rỗi quá, thế là được, nếu bo bo tính toán thu hoạch nhiều ít mà bắt tội ngay, chả hoá ra đốc thúc quá hà khắc ư ? Kìa như quân đóng đồn nên bắt phải dẹp yên là việc cần, lỗi nhỏ như thế sao đáng trách làm gì, huống chi thổ ngơi không đều, nhiều ít cũng theo đấy mà đều khác, không nên lấy đấy chia hơn kém, định công tội, duy người nào chăm chỉ cố sức làm, thu hoạch nhiều, thì chuẩn cho cứ thực tâu lên, lượng cho khen thưởng, còn như phạt thì chớ bàn".

Tham tán Trấn Tây Dương Văn Phong dâng tập thỉnh an nói : "Sổ sách hạt thành ấy nguyên trước có người nước Thanh đến ở ngụ 8 bang thuộc Trấn Tây, 14 bang thuộc Ba Xuyên, số người cộng trên 1.200 người, thuế lệ cho theo an phủ chiểu lệ làm việc. Lại ở Trấn Tây có người Thanh khác 6 hộ trên 300 người, hằng năm nộp mỗi người 50 cân dầu mỡ, sự thể rất là không giống nhau, đã hỏi Chưởng vệ Long Trà, Vệ uý La Kiên đều nói : Người nước Thanh 22 bang, từ khi chiêu mộ về đến nay, thuế lệ không nộp ở an phủ, xét ra bọn chúng thích nước ta vui vẻ, đến ở làm ăn sinh sống thành sổ sách hàng bang, há nên lệ thuộc vào đâu, mà nhất hướng trốn thuế ư ? Nay xin các bang người Thanh người thuộc Trấn Tây thì do đạo Lương trừ, người thuộc về Ba Xuyên thì do An phủ sứ, hằng năm thu bạc thuế mỗi người 2 lạng, muốn nộp tiền, thì cho theo giá chợ chiết nạp, từ sau có mộ thành hàng bang thì coi đây làm lệ".

Vua cho là phải, ra dụ cho nếu có người Thanh ở xen vào thôn, ấp, súc, sách thì cũng vào sổ đánh thuế.

Hiệp tán Trấn Tây Cao Hữu Dực dâng tập thỉnh an nói thí sai Phó quản cơ tiền An Giang là Triệu Văn Bảo, người dũng cảm, lại vốn am hiểu địa thế, tình hình người Man, so với cùng hàng là giỏi hơn, nếu được bổ chức hàm ở Trấn Tây, tưởng là được việc. Lại như suất cơ các cơ An man, Trấn Tây đều có lòng gắng sức, đã được cấp tiền, nhưng là lính cũng thiếu thốn lắm, người đương ban thì nghĩ nên lượng cấp tiền, gạo để cho được nhờ.

Vua bảo rằng : "Vũ biền hẳn lấy dũng cảm làm đầu, Triệu Văn Bảo đã từng xét thực chỉ tên bầu cử tâu lên, chuẩn cho không theo thứ tự nhắc bổ làm Quản cơ đổi thuộc về Trấn Tây do Tướng quân, Tham tán xét bổ, cai quản lính cơ trong hạt, tuỳ việc sai phái. Còn như suất cơ các cơ thuộc hạt, trước vì bọn chúng nguyên có làm việc coi quân, chuyên cần chức vụ, đặc cách chuẩn cho hằng tháng cấp cho tiền. Còn như lính thì đều là lính cả, nay chỉ đem vài cơ An man, Trấn Tây, xin cấp lương cho, còn cơ khác thì sao ? Thà không làm sinh hiềm này khác. Vả lại, việc có trước sau thi hành phải cho thích hợp, triều đình tự có xử trí riêng, không đợi người phải nói".

Sửa lại Thế miếu. Vua bảo Nội các rằng : "Điện Phụng Tiên gần đây đã đổi mới, sơn son thếp vàng, rực rỡ, nghĩ đến Thế miếu ở ngay trước điện, cũng nên sơn lại thếp vàng, mặt trước, nhà trước, các chỗ nóc và mái chồng, đổi dùng sứ tráng men cho được đẹp đẽ, để mãi lâu dài". Bèn sai Đô thống Hữu quân Nguyễn Tăng Minh, thự Thống chế Long võ Tôn Thất Bằng trông coi công việc. Lại phái Lang trung, Viên ngoại lang ở 6 bộ 6 viên, Khoa đạo 1 viên, chia nhau xem xét.

Quan tỉnh Quảng Yên tâu nói : "4 đồn Minh Châu, Vị Lại, Đồng Tôn, Định Lập thuộc hạt ấy đều có đất cày cấy được, xin sai phủ huyện sở tại đốc sức các viên đồn chiểu số lính tại ngạch sai cho khai khẩn, đợi 3 năm thành điền, có thể giúp cho cách sống, rồi đình lệ cấp lương".

Vua y lời tâu ấy.

Vua ngự điện Cần Chính. Trước đấy, vua nhân se mình gần khỏi, toan ra triều nghe việc chính, đình thần bọn Phạm Hữu Tâm, Trương Đăng Quế tâu nói : "Bệ hạ ứng theo vận trời, chăm lo mọi việc. Nhưng nhà vua mới khỏi, mà làm việc phải xem xét nhiều, lòng thần tử không thể yên được, xin hãy tạm tĩnh dưỡng". Vua nghe theo. Đến nay, vua ngự điện, quần thần lạy mừng, sai ban cho ăn và thưởng kim tiền, ngân tiền có từng bậc.

Quan tỉnh Sơn Tây tâu nói : "Kho chứa ở tỉnh đầy cả, các thuế lệ chính cung huyện Từ Liêm phải nộp, xin từ vụ chiêm này trở về sau nộp ở Hà Nội. Vua y cho.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CXCIX*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839], mùa xuân, tháng hai.

Vua ngự chơi hồ Tĩnh Tâm, Khoa đạo bọn Trần Trú 9 người dâng sớ nói khí trời đương lạnh, nhà vua hơi se mình mới khỏi, xin tạm đình xa giá, vua không nghe, đến khi về cung, ngự điện Văn Minh, triệu bọn Trứ đến dụ rằng : "Bọn ngươi nói cũng phải, nhưng đấy là nơi tĩnh dưỡng, trong người trẫm mới khoẻ, nên muốn đến đấy tĩnh dưỡng, kính chờ kỳ tế Nam Giao mà thôi, không phải thích vui chơi mà chống lại. Nghĩ đến lòng thành yêu vua của các ngươi đáng ngợi khen, nên thưởng cho mỗi người 2 tấm sa nam".

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Hôm trước xem tập thỉnh an của đốc, phủ, bố, án các địa phương lần lượt tâu bày, trong đó việc đáng lấy thì ít, việc không đáng lấy thì rất nhiều, tức như Vũ Xuân Cẩn ở Bình - Phú nói kèm việc mua voi ; Nguyễn Thế Đạo ở Cao Bằng thì vô sự mộ thêm quân ; Vũ Đĩnh xin cải cách áo mặc ở Sơn Man ; Lê Hữu Đức xin tra bắt trộm cắp ở làng mạc, phàm các việc ấy có quan trọng gì mà cũng nói kèm tâu vào, thậm chí như Trịnh Văn Nho xin dời dân ở phận rừng, muốn triệt hết nhà cửa người ta ; Hà Thúc Giao xin bổ tá lĩnh ở Niết ty, muốn dùng hết ty viên bộ Hình ; Phạm Sĩ Ái thì tâu hỗn loạn về tiết Thánh thọ chiêm bái ở hành cung, rồi xin sắc xuống bàn định nghi tiết, tóm lại, đều tâu nhảm càn rỡ, không thông sự lý, vụn vặt nhỏ nhen, không một điều nào đáng để ý. Vả lại trẫm từ khi lên ngôi đến nay, mở rộng đường cầu lời nói phải, sẵn lòng nhận lấy. Tuy kẻ cắt

cỏ kiếm củi hèn hạ, lời nói ấy đáng lấy thì chưa từng khen nhận mà làm, chỉ những điều trình bày như thế, thực là không đáng tâu vào, nên thông dụ bọn đốc, phủ, bố, án các địa phương nếu đến kỳ thỉnh an, phàm việc có quan hệ đến lợi hại dân sinh, quan lại hiền gian và có tâu bày việc gì có thể ích quốc lợi dân, thì cho đều kê cả tâu vào, còn như sự kiện tầm thường, đều theo tập thường đệ lên, không cần chờ đến kỳ thỉnh an, tâu kèm làm gì, nhưng đó cũng là vì tâu không thiết sự thực mà nói, còn việc thấy nghe hơi được bổ ích, cũng đừng vì lần này đã có dụ sức, lại tự im lặng không nói, thì trái với nghĩa "thờ vua không ẩn giấu". Cần phải biết đúng lẽ đáng nói mà nói thì tốt".

Định lại lệ hằng năm cấp tiền công nhu cho 3 bộ : Lại, Lễ, Công (bộ Lại trước 550 quan, đổi làm 500 quan ; bộ Lễ trước 500 quan, đổi làm 400 quan ; bộ Công trước 340 quan, đổi làm 400 quan).

Ngự sử đạo Bình - Phú Nguyễn Thị dâng sớ xin nghiêm cấm uống rượu, đánh bạc, để trừ hại cho dân.

Vua không nghe bảo rằng : "Việc cấm đánh bạc trong luật có điều rõ ràng, mà rượu để tế thần, cũng không nên bỏ. Quan địa phương nếu biết bảo rõ phép cấm, thường dạy bảo luôn, lo gì không đổi thói bạc, theo lòng trung, nay lại muốn ngăn cấm nghiêm mật, chỉ thêm nhiều việc, vả lại khiến cho lại dịch nhân đấy mà doạ nhiễu, lại sinh mối tệ, thì là chưa thấy lợi, mà thấy hại trước".

Cho Bố chính Tuyên Quang Trần Ngọc Lâm thân lĩnh mấy trăm biền binh tiến đến trại quân Án sát Nguyễn Văn Liễn hiệp sức bắt tướng giặc trốn Nguyễn Quảng Khải. Liễn mới có Chỉ thăng thự Bố chính Quảng Yên, vì Quảng Khải trốn tội giết mãi, phải để ở ngoài tra bắt, nhiều lần bắt được bè lũ tuy nhiều, nhưng Quảng Khải vẫn chưa bị xử án, Ngọc Lâm dâng sớ xin đi, bèn y cho.

Quan thành Trấn Tây bọn Trương Minh Giảng tâu nói : "Năm trước phái biền binh Kinh tượng, Định tượng 50 người cùng với bọn tượng binh ở thành 39 người dồn làm 2 đội Tượng cơ nhất, nhị thuộc thành, nay Kinh tượng, Định tượng chỉ còn 37 người, tính từ đi đóng đến nay đã trải 3 năm xa cách quê hương, tình cũng đáng tha thứ, xin nên cho thay đổi".

Vua chuẩn y bộ Binh bàn, sai chọn phái binh cơ Định tượng 50 người đổi đóng, định lấy 3 năm làm hạn, do thành mộ thêm, cốt đủ 3 đội tượng binh, tức phải rút quân đến đóng về ngũ. Bọn Giảng sau vì thấy ngạch tượng có nhiều, mà không người ứng mộ, xin đem hiện số tượng binh ở thành 30 người và lính thú ở Kinh tượng, Định tượng trước xin ở lại 5 người, lại chọn lấy tù phạm sung làm lính đồn

điền 65 người, cộng 100 người cùng với binh Định tượng mới phái 50 người, dồn làm 3 đội Tượng cơ nhất, nhị, tam để cho huấn luyện. Vua y cho.

Định lại các điều lệ tượng binh ở Kinh và tỉnh ngoài (ngạch voi ở Kinh 105 thớt, voi đực mỗi thớt 10 người cưỡi chăn, voi cái mỗi thớt 5 người cưỡi chăn ; biền binh 3 vệ vẫn để nguyên ngạch. Các tỉnh : voi đực mỗi thớt 4 người cưỡi chăn, voi cái mỗi thớt 2 người cưỡi chăn. Quảng Trị, ngạch voi 8 thớt, tượng binh một đội 47 người ; Khánh Hoà, ngạch voi 6 thớt, tượng binh 1 đội 35 người ; Phú Yên, ngạch voi 6 con, tượng binh 1 đội 31 người, đều chia làm 3 ban, 2 ban ở ngũ, 1 ban nghỉ ngơi ; Quảng Nam, ngạch voi 25 thớt, tượng binh 5 đội 223 người ; Bình Định, ngạch voi 15 thớt, tượng binh 4 đội 119 người, đều chia làm 2 ban, 1 ban ở ngũ, 1 ban nghỉ ngơi ; Quảng Bình, ngạch voi 15 thớt, tượng binh 2 đội 72 người ; Quảng Ngãi, ngạch voi 15 thớt, tượng binh 2 đội 79 người ; Bình Thuận, ngạch voi 6 thớt, tượng binh 1 đội 20 người ; Biên Hoà, ngạch voi 6 thớt, tượng binh 1 đội 18 người ; Gia Định, ngạch voi 10 thớt, tượng binh 1 đội 38 người ; Trấn Tây ngạch voi 40 thớt, tượng binh 3 đội 150 người, đều lưu ngạch không chia ban ; Hà Tĩnh, ngạch voi 6 thớt, tượng binh 1 đội 47 người ; Ninh Bình, ngạch voi 6 thớt, tượng binh 1 đội 43 người, đều vẫn lưu ngạch ; Nghệ An, ngạch voi 13 thớt, tượng binh 3 đội 80 người ; Thanh Hoa, ngạch voi 10 thớt, tượng binh 1 đội 75 người ; Hà Nội ngạch voi 13 thớt, tượng binh 3 đội 122 người ; Nam Định, ngạch voi 8 thớt, tượng binh 3 đội 149 người ; Sơn Tây, ngạch voi 12 thớt, tượng binh 3 đội 74 người ; Bắc Ninh, ngạch voi 10 thớt, tượng binh 3 đội 111 người, đều lấy 50 dồn làm 1 đội, còn thừa thì theo tỉnh sai phái đợi sau bổ khuyết ; Hải Dương, ngạch voi 8 thớt, tượng binh 3 đội 44 người, cũng dồn làm 1 đội ; từ Hà Tĩnh đến Hải Dương đều là lính mộ không chia ban. Còn trong một năm thớt voi chết, chia từng thành bắt bồi thường. Điều 1 : Cứ số ngạch tượng mới định, đổi làm 3 vệ Kinh tượng, đều chia làm 5 thành, Quảng Nam chia làm 4 thành ; 6 tỉnh : Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Nội, Sơn Tây đều chia làm 3 thành ; Gia Định, Thanh Hoa, Quảng Trị, Nam Định, Hải Dương, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, Hà Tĩnh, Ninh Bình, gồm 11 tỉnh, đều chia làm 2 thành ; Trấn Tây chia làm 6 thành, phàm trong 1 năm chết đến 1 thành, thì từ binh đinh đội trưởng chuyên việc chăn cho đến thượng ty thống quản, chia phần ra bồi thường. Ngoài ra, phải có xử phân, đều theo lệ trước. Lại định ra 3 năm 1 khoá, lấy các năm : Sửu, Thìn, Mùi, Tuất bắt đầu hạn, các quản lĩnh, quản suất cho đến bọn chuyên coi, chuyên chăn, người nào mãn hạn 3 năm, mà trong hạn đều có voi chết, thì ở Kinh do bộ, ở ngoài do thượng ty hạt ấy xét tâu lên để trừng trị, còn như trong 3 năm toàn không có voi chết làm danh sách

tâu lên, lệ đợi thưởng cũng lấy các năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất bắt đầu hạn, như trong 1 vệ, 1 cơ, đội nào trong hạn, hoặc có voi chết thì không được dự ; đội nào hiện được toàn vẹn, trong đó, người chuyên coi, chuyên chăn và bọn quản suất, người nào đã mãn hạn 3 năm, đều lấy kỳ tháng 2 năm sau làm danh sách tâu lên ; viên quản lãnh, kiêm lĩnh bổn phận đều được toàn vẹn, mới tâu vào), rồi vì Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Trấn Tây số tượng binh có nhiều, chuẩn cho suất cơ vẫn cai quản như cũ, ngoài ra các hạt từ Quảng Trị trở về Nam và Hà Tĩnh, số tượng binh ít, cùng Nghệ An, Thanh Hoa, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây tượng binh mới dồn lại, chỉ có 1 đội, đều bỏ tên cơ đi (như cơ Trị tượng đổi làm đội Trị tượng, ngoài ra theo thế mà suy), nguyên trước Suất cơ đổi bổ làm Phòng thủ uý hoặc thành thủ uý kiêm cai quản cả, tượng binh còn thừa cho dồn bổ vào các đội thuộc tỉnh (Nam Định, 2 đội Định nghĩa nhất, nhị ; Hà Nội, đội Hà Thuận ; Bắc Ninh, đội Bắc hùng ; Nghệ An, Thanh Hoa, Sơn Tây, các đội Tuần thành).

Sai quân thuỷ bộ ở Kinh, 4 quản vệ trên 500 biền binh đi thuyền Thanh hải, Định hải, Tuần hải, ô thuyền 10 chiếc chia làm 2 đạo : 1 đạo từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận, 1 đạo từ Thừa Thiên trở ra Bắc đến Quảng Yên, tuần tiễu giặc biển.

Làm hành cung ở xã Thần Phù (tên xã thuộc huyện Hương Thuỷ ở bờ phía nam sông Lợi Nông) để làm chỗ vua ngự khi đi tuần, sai thự Thống chế Trần Hữu Thăng trông coi công việc ấy.

Các tỉnh ở Bắc Kỳ (Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Yên) có bệnh dịch nhiều lắm, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên, vua thương lắm, giáng dụ sai bày đàn cầu đảo, cho thầy thuốc điều trị. Người chết thì phát tiền kho chia hạng cấp cho (nội tịch mỗi người 3 quan, còn thì 2 quan, trẻ con 1 quan).

Đổi định danh sắc sổ đinh các địa phương (từ trước có 2 hạng ngoại tiêu sai và biệt tính, chuẩn y bộ Hộ bàn, phàm dự có quan chức từ Nhất phẩm, đến Cửu phẩm, Tiến sĩ, Cử nhân, Tú tài, Ấm tử đổi làm hạng chức sắc. Ngoài ra tất cả tạp sắc nhiêu, ấm, lại dịch, binh, đinh thợ thuyền đổi làm hạng miễn sai, nguyên trước hạng biệt tính có phải thuế thân không phải phu dịch, đổi làm hạng miễn dao).

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Binh bộ Thượng thư Trương Đăng Quế kiêm quản Tào chính. Cho Phó quản cơ cơ Gia trung Trần Văn Thường cai quản đội Kim sang ; Quản cơ cơ Tiền kiên Tôn Thất Loan thăng thự Vệ uý vệ Dương võ dinh Thần cơ.

Quảng Ngãi, Bình Định bị hạn.

Làm đền thờ thần núi Hải Vân.

Vua dụ bộ Công rằng : "Núi Hải Vân là núi rất có tiếng ở nơi kỳ điện, thực là đất thiêng, chuẩn cho xây dựng đền thờ thần ở núi ấy về giới phận phủ Thừa Thiên, do Kinh doãn thuê dân làm, hằng năm đến tế vào tháng trọng xuân[1] (sau tế Nam Hải Long vương 1 ngày). Khi vua có đi tuần lúc đi, lúc về, đi qua đều sai quan đến tế một lần".

Bộ Binh tâu nói : "Hằng năm kính gặp tế Nam Giao, quan quân theo hầu nhiều đến bảy, tám nghìn người, nên chước giảm làm trên bốn nghìn (Trung đạo 1.300 người, tiền đạo, hậu đạo đều 630 người, bày hàng ở đàn sở và trai cung 640 người, bày ở 2 đường tả, hữu, 300 người, ứng trực đàn sở 300 người, thuỷ sư 300 người chia ngồi các hiệu thuyền 21 chiếc). Lại theo lệ trước, khi xa giá vua đi, đều nổi chuông trống. Nay xin từ trên bờ Dương Xuân chuyên dùng trống, khi đến trai cung mới nổi hiệu chuông, khi nghỉ ngơi và khi về cũng thế, lấy năm nay bắt đầu thi hành".

Vua y lời tâu ấy.

Ngày Đinh Sửu, tế Trời đất ở đàn Nam Giao. Năm ấy đàn Nam Giao lần đầu làm màn xanh ở tầng thứ nhất, làm màn vàng ở tầng thứ hai. Lễ xong xe vua về trai cung, các quan lạy mừng.

Vua dụ rằng : "Năm nay trước khi tế Giao 3 ngày, kính cẩn chay tịnh, mình trẫm đã thấy cảm mạo, các hoàng tử có muốn đổi kỳ tế, trẫm hết sức cự không nghe, này như mình hơi khó ở là việc nhỏ, tế lễ là việc lớn, huống chi năm ngoái từng vì mùa xuân mưa gió rét lạnh đổi kỳ, đã là bất đắc dĩ lắm. Nay lại phải hoãn nữa ư ? Trẫm tự xét tinh thần vẫn mạnh, bèn trai giới tắm gội theo như nghi thức, trước đấy một ngày mang bệnh ngủ ở trai cung, không ngờ đến đêm bệnh lại phát thốt nhiên đi tả, giờ Dần trẫm cố gượng ốm, mặc áo lên đàn, lại thêm gió núi rét lạnh thấu vào da thịt, rất sợ không được xong việc, phải bỏ dở lễ nghi. Ngờ đâu trời đất ngầm soi xét lòng thành kính, gió lạnh tạnh ngay, chuyển sinh khí tốt, mình trẫm bỗng nhiên tinh thần càng thêm khoẻ mạnh, bệnh như mất hết, ở đấy đi lại hợp tiết, lễ lớn khánh thành, đều nhờ trời đất cùng thương, tôn xã ban phúc, được sáng tỏ rõ rệt, thực chưa bao giờ có như ngày nay, muôn mắt cùng thấy, mọi tai đều nghe, trẫm rất cảm kích, đến rơi nước mắt. Trời thương càng hậu, kính sợ càng nhiều, vì thế phải suy rộng lòng nhân của trời ban phúc rộng khắp, để tỏ phúc nước,

(1) *Trọng xuân* : tháng hai.

đều thoả lòng người, bèn ban ơn tất cả 6 điều. (Chấp sự và bồi tế, từ hoàng tử các công đến văn võ phẩm quan, đều thưởng kỷ lục 1 thứ. Bàn làm màn xanh, đường quan bộ Lễ và đường quan bộ Công đến bọn đốc công, thợ thuyền, giao cho bộ Lại nghị khen nghị thưởng. Quan viên chấp sự đến nhạc sinh, vũ sinh thưởng cho kim tiền, ngân tiền và tiền, có thứ bậc. Các hạng biền binh theo hầu và phân phái hơn 4.000 người, thưởng cho 2.000 quan tiền. Giữ việc tể phu, thiện phu, dân phu hơn 200 người, thưởng cho 100 quan tiền. Trên 200 xã thôn trong 6 huyện thuộc Thừa Thiên đón tiễn ở ven đường 2.000 quan tiền)".

Thưởng cho các viên được sung chức Khởi cư chú và Khoa đạo củ sát lễ nghi, đều kỷ lục 1 thứ (Khoa đạo không dự chấp sự, bồi tế, cũng có trách nhiệm, cho nên thưởng). Từ sau lấy đấy làm lệ.

Vua lúc mới ngự giá đến trai cung, thấy nhân dân 2 bên đường xô đẩy tranh nhau, giày xéo lên mồ mả bên đường. Đến khi xe vua về, bảo Nội các rằng : "Đầu năm sửa sang tế lễ, nguyên là để cầu phúc, mừng khắp cả thần và người, thế mà xương khô trong mả lại bị người xem giày xéo lên, chợt mắt trông thấy, nào ngờ động lòng thương xót, nên sai quan phủ Thừa Thiên yết thị răn cấm ngay, phàm đến khi xe vua đi qua, các nhân dân cho được đứng yên quanh xem ở bên đường rộng rãi, không được đến giày xéo lên mộ, ai trái lệnh thì phạt 100 trượng, đóng gông bêu 1 tháng".

Vua lại bảo thị thần rằng : "Trẫm xem điển lễ nhà Thanh tế Nam Giao dùng ngày Đông chí, cầu được mùa dùng ngày Long hiện, thì tế Giao không câu nệ lấy tháng trọng xuân, vả lại tháng ấy mưa thì ẩm ướt rất nhiều, nắng thì nóng mới vốn dữ, lạnh nóng gặp nhau, tà khí dễ cảm. Triều ta lấy tháng ấy chọn ngày tế Giao không hiểu theo nghĩa gì ? Hay là quan bộ Lễ lúc bấy giờ nghĩ tế mùa xuân còn nhiều, cho nên phải tế Giao vào tháng trọng, rồi sau các việc tế lần lượt cử hành, để khỏi ngặt ngày chăng ? Thì lễ Xuân hưởng cũng ở trước tế Giao, lại không thể câu nệ được".

Lại nói rằng : "Đàn tế Giao được Thế tổ Cao hoàng đế ta làm nên, chỗ ấy thực là cao ráo sáng sủa, nhưng gần núi vắng vẻ, trong 1 năm binh dân tụ họp chẳng qua mấy ngày tế Giao mùa xuân mà thôi, cho nên khí lạnh ẩm dễ làm người cảm, nay nên trù tính thế nào xây dựng nhà cửa cho quan văn võ, cho dân đến ở, lập ra hàng chợ, thì người và khói lửa tập họp, khí núi có thể bớt dần".

Bộ Lễ tâu nói : "Theo lệ trước hằng năm tế Giao, chuẩn định phân hiến ở đàn phụ 8 viên ; bưng nậm, chén vị chính hiến ở đàn tròn 4 viên, đều phái hoàng tử các

công, đã chế cấp mũ 9 dải, áo 9 màu 12 bộ. Năm nay bưng nậm chén ở vị tả, hữu phối 4 viên, đổi phái hoàng tử (nguyên trước quan Tam phẩm trở lên sung phái) tạm cấp mũ 6 dải, áo 5 màu mặc khi hành lễ, nay xin tư cho ty ấy chế thêm 4 bộ mũ 9 dải, áo 9 màu, đến kỳ để cấp cho hợp thể chế". Vua nghe theo.

Vua xem sách *Lê mạt kỷ sự*, thấy trong sách nói đến việc triều ta, lời tuy quê mùa, cũng có chỗ lấy được, sai đưa cho sở *Thực lục* để tham khảo, nhân cùng với quần thần bàn việc cũ cuối đời Lê, nói rằng : "Ngay cuối đời Lê, chính sự về họ Trịnh, các trộm cướp nổi dậy như ong, như lũ Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương đều là giặc trốn lâu năm, Trịnh Doanh, Trịnh Sâm lần lượt dẹp yên được, đáng gọi là anh dũng, khốn nỗi mưu sự không lành, về sau không tránh khỏi biến kiêu binh, thực là đáng cười. Họ Trịnh chính sự bên trong không sửa sang, căn bản không bền vững, nguỵ Tây Sơn thừa cơ bèn dời ngôi báu, là trời khiến cho, đuổi cá ở vực sâu, đuổi sẻ ở bụi rậm, không thế, họ Lê nếu còn, Thế tổ Cao hoàng đế ta sẽ suốt đời giữ tiết nghĩa bầy tôi để thờ nhà Lê, như Văn vương nhà Chu thờ nhà Ân vậy. Khoảng năm Canh Thân, Tân Dậu, nhà Lê mất đã lâu mà văn thư giao xuống vẫn xưng niên hiệu Cảnh Hưng, còn mãi trong sử sách, đủ để nêu rõ triều tam không lấy ở nhà Lê mà lấy ở nguỵ Tây Sơn, danh nghĩa rất chính đáng và thuận, đó là ý trời, không phải sức người. Xưa Thang, Vũ đánh, giết, dùng quyền để cứu giúp đời, nhưng Thành Thang vẫn thẹn là không có đức, Vũ vương thì là đã quá lắm. Lại nói rằng : "Năm trước sai làm sách *Chính yếu*, người biên chép có bỏ bớt 1, 2 tháng, từ trước đến nay, ghi chép, trẫm chưa từng chính mình xem, không biết việc chép ra ấy quả đã đều chép đúng không ? Trước Đường Thái Tôn muốn xem sách sử, Chử Toại Lương cho là không nên, là vì vua xem thì chép sử có khi không dám chép hết, kể thì lỗi của người quân tử, như nhật thực, nguyệt thực, mọi người đều trông thấy, nếu không biên chép rõ, thiên hạ đời sau há không có công nghị ư ?".

Triệu Tổng đốc Bình - Phú Vũ Xuân Cẩn, Tổng đốc An - Tĩnh Tạ Quang Cự, Tổng đốc Thanh Hoa Phạm Văn Điển về Kinh yết kiến.

Đặt thêm sở thuế quan ở xã Vị Hoàng tỉnh Nam Định. Tổng đốc Định - Yên Trịnh Quang Khanh dâng tập thỉnh an nói : "Nam Định từ khi đặt ra giới phận từng hạt đến nay, thuyền buôn về phía xuôi ngày càng tụ họp, các thuyền đi đến Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội và các phủ Thái Bình, Kiến Xương, thuộc Nam Định, thì đã có các sở thuế quan ở Vạn Ninh (thuộc Nam Định), Thuần Mỹ (thuộc Hải Dương), Mễ Sở (thuộc Hưng Yên) trưng thu thuế lệ, duy đến các phủ Thiên Trường, Nghĩa Hưng, thuộc Nam Định và Ninh Bình thì không có thuế quan, kể thì cùng là thuyền buôn mà có thuyền đánh thuế, có thuyền không đánh thuế, thực chưa công

bằng. Xin ở bến sông xã Vị Hoàng đặt một sở thuế quan và ở Phù Sa (tên xã ở chỗ ngã ba sông Vị Hoàng và sông Ninh Bình), Yên Lãng (tên xã, hạ lưu sông Nhị Hà) đều đặt một chi nhánh thuế quan, phàm thuyền bè đi lại buôn bán chiếu hàng hoá, tính thuế, theo lệ sở thuế trên tính thuế thì sở dưới trừ cho, sở thuế dưới tính thuế thì sở thuế trên trừ cho mà đánh thuế, duy chỉ thuyền nhỏ trong dân gian chở tạp hoá đến chợ trao đổi, cùng đoàn thuyền đi tải đem tạp hoá đến bán thì không kể nhiều ít, đều miễn thuế".

Vua khen là có lý lẽ rõ rệt, thưởng cho gia 1 cấp, chuẩn cho phái thuộc viên ở tỉnh phải thu thuế ấy, bắt đầu từ ngày mồng 1 tháng 3.

Chạy thử thuyền máy hơi nước mới đóng ở sông Hương.

Vua ngự ra xem, thùng nước vỡ, chảy, máy hơi không chuyển động, bọn đốc công chuyên biện đều phải xích giam, lại liên luỵ cả đến bộ Công Nguyễn Trung Mậu, Ngô Kim Lân bị khiển trách là tâu càn, rồi được tha. (Trước đấy bọn Nguyễn Trung Mậu coi làm thuyền ấy đã xong đem việc chuyển động đúng cách thức. Tâu vào đến nay vì xe chuyển vận từ sở thợ đến bến sông, khi đi đường bị lay động, thùng nước phá vỡ, để máy hơi không chuyển, cho nên bị khiển trách). Khoa đạo bọn Nguyễn Tự dâng sớ nói Trung Mậu, Kim Lân là đường quan, nếu có tội phạt là phải, nay đã gông giam rồi lại tha ra, trong khoảng khoảnh khắc, vinh, nhục liền nhau, sợ phép xét bầy tôi chưa được hết lẽ.

Vua cho lời nói ấy là vô lý, sai tâu lại rõ ràng, bọn Tự tự nhận càn bậy, xin chịu tội.

Vua giáng dụ rằng : "Trẫm tự khi đặt chức ngôn quan đến nay, phàm có lời bàn thẳng, lời nói thực đều sẵn lòng thu nhận cả, vì chỉ đem lời ngay thẳng, có đem lời sai trái đâu ? Kể thì đãi bầy tôi cố nhiên phải lấy lễ, nhưng quyền lớn thưởng phạt từ xưa Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang không thể bỏ việc ấy để trị nước được, cương kỷ Nhà nước, cốt ở xem xét rõ nghiêm, có công thì thưởng, có tội thì răn, phàm người có tội thì không cứ quan lớn, quan nhỏ, chỉ có giữ pháp làm việc, nhưng trong đó có châm chước, nếu vô tình lầm lỗi, thường được đặc cách ban ơn, phạt để cho biết tự xét mình, mà tha để cho tự sửa, tưởng đã là ân ở trong uy, lòng nhân ở ngoài pháp luật, đâu có không tốt. Nay bọn Nguyễn Tự còn đem ra nói, ý hẳn hình như muốn có tội cũng đừng hỏi, lầm lẫn cũng không tha, thì tỏ ra khuyên răn và sửa bảo ở chỗ nào ? Vốn phải giao đình thần nghị xử, tạm nghĩ kiến thức có sai, chuẩn cho xử nhẹ phạt mỗi người 3 tháng lương".

Vua bảo thị thần rằng : "Trẫm thường xem ghi chép việc vặt : Triều Minh có một viên Ngự sử gọi thợ may đến may áo, người thợ may hỏi : quan vào làm việc ở

đài đã lâu hay mới ? Viên Ngự sử nói : sao phải hỏi thế ? Người thợ nói rằng : áo dài, vắn theo từng năm khác nhau, mới vào đài thì áo đằng trước dài, đằng sau ngắn ; 2-3 năm thì trước sau đều nhau ; lâu năm thì đằng trước ngắn, đằng sau dài. Viên Ngự sử hỏi : cớ sao thế ? Người thợ nói : mới vào đài, thì bắt đánh kẻ cường hào, khí sung túc, chân cao, dáng người ngửa ra, cho nên áo đằng trước phải dài, lúc trung niên, khí dần dẹp, cho nên áo trước, sau đều nhau ; lâu năm về sau, đã từng ngăn nén, khí nhụt, lòng hổ thẹn, dáng người cúi xuống, cho nên áo đằng sau phải dài, đấy tuy là nói đùa, cũng đủ để răn, ở chức quan ấy, tất phải người lão thành cẩn hậu, thì không có lỗi ấy".

Lại nói : "Sử nhà Hán chép tờ trị an của Giả Nghị lời nói phần nhiều khích phát bộc lộ, là học kế tung hoành thời Chiến quốc, không phải chính luận đạo vương, vì thiếu niên tân tiến muốn nhiều việc, nếu dùng đến tất phải một phen thay đổi, như Vương An Thạch tài học đâu có không bằng Giả sinh. Mà làm việc chính trị lại gây nên phiền nhiễu, cũng bởi làm sai mà thôi, không nên gọi là gian tà, giả sử Văn đế dùng Giả sinh, chưa chắc không bị bại lộ như Kinh công, cho nên cho làm quan xa ở Trường Sa, để cho tài năng lão luyện, dùng về ngày khác, không phải là bỏ, Văn đế đối đãi thần hạ, tấm lòng khổ tâm, nghìn đời không bày tỏ".

Định cách thức mũ áo chế cấp cho hoàng tôn (áo, xiêm, bổ tử theo cách thức chế cấp cho con thân công năm trước, duy mũ mùa xuân, mùa thu trang sức 3 đoá hoa vàng, thêu 2 kiểu cổ đồ ; giao long, thì con trưởng thêu 4 con, con thứ thêu 2 con).

Sai Bố chính Ninh Bình Trần Văn Trung đem theo 700 biền binh đến các phận rừng phủ Thiên Quan tuần bắt các giặc trốn Quách Tất Tế, Đinh Thế Đội. Bọn Tất, Tế từ sau khi quan quân rút về, lẻn trốn ở rừng núi ; tỉnh phái đi toàn không bắt được tên nào, Trung dâng sớ xin đi.

Vua bèn cho hạn ngặt mà sai đi.

Cho thổ binh ở Trấn Tây chia ban về làm ruộng.

Dụ rằng : "Trấn Tây là nơi biên cương trọng yếu, việc ngoại phòng cố nhiên không thể quên nhãng, nhưng sự thế phải xét nên găng nên hoãn, mà biền binh cũng lượng cho nghỉ ngơi để sức lực thư thái. Vì giặc đáng ghét vốn giảo quyệt, nếu muốn ngầm tính nhòm ngó, phải ở mùa đông, mùa xuân giáp nhau, còn như từ cuối mùa xuân đến mùa thu, thì thế chủ khách cách nhau, chúng nếu có mưu gian, quyết không giám vượt địa giới, đi đến đưa vào chỗ chết, cho nên phòng giữ mùa đông rất cần, mà xuân, hạ, thu việc biên phòng vẫn thấy hơi thư, nếu quân ta suốt năm đề

phòng ở ngoài, lại không phải là kế lâu dài lấy quân nhàn rỗi đối đãi quân mệt nhọc, huống chi thổ binh thuộc hạt phần nhiều lấy đóng lâu làm mệt nhọc, mà các đầu mục cũng lấy nuôi quân làm tốn, tạm thời xét thế, chính nên khiến cho. Vừa cày ruộng vừa đóng giữ, mới là mưu tính xa. Chuẩn cho bọn Tướng quân, Tham tán, chiểu thổ binh trong hạt 24 cơ, chước lượng chia ban, chỉ để một nửa ở ngũ, chia đi phòng thủ các nơi quan yếu, còn một nửa cho về cày cấy, cứ 2 tháng 1 lần, thay đổi, cho nhọc rỗi đều nhau, đến ngày 1 tháng 10 là kỳ đông phòng, họp lại đủ số. Đấy là ý từ trước để lại cho quân làm ruộng, từ nay về sau, hằng năm vào tháng hai chiểu xét lệ ấy thi hành".

Vua bảo viện Cơ mật rằng ở Trấn Tây, phủ huyện mới đặt, quan người Kinh khi mới đến lỵ sở, các nha để ở không khỏi bắt thổ dân dựng làm, tuy nơi ấy sản xuất nhiều gỗ, nhân công đẫn cây để làm, phí tổn không nhiều, nhưng mới đến đã động đến của dân, sức dân ngay, thực không phải ý triều đình đặt quan là vì dân, nên truyền dụ cho bọn Tướng quân, Tham tán phải xét ngay các nơi phủ, huyện, hiện đã đặt, phủ thì cấp tiền kho công 50 quan, huyện 40 quan, để cho thuê làm, cốt có thể ở được. Lại mỗi năm cấp cho tiền công nhu phủ 20 quan, huyện 15 quan. Và các viên phủ huyện đều là đi làm quan xa, phí tổn đi đường mang đi chưa chắc đầy đủ, ban ơn thưởng cấp cho tiền một lần, viên phủ mỗi người 15 quan, viên huyện mỗi người 10 quan, sau có đặt thêm, cũng theo lệ ấy mà cấp, đấy là trẫm ban ơn rộng khắp, biên giới xa xôi không bỏ sót. Còn các phủ huyện nếu được dân tình ở đấy tin phục, chuẩn cho cứ thực tâu lên đợi Chỉ khen thưởng, nếu khinh chúng là man thổ không biết gì, tự ý hà khắc bạo ngược và những nhiễu sinh tệ thì bắt tội.

Chuẩn cho thổ binh An Giang, bọn quản suất các cơ An biên, chiếu theo lệ các cơ ở Trấn Tây, hằng tháng cấp tiền có từng bậc (Quản cơ, Phó quản cơ thực thụ, hằng tháng mỗi người 3 quan. Cai đội, Chánh đội trưởng, thí sai Suất cơ và sung Suất cơ, hằng tháng mỗi người 2 quan tiền).

Sai quan tỉnh Nghệ An phái người đi dò thám các nước Nam Chưởng, Vạn Tượng.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Năm ngoái nước Nam Chưởng uỷ người đến xin chịu tội, và xin thành thực dâng cống. Trẫm cho là trước đấy bị nước Xiêm xui giục, khiến cho lấn quấy Trấn Ninh, nên sai đuổi sứ nước ấy về, nhưng nước ấy là 1 nước nhỏ xa thẳm thường khổ về nước Xiêm hiếp chế không được tự do, về việc trông cậy triều ta, cũng do ở lòng thành hướng theo giáo hoá, vốn không có ý khác, nay chưa biết nước ấy đã yên tĩnh chưa ? Giặc Xiêm có cho người trông coi nước ấy không ? Và năm trước nước Vạn Tượng bị nước Xiêm diệt, con Quốc trưởng A Nỗ

là Hạt Xà Bông chạy trốn nơi nào, từ trước đến nay không nghe tin gì, thành nước ấy nay có người nào ở ? Hay vẫn để hoang rậm, tuy là biên di ở nơi xa vắng, được mất không liên quan gì, nhưng cũng không ngại một phen dò hỏi để rõ thực hư, nên truyền dụ cho quan tỉnh Nghệ An uỷ người đi thám, ngoài việc ấy ra có nghe biết gì khác, cũng ghi chép tất cả cho biết tình trạng.

Đến khi phái viên về nói : bắt đầu đến Vạn Tượng, thấy dân Xiêm, Lào cùng ở lẫn lộn, ở Nùng Khai có 1 đồn lớn do lính Xiêm đóng giữ, thành nước ấy bỏ làm nơi hoang rậm. Còn Hạt Xà Bông năm trước ngồi thuyền chạy trốn, tuyệt không có hình tích ; lại đến nước Nam Chưởng, thấy có lính Xiêm đóng giữ ước trên 200 người, một nửa ở trong thành, nửa ở bờ nam Khung Giang, con Quốc trưởng nước ấy đã chết, người Xiêm dựng con vua nước ấy là Vàng Lãng làm Quốc trưởng, em là Hạt Xà Bút làm phó, đều ở trong thành nước ấy. Quan tỉnh đem việc ấy tâu vào, sai thưởng cho thám tử 50 quan tiền.

Duyệt tuyển dân đinh các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi (Quảng Nam vì việc tỉnh bề bộn, lại đến tháng 7 thì làm). Chia sai bọn Tả thị lang bộ Hộ Doãn Uẩn, thự Tả tham tri bộ Lễ Tôn Thất Bạch, Bố chính Quảng Nam Vương Hữu Quang, thự Bố chính Phú Yên Đỗ Huy Cảnh sung làm quan khâm sai trường tuyển. Đến khi danh sách tổng số đệ lên, số nhiều hơn rất nhiều, (Thừa Thiên hơn 11 thành, Quảng Trị hơn 17 thành, Quảng Bình hơn 15 thành, Quảng Ngãi hơn 16 thành). Thưởng cho tuyển quan và tỉnh, phủ, huyện cấp kỷ có thứ bậc.

Bộ Hộ tâu nói : "Từ trước đến nay các địa phương duyệt tuyển, dân xã làm sổ, các người trốn chua vào sổ, vẫn biên là hạng dân thực nạp, tuyển quan lần lượt làm danh sách tổng số cũng thế, đến khi bộ xét bàn, cũng căn cứ vào danh sách, chia thành so sánh châm chước định thưởng, phạt. Vả lại, kỳ tuyển số đinh nhiều ít, liên quan đến công hay tội, của quan địa phương và tuyển quan, nếu hàm hỗn theo như trước, không khỏi lạm dụng cầu may, xin từ sau phàm sổ tuyển của dân xã và tổng sách của tuyển quan, chỉ chiểu số người hiện tại biên làm thực nạp, còn người trốn chua ở sổ, đem làm hạng khác, cũng giống với lão nhiêu, nhiêu tật. Ở bộ xét bàn số đinh tăng giảm, cũng không lấy số ấy thêm vào, ngõ hầu danh và thực hợp nhau, công, tội đều xứng đáng".

Vua y lời bàn ấy, chuẩn cho bắt đầu thi hành từ khoá này. Lại nghĩ dân thường gần đây nhiều kẻ đi tránh, sổ đinh thưa ít, chuẩn cho từ sau các hạt như sang năm chính đến kỳ tuyển, thì từ mồng 1 tháng tư năm trước, sau khi sổ ngạch đã thành, nhân dân trong hạt hoặc có mới về, và đến tuổi, đều không được đem sung làm lại

dịch, lính, thợ các nha, nhưng do lý dịch liên tiếp, đến khi việc tuyển xong, mới được đem vào nha khác, trái lệnh thì chiểu trị tội.

Dựng chùa Giác Hoàng. (Nguyên là nơi tiềm để ở phường Đoan Hoà phía trong cửa đông nam Kinh thành, điện trước, gọi là điện Đại Hùng, điện sau gọi là điện Đại Bảo, trước chùa làm 1 nhà bên tả, 1 nhà bên hữu, đằng sau làm 2 tăng phòng).

Vua dụ rằng : "Đấy là đất lành, nhân đấy mà dựng chùa thờ Phật, cầu phúc lâu dài, nên sai bộ Binh lượng phái 500 biền binh để làm. Lại nghĩ bên tả trước điện Đại Bảo khi tiềm để xưa có đào 1 cái giếng, nước trong mà ngọt, đặt tên là giếng Phương Thanh, mặt trên giếng đổi xây bằng đá Thanh Hoa, bên cạnh làm 1 đình lợp ngói, dựng 1 bia đá, để ghi dấu thơm".

Sai quan biên làm *tôn phả*, cho Lang trung bộ Lại kiêm nhiếp, Tả tá lý phủ Tôn nhân Lê Khiêm Quang sung chức Tổng toản tu ; Ngự sử đạo An - Tĩnh Lưu Quỹ sung chức Toản tu, còn *ngọc điệp* lui hạn đến năm sau chọn quan sung làm. Lệ trước *tôn phả* có 3 bản : 1 bản chính để ở điện Trung Hoà, 2 bản phụ để ở phủ Tôn nhân và Sử quán mỗi nơi 1 bản.

Vua cho là *tôn phả* không ví với *ngọc điệp*, đổi định lại : 1 bản chính để ở phủ Tôn nhân, 1 bản phụ để ở Sử quán, mà bớt một bản phụ. Lại chuẩn theo bộ Lễ bàn : phàm trong *tôn phả*, người có phong tước, thì viết tước, người có chức quan thì viết quan, còn người toàn không chức tước thì viết tên, đều nêu lên các chữ "*hoàng tử hệ thứ mấy...*". Và nữ phả các hệ, chỗ tên bỏ chữ *ngọc*, đổi viết chữ *thị*, con gái các thân công cũng thế, từ sau lấy đấy làm lệ.

Dựng bia ở phần mộ các tôn thân quá cố. Phủ Tôn nhân, bộ Lễ họp bàn tâu nói : kính xét sách *Lễ* chép : bia là lễ để dòng quan tài của người xưa, đời sau nhân theo đấy, có người dựng bia đá trước mộ khắc quan tước họ tên, có người chôn mộ chí đá ở giữa mả kê đủ quan tước họ tên, thế hệ, năm tháng sinh, chết, cách làm không giống nhau, đều để tỏ ra dấu riêng mà để mãi không hỏng nát. Lại xét cả điển lệ nhà Thanh, từ thân vương trở xuống, bia ở mộ, cao hay rộng thể thức làm đều theo phẩm trật mà làm khác nhau. Nay xin chiểu tôn thân chi gần, trước mộ đều dựng 1 bia đá, các hoàng thái tử, vương công, công chúa đã được phong tặng đất thái ấp, thì theo hàm tặng được khắc vào, còn phàm người có thuỵ hiệu thì theo hàng thứ thuỵ hiệu ; người không có thuỵ hiệu thì theo hàng thứ, đều khắc ở bên cạnh, năm tháng, ngày, giờ nào chết, nếu hàng thứ và ngày chết không rõ thì bên cạnh khắc tên húy trước là chữ gì, để được lâu dài (- Hoàng tử triều trước đã được phong tặng

như lăng Anh Duệ Hoàng thái tử, lăng Hải Đông quận vương, lăng Thuận An công, mộ Quảng Uy công, mộ Thái Bình công, cách thức bia ở mộ : thân cao 2 thước 1 tấc, rộng 1 thước 3 phân, dày 2 tấc 1 phân ; bệ cao 5 tấc, dài 1 thước, 5 tấc 3 phân, rộng 9 tấc ; cao suốt 3 thước. - Hoàng nữ triều trước, Hoàng nữ đã quá cố đã được phong tặng như lăng Long Thành thái trưởng công chúa, thuỵ là Trinh Tĩnh ; lăng Phúc Lộc thái trưởng công chúa, thuỵ là Nhu Gia ; lăng Minh Nghĩa thái trưởng công chúa, thuỵ là Trinh Liệt ; lăng Lộc Thành công chúa, thuỵ là Đoan Khiết, và 6 lăng của người có thuỵ hiệu, thể thức bia ở mộ : thân cao 2 thước, rộng 9 tấc, dày 2 tấc 5 phân ; bệ cao 4 tấc, dài 1 thước 6 tấc 3 phân, rộng 9 tấc 8 phân, cao suốt 2 thước 4 tấc. - Hoàng tử, Hoàng nữ triều trước, Hoàng tử, Hoàng nữ đã quá cố người không thuỵ hiệu 13 mộ, Hoàng tử, Hoàng nữ chết non 36 nấm cùng làm 1 khu mộ, thể thức bia : thân cao 1 thước 5 tấc, rộng 8 tấc 2 phân, dày 2 tấc 5 phân ; bệ cao 4 tấc, dài 1 thước 4 tấc, rộng 8 tấc 2 phân, cao suốt 1 thước 9 tấc).

Vua y lời bàn ấy, sai quan có trách nhiệm theo cách thức làm.

Ngày Mậu Tý, tiết Thanh minh, vua đến thăm ở yết lăng Thiên Thụ, lễ xong, sai rước lên núi Kiều Long xem đất lành Vạn Niên, bảo quan theo hầu Trương Đăng Quế rằng : "Chỗ này tiền đường chật hẹp, lại hướng bắc, vả lại âm trạch cũng như dương trạch, đều lợi hướng đông hướng nam, hướng bắc bị khí lạnh, lòng trẫm thực không muốn, huống chi cách bờ sông hơi xa. Nếu xây dựng ở đấy có binh, dân gánh vác gạch đá, làm việc rất vất vả, nên đến chỗ ven sông gần lăng Thiên Thụ hoặc các tôn lăng, chọn ngôi đất lành khác và phải chọn các hướng đông, nam mới được, rồi lại lên núi Thiên Dữu, xem ngôi đất Vạn Niên đại cát địa, bảo Hà Duy Phiên rằng : nơi này hình thế cũng hẹp, nước ở minh đường chảy thẳng, lại trông hướng bắc, lòng trẫm cũng chưa được yên, nên đến gần các tôn lăng chọn ngôi khác, cốt được án núi chỉnh tề, minh đường rộng rãi, mà phải hướng đông, hướng nam, thế là điềm lành. Đến khi về, cùng quần thần bàn cách thức xây dựng, hỏi Phan Huy Thực rằng : trẫm nghe phần mộ nhà Lê trước không đắp nấm, không trồng cây, không muốn người đời sau biết chỗ chôn, có chăng ? Thực thưa rằng : nhà Lê trước có làm lăng tẩm, dựng cột mốc, bia đá, đến lúc suy, dần dần phải để đổi bại ; phần mộ họ Trịnh thì ở dưới xây gạch đá kiên cố, mà mặt trên không đắp nấm.

Vua cười bảo rằng : "Sao phải ngờ sợ mà giấu giếm như thế". Hà Duy Phiên nhân đấy tâu nói : năm trước thần từ Ninh Bình về qua Thanh Hoa, thấy 1 ngôi mộ cũ cách sông mới đào độ 3, 4 trượng, ở mặt trên bằng phẳng, bên cạnh có bia đá khắc rằng lăng vua mỗ nhà Lê. Vua vì thế thương lắm, bèn sai bộ Lễ tư đi các địa

phương hỏi khắp lăng các vua từ nhà Lê trở về trước, sửa lễ cáo yết, chỗ nào đổi bại thì đắp lại.

Sai quan đến tế miếu nhà Lê. Dụ rằng : "Triều ta được thiên hạ, nguyên là lấy ở tay nhà Tây Sơn, không phải lấy ở con cháu nhà Lê, sau khi đã được, đối đãi với họ Lê, con cháu nối dõi, có người được phong tước công, miếu còn lại, có điển lệ, bốn mùa đến tế, tuy nhà Chu xưa trung hậu, thực không hơn được. Không ngờ con cháu còn sót lại của họ Lê bọn Duy Hoán, Duy Lương, quên ơn cắn lại, tự đi đến chém giết, mà họ hàng cũng không ai từng phải tội lây, xếp đặt cho bị liên luỵ, chia ghép ở địa phương Nam Trực kỳ ; miếu thờ của nhà Lê, lại chuẩn cấp cho ruộng thờ cúng, phu coi miếu, giao cho dân sở tại nhận làm khói hương nghi ngút mãi mãi, để tâm như thế thực nhân nghĩa rất chu đáo. Lại nghĩ nhà Lê vua hiền kế tiếp, ơn đức ở người, so với các triều ở An Nam, là hơn cả, không nỡ vì con cháu họ ấy không hiền mà vội vàng bỏ bẵng. Nay đến tiết Thanh minh, lại nghĩ đến dấu vết trước, hầu như canh cánh trong lòng, chuẩn cho bộ Lễ soạn nghĩ văn cáo, tư ngay cho tỉnh Thanh Hoa dự bị lễ phẩm tam sinh, lại phái một viên khoa đạo đến miếu nhà Lê để tế".

Làm lại cầu Huyền Hạc, sông Hộ Thành, sai phủ Thừa Thiên thuê dân 300 người làm việc, cấp tiền gạo thực hậu.

Định rõ thuế lệ đánh thuế thuyền buôn ở các quan tấn ở Nam Kỳ. (- Thuyền buôn chở hàng hoá đi buôn ở 6 tỉnh theo lệ trước : 4 thước trở lên, mỗi lần tiền thuế 1 quan 5 tiền, 5 thước trở lên 3 quan, 6 thước trở lên 5 quan, 7 thước trở lên cũng theo lệ 6 thước đánh thu, nay định làm 7 thước trở lên, mỗi thước thêm 2 quan, phàm 7 thước trở lên mỗi lần tiền thuế 7 quan, 8 thước trở lên 9 quan, 9 thước trở lên 11 quan, 10 thước trở lên, theo lệ ấy thêm lên. Thuyền ở 6 tỉnh đi buôn ở Trấn Tây, theo lệ trước 4 thước trở xuống 2 quan 1 tiền 30 đồng, 5 thước trở lên 6 quan, 6 thước trở lên 10 quan. Nay định làm 7 thước trở lên theo lệ trước đều thêm gấp đôi, phàm 7 thước trở lên, mỗi lần tiền thuế 14 quan, 8 thước trở lên 18 quan, 9 thước trở lên 22 quan, 10 thước trở lên theo lệ ấy thêm lên. Thuyền ở Ba Xuyên đi buôn ở Trấn Tây, lệ trước 5 thước tiền thuế 5 quan, 6 thước 6 quan, 7 thước 7 quan. Nay định làm 4 thước trở lên, đều theo lệ đi buôn ở 6 tỉnh, phải thêm 1 phần 3, phàm 4 thước trở lên mỗi lần tiền thuế 2 quan, 5 thước trở lên 4 quan, 6 thước trở lên 6 quan 6 tiền 40 đồng, 7 thước trở lên 9 quan 3 tiền 30 đồng, 8 thước 12 quan, 9 thước 14 quan 6 tiền 40 đồng, 10 thước trở lên theo thế thêm lên. Thuyền buôn ở Nam Vang, lệ trước : hạng ba 5 thước trở lên tiền thuế 100 quan, hạng nhì 6 thước trở lên 150 quan, hạng nhất 7 thước trở lên 200 quan, 8 thước trở lên chưa có lệ

định, nay định là 8 thước trở lên, mỗi thước thêm 50 quan, phàm 8 thước trở lên, mỗi lần tiền thuế 250 quan, 9 thước trở lên 300 quan, 10 thước trở lên cũng theo lệ ấy thêm lên, còn như thuyền buôn đi qua năm, ba sở thuế quan, chỉ cứ nộp thuế ở quan sở đầu tiên, các quan sở khác được miễn đánh thuế và trong năm đi buôn ba bốn lần, theo từng lần đánh thuế và lượng thu muối gạo trừ vào thuế lệ hết thảy, theo nghị mọi lần mà làm).

Sai bọn Lang trung bộ Công Lê Văn Thụ, Ngự sử đạo Lạng Sơn, Cao Bằng Phan Tĩnh, 7 người chia nhau đi 6 tỉnh Nam Kỳ đặt giá mua các vật hạng.

Bộ Hộ tâu nói mỏ vàng, bạc ở các tỉnh dọc biên giới Bắc Kỳ gần đây chỗ hiện trưng thì ngạch thuế có giảm không tăng, mà chỗ đắp lấp thì cũng chưa khai lấy, đều là bởi quan địa phương ít nghĩ đến thuế khoá đủ thiếu, nên để cho của cải sinh ra ở đất không khỏi làm lợi riêng cho kẻ buôn xảo trá, dân gian. Xin phái khoa đạo đi xem xét.

Vua bèn sai bọn Ngự sử Nguyễn Văn Chấn, Vũ Viện chia nhau đi, đem sự thực tâu lên. Chuẩn cho theo bộ bàn các mỏ hiện trưng, nơi nào khí mạch hơi vượng hơn trước, thì tăng thuế lên, chưa nhiều lắm thì vẫn theo ngạch cũ, các mỏ lấp kín nơi nào khí mạch lại thịnh vượng thì khai lấy (- Tám sở tăng ngạch thuế : mỏ vàng Kim Hỷ ở Thái Nguyên, nguyên trước hằng năm thu thuế vàng 12 lạng, tăng làm 20 lạng. Mỏ vàng Bằng Thành, thuế vàng 11 lạng tăng làm 15 lạng. Mỏ vàng Na Tiết thuế vàng 4 lạng tăng làm 6 lạng. Mỏ vàng Phong Thường ở Bắc Ninh, thuế vàng 6 lạng tăng làm 7 lạng. Mỏ bạc Cảm Lạc ở Thái Nguyên, thuế bạc 70 lạng tăng làm 100 lạng. Mỏ bạc Khiếu Nương, thuế bạc 40 lạng tăng làm 60 lạng. Mỏ bạc, mỏ đồng Tụ Long ở Tuyên Quang, thuế bạc 20 lạng tăng làm 30 lạng. - 4 sở theo ngạch cũ : mỏ vàng Sảng Mộc ở Thái Nguyên, thuế vàng 7 lạng ; mỏ vàng Bảo Nang, thuế vàng 6 lạng ; mỏ vàng Nông Đôn ở Lạng Sơn, thuế vàng 6 lạng ; mỏ vàng Xuân Lương, thuế vàng 4 lạng. - 9 sở đắp lấp lại khai lấy. Mỏ vàng Tĩnh Đà ở Cao Bằng, nguyên trước thuế vàng 3 lạng ; mỏ vàng Thượng Pha, Hạ Pha thuế vàng 4 lạng ; mỏ vàng La Sơn ở Lạng Sơn thuế vàng 5 lạng ; mỏ vàng ở Niêm Sơn, Quan Quang, Tuyên Quang thuế vàng 4 lạng ; mỏ vàng Bạch Ngọc, Ngọc Liễn, thuế vàng 1 lạng ; mỏ vàng Linh Hồ thuế vàng 1 lạng ; mỏ vàng Bản Lỗ ở Hưng Hoá thuế vàng 6 lạng ; mỏ vàng Gia Nguyên thuế vàng 2 lạng ; mỏ vàng Cát Ông thuế vàng 5 lạng, đều do các tỉnh mộ người lĩnh trưng, trong khi khai lấy khám xét rõ ràng, nên theo lệ cũ hoặc nên liệu thêm, chước định làm tập đệ tâu. - 9 sở vẫn đắp lấp. Mỏ vàng Lang Cải, Đạo Viện, mỏ vàng Mậu Duệ, mỏ vàng Lan Can ở Tuyên Quang ; mỏ vàng Hữu Lân, mỏ vàng Đồng Bộc ở Lạng Sơn ; mỏ vàng Vĩnh Giang ở Cao Bằng ; mỏ

vàng Thuần Mang, mỏ bạc Phúc Sơn, mỏ bạc Bông Sơn ở Thái Nguyên đều do các tỉnh sức dân sở tại canh phòng nghiêm ngặt, mỗi năm một lần khám lại, cứ thực tâu lên).

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Công Lê Văn Đức lui khỏi viện Cơ mật, chuyên làm việc bộ.

Lấy thự Hữu tham tri bộ Lễ Tôn Thất Bạch, đổi bổ thự Hữu tham tri bộ Lại.

Sai Chưởng vệ thuỷ sư Kinh kỳ Phạm Văn Cục, Quản vệ Hồ Công Thập, Lê Văn Nhiêu, coi đem binh thuyền đốc thúc các thuyền mành Bắc tào đi đường biển chở thóc gạo, của công ở Bắc Kỳ nộp vào Kinh.

Dựng cột hoa biểu ở các tôn lăng 6 nơi (cột cao 1 trượng 3 tấc, rộng 2 thước, nền cao 5 thước, rộng 3 thước).

Vua dụ rằng : "Các tôn lăng các vua và hoàng hậu của bản triều, phần nhiều gần ngay bến sông, thế mà từ trước đến nay thuyền mành công tư đi qua sơ ý gọi nhau ồn ào, xét đến nghĩa kính bậc tôn kính, thực rất trái phép, phải lập rõ điều cấm, để cho biết kính tránh, nên sai quan có trách nhiệm kính xét thì các tôn lăng nơi nào ở bến sông thì đều xây 2 cột hoa biểu ở bến, để tiện nhận nhớ, từ sau phàm quan quân đi hộ giá và ngày thường thuyền bè quan quân nhân dân như có đi qua im lặng mà đi, không được hò hét huyên náo, trái lệnh thì phạt 100 trượng, gông bêu 1 tháng. Ghi lấy làm lệnh".

Vua đến Thế miếu xem thợ làm, nhân hỏi Phan Huy Thực rằng phép làm miếu của nhà Lê thế nào. Thực thưa rằng : miếu nhà Lê theo hình chữ Công (I). Gian giữa thờ Thái Tổ, hai bên thờ vị các vua, mỗi khi gặp ngày huý, chỉ cứ làm lễ ở án chính, không rước ra nơi khác.

Vua cười bảo rằng : "Phàm có việc ở thần vị hai bên tả hữu phải tế cáo ở án chính, há không phải chưa hợp lễ ư ?". Nhân đấy bảo thị thần rằng : Nhà nước ta xưng hiệu, thực từ Hoàng khảo ta trước, trẫm sáng chế điển lễ cho muôn đời, làm riêng Thế miếu, sau theo thế thứ thờ phụng cùng ở miếu này, may được trời thương, ngôi báu của nước lâu dài, sau 9 thời đại lại làm một miếu cũng không ngại, đời sau có bàn đến thì lễ thà lỗi về hậu, có gì là không nên đâu ? Lại hỏi lễ tế Giao nhà Lê như thế nào ? Thực thưa rằng : đàn tế Giao đắp đất làm nhà, phía trước có khoảnh đất rộng để làm ruộng tịch điền[1], hằng năm sau khi tế Giao xong, bèn đi cày ruộng tịch điền, lễ ấy cũng có sai quan tiến cày, nhưng chỉ 3 lần cầm cày mà thôi.

---

(1) *Tịch điền* : ruộng vua cày.

Vua bảo rằng : "Lễ cày ruộng tịch điền, tất phải 3 lần cày đi, 3 lần cày lại, chính mình khó nhọc, để hướng dẫn cho dân, nếu chỉ 3 lần cầm cày, thì sao khuyên bảo được thiên hạ ?".

Quan tỉnh Nghệ An tâu nói : "Dân huyện Trấn Định, Cam Kết thuộc hạt, trước nhân lưu tán, hằng năm, trốn thuế, thổ mục xin đem một thớt voi đực chiết nạp, còn thì xin hoãn lại".

Vua nghĩ dân ấy mới trở về, sống chưa yên ổn, đặc cách chuẩn cho thu voi ấy, thuế thiếu tha hết.

Giáng Hữu thị lang bộ Hộ Phan Thanh Giản làm Lang trung biện lý bộ vụ. Trước có địa phương dâng tờ sớ, việc thuộc bộ Hộ, sớ ấy được châu phê nhưng quên đóng ấn, Thanh Giản vì là đường quan lại gặp phiên phải trực, không biết xét ra, giao xuống bộ Hình nghị xử xin cách chức, mới đổi giáng xuống chức ấy.

Thự Bố chính Hà Tĩnh Đoàn Khiêm Quang, thự Án sát Hà Tiên Lê Văn Thực đều ốm chết, chuẩn cho đều được thực thụ, chiểu phẩm cấp tiền tuất. Lấy thự Thị lang bộ Hình Vũ Thành Phong, làm Bố chính Hà Tĩnh, hộ lý ấn Tuần phủ quan phòng, thự Lương trừ đạo Trấn Tây Lê Văn Khiêm làm Án sát Hà Tiên ; Công khoa Chưởng ấn Cấp sự trung Võ Danh Thạc thăng thự Lương trừ đạo Trấn Tây.

Cho Viên ngoại lang bộ Hộ Nguyễn Văn Tuân thăng thự Lang trung Vũ khố, hội đồng cùng Nguyễn Văn Chính hộ lý ấn Vũ khố quan phòng.

Dựng cửa phường ở núi Thuỷ Sơn tỉnh Quảng Nam (Thuỷ Sơn là một núi của núi Ngũ Hành, núi ấy có bậc đá, trước xây cột gạch đổi làm cửa phường, cửa ấy cột bằng đá, xà sắt bắc ngang, để một tấm đá khắc 4 chữ lớn "Động thiên phúc địa".

Đổi định thuế lệ người Nùng tỉnh Lạng Sơn (tỉnh hạt ấy nguyên trại Bạch Bố dân Nùng trên 600 người, hằng năm nộp thuế bạc mỗi người chỉ 8 đồng cân, đổi làm 1 lạng, cho giống với người Nùng các tỉnh).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CC*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839], mùa xuân, tháng ba.

Vua đi chơi hồ Tĩnh Tâm, thấy dọc đường cây cối mới trồng, hoa quả đều tươi tốt, thưởng cho các người dự làm và biền binh canh giữ 100 quan tiền.

Bọn Ngự sử đạo An - Tĩnh Lưu Quỹ, thự Lễ khoa Cấp sự trung Vũ Phạm Khải dâng sớ nói : hiện nay văn trị rất thịnh, giáo pháp rõ đủ, duy chỉ nơi giảng sách chưa mở, vẫn là việc thiếu sót ở đời thái bình. Xin nên tham chước điển lễ, mở rộng nơi giảng sách ở vườn Thư Quang, chọn kỹ bầy tôi sáng nghĩa sách, có đức hạnh ở bộ viện, theo chức mình vào hầu giảng đọc. Khi muôn việc nhàn rỗi, thường ngự đến chơi, hoàng tử các công đứng hầu ở dưới, các nho thần cầm sách trình bày ở trước, trên thì có lời nói việc làm chính sự của đại thánh để làm mẫu mực, xa thì tìm tinh thần, tâm thuật của cổ thánh để hội ý, thì hoàng tử các công đức nghiệp đã được đào thành, mà rừng nho gió động bể học mây về, lại là then máy lớn để khuyến khích của triều đình.

Vua dụ rằng : "Từ xưa học của đế vương không giống với học cử, Nghiêu, Thuấn giữ đạo trung, Vũ, Thang dựng ngôi cực, đều là học cả, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ học cũng không gì hơn thế. Trẫm từ khi lên làm vua đến nay, phàm chính lệnh ban hành không việc gì không châm chước xưa nay để cầu rất phải, rộng khắp cả nước, nhiều đến triệu dân, mong cho không một người nào không thấm nhuần ơn huệ, một việc ấy rất phải để tâm nghĩ ngợi không quên,

may mà dân, vật yên vui, trong ngoài yên lặng, vẫn không dám tự cho là quá đủ, kính sợ càng nhiều, mà muôn việc nhàn rỗi ở thường trong cung, thì chưa từng không xem các sách tìm tòi chí đạo, thế là không lúc nào không học, các quan trong triều đều tai được cùng nghe, mắt được cùng thấy, đâu như bọn khoa đạo các ngươi từng không biết gì mà bảo trẫm là không học ư ? Rồi bèn muốn mở nơi giảng sách, giảng đạo học, là chỉ giữ kiến thức câu nệ của nhà Nho viển vông, chỉ biết cóp nhặt tâu bày mà không xét sự thực. Vả lại đặt ra nơi giảng sách bắt đầu từ nhà Tống, nguyên đặt ra để giảng học cho vua tuổi trẻ, ý lúc đầu sao lại không hay, các vua nhà Thanh cũng có một năm một lần làm khoe là việc tốt, nay muốn cử hành có gì là khó, nhưng không cầu việc thực mà chỉ chuộng văn cũng vô ích mà thôi, tức như dạy bảo hoàng tử thì có đặt chức Sư bảo, Tán thiện làm chuyên viên, mới có thể giúp ích sớm hôm dạy dỗ hun đúc, còn khuyến khích làng nho thì có đặt giáo chức ở quốc học, tỉnh học, đã đủ làm cơ hội cho sĩ phu xem cảm, phấn khởi. Nếu chỉ đến nơi giảng sách một ngày, mà bảo có thể khiến cho hoàng tử đức thành, rừng nho gió động, chẳng hoá ra nói hão ư ? Bọn ngươi có trách nhiệm nói, thế mà mưu việc biên cương, tính đến việc nước, không từng nói đến một lời, mà chỉ bàn viển vông, có thiếu chức vụ nhiều lắm !".

Vua cùng Thị thần Trương Đăng Quế bàn đến sách *Chính yếu* đã biên chép, nhân đây, bảo rằng : "Lời hay, nết tốt, chính tốt, phép hay của các thánh đế bản triều đều đủ trong *Thực lục*, trẫm muốn đem công thần, đức thánh rất rực rỡ biên chép thành một sách *Khai sáng kỷ lược*, cách chép phỏng theo sách *Khai quốc phương lược* của nhà Đại Thanh, để ban hành cho thiên hạ, cho đều biết mệnh trời về người có đức, vốn có từ trước như thế, phải nhờ sách *Chính yếu* chép xong sẽ làm".

Vua lại nói rằng : "Sử cốt phải cứ việc chép thẳng, mới rõ là chép thực, trẫm thường thấy sử nhà Lê lời chép phần nhiều không thực, như Trịnh Tùng giết Lê Anh Tông, Kính Tông, việc làm rất trái ngược, thế mà sử chép cho là hầu như không hoà thuận với quan A hành[1], thế là đổ cho nhà Lê thất đức. Kìa như họ Trịnh đã thờ nhà Lê, phận vua tôi đã định, vua cha có thất đức, mà thần tử dám làm việc bội nghịch, thành thể thống gì ? Vì bấy giờ đại quyền về cả họ Trịnh, vua Lê chỉ giữ ngôi hão mà thôi, như đời Hiển Tông, Trịnh Sâm giết Thái tử Duy Vỹ, mà vua chỉ khóc lóc không làm gì được hắn. Xử sự thế ấy, nhà Lê tưởng cũng không thất đức lắm để đến nỗi chiêu hoạ, chẳng qua người viết sử chỉ biết ăn cơm họ Trịnh a dua nói không thực mà thôi, nhưng công luận nghìn năm, đâu có thể che được".

---

(1) *A hành* : chức quan đời nhà Thương, ý nói Thái Giáp không hoà thuận với Y Doãn.

Bộ Công tâu nói : Phố dài ở hai bờ nam, bắc cầu Vĩnh Lợi ở trong Kinh thành bỏ không từ lâu, xin đem ở gần viện Đô sát 24 gian cho khoa đạo ở, 117 gian cho suất đội quân Vũ lâm, Cấm binh ở, còn 140 gian dời đến mặt trước công đường tham tri, thị lang 6 bộ và viện Hàn lâm ra phòng nhà để cho thuộc viên của bộ và các ở. Và 2 giải vũ 2 bên tả, hữu Sử quán, gỗ phần nhiều đã mục nát, xin dỡ đi, nhưng chọn thứ còn dùng được đem làm nhà ở phía trong tường vòng quanh 2 tự Thái thường, Quang lộc, để làm chỗ dệt lụa, nấu rượu còn như nhà cửa dinh, thự có xiêu đổ, nát, dột thì do các thuộc binh, thuộc liêu sửa chữa". Vua nghe theo.

Thự Bố chính Định Tường Lê Hữu Bản chết. Chuẩn cho được thực thụ ngay, chiểu phẩm cấp tiền tuất. Cho Án sát An Giang Nguyễn Đắc Trí thăng thự Bố chính Định Tường hội cùng Án sát Hà Thúc Giao hộ lý ấn Tuần phủ quan phòng ; thự Đạo binh bị Trấn Tây Nguyễn Nhật Thạnh đổi bổ thự Án sát An Giang ; Án phủ Ba Xuyên Lê Quốc Trịnh thăng thự đạo Binh bị Trấn Tây, Thừa chỉ Lê Quang Khiêm đổi bổ làm thự Viên ngoại lang bộ Binh, lĩnh chức Án phủ Ba Xuyên.

Quan tỉnh Nghệ An tâu nói : "Nguyên con Quốc trưởng Vạn Tượng A Nỗ là bọn Thiều Thiển, Thiều Miễn, Thiều Xoang, trước đã xếp đặt ở huyện hạt Cam Cát, năm trước, đem gia quyến đến đồn Nùng Khai (thuộc nước Vạn Tượng, đầu mục Xiêm là Xú Vu đóng giữ). Nay mới nghe trú phóng Trấn Định Nguyễn Văn Lệ báo đến, đã phái uỷ người đến hỏi và dụ".

Vua bảo rằng bọn chúng chẳng qua là 1 thất phu mà thôi, đi hay ở nơi nào, vốn không đáng cho là khinh hay trọng, duy đã sức chọn chỗ cho ở, thế mà im lặng không trông coi, bỏ mặc không biết, để chúng đem nhau trốn đi, đã hơn nửa năm mới đem tâu vào, sao lười chậm đến thế ? Nguyễn Văn Lệ và quan tỉnh phải giáng phạt khác nhau. Chưa bao lâu, Thiều Xoang câu kết với bè lũ tên Thống là con Tuân Kỳ, nguyên Tuyên uý đồng tri Trấn Tây, hơn năm người cướp địa hạt đồn Quy Hợp. Vua sai 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh cùng bắt, hơn một tháng không được, vì quan quân xông pha lam chướng lâu ngày, lại rút về.

Cấm Trấn Tây đúc tiền bạc khắc hình gà, hình hoa sen.

Từ trước theo tục Man có đem bạc và đồng đúc lẫn bạc tiền bé tí in khắc hình gà và hoa sen, gọi là bạc gà, bạc hoa sen, hình dáng rất xấu và quê.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Hạt ấy thuộc đồ bản sổ sách triều đình đã lâu, các nhân dân, ăn, mặc, đồ dùng gần thành thói người Kinh, nay quan quân đóng ở đấy, người buôn ngày càng hội họp, đã có chế tiền kẽm để đổi, bán với nhau, sao phải nhân theo tục hủ còn làm tiền bạc ấy làm gì, nên dụ cho Tướng quân, Tham tán thông

sức cho bọn thổ mục, thổ dân, từ trước trót đã có tiền ấy, tạm cho để dùng, từ sau vĩnh viễn không được đúc nữa, trái lệnh thì bắt tội".

Chuẩn định từ nay các địa phương phải đệ vàng bạc nộp vào Kinh, nếu là bạc thì vẫn do phủ Nội vụ hội đồng xét thu, vàng thì đem nộp ở nhà Duyệt thị.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Từ trước đến nay thợ may ở phủ Nội vụ lĩnh hàng để may, thường phần nhiều dụng ý huy hoắc, trẫm hôm trước sai lấy các tấm đoạn gấm, có tấm ở đoạn giữa cắt lấy 2-3 mảnh, hoặc đã cắt thành vạt áo, mà lại bỏ làm lẻ thừa, nếu gọi là may làm đồ vật, tất phải chọn lấy đủ dùng, sao không lần lượt cắt từ đầu, lại làm như thế, há chẳng hao phí của kho Nhà nước ư ? Vả lại thợ thuyền với chủ thủ cũng như thầy cúng thầy bói cùng hùa với nhau, giám lâm đã tư vị che chở mà thuộc viên các nha hội đồng xem xét cũng không xét ra, thì chuyên viên kiểm hạch hầu như đặt hão ư ? Tạm hãy truyền Chỉ quở mắng, nhưng bảo rõ từ sau : phàm sở thợ ở Nội vụ được kính lĩnh của kho may chế thêu thùa các đồ vật, giám lâm, chủ thủ phải trù tính kỹ, cốt cho dài, ngắn, nhiều ít đều vừa phải, còn hội đồng xem xét thì cũng gia tâm kiểm tra, nếu làm việc không khéo để có hao hụt, thì lập tức nghiêm hặc. Nếu không xem xét tâu lên, người khác phát giác ra thì bọn thợ phải xử tội tham tang, giám lâm, chủ thủ và người xem xét ở các nha cũng phân biệt nghị xử".

Sai Biện lý Hộ bộ Phan Thanh Giản đi đến phận núi nguồn Chiên Đàn tỉnh Quảng Nam thuê 1.000 người hộ làm vàng để khai lấy vàng cát.

Vua bảo Thị thần rằng : "Phan Thanh Giản trước ở Quảng Nam làm việc phần nhiều không được việc ; đã bị giáng truất, sau lại khởi dụng đến Tam phẩm đường quan ở Kinh, thế mà từ trước đến nay làm việc chỉ là tầm thường, thậm chí đóng ấn vào bản châu phê cũng lại bỏ quên, thế có hẳn là triều đình đối đãi bạc chăng ? Hay là cam chịu hèn nhát chăng ? Nay phái đi lấy vàng, thử xem viên ấy cố gắng thế nào mà thôi. Vàng cát chẳng phải có thiếu, không thế phải thuê dân phu mỗi người một tháng trả 10 quan tiền, có khác gì đem tiền mua vàng không ? Sau lấy không được bao nhiêu ? Thanh Giản đem việc lấy khó khăn tâu lên, chuẩn cho phải đi bộ về Kinh, mà bãi bỏ việc ấy".

Đổi định cách thức phía sau mũ vàng của hoàng tử các công. (Từ trước phía sau cao thẳng, đổi làm cong chênh, chếch lên, như mũ đầu hổ).

Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Tổng đốc Bình - Phú là Vũ Xuân Cẩn vào chầu.

Vua thấy mày râu bạc hết, hỏi bao nhiêu tuổi. Cẩn thưa : hạ thần nay 68 tuổi. Vua bảo rằng : làm việc và đi lại còn khoẻ mạnh không ? Cẩn thưa : thần ở tỉnh thường đi xem quân dân lấy gỗ, vẫn lên xuống được núi, khe, không thấy mỏi mệt.

Vua bảo rằng : "Trẫm ở trong cung cũng thường đi bộ, lâu rồi quen mà không biết mỏi. Thế mới biết người ta làm việc và đi lại cốt ở thói, tự. Cố sức thì là khoẻ, yên lời thì là kém, không phải tại già hay trẻ. Vua lại nói : hôm trước trong tập thỉnh an của khanh có nói lên việc quốc hiệu là Đại Nam, kể thì bầy tôi có nghe biết gì tất phải vào tâu, trẫm cố nhiên không trách, nhưng theo sự hiểu biết của trẫm, nước ta vốn gọi là nước Đại Việt, nay bờ cõi ngày một mở rộng ở phía Nam, cho nên gọi là nước Đại Nam. Nếu bảo Nùng Trí Cao từng đã có tên hiệu ấy, không nên dùng theo, thì kìa như tên hiệu Đường, Chu, Hán, Tống, đời xưa, đời sau đều có cả, rút cục thực hay giả tự phân biệt, ta nay cũng gọi là Đại Nam để cho thiên hạ đời sau thử xem so sánh với Đại Nam trước là thế nào mà thôi, có hại gì đâu ? Vả lại, nước có tên hiệu chẳng qua để gọi cho khác, nguyên không có ý nghĩa gì, há chẳng nhớ tên hiệu Đại Minh, Đại Thanh quả có nghĩa gì ư ? Vua lại hỏi đến việc trước đây xin chia ruộng. Cẩn thưa : tỉnh Bình Định đất rất màu mỡ, không kém các tỉnh ở Nam Kỳ, lại có đê bối giữ nước, có thể không bị nạn hạn hán, nông dân 1 năm 2 vụ gặt rất được lời, nhưng ruộng đất phần nhiều là ruộng tư, nhà hào phú chiếm cả, có đến một, hai trăm mẫu mà người nghèo không một thước tấc, suốt đời làm đầy tớ người giàu, nay nếu theo cả ruộng của người giàu, để cho 1-2 phần làm cơ nghiệp lâu dài, còn 8-9 phần đem chia cấp cho binh, dân và người nghèo thì nguồn lợi về ruộng đất được đều".

Vua bảo rằng : "Theo lời khanh nói cũng tốt, nhưng nay vô cố lấy ruộng của dân giàu, không bằng lòng thì kêu ca, đâu được yên lặng không lời kia khác. Nếu lấy tiền trả theo giá thì ruộng nương trong hạt ấy có nhiều, đâu có trả khắp được. Trẫm nghĩ : triều đình làm việc như có lợi nước, hại dân, thiệt người dưới, ích người trên, thì người ta oán, thực rất đáng sợ, còn như quả có lòng thương dân để cho nghèo, giàu nhờ nhau, quân dân cùng giúp, đấy là đạo bớt của người giàu, thêm cho người quân tử làm ích thêm, nghèo của bậc quân tử, người có nói, đâu đáng lo, tuy thế việc dân với việc quân không giống nhau, việc quân còn nghiêm, người có trái khác thì đưa ngay ra pháp luật không ngại, còn như trị dân thì phải bảo ban dạy dỗ dần để cho vui lòng thực phục, rồi sau làm điều phải. Năm trước trẫm sai ở Bắc Kỳ thay đổi áo mặc, không phải nói điều gì mà dân theo ngay, nay muốn thi hành chia ruộng cũng phải như thế thì mới được. Bèn cho Xuân Cẩn theo chức Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình kiêm quản viện Đô sát ; thự Thượng thư bộ Hình Lê Đăng Doanh đổi bổ Thượng thư bộ Lại".

Cho Tuần phủ Thuận - Khánh Tôn Thất Lương thăng thự Tổng đốc Bình - Phú ; Bố chính Hà Nội Tôn Thọ Đức thăng thự Tuần phủ Thuận - Khánh ; Án sát Hà Nội

Nguyễn Quốc Hoan thăng thự Bố chính ; Án sát Phú Yên Lương Quốc Quang đổi bổ Án sát Hà Nội ; Lang trung bộ Lại kiêm nhiếp Hữu tá lý phủ Tôn nhân Lê Khiêm Quang đổi bổ làm Án sát Phú Yên.

Đổi bổ Lang trung bộ Công biện lý bộ vụ Ngô Kim Lân làm Lang trung bộ Hộ biện lý bộ vụ.

Binh thuyền đi tuần bắt của Tổng đốc Hải - An Nguyễn Công Trứ, ở phận biển Vân Đồn, thấy hộ thuyền đánh cá người Thanh : hai đoàn Khai Vĩ, Hà Cổ là bọn Thái Hợp Lợi đem tướng giặc bắt được là Lý Công Tống và bọn chúng 16 tên bắt sống, 50 tên chém giết cắt lấy tai, cả thuyền mành khí giới đến dâng nộp ở trại quân. Nói : bọn chúng vốn lấy nghề đánh cá buôn bán mưu sống, gần đây nhân bọn ấy cướp người buôn, bị phải liên luỵ, nên góp sức cùng bắt được, xin đem việc ấy chuyển tâu, để được đánh cá ở ngoài biển chịu nộp thuế sản vật. Công Trứ liền đem 100 đồng bạc hoa, 100 phương gạo lương thưởng cho, đều cho về nước. Bọn chúng cầu xin làm dân cùng giống với Minh hương, Trứ đem việc ấy tâu vào.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Lúc mới đầu được tin báo bắt được giặc Thanh, cho là quan quân giết giặc lập công. Đến khi mở xem thì là nhờ các hộ thuyền buôn, đánh cá ấy bắt giết đem nộp, nhờ người mà thành công để được việc rất là thẹn cho Nguyễn Công Trứ, nhưng các hộ thuyền ấy biết rõ hoạ phúc, biết cố sức bắt chém bọn giặc, cũng có chút công. Chuẩn cho thưởng thêm 500 quan tiền, Công Trứ đã xuất bạc, gạo, thì chi của kho trả cho, còn như việc bọn chúng xin làm dân nộp thuế, giao cho hai bộ Hộ, Binh bàn cho thoả đáng tâu lên. Đến khi nghị dâng lên, cho là việc bọn chúng xin, nếu quả là thành thực, thì triều đình thương dân như một, đâu có cự tuyệt, nhưng đã xin làm dân, cũng phải có chỗ ở. Nếu chỉ ở phận biển đánh cá nộp thuế, thì ngoài biển đi lại thất thường, hầu ai quản thúc được. Xin nên cho quan Tổng đốc đến ngay nơi ven biển tỉnh Quảng Yên, xem chỗ bỏ không, đã không hiểm yếu có thể dựa được, lại có dân hạt ấy liền kề có thể ràng giữ được, thì cho bọn chúng đem gia quyến đều đến làm nhà nữa, lập thôn ấp, đặt đầu mục để cai quản. Không nên giao cho một dải hòn đảo Chàng Sơn tụ họp cùng ở nuôi thành cái thế, dựa vào chỗ hiểm sau này, rồi theo hiện số người và thuyền chước định thuế lệ. (Mỗi người hằng năm nộp thuế bạc theo lệ người Thanh ở các hạt, người có vật lực thì 2 lạng, người không có vật lực thì 1 lạng, xà ngang trong lòng thuyền từ 5 thước đến 6 thước 9 tấc, chiểu lệ thuế thuyền không đến 7 thước mà nộp thuế, xà ngang từ 7 thước trở lên, chiểu thuế lệ thuyền nộp thuế xuất nhập khẩu đều thêm 2 thành, như thuyền xà ngang 5 thước, theo lệ nộp tiền thuế 10 quan, thuyền đánh cá

ấy tăng làm 12 quan ; thuyền nộp tiền xuất nhập khẩu xà ngang 7 thước, theo lệ nộp tiền thuế 31 quan ; thuyền đánh cá ấy tăng làm 37 quan 2 tiền. Ngoài ra, theo đấy mà tính). Và ở đầu thuyền hai bên má bắt sơn sắc xanh. (Thuyền đánh cá, thuyền giặc người Thanh, hai má thuyền phần nhiều sơn đỏ, cho nên sơn xanh để cho khác). Cấp cho thẻ bài của tỉnh, được ra biển đánh cá làm ăn, trong thuyền đều không được mang theo khí giới, vật cấm. Nếu có bọn giặc tụ họp ở hòn đảo nào, hoặc đi lại ở phận biển nào, biết ra sức bắt giải quan thì được thưởng, thông đồng chứa giấu thì bắt tội, phàm các điều ấy nên triệu tập bọn chúng bảo ban tận mặt. Nếu chịu tuân theo tất cả, thì chọn đất sắp xếp chỗ ở. Nếu chỉ muốn đóng ở trên mặt biển sớm đi chiều về, thế là trước mắt nói thác, hòng làm kế hoãn binh, mà không có lòng thành thực tình nguyện làm dân, phải lập tức đuổi đi hết, không để cho bọn chúng được xảo trá".

Vua y lời bàn ấy, sai sao lục ngay giao cho Nguyễn Công Trứ tuân lệnh thi hành.

Ở Bắc Kỳ bệnh dịch chưa hết, Lại khoa Cấp sự trung Lê Chân, thự Lễ khoa Cấp sự trung Vũ Phạm Khải dâng sớ nói năm trước các tỉnh Thanh Hoa, Ninh Bình đã bị nạn gió, dân bị chết không ngờ đến vài trăm, gần đây các tỉnh báo dân bị chết dịch đến sáu bảy nghìn người, ý hẳn việc hình ngục hoặc có chưa công bằng, dân tình hoặc có uất ức, kẻ gian tham hoặc làm hại dân, nên can phạm khí hoà của trời, xin chọn phái quan đại thần đi đến xét hỏi, phàm có việc án khó khăn thân oan xét xử cho ngay ; dân gian bị tật khổ phải đề tâu lên ngay. Lại xin thêm sửa đức chính, để làm gốc triệu lại khí hoà.

Vua bảo Nội các rằng : "Lẽ Trời và người có cảm và ứng, rất là không đổi, lời bọn Khoa đạo nói hoặc cũng có lý, nhưng năm nay các hạt bỗng gặp tai hoạ riêng ; sự thể không ví như năm trước tỉnh Nam Định khổ vì binh hoả nhiều, tất phải phái Kinh lược đại thần ra xét".

Nên giáng dụ cho Thượng ty các tỉnh xét hỏi trong hạt, nếu có hình ngục oan lạm, quan lại tham ô, và tất cả dân tình lại tệ ngầm giấu không chịu tâu lên, thì cứ thực tâu lên, các Thượng ty làm việc từ trước hoặc có chỗ không phải, cũng chuẩn cho tự kiểm điểm tâu lên đợi Chỉ sửa đổi. Còn như việc xin thêm sửa đức chính, thì trẫm từ khi lên ngôi đến nay, sớm hôm răn sợ, về phép sửa mình, cảm cách đến trời, không phút nào quên, cố nhiên không đợi gặp có tai hoạ rồi sau mới tu tỉnh, khi có tai hoạ lại phải thành tâm mật đảo, kêu cầu khí hoà của trời, hiện ra các bài thơ không phải một bài. Nếu đợi Khoa đạo phải xin rồi sau mới thêm sửa đức chính, chẳng cũng muộn ư ? Bèn mật sai bọn Chân, Khải đến các địa phương bị tai hoạ,

hỏi xét dân tình, lại tệ, cứ thực tâu trình. Khi đến nơi rồi dâng sớ nói triều đình gia ơn ban tiền cấp cho nạn dân, dù nhiều đến hàng vạn, vẫn không tính đến, nhưng nghe nói dân gian hoặc có nhà chết cả, hoặc có thôn trang bé nhỏ chỉ còn năm ba người, nếu cấp phát như nhau, thì Tổng lý sở tại sẽ mập mờ tên để lĩnh chẳng hoá ra làm cho bọn chúng đầy túi riêng ư ? Huống chi từ trước đến nay đem sống làm chết, đem bỏ sót làm có trong sổ, mối tệ như thế, thường thường vỡ lở, nếu không sớm đề phòng, sợ sau vài năm cũng kiện cáo luôn, án từ ngày một nhiều, người chết chưa chắc được nhờ, mà người sống lại theo nhau mắc vào hình pháp, xin nên đình cấp.

Vua chuẩn cho bộ Hộ bàn sai truyền Chỉ cho các địa phương sở tại, nơi nào trót đã xét cấp thì thôi, nếu chưa xét cấp, thì tiền tuất tạm để ở tỉnh, đợi sau lệ khí yên tĩnh, tức thì phái viên hội đồng với phủ huyện thân đến nơi dân bị nạn, hỏi rõ nhà nào toàn không có thân thuộc lĩnh thay thì không nên chiểu cấp, còn thì đều chiểu hạng mà cấp, cho thân nhân người chết kính lĩnh ngay trước mặt, Tổng lý trước báo có sai thực, cho thú nhận thì tha tội, kẻ nào dám mạo lĩnh thì trị tội.

Cho Quản suất các vệ Thuỷ sư và biền binh các đội thị vệ, hộ vệ Cảnh tất, Kim thương, Thượng trà ở Kinh kỳ tập xem kính thiên lý. Chuẩn cho bộ Binh, Nội các phái thuộc viên mỗi ngày hai lần hội cả ở lầu Phu Văn xem xét. Lấy 50 trượng đến 100 trượng làm hạn, đem vật vẽ hoặc hình chữ nêu lên cho mọi người xem nhận, rồi chiểu theo nhòm xem xa gần rõ lắm rõ vừa chia hạng, cuối tháng làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ thưởng, phạt.

Sát hạch Tú tài các khoa tuổi từ 40 trở lên 170 người ở Quốc tử giám, cho Tham tri bộ Hình Phan Bá Đạt, Biện lý bộ Binh Trần Bưu sung làm chủ khảo, đến khi danh sách dâng lên, hạng ưu một người bổ dụng Huấn đạo thự Giáo thụ, hạng bình 37 người bổ dụng Huấn đạo.

Hộ phủ Hà Tiên là Nguyễn Trung Nghĩa tâu nói : "Quản cơ phủ Quảng Biên là Nha Tiên, đi tuần thám địa giới Trà Ty, bắt được 15 chiếc thuyền vỏ cây, liền theo đến lạch sông Sa Ngao, thấy bọn Man Xiêm ở đấy, hai bên bắn nhau, bọn chúng liền chạy vào rừng ẩn nấp. Nghe tin báo, lập tức đã phái thêm biền binh đi ngay lùng bắt".

Vua bảo rằng : "Địa đầu Khai Quảng, gần đây yên lặng, bọn ấy từ nơi nào dám đến nom nhòm, hoặc là lũ giặc Di hoặc là quân trinh thám của giặc Xiêm. Nên phi sức ngay cho Phòng thủ uý Phạm Văn Sĩ, thân đem quan quân Kinh, Thổ đến nơi vây bắt". Đến thì bọn chúng đã sợ hãi trốn xa, chỉ để lại trại không mười mấy chỗ.

Sĩ sau vì đi tuần bắt không nên công trạng, phải giáng 2 cấp, Án phủ Lê Quang Nguyên cũng phải giáng 2 cấp.

Nhà của người trong hạt thành Trấn Tây bị cháy, cháy lây trên 100 hộ, có người bị chết, quan thành ấy cấp trước mỗi hộ một phương gạo, người chết thì một tấm vải, 3 quan tiền. Việc ấy tâu lên. Vua nghĩ hạt ấy mới được sửa sang xong, tiền của dân chưa thư thái, gia ơn tăng cấp cho mỗi hộ đều tiền 1 quan, người chết thì đều tiền 10 quan.

Bổ Tôn Thất Đường làm Vệ uý vệ Tiền dinh Hổ uy, Hiệp quản vệ Tiền dinh Hổ uy Nguyễn Duy Tráng làm Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ, hiệp quản vệ Tam dinh Kỳ võ Trần Văn Diệp làm Phó vệ uý vệ Trung dinh Long võ, Phó vệ uý vệ Tứ dinh Kỳ võ Nguyễn Văn Sự thăng thụ Vệ uý, Hiệp quản Tứ dinh vệ Kỳ võ Trần Hữu Phúc bổ thụ làm Phó vệ uý.

Bắt đầu khắc ấn *"Đại Nam thiên tử"* (ấn hình vuông mỗi chiều 2 tấc 9 phân, dày 1 tấc 2 phân, 3 ly, cao suốt 2 tấc, 4 phân), đến khi làm xong, vua dụ rằng : trước kia được ngọc tốt, sai thợ trổ khắc ấn *"Đại Nam thiên tử"*, nay đã làm xong, chữ viết rõ và ngay, đáng làm ấn đời đời. Chuẩn định phàm gặp đi tuần thú xét các địa phương và ban cấp sắc thư cho người ngoại quốc, thì dùng ấn ấy thi hành, còn ấn *"Hoàng đế chi bảo"* chuyên để cáo dụ thân huân, huấn dụ các quan to trong, ngoài thì thi hành, nên đem dụ ấy làm thành 33 bản, dùng ngay ấn ấy để ở Nội các và ban cấp cho các tỉnh cùng thành Trấn Tây mỗi nơi một bản, cho đều tôn cất để rõ chứng thực, các Đốc biện thưởng kỷ lục đều một thứ, Chuyên biện thưởng cho áo quần và tiền có thứ bậc.

Cho Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh, Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên sung Cơ mật viện đại thần.

Lãnh binh Bình Định Nguyễn Tiến Tá, tuổi già về hưu trí, cho Phó vệ uý vệ Trung nhất Tả dực dinh Vũ lâm Phan Văn Hứa thăng thụ Lãnh binh Bình Định.

Vua hỏi Tiền quân Phạm Hữu Tâm rằng : đình thần cử Phan Văn Hứa, có phải là công cử không ? Hay người nào chuyên cử ? Thưa rằng : Hứa trước làm Quản phủ Ứng Hoà đã không lầm lỗi, đến khi coi quân cũng biết vỗ yên thương sĩ tốt, lòng quân yêu mến, cho nên các quan ban võ hội đồng bảo cử.

Vua bảo rằng : "Người ấy hơi mẫn cán mà thôi, kể thì chức Lãnh binh cai quản cả biền binh một hạt, trách nhiệm ấy cũng nặng, lúc thường không có việc thì được, hoặc có việc đánh bắt, không phải người mưu dũng không thể được. Xem như việc bắt giặc biển, chúng không có tài nghệ gì, chỉ có quen ở mặt biển, thuộc biết đường

thuỷ, nếu thuyền lớn đuổi bắt chúng liền sợ hãi trốn xa ; nếu gặp thuyền nhỏ, thì thuyền chúng cao lớn, chỉ dựa vào cao phóng hòn đá, giáo tre xuống cũng đủ chống lại, bắt được cũng khó. Nhưng người coi đem quân bắt giặc thực là người tài giỏi thì hoặc bày kế để dụ, hoặc hăng hái để tranh, đuổi như đuổi kẻ trốn bắn phải cho trúng, khiến cho trở tay không kịp, mới có thể bắt được. Nếu không được người giỏi, hoặc gặp là không đuổi hoặc đuổi mà không gắng sức, nếu có bắn súng ra, đều chệch rơi xuống nước, thậm chí như quân bắt giặc ở Thanh Hoa, giả làm thuyền giặc liền hô hoán trước, giặc nghe tiếng liền quay thuyền lại chạy xa, đấy là có lòng sợ giặc trước, cho nên làm thanh thế ấy để cho chúng tự đi mà thôi, nếu bọn ấy thì còn mong gì bắt được giặc". Phạm Hữu Tâm nhân đấy lại tâu rằng : Nếu dùng nhiều chông gai ấu để trong nồi đất, khi gặp giặc thì ném vào thuyền của chúng nồi vỡ chông bắn ra chạm phải thì bị thương, cũng dễ nã bắt.

Vua bảo rằng : "Kế ấy cũng nên dùng, cần phải được người mới được mà thôi, không thế thì ống lửa đạn lửa cũng không dùng đến, huống chi là gai ấu".

Tỉnh Thanh Hoa gạo đắt, dân hiếm lương ăn. Ngự sử đạo Hà - Ninh Nguyễn Đình Duệ nhân đi công sai về đem việc ấy tâu lên, và xin phát thóc bán ra cho dân.

Vua liền sai quan tỉnh, xuất thóc kho giảm giá bán ra, về tiền lĩnh thóc bán ra cũng hoãn. Lại cho Duệ là biết việc đáng nói, thưởng cho 3 bó, kỷ lục 2 thứ.

Đổi dân Thổ Bình Thuận gọi là dân Mới. Trước đấy vua nghĩ dân thuận theo đã đặt phủ, huyện vẫn chưa tuyển lính, sai quan tỉnh lượng bắt 100 người tuỳ việc sai khiến, thử xem tình hình thế nào cứ thực tâu lên. Đến nay quan tỉnh tâu nói, xét ra bọn chúng ngôn ngữ y phục hơi giống với dân Kinh, sai phái việc vặt, cũng biết cố sức, duy luyện tập trận pháp, chỉ bảo còn khó.

Vua bảo rằng : "Bọn chúng mới được đổi quan người Thổ bổ quan người Kinh, thế mà biết nhiễm thói Kinh, tập làm việc công, có thể gọi là theo giáo hoá nhanh chóng, tạm nghỉ buổi đầu thao luyện vẫn chưa quen thuộc, chưa tiện vội đem chọn dồn, tạm hãy cho về, hằng năm mỗi khi đến đầu xuân, chuẩn cho bắt lấy 100 người cấp cho tiền, gạo 1 tháng theo lính tỉnh thao diễn khiến cho thay đổi theo việc công, quen biết pháp kỷ, đợi sau năm, ba năm mới có thể bàn đến tuyển lính và dân ấy đã thuộc vào sổ hộ, từ sau tức gọi là dân Mới, chúng cũng cho tự xưng là dân Mới, cho biết thương dân như một".

Định nghi lễ Thượng ty các địa phương tiếp kiến quan Khâm sai. Vua bảo thị thần rằng : quan viên ở tỉnh ngoài gặp khi có người ở trong Kinh tới, chưa từng không đem bạn làm quan ở Kinh có bình yên không để hỏi, tình lẽ phải như vậy,

huống chi trong khoảng vua tôi, thực cũng như cha con, trông cậy nhớ mến, ai không có lòng ấy, đâu có lẽ phái viên ở Kinh đến tỉnh mà không một lời hỏi thăm vua cha có bình yên không ? Bèn chuẩn cho bộ Lễ nghị định thi hành (Các nhân viên ở Kinh phái đến các địa phương làm việc công, các sự thể quan trọng như phái sung trường thi, truyền tuyển và tra xét việc án, có ban cấp cờ bài, gọi là quan Khâm sai, thì gần đến tỉnh lỵ, ngoài thành, báo trước đến tỉnh, các đốc phủ, bố án ở tỉnh đều khăn áo chỉnh tề ra ngoài thành đón tiếp quan Khâm sai và quan tỉnh đều xuống xe, xuống ngựa làm lễ vái chào, cùng nhau vào thành, tạm nghỉ ở sở riêng, rồi đều mặc triều phục đến hành cung hạt ấy, quan văn võ thuộc tỉnh đều đủ khăn áo chia ra đứng hầu hai bên tả hữu, quan Khâm sai đứng trên thềm gian tả nhất hướng về phía tây, quan tỉnh quỳ ở bên tả đường dũng đạo ở dưới thềm hành cung, tâu rằng : "Cung thỉnh thánh an". Quan Khâm sai đi đến gian chính giữa đứng hơi hướng về phía đông nam tuyên rằng "an", tuyên xong đi ra, quan tỉnh cúi dậy làm lễ mừng 5 lễ, lễ xong, mời quan Khâm sai đến nhà khách khoản tiếp, làm lễ ngang hàng, một lúc cùng vái chào rồi lui. Như đến thành Trấn Tây, thì các Tướng quân, Tham tán, Đề đốc, Hiệp tán làm lễ tương kiến với quan Khâm sai cũng như vậy. Lại như sứ bộ sang nước Thanh, tuy không có cờ bài, nhưng sự thể rất trọng, phàm đến Hà Nội, Lạng Sơn, theo lệ có đóng lại, thì thượng ty 2 tỉnh cũng theo lệ ấy mà làm). Lại chuẩn định từ nay về sau phàm chương sớ, di văn của quan viên Khâm sai, đều viết 2 chữ Khâm sai trên đầu tờ, việc xong thì thôi.

Đại thần viện Cơ mật bọn Trương Đăng Quế tâu nói : "Đặt ra chức Khởi cư chú để ghi lời nói và việc làm [của vua], người xưa sở dĩ trong việc tuyển lựa, thực vì cái bút đứng ở chỗ bệ đá đầu con ly, sách quốc sử do đấy mà ra. Hoàng thượng ta lời nói là phép tắc, hành vi thì thường khi là đạo lý, quan ở đài giữ chức biên chép, nếu ghi được rõ ràng mới có thể rõ là sử thực, nhưng tào làm sử, chép sử, từ xưa còn lấy làm khó, huống chi trong khi xét việc, việc yên và răn bảo, lời nói hay, rõ ràng đáng chép, việc ghi chép nếu có bỏ sót, chép qua, ngày sau chép vào sử sách, sẽ theo đâu mà xét định, thực không thể không cẩn thận lắm".

Xin từ nay, phàm ngày vua ngự điện nghe việc chính, các quan chầu hầu, có lời vua răn bảo, cho đến cử động, cùng là việc các nha tâu lên, có huấn thị tuân hành, thì các khoa đạo đứng hầu đều ghi chép rõ ràng, như khi vua ngự điện và ngự giá đi chơi, cũng theo như thế, cốt phải 10 phần rõ đủ, không sót, không lầm, vận dụng bút, sử dụng chữ mọi hết thảy tinh tường xứng đáng, theo từng tháng, đem bản biên chép do viện thần nhuận sắc trước lại trình đương trực thần xét xem, đều tự tay ghi tên ở cuối giấy. Trong bản ghi chép gặp có viết thêm hay thay đổi và chỗ đóng,

đương trực thần phải đóng ấn quan phòng, cho khỏi thiếu sót. Phàm đương trực thần xét xem, nếu trong bản ấy chữ nghĩa có chưa nhã, sự lý có chưa chu đáo thì cho được sửa chữa. Nếu ghi sai lầm, theo sự thực sửa lại. Duy bất kỳ triệu đình thần vào hầu, viên Khoa đạo theo lệ không được theo ban, thì do Các thần(1) ghi chép, ký, giao cho Khoa đạo đương ban, viết thành bản chép, vẫn do Viện thần(2) và đương trực thần theo lệ duyệt chữa, như thế, thì biên chép không việc gì không rõ, đủ, mà việc khảo xét có chuẩn đích.

Vua y lời tâu ấy.

Định rõ lệ phải đi tải cho tào thuyền và thuyền đại dịch miễn dịch. Tào chính tâu nói : "từ trước đến nay phái bắt thuyền mành, chở hoá vật nộp về Kinh, tự có kỳ hạn", trong đó chủ thuyền hoặc có đi nơi khác buôn bán, hoặc chậm không kịp việc, thường thường lần lượt tự đi để xua đuổi, không tránh khỏi tần phiền. Xin phàm hằng năm đến kỳ nghị tải, cứ theo các hạng thuyền phải bắt, trước hết đem họ, tên chủ thuyền và sổ theo lệ vận tải, tư cho các địa phương một lần, quan địa phương lại sức cho các Tấn thủ(3) tra hỏi rõ kỹ, thuyền nào nguyên quán từ Thừa Thiên trở về Bắc mà phái đi vận tải từ Thừa Thiên trở về Nam, chủ thuyền ấy hiện đương đậu buôn bán ở địa phương từ Quảng Nam trở về Nam, cùng là thuyền nào nguyên quán Quảng Nam trở về Nam, mà phái đi vận tải từ Thừa Thiên trở về Bắc, chủ thuyền hiện đương buôn bán ở địa phương từ Thừa Thiên trở ra Bắc, nếu kỳ hạn vận tải còn thong thả, thì cho chủ thuyền về quê quán lĩnh giấy chiểu theo hạt nhận tải. Nếu kỳ hạn vận tải gần đến, thì không cần, tạm giữ lại ở hạt, nhân tiện sai theo đoàn đi tải, cho kịp kỳ hạn. Thuyền nào nguyên phái vận tải vào Nam mà đi buôn ra Bắc, hoặc phái vận tải ra Bắc mà đi buôn vào Nam, thì không cứ kỳ hạn vận tải lâu hay chóng, đều phải đuổi về cho kịp kỳ hạn đi tải. Còn như thuyền nào tra xét không ở các tấn, tấn thủ không báo lên, thì là đi biệt nước ngoài trốn vận tải, buôn gian, giao cho địa phương nguyên quán tra rõ trừng trị. Nếu tấn nào có các hạng thuyền ấy đậu lại, mà tấn thủ lại báo là không và dung túng ẩn giấu, thì bắt tội.

Vua y lời bàn ấy.

Cho Án sát Sơn Tây Nguyễn Văn Nhị thăng thự Bố chính, Lang trung bộ Hộ là Vũ Vĩnh bổ làm Án sát Sơn Tây.

---

(1) *Các thần* : quan Nội các.

(2) *Viện thần* : quan ở Viện.

(3) *Tấn thủ* : viên trông coi cửa biển.

Truy tặng Nguyễn Cư Trinh làm Khai quốc công thần, Vinh lộc đại phu Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Lại, tên thuỵ là Văn Khác, phong tước Tân Minh hầu.

Vua xem *Thực lục* các thánh thấy Nguyễn Cư Trinh nhiều mưu kế, có chiến công, sự nghiệp rực rỡ, mà lâu chưa thờ phụng ở miếu đình, bèn chuẩn y bộ Lễ bàn, tặng phong quan tước, cho thờ phụ ở Thái miếu, vị ở dưới Thiếu phó Vĩnh An hầu Nguyễn Hữu Kính.

Phó lãnh binh Hải Dương Hồ Văn Uy tuổi già về hưu. Cho Vệ uý vệ tứ dinh Kỳ võ Nguyễn Văn Sự làm Lãnh binh Hải Dương.

Ở phận biển Đại Áp tỉnh Quảng Nam có giặc biển lén lút, tấn thủ và quan bắt giặc tỉnh phái đi, đều bị cách.

Vua bảo bộ Binh rằng : "Ở Kinh thuyền quân đi tuần ở biển, lệ định từ Kinh trở về Nam đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Quảng Yên, chia nhau đi lại để tra bắt. Nay nghĩ bờ biển dài suốt, trông coi hoặc có không chu đáo, mà từ trước đến nay, giặc biển thường ở phận hạt Nam, Ngãi, Thanh, Nghệ, nhân sơ hở lẻn ra rồi chạy xa ngay. Đến lúc ấy đòi bắt, thực có thế hối không kịp, huống chi các hạt ấy, phần nhiều là thuyền buôn đi lại, tuần bắt càng phải nghiêm mật, nên truyền dụ binh thuyền ở Kinh phái đi, trở vào Nam thì chuẩn cho từ Bình Định đến Kinh, trở ra Bắc thì từ Biện Sơn trở vào, đều lần lượt tuần bắt, để tin tức cùng biết, đánh dẹp cho dễ. Nay địa hạt Quảng Yên, đã có quan quân đóng đồn, lũ giặc thế tất không dám quen thói cũ đóng ở biển, mà từ Khánh Hoà, Phú Yên trở vào Nam, nếu có sinh lòng nhòm sơ hở, thì đương tiết hậu gió nam này, khi nghe tin báo, ta ở đầu gió đi ngay đón chẹn, thì chúng không thể trốn thoát được".

Cách vài ngày, giặc lại ở cửa Đại Chiêm, đón cướp thuyền công giải của kho của Quảng Ngãi, Suất đội Nguyễn Văn Trí ra sức đuổi bắt, đâm chết 4 tên giặc, cứu được 2 chiếc thuyền buôn.

Vua nghe tin, ngợi khen thưởng cho quan quân ở chuyến đi ấy được kỷ lục và tiền có từng bậc. Lại phái một Quản vệ bộ binh hai Suất đội Thuỷ sư ở Kinh và trên 90 biền binh, chia ngồi thuyền phòng dương, thuyền hiệu Tuần hải, đi ngay đuổi bắt, định cứ bắt được một chiếc thuyền giặc, thưởng cho 500 quan tiền.

Sửa lại Thế miếu. Khi làm xong, sai rước thần chủ Cao Hoàng đế, Cao Hoàng hậu về miếu yên vị (Trước đấy kính dời thần chủ đế, và hậu sang điện Phụng Tiên), vua thân đến làm lễ, lễ xong, vua ngự điện Cần Chính ban cho hoàng tử, thân công và trăm quan kim tiền, ngân tiền có từng bậc, văn ngũ phẩm, võ tam phẩm trở lên đều cho ăn yến một lần.

Phó vệ uý vệ Trung dinh Hổ uy Vũ Mỹ phải bãi chức, Mỹ là người lười biếng, theo hầu vua thường vắng mặt, một hôm theo giá đi chơi, mỏi mệt không đi được, vua trông thấy mà chán, bảo bộ Binh rằng : ông của Vũ Mỹ là Hoài quốc công Vũ Tính, Trung hưng sơ, hết lòng tiết nghĩa giữ cô thành, thực là đứng đầu công thần, trẫm vẫn nhớ là tiết liệt, cho nên con cháu viên ấy để ý vun trồng, so với các bề tôi thì rất hậu. Năm trước con viên ấy là Vũ Khánh không hiền, đã giáo huấn cho cũng chẳng hối cải, phụ ơn đào thành, chỉ mong cháu viên ấy là Vũ Mỹ nối được tiếng nhà, bèn cho lập tước, lại còn gả công chúa cho, chẳng may chúa chết, phàm tất cả của cải uỷ cho giữ làm của riêng, lại tấn phong Hoài hầu trao cho chức Quản vệ Cấm binh, cho siêng năng học việc để chọn làm tướng suý mai sau, khốn nỗi con nhà phú quý, tính thành lười biếng, tự bỏ, giận bực vô cùng, lại nghĩ ông của hắn huân liệt rực rỡ, không nỡ lấy cớ cháu như thế, mà vội bỏ quên đi. Nay nghe tin hắn mới sinh con, đợi sau trưởng thành cất nhắc cho làm việc. Còn hắn đã hèn kém như thế, vẫn uỷ cho coi quân, tất đến hỏng việc công, mắc tội. Vậy cách bỏ chức hàm Quản vệ cho theo ấm tước được chầu hầu, ngõ hầu tình nghĩa vẹn cả hai. Rồi chuẩn cho đổi cấp áo triều tứ phẩm, hàng thứ ở dưới tứ phẩm, lương bổng chiểu chánh tứ phẩm, cấp một nửa, còn bằng sắc phò mã Đô uý vẫn được mang theo.

Vua triệu Tiền quân Phạm Hữu Tâm bảo rằng : "Trẫm nghe tin Vũ Tính tận tiết, mọi người cảm khích đến nỗi có người sa nước mắt". Tâm thưa rằng : Vũ Tính ngày thường khéo nuôi sĩ tốt, cho nên được lòng người.

Vua bảo rằng : "Vũ Tính là người trung dũng, các tướng ít có người hơn, nhưng tiếc là học thuật ít, cho nên khi chầu hầu, lễ độ có nhiều thiếu sót, trẫm xem trong các tướng của tiên đế, chỉ có Tiền quân Tôn Thất Hội biết lễ phép, tâu trình rất rõ ràng, vì Hội là tướng cũ, Tính thì tân tiến, cho nên cử chỉ rất không giống nhau".

Đô thống Chưởng phủ sự phủ Đô thống Tả quân, lĩnh Tổng đốc Thanh Hoa Phạm Văn Điển ; Đô thống Chưởng phủ sự phủ Đô thống Trung quân lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh Tạ Quang Cự, vào chầu, sai đều giải hàm lĩnh Đốc, ở lại Kinh nhận chức. Cho Đô thống Chưởng phủ sự phủ Đô thống Tiền quân Phạm Hữu Tâm lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh, thự Thống chế dinh Long võ Tôn Thất Bằng bổ thụ Thống chế Tổng đốc Thanh Hoa.

Triệu Bố chính Cao Bằng Nguyễn Thế Đạo về Kinh. Cho Án sát Ninh Bình Bùi Mậu Tiên thăng thự Bố chính Cao Bằng, thự Án sát Hưng Yên Nguyễn Xuân Quang đổi làm thự Án sát Ninh Bình ; quyền thự Án sát Hưng Hoá Ngô Văn Dịch, đổi làm thự Án sát Hưng Yên ; thự Lễ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung Hoàng Thu, thăng thự Án sát Hưng Hoá.

Cho Án sát Nghệ An Phùng Đắc Ninh thăng thự Bố chính Quảng Yên ; Án sát Lạng Sơn Trịnh Quốc Lâm đổi bổ Án sát Nghệ An ; Lang trung bộ Hình Đỗ Cao Mại, đổi bổ Án sát Lạng Sơn, Đắc Ninh sau vì tra xét án mạng, tha buộc tội người, việc phát giác ra phải triệt về Nghệ An đợi xét. Đến khi thành án, tội phải xử tội đồ, đặc cách đổi làm cách chức, phát đi làm việc chuộc tội ở Trấn Tây.

Cho Quốc tử giám Tế tửu Lê Văn Luyện thăng hàm Quang lộc Tự khanh vẫn lĩnh Quốc tử giám Tế tửu ; Tư nghiệp Phạm Vũ Phác thăng thự Lang trung bộ Lại ; Đốc học Biên Hoà Nguyễn Vĩnh Trinh thăng thự Lang trung bộ Lễ, Biện lý bộ vụ ; Giáo thụ Kiến Xương Trần Lê Hoán thăng thự Đốc học Biên Hoà.

Lại lấy viên bị cách Nguyễn Đức Hộ làm Lang trung bộ Hộ. Hộ trước vì coi làm mỏ chì ở Thái Nguyên, để thiếu bị cách chức, bắt bồi thường, đến đấy bồi thường xong, đặc cách cho khai phục.

Chuẩn định từ sau phàm nhân viên bị giáng phạt, gặp có ân điển đáng được khai phục, khoan miễn, mà nha sở thuộc làm việc không hợp và bỏ sót không trình bày, tăng, giảm không đúng, thì các người nguyên phải giáng phạt, cho được tự kiểm cứ tâu rõ để đổi lại.

Số lính tỉnh Nam Định mới tuyển ở các ấp, làng, trại giáp thuộc hạt, tất cả được 54 người, chuẩn cho dồn làm đội Định uy, giao cho Lãnh binh Nguyễn Văn Tiến lĩnh coi cả.

Quan thành Trấn Tây bọn Trương Minh Giảng tâu nói : "Phải đi dò xét thấy giặc Xiêm xây đắp thành phủ Lò Gò Vật rất lâu chưa xong, mà quân dân nhiều người trốn tránh. Lại nghe tin giặc Di, giặc Châu lẻn về địa hạt Khai Biên xua đuổi thổ dân, đã phái quan quân đi ngay đánh bắt."

Vua dụ rằng : "Giặc Xiêm đắp thành, chẳng qua sợ ta mà làm kế tự giữ. Vả nghe tin Ô-Đỗ đóng quân ở nơi tiếp giáp với chúng, mưu tính đến lấn quấy, chính sẽ tự giữ không xong, đâu có thể quấy ở biên giới ta được. Nay chỉ nên sức rõ phải đóng giữ và biền binh trong hạt khai khẩn nhiều ruộng đất hoang, tuỳ tiện gieo trồng lúa, ngô để cho thức ăn thêm đầy đủ. Mùa làm ruộng xong, thao luyện cho quen, đấy là kế tự trị hay nhất, còn tướng giặc là bọn giặc Di, còn lọt lưới, phải sức cho quan quân bắt giặc bắt ngay.

Lục dùng con Nguyễn Đăng Hựu, Thượng thư bộ Binh, gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ là Nguyễn Đăng Du làm Tư vụ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCI*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 (1839), mùa hạ, tháng 4 ngày mồng 1, làm lễ Hạ hưởng.

Cấm dân gian chọn bỏ tiền hiệu cổ.

Vua bảo bộ Công rằng : tiền đúc ra để cho dân tiêu dùng, từ xưa các đời thay nhau nối dậy đều có đúc ra, bản triều đặt làm tiền có quy chế lưu hành khắp trong ngoài, mà tiền cổ cũng cho thông hành, duy bốn hiệu tiền nguỵ đúc, là do giặc Tây Sơn làm ra, không nên lẫn lộn, cho nên cấm. Thế mà gần đây nghe nói dân gian mua bán, thì các tiền hiệu cổ chọn bỏ cả, thì thực, giả đã không phân biệt, mà tiền tệ sao được lưu thông, nên sai Kinh doãn và các trực tỉnh hiểu thị nhân dân, phàm chợ chiền mua bán, tất cả tiền hiệu cổ, không cứ mới cũ, đồng, kẽm, đều cho thông dụng, không được riêng tự chọn bỏ, trái lệnh thì xử tội theo luật trái phép.

Phái viên đi việc công từ nước ngoài về, đem cây tường vi ở Tây dương về dâng, sai phát cho các tỉnh mỗi tỉnh 10 cây để trồng ở trước sân hành cung.

Đắp đập ngang sông Phổ Lợi. Hạ lưu sông ấy, tả hữu có 2 ngã sông thông nhau, ruộng của dân thường bị nước mặn tràn ngập cho nên đắp chặn để ngăn. Sai Chưởng trung quân Tạ Quang Cự đem 2.000 lính Kinh đi làm. Lại sai phủ Thừa Thiên thuê bắt 1.000 dân trong hạt chiểu từ cửa sông đến bãi Sò tuỳ đoạn khơi đào nước xuống còn sâu 4 thước làm hạn.

Phận rừng dọc đường từ Bình Định trở về Nam đến Bình Thuận nhiều ác thú làm hại dân. Vua nghe nói sai truyền dụ cho quan các tỉnh phái ngay Lãnh binh hoặc Quản vệ, Cơ, đem biền binh 100 - 200 người mang theo súng ống đạn dược tìm cách bắn giết. Tỉnh nào địa thế hơi xa, thì hạn cho một tháng, hơi gần thì hạn cho 15 hoặc 20 ngày, đều rút về, rồi cứ số bắn được nhiều hay ít tâu lên để lượng cho thưởng, phạt.

Diễn tập voi trận ở giáo trường bên ngoài thành phía nam Kinh thành. Vua thân ngự coi xem, voi đều khoẻ mạnh quen kỹ, biền binh bắn súng cũng đều nhau, thưởng cho Quản vệ mỗi người tiền lương một tháng, Suất đội đến binh lính 500 quan tiền.

Vua đi chơi cầu sông Nhị Hà, xem thí nghiệm thuyền máy hơi, thấy máy móc linh động, chạy đi nhanh nhẹ, thưởng đốc công Phó giám đốc Hoàng Văn Lịch, Vũ Huy Trinh, mỗi người một nhẫn pha lê bịt vàng, một đồng Phi long đại kim tiền, lại gia hàm cho Giám đốc, thêm hai cấp, thưởng khắp cả đốc công và lính thợ 1.000 quan tiền. Bảo rằng : trước kia bọn ngươi làm lỡ việc, hầu mắc phải tội. Nay đã hết lòng hết sức làm cho đến thành công, cho nên khen thưởng không tiếc. Vả lại thuyền ấy mua ở nước Tây cũng sao không được. Chúng muốn thợ thuyền nước ta học biết máy móc khôn khéo, cho nên không kể nhọc tốn mà thôi.

Đắp đê vòng cung ở bến sông Hương Giang (từ ngự kiều thẳng ra hạn cho 10 trượng, hai đầu trên dưới vòng giáp bờ sông, dài suốt 125 trượng, mặt ngoài xây đá, trong đắp đất) và bờ phía tây sông Hộ Thành (một đoạn dài trên 35 trượng), bắt biền binh ở Hà Tĩnh, Thanh, Nghệ và Bắc Kỳ đến ở Kinh, 2.000 người đi làm việc. Sai Chưởng tả quân Phạm Văn Điển trông coi.

Tổng đốc Hải - An Nguyễn Công Trứ đem binh thuyền lại đến Chàng Sơn tìm bắt được 4 tên giặc chém đi, rồi chiêu dụ dân, tất cả 180 người, lập làm làng Hướng Hoá, tuỳ theo chỗ ở, chia làm đông, tây, nam, bắc, 4 giáp, đặt Lý trưởng, Giáp trưởng để cai quản, lệ thuộc vào châu Vân Đồn để ghi vào sổ chịu thuế. Sớ tâu vào được vua khen. Trứ lại theo dụ, bắt đầu mục 2 bang Khai Vĩ, Hà Cổ, sai cứ hiện số người, số thuyền ghi sổ định thuế (số người : đàn ông, đàn bà trên dưới 760 người, số thuyền : trên 70 chiếc, cứ tháng ba tháng mười, hai kỳ đem nộp, thuế lệ : mỗi chiếc ngang 6 thước trở lên, hằng năm nộp 12 đồng bạc hoa ; 5 thước trở xuống 6 đồng, mỗi đồng nặng 7 đồng cân). Lại sức đem gia quyến đều đến, chọn chỗ xếp đặt cho ở. Bọn chúng đều nói : sống ở mặt nước, nếu lên trên cạn cả, có trở ngại việc làm ăn. Xin chờ chọn mỗi bang 1, 2 người đến ở, còn thì cứ tháng 4 cho thuyền về, tháng 9 lại đến. Trứ bèn lượng đặt bang trưởng, bang mục, còn 2 má đầu thuyền

đổi sơn màu xanh, đều cấp cho bài gỗ (bài vuông một thước sơn sắc trắng, một mặt viết 4 chữ to "ngự hộ thuế thuyền", một mặt dán giấy viết : "bài cấp ngày tháng 4, niên hiệu năm thứ 20, họ tên ngự hộ, đóng dấu quan phòng) cắm cuối thuyền làm dấu. Khi ấy có người bang Khai Vĩ ở lại là bọn Tiển Thành Đức, đàn ông đàn bà 5 người, chia làm 2 bếp, cho ở chân núi Đông Sơn (thuộc xã Quan Lạn, châu Vân Đồn, giáp xứ Sa Châu, mỗi bếp cất một mẫu đất). Đem việc ấy tâu lên và nói việc thuộc lúc đầu, tiết hậu đã muộn, thuyền đánh cá phần nhiều về trước, trong đó sổ sách ghi chép dài rộng, thước tấc tưởng cũng chưa được xác thực, xin đến tháng 9 kỳ sau so sánh lại".

Vua cho là lời bàn ấy chiểu theo nghị trước, rất mâu thuẫn nhau, sai bộ Hộ bàn cho kỹ.

Lãnh binh Quảng Nam Vũ Văn Huân bị chết bệnh, lấy Vệ uý vệ Hữu nhị Hữu dực dinh Vũ lâm Nguyễn Đức Huấn bổ thụ Lãnh binh Quảng Nam.

Quan thành Trấn Tây bọn Trương Minh Giảng tâu nói : thủ bảo bảo Sa Tôn Hải Đông dò biết bọn giặc Minh, giặc Y cho bè lũ đến địa hạt Cần Lịch lấn cướp, quấy rối dân biên giới, lập tức đã phái biền binh đi ngăn chặn.

Vua bảo rằng : thừa cơ sơ hở quấy cướp là thói quen của tướng giặc. Nhưng việc biên phòng là việc cần. Nếu chúng dám vượt biên giới mà đến, tất phải phái quân đi đêm ngay đánh bắt, mới có thể kịp việc, nếu đợi báo đến thành sai quân đi bắt, thì đường sá trở đi trở lại không tránh khỏi chậm trễ. Nên truyền dụ cho các viên coi giữ địa đầu, từ sau phàm có dò xét được bọn giặc lén đến nơi nào, lập tức phái quân chặn bắt, cốt hợp công việc, không cần chỉ đợi tư báo, phải dựa vào xử trí. Sau rồi thành phái Bồn nha tên là Ngôi chiêu dụ dân ấy ở yên như cũ, sai phái bạc tiền, áo, quần, thưởng cấp cho.

Vua lại sai mật dụ rằng : địa hạt Trấn Tây đất tốt màu mà thớ rão, đương khi tạnh nắng thì khô nóng lắm. Gặp có mưa lụt thì nước lớn đầy tràn, cho nên ít hợp với lúa, mà hợp với hoa lợi. Trước đã từng dụ sai khai khẩn, tuỳ trồng ngô đậu các thức ăn, không biết năm nay làm được bao nhiêu, có được hiệu quả không, hay là chỉ như năm trước, hao phí sức quân, chỉ vất vả mà không công. Lại tự trước đến nay, đặt ra phủ huyện, chia đặt quan người Kinh, đã xét chúng có điều tiếng gì, lòng dân thế nào ? Quả đều yên lặng cả không ? Nay được yên ổn vô sự, thế có thể làm được, các nơi chưa đặt ra, phải nên lần lượt cử hành, tuy không nên vội tính thành công, cũng không nên trì hoãn bỏ lỡ cơ hội. Chuẩn cho Tướng quân, Tham tán, hội đồng với bọn thự Đề đốc, Hiệp tán theo từng khoản tâu bày. Vả lại thổ quan ở Trấn Tây, nhân theo thói hủ lậu, từ trước đều có chia đất chia dân, chiếm

làm lợi riêng, nay mới chia đặt thì mối lợi ấy không tránh khỏi có lòng bề ngoài thuận theo, bề trong lại trái, việc ấy rất là quan trọng, phải xét kỹ cẩn thận, như người nào rất có không vui mà lộ ra lời nói sắc mặt, hoặc mang lòng trông ngóng mà ngầm mưu gian dối thì mật tâu để biết. Bọn Giảng mật tâu nói : hạt thành ấy hằng năm thường mưa lụt, ruộng lúa phần nhiều bị ngập tràn, cho nên chưa thấy thành hiệu công. Năm nay bắt đầu đắp đê điều, các ruộng khai khẩn cũ, mới trên 3.000 mẫu, cày cấy ước được 4, 5 phần 10, chính đương cần đốc thúc làm, nếu nắng mưa thuận hoà thì thu hoạch có thể hy vọng, không đến nỗi như năm trước vất vả không công. Lại trước đây đặt ra 13 huyện, bổ quan người Kinh, còn thì đương trù tính đặt thêm. Kể thì người mới theo về, phải dần dần cảm hoá, không dám tạm mong thành hiệu ngay, phàm các việc từ tụng thuế lệ, vẫn để các Thổ quan tự làm lấy, xem ra lòng dân cũng được thoả thiếp, không những không lộ ra lời nói sắc mặt, cũng chưa thấy có dị nghị. Duy Thổ quan ấy trước được chia đất, chia dân, nay mất lợi ấy không dám chắc là không có 1, 2 kẻ ngoan ngu chưa hết, ngoài mặt thuận theo, trong lòng trái, xin đợi xét được thực trạng, lập tức làm sớ phong kín tâu vào chờ Chỉ trừng trị.

Vua nhân đấy bảo bộ Hộ rằng : ruộng đất ở Trấn Tây tốt mà còn nhiều nơi bỏ không, đã ra dụ lượng trích biền binh đóng giữ và lính, phạm phát vãng ở đồn điền khai khẩn, cày cấy, mong cho đất cát ngày một mở mang, thóc gạo thừa thãi. Nay khai khẩn được trên 3.000 mẫu, về chăm chỉ chịu khó cũng là đáng khen. Nhưng ruộng ấy phần nhiều bị hạn, lụt tổn hại, nên thóc gạo thu được chỉ 4, 5 nghìn hộc, thì dùng sức nhiều mà hiệu quả ít, chưa đáng nói đến công, nên ra dụ sai quan thành ấy gia tâm khuyến bảo quân lính hết sức khai khẩn cày cấy. Từ năm nay trở đi, mỗi khi gặt xong, xét xem, nơi nào số thóc được 7 phần trở lên, thì chia làm 10 thành, chiểu theo quân khai khẩn trước, người có lệ lương thì thưởng cho 1 thành rưỡi và chia hạng làm danh sách tâu lên thưởng thêm để khuyến khích.

Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung Nguyễn Tự, thự Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung Trần Văn Triện dâng sớ nói : thành Trấn Tây tỉnh Hà Tiên địa giới đến phận man nước Xiêm đều là nơi trọng yếu ở miền Tây, từ trước đến nay, thú binh và thổ binh mới tuyển, chi lương rất nhiều, đã đặt đồn điền để cung, chi vào việc quân, nhưng lúc đầu khai khẩn, thóc gạo không được mấy, khi có việc thì không khỏi phải đặt mua ở dân, hoặc từ các tỉnh chở đến chuyển cấp. Kể thì việc biên phòng là trọng yếu, không thể không dự bị tích trữ, xin sắc xuống cho các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang mộ dân nộp thóc vào cho biên giới được đầy đủ rồi làm kho ở An Giang cho việc thu nộp được gần, thi hành vài năm, tích trữ tất đầy đủ, mà đồn điền ngày mở mang, thóc lúa càng nhiều, tự có thể giảm bớt phần đặt mua và chuyên chở.

Vua sai bộ Hộ bàn kỹ, cho là ở Nam Kỳ ruộng đất nhiều và tốt, dân phần nhiều đi buôn, nếu mộ dân nộp thóc ở biên giới, thì lương quân ở miền Tây đã không phải chuyển vận khó nhọc mà dân gian ở nhà quê nhờ được cách thưởng của triều đình, người này người khác trông nhau gắng sức, chăm chỉ làm ruộng cũng là một cách khuyên giúp. Xin sai các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang hiểu thị dân trong hạt, phàm có người tình nguyện nộp vào Nhà nước 500 hộc, thì được miễn thuế thân và binh, dao 5 năm ; nộp 1.000 hộc được miễn 10 năm ; nộp 1.500 được miễn 20 năm ; nộp 2.000 hộc tha hẳn thuế thân ; nộp 2.500 hộc, thưởng tòng cửu phẩm bá hộ ; nộp 3.500 hộc thưởng tòng bát phẩm bá hộ ; nộp 4.000 hộc thưởng chánh bát phẩm bá hộ ; có ai nộp quá 4.000 hộc cũng chỉ cho hàm bát phẩm, thưởng thêm cho áo quần đồ vật. Còn số thóc nộp vào kho, đều cho chở nộp ở thành Trấn Tây, chở đủ 3 năm thì thôi.

Vua y lời bàn ấy, lại chuẩn cho nếu có nộp thóc đến 5.000 hộc trở lên, thưởng quan thất phẩm, đến khi ấy do bộ tâu rõ đợi Chỉ. Sau rồi dân hạt Gia Định có 3 người tình nguyện nộp thóc 2.500 hộc xay thành gạo nộp ở Trấn Tây. Vua sai theo nghị tha miễn thuế thân, binh, dao có từng bậc.

Cắm giá gỗ ở ngoài kè đá thành Trấn Hải (Cách làm dùng gỗ tốt làm cột, mỗi giá 3 bộ, mỗi bộ 3 cây, dài 6, 7 thước, giá ấy chụm đầu vào nhau, choãi chân như hình móng chim ưng, ở chỗ ấy đóng xuống vững chắc, lấy tre vây kín, đổ đá ở giữa, mỗi giá cách nhau độ một trượng, đứng như chân đỉnh, lại dùng xích sắt xâu lại để ràng giữ nhau), kè đá ở mặt trước thành, nhiều lần vì sóng xói mạnh, lở sụt đã đóng cọc, bỏ đá cũng không chống được. Vua bèn chế làm giá gỗ, sai Thống chế Mai Công Ngôn đem biền binh đi đến làm, đợi một phen mưa lụt, thử xem thế ấy nếu đứng vững được không đổ, lại tiếp tục cho thợ làm.

Sai tuyển biền binh đội Hộ vệ, đội Cảnh tất dinh Thần cơ 200 người tập bắn các hạng súng thần công, đại luân xa và quá sơn, người được tinh thạo bắn thường trúng thì được thưởng, bắn không đúng phép thì phải phạt.

Cho Phó vệ uý vệ Cẩm y Hoàng Đăng Thận thăng làm Vệ uý ; Phó vệ uý Hữu dinh Hổ uy Lê Kim Trợ đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Cẩm y chuyên cai quản các đội túc trực ; thự Vệ uý vệ Cẩm y Hoàng Văn Hậu thực thụ Vệ uý, thự Phó vệ uý Hùng nhuệ tả Nguyễn Tiến Song đổi làm thự Phó vệ uý vệ Cẩm y, chuyên cai quản các đội thường trực.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở các địa phương (Quảng Nam 3 người, Quảng Ngãi 2 người, Bình Định, Quảng Bình mỗi tỉnh 1 người).

Hộ phủ Ninh Bình Trần Văn Trung đóng binh ở Thiên Quan chia phái đi bắt được mấy tên đi theo giặc trốn, các chính phạm là Quách Tất Tế, Đinh Thế Đội vẫn còn lọt lưới, vì hiện nay mưa dầm luôn mãi, không tiện ở lâu, dâng sớ xin về tỉnh tiếp nhận ấn quan phòng làm việc vẫn đốc thúc cả bọn thông gia anh em rể với giặc trốn và Tổng lý hết sức dò bắt.

Vua y cho, giáng dụ treo trọng thưởng, không cứ quân dân người Kinh người Thổ, ai bắt được, hoặc chém được bọn Tất Tế 2 tên giặc ấy đều được thưởng 500 quan tiền. Còn viên Án sát mới có chỉ thăng thự Bố chính Cao Bằng là Bùi Mậu Tiên, phải rút về ở tỉnh, chuẩn cho bàn nhau tìm cách, hạn trong 5 tháng bắt giặc bằng được để bù tội lỗi.

Các tỉnh ở Bắc Kỳ lần lượt tâu báo nạn dịch lệ, duy Hải Dương, Bắc Ninh rất nặng (dân 2 tỉnh ấy nhiễm bệnh chết, ở Hải Dương trên 2 vạn 3 nghìn, người ở Bắc Ninh trên 2 vạn 1 nghìn rưỡi).

Vua dụ rằng : bọn quan địa phương các ngươi, nên theo dụ trước hết lòng xét hỏi, phàm tất cả lại tệ, dân tình, cứ thực tâu lên, đợi Chỉ sửa sang, ngõ hầu nhờ kêu khí hoà của trời, dân ta đều được yên lành, không những chỉ đặt đàn cầu đảo, phát thuốc điều trị mà thôi. Tổng đốc Ninh - Thái Tôn Thất Bật bèn dâng sớ kiểm điểm việc tỉnh tâu lên : tỉnh hạt thần từ năm thứ 14, 15 trở lại đây, giặc cướp tự ý hoành hành, hình ngục rất nhiều, xử chém đến trên 700 người, sách có nói : người chết phi mệnh thành ra ác quỷ, hoặc là sát khí nhiều quá, không tránh khỏi hại đến khí hoà, nên có nạn dịch lệ ngày nay chăng ? Thuộc hạt thần, án lâu năm còn nhiều, bọn can về chiêu xưng, can về vu khống, phải giam đã lâu có người đến 5, 6 năm, trên 10 năm, mà trong đó vẫn có oan uổng, không minh oan vào đâu được, cho nên uất kết mà sinh ra nạn dịch chăng ? Lại dịch đặt ra chỉ để cung vào làm việc, nếu nhũng lại càng nhiều, thì hại dân thêm lắm. Nay hai ty Bố chính, Án sát và phủ huyện lại dịch, đặt ra còn nhiều, thậm chí không phải làm gì. Bọn chúng phẩm trật thấp, lương lộc ít, không thể tự cấp được, không khỏi lấy ở dân. Tuy không đến nỗi có tình hình múa bút coi thường pháp luật, nhưng nước chảy đá mòn, cũng đủ làm luỵ cho dân, cho nên phạm vào khí hoà mà sinh dịch lệ chăng ? Và hoặc thần kỳ các triều đã được phong tặng, mà Minh Mệnh năm thứ 3 phần nhiều xét ra bỏ bớt và đẽo bỏ chỗ đục chạm ở các thần từ, nên thần không yên, nhân đấy mà làm ra dịch lệ chăng, phàm các việc ấy thuộc việc mờ mịt, thần chưa dám cho việc ngờ hoặc ấy là tất nhiên. Thần vì bất tài, lạm nhận chức Tư mục, thế mà không biết tuyên dương đức hoá của nhà vua, cảm cách triệu được khí hoà của trời, để cho địa phương có tai hoạ lớn ấy là tội của thần và các bố, án chăn dân trị dân không hết chức vụ, tự xin bãi bỏ.

Vua dụ rằng : các điều kiểm điểm tâu lên của ngươi, như nói người chết phi mệnh thành ra ác quỷ, thực là phi lý, kia như kẻ có tội thì hình pháp không thể bỏ được, trừ kẻ tàn bạo để cho dân lành được yên, mà kẻ giết người phải tội chết, cũng là lưới trời khó trốn, nếu bảo trên 700 giặc bị chết thành ra ác quỷ, thì năm trước bè lũ giặc Khôi tiếp tục phải giết hàng nghìn mấy trăm người, từng thấy làm ác quỷ đâu ? Lại nói "nghi án oan uổng" thì năm trước đã có dụ sai các địa phương phải xét xử hình ngục cho xong, sao không hết sức làm đi, đến nay còn có án trên 10 năm không xét xong. Lỗi ấy đổ cho ai ? Mà muốn đem lời nói suông trút trách nhiệm cho người nào thế ! Lại nói lại dịch đặt thừa, ngầm làm mọt dân, thì triều đình đặt ra lại dịch để cho làm việc, nếu có ít việc, lại dịch nhiều, sao không tâu xin giảm bớt, hoặc có xét được kẻ tham nhũng gian giảo, không hiền, không nên đem ra nghiêm hặc, không nên hàm hồ nói suông như thế. Lại nói bỏ bớt phong thần kỳ, để thần không nơi nương nhờ, nhân đấy mà làm ra dịch lệ, nói thế cũng sai. Kìa như vua làm chủ bách thần, phàm thần núi, sông danh tiếng và trung thần liệt sĩ xưa nay đâu có tiếc ân phong, còn như đền dâm tà thờ nhảm như hoạn quan cuối đời Lê là Hoàng Ngũ Phúc, đâu được lạm cầu ân điển. Vả lại truất dâm thần là để tôn chính thần, đối với lễ là thích hợp, há nên lấy thế mà bảo bách thần không nơi nương nhờ, nhân thế mà làm dịch lệ ư ? Lại nói đẽo bỏ long phượng đục chạm ở thần từ, để cho thần không yên, càng sai quá lắm ! Kìa như đục chạm long phượng, là nghi chế của thiên tử, từ trước đến nay tiểu dân không biết ở các làng mạc, đem cái ấy để nịnh thần, thần nếu có thiêng, hẳn không yên, vì việc tiếm lạm trái lễ. Sách *Luận ngữ* có nói : từng bảo thần núi Thái Sơn không bằng Lâm Phỏng chăng ? Triều đình đem việc ấy sửa lại cho chính, thần đâu có lẽ không yên. Còn như tự xin bãi bỏ, cũng là nói suông không bỏ ích gì, bọn ngươi nếu quả thực có bất công bất chính, triều đình tất sẽ trị tội rõ ràng, đâu đợi tự xin, há có lẽ vô cớ mới gặp tai nạn bất ngờ, mà vội đem cách bỏ quan địa phương ư ? Trẫm thường xem Hán sử, gặp có tai biến liền mưu miễn chức tam công, trẫm vốn không khen. Kể thì thờ trời cốt thực, không cần văn vẻ, tức là ở việc làm ngày thường thế nào mà thôi. Nay nếu lấy việc ấy đem bọn ngươi hỏi tội thì thành sự thể gì, và thành tội danh gì, các ngươi nếu quả không xứng với chức vụ, nên phạm đến khí hoà của trời, dùng người không sáng suốt, trẫm cũng dự có trách nhiệm, đâu chỉ trách ở các ngươi, các ngươi chỉ nên xét mình nghĩ lỗi, làm hết chức vụ, không nên chỉ lấy lời nói suông để tắc trách.

Tổng đốc Hà - Ninh Đặng Văn Thiêm nghĩ lệ khí hơi lui, nên đình cấp thuốc công. Vua nghe tin trách rằng các hạt ở Bắc Kỳ chợt bị lệ khí lưu hành, trẫm một

lòng lo cho dân, chưa chút nào ngơi, ngay dù có bỏ châu ngọc ra mà chữa cho dân khỏi cũng không tiếc, người xưa từng có bỏ sừng con thông thiên tê để chữa bệnh, nghiền hổ phách để chữa vết thương, huống chi thứ thuốc ấy tốn phí có hạn ư ? Người gần đây làm việc phần nhiều không như trước, há chẳng phải ở ngoài lâu ngày không tránh khỏi tiếng siêng năng sau mệt mỏi mà thế chăng ? Nên lập tức lại phái đưa thuốc điều trị, ngày nào dân gian 10 phần lành khỏi mới thôi. Thiêm dâng sớ nhận lỗi, chuẩn cho giáng 2 cấp.

Tấn phong Trung quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự Vũ Lao bá Tạ Quang Cự làm Vũ Lao hầu ; Tả quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự Tín Vũ bá Phạm Văn Điển làm Tín Vũ hầu. Bọn Cự trước vì có chiến công được vinh phong tước ấp, nhiều lần được thăng cất, làm quan đến chưởng quân chánh nhất phẩm. Vua ưu đãi càng long trọng, cho nên có mệnh lệnh ấy.

Các phận biển ở cửa biển Nhật Lệ tỉnh Quảng Bình và cửa biển tỉnh Hà Tĩnh, giặc biển nhiều lần nổi lên, viên Tấn thủ chỗ ấy và quân bắt giặc tỉnh phái đuổi đánh chúng phải chạy, cứu thuyền buôn thoát khỏi, không mất một tý gì. Vua nghe tâu, khen ngợi, lại bảo bộ Binh rằng : giặc ấy quen ở mặt biển, thừa cơ sơ hở cướp lương thực, chưa bị một phen đánh mạnh, thế tất lại đến, nên truyền dụ quan tỉnh nghiêm sức binh thuyền tuần dương các cửa biển hạt ấy lại đi tìm bắt. Lại phi báo cho quan bắt giặc ở Kinh phái đi theo mặt biển hơi xa chiếm hẳn đầu gió chẹn đánh, nếu gặp thuyền giặc, cố sức đuổi đến cùng đánh giết, không cho lọt thoát.

Tổng đốc Hải - Yên Nguyễn Công Trứ từ Chàng Sơn về, nghe tin dân động Liêm Châu, cướp bóc ở biên giới châu Vạn Ninh, dân xã An Lương ở đấy đánh nhau với chúng, có người bị thương bị chết, bèn dâng sớ xin tư cho Tổng đốc hai tỉnh Lưỡng Quảng nghiêm sức tra xét.

Vua bảo rằng : giặc hèn nhỏ nhặt, việc gì phải tư cho hai tỉnh Quảng thường phải chậm trễ, nên sai tỉnh Quảng Yên tư cho Khâm Châu chuyển báo cho Liêm Châu, đại khái nói : bản hạt cùng với Liêm Châu địa thế liền kề, mà cương giới bên này bên kia có hạn định hẳn hoi, thế mà dân ở châu Liêm dám vượt địa giới lén sang cướp giết dân ở biên thuỳ, phái ngay quan quân đến đánh dẹp chẳng khó gì, nhưng bờ cõi rõ ràng, sợ trái điều cấm. Xin chuyển tư cho Liêm Châu tìm cách tra bắt, cốt được cả bọn cướp ấy, kết án trừng trị cho địa hạt được yên. Không thế, phải bẩm đến quan Tổng đốc hai tỉnh Quảng, thì lỗi tha kẻ cướp hầu đổ cho ai ? Sợ có không lợi lắm, nên tính ngay đi, cho viên ấy khuất lý sợ tội, không thể không gia tâm tìm bắt. Tỉnh thần Nguyễn Đồng Khoa và viên châu, vì để lâu không báo, đều

phải giáng chức. Đến khi tỉnh Quảng Yên tư đi, Khâm Châu không nhận cũng không trả lời. Vua bèn sai bộ Lễ chiểu lý viết công văn đưa đến quan Tổng đốc hai tỉnh Quảng để tra xét. Sau Tổng đốc hai tỉnh Quảng là họ Lâm trả lời nói khi nhận được công văn, tức khắc phái uỷ Tri phủ là bọn Tú Sơn, Văn Hy, hội đồng tra xét, đã xét ra lúc bấy giờ, dân động Khâm Châu là bọn Phạm Thiên Điều cùng với dân thôn châu Vạn Ninh vì cãi nhau gây nên đánh nhau chết hai mạng, thực không phải có tình trạng cướp bóc, nhưng phạm tội giết người, theo luật phải đền mạng, đã sức cho phủ châu ấy bắt ngay xử tội để răn kẻ hung bạo. Còn như Khâm Châu không nhận tờ tư của tỉnh Quảng Yên, thực là câu nệ, đã đem việc châu phán là bọn Tạ Chi Sinh, phân biệt răn bảo. Từ sau việc giao thiệp ở biên giới, nếu là việc nhỏ nhặt tầm thường, vẫn chiểu phép cũ, do châu Vạn Ninh tư cho châu phán nhận xét, giả sử có án trọng yếu phải tra, được tỉnh Quảng Yên tư cho, viên châu phán cũng phải tiếp thu làm việc ngay, cho khỏi chậm lỡ.

Bỏ bớt chức Tri sự ở phủ nha các địa phương. Phái viên Vũ Phạm Khải dâng sớ nói : Tri sự các phủ ở Bắc Kỳ phần nhiều tạ sự nhiễu dân, xin nên bỏ bớt.

Vua bảo rằng : triều đình đặt quan, cốt ở được người giỏi, không ở nhiều người, huống chi trách nhiệm của phủ huyện, cũng chỉ có bình lương từ tụng mà chức sự ở phủ nha không phải có phân biệt trọng hơn huyện nha, thì Tri sự đặt ra cũng là viên thừa, vả lại danh sắc thấp nhỏ, chưa khỏi xảo trá mưu lợi riêng, thành ra không lợi cho tiểu dân. Vua bèn chuẩn y cho bộ bàn, phàm Tri sự đặt trước ở các phủ và các phân phủ, bỏ đi hết, huyện rất nhiều việc, trước đặt hai lại mục cũng bỏ đi một.

Bộ Hộ tâu nói : "Bờ cõi nước ta dài suốt, đất cát phì nhiêu, mà vàng bạc của cải dưới đất sản xuất lại nhiều, cho nên từ trước đến nay, người buôn nước ngoài đều muốn đến nhờ đất lành của ta nhờ để làm ăn, đến khi về mua riêng mang kèm cho tiện nhẹ bọc, cũng là thế, không tránh khỏi được, để cho giá trị vàng bạc ngày càng cao vọt. Trước đây có đặt điều cấm, nhưng chỉ nói tới thuyền buôn, còn như đồn ải, địa đầu các đường bộ, cũng chưa nói đến. Xin sai các tỉnh biên giới Bắc Kỳ nghiêm sức các tấn thủ xét hỏi, phàm người Thanh buôn bán làm thuê làm mướn mà về nước, dám riêng mang vàng bạc ra khỏi địa giới, thì lập tức bắt giải đến quan xử theo luật trái phép, tang vật đến 50 lạng trở lên thì trị tội nặng, 120 lạng trở lên thì xử giảo giam hậu, còn tang vật sung công. Nếu tấn thủ tra xét không chu đáo và dụng tình cố ý tha, người khác tố cáo ra, thì phải tội, quan địa phương không xét ra cũng giao nghị xử, rồi đem tang vật bắt được ấy, lấy một nửa sung làm thưởng cho người cáo giác".

Vua y lời tâu ấy.

Bỏ bớt chức Tri huyện huyện Hữu Lũng tỉnh Bắc Ninh, cho phân phủ Lạng Giang kiêm lĩnh ấn vụ huyện Hữu Lũng (Huyện Hữu Lũng số đinh điền ít, cho nên bỏ đi).

Chuẩn định từ nay về sau, chương sớ các địa phương phát ngựa đệ đi thì không cứ việc hoãn hay cấp, đều do bưu chính đệ giao cho sở thị vệ tiến trình (trước do ty Thông chính), thuyền công phái đi công cán ở nước ngoài về, do cửa Đà Nẵng phái ngựa trạm đệ tâu thì cũng giao cho sở thị vệ đệ thẳng lên, (trước do bưu chính). Còn bưu chính tiếp được hiện giao cho sở thị vệ mấy phong, biên gửi cho thông chính làm bằng để xét, nếu có chậm lỡ thì tức khắc truy xét duyên có trị tội, định làm lệ mãi. Lại nghĩ từ trước đến nay, thuyền giải đồ vật xuất khẩu, hoặc theo lệ thường làm sớ tâu lên, hoặc chỉ tư bộ, phần nhiều phải chờ lâu. Chuẩn cho tự sau phàm thuyền mành, chở đồ vật do Kinh phái hay tỉnh phái, như các thuyền lớn : bọc đồng nhiều dây cùng chữ Bình, chữ Định hiệu An, hiệu Tĩnh từ 3 chiếc trở lên ; các thuyền Hải vận, Điện Hải từ 5 chiếc trở lên ; thuyền Chu, Ô, Lê và tào thuyền, dịch thuyền, thành đoàn từ 10 chiếc trở lên, đều do các tỉnh và các cửa biển Cần Giờ, Đà Nẵng được làm tập tâu riêng, đem cả ngày giờ xuất khẩu, đều làm sớ phát ngựa đệ đi để tin tức được nhanh.

Bố chính Hải Dương Nguyễn Hữu Khuê làm quan tham nhũng, bị phái viên Vũ Phạm Khải xét được sự thực chỉ tên hặc tâu, vua cho giải chức đợi xét. Lấy Biện lý bộ Hộ Ngô Kim Lân thăng thự Bố chính Hải Dương. Khi thành án, Khuê bị cách chức, về quê quán.

Triệu Tổng đốc Hải - An Nguyễn Công Trứ về Kinh. Lấy Tổng đốc Ninh - Thái Tôn Thất Bật quyền lĩnh Tổng đốc Hải - An ; Bố chính Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai gia hàm Tuần phủ, quyền giữ ấn Ninh - Thái Tổng đốc quan phòng vẫn lĩnh chức Bố chính. Nguyễn Công Trứ đem việc trù nghĩ phái uỷ đi tuần biển và ấn định biền binh giữ đồn làm tập tâu nói : giặc người Thanh, không những chỉ thuyền đánh cá, cũng có thuyền buôn người Thanh lúc cùng túng mà sinh việc. Quan quân thế khó ập bắt. Xin đem thuyền bắt được của người Thanh lấy 8 chiếc dùng được cho sửa chữa ngay rồi chọn biền binh đắc lực cho ngồi. Cứ từ Hà Tĩnh trở về Bắc đến Nam Định, chia nhau đi tuần chặn. Khi gặp lũ giặc thì dùng thuyền người Thanh đuổi thuyền người Thanh, chúng tất không thể trốn thoát, các binh thuyền ở Kinh phái đi chỉ đi tuần bắt từ Quảng Bình trở vào Nam, còn thì hãy bãi bỏ. Và ven tỉnh Quảng Yên nên đặt 3 đồn : 1 đồn ở xã Xuân Áng, gọi là đồn Ninh Hải ; 1 đồn ở

thôn Vậng gọi là đồn Tĩnh Hải ; 1 ở thôn Vĩnh Thực gọi là đồn Thiếp Hải, đồn Tĩnh Hải phái 1 Quản vệ, Cơ, 300 biền binh, 2 đồn Ninh Hải, Thiếp Hải, mỗi đồn 3 Suất đội, 105 biền binh để đóng giữ. Lại phái Thông phán, Kinh dịch, bát phẩm thư lại, hợp sức cùng làm việc.

Vua dụ rằng : về việc đi tuần biển, đã có nghị định chương trình các địa phương trở vào Nam, trở ra Bắc đều có phái binh thuyền chiểu hạt tuần tiễu, lại có quan quân bắt giặc đi lại tra bắt, tuy chưa bắt được thuyền giặc, nhưng lần lượt cứu thoát được thuyền buôn cũng nhiều, nay nếu vội rút về, chỉ đem 8 chiếc thuyền bắt được của người Thanh đi tuần chẹn, sợ người ngồi thuyền đã không phải là biền binh đắc lực, mà đường biển xa rộng, trông khắp sao được, có khác gì tự bỏ phên giậu đi mà muốn cho chúng sợ hãi không dám đi lại thì có được không ? Lời ngươi nói viển vông không thể làm được. Còn như canh giữ bờ biển, cũng là việc quan trọng, nhưng trù binh, trước hết phải bàn đến lương, phải cho chu đáo mới có thể làm được, việc ấy chuẩn giao cho tỉnh Quảng Yên tính liệu. Ngươi từ trước đến nay phần nhiều làm việc hồ đồ, nay đã có chỉ về Kinh, phải tuân lệnh đi ngay, không cần phải quá lo cho người khác.

Đến khi tỉnh Quảng Yên trù nghĩ tâu lên, vua lại sai bộ Binh xét bàn, cho là các đồn mới đặt, duy chỉ đồn Tĩnh Hải là ở trung độ, là nơi thuyền buôn, thuyền đánh cá người Thanh đi lại hội họp, quan quân đóng giữ, tất phải thuỷ bộ giúp nhau mới dễ được việc. Xin phái 100 bộ binh tỉnh Quảng Yên, 50 bộ binh đóng đồn ở tỉnh Hải Dương, 3 Suất đội, 4 chiếc thuyền, uỷ 1 viên Quản vệ, Cơ, chuyên cai quản ; đồn Tĩnh Hải, phái 30 biền binh, 20 thuỷ binh, 1 Suất đội, 2 chiếc thuyền để làm thế giằng co cho Tĩnh Hải ; còn đồn Thiếp Hải vẫn chưa dựng làm, mà nơi ấy liên tiếp dân cư, và cùng với 2 đồn kia hơi gần, tin tức cùng thông, khi có việc cũng trông coi cả được, nên bỏ đi, nhưng đặt làm cửa biển Thiếp Hải liệu cho 30 biền binh thuỷ bộ, 1 Suất đội, 1 chiếc thuyền để đủ cho việc tuần phòng quan báo mà thôi (Đồn Tĩnh Hải làm một nhà quan, 2 nhà quân, đặt súng Thành công, Thần công mỗi thứ 2 khẩu ; đồn Ninh Hải làm một nhà quân, đặt súng Quá sơn, Thần công mỗi thứ 1 khẩu ; cửa biển Thiếp Hải dựng một nhà vuông, cấp cho súng điểu thương khí giới, không phải đặt súng), đồn Tĩnh Hải là đồn lớn nên phái Kinh lịch hoặc bát phẩm thư lại mỗi người cùng theo viên Quản vệ làm việc, biền binh phái đi 6 tháng một lần đổi. Còn như lương quân lính, thì các đồn và cửa biển cách thành không xa, vận tải không khó, từ sau đến kỳ lương, xin phái về tỉnh kính lĩnh và cho lĩnh trước một tháng gạo lương phòng bị việc bất ngờ, ngõ hầu ổn thoả.

Vua y lời nghị ấy.

Thống chế dinh Hổ uy Lương Văn Liễu trước làm Đề đốc Thừa Thiên vì không xét biết tệ nhũng của viên đề lao, việc phát giác ra, phải giáng 3 cấp và phải đổi, chuẩn cho xét bổ, làm Phó vệ uý vệ Trung dinh Tiền phong. Cho Chưởng vệ lĩnh Thị vệ Nguyễn Trọng Tính quyền giữ ấn triện dinh Hổ uy.

Tiết Vạn thọ. Chuẩn định từ nay, phàm khánh tiết hằng năm, trước khi ấy quan có trách nhiệm dự dựng một rạp lợp cỏ ở giáo trường phía trước Kinh thành, lấy ngày 25, 26, 27, tất cả 3 ngày bày đặt diễn trò chơi để quan quân dân chúng họp xem cho cùng vui cả. Ghi lấy làm lệ.

Sai 2 bộ Lại, Binh kê khai danh sách quan viên văn võ trong Kinh và tỉnh ngoài, người đã bị giáng lưu thì lượng cho khai phục, mắc tội việc riêng cũng được dự. Lại sai bộ Hình xét ở Kinh và các trực tỉnh phàm tù phạm can án trảm, giảo giam hậu, người nào xét ra không có tình trạng hung ác, mà đã qua 2, 3 kỳ thẩm trở lên, đem ngay tội danh làm danh sách tâu lên để lượng cho khoan giảm, đến khi danh sách dâng lên, tù phạm phải chém là bọn Nguyễn Văn Thắng nhờ ơn được giảm tội chết, phát đi sung quân và làm binh hơn 80 người.

Vua bảo bộ Hộ rằng : năm trước kính gặp tiết Lục tuần đại khánh của Hoàng thái hậu rộng tha quan thuế 1 năm. Trẫm lại nghĩ người lĩnh trưng thuế quan tấn thường nhiều nhũng tệ, muốn bỏ hết đi, đình thần hoặc có nói từ xưa đặt ra thuế quan tấn, là để hạn chế việc ngọn, tôn trọng việc gốc, trẫm tạm nghe theo, nhưng cũng chưa cho làm phải, nay mới biết là thực phải. Vì tiểu dân suốt năm siêng năng khó nhọc, chỉ cung áo cơm đã chịu thuế ruộng, lại chịu thuế thân, mà dân buôn bán là nhà giàu, không chăm nghề gốc, nếu lại được miễn thuế, há chẳng thêm mối vụ ngọn ư ? Sang năm gặp khánh tiết Ngũ tuần của trẫm, về ân điển cũng nên hạn chế. Thuế buôn và tù tội nặng không nên tha cho tất cả. Nếu mỗi lần gặp khánh tiết, lại khoan tha cho, thì kẻ vụ ngọn may được miễn thuế công, kẻ tội nặng may được khỏi chém, còn thành chính thể gì nữa !

Đình thần tâu nói : sang năm làm lễ chúc thọ, làm lầu rạp các đồ vật trần thiết cần nhiều, xin thuê dân và thợ ở Bắc Kỳ 80 người, chiểu cấp cho tiền công để làm việc. Lại còn các thứ lụa hoa cần dùng và hàng Trung Quốc, hàng Tây chọn mua rất khó, xin tạm lĩnh của kho để dùng. Việc xong cứ theo nguyên thế nộp trả, chi quá thì chiểu giá nộp vào kho. Vua y cho.

Cho lính 2 tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương về. Vua bảo bộ Binh rằng : Các hạt ở Bắc Kỳ gần đây bị dịch tật, chỉ 2 tỉnh này là nặng, nhân nghĩ biền binh thuộc hạt ấy

về Kinh nguyên để lấy gỗ làm lầu rạp chúc mừng, nghĩa nên phải thế. Vả lại, có thể tránh được nạn truyền nhiễm, nhưng xa cách quê hương, có tai hoạ ấy, thì lòng nhớ gia đình người không tránh khỏi được. Nên cho về.

Cho lính Kinh chia ban nghỉ ngơi, vì cớ công việc hơi ít.

Triệu Tổng đốc Hà - Ninh Đặng Văn Thiêm về Kinh, cho Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Công Hoán quyền giữ ấn Hà - Ninh Tổng đốc quan phòng, Tuần phủ Hưng Yên Hà Thúc Lương quyền giữ ấn Sơn - Hưng - Tuyên Tổng đốc quan phòng ; Bố chính Nam Định Trần Quang Tiến quyền giữ ấn Hưng Yên Tuần phủ quan phòng.

Châu Thuỷ Vĩ tỉnh Hưng Hoá có Man Mèo trắng đến ở các động Ngọc Uyển, Sơn Yên. Quan tỉnh xin cho ghi sổ nộp thuế (số Man trên 40 người, hằng năm thu mỗi người 2 lạng bạc). Vua y cho.

Phái viên thuyền Nam Hưng từ Quảng Đông về nói từ trước đến nay tỉnh thành ấy cho người nước Hồng Mao bày hàng, 13 hàng trữ bán thuốc phiện. Người nước Thanh nhiều người hút, Tổng đốc mới Lâm Tắc Từ cho là phạm điều cấm, thu ngay tang vật đến trên 1.000 thùng, còn phái đi tra xét chưa hết.

Vua bảo bộ Công rằng : Thuốc phiện là thứ hao tiền của, hại mạng người, làm hại ghê gớm, già trẻ đều biết, đã giáng dụ Chỉ nghiêm cấm, khốn nỗi buôn bán thứ ấy được lời nhiều, cho nên chưa trừ hết kẻ bán trộm, thì chưa hết người hút. Nhân nghĩ thứ thuốc đều do nước ngoài nấu ra, không phải nước ta vẫn có, từ trước đến nay nước ta phái người đi nước ngoài cũng đã đinh ninh răn bảo, không được ngấm ngầm đem theo. Nay nghe tỉnh Quảng Đông nước Thanh phát ra vụ án lớn hút thuốc phiện, chính đương tra xét nghiêm cấm, thì thuốc phiện của người Tây mang sang không khỏi chuyển đến Hạ Châu bán rẻ. Nay thuyền Linh phượng về đậu ở Đà Nẵng, hoặc có kẻ không tốt tham lợi chở trộm, tuy tấn thủ đã có định lệ tìm xét, nhưng trong thuyền nhiều chỗ có thể giấu được, như trong gióng tre, trong chỗ ván ghép, giấu ngầm rất khéo, tra xét cũng khó chu đáo. Hoặc đến khi xét ra, hoặc nhận tiền của, cố ý tha, hoặc nể nang, che chở bao dung, nếu không phát hiện sự gian giấu, thì chúng lại được lấy thứ thuốc ấy làm của quý, tệ ấy bao giờ hết, nên phái viên Khoa đạo cùng Quản vệ vệ Cẩm y là Nguyễn Tiến Song đi đường trạm đến truyền họp các viên biền binh dịch thành tấn ấy và thành ấy tuyên chỉ bảo ban. Người nào có mua thuốc phiện đem về nhiều ít, cho đến quan quân tuần tra xét được thực tang, trót vì nể nang không phát giác, hoặc nhận hối lộ tha kẻ phạm, hoặc thông đồng mua để hòng lấy lợi, thì trong 3 ngày tự thú, tha tội cho. Nếu không

thú, việc phát giác ra, tất xử tội chết không tha. Lại mật xét nhà người ở phố chợ, nếu bắt được thực tang, lập tức bắt đưa về Quảng Nam tra xét. Lại nghĩ thuyền An dương về đậu ở cửa Cần Giờ cũng giáng dụ sai Án sát Gia Định Nguyễn Văn đi đến bảo ban như thế. Sau rồi tra xét hai thuyền đều không có mua về, duy dò xét phố chợ bắt được người và tang vật bán trộm, sai đều chiểu luật trị tội.

Tri huyện huyện Ba Nam thành Trấn Tây Bùi Bằng nghe người nói dân phủ Tây Ninh tỉnh Gia Định, xâm chiếm địa giới, nhân say rượu cưỡi voi vượt địa giới bắt đánh dân hạt ấy, phủ phái đến cũng đánh và nói : quan mày còn tâu trước chém sau ; chứ tao thì chém trước tâu sau. Tổng đốc Định - Biên Nguyễn Văn Trọng đem việc ấy tâu lên. Bằng bị cách chức.

Vua giáng dụ trách mắng bọn Tướng quân, Tham tán rằng dân thành Trấn Tây mới theo về lại là địa đầu quan trọng. Trẫm đã hướng về các ngươi, ân cần răn bảo, trong khi trù tính việc quân đội, ngoài thì vỗ yên dân biên thuỳ, cốt được lòng người thoả thiếp, bờ cõi là vững vàng. Nay buổi đầu chưa đặt quan, người Kinh mà chọn bổ chức Tri huyện là Bùi Bằng, là người đã dám nói bừa bãi, lại không hỏi phải trái, gặp người là đánh, đối đãi dân Kinh còn như thế, thì đối đãi bạo ngược đến thế nào ? Không biết bọn khanh ngày thường sửa sang phép làm quan ở chỗ nào ? Dạy bảo thuộc viên ở chỗ nào ? Vả lại, đặt quan, chia chức là để vì dân, quan không nhiễu dân mới có thể vỗ trị, như lũ ấy cho trị dân Kinh còn không được, huống chi cho trị dân Thổ mới theo về ư, khi có khích nên việc biến, việc quan hệ ấy không nhỏ. Nay nên xem xét quan người Kinh mới đặt, có dấu vết kém như thế, phải nghiêm hặc trừng trị, nếu không có dấu vết kém nào, mà là người hơi có lòng kiêu ngông tham hèn, Thổ dân không phục thì cũng triệt về đổi bổ, không được tạm dung chút nào. Bèn sai 6 bộ chọn cử các Chủ sự, Tư vụ hoặc Bát phẩm thuộc ty, không cứ văn học giỏi kém, nhưng lịch luyện thành thực có thể kham được việc chăn trị dân ngoài biên, thì mỗi bộ cử lấy hai người phái đến Trấn Tây chia bổ chức huyện.

Sai Bố chính Gia Định Hoàng Quýnh theo đường trạm đến Trấn Tây xem xét tình hình, lại theo đường trạm về Kinh vào yết kiến.

Đặt thêm ty Thừa biện ở các phủ Tôn nhân, Viên ngoại lang, Chủ sự mỗi chức một người.

Tả tham tri bộ Lại kiêm quản viện Hàn lâm là Hà Quyền chết, Quyền văn học giỏi giang, theo hầu ở viện, các đã lâu, vốn được vua cất nhắc. Lúc mới bị bệnh, vua thường sai Trung sứ mang sâm quế vua dùng để điều trị. Đến khi nghe tin chết, vua rất thương tiếc, tăng chức Thượng thư bộ Lại, cho 3 cây gấm Trung Quốc, 5 tấm lụa, 20 tấm vải, 500 quan tiền, sai phủ Thừa Thiên bắt thuyền đi hộ tang về quê

chôn. Con viên ấy còn nhỏ, chuẩn bị cho đợi đến trưởng thành do bộ dẫn vào yết kiến, lượng cho lục dụng, mẹ già còn sống hằng năm cấp cho 30 quan tiền, 20 phương gạo, sai quan địa phương thời thường thăm hỏi.

Vua lại dụ Nội các rằng : quan viên trong ngoài đều là thần tử triều đình, hoặc có người giống như tình huống của Quyền, cũng là đáng thương. Vả lại ân điển Nhà nước ban cho bầy tôi đương chức, thì lẽ cố nhiên phải thế, lại ban ơn đến bầy tôi quá cố, đã không mong đền báo mảy may, mà đạo hậu càng tỏ rõ, há chẳng cùng là việc tốt ư ? Nên sai ở Kinh do hai bộ Lại, Binh, ở tỉnh ngoài do quan địa phương, hỏi xét gần đây văn từ tam phẩm, võ từ nhị phẩm trở lên, không may, còn có mẹ già hiện sống, mà nuôi nấng thiếu thốn, thì chuẩn cho lập tức cứ thực tâu lên đợi trẫm ban ơn. Nguyên mẹ của Tuần phủ Lạng - Bằng Lê Đạo Quảng, Bố chính Định Tường Lê Hữu Bản đều ngoài 70, mẹ của thự Tuần phủ An Giang Ngô Bá Nhân tuổi ngoài 80, tiêu dùng không đủ, quan địa phương đem việc ấy tâu lên, chuẩn cho hằng năm chi tiền gạo cấp cho. (Mẹ Đạo Quảng 25 tiền, 15 phương gạo ; mẹ Hữu Bản 20 quan tiền, 12 phương gạo, mẹ Bá Nhân, 30 quan tiền, 25 phương gạo).

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Công Lê Văn Đức kiêm quản viện Hàn lâm.

Lãnh binh Bình Thuận Nguyễn Văn Tiến chết, lấy Vệ uý vệ Trung dinh Hổ uy Trần Nhữ Đoan làm Lãnh binh Bình Thuận.

Lấy Phó vệ uý Tả dinh Thần cơ Cao Văn Điệu làm Phó vệ uý vệ Hữu nhị Hữu dực dinh Vũ lâm ; Quản cơ Hữu cơ Nam Định Nguyễn Kiêm làm Phó vệ uý vệ Tả dinh Thần cơ ; Quản cơ cơ Hữu cường Tiền quân Lê Văn Dũng làm Phó vệ uý Trung dinh Hổ uy ; thự Phó vệ uý vệ Diệu võ dinh Long võ Nguyễn Hoá làm Phó vệ uý vệ Khinh kỵ, Quản cơ cơ Tả Nam Định Nguyễn Trọng Thao làm Phó vệ uý vệ Diệu võ.

Bộ Hộ bàn tâu xin từ sau phàm phái viên đi nước ngoài về nộp hàng hoá vào Nội vụ, Vũ khố đều phải biên kê tư bộ, hai nha vào sổ thu nhận xong, cũng cứ thực số tư để xét. Còn ở trong giao vật hạng ra, người đưa giao phải trình báo bộ ty trực thuộc ở hai nha để vào sổ, hai nha ấy cũng chiếu số tư bộ để lưu chiểu. Đến kỳ thanh tra do bộ theo từng khoản tư giao cho viên thanh tra xét lại ngõ hầu không thiếu sót. Vua nghe theo.

Năm tập thơ vua làm khắc đã xong (Từ mùa xuân năm Minh Mệnh thứ 18 đến mùa đông năm thứ 19, tất cả 509 bài, chia làm 10 quyển và 2 quyển mục lục). Thưởng cho chuyên biện và thợ làm việc 100 lạng bạc.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1830], mùa hạ tháng 5, các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, lúa chiêm được mùa to, 2 tỉnh Nghệ An, Ninh Bình là hơn cả. Sớ nói từ trước tới giờ, chưa bao giờ bội thu bằng năm nay. Vua được tin ấy cả mừng.

Đổi xây lại pháo đài ở bốn mặt trên Kinh thành và điếm canh của biền binh thủ hộ đài Trấn Bình (Đài có 25 sở, từ trước mỗi sở đặt 1 toà hoặc 2, 3 toà điếm canh đều dùng gỗ hồng sắc. Đến nay truyền mỗi đài 1 điếm, quy thức : trường 8 thước 1 tấc, ngang 7 thước 2 tấc, 3 mặt tả, hữu, hậu đều xây gạch, vách mở 1 cửa, cột cao 5 thước, làm bằng gỗ bền chắc có tiếng).

Cấp tiền công tiêu cho đồn cửa biển Thuận An (mỗi năm 15 quan) đồn cửa biển các địa phương lệ không có tiền công tiêu, Thuận An ở gần với kỳ điện, văn thư đi lại cũng bận, nên cấp phát cho.

Bố chính Vĩnh Long là Trương Văn Uyển cáo nghỉ về để tang. Cho Án sát Vĩnh Long là Trần Tuyên thăng thự Bố chính, Án sát Hà Tĩnh là Lê Văn Khiêm đổi bổ Án sát Vĩnh Long, Biện lý bộ Lễ là Nguyễn Văn Trinh bổ thụ Án sát Hà Tiên.

Nghị mở ân khoa. Dụ rằng : "Làm cho đời được thịnh trị, đào tạo lấy nhân tài là thịnh điển của nước nhà. Trẫm lưu tâm chuộng việc văn học, đặt khoa thi lấy người học thức, đã ấn định lệ cứ 3 năm một lần thi, làm phép nhất định. Sang năm gặp tiết thọ ngũ tuần của trẫm, đáng nên làm điển lễ vui mừng, thi ân cho bọn học trò. Ta nghĩ năm ấy chính tới kỳ thi Hương, nếu mở ân khoa thời lại trùng vào khoa

thi chính, nếu mở vào năm nay thì công việc khánh tiết rất bận, khó có lúc rỗi mà làm việc. Vậy chuẩn cho đến mùa thu năm Canh Tý, Minh Mệnh thứ 21 đặt làm ân khoa thi Hương, mùa xuân năm Tân Sửu Minh Mệnh thứ 22, làm ân khoa thi Hội. Còn khoa chính thì thi Hương lùi đến mùa thu năm Tân Sửu Minh Mệnh thứ 22, thi Hội lui đến mùa thu năm Nhâm Dần Minh Mệnh thứ 23. Vậy bộ Lễ truyền bảo cho học trò các hạt biết để chúng tự rèn giũa trước, để đáp lại cái ý tốt của ta sùng thượng văn học.

Binh tỉnh Nam Định là bọn Phạm Viết Huy, Bùi Đức Thể đến Kinh vượt bậc kêu rằng : ông cha chúng tôi đời đời theo đạo Gia Tô, năm ngoái chúng nhảy qua giá thập ác là do quan tỉnh bắt ép, không phải chân tâm chúng. Nay xin vẫn theo đạo ấy để được giữ tròn đạo hiếu làm con, chết cũng không hối hận. Tam pháp ty đem việc ấy tâu lên. Vua lấy làm lạ, nói : "Bọn chúng bị tà giáo dụ dỗ đã lâu, mê muội không biết hối cải. Trước tỉnh đã làm án, bộ đã phúc thẩm, người người đều nói đáng giết. Nhưng trẫm còn chưa nỡ vội khép vào pháp luật, tìm mọi cách hiểu bảo, mong chúng tỉnh ngộ. Kịp khi tỉnh ấy tâu chúng đã thành tâm bỏ đạo, thì lập tức tha ngay và lại thưởng cho. Nay chúng lại một mực ngoan ngạnh tối tăm, dám bỏ hàng ngũ vào Kinh khiếu khống. Cái hạng dân làm loạn ấy, há nên còn để chúng sống ở đời. Vậy truyền cho vệ Cẩm y áp giải chúng ra bãi biển dùng búa lớn chặt ngang lưng vứt xác xuống biển".

Tên cùng xử mật án là Đinh Đạt, ở tỉnh cho đem gạn hỏi lại, cũng một mực không chịu bỏ đạo, cùng đem giết cả. Đốc thần là Trịnh Quang Khanh vì tâu việc này hồ đồ, giáng 1 cấp. Lại mật dụ phân uỷ những người được việc đi dò hỏi xem những binh dân trong hạt theo tà đạo Gia Tô, người nào đã đến tỉnh tình nguyện bỏ đạo, đã bỏ hẳn tà giáo quay về đạo chính chưa hay là còn miễn cưỡng, không do bản tâm, những người chưa đến tỉnh tự thú, có đều cùng sợ phép, dần dần hối cải không, hay còn tụ hội giảng tập thầm kín với nhau, không bỏ thói cũ, thì cứ thực mật tâu, không được ẩn giấu".

Vua nhân bảo bộ Hình : "Đạo Gia Tô từ Tây dương đến, lúc bắt đầu chẳng qua chỉ dụ dỗ một vài kẻ ngu tối, về sau tụ tập rất nhiều hạng lũ mưu làm việc trái phép, cái án trước đã rõ ràng. Nhưng xét ra đạo giáo đó rút cục chỉ là rất càn bậy mà thôi. Thử nghĩ : cái việc thập ác, Giê-su tóm lại chẳng có đạo lý gì, mà cái thuyết Thiên đường nước phép lại là vô lý. Thậm chí thác việc cầu hồn để lừa khoét con người người [chết], mượn danh đồng trinh để dâm ô vợ con người ta, thương tổn phong hoá, chẳng những một điều ấy mà thôi. Thế mà những hạng ngu xuẩn không biết gì phần nhiều bị mê hoặc, những kẻ bất trung bất hiếu thường thường sa vào đạo giáo

ấy, học tập lâu ngày, tiêm nhiễm đã sâu, xướng lên một phái tà đạo, khiến cho thường dân nơi hương thôn không khỏi tin nghe, tuy can phạm đến pháp luật cũng không nghĩ đến, trước đã định ra điều lệ nghiêm cấm, đốt hết kinh sách, chiếm ở nhà giảng, đuổi người xa lánh, khiến không tụ họp được nữa ; lại tiết thứ đinh ninh bảo ban, muốn cho dân ta quay về điều thiện mà xa dời tội lỗi. Từ trước đến giờ khi phát ra án theo đạo Gia Tô, kẻ ngu bướng thì giết, kẻ hối cải thì tha, việc ấy thần dân trong ngoài đều tai nghe mắt thấy cả. Nay lũ binh lính Phạm Viết Huy, Bùi Đức Thể ở Nam Định cam tâm bội nghịch, pháp luật khó tha thứ, đã cho giết chết để nêu rõ tội. Duy có câu nó nói rằng : "không đổi việc ông cha đã làm là hiếu" là đáng ghét, là đáng giết ; không ngờ lòng người mê đắm đến nỗi như thế ? Vậy chuẩn cho lại truyền dụ cho quan các trực tỉnh thông sức cho quân dân trong hạt biết, ai trót theo đạo Gia Tô, đã từng được quan cho nhảy qua giá thập ác xin bỏ đạo thì nay nên hối cải, hẳn không được mặt thuận lòng trái, lại theo tà giáo ; ai chưa bỏ đạo thì đều đến tỉnh thành trình bày thú thực, liền cho nhảy qua giá thập ác, giày đạp lên 2, 3 lần, xét là do ở chân thành thì lập tức cho về. Kẻ nào bị mê hoặc che lấp đã sâu, lòng tà chưa sạch, nói bậy là không đổi việc làm của ông cha là hiếu, thì nên đem đại nghĩa hiểu bảo cho chúng rằng : trăm nết không gì hơn bất hiếu, nhưng sở dĩ gọi là hiếu là : thân thể, tóc da, do bố mẹ sinh ra, không dám huỷ hoại, là điều hiếu trước nhất, mà lập thân rạng rỡ danh tiếng, làm vinh hiển cho cha mẹ là điều hiếu sau cùng, há lại cho là không thay đổi việc làm của ông cha là điều hiếu được ư ? Khổng Tử nói : "3 năm không thay đổi đường lối của cha, khá gọi là hiếu vậy". Chu Hy nói : "Nếu không trái với đạo lý thì chung thân không đổi cũng được, nhưng nếu trái với đạo lý, sao lại đợi đến 3 năm". Như thế thì ông cha có làm điều không phải, con cháu nên thay đổi ngay, nghĩa ấy cố nhiên đã rõ ràng. Nếu không xét là việc làm của ông cha phải hay trái, thì ông cha khi sinh thời làm nghề cướp trộm tự làm cho mình bị tù tội chém giết, kẻ làm con làm cháu cũng noi theo mà không đổi ư ? Kể ra, lương tri lương năng, người ta ai cũng vẫn có, thế mà không coi cha mình là cha, lại coi người Tây dương là cha, không thờ tổ mình làm tổ, lại đi thờ đạo giáo Tây dương làm tổ, không biết kính thờ thần minh khi cúng tế tổ tiên nữa ; như thế đáng gọi là hiếu được ư ? Nếu ông cha chúng còn sống, một khi được răn bảo cho tỉnh ngộ, cũng tự hết sức hối cải chẳng rồi. Duy ông cha chúng, hoặc sinh vào cuối Lê, hoặc sinh vào triều nguỵ Tây Sơn là lúc giáo hoá suy đồi, không phải đời thịnh trị, tuy có lệnh cấm đạo Gia Tô, nhưng không biết lấy nghĩa lớn bảo cho người tỉnh ngộ, đến nỗi sau cùng vẫn bị mê hoặc. Nay triều đình nhàn rỗi, pháp lệnh nghiêm minh, người thiện tất được thưởng, kẻ ác tất phải phạt, khắp đất cùng trời, không ai là không noi theo giáo hoá. Ông cha mà có biết, há

chẳng mong con cháu họ hối cải để chuộc tội lỗi trước mà khỏi cái hoạ bại diệt ư ? Những kẻ làm con cháu, sống trong thời thái bình, nên tẩy trừ thói cũ để an ủi vong linh tổ tiên, há chẳng phải là đại hiếu ư ? Sao lại cứ u mê không tỉnh, tự mang tội vào thân mà đổ lỗi cho tổ tiên, cố chấp một bề, không biến thông thì cho là hiếu chăng ? Vả lại, cho việc không bỏ đạo Gia Tô là hiếu, tức là cố ý trái mệnh lệnh triều đình, theo pháp luật tất bị giết, như bọn Phạm Viết Huy, Bùi Đức Thể, thân làm nhơ bẩn rìu búa. Thịt làm mồi cho cá tôm, thế là thân thể của cha mẹ để lại không tự bảo toàn được, thì bất hiếu còn gì hơn nữa. Hoặc lại là con một, cô độc, một khi mắc vào hoạ ấy, tổ tiên không nơi nương tựa thì bất hiếu lại còn gì hơn nữa. Đem điều đó hiểu dụ, khiến cho chúng biết rõ. Nếu lần này, sau khi đã dụ bảo cặn kẽ mà chúng còn dám cho việc không bỏ đạo là hiếu, tức là dân làm loạn pháp luật, thì đao búa sẵn trước mặt, quyết giết chết không tha thứ.

Vua thường xem quyển *Tây dương ký sự*, bảo các quan rằng : Sách Tây có nói : "Đời vua Nghiêu bị nạn nước lên to, vua nước ấy lấy một chiếc thuyền lớn đem hết thảy nhân dân chim muông trong nước lánh lên ở trên đỉnh ngọn núi cao". Lại nói : "Trong khi nước to, trong nước chỉ còn bảy người, sau sinh sản ngày một nhiều, đều là con cháu bảy ông tổ ấy". Cái thuyết ấy thực không có bằng chứng. Lại nói : "Trong nước có một vị vua, sai người trong nước xây một cái tháp lên trời cao không biết mấy nghìn muôn trượng, toan lên chơi cung phủ của trời để xem xét cảnh giới trên trời. Trời sợ sai Thiên quan xuống làm thay đổi tiếng nói đi, để không thể sai gọi được nhau, cho nên cái tháp ấy không thành. Nay các xứ trong nước ấy, tiếng nói phong tục khác nhau, là bởi cớ đó". Thuyết này lại càng vô lý. Lại nói : "Người ta sinh ra trong khoảng trời đất, vốn xưa có một phái, vì ở riêng ra từng nước, cho nên phong tục khác nhau. Vì vậy người các nước đến buôn bán, người nước đó đều gọi là anh em". Lại còn : "vua nước đó ra đứng ở đường phố cho người nước cầm tay và hôn trong bảy ngày mới thôi". Đó cũng là cái tục hủ lậu quá lắm. Và quyển sách đó đều viết bằng chữ Hán, tất là người nước Thanh theo đạo Tây dương làm ra. Trong đó viện dẫn Kinh truyện, lời, nghĩa, lung tung lại không thành câu cú gì. Đọc quyển sách ấy cố nhiên không có gì đáng kể, chỉ sợ sau này có nhà văn Trung Quốc nào lưu lạc bất đắc chí đến ở nước đó rồi làm sách cho nước đó, thì đạo ấy sẽ thịnh hành, làm mê hoặc cho đời rất lớn vậy. Cũng như đạo Phật, kỳ thuỷ cũng chưa lan mạnh, đến sau các nhà văn sĩ phiên dịch rộng kinh Phật ra, lòng người bèn dần dần xu hướng, cũng giống như thế đó. Nay nên đặt điều cấm cho nghiêm để ngăn chặn đi.

Con trai Kiến An công Đài là Lương Kỳ năm trước bị bệnh mất, ban tặng làm Phụng ân tướng quân. Đến nay vua cho rằng chức hàm đã tặng ấy tham xét vào điển

lệ chưa được thích hợp, đổi tặng làm Phụng quốc khanh và đặt tên hàm là Mẫn Tuệ. Lại em ruột Phúc Long hầu Tôn Thất Vĩnh là Tôn Thất Tường, Tôn Thất Thuỳ, trước đã phong là Phụng ân trung uý, cũng đều đổi phong làm Trợ quốc lang, vị thứ trong ban vẫn ở dưới hàng lục phẩm.

Lính mộ tỉnh Quảng Yên là đội nhị cơ Quảng Yên (nguyên quán ở Bắc Kỳ), binh số hơn 60 người, chuẩn cho dồn làm đội Quảng Yên, bỏ tên cơ đi.

Thống chế các quân dinh thì chọn các viên Suất đội có thể làm nổi chức Thủ ngự được hơn 20 người, đã được Cơ mật viện và Nội các hội đồng sát hạch tâu lên. Vua nói : bọn này phần nhiều làm việc đã lâu năm, dự có công trạng. Nay tuổi già sức yếu, nên sai chọn bổ làm Thủ ngự, trao cho chức nhàn, đó là trẫm nghĩ thương đến công cần lao trước. Vậy truyền cho bộ Binh xét bổ vào những nơi ít việc, chớ cho về những nơi bận rộn để cho họ được dưỡng.

Bình Định có thuyền giặc người nước Thanh lén lút phát ra ở địa phận cửa biển Thi Nại, cướp lấy hàng hoá của người buôn rồi đi. Việc đến tai vua, viên bộ biển là Lãnh binh Phan Văn Hứa và quan tỉnh là Tôn Thất Lương đều bị giáng cấp.

Định rõ thể lệ thu phát gạo ở Kinh và ngoài các tỉnh (phàm số gạo đến 26 thăng trở lên, đều đong bằng hộc, không tới 26 thăng thì mới đong bằng phương. Nếu đã đủ số đong hộc mà đong lẫn lộn bằng phương thì khép vào tội "vi chế"[1] trị tội. Lại cho là ở thương trường việc thu chi nhiều, tỉnh ngoài như Nam Định, Hà Nội, Hưng Yên, lệ có việc vận tải lương thực, chuẩn cho được chiểu theo mẫu thức hộc Nhà nước phát, làm thêm ra để dùng (thương trường nguyên cấp cho 60 chiếc, làm thêm 40 chiếc nữa, Nam Định nguyên cấp 63 chiếc, làm thêm 7 chiếc nữa, Hà Nội nguyên cấp 26 chiếc, làm thêm 14 chiếc nữa, Hưng Yên nguyên cấp 34 chiếc, làm thêm 6 chiếc nữa).

Tiết Đoan dương, chuẩn cho Khoa đạo, Viên ngoại lang, Hàn lâm viện Thị độc đều được dự yến thưởng, ghi làm thành lệ mãi mãi.

Sai quan Kinh doãn làm lấy ruộng tịch điền.

Đổi tên cầu Bạch Hổ làm cầu Lợi Tế (ở địa phận xã Phú Xuân) ; cầu Huyền Hạo làm cầu Tịnh Tế (ở địa phận xã Thế Lại thượng).

Lãnh binh Sơn Tây là Diên Gia nam Vũ Đình Quang mất. Chuẩn cho ngoài lệ cấp tiền tuất, thưởng thêm 100 quan tiền. Cho Vệ uý vệ Hữu dinh Tiền phong là Lê Phụ Khuê làm Lãnh binh tỉnh Sơn Tây.

---

(1) *Vi chế* : làm trái chế thư nhà vua, một điều luật trong luật hình.

Định vị thứ trong ban của các thuộc viên ở bộ, viện. Vua dụ : Vị thứ trong ban ở triều đình, có quan hệ đến danh phận. Từ trước đến giờ, những thuộc viên ở bộ, viện mà cùng một phẩm hàm, thì vị thứ lấy viện Cơ mật ở trên 6 bộ, 6 bộ ở trên Khoa đạo. Xét ra là viện Cơ mật nguyên là lấy quan chức ở các nha khác sung bổ vào, chứ không có chuyên viên về ngôi thứ, chuẩn cho đều lấy chức hàm ở nha cũ mà ấn định. Còn như quan lại Khoa đạo viện Đô sát, tuy cùng với Viên ngoại lang 6 bộ đều là quan ngũ phẩm, nhưng là quan chức có quan hệ đến phong hoá và pháp độ, quan khác không ví được. Vậy chuẩn cho ở trước Viên ngoại lang Chưởng ấn Cấp sự trung 6 khoa trật Tòng tứ phẩm, cũng chuẩn cho ở trên các chức Thiếu khanh Quang lộc tự, Thiếu khanh Thái bộc tự, Tư nghiệp Quốc tử giám, Thị giảng học sĩ viện Hàn lâm. Từ tế sứ ty Từ tế. Đó là triều đình ưu đãi các ngôn quan[1].

Sai Nội các truyền cho 6 bộ : từ nay trở đi, phàm tuân lời trong phiếu Chỉ, đã được phê điểm rồi, mà tuỳ theo việc lại thay phiếu khác, thì phải đem ngay phiếu cũ nộp trả để huỷ đi cho khỏi trùng điệp.

Các tỉnh Khánh Hoà, Vĩnh Long, Hà Tiên tâu báo biền binh khẩn ruộng đã thu được một số thóc. Vua sai chiếu theo số thóc nhiều ít thưởng cho. (Khánh Hoà : ruộng hơn 140 mẫu, thu thóc hơn 2300 hộc, thưởng cho biền binh 200 quan tiền ; Vĩnh Long : ruộng hơn 120 mẫu, thu thóc hơn 140 hộc ; Hà Tiên : ruộng hơn 200 mẫu, thu thóc hơn 1400 hộc, đều thưởng cho 100 quan tiền).

Vua bảo thị thần : các tỉnh Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà đất dài hơn nghìn dặm, đất bỏ hoang rất nhiều dân cư thưa ít, nếu muốn di người nơi khác đến thì thường tình người ta ở đâu yên đấy, không muốn dời đi nơi khác, thế có phần không làm được. Nếu đem những tù phạm quân lưu đến ở, thì chúng là những phường ác côn, cho ở tụ một nơi cũng không tiện. Ngày trước Lê Thánh Tôn bình Chiêm Thành, di dân Thanh, Nghệ vào Bình Thuận, Khánh Hoà bèn làm được cái việc "dùng người trung châu biến đổi người rợ mọi"[2] thực là thủ đoạn anh hùng. Duy có lúc bắt đầu khai thác bờ cõi, cố nhiên phải tuỳ thời mà làm cho thích hợp. Nay đương lúc thái bình vô sự, dân Nam, Bắc 2 kỳ đương làm ăn yên ở với nhau, nếu di nơi này đến nơi kia, chẳng những làm cho người ta sợ hãi mà còn có cái lo chúng bị lưu ly thất sở, thì thực không nỡ. Nên chờ đó vài mươi năm sau, sinh ngày một nhiều ra, thế tất phải dần dần mở mang như các huyện Kim Sơn, Tiền Hải ngày xưa chỉ là một miếng đất hoang rậm mà ngày nay thành hai huyện. Có đất thì có dân, cũng là cái thế tất nhiên như vậy.

---

(1) Quan giữ chức can gián vua và hặc tâu những người có lỗi.

(2) Ý nói dùng người Kinh đến đồng hoá người Chiêm Thành.

Tỉnh thần Hà Nội tâu : Thuế tô 3 huyện Duy Tiên, Phú Xuyên, Nam Xang thuộc hạt ấy trước đã tâu lên, chuẩn cho được thu thóc về vụ hạ, thu tiền về vụ đông, làm thử 1 năm xem có tiện không. Nay thuế nộp đã gần đủ, hỏi dân gian đều nói là tiện. Huyện Thanh Liêm giáp giới, nay cũng xin như thế. Vậy 4 huyện này xin từ nay về sau, chiếu theo lệ ấy thu thuế. Vua y lời tâu.

Cho Vệ uý vệ Tiền dinh Hổ uy là Tôn Thất Khải đổi bổ làm Vệ uý vệ Hậu nhất, Tả dực dinh Vũ lâm ; Phó vệ uý vệ Cẩm y là Đoàn Quang Mật đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Tiền dinh Hổ uy.

Sai Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm Mai Công Ngôn sung làm Thống quản Hải vận ; thự Thống chế dinh Tiền phong là Trần Hữu Lễ sung Phó thống quản, đem dinh thuyền Hải vận ở Kinh và các tỉnh cộng 52 chiếc, tiếp tục đi Nam Định lĩnh chở tiền thóc tải về Kinh.

Bộ Binh tâu nói : 6 đội trong vệ Long thuyền, trước đã nghị định 3 đội, nhất, nhị, tam cứ để lưu lại cho đủ ngạch, còn 3 đội tứ, ngũ, lục rút về dinh Thuỷ sư. Hằng năm, từ tháng giêng đến tháng 6, công việc hơi bận, do các viên Đề đốc, Hiệp lý, theo lệ thi để bổ sung vào ; từ tháng 7 trở đi, công việc hơi thưa, lại cho về hàng ngũ cũ. Xét ra chức trách của vệ Long thuyền chỉ để cung ứng nước ngự dùng và coi giữ các thuyền ngự ; gặp khi nhà vua có đi tuần ngự đâu, thì theo hầu để bơi chèo mà thôi. Nay hiện đặt nhiều đến 6 đội, e chưa thích hợp với lúc bận, lúc rỗi. Vậy 3 đội, nhất, nhị, tam xin nên cứ để lưu lại nguyên ngạch, còn 3 đội tứ, ngũ, lục chọn bổ thêm ấy đều rút về Thuỷ sư sai phái. Nhưng do các viên Đề đốc, Hiệp lý thì thường trích ra một, hai trăm biền binh giao cho Quản vệ Long thuyền cùng với lính vệ ấy diễn tập, những công việc theo hầu ở đường thuỷ cho đều được thạo thuộc, thì lại gọi binh khác đến thay phiên thao diễn cho đến được lành nghề. Nếu bất thần có việc ngự giá tuần hạt nơi nào thì phái thêm đi theo hầu, việc xong rồi lại thôi. Lại, lệ trước, 3 đội Long thuyền, từ tháng 8 trở đi, chia làm 2 ban, nay xin đổi là 3 ban : 1 ban nghỉ ngơi, 2 ban lưu ngũ. Từ sau, chiểu theo đúng như lệ các hạng biền binh khác, cứ tháng 7 chia ban, tháng giêng đến đủ mặt. Vua y theo lời tâu.

Bổ thụ cho Đỗ Văn Sửu làm Vệ uý vệ Trung dinh Tiền phong ; Nguyễn Văn Lựu làm Vệ uý vệ nhất Trung bảo thuộc Trung quân ; Nguyễn Văn Cúc làm Vệ uý vệ Tứ hữu dinh Thuỷ sư Kinh kỳ ; Trương Cầm làm Vệ uý vệ Hữu thuỷ Gia Định ; Trần Hợp làm Vệ uý vệ Tả thuỷ Định Tường ; Phan Thành làm Vệ uý Thuỷ vệ An Giang ; Phạm Hề làm Vệ uý vệ Sơn Tây ; Nguyễn Văn Dy làm Phó vệ uý vệ Trung dinh Thần cơ, Phan Văn Lăng làm Phó vệ uý vệ Tiền dinh Long võ ; Tôn Thất Trúc

làm Phó vệ uý vệ Thủ hộ tiền ; Tôn Thất Trị làm Phó vệ uý vệ nhất Dực bảo Nguyễn Tuyên làm Phó vệ uý vệ Tiền dinh Thần cơ ; Dương Văn Thuận làm Phó vệ uý vệ Tả dinh Tiền phong ; Nguyễn Văn Phượng làm Phó vệ uý vệ Hữu dinh Hùng nhuệ ; Nguyễn Đình Phúc làm Phó vệ uý vệ nhất bảo thuộc Tả quân ; Hoàng Đức làm Phó vệ uý vệ Khánh Hoà.

Tổng đốc Thanh Ba[1] là Tôn Thất Bằng mất. Vua cho 2 cây gấm Trung Quốc, 500 quan tiền. Khi đám tang về tới nơi trú ngụ ở Kinh, cho thêm 400 quan nữa và sai bộ Binh phái lính đưa đi an táng.

Sai thự Thống chế dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Tiến Lâm kiêm giữ ấn triện dinh Long võ ; Chưởng trung quân là Tạ Quang Cự kiêm quản việc tập ấm vào sổ Hoa danh và đội Giáo dưỡng.

Viên có tội là Lê Đại Cương, Hoàng Quốc Điều phải đưa đi làm đồn điền ở đầu nguồn mạn trên.

Khơi vét đường sông An Giang. Vua dụ bộ Công : "Hạt tỉnh An Giang gần Thuỵ Sơn, có một đoạn là chằm cỏ rậm dài hơn 6.200 trượng, hai đầu tiếp giáp với sông cũ, phía dưới thông đến huyện Kiến Giang thuộc Hà Tiên rồi chạy thẳng ra biển. Nếu đào mở thành sông lớn, không những việc buôn bán lưu thông mà lại có thể khống chế được những chỗ hiểm yếu nữa. Năm trước đã cho đào mở gần thành dòng sông nhỏ ; sau lâu năm cây cỏ mọc um tùm lại thành hoang phế. Nay nước nhà vô sự, sức dân đương rỗi, nên kịp thời chỉnh lý lại. Vậy truyền cho thự Bố chính là Lê Quang Huyên mang theo vệ Giám thành do Kinh phái thân đến xét nghiệm, và nhân khi chưa đến kỳ mưa lũ, thuê nhân công mà làm. Chỗ cỏ rậm thì phát bỏ đi, chỗ bùn lầy thì khơi vét đi. Bất cứ sâu mấy thước, tấc chỉ cần mở rộng ngoài 3, 4 trượng. Rồi đem những bùn cỏ ấy vứt bỏ lên 2 bên bờ, cắm cọc giậu ngăn giữ, để giữa khoảng có thể thông được nước. Chờ đến mùa thu nước to, nước dòng trên chảy phóng xuống đó, thì bùn bị nước quét đi, đường sông nhất định phải sâu thêm. Rồi lại xét nghiệm lại tình hình tâu lên, để tiện đến đầu xuân nước cạn, nhân đó mà đào mở thành một con sông lớn để làm cái lợi muôn đời vô cùng."

Quang Huyên bèn bắt 2.000 dân trong hạt làm việc nửa tháng thì làm xong. (Đường sông dài tất cả 6.935 trượng, rộng hơn 4 trượng, giữa lòng nước sâu 2 thước). Vua ban khen, dụ chuẩn cho một dải sông ấy, đoạn mới đoạn cũ đều gọi là sông Thuỵ Sơn, thưởng cho Quang Huyên 1 đồng Phi long kim tiền hạng lớn, lại

---

(1) *Thanh Ba* : nguyên là tỉnh Thanh Hoa. Về sau chữ "hoa" huý mới chép là "Thanh Ba", đến năm Thiệu Trị thứ nhất đổi làm Thanh Hoá.

gia 1 cấp. Những người trông coi việc và chuyên việc đều thưởng kim tiền, ngân tiền có thứ bậc khác nhau.

Huyện Địa Linh ở Quảng Trị có nhiều nạn hổ. Quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua sai biền binh vệ Võng thành đến bổ vây bắt ; lại sai những tay thiện xạ, các đội Hộ vệ, Cảnh tất, Kim thương mang súng nhỏ súng lớn cùng đi. Sau khi đến, giết được 7 con hổ, khu rừng được yên tĩnh. Đặc thưởng cho ngân tiền, bạc lạng rồi rút về.

Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương tâu nói : nước lũ mùa hạ dâng lên hơn mọi khi, lại luôn luôn mưa gió, hữu ngạn sông Cửu An nước sâu hơn đê, tràn vỡ nhiều chỗ. Đã xét : về các huyện Kim Động, Phù Dung, Tiên Lữ, ruộng cao, thu hoạch đã xong, riêng có ruộng thấp lúa bị ngập mất ước 3, 4 phần 10. Những chỗ vỡ, đã đương bắt thêm binh, dân điền lấp lại. Vua bảo bộ Công rằng : "Những huyện hạt ở hữu ngạn sông Cửu An, mỗi khi đến kỳ nước lớn, nước sông dâng lên, khó hy vọng được mùa. Duy có con đê nhỏ ấy để giữ lúa chiêm chính đương mong mỏi được thu hoạch, để dân ta có cái trông cậy. Không ngờ lúa vừa chín bỗng bị tổn thương, lòng trẫm rất lấy làm thương xót. Tuy nước sông to hơn mọi khi, lại thêm mưa gió, sức người cố nhiên khó chiều thi thố, nhưng con đê ấy vốn thấp nhỏ, sao không biết trù tính giữ gìn tự trước, để đến nỗi trở tay không kịp ư ? Vậy Hà Thúc Lương, chuẩn giáng 1 cấp ; thự Án sát Ngô Văn Địch phạt bổng 1 năm để làm răn cho những kẻ không để tâm đến việc dân.

Bổ Bùi Công Huyên làm Đề đốc thành Trấn Tây ; Nguyễn Hợp làm Bố chính Quảng Bình ; Nguyễn Đồng Khoa làm Án sát Quảng Yên ; Vũ Doãn Cung làm Án sát Khánh Hoà ; Phạm Bá Thiều làm Đốc học Sơn Tây.

Cho Hữu thị lang bộ Hộ là Doãn Uẩn thăng thự Hữu tham tri bộ Hộ ; Tả thị lang bộ Binh là Vũ Đức Khuê đổi bổ Tả thị lang bộ Lại ; Biện lý bộ Binh là Trần Bưu thăng thự Hữu thị lang bộ Binh ; Viên ngoại lang bộ Binh là Vũ Tuấn thăng thự Lang trung bộ Hộ biện lý việc bộ kiêm coi ấn triện Thái thường tự ; Lang trung phủ Nội vụ là Nguyễn Đức Hoạt đổi bổ Lang trung bộ Binh và Đỗ Khắc Thư thực thụ Lang trung bộ Binh đều biện lý việc bộ ; Đại lý tự Thiếu khanh là Trương Hảo Hợp biện lý công việc bộ Hình ; Ngự sử đạo Thanh Ba là Phạm Khôi thăng thự Lang trung Vũ khố, cùng nhau hộ lý ấn quan phòng của Vũ khố ; thự Lang trung Mộc thương là Nguyễn Văn Công bổ thụ Lang trung phủ Nội vụ ; Lang trung Vũ khố là Nguyễn Văn Chính đổi bổ Lang trung Mộc thương ; Viên ngoại lang bộ Binh là Phan Hiển Đạt thăng thụ Lang trung bộ Binh ; thự Lang trung Vũ khố là Nguyễn Văn Tuân đổi đi thự Lang trung bộ Lại ; Trương Hảo Hợp, Phan Hiển Đạt,

Nguyễn Văn Công sau đổi bổ làm tứ phẩm Tản viên[1], chuẩn cho được hưởng toàn lương chờ bổ.

Sai Tả thị lang bộ Hình là Bùi Quỹ kiêm coi ấn triện Đại lý tự.

Đốc học Quảng Nam là Lê Duy Phiên lừa người lấy tiền, số tang tới 100 lạng, xử tội lưu. Cho thự Lang trung bộ Lại là Phạm Vũ Phác đổi sang Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, lĩnh đốc học tỉnh Quảng Nam.

Triệu những phái viên Khoa đạo là Lê Chân, Vũ Phạm Khải về Kinh cung chức. Bọn Chân được phái đi Bắc Kỳ xét hỏi trích ra những tệ tham nhũng của quan lại các tỉnh và Tổng lý các phủ huyện tham hặc tâu lên, phần nhiều được đúng sự thực, đều thưởng gia một cấp.

Tha biền binh các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Hà Tĩnh trở ra Bắc đều trở về hàng ngũ (lính các tỉnh đi kiếm gỗ về làm nhà lầu nhà rạp đã làm xưởng đem chứa cả một chỗ. Vua sai liệu lưu ít binh lính lại canh giữ, còn đều cho về, chờ sắp đến kỳ xây dựng, sẽ tuân nghị trước phái lính khác đến làm).

Làm thêm cho Kinh và các tỉnh 50 chiếc thuyền vận tải đường biển (ở Kinh và Nghệ An mỗi nơi đều 6 chiếc, Bình Định, Vĩnh Long mỗi nơi 5 chiếc, Quảng Bình, Thanh Ba, Bình Thuận, Gia Định mỗi nơi đều 4 chiếc, Quảng Nam, Định Tường mỗi nơi đều 3 chiếc, Phú Yên, Khánh Hoà, Biên Hoà mỗi nơi đều 2 chiếc. Lệ trước, mỗi chiếc trên dưới chở được 17 vạn cân, nay sai đóng rộng thêm có thể chở được 20 vạn cân). Vua nhân bảo các quan rằng : "Vận tải đường biển là một việc rất gian lao, nhưng nước ta phía sau tựa vào núi, phía trước trông ra biển, việc đi biển không thể không tranh thủ lấy cái nghề sở trường của mình. Nếu đi bộ 5 ngày thì đường thuỷ chỉ một lèo buồm là tới. Trẫm sở dĩ để ý đến việc thuyền là muốn cho quan tỉnh của ta tập quen đường thuỷ để phòng về lâu dài, không phải chỉ chuyên về việc vận lương hằng năm mà thôi".

Sai Thừa Thiên, Quảng Nam sửa sang đường núi Hải Vân. Vua dụ : "Hải Vân là chỗ hiểm trở thiên nhiên. Trước đây trẫm ngự chơi Quảng Nam, thấy đường sá gập ghềnh, đi lại không tiện, đã sức sai mở rộng sửa sang. Nay nghĩ trải qua năm tháng đã lâu, tất gai góc đã um tùm. Vậy đều phải chiếu theo địa phận từng hạt liệu thuê dân phu phụ cận, phàm chỗ nào bậc đá đổ khuyết, thì xây vá lại, chỗ nào cây cỏ mọc xen vào thì phát bỏ đi. Cần trong hàng tuần hàng tháng phải sửa xong hoàn chỉnh để tiện cho người đi lại.

---

(1) *Tản viên* : viên quan chỉ có hàm mà không có chức sự gì.

Sai các tỉnh Bắc Kỳ mua vàng theo thị giá. Vua bảo bộ Hộ : "Các tỉnh Bắc Kỳ số tiền dư dụ đầy kho mà hằng năm vận tải có phần vất vả, chi bằng tuỳ tiện đem ra trao đổi cho nguồn tài hoá được lưu thông. Xét ra vàng là vật giá cao mà chất nhẹ, giá cao thì cái giá trị phát ra giúp nhiều cho việc tiêu dùng của nhân dân ; mà chất nhẹ thì ít công đài tải, không đến nỗi người phải khó nhọc. Vậy truyền dụ các tỉnh chiểu số tiền trữ ở kho nhiều hay ít đem ra mua vàng (8 tỉnh : Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Hoá mua từ 100 đến 200 lạng ; 3 tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng đều mua từ 50 lạng trở lên. Bất cứ hạng vàng nào, hoặc vàng cám, vàng đĩnh, vàng phiến, đều mua cả). Lại thấy chuyến trước Kinh phái người đi mua theo thị giá các hoá vật ở 6 tỉnh Nam Kỳ đã được nhiều, chuẩn cho trở về Kinh cung chức. Còn về vàng thì truyền uỷ cho các quan tỉnh mua nộp. (Mỗi tỉnh 100 lạng hoặc 50, 60 lạng).

Vua hỏi ty sở Vũ khố, giá chất khói đen bao nhiêu tiền. Bọn đốc công cứ thực trả lời (1 cân khói giá gần 1 quan). Vua nói : chất khói tốt thì không gì hơn khói thông, thế mà xưa nay theo thói quen, cứ lấy nhựa trám hun lấy khói, thực là làm lãng phí bừa bãi. Vậy sai vệ Thủ hộ và phủ Thừa Thiên phái binh đi nhặt cành thông và lá khô, cây khô độ trên dưới 1 vạn cân, giao cho kho theo phép mà hun đốt lấy khói, chứa để dùng. Nếu còn làm hư phí của công như trước sẽ trị tội.

Nhắc lại lệnh cấm dân gian dùng lẫn 4 thứ tiền nguỵ Tây (Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh, Bảo Hưng). Vua dụ bộ Hộ : "Tiền có niên hiệu là để tôn trọng, phân biệt, có quan hệ đến niên hiệu dòng dõi nhà vua, há nên để có sự lẫn lộn. Trước đây Tây Sơn chiếm ngôi, đúc ra 4 thứ tiền có niên hiệu, dân gian theo nhau mà tiêu dùng. Đã nhiều lần ngăn cấm, đến nay gần 20 năm, còn nghe nói những tiền ấy vẫn còn ít nhiều sót lại, vẫn mua bán riêng với nhau. Vừa rồi, tiền kho Thanh Ba đệ nộp, xét thấy có những đồng tiền niên hiệu nguỵ, thì tiền ở những tỉnh khác vị tất không thế. Vậy truyền cho các quan tỉnh sức khắp cho dân trong hạt biết nhà nào chứa tiền hoặc có lẫn tiền nguỵ vào, hạn trong năm nay đều phải tự tiêu huỷ đi, hoặc muốn đem nộp quan, sẽ được chiếu theo dụ Chỉ năm trước mà đền lại cho (2 đồng tiền nguỵ hiệu đổi phát cho 1 đồng chế tiền[1] ; 3 đồng tiền kẽm nguỵ hiệu đều phát cho 1 đồng chế tiền). Không hỏi đến tội trước. Nếu quá hạn còn dám giấu riêng để tiêu dùng thì khép vào tội "vi chế" trị tội. Tiền ở kho tỉnh, nếu có lẫn lộn tiền nguỵ vào, cũng chuẩn cho tâu xin huỷ đi, không được chứa lẫn.

---

(1) *Chế tiền* : tiền của các đời tiêu dùng, có quy chế nhất định.

Chuẩn định : từ nay 5 lễ hưởng và các ngày kỵ ở các miếu và điện Phụng Tiên, bộ Lễ và viện Đô sát phải thay phiên nhau phái thuộc viên hội đồng cung kính kiểm điểm cỗ bàn, cần cho được 10 phần đông đủ sạch sẽ, nếu có ý cẩu thả, miễn cho xong việc thì bắt tội.

Định lại thể lệ dâng lụa thờ. Vua dụ bộ Lễ : "Tế có dâng lụa thờ là theo lễ. Từ trước đến chưa cử hành. Trẫm tham khảo điển lễ đời xưa, muốn cho đầy đủ cả tình và văn, nên việc tế tự mới dùng lụa thờ. Xét ra bàn thờ chính ở đàn Giao, các miếu đàn xã tắc, miếu đế vương các đời, Văn miếu, vũ miếu cùng các án 4 vị phối hưởng ở Văn Miếu, lễ cần long trọng, thì cứ theo như lệ cũ. Còn như các án thờ tòng tự (cúng theo) các miếu và tiên triết ở Văn miếu vũ miếu từ trước đến giờ cùng dùng lụa thờ, thực chưa được phân biệt nay bỏ đi" (10 án thờ những công thần, thân huân được tùng tự, 2 án thờ tiên triết).

Sai phát thứ bông của Tây dương chứa ở kho chia giao phủ Thừa Thiên, tỉnh Quảng Trị thuê dân dệt vải (phủ Thừa Thiên 4.000 cân, tỉnh Quảng Trị 2.000 cân, Mỗi tấm hết 4 cân bông, lấy mỗi tấm dài 30 thước, rộng 6 tấc 5 phân làm mức).

Định rõ những điều cấm về việc thu tô ruộng ở các địa phương. Vua dụ bộ Hộ : "Nước nhà trưng thu thuế khóa, đã có điều lệ thi hành, thực vì việc ấy có quan hệ đến quốc kế dân sinh, không thể không đặt ra hạn chế nghiêm ngặt để ngăn mối tệ. Tựu trung như một việc thử thóc, lệ trước mỗi thăng thóc lấy 2 thược[1] thóc nổi làm tiêu chuẩn, trẫm đã lượng đổi làm 3 thược, sau lại gia đến 4 thược, đó là muốn cho tiểu dân được dễ dàng việc nộp thuế. Nhưng triều đình dựng ra phép tuy là hay mà mánh khoé của bọn gian hoạt không cùng. Tóm lại, do quan địa phương không chịu tận tâm về việc dân để cho bọn nha lại, kẻ giữ kho được giở trò khôn khéo kiếm lợi riêng. Hễ có tiền đút lót thì thóc dù nổi quá lệ cũng thu cho ngay ; không tiền thì thóc dù sạch, dù tốt cũng không khỏi bị bác bỏ. Cho nên hộ nộp thóc không thể không nhờ cậy người thầu thóc kêu cầu với kẻ giữ kho, khó nhọc, phí tổn quá lắm rồi sau mới có thể nộp xong. Thậm chí vừa rồi phát xuất các cái án Lê Đức Tiệm ở Sơn Tây và Nguyễn Hữu Khuê ở Hải Dương, thì họ lại tư tình cho bọn thầu thóc được bao nộp cả để được tiền lời, dung túng cho gia nhân hạch sách để thông đường đút lót. Như thế thì hạng quan to chăn dân cũng làm bậy, trách gì bọn nha lại binh lính nhỏ mọn ư ? Kể ra kẻ tiểu dân cần cù lao động suốt năm, làm được hạt thóc để nộp thuế, lại bọn tham lam giảo hoạt, bọn buôn bán nhiều cách chiếm đoạt bóc lột. Quan trên đã chẳng lưu tâm cấm ngăn, lại thông đồng kiếm lợi, coi phép nước làm

(1) *Thược* : đơn vị đo lường.

giấy tờ suông, lấy công trường làm nơi kiếm lợi, để cho ơn huệ của triều đình ban cho tiểu dân, trở thành mối lợi đầy túi của bọn gian tà, thực là đáng giận.

"Vậy phải thông dụ cho các viên đốc, phủ, bố, án các trực tỉnh nên theo ý trẫm, phàm các việc thu thuế, thử thóc, đều phải tuân theo điều lệ mà làm. Bọn nha lại, kẻ giữ nhà kho, nếu còn có tình tiết làm khó dễ, bao giữ cho người thầu và hạch sách như trước nữa thì chuẩn cho lập tức bắt xích lại nghiêm trị. Bố, án tỉnh nào, hoặc có dụng tâm bất chính như Lê Đức Tiệm, Nguyễn Hữu Khuê, chuẩn cho Tổng đốc, Tuần phủ nêu tên hặc tâu ; Tổng đốc, Tuần phủ nào như thế, cũng cho phép Bố chính, Án sát được gửi riêng tập tâu hặc, không được có chút nào nể mặt. Đó là một nỗi khổ tâm vì dân của trẫm, từ trước đến giờ vẫn đinh ninh răn bảo, chẳng ngại se mồm khô lưỡi, trong ngoài đều đã biết cả. Bọn ngươi nên lấy lòng của vua cha làm lòng, có thế thì đổi đi, không thế thì cố gắng thêm, mới là không phụ uỷ thác. Thẳng hoặc người nào còn có cái tệ như thế, chẳng những là biết phép mà phạm phép, tội khó tránh được, mà mất hết lương tâm như vậy, cũng nên không kể là loài người vậy !".

Cho thự Bố chính Cao Bằng là Nguyễn Thế Đạo làm Hữu thị lang bộ Lễ, kiêm giữ ấn triện Quang lộc tự.

Sửa chữa điện Minh Thành. Sai Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm là Lê Văn Thao trông nom công việc.

Quan tỉnh Nghệ An tâu nói : dân số 2 huyện Thuỷ Vân, Quế Phong phủ Quỳ Châu thuộc hạt ấy là 350 người, trước chịu thuế quế, nay rút về, chọn lấy lính, gồm được 35 người, xin dồn làm thuộc binh của phủ, nhưng chia làm 2 ban, lệ theo sai phái. Lại, bọn chúng đều là người Thổ, trước định lệ cấp lương. Vua y cho làm.

Sai Biện lý bộ Hộ là Phan Thanh Giản đi Thái Nguyên khai lấy mỏ bạc Tống Tinh (thuộc hạt phủ Thông Hoá). Trước đây vua xem bản Kinh sao[1] của nước Thanh, thấy Tổng đốc tỉnh Trực Lệ nhà Thanh là Kỳ Thiện nói mỏ bạc Tống Tinh nước ta rất nhiều chất bạc, mà ta chỉ đánh thuế như thuế buôn bán cho phép người nước Thanh được khai, hằng năm họ lấy được 2 trăm vạn lạng bạc tốt mang ngầm về nước. Nhân thế vua phái Ngự sử Nguyễn Văn Chấn đến nơi khám nghiệm, Chấn tâu nói : mỏ ấy chất bạc khá nhiều, lấy thử thì công đào nhặt cũng dễ, xin chiếu ngạch thuế lĩnh trưng cũ mà tăng lên một nửa (ngạch cũ 100 lạng tăng 50 lạng nữa). Vua bèn sai Thanh Giản đem theo thị vệ, hộ vệ đi ngựa trạm đến sở mỏ,

(1) Cũng như kinh báo, do ở Kinh sao phát ra các tỉnh ngoài, chép các dụ chỉ vào chương tấu.

phát ra 4, 5 nghìn quan tiền kho tỉnh ấy, thuê lấy nhiều người trả công cao, hợp với bọn phu mỏ đào nhặt lấy bạc, rồi cứ theo việc làm khó hay dễ, số bạc lấy được nhiều hay ít, cứ 15 ngày báo về một lần.

Dựng đền thờ thần ở Mộc thương[1] (để thờ thần coi giữ về công việc. Đền ở bên tả kho, 1 gian lợp ngói, vách xây gạch, tường bao bằng gạch, lấy mỗi mặt vuông 1 trượng 5 thước làm mức độ).

Tổng đốc Hà - Ninh là Đặng Văn Thiêm tới Kinh, vào ra mắt vua, tự đem việc địa phương mình bị dịch lệ xin nhận tội. Vua nói : "thiên tai lưu hành, vua và tướng đều phải chịu lỗi, không phải trách nhiệm một mình ngươi". Lại hỏi : "Dân Bắc Kỳ theo đạo Gia Tô đã đổi bỏ hết chưa ?". Thiêm thưa : Dân ngu tập nhiễm đã lâu, chưa dễ đổi bỏ hết ngay được, nên phải dần dần. Vua nói : "Nghe nói nước họ có phép mở kỳ thi, người giỏi hơn thì lưu ở trong nước, để truyền giảng đạo giáo, người giỏi vừa thì chia đi ngoại quốc, đem tà giáo truyền dạy cho người. Họ ở đâu đều có chia phần đất phần dân để tự cai quản nhau, cho nên ngày thường thư tín đi lại với nhau nhanh như tờ hịch trên cắm cái lông gà. Cái mầm tệ ấy không nên nuôi cho lớn dần lên, phải cấm nghiệt để trừ tuyệt đi". Sau cho Thiêm làm Thượng thư bộ Công, kiêm quản Hàn lâm viện.

Sai bọn Chánh tứ phẩm tản viên là Trương Hảo Hợp, Nguyễn Văn Công, Phan Hiển Đạt, đem theo nhân viên giúp việc chia đáp thuyền hiệu Nam Hưng và thuyền nước Thanh sang phía đông công cán.

Định rõ lệ thuế những cửa quan, bến đò dọc sông lớn từ Hà Nội đến Nam Định. Lệ trước những người lĩnh trưng, hằng năm cứ đối giá cũ mà thầu cao lên để được thầu, đến khi ngồi thu thuế thì thu quá ngoại lệ (như các tiền trình báo, tiền công đếm, tiền đài tải, tiền đầu thuyền, thêm lên 1, 2, 3, phần tiền lệ) tiếng là 40 phần đánh thuế 1 phần, nhưng kỳ thực đến 1 hay 2 phần mười, dân buôn nhiều người kêu ca. Bèn chuẩn cho các quan tỉnh hội nghị lập ra điều lệ rõ ràng thi hành :

Đò chở hành khách, cho được chở từ bến Cẩm Cơ trở xuống đến bến Đằng Châu và từ Đằng Châu trở lên đến bến Cẩm Cơ ; lại từ bến Hào Châu trở xuống đến bến Nam Định, thì thôi, không được vượt quá giang phận ấy. Những đò ấy đi về, cho phép nhân viên quan thuế bến Mễ Sở được kiểm soát. Trừ hành khách nào đi không, chiếu lệ thu mỗi người 6 đồng tiền, còn những người có quang gánh, mà trong gánh có tới hơn 10 thứ đồ vật nặng tới 30, 40 cân, đáng giá độ 19 quan tiền

(1) *Mộc thương* : kho chứa gỗ.

trở lại, gọi là đồ thập vật, tức là hàng đáp đò, do phu đò chiểu thu thuế bến mỗi gánh 6 đồng tiền mà không được thu thuế người nữa ; nếu chưa đến 3, 4 thứ đồ vật đã thành khí, nặng ước 40 cân, đáng giá 20 quan tiền trở lên, tức là hàng buôn, thì cho phép nhân viên thuế quan cứ lệ 40 phần lấy 1 phần mà đánh thuế, lại trích mỗi gánh 6 đồng tiền giao trả về thuế bến.

- Nam ngạn Nhị Hà từ bến Cẩm Cơ, Bắc ngạn từ bến quan thuế Mễ Sở theo dọc sông cho tới ngã ba Hoàng Giang ở Nam Định do nhân viên quan thuế Mễ Sở kiểm soát. Nếu thấy có thuyền đậu ở chỗ vắng, đón lõng, chở những hàng buôn đáp ghép, tức là họ ẩn giấu trốn thuế, lập tức bắt giải quan xét hỏi. Nếu hành khách gồng gánh hoá vật ở trên đường hoặc buôn bán trên đường bộ bán đổi lẫn với nhau, cùng là nhân viên hai bên ven sông chở thuyền đi lại bán đổi hàng hoá, hoặc với đối ngạn, hoặc chẳng đối ngạn, mà phía trên không đến cửa thuế chính, dưới không vào cửa thuế xép, thì nhân viên quan thuế và phu đò không được viện cớ trốn thuế mà tạ sự quấy nhiễu, ai trái có tội.

- Phàm các hạng thuyền buôn, bè buôn đi sở quan thuế, phải theo lệ mà thu thuế, nếu kẻ nào dám thu quá lệ thì bắt tội. Quan địa phương còn hơi có ý bênh che, cho phép nhà buôn được đến hạt khác mà trình thưa để tâu hặc trừng trị. Lại như những thuyền không có hoá vật gì và thuyền chở thóc gạo theo lệ được miễn thuế, cùng là những thuyền cỏ, thuyền phân bón ruộng, đều cấm không được yêu sách).

Lũ Nguyễn Văn Nho, thuộc hạ ở phủ Kiến An công, lẻn đi Nam Kỳ mạo xưng là quan chức, làm văn bằng giả, cấp giấy miễn giao dịch, cho dân lậu sổ, để sách thủ tiền tài. Việc phát ra xử tội trảm giam hậu. Kiến An công vì sơ suất không xét ra, phạt 3 tháng lương, Phó trưởng sử là Trần Long Quang bị cách chức.

Trong Kinh kỳ khan mưa.

Phái viên thuyền An dương là Hữu thị lang bộ Binh Lê Bá Tú đi việc công ở Hạ Châu[1] về, đỗ ở cửa biển Cần Giờ, có chỉ lại sai đi Hạ Châu công cán lần nữa. Bá Tú thác cớ trùng trình đến cuối mùa, lỡ chiều nước chiều gió, không theo thuyền đi được rồi trở về, phạt giáng 4 cấp đổi đi nơi khác, sau bổ làm Viên ngoại lang bộ Công.

Bổ Nguyễn Thường Hứa làm Vệ uý vệ Nhị dinh Kỳ võ ; Phạm Văn Lợi làm Vệ uý vệ Nhất hậu bảo.

Bọn ác Man Quảng Nam họp nhau hơn 200 người vây bảo Chiên Đàn. Binh bảo ấy lên thành bắn chống cự lại. Giặc Man bèn phóng lửa đốt nhà dân, rồi tìm

(1) *Hạ Châu* : tức là Tân Gia Ba (Xin-ga-po) thuộc về Mã Lai bán đảo.

đường tẩu thoát. Quan tỉnh thấy lính hiện đóng giữ bảo ấy có ít, tâu xin phái thêm 100 binh mãn ban đến trấn áp. Vua cho phép.

Cho Án sát Quảng Bình là Phan Trước thăng thự Bố chính Cao Bằng, Nguyễn Xuân Quang mới đổi đến thự Án sát Ninh Bình, đổi đi thự Án sát Quảng Bình ; Bùi Mậu Tiên vẫn ở lại chức cũ Án sát Ninh Bình. Mậu Tiên trước đây có Chỉ thăng thự Bố chính Cao Bằng, sau bị giữ lại, bắt phải nã những tên can phạm trốn. Đến nay quá hạn không bắt được. Vua cho là việc bắt giặc không có công, há nên vội cho thăng đổi, nên có lệnh trên này.

Đốc học Thanh Ba là Hoàng Bình vì già ốm xin về hưu. Cho Viên ngoại lang bộ Hộ là Vũ Công Độ làm Đốc học Thanh Ba.

Bốn cơ lính mộ Trung, Tiền, Tả, Hữu thuộc tỉnh Hải Dương, hiện số hơn 800 người, chuẩn cho dồn làm 2 cơ Tả, Hữu.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839], mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 1. Bộ Lễ tuân lệ tâu xin thiết triều. Vua cho là gần đây nhân khan mưa, chính đương lúc cầu đảo, miễn việc thiết triều. Dụ truyền từ nay về sau, khi có việc vui mừng, hay ngoại quốc đến triều cống cần nên thiết triều, thì chuẩn cho đến kỳ ấy được tâu xin. Ngoài ra những nhật kỳ thường triều như ngày rằm, mồng một, nếu gặp khi có sai quan làm lễ cầu nắng, cầu mưa, thì không nên tâu xin thiết triều, để tỏ lòng kính sợ trời.

Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh ốm, chuẩn cho nghỉ công việc Cơ mật, cho Thượng thư bộ Công là Đặng Văn Thiêm sung chức Cơ mật viện đại thần.

Cho Vũ Tuấn, Lang trung bộ Hộ biện lý việc bộ làm Thiếu khanh Đại lý tự.

Thành Trấn Tây phái uỷ Tư vụ thuộc thành ấy là Vũ Hành về Kinh xin lĩnh chứng chỉ của bộ đi Hà Nội mua sắm đồ vật trần thiết ở nhà lầu, nhà rạp. Bộ Lễ đem việc tâu lên. Vua nói : "Việc trần thiết trong dịp khánh tiết chẳng khỏi chi bằng vật hạng của công, chẳng những một thành Trấn Tây mà thôi. Đây chẳng qua là Vũ Hành muốn tạ sự làm việc riêng. Phải tư cho thành thần ấy biết : về lễ phẩm kỳ khánh tiết sang năm, như loại ngọc lụa là do lòng chí thành của kẻ thần tử, thì chuẩn cho tự sắm lấy, còn các thứ trần-thiết khác, nên đến Gia Định là nơi gần mà sắm ; nếu sắm không đủ thì tư bộ mượn giúp của công mà bày cũng được, bất tất phải đi Hà Nội làm gì. Viên Vũ Hành nên lập tức cho gọi về".

Ấn định lệ kiểm soát thuyền chở của công. Vua dụ Nội các : "Những thuyền ở Kinh và các tỉnh đều có xét nghiệm mức ấn định trọng tải. Thế mà những người

quản giải và áp tải, phần nhiều thường dụng tâm giảm bớt mức trọng tải đi. Tức như chiếc thuyền Hải vận số 56, hiện nay việc lĩnh chở của công của Bắc Kỳ, nguyên lệ trọng tải thuyền ấy là hơn 176.000 cân, đã sắc cho bộ tính thì chỉ chở được có 154.000 cân, thì ngoài thuyền ấy ra có thể biết được đại khái. Mà từ trước đến giờ, 2 bộ Hộ, Công không hề cứu xét, thực là chưa được chu đáo. Vậy chuẩn cho từ nay về sau, các thuyền tải của công ở Kinh và các tỉnh, khi ra vào cửa Thuận An, về phần tiền gạo thì do bộ Hộ, về phần gỗ thì do bộ Công, đều phái Lang trung hoặc Viên ngoại lang trong bộ đến nơi kiểm nghiệm, hễ thuyền lớn chở kém đi 2, 3 nghìn cân, thuyền nhỏ chở kém đi 5, 6 trăm cân trở lên, phải lập tức tâu hặc để nghĩ xử. Những bộ ty này sơ suất hay tư tình cũng bắt tội.

Bộ Hộ tâu nói : "Mỏ vàng Tiên Kiều ở Tuyên Quang từ trước đến giờ thuê mộ người đãi mạt và dân phu để đãi lấy mạt vàng, hàng năm chỉ được trên dưới 20, 30 lạng, không thấy hơn lên được. Nay xin trả hậu lương, thuê thêm người làm và châm chước định ra hạn ngạch và mức thưởng, để chúng biết tự khuyến khích (Nguyên có 20 người đãi mạt, mộ thêm 22 người nữa, hợp với số dân phu cũ 28 người, cộng là 70 người, chia làm 7 đội, mỗi đội 6 người đãi, 4 dân phu. Người đãi mạt mỗi tháng trả công 9 quan, dân phu 4 quan 5 tiền. Số vàng đãi hằng tháng của mỗi đội ấn định là 1 lạng 7 đến 2 lạng làm hạn ngạch, đội nào không đủ hạn ngạch, tháng sau phải bù ; đội nào vượt hạn ngạch từ 2 đồng cân trở lên, thưởng bạc có thứ bậc khác nhau : Thí dụ 2 lạng 2 đồng cân trở lên, thưởng 1 lạng bạc, 2 lạng 4 đồng cân trở lên, thưởng 2 lạng bạc, cứ chiếu như thế tăng mãi lên". Vua y lời tâu.

Vùng núi Phú Bác, Nội Chiêm (tên 2 xã) thuộc Cao Bằng, chất vàng sản xuất rất nhiều. Có người lái buôn nước Thanh xin lĩnh trưng, mỗi năm nộp thuế 4 lạng vàng cốm, bán cho Nhà nước 4 lạng. Quan tỉnh ấy đem việc tâu lên. Bộ Hộ bác đi, là ngạch thuế ít quá không cho. Vua chuẩn cho quan tỉnh ấy phái thuộc viên đến hội đồng với viên Tri phủ sở tại Hoà An, mộ người khai mỏ, đặt tên là mỏ vàng Phú Nội, chiếu theo lệ mỏ Tiên Kiều Tuyên Quang thi hành.

Bộ Hộ phúc tâu về lệ thuế cửa tuần bến đò. Vua nhân bàn đến lệ thuế nhà Thanh, nói rằng : "Thuế ruộng của nhà Thanh không khác gì thuế ruộng nước ta ; còn ngoài ra, mỗi nước lập pháp một khác. Như thuế thân của họ thì người nghèo, người giàu cùng một lệ (mỗi người 1 quan 5 tiền), thu đã khó mà chẳng được là bao. Cho nên họ chẳng để ý đến, mà chỉ coi trọng thuế cửa tuần thuế bến đò mà thôi. Vì họ cho rằng số thuyền buôn của một chủ hãng, ít ra không kém 50, 60 chiec, nhiều ra đến hàng hơn 100 chiếc, số hoá vật vận tải kể hàng nghìn muôn. Phòng thuế cửa tuần, thuế bến đò chia đặt nhiều nơi, phàm các thuyền buôn đi qua,

liền căn cứ vào hàng hoá chở trong thuyền chia ra từng thành mà đánh thuế, thì rất dễ mà lại được nhiều. Lại đến việc lập ra thuế điệu[1], thì bất luận cái nhà lớn hay bé, rộng hay hẹp, chỉ tính một cái nhà đặt mấy cái cửa mà ấn định số thuế : cửa nhiều thì thuế nhiều, cửa ít thì thuế ít. Những nhà hào phú muốn tỏ vẻ mỹ quan, làm ra nhiều cửa, thuế nhiều cũng không tính đến. Nhân tâm đã êm thắm mà thuế lại thu được nhiều. Còn bản triều ta, các phép thuế tô, thuế dung[2] thuế điệu, đã có quy chế nhất định. Phòng thuế cửa tuần thuế bến lập ra không có mấy, mà thuyền buôn chở hàng hoá cũng chỉ đủ ăn, so với nhà buôn nước Thanh, cách nhau không biết gấp mấy lần, giả sử có lập pháp nhà Thanh thì sở đắc tưởng cũng không nhiều, chỉ làm khổ cho dân buôn mà thôi"

Thành Trấn Tây tâu nói : "Trước đây chia đặt quan chức huyện, đã căn cứ vào những nơi gần đồn bảo và những nơi ở trung tâm là 13 chỗ, xin sung bổ trước rồi. Nay chiểu theo địa thế gần liền, đặt thêm Tri huyện 10 huyện nữa (Tuy Lạp, Long Tôn, Tầm Vu, Tầm Đôn, Trung Hà, Ý Dĩ, Sơn Phủ, Trưng Thuỵ, Sơn Trung, Ô Môn) và cho lũ Đoàn Tụ, giáo thụ thành Trấn Tây đã có Chỉ cho khởi phục[3] sung làm, để khi lâm sự được dễ dàng giúp đỡ lẫn nhau. Lại 5 phủ Nam Vang, Hải Tây, Hải Đông, Sơn Tĩnh, Quảng Biên (Sơn Tĩnh, nguyên là Sơn Định đổi tên ; Quảng Biên thuộc tỉnh Hà Tiên) cùng 23 huyện, xin đặt Giáo thụ, Huấn đạo, Lại mục, Huyện uý còn khuyết đâu, lấy Quản cơ, Cai đội thổ trước sung vào". Vua y lời tâu.

Đạo trưởng người Tây dương là Dê-du-ni-mô tìm bắt đã lâu chưa được. Vua sai mật dụ cho các quan địa phương từ Hà Tĩnh trở ra Bắc rằng : "Tên phạm trốn là Dê-du-ni-mô nguyên từ nước ngoài đến hạt Nam Định dám đem tà thuật mê hoặc dân ngu, làm hư hỏng tâm thuật người ta, tội ác ấy không tha giết được. Trước đây ở Nam Định phát xuất cái án đạo trưởng Gia Tô đi lại thông đồng với nhau, lập tức xuống dụ sai kiếm cách nghiêm bắt. Bọn chúng cùng lũ người Tây Dương là Y-na-xu đều đã bị giết ; duy tên phạm ấy hãy còn lọt lưới. Năm ngoái đã xuống dụ trao giải thưởng hậu, bất cứ quan quân dân chúng, ai bắt được tên ấy, giải nộp quan, thưởng 1.000 quan tiền, hoặc tố cáo bắt được, cũng thưởng hậu. Kẻ nào dám dung chứa, ẩn giấu, thì cũng bắt tội như kẻ phạm. Lại truyền dụ cho từ Hà Tĩnh trở ra Bắc nghiêm sức thuộc hạt thám bắt cho bằng được để tuyệt mối dị đoan. Thế mà sự trạng ra sao, không thấy tâu báo gì cả. Xét ra một thân tên phạm ấy tuy bé nhỏ, nhưng quyết không thể náu hình được trong buổi trời trong sáng tỏ này. Chỉ là dân

(1) *Điệu* : thuế từng hộ.
(2) *Tô* : là thuế ruộng. *Dung* : thuế thân.
(3) *Khởi phục* : lại đem ra bổ dụng.

ngu theo đạo, mê muội không tỉnh, ngầm vì nó giấu giếm chứa chấp, mà quan địa phương cũng không chịu thực sự ra sức, hoặc việc đã qua là quên luôn, không lưu ý đến nữa hoặc làm hão tờ trát phát đi chỉ làm cho rầm rĩ không đâu, để nó được nghe tin mà khôn ngoan lủi trốn. Chẳng thế thì nó là hình dáng người khác, mũi cao râu rậm, rất dễ nhận dạng, há có thể trà trộn với dân ta mà trốn được lâu như thế ư ? Trừ ác cần phải tuyệt cả rễ, cả khóm, cái đó là do những người giữ gìn đất đai có chịu tận tâm hay không mà thôi. Nay chuẩn cho lại truyền dụ cho các đốc phủ, bố án các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoa, Ninh Bình, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, đều nên đừng để lộ ra câu nói sắc mặt và mật sai gia nhân, con em hoặc nhân viên thuộc tỉnh, người nào làm được việc và đáng tin cẩn lấy một vài người, giả dạng làm tín đồ đạo Gia Tô, đi khắp các thôn xã trong hạt, cẩn mật dò xét cho ra chỗ ẩn náu của Dê-du-ni-mô. Nếu săn bắt được nói giải nộp quan báo dẫn đi bắt được, thì lập tức tuân theo mức thưởng trong dụ trước mà phát thưởng cho. Quan địa phương sai phái được người giỏi theo mức ưu hậu mà ghi công. Nếu chuyến này đã nghiêm dụ rồi mà không chịu để lòng, uỷ người dò thám để tên phạm ấy được ẩn náu trong hạt mình, tất phải giao bộ nghiêm xét không tha".

Lại mật dụ các quan địa phương 6 tỉnh Nam Kỳ : "Dân các hạt có nhiều người lầm theo tả đạo Gia Tô, năm trước giặc Khôi làm loạn, bọn chúng phụ hoạ với giặc, ngầm ngấm giao thông với nhau, không phải một việc mà thôi. Kịp khi giặc Khôi bị tan vỡ tiêu diệt, thì chúng châu đầu chịu giết, hoặc tản mát trốn tránh, hoặc bội bạn sang theo nước Xiêm, coi sự bỏ nước của cha mẹ như bỏ cái giầy rách. Đó là kẻ mất hết lương tâm, cố nhiên không đáng kể đến. Nay chẳng rõ dân các thôn xã các hạt, trước kia từng học tập tả đạo Gia Tô, đã được lệnh nghiêm cấm, thì cũng đã cải tà đạo về chính đạo do tự chân tâm chưa ? Hay còn mặt thuận mà lòng trái, vẫn ngấm ngầm giảng đạo với nhau ở nơi thôn ổ vắng vẻ. Ngoài ra, có dân nào còn bị tà giáo tiêm nhiễm, họp nhau giảng thuyết không chịu quay đầu về hay không ? Tuy hiện nay địa phương yên tĩnh, bọn ấy quyết chẳng dám tự do càn bậy. Nhưng trừ điều ác ngay từ khi chưa nảy mầm, cũng nên xét thấu nguồn gốc để ngăn ngừa, cũng nên xét thấu nguồn gốc để ngăn ngừa sự chớm phát của nguyên nhân tập nhiễm từ trước. Vậy nay chuẩn cho đều phải uỷ những người thân tín làm được việc, mật đi dò hỏi, cầu cho được thực trạng, làm tập mật tâu lên".

Cho Nhất đẳng Thị vệ là Lê Văn Phú kiêm quản các đội Ngư hộ viện Thượng trà và đội Tài hoa (trồng hoa). Thị vệ trưởng là Lê Mậu Hạnh sung chức Hiệp lĩnh thị vệ.

Giáng Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Công là Lê Văn Đức làm Tả thị lang bộ Hộ, vẫn được giữ tước Ấn Quang tử. Đức trước làm Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên, từ việc tên nghịch phạm là Nguyễn Quảng Khải ở Tuyên Quang ra thú rồi lại trốn, đã nhiều lần cấp hạn cho để bắt, cuối cùng vẫn không bắt được. Sau khi Đức đổi đi rồi, vua lại trách cứ Bố chính là Trần Ngọc Lâm thân đem biền binh hợp với nguyên Án sát Nguyễn Văn Liễn đi khắp nơi tìm bắt. Đến nay Khải xa trốn sang đất nước Thanh, chỉ bắt được bọn lũ của Khải hơn 10 tên thôi. Việc đến tai vua, vua cho cái tội dung túng bọn giặc là do ở Đức, nên giáng chức. Lâm và Liễn cũng đều giáng 2 cấp. Lâm, chuẩn cho về tỉnh làm việc, Liễn thì về Kinh do bộ chờ bổ. Bộ biền là Phòng thủ uý Nguyễn Văn Biểu lại cấp cho một hạn nữa để đốc sức và cùng với Tổng lý sở tại tìm mọi cách thám bắt.

Giáng Tổng đốc Hải - Yên là Nguyễn Công Trứ làm Hữu tham tri bộ Binh. Trứ, trước kia đi Quảng Yên bắt giặc, làm việc không khéo, đến nay triệu về Kinh giao bộ Lại xét. Bộ xin theo lệ nịch chức[1], xử cách chức. Vua đặc cách đổi cho làm giáng xuống chức này.

Cho Lang trung bộ Công là Đỗ Khắc Thư cải bổ làm Lang trung bộ Lại biện lý việc bộ.

Quan tỉnh Ninh Bình tâu nói : Văn miếu của tỉnh ấy có thần tượng đức Tiên sư Khổng Tử và 4 vị phối hưởng mặc áo cổn, đội mũ miện, có phần khinh lờn, xin nên chọn chỗ đất đem giấu đi. Vua sai bộ Lễ bàn, bộ cho rằng đạo của Khổng Tử cũng như nguyên khí của trời đất tràn khắp lưu thông, không có thể hình dung ra được. Cho nên đặt bài vị để tôn thờ, theo lễ là phải. Còn nếu tô vẽ ra hình tượng, chẳng những có lỗi khinh lờn mà lại đem mặc cho mũ miện áo cổn là đồ phục dụng của bậc vương giả, thì trong sự thất lễ càng thêm thất lễ. Việc không nên để tượng ấy mà thờ đã rõ ràng lắm, đem chôn giấu đi là phải. Vua nghe theo.

Thuyền hiệu Hải Vận ở Kinh phái đi, khi từ Nam Định trở về qua ngoài khơi về phần đồn cửa biển Hà Tĩnh, gặp thuyền giặc xông lên đón chặn. Người áp giải là Suất đội Đặng Văn Trang hoảng sợ cuống quýt, trở tay không kịp, nấp vào lái thuyền. Giặc bèn lên thuyền, chém giết mấy tên binh đinh, cướp lấy súng lớn và khí giới rồi đi. Vua được tin ấy sai áp giải (Văn Trang) đến bờ biển chém đầu bêu lên cho mọi người biết. Quản đoàn thuyền là Phó lãnh binh Nguyễn Hữu Chính cùng các bộ biền Kinh phái, tỉnh phái cứu ứng, không nhanh đều bị giáng chức. Bèn sai thự Thống chế dinh Thần cơ là Nguyễn Hữu Thăng, Hữu tham tri bộ Binh là

(1) *Nịch chức* : không làm nổi chức.

Nguyễn Công Trứ quản lĩnh 10 chiếc thuyền binh nhằm phận biển từ Thừa Thiên trở ra Bắc suốt đến Chàng Sơn thuộc Quảng Yên để đuổi bắt. Lại truyền dụ các địa phương ven biển phái thêm thuyền binh ra ngay ngoài khơi, đi lại nghiêm nã ; ai bắt được thuyền giặc, lớn thì 1 chiếc thưởng 1.000 quan, bé thì 500 quan, bắt sống được bọn lũ của giặc mỗi tên thưởng 30 quan, chém được giặc mỗi thủ cấp cắt lấy tai thưởng 20 quan tiền.

Chuẩn định : từ nay trở đi phàm thuyền công phái đi ngoại quốc hay ra biển tuần tiễu, cùng là đi các địa phương tải đồ vật đều phải chiểu theo số cỗ súng xe đặt trong thuyền mà mang theo đạn lan can, đạn tống cương[1] cho đủ dùng, ghi làm định lệ (như phái đi ngoại quốc và ra biển tuần tiễu, mỗi cỗ súng xe mang theo mười viên đạn lan can, 200 viên đạn tống cương. Phàm các địa phương tải đồ vật, mang theo một nửa. Còn như đạn liên châu, ống phun lửa và hoả đinh cầu vẫn theo như lệ cũ).

Quan tỉnh Ninh Bình tâu nói : ngạch thuyền của tỉnh ấy gồm 7 chiếc thuyền ô, thuyền lê nhanh nhẹ, trước đã trích phái một đội lính Thuỷ vệ Hà Nội đến đóng giữ, năm thay đổi phiên một lần. Nay lính ở tỉnh lại chọn thêm được nhiều, xin lấy 3 đội ở cơ Ninh tráng thay phiên nhau coi giữ mà rút số binh phái trước về. Vua y cho.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Hình bộ Thượng thư là Vũ Xuân Cẩn làm Tổng tài sở *Thực lục*. Vua thấy Xuân Cẩn là bậc cựu thần tuổi già có danh vọng, lại am hiểu những việc cũ, nên có mệnh lệnh này.

Lại hạ sắc lệnh cho 6 bộ xét hỏi các quan trong Kinh và các tỉnh bất cứ tại chức hay đã hưu, người nào biết rõ những sự việc từ năm Gia Long trở về trước, thì kê tên tâu lên. Nhân bảo Tổng tài Trương Đăng Quế rằng : "Sách Thực lục biên chép cốt để làm sáng tỏ mãi về sau, cho nên trẫm muốn được người cũ hoặc còn ghi nhớ những việc cũ, tham khảo mà chép vào thôi". Đăng Quế thưa : "Trước đây tìm được một người kỳ lão ở dân gian, hỏi thì những việc về nguỵ triều Tây Sơn họ nói được rất rõ ràng, nhưng đến những sự thực về quốc triều thì lại không được hiểu lắm. Vua nói : "Những người như thế, cứ việc hỏi kỹ họ để dùng làm tham khảo. Đó cũng là việc góp da cáo để làm áo cừu, có gì là không nên".

Quan tỉnh Hưng Yên tâu nói : huyện Kim Động thuộc hạt ấy liệt vào hạng nha trung khuyết[2]. Nay xét công việc huyện ấy gồm có cả 4 điều : xung, yếu, bận rộn,

---

(1) *Lan can, tống cương* : chưa rõ thứ đạn gì.

(2) *Trung khuyết* : nơi nhiều việc vừa vừa.

vất vả khó khăn, xin nên đổi làm nha tối yếu khuyết[1]. Vua sai bộ Lại xét lại, rồi y cho đổi lại. Lại thấy các phủ ở Bắc Kỳ gần đây đặt thêm phân phủ chia nha riêng, thì công việc so với trước có đỡ bận, lại chuẩn cho châm chước nghĩ đổi định lại hạng khuyết. (Tỉnh Nam Định : phủ Thiên Trường nguyên trước là tối yếu khuyết, đổi là yếu khuyết[2], phân phủ là giản khuyết[3]. Phủ Kiến Xương nguyên trước là tối yếu khuyết, nay đổi là yếu khuyết, phân phủ là yếu khuyết. Phủ Thái Bình nguyên trước là yếu khuyết, nay đổi là trung khuyết ; phân phủ là giản khuyết. Phủ Nghĩa Hưng nguyên trước là trung khuyết, nay đổi là giản khuyết ; phân phủ là giản khuyết.

- Tỉnh Hưng Yên : phủ Khoái Châu để như cũ là yếu khuyết, phân phủ là trung khuyết.

- Tỉnh Hải Dương ; phủ Nam Sách nguyên trước là tối yếu khuyết, đổi là yếu khuyết ; phân phủ là trung khuyết. Phủ Bình Giang nguyên trước là yếu khuyết đổi là trung khuyết ; phân phủ là trung khuyết. Phủ Ninh Giang nguyên trước là yếu khuyết đổi là trung khuyết ; phân phủ là trung khuyết. Phủ Kiến Thuỵ nguyên trước là yếu khuyết, đổi là giản khuyết ; phân phủ là trung khuyết.

- Tỉnh Bắc Ninh : Phủ Thuận An nguyên trước là yếu khuyết, đổi là trung khuyết ; phân phủ là yếu khuyết. Phủ Từ Sơn để là tối yếu khuyết như cũ ; phân phủ là trung khuyết. Phủ Lạng Giang nguyên trước là tối yếu khuyết, đổi là yếu khuyết, phân phủ là yếu khuyết. Phủ Thiên Phúc nguyên trước là yếu khuyết, đổi là giản khuyết ; phân phủ là trung khuyết.

- Tỉnh Sơn Tây : Phủ Vĩnh Tường nguyên trước là tối yếu khuyết, đổi là trung khuyết : phân phủ là yếu khuyết. Phủ Quốc Oai nguyên trước là tối yếu khuyết, đổi là trung khuyết, phân phủ là trung khuyết. Phủ Quảng Oai nguyên trước là yếu khuyết, đổi là trung khuyết, phân phủ là giản khuyết.

- Tỉnh Hà Nội : Phủ Lý Nhân nguyên trước là yếu khuyết, đổi là trung khuyết, phân phủ là trung khuyết. Phủ Ứng Hoà nguyên trước là yếu khuyết, đổi là giản khuyết ; phân phủ là trung khuyết.

- Tỉnh Ninh Bình : Phủ Yên Khánh nguyên trước là tối yếu khuyết, đổi là trung khuyết ; phân phủ là trung khuyết).

Bắc cầu Cửu Lợi (cầu ở sông Hữu Hộ Thành bên ngoài cửa chính tây. Khoảng giữa cầu ấy liệu lượng bắc cao lên để thuyền nhỏ lớn qua lại được. Hai cầu

(1) *Tối yếu khuyết :* nơi rất nhiều việc.
(2) *Yếu khuyết :* nơi nhiều việc vừa
(3) *Giản khuyết :* nơi ít việc.

Hương Thuỷ, Tịnh Tế, ở quãng giữa cũng sẽ bắc lại như thế). Bắt 500 người biền binh của các tỉnh Nam Kỳ về Kinh hợp với 1.500 binh để làm. Sai thự Thống chế là Nguyễn Tiến Lâm trông coi công việc. Lại sai san sửa bằng phẳng quãng đất rộng ở cạnh đường bờ phía tây sông Hộ Thành (hạn rộng là 2 trượng rưỡi), quan, dân ai đến làm nhà ở đều cho cả.

Vua ngự đến sông Hữu Hộ Thành, khi qua chợ Vạn Xuân, có một đứa trẻ đứng ở cạnh xa giá. Lính dẹp đường quát đuổi đi. Vua nói : "Con trẻ biết gì, đừng đuổi" rồi nhân tiện cho đứa bé 1 đồng ngân tiền Phi long hạng nhỏ.

Phái viên là Ngự sử Trần Thiện thấy Yến hộ binh ở bảo đi lấy ổ yến ở đảo Côn Lôn không được bao nhiêu, dâng sớ hặc là bất lực (nơi này các đảo có 16 hang yến, lấy được 448 ổ). Vua đặc miễn tội cho, chuẩn cho các nơi sản ra ổ yến, hằng năm bắt binh ở bảo phải đi kiếm về nộp, nếu dám ẩn giấu trị tội. Thiện lại đi bảo Phú Quốc thuộc Hà Tiên xét hỏi về sản vật trầm hương, mua được một lạng đệ nộp. Vua bèn chuẩn y lời bộ Hộ bàn, lấy tháng giêng sang năm bắt đầu, do tỉnh thần liệu phái biền binh các bảo sở thuộc, người nào am hiểu việc tìm trầm hương thì đi lấy trầm, lấy được bao nhiêu, cứ 3 tháng một lần báo về bộ. Đến cuối năm, đem cả tình hình việc tìm kiếm khó dễ thế nào, làm tờ tâu, chờ Chỉ tuân hành.

Bổ : Lê Văn Thảo làm Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm ; Nguyễn Tiến Lâm làm Thống chế dinh Hùng nhuệ ; Đoàn Văn Suất làm Chưởng vệ vệ nhất tả dinh Thuỷ sư ; Lê Viết Chuyên làm Vệ uý vệ Tả dinh Long võ ; Phạm Văn Thành làm Phó vệ uý vệ Tiền dinh Tiền phong ; Trần Vũ làm Phó vệ uý vệ Tả dinh Long võ ; Trần Quỳnh làm Phó vệ uý vệ Hậu dinh Hổ uy ; Vũ Văn Chi làm Phó vệ uý vệ ngũ, trung dinh, Thuỷ sư ; Nguyễn Cửu Đức làm Lãnh binh Nghệ An ; Ngô Văn Giai làm Lãnh binh Thanh Ba ; Trần Ngọc Cẩn làm Lãnh binh Hưng Yên ; Tạ Văn Linh làm Phó lãnh binh Định Tường ; Phan Tùng làm Phó lãnh binh Thanh Ba.

Thành thần Trấn Tây tâu nói : tiếp được thư phủ Hải Tây thám báo rằng : người thuộc Man nước Xiêm là Xương Mại quấy rối, đánh nhau với đầu mục Xiêm là Phi Nhã Chất Tri. Chất Tri thua, rút lui. Quân Man thừa thắng đánh lấy được 2 phủ nước Xiêm, đến nỗi tù trưởng giặc Xiêm phải khẩn giục tên Xú Pha Hoạ Di đem hết số lính đương đắp thành Lò Gò về Vọng các để sai phái.

Vua nói : "Việc đó tuy nghe được ở tin thám báo, nhưng chưa biết hư thực thế nào. Duy có bọn lũ giặc Xiêm vốn cho tên Xương Mại là giỏi hơn cả, xưa nay vẫn trông cậy làm đắc lực, mà tướng Xiêm là Chất Tri cũng là tâm phúc của tù trưởng giặc Xiêm. Nay Xương Mại vô cớ quay giáo chống lại, đánh Chất Tri phải chạy,

cướp lấy 2 thành, lại có đồn binh Ô Đỗ giáp giới toan đến xâm nhiễu. Như thế đủ tin rằng sự thế giặc Xiêm đã suy sụp quá lắm, trong lòng chúng không khỏi khiếp sợ, chỉ e quân ta đánh ở phía sau. Vả lại tên Xú Pha Hoạ Di đã vội mang số quân đắp thành về Vọng Các, chẳng rõ chúng có lưu quân đóng giữ và phái người khác đóng thay ở địa phận Lò Gò không ? Nếu quả là bỏ không đất đấy, thì cái thế nó đã khiếp sợ, nên hãy thử phô trương binh uy một phen là tự khắc biết rõ tình hình của giặc thực hay giả. Vậy chuẩn cho Tướng quân, Tham tán lập tức mật sức Lãnh binh là Vũ Đức Trung mau mau chọn lấy 1.000 hoặc 500, 600 binh đinh người Kinh, Thổ vào hạng giỏi giang, giả danh là đi săn, cứ rẻo theo biên giới trên cõi đất ta mà cho diễu binh, để xem chúng làm ra trò gì, rồi trong vài ba hôm thì trở về, không được càn bậy, sinh chuyện hiềm khích nơi biên giới. Nếu chúng dám đem quân chống lại hoặc đón chặn trên đường, hoặc đuổi theo phía sau, thì phải đánh giết thật lực, đến hết địa phận thì trở về, nhất thiết không nên lấn sang đất giặc một bước". Đức Trung đem quân tiến sát đến cõi ven, thấy đồn giặc phòng giữ sơ sài, xa gần chạy, khóc xôn xao, không ai dám chống cự. Ở vài ngày phao ngôn là nghỉ săn, đem quân về, báo cáo về thành tâu lên. Vua nói : "Xét nghiệm tình hình này thì đủ biết là trong nước, giặc Xiêm hữu sự, bờ cõi hư không. Đức Trung đi chuyến này, lúc đi lúc về đều làm hợp sự cơ, thưởng cho gia một cấp và thưởng chung cho quan quân 300 quan tiền. Nay một rẻo Hải Đông, chúng rất là hoang mang luống cuống, đã nhòm thấy được một đầu mối. Về địa đầu Hải Tây cũng nên theo thế mà làm. Chuẩn cho Tướng quân, Tham tán, nếu hiện có mưa lũ, không tiện hành quân thì thôi, nếu còn khô ráo, nên mật sức cho Phó lãnh binh là Tôn Thất Quỳ hoặc một vài người Quản vệ đắc lực đương đóng giữ ở đó mang theo quân lính giỏi, cùng giả danh là đi săn, đến thẳng chỗ tiếp giáp với địa giới Bắc Tầm Bôn diễu binh một chuyến để xem động tĩnh hư thực của chúng rồi chờ sẽ liệu sau".

Vua từng bảo thị thần : "Trẫm khi còn nhỏ, nghe nói người Xiêm lấy mật người làm vải hoa. Bắt đầu không tin, sau hỏi người Chân Lạp mới tin là có thực. Lệ cũ của Chân Lạp, mỗi năm phải cống cho nước Xiêm 20 bộ mật người. Có người đã lấy mật đi rồi mà vẫn sống, nhưng chỉ ngớ ngẩn điên cuồng, không nhớ việc đời nữa. Kể ra, nhân mệnh là chí trọng, mà tục Man như thế, thực là ngu quá lắm !".

Những tù phát phối [đầy] đến sở đồn điền ở Trấn Tây, có kẻ nói với mọi người rằng : "Việc làm rất khổ. Nếu có người Xiêm đến, tôi sẽ rủ lũ tù trong 12 trại bẻ xiềng xích cướp khí giới hưởng ứng giặc, dù quan quân quản thúc cũng chả làm gì được". Cũng có kẻ hùa theo mà nói là "việc ấy khoái lắm". Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng đem việc tâu lên. Vua sai đem chém, rêu rao cho mọi người biết.

Vua nhân dụ rằng : "Trấn Tây là đất trọng yếu ở nơi cõi ven, xưa nay số tù phạm phát phối đến đấy nhiều hơn nơi khác. Nay lại có cái hạng không sợ nói ra miệng như thế, thì những đứa trong lòng muốn làm loạn e cũng không ít. Các Tướng quân há không lo đến việc này hay sao ? Từ nay nên lưu tâm phòng ngừa, một khi có kẻ nào nói ra câu bội nghịch, chuẩn cho đem chém tức khắc, rồi tâu sau, không cần chờ phúc y".

Thành Trấn Hải thấy toàn đoàn thuyền vận lương vào cửa biển được thanh thoả, đương đêm theo lệ bắn ba phát súng. Vua sai hỏi mới biết đầu đuôi. Nhân bảo Nội các : đương đêm mà bắn súng lớn thì những dân Man không biết gì lại chẳng lấy làm kinh ngạc ư ? Trước đây bộ nghị không nói rõ là ngày đêm, thực chưa chu đáo. Vậy đổi định, từ nay phàm các thuyền vào ra cửa biển, thì ở thuyền, ở thành đều chiếu lệ thường bắn súng, nếu gặp ban đêm thì thôi.

Vua đi tuần cửa biển Thuận An, xem xét con đê nhỏ bằng đá ở Thành Trấn Hải, rồi lại đến núi Thuý Ba[1], ngày hôm sau trở về.

Cho Tả thị lang bộ Hộ là Lê Văn Đức cải bổ làm Tả thị lang bộ Binh, Hiệp lý công việc Thuỷ sư Kinh kỳ ; Tả tham tri bộ Binh là Đào Trí Phú đổi bổ làm Tả tham tri bộ Hộ, không dự chức Hiệp lý.

Vua dụ Lê Văn Đức : "Từ trước đến giờ, Thuỷ sư sai phái nhiều không đắc lực, như vừa đây xảy ra như việc Đặng Văn Trang gặp giặc khiếp sợ, lỗi là tại bọn cai quản ngày không chịu huấn luyện mà Hiệp lý là Đào Trí Phú lại là người kiến thức tầm thường thế không làm nổi chức vụ, nên cho người thay. Ngươi đương tuổi trẻ sức mạnh, kiến thức còn có thể phát triển, nên lưu tâm dạy dỗ biền binh làm cho họ có dũng cảm, hiểu biết việc nghĩa, hết thảy trở thành quân đội giỏi giang. Lại sát hạch viên biền các vệ người nào am thuộc đường thuỷ, chuẩn cho họ lập tức chỉ tên bảo cử lên, chờ Chỉ cất nhắc ; người nào hèn nhát vô tài cũng nghiêm hặc để trừng trị, cốt mong một phen chấn chỉnh, hàng ngũ được có bộ mặt mới để xứng với sự uỷ thác".

Sai bọn Tham tri Nguyễn Công Trứ, Thị lang Lê Văn Đức đến sở Đốc công chiếu theo lời tâu của bộ Công về việc làm nhà lầu kết hoa ở ngoài đường gạch bốn góc Hoàng thành, chế biện các vật hạng dàn bày, đốc sức thợ để làm.

---

(1) Núi này ở huyện Phú Lộc (Thừa Thiên) nguyên tên là Mỹ Yêm, năm Minh Mệnh thứ 6 tên là Thuý Hoa, đến năm Thiệu Trị thứ nhất đổi gọi là Thuý Vân, sau này vì huý chữ "hoa" nên biên làm chữ "ba".

Bổ : Lê Khánh Trinh làm Hữu thị lang bộ Lễ, vẫn sung làm việc Nội các, Vũ Viết Sỹ, Hồ Công Thiện làm Lang trung bộ Binh ; Đinh Văn Huy làm Lang trung bộ Hình ; Nguyễn Nghị làm Lang trung bộ Công đều vẫn biện lý công việc thương trường ; Nguyễn Thịnh làm Phủ thừa phủ Thừa Thiên.

Bắt đầu đặt ra đại thần văn võ ở hành dinh (năm trước khi vua đi tuần các địa phương ở Kinh kỳ và phụ cận, chỉ lấy một hoặc hai viên đại thần vũ ban sung phái). Chuẩn cho từ nay, phàm đi tuần ở trong Kinh kỳ như thăm viếng tôn lăng trong tiết Thanh minh cùng là đi các nơi như cửa Thuận An, núi Thuý Ba và sông Lợi Nông[1] cho chi mé ngoài 100 dặm, thì trước ngày đi, do 2 bộ Lại, Binh kê đệ danh sách các quan văn võ từ nhị phẩm trở lên, chờ vua khuyên chấm lấy hai viên để sung phái. Phàm các việc trong chuyến đi ấy nên đi nên dừng, đều do hai viên ấy ấn định. Lại hai chiếc kim bài cấp phát cho (Phía trên khắc ngang hai chữ "*Hành dinh*" dưới khắc dọc ba chữ "*văn đại thần*" hay "*vũ đại thần*". Lại sai Thuỷ sư đóng 2 chiếc thuyền, khi có cuộc tuần hành thời một chiếc cấp cho hành dinh đại thần, một chiếc cấp cho bọn Thuỷ sư Đề đốc, Hiệp lý, cuối thuyền đều có cắm cờ hiệu, để phòng đi theo hầu.

Án sát Tuyên Quang là Vũ Đức Dụng nhẹ dạ nghe ty thuộc tha bổng cho giặc phạm, bị nguyên án là Nguyễn Văn Liễn hặc tâu. Vua bắt cất chức chờ xét. Đức Dụng sau bị ốm chết. Khi án thành, khép vào tội "nịch chức", cách chức và truy thu lại bằng sắc.

Bộ Lại tâu nói : các quan văn võ trong Kinh và các tỉnh mông ơn được thăng thụ, có người vì là làm việc lâu năm, có người vì làm việc mẫn cán, không ví được với những người khi suốt thời vì nước ra công khó nhọc, đánh trận bỏ mình, sau khi chết được mông ơn gia tặng, truy tặng. Nếu nay nhất luật theo lệ truy tặng, đều cấp cho tặng văn cả, thì chưa được thoả đáng. Xin từ nay phàm các quan văn võ, bất hạnh quá cố, nếu có truy tặng ; và người ra trận bị chết cùng là theo đi đánh trận có công rồi sau quá cố, mà mông ơn được thăng thụ, thì đều theo lệ cấp cho tặng văn. Ngoài ra, viên nào đương tại chức và sai phái tầm thường, rồi sau quá cố, mà tới khi đó, có Chỉ cho truy thụ, thực thụ chức hàm, thì văn từ ngũ phẩm, võ từ chánh tứ phẩm trở lên, đều cấp cho sắc văn ; còn văn từ chánh lục phẩm, võ tự tòng phẩm trở xuống do bộ cấp bằng để làm phúc ấm cho con cháu về sau, ngõ hầu việc thi ân được có sự phân biệt. Vua theo lời tâu.

---

(1) *Lợi Nông* : thuộc huyện Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Tỉnh thần Biên Hoà tâu xin cho thông phán quyền thay coi công việc phủ. Vua cho là trái lệ không cho. Bố chính Phạm Duy Trinh, Án sát Ngô Văn Thể đều bị phạt. Vua nhân bảo các quan rằng : "Buổi mới dựng nước những khổn thần[1] như Nguyễn Văn Thành, Lê Chất làm nhiều điều chuyên quyền ngang trái, các phủ huyện thuộc thành chỗ nào khuyết, liền lấy những người làm giấy tờ riêng của mình sung bổ vào. Khi có việc tham nhũng phát ra, lại bênh vực hộ, thậm chí lấy bại làm công, lấy không làm có, nói không xiết được cái tệ. Cho nên trẫm chia hạt đặt quan mà bãi bỏ cái chức chuyên trách toàn thành đi, thực có ý muốn từ bỏ cái tệ cũ, để cho muôn đời sau vĩnh viễn không còn cái lo "đuôi lớn khó vẫy" nữa.

Tha biền binh các tỉnh từ Khánh Hoà trở về Nam đều cho về hàng ngũ. Chuẩn cho đến tuần tháng 12 đổi phái đến Kinh làm công việc dựng nhà lầu nhà rạp.

Cho Lang trung bộ Hộ là Vũ Trọng Đại quyền lĩnh chức Bố chính Quảng Yên. Đại vào bái từ, vua dụ : "Tỉnh Quảng Yên, đường biển xa rộng, giặc biển chưa yên, mà ở tỉnh lính ít, lương cũng ít, không nên đặt ra nhiều đồn bảo. Ngươi nên xét tình hình, trù nghĩ cho thoả đáng mà làm, để xứng đáng sự ký thác một phương diện". Đại đến tỉnh, liền thân mang binh thuyền đi tuần biển và xét lại các đồn bảo. Khi vừa mới đến vũng Chàng Ngọ ở Vân Đồn, nhân gió đông nam nổi to, một chiếc thuyền ô trong chuyến đi ấy bị chìm vỡ, tổn thất nhiều súng lớn khí giới, bị phạt giáng hai cấp.

Đổi bổ Quản cơ cơ Tả kiên là Trương Phúc Sơn làm Phó vệ uý vệ Phấn võ.

Cấp cho Lãnh binh, Phó lãnh binh các tỉnh và Quản vệ, Suất đội các vệ Thanh Ba, Nghệ An, Hà Tĩnh mỗi người một khẩu điểu sang cò máy đá của Tây Dương.

Định rõ lại ngạch thuyền nhất định của Kinh và các tỉnh : Kinh sư : 102 chiếc. Thuyền ngự và thuyền nhỏ theo hầu các hạng thuyền máy đều không tính vào trong số này.

(Phủ Thừa Thiên 22 chiếc, Quảng Nam 44 chiếc, Quảng Ngãi 18 chiếc, Bình Định 26 chiếc, Phú Yên 23 chiếc, Khánh Hoà 25 chiếc, Bình Thuận 26 chiếc, Biên Hoà 21 chiếc, Gia Định 41 chiếc, Vĩnh Long 45 chiếc, Định Tường 34 chiếc, An Giang 42 chiếc, Hà Tiên 30 chiếc, Trấn Tây 60 chiếc, Quảng Trị 14 chiếc, Quảng Bình 22 chiếc, Hà Tĩnh 6 chiếc, Nghệ An 37 chiếc, Thanh Ba 32 chiếc, Ninh Bình 7 chiếc, Hà Nội 12 chiếc, Nam Định 48 chiếc, Hải Dương 43 chiếc, Quảng Yên 11 chiếc, Sơn Tây 8 chiếc, Hưng Yên 6 chiếc, Tuyên Quang 10 chiếc, Hưng Hoá 5 chiếc).

---

(1) *Khổn thần* : đại viên trông coi một địa phương như Tổng trấn, Tổng đốc, Tuần phủ.

Phàm số thuyền định ngạch ấy, nếu có chiếc nào mục nát long ván, mà thiếu ngạch thì đóng thêm bù vào. Hạt nào không sẵn thứ gỗ đóng thuyền thì chuẩn cho tâu xin giao cho tỉnh có sẵn gỗ đóng giúp cho đủ ngạch. Chiếc nào dư quá số thì để vào ngoại ngạch.

Bộ Binh tâu nói : biền binh các tỉnh Thanh, Nghệ, Hà Tĩnh mới được chọn tuyển dồn vào số vệ tăng nhiều. Về 25 vệ thuộc 5 dinh Thần cơ, Tiền phong, Long võ, Hổ uy, xin lấy số áo trận cấp phát cho (mỗi vệ 320 chiếc). Vệ nào còn thiếu, theo mẫu thức cũ mà may thêm cho khỏi sai khác nhau ; vệ nào thiếu toàn số thì may theo mẫu thức mới (cổ và tay áo theo màu dải cờ, nẹp áo theo màu nền cờ để đánh dấu. Còn thân áo thì tuỳ theo số vũ đoạn chứa sẵn nhiều thì lấy mà may, bất tất câu nệ màu nào), cứ 10 năm một lần thay. Vệ Nghệ An và 2 vệ Hà Tĩnh tả hữu mới lập, đều theo kiểu áo trận của các cơ ở Bắc Kỳ mà may để phát (Mỗi vệ 360 chiếc, đều ngoài vải đen, trong vải màu đỏ), 3 năm một lần thay. Vua nghe lời tâu chuẩn cho các biền binh từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, đâu có lệ được cấp áo trận của công đều theo niên hạn này.

Thuyền binh tuần bắt giặc của thự Thống chế Trần Hữu Thăng, Tham tri Nguyễn Công Trứ tiến đến hải phận Hà Tĩnh, gặp trận mưa gió kéo đến làm đứt dây rách buồm, bèn đậu ở đồn cửa Luật, đâng sớ về việc chậm trễ. Vua miễn lỗi cho và thấy thời tiết hơi muộn, giặc biển chắc cũng đã trốn xa rồi, bèn cho gọi về. Những quan quân đi tuần biển do Kinh phái và của các tỉnh phái từ Bình Thuận trở ra Bắc cũng đều bãi cả.

Vua nhân bảo bộ Binh rằng : "Trước đây Nguyễn Công Trứ tâu nói đã chiêu dụ được 2 bang chài người nước Thanh là Khai Vỹ, Hà Cổ tình nguyện làm dân nộp thuế. Nhưng chẳng biết sau khi quan quân đi khỏi, chúng có hẳn thực tâm hướng phục, nộp thuế thuyền không hay xong lúc bấy giờ đã vội tìm đi nơi khác ? Còn những bọn chưa chịu phục tòng nộp thuế thì từ trước chúng có lẻn về ẩn náu ở Chàng Sơn, nhân dân sở tại có nghe thấy tin tức gì không ? Nên truyền dụ cho Vũ Trọng Đại, Nguyễn Đồng Khoa tỉnh Quảng Yên xét hỏi tình hình, làm ngay chương sớ tâu lên.

Khi dụ tới nơi, lũ Đại liền cho đòi đầu mục bang Khai Vĩ là Tiền Thành Đức và lũ Lý trưởng, Giáp trưởng xã Hướng Hoá đến xét hỏi. Chúng đều nói : từ khi quan quân rút về, thì bang Hà Cổ quay buồm về trước, bang Khai Vĩ sau cũng chở thuyền về phía đông, không biết chúng có thực tâm quy phục hay không ? Xét ra bọn chúng trước đây nhân vì nghèo đói đến trú ở Chàng Sơn trồng trọt kiếm ăn.

Ngày tháng 5 có trông thấy 1 chiếc thuyền của Hà Cổ bơi qua phận biển, nhận biết là thuyền giặc, nhưng chúng không có thuyền, không đuổi bắt được. Từ bấy đến giờ, tịnh không có bọn giặc nào lẻn đến đỗ náu ở đấy cả. Lại, Tiến Thành Đức, trước kia đã cho sáp nhập vào Vân Đồn mà hãy còn ngụ ở Chàng Sơn làm ăn.

Vua nói : "Chúng nói như thế chưa đủ chuẩn đích đáng tin, duy có hạt ngươi suốt địa giới đều giáp biển, những hộ chài thường thường đi về, việc thu xếp cho tốt về sau, là chức phận của nhà ngươi. Nay nên lưu tâm trù tính mà làm. Xã Hướng Hoá đã thành sổ hộ, nên nghiêm sức bọn Lý trưởng, Giáp trưởng phải trông coi, nhân dân trong xã phải giữ phép yên nghiệp. Từ nay có bọn giặc nào lẻn đến trú đỗ phải lập tức bắt giải quan, tất có thưởng hậu ; nếu dám dung túng cho, tức là đồng tội. Còn như việc các hộ chài, hãy để đến tháng 8 sẽ làm. Nhưng phải hiểu bảo cho chúng : đã được làm dân của triều đình, còn nhờ vả mãi về sau, nếu chịu đồng tâm hiệp lực mà bắt thuyền giặc đệ nộp thì mỗi chiếc thuyền chuẩn thưởng cho 300 quan ; nếu dụng tâm che giấu cho giặc thì có tội ; song cũng không được vì những chuyện xích mích từ trước mà câu kết bè lũ với nhau, trở thành thù hằn nhau. Cần làm cho chúng có lòng thiếp phục lâu dài là được.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCIV*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1 làm lễ Hưởng mùa thu. Trước đây vua thấy các bản nhạc tế hưởng ở miếu, trong ấy có một bản gọi là "Thọ hoà". Chữ "Thọ" dùng vào bản nhạc tế chưa được ổn đáng, đã diện truyền bộ Lễ chọn đổi chữ khác. Đến nay vẫn còn chưa đổi. Sai Nội các sức hỏi, bộ thần nói là quên xin nhận tội. Vua nói : "Phan Huy Thực ngày một suy yếu, gần đây làm việc nhiều sự sai lầm, thậm chí việc lễ nhạc ở Tôn miếu cũng coi thường không lưu tâm đến. Nguyễn Hanh mới được cất nhắc cũng không trình bày được việc gì cả, độc vị a dua, ỷ lại, đều là không làm trọn chức vụ, giao cho bộ Lại nghị xử. Còn bản nhạc "Thọ hoà", chuẩn cho đổi là "Tường hoà". Thực bị giáng làm Tả tham tri bộ Lễ, lại ghi giáng 1 cấp. Hanh bị giáng 2 cấp. Nguyễn Thế Đạo vì mới đến làm việc ít ngày, được miễn nghị".

Ban quế Thanh Ba cho hoàng tử tước công, hoàng tử và các thân công, cùng văn từ Viên ngoại, võ từ Quản vệ trở lên, có thứ bậc khác nhau.

Lại dụ nhắc lại cho binh ở Kinh thao diễn kỹ thuật. Vua dụ bộ Binh : "Bản triều dựng binh chế, đặt ra có ngạch thuỷ ngạch bộ, nguyên là muốn cho đều chuyên nghệ để được tinh thạo. Từ trước đến giờ, biền binh thuỷ bộ ở trong Kinh và các tỉnh đã có chỉ, đều chiếu theo kỹ thuật của ngạch mình mà tập luyện cho thuộc ; lại thỉnh thoảng bộ Binh kiêm tập thuỷ, thuỷ binh kiêm tập bộ, khiến cho đều được am thuộc cả hai mặt. Thực là vì nước ta bờ biển dài suốt, nơi nào cũng có phần

sông, hoặc khi bỏ thuyền mà đánh bộ cũng có hoặc khi phải dời khỏi doanh trại mà đánh úp mặt thuỷ cũng có. Thế thì bộ binh không thể không biết thuỷ chiến, mà thuỷ binh không thể không biết bộ chiến để phòng dùng trong những lúc lâm cơ ứng phó vội vàng. Nay chuẩn lại truyền dụ nhắc lại rõ cho các đại viên Thống quản ở Kinh đều sức cho biền binh dưới quyền phải để tâm diễn tập. Phàm bộ binh thì lấy kỹ thuật bộ chiến làm chủ yếu, nhưng cũng tập cho biết việc chèo chở thuyền của đường thuỷ, thuỷ binh thì lấy kỹ thuật thuỷ chiến làm cốt yếu nhưng cũng tập cho biết phép bắn súng nhỏ súng lớn, khi ngồi khi đứng, lúc đánh lúc đâm, cần cho hết thảy đều tinh thạo khi gặp việc sai phái, đều thành quân đội giỏi cả. Sau liền sai thuỷ binh, bộ binh bơi thuyền thi ở bến Ngự Kiều sông Hương. Chuẩn cho bộ Binh châm chước nghị ra chương trình để thi hành (bộ binh mỗi dinh một chiếc thuyền chia ngồi đăng đối nhau, thuỷ binh mỗi vệ một chiếc thuyền chia ngồi đăng đối nhau và số người trên thuyền bằng nhau, đều thao diễn ở sông Hương. Mỗi ngày sớm chiều diễn 2 lần, mỗi lần chèo 3 vòng. Nếu 2 chiếc thuyền cùng đến một lúc là hoà ; cái đến trước là được, cái đến sau là thua, hãy tạm ghi lấy, xong rồi lại sai bọn được, bọn thua đổi thuyền cho nhau thi lại, trước thua mà sau thắng thì miễn nghị, trước thua mà sau lại thua thì viên Suất đội trong thuyền bị xử đánh 30 roi ; thuyền liên thắng 2 lần thì thưởng tiền 5 quan. Đến chiều lại thi như buổi sáng. Thuyền nào buổi sáng thua mà buổi chiều hoà hai lần thì miễn phạt ; nếu một lần hoà, một lần thắng, thưởng tiền 3 quan ; nếu 2 lần đều thắng, thưởng tiền 5 quan. Nếu 1 lần hoà, 1 lần thua, thì đem viên Suất đội thua phạt gia lên một bậc, tức là đánh 40 roi ; các người cầm chèo mũi, chèo lái đều phạt đánh 10 roi. Nếu 2 lần cùng thua, Suất đội bị gia 2 bậc phạt đánh 50 roi ; các người chèo mũi chèo lái đều đánh 20 roi ; các người chèo quãng giữa đều đánh 10 roi. Thuyền thắng buổi sáng, nếu chiều lại thắng 2 lần, thưởng thêm 5 quan, cộng là 10 quan và thưởng cho Suất đội một đồng Phi long ngân tiền hạng nhỏ ; nếu một lần hoà, một lần thắng, thì thưởng thêm 3 quan, cộng là 8 quan. Nếu 2 lần đều hoà hay một lần hoà, một lần thua thì miễn nghị. Nếu 2 lần cùng thua thì cuộc thắng buổi sáng không đủ bù lỗi, Suất đội bị xử phạt 20 roi. Về bộ Binh thì do một viên Thị lang hoặc Biện lý bộ Binh, Thuỷ binh thì do viên Đề đốc hoặc Hiệp lý, giữ việc kiểm duyệt. Một viên đại thần ban võ làm giám thị. Hằng ngày buổi sớm bắt đầu từ sau khi đốt ống lệnh cho đến giờ Thìn ; buổi chiều, từ giờ Thân đến giờ Tuất làm hạn định).

Vua nhân bảo bộ Binh : "Nay còn nắng dữ thì cho diễn bơi thuyền, đến chầu mưa, cho diễn tập bắn ; hai mặt đều được tinh thạo, thế là lo được già nửa công việc".

Hưng Yên mộ được 50 người dân ngoại tịch ở từ Quảng Bình trở về Nam. Chuẩn cho sung bổ làm một đội Thuỷ binh của tỉnh, giao cho Lãnh binh trông nom cai quản.

Bổ : Đoàn Kim làm Chưởng vệ vệ Nhất trung dinh, Thuỷ sư, Giám đốc Đinh Văn Quý được gia hàm Phó vệ uý vệ Cấm binh, lại thưởng cho mỗi người kỷ lục hai lần, quần áo mỗi thứ một chiếc. Vì hai viên này trông nom đóng thuyền Hải vận, mẫu mực khéo nên đặc cách thưởng hậu cho.

Cho Lang trung bộ Lại biện lý việc bộ là Đỗ Khắc Thư làm Án sát Tuyên Quang.

Phái viên đi Hoàng Sa là bọn Suất đội Thuỷ sư Phạm Văn Biện trước đây bị bão sóng làm tản mát, đến nay lục tục về tới Kinh. Hỏi, chúng nói nhờ có thuỷ thần cứu giúp. Vua sai bộ Lễ chọn địa điểm ở đồn cửa biển Thuận An đặt đàn dùng lễ Tam sinh hướng ra biển lễ tạ. Thưởng tiền cho Phạm Văn Biện và viên biền binh, dân đi theo phái đoàn có thứ bậc khác nhau.

Những thuyền công do Kinh phái đi vận tải vật hạng công ở Bắc Kỳ lần lượt về tới Kinh được thanh thoả. Vua sai ty có trách nhiệm sửa lễ phẩm và phát hương lụa trong kho chia nhau đến miếu thờ Nam Hải long vương và miếu thờ thần gió làm lễ tạ.

Sai Thuỷ sư Chưởng vệ là Đoàn Văn Suất quản đốc đem 10 chiếc thuyền các hiệu Tĩnh An Hải vận chia cấp cho các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Ba, Nam Định, Hải Dương để cho đủ ngạch đã định (Mỗi chiếc phát một cỗ súng Hồng y, 4 cỗ súng quá sơn hoặc Vũ công, 100 viên đạn gang. Mỗi cỗ 30 phát thuốc, đồ vật phụ tùng đầy đủ).

Sai Thông chính phó sứ sung biện các vụ là Lâm Duy Nghĩa đi Quảng Nam duyệt đinh tuyển lính. Khi danh sách tổng kê dâng lên, dân số hơn trước 23 thành (Năm trước nhân số 49.023 người. Khoá duyệt tuyển này, nhân số 60.343 người. Thế là hơn 11.320 người ; chia làm 100 thành, thì hơn được 23 thành. Vua khen, bổ Duy Nghĩa làm Tả thị lang bộ Lễ vẫn sung làm việc Nội các, lại gia thưởng cho 1 đồng Phi long kim tiền hạng lớn, 2 đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ. Quan tỉnh và phủ huyện, bộ Lại bàn chỉ thưởng cho gia cấp kỷ lục. Vua nói : "Nhận sự ký thác chăn dắt, cai trị dân mà làm cho nhân dân ngày thêm đông đúc, từ xưa vẫn cho là công hạng nhất. Nay tỉnh Quảng Nam duyệt đinh tuyển lính, dân số tăng lên nhiều, từ trước đến giờ, chưa tỉnh nào được thế. Bố chính Vương Hữu Quang là người chuyên trách về dân sự, chuẩn cho bổ thụ Tham tri bộ Binh. Tuần phủ Nam - Ngãi

vẫn lĩnh chức Bố chính Quảng Nam ; lại gia thưởng cho mỗi người Phi long kim tiền hạng lớn hạng nhỏ đều 1 đồng. Án sát và Phủ huyện gia thưởng gia cấp kỷ lục và kim tiền có thứ bậc khác nhau. Vua nhân bảo bộ Hộ rằng : "Hiện nay hoà bình lâu ngày, dân ta được nuôi dạy yên rồi, đã trải nhiều năm, sinh sản ngày một nhiều, dân số ngày một đông thêm, đó cũng là lý thế tất nhiên. Đem ngay một tỉnh Quảng Nam mà suy ra có thể là chứng nghiệm cho các tỉnh khác ; duy có tận tâm hay không là ở chức trách của các quan địa phương mà thôi. Vậy thông dụ cho Đốc phủ, Bố án các trực tỉnh đều phải truyền dụ rõ ràng cho các phủ huyện : khi vô sự phải chăm khuyên bảo giúp đỡ dân, cốt sao cho dân xã đều cùng nhau yên ở ; đến kỳ tuyển lính thì kiểm xét cho nghiêm, đừng để lý dịch che giấu, để hộ khẩu ngày một tăng thêm, như thế mới đáng gọi là người tuần lương[1], công xét hạng nhất. Chẳng những thượng ty địa phương được vua yêu mến luôn luôn, dù phủ huyện cho chí chức dịch hàng tổng cũng được lượng ban khen thưởng. Nếu chỉ để việc dân ở ngoài bụng, coi phép nước làm giấy tờ chiếu lệ, đến nỗi số hộ khẩu bị giảm kém, thế là không làm tròn chức vụ, giáng, cách tất theo chân ngay. Lại chuẩn y lời bộ bàn đổi định lại lệ cung đốn tiền cho quan chức đi tuyển lính (Lệ cũ, quan Khâm sai ở trường tuyển lính, mỗi trường quan văn võ tam phẩm trở lên đều một viên, sau đó bỏ việc phái quan võ, chỉ phái một viên văn. Tỉnh nào nhân số đó từ 4 vạn trở lên, trước cấp cho mỗi viên tiền cung đốn : 100 quan, tiền nhu phí về đồ vật cần dùng : 100 quan, nay đều đổi làm 70 quan. Tỉnh nào nhân số từ 3 vạn trở xuống trước cấp tiền mỗi khoản 70 quan, nay đổi làm 50 quan).

Thành Trấn Tây săn bắt được thám tử của giặc Yết tên là Chiết và bọn lũ của giặc Y, sót lại là tên Miệt ở hạt phủ Hải Đông, đem giết chết. Thưởng cho kẻ bắt được những tên phạm ấy 6 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn.

Tổng đốc Định - An là Trịnh Quang Khanh tâu nói : kho chứa thóc gạo đã đầy giàn, xin ở ngoài những kho lợp ngói, làm tạm thêm 5 sở kho lợp cỏ tranh. Vua sai truyền dụ : ngay trên mái lợp cỏ, đan phên tre trát bùn lên để phòng hoả hoạn. Lại thông dụ cho các trại tỉnh, xét ở tỉnh hoặc các phủ huyện, chỗ nào có kho tạm, cũng bắt chước thế mà làm.

Các huyện Phượng Nhãn, Bảo Lộc, Yên Dũng mưa luôn mấy ngày, nước lũ từ thượng du chảy đổ về mạnh, đê điều các sông nhỏ tràn vỡ, lúa bị úng ngập. Việc đến tai vua, vua nói : "Hiện nay nước lũ không đến nỗi to hơn mọi khi, đê điều mọi nơi đều được giữ vững. Duy có vùng thượng du hạt này, vừa mới có mưa liên tiếp

(1) Người quan lại tuân giữ pháp luật và có chính tích lương thiện.

đã bị nước tràn vỡ. Xét tình hình há chẳng phải vì phủ huyện sở tại ngày thường tự cho là địa thế ở thượng du không để tâm phòng bị mà đến thế ư. Vậy các viên huyện ấy đều giáng 1 cấp ; quan tỉnh ấy thì phạt lương 1 năm. Chuẩn cho bắt nhiều dân, tìm cách khơi thông để tiêu nước ứ, rồi bồi đắp lại cho vững bền hoàn chỉnh để kịp thời cấy giặm lại cho đều hy vọng có lúa gặt".

Thị vệ là Tống Phúc Tri đi việc công ở Gia Định về, đem dâng mấy chục hạt ngọc trai lớn nhỏ, nói : Vùng đồn biển Đồng Ninh sản nhiều con trai, con nào cũng có ngọc. Dân sở tại từng bắt trai để ăn, kỳ thuỷ không biết là ngọc, hễ được là đem bán giá rẻ cho bọn lái buôn người nước Thanh. Vua bảo bộ Hộ : "Hiện nước nhà đương thịnh vượng nên đất không tiếc của báu. Thế mà tiểu dân không biết gì, chỉ làm lợi cho bọn lái buôn giảo quyệt. Kể ra thì cái mà triều đình quý báu, không phải là ngọc châu, duy có của cải do đất cát của mình sản sinh ra, sao nên bỏ phí". Bèn sai Ngự sử đạo Thuận Thành là Lê Tập đem theo Phúc Tri đi, thuê dân lấy ngọc, chiếu theo số ngọc nhiều ít lấy được hằng ngày, trả tiền cho họ. (Hạt châu vụn cân nặng 4 cân, thưởng cho 1 tiền, châu hạt nhỏ cân nặng 1 phân thưởng 1 tiền 30 đồng, châu hạng nhỏ 1 phân thưởng 2 tiền, hạng lớn nặng 1 phân thưởng 4 tiền, to tối thượng hạng nặng 1 phân thưởng 6 tiền). Chuẩn cho 10 ngày báo lên bộ 1 lần. Lại có người dâng con bướm đầm Hầu (thuộc huyện Phú Lộc) trong ruột có ngọc. Vua sai Đề đốc Thừa Thiên là Lê Sách, Nội các thừa chỉ Nguyễn Bá Nghi đem lính đi kiếm. Sau thấy không lấy được bao nhiêu ngọc đều bãi bỏ các việc ấy.

Sai Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình kiêm quản viện Đô sát là Vũ Xuân Cẩn và Hữu tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn đi Bình Định làm việc quân cấp ruộng công... Khi trước Xuân Cẩn ở Bình Định, thấy ruộng tư trong hạt nhiều gấp bội ruộng công, đều bị bọn hào phú chiếm, xin liệu lấy bớt ra sung làm ruộng công, quân cấp cho dân binh. Vua ngại là khó làm, chần chừ chưa quyết. Đến nay bộ Hộ sớ tâu cho là có thể làm được, bèn sai 6 bộ họp bàn đều xin : phàm những công tư điền thổ, thôn ấp nào công nhiều hơn tư hay công tư ngang nhau, thì không cần cắt lấy. Ngoài ra thôn ấp nào ruộng đất tư nhiều hơn ruộng đất công, thì ruộng công cứ để nguyên quân cấp như cũ ; còn ruộng tư thì cắt lấy một nửa ; gián hoặc có dân đinh nào không có ruộng đất và có đất không có ruộng, cùng là số người nhiều mà số ruộng ít, thì nhằm chỗ cận tiện, trích lấy ruộng công, ruộng trại công mà cấp phát cho họ, thì binh, dân đều được lợi cả. Bấy giờ vua quyết ý làm, bèn sai bọn Xuân Cẩn đi. Khi bọn Xuân Cẩn đến nơi, sớ về nói đã cho đòi Tổng lý và các phú hộ đến hiểu dụ về đại ý việc quân điền, chúng đều vui vẻ thoả thuận. Vua nói : Lẽ thường xưa nay, những binh dân không có ruộng, một khi bỗng có ruộng thì vui

mừng là cố nhiên. Còn như những kẻ bị cắt ruộng của mình đem cho người khác, mà cũng vui mừng thoả thuận, thì hình như chưa phải xuất phát ở lòng chân thành. ý hẳn trời tựa nước nhà, đã mở bảo từ trong bụng cho họ chăng ? Cũng như năm trước thay đổi y phục của Bắc Kỳ và chia cắt điền mẫu ở Nam Kỳ, mà êm thắm không một lời dị nghị gì cả". Bèn sai cấp thêm bạc lạng về tiền lộ phí (Xuân Cẩn trước cấp 10 lạng, tăng thêm 40 lạng nữa, Uẩn trước cấp 10 lạng, tăng thêm 30 lạng nữa, 2 viên Khoa đạo theo đi làm việc, trước cấp mỗi người 4 lạng, tăng thêm 5 lạng nữa, 6 viên bộ ty trước cấp mỗi người 2 lạng, tăng thêm 2 lạng nữa), và chuẩn cho theo bản nghị trước thi hành. Lại cho là việc quân cấp điền thổ, số mục rất nhiều, mà số người tuỳ tòng đi làm việc còn ít nên lại phái thêm thuộc ty ở 6 bộ viên Ngoại lang chủ sự mỗi hạng 1 viên và 4 viên bát cửu phẩm thơ lại đi theo (Viên ngoại lang thưởng 7 lạng bạc, chủ sự 5 lạng, thư lại đều 3 lạng).

Bọn Xuân Cẩn tục tâu nói : ruộng trong hạt ấy, thế không thể nhất nhất chia đều được. Ấp nào không may được số ruộng hơi nhiều, thì đến kỳ quân cấp, tuân theo quy chế, chia hạng cấp suốt lượt. Ấp nào ruộng hơi ít, thì trước hết cấp ruộng lương lính, còn thừa mới cấp cho khẩu phần ; ấp nào ruộng rất ít, thì chỉ cấp ruộng lương thôi. Tựu trung ấp nào ở xa cách, không có ruộng trại công có thể được, xin nhằm vào những ấp có nhiều ruộng công ở gần cạnh, trích lấy một vài mẫu, hoặc ruộng trong số cũ, hoặc ruộng mới cắt lấy, hoặc ruộng công bỏ hoang mới trưng lại, chia cấp cho làm ruộng công. Còn như ruộng tư, tuy là ruộng công thần, thế tộc cũng đều cắt lấy một nửa. Vua đều nghe theo. Duy có ruộng của Khai quốc công thần là Đào Duy Từ để lại làm ruộng hương hoả, nên cắt lấy thì chuẩn giả cho mỗi mẫu 50 quan tiền, giao cho con cháu là Đào Duy Nhẫm để sắm sửa việc thờ cúng. Lại nghĩ đến xã làm sổ chia ruộng không khỏi không chi phí, chuẩn cho xã lớn được phát tiền 8 quan, xã vừa 6 quan, xã nhỏ 4 quan (Toàn hạt có 678 thôn ấp. Trừ 30 thôn ấp ruộng công, ruộng tư ngang nhau, 1 ấp xiêu tán, 2 ấp không giản lính, còn số thôn ấp cần chia cấp ruộng là 645). Lại cho rằng : giá giấy ở tỉnh đắt, sai phát giấy ở kho mang đến cấp cho (giấy lệnh : 40 vạn tờ ; giấy thị : 20 vạn tờ).

Sai Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh kiêm lĩnh công việc bộ Hình, Tả thị lang bộ Hình là Bùi Quỹ quyền lĩnh ấn triện viện Đô sát.

Bộ Lễ tâu nói : sang năm tính gặp kỳ đại khánh tiết Hoàng thượng thọ 50 tuổi là điển lễ long trọng. Phàm mọi công việc phải nên sửa soạn trước, nhưng trong đó tiết mục rất nhiều, chưa tiện bàn định khái quát ngay được. Nay xin chiếu những công việc cần làm trước kể ra từng khoản tâu lên, xin chờ lệnh nhà vua định đoạt. Ngoài ra xin để lúc sắp làm đến sẽ tuỳ từng việc tâu xin ấn định sau, để cho được chu đáo thoả đáng :

(Tuần tháng 8 năm nay do bộ ty viện Hàn lâm dự soạn mẫu thức các bản : ân chiếu đầu xuân sang năm, ân chiếu ngày đại khánh văn khấn cáo yết cùng là biểu mừng điệp biên các lễ phẩm của trăm quan cùng của các địa phương và bản nhạc hôm ban yến.

Tuần tháng 10 tâu xin ngự chọn sai văn vũ đại thần trông nom việc dựng nhà lầu, nhà rạp.

Tuần tháng 12 tư hai bộ Lại, Binh chiếu các Đốc phủ, Bố án và Lãnh binh các tỉnh, liệt kê rõ chức hàm, họ tên dâng lên chờ khâm điểm chấm lấy mỗi hạt một viên, đều ấn định đến trung tuần tháng 3 sang năm đến Kinh. Lại chuyển tư cho các địa phương đều xét trong hạt có quan chức văn võ nào từ tòng ngũ phẩm trở lên hoặc hưu trí hoặc xin nghỉ phép về ở quê mà muốn về Kinh chúc mừng, thì cấp giấy thông hành và cũng ấn định đến trung tuần tháng 3 đều đến Kinh họp đông đủ.

Cũng tuần tháng ấy tư cho thành Trấn Tây và các hạt Nghệ An, Thanh Hoa sức cho các quan phiên thuộc hạt và các đầu mục ở cương giới mới sửa biện lễ vật, chờ đến kỳ theo viên quan Khâm điểm về Kinh chúc thọ. Lại sang năm, chính là năm lệ cống của nước Hoả Xá và bàn về năm ấy của 9 châu thuộc phủ Cam Lộ vào chầu, nay xin tư cho các hạt Phú Yên, Quảng Trị sức cho họ chuẩn bị sẵn lễ phẩm, đều đến trung tuần tháng 3 tới Kinh chúc mừng. Lại tư bắt các phường ca nhạc thổ tục của thành Trấn Tây và các cương giới mới, cùng những phường nhạc tục cũ, các trò vui kích vật ở Bắc Kỳ, do quan địa phương chiếu theo xa gần, cấp cho lộ phí đều lấy thượng tuần tháng 2 đều phải tề tập ở Kinh.

Thượng tuần tháng 3 sang năm, tư cho các nha môn trong Kinh ngoài các tỉnh, trong 10 ngày trước ngày chính lễ và 4 ngày sau đều cấm không được xử việc hình, ngày hôm trước ngày chính lễ và 3 ngày sau cộng 5 ngày đều cấm không được giết thịt trâu bò lợn và trong 5 đêm ấy các nhà quan quân nhân dân đều đốt đèn treo ở trước cửa.

Từ thượng tuần tháng tư trở đi, phàm các sở nhà lầu nhà rạp đều trần thiết màn trướng lễ phẩm, treo đèn kết hoa và xếp đặt hàng lối những đám hát múa làm trò vui. Trên kỳ đài treo các thứ cờ khánh hỷ các màu. Trước cửa Kinh thành thắp đèn lộ thiên nghìn ngọn. Hoàng tử công, hoàng tử các thân công và văn võ phẩm quan hằng ngày đều mặc áo bổ tử tới chầu ở điện Cần Chính. Lại, hoàng tử công, hoàng tử phải thay ban nhau chờ lệnh truyền vời vào Nội các hầu cơm. Các việc này đều để tới kỳ sẽ tâu xin ấn định ngày giờ bắt đầu).

Vua y lời bàn. Duy có khoản ca nhạc và các trò vui, chuẩn cho các địa phương được tuỳ theo nơi nào có trò gì thì mang đến, không cần phải tư đi bắt.

Bộ Công tâu nói : kỳ đại khánh tiết sang năm chính là lúc quan dân trong ngoài đều vui mừng được thấy cảnh trang nghiêm. Vậy những đường sá, hào ao và những nơi xe kiệu đi qua ở bốn mặt Hoàng thành, chỗ nào lồi lõm phải san phẳng, chỗ nào cỏ rác ô uế phải giẫy quét cho sạch, chỗ nào gạch ngói tung vãi phải thu nhặt bỏ đi, để hết thảy đều tề chỉnh cho được đẹp mắt. Vua sai lấy 1.000 binh lính ở Kinh để sửa sang, uỷ cho Thống chế Mai Công Ngôn trông coi công việc.

Vua dụ Nội các : "Từ năm Gia Long thứ 14 trở về trước, trẫm còn làm Hoàng tử, những kẻ dự làm tôi ở nơi tiềm để lúc bấy giờ, nay cũng có người thăng đổi ra các tỉnh. Nay nghĩ sang năm chính là tiết mừng thọ ngũ tuần của trẫm, những quan tam phẩm trở lên, cho phép được trước kỳ ấy tâu riêng lên xin, tứ phẩm trở xuống thì do quan đầu hạt sở tại kê danh sách đệ nộp, để chờ chỉ vời vào Kinh cho được theo ban chúc thọ.

Đổi xây lại lan can hồ Kim Thuỷ trong Nội (trước dùng toàn gạch thành, nay đổi dùng gạch hoa xây xen vào từng đoạn với gạch thành. Thân tường cao 2 thước 3 tấc, trụ cao 2 thước 9 tấc, cũng như hồ Kim Thuỷ phía ngoài).

Vua ngự đến trước lầu Phu Văn duyệt cuộc diễu võ. Dưới nước thời thuỷ quân thi bơi thuyền, trên bộ thì kỵ binh thi cưỡi ngựa. Vua nhân hạ sắc cho bộ Binh phái người đến núi Ngự Bình ngắm chọn đồi đất nào có thể dùng làm bia bắn được thì thiết lập trường thao diễn cho biền binh thi bắn súng nhỏ, súng lớn.

Quan tỉnh Quảng Ngãi tâu nói : Đã xem xét hình thế các bảo dọc theo biên giới thì : 5 cơ Tĩnh Man trước đặt ra gồm 117 sở phân phòng. Tựu trung có 5 sở của cơ nhị và 6 sở của cơ tam, không quan yếu lắm, nghĩ nên rút giảm đi. Chỗ đất của cơ nhất, cơ tứ rất là xung yếu, xin ở trên con đường mà bọn sơn man thường đến nhòm nom ấy, đặt thêm một sở cho cơ nhất và một sở cho cơ tứ. Còn như binh ở bảo tuy có hạn là mỗi cơ mấy sở, nhưng gián hoặc có phải đi đâu, số binh thực khó ấn định. Xin để do Lãnh binh Nguyễn Vĩnh chiếu số bảo đặt cũ và mới là 110 bảo liệu chia ra phòng giữ. Thảng hoặc bất kỳ nơi nào nên phòng giữ nghiêm cẩn hơn thì lấy nơi này đến nơi kia cốt cho kịp thời cơ. Vua y cho làm.

Huyện Phúc Bình mới đặt thuộc hạt Biên Hoà, có bọn lý dịch dụ dân rằng : "Từ khi đổi quan Thổ theo về quan Kinh, hằng năm thu thuế thân, lại có việc Nhà nước mua sản vật, sau này tất sẽ giản lính đạc điền thì chịu sao cho nổi". Mưu cùng nhau trốn tránh làm bậy. Việc tâu lên, vua nói : "Bọn chúng vốn làm người Man xin vào sổ hộ, các việc ra lính, tạp dịch, thuế khoá, đã từng khoan kỳ hạn cho. Thế mà còn mượn cớ để xúi dỗ dân tình, rất đáng ghét. Vậy tên thủ phạm, chuẩn cho lập tức

chém đầu bêu lên ; những tên đồng phạm, cho phát lưu đi sở đồn điền ở Trấn Tây để cày cấy. Thưởng cho tên tố cáo 200 quan tiền".

Bố chính Gia Định là Hoàng Quýnh đi dò xét thành Trấn Tây trở về, vào chầu. Vua hỏi về tình hình quận chúa, quan phiên và binh, dân, cùng là tin tức động tĩnh của nước Xiêm. Quýnh trả lời từng việc. Vua lại hỏi : "Gia Định nay đã yên ổn, binh ở Kinh nên để lại đóng thú không ?" Quýnh thưa : "Ngày trước Lê Văn Duyệt chỉ chuyên bừa bãi lỏng lẻo, ban lính sau chưa tới, ban lính trước đã cho về, công việc gì đều sai vát con em dân phố, lâu ngày đã thành thói quen. Cho nên giặc Khôi mới được nhân cớ mà sinh sự, đều là bởi cớ trong thành không có quân lính. Thần đã hết lòng thúc đẩy khuyến khích, cũng chưa nhất luật chấn chỉnh được ngay. Thiết nghĩ chưa nên rút binh ở Kinh về vội". Vua nói : "Lính Gia Định vốn có tiếng mạnh bạo. Thế tổ Cao hoàng đế ta từng dùng quân lính ấy để lấy được nước. Nay lấy lính Gia Định giữ đất Gia Định, há không rất tiện, hà tất phải đưa binh nơi khác đến ư ?" Vua lại bàn đến hình thế sông núi ở Gia Định. Quýnh nhân nói : đảo Côn Lôn cách Gia Định xa mà đến Vĩnh Long thì gần, nghĩ nên cho đổi thuộc về tỉnh này cho tiện. Lại đồn cửa biển Cần Giờ đối ngạn với đồn cửa biển Phúc Thắng thuộc Biên Hoà, thuyền vào cửa, tất phải qua Phúc Thắng trước rồi sau mới chuyển đến Cần Giờ. Lấy địa thế mà nói, thì đồn Phúc Thắng là bảo chướng [chắn giữ] của đồn Cần Giờ, cũng nên lập pháo đài để nghiêm việc phòng bị. Vua cho là phải, sai Biên Hoà xây đắp pháo đài đồn cửa biển Phúc Thắng (Đài xây ở ghềnh đá Ngọc Ngưu thuộc địa phận đồn, dưới, xây bằng đá núi, trên xây gạch. Khi xây xong, phía trước đặt 6 cỗ súng hồng y, tả hữu mỗi bên đặt 2 cỗ súng phách sơn, 1 cỗ súng quá sơn. Thuốc súng và đạn, mỗi cỗ 100 phát. Phái 1 Suất đội, 5 pháo thủ và 40 biền binh thuộc tỉnh hiệp cùng với viên Tấn thủ canh giữ, cứ mỗi tháng 1 lần thay đổi). Cho binh, dân, đài, bảo ở Côn Lôn lệ thuộc về quản hạt Vĩnh Long. Sau cải bổ Quýnh làm Hữu thị lang bộ Lễ gia hàm Tham tri sung làm công việc Nội các. Cho Hữu thị lang bộ Lễ là Nguyễn Tri Phương cũng gia hàm Tham tri và chuẩn cho vẫn ăn lương tòng nhị phẩm, sung làm việc Nội các.

Trong Kinh kỳ mưa. Từ đầu thu đến giờ nắng lắm, lúa ruộng cao bị khô héo. Sai quan đảo vũ ở đền Thai Dương phu nhân[1] chưa thấy ứng nghiệm. Lại chia nhau tiếp tục cầu đảo ở miếu Đô thành hoàng và đền Long Thần ở núi Phụ Ổ. Đến nay mưa to, đồng ruộng nước chứa chan, lúa mạ thi nhau lên tốt. Vua mừng, sai

(1) Đền này thuộc địa phận xã Thái Dương huyện Hương Trà, những khi nắng đảo vũ thường được linh ứng.

sửa lễ đến tạ. Thưởng quan Khâm phái là Hoàng Quỳnh, Nguyễn Hanh mỗi người gia 1 cấp.

Lãnh binh Lạng Sơn là Hoàng Quang Trừng tuổi già về hưu. Cho Phó vệ uý vệ Tam đinh Kỳ võ là Trần Văn Duyên làm Lãnh binh Lạng Sơn.

Phái viên Phan Thanh Giản đến mỏ bạc Tống Tinh thuộc Thái Nguyên thuê phu khai mỏ. Thấy công việc khó khăn vất vả, xin trả hậu tiền gạo thuê người làm và hằng tháng chi tiền lễ thần. Vua nói : "Công việc ấy lúc ban đầu tuy không khỏi vất vả khó khăn, nhưng sau này thành mỏ, số bạc lấy được nhiều ra, há chẳng là mối lợi vô cùng ư ? Bèn sai theo lời xin, cấp thêm cho (phu mỏ trước tháng cấp 3 quan tiền, 1 phương gạo ; thợ nấu bạc tháng 6 quan tiền, 1 phương gạo, nay đều tăng 1 quan nữa. Lễ thần trước chỉ 10 quan, tăng lên 15 quan). Lại chuẩn cho từ Thanh Giản trở xuống đến lại dịch, binh lính của tỉnh phái đi, đều được tăng 1 nửa lương bổng. Sau nhân phái viên là Ngự sử Nguyễn Văn Chấn sớ nói : mỏ Nhân Sơn cũng thuộc hạt Thông Hoá, khí bạc báo lên rất nhiều, phu mỏ hiện đương khai đến hơn 300 người, xin liệu tăng ngạch thuế. Vua lại sai Thanh Giản liệu trích số thị vệ hộ vệ đi theo hiệp đồng với tỉnh phái lưu lại làm việc ở mỏ Tống Tinh rồi lập tức chuyển đến mỏ Nhân Sơn, thuê nhiều người nước Thanh hoặc dân sở tại hợp với phu mỏ để đào nhặt. Tiền gạo thuê thợ và lễ phẩm lễ thần đều theo như lệ mỏ Tống Tinh.

Dân xã Duyên Trường phủ Thừa Thiên (thuộc huyện Phú Xuyên) xin đắp con đê nhỏ ngăn nước ở phía tây sông Phổ Lợi, chỗ tiếp với sông lớn và khai khẩn lòng sông thành ruộng nộp thuế. Kinh doãn đề tâu lên bộ. Vua chuẩn cho bộ Hộ bàn xét lại, chiếu theo như ruộng công nhân mùa đánh thuế.

Bọn ác Man ở Quảng Ngãi họp bọn lũ hơn 200 người, lẻn xuống các bảo biên giới thuộc cơ tứ cơ ngũ cướp lấy trâu bò đem đi. Suất đội Trần Văn Chử thân đốc binh dân đánh giết, từ giờ Ngọ đến giờ Dậu, bắn chết được mấy tên. Giặc không lấy gì được bèn trốn chạy. Việc tâu lên, vua thưởng Văn Chử kỷ lục 2 thứ, 2 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, thưởng chung cho binh dân 500 quan tiền. Lãnh binh Nguyễn Vĩnh, Phó quản cơ Đặng Văn Nho, vì tiếp ứng không mạnh đều bị phạt.

Quan tỉnh Bình Thuận tâu nói : 2 tổng Vĩnh An, Tuần Giáo huyện Hoà Đa thuộc hạt ấy có 230 mẫu ruộng bỏ hoá, 170 mẫu ruộng bỏ hoang gần ngay bãi bồi ở biển, xin đắp bờ quai mở cừ để chắn giữ nước mặn, rồi sức cho dân sở tại khai khẩn trồng cấy, chờ khi thành ruộng thuộc khám xét tại chỗ, sẽ chiểu theo lệ bắt đầu thu thuế. Vua y cho.

Vua ngự điện Cần Chính. Hoàng tử thân công cùng các quan đến sân lạy mừng. Trước đây vua khó ở nghỉ chầu đã lâu, đến nay mới ngự điện coi việc. Buổi chầu tan, cho các quan ăn yến và thưởng kim tiền, ngân tiền có thứ bậc mỗi người một khác.

Bộ Lễ tâu nói : 2 nhà giải vũ 2 bên tả hữu điện Cần Chính, mỗi cái 5 gian đều lát ván tám, trên trải chiếu. Gian chính giữa giải vũ bên tả để sẵn án sơn đỏ để làm nơi đóng ấn quốc bảo, các gian 2 bên tả, hữu thì đường quan ngồi. Còn các Lang trung, Khoa đạo, Viên ngoại lang cho chí bọn lại điển đều ngồi ở những tấm ván kê sát đất. Xét ra ban bậc của triều đình, có quan hệ đến sự quan chiêm của mọi người. Lang trung, Viên ngoại, Khoa đạo là quan tứ ngũ phẩm ở Kinh, nay ở nơi công sở lại ngồi chung với lại dịch thì coi không được nhã. Vậy xin các hàng ván lát ở gian chính giữa và 2 bên tả nhất, hữu nhất hai bên cho đến thềm gạch cao lên để có phân biệt cao thấp với 2 hàng ván lát tả nhị hữu nhị. Gian chính giữa để án sơn đỏ đóng ấn, còn đâu thì tiếp đến chiếu ngồi của hoàng tử, các tước công. Hai gian tả nhất hữu nhất thì đường quan các nha ngồi, hai gian tả nhị hữu nhị thì Lang trung, Viên ngoại, Khoa đạo ngồi. Còn ngoài ra, từ Chủ sự, Tư vụ, Bát cửu phẩm thư lại đều trải chiếu ngồi xuống đất. Hàng ván lát gian chính giữa giải vũ bên hữu và 2 gian tả nhất hữu nhất cũng dùng gạch đệm cao lên. Gian chính giữa vẫn làm chỗ để xe kiệu ngự như cũ, hai gian tả nhất hữu nhất, các viên Chưởng phủ Lãnh binh ban võ ngồi ; 2 gian tả nhị hữu nhị thì bọn Chánh phó vệ uý ngồi. Ngoài ra từ Suất đội trở xuống và những biền binh phục dịch cũng đều trải chiếu ngồi xuống đất.

Lại, viện Tả đãi lậu có 5 gian, nguyên đặt bục lát ván. Gian chính giữa đặt án sơn đỏ làm nơi bái lĩnh phẩm vật vua ban. Còn đình thần văn võ thì ngồi ở 4 gian 2 bên tả hữu. Nay xin bỏ 2 bục gỗ hai gian tả nhị hữu nhị đi mà giải ván tấm để đối với 2 gian chính giữa và 2 gian tả nhất hữu nhất có hơi kém đi. Những ngày đình nghị, đình thần văn võ ngồi ở bục gỗ 2 gian tả nhất hữu nhất ; Lang trung, Viên ngoại, Khoa đạo thì ngồi ván tấm 2 gian tả nhị hữu nhị, dưới bục gỗ lại đặt thêm 3 tấm ván để Chủ sự, Tư vụ trở xuống của các nha ngồi chờ cứu xét văn án sổ sách. Viện Hữu đãi lậu cũng làm theo thế. Vua y lời bàn. Lại hạ sắc : "Ở điện Cần Chính, những buổi coi chầu thường nhật, phải bày những biểu đề phẩm trật để các quan văn võ chiếu theo hàng phẩm trật của mình vào lạy chầu".

Các tỉnh Bắc Kỳ lần lượt báo tin lệ khí đã hết, tuần nghị truy cấp tiền tuất. Duy tỉnh Hải Dương tâu nói dân trong hạt chết dịch rất nhiều, nếu nay truy cấp tiền tuất, e các thân thuộc lĩnh thay qua tay làm phao phí đi mà không có sự thực. Xin liệu cấp tiền cho phủ huyện sở tại lập đàn chay để cúng. Vua nói : "Dạo trước các hạt

Bắc Kỳ bệnh dịch lệ lưu hành, trẫm thương xót dân bị tai nạn, đã từng xuống dụ : những người chết, được chiếu hạng cấp tiền tuất là cho rằng những dân mọn chốn hương thôn, không ai không phải là con đỏ của triều đình. Nay bất hạnh gặp phải tai biến riêng một phương thì dù có phí tổn đến bao nhiêu cũng không tiếc, há nên phòng xa là thân nhân họ huy hoắc mà đình cấp ư ? Nếu muốn cầu phúc cho dân, thì chi tiền công mà sửa lễ làm chay cũng được, có lý nào lại đem tiền tuất thay vào khoản ấy". Chuẩn cho lập tức chiểu theo lời nghị của bộ, lựa chọn thuộc viên cùng hội đồng với phủ huyện, chia nhau làm việc, chiếu hạng cấp tiền tuất. Lại đặt đàn chay ở tỉnh lỵ mà cúng một tuần, bất tất phải lập ra cúng lễ ở phủ huyện làm gì.

Cho thự Thống chế dinh Thần cơ là Trần Hữu Thăng đổi đi thự Tổng đốc Thanh Ba ; nhất đẳng Thị vệ Lê Văn Phú quyền giữ ấn triện dinh Thần cơ.

Cho Từ tế Phó sứ ở Từ tế tả ty là Tôn Thất Đạo làm Từ tế sứ ; miếu lang là Tôn Thất Đức làm Từ tế phó sứ, Trưởng sử là Tôn Thất Quý làm Từ tế sứ ở Từ tế hữu ty.

Khôi phục viên bị cách chức là Nguyễn Tăng Long làm Tả viện phán viện Thái y.

Bộ Hộ đệ dâng sổ tổng kết kỳ 6 tháng. Vua khen là nhanh. Thưởng cho đường quan là Hà Duy Phiên 1 đồng tiền Tam đa hạng nhỏ. Đào Tri Phú 1 đồng tiền Bát bảo hạng nhỏ và mỗi người thưởng kỷ lục một thứ. Thưởng chung cho bộ ty làm việc 100 quan tiền.

Vua thấy số tiền chứa ở kho Quảng Nam, Bình Định dư dụ, mà những hạt Quảng Ngãi, Khánh Hoà bên cạnh thì ít hơn, sai Quảng Nam tải sang Quảng Ngãi 10 vạn quan, Bình Định tải sang Khánh Hoà 5 vạn quan.

Tập thỉnh an của Nguyễn Công Hoán, quyền lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh nói : châu thổ và bãi non thuộc hạt ấy hơn 2.300 mẫu, có chỗ đã có đơn trưng từ khoảng năm Gia Long đến nay, chưa báo số thành thổ ; lại có chỗ mới bồi thêm mà ẩn lậu không xin trưng. Chắc những tỉnh khác cũng không khỏi có cái tệ ấy. Xin đều cho khám đạc và đem bọn Tổng lý trừng trị về tội ẩn giấu. Việc giao xuống bộ Hộ xét, cũng cho là phải. Vua nói : "Năm nay nhân dân Bắc Kỳ mới qua cơn tật dịch, triều đình còn đương yên ủi nuôi nấng cho họ chưa rồi, nếu vội cho phái khám, chẳng những bọn lại dịch không tốt, hoặc có kẻ quấy nhiễu vào trong ấy, dần dần đến làm khổ dân, mà cái tội ẩn lậu của dân ta đến lúc đó lại không thể làm ơn tha thứ cho được. Trẫm nghĩ tới điều đó, có phần không nỡ. Huống chi kẻ tiểu dân nhất thời tham lam, nhưng lương tâm chưa bị mất hẳn. Vậy nên truyền dụ cho các địa phương ở Bắc Kỳ chỗ nào có bãi đất bồi, nên hiểu thị cho bọn Tổng lý trong hạt biết : chỗ nào có bãi cát non đã thành thổ và bãi mới bồi đã thành thổ, hạn trong

năm nay phải báo quan cho bắt đầu thu thuế ; những chỗ mới bồi chưa thành thổ, cũng lập tức làm đơn xin trưng để vào sổ làm bằng, thì những tội ẩn lậu từ trước đều tha cho hết. Nếu quá hạn mà không báo, hoặc, bị có người phát giác, hoặc tự khám xét ra, tất sẽ gia bậc trị tội.

Tập thỉnh an của bộ Hộ Hưng Hoá là Nguỵ Khắc Tuân nói : 8 châu : Thuỷ Vĩ, Văn Bàn, Phù Bá, Mai Sơn, Quỳnh Nhai, Ninh Biên, Mộc Châu, Lai Châu mới đặt quan Kinh, đường đất thì xa, lam chướng thì nặng, lại là những nơi công việc rất ít, so với các huyện đường xuôi sự thể không giống nhau. Khi khuyết Tri châu, nếu theo lệ phái mới lại tiếp đến luôn ; việc đón rước tần phiền, chỉ làm khổ cho dân. Xin từ nay châu nào có khuyết Tri châu, thì tỉnh một mặt tâu lên, một mặt thu lấy ấn tạm giữ phàm những việc quan trọng đều do tỉnh làm, việc thông thường thì uỷ cho lại mục người Thổ trước thừa hành, chờ khi quan mới đến sẽ tuân lệ thi hành. Vua y lời tâu.

Tập thỉnh an của Bố chính Quảng Trị là Nguyễn Đăng Uẩn nói : hạt tỉnh ấy từ năm ngoái trở về trước, còn thiếu nhiều số thuế lệ tiền thóc. Đã dò xét thì do dân xã có ý ngóng được ân xá mà những hương hoa vật lực sở tại cũng mặc kệ không để ý đến. Nay xin : hằng năm cứ đến tháng 7 khi hết hạn thu thuế rồi mà còn lưu khiếm thì cứ những hương hoa vật lực mà bồi đắp, cũng là liệu lấy ruộng đất của làng ấy bán cho những làng lân cận, lấy đủ số nộp kho, cho sung số thuế.

Vua nói : "Quảng Trị ở gần nơi kỳ phụ đất xấu dân nghèo. Trẫm tiết thứ ban ơn, không cái gì là không chu đáo. Nguyễn Đăng Uẩn chính mình giữ trách nhiệm tuyên truyền đức hoá của triều đình, mà không biết lo đến việc vỗ nuôi dân, cho sinh kế của dân được dồi dào, thì thuế khoá tự nhiên không bị thiếu dây dưa. Nay lại muốn trách bắt bọn hương hào vật lực phải chia bồi thuế thiếu cho người khác và lấy ruộng đất đem bán, há chẳng đến chỗ phiền nhiễu làm khổ dân ư ? Cổ nhân nói : "Thu thuế không nhiễu dân, thế là vỗ nuôi dân trong việc thu thuế". Nay không biết vỗ nuôi dân mà lại làm nhiễu dân, sao kiến thức thấp hèn đến thế ? Duy có câu nói là dân xã cố ý dây dưa bỏ thiếu để hòng được ân xá, thì chưa được rõ, quả thực dân có cái lòng ấy không ? Hay là quan địa phương đốc thu bất lực, thêu dệt ra câu nói ấy để đổ lỗi cho dân, hòng che giấu lỗi mình chăng". Bèn sai thự Công khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Nguyễn Đình Duệ đi xét hỏi. Khi Duệ về, nói dân sở dĩ thiếu thuế, quả là vì túng thiếu, không phải có ý ngóng ân xá. Lại dò được là viên chức kho và lại dịch trong khi thu thuế, có yêu sách ngoại lệ ngạch. Vua sai bộ Hình bắt tội, phân biệt kẻ phạt đánh trượng, người xử tội đồ. Đăng Uẩn, vì sơ suất không xét, bị giáng một cấp.

Tập thỉnh an của Án sát Nam Định là Lê Hữu Đức nói : trong hạt ấy thường có những kẻ lêu lổng lười biếng, tản đi để tránh binh dao, bạ đâu ký ngụ ở đấy, không rõ quê quán ở đâu, hoặc khi lén lút trộm cắp, hoặc khi lừa dối người kiếm tiền. Đã tiết thứ bắt được, theo lệ cho sung làm binh trong tỉnh, nhưng vừa cho nhập ngũ thì đã trốn ngay, không trách cứ vào đâu mà bắt được. Xin từ nay, hễ tra xét việc án, có kẻ nào như thế, xin phát vãng đi Tả, Hữu Trạch nguyên ở Thừa Thiên sung vào đồn điền để cho có căn cứ.

Vua nói : "Những dân du thủ du thực, xưa nay không có căn cước, rồi nhân thế mà sinh cờ bạc trộm cắp, không từ điều gì. Hạng người ấy ở đâu cũng có, không cứ một Nam Định mà thôi. Tả, Hữu Trạch nguyên ở Thừa Thiên, tuy có các sở đồn điền, nhưng là đất kỳ phụ, há nên phát sung những bọn ấy đến. Vậy chuẩn cho thông dụ cho các địa phương từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, khi tra xét việc án, nếu xét thấy kẻ nào du đãng, ký ngụ ẩn lậu, không biết quê quán, cho phép liệu nơi mà phát đi làm binh ở các phủ Trấn Ninh, Trấn Tĩnh và các tỉnh biên giới Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Quảng Yên và quản thúc cho nghiêm. Đó cũng là "đuổi ra cõi xa cho chống quỷ ly, quỷ vỵ[1] để răn dạy là đủ rồi".

Tập thỉnh an của Án sát Khánh Hoà là Vũ Doãn Cung nói : binh giản tuyển thuộc tỉnh ấy, trốn đi bỏ thiếu thì nhiều mà nhà cường hào giàu có đã định thì thường đi làm lại dịch, thuộc binh ở các phủ đệ các vương công để nhằm trốn ra lính. Xin từ nay phàm các dân xã, bất luận số binh đinh xã ấy thiếu hay đủ, những tên nào lậu ngoài sổ đinh, nếu quả là hạng cường hào giàu có đa đinh, thì Tổng lý phải khai vào sổ đinh ngay, để khi có khuyết lính, đem điền thế trước, cấm họ không được đi làm binh đinh lại dịch các nha khác. Kẻ nào trái lệnh, theo luật nặng trị tội. Vua theo lời tâu.

Tổng đốc Hải Dương là Tôn Thất Bật tâu nói : kho Hải Dương chứa đã đầy đủ, những tiền thuế thóc thuế năm huyện Vĩnh Bảo, Vĩnh Lại, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Thanh Miện, xin lại cứ theo như cũ cho nộp theo về tỉnh Hưng Yên cho tiện việc vận tải. Kho chứa của tỉnh Quảng Yên hàng năm chi tiêu không đủ, thường phải lấy thêm ở Hải Dương, xin cho trích số thuế hai huyện Giáp Sơn, Đông Triều cùng với hai huyện An Dương, Thuỷ Đường nộp theo vào cả tỉnh Quảng Yên bắt đầu từ vụ đông năm nay. Vua y cho. Các huyện nộp theo về Hưng Yên thì nhất thiết các việc thu chi, vận tải thuế, đều chuẩn cho theo lệ của Hà Nội mà phái thuộc viên đi làm.

---

(1) *Ly* : những yêu khí ở rừng núi sinh ra. *Vỵ* : yêu quái do gỗ đá sinh ra.

Cho Viên ngoại lang bộ Hình là Bùi Phụ Phong thự chức Lang trung bộ Lại, kiêm nhiếp Tả tá lý phủ Tôn Nhân ; Viên ngoại lang Thái thường tự là Tôn Thất Phiên thự chức Lang trung bộ Lễ kiêm nhiếp Hữu tá lý phủ Tôn nhân.

Cho Biện lý Binh bộ là Nguyễn Đức Hoạt quyền biện công việc bộ Hộ.

Đổi tên thuyền Thanh Loan làm thuyền Thanh Dương, thuyền Phòng Dương làm thuyền Tuần Hải lục hiệu. Những thuyền Thanh Dương, Tuần Hải lục hiệu cũ kiểu dáng thô vụng, đi lại chậm chạp, chuẩn cho lập tức tháo ra lắp ván. Lại sai Thuỷ sư đóng lại một chiếc thuyền lớn (dài 9 trượng 5 thước, rộng 2 trượng 1 thước 1 tấc) đặt tên là thuyền Thanh Loan, để xếp vào hạng với các thuyền Linh Phượng, Thuỵ Long, Phấn Bằng mà làm bốn thuyền định ngạch, còn thuyền Phòng Dương thì bỏ đi. Lại thuyền hiệu Định Hải có 5 chiếc, thiếu 1 chiếc cũng sai đóng thêm (dài 5 trượng 6 thước 1 tấc, rộng 1 trượng 4 thước). Cho Chưởng vệ là Đoàn Kim, Giám đốc là Đinh Văn Quý trông coi công việc. (Mẫu dáng thuyền đại khái : lòng thuyền cần rộng, từ cái hộ long[1] trở lên dần dần thu hẹp lại. Cái hộ long thì hơi bằng, đầu cao 5 tấc, đuôi cao 7 tấc. Thuyền không được làm theo lối cũ như hình cung, mà cốt cho được khéo léo nhẹ nhanh).

Vua xem bản vẽ về Thiên tượng của Tây dương, bảo viên quản lý Khâm thiên giám là Trương Đăng Quế : "Bản vẽ của người Tây dương cho Thiên Hà là sông thật, thì thực là nói bậy sai lầm. Sông Ngân Hán ngang trời là do nhiều vì sao tụ họp liền nhau, trông có ánh sáng rờ rỡ, có hình như con sông, chứ đâu có lý là sông thật ư ?".

Đổi định lại ngạch thuế đinh điền tỉnh Quảng Yên. Lệ trước ngạch thuế các tỉnh ven biên giới Bắc Kỳ so với các tỉnh lớn đều được giảm bớt một nửa. Đến nay các kỳ mục Tổng lý hạt Quảng Yên tự cho là tiêm nhiễm phong tục Kinh đã lâu, không chịu theo tục Thổ, đều tình nguyện theo lệ thuế chính cung như các tỉnh lớn. Trong tập thỉnh an, Án sát là Nguyễn Đồng Khoa đem việc đề tâu kêu xin. Vua bèn chuẩn cho bộ Hộ bàn châm chước đổi định lại, duy có số thóc gạo về thuế ruộng 3 châu Vạn Ninh, Tiên Yên, Vân Đồn được tính chiết can nộp bằng tiền (Đinh tráng nộp mỗi người 1 quan 2 tiền thuế thân, 1 tiền thuế đầu quan ; những dân đinh già ốm thì nộp một nửa. Ruộng công : nhất đẳng mỗi mẫu nộp 120 bát thóc, nhị đẳng mỗi mẫu nộp 84 bát, tam đẳng mỗi mẫu 50 bát. Ruộng tư : nhất đẳng mỗi mẫu

(1) Chưa rõ nghĩa "hộ long" là gì, nhưng có lẽ là cái xà ngang lòng thuyền để đặt ván sạp lên trên.

40 bát, nhị đẳng mỗi mẫu 30 bát, tam đẳng mỗi mẫu 20 bát. Tiền thập vật ruộng công tư mỗi mẫu đều 1 tiền 30 đồng. Đất công mỗi mẫu : tiền thuế : 6 tiền, tiền gạo tám cánh : 1 tiền. Ruộng muối và đất tư mỗi mẫu : tiền thuế 2 tiền ; tiền gạo tám cánh 1 tiền. Ngoài ra, tiền thuế hộ, gạo công cước, tiền của đinh về thuế đinh, tiền khoán làm kho, tiền cỏ gianh, tre, rào về thuế điền, đều bãi bỏ).

Ra lệnh cho bộ Hình ở Kinh và các địa phương ở ngoài, từ nay phàm các án nghĩ xử các tù phạm về tội quân lưu và tội đồ, đều phải theo lệ liệu nơi mà phát đi, không được phát cả đến Trấn Tây (Gần đây những tù phạm phần nhiều đổi phát đi Trấn Tây, hiện số đến hơn 1.400 tên. Những tên làm việc chuộc tội cùng là được tha cho làm binh, làm nô là 850 tên, còn số bị giam cấm là 594 tên).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCV*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839], mùa thu, tháng 8. Thành thần Trấn Tây là bọn Trương Minh Giảng tâu nói : đã tiết thứ chiêu tập dân Kinh đến thiết lập ra làng, ấp, tất cả được 25 thôn, đinh số hơn 470 người, ruộng đất hơn 640 mẫu. Nay mãn hạn 3 năm, xin nên chiếu lệ bắt đầu thu thuế. Vua nói : Buổi đầu thiết lập như thế, các công việc làm, nơi ăn chốn ở, vừa mới ổn định, tuy rằng thôn lạc đã thành, nhưng sinh kế há đã được dồi dào. Vả lại sang năm chính gặp tiết Ngũ tuần đại khánh của trẫm, sắp ban ơn trạch rộng khắp cho dân các hạt, nhất luật đều được thấm nhuần, huống là đám dân tân lập ấy, há nên nỡ vội đánh thuế. Vậy ngạch thuế đinh điền các thôn đó về năm nay và Minh Mệnh năm thứ 21 đều gia ơn miễn tất, cho dân ấy đều được tỉnh lại và nghỉ ngơi. Các viên Tướng quân, Tham tán nên tuyên dương đức ý ấy để vỗ về họ.

Bọn Giảng lại nói : Người nước Thanh ngụ ở Trấn Tây có sản nghiệp cộng được hơn 220 người, xin lập làm 5 bang, thu nộp thuế lệ, cho lệ thuộc vào đạo Lương trừ, để cho có chỗ tóm trông coi. Vua y lời tâu.

Đổi định lại lệ ban lính Thổ ở Trấn Tây. Vua dụ rằng : "Số lính thổ hạt ấy đông, trước đã nghị chuẩn cho chia làm 2 ban, 3 ban đến kỳ tháng 10 thì tập họp đông đủ. Nay nghĩ : binh quý ở tinh thạo, không quý ở nhiều người. Vậy 27 cơ lính Thổ ấy nhân số đến hơn 13.000 người, tuy chia làm 2 - 3 ban, mà số người họp ăn cũng còn đông. Vả, Trấn Tây, tục từ xưa không có tích trữ, hằng năm chi lương quá

nhiều, thì trông vào đâu ? Như thế e không phải là cách có thể kế tiếp lâu dài được. Huống hồ, lính Thổ thường cho phải đóng thú lâu là vất vả, mà bọn đầu mục cũng cho việc nuôi lính là tốn phí, chính là lúc nên liệu xét sự thể mà điều chỉnh lại cho được thích hợp. Gần đây, 2 chuyến riễu binh ở trên cõi, bọn giặc thấy bóng, thấy gió là tan chạy, thì có thể biết là chúng nhất quyết không dám lại manh tâm nhòm ngó nữa. Tuy việc biên phòng cố nhiên không thể quên lãng, nhưng trong kế sách tự trị cũng phải tính kỹ trước cái cách lâu dài. Vậy chuẩn cho các viên Tướng quân, Tham tán căn cứ vào số Thổ binh trong hạt mà chia làm 4 ban, mỗi ban có thể được hơn 3.000 người. Những nơi địa đầu xung yếu thì liệu lượng phái đến phòng giữ ; nơi nào không xung yếu thì châm chước bớt đi. Còn thừa bao nhiêu, cứ lưu chúng lại đồn điền mà dạy chiến đấu, dạy cày cấy cho quen thạo. Đến tháng 11, 12 chia ra làm 2 ban để phòng thủ về mùa đông ; sang giêng lại theo lệ chia làm 4 ban : 1 ban tại ngũ, 3 ban cho về, cứ 2 tháng một lần thay đổi để lúc nhọc, lúc rỗi được đều nhau. Binh này vốn là người Thổ trước, quê quán không xa, một khi được tin cấp báo, sức bắt ngay ở nơi cận tiện, sớm gọi thì chiều đến nơi, chắc cũng không đến nỗi chậm trễ lỡ việc, thì có thể đỡ phí tổn mệt nhọc mà thi hành lâu dài được". Các viên Tướng quân, Tham tán sau này đem số Thổ binh tại ban lưu lại ở thành làm việc công và phân phái đi đóng giữ các nơi, làm bản tâu lên. Vua y cho làm. (- Số lính lưu ở thành làm việc công : các cơ Trấn Tây tam tứ, lục, thất và cơ Tượng mục, cơ An man nhị, tam cộng 7 cơ : 10 Quản cơ, 60 Suất đội, 3.090 biền binh. Mỗi ban 772 người. - Đóng giữ thành La Kết : các cơ Trấn Tây nhất, nhị, 2 cơ ấy, 4 Quản cơ, 20 Suất đội, 1.100 biền binh. Mỗi ban 275 người. - Đóng giữ bảo Lư An : cơ Trấn Tây ngũ : 2 Quản cơ, 10 Suất đội, 550 biền binh. Mỗi ban 137 người. - Đóng giữ phủ Hải Đông : 5 cơ Tịch biên lục thất, bát, cửu, thập : 8 Quản cơ, 46 Suất đội, 2.530 biền binh. Mỗi ban 632 người. - Đóng giữ phủ Hải Tây : 4 cơ Tịch biên nhị, tam, tứ, ngũ : 6 Quản cơ, 40 Suất đội, 2.200 biền binh. Mỗi ban 550 người. Đóng giữ đồn canh Xà Năng : cơ Tịch biên nhất, một Quản cơ, 5 Suất đội, 275 biền binh. Mỗi ban 68 người. - Đóng giữ phủ Sơn Tĩnh : các cơ Tịch biên thập nhất, thập nhị, cơ An man nhất cộng 3 cơ, 5 Quản cơ, 25 Suất đội, 1.226 biền binh. Mỗi ban 306 người. - Đóng giữ...(?) : các cơ Quảng biên nhất, nhị và cơ Khai biên cộng 3 cơ, 5 Quản cơ, 25 Suất đội, 1.375 biền binh. Mỗi ban 343 người. - Đóng giữ phủ Ba Xuyên : cơ Trấn Tây bát, 2 Quản cơ, 10 Suất đội, 550 biền binh. Mỗi ban 137 người).

Vua lại thấy số tù phạm giam cấm trong hạt ấy hầu tới 600 người, coi giữ vất vả, dụ sai : ai là quan chức phạm tội công và những can phạm thường, mà tuổi đã từ 60 trở lên thì tha ra, cho đi theo các quan quân đóng giữ để trồng cấy. Người nào

nguyên can án nặng mà xét ra có tình trạng hung ác, thì vẫn nghiêm cấm như cũ. Còn bao nhiêu chia phát đi Hải Đông, Hải Tây, Sơn Tĩnh, Hà Tiên, Quảng Biên, mỗi nơi độ 50, 60 người, lưu lại Trấn Tây độ 300, 400 người, đều do biền binh sở tại quản thúc, tuỳ tiện cho cày cấy trồng trọt để dễ việc kiểm chế. Sau chuẩn cho trích ra 88 người tình tội hơi nhẹ, mở xiềng xích cho sáp nhập vào đồn điền làm binh.

Khởi phục viên bị cách là Trần Hiển Doãn làm Tư vụ bộ Công sang chức Hành tẩu viện Cơ mật.

Đổi cấp khoản công nhu bằng tiền cho ty Thạnh cẩn sở Thị vệ (trước, mỗi năm cấp : 4.000 tờ giấy lệnh, 1.000 tờ giấy thị, hơn 78 cân dầu thắp. Nay đổi cấp cho 30 quan tiền).

Đổi định lại lệ phạt kẻ trộm giết người và đánh bị thương người. Ở tỉnh Nam Định có kẻ phạm tội ăn trộm đánh sự chủ bị thương, qua một ngày thì chết. Án của tỉnh chiếu luật kẻ trộm kháng cự lại người bắt mà giết người, đánh người bị thương nghĩ xử vào tội trảm giam hậu[1]. Vua nói : "Kẻ trộm mà đến giết người, thì cực là hung ác ; việc tuy là việc trộm, nhưng tình thì không khác gì cướp. Luật khép vào tội trảm hậu, thực chưa xứng đáng, phải đổi làm trảm quyết[2]. Bèn thông dụ cho các nha môn xét xử việc hình : từ nay có xét xử án kẻ trộm chống cự lại người bắt mà đánh người bị thương thì cứ theo luật mà xét nghĩ ; nếu khi kẻ trộm dám hành hung, ngay khi ấy giết chết sự chủ, hoặc làm sự chủ bị thương rồi trong tuần nhật bị chết, thì kẻ hạ thủ, bất cứ đã đánh bằng kim khí, đều xử trảm quyết. Nếu kẻ bị giết là gia nhân, thân thích hay láng giềng của sự chủ, thì xử tội giảo quyết"[3]. Việc này ghi lại làm lệ.

Gọi lính mộ Bắc Kỳ về Kinh kiểm duyệt. Trước đây phái viên là Vũ Phạm Khải cho rằng có lính mộ ở Bắc Kỳ phần nhiều chỉ là nêu con số hão để mạo lĩnh lương, tâu xin cho triệu tập cả về Kinh điểm duyệt để tuỳ việc sai phái. Vua sai bộ bàn, bộ xin cứ những tỉnh lớn số lính mộ nhiều thì chia làm 2 kỳ gọi về điểm, rồi sau sẽ bàn đến việc dồn bổ. Vua nói : "Sang năm là tiết Đại khánh, các tỉnh đều có lầu, rạp chúc thọ (ở Kinh). Đã chuẩn lời bàn của bộ, khi đến kỳ xây dựng, thì phái binh sửa làm. Vậy truyền cho các tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Nam Định, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hưng Yên, Ninh Bình đều chiểu hiện số lính mộ của tỉnh, đến thượng tuần tháng 11

(1) Tội chém, nhưng còn giam đợi mùa thu xét lại.
(2) *Trảm quyết* : đem chém ngay lập tức.
(3) Thắt cổ cho chết ngay, không xét lại nữa.

đem về Kinh để duyệt, nhân tiện phái họ làm việc sửa dựng lầu, rạp một thể, bất tất trích phái lính giản tuyển đến làm gì". Sau thấy Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Hưng Yên, Ninh Bình, binh số chỉ có hơn 200, chuẩn cho về Kinh đủ số ; duy có Nam Định, Bắc Ninh, binh số tới 600, 700 người, thì sai chỉ trích mỗi tỉnh lấy 250 người thôi.

Hà Nội tâu nói : "Lính mộ tỉnh ấy, nguyên ngạch dồn bổ từ trước là hơn 500 người, nay đã trốn bỏ đến già nửa, tưởng đến kỳ về Kinh kiểm duyệt, vị tất khỏi lại trốn thêm nữa. Xin nên hiểu thị rõ điều lệ nghiêm ngặt : kẻ nào trốn, bắt được sẽ trừng trị theo luật nhà binh". Vua đặc cách chuẩn cho gia hạn 3 tháng, kẻ nào trốn mà ra thú thì miễn tội, nếu quá hạn không ra thú và khi dụ đã tới mà có kẻ còn dám trốn thì khi bắt được, lập tức chém đầu đem rêu rao cho công chúng biết.

Đổi tên điện Trung Hoà ở cung Kiền Thành là điện Kiền Thành. (Điện Trung Hoà là tên đã có từ cổ, nay không muốn lại bắt chước, nên đổi đi).

Ngày Kỷ Sửu, xây dựng vạn niên đại cát địa[1] ở Thuận Sơn. Sai Thượng thư bộ Công là Đặng Văn Thiêm, thự Tiền phong Thống chế là Trần Hữu Lễ trông coi công việc.

Trước đây, bọn Giám chính là Hoàng Công Dương vâng phái đi ngắm đất. Tế tửu là Lê Văn Luyện, Viên ngoại lang là Đỗ Tuấn Đại cũng dự đi. Công Dương chọn được một kiểu đất ở xứ Thuận Sơn có sa, có thuỷ kín đáo rất đẹp. Đình thần thay nhau đi xem lại đều nhận như thế. Bấy giờ bọn Luyện cũng phụ hoạ không có lời gì khác. Đến khi dâng bản đồ hoạ lên vua xem, vua sắp ngự tới thăm, bọn Luyện bèn nói với đình thần rằng : nơi đó chưa được là nơi che kín gió, tụ hội nước, phương hướng không được hợp tốt lắm. Chất vấn Công Dương thì nói rằng : nơi đó sa và thuỷ quanh vòng, mà năm tháng lập hướng lại được cát thần chiếu hộ, cứ tranh luận mãi với nhau không thống nhất, quản Khâm thiên giám là Trương Đăng Quế đem việc tâu lên. Vua nói : Việc đó trọng đại biết chừng nào. Bọn Luyện, phận là thần tử, nếu biết đích là kiểu đất ấy chưa hợp, sao không biện bạch phải trái ngay từ đầu, lại đến khi xong việc mới đặt ra những lời ngang ngửa. Chẳng biết có phải bọn chúng có sở kiến riêng biệt, xuất phát từ lòng công trung, một mình bè bác mọi người mà nói như vậy chăng ? Bèn sai đình thần gạn hỏi bọn Luyện xem nói rằng đất ấy không tốt, thì căn cứ vào sách nào ? Bọn Luyện không trả lời được. Cuối cùng bọn Luyện đều bị cách chức vì nói bậy.

---

(1) Tức sinh phần của vua.

Hiệp tán Trấn Tây là Cao Hữu Dực trình bày về công việc biên giới : - Một khoản nói : ruộng khẩn của hạt thành ấy gồm có hơn 1.400 mẫu, ngẫu nhiên bị thuỷ, hạn khó lòng làm được. Đã xét ra 3 huyện Mỹ Lâm, Chân Tài, Bình Xiêm có nhiều đất màu, nhưng về địa thế xa cách chưa tiện phái binh đến cày cấy. Duy có phủ Hải Tây là đất màu mỡ, xin trích lấy 1 vệ lính thú phái đến khai khẩn cày cấy. - Một khoản nói : những dân của 6 tỉnh Nam Kỳ trốn đi, xiêu tán phần nhiều đến ẩn náu ở hạt thành ấy, gặp đâu làm ăn sinh nhai ở đó. Xin cho sở tại chiêu tập bọn họ lập thành làng ấp. Lại, người nước Thanh đến đầu ngụ, phần nhiều bị người Phiên nhũng nhiễu, cũng xin nhân dịp phủ dụ họ dồn lập thành bang hộ. Còn tô thuế thì chờ khi nơi ăn chốn ở yên ổn, họp ở ngày một đông, sẽ lại bàn đến việc đánh thuế. - Một khoản nói : thổ tục từ trước, người đầu mục đều có phần đất, phần dân. Người làm dân, nhất thiết chỉ nghe theo đầu mục của họ. Xin từ nay, phàm các Phiên chức lớn nhỏ, khi có khuyết, bất tất đặt nữa. Nếu chức nào có quan hệ đến việc binh, việc dân, thì do thành chọn những người thực có lòng hướng mộ [triều đình], tâu xin liệu cho chức quan để sung làm việc.

Vua dụ : "Đóng quân chứa thóc là kế hoạch chủ yếu về việc biên phòng. Từ trước đến giờ, biền binh đóng giữ và làm đồn điền đã có nơi nhất định, không nên di nơi này đến nơi khác chỉ thay đổi luôn. Huống chi hạt ấy rất xa rộng phần nhiều là đất màu mỡ, với số lính thú có hạn, há có thể chỗ nào cũng phái đi khai khẩn được ư ? Không kể là một phủ Hải Tây, ngay cả các huyện Mỹ Lâm, Chân Tài, Bình Xiêm, nếu đã xét biết là đất tốt có thể cày cấy được thì nên sai thổ binh thổ dân sở tại tuỳ tiện mà khai khẩn cày cấy. Nay chúng đã là dân ta, nếu có thể dạy dỗ cho chúng biết chăm chỉ nghề nông. Thêm nhiều thóc lúa, thì chúng có, tức là ta có ; một ngày kia chiến tranh, phòng thủ, có thể trông cậy được thì cũng là đắc sách, hà tất phải phái lính thú đi khai khẩn làm gì ? Lại, hạt ấy đất rộng, nguồn lợi nhiều, việc sinh nhai dễ dàng tiện lợi, dân ở 6 tỉnh Nam Kỳ nhiều người trốn đến lưu ngụ. Nay các huyện sở tại đã bổ quan Kinh, thì sức hỏi trong hạt nếu có dân Kinh lưu ngụ và người nước Thanh đầu ngụ, đều cho đến hai bên tả hữu huyện lỵ, làm nhà ở mà sinh nhai làm ăn, rồi chiếu theo số người nhiều hay ít mà lập thành thôn ấp, để cho họ tiêm nhiễm lẫn nhau đều thành ra dân Kinh, bất tất phải dồn riêng người nước Thanh làm bang hộ nữa.

Còn như thổ dân mới lệ thuộc bản đồ, việc thay đổi phong tục của họ cũng phải dần dần. Trước đã có dụ nói : phàm có đặt ra quan chức người Thổ, cần đem những người có lòng hướng mộ triều đình hay có công trạng rõ ràng mà thôi bổ, để chúng biết cảm kích khuyến miễn. Duy về danh mục của quan chức Phiên, không biết ở

đấy họ có đặt riêng ra nữa không ? Kể ra từ quận chúa cho đến quan chức Phiên đã nhận quan chức của triều đình, tức là tôi tớ của triều đình, há nên còn theo tục cũ đặt ra danh mục riêng. Vậy chuẩn cho các viên Tướng quân, Tham tán truyền Chỉ cho quận chúa biết : từ nay hễ quan chức Phiên nào khuyết ra, phải báo cho biết. Nếu xét cần nên đặt thì do thành chọn lựa lấy người tâu xin bổ cho chức quan của triều đình để làm việc ; nếu không nên đặt nữa thì thôi, không được tự ý đặt quan chức riêng, để chúng biết cái chính sách lớn bỏ người dùng người là do tự triều đình, cho được thống nhất lòng người, ổn định chí dân".

Sai Vũ khố chế tạo đạn lan can và đạn liên châu, phát cho các địa phương từ Quảng Trị trở ra Bắc mỗi tỉnh mỗi thứ đều một viên để tùy lòng súng to, nhỏ theo mẫu chế ra đạn trữ vào kho để dùng (Quảng Nam trở vào Nam, trước đã chế mẫu cấp cho rồi). Lại chế 1.000 cây giáo dài, chiều dài lấy 18 thước làm mức. Khi có phái thuyền công đi tuần tiễu hay tải hoá vật, liệu cấp cho thuyền lớn 40 cây, thuyền nhỡ 30 cây thuyền nhỏ 20 cây, mang theo đi để phòng dùng đến. Lại dụ cho các địa phương duyên hải, nơi nào có ngạch thuyền cũng chiểu theo số thuyền nhiều hay ít liệu chế ra giáo dài ấy, gặp khi có sai phái tuỳ theo hạng thuyền châm chước mà phát.

Định lệ túc trực thủ hộ của thân binh (Binh vệ Cẩm y, Kim ngô ngày thường túc trực ở hai bên tả, hữu phía ngoài cửa Đại cung, lấy 450 người làm hạn định. - Binh vệ Cẩm y : 250 người, cầm : 40 lá cờ rồng vuông, 40 khẩu súng Thần cơ, 90 cây giáo 3 cạnh, 45 khẩu điểu sang, 20 thanh đao đeo, 3 lá khiên mây, 2 đôi côn sơn đỏ, 2 đôi trượng sơn đỏ, 4 đôi roi và cọc. - Binh vệ Kim ngô 200 người, cầm 30 lá cờ đuôi nheo, 110 cây giáo 3 cạnh, 35 khẩu điểu sang, 20 thanh đao đeo, 15 lá khiên mây. Mỗi ngày vào lúc sáng rõ đều phải tề tập ở mé ngoài hai cửa Nhật Tinh và Nguyệt Ba[1], chia đứng hai bên tả, hữu mỗi bên một nửa. Hai bên đầu làm nhà tạm để làm nơi trú đóng. Buổi sáng, đồng hồ 6 chuyển liệu trích lấy 200 người lưu lại trực ; buổi chiều, đồng hồ 6 chuyển phải họp đủ, đến lúc nhá nhem tối, lưu lại 250 người để trực đêm. Còn ngoài ra cho được nghỉ ngơi. Gặp khi vua đi tuần ngự trong hay ngoài Kinh thành thì toàn số phải theo hầu. Khi vua đến nơi nào đóng lại ở hành cung, thì sáng sớm mỗi ngày, toàn số phải lưu lại phân biệt trực ở xung quanh. Buổi sáng, đồng hồ 6 chuyển, một nửa lưu lại trực, một nửa nghỉ ; buổi chiều, nếu nghe thấy ngự doanh ra lệnh đánh khánh đồng 3 tiếng trước, 2 tiếng sau,

(1) Nguyên là Nguyệt Hoa sau vì huý chữ "hoa" chép là Nguyệt Ba. Năm Thiệu Trị thứ nhất đổi làm Nguyệt Anh.

các hạng biền binh đi theo đánh thanh la, thì phải tề tập ứng trực ; đến nhá nhem tối đều lưu lại túc trực. Do viên Quản thị vệ phái Thị vệ Hộ vệ mỗi hạng 2 viên, mỗi ngày đêm 2 lần đi kiểm tra, người nào thiếu vắng thì hặc tâu, khép vào tội "vi chế". Nếu việc thuộc về quân cơ thì xét về luật binh. Những viên cai quản cũng bị phân biệt trị tội nặng.

Thủ hộ ở cửa Đại cung : Cai đội, Hiệu uý vệ Cẩm y mỗi hạng đều 2 người, 4 Thị vệ, 6 Hộ vệ, 4 Đội trưởng, 10 binh đinh đều ở vệ Cẩm y.

Thủ hộ cửa chái tả : một Suất đội, Đội trưởng và Ngoại uỷ đội trưởng mỗi hạng 2 người, 5 binh đinh đều ở vệ Cẩm y.

Các cửa ở Duyệt thị đường : 1 Suất đội, 2 Đội trưởng, 20 binh đinh, đều ở vệ Cẩm y.

Cửa Hưng Khánh : 1 Suất đội, 5 binh đinh ở vệ Cẩm y ; 3 binh đinh ở vệ Kim ngô.

Cửa chái hữu : 1 Suất đội, 5 binh đinh ở vệ Cẩm y.

Hai cửa Tường Loan, Nghi Phượng : Đội trưởng Dực võ, Ngoại uỷ mỗi hạng, mỗi cửa đều 1 người, binh đinh mỗi cửa 4 người.

Cửa Gia Tường : 1 Đội trưởng, 6 binh đinh ở Dực võ.

Hai cửa Đông An, Tây An : mỗi cửa 1 Đội trưởng Dực võ, 3 binh đinh.

Ban đêm, nếu có thẻ bài qua cửa truyền lệnh mở cửa thì theo lệ xét thực mở cửa cho đi, nhưng phải lập tức viết bài dâng trình việc ấy ngay. Năm cửa Đông An, Tây An, Tường Loan, Nghi Phượng, Gia Tường do viên Quản suất kiểm tra, còn các cửa khác, do viên Quản thị vệ phái Thị vệ, Hộ vệ thỉnh thoảng kiểm tra, thiếu vắng thì tham hặc.

Quyền lĩnh Tổng đốc Hải - An là Tôn Thất Bật tâu nói : "Ba huyện Đường Hào, Đường An, Thanh Miện thuộc hạt ấy có xen vào hơn 23.500 mẫu nguyên số là ngạch ruộng mùa, địa thế trũng thấp, lại tiện về cấy chiêm. Xin cho đổi là ngạch ruộng chiêm, bắt đầu đổi thuế từ năm nay". Vua y cho.

Sai Thanh Ba sửa chữa miếu nhà Lê. Miếu ở xã Bố Vệ, làm đã lâu năm, nhiều chỗ hư hỏng, phu coi mộ sức không chữa nổi. Quan tỉnh đem việc tâu lên. Chuẩn cho chi tiền công thuê dân tu bổ.

Trong Kinh kỳ liền ngày bị nắng dữ. Vua thân làm 2 bài thơ tả việc mong mưa, sai Nội các là Nguyễn Tri Phương mang đến miếu Đô thành hoàng cầu đảo rồi được mưa liền. Vua sai sửa lễ tam sinh đến tạ và thưởng Tri Phương kỷ lục một thứ.

Tập thỉnh an của Án sát Định Tường là Hà Thúc Giao nói : những hộ thuế biệt nạp trong hạt ấy, duy có hộ dệt trừu là chính nghề, còn các hộ bông vải, nhạc công,

làm sắt, thợ rèn, đều không phải nghề nghiệp sản vật của họ. Xin đều cho chiểu quê quán bắt về làng để gánh sai dịch. Vua nói : phép cống nộp thổ sản là quy lệ thường từ đời xưa. Đó là để tiện cho dân và có vật dùng cho nhà nước. Duy nhân tình phần nhiều sợ nặng cầu nhẹ, có kẻ vốn chẳng phải nghề nghiệp sản vật của mình cũng xin biệt nạp thuế sản vật để mong trốn ra lính và tạp dịch. Những dân xã biệt nạp từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, đã từng chuẩn lời bàn của bộ là do quan địa phương xét nghiệm đâu nên để, đâu nên bỏ, tâu xin thi hành. Duy còn từ Quảng Bình trở vào Nam vẫn để ngạch cũ. Vậy truyền dụ cho các viên đốc, phủ, bố, án các tỉnh đều xét kỹ những hộ biệt nạp trong hạt mình, hộ nào xác thực là có nghề nghiệp sản xuất mà những sản vật ấy lại là vật cần thiết, thì mới cho lưu lại ngạch biệt nạp ; còn ngoài ra đều bắt buộc trở về sổ dân để gánh vác binh dao. Lại những thợ các cục được nộp vải thay thế cũng đều phải sát hạch, tên nào nên bỏ cũng bỏ đi không cho nộp.

Tập thỉnh an của Án sát Quảng Yên là Nguyễn Đồng Khoa nói : các châu, huyện Hoành Bồ, Tiên Yên, Vạn Ninh thuộc tỉnh ấy, số học trò mỗi huyện chỉ một vài người, nghĩ nên bỏ chức Huấn đạo. Duy có hai huyện Ba Phong[1], Yên Hưng, số học trò ngày một nhiều, một mình viên Giáo thụ, sợ khó lòng quản cố được xiết, xin đặt thêm một viên Huấn đạo ở Ba Phong để giúp việc đào tạo học trò. Việc giao xuống bộ Lại bàn, bộ cho rằng huyện Ba Phong là huyện thuộc [phủ] Hải Ninh kiêm lý, mà giáo dục thì đóng tại học đường ở tỉnh, đường sá xa xôi, nên rút về nha phủ [Hải Ninh] giảng dạy cho tiện. Còn địa hạt huyện Yên Hưng ở ngay tỉnh thành lại là huyện đầu tỉnh, xin đặt thêm một Huấn đạo và cho phép cư trú ở ngay học đường [tỉnh]. Ngoài ra, xin theo như lời nghị của tỉnh thần. Vua theo lời bàn.

Tập thỉnh an của Án sát Hà Tĩnh là Phạm Sĩ Ái nói : những người dân nguyên theo tả đạo Gia Tô, đã từng vâng lời minh dụ hiểu bảo cho họ thì những kẻ hơi biết hối biết sợ, phần nhiều đã đến quan xin bỏ đạo. Nhưng những kẻ tập nhiễm đã sâu, cũng có nhiều kẻ đút lót, nhờ Tổng lý sở tại dong ẩn cho. Nay xin đặt ra điều lệ cấm, hạn trong một năm, Chánh phó tổng, Lý trưởng hạt nào bắt được trưởng giáo Gia Tô, hoặc xét được những người nguyên vẫn theo đạo ấy, giải dẫn tất cả lên quan thú tội, thì cho lưu chức làm việc ; nếu dám dung túng ẩn giấu hay dẫn ra thú không hết, đến khi phát giác ra sẽ gia bậc trị tội. Còn như phủ, huyện, xin bắt phải xét trong hạt, gián hoặc có những thôn, phường nào hoàn toàn theo đạo ấy, đều phải bắt họ lập đền thờ thần bản thổ, năm 2 lần xuân, thu cúng tế, rồi thân đến hiểu dụ cho chúng giác ngộ ; nếu lơ là không lưu tâm, do tỉnh xét hặc. Như vậy để họ biết là phép cấm nghiêm ngặt, tất sẽ bỏ tà đạo theo chính đạo.

---

(1) Nguyên là Hoa Phong, vì huý chữ "Hoa" nên chép là Ba Phong.

Vua dụ rằng : Cái đạo dạy dân, tất phải dùng giáo hoá trước, dùng hình phạt sau. Nếu không dùng giáo hoá mà dùng hình phạt ngay thì thực chưa nỡ. Xét ra, tả đạo Gia Tô mê hoặc người, những tiểu dân ngu tối phần nhiều bị lừa dối cám dỗ. Đã từng nghiêm cấm, từ trước đến nay, cũng đã có nhiều người tình nguyện xin bỏ đạo ; còn một đôi kẻ vì lòng bị tà đạo che lấp đã sâu, vẫn còn ở những thôn xóm hẻo lánh tiếp tục vụng trộm cầu kinh, cũng là cái thế không thể tránh khỏi được. Đó đều bởi bọn Tổng lý dung ẩn cho họ, cứ dùng dằng mãi, nên có làm chậm trễ cho việc biến đổi lớn. Nhưng trong bọn họ há không có những người hiểu lẽ phải, nếu một khi lòng thiện được người mở bảo cho thì bọn chúng vốn chưa mất hết lương tâm, tất biết đường tà nên đổi, đường chính nên theo, tự khắc vụt chốc tỉnh ngộ. Phủ, huyện có trách nhiệm thân dân, nay trong nước thái bình, công việc kiện tụng ít, thì về việc dạy dân, bảo ban dỗ dành cần phải làm trước. Vậy chuẩn thông dụ cho các thượng ty, các trực tỉnh đều truyền bảo phủ, huyện chuyển sức Tổng lý hiểu dụ khắp các dân xã nào học đạo Gia Tô đại lược rằng : "Bọn trưởng giáo Gia Tô kia vốn người xứ khác, không phải nòi giống ta. Nếu đạo của nó quả là dạy về trung với vua, hiếu với cha, thuận với anh, hoà với em, thì cứ học, nào có ai cấm. Nay đạo của nó lại dê-du, thập ác, nhiều cái không chính đáng, hoàn toàn không dùng được, sao lại bỏ mất lương tâm vốn có mà đi theo cái tà đạo, không căn cứ vào đâu. Nếu bảo là học đạo Gia Tô, sau khi chết được lên thiên đường, thì ngay như tên trưởng giáo Gia Tô người Tây dương là Mã Song cam tâm theo giặc chống cự quan quân, liều chết giữ cái thành trơ trọi đến hơn 3 năm, một khi thành bị phá, muôn dao băm chém, thân thể chia lìa ; lại như tên Cao-lăng-nê liên kết với bọn cướp mưu làm loạn, liền bị người ta bắt giải rồi bị lăng trì xử tử ; cho chí bọn Du-thê, Du-minh-cô cũng đều châu đầu chịu giết, thảm mắt thương lòng, mọi người đều cùng thấy cả. Mấy tên đó, không phải không tinh thông đạo hơn mọi người, thế mà tà thuật một khi bị khám phá ra, là lập tức đầu một nơi, xác một nẻo, chẳng được chết hẳn hoi. Đó là việc trước mắt, hoạ hay phúc, thực đã rõ ràng, còn mong gì sau khi chết được lên thiên đường nữa. Còn như Phạm Văn Duyệt, Mai Văn Hiển là người nước nhà học đạo đã thành người trưởng giáo, một khi chịu giày phá thập ác mà bỏ tà đạo về chính giáo thì triều đình lập tức tha tội, nay chúng hiện ở nhà yên dưỡng, hưởng trọn tuổi trời, sung sướng biết nhường nào. Đem bọn này so sánh với bọn kia, thì ai là khổ, ai là sướng, ai là thiên đường, ai là địa ngục. Chẳng biết nghĩ như thế, mà còn cứ mê về giáo thuyết, lén lút cùng nhau cầu nguyện, giảng tập, sao mà ngu quá đến thế ! Phải đem lại ý ấy mà hiểu thị, nhưng rộng cho kỳ hạn, chuẩn cho đến cuối tháng 6 năm Minh Mệnh thứ 21 trở lại, để cho chúng đều được sửa đổi. Còn như

những miếu mới và từ đường cũng sức phải theo tục lệ mà dựng lên, các thời tiết đều cúng tế, khiến cho họ biết phụng thờ tiên tổ, kính tín thần minh, cùng làm lương dân trong buổi thái bình, khỏi bị những thôn xã gần cạnh không đếm xỉa đến. Nếu qua lần huấn dụ nào, mà phủ huyện không chịu đem điều đó sức cho Tổng lý, Tổng lý không đem điều đó dẫn dụ cho dân, để quá hạn còn có những kẻ mặt theo lòng trái, giấu giếm truyền đạo, tất phải đem kẻ can phạm ấy khép vào tội nặng, mà Phủ huyện, Tổng lý cũng đều theo mức nghiêm ngặt trừng phạt. Phải kính theo lời dụ này.

Quan tỉnh Hưng Yên tâu nói : dân 5 huyện Kim Động, Phù Dung[1], Tiên Lữ, Đông An, Thiên Thi[2], thuộc hạt ấy hoặc cư trú ở phía ngoài đê về tả ngạn, hoặc hữu ngạn sông Cửu An, hằng năm bị ngập lụt, sinh kế khá khó khăn. Năm nay lại gặp dịch lệ, rất là đau khổ xin cho giúp đỡ để thư bớt nỗi cấp bách của dân. Vua đặc chuẩn cho : phàm những số tiền, thóc về thuế thiếu năm trước và thuế hoãn thu vụ đông năm ngoái, đều cho lui đến vụ hạ, vụ đông sang năm sẽ thu.

Ấn định thể lệ báo khám những việc cần sửa chữa ở Kinh : (Phàm việc thuộc về các sở tôn miếu, lăng tẩm, do ty Từ tế và viên Thủ hộ báo bộ Lễ để chuyển tư cho bộ Công, rồi hai bộ hội khám đệ tập tâu xin làm. Những nơi cung, điện, lâu, các, do Thái giám hoặc Thị vệ hoặc Thủ hộ báo bộ Công khám thực phúc tâu thi hành. Các phủ đệ [dinh thự của Vương công] đều do thuộc viên trong phủ khám, bẩm với hoàng tử công, hoàng tử, thân công, làm tập đệ tâu lên. Những nhà ở của công chúa cũng do Thuộc lại khám thực, chuyển bẩm phủ Tôn nhân làm tập tâu lên. Kho tàng thì do viên Giám lâm, thành trì thì do viên Thống quản khu đồn canh gác thuộc thành trì ấy, dinh thự, xưởng, nhà, thuyền thì do quan Tượng ty sở quản, đều sức cho Thuộc viên khám thực làm tập đệ tâu. Bộ Công khám lại xác thực, rồi phúc tâu đợi phiếu sao chỉ phát ra tuân hành. Duy có xưởng súng, điếm canh, kho thuốc súng, do Thủ hộ, biền binh báo đến bộ Công, bộ biền khám lại tư cho làm, không cần phải tâu xin.)

Đổi định lại thể lệ xét xử các viên chức hàng võ trốn tránh. Lệ trước, trong hạn 3 tháng mà đến thú thì phạt 50 roi, 4 tháng đến 6 tháng, đến thú thì phạt 60 trượng, đều trả lại văn bằng. Ngoài hạn 6 tháng thì bất luận đến thú hay bị bắt được cũng thu văn bằng tiêu huỷ. Đến nay chuẩn cho bàn, và ấn định : từ sau, phàm những người dự có quan chức [võ], gián hoặc nhân có bệnh hay bận việc, được tường với

(1) *Phù Dung* nay là Phù Cừ.
(2) *Thiên Thi* nay là Ân Thi.

quan trên cai quản cho phép nghỉ năm mười ngày ; nếu vô cớ mà tự tiện dời bỏ chức vụ, bị quan trông coi mình nêu hặc hoặc bị phát giác, mà trong vòng 1 tháng đến thú, thì từ Suất đội trở lên, phạt 80 trượng, giáng 2 cấp, lưu dùng ; Đội trưởng trở xuống thì phạt đánh trượng hẳn [không cho chuộc] và sung làm lính. Nếu ngoài hạn 1 tháng, bất luận là đến thú hay bị bắt được đều chiểu luật cách chức, thu văn bằng tiêu huỷ. Nếu xét có tình ý trốn tránh đích thực thì bất cứ trong hạn hay ngoài hạn, đến thú hay bị bắt được, đều theo luật cách chức không dùng nữa.

Cho Tiền quân Chưởng phủ lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh là Phạm Hữu Tâm lĩnh chức Tổng đốc Hà - Ninh ; Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm là Mai Công Ngôn cải bổ làm Thống chế, Tổng đốc An - Tĩnh ; quyền lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Nguyễn Công Hoán, quyền hộ Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Hà Thúc Lương, quyền hộ Tuần phủ Hưng Yên là Trần Quang Tiến đều trở về lỵ sở trước làm việc như cũ. Công Ngôn vào bái từ. Vua diện truyền rằng : "Nhà ngươi làm việc lâu năm, trẫm vốn đã biết rõ. Nay uỷ cho việc ký thác một địa phương, cần phải cố gắng gấp bội, giữ gìn thận trọng chức vụ làm quan. Thử nghĩ : ngày nay có được thân danh và như thế là đã trải bao năm gian khổ, nếu một khi không chịu giữ phép công bằng, làm việc ngay thẳng, để rước lấy tiếng gièm pha là không làm nổi việc thì đối với phép nước tính sao ? Vả lại, vua đối với bề tôi cũng như cha đối với con ; nay cha có người con hư, dù trong lòng yêu thực, nhưng cũng không sao được, huống chi vua đối với kẻ bề tôi có tội, há có thể làm queo phép nước mà thi ơn được ư ? Nhà ngươi nên nghĩ kỹ".

Sai Hữu quân Đô thống là Nguyễn Tăng Minh quyền giữ ấn triện của Tả dực dinh Vũ lâm.

Cho Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Nguyễn Tự thăng thự Lang trung bộ Hộ, Ngự sử đạo Định Biên là Tô Trân thăng thự Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung.

Ấn định lệ khảo xét niên khoá, về việc trồng cây cối của biền binh 2 vệ Thủ hộ. Trước đây bộ Lễ nghị xin sai Quản vệ 2 vệ này đốc sức biền binh trồng nhiều các cây mít, chè, thông trên những khu đất bỏ không cả phía trong phía ngoài vùng cấm địa của sơn lăng, chờ mãn 3 năm xét thực tâu lên. Đến nay hạn mãn, phái bộ ty đến kiểm điểm, chuẩn cho châm chước định ra chương trình khảo xét thi hành. (Số cây đã trồng trong 3 năm cộng được hơn 24.500 gốc, nhưng ấn định 3 năm là một khoá, mỗi khoá phải trồng 3 vạn cây. Trồng được hơn thì do bộ tâu xin thưởng, không đủ lệ thì nghiêm hặc trừng phạt. Việc thu hoạch hằng năm về các thứ quả, thì do Xứ thị vệ, lá chè thì do viện Thượng trà, cành thông thì do Vũ khố phải đệ nộp, ai dám thiện tiện lấy trộm thì trị tội).

Bổ Tôn Thất Bật làm Tổng đốc Hải - Yên.

Cải bổ Từ tế sứ ty Hữu Từ tế là Tôn Thất Quý làm Thị giảng học sĩ viện Hàn lâm, vẫn lĩnh chức Tư giáo phủ Tôn nhân, Phó sứ là Tôn Thất Thiết thăng thụ Từ tế sứ.

Cho Lãnh binh Vĩnh Long là Hà Văn Củ làm Lãnh binh Hà Tiên, Lãnh binh Hà Tiên là Hoàng Quang Thông làm Lãnh binh Vĩnh Long.

Kinh kỳ thuỷ sư Đề đốc Vũ Văn Từ và Hiệp lý là Lê Văn Đức sát hạch những viên chức thuộc hạ, phân biệt kẻ hay người dở tâu lên. Vua chuẩn cho : hạng ưu : Chánh đội trưởng thì thăng thụ Cai đội, gia thưởng tiền 3 tháng lương, hạng binh : Chánh đội trưởng thăng thụ Cai đội, thí sai thì cho thực thụ ; hạng thứ : cho cung chức như cũ, hạng liệt : phạt trượng, cách chức cố gắng làm việc chuộc tội.

Sai quan ở Kinh, văn từ Khoa đạo, Viên ngoại lang trở lên, võ từ Quản vệ trở lên, diễn tập bắn súng điểu sang ở diễn trường trong khu đài Đông Ba. Vua bảo các quan rằng : "Nước nhà dùng người, văn hay võ đều không coi khác nhau : quan văn cũng muốn cho biết nghề võ, quan võ cũng muốn cho biết việc văn ; cho nên Tổng đốc các tỉnh, có viên là quan văn, viên là quan võ xen nhau. Các quan văn đừng cho việc súng nhỏ súng lớn là phận sự của nhà võ mà không chịu khó diễn tập".

Đình thần phúc xét danh sách các án xét lại về mùa thu năm ấy. Vua chuẩn cho Chưởng ấn 6 khoa cũng được dự bàn.

Vua thấy loại thuyền bọc đồng nhiều dây, trục buồm và dây dợ đều to nặng, sử dụng không tiện, sai Thuỷ sư Hiệp lý là Lê Văn Đức bàn cùng bọn Đề đốc, Chưởng quản, xem phàm những thuyền nhiều dây có 2 cột hay 3 cột buồm, những trục để giương và hạ buồm nên dùng bằng loại gỗ gì, cần nhỏ mà bền, dây buộc cần nhỏ mà săn, cốt sao được nhẹ nhàng mà thích dụng, thì hết lòng trù tính, định ra mẫu thức nhất định tâu lên chuẩn cho thi hành.

Chuẩn định từ nay, phàm các ngày tết Tam nguyên[1] và tết Trung thu (những ngày này đều gặp vào ngày rằm là ngày đặt phiên triều yết), các quan trong triều đều được miễn triều yết, cho phép được ở dinh thự tắm gội nghỉ ngơi ăn tết. Duy các quan văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở xuống, vẫn phải túc trực như thường.

Vua ngự điện Văn Minh, các hoàng tử vào chầu. Vua nói : "Ta xem bọn ngươi ngày nay thực không bằng ta khi còn trẻ. Ngày trước ta theo đức Thế tổ Cao hoàng đế đóng ở Gia Định. Ngài đi đánh dẹp, ta thường ở lại coi giữ. Đương mùa đông rất rét giá, ta mặc áo đơn bơi thuyền đi lại trong hải phận, không biết rét là gì. Nay

(1) *Tam nguyên* : các ngày 15 tháng giêng, tháng 7, tháng 10 âm lịch gọi là Tam nguyên.

bọn ngươi mới trên dưới 30 tuổi đã không chịu được rét được bức, ngày sau, 50, 60, 70 tuổi, sao mà hăng hái lên được ? Ta nay vẫn phải tự cố gắng mạnh mẽ không dám nhàn rỗi. Các ngươi nên thể theo ta đừng có chỉ thích việc vui chơi nhàn rỗi".

Cho Quốc tử giám Tư nghiệp là Nguyễn Văn Nhượng thăng thự Tế tửu, Đốc học Sơn Tây là Phạm Bá Thiều thăng thự Quốc tử giám Tư nghiệp.

Sai thông dụ cho 6 tỉnh Nam Kỳ đều xét trong hạt những nơi bỏ hoang, chỗ nào có lính đồn điền khai khẩn cày cấy thì đem ngay những tù phạm bị sung quân, phát lưu, tội đồ cho đến những người phải an trí hay giao đến làm nô, cùng là sung làm việc kho sai ở trong tỉnh mình, giao cho lính đồn điền sở tại quản thúc, bắt chúng chăm chỉ làm ruộng. Những tù xử tội sung quân, phát lưu, tội đồ thì cứ để vậy xiềng xích như cũ. Chiếu theo lệ đồn điền ở Trấn Tây, phát cho mỗi người mỗi tháng một phương gạo.

Chuẩn định từ nay, phàm các địa phương xét hỏi việc án nào mà gián hoặc có quan chức liên can vào, xét tình lý có phần nặng nên giam giữ để xét hỏi thì theo lệ chỉ danh mà hặc nêu, nếu việc liên quan ấy chỉ là việc trừng phạt tầm thường thì : người nào đã có minh chỉ nêu rõ tên tuổi chức tước giao cho xét, lập tức chiếu luật xét nghị ; còn nếu không có chỉ nêu chức tước, tên tuổi giao xét thì : thuộc hạt như Tri phủ, Tri huyện, Quản vệ, Quản cơ, và hạt khác như văn từ thất phẩm, võ từ lục phẩm trở xuống, đều cứ việc chiếu luật xét nghị ; còn như những quan chức lớn nhỏ do Kinh phái ra hay ở hạt khác như văn từ lục phẩm, võ từ ngũ phẩm trở lên, thì ngày lập án, trong bản tâu bày, phụ thêm lời tham gia ý kiến, chờ Chỉ giao cho bộ xét, chứ không được tự ý nghị xử.

Có người dân hạt Thượng Nguyên tỉnh Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Thẩm, giữa đường bắt gặp tên lái buôn là Nguyễn Văn An dỗ trẻ con nhà người ta đem bán cho dân Man mới quy phục, bèn bắt đưa về. Tỉnh làm án rồi bộ xét lại, đều theo lệ xử khép tên Văn An vào tội xử tử, mà không hề đề cập gì đến tên Thẩm. Vua nói : "Nguyễn Văn Thẩm là một người dân thuộc hạt, không hề vì điều gì mà làm việc thiện, nếu không khen thưởng, lấy gì mà khuyến khích về sau". Rồi liền cầm bút phê là thưởng cho 10 quan tiền, và truyền chỉ quở mắng tỉnh và bộ. Dụ cho các nha môn xét hỏi việc hình ở các địa phương trong ngoài biết từ nay có người nào thích làm việc nghĩa biết lẽ phải như Nguyễn Văn Thẩm, chuẩn cho tuỳ việc mà nghị thưởng và nói cả vào trong án, không được bỏ qua.

Sai phát súng điểu sang cò máy đá ở Vũ khố chia cấp cho Quản vệ, Quản cơ, Thành thủ uý, Phòng thủ uý ở các tỉnh mỗi người một khẩu, còn Suất đội thì chuẩn cho trích lấy số điểu sang do vệ, cơ, đội của mình giữ, mà thao diễn.

Thám tử phủ Hải Tây thuộc Trấn Tây từ nước Xiêm về nói : ở Xiêm, hôm vừa rồi có sấm, mưa, rơi xuống một cái bọc nước như chiếc nồi đất lớn, vỡ ra thì nước chứa ở trong chảy ra giống như máu. Thành thần là bọn Trương Minh Giảng đem việc tâu lên. Vua bảo thị thần rằng : "Cái đó cũng đáng lạ. Năm trước trẫm nghe nói ở bên Tây đã có cái bọc nước rất lớn rơi xuống chạm phải vật gì đều phá vỡ, xem chỉ thấy có nước chảy ra thôi. Nay ở Xiêm cũng có bọc nước như thế, mà sắc giống như máu, tai biến kỳ lạ xảy đến, có lẽ là do người Xiêm tự gây nên". Lại nói : "Cứ lời tâu, nói thám tử từ Bắc Tầm Bôn trở về qua phủ Lò Gò Vật. Xét ra phủ Hải Đông tiếp giáp với phủ Lò Gò Vật của đất giặc, phủ Hải Tây thì giáp giới với Bắc Tầm Bôn của đất giặc, từ xưa đến nay, phái người đi thám, thì từ Hải Đông đi Lò Gò Vật vẫn là tiện đường, nếu như ở Hải Tây mà cũng đi qua Lò Gò Vật là cớ gì ? Há phải là từ Hải Tây đi Bắc Tầm Bôn cũng phải qua Lò Gò Vật mới đến được ư ? Vả lại Hải Đông tiếp giáp với Bắc Tầm Bôn thì ở phía tây Biển Hồ, hai đằng không có liên tiếp nhau, mà hành trình đi thám hình như lại có đường thông luôn được với nhau là sao vậy ? Chuẩn cho các viên Tướng quân, Tham tán xét hình thế tiếp giáp nhau của Hải Đông, Hải Tây với Lò Gò Vật, Bắc Tầm Bôn như thế nào, vẽ thành bản đồ dâng lên, để địa hình, đường đi, nhìn một cái thấy ngay, ngày sau có mưu tính việc gì, cái thắng lợi rõ ràng ngay trước mắt vậy.

Hà Nội tâu xin làm lại chính điện ở hành cung của tỉnh. Vua nói : "Những hành cung ở tỉnh ngoài cốt để cho các quan viên trong tỉnh vọng bái là đủ. Hành cung tỉnh này, trước đây nhân có cuộc Bắc tuần mà dựng ra, quy thức chế tạo có tiền điện, chính điện, mỗi điện lại có hàng cột đằng trước, hàng cột chính quá ư xa phí. Nay lâu năm mục nát, há lại nên tu tạo lại như cũ. Vậy chuẩn cho rỡ tất cả xuống rồi theo quy thức do bộ giao về năm Minh Mệnh thứ 13, chỉ làm một toà hành cung 3 gian 2 chái, cho hợp thể chế thôi.

Tỉnh Bình Định có tên Phạm Văn Thông là con tên Phạm Văn Tín bảo giá của nguỵ [tức Lê Văn Khôi], năm trước ỷ thế lực của viên quan phạm tội là Lê Văn Duyệt tụ tập những con hát, cậy thế bắt nạt người. Người cùng ấp (ấp An Long thuộc huyện Bồng Sơn) là Nguyễn Văn Nhuận lấy làm ghét, bỗng đem việc vào Kinh kiện và nói tên Thông họp bọn lũ sắp mưu làm giặc. Có chỉ giao cho tỉnh xét bắt. Tỉnh thần nhân đó, phàm những con cháu các quan chức của nguỵ khi trước, đều bắt giam cả. Bộ Hình tâu lên. Vua nói : "Ông cha chúng bỏ mình theo giặc, là tội riêng của bản thân ông cha chúng. Con cháu chúng nó đã cùng nhau yên nghiệp làm ăn, triều đình đã lâu không hỏi đến nữa, nay không phát xuất tình hình gì khác, thì lại căn cứ vào cái gì mà bắt bừa chúng. Như vậy, chẳng hầu như bỗng dưng sinh sự

làm luỵ đến kẻ vô tội ư ? Vậy phải sai hạ lệnh : phàm con cháu những quan chức nguỵ không can thiệp gì đến cái án Phạm Văn Thông này đều tha ra hết".

Đổi định lại thể lệ lính ở Kinh, ở các tỉnh phái đi đóng thú ở Trấn Tây và Gia Định, An Giang, Hà Tiên : - 12 vệ, cơ nguyên phái đi Trấn Tây thì : 2 vệ lính ở Kinh và 5 cơ Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường, Biên Hoà, An Giang, cho sung đóng thú như cũ ; còn 5 cơ Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, lấy kỳ thay thú sang năm bắt đầu. Trước hết trích ra 2 cơ Bình Thuận, Phú Yên và 1 cơ Quảng Nam nguyên thú ở Gia Định cho sung vào đóng ở đấy, còn 3 cơ Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà, thì tỉnh giam, chờ đến năm sau lại đem 3 cơ này thay phiên đóng thú.

- Hai cơ Gia Định, Vĩnh Long nguyên đóng thú ở Hải Đông, Hải Tây nửa vệ lính ở Kinh và hai nửa cơ Vĩnh Long, Định Tường đóng thú ở An Giang thì vẫn để như cũ.

- Ba cơ nguyên đóng thú Hà Tiên thì bớt đi 1 cơ Gia Định, còn 2 cơ An Giang, Vĩnh Long, vẫn để nguyên.

Lính nguyên đóng thú ở Gia Định, thì nửa vệ lính ở Kinh vẫn để lại, còn 1 cơ Quảng Nam bớt đi, đem gộp với lính ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận hằng năm thay phiên đi Trấn Tây đóng thú. Lại, lính thú Trấn Tây đã giảm, thì lính ở Kinh và lính các tỉnh từ Bình Thuận đến Quảng Nam cứ lưu đóng thú ở Trấn Tây, bất tất phải trích về An Giang để luân lưu thay đổi nữa. Duy có lính các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định nhà cửa quê quán cận tiện thì cứ đến mồng 1 tháng 8, liệu trích cho về, đến mồng 1 tháng 11 phải tập hợp đủ mặt.

Bộ Binh lại tâu xin : 3 vệ lính ở Kinh hằng năm phái đi đóng thú Nam Kỳ, đều lấy những biền binh quê ở Bình Định sung phái, cho được cận tiện. Vua y cho.

Cho Phó vệ uý vệ tả Thuỷ sư là Phan Văn Thái làm Vệ uý, Cẩm y Cai đội là Nguyễn Đức Long làm Phó vệ uý vệ tam dinh Kỳ võ, thự Phó vệ uý vệ Cẩm y là Nguyễn Tiến Song sung làm Hiệp lĩnh thị vệ.

Kinh sư mưa lụt. Trước đây mấy hôm, vua ra coi châu, bảo Kinh đoãn là Phạm Thế Trung rằng : "Ngạn ngữ nói : "Trời sắp mưa lụt, cứ nghiệm các giống chim trở về núi thì biết". Xét ra, mưa lụt thì sóng biển nổi lên ỳ ầm, hơi nước bốc lên tanh hôi, các chim đều kiếm ăn ở bờ biển cho nên tránh về núi. Câu nói ấy cũng có lý. Trẫm đoán mùa thu này mưa lụt có thể vào trước sau ngày 24, 25, không biết lúa má ở Kinh đã thu hoạch xong chưa ?" Thế Trung thưa rằng : lúa thu hoạch đã được 8, 9 phần 10. Vua nói : "Mùa màng đã xong, mưa lụt chẳng sao". Đến nay quả

nhiên mưa. Vua sai thị vệ ra ruộng xem, lại hỏi dân Thừa Thiên đều nói lúa không đến nỗi thiệt hại. Vua bảo thị thần rằng : "Lúa má đương lúc chín, gặp mưa lụt thế này tất gẫy gié, rụng hạt, thế cũng khó tránh nổi. Được cái may không có gió to, lại lúc mưa, lúc tạnh. Tuy có thiệt hại cũng chẳng qua độ 1, 2 phần 10, chứ có lý nào lại hoàn toàn không thiệt hại được. Hoặc giả bọn chúng thấy trẫm lo nghĩ tha thiết đến đời sống của dân, nên nói cho trẫm vui tai vậy thôi. Xét ra, các tỉnh Bắc Kỳ ruộng đất thấp, nhờ có đê để giữ mùa màng, nhưng thường thường bị nước lũ vỡ đê làm thiệt hại. Năm nay lụt muộn thì lúa đã thu hoạch xong, có thể khỏi lo. Duy có từ Quảng Nam trở về Nam, đất phần nhiều cao ráo, dân chỉ sống về mưa, nếu cữ mưa tháng 7 mà sai kỳ, thì lúa không khỏi tổn hại, đó là điều đáng lo. Trẫm là cha mẹ dân. Chỉ cầu trời ban phúc, thường cho được mùa, để nhân dân cùng hưởng phúc thái bình, là điều rất mong mỏi của trẫm".

Đổi phong Thái Bình hầu là Tôn Thất Lệ Chung làm Cảm Hoá hầu. Vua dụ : "Việc tập phong là triều đình lấy đạo ưu hậu, quý mến thân thuộc, nhưng Lệ Chung ở chi khác, không phải là con đẻ của Thái Bình công, há nên cho tập tước hiệu cũ Thái Bình. Vậy cải phong là Cảm Hoá hầu nhưng vẫn coi việc thờ tự Thái Bình công". Bèn chuẩn cho bộ Lễ cải cấp cho bản cáo trục lụa màu, còn ấn bạc, sách bạc cấp cho trước thì nộp trả lại đối với Phúc Long hầu Tôn Thất Vĩnh, cũng theo thế này thi hành. Từ sau, có ban phong cho các tôn thân từ tước công trở lên đều theo lệ cấp cho sách, ấn bằng bạc, còn từ tước hầu trở xuống, đều dùng cáo trục lụa màu.

Phong con thứ của Thiệu Hoá quận vương là Thiện Chỉ làm Lại Trạch đình hầu, cấp cho áo bổ phục ngũ phẩm hàng võ, ban thứ ở dưới hàng ngũ phẩm.

Các địa phương đưa đến những dân và thợ mộ được và số thợ vào ngạch đã mãn ban gọi ra thêm. Chuẩn cho cấp hậu tiền, gạo, giao cho sở Đốc công để làm lầu, rạp và trần thiết các vật hạng. Lại thấy số thợ đông, sai làm nhà trạm ở sở Đốc công Vũ khố cho họ ở.

Vua dụ Nội các rằng : "Sang năm là tiết Ngũ tuần vạn thọ đại khánh của trẫm, các quan trong Kinh và các tỉnh đều đồng thanh cầu xin làm sẵn lầu, rạp để làm nơi chúc thọ. Kể ra, một người có việc mừng mà hết thảy không ai là không có lòng tôn vua, thân bề trên. Kỳ điển lễ Tứ tuần đại khánh của trẫm, trẫm đã từng cúi theo nguyện vọng thần dân, cho nên nay cũng không nỡ trái ý. Nhưng kẻ thần tử thờ vua cốt ở lòng chân thành mà không ở sự xa xỉ. Gần đây, nghe nói các trực tỉnh ý muốn tranh khéo khoe hơn trong việc này, để giành lấy vẻ mỹ quan, thực không phải cái ý chuộng điều tiết kiệm ngăn thói xa hoa của trẫm. Xét ra, vật liệu làm lầu rạp đã có

biền binh đi kiếm, đến việc dựng lầu rạp cũng đã có biền binh làm ; còn những đồ vật trần thiết, nếu có thứ gì không đủ thì cũng chuẩn cho tạm mượn của công mà bày, chắc cũng không đến nỗi phí tổn lắm. Duy còn những phẩm vật dâng mừng, cho phép được tuỳ theo tỉnh hạt lớn hay nhỏ, số quan chức văn, võ nhiều hay ít, châm chước liệu mà sắm biện, miễn sao là tỏ được lòng thành là đủ. Nếu lấy sự xa hoa để tranh hơn với nhau, chẳng những không làm cho trẫm muốn thưởng thức, mà trẫm cũng chẳng muốn nghe thấy nữa. Vả lại, tổn kẻ trên để lợi kẻ dưới là chí của trẫm xưa nay, huống nay gặp kỳ khánh tiết, sắp phải làm các việc thu phận điều phúc, ban phát khắp nơi, mà gia ơn huệ cho các quan và dân chúng, há nỡ nhìn thấy những việc lao lực tổn tài hay sao ? Vậy sai bộ Lễ đem điều đó truyền dụ cho trong ngoài đều biết". Có phái viên tỉnh Bình Thuận mua 1 chiếc bình phong trị giá đến 1.700 quan, vua sai tức thì đem trả lại cho nhà hàng, rồi chuẩn cho lấy đồ trong kho ra dùng.

Châu Mường Vang tỉnh Quảng Trị có bọn Man, Lèo họp nhau đi quấy nhiễu đốt phá nhà dân. Bọn Tri châu, Lại mục đem dân đuổi chặn, bắn giết được 3 tên. Giặc bèn theo địa đầu Hoàng Mục mang trốn chạy. Dân sở tại có đến hơn 300 người bị cướp lấy đi. Quan tỉnh được tin báo, liền phái Quản vệ Nguyễn Văn Vân đem 100 biền binh đến trấn áp.

Vua nói : "Bọn Man đó bất quá cậy mạnh bắt nạt yếu, nhằm lúc sơ hở chộp đến rồi lại trốn ngay vẫn là thói thường của chúng. Duy có : các châu, từ trước vẫn có tiếng nhút nhát, nay dám xuất lực chặn đánh, giết được bọn Man, Lèo, cũng đáng khen thưởng hậu. Vậy chuẩn lập tức thưởng cấp cho 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn và 3 tấm sa nam màu đỏ. Lại chiếu theo mỗi thủ cấp giặc chém được ấy, thưởng cho 10 quan, rồi sức cho các châu mục từ nay phải tự củng cỏi lên để giữ lấy đất đai mà rút phái binh của tỉnh về.

Triệu Đề đốc Trấn Tây là Bùi Công Huyên về Kinh (Huyên là cựu thần của vua khi chưa lên ngôi). Cho Chưởng vệ sung Lãnh binh Trấn Tây là Vũ Đức Trung thăng thự Đề đốc Trấn Tây.

Cho Hữu thị lang bộ Lễ là Nguyễn Thế Đạo đổi bổ Hữu thị lang bộ Hình, Lê Đăng Doanh vẫn chuyên công việc bộ Lại, miễn kiêm bộ Hình.

Năm huyện Nam Xang, Thượng Phúc, Thanh Trì, Thanh Oai, Thanh Liêm thuộc tỉnh Hà Nội lại phát lệ khí nhân dân nhiễm bệnh chết hơn 1.600 người. Dụ quan tỉnh cứ tuân theo Chỉ trước chiếu hạng mà cấp tiền tuất. Các quan phủ, huyện sở tại, vì chậm báo cáo việc này, đều bị phạt.

Tỉnh Nam Định thuê người đi mua gỗ lim ở tỉnh Thanh Hoa. Quan tỉnh này bắt dân đem gỗ đến bán. Dân phàn nàn. Vua biết mối tệ ấy bèn chuẩn định tự sau phàm các tỉnh Bắc Kỳ nếu có việc công cần dùng đến gỗ lim, xin hỏi mua ở Thanh Hoa, thì trong tập tâu phải kê rõ số mục gỗ mua. Sau khi được chỉ, thì tư cho lính Thanh biết, rồi phái ty thuộc đến nơi sản xuất gỗ hoặc nơi chợ gỗ, đầu nguồn, theo thị giá mà mua, không được uỷ cho tỉnh Thanh Hoa mua giúp như trước.

Quan tỉnh Phú Yên tâu nói : trước kia những tù phạm được tha cho làm lính, rồi chia ghép về các thôn xã thuộc hạt trích cấp cho hơn 30 mẫu ruộng hoang để chúng khai khẩn. Nay tới kỳ hạn bắt đầu thu thuế, xin ghi làm ruộng đất tư và theo lệ thu tô. Lại bọn chúng đã có cơ nghiệp làm ăn, không khác gì những dân thường, xin cứ số hiện tại là 122 người mà chiểu thu thuế thân. Hằng năm lý dịch sở tại làm sổ đinh thì cho liệt chúng vào sau hạng thực nạp cho có sự phân biệt. Vua theo lời tâu.

Khởi phục những viên cách chức là Vũ Huy Dụng, Vũ Văn Trí làm Thị vệ. Ngũ đẳng Thị vệ, Trần Hưng Hoà làm Cẩm y Hiệu uý.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCVI*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839], mùa thu, tháng 9, Hoàng tử Miên Tông tâu nói : dân trong hộ tịch là Phan Thế Vân mộ được 1 đội thuộc binh, xin bổ xin cho y chức quan để đốc suất lính ; còn 4 người theo đi mộ giúp, cũng xin cấp cho bằng Đội trưởng, bỏ tên trong sổ dân. Vua nói : "Phan Thế Vân suất lực chiêu mộ cũng có chút công lao, chuẩn cho bổ thụ đội trưởng Suất đội ; còn bọn theo đi mộ chẳng qua chúng xu phụ chốn quyền môn, mong tránh chỗ nọ đến chỗ kia, chứ có công lao gì, đều bắt trở về sổ dân để gánh sai dịch". Miên Tông tâu xin không hợp lý, bộ Binh không biết giữ lẽ mà tâu bác đi, đều phạt 3 tháng lương. Chuẩn cho từ nay về sau, các hoàng tử có uỷ người mộ thuộc binh, hễ đủ được một đội, chỉ cho 1 người được giữ chức Suất đội, ngoài ra không được lấy cớ là theo đi mộ mà tâu xin bổ quan, xoá sổ dân, để ngoài cái thói bon chen chạy chọt. Miên Tông từ sau có việc đáng tâu, phải do phủ Tôn nhân tâu thay, không được gửi tập tâu riêng. Số thuộc viên trong phủ định là : chánh bát, chánh cửu phẩm Thư lại mỗi hạng 1 người, 20 người vị nhập lưu Thư lại (Lệ định khi hoàng tử ra mở phủ riêng, thì thuộc viên trong phủ là : 1 Tư vụ hoặc chánh bát phẩm Thư lại : tùng bát phẩm, chánh cửu phẩm và tùng cửu phẩm mỗi hạng một người ; 30 người vị nhập lưu Thư lại).

Sơn Man thuộc đội Quy Hợp tỉnh Hà Tĩnh dâng một thớt voi khoẻ. Quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua nói : "Dân Man này buổi đầu mới hướng về đức hoá triều

đình, việc dâng này là xuất phát tự lòng thành. Vậy thu nhận cho họ". Rồi thưởng cho 2 tấm đoạn dệt bằng lông, 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn.

Diễn tập trận thuỷ chiến ở sông Thanh Phúc. Sai Đô thống là Nguyễn Tăng Minh, Hiệp biện Đại học sĩ là Trương Đăng Quế đến nơi coi xét. Khi trở về nói : các quân bơi chèo, lúc đi lúc ngừng, khá coi được, mà diễn bắn điểu sang cũng khá thạo. Vua khen, đặc thưởng cho Thuỷ sư Đề đốc Hiệp lý trở xuống đến biền binh tiền gạo lương có thứ bậc mỗi người một khác.

Vua đem trận đồ thuỷ chiến của Tây dương cho Trương Đăng Quế xem và bảo rằng : phép thuỷ chiến, nếu giặc chiếm được đầu gió, tất nhiên thừa thế đuổi đánh ta, thì thuyền ta giả cách thua, nhân đó buông dây, trở buồm dần dần chạy giế ra, rồi sau súng ống của ta mới thừa sơ hở mà bắn đánh lại được. Nếu ta chiếm được đầu gió, thì nên đuổi theo từ từ, đừng bức bách chúng vội quá, thì chúng không đánh trả lại mình được. Những điều tương tự như vậy đều có thể suy ra. Những lúc rỗi việc công, khanh nên xem kỹ bản đồ này, tham bác châm chước để làm phép thao diễn thuỷ quân.

Bỏ huyện thành Thanh Liêm tỉnh Hà Nội. Thanh Liêm là hạt kiêm lý của phủ Lý Nhân, cách nhau chỉ có 8, 9 dặm. Đã có phủ thành mà lại đặt huyện thành biền binh đóng giữ phiền cho việc phân phái, cho nên bỏ bớt đi. Huyện nha và quan lại đều đóng chung trong phủ thành Lý Nhân (Phủ thành này là trấn lỵ Sơn Nam cũ, quy chế rất rộng, huyện Duy Tiên cũng đóng chung cả ở đấy).

Cấp triều phục cho các phẩm quan văn và võ. Vua bảo bộ Lễ : "Nay nước nhà đương lúc nhàn hạ, việc áo mũ lễ nhạc lần lượt được mở mang, nên xét rõ những quan chức tại Kinh, văn ngũ lục phẩm, võ từ ngũ phẩm, châm chước cấp cho áo chầu, để khi triều hội có văn vẻ khả quan, làm sáng tỏ cái thể chế của thời thái bình". Bộ thần tâu xin : phàm những nha vệ nào đã từng chế phát cho rồi thì thôi, còn ngoài ra cứ chiếu số viên chức đặt ra từ trước nhiều hay ít, châm chước nghị cấp cho để làm công dùng mặc chung. Vua theo lời tâu. (Về hàng văn ngũ phẩm như : các Viên ngoại lang ở viện Cơ mật, ty Thông chính sứ, Đại lý tự, phủ Tôn nhân, ty Thừa biện, các sở đốc công của kho thóc, sở súng, kho gỗ, Nội vụ, Vũ khố và Phó sứ ở Tào chính, mỗi nha đều phát cho 1 bộ ; Ngự y và Phó ngự y ở viện Thái y cùng chung 1 bộ. Lục phẩm : Chủ sự 5 bộ Lại, Hộ, Binh, Hình, Công mỗi nha đều 1 bộ. Về hàng võ tứ phẩm như Phó sứ ty Hộ thành binh mã và Quản vệ 2 vệ Giám thành, Võng thành cùng chung 1 bộ ; Quản vệ ở 2 vệ Thủ hộ trung, Thủ hộ tiền cùng chung 1 bộ ; 2 viên Đốc công, Giám đốc ở Vũ khố, Mộc thương cùng chung

1 bộ ; ngũ phẩm, Cai đội ở các Cẩm y túc trực 1 bộ ; các đội Trường trực, Thường trực 1 bộ ; 10 vệ Tả dực Hữu dực dinh Vũ lâm mỗi vệ đều 3 bộ ; 3 vệ Trung, Hữu, Hậu dinh Thần cơ mỗi vệ đều 1 bộ ; 3 vệ Trung, Tiền, Tả dinh Tiền phong, mỗi vệ đều một bộ ; 2 vệ Trung, Hậu dinh Long võ, mỗi vệ đều 1 bộ ; 5 vệ Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu dinh Hùng nhuệ, mỗi vệ đều 1 bộ ; 3 vệ Kinh tượng, mỗi vệ đều 1 bộ ; 2 vệ Phi kỵ, Khinh kỵ viện Thượng tứ, mỗi vệ đều 1 bộ ; 10 vệ Ngũ bảo mỗi vệ đều 1 bộ ; 15 vệ Thuỷ sư, mỗi vệ đều 1 bộ).

Sai 6 tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Quảng Yên, Lạng Sơn, Cao Bằng ở Bắc Kỳ, đều chiếu theo mẫu thức và số màu do bộ giao về, may lấy 100 chiếc áo trận mổ bụng bằng vũ đoạn (thứ đoạn dệt bằng chất lông), khi nào ở hành cung tỉnh có lễ tiết triều bái thì cho những biền binh cầm nghi trượng mặc.

Đình thần tâu dâng danh sách phúc thẩm những án thu thẩm năm ấy. Vua đặc cách chuẩn cho hơn 70 người được giảm tội chết, cho phát đi làm quân làm binh. Có tên tù bị tội trảm giam hậu của Hải Dương là Trần Duy Bình, 75 tuổi, nguyên can án giết người, đã được tỉnh thần tuân dụ xét nghiệm, thì hình thể người quả là suy yếu không thể hành hung được. Bộ Hình đã tâu xin nên chăng cho được chiểu luật nộp 1.200 lạng bạc để chuộc tội. Vua nói : "Cái án Trần Duy Bình can phạm là án nhân mạng, việc ân xá thường không thể tha được. Có điều là người mà y giết lại là một kẻ can phạm giết người, so với tội đánh chết dân thường có phần khác nhau. Vả lại đã giam cấm lâu năm, nay y đã già yếu lẩy bẩy, tình cũng đáng thương. Vậy gia ơn chuẩn cho nộp tiền như số đó để chuộc tội".

Tiết Trùng dương[1]. Vua nhân se mình, miễn việc ngự giá lên chơi núi Ngự Bình. Chuẩn cho hoàng tử, thân công và đình thần hôm đó lên núi thưởng ngoạn thắng cảnh và chiểu như lệ năm ngoái ban yến thưởng cho đã thoả mãn trong dịp tiết vui. Cách mấy ngày, vua ngự điện Cần Chính, cho hoàng tử thân công và văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở lên những đồng tiền đồng lớn nhỏ. Lại truyền triệu hoàng tử công thân công và đình thần đến điện Văn Minh, thưởng cho bạc đĩnh có thứ bậc mỗi người một khác.

Ban tiền đồng cho thông dụng ở trong Kinh và các tỉnh. Bộ Hộ tâu nói : Nhà nước chế ra tiền đồng là để làm sáng cái mỹ hiệu mãi đến muôn năm. Nếu chỉ để trong kho thì chẳng những nguồn tài hoá không được lưu thông, mà dân gian cũng không biết đến của đáng quý báu. Xin đem hai hạng tiền đồng Gia Long, Minh Mệnh lớn nhỏ hiện trữ ở kho ban bố cho tiêu dùng và ấn định hạng tiền đồng lớn mỗi

(1) Tức ngày mồng 9 tháng 9 âm lịch.

đồng ăn 3 đồng tiền kẽm, hạng tiền đồng nhỏ mỗi đồng ăn 2 đồng tiền kẽm. Phàm ở quan chi phát, ở dân mua bán, cùng là nộp thuế khoá, đều theo lệ ấy mà đối tính giá, cấm không được suy bì cũng không được đem chôn giấu đi, ai phạm cấm khép vào luật "vi chế" trị tội. Vua y lời tâu, sai lấy tiền ở kho phát khắp cho dân gian để nhận biết hình dáng (mỗi xã 2 hạng tiền lớn nhỏ mỗi hạng 60 đồng).

Cho Quản cơ cơ Tả dũng thuộc Hữu quân là Nguyễn Văn Tài làm Phó vệ uý vệ Nghiêm võ.

Bộ Lễ bàn tâu nói : Buổi đầu dựng nước, kính dựng ra miếu Đô thành hoàng, lại dựng thêm 2 toà thờ các vị phối hưởng, bên tả thờ các thần vị thành hoàng, từ Quảng Bình trở vào Nam, 2 bên thờ các Thần vị thành hoàng từ Hà Tĩnh trở ra Bắc ; còn các Trực tỉnh đều có riêng miếu hội đồng phụng thờ các vị thần kỳ mà không đặt miếu chuyên thờ Thành hoàng bản hạt. Kể ra thần Thành hoàng trừ tai chống nạn thực là có công đức với dân, địa phương sở tại theo lễ đáng nên đều lập đền thờ riêng mới phải. Thế mà từ trước đến giờ, lại thờ phối hưởng ở miếu Đô thành hoàng ở Kinh, thực là chưa xứng đáng. Vậy xin tư cho các Trực tỉnh làm thêm bài vị thần Thành hoàng bản hạt ở án giữ miếu hội đồng để thờ, còn các vị thần kỳ trong miếu thì thờ rải ra các gian 2 bên tả hữu. Biển ngạch thì đổi khác là "miếu Thành hoàng" để cho danh nghĩa được đúng. Còn những bài vị Thành hoàng của các hạt mà thờ phối hưởng ở Kinh, thì đem tiêu hoá đi. Hai toà thờ phối hưởng, mỗi toà đều lui lại 3 gian (mỗi toà nguyên có 5 gian, bỏ bớt đi 2 gian, 2 đầu đều xây tường gạch) để chứa đồ thờ. Duy các hạt An Giang, Hưng Yên, Trấn Tây chưa có miếu hội đồng, xin cũng đều cho xây miếu Thành hoàng, gian giữa thờ thần Thành hoàng bản hạt, các gian tả hữu chia thờ các vị thần linh trong hạt : (Miếu làm có chính đường, tiền đường đều 3 gian và hiên phía trước hợp làm một toà. Nhà chính đường : lòng rường nhà 7 thước 3 tấc, 2 nách đều 6 thước 4 tấc, mái giọt gianh 5 thước. Nhà tiền đường : lòng rường nhà 6 thước 4 tấc ; hiên đằng trước : 5 thước, lòng các gian[1] đều rộng 8 thước 2 tấc). Vua y lời nghị.

Sở Tào chính tâu nói : ngạch thuyền các địa phương có thuyền ván (rộng 5 thước đến 6 thước 5 tấc), thuyền nan (rộng 5 thước đến 10 thước 9 tấc) là thuyền của nhân dân đóng riêng, chỉ để thông thương mà không chở vật hạng công. Từ trước đến giờ, theo thói quen, cứ gọi chung là chính thuyền [thuyền đánh thuế], nay xin đổi là thuyền ván thuyền nan. Vua y theo lời tâu.

---

(1) Nguyên chữ Hán là "Chấn tâm", chưa rõ nghĩa, tạm dịch là lòng gian nhà.

Thành thần Trấn Tây là Trương Minh Giảng tâu nói : số huyện đáng phải đặt ở trong hạt ấy là 32 huyện, đã tiết thứ chọn bổ lưu quan mới được 23 huyện. Nay xin tiếp tục đặt thêm Tri huyện ở 9 huyện (Lò Việt, Ca Thi, Phúc Lai, Ca Âu, Vọng Vân, Thâu Trung, Hoa Lâm, Quế Lâm, Khai Biên. Khai Biên nguyên là phủ đổi làm huyện) nữa, cho bọn Tư vụ hậu bổ là lũ Lê Quang Tiến sung làm. Mỗi huyện lại đặt một Huấn đạo để có đủ người làm việc. Vua y cho làm. Vua dụ bộ Lại rằng : "Tiết thứ cứ thành thần Trấn Tây tâu xin chia đặt các lưu quan Phủ huyện thuộc hạt ấy, đã từng chuẩn lời nghị cho thi hành rồi. Nhưng việc chia đất đặt quan buổi nhất sơ, tựu trung mới có 3 phủ Hải Tây, Hải Đông, Sơn Tĩnh, phủ nào thống hạt mấy huyện đã có đại thần bàn và đã chuẩn cho thi hành ; còn các huyện khác thì chưa đặt được phủ nha cho có nơi thống thuộc. Lại những huyện này, địa thế chỗ rộng, chỗ hẹp, dân số nơi đông, nơi thưa, cũng chưa từng xét nghiệm điều chỉnh được, nên phải một phen xếp đặt để chỉnh đốn lại cương giới. Vậy truyền cho các viên Tướng quân, Tham tán, xét xem các phủ trong toàn hạt và phủ Quảng Biên thuộc Hà Tiên, huyện nào địa hạt dân số quả đã được vừa phải thì nên để theo như cũ, huyện nào dân số quá ít thì dồn lại mà bớt huyện đi. Những súc, sách cũ đổi làm tổng xã, rồi tùy theo địa thế liên lạc với nhau mà châm chước định mấy huyện đặt làm một phủ, phủ nào kiêm lý huyện nào, thống hạt huyện nào, lập tức đệ danh sách tâu lên chờ Chỉ ban cho tên và ban cấp cho ấn triện".

Bọn Trương Minh Giảng lại tâu nói : bọn Tri sự, Lại mục mới đặt ở các phủ Hải Tây, Hải Đông, Sơn Tĩnh, Quảng Biên ở cách xa nhà cửa quê hương, xin : những Tri sự thì chiếu phẩm hàm chi hương, còn Lại mục thì hằng tháng cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo để làm việc. Các Huấn đạo các huyện, hằng tháng cấp cho tiền gạo bằng nửa số cấp cho Tri huyện (mỗi tháng 1 quan 5 tiền và 1 phương 15 uyển gạo). Vua y cho.

Đổi định lại mức thưởng cho các trạm dọc đường và nhân dân sở tại từ Quảng Bình trở vào Nam bắt giết thú rừng : (Giết được bò tót nộp sừng mỗi đôi thưởng 5 quan ; giết được hổ, mỗi con thưởng 15 quan ; giết được voi đực nộp ngà mỗi đôi nặng từ : 50 cân trở lên thưởng 40 quan, 40 cân trở lên thưởng 30 quan, 30 cân trở lên thưởng 20 quan, 20 cân trở lên thưởng 15 quan, 10 cân trở lên thưởng 10 quan, không tới 10 cân thưởng 5 quan. Giết được con tê nộp sừng, mỗi chiếc sừng trường 7 tấc trở lên thưởng 20 quan, 5 tấc trở lên thưởng 15 quan, trên dưới 3 tấc thưởng 8 quan, trên dưới 2 tấc thưởng 5 quan).

Vua dụ bộ Binh : 4 tỉnh Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà, đất nhiều rừng rậm, thường có ác thú ẩn hiện làm ngăn trở đường qua lại. Trước đã do

tỉnh phải đi bắt, nhưng không được mấy, chưa được yên tĩnh hết thảy. Nay nên chọn lấy 15 biền binh thiện xạ ở các đội Hộ vệ, Cảnh tất và 15 biền binh dinh Thần cơ, ngồi vào 1 chiếc thuyền Ô kèm theo 20 lính Thuỷ sư, bơi đến Bình Định, rồi đổ bộ chia nhau đến các tỉnh. Đến đây chiểu lĩnh súng thần công hoặc điểu sang và mỗi người 100 phát thuốc đạn. Nơi nào có tê, voi, hổ, báo, bò tót, lập tức bắn giết. Giết được sẽ theo lệ thưởng mới định mà cấp cho. Nếu toàn bắn xảy không được gì, cứ số đạn dược phí tổn nhiều ít mà phân biệt phạt đánh roi. Lại truyền chỉ cho 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi mỗi tỉnh chọn lấy 10 pháo thủ phái đến các hạt Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà. Bốn tỉnh này mỗi tỉnh cũng phái 10 pháo thủ chia đi tìm bắn. Lệ thưởng phạt như nói ở trên, đều chuẩn cho các toán đến tháng 12 này đều phải rút về hàng ngũ".

Hộ đốc Ninh - Thái là Nguyễn Đăng Giai tâu nói : Thuế lệ của 3 huyện Phượng Nhãn, Bảo Lộc, Lục Ngạn thuộc hạt ấy trước nộp theo vào kho tạm phủ Lạng Giang. Nay kho ấy lâu ngày đã mục nát, xin dỡ bỏ đi, còn số tiền thóc thuế của 3 huyện, từ nay về sau nộp về kho tỉnh. Vua theo lời tâu.

Ấm thụ cho Tống Hồ Quyển là con cháu Khai quốc công thần Tống Hồ Mai, làm thự Đội trưởng coi giữ việc thờ cúng.

Sai bộ Lễ may thêm 4 bộ mũ 9 tua, áo 9 kiểu vẽ để phòng cho hằng năm hoàng tử được sung chấp sự ở đàn tế Giao mặc dùng.

Cho Án sát Hà Tĩnh là Phạm Sĩ Ái làm Lang trung bộ Công biện lý việc bộ, nguyên Án sát Tuyên Quang là Nguyễn Văn Liễn làm Án sát Hà Tĩnh.

Lập trường thao diễn ở Nam Dã. Sai biền binh tại Kinh diễn bắn súng nhỏ súng lớn, hằng tháng phái 1 đại thần ban võ và 1 nhân viên bộ Binh đến kiểm duyệt và định ra lệ thưởng phạt để thi hành : (Biền binh bắn điểu sang mỗi người bắn 6 phát. Nếu trúng đích 1 phát thưởng cho 5 tiền, 2 phát thưởng cho 1 quan. Từ trúng 3 phát trở lên là ưu hạng, thưởng 3 quan, trúng vòng khuyên 1 phát thưởng 3 tiền, 2 phát thưởng 6 tiền, 3 phát thưởng 9 tiền, 4 phát thưởng 1 quan 2 tiền, 5, 6 phát cũng thưởng 3 quan. Tựu trung nếu có những phát không trúng vào ụ bia thì đem trừ đi, cứ 1 phát trúng đích trừ 2 phát không trúng ụ, 1 phát trúng vòng khuyên trừ 1 phát không trúng ụ. Sau khi đã khấu trừ rồi, còn những phát trúng thừa, lại chiểu số mà thưởng. Nếu còn thừa lại 1 phát không trúng ụ hoặc không trúng đích, trúng vòng khuyên mà đều trúng ụ bia, hoặc là chỉ trượt ụ có 1 phát, đều miễn xét xử. Nếu 2 phát không trúng ụ, hãy tạm ghi lỗi, đến 3 phát không trúng thì phạt quyết xuy[1]

(1) Đánh roi quyết định, không được chuộc tiền.

10 roi ; 4 phát quyết xuy 20 roi, 5, 6 phát quyết xuy 30 roi. Suất đội mỗi người bắn 24 phát. Nếu trúng đích 4 phát hoặc trúng vòng khuyên 8 phát, thưởng 5 tiền ; nếu trúng đích 6 phát hoặc trúng vòng khuyên 12 phát, thưởng 1 đồng ngân tiền Phi long hạng nhỏ ; nếu trúng đích 8 phát hoặc trúng vòng khuyên 16 phát, thưởng 2 đồng ; trúng đích 10 phát hoặc trúng vòng khuyên 20 phát, thưởng 3 đồng. Nếu có những phát không trúng ụ bia, lấy những phát trúng đích, trúng vòng khuyên, chiểu số như trên mà trừ. Khi trừ rồi, nếu còn 1 phát không trúng ụ bia, hay không trúng đích, trúng vòng khuyên, chỉ trúng ụ, hay lẫn có 1 phát không trúng ụ, đều miễn nghị. Hai phát không trúng ụ bia cũng tạm ghi lỗi, đến 3 phát không trúng ụ thì phạt quyết xuy 10 roi ; cứ thêm mỗi phát không trúng lại phạt gia lên 1 bậc, tội đến 50 roi là cùng.

Diễn bắn các loại súng đại luân xa, quá sơn, thần công, mỗi hạng đều 6 phát, thưởng phạt cũng theo lệ như biền binh bắn điểu sang ở trên mà thi hành ; nhưng việc bắn súng lớn khó hơn, nên lệ thưởng cho gấp đôi.

Cho triệu 7 vị hoàng tử còn nhỏ vào chầu. Vua sai làm thơ thi ngay trước mặt để xem học lực. Các Hoàng tử Miên Tể, Miên Bật, Miên Vũ, Miên Thử lời thơ hơi thông đều gia thưởng ; các Hoàng tử Miên Thẩn, Miên Chữ đều bỏ giấy trắng, đều phạt 3 tháng lương ; Miên Thực thơ chưa hợp cách cho miễn nghị. Vua bèn truyền chỉ quở mắng bọn Sư bảo, Tán thiện, giảng tập của các hoàng tử, bắt từ nay phải gia tâm dạy dỗ, khiến các hoàng tử, học vấn mỗi ngày một tấn tới, nếu cứ không được công trạng gì như cũ sẽ giao nghị tội không tha.

Hoàng trưởng tử Trường Khánh công nhân rỗi đi chơi ở cánh đồng xã Vân Cù, thấy đàn nhạn đậu đông, bắn luôn 20 phát được 14 con. Khi về đem dâng vua. Vua khen nói : "Kỹ thuật bắn như thế cũng đã thạo, nhưng nên để ý chọn những người thành thạo cho đi theo tuỳ súng nạp thuốc, không nên nhẹ dạ nghe những kẻ táo bạo hoặc xảy ra lầm lỡ chăng ?"

Vua nhân bảo các hoàng tử rằng : "Bọn ngươi cũng biết bơi chứ ? Bắt đầu lấy cái bầu nổi mà bám vào, lâu về sau biết cách thời lựa theo nước mà vận động, bơi hay lặn đều được tự ý. Ta nhớ lúc còn trẻ, một lần đi qua bờ sông, thấy 2 đứa trẻ nhà thuyền chài trạc độ 10 tuổi, gặp thấy con voi khoẻ sang qua bến sông, chúng gọi tên voi mà chửi. Voi tức giận lại húc thuyền, hai đứa trẻ nhảy xuống nước. Ta chắc chúng tất chết, nhưng một lát lại thấy nhô đầu lên chửi voi. Voi xông lại chực đánh, thời chúng lại lăn xuống nước. Một lúc lâu, voi không biết ở đâu mà đuổi rồi bỏ đi. Hai đứa trẻ lên thuyền không chút sợ hãi. Mới biết chúng lội nước quen cũng có sở trường riêng biệt vậy".

Xây lại luỹ bằng đá ở bảo Chiên Đàn tỉnh Quảng Nam. Bốn mặt bảo ấy trước rào bằng giậu gỗ, Suất đội coi bảo là Nguyễn Văn Phú phòng bị hơi trễ nhác, bỗng bọn sơn Man đem bọn lũ bất thần xông tới. Đội trưởng là Phan Văn Khương mở cửa bảo chạy trước. Quân Man ập vào đâm bị thương lính bảo, cướp khí giới mà đi. Việc đến tai vua, Khương bị tội trảm giam hậu ; Phú bị phát đi làm quân, tỉnh thần bị giáng 1 cấp. Tuần phủ là Vương Hữu Quang liền thân đến xem hình thế bảo ấy, dâng sớ xin liệu bắt dân binh đi lấy đá núi về xây lại bảo sở, mang 2 cỗ súng quá sơn đến đặt ở bảo ấy và cấp thêm ống phun lửa, điểu sang để phòng bị. Trong sớ lại nói : từ trước đến giờ, những tháng 5, 6, 7, 8 là lúc việc nông đã rảnh, đương thời khí hậu tanh ráo, bọn Man thường hay họp bọn lũ lên xuống cướp bóc. Xin : hằng năm cứ đến những tháng ấy, phái sẵn 1 Quản vệ hoặc 1 Quản cơ, 100 biền binh đến đốc thúc, cùng với viên Thủ ngự và lính trú phòng ở bảo mà nghiêm cẩn phòng bị ; đến hạ tuần tháng 8, liệu lưu lại một Suất đội và 50 biền binh đóng giữ, còn thì rút về. Vua đều y cho làm.

Tỉnh thần Hưng Hoá tâu nói : Sang năm kính gặp tiết Ngũ tuần vạn thọ đại khánh của Hoàng thượng, tỉnh thần được dự làm một toà rạp kết hoa [ở Kinh]. Về gỗ, đã được chuẩn cho tỉnh Sơn Tây giúp rồi. Nay đã tới kỳ dựng rạp mà các viên chức văn võ trong tỉnh đều không ai được thân đi dự làm, trong lòng tự lấy làm áy náy. Xin phái một viên Quản vệ hoặc Quản cơ và 50, 60 biền binh, đến tháng 11 này về Kinh ứng biện. Vừa nói : "Kẻ bề tôi thờ vua, mà biết làm hết chức vụ, tức là biết hết lòng thành đối với vua. Còn như ứng biện công việc nhất thời, thì cũng là việc nhỏ thôi. Trước đây đã chước lượng : những tỉnh hạt lớn nhỏ, độ đường xa gần, chuẩn định số lính và kỳ hạn [về Kinh làm lầu rạp] : tỉnh nhỏ thì do tỉnh lớn kiêm hạt làm thay, bất tất phải phái về nhiều người, để đỡ tốn phí vất vả. Nay tỉnh ngươi đã đem việc thỉnh cầu, bởi tự lòng thành khẩn, thì tạm chiều theo, chuẩn cho trong vòng tháng giêng, tháng 2 sang năm khởi hành cũng có thể kịp, bất tất phải phái đi từ trước làm gì. Rồi lại truyền dụ cho các tỉnh Quảng Yên, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng cũng theo như thế. Số lính mộ của Lạng Sơn chỉ có 40 người, chuẩn cho lưu lại tỉnh, bất tất phải về Kinh, nhưng trích lấy 1 viên Suất cơ và 50 giản binh, cũng y theo kỳ hạn như trên, phái về Kinh ứng biện".

Hơn 40 phú hộ tỉnh Hải Dương tự nguyện xuất của nhà ra hơn 800 lạng bạc, 100 quan tiền, uỷ mấy người về Kinh trước dự làm lầu rạp để đến kỳ chúc thọ vua. Quan tỉnh tư bộ Lễ. Bộ đem việc tâu lên. Vua nói : "Có mấy chục người dân hạt ấy mà đã gần tới món phí nghìn vàng, thì ngoài bọn ấy, vị tất lại không còn những kẻ tranh lạ khoe hơn giành lấy vẻ mỹ quan nữa ư ? Vậy phải truyền dụ cho các địa

phương chuyển sức cho dân hạt, ai có tình nguyện về Kinh chúc mừng thì những phẩm vật thổ ngơi đem cung tiến và những đồ vật đem trần thiết cần phải liệu tỉnh giảm, không được quá xa hoa. Còn như vật liệu làm lầu, làm rạp đã có Nhà nước sắm sửa giúp, không phải phí hại nhiều tiền tài công sức. Nếu có kẻ gian xảo tạ sự thu bổ tiền nong, việc phát giác ra sẽ bị trị tội nặng."

Các hộ dân, hộ phố ở hai tỉnh Vĩnh Long, Sơn Tây, đều tình nguyện tự bỏ bạc ra (Vĩnh Long : 700 lạng, Sơn Tây : 620 lạng) đăng theo vào với lầu, rạp của tỉnh, mà miễn việc đem phẩm vật đến Kinh trần thiết. Vua cho là miễn cưỡng, không do tự lòng thành, ra lệnh ngăn đi không nhận.

Giáng Hữu thị lang bộ Lễ gia hàm Tham tri, sung biện các vụ là Hoàng Quýnh xuống làm Viên ngoại lang bộ Công. Trước đây bộ Hộ tư đi Gia Định mua sản vật. Bấy giờ Quýnh đương ở tơ Phiên [Gia Định] trả lời rằng : giá của dân thì rất cao, mà giá Nhà nước cho thì rất hạ, mua như thế sợ dân kêu ca. Đến khi bộ gạn hỏi lại, Quýnh vẫn cố giữ lời lẽ trước và nói thêm rằng : "Vỗ về người dân sau khi biến loạn đã mỏi mệt khốn khổ, trăm việc đều là khó khăn, bộ thần chỉ ngồi ở trong triều bàn đạo lý, phỏng chưa từng chính mắt trông thấy, cho nên không lấy làm tin. Nay nếu kể tội, về tội vì kẻ dưới, vì dân, thì tôi xin nhận tội, tuy nhiên còn có thánh thượng soi xét, còn có công luận ngàn thu về sau". Bộ thần đem việc tâu bày. Vua nói : "Hoàng Quýnh có điều bất mãn gì mà mượn việc đó để công kích bộ thần, lại ngụ cái ý gièm pha triều đình không thương đến nỗi đau khổ u uất của dân. Xét ra việc mua sản vật chiếu theo thị giá, bởi vì đồ dùng của Nhà nước không đủ, hoặc vì ngạch thuế sản vật không có những thứ ấy, nên không thể không mua ở dân. Nhiều lần đã xuống dụ răn bảo không được bức bách dân mua bằng giá rẻ. Quan lại nếu chịu tuân dụ mà thi hành, thì dân gian chưa từng không nhờ được mối lợi tốt. Nếu có kẻ nào tham bẩn đến nỗi làm đau khổ cho dân, thì nên vạch sự thực ra hặc tâu. Hoặc giả quan ở bộ có ý cay nghiệt mua rẻ thì cũng phải tâu hặc, có gì lại mượn chuyện mà ngụ ý gièm chê ?". Vua sai Quýnh tâu trả lời minh bạch. Quýnh đổ cho là lời nói của nhà buôn, xin tự nhận tội. Vua giao xuống cho bộ Lại xét. Đến nay bản nghị dâng lên, tội Quýnh đáng cách chức. Vua nói : "Hoàng Quýnh giúp việc trẫm lâu năm, trẫm vẫn biết y là người nóng tính nói bậy, thường muốn bác bẻ cái sở đoản của người, khoe cái sở trường của mình, mà không biết lời nói của mình thất thố. Trước kia nhiều lần có lỗi đã trừng trị nặng để răn dạy nhắc nhở, không ngờ thói cũ không đổi, nay lại phát ra nói càn, đáng lẽ thì nên y lời nghị của bộ, nhưng ta nghĩ : ngày thường y cũng có tính thẳng, chưa đến nỗi là người bỏ đi. Vậy gia ơn theo mức nhẹ giáng chức, bổ cho theo với Lê Văn Đức, thừa biện công việc

Thuỷ sư ở Kinh kỳ, lại theo với Nguyễn Công Trứ thừa biện công việc làm lầu rạp cho y được tuỳ việc mà cố gắng làm việc để chuộc lỗi xưa."

Cho Nguyễn Trọng Tính, Chưởng vệ lĩnh thị vệ, quyền hộ ấn triện dinh Hổ uy, được cùng đình thần võ ban cùng dự những phiên đình nghị. Chuẩn cho 3 ngày một lần đến Duyệt thị đường hội bàn công việc của xứ thị vệ, còn các ngày khác cho được luôn ở công thự.

Sai thự Phó vệ uý vệ Cẩm y là Nguyễn Tiến Song kiêm coi đội Hoa pháo, thị Vệ trưởng là Lê Mậu Hạnh kiêm coi viện Thượng trà, đội Tài hoa và Ngư hộ.

Định điều lệ xét xử án ăn trộm ở Kinh. Vua được tin báo những án trộm cắp luôn xảy ra ở Kinh thành, bảo bộ Hình rằng : "Trẫm xem sử nhà Thanh : khoảng năm Gia Khánh có kẻ lấy trộm cái móc mành mành vật cấm. Kỳ thuỷ xử về tội "ăn trộm", sau lại đổi giao cho bộ Hình nghiêm xét, bộ khép vào tội "bất kính", phải xử tử. Kể ra thánh nhân đem tấm lòng bất nhẫn thực hành chính sách bất nhẫn mà dựng ra điều luật, là để khiến cho dân theo điều thiện xa tội lỗi. Để cho có kẻ phạm tội mà giết đi, sao bằng răn bảo từ trước khi mắc tội cho họ biết đường mà tránh tội. Nay nước nhà đương buổi thanh bình, chính sách theo khoan hồng, mọi người đều yên phận tuân theo pháp luật, thấm nhuần đức hoá, tắm gội khí hoà. Thế mà có một vài kẻ còn ngu tối, không chịu làm ăn để cũng làm người dân trong cảnh thái bình, dám ngay trong chốn Kinh thành, công nhiên làm việc trộm cắp, tội ấy không thể tha giết được. Nhưng vì chưa đặt ra điều lệ nghiêm cấm rõ ràng mà đã vội khép chúng vào pháp luật, thì thực không phải cái ý giáo hoá trước, hình phạt sau của trẫm. Vậy bộ ngươi nên tham khảo luật lệ, châm chước nghị ra điều lệ tâu lên". Khi bản nghị dâng lên, vua chuẩn cho đến tháng 11 năm nay bắt đầu thi hành, và sai chép đưa đi niêm yết các nơi cho mọi người đều biết. Các nơi cung điện trong Hoàng thành mà có kẻ lẻn vào trộm cắp, bất cứ đã lấy được hay chưa, và bất phân là thủ phạm hay tòng phạm, đều chém đầu bêu lên.

- Phủ Nội vụ, nhà chứa lỗ bộ hai bên tả hữu, nhà đãi lậu (nhà ngồi chờ) hai bên tả hữu và binh xá, của vệ Cẩm y, Loan giá ở trong Hoàng thành, mà lẻn vào lấy trộm của cải đồ vật công, thì bất cứ số tang vật nhiều hay ít, thủ phạm phải trảm quyết ngay, tòng phạm thì phát đi sung quân ở nơi cực biên[1]. Nếu lấy trộm đồ vật của nhà vua dùng, chiếu theo lệ lấy trộm ở cung điện mà xét nghĩ ; chưa lấy được thì thủ phạm phải phát đi sung quân ở nơi cực biên, tòng phạm thì đánh 100 trượng, phát lưu đi 3.000 dặm ; nếu là lấy đồ vật, của cải của quan chức, quân lính thì chiếu

(1) *Cực biên* : nơi biên giới xa cùng cực, nhiều lam chướng độc.

theo như tội lấy trộm của các nha, thự, văn, võ, tính theo tang vật, phân biệt thủ phạm, tòng phạm mà xét nghĩ.

- Các nơi như vườn Thư Quang, hồ Tĩnh Tâm, cung Khánh Ninh ở trong Kinh thành, gặp khi ngự giá đến nghỉ mà lẻn vào lấy trộm, bất cứ đã lấy được hay chưa lấy được và bất phân thủ phạm hay tòng phạm, đều chém đầu bêu lên ; nếu không phải ngày ngự giá đến mà lấy trộm của cải đồ vật công, thì chiếu theo như lấy trộm của cải đồ vật ở phủ Nội vụ mà xét nghĩ.

- Những nơi vua đi tuần du đóng lại ở đâu mà lẻn vào trong chỗ thành bằng màn của vệ Võng thành để lấy trộm thì bất cứ lấy được hay chưa được, và bất phân thủ phạm hay tòng phạm, đều chém đầu đem bêu ; nếu khi ngự giá chưa đến hoặc đã trở về mà lén vào lấy trộm của công, thì chiếu theo như tội lấy trộm của cải đồ vật ở phủ Nội vụ mà xét nghĩ.

Tiền lương, thóc, gạo và các vật hạng chứa ở kho tàng trong Kinh thành mà lẻn vào lấy trộm, nếu chưa lấy được thì thủ phạm phạt đánh 100 trượng, đầy đi 3.000 dặm, tòng phạm được giảm một bậc ; nếu đã lấy được thì tính giá tang vật : từ 10 lạng bạc trở xuống, thủ phạm xử giảo giam hậu[1], tòng phạm phát đi sung quân ở nơi cực biên khí độc ; 10 lạng bạc trở lên : thủ phạm xử giảo lập quyết[2], tòng phạm xử giảo giam hậu ; 15 lạng trở lên thủ phạm xử trảm quyết, tòng phạm xử trảm giam hậu. Còn như Mộc thương tuy ở phía ngoài Kinh thành, nhưng cũng là một nơi chứa vật hạng công, nếu lấy trộm cũng có tội như thế.

- Ở phủ đệ các vương công trong Kinh thành mà lẻn vào lấy trộm, nếu chưa lấy được : thủ phạm xử đánh 100 trượng, đồ 3 năm, tòng phạm được giảm một bậc ; nếu lấy được rồi thì tính giá tang vật : từ 1 lạng bạc trở lên : thủ phạm xử phát đi sung quân ở nơi cực biên khí độc, tòng phạm xử đánh 100 trượng, lưu đi 3.000 dặm ; 20 lạng trở lên : thủ phạm xử giảo giam hậu, tòng phạm phát đi sung quân ở nơi cực biên khí độc ; 50 lạng trở lên : thủ phạm trảm quyết, tòng phạm, trảm giam hậu.

- Những nha thự, văn võ trong Kinh thành mà lén vào lấy trộm, nếu chưa lấy được thì : thủ phạm đánh 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi, tòng phạm giảm một bậc ; lấy được rồi thì tính giá tang vật : từ 1 lạng bạc trở lên : thủ phạm phát đi lưu 3.000 dặm, tòng phạm giảm 1 bậc ; 20 lạng trở lên : thủ phạm phát đi sung quân ở cực biên khí độc, tòng phạm phát lưu đi 3.000 dặm ; 50 lạng trở lên : thủ phạm giảo giam hậu.

---

(1) Xử thắt cổ cho chết, nhưng còn giam chờ mùa thu xét lại.

(2) Xử thắt cổ cho chết ngay, không đợi mùa thu xét lại nữa.

Nếu lấy trộm giấy tờ của công thuộc về việc quan yếu, thì bất phân thủ phạm, tòng phạm, đều xử giảo giam hậu.

- Lén vào trong Kinh thành lấy trộm tài vật của tư gia, nếu tội đáng xử giảo, thì cứ theo luật xét nghĩ ; ngoài ra, từ sung quân phát lưu trở xuống, đều chiếu tội ấy mà gia lên 2 bậc nữa : Tội lưu, như lưu 2.000 dặm gia 2 bậc thành 3.000 dặm ; tội sung quân như phát đi nơi cận biên[1], gia hai bậc nữa là phát đi cực biên. Ngoài ra lấy đó mà suy. Đến như ngoại thành, như trại binh của Thuỷ sư ở mặt trước thành, cho chí 3 dãy phố ở phía đông thành và các vườn ở phía tây thành, mà lấy trộm của cải đồ vật của các nhà quan, quân, dân chúng, cũng chiếu theo như lệ lấy trộm của cải đồ vật ở trong Kinh thành mà trị tội. Ngoài ra, lấy trộm của các tư gia từ phụ quách trở ra, đều chiếu theo luật lệ xét nghĩ.

- Phàm : ở trong Kinh thành, bọn trộm cắp tụ họp nhau từ 5, 6 người trở lên và ngoại thành, như khu trại binh của Thuỷ sư cho chí 3 dãy phố phía đông thành và các vườn phía tây thành, mà tụ họp nhau từ 7, 8 người trở lên, thì bất luận là sơ phạm hay tái phạm, số tang vật nhiều hay ít : thủ phạm xử trảm quyết, tòng phạm phát đi sung quân ở cực biên khí độc. Ngày dựng án, cần căn cứ vào số can phạm bắt được đã đủ số mới xử vào tội này, nếu chúng có xưng ra đồng phạm mà hiện còn trốn tránh không bắt được thì đều phải chiếu theo điều lệ đã định về tội ấy trong luật mà xử nghĩ, không được nhất thiết viện dẫn lệ này.

Trong các điều nói trên, nếu kẻ can phạm lại kháng cự người bắt, đánh người bị thương, thì bất luận có lấy được của cải hay không đều xử tội trảm quyết ; nếu là ở trong Hoàng thành thì đổi làm chém đầu đem bêu).

Ngự sử đạo Trị - Bình là Vũ Viện, Ngự sử đạo Hải - An là Mai Khắc Mẫn dâng sớ nói : một dải Nhị Hà, đầu nguồn là các dòng sông Đà, sông Thao thuộc Hưng Hoá và sông Trôi[2], sông Lô thuộc Tuyên Quang dồn tụ lại. Một đoạn trung lưu rẻo theo các tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, Hưng Yên suốt hơn nghìn dặm, rồi đổ về các cửa biển Nam Định. Thường năm, đến khoảng các tháng 5, 6, 7, 8, thế nước dâng lên, dân cư thường bị nạn ngập lụt. Từ đời Trần cho đến Lê đắp đê phòng giữ nước, công việc tranh giữ nhau với sông cũng là cái thế không sao thôi được. Quốc triều ta dựng miếu, nhân đó cho bồi đắp, dân cũng được tạm yên. Nhưng của nước công dân, tốn phí vất vả không biết đâu mà tính. Rồi đến hơn chục năm nay, ven bờ biển Nam, cát bồi ra, coi xa ngút ngàn, các cửa biển ngày nay đã nông hẹp, nước sông

(1) Nơi biên giới gần.

(2) Tức sông Chảy ngày nay, hợp lưu với sông Lô ở địa phận Đoan Hùng.

không được thoát lắm, xói phá xô dồn quá mạnh, tuy hết sức đắp đê mà cũng không giữ được kiên cố, dân bị hại đã nhiều lần. Xét ra phương pháp trị thuỷ cốt ở thuận theo thế nước mà lựa khơi thông đi. Gần đây từ khi khai đào ra con sông Cửu An, thì thế nước xô dồn đã hơi giảm kém trước. Đó là một kinh nghiệm đã rõ ràng. Nay xét về năm Minh Mệnh thứ 18, tỉnh Bắc Ninh xin khơi sông Thiên Đức[1] để chia bớt nước về thượng lưu sông Nhị hình như có thể làm được. Xét trong bản đồ, nửa đoạn dưới, từ xã Lập Ái huyện Gia Bình đến sông Lục Đầu, thuỷ triều lưu thông không phải khơi mở làm gì cho phí. Duy có nửa đoạn trên, nói xin đào từ xã Ngọc Giang đến giang phận xã An Thường thì có phần hơi dài. Nay xin đào từ xã Cơ Xá thông thẳng đến xã Thịnh Lân lại cận tiện hơn (Lập Ái, Ngọc Giang, An Thường, Cơ Xá, Thịnh Lân đều tên xã). Vua bảo bộ Công : một việc phòng ngự nước sông ở Bắc Kỳ từ trước đến giờ, trẫm vẫn ngày đêm bận lòng đến. Phàm có cách gì khả dĩ làm lưu thông được thế nước, tiêu bớt nước sông, thì không bao giờ không hết cách để trù tính. Trước kia Bắc Ninh xin khơi dòng sông Thiên Đức, trẫm cho là công việc nặng nề khó nhọc, làm ra vị tất đã có lợi mà không hại, nên có dụ bảo hãy đình chỉ lại. Nay bọn Viện tâu bày, cũng chỉ là căn cứ vào bản đồ mà nói, chưa từng thân đến nơi, mắt nhìn thấy, vậy truyền cho lập tức thân đến tận nơi khám xét, đo bằng trượng, tính thành dặm, xem làm ra quả là có lợi hay không, làm tập tâu lên. Khi bọn Viện trở về, nói đã khám thì con sông cũ ấy [Thiên Đức] chỗ thuộc về địa phận xã Xuân Canh, huyện Đông Ngạn, từ đó cho đến đường sông xã Quan Tình, ở huyện Gia Lâm, dòng sông bị nghẽn lấp từ lâu, lại rất là quanh co, thế không thể lại khơi đào được nữa, mà xét chỗ đương bị lở ở phận sông xã Cơ Xá chính là chỗ bị nước sông [Nhị] xói vào. Xin nhân chỗ đó mở thành cửa sông, đào thẳng đến xã Quan Tình cộng hơn 1.600 trượng, còn các đoạn sông từ xã An Thường đến xã Phù Ninh sẽ tuỳ thế mà khơi vét, so với công việc do tỉnh Bắc Ninh trù tính năm trước có phần hơi giảm đi. Ban đầu tuy không khỏi tốn nhiều của công, nhưng sau khi đã khơi thông, nước sông có lối thoát đi, thì cái lợi vô cùng. (Xuân Canh, Quan Tình, Phù Ninh đều tên xã). Vua nói : "Tỉnh Bắc Ninh gần đây mới bị dịch lệ, rồi lại bị mưa lụt, dân đau khổ chưa được tỉnh lại, còn cần phải lưu ý vỗ về. Công việc khơi sông không phải là công việc cấp bách, hãy để ngày khác sẽ bàn cũng được".

Huyện Tuy Hoà tỉnh Phú Yên nhiều đồng ruộng, vì sông ngòi hơi xa nên bỏ hoang. Thự đốc là Tôn Thất Lang tâu xin khai cừ dẫn nước, rồi sai dân khai khẩn

(1) *Thiên Đức* : tức sông Đuống.

thành ruộng, tất cả được hơn 1.000 mẫu. Vua khen là vì dân mở mang nguồn lợi, thưởng gia 1 cấp. Còn ruộng ấy chiếu lệ 3 năm bắt đầu thu thuế. Lại sai trích các tù phạm ở tỉnh, từ tội sung quân, phát lưu trở xuống, đưa ra ở nơi đó cày cấy, chiểu theo thể lệ đồn điền ở các tỉnh Nam Kỳ, mỗi tháng cấp cho mỗi người 1 phương gạo.

Phái viên là Biện lý bộ Hộ Phan Thanh Giản đem tình hình hai mỏ bạc Tống Tinh, Nhân Sơn tâu lên, nói : hai mỏ ấy khí bạc bốc lên chưa vượng lắm, công việc khai lấy vất vả khó khăn mà không được bao nhiêu bạc. Vua nghĩ phái đi đã lâu ngày, cũng đã vất vả, bèn triệu về, sai Ngự sử là Lê Khắc Nhượng, Vũ Đức Nhu đến thay. Sau vì số bạc ngày một kém, bỏ việc khai lấy, lại giao cho người trưởng mỏ lĩnh trưng.

Cơ mật viện đại thần là bọn Trương Đăng Quế tâu nói : hồng bản về các đạo mật dụ có quan hệ đến công việc cơ yếu, sự thể trọng đại, không ví như bản giấy tờ thường, cho nên tới lúc phát đệ, tất phải có tờ phiếu tâu của bộ Binh, để coi trọng công việc. Duy có các tỉnh và viện nhân được phái đi, sau khi nhận lĩnh hồng bản mật dụ ấy để tuân hành, hoặc làm xong, hoặc chưa làm xong, điểm nhiên không phúc tâu là chưa được chu đáo cẩn mật. Lại, từ trước đến nay, việc khâm phụng mật dụ, có việc do đốc phủ, bố, án cùng làm, có việc chỉ do một viên hoặc đốc phủ, hoặc bố, án làm một mình, lại cũng có việc do phái viên nhận nhiệm vụ làm, nhưng tựu trung bản nào nên lưu lại, bản nào nên nộp, lại chưa có định lệ. Xin từ sau, phàm các quan địa phương, và nhân viên được phái đi làm, ngày nào tiếp được hồng bản mật dụ ban đến cho tuân hành, nếu đã làm rồi thì mật tâu nói rõ, nếu chưa làm xong cũng làm phiếu nói kèm vào tâu lên chờ khi làm xong việc lại tục tâu sau. Tờ phiếu ấy chỉ nói lượt qua tháng ngày nào tiếp được lính trạm chạy ngựa hoặc thị vệ đệ đến, và trong hồng bản mật dụ ấy đề năm tháng ngày nào, quan ở viện hoặc ở bộ, ở các nha nào phê chữ "Phụng", chứ không nên nói rõ về sự việc ở trong dụ, để tỏ sự thân mật. Còn như việc nên lưu hay nên trả lại thì : việc nào do các quan tỉnh cùng hội làm, thì hồng bản lưu ở tỉnh, tôn trọng cất để một nơi, nếu do một viên chuyên làm riêng hay do phái viên nhận làm thì sau khi công việc làm xong, chiểu việc ấy do bộ nào phê chữ "Phụng", lập tức trả về nha bộ ấy. Duy việc do viện hay các phê chữ "Phụng", không tiện nộp thẳng thì tư cho bộ Binh chuyển giao để phụng thủ, bất tất phải chép lại. Vua cho là phải, sai ghi làm lệ.

Cho Hữu tham tri bộ Binh là Nguyễn Công Trứ kiêm chức Tả phó Đô ngự sử viện Đô sát.

Sai Quản vệ vệ Long thuyền là Đoàn Khác đem lính, thợ bọc thuyền kim đĩnh (đem những thùng sắt tây ở trong kho ra để bọc, rồi ngoài quét bằng dầu thông hay cánh kiến cho khỏi gỉ).

Lính mộ thuộc hai cơ Tả Hữu của tỉnh Hà Nội bỏ trốn đi nhiều, chỉ còn hơn 580 người. Chuẩn cho dồn làm một cơ Hà Nội.

Các tỉnh Bắc Kỳ tâu báo dòng sông đã yên sóng. Vua sai đem hương lụa trong kho đến tỉnh Sơn Tây, sắm thêm lễ lợn tạ miếu Hà thần. Quan lại cho chí binh dân các tỉnh dự việc sang hộ đê, đều thưởng kỷ lục và tiền có thứ bậc mỗi người một khác.

Sai sơn thếp cửa đại cung điện Thái Hoà (đều dùng sơn đỏ, vàng bạc để trang sức. Hai hàng cột chính trước điện thếp vàng vẽ hình rồng mây, còn các cột hai bên thếp bạc vẽ hình tản vân). Phái Hữu quân Đô thống là Nguyễn Tăng Minh hội đồng với đường quan bộ Công trông coi công việc. Thưởng cho từ viên Đổng lý trở xuống đến binh, thợ làm việc, mỗi người 2 tháng lương gạo và tiền.

Chuẩn định : từ nay phàm các việc xây dựng quan trọng như cung điện, bộ Công có dự coi làm, khi làm xong, phải xin phái đại thần đến xét nghiệm. Còn những việc xây dựng tầm thường, thì do ty của bộ chiếu thường lệ đến khám lại. Bỏ việc phái khoa đạo đến khám.

Cất bổ cho con viên Thị lang bộ Công Trần Văn Tính là Trần Văn Trinh làm Tư vụ ; Trần Văn Thịnh, Trần Văn Trị đều làm chánh bát phẩm Thư lại, do bộ xét bổ. Vua truy nhớ đến kẻ cựu thần, cho nên đặc cách bổ cho chức như vậy.

Thự Đề đốc Thừa Thiên là Lê Sách đến 70 tuổi, dâng sớ xin về hưu, vua không cho.

Bờ đá trước mặt thành Trấn Hải bị sóng gió vỗ lở gần hết, thân thành cũng có chỗ lở. Vua bảo bộ Công : "Cái bờ đá ấy đã bị sóng vỗ thì sức người khó làm gì được, thành ấy tất phải chọn chỗ đất khác dời đến xây dựng, để giữ cho việc phòng giữ mạn biển được mạnh. Nhưng nay đương mùa nước to, chưa tiện làm. Vậy phái Thống chế là Nguyễn Tiến Lâm, Biện lý bộ Công là Phạm Sĩ Ái mang theo giám thành và 300 biền binh đi chuẩn bị nhiều đá núi, rào, cọc, liệu thế chống đỡ, ngăn giữ cát ở chân thành mà lại bảo vệ lấy thân thành. Việc đổi xây thành ra chỗ khác hãy để sang năm sẽ bàn.

Quảng Nam, Quảng Ngãi bị mưa to, gió lớn, nước dâng lên to, nhân dân ở ngoài thành Quảng Nam, có nhà phải bắc sàn lên nhà mà ở, không tự kiếm được để ăn. Quan tỉnh tạm phát trước cho gạo, muối, tính theo nhân khẩu mà phát cho. Việc ấy tâu lên, vua dụ sai kiểm xét còn nhà nào đáng chẩn cấp nữa thì cấp cho. Lại hỏi kỹ dân gian có ai tình nguyện lĩnh vốn của công, đặt đường, quế trước thì tức thì chiểu theo giá gạo mà cấp phát cho.

Kho chứa thóc gạo ở Quảng Ngãi, gián hoặc có chỗ bị thấm ướt, [tỉnh ấy] xin trích ra phát thay cho vốn công đặt đường cát, để dân lấy cái ăn. Vua quở rằng : "Mưa gió về mùa thu, cũng là sự thường, bọn ngươi không biết thận trọng của công mà đề phòng trước, để đến nỗi kho chứa thóc gạo mới một lần gặp mưa gió đã bị thấm nước ướt ; rồi lại muốn đem thứ gạo khó ăn ấy đưa cho người ta để đun đẩy trách nhiệm đi, thì thể thống của triều đình ra sao ?" Bèn phái khoa đạo là bọn Nguyễn Sỹ Đăng, Lê Nguyên Giám đến kiểm xét. Khi đến nơi thì tỉnh ấy đã đem thóc ướt phát đi rồi. Vua ghét là có dụng tâm khôn khéo, chuẩn Bố chính là Đặng Đức Thiệm cách chức lưu nhiệm, Án sát là Trương Quốc Dụng giáng 4 cấp. Số gạo ướt đã phát đi rồi, tính giảm giá mà đối trừ đi, thóc cũng giảm giá bán rẻ đi. Rồi lại chiếu số [gạo] đáng phải bồi giả [đường], rộng miễn cho một nửa. Lúa, mạ bị ngập, chỗ nào không có lực cấy giặm lại được thì đem số thóc mới thu năm nay cho vay.

Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc đến Lạng Sơn cũng báo có thiên tai bão lụt. Vua chuẩn cho số thóc tô thu vụ đông năm nay đều được nộp thay bằng tiền ; ruộng lúa chỗ nào bị ngập mất, khám thực cho miễn thuế ; nhân dân có ai chết đuối, cấp cho mỗi người 3 quan tiền, nhà cửa, thuyền ghe, cái nào bị tổn hại thì chia hạng chẩn cấp (hạng lớn 3 quan, hạng trung 2 quan, hạng nhỏ 1 quan). Vua bảo bộ Hộ : "Năm nay khoảng tháng 5 tháng 6, nắng dữ hằng tuần, sang thu có bão lụt như thế, cũng là do khí vận sinh ra mà thôi".

Bình Định mộ được 30 người dân ngoại tịch. Chuẩn cho đặt làm đội tuần thành thuộc tỉnh ấy.

Sai bộ Lại lần lượt trích lấy một người Tư vụ hoặc bát cửu phẩm Thư lại trong thuộc ty của 6 bộ sung là Tri bạ ở vệ Kim ngô coi giữ sổ sách, cứ 3 tháng một lần đổi.

Chuẩn cho biền binh các vệ Cẩm y, Kim ngô trực ở phía ngoài hai cửa Nhật Tinh, Nguyệt Ba ấy, ngày tạnh ráo thì ứng trực theo như lệ (450 người), nếu gặp ngày mưa rét, chỉ lưu lại 200 người ngày trực đêm ngủ lại, còn bao nhiêu cho được ở trại để điểm mục.

Định lệ hai kỳ Nam, Bắc hằng năm chở vật hạng nộp về Kinh và việc phái vát thuyền ghe. Ba bộ Hộ, Binh, Công và Tào chính hội bàn, cho rằng : Lệ trước thường năm các hạt tải vận thóc gạo thì do thuyền của Tào, tải đồ vật thì do thuyền công. Sau nhân thuyền của Tào thiếu ngạch lấy thuyền đại dịch[1], miễn dịch[2] của dân

(1) Những thuyền riêng tình nguyện hằng năm nộp thuế xuất nhập cảng, để khỏi phải đi vận tải của công, gọi là thuyền đại dịch.

(2) *Miễn dịch* : những thuyền được tha không phải đi làm tạp dịch.

phục vào. Nay thuyền công đóng thêm ngày một nhiều, tưởng đã đủ sai phái, vậy thuyền dân nên cho về đi buôn bán nộp thuế, và ước lượng số vật hạng đáng phải tải của 2 kỳ Nam, Bắc cùng số thuyền lĩnh tải, châm chước định ra mức độ kỳ hạn : (Nam Kỳ hàng năm cần tải thóc 10 vạn hộc, gạo 10 phương cùng là sản vật, cộng nặng ước hơn 14.469.700 cân, và các hạng gỗ tấm ; cần vát : thuyền hiệu chữ "An" : Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường, mỗi nơi đều 3 chiếc ; Thuyền Hải vận : Gia Định 14 chiếc, Biên Hoà 7 chiếc, Vĩnh Long 15 chiếc, Định Tường 8 chiếc, Quảng Nam 9 chiếc, Quảng Ngãi 4 chiếc, Bình Định 11 chiếc, Phú Yên, Khánh Hoà mỗi tỉnh đều 6 chiếc, Bình Thuận 10 chiếc ; thuyền của Nam Tào : 36 chiếc, cộng là 135 chiếc. Lệ trọng tải cộng nặng ước hơn 17.980 cân, lãnh chở làm một chuyến, nếu còn nhẹ nổi, chở thêm gỗ tấm và gạo.

Bắc Kỳ hằng năm cần chở gạo 50 vạn phương, và sản vật đồ vật công, nặng ước hơn 25.435.300 cân ; cần vát : thuyền Hải vận ; ở Kinh 16 chiếc, Quảng Bình, Thanh Hoa mỗi tỉnh đều 9 chiếc, Nghệ An 13 chiếc, Nam Định 8 chiếc, Hải Dương 5 chiếc. Thuyền của Bắc Tào 46 chiếc. Lĩnh chở làm 2 chuyến, tính gấp đôi thành 212 chiếc ; thì thuyền hiệu An Tĩnh của Nam Định 8 chiếc, lĩnh chở 1 chuyến. Lệ trọng tải cộng ước hơn 29.467.200 cân, nếu còn nhẹ, chở thêm sắt, gạch hoặc tiền.

Quan quân đi tải : Thuyền Hải vận, mỗi chiếc : 1 Suất đội, 2 tay lái, 30 biền binh ; thuyền hiệu chữ "An" mỗi chiếc : 1 Suất đội, 2 tay lái, 50 biền binh ; thuyền chữ "Tĩnh" mỗi chiếc 1 Suất đội, 2 tay lái, 40 biền binh. Phàm phái đi từ 3 chiếc trở lên, phải chọn một Quản vệ hoặc Quản cơ làm Quản giải. Lĩnh tải ở Nam Kỳ thì do địa phương giao hàng phái Lãnh binh hoặc Phó lãnh binh để cai quản chung. Lĩnh tải ở Bắc Kỳ thì do bộ Công xin chỉ chọn phái Thống chế hoặc Chưởng vệ quản đốc.

Đi Nam Kỳ lĩnh tải một chuyến, hạn trước sau tiết "Cốc vũ"[1] phải hội đủ. Hạt nào số thuyền phải chở ít, chỉ chở một lần, cần đến trước sau ngày "Tiểu mãn"[2] phải tới Kinh. Hạt nào số thuyền phải chở nhiều, liệu chia cho chở làm 2 lần : lần thứ nhất thì cần phải tới vào trước sau ngày "Tiểu mãn" đã tới Kinh, lần thứ hai thì cần phải tới vào trước sau ngày "Mang hiện"[3].

Đi Bắc Kỳ tải 2 chuyến, thì : chuyến trước đi vào trước sau ngày "Cốc vũ", đến trước sau ngày "Tiểu mãn" về nộp, lần sau đi vào trước sau ngày "Hạ chí"[4], đến

(1) Một khí tiết trong 24 khí tiết hằng năm. Vào ngày 20 hoặc 21 tháng 4 dương lịch.
(2) Một khí tiết trong 24 khí tiết hằng năm vào ngày 21, 22 tháng 5 dương lịch.
(3) Mang hiện tức là tiết mang trủng, vào ngày mồng 6 đến mồng 7 tháng 6 dương lịch.
(4) Vào ngày 21, 22 tháng 6 dương lịch.

trước sau ngày "Đại thử"[1] phải về nộp. Hiệu thuyền Nam Định cần chở một chuyến, thì trong tháng 2 phải tới Kinh để kịp phái đi lĩnh chở ở hạt khác.

Gặp năm nào nên chở tăng lên hoặc chở giảm kém thì tới kỳ sẽ tâu xin tuân hành. Còn như phía Nam từ Quảng Nam đến Bình Thuận, phía Bắc từ Quảng Bình đến Thanh Hoa, đường biển nơi gần, do các tỉnh liệu vát hiệu thuyền và thuyền Điện Hải chở nộp. Vua chuẩn cho đến kỳ tải năm sau bắt đầu thi hành.

Bộ Hộ và Tào chính lại tâu nói : những thuyền đại dịch, miễn dịch ở các tỉnh hiện nay đã cho đình miễn việc chở của công để họ đi buôn. Nhưng rất ngại bọn tiểu dân hám lợi còn theo thói cũ khinh thường phạm vào pháp luật. Vậy những điều khoản nghị định nhiều lần về việc cấm bán vung gạo, mua vụng cấm vật, xin cho quan thượng ty địa phương chuyển sức phủ huyện sao gửi cho các xã thôn trong hạt để các thuyền hộ mỗi người chép lấy một bản chấp chiểu ; lại thời thường hiểu thị để họ biết sợ phép. Nếu kẻ nào còn dám mạo phạm, khi phát giác ra, chẳng những kẻ can phạm bị chiểu luật xét nghĩ, mà Tổng lý và Phủ huyện cũng phân biệt nghị xử về việc sơ suất không xét. Vua y theo lời tâu.

(1) Vào ngày 23, 24 tháng 7 dương lịch.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCVII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839], mùa đông, tháng 10 ngày mồng 1, làm lễ hưởng mùa đông. Gặp kỳ mưa dầm liền mấy ngày chưa ngớt, bộ Lễ tâu xin sai quan làm lễ thay. Vua bèn sai Hoàng trưởng tử Trường Khánh công đến Thế miếu làm lễ thay. Vua vẫn chưa yên tâm, sớm hôm đó từ trong cung ngự giá ra cửa Gia Tường, thân đến điện Phụng Tiên dâng hương.

Khâm thiên giám tâu nói : suy tính hành độ[1] của Mặt Trời, Mặt Trăng, thì ngày mồng 1 tháng 2 sang năm đáng phải có nhật thực. Vua bảo thị thần rằng : "Trẫm xem điển lễ nhà Thanh, hễ gặp nhật thực nguyệt thực thì cứu, quan liêu đều ra quỳ lạy ở trước sân bộ Lễ, làm như dáng cứu ngăn. Kể ra Mặt Trời là tượng trưng nhà vua, khi bị xâm thực mà cứu, cũng là cái nghĩa phù dương, át âm, sao lại có cái nghĩa mặt trăng bị xâm thực mà cũng cứu ư ? Lại ở nghi chú, lệ có đánh 24 cái trống, thì cũng là vô lý. Xét ra bậc đế vương đời xưa, khi nhật thực thì tu sửa đạo đức, khi nguyệt thực thì sửa sang hình phạt, cốt phải hết lòng kính sợ những điều răn dạy ấy của trời để tiêu dẹp tai biến, há lại bắt chước những việc vô lý ấy ư ?"

Bộ Hộ tâu nói : chế độ ruộng khẩu phần khoảng năm Gia Long, từ chức quan nhất phẩm cho đến lại, dịch, binh, dân đều được cấp khẩu phần theo thứ bậc mỗi người một khác. Nhưng chế độ này là ở vào trước khi chưa định ra bổng lệ của quan

---

(1) Độ số chuyển vận.

viên mà thôi. Nay người làm quan đã có lương bổng triều đình, mà lại còn chia cái lợi công điền với binh dân nơi thôn ấp, thì theo lẽ phải, tưởng chưa được thoả đáng. Xin những công điền của dân xã các hạt, chỉ căn cứ vào những binh, dân cùng những lại dịch chưa dự trả lương, mà chiểu số châm chước, định mức quân cấp ; còn những quan viên bất cứ phẩm trật cao thấp đều đình cấp. Vua y lời bàn. Duy có những quan viên hưu trí, hưu dưỡng, không có lương bổng trông cậy được, chuẩn cho đều theo như cũ, quân cấp ruộng cho.

Tỉnh Nam Định bắt được các tên trưởng giáo Gia Tô là Đinh Viết Dụ, Nguyễn Văn Xuyên (đều người bản quốc), sai nhảy qua giá thập ác chúng đều không chịu. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua sai giết chết và thưởng kẻ tố giác 600 quan tiền. Lại có tên trưởng giáo là Nguyễn Văn Thiều lẩn trốn ở nhà dân, đào hầm ẩn thân, làm vách 2 lần để giấu kinh đạo, lại làm bài "Thán đạo ngâm"[1] dụ dỗ những kẻ theo đạo kiên tâm giữ đạo. Tỉnh phái thám bắt được, Thiều xin nhảy qua thập ác cầu tha cho tội chết. Quan tỉnh cho là tình tội của y tương đối nặng, điều mà y thỉnh cầu không phải xuất phát tự chân tâm, xin khép vào tội trảm quyết. Vua theo lời, thưởng cho phái viên của tỉnh 100 quan tiền.

Định thể lệ phái binh đi đưa đám tang các quan văn võ trong Kinh hay các tỉnh tạ thế. (Các quan văn võ ở Kinh : chánh nhất phẩm : phái 300 lính, 6 Suất đội đi đưa đám ; tòng nhất phẩm : 250 lính, 5 Suất đội ; chánh nhị phẩm : 200 lính, 4 Suất đội. Văn tòng nhị phẩm : 150 lính, 3 Suất đội ; văn chánh tam phẩm và võ tòng nhị phẩm mà hiện là thự Thống chế, Đề đốc : 100 lính 2 Suất đội. Võ : chánh tam phẩm hiện thự chánh nhị phẩm và văn tòng tam phẩm, chánh tứ phẩm mà hiện thự chức Thị lang 6 bộ, biện lý công việc bộ : 50 lính, 1 Suất đội. Việc hộ tống này do thân nhân của tang gia trình báo trước cho bộ Binh. Viên nào an táng ở Kinh, thì bộ tư lấy biền binh, tới kỳ đến đưa đám ; viên nào nguyên quán ở hạt khác, theo lệ phải bắt thuyền đưa về, thì phái lính chỉ đưa đến bến đò thôi. Ngoài ra, văn tòng tam phẩm, võ tòng nhị phẩm trở xuống, không dự trong ban thứ đình thần, đã có lệ cấp thuyền đưa về quê, thì không nhất thiết phải bắt biền binh hộ tống nữa. Những quan ngoài như Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính cùng Tướng quân Tham tán, Đề đốc, Hiệp tán, Tuyên phủ, văn tự chánh tam phẩm, võ tự chánh nhị phẩm trở lên, thời chiếu theo phẩm như trên mà phái bắt lính hộ tống. Còn văn chánh tứ phẩm như Phủ thừa, Án sát, võ tòng nhị phẩm, chánh tam phẩm, tòng tam phẩm như Chánh, Phó lãnh binh thì theo như lệ chánh tứ phẩm biện lý việc bộ ở Kinh. Những quan viên các

(1) Thở than cho đạo Gia Tô.

tỉnh ngoài mà quê ở hạt khác, lệ có bắt thuyền đưa về, thì tới kỳ, biền binh cũng đưa đến bến thuyền. Viên nào quê quán hơi gần, do xe tang đi đường bộ chở về quê, thì đưa đến cuối địa giới là thôi. Biền binh phải đi chỉ nên mặc thường phục, liệu lượng mang giáo và đuốc thôi.

Vua nghe thấy trong Kinh thành có tiếng trống, thanh la, sai người hỏi thì là ở phủ đệ hoàng tử Miên Thẩm có diễn trò vui. Vua dụ rằng : "Các hoàng tử, ngoài những lúc chầu hầu, thăm hỏi và học tập được rỗi, thì lấy thơ văn làm vui, không được đàn đúm với những kẻ hèn mọn diễn kịch chơi âm nhạc. Trước đây phủ Tôn nhân bộ Lễ tâu xin đã chuẩn cho thi hành. Thế mà Miên Thẩm không chịu thận trọng giữ gìn pháp độ, chơi những trò vô ích, có trái với gia huấn. Vậy lập tức phạt 2 năm lương, và trong 3 tháng không cho được theo ban vào chầu mừng. Tả, hữu Tôn chính, tả, hữu Tôn nhân ở phủ Tôn nhân và viên quyền Nhiếp tả Tôn khanh là Tôn Thất Bạch sơ suất không xem xét, đều phạt 3 tháng lương ; Phó trưởng sử thuộc phủ là Nguyễn Kim Hoà, giáng 2 cấp. Lính thuộc hạ của Miên Thẩm biết diễn trò vui cộng 17 người, không nên lưu ở trong phủ, lập tức đuổi ra cho làm lính ở các đội Kỳ võ".

Định rõ lại điều lệ cấm thuốc phiện. Vua dụ bộ Hình rằng : "Thuốc phiện là một vật tai hại rất lớn. Năm trước đình thần nghị : phàm những kẻ nấu, bán thuốc phiện cùng những kẻ hút trộm thuốc phiện, đều xử phạt trượng, phát lưu. Đã chuẩn cho tuân nghị thi hành rồi. Nay ta nghĩ : người hút trộm thuốc phiện, tuy hại đến việc quan, bỏ công việc, mất hết gia sản, tổn hại sức khoẻ, nhưng chỉ làm hại cho một thân, một gia đình họ mà thôi. Còn như đứa nấu, bán thuốc phiện là mưu đồ lợi lớn, dụ dỗ nhiều người, đến nỗi tập nhiễm thành thói quen, cái hại lan ra rộng, thì thiết xử tội như nhau, thực chưa được phân biệt. Vả lại thứ đó không phải sản xuất ở nước nhà, phần nhiều là do thuyền buôn ngoại quốc và những thuyền nước nhà đi ra nước ngoài, đã trái luật cấu lợi buôn về. Họ mang theo vào càng nhiều thời càng tác hại lớn, mà những đồn hải quan sở tại cùng những quan lại được phép khám, thì hoặc kiểm tra sơ suất, hoặc biết mà không bắt, hoặc tham lợi quên nghĩa vụ, lấy tiền rồi cố ý tha ra. Vậy bộ ngươi phải bàn, định ra những điều cấm nghiêm ngặt, làm thế nào có thể tỉnh ngộ được kẻ hôn mê, trừ bỏ được thói lệ, thì làm bản tâu lên". Khi bản nghị dâng lên, vua chuẩn cho theo nghị thi hành :

(Phàm các quan lại, quân dân, ai hút vụng thuốc phiện, tang vật từ 1 cân trở xuống, đều phạt 100 trượng, phát lưu 3.000 dặm ; tang vật từ 1 cân trở lên thời nghĩ xử theo lệ chứa giấu thuốc phiện [ở dưới] và tịch thu gia sản. Cha, anh không biết ngăn cấm con em, cùng là người lân cận biết mà không báo, đều phạt 100 trượng.

Lân cận mà không ở gần kề thì không bắt tội. Phàm ai cáo giác đúng, bắt được tang vật từ 1 cân trở xuống đều thưởng 60 quan ; bắt được 1 cân trở lên, cũng theo lệ cáo giác chứa giấu mà nghị thưởng.

- Những người hàng phố làm nghề nấu thuốc phiện bán và hiện tàng trữ, bán thuốc phiện sống, thuốc phiện chín, không tới một cân trở xuống, phát đi sung quân ở viễn biên[1] ; từ 1 cân trở lên xử giảo giam hậu, tịch biên gia sản sung công. Cha anh kẻ phạm không biết ngăn cấm con em cùng lân cận ở liền kề biết mà không báo, đều chiểu theo lệ trừng phạt kẻ hút vụng thuốc phiện mà xét nghĩ. Kẻ cùng thuyền biết mà không báo, xử phạt nặng hơn tội lân cận một bậc tức là đánh 60 trượng, đồ 1 năm. Người nào cáo giác đúng sự thực thì tang vật không tới 1 cân trở xuống, thưởng 100 quan ; 1 cân trở lên thưởng 150 quan. Nếu đám nào bắt được tang vật đến 30, 40 cân trở lên, lúc đó phải tâu xin thưởng thêm. Các điều sau đây, chỗ nào bắt được tang vật đến 30, 40 cân trở lên, cũng chiểu theo điều này thi hành.

- Phàm các thuyền buôn ngoại quốc đến đậu cửa biển, viên coi đồn cửa biển đều chiểu theo lệ cũ thân mang theo lại lệ, xuống thuyền kiểm tra. Nếu là thuyền mới lần đầu trước hết nên hiểu thị những điều lệ cấm, cho họ được rõ. Nếu họ chịu mang ngay thuốc phiện ra nộp thì chuẩn cho miễn tội ; nếu họ không chịu thú nộp thì lập tức cho cùng với những thuyền vẫn đến buôn cũng cam đoan thực nặng : "Nếu trong thuyền dám có mang theo thuốc phiện hay chứa giấu thuốc phiện ở đâu, hoặc thuê mượn hạng thuyền nào mang giúp thì cam chịu tội chết". Sau khi cam rồi mà khám bắt được thuốc phiện ở trong thuyền buôn đến đã nhiều lần hay mới đến một lần mà bắt được thuốc phiện không tới 1 cân trở xuống, xử giảo giam hậu ; 1 cân trở lên xử giảo lập quyết. Thuyền và hàng hoá của can phạm đều tịch thu sung công. Bọn thuyền chài thuyền buôn trong nước nhận thuê chuyển thuốc phiện lên bờ cùng là cửa hiệu trong phố nhận tiền thuê đem đi cất giấu đều xử cùng một tội với kẻ chính phạm, nhất định không được giảm bậc, lại bị tịch thu gia sản nữa. Người cùng thuyền biết mà không báo, xử giảm kém tội xử chính phạm 2 bậc, tức là đánh 100 trượng, đồ 3 năm ; nếu vì ăn tiền mà không tố cáo thì tính tang vật khép vào tội "uổng pháp"[2] theo mức nặng nhẹ xét nghĩ. Nếu người nào cáo giác đúng sự thực thì : tang vật không tới 1 cân trở xuống, thưởng 150 quan ; 1 cân trở lên, thưởng 200 quan.

- Phàm những thuyền công phái đi ngoại quốc mà bọn quan lại quân lính trong thuyền mua giấu thuốc phiện sống chín mang theo về thì tang vật không tới 1 cân

(1) Nơi biên giới xa, gần hơn cực biên, xa hơn cận biên.

(2) Làm queo pháp luật.

trở xuống, thì xử trảm giam hậu, 1 cân trở lên, trảm lập quyết, tài sản của kẻ can phạm bị tịch thu. Thuyền buôn, thuyền chài nếu nhận tiền thuê chuyển giúp thuốc phiện lên bờ hay cửa hiệu trong phố nhận thuê chuyển thuốc phiện ấy đi giấu cho họ, đều đồng tội với kẻ chính phạm, nhất định không được giảm bậc và lại bị tịch thu gia sản nữa. Người cùng thuyền biết mà không báo, xử kém chính phạm một bậc, tức là đánh 100 trượng, phát lưu 3.000 dặm ; nếu vì ăn tiền mà không báo, tính số tang vật khép và tội "uổng pháp" nghĩ xử. Nếu người cáo giác đúng sự thực thì tang vật không tới 1 cân trở xuống, thưởng tiền 200 quan, 1 cân trở lên thưởng 250 quan. Phàm quan lại, lệ, dịch các đồn cửa biển và quan lại các người do Kinh phái, tỉnh phái đến khám xét thuốc phiện, kẻ nào ăn tiền cố ý dung túng hay tuy không ăn tiền mà cố ý dung túng đều xử cùng tội với kẻ phạm, nhất định không được giảm bậc ; duy có sơ suất khám xét không phát giác ra được thì đều đánh 100 trượng, cách bỏ chức, việc. Người nào tận tâm kiểm xét mà tìm ra được tang vật thuốc phiện, nếu ở thuyền buôn thì chiếu theo lệ cáo giác thuyền buôn mà cấp thưởng cho một nửa tiền thưởng, còn quan chức thì lại thưởng riêng gia cho 2 cấp.

- Những người phải phái đi bắt thuốc phiện mà ăn tiền, cố ý tha ra, hay bọn lý dịch sở tại ăn tiền mà trang trải riêng với nhau, khi truy cứu được căn nguyên, đều bị xử tội như kẻ phạm, nhất thiết không được giảm bậc. Người nào bị tội không đến tội xử tử mà tính tang vật đến mức phải xử tử thì theo mức nặng ấy mà nghĩ xử. Người tri tình mà để cho làm thì xử kém tội kẻ can phạm một bậc.

- Những người vu cáo cho người hút vụng thuốc phiện nấu bán, mang theo hay tàng trữ thuốc phiện, đều chiểu luật "vu cáo" giảm kém một bậc mà xét nghĩ ; duy có vu cho người ta đến tội chết mà đã chót xử quyết rồi, thì phải tội phản toạ xử tội chết, không chuẩn cho được giảm bậc. Kẻ nào mượn cớ những điều nghiêm cấm mà khua gõ, sinh sự quấy nhiễu làm khổ thường dân thì chiểu lệ những kẻ côn đồ hung ác sinh sự nhiễu dân mà nghĩ xử đem đi đày, nếu nhân thế mà doạ nạt lừa dối người lấy tiền, thì tính theo tang vật, khép vào tội làm queo pháp luật theo mức nặng mà nghĩ xử.

Những điều lệ nói trên, mỗi điều đều chỉ về một việc. Nếu một người phạm mấy việc, thì xử theo việc nào nặng nhất mà xử, nếu mấy việc cùng ngang nhau thì theo một việc mà xét nghĩ).

Vua ngự điện Văn Minh, cho triệu hoàng tử, đình thần vào chầu, ban cho thứ bút của nước Thanh có thứ bậc mỗi người một khác.

Chế tạo thêm một chiếc thuyền lớn, máy chạy bằng hơi nước, tính tiền hết 11.000 quan có lẻ. Vua bảo bộ Hộ : "Trẫm muốn những người làm thợ nước ta đều học tập máy móc được tinh xảo, cho nên không tính đến sự tổn phí".

Đặt hai ty Chiêm hậu[1] và Lương y ở thành Trấn Tây (Ty Chiêm hậu có 5 vị nhập lưu Thư lại, ty Lương y có 7 y thuộc).

Phân phái thuyền công đi công cán ở nước ngoài. Thuyền Thuỵ Long, cho Tham tri Đào Trí Phú làm Chánh biện, Viên ngoại lang Trần Tú Dĩnh làm Phó biện Giang Lưu Ba[2] ; thuyền Phấn Bằng, cho Thị lang Trần Bưu làm Chánh biện, thự Viên ngoại lang Cao Hữu Tán làm Phó biện đi Tam Ba Lăng[3] ; thuyền Linh Phượng, cho Phó vệ uý Nguyễn Đức Long, Viên ngoại lang Lê Bá Tú, Phan Tĩnh đều sung Phó biện đi Tiểu Tây Dương[4]. Thuyền Tiên Ly, cho Lang trung Trần Đại Bản làm Chánh biện, thự Viên ngoại lang Nguyễn Du làm Phó biện ; thuyền Tường Hạc, cho Lang trung Lê Văn Thu làm Chánh biện, Viên ngoại lang Đỗ Mậu Thưởng làm Phó biện, đều đi Hạ Châu[5]. Rồi chuẩn định thể lệ về số đại bác, đạn dược mang theo thuyền và lệ thưởng phạt khi đi công cán đường biển về : (Phái đi Tiểu Tây dương, đường biển hơi xa, các hạng thuyền lớn nhiều dây, bọc đồng mỗi chiếc trước cấp 6 cỗ súng Hồng Y, 10 cỗ súng Chấn Hải ; nay cấp thêm mỗi chiếc 4 khẩu súng Quá Sơn. Mỗi cỗ súng Hồng Y 60 phát thuốc đạn ; súng Chấn Hải, Quá Sơn mỗi cỗ 80 phát. Phái đi các xứ Giang Lưu Ba, Tam Ba Lăng vẫn theo lệ cũ). Ba chiếc thuyền hiệu Linh Phượng, Thuỵ Long, Phấn Bằng mỗi chiếc trước cấp 2 khẩu điểu sang, nay cấp thêm 10 khẩu ; các hiệu thuyền Tiên Ly, Tường Hạc, Thanh Loan, Vân Điêu, Kim Loan, Thần Giao trước cấp mỗi chiếc 20 khẩu, nay cấp thêm mỗi chiếc 5 khẩu nữa. Mỗi khẩu đều 100 phát đạn thuốc.

Khi công cán về, những hàng hoá mua được mang về nộp, đều chiểu theo như thanh đơn[6] nhiều hay ít đều lấy 100 thành làm mức. Như đi Tiểu Tây dương là nơi hàng hoá tương đối nhiều, mua được 60 thành trở lên là hạng ưu, Chánh phó biện được thưởng kỷ lục 2 thứ, Tuỳ biện, thưởng 1 thứ ; mua được 50 thành trở lên là hạng bình, Chánh, Phó biện, thưởng kỷ lục 1 thứ, Tuỳ biện, thưởng 3 tháng tiền lương ; 40 thành trở lên là hạng thứ, không có thưởng cũng không phạt ; không tới 40 thành là hạng kém, Chánh, Phó biện phạt 6 tháng lương, Tuỳ biện phạt ba tháng lương.

---

(1) Ty quan sát khí hậu, tức nha khí tượng ngày nay.
(2) Gia Các Ta (Thủ đô Nam Dương, nay là Inđônêxia).
(3) Tức đảo Tambelan ở quần đảo Nam Dương (Inđônêxia).
(4) Chưa hiểu ở đâu.
(5) Tức Xingapo.
(6) Đơn kê đi mua hàng.

Đi Lữ Tống[1], Giang Lưu Ba là chỗ hàng hoá hơi sẵn, mua được 50 thành trở lên là hạng ưu, 40 thành trở lên là hạng bình, 30 thành trở lên là hạng thứ, không tới 30 thành là hạng kém, chiểu hạng thưởng phạt cũng theo như đi Tiểu Tây dương.

Đi Tân Gia Ba, Ma Lục Giáp[2] đảo Tân Lang[3] là những nơi hàng hoá tương đối ít, mua được 40 thành trở lên là hạng ưu, 30 thành trở lên là hạng bình, 20 thành trở lên là hạng thứ, không tới 20 thành là hạng kém ; thưởng phạt cũng theo như đi Tiểu Tây dương.

Những hàng hoá không kê trong thanh đơn mà tận tâm tìm mua được thứ rất thích dụng, thì cứ mỗi thứ tính bằng 3 thứ trong thanh đơn, thích dụng vừa, mỗi thứ bằng 2 thứ trong thanh đơn, rồi gộp cả vào số đã chia thành mà gia thưởng.

Đi công cán về được thanh thoả thì : đi Tiểu Tây dương tương đối xa, thưởng Chánh phó biện gia 1 cấp, và kỷ lục 2 thứ, Tuỳ biện thưởng kỷ lục 3 thứ ; đi Lã Tống, Giang Lưu Ba, Tam Ba Lăng hơi gần, thưởng Chánh phó biện gia 1 cấp, Tuỳ biện kỷ lục 2 thứ, đi Tân Gia Ba, Ma Lục Giáp, đảo Tân Lang tương đối gần, thưởng Chánh phó biện kỷ lục 2 thứ, Tuỳ biện 1 thứ).

Vua lại cho là những biền binh, Thuỷ sư ở Kinh kỳ từ trước đến giờ phái đi ngoại quốc việc công, khi trở về, đều do phái viên chia hạng đệ danh sách tâu lên chờ Chỉ khen thưởng ; duy có đi Hạ Châu là nơi hơi gần, thì không được dự thưởng. Chuẩn cho từ sau khi đi Hạ Châu cũng cùng lệ với đi các nước ngoài.

Bộ Hộ nhân tâu rằng : biền binh Thuỷ sư trước đã cho xét nghiệm chia hạng để tăng cấp cho lương gạo và tiền (hạng ưu mỗi tháng cấp 3 quan, hạng nhất mỗi tháng 2 quan, hạng nhì mỗi tháng 1 quan 5 tiền, hạng ba 1 quan), xin từ sau, những binh dự hạng, gặp khi có phái đi việc công ở ngoại quốc, thì chiểu lệ đã cấp tăng lại tăng lên một nửa nữa ; nếu phái đi việc công ở trong nước, thì chiểu lệ tăng mà cấp toàn số ; còn những người ở lại hàng ngũ coi giữ thuyền thì chiểu lệ tăng cấp cho một nửa. Vua nói : "Sai phái đi đường thuỷ, thì hậu cấp cho là phải rồi, còn như coi giữ thuyền thì vất vả, giỏi giang gì. Về số lương bổng chi cấp, chuẩn cho cùng lệ với những người không dự hạng, bất tất cấp thêm.

Vua nghe nói địa phương Đại Tây dương vốn có tiếng là nơi đô hội, sai Tư vụ Trần Viết Xương, Thư lại Tôn Thất Thường mang theo người thông ngôn cùng ngồi

(1) Tức đảo Luxông ở Phi Luật Tân (Philíppin).

(2) Tức Malácca ở bán đảo Mã Lai, trông ra eo biển Malácca.

(3) Tức là đảo Pê-nang, bờ biển ở bên tây bán đảo Ma-lai-xi-a. Người Trung Quốc gọi là đảo Tân Lang.

vào thuyền Thuỵ Long đến Giang Lưu Ba, rồi do phái viên chuyển đáp nhờ sang thuyền Tây dương mà đi, năm sau thì về. Phàm đến nơi nào, mắt trông thấy, tai nghe thấy cái gì đều ghi tường tận về tâu, để biết rõ phong vật phương xa ; nhân tiện tìm mua một vài thứ hàng Tây dương đem về dâng. Rồi cho rằng chuyến đi này biển khơi qua vượt xa xăm, hậu thưởng cho áo quần, bạc lạng và tiền lương bổng có thứ bậc mỗi người một khác. (Trần Viết Xương, Tôn Thất Thường, đều thưởng mỗi người 1 bộ áo học trò, 1 bộ áo đi ngựa, 9 chiếc áo, 6 chiếc quần, 10 lạng bạc ; 2 thông ngôn, mỗi người 1 bộ áo đi ngựa, 6 chiếc áo, 5 chiếc quần, 8 lạng bạc. Bọn Xương lại đều được chuẩn chi cho lương bổng chánh lục phẩm, thông ngôn đều được cấp cho mỗi tháng 2 quan tiền, 1 phương gạo, do thân nhân họ cứ đến kỳ tới kho ở Kinh mà lĩnh.

Vua hỏi Đào Trí Phú, Nguyễn Tri Phương rằng : "Đất Bột Nê[1] ở Tây dương là chỗ sản xuất nhiều vàng ngọc mà thuyền buôn ít có lui tới là cớ gì ?" Bọn Phú thưa : xứ ấy có đường thông đến Đại Tây [nhưng] đường thuỷ cách xa, sóng gió dữ dội, nguy hiểm, giặc biển thường luẩn quẩn ở đây làm cản trở đường biển, cho nên thuyền buôn đều lánh không đến. Vua nói : "Trẫm thường xem những tranh vẽ của nước ấy, thấy người trong nước phần nhiều râu quăn lại, không rõ vì khí huyết sở sinh như thế hay là họ làm cách thế nào ? Vả Đại Tây dương cho chí các nước [vùng ấy], thị dục của họ đều có những cái không giống nhau, hoặc xỏ mũi, cắt môi, hoặc vẽ mình sửa tóc, cho thế là đẹp. Đó cũng là tập thượng sinh ra vậy".

Đổi định lại thể lệ chọn bổ ban biền binh vào thuyền bọc đồng có nhiều dây (Lệ trước hằng năm đến mồng 1 tháng 8 chia làm 2 ban, mồng 1 tháng 12 phải tập hợp đủ. Nay đổi là mồng 1 tháng 7 chia ban : những lính ở quê thuộc Thừa Thiên, Quảng Trị mỗi tháng 1 ban ; lính quê thuộc Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định 2 tháng 1 ban, thay phiên nhau tới ngũ, đến mồng 1 tháng 10 thì phải tập hợp đủ mặt.

Tổng đốc An - Tĩnh là Mai Công Ngôn tâu nói : Cứ Tri phủ Trấn Ninh là Đỗ Kim Tuấn báo : "Hạt phủ ấy ở gần đất Xiêm cách xa tỉnh thành, cứ đến tháng đông khô ráo thường có bọn giặc Man lén đến sinh sự. Nay thám được tin những bọn Man, Nùng Khai, Nùng Hán có ý định xâm nhiễu. Xin tỉnh phái binh đến để trấn tĩnh lòng dân". Xét ra giặc Xiêm trước bị quan quân đánh lui, đã 2, 3 năm nay không dám lại hành động gì nữa. Nay bỗng có tin báo ấy, chẳng qua là bọn dân tàn trốn tránh phản bạn đi theo Xiêm, tung ra tin ấy để doạ nạt lẫn nhau mà thôi.

(1) Tên một nước ở Nam Dương.

Huống chi phủ Trấn Ninh đất hiểm dân đông với binh lực một phủ ấy cũng dư đánh bắt, chế ngự chúng, hà tất hơi một tý phải phái đến quan quân. Hiện đã sai đem đại ý ấy hiểu thị cho các đầu mục thuộc phủ đều tập hợp đông lính Thổ, nghiêm phòng các đường quan yếu. Nếu bọn Man dám lén đi thì hiệp lực mà bắt, chém. Thảng hoặc thế không địch nổi, tức khắc phi báo về tỉnh, sẽ lập tức phái đại binh đến giúp sức tiễu trừ cũng chưa muộn. Vua cho là nơi biên cương xung yếu, cần phải có quan quân mới đủ trấn áp, sai phát ra 200 biền binh, ủy cho 1 viên Quản vệ đắc lực, mang đến mượn tiếng là đi tuần tiễu. Nếu chúng thấy bóng gió mà lẩn trốn, chuẩn cho tạm lưu lại độ vài tuần, 1 tháng rồi về.

Dựng lầu rạp dịp khánh tiết sang năm. (Trước cửa Ngọ Môn dựng một lầu chính, 2 rạp dài 2 bên tả, hữu, 4 lầu góc ; trước sân 2 điện Quang Minh, Bồng Doanh mỗi nơi 1 rạp dài). Sai Thượng thư Hà Duy Phiên, Thống chế Nguyễn Tiến Lâm làm Đổng lý, Tham tri Nguyễn Công Trứ, thự Tham tri Tôn Thất Bạch, Thị lang Lê Văn Đức, Bùi Quỹ, nhất đẳng Thị vệ Lê Văn Phú sung làm Phó đổng lý. Sắc cho bắt đầu khởi công làm cái lầu chính trước, còn sẽ lần lượt làm sau. Bọn Đổng lý xin ở 4 cột gian giữ lầu chính cho thêm rồng mây bắt sợi kim tuyến. Vua nói : sửa làm, cần cho vừa phải thôi, không nên quá tinh tế, các ngươi nên thể theo ý ấy. Lại sai truyền dụ cho các Trực tỉnh bên ngoài đến kỳ ấy phải phái biền binh thay đổi đến dựng lầu rạp chúc thọ ; về phần thành Trấn Tây, 100 biền binh, Phú Yên, Biên Hoà mỗi tỉnh 100 tên, đều nguyên như nghị cũ. Còn các tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Bình Thuận, Định Tường, An Giang đều giảm xuống mỗi tỉnh 100 tên, Quảng Nam, Bình Định, Gia Định, Vĩnh Long, mỗi tỉnh đều 150 tên ; Nghệ An, Thanh Hoa mỗi tỉnh đều 200 tên. Chọn phái 1 viên Quản vệ hay Quản cơ đúng hạn mang lính đến Kinh ứng biện, chờ xong lễ khánh tiết đều cho về đội ngũ.

Vua được tin phủ Tôn nhân làm lầu rạp sắm đồ vật, về việc chúc thọ phần nhiều xa xỉ, bèn gọi bảo rằng : "Bọn ngươi là những người chí thân, phải biết thể theo ý trẫm. Mọi việc đều phải chất phác, chớ chuộng lối lộng lẫy làm uổng phí tiền tài nhân lực. (Phàm biển ngạch ở lầu rạp chúc thọ, đều làm 1 bức biển ngang, bên tả viết 2 chữ "cung chúc", ở giữa đề những chữ lớn : "Hoàng thượng Ngũ tuần vạn thọ, cuối viết niên hiệu và ngày tháng. Rồi làm một cái biển viết "Nơi chúc thọ nha mỗ", dựng ở bên tả trước sân lầu rạp. Các nét chữ đều bằng gấm đoạn miến thêu).

Chuẩn định từ nay phàm các vệ sở binh ở Kinh, lĩnh thuốc súng của Tây chế ra đem về phải cất giữ cho đúng phép. Khi có mang theo đi đóng thú, hay được sai phái đi bắt giặc, lúc trở về, phải do bộ Binh kiểm lại. Vệ nào mỗi phát súng hao đến

trên dưới 3 ly thuốc thì tính đồn số hao là bao nhiêu, lại lĩnh thuốc bù vào, vệ nào mỗi phát hao đến 4 lạng trở lên, hay là đem thuốc khác pha vào, đều chiểu luật trị tội, lại chiểu số thuốc bắt đền.

Sai bộ Binh xét hỏi những võ chức từ Quản vệ trở lên đã quá cố, ai là người có công lao, mà nhà nghèo, con thơ, được phép kê tâu lên, liệu cấp cho tiền gạo giúp đỡ. Rồi sau cho con Thống chế Hồ Văn Khuê là Hồ Văn Yểm được trả theo lương chánh bát phẩm.

Cho Đốc học Ninh Bình là Phạm Gia Chuyên thăng thự Quốc tử giám Tư nghiệp ; Giáo thụ [phủ] Đức Thọ là Vũ Duy Tân thăng thự Đốc học Sơn Tây.

Dời đặt trống cái lớn và ống lệnh ở Ngọ Môn về đài xem thiên văn. Lệ trước, cứ đến tối vào cuối canh một và đến canh năm 8 khắc buổi sáng thì ở Ngọ Môn có đánh trống cái lớn và đốt ống lệnh để làm tín hiệu mở đóng cửa thành. Vua cho rằng Ngọ Môn gần liền với miếu đình mà tiếng trống lớn, ống lệnh rất vang nhộn nên cho dời đi. Sau cho rằng giờ khắc cầm canh tất phải lấy nơi Ngọ Môn làm chuẩn đích, nay đài ở cách xa, e kẻ giữ hiệu hoặc có sai lầm chăng, lại sai dời trống về trên lầu cửa chính nam để đánh làm hiệu ; ống lệnh làm hiệu thì đem về chỗ đất bỏ không thuộc phường Nam Trị đắp nền lên để đốt. Lại sắc từ nay về sau gặp có phiên đại triều hay cuộc tuần ngự, mà theo lệ có đốt ống lệnh thì đều phải đốt ở trước lầu Phu Văn.

Cho nguyên Đề đốc Trấn Tây là Bùi Công Huyên làm Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm. Khi Huyên mới về Kinh vào châu, vua cho vời vào hỏi về tình hình dân Kinh, dân Thổ ở Trấn Tây và đường đất hai xứ Lò Gò Vật, Bắc Tầm Bôn xa gần thế nào. Huyên thưa : Gần đây bọn dân Thổ có tự xuẩn động, nhưng đến khi quan quân tiến đánh, thì chúng đã biết sợ hãi. Xét tình ý chỉ vì người Xiêm lừa dỗ, nay chúng đã tỉnh ngộ, hối quá, không theo người Xiêm nữa. Hai xứ Lò Gò Vật, Bắc Tầm Bôn cách thành Vọng Các 20 ngày đường, mà ở Trấn Tây đến đó chỉ có 4, 5 ngày. Nay nghe nói lính Xiêm lưu giữ ở nơi đó cũng không có bao nhiêu. Vua nói : địa giới hai nơi này, cách ta gần, cách Xiêm xa, nếu quân ta tiến chiếm lấy, cố nhiên không phí sức, nhưng đất rộng thì bỏ hoang, không bằng sửa sang đức chính, ngoài giữ vững biên cương, nuôi dạy thổ dân lâu ngày thành thạo, rồi sau sai họ đi đánh trận, hà tất phải nhọc đến quân ta.

Vua bảo viện Cơ mật : "Những đầu mục người Phiên ở Trấn Tây đã được đổi bổ cho quan chức triều đình, nay nghe nói bọn chúng khi đi lại thư từ với nhau vẫn còn theo lối xưng hô nhau bằng quan chức Phiên, vậy nên mật tư cho Tướng quân,

Tham tán dẫn dụ dần dần cho bọn đầu mục Phiên, khiến chúng đều biết quan tước của triều đình là vinh dự, những khi xưng hô nhau, nên cứ tên chức quan hiệu được bổ mà gọi, không được theo thói Phiên".

Lính đồn Sâm Tiệp phủ Hải Đông thuộc thành Trấn Tây lập kế dụ bọn trinh thám của Bắc Tầm Bôn bắt được 5 tên, một khẩu điểu sang có máy đá và 2 thuyền độc mộc đem nộp. Việc tâu lên, vua chuẩn cho trích riêng tên thủ phạm, áp giải ra địa đầu đem chém, còn những tòng phạm không bỗ giết, xích lại phát đi Gia Định, Vĩnh Long để sung sai dịch vĩnh viễn. Thưởng cho lính đồn cho 30 quan tiền.

Hà Tiên phái Thám tử là Nguyễn Văn Nhũ, Lâm Văn Thành sang trinh thám nước Xiêm (2 người này sinh trưởng ở Xiêm, người Xiêm trổ chữ [vào người] làm dấu hãy còn vết). Khi trở về báo cáo tình hình trong đất giặc cũng có một hai điều mắt thấy tai nghe được đúng sự thực. Vua đặc chuẩn thưởng cho 100 quan tiền. Lại sai sang lần nữa, để thăm dò sau :

- Nhân tâm nước ấy có suy tôn [vua] không ?

- Quân lính họ có am hiểu thành thạo [kỹ thuật] không ?

- Kho tàng họ có quả được dư dật không ?

- Binh khí của họ có quả được tinh xảo không ?

- Hai tên Ô Thiệt, Chất Tri cùng tại triều vẫn được hoà thuận với nhau, hay có điều gì đố kỵ, ngầm chứa lòng ngờ vực lẫn nhau không ?

- Nước Diến Điện thuộc Hồng Mao ở giáp giới có còn giao hảo với họ không, hay có điều gì hiềm khích gây mối chiến tranh ? Cùng là nước Đồ Bà[1] đánh nhau với Xiêm, thì gần đây nước nào thắng, nước nào thua ? Cho chí dân tình nước ấy sướng hay khổ, thế nước mạnh hay yếu thế nào ? Phàm trông thấy, nghe thấy điều gì, nhất nhất phải ngầm ghi lấy về báo, tất sẽ hậu thưởng. Bọn Nhũ đi qua 1 năm mới về, thám báo được khá tách bạch. Vua lại thưởng cho 100 quan tiền.

Định rõ điều lệ giải thế làm lính ở Kinh : (Trong kỳ bắt lính, Tổng lý phải chọn những nhà hào phú đa đinh mà bắt để điền cấp ; nếu bắt hiếp kẻ nghèo đói đem mạo cấp, thì so sánh với điều luật "nhà chức trách nuông kẻ giàu, bắt kẻ nghèo" mà phạt đánh 100 trượng, bãi dịch. Nếu có kẻ vật lực thuê mướn người cùng đinh mạo thay cho mình, thì kẻ đi thay, phạt đáng 80 trượng đuổi về dân ; kẻ thuê phạt đánh 100 trượng sung vào làm lính. Tổng lý dung túng cũng đồng tội. Quan phủ huyện tỉnh không chịu xét kỹ, để lính giải đến đăng ngũ không được đúng hạng hợp lệ, thì sẽ phân biệt xét xử.

(1) Tức Giava.

- Việc giải thế lính, cứ 50 người thì phái một Đội trưởng, 1 Thư lại và 10 lính đi áp giải ; 100 người trở lên thì phái một Đội trưởng, 1 Thư lại và 20 lính. Nếu giữa đường để lính trốn thoát, chiếu theo luật áp giải phạm nhân, giảm xuống một bậc : trốn 1 người phạt đánh 50 roi, rồi cứ mỗi người trốn lại thêm một bậc, tội chỉ đến đánh 100 trượng là cùng. Ăn tiền mà cố ý cho trốn theo mức nặng trị tội.

- Lính giải đi thế, dọc đường đi qua địa phương nào mà trốn, bọn áp giải lập tức phải đem tên tuổi quê quán của kẻ sở tại để tư sức cho các đồn canh quan ải nã bắt đem nộp. Đồn canh quan ải nào tư tình mà cố ý nuông tha thì phạt đánh 80 trượng ; nếu sơ suất về xét hỏi [để kẻ phạm trốn được] thì : là quan, được giảm 3 bậc, phạt đánh xuy 50 roi ; lại bắt tội cả người trực nhật nữa.

- Những lính mới điền mà dọc đường trốn thoát, chiếu theo lệ "lính tại ngũ bỏ trốn" được giảm một bậc : lần thứ nhất, bắt được, phạt 90 trượng ; lần thứ hai phạt 100 trượng ; lần thứ 3 đóng gông đem bêu 1 tháng, hết hạn rồi lại phạt đủ 100 trượng, đều cho sung ngũ làm lính. Nếu trong 100 ngày ra thú, bất luận đã trốn mấy lần đều miễn tội, ngoại hạn mới ra thú thì giảm 2 bậc. Dân xã tư tình mà dung túng, ẩn giấu : nhà chứa chấp, phạt 80 trượng ; Tổng lý gia 2 bậc, phạt 100 trượng và bãi dịch ; ở hạt khác thì nhà chứa chấp xử phạt 60 trượng, Tổng lý, 80 trượng. Còn như các điều về kỳ hạn điền cấp lính và nghiêm cấm lại dịch tác tệ trong việc này, đều theo nghị định Minh Mệnh năm thứ 4).

Bộ Hộ tâu nói : từ trước đến giờ, những thuyền người nước Thanh đến Hà Nội bán hàng nộp thuế, thì ở Nam Định theo lệ chỉ phái người hộ tống, khi thuyền đến Hà Nội, thì [ở đây] mới khám xét làm tập đệ tâu. Nếu như trong thuyền có mang theo thuốc phiện, vật cấm hay cho đáp người Tây dương, trong khi đi đường, họ chứa giấu, làm trăm cách xảo trá, thì biết đâu mà xét ra được. Xin từ nay phàm những thuyền người nước Thanh, đến buôn bán, do cửa Liêu cửa Lác hay cửa Ba Lạt mà vào, cho tuỳ theo sự cận tiện. Viên Trấn thủ sở tại hễ thấy thuyền vừa mới đến, phải một mặt phái ngay binh thuyền đến nơi khám xét, bắt họ phải vào cửa biển ngay, không được đậu ở ngoài biển, cũng không được tự tiện lên bờ, lại nghiêm cấm thuyền chài, thuyền buôn không được đi lại trao đổi với họ ; một mặt bẩm tỉnh phái ty thuộc đến ngay bắt chủ thuyền làm sổ điểm danh và số khoang thuyền. Nếu xét thấy thuốc phiện hay người Tây dương, bắt giải để trừng trị. Nếu không có tình tiết gì thì theo phép mà khám đo thuyền định thuế, do tỉnh làm tập tâu. Nếu chủ thuyền xin đến tỉnh ấy rỡ hàng thì chiểu lệ mà thu thuế. Thảng hoặc họ xin đi Hà Nội hoặc tỉnh khác bán hàng chịu thuế, thì cũng phái người ngồi vào thuyền ấy để giám sát, đưa đến giao cho tỉnh kia, không phải ghi thêm việc này vào

tập tâu làm bằng. Khi thuyền trở về thì phái người hộ tống ra cửa biển, viên Trấn thủ lại khám nghiệm xét hỏi, quả không có mang theo vàng bạc, thóc gạo, vật cấm mới cho thuyền đi. Nếu việc kiểm xét không chu đáo thì cứ quan lại tỉnh Nam Định và viên Trấn thủ mà hỏi tội. Như thế thì cái tệ buôn lậu không thể phát sinh được. Vua theo lời bàn.

Quan tỉnh Biên Hoà dâng sớ cử Suất đội Hữu cơ thuộc tỉnh ấy là Nguyễn Văn Tuấn làm Quản cơ. Tuấn là con của Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng. Vua cho là có ý vì nể tình riêng đổi bổ Tuấn đi An Giang. Trọng được tin hoảng sợ dâng sớ nói : Biên Hoà là tỉnh kiêm hạt của tỉnh y mà việc đề cử này mới đầu y không được dự biết để chối từ hồi tị, xin tự nhận tội. Vua nói : "Triều đình dùng người hễ ai có tài thì dùng, còn đáng dùng mà đề cử bổ ra, cũng vẫn cứ tuỳ tài mà cất nhắc, không hiềm là tình thân, việc gì mà phải chối từ hồi tị. Huống chi Tuấn đã được đổi bổ đi hạt khác, thì hà tất phải xin lỗi nữa ư" ?

Kho tỉnh Bình Thuận chứa đầy. Quan tỉnh xin trích ra 3 vạn hộc thóc chuyển tải đến chứa ở Khánh Hoà. Vua y cho làm.

Chuẩn định từ nay trở đi, thợ ở Kinh lĩnh vàng bạc đã chế tạo đồ vật, vật gì làm tinh vi mà đã có mài giũa thì 10 lạng cho trừ hao 2 đồng cân, còn thì cứ theo lệ cũ (10 lạng trừ hao 1 đồng cân).

Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Dương Văn Phong ở Trấn Tây tâu nói : địa hạt thành ấy đường thuỷ lắm ngả, mà ngạch thuyền ấn định hiện chỉ có hơn 50 chiếc. Hiện đã phái lính thú lính Thổ và dân Thổ đi kiếm gỗ chế tạo được 24 chiếc thanh thuyền, lấy một nửa cấp cho bọn quan Phiên, một nửa lưu ở sở đóng thú để phòng khi tuần tiễu, sai phái. Vua khen, chuẩn thưởng chung cho binh dân 500 quan tiền. Rồi sai đại thần viện Cơ mật làm tờ tư mật, đại lược nói rằng : thành Trấn Tây mới thuộc vào bản đồ [nước nhà], công việc xếp đặt nên lần lượt mà thi hành, tuy không nên vội vàng về những thành công trước mắt, nhưng cũng không nên ngồi nhìn để lỡ cơ hội. Gần đây, hai lần diễu quân trên cõi ấy, người Xiêm nín hơi không dám làm gì, thì có thể biết là họ nhát. Tuy việc biên phòng cố nhiên không thể sao nhãng, nhưng tình hình xem ra cũng được hoà hoãn, chính nên nhân lúc này mà vỗ về dân biên giới, khiến cho tục Man dần dần biến thành phong tục người Kinh thì mới hợp với cái ý nghĩ "đồng văn đồng quỹ"[1]. Trước kia đã từng trích ra những võ chức người Thổ, người nào có quản suất một cơ thì hằng tháng cấp phát

(1) Xuất xứ ở câu "Thư đồng văn, xa đồng quỹ", ở sách Trung Dung, nghĩa là : chữ viết cùng theo một thứ văn tự, xe đi, vết bánh nào cũng giống nhau, ý nói là thống nhất.

tiền lương. Vậy nay từ quận chúa trở xuống và những lính Thổ cũng nên nhất luật chước lượng cấp phát [lương] cho cả, thì sự quyền mới có thể về một mối. Nhưng vì tốn phí nhiều quá, việc vận tải thực khó khăn, người mưu tính việc nước cần phải nên trù tính trước. Vậy thì việc thuế khoá trong hạt ấy, nên liệu thời mà ấn định, thì [việc cấp phát] mới có thể tiếp tục lâu dài được. Nay nên lưu tâm xét hỏi xem sự thể thuế khoá hạt ấy từ trước tới giờ ra làm sao ; nếu nay cho thi hành đánh thuế thì nên bắt đầu từ thuế gì trước cho tiện. Vả, nay việc chia đặt lưu quan[1] các phủ huyện hiện đã xong xuôi. Phủ, huyện nào sản xuất thóc lúa thì đánh thuế vào thóc lúa. Hoặc dân nào lấy việc đốn gỗ, kiếm trầm hoàng, cánh kiến, nhựa trám, dầu rái làm nghề sinh nhai, hay có những người chuyên nghiệp về kiếm các thứ đậu khấu, sa nhân, ngà voi, sừng tê, lộc nhung, thì cũng đánh thuế những thứ ấy. Hoặc ở các giang phận, hễ chỗ nào có dân Kinh, dân Thổ thông thương trao đổi với nhau thì liệu lập ra đồn canh, bến đò mà đánh thuế. Hoặc các nơi sông to, sông chánh, bãi cát, cù lao, cho người trưng thầu mà lấy thuế. Tất cả đều tuỳ theo sản vật của địa phương, nghề nghiệp của thổ dân mà hoặc chia lập ra thành hộ, hoặc căn cứ vào đinh số mà châm chước định ra ngạch thuế hằng năm. Cần phải bí mật nghiên cứu kỹ rồi từ từ mà xếp đặt, cốt phải im lặng mà tiến hành, đừng cho họ hay, biết gì cả, để dân tình được êm thắm thì mới tốt.

Cho Phó vệ uý vệ Hữu thuỷ Nghệ An là Nguyễn Văn Tô làm Phó vệ uý vệ Phú Yên thuỷ là Nguyễn Văn Quỳnh làm Phó vệ uý vệ Nhị trung dinh.

Đổi định lại số hiệu từng phòng trong các tập tôn phả. Trước đây Hoàng trưởng tử Trường Khánh công tâu nói : tôn phả nước nhà ta bắt đầu ghi từ Triệu tổ Tĩnh hoàng đế, đến Thế tôn Hiếu vũ hoàng đế là 9 đời. Trong đó có các hoàng tử của Thần tôn hiếu Chiêu hoàng đế và Anh tôn Nghĩa hoàng đế không có con thừa tự, nên trong Tôn thất ngày nay cứ theo thứ tự mà gọi và chia làm 7 dòng. Việc này không có nói rõ ở trong gia phả. Trước đây bộ Lễ đã nghị xin đề lên đầu các phòng hiệu những chữ "hoàng tử dòng thứ mấy". Hiện đã tra trong phả các hoàng tử thì Quốc uy công Hoàng tử Hiệp là con thứ tư của Thái tôn hiếu Triết hoàng đế, theo trong ngọc phả thì là đời thứ 5. Nay lại biên là dòng thứ 4, tính từ đó đến dòng thứ 7 các đời đều thành ra sai cả. Sao bằng chiếu trong phả hoàng tử mà biên thẳng ngay vị thứ, tên huý, tên tự, quan hàm, tên hèm ; nếu không có quan hàm thì biên vị thứ và tên huý, tên tự cũng đủ rõ ràng mà lại phù hợp với nhau, hà tất phải nêu tên đầu những chữ "dòng thứ mấy" ? Lại tôn phả từ quyển 1 đến quyển 7 là những Tôn thất

(1) Quan do triều đình bổ đến, có thể lúc bổ chỗ này, lúc bổ chỗ khác.

chi xa, quyển 8, quyển 9 tức là dòng các phiên vương và các hoàng tử, cần phải chia ra xa, gần, thân, sơ để được rõ vai bậc. Các chi gần, chi xa trong tôn phả thực đều có thể tuân theo cách chép của *Thực lục tiền biên, chính biên,* thế mà trong tờ mục lục của quyển đầu còn đề là "Hoàng Việt Tôn thất phả". Xin nhân dịp sửa lại phả, lần này kê cứu thực kỹ, châm chước, cải chính lại, để tỏ ra bộ phả tin đúng.

Vua sai đại thần viện Cơ mật hội bàn với bộ Lễ. Viện và bộ tâu xin chiểu từ 3 dòng : Triệu tổ Tĩnh hoàng đế, Thái tổ Gia dụ hoàng đế và Hy tôn Hiếu văn hoàng đế đều cứ để là các dòng thứ nhất, thứ hai, thứ ba như cũ, còn như :

- Dòng Thái tôn Hiếu triết hoàng đế, trước gọi là dòng thứ tư, nay đổi gọi là dòng thứ năm ;

- Dòng Hiển tôn Hiếu minh hoàng đế, nguyên trước gọi là dòng thứ năm, nay đổi gọi là dòng thứ bảy ;

- Dòng Túc tôn Hiếu ninh hoàng đế, trước gọi là dòng thứ sáu, nay đổi gọi là dòng thứ tám ;

- Dòng Thế tôn Hiếu vũ hoàng đế, trước gọi là dòng thứ bảy, nay đổi gọi là dòng thứ chín, mà bỏ 2 dòng thứ tư, thứ sáu đi, để vai bậc và ngọc điệp hai bên cùng phù hợp nhau. Còn những phòng hiệu của hoàng tử về các dòng đều chiếu theo ngôi thứ, chức hàm và tên huý tên tự mà chép rõ, không cần ghi lên đầu những chữ "dòng thứ mấy". Nếu các hoàng tử người nào có 2, 3 tên thì lấy 1 tên trên cùng trong phả mà ghi vào phòng để tỏ ra thống nhất.

Lại còn, xét tôn phả từ quyển 1 đến quyển 9, chỉ đề thứ tự của quyển mà về hệ thống trong họ cùng các tôn phái gần xa chưa có nói rõ. Duy đến khi Thế tổ Cao hoàng đế ta Trung hưng khai sáng, công đức đều thịnh, cái cơ nghiệp nước nhà ức vạn năm nhất thống bắt đầu từ đó, cho nên sách *Thực lục* chép về các tiên thánh, các chúa đều chép là tiền biên, mà chép về niên đại Gia Long thì chép làm chính biên, như thế, thực là hiểu được phương pháp chép sách đúng đắn. Hoàng thượng ta trọng hậu về luân thường, năm trước thần soạn ra những bài thơ cho dòng nhà vua, dòng phiên vương, đặt ra mỹ tự lưu lại cho đời sau. Nay xin : 9 quyển tôn phả, từ quyển 1 đến quyển 7 đổi đề là : "*Hoàng triều tôn phả tiền biên*", quyển 8 quyển 9 đổi đề là : "*Hoàng triều phả tôn chính biên, quyển 1 quyển 2*" ; và những quyển 1 chính biên, tiền biên đều đề ở bìa những chữ "*Hoàng triều tôn phả tiền biên*", "*chính biên*". Vả lại tôn phả là nói về vai bậc từ các hoàng tử trở xuống, thế mà trong phả cũ, ở chỗ bắt đầu biên hiệu các phòng lại biên đế hiệu của các tiên thánh đế và biên các chữ "kim thượng" [hoàng thượng hiện nay] thì có phần hơi khinh

lờn. Nay xin : về tiền biên từ quyển 1 đến quyển 7 đều theo thứ tự đổi ghi là dòng thứ mấy ; về chính biên quyển 1 đổi ghi là dòng phiên vương, quyển 2 đổi ghi là dòng vua. Quyển 1 chính biên ở chỗ bắt đầu biên hiệu các phòng của các thân công, ghi bài thơ ngự chế về dòng phiên vương, rồi sau chép đến tên các công tử ; quyển 2 chính biên thì phía dưới các dòng vua, chép bài thơ ngự chế về dòng vua, rồi sau chép đến phòng hiệu các hoàng tử. Như thế thì thân sơ được phân biệt, hệ thống được rõ ràng, đủ làm mẫu thức nhất định cho đời sau vậy. Vua theo lời bàn, chuẩn cho từ sau cứ theo như thế làm lệ mãi mãi.

Các tỉnh Bắc Kỳ dạo trước bị dịch lệ, Hải Dương, Bắc Ninh tai hại hơn cả, thứ đến Hà Nội. Chuẩn cho đều được hoãn bắt lính làm tạp dịch và ngạch thuế. Dụ đến nơi, dân đều vui mừng cảm động, ca tụng ơn đức nhà vua. Quan tỉnh cứ tình thực tâu lên. Vua phê bảo rằng : "Coi dân như tình đồng bào đồng loại cùng chung một nỗi đau đớn, cổ nhân đã nói như vậy. Nhưng được nhân dân cung phụng, phải lo nghĩ nỗi lo của nhân dân, là lẽ tự nhiên. Về chính sự, [trẫm] hoặc có điều gì thiếu sót, để dân chịu tai hại riêng, trẫm đương tự lấy làm xấu hổ, còn có đức gì đáng kể". Rồi chuẩn cho các quan tỉnh đều xét dân nội tịch trong hạt, người nào đã chết dịch thì xoá tên trong sổ mà miễn nộp thuế.

Tháng 11, sai dò tìm những di cảo văn chương của người bản quốc. Dụ rằng : "Nước Đại Nam ta vốn có tiếng là một nước văn hiến, danh thần, văn sĩ đời nào cũng không thiếu người, trong đó chắc cũng có nhiều văn trước thuật. Nhưng từ trước tới giờ không biên chép góp nhặt thành ra mất mát không còn dấu tích gì. Vậy truyền dụ cho các quan thượng ty cho hỏi tìm khắp trong hạt, phàm quan lại, học trò và thường dân, nhà ai còn giữ được những tác phẩm như thơ, vịnh, minh, ký, từ, phú, bất luận đã lâu hay gần đây, nếu muốn đem dâng thì tất ban khen ngợi ; nếu họ không muốn nộp quan thì mượn về sao chép ra, dâng lên ngự lãm, sẽ giao cho bộ Lễ hợp với viện Hàn lâm chọn lựa : bản nào hay thời soạn đóng lại thành sách, đặt tên là "*Nam thổ anh hoa lục*", khắc thành bản in để làm tỏ rõ việc tốt đẹp tôn chuộng văn học của triều thịnh trị".

Vua ngự điện Văn Minh, sai thị thần là Trương Đăng Quế, Lê Văn Đức đọc tập *Hà Tiên thập vịnh*(1) của Nguyễn Cư Trinh, đến bài thơ "Kim dữ lạn đào"(2), câu phá rằng :

(1) 10 bài vịnh cảnh trí Hà Tiên.
(2) Đảo Kim Dữ ngăn sóng.

Đế nộ Dương Hầu[1] sác phạm biên,

Cố tương Tiên đảo trấn tiền xuyên.

(Trời giận Dương hầu hay xâm phạm biên giới,

Cho nên đem hòn đảo Tiên chắn ở con sông mặt trước).

Vua nói : "Ngẫm ý lời thơ, tin rằng Cư Trinh có tài làm cột đá [của nước]. Lại nói : "Các bài vịnh cảnh Hà Tiên, những lúc rỗi việc, trẫm cũng muốn theo vần ngâm vịnh tiếp, nhưng đọc đến mấy câu trong bài thơ này, thấy được cảnh trí [có vẻ] thiên nhiên, bút lực cứng cỏi, nên lại không làm nữa. Vì rằng non sông trong khoảng trời đất chỉ có phong cảnh như thế, phẩm đề của thi nhân cũng chỉ nên nói đến như thế ; người làm trước đều đã chiếm mất cái hay, người sau dẫu có làm, há lại hơn được thế ư". Lại hạ sắc bộ Lễ truyền dụ cho Hà Tiên tìm hỏi kỹ xem văn chương của Mạc Thiên Tứ làm ra, ngoài 10 bài vịnh ấy ra, nếu còn tập nào khác cũng nên tìm chép dâng nộp.

Cho Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh sung làm đại thần viện Cơ mật ; Thượng thư bộ Công là Đặng Văn Thiêm chuẩn cho lui khỏi viện Cơ mật về bộ cung chức ; Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên cũng giải hàm viện Cơ mật, chuyên làm công việc trông coi dựng lầu rạp.

Cho Vệ uý vệ Khánh Hoà là Nguyễn Công Nhàn làm Phó lãnh binh thành Trấn Tây.

Cho Phó vệ uý vệ Tả Thuỷ Hải Dương là Nguyễn Đình Ngữ thăng thự chức Vệ uý. Ngữ trước có chỉ thăng thụ Phó vệ uý vệ Nhị hữu dinh Thuỷ sư ở Kinh kỳ, quan tỉnh thấy Ngữ là người mẫn cán đắc lực dâng sớ xin lưu lại, cho nên có lệnh này.

Định lệ về kỳ hạn đi đường và thưởng phạt những thuyền giải vận : (Kỳ hạn ngày giờ đi đường của các thuyền Kinh phái hoặc tỉnh phái đã lĩnh giải của công ở các địa phương về Kinh nộp như sau : Đi Quảng Nam 1 ngày rưỡi, Quảng Ngãi, Quảng Bình đều 3 ngày rưỡi, Bình Định 5 ngày, Phú Yên, Nghệ An đều 7 ngày, Khánh Hoà, Thanh Hoa đều 9 ngày, Bình Thuận, Nam Định, Hải Dương đều 12 ngày, Biên Hoà, Gia Định đều 14 ngày, Vĩnh Long, Định Tường đều 16 ngày.

Nếu đi chóng hơn kỳ hạn ấy nửa ngày trở lên là hạng ưu, đúng hạn là hạng bình, chậm quá một ngày là hạng thứ, chậm đến 2 ngày trở lên là hạng kém, đều do quan địa phương nơi phát tải cùng viên Tấn thủ nơi sở tại lệ được phát trạm, chiểu

(1) *Dương Hầu* : tên thuỷ thần. Lăng Dương quốc hầu bị chết đuối dưới nước, sau làm thần hay làm sóng, nhân thế gọi là sóng Dương hầu, đây có lẽ chỉ về nước Xiêm hay đến Hà Tiên quấy nhiễu.

theo lệ đáng tâu hay đáng tư thì ghi rõ cả nhật kỳ thuyền ra cửa biển làm bằng để xét.

Các tỉnh Nam Kỳ tương đối xa hơn, thì hạng ưu : thưởng viên Quản giải kỷ lục 2 thứ, 10 quan tiền, Suất đội coi thuyền kỷ lục 1 thứ, 5 quan tiền, Đội trưởng 15 quan tiền, tay lái 6 quan, biền binh 3 quan ; hạng bình : Quản giải kỷ lục 2 thứ, Suất đội coi riêng thuyền kỷ lục 1 thứ, Đội trưởng 12 quan tiền, tay lái 5 quan, biền binh 1 quan 5 tiền.

Khánh Hoà, Bình Thuận cùng các tỉnh Bắc Kỳ hơi xa thì : hạng ưu cho bằng lệ hạng bình của Nam Kỳ ; hạng bình : thưởng Quản giải kỷ lục 1 thứ, 10 quan tiền, Suất đội coi riêng thuyền 15 quan tiền, Đội trưởng 10 quan, tay lái 4 quan, biền binh 1 quan.

Bình Định, Phú Yên, Nghệ An, Thanh Hoa tương đối gần thì hạng ưu cùng lệ với hạng bình của Bắc Kỳ ; hạng bình thưởng Quản giải kỷ lục 1 thứ, Suất đội coi riêng thuyền 10 quan tiền, Đội trưởng 8 quan, tay lái 3 quan, biền binh 1 quan.

Quảng Ngãi, Quảng Bình hơi gần, thì hạng ưu cùng lệ với các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Thanh Hoa, Nghệ An ; hạng bình : thưởng Quản giải 2 tháng tiền lương, Suất đội coi riêng thuyền 8 quan tiền, Đội trưởng 6 quan, tay lái 2 quan, biền binh 5 tiền.

Quảng Nam rất gần, hạng ưu theo lệ bình của Quảng Ngãi, Quảng Bình ; hạng bình : thưởng cho Quản giải 1 tháng tiền lương, Suất đội coi riêng thuyền 5 quan tiền, Đội trưởng 3 quan, tay lái 1 quan 5 tiền, biền binh 5 tiền.

Hạng thứ : thưởng Quản giải Suất đội coi riêng thuyền, tay lái đều miễn phạt, đình thưởng ; hạng kém : viên Quản giải, viên coi riêng thuyền, tay lái, cứ chậm từ 2 ngày thì mới bắt đầu tính phạt đánh 10 roi, rồi cứ mỗi 2 ngày lại gia 1 bậc, tội chỉ đến phạt 100 trượng là cùng. Duy có biền binh là kẻ tuỳ theo người sai khiến, không được tự ý [hành động], mà chỉ chịu gian lao, thì tuy bị hạng thứ, hạng kém cũng đều được chiếu theo hạng bình mà thưởng cấp cho.

Lệ này căn cứ vào lúc gió, nước bình thường mà ấn định, thảng hoặc trong khi đi đường, lỡ gặp gió nước không thuận, hay có việc mà phải đỗ lại ở hải phận thuộc đồn nào, do viên Tấn thủ sở tại xét thực kết nhận làm bằng, thì không ở lệ này.

Bỏ bớt đồn bảo ở các hạt Bắc Kỳ. (Bỏ 2 bảo Bài Lễ, Hoàng Xá thuộc Hà Nội ; 3 bảo Bồng Hải, Y Na, Vũ Lao thuộc Ninh Bình ; 3 bảo Văn Nhuệ, Lộc Giang, Tam Nông thuộc Hưng Yên, 4 bảo Bình Lãng, Phao Sơn, Hà Lôi, My Động thuộc Hải Dương ; 3 bảo An Khoái, Vị Lại, Minh Châu thuộc Quảng Yên ; 3 bảo

Đồng Lũng, Hữu Na, Hát Môn, thuộc Sơn Tây ; 4 bảo Lô Khê, Đông Quang, Bằng La thượng lộ, Bằng La hạ lộ thuộc Hưng Yên ; 10 bảo An Lũng, Vân Lâm, Khiên Lâm, Xuân Lôi, Cát Tường, Ngọc Chấn, Bình Sa, Bách Đích, Phù Loan, Cường Nỗ thuộc Tuyên Quang ; bảo Thanh Dã thuộc Bắc Ninh ; 5 bảo Chợ Mới, Chàng Xá, Lương Hạ, Bằng Lũng, Giang Tiên thuộc Thái Nguyên ; 6 bảo Kim Cúc, Đan Sa, Bắc Hợp, Sơn Trang, Tri Lễ, Bạch Dương thuộc Lạng Sơn ; 7 bảo Bắc Cung, Quả Thoát, Củng Dương, Sóc Giang, Nga Ổ, Giản Long, Long Khê thuộc Cao Bằng). Vua cho rằng phủ thành các hạt đều đã có quan quân đóng giữ đủ để trấn tĩnh rồi, những đồn bảo kia không quan yếu lắm, nên bỏ đi. Biền binh giữ bảo đều rút cả về. Lính mộ thì chuẩn cho tuỳ tiện dồn bỏ cho theo tỉnh hoặc rút về sổ dân.

Dựng nhà cơ hạ[1] ở bên tả Hoàng thành, sai Thống chế là Nguyễn Tiến Lâm trông coi công việc xây dựng.

Bắc cầu Bồng Doanh ở hồ Tĩnh Tâm (bắc 1 chiếc cầu dài nối liền từ chỗ bậc thềm cửa trước điện Bồng Doanh sang bờ nam hồ, bề rộng hơn 5 thước. Giữa cầu lưu không 1 quãng 8 thước rưỡi, đặt 1 đoạn cầu kéo để thuyền đò đi lại. Hai đoạn cầu 2 đầu đều 6 gian, mỗi gian đều hơn 8 thước 2 tấc. Hai thành cầu đều làm lan can).

Án sát Bình Định là Vũ Thế Trường dung túng người nhà ăn hối lộ, tang vật đến hơn 100 lạng bạc. Thự Tổng đốc là Tôn Thất Lương chỉ tên tham hặc. Vua sai cách chức chờ xét, cho Lang trung Vũ khố là Phạm Quỹ làm Án sát Bình Định. Trường sai người về Kinh kêu, lại nói là Lương mang hiềm vu đặt ra.

Vua sai Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh đem mang theo ty thuộc trong bộ trấn phủ mang cờ, bài mệnh vua đến nơi đốc sức Án sát mới là Phạm Quỹ xét hỏi, rõ hết được tội trạng. Trường bị phát lưu, đi an trí ở Nghệ An. Bố chính là Phạm Huy Diệu cũng liên can vào cái án này, bị cách chức.

Vua bảo thị thần : "Phạm Huy Diệu và Vũ Thế Trường trước kia là chân Khoa đạo, trẫm thấy tâu đối được minh bạch, tưởng là người tốt, không ngờ lại hỏng về việc tham tang, trước kia chỉ biết mặt mà chưa biết lòng, quả là việc biết người khó đến thế !".

Cho Tả thị lang bộ Binh là Lê Văn Đức thăng thự Tả tham tri. Vua bảo bộ Lại : "Lê Văn Đức trước can việc khinh thường tha tên giặc phạm Nguyễn Quảng Khải để nó trốn thoát, đã sai tìm cách bắt, nhưng chưa nhân được cơ hội nào, nên giáng

(1) Nhà nghỉ ngơi khi rỗi việc.

bổ xuống Thị lang, lại bắt đi đốc sức việc dựng lầu rạp và hiệp lý công việc Thuỷ sư ở Kinh kỳ, khiến được mượn dịp ấy mà gắng sức làm việc chuộc tội. Gần đây gặp việc đã biết làm được cẩn thận và có thành hiệu, nên gia ơn nhắc bổ cho".

Nguyên Bố chính Vĩnh Long bị cách chức lưu dùng là Trương Văn Uyển hết hạn nghỉ để tang, lại về Kinh. Vua đặc ơn cho cải bổ làm Thông chính phó sứ ty Thông chính, lại chua là "giáng 4 cấp lưu dùng".

Tổng đốc Định - An là Trịnh Quang Khanh tâu nói : số thuyền trong ngạch ở tỉnh có nhiều, mà binh số Thuỷ sư chỉ có 3 vệ đương tại ban, không đủ người làm việc. Xin liệu bắt số bộ binh cơ thất Tiền quân để chia cắt coi giữ thuyền và làm các việc sửa chữa, giải vận... Vua cho làm.

Các huyện hữu ngạn sông Cửu An tỉnh Hưng Yên, trước đây nhân gặp nạn nước lụt, thóc gạo thuế vụ đông đã chuẩn cho nộp thay bằng tiền, mà cũng không có sức nộp được. Quan tỉnh đem tình trạng đau khổ của dân tâu lên. Vua đặc cách ra lệnh cho triển hoãn đến vụ mùa năm sau sẽ thu nộp.

Tập thỉnh an của Tổng đốc Long - Tường là Đoàn Văn Phú nói : biền binh 2 tỉnh ấy hằng năm cứ đến tháng giêng và tháng 7, hai tháng ấy thì phái đi Trấn Tây, An Giang, Hà Tiên đi thay phiên đóng thú. Nhưng dân hạt ấy thu hoạch vào tháng giêng, tháng hai, cày cấy vào tháng bảy tháng tám, mà thay phiên đóng thú vào hai tháng ấy, thì lính thú mới đã bắt đầu đi, lính thú cũ chưa về, e có trở ngại cho việc nông. Nay xin đổi lại là phiên thay vào tháng tư, tháng mười để tiện cho dân. Lại, những tù phạm trong hạt đã có Chỉ phát giao đi sở đồn điền, xin cứ hằng năm vào những tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 là lúc biền binh ở [đồn điền] đương cày cấy thu hoạch, thì liền phát đi để họ quản thúc cho làm ruộng, chiếu theo lệ cấp cho mỗi người mỗi tháng 1 phương gạo. Còn những tháng việc nông đã rỗi, thì chia giao đi các vệ cơ để làm việc, và cứ theo lệ lương tù mà cấp. Vua theo lời, dụ cho các tỉnh Nam Kỳ đều theo như thế mà thi hành.

Tập thỉnh an của Dương Văn Phong, Tuần phủ An Giang sung Tham tán Trấn Tây nói : từ nay những tù can phạm tội vặt, từ tội sung quân, phát lưu, tội đồ trở xuống đang phát phối đi Trấn Tây, xin gia ân chuẩn cho chúng được khai hoang để chuộc tội. Rồi chiểu theo tình tội nặng hay nhẹ, châm chước ấn định giao cho số đất nhiều hay ít, để chúng tự sắm lấy cày, bừa, hết sức khai khẩn cày cấy ; trong 3 năm cho khám, nếu quả thực đã thành điền thì miễn tội cho. Tựu trung tên nào cô đơn yếu đuối không thể lĩnh ruộng, khai khẩn nổi, thì để nguyên tội cũ, ghép cho theo với quan quân cày cấy trồng tỉa. Vua nói : "Trước đây đã có dụ cho bọn tù

được vỡ ruộng tự làm lấy mà ăn, sau 3 năm sẽ chiểu theo lệ bắt đầu thu thuế. Những tên nguyên bị phạt trượng xử tội đồ trở xuống, nếu đã thành gia sản, tình nguyện ở lại thì cho phép tự quản lý lấy cơ nghiệp làm ăn, cư trú, nộp thuế. Đó là chỉ vào hạng bị sung vào đồn điền làm lính mà nói ; nhưng từ trước đến giờ, mãi không thành hiệu. Nay muốn đem những tù phạm từ tội sung quân phát lưu trở xuống cho khai hoang chuộc tội thì có khác gì cho nộp thóc để miễn tội không. Cái mà Nhà nước thiếu không phải là tiền tài, sao lại bắt chước cái chính sách sai lầm ấy của nhà Đường, nhà Hán. Huống chi cái ngòi ấy một khi giở ra, thì những kẻ nhà giàu kiếm mọi cách xoay xở, có khi đi mua ruộng thuộc làm ruộng mới khai khẩn để mưu chuộc tội, mà những kẻ nghèo thì rốt cuộc vẫn không trông chờ vào đâu mà làm được ruộng, há phải là đạo làm chính sách quân bình ư ? Lời đề thỉnh chỉ nhìn thấy một mặt, không thể thi hành được.

Tập Thỉnh an của Bố chính Phú Yên là Đỗ Huy Cảnh nói : hạt ấy hồi trước những nhà vật lực phần nhiều tìm cách khôn khéo trốn tránh, hoặc là cha con anh em trong một nhà mà đều cư trú đăng tịch mỗi người một nơi để cố tránh phần ra lính. Lý dịch và chính quán của chúng thường cho là sổ hộ đã thành, rồi bỏ không hỏi đến nữa. Thế rồi người nọ bắt chước người kia, tập thành thói quen, xin nhắc rõ lại điều lệ cấm, để những người cùng một tộc thuộc của họ có liên lạc với nhau. Vua sai bộ Hộ bàn tâu, rồi chuẩn định : từ Bình Thuận trở về Bắc (Nam Kỳ đã có định lệ), phàm dân các tỉnh hạt đều phải khai sổ đinh theo nơi chính quán ông cha, không được khai sổ đinh ở nơi khác. Nếu kẻ nào có quê quán cha anh ở đó mà chót đã đăng ký vào sổ ở nơi hiện ngụ hoặc ở quê mẹ quê vợ, những nơi này xét ra không có gốc tích và hơi gần với chính quán thì cho phép được tự thú tội, hoặc do lý dịch tố giác ra đều theo sự thực cho đổi về chính quán, nếu điềm nhiên không tự thú, không tố giác, mà bị người khác vạch ra, tức thời đem đích danh kẻ mạo quán và lý dịch nơi ngụ quán ấy chiểu luật gia bậc trị tội và bắt kẻ lý dịch nơi ngụ quán ấy chiểu luật gia bậc trị tội và bắt kẻ mạo quán ấy phải về nguyên quán chịu sai dịch. Kẻ nào từ trước đi nhập tịch quê quán khác đã trải năm ấy đời khác, hiện thành cơ nghiệp rồi, cùng là vì nghèo túng đi xiêu giạt, đi trú ngụ xa nơi chính quán, không tiện bắt về, hoặc lưu lạc từ bé không biết quê quán ông cha ở đâu, đều cho được khai vào sổ ở nơi đương ngụ để cho có căn cứ. Dân sở tại đấy nếu cứ coi là kẻ lưu ngụ, không đem khai vào sổ, một khi bị phát giác ra, thì bắt tội về tội ẩn lậu.

Sai chế thước thợ mộc, thợ may, thước đạc điền bằng đồng phát cho các phủ huyện. Trước đây nguyên Bố chính Gia Định là Hoàng Quýnh nói trong tập thỉnh

an rằng : đo, lường, cân là 3 điều cần thiết nhất của chính sách vương giả, nhưng từ trước đến nay, trong dân gian thường chế tạo lấy dụng cụ để dùng : đồ đong thóc gạo thì cái to, cái nhỏ khác nhau ; cân để cân đồ vật thì cái nặng cái nhẹ không giống nhau ; thước đo cũng có dài ngắn không hợp nhau. Nay xin do các tỉnh chế ra những dụng cụ ấy cấp phát cho để dùng, những cái nào làm riêng đều thu lại tiêu huỷ ngay. Vua nói : "Lường vật nhiều ít, cân vật nặng nhẹ, thì đã có cái đong, cái cân, đo vật dài ngắn, rộng hẹp thì đã có trượng, có thước ; triều đình đã có mẫu thước nhất định ban cho các địa phương đủ làm tín nhiệm cho dân rồi. Duy có Tổng lý địa phương bận nhiều việc, việc đó chưa được phổ cập đến từng người, nên dân gian làm riêng dụng cụ để dùng, cũng là một điều không tránh được. Vả lại, việc cải cách lề thói cũng nên làm dần dần, nếu nay vội bàn cho thay đổi chế lại cả ngay một loạt thì tục dân noi theo thói cũ, quen tai quen mắt đã lâu, e rằng khó mà đi hiểu bảo từng nhà, từng hộ được". Rồi sai hai bộ Hộ và Công hội bàn. Đến nay nghị xin : truyền cho các tỉnh chiểu theo quy thức những thước thợ mộc thợ may và thước đo ruộng bằng đồng của Nhà nước cấp cho năm trước mà chế ra cấp cho mỗi phủ huyện trong hạt mỗi thứ một chiếc. Phủ huyện lại chuyển sức cho Tổng lý đến lấy mẫu về làm rồi phát cho các dân xã cũng mỗi hạng mỗi người một chiếc, nhưng đều làm bằng gỗ. Những phương, hộc, thăng uyển cùng các hạng cân thiên bình, trung bình không dễ dàng làm ra mà phát như trên được, thì cho phép dân trong hạt đến quan lấy mẫu về phỏng theo mà làm. Tính bắt đầu từ năm Minh Mệnh thứ 21 đến khi hết hạn 2 năm, khắp nơi đều phải thi hành tất cả ; những tầm[1], thước, phương, hộc, cân, quả cân là tự dân làm ra khi trước, đọ ra, sai với mẫu công, đều phải huỷ đi. Ai không theo chiểu luật trị tội. Còn như những đấu, thúng và bỉ tiền, viên đá để cân đo, tục thường vẫn dùng trong việc trao đổi hàng hoá với nhau ở chợ, cửa hàng, xét không hại gì cho chính thể, thì bất tất ép theo để tiện cho dân. Vua cho là phải.

Tập thỉnh an của Án sát Quảng Nam là Nguyễn Trọng Nguyên nói : 6 huyện thuộc hạt ấy đường sông nhiều ngả, nhân dân rất nhiều người đóng hạng thuyền không đủ kích thước đi các nguồn, các cửa biển buôn bán, mà không có sổ ngạch thuyền, lệ ngạch thuyền. Nên những kẻ trốn tránh sai dịch và can phạm lẩn trốn cũng đóng thuyền không đủ kích thước trà trộn trong đó, không có ai xét hỏi gì. Xin mỗi huyện có hạng thuyền ấy đều dồn lại làm một phường, đặt ra trưởng phường trông coi, bắt phải cùng với Tổng lý nghiêm xét : cái nào ở huyện khác,

(1) 8 thước là 1 tầm.

đuổi về huyện ấy, cái nào thuộc tỉnh khác, bắt lại cứu xét ; duy những thuyền của người trong huyện mới cho đỗ ở giang phận trong huyện. Nhưng căn cứ vào số người và tên tuổi quê quán các người trong thuyền cùng kích thước chiều dài chiều rộng thân thuyền, làm thành sổ đệ lên tỉnh để phân biệt đánh thuế. Thuyền nào muốn đi huyện khác buôn bán cho được tường Tổng lý cấp cho giấy thông hành, không được tự tiện đi nơi khác. Vua sai bộ Hộ nghị, bộ tâu cho rằng cái phép xếp đặt chỗ ở cho dân, tất phải có sổ sách để phòng cứu xét, có phường làng để kiểm chế lẫn nhau. Nay hạt ấy có nhiều người đóng thuyền không đủ kích thước đi buôn bán, tựu trung hạng nội tịch cũng có, hạng lậu tịch cũng có, cũng nên cho họ có căn cứ mới đủ để phòng kẻ gian. Duy có khoản xin hạng thuyền ấy do Tổng lý kiểm xét và hễ đi hạt khác buôn bán phải do Tổng lý cấp giấy, thì không khỏi sinh ra mượn cớ để yêu sách, lại trở thành làm khổ dân. Nay xin sai quan tỉnh chuyển sức cho phủ huyện đều cứ những thuyền trong hạt về hạng không đầy 5 thước trở xuống phải kiểm tra cho kỹ : người nào là nội tịch cho theo về nguyên quán gánh sai dịch, người nào lậu tịch[1], cho phụ đăng vào hộ tịch dân xã sở tại ; thảng hoặc người nào không nhớ được nguyên quán, lại không tiện có thôn xã sở tại để phụ đăng vào sổ, thì cho lập riêng mỗi huyện một phường, đặt trưởng phường, theo lệ gánh chịu binh lính dao dịch. Thuyền nào xin ra cửa biển buôn bán, chiểu cấp cho chỉ bài theo thuyền buôn hạng 3 đánh thuế, còn thì do phủ huyện xét cấp cho giấy chứng nhận, chỉ cho ở các đường sông trong tỉnh hạt tuỳ tiện sinh nhai mà miễn thuế cho. Như thế thì sổ ngạch thuyền được rõ ràng mà kẻ gian cũng không ẩn trốn vào đâu được. Vua y theo.

Ở Thừa Thiên giá gạo cao. Sai phát 2 vạn phương gạo ở kho Kinh sư giảm giá bán cho dân.

Bộ Binh tâu nói : sửa dựng lầu rạp các sở, công việc hơi bận, số biền binh đương ban sợ không làm xuể, xin chiếu các vệ đội thân binh, cấm binh và tinh binh hiện đương nghỉ việc dự cho đến tháng 12 phải tập hợp cho đủ mặt. Những người nào quê thuộc Thừa Thiên, Quảng Trị thì đến mồng một tháng này, người nào quê thuộc Quảng Bình, Quảng Nam thì đến ngày mồng 6, thuộc Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên thì đến ngày 15, đều đã phải đến hàng ngũ ở Kinh để làm việc. Vua y lời tâu : Lại cho rằng các toà lầu ở Ngọ Môn là nơi thần dân chiêm ngưỡng, sai bộ Binh đốc lính và thợ sơn thếp những lầu 2 bên tả hữu quét sơn dầu ; lầu chính trang sức thếp bạc, duy gian giữa thếp vàng. Cung thành, Hoàng thành và kỳ đài, chỗ

(1) *Lậu dịch* : không có tên trong sổ lính.

tường vôi nào bẩn nhọ thì cọ sạch đi, chỗ nào vỡ lở thì tu bổ lại. Cho chí những hào, ao, đường phố trong ngoài Kinh thành cũng tuỳ chỗ mà sửa sang chỉnh đốn lại. Sai Thống chế là Bùi Công Huyên trông coi công việc.

Vua ngự điện Thái Hoà xem thếp vàng, trang sức, thấy vàng thếp rồi lại phủ lên 1 lần sơn dầu, làm cho sắc vàng hơi tối, hỏi vì cớ gì. Thị lang bộ Công là Lý Văn Phức tâu : đó là vì dân gian vẫn làm như thế, cho nên bắt chước. Vua quở rằng : "Trẫm từng nhớ năm trước, khi đi tế Nam Giao, xa giá đi qua cầu phao, cầu đứt làm ta sợ, ngươi một mình chạy trước đến hầu giá. Trẫm nghĩ đến lòng thành thực yêu vua của ngươi, bèn cất nhắc lên dùng, nên ngươi mới có ngày nay. Ngươi ở nơi triều đường không phải là không lâu ngày, mà sao kiến thức kém thế. Đến như Phạm Sĩ Ái là Biện lý bộ vụ mà hỏi đến số vàng bạc để thếp và trang sức hết bao nhiêu, mơ màng không biết gì cả, cái hạng thư sinh không từng trải này lại càng quá ngớ ngẩn ! Việc các ngươi làm là không đúng, đáng phải bắt tội, nhưng "sáng suốt thì gần như xét nét, xét nét thì đi đến chỗ cay nghiệt" là điều mà xưa nay những bậc thế nho thường vẫn phê bình. Trẫm chưa nỡ lấy việc sơ suất nhất thời làm tội bọn ngươi, bọn ngươi phải thận trọng đấy".

Biền binh các địa phương về Kinh làm lầu, rạp khánh chúc. Vua sai chiểu thực số, cấp phát tiền thưởng (mỗi một trăm người là 30 quan tiền).

Án sát Hà Tiên là Nguyễn Vĩnh Trinh mất. Cho thự Binh bị đạo Trấn Tây là Lê Quốc Trinh đổi bổ đi thự Án sát Hà Tiên, Lang trung bộ Lại là Hồ Ngọc Tài làm binh bị đạo Trấn Tây.

Phủ thuộc của Từ Sơn công Mão là Nguyễn Văn Bình tự tiện giết hươu công, cắt bỏ thẻ đồng đi, nói dối là hươu rừng đem biếu công. Công không biết thu nhận. Việc phát giác, lũ Bình bị tội phát phối đi làm lao dịch ở Trấn Tây, mãn hạn xử đánh 100 trượng sung làm binh. Công bị phạt 1 năm lương bổng, nhưng cho thực phạt nửa năm, còn nửa năm ghi vào sổ.

Nhân thể vua bảo bộ Hộ rằng : "Phạt bổng" là thu lại số lương bổng đã lĩnh rồi ; "trú bổng" thế mới là đình việc chi lương. Từ trước đến giờ, các quan viên bị xử phạt lương, chỉ cho chua vào sổ trừ sau, hoặc lấy kỷ lục mà không trừ đi. Thế là có tiếng là phạt mà không có sự thực về phạt, thực không phải là chính thể triều đình. Xét ra triều trước nghĩ phạt, có lệ phạt bằng trâu bằng lợn, khoảng năm Gia Long vẫn còn dùng. Nay nghĩ : phạt bổng mà cho chua sổ để khấu trừ, há chẳng phải là chưa hợp lý ư ? Phải đặt ra thể lệ nhất định cho thoả đáng mới được.

Tiết Đông chí. Vua ngự điện Cần Chính nhận chầu mừng, ty có chức trách, quên không đặt nhã nhạc. Vua nói : "Buổi triều hội về tiết Trường chí[1] rất có quan hệ đến điển lễ, điều sai lầm này không thể ví với những sai lầm thường khác được". Bèn giáng chức Thượng thư bộ Lễ là Phan Huy Thực là Tả thị lang ; Biện lý bộ vụ là Nguyễn Hanh làm Tư vụ ; nhất đẳng Thị vệ kiêm quản Hoà thanh thự là Vũ Văn Giải giáng 4 cấp, bộ Ty và nhạc trưởng, đều phạt trượng, cách chức.

Sai Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh là Trương Đăng Quế kiêm ấn triện công việc bộ Lễ.

Sai thự Hữu tham tri bộ Lại là Tôn Thất Bạch kiêm quản Thái thường tự ; cho Lang trung quyền biện bộ Hộ là Nguyễn Đức Hoạt biện lý công việc phủ Nội vụ.

Thuyền Tiên Ly đi Hạ Châu, vừa mới ra cửa Thuận An, bị gió sóng gãy mất lái thuyền bằng đồng, tạm đỗ lại hải phận cửa ải Hải Vân. Vua được tin ấy tức thì sai binh thuyền của Thuỷ sư đến nơi dắt vào vũng, rồi đổi phái thuyền Thần Giao đi. Nhân thế vua bảo bộ Công rằng : "Thuyền này xoay chuyển quan hệ ở cái lái, trong lúc đường biển sóng gió, lợi hại không phải nhỏ. Từ nay phàm đúc các hạng lái đồng, lái sắt, đốc công phải chọn thợ tinh khéo chuyên làm, Thuỷ sư lại chọn biền binh thuộc quyền người nào am hiểu nghề đến đôn đốc xem xét. Khi đúc xong, do bộ cho phái viên đến hội đồng khám xét, quả được mười phần chắc chắn mới cho đem dùng. Nếu lạo thảo làm bừa để khi đi biển bị gãy, thì từ thợ cho chí người xét nghiệm đều phân biệt trị tội. Lại chuẩn y lời bộ Công bàn, định ra thể lệ nên bắt đền hay nên miễn về những lá đồng, đanh đồng ở thuyền bọc đồng bong rơi ra. (Phàm đi đường biển trong nước, đường không xa xôi gì, gián hoặc có để bong rơi mất hay rách sất mất những lá đồng, đinh đồng), thì chiểu số chia ra 10 thành mà bắt đền : nếu là thuyền đóng mới hay mới sửa chữa trong hạn 3 năm, thì miễn cho 5 thành ; nếu là ngoài hạn thì miễn cho 6 thành. Nếu bỏ neo không phải nơi hoặc chạy sai trái đường đến nỗi mắc cạn va phải mỏm đá, làm tuột làm rơi mất thì phải đền toàn số. Nếu sai đi việc công về, đã khám xét tường tận, sửa chữa chắc chắn rồi, chỉ để yên ở bến, mà làm rơi tuột mất, thì cũng phải đến toàn phần. Ngoài ra, như phái đi ngoại quốc, bị sóng gió lay đập lâu ngày, hay gặp gió đánh bạt, vướng phải chỗ nông có đá ngầm, không phải sức người có thể chống đỡ được, mà có đủ nơi sở tại hoặc phái viên chứng nhận thì đều được miễn).

Có 7 người ở Trấn Tây là lũ tên Giao, mang theo 16 thuyền gia quyến, 4 con voi, ngựa, 1 chiếc thuyền ván, từ Bắc Tầm Bôn, Lò Gò Vật trốn về Hải Tây. Lính

(1) *Trường chí* : tức là tiết Đông chí, ngày dần dần dài ra. Hạ chí cũng gọi là Trường chí, đêm dần dần một dài ra.

đồn ấy bắt được đem nộp. Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng đem voi ngựa sung công, còn người cho dời đến Ba Xuyên để coi giữ. Vua nói : "Bọn chúng vì khổ về sự ngược đãi của Xiêm, trốn về quê cũ, có thể chắc không phải là trinh thám. Nếu ngờ vì từ đất giặc đến mà dời chúng đi hạt khác, sao yên ủi được tấm lòng nhớ quê hương của những người đi xa ư ? Chuẩn cho chúng được tuỳ tiện an cư làm ăn ở phủ huyện sở tại. Còn như voi ngựa sung công, nên cấp trả cho chúng 100 quan tiền, 5 tấm vải.

Thự Tuần phủ Thuận - Khánh là Tôn Thọ Đức tâu nói : các Man thuộc hạt ấy trước đây, vì xiêu tán trốn đi, tiền thuế hương còn thiếu nhiều. Xin cho chiếu giá nộp bằng tiền. Từ sang năm trở đi, ấn định là mỗi năm[1] phải nộp 1 cân tám lạng kỳ nam, nếu không có, cho nộp 20 cân trầm hương. Vua y cho làm. Lại cho rằng : dân mới về, sinh kế chưa được dồi dào, số thóc thuế thiếu cũ hơn 16.000 hộc, cũng cho phép được nộp thay bằng tiền, chia thu làm 2 năm.

Lính mộ của tỉnh Hưng Hoá, binh thuộc cơ Hưng Hoá hiệu số là 62 người, chuẩn cho đổn làm đội Hưng Hoá, bỏ tên cơ đi.

Việc quân điền ở Bình Định đã hoàn thành, Khâm phái là Vũ Xuân Cẩn, Doãn Uẩn về Kinh tâu trả lời. Vua rất khen ngợi, vui lòng, thưởng cho Vũ Xuân Cẩn : 1 chiếc nhẫn giát ngọc kim cương, 5 hạt liền nhau, thẻ bài đeo bằng ngọc trắng, đồng tiền vàng Như ý, nhẫn vàng mỗi thứ đều 1 chiếc ; Doãn Uẩn : 1 chiếc nhẫn giát ngọc kim cương 3 hạt liền nhau, thẻ bài đeo bằng ngọc trắng, đồng tiền vàng Như ý, nhẫn vàng mỗi thứ đều 1 chiếc. Lại thưởng gia cho mỗi người 2 cấp. Lại cho rằng Xuân Cẩn là người đầu tiên kiến nghị về việc này, thưởng gia cho 1 cấp trác dị, kim tiền Phi long hạng lớn hạng nhỏ, kim tiền "phú thọ đa nam" mỗi thứ 1 đồng. Những viên Khoa đạo bộ Tỵ đi làm việc công, cùng các quan tỉnh phủ, huyện đều thưởng gia cấp, kỷ lục, kim tiền, tiền lương mỗi người một khác. Đại thần 6 bộ dự bàn về việc này khi trước, cũng đều thưởng gia 1 cấp. Lại dụ Nội các rằng : "Làm vua cai trị dân, lấy việc thi ơn huệ cho dân làm bụng nghĩ, há nỡ để 1 người không có nơi ăn chốn ở. Xét việc bao chiếm ruộng đất là thói quen đã lâu, bọn cường hào độc chiếm mối lợi, thì kẻ cùng dân không trông vào đâu mà sống được. Cái tệ này ở một hạt Bình Định lại càng quá lắm. Nay đem ruộng công tư chia cắt làm ruộng công, khiến kẻ giàu người nghèo cùng chia sẻ cho nhau, binh, dân đều có lợi, thì chẳng những kẻ cùng nghèo đều được trông cậy, mà ngay những kẻ nhiều ruộng, trước mắt tuy có mất chút ít, nhưng đến khi chia cấp ruộng công, thì gia quyến con

(1) Chỗ này không nói rõ một gia đình hay một suất đinh.

cháu họ cũng vĩnh viễn được cùng mọi người cùng lợi, há chẳng phải mất ít mà được nhiều không ? Phàm người hiểu biết chắc đều rõ cả. Không thế thì một phen cải cấp, công việc bề bộn, thế mà mới có mấy tháng đã được xong xuôi không phải là dân tình đều biết "vui việc nên vui, lợi việc nên lợi" mà được như vậy ư ? Nay sổ sách đã xong, khá truyền dụ cho Tổng đốc Tôn Thất Lang sức khắp cho dân hạt, phàm những ruộng tư cắt lấy một nửa sung công, tháng đông này hãy chuẩn cho chủ ruộng cũ được cày cấy, chờ vụ hạ sang năm thu hoạch xong, liền chiểu theo điền thổ công, tư trong sổ mới, quân cấp cho mọi người cày cấy nộp thuế.

Vua lại hỏi bộ Hộ là Hà Duy Phiên rằng : "Việc cho thi hành phép quân điền ở Bình Định, tựu trung số tô thuế về công tư điền trong 1 năm so với số thu nhập năm trước thì hơn, kém thế nào ? Phiên thưa : "Hạt ấy, trong sổ cũ, công điền 6, 7 nghìn mẫu, tư điền hơn 9 vạn mẫu. Nay lấy một nửa tư điền làm công thì công điền đáng phải được trên dưới 4 vạn mẫu ; nói về đại lược so ra thì thuế điền ít đi, thuế đinh nhiều ra. Vì từ trước đến giờ, các tỉnh trở vào Nam, mức thuế công điền ngang bằng thuế ruộng tư, duy có thuế ruộng Nhà nước[1] thì cao hơn thuế ruộng công. Nay ruộng Nhà nước đã chuyển làm ruộng công thì ngạch ruộng công tuy có tăng lên, nhưng số thuế thu nhập lại kém đi. Dân xã sở tại trước kia thuế thân người có ruộng công cao hơn thuế người không có ruộng công ; nay đã đem ruộng công quân cấp, thì dân trong sổ ai cũng có ruộng, cho nên có giảm mất số thuế ruộng Nhà nước, nhưng số thuế dân đinh lại tăng lên. Vua nói : "Phép quân điền là vốn muốn chia lợi cho dân chứ thuế hơn hay kém đi không phải là điều đáng so tính. Hôm vừa rồi, cứ ty Tam pháp tâu nói : dân hạt ấy cũng có gửi đơn kín đến Kinh khiếu khống, thì trước đây bọn Vũ Xuân Cẩn nói dân gian hết thảy đều vui vẻ, thoả mãn, thực cũng chưa được đúng. Có điều công việc buổi đầu, kẻ tiểu dân bo thiết về những cái lợi, hại riêng, thì điều đó cũng là thường tình, bất tất phải xét kỹ. Triều đình làm việc, làm thế nào cho mọi người đều vừa lòng cả được ư ?"

Sai Hữu tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn kiêm quản thự Hoà thanh.

Khai mỏ vàng An Bảo thuộc Thái Nguyên. (Mỏ ở núi Tam Bảo thuộc địa phận các xã Cát Nê, Thượng Kết, Hạ Kết huyện Phổ Yên, mỗi năm thu thuế 10 lạng vàng).

Phủ Thái Bình nhà Thanh gửi đến công văn của bộ Lễ nước ấy nói : nước ta cùng với các nước Lưu Cầu, Xiêm La đều đổi làm 4 năm 1 lần triều cống. Bộ Lễ tâu lên. Vua nói : "Điển lễ bang giao của nước ta cứ 2 năm 1 lần cống và 4 năm sai sứ sang chầu 1 lần, thì 2 lễ cống cùng dâng 1 lúc. Nay nói 4 năm triều cống 1 lần, thì

(1) Chữ Hán là quan điền tức là quốc gia công điền, khác với công điền, tức là công dân điền.

so với trước có gì là khác, trong công văn nói chưa được rõ ràng". Sai gửi công văn sang Tuần phủ Quảng Tây, hỏi lại, thì là : đổi 4 năm sai sứ sang triều cống 1 lần ; chiểu số phương vật 2 lần cống [cùng dâng 1 lúc trước kia] bớt đi một nửa. Từ đó bèn ghi lại làm lệ : (Vật cống : 1 đôi ngà voi, 2 chiếc sừng tê, lụa dày, lụa nõn, lụa mộc, vải địa phương mỗi thứ đều 100 tấm, 200 lạng trầm hương, 600 lạng tốc hương, sa nhân, hạt cau đều 45 lạng).

Vua nhân bảo bộ Lễ : "Trẫm thường thấy trong ấn tín đóng ở sắc dụ của nhà Thanh, hai bên tả hữu có 2 thứ chữ Hán, chữ Mãn chẳng cũng phiền lắm ư ?" Phan Huy Thực thưa : Thần được nghe sứ bộ nước ta nhiều lần sang nước Thanh về thuật lại, thì mỗi khi vua Thanh coi chầu, cùng bầy tôi bàn việc, với người Hán thì nói bằng tiếng Hán, nói với người Mãn thì dùng tiếng Mãn. Bầy tôi trong triều ai không thông hiểu cả hai thứ tiếng thì mọi việc cũng không thể biết rõ được. Vua nói : một lời nói, một hành động của người làm vua, là khuôn phép cho kẻ thần hạ, nên phải nói cho công chúng đều hiểu, để thấu đạt đến tâm tình kẻ dưới. Nếu còn có chỗ đối xử riêng rẽ như vậy thì cái tình người trên, người dưới bị che lấp không thông, người làm tôi chưa khỏi có chỗ ngờ sợ trong lòng. Thì ai chịu tận tâm hết lòng ư ?

Tiết Thánh thọ. Được ý chỉ của Hoàng thái hậu phát ra 500 quan tiền sai viên Kinh doãn phát chuẩn cho những người túng thiếu. Vua cũng cho là : luôn hằng ngày mưa rét, tiểu dân hoặc bị đói rét, sai phát 1.000 quan tiền kho, phân phát cho những người già ốm và những người quan, quả, cô, độc[1] ở các huyện trong Kinh kỳ.

Sai 2 bộ Lại và Binh xét hỏi những quan văn từ tứ phẩm và từ tam phẩm trở lên đã về hưu trí, hưu dưỡng làm thành bản kê dâng lên ngự lãm. Đặc ban cho những quan chức cũ : Chưởng cơ Đặng Hữu Chất 100 quan tiền ; Lãnh binh Trần Bá Vinh, Vệ uý Đặng Tài Cầu (hoặc Cù), Nguyễn Văn Tạo, mỗi người 80 quan ; Bố chính Trần Thiên Tải, Phó lãnh binh Nguyễn Viết Trung, Phó vệ uý Phạm Văn Hoà, Trần Văn Đông, mỗi người 70 quan.

Cho các tôn sinh, giám sinh, ấm sinh học ở Giám mỗi người 10 quan tiền.

Chọn dùng những bề tôi cũ khi chưa lên ngôi. Cho Nguyễn Trường là con viên tặng phong Chưởng cơ Nguyễn Văn Lộc làm tứ đẳng Thị vệ.

Đổi định lệ lương bổng các quan viên. Trước đây vua bảo thị thần là Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên rằng : "Lệ lương bổng các quan văn, võ từ tứ ngũ phẩm

(1) *Quan, quả, cô, độc* : quan : người không có vợ ; quả : người hoá chồng ; cô : trẻ mồ côi bố ; độc : người già không có con.

trở xuống dần dần giảm đi, đến nỗi có người tháng chỉ lĩnh có 1 quan. Người ta ai cũng có vợ con, thì lấy gì mà chu cấp. Nên bàn bạc mà tăng lên, trẫm thực không sẻn tiếc gì cả". Đăng Quế, Duy Phiên cùng các đại thần là Phạm Văn Điển, Tạ Quang Cự, Đặng Văn Thiêm, Lê Đăng Doanh dâng sớ nói : Theo nghị cũ, lệ lương trong 1 năm của chánh nhất phẩm là 600 quan tiền, 600 phương gạo ; tòng nhất phẩm 360 quan tiền, 360 phương gạo ; chánh nhị phẩm 300 quan tiền, 300 phương gạo. Còn tòng nhị phẩm trở xuống cứ theo thứ bậc mà giảm dần đi, cho đến tòng cửu phẩm, chỉ có 16 quan tiền, 16 phương gạo. Từ chánh nhất phẩm đến chánh nhị phẩm, chi tiêu cũng đã được dư dụ, duy từ chánh ngũ đến tòng cửu thì xem ra có phần không đủ. Nếu bớt của kẻ có thừa thêm cho kẻ thiếu thốn, thì số bị bớt ít mà số được thêm nhiều. Xin sai bộ Hộ châm chước liệu giảm bớt lương của những chức cao thêm cho những chức thấp, để tỏ sự công bằng vừa phải. Vua phê : "Lời tâu đã xuất tự lòng thành thực, rất là chuộng nghĩa đạt lý. Bọn khanh còn biết bớt của kẻ trên thêm cho kẻ dưới thì trẫm há tiếc gì của nước mà không hậu ban ơn cho các quan nhỏ ư ?" Bèn sai đình thần bàn định cho kỹ. Đến nay lời nghị dâng lên, cho rằng Nhà nước đặt quan, định ra bổng lộc, thì lương nhiều hay ít, tất dựa vào phẩm trật cao hay thấp, mà châm chước định ra thứ bậc khác nhau, nhưng cũng cần được phải chăng mới đủ làm phép thường lâu dài. Xét lệ lương trước ; người phẩm cao thì lương quá nhiều, người phẩm thấp thì lương quá ít. Nay xin những số tiền gạo lương hằng năm của từ chánh nhất phẩm đến chánh nhị phẩm thì liệu lượng giảm bớt đi. Từ tòng nhị phẩm trở xuống, số tiền theo thứ bậc tăng lên còn số gạo đã đủ ăn dùng hà tất phải cho hậu quá. Vậy số gạo của tòng nhị phẩm hơi giảm đi, còn ngoài ra số gạo các phẩm trật khác vẫn để như cũ. Xét ra số bớt không đủ bù cho số tăng, không khỏi phải chi tiêu mất nhiều của nhà nước. Duy có trên tuân theo đức ý của Hoàng thượng cùng nhau thảo luận châm chước bàn định, xin đến tháng giêng năm Minh Mệnh thứ 21 bắt đầu thi hành. Chánh nhất phẩm : lệ trước 600 quan tiền, 600 phương gạo, nay định là 400 quan tiền, 300 phương gạo ; tòng nhất phẩm : lệ cũ 360 quan tiền, 300 phương gạo, nay định là 300 quan tiền, 250 phương gạo ; chánh nhị phẩm : lệ trước 300 quan tiền, 360 phương gạo, nay định là 250 quan tiền, 200 phương gạo ; tòng nhị phẩm : lệ trước là 156 quan tiền, 156 phương gạo, nay định là 180 quan tiền, 150 phương gạo ; chánh tam phẩm : lệ trước 120 quan tiền, 120 phương gạo, nay định là 150 quan tiền, 120 phương gạo ; tòng tam phẩm : lệ trước 90 quan tiền, 90 phương gạo, nay định là 120 quan tiền, 90 phương gạo ; chánh tứ phẩm : lệ trước 60 quan tiền, 60 phương gạo, nay định đổi là 80 quan tiền, 60 phương gạo ; tòng tứ phẩm : lệ trước 50 quan tiền, 50 phương gạo,

nay định là 60 quan tiền, 50 phương gạo ; chánh ngũ phẩm : lệ trước 35 quan tiền, 31 phương gạo, nay định là 40 quan tiền, 35 phương gạo ; tòng ngũ phẩm : lệ trước 30 quan tiền, 30 phương gạo, nay định là 35 tiền, 30 phương gạo ; chánh lục phẩm : lệ trước 25 quan tiền, 25 phương gạo, nay định là 30 quan tiền, 25 phương gạo ; tòng lục phẩm : lệ trước 22 quan tiền, 22 phương gạo, nay định là 25 quan tiền, 22 phương gạo ; chánh thất phẩm và tòng thất phẩm : lệ trước 20 quan tiền, 20 phương gạo, nay định là 22 quan tiền, 20 phương gạo ; chánh bát và tòng bát phẩm : lệ trước 18 quan tiền, 18 phương gạo, nay định là 20 quan tiền, 18 phương gạo ; chánh cửu, tòng cửu phẩm : lệ trước 16 quan tiền, 16 phương gạo, nay định là 18 quan tiền, 18 phương gạo).

Vua phê bảo : "Nói hợp lý, trẫm tiếc gì mà không theo. Duy có sang năm chính là năm mừng thọ 50 của trẫm, sao nỡ vội đem số niên bổng các đại thần giảm bớt ngay, hãy hoãn lại một năm là phải, còn các khoản khác thì theo như lời nghị mà thi hành".

Phủ Tôn nhân tâu nói : các hoàng tử đã được phong ra mở phủ riêng, xin sai bộ Lại chọn người bổ cho mỗi phủ một Trưởng sử hoặc quản gia. Và ở các nhà Minh Thiện, Quảng Thiện, Quảng Học, Quảng Nhân là nơi các hoàng tử còn bé cùng ở, xin bổ cho mỗi nhà một viên Trưởng sử. Vua theo lời tâu.

Giá gạo tỉnh Bình Định bỗng cao vọt lên, nhân dân khó đong được gạo ăn. Vua sai bán thóc kho ra 2 vạn hộc. Hạ sắc : phàm trong tỉnh những nhà nghề làm đồ vật bán cho Nhà nước, nếu muốn chiếu giá mà lĩnh thóc cũng cho phép.

Đình việc Nhà nước phát trước tiền vốn công đặt mua vỏ quế ở Quảng Nam, Quảng Ngãi về năm nay, vì cho là không dùng đến vội, nên đình lại.

Sư chùa Thiên Mụ có tên Nguyễn Văn Huấn vì ghen giết người. Bộ Hình và viện Đô sát xét hỏi qua một năm không khám phá ra manh mối. Đến nay Khoa đạo là Nguyễn Sĩ Đăng, Lê Tập bí mật đi dò xét tìm được tình trạng, đều thưởng cho mỗi người 10 lạng bạc và gia một cấp. Khi án giao xuống đình thần xét, Huấn bị xử trảm hậu ; sư trưởng Nguyễn Tâm Đoan, cách bỏ chức trụ trì chuẩn bắt phải làm việc nặng nhọc tại chùa ấy.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCVIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 [1839], mùa đông, tháng 12. Đổi việc phát quan lịch cho Trấn Tây. Bộ Hộ tâu nói : cả hạt Trấn Tây đã lệ thuộc vào bản đồ sổ sách của triều đình, quan Phiên đều nhận quan chức của triều đình. Vậy việc ban cấp số quan lịch há nên nhất thiết nệ theo lệ còn là nước Phiên như năm trước (Lệ cũ : 1 quyển quan lịch, 100 quyển dân lịch). Xin nên coi như những lưu quan, liệu giảm [phần nào] mà phát : (Mỗi năm phát cho : Quận chúa 10 quyển, Huyện quân mỗi người 9 quyển, Chưởng vệ mỗi người 8 quyển, Vệ uý mỗi người 5 quyển, Quản cơ và Phủ huyện mỗi người 3 quyển, Suất đội và Chánh đội trưởng, Đội trưởng theo làm việc trong hạt mỗi người 1 quyển). Vua y lời tâu.

Sai quan thanh tra các hạt từ Bình Định trở vào Nam đến Hà Tiên. Cho bọn Lang trung bộ Hộ là Nguyễn Đức Hộ, thự Lễ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Nguyễn Đăng Sĩ 10 người sung là Đổng lý việc thanh tra.

Đóng thêm một chiếc thuyền ngự đặt tên là Bình Ổn Lư. Sai Quản vệ vệ Long Thuyền là Đoàn Khác coi công việc đóng thuyền.

Lại cho khai mỏ vàng ở Tuyên Quang, Lạng Sơn, về tỉnh hạt Tuyên Quang : mỏ vàng Quan Quang thuộc Niêm Sơn, lệ cũ mỗi năm thu thuế 4 lạng vàng cám, nay tăng làm 6 lạng ; mỏ Ngọc Liễn thuộc Bạch Ngọc mỗi năm thu 1 lạng vàng cám tăng làm 4 lạng ; mỏ Linh Hồ thu một lạng vàng cám tăng làm 3 lạng ; về tỉnh hạt Lạng Sơn : mỏ La Sơn, theo lệ cũ mỗi năm thu thuế 5 lạng vàng cám, bán cho Nhà nước 5 lạng).

Tỉnh Quảng Nam phải đệ số thuế vàng về Kinh nộp. Vì nhân số các hộ lấy vàng ở huyện Hà Đông thuộc tỉnh ấy tăng lên nhiều, nên thuế vàng hơn 1.200 lạng, y hạn thu nộp đủ số. (Năm ngoái số người đi lấy vàng có hơn 3.340 người, thuế vàng được 980 lạng. Năm này, đến kỳ tuyển, số người tăng thêm hơn năm ngoái hơn 780 người, thuế vàng hơn năm ngoái hơn 240 lạng). Vua khen, thưởng các quan tỉnh huyện mỗi người kỷ lục một thứ.

Ấn định số ngạch thuộc viên viện Thái y (Tòng nhất phẩm y sinh : 10 người ; tòng bát phẩm y phó : 10 người ; chánh cửu phẩm y sinh : 23 người).

Bổ : Nguyễn Văn Vy làm Phó vệ uý vệ trung Thuỷ sư Nam Định ; Lê Hữu Ngẫu làm Phó vệ uý vệ Tả ; Trần Đình Đinh làm Phó vệ uý vệ Hữu.

Sai thự Thống chế là Trần Hữu Lễ đem 1.500 biền binh đến các vùng rừng lấy gỗ làm lầu rạp.

Việc xây dựng [vạn niên cát địa = sinh phần] ở Thuận Sơn chưa xong. Lại phái 1 Quản vệ, 300 biền binh và thuê thêm 2 nghìn dân phu Thừa Thiên đến làm việc.

Cho Quản cơ cơ Hậu nhuệ Tả quân là Vũ Văn Đẩu thăng thự Vệ uý vệ Hữu thuỷ Hải Dương ; Quản cơ cơ Hùng nhuệ là Phạm Văn Phụng làm Phó vệ uý vệ tam dinh Kỳ võ.

Nặc Yểm là em quốc vương Chân Lạp cũ Nặc Chăn từ nước Xiêm mang quân về nước. Năm trước Yểm không hoà với anh, phản lại anh, sang nương tựa nước Xiêm. Người Xiêm cho ở Bắc Tầm Bôn . Đến nay tướng Xiêm là Chất Tri về thành Vọng Các, chỉ để đầu mục Xiêm là bọn Ba Lặc[1] Đột ở lại cai quản vài ba trăm lính Xiêm phòng giữ. Yểm thất vọng với Xiêm đã lâu, vẫn mưu tính quay về đất cũ. Nay nhân lúc chúng sơ phòng, bèn họp bọn lũ đánh úp, giết lính Xiêm, bắt trói bọn Ba Lặc Đột 12 người, phóng hoả đốt nhà dân phía ngoài thành rồi mang gia quyến cùng hơn 9.000 thổ dân, hơn 800 chiếc thuyền và voi ngựa, súng lớn nhỏ, khí giới do đường thuỷ kéo về cuối địa giới phủ Hải Tây (22 thớt voi, 5 con ngựa, 2 thanh gươm vàng, 1 thanh gươm nạm lẫn vàng sắc vàng, vàng sắc đỏ, 420 khẩu vừa súng tay, súng xe, 17 chiếc đại đao và lưỡi việt, 895 thanh vừa đao vừa kiếm ngắn dài, 350 cây giáo búp đa 64 thanh xà cách, 1 thanh xà mâu, 1 thanh dao phạng, 9 thanh mác sắt, 3 chiếc trống, 33 chiếc chiêng đồng, thanh la đồng vừa lớn vừa nhỏ, 4 chiếc lưỡi lê súng điểu sang, 3 lá chắn gỗ, 13 chiếc bông tua bằng lông vừa thứ trắng vừa thứ đỏ, 2 thùng thuốc súng, 1.048 viên đạn chì, 85 cái bầu bằng gỗ), và cho người mang thư về trước xin binh tiếp viện, Trấn Tây Tướng quân là bọn

(1) *Ba Lặc* : tên quan chức của nước Xiêm.

Trương Minh Giảng bắt đầu được tin báo, trao mật kế cho viên phủ Hải Tây phái binh đón ở biên giới giết đi. Lại ngờ rằng người Xiêm hoặc có đuổi theo sau chăng, phái thêm 2 nghìn quan quân đóng chặn và tư đi lấy quân ở tỉnh An Giang để sách ứng, rồi làm tập mật tâu lên. Vua nói : "Tên Yểm là kẻ phạm phản bội, tội không thể tha, giết đi vốn không đáng tiếc. Nhưng bọn thổ dân nó mang về, thấy như thế không hiểu đầu đuôi, không khỏi kinh sợ. Làm như thế là thất sách". Khẩn cấp cho đi ngựa đem đạo dụ đến ngăn lại. Vừa lúc đó, thự Đề đốc Vũ Đức Trung đi tuần sát phủ Hải Đông, được tin tên Yểm đến đồn Sâm, tức thì đến nơi cùng với thự Tuyên phủ phủ Hải Tây là Nguyễn Song Thành, Phó lãnh binh là Tôn Thất Quỳ và bọn Quản cơ là Lê Văn Do, Cai đội quyền làm việc Phó vệ uý là Lê Tô họp ở trên cõi. Yểm đem mọi tình hình trình bày và đưa các tên can phạm đầu mục Xiêm là bọn Ba Lặc Đột dâng nộp. Bọn Đức Trung lấy lời ngọt vỗ về yên ủi. Yểm cúi đầu vâng lời theo dẫn về thành. Bọn Trương Minh Giảng bèn trích gia thuộc và bọn hùa theo của tên Yểm hơn 200 người, chia đi Gia Định, Vĩnh Long giam cấm, còn những thổ dân, giao cho Phủ, Huyện uý sở tại trông coi tuỳ nơi ghép cho chúng ở yên một chỗ, rồi đem việc tâu lên.

Vua xem sớ cả mừng nói : "Trù biện như thế là phải lẽ, rất hợp ý trẫm. Phải lập tức chọn một viên chức được việc làm người áp giải đường dài, đem tên Yểm, tên Ba Lặc Đột và 1 tên đầu mục người Man rất am hiểu tình hình giặc Xiêm xích khoá giải về Kinh và tư khắp cả cho các tỉnh từ Bình Thuận trở ra Bắc, phái lính hộ giải, giữ cho chúng sống về đến Kinh. Còn bọn đầu mục Xiêm là 11 phạm thì giết hết đi. Vợ con thân quyến tên Yểm cùng những bọn liều chết của nó, đem nghiêm cấm chờ xử án, tịch thu tài sản sung công. Ngoài ra, những đứa tôi tớ của chúng không biết gì, chia gán đi các tỉnh Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, giao cho dân quản thúc. Còn như số thổ dân theo về đông người, cũng vì khổ về sự ngược đãi của Xiêm, chứ chẳng phải yêu mến gì tên Yểm mà theo. Nay lúc mới đến, đói khát, tình cũng đáng thương, chuẩn cho chọn phái uỷ viên chức giỏi giang, đem binh và thuyền chở đến 6.000, 7.000 quan tiền, 2.000, 3.000 phương gạo, 300 phương muối chia ra từng hạng mà chẩn cấp cho họ. Những đầu mục liệu cấp cho sa, đoạn, bạc, tiền". Lại cho là bọn Vũ Đức Trung, khi dụ chưa phát tới nơi, biết tuỳ cơ đối phó với sự việc, không phải động đến chút binh đao, đều thưởng cho gia một cấp. Thưởng thêm cho : Nguyễn Song Thanh, Lê Văn Do mỗi người 1 đồng Phi long kim tiền hạng lớn ; Lê Tô thưởng 1 đồng Phi long kim tiền hạng nhỏ, lại thăng thự chức Phó quản cơ. Lại lấy biền binh ở An Giang, Vĩnh Long, Gia Định mỗi nơi 1.000 tên và ở Định Tường 500 tên, đem đến để phòng sai phái.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Cứ tình hình đã tâu về, thì giặc Xiêm sơ phòng, chắc đã thấy đích xác. Cho nên việc Yểm trói quan, đem quân lính chạy về, không ai ngăn trở. Xét ra việc giặc Yểm khởi sự giả sử giặc Xiêm được tin báo, có giăn giờ phái được quân tới nơi thì cũng đến mấy tháng mới tới Bắc Tầm Bôn : tưởng nơi này chính đương lúc hư không. Vậy dụ cho Tướng quân, Tham tán lập tức phái những đại viên Thổ mục như bọn Trà Long, Lâm Vu, La Kiên cho đem độ nghìn mấy trăm Thổ binh, mang theo 10 ngày lương kíp tiến đến san phẳng đồn Cần Sư trên đất giặc. Nếu giặc Xiêm dám kháng cự lại thì lập tức đánh cho một mẻ thực mạnh đến thẳng thành Bắc Tầm Bôn ; Nếu giặc nhiều quân giữ vững, thế không thể hạ được, thì riễu quân một ngày ở ngoài thành rồi lừa ban đêm rút lui. Thảng hoặc chúng đã bỏ thành từ trước, hoặc giữ không vững, thấy quân ta đến bỏ chạy ngay, thì nên lùng bắt. Hễ bắt sống được một tên đầu mục Xiêm, thưởng 10 lạng bạc, chém một thủ cấp thưởng 5 lạng ; bắt được một người dân Xiêm thưởng 10 quan tiền, chém một thủ cấp thưởng 5 quan. Những người Man, Thổ, Thanh, thì dồn trở về. Lúa ruộng, lương khô lấy hết để khao quân lính, còn bao nhiêu đốt đi. Súng lớn thì nêm miệng lại, hoặc chất củi thiêu huỷ, hoặc ném xuống sông xuống biển khiến giặc không bao giờ dùng được nữa. Rồi cũng tức tốc rút quân về, chớ nên ở lâu. Lại phái lấy 3, 5 võ chức người Kinh dưới quyền cho đi theo toán quân Thổ nói trên để xem chúng khi tiến lên, dừng lại thế nào, nhưng không được chỉ vẽ gì, để cho chúng phát triển được hết sở trường. Rồi lại phái Phó lãnh binh Tôn Thất Quỳ mang 400, 500 biền binh người Kinh tiếp theo sau, đóng giữ đồn Cần Sư để làm thanh viện. Cuộc hành quân này một mặt có thể thăm dò hư thực của giặc để mưu tính cuộc đại cử về ngày khác ; một mặt có thể xem bọn thổ mục có ra lực không, để thử trước sự hữu dụng của chúng trong ngày khác. Cơ hội không nên để lỡ, khéo thể ý mà thi hành. Thế rồi sau bọn Trà Long thoái thác, lấy cớ là lính Thổ hèn nhát, vả lại được tin giặc Xiêm đã có phòng bị, nên việc không thành.

Cho Án sát Quảng Yên là Nguyễn Đồng Khoa làm Lang trung bộ Hộ biện lý việc bộ.

Triệu đốc, phủ, bố, án các địa phương mỗi hạt 1 người đến tháng 2 sang năm về Kinh, để đến ngày khánh tiết theo ban vào chúc thọ (Tổng đốc Định - Biên Nguyễn Văn Trọng, Tổng đốc Hà - Ninh Phạm Hữu Tâm, Tổng đốc Long - Tường Đoàn Văn Phú, Tuần phủ Nam - Ngãi Vương Hữu Quang, Bố chính Quảng Trị Nguyễn Đăng Uẩn, Bố chính Quảng Bình Nguyễn Hợp, Bố chính Nghệ An Nguyễn Đình Tân, Bố chính Ninh Bình Trần Văn Trung, Bố chính Hưng Hoá Nguỵ Khắc Tuần, Bố chính Nam Định Trần Quang Tiến, Bố chính Thái Nguyên

Lê Trường Danh, Bố chính Lạng Sơn Trần Ngọc Dao, Bố chính Biên Hoà Phạm Duy Trinh, Bố chính Hà Tiên Nguyễn Trung Nghĩa, thự Bố chính Sơn Tây Nguyễn Văn Nhị, thự Bố chính Cao Bằng Phạm Trứ, thự Bố chính Phú Yên Đỗ Huy Cảnh, thự Bố chính An Giang Lê Quang Huyên, Án sát Quảng Ngãi Trương Quốc Dạng, Án sát Khánh Hoà Vũ Doãn Cung, Án sát Bình Thuận Nguyễn Quốc Cẩm, Án sát Định Tường Hà Thúc Giao, Án sát Hà Tĩnh Nguyễn Văn Liễu, Án sát Thanh Hoa Phạm Khắc Trạch, Án sát Bắc Ninh Phạm Thế Hiển, Lãnh binh Quảng Nam Nguyễn Văn Lượng, Lãnh binh Hưng Yên Trần Ngọc Cẩn, Phó lãnh binh Tuyên Quang Nguyễn Đăng Khánh. Tỉnh Hải Dương đã có Phó lãnh binh Nguyễn Văn Sự về Kinh, ở lại đến hôm khánh chúc). Lại cho rằng Hà Nội là nơi trọng yếu ở Bắc Kỳ, mà [Tổng đốc] Phạm Hữu Tâm có chỉ triệu [về Kinh vấng], chuẩn cho Tổng đốc Hải - Yên là Tôn Thất Bật đến tháng giêng năm tới đến trước Hà Nội quyền lĩnh ấn quan phòng Tổng đốc Hà - Ninh ; Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương tạm kiêm Tuần phủ Hải Dương quyền giữ ấn quan phòng Tổng đốc Hải - Yên.

Cho Hữu thị lang bộ Lễ là Nguyễn Thế Đạo làm Bố chính Bình Định, Lang trung bộ Binh là Vũ Viết Sỹ làm Án sát Quảng Yên, đều chuẩn cho tạm lưu lại ở Kinh để chúc mừng.

Vua cho rằng, chùa Khải Tường[1] ở Gia Định là nơi đất quý chung đúc điềm lành, dụ cho quan tỉnh đến tháng 4 sang năm triệu tập các tăng trong hạt đến chùa lập đàn tụng kinh ba tuần, tức là 21 ngày đêm, cứ mỗi tuần 7 ngày phát chẩn một lần.

Hoãn việc duyệt quân lính và khí giới ở các tỉnh Bắc Kỳ. Sang năm Canh Tý đến kỳ chọn phái đại thần văn võ chia đi kiểm duyệt. Vì gặp ngày khánh tiết, nên hoãn. Biền binh các tỉnh ở ngoài, hằng năm đến tháng 2 có lệ tập họp đủ để thao diễn, sang năm tới cũng chuẩn cho đến kỳ, đều chiếu những binh đương tại ban mới thay phiên nhau thao diễn mà thôi.

Sửa xây dựng lại bên tả bên hữu và phía sau mặt trong Kinh thành. (Trước nhân mưa lụt, bị sụt lở, chạy dài hơn 80 trượng). Sai Chưởng phủ Tả quân là Phạm Văn Điển trông coi công việc.

Bổ : Phan Văn Sự làm Vệ uý vệ Nghệ An, Tống Hữu Đường làm Phó vệ uý vệ tả Hà Tĩnh, Nguyễn Hữu Lợi làm Phó vệ uý vệ Uy võ, Trần Văn Soạn làm Phó vệ uý vệ Tráng võ.

---

(1) Nơi sinh của Minh Mệnh từ năm Tân Hợi (1791).

Đổi đặt lại các phủ huyện ở An Giang, Hà Tiên. Trước đây, tập thỉnh an của thự Bố chính An Giang là Lê Quang Huyên nói : Những phủ huyện mới đặt trong hạt tỉnh ấy : như 2 phủ huyện Ba Xuyên, Ô Môn, địa giới ở lẫn vào các thôn Hoà Mỹ, An Thái thuộc huyện Vĩnh Định ; 2 huyện Chân Thành, Ngọc Luật địa giới ở lẫn vào các thôn Toàn Thịnh, Vĩnh Nguyên thuộc Tây Xuyên. Dân Kinh, dân Thổ cùng ở lẫn lộn với nhau mà không cùng thuộc với nhau. Xin chiểu theo sự liên tiếp mà chia lệ thuộc lại để dễ xử trí. Vua nói : "Toàn hạt Trấn Tây đã lệ thuộc vào bản đồ [nước nhà], đã đặt phủ huyện, bổ lưu quan. Nếu Kinh riêng ra Kinh, Thổ riêng ra Thổ, thì sao cho thay đổi phong tục mà đồng hoá được ư ? Bèn sai Trấn Tây thảo luận, uỷ cho một viên Tham tán hoặc Hiệp tán đến tận nơi hội khám, tuỳ theo địa thế mà thiết lập, rồi làm bảng đệ tâu. Đến nay tờ tâu dâng lên, vua chuẩn cho :

Phủ Tuy Biên trích lấy huyện Ngọc Luật (huyện thổ cũ) hợp vào với huyện Tây Xuyên làm một huyện. Lại lấy huyện Ô Môn (huyện thổ cũ) đổi tên là huyện Phong Phú cho thuộc vào phủ ấy. Phủ nha kiêm lý huyện Tây Xuyên, thống hạt Phong Phú.

Phủ Tân Thành trích lấy 3 tổng của huyện Vĩnh An đặt riêng làm huyện An Xuyên. Lại lấy huyện Đông Xuyên (trước thuộc phủ Tuy Biên), lệ thuộc vào phủ ấy. Phủ nha kiêm lý Vĩnh An, thống hạt An Xuyên, Ba Xuyên.

Còn phủ Ba Xuyên nguyên là thổ phủ chia đặt làm 2 huyện Phong Nhiêu, Phong Thành. Lại lấy huyện Vĩnh Định (nguyên thuộc phủ Tân Thành) lệ thuộc vào phủ ấy. Phủ nha kiêm lý Phong Nhiêu, thống hạt Phong Thịnh, Vĩnh Định và lệ thuộc về quản hạt tỉnh An Giang.

Huyện Chân Thành (nguyên huyện thổ), địa thế rộng xa, lấy 4 tổng về tả ngạn sông Vĩnh Tế (đinh số hơn 1.040 người, điền thổ hơn 1.150 mẫu) đặt làm huyện Hà Âm ; 4 tổng về hữu ngạn sông ấy (đinh số hơn 1.480 người, điền thổ hơn 2.080 mẫu) đặt làm huyện Hà Dương. Đặt thêm phủ Tĩnh Biên để thống trị. Phủ nha kiêm lý huyện Hà Âm, thống hạt huyện Hà Dương và đổi thuộc về quản hạt Hà Tiên.

Xuống dụ rằng : phàm dân Kinh ở địa phận huyện hạt mới, cho phép được riêng xã thôn, thuộc lưu quan huyện mới quản trị. Dân Thổ ở địa phận huyện hạt người Kinh, cũng cấp cho tên họ, trích theo về huyện kinh quản trị để cho [Kinh, Thổ] nhà ở làm ăn cùng xen lẫn, trông nhau mà bắt chước lẫn nhau. Nhưng phải ngăn cấm dân Kinh không được khinh dân Thổ chất phác ngu dần mà có ý lấn áp. Duy có ngạch binh các cơ, đội, dồn lập từ trước đều có nơi sở thuộc, cứ để như cũ không thay đổi (2 cơ An Biên nhất nhị, nguyên quán ở huyện Chân Thành ;

cơ tam nguyên quán ở huyện Ngọc Luật, cơ bát Trấn Tây quán ở phủ Ba Xuyên). Lệ thuế dân Thổ cũng tạm theo tục cũ, chờ sau sẽ bàn.

Định lệ thưởng phạt về việc khai khẩn ruộng hoang ở Nam Kỳ. (Hạt nào khẩn thêm đến 800 mẫu trở lên : về quan tỉnh, thưởng gia 1 cấp ; 600 mẫu trở lên, thưởng kỷ lục 2 thứ và 3 tháng tiền lương, 200 mẫu trở lên, thưởng kỷ lục một thứ. Về phủ huyện : 300 mẫu trở lên, thưởng kỷ lục 1 thứ và 3 tháng tiền lương ; 200 mẫu trở lên kỷ lục một thứ ; 150 mẫu trở lên, thưởng mỗi viên Phi long ngân tiền lớn nhỏ mỗi hạng một đồng ; 100 mẫu trở lên, thưởng ngân tiền nói trên mỗi thứ 3 đồng. Về Cai phó tổng : 100 mẫu trở lên thưởng 15 quan tiền, 50 mẫu trở lên, 80 quan. Về Xã, Thôn trưởng : 200 mẫu trở lên thưởng 20 quan tiền ; 100 mẫu trở lên, 18 quan ; 50 mẫu trở lên, 10 quan ; 20 mẫu trở lên 4 quan. Lại chiểu theo đồng ruộng trong hạt, số bỏ hoang và số thành thuộc nhiều ít thế nào, và đem số đã tăng khẩn được dồn vào để đối tính : chia ra làm 100 thành, hạt nào số ruộng bỏ hoang không tới 1 thành thì quan tỉnh phạt 3 tháng lương, phủ huyện [hạt mình bỏ hoang] đến hơn 2 thành, phạt 1 năm lương ; hơn 1 thành phạt 9 tháng lương ; không tới 1 thành phạt 6 tháng lương. Cai phó tổng 100 mẫu trở lên phạt 100 trượng, cách dịch ; 70 mẫu trở lên, 90 trượng, lưu lại làm việc ; 30 mẫu trở lên, 60 trượng. Lý dịch, từ 50 mẫu trở lên phạt 100 trượng, bãi dịch ; 20 mẫu trở lên, 90 trược, cho lưu làm việc ; 50 mẫu trở lên, 60 trượng).

Bộ Hộ tâu nói : từ Bình Thuận trở ra Bắc chí các Trực tỉnh, ruộng đất bỏ hoang còn nhiều ; gián hoặc cũng có những ruộng thực canh mà ghi ở sổ là bỏ hoang và ruộng đã khẩn rồi mà chưa báo để nộp thuế. Xin bắt đầu từ tháng giêng sang năm, hạn cho trong 6 tháng, cho phép chủ ruộng hoặc lý dịch khai trình thú ra. Những ruộng thực canh thì theo từng hạng bắt đầu thu thuế ; ruộng mới khẩn thì gia hạn cho 3 năm mới thu và miễn cho tội ẩn lậu. Nếu quá hạn không khai thú, khi bị phát giác, lập tức gia bậc trị tội nặng. Còn như những ruộng để hoang chưa khẩn, thì do quan địa phương khuyến khích, đôn đốc khai khẩn, cứ đến cuối năm, đem số ruộng hoang ruộng khẩn làm chung danh sách tâu lên, do bộ xét để xử lý. Các quan tỉnh, phủ, huyện cùng Tổng lý thì chiểu số ruộng khẩn được nhiều hay ít mà phân biệt thưởng hoặc phạt, nhất thiết theo như thể lệ ở Nam Kỳ. Vua cho lời tâu là phải.

Vua ngự điện Văn Minh, cho đình thần mỗi người 1 bình thuốc chống rét, cho phép lên lạy tạ ở trên điện, để khỏi giá rét. Lại xuống dụ : số gạo ngạch lương từ tháng giêng đến tháng 6 sang năm của hoàng tử công, thân công, cùng các quan văn võ, được đổi phát bằng gạo trắng có thứ bậc, mỗi người một khác.

Tạm hoãn công việc sửa làm các nơi trong Kinh. Vua dụ : "Sang năm gặp kỳ chính thọ 50 tuổi của trẫm, chiểu theo lời các quan thành kính cầu xin cử hành điển lễ khánh chúc. Hiện nay đang cho cất dựng lầu kết hoa và sửa sang qua trong ngoài Kinh thành, rất nhiều công tác. Nhưng nay đến kỳ rét dữ, luôn hằng ngày mưa rét, thà trẫm cho hoãn công tác, chứ không nỡ sai binh sĩ xông pha gió rét. Chuẩn cho lập tức truyền Chỉ : nhất thiết các công trường đều tạm hoãn 1, 2 ngày, chờ tiết trời hơi tạnh ráo sẽ bắt tay làm cũng chưa muộn. Thảng hoặc đôi nơi trong năm chưa làm xong, tạm để đến sang năm ; sao nỡ nhìn người ta chịu rét mướt mà không thương xót. Phải đem [lệnh] này truyền dụ cho mọi người đều biết.

Chuẩn cho dân và các thợ các hạt đã được thuê mướn thoả thuận về Kinh làm việc, chia từng hạng mà thưởng cấp tiền cho hạng nhất 7 quan, hạng nhì 5 quan, hạng ba 3 quan.

Đặt thêm tiết mục làm lễ về nghi tiết phiên chầu. Bộ Lễ tâu nói : sang năm Kinh gặp đại khánh tiết thọ 50 tuổi của Hoàng thượng, đầu xuân có ban bố ân chiếu, xin cho tuyên đọc ở trên lầu Ngọ Môn (Lệ cũ, ân chiếu đều tuyên đọc ở điện Thái Hoà. Sang năm, tết Nguyên đán, Nội các mang sẵn ống kim phượng đựng tờ bảo chiếu đến đặt lên trên cái án sơn vàng ở gian giữa tiền điện điện Thái Hoà. Đợi khi làm lễ khánh hạ xong, quan tuyên chiếu đến trước án sơn vàng, bưng ống kim phượng tự thềm giữa bước xuống, do lối chính giữa đi ra. Hai viên Nội các đi theo hộ vệ, nhã nhạc dẫn trước, tán, lọng che lên. Đi qua cầu Trung Đạo, chuyển qua phía đông lên lầu Ngọ Môn, đặt ống kim phượng lên trên án thếp vàng ở gian chính giữa, rồi quan tuyên chiếu và 2 viên Nội các đều vào đứng ở phòng xép phía đông. Hoàng tử, các tước công và văn võ trăm quan theo ra đứng vào ban : tam phẩm trở lên đứng vào ban ở trước sân Ngọ Môn, tứ phẩm trở xuống đứng vào ban ở phía nam cầu Kim Thuỷ. Khi đứng vào ban chỉnh tề rồi, quan tuyên chiếu đến phía tả trên thềm gian chính giữa lầu cửa ấy, đứng quay mặt về phía nam tuyên rằng : "Có chiếu". Các quan đều quỳ. Hai viên Nội các bưng chiếu thư đến giở ra. Quan tuyên chiếu đứng nguyên chỗ cũ, quay mặt hướng nam tuyên đọc. Đọc xong, hai viên Nội các lại để tờ chiếu vào ống kim phượng, rồi đều lui ra. Các quan làm lễ tạ ơn xong thì chia ban. Quan tuyên chiếu liền đem sợi dây màu buộc ống chiếu rồi luồn vào cái vòng ở mỏ con kim phượng, bưng ra ngoài lan can cầm dây màu dòng xuống. Một viên đường quan bộ Lễ tiếp nhận ống chiếu, đặt vào chiếc mâm, vẽ hình mây ở trên long đình, lại lấy dây màu chằng buộc, vệ Loan nghi khiêng đi, tàn lọng che lên, nhã nhạc nghi trượng đi trước đạo dẫn. Bộ Lại, bộ Hộ mỗi bộ một viên đường quan mũ áo đi theo, rước chiếu đến lầu Phu Văn dán treo lên. Viên

Kinh doãn và Kỳ lão Thừa Thiên theo lệ làm lễ lạy tờ chiếu. Lại xét các điển lễ nhà Minh, khi trăm quan chầu mừng có lễ tung hô vạn tuế, cũng xin châm chước cho thi hành (sau khi làm lễ khánh hạ ở điện Thái Hoà xong, đã chia ban rồi, viên tán xướng bước ra khỏi vị trí của mình xướng : "tung hô" thì các quan đều chắp tay giơ lên trán hô : "Vạn tuế" ...Lại xướng "tung hô" các quan lại chắp tay giơ lên trán như lần trước hô "Vạn tuế". Lại xướng "tung hô", các quan lại chắp tay giơ lên trán hô : "Vạn vạn tuế", tất cả 3 lần tung hô, biền binh và bọn ca nhạc đều đồng thanh hô theo). Còn như tiết Nguyên đán hằng năm vẫn theo nghi thức cũ. Duy từ đây nếu có điển lễ lớn, ban bố ân chiếu, đều đọc chiếu ở lầu Ngọ Môn. Về nghi tiết các quan tung hô, hễ gặp kỳ đại khánh tiết cũng chiểu theo lệ ấy. Vua theo lời.

Định lệ thuế hộ lấy yến ở Hà Tiên (Hộ yến 21 người ; thuế thân dao dịch đều miễn. Mỗi năm mỗi người nộp 10 lạng yến, chia làm 3 hạng yến, hạng nhất hạng nhì hạng ba, mỗi hạng 1 thành).

Cho Lang trung bộ Hộ biện lý việc bộ là Phan Thanh Giản làm Thông chính phó sứ vẫn biện lý việc bộ Hộ, lại sung Đại thần viện Cơ mật.

Bổ : Tôn Thất Bạch làm Hữu tham tri bộ Lại, Nguyễn Văn Tuân làm Lang trung bộ Lại, Lê Giáp làm Lang trung bộ Binh, chuyên trông coi 2 kho súng lớn súng nhỏ và thuốc súng, Trần Văn Triện làm Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung.

Cho Hữu thị lang bộ Lại là Hoàng Văn Diễn thăng thự Tả tham tri, vẫn sung làm Sư bảo các hoàng tử còn bé ; Hữu tham tri bộ Hình là Phan Bá Đạt chuyển bổ sang tả Tham tri bộ Lễ ; Lang trung bộ Công biện lý bộ vụ là Phạm Sĩ Ái chuyển bổ sang Lang trung bộ Binh ; thự Lang trung bộ Hộ là Nguyễn Tự và Binh khoa Chưởng ấn là Tô Trân đều bổ thụ Lang trung bộ Lễ, cùng với Lang trung bộ Hình là Đinh Văn Huy, Lang trung bộ Công là Nguyễn Văn Điển đều biện lý công việc các bộ ấy ; Lang trung bộ Công là Nguyễn Nghị thăng thự Thông chính phó sứ vẫn biện lý công việc ở trường kho.

Đổi định lại lệ tiền dưỡng liêm cho phủ, huyện, châu các hạt : (Phàm Tri phủ, đồng Tri phủ, Tri châu, Tri huyện, bất cứ là thự hàm hay thực thụ, đều chiếu hạng khuyết mà cấp cho tiền và gạo (tính thành tiền). Về khoản dưỡng liêm : Hạng tối yếu khuyết : Tri phủ, 60 quan, đồng Tri phủ 50 quan, Tri châu, Tri huyện đều 40 quan. Hạng yếu khuyết : Tri phủ 50 quan, đồng Tri phủ 40 quan, Tri châu Tri huyện đều 40 quan. Hạng trung khuyết : Tri phủ 40 quan, đồng Tri phủ 30 quan, Tri châu Tri huyện đều 30 quan. Hạng giản khuyết : Tri phủ 30 quan, đồng Tri phủ 25 quan, Tri châu Tri huyện đều 20 quan. Gián hoặc có viên nào bị giáng phạt,

chỉ chiết trừ tiền lương về phẩm trật, còn tiền dưỡng liêm vẫn cho lĩnh vào cuối kỳ 3 tháng).

Sai Tổng đốc Hải - An là Tôn Thất Bật tuân theo nghị xử 2 bang hộ chài : Khai Vĩ, Hà Cổ. Trước đây, bọn hộ chài Thái Hợp Lợi tình nguyện làm dân khai vào sổ hộ nộp thuế. Cách xử lý của nguyên Tổng đốc Nguyễn Công Trứ trái với nghị cũ, nên lại sai bộ Hộ bàn định kỹ lại. Đến nay lời nghị dâng lên, cho rằng : bọn hộ chài xưa nay cư trú ở mặt biển, đi về tự do, cho nên nghị trước bắt họ đem gia quyến đến cùng ở, để cho có căn cứ. Nhưng những kẻ xin lên cạn ở chẳng được bao nhiêu, lại quen thói cũ, cứ hằng năm tháng tư quay thuyền về, tháng 8 lại sang, thì họ là người chài lưới hay là cướp giặc, rất khó phân biệt thực giả. Chúng chợt đi chợt về, vẫn không người tóm cai quản, như vậy thì giữ sao cho giặc biển được ninh thiếp lâu dài ư ? Nay chính là lúc bọn chúng đến, xin sai Tổng đốc Tôn Thất Bật chọn một viên làm việc giỏi đến họp với tỉnh thần Quảng Yên, đòi đầu mục các bang đến, hiểu thị về uy đức của triều đình để chúng biết cảm mộ. Và sức chúng đem trước gia quyến đến làm nhà ở. Bọn người trong bang, hãy hạn cho 2 năm, dần dần lên ở trên đất hết. Lại sai chúng đem người và thuyền theo sự thực làm sổ đệ nộp. Về nhân đinh, bất luận ở trên đất hay ở thuyền đều theo lệ thuế người nước Thanh mà đánh thuế, duy có đầu mục miễn thuế cho một năm để có khác với người trong bang. Còn thuyền thì ấn định làm 3 hạng, tiền thuế thì đổi nộp bằng hoa ngân [bạc đồng]. (Thuyền rộng chưa đến 5 thước, mỗi năm nộp 8 đồng hoa ngân ; 5 thước đến 10 thước 9 tấc, nộp 20 đồng ; 6 thước trở lên nộp 15 đồng). Đầu thuyền đã sơn màu lục, nay xin cho khắc 1 bên những chữ : "Quảng Yên thuế thuyền" [thuyền chịu thuế của Quảng Yên], một bên khắc tên họ chủ thuyền, bất tất phải phát chỉ bài riêng. Lại cho viết bằng mực 4 chữ lớn "Quảng Yên thuế thuyền" [thuyền chịu thuế của Quảng Yên] ở trên lá buồm để dễ nhận. Còn khi ra biển đánh cá, cho được tuỳ tiện sinh nhai ; duy khi muốn về nước Thanh thì phải bẩm tỉnh, không được tự tiện đi về.

Vua nói : "Buổi đầu sửa sang cũng nên làm dần dần. Việc định hạn lên ở trên đất tưởng chưa được thoả mãn nhân tâm hết thảy, nên cho mỗi thuyền một vài người lên trên đất làm nhà ở để dễ việc liên lạc. Thân thuế hãy tạm cho khoan miễn. Ngoài ra cho theo lời nghị thi hành".

Định rõ những điều lệ cấm trong việc kiểm tra thuyền buôn của người nước Thanh. (Phàm những Trực tỉnh có phận biển, khi tiếp được báo có thuyền người nước Thanh đến buôn bán, phải tức thì phái phủ huyện sở tại hoặc một viên tá lĩnh thuộc tỉnh là người thanh liêm sáng suốt giỏi khám xét, đến nơi thuyền đậu hội với

viên Tấn thủ cho đòi chủ thuyền đến hiểu thị, bắt làm sổ kê khai số khoang và nhân khẩu trong thuyền. Trong sổ phải bắt cam đoan rõ ràng những câu như sau : "Nếu có ẩn giấu những tạp hoá thường hay hàng hoá quý như châu, ngọc, nhiễu đoạn thì cam chịu tính số tang vật nghĩ tội, những hàng hoá ẩn giấu ấy đều sung công ; nếu dám mang theo thuốc phiện là vật cấm hay người Tây dương hay thư tín của Tây dương xin cam chịu tội xử tử, thuyền và của cải đều sung công, không dám hối hận". Xong rồi khám xét cho kỹ. Nếu khám thấy thuốc phiện, lập tức bắt giải, chiếu theo lời nghị trước của bộ Hình mà xử tội. Nếu thấy có người Tây dương hay thư tín của Tây dương, khi ấy phải làm bản tâu lên chờ Chỉ. Ngoài ra nếu khám thấy những hoá vật ẩn giấu, chiếu theo thứ hạng và số tang mà luận tội. Tựu trung : như chè, thuốc bắc, đồ dùng hết thảy các tạp hoá, tang từ 1 lạng trở lên đến 10 lạng, phạt 50 roi, cứ mỗi 10 lạng lại gia một bậc, tội chỉ đến phạt 100 trượng là cùng. Châu ngọc, gấm đoạn..., tang tự 1 lạng trở lên đến 5 lạng, phạt 50 trượng, cứ mỗi 5 lạng lại gia một bậc, tội chỉ phạt đến 100 trượng và đồ 3 năm là cùng. Những hoá vật ẩn giấu đều sung công. Nếu phái viên kiểm tra không chu đáo hay cố tình dung túng, khi bị phát giác ra sẽ chiếu luật gia bậc trị tội. Địa phương sơ suất không xét ra cũng bị xét nghĩ. Căn cứ vào số tang vật bắt được chia thành 10 thành, 5 thành sung công, 5 thành thưởng cho người cáo giác. Nếu thuyền buôn không có tình tiết gì [gian lậu], mà phái viên và Tấn thủ tạ sự quấy nhiễu đều phải xét xử nghiêm ngặt.

Sai Hà Nội đem số tiền hiệu cũ chứa ở kho, hợp với số đồng khối đúc thêm tiền đồng Minh Mệnh hạng lớn ở cục Bảo tuyền cũ.

Trạm Thuận Phan thuộc Bình Thuận có người phu đi thay đem chôn bỏ ống công văn trạm. Việc phát giác ra, tên can phạm bị xử tử. Viên dịch thừa bị bãi chức, Niết ty là Nguyễn Quốc Cẩm bị giáng 2 cấp, Tuần phủ là Tôn Thọ Đức giáng 1 cấp. Vua sai thông dụ các địa phương : "Từ nay phải lưu tâm răn bảo, nếu còn có cái tệ ấy thì viên Án sát chuyên coi việc trạm và Tổng đốc, Tuần phủ đầu tỉnh cho chí các dịch thừa, dịch mục, đều gia bậc trị tội".

Bộ Hộ tâu nói : các hộ biệt nạp ở Gia Định có 4 nậu[1], làm đồn điền người Trung Quốc cộng 236 người, mỗi người mỗi năm nộp 6 quan tiền thuế, người già và tàn tật thì nộp một nửa. Xét ra bọn chúng vốn từ nước Thanh đến, tuy không ở cùng bang với người nước Thanh, nhưng lệ thuế há nên có chỗ khác nhau. Duy có căn cứ vào quán chỉ trong sổ thì đều là ở thôn xã các tỉnh Nam Kỳ. Chẳng rõ chúng

(1) Tức là xóm hoặc giáp.

nguyên là người nước Thanh mà mạo khai quán chỉ, hay hoặc là dân ta mà mạo theo số người Trung Quốc, để cầu miễn binh dao chăng ? Vậy xin sai các quan tỉnh xét lại, người nào xét thực là người dân ta quê quán ở Nam Kỳ thì rút về chịu sai dịch. Nếu người nào đã thành gia sản, xin phụ đăng tịch vào nơi ngụ cũng cho. Còn những người nước Thanh thì sáp nhập vào các bang thuộc tỉnh chiếu theo lệ người Minh Hương[1] đánh thuế (người có vật lực đóng thuế 2 lạng bạc, người không vật lực, đóng 1 lạng bạc). Vua theo lời bàn.

Huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây có Tổng mục là Nguyễn Uyên, nhân trong hạt nước mưa lụt rẫy lên, mưu phá con đê tư của huyện Chương Đức tỉnh Hà Nội để thông nước, đem việc thỉnh cầu với huyện mình. Viên Tri huyện là Vương Lệnh Điển lập tức cùng với Suất đội bảo Hữu Ná là Phạm Văn Long thân đem binh dân và thuyền mang theo súng, khí giới vượt địa giới mà đến. Bị dân sở tại ngăn giữ, y bèn cho thổ dân đi theo nổ súng bắn 7 người bị thương, 4 người bị chết. Việc đến tai vua, vua lấy làm lạ, sai tỉnh Sơn Tây bắt giải về Hà Nội tra xét. Án dâng lên, xin khép Nguyễn Uyên vào tội giảo giam hậu. Vua cho là việc không khác gì giặc cướp. Nguyễn Uyên chuẩn cho lập tức đem lăng trì xử tử ; Lệnh Điển, Văn Long, đổi làm giảo lập quyết, đừng đợi đến sau khi bãi bỏ cấm lệnh mới hành hình.

Tổng đốc Hải - Yên là Tôn Thất Bật dâng sớ xin thuê mướn dân đào lấy than mỏ (núi An Lãnh ở Đông Triều sản than mỏ. Trước đây bộ tư đào lấy 10 vạn cân, đến kỳ tải, đưa về nộp Kinh). Vua phê bảo : "Nhân dân hạt ngươi vừa mới được hồi lại yên vui, sao nỡ đem việc không cần kíp làm mệt nhọc người ta, chầm chậm lại cũng chưa muộn gì". Bật tâu nói : dân hạt ấy sau khi xảy ra gặp tai hại riêng, lại bị luôn vụ mùa tổn thất, đời sống có điều khó khăn, chúng đều tình nguyện đi làm thuê trông vào tiền công để nuôi thân. Vua bèn cho làm.

Các cơ lính Thổ Trấn Tây về Kinh làm lầu, rạp. Vua nghĩ tình chúng chưa có lệ lĩnh lương bổng, chuẩn cho những người hiện đã về Kinh : 1 Quản cơ, mỗi tháng phát 3 quan tiền, 1 phương gạo ; 2 Suất đội, mỗi người 2 quan tiền, 1 phương gạo, 100 binh lính, mỗi người 1 quan tiền, 1 phương gạo.

Tên lính thuộc cơ Hà Nội là Hồ Văn Cầu, xông vào cửa Đại cung, bị lính Cẩm y bắt được, giao bộ Hình bàn tội khép và tội xử tử. Quản cơ Tạ Quang Tri, cách chức làm lính, phát đến sở làm lầu, rạp, làm việc chuộc tội.

Vua cho rằng việc cấm ngăn ở cửa sơ suất phải nên chỉnh đốn lại. Sai quan có chức trách ở hai cửa Nhật Tinh, Nguyệt Ba, hai bên tả hữu cửa Đại cung và sân

(1) Người nước Minh trước, nhập tịch nước ta.

rồng, ban ngày mở một nửa để tiện cho quan quân do đó ra vào ; ban đêm sau khi đốt ống lệnh thì đóng lại. Gặp khi có ngự giá cần đi qua thì dỡ bỏ đi cả. Sau khi xa giá về cung, lại ngăn đóng như cũ. Lại chuẩn cho bộ Binh truyền chỉ : các viên chức văn võ coi giữ các cửa : Ngọ Môn, Hiển Nhân, Chương Đức, Địa Bình ở Hoàng thành, cửa Đại cung ở cung thành và các cửa Nhật Tinh, Nguyệt Ba phải chiểu theo số người coi giữ đã nói trong nghị định mà ứng trực. Phàm quan quân ở Kinh cùng quan ngoài về Kinh đáng được ra vào các nơi đó, phải có tờ tư, sức của 3 bộ Lại, Lễ và Binh thì mới cho đi qua. Ngoài ra, những nhân viên gián tạp và binh lính các tỉnh cho chí bọn thường dân đàn ông, đàn bà, không được trà trộn qua đó ; ai trái lệnh, bắt để trị tội. Hồ Văn Cầu sau được đổi giảm cho tội chết, phát đi sung quân bảo Côn Lôn ; Tạ Quang Tri được khởi phục làm chức Cai đội.

Tỉnh Quảng Trị gạo kém, vua sai phát một vạn phương gạo kho ở Kinh chở đến giảm giá bán ra.

Định rõ lại điều lệ cấp thông hành đi qua các đồn ải cửa biển (Những quan chức, văn võ, lại dịch binh lính, ở Kinh hoặc nhân được phái đi việc công, hoặc đi việc công trở về, và có việc riêng về quê, đi qua nơi đồn ải, cửa biển, đường bộ như đồn các ải Hải Vân, Quảng Bình, Võ Thắng ; đường thuỷ như đồn các cửa biển Thuận An, Cảnh Dương, Chu Mãi, Việt An, Tùng Luật, Nhật Lệ, thì văn do bộ Lại, võ do bộ Binh chiếu cấp giấy thông hành. Duy các quan văn võ sai khiến gia nhân có việc đi ra ngoài các đồn ải, thì quan văn từ tam phẩm, võ từ nhị phẩm trở lên, được tự cấp giấy lấy. Còn quan văn từ tứ phẩm, quan võ từ tam phẩm trở xuống, đều phải do quan văn tam phẩm, quan võ nhị phẩm trở lên xét thực cấp cho chứng chỉ, nhưng cho đóng triện tư, không được đóng ấn công, nơi đi và kỳ hạn. Số người thuê đi đài tải, chỉ kê là mấy người, không cần kê rõ tên họ, quê quán.

- Các hạng thợ làm việc ở Kinh, nếu có phái đi hạt khác và khi đi trở về, do bộ Công cấp chứng chỉ. Những vợ con gia quyến của tù phạm tình nguyện theo tù phạm đến nơi phát phối, hoặc khi được trở về quê quán, ở Kinh thì do bộ Hình cấp chứng chỉ, ở các tỉnh thì do quan địa phương cấp. Khi đi qua đến Kinh, do bộ cấp thay giấy khác.

- Những gia quyến quan lại ở Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, những người sĩ, dân, công, thương trong các hạt ấy, cùng những người hạt khác ngụ tại trong Kinh kỳ, nếu có việc đi đâu qua nơi cửa biển thì : thường dân tường với phủ huyện, gia quyến quan lại tường với Kinh doãn và Đốc, Phủ, Bố, Án là các ấn quan, để cấp cho thông hành thì mới được đi. Đề đốc, Lãnh binh trở xuống không được

cấp giấy. Nếu thân thuộc, gia đình của các quan ở Kinh quê ở hạt xa, về Kinh thăm hỏi các viên quan ấy và người các tỉnh ngoài nhân có việc về Kinh, bất cứ đường thuỷ đường bộ thì thường dân cũng do phủ huyện cấp giấy chứng chỉ ; còn thân thuộc quan lại, được do Lý trưởng nhận thực đến xin phủ huyện sở tại gần nhất xét thực cấp cho thông hành. Gián hoặc ngụ cư chỗ tiếp cận với tỉnh thành hay phủ huyện lỵ, nếu xác thực có làng bảo nhận thực, thì bất cứ ở hạt ấy hay hạt khác đều được do các ấn quan như đốc, phủ, bố, án hay phủ, huyện ấy mà lĩnh chứng chỉ, tuỳ theo sự cận tiện. Đến như dân các hạt có tình trạng oan ức về Kinh khiếu nại, nếu có nói thác ra duyên cớ gì mà xin chứng chỉ thông hành thì cũng cho.

- Người các hạt từ Quảng Nam trở vào Nam đi qua các địa phương từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, và người Hà Tĩnh trở ra Bắc đi các địa phương từ Quảng Nam trở vào Nam, thì : thường dân do phủ, huyện cấp giấy thông hành, khi qua đến Kinh, do Thừa Thiên thay cấp thông hành khác ; thân thuộc quan lại thì do quan tỉnh hoặc phủ huyện cấp thông hành, khi về qua đến Kinh, do bộ thay cấp giấy khác. Những người ở từ Hà Tĩnh trở ra Bắc và ở Quảng Nam trở vào Nam về đến Kinh không đi qua cửa biển cửa ải nào, thì cho được do các quan lại hoặc Tổng lý cấp chứng chỉ ; nhưng Tổng lý chỉ được cấp cho những người trong tổng xã mình, không được cấp bừa cho người khác.

- Giấy tờ thông hành đường thuỷ, đường bộ, theo lệ thì phụ nữ, nhi đồng, không phải ghi vào trong giấy, còn thì đều phải ghi rõ tên tuổi và kỳ hạn đi về. Thảng hoặc mắc có việc gì hay giữa đường bị yếu đau mà lỡ kỳ hạn, thì được do ấn quan sở tại thay cấp cho giấy khác. Viên nào lĩnh chứng chỉ thông hành cho gia nhân mà lại có sự trá mạo thì cứ người gia trưởng mà hỏi tội. Quan ở bộ và Đốc Phủ, Bố, Án cho chí phủ huyện sở tại mà trái lệ cấp bừa đều trị tội một cách xứng đáng.

- Ở Quảng Bình mà đi từ bến Động Hải chuyển ra cửa biển Nhật Lệ rồi do đường biển vào cửa biển Linh Giang, ở Quảng Nam mà đi từ bến Thanh Khê, do đường biển đến bến Thừa Phúc ở Thừa Thiên, thì 2 độ đường vượt biển này đều cấm, do 2 đồn Hải Vân, Nhật Lệ nghiêm ngặt xét hỏi. Nếu để kẻ gián điệp ngầm lén vượt được thì kẻ phạm cùng chủ thuyền đều bị chiểu luật trị tội, 2 viên Tấn thủ cũng bị nghiêm nghị.

Phàm những hành khách thuỷ bộ đi qua đồn, ải, viên thủ đồn cùng viên chức, sai dịch trong đồn, nếu thấy ai không có chứng chỉ hay nhân số không phù hợp thì lập tức bắt giải lên thượng ty hạt ấy xét hỏi : nếu dụng tình cố ý dung túng, thì phát

giác ra, sẽ trị tội theo như tội kẻ phạm ; nếu có sách thủ tiền của thì tính tang vật theo điều luật nặng luận tội. Còn như nhân số phù hợp, không nghi ngờ gì thì lập tức đăng ký vào sổ rồi cho đi không được bắt buộc sao nộp giấy tờ, làm khó dễ, yêu sách tài vật, nếu trái lệnh, tuỳ theo nặng nhẹ trị tội. Quan thượng ty sở tại không chịu răn bảo cũng giao bộ xét xử).

Định hạn Nhà nước cấp quân phục cho biền binh trong các hiệu thuyền bọc đồng của Thuỷ sư. (Thuyền nào phái đi vùng biển nước ngoài, tính hành trình xa gần làm thứ bậc. Tựu trung đi Tiểu tây xa hơn, mỗi chuyến đi được tính trừ đi 2 năm (niên hạn cấp quân phục) ; đi Giang Lưu Ba, Tam Ba Lăng, Lã Tống đường hơi xa, cứ 2 chuyến đi được tính trừ đi 3 năm ; đi Tân Gia Ba, đảo Tân Lang, Ma Lục Giáp đường gần hơn, mỗi chuyến đi trừ đi 1 năm. Thuyền nào không sai phái, biền binh chỉ lưu ở thuyền để giữ thuyền, thì cứ 2 năm tính là 1 năm. Cứ từ năm lĩnh trước mà tính trừ đi, khi nào đủ hạn 10 năm thì cấp cho quân phục khác ; chưa đến hạn mà làm hư hỏng, bắt phải đền.)

Hộ vệ ty là Tôn Thất Huy trái lệ cấm, đi lại phủ đệ Điện bàn công Phả, công không ngăn cấm (Lệ định : những nhân viên Tôn thất không được đến nhà riêng hoàng tử công, hoàng tử và thân công, xin yết kiến). Việc bị phát giác, Huy bị phạt đến hết mức trượng[1], phát làm lính vệ Thủ hộ, công bị đoạt[2] 3 tháng lương và phạt ba tháng lương.

Bộ Hộ tâu nói : Từ trước đến giờ, những thân huân công thần quá cố đi mà con trai con gái tuổi còn thơ ấu, được chuẩn cấp cho tiền bạc. Đến nay có người đã hơn 10 năm, có người đã 20, 30 năm đều đã trưởng thành cả rồi, xin từ đầu giêng năm tới trở đi đình cấp. Vua theo lời.

Lãnh binh Sơn Tây là Lê Phụ Khuê mất, cho Phó vệ uý vệ nhị tả bảo Tả quân là Bùi Văn Đức làm Lãnh binh Sơn Tây.

Định kỳ hạn cầm đợ ruộng đất nhà ở trong dân gian. (Phàm việc bán đợ ruộng nhà, vườn cây quả, vườn mầu, chủ có ruộng đất sản nghiệp cần điều đình trước về niên hạn chuộc, hoặc 5 năm 10 năm, hoặc 15, 20 năm, trong văn khế viết rõ những chữ là "mấy năm đến chuộc". Khi hết hạn người chủ ruộng đất sản nghiệp đem tiền đến chuộc, người chủ lấy đợ không được cố chấp, nếu trái lệ, chiếu luật trị tội. Nếu quá hạn mà chủ ruộng đất sản nghiệp không đến chuộc, cho chủ lấy đợ được quản lý sản nghiệp ấy, không cho chuộc nữa. Còn như tự trước, trong văn tự đợ không

(1) Mức cao nhất của tội trượng, tức là 100 trượng.

(2) *Đoạt* : tức là không cấp lương.

nói rõ về niên hạn chuộc thì tính 30 năm làm hạn. Nếu chưa đến hạn 30 năm, nhưng trong văn khế có nói là được chuộc lại thì cho chuộc. Nếu đã ngoài 30 năm, thì bất luận trong văn khế có nói cho chuộc lại hay không, cũng nhất thiết không cho chuộc nữa, đơn khiếu nại sẽ làm án bỏ đi không xét).

Đổi định lại ngạch nhân viên lại dịch trong Tả thừa, Hữu thừa phủ Thừa Thiên, ty Phiên, ty Niết ở các tỉnh và ở các phủ huyện. Trước đây khoa đạo là bọn Đặng Quốc Lương dâng sớ nói : số lại dịch ở các địa phương nhiều, không khỏi không nhũng nhiễu, xin liệu giảm bớt để thanh trừ các tệ nha lại. Hộ đốc Ninh - Thái là Nguyễn Đăng Giai cùng đem việc đó tâu xin, vua đều giao cho đình thần bàn cho thoả đáng làm tờ tâu. Đến nay bản nghị dâng lên, xin tuỳ theo nơi công việc bận hay rỗi mà định số lại dịch nhiều hay ít. Vua theo lời bàn (hai thừa ty ở Thừa Thiên : mỗi nơi 2 bát phẩm Thư lại, 6 cửa phẩm Thư lại, 25 vị nhập lưu Thư lại. Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh thuộc Bắc Kỳ, mỗi ty Phiên có 2 bát phẩm Thư lại, 9 cửu phẩm Thư lại, 30 vị nhập lưu Thư lại ; mỗi ty Niết đều có 2 bát phẩm Thư lại, 4 cửu phẩm Thư lại, 25 vị nhập lưu Thư lại. Tỉnh Quảng Nam ở Tả trực, tỉnh Bình Định ở Tả kỳ, Gia Định, Vĩnh Long, An Giang ở Nam Kỳ, Thanh Ba, Nghệ An ở Hữu kỳ, mỗi ty Phiên đều có 3 bát phẩm Thư lại, 6 cửu phẩm Thư lại, 30 vị nhập lưu Thư lại ; mỗi ty Niết đều có 2 bát phẩm Thư lại, 3 cửu phẩm Thư lại, 20 vị nhập lưu Thư lại. Các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình ở Hữu trực, Quảng Ngãi ở Tả trực, Bình Thuận ở Tả kỳ, Hà Tĩnh ở Hữu kỳ, Biên Hoà, Định Tường ở Nam Kỳ, Ninh Bình, Hưng Yên, Lạng Sơn ở Bắc Kỳ, mỗi ty Phiên đều có 2 bát phẩm Thư lại, 5 cửu phẩm Thư lại, 15 vị nhập lưu Thư lại. Phú Yên, Khánh Hoà ở Tả kỳ, Hà Tiên ở Nam Kỳ, Quảng Yên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng ở Bắc Kỳ, mỗi ty Phiên đều có 2 bát phẩm Thư lại, 20 vị nhập lưu Thư lại ; mỗi ty Niết đều có một bát phẩm Thư lại, 2 cửu phẩm Thư lại, 12 vị nhập lưu Thư lại.

Hạt nào thừa thì bớt đi, thiếu thì thêm vào. Duy có ty Phiên Lạng Sơn có 4 cửu phẩm, ty Niết Tuyên Quang có 10 vị nhập lưu Thư lại, thì vẫn để nguyên số như cũ.

Phủ nha ở các hạt : tối yếu khuyết có 1 lại mục, 8 Thông lại ; nha yếu khuyết có 1 lại mục, 7 Thông lại, nha trung khuyết có 1 lại mục, 7 Thông lại, nha trung khuyết có 1 lại mục, 6 Thông lại, nha giản khuyết có 1 lại mục, 5 Thông lại.

Huyện nha trong 4 hạng khuyết nói trên so với phủ thì huyện giảm đi 1 Thông lại, còn lại mục cũng thế.

Bọn bát cửu phẩm Thư lại, lại mục thừa ra ấy cho lưu lại ở nguyên nha làm việc, chờ bổ san vào những chỗ khuyết. Còn những Thông lại, Thư lại, vị nhập lưu,

do các địa phương chiểu số được lưu mà xét xem người nào làm nổi việc thì cho lưu lại làm việc, còn bao nhiêu, đuổi về dân gánh sai dịch. Những người tại ngạch và chờ bổ đều chiếu lệ cấp lương bổng cho thường xuyên làm việc, không phân ban.

Hoãn hạn cấm những màu sắc may mặc ở Kinh. Vua dụ bộ Lễ rằng : "Về những điều lệ cấm màu sắc may mặc, trước đã chuẩn y lời bàn của bộ cho đến ngày mồng 1 tháng giêng sang năm bắt đầu thi hành. Nhân nghĩ sang năm chính gặp kỳ mừng thọ 50 tuổi của trẫm, quan viên nhân dân ở Kinh vui mừng không ví như ngày thường. Nếu cứ câu nệ hạn cấm, sao đủ yên ủi tấm lòng vui mừng chân thành đó. Nay nên lập tức khoan bỏ lệ cấm. Phàm những quan lại binh dân trong ngoài Kinh thành, có mặc áo như gấm, vóc, nhiễu, đoạn, sa, lĩnh, các màu đỏ tía, chuẩn cho được mặc như khi chưa cấm, chờ đến mồng 1 tháng 7 sang năm sẽ thi hành đúng lệ".

Ngự sử đạo Hà - Ninh là Nguyễn Hữu Thường đem sách *Lê sử tục biên* dâng lên (2 quyển sử in, chép từ niên hiệu Nguyên Hoà[1] đến niên hiệu Đức Nguyên[2]). Chuẩn cho bộ Lễ đem nộp với các bản *Lê sử cựu biên* của dân các hạt dâng, do các địa phương đã tiết thứ đệ nộp (8 quyển bản sao từ niên hiệu Vĩnh Trị[3] trở về sau, 2 quyển bản in từ niên hiệu Đức Nguyên trở về trước, 2 quyển bảo sao từ niên hiệu Vĩnh Trị trở về sau, 2 quyển bản sao sách Hội điển) giao cho Nội các thu giữ phòng để tham khảo trong việc làm sử.

Đình thần dâng sớ cử : Cấp sự trung là Đặng Quốc Lương, Ngự sử là Lê Tập thăng thự Chưởng ấn ; thự Ngự sử là Hoàng Mẫn Đạt tâu nói : các khoa đạo trong viện, những người tư cách thâm niên không có lầm lỗi không thiếu gì người, triều đình lại cử 2 người ấy, chưa đủ làm sáng tỏ cho công luận. Vua nói : triều đình dùng người không phải chỉ một mặt nào : hoặc vì hiền tài năng, hoặc vì tư cách ; há để cho ai tư tình lạm cử. Mẫn Đạt bảo trong đám khoa đạo có người tư cách, thâm niên hơn 2 người đó, làm việc không có lợi lệch là ai. Hay là y muốn bắt chức Mao Toại tự tiến cử lấy mà cố tình nói ra câu ấy ? Vậy truyền cho phải tâu lại cho minh bạch ? Kịp khi Mẫn Đạt tâu lên và tâu người tư cách thâm niên hơn 2 người đó thì chỉ hơn có 1, 2 tháng, mà dưới tên cũng có chua bị trách phạt. Mẫn Đạt bèn bị phạt 6 tháng lương.

Vua hỏi Nguyễn Công Trứ : ngươi là Viện trưởng, việc Mẫn Đạt nói có trình cho ngươi biết không ?" Trứ thưa : Không, từ khi thần lĩnh chức viện ấy đến nay,

(1) *Nguyên Hoà :* niên hiệu của Lê Trang Tông (1533 – 1548).
(2) *Đức Nguyên :* niên hiệu của Lê Gia Tông (1671 – 1675).
(3) *Vĩnh Trị :* niên hiệu của Lê Hy Tông (1676 – 1680).

các khoa đạo tâu nói việc gì đều dùng ấn riêng, cho chí đi việc công, khi trở về cũng đều không trình báo gì Viện trưởng, không phải một mình Mẫn Đạt như thế mà thôi. Vua nói : "Như thế thì chức Viện trưởng đặt ra chỉ là hư vị, kể ra, triều đình đặt quan, các bộ, viện, tự, sảnh, đều có đầu mối, nay trong chốn phong hoá pháp độ còn như thế, lấy gì làm phép tắc cho mọi người trông vào ư". Trứ dâng sớ xin lỗi. Vua tha lỗi cho.

Chuẩn định việc làm sổ chấp bằng[1] về đinh điền hằng năm của dân xã các hạt. Xã nào trong suốt năm không có trừ ra, ghi thêm tăng hay giảm gì, thì cứ lấy sổ cũ làm bằng cứ. Xã nào trong năm ấy có sự trừ đi ghi vào, tăng hay giảm, thì ty Phiên đòi dân lên tỉnh, cứ thực số đinh điền năm ấy mà đổi làm sổ khác, còn ở sổ cũ, bất tất phải sửa chữa lại, rồi đóng ấn triện giao về xã chấp chiểu. Nha lại ở tỉnh dám có sự yêu sách thì chiểu luật trị tội nặng. (Lệ cũ, mỗi năm làm sổ hằng năm, bất luận là có phải trừ đi ghi vào, tăng giảm, phí nhiều nhân công hay không, nha lại ở tỉnh cũng nhân đó mà sách thủ tiền làm sổ thuê, xã lớn hơn 10 quan, xã nhỏ 7, 8 quan).

Tuần phủ Hưng Yên Hà Thúc Lương tâu nói : những đê công và tư bởi hai bên tả hữu ngạn sông Cửu An, kỳ nước lớn mùa thu năm nay, nước sông tràn vào, lại nhân mưa gió đập vỗ, nên sụt lở nhiều nơi. Đã đến tận nơi khám xét, những chỗ nên phải sửa đắp gồm hơn 16.780 trượng, công trình có phần nặng. Xin phái vát số dân phu thuê trước ở Nam Định và dân phu 3 phủ huyện [phủ] Tiên Hưng, 5 huyện [phủ] Khoái Châu trong thuộc hạt đến khoảng tháng giêng sang năm bắt đầu khởi công. Vua y cho.

Chức Tri phủ Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hoa khuyết. Quan tỉnh dâng sớ xin cho Giáo thụ Hồ Thích Hội thăng thự chức ấy, và nói thêm rằng 5, 6 năm nay quan lại ở phủ lỵ hay bị ốm chết, mỗi khi tới kỳ phái người đến quyền tạm, họ đều có vẻ e ngại. Duy có Thích Hội đã từng mấy lần đến quyền tạm, hợp với khí hậu ở đấy, chắc rằng cũng có thể làm nổi chức vụ. Vua quở rằng : Chức Tri phủ, theo lệ do triều đình cử. Hồ Thích Hội, phẩm trật hơi thấp, sao nên khinh thường mà tự đề cử. Nếu nói rằng phủ lỵ ấy nước và khí hậu độc, ở đấy hay ốm, thì nơi này không xa tỉnh thành, không phải là nơi địa đầu lam chướng, nếu có đau ốm cũng là ngẫu nhiên, há phải đợi một mình Hồ Thích Hội mới làm được Tri phủ ở đấy ư ? Huống chi nói rằng phái viên chức đi quyền tạm phần nhiều có vẻ e ngại, thế thì sai khiến người ta không tuân như vậy, làm thế nào được chính sự. Tóm lại, vì xuất phát ở lòng tư, cho nên chẳng biết lời nói của mình là vô lý. Không chuẩn lời xin.

---

(1) *Chấp bằng* : giữ làm bằng.

Sở quan sát ở ải Hải Vân dòm trông ngoài khơi, tâu báo nhiều khi chậm trễ, bọn Phòng thủ uý, Thủ ngự bị cách chức. Chuẩn cho hằng năm từ 15 tháng 12 đến 15 tháng 7 phái thêm một người thị vệ am tường việc nhòm ống thiên lý, đến cùng với viên chức văn võ đóng trường kỳ ở đấy (Viện Thượng tứ 2 viên, Hộ vệ, Cảnh tất, Kim sang, Bưu chính mỗi vệ một viên) đóng giữ để xem xét mỗi tháng thay đổi một lần. Hễ ngoài khơi có các hạng thuyền lớn qua lại hay dừng đỗ, thì theo lệ phi báo. Từ 16 tháng 7 trở về sau và 14 tháng 12 trở về trước thì đình phái.

Nguyên Bố chính Cao Bằng cáo nghỉ về để tang là Trần Huy Phác, nguyên thự Bố chính tỉnh ấy đã đổi đi thự Bố chính Khánh Hoà là Vũ Dĩnh và viên hiện bổ Án sát tỉnh ấy là Bùi Quốc Trinh đều có tội mất chức... Trước đây ty thuộc ở tỉnh là Lê Hoàng Trinh, Nguyễn Trọng Phan theo giặc, bọn Huy Phác không phát hiện ra được, lại nhiều lần dâng sớ cử Hoàng Trinh làm Kinh lịch, Trọng Phan làm Tri huyện. Đến bây giờ việc phát giác ra đều bị giáng 4 cấp đổi đi nơi khác. Thự Bố chính Cao Bằng là Phan Trước và Án sát Khánh Hoà là Vũ Doãn Cung trước đã có chỉ triệu về Kinh chúc thọ, nay chuẩn cho đều lưu lại tỉnh làm việc. Trần Huy Phác sau được án bổ làm viên Ngoại lang bộ Lễ ; Vũ Dĩnh, Bùi Quốc Trinh được án bổ làm chánh bát phẩm Thư lại ở 2 bộ Hộ và Binh.

Phó lãnh binh Hưng Hoá là Trần Văn Tuấn cáo nghỉ về để tang. Cho Phó vệ uý vệ Tả dinh Thần cơ là Nguyễn Khiêm làm Phó lãnh binh Hưng Hoá.

Phái viên thuyền Nam Hưng sang Quảng Đông công cán về nói : Tổng đốc nhà Thanh là Lâm Tắc Từ kháng cự nhau với quân Hồng Mao[1], hai bên đều có người chết, người bị thương, chưa rõ bên nào được. Vua bảo thị thần rằng : "Binh thuyền nước Hồng Mao bất quá mấy chiếc, Lâm Tắc Từ đem quân toàn tỉnh đánh, sao lại không đánh nổi. Hơn nữa, quân Hồng Mao vượt biển mà đến, trông lương thực vào đâu mà có thể chống với nhà Thanh lâu được ? Há rằng chúng có tay trong hưởng ứng, có chỗ trông cậy mà dám thế ư ? Chẳng qua chúng dở cái thói ngoan ngạnh kiệt hiệt ấy ra để tỏ ý khinh lờn đó thôi. Nước Đại Thanh trước kia với 1 lữ[2] quân lấy được thiên hạ, binh lực lúc đó sao hùng thế, bây giờ sao lại hèn yếu thế ! Lòng trẫm thực lấy làm bất bình cho nước Thanh, xét ra nước Hồng Mao trước kia vì buôn bán mà đến. Sở dĩ gây thành mối binh đao là bởi cái cớ Lâm Tắc Từ khám xét thuốc phiện, tịch thu thuyền và hàng hoá của họ mà sinh ra thế thôi. Trẫm nghe nói, các hoàng tử Phiên vương và đại thần văn võ bên triều đình nhà Thanh đều hút

(1) Nước Anh ngày nay.
(2) 500 người gọi là 1 lữ quân.

thuốc phiện, cửa thành và hàng chợ cũng công nhiên bày bán la liệt. Nước mình như thế còn trách gì nước ngoài ! Vả ta nghe nói cái dọc tẩu hút thuốc phiện của Lâm Tắc Từ nạm toàn bằng vàng ; thế thì mình tự tác ác, thân đã chẳng chính còn chính người sao được. Nay lại mượn việc đó trị tội người, gây ra bao nhiêu việc. Việc khi còn nhỏ không cẩn thận, tràn lan ra đến chỗ không thể ngăn được nữa ; từ đấy về sau còn chưa biết sẽ như thế nào !"

Đổi định lại nhật kỳ tế Nam Giao. Bộ Lễ tâu nói : xét sách *Lễ ký* và sách *Chu lễ* chép : "Tiết Đông chí tế Trời ở gò đắp tròn, tiết Hạ chí tế Đất ở gò đắp vuông". Vì là thuận theo cái lẽ một luồng khí dương, một luồng khí âm bắt đầu phát sinh vậy. Kê cứu sách "*Ngũ lễ thông khảo*" thì nhà Đường nhà Tống thường lấy tháng 12 tế Trời Đất ở đàn Nam Giao, hoặc làm lễ vào các tháng giêng tháng hai tháng ba cũng có. Lại xét ở Cốc Lương truyện[1] : Tế giao vào tháng giêng đến tháng ba là tế giao phải thời ; tế giao vào tháng 4 tháng 5 là tế giao không phải thời". Thời kỳ đầu nhà Minh, lễ Nam Giao hợp tế Trời Đất, lấy ngày "tân"[2] về thượng tuần tháng giêng làm lễ, cũng là tượng trưng cái ý "Trời Đất giao hoà, muôn vật sinh vượng". Đến năm Gia Tĩnh trở về sau, chia tế làm 2 đàn Nam Giao, Bắc Giao, vẫn theo lễ cổ, mỗi năm đến ngày Đông chí tế Trời, ngày Hạ chí tế Đất, mà lấy ngày "tân" thượng tuần tháng giêng làm lễ cầu được mùa. Lại dựng đàn Sùng vu ở phía ngoài đàn gò đắp tròn, năm nào bị hạn thì tế cầu mưa. Điển lễ nhà Thanh cũng giống như lễ chế nhà Minh, duy có lễ "vu" hằng năm thì lấy tháng Tỵ (tháng 4 âm lịch) là tháng rồng xuất hiện, chọn ngày làm lễ. Đó là bắt trước câu trong Tả truyện nói : "Rồng xuất hiện thời tế vu" vậy.

Quốc triều ta tham khảo điển lễ, hợp tế Trời Đất ở Nam Giao lấy tháng trọng xuân[3] chọn ngày tốt làm lễ. Nhằm giữa lúc ngày xuân nảy nở mà cử hành buổi lễ thành khiết thì cũng là châm chước được thích đáng vậy. Nhưng hằng năm ngày tháng 2 phần nhiều tiết trời chưa được quang tạnh, thảng hoặc trong thời gian làm lễ lỡ gặp mưa gió, thực sự làm trở ngại cho việc lễ nghi. Nếu đến tháng 3, cũng là thời tiết ngày xuân, khí dương ngày một thịnh, cảnh vật tươi sáng, cử hành nghi lễ vào tháng ấy thì những tiết cúng lễ có thể đến chỗ ổn thoả đẹp đẽ. Vậy xin từ nay, hằng năm đến trước sau ngày 20 tháng giêng, khâm thiêng giám xét từ ngày rằm tháng 3 trở về trước, chọn lấy 3 ngày tốt tâu trình, chờ Hoàng thượng bút son khuyên điểm

---

(1) *Cốc Lương truyện* : truyện của Cốc Lương Xích người thời Chu làm ra rồi học trò chép làm truyện. Nói về thời Xuân Thu.

(2) *Tân* : tên một trong 10 can.

(3) Tháng hai âm lịch.

sai quan bói lấy một ngày tốt để đến ngày làm lễ. Từ trước đến nay, các kỳ lễ tế đàn xã tắc cùng các trung tự, quần tự[1], tế Xuân cử hành vào sau kỳ tế Giao. Nhưng tham cứu điển lệ Bắc triều[2], những tế lễ đàn miếu, đều tế riêng vào hai kỳ xuân thu, vốn không quan hệ gì với tế Nam Giao cả. Nay đã lấy tháng 3 làm, thì việc cúng tế ở các đàn, các miếu, xin : hằng năm lấy ngày "Mậu" thượng tuần tháng 2 tế đàn xã tắc, rồi đến ngày "Quý" tế miếu đế vương các đời ; ngày "Đinh" vào trung tuần tế Văn miếu rồi đến ngày "Tỵ" tế Võ miếu. Còn quần tự như các miếu các đền sẽ lần lượt tế sau, để cho được hợp với lễ ý. Vua y lời tâu, chuẩn cho đến Minh Mệnh năm thứ 21 bắt đầu thi hành.

Ngày Tân Mão. Làm lễ Hợp hưởng các tiên tổ.

Định lệ thưởng phạt các tượng mục[3] trong các hạng thợ : (Lấy sang năm làm bắt đầu, cứ mỗi năm là một khóa, viên đốc công căn cứ trong ba năm đó, số thợ các cục thuộc quyền mình thiếu đủ thế nào, làm sổ tư, do bộ Công duyệt kỹ rồi xét nghị : cục nào công việc hơi bận, tượng mục hơi khéo mà số thợ trong cục được hoàn toàn đầy đủ, thì là hạng nhất, đều thưởng cho 3 quan tiền. Cục nào công việc hơi ít, tượng mục hơi khéo, mà thợ trong cục hoàn toàn đầy đủ là hạng nhì đều thưởng cho 2 quan tiền. Cục nào công việc cũng thuộc vào hạng hơi bận, tượng mục kỹ thuật tầm thường mà số thợ hoàn toàn được đầy đủ, là hạng 3 thưởng 1 quan tiền. Việc thợ trốn thiếu thì chia làm mười phần làm suất. Bất cứ công việc bận hay ít : cục nào tượng mục khéo mà thợ bỏ trốn thiếu mất 1 phần trở xuống thì phạt tượng mục 40 roi, và cứ mỗi phần lại gia một bậc cục nào tượng mục kỹ thuật tầm thường mà số thợ bỏ trốn thiếu một phần trở xuống, phạt 50 roi, và cũng cứ mỗi phần lại gia một bậc. Cả hai hạng tội đều chỉ phạt đến 100 trượng là cùng và cách dịch tượng mục, phát giao cho các ban cục để làm việc chuộc tội. Rồi cho các nha trông coi các cục ấy, chọn thợ khéo khác sung bổ làm tượng mục. Còn số thợ thiếu : thợ trong ngạch, do bộ bắt để điền ; thợ mộ thì do đầu mục thợ mộ sung vào).

(1) *Trung tự :* tức tế nhật nguyệt, tiên nông, tiên tàm v.v... *Quần tự :* tức tế các miếu nhà đền.
(2) *Bắc triều :* tức là Trung Quốc.
(3) *Tượng mục :* người đứng đầu các thợ, tức như thợ cả.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCIX*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840] (Thanh Đạo Quang năm thứ 20), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, vua ngự điện nhận lễ mừng, làm lễ tung hô. Lễ xong, tuyên đọc tờ ân chiếu ở Ngọ Môn, ban bố các nơi trong ngoài. Chiếu rằng : sinh muôn vật là đức cả của trời đất rõ rệt ở mùa xuân ; mở lòng nhân là việc trước của thánh nhân, suy ra để làm phúc. Bởi vì theo tiết trời làm tiệc chúc mừng để vui tuổi thọ ; mà cùng dân cùng chơi vui vẻ cốt ở suy ân. Trẫm giữ vững nghiệp to, tuân theo phép cả, có cả bốn cõi hưởng được mệnh trời. Thụ 5 phúc cho thứ dân, đến nay 21 năm rồi, mà vẫn kính cẩn một lòng, chăm chú tôn thờ thượng đế ; siêng năng sửa đức, mong nối đức sáng tổ tiên. Chưa từng một ngày nguôi mối lo của trăm họ, không lấy thiên hạ để vui riêng cho một mình. Nay nhờ trời đất phù trì, miếu xã ban phúc. Triều đình nghiêm hoà, nước nhà nhàn hạ. Mừng thấy thánh từ tuổi thọ, hiếu dưỡng còn dài, trời cho quốc vận duy tân vững yên tiếp đến. Năm nay, trẫm đến ngũ tuần chính thọ, vừa gặp lúc trong nước thăng bình, bốn cõi yên lặng, bờ cõi mỗi ngày mở rộng, hộ khẩu hằng năm tăng thêm, lúa thóc có điềm được mùa, dòng sông được yên lành sóng. Thấy quang cảnh ấy thoả yên lòng ta. Thực nên cùng mọi người cùng vui để thuận nên phúc trời ban bố. Định lấy ngày sinh nhật tháng 4, cử hành điển tốt, ban khắp ơn to. Nhưng nay đầu năm ứng điềm, chính là bước đầu phát sinh của trời đất, cũng nên theo thời ra lệnh để cho đều được thấm nhuần ơn mưa móc, để đáp ứng khí hoà, để gây nên tốt mới. Vậy ban ra ân điển 18 điều là :

(1. Từ hoàng tử, các tước công, cùng những quan viên nên được ban yến thưởng cho, đều cho ăn yến một bữa, lại thưởng vàng, bạc lạng có thứ bậc khác nhau.

2. Miếu thờ đế vương các triều đại, miếu Đô thành hoàng cùng những thần kỳ kê trong tự điển, đều sai quan đến tế một đàn.

3. Núi có tiếng, sông lớn, đều sai quan đến tế một đàn.

4. Lăng tẩm đế vương các triều đại có hỏng nát chỗ nào thì thuê dân sửa chữa, lại lập bia chí, cấm dân hái củi ở đấy.

5. Thần kỳ cả nước trước đã dự phong tặng, thì đều gia phong tặng.

6. Quan viên nhân làm việc công lầm lỡ phải cách lưu, đổi cho làm giáng 4 cấp lưu. Những người can giáng cấp thì cho khai phục có thứ bậc khác nhau.

7. Văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm đã về hưu dưỡng hưu trí, thì lượng thưởng cho.

8. Quan viên trong ngoài từ cửu phẩm trở lên, bị phạt lương thì đều rộng tha cho.

9. Chánh đội trưởng ở dinh vệ các quân, người nào không phải giáng phạt, thì đều cho thăng bổ Cai đội.

10. Thuế thân, tiền đầu quan, thuế điệu (thuế từng hộ) về năm nay đều tạm hoãn 5 phần 10.

11. Những biền binh chính ngạch hiện đã tề tập ở Kinh, đều thưởng mỗi người một quan tiền. Các hạng tạp binh thưởng mỗi người 5 tiền.

12. Giản binh các hạt từ tháng giêng đến tháng 6 cấp cho tiền gạo có thứ bậc khác nhau.

13. Các trạm từ tháng giêng đến tháng 6 cấp cho tiền gạo có thứ bậc khác nhau.

14. Các địa phương có người nào tài đức giỏi giang và người ẩn dật ở núi rừng, tâu lên để chọn dùng.

15. Các địa phương có người nào biết thao lược phép binh, dũng cảm, biết lễ nghĩa, cùng là võ nghệ hơn người, thì cho tâu cất lên để bổ dùng.

16. Địa phương có người nào là hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu tiết phụ, do quan địa phương làm danh sách tâu lên đợi cho nêu khen.

17. Phủ, châu, huyện, có người nào chăm nghề gốc, chăm việc nông, thì quan địa phương khen thưởng để khuyến khích.

18. Những người quan, quả, cô, độc ở sở Dưỡng tế thì quan địa phương lưu tâm nuôi nấng).

Than ôi ! vương giả dối thời nuôi muôn vật, một mình ta sẵn lòng ban ơn. Thượng đế giúp cho mọi sự lành, muôn họ ngươi cùng chung nhiều phúc !

Phủ Thừa Thiên tâu báo : giá gạo giảm xuống chỉ vừa phải, lúa ruộng xanh tốt. Vua phê bảo rằng : "Đương lúc đầu xuân hợp phúc, được tin lúa tốt gạo hơn, nên cùng nhân dân cùng vui, hơi yên lòng ta lo nghĩ khuya sớm".

Vua dụ Nội các rằng : "Năm nay gặp khánh tiết thọ ngũ tuần của trẫm, điển lễ chầu mừng tết Nguyên đán so với năm thường có phần trọng thể hơn, mà có thể khi đi khi dừng đúng lễ, nghi tiết long trọng đã thành thực đáng khen ngợi đẹp lòng. Đường quan và viên chức trong ty bộ Lễ, thưởng cho gia cấp kỷ lục bạc lạng có thứ bậc khác nhau. Văn từ chánh lục phẩm, võ từ chánh ngũ phẩm trở lên, đã được thưởng cho rồi. Còn văn từ tòng lục phẩm, võ từ tòng ngũ phẩm trở xuống, đến các ca công nhạc sinh, biền binh, dàn bày lỗ bộ và những người dự được chiêm bái ở sân rồng, thì thưởng chung cho 1000 quan tiền".

Vua lại bảo thị thần là Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên rằng : "Năm nay gặp khánh tiết thọ ngũ tuần của trẫm, ngày Nguyên đán ban ơn, khắp cả thần dân. Ngày tuyên bố ân chiếu, nếu gặp mưa gió e chưa đủ phu thoả tai mắt mọi người. Thế mà đêm hôm 15 tháng giêng còn mây mù che khắp mà lại chuyển thành quang tạnh. Như thế đủ nghiệm thấy lòng trời tựa giúp, khí tốt sinh ra. Xét ra, trẫm năm 30 tuổi lên ngôi, gặp năm Canh Thìn, khánh tiết năm tứ tuần, ngũ tuần lại gặp năm Canh Dần, Canh Tý. Bởi vì chữ "canh" có nghĩa là canh tân (đổi mới) nhận mệnh trời làm khánh tiết đều gặp năm ấy, há chẳng phải là nhân sự với khí hoà cùng hợp nhau ư. Trẫm từng làm bài thơ để ghi nhớ việc ấy". Nhân thể vua sai đem bài thơ ấy ra tuyên đọc.

Sách phong hoàng tử thứ 30 là Miên Bật làm Ninh quốc công ; hoàng tử thứ 40 là Miên Quần làm Hoà quốc công ; hoàng tử thứ 9 là Miên Thử làm Hàm Thuận quận công ; hoàng tử thứ 15 là Miên Vũ làm Lạc Hoá quận công ; hoàng tử thứ 31 là Miên Lang làm Sơn Tĩnh quận công ; hoàng tử thứ 47 là Miên Cư làm Quảng Trạch quận công. (Các hoàng tử còn ít tuổi, đợi khi trưởng thành mới cấp cho ấn).

Cho con trưởng Vĩnh Tường quận vương là Hồng Hy tập phong làm Vĩnh Tường quận công ; con thứ là Hồng Thục làm Bình Trạch đình hầu. Rồi sau cho Hồng Hy một bộ áo chầu sắc tía. Ban thứ chầu mừng đứng ở hàng dưới võ ban chánh nhị phẩm.

Định lệ triệu mộ các hạng mộ binh ở Kinh.

- Các vệ Kỳ võ, các vệ Kinh tượng, đội Kinh thương, viện Thượng trà, ty Kỳ cổ, 2 đội Trấn phủ nhất và nhị, đội Hoa pháp, các ty đội Lý thiện, vệ Thủ hộ tiền, các

đội tam tứ ngũ vệ Giám Thành, thợ cục Bách công, thì mộ ở các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận.

- Thự Hoà thanh, thự Thanh bình, 2 vệ Dực bảo nhất nhị, các dực, thuộc binh các phủ đệ, các đội thường ban, các đội lưu ngạch lưu điểm ở phủ các thân công cùng thuộc lại. Các đội thuộc binh văn ban, thuộc binh võ ban, các đội thuộc binh 6 bộ, thuộc binh Nội các, thuộc binh Cung giám, thuộc binh Thị vệ, thuộc binh Hộ vệ, thuộc binh Quảng nhân đường, thuộc binh các viện Tôn thất, các bang Nam tào, thì ứng mộ ở các hạt Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận.

- Phu coi đền, phu coi mộ thì ứng mộ ở bản hạt sở tại, hoặc ở các hạt Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận. Còn dân ngoài sổ ở các tỉnh từ Khánh Hoà và Nam Kỳ trở vào Nam, từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, đều không được ứng mộ. Duy hai đội Loan nghi nếu không mộ đủ thì do bộ Binh tâu lấy biền binh chính ngạch bổ vào. Về ngư hộ, nếu khuyết ngạch thì lâm thời lấy người làm nghề đánh cá sung làm việc, không cần chiêu mộ.

Vua sai đặt tên cho thổ dân mới hồi phục ở thành Trấn Tây gọi là Tân dân [dân mới].

Vua dụ bọn Tướng quân, Tham tán rằng : "Trước đây, thổ dân từ Bắc Tầm Bôn trốn về nhiều đến hơn 9.000 người. Đã xuống dụ theo số người cấp tiền gạo muối giao phủ, huyện uý cai quản. Xét ra, bọn chúng buổi đầu quy phụ, không như dân cố thổ, nên gọi là Tân dân, thuộc lưu quan sở tại cai quản, thổ quan không được sai khiến thu thuế. Lại chọn chỗ đất bỏ không có thể cày ở được chia ghép cho họ ở. Hoặc ở xen lẫn với thổ dân hoặc ở riêng một nơi, đều đặt làm tổng xã, thôn có tên gọi ; người đầu mục thì đặt làm Tổng trưởng, Lý trưởng, cho họ cai quản nhau và đặt họ tên làm sổ sách đưa về bộ để lưu chiểu. Hết thảy dao dịch năm nay đều cho miễn cả. Lại nghiêm sức các lưu quan phủ, huyện phải để ý vỗ yên, coi như con đỏ, không được quấy nhiễu một chút nào. Để bọn Tân dân ấy đều biết đức ý của triều đình, không còn biết có thổ tục thổ quan, mới có thể ngày càng tiêm nhiễm thói Kinh, cùng thành thục tốt".

Bố chính, Án sát Quảng Yên là bọn Vũ Trọng Đại, Nguyễn Đồng Khoa tâu nói : trước đây hơn 100 chiếc thuyền đánh cá của 2 bang Hà Cổ, Khai Vĩ, lĩnh thẻ thuyền của Tổng đốc cũ là Nguyễn Công Trứ. Nay có 40 chiếc thuyền của bọn Phùng Tứ Hợp, Phùng Quảng Lợi là bang mục Hà Cổ đến đỗ ở cửa biển Hoa Phong, xin cấp bằng cho chúng đi đánh cá, gặp giặc thì ra sức bắt nộp. Đã xét nghiệm thuộc thực chót y theo lời xin. Vua dụ sai truyền bảo bọn chúng phải cẩm phòng giặc biển, nếu

bắt được giặc thì thưởng ; nếu tìm bắt bất lực, một khi có giặc cướp phát ra thì phải tội.

Vua bảo Tham tri bộ Binh là Lê Văn Đức rằng : "Gần đây nghe nói nước Thanh đánh nhau với nước Hồng Mao đã 5, 6 tháng mà chưa thắng được. Kể ra nước Thanh đường đường một nước lớn, thiên hạ trông vào mà lúc trước thất tín để gây chiến, sau lại đánh lâu làm cho mỏi quân mà nuôi giặc, còn ra sự thể gì nữa ? Tuy việc ở nước kia mà trẫm cũng không thể quên nghĩ trong bụng được. Vì nước ta tiếp giáp với nước Thanh, từ trước đến nay của cải hàng hoá trăm thứ đổi chác lưu thông. Nay nước Hồng Mao làm ngăn trở, thì đường biển không thông, những thứ dân gian thường dùng như thuốc bắc, chè tầu, mua vào đâu được. Thế thì đã thiệt cho người buôn lại thiệt cho dân nữa".

Vua lại hỏi Nguyễn Tri Phương, Lý Văn Phức rằng : "Năm ngoái bọn ngươi đi Quảng Đông xem binh lính khí giới của họ thế nào, mà Hồng Mao lại dám ngoan ngạnh như thế ?" Bọn Phương tâu rằng : binh khí của nước Thanh cũng giống như nghi trượng thờ thần.

Vua nói rằng : "Binh cần giỏi không cứ nhiều. Binh khí của Quảng Đông như thế, người Hồng Mao đi lại buôn bán vốn đã biết rồi cho nên mới dám kháng cự lại mà thôi. Bọn ngươi há chả xem báo Trung Quốc : người nhà Thanh một năm tù đinh đến 2, 3 vạn người, quan và dân nhiều người phạm tội hút thuốc phiện. Cấm lệnh ấy đã nghiêm thì dân hẳn nhiều người oán, Hồng Mao dồn chỗ sơ hở mà gây chuyện, người Thanh cũng không thể không lo tính đến vậy".

Lại nói rằng : "Trẫm thường xem tập (Thanh tướng Quan Thiên Bồi trù hải), thấy người nhà Thanh không những văn thần chuộng văn từ để khoe tài, mà võ tướng cũng quen dùng thuật ấy. Những lời nói trong tập ấy, chẳng qua vẽ chuyện để lừa dối người đời, có quan hệ gì đến sự thực. Nếu không phải thế thì khi Hồng Mao xâm lấn quấy rối, sao chẳng đem cơ mưu thao diễn mà đánh tan đi, mà lại dựa dẫm khốn khổ đến thế. Hỏi người nước Thanh cũng nói Quan Thiên Bồi đi đốc quân đánh giặc, nghe tiếng súng là chạy, thì tướng lược ở đâu ? Xét ra, người ta đương ở trong cuộc thì mê, người đứng xem bên cạnh thì tỏ tường. Việc hay hèn của người khác, không cần phải biện bạch cho kỹ. Như tướng thần nước ta, giữ sao được, không có ai dụng tâm như Thiên Bồi, mà không bị người khác nghị luận ư ?".

Miễn việc duyệt binh. Hằng năm cứ đến đầu xuân, lính ở Kinh họp cả lại, lệ có điểm duyệt. Năm ấy gặp đại khánh tiết, các hạng biền binh đã họp đông từ tháng chạp năm ngoái để làm lầu rạp, cho nên miễn việc điểm duyệt ấy.

Ngày Kỷ Hợi, làm lễ Xuân hưởng. Bộ Hộ tâu nói : từ trước đến giờ, đầu xuân ban ân cho nhà trạm các địa phương, duy những trạm nào hơi bận việc vừa thì thưởng cho tiền lương 6 tháng ; còn như các trạm hơi ít việc thì chưa từng được dự thưởng.

Vua nói : năm nay là năm ân điển, không như năm thường. Vả lại nhà trạm dẫu có phiền giản không giống nhau, mà đi lại chuyển đệ khó nhọc đều có phần nên thương. Triều đình ban ra ân trạch, há để cho có một người ngoảnh mặt vào góc tường mà khóc ư ? Sách *Truyện* có câu : "Không lo ít mà lo không đều". Cho nên vương giả ban ân tốt muốn cho rộng khắp mà đều hết cả. Bộ ngươi nên phân biệt mà thưởng cấp (trạm hơi nhiều việc, nhiều việc vừa có 99 trạm, chiểu theo lệ trước mà cấp. Còn những trạm hơi ít việc có 48 trạm là : Vĩnh Long 2 trạm, Định Tường 3 trạm, An Giang 5 trạm, Gia Định 2 trạm, Hà Nội 1 trạm, mỗi tháng mỗi trạm cấp cho 20 quan tiền, 10 phương gạo. Hà Tiên, Nam Định, Cao Bằng mỗi tỉnh 2 trạm. Sơn Tây 10 trạm, Bắc Ninh 5 trạm, Hải Dương 4 trạm, Hưng Yên, Thái Nguyên mỗi tỉnh 1 trạm, Lạng Sơn 8 trạm, đều mỗi tháng mỗi trạm, cấp cho 100 quan tiền, 5 phương gạo. Tháng 4 này được ân thưởng, từ tháng 7 đến tháng 12 cũng được tiền gạo như trên).

Thưởng 1 tháng tiền lương cho từ Suất đội đến binh đinh làm việc ở công sở núi Thuận. Chuẩn cho mỗi tháng thay phiên một lần, để sự khó nhọc nhàn rỗi được đều nhau.

Thưởng quần áo cho biền binh ở Trấn Tây đến Kinh (Quản cơ 1 viên thưởng 1 chiếc áo hẹp tay bằng trừu trơn, một chiếc áo vải tây điều, 1 chiếc quần trừu hoa nam màu cánh kiến. Suất đội 2 viên thưởng mỗi người 1 chiếc áo hẹp tay bằng sa hoa nam, 1 chiếc áo vải trắng hẹp tay, 1 chiếc quần trừu hoa nam màu trắng. Binh đinh 100 người, thưởng cho mỗi người 1 cái áo kép vải mở bụng, 1 cái quần vải màu gỗ hồng).

Vua dụ bộ Lễ rằng : "Đã có Chỉ truyền cho Thượng ty các trực tỉnh, mỗi hạt một người đến Kinh chúc hỗ. Tiết Đoan dương năm nay đều chuẩn cho lưu lại ở Kinh chầu mừng. Còn uỷ viên 6 tỉnh Nam Kỳ lưu lại để chúc mừng, thì đều cho về lỵ sở làm việc. Thuận, Khánh trở ra ngoài Bắc cũng bất tất phải theo lệ phái uỷ phủ, huyện về Kinh làm gì".

Vua sai các tỉnh từ Bình Thuận trở ra Bắc đến Thanh Hoa mua vàng theo thời giá (Bình Định, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoa đều mua từ 100 lạng đến 200 lạng. Bình Thuận, Khánh Hoà, Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình đều mua từ 50 lạng đến 100 lạng).

Tỉnh Quảng Yên mộ được 100 người thổ dân giỏi giang mạnh khoẻ ở châu Vạn Ninh hạt ấy. Vua cho đặt làm 2 đội Tuần hải nhất và nhị, chia thuộc các đồn bảo để sai phái. Lại mộ được 13 người dân ngoài sổ, quê ở các tỉnh từ Quảng Bình trở vào phía Nam, đặt làm đội pháo thủ tỉnh ấy.

Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương tâu nói : con đê về tả ngạn sông Cửu An, mùa thu năm ngoái nhân nước sông tràn vào, có một chỗ sụt lở (thuộc xã Vĩnh Đồng) dài 63 trượng ; về 2 đoạn trên dưới nước sâu 7, 8 thước, đoạn giữa sâu đến 2 trượng ; nghĩ nên đóng cọc lấp đất và đá ; lại đắp thêm mỏ kè để giữ. Đến khi nước to mùa thu mở một lối ở trên chỗ đối ngạn bên hữu sông, lấy nước vào ruộng, thì thế nước chảy chia đi, khỏi phải lo nước chảy xói vào [bên tả]. Duy việc đắp mỏ kè, sức dân không làm nổi, xin liệu phái 100 biền binh và 200 dân phu các xã phụ cận, đến sau ngày khai ấn[1] khởi công làm, đến cuối tháng 3 đắp xong. Vua nghe theo lời tâu.

Định lại lệ thay đổi người chủ thủ Vũ khố. Bộ Lại tâu nói : lệ trước thuộc nha Vũ khố từ chủ sự đến vị nhập lưu thư lại cứ 6 năm làm một khoá, khi mãn khoá lại lưu lại một nửa, thì bọn kia ở kho đến 12 năm, lâu ngày quá, nên có bọn giảo hoạt, hoặc giả có kẻ làm bậy ở trong ấy. Nay xin đến kỳ khoá thanh tra, những chủ thủ và viên dịch đều thay đổi cả để phòng sự gian nhũng. Vua cho là phải. Việc thay đổi chủ thủ Mộc thương cũng theo lệ Vũ khố mà thi hành.

Làm lại lầu cửa ở cửa trước vườn Thư Quang. (Lầu 3 gian 2 đầu xây tường gạch. Trước lầu làm 1 cái nhà nhỏ cho cung giám nghỉ đêm. Đằng trước và tả hữu 3 mặt, ngăn bằng tường gạch. Bên tả bên hữu vườn làm 2 toà phòng các ban đều 3 gian 2 trái, đổi lợp bằng ngói, để cho các nhân viên văn võ trực hầu). Phái một quản vệ, 300 biền binh làm việc, hạn trong 10 ngày làm xong.

Khơi đào sông Hữu Hộ Thành. (Từ mặt ngoài cửa cống mạn tây kinh thành đến cầu Lợi Tế, có cát bồi lòng sông nông cạn, cho nên khơi đào, lấy nước sâu 3 thước làm hạn). Vua sai Thống chế Nguyễn Tiến Lâm đem 500 biền binh làm việc ấy.

Thự Đề đốc thành Trấn Tây là Vũ Đức Trung đi tuần đồn Chi Trinh phủ Hải Đông, xét có hơn 100 thổ dân ở Sâm Súc (thuộc địa giới nước Xiêm) mang theo súng nỏ trốn về xứ Phủ Chân. Lính đồn canh cửa nước Xiêm đuổi theo không kịp, trông thấy quân ta đi tuần, chúng bắn ba phát súng rồi đi. Trung nhận lầm là quân ta gặp giặc đánh nhau, thu được khí giới của giặc, vội báo về thành. Bọn Tướng

(1) *Khai ấn* : theo tục nhà Minh vào ngày mồng 3 tháng giêng âm lịch, theo tục nhà Thanh vào trung tuần tháng giêng âm lịch.

quân Trương Minh Giảng đem việc tâu lên. Vua xuống dụ khen thưởng. Đến sau Trung biết là lầm, tự nói ra xin nhận tội. Vua cho Trung là võ biền, đã biết nhận lỗi, tha tội cho, mà đình việc thưởng.

Lại dụ bọn Trương Minh Giảng rằng : "Triều đình thưởng công là để khuyến khích. Tướng sĩ ở biên thuỳ vì nhà nước ra sức, nếu có một chút khó nhọc tất được khen thưởng, có tiếc gì đâu. Nhưng từ trước đến nay tướng biền ở ngoài biên giới, gián hoặc có người tham công cầu thưởng, có ít báo nhiều. Tức như Nguỵ Thượng[1] dâng công, kể đầu giặc chém được không đúng, đời xưa cũng có việc ấy. Nay chưa chắc đã không có việc ấy. Nhưng đã biết thú thực còn có phần nên tha tội. Nếu có lòng dối trá, phép nước tha sao được. Vậy nên thông dụ cho tướng biền từ Lãnh binh trở xuống biết, từ nay phàm có sai phái đi tuần phòng, nếu gặp giặc cùng đánh nhau, nên cứ đem thực trạng được thua tâu lên, chớ cho là nơi biên viễn, tai mắt triều đình không biết đến mà mọc chuyện ra báo bậy, hàm hỗn nhận công, một khi vỡ chuyện ra thì trẫm phải theo pháp luật mà trị tội".

Vua lại nói : "Giặc Xiêm nhút nhát, đánh cũng chẳng khó gì. Trước đây, dụ cho phái bọn thổ biền là Trà Long nhân lúc sơ hở đem quân đến để giết giặc lập công. Mà bọn Tướng quân thận trọng quá, không biết minh đoán, nếu nhân cơ hội ấy mà cho một đạo quân trong bộ phận đến ngay đất giặc đánh một trận rất dữ thì không những đồn Cân Sư ít người sức yếu không thể chống nổi, dẫu đến thẳng Bắc Tầm Bôn, nếu có quân giặc cũng phải bỏ thành chạy tan mà thôi. Bỏ mất cơ hội ấy thực là đáng tiếc. Nay việc phòng bị ngoài biên hơi rỗi, những biền binh các tỉnh lần lượt phái đến ấy, đều cho rút về hàng ngũ cũ.

Thổ biền Trấn Tây là Quản cơ Bồ Tôn vì mùa đông năm ngoái nghe nói Nặc Yểm về nước, mật báo với huyện uỷ là Sa Tuân dự họp dân binh để làm bè lũ giúp nhau. Tuân mật đem việc ấy tố giác. Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng bắt đến xét hỏi, tên ấy nhận tội. Tâu xin truyền họp bọn thổ biền thuộc hạ viên ấy đến công đường, nói rõ tội Bồ Tôn mang hai lòng, rồi chém đầu bêu lên.

Vua y cho làm. Sai thưởng thêm cho Sa Tuân 100 quan tiền. (Ở thành ấy đã thưởng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn 2 đồng rồi).

Lại có thổ biền Phó quản cơ giữ đồn Xà Năng là Ba Nguyện từ khi Nặc Yểm về nước, có ý kiêu ngạo tự đắc, phái viên đi qua đồn thường thường có vẻ ngạo mạn hình ra lời nói và nét mặt. Binh bị đạo là Lê Quốc Trinh đến đồn sở, cũng ngồi

(1) Nguỵ Thượng là Vân Trung thư đời Hán Văn đế bên Trung Quốc, tờ sớ dâng công nói quá số đầu giặc chém được, phải tội (xem Hán thư, truyện Phùng Đường).

ngang hàng, không khiêm tốn chút nào. Bọn Giảng mật cho bắt giam khoá xích lại, tâu lên. Vua ra lệnh cho đem chém.

Gia Định phái giải những kẻ phản bạn là bọn Nặc Yểm, Man mục là tên Giao, Xiêm mục là Ba Lặc Đột đến Kinh, vua sai đình thần tra xét ở nhà công chính. Ba Lặc Đột bị xử tử. Nặc Yểm, tên Giao đều giam cấm. Gia quyến của Nặc Yểm ở Gia Định, thì cho tỉnh thần trích lấy 2, 3 người, áp giải vợ cả vợ lẽ của tên ấy theo đám thuyền đến Kinh để đoàn tụ với Nặc Yểm, còn thì cho theo mẹ là thị Đột, trụ trì ở am, chùa tỉnh ấy, sai người quản thúc, không cho trốn tránh. Duy con Nặc Yểm là tên Phạp và bọn liều chết vẫn giam như cũ. Còn những nô bộc trước chia đưa đi các tỉnh Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, nay phát đi an trí ở đảo Côn Lôn.

Vua sai tỉnh An Giang phái thuyền binh tải 70.000 quan tiền kho đến thành Trấn Tây để dùng.

Cho các đền thờ ở viên tẩm[1] các tôn thân và thành hoàng thổ kỳ ở ngự viên đảo Trấn Bắc, miếu Tiên y cho đến miếu Thần dịch cùng các mồ mả vô tự, đều được tế một đàn.

Định rõ lệ lương hằng năm của hoàng tôn và công tử trở xuống.

(Hoàng tôn : lệ cũ từ 5 đến 10 tuổi, tiền 60 quan, gạo 40 phương ; từ 11 tuổi đến 15 tuổi, tiền 120 quan, gạo 70 phương ; từ 16 tuổi trở lên, tiền 130 quan, gạo 80 phương. Nay định là : từ 3 tuổi đến 10 tuổi, tiền 55 quan, gạo 35 phương ; từ 11 tuổi đến 19 tuổi, tiền 120 quan, gạo 70 phương ; từ 20 tuổi trở lên, tiền 130 quan, gạo 80 phương.

Hoàng nữ tôn (cháu gái vua), lệ cũ từ 3 tuổi đến 15 tuổi, tiền 60 quan, gạo 40 phương ; từ 16 tuổi trở lên, tiền 110 quan, gạo 80 phương. Nay định là : từ 3 tuổi đến 10 tuổi, tiền 40 quan, gạo 25 phương ; 11 tuổi đến 18 tuổi, tiền 60 quan, gạo 40 phương ; 19 tuổi trở lên, tiền 110 quan, gạo 80 phương ; đi lấy chồng thì thôi.

Hoàng tằng tôn (chắt vua), lệ cũ từ 3 đến 10 tuổi, tiền 30 quan, gạo 16 phương ; 11 tuổi đến 15 tuổi, tiền 45 quan, gạo 18 phương ; 16 tuổi trở lên, tiền 60 quan, gạo 30 phương. Nay định là : 3 tuổi đến 10 tuổi, tiền 30 quan, gạo 15 phương ; 11 tuổi đến 19 tuổi, tiền 45 quan, gạo 18 phương ; 20 tuổi trở lên, tiền 60 quan, gạo 30 phương.

Công tử (con các tước công), lệ cũ từ 3 tuổi đến 10 tuổi, tiền 60 quan, gạo 40 phương ; 11 tuổi đến 15 tuổi, tiền 110 quan, gạo 60 phương ; 16 tuổi trở lên, tiền

(1) Đền thờ làm ở lăng gọi là viên tẩm.

120 quan, gạo 80 phương. Nay định là : từ 5 tuổi đến 10 tuổi, tiền 50 quan, gạo 30 phương ; 11 tuổi đến 19 tuổi, tiền 110 quan, gạo 60 phương ; 20 tuổi trở lên, tiền 120 quan, gạo 80 phương.

Công nữ (con gái các tước công), lệ cũ, từ 3 tuổi đến 15 tuổi tiền 60 quan, gạo 40 phương ; 16 tuổi trở lên, tiền 90 quan, gạo 70 phương. Nay định là : 3 tuổi đến 10 tuổi, tiền 36 quan, gạo 22 phương ; 11 tuổi đến 18 tuổi, tiền 55 quan, gạo 35 phương ; 19 tuổi trở lên, tiền 90 quan, gạo 70 phương, đi lấy chồng thì thôi.

Công tôn (cháu các tước công), theo lệ nhân viên họ tôn thất chi lương. Những người nào : cha còn sống thì từ 5 tuổi đến 20 tuổi, tiền 12 quan, gạo 12 phương. Cha mất rồi thì từ 3 tuổi đến 10 tuổi, tiền 12 quan, gạo 12 phương ; 11 tuổi đến 20 tuổi, tiền 15 quan, gạo 15 phương ; 21 tuổi trở lên, không cứ cha còn sống hay đã chết, đều tiền 18 quan, gạo 18 phương ; 70 tuổi trở lên, tiền 36 quan, gạo 36 phương.

Hoàng tằng nữ tôn (chắt gái của vua) [công nữ tôn, cháu gái các tước công] không có đặc Chỉ của vua cấp cho lương bổng thì thôi.

Con trai cả hoặc con gái cả của trưởng công chúa[1], công chúa được 1 người. Lệ cũ, từ 5 tuổi trở lên, tiền 60 quan, gạo 40 phương. Nay định là : từ 5 tuổi đến 18 tuổi, tiền 36 quan, gạo 24 phương, 19 tuổi trở lên, tiền 50 quan, gạo 30 phương.

Con gái của trưởng công chúa, công chúa, lệ cũ có cho tiền trang sức khi đi lấy chồng : con gái trưởng 2000 quan tiền, con gái thứ 1000 quan tiền. Nay đều thôi không cho nữa).

Tỉnh Nam Định có thuyền người nước Thanh đến buôn bán. Ván đóng thuyền chồng lên 4 cái, mỗi tầng thu hẹp thuyền lại, mưu để giảm bớt thuế. Quan tỉnh tâu lên. Vua chuẩn theo lời bàn của bộ Hộ, cứ đo vào tấm ván đáy ở dưới nhất mà tính thuế. Từ sau theo thế làm lệ.

Số lính mộ 2 cơ tả, hữu Bắc Ninh, chỉ còn hơn 500 người. Vua cho dồn làm Trung cơ Bắc Ninh.

Vua sai Nhất đẳng Thị vệ là Lê Văn Phú kiêm quản chức Thái giám.

Dời đặt sở Lý thiện đến phường Túc Vũ (trước ở phường Tích Khánh). Sai Thống chế là Lê Văn Thảo trông coi làm việc ấy.

Cho Lang trung bộ Hình là Phạm Gia Kỷ làm Án sát Cao Bằng, chuẩn cho ở lại Kinh đến kỳ chúc hỗ, việc xong mới đến lỵ sở làm việc.

---

(1) *Trưởng công chúa* : chị em gái với vua.

Bộ Lễ tâu nói : miếu Hội đồng các địa phương đã đổi gọi là miếu Thành hoàng. Tựu trung những thần vị thờ phụng phần nhiều không được thống nhất, xin châm chước bàn định lại cho được thoả đáng. Vua nói năm nay gặp khánh tiết ngũ tuần của trẫm, thần và người cùng vui, thần kỳ trong cả nước đều ban cho tế một tuần. Lễ trọng việc kính mến các thần kỳ, chưa nên vội định lại. Về các thần vị nguyên thờ trước tạm cho phụng thờ như cũ.

Vua sai các địa phương từ Quảng Bình trở vào Nam hỏi kỹ trong hạt, có nhà sư nào đắc đạo, thông hiểu đạo giáo, thì tỉnh cấp bằng cho đến Kinh, kịp tuần tháng tư tụng kinh ở chùa Giác Hoàng 21 ngày đêm ; ở Thuỷ Đàn 7 ngày đêm ; ở quán Linh Hựu 7 ngày đêm. Rồi thì sư ở các chùa tỉnh Quảng Trị xin tập họp ở chùa Tĩnh Quang tụng kinh chúc hỗ 3 ngày đêm. Tỉnh thần đề đạt lên. Vua nói : "Khánh tiết năm nay, thần dân vui mừng, việc tụng kinh có điều gì mà không nên, hà tất phải tâu xin làm gì ?"

Sửa chữa thành Trấn Hải. Vua sai Thống chế Nguyễn Tiến Lâm, Biện lý bộ Công là Nguyễn Văn Điển đốc sức làm việc ấy.

Vua dụ rằng : "Mặt trước thành Trấn Hải, năm trước vì sóng gió vỗ đập, kè đá lở gần hết, thân thành có chỗ lõm vào. Đã phái biền binh tuỳ thế bồi đắp. Về công việc đổi đặt ra nơi khác đã có Chỉ đợi đến sang năm sẽ bàn. Nay ta nghĩ dòng sông đổi dời vẫn là lẽ thường, mà từ trước đến giờ chưa từng thêm bớt. Hơn nữa, cõi bờ biển là nơi quan trọng, há nên vì sóng gió trong nhất thời xung khích mà đem di đi chỗ khác, công sức khó nhọc biết là bao nhiêu, chính nên theo chỗ cũ mà sửa chữa lại. Vậy chuẩn cho phái ra 100 biền binh đến thượng tuần tháng sau khởi công. Về thân thành mặt trước, những chỗ sụt lún xây lại như cũ. Lại ở ngoài hàng cọc rào sách ở bờ hào, đem nhiều đá núi xếp xuống, ngoài chỗ xếp đá đóng thêm 6, 7 bộ cọc lim vạt nhọn để ngăn sóng biển. Lại mặt trong phía sau, phía tả, phía hữu thành có chỗ nào phùng vào hoặc rạn nẻ, đều phải sửa chữa cho được hoàn chỉnh".

Bộ Hộ tâu nói : thuế sân đánh chim ở Hà Tiên, khoảng năm Gia Long chỉ có 900 quan tiền ; gần đây có đến 1.000 quan, lại có đến 1.100 quan. Năm nay lại thêm lên 50 quan nữa. Thế thì việc lấy lông chim quả chiếm được lợi nhiều, thì ngạch thuế cũng nên vừa phải. Vậy xin hằng năm đến kỳ đấu giá, quan tỉnh nên thời thường xét nghiệm liệu gia thêm ngạch thuế, chớ để cho kẻ buôn gian giảo được chiếm riêng tiện lợi. Sân đánh chim ở An Giang cũng xin theo như thế mà làm (năm ngoái tiền thuế 350 quan, năm nay thêm lên 400 quan). Vua nghe theo lời tâu.

Đặt cục thợ bạc ở tỉnh An Giang (lấy 5 người làm định ngạch, đặt một tượng mục).

Bọn Tướng quân thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng tâu nói : phủ Hải Tây phái người thổ đi do thám xứ Bắc Tầm Bôn, đi gần đến đồn Long Cốt, bị binh tuần bên địch xua đuổi, lại quay trở về. Còn bọn phái đi sau, chưa thấy trở về trả lời. Vua nói : "Người thổ kia nhát sợ như thế, phái đi nhiều lần có ích gì. Nên ở trong bọn dân, nơi quy phụ, chọn lấy người giỏi, sai khiến được, mà người ấy không có danh mục gì ở trong đám giặc, chúng không biết mặt, lấy đi 2, 3 người, cho nhiều tiền bạc làm lộ phí, nguỵ trang làm hình dáng dân của đất giặc đi làm ăn phương xa mới về, để khỏi chúng thấy bóng đã ngờ, rồi tuỳ cơ dò hỏi đích xác tình hình về báo cho rõ ràng mới có thể được thực tình. Về phủ Hải Đông cũng có thổ dân mới quy phụ, chuẩn cho theo cách ấy mà chọn người sai đi do thám Lò Gò Vật, tự khắc biết rõ tình trạng của bên địch".

Truy tặng Tiết chế Tả quân đô đốc phủ Chưởng phủ sự Du quận công là Nguyễn Cửu Dật làm Kiệt tiết công thần, đặc tiến Tráng võ Tướng quân, Tả quân Đô thống Chưởng phủ sự Thái bảo, vẫn tên thuỵ là Trung Mẫn phong là Thăng Ba quận công, thờ theo vào Thái miếu, bày thần vị ở án thứ 4 hữu vũ.

Cửu Dật trải thờ các đời chúa, chăm giúp việc nhà vua, địch lại kẻ đáng giận. Đương khi Tây Sơn lấn bức, Cửu Dật đem toán quân nhỏ chống lại giặc mạnh, đánh hơn mười trận, đến đâu được đấy, nhân lúc vận nước nửa chừng suy yếu, công việc làm xong. Đến khi theo Hiếu Định hoàng đế đi về miền Nam, Cửu Dật bị chết đuối ở biển, trước sau vẹn tiết, nêu rõ ở trước mắt mọi người. Trước đã cho giữ nguyên hàm Quận công cũ, gia thêm hàm Thái bảo, cho tên thuỵ là Trung Mẫn, sai ấm thụ cho con cháu sau coi giữ việc thờ cúng. Đến bây giờ, vua nghĩ Cửu Dật công nghiệp rõ ràng, đứng đầu cả đám trung tiết công thần, cho nên có mệnh lệnh cho truy tặng này.

Bộ Hộ tâu nói : 4 tỉnh : Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Bình Thuận, Quảng Yên, tiền chứa ở kho có ít, không đủ chi tiêu. Xin đem tiền ở hạt nào còn nhiều tải cấp cho 4 tỉnh ấy. Vua y cho. (Quảng Nam tải sang Quảng Ngãi 100.000 quan ; Gia Định, Vĩnh Long tải sang Khánh Hoà, Bình Thuận, mỗi tỉnh 60.000 quan ; Hải Dương tải sang Quảng Yên 50.000 quan).

Chuẩn định từ nay về sau, thuế tạp dịch của những người Minh Hương, các bang người nước Thanh cùng khách hộ, ở các hạt mà lệ phải nộp bằng bạc, đều phải nộp bằng bạc, không được nộp thay bằng tiền.

Lãnh binh Quảng Nam là Nguyễn Văn Lượng, Phó lãnh binh thuỷ sư Nghệ An là Nguyễn Văn Sáng đều vì tuổi già về hưu trí. Vua cho Phó vệ uý vệ Trung dinh

Tiền phong là Lương Văn Liễu làm Lãnh binh Quảng Nam, Phó vệ uý vệ Long thuyền là Đoàn Khác làm Phó lãnh binh thuỷ sư Nghệ An.

Bộ Lễ làm sớ cử Ngự sử đạo An - Tĩnh là Lưu Quỹ thăng thự Lang trung thuộc bộ ấy. Vua nói : "Khoa đạo là ngôn quan, nếu có bổ đi nơi khác, phải do đặc Chỉ, các bộ, viện sao được suất lược mà cử như thế ? Không cho".

Hộ vệ là Tôn Thất Thê đi đến trại lính Thanh Ba hỏi mua bạc, thấy có một đĩnh hơi nhẹ, nhân bắt chủ bán là Suất đội Nguyễn Viết Biểu doạ rằng dẫn đến nhà Duyệt thị cân lại. Biểu cậy có lính sai trói lại, hai bên giằng co nhau, Thị vệ trưởng là Trương Văn Hổ thúc dân sở tại là An Hội đánh thanh la gõ mõ, thành ra một đám huyên náo. Vua nghe thấy chuyện cho làm lạ, nói rằng : ở ngay Kinh thành sao dám khinh nhờn pháp luật như thế. Sai bắt giao cho bộ Hình xét xử. Thê phải phạt 100 trượng, xoá tên trong sổ Tôn thất đổi làm công tính là họ Nguyễn Hựu, phát đi Tống Sơn theo vệ thủ hộ sai phái ; Hổ phải cách chức ; Biểu phát đi làm binh đi thú mãi ở đảo Côn Lôn. Quản vệ là Tôn Thất Tư không biết kiểm chế biền binh phải giáng làm Chánh đội trưởng, phát đi thành Trấn Tây gắng sức làm việc chuộc tội.

Cửa tuần Vị Hoàng tỉnh Nam Định năm ngoái phái viên ngồi thu thuế cộng được 28.890 quan tiền. Quan tỉnh tâu lên. Vua sai bộ Hộ bàn định ngạch thuế, cho người lĩnh trưng. (Định làm mỗi năm tiền thuế 40.000 quan, lệ phải nộp nửa tiền nửa bạc).

Hạ lệnh cho các tỉnh biên giới Bắc Kỳ đắp đường quan báo, từ Quảng Yên đến Lạng Sơn, Lạng Sơn đến Thái Nguyên, Thái Nguyên đến Cao Bằng, Cao Bằng đến Tuyên Quang, Tuyên Quang đến Thái Nguyên, Hưng Hoá. Các đường tắt chân núi đều cứ địa phận từng hạt chia thuê dân, chặt đẵn gai góc, mở đắp thành một đường đi thông đồng. Lại dựng cột mốc ở chỗ hai tỉnh giáp giới. Sai phủ huyện sở tại, thời thường sửa sang, gặp có công văn đi lại, đi đường ấy mà thông báo với nhau.

Mới định điều lệ phẩm trật của các tôn tước. Vua dụ rằng : "Nhà nước ta nhờ trời tổ phù hộ, họ Tôn thất vững bền, cháu chắt nhiều thịnh, từ hoàng tử các tước công đến Tôn thất, trước đã ban tước cho tập phong, mà chương trình phẩm trật chưa có phép nhất định. Trẫm rộng xét các sách vở, tham chước xưa nay, đặc cách định làm thứ bậc các tôn tước. Trong ấy cũng xét về tài đức văn học của từng người mà phong tước chức, không chỉ vì người quý người thân mà ấn định. Bởi vì ở trong việc thân người thân mà ngụ ý khuyên răn vào đó. Người là con em đến cả bọn Tôn thất đều nên kính theo lời dạy ngày thường, mỗi ngày cố sửa mình, để lâu đội ân quang hưởng mãi phúc của Nhà nước".

(- Về tôn tước : có thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công, huyện công, hương công ; huyện hầu, hương hầu, kỳ nội hầu, kỳ ngoại hầu, đình hầu ; trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh ; trợ quốc uý, tá quốc uý, phụng quốc uý ; trợ quốc lang, phụng quốc lang ; cộng 21 bậc.

- Thái địa[1] phong tước : Thân vương thì lấy tên tỉnh mà đặt, như Khánh quốc vương ; quận vương thân công, quốc công, quận công, thì lấy tên phủ mà đặt như Bình Giang quận vương, Bình Giang công, Ninh[2] quốc công, Ninh Giang quận công ; huyện công, huyện hầu thì lấy tên huyện mà đặt như Kim Sơn huyện công, Chương Nghĩa huyện hầu ; hương công, hương hầu, đình hầu thì lấy tên xã mà đặt như Bái Ân hương công, Bái Ân hương hầu, Bái Ân đình hầu ; còn ngoài ra đều theo lệ ấy mà suy. Duy có kỳ nội hầu, kỳ ngoại hầu là xưng hô thông thường của các tước hầu, không biên có thái địa. Trợ quốc khanh trở xuống đều lấy chức mà gọi.

Lệ ban phong : Từ tước thân vương đến hương công để phong cho hoàng tử và các cận thân như anh em thúc bá ruột mà đã từng làm hoàng tử. Từ chức huyện hầu trở xuống, đều để phong cho các Tôn thất, nhưng cũng không ấn định. Nếu bọn con em đức nghiệp chưa tiến lắm cũng chỉ phong làm huyện công, hương công. Trong Tôn thất nếu có người nào hiền năng huân nghiệp cũng phong đến vương, công, đều lâm thời do đặc Chỉ phong cho.

- Các hoàng tử từ 15 tuổi trở lên, do bộ Lễ theo lệ tâu xin, còn nên phong hay chưa nên phong, cùng là phong cho tước gì, do tự ý vua quyết định. Còn các cháu gọi bằng ông chú, ông bác, cùng người tôn thân xa gần, có tài đức nên phong, thì cũng do đặc Chỉ, không được viện lệ.

- Về tập phong : phải là ông cha có quân công với nước, con cháu mới được đời đời tập tước, mà con tập tước của cha, thì so với tước được phong của cha trước phải kém xuống một bậc, như cha là tước vương thì con làm tước công, cha làm tước công thì con làm tước hầu. Hoặc con quả là người hiền năng xuất sắc, nên tập nguyên tước của cha, hoặc có công nghiệp rõ rệt, cha trước phong tước hầu mà con nên phong tước công, tước vương thì cho theo hiệu cũ mà phong lên, không phải chọn thái địa khác. Về hai khoản này đều do tự đặc Chỉ. Nếu người cha nguyên trước phong thân vương, thân công, mà con hèn kém, nên giáng tập làm hương hầu, đình hầu. Hoặc cha chỉ vì gia ân cho phong, không công gì với nước thì người con nên giáng tập mấy bậc, do phủ Tôn nhân xin Chỉ, không cho viện lệ.

---

(1) *Thái địa :* đất phong cho để ăn lộc.
(2) Có lẽ sách chép mất chữ "giang".

- Về phẩm cấp của các tôn tước : như hoàng tử cùng là hoàng tử tiền triều, tức là anh em bá thúc với hoàng thượng ngày nay, hoặc phong vương, hoặc phong công, không cứ tước phẩm, đều bày ban ở trên điện, không kể tước, chỉ kể vai thứ hơn kém. Còn những người tôn thất phong đến tước vương trở xuống, cũng đứng vào ban với trăm quan ở sân điện : thân vương, quận vương, ban ở trên chánh nhất phẩm ; thân công ban ở dưới chánh nhất phẩm ; quốc công ban ở dưới tòng nhất phẩm ; quận công ban ở dưới chánh nhị phẩm ; huyện công ban ở dưới tòng nhị phẩm ; hương công ban ở dưới chánh tam phẩm, huyện hầu, hương hầu đều ban ở dưới tòng tam phẩm. Các tước nói trên đều chia làm ban tả, ban hữu, dưới này cũng thế, ai có chức thì theo chức, còn thì đều về ban hữu cả. Kỳ nội hầu, kỳ ngoại hầu đều bày ban ở dưới chánh tứ phẩm ; đình hầu, trợ quốc khanh đều bày ban ở dưới tòng tứ phẩm ; tá quốc khanh, phụng quốc khanh đều bày ban ở dưới chánh ngũ phẩm ; trợ quốc uý, tá quốc uý đều bày ban ở dưới chánh lục phẩm ; tá quốc lang, phụng quốc lang đều bày ban ở dưới tòng lục phẩm, còn người nào có chức thì chức cao theo chức, ban tước cao theo ban tước.

- Người thân thuộc gần : từ hoàng tôn trở lên có tài đức thì ban phong. Còn người thân thuộc gần như hoàng tằng tôn, hoàng huyền tôn trở xuống, có tài học thì cho dự thi, ai trúng tuyển thì bổ dùng, và giao bộ Lễ bàn, cho thi ở phủ Tôn nhân, thi ở điện đình, làm chương trình riêng. Còn những người tôn thất chi xa, cho cùng với học trò cùng thi Hương thi Hội, để có phân biệt).

Đổi định lễ tế Giao hằng năm. Cứ đến thượng tuần tháng 2, sai quan bói chọn ngày tốt. (Lệ trước tháng 2 làm lễ, thì tháng giêng chọn ngày sai bói trước. Đến bây giờ định vào tháng 3 làm lễ, cho nên đổi việc chọn ngày).

Hạ lệnh cho biền binh ở Kinh diễn tập. Vua dụ bộ Binh rằng : các hạng biền binh ở Kinh, họp tập số nhiều, tuy là phái đi làm việc vẫn có sức thừa, chuẩn cho lấy ngày mồng 1 tháng 2 bắt đầu. Về bộ binh lần lượt đi giáo trường diễn tập phép bắn súng, phép đánh trận. Về thuỷ sư, theo lệ một tháng tập thuỷ chiến một lần. Lại đến chỗ gần là ở bờ mạn Nam sông Hương, dạy lấy cách bắn súng nhỏ súng lớn cùng các cách đứng ngồi đi, dừng, cho biết phương pháp đánh bộ.

Quyền lĩnh Bố chính Quảng Yên là Vũ Trọng Đại có tội phải miễn quan. Trước đây bang mục Hà Cố là Phùng Quảng Lợi cùng với bang mục Khai Vĩ là Tiển Thành Đức có thù oán cũ với nhau, nhân ra biển đánh cá gặp Thành Đức đi một chiếc thuyền ở phận biển đảo Chúng Cầm, bảo là thuyền giặc, quây lại vây giết, vứt xác xuống biển, những người cùng một thuyền với Thành Đức, người thì ngã xuống

nước, người thì bị thương, chết mất 4 người ; còn thì bị Quảng Lợi bắt giải. Quản vệ giữ bảo Tĩnh Hải là Nguyễn Khắc Ninh báo bậy là bắt được giặc. Đại vội đem việc ấy tâu lên. Đến khi có Chỉ giao xét, lại nghĩ xử tha cho Quảng Lợi, mà 5 mạng chết kia bỏ không hỏi đến. Tổng đốc Hải - Yên là Tôn Thất Bật biết chuyện, làm bản nói rõ duyên do tâu lên tham hặc.

Vua nói : "Vũ Trọng Đại từ khi được cất nhắc đến nay chỉ có lỗi không có công. Trước đây đi tuần biển đã không có công trạng gì, nay án ấy lại suất lược như thế, phải lập tức cất chức đợi xét. Án sát mới bổ là Vũ Viết Sĩ (có Chỉ lưu Kinh chúc hỗ) cho lập tức đến lỵ sở, hộ lý quan phòng tuần phủ, quyền lĩnh ấn triện Bố chính làm việc". Đến lúc án thành, Quảng Lợi bị xử tử, Khắc Ninh xử tội sung quân, Đại phải cách chức phát đi làm binh ở đảo Phú Quốc. Lãnh binh Đinh Văn An phải giáng làm Quản cơ.

Trong tập thỉnh an của Bố chính Quảng Bình là Nguyễn Hợp nói : hai huyện Minh Chính, Bình Chính hạt ấy nguyên là Bố Chính ngoại châu, thuế ruộng vẫn theo lệ cũ thu nộp (không cứ ruộng nhất nhị, tam đẳng, mỗi mẫu nộp thóc 15 thăng, tiền thập vật 1 tiền, tiền cỏ tranh và tre 30 đồng), so với thuế lệ các huyện Phong Lộc, Phong Đăng, Lệ Thuỷ, Bố Trạch (tô ruộng, nhất đẳng mỗi mẫu nộp thóc 40 thăng, nhị đẳng 30 thăng, tam đẳng 20 thăng, vụ mùa mỗi mẫu 10 thăng, tiền thập vật 3 tiền) cũng là nhẹ hơn.

Vua theo lời bộ Hộ bàn, lấy sang năm bắt đầu, chiểu y lệ các huyện, theo từng hạng ruộng mà thu thuế.

Trong tập thỉnh an của Bố chính Hà Tĩnh là Vũ Thành Phong nói : 8 đội lính, mộ thuộc cơ Hà Tĩnh, phần nhiều không có căn cước các đội để lưu ở hàng ngũ, sợ chỉ tốn lương vô ích. Xin trích lấy 3 đội lính miền Nam dồn cho pháo thủ tuần thành ; còn các đội lính miền Bắc rút về nguyên quán chịu sai dịch.

Vua y cho. Chuẩn cho lấy một đội binh người miền Nam đặt làm đội Nhất pháo thủ. Còn đội pháo thủ cũ đổi làm đội Nhị pháo thủ. Hai đội nhất nhị người miền Nam đặt làm hai đội Tuần thành nhất và nhị, đều giao cho viên Thành thủ uý kiêm quản. Năm đội tứ, ngũ, lục, thất, bát lính người miền Bắc ; người nào có quê quán thì về quê quán chịu sai dịch, người nào quê quán không rõ ràng, cùng là người can án phát bổ làm binh, thì đổi giao làm binh ở đồn Quy Hợp, mà bỏ tên cơ Hà Tĩnh đi.

Trong tập thỉnh an của thự Bố chính Vĩnh Long là Trần Tuyên nói : hạt tỉnh ấy, trong một thôn, người có điền sản chỉ độ 2, 3 phần mười, gặp khi điền thế giản

binh, thường thường mượn cớ là không ai có nhà ruộng, thế mà có người xin đem ruộng đất sung công để quân cấp mà dân thôn không chịu nhận. Cái tệ ấy bởi tại lý dịch cường hào nhiều ruộng đất, lợi dụng dân nghèo để thuê mướn, không chịu nhận ruộng đất khác để quân cấp. Người nghèo lại cam tâm cho người sai khiến, dẫu có chia ruộng cho cũng không muốn nhận. Nay xin xuống tờ dụ : ai có nhiều ruộng đất mà cày cấy không xuể, cho phép báo quan giao cho xã dân quân cấp.

Vua nói : "Ruộng đất các hạt Nam Kỳ từ trước vẫn chưa đo đạc, không có mẫu, sào, thước, tấc, đến nỗi kẻ cường hào mới bao chiếm nổi, nên người nghèo không nhờ cậy vào đâu được. Từ khi sai quan kinh lý đến nay, mọi người đều được hưởng lợi của mình, không có cái tệ thôn tính như trước nữa. Hơn nữa, dân nhờ vào ruộng đất để sống, chỉ sợ kẻ chiếm hữu không chịu chia lợi cho mọi người thôi. Nếu chịu đem của sở hữu sung công để quân cấp thì đối với xã dân có lợi mà không tổn hại gì. Lý dịch cường hào là hạng nào mà dám ngăn trở không cho dân cày nhận ruộng cày cấy ư ? Tức như trong tờ tâu nói gặp khi điền thế giản binh, thường mượn cớ là nhà không có ruộng. Nay người kia đem những ruộng đã thành thuộc nhường cho mình cày cấy, ai là người không muốn mà lại khước đi ư ? Lời tâu không đúng tình lý. Duy điền chính là việc quan hệ, thực không nên để cho bọn hào hữu, vũ đoán chốn hương thôn, để phòng các tệ ấy lớn dần lên. Vậy thông dụ cho các tỉnh Nam Kỳ, những nhân dân trong hạt, ai có nhiều ruộng đất cày cấy không xuể, cho đem báo quan, giao cho người trong xã nhận cày, sung làm hạng điền thổ công, quân cấp cho dân binh cùng lợi. Nếu lý dịch cường hào ngăn trở thì phải tội".

Trong tập thỉnh an của Án sát Vĩnh Long là Lê Văn Khiêm tâu nói : Trước y làm đạo Lương trừ ở thành Trấn Tây, thổ dân hạt ấy phần nhiều có tính lười biếng, một khi thấy người Kinh khai khẩn thành ruộng đất, được hoa lợi, thì đến nhận làm ruộng của ông cha để lại, kêu xin lĩnh quản. Người Kinh sợ phải tội chiếm đoạt, phải chịu giao trả lại. Thậm chí quan của nước Phiên người đại đầu mục dòm thấy những thôn ấp mới lập, chỗ nào đất màu tốt, mưu xử cho người đến tranh. Đến nỗi gần đây người Kinh không ai xin khai khẩn nữa là bởi đó. Nay xin nghiêm cấm để đổi bỏ tệ ấy. Lại dân ở trong sổ đinh và lính tại ngũ nhiều người có lòng lẩn tránh việc đưa vào các ấp xã mới lập. Vậy xin chiểu luật "đào tỵ sai dịch"(1) và lệ "đào binh" xét xử. Lại bắt về nguyên quán nguyên ngũ, cùng chịu binh dao.

Vua nói : "Trấn Tây nay thuộc sổ sách triều đình, đã dụ cho bọn Tướng quân, Tham tán chuyển sức cho sở tại chiêu mộ người Kinh, lập thành ấp làng, khai khẩn

(1) *Đào tỵ sai dịch* : trốn tránh sai phái tạp dịch.

ruộng đất, dạy bảo cày ruộng trồng dâu, cho người Kinh người Thổ ở lẫn với nhau, cùng cày cùng ở với nhau đều thành tục tốt. Nghe nói thổ dân phần nhiều ngu độn, về ruộng đất đã thành thục vẫn sợ bị người Kinh xâm chiếm, gây chuyện sinh việc, thì từ trước đến giờ chưa thấy có việc dân Thổ nào cùng dân Kinh tranh chiếm ruộng đất bao giờ. Hơn nữa, hạt này đất rậm bỏ không cũng nhiều, dân Thổ không có sức làm, thì người Kinh ra sức khai khẩn, canh cư, còn ai dám tranh nữa, mà lại bảo là người Thổ nhận bậy tranh kiện, người Kinh sợ tội giao trả lại mà điềm nhiên không kêu ca gì ư ? Thậm chí bảo quan chức của Phiên, bọn đại đầu mục dòm thấy ruộng đất ở ấp thôn mới lập, đất cát tốt màu, sai người đến tranh lấy lợi. Nếu quả như thế, thì Tướng quân, Tham tán trông coi bờ cõi từ trước đến giờ, ở đấy làm những việc gì mà toàn không biết đến, há chỉ nhân tuần, cái gì cũng gác bỏ đấy mà không nói ư ? Cho ta biết đâu mà chỉ bảo ? Nay chuẩn cho bọn Tướng quân, Tham tán tra hỏi nếu không có việc ấy, cố nhiên là không phải bàn. Nếu có việc ấy thì phải một phen răn bảo rất nghiêm, phàm trong hạt những ruộng đất hoang rậm bỏ không, ai có thể chiêu dân lập ấp, xuất lực khai khẩn, đều cho quản nghiệp cày cấy và làm nhà ở. Không cứ đại đầu mục, tiểu đầu mục của quan chức Phiên, cho đến thổ dân sở tại đều cấm không được ngăn trở bậy, ai trái lệnh thì phải tội, khiến cho ruộng đất ngày một mở mang thêm, nhân dân ngày một đông đúc thêm, vài năm về sau có thể thành nơi vui vẻ ; chớ cho việc ấy là việc nhỏ của dân gian, không để bụng đến là phụ cái trách nhiệm đã uỷ cho. Còn việc xin đem dân binh trốn tránh giao về nguyên quán, nguyên ngũ, cho theo lời bàn mà làm".

Đắp đê mới huyện Nam Xang tỉnh Hà Nội, dài suốt hơn 390 trượng. Đê thuộc địa phận hai xã Nga Thượng, Dũng Kim của hạt huyện ấy, gần bờ sông quá, thế nước chảy xói, mỗi ngày càng lở thêm. Quan tỉnh xin cắm đê mới, thuê dân đắp. Vua y cho.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCX*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], mùa xuân, tháng 2, ngày mồng một là ngày Nhâm Tuất, có nhật thực.

Trước đây, Khâm thiên giám tâu : giờ Tỵ ngày mồng một tháng ấy có nhật thực. Ngày hôm ấy vua tự răn sửa mình, tránh không ngồi chính điện, thôi bỏ nghi vệ phiên triều. Đến giờ Tỵ, mây tối dầm hơi mưa, trông không thấy nhật thực. Khâm thiên giám bèn tâu rằng : xét sách sử đời Đường có nói : "nhật thực không ứng nghiệm, các quan nên chúc mừng", cho là vua sửa đức nên mới được thế.

Vua bảo thị thần rằng : "Mặt Trời đi có độ thường, nếu có nhật thực, trong Kinh không trông thấy, các địa phương tất có nơi trông thấy. Nếu không phải như thế, thì là quan xem thiên văn suy tính sai, chứ có điềm lành gì đâu. Trẫm không phải là Đường Minh Hoàng, hà tất nói nịnh làm gì ? Trẫm nghe vua hiền đời xưa, trời không hiện ra tai biến, đất không hiện ra ác nghiệt, người cho là mừng, mà mình lại cho là lo. Bởi vì, tai dị là trời có lòng nhân yêu bậc làm vua, cho nên vua đời thịnh trị, không quý việc không có tai dị, chỉ quý gặp tai dị mà biết sợ hãi tu tỉnh thôi". Rồi thì các địa phương tâu lên, có nơi nói là có trông thấy nhật thực, có nơi nói là vì mây mưa không trông thấy.

Giảm thuế cho thổ dân thành Trấn Tây. Vua bảo bộ Hộ rằng : "Năm nay gặp khánh tiết ngũ tuần của trẫm, ơn bao rộng khắp, 18 điều ân chiếu đã ban hành từ

đầu mùa xuân, phàm là người dân ta, không ai là không thấm nhuần ơn trạch. Duy có một hạt Trấn Tây, thổ dân mới quy phụ, chưa định lệ thuế, vẫn cho theo Thổ tục, do bọn thổ biền thổ mục tự thu thuế. Cho nên ân chiếu không nói đến. Trẫm nhân nghĩ : hạt ấy đã thuộc về bản đồ, tức là con đỏ của triều đình, nên thi ân một loạt cho được cùng với dân Kinh cùng vui vẻ được lợi ích. Vậy truyền cho Tướng quân, Tham tán truyền dụ cho bọn thổ biền, thổ mục biết : những ngạch thuế thổ dân năm nay phải nộp bằng tiền bạc, thóc gạo, liệu cho giảm bớt, chớ nên nghiêm ngặt như trước. Lại đem đại ý việc ban ơn này hiểu thị cho thổ dân đều biết. Bọn thổ biền thổ mục bèn kêu xin cứ các ngạch thuế thổ tục liệu giảm cho 3 phần 10 ; còn 7 phần theo lệ thu nộp, để chi lương cho lính. Vua y lời xin.

Cho biền binh các địa phương đến Kinh làm lầu rạp, đều về hàng ngũ ở tỉnh, chiểu theo đường đi xa gần mà thưởng cấp tiền cho (Trấn Tây xa nhất, thưởng tiền lương 2 tháng rưỡi ; các tỉnh Nam Kỳ xa thứ hai, thưởng tiền lương 2 tháng ; Thuận Khánh và từ Ninh Bình trở ra Bắc xa thứ ba, thưởng tiền lương 1 tháng rưỡi ; Quảng Nam đến Phú Yên, Quảng Trị đến Thanh Ba gần hơn, thưởng tiền lương 1 tháng). Lính mộ ở Bắc Kỳ lại gia ân cấp cho quần áo.

Bộ Binh nhân tâu nói : "Mộ binh các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình ở Bắc Kỳ, các cơ linh tinh không thành đội số. Vậy cơ Hà Nội thực số lính hơn 150 người, xin dồn làm 3 đội Hà Nội nhất, nhị, tam. Cơ Sơn Tây hơn 200 người, dồn làm 4 đội Sơn Tây nhất, nhị, tam, tứ, 2 cơ tả, hữu Hải Dương hơn 200 người, dồn làm 4 đội Hải Dương nhất, nhị, tam, tứ. Cơ Hưng Yên hơn 100 người, dồn làm 2 đội Hưng Yên nhất, nhị. Cơ Ninh Bình có 1 đội gọi là đội Ninh Bình. Đều bỏ tên cơ đi". Vua cho lời tâu ấy là phải.

Làm lại hành cung Thuận Trực (ở bờ bên hữu sông Lợi Nông thuộc địa phận xã Hà Trung. Năm trước, khi nào vua đi tuần chơi, đến đấy tạm làm một sở, làm rồi lại dỡ đi, chỗ đất lại chật hẹp. Đến bấy giờ mới chọn chỗ đất không khoáng, dựng một toà nhà ngói làm nơi trú tất [chỗ vua đóng lại]. Vua sai thự Thống chế là Trần Hữu Lễ đốc coi làm việc ấy.

Vua ngự điện Văn Minh, cho triệu đường quan bộ Lễ là Phan Bá Đạt, Phan Huy Thực, Nguyễn Tự bảo rằng : "Vừa rồi gặp ngày giỗ Cao hoàng hậu, trước một ngày khí trời lạnh buốt, bộ ngươi tâu xin sai hoàng tử đi làm lễ thay. Trẫm đương nghĩ tự mình đến làm lễ để tỏ lòng hiếu, không nghe lời xin. Chiều hôm ấy trẫm bị cảm hàn, sáng sớm hôm sau khi mới đến bái vị còn thấy mỏi mệt. May nhờ tiên linh phù hộ, được một lát mồ hôi toát ra, khỏi hết cả bệnh. Nhân nghĩ bọn ngươi có

lòng thành yêu vua, đặc cách thưởng tiền bát bảo bằng vàng hạng nhỏ, mỗi người một đồng. Đó là thưởng về tấm lòng của các ngươi, không phải thưởng lời nói đâu".

Vua nhân hỏi Nguyễn Tự xuất thân chân gì ? Nội các tâu rằng : cử nhân tỉnh Quảng Ngãi. Vua nói : người ấy đi thường lắc đầu, thế là mỗi người có một chứng, không thể chữa được. Như trước đây Trần Đăng Long động nói thì thè lưỡi ra ngoài miệng, cũng là một tật riêng đấy thôi.

Sai Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình là Vũ Xuân Cẩn kiêm quản Tào chính ; Tả tham tri bộ Lễ là Phan Bá Đạt kiêm quản Quang lộc tự.

Trong tập thỉnh an của thự Tổng đốc Thanh Ba là Trần Hữu Thăng nói : các huyện châu về thượng du hạt ấy như Cẩm Thuỷ, Thạch Thành, Quảng Địa, Lương Chính, Thường Xuân, Quan Hoá, tục dân thật thà, công việc ít, mà số lại dịch cũng đặt như các huyện người Kinh, chỉ để họ tụ nhau ăn hại, không ích gì. Xin giảm bớt đi, chỉ để mỗi nha 1 lại mục, 4 thông lại ; còn thừa thì bắt về sổ dân chịu sai dịch. Vua cho là phải.

Trong tập thỉnh an của Bố chính Hà Tiên là Nguyễn Trung Nghĩa nói : hạt phủ Quảng Biên tỉnh ấy, người nước Thanh đến rất đông hoặc là hộ buôn bán, hoặc là hộ làm nghề, mà chưa có sổ sách. Lệ thuế thì chỉ có thuế vườn hồ tiêu, vườn cau, mà mẫu sào chưa định rõ. Xin lập ra sổ hàng bang, khám đo đất vườn, theo lệ đánh thuế.

Việc giao xuống bộ Hộ bàn cho là : lệ thuế các bang người nước Thanh ở các hạt, đã có định ngạch (người vật lực mỗi năm nộp thuế 2 lạng bạc, người không vật lực thì 1 lạng). Đấy cũng là người nước Thanh, há nên cho chúng sót sổ trốn thuế. Xin sai quan tỉnh cứ số hiện tại theo nguyên quán, dồn thành sổ từng bang, đặt bang trưởng để đốc suất. Nhưng lấy năm nay bắt đầu, chiểu theo lệ người nước Thanh ở các hạt mà thu thuế. Còn việc đo đất vườn nhất tề cùng làm, có phần bề bộn, xin tạm hoãn. Vua y theo lời bàn.

Trong tập thỉnh an của Bố chính Gia Định là Lê Khánh Trinh nói : từ trước đến nay, binh đinh hạt ấy nhiều người trốn, chỉ bởi không có ruộng công. Người giàu bao chiếm đến nghìn trăm mẫu, người nghèo không tấc đất nào để trông nhờ. Xin chiểu sổ tư điền các xã thôn, chia ra làm 2 thành, một nửa cho điền chủ quản nghiệp, một nửa đem làm công điền quân cấp cho dân binh.

Vua mật dụ rằng : "Các tỉnh Nam Kỳ đất tốt mà ruộng nhiều, chỉ lo dân không chăm làm, không lo ruộng không đủ. Tức như vừa rồi tỉnh Vĩnh Long đã từng tâu : dân trong hạt có người vì ruộng không cày cấy hết, xin đem cho dân xã sung công,

mà dân không chịu nhận, đủ biết ruộng đất tốt màu vẫn là không thiếu. Nhân tình Vĩnh Long như thế, thì ở Gia Định cũng có thể biết được. Làm người chăn nuôi dân, nếu khéo sửa chữa, lấy chỗ thừa của người giàu bù vào chỗ thiếu của người nghèo, mở bảo mà khéo dẫn dụ, có thể rút của người nhiều bù cho người ít, để dân đều được lợi, há chẳng hơn là theo từng xứ ruộng đất cắt đôi sung công, không khỏi một phen làm lại sổ sách, lại thêm phiền nhiễu ư ? Đó là việc trong phận sự quan địa phương, cốt làm thế nào cho phải thì thôi. Nay chuẩn cho ngươi hội đồng với Nguyễn Văn xét xem xã thôn nào ruộng đất bỏ hoang nhiều thì sức cho dân sở tại hợp sức lại khai khẩn sung làm công điền thổ, quân cấp cho binh dân. Hoặc xã thôn nào sẵn có ruộng đất nhiều cày cấy không xuể, thì đến nơi hiểu thị trích ra một nửa, hoặc 3, 4 phần 10 giao xã dân sung công, cho mọi người cùng lợi. Chớ nên bao chiếm nhiều rồi lại bỏ hoang, cũng là vô ích cho mình, chỉ mua lấy hiềm oán mà thôi. Khuyên bảo như thế thì dân Nam Kỳ nhiều người thích việc nghĩa, chắc cũng vui lòng làm, sẽ không phiền đến chia cắt một nửa cho bận rộn, mà cũng có thể xong việc. Bọn người chức giữ đất đai, trách nhiệm thân dân. Nên không cần dùng việc yêu cầu quá nghiệt mà nhân tình thoả thiếp. Cốt lấy công trung làm lòng, chớ để cho kẻ hào phú lừa dối. Thử xem việc có thể làm được, thì cùng hội hàm làm tập mật tâu lên, đợi Chỉ mà tuân hành".

Bọn Khánh Trinh liền vâng Chỉ đem hiểu dụ cho nhân dân. Khoảng vài tháng sau, dân trong hạt nhiều người tình nguyện đem ruộng riêng của mình nhường làm của công, số điền chủ đến 600, 700 người, nhưng số ruộng đến 6.000, 7.000 mẫu, tờ tâu dâng lên. Vua ban khen, dụ sai trích tiền công biện rượu dê khao thưởng mời những người nhường ruộng đến nha phủ, huyện thết đãi một tiệc. Sau này có ai tiếp tục nhượng ruộng nữa, cũng cho yến thưởng như thế. Những ruộng họ nhường cho ấy giao cho dân xã sở tại, chiểu theo lệ công điền đem quân cấp, cày cấy nộp thuế, bắt đầu từ sang năm.

Án sát Gia Định là Nguyễn Văn dâng tập thỉnh an nói : xin sai giáo thụ, huấn đạo các địa phương, sau khi giảng tập được nhàn rỗi, tìm hỏi trong hạt có những sản vật như châu ngọc, vàng, thiếc, tê giác, đồi mồi, trúc hoa cùng tất cả vật hạng thổ ngơi, có thứ gì theo từng hạng biên chép, chia môn định loại, làm thành tập *Hoá vật chí* của một huyện. Lại do Đốc học sửa chữa, quan tỉnh hiệu chính họp lại chép thành tập *Hoá vật chí* của một tỉnh. Sách làm xong do bộ Lễ duyệt chính, đợi vua sửa định, gọi là sách *Đại Nam hoá vật hội chí toàn thư.*

Vua dụ rằng : Gia Định là tỉnh lớn ở Nam Kỳ, lính trốn, thuế thiếu, giặc vẫn chưa dẹp hết, dân còn chưa yên, việc này việc khác còn phải xếp đặt. Ngươi, mình

giữ chức trách coi một phương diện, tình của dân, tệ bọn quan lại, há không có việc gì nên nói. Sao lại đem việc không cần kíp ấy mà giấy tờ dài dòng chồng chất, trình bầy lời lẽ lôi thôi rườm nhảm như thế. Những đồ vật ấy nếu thích dùng cho Nhà nước, chỉ nên tự cho ty có trách nhiệm dùng làm sổ sách kê cứu mà thôi. Rỗi đâu mà tìm tòi xét hỏi, biên thành sách vở, lại do tỉnh do bộ hiệu chính, chỉ tốn công không ích gì đến việc làm. Lời nói ấy không đáng dùng.

Trong tập thỉnh an của Án sát Tuyên Quang là Đỗ Khắc Thư nói : gần đây nghe nói tên giặc trốn là Nguyễn Quảng Khải chạy trốn sang nước Thanh, cùng Nông Văn Thạc cùng ở một chỗ. Đội trưởng thuộc tỉnh là bọn Nguyễn Văn Cần, Nguyễn Đình Tân đều quê ở huyện Để Định giáp đất nước Thanh, quen biết nhiều người nước Thanh. Đã sức cho mộ thuê người tìm bắt kẻ can phạm thì bọn Văn Cần tự cho mình là người ngoài cuộc, không chịu xuất lực dò bắt. Xin nghiêm dụ bắt buộc bọn ấy phải tìm bắt cho được, thì giặc Khải, giặc Thạc có thể định ngày bắt được.

Vua sai truyền dụ cho Bố chính Trần Ngọc Lâm trách cứ bọn Nguyễn Văn Cần, Nguyễn Đình Tân bắt phải hợp cùng với Nguyễn Văn Biểu hết sức tìm bắt. Nếu bắt được 2 tên giặc trốn ấy (Khải, Thạc) đưa ra xét xử thì lập tức thưởng cho 100 lạng bạc. Nếu tìm bắt bất lực hoặc phát ra tình.gì dung túng thì nghiêm hặc để trị tội.

Trong tập thỉnh an của thự Án sát Hưng Hoá là Hoàng Thu nói : 22 châu huyện hạt ấy, chỉ có huyện Tam Nông lệ có huấn đạo ; còn ngoài ra chỉ có 7 người tổng giáo, trông được chỗ này bỏ mất chỗ kia, khó được chuyên cần một nơi để dạy học. Xin cứ thực số châu huyện, đặt thêm mỗi nơi một tổng giáo để dạy học. Vua nghe theo cho làm.

Trong tập thỉnh an của Hiệp tán thành Trấn Tây là Cao Hữu Dực nói : 12 vệ cơ lính thú ở thành ấy mỗi năm một lần đổi, đến nỗi đường lối chỗ hiểm chỗ bằng phần nhiều không biết rõ, mà những lính thú phải đến, chỉ Kinh binh là toàn cả vệ, còn các tỉnh trích phái đến không được toàn vệ, toàn cơ. Xin 12 viên coi quản thì do bộ chọn bổ, hoặc do thành cất lên, nhưng phải chịu chức hàm của thành Trấn Tây, theo thành sai phái. Còn các tỉnh đến kỳ đổi lính thú, chỉ chọn lấy một suất đội, đặt làm bang biện phó quản cơ đem lính đi thú. Ngày đến nơi thú, vẫn đem những viên sắp sẵn ấy cho được quản suất. Đến khi mãn thú, thì người phó bang biện đem lính về tỉnh ngũ, còn quản viên hạt ấy vẫn lưu lại để quản suất lính thú lớp sau.

Vua dụ rằng : cách dùng quân đi đánh trận, cốt ở quân lính tinh luyện, đem đi đánh giặc, giặc nào chẳng tan. Còn việc quen thuộc đường sá cũng giúp được một

phần nào thôi, chưa chắc đã phải ai ai cũng thuộc đường, mới có thể đánh giặc được. Tức như năm trước quan binh lần lượt đánh được tướng Xiêm ở Phủ Lật, đánh tan quân Xiêm ở Phủ Chân, đến đâu là thắng đấy, có cần gì trước biết địa thế mà sau mới đánh đâu ? Vả lại lính thú ở Trấn Tây, mỗi năm một lần đổi cốt để cho khó nhọc nhàn rỗi được đều nhau, từ trước đã định làm lệ thường. Dẫu khi mới đến, địa thế chưa thuộc, song sai phái tuần phòng lâu ngày cũng có thể thuộc biết được. Nếu không thường thường huấn luyện mà chỉ quá lo xa. Những viên quản suất, tất do Trấn Tây đặt bổ, thì hằng năm đến kỳ thay đổi, lấy tướng nọ coi quân kia, quân với tướng hai bên không phục nhau, chưa chắc đã đắc lực. Mà trong ấy hoặc có viên võ quan nào không tốt, tự nghĩ là tạm quản một thời, manh tâm bóc xén quân lính, cái tệ còn nói sao cho xiết. Hơn nữa, việc chọn bổ bọn quản vệ cơ, do quyền triều đình, quan ở biên thuỳ sao được chuyên quyền. Nay muốn chọn quản viên mà lại chịu chức hàm của thành Trấn Tây để làm bậc thang chuyên quyền thì có nên không ? Ngươi là người kiến thức không rộng tự ý bàn bậy, đáng quái đáng bỉ. Vậy truyền Chỉ sức quở.

Tướng quân thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng tâu nói : nhiều lần cử các phủ Hải Đông, Hải Tây thám báo : tướng nước Xiêm là Phi Nhã Chất Tri, từ tháng chạp năm ngoái nghe tin tên giặc Yểm trốn về, bèn từ thành Vọng Các đem hơn 1.000 quân Xiêm, Lào đến Bắc Tầm Bôn, gọi nhiều dân các mường đến ở đấy. Lò Gò Vật cũng có Xiêm mục là Khung Lật đem 1.000 lính, 30 thớt voi đến sửa đắp thành phủ để đóng giữ. Đã ra lệnh phòng bị ở các địa đầu quan yếu rồi. Lại nghe nói : có 7 người thổ dân ở bảo Chi Trinh vào rừng đẵn gỗ làm thuyền, bị Xiêm mục là Ba lặc Yết (nguyên là quan Phiên phản nước theo Xiêm, nhận chức Ba lặc) bắt giải về Bắc Tầm Bôn. Xét ra dân ngoài biên phần nhiều cứ 3, 5 người theo nhau vào rừng kiếm ăn, hoặc có kẻ hám lợi đi xa, nên bị quân Xiêm bắt. Đã lập tức nghiêm sức các đồn bảo răn cấm dân ngoài biên, chỉ được kiếm ăn ở chỗ gần đất ta để phòng việc quan ngại khác.

Vua nói : ở Chi Trinh hiện có quân quan đặt đồn coi giữ, sao lại sơ phòng đến thế, vậy thự Tuyên phủ phủ Hải Đông là Trần Văn Thông, Phó lãnh binh là Đoàn Văn Sách, Quản thủ bảo Chi Trinh là Phó lãnh binh Nguyễn Công Nhàn đều giáng một cấp.

Người nấu bếp thuộc phủ Thường Tín công Cự là Lê Văn Thiện cậy thế mua rẻ hoá vật ở chợ. Khoa đạo là Đặng Quốc Long đem việc hặc tâu.

Vua sai vệ Cẩm y lập tức đem Lê Văn Thiện treo sống ở chợ Nam Thọ 3 ngày, rồi phát đi sung quân ở bảo Côn Lôn. Thường Tín công vì thất sát, phạt lương 6

tháng, không cho lấy công khác khấu trừ đi. Lại truy thu 500 quan tiền, chia cấp cho người nghèo ở chợ Nam Thọ.

Sai quan viên trong ngoài trích phát ra kẻ lại dịch những lạm và tự bày tỏ lỗi mình. Dụ rằng : "Trẫm từ khi lên ngôi đến nay sửa sang mối giường, thưởng phạt đúng mức, nói ra tức là pháp luật, ai có công phần nhiều khen thưởng, ai có tội chưa từng rộng tha, ai ai cũng tai nghe mắt thấy cả. Chỉ vì lúc làm dữ dội như sấm vang, chớp loè thì bọn trộm giặc đều muốn đổi lòng, đến khi im lặng như mưa tạnh mây quang thì kẻ gian nhũng đâu lại vào đấy. Gần đây phát ra tên nấu bếp là kẻ công dịch bậy bóc lột của thường dân ; quan viên tham võ chức hư, bớt xén của quân lính. Đô đài[1] hặc tâu, đã giao bộ Hình xét. Nhân nghĩ : thân phiên Tôn thất trăm chức nghìn quan, lớn thì làm giường cột, nhỏ thì làm mè rui, văn để bày mưu giúp nước, võ dùng làm mộc, làm thành. Trẫm rất mong cho ai cũng giữ gìn thanh danh, lâu chịu ân trạch, khiến cho đều lên cõi thọ, cùng hưởng thái bình. Vả lại năm nay bốn biển lặng yên, lại gặp chính thọ ngũ tuần của trẫm, ân cả thêm khắp, huệ trạch rộng ban. Huống chi vua là đầu cổ, tôi là chân tay, đau ngứa quan hệ với nhau, dân là đồng bào, vật là cùng loại, thiết tha lòng bụng. Nên không ngại nói nhiều, ban ra lệnh rõ. Người ta ai không có lỗi, quý hồ biết đổi mới, nhà nước đã có thường hình luật vẫn cho tự thú. Trong Kinh kể từ ngày hôm nay, các tỉnh ngoài lấy ngày dụ này phát đến là bắt đầu, hạn trong 15 ngày, nếu người nhà của bộ thuộc nào, lại dịch trong hạt nào, có kẻ không công bằng, không giữ phép, làm bậy làm gian lập tức bắt hỏi đem việc tâu lên, thì tội thất sát từ trước cũng được gia ân cho miễn nghị. Nếu viện nào tự mình làm bậy, biết hối lỗi trước cũng cho bày tỏ dâng sớ tự tham hặc mình, không được nói không hết tội, nói không đúng thực, phải nên có điều khoản, có lý do, tất cho được đổi mới, và được xá lỗi. Trẫm nghĩ : bọn ngươi lương tâm vẫn còn, nên thể theo lòng ta, kể ra người làm vua lấy thành tín làm trước, tất phải uy tới lòng kẻ dưới, nếu kẻ nào cứ u mê tối lẽ, che lỗi giấu tội, hoặc giấu giếm cho mình, hoặc che chở cho lại dịch, hoặc có người phát giác, hoặc có tờ tham hặc thì phép nước không riêng ai, tất phải nghiêm trị không tha. Là tự mình làm nên tội, không phải là người trên không thương kẻ lỗi lầm, há nên dối trời, chớ nên lừa vua. Nay ta tự tay soạn dụ chỉ này là bởi từ lòng yêu thần dân, cho nên dạy dỗ hai ba lần, không nề rườm lời. Các ngươi nên coi làm lời răn dạy to lớn, chớ coi làm bài văn nói suông. Đã yêu mà dạy cho, nên kính mà vâng theo".

Rồi thì bọn Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Công Hoán, Án sát Sơn Tây là Vũ Vĩnh dâng sớ bày tỏ nói : ngày thường phủ, huyện thuộc hạt đem biếu

(1) *Đô đài* : tức là Đô sát viện và Ngự sử đài.

các thứ như rượu, chè, vải lụa, đều có nhận lấy, nay tự biết là không phải, xin nhận tội.

Vua nói : lũ ngươi đều là quan to đầu một địa phương, cần phải giữ mình trong sạch để cho văn võ trong hạt bắt chước. Dẫu nhận lễ vật tặng biếu, không phải là của hối lộ, nhưng đã mở lối làm tiền cũng là có tội. Song đã tuân lời dụ, xét mình hối lỗi, bày thực, không giấu giếm, thì tha tội cho. Duy có tang vật đưa biếu, người biếu người nhận đều có tội, không nên trả lại cho chủ, cũng không nên bỏ mặc. Vậy cho phép dự tính những lễ vật đã nhận từ trước đến nay, đáng giá bao nhiêu tiền, lập tức nói ra rõ ràng, để dùng làm tiền công nhu ở tỉnh hoặc phủ huyện.

Cho Vũ Đức Mẫn làm Đốc học Nam Định.

Đốc học Hưng Yên là Nguyễn Duy ốm thôi việc, vua cho Tri huyện Thanh Liêm là Nguyễn Bật Lương thăng thự Đốc học Hưng Yên.

Cho thợ may, thợ nhuộm các tỉnh thuê theo thời giá vào làm ở Kinh đều về nguyên quán. Vua nghe nói người thợ nào vào làm ở Kinh, dân xã lại có cấp riêng tiền thuê. Dụ cho bộ Hộ rằng : dân làm thợ vẫn sống bằng nghề, nếu có thuê bắt đi làm việc công cũng chẳng khó nhọc gì lắm, huống chi đã được Nhà nước trả cho giá hậu đủ nuôi sống, sao lại còn dám yêu sách lấy nhiều tiền của dân, làm luỵ cho hàng xã. Vậy đem ngay bọn thợ thuê ấy đuổi ra hết cả. Lại gia ơn thưởng cho tiền lộ phí (Hà Nội hơi xa, cho mỗi người 2 quan tiền. Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình hơi gần, cho mỗi người 1 quan tiền), người nào chót lấy tiền của dân, do quan địa phương bắt trả lại đủ số. Nếu thợ chính ngạch làm việc không đủ thì lấy lính và thợ làm phụ vào. Duy thợ dệt Quảng Nam, Hà Nội dệt các hàng nhiễu hoa, lĩnh hoa, đã là cần dùng, lại biết đem nghề ấy dạy người, khiến cho thợ ở Kinh cũng biết nghề cải hoa. Chuẩn cho hậu cấp bạc lạng để khuyến khích, đợi thợ chính ngạch học tập được tinh xảo cả một loạt thì cho bọn kia về quê sinh nghiệp.

Quan tỉnh Nghệ An tâu nói : huyện Quế Phong phủ Quỳ Châu hạt ấy, sự thể cùng với dân Kinh không khác gì, xin chiểu theo lệ các phủ huyện giản khuyết, đặt lại dịch, để giúp làm việc. Vua y cho.

Vua cho là bảo Côn Lôn tỉnh Vĩnh Long, đất rộng tốt màu mà dân ở thưa thớt. Dụ cho quan tỉnh sức bọn biền binh trú phòng, gia sức khai khẩn, đều lượng cấp cho canh ngưu điền khí và thóc giống tuỳ theo thổ nghi mà gieo trồng lúa mạ khoai đậu để ăn dùng.

Lại truyền dụ 5 tỉnh là Long, Tường, Định, Biên và An Giang, đều mộ dân trong hạt, không cứ trai gái già trẻ, nếu ai tình nguyện đến ở bảo ấy, thì cấp tiền vốn mỗi người 10 quan hoặc 3, 5 quan.

Tỉnh Vĩnh Long nhân tâu nói : trước đây biền binh Gia Định đến trú phòng bảo ấy, cứ tháng 4 phái đi, đến mùa đông thì rút về. Nay ở bảo ấy còn có tiền gạo quân lương để lại, những biền binh phái đến trú phòng xin từ sau cứ 6 tháng 1 lần thay đổi, cắt lượt từng phiên mà đóng giữ. Vua y cho.

Vua lại cho là : phận biển của bảo ấy là nơi thường có các thuyền đi lại. Sắc cho lính bảo ấy bất kỳ đi do thám, quãng đông xuân giáp nhau, thuyền công chở đi, đến mùa hạ trở về, cùng là thấy có thuyền khác đi qua, thành đoàn 3, 5 chiếc giống như thuyền quân thì liền lập tức báo tỉnh, thượng khẩn tư về bộ, cho được chóng biết tin tức.

Làm xưởng Thuỷ sư lợp ngói ở bến Thành Phúc (xưởng một dãy 31 gian, làm gác bằng ván, trên để buồm dây, dưới chứa thuyền gỗ sam, thùng chứa nước). Vua bảo bộ Binh rằng : "15 vệ thuỷ sư, nên chọn người tài lặn, ai lặn một hơi đi được một quãng đường vừa mặt tầm tên nỏ bắn tới (tức là hai dặm đường), trẫm sẽ thưởng hậu, để đợi khi có việc dùng đến. Nếu gặp thuyền giặc, cho nó lặn xuống nước đến tận thuyền giặc, lấy lửa mà đốt, cái chất nhựa trám xảm ở ngoài thuyền, hơi bắt lửa thuốc súng thế tất cháy lan, không thuyền nào không tan. Còn như bơi trên mặt nước mà muốn lấy lửa đốt thuyền giặc, như cách hoả công ở tập "Trù hải", há chẳng bị giặc bắn chết, đốt thế nào được thuyền giặc. Quan Thiên Bồi là một võ biền, mà lại lấy văn từ khoe khoang, tự cho là tài danh. Tự trẫm xem ra chỉ như trò chơi của trẻ con thôi".

Tuần phủ Nam - Ngãi là Vương Hữu Quang tâu nói : gần đây đình thần bàn tỉnh giảm lại dịch trong ngoài để trừ những tệ. Hạt thần nguyên đặt : ty Phiên 4 bát phẩm thư lại, 7 cửu phẩm thư lại, 64 vị nhập lưu. Ty Niết 2 bát phẩm thư lại, 4 cửu phẩm, 40 vị nhập lưu. Nay đổi định làm : ty Phiên 3 bát phẩm, 6 cửu phẩm, 30 vị nhập lưu. Ty Niết 2 bát phẩm, 3 cửu phẩm, 20 vị nhập lưu. Còn thừa thì rút đi, ai lưu ngạch thì thường xuyên chi lương, xét ra hạt thần, ty Niết thì viên dịch cũng đủ người làm việc. Duy ty Phiên viên dịch phân phái đi nhiều ngả, không ví như các tỉnh khác. Về ngạch vị nhập lưu thư lại, xin cứ để 50 người, chia làm 2 ban. Nếu không đủ người làm việc thì du di sai vát, cũng có thể nhanh xong mọi việc. Thần trộm nghĩ, phép có làm được hay không, chính sự khá hay không khá, cốt ở đức người tốt hay không, thượng ty các địa phương sửa mình đã liêm minh thì thuộc lại sao có thể một mình thò ngón xảo quyệt ra được. Nếu trong lòng mình tham lam mà lại muốn cấm thuộc lại không làm bậy, thì khó lắm. Huống chi chính sự to tát của triều đình do 6 bộ, mà các địa phương đều có những việc của 6 bộ. Việc của bộ phiền hay giản, quan hệ đến địa phương, địa phương phiền hay giản quan hệ đến

phủ huyện. Ví như thân người sai khiến cánh tay, cánh tay sai khiến ngón tay, thế không thể không có được. Bảo là cánh tay không bằng thân người, thì không cánh tay có được không ? Bảo là ngón tay không bằng cánh tay, thì không ngón tay có được không ? Nay những người bàn việc đều biết là địa phương, phủ huyện cố nhiên không thể không được mà không biết thuộc lại cũng không thể không có được là làm sao. Kể ra, thượng ty có trách nhiệm của thượng ty, thuộc lại có công việc của thuộc lại. Thượng ty dẫu hiền tài, làm thế nào được việc của thuộc lại. Nay muốn trừ tệ, chỉ xin bớt thuộc lại có khác gì để thân người mà chặt cánh tay đi, để cánh tay mà chặt ngón tay đi không ? Vả lại, thuộc lại làm bậy, chỉ một người một việc, sự hại còn ít ; thượng ty mà làm bậy thì dân một phương bị hại quá lắm. Sao không trách mình không liêm, không minh, mà lại đổ lẫn cho người thuộc lại làm bậy, ôi cũng chỉ nói việc ngọn mà thôi.

Bộ Lại cho là lời tâu ấy chiết bác đình nghị, lời nói nhiều câu không đúng, tâu lên tham hặc.

Vua dụ rằng : đặt ra quan lại, cốt được người giỏi, bất tất nhiều người làm gì. Vương Hữu Quang, người nói là quan địa phương có lại dịch cũng như thân mình có cánh tay, có ngón tay, không thể không được. Lời nói ấy tuy cũng là phải. Nhưng, người ta hai cánh tay là đủ, 3 cánh tay có được không, 10 ngón tay là đủ, 20 ngón tay có được không ? Nguyên trước bàn tỉnh giảm những lại dịch thừa, là muốn khiến cho người cùng việc vừa với nhau, chưa từng bỏ hết lại dịch, mà lại nói là không có người làm cánh tay, ngón tay. Còn như việc lưu lại dịch 50 người chia làm 2 ban, thì mỗi ban chỉ có 25 người, so với nghị trước thường xuyên 30 người lại là giảm đi rồi. Lại như nói nếu không đủ người làm việc xin được "du di liệu vát", thì thuộc ty khi nhàn khi bận, cốt phải thường nhường đều nhau. Hai chữ "du di" ấy không thể nào dùng được. Nếu lại tuỳ việc gọi ra để phái đi làm, thì tiếng là chia ban mà thực ra không có chia ban, bọn kia không có lương ăn, có lẽ nào chịu nhịn đói mà làm việc ư ? Chẳng khỏi lại bóc lột của dân, do trước xét sau, càng thấy là tính việc kém, rốt cuộc không có ích gì, tội gì mà vênh mặt cố cãi thế ! Đến như câu nói : "Không trách mình không liêm, không minh mà đổ lỗi cho lại dịch làm bậy, ôi chỉ biết việc ngọn thôi !". Và câu nói : "chặt cánh tay, chặt ngón tay v.v..." không hiểu những câu ấy đối với ai mà nói. Việc bày tâu lên trên, sao lại hồ đồ như thế, hay là có muốn điều gì không được thoả mãn, mà làm những câu nói quái gở ấy chăng ?

Vả lại, năm trước Quảng Nam duyệt tuyển, số đinh tăng đến hơn 1 vạn người, đấy là công triều đình yên nuôi, cùng quan tỉnh thứ trước vỗ về, nên mới được thế.

Ngươi may gặp cơ hội ấy, chứ không có chút khó nhọc tài năng gì, trẫm cũng nghĩ việc dẫn bởi từ Bố chính, cho là công ngươi, cho thăng lên Tuần phủ. Không ngờ được quan sang nhanh chóng mà sinh kiêu ngạo, không biết sợ phép, lời nói trong một tờ tâu rất là ngông cuồng. Tờ tâu ấy ý kiến thế nào ? Cho được minh bạch tâu trả lời.

Quang dâng sớ xin nhận tội. Và nói : năm nay gặp khánh tiết ngũ tuần, thiên hạ thần dân đều được đội ơn. Lại dịch dẫu nhỏ, cũng ở trong đồng bào cùng loại. Khoa đạo là ngôn quan, chỉ chuyên việc trừ mọi mối tệ. Đình thần chưa từng giữ trách nhiệm địa phương, lời bàn cố chấp là phải. Hộ đốc Ninh - Thái là Nguyễn Đăng Giai, thân làm thượng ty một địa phương, tự hỏi mình quả đã liêm chính chưa ? Mà thuộc lại làm bậy, sao không chỉ tên tâu lên tham hặc, chẳng những nên giảm còn nên giết đi nữa. Mà chỉ nói bóng nói gió, vô cố xin tỉnh giảm lại dịch mà bãi đuổi đi, thì so với bọn làm bậy can án phải bãi dịch có khác gì. Không thể là bọn ấy có chỗ chưa được thoả thích mà quan địa phương cũng không làm được việc. Câu thần nói : "không trách mình bất liêm bất minh mà muốn đổ lỗi cho thuộc lại", là thần chỉ vào Nguyễn Đăng Giai cùng các địa phương mà nói đấy thôi. Không ngờ lời nói khích thiết quá mà bị quở mắng. Tờ sớ này dâng vào. Vua đặc cách chuẩn cho khép vào luật "bất ưng"[1] mức nặng, giáng 2 cấp, lưu lại làm việc.

Vua dụ Nội các rằng : trước đây đình thần bàn tỉnh giảm lại dịch ở các địa phương, trẫm đã y cho. Nay nghĩ năm nay gặp khánh tiết ngũ tuần của trẫm, ân điển ban rộng, lại dịch các tỉnh chưa nên vội thải đi. Vậy truyền Chỉ cho các địa phương, hạt nào đã trích lại dịch cho về sổ hạng dân chịu sai dịch rồi thì thôi ; hạt nào đã chọn thải mà chưa đăng vào sổ hàng xã, đều cho lưu ngạch như cũ, chia ban chi lương, đợi đến tết Nguyên đán sang năm sẽ theo nghị thi hành.

Thưởng các đốc, phủ, bố, án các địa phương lưu lại ở tỉnh (không vào Kinh chúc hỗ) tiền bằng bạc hạng lớn, hạng nhỏ có thứ bậc khác nhau. Dụ rằng : "Năm nay gặp chính thọ ngũ tuần của trẫm, đầu năm ban ơn, huệ trạch thấm khắp. Các quan ở triều đình, đều đã được ban yến và thưởng cho. Ta nghĩ quan các địa phương ở ngoài, chưa được theo ban chúc mừng, chưa thoả lòng thành. Trẫm đối đãi các thần hạ, quan trong quan ngoài không khác gì nhau, chính nên ban cho một loạt, đều được thấm nhuần ơn mới. Vậy phái thị vệ chia đi ban cấp cho.

Vua dụ cho viên quyền nhiếp Tổng đốc Hà - Ninh là Tôn Thất Bật rằng : Hà Nội là tỉnh to xứ Bắc Kỳ, là chỗ quan yếu không như hạt khác. Nay Phạm Hữu Tâm

---

(1) *Luật bất ưng* : tức là luật "bất ưng vi" nghĩa là không nên làm mà làm.

về Kinh chầu, cho người quyền biện, nên phải rất cẩn thận siêng năng để xứng đáng với trách nhiệm trẫm uỷ cho. Trẫm xem ngươi cũng biết cảm khích hăng hái cho nên từ một viên tướng nhỏ cất lên làm chức Phương bá [Bố chính]. Nhưng đã nghĩ ngươi còn tuổi trẻ, 4 chữ tửu, sắc, tài, khí chưa thể nhảy ra ngoài vòng được. Phải răn ngừa, phải cẩn thận, nếu bị một trong 4 chữ ấy, ít khi không hư hỏng. Ngươi nên nghiêm khắc giữ mình để giữ tiếng tốt mãi mãi.

Vua nghĩ việc trần thiết ở các sở lầu, rạp, công việc bận nhiều. Các viên đồng lý khó lòng kiêm coi được cả công việc bản nha của mình, vua bèn cho phép Hà Duy Phiên, Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ, Tôn Thất Bạch, Bùi Quỹ, nếu bản nha có việc quan khẩn thì cùng với đồng liêu ở bộ hội làm, còn việc thường thì miễn cho.

Vua nhân bảo rằng : những vật trần thiết, lĩnh ở phủ Nội vụ thì nên biên thẻ ghi dấu, để sau này kiểm điểm, chớ để cho kẻ gian lại xê dịch đổi thay. Vả lại, Giám lâm phủ Nội vụ như bọn Nguyễn Đức Hoạt, Hồ Hựu, trí sáng suốt không đủ xét được kẻ gian, cầu được có thể tự giữ lấy mình là may rồi, sao hay đề phòng được kẻ gian. Trẫm sở dĩ đinh ninh đến việc ấy, là vì của nhà nước đều là thuế của dân nộp vào, phàm có thưởng cho, nên cùng các quan cùng cả. Nếu để máu mỡ của dân, chứa đầy túi đầy của kẻ gian nhũng, há phải là ý vì thiên hạ giữ của của ta ư ?

Bộ Binh tâu xin phái 2 quản vệ 10 suất đội, 500 biền binh thuộc Vũ lâm, Cấm binh và các bảo, khí giới của quân phải tề chỉnh, do đại thần võ ban cắt lượt nhau chiểu quản. Mỗi viên một ngày đêm, liệu phái đi tuần phòng, đàn áp các sở lầu rạp trong ngoài Kinh thành, sở nào dám đánh nhau, cờ bạc huyên náo, tất cả những tình tệ trái phép cùng là cướp đoạt trộm cắp, lập tức bắt giải đến quan trừng trị. Còn ban đêm sau khi bắn ống lệnh rồi, trong thành cùng là phụ quách thành có người nào đi lại sở nào, tất phải có đèn đuốc, nếu không tức là kẻ gian, cũng cho bắt trị tội. Lại việc phòng hoả cũng nên cẩn hơn, các biền binh tuần tra, nên đều chỉnh bị đồ phòng hoả và nghiêm cấm những người tạp nhạp không được đốt lửa ở gần lầu rạp để phòng bị sự bất ngờ. Vua y theo lời tâu ấy.

Cho triệu Lãnh binh Thanh Ba là Ngô Văn Giai, thự Chưởng vệ Lãnh binh Gia Định là Vũ Văn Nguyên về Kinh. Khi đến nơi, Ngô Văn Giai thì đổi bổ chức Chưởng vệ, Lãnh binh Gia Định Vũ Văn Nguyên thì lưu Kinh đợi Chỉ. Vua cho Lãnh binh Hà Nội là Phạm Phi thăng thự Chưởng vệ, sung Lãnh binh Thanh Ba ; Lãnh binh Bắc Ninh là Phùng Hữu Hoà đổi bổ làm Lãnh binh Hà Nội ; Phó lãnh binh Bình Định là Nguyễn Hữu Chính thăng bổ Lãnh binh Bắc Ninh ; Phó vệ uý vệ Hậu dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Duy Tráng thăng thự Phó lãnh binh Bình Định.

Đào sông Thuỵ Sơn tỉnh An Giang. Trước đây quan tỉnh ấy là bọn Lê Quang Huyên, Nguyễn Nhật Thạnh tuân dụ khám nghiệm dòng sông nông sâu, tâu nói : đoạn giữa sông ấy có hai ngọn nước giáp nhau, nước triều buổi sớm buổi chiều đều có chia ngả, không như các sông khác thế nước chảy thẳng đi, cho nên việc khơi sâu thêm không mấy, mà so với trước kia cũng hơi có phần hơn. Nghĩ xin thuê 6500 người dân trong hạt đào khơi, độ 2 tháng có thể xong việc.

Vua nghe theo. Chuẩn định cho dòng sông ấy trên rộng 6 trượng dưới rộng 5 trượng, sâu 5 thước làm mức. Rồi vì dân phu thuê làm phần nhiều không đủ số, lại xin thêm hạn một tháng nữa. Vừa gặp Lê Quang Huyên theo tờ dụ đến Kinh chúc hỗ. Vua sai đi ngựa trạm về đốc thúc đào sông. Đến lúc hết hạn vẫn chưa làm xong. (Đường sông dài suốt hơn 7600 trượng, mới đào được hơn 4600 trượng), mà mưa lụt dồn đến, việc cấy lúa đến kỳ. Bọn Huyên xin nhận tội là làm việc chậm trễ.

Vua sai tha cho dân làm việc đều về, đợi mùa xuân sang năm sẽ tiếp tục làm. Đồng sự là Lãnh binh Nguyễn Văn Gia tuổi già hèn kém giáng làm Chánh ngũ phẩm Cai đội, bắt về hưu trí ; Huyên, Thạnh và phủ huyện bị giáng phạt có thứ bậc khác nhau.

Sai 4 quản vệ 500 biền binh thuỷ bộ ở Kinh ngồi 8 chiếc thuyền chia nhau đi từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Quảng Yên, tuần dò giặc biển.

Tôn Thất Dụ ở ty Từ tế ban đêm đem một người con trai lạ mặt đột nhiên vào đẫn cây chuối ở tường sau nhà tòng tự bên tả ở Thế miếu, bị võ biền làm việc ở đấy là Vũ Đăng Trinh bắt nộp phủ Tôn nhân. Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công đem việc tâu lên. Vua sai khoá tay lại giao cho bộ Hình tra rõ trị tội. Thưởng cho Đăng Trinh tiền Phi long bằng bạc, hạng lớn 10 đồng.

Đổi 2 đội thuộc binh thuộc phủ Hoàng tử Hoà quốc công Miên Quần (nguyên là các đội Dực mỹ thuộc phủ Vĩnh Tường quận vương dồn bổ vào) làm 2 đội Dực bảo nhất và nhị, lương gạo và ruộng lương khẩu phần đều theo lệ các Dực.

Hạ lệnh cho các nha thuộc các bộ viện ở Kinh : từ nay về sau làm tờ tư cho trong ngoài, khi nào có phúc tâu, hoặc đã qua sắc truyền phê bảo, thì phải rút ra đại ý làm ra tờ tư của bộ phát giao cho thi hành. Không được theo như trước ở trong tờ tư viết mấy chữ "khám phụng châu phê, châu điểm". (Văn thư từ cho thi hành không như chương sớ có phê bảo mà có thể sao ra cho thi hành được).

Hậu quân Chưởng phủ lĩnh Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng đến Kinh vào chầu. Vua nhân bảo Nội các rằng : ban chầu từ trước đến nay, văn bên tả,

võ bên hữu. Duy về văn quan lĩnh võ chức, võ quan lĩnh văn chức, ban chầu chưa có quy tắc nhất định. Nay chuẩn định : phàm quan văn kiêm lĩnh võ chức như Đông các Đại học sĩ lĩnh Tướng quân thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng thì theo văn giai đứng ở tả ban ; quan võ kiêm lĩnh văn chức như Tiền quân Chưởng phủ kiêm Thượng thư bộ Binh, Hữu đô ngự sử lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Phạm Hữu Tâm thì theo võ giai đứng ở hữu ban. Lấy đấy làm lệ.

Bố chính Biên Hoà là Phạm Duy Trinh tâu nói : năm trước phái biền binh cùng tù phạm đi đồn điền thượng nguyên Xích Lam, khai khẩn thành ruộng công được hơn 300 mẫu. Năm nay thu được thóc hơn 4.600 hộc. Đã cho vận tải để vào kho, và lưu lại biền binh đã mãn ban mỗi tháng 50 người để giữ canh ngưu điền khí ở đồn điền, kiêm việc quản thúc bọn tù phạm, sai họ tiếp tục khai khẩn.

Vua ban khen, thưởng cho biền binh 400 quan tiền. Tù phạm 100 quan tiền.

Tỉnh An Giang cũng tâu báo : biền binh khẩn ruộng ở sau tỉnh thành, cộng được 770 mẫu, thu được thóc 9.000 hộc. Vua chuẩn thưởng cho 600 quan tiền.

Lại chuẩn y lời bàn của bộ Hộ : từ Khánh Hoà trở vào Nam, những nơi nào có đồn điền, đều lượng trích những ruộng đã thành điền cho tù phạm quản nhận cày cấy. Đến khi thu hoạch, một nửa nộp làm của công, một nửa cho ăn dùng ; còn khẩu lương thì thôi không cấp nữa. Những ruộng tù phạm làm không hết, cho dân nào cận tiện đấy cày cấy nộp thuế sung làm công điền.

Rút bớt chức huấn đạo 2 huyện Thiên Thi, Phù Dung tỉnh Hưng Yên. Sĩ số 2 huyện ấy ít ỏi, cho nên rút chức huấn đạo đi.

Cho Án sát Nghệ An là Trịnh Ngọc Lâm thăng thự Bố chính Khánh Hoà ; Đại lý tự Thiếu khanh là Vũ Tuấn đổi bổ Án sát Nghệ An ; Án sát Ninh Bình là Bùi Mậu Tiên thăng thự Bố chính Quảng Yên. Trịnh Ngọc Lâm, Bùi Mậu Tiên đều cho về Kinh chúc hỗ. Thự Hộ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Trần Trứ thăng thự Án sát Ninh Bình. Vua sai Tả thị lang bộ Hình là Bùi Quỹ kiêm quản ấn triện Đại lý tự.

Cho Quản cơ cơ Sơn Tây trú phòng phủ Quảng Oai là Tôn Thất Đàm thăng thự Vệ uý vệ Thiện võ. Đàm quen biết đường đất hạt tỉnh ấy, mà sai phái cũng đắc lực, tỉnh thần xin lưu lại để giúp đỡ sai khiến. Vua bèn cho Đàm thăng thự Vệ uý vệ Sơn Tây vẫn lưu lại trú phòng phủ Quảng Oai.

Sách phong trưởng công chúa đệ nhất làm Bình Thái trưởng công chúa ; trưởng công chúa đệ nhị làm Bình Hưng trưởng công chúa ; trưởng công chúa đệ tam làm Bảo Lộc trưởng công chúa ; trưởng công chúa đệ ngũ làm Bảo Thuần trưởng công chúa (đều lấy tên tổng đặt tên thái ấp).

Vua dụ bộ Lễ rằng : "Trưởng công chúa đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đều tuổi ngoài 50, già nua lật đật, thực là đáng thương, lại em trẫm là trưởng công chúa đệ ngũ cũng gần đến ngũ tuần, goá chồng, không có con, cảnh già buồn tẻ, dẫu từ trước đến giờ, công chúa chưa từng được phong hiệu, nên cũng nên đặc cách gia ơn, để tỏ ra lòng ưu hậu".

Lễ, Binh 2 bộ tâu xin : từ sau khi xa giá đến Trai cung và khi xa giá trở về, cùng là đi tuần chơi các sở, có bày đồ lỗ bộ, thì nhân dân đi xem, không cứ trai gái trẻ già, đều cho đứng yên ở chỗ đất không bên tả bên hữu đường vua đi, hoặc ở bên đường bờ sông, khi trông thấy xa giá đến, lập tức sắp hàng quỳ xuống ngay chỗ đứng, xa giá đi qua, cúi đầu vái rồi đứng dậy, không được huyên náo thất lễ. Ai trái lệnh này, phạt đánh 100 trượng. Nếu có bọn mất dạy nhân lúc ấy mà cướp lấy của dân thì lập tức bắt giải, chiểu luật gia lên mức nặng mà trị tội. Vua theo lời tâu ấy.

Ngày Quý Mùi. Vua rước Từ giá[1] ngự chính lầu, đem hoàng tử thân công cùng các quan văn võ đi theo, thả đèn lửa, nổi âm nhạc. Hoàng thái hậu vui lòng khen ngợi mãi. Vua cả mừng. Dụ rằng : năm nay gặp chính thọ ngũ tuần của trẫm. Rất mừng thánh mẫu là Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu, đi đứng mạnh khoẻ, ngày càng sống lâu. Bèn chiều theo lòng thần dân cho được chúc hỗ, đều có dựng đặt lầu rạp. Nhưng trẫm nghĩ : làm xa hoa như thế, trẫm thực cho là có cũng được, không cũng được, chỉ thêm hổ thẹn mà thôi. Nhưng Thánh từ tuổi thọ ngày cao, ngày nay vui lòng cũng có thể làm yên lòng ta một ngày làm con, nên ban ra ơn huệ, để tỏ là ơn của mẹ ta. Bèn thưởng đồng lý là bọn Hà Duy Phiên đều gia 1 cấp ; viên, biền, binh, thợ, nhạc sinh, thưởng chung 1.000 quan tiền.

Làm thêm nhà rạp dưới nước ở trước Kinh thành. Hằng năm tiết Vạn thọ chỉ làm nhà rạp lợp cỏ để làm chỗ diễn các trò chơi. Năm ấy gặp đại khánh tiết, cho nên làm thêm nhà rạp dưới nước. Đến ngày khánh tiết bày các trò chơi vui ca nhạc cho các quan và dân chúng đứng xung quanh mà xem.

Vua lại cho là cầu Gia Hội nhiều người đi lại, sai làm nhà rạp dài ở trên (chính giữa cầu tầng trên làm 3 gian, đằng trước đằng sau ở tầng dưới đều làm 2 gian) để treo đèn lồng.

Vua ngự đến chơi hồ Tĩnh Tâm, ngự ở điện Bồng Doanh. Triệu hoàng tử, các tước công, cùng đại thần trong ngoài vào chầu, cho uống rượu, lại thưởng cho lụa màu có thứ bậc khác nhau. Bèn làm thơ ghi việc ấy ; sai Nội các sao ra ban cho mọi người.

---

(1) *Từ giá* : tức là xa giá của Hoàng thái hậu.

Xây đắp bờ phía đông sông Hữu Hộ Thành. (Từ chỗ giáp cầu Lợi Tế đến chỗ đối ngang với cầu Hoàng Tế). Vua sai Thống chế là Bùi Công Huyên đốc coi làm việc ấy.

Chuẩn định từ sau, phàm những nhân viên can án phải cách lưu, được đổi làm giáng 4 cấp lưu, thì những cấp kỷ của viên ấy đều xoá bỏ đi. Định làm lệ mãi mãi.

Đổi làm nhà ngói cho vệ Cẩm y, vệ Kim ngô canh trực (ở gần ngoài cửa Nhật Tinh, Nguyệt Ba, trước đây làm tạm 2 sở, mỗi sở 14 gian. Đến bây giờ làm xê ra về phía đông phía tây, đổi lợp bằng ngói).

Tỉnh thần An Giang tâu nói : phủ Tĩnh Biên nay đã đổi thuộc về Hà Tiên, những biền binh thuộc phủ ấy duy có Hậu cơ An Giang là lính người Kinh, nên lưu lại ngạch cũ ; còn những lính người Thổ như 2 cơ An biên nhất nhị cùng lính trạm người Thổ trạm Giang Nông, xin giao cả về Hà Tiên chiểu quản. Còn như lính Thổ cơ tam An biên quê thuộc Tây Xuyên, đổi làm cơ An biên lệ thuộc vào tỉnh để sai phái.

Vua nói : 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên chia đặt phủ huyện là việc làm bắt đầu, đầu mối xếp đặt còn nhiều, chưa có thể nhất tề định lại được. Huống chi Hà Tiên cũng là kiêm hạt của An Giang. Vậy Hậu cơ An Giang và 3 cơ An biên nhất, nhị, tam đều cho theo như cũ thuộc về tỉnh An Giang. Duy có trạm Giang Nông, đổi làm Tiên Nông thuộc vào tỉnh Hà Tiên.

Lang trung hộ lý quan phòng phủ Nội vụ là Hồ Hựu làm việc tầm thường, phải giáng cấp nhiều lần. Vua cho giáng bổ làm Chủ sự bộ Công.

Tả tham tri bộ Lại là Vũ Đức Khuê, hết hạn nghỉ để tang lại đến Kinh. Vua sai theo chức cũ làm việc.

Định lệ lương hằng năm của các tôn tước. Lương thân vương 1.500 quan tiền, 1.200 phương gạo ; không phải là hoàng tử mà được tập phong thì 900 quan tiền, 700 phương gạo ; ân phong thì 700 quan tiền, 500 phương gạo.

Lương thân công 1.000 quan tiền, 1.000 phương gạo ; không phải là hoàng tử mà được tập phong thì 600 quan tiền, 400 phương gạo ; ân phong thì 500 quan tiền, 300 phương gạo.

Lương quốc công 700 quan tiền, 500 phương gạo ; không phải là hoàng tử mà được tập phong thì 450 quan tiền, 300 phương gạo ; ân phong thì 400 quan tiền, 260 phương gạo ; không phải là hoàng tử mà được tập phong thì 400 quan tiền, 280 phương gạo ; ân phong thì 350 quan tiền, 240 phương gạo.

Lương huyện công 500 quan tiền, 350 phương gạo ; không phải là hoàng tử mà được tập phong thì 350 quan tiền, 260 phương gạo ; ân phong thì 300 quan tiền, 220 phương gạo.

Lương hương công 450 quan tiền, 300 phương gạo ; không phải là hoàng tử mà được tập phong thì 300 quan tiền, 240 phương gạo ; ân phong thì 250 quan tiền, 200 phương gạo.

Lương huyện hầu tập phong thì 250 quan tiền, 200 phương gạo ; ân phong 200 quan tiền, 150 phương gạo.

Lương kỳ nội hầu tập phong 180 quan tiền, 100 phương gạo ; ân phong thì 160 quan tiền, 90 phương gạo.

Lương kỳ ngoại hầu tập phong thì 170 quan tiền, 90 phương gạo ; ân phong thì 150 quan tiền, 80 phương gạo.

Lương đình hầu tập phong thì 160 quan tiền, 80 phương gạo ; ân phong thì 140 quan tiền, 70 phương gạo.

Lương trợ quốc khanh tập phong thì 150 quan tiền, 70 phương gạo ; ân phong thì 135 quan tiền, 65 phương gạo.

Lương tá quốc khanh tập phong thì 140 quan tiền, 65 phương gạo ; ân phong thì 130 quan tiền, 60 phương gạo.

Lương phụng quốc khanh, tập phong thì 130 quan tiền, 60 phương gạo ; ân phong thì 125 quan tiền, 55 phương gạo.

Lương trợ quốc uý tập phong thì 45 quan tiền, 35 phương gạo ; ân phong thì 40 quan tiền, 30 phương gạo.

Lương tá quốc uý tập phong thì 42 quan tiền, 32 phương gạo ; ân phong thì 38 quan tiền, 28 phương gạo.

Lương phụng quốc uý tập phong thì 40 quan tiền, 30 phương gạo ; ân phong thì 36 quan tiền, 26 phương gạo.

Lương trợ quốc lang tập phong thì 38 quan tiền, 28 phương gạo ; ân phong thì 34 quan tiền, 24 phương gạo.

Lương tá quốc lang tập phong thì 36 quan tiền, 26 phương gạo ; ân phong thì 32 quan tiền, 22 phương gạo.

Lương phụng quốc lang tập phong thì 34 quan tiền, 24 phương gạo ; ân phong thì 30 quan tiền, 20 phương gạo).

Những hoàng tử các tước công đã được tập phong, cho đến các người Tôn thất, nếu lương cũ kém lệ mới, thì theo lệ mới mà lĩnh ; lương cũ hơn lệ mới thì tạm cho theo lương cũ, không phải giảm bớt.

Tham tán thành Trấn Tây là Dương Văn Phong đem theo bọn thổ biền là Chưởng vệ Trà Long, Nhâm Vu, Vệ uý là La Kiên cùng thí sai Quản cơ cơ An man nhất là Vu Khiêm đến Kinh vào châu.

Vua cho triệu vào hỏi tình trạng nước Xiêm. Phong tâu rằng : tướng nước Xiêm là Chất Tri đem trọng binh đóng ở Bắc Tầm Bôn, cũng không có việc gì khác. Vua nói rằng : trước kia giặc Yểm trốn về, thổ nhân theo đến hàng vạn người, còn lại không mấy. Chất Tri dẫu có trí dũng, chỉ có thể chiếm địa hạt tự giữ mà thôi. Kế hoạch của ta chẳng gì bằng nuôi chứa sức mạnh, kẻ kia đến thì ta đánh cho họ sợ thôi. Đất Bắc Tầm Bôn, nó tự giữ lấy, tất phải gọi đem lính và lương ở xứ khác đến, chẳng qua 5, 6 năm cũng phải khốn đốn mỏi mệt thôi. Chỗ đất ấy cũng ví như xương sườn gà, bỏ thì tiếc, ăn thì không ngon gì, kẻ kia muốn giữ đất không ấy, có ích gì đâu.

Vua lại nói đến việc bọn Trà Long, Nhâm Vu mượn cớ để không đi Bắc Tầm Bôn. Phong tâu rằng : chúng sợ người Xiêm, nếu ép chúng đi, cũng chẳng được việc. Vua nói : cách dụng binh, phải nhân thế của địch mà khéo dùng. Người Xiêm vẫn khinh người Chân Lạp, cho nên khi đánh nhau, họ không phòng bị. Ta dùng lính Chân Lạp đi trước, mà dùng quân ta giỏi bắn súng tiếp ở đằng sau, không cho quân Chân Lạp biết. Chúng cho là đặt mình vào chỗ chết, mới chịu cố sức quyết chiến, chuyển sự thua mà thành công. Đấy tức là phép người đời xưa cho quân quay lưng ra sông mà bày trận, há chẳng phải là kế sách hay ư ?

Vua nhân bảo thị thần là Trương Đăng Quế rằng : "Trẫm nghe nói khi trước Chân Lạp mạnh lớn, nước Xiêm còn nhỏ, phàm những quần áo, chế độ đều bắt chước nước Chân Lạp cả. Về sau nước Xiêm ngày càng mạnh mà Chân Lạp ngày càng suy ; cho nên bị nó ức chế mà thôi. Nay trong nước Xiêm, người Đồ Bà[1], người nước Thanh, ở lẫn lộn, không có quy chế bó buộc gì. Nếu xảy ra có sự biến động bởi người nước ngoài, thì người khác nòi giống chắc đâu không có lòng khác. Vả lại, nước kia quân không có kỷ luật, trước Cao hoàng đế nước ta ở nhờ ở đấy, chính mắt trông thấy thuyền vua nước ấy đến bờ, những quân lính đi theo thuyền, lên thẳng 2 bên bờ cướp lấy của cải của nhân dân. Cao hoàng đế ta hỏi thì người đầu mục nói rằng : tục nước ấy như thế. Phàm lính đi đến đâu, tha hồ cướp đoạt,

(1) *Đồ Bà* : tức là Giava.

không ai ngăn cản. Cho nên người nước ấy mỗi khi nghe thấy quân quan đến, có cái gì đều cất giấu đi. Đương lúc cường thịnh mà còn như thế thì bây giờ có thể biết được. Cái gọi là dũng hãn ấy, chỉ vì quân không đem lương sẵn, đến đâu cướp đoạt đấy, thì hung tợn, ngang ngược đáng sợ mà thôi, há thực có dũng cảm đâu".

Rồi vua cho là Trà Long đã có phẩm mục cấp cho từ trước, chỉ cho Nhâm Vu, La Kiên mỗi người một bộ mũ áo đại triều. Cho đều chiếu phẩm, hằng tháng chi lương, đợi khi nào về đến bản hạt thì thôi. Lại cấp cho bài ngà để ra vào chầu hầu. Vu Khiêm thì lập tức cho thực thụ Quản cơ, cũng thưởng cho mũ áo đại triều, và quần áo đều 1 cái.

Tỉnh Quảng Trị có khí dịch lệ, binh và dân bị truyền nhiễm chết mất hơn 200 người. Vua sai quan tỉnh phát tiền kho tuất cấp cho.

Vua nghĩ ngày khánh điển đã đến nơi mà công việc ở núi Thuận còn phải làm nhiều ngày. Sai truyền Chỉ cho Tạ Quang Cự, Đặng Văn Thiêm đến cuối tháng cùng về cung chức. Lính và dân cũng cho rút về.

Lãnh binh Quảng Ngãi là Nguyễn Vĩnh, đốc binh dân đào hào, đào cạm ở biên bảo cơ Tĩnh man để ngăn giữ bọn ác Man. Có một con voi nhỏ sa xuống cạm, bắt được đưa về Kinh nộp. Vua sai thưởng cho 100 quan tiền.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXI*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], tháng 3, ngày Giáp Ngọ là ngày tiết Thanh minh. Trước kỳ ấy, vua xuống dụ định đến ngày Thanh minh đến làm lễ yết các lăng. Gặp mưa rét luôn mấy hôm, vua hơi khó ở. Phủ Tôn nhân, viện Cơ mật và Nội các cùng xin vua chọn sai hoàng tử các tước công đi làm lễ thay. Vua bất đắc dĩ phải nghe. Dụ rằng : sau khi tế Giao, trời tạnh ấm, sẽ thân hành đến lễ tôn lăng các tiên thánh. (Lệ trước, tiết Thanh minh, những tôn lăng các tiên thánh, các tiên hoàng hậu, chỉ phái quan chức tôn thất đi làm lễ. Năm ấy, phái hoàng tử công, hoàng tử thân công khâm mệnh đi làm lễ).

Chuẩn định từ nay về sau, các đại thần văn võ ra vào cửa Đại cung : quan văn mang theo viên tư vụ hoặc bát cửu phẩm thư lại ; quan võ mang theo cai đội hoặc chánh đội trưởng một người để làm việc công. Nếu ai đem theo sai dịch ngoại ngạch, binh đinh, vị nhập lưu thư lại, sẽ ghép vào luật "vi chế" mà xét xử. Lại các tỉnh đệ đến các thứ vàng bạc của kho công, không cứ số gánh nhiều hay ít, phái lính ở Kinh gánh thay qua cửa Hiển Nhân, chỉ cho một người tỉnh phái theo đến phủ Nội vụ nhận nộp. Còn lính tỉnh không được đi lẫn vào để nghiêm chỉnh cấm lệnh ra vào cửa.

Cất bổ cho con Chưởng Hậu quân Phan Văn Thuý là Phan Văn Oánh, con Thống chế Đỗ Quý là Đỗ Tài, con Thống chế Phạm Văn Lý là Phạm Văn Cẩm đều làm Cai đội Cấm binh. Con Hiệp biện Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức là Trịnh Hoài Bảo, con Thị lang Trần Văn Tính là Trần Văn Thịnh đều làm Chủ sự, do bộ án bổ.

Vua nghĩ : trời mưa rét, sợ có khi hại đến việc làm ruộng, sai Tả thị lang bộ Hình là Bùi Quỹ làm lễ cầu tạnh ở miếu Đô thành hoàng. Rồi thì Mặt Trời ló sáng, vua lại làm lễ tạ và thưởng cho Bùi Quỹ kỷ lục 1 thứ, tiền vàng Phi long hạng lớn đồng. Vua nhân thể bảo thị thần rằng : "Đầu xuân trời tạnh ấm, trẫm vui mừng, cho là năm nay tất được mùa. Lòng trẫm hơi tự mãn. Cho nên trời mưa dầm, gần đến nỗi hại lúa. Nay trẫm càng thêm cảnh tỉnh, mà khí tốt sinh ra, may ra có thể được mùa. Thế mới biết người làm vua ở vào chỗ mỹ mãn, nên giữ lòng khiêm tốn. Nếu có một chút mãn túc, thì là không được. Người xưa có câu nói : "Tự mãn thì bị tổn hại, khiêm tốn thì được bổ ích", thánh nhân răn dạy không sai, há chẳng nên tự răn sửa ư ?".

Vua thưởng cho Phó ngự y là Hoàng Đức Hạ gia 2 cấp, tiền vàng Phi long hạng lớn 1 đồng, và 30 lạng bạc ; bọn tả hữu viên phán, y chánh, y phó đều gia một cấp, lại thưởng chung 100 quan tiền. Đại thần ở viện Cơ mật, ấn quan ở Nội các dự việc xét nghiệm vị thuốc đều thưởng tiền vàng Phi long hạng nhỏ mỗi người một đồng.

Sai tế miếu Tiên y.

Vua bảo bộ Lễ rằng : vừa rồi mưa rét liền mấy hôm, trẫm lo nghĩ đến đời sống của nhân dân. Rồi thì hơi bị cảm, tham chiếu phương thuốc điều trị, sớm được hiệu nghiệm, thì nghề thuốc không phải là vô bổ. Nên nhân việc nêu ra để tỏ tiếng tốt của đời trước. Vậy lập tức chọn ngày tốt, sửa soạn lễ vật, sai quan đến miếu Tiên y tế một tuần.

Vua ngự điện Cần Chính, hoàng tử công, thân công, quan viên trong ngoài dâng biểu lạy mừng. Vua ban cho ăn yến và tiền vàng bạc lạng có thứ bậc khác nhau. Ai bận việc hoặc phải đi làm việc công cũng chiểu phẩm cấp cho. Còn các nha nhàn tản và văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở xuống, ngày hôm ấy chưa được dự, lại gia ơn thưởng chung cho 3000 quan tiền.

Kỳ lão trong Kinh kỳ dâng thóc mới, vua sai lấy mấy hạt thân tự nếm xem. Triệu Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công và đại thần là bọn Vũ Xuân Cẩn, Trương Đăng Quế cho mỗi người một bông lúa và bảo rằng : "Trẫm nếm hạt gạo này đã chắc mà ngọt, thực lấy làm vui và yên lòng lắm. Trước kia lúa ruộng đương xanh tốt, gặp mấy hôm rét buốt, trẫm lo quá mà sinh ốm. Trẫm nghe nói lúa trỗ gặp rét thì bị tổn hại. Nay lại tốt mà chắc hạt như thế, có lẽ là họ chọn những lúa chính sớm mà tốt đẹp để dâng lên chăng !"

Vua ban thuyền Lê[1] có mui cho các hoàng tử : Tùng quốc công Miên Thẩm, Ninh quốc công Miên Bật, Hoà quốc công Miên Quần, Hàm Thuận công Miên Thủ,

(1) *Thuyền Lê* : tức là thuyền có chạm khắc.

Lạc Hoá quận công Miên Vũ, mỗi người một chiếc, để dùng trong khi đi theo hầu vua.

Bọn ca nhạc làm các trò chơi các kỹ nghệ (138 người) do các địa phương đem đến đều đã đến Kinh. Vua cho chiểu số người, cấp cho mỗi người 1 quan tiền.

Bố chính Quảng Bình là Nguyễn Hợp ốm. Vua cho giải chức ở nhà trọ ở Kinh để điều dưỡng. Cho triệu Lãnh binh là Nguyễn Văn Tập đến Kinh đợi kỳ chúc hỗ. Hợp rồi sau chết. Vua cho ngoài lệ tiền tuất cấp thêm 100 quan tiền nữa.

Thưởng trả lại chức hàm Hữu tham tri bộ Lễ cho Phan Huy Thực. Thực trước đây cẩn mẫn, vua biết, cho làm đến Thượng thư, gần đây già ốm, làm việc nhiều sự lầm lỗi, đã giáng bổ Tham tri, lại giáng đến Thị lang. Đến bây giờ gần đến khánh tiết, cho nên vua đặc cách gia ơn cho.

Cho Vệ uý vệ Cẩm y là Hoàng Đặng Thận thăng thụ Chưởng vệ quyền quản ấn triện dinh Long võ ; Nhất đẳng thị vệ là Lê Văn Phú thăng thụ Chưởng vệ, quyền chưởng ấn triện dinh Thần cơ ; Thống chế dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Tiến Lâm kiêm quản 4 vệ dinh Kỳ võ ; Nhất đẳng thị vệ là Vũ Văn Giải thăng thụ Chưởng vệ vẫn quản lĩnh thị vệ. Bộ Lại tâu nói : Hoàng Đăng Thận, Lê Văn Phú quyền quản, quyền chưởng ấn triện, dẫu chưa thực bổ chính hàm, nhưng đều có quản suất quân lính làm việc, xin nên cấp cho cáo trục. Vẫn viết rõ mấy chữ "quyền quản, quyền chưởng". Về sau cứ theo như thế mà làm, khỏi đến lâm thời tâu hỏi thêm rườm. Vua nghe theo.

Tấn phong hoàng tử thứ 18 là Miên Tể làm Tư Nghĩa quận công.

Ban một bộ áo mũ cho Hồng Tá là con hoàng tử Ninh Thuận công Miên Nghị. Lệ trước hoàng tôn 15 tuổi thì cho đội mũ, ban triều phục để dùng khi chầu lạy chúc mừng. Hồng Tá tuổi mới 13, vì năm ấy gặp khánh tiết, nên đặc ân ban cho.

Tặng cho Tĩnh Phường là con Định Viễn công Bính làm Phụng quốc khanh.

Quan tỉnh Định Tường tâu nói : hạt ấy có thổ bảo Từ Linh (ở giang phận cửa Tiểu), địa thế rộng, đất tốt màu, có thể cày trồng được. Xin cho tù phạm hạt ấy (34 người) đến đấy khai khẩn ; phái lính tỉnh hiệp cùng viên thủ ngự sở tại quản thúc bọn ấy. Hằng năm vào các tháng 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, cấp cho mỗi người 1 phương gạo, phụ nữ thì cấp nửa phương. Mùa làm ruộng xong rồi, lại giao bọn ấy cho các vệ cơ, bắt làm việc nặng, vẫn chiểu theo lệ lương gạo của tù binh mà cấp phát. Vua cho làm.

Sửa làm miếu Đô thành hoàng (mặt trước miếu xây cửa bức bàn, mạn trong tường bao quanh đều trồng cây có hoa. Cái hồ ở trước miếu đắp vuông vắn chỉnh

đốn, 2 bên bờ tả hữu đều trồng tre. Một đoạn quãng giữa bờ phía nam, xây một cái bình phong cao 5 thước dài 2 trượng ; đầu bên tả bên hữu đều trồng tre. Một đoạn quãng giữa bờ phía bắc xây bậc đá, 2 đầu bên tả bên hữu thì để không. Chỗ đất bỏ không ở bên tả miếu, dỡ bỏ nhà đi, trồng cây cà phê và cây ăn quả). Sắc cho bọn thủ hộ từ nay về sau phải bón tưới cây hoa, dọn dẹp cỏ rậm bẩn thỉu. Ai trái lệnh này sẽ phải tội.

Tỉnh Sơn Tây săn bắt được tên giặc trốn là Quách Đình Chí (nguỵ xưng là Thiên hùng quân, bọn lũ của tên giặc phản nghịch là Lê Duy Lương) đem giết đi. Vua thưởng cho viên dịch bắt giặc là Đinh Công Trọng kỷ lục 1 thứ và 100 quan tiền.

Sai Chưởng vệ thuỷ sư Kinh kỳ là Phạm Văn Cục coi quản các thuyền Hải vận và thuyền của Bắc Tào, vận tải 840.000 quan tiền hiệu cổ ở kho trong Kinh đi Nam Định chuyển giao Hà Nội. Lại vận tải gạo của công ở Bắc Kỳ đem về Kinh.

Lính các tỉnh Nam Kỳ đến Kinh làm lầu rạp. Có bọn Nguyễn Văn Nghĩa 6 người tình nguyện thuộc vào vệ Cẩm y để được sai phái. Bộ Binh đem việc ấy tâu lên, vua khen là bọn ấy có tình quyến luyến Kinh thành, cho bổ vào làm lính 6 đội Thường trực, thưởng cho mỗi người 2 áo vải, 1 quần sại nam và 2 lạng bạc.

Định lệ thuyền buôn ngoại quốc cùng các sở cửa quan bến tuần nộp thuế, chiết nộp bằng bạc. Phàm thuyền buôn của các địa phương đến buôn, không cứ người buôn nước Thanh, người buôn Tây dương phải nộp thuế nhập cảng, và thuế lệ các cửa quan bến tuần ở các hạt Bắc Kỳ. Lệ phải nộp một nửa bằng bạc. Nếu xin nộp bạc tốt tính làm bạc 10 thành, bạc đồng Tây dương tính làm bạc 9 thành, bạc vụn thì tính làm bạc 8 thành, bạc Thổ thì tính làm bạc 7 thành. Bạc 10 thành coi như bạc tốt nhất ; bạc 9 thành cứ 10 lạng tính ăn 8 lạng ; bạc 7 thành ăn 7 lạng. Cho nhà buôn chiểu theo chất bạc mà chiết nộp, bất tất nhất khái thu bạc tốt thành đĩnh. Ai dám chọn loại giảm giá thì bắt tội.

Bộ Lễ tâu nói : đầu xuân năm nay có ân điển ; các núi cao, sông lớn đều cho tế một đàn. Xét ra từ trước đến nay, việc tế các núi cao, sông lớn, các địa phương đều tế chung một đàn ở ngoài tỉnh thành. Bài vị đề chung là : "Bản hạt danh sơn đại xuyên chi thần"[1] mà không đề rõ danh hiệu thần nào. Đã tự xét rõ thần hiệu nào vốn linh thiêng đều đem tế cả. Nhưng xét điển lễ nhà Thanh, việc tế núi cao, sông lớn, vị nào có đền riêng đến đền làm lễ ; chưa có đền riêng thì lập đàn mà tế. Điển lễ nhà Minh nói : khí núi sông bao giờ cũng lưu thông, không ngăn cách nên tế cả

(1) Thần các núi cao, sông lớn trong bản hạt.

vào một đàn. Nay xin tham chước định bày : phàm vị thần nào đã biên vào điển lệ thờ cúng như thần núi Hải Vân, Thuý Ba, Phụ Ổ, Khải Vận, Hưng Nghiệp, Thiên Thụ và thần ngã ba sông Lô, sông Thao, đều có đền riêng, vẫn theo điển lệ mà tế. Còn các thần núi cao, sông lớn đáng tế, nếu đều đặt riêng một đàn thì trong một tỉnh có đến 2, 3 sở, e có phần phiền phức. Vậy xin sai các địa phương đều chọn chỗ đất sạch sẽ ở ngoài tỉnh thành đặt một đàn bày thần vị, trong bài vị viết rõ thần vị núi nào, thần vị sông nào. Còn đến lễ phẩm, cũng nên phân biệt cho có hơn kém.

Vua theo lời tâu, chuẩn cho từ sau theo đấy làm lệ : (về hạt Thừa Thiên : núi Nhuệ, núi Ngự Bình, sông Hương, làm lễ tam sinh [trâu, dê, lợn].

Về hạt Quảng Nam : núi Ngũ Hành, núi Chiên Đàn, sông Thu Bồn, lễ dùng 1 trâu) 1 lợn.

Về hạt Quảng Ngãi : núi Long Đầu, sông Trà Khúc, lễ dùng 1 bò, 1 lợn.

Về hạt Quảng Bình : núi Đâu Mâu, sông Gianh, lễ dùng tam sinh.

Về hạt Bình Định : núi Chủ, lễ dùng 1 con bò.

Về hạt Phú Yên : núi Đại Lĩnh, sông Đà Diễn, lễ dùng 1 trâu, 1 lợn.

Về hạt Khánh Hoà : núi Tam Phong, lễ dùng 1 con bò.

Về hạt Bình Thuận : mỏ núi Diên Sơn lễ dùng 1 con bò.

Về hạt Biên Hoà : núi Chiêu Thái, Biên Hoà : sông Phúc Long, lễ dùng 1 bò, 1 lợn.

Về hạt Gia Định : sông Bến Nghé, lễ dùng 1 trâu.

Về hạt An Giang : sông Tiền Giang, Hậu Giang, lễ dùng 1 trâu.

Về hạt Trấn Tây : núi Cẩm Thạch, núi Đậu Khấu, biển Hồ, lễ dùng 1 trâu, 1 lợn.

Về hạt Hà Tĩnh : núi Hồng Lĩnh, lễ dùng 1 trâu.

Về hạt Nghệ An : núi Kim Nhan, sông Lam, lễ dùng 1 trâu, 1 lợn.

Về hạt Thanh Hoa : núi Thiên Tôn, sông Mã, lễ dùng tam sinh.

Về hạt Sơn Tây : núi Tản Viên, núi Hùng Vương, lễ dùng 1 trâu, 1 lợn.

Về hạt Bắc Ninh : núi Nguyệt Thường, sông Nguyệt Đức, lễ dùng một bò.

Về hạt Hải Dương : núi Yên Tử, sông Hàn, lễ dùng 1 trâu, 1 lợn.

Về hạt Nam Định : sông [Vị] Hoàng lễ dùng 1 bò.

Về hạt Quảng Yên : núi Lôi Âm, sông Bạch Đằng, lễ dùng 1 bò, 1 lợn.

Về hạt Hưng Hoá : núi Hùng Nhị, sông Đà, lễ dùng 1 bò, 1 lợn.

Về hạt Tuyên Quang : núi Lão Quân, lễ dùng 1 bò.

Về hạt Thái Nguyên : núi Tam Đảo, núi Độc Tôn, lễ dùng 1 trâu, 1 lợn.

Về hạt Lạng Sơn : núi Công Mẫu, lễ dùng 1 bò.

Về hạt Cao Bằng : núi Khâu Sầm, lễ dùng 1 bò.

Duy có 7 tỉnh là Quảng Trị, Vĩnh Long, Định Tường, Hà Nội, Ninh Bình, Hưng Yên, Hà Tiên đều khai không có núi cao, sông lớn nào thì thôi).

Bố chính Lạng Sơn là Trần Ngọc Dao, Bố chính Biên Hoà là Phạm Duy Trinh, Án sát Định Tường là Hà Thúc Giao ở kỳ tháng mạnh xuân không có tập thỉnh an. Vua dụ bắt phải tâu trả lời cho rõ ràng, thì 3 viên ấy đều tâu nói : tưởng lầm là đã được triệu vào Kinh dự lễ chiêm cận, cho nên không có tập tâu là ý kiến sai lầm, đều xin chịu tội.

Vua tha tội cho và răn rằng : bọn ngươi đều là quan to đứng đầu một địa phương, chức vụ rất to, việc theo thường lệ như thế mà còn sai suất lầm lỡ, nếu có việc quan hệ thì làm thế nào ? Từ sau nên rộng thâm kiến thức, mở rộng mưu mô, để xứng đáng với trách nhiệm đã uỷ cho.

Khai mỏ sắt ở xã Thượng Kết (thuộc huyện Phổ Yên) tỉnh Thái Nguyên. (Mỗi năm thu thuế sắt 1.000 cân).

Tỉnh Thái Nguyên mới chọn những dân đinh ở các xã thuỷ hồi trong tỉnh, binh số cộng được 21 tên. Vua cho dồn làm đội Thái dũng nhị. Còn đội Thái dũng cũ đổi gọi là đội Thái dũng nhất.

Cho Vệ uý vệ Hữu nhất dinh Vũ lâm là Đỗ Văn Sửu làm Vệ uý vệ Cẩm y, chuyên quản các đội Túc trực ; thự Phó vệ uý vệ Cẩm y là Nguyễn Tiến Song đổi bổ làm Phó vệ uý, trật Tòng tam phẩm, vẫn hiệp lĩnh thị vệ kiêm quản đội Hoa pháo ; Phó vệ uý vệ Hậu dinh Long võ là Hoàng Văn Quý đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Cẩm y chuyên quản các đội Trường trực, Thường trực.

Ngày Đinh Mùi, tế trời đất ở đàn Nam Giao. Trước đây vài ngày trời mưa rét, từ lúc vua đến trai cung cho đến khi lên đàn tế, gió rét im ngay lập tức. Lễ tế Giao đã xong, vua rất vui mừng hả lòng. Xuống dụ thưởng các người chấp sự bồi tế, cùng các người theo hầu và quan viên lưu thủ Kinh thành đều theo cấp kỷ có thứ bậc khác nhau, nhân viên văn võ đi theo hầu, lại dịch, binh đinh, ca sinh, nhạc sinh, tể phu, thiện phu[1] và biền binh coi giữ Kinh thành thưởng chung 400 quan tiền. Dân Thừa Thiên quỳ để đón đưa, thưởng cho 3.000 quan tiền.

---

(1) *Tể phu* : người giết thịt các trâu bò lợn ; *Thiện phu* : người làm cơm nấu món ăn của vua.

Vua bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : năm Minh Mệnh thứ 6, trẫm nhân việc trời làm hạn hán, thải ra 100 cung nữ, không biết phòng Văn thư có biên chép việc ấy không ? Quế tâu rằng : có.

Vua nói : người làm vua làm việc gì cũng vụ thực chứ không vụ danh. Nếu vụ danh thì là giả dối mà thôi. Đời xưa Đường Văn Hoàng[1] nuốt sâu ở trong vườn, kể ra nếu quả có lòng lo cho dân thì nên sửa thêm đức chính để trừ thiên tai, hà tất phải nuốt sâu, làm chuyện hiếu danh như thế. Người đời xưa gặp thiên tai bớt món ăn, bỏ ca nhạc. Bởi vì đương lúc sợ hãi tu tỉnh, bụng không lúc nào rỗi yên, cho nên món ăn tự phải giảm, nhạc tự phải rút đi, không phải cố ý làm ra như thế để trừ thiên tai đâu.

Ngày Mậu Thân, vua cưỡi ngựa đi xem các sở lầu rạp của các địa phương. Thấy nhà rạp của tỉnh Nghệ An có bày hình hai con thú bằng gỗ, sai thị vệ tiến lên để xem. Vua thích hai con thú gỗ ấy có vẻ thiên nhiên, không phải trạm trổ, vua lấy 1 con, thưởng cho Bố chính Nguyễn Đình Tân tiền vàng Phi long hạng lớn một đồng.

Khi vua đến xem nhà rạp của tỉnh Nam Định, thấy trình bày xa xỉ, bảo Bố chính là Trần Quang Tiến rằng : nay gặp khánh tiết, thần công chúc hỗ, bày nhiều văn vật, trẫm cũng không cấm, song xa xỉ lộng lẫy quá, trẫm cũng không thích. Về bảo bạn đồng liêu của ngươi, nếu giữ được kỷ luật làm quan, vỗ yên nhân dân, cho dân không mất chỗ ăn ở, mới xứng đáng lòng ta, nếu chỉ chuyên việc làm cho lộng lẫy, có ích gì đâu.

Lại đi xem khắp các lầu rạp của các tỉnh, chỗ nào trần thiết thanh nhã đều vỗ về yên ủi.

Vua nhân bảo đổng lý là bọn Hà Duy Phiên rằng : lầu rạp của các tỉnh thi nhau làm khéo lạ. Trẫm xem đều phí tổn có đến hàng vạn. Nếu quan ngoài cũng như quan Kinh, đem cả lương ba tháng họp lại, cũng không đủ chi phí, chỉ sợ lại thu góp của binh dân, không khỏi có lỗi. Huống chi gấm vóc giá đắt, nay đem cắt ra để thêu rồng phượng, sau khi khánh thành lại là vô dụng, há chẳng hư phí ư ? Bọn ngươi nên thể tất ý trẫm, tuyên bố cho mọi người đều biết.

Ngày Canh Tuất, vua ngự chính lầu, xem diễn các trò. (Thưởng 4 người leo dây, đứa trẻ lộn dây, đứa trẻ múa trên bàn tay 2 đứa, mỗi người đều 1 lạng bạc. Các kịch vật và bọn nhạc man, thưởng chung cho 100 quan tiền).

---

(1) *Văn Hoàng* : tức là Thái Tông, vì Thái tông miếu hiệu là Thái tông Văn Vũ hoàng đế.

Lại sai thự Thanh bình cùng ca công Bắc Kỳ, nhạc công Trấn Tây, Trấn Tĩnh diễn trò ca hát ở nhà rạp dưới nước trong 3 ngày, cho nhân dân xem.

Cho các quan xem hát tuồng ở nhà Duyệt thị.

Vua sai bộ Binh phái 1.000 lính ở Kinh đến chỗ các hộ dân phố làm lầu rạp ở 3 mặt trước và tả hữu ngoại thành, sửa sang đường cái, chỗ nào rậm rạp thì san tước đi, chỗ nào lồi lõm thì san đắp cho phẳng.

Thu thêm thuế mỏ vàng tỉnh Tuyên Quang (mỏ Quan Quang ở Niêm Sơn, trước thuế thu vàng 6 lạng, nay thêm 4 lạng nữa. Mỏ Ngọc Liễn ở Bạch Ngọc trước thuế thu vàng 4 lạng nay thêm 4 lạng nữa. Mỏ Linh Hồ trước thuế thu vàng 3 lạng, nay thêm 2 lạng nữa).

Viên ngoại lang bộ Công là Hoàng Quýnh chết. Vua bảo Nội các rằng : Quýnh là cựu thần của ta, tính ngu nhưng thẳng, ăn nói càn rỡ táo bạo, đến phải giáng điệu. Nhưng được cái thanh liêm, giữ gìn làm quan còn tốt, nay nghe tin ốm chết, trẫm rất thương tiếc. Xét ra Quýnh nguyên trước đã bổ thụ Bố chính Gia Định, chuẩn cho thưởng trả lại cho hàm Bố chính, chiểu phẩm cho tiền tuất, lại thưởng thêm 200 quan tiền nữa.

Phủ Ba Xuyên tỉnh An Giang chiêu mộ những lậu đinh lập thành thôn ấp. Sổ đinh hơn 80 người, sổ ruộng hơn 170 mẫu. Quan tỉnh nghĩ rằng mới kiến thiết lần đầu, việc sinh lý của dân chưa được đầy đủ. Về thuế lệ xin theo lệ 3 năm sẽ thu. Vua y cho.

Đầu mục người Xiêm là Ba lặc Yết lại họp lũ, ngầm đến sóc Phủ Ấp phủ Hải Đông cướp bắt hơn 70 người thổ dân đem đi.

Việc ấy đến tai vua. Quản thủ bảo Chi Trinh là Phó lãnh binh Nguyễn Công Nhàn phải giáng 2 cấp ; Phó Lãnh binh phủ Hải Đông là Đoàn Văn Sách phải giáng 1 cấp ; thự Tuyên phủ là Trần Văn Thông bị phạt lương 1 năm.

Bọn Trương Minh Giảng, Tướng quân thành Trấn Tây tâu nói : dân ở núi Đậu Khấu thuộc Bắc Tầm Bôn lần lượt trốn về phủ Hải Tây được hơn 170 người, cho họ ở chỗ gần phủ bảo. Bọn kia đều nói : quen ở chân rừng, xin lưu ở chân núi, cho thuận tính tình. Vua bảo rằng : "Bọn kia đã về với ta, há nên để cho họ mất chỗ ăn ở. Nên chuyển sức cho viên phủ Hải Tây đến gần phận núi Đậu Khấu liệu tìm đất gán ghép cho họ ở, chia lập ấp lý, giao cho người quản dân núi Đậu Khấu là Ốc Nha Biện kiểm thúc, cho họ khỏi lại trốn đi. Đợi sau này chỗ ở đã yên, có công việc làm ăn, sẽ định lệ thuế."

Sai lính thú thành Trấn Tây săn bắt thú dữ. Vua bảo bộ Binh rằng thành Trấn Tây đất nhiều rừng rú, thú dữ rất nhiều. Biền binh đến thú ở đấy nhân đi săn bắn mà

tập bắn súng lớn súng nhỏ, thì kỹ thuật đã tinh, lại có thể trừ được ác thú, cho dân yên ở làm một việc mà được hai điều lợi. Vậy nên truyền dụ cho các viên Tướng quân, Đề đốc : những quan binh đến đóng thú, từ quản vệ trở xuống, có ai tình nguyện đi bắt thú dữ, thì cấp cho súng đạn. Săn được các loại hổ, báo, tê, tượng, bò tót, cho đem ngà sừng nộp tại quan, theo lệ thưởng cấp cho.

Tỉnh thần Quảng Yên tâu nói : đã phái người hội đồng với thuộc biển tỉnh Hải Dương đến bảo Ninh Hải đòi đầu mục 2 phường Hà Cổ, Khai Vĩ bắt họ lên cạn làm nhà ở, và sơn màu khắc chữ ở đầu thuyền, theo hạng thuyền mà nộp thuế, thì bọn kia kiếm cách đun đẩy và xin khoan rộng cho kỳ sau.

Vua nói : "Bọn kia đều là cùng dân nước Thanh, đến chỗ đất yên vui của ta. Trước kia xin làm dân ngoài biên giới cùng nộp thuế lệ, cũng là do họ tự nguyện, chứ ta không bắt ép. Trẫm nghĩ việc sửa trị cõi bờ biển là việc quan yếu, lần lượt theo lời bộ bàn mà làm. Lại cho mỗi thuyền 2, 3 người lên ở trên cạn để tiện đòi hỏi, mà thuế thân cũng hãy cho khoan miễn. Thực là nghĩ bọn kia buổi đầu theo đức hoá triều đình, hãy tạm khoan dung, để cho họ biết ý ta yêu mến người xa, thế mà nay lại chưa chịu tuân theo mệnh lệnh thi hành, đáng lẽ nên đuổi tống đi. Nhưng cứ chúng khai những người trong bang, có người chưa đến, có người đương can án cũng là có cớ. Tạm gia hạn cho 3 tháng, để chúng bảo nhau, theo nghị mà làm. Nếu cố ý chậm trễ, thì tội cũng như kẻ cướp, nên phái đại đội binh thuyền đến đánh giết hết đi, không cho chúng nhởn nhơ ở ngoài biển nữa".

Đến lúc thuyền quân ở tỉnh phái đến để hiểu thị thì đoàn thuyền của chúng đã đi hết cả rồi. Vua bèn sai rút thuyền quân về phận biển hạt Ba Phong, chiểu địa hạt mà tuần phòng.

Hiệp lĩnh Thuỷ sư Kinh kỳ là bọn Lê Văn Đức tâu nói : "Từ trước đến nay, các tỉnh ngoài vận tải vật công đến Kinh, thì các địa phương đều có phái uỷ thuộc viên đi theo đoàn thuyền đệ nộp. Duy ở Kinh vận tải vật công đến các địa phương, thì các nha môn xin cho Thuỷ sư nhận đệ. Xét ra vật công số hạng rất nhiều, nặng nhẹ dài ngắn, số mục có phù hợp hay không, lâm thời há có thể kiểm điểm được từng thứ một. Khi đến địa phương, xét ra không đúng thì lại đổ cho Thuỷ sư riêng chịu trách nhiệm. Vậy xin từ nay ở Kinh tải vật công đi, thì những thứ gì bé nhỏ linh tinh số không có mấy, vẫn do Thuỷ sư nhận đệ. Còn vật công hơi nhiều, thì nha môn phụng thủ phải phái thuộc viên đi theo đoàn thuyền giao cho địa phương chiểu nhận, cho khỏi đùn đẩy nhau". Vua y theo lời tâu.

Đặt thêm 2 huyện Lương Sơn, Nghĩa Đường ở tỉnh Nghệ An. Các huyện Nam Đường, Thanh Chương, Quỳnh Lưu, Yên Thành trong tỉnh, địa thế rộng xa, đinh

điền số nhiều, quan tỉnh tâu xin chia đặt lại. Chuẩn cho trích 4 tổng (Đô Lương, Thuần Trung, Bạch Hà, Lũng Điền) ở huyện Nam Đường, một tổng (Đặng Sơn) ở huyện Thanh Chương, cộng 5 tổng đặt làm huyện Lương Sơn, thuộc phủ Anh Sơn thống hạt. Trích ra 7 tổng (Hạ Du, Thuần Hàm, Phác Lỗ, Đường Khê, Lâm La, Nhiêu Hợp, Nghĩa Hưng) ở huyện Quỳnh Lưu, 1 tổng (Cự Lâm) ở huyện An Thành, cộng 8 tổng, đặt làm huyện Nghĩa Đường, thuộc phủ Quỳ Châu thống hạt. Còn 4 tổng Nộn Liêu, Lâm Thịnh, Đại Đồng, Hoa Lâm của huyện Nam Đường ; 5 tổng (Bích Hồ, Nam Hoa, Thổ Hào, Vũ Liệt, Cát Ngạn của huyện Thanh Chương ; 4 tổng (Phú Hậu, Thanh Viên, Quỳnh Lâm, Hoàng Mai của huyện Quỳnh Lưu ; 4 tổng (Vạn Phần, Quỳ Trạch, Quán Triều, Hoàng Trường của huyện Yên Thành đều vẫn thuộc huyện cũ.

Ngày Quý Sửu, vua thân hành đến lăng Thiên Thụ, lăng Thụy Thánh(1), lăng Cơ Thánh(2) làm lễ yết. Trước một ngày, do đường thuỷ khởi hành, cho Hiệp biện Đại học sĩ là Trương Đăng Quế, Thống chế dinh Vũ lâm là Bùi Công Huyên sung chức hành dinh đại thần (Vua đi chơi trong kỳ có hành dinh đại thần, bắt đầu từ đây). Ngày hôm ấy, làm lễ xong, vua trở về qua bãi bên sông lớn xã Bằng Lãng, bảo thị thần rằng : chỗ này trước đây 30 năm, đất cát bồi thành bãi nhỏ dài chỉ độ vài trượng. Trẫm khi ấy còn nhỏ, đỗ thuyền ở đấy, thấy có con rái cá to tướng, hướng vào trẫm mà lạy, vốn không phải là sự lạ, cũng là ngẫu nhiên. Nay thuyền ta đi qua đây, thì bãi này đã dài to vài mươi trượng cao hơn mặt nước 4, 5 thước rồi. Nhân nhớ việc cũ, bèn sai đặt tên bãi ấy là Thát Bái Châu [bãi rái cá lạy]. Bãi ấy chỗ nào thành ruộng, chuẩn cho quan Kinh doãn khám đạc rõ ràng, mà tha thuế cho mãi mãi (thành ruộng công 50 mẫu). Vua lại làm một bài thơ, sai bộ Công khắc vào bia đá để lưu truyền dấu tích có thực.

Có thuyền của Quản vệ là Tôn Thất Mậu đi theo hầu, khi qua trước lăng Trường Cơ(3) cho binh lính vừa chèo đò và hát đùa nghịch. Hoàng tử là Miên Phong trông thấy tham hặc, Mậu phải giáng làm Đội trưởng phát đi thành Trấn Tây để gắng sức làm việc. Vua bảo bộ Công rằng : "Cột đồng trụ ở lăng là để giữ gìn sự huyên náo, không nên làm gần quá, cũng không nên xa quá". Lý Văn Phức tâu rằng : "Năm trước xây cột đồng trụ, cứ chỗ nào gần bến sông thì đều xây cách đấy vài mươi trượng để cho các người đi thuyền biết kính cẩn không dám hát xướng huyên náo mà thôi".

---

(1) *Lăng Thụy Thánh* : lăng của Hiếu Khang hoàng hậu.
(2) *Lăng Cơ Thánh* : lăng của Hưng tổ Hiếu Khang hoàng đế.
(3) *Lăng Trường Cơ* : lăng của Thái tổ Gia Dụ hoàng đế Nguyễn Hoàng.

Vua nói : "Làm như thế là sai, nên cứ lăng sở nào hướng thẳng ra sông thì bên tả bên hữu cách lăng vài mươi trượng, dựng xây cột đồng trụ, cho người đi qua biết tránh, cũng như cái nghĩa "qua cửa khuyết thì đi nhanh". Nếu như xe ta ở đây, mà bắt người đi ở cửa biển Thuận An không ai được ngồi xe cưỡi ngựa và nói to thì có nên chăng ?"

Đặt tên núi Cẩm Khê (thuộc xã An Bằng) gọi là Hiếu Sơn. Vua ngự đến xem, bảo thị thần rằng : "Núi này phong thuỷ rất tốt từ trước chưa ai xem ra. Nay mới xem được chỗ đất tốt ấy, thực đáng vui mừng". Bèn sai Trương Đăng Quế, Bùi Công Huyên đem vệ Giám thành đến khám đo địa cục núi ấy. Khi về đem bản đồ dâng lên, vua khen là kỹ càng, đều thưởng cho tiền vàng như ý, hạng nhỏ mỗi người một đồng, sa mỗi người 2 cuộn".

Rồi vua lại xuống dụ rằng : trước đã phái văn võ đại thần đem theo Khâm thiên giám cùng thầy địa lý tìm được 2 ngôi đất tốt ở núi Thuận và núi Hiếu. Trẫm đã đến xem, thấy núi sông đẹp đẽ, khí tốt đúc lại, đủ làm nơi phần mộ ngàn muôn năm lâu dài. Vậy Lê Văn Đức là người tìm được trước, thưởng cho gia 2 cấp, bọn Tạ Quang Cự, Vũ Xuân Cẩn, Trương Đăng Quế, Lê Đăng Doanh, Hà Duy Phiên, Mai Công Ngôn, Đặng Văn Thiêm, Phan Huy Thực, Nguyễn Trung Mậu, Tôn Thất Bạch cùng đi hội xem, đều thưởng cho gia 1 cấp. Người theo đi làm việc là Trưởng sử Nguyễn Văn Bảng, Giám chính Hoàng Công Dương đều gia 1 hàm, sỹ nhân là Nguyễn Huy Hổ, nhắc bổ cho làm Linh đài lang ở Khâm thiên giám. Lại thưởng chung cho các người theo làm việc 100 lạng bạc (Nguyễn Huy Hổ là người tỉnh Nghệ An).

Tổng đốc Hà Tĩnh là Mai Công Ngôn tâu nói : thổ dân 2 huyện Cam Cát, Cam Môn thuộc phủ Trấn Định tỉnh Nghệ An, thường bị giặc Man ngầm đến quấy nhiễu, cùng đem nhau tránh đi đến ở xứ Hà Trai (thuộc huyện Hương Sơn) tỉnh Hà Tĩnh. Đã phái người đến phủ dụ 2, 3 lần, bọn thổ dân nhất vị sợ hãi bảo nhau rằng : thà chết ở đấy chứ không dám trở về chỗ cũ, nếu cưỡng bách chúng thì sợ đến mất nơi ăn ở. Xét ra, xứ Hà Trai núi rừng liên lạc đều là đất bỏ không, không có người ở và cày cấy, xin hãy cho chúng ở tạm đấy 2, 3 năm, khai khẩn thành điền, bấy giờ sẽ khám thực chiểu theo lệ thuế dân Kinh mà nghĩ định.

Việc ấy giao xuống cho 2 bộ Hộ, Binh tính bàn 2 tỉnh ấy liệu cấp đất cho để chúng yên ở kiếm ăn nuôi sống. Nhưng chia lập ra ấp lý, định riêng làm một huyện, gọi là huyện Tân Cát, thuộc về phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh thống hạt. Vả lại, bọn kia mới dời đến ở đấy, xin mỗi năm thu thuế bằng bạc, mỗi người 2 đồng cân, mà tha cho không phải đi lính và dao dịch, cho đỡ sự đau khổ đã lâu. Đợi sau này sinh sản tụ họp ngày càng đông, do tỉnh thần tiếp tục thi hành. Huyện thừa là Bút Tá

Bông trong khi thổ dân nhút nhát di cư nơi khác, thế không làm sao được, xin tạm tha tội cho, vẫn được chiểu quản thổ dân như cũ. Còn biền binh trú phòng ở phủ Trấn Định cho rút về đồn Hà Tân (ở địa phận xã Tình Diễm huyện Hương Sơn) đóng ở đấy để đi tuần dò xét. Vua y theo lời bàn ấy.

Đến khi quan 2 tỉnh đến nơi, hội đồng xử trí, dâng sớ nói : thổ dân 2 huyện ấy, ngày thường không liên thuộc với nhau, nay đến trú ngụ cũng đều ở riêng, đều muốn theo tục cũ. Vua bèn chuẩn cho cứ để 2 huyện Cam Cát, Cam Môn, bất tất đổi đặt tên huyện. Đồn Hà Tân đổi thuộc về thỉnh Hà Tĩnh. Cho Cai đội nguyên trú phòng phủ Trấn Định là Nguyễn Văn Lệ sung chức Thủ ngự, 33 tên lính mộ ở hai đội Trấn Định trước, cùng 21 người phải sung làm binh, đều dồn làm binh đồn ấy theo viên thủ ngự sai phái. Cách 1 tháng hoặc 3, 4 tháng một lần, đến Trấn Định đi tuần dò xét, nếu có việc gì cảnh báo ở cõi ven, thì lập tức báo về tỉnh phái thêm biền binh đến trấn áp.

Lại cho là 2 phủ Trấn Tĩnh, Lạc Biên đều ở địa phận đầu tỉnh Hà Tĩnh, gặp có việc quan báo đến Nghệ An thì đường đi xa cách, cũng đều đổi thuộc vào Hà Tĩnh.

Phần biển tỉnh Hà Tiên có thuyền buôn người nước Đồ Bà bị gió trôi giạt đến. Bộ biền là Trần Công Chiếu đuổi bắt, bọn kia bỏ neo lạy phục. Chiếu cho là giặc, cho binh dân chia lấy của cải mà báo bậy là bắt được giặc. Quan tỉnh hỏi được thực trạng, đem việc ấy tâu lên. Chiếu phải tội đồ.

Vua lại nghĩ : bọn thuyền buôn dầu là người ngoại quốc mà bị nạn gió trôi giạt, tình cũng nên thương. Cho quan tỉnh ấy thết một bữa cơm rượu, lại cho thêm 100 quan tiền, 50 phương gạo và trả lại cả đồ vật binh khí, cho đi về nước.

Vua sai lính thị vệ cùng thuộc viên Nội các đem theo đội Kim thương, đem các hạng điểu thương, ngự dụng bắn 3 phát, thí nghiệm rõ ràng có hoàn hảo không, cứ thực tâu lên.

Giám sát ngự sử đạo Bình - Phú là Nguyễn Thị đi Phú Yên thanh tra về, lấy vợ lẽ, mua ngựa. Lại bắt những lính trạm đài đệ tư trang. Bị người cùng viện là Vũ Trọng Bình tham hặc.

Vua bảo Viện trưởng là Nguyễn Công Trứ rằng : "Người bề tôi phụng mệnh sai đi, tay không mà về, người ta còn chưa tin lắm. Ngươi há chả biết việc hạt ý dĩ của Mã Viện[1] ư ? Huống chi Nguyễn Thị là người trong phong hiến[2], sự hiềm nghi ở

(1) Mã Viện là tướng đời Đông Hán sang nước ta đánh bà Trưng, khi trở về, chở mấy xe hạt ý dĩ, có người dèm là Viện chở châu báu về. Viện bị thu ấn cách chức.

(2) *Phong hiến* : tức là làm Ngự sử, giữ phong hoá, pháp độ.

ruộng dưa gốc mận[1], không biết tránh xa, mà đem về nhiều thứ như thế, bị người ta ngờ là phải. Vua lập tức sai cách chức Nguyễn Thị, giao bộ nghiêm nghị. Thị rồi bị tội đồ, sau được tha, phát đi thành Trấn Tây cố sức làm việc để chuộc tội.

Thự Đề đốc kinh thành kiêm lý việc phủ Thừa Thiên là Lê Sách, Phủ doãn là Phạm Thế Trung, Phủ thừa là Nguyễn Thịnh đều phải tội cách chức. Vua cho thự Thống chế dinh Tiền phong là Trần Hữu Lễ kiêm lĩnh Đề đốc Kinh thành kiêm lý việc phủ Thừa Thiên ; Hữu thị lang bộ Lại là Tôn Thất Bạch quyền lĩnh Phủ doãn Thừa Thiên ; Lang trung bộ Lễ biện lý việc bộ là Tô Trân quyền lĩnh Phủ thừa.

Trước đây vua cho là đường núi Hải Vân hiểm cao, người đi lại không tiện. Sai Kinh doãn cùng giám thành đi trước để khám xét tuỳ thế sửa dọn làm đường. Bọn Phủ thừa là Nguyễn Thịnh, giám thành là Nguyễn Công Tiến đến nơi, mở một con đường mới cho là tiện và dễ làm. Thuê 100 người làm việc mở đường, làm được hơn 1 tháng, việc đã gần xong, tốn đến 1.000 lạng bạc. Gặp có thị vệ là Hoàng Bá Bằng đi việc công về tâu rằng : đường mới không bằng đường cũ. Vua bèn sai Lang trung bộ Công là Thang Huy Thận, Ngự sử là Vũ Viện đi khám, lại lấy đường mới làm tiện. Vua thấy mỗi bên đều giữ một thuyết, lại sai Đại học sĩ Trương Đăng Quế, Thống chế Bùi Công Huyên, Thị lang Nguyễn Tri Phương đi khám lại. Về tâu rằng : đường cũ chỗ cao có 3 đoạn, trong đó có một đoạn hiểm cao mà thế hơi thoai thoải, người đi cũng không khó nhọc lắm, hơn nữa hai bên đường có nhiều cây, khi nắng có thể nghỉ mát được. Còn như đường mới dẫu có 1, 2 đoạn nhỏ hơi bằng phẳng xuôi thoải, còn ngoài ra đường đều nghiêng lệch khó đi, bên đường lại không có cây to bóng mát. Đã 2, 3 lần so sánh, đường mới không bằng đường cũ rõ ràng lắm. Vua bèn bãi việc làm đường, giao bộ Hình bàn tội. Bọn Nguyễn Công Tiến phải tội thất cổ đợi mùa thu xét lại ; Nguyễn Thịnh bị cách chức, phát đi làm binh đến ở trên đại lĩnh Hải Vân. Người cùng làm việc là Đề đốc Lê Sách giáng làm Cai đội, cách bỏ tước nam, bắt hưu trí ; Phủ doãn Phạm Thế Trung giáng làm Thông phán theo Kinh doãn làm việc. Thang Huy Thận, Vũ Viện đều cách chức theo bộ gắng sức làm việc. Thưởng cho Hoàng Bá Bằng 10 lạng bạc, 1 cặp áo sa nam. Rồi nhân có khánh điển gia ân cho Lê Sách đổi làm Quản cơ, vẫn bắt về hưu trí ; Phạm Thế Trung đổi bổ làm Chủ sự bộ Lễ ; Nguyễn Thịnh tha cho về theo bộ gắng sức làm việc.

---

(1) Chữ Hán có câu : "Qua điền bất khả nạp lý, lý hạ bất khả chỉnh quan" nghĩa là : qua vườn dưa không nên xỏ giày, dưới cây mận không nên sửa lại khăn, vì người ta có thể nghi ngờ là ăn trộm dưa, hái trộm quả mận.

Cho Thông chính phó sứ biện lý bộ Hộ là Phan Thanh Giản thăng thụ Tả thị lang bộ Hộ vẫn sung Cơ mật viện đại thần.

Sai thự Hữu Tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn kiêm quản Thông chính sứ, biện lý bộ Lễ là Nguyễn Tự kiêm lĩnh Thái thường tự.

Vua nghe nói phận rừng các xã Phú Gia, Trung Kiền, thuộc huyện Phú Lộc, hạt phủ Thừa Thiên có dấu chân hổ ra vào, người đi đường lo ngại. Sai Phó vệ uý vệ Võng thành là Phan Ngọc Lương đem 300 vệ binh tìm cách bắt hổ. Bắt được một con thưởng 30 quan tiền. Được mươi ngày, nơi ấy yên tĩnh, lập tức rút vệ binh về.

Công việc làm lầu rạp đã gần xong, chuẩn cho bọn đổng lý Hà Duy Phiên về bộ làm việc. Vẫn phải thời thường đi lại trông coi chỗ thợ làm.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Khánh tiết gần đến nơi, đã cho quan đầu các địa phương về Kinh chúc hỗ. Việc phòng bị sự không ngờ cũng nên cẩn thận. Thử xem như các tỉnh Nam Kỳ, sau khi Thế tổ Cao hoàng đế ta bình định, được thái bình đã lâu, dân không biết việc binh đao. Quan các tỉnh cho là không có việc gì đáng lo. Một khi tên giặc Khôi gây biến, chiếm giữ thành Phiên An, lấy cả lính trong thiên hạ, hết sức đánh dẹp trong 3 năm mới được. Dưới mũi tên hòn đạn, gan óc của nhân dân nay ra đất, nói đến cũng đáng nên rùng mình. Trẫm ngày đêm lo nghĩ chỉ sợ quan các tỉnh không biết phòng bị trước mà thôi".

Bèn sai mật dụ các địa phương rằng : từ đời xưa làm chính trị giữ nước, nghĩ đến xa, trông về sau, đều làm trước từ lúc thái bình vô sự. Cho nên lo việc khó từ lúc còn dễ, làm việc to từ lúc còn nhỏ, cảnh giới vô sự, như con chim sửa chữa tổ từ lúc chưa mưa, các điều ấy đều là việc mà các vua hiền vẫn chú ý lắm. Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, chăm lo việc, kính sợ nghiêm cung, hơn 20 năm thường như một ngày. Bây giờ nên thanh bình sáng tươi, cõi thái hoà tốt đẹp, muôn họ thấm ân, các loài nhờ đức. Thực nhờ trời đất hộ trì, tổ tông cho phúc, nên mới được phúc tốt ấy, nước nhà tiến lên một nước rất mạnh. Song lúc thăng bình, đáng vui mà cũng đáng lo, không nên cậy là dân đã yên, nước đã trị mà quên lòng cảnh bị. Bốn biển rất rộng, triệu dân rất đông, chắc đâu ngoài chỗ biên viễn, đều không có việc nào chưa thoả thiếp ư ? Vậy truyền dụ sức các hạt Nam từ Biên Hoà đến Trấn Tây, Bắc từ Hà Tĩnh đến Cao Bằng, gần đây dân gian đều cày cấy yên nghiệp, trộm giặc im tĩnh, hay là nghe tin chỗ nào có dân xằng bậy, rủ nhau kết bọn lũ mưu làm sự trái phép, hoặc chỗ nào có tên giặc trốn mà nhân khi sơ hở, ngầm về mưu làm loạn hay không ? Nghiệm xét từng khoảng một, lập tức làm tập mật tâu trả lời. Nếu sợ tội ngại khó, không nghĩ đến nuôi nhọt để lo về sau, chỉ giấu giếm bưng bít, tức là địa phương ấy

tự mua lấy cái lo, một khi việc phát ra, sợ không thể gánh nổi tội lỗi nặng nề ấy đâu !"

Rồi thì các địa phương đều đem tình hình ninh thiếp tâu lên, duy tỉnh Nam Định tâu rằng : đã xét hỏi thuộc hạt, dân tình đều một loạt yên ở sinh nhai. Duy có bọn theo tả đạo [đạo Gia Tô] vào khoảng đêm vắng canh khuya thường nghe chúng đọc ngầm kinh của đạo Gia Tô, vẫn chưa đổi lỗi.

Vua dụ rằng : "Những dân trước theo tả đạo, trong óc bị che lấp đã sâu, đã nhiều lần nghiêm cấm, nguồn tệ vẫn chưa dứt, thực là không thoả mãn lòng người. Nay nên nghiêm sức phủ huyện sở tại khuyên bảo cho khéo, không nên vội đốc trách làm dao động nhiễu loạn, cũng không nên cho là việc ngẫu nhiên, qua việc lại quên đi, cốt phải dỗ bảo có cách, khiến cho chúng dần dần tiến lên, lâu ngày ngấm nghía, tự nhiên có thể tiêu tan ngầm ngấm được sự tập quán đã lâu vậy".

Bộ Lễ bàn định nghi tiết đại khánh :

(- Lễ kính cáo đàn Giao, Xã tắc, các miếu, đều dâng ba tuần rượu có văn tế ; ở điện Phụng Tiên, dâng 1 tuần rượu, không văn tế.

- Trước kỳ ấy ty bộ cùng bọn nhạc sinh, vũ sinh liền ngày diễn tập ở bộ đường cho đến khi hơi thành thuộc. Các người dự sung vào chấp sự như hoàng tử, các tước công, đại thần văn võ, hợp cả ở nhà Đoan Bản tập lễ nghi, đến trước ngày khánh tiết 5 ngày, vào nhà Duyệt thị diễn tập 1 lần, kính đợi Chỉ thị.

- Ngày đại khánh, rước vua ngự điện Thái Hoà. Lúc vua mới lên bảo toạ, tấu bài nhạc Lý bình ; các quan vào lạy, tấu bài nhạc Túc bình ; lúc làm lễ khánh hạ, tấu bài nhạc Khánh bình. Các quan reo chúc vạn tuế 3 lần. Lễ thành, tấu bài nhạc Hoà bình. Sáu pháo đài trước cửa kinh thành đều theo thứ tự bắn súng mừng mỗi đài đều 9 tiếng súng.

- Ngày ban yến, rước vua lên bảo toạ, bọn múa nhạc mặc mũ áo múa nhạc võ, múa cái mộc cái giáo, tấu bài nhạc Hy khánh.

- Làm lễ dâng rượu chúc thọ : tuần thứ nhất, bọn múa nhạc mặc áo màu, múa cành hoa xanh, tấu bài nhạc Hoằng khánh ; tuần thứ hai, múa cành hoa đỏ, tấu bài nhạc Thuần khánh ; tuần thứ ba, múa cành hoa vàng, tấu bài nhạc Sùng khánh. Khi lễ thành, bọn múa nhạc mặc mũ áo múa văn, múa cờ lông ống sáo, tấu bài nhạc Tuy khánh).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 (1840). Mùa hạ, tháng tư, ngày mồng một, làm lễ Hạ hưởng. Ty Từ tế trần thiết lô hương không chỉnh tề, đến nỗi tuần thượng hương hơi chậm. Đến lúc đem lụa đi đốt lại chậm. Bộ Lễ và viện Đô sát đem việc ấy tham hặc tâu lên. Người giữ việc là bọn suất đội cùng Từ tế sứ là Tôn Thất Thiết, Phó sứ là Tôn Thất Dương đều phải giáng chức.

Ngày Nhâm Tuất, vua ngự chính lâu, nhạc công, ca công và các người nhạc man diễn bày các trò hý kịch. Vua bảo bộ Hộ rằng : "Kỹ nghệ bọn kia, dẫu không đáng khen lắm, nhưng trong buổi khánh điển, cùng mọi người cùng vui, cũng nên liệu gia ơn khen thưởng. Vậy ban thưởng chung cho 100 quan tiền".

Vua lại ngự đi xem các lâu bằng của phủ Tôn nhân, Võ ban và phủ Thừa Thiên. Đi đến đâu cũng ban thưởng có thứ bậc khác nhau.

Vua nhân bảo quan đi theo hầu là Trương Đăng Quế rằng : lâu bằng của Phò mã đô uý thuộc vào nha nào ? Quế thưa rằng không có. Vua nói nay khánh chúc lễ to, mà bọn kia không phụ thuộc vào nha nào, sao khiết nhiên như thế ? Bọn tập ấm, tập tước cũng thế. Nhưng con dẫu bất hiếu, cha không nên bất từ. Trẫm há nỡ quên bọn họ ư ? Từ sau này có thưởng cho, cũng ban cấp cho cả một loạt.

Binh dân 8 phường ấp (Tráng Tiệp, Hữu Hùng, Hữu Tiệp, Hữu Cai, Tiền Tiệp, Tả Thắng, Thuận Trạch, Chính An) tỉnh Quảng Bình tình nguyện đặt đàn chay để chúc hỗ. Quan tỉnh đề đạt hộ. Vua cho làm, gia ơn thưởng cho 200 quan tiền.

Định phép thao diễn thuỷ sư. (Cách thao diễn : làm sẵn một cái bè nổi, giả làm hình thuyền dài độ hơn 3 trượng, ngang độ hơn 1 trượng, dùng phên nứa theo thế dựng lên, giả làm lá buồm, đặt bè ấy ở ngoài biển, cách bờ hơi xa. Bốn bề cái bè ấy đều thả neo xuống cho khỏi gió làm trôi đi. Những binh thuyền diễn tập đều đóng ở trong biển, cách bè nổi ấy độ 50 trượng, cho chuyển xuống mạn dưới cùng cách xa hơn vài trăm trượng, bày hàng chữ nhất, mỗi thuyền cách nhau trên dưới 50 trượng, chỉnh bị đâu vào đấy. Đợi thành Trấn Hải treo cờ đỏ truyền lệnh thao diễn. Các thuyền đều nhổ neo kéo buồm theo gió tiến lên, vừa đến quãng giữa, thuyền nào đã đến chỗ tiêu chuẩn, lập tức đem súng Hồng y, chiếu tinh chuẩn (đầu ruồi ở ngọn súng là đích ngắm để bắn) ngắm vào cái bè nổi bắn liền 3 phát. Các thuyền đến tiếp theo lần lượt bắn súng, cũng đều tiến lên đợi quá ngoài 500 trượng, lại quay buồm trở về, lấy thuyền sau đi trước, chuyển thuyền trước về sau, theo thứ tự mà tiến, mỗi khi đến chỗ tiêu chuẩn bè nổi ở trung gian, đều bắn súng như trước, lại cùng chèo thuyền về cho đến chỗ bày hàng trước. Lại thuyền buồm tiến lên bắn súng như trước. Bắn xong 3 lượt, đài trên thành hạ cờ xuống, truyền lệnh thu quân. Các thuyền đều cuốn buồm hạ neo. Nếu thuyền nào trúng liền 3 phát vào cột buồm thân bè, thì cho là hạng ưu ; trúng 2 là hạng bình ; trúng 1 phát là hạng thứ ; không phát nào là hạng liệt. Theo đó mà định thưởng phạt).

Quan tỉnh Thái Nguyên tâu nói : việc khai mỏ chì, gần đây thuê dân làm, rất khó nhọc, số thu được không đủ số chi ra. Vua sai phạt bổng quan tỉnh và bãi việc ấy đi không làm nữa

Bọn Trương Minh Giảng, Tướng quân thành Trấn Tây tâu nói : lính ở cơ thứ 8 Trấn Tây quê ở phủ Ba Xuyên, nay phủ Ba Xuyên đã thuộc về An Giang, nên xin trích binh cơ ấy giao về cho An Giang chiếu quản.

Vua y cho làm. Cho đổi tên làm cơ tứ An biên (An biên trước có 3 cơ rồi).

Ngày Quý Hợi, vua ngự đến chơi vườn Thiệu Phương[1] cho triệu hoàng tử và các quan vào chầu. Sai hái quả vải và pha trà cho uống, rồi làm một bài thơ, sai sao ra cấp cho mọi người để ghi việc vua tôi tương đắc.

Vua nhân bảo các hoàng tử rằng : phàm làm thơ dùng chữ quý hồ bình dị, ngâm nga mãi thì ý vị càng thấy sâu xa, phép linh hoạt của nhà thơ, chẳng ngoài cách ấy. Nếu dùng chữ hiểm quái, để cho đẹp đẽ, mới đọc hình như khéo léo, ngẫm nghĩ lâu thì nhạt mà không có vị gì, như thế có chuộng làm gì ?

(1) Vườn Thiệu Phương ở mạn đông điện Cao Minh Trung Chính tại Kinh thành.

Ban quế Thanh Hoa cho các đốc, phủ, bố, án và chánh phó lãnh binh các địa phương đều có thứ bậc khác nhau, viên nào về Kinh thì lĩnh lấy, viên nào ở tỉnh thì phái thị vệ đem đến ban cho.

Lại cho những mồ vô tự được ân tế một lần nữa.

Tỉnh Bình Thuận mới chọn lính ở bộ biệt nạp vải trắng, binh số được 47 người. Vua cho dồn bổ làm đội thất vệ Hữu thuỷ.

Cho Vệ uý vệ tam Trung dinh Thuỷ sư Kinh kỳ là Nguyễn Văn Pháp kiêm quản vệ Long thuyền ; Thị vệ trưởng là Lê Mậu Hạnh làm Nhị đẳng Thị vệ, rồi lại đổi bổ làm Phó vệ uý trật Tòng tam phẩm vẫn hiệp lĩnh Thị vệ kiêm quản các viện đội Thượng trà, Tài hoa Ngư nộ ; Tam đẳng Thị vệ là Hoàng Văn Đống làm Thị vệ trưởng kiêm đốc suất viện Thượng trà.

Ngày Giáp Tý, đặt nghi vệ thường triều ở điện Cần Chính, cho sứ thần (chánh sứ là Lĩnh Xuyên, phó sứ là Sơn Kiểm) nước Hoả Xá vào chiêm bái, làm lễ tiến cống (tờ biểu tiến cống của nước Hoả Xá, từ trước không phê bảo gì. Đến bây giờ mới cho Nội các làm phiếu nói : đã phụng Chỉ "tri đạo"[1] rồi.

Thổ chi châu phủ Cam Lộ, thổ tri huyện, huyện thừa các phủ Trấn Ninh, Trấn Định, Trấn Man, Trấn Biên cùng các đầu mục đi thay đều đã đến Kinh, vua truyền cho nghỉ yên ở trại lính Thừa Thiên (Phủ Cam Lộ 3 tri châu, năm ấy vừa đến kỳ vào chầu, những phẩm vật cung đốn, theo lệ ban hằng năm mà cấp. Còn 2 huyện thừa phủ Trấn Ninh, 1 huyện thừa phủ Trấn Định, 3 tri huyện, huyện thừa phủ Trấn Man, 3 người đầu mục đi thay phủ Trấn Biên, đều đem theo bọn lại mục man đinh. Chiểu lệ khánh điển năm thứ 18 cho mỗi phủ cấp cho 50 quan tiền, 10 phương gạo trắng. Đến ngày trở về lại cấp cho 500 quan tiền và gạo lương ăn đi đường).

Ngày Ất Sửu, vua sai Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công đến đàn Nam Giao ; hoàng tử là Thọ Xuân công Miên Định đến đàn Xã tắc, đều đem việc khánh tiết làm lễ kính cáo.

Vua ngự đến chơi xem lầu chúc hỗ ở dưới nước của các dinh Thuỷ sư Kinh kỳ. Khen là thích dụng, thưởng cho 500 quan tiền.

Lãnh binh Quảng Trị là Trần Văn Vân tuổi già về hưu trí. Cho thự Vệ uý tác vi Lãnh binh Gia Định cũ là Vũ Văn Nguyên thay làm Lãnh binh Quảng Trị.

Viện Đô sát tâu xin chọn để lại tiền cổ các đời cùng với chế tiền[2] cùng lưu hành để tỏ ý tôn cổ.

---

(1) *Tri đạo* : phê hai chữ "tri đạo" vào biểu sớ ý nói vua đã xem biết rồi.

(2) *Chế tiền* : đồng tiền của các triều đại, do nhà nước đúc ra, có quy chế nhất định, cho nhân dân lưu hành.

Vua bảo bộ Hộ rằng : trước kia cho là tiền đời cổ chứa lại lâu ngày thành gãy nát, đã cho đem đúc lại, để cho của cải được lưu thông. Nay Đô sát lại xin chọn để lại. Xét ra tiền của đời các vua An Nam ta như Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê để lại tiền cổ còn là có lý ; đến như tiền hiệu Cảnh Hưng ở cuối đời Lê, nhiều người đúc trộm, đồng tiền mỏng mảnh, nên phân biệt tiền thật tiền giả. Tiền hiệu Chiêu Thống là vua bị bôn ba, tiền hiệu ấy sao đáng kể bằng nhau. Lời tâu không phân biệt rõ. Vậy cho chọn lấy những đồng tiền thật trong tiền hiệu Cảnh Hưng cùng tiền hiệu đời vua chính thống nước An Nam trước, đồng nào chữ còn phân minh, chất tiền còn tốt thì để lại. Và tiền 6 chữ của nhà Thanh đều chứa riêng, không được chứa lẫn lộn với chế tiền. Còn ngoài ra đều cùng với tiền nguỵ hiệu đều đưa ra Hà Nội đúc lại. (Rồi chọn ra được 110 quan tiền các đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê ; hơn 1.560 quan tiền 6 chữ của nhà Thanh, vẫn chứa lại ở kho Kinh).

Khoa đạo là bọn Đặng Quốc Lang, Lê Tập, Nguyễn Thế Trị, Lê Khắc Nhượng xét ra thuộc lại phủ Thừa Thiên, hoặc nhân việc điền thế lính, hoặc nhân việc làm sổ chấp bằng, làm khó dễ để yêu sách, có nhiều tình tệ. Đã giao cho bộ Hình xét hỏi thuộc thực. Vua ban khen thưởng cho bọn ấy mỗi người gia một cấp và 5 lạng bạc.

Ngày Bính Dần, vua đi chơi cửa biển Thuận An, lên lầu Lưỡng Kiêm ngoạn cảnh (lầu làm ở bên tả ; đằng trước hành cung, cho là trông thấy cả trong sông ngoài biển, cho nên gọi tên là lầu Lưỡng Kiêm là gồm cả hai). Lại lên lầu Quan Hải xem thuỷ sư thao diễn, bắn súng lớn. Ai bắn trúng thì thưởng tiền Phi long bằng bạc có thứ bậc khác nhau.

Vua nhân bảo bộ Binh là Trương Đăng Quế rằng : phép thuỷ chiến trong khi lâm trận, bắn nhau với giặc có ba điều cốt yếu : một là bắn vào bánh lái thuyền ; hai là bắn vào cột buồm ; ba là bắn vào tướng trong thuyền. Tại sao thế ? Là vì tay lái dùng để khiến thuyền, không có lái thì thuyền không đứng vững, không bị nghiêng chìm cũng ít lắm, cho nên bắn trúng tay lái thuyền là hơn nhất. Thuyền có cột buồm mới đi được, không có cột buồm thì thuyền không đi được. Nhưng thuyền có 3 cột buồm, không như tay lái chỉ có một cái mà thôi, cho nên bắn trúng cột buồm là thứ hai. Tướng là người hiệu lệnh trong một thuyền, mất tướng thì lính không có người thống thuộc, cho nên bắn trúng tướng là thứ ba. Nếu bắn trúng thân thuyền thì địch bị hại rất nhỏ, đó là hạng kém. Ngươi nên đem ý ấy truyền dụ cho Lê Văn Đức bảo lính thuỷ tập bắn đều biết. Ngày hôm sau vua trở về.

Ngày Đinh Mão, vua sai Kiến An công Đài, Định Viễn công Bính, hoàng tử Ninh Thuận công Miên Nghi, Phú Bình công Miên An, Ninh Quốc công Miên Bật chia nhau đến các miếu và điện Phụng Tiên làm lễ kính cáo về việc khánh tiết.

Tuần phủ Nam - Ngãi là Vương Hữu Quang có tội giam vào ngục. Trước đây, nhân mưa rét, vua sai Hữu Quang đến miếu Đô thành hoàng làm lễ cầu tạnh, qua một ngày đêm, trời chưa tạnh, Hữu Quang làm tờ mật tâu rằng : hoàng thượng ta lên ngôi đã vài mươi năm nay, về việc kính trời, thương người làm ruộng, yêu dân, tế thần, chưa từng chút nào quên lãng. Cho nên liền năm mưa gió thuận thời, lúa thóc được mùa, tiểu dân không bị khổ vì khó kiếm ăn, trong nước có cảnh tượng thái bình, thiên hạ đều thấm ơn, cố nhiên không ai nói vào đâu được. Duy có một câu nói một khi im lặng, tuy là việc nhỏ, lại không nên không có thực ý cảnh tỉnh. Bởi vì trời đất soi xét không xa, thần minh trông nghe rất sáng. Thần ngày gần đây đến hầu nghe thấy nhà vua nói đùa ở điện Văn Minh và diễn kịch mới ở nhà Duyệt thị, đấy một lời nói một việc làm ấy đủ làm luỵ đến thánh đức. Cứ ý kiến ngu xuẩn của thần thì mươi ngày nay rét buốt, sắp có mối lo hại đến việc làm ruộng. Dẫu là khí hậu về tiết Thanh minh còn rớt lại, nhưng lòng trời nhân ái răn bảo, cũng ngụ vào trong ấy. Ý thánh thượng chắc đã hối rồi, mà khí rét còn đe doạ như thế, lòng trời giận chưa nguôi, chưa chắc không bởi việc ấy. Xin đốt sách ấy đi để tạ trời đất thần minh. Như thế mà thiên biến không thôi, xin chịu tội chết về việc dối trá.

Vua phê bảo rằng : "Ngày vừa rồi, trẫm ở điện Văn Minh, từng nói chuyện với bọn Trương Đăng Quế cười về thầy kiện dốt nát, thần bếp thiên tư. Và nói đến việc phường hát đời thịnh trị chế nhạo cả trời đất tiên sư, rất là nhảm bậy. Khi nào lại bắt chước mà biên thành sách truyện bao giờ. Nhưng trên điện đình nên giữ lễ làm trước, không nên nói đùa. Nếu Vương Hữu Quang đem việc ấy mà can ngăn, trẫm cũng nên biết xấu hổ đổi lỗi. Nay nhân mùa xuân rét, lúa bị hại, trẫm lại nhiễm bệnh mà dám báng bổ bừa bãi, đổ cho trẫm nói đùa đến trời đất thần minh, xin đốt sách đi để tạ, thì trong sách có câu nào nói đùa đến trời đất đâu ? Trẫm nói ở trên điện đình, ai cũng tai nghe mắt thấy, thế mà Vương Hữu Quang nói vu bậy như thế, nên bắt phải tâu lại cho rõ ràng".

Hữu Quang tự nhận là nghe nhầm, xin nhận lỗi. Đình thần cùng bọn đốc, phủ, bố, án đến Kinh chúc hỗ, cùng nhau một lời xin đem Hữu Quang cách chức trị tội. Vua bèn sai hội đồng bàn xử. Đến lúc các lời bàn dâng lên, có người bàn xin xử tội chém, có người bàn xin xử tội lưu. Duy có Tham tri là Nguyễn Công Trứ, Doãn Uẩn, Thị lang là Phan Thanh Giản, Bùi Quỹ bàn khác đi là xin xử nhẹ giáng 2 cấp lưu.

Vua dụ rằng : "Vương Hữu Quang làm lễ cầu tạnh không được lại muốn đổ cho người trên. Lại thấy ngày ấy trẫm hơi se mình, dám nói bậy bạ cho là trẫm có tội với trời đất thần minh, sao điêu toa dối bậy quá thế! Vả lại, truyện "*Quần tiên*

hiến thọ" là thuộc viện Nội các bọn Nguyễn Bá Nghị soạn ra, dẫu trong ấy trẫm có chỉ bảo một vài câu, nhưng là lời thần bếp, thầy kiện răn bảo đó thôi, có điều gì đùa cợt thần minh đâu, huống hồ dám động đến trời đất ư ? Nay Hữu Quang nói ra câu ấy, nghe thấy thế, làm cho mọi người tức giận chổng ngược tóc lên, giao cho đại thần trong ngoài bàn xử, người xin xử lưu, người xin xử chém, cũng là đáng tội. Mà bọn Công Trứ lại bàn xử nhẹ. Nếu thực có lòng yêu Hữu Quang, nhảy ra để cứu, há có thể thấy lòng riêng mà bẻ được công luận ư ? Trẫm há có thể nghe thiên về lời các ngươi mà trái lời đình nghị ư ? Pháp luật triều đình há lại vì tư ân của bọn ngươi mà đặt ra ư ? Hay là bọn ngươi ghét Hữu Quang mà giả dối nói ra như thế, để thoả nỗi lòng giận của ta, giết ngay Hữu Quang để thoả lòng riêng chăng ? Nếu không thế thì thưởng phạt cốt phải công bằng, bàn bạc phải theo đạo công. Trẫm còn không dám độc đoán, thường theo lời mọi người. Bọn ngươi là người thế nào, dám lấy việc thưởng phạt là việc to của nhà nước để làm kế báo ân báo oán cho tư gia ư ? Ý kiến thế nào đều phải lập tức tâu lại. Vương Hữu Quang thì hãy cách chức giam lại".

Bọn Công Trứ dâng sớ nhận tội, đều nói là một khi ngu tối, kiến thức thấp kém, chứ không dám dụng tâm về bè cứu viện cho nhau.

Vua dụ rằng : "Ở trên triều đình không thể nói đến một chữ "tư" được. Bọn ngươi nếu có thực trạng liên kết bè lũ, trẫm quyết giữ phép nghiêm trị, há lại để cho các ngươi được thò ngón ranh ma ra à ? Đã không bè lũ cứu viện cho nhau thì tình cũng khá thương. Nhưng trong ấy cũng nên phân biệt : Phan Thanh Giản cùng Vương Hữu Quang đều là người Nam Kỳ, lâu ngày quen biết, không khỏi có tình diện với nhau, chuẩn giáng Giản một cấp đổi đi nơi khác. Nguyễn Công Trứ, Doãn Uẩn, Bùi Quỹ chẳng qua chỉ phụ hoạ vào thôi, đều giáng một cấp lưu, không cho lấy công khác khấu trừ, từ nay về sau nên bỏ thói tình diện, giữ một lòng công trung. Từ đời xưa, cái hoạ bè lũ với nhau tại hại rất lớn, đều nên răn ngừa đấy, chớ nên phụ ý ta dạy bảo đúng lẽ, muốn giữ vẹn thân danh cho các ngươi vậy".

Bèn cho Thông chính phó sứ biện lý Thương trường là Nguyễn Nghị sung là thự Bố chính Quảng Nam, hãy lưu lại ở Kinh chúc hỗ. Phan Thanh Giản giáng bổ làm Thông chính phó sứ, biện lý công việc Thương trường.

Rồi lại xuống tờ dụ rằng : "Tội của viên can phạm là Vương Hữu Quang trăm miệng cũng không cãi được, các quan trong ngoài hội bàn khép tội xử tử, khép tội đem lưu, thực không quá đáng. Duy ta nghĩ người bề tôi một lời nói lầm lỗi, đem lại tội nặng, lòng trẫm không nỡ làm như thế. Vả lại Vương Hữu Quang làm việc

còn có khả quan, duy có tính điên dở nóng nảy, không biết nghĩ kỹ, đến nỗi mắc tội. Phen này bị xiềng xích, hoặc có thể nhân đấy mà thành tài, ngày sau còn là người hữu dụng thì không phí công một phen mài giũa. Huống chi năm nay gặp khánh tiết, không một người nào không thấm nhuần ơn trạch, mà hắn lại là quan to ư ? Vậy gia ơn đổi giáng làm Tư vụ bộ Công, cố sức làm việc chuộc tội".

Vua ngự chơi xem các lầu rạp của các tỉnh ở mặt tả Hoàng thành. Chợt nghe thấy trại lính Tả dực dinh Vũ lâm có nhiều người chạy, hỏi ra thì là xua đuổi những người tạp nhạp đi lẫn lộn vào.

Vua nói rằng : đường xe kiệu trẫm đi qua, cần phải tĩnh túc, há nên náo động như thế. Thống quản dinh Vũ lâm là Bùi Công Huyên, đương ban đàn áp đại thần là Lê Văn Thảo không biết cấm chấp từ trước, đều giáng 2 cấp. Đổng lý là bọn Hà Duy Phiên cũng đều giáng một cấp.

Án sát Thanh Hoa là Phạm Khắc Trạch nằm võng đi qua trước chính lâu, không xuống, vua giao cho bộ Lại bàn xử, xin xử tội đồ.

Vua nghĩ Trạch một khi nằm ngủ bị kẻ thuộc binh làm nhỡ việc, đổi làm phạt ngay 80 trượng, lại cách chức cho lưu nhiệm.

Ngày Kỷ Tỵ, vua ngự chơi xem lâu bằng các tỉnh ở mặt sau hoàng thành. Đến lầu của tỉnh Lạng Sơn, thấy có cây bàn đào bằng vàng và bản vẽ nhà chất thẻ[1] ở biển. Vua sai hoàng tử dâng lên vua xem. Vua bảo rằng : thẻ ấy có 13 cái, mà từ 1 đến 10 đến 100 đến 1.000 đến 10.000, thứ tự trong ấy cũng khả quan. Duy cái nhà vàng chứa thẻ, cách làm hơi thô vụng mà thôi.

Vua nhân thể hỏi viên Phó quản cơ Lạng Sơn là Nguyễn Cửu Tri và tên tuổi quê quán, lý lịch, Cửu Tri tâu rằng : thần là con Nguyễn Cửu An, Trấn thủ Quảng Trị cũ. Vua nói : cha ngươi bất tài, chỉ chơi đùa, trẫm nghĩ là người làm việc lâu năm, không nỡ bỏ, nay ngươi nên cố gắng cho giỏi, mong làm người con hơn cha, chớ bắt chước việc làm của cha ngươi.

Ngay Canh Ngọ, vua ngự xem các lâu bằng của các tỉnh ở mặt hữu, đến lầu tỉnh Quảng Nam, thấy có một đôi ngà voi rất to. Vua bảo viên quan theo hầu rằng : khi trước Hiếu Minh hoàng đế ta sai sứ sang nhà Thanh đưa lễ sính đáp lại, có một chiếc ngà voi nặng 100 cân, bây giờ không có nữa. Năm ấy cầu phong riêng làm một nước mà triều đình nhà Thanh đều nói rằng : nước Quảng Nam (lúc ấy thuyền

(1) Ngày xưa có 3 cụ già gặp nhau hỏi tuổi nhau, một cụ nói rằng : nhà tôi ở bến biển, cứ mỗi lần nước biển biến thành ruộng dâu thì tôi bỏ một cái thẻ vào hòm, nay đã 10 cái thẻ rồi, nên người đời làm câu chúc thọ. Xem "Đông Pha trí lâm".

nhà Thanh chỉ đi lại ở địa giới Quảng Nam, cho nên gọi ta là nước Quảng Nam) cùng với vua Lê là nước cậu cháu, sao nên phong riêng. Vả lại xem ra nước Quảng Nam sau này tất nhiên thành nước lớn, Chiêm Thành, Chân Lạp đều bị kiêm tính ; con cháu vua Lê sẽ không chế nổi, ngày sau cũng sẽ kiêm tính được cả nhà Lê. Nay há nên phong cho để làm cho thế lớn lên. Việc cầu phong ấy bèn bỏ đấy. Kể ra người Thanh nói như thế cũng chỉ thiên về một bên thôi. Còn câu bảo là ta có thế sắp lớn, thì lý cùng số hợp nhau, cái gì không do ở mệnh trời, kẻ kia ngăn trở sao được ư ?

Bổ Nguyễn Tiến Vạn làm Vệ uý vệ nhất dinh Kỳ võ ; cho Phó vệ uý vệ Nhất dinh Kỳ võ là Nguyễn Lương Nhàn đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Hữu nhất, Tả dực dinh Vũ lâm ; Phó vệ uý vệ Tả dinh Long võ là Trần Ngũ đổi bổ làm Phó vệ uý vệ hậu dinh Hùng nhuệ ; Vệ uý vệ Quảng Nam là Nguyễn Nghĩa Thịnh thăng thự Vệ uý vệ Trung dinh Tiền phong ; Phó vệ uý vệ Phấn võ dinh Tiền phong là Trương Phúc Sơn thăng thự Vệ uý vệ Hậu dinh Tiền phong ; Vệ uý vệ Nghệ An là Phan Văn Sự thăng thự Vệ uý vệ Hậu dinh Long võ ; Phó vệ uý vệ tả Hà Tĩnh là Văn Đình Dưỡng đổi bổ làm Phó vệ uý vệ Quảng Nam.

Ngày Tân Mùi, vua thân đến Thái miếu, Triệu miếu ; ngày Nhâm Thân đến Thế miếu, Hưng miếu là lễ cáo yết, cộng 12 án, vua đều thân tự dâng hương, dâng rượu. Làm lễ xong, thưởng kỷ lục tiền vàng, tiền bạc cho các người chấp sự bồi tế và các quan viên lớn nhỏ theo hầu, cho thứ bậc khác nhau.

Ngày Quý Dậu, vua ngự chơi ngoài Kinh thành, xem khắp các rạp của dân hộ, phố hộ, thấy các lầu rạp của phủ Thừa Thiên trần thiết thanh nhã, vua thích lắm. Lại đến xem các rạp của Bắc Kỳ, trần thiết rất lộng lẫy. Vua dụ rằng : "Bọn ngươi từ xa đến chúc hỗ có lòng thành tôn vua thân bề trên như thế, trẫm đã soi xét biết cho, nhưng không nên xa xỉ quá. Nếu biết tự bỏ của bỏ sức ra mà đào các sông Thiên Đức, Nguyệt Đức cho nước sông Nhị có chỗ tiêu bớt đi, không làm hại cho dân, há chẳng phải là việc tốt ư ? Về mà bảo nhau. Trẫm muốn bọn ngươi cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, yên ở làm ăn, chớ kiện cáo nhau, chớ thích làm loạn, để cùng hưởng phúc thái bình. Còn việc thi nhau làm khéo, đua nhau làm lạ, trẫm không khen đâu".

Giáng Trung quân Chưởng phủ là Tạ Quang Cự làm Đô thống Trung quân ; Thượng thư bộ Công là Đặng Văn Thiêm làm Tả tham tri bộ Công, lại tước bỏ hàm cung bảo gia cho trước đây.

Bọn Quang Cự trông coi công đường núi Thuận, xây bờ hồ nhiều chỗ lệch lạc. Trước đây vua đi yết lăng, thân đến xem ngắm, thấy thế không bằng lòng.

Dụ rằng : "Công trình ấy là dự bị làm nơi đại cát địa muôn năm, quan trọng biết là nhường nào! Tạ Quang Cự, Đặng Văn Thiêm thân làm đại thần, đã chọn sai đi trông coi, nên rất kính cẩn mới phải. Mà lại chỉ nhất vị theo bọn giám thành chỉ bảo, không có chủ trương chút nào, giống như người lùn xem đám, rất phụ lòng ta đã uỷ thác cho". Vua giao bộ Lại bàn xử tội thì xin xử cách chức. Vua đặc cách xử nhẹ, đều phải giáng chức. Vua sai Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh thay trông coi việc ấy. Lang trung bộ Công biện lý bộ là Nguyễn Văn Điển, Viên ngoại lang sung biện sở đốc công là Nguyễn Danh Giáp đều sung làm tuỳ biện, đem 500 biền binh đi làm việc. Lại sai Tham tri bộ Công là Nguyễn Trung Mậu, Thị lang là Lý Văn Phức cắt lượt nhau đến làm giúp việc.

Ngày Giáp Tuất, ban yến cho hoàng tử công, hoàng tử các thân công, cùng đình thần và bọn đốc, phủ, bố, án, lãnh binh đến Kinh, tại tả vũ điện Cần Chính.

Vua dụ Nội các rằng : "Năm nay gặp khánh tiết ngũ tuần của trẫm, các quan trong ngoài làm lầu rạp để chúc hỗ. Trẫm đi xem luôn mấy ngày, đi đến đâu đều có dâng trà làm lễ thọ, tình lễ tin thực với nhau, ta rất vui thích. Những người được dự vào làm lễ chúc hỗ đều đã thưởng cho tiền vàng tiền bạc rồi. Nhưng nghĩ đến các thượng ty lưu ở hạt dẫu không được dự theo ban mà ở ngoài Kinh làm chức vụ, cho ta đỡ phải lo nghĩ sớm hôm, trẫm cũng coi như những người lạy mừng ở trước gối ta. Còn như các viên chức văn võ rất nhiều, dẫu trong ấy có người chức thấp, mà reo hò chúc mừng, lòng thành của thần tử ai cũng như ai cả. Vậy phái 4 người thị vệ, mang tờ ân dụ cùng tiền vàng, tiền bạc chia nhau đi đến các hạt ban cấp cho các quan chức ấy. (Tướng quân, Đề đốc, Hiệp tán, Tuyên phủ thành Trấn Tây cùng là đốc, phủ, bố, án các tỉnh thì thưởng tiền vàng "vạn sự như ý" mỗi viên một đồng. Văn từ Đạo viên, Binh bị, Lương trừ, Viên ngoại lang ty An Biên, cùng Viên ngoại lang sung biện Tuyên phủ và Án phủ, Đốc học, thì thưởng cho tiền Phi long bằng bạc hạng lớn mỗi viên 2 đồng. Tri phủ, đồng Tri phủ thì thưởng tiền Phi long hạng nhỏ mỗi viên một đồng. Chủ sự ty An Biên cùng Tri huyện, Tri châu, Thổ tri phủ thì thưởng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn mỗi viên một đồng. Sung biện tri huyện và tư vụ, giáo thụ, thông phán, kinh lịch và miếu thừa phụng trực Nguyên miếu, thổ tri châu, thổ tri huyện thì thưởng tiền Phi long bằng bạc hạng nhỏ mỗi viên một đồng. Võ từ lãnh binh, Phó lãnh binh thì thưởng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn mỗi viên 2 đồng. Vệ uý, Phó vệ uý thì thưởng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn mỗi viên hai đồng. Quản cơ, Phó quản cơ, Thành thủ uý, Phòng thủ uý thì thưởng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn hạng nhỏ, mỗi viên mỗi thứ 1 đồng. Cai đội, Chánh đội trưởng, Suất đội cùng Thí sai chánh đội trưởng suất đội, suất đội đặt thêm, thì thưởng tiền Phi long bằng bạc hạng nhỏ mỗi viên 1 đồng).

Còn các thổ ty, thổ mục, những nơi đất mới mở không dự vào hàng lạy mừng chúc hỗ, cũng gia ân thưởng cho đồng tiền bằng bạc. (Thổ tri châu, Tri huyện, Huyện thừa các tỉnh Cam Lộ, Trấn Man, Trấn Ninh, Trấn Định, Trấn Biên đều thưởng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn mỗi người 3 đồng. Bọn thổ mục thì mỗi người 2 đồng).

Làm kim sách phong : hoàng tử thứ 52 là Miên Tinh làm Điện quốc công ; hoàng tử thứ 23 là Miên Thực làm Trấn Man quốc công ; hoang tử thứ 27 là Miên Phong làm Tân Bình quận công ; hoàng tử thứ 33 là Miên Khoan làm Lạc Biên quốc công ; hoàng tử thứ 35 là Miên Tú (hoặc Túc) làm Ba Xuyên quận công ; hoàng tử thứ 36 là Miên Quan làm Kiến Tường quận công ; hoàng tử thứ 41 là Miên Hạp làm An Nhân quận công ; hoàng tử thứ 45 là Miên Dần làm Trấn Tĩnh quận công ; hoàng tử thứ 48 là Miên Ngung làm An Bình quận công ; hoàng tử 51 là Miên Thanh làm Trấn Biên quận công ; hoàng tử thứ 53 là Miên Sủng làm Tuy Nhân quận công ; hoàng tử thứ 56 là Miên Cầu làm Trấn Định quận công ; hoàng tử thứ 60 là Miên Uyển làm Quảng Hoá quận công.

Làm sách phong cho hoàng tôn là Hồng Bảo làm Yên Phong đình hầu. Vua bảo Nội các rằng : bọn hoàng tôn đã phong tước hầu, tự có phẩm trật. Duy họ là người gần thân, không ví như bọn Tôn thất cùng các quan, những mũ áo tự chế ra chuẩn cho theo phẩm. Còn những mũ áo lâm thời đặc cách ban cho thì cứ được dùng, không kể là màu sắc gì.

Án sát Thái Nguyên là Trịnh Văn Nho phải cất chức. Khoảng năm Gia Long, Nho làm người nhà của Nguyễn Duy Hoà, Hiệp trấn Bắc Ninh, thông đồng với người chủ thủ lấy trộm thóc kho, bị giam trốn thoát. Sau lại mày mò ra làm quan được. Đến bây giờ theo tờ dụ tự bày tỏ ra, lại khai rằng người nhà Duy Hoà làm bậy, biết mà không nói ra đem mình trốn tránh, may khỏi can liên. Bộ Hình tra lại án cũ, cho là Nho khai ra còn có chỗ chưa nói hết, không nói thật, đem lý do tham tâu. Vua lập tức sai cất chức về Kinh đợi Chỉ. Cho Lang trung bộ Lễ biện lý việc bộ, quyền lĩnh Phủ thừa Thừa Thiên là Tô Trân làm Án sát Thái Nguyên ; thự Lang trung bộ Hình là Đặng Huy Thuật làm Phủ thừa Thừa Thiên. Nho đã đến Kinh, vua giao đình thần bàn. Rồi Nho phải cách chức, theo bộ cố gắng làm việc.

Cho Lang trung bộ Lại là Nguyễn Văn Lý làm Lang trung bộ Hình. Binh bị đạo thành Trấn Tây là Lê Văn Du làm Lang trung bộ Công (bọn Lý trước ốm về quê, đến bây giờ khỏi bệnh đến bộ đợi bổ).

Ngày Ất Hợi, phủ Tôn nhân, bộ Lễ hội bàn xin từ ngày hôm ấy đến ngày 25, rước hoàng thượng ngự điện nghe chính sự. Các quan đều mặc áo có bổ tử, áo thường triều vào chầu. Vua y cho.

Vua ban thưởng các hình con thú bằng vàng cho hoàng tử công, thân công có thứ bậc khác nhau.

(Thưởng hoàng trưởng tử Trường Khánh công một hình con voi bằng vàng nặng 21 lạng, một hình con rồng có cánh bằng vàng nặng 7 lạng ; hoàng tử : Thọ Xuân công Miên Định một hình con voi bằng vàng nặng 21 lạng, một con rồng có cánh bằng vàng nặng 7 lạng ; Ninh Thuận công Miên Nghị một hình con giao long bằng vàng nặng 11 lạng 4 đồng cân, một hình con rồng có cánh bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ; Phú Bình công Miên An một hình con sư tử bằng vàng nặng 14 lạng 8 đồng cân ; Tùng Quốc công Miên Thẩm một hình con thú lạ bằng vàng nặng 4 lạng 8 đồng cân ; Tuy Quốc công Miên Trinh một hình con long mã phụ đồ bằng vàng nặng 7 lạng ; Tương Quốc công Miên Bảo một hình con giao long bằng vàng nặng 11 lạng 6 đồng cân ; Ninh Quốc công Miên Bật một hình con hổ bằng vàng nặng 4 lạng 6 đồng cân. Hoà Quốc công Miên Quần một hình con sô ngu[1] bằng vàng nặng 8 lạng 7 đồng cân, 1 hình con rồng cuốn bằng vàng nặng 2 lạng ; Điện Quốc công Miên Tinh một hình con sư tử bằng vàng nặng 8 lạng 4 đồng cân ; Sơn Tĩnh quận công Miên Lương một hình con giao long bằng vàng nặng 10 lạng 9 đồng cân ; Lạc Biên quận công Miên Khoan một hình con tê bằng vàng nặng 4 lạng 8 đồng cân ; Kiến Tường quận công Miên Quan một hình con long mã bằng vàng nặng 4 lạng 8 đồng cân ; Tuy Nhân quận công Miên Sủng một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 4 lạng 1 đồng cân ; Trấn Định quận công Miên Cẩu một hình con hươu bằng vàng nặng 6 lạng 6 đồng cân ; Quảng Hoá quận công Miên Uyển một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 8 lạng 9 đồng cân, một hình con voi bằng vàng nặng 10 lạng 2 đồng cân ; Hàm Thuận quận công Miên Thủ một hình con long mã phụ đồ bằng vàng nặng 7 lạng ; Lạc Hoá quận công Miên Vũ một hình con hải mã bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ; Tư Nghĩa quận công Miên Tể một hình con hải mã bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ; Trấn Nam quận công Miên Thực một hình con hổ bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ; Tân Bình quận công Miên Phong một hình con bạch trạch bằng vàng nặng 6 lạng 7 đồng cân ; Ba Xuyên quận công Miên Túc một hình con hươu bằng vàng nặng 6 lạng 2 đồng cân ; An Nhân quận công Miên Cáp một hình con hải mã bằng vàng nặng 6 lạng 1 đồng cân ; Trấn Tĩnh quận công Miên Dần một hình con gấu bằng vàng nặng 5 lạng 8 đồng cân ; Quảng Trạch quận công Miên Cư một hình con sư tử bằng vàng nặng 5 lạng 8 đồng cân ; An Bình quận công Miên Ngung một hình con tê cái bằng vàng nặng 5 lạng 7 đồng cân ;

(1) *Sô ngu* : tên một giống thú có lòng nhân từ.

Trấn Biên quận công Miên Thanh một hình con ly bằng vàng nặng 5 lạng 6 đồng cân.

Các hoàng tử : Miên Tiệp một hình con sư tử bằng vàng nặng 14 lạng 8 đồng cân ; Miên Bảo hình một con dê to đuôi bằng vàng nặng 4 lạng 3 đồng cân, một hình con linh dương bằng vàng nặng 5 lạng 1 đồng cân ; Miên Thân một hình con hổ bằng vàng nặng 5 lạng 6 đồng cân ; Miên Thẩn một hình con giải trãi bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ; Miên Trữ một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 6 lạng 5 đồng cân ; Miên Tống một hình con bạch trạch bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ; Miên Cung một hình con bạch trạch bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ; Miên Liêu một hình con hổ bằng vàng nặng 6 lạng 8 đồng cân ; Miên Tuấn một hình con sư tử bằng vàng nặng 6 lạng 1 đồng cân ; Miên Tăng một hình con trâu sừng bằng vàng nặng 6 lạng 1 đồng cân ; Miên Thái một hình con trâu một sừng bằng vàng nặng 6 lạng ; Miên Sạ một hình con con tê cái bằng vàng nặng 5 lạng 7 đồng cân ; Miên Ngộ một hình con tì[1] bằng vàng nặng 5 lạng 4 đồng cân ; Miên Kiều một hình con ly bằng vàng nặng 4 lạng 1 đồng cân ; Miên Lâm một hình con ly bằng vàng nặng 4 lạng ; Miên Văn một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 3 lạng 6 đồng cân ; Miên Dung một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 2 lạng 5 đồng cân ; Miên Trụ một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 3 lạng 5 đồng cân ; Miên Ngụ một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 3 lạng 5 đồng cân ; Miên Tả một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 3 lạng 4 đồng cân ; Miên Triện một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 3 lạng 3 đồng cân ; Miên Khách một hình con hươu bằng vàng nặng 3 lạng 5 đồng cân ; Miên Thích một hình con hươu bằng vàng nặng 3 lạng 5 đồng cân ; Miên Điệu một hình con thỏ bằng vàng nặng 4 lạng 3 đồng cân ; Miên Hoảng một hình con thỏ bằng vàng nặng 4 lạng 3 đồng cân ; Miên Chí một hình con voi bằng vàng nặng 3 lạng 2 đồng cân ; Miên Ký một hình con voi bằng vàng nặng 3 lạng 1 đồng cân ; Miên Bàng một hình con rái cá bằng vàng nặng 3 lạng 6 đồng cân ; Miên Sách một hình con hải mã bằng vàng nặng 3 lạng 4 đồng cân.

Hoàng thân : Kiến An công Đài một hình con voi bằng vàng nặng 19 lạng 4 đồng cân ; Định Viễn công Bính một hình con bạch trạch bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ; Diên Khánh công Tấn một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 6 lạng 4 đồng cân ; Điện Bàn công Phổ, Thường Tín công Cự, An Khánh công Ký đều thưởng cho mỗi người một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 3 lạng 5 đồng cân ; Từ Sơn công Mão một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 3 lạng 4 đồng cân).

---

(1) *Tì* : tên một giống thú dữ giống như con gấu.

Vua lại nghĩ đến những hoàng thân đã chết chưa được dự khen thưởng ngày nay bèn xuống dụ thưởng các anh em với vua mỗi người hình con thú bằng vàng ; chị em gái với vua mỗi người một hình con chim bằng vàng. Chuẩn cho bộ Lễ sắp đủ lễ nghi đem đến giao cho người thừa tự hoặc người giám thủ kính lĩnh để thờ. (Anh Duệ hoàng thái tử một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 6 lạng 5 đồng cân ; Thuận An thuỵ Đôn Mẫn công một hình con giải trãi bằng vàng nặng 6 lạng 7 đồng cân ; Quảng Uy thuỵ Cung Trực công một hình con kỳ lân bằng vàng nặng 3 lạng 7 đồng cân ; trưởng công chúa thứ 4 thuỵ là Tĩnh Chất một hình con chim loan bằng vàng nặng 3 lạng 2 đồng cân ; trưởng công chúa thứ 6 thuỵ là Trang Khiết, trưởng công chúa thứ 12 thuỵ là Trinh Ý mỗi người một hình con chim trĩ bằng vàng nặng 2 lạng 9 đồng cân).

Vua hạ lệnh cho 2 bộ Hộ và Lễ : những lâu bằng chúc hỗ của các địa phương cùng dân hộ phố hộ, nghi phẩm vật hạng cứ trần thiết như cũ. Gián hoặc có thứ gì bằng vàng, không cứ vàng đĩnh, cùng là đã chế tạo thành đồ vật, đều chuẩn cho thu lấy, mà tính giá trả lại cho. (Tóm tính về số vàng của các địa phương cộng nặng hơn 377 lạng ; vàng của dân hộ phố hộ cộng hơn 92 lạng. Cứ một lạng vàng trả cho 15 lạng bạc).

Bọn đốc, phủ, bố, án, lãnh binh được chấm về Kinh chúc hỗ, nghe nói bộ bàn tính giá vàng trả tiền, dâng biểu xin từ không nhận. Vua không nghe. Dụ bộ Hộ rằng : "Số vàng các địa phương tiến lên cũng nhiều, tất là các viên quan văn võ toàn tỉnh đều có góp phần vào đấy. Huống chi trong ấy lại có dân hộ, phố hộ đem của dâng tiến để tỏ lòng thành. Nếu thưởng cho châu ngọc thì đại viên được chịu ơn riêng, mà thuộc viên ở tỉnh cùng nhân dân không được nhờ gì, thực không phải cái ý cùng lợi cùng vui. Vậy cho trích ra 7.000 lạng bạc trong kho để chia cấp, do bọn lai Kinh đem về thưởng cho những người dự biện phẩm nghi. Như thế đã thoả lòng người dưới mà rõ ân điển. Còn 13 áo long bào đã dâng lên, cũng cho thu nhận. Gia ân thưởng cấp cho thượng ty các tỉnh có cấp bậc khác nhau". (Tổng đốc nào trước sau dự làm lâu bằng, đều thưởng cho mỗi người một lạng vàng và tiền Phi long hạng nhỏ 2 đồng ; Tổng đốc nào tiếp tục làm về sau cùng các Tuần phủ đều thưởng mỗi người một lạng vàng, tiền Phi long hạng nhỏ một đồng. Bố, án đều mỗi người một lạng vàng ; Lãnh binh nào đến Kinh cũng đều thưởng cho mỗi người một đồng tiền vàng Phi long hạng nhỏ).

Xã Ba Nguyệt và họ Lê Xuân tỉnh Quảng Bình ; giáp đông xã An Du tỉnh Quảng Trị đều đệ số bạc (xã Ba Nguyệt 100 lạng, xã An Du 60 lạng) tình nguyện cung tiến. Bộ Lễ tâu lên. Vua nói : khánh điển năm nay đã cho dân hộ các địa

phương lai Kinh chúc hỗ, là muốn cho thoả lòng vui mừng của nhân dân. Bọn người 2 xã kia, nếu do từ lòng thành, có ngại gì cứ đi chúc hỗ cùng một loạt với dân hộ các tỉnh, mà lại viện cớ là họ ngoại xin tiến dâng nhảm, so với lễ ý cũng không phải lẽ. Duy bọn kia một lòng tôn thân cũng có phần nên thương. Vậy gia ơn đều thưởng cho mỗi xã 200 quan tiền, mà trả lại số bạc đem tiến ấy.

Đổi kiểu thêu bổ tử cho hoàng tử công và hoàng tử. Vua dụ bộ Lễ rằng : bổ tử của các thân công thêu hình con rồng 4 móng, mà bổ tử của hoàng tử công, hoàng tử lại thêu hình con kỳ lân. Bởi vì quãng năm Gia Long những hoàng tử bây giờ khi ấy còn là hoàng tôn, tuy có chức trách chiểu theo lệ nhất phẩm võ giai mà thêu hình kỳ lân vào bổ tử. Từ năm Minh Mệnh thứ 1 đến nay, vẫn nhân theo như thế chưa đổi, cũng là chưa phải. Vậy chuẩn cho bổ tử của hoàng tử công, hoàng tử đều đổi thêu con rồng bốn móng cho hợp thể chế.

Vua cho các thợ khéo tay khéo nghĩ của các hạt ứng mộ đến Kinh đều về yên nghiệp. Thưởng chung cho 100 quan tiền.

Cho Lang trung bộ Công biện lý việc bộ là Nguyễn Văn Diễn đổi bổ làm Lang trung bộ Hộ biện lý việc bộ.

Đổi bổ Lãnh binh Gia Định là Dương Thiều là Phó lãnh binh Phú Yên, Phó lãnh binh Phú Yên là Phạm Văn Thư thăng thự Lãnh binh Bình Thuận. Lãnh binh Bình Thuận là Trần Nhữ Đoan lấy hàm Chánh tam phẩm tác vi Phó lãnh binh Gia Định.

Đồn Đà Cần Luật phủ Quảng Biên tỉnh Hà Tiên có bọn Xiêm quấy rối cướp tài vật của dân ngoài biên rồi trèo qua núi mà đi mất. Việc ấy đến tai vua. Phòng thủ uý là Phạm Văn Sỹ không biết đề phòng trước, phải giáng 2 cấp ; Án phủ là Lê Quang Nguyên giáng 1 cấp. Chỗ đồn Cần Luật đất đều là rừng rậm, không có chỗ nào thế hiểm đáng cậy để giữ. Vua cho rút bớt đi, dồn cả lính về đồn Phì Phiệt đóng giữ.

Thổ biên thành Trấn Tây là Phó quản cơ Hồ Mịch Hạnh Phủ đem lính thổ đi tuần từ cuối địa giới phủ Hải Đông đến đồn Tâm Bông, gặp quân giặc cùng bắn nhau, giặc thua chạy, bọn Mịch thừa thế đuổi quá sang cõi giặc, xua được hơn 200 người dân thổ trước bị giặc Y bắt ấy, rồi đem quân trở về. Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng đem việc ấy tâu lên, xin xử tội vượt cõi cầu công.

Vua nói : việc cấm vượt qua cõi là theo lúc vô sự mà nói, không muốn cho quân ta càn rỡ gây hiềm khích ngoài biên mà thôi. Sự thế nay không giống như thế. Tức như trước đây dân của họ về với ta, có đến hơn vạn người, họ há chịu một ngày

nén lòng. Nếu ta không đến, chúng cũng ngầm lại. Duy có khí thế của họ đương còn suy kém, chưa dám hành động mà thôi. Nếu quân ta hăng hái tiến lên giết giặc, sao lại nói là không gây hấn được. Huống chi từ trước đến nay, bọn thổ biền vẫn sợ giặc Xiêm, nhút nhát đã quen, nay bọn Hồ Mịch dẫu không có chiến công gì, nhưng làm cho giặc phải lui chạy, dồn được thổ dân về, công cũng đáng kể. Nếu, cho là vượt qua cõi mà bắt tội, chả hoá ra lại nuôi thành cái thói nhút nhát ư ? Vậy lập tức đều cho miễn tội, lại thưởng cho 10 đồng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn. Còn những thổ dân mới xua về, thì giao cho quan sở tại chiếu quản để được yên nghiệp.

Ngày Nhâm Ngọ, vua thân đem các quan đến kính cáo Thế miếu, làm lễ xong lại đến bái yết cung Từ Thọ[1].

Ngày Quý Mùi làm lễ đại khánh. Vua ngự điện Thái Hoà, hoàng tử thân công, các quan văn võ cùng các thuộc quốc các cống man theo lấy thứ tự dâng biểu chúc mừng. Làm lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

Chiếu rằng : "Trẫm nghĩ : chí thành lâu mãi không cùng, sánh với âm dương mà nuôi muôn vật ; vương đạo bằng phẳng làm chuẩn, thu lấy năm phúc để cho nhân dân. Chỉ vì thể lòng của muôn dân, cho nên được vui cùng thiên hạ, trẫm nay cai trị ức triệu dân chúng, cần phải yêu dấu vỗ yên, kính cẩn một lòng để cầu nhiều phúc, đã 21 năm rồi. Nhờ ơn thượng đế phù hộ, đội đức tiên tổ dành cho, thế nước ngày càng tôn, lòng dân ngày càng vững. Trước kia hai kỳ có loạn, là lòng trời bảo phải chăm lo, rồi thì bốn cõi thành công, đến ngày nay dân theo đức hoá, phía tây nam mở đất, phủ huyện lệ thuộc đến hơn 30 ; người man thổ theo về, dân hộ biên tên kể đến vài vạn. Lại được hộ khẩu thêm nhiều, trộm cướp yên tĩnh ; sông thường yên sóng, thóc lúa được mùa, dân có thói lễ nhường đời lên cõi nhân thọ. Ta là người ít đức, làm gì được thế ư ? Xét đến duyên do, đều nhờ phúc tổ. Còn phải theo thiên *Hồng phạm*[2] đã nói xét việc cả năm, xem thiên *Vô dật*[3] đã răn mong được hưởng thọ. Làm cho cả nhân dân thường được thoả thích cho nhà nước ta hưởng phúc dài lâu. Lần lượt gặp đại khánh tiết Thánh mẫu Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu 60, 70 tuổi, đem thần tử kính chúc hỗ, còn nhiều lần thể theo lòng từ huệ, ban ra ân điển thấm nhuần cùng thiên hạ cùng vui, nhận lấy phúc to lớn. Và năm

---

(1) *Cung Từ Thọ* : nơi Hoàng thái hậu ở.

(2) *Thiên Hồng phạm Kinh Thư có câu* : "vương tỉnh duy tuế" là xét việc của vua phải cả.

(3) *Thiên Vô dật* trong Kinh Thư nói : các vua nhà Ân như Trung Tôn, Cao Tôn, Tổ Giáp biết cần lao thì hưởng thọ hoặc được 75 năm, 59 năm hoặc 33 năm.

Minh Mệnh thứ 11, buổi đầu trẫm đến tứ tuần, y cho thần công chúc thọ, tất cả trong ngoài đều đội ơn. Năm nay trẫm đến ngũ tuần, thần tử quân dân các ngươi cho đến tù trưởng phiên man, lại một lòng khẩn thành, đều xin chúc hỗ...

Trẫm ở ngôi lâu ngày càng nghĩ sâu xa, một ngày hai ngày làm muôn việc, ngay ngáy nơm nớp mong đón lấy phúc tốt muôn năm vô cùng để dựng tiếng tốt nghìn đời lâu mãi. Phàm làm ra một chính một lệnh gì, cũng đều bỏ xa hoa, chuộng thực dụng, bỏ hết phiền văn. Nhưng nghĩ ân điển của nhà nước, thường nhân khánh tiết mà ban như ban yến thưởng cho các thần công, hậu đãi các kỳ lão, cho đến việc giảm bớt thuế, tha thuế thiếu, xá lỗi, tha tội, khiến cho nơi mặt đất chân trời không ai là không được thấm ơn. Thực để thoả lòng vui của ức triệu nhân dân, không phải riêng một mình ta.

Bèn sai chọn ngày tốt kính cáo đàn Giao, các miếu, đàn Xã Tắc, lấy ngày 23 tháng sinh trẫm, đặt phiên chầu nhận lễ mừng, làm cho đức tốt ngày thêm mới, bắt chước sự vận chuyển khoẻ của trời. Vào đầu hạ mà ngưng tụ khí hoà, để tỏ rõ sự ban phúc của trời đất tổ tông ; nối đầu xuân mà ban ra ân huệ, để thoả mãn lòng vui chung của thần dân trong ngoài.

Bèn xuống ân điển cộng 26 điều : (Các hoàng tử công, hoàng tử, các tước công, cùng bọn phủ tôn nhân đều gia ân ban thưởng.

- Các hoàng tử công, hoàng tử, các tước công, các quan văn võ ở Kinh là quan viên nên được dự yến ; các đốc, phủ, bố, án, chánh phó lãnh binh ở tỉnh ngoài đến Kinh chúc hỗ, cùng các quản vệ, cơ làm lâu bằng, cùng quan viên hưu trí và bọn quan võ thành Trấn Tây đều cho ăn yến một bữa và ban cho lụa màu, tiền bằng bạc có thứ bậc khác nhau.

- Các đốc, phủ, bố, án, lãnh binh các địa phương ở ngoài và tì tướng thành Trấn Tây cho đến binh lương đạo viên, đều thưởng cho có thứ bậc khác nhau.

- Trong Kinh và các tỉnh ngoài, từ hoàng tử công, các tước công trở xuống, văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở lên, và đồng tri phủ, tri châu, tri huyện sung biện việc huyện đều gia một cấp. Các quan chức lớn nhỏ trong ngoài, ai bị giáng chức lưu nhiệm thì không cứ tội công hay tội tư, đều cho khai phục một cấp.

- Các viên chức trong ngoài từ cửu phẩm trở lên, nhân làm việc công lầm lỡ bị trừng phạt bổng đã kết án thi hành rồi, đều khoan tha cho cả.

- Quản vệ, cơ ở các tỉnh ngoài đều thưởng cho tiền lương một tháng.

- Các viên chức ở Kinh, quan văn từ lục thất phẩm, quan võ ngũ phẩm và lục phẩm trở xuống mà dự có suất đội và sung thị vệ, đều thưởng cho tiền lương

2 tháng. Ngoài ra, văn từ bát phẩm, võ từ thất phẩm trở xuống, đến các người thí sai cửu phẩm, không cứ ở Kinh ở ngoài, và có lệ cấp lương hay không, đều thưởng cho tiền lương 2 tháng.

- Giám sinh, tôn sinh, ấm sinh học ở Quốc tử giám, cùng những cử nhân, tú tài, sĩ nhân theo làm việc ở bộ ở tỉnh, đều thưởng cho tiền lương một tháng.

- Cha mẹ các quan viên, văn tứ phẩm, võ tam phẩm trở lên, ở Kinh hay ở ngoài, trừ ra người cha mẹ nào phạm tội thập ác[1] cùng các tội danh khác thì không được phong tặng, còn đều chiểu theo phẩm mà phong tặng có thứ bậc khác nhau.

- Thổ tri phủ, thổ tri huyện, tri châu, huyện thừa đã được thực thụ thì đều cho gia một cấp, những người thí sai, thí thự đều chiểu hiện hàm thưởng cho tiền lương một tháng. Thổ lại mục đều thưởng tiền lương một tháng.

- Vị nhập lưu thư lại ở các nha môn ở Kinh, cùng vị nhập lưu thư lại ở 2 thừa ty phủ Thừa Thiên, ở 2 ty bố án các tỉnh ngoài, và ty An Biên thành Trấn Tây, đều thưởng cho tiền lương 1 tháng. Còn thuộc lại, lễ sinh, y sinh, tượng y, pháp lục, chiêm hậu, ty lại thuộc các tạp ngạch, không cứ ở trong ở ngoài và có lệ cấp lương hay không, đến cả thông lại các phủ huyện, đều thưởng cho tiền lương nửa tháng.

- Các hạng biền binh chính ngạch ở Kinh ở ngoài và thợ các cục ở Kinh hiện đương làm việc, đều thưởng cho tiền lương 1 tháng. Còn các hạng binh phu tạp ngạch ở trong ngoài, cùng là lính trạm ở Kinh, người giết thịt các súc sinh, đều thưởng cho tiền lương nửa tháng.

- Các hộ biệt nạp ở các địa phương, lệ không phải nộp thuế thân, đều thưởng cho mỗi người 6 tiền.

- Các trạm đều thưởng cho tiền lương 6 tháng từ tháng 7 đến tháng 12.

- Những giản binh các hạt, nguyên lệ có người mỗi tháng 5 tiền, có người mỗi tháng 1 phương gạo, chuẩn cho chiểu thực số tại ngũ, từ tháng 7 đến tháng 12, mỗi tháng cấp cho mỗi người một quan tiền.

- Những lính đã về làng, tuổi 70 trở lên đều cấp cho một quan tiền ; 80 tuổi trở lên, cấp 1 quan tiền, 1 phương gạo ; 90 tuổi trở lên, vải 1 tấm, gạo 2 phương ; 100 tuổi trở lên, lụa 1 tấm, gạo 3 phương, đều chiểu lệ đề rõ, để nêu khen.

- Tiền thuế thân, tiền đầu quan, tiền thuế hộ ở các địa phương đã cho về năm nay hoãn 5 phần 10. Nay cho miễn cả 5 thành ấy.

---

(1) *Thập ác* : 1. mưu phản, 2. mưu đại nghịch, 3. mưu bạn, 4. ác nghịch, 5. bất đạo, 6. đại bất kính, 7. bất hiếu, 8. bất mục, 9. bất nghĩa, 10. nội loạn (nói trong mục danh lệ *Hình luật*).

- Các thuế sản vật, các hạng tiền lương tích khiếm ở dân các địa phương từ năm Minh Mệnh thứ 19 trở về trước do bộ Hộ làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ liệu cho chước miễn.

- Dân các địa phương vay thóc công từ năm Minh Mệnh thứ 19 trở về trước, đến nay quá hạn chưa trả xong, cũng do bộ Hộ xét rõ tâu lên, đợi Chỉ liệu cho chước miễn.

- Tú tài các khoa, tuổi 40 trở lên, do quan địa phương cấp tờ tư đến Kinh, do bộ Lại làm danh sách đệ tâu đợi Chỉ xét thực, liệu bổ làm giáo chức.

- Các viên thí, thự tri châu, tri huyện lập tức cho thực thụ.

- Các quan viên văn võ từ tứ phẩm trở lên và văn từ ngũ phẩm đến thất phẩm bị tội phải cách bãi, giáng hoặc có ai do tiến sĩ, cử nhân xuất thân, thì trừ ra trước phạm tội tham tang, cùng là tuổi 70 trở lên, không cần phải bàn, còn thì đều do 2 bộ Lại và Binh phân biệt làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ bổ dụng.

- Nhân viên bị lỗi phát vãng đi các xứ cố sức chuộc tội, hoặc làm binh đều chuẩn cho các thuộc ty và viên cai quản đem họ tên tuổi quê quán, tội trạng, làm danh sách đệ lên do bộ duyệt nghĩ, tâu lên đợi Chỉ gia ân.

- Các hạng tù phạm phải tội quân lưu, làm binh làm nô, do bộ Hình kê rõ tên, quán, sự trạng cùng là phát phối ở địa phương nào, đều dâng lên, đợi Chỉ định đoạt.

- Những tạp phạm án nghĩ xử tử đã kết án từ năm Minh Mệnh thứ 20 trở về trước, mà tình có thể đáng tha, cũng do bộ Hình làm danh sách khai rõ tội danh, đợi Chỉ liệu cho giảm tội).

Than ôi ! Xem việc làm, xét thiện ác, một mình ta thuận phúc của trời ; thấm thái hoà, chịu đức hoá, muôn họ người kính theo lệnh trẫm, khắp chân trời mặt đất cùng vui, hợp thọ khang mà kính chúc, như Mặt Trời, Mặt Trăng tươi sáng, bền giúp đỡ cho tỏ thêm. Bảo cho xa gần đều được nghe thấy.

Ngày Giáp Thân, vua ngự điện Cần Chính nhận lễ mừng. Hoàng tử, các tước công, các quan làm lễ thượng thọ. Tuần thứ nhất, hoàng trưởng tử Trường Khánh công dâng rượu chúc thọ, hoàng tử Thọ Xuân công Miên Định bưng chén, Ninh Thuận công Miên Nghi bưng nậm rượu. Tuần thứ hai, hoàng thân Kiến An công Đài dâng rượu chúc thọ, Định Viễn công Bính bưng chén, Diên Khánh công Tấn bưng nậm rượu. Tuần thứ 3 Chưởng phủ Tiền quân lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Phạm Hữu Tâm dâng rượu chúc thọ, Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế bưng chén, Thượng thư Lê Đăng Doanh bưng nậm rượu. Chưởng vệ Lê Văn Phú,

Vũ Văn Giải sung việc trông coi cỗ ngự thiện. Thống chế Bùi Công Huyên, Nguyễn Tiến Lâm sung chức Hậu hộ đại thần. Bọn Quản vệ Hoàng Văn Hậu 8 người sung làm thị vệ đi trước đạo dẫn, 2 người sung làm thị vệ ban rượu, 4 người sung làm thị vệ cầm giáo hình đuôi con báo. Lại phái 4 người khoa đạo sung là Khởi cư trú, một người ở Nội các đứng hầu. Bọn cai độ thân binh, cấm binh và thị vệ sung việc rót rượu ban trà các bàn cỗ yến. Quan văn võ từ tam phẩm trở lên và quan ở Kinh tứ phẩm biện lý và án sát quan ngoài được ăn yến ở trên điện và ở hai bên tả hữu vũ, thưởng cho có thứ bậc khác nhau :

(Thưởng riêng cho hoàng tử công, thân công dâng rượu thọ mỗi người 1 tấm nhiễu Lai Lô hoa mẫu đơn to màu hoa hồng, 1 tấm vũ đoạn màu đại hồng. Các văn võ đại thần dâng rượu thọ mỗi người 1 tấm nhiễu Lai Lô hoa mẫu đơn to màu hoa hồng ; cùng thưởng chung cho các người dự yến : hoàng tử công, thân công mỗi người 2 tấm sa mỏng có hoa toàn tơ các màu, 1 tấm nhiễu Lai Lô của Hồ Châu màu hoa hồng, 2 tấm vũ đoạn các màu.

Hoàng tử quốc công mỗi người 2 tấm sa mỏng có hoa toàn tơ các màu, 1 tấm nhiễu Lai Lô trơn của Hồ Châu màu hoa hồng, 1 tấm và 1 cuốn vũ đoạn các màu, 1 cuốn trừu hoa hàng nam.

Hoàng tử quận công mỗi người 2 tấm sa mỏng có hoa toàn tơ, 1 tấm nhiễu Lai Lô của Hồ Châu màu hoa hồng, 1 cuốn và 1 tấm vũ đoạn các màu.

Quan văn võ chánh nhất phẩm mỗi người 2 tấm sa dày toàn tơ dệt con đại mãng xà, đám mây thuỷ ba các màu, 1 tấm trừu hoa hàng nam, 1 tấm và 1 cuốn vũ đoạn các màu. Tòng nhất phẩm mỗi người 1 tấm sa mỏng toàn tơ dệt con đại mãng xà, đám mây thuỷ ba màu tím, 1 tấm trừu hoa hàng nam, 1 cuốn và 1 tấm vũ đoạn các màu. Chánh nhị và thự chánh nhị phẩm mỗi người 1 tấm sa mỏng toàn tơ dệt con đại mãng xà, đám mây thuỷ ba màu tím, 1 cuộn nhiễu trơn chính Song kinh màu hoa hồng, 1 tấm vũ đoạn màu đại hồng.

Tòng nhị, thự tòng nhị phẩm mỗi người 1 tấm sa mỏng toàn tơ dệt con đại mãng xà, đám mây thuỷ ba màu tím, nhiễu nam trơn màu hoa hồng, màu ngọc lam đều 1 cuốn nhỏ, 1 tấm vũ đoạn màu đại hồng.

Chánh tam phẩm, thự Chánh tam phẩm mỗi người một tấm sa dày nửa tơ nửa sợi dệt con đại mãng xà, đám mây, thuỷ ba màu tía, 1 cuốn trừu dệt 2 hàng hoa tròn phượng ổ màu hoa hồng, 1 cuốn tơ vũ đoạn màu đại hồng.

Tòng tam, thự tòng tam phẩm mỗi người 1 cuốn to vũ đoạn màu đại hồng (mỗi cuốn dài trên dưới 17, 18 thước), 1 cuốn nhiễu nam trơn màu ngọc lam (mỗi cuốn dài 12 thước).

Tứ phẩm biện lý bộ vụ, sung biện các vụ, Án sát mỗi người 1 cuộn tơ vũ đoạn màu quan lục (mỗi cuốn dài trên dưới 16 thước) nhiễu trơn nam màu ngọc lam, màu hoa hồng, mỗi thứ một cuộn nhỏ (mỗi cuốn dài 6 thước).

Chiều hôm ấy, cho quan văn từ chánh tứ phẩm đến chánh thất phẩm, quan võ từ chánh tứ phẩm đến chánh ngũ phẩm, chánh tòng tứ ngũ phẩm tập ấm, suất đội chính ngạch ở thân binh, cấm binh, tinh binh trở lên, quan viên hưu trí tòng ngũ phẩm trở lên, cùng là nhân viên làm việc nơi tiềm để trước, các viên ở các địa phương về Kinh làm lâu bằng, văn kinh lịch, võ suất đội trở lên, cùng bọn sứ bộ thuộc quốc Phiên liêu thành Trấn Tây, đầu mục ở Tân Cương, đều ăn yến ở xưởng Đại Tướng quân bên tả, đều ban cho lụa màu và tiền bằng bạc : (chánh tứ phẩm, thự chánh tứ phẩm mỗi người 1 cuốn vũ đoạn màu quan lục, 1 tấm sa nam hoa to, 1 cuốn nhiễu nhỏ nam trơn màu cánh kiến.

Tòng tứ phẩm, thự tòng tứ phẩm, mỗi người một cuốn vũ đoạn màu quan lục, 1 tấm sa nam hoa to.

Chánh tòng ngũ phẩm, thự chánh tòng ngũ phẩm mỗi người 1 cuốn nhỏ vũ đoạn màu quan lục, 1 tấm sa nam hoa to.

Chánh tòng lục phẩm, thự chánh tòng lục phẩm mỗi người 1 tấm sa nam hoa to, 1 cuốn nhỏ trừu hoa nam.

Chánh tòng thất phẩm, thự chánh tòng thất phẩm mỗi người 1 tấm sa nam hoa to, 1 cuốn nhỏ trừu hoa nam.

Chánh thất phẩm, mỗi người một tấm sa nam hoa to.

Quan viên hưu trí, hưu dưỡng : chánh tòng nhị phẩm mỗi người 8 đồng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn. Chánh tam phẩm, thự chánh tam phẩm, mỗi người 7 đồng ; tòng tam phẩm, thự tòng tam phẩm mỗi người 6 đồng ; chánh tứ phẩm, thự chánh tứ phẩm mỗi người 5 đồng ; tòng tứ phẩm, thự tòng tứ phẩm mỗi người 4 đồng ; chánh tòng ngũ phẩm mỗi người 3 đồng.

Sứ bộ thuộc quốc, đầu mục Tân Cương, chiếu theo lệ thưởng về khánh tiết năm trước, cấp cho riêng ; lại thưởng thêm cho quốc vương Hoả Xá 5 tấm vải tây hoa in các màu, 3 cái khăn tay vải in hoa đỏ của Tây dương, 1 viên chánh sứ thì thưởng cho 3 cuốn vải tây hoa in các màu, 1 cái khăn tay vải in hoa đỏ của Tây dương, một viên phó sứ thì thưởng cho 2 tấm vải tây in hoa các màu, 1 cái khăn tay vải in hoa đỏ của Tây dương. 9 người thổ tri châu tri huyện, huyện thừa thuộc các phủ Cam Lộ, Trấn Ninh, Trấn Định, Trấn Tĩnh, Trấn Man đến Kinh, đều thưởng cho 4 cuốn vải tây in hoa các màu, 1 cái khăn tay vải in hoa đỏ của Tây dương.

Còn 21 người thổ tri châu, tri huyện, huyện thừa không đến Kinh cũng thưởng cho mỗi người 3 cuộn vải tây in hoa các màu, 1 cái khăn tay vải in hoa đỏ của Tây dương. 3 người thổ lại mục đi thay cho thổ tri huyện, 1 người quyền nhiếp châu vụ không đến Kinh cũng thưởng cho mỗi người 2 cuốn vải tây in hoa các màu, 1 cái khăn tay vải in hoa đỏ của Tây dương. 3 người thổ mục đến Kinh, thưởng cho mỗi người 1 cuốn vải tây in hoa các màu, 1 cái khăn tay in hoa đỏ của Tây dương. 5 người thông ngôn đều thưởng mỗi người một cuốn nhỏ vải tây in hoa các màu).

Ngày Ất Dậu, ban yến cho các người tôn thất văn tản giai[1], tòng lục phẩm, võ tạp ngạch suất đội trở xuống và những người sung vào các vệ ty, các người không làm chức dịch gì, tuổi từ 20 trở lên cùng là các sinh viên ở nhà Tôn học đều dự ăn yến ở nhà rạp dài ở hai bên tả hữu điện Cần Chính.

Ngày Bính Tuất, ban yến cho kỳ lão 70 tuổi trở lên thuộc phủ Thừa Thiên và 4 trực tỉnh (Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi) uống rượu ăn cỗ 3 ngày, lấy hôm ấy là ngày bắt đầu, lại thưởng cho tiền vàng tiền bạc có thứ bậc khác nhau : (3 người ngoại 100 tuổi, thưởng cho mỗi người một đồng tiền vàng "Vạn sự như ý" hạng nhỏ, 21 người ngoại 90 tuổi thì thưởng mỗi người tiền Phi long bằng bạc hạng nhỏ hạng lớn mỗi thứ 1 đồng ; 222 người ngoại 80 tuổi mỗi người 1 đồng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn ; 753 người ngoại 70 tuổi đều thưởng cho mỗi người 1 đồng tiền Phi long bằng bạc hạng nhỏ. Kỳ lão các hạt tả hữu kỳ, nam bắc kỳ trong ngày khánh tiết đến hành cung sở tại chiêm bái, đều cho uống rượu ăn yến một bữa).

Ngày Đinh Hợi, vua ngự thuyền Phúc An, sai gọi dân hộ phố hộ dự làm lâu bằng cho ăn cỗ ở trước lầu Phu Văn. Các nam phụ lão ấu đều xem ở bờ sông cũng đều cho ăn. Đến gần tối, múa bài bông, đốt cây bông. Rồi vua sai gióng xe đi về cung.

Vua ban đoạn sa nhiễu thưởng cho đại viên các tỉnh bên ngoài lưu lại ở hạt. (Thưởng cho Tướng quân thành Trấn Tây 1 tấm đoạn dệt 2 hàng hoa con mãng tròn tơ dậu 8 sợi màu quan lục, nhất hạng vũ ta màu đại hồng, màu quan lục mỗi thứ 1 cuốn, 2 tấm sa dây thuần tơ dệt con đại mãng, đám mây thuỷ ba các màu, một tấm nhiễu trơn màu hoa hồng.

Tổng đốc, thự Tổng đốc, mỗi người vũ ta hạng nhất màu đại hồng, màu quan lục mỗi thứ 1 cuốn, 2 tấm sa dây thuần tơ dệt 2 hàng hoa con hạc tròn thuỷ ba, con lân các màu, 1 tấm nhiễu hoa trơn màu hoa hồng.

---

(1) *Tản giai* : chức nhàn tản có tên quan mà không có việc làm, không phải là chính giai.

Bố chính, thự Bố chính, Hiệp tán, thự Tuyên phủ sứ mỗi người 1 cuốn vũ ta hạng ba màu đại hồng, 1 tấm sa dày nửa ta nửa sợi dệt hai hàng hoa, con hạc tròn thuỷ ba, con lân màu thiên thanh, nhiễu nam trơn màu hoa hồng, màu ngọc lam, mỗi thứ 1 cuộn nhỏ.

Án sát, thự Án sát, Chánh Phó lãnh binh, binh bị đạo, lương trừ đạo, mỗi người một cuốn vũ ta hạng ba màu đại hồng, nhiễu nam trơn màu hoa hồng, màu ngọc lam, mỗi thứ một cuộn nhỏ).

Vua ban tiền vàng, phẩm vật cho quận chúa, huyện quân nước Chân Lạp. Cho quận chúa là Ngọc Vân : tiền vàng Phi long hạng lớn hạng nhỏ mỗi thứ 1 đồng, tiền vàng Tam đa 1 đồng, tiền vàng Như ý một đồng, tiền vàng Bát bảo 1 đồng, 1 quả đeo mạ vàng có dây thao rủ xuống, 1 cái đĩa có chân bằng pha lê sáng mài cạnh, một cái lọ nước hoa bằng pha lê sáng mài cạnh xen lẫn sắc đỏ, 1 cái lọ dầu thơm bằng pha lê sáng mài cạnh, 1 cái chén uống nước bằng pha lê sáng mài cạnh, 1 bộ hộp trầu tráng men vẽ con bướm, 1 bộ đồ chè, 2 cái chén có quai bằng sứ tây vẽ hoa vàng và cả đĩa, một cái ấm pha chè và đĩa da đỏ mạ vàng.

Huyện quân là Ngọc Biện, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên mỗi người một đồng tiền vàng Long văn, 1 đồng tiền vàng Tam đa, 1 đồng tiền vàng Vạn sự như ý, 1 quả đeo bằng bạc có dây, 1 cái chén uống nước bằng pha lê sáng mài cạnh vẽ hoa vàng, 1 cái liễn có nắp cả đĩa bằng pha lê tây, 1 cái đĩa lớn bằng pha lê in hoa, 1 cái đĩa nhỏ bằng pha lê in hoa, 1 cái hộp trầu vuông dài tráng men vẽ màu, 1 cái hộp trầu tráng men vẽ màu, 1 cái đĩa hạng trung bằng sứ vẽ hoa, 1 bộ đồ chè, 2 cái chén có quai và đĩa bằng sứ tây vẽ màu, 1 cái ấm pha chè da đỏ vẽ xanh mạ bạc).

Vua thưởng tiền cho các thân công và trưởng công chúa có thứ bậc khác nhau. (Kiến An công Đài, Định Viễn công Bính, Diên Khánh công Tấn, Điện Bàn công Phổ, Thường Tín công Cự, An Khánh công Quang, Từ Sơn công Mão, mỗi người 1000 quan tiền. Các trưởng công chúa là : Bình Thái, Bình Hưng, Bảo Lộc, Bảo Thuận mỗi người 900 quan tiền. Các trưởng công chúa thứ 7, 8, 9, 10, 11, 13, mỗi người 800 quan tiền).

Thưởng cho dân hộ, phố hộ các trực tỉnh và xã dân Thừa Thiên những người có trần thiết lâu bằng chúc hỗ, tiền bằng bạc hạng lớn và tiền đồng hạng lớn hạng nhỏ có thứ bậc khác nhau.

Phái viên thuyền Thuỵ Long là bọn Tham tri Đào Trí Phú, Viên ngoại lang Trần Tú Dĩnh từ Giang Lưu Ba (Gia Các Ta, kinh đô Nam Dương) đi làm việc công về.

Vua nghĩ bọn Trí Phú vào ngày khánh tiết chưa được theo ban chúc hỗ và dự ban yến thưởng cho. Gia ơn đều chiểu phẩm thưởng cho các thứ đoạn nhiễu các màu. Trí Phú mua được một cái tàu chạy máy hơi nước của Tây dương đem dâng lên. Vua nhân hỏi rằng : ngươi có nghe biết việc nước Hồng Mao quấy rối Quảng Đông không ? Tâu rằng : Thần cùng người nước Phú Lãng Sa mua bán quen nhau, hắn thường nói chuyện với thần rằng : nước Hồng Mao nhân việc Tổng đốc Lưỡng Quảng là Lâm Tắc Từ bắt được người nước Hồng Mao phạm cấm bán thuốc phiện lậu hoặc đứa thì cắt tai, đứa thì cắt mũi đuổi về để làm sỉ nhục nước Hồng Mao. Năm trước, Hồng Mao đã gây việc với Quảng Đông, Quảng Đông không đánh lại nổi, họ biết người nước Thanh hơi yếu, bèn liên kết với các nước đại tây như Phú Lãng Sa để mưu đánh nước Thanh. Quân họ nếu đến, dẫu không có thể bỏ thuyền lên chiếm đất (Trung Hoa) mà một dải ven biển, người nước Thanh cũng khó giữ được.

Vua nói : "Người nước Thanh hèn yếu, ta đã biết rồi. Năm trước nước Hồng Mao ở các hòn đảo thuộc tỉnh Quảng Đông, mà chẳng nghe thấy người nhà Thanh vạch ra một kế gì, đem một cái thuyền nào ra biển để đánh. Nay nó lại đến, người nhà Thanh thế không chống được tất phải đổ lỗi cho Lâm Tắc Từ gây việc để làm cớ nói rồi lại cùng Hồng Mao họp chợ thôi".

Thự Tổng đốc Bình - Phú là Tôn Thất Lương nghỉ để tang, chuẩn cho Bố chính Nguyễn Thế Đạo, Án sát Phạm Khôi hội đồng tạm giữ quan phòng Tổng đốc làm việc.

Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng thành Trấn Tây tâu nói : cứ phủ Sơn Tinh báo : có man trưởng nước Thuỷ Xá tên là Tiết đem theo hai người cưỡi hai thớt voi, đến man Phủ Nộn chỗ tiếp giáp huyện Sơn Bốc, sai người nói với Huyện uý là tên Liệt muốn đến hỏi thăm. Hỏi thì tên Liệt nói : từ trước tên man trưởng kia vẫn quen biết Phiên vương, cứ 3 năm 1 lần đến, Phiên vương lại cho của cải. Bởi vì nó có quỷ thuật, hễ đi đến đâu, người ta thường lấy của cải tiễn nó. Chuyến này nó đến, chẳng qua muốn cầu của cải, không có ý gì khác. Nhưng nghĩ : việc giao thông với ngoại quốc đã có nghiêm cấm, bọn có quỷ thuật cũng không nên gần. Chót đã sai từ chối rằng : phiên hạt này đã thuộc về triều đình, chỗ nào cũng có quan binh phòng thủ. Nếu lấy cớ quen biết nhau đã lâu mà đến hỏi thăm, sợ việc giác ra lại có tội, để cho chúng về đi, không được ở lại.

Vua dụ rằng : "Trẫm từ lúc bé từng nghe nói có tên 2 nước là Hoả Xá và Thuỷ Xá, mà từ trước đến nay, chỉ có Hoả Xá đến cống, còn Thuỷ Xá thì không có tin tức gì. Nay bèn từ cõi xa mà đến. Không ngại gì, tuỳ nghi vỗ về yên ủi để tỏ lòng yêu mến. Hơn nữa, nhân tiện hỏi cho minh bạch để biết rõ được phong tục phương xa. Ngày dụ này đến nơi, nếu man trưởng kia còn ở địa đầu huyện Sơn Bốc, thì cho lập tức đón về lỵ sở đón tiếp khoản đãi, hỏi lấy nguyên uỷ man ấy, từ trước đến nay, tụ họp ở vào chỗ nào, tiếp giáp những địa phương nào, chỗ chúng ở có hình thế núi sông, thành quách binh dân, có thể gọi là một nước không hay chỉ ở vào hang núi, cũng giống như Man Lào ? Cùng là phong tục nhân dân, có biết phân biệt vua tôi trên dưới gì không ? Hỏi từng điều cho rõ ràng đích xác, rồi sẽ cho chúng đi. Nếu nó đã đi rồi, thì lập tức chiểu sức cho tên Liệt chiểu những câu ấy mà tra hỏi và hỏi quỷ thuật của nó dùng là quỷ thuật gì, hỏi cho rõ ràng tâu lên".

Khi tờ dụ đến nơi thì Quốc trưởng kia đã đi rồi. Bọn Giảng hỏi thổ mục là tên Mạt, tên Kế, so với lời tên Liệt tự kể lại năm trước đã thấy thì hai lời nói không giống nhau, đem cả tâu lên : (Xét trong tờ sớ nói rõ : lời lũ tên Mạt, tên Kế nói rằng : lũ ấy nghe nói hai nước ấy dẫu nhỏ, mà quỷ thần thiêng hơn Chân Lạp. Năm trước Phiên vương sai lũ ấy đem vật hạng đi, cầu quỷ thần hai nước ấy phù hộ. Lần ấy đi từ huyện Sơn Bốc, hướng về phía đông tìm đường mà đi, qua 15 ngày mới đến chỗ ở của Quốc trưởng Thuỷ Xá. Đất nước ấy đông giáp nước Hoả Xá, tây giáp huyện Sơn Bốc, nam giáp man Diên Điên, bắc giáp Lai Man. Chỗ Quốc trưởng nước ấy ở 3 mặt ngăn núi, 1 mặt đồng ruộng, trong có 100 nhà dân. Quốc trưởng ở nhà tranh 7 gian, ở phía đông dân cư, không đặt thành quách. Trong nhà làm gác thờ thần, gia quyến nô lệ chỉ độ 14 hay 15 người mà thôi.

Nước Hoả Xá chỗ Quốc trưởng ở cách nước Thuỷ Xá 3 ngày đường. Về nhà tranh và gia quyến, nô lệ, dân cư cũng đại lược giống nước Thuỷ Xá, duy làm riêng một đền làm chỗ thờ thần, đất đều đồng rộng, không có núi sông hiểm trở gì.

Bọn ấy mới đến, hai nước ấy nhận phẩm vật, hai Quốc trưởng đều họp dân man vài mươi người, mổ thịt một con trâu, thay Phiên vương tế thần cầu đảo, không cho bọn ấy trông thấy. Tế xong, đem thịt trâu cho bọn ấy mỗi người một bát nói rằng : không ăn thì sẽ ốm. Rượu thì hoà lẫn với nước trong đựng vào cái vò, lấy ống tre hút mà uống. Nước ấy không đặt quan tư, không có binh lính, hình luật, dân không có chữ ; có vay mượn nhau thì thút nút dây làm dấu. Sinh lý thì đẵn cây ngoáy đất lên mà trồng trọt, không có cày bừa, cả năm không nộp tô thuế gì. Quốc trưởng

cũng không đòi hỏi. Quốc trưởng khi đi chơi đi gần thì người đi theo chỉ có 3, 4 người, đi xa cũng chẳng quá hơn 10 người, cưỡi 3 thớt voi lấy nón lá che đầu, mà không có lọng tàn. Tục nước ấy, trai gái bằng lòng nhau thì con trai đem trầu rượu đến nhà con gái, mời dân sở tại đến họp, tức là định việc thành hôn. Đại ước ra ở riêng thì ít, mà đi ở rể thì nhiều. Người chết không có quan quách, chỉ để ở trên giường phẳng, họ hàng đến thăm, khóc, mỗi người lấy một nhúm cơm nhỏ nhét vào miệng, nhét đầy rồi, người đến sau lấy ở ngón tay móc cơm cũ ra, lại nhét cơm mới vào. Đủ 3 ngày, khiêng cái giường để xác chết ấy đem đào huyệt chôn, đắp mả xong cúng rồi về. Con cháu áo mặc như thường, duy có trong 3 tháng bỏ xoã tóc. Gặp ngày giỗ cũng đem phẩm vật cúng ở mả. Về nhạc khí dùng chiêng đồng lớn nhỏ 5 cái, thanh la 1 cái, trống 1 cái, đám hỷ đám hiếu đều dùng nhạc khí ấy cả.

Bọn kia nghe nói : nước Thuỷ Xá có 2 hòn đá, 1 đoạn roi mây, nước Hoả Xá có 1 con dao ngắn ; chúng cho là đồ rất thiêng, lâu đời truyền lại, không biết linh nghiệm đến thế nào, mà không cho người ngoài trông thấy bao giờ. Dân có bệnh tật gì, lấy lễ vật nhỏ đến cầu cúng thì khỏi. Người đều cho là thiêng. Phàm các sốc[1] trưởng trong nước thường thường thân đến, cũng lạy cúi rạp không dám trông thẳng vào, bởi vì tục dân chuộng đạo quỷ thần đấy thôi.

Lại nghe nói Quốc trưởng hai nước ấy không ra mắt nhau bao giờ. Họ nói : nếu ra mắt nhau thì có một người bị chết.

Quốc trưởng tuổi già thì truyền ngôi cho cháu hay cháu gọi là chú bác, chứ không truyền ngôi cho con, họ nói rằng truyền cho con thì không lợi.

Lúc bọn kia trở về, hai Quốc trưởng gửi cho Phiên vương gạo nếp, hạt vừng đều 2 bầu, sáp ong đều 2 bánh. Trước hết lấy lửa hơ bánh sáp rồi in bàn tay lên trên, dặn rằng nếu gặp bão to, mưa dữ, đại hạn, hoặc binh đao tật bệnh, thì lấy sáp đốt làm 2 cây đèn cầu kêu Thuỷ vương, Hoả vương phù hộ, và lấy gạo vừng mỗi thứ 1 vốc ném vung ra, thì việc gì cũng được như nguyện.

Lại gửi cho Phiên vương 1 người tù làm nô, 1 chiếc ngà voi, 1 chiếc tê giác để làm đồ tặng đáp đi lại.

Tên Liệt nói : năm trước hắn đi buôn đã đến nước Thuỷ Xá, hành trình từ huyện Sơn Bốc đến chỗ Quốc trưởng ở, ước độ 6 ngày, cách chỗ ở của Quốc trưởng Hoả Xá độ 2 ngày đường. Đất nước ấy, đông giáp nước Hoả Xá, tây giáp man Phủ

(1) Sốc cũng như tổng lý của ta.

Nộn, tiếp giáp với các huyện Sơn Phủ, Sơn Bốc, Quế Lâm ; nam bắc tiếp giáp các bộ lạc người man không biết đến tận đâu. Xứ ấy dẫu nhiều núi khe cũng chỉ thấp bé không có hình thế danh sơn đại xuyên. Chỗ sốc của Quốc trưởng ở, nhân dân độ hơn 100 nhà, chỗ nhà Quốc trưởng ở, không đặt đồn đóng ngăn giữ. Nô bộc trên dưới 20 người, đốt cây ở đất rậm rồi trồng lúa mà ăn, cũng như dân trong sốc. Dân sở dĩ tôn làm Quốc trưởng là vì tương truyền đời trước để lại một cái roi mây, thờ làm vật thiêng, Quốc trưởng làm đền ở chỗ gần nhà để thờ, có việc cần cúng được linh ứng ngay, chưa từng nghe có thuật là gì. Dân có người nào ốm đau mới đem lễ phẩm đến nhờ Quốc trưởng cầu cúng, nếu không thì suốt năm không đi lại gì với Quốc trưởng cả... Quốc trưởng có khi đến các ấp yêu cầu tài lợi thì dân chỉ cho đồ vật nhỏ mọn chứ không có lệ thường cung. Lúc ngày thường cùng ở với nhau cũng như dân Chân Lạp, Ai Lao chưa biết phận vua tôi).

Vua nói rằng : "Hiện nay nhà nước nhàn hạ, những núi sông phong tục các nước bốn chung quanh, đều nên hỏi rộng tìm kỹ để làm sách *Thái bình quảng ký*. Huống chi nước kia ở về phía tây nam, đường đi cũng không xa, tiếc gì mà không một phen sai đi xét cho đích thực, để rộng thêm kiến văn ư ? Vậy chuẩn cho phái ra viên nào được việc ở thuộc hạt đem người thuộc đường là bọn tên Mạt cùng 1 người thông ngôn đi, nhưng phải tìm mua lấy đồ vật gì mà kẻ kia thích dùng thì đem đi để làm đồ của Tướng quân tặng cho. Trong khi nói chuyện nên nói với Quốc trưởng ấy rằng : "Uy đức triều đình đến xa, mọi phương chầu phục, tức như nước Hoả Xá cũng đã đem lòng thành nộp đồ cống, được nhờ vả nhiều. Nước kia cùng Hoả Xá liền nhau, từ trước còn cách trở, chưa thông đường tiến cống. Nay nếu sai sứ đến thông hiếu, triều đình tất cũng khen nhận ? Xem ý họ thế nào. Nếu nó không thích cũng không bắt ép. Nhân thể tuỳ tiện hỏi núi sông bờ cõi cho đến phong tục cư xử của nhân dân, theo từng việc đăng kỳ đệ về, làm tờ tâu ngay để rõ tình trạng".

Rồi thì thành Trấn Tây nhân có việc thổ biến thổ dân nổi loạn, việc ấy bèn bỏ không làm nữa.

Thị lang Nội các là Lâm Duy Nghĩa vì làm việc lầm lẫn, phải giáng luôn 7 cấp. Chuẩn cho đổi bổ làm Thông chính phó sứ, lại giáng 4 cấp, vẫn làm việc Nội các.

Sai thị vệ là Tôn Thất Hạ đi ra đảo Côn Lôn tỉnh Vĩnh Long do thám tình hình. Về nói rằng : dân sở tại có đến 200 người, những tù phạm đưa đến cũng nhiều ; mà những ruộng hiện đã khai khẩn, ước được 150 mẫu.

Dân ở đấy cứ đến tháng 3 tháng 4, nhân tiện gió thuận vào trong vùng dân cư mua gạo để ăn ; từ tháng 5 đến tháng giêng, chiều gió dòng nước không tiện, chỉ kiếm lấy khoai núi nấu trộn với gạo để ăn.

Vua nói : trước đây ta nghĩ xứ ấy bắt đầu khai khẩn, việc sinh lý của dân chưa được đầy đủ, đã tiết thứ sai quan cấp cho canh ngưu điền khí và thóc giống, và cho gà, lợn, dê, chó để họ nuôi. Lại nhiều lần phát tù phạm đến ở đấy làm ăn cốt mong cho dân cư ngày một đông, dần dần thành chỗ vui vẻ. Nay cứ tin thám báo, thì chỗ đất cày cấy được còn ít, nhật dụng chưa khỏi khó khăn. Vậy hạ lệnh cho tỉnh thần chở gạo kho 1000 phương đem chứa ở đảo Côn Lôn. Để đến kỳ thu đông, chiểu theo số dân số tù, ai thiếu ăn, liệu mà cấp cho.

Vua lại nghĩ : biền binh trú phòng chỉ có hơn 50 người, lính ít tù nhiều, phòng giữ cũng khó đắc lực. Sai lập tức cứ những tù phạm hiện ở đấy, người nào tình tội hơi nhẹ, lại biết yên phận giữ phép, từ 200 người trở xuống, vẫn theo dụ trước sáp nhập ở yên đấy để làm đồn điền. Còn những người vốn tính hung ác, không tiện tha ra, và những người già yếu, trẻ thơ, không thể làm lấy mà ăn được thì trích ra đem về tỉnh, hoặc giam cấm, hoặc chia đi các đồn trạm, sáp nhập vào các xã thôn, không cho họp thành đàn nữa.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 1, vua ngự chính lâu, các quan chầu lạy. Làm lễ xong, vua ban thưởng 100 quan tiền cho các người ở thự Hoà thanh, thự Thanh bình. Lại vì có bộ Lễ trần thiết sơ suất đem chiếu gấm miến vàng trải xuống dưới đất, người chuyên biện là Lang trung Tôn Thất Phan phải phạt đánh ngay 80 trượng. Đường quan là Phan Bá Đạt, Phan Huy Thực, Nguyễn Tự đều giáng một cấp.

Vua bảo Hà Duy Phiên, Lê Văn Đức rằng : "Trẫm nghe nói : nam, phụ, lão, ấu ở dân gian đi xem tuồng chèo các trò chơi, nhiều đến hàng vạn, cái thói ấy cũng khả ố. Nay việc làm ruộng đã đến kỳ, vậy sức cho phủ Thừa Thiên sức khắp cho dân trong hạt đều về nhà mà sinh nghiệp, không được ngày nào cũng đi chơi đi xem".

Vua thưởng cho con trai con gái công chúa, trưởng công chúa 100 quan tiền ; cho con trai con gái họ Tôn thất 5.000 quan tiền ; cho con trai con gái hoàng tôn 3.000 quan ; cho con trai con gái các tước công 2.000 quan ; cho xã Văn Xá 300 quan ; cho họ Trần 700 quan ; cho các chùa đền 2.000 quan.

Ban tập thơ ngự chế tập thứ 5 cho trong ngoài. Hoàng tử công, quốc công, quận công, thân công mỗi người 1 bộ ; các sở Kiển đông 8 bộ ; đình thần văn ban cùng đốc, phủ, bố, án, lại ở Kinh mỗi người 1 bộ ; các trực tỉnh và thành Trấn Tây cùng Quốc tử giám, Học chính các trực tỉnh, mỗi nơi đều 1 bộ.

Chuẩn cho 6 huyện phủ Thừa Thiên, tô ruộng nộp thay bằng tiền. Vua bảo bộ Hộ rằng : một hạt Thừa Thiên ở liền Kinh thành, từ trước đến nay, dạy nuôi yên rồi, được thấm ơn trước tiên. Vừa rồi đương kỳ lúa chiêm trỗ, không may gặp mưa rét liền mấy hôm, tuy không đến nỗi tai hại, mà hạt thóc lúa thu hoạch chưa chắc đã được 10 phần chắc hạt. Vậy gia ơn chuẩn cho chiểu số thóc gạo phải nộp thuế năm nay, đều cho nộp thay bằng tiền, để tiện cho dân.

Vua ngự điện Võ Hiển. Tổng đốc Hà - Ninh là Phạm Hữu Tâm, Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng vào chầu, được một lát rồi lui ra chỗ bóng hoa ngoài tường nghỉ ngơi. Thự Công khoa Chưởng ấn là Đặng Quốc Lang hặc tâu, lại nói sai ra rằng : 2 người ấy đi ra hiên tây điện Cần Chính ngồi rỗi nói cười. Vua sắc cho viện Cơ mật, Nội các xét hỏi tâu lên.

Vua nói : Phạm Hữu Tâm, Nguyễn Văn Trọng làm đại thần nhà nước, trong lúc chầu hầu, phải nên theo ban chầu trực để đợi hỏi han công việc, mà nhân mới hơi nực, đã vội ra chỗ khác ngồi mát cũng là không phải. Vậy đều phạt lương 3 tháng. Đặng Quốc Lang, mình ở chỗ đài hiến[1], tham hặc là phận sự của mình, duy trông thấy chưa được đích xác, đã vội tâu hặc, cũng phạt lương 3 tháng.

Bọn Trà Long, thuộc biên thành Trấn Tây, dâng ngọc tê, ngọc voi. Vua sai thưởng chung cho 3 tấm đoạn dệt bằng lông, 10 tấm vải tây in hoa.

Vua dụ bộ Lại rằng : "Năm nay gặp khánh tiết điển ngũ tuần của trẫm, các quan địa phương ở ngoài, trước đã có chỉ triệu lại Kinh chúc hỗ, để thoả lòng thành dân vật nhỏ mọn. Nay khánh tiết lễ đã xong, lại gần đến tiết Đoan dương, đều chuẩn cho đến ngày hôm ấy theo ban chiêm bái. Khi việc xong thì thành Trấn Tây, Nam Kỳ đường đi hơi xa, hạn cho ngày mồng 8 tháng này ; Bắc Kỳ hơi gần và Bình Thuận, Khánh Hoà ở tả kỳ hạn ngày mồng 10 ; Phú Yên, Thanh Ba, Nghệ An, Hà Tĩnh ở tả hữu trực kỳ hạn ngày 12 ; Nam, Bắc trực gần nhất, hạn ngày 15, đều theo thứ tự về cung chức.

Thưởng cho bọn nấu bếp cung điện cỗ yến và bọn binh thợ đặt bày các khí vật, mỗi ban 100 quan tiền. Thưởng cho bọn nhạc sinh múa bát dật, múa bài bông và bọn binh đinh làm cây bông, mỗi bọn 50 quan tiền.

Thưởng thêm 50.000 quan tiền về các lâu bằng của trong Kinh ngoài các tỉnh, giao cho đình thần chước lượng chia cấp. Ở Kinh thì do kho Kinh, ở ngoài thì do kho tỉnh chi phát.

---

(1) Quan giữ việc can hặc.

Thưởng thêm 1.500 quan tiền cho dân hộ phố hộ các trực tỉnh. Các người hiện vào chúc hỗ cộng 206 người, thưởng cho áo hẹp tay bằng sa hoa nam và áo vải tây trắng mỗi người đều 1 cặp.

Có tên Chu Đức Tuấn, dân hộ Hưng Yên, kiện Cai tổng là Lê Đa Phú thu tiền của dân đến hơn 3.000 quan tiền, mà nghi phẩm đem dâng không mấy (2 cái quạt lông, 20 tấm lụa dày). Vua sai bộ Hình tra rõ nghiêm trị. Lại bảo bộ Lễ rằng : giá tiền mua phẩm nghi của bọn kia không quá 200 quan mà bổ thu nhiều đến như thế, chỉ mong bẻo xén, có lòng thành gì đâu ? Những vật đã dâng ấy, chuẩn cho ném trả lại. Bèn truyền Chỉ cho những dân hộ, phố hộ, về Kinh chúc hỗ, có người nào mượn việc cầu lợi riêng, hút máu mỡ của dân như loại ấy, cho lập tức tố giác để giao bộ trị tội nặng. Đến khi án thành Lê Đa Phú phải tội xử trảm, nhưng còn giam lại đợi mùa thu xét lại, tịch thu gia tài đem cấp cho dân hộ.

Tết Đoan dương, chuẩn cho đại viên các địa phương về Kinh chúc hỗ cùng thuộc biền thành Trấn Tây, thổ ty Tân Cương, sứ bộ Hoả Xá, đều được dự ăn yến và thưởng cho.

Hạ lệnh cho thuộc biền binh thành Trấn Tây là Quản cơ Vu Khiêm cùng bọn Suất đội được đáp theo quan thuyền về cơ đội cũ cung chức. Duy có Chưởng vệ là Trà Long, Nhâm Vu, Vệ uý là La Kiên vẫn cho lưu Kinh chầu hầu. Thổ tri châu, Tri huyện, Huyện thừa ở các phủ : Cam Lộ, Trấn Ninh, Trấn Định, Trấn Man cùng sứ bộ nước Hoả Xá cũng đều cho về. Bọn người ca nhạc làm các trò chơi ở các địa phương đều cấp tiền lộ phí cho về bản sở.

Chuẩn cho các quan văn võ ở Kinh, văn từ chánh thất phẩm tư vụ, võ từ chánh lục phẩm suất đội trở lên, viên nào mà ngày khánh tiết không được dự ăn yến thưởng cho, viên nào do bộ hậu bổ, cùng là đi làm việc công, đi thú mãn về mà còn chưa về đến Kinh, đều chiểu theo phẩm cấp cho tiền lương 2 tháng. Người nào về để tang hết hạn nghỉ, hoặc bị ốm ở chỗ trú ngụ đều cấp cho tiền lương 1 tháng. Lại còn các quan võ biên tên trong sách Hoa danh và viên nhân ở ty Hành nhân chưa được ân thưởng, nay cũng đều cho chiểu số người trong sách Hoa danh, mỗi người thưởng cho tiền lương 3 tháng ; ty Hành nhân mỗi người tiền lương 1 tháng.

Thưởng cho các viên Đồng lý coi làm lâu bằng là bọn Hà Duy Phiên, Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ đều gia 2 cấp ; bọn Nguyễn Tiến Lâm, Tôn Thất Bạch, Bùi Quỹ, Lê Văn Phú đều gia 1 cấp.

Bổ thụ Nguyễn Đức Tân làm Lang trung bộ Công, Đức Tân giữ việc trần thiết các lâu bằng, trước sau chăm chỉ được việc, các viên Đồng lý tâu xin khen thưởng, cho nên có mệnh lệnh cho bổ thụ này.

Cất nhắc lên bổ dùng các bề tôi cũ ở tiềm để : viên tử là Nguyễn Đăng Thuật làm Chủ sự, còn thì bổ thụ hơn 10 người làm Cai đội, Chánh đội trưởng thị vệ.

Bộ Hình tâu dâng việc án xử ty Cảnh tất bắn ống lệnh lầm lỗi. Trước đây ngày khánh tiết, ty có chức trách chưa tâu câu "trung nghiêm ngoại làm việc". Ty Cảnh tất nhận lầm là có hiệu báo, vội bắn ống lệnh. (Lệ trước khi vua đi, Ty giữ việc dẹp cửa nổi nhạc thì mới bắn ống lệnh). Việc giao cho bộ Hình bàn, xin chiểu luật "vi chế" gia mức lên mà xử tội.

Vua nói : hiệu lệnh khi lâm triều, còn nặng hơn việc lầm nhỡ quân cơ. Bộ thần bàn như thế có lỗi vì tha nhẹ. Vậy người chuyên biện là Đội trưởng Nguyễn Hữu Nguyên xử tội trảm giam hậu [đợi mùa thu xét lại]. Quản vệ Loan giá là Tôn Thất Tường không biết răn bảo trước phải giáng 1 cấp. Đường quan và tá lĩnh bộ Hình đều phải phạt.

Sai Kinh doãn làm lễ cày ruộng tịch điền.

Quan tỉnh An Giang tâu nói : đồn canh Chu Giang hạt ấy có một cái đà [sông tránh] năm trước thuê dân đào từ bến sông tỉnh lỵ đến sông Hậu Giang gần với chỗ đồn, dài hơn 500 trượng. Dân sở tại là thôn Vĩnh Hậu tình nguyện lĩnh trưng nộp thuế (mỗi năm nộp 250 quan tiền), cái đà ấy gọi tên là Vĩnh Hậu đà. Vua y theo lời tâu ấy.

Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng thành Trấn Tây tâu rằng : đồn canh Mạt Tra ở địa đầu phủ Hải Đông, có quân giặc nhân khi sơ hở ngầm đến vây bắt nhân dân. Thổ binh ở đồn ấy, sức không chống nổi, bị giặc bắt mất 5 người. Đã lập tức phái uỷ cho Lãnh binh Hoàng Phúc Lợi đem quân đi đến bảo Chi Trinh hiệp cùng Phó lãnh binh là Nguyễn Công Nhàn chia đường tuần hành dò xét. Lại thổ dân từ Bắc Tầm Bôn trốn về Hải Tây, hỏi thì họ nói là nghe được dân gian đồn là giặc Xiêm hẹn đến sang năm đem quân sang lấn cướp, chưa biết thực hư thế nào, hiện đã sức khắp các địa đầu, phòng bị thêm nghiêm ngặt.

Vua dụ rằng : "Địa thế Hải Đông rất rộng, không thể chỗ nào cũng đặt đồn canh được, cần phải chọn chỗ nào quan yếu, có thể chống giữ được, mới nên lập đồn canh, cắt nhiều lính canh giữ. Còn ngoài ra chỉ đặt chòi canh, tuần phòng để thông quan báo mà thôi. Chớ nên như Mạt Tra, cũng đặt đồn, lính đóng không nhiều, giặc đến không đủ sức đánh, lại bị giặc đánh úp, đã là không có mưu trí, lại còn có tổn không ích gì. Đến như câu nói sang năm giặc Xiêm đem quân đến lấn, đó cũng là câu chuyện truyền văn, không nên vội tin. Nước Xiêm kia đương lúc quân phản dân lìa, sao có thể mưu đến việc đánh nước ngoài. Chẳng qua mượn câu

nói khoác ấy để trấn tĩnh dân tình mà thôi. Nhưng bất luận giặc đến hay không đến, tự ta nên chỉnh sức việc biên phòng, nhiều cách do thám. Việc gì cũng nên trước cơ hội mà chế ngự quân địch, cốt cho đúng khớp, thế là được rồi".

Thự Công khoa Chưởng ấn là Đặng Quốc Lang trước đây nhân đi công sai từ Nam Định về, dâng sớ nói : nghe được hạt ấy có các huyện Giao Thuỷ, Nam Chân, Thượng Nguyên, Thiên Bản, nhân dân chết dịch đến có hàng nghìn người. Và đi đường qua huyện Kỳ Hoa tỉnh Hà Tĩnh, huyện Phong Lộc tỉnh Quảng Bình cũng nghe nói có bệnh dịch. Xin xuống sắc hỏi rõ để cứu chữa.

Vua dụ bộ Hộ rằng : "Từ sang xuân đến nay, nhân dân các hạt đều được bình yên, mà sao 3 tỉnh ấy riêng có dịch lệ. Bệnh tật của dân là việc quan hệ, ta rất băn khoăn. Vậy truyền cho đều phải lập tức xét hỏi tình hình thực tại, làm sớ tâu ngay".

Đến bây giờ ba tỉnh ấy tâu nói : hiện nay lệ khí đều đã lui bớt. Vua bèn dụ cho chiểu số người chết dịch, xét cấp tiền tuất (Nam Định hơn 200 người, Hà Tĩnh hơn 400 người, Quảng Bình hơn 800 người. Dân nội tịch thì cấp cho 3 quan tiền còn thì 2 quan tiền, trẻ bé thì 1 quan tiền). Tỉnh thần vì báo chậm đều bị sức quở. Dân hạt Nghệ An cũng có bị tai hại (dịch) hơn 200 người. Vua cũng gia ơn cho tiền tuất như thế.

Sai Thống chế dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Tiến Lâm sang làm Thống quản hải vận, đem biền binh thuỷ sư chia nhau ngồi 50 chiếc thuyền hải vận hiệu chữ "An", lĩnh chở gạo và vật hạng công ở Bắc Kỳ đem vào Kinh.

Vua sai Chưởng vệ : Lê Văn Phú kiêm quản ấn triện dinh Hùng nhuệ ; Nguyễn Trọng Tính kiêm quản các vệ Kỳ võ ; Vũ Văn Giải kiêm quản các vệ Kim thương, Hoa pháo.

Quan tỉnh Quảng Yên tâu nói : hạt tỉnh ấy có con sông Bạch Đằng tiếp giáp tỉnh Hải Dương, là chỗ địa đầu quan yếu, trộm cướp thường ra vào ở đấy, người buôn bán lấy làm e ngại. Xin đặt một đồn canh ở chỗ bến đò (thuộc xã Yên Hưng huyện Yên Hưng), phái một Đội trưởng và 30 lính ở tỉnh ấy đến đóng giữ. Vua y cho.

Vua sai phát thứ dê to đuôi cho các hạt Nam, Ngãi, Trị, Bình, Bình Định, Gia Định, Hà Nội chăn nuôi. Hễ dê đẻ ra được nhiều thì có thưởng, hao giảm đi thì phải đền. (Quảng Nam, Gia Định, Hà Nội mỗi tỉnh con cái, con đực đều 2 con. Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Trị, Quảng Bình mỗi tỉnh con cái, con đực đều 1 con).

Quan tỉnh Nghệ An tâu nói : hạt tỉnh ấy tháng trước ít mưa, gió nam thổi mạnh, lúa chiêm đang trỗ, không thành hạt thóc được. Rồi sau lại mưa nhiều quá, ruộng

trung bình nước sâu hơn 1 thước, ruộng thấp nước đọng lại, hoa màu, khoai đậu cũng đều ngập mất cả.

Vua dụ Nội các rằng : "Ta từ lên ngôi đến nay, sớm tối siêng năng, tính mưa, cầu tạnh, thường cho việc nhà nông làm trọng. Phàm những người dự có trách nhiệm chăn nuôi dân, nên thể theo ý ta, dân gian nếu có điều gì đau khổ, phải lập tức tâu ngay đợi Chỉ chữa chạy, mới là không phụ sự ta uỷ thác. Thế mà hạt này bị tai hại vào khoảng tháng 4, lại cho là gần ngày khánh tiết, không đem tâu ngay thực là không phải. Vậy truyền Chỉ sức quở. Xét ra, nhiều lần cứ các địa phương tâu báo lúa chiêm đều tốt cả, mà hạt này phải chịu tai hại riêng, thực cũng đáng thương. Vậy lập tức phái thự Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Lê Tập đi ngựa trạm đến khám xét tình hình về tâu".

Đến lúc về tâu nói : nay dân gian ăn dùng chưa đến nỗi khó khăn quá, nhưng sau này đến kỳ giáp hạt chưa chắc giữ được khỏi thiếu thốn.

Vua bèn dụ cho hạt ấy về thuế vụ hạ năm nay và thóc gạo lưu khiếm từ thượng niên, đều cho nộp thay bằng tiền. Lại sai tỉnh Nam Định chở 60.000 phương gạo giúp cho Nghệ An chứa lại, đợi sau này giá gạo hơi đắt thì giảm giá mà bán cho nhân dân.

Quan tỉnh Biên Hoà tâu nói : năm trước phái biền binh đi khai khẩn miền Thượng Nguyên đất Xích Lam, thành ruộng được hơn 300 mẫu. Đã được Chỉ cho lưu 50 lính mãn ban thay đổi nhau đóng mãi ở đấy để quản thúc tù đinh, cùng là giữ gìn canh ngưu điền khí. Nay đến kỳ làm ruộng, chọn phái 1 quản cơ, 3 suất đội, 50 lính mãn ban, cộng thành 100 người, để làm việc cày cấy. Xin từ đây về sau, cứ mỗi tháng lấy biền binh mãn ban cùng thay đổi cho nhau, đợi việc gặt hái đã xong, vẫn lưu một suất đội, 50 biền binh đóng giữ, còn thì rút về đội ngũ cũ. Vua y theo lời tâu ấy.

Vua đi tuần ngự cửa biển Thuận An xem Thuỷ sư thao diễn. Ngay ngày hôm sau lại về cung.

Cho Thông chính Phó sứ biện lý Thương trường là Nguyễn Nghị quyền thự Bố chính Quảng Nam, hội đồng với viên Án sát hộ lý quan phòng tuần phủ Nam - Ngãi.

Bộ Lại đem danh sách sát hạch con các quan văn tam phẩm trở lên đã quá cố rồi chia hạng tâu lên. Chuẩn cho hạng sảo thông là bọn Nguyễn Khoa Bách 17 người liệu bổ chức hàm để kịp thời đem sức làm việc báo hiệu.

Cho thự Hữu thị lang bộ Binh là Trần Bưu quyền biện công việc bộ Hộ.

Sai Phó vệ uý hiệp lĩnh thị vệ là Nguyễn Tiến Song sung làm Chánh biện thuyền Thanh dương ; Viên ngoại lang là Trần Tú Dĩnh sung là Phó biện đưa bọn người Tây dương là Bo Di Trợ (do phái viên Đào Trí Phú thuê đi theo tàu thuỷ máy hơi nước) về địa phương Hạ Châu (Singapore), nhân tiện mua hàng hoá. Tư vụ là Vương Hữu Quang phái đi thừa biện cố gắng làm việc để chuộc tội.

Bọn Tướng quân thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng tâu nói : "Năm trước quyền trích 5 biền binh An Giang sung bổ vào đội pháo thủ hạt ấy. Nay 2 huyện Đông Xuyên, Tây Xuyên tỉnh An Giang có 14 thôn ở xen vào các huyện : Ba Nam, Hoá Di, Bát Ca, Lư An hạt ấy, đã đổi lệ thuộc với các viên huyện [Tây Xuyên, Đông Xuyên] quản nhiếp. Xin đem 54 người giản binh hiện số của các thôn ấy hợp cùng 13 người mộ binh hạt ấy ; cộng 67 người dồn làm đội Pháo thủ. Còn biền binh tỉnh An Giang rút về đội ngũ cũ. Vua y cho làm.

Đổi đặt lại phủ huyện thành Trấn Tây. Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng tâu xin đem phủ huyện toàn hạt, trừ ra 2 phủ 5 huyện đã chia thuộc vào 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên (phủ Ba Xuyên, 2 huyện Ô Môn, Ngọc Luật cũ thuộc về An Giang ; phủ Quảng Biên, huyện Khai Biên, huyện Vĩnh Tường và huyện Chân Thành cũ, 3 huyện thuộc tỉnh Hà Tiên, huyện Vĩnh Trường trước là Kim Trường đổi ra). Còn thì chiểu theo địa thế liên lạc, số dân nhiều ít, đặt làm 14 phủ 29 huyện, cho thống thuộc vào 6 tỉnh. Lại xin trích 2 huyện Long Xuyên, Kiến Giang của tỉnh Hà Tiên đặt thêm 1 phủ, hợp cùng với phủ Ba Xuyên của An Giang, đặt làm 1 tỉnh nhỏ lệ thuộc vào thống hạt tỉnh An Giang.

Vua sai đình thần bàn lại, thì cho là một hạt Trấn Tây mới thuộc về bản đồ, công việc xếp đặt nên có thứ tự trước sau. Vả lại, hạt ấy đinh điền chưa có sổ sách, thuế lệ chưa định rõ, công việc còn ít, nếu vội đặt thành một tỉnh, tất phải có Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, Án sát thuộc ty lại dịch, thì viên số đông nhiều mà lại không có việc gì làm. Chi bằng đặt phủ huyện trước, cho đều có thống thuộc để bọn thổ dân tập biết lễ giáo, tiêm nhiễm thói Kinh. Đợi sau này ruộng đất ngày một mở mang, sinh nở ngày một đông đúc, bấy giờ sẽ đặt tỉnh lỵ cũng chưa muộn. Đến như 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên vài năm nay lần lượt trích bổ, các phủ huyện, bờ cõi mới định, sổ sách mới thành, cũng nên hãy theo như cũ, chưa nên canh cải.

Nay xin chiểu các phủ, huyện mà trong tập tâu xin chia đặt ấy, dồn lại làm 10 phủ, 23 huyện, đều cho tên mới. Nơi nào gần phủ hạt Trấn Tây thì do Tướng quân, Tham tán, quản nhiếp, nơi nào gần địa hạt 3 phủ : Hải Đông, Hải Tây, Sơn Tĩnh, thì do các tuyên phủ quản hạt, mà tướng quân, tham tán thống trị cả : (phủ Trấn Tây

nguyên là phủ Nam Vang đổi ra, lấy bờ phía tây phủ cùng đất La Kết đặt làm huyện Thái An ; lấy bờ sông phía đông phủ 2 huyện Lư An, Tầm Vu dồn làm huyện Lư An thuộc vào phủ ấy, Phủ nha kiêm lý huyện Thái An, thống hạt huyện Lư An, đinh số 6.769 người.

Phủ Nghi Hoà mới đặt ra, lấy hai huyện Thượng Phong, Phong Nhương thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Thượng Phong thống hạt huyện Phong Nhương, đinh số 6.570 người. Huyện Thượng Phong nguyên là huyện Hoá Di đổi ra ; huyện Phong Nhương nguyên là huyện Bát Ca đổi ra.

Phủ Nam Ninh mới đặt ra, lấy 3 huyện Nam Thịnh, Phù Nam, Nam Thái thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Nam Thịnh, thống hạt huyện Phù Nam, Nam Thái, đinh số 4.326 người. Nam Thịnh nguyên là huyện Ba Nam đổi ra, Phù Nam nguyên là huyện Tầm Đôm, huyện Tuy Lạp dồn lại đổi ra.

Phủ Vũ Công mới đặt ra, lấy 3 huyện Bình Tiêm, Kỳ Tô, Trưng Thụy thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Bình Tiêm, thống hạt huyện Kỳ Tô, huyện Trưng Thuỵ, đinh số 6.329 người. Huyện Kỳ Tô nguyên là huyện Thời Tô đổi ra. Bốn phủ này đều do Tướng quân, Tham tán thành Trấn Tây quản nhiếp.

Phủ Hải Tây, lấy 2 huyện Hải Bình, Thâu Trung thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Hải Bình, thống hạt huyện Thâu Trung, đinh số 2.501 người. Hải Bình nguyên là phủ lỵ, cùng huyện Ca Âu dồn lại và đổi tên. Thâu Trung nguyên là 3 huyện Ý Dĩ, Vọng Vân, Thâu Trung dồn lại.

Phủ Ninh Thái mới đặt ra, lấy 3 huyện Ngọc Bi, Giang Hữu, Thái Thịnh thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Ngọc Bi, thống hạt huyện Giang Hữu, huyện Thái Thịnh, đinh số 5.257 người. Giang Hữu nguyên là đất Lò Việt cùng một thôn Trung Hà đổi ra ; Thái Thịnh nguyên là Long Tôn đổi ra. Hai phủ này đều do Tuyên phủ sứ phủ Hải Tây quản hạt.

Phủ Hải Đông lấy 2 huyện Hải Ninh, Tập Ninh thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Hải Ninh, thống hạt huyện Tập Ninh, đinh số 1.804 người. Hải Ninh nguyên là phủ lỵ, cùng huyện Ca Nhi dồn lại đổi tên là Hải Ninh ; Tập Ninh nguyên là 2 bảo Sa Tôn, Chi Trinh dồn lại đổi tên là Tập Ninh.

Phủ Hà Bình mới đặt ra, lấy 2 huyện Trung Hà, Phúc Lai thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Trung Hà, thống hạt huyện Phúc Lai, đinh số 2.808 người. Trung Hà nguyên là huyện Chân Tài cùng 5 thôn Trung Hà dồn lại. Hai phủ này đều do Tuyên phủ sứ phủ Hải Đông quản hạt.

Phủ Sơn Tĩnh lấy 2 huyện Quế Lâm, Sơn Đông thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Quế Lâm, thống hạt huyện Sơn Đông, đinh số 475 người. Quế Lâm nguyên

là phủ lỵ, cùng huyện Quế Lâm dồn lại ; Sơn Đông nguyên là huyện Sơn Phú đổi ra.

Phủ Mỹ Lâm, lấy 2 huyện Mỹ Tài, Hoa Lâm thuộc vào. Phủ nha kiêm lý huyện Mỹ Tài, thống hạt huyện Hoa Lâm, đinh số 3.226 người. Hoa Lâm nguyên là huyện Sơn Trung cùng với Hoa Lâm dồn lại. (Hai phủ này đều do Tuyên phủ sứ phủ Sơn Tĩnh quản hạt).

Vua theo lời bàn ấy, sai ty có chức trách chế ra ấn triện cấp phát. Chuẩn cho lấy bọn Vũ Hành, Chủ sự ty An Biên cùng 10 người làm thí thự Tri phủ các phủ thành Trấn Tây. Bọn Vũ Duệ Thức, sung biện huyện vụ cộng 13 người, quyền thự Tri huyện các huyện Lư An. Còn giáo thụ, huấn đạo, lại mục ở các huyện thì do Tướng quân, Tham tán theo từng chỗ khuyết mà chọn bổ.

Lại cho chiểu xét những phủ, huyện nào đã dồn lại thì những Phủ uý, Huyện uý đặt ra trước đều rút về theo thành hạt sai phái. Phủ, huyện nào chưa đặt phủ uý, huyện uý thì thôi, từ nay về sau không được đặt thêm. Các công việc đều do phủ, huyện lưu tâm làm hết cả.

Vua lại dụ cho bọn Tướng quân, Tham tán rằng : "Thành Trấn Tây địa thế rộng to, cần nhiều người làm việc. Trước đã trích các viên dịch ở Kinh phái đi theo làm việc, có đến vài trăm người rồi. Phải nên tuỳ nơi mà phân phát đi để đều có chức phận, không nên để cho ở tụ một chỗ, hết ngày ngồi ngay ra, không có việc gì làm, lại thành không tốt. Vả lại, bọn kia hoặc là viên dịch đã bị cách bãi, hoặc là học trò tình nguyện đem sức ra làm việc. Phen này đã được triều đình thương đến, chính là lúc đem mài giũa cho thành tài. Nếu họ biết cảm phát lương tâm trời cho, thực sự làm việc, đích xác có thực trạng cố gắng, chuẩn cho cứ thực đề đạt, trẫm tất liệu mà bổ dùng. Ngày sau thành đạt, chẳng những thế thôi, nếu ai không có tri năng, hơi ra dáng lười biếng hay là trốn tránh, giác ra sức trị tội rất nặng. Nên đem đại ý ấy hiểu thị cho chúng biết".

Đặt chức Tri phủ Ba Xuyên tỉnh An Giang, bớt chức Án phủ sứ. Cho nguyên Án phủ trước là Lê Quang Khiêm đổi lĩnh chức Tri phủ.

Cho Giáo thụ phủ Trấn Tây là Nguyễn Huy Hựu thăng thự Đốc học An Giang ; Tri huyện huyện Bình Tuyền là Đỗ Viêm thăng thự Đốc học Ninh Bình.

Sửa lại chùa Thiên Tôn. Chùa ở xã Đâu Kinh, huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị, Thái Tôn Hiếu triết hoàng đế đặt ra, đã bị Tây Sơn tàn phá. Năm Minh Mệnh thứ 2, vua nhân khi đi Bắc tuần nghĩ lại dấu cũ của tiên triều, đã cho chi tiền tu bổ. Đến bấy giờ cột gỗ mọt nát, dân sở tại lại viện lệ xin sửa chữa. Quan tỉnh ấy tâu lên. Vua gia ơn thưởng cho 500 quan tiền.

Cho Lang trung bộ Lễ biện lý việc bộ là Nguyễn Tự thăng thự Bố chính Quảng Bình.

Sai Hữu tham tri bộ Lễ là Phan Huy Thực kiêm quản Thái thường tự.

Dồn bổ các cơ thổ binh thành Trấn Tây, định lại danh hiệu các dinh. Bộ Binh tâu nói : việc chia đặt toàn hạt Trấn Tây, công việc xếp đặt, đã lần lượt cử hành, đã gần thoả thiếp. Duy các cơ thổ binh, từ trước đều lấy người thổ làm Quản suất ; mà tên cơ, quân sắc chưa định rõ chương trình. Chính nên một phen đổi dồn các cơ lại cho có thống thuộc. Lại xét ngạch binh hạt ấy cộng có 26 cơ, thì một cơ Tượng mục chuyên việc nuôi voi, nghĩ nên để như cũ. Còn 25 cơ đặt làm 5 dinh trung, tiền, tả, hữu, hậu thành Trấn Tây, mỗi dinh chia làm 5 cơ : nhất, nhị, tam, tứ, ngũ. Trong số lính có cơ đủ 10 đội, hoặc có cơ chỉ 5, 6 đội, nhiều ít không đều. Nhưng việc làm bắt đầu, nếu đội nào đội ấy đều trích đổi, sợ thành ra phiền phức, tạm chiểu theo địa thế liên lạc mà dồn bổ.

(Trung dinh 5 cơ, biền binh 2.695 người. Cơ nhất nguyên là cơ nhất Trấn Tây cũ dồn lại đổi ra. Cơ nhị nguyên là cơ nhị Trấn Tây dồn lại đổi ra, mỗi cơ có 10 đội. Cơ tam nguyên là cơ tam có 4 đội và cơ tứ có 4 đội của thành Trấn Tây cùng dồn lại, cơ ấy chỉ có 9 đội. Cơ tứ nguyên là cơ ngũ Trấn Tây dồn lại đổi ra. Cơ ngũ nguyên là cơ lục Trấn Tây dồn lại đổi ra, mỗi cơ đều 10 đội.

Tiền dinh 5 cơ, biền binh 2.116 người. Cơ nhất nguyên là cơ thất Trấn Tây dồn lại đổi ra. Cơ nhị nguyên là cơ thất Tịch biên dồn lại đổi ra. Cơ tam nguyên là cơ nhất An man dồn lại đổi ra. Cơ tứ nguyên là cơ nhị An man dồn lại đổi ra, mỗi cơ đều 10 đội. Cơ ngũ nguyên là cơ tam An man dồn lại đổi ra, cơ ấy chỉ có 5 đội.

Tả dinh 5 cơ, biền binh 2.530 người. Cơ nhất nguyên là cơ nhị Quảng biên dồn lại đổi ra. Cơ nhị nguyên là cơ nhị Tịch biên dồn lại đổi ra, mỗi cơ đều 10 đội. Cơ tam nguyên 6 đội cơ tam Trấn Tây dồn lại đổi ra, cơ ấy có 6 đội. Cơ tứ nguyên là cơ tam Tịch biên dồn lại đổi ra. Cơ ngũ nguyên là cơ Khai biên dồn lại đổi ra, mỗi cơ đều 10 đội.

Hữu dinh 5 cơ : biền binh 2.200 người. Cơ nhất nguyên là cơ tứ Tịch biên dồn lại đổi ra, cơ ấy đủ 10 đội. Cơ nhị nguyên là cơ nhất Tịch biên dồn lại đổi ra, cơ ấy chỉ có 5 đội. Cơ tam nguyên là cơ ngũ Tịch biên dồn lại đổi ra. Cơ tứ nguyên là cơ thập nhị Tịch biên dồn lại đổi ra, mỗi cơ đều 10 đội. Cơ ngũ nguyên là cơ nhất Quảng biên dồn lại đổi ra, cơ ấy chỉ có 5 đội.

Hậu dinh 5 cơ, biền binh 2.555 người. Cơ nhất nguyên là cơ bát Tịch biên dồn lại đổi ra. Cơ nhị nguyên là cơ cửu Tịch biên dồn lại đổi ra. Cơ tam nguyên là cơ

thập Tịch biên dồn lại đổi ra, mỗi cơ đều 10 đội. Cơ tứ nguyên là cơ lục Tịch biên dồn lại đổi ra, cơ ấy chỉ có 6 đội. Cơ ngũ nguyên là cơ thập nhất Tịch biên dồn lại đổi ra, cơ này chỉ có 5 đội).

Năm dinh này đã đặt ra nên có lính Kinh xen lẫn vào, khiến cho chúng tập biết kỷ luật, mới có thể dùng được. Xin hằng năm ở Kinh và từ Quảng Nam trở vào, lệ có phái lính thú 12 vệ, cơ, thì 2 vệ lính ở Kinh vẫn theo hiệu dinh vệ cũ. Còn 10 vệ cơ các tỉnh ; ngày đến đóng thú đều đổi gọi làm vệ, chia thuộc 5 dinh, mỗi dinh 2 vệ : (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên thường năm 2 vệ cơ thay phiên nhau đổi đóng thú, thì cho lệ thuộc vào 2 vệ nhất nhị thuộc Trung dinh. Bình Thuận, Khánh Hoà thường năm 1 vệ cơ đổi đóng thú và 1 cơ của Biên Hoà, thì lệ thuộc vào 2 vệ nhất nhị thuộc Tiền dinh ; 2 cơ của Gia Định thuộc vào 2 vệ nhất nhị ở Tả dinh ; 2 cơ của Vĩnh Long thuộc vào 2 vệ nhất nhị của Hữu dinh ; 2 cơ của Định Tường, An Giang lệ thuộc vào 2 vệ nhất nhị ở Hậu dinh). Vẫn lấy bọn Lãnh binh nguyên đặt trước để quản nhiếp. Hai dinh Trung và Tiền lệ thuộc vào Tướng quan, Tả dinh lệ thuộc vào Tham tán, Hữu dinh lệ thuộc vào Đề đốc, Hậu dinh lệ thuộc vào Hiệp tán, đều phải đốc sức huấn luyện cho ngày càng tinh giỏi. Còn việc chọn bổ viên biền sai phái quân vụ, đều theo sự điều khiển của Tướng quân, Tham tán.

Lại thổ quan các cơ, nhút nhát quen thói, gặp việc không thể đắc lực được, xin chọn bổ quan người Kinh mỗi cơ 5, 6 người, xen vào làm Quản suất, để cho chúng trông nhau bắt chước, mong cho chóng được cảm hoá. Lại trích ra bọn lại dịch tiết thứ phái đi Trấn Tây sung bổ mỗi cơ một người để giữ sổ sách. Còn như bọn thổ binh do Tướng quân Tham tán đều đặt họ cho chúng, làm danh sách tâu lên, đợi cấp lương tháng (đương tại ban mỗi người 5 tiền 1 phương gạo) bắt đầu từ ngày mồng 1 tháng 7 năm nay. Như thế thì sự quyền theo về một mối, tai mắt đổi mới cả, thói mọi rợ có thể đổi dần đi được.

Vua theo lời bàn ấy. Bèn cho các viên làm việc ở hạt ấy : hiện thụ Lãnh binh là Nguyễn Văn Hoà cai quản Trung dinh ; Hoàng Phúc Lợi cai quản Tiền dinh ; Phó lãnh binh là Nguyễn Công Nhàn cai quản Tả dinh ; Nguyễn Tiến Phúc cai quản Hữu dinh. Lại cho Phó vệ uý vệ Tiền nhị, Hữu trực dinh Vũ lâm là Phan Đình Vinh bổ thụ Phó lãnh binh thành Trấn Tây, cai quản Hậu dinh. Chuẩn cho từ sau Chánh phó lãnh binh sung chức cai quản các dinh đều theo đây làm định lệ. Sai ty có chức trách chế ấn quan phòng cấp cho. (Như Trung dinh thì khắc 8 chữ "Trấn Tây Trung dinh Lãnh binh quan phòng" ; Tả dinh thì khắc 9 chữ "Trấn Tây tả dinh Phó lãnh binh quan phòng" ; còn thì cũng theo như thế).

Lại sai bộ Binh chọn ra những Hoa danh, Giáo dưỡng đầu quân đã lâu năm ; và người thống quản các quân dinh chọn ra các Đội trưởng, cấp bằng Đội trưởng, cùng là bọn người hậu bổ, giáng điệu, cộng 200 người phái đi liệu bổ làm Quản suất các cơ.

Đổi phong quận chúa Chân Lạp là Ngọc Vân làm Mỹ Lâm quận chúa ; huyện quân là Ngọc Biện làm Lư An huyện quân ; Ngọc Thu làm Thâu Trung huyện quân ; Ngọc Nguyên làm Tập Ninh huyện quân ; cấp cho lệ lương bắt đầu từ ngày mồng 1 tháng 7 năm nay. (Ngọc Vân mỗi năm 500 quan tiền, 100 phương gạo ; Ngọc Biện 300 quan tiền, 80 phương gạo ; Ngọc Thu, Ngọc Nguyên mỗi người 200 quan tiền, 60 phương gạo). Lại sai bọn Tướng quân, Tham tán trích phái những lính ở dinh mới dồn, cắt đi thuộc theo Ngọc Vân 2 suất đội, 100 lính ; thuộc theo Ngọc Biện, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên mỗi người đều 1 suất đội, 30 lính.

Quảng Trị, Quảng Bình lúa vụ chiêm thu hoạch hơi kém. Vua cho thóc gạo thuế năm nay đều cho nộp thay bằng tiền. Lại nghĩ 2 hạt ấy đất xác, dân nghèo, sau này đến lúc giáp hạt chưa chắc đã khỏi thiếu ăn. Sai phái viên ở Kinh đốc tải hơn 40 thuyền gạo của đoàn thuyền Bắc Kỳ chở đến giao cho Quảng Trị 50.000 phương, Quảng Bình 20.000 phương. Đợi khi giá gạo hơi đắt, thì lập tức đem gạo ấy bán cho nhân dân.

Hoãn việc làm Ngọc điệp [gia phả nhà vua]. Năm ngoái là năm lệ phải làm, có Chỉ hoãn cho đến năm nay. Rồi nhân khánh tiết, chưa kịp phái làm. Đến bấy giờ năm đã quá nửa, cho nên hoãn lại đến sang năm.

Cho Hoàng trưởng tử Trường Khánh công cái vườn Thường Mậu làm vườn nhà riêng (vườn ấy ở bên cạnh ruộng tịch điền, trồng nhiều cây có hoa, trong vườn làm một cái nhà, 4 mặt xây tường, dài ước 23 trượng, trước sau tả hữu đều mở một cửa). Lại cho Hoàng tử Thọ Xuân công Miên Định cái vườn Diễm Lục ; Ninh Thuận công Miên Nghi cái vườn Tư Thịnh. (2 vườn này đều ở ngoài cửa tây kinh thành, trong vườn cũng làm một cái nhà).

Vua ngự điện Văn Minh, cho triệu các tước công đến bảo rằng : lũ ngươi nay đã trưởng thành, ban cho nhà vườn để làm chỗ ngày rỗi nghỉ ngơi đọc sách. Nên lưu tâm bút mực cho việc học được tấn tới. Còn như việc cưỡi ngựa che lọng ra phố phường, chơi bời xóm yên hoa[1] ở thành thị, đều không nên cả.

Hoàng tử thứ 5 là Phú Bình công Miên An vào chầu. Vua nói : trẫm đã ban nhà vườn cho các anh ngươi, ngươi tuổi còn nhỏ, đợi sau này sẽ cho cũng chưa muộn gì.

---

(1) *Xóm yên hoa* : xóm đĩ bợm.

Lại hỏi rằng : Vĩnh Tường quận vương là anh ruột ngươi, khi còn sống, cũng có tiền vàng, của báu bây giờ những thứ ấy ở đâu ? Tâu rằng : Vĩnh Tường quận vương không được lâu hưởng ơn to, con hãy còn nhỏ, thần thường thường thăm hỏi. Những đồ vật để lại, chứa riêng một hòm giao cho phủ thuộc coi giữ. Thần bất kỳ xét xem, rồi lại gói niêm lại như cũ.

Vua nói : ngươi làm thế cũng là biết đạo làm em đấy. Vả lại, trẫm đối với anh em, người còn thì thân yêu, người chết thì vỗ về yên ủi các con mà hậu đãi cho lũ người đều mắt trông thấy cả, phải cố gắng lại cố gắng nữa đấy.

Quan tỉnh Hưng Yên tâu nói : các đoạn đê bối công tư hạt ấy, trước bị khuyết liệt (dài tất cả hơn 16.700 trượng) bắt dân bồi đắp đều đã xong. Nhưng xét ra con đê nhỏ lưu lại ở bờ bên hữu sông Cửu An, đê ấy thấp nhỏ, một khi đến kỳ tiểu mãn (vào cuối tháng 4 âm lịch) nước sông lên sớm, thế tất tràn vỡ, lúa chiêm bị tổn hại nhiều. Rồi lại khai ra một vài chỗ để lấy nước vào ruộng, thì thần từ Phật tự cho đến nhà cửa súc sản đều bị ngập lụt, qua tháng 4 tháng 5 thế nước mới tiêu hết, thì thân đê đoạn nào đoạn ấy đều bị khuyết liệt, mùa xuân đắp đê, mùa hạ khai đê, dân sở tại 5 huyện, năm nào cũng phải đắp đê khó nhọc, mà năm nào cũng bị nạn ngập lụt. Tình hình thực là gian khổ. Nay đã vâng mệnh cho đắp cao rộng thêm ra, dân phu hết sức lèn nện, hơi được vững chặt. Đoạn đê nhỏ ấy xin cứ mực nước to về mùa hạ mùa thu năm nay, đợi xem thế nước, nếu nước lên to thì tuỳ thế khai đê để tiêu bớt nước bên tả ngạn ; nước bình thường thì thôi không khơi đê, khỏi đến nhọc dân. Năm nay giữ được vững, sang năm lại đắp cao rộng thêm ra, thì có thể thành đê mà lâu không lo ngập lụt nữa. Vua y cho làm như thế. Chuẩn thưởng chung cho dân phu đắp đê 4000 quan tiền.

Hải Dương cũng đã sửa đắp đê bối trong hạt (dài tất cả hơn 32300 trượng). Việc làm xong, tâu báo lên, chuẩn thưởng chung cho dân phủ 3000 quan tiền.

Bắc Ninh săn bắt được các tên đầu sỏ giặc trốn là bọn Nguyễn Văn Ngũ, cho đem giết đi. Thưởng cho viên biền bắt giặc là Trần Loan kỷ lục 1 thứ và 100 quan tiền.

Cho thự Phó vệ uý vệ Trung võ dinh Tiền phong là Nguyễn Văn Tình làm Phó vệ uý vệ Hậu dinh Long võ.

Hà Nội tâu xin đặt thêm lò xưởng đem tiền hiệu cổ chứa ở kho đúc làm tiền đồng Minh Mệnh (mỗi đồng tiền nặng 1 đồng cân). Vua đặc cách cho các tỉnh Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, mỗi tỉnh phái một người bát cửu phẩm thư lại, người nào thanh liêm cần mẫn đến họp cùng làm việc, mỗi tháng 1 lần thay đổi.

Vua bảo bộ Công rằng : chung quanh các toà kho thóc ở Kinh, chỗ để không rất rộng, nếu đặt thêm kho mới chỉ là hư phí. Chuẩn cho những gian chái để không ở dãy thứ 3 mặt sau kho Quảng Thịnh số 8, chia làm 5 kho, phái lính xây chữa (nguyên trước kho 29 gian 2 chái cộng 31 gian, 4 kho tả hữu đều 2 gian, duy kho giữa 5 gian, 2 đầu đều có một gian để không, để tiện việc phát ra thu vào, chứa thóc gạo, đại ước được 20.000 hộc). Những thóc gạo chứa ở đấy, đem chi phát ra trước, nhưng liệu để lưu lại 1, 2 phần để thử xem sau 1 năm thóc còn được tốt hay không. Các kho hiệu khác cũng theo như thế mà làm.

Thưởng sâm nam cho hoàng tử công, hoàng tử thân công cùng đình thần văn võ có thứ bậc khác nhau.

Lại cho là trời nóng nực quá, cho biền binh làm việc ở núi Thuận và các công sở ở Kinh, nghỉ việc 3 ngày.

Vua nghĩ khánh tiết đã xuống ân chiếu phong tặng cho cha mẹ quan viên. Nhân nghĩ phẩm trật quan viên có cao thấp không giống nhau thế đại được phong nên có phân biệt. Bèn chuẩn định : văn võ chánh tòng nhất phẩm, phong tặng 3 đời ; văn võ chánh tòng nhị phẩm, phong tặng 2 đời ; văn võ chánh tòng tam phẩm và văn võ chánh tòng tứ phẩm ngạch chính thì phong tặng 1 đời. Văn chánh tòng tứ phẩm tản giai, cùng là chính giai mà còn thự hàm, không được phong tặng. Rồi chuẩn theo lời bộ Lễ bàn, trích lấy một chức trong từng phẩm, định làm giai, hàm phong tặng : (- Văn giai : quan chánh nhất phẩm, cha được phong tặng hàm Thượng thư ; mẹ chánh nhị phẩm Phu nhân ; ông phong tặng Thiêm sự phủ Thiêm sự ; bà chánh tam phẩm Thục nhân ; cụ ông, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ ; cụ bà, chánh tứ phẩm Cung nhân.

Quan tòng nhất phẩm : cha phong Đô sát viện Hữu phó đô ngự sử ; mẹ, tòng nhị phẩm Phu nhân ; ông, Thái bộc Tự khanh ; bà, tòng tam phẩm Thục nhân ; cụ ông, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ ; cụ bà, tòng tứ phẩm Cung nhân.

Quan chánh nhị phẩm : cha, Thiêm sự phủ Thiêm sự ; mẹ, chánh tam phẩm Thục nhân ; ông, Hàn lâm viện Thị độc học sĩ ; bà, chánh tứ phẩm Cung nhân.

Quan tòng nhị phẩm : cha, Thái bộc Tự khanh ; mẹ, tòng tam phẩm Thục nhân ; ông, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ ; bà, tòng tứ phẩm Cung nhân.

Quan chánh tam phẩm : cha, Hàn lâm viện Thị độc học sĩ ; mẹ, chánh tứ phẩm Cung nhân.

Quan tòng tam phẩm : cha, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ ; mẹ, tòng ngũ phẩm Nghi nhân.

Quan chánh tứ phẩm : cha, Hàn lâm viện Thị độc ; mẹ chánh ngũ phẩm Nghi nhân.

Quan tòng tứ phẩm : cha, Hàn lâm viện Thị giảng ; mẹ tòng ngũ phẩm Nghi nhân.

Những quan tứ phẩm trở lên, phải giáng đến chánh ngũ phẩm, nên được phong tặng 1 đời : cha, Chủ sự ty Thanh lại 6 bộ ; mẹ, chánh lục phẩm An nhân. Giáng đến tòng ngũ phẩm, cha, Hàn lâm viện Tu soạn ; mẹ, tòng lục phẩm An nhân. Giáng đến chánh lục phẩm, cha, Hàn lâm viện Biên tu ; mẹ, chánh thất phẩm An nhân. Giáng đến tòng lục phẩm, cha, Hàn lâm viện Kiểm thảo ; mẹ, tòng thất phẩm An nhân.

Võ giai - Quan chánh nhất phẩm : cha phong tặng hàm Thống chế ; mẹ là chánh nhị phẩm Phu nhân ; ông, Cấm binh Vệ uý ; bà, chánh tam phẩm Thục nhân ; cụ ông, Quản cơ ; cụ bà, chánh tứ phẩm Cung nhân.

Quan tòng nhất phẩm : cha, Cẩm vệ y Chưởng vệ sự ; mẹ, tòng nhị phẩm Phu nhân ; ông, Cấm binh Phó vệ uý ; bà, tòng tam phẩm Thục nhân ; cụ ông, Phó quản cơ ; cụ bà, tòng tứ phẩm Cung nhân.

Quan chánh nhị phẩm : cha, Cấm binh Vệ uý ; mẹ, chánh tam phẩm Thục nhân ; ông, Quản cơ ; bà, chánh tứ phẩm Cung nhân.

Quan tòng nhị phẩm : cha, Cấm binh Phó vệ uý ; mẹ, tòng tam phẩm Thục nhân ; ông, Phó quản cơ ; mẹ, tòng tứ phẩm Cung nhân.

Quan chánh tam phẩm : cha, Quản cơ ; mẹ, chánh tứ phẩm Cung nhân.

Quan tòng tam phẩm : cha, Phó quản cơ ; mẹ, tòng tứ phẩm Cung nhân.

Những quan tam phẩm trở lên bị giáng đến chánh tứ phẩm, nên được phong tặng 1 đời : cha, Cẩm y Hiệu uý ; mẹ, chánh ngũ phẩm Nghi nhân. Giáng đến tòng tứ phẩm : cha, Cai đội các quân ; mẹ, tòng ngũ phẩm Nghi nhân. Giáng đến chánh ngũ phẩm : cha, thuộc binh Cai đội ; mẹ, chánh lục phẩm An nhân. Giáng đến tòng ngũ phẩm : cha, thuộc binh Chánh đội trưởng suất đội ; mẹ, tòng lục phẩm An nhân).

Làm thêm thuyền hiệu rất to nhiều dây, bọc đồng gọi là thuyền Kim ưng (theo như cách thức thuyền Thanh loan, duy chiều rộng thêm 1 thước 3 tấc, cộng bề rộng là 2 trượng 2 thước 5 tấc ; chiều dài thêm 2 thước 2 tấc, cộng bề dài 9 trượng 7 thước 2 tấc). Sai Chưởng vệ là Đoàn Kim, Chánh phó giám đốc là Đinh Văn Quý, Lê Văn Xuyên trông coi việc đóng thuyền ấy. Thuyền Kim ưng mới này cùng với các thuyền hiệu Linh phượng, Thuỵ long, Thanh loan, Phấn bằng cùng bày hàng với

nhau làm 5 hiệu. Gồm cùng với thuyền Dương hiệu, Hải hiệu mỗi thứ 5 chiếc, cộng thành 20 thuyền bọc đồng.

Phó lãnh binh là Đoàn Văn Sách, Phủ uý là Bồn Đột phủ Hải Đông thành Trấn Tây, phái thổ mục là bọn tên Tốt, tên Kế, chiêu dụ được thổ dân trốn tránh lưu tán, vì trước đây bị giặc Minh[1] đuổi đến ở Lò Gò Vật, cộng hơn 1200 người. Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng đem việc tâu lên. Vua dụ rằng : "Trước đây về cõi giặc, thổ dân ở Bắc Tầm Bôn, đem nhau quy phụ về ta, nhiều đến hàng vạn người. Xứ ấy đã thành đất bỏ không. Nay thổ dân Lò Gò Vật lại bị thổ mục chiêu dụ về đến hơn 1000 người. Thế giặc ngày càng suy, đã có thể thấy ngay.

Vậy thổ mục là tên Tốt, chuẩn thưởng thụ Cai đội, cho họ là Dương tên là Tuỵ, lại thưởng cho 100 quan tiền. Tên Kế thưởng thụ Chánh đội trưởng, cho họ là Liễu tên là Kế, lại thưởng 40 quan tiền nữa. Đoàn Văn Sách, Bồn Đột đều thưởng kỷ lục 2 thứ. Những thổ dân lâu bị khổ về người Xiêm, trốn tránh lưu tán, không nương tựa vào đâu được, chính nên nhân lúc này mà vỗ về. Chuẩn cho chi ra tiền, gạo, muối trong kho tải đến chia cấp cho chúng. Các tên đầu mục thì thưởng cho vũ đoạn, sa nam, tiền bằng bạc. Đem thổ dân ấy về các phủ Trấn Tây, Nam Ninh chọn đất cho ở yên một chỗ và chia lập thôn ấp, đặt ra tổng lý, theo lưu quan phủ huyện quản hạt, gọi là Tân dân [dân mới].

Lại sức bọn thổ mục tuỳ cơ chiêu dụ, cốt được dân về với ta số nhiều, tất có thưởng hậu. Khiến cho dân của giặc ngày tan thêm, một cõi Lò Gò lại là đất không, thì không đợi ta đem quân đến đánh, mà bên địch mỏi nhọc mà chết, có thể kiễng chân mà đợi vậy".

Có thổ biền là Suất cơ Liễu Đăng bắt được đứa gián điệp của bọn giặc. Bọn Giảng tâu lên, trong tờ tâu còn biên quan chức của Man là Ốc Nha Tham Điên. Vua dụ truyền từ nay về sau, những thổ dân thuộc hạt đã nhận quan chức triều đình thì lấy chức đã cho họ mà gọi, tên nào chưa trao cho quan chức, thì gọi là thổ mục.

Vua dụ bộ Binh rằng : Trấn Tây nay đã chia đặt phủ huyện, đặt lưu quan để cai trị rồi, thì thổ biền là bọn Vệ uý Ốc Tâm, Nhâm Trật, nếu để họ lưu lại ở trong hạt, cũng không có việc gì làm. Vậy Ốc Tâm cho lấy bản chức lĩnh Phủ uý phủ Trấn Tây ; Nhâm Trật thì cho lĩnh Phủ uý phủ Nam Ninh, đều theo viên Tri phủ làm việc.

Phó quản cơ lĩnh Phủ uý phủ Hải Tây là bọn Sa Mộc dâng 3 thớt voi. Vua thưởng cho vải tây hoa và ngân tiền có thứ bậc khác nhau.

---

(1) *Giặc Minh* : tức là Lê Bá Minh cùng vào tụi với Lê Văn Khôi làm phản giữ thành Phiên An.

Sai lập miếu quốc vương Chân Lạp. Vua dụ Nội các rằng : Chân Lạp làm tôi triều đình, đã hơn trăm năm, tiến cống cẩn thận. Triều đình đối đãi cho là nước phụ thuộc, gây dựng cho nhiều. Duy quốc vương cũ là Chân hèn nhát không thể tự cường được. Quãng năm Gia Long mới một lần bị giặc Xiêm lấn cướp, đã vội bỏ nước chạy đi, đến ở thành Gia Định cũ, nước đã không còn là nước của họ nữa. Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta thương họ có lòng quy phụ đã nhiều đời, sai tướng ra quân, đánh tan giặc Xiêm, thu lại nước ấy, lại phong cho làm tước vương, cho họ giữ lấy bờ cõi, không nỡ đem nước ấy làm quận huyện. Thế mà hắn từ đấy chỉ nhất vị lười biếng chơi bời, không biết chấn chỉnh việc nước. Đến năm Minh Mệnh thứ 14, giặc Xiêm ngầm đánh úp, hắn lại chạy trốn đến tỉnh Vĩnh Long, thì đất cát nhân dân của Chân Lạp lại không phải là của hắn nữa. Trẫm đã phái đại đội quan binh, đánh tan giặc Xiêm, đuổi ra khỏi cõi, lấy lại thành quách, chiêu tập nhân dân. Lúc ấy đem nước ấy làm quận huyện, thì là ta lấy được của người Xiêm, chứ không phải lấy của Chân Lạp. Nhưng ta nghĩ : quốc vương hãy còn, hoặc có thể hơi biết cố gắng chăng ? Lại sai cho giữ lấy nước, mà đặt Tướng quân, Tham tán để bảo hộ. Chính là mong hắn đời làm phên giậu, lâu chịu ơn yêu quý. Nào ngờ, quốc vương kia chết đi, lại không có con nối, bởi trời làm ra chứ không phải làm người làm ra được. Nếu không xử trí trước, thì tất nhiên giặc Xiêm lại nhân lúc sơ hở đến quấy rối, thì nhân dân một hạt không khỏi lại bị lầm than. Vì thế mới sai chia đặt quận, huyện, đặt lưu quan để cai trị đất ấy. Khiến cho người Xiêm sợ hãi, không dám đến xâm lấn mà nhân dân hạt ấy mới được cùng yên ngủ ở chăn chiếu vậy. Nay quốc vương kia để lại con gái bé là Ngọc Vân phong làm quận chúa, bọn Ngọc Biện thì phong làm huyện quân, hậu ban bổng lộc, cho chúng được nương nhờ. Các thổ mục cũng đều tuỳ tài lục dụng, thổ dân cũng coi y như dân Kinh. Triều đình làm việc như thế là chính đại quang minh. Quốc vương kia ở dưới chín suối, nếu có thiêng cũng nên cám ơn mà không ân hận gì. Ta lại nghĩ : nước ấy dẫu đời đời không có vua nào tài giỏi, có công đức với dân, nhưng từ trước đã từng làm quận trưởng một nước thuộc quốc. Nay đã sáp nhập vào bản đồ nước ta, thì việc đèn hương tuế thời thờ cúng quốc vương kia, há nỡ để cho nguội lạnh, linh hồn không chỗ nương tựa ư ? Vậy sai ty có chức trách chọn đất lập miếu ở Kinh thành, bày thờ thần vị các cố vương Chân Lạp, tuế thời cúng tế, để tỏ rõ đạo ưu hậu.

Hiệp tán thành Trấn Tây là Cao Hữu Dực dâng tập thỉnh an nói : những quản viên các vệ cơ đến thú ở hạt ấy, như Phan Văn Thông, Phó quản cơ cơ Tĩnh man tỉnh Quảng Ngãi ; Phan Văn Ty, Phó quản cơ tỉnh Khánh Hoà, đều đã già yếu ; Nguyễn Thường Hứa, Vệ uý vệ Kỳ võ ; Phạm Văn Lợi, Vệ uý vệ Hậu bảo ;

Nguyễn Văn Tồn, Vệ uý tỉnh Bình Định ; Tôn Thọ Minh, Phó quản cơ tỉnh Biên Hoà, đều là quen thói phong lưu, luật quân và cơ mưu việc binh chưa được thông thạo.

Vua dụ sai Tướng quân Trương Minh Giảng hội đồng với thự Đề đốc là Vũ Đức Trung lại đem xem xét lại, thì cũng như lời Dực nói.

Vua bèn theo lời bộ Binh bàn xử bọn Thông đều giáng 2 cấp. Phan Văn Thông, Phan Văn Ty bắt về hưu dưỡng. Nguyễn Thường Hứa, Phạm Văn Lợi thì giao cho Tổng đốc Hà - Ninh là Phạm Hữu Tâm ; Nguyễn Văn Tồn, Tôn Thọ Minh thì giao cho Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng, tuỳ việc sai phái. Nếu biết có gắng, chiểu theo hàm bị giáng mà bổ. Nếu cam lòng tự bỏ thân phận, thì lập tức tham hặc để cách chức đi.

Vua sai các đại viên thống quản ở Kinh, mỗi người cử lấy một người có thể kham làm Quản vệ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXIV*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], mùa hạ tháng 6. Sai quan đi kinh lý thành Trấn Tây. Vua dụ rằng : một hạt Trấn Tây mới thuộc về bản đồ sổ sách triều đình. Từ trước đến giờ, cơ nghi xếp đặt trước hết là vỗ yên dân ngoài biên làm cốt yếu. Tiết thứ chia đặt phủ huyện, đặt bổ các lưu quan, đổi định quân hiệu 5 dinh, cùng là lương bổng biền binh cũng là thương yêu như một, muốn khiến cho bọn thổ nhân ngày tập nhiễm thói Kinh, đều thành tục tốt. Duy thuế khoá hạt ấy, có hay không cũng không cần gì, cho nên vẫn chưa chuẩn định. Nay cứ Tướng quân Trương Minh Giảng, Hiệp tán Cao Hữu Dực đem lệ thổ dân hạt ấy thu thuế trước đây làm bản tâu lên, không những thuỷ lợi về sông, ngòi, bãi, bến đóng góp nhiều thứ, mà nhỏ nhặt như trồng rau dưa hoa quả cũng đều đánh thuế cả. Đều bởi bọn thổ mục tự ý đánh thuế bậy, vơ vét không biết chán, đến nỗi thổ dân cung ứng không nổi, nhiều kẻ đến nỗi mất chỗ ăn ở.

Năm nay gặp khánh tiết ngũ tuần của trẫm, ân điển rộng ban, đã xuống dụ cho các hạng thuế hạt ấy đều được giảm tha. Nhân nghĩ : kẻ kia dẫu là thổ dân, song đã lệ thuộc về bản triều, đều là đất của vua, dân của vua, há nỡ để cho bọn thổ ty đẽo khoét kẻ tiểu dân mà ăn cho béo. Huống chi nay từ quận chúa, huyện quân, cho đến thổ biền, thổ binh đã cấp cho lương bổng, sao nên dung cho theo thói cũ lấy riêng của dân ư ? Chẳng được chẳng một phen sửa chữa, để tỏ rõ cái nghĩa một luồng một lối.

Xét ra, tính toán công việc, vốn là chuyên trách của bọn Tướng quân, Tham tán. Nhưng mới bắt đầu xếp đặt công việc có phần bận nhiều, tất phải có đại thần Kinh phái hội lại cùng làm, mới có thể chóng xong được. Vậy phái ra Tham tri bộ Binh là Lê Văn Đức quyền tạm trao hàm Thượng thư sung làm Khâm sai đại thần ; thự Tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn làm phó. Mang cờ bài vương mệnh và đem theo khoa đạo cùng nhân viên ở ty trong 6 bộ là 10 người đi đến Trấn Tây, hội đồng với bọn Tướng quân, Tham tán, Hiệp tán. Chiểu số các bãi, bến, sông, ngòi, đầm, ao, chỗ nào có người, buôn bán, đi lại, đổi chác, liệu đặt cửa quan, bến tuần, định rõ ngạch thuế. Còn điền thổ sản vật, phàm thứ gì thuộc về sức dân làm ra thì ngạch thuế đánh nhẹ, để tỏ rõ chính sách của triều đình khoan rộng. Những điền thổ đã thành bờ ngăn, đều đem trượng đo, cho thành mẫu sào. Sản vật hoa lợi sản xuất ra, xét quả là nghề nghiệp vẫn làm thì cho cứ nộp thuế bằng sản vật ấy, cho dân được tiện. Đến như công việc gì ở hạt ấy nên làm, cứ từng việc một phải hết lòng trù tính mà làm cốt được chu tất thoả đáng. Những việc thường cho một mặt cứ làm, một mặt tâu lên, đợi Chỉ tuân hành. Còn như lệ thuế tạp ngạch lặt vặt theo thổ tục từ trước, đều cấm cả, để cho bọn thổ dân, đều được vui việc cày ruộng trồng dâu, sớm yên sinh nghiệp. Còn như số dân nhiều, ít, cứ phải theo thực số biên tên báo lên, không được giấu bớt đi : tiền thuế thân, tiền đầu quan, tạm hãy khoan miễn, đợi sau này dân nhiều của giàu sẽ bàn. Bèn thưởng tiền cho Lê Văn Đức, Doãn Uẩn cùng bọn người tuỳ phái có thứ bậc khác nhau (Đức 300 quan, Uẩn 200 quan, 1 chưởng ấn cấp sự trung 35 quan, 5 chủ sự mỗi người 25 quan, 2 tư vụ mỗi người 20 quan, 2 bát phẩm thư lại mỗi người 10 quan).

Sai Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Khoa kiêm quản ấn triện ty Thông chính sứ ; Chưởng vệ là Vũ Văn Giải kiêm quản thự Hoà thanh.

Sửa làm cột cờ ở Kinh thành. Sai Chưởng vệ là Đoàn Kim chủ trương coi làm việc ấy.

Vua dụ bộ Công rằng : Gần đây công tác cũng nhiều, ván gỗ đều lấy vào địa sản. Những cây ở núi rừng mọc ra phải đến 30 hay 50 năm mới có thể dùng được. Nay ngày nào cũng đẵn thì gỗ mọc ra có hạn mà dùng thì vô cùng, những dân phải nộp gỗ thuế sao khỏi có lòng đau ngầm về quẫn bách ư ? Bộ ngươi nên thể theo ý ấy của ta, khi dùng đến gỗ cần nên thận trọng không để bọn thợ tự ý huy hoắc đi mới được.

Cho Lãnh binh Quảng Nam là Nguyễn Đức Huấn đổi bổ làm Lãnh binh An Giang ; Phó vệ uý vệ Trung dinh Thần cơ là Nguyễn Văn Di sung bổ làm Phó lãnh binh Quảng Nam.

Chánh tứ phẩm tản viên là bọn Trương Hảo Hợp, Phan Hiển Đạt, Nguyễn Văn Công, đi sang mạn đông, công cán về, làm việc nhiều sự không phải lẽ. Chuẩn giáng bổ Trương Hảo Hợp, Nguyễn Văn Công đều làm Viên ngoại lang bộ Hộ, Phan Hiển Đạt làm Viên ngoại lang Đại lý tự.

Cháu của Khai quốc công thần Nguyễn Cư Trinh là Nguyễn Cư Sỹ, Nguyễn Cư Vỹ tình nguyện theo bộ học tập chính sự. Bộ Lại đề tâu hộ lên. Vua cho bổ làm học sinh Quốc tử giám, cấp cho học bổng để học tập.

Hà Nội tâu báo cây thuỷ chí[1] sông Nhị Hà, nước lên đã hơn 17 thước. Vua dụ bộ Công rằng : mới đến tháng 6 mà nước sông đã lên to đến thế, so với mọi năm thực là to quá. Nếu nước không rút xuống ngay, sợ đến kỳ nước lên to, tình hình lại càng hung hiểm. Trẫm nghĩ đến đời sống của nhân dân, lúc thức lúc ngủ không lúc nào không nghĩ đến. Dẫu cho vật liệu sang hộ chắc đã đầy đủ, quan lại ở nơi có phần sông chắc đã quan tâm đến, chẳng đợi ta phải nói nhiều đâu. Nhưng cẩn thận lại càng cẩn thận, phòng bị chớ có sơ suất, mong được có sự vui mừng về sông yên sóng, thì lời dụ này của trẫm, cảnh tỉnh nhắc nhở ở trong khi mơ mộng, cũng không phí một phen lấy lời nói khuyên bảo nhau vậy. Bộ ngươi lập tức sao lục dụ này cho ngựa chạy nhanh, ban cấp cho các đốc, phủ, nơi có phần sông đều biết.

Gia Định xét ra được thuyền nước Thanh giấu hàng hoá không nộp thuế, làm sớ tâu lên. Vua dụ rằng : giấu hàng trốn thuế là thói thường của con buôn ranh quái. Từ trước đến nay, các địa phương khám xét suất lược, không ai bắt được. Nay Gia Định lại biết phái uỷ người giỏi xét ra thực trạng gian lậu, thực là đánh khen. Vậy phái viên là Thông phán, Thủ ngự đều thưởng gia 1 cấp ; lại trích ra một nửa số hàng lậu thưởng cho. Phiên ty là Lê Khánh Trinh phái uỷ được người giỏi, thưởng cho kỷ lục 2 thứ. Niết ty là Nguyễn Văn cũng có dự làm việc ấy, thưởng cho kỷ lục một thứ.

Thái Nguyên săn bắt được tên giặc trốn là Phan Văn Thể cho đem giết đi. Bộ biền là Cai đội Dương Như Cát dưới tên có chua là giáng 3 cấp, vua cho khai phục lại cả. Lại thưởng thêm cho 10 đồng Phi long ngân tiền hạng lớn. Biền binh đi chuyến ấy, thưởng chung cho 300 quan tiền.

Rút bớt chức Phó lãnh binh ở các tỉnh lớn Bắc Kỳ. Bộ Binh tâu nói : các hạt Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây, Nam Định trước đặt Lãnh binh, Phó lĩnh binh chuyên cai quản các cơ thuộc các quân và các vệ, cơ mộ binh cùng là các đội

(1) *Thuỷ chí* : thước đo mực nước sông lên xuống cắm ở bờ sông.

linh tinh. Nay mộ binh các tỉnh hiện số lính không còn mấy, xin nên chước lượng rút bớt đi. (Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh chỉ để mỗi tỉnh một Lãnh binh chuyên cai quản 10 cơ Cường tiệp thuộc Tiền quân và cơ Định Tường ; 1 Phó lĩnh binh chuyên cai quản 3 vệ Thuỷ sư, 2 cơ tả, hữu Nam Định và các đội Định nghĩa, Định sai, Định uy, rút bớt chức Thuỷ sư Phó lãnh binh. Duy Hải Dương đất tiếp bờ biển, vẫn để 1 Lãnh binh chuyên cai quản 10 cơ Kiên nhuệ thuộc Tả quân ; 1 Phó lãnh binh chuyên cai quản 2 vệ Thuỷ sư, vệ Hải Dương, đội Hải tượng và các đội Hải Dương). Vua y theo lời tâu ấy.

Định lại lệ phân ban của giản binh các tỉnh Bắc Kỳ. Bộ Binh tâu nói : đặt ra quân để giữ nước, mà nuôi quân cốt phải dè dặt sức lao động. Nay trong ngoài yên lặng, 4 cõi ven yên tĩnh, các binh đinh tại ngũ cũng chỉ sai phái việc tầm thường mà thôi. Vả lại, xét ra số giản binh Bắc Kỳ cũng nhiều, xin tuỳ tỉnh hạt lớn nhỏ, liệu chia từng ban, cho thay đổi nhau về làm ruộng, thì sức lính đã đỡ nhọc, mà phí tổn nuôi quân cũng được rút bớt đi. Nếu gặp có việc quan khẩn nên gọi thêm lính đã mãn ban, thì do tỉnh tâu xin, tuân hành cũng chưa muộn.

Vua theo lời ấy, cho thi hành bắt đầu từ ngày mồng 1 tháng 7 năm ấy : (Hà Nội : 10 cơ Trấn định thuộc Trung quân, 3 đội Hà thanh nhất, nhị, tam, đội pháo thủ thứ 2, trước chia làm 2 ban, nay đổi làm 3 ban. Thuỷ vệ Hà Nội, từ tháng giêng đến cuối tháng 6, công việc hơi nhiều, vẫn để làm 2 ban ; từ tháng 7 đến cuối tháng 12, công việc hơi ít thì đổi làm 3 ban.

Nam Định : 8 cơ Cường tiệp thuộc Tiền quân, và đội Định uy trước chia làm 2 ban, nay đổi làm 3 ban. Ba vệ Trung thuỷ, Tả thuỷ, Hữu thuỷ Nam Định, từ tháng giêng đến cuối tháng 6 vẫn chia làm 2 ban, từ tháng 7 đến cuối tháng 12 chia làm 3 ban.

Hải Dương : 10 cơ Kiên nhuệ thuộc tả quân, trước chia làm 2 ban, nay đổi chia làm 3 ban. Hai vệ Tả thuỷ, Hữu thuỷ, từ tháng giêng đến cuối tháng 6 vẫn chia làm 2 ban, từ tháng 7 đến cuối tháng 12, đổi chia làm 3 ban.

Sơn Tây : 10 cơ Hùng dũng thuộc Hữu quân, trước chia làm 2 ban, nay đổi chia làm 3 ban.

Bắc Ninh : 10 cơ Uy thắng thuộc Hậu quân, trước chia làm 2 ban, nay đổi chia làm 3 ban. Năm đội Bắc hùng thuộc trung cơ Bắc Ninh trước kia làm 2 ban, nay đổi làm 4 ban.

Hưng Yên : 2 cơ Hậu cường, Hậu tiệp thuộc Tiền quân trước kia chia làm 2 ban, nay đổi chia làm 3 ban.

Tuyên Quang : cơ Tuyên hùng trước không chia ban, nay đổi chia làm 2 ban.

Phàm chia làm 2 ban thì một ban lưu ngũ, một ban về nghỉ ; chia làm 3 ban thì một ban lưu ngũ, 2 ban về nghỉ ; chia làm 4 ban thì một ban lưu ngũ, 3 ban về nghỉ.

Còn như Quảng Yên, cơ Quảng hùng trước chia làm 3 ban ; Cao Bằng, cơ Cao hùng ; Lạng Sơn, cơ Lạng hùng ; Hưng Hoá cơ Hưng hùng ; Thái Nguyên cơ Thái hùng và các đội Thái dũng, nguyên trước đều chia làm 2 ban ; Ninh Bình, 4 cơ tiền, hậu, tả, hữu và cơ Ninh tráng nguyên trước chia làm 4 ban ; cơ Ninh hùng trước chia làm 2 ban, cùng các hạng mộ binh trước không chia ban, đều theo lệ cũ).

Bộ Hộ tâu nói : 4 tỉnh [Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Ninh Bình] đến kỳ duyệt đinh tuyển lính, xin phái quan Khâm sai đến tuyển trường.

Vua cho là Nghệ An, Hà Tĩnh mới có tai nạn chết dịch, mưa lụt, theo lời đình thần bàn cho hoãn việc duyệt tuyển đến thượng tuần tháng 11 mới làm. Bèn sai Thông chính Phó sứ là Lâm Duy Nghĩa đi Thanh Hoa ; Bố chính Tuyên Quang là Trần Ngọc Lâm đi Ninh Bình làm việc duyệt tuyển (2 huyện Kim Sơn, Lạc An tỉnh Ninh Bình khoá này cùng với dân các huyện làm số ứng tuyển).

Thanh Hoa bèn tâu nói : hạt ấy từ tháng giêng đến giờ, nhân dân chết dịch hơn 2000 người, bệnh dịch vẫn chưa thôi dứt, tình hình đương lúc quẫn bách, xin hoãn việc duyệt tuyển.

Vua bảo bộ Hộ rằng : một hạt Thanh Hoa từ trước tâu báo vẫn nói gạo rẻ lúa tốt, không nghe nói có bệnh đau khổ gì, nên lệ khoá duyệt tuyển đã cho cử hành. Nay tuyển kỳ đến nơi, mới đem việc có tai nạn báo lên. Vả lại, xét trong tờ tâu, thì bệnh dịch lệ phát ra từ mồng một tháng giêng, nếu dân gian có sự ngặt nghèo, sao không tâu trước. Tất nhiên là việc duyệt tuyển quên bẵng đi mất, đến lúc tiếp được lục tống của đình nghị, trẫm cũng chiểu theo lời xin, cho hoãn đến tháng 11 sẽ làm việc duyệt tuyển. Những dân bị chết dịch, cho theo lệ cấp tiền tuất.

Lại phái thự Hộ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Phan Tĩnh mật đi dò xét, về nói rằng : hạt ấy khí dịch lệ đã lui đến 8, 9, 10 phần, chỉ vì tỉnh thần quên mất việc duyệt tuyển, cho nên nói thác ra mà xin hoãn để che lỗi. Vua ghét là dối trá, bắt Thự đốc Trần Hữu Thăng, Bố chính Nguyễn Nhược Sơn đều cách chức về Kinh, giao cho bộ Lại nghiêm bàn tội. Hữu Thăng rồi sau ốm chết, vua gia ơn thưởng cho hàm Vệ uý ; Nhược Sơn phải cách chức phát đi thành Trấn Tây gắng sức làm việc.

Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương có dịch lệ. Quan các tỉnh ấy tâu báo lên. Vua dụ bộ Lễ rằng : năm nay gặp chính thọ ngũ tuần của trẫm, cầu trời cho sống lâu, thu phúc ban cho dân, ơn trạch ban ra, thần và người đều thấm nhuần. Nay các hạt

Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, nhân dân và súc vật gián hoặc có chỗ không được yên, trẫm nghĩ đến đời sống của nhân dân tìm nhiều cách chữa chạy. Nghe nói chùa núi Phật Tích của tỉnh Sơn Tây thuộc Bắc Kỳ là chùa của thần tăng Từ Đạo Hạnh làm ra, vốn có tiếng thiêng liêng. Nên chọn lấy 20 người sư ở các chùa trong Kinh, người nào hơi thông giới luật trong kinh Phật, cùng với 10 người thự Hoà thanh đi đến nơi, làm đàn chay, đọc kinh làm phúc 3 tuần 7 [tức là 21] ngày và đêm, mỗi một tuần 7 ngày, trai tăng lại làm 1 đàn phát chẩn cứu tế. Bắt đầu từ ngày mồng 9 tháng 7 này khai kinh, đến ngày 15 vừa gặp tiết Lan Bồn[1], thì lấy đêm ấy phát chẩn cứu tế. Lại tiếp tục làm theo 2 tuần 7 nữa, để cho thiện duyên tròn vẹn, phúc khắp mọi loài, để mong cho người khoẻ, vật thịnh, sóng sông yên ổn, lúa thóc được mùa để hả lòng trẫm vì dân cầu phúc, không phải là nịnh Phật đâu. Những lễ phẩm đàn chay cần dùng đến và các thứ nhân công vật liệu, do quan tỉnh lấy tiền kho mà làm không được dùng đến công sức tiền tài của dân.

Lại nghe nói các sư ở Bắc Kỳ, phần nhiều chưa thuộc khoa cúng. Nên chiêu tập độ 30 hay 50 người sư đã kiên trì giới luật ở các tỉnh lớn hạt láng giềng đến đàn chay chùa ấy, nghe xem tiết thứ dâng khoa cúng và những âm nhạc do thự Hoà thanh biểu diễn. Về sau này có việc thiện duyên gì tốt, cũng nên biên theo như thế mà làm, để chấn chỉnh đạo giáo nhà Phật.

Cho Hữu thị lang bộ Công là Lý Văn Phức quyền lý công việc Thuỷ sư Kinh kỳ ; Lang trung bộ Công biện lý việc bộ là Nguyễn Đồng Khoa đổi bổ làm Lang trung bộ Lại biện lý việc bộ.

Cho Phó lãnh binh Thuỷ sư Nghệ An là Đoàn Khác đổi bổ làm Phó vệ uý vệ tứ dinh Hữu Thuỷ sư Kinh kỳ ; lại hiệp cùng với Vệ uý vệ tam dinh Trung là Nguyễn Văn Pháp kiêm quản vệ Long thuyền. Vệ uý ngạch thừa trước sung làm Phó lãnh binh Thuỷ sư Nam Định là Nguyễn Bá Tĩnh, tác vi Phó lãnh binh Thuỷ sư Nghệ An.

Quan tỉnh An Giang tâu nói : đất ở sau thành tỉnh ấy nhiều chỗ tốt màu, năm ngoái đã đắp được đê vệ nông bắt lính khai khẩn thành điền được 770 mẫu ; những chỗ chưa khai khẩn còn ước độ 200 mẫu nữa. Nhưng xứ ấy thế đất rộng xa, cỏ rậm lầy lội. Đã tư cho đốc thần tỉnh ấy biết : nghĩ đắp một con đường ở giữa xứ ruộng ấy, từ bờ đất sau thành đến núi Sảm (đường ấy dưới chân rộng 1 trượng, trên mặt rộng 6 thước, cao trên dưới 3, hay 4 thước), hai ven đường đều khai ngòi nhỏ (rộng 5 thước, sâu 3 thước). Lại cách nhau khoảng 30 hoặc 50 trượng, đều đắp đường

(1) *Lan Bồn* : cũng gọi là Vu Lan Bồn ; tức là làm chay thí thực.

nhỏ, để đến kỳ cày cấy đi lại được tiện, mà kỳ thu hoạch gánh lúa đi qua cũng dễ. Vào tuần tháng 4, đã bắt lính đương tại ban khởi công đắp, mới được hơn 500 trượng. Xin đợi sau sẽ tiếp tục đắp đường ấy. Vua y cho làm.

Trong Kinh kỳ ít mưa, vua sai Kinh doãn đảo vũ ở miếu Đô thành hoàng, chưa mưa ; lại sai Tham tri bộ Lễ là Phan Huy Thực đảo vũ ở miếu Vũ sư. Mưa xuống rất to. Vua mừng, lập tức phát hương lụa trong kho để làm lễ tạ. Thưởng cho Huy Thực kỷ lục 2 thứ.

Quan tỉnh Quảng Trị tâu nói : năm nay ân chiếu cho các địa phương, tiền thuế thân, tiền đầu quan ; tiền thuế điệu [thuế hộ] đều được giảm 5 thành. Vậy dân ở 9 châu phủ Cam Lộ, lệ phải nộp thuế bằng bạc, có được giảm không ?

Vua dụ rằng : các châu ấy, đời làm thân bộc triều đình gần 200 năm, thanh giáo thấm nhuần đã sâu và lâu ngày rồi. Trước đây tình nguyện nộp thuế, đã cho nộp bằng bạc, là nghĩ bọn kia ở nơi xa xôi hẻo lánh, cho nên nộp bằng bạc để dễ đem nộp. Mà nghĩ nộp thuế chính cung, cũng giống như thuế thân, thuế hộ của dân Kinh, há nên phân biệt. Vậy 9 châu ấy, bạc thuế năm nay, gia ơn chiểu theo lệ dân Kinh mà giảm bớt cùng một loạt. Phủ Trấn Ninh, Trấn Biên, tỉnh thuộc Nghệ An, phủ Trấn Định, Trấn Tĩnh thuộc tỉnh Hà Tĩnh, phủ Trấn Man tỉnh Thanh Hoa, bạc thuế của thổ dân, cũng được giảm như thế.

Vua đi tuần chơi núi Thuý Ba. Thuyền vua đi đường sông Lợi Nông. Khi đến nơi, sai gióng xe đến chùa Thánh Duyên. Đề thơ ở chùa trên núi rằng : "Ký hữu hành cung phạm vũ, khởi vô liễu lục đào hồng. Cảnh như thị, nhân như thị, không thị sắc sắc thị không". Dịch nghĩa : "Đã có cung vua chùa Phật, há không liễu biếc đào hồng. Cảnh như thế, người như thế, không là sắc, sắc lại là không". Vua sai triệu thị thần là Trương Đăng Quế sai đọc thơ ấy và bảo rằng : "4 câu thơ ấy, ý vị vô cùng. Kể ra thanh tĩnh điềm đạm là tôn giáo của nhà Phật, thì người ta thờ Phật, lại cần gì phải sắc tướng rỡ ràng, chuông trống rầm rĩ ư ? Nhưng theo lòng thiện vô lường, làm nên cõi vui thiên nhiên cũng là theo tục đấy thôi. Trẫm đối với đạo Phật, cái ý không khen không chê, đã có thể biểu hiện ra ở một bài thơ này vậy".

Lại thuận đường ngự ra cửa biển Thuận An ; lên lầu Quan Hải, xem các hiệu thuyền nhiều dây bọc đồng thao diễn. Thấy thuyền Thanh Loan mới chế, đi lại nhanh lẹ rất khen ngợi. Thưởng cho bọn chuyên biện áo sa dày mỗi người một cặp. Lại thí nghiệm tàu thuỷ chạy bằng hơi nước, tập bắn súng lớn súng nhỏ, rồi trở về cung.

Sai tỉnh Hà Tĩnh làm sảnh đường đốc học (ở xã Trung Tiết bên tây tỉnh thành).

Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương cùng với thự Án sát là Ngô Văn Địch thông gia với nhau tâu xin hồi tỵ. Vua cho đổi bổ Án sát Quảng Ngãi là Trương Quốc Dụng làm Án sát Hưng Yên, Ngô Văn Địch đổi thự Án sát Quảng Ngãi.

Chuẩn định : từ nay về sau, những nhân viên nào can án phải cách, phải đổi, mới được khởi phục, mà có người nào đem việc chỗ làm quen trước phát giác ra, đáng phải xử phân, thì nếu tội danh nghị xử ấy nhẹ hơn án trước cho được chiểu lệ khoan miễn, nếu tội danh nghị xử ấy, nặng hơn án trước, đã cho dụ chỉ cho đổi theo mức nhẹ, thì không được viện lệ để miễn. Định làm lệ.

Lãnh binh Hà Tĩnh là Phan Văn Đổng tuổi già hưu trí. Cho Vệ uý cũ sung Phó lãnh binh Bắc Ninh là Giáp Văn Tân bổ thụ Lãnh binh Hà Tĩnh.

Bộ Hình tâu : từ trước các viên nhân phái đi đường biển còn thiếu số bạc tang bồi thường hơn 1.200 lạng bạc và hơn 300 đồng ngân tiền. Vua nghĩ năm nay có khánh điển, ơn to ban khắp, gia ân đều cho miễn cả.

Giáng chức bọn thuộc biền thành Trấn Tây : Chưởng vệ là Trà Long làm Cai đội ; Nhâm Vu làm Chánh đội trưởng ; Vệ uý là La Kiên làm Đội trưởng, phát giao đi các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên quản thúc.

Bọn Trà Long trước ở Trấn Tây, phái đem quân đi đánh giặc, thoái thác không đi. Đến lúc lai Kinh chúc hỗ, vua sai bộ Hộ hỏi về số dân, lại dụng tình giấu bớt đi, tra hỏi mãi mới thú thực. (Trước nói dân số không đầy 40.000 người để sót hơn 15.000 người).

Vua nói : bọn Trà Long, nguyên là thổ mục, triều đình trao cho quan nhị tam phẩm, hậu đãi biết là nhường nào, mà còn để lòng trông ngóng, thực phụ ơn nước, tội không thể chối được. Vậy giao cho bộ Hình bàn, xin xử tội trảm giam hậu. Vua đặc cách cho giáng chức.

Sai phủ Thừa Thiên khơi vét dòng nước các sông trong hạt. Vua dụ bộ Công rằng : các đường sông lớn sông nhỏ ở bốn xung quanh kinh thành, cốt để tiện đường thuyền đi lại và lợi cho việc làm ruộng, các lợi ấy to lắm. Gần đây những tiểu dân không biết gì, thường thường lợi dụng không phải đóng thuế, tự tiện trồng lúa khoai ở 2 bên cạnh dòng nước, lâu ngày lan rộng ra, thành ra rậm rạp che lấp hẹp đi. Vậy sai Kinh doãn sức cho các viên huyện, đều chiểu giang phận sở tại, sức dân theo từng đoạn vét khơi, cốt cho giữa dòng được không khoảng rộng 10 trượng, nước sâu 3 thước làm hạn, để cho các sông đều một loạt lưu thông, nông thương đều lợi. Ai phạm điều này, phải phạt 100 trượng, già hiệu[1] một tháng ; Tổng lý đều phạt 80 trượng. Kinh doãn, huyện viên, đều giao bộ bàn tội. Định làm lệ.

(1) *Già hiệu* : tức đóng gông đem bêu.

Vua sai các quan đến tế các đền thiêng. Vua dụ bộ Lễ rằng : thần giúp việc trời, ai làm thiện thì cho phúc. Nhà nước tôn thờ chính thần, để cầu phúc thiêng. Vua đời xưa cầu khấn thần kỳ, vọng tế núi sông, có chép ở sách. Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, kính tôn đạo trời, mến yêu bách thần, chỉ mong cho giúp nước giúp dân, đến được đại thuận. Năm nay gặp chính thọ ngũ tuần của trẫm, ơn trạch ban khắp, thần và người đều thấm ơn cả. Nhân nghĩ : thần thiêng ở các hạt từ hữu kỳ trở ra Bắc, trong ấy rất có tiếng như Thục An Dương vương ở Nghệ An, Chân Vũ tôn thần ở Hà Nội, Đổng thần vương ở Bắc Ninh, Tản Viên sơn tôn thần, chùa núi Phật Tích ở Sơn Tây, vốn là linh ứng. Chuẩn phái Thông chính sứ sung biện các vụ là Lâm Duy Nghĩa đến miếu Thục An Dương vương, Lang trung bộ Lại là Nguyễn Văn Tuân đến quán Chân Vũ (trước là quán Trấn Vũ, nay phụng mệnh đổi lại) ; thự Lang trung bộ Binh là Bùi Nhật Tiến đến núi Tản Viên ; Lang trung bộ Hộ là Nguyễn Đức Hộ đến đền Đổng thần vương. Đều trước kỳ đem hương lụa ở trong kho đến nơi, do tỉnh thần sở tại sửa lễ lợn bò, đến ngày mồng 3 tháng 7 làm lễ. Lại phái Quản thị vệ là Vũ Văn Giải đem hương lụa do Sơn Tây sắm trai phẩm đến chùa núi Phật Tích xã Thuỵ Khê, nhân ngày mồng 9 tháng 7 đàn chay khai kinh, thì làm lễ vào ngày ấy. Đều phải hết lòng thành kêu cầu với thần, phù hộ cho mình trẫm mạnh khoẻ tốt lành ; lại cầu cho lúa được mùa, sông thuận dòng, trộm cướp yên tĩnh, nhân dân bình yên, để cùng hưởng phúc thái bình.

Sai bộ Công phái bộ ty đi ra quán Chân Vũ Hà Nội, xem kỹ sự tích, theo từng khoản biên lấy. Đến khi về dâng lên. Vua bảo bộ Lễ rằng : quán này trước có bia của họ Trịnh để lại, phần nhiều để khoe khoang ; lại có biển khắc thơ nôm, càng là bỉ lậu. Xét ra, họ Trịnh chuyên quyền lấn áp, tiếng là tôi nhà Lê, thực là giặc nhà Lê. Danh phận không chính thì lời nói không thuận, phàm có đăng ký cái gì đều không đủ tin, há nên đủ lưu truyền về sau. Chuẩn cho lập tức triệt bỏ bia ấy, mài đục chữ đi, cái biển đề thơ cũng đốt đi.

Lại truyền dụ cho các địa phương từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, phàm các đền, từ nếu có bia, biển của họ Trịnh làm ra, đều cho theo như thế mà làm. Lại các sườn núi, đỉnh núi ở các núi có tiếng nào mà có chữ của họ Trịnh đề khắc, đều mài đục đi, chớ để dấu tích lại.

Thanh Hoa sửa đắp các lăng vua Lê và lập bia ký, công việc làm xong, vua cho quan tỉnh biện lễ phẩm do viên phủ huyện sở tại đến cáo tế.

Đổi định lệ quân cấp ruộng đất khẩu phần. Khoa đạo là bọn Nguyễn Thế Trị dâng sớ nói : năm trước bộ Hộ bàn cho xã dân các hạt quân cấp ruộng công, những

binh dân trong xã cùng lại dịch chưa được chi lương, cho đến người già ốm, con côi, goá chồng, đều theo hạng mà liệu cấp phần số. Còn quan viên, không cứ quan phẩm cao thấp, đều không được dự, lấy lẽ là người có lộc không nên chia lợi với người không lộc. Duy điền thổ của dân gian, mỗi xã khác nhau, cũng có xã ruộng đất công tư xen nhau, cũng có xã, toàn là công điền công thổ, cho nên các xã thôn không có tư điền tư thổ, từ trước đến giờ, quan lại binh dân đều làm nhà vườn ở nơi điền thổ công đã thành cơ chỉ. Nếu quan chức mà nhất khái đình cấp, thì vợ con ở nhà quê không có tấc đất nào mà ở. Xin lượng cấp cho thổ trạch chiểu lệ nộp thuế.

Vua sai đình thần bàn tâu cho là : công điền thổ cốt để cho lợi đều nhau. Nay quan viên đã có bổng lộc, nếu lại lấy phẩm trật hơn kém chiểu cấp khẩu phần, thì người có lộc lại chiếm lợi nhiều hơn người không lộc, cố nhiên là không nên. Nếu nhất khái cho là quan viên đã có bổng lộc, không cấp cho khẩu phần, thì vợ con quan viên ở nhà quê không có đất nương đậu, cũng không phải là ý triều đình thể tất các quan viên. Xin những dân xã quân cấp ruộng công đất công, thì lương điền của lính, theo lời bộ bàn về năm Minh Mệnh thứ 17 mà cấp. Còn bao nhiêu điền thổ, cứ quan lại, binh thợ cùng các hạng dân thực nạp, biệt nạp, không cứ phẩm trật hơn kém, mỗi người đều được cấp cho 1 phần khẩu phần. Lão nhiêu, lão hạng, phế tật[1], đốc tật[2], đều chiểu số một phần ấy chia làm 2 thành, cấp cho mỗi người 1 thành ; con mồ côi, đàn bà goá đều chiểu số một phần ấy chia làm 3 thành, mỗi người cấp cho 1 thành. Trong ấy, các quan lại cùng các hạng người đã chót làm nhà ở vào nơi ruộng đất công rồi thì tính số mẫu sào, khấu trừ vào số khẩu phần đang được chịu nộp thuế lệ. Nếu thổ trạch người ấy ở không bằng số khẩu phần, thì tính mà cấp thêm. Nếu chỗ nhà ở rộng quá số khẩu phần, thì chiếu số quá ra ấy, phải nộp thuế lệ gấp đôi, lấy một nửa nộp vào nhà nước, một nửa cho dân. Thôn xã không được cái cơ chỉ hiện thành ấy nguyên là công điền công thổ cho mà nhất khái đem rút ra để quân cấp.

Vua y theo lời bàn ấy.

Quan phủ Thừa Thiên tâu nói : gần đây khí trời nóng nực, 5 huyện Hương Trà, Hương Thuỷ, Quảng Điền, Phong Điền, Phú Vinh bệnh dịch lệ phát ra, dân gian nhiều người bị truyền nhiễm.

Vua lập tức phái nhiều y sinh đem thuốc chia nhau đi chữa, bệnh dịch liền bớt đi. Bị truyền nhiễm chết mất hơn 200 người, đều chiểu lệ cấp tiền tuất. Dân 3 huyện

---

(1) *Phế tật* : những người về tinh thần và thân thể không được hoàn toàn.
(2) *Đốc tật* : tật bệnh nguy nặng.

Quảng Phúc, Tân Định, Phúc Điền ở tỉnh Khánh Hoà, châu Mường Vang ở tỉnh Quảng Trị cũng có chết dịch. Chuẩn cho cấp tiền tuất cả một loạt.

Sai các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên làm lại sổ đinh điền. Bộ Hộ tâu nói : điền thổ, hộ khẩu lấy sổ làm nhất định. Sổ điền phải biên rõ mẫu sào, xứ sở, mới có thể phân biệt bờ cõi mà dứt mối tranh nhau. Sổ đinh phải biên rõ họ tên và tuổi, mới có thể tra xét mà khỏi sót lậu. Đến như kỳ duyệt tuyển là để biết số dân đông hay thưa có quan hệ đến chính sách to lớn. Từ trước đến giờ, 5 tỉnh ấy vẫn cho là đất ở chỗ biên viễn, chưa từng bàn đến việc duyệt tuyển. Xét ra dân các hạt ấy lâu nhờ nuôi dạy yên rỗi, nhân dân ruộng đất tưởng cũng ngày thêm đông đúc, mở mang, xin nên theo lệ các tỉnh to, làm lại sổ sách. Về sổ điền thì đưa lên bộ xét duyệt, rồi phát bản ất [bản thứ hai] về dân tuân chiểu. Sổ đinh thì đều lưu ở tỉnh, đợi đến sang năm, cùng với tỉnh Quảng Yên, sai quan đến duyệt tuyển một thể.

Vua nghe theo lời tâu ấy. Nhưng nghĩ việc mới bắt đầu làm, bọn bậy bạ hoặc có lừa dối thổ dân làm bậy chăng. Bèn sai tỉnh Sơn Tây phái 1.000 biền binh chia đóng Tuyên Quang, Hưng Hoá mỗi tỉnh 500 người. Bắc Ninh phái 1.000 biền binh chia đóng Thái Nguyên, Cao Bằng mỗi tỉnh 500 người. Hà Nội phái 500 biền binh đến đóng Lạng Sơn để trấn áp. Những biền binh phái đi đều lấy lính đã mãn ban sung vào. Phái uỷ cho quản vệ quản cơ đắc lực cai quản biền binh ấy, cứ 3 tháng 1 lần đổi, đợi đến cuối năm các địa phương ninh thiếp đều rút về cả.

Làm cái tàu bằng hơi nước hạng trung kiểu mới. Sai Chưởng vệ là Đoàn Kim, Chánh phó giám đốc là Lê Văn Quý, Lê Văn Xuyên chiểu theo thể chế cách thức tàu chạy hơi nước hạng to mới mua về, châm chước mà làm (thân tàu dài 5 trượng 4 thước, ngang 9 thước, sâu 4 thước 3 tấc 6 phân. Nồi chứa nước dài 6 thước 5 tấc, ngang 5 thước, cao 4 thước 1 tấc, trục bánh xe guồng 2 bên làm dài thêm 2 thước. Tay guồng 12 cái vẫn làm bằng sắt, duy ván tay lái làm bằng gỗ lim dài 3 thước 3 tấc, mặt 9 tấc, 2 đầu trục bánh xe guồng làm thêm mỗi bên một cái đỡ trục bằng đồng. Còn ống còi cùng ống khói cùng cột đồng trung tâm cái guồng và cái nắp nồi chứa nước, hoặc làm bằng sắt, hoặc làm bằng đồng, tuỳ tiện mà làm. Ván thân tàu hoặc gỗ tử, gỗ đỗ[1] cũng được, ván chỉ dày 8 phân). Còn tàu chạy hơi nước hạng trung cũ để làm tàu vận tải tầm thường gọi là ô thuyền [tàu đen].

---

(1) *Gỗ tử, gỗ đỗ :* chưa rõ đích xác là thứ gỗ gì, nhưng cũng có thể là loại gỗ thị, gỗ bàng.

Vua sai thuỷ sư sửa chữa 3 chiếc thuyền : Long Tứ, Long Ngũ, Long Lục. (3 chiếc thuyền này năm trước trích ra điền vào số thuyền lê còn thiếu. Nay chuẩn cho lại gọi theo tên cũ. Màu thuyền sơn dầu, đổi làm sơn thếp bạc phủ sơn mặt dầu. Gỗ ván thuyền có chỗ nào thủng nát thì tuỳ từng chỗ mà sửa chữa. Cùng với các thuyền Long Nhất, Long Nhị, Long Tam và thuyền Long Kha cộng 7 chiếc thuyền đều để sung vào khi đi theo hầu.

Sai các tỉnh ở Tả kỳ nuôi ngựa công, hằng năm tra xét, thưởng phạt đều theo lệ các tỉnh ở Nam trực, Bắc trực. (Bình Định ngựa cái 20 con, ngựa đực 5 con. Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận ngựa cái đều 15 con, ngựa đực đều 4 con).

Tướng quân Trương Minh Giảng, Hiệp tán Cao Hữu Dực thành Trấn Tây, dâng sớ tự bày lỗi của mình, nói : Giảng khi mới đến Trấn Tây chót có nhận lấy tiền chè là về việc thuỷ lợi của tỉnh An Giang, tuỳ việc chi tiêu việc công. Dực khi ở Hà Tĩnh cũng có lấy riêng tiền chè lá về cửa quan, bến tuần để chi dùng.

Vua dụ rằng : thuế cửa quan, bến tuần, từ trước đã định có thành ngạch, há có lẽ lại thu thừa ra ngoài ngạch. Trương Minh Giảng là đại thần của nước, mình coi giữ trọng trấn, nếu có chi tiêu việc công, ngại gì việc tâu xin lấy của công mà chi, sao lại bị người xui giục làm thói bậy ấy. Nếu có đem chi việc công, cũng chưa là phải, nữa là trong khi chi phát, chưa chắc đã về việc công cả ư. Nhưng đã biết theo lời dụ bày tỏ, không giấu giếm che chở chút nào, gia ơn miễn việc xử phân. Còn những món tiền gạo chi tiêu xét ra thuộc về việc tư, thì chiểu số tư đem của nhà đền ra, lưu làm của công hạt ấy. Cao Hữu Dực cũng cho khoan miễn, nhưng chiếu số tiền thu riêng bao nhiêu, cho tiện nộp ở Trấn Tây, chuyển báo cho Hà Tĩnh chi tiền kho ra đủ số ấy để làm chi tiêu việc công.

Vua lại nghĩ : các địa phương nhiều tỉnh có cửa quan bến tuần, thuỷ lợi, đấu giá phát mại, không biết có theo thói làm bậy như thế không ? Sai bộ Hộ truyền dụ sức hỏi, rồi thì các tỉnh tâu trả lời : có 5 tỉnh là Thanh Hoa, Bắc Ninh, Phú Yên, Cao Bằng, Hải Dương đều nói là không thu tiền chè lá ngoại lệ, mà có tiếp nhận của nhà buôn đưa biếu.

Vua dụ rằng : đốc, phủ, bố, án đều là đại lại ở địa phương, nên giữ mình thanh bạch để cho các viên văn võ trong hạt, coi làm gương mẫu, mới không phụ chức vụ. Nay vì việc đấu thầu thuế cửa quan, bến tuần mà nhận quà biếu của nhà buôn, dẫu so với người công nhiên chiểu thu tiền chè lá có khác, nhưng xét ra là không biết giữ gìn liêm khiết. Trẫm trước nghĩ : người ta ai không có lỗi, quý hồ biết đổi mới. Đã nhiều lần đinh ninh dụ bảo cho quan viên trong ngoài : nếu tự mình làm không

phải, cho đều dâng sớ tự hặc. Các tỉnh viên nếu ở trong hạt kiểm xét đưa ra, cũng cho khoan miễn. Sao mà cứ nhất vị im lặng, đợi đến truyền dụ sức hỏi, mới bày tỏ ra, thực là không phải. Vậy tỉnh thần 5 tỉnh ấy đều phạt lương 9 tháng, không cho lấy công khác khấu trừ. Tiền chè lá đã lấy ấy tự liệu đáng giá bao nhiêu tiền, cho được nói ra rõ ràng, giao cho tỉnh làm tiền công nhu. Từ sau nên càng thêm tu tỉnh, kính giữ lời răn để chịu ơn huệ mãi mãi, chớ lại lần sau lầm lẫn nữa.

Hà Tiên, Vĩnh Long, Khánh Hoà đem số biền binh phái đi khai khẩn ruộng, tâu báo lên. Chuẩn cho chiểu theo số ruộng, số thóc thu được nhiều hay ít, thưởng tiền có thứ bậc khác nhau (Hà Tiên ruộng hơn 940 mẫu, có một ít bị tổn thương, thu hoạch được thóc hơn 3.900 hộc, thưởng tiền 300 quan. Vĩnh Long ruộng 260 mẫu, thu hoạch được thóc hơn 2.800 hộc, thưởng tiền 250 quan. Khánh Hoà ruộng hơn 140 mẫu, thu hoạch được thóc hơn 230 hộc, thưởng tiền 100 quan).

Sửa chữa đền thờ Ba [Hoa] quốc công. Vua sai phủ Thừa Thiên thuê 300 người dân làm việc.

Chuẩn định từ nay về sau, những chương sớ của các địa phương do ngựa trạm phi đệ. Việc nào thuộc về quân cơ, và quan yếu thận mật, thì đệ nộp ở xứ thị vệ. Còn những việc tầm thường như thuyền tàu ra vào cửa biển, không cứ khẩn vừa khẩn lắm đều do bộ trình dâng lên.

Tổng đốc Long - Tường là Đoàn Văn Phú mất. Phú làm quan thanh bạch, khi ốm chết, trong hòm không có tiền của gì.

Vua nghe biết, dụ sai quan tỉnh cấp cho ngay 3 cây gấm Trung Quốc, 200 quan tiền. Vua sai quan đến tế một đàn. Khi cất đám về đến quê, ban thêm cho 300 quan để khuyến khích người làm quan thanh liêm. Lại truy tặng làm Hiệp biện Đại học sĩ. Con là Đoàn Văn Tường cho ăn lương cửu phẩm, đợi đến năm 20 tuổi, do bộ tâu lên, liệu cho quan chức.

Chuẩn định những lính ở Kinh mà quê thuộc tỉnh Bình Định, hằng năm trích phái 3 vệ sung đi thú Nam Kỳ. Vệ nào sang năm đến ban đi thú, thì đến kỳ tháng 7 năm nay chia ban, toàn số về quê nghỉ ngơi. Đợi đến kỳ được triệu lên đường đi thú. Chuẩn định làm lệ mãi mãi.

Định lại lệ thuyền quân tuần biển hằng năm của các tỉnh Nam Kỳ, cứ đến tháng 9 thì rút về đội ngũ cũ. (Lệ trước tháng 4 phái đi, tháng 10 rút về).

Chuẩn định các quan văn võ ở Kinh, từ chánh nhất phẩm đến tòng thất phẩm, từ ngày mồng một tháng 7 đến cuối tháng 12, về tiền lương, tính chiết can ra tiền

đồng lớn, tiền đồng nhỏ mà cấp cho có thứ bậc khác nhau (Chánh tòng nhất phẩm, tiền đồng hạng lớn hạng nhỏ đều 3 quan ; Chánh tòng nhị phẩm, tiền đồng lớn 2 quan, tiền đồng nhỏ 3 quan ; chánh tòng tam phẩm, tiền đồng lớn nhỏ đều 2 quan ; Chánh tòng tứ phẩm tiền đồng lớn 1 quan, tiền đồng nhỏ 2 quan ; Chánh tòng ngũ phẩm, tiền đồng lớn nhỏ đều 1 quan ; Chánh tòng lục, thất phẩm tiền đồng lớn đều 1 quan).

Phát tiền đồng lớn nhỏ Gia Long, Minh Mệnh cho các tỉnh, chứa vào kho để chi dùng (Các tỉnh lớn tiền to 5.000 quan, tiền nhỏ 10.000 quan ; tỉnh vừa tiền to 3.000 quan, tiền nhỏ 6.000 quan ; tỉnh nhỏ tiền to 2.000 quan, tiền nhỏ 4.000 quan).

Cho Bố chính Ninh Bình là Trần Văn Trung thăng thự Tuần phủ, kiêm giữ ấn triện Bố chính.

Triệu Bố chính Nghệ An là Nguyễn Đình Tân về Kinh. Cho Lang trung biện lý Nội vụ là Nguyễn Đức Hoạt thăng thự Bố chính Nghệ An. Viên ngoại lang bộ Hộ là Nguyễn Văn Công, thự Viên ngoại lang Đại lý tự là Lê Nguyên Trung đều làm Viên ngoại lang phủ Nội vụ, hội đồng với Trần Văn Ngạn hộ lý quan phòng phủ Nội vụ.

Án sát Quảng Trị là Nguyễn Huy Chuẩn phải tội bị mất chức. Cho Lang trung bộ Công là Đỗ Quang làm Án sát Quảng Trị, hội đồng với Bố chính hộ lý quan phòng tuần phủ. Trước kia, Chuẩn đi các châu Cam Lộ, chiêu phủ bọn thổ man, nhân không quen chịu thuỷ thổ ở đấy bị ốm, nói năng thất thường, tâm tính bất định, tâu vu cho Bố chính Nguyễn Đăng Uẩn đánh đuổi thổ ty, đến nỗi một năm nay sinh việc, và cóp nhặt việc vặt, đánh đập lại dịch ty Niết. Uẩn lại đem những việc Chuẩn làm không phải, 2 bên cùng gièm chê nhau.

Vua sai Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình là Vũ Xuân Cẩn đi xét án xử. Chuẩn phải tội đồ. Uẩn cùng đồng liêu bất hoà, xử giáng chức.

Vua nói : Nguyễn Huy Chuẩn mất trí khôn thành bệnh cuồng, cho nên tập tâu không thật, còn có thể tha thứ được. Vậy xử theo mức nhẹ, cách chức phát đi thành Trấn Tây làm binh cố gắng làm việc. Nguyễn Đăng Uẩn cùng Chuẩn cùng làm việc, bệnh tình của Chuẩn không phải một ngày, mà bấy lâu vẫn giấu không tâu lên để cho người bệnh cuồng vẫn giữ chức chăn nuôi dân, thì tội Uẩn là ở chỗ hoà đồng, chứ không phải là bất hoà. Vậy Uẩn xử giáng 1 cấp. Vũ Xuân Cẩn xử tội vẫn là bất hoà, thực là không phải, vậy phạt lương 3 tháng.

Sai Chưởng vệ quyền quản dinh Long võ là Hoàng Đăng Thận kiêm quản viện Thượng tứ.

Vua nghĩ : gần đây biền binh các dinh vệ ở Kinh thao diễn các thuyền, khó nhọc vất ấy cũng đáng nên thương. Chuẩn cho chiểu theo số thuyền nhiều hay ít, liệu cấp tiền thưởng cho : (vệ Cẩm y 20 quan tiền ; vệ Kim ngô, Long võ, Kỳ võ, đều 10 quan tiền ; Vũ lâm 2 dực 60 quan ; Cấm binh 5 dinh 100 quan tiền ; Các bảo 40 quan, 3 dinh Thuỷ sư 70 quan).

Phát kính thiên lý [ống nhòm] chia cấp cho các địa phương có bậc thứ khác nhau : (Thừa Thiên trước cấp 2 ống, lưu nha 1 ống, trích ra 1 ống và cấp thêm 1 ống giao cả cho đồn cửa biển Thuận An. Kinh kỳ Thuỷ sư nguyên cấp 10 ống, để lại 5 ống, trích ra 5 ống và cấp thêm 10 ống chia giao cho 2 hạng thuyền bọc đồng hạng lớn hạng vừa mỗi thuyền 1 ống. Gia Định, An Giang trước cấp mỗi tỉnh 2 ống, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Quảng Yên, mỗi tỉnh trước cấp 1 ống, nay cấp thêm cho mỗi tỉnh 1 ống nữa. Hạt nào có Thuỷ sư thì trích giao cho 1 ống. Quảng Ngãi trước cấp 1 ống, nay cấp thêm 2 ống nữa, chia giao cho thuỷ sư và đồn bảo ven biển, mỗi nơi 1 ống. Tướng quân, Tham tán, Đề đốc, Hiệp tán thành Trấn Tây, cấp riêng cho mỗi người 1 ống. Còn 4 ống cấp trước vẫn để ở hạt ấy, lâm thời phát cho viên biền mang đi tuần bắt giặc. Các phủ thuộc về hạt ấy là Hải Đông, Hải Tây đều cấp cho 2 ống. Sơn Tĩnh 1 ống. Các đồn Hải Vân quan, các cửa biển Tư Dung, Đà Nẵng, Cần Giờ, Phúc Thắng, Thanh Hải, Phú Quốc, Thi Nại, Biện Sơn mỗi đồn đều cấp cho 1 ống).

Vua dụ cho Khâm thiên giám rằng : bọn ngươi giữ chức chiêm hậu [xem khí tượng], trên trông trời, dưới trông đất đều là phận sự. Mà kính thiên lý nhà nước cấp cho, từ trước vẫn bỏ, không dùng để nhòm ngắm, thực là lười biếng, bỏ thiếu chức vụ. Cái tội về trước tạm hãy khoan tha. Từ nay nên cắt lượt nhau cứ 5 ngày lại học tập nhòm xem 1 lần, cốt trong 2 tháng đều được hiểu kỹ. Ai trái lệnh này thì phải tội

Lại sai Nội các soạn đưa ra một bộ sách nói về hình vẽ địa cầu của Tây dương, giao cho phụng giữ.

Phú Yên có hổ dữ xuống làng. Án sát là Lê Khiêm Quang thân đem dân binh đi bắt. Suất đội là Hoàng Đức Diệm đi đường độc đạo, bị hổ cắn cào phải bị thương, rồi hổ nhân đêm trốn đi. Diệm vì bị thương mà chết. Việc đến tai vua. Quang phải giáng 1 cấp. Diệm chuẩn cho ngoài lệ tiền tuất, thưởng thêm 20 quan tiền.

Bộ Lễ tâu nói : Thừa Thiên nay đến kỳ thi Hương, có Tú tài khoa trước là Mai Văn Mỹ con Mai Văn Phượng, ca trưởng thự Thanh bình, xuất thân hèn mạt, nếu cho khoa này vào thi, có phần trở ngại.

Vua nói : triều đình dùng người, dẫu không câu nệ hạn định, nhưng con nhà chèo hát hèn hạ, cũng không nên cho cùng hàng với bọn người trong sạch. Bèn giao cho bộ xét thực. Mỹ, văn học tầm thường không cho vào thi. Vua gia ơn bổ làm Chánh cửu phẩm thư lại bộ Lại, cho được ra sức làm việc.

Nêu thưởng thọ dân 100 tuổi ở các địa phương (Thừa Thiên 2 người, Bình Định, Phú Yên, An Giang, Nam Định mỗi tỉnh một người).

Các địa phương kính theo ân chiếu xét hỏi những hiếu tử, tiết phụ tâu lên. Vua sai bộ Lễ xét bàn, có 2 người được dự nêu thưởng (Bắc Ninh có hiếu tử là Nguyễn Văn Lương, người huyện Lục Ngạn, cha mất làm nhà ở mả 3 năm, đất ấy có nhiều thú dữ mà không bị hại. Sơn Tây có tiết phụ là Lê Thị Tể, người huyện Thạch Thất, tuổi 20, chồng chết, không có con, thề không lấy chồng nữa).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXV*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840]. Mùa thu tháng 7, ngày mồng 1, làm lễ Thu hưởng.

Mở khoa thi Hương ở Thừa Thiên, Nghệ An, Gia Định. Sai Tả tham tri bộ Lễ kiêm quản Quang lộc tự là Phan Bá Đạt sung Chủ khảo trường Thừa Thiên ; Thông chính phó sứ biện lý Thương trường là Phan Thanh Giản sung Phó chủ khảo. Tả tham tri bộ Công kiêm quản Hàn lâm viện là Đặng Văn Thiêm sung Chủ khảo trường Nghệ An ; Án sát Hải Dương là Hoàng Tế Mỹ sung Phó chủ khảo. Lang trung bộ Binh biện lý việc bộ là Phạm Sỹ Ái sung chức Chủ khảo trường Gia Định, thự Tế tửu Quốc tử giám là Nguyễn Văn Nhượng sung Phó chủ khảo. (Trường Thừa Thiên nguyên ngạch trước lấy đỗ cử nhân 35 tên, năm ấy ân khoa, số học trò nhiều hơn, lấy thêm 3 tên, cộng 38 tên. Các quyển đánh dấu sắc vàng, sắc xanh, sắc đen 3 hiệu[1], mỗi hiệu lấy 8 tên, hiệu sắc đỏ thẫm 9 tên, hiệu sắc đỏ tươi 5 tên). Từ trước các trường thi ở trong Kinh thành ngoài các tỉnh lệ có phái lính và voi đi đàn áp. Vua nói : voi để dùng đi chiến trận, còn học trò đi thi, phái lính để tuần phòng xem xét cũng đủ rồi, dùng voi làm gì. Từ sau trường thi không phải phái voi đi nữa. Chuẩn định làm lệ.

Khoa ấy trường Thừa Thiên, Nghệ An 2 trường lấy đỗ cử nhân cộng 51 người : (trường Thừa Thiên 31 người, là Trần Văn Chỉnh, Nguyễn Đức Trứ,

(1) Quyển thi của học trò mỗi tỉnh đánh dấu 1 sắc, để định lấy về tỉnh nào mấy tên đỗ.

Nguyễn Thanh Oai, Nguyễn Văn Quý, Ngô Khắc Kiệm, Nguyễn Đắc Tuấn, Phan Hữu Từ, Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Tiến Lộc, Nguyễn Phiên, Dương Văn Hiển, Nguyễn Văn Mẫn, Nguyễn Ngọc Chân, Nguyễn Sỹ Long, Đặng Công Tuấn, Nguyễn Hữu Trinh, Trần Công Bình, Hồ Văn Trị, Vũ Duy Thành, Phan Văn Thuật, Mai Trúc Tùng, Trần Văn Tảo, Nguyễn Đăng Ngạn, Vũ Văn Trị, Vũ Văn Khiêm, Lê Đình Dương, Nguyễn Công Vụ, Lê Văn Cẩn, Trần Văn Gia, Cung Thế Dự, Vũ Khắc Đồng. Trường Nghệ An 20 người là : Nguyễn Huy Giáp, Lê Thế Quán, Nguyễn Huy Tế, Vũ Nguyên Doanh, Nguyễn Trùng Tân, Mai Anh Tuấn, Phan Đình Phong, Bùi Thức Kiên, Phạm Truỳ, Phan Duy Vĩnh, Hồ Sỹ Tuấn, Trần Hậu Lộc, Lê Dụ, Nguyễn Đình Phác, Uông Nhật Hân, Đào Đăng Phẩm, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thái Thông, Nguyễn Thành Doãn, Dương Lệ).

Đến lúc danh sách đệ lên, bộ Lễ xét ra Cử nhân trường Thừa Thiên là Mai Trúc Tùng, Vũ Khắc Đồng, quyển thi thứ hai, bài phú trùng vận, đều truất xuống làm Tú tài, quan trường phải giáng 1 cấp.

Trường Gia Định, Chánh phó chủ khảo, chấm văn chưa xong, nối nhau ốm chết cả. Vua sai bọn đề điệu đem cả quyển thi niêm phong lại đưa về bộ. Khi đệ đến nơi, vua sai đường quan 6 bộ và viện Đô sát, mỗi bộ viện 1 người, hội lại chấm văn ở viện Tả đãi lậu. Lấy đỗ cử 6 người : (Nguyễn Hoài Vĩnh, Lê Phúc Đức, Trần Văn Lập, Vũ Tiến Huy, Kiều Khắc Hài, Phan Văn Chất) đưa về Gia Định treo bảng chiểu lệ cấp cho mũ áo, cho ăn yến như lệ.

Vua bảo thị thần rằng : văn phong ở Nam Kỳ mới mở, quyển văn thi đỗ, so với các trường khác không khỏi có phần hơi kém. Nhưng triều đình đã lấy khoa mục chọn người, thì khi lấy đỗ cũng phải công bằng mới thoả thiếp được lòng mong ngóng của học trò. Đến như bàn về giúp làm chính trị, thì người làm văn giỏi chưa chắc đã là người làm quan tuần lương. Nguyên văn không giỏi chưa chắc đã là kẻ gian hoạt. Đời xưa có người cứng bướng, ít văn học[1] mà công nghiệp rõ rệt, cứ gì phải khoa mục đâu ?

Gia Định lần lượt tâu báo việc Phạm Sỹ Ái, Nguyễn Văn Nhượng ốm chết. (Nhượng mới đến trường thi, đã có Chỉ thực thụ chức Tế tửu). Vua thương lắm, cho ở ngoài lệ cấp tiền tuất, thưởng thêm cho Phạm Sỹ Ái 100 quan tiền, 1 cây gấm Trung Quốc ; Nguyễn Văn Nhượng 80 quan tiền, 3 tấm lụa. Sai quan tỉnh bắt thuyền đưa quan tài về quê an táng.

---

(1) Tức là Chu Xương đời Hán Cao Tổ.

Vua lại nghĩ : Sỹ Ái là đường quan ở Kinh, khâm mạng đi chấm trường, mà sau khi chết, công việc khâm liệm, tại tỉnh chỉ cấp cho 3 tấm vải trắng, áo mũ đại triều cũng không cho đem theo. Bèn dụ sức quở bọn quan tỉnh.

Lãnh binh Vĩnh Long là Hoàng Quang Thông, Lãnh binh Quảng Ngãi là Nguyễn Vĩnh, Phó lãnh binh Biên Hoà là Nguyễn Văn Thẩm đều vì tuổi già bắt về hưu. Cho Phó lãnh binh cũ ở Sơn Tây là Lê Khoan Mãnh làm thự Lãnh binh Vĩnh Long ; Phó lãnh binh Hà Nội là Vũ Viết Tuấn thăng thự Lãnh binh Quảng Ngãi ; Phó lãnh binh Hưng Hoá là Trần Văn Tuấn đổi bổ Phó lãnh binh Biên Hoà.

Cho Phó vệ uý vệ tam dinh Kỳ võ là Phạm Văn Phụng làm Phó lãnh binh Quảng Yên ; Vệ uý vệ Nghị võ dinh Long võ là Hồ Văn Thập làm Phó vệ uý vệ Tả nhị dinh Vũ lâm

Trong Kinh kỳ ít mưa. Sai Kinh doãn là Tôn Thất Bạch đến làm lễ đảo vũ ở miếu Hội đồng, chưa mưa. Bèn đổi phái Tả thị lang bộ Hình là Bùi Quỹ cầu đảo ở miếu Nam Hải Long vương, liền được mưa ngay. Vua sai làm lễ tạ, thưởng cho Bùi Quỹ kỷ lục một thứ.

Quan tỉnh Hưng Yên tâu nói : hạt ấy độ đầu xuân có bệnh dịch lệ hơn một tháng thì thôi. Đến tháng 5 lại phát ra bị truyền nhiễm chết đến hơn 3.000 người, nay mới yên hẳn. Vua dụ cho theo lệ cấp cho tiền tuất. Còn việc tâu báo chậm trễ, truyền Chỉ sức quở.

Lại cho Tạ Quang Cự thăng thự Trung quân Đô thống phủ đô thống Chưởng phủ sự. Cự trước vì trông coi công việc núi Thuận không tốt giáng làm Đô thống. Đến bây giờ vua nghĩ Cự 2 lần đánh giặc có công, cho nên lại có mệnh lệnh cho thăng chức ấy.

Bổ Trần Hữu Lễ làm Thống chế dinh Tiền phong, kiêm lĩnh Đề đốc Kinh thành, kiêm lý việc phủ Thừa Thiên ; Vũ Đức Trung làm Đề đốc thành Trấn Tây ; Phạm Phi làm Chưởng vệ sung Lãnh binh Thanh Hoa ; Phạm Văn Thư làm Lãnh binh Bình Thuận ; Nguyễn Ngọc Nghĩa làm Lãnh binh Ninh Bình ; Nguyễn Văn Tiến làm Lãnh binh Nam Định ; Nguyễn Song Thanh làm Bố chính, trật Chánh tam phẩm, vẫn lĩnh chức Tuyên phủ phủ Hải Tây ; Đỗ Huy Cảnh làm Bố chính Phú Yên ; Trần Tuyên là Bố chính Vĩnh Long ; Ngô Kim Lân làm Bố chính Hải Dương ; Nguyễn Văn Nhị làm Bố chính Sơn Tây ; Trần Văn Thông làm Tuyên phủ phủ Hải Đông ; Lê Quốc Trinh là Án sát Hà Tiên ; Hoàng Thu làm Án sát Hưng Hoá ; Lê Danh Đề, Bùi Phụ Phong đều làm Lang trung bộ Lại ; Nguyễn Du làm Lang trung bộ Hộ ; Phạm Bạch Như làm Lang trung bộ Lễ ; Bùi Nhật Tiến, Trương Tiến Sỹ đều

làm Lang trung bộ Binh ; Đào Đức Cơ làm Lang trung bộ Hình ; Võ Danh Thạc làm chức Lương trừ đạo thành Trấn Tây ; Phạm Tĩnh làm Hộ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung ; Nguyễn Sỹ Đăng làm Lễ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung ; Lê Tập làm Binh khoa Chưởng ấn Cấp sự trung ; Phạm Bá Thiều, Phạm Gia Chuyên đều làm Quốc tử giám Tư nghiệp ; Trần Lê Hoàn làm Đốc học Biên Hoà.

Khởi phục viên bị cách là Lê Bỉnh Trung làm Tư vụ bộ Hộ (Trung trước làm Án sát Tuyên Quang).

Cho quyền thự Bố chính Quảng Nam là Nguyễn Nghị đổi thự Bố chính Thanh Hoa. Nghị lấy cớ Thanh Hoa là quê mẹ xin hồi tỵ. Vua bèn cho Bố chính Hà Tĩnh là Vũ Thành Phong đổi bổ làm Bố chính Thanh Hoa, Nghị đổi thự Bố chính Hà Tĩnh.

Án sát Gia Định là Nguyễn Văn, vì kết án sơ lược lạo thảo phải cách chức. Cho Án sát Hà Tiên là Lê Quốc Trinh đổi bổ làm Án sát Gia Định ; Lang trung bộ Lại là Nguyễn Văn Tuân bổ thự Án sát Hà Tiên.

Cho Hữu tham tri bộ Lễ là Phan Huy Thực thăng thự Thượng thư bộ Lễ ; Thông chính phó sứ là Trương Văn Uyển thăng thự Tả thị lang bộ Lễ, vẫn sung biện việc Nội các ; Hàn lâm viện Thị độc là Nguyễn Đức Chính thăng thự Thị giảng học sĩ, tham biện việc Nội các ; Lang trung bộ Công là Lê Văn Thu đổi bổ làm Lang trung Vũ khố, hội đồng với Lê Đăng Khiêm hộ lý quan phòng Vũ khố.

Sai các vệ lính ở Kinh thi bơi thuyền ở sông Hương. Mỗi ngày buổi sáng chia làm 3 lần, mỗi lần hạn cho 4, 5 chiếc thuyền. Giải nhất thưởng 3 quan tiền, giải nhì thưởng 2 quan, giải ba 1 quan. Văn võ đình thần mỗi bên 1 viên cắt lượt nhau đi trông coi. Bộ Hộ phát tiền kho đem đến cầu ngự ban phát.

Bộ Binh kê tên các quan võ trong ngoài từ quản vệ trở lên, trước nhân can án bị giáng cách, đệ lên vua xem. Vua đặc cách cho bọn Vũ Văn Thắng 12 người được khai phục quản vệ, quản cơ, cai đội.

Bổ Tôn Thất Hàm làm Phó vệ uý vệ Thắng võ dinh Tiền phong ; Nguyễn Đình Phú làm Phó vệ uý vệ Thiện võ dinh Long võ ; Vũ Văn Thân làm Phó vệ uý vệ Hùng võ dinh Hổ uy ; Ngô Văn Tòng làm Phó vệ uý vệ Kiện võ dinh Hùng nhuệ ; Lê Viết Thích làm Phó vệ uý Thuỷ vệ Hà Nội ; Lê Công Bão làm Phó vệ uý Hữu thuỷ vệ Hải Dương.

Quan tỉnh Quảng Trị tâu nói : thổ dân châu Mường Bổng phủ Cam Lộ hạt ấy, kỳ thuế năm ngoái đều trốn tránh đi, thổ ty là Cốc Phả Xuyên gọi về không được, cũng trốn đi nốt. Hiện đã phái tỉnh thuộc hiệp cùng với viên phủ đến khám.

Cốc Phả Xuyên mới đến thú tội, xin hoãn thuế đến quãng tháng 8 tháng 9, chiêu tập những dân trốn nộp thuế đủ như lệ.

Vua dụ rằng : các châu thuộc phủ Cam Lộ từ trước đến nay thấm nhuần thanh giáo, lâu nhờ nuôi dạy, triều đình thương yêu như một, không kể xa gần. Năm trước dân châu ấy tự nhiên trốn đi, đến lúc xuất đầu, lại kêu là số đinh có tên khai trong sổ, nhưng không có người, ngạch thuế phải chịu nặng riêng. Trẫm cũng không thèm xét kỹ. Đã xuống tờ dụ tha hết bạc thuế thiếu từ năm ấy trở về trước và đổi định thuế lệ, có các bậc đinh tráng già trẻ. Những cách yên ủi vỗ về, việc gì cũng đến nơi đến chốn. Mà kỳ thuế đến nơi lại đem nhau trốn tránh không khỏi có tình hình trốn thuế. Nhưng tạm nghĩ dân ấy ở chỗ hẻo lánh xa xôi, sinh lý chưa được đầy đủ, cũng nên vì chúng giúp đỡ chữa chạy. Vậy về thuế thiếu năm trước, gia ân cho tha hẳn, còn ngạch thuế năm nay cho hoãn đến tháng 10 sẽ thu. Thổ ty Cốc Phả Xuyên cai trị bất lực, đình lệ cấp lương, quan tỉnh cùng viên phủ đều phải giáng phạt.

Quan tỉnh Biên Hoà tâu nói : trước đây tù đồ tỉnh ấy phát đi cày cấy ở sở ruộng mới khẩn, nay đã mãn hạn tha cho về. Những ruộng đã khai khẩn thành điền ấy, xin cấp cho dân xã cày cấy nộp thuế.

Vua dụ sai mật hỏi bọn kia, nếu muốn lưu lại ở điền sở, thì cho sáp nhập vào dân sở tại, vào sổ đinh chịu sai dịch, và đem ruộng khai khẩn được ấy cho làm tư điền để sinh sống làm ăn. Nếu muốn về quê, cũng cho đem ruộng ấy bán cho người khác làm tư điền. Không có ai mua, mới giao cho dân sở tại nhận lĩnh, chiểu lệ công điền tính thuế. Từ nay về sau, những tù đồ ở đồn điền các địa phương theo đấy làm lệ.

Đặt thêm vệ Trung thuỷ tỉnh Hải Dương. Thuộc hạt Hải Dương 19 huyện, có nhiều xã dân mới tăng, nhân số đến 7 đinh trở lên, cùng là những xã trước kia đinh ít không đủ lệ lấy lính, mà nay đông người đủ lệ chọn lính. Quan tỉnh chiểu lệ chọn được hơn 750 người. Tâu xin trích những lính ở nơi gần biển, gần sông, đặt thêm một vệ Thuỷ sư, gọi là vệ Trung thuỷ ; còn thì dồn bổ vào số lính thiếu các vệ cơ tỉnh ấy. Vua y cho làm.

Bộ Lễ tâu nói : cứ tỉnh Bắc Ninh tư nói : xã Đình Bảng hạt ấy có lăng tẩm các vua triều Lý, nhưng chỗ nào là lăng vua sự tích không rõ. Và các lăng Kinh Dương vương, Sỹ vương, có nên theo ấn chiếu tu lý dựng bia hay không ?

Vua nói : tên lăng các vua triều Lý đã không xét vào đâu được, lại cùng một chỗ cấm địa. Nên chiểu chỗ lăng, thuê dân sửa đắp cho chỉnh đốn, rồi chọn chỗ đất cao ráo lập một tấm bia đá, trong bia khắc mấy chữ "Lý triều chư đế lăng". Sự tích

Kinh Dương vương dẫn chép ở sách *Ngoại kỷ*, nhưng buổi đầu khai thác, thực là vua bắt đầu lịch đại nước ta, cũng cho theo ân chiếu mà làm. Đến như Sĩ Nhiếp trước chỉ làm Thái thú, người nước ta lúc bấy giờ kính mến mà gọi là Sĩ vương, chứ chưa từng tự lên ngôi vương. Năm trước đã cho thờ theo ở Văn miếu, bày vào hàng tiên nho, há nên viện lệ đế vương, xưng làm lăng tẩm, mà nhất khái xây đắp dựng bia ư ? Duy nghĩ Sĩ Nhiếp có công với Nho giáo thì mộ sở nên sức dân giữ gìn không cho hái củi ở đấy.

Cho dời bọn mới được phong là Mỹ Lâm quận chúa Ngọc Vân, Thâu Trung huyện quân Ngọc Thu, Tập Ninh huyện quân Ngọc Nguyên đến ở Gia Định. Trước đây Nặc Yểm từ nước Xiêm về, có tên Mao là em tên giặc Ma và là cậu Ngọc Biện, cùng ở lẫn vào với bọn dân mới, ghép cho ở huyện Hải Bình. Ngọc Biện thường ngầm đem tài vật đưa cho. Mao nhân thế ngầm dẫn thám tử của tên giặc Ma đem mật thư đến thành La Kết rủ Ngọc Biện trốn sang cõi giặc để đoàn tụ với mẹ là thị Tiếp. Ngọc Biện lại làm thư đưa cho. Thư đại khái nói : "Tình trạng trong nhà rất không được như trước, thường muốn trốn đi, nhưng quan binh đường thuỷ đường bộ phòng giữ nghiêm mật, chưa thể trốn đi được, xin liệu tính hộ cho". Khi ấy có một đứa gái ở nói rằng : "Việc này nếu có Nhâm Vu ở nhà cùng nhau điều đình mới ổn". (Nhâm Vu trước từng nuôi Ngọc Biện, rất là thân tín).

Cai đội là Dương Quan Thảo thám được tin ấy, mật báo viên phủ Hải Tây uỷ cho thổ biền Phó quản cơ lĩnh Phủ uỷ là Sa Mộc dò xét bắt được tên Mao đem nộp. Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng bèn mật tâu xin đem bọn Ngọc Biện trị tội, Ngọc Vân, Ngọc Nguyên cũng xin chọn một chỗ cho ở yên một nơi.

Vua dụ rằng : Ngọc Biện dẫu là con gái trưởng của Phiên vương Chăn cũ, mà mẹ nó là thị Tiếp, cậu nó là tên Ma, đứa thì phản chồng, đứa thì phản chúa, chiếu vào pháp luật, nó đã không đáng kể với loài người. Triều đình còn nghĩ nó là di thể[1] của Phiên vương đã thực là ân to. Đáng lẽ phải một lòng kính thực, càng thêm cám ơn, nay lại không biết nghĩ báo ơn nước, lại làm thư tín giao thông với bọn giặc, ngầm mưu trốn đi, tình thực đáng ghét. Vậy Ngọc Biện lập tức cách bỏ phong hàm Huyện quân, cùng với tên Mao và một đám can phạm, giao cho bọn Tướng quân, Tham tán triệt để tra rõ, nghiêm nghị tội rồi tâu lên.

Lại trong việc Ngọc Biện mưu trốn đi có nói rằng : "Nếu có Nhâm Vu ở nhà cùng nhau điều đình mới ổn", thì Nhâm Vu cũng là cùng tụi. Nay đã can án khác,

(1) *Di thể* : thân thể của cha mẹ đẻ ra để lại cho.

giáng làm Chánh đội trưởng phát đi Bắc Ninh. Nên tư đi dọc đường, nếu Nhâm Vu đi đến hạt nào, lập tức phái biền binh áp giải đến Kinh, giao bộ Hình xét hỏi.

Đến như Ngọc Vân, Ngọc Nguyên về cái án Ngọc Biện giao thông với giặc, cũng nên bắt tội lây. Nhưng còn nghĩ : bọn kia cùng với Ngọc Biện là chị em cùng cha khác mẹ, tạm khoan tha cho, bất tất khắc nghiệt làm gì. Duy có cứ để ở thành La Kết, hoặc bị người khác xui giục mắc vào tội, lại không phải là ý ta thương xót bảo toàn. Vậy cho dời đến ở Gia Định, thân thuộc nô lệ đều cho mang đi theo. Đấy là triều đình cố ý cho được chu toàn, chứ không có ý gì khác, nên hiểu dụ cho bọn kia biết.

Cai đội Dương Quan Thảo dò thám tố cáo được thực, thưởng gia hàm Phó quản cơ và 300 quan tiền. Thổ biền là Sa Mộc do bắt được tên Mao, tuy có cố lực, nhưng trước kia xếp đặt cho tên Mao vào cùng với bọn dân mới, thì có tri tình dung ẩn hay không, còn chưa biết được, cũng giao xét rõ tâu lên đợi Chỉ. Trương Minh Giảng giữ trách nhiệm biên thuỳ, chức vụ không phải là nhẹ, thế mà ở bên kẽ nách có tình tiết giao thông như thế, mà không biết gì, xuýt nữa lỡ việc cũng khó tránh nổi cái lỗi đề phòng không cẩn mật, nhưng một khi nghe thấy tố giác, lập tức bắt được tên yếu phạm, đem ra tra xét, gia ân miễn cho việc xử phân. Tuyên phủ phủ Hải Tây là Nguyễn Song Thanh, Phó lãnh binh là Tôn Thất Quỳ về việc trong khi người bên giặc vượt cõi thông tin được đi lại tự do, thì lỗi sơ phòng ấy tội cũng khó tha. Vậy đều giáng 1 cấp.

Lại dụ cho Gia Định chi tiền kho ra vài trăm quan để làm 2, 3 dãy nhà cho bọn Ngọc Vân ở. Lại trích 1 suất đội, 20 biền binh ở tỉnh ấy thuộc theo với Ngọc Vân ; đội trưởng, ngoại uỷ suất đội trưởng mỗi chức 1 người ; binh đinh đều 10 người, thuộc theo Ngọc Thu, Ngọc Nguyên. Còn biền binh ở Trấn Tây cấp cho trước thì bãi đi. Hằng năm cấp tiền gạo cho bọn Ngọc Vân, cùng lấy ở kho tỉnh mà phát, để cho sự sinh sống được no đủ.

Đến khi án dâng lên. Ngọc Biện, tên Mao cùng bọn nó là tên Ô, tên Tiên, đều chiểu luật "mưu bạn" xử trảm quyết (tên Ô viết thư cho Ngọc Biện. Tên Tiên chứa thám tử của giặc Ma đem thư ra vào). Nhâm Vu cùng vợ con nó ở Trấn Tây tạm cho giam lại.

Giám sát Ngự sử đạo Ninh - Thái là Hoàng Mẫn Đạt trước đây phong sung làm Khâm sứ đem sắc văn đổi phong cho bọn Ngọc Vân, đi đến nơi để tuyên phong. Khi đến nơi vừa gặp việc Ngọc Biện phát ra, [Mẫn Đạt] dâng sớ nói : Ngọc Biện giao thông với giặc ngầm mưu chí khác, tội ác đã rõ, mà Ngọc Vân, Ngọc Thu,

Ngọc Nguyên cùng ở với Ngọc Biện tuy là khác mẹ, nhưng vẫn cùng ở với nhau, há có lẽ lại không biết, thì bọn kia đều là người có tội, không nên cho thăng tước ấm. Vậy sắc mệnh đổi phong ấy đều xin đình chỉ.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Mẫn Đạt nói thế cũng là chính lý. Nhưng vẫn nghe nói bọn Ngọc Vân cùng với Ngọc Biện không hoà mục với nhau. Hoặc giả cùng ở với nhau, mà ở nhà khác, trong ấy có tri tình giấu giếm hay không, còn chưa biết rõ. Vả lại bọn kia là nữ lưu, lại từng phong làm quận chúa, huyện quân, chưa nên vội đòi đến công đường tra tấn. Huống chi việc giao thông với giặc không phải là việc nhỏ, quả có đồng tình giúp ác thì bọn nô tỳ nhà ấy tất có nghe biết, há có thể bưng bít được ? Vậy nên truyền dụ cho Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Dương Văn Phong cùng Hoàng Mẫn Đạt lập tức đòi bọn nô tỳ, gia nhân của Ngọc Vân, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên đương đường tra hỏi thì biết minh bạch. Bọn Ngọc Vân nếu có đồng mưu gây nên việc ấy, cho tham hặc tâu lên, để xử tội cho rõ ràng và thôi việc phong tước. Nếu bọn Ngọc Vân toàn không biết việc ấy, thì cha chúng xưa là Phiên vương Chăn thần sự bản triều trước sau không đổi chí, cũng nên thương lại. Ngọc Biện tự làm nên tội, chỉ bắt tội một mình nó. Bọn Ngọc Vân đã không đồng mưu, nên rửa oan cho chúng, vẫn theo dụ trước phong cho, để tỏ ra sự công bằng mà ưu hậu".

Rồi thì tra ra bọn Ngọc Vân ở nhà khác, lại không tri tình. Vua chuẩn cấp cho sắc phong. Còn ấn sắc phong cho Phiên vương Chăn trước, và cái triện riêng, cùng sắc phong cho Ngọc Biện trước đều đem về nộp.

Phái viên thuyền Linh phượng là bọn Nguyễn Long, Lê Bá Tú từ Tiểu Tây dương làm việc công về. Vua nghĩ đường biển hiểm xa, đi về được thanh thoả là phần nhiều nhờ sức thần. Sai ty có chức trách sửa lễ phẩm tam sinh [tức trâu, dê, lợn] và lấy hương lụa trong kho do viên Thống quản Thuỷ sư đến làm lễ tạ đền Thiên Hậu. Lại phát ra 100 quan tiền ở kho để chi việc cho ăn yến và hát tuồng. Biền binh đi chuyến ấy có mượn bạc Tây dương 87 đồng, miễn cho không phải nộp trả lại.

Lại thu thuế mỏ vàng Hưng Hoá. (Mỏ Bản Lỗ mỗi năm nộp thuế vàng 10 tuổi 10 lạng ; mỏ Hạt Ong mỗi năm nộp thuế vàng 10 tuổi 6 lạng).

Lại phái thuộc viên đi khai mỏ vàng Gia Nguyên, ngạch và hạn thuê thợ chiểu theo lệ mỏ Tiên Kiều ở Tuyên Quang năm ngoái mà thi hành.

Địa hạt Hà Nội, Sơn Tây đều ninh thiếp. Quan tỉnh tâu xin lượng giảm biền binh trú phòng các phủ huyện. Nếu gặp có việc bắt giặc, xin tuỳ nghi điều độ. Vua

y cho làm. (Hà Nội trước phái đi trú phòng phủ Lý Nhân 4 đội, 3 phủ Thường Tín, Hoài Đức, Ứng Hoà mỗi phủ 3 đội, nay mỗi phủ đều giảm đi 1 đội. Hai huyện Nam Xang, Bình Lục mỗi huyện 1 đội, nay chỉ lưu 1 suất đội 30 lính. Duy huyện Chương Đức địa đầu quan yếu, trước phái 1, vẫn lưu để phòng thủ.

Sơn Tây trước phái đi trú phòng 5 phủ : Quốc Oai, Vĩnh Tường, Lâm Thao, Đoan Hùng, Quảng Oai mỗi phủ 4 đội, đều giảm đi 2 đội, 2 phân phủ Quốc Oai, Vĩnh Tường mỗi phủ 1 đội thì rút cả).

Vua sai thông dụ cho các địa phương từ Hà Tĩnh trở ra Bắc : phàm những người quê ở Quảng Bình trở vào Nam, từ bé, lưu lạc gặp đâu ở đấy kiếm ăn cùng những người cha chúng năm trước lưu ở các hạt sinh chúng ra, đều cho được sung làm lính ở các vệ đội. Còn người nào sinh trưởng ở miền Nam mà trốn ra miền Bắc ứng mộ, nếu sau khi sổ lính đưa về làng mà lý dịch nguyên quán nhận đích tên mặt người ấy, thì cho giải về nguyên quán biên tên vào sổ cùng chịu ra lính và tạp dịch.

Cấp bài ngà cho các chức tri bạ thuộc ngũ dinh Chưởng vệ Thuỷ sư Kinh kỳ, và tri bạ thuộc ngũ quân, mỗi người một cái.

Cấp 10 chiến thuyền cho đồn cửa biển Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam, (thuyền Hải đạo lớn 5 chiếc, thuyền Hải đạo 5 chiếc, đồ vật phụ tùng thuyền, và cái sàn thuỷ chiến đều đủ). Giao cho Lãnh binh chuyên quản 2 thành An Hải, Điện Hải là Lương Văn Liễu nhận giữ để phòng khi sai phái.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Nay nghe nước Anh Cát Lợi cùng nước Thanh gây hiềm khích, xảy ra chiến tranh, mà nước ta tiếp liền với cõi nước Thanh, từ trước đến giờ tàu ngoại quốc cũng thường đến đậu ở vụng Trà Sơn tỉnh Quảng Nam, cần nên trước khi có việc gia tâm tuần xét để việc phòng bị bờ biển được vững chắc. Vậy nên truyền dụ cho tỉnh thần Quảng Nam sức ngay cho Lương Văn Liễu cùng viên coi đồn Đà Nẵng liệu phái người biết việc ngày thường đem kính thiên lý ngồi vào chiếc thuyền nhanh nhẹ ra ngoài biển khơi trông nhòm. Nếu thấy chiến thuyền kiểu Tây dương chỉ độ 1, 2 chiếc, tất phải thân đến hỏi rõ tình hình, theo lệ trước mà làm. Nếu thấy chiến thuyền đến 3, 4 chiếc trở lên, lập tức báo cho tỉnh biết, tỉnh thần thượng khẩn làm tờ sớ đệ tâu. Và phải phái 1 viên quản vệ, cơ đem lính tỉnh 500 hay 600 tên đến ngay hội đồng với biền binh trú phòng 2 thành An Hải, Điện Hải, hợp sức lại để phòng hộ, không được để chậm một khắc nào".

Bộ Hình kê liệt những tạp phạm can tội xử tử mà tình còn đáng thương để tâu lên. Vua sai viện Đô sát duyệt lại. Vua đặc cách chuẩn cho viên phạm tội là Lê Văn Trung, Phạm Ngọc Quang đều phát đi làm binh ở thành Trấn Tây. Còn ngoài ra

giảm xuống tội phát quân hơn 20 người. Lại những tù phạm phải tội trảm, tội giảo, tội quân, tội lưu, tuổi ngoại 70, đều được xét tha cho cả.

Quan coi trường tuyển lính ở Ninh Bình là Trần Ngọc Lâm đem danh sách tổng kê đệ tâu. Số định hơn khoá trước 15 thành.

Vua xem xong nói : hạt này một xứ Sơn Âm năm trước dân số chỉ có 400 hay 500 người, mà nay đã gần gấp đôi. Trẫm nghe nói, từ đời nhà Lê trở về trước, đất ấy bị bọn thổ tù chiếm giữ, quan quân không đến nơi được. May mà triều đình ta một phen giết hết bọn giặc, không còn sót mống nào. Thổ địa nhân dân đều thuộc về triều đình cả. Nếu không thế thì chúng quen thói ngang ngược, không biết có triều đình, chẳng hầu như hoá ra thành Hà Bắc[1] của nhà Đường ư ? Bèn theo lời bộ bàn, thưởng cho tuyển quan, tỉnh thần đều gia một cấp.

Cho Công khoa Cấp sự trung là Lê Nguyên Giám thăng thự Đại lý tự Thiếu khanh.

Ngày Quý Mão, vua thân đến làm lễ yết lăng Trường Cơ[2]. Trước đây vua dụ bộ Lễ rằng : "Năm nay gặp chính thọ ngũ tuần của trẫm, đi đứng khoẻ mạnh, ăn ngủ đều tốt, 4 cõi yên bình, trăm họ yên vui, đều nhờ phúc ấm tổ tiên, chứ ta làm gì mà được. Nghĩ đến đức tổ để lại xiết bao lòng cháu tưởng nhớ. Vẫn muốn kính yết khắp các miếu các lăng, vào khoảng mùa hạ đã thân đến các miếu làm lễ. Rồi cứ hoàng tử cùng bộ Lễ tập tâu nói là trẫm đã đến các miếu cáo tế, đủ tỏ lòng hiếu rồi. Đương lúc mùa hạ nóng nực, vả lại trước đã sai các hoàng tử chia nhau đến các lăng rồi, xin thôi việc thân yết các lăng. Trẫm bất đắc dĩ chiểu theo lời xin. Nay mùa thu mới đến, mưa xuống hơi mát, trẫm chưa được giãi tỏ lòng thành, mơ màng mãi không yên. Nếu không thể đi yết khắp cả các lăng, cũng nên đến lăng Thái Tổ làm lễ yết một lần mới có thể yên lòng được".

Ngày hôm ấy làm lễ yết lăng xong, gióng xe đến đi núi Thuận, xem xét công việc làm. Bảo các quan đi theo rằng : đất núi Thuận gần với lăng Thiên Thụ mà lại ở về phía hữu, theo lẽ đã thuận về tự nhiên ; lại được cây tùng cây thu xanh tốt, núi sông ôm quanh rõ ràng là một chỗ đất để mộ đẹp đẽ, thực đúng như câu nói "trái đất tạo ra". Duy về công việc làm thì bờ hồ vòng cong chưa cân đối nhau, hãy đợi sang năm làm lại. Đổng lý là Lê Đăng Doanh, Nguyễn Trung Mậu, Lý Văn Phức đều giáng một cấp.

---

(1) Tỉnh Hà Bắc đời Đường bên Trung Quốc, bị bọn phiên trấn chiếm cứ, triều đình không đánh nổi.

(2) *Trường Cơ* : lăng Thái tổ Gia Dụ hoàng đế (Nguyễn Hoàng).

Vua lại thấy chỗ gần núi ấy có người đốt cây, lập tức sai bắt trị tội. Dụ cho Kinh doãn nghiêm cấm dân các xã : phàm những chỗ gần lăng tẩm đã cấm, không được đốt lửa. Ai trái lệnh này thì khép vào luật "đại bất kính". Người thủ hộ không phòng giữ tra xét ra được, cũng phải nghị tội rất nghiêm. Chuẩn cho định làm lệnh.

Đến lúc xe vua trở về, thấy bên tả bên hữu mặt trước 2 lăng Trường Diễn, Vĩnh Cơ[1] đều xây cột đồng trụ. Vua bảo Nội các rằng : 2 lăng cách nhau chỉ vài mươi trượng, mà 2 bộ Lễ và Công trước đây hội làm, không biết chước lượng, xây 4 cột đồng trụ, thế rất bức hẹp, trông không được nhã. Vậy cho ở quãng giữa bỏ bớt 2 cột đi. Đường quan 2 bộ làm việc lúc ấy, đều phạt lương 3 tháng.

Một hôm ngẫu nhiên vua ở Kinh thành hướng về phía tây nam thấy ở đằng xa xa có 1 toà núi cao, hình núi ấy giống như núi Ngự Bình mà dài hơn, không biết tên núi là gì ở vào đất nào. Sai thị vệ, bộ ty Khâm thiên giám đem theo phủ thuộc Thừa Thiên và biền binh các vệ Giám thành, Võng thành tìm đường đến khám xét. Đến lúc về, bọn ấy nói núi ấy ở chỗ Hạ Man, Trung Man giáp nhau, từ trước đến giờ, nhân dân chưa ai đi đến. Đã xét hỏi tình hình, biên chép minh bạch, vẽ thành đồ bản dâng lên.

Vua xem đồ bản, so với chỗ mắt mình trông thấy không khác gì. Nhân nghĩ những người đi làm việc ấy, núi khe gian hiểm, thưởng chung cho 100 quan tiền.

Định lệ 4 nha hội đồng xét việc thu chi của Vũ khố. Vua nghĩ : từ trước đến bấy giờ, phủ Nội vụ thu chi của công, đều có các nha hội đồng xét, mà Vũ khố chỉ do các người giám thủ, chưa chắc không có tay nặng tay nhẹ vào trong ấy. Bèn chuẩn y lời bàn của bộ Hộ : việc xét sổ thu chi của Nội vụ, vẫn theo lệ cũ. Duy về việc 4 nha phái thuộc viên hội xét thì từ trước vẫn lấy 2 bộ Hộ, Công, viện Đô sát cùng Nội vụ gọi là 4 nha. Về việc chi thu của Vũ khố như ở Kinh, việc chi phát tầm thường vẫn theo như cũ mà làm, còn hết thảy vật hạng thu vào kho, phát giao đi các tỉnh và phát đi ngoại quốc, do 4 nha hội đồng kiểm xét. Nếu 4 nha cân đo, đếm đo, gián hoặc thấy có ai vì nể thiên tư với người nộp, người lĩnh, đến nỗi số thu hao hụt, số chi phù lạm, cho phép các người giám thủ cứ thực chỉ tên tham hặc, hoặc là vì nể thiên tư với người giám thủ, đến nỗi số thu quá đáng, số chi nhẹ bớt, cho phép người nộp, người lĩnh báo bộ tham tâu.

Lại sai phòng đốc công ở Vũ khố chiểu theo mẫu thức dấu kiểm ký của "tứ nha hội đồng" và dấu "quan thảng hội chí" của Nội vụ chế trước, đều làm ra mỗi thứ 1

(1) *Trường Diễn* : lăng của Hiếu Văn hoàng đế ; *Vĩnh Cơ* : lăng của Gia Dụ hoàng hậu.

quả, mà nét chữ hơi khác. Lại trích lấy 10 quả "công tự tín tích" [con dấu chữ công] lưu ở Nội các, đều do bộ Hộ phụng giữ. Đến kỳ thì thuộc viên 4 nha đem đi hội làm. Xong việc lại đưa về cho bộ giữ.

Đặt tên cho 3 tàu thuỷ chạy bằng hơi nước : tàu lớn gọi là tàu Yên Phi, tàu hạng trung gọi là tàu Vân Phi, tàu nhỏ gọi là tàu Vũ Phi, đều khắc chữ thếp vàng ở đằng sau lái, cho có danh hiệu. Tàu Yên Phi khi mới mua ở Tây dương về, máy móc nhiều chỗ han gỉ, nồi sắt cũng rò nước, chạy thử chưa được nhanh lẹ. Đã sai đốc công sức thợ tháo ra xem xét, mài giũa từng cái, sửa chữa chỉnh đốn, lại lắp vào như cũ. Cho cùng thuyền hiệu Bình Hải ra biển chạy thử, từ cửa biển Thuận An đến đồn Đà Nẵng, đi về 2 lần, tàu chạy máy hơi nước đều chạy nhanh hơn. (Thuyền Bình Hải vẫn có tiếng là nhanh lẹ).

Vua ban khen thưởng đốc công là Hoàng Văn Lịch, Vũ Huy Trinh đều gia một cấp, áo quần đều mỗi người 2 cái. Còn các thợ thì thưởng chung 300 quan tiền.

Chuẩn định từ nay về sau, 2 điện Văn Minh, Võ Hiển và Đông Các khi nào vua ngự ra nghe chính sự, cho Lang trung 6 bộ mỗi bộ một người đi theo đường quan tâu việc. Viên ngoại lang viện Cơ mật cũng được dự. (Lệ trước Lang trung 6 bộ chỉ được theo ban tâu việc ở điện Cần Chính).

Xây pháo đài Phòng Hải ở tỉnh Quảng Nam. Trước đây vua cho là chỗ vụng Trà Sơn ở đầu cửa biển Đà Nẵng là chỗ trọng địa của bờ biển, công việc phòng bị nên phải 10 phần chu đáo cẩn mật. Sai Hữu tham tri bộ Công là Nguyễn Công Trứ đem theo bọn Phó vệ uý vệ Loan giá là Tôn Thất Tường đi đến nơi khám xét chỗ các thuyền lớn bọc đồng chứa đậu. Nếu dùng để đánh trận nên đặt thêm mấy cỗ súng, bao nhiêu lính cho đủ dùng. Lại xem chỗ đỗ thuyền cách bờ gần xa thế nào ; một dải núi ven bờ biển, chỗ nào xung yếu mà địa thế hơi bằng phẳng nên đặt pháo đài, để cho trên bờ dưới thuyền chiếu ứng với nhau được, thì vẽ đồ bản dâng lên.

Đến khi về, Trứ nói rằng : Các thuyền hiệu Thuỵ long, Phấn bằng, Thanh loan, mỗi thuyền nên phái thêm 100 biền binh thủ hộ, 10 cỗ súng quá sơn (trước cấp cho 6 cỗ súng Hồng y đồng), 100 súng điểu thương, 15 cây giáo dài, để việc canh giữ được nghiêm. Còn như việc đặt pháo đài, đã xem được đảo Mỏ Diều ở vụng Trà Sơn, 4 mặt rộng rãi đối nhau với pháo đài Định Hải, có thể nương tựa được. Xin xây pháo đài hình bầu dục (dài 57 trượng, ngang 7 trượng), để cùng chống đỡ hộ nhau. Phía đông pháo đài mở một cửa, ven cửa xây luỹ đá, trong dựng trại lính kho lương. Lại đặt lầu trông ngắm ở đài đốt lửa cũ tại núi Trà Sơn, chế cấp cờ hiệu để lâm thời treo lên làm hiệu.

Lại những viên thủ hộ ở 2 thành An Hải, Điện Hải và pháo đài Định Hải phần nhiều lười biếng. Những cỗ súng đặt ở đấy, gián hoặc có cái mòn mẻ, khi dùng đến, sợ có khi lỡ việc. Xin phái quan ở Kinh đến kiểm soát, tuỳ nghi sửa lại, đặt thêm biền binh đóng giữ.

Vua cho lời tâu ấy là phải. Bèn đặt tên đài ấy là "Phòng Hải pháo đài". Sai ty bộ Công, vệ Giám thành, mỗi bên một người, hội đồng với quan tỉnh, trước hãy xây đắp nền đài (thân dài cao 7 thước 2 tấc, từ mặt nước đến đài, lấy phép thăng bằng mà đo, đài cao hơn 8 trượng), chia đặt các súng ; còn các việc làm cột cờ, kho thuốc súng, tiếp tục làm sau. Những người coi giữ 2 thành An Hải, Điện Hải, pháo đài Định Hải là Lãnh binh Lương Văn Liễu, Thành thủ uý Trần Văn Đỗ bỏ phí thì giờ, nhân theo thói cũ, đều phải phạt trượng quở trách ngay.

Nhân thể phái Tôn Thất Tường đem theo 2 suất đội dinh Thần cơ đem 144 cỗ súng Hồng y, Quá sơn các hạng nguyên để ở đấy trước, thí nghiệm từng khẩu một, cỗ súng nào nguyên lành và tốt thì để lại, cỗ súng nào không thể dùng được thì lấy cỗ súng khác thay vào. Chứa sẵn thuốc súng mỗi cỗ 100 phát. Phái những binh quê ở hạt ấy là vệ Tiền dinh Hùng nhuệ, hiệp cùng biền binh tỉnh phái coi giữ (lính vệ tiền lệ chia làm 3 ban, mỗi ban hơn 150 người ; lính tỉnh lệ định 300 người, cộng hơn 450 người). Đặt thêm chức Thành thủ uý ở Điện Hải, Định Hải mỗi thành một người. Quản vệ Kinh phái đốc đồng với 1 viên Thành thủ uý mới đặt, quản lĩnh biền binh các sắc 200 tên, đóng giữ thành An Hải, các suất đội ở Kinh phái ra chia thuộc vào 2 thành ấy. Một Thành thủ uý mới đặt cùng một suất đội tỉnh phái quản lĩnh biền binh 150 tên, đóng giữ thành An Hải, các suất đội ở Kinh phái ra chia thuộc vào 2 thành ấy. Một Thành thủ uý mới đặt cùng một suất đội tỉnh phái quản lĩnh 40 biền binh đóng giữ pháo đài Định Hải. Còn thì chia nhau giữ các sở xưởng súng, thuyền tàu, cho có chuyên trách. Lại cho là những pháo thủ ở tỉnh phái đến phần nhiều còn bỡ ngỡ, lại chuẩn cho phái lính ty Cảnh tất ở Kinh hoặc suất đội dinh Thần cơ quen việc bắn súng lớn lấy một người, đem 20 biền binh các ty hộ vệ Cảnh tất đến 2 thành canh giữ, mỗi tháng 1 lần đổi phiên. Ngày thường không có việc gì thì dạy lính pháo thủ các phép ngắm đích đầu súng mà bắn, cho được quen thạo.

Cho Tả tham tri bộ Lễ gia hàm Tham tri sung biện việc Nội các là Nguyễn Tri Phương quyền thự Tuần phủ Nam - Ngãi. Tri Phương vào chào để đi. Vua dụ ngay trước mặt rằng : Đà Nẵng là nơi rất xung yếu ở chỗ bờ biển, tàu Tây dương đi lại tất phải qua đấy. Vả lại người Tây dương đem đạo Gia Tô làm mê hoặc dân chúng, ta hết sức cự tuyệt. Chúng vị tất không để lòng oán. Song chí hướng của chúng chỉ vị lợi mà thôi, nếu có lợi thì giết chết đi chúng cũng không oán ; nếu không có lợi thì

dù để cho chúng sống, chúng cũng không cho là ơn. Chúng còn biết đâu ai là nhân nghĩa, ai là cừu địch nữa ư ? Đức Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta khi mới lấy được Gia Định, lính ít tướng ít, chúng đã giúp binh lương khí giới, lại nuôi nấng Anh Duệ hoàng thái tử. Đối với ta cũng là có ơn, mà thuyền chúng đến buôn bán, có kẻ nào phạm pháp là giết không tha. Thực là đền ơn báo đức là lẽ đương nhiên, mà lập ra pháp tất phải thi hành, há có thể vì chúng mà phải bẻ queo pháp luật hay sao ? Đủ biết là quy mô sáng nghiệp của tiên đế kỹ lưỡng kín đáo như thế, muôn đời về sau đáng nên bắt chước vậy. Nay thuyền chúng mỗi khi đến nước ta, những người tuân theo điều cấm, không dám sai trái, là vì chúng thấy pháp lệnh của ta phân minh không chút thiên tư, cho nên thực lòng tin phục đấy thôi. Ngươi nay có chức trách giữ một địa phương, nên thân đến xem xét 2 thành An Hải, Điện Hải và pháo đài Phòng Hải, gia tâm chỉnh lý, chúng nếu có lòng nhòm ngó cũng không có chỗ sơ hở có thể mượn cớ được. Đấy cũng là cách chữa giọi cửa nhà từ lúc chưa mưa, là kế hoạch to của nhà nước, chứ ta có sợ gì họ đâu ?

Tri Phương đến lỵ sở, đi xem hình thế, dâng sớ nói : đảo Mỏ Diều nguyên từ núi Trà nhô ra, trông chếch về phía đầu nguồn Câu Đê. Nếu xây pháo đài hình bầu dục thì không những thấp méo nhiều đoạn, xây dựng tốn nhiều công, mà ở ngoài biển trông vào, hình pháo đài lại không tề chỉnh. Xin đổi xây làm pháo đài tròn, đường kính 9 trượng, hơn pháo đài Định Hải 7 thước, 2 tầng trên dưới đài thành đặt 27 cỗ súng lớn (tầng trên 8 cỗ súng đồng Quá sơn, tầng dưới 19 cỗ súng gang Hồng y). Kho thuốc súng, kho lương, trại lính đều làm ở trong đài, cho được chỉnh và tiện.

Lại từ thành An Hải đến thôn Vĩnh Yên, một dải bãi cát ven biển, cùng chỗ thuyền đỗ xa nhau lắm. Nếu vào chỗ nước sâu 10 thước, dời thuyền đến đỗ, chỉ được hơn 10 trượng, vẫn còn cách xa, tầm súng không thể tới được. Đắp luỹ ở đấy tưởng cũng vô ích. Mà gần cạnh Trà Sơn đã có pháo đài Phòng Hải mới đặt, đài ấy với thuyền đã có thể chiếu cố lẫn nhau ; lại có thể át chế thuyền ngoài biển đến, cũng đủ ngăn giữ, không cần phải đắp luỹ làm gì. Lại cái đài đốt lửa cũ ở Trà Sơn, từ chân núi đi lên phải mất 2 chuyển đồng hồ mới đến nơi, nhòm ra ngoài biển thì phía đông bắc bị ngọn núi cao của Trà Sơn che lấp. Cứ ở cột cờ thành An Hải trông ra là thấy cả. Tuy về phía tây bắc có vướng núi Trà Sơn, nhưng đã có pháo đài Phòng Hải có thể thấy được cũng đủ để gọi bảo đáp ứng lẫn nhau. Xin ở trên chòi cao trên kỳ đài An Hải tuỳ thế làm gác che chắn để làm nơi trông ra ngoài biển, không cần phải đặt thêm lầu trông ngắm nữa, chỉ thêm khó nhọc vô ích. Đến như cờ hiệu ở đài thành thì cờ vàng đã có của công chế cấp cho ; còn cờ đỏ, cờ gấm đỏ

trắng, cờ gấm lam trắng, xin chế cấp cho mỗi hiệu đều 2 bức. (Đều dài 6 thước 3 tấc, rộng 5 thước 6 tấc). Những biền binh canh giữ hằng ngày đem kính thiên lý lên chòi trông ngắm hướng ra biển mà nhòm, nếu thấy hình dáng thuyền nhiều dây mà chưa biết đích là thuyền công nước mình, hay thuyền ngoại quốc, 1, 2 chiếc thì treo cờ đỏ, 3, 4 chiếc trở lên thì treo cờ gấm hồng trắng. Đến khi nhận biết là thuyền nước mình thì hạ cờ trước xuống mà đổi treo cờ vàng ; là thuyền ngoại quốc thì cũng hạ cờ trước xuống, đổi treo cờ gấm lam trắng. Ở thành An Hải trông thấy trước treo cờ lên thì pháo đài Phòng Hải cũng theo hiệu cờ của An Hải mà đem cờ ấy treo lên để trả lời. Ở pháo đài Phòng Hải trông thấy trước treo cờ lên, thì thành An Hải cũng theo cờ trả lời như thế. An Hải hoặc pháo đài Phòng Hải treo cờ hiệu lên, trừ cờ vàng ngày thường treo thì không kể, còn như cờ đỏ, cờ gấm hồng trắng, cờ gấm lam trắng, thì Hải Vân Quan lập tức làm tờ tâu chạy nhanh đệ lên, Điện Hải cũng lập tức báo ngay đến tỉnh để dự bị trước khi có việc.

Vua theo lời tâu ấy. Chuẩn cho lượng lấy hơn 400 binh dân giao cho Lãnh binh Lương Văn Liễu, hiệp cùng với ty ở bộ, vệ Giám thành ở Kinh phái đến trông coi việc làm pháo đài ấy.

Rồi sai phái thêm 200 biền binh đến chỗ bãi cát Trà Sơn, chọn chỗ cao ráo làm một xưởng ngói (10 gian 2 chái), trong xưởng đặt sàn gác, các thứ buồm, dây của các thuyền bọc đồng hiện đỗ ở đấy, đều để trên gác, theo cách thức mà đặt để.

Đến khi pháo đài xây xong, chuẩn phái 1 suất đội, 1 thư lại, 20 biền binh, 3 lính pháo thủ trong tỉnh đến nơi phòng giữ. Biền binh thì mỗi tháng đổi 1 lần, thư lại thì mỗi năm một lần đổi. Lại dự trữ 200 quan tiền, 150 hộc thóc, 50 phương gạo, 5 phương muối. Thóc, muối 2 năm một lần đổi, gạo 3 tháng một lần đổi, để phát cho các người trú phòng.

Đặt tên cho các đảo hàng ngoài cửa biển Đà Nẵng gọi là đảo Ngũ Hải.

Cấp đèn hiệu cho thành Trấn Hải. Vua nghĩ : các thuyền tàu chở của công các hạt đi vào cửa biển Thuận An thì thành Trấn Hải ban ngày đã có hiệu cờ làm ghi. Duy ban đêm chưa có gì làm hiệu, sợ thuyền đi đêm không nhận lối vào đâu được, có khi lầm lỡ. Bèn sai bộ Công sức thợ chế một cái đèn lồng to, chu vi trên dưới 7, 8 thước, trong bồi giấy trắng, ngoài bồi bằng lụa mỏng, để ở đằng xa trông thấy như một cái tán to tròn đỏ rực, đưa đèn ấy đến cho viên trú phòng ở thành, hằng năm từ mồng một tháng giêng đến cuối tháng 7, thuyền tàu đi lại nhiều, đêm nào mưa bão thì thôi, còn những đêm sắc trời trong sáng cho treo đèn ấy lên chòi cao cột cờ đốt sáng suốt đêm để cho thuyền tàu ở ngoài biển nhận biết đấy là cửa biển.

Cho Viên ngoại lang bộ Công là Lê Bá Tú thăng thự Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, tham biện công việc Nội các.

Hộ đốc Ninh - Thái là Nguyễn Đăng Giai tâu nói : nước sông lên to, đê sông con về xã Du Lâm, Đông Xá hạt ấy bị vỡ. Đã đốc suất binh dân ra sức đắp lấp, hiện đã đắp kín lại rồi. Duy ruộng lúa chỗ thấp gián hoặc có bị ngập.

Vua dụ thưởng chung cho binh dân 500 quan tiền. Còn nước ứ ở ruộng lập tức tuỳ thế khơi đào, sức dân cấy giặm. Lại xét dân tỉnh, nếu có quẫn bách thì tâu xin chia cấp cho.

Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương tâu nói : mực nước cây thuỷ chí ở bến sông lên hơn kỳ đầu xuân 12 thước 9 tấc, các đoạn đê ở tả ngạn sông Cửu An và đường quai giữ quanh thành, nước đều tràn qua, sạt lở đến hơn 1400 trượng, đã bắt nhiều dân binh ra sức sửa đắp, may được giữ vững rồi.

Vua dụ rằng : cứ như tình hình trong tờ tâu, nguy mà lại yên, thực đáng khen ngợi đẹp lòng. Vậy các dân binh sang hộ, thưởng chung cho 500 quan tiền. Duy xét cuối tập tâu có câu nói : "thánh đức cảm pha"(1) thì trẫm từ khi lên ngôi đến nay, vẫn lấy kính trời chăm lo việc dân làm lòng, sao từng tự cho mình là thịnh đức. Còn việc giữ vững được đê điều, để lợi cho việc làm ruộng là nhờ ở quan địa phương gia tâm phòng hộ đấy thôi, trẫm có đức gì đủ cảm cách được. Trẫm vẫn không thích lời phù phiếm. Từ sau có tâu báo, nên cứ sự thực báo cho rõ, đủ yên lòng trẫm là được rồi.

Lại những đoạn đê ấy hãy còn thấp, nên đánh dấu lấy ngấn nước, đợi khi nước lụt đã tiêu, nước đầm đã trong, sẽ đắp cao lên một vài thước nữa để giữ cho khỏi lo ngại.

Phát gạo trong kho ở Kinh đem chứa ở Quảng Nam. Vua bảo bộ Hộ rằng : Quảng Nam là tỉnh lớn gần Kinh kỳ, người ở đông đúc, cứ đến quãng mùa thu đông giáp nhau, giá gạo thường đắt. Vậy phát ra 20.000 phương gạo trắng Gia Định hiện chứa ở kho Kinh, giao cho thuyền tải của công tỉnh ấy chở gạo ấy về tỉnh. Đến quãng tháng 9 tháng 10, hoặc nên giảm giá bán rẻ, hoặc nên phát trước tiền vốn cho nhà làm đường, nhà lấy quế, do tỉnh trù tính, tâu lên đợi Chỉ thi hành.

Sai đòi Phó quản cơ cơ Ngãi tượng tỉnh Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Chất đến Kinh, do bộ dẫn vào ra mắt. Bộ Binh thấy người ấy suy yếu không tài năng gì đem nguyên do tham tâu. Chuẩn giáng 2 cấp, bắt về hưu. Tỉnh thần vì không xét ra, đều giáng 1 cấp.

---

(1) Nghĩa là do đức của nhà vua, tin cảm đến trời.

Vua nhân thể dụ rằng : thiên hạ thái bình, không nên quên chiến trận, mà trách nhiệm quản quân cốt được người giỏi. Đã nhiều lần xuống dụ cho thượng ty trong ngoài xem xét những võ biền thuộc hạ để tỏ sự chọn lọc. Nhưng nấn ná lâu ngày, việc qua là quên, hoặc nhu nhơ cẩu thả mà không tâu lên, hoặc nể nang tình diện mà không nỡ trách phạt để đến nỗi kẻ hèn mạt kém cỏi, còn được lẫn lộn vào đấy. tức như Nguyễn Văn Chất là người yếu hèn mà mấy năm nay ở tỉnh ấy một mực im lặng. Xem một việc ấy thì chỗ khác không khỏi có việc giống như thế, không đừng được phải dụ lại 2, 3 lần để biết gắng gỏi. Vậy chuẩn cho các Chưởng lãnh ở Kinh, đốc, phủ, bố, án ở ngoài đều xét kỹ thuộc hạ từ suất đội trở lên đến quản vệ, lãnh binh, ai là người tuổi già sức yếu không thể làm việc được, cùng là người chưa già yếu, nhưng ươn hèn không làm nổi việc, tâu xin bắt về hưu. Kẻ nào hèn kém lười biếng, liệu cho giáng bãi ; người nào tài nghệ giỏi giang, sai phái đắc lực, không cứ niên hạn lâu mới, tư cách cao thấp, đều cho chỉ tên bầu cử, đợi Chỉ cất nhắc lên, để rõ việc khuyên răn. Từ nay về sau, cũng thường thường khảo sát. Định làm lệ thường mãi mãi.

Cho Quản cơ cơ Tiền chấn, Trung quân Hà Nội là Nguyễn Hoàng làm Phó vệ uý vệ nhị Kỳ võ vì được Chưởng phủ Tạ Quang Cự tiến cử lên.

Ấm thụ cho Nguyễn Văn Phong cháu Vọng Các công thần Tổng nhung Cai cơ Nguyễn Văn Tuyết làm Ân kỵ uý coi giữ việc thờ cúng.

Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng thành Trấn Tây tâu nói : gần đây các phủ đồn ở địa đầu đều được ninh thiếp. Duy tháng trước cứ phủ Hải Đông báo rằng : các tên giặc Yết giặc Y đem hơn 1.000 quân, mưu muốn xua bắt dân Mường ở Sâm Tiệp. Người coi đồn Chi Trinh là Lãnh binh Hoàng Phúc Lợi, Phó lãnh binh Nguyễn Công Nhàn đã đến nơi tuần phòng dò xét, bọn kia đã rút lui ngay. Lại nghe nói tướng Xiêm là Phi Nhã Chất Tri phái đem thuyền quân tuần thám các xứ Hồ Hải [Biển Hồ], Tầm Bông, Cam Nhân cũng chẳng qua để làm kế tự giữ thôi, tưởng phủ Hải Đông, Hải Tây tất là vô sự. Nhưng sự phòng bị mùa thu, việc biên bị của ta cũng không nên sơ suất, đã sức cho biền binh các đồn, đều chiểu địa hạt phòng bị rất nghiêm, để cho cõi đất được yên. Vua cho là phải.

Cấp binh khí cho 5 dinh thành Trấn Tây. (Mỗi dinh đều cấp cho một bộ cờ ngũ hành, cơ nào binh số được 9 đội 10 đội thì cấp cho 200 giáo dài, 1 lá cờ vuông, 10 lá cờ đuôi nheo, giáo theo với cờ, dao theo với cờ mỗi thứ 11 cái, khiên mây và dao theo với khiên mỗi thứ 6 cái, mõ, trống, [đánh trên mình ngựa], mỗi thứ 4 cái. Cơ nào chỉ có 5 hay 6 đội thì cấp cho một nửa số ở trên. Còn trống trận, chiêng đồng,

thanh la đồng, khánh đồng, loa gọi bằng thau, cái bạt bằng thau, ống hiệu bằng thau, còi, tù và mỗi cơ đều một cái. Duy súng điểu thương, cơ nào đủ thì cấp 30 khẩu, cơ nào 5, 6 đội thì cấp cho 15 khẩu. Gặp khi sai phái, cấp thêm cho cơ đủ số quân là 200 khẩu).

Cấp lương tháng cho thổ biền thành Trấn Tây. (Vệ uý, Phó vệ uý mỗi tháng mỗi người đều tiền 4 quan, gạo 3 phương ; Quản cơ, Phó quản cơ đều tiền 3 quan, gạo 2 phương ; Cai đội, Chánh đội trưởng, Thí sai, Quản cơ, Phó quản cơ đều tiền 2 quan, gạo 1 phương 15 uyển ; Đội trưởng, Thí sai, Chánh đội trưởng, Suất đội đều 1 quan 5 tiền, 1 phương gạo ; Đội trưởng có cấp bằng, sung Suất đội đều tiền 1 quan, gạo 1 phương. Lấy ngày mồng một tháng 8 bắt đầu).

Án sát Hà Tĩnh là Nguyễn Văn Liễn dâng tập thỉnh an tâu nói : các quan trong hạt ấy có Tri huyện Nghi Xuân là Trần Duy Vỹ, khéo vỗ nuôi dân, dân đều tin yêu ; Tri huyện Thạch Hà Tôn Thất Trân vốn người khảng khái. Phàm gặp việc gì khó nhọc phiền kịch, đều tự nhận làm lấy ; Huấn đạo Ba Xuyên là Nguyễn Tân giảng dạy chăm chỉ, học trò theo học rất đông.

Vua nói : thưởng để khuyến khích người tốt, là phép thường của nhà nước. Trần Duy Vỹ, Tôn Thất Trân đã qua tỉnh thần xét thực, 1 người là tuần lương, 1 người là mẫn cán, đều biết làm hết chức phận, chuẩn giao bộ Lại bàn công.

Nguyễn Tân chăm chỉ dạy học cũng là đáng khen, lập tức cho thăng Giáo thụ, do bộ xét bổ.

Án sát Sơn Tây là Vũ Vĩnh dâng tập thỉnh an nói : súng điểu thương là đồ binh khí, không phải là dân gian được dùng. Nhưng vì dân mọn ngu dại không biết sợ. Nay tuy đã bắt nộp vào quan, rồi sau nó lại làm ra, thể không thể nào không có việc ấy. Vậy xin chiểu các thợ rèn hiện đương làm ở lò bắt đều đến các xã thôn gần phủ, huyện hoặc đồn bảo, tuỳ tiện làm ăn, không cho ở lẻ tẻ vào chỗ rừng rậm hẻo lánh. Phàm những quân khí như câu liêm, gươm, súng nhỏ, súng lớn, đều cấm không được chế tạo. Ai trái lệnh này, lập tức bắt thợ rèn và người thuê làm, tra xét trừng trị.

Vua dụ rằng : chứa giấu binh khí, luật đã có điều nói rõ, vẫn không nên cho dân được làm riêng. Nhưng trách nhiệm tại quan địa phương thi hành thế nào đấy thôi, nếu vội đuổi các thợ rèn đến ở tụ cả ở chỗ gần phủ, huyện, đồn, bảo để làm việc sinh nhai, thì dân gian những điền khí cày bừa, dao liềm đều là đồ dùng hằng ngày, nếu có hư hỏng tất phải vất vả tự xa đến để thuê làm, phiền phức biết thế nào, thực có ngăn trở khó làm. Kể ra, địa phương làm xướng suất cho dân, nếu biết để ý dạy bảo, thì ra lệnh cố nhiên phải theo, can gì phải bo bo như thế.

Nay chuẩn cho Tổng đốc Nguyễn Công Hoán sức hạ cho phủ huyện hiểu bảo cho rộng khắp, hiện giờ thiên hạ yên ổn, người Kinh người Thổ cùng một phong hoá như nhau, phải nên cày cấy yên nghiệp, để hưởng lâu phúc thái bình. Phàm là dân, không được chế tạo riêng các loại điểu thương, súng lớn, giáo dài ; các thợ rèn cũng không được làm thuê cho người nào những thứ vũ khí ấy, ai phạm điều này phải bắt tội xử tử. Khiến cho dân biết sợ mà không dám phạm tội ấy. Quan phủ huyện sở tại cho đến tổng lý nên thời thường kiểm soát, cốt cho đã ra lệnh là phải tuân, đã cấm là phải thôi. Nên không nghiêm cấm được, đến nỗi có kẻ còn làm riêng, chứa riêng những binh khí ấy, thì quan lại tổng lý cũng đều phân biệt trị tội cả.

Sáu tỉnh Nam Kỳ đem sổ sách kê số mục điền thổ do dân hạt ấy mới khai khẩn về năm ngoái đệ tâu lên. (Gia Định hơn 140 mẫu ; Biên Hoà hơn 6 mẫu ; Vĩnh Long hơn 1900 mẫu ; Định Tường hơn 700 mẫu ; An Giang hơn 260 mẫu ; Hà Tiên hơn 670 mẫu, cộng hơn 4930 mẫu). Bộ Hộ đối chiếu với sổ năm trước, thì những điền thổ thực trưng không có chỗ nào bỏ hoang. Chuẩn cho tỉnh thần và phủ huyện tổng lý đều chiểu theo lệ định mà thưởng cấp.

Xây pháo đài Hổ Cơ và bảo Thi Nại tỉnh Bình Định. Vua nghĩ cửa biển Thi Nại nước sâu núi cao, thuyền tàu đi lại thường hay đỗ lại, cũng là chỗ địa đầu xung yếu. Phái ty bộ Công và vệ Giám thành mỗi bên 1 người đi hội với quan tỉnh xem hình thế đất ấy. Bèn chuẩn cho lập một pháo đài ở xứ Hổ Cơ, gọi là pháo đài Hổ Cơ. Lại đặt 1 bảo lắp luỹ đất ở gò cát đối ngạn với pháo đài, gọi là bảo Thi Nại để chống đỡ với nhau. Sai thuê 500 dân phu xây dựng công việc ấy. (Xứ Hổ Cơ ở bờ đông nam đồn cửa biển, trên có một núi cao hơn 7 trượng, có thể trông ra ngoài biển. Pháo đài xây hình tròn, chu vi 27 trượng, thân đài cao 5 thước 4 tấc, 3 mặt đằng trước, bên tả, bên hữu đều xây bậc đá, chia đặt 10 cỗ súng gang Hồng y, 2 cỗ súng gang Phách sơn, 6 cỗ súng đồng Quá sơn. Mặt sau làm cửa đài, khoảng giữa đài về mạn trước xây cột cờ, bên tả đặt kho thuốc súng, bên hữu làm trại lính. Gò cát ở phía tây đồn cửa biển ngang đối với xứ Hổ Cơ, cách nhau hơn 280 trượng, bảo đắp hình dài, trước sau đài đều 10 trượng, tả hữu ngang đều 7 trượng 2 thước, thân luỹ cao 6 thước 3 tấc. Mặt trước xây bậc để súng, chia đặt súng gang Hồng y, Phách sơn mỗi thứ 2 cỗ, 2 cỗ súng đồng Quá sơn. Mặt sau làm cửa bảo, quãng giữa bảo làm một trại lính. Chỗ gần bảo làm một cái nhà vuông, cho viên coi đồn ở).

Đến khi xây dựng xong, phái 1 suất đội, 30 biền binh tỉnh ấy sung làm thủ hộ pháo đài và bảo ấy. Lại chế cờ phát để treo. (Cờ vải vàng 3 lá, đều dài 6 thước, rộng 5 thước ; cờ đỏ, cờ gấm đỏ trắng, cờ gấm lam trắng mỗi thứ 1 lá ; theo như mẫu cờ của pháo đài Phòng Hải. Còn cờ vàng, thì gặp ngày khánh tiết và ngày sóc, vọng, ngày thường chiểu lệ thay đổi mà treo. Còn các cờ khác thì khi thấy ngoài biển xa có thuyền giống như thuyền nhiều dây, mà chưa biết rõ là thuyền công của bản quốc hay là thuyền ngoại quốc, chỉ có 1, 2 chiếc thì treo cờ hiệu đỏ, đến 3, 4 chiếc trở lên thì treo cờ hiệu gấm đỏ trắng. Đến khi đã biết rõ là thuyền của bản quốc thì lập tức hạ cờ treo trước xuống, treo cờ vàng lên ; thuyền ngoại quốc thì cũng hạ cờ treo trước xuống, treo cờ gấm lam trắng lên. Người coi đồn Thi Nại thấy trên đài treo cờ gì, lập tức báo ngay cho tỉnh, để phòng bị trước khi xảy việc).

Vua ngự điện Văn Minh, cho triệu hoàng tử công, thân công, văn võ đại thần, ban cho quạt tre và thao đeo quạt, khăn tay vải tây đỏ. Võ từ quản vệ, văn từ ngũ phẩm trở lên, đều ban cho các thứ ấy có thứ bậc khác nhau.

Cho Bố chính cũ ở Nghệ An là Nguyễn Đình Tân làm Tả thị lang bộ Binh.

Cho thự Viên ngoại lang bộ Công là Trương Phúc Cương đổi là thự Viên ngoại lang Vũ khố, hội đồng với bọn Lê Văn Thu hộ lý quan phòng Vũ khố ; đạo Lương trừ cũ ở Trấn Tây là Lê Văn Đạt làm Lang trung bộ Công (Đạt trước vì ốm về quê, đến bây giờ khỏi bệnh đến bộ hậu bổ).

Vua cho triệu Án sát Bình Thuận, có Chỉ cho thự Bố chính là Nguyễn Quốc Cẩm đến Kinh. Cho Lang trung bộ Hộ là Nguyễn Đức Hộ làm Án sát Bình Thuận.

Lại thu thuế mỏ vàng Lạng Sơn, Cao Bằng. (Lạng Sơn : mỏ La Sơn mỗi năm nộp thuế vàng 10 tuổi 5 lạng, bán cho nhà nước mua vàng cám 4 lạng. Cao Bằng : mỏ Thượng Pha, Hạ Pha mỗi năm nộp 4 lạng vàng ; mỏ Tĩnh Đà 3 lạng).

Mộ binh ở Cao Bằng, về vệ Cao Bằng chỉ còn 1 đội. Chuẩn cho gọi là đội Cao Bằng, bỏ tên vệ đi.

Chọn lấy thêm ngạch lính tỉnh Khánh Hoà. Trước đây Án sát là Vũ Doãn Cung dâng tập thỉnh an nói : hiện lính tỉnh ấy không có mấy, mà xét ra dân các xã trong hạt tự trước đến giờ hạng thuỷ hồi cũng nhiều, xin nên cho chọn lính lần nữa để đủ sai phái. Vua giao cho bộ Binh bàn cho là : binh quý hồ tinh, không cần nhiều. Bọn quản suất nếu ngày thường biết huấn luyện sẵn sàng, chiến thuật đều tinh thì đến lúc có việc, đủ làm nanh vuốt để giúp, bất tất phải chọn nhiều lính làm gì. Duy một

hạt Khánh Hoà số lính hơi ít, tạm cho chọn thêm, cũng là sự thế phải thế. Còn như các quân dinh ở Kinh cùng các trực tỉnh ngạch binh đã thuộc số nhiều. Nếu hộ khẩu ngày càng nhiều, thì do thượng ty đốc cho tuỳ tiện cho đi khai khẩn ruộng đất, cố sức cày ruộng, trồng dâu, chứ không nên lại chọn lính nữa.

Vua theo lời bày ấy, sai 2 bộ Hộ và Binh hội đồng chọn lấy, cộng được hơn 360 người, bổ vào vệ Khánh Hoà 2 đội, vào cơ Khánh Hoà 1 đội rưỡi (Vệ Khánh Hoà nguyên ngạch 8 đội, cơ Khánh Hoà nguyên ngạch 8 đội rưỡi). Còn thừa hơn 80 người dồn làm 2 đội nhất nhị thuộc tỉnh ấy. Thưởng cho đường quan 2 bộ đều gia 1 cấp, các người theo làm việc từ lang trung đến thư lại, thưởng chung 100 quan tiền.

Án sát Quảng Nam là Nguyễn Trọng Nguyên phải cất chức. Trọng Nguyên trước làm giám khảo trường Nghệ An, người nhà đem mực vào trường bị viên giám sát trường vụ tham hặc. Trọng Nguyên bị giáng 2 cấp đổi đi, án bổ làm Viên ngoại lang bộ Hình.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXVI*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], mùa thu tháng 8, ngày Mậu Ngọ, vua đến đàn Xã Tắc làm lễ Thu tế. Theo lệ trước xuân thu 2 kỳ tế ở đàn Xã Tắc và Văn Miếu, đều sai quan đến tế. Năm ấy kính gặp tiết đại khánh, trước đây, xuống dụ sai ty có trách nhiệm kính cẩn dự bị, lấy những ngày "Mậu" trên, "Đinh" trên tháng ấy, vua thân đến đàn miếu làm lễ tế cáo, để tỏ lòng thành kính. Hôm ấy khi làm lễ, khí trời tạnh mát, lễ nghi được chỉnh tề thong thả.

Vua rất đẹp lòng, nhân thấy cây cối ở đàn sở xanh tốt, bảo bộ Lễ rằng : "Sau khi mùa hè nóng nực dữ dội, mà cây cối ở nơi này được xanh tốt như thế, đó là khí đất sinh ra thế. Xét ra, người xưa trồng cây ở đàn Xã Tắc, như : nhà Hạ trồng cây tùng, nhà Ân trồng cây bách, nhà Chu trồng cây lật, cũng chẳng qua tuỳ thổ ngơi mà trồng những thứ cây ấy đó thôi. Tể Ngãi nói : "lật là sợ hãi", tưởng chưa phải là thế. Lại như *Lễ gia* có chép : "khi cất quân đi đem cả thần chủ đi" vì việc binh là việc lớn của nước, ý nói không dám tự chuyên vậy, lời nói ấy cũng còn có ý nghĩa, đến như cây cối, không nên giải nghĩa miễn cưỡng, nếu giải nghĩa thì thành ra xuyên tạc vậy".

Lại nói : "Ta xem điển lễ nước Thanh, đằng trước đàn Xã Tắc có cái cửa gọi là cửa "Linh tinh"[1], đó cũng là theo nghĩa thông thoáng khí trời. Vậy nên tra rõ kiểu

---

(1) *Linh tinh* : cái cửa có các lỗ thủng vuông nhỏ.

cách chế tạo, giao cho bộ Công để làm". Thưởng cho đường quan bộ Lễ, và các viên chấp sự, bồi tự, củ nghi, cho đến những người thuộc ty các nha, nhạc sinh, ca sinh, tể phu, thiện phu [nhà bếp] cấp, kỷ và tiền có thứ bậc khác nhau.

Vua làm bài thơ : "Thiên cơ dự triệu[1]" đã xong. Vua cho là thánh nhân xét vật lý đến cùng cực, rồi sau mới có thể nói đến số, không nên nói với người thường được. Sai cất vào Bí Các (thơ ấy lấy số 10 can, làm ra nhiều lần thành 200 bài, từ Giáp đến Quý, chữ đỏ, chữ đen đều 100 bài, mỗi bài đều có lời dẫn giải, mà lời dẫn giải gốc ở mọi vật lý, bảo cho người ta biết sự tốt, xấu, hối hận, lo sợ. Đến khoảng năm Thiệu Trị, mới cho khắc in để ban hành).

Ngày Canh Thân, sửa đắp bảo thành[2] cả trong lẫn ngoài, ở các tôn lăng liệt thánh và đế hậu (mỗi lần xây cao thêm 2, 3 thước, mặt trước tường lần ngoài, xây thêm cửa có cánh đóng). Trước đây vua đến yết lăng Trường Cơ trở về, dụ bộ Lễ rằng : "Cây tùng, cây thu ở lăng ấy xanh tốt, rất thoả lòng hiếu của ta. Nhân nghĩ : cách thức cũ xây đắp 2 lần bảo thành trong ngoài ở các tôn lăng, đều có phần hơi thấp, chưa đủ thoả lòng chiêm ngưỡng. Nên sai bộ Công hội cùng với Khâm thiên giám, xem kỹ lăng sở nào phương hướng lợi cho việc sửa đắp về năm nay, thời tâu xin hưng công, còn sở nào phương hướng lợi về sang năm, cũng chiếu đó mà làm".

Đến bấy giờ, bộ Công tâu xin làm trước 8 nơi. Vua bèn sai thự Trung quân Chưởng phủ sự là Tạ Quang Cự đến lăng Vĩnh Cơ[3] ; Hữu quân Đô thống là Nguyễn Tăng Minh đến lăng Trường Cơ[4] ; Vũ lâm Tả dực Thống chế là Bùi Công Huyên, đến lăng Trường Hưng[5] ; Thống chế dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Tiến Lâm đến lăng Vĩnh Hưng[6] ; Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm là Lê Văn Thảo đến lăng Quang Hưng[7] ; Thống chế dinh Tiền phong là Trần Hữu Lễ, đến lăng Vĩnh Mậu[8] ; Quyền quản ấn triện dinh Long võ là Hoàng Đăng Thận đến lăng Vĩnh Phong[9] ;

---

(1) Thiên cơ dự triệu : cơ trời dự điềm ra.

(2) Bảo thành : là thành bao nơi lăng tẩm bên trong và bên ngoài.

(3) *Vĩnh Cơ* : lăng của Gia Dụ hoàng hậu ở xã Hải Cát, huyện Hương Trà.

(4) *Trường Cơ* : lăng của Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ở xã La Khê, huyện Hương Trà.

(5) *Trường Hưng* : lăng của Thái tông Hiếu Triết hoàng đế, ở xã Hải Cát, huyện Hương Trà.

(6) *Vĩnh Hưng* : lăng của Hiếu Triết hoàng hậu Chu thị ở xã Định Sơn, huyện Hương Trà.

(7) *Quang Hưng* : lăng của Hiếu Triết hoàng hậu Tống thị ở xã Định Môn, huyện Hương Trà.

(8) *Vĩnh Mậu* : lăng của Hiếu Nghĩa hoàng hậu ở xã Định Môn huyện Hương Trà.

(9) *Vĩnh Phong* : lăng của Hiếu Ninh hoàng hậu ở xã Long Hồ, huyện Hương Trà.

Tả quân Chưởng phủ là Phạm Văn Điển đến lăng Cơ Thánh[1] ; đều chia nhau đứng trông nom công việc.

Các trạm ở các địa phương đưa thư từ công văn, gần đây chạy ngựa không được đúng hạn. vua sai bộ Binh truyền dụ cho các đốc, phủ, bố, án đều phái nhân viên kiểm xét, xem trạm nào trước cấp cho ngựa công, hoặc có già, ốm gầy yếu thì sai bán đi, cấp thêm cho tiền công, chọn mua ngựa khác khoẻ mạnh và nghiêm trách bọn dịch thừa, dịch mục, sức cho các trạm phu phải luyện tập việc cưỡi ngựa, có đưa đệ tin tức, công văn, không được chậm trễ ngày giờ, ai trái lệnh trị tội nặng, viên thượng ty cũng phải bàn tội.

Vua sai thượng ty ở các trực và các tỉnh trong ngoài xét nghiệm các viên Thủ ngự ở các nguồn và các đồn cửa biển. Vua dụ bộ Binh rằng : "Trước đây, Thủ ngự các hạt, cứ chọn các suất đội các vệ ra, người nào tuổi già sức yếu thì sung bổ. Đó là triều đình nghĩ thương bọn họ giúp việc đã lâu, có chút công lao nên mới liệu nơi cho đến giữ việc, không nỡ ruồng bỏ mà thôi. Nhưng Thủ ngự cũng có trách nhiệm tuần phòng, nếu già yếu quá làm sao làm được việc. Nay chuẩn cho các thượng ty đến xét rõ các viên Thủ ngự thuộc hạt mình, ai tuổi già mà sức lực còn mạnh, vẫn để cho giữ chức ; còn người nào già yếu không làm nổi việc, thì trích ra tâu xin cho về hưu, chớ để kẻ hèn kém vẫn làm mãi như ngựa mến tầu, có khi nhỡ việc".

Bố chính Biên Hoà là Phạm Duy Trinh trong tập thỉnh an có nói : nơi thượng nguyên thuộc hạt ấy các huyện mới đặt, địa giới dài rộng, người Man ở rừng xa còn nhiều. Đã từng phái người đi chiêu dụ, thì nơi hơi gần có 18 sách, tình nguyện quy phục nộp thuế ; còn có nơi muốn quy phục, nhưng chưa quyết định ; cũng có chỗ cậy đất ở hiểm và xa, không chịu quy phục. Vậy xin vào khoảng cuối tháng 10, đầu tháng 11, nước lũ đã hết, thân đem biền binh 200, 300 người, đến thẳng nơi đầu nguồn ấy, tuyên bảo uy đức triều đình, để cho đều quy phục. Nếu dám chống cự, hoặc trốn tránh cho lùng bắt giết đi.

Vua dụ rằng : "Những huyện thuộc thổ dân mới đặt ở hạt ngươi, dần dần đã quen mặc áo quần, yên ở làm ăn, đã có cơ hướng theo giáo hoá, thì những Man ở rừng xa hẻo lánh, chưa chịu quy phục, chính nên nhân thế mà vỗ về, bất tất phải ra uy vũ. Huống chi hiện nay 4 phương yên ổn, giáo hoá là việc cần trước. Người Man đã quy phục, lấy đức làm cho họ mến, thì bọn Man chưa quy phục, cùng bảo nhau trông đó mà bắt chước, sẽ không phải phiền đến binh lính mà họ tự quy phục.

---

(1) *Cơ Thánh* : lăng của Hưng tổ Hiếu Khang hoàng đế, ở xã Cư Chính, huyện Hương Thuỷ.

Nay chuẩn cho ngươi xét 18 sách quy phục ấy trước hãy đem thuế lệ về đinh điền, trù nghĩ làm bản tâu lên. Còn các sách chưa quy phục, như tự liệu đem quân đi để làm thanh thế, mà họ nghe tiếng chịu lui, nghe theo mệnh lệnh, không phải dùng đến võ lực thì cũng chuẩn cho thân đến nơi một phen. Nếu họ ở xa, mãi nơi rừng rậm hẻo lánh, từ trước đến giờ, chưa biết thanh giáo của triều đình mà đem nhiều quân tới, không khỏi họ sợ trốn, thì không bằng không đi là hơn. Tưởng các sách người man nhỏ mọn ấy, cậy hiểm trở gì mà dám chống cự lại ta. Nên phái người chiêu dụ dần dần để họ vui theo, không phải nhọc quân lùng bắt, cho thêm nhiều việc. Vậy nên chước lượng sự thế mà làm, nên đi thì đi, chưa nên đi thì dần dần lấy đức mà giáo hoá, cốt cho hợp với cơ nghi là được".

Án sát An Giang là Nguyễn Nhật Thạnh trong tập thỉnh an có nói : các dòng sông thuộc hạt ấy có nhiều ngả, thường có trộm cướp lén lút phát ra. Tóm lại là bởi bọn vô lại không chịu làm nghề nghiệp gì, hằng ngày chỉ rượu chè cờ bạc, cha anh không biết ngăn cấm, tổng lý cùng nhau dung túng, đến nỗi những bọn trộm cướp, chưa có thể bắt được hết đưa ra xét xử. Thế mà trước đây xử tội, chỉ trừng trị bằng xuy trượng thôi. Xin xuống sắc cho bộ bàn định điều cấm rõ nặng.

Vua xuống dụ mắng rằng : "Từ trước đến giờ về trộm cướp là án nặng, kẻ phạm tội đều chiếu luật trị tội. Còn cha anh chúng không biết cấm giữ, tổng lý biết tình mà giấu giếm, luật lệ đã có điều nói rõ, theo tình mà định tội, như thế cũng đã đủ, còn có thể thêm nữa chăng ? Hạt ngươi, ruộng thừa mầu tốt, đất thừa lợi lộc, mà không biết khuyên bảo tiểu dân, cố sức làm ruộng, ở yên làm ăn, để đến nỗi có nhiều bọn du thủ không chịu làm nghề nghiệp gì, cùng túng phải làm trộm cướp để mắc vào tội, thì lỗi ấy thuộc về ai ? Lại không nhận làm trách nhiệm của mình, vội muốn đổi định điều cấm nặng, sao nói dễ thế! Lời xin ấy không cho thi hành".

Án sát Khánh Hoà là Vũ Doãn Cung trong tập thỉnh an nói : một dải núi liền thuộc tỉnh hạt, có nhiều thú dữ, người đi qua vẫn sởn lòng. Đã từng phái binh dân, kiếm cách bắt giết, nhưng chưa được tuyệt hết. Xin cho mộ 50 người ngoài tịch, đặt làm đội Lâm xạ[1] mới có thể mong giống ác thú tuyệt hết được lâu dài.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Lính ở hạt ấy không kém 1 nghìn, 5, 6 trăm người, nếu biết chăm dạy bảo luyện tập bắn súng nhỏ, súng lớn tinh thạo tất cả, lúc vô sự cho đi khắp rừng núi, đánh giết ác thú, lúc có việc, thì đi giết giặc, lại là đắc lực, há chẳng hơn mộ riêng bọn lính khác ư ?

(1) *Lâm xạ* : bắn ở rừng.

Nhưng xét hạt ấy, cùng với Phú Yên, Bình Thuận, địa thế rộng xa, phần nhiều là rừng, mà số lính so với các hạt hơi ít. Nay truyền dụ cho thượng ty 3 tỉnh ấy đều sức cho chiêu mộ mỗi tỉnh 3 đội, để đủ sai phái các việc công, bất tất phải đặt đội Lâm xạ, chuyên việc giết thú làm gì. Huống chi 3 tỉnh ấy dân thuần, việc giản, việc án mạng, việc trộm cướp cũng ít, thường nhận xét ra cũng không có việc. Vậy trách cứ các đốc, phủ, bố, án và các lãnh binh, không kể lính tuyển, lính mộ, cốt yếu hết thảy người nào cũng phải tập luyện cho thông thạo ; tuân theo nghị định, thì thường thay nhau đến các địa phận các rừng chia đi đánh giết những giống trùng độc, thú dữ để trừ hại cho dân, vả lại ngụ ý việc thao diễn nữa, thì khi hữu sự dùng đến, đều thành ra một bọn quân cứng mạnh vậy".

Án sát Phú Yên là Lê Khiêm Quang trong tập thỉnh an nói : từ trước đến giờ kẻ phạm trốn đi, và lính bỏ trốn, thấy các tỉnh tư bắt, mà ít thấy bắt được tên nào, vì là dân gian dung tình, dung túng giấu giếm, cùng là lý dịch, kiểm xét không chu đáo mới đến nỗi thế. Xin bắt chước cái ý đặt người bảo giáp, mỗi ấp trong đám dịch mục, trích ra 1 người, chuyên chịu trách nhiệm trông coi trong ấp, để phòng khám xét những kẻ gian tế. Nếu thấy người nào lai lịch không rõ, báo cho lý trưởng bắt giải. Nếu dám nhận hối lộ mà ẩn giấu đi, thì lấy tội của kẻ can phạm mà bắt tội, để cùng bảo nhau cố gắng, thì kẻ can phạm trốn đi không có chỗ dung thân, mà lính trốn cũng ít đi.

Vua dụ rằng : "Dựng ra pháp luật, quý về có thực hiệu, không quý về hư văn. Người xưa đặt ra phép bảo giáp, lúc mới không phải là không tốt, đến khi sinh tệ, cũng chỉ là hư danh mà thôi. Nay không tìm thấy cái thực, mà chỉ chuộng cái danh, cũng chưa chắc là phải. Trong 1 tỉnh đã có thượng ty bố, án, lại có phủ huyện, cho đến tổng có tổng trưởng, làng có lý trưởng, lại có quan ải đồn canh xét hỏi, đều có chuyên trách cả. Nếu cùng nhau cố gắng, để ý tuần phòng khám xét, thì kẻ gian tế còn bởi đâu mà sinh ra, kẻ đào phạm bởi đâu mà trốn nấp được. Nếu cứ một mực lần lữa coi thường, thì dẫu đặt thêm bảo giáp há có thể chuyên trách về xét kẻ gian, bắt kẻ phạm, giữ được chắc chắn không có tệ khác ư ? Nếu họ lại thông đồng với lý trưởng, dung tình ăn hối lộ giấu giếm, thì lấy ai để tra xét ư ? Có thể thấy là nói thì dễ mà làm thì khó vậy. Duy có bọn dật phạm, đào binh[1] mà được ẩn nấp, cũng tại quan địa phương thi hành thế nào đó thôi. Nay chuẩn thông dụ cho đốc, phủ, bố, án, các trực, tỉnh, cốt phải thời thường sức cho Phủ huyện, Phủ huyện sức cho Tổng lý, hết lòng tuần xét, phàm có những dật phạm, đào binh, phải xét ra bắt giải, mà lĩnh

(1) *Dật phạm* : kẻ phạm tội trốn đi ; *Đào binh* : lính trốn đi.

thưởng, không được dung chứa, giấu giếm, đã không có lợi cho hương thôn, hoặc khi phát giác ra lại bị tội lỗi. Để cùng răn bảo lẫn nhau, đều cứ địa giới sở tại mình mà tra xét, thì kẻ gian trốn không có chỗ dung chứa, bất tất phải đặt bảo giáp mà cũng có thể được yên ninh vậy".

Tỉnh thần Ninh Bình tâu nói : Xã Bồng Hải, huyện Yên Khánh thuộc hạt ấy số đinh đến hơn 900 người, điền thổ đến hơn 10.000 mẫu. Tựu trung có nhiều ruộng công, những tên cường hào thường thường lấy cầm đợ để kiếm lợi, thường sinh kiện cáo, bỏ thiếu ngạch thuế. Nay xin chiếu theo địa thế, chia làm 9 xã, đặt riêng làm 1 tổng, gọi tên là tổng Bồng Hải. Những ruộng đất công đều chiếu số đinh chia cấp đều nhau, còn ruộng tư cho chủ có ruộng trông coi. Còn như binh đinh cứ theo số dân hiện chia tính suất mà chọn lấy, thừa thì rút về, thiếu thì tuyển thêm, mới có thể dứt được mối tranh tụng mà thanh thoả được thuế khoá".

Vua y cho.

Sai quan khảo hạch các tú tài các khoa, tuổi từ 40 trở lên. Lệ trước khảo hạch 3 hôm, đủ cách thức văn 3 kỳ, theo như phép thi. Đến bấy giờ hạn có 1 hôm, lược ra đầu bài về thơ, văn, 2, 3 đề mục, để khảo hạch. Những Tú tài ứng hạch 49 người, dự trúng vào hạng bình có 5 người. Chuẩn cho án bổ làm Huấn đạo, còn thì cho về học tập, đợi đến khoa thi.

Đổi định kỳ thi Hương ở trường Gia Định.

Vua dụ bộ Lễ rằng : "Trường thi Hương ở Gia Định, lệ trước thi vào tháng 7. Xét ra, trường ấy đường đi khí xa, trong Kinh có phái quan đi chấm trường, thì thượng tuần tháng 6 đã phải lên đường, mới kịp kỳ vào trường, mà tháng ấy khí trời đương nóng nực nung nấu, rất là khó nhọc vất vả. Nhân nghĩ : đặt ra khoa thi Hương trong tiết thu đều có thể cử hành ; hà tất phải câu nệ về tháng mạnh[1]. Nay đổi lấy tháng 9 vào thi ; phàm nhật kỳ vào trường, treo bảng, đều theo như trước. Ở Kinh có khâm phái các quan coi việc trường, thì sau ngày mồng một tháng 8, đều chia đi đường trạm, cho trong khi đi đường, đều được mát mẻ. Để tỏ ý ta thể tất đến các quan trường, nhưng lấy khoa thi Hương sang năm làm bắt đầu. Từ sau cứ theo đó làm lệ".

Ở Kinh phát ra 1.000 khẩu súng điểu sang cò máy đá, tải đến thành Trấn Tây.

Định các hạng khuyết[2], mới đặt hay đổi đặt, cho các phủ huyện thuộc An Giang (phủ Tuy Biên kiêm lý huyện Tây Xuyên là nơi trung khuyết [ít việc vừa] ;

(1) *Mạnh thu* : tức tháng 7 âm lịch.

(2) *Khuyết* : cũng như đánh giá công việc nhiều ít của nơi ấy. Có 4 hạng : tối yếu khuyết, yếu khuyết, trung khuyết, giản khuyết.

thống hạt huyện Phong Phú là nơi giản khuyết [ít việc] ; phủ Tân Thành kiêm lý huyện Vĩnh An là nơi trung khuyết ; thống hạt huyện Đông Xuyên và An Xuyên đều là nơi giản khuyết ; phủ Ba Xuyên kiêm lý huyện Phong Nhiêu ; thống hạt 2 huyện Vĩnh Định và Phong Thịnh đều là nơi giản khuyết).

Cấp kính "vạn lý" cho kỳ đài Kinh và cửa ải Hải Vân ; kính "thiên lý" cho pháo đài "Hổ Cơ" ; còn Khâm thiên giám, thị vệ, 3 dinh Thuỷ sư Kinh kỳ và đồn cửa biển Thuận An, mỗi nơi 1 ống kính thiên lý nhỏ.

Ngày Đinh Mão, vua thân đến Văn miếu làm lễ "thích điện"(1), khi làm lễ xong, dụ cho Nội các rằng : "Năm nay ta vừa đúng ngũ tuần [50 tuổi], đi lại khoẻ mạnh, bốn phương yên ổn, tưởng nhớ đến bậc thánh triết ngày xưa, đặt lễ nghi long trọng, lấy ngày "Đinh" mùa thu, thân đến Văn miếu làm lễ. Hết thảy lễ nghi, đều được chu thoả, đủ tỏ lòng ngưỡng mộ mà đón được phúc hoà. Đáng nên ban ơn khắp cả, để tỏ rõ ngày quốc khánh. Vậy bộ Lễ chức giữ điển lễ, mức thưởng nên được ưu hậu, các đường quan đều thưởng kỷ lục 2 thứ, các viên chấp sự, bồi tự, củ nghi đều 1 thứ. Ngoài ra thuộc ty các nha, dự vào ban chấp sự, cho chí bọn biền binh theo hầu đều thưởng chung 700 quan tiền. Lại thưởng cho tư nghiệp, học chính ở Quốc tử giám, đều 2 tháng tiền bổng ; các tôn sinh, giám sinh, ấm sinh, học sinh học ở Giám, đều mỗi người 10 quan tiền.

Vua lại cho là mẫu mực ở Văn miếu chất phác mộc mạc, xuống dụ cho Lễ, Công 2 bộ, trù nghĩ sơn thếp lại, và đằng trước miếu dựng thêm cửa "linh tinh" [cửa có lỗ hổng vuông] cho đến đồ thờ như những phạn đựng cơm kiểu vuông, kiểu tròn, bát dựng bằng gỗ, bằng nan đan v.v... cần nên sửa sang gì nữa thì tâu lên, chuẩn cho thi hành.

Chưởng vệ vệ Nhất tả dinh Thuỷ sư ở Kinh kỳ là Đoàn Suất, tuổi già về hưu trí. Cho Vệ uý vệ Nhất là Nguyễn Văn Pháp, thăng thự Chưởng vệ, kiêm quản các vệ : nhị, tam, tứ và ngũ ; Phó vệ uý vệ tứ Hữu dinh là Đoàn Khác đổi bổ làm Phó vệ uý ngũ Trung dinh, vẫn kiêm Quản vệ Long thuyền.

Bộ Lễ tóm kê danh sách các quan viên, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, mà già, ốm đã hưu trí và hưu dưỡng, dâng lên để vua xem. Vua đặc cách thưởng cấp cho nguyên Tham tri bộ Lễ, gia hàm Thượng thư là Nguyễn Đăng Tuân ; và Chưởng cơ, sung Lãnh binh Hà Nội là Đoàn Văn Cải, đều mỗi người 100 quan tiền. Nguyên Lãnh binh là Hoàng Quang Trừng, Nguyễn Tiến Tá ; Vệ uý là

(1) *Thích điện* : đặt chén rượu ở trước thần vị mà tế.

Nguyễn Văn Niên, Hoàng Phúc Tài, đều mỗi người 80 quan. Nguyên Hiệp lãnh là Nguyễn Tăng Châu ; Vệ uý là Nguyễn Phương Vịnh, Lâm Oai ; Phó vệ uý là Nguyễn Văn Nghị ; Phó lãnh binh là Bùi Văn Đạo, Hồ Bôi, và Trần Quảng Tứ, đều mỗi người 70 quan. Nguyên Lãnh binh là Trần Văn Quần ; Phó lãnh binh là Trần Văn Hữu (bị giáng, trật tứ phẩm), đều mỗi người 40 quan. Nguyên Phó lãnh binh Trần Quang Dương (bị giáng, trật ngũ phẩm) 30 quan. Nguyên Quản cơ Phạm Văn Tòng (công thần theo đi Vọng các) 50 quan. Nguyên Lang trung là Nguyễn Hảo 30 quan.

Duy có thự Lang trung về hưu dưỡng là Trần Khắc Thiệu, trước kia nhân phạm viên là Lê Văn Duyệt tiến dẫn được làm quan, lần trước bộ Lại không biết xét ra (Năm thứ 16 có nghị định, phàm những người mà ngày thường do Lê Văn Duyệt tiến cử lên, đều truy thu lại bằng sắc), nên còn được mang nguyên hàm về hưu. Đến bây giờ ở Hà Tĩnh lại suất lược đem thự hàm làm danh sách tâu lên. Bộ Lễ đem việc tâu lên tham hặc. Vua giao viện Đô sát bàn xử. Thiệu bị cách chức, truy thu lại bằng sắc ; bộ Lại và tỉnh thần đều bị giáng phạt.

Cho Quốc tử giám Tư nghiệp là Phạm Bá Thiều, thăng thự Tế tửu ; Tán thiện là Phạm Hữu Nghi, thăng thụ Tư nghiệp ; Giáo thụ phủ Trấn Tây là Lê Văn Thạc, thăng thự Đốc học Vĩnh Long.

Bọn Khoa đạo là Lê Chân, Nguyễn Thế Trị dâng sớ nói : bài minh khắc vào chuông, vào bia ở chùa Thiên Mụ, trong có chữ phạm vào miếu huý của Thế tổ Cao hoàng đế, xin nên kính đổi đi. Và xin sắc cho các địa phương sức khắp thuộc hạt, phàm hết thảy những vật kiện có viết hay khắc những chữ tôn huý đều cho mài đổi đi.

Vua dụ rằng : "Bài minh ở chùa Thiên Mụ là bài của hoàng tổ Hiển Tông Hiếu Minh hoàng đế ta ngự chế ra, văn của tiên thánh để lại, đã không nên thay đổi, huống hồ theo lễ không nên chú trọng riêng về miếu thờ cha, há nên nhân chữ phạm huý ở miếu hoàng khảo ta, mà lại đem văn của hoàng tổ ta, khinh suất tự ý thay đổi đi ư ? Lời tâu sao mà không thông đến thế ư ! Duy việc nói ở các địa phương nên đổi tránh đi, thì chuẩn cho bộ Lễ bàn tâu để thi hành". (Phàm các vật kiện đồ cổ, nếu có các bài minh, ký, đề, vịnh, trót đã viết hoặc khắc các chữ tôn huý, thì chiểu theo điều lệ đã kính gửi đến năm trước : khi viết văn cấm không được dùng và những chữ huý thì gia thêm nét lên trên, lập tức đem những chữ đã khắc ấy mài cạo nét chữ đi, nếu ai trái lệnh khép vào luật "vi chế" [trái chế thư] mà xử tội.

Thự Án sát Quảng Bình là Nguyễn Xuân Quang có tội phải cất chức. Cho Giám sát ngự sử đạo An - Hà là Vũ Đức Nhu thăng thự Án sát Quảng Bình.

Xuân Quang khi trước làm Tri phủ phủ Khoái Châu, tra xét việc án mạng cẩu thả sơ lược. Đến bây giờ việc phát ra, chuẩn cho giải chức đi Hưng Yên, cấp cho một hạn ở ngoài để bắt kẻ can phạm. Khi hết hạn vẫn chưa bắt được, giao xuống bộ Hình bàn tội, bèn bị giáng, bổ làm Chủ sự.

Tỉnh Hưng Yên bị trận gió to thốt nhiên đến, 3 huyện : Kim Động, Phù Dung, Tiên Lữ thuộc hạt ấy, nhà cửa của dân, phần nhiều bị đổ gãy. Quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua nói : "Các huyện ấy ở về bờ phía hữu sông Cửu An, hằng năm gặp nước lớn, ruộng lúa bị ngập mất, đã từng nhiều phương cứu chữa, đau khổ của dân đã hơi hồi lại. Nay đã từng bị ngập lụt, lại gặp nạn gió, thì trông nhờ vào đâu ?". Bèn sai tỉnh thần, chi tiền ở kho ra lập tức chiếu những nhà bị hại phát chẩn cho (nhà lớn cấp cho 3 quan, nhà nhỡ 2 quan, nhà nhỏ 1 quan).

Ở Lạng Sơn giá gạo chợt cao vọt. Chuẩn cho binh đinh ở tỉnh, về lương hằng tháng, từ mồng 1 tháng 9 trở về sau, chiếu số người cấp cho toàn thóc, đợi giá gạo lại được như thường, lại theo lệ chiết cấp bằng tiền. Và mua thóc trả theo giá chợ chứa vào kho để phòng dùng đến.

Sai tỉnh Hà Nội sửa đắp lại con đê đã bỏ đi và con đường chạy trạm. Vua bảo bộ Công rằng : "Ở Hà Nội từ bến đò Châu Giang, phủ Lý Nhân, đến trạm Hà Hồi, phủ Thường Tín, một dải đường bộ, mỗi khi mưa lụt, mông mênh 4 phía, người bộ hành đi lại, không khỏi ngăn trở sự đi thuyền. Cứ lời tâu về năm trước, thì nơi ấy địa thế rất thấp, mà đê bối lại đều bỏ đi cả, để nước lụt lan tràn, sâu đến 3 thước, hoặc 6 - 7 thước không giống nhau. Nếu có bồi đắp cao thêm cũng không làm được. Đã có Chỉ cho dự bị nhiều thuyền, đó cũng là bất đắc dĩ mà thôi. Nay nghe hằng năm kỳ nước ngập, dân sở tại hoặc làm dã mái nhà, bắc sàn mà ở ; hoặc dời đến ở lẫn vào các đình chùa, lâu đến 2 - 3 tháng, nước ngập rút lui, mới lại về ở chỗ nhà cũ. Dẫu là địa thế bắt phải thế, nhưng dân ta bị cái tình trạng ngập lụt khổ sở ấy, người làm cha mẹ dân há nỡ điềm nhiên ngồi nhìn mà chẳng nghĩ đến việc ướt chân xắn quần để cứu vớt ư ? Vậy truyền dụ cho tỉnh thần, đem một vòng con đê đã bỏ thuộc các huyện Kim Bảng, Duy Tiên ấy theo từng đoạn mà sửa chữa lại. Chỗ trũng thấp thì bồi bổ thêm, chỗ vỡ lỡ thì đắp lấp lại, cốt được bền chặt như cũ. Lại con đường từ bến đò Châu Giang đến trạm Hà Hồi, chỗ nào trũng lở, theo thế mà đắp cao lên, nơi nào hay bị gió mưu xói đập, dùng cọc và cừ sách đóng liên tiếp, ở giữa đổ đất lên cho chắc. Nên hết thảy trù tính cho kỹ, làm bản tâu lên, đợi đến mùa đông khô ráo, thuê dân khởi công sửa đắp".

Tỉnh thần cho là đê điều và đường trạm, hai việc đều khởi công, sợ khó làm được ổn thoả xong việc. Bèn tâu xin : đường trạm xin đến sang xuân hãy sửa đắp,

còn con đê đã bỏ, tạm cho dân tuỳ nghi sửa chữa để giữ lúa chiêm, đợi sau này sức dân đã thư, sẽ lại xét nghĩ. Vua y theo lời xin.

Đổi định lệ dùng thuốc súng để tập bắn các hạng súng lớn. Vua bảo bộ Binh rằng : "Súng lớn Chấn uy theo lệ dùng thuốc súng 10 cân, nay thí nghiệm chỉ dùng có 8 cân, mà tiếng nổ đã thấy dữ dội, thì thứ thuốc mới chế này xem ra mãnh liệt hơn trước nhiều". Bèn chuẩn cho bàn định cân lạng số thuốc súng nên dùng, thông sức cho các địa phương đều theo một loạt đó mà thi hành. (Các hạng súng lớn bằng đồng, gang, sắt, khi diễn bắn đạn gang, đạn chì thì lòng súng nào đường kính 5 tấc 2 phân, lệ trước dùng 20 cân thuốc nay đổi làm 16 cân ; lòng súng nào đường kính 4 tấc 2 phân, trước dùng 15 cân, nay đổi làm 12 cân ; lòng súng nào 4 tấc 1 phân, trước dùng 14 cân, đổi làm 11 cân, 3 lạng, 2 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 4 tấc, trước dùng 13 cân, đổi làm 10 cân, 6 lạng, 4 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc 9 phân, trước dùng 12 cân, đổi làm 9 cân, 9 lạng, 6 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc 8 phân, trước dùng 11 cân, đổi làm 8 cân, 12 lạng, 8 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc 7 phân trước dùng 10 cân, đổi làm 8 cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc 6 phân, trước dùng 9 cân, đổi làm 7 cân 3 lạng 2 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc 5 phân, trước dùng 8 cân, đổi làm 6 cân, 6 lạng, 4 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc 4 phân, trước dùng 7 cân 8 lạng, đổi làm 6 cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc 3 phân, trước dùng 7 cân, đổi làm 5 cân 9 lạng 6 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc 2 phân, trước dùng 6 cân 8 lạng, đổi làm 5 cân 3 lạng 2 đồng cân ; lòng súng nào 3 tấc 1 phân, trước dùng 6 cân, đổi làm 4 cân 12 lạng, 8 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 3 tấc, trước dùng 5 cân, 8 lạng, đổi làm 4 cân, 6 lạng, 4 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 9 phân, trước dùng 5 cân, đổi làm 4 cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 8 phân, trước dùng 4 cân, 8 lạng, đổi làm 3 cân 9 lạng 6 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 7 phân trước dùng 4 cân, đổi làm 3 cân, 3 lạng 2 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 6 phân, trước dùng 3 cân 8 lạng, đổi làm 2 cân, 12 lạng 8 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 5 phân trước dùng 3 cân, đổi làm 2 cân 6 lạng 4 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 4 phân, trước dùng 2 cân 12 lạng, đổi làm 2 cân 3 lạng 2 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 3 phân, trước dùng 2 cân 8 lạng, đổi làm 2 cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 2 phân, trước dùng 2 cân 4 lạng, đổi làm 1 cân, 12 lạng, 8 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc 1 phân, trước dùng 2 cân đổi làm 1 cân 9 lạng 6 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 2 tấc, trước dùng 1 cân 12 lạng, đổi làm 1 cân, 6 lạng 4 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 1 tấc 9 phân, trước dùng 1 cân 8 lạng, đổi làm 1 cân 3 lạng 2 đồng cân ;

lòng súng nào đường kính 1 tấc 8 phân trước dùng 1 cân 4 lạng đổi làm 1 cân ; lòng súng nào đường kính 1 tấc 7 phân, trước dùng 1 cân, đổi làm 12 lạng 8 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 1 tấc, 6 phân, trước dùng 14 lạng, đổi làm 11 lạng 2 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 1 tấc 5 phân, trước dùng 12 lạng, đổi làm 9 lạng, 6 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 1 tấc 4 phân, trước dùng 10 lạng, đổi làm 8 lạng ; lòng súng nào đường kính 1 tấc 3 phân, trước dùng 8 lạng, đổi làm 6 lạng 4 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 1 tấc 2 phân, trước dùng 6 lạng, đổi làm 4 lạng 8 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 1 tấc 1 phân, trước dùng 4 lạng, đổi làm 3 lạng, 2 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 1 tấc, trước dùng 3 lạng, đổi làm 2 lạng 4 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 9 phân, trước dùng 2 lạng 5 đồng cân, đổi làm 1 lạng, lòng súng nào đường kính 8 phân, trước dùng 2 lạng, đổi làm 1 lạng 6 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 7 phân, trước dùng 1 lạng 5 đồng cân, đổi làm 1 lạng 2 đồng cân ; lòng súng nào đường kính 6 phân, trước dùng 1 lạng đổi làm 8 đồng cân ; lòng súng nào 5 phân trước dùng 8 đồng cân, đổi làm 6 đồng cân 4 phân ; lòng súng nào đường kính 4 phân, trước dùng 5 đồng cân, đổi làm 4 đồng cân. Súng Thần công, trước dùng 1 lạng, đổi làm 8 đồng cân ; súng thần cơ, trước dùng 6 đồng cân, đổi làm 4 đồng cân 8 phân. Còn các hạng súng Xung tiêu, diễn bắn các đạn chấn địa lôi, liên châu và lan can, tới kỳ chiếu theo xa gần, xét độ dùng thuốc, không nên ấn định).

Cho thự Hữu thị lang bộ Lễ, sung biện các vụ là Trương Văn Uyển, đổi thự Hữu thị lang bộ Binh, Lang trung bộ Lại, Biện lý bộ vụ là Nguyễn Đồng Khoa, đổi bổ Lang trung bộ Hộ, biện lý việc bộ.

Tỉnh Quảng Nam có người thuyền hộ người nước Anh Cát Lợi tên là Yết Giả, đến đỗ thuyền ở vụng Trà Sơn ; tỉnh thần xin theo lệ thuyền buôn Tây dương, đánh thuế vào cảng ; nếu họ muốn mua đường cát, cũng chiểu theo người buôn nước Thanh chiết thu thuế hàng hoá (phàm mua hoá vật, trị giá 100 quan, thì đánh thuế 10 quan).

Vua dụ rằng : "Đánh thuế thuyền buôn vào cảng, đó là thuế chính cung, còn như mua hoá vật, nếu họ mua, đổi riêng với dân, thời đánh thuế là phải. Nay Yết Giả đem hàng hoá Tây dương đến, Nhà nước thu mua, họ muốn đổi lấy đường cát, hoặc muốn nhận mua, cũng lấy hoá vật của công mà cung cấp. Nếu nhất khái, đánh thuế hàng hoá, không phải là cách vỗ yên thân mến người xa. Nên cho miễn thuế. Nhưng nên hiểu bảo tỏ rõ cho họ biết đức ý của triều đình".

Xây nhà công quán, kho thóc công ở cửa biển Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam (công quán 1 sở, 4 phía xây tường gạch vuông đều 9 trượng ; thân cao 3 thước 8 tấc,

trước sau đều xây 1 cửa tò vò. Kho thóc công 3 toà, xây tường gạch trước sau đều dài 15 trượng 2 thước, tả hữu đều dài 23 trượng, thân cao 4 thước 5 tấc, đằng trước xây 1 cửa tò vò).

Đổi định ngạch thuộc viên ở phủ các hoàng tử (hoàng tử Miên Thẩn, Tùng quốc công Miên Thẩm, Tuy quốc công Miên Trinh, Hàm Thuận quận công Miên Thủ, Tượng quốc công Miên Bảo, Hoà quốc công Miên Quần, hoàng tử Miên Trữ, mỗi phủ đều Tư vụ 1 người, Thư lại tòng bát, chánh cửu, tòng cửu phẩm đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 30 người. Phủ hoàng tử Miên Tống, Tư vụ 1 người, chánh tòng cửu phẩm Thư lại đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 25 người. Tư Nghĩa quận công Miên Tế, Ninh quốc công Miên Bật, mỗi phủ đều Tư vụ 1 người, chánh, tòng cửu phẩm thư lại đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 20 người. Phủ Điện quốc công Miên Tinh, Tư vụ 1 người, bát, cửu phẩm thư lại đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 20 người. Lạc Hoá quận công Miên Vũ, Trấn Man quận công Miên Thực, Tân Bình quận công Miên Phong, Sơn Tĩnh quận công Miên Lang, Lạc Hoá quận công Miên Khoan, hoàng tử Miên Cung, Miên Liêu, Miên Gia, mỗi phủ đều Tư vụ 1 người, chánh, tòng cửu phẩm thư lại đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 15 người. Phủ An nhân quận công Miên hạt, bát, cửu phẩm thư lại đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 15 người. Kiến Tường quận công Miên Quan, Quảng Trạch quận công Miên Cư, Trấn Tĩnh quận công Miên Dần, An Bình quận công Miên Ngung, hoàng tử Miên Tiệp, mỗi phủ bát, cửu phẩm thư lại đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 10 người. Phủ Tuy Nhân quận công Miên Sủng, Tư vụ 1 người, bát, cửu phẩm thư lại đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 8 người. Ba Xuyên quận công Miên Túc, Trấn Biên quận công Miên Thanh, Trấn Định quận công Miên Cẩu, Quảng Hoá quận công Miên Uyển, hoàng tử Miên Tuấn, Miên Tranh, Miên Sạ, mỗi phủ bát, cửu phẩm thư lại đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 8 người. Duy có An Nhân quận công Miên Hạt, phủ thuộc hiện có thự chánh bát phẩm thư lại 1 người, chánh cửu phẩm thư lại 1 người, vị nhập lưu thư lại 15 người, vẫn được lưu ngạch cũ).

Tỉnh thần Quảng Yên tâu nói : việc thăm dò các hộ thuyền đánh cá người nước Thanh cứ tên Tiển Đại Hưng (con Tiển Thành Đức) làng Hướng Hoá, báo có hơn 10 chiếc thuyền đánh cá nhỏ của phường Khai Vĩ đỗ ở Trường Sơn, xin phái người đến gọi về tỉnh để xét hỏi.

Vua bảo bộ Binh rằng : "Một dải Trường Sơn nguyên thuộc địa phận hạt Quảng Yên, tỉnh thần phải nên thời thường thăm dò tin tức tâu lên. Thế mà kỳ tháng tư trước, trong tập tâu nói : phường ấy đã đi rồi, không thấy qua lại kiếm cá nữa. Nay lại nói : hiện nay đậu ở Trường Sơn, lời tâu báo sao lại trước sau bất nhất

như thế ? Hay là cho chỗ ấy hẻo lánh xa xôi, nên không để ý, từ đó đến nay, chưa từng phái người thăm dò xác thực, chỉ nghe tin đồn mà hàm hồ tâu lên chăng ? Sai tâu lại cho rõ ràng. Khi tâu lên lấy cớ là : binh thuyền tuần biển phải đi lần trước, nhân có sóng gió không đi đến nơi được. Hiện đã phái người đợi thuận gió sẽ ra biển dò la.

Vua sai bộ Binh bàn xét, và sẽ phái người thăm dò Trường Sơn, về tháng nào được thuận tiện, định rõ chương trình cùng là việc cho người Thổ trước di cư đến, để thành nơi yên vui, bàn cả một thể rồi tâu lên.

Rồi bộ thần tâu nói : Trường Sơn ở địa phận phía nam hạt Quảng Yên, tỉnh có phái người chở thuyền tới, duy có gió bắc là thuận. Nhưng đường biển hơi xa, sóng gió bất thường, phải nên theo tiết hậu về chiều gió dòng nước mới là ổn tiện. Xin hằng năm từ tháng giêng đến tháng 7, ở tỉnh theo lệ có phái thuyền đi tuần biển, nhân đó thám báo một thể ; từ tháng 8 đến tháng 12, thời hậu chiều gió đã muộn, binh thuyền theo lệ rút về, thì phái người đi thuyền riêng, mỗi tháng một lần tới xét tình hình hiện tại báo về cho tỉnh. Phàm việc thường do tỉnh thoả biện lấy, nếu có việc nên tâu thì làm tập kính đệ lên, đợi Chỉ tuân hành.

Lại ở Trường Sơn địa thế rộng xa, ruộng đất tốt màu, có thể cấy trồng được ; lại có lợi về kiếm cá làm muối, nhờ đó mà trao đổi. Nhưng làng Hướng Hoá ở sở tại đấy, số người nước Thanh không đầy 200 người, đất rộng người ít, chưa thể khai khẩn được hết. Tất phải mộ nhiều người Thổ trước dời nhà đến ở, phòng giữ lẫn cho nhau, mới có thể mở mang dần dần ; xét ra trước kia, ở tỉnh có mộ người Thổ trước, dồn làm 2 đội Tuần hải Nhất, Nhị, đã nhiều lần theo quan binh đi bắt giặc, quen chịu sóng gió. Nay xin trước hết phái đi Tây Tràng đóng giữ ; còn việc đặt đồn, dựng rào sách làm nhà tam xã, cùng là xét cấp thuyền, súng, khí giới, lệ cấp lương, tiền, gạo, thì do tỉnh ấy châm chước nghĩ tâu thi hành. Nhưng nên mộ thêm 100 người nữa, đặt làm 2 đội Tuần hải tam, tứ, chia ban thay đổi, để khó nhọc nhàn rỗi đều được đều nhau. Lại chiêu mộ bọn tiểu dân nghèo túng, cho tụ tập làm ăn nuôi sống. Về bọn binh dân, có ai không tự sắm đủ đồ làm ruộng, nhà nước chi cấp cho, để ra sức mở mang khai khẩn. Đợi sau khi thành ruộng đều cho quản nhận làm cơ nghiệp riêng. Như thế vừa đóng giữ, vừa cày cấy, binh dân đều tiện, có thể thành một nơi yên vui, mà giặc yên lặng. Còn như bộ biền đi tuần biển lần trước và tỉnh thần đều phải giáng chức. Vua nghe theo lời tâu.

Lính mộ của tỉnh Lạng Sơn, thuộc cơ Lạng Sơn, chỉ có 2 đội, số lính hơn 80 người, chuẩn cho bỏ tên cơ đi, đổi làm 2 đội Lạng Sơn nhất, nhị, và giao cho Thành thủ uý kiêm quản.

Tả tham tri bộ Công, kiêm quản viện Hàn lâm là Đặng Văn Thiêm hặc tâu : thuộc viên ở viện, biên tập bộ *Tập vận trích yếu*, trong có nhiều chỗ sai lầm, và đem việc tự mình kiểm soát sơ suất, xin nhận tội. Vua sai 6 bộ và viện Đô sát phúc duyệt lại, trích ra sai lầm hơn 600 chỗ, chuẩn cho cải chính lại. Và dụ rằng : bộ sách *Tập vận*, có ích về việc làm thơ rất lớn, đã sai viện Hàn lâm lựa chọn những người có khoa mục ở trong viện, hội lại cùng biên tập, in ra thi hành, để làm mẫu mực trong trường văn nghệ. Khi ấy bản thảo đã xong, ta cho việc ấy là của công, truyền cho khắc in. Nay việc khắc in đã xong, còn nhiều sai lầm như thế, thì trước kia biên tập sơ suất, hiệu đính không tính, đến nỗi phải phiền thay đổi, lỗi ấy chối sao được. Vậy bọn thuộc viên ở viện là Phạm Văn Nghị đều bị giáng chức, Thiêm cũng bị phạt.

Vua ra ngự chầu, bảo Trương Đăng Quế rằng : "Ta xem bộ sách *Chính yếu* đã chép nói nhiều việc vụn vặt. Kể ra, nghĩ chữ yếu, chỉ là tóm tắt những điều cốt yếu thôi, nếu hết thảy đều chép ghi cả, thì gọi là sử. Lại từ đời Lê trở về trước, nhà chép sử lời lẽ phần nhiều quê mùa, lòng ta còn có chỗ chưa được vừa ý. Nay chưa được thong thả, ngày khác sẽ sai sử quan sửa chữa lại".

Cho nguyên thự Tổng đốc Bình - Phú là Tôn Thất Lang bổ thụ Tổng đốc Thanh Hoa ; Tả tham tri bộ Công là Đặng Văn Thiêm thăng thự Tổng đốc Bình - Phú. Lang nghỉ phép về để tang chưa hết hạn, vua đặc cách cho 100 quan tiền, sai lập tức đến nhận chức nơi mới bổ. Vua lại nghĩ Đặng Văn Thiêm, nhà có mẹ già, cho em ruột là Đặng Văn Chức vẫn giữ hàm Y phó, về quê phụng dưỡng thay anh.

Cho thự Thượng thư bộ Lễ là Phan Huy Thực kiêm quản viện Hàn lâm ; Tả tham tri bộ Lễ là Phan Bá Đạt kiêm biện công việc bộ Hình.

Cho nguyên Án sát Bình Thuận là Nguyễn Quốc Cẩm, thăng thự Hữu thị lang bộ Hộ ; Lang trung bộ Hộ, Biện lý bộ việc bộ là Nguyễn Văn Điển đổi bổ Lang trung bộ Công, biện lý việc bộ.

Ngày Đinh Sửu, sửa làm ngôi sinh phần của nhà vua ở núi Hiếu, phát ra binh dân 3000 người đến khởi công làm. Sai Hiệp biện Đại học sĩ là Trương Đăng Quế, Hộ bộ Thượng thư là Hà Duy Phiên đứng trông nom công việc.

Sét đánh ở Văn miếu. Vua nghe lấy làm lạ, hỏi bộ Lễ rằng : "Từ xưa đến nay, có việc như thế không ?" Phan Huy Thực thưa rằng : đó cũng là việc ngẫu nhiên, năm Minh Mệnh thứ 3, nhà Di Luân cũng đã có việc ấy. Vua nói : "Nhà Di Luân là nơi học thần ở đấy giảng tập, các sĩ tử đi lại hoặc không được sạch sẽ, nên sét đánh để răn bảo, hoặc cũng có nhẽ. Còn ở Văn miếu, là nơi phụng thờ tôn nghiêm, bậc

đại thánh, đại hiền, đạo đức thịnh đủ, không có ai nói vào đâu được, sao lại có việc như thế, ta thực không hiểu bởi tại đâu ?". Lại hỏi : "Đánh vào nơi nào ?" Thực thưa : ở gian thứ 2 bên hữu, cạnh chỗ vị thờ Á thánh Mạnh Tử. Vua nói : "Ta nghe nói triều nhà Minh, về tứ phối[1] riêng truất bỏ Mạnh Tử, há chẳng phải là lời nói của Mạnh Tử trong 7 thiên, hoặc có biện bác nhiều câu quá đáng chăng ? Đại để lời nói của Khổng Tử, câu nào cũng tự nhiên, như câu : "quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử, [nghĩa là vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con] lời lẽ ôn hoà, hàm súc không biết bao nhiêu ý tứ, muôn đời về sau cho là câu nói gương mẫu. Còn lời nói của Mạnh Tử có câu chỉ có thể đối với vua mới được, mà không đối với bề tôi được ; chỉ có thể để răn cha chứ không thể răn con được. Biện bác bẻ bai quá lắm, thành ra bộc lộ quá, người sau đọc đến không khỏi có sự e ngại. Người xưa có câu thơ rằng : "Khuất cái an năng hữu nhị thê, lân nhân ninh đắc húa đa kê", nghĩa là : người ăn mày đâu có 2 vợ, người láng giềng đâu có nhiều gà để cho ăn cắp. Há chẳng phải là có chỗ chê bai là nói không đúng ư ? Bài thơ ngự chế của Càn Long nhà Thanh, cũng cho câu nói "xã tắc vi trọng, quân vi khinh" nghĩa là xã tắc là trọng, vua là khinh, của Mạnh Tử là lời nói khí quá. Đủ thấy lời bàn đả kích không bằng lời nói ôn hoà, sự ngờ nói viển vông, khó giữ được miệng người ta không nói đến. Tuy thế, Mạnh Tử sinh ở đời Chiến Quốc, là lòng người bấy giờ không bằng đời Xuân Thu khá xa, người chuộng đánh giết thì chuộng họ Tôn, họ Ngô[2], người làm hại nhân nghĩa, thì theo họ Dương, họ Mặc. Nếu chẳng có lời bàn như chém đinh chặt sắt của Mạnh Tử, thì sao hay bỏ được lòng mê hoặc của người lúc bấy giờ. Tóm lại, muốn ngăn chặn lòng dục của người ta, như nước chảy phá ngang không theo dòng, mà tỏ rõ đạo vương giả đến muôn đời về sau, thì công ấy không ai to bằng. Mạnh Tử được gọi là bậc Á thánh, phối hưởng với Khổng Tử là phải". Bèn sai ty có trách nhiệm chọn ngày tốt sửa chữa lại.

Kiêm quản Quốc tử giám là Trương Đăng Quế tâu nói : Văn miếu ngẫu nhiên lại sét đánh, hoặc giả giám thần [quan ở Quốc tử giám] không hết chức phận, học quan phần nhiều chưa được người giỏi, nên trời mượn đó để răn bảo mà thôi. Xin đem giám thần cách chức đuổi về, học thần các tỉnh thì phân biệt kẻ hay người dở và đều phải tự nhận cái lỗi không biết răn bảo đốc sức.

Vua bảo Nội các rằng : "Ta cho việc ấy, tưởng không phải là tội của lũ kia, đã phê bảo không nên xét kỹ rồi. Nhưng nghĩ lại ta từ khi lên ngôi đến giờ, vẫn để

(1) *Tứ phối* : Nhan Tử, Tử Tư, Tăng Tử và Mạnh Tử là 4 vị thờ phối hưởng với Khổng Tử ở Văn Miếu

(2) Tôn Vũ và Ngô Khởi.

lòng thánh đạo, lưu ý văn học, chưa từng có chút xao nhãng. Nay lại có tai dị ấy, ý hẳn ta ngày thường thân người hiền, lễ kẻ sĩ, chưa phải đạo chăng ? Kính thầy trọng đạo, không được đến nơi đến chốn chăng ? Hôm trước thân đến làm lễ thích điện ; nghi văn không hợp chăng ? Ta tự mình sửa chữa chưa rồi, còn rỗi đâu mà trách người. Xét ra đời trước Văn miếu, gặp có tai biến, có bái văn tế cáo tỏ lòng thành kính. Bèn truyền Tham tri bộ Lễ là Phan Bá Đạt đến Văn miếu bày lễ nghi để cáo tạ, và đem đại lược cái ý của ta, nói vào trong văn khấn, để rõ tấm lòng cảnh tỉnh của ta. Khi xưa năm Ung Chính thứ 2 triều Thanh, Văn miếu bị cháy, sau khi trùng tu, lại có điềm mây lành, tự cho công quá ngang nhau, đó há phải là lời nói đối với tiên thánh ư ? Ta rất không phục".

Bá Đạt từ Văn miếu trở về. Vua hỏi : "Ngươi thấy tình hình về sét đánh như thế nào ?". Bá Đạt thưa : kèo cột đều vỡ nát, giáp gần bệ xây bên hữu, cũng có dấu vết xám đen, mà bài vị các vị thờ phối bên hữu, các vị tiên triết thờ bên hữu và đồ thờ vẫn y nguyên như cũ.

Vua bảo thị thần rằng : "Thần sét có tri thức, há có đánh bậy. Cho là ngẫu nhiêu mà trúng phải thì từ trước tới nay, các trung thần, hiếu tử sao không ai bị sét đánh. Nếu cho rằng : đánh kẻ có tội, thì bọn [Vương] Mãng, [Tào] Tháo, sao được khỏi bị sét đánh. Ý hẳn : thiện ác rõ rệt, đã có thưởng phạt, kẻ có tội không phải đợi đến hình phạt dưới âm. Duy giống tà, ma, yêu quái nấp hình khó thấy, nên thần sét vâng mệnh trời dẹp trừ đi, để bổ vào chỗ vương đạo không đủ mà thôi ?".

Cho Hữu tham tri bộ Công là Nguyễn Trung Mậu, sung làm Cơ mật viện đại thần.

Khâm sai đại thần là Lê Văn Đức và Doãn Uẩn hội đồng với bọn Tướng quân, Tham tán thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng và Dương Văn Phong cùng tâu nói : sông, ngòi, cồn, bãi, thuộc toàn hạt Trấn Tây, hằng năm về tháng 5, 6 quận chúa và huyện quân cùng bọn thuộc biền, đều chiếu theo chỗ nào về bổn phận mình thì đem bán màu ; về đậu khấu thì hằng năm khi đã chín, thổ mục sai dân ở chân núi đi hái nhặt, quận chúa chi bạc trả giá có thứ bậc khác nhau. Năm nay các chỗ sông, ngòi, cồn, bãi, có chỗ đã đem bán, có chỗ chưa đem bán ; mà đậu khấu chính là lúc đương chín, quận chúa cũng có phát bạc giao cho Phủ úy Hải Tây ; theo như trước thu mua. Nay bọn quận chúa, huyện quân, đã dời về Gia Định, vậy sông, ngòi, cồn, bãi, chỗ nào đã bán rồi, nên căn cứ vào bọn chuyên biện thổ quan, mà truy thu nộp vào kho ; chỗ nào chưa bán, chiếu theo giá năm trước cho bán đi (sông, ngòi, 136 sở, cộng thành bạc 2.590 lạng, bạc tiểu kê [bạc có dấu hiệu con gà nhỏ] 3.952 đồng,

tiền 11.200 quan ; cồn, bãi 3.006 sở, cộng thành bạc 8.080 lạng ; bông sợi 3.300 cân). Về đậu khấu xin sai phủ Hải Tây lượng phái biền binh đến núi ấy tuần tiễu, nhưng sức thổ dân hái nhặt, hết thảy đều nộp quan mà lĩnh giá tiền, không được bán riêng cho người nước Thanh, hoặc người nước Xiêm. Còn như việc chước định ngạch thuế, xin thư cho khi nào làm xong sẽ tiếp đệ.

Lại thuế lệ ruộng đất năm nay, đã được ân điển tha cho 3 phần 10 ; nay nên thu 7 thành, mà hãy còn để thiếu ở dân. Nếu do phủ huyện lưu quan chiểu thu, thì tục người Thổ, cứ hiện số trước 10 phần, thu lấy 1 phần. Theo đó mà làm, đã không khỏi phiền phức vụn vặt mà thu vào không được bao nhiêu. Nếu cho thổ mục chiểu thu, thì khi họ nộp trả lại, e cũng chưa chắc đã thực cả. Vậy xin rộng miễn cho. Đợi khi nào lấy trượng đo tính thành mẫu, sào, châm chước, định ngạch thuế, tuân theo lời dụ đã nói rõ, đến sang năm sẽ bắt đầu thu thế. Vua y theo lời tâu ấy.

Thổ biền, thổ dân ở thành Trấn Tây làm phản. Từ khi Ngọc Biện bị tội, những người liên can phần nhiều bị giam xét, mọi người ngờ sợ ; lại nghe tin bọn Trà Long, Nhâm Vu và La Kiên bị lỗi, càng có lòng oán vọng. Bấy giờ bọn Huyện uý, ở huyện Thái Thịnh, phủ Ninh Thái là Tùng Hiên ; Huyện uý, huyện Thượng Phong, phủ Nghi Hoà là Đào Vân (Tùng Hiên khi Ngọc Biện còn bé thường theo hầu sai bảo, Đào Vân là thông gia của Tùng Hiên) đều đem gia quyến và thổ dân, mang theo khí giới, thớt voi, lẻn trốn đi, mưu định quấy rối. Thổ mục phủ Võ Công là Ốc Nha tên là Lạp (tụi của Nhâm Vu) họp bọn đánh phá phủ nha. Nguyên Tri huyện Bình Xiêm, quyền thự Tri phủ Hải Đông là Hoàng Công Hiển, Tư vụ do Kinh phái ra là Nguyễn Văn Bách (được phái đi khám đo ruộng đất) và lại mục là Võ Văn Thọ đều bị giết chết. Tri phủ [Võ Công] là Phạm Văn Chĩnh, sức không chống nổi, chạy đến thôn người Kinh thuộc hạt ấy, xin quân đến cứu viện.

Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng nghe báo, lập tức phái Phó lãnh binh Nguyễn Tiến Phúc đến phủ Võ Công ; Quản cơ Lê Văn Chân đến phủ Nghi Hoà, liệu cơ phủ dụ hoặc đánh dẹp. Lại cho là lính ở hạt ấy hiện không có mấy, bàn với bọn Khâm sai đại thần là Lê Văn Đức và Doãn Uẩn, tư gọi biền binh ở tỉnh láng giềng là : An Giang, Vĩnh Long mỗi tỉnh đều 1000 người, đến nơi để trấn áp. Rồi hội hàm làm sớ tâu ngay lên nói : nhân dân thuộc hạt ấy sinh chuyện, thổ dân không khỏi ngờ vực sợ trốn, hiện đã một mặt sức cho các phủ huyện để tâm phủ dụ ; một mặt sức cho các địa đầu nghiêm phòng, để dứt kẻ ngoài dòm dỏ.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Địa hạt Trấn Tây, rừng núi nhiều ngả, phải có nhiều quân chặn bắt, mới có thể dẹp tắt được sớm. Vậy truyền dụ cho tỉnh Gia Định,

lập tức phái Chánh, Phó lãnh binh, hoặc Quản vệ, cơ lấy 2 người và 1000 biền binh ; tỉnh Định Tường cũng phái 1 người Quản vệ, cơ, và 500 biền binh đi ngay đến theo bọn Tướng quân, Tham tán sai khiến. Và treo giải thưởng hậu : không cứ binh dân Kinh, Thổ, ai bắt hoặc chém được tên thủ nghịch là Tùng Hiên đem nộp, được thưởng 200 quan tiền ; thứ phạm là Đào Vân và tên Lạp, đều thưởng 100 quan tiền. Nếu bắt sống được người trong bọn lũ ấy, thì mỗi tên phạm thưởng cho 10 quan tiền ; chém được mỗi thủ cấp cắt lấy tai thưởng tiền 5 quan".

Lại nói : "Thổ dân Trấn Tây phần nhiều nuôi voi để vận chở, cũng như dân Kinh nuôi trâu bò để cày cấy, đều là vật thường dùng của dân gian, luật pháp không cấm. Duy dùng về vận chở, thì cho dùng voi cái thôi, còn voi đực có quan hệ đến việc binh, nhà dân sao được nuôi riêng. Truyền cho bọn Tướng quân, Tham tán bảo khắp thổ dân, hễ ai có voi đực, phải đem nộp Nhà nước hết mà lĩnh giá tiền trả lại, nếu dám giấu giếm thì bắt tội".

Huyện uý huyện Nam Thái, phủ Nam Ninh là An Hồng, tụ họp thổ dân đem đến phá huyện lỵ. Thự Tri huyện là La Văn Chức, Chủ sự Kinh phái là Nguyễn Đức Hựu chạy đến đồn Tuyên Uy, ở Định Tường xin cứu viện. Dân Kinh tránh giặc, cũng chạy đến đấy hơn 200 người. An Hồng bèn cùng Huyện uý huyện Nam Thịnh là Ba Mạt, họp bọn lan tràn qua đồn Thông Bình, giết hại dân Kinh hơn 90 người. Tù trưởng ở súc Sa Lầy là Âm (bọn của La Kiên), cũng họp thổ dân theo giặc, cướp bóc thuyền buôn. Bọn giặc lại quấy nhiễu đồn Bông Nguyên, đốt hết nhà ở của người dân ở nơi ấy.

Tỉnh thần tiếp được tin báo, lập tức sai Vệ uý vệ Tả thuỷ là Trần Hợp quản suất đem binh thuyền từ Vũng Cù tiến thẳng đến đồn Tuyên Uy chặn đánh. Thự Bố chính là Nguyễn Đắc Trí lại thân đem binh thuyền theo sông Trí Tường, thẳng đến các đồn Thông Bình, Bông Nguyên đánh dẹp, và tư ngay cho Gia Định phái binh đến Quang Hoá. Thành Trấn Tây phái binh đến Nam Ninh, ngăn chặn đường của bọn giặc chạy, và dâng sớ tâu lên ngay. (Sông Trí Tường tức sông Tiền Giang tỉnh Mỹ Tho).

Vua bảo viện Cơ mật rằng : người Thổ tính phóng túng khó kiềm chế, khi phục, khi phản không thường. Năm trước họ bị người Xiêm mấy lần đến chém giết cướp lấy trong cõi sạch không. Triều đình vì họ, sai tướng đem quân đuổi hết bọn giặc, vớt họ ở trong lầm than, đặt lên trên chiếu đệm. Tại sao lại sinh ra hiềm oán, trở mặt hiềm thù với dân Kinh, mà làm càn giết hại. Xét tình hình ấy xiết nỗi tức giận tóc đứng dựng lên. Vậy truyền dụ cho Nguyễn Đắc Trí, lập tức tiến binh, cốt

bắt được bọn thủ phạm, trăm dao vằm mổ đem chân tay mình mẩy chia treo nơi đường sá, để cho bọn làm bậy trông thấy chột dạ. Còn các bọn lũ nó cầm khí giới chống lại quan binh, hoặc chính kẻ tay giết dân Kinh, hết thảy cho đem giết cả ; còn những kẻ không biết gì bị bắt hiếp phải theo, thì tha cho, để họ truyền bá lẫn nhau, biết lẽ thuận nghịch.

Lại cứ tiết thứ tâu lên thì bọn họ ngầm mưu làm việc phi pháp, không những việc này. Đạo dụ này hôm nào phát tới, chuẩn cho Án sát là Hà Thúc Giao, họp hết biền binh mãn ban, lượng phái theo đến quân thứ của Nguyễn Đắc Trí, và đi ngăn chặn những chỗ địa đầu quan yếu, không để kẻ phản loạn được sống sót.

Lại truyền dụ cho các tỉnh : Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, cũng đều gọi các biền binh mãn ban, sắp đủ súng và khí giới, thuyền bè, đợi lệnh phái đi.

Còn tỉnh Biên Hoà tức khắc phái 500 biền binh và tỉnh Gia Định phái thêm 500 biền binh tiếp tục đi Trấn Tây, lệ theo đi đánh dẹp. Lại sai Vệ uý vệ Nhất dinh Kỳ võ là Nguyễn Tiến Vạn quản lĩnh 400 lính vệ ấy, chia nhau ngồi 2 chiếc thuyền hiệu Thanh hải, Định dương, chở tới Gia Định, đổi vát thuyền khác, chuyển chở đến Trấn Tây, theo bọn Tướng quân, Tham tán sai phái.

Cho Tham tri lĩnh Tuần phủ An Giang sung làm Tham tán Trấn Tây là Dương Văn Phong thăng thự Tổng đốc An - Hà ; Khâm sai đại thần là Lê Văn Đức quyền kiêm Trấn Tây Tham tán đại thần, Doãn Uẩn quyền sung Trấn Tây Bang biện đại thần, hội cùng với bọn Tướng quân, Hiệp tán, trù nghĩ việc bắt giặc ; còn chức Tuần phủ An Giang đình lại không đặt nữa.

Vua dụ rằng : "Địa hạt An Giang cùng thành Trấn Tây, trong ngoài cùng phải viện trợ nhau. Những việc tầm thường ở hạt, đều chiếu theo chức ty mà làm. Đến như việc quân cơ, việc ngoài biên, là việc quan hệ khẩn yếu, phải nên bàn bạc với nhau cho được thoả đáng, chớ nên kẻ nọ người kia coi nhau riêng biệt, hoặc đến nỗi lầm lỡ, can tội không nhỏ".

Thổ biền, Phó quản cơ, Lĩnh Phủ uý phủ Hải Tây là Sa Mộc (tụi của Trà Long), xua đuổi dân mới ở gần đồn bảo, làm phản bỏ đi ; Phó quản cơ phụ thủ đồn Xà Năng là Bồn Tốt cũng đem thổ binh trốn đi. Bọn giặc nổi dậy khắp cả mọi nơi, phủ huyện không kiềm chế được, lưu quan và dân Kinh, phần nhiều bị giết hại. Bọn Tướng quân, Tham tán, dâng sớ nhận lỗi và nói : thổ mục, thổ dân, ngấm ngầm thông nhau làm phản, chỉ vì thấy quân ta ít, nên ngày càng lan tràn quấy nhiễu. Huống chi giặc Xiêm ngấp nghé ở ngoài, hoặc nhân sơ hở đến quấy nhiễu rất là

đáng lo, mà đòi gọi lính ở tỉnh lân cận, duy có 600 biền binh ở An Giang đến nơi, đã lập tức trích ra 500 tên uỷ cho Đề đốc Vũ Đức Trung đem đi đánh dẹp ; còn bọn giặc ở phủ Ninh Thái, đợi khi lính đến đông đủ, lập tức thân đốc chia đi đánh dẹp.

Vua dụ rằng : "Thổ mục, thổ dân hạt ấy, từ khi quy phụ đến giờ, không có thuế khoá tạp dịch gì là phiền nặng, mà dám quên ơn cắn lại như thế, rất là đáng lạ đáng giận. Vậy truyền cho tỉnh Gia Định phải thêm 1.500 biền binh, Vĩnh Long 2.000, Định Tường 1.000, An Giang, Biên Hoà đều 500, trước sau cho đủ 10.000 tên, đi ngay đến đánh dẹp. Lại treo giải thưởng hậu, ai có thể bắt chém được tên đã nhận chức quan của triều đình, mà còn manh tâm làm phản, như bọn Sa Mộc, Bồn Tốt, thì thưởng tiền 300 quan ; tên giặc đầu mục có tiếng, thưởng 100 quan ; tên tiểu đầu mục thưởng 30 quan ; bắt sống người trong tụi giặc thưởng 10 quan ; chém được đầu giặc thưởng 5 quan. Các lưu quan tiết thứ bị giết hại, chuẩn cho tra rõ, đều cấp tiền tử tuất gấp hai và truy tặng cho 1 chức hàm. Dân Kinh bị nạn, người nào có thân nhân thì đàn ông đàn bà đều cấp tiền 3 quan, trẻ con 1 quan ; không có thân nhân, thì Nhà nước thu chôn cho. Bọn Trương Minh Giảng, Dương Văn Phong và Cao Hữu Dực, ngày thường sơ suất việc phòng giữ giao bộ Lại bàn xử. Xét ra bọn người Man xuẩn động kia, vốn không làm gì được, hiện nay biền binh các tỉnh, tướng đã họp đông, các Tướng quân, Tham tán, Bang biện, Hiệp tán, phải nên bày mưu đặt mẹo, ai lưu lại phòng thủ, ai nên đem binh đi đánh. Trước hết phải nên đánh giết ngay ở nơi gần, nơi gấp, thì chỗ khác nghe thấy bóng gió cũng đã run sợ, tự nhiên không dám cử động, không phải chia phái linh tinh, lính mà ít thì sức không chuyên. Nếu nơi nào còn dám chống cự, lập tức đem binh tới, hết thảy thành ra cám bột cả. Hạn đến cuối thu đầu đông, đã phải làm cho xong việc. Hiện nay nước ngập chưa lui, giặc Xiêm nếu có nghe biết, cũng không dám đến nhòm ngó, thì lũ giặc mọn thế phải cô lập, không có kẻ giúp, dễ được thành công. Không nên còn chút chậm trễ, kéo dài đến kỳ đề phòng mùa đông, hoặc bọn giặc nước ngoài, nhân cơ hội mà mầm mống nảy nở ra, lại thành một tay giặc mạnh".

Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng tâu nói : phủ Tây Ninh thuộc hạt ấy, tiếp giáp địa giới thành Trấn Tây, động tĩnh có quan hệ với nhau. Nay thổ dân Trấn Tây gây biến, hiện đã thương lượng uỷ cho Bố chính Lê Khánh Trinh, đem 600 biền binh đi tới phủ lỵ, chia phái đóng giữ, để dân được yên ổn.

Vua cho là phải, xuống dụ sai tỉnh Bình Thuận phái ngay 500 biền binh đóng giữ ở Gia Định ; nếu gặp Trấn Tây trưng gọi đến thì chuyển đi để phòng sai phái.

Cho Thống chế, Tả dực dinh Vũ lâm là Bùi Công Huyên, lĩnh Tổng đốc Long - Tường, Chưởng vệ quyền hộ ấn triện dinh Hổ uy là Nguyễn Trọng Tính, bổ thụ

Thống chế. Tả dực dinh Vũ lâm ; Đô thống Hữu quân là Nguyễn Tăng Minh, kiêm quản ấn triện dinh Hổ uy.

Huyên vào trước thềm từ biệt, xin đi nhậm chức. Vua bảo rằng : "Nay giặc Thổ quấy rối, việc đánh dẹp chính là việc làm trước tiên. Quân đi phải có kỷ luật, tướng lệnh cốt phải nghiêm túc, không nên còn chút nhu nhơ. Phàm có đòi gọi quân lính phải theo địa thế xa gần, hẹn cho ngày giờ ; nếu chậm trễ lỡ việc, phải lấy quân pháp trị tội để cho dân trong hạt, không ai là không sợ hãi tuân theo hiệu lệnh. Như thế thì khi ra trận chống nhau với giặc, ai còn dám rút lui nữa ư ?".

Lại nói : "Ngươi trước đã ở Trấn Tây, về vây cánh của bọn Trà Long, Nhâm Vu, La Kiên, có biết những tên nào không ?". Thưa rằng : "Thần nghe nói con em lệ thuộc của bọn ấy chỉ có Trà Long là nhiều hơn cả". Vua nói : "Bọn họ đã là thế cưỡi hổ, tất phải nên đề phòng từ lúc mới chớm". Bèn sai viện Cơ mật xuống dụ cho bọn Tướng quân, Tham tán : phàm con em của bọn Trà Long, Nhâm Vu, La Kiên, tên nào tuổi đã trưởng thành, đều lập tức bắt giam lại ; còn kẻ lệ thuộc của chúng tên nào là bọn liều chết, cũng một loạt bắt giam ; ngoài ra đều liệu lượng cho phân tán đi các nơi, không để ở tụ họp một chỗ.

Trương Đăng Quế tâu nói : thổ biền, thổ dân ở Trấn Tây, cùng theo nhau làm phản, như súc Sa Lầy ở Định Tường, đó là quản hạt của La Kiên ; Sa Mộc ở Trấn Tây, cũng là bọn lũ của Trà Long, xét về tình hình, chẳng qua là vì cớ bọn Trà Long, Nhâm Vu bị tội mà sinh ra.

Vua lặng yên hồi lâu, bèn xuống sắc cho bộ Hình, truyền dụ cho các tỉnh Hà Nội, Hưng Yên, áp giải Trà Long, La Kiên về Kinh, và cả Nhâm Vu nữa để tra xét, rồi thì tra hỏi không ai cung nhận, bèn cách chức, giam cấm. Bọn Trà Long xin viết thư gửi về cho họ hàng thân nhân bảo phải quay đầu lại để mong được khoan giảm bớt tội. Vua y cho.

Thổ biền phủ Quảng Biên tỉnh Hà Tiên là Quản cơ Nha Tiên ; Huyện uý huyện Khai Biên là Biên Kế, tụ họp thổ binh, thổ dân, hơn 2000 người, giữ trạm Quảng Trường, huyện Vĩnh Trường làm phản, đánh hãm đồn cửa biển ở bên tả phủ lỵ. Binh ở đồn ấy ít và yếu khó chống nổi, đều chạy đến phủ Tĩnh Biên. Lại có hơn 300 thổ phỉ thuộc huyện Thượng Phong, lấn qua huyện Hà Âm xua đuổi bắt hiếp thổ dân, cùng bọn giặc ở Khai [Biên], Quảng [Biên] cùng làm một tụi cứu viện cho nhau. Hộ phủ và Bố chính là bọn Nguyễn Trung Nghĩa lập tức thương lượng uỷ cho Lãnh binh Hà Văn Củ, đem binh đến thẳng trạm Quảng Trường, đốc đồng với Án phủ là Lê Quang Nguyên, Phòng thủ uý là Phạm Văn Sĩ đánh dẹp ; lại khẩn tư cho tỉnh An Giang phái binh ở nơi gần đấy hiệp cùng với Tri phủ Tĩnh Biên là

Nguyễn Khắc Biểu phòng giữ ngăn chặn. Lại cho là hiện lính ở tỉnh, chỉ còn hơn 100 tên, mà biền binh mãn ban, quê ở hai huyện Long Xuyên, Kiên Giang, đường sá hơi xa, đã đòi gọi ra chưa có thể đến đông đủ được một loạt. Bèn tư gọi ở Trấn Tây, An Giang, mỗi nơi một cơ binh, đi ngay đến tiếp ứng, rồi làm tập tâu lên. Lại nói : ở Kinh có phái Lại khoa Chưởng ấn là Trần Văn Triện, đến nơi khám đo ruộng đất, nhân giặc gây biến, rút về tỉnh lỵ, bàn luận giúp việc quân.

Vua dụ rằng : "Quan quân ở hai hạt Trấn Tây, An Giang, sai phái đương cần, không tiện tư gọi, chuẩn cho gọi ngay 1.000 hương dũng kèm với quan quân, chia phái đi ; tỉnh An Giang cũng thế. Còn Trần Văn Triện cho lưu ở tỉnh bàn luận giúp đỡ, và nhân tiện tra hỏi thổ dân gây biến là bởi quan lại nhũng nhiễu, hay là có duyên cớ gì khác, cứ thực làm bản tâu lên, để rõ tình trạng". Lại dụ cho tỉnh Gia Định, nếu tiếp được biền binh ở Bình Thuận đến tỉnh thì lập tức vát thuyền đưa đi Hà Tiên.

Vua sai truyền dụ cho Trấn Tây và hai tỉnh An Giang, Hà Tiên biết : phàm mọi việc công tác, hãy đình chỉ lại ; các tỉnh : Long, Tường, Định, Biên, đã phái biền binh đi công tác, chuẩn cho lập tức rút về để dự bị sai phái ; và lượng bắt các hương dũng làm việc, mỗi người tháng cấp tiền 2 quan, gạo 1 phương.

Bọn Tướng quân, Tham tán ở Trấn Tây tâu nói : phủ huyện thuộc hạt ấy chỗ nào cũng có giặc, mà binh gọi ở các tỉnh đến chưa đầy 1.000 người. Hiện đã tư cho các tỉnh : Long, Tường và Gia Định, đều chiếu theo số binh đã gọi lấy trước, mà đòi bắt hương dũng và cấp cho tiền lương khí giới, thượng khẩn phái đến ngay, để kịp việc đánh bắt giặc. Xét ra, bọn giặc chẳng qua là quân ô hợp, chỉ vì địa thế rộng xa ; tất phải hợp đông binh lực, mới có thể đánh dẹp được. Huống chi các phủ Hải Tây, Hải Đông, địa hạt tiếp giáp với đất giặc, hơn nữa, gần đến kỳ phòng thủ mùa đông, cũng nên có nhiều quân để đàn áp. Xin sắc cho các tỉnh Tả kỳ [Bình Thuận, Phú Yên, Khánh Hoà], phái binh đến hội họp, cho sớm được xong việc.

Vua phê bảo : "Không phải hoang mang, ta đã vì các ngươi điều độ trước rồi". Bèn truyền dụ cho tỉnh Khánh Hoà phái 200 lính, Phú Yên, Bình Thuận đều 300, đi mau đến để lệ theo đánh giặc".

Đạo binh của Đề đốc Vũ Đức Trung tiến đến vụng Xà Năng phủ Ninh Thái, sai bọn Phó quản cơ là Tôn Thất Mậu, chia đường đánh giặc. Khi đến các nơi : Lợi Bắc và Rừng Me, tên nghịch phạm là Bồn Tốt, cùng tên Huyện uý Ngọc Bi là Thạch Viết, họp bọn hơn 1.000 người ở nơi dọc theo rừng, phất cờ, đánh trống, bắn súng chống cự lại. Đức Trung thúc quân đánh rất dữ, giặc chết và bị thương rất nhiều,

bèn tan vỡ trốn chạy, đuổi chém được 6 tên, lấy được thuyền và khí giới rất nhiều. Bèn lưu Tri phủ Ninh Thái là Tống Đức Hưng, hiệp cùng với Quản cơ Tôn Thất Mậu giữ vụng Xà Năng, rồi lập tức đem binh thuyền thẳng tới Hải Tây để đàn áp. Bọn Tướng quân, Tham tán, đem tình trạng tâu lên.

Vua phê bảo rằng : "Vẫn biết giặc không làm trò gì được, quan quân đến là tan vỡ". Bèn xuống dụ rằng : "Đạo binh ấy mới gặp giặc 1 lần, đã được thắng trận, đầu tiên đã đủ lừng lẫy tiếng quân. Vậy thưởng cho Vũ Đức Trung, quân công kỷ lục 2 thứ, Tôn Thất Mậu và bọn Quản vệ Nguyễn Văn Chính đều cấp cho mỗi người 1 cái thẻ bạc thưởng công và quân công kỷ lục 1 thứ. Còn Tôn Thất Mậu, trước nhân bị lỗi, phải giáng bổ, nay đầu tiên giết giặc, cho thăng bổ Quản cơ. Các binh dân thủ hạ đi chuyến này, thưởng chung cho 500 quan tiền. Lại xét trong tập tâu có nói có thổ Quản cơ là Sô Tiếp, tự đem binh dân thủ hạ theo quan quân, và thổ mục là Liễu Đàm bắt được người trong bọn của tên phạm nghịch Lạp giải nộp, cùng là Huyện uý là Mân Mạt, thổ mục tên Mộc, bền lòng không chịu theo giặc. Xét ra bọn họ đều là người Thổ, mà biết phát lộ lương tâm trời cho biết nói đến nơi tránh, không bị bọn giặc mê hoặc, tấm lòng đó thực đáng nên khen. Vậy truyền Chỉ khen ngợi. Nhưng truyền dụ cho bọn họ biết cứ những tên đầu mục trong bọn giặc, như : Tùng Hiên, Đào Vân, Sa Mộc, Bồn Tốt và tên Lạp, Ba Mạt mà cố hết sức bắt chém để lấy hậu thưởng ; còn thổ dân bị bắt hiếp phải theo, đều cho chiêu dụ vỗ về, ai biết sớm quay về, đều được tha tội, để họ khỏi ngờ sợ chạy tản mát xa".

Bọn Tướng quân, Tham tán ở Trấn Tây tâu nói : có hơn 300 tên tù phạm về tội quân lưu, đồ, phát phối đến các điền trại hạt ấy tình nguyện theo đi đánh giặc để ra sức chuộc tội. Trót đã lựa những tên khoẻ mạnh, tháo bỏ xiềng xích, chia làm 6 đội dũng sĩ, phái theo quan binh đi trước đánh giặc. Còn các tù phạm phát phối ở Hải Đông, Hải Tây, Sơn Tĩnh, Quảng Biên, có kẻ tình nguyện theo quân, cũng xin cho theo đó thi hành.

Vua nói : "Đang khi có việc, cố nhiên nên quyền biện như thế. Duy bọn họ đều là người có tội, không nên dồn thành toàn một đội. Nhưng trót đã dồn bổ rồi, phàm có sai phái, nên chia thuộc vào các vệ, đội, để quản thúc mới được".

Vua cho là việc chạy trạm báo tin ở ngoài biên thuộc Trấn Tây được nhanh chóng, thưởng cho trạm mục ở các trạm men đường, từ trạm Thừa Nông trở vào Nam đến Trấn Tây, mỗi trạm mục đều được 1 đồng ngân tiền Phi long hạng nhỏ ; phu trạm mỗi trạm đều được 10 quan tiền. Lại nghĩ họ đi lại phiền nhọc, thưởng thêm cho mỗi trạm 20 quan tiền nữa. Duy 8 trạm : Thừa Phúc, Nam Châu, Bình Phú, Phú Thịnh, Phú Hoà, Hoà Mã, Hoà Quân và Thuận Lai, phần nhiều đường đi thuộc về núi khe, đều thưởng cho 30 quan.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXVII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], mùa thu, tháng 9. Sai sửa làm thành bao vây ở Hiếu Sơn. Vua dụ bộ Công rằng : "Công việc ở nơi núi Hiếu, trước đây phái bắt binh dân khởi công làm. Nhưng ta nghĩ khi ấy đương tiết mưa ngập, đã chuẩn cho đến cuối tháng 8 nghỉ việc, nên hôm trước đã cho về cả. Xét ra thành bao ấy, rất là quan trọng, mà công trình xây đắp, không phải tính độ mươi ngày làm xong được. Tất phải dự định việc khai đào trước, để thành thể chế, thì sau này kế tiếp làm, mới có thế đỡ khó nhọc đôi chút. Huống chi nơi ấy, nguyên là núi cao, nếu có mưa ngập, cũng không quản ngại. Vậy phái ra Quản vệ 1 người, Suất đội 4 người, biền binh 200 người cứ theo bọn Khâm thiên, Giám thành chỉ bảo. Ở chính giữa nơi thành bao núi ấy, liệu lượng dựng nhà xưởng ở trên. Rồi ra công khai đào, dài 5 trượng, ngang trên dưới 3 trượng, sâu 1 trượng, hoặc 7, 8 thước. Nếu khí đất còn khô ráo thì đào sâu dần ; nếu có mạch nước ở núi chảy ra, thì tuỳ thế khơi 1 cái ngòi nhỏ, để khí nước thêm ướt, chảy thông ra chân núi, cốt cho khô ráo sạch sẽ. Về việc phái Quản vệ cho đến binh đinh, định cứ mỗi tháng 1 lần thay đổi. Đổng lý đại thần là Trương Đăng Quế và Hà Duy Phiên, cũng chuẩn cho thời thường thay nhau đến kiểm đốc".

Thự phủ Ninh Bình là Trần Văn Trung tâu nói : về việc tuyển lính ở huyện Kim Sơn, trước nhân có thiên tai bị hại nên cho hoãn chậm lại. Nay cứ theo số dân tráng trong sổ đinh, theo lệ lựa chọn số lính được hơn 200 người, xin dồn làm những đội :

tứ, ngũ, lục, thất thuộc cơ Ninh tráng, gồm với 3 đội thuộc ngạch trước, chia ban làm việc công. Vua đặc cách chuẩn cho đổi làm cơ Ninh Bình trung, cho đủ số 5 cơ là : trung, tiền, tả, hữu, hậu, mà bỏ tên cơ Ninh tráng đi.

Sung làm thầy dạy hoàng tử còn bé là Hoàng Văn Diễn tâu nói : lệ định, sung chức giảng tập các hoàng tử 15 người, chức chính tự 10 người ; sung giáo tập các hoàng tôn 2 người. Nay sung làm giảng tập, chính tự các hoàng tử, chỉ có 16 người, giảng dạy không đủ người. Lại các hoàng tôn tuổi đã hơi lớn, giáo tập cũng chưa có người. Xin do bộ lựa chọn tú tài các khoa, tuổi từ 40 trở lên để sung bổ. Vua y cho.

Vua cho các hoàng tử công và thân công mỗi người đều 50 quan tiền đồng vừa hạng lớn vừa hạng nhỏ.

Quan ở Quốc tử giám tâu nói : Tôn sinh học ở nhà Giám là bọn Tôn Thất Loan, Tôn Thất Cù, khoa thi năm nay đỗ Tú tài, có nên do bộ hạch bổ không ? Vua nói : "Bọn Loan còn phải có thầy có bạn mài giũa thêm, để mong nên tài nên đức, há nên vội bổ quan chức, thành ra tự hạn chế sức học. Chuẩn cho chiểu theo hạng ưu, chi cấp lương bổng, nhưng vẫn lưu ở Giám học tập, để đợi kỳ thi". (Người họ Tôn thất thi đỗ bắt đầu từ các viên này).

Vua bảo Tham tri bộ Lễ là Phan Bá Đạt rằng : "Tên các cây, cỏ, chim, muông, từ xưa tới nay, nơi theo nhau mà gọi phần nhiều chưa được rõ ràng đích xác, cần phải một phen khảo xét, để đính chính lại tên gọi. Nên lựa chọn thuộc viên ở Quang lộc tự, Thái thường tự, và nha nào việc công hơi ít, đều chọn lấy 1, 2 người, trước hãy đem loài chim cá, tham xét đính chính lại, biên chép thành sách dâng lên".

Lại nói : "Ta xem các cây cỏ, đều có thổ ngơi nếu trái tính chỗ đất ấy, thì không trồng được. Duy nhất ở Kinh thành ta, các nơi đông, tây, nam, bắc, có đem cây cỏ gì đến trồng, không thứ nào là không tươi tốt. Đó là địa giới nước ta ở phương Nam, được khí ôn hoà của trời đất tụ họp lại, nên mới được như thế".

Tỉnh Nghệ An mưa lụt, gạo đắt. Tỉnh thần tâu lên. Vua chuẩn cho phát ra 60.000 phương gạo mà tỉnh Nam Định vận đến lần trước, giảm giá bán ra cho dân.

Tôn lăng các liệt Thánh đế và Hậu, đã sửa xong ; vua sai các Hoàng tử công, chia đi đến làm lễ tạ.

Tên thổ mục huyện Hà Âm, phủ Tĩnh Biên, tỉnh Hà Tiên, là Y La Việt Tốt theo bọn thổ phỉ ở Thượng Phong quấy rối. Thự Bố chính Lê Quang Huyên, và thự Án sát Nguyễn Nhật Thạnh ở tỉnh An Giang nghe tin báo, bèn thương lượng uỷ cho Lãnh binh là Nguyễn Đức Huấn, quản suất đem binh thuyền, mang theo thổ biền, là

Quản cơ, sung biện Phủ uý Chân Triết và Phó quản cơ Hàn Biện ở cơ An Biên, đến ngay đánh dẹp. Khi tới trạm Tiên Nông, Chân Triết, Hàn Biện đem 700 thổ binh, chia đường đi trước, cùng giặc đánh nhau, bị thua. Huấn nghe tin, bèn rút về đóng ở bảo Vĩnh Tế. Bọn Triết bèn theo giặc bỏ đi. Thự Tri phủ là Nguyễn Khắc Biểu, bỏ nha chạy về An Giang cáo cấp. Lê Quang Huyên bèn đem quân đến ứng viện, Nguyễn Nhật Thạnh dâng sớ khẩn tâu lên.

Lại nói : Huyện uý huyện Phong Nhương thành Trấn Tây là Sa Tuân cũng làm phản, Tri huyện là Vũ Doãn Thạnh, Huấn đạo là Nguyễn Văn Tiết, thế cô chạy đến ký ngụ. Nơi ấy cùng với tỉnh hạt địa thế cùng lên tiếp, đường trạm phần nhiều bị ngăn trở, mà số lính ở tỉnh hiện tại có ít, hiện đã trích lưu lại số biền binh của Gia Định, Định Tường sẽ đổi đi Trấn Tây ấy là 500 người, để sung việc sai phái.

Vua phê bảo rằng : "Việc cần cấp hãy làm trước, bọn ngươi thực có kiến thức đó. Còn Nguyễn Đức Huấn nhút nhát không có tài, lập tức cách chức lưu nhiệm, cho theo Quang Huyên làm quân đi trước để đánh giặc".

Dụ cho viện Cơ mật rằng : "Tiết thứ cứ lời tâu báo, bọn giặc ở huyện Hà Âm và trạm Quảng Trường làm loạn, thì một dải ven đường sông Vĩnh Tế, không khỏi có trở ngại. Xét ra, bọn thổ phỉ ở Trấn Tây, gần đây Vũ Đức Trung đem quân đánh dẹp, đã được thắng trận, không đáng lo lắm ; nhưng con đường mạn sau An - Hà, việc bắt giặc chưa được trúng khớp, còn thấy băn khoăn trong lòng. Nên truyền dụ cho bọn Tướng quân, Tham tán chọn lấy 1 viên Lãnh binh được việc, quản suất đem 1.000 biền binh thẳng tới Hà Tiên cứ theo sông Vĩnh Tế thông đến An Giang hội họp đánh dẹp, cho đường trạm được thông hành, không còn mối lo về sau nữa. Lại dời quân sang địa phận phủ Quảng Biên ngăn chặn, chớ để bọn giặc thổ trốn sang cõi giặc. Đó là kế rất quan yếu, tưởng các Tướng quân, Tham tán, vốn am hiểu việc binh cơ, cũng đã mưu tính trước rồi, không đợi ta phải nói nhiều. Nếu chưa nghĩ tới kế đó, thì hôm tờ dụ này tới nơi, lập tức tuân theo mà làm, chớ để chậm trễ lỡ việc".

Án sát Định Tường là Hà Thúc Giao tâu nói : thổ dân huyện Nam Thái biến động càn bậy, đến cướp lấy đồn Bồng Nguyên. Bọn giặc tưởng cũng không có mấy, mà bộ biền là Vệ uý Trần Hợp, binh thuyền ở sông nhánh Bất Tức, trùng trình không tiến ; còn Thủ ngự Phạm Văn Quyền cũng không dám ra sức hăng hái tiến lên trước, đều là hạng tầm thường hèn kém. Có nguyên thổ Cai đội huyện Tuy Lạp, sung biện Huyện uý là Bồ Bang, nhân việc tên An Hồng gây biến, chạy đến đồn Tuyên Oai, tình nguyện xin hướng dẫn quan quân đánh dẹp, hiện đã đưa đến quân thứ Trần Hợp làm quân tiền khu.

Vua nói : "Bọn Trần Hợp, Phạm Văn Quyền, nhút nhát trùng trình đến như thế, rất lấy làm lạ. Khi tờ dụ tới nơi, nếu họ đã giết tan bọn giặc, chuẩn cho miễn tội trước. Nếu còn lưu lại ở đấy, thì lập tức truyền Chỉ cách chức, triệt về nghiêm xét ; phái Quản vệ, cơ khác, đến thay cầm quân. Còn thự Bố chính là Nguyễn Khắc Trí, đem quân đi hợp đánh, sắp được đầy tuần mà đã đến nơi chưa ? Sự trạng thế nào ? Không thấy tin tức gì, nên tra xét cho ra cái cớ trông ngóng chậm trễ ấy vì đâu, và tham hặc để trừng trị. Còn như Bồ Bang là một tên thổ mục, còn hay một lòng theo thuận không chịu theo bọn giặc, tình nguyện hướng dẫn quan quân đánh dẹp, thực đáng nên khen. Chuẩn thưởng trước cho hàm Phó quản cơ, lĩnh Huyện uý huyện Nam Thái. Nhưng sai đi chiêu tập thổ dân trong hạt đi đánh trận, nếu có thể bắt chém được những tên phỉ mục phỉ phạm, tỏ ra có thực trạng, lại cho hậu thưởng nữa".

Bọn Trần Hợp rồi sau đánh lấy được đồn giặc, giặc thua chạy, thu phục lại đồn Bông Nguyên. Vua được tin ấy nói rằng : "Đó ! Dẫu chưa có công trạng bắt chém giặc đáng ghi, nhưng cũng đủ làm cho lòng người hơi phấn khởi. Chuẩn cho khoan tha tội trước, nhưng nhân thế thắng trận ấy, tiến đến địa hạt những huyện Nam Thái, Phù Nam, hiệp cùng với Huyện uý mới bổ là Bồ Bang, dẹp hết bè lũ của giặc còn lại ; rồi thẳng tới thành Trấn Tây, theo bọn Tướng quân, Tham tán sai phái việc đánh bắt giặc".

Thúc Giao lại tâu : hôm tiếp được tin ở Hà Tiên, báo có giặc, đã phái đi hơn 200 lính tỉnh, uỷ cho Quản vệ là Nguyễn Văn Điệp quản lãnh, đi ngay đến hội họp để đánh dẹp. Vua khen là làm trước việc cần cấp, thấy rõ lẽ phải, đặc cách thưởng gia 1 cấp.

Bọn Bố, Án Hà Tiên là Nguyễn Trung Nghĩa, Nguyễn Văn Tuân tâu nói : bọn giặc đánh phá huyện Vĩnh Tường, sung biện Tri huyện là Trần Văn Trì bỏ chạy về tỉnh. Đã phái Quản cơ cơ hữu An Giang, kiêm quản sở đồn điền trồng cây chàm là Mai Văn Tích đem 100 biền binh đi đánh dẹp. Xét ra, tỉnh hạt ấy tiếp giáp với cõi nước Xiêm, nay bọn giặc thổ sinh chuyện, chưa chắc giặc Xiêm đã không dòm ngó đến, mà hiện binh ở tỉnh chỉ còn hơn 140 người, hiện đã tư ngay cho Gia Định, Vĩnh Long và Định Tường, phái ngay biền binh đến để đủ người sai phái.

Vua dụ rằng : "Bọn giặc ấy nhân sơ hở, quấy nhiễu, cướp bóc, nguyên không có nghề gì khác. Đã tiết thứ đòi gọi binh dõng nay mai sẽ đến đông, bọn giặc thế tất nghe thấy bóng gió đã phải sợ tan mà thôi. Lũ ngươi nên chuyển sức cho Mai Văn Tích đi ngay đến đánh giặc cho hết".

Phủ uý phủ Hải Đông là Bồn Đột ; Phó cơ là Hồ Mịch ở Trấn Tây đều làm phản, đem thổ binh, thổ dân hơn nghìn người, đến bến sông về mặt tả phủ thành bắn súng khiêu chiến. Tuyên phủ là Trần Văn Thông và Lãnh binh là Hoàng Phúc Lợi, đem binh ra đánh, giặc lui chạy. Lợi qua sông đuổi theo, gặp quân mai phục, đánh nhau bị chết, bỏ mất súng và khí giới, biền binh bị thương, bị chết cũng nhiều. Bọn Tướng quân, Tham tán nghe báo lập tức sai Phó lãnh binh là Phan Đình Vinh đem 800 biền binh đến cứu viện. Lại nghe bọn giặc sắp đánh úp vây thành phủ Mỹ Lâm. Lại phái Phó lãnh binh Nguyễn Tiến Phó, đem 300 biền binh đến dẹp, và làm tập tâu lên.

Lại nói : mặt sau hạt lỵ, từ các huyện Phong Nhương, Thượng Phong liên tiếp đến các hạt Thái Thịnh, Ninh Thái và Thâu Trung, một dải ven rừng, giặc đều chiếm giữ. Về mặt trước hạt lỵ như các hạt : Nam Ninh, Nam Thịnh, Phù Nam, Lư An và Kỳ Tô, bọn giặc vẫn thông tin tức với nhau. Hiện đã vâng mệnh thương lượng cùng nhau, hãy tạm chia phái phòng thủ quanh thành và các đồn bảo ở chỗ địa đầu quan yếu, đợi biền binh các tỉnh đến họp đông đủ, lập tức chia đường thuỷ, bộ đều một loạt tiến đánh, mới có thể quét sạch được hết. Xét ra bọn thổ phỉ quấy rối, tới nay đã đầy 2 tuần [10 ngày là 1 tuần] mà chưa diệt được một bọn nào cả, sớm tối rất là sốt ruột cấp thiết.

Vua phê bảo rằng : "Sai phái không trúng khớp, đến nỗi không có công, tức giận khôn xiết".

Bèn xuống dụ rằng : "Cách dụng binh không cốt ở quân nhiều, quý hồ tính thời, xét thế mà điều độ thế nào đó thôi. Những nơi phủ huyện mới đặt kia đã chưa có thành bảo, lại không có kho chứa lương có thể giữ được, hà tất phải chia phái linh tinh làm gì ? Nay chuẩn cho chiểu sự thế ở các phủ huyện, mà chước lượng việc nên trì hoãn hay nên cần kíp. Nếu chỗ nào vô sự, bất tất phải phái đi, chỗ nào tuy có bọn giặc nhỏ nhỏ, mà không quan yếu lắm, cũng nên rút phái binh về. Duy 2 phủ Hải Đông, Hải Tây, phải nên phái nhiều trọng binh, một là để giúp việc đánh dẹp bọn giặc gần đấy, một là để phòng giữ mối lo về nước ngoài. Còn thì thu họp biền binh trong hạt, chọn ra một đại viên đắc lực đứng trông coi. Cứ chỗ nào gây biến trước, mà có nhiều đầu mục tụ họp thì đến trước đánh diệt ngay. Rồi từ chỗ ấy đến chỗ kia, lần lượt dẹp yên hết, thì không đến nỗi thế chia sức yếu, mà sớm được quét sạch. Nên mưu tính cho chóng không được trái lời Chỉ đã nói tỏ rõ này. Còn như Trần Văn Thông có trách nhiệm phòng giữ bờ cõi, không biết xem cơ mà làm để bị giặc ngăn chặn phục kích, đến nỗi Hoàng Phúc Lợi bị giết trận. Vậy lập tức giáng 4 cấp, còn Hoàng Phúc Lợi tuy là trận ấy có phần nóng nảy khinh suất,

nhưng biết phấn dũng không nghĩ đến thân, cũng đáng nên thương, gia ơn cấp tiền tử tuất bội gấp hai lệ.

Còn trong tập có trình bày Huyện uý huyện Chân Tài là Mộc Tức, bị 300 tên trong bọn giặc đến bức bách, mà không chịu theo, tự đem gia quyến về thành rõ là thực lòng theo thuận, nên truyền Chỉ khen ngợi, và thưởng cho 10 đồng tiền Phi long bằng bạc hạng lớn. Và bọn thổ biền là : Vu Khiêm, Tôn Ly, Đỗ Cố, Hàn Hấp, hiện theo quân thứ, đều là biết rõ lẽ thuận nghịch, nên khéo vỗ về uý lạo, khiến cho họ giết giặc dựng công và chiêu dụ thổ dân, để đều yên họp".

Lại dụ rằng : "Bữa trước Vũ Đức Trung đi dẹp giặc được thắng trận, tới nay đã 10 hôm chưa thấy tiếp tục báo tin thắng trận khác, hoặc giả bọn giặc nghe thấy đại binh tiến đến, lẩn trốn không còn có tăm tích, khó lùng bắt mà thế ư ? Xét ra, bọn quân ô hợp đánh cho kỳ được, cũng không khó gì. Chỉ sợ một phen chúng bị sẩy chân theo giặc, rồi sợ tội trốn tránh, thì cách vỗ về chiêu dụ, lại càng khó. Huống chi bọn họ kéo đàn sinh chuyện, ta vẫn đoán rằng thế tất có người xui giục lừa dối bảo là triều đình sắp đem giết hại hết cả. Nên chúng mới cùng nhau tụ họp gây biến, mưu tính được thoát chết mà thôi, chứ không phải khổ bách về hình phiền, thuế nặng mà sinh ra như thế. Nay cứ Hà Tiên tâu bày, thì tên thổ binh là Hống có nói : nếu Ngọc Biện thông đồng với nước Xiêm, thì giết một mình Ngọc Biện thôi, sao lại muốn giết hết thổ quan ở các súc. Cứ đó mà xem, thì duyên do bọn giặc gây nên phản bạn, tất có tên thổ tù gian hoạt ở trong thêm đặt chuyện ra, quả nhiên không sai sự phỏng đoán của ta. Nay chuẩn cho bọn Tướng quân, Tham tán, xét xem nơi nào còn có bọn giặc quấy nhiễu, thì lập tức dập tắt đi. Lại phái nhiều người am hiểu tiếng Thổ, đi khắp các nơi hiểu bảo, đại lược nói : bọn kia bảo là triều đình giết hết các thổ quan, chẳng qua nói bịa đặt ra để làm mê hoặc mọi người đó thôi. Triều đình xếp đặt công việc, rất là chính đại quang minh, không bao giờ làm một điều bất nghĩa, giết một kẻ không tội. Tức như vừa rồi, thổ dân từ đất giặc trở về quy thuận, thương họ đói khát khốn khổ, thì cấp cho tiền gạo ; thổ biền có lòng quy thuận, thì trao cho chức quan. Ngọc Biện thông đồng với Xiêm, thì trị tội một cách xứng đáng ; mà bọn Ngọc Vân, Ngọc Thu, đều chiểu tước mới tuyên phong, dẫu cùng ở với nhau cũng không bắt tội. Còn việc dời về Gia Định, là có ý muốn cho trọn vẹn thân danh. Mấy việc ấy, phàm người có mắt ai cũng trông thấy, có tai ai cũng nghe thấy, chưa hề có giận lây đến thổ dân, mà bảo là muốn giết hại hết cả ư ? Nay đã bị người ta xui giục, gây nên mối loạn, cốt nên sớm quay đầu lại, sẽ lượng rửa nỗi oan cho. Nếu là lính, cho đến quân môn đầu thú đều khoan miễn, cho lại được làm lính như cũ ; nếu là dân, đều cho về dân, để yên nghiệp sinh nhai. Còn

các đầu mục, nếu biết bắt được tên thủ phạm đem nộp quan, thì miễn cho tội trước, và ghi công sau. Nếu cứ mê không tỉnh ngộ, khi đại binh tiến đến, giết hết không còn sót một mống, dẫu hối lại cũng không kịp. Để cùng bảo lẫn nhau, giải tán các bọn lũ, túng nhiên có 1, 2 đứa hung hăng tất cũng thế cô không ai giúp, rồi cũng bị bắt thôi.

Lại như bọn Nhâm Trật, Ốc Tâm đều là những tên đại đầu mục ở trong dân Thổ, từ trước đến giờ, làm công trạng gì, phải nên xét kỹ, bọn họ quả thực có lòng vì triều đình ra sức, thì sai chiêu dụ vỗ về nhân dân. Nếu ngoài mặt thuận theo, trong bụng trái ngược thì lập tức bắt giam, chớ bị họ lừa hoặc, lại thêm một bọn giặc nữa.

Sai tỉnh An Giang tải 20.000 quan tiền, 20.000 phương gạo đến Trấn Tây và Vĩnh Long. Lại tải 30.000 quan tiền, 50.000 phương gạo đến An Giang để chứa thêm.

Vua bảo bộ Hộ rằng : "Nay ở Trấn Tây chưa dẹp yên bọn thổ phỉ, việc gọi lính phải đi rất nhiều. Về thuế lệ tiền của ở các cửa quan, bến đò trong 6 tỉnh Nam Kỳ chỉ đủ cung việc quân nhu. Nên tư đi cho quan địa phương đều nghiêm sức cho bọn sở tại ngồi thu thuế, không được tạ sự quấy nhiễu ; lại thời thường xem xét, chớ cho họ lấy nê vì lúc hữu sự, để dụng ý xoay việc riêng, làm giảm thiếu thuế công".

Lãnh binh Hà Tiên là Hà Văn Củ tiến quân đến núi Bạch Mã, gặp bọn giặc hơn 2.000 đứa, tự liệu tính quân giặc nhiều, quân mình ít, không thể địch nổi, vừa đánh vừa lui, quân được toàn vẹn rút về. Giặc đến đánh sát đồn Chu Nham, Củ cùng Bố, Án là Nguyễn Trung Nghĩa, Nguyễn Văn Tuân, hết sức ngăn giữ, rồi đem tình hình nguy cấp thượng khẩn tâu lên.

Vua phê bảo rằng : "Sao lại không có tài năng đến như thế, để người ta rất là bực giận". Bèn dụ cho viện Cơ mật rằng : "Nguyễn Trung Nghĩa, Nguyễn Tuân trước ta đã xuống dụ cho liệu cơ dẹp giặc ; lại lấy nê là binh ít, quanh co trông ngóng, để quân giặc nhân đó được lan tràn. Vậy đều lập tức cách chức, phải nên hăng mạnh lên như thế nào để giết bọn giặc mới có thể khoan thứ cho tội trước. Nếu không được như thế thì phép nước quyết không khoan tha".

Tha cho bọn quan viên phạm tội là : Lê Nguyên Huy, Nguyễn Văn Thắng, Hoàng Văn Minh, Phạm Ngọc Oánh, Lê Hựu, Vũ Thế Trường, Nguyễn Nhược Sơn, Ngô Dưỡng Hiệu, Hà Thúc Trương, Vũ Trọng Đại và Nguyễn Văn hơn 40 người, phát đi An Giang, Hà Tiên, Trấn Tây gắng sức chuộc tội. Vua sai bộ Binh phái 2 viên Suất đội đi quản giải. Bộ thần tâu nói : phạm viên ở Bắc Kỳ có người chưa đến, nên lưu lại 1 viên suất đội để đi sau.

Vua nói : "Bọn họ khi xưa đã từng dự có quan chức, nay sai đi gắng sức chuộc tội, tưởng nên cảm kích hăng hái gấp lên, lại còn lo họ trốn tránh ư ? Lũ ngươi không nhớ năm trước, ta nhân tiết chạp cuối năm, tạm tha bọn quan viên phạm tội về thăm nhà, tới xuân sang năm không một người nào là không đến ngục, đủ biết là đãi người phải lấy lòng chí thành, không nên đoán trước, là họ không giữ lòng tín vậy. Nên tư cho tỉnh Quảng Nam dự bị thuyền sẵn đợi bọn kia đi đường bộ tới, tức khắc cho đáp theo chở đi, sớm đến chỗ quân thứ, để được giết giặc dựng công. Nếu không thế thì khi giặc thổ đã bình, lại đấy để làm gì ? Triều đình cũng không có lý do gì mà khoan tha được".

Tết Trùng dương [mồng 9 tháng 9]. Trước đây vua bảo bộ Lễ rằng : "Hằng năm theo lệ, tết Trùng dương nên lên nơi cao để thưởng phong cảnh tốt đẹp. Xét các lâu các ở Kinh thành, chỗ nào cũng có thể lên cao được. Đến hôm đó ta tới vườn Thư Quang, hoặc hồ Tĩnh Tâm để thưởng tiết, bất tất phải lên núi Ngự Bình làm gì ?".

Đến ngày tiết ấy, vì bận lòng đến công việc ngoài biên, bèn đình việc ấy ; nhưng cho trăm quan ăn yến và ban thưởng có thứ bậc khác nhau. Các giám sinh, tôn sinh, ấm sinh học ở nhà Giám, cũng đều gia ơn thưởng chung cho tiền đồng lớn nhỏ mỗi hạng đều 100 quan.

Đê sông con huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nội vỡ. (Ở địa phận những xã Kiện Khê, Ninh Phú và An Xá, dài hơn 17 trượng). Tỉnh thần và Phủ huyện đều bị giáng. Xuống dụ sai đi khám ngay, xem tình hình bị tai hại thế nào, nếu có thiệt hại lắm thì phát chẩn cho. Lãnh binh là Phùng Hữu Hoà liền đốc binh dân hàn lấp được chỗ vỡ. Chuẩn cho đốc, phủ, bố, án, phủ, huyện đều được khai phục. Lại thưởng cho Hữu Hoà kỷ lục 2 thứ, binh dân tiền 200 quan.

Tỉnh Thanh Hoa và Ninh Bình mưa to gió lớn ruộng lúa bị ngập, nhà dân phần nhiều bị đổ nát. Tỉnh thần đem việc ấy tâu lên. Vua xuống dụ sai các tỉnh ấy đều chi tiền gạo trong kho ra để chẩn cấp. Tỉnh Thanh Hoa giá gạo nhân đó chợt cao vọt lên, lại sai phát thóc kho, xét số dân thực bán cho mỗi người 1 hộc thóc.

Tỉnh Sơn Tây và Nam Định cũng bị mưa lụt tổn hại lúa, tỉnh thần tâu lên. Vua dụ bộ Hộ rằng : "Từ Nghệ An trở ra Bắc, gió mưa làm tai hại, tình hình có phần thiệt hại nhiều, tuy có 1, 2 tỉnh chưa từng tâu báo, nhưng địa thế liên tiếp, sự thể cùng liên quan với nhau, hạt này bị tai thương, thì hạt khác chưa chắc đã không bị lây tới. Nếu trưng thu thóc gạo, nhất khái thu bằng thóc gạo cả, tưởng nhân dân nộp được cũng khó. Vậy gia ơn cho các tỉnh : Nghệ An, Thanh Hoa, Ninh Bình, Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Nam Định, Hưng Yên và Hải Dương, về vụ thuế mùa đông năm nay và thóc gạo về các năm trước còn thiếu lại đều cho nộp thay bằng tiền".

Thự Bố chính An Giang là Lê Quang Huyên đến bảo Vĩnh Tế, sai Lãnh binh là Nguyễn Đức Huấn đem binh thuyền đã mang theo khi trước làm đạo quân đi trước. Vừa mới gặp giặc giao chiến đã rút lui. Huyên lập tức thân đem binh các đạo sấn tới. Bọn giặc hơn 2.000 đứa tụ họp lại chống cự, quân ta hăng hái ra sức, chém trước được 1 thủ cấp cắt lấy tai, súng bắn ra bọn giặc bị thương bị chết khá nhiều. Giặc tan vỡ trốn chạy hết, bắt được hết các thuyền và khí giới, thu phục lại phủ lỵ Tĩnh Biên. Tin thắng trận tâu lên. Vua phê bảo rằng : "Không ngờ võ biền lại rút lui mà văn viên lại lập công trạng, một người thì đáng giận, một người thì đáng khen. Bèn xuống dụ chuẩn cho Lê Quang Huyên thực thụ Bố chính, gia hàm Tham tri bộ Binh ; lại thưởng thêm quân công 1 cấp và 1 đồng kim tiền Phi long hạng lớn. Còn các người cũng đi chuyến ấy như : Phó quản cơ cơ tả An Giang là Nguyễn Văn Tuấn thưởng gia 1 cấp, các Suất đội đều thưởng kỷ lục 2 thứ ; thí sai Suất đội, và cấp bằng Đội trưởng, Ngoại uỷ đội trưởng, đều cho thực thụ ; biền binh thưởng chung cho 1.000 quan tiền. Nguyễn Đức Huấn lập tức cách chức xuống làm lính, đi trước quân gắng sức chuộc tội.

Quang Huyên liền phái đi thăm dò thấy ở nơi cửa quan Giang Thành (gần tỉnh lỵ Hà Tiên), giặc phần nhiều rủ nhau tụ họp ở đấy. Huyên tiến đánh phá tan. Lại nghe ở Cam La, Cốt Phủ (đều tên đất thuộc tỉnh An Giang) có giặc, lại đem binh trở về Tĩnh Biên, nửa đường gặp viên mới được thự Đốc là Dương Văn Phong, từ An Giang đi qua Phong Trực sang Hà Tiên để điều độ, Huyên bèn chuyển hướng đến Cam La, Cốt Phủ để đánh dẹp. Dâng sớ tâu lên. Vua bảo bộ Binh rằng : "Bọn giặc ở An Giang nếu nghe tiếng Quang Huyên thừa thắng đến nơi, tất phải mất vía chạy tan, tưởng trong 1, 2 hôm, sẽ có tin thắng trận đến nơi vậy".

Thổ biền, thổ binh ở huyện Khai Biên tỉnh Hà Tiên, bỏ trốn hết, Suất đội cơ Vĩnh tiền đóng giữ ở đấy là Đỗ Văn Gia, đem 20 tên lính đuổi bắt. Đi đến Thạch Môn (tên đất), gặp hơn 100 quân giặc, súng và cung bắn ra loạn xạ. Gia hết sức đánh, giặc lui chạy về phận rừng huyện Ninh Thái. Việc đến tai vua. Vua khen là dũng cảm, thưởng gia quân công 1 cấp và 50 quan tiền.

Bọn giặc ở huyện Nam Thái thành Trấn Tây lan tràn qua địa đầu phủ Tây Ninh, Gia Định, dân Thổ và dân người Chàm đều theo đi, vây đánh đồn Quang Phong. Lính ở đồn ít, không địch nổi quân giặc nhiều, bỏ khí giới chạy. Viên Suất đội giữ đồn là Nguyễn Văn Nhiên ngoảnh lại bảo Đội trưởng là Trần Văn Nguyên rằng : "Đánh cũng chết, chạy cũng chết, ta thà đánh nhau với giặc cho đến chết". Giặc chém đứt lá cờ của Văn Nguyên cầm tay, Nguyên cũng chạy. Nhiên bèn bị hại. Giặc ngầm sang qua sông nhánh Xỉ Khê, cách phủ thành hơn 1 dặm. Bố chính

là Lê Khánh Trinh, sai Vệ uý là Trương Cầm, Phó cơ là Trần Văn Thanh, chia đường đánh ập lại, bắn chết nhiều đứa. Giặc bèn rút lui, dựa rừng làm hiểm, không chịu ra trận đối địch. Tổng đốc Nguyễn Văn Trọng được tin báo, lại phái Phó lãnh binh là Trần Nhữ Đoan, đem binh đến tiếp ứng, rồi làm bản tâu lên.

Vua dụ rằng : "Xem lời tâu về tình hình đánh dẹp, tựu trung dẫu có bắn giết được giặc, nhưng giặc lại lôi kéo xác vào rừng, chưa từng chém được thủ cấp nào, chưa đủ kể là có công. Nhưng tạm nghĩ ; trong khi đánh dẹp có biết ra sức tí chút, gia ơn thưởng cấp tiền cho biền binh có thứ bậc khác nhau. Bố chính Lê Khánh Trinh đem binh dũng hơn 1.000 người, đã đến hơn 1 tuần, chưa nghe thấy chém được 1 thủ cấp, bắt 1 tên cừ khôi nào, chỉ đóng giữ ở phủ lỵ, đã lâu không có công trạng gì. Vậy tức khắc giáng 2 cấp, không cho lấy công khác khấu trừ. Nay phải đốc suất cùng với Trần Nhữ Đoan hết sức đánh bắt giặc, trong hạn 10 hôm phải chém giết hết bọn giặc cho yên lặng con đường ấy. Rồi Trần Nhữ Đoan thì tức thời tiện đường thẳng đến Trấn Tây hội họp để đánh dẹp, Lê Khánh Trinh thì vẫn phải lưu lại ở Tây Ninh để vỗ về yên dân, độ mấy hôm cũng về tỉnh làm việc. Còn như Suất đội Nguyễn Văn Nhiên khi lâm nguy còn khảng khái như thế, cũng đáng nên khen, chuẩn cho truy tặng hàm Phó quản cơ, cấp tiền tử tuất gấp hai và thưởng thêm 10 lạng bạc".

Bọn thổ phỉ ở Hà Tiên có hơn 2.000 tên, đánh vây đồn Chu Nham rồi đốt đài Hoả Phong ở núi Lộc Tỵ, đánh trống reo hò tiến sát đến luỹ dài. Nguyên Bố, Án là Nguyễn Trung Nghĩa, Nguyễn Văn Tuân, cùng với Lãnh binh Hà Văn Củ ở trên luỹ, lấy súng nhỏ súng lớn, ống phun lửa, đốc lính bắn đánh, giặc ngầm lui vào rừng, giữ chỗ hiểm ẩn nấp.

Bọn Trung Nghĩa làm tờ cáo cấp tâu lên ngay và nói : bọn giặc ở Vĩnh Tường ngày thêm quấy nhiễu, trước đã phái Quản cơ là Mai Văn Tích đem đạo binh tiến đi gặp giặc ở Sa Kỳ (tên đất), thế khó chống chọi, đã rút lui về tỉnh. Xét ra lính ở tỉnh ít ỏi, chỉ có cố giữ để đợi cứu viện, mà sông Vĩnh Tế ở phủ Quảng Biên, bị giặc chặn đường, việc quan báo không thông, viên Kinh phái là Lại khoa Chưởng ấn Trần Văn Triện, hiện đã theo đường biển đến Vĩnh Long, An Giang, gọi quân để ứng tiếp. Vậy xin xuống sắc phái đại binh tới, một đằng do An Giang tiến đi, một đằng do đồn cửa biển Kim Dữ hội họp để đánh dẹp.

Vua bèn dụ cho Bố chính An Giang là Lê Quang Huyên ở gần đó quyền lĩnh Tuần phủ Hà Tiên, kiêm lĩnh cả Bố chính, còn ấn triện của Bố chính An Giang chuẩn cho Án sát là Nguyễn Nhật Thạnh kiêm giữ làm việc. Và dụ rằng : "Nay bọn

giặc ở Tĩnh Biên, đã chạy tan cả, chính nên nhân cơ hội ấy, đem những bọn lũ chúng còn sót lại tiêu diệt cho bằng hết, rồi thẳng tới giải vây cho tỉnh Hà Tiên. Tưởng ngươi là Lê Quang Huyên cũng đã nhân thắng trận đem quân đi trước rồi không đợi đến ta thúc giục nữa. Hà Tiên đã giải vây, thì đem quân đắc thắng, chuyển tới địa phương Khai, Quảng, dẹp trừ bọn giặc còn lại".

Cho Viên ngoại lang ở Vũ khố là Trương Phúc Cương thăng thự Án sát Hà Tiên. Vua bảo bộ Binh rằng : "Các tỉnh Nam Kỳ, gần đây nhân thổ dân ở Trấn Tây làm loạn, tiết thứ phái binh dũng đi ngăn giữ đánh dẹp. Ta nghĩ : đương lúc hữu sự, không ví như lúc tầm thường. Nếu có kẻ nào chém được đầu giặc tại trận, tất phải đợi tâu lên rồi mới thưởng cho, thì lấy gì thoả được lòng hăng hái chống kẻ địch của các tướng sĩ. Nên truyền dụ cho các tỉnh : Gia Định, Trấn Tây, An Giang và Hà Tiên đều liệu lương tải tiền bạc đến quân thứ, nếu binh dân ở hàng trận, có ai có thể chém được đầu giặc ngay tại trận, thì tức thời theo công trạng lớn nhỏ, phân biệt mà thưởng cấp cho, để cổ động khí hăng hái của quân lính, rồi sau hãy đem việc làm bản tâu lên".

Án sát tỉnh An Giang là Nguyễn Nhật Thạnh tâu nói : nguyên Lãnh binh giáng Cai đội hưu trí là Nguyễn Văn Gia, xin tình nguyện đem một toán binh đi đánh giặc. Xét ra sức khoẻ của viên ấy còn có thể làm việc được, đã uỷ cho hiệp cùng với Phó vệ uý vệ Hữu thuỷ Gia Định là Nguyễn Tiến Quang, đem 300 binh, tiến đến các huyện Phong Nhương, Thượng Phong ngăn giữ đánh dẹp. Khi đi đến sông nhánh Bắc Nam, cùng đánh nhau với giặc, được thắng trận, thu được giáo, gươm, dao, nỏ đem nộp.

Vua dụ rằng : "Nguyễn Văn Gia là nhân viên hưu trí, đương lúc hữu sự, tự xin đi đánh giặc, cũng đáng khen ngợi. Chuyến đi này dẫu chưa bắt được đầu mục của giặc, chém đầu giặc cắt lấy tai, mà quan binh đã có chút phấn đấu hăng mạnh, thu được khí giới của giặc. Vậy gia ơn thưởng chung cho 200 quan tiền. Hiện nay con đường Hà Tiên, đã có Dương Văn Phong tiếp tục tới, binh lực khá nhiều, tưởng cũng đủ làm xong việc. Còn Nguyễn Tiến Quang, Nguyễn Văn Gia, nên tức khắc đốc sức binh sĩ, nhân thắng thế sớm đến tiêu diệt bọn giặc còn lại ở huyện Phong Nhương, rồi tìm đường thẳng tới Trấn Tây hội lại để đánh dẹp. Nếu có thể ra sức giết giặc, tỏ rõ công trạng, tất được hậu thưởng".

Bọn Khoa đạo là Đặng Quốc Lang và Vũ Phạm Khải dâng sớ nói : thổ biền, thổ dân ở Trấn Tây, theo nhau làm phản bỏ đi, đã nhiều lần phái quan quân đánh dẹp, chưa dẹp được yên tĩnh hết, vì họ là thổ dân quen thói man di đã lâu, hướng

theo hay bội bạn, theo lệnh hay trái lệnh, đều một mực nghe theo bọn thổ biền cả. Từ sau khi tên Nặc Yểm theo về quy phụ đến giờ, kế đến bọn Trà Long, Nhâm Vu, La Kiên, đều bị việc riêng mà can tội. Gần đây lại phát ra cái án Ngọc Biện, bọn Ngọc Vân cũng dời đi hạt khác, nhân tình không khỏi có phần sợ hãi. Còn các thổ biền khác cũng nơm nớp sợ tội sắp đến, càng không tự yên lòng. Vì thế, nên bọn dân nhẹ dạ dễ mê hoặc bị bọn chúng xui giục lừa dỗ đều nổi dậy hùa theo, chẳng kịp nghĩ đến việc nên hay không nữa ? Nay đánh thắng được họ không phải là khó, mà vỗ yên được họ mới là khó. Vì là một hạt Trấn Tây cùng với nước Xiêm là láng giềng, triều đình ta chia đất ấy làm quận huyện là vì để cho dân họ ở đất họ mà thôi. Nay người đã bỏ đi, không dám trở về, mà người chưa đi, rồi lại lén lút trốn đi. Đáng sợ là sau khi đã dẹp yên, thổ dân đi hết, đất ấy thành bỏ không. Người về với Xiêm, thì là hạng hữu dụng ; đất dẫu về ta thì gây ra tổn phí vô dụng. Mưu kế cốt yếu hiện nay, không gì bằng vỗ yên, mà bộ máy để vỗ yên, tất phải người Thổ, mới là đắc lực. Xét ra bọn Ngọc Vân vốn được thổ dân tin phục, xin cho trở về nơi cũ, để được hả lòng ; còn Nặc Yểm giam cấm đã lâu, cũng nên tạm tha, để cùng báo cáo lẫn nhau, thì kẻ bội bạn, tự khắc quay đầu trở về, mà người Xiêm cũng không dám manh tâm dòm dỏ.

Vua dụ rằng : "Thổ dân hạt ấy nổi lên làm loạn, phần nhiều bởi Tướng quân, Tham tán, ngày thường không biết dò xét ngăn giữ trước khi xảy ra có việc, nên bọn lêu lổng mới được đặt lời điêu ngoa, doạ nạt, dỗ dành, gây nên mầm loạn, không phải là có vì việc gì mà làm thế. Bọn thổ dân kia chưa thoát khỏi cái tính mọi rợ, dễ mê hoặc mà khó hiểu bảo, chỉ biết sợ oai mà không biết mến đức. Nay đã sa chân theo kẻ phản bạn, thế sẽ dần dần lan tràn rộng ra, chính nên phải một phen đem quân đánh dẹp dữ dội, giết bọn đầu sỏ, để cho kẻ đứng đầu gây ác, biết mà răn sợ, rồi sau lấy đức hoá vỗ về cho họ mến phục. Còn kẻ nào bị ức hiếp phải theo, đều cho khoan tha để về yên nghiệp. Như thế thì uy và ái đều cử hành cả, mới có thể thiếp phục được mọi người. Đó là việc cốt yếu hiện nay, ta đã tiết thứ xuống dụ cho thi hành. Mưu tính việc khó nhọc một lần, mà được nhàn rỗi lâu dài, chẳng gì hay bằng thế ?

Nếu bọn ngươi, xin thả tên Yểm khỏi nơi giam cấm, cho Ngọc Vân về ở Trấn Tây thì bọn thổ man tự yên, sao thấy tính lẽ phải lại nhầm lẫn đến thế ư ? Kể ra thổ dân đối với bọn chúng có gì là yêu mến suy tôn đâu ? Nếu quả thực lòng yêu mến suy tôn, thì người tâu bày lời nói, càng nên xin chính pháp giết đi để dứt cái lòng ngấp nghé trông ngóng, há nên vô cớ buông tha cho về, để cho nó lại dỗ dành thổ dân ư ? Huống chi tên Yểm trái anh, phản nước, tội không thể tha, chỉ vì cùng bách

mới về quy phụ, nên chưa nỡ vội chém giết đi thôi, tha ra lấy danh từ gì ? Còn bọn Ngọc Vân, Ngọc Thu đời về ở Gia Định, cũng vì người chị của chúng là Ngọc Biện ngầm chứa mưu khác, đã mắc phải tội, sợ chúng là đàn bà con gái không biết gì, hoặc nhân bè lũ xui giục làm bậy, lại không khỏi mắc tội, nên mới dời đi nơi khác, mà hậu đãi cho nhà cửa tiền lương. Đó là chọn nơi tốt cho ở, để được an toàn. Đối với họ có gì là không tiện, mà muốn cho về chỗ cũ. Nếu cứ như lời nói của các ngươi, chỉ để tỏ ra là mình kém lựa họ mà thôi. Tức như, hiện nay thổ dân làm phản, triều đình lại cho Ngọc Vân về, tha tên Yểm, để đẹp lòng họ, thì họ dò biết pháp luật triều đình có chỗ chịu kém. Nếu họ lại yêu cầu xin phục chức cho thổ quan, noi theo phong tục Thổ, không được như thế thì lại làm phản, cũng sẽ phải nghe ư ? Như thế còn ra thể thống gì ? Huống chi, đang lúc ngọn lửa bạo ngược của chúng bốc lên, không nghĩ đến việc sớm dẹp tắt đi, lại bàn đến cuộc xử hoà, chịu nhún theo chúng để thêm cái ác cho chúng mà chúng lại càng kiêu ngạo, thì ngày khác lấy gì mà trị nổi được chúng ư ?

Ta xem rõ lời tâu ấy, phần nhiều nói càn, kiến thức hẹp hòi, duy có câu : "thắng họ không phải là khó, vỗ yên họ mới là khó", còn là đúng lẽ, thì từ trước tới nay, dụ chỉ phát đi, từng bảo họ biết : ai bỏ giáo về hàng thì tha tội, ai đến quân đầu thú không bị giết, nếu chiêu dụ được nhiều người quay về thì có trọng thưởng. Đó cũng là lấy việc yên họp vỗ về làm kế sách hơn hết cả, còn đợi đâu đến bọn ngươi phải nói đến thêm thừa. Các ngươi là người trong phong hoá pháp độ, tưởng là có dâng điều phải can điều trái gì, mà cùng nhau ký tên tâu bày, xét ra đều là vô dụng cả, rất lấy làm quái lạ. Tạm nghĩ là chức phận ngôn quan, gia ơn khoan tha tội cho".

Cho Lãnh binh Quảng Ngãi là Vũ Viết Tuấn, đổi bổ Lãnh binh ở Trấn Tây ; Vệ úy vệ Hậu nhất, Tả dực dinh Vũ lâm là Tôn Thất Khải, bổ thụ Lãnh binh Quảng Ngãi ; Phó lãnh binh Bình Định là Nguyễn Duy Tráng thăng thự Lãnh binh An Giang ; Phó vệ uý vệ Hữu nhất Tả dực dinh Vũ lâm là Nguyễn Lương Nhàn, bổ thụ Phó lãnh binh Bình Định.

Giáng Đông các Đại học sĩ là Trương Minh Giảng làm Thị lang bộ Binh, nhưng kiêm coi công việc Trấn Tây Tướng quân, còn hàm cung bảo nguyên được trước cũng cách bỏ thu lại. Nguyên Tham tri, sung Tham tán là Dương Văn Phong, giáng làm Lang trung bộ Binh, nhưng quyền thự Tổng đốc An - Hà ; Thị lang sung Hiệp tán là Cao Hữu Dực, giáng làm Viên ngoại lang bộ Binh, nhưng vẫn kiêm Trấn Tây Hiệp tán cơ vụ.

Bọn Minh Giảng trước đây vì thổ phỉ gây biến, giao cho bộ Lại bàn tội, đến bấy giờ lời bàn dâng lên, xin xử tội đồ.

Vua dụ rằng : "Thổ phỉ hạt ấy sinh việc quấy rối, phần nhiều bởi bọn Trương Minh Giảng, ngày thường đã vỗ về, ngăn ngừa không được đúng lẽ, không đủ tiêu tan lòng gian tà, đến khi lâm sự lại điều khiển trái lẽ, nên không đủ trị nổi họ. Thậm chí đến bọn giặc giết hại quan lại, thói ngoan ngạnh ngày một lớn dần, ngăn trở đường sá, ngọn lửa bạo ngược càng bốc to lên, phải phiền đến quan binh đánh dẹp, mà chưa được yên lặng, thì cái trách nhiệm giữ bờ cõi ở đâu ? Bộ thần giữ phép, hữu sự, nếu vội đem trị tội, thì dẫu muốn vì triều đình ra sức, tưởng cũng không làm thế nào được, sao bằng tạm trao cho giữ chức, mà chuyên trách phải được thành công ư ? Đặc cách cho giáng chức".

Bọn Bố, Án Vĩnh Long là Trần Tuyên, Lê Văn Khiêm tâu nói : nay việc bắt giặc ở Trấn Tây rất khẩn, đã tư đi đòi gọi lính ở tỉnh 3.000 người, nhưng còn thiếu 1.000 người, mà biền binh vận chở đường biển chưa về đến hạt, xin cho bắt lính hương dũng 1.000 người, đặt làm 2 cơ Long nghĩa nhất, nhị lập tức phái đi ngay. Vua cho là phải.

Bọn thổ phỉ Hà Tiên chiếm giữ đồn Chu Nham. Quyền thự Tổng đốc An - Hà là Dương Văn Phong, đem binh vừa đến, bèn bàn cùng với nguyên Bố, Án là Nguyễn Trung Nghĩa, Nguyễn Văn Tuân, uỷ cho Lãnh binh Hà Văn Củ, quản suất đem hơn 600 biền binh, chia đường đánh dẹp. Đồn ấy rất hiểm yếu (đằng sau đồn dựa vào núi, mặt trước và 2 bên tả hữu đồn là rừng rậm), giặc hoặc ở trên đồn, hoặc ở rừng rậm 2 bên đồn, súng nỏ bắn liên tiếp. Quân ta tiến đến chỗ cầu ở ngoài đồn, cùng bắn nhau với giặc, cầu chợt bị gẫy, bọn giặc nhân đó sấn lại chống chọi. Phó vệ uý thủ vệ Định Tường là Nguyễn Văn Điệp ; Cai đội thuỷ vệ An Giang là Ngô Thiên Tường và biền binh tất cả hơn 70 người bị chết trận, súng nhỏ súng lớn bị thất lạc nhiều. Củ cũng bị trọng thương, lui về luỹ đài. Bọn Phong vì điều độ trái phương pháp dâng sớ xin nhận lỗi, và tâu nói : ở tỉnh lỵ nguyên trước đắp cái luỹ dài hơn 400 trượng, đặt 3 đồn : Trung, Tả, Hữu để phòng giữ. Duy có 1 đoạn từ đồn bên Hữu, đến bờ sông Thuỷ Tràng dài hơn 180 trượng ; và 1 đoạn từ đồn bên Tả đến pháo đài dài hơn 40 trượng hãy còn bỏ không chưa đắp, nên bọn giặc thường đêm đến ở đó, dòm dỏ quấy nhiễu. Hiện đã khẩn sức cho đắp thêm, được liền kín bền vững rồi. Lại 2 phủ huyện Quảng Biên, Khai Biên, cũng đều bị giặc vây chặt, xin quân tiếp viện. Đã phái Quản cơ Mai Văn Tích đem quân đến hội dẹp. Viên Kinh phái là Chưởng ấn Trần Văn Triện đi đến An Giang, thúc lấy viện binh, hiện đã đến tỉnh và kiểm điểm số biền binh hiện tại có hơn 900 người, định ngày quản đốc chia đi đồn Chu Nham và những nơi ở con đường đằng sau như : núi Địa Tạng, núi Lộ, núi Lộc Tỵ, và núi Tỉnh Tượng là chỗ bọn giặc tụ họp liệu cơ lùng bắt.

Vua phê bảo rằng : "Đã lâu chưa thấy tâu báo, ta cho là quan binh đã họp đông và đã giết tan bọn thổ phỉ rồi. Nay cứ lời tâu, chỉ có đắp thành tự giữ, chưa từng tiến được một bước, giết được một tên giặc nào. Nguyễn Trung Nghĩa, Nguyễn Văn Tuân, đã thuộc vào hạng bỏ đi, mà Dương Văn Phong mới thự Tổng đốc, cũng không thấy bày một mưu kế gì, làm cho người rất là tức giận tất phải trị tội ngươi mới được".

Bèn xuống dụ rằng : "Trước lính tỉnh ấy chỉ có hơn 100 người, cũng có thể giữ vững, đủ thấy bọn giặc chẳng qua là quân ô hợp chỉ có nhất thời. Nay hiện binh nhiều đến 900 người, mà chỉ ở trong thành giữ chặt lại đắp thêm luỹ dài để cho bền vững, chỉ tỏ ra cho giặc biết mình là yếu, tăng thêm khí thế của giặc. Xét ra trước đây Suất đội Đỗ Văn Gia, đem binh có 20 người, còn có thể giết lui được đám giặc hơn trăm đứa, xem thế há không xấu hổ ư ? Dương Văn Phong lập tức cách chức lưu ở tỉnh để điều độ việc phòng giữ, bất tất phải đem binh đánh dẹp. Lê Quang Huyên hiện nay tưởng đã nhân thắng trận, quét cho bằng hết bọn giặc ở địa hạt Tĩnh Biên rồi, chuẩn cho lập tức theo lời dụ trước, đến thẳng Hà Tiên, đem theo Lãnh binh Hà Văn Củ đánh giết hết bọn giặc ở gần tỉnh thành, lần lượt đến giải vây cho 2 phủ huyện Khai Biên và Quảng Biên, rồi chuyển tới Trấn Tây, hiệp nhau để đánh dẹp, cho được thêm đắc lực. Nguyễn Trung Nghĩa, Nguyễn Văn Tuân, một mực nhút nhát, rất là đáng ghét, chuẩn cho Dương Văn Phong tuyên Chỉ đều đánh ngay 100 trượng, cách chức xuống làm lính sung làm quân đi trước trận, ra sức chuộc tội. Nếu còn sợ hãi rụt rè, chuẩn cho Lê Quang Huyên đem chém ngay trước quân. Trần Văn Triện rối rít thúc gọi quân cứu viện mà chẳng nên việc gì, cũng đáng khinh bỉ, lập tức giáng 2 cấp, bắt về Trấn Tây theo bọn Tướng quân, Tham tán sai phái. Nguyễn Văn Điệp, Ngô Thiên Tường và các biền binh bị chết trận, đều chiểu lệ cấp tiền tuất gấp hai".

Thự Bố chính Định Tường là Nguyễn Đắc Trí tâu nói : y tự Hùng Ngự tiến đến đồn ở Bồng Nguyên nghe được thám tử báo : thôn Bình Giang (tên thôn người Kinh ở) huyện Nam Thái có giặc đóng đồn, phái binh đến đánh, giặc thua chạy ; rồi lại tụ họp ở thôn Xướng Ca (tên thôn người Thổ ở), lập tức sai thự Quản cơ là Lê Văn Bích và Phó quản cơ là Dương Văn Lược, đều đem biền binh chia đường cùng tiến đi trước, rồi tự đem theo Chủ sự là Nguyễn Đức Hựu và Huyện uý là Bồ Bang tiếp theo sau đã ước hẹn là đạo quân nào gặp giặc, nên dừng quân lại mà phi báo ngay, để tiện việc điều độ. Đạo binh của Bích thấy giặc liền tự tiện đuổi theo đến địa phận rừng, gặp quân mai phục của giặc, Bích cùng Suất đội Hoàng Văn Quỳ và biền binh bị hại đến hơn 10 người. Đã đốc thúc đạo binh của Dương Văn Lược đến cứu viện,

giặc bèn rút lui tản mát. Xét ra quân ta luôn mấy ngày cùng giặc đánh nhau đều thắng lợi, có trận giết chết 30 đứa, có trận giết chết 40 đứa, bị thương không biết đâu mà kể. Chỉ duy có Lê Văn Bích trái lời ước hẹn, khinh thường tiến lên, đến nỗi bị giặc giết chết mà thôi.

Lại lần trước dân Kinh ở huyện Nam Thái chạy đến ở đồn Tuyên Oai hơn 200 người, tình hình gieo neo hiện mắt trông thấy. Trót đã cấp cho lương gạo, trong đám ấy có 50 người tinh nhanh khoẻ mạnh, tình nguyện theo quân, đã dồn làm một đội, cho nguyên Tri huyện là La Văn Chức cai quản. Còn Bồ Bang xin về 2 tổng Tuy Văn thượng, Tuy Văn hạ để chiêu dụ thổ dân của tên ấy cai quản khi trước, nhân cơ hội để giết giặc. Nhưng vì vợ con tên ấy đã bị lũ nghịch phạm là Ba Mạt, An Hồng bắt, sợ còn yêu mến bọn cùng tụi, lại bị giặc lừa dối dỗ dành, nên chưa dám tự tiện cho đi.

Vua dụ rằng : "Cứ lời tâu thì luôn mấy hôm đánh dẹp, giết được nhiều tên giặc. Nhưng có chém được thủ cấp hay không, không thấy nói rõ. Như quả chém được thủ cấp giặc, chuẩn cho lập tức đem bêu ở ven rừng để bảo cho mọi người biết, và đều phải cắt lấy tai bên hữu đưa tỉnh để làm tin. Nhưng phải tra xét người nào đã chém được tại trận, chiếu lệ mà thưởng cấp cho họ. Lê Văn Bích dẫu lầm lỡ về khinh địch, nhưng ra trận bỏ mình, cũng là đáng thương, chuẩn cho truy tặng làm Quản cơ, thưởng thêm 10 lạng bạc. Hoàng Văn Quý truy tặng làm Cấm binh Cai đội, hàm chánh ngũ phẩm, thưởng thêm 30 quan tiền, còn các người khác đều cấp cho tiền tuất gấp hai.

Nguyễn Đắc Trí thân đem binh thuyền dẹp giặc, mà chỉ ở sau đốc sức, không từng thân ra mặt trận mà điều độ cũng chưa được chu đáo, đến nỗi biền binh có nạn chết trận ấy. Vậy tức khắc giáng 2 cấp. Huyện uý là Bồ Bang lệ theo quan quân đã lâu, tưởng không có ý khác, chính nên nhân đó mà khéo vỗ về, sai đi chiêu tập thổ dân của nó, hoặc mưu làm nội ứng, hoặc cùng bảo nhau đi đánh dẹp, chẳng cần giữ lại vô ích. Nếu nó quên ơn theo giặc, chẳng qua 1 tên tôi tớ của giặc thôi, không nên đáng tiếc.

Đến như dân Kinh lánh giặc, tình cũng nên thương, nên tải nhiều tiền gạo, mỗi người đều cấp cho gạo 1 phương, tiền 1 quan. Duy xét về việc trình bày Lê Văn Bích bị hại, lời lẽ chưa được rõ ràng, chuẩn cho Án sát là Hà Thúc Giao phái người dò xét xem tình trạng thế nào ? Và giết chết bọn giặc, quả thực có cắt lấy tai ghi vào hồ sơ lưu lại không ? Hay nói hão để tắc trách, cứ thực tâu lên".

Bồ Bang đã đi, nhân vì cha tên ấy theo giặc, bèn không trở lại nữa.

Hạ lệnh cho binh thuộc các vệ ở Kinh, số binh hiện đương tại ban, gồm với số binh về tháng sau sẽ tới ban, đều chuẩn cho lưu lại ở ngũ, chi cho lương để thao diễn ; duy các vệ đội linh tinh, vẫn theo ban lần lượt cho về.

Đề đốc Trấn Tây là Vũ Đức Trung đến phủ lỵ Hải Tây, nghe tin phủ Hải Đông cáo cấp nhưng vì những huyện Thái Thịnh, Giang Hữu, Ngọc Bi, Thâu Trung ở phủ hạt, có nhiều giặc tụ họp và dân ở núi Đậu Khấu cũng họp bọn mưu toan quấy rối, chưa tiện chuyển đi đến Hải Đông được. Trung bèn phái Phó vệ uý Thuỷ vệ An Giang cùng đi chuyến ấy là Nguyễn Văn Ổn, đem hơn 300 lính tới cứu viện. Bọn giặc đánh sát đến phủ lỵ Mỹ Lâm, Phủ uý là My Hồng mở cửa phủ đón vào, quyền nhiếp Tri phủ là Trương Tăng Diễn cùng lính người Kinh 50 tên chạy thoát đến bến đò phủ Võ Công dừng đỗ lại. Bọn giặc đem hơn 300 tên đuổi theo, vừa gặp đạo binh của Phó lãnh binh Nguyễn Tiến Phúc tiến đến đón đánh. Giặc bị chết, bị thương một số nhiều, rút lui về rừng ẩn nấp. Bọn Tướng quân, Tham tán lại phái thêm biền binh chia đi đến chỗ quân thứ của Vũ Đức Trung và Nguyễn Tiến Phúc, rồi làm sớ tâu lên. Và nói : bọn thổ biền, thổ mục cùng nhau làm phản, tính ra chưa được đầy tuần, mà đã lan tràn khắp nơi, lại lan cả đến thổ dân ở sở tại Hà Tiên, Gia Định, Định Tường cũng cùng nhau biến động, chỗ nhiều thì 1, 2 nghìn người, chỗ ít cũng không kém vài trăm người, hoặc đánh vây đồn bảo, hoặc mặt thuỷ mặt bộ giết hại dân Kinh. Không những là địa đầu xa ngoài biên giới, mới dám ngang ngược càn giỡ, thậm chí đến 4 phía gần hạt, cho tới đường trạm ven sông, chỗ nào cũng ra vào tụ họp, hễ có quan binh đến, lại lẩn trốn vào rừng, theo dõi thì không có dấu vết gì, quan quân đi thì lại đến. Vì thế nên nhiều lần phái các bộ biền đi, chưa có thể một phen đánh giết dữ dội được. Nên hằng ngày mong biền binh các tỉnh đến họp đủ cả, sẽ thương lượng uỷ người ở lại giữ, cùng là đem binh chia đường tiến đánh.

Vua dụ viện Cơ mật rằng : bọn thổ phỉ ở Trấn Tây, chưa từng bị quan binh đánh dẹp 1 phen dữ dội nào, nên được dựa vào rừng, nấp vào bụi, cùng nhau xua đuổi xui giục thổ dân, mỗi ngày lan tràn dần ra, chính nên sớm dập tắt ngay. Đã tiết thứ đòi gọi binh dũng các đạo, tưởng đã tụ họp đông đủ rồi ; duy có việc sai phái đi bắt giặc, phải có một đại viên quản lĩnh, mới mong được việc. Viên Tổng đốc Long - Tường mới bổ là Bùi Công Huyên, đã từng làm Đề đốc Trấn Tây, về đường lối trong rừng, tính tình người Man, chỗ nào cũng đã am hiểu thông thạo. Chuẩn cho đạo dụ này phát đến hôm nào, nếu có biền binh ở Kinh hay ở các tỉnh đã phái đến hạt, thì bắt thêm lính hương dũng 1.000 người nữa, lập tức đem theo đi. Do Tướng quân Tham tán, một người ở lại hạt, một người cùng với Công Huyên, đến trước chỗ bọn đầu mục giặc tụ họp, bày cách vây bọc đánh dẹp, chớ để cho chúng lấy nơi

rừng sâu làm sào huyệt, lén nấp ngầm trốn. Nhưng phải chiêu dụ rộng khắp, không kể là thổ binh, thổ dân, ai trước có bị giặc xua đuổi hiếp bách, nay có thể bắt, chém được tên cừ mục của giặc đưa đến quan và đem khí giới ra thú đều cho rửa hết tội cũ. Nếu là lính cho sung đội ngũ, là dân cho về yên nghiệp khiến cho quan quân đi đến nơi nào, hết thảy đều yên tĩnh. Rồi lại dời quân thẳng đến nơi khác, thì giặc tất nhiên nghe thấy tăm hơi đã sợ mà tan cả, cho sớm được nên công lớn vậy".

Lại xuống dụ cho bố, án Vĩnh Long, gọi bắt thêm 1.000 lính hương dũng, tiếp tục đưa đến nơi quân thứ (2 lần gọi bắt thêm lính hương dũng là 2.000 người, chuẩn cho dồn làm các cơ Long nghĩa tam, tứ, ngũ, lục).

Vua nhân bảo thị thần rằng : "Trước đây Trương Minh Giảng thường nói với ta là người Lạp phần nhiều chất phác thực thà, có thể tin cậy được, có phần hơn người Thổ ở Bắc Kỳ. Ta cho là không phải. Kể ra người Thổ ở Bắc Kỳ, cũng có người biết chữ nghĩa, thạo tiếng Kinh, còn có thể lấy nghĩa lý hiểu bảo được. Còn như người Lạp thì ù ỳ như cục đất không biết gì, lại phần nhiều giảo quyệt dối trá, dẫu muốn cố chỗ vào tai mà bảo ban cho biết, cũng không thể được. Ta đã tính có ngày nay từ lâu rồi. May sao ! Hiện nay, nước nhà cường thịnh, binh ít thì lấy thêm, lương thiếu thì tăng thêm, tất phải một phen rất là khó nhọc, mới có thể vỗ yên được. Việc gian nan to lớn ấy, thà rằng ở đời ta, chớ nên ở đời con cháu ta".

Lang trung Vũ khố là Lê Đăng Khiêm dâng sớ nói : trộm nghe các hạt : Trấn Tây, Hà Tiên, Gia Định, Định Tường, tiết thứ tâu báo dân Man quấy nhiễu, lòng thần có chỗ không được yên. Thần khi trước ở Cam Lộ, từng đi bắt giặc, về tính tình người Man, phong tục mọi rợ cũng có biết tý chút. Lại có nguyên Tri huyện huyện Phúc Bình, tỉnh Biên Hoà là Nguyễn Hữu An có nói với thần rằng : người Man chất phác không biết gì nếu bảo lấy việc lợi hại, thì họ cũng là người, há muốn làm như thế, để trốn tránh ở nơi rừng núi cho khổ ư ? Lời nói ấy cũng có lý. Thần xin đem Nguyễn Hữu An đi cùng đến các tỉnh Biên Hoà, Gia Định, vát lấy 300 thú binh, 700 binh ở tỉnh, voi 5 thớt, trách cứ những thổ dân thay phiên đưa đi những con đường của người Man ở đầu núi, thẳng tới Trấn Tây. Nơi nào còn quy thuận thì vỗ về dụ dỗ, nơi nào dám chống cự thì đánh dẹp dữ dội, để yên dân ngoài biên giới.

Vua phê bảo rằng : "Sao lại có dễ dàng được như thế". Bèn xuống dụ mắng rằng : "Những hạt Trấn Tây, Hà Tiên, thổ man quấy rối, quan binh tiến đánh, chưa dẹp được yên lặng. Ngươi muốn vì triều đình ra sức, sao không một mình xin đi, thẳng tới nơi quân thứ, theo các đại viên sai phái, giết giặc dựng công, để báo tý chút nhỏ mọn. Lại xin cấp cho một đại đội lính và voi, cứ thổ dân thay phiên chỉ

dẫn, đi tắt đến các đầu núi, tuỳ cách vỗ về đánh dẹp, thực là không biết tự suy xét. Kể ra, ở Trấn Tây, Hà Tiên khí thế của giặc đương hăng hái, tình hình đánh dẹp, chính đương cấp bách, 1 tên lính có việc dùng của 1 tên lính, còn sợ sai phái chưa chu, việc gì còn phải cấp riêng cho ngươi binh và voi nhiều như thế, đi tắt tìm một lối đường núi ở Biên Hoà, Gia Định làm gì ? Huống chi xét lời trình bày, thì chỉ nghe một lời nói của Nguyễn Hữu An đã vội khinh suất nói vào tâu. Toàn là nghe những câu nói ở đầu đường, vốn không phải là tự mình biết rõ tính tình người Man, lại có thể biết thế nào được mưu lược dùng binh. Xét ra chỉ là lời nói hão, có ích gì đến việc đâu!".

Tỉnh thần Nghệ An tâu : khoá tuyển duyệt năm nay, về 2 huyện Thuỷ Vân, Quế Phong, cùng 6 vạn 7 tổng, huyện Nghĩa Đường, đều là thổ dân, đường sá xa xôi, xin do phủ huyện sở tại, sửa làm sổ tuyển đệ nộp, nếu có ai đến tuổi, ai mới trở về, mới tăng tục thì sức đăng vào sổ ; còn người già yếu tàn tật miễn cho không phải đến tuyển, để tiện cho dân. Vua y cho.

Vua dụ bộ Hộ rằng : "Kỳ duyệt đinh tuyển lính năm nay, ở Nghệ An, Hà Tĩnh, đã chuẩn cho mỗi tỉnh riêng biệt 1 trường tuyển. Nhân nghĩ : địa thế 2 hạt gần liền, đi lại cũng tiện ; huống hồ tỉnh Hà Tĩnh là tỉnh mới đặt nếu vội riêng biệt từng trường tuyển để làm việc, không khỏi không có sự bỡ ngỡ lẫn lộn, tạm cho theo khoá lệ năm Minh Mệnh thứ 16 [1835], hợp lại tuyển cả ở trường tuyển Nghệ An".

Sai tỉnh Quảng Yên phái người thăm dò việc tỉnh Quảng Đông gây hấn với nước Hồng Mao. Phái nhân là bọn Lý Ứng Lợi người Minh Hương[1], khi về đem tình hình xét hỏi tâu lên. Vua khen là lời tâu sáng tỏ, thưởng cho 10 lạng bạc.

Vua nhân bảo thị thần là Trương Đăng Quế và Phan Huy Thực rằng : "Việc nước Thanh khu xử với nước Hồng Mao, sao mà nhu nhơ không quyết đoán đến thế ! Gần đây nghe nói nước Hồng Mao thân đến Yên Kinh, tới cửa khuyết bày tỏ khiếu khống việc Tổng đốc Lâm Tắc Từ quấy nhiễu riêng thuyền buôn nước họ, để đến gây việc. Vua Thanh tin lời nói, sai người đến Quảng Đông tra xét, đem Lâm Tắc Từ về Kinh trị tội. Ý hẳn muốn cùng nước ấy làm kế giảng hoà chăng ? Kể ra, việc Lâm Tắc Từ cấm thuốc phiện, không phải là không có mệnh lệnh của vua. Nay lại không chịu nhận trách nhiệm lại đem việc gây biến, đổ tội cho bầy tôi, là nghĩa lý gì ? Xét ra, người Tây dương vốn tham lam không chán, năm trước cùng với nước Miến Điện đánh nhau, Miến Điện cầu hoà, thì tính phí tổn về đem quân đi, bắt phải

(1) *Minh Hương* : tức là người Trung Quốc thuộc triều nhà Minh sang nhập tịch ở nước ta.

bồi thường. Nay lại đem cái thuật ấy dời sang cho nước Thanh, nếu người Thanh chịu bồi thường, phải đến vài nghìn vạn lạng bạc thì nhục quốc thể biết chừng nào ! Người Tây dương kia toàn dùng cái mưu trí về lối buôn bán, dẫu đến việc quân cũng thế, thật đáng cười".

Quyền thự Tuần phủ Nam - Ngãi là Nguyễn Tri Phương tâu nói : cửa biển Đà Nẵng ở hạt tỉnh ấy, là chỗ quan yếu ở bờ biển, việc công khá bận rộn, trước đã đặt thêm viên dịch làm việc. Nay đặt thêm pháo đài, quân nhu súng ống, khí giới, thứ gì cũng thêm nhiều. Nếu theo lời bàn : ở Phiên ty, chỉ lưu lại bát phẩm thư lại 3 người, cửa phẩm 6 người, thì chia phái không đủ. Xin thêm bát phẩm 1 người và cửu phẩm 3 người nữa, phái đến 4 sở ở đài thành mỗi sở đều 1 người, năm một lần thay đổi. Vua nghe theo lời tâu.

Khoa đạo là bọn Bạch Đông Ôn dâng sớ nói : tháng trước bộ Lễ tự hỏi các địa phương, như có người làm thuốc giỏi về nội kinh và ngoại khoa, và sư ở chùa, người có pháp thuật, người đạo sĩ, quả có pháp thuật mầu nhiệm giới hạnh giữ vững thì phái dẫn về Kinh thu dùng. Cứ như lời bàn của bộ thần sợ rằng những kẻ không theo đạo chính nhờ đó làm mê hoặc lòng dân, không phải là ý tôn chuộng đạo chính, truất bỏ đạo tà. Xin chỉ tư hỏi người làm thuốc giỏi thôi, còn đều đình chỉ.

Vua dụ rằng : "Triều đình làm việc gì, tất phải gốc ở lẽ trời lòng người, cốt châm chước trong 2 điều ấy, không mất chính đạo là được. Về dòng tam giáo[1], cửu lưu[2], dẫu chẳng phải là chính đạo, nhưng nếu có pháp thuật tinh thông, có thể trừ được tai, giải được bệnh, không đến nỗi lấy yêu thuật mà mê hoặc người ta, thì dân gian cũng không bỏ. Trước đây, muốn vì dân cầu phúc, nhân việc tìm hỏi, để rộng đường ban phúc cho dân cũng không hại gì, chứ không phải là có chỗ thiên lệch vậy. Đâu đến nỗi dời đổi tâm thuật của người ta, mà phải nói câu ấy ư ? Huống chi việc ấy là vì tháng trước trong khi còn vô sự, ai có một nghệ thuật gì một tài năng gì, muốn cho họ được tự tỏ ra, để cho dân dùng. Rồi sau biên thuỳ Trấn Tây có loạn, ta đương ngày đêm mưu tính việc binh, chưa từng chút nào tạm ngơi. Bọn ngươi là người ở trong chốn phong hoá pháp độ, tưởng có dâng điều phải, can điều trái gì, lại chắp nhặt những việc đã qua, đứng tên liền nhau trình bày, mà lời trình bày lại là câu cũ hủ tầm thường, thử nghĩ đem thi thố thực sự quả có bổ ích gì không ?"

---

(1) *Tam giáo* : Nho, Thích, Đạo.

(2) *Cửu lưu* : Nho gia lưu, Đạo gia lưu, Âm dương gia lưu, Pháp gia lưu, Danh gia lưu, Mặc gia lưu, Tung hoành gia lưu, Tạp gia lưu, và Nông gia lưu (tra *Tự điển*).

Thự Bố chính Định Tường là Nguyễn Đắc Trí, có tội phải mất chức. Cho thự Hữu thị lang bộ Binh là Trương Văn Uyển đổi thự Bố chính Định Tường. Trước đây, trận đánh nhau ở thôn Xướng Ca, gặp trời mưa lạnh, Trí cho là bọn thổ phỉ sợ rét, giục đạo binh của Lê Văn Bích tiến lên mau. Đến khi gặp giặc đánh nhau, thuốc súng bị ướt, súng bắn không nổ. Trí đã giục đạo binh của Dương Văn Lược về tiếp viện ; lại sai thẳng tiến đằng sau giặc. Trăn trở đi lại, cứu viện không kịp, bèn bị giặc đánh cho bị thua, rồi báo man là thắng trận, giết được nhiều tên giặc, mà biền binh súng ống, khí giới bị tổn thất, đều đổ tội cho Lê Văn Bích trái lời hẹn. Nguyễn Đức Hựu cùng đi chuyến ấy đem việc phát giác ra, Án sát là Hà Thúc Giao lập tức làm sớ tham hặc tâu lên.

Vua nói : "Nguyễn Đắc Trí đem binh đi đánh dẹp, đã điều độ trái lẽ, để đến hỏng việc, lại dám đặt lời báo láo, giấu thua làm được, thực là đáng ghét. Sai lập tức cách chức, mà cho Uyển thay coi quân đánh giặc. Lại sai Ngự sử đạo Ninh - Thái là Hoàng Mẫn Đạt đến nơi xét hỏi. Trí xin nhận tội lừa dối. Xử tội trảm giam hậu, rồi phát đi Trấn Tây làm binh. Đức Hựu phát giác đúng sự thực, thưởng cho kỷ lục 2 thứ, sai chuẩn đi Trấn Tây theo sai phái. Mẫn Đạt chuẩn cho lưu lại ở quân thứ, bàn giúp việc bắt giặc".

Sai bọn : Phó vệ uý vệ Cẩm y là Lê Kim Trợ ; Phó vệ uý vệ Trung dinh Thần cơ là Phạm Văn Phạt ; Phó vệ uý vệ Nhị dinh Kỳ võ là Nguyễn Hoàng ; Phó vệ uý vệ nhất Hậu bảo là Lê Thuận Chiếu, Quản cơ là Phan Đức Chiếu ; Cai đội gia hàm Phó quản cơ là Vũ Lâu, Nguyễn Tường, Trần Kim, đều đi đường trạm đến Trấn Tây, theo bọn Tướng quân, Tham tán chia phái sung lĩnh lính hương dũng đi đánh giặc. Thưởng cấp cho bạc lạng, áo, quần có thứ bậc khác nhau. Lại biền binh ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, mỗi tỉnh 1 cơ, ở Bình Định gọi lấy 4 vệ, do đường bộ đi nhanh đến Gia Định, rồi chuyển đến Trấn Tây. Các viên biền đến binh đinh đi chuyến này, đều thưởng cho mỗi người 2 tháng lương gạo và tiền.

Án sát Định Tường là Hà Thúc Giao tâu nói : lính tỉnh thưa ít, trước đây gọi họp lính hương dũng được 1.000 người, dồn làm 2 cơ Tường dũng tả, hữu, phái theo quân thứ ở Bồng Nguyên. Rồi sau lại gọi thêm 1.000 nữa, sắp dồn làm 2 cơ tiền hậu, nhưng theo lời dụ phái đi Trấn Tây bắt giặc. Nay Nguyễn Đức Trí đánh giặc bị thua, nên cho phòng bị thêm, mới giữ được khỏi lo. Vả lại địa đầu tây bắc tỉnh hạt, giáp giới với Trấn Tây, từ trạm Hùng Ngự đến trạm Tuyên Oai, trải 3 ngày đường, nên lính ít khó trấn áp được. Xin cho rút lưu lại 1.000 lính hương dũng ấy ở tỉnh sai phái, để trấn tĩnh lòng người".

Vua xuống dụ mắng rằng : "Hạt ngươi hiện giờ vô sự, về biền binh và 1.000 lính hương dũng gọi ra lần trước, phái đi đến địa đầu đánh giữ, số binh đã có phần nhiều ; mà hiện nay ở Trấn Tây đánh dẹp chia phái đi nhiều ngả, việc thêm lính chính là việc quan yếu. Lại không biết liệu tính cho mình, liệu tính cho người, chỉ những hoang mang, vội muốn rút lại lính hương dũng nên phái đi, để làm kế tự vệ. Và việc Nguyễn Đắc Trí báo bậy giấu thua, trước đây cũng không biết xét ra, phải đợi người bên cạnh phát giác ra, rồi mới biết. Tóm lại đều là hạng vô tài. Vậy tức khắc giáng 2 cấp. Ngày nào tờ dụ này đến nơi, phải tức khắc đem 1.000 lính hương dũng gọi thêm lần sau này, phái đi Trấn Tây. Nếu ở tỉnh sai phái hoặc có không đủ người, chuẩn cho lấy thêm lính hương dũng độ 3 hay 5 trăm người, chứ không được tự ý rút bớt binh lại, để lỡ việc cơ mưu, tất theo quân pháp trị tội".

Thúc Giao rồi lại tâu nói : viên Thủ ngự ở Thông Bình là Lê Tiến Sương, được thám tử báo : bọn thổ phỉ ở Sa Lầy, lại lập đồn trại ở sông nhánh Phong Lâm. Mạn dưới đồn Tuyên Oai tiếp giáp với Quang Hoá, cũng có bọn thổ phỉ làm ngăn trở, mà bọn giặc ở thôn Xướng Ca, quan binh cũng chưa đánh thắng được. Hiện đã phái Vệ uý là Trần Hợp (trước ở Bông Nguyên, nhân có bệnh về tỉnh) đi đến Hùng Ngự, quản lĩnh 300 hương binh, thẳng đến Thông Bình đánh dẹp.

Vua phê bảo rằng : "Chẳng thi thố được một mưu kế gì, chỉ những bày tâu lảm nhảm, ngươi cũng là người vô dụng thôi".

Bọn Tướng quân, Tham tán Trấn Tây tâu nói : quan binh tiết thứ cùng giặc đánh nhau, đạo binh của Quản cơ phủ Nghi Hoà là Lê Văn Chân, chém được hơn 10 thủ cấp cắt lấy tai ; đạo binh của Quản cơ phủ Ninh Thái là Tôn Thất Mậu chém được 2 thủ cấp cắt lấy tai, bắn chết cũng nhiều, đều có thu hoạch khí giới đệ nộp.

Vua cho công trạng bắt giặc của 2 đạo quan, binh ấy thì đạo Nghi Hoà là hơn nhất, mà đạo Ninh Thái là thứ hai. Bèn xuống dụ, chuẩn cho Lê Văn Chân, thưởng gia quân công kỷ lục 2 thứ, các Suất đội cùng đi vào đấy mỗi người đều 1 thứ, biền binh đạo ấy thưởng chung cho 100 quan tiền. Tôn Thất Mậu thưởng cho quân công kỷ lục 1 thứ, đạo binh ấy từ Suất đội đến binh đinh ; thưởng chung cho 200 quan tiền.

Phòng thủ uý phủ Quảng Biên tỉnh Hà Tiên là Phạm Văn Sĩ, đóng ở thành bảo huyện Khai Biên, đem hơn 60 thú binh, đánh phá bọn thổ phỉ ở bờ sông Sa La, giặc giải vây chạy. Sĩ lại đến những nơi Lô Úc, Bà Đát, gặp hơn 2000 giặc, cùng nhau đối trận, mình bị thương nặng, còn nhịn đau cố sức đánh, thế rất khẩn bách. Vừa gặp đạo binh của Quản cơ Mai Văn Tích do tỉnh phái đến tiếp viện, giặc thua to, tan

vỡ chạy trốn, bèn cùng nhau tiến đến cửa biển bên tả phủ Quảng Biên, đánh lấy được đồn giặc, giặc bèn đốt cháy các thuyền ở thuỷ trường rồi đi. Thự đốc là Dương Văn Phong được tin báo tâu lên.

Vua ban khen, chuẩn cho Phạm Văn Sĩ, thăng bổ Quản cơ, nhưng vẫn lĩnh Phòng thủ uý phủ Quảng Biên.

Phong lại nói : địa thế hạt tỉnh ấy rất là xung yếu, trong ngăn bọn Man, Lèo ; ngoài phòng giữ quân giặc (tức nước Xiêm), mà võ biền thuộc tỉnh, duy có Lãnh binh và Quản vệ, Quản cơ đều là 1 người. Lãnh binh là Hà Văn Củ bị thương chưa khỏi, bàn tính uỷ nhiệm không có người. Xin sắc cho bộ kíp phái 1 viên Quản vệ giỏi giang cáng đáng, sung làm giúp việc.

Vua bèn sai Phó vệ uý vệ Tiền dinh Hổ uy là Đoàn Quang Mật, đi đường trạm đến quyền giữ ấn Lãnh binh quan phòng tỉnh Hà Tiên, lại sai Phó vệ uý vệ Hữu dinh Thần cơ là Lê Văn Đắc đi Định Tường ; Phó vệ uý vệ Cẩm y là Hoàng Văn Quý đi An Giang, đều theo thượng ty sở tại sung đem lính dõng tới các nơi quân thứ đánh dẹp.

Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng tâu nói : bọn thổ phỉ ở Trấn Tây có hơn 1000 đứa, vượt qua sông xâm lấn những nơi : Mông Phụ, Cần Thăng, huyện Quang Hoá, xua đuổi ức hiếp thổ dân sở tại, mưu đánh úp lấy huyện thành. Quân thứ phủ Tây Ninh là Bố chính Lê Khánh Trinh và Lãnh binh là Trần Nhữ Đoan phái uỷ Phó quản cơ là Trần Văn Thanh đến nơi phòng giữ đánh dẹp. Ở tỉnh được tin báo, đã lập tức phái thêm biền binh đến tiếp ứng. Xét ra nay phủ Tây Ninh huyện Quang Hoá, bọn giặc ngày càng thêm lên, mà địa phận 2 hạt ấy đường rừng liên tiếp với nhau, lại gặp tiết mưa lụt, tiến đánh cũng khó, đến nỗi phải quan binh nhiều đến hơn 1000 người, chưa sớm tiêu diệt được. Lại, nhặt được tờ thư của người Man, đem dịch ra thì đại lược nói : "Họ mất người đứng chủ trong nước là bọn Ngọc Vân, Ngọc Biện và tên Yểm tất cả 5 người, nên dấy quân đi tìm kiếm, không tìm được thì không thôi". Tờ sớ dâng lên. Vua dụ rằng : "Bọn Lê Khánh Trinh, Trần Nhữ Đoan, đều là đại viên, từ trước tới giờ, ở đó ngăn dẹp, đã không có công trạng ; nay giặc qua sông mà đến, chúng không có chỗ trú chân, sao không đón ngay khi chúng sang sông nửa chừng mà đánh giết cho một phen kịch liệt, khiến cho mảnh áo giáp cũng không còn mang về. Thế mà lại để cho chúng tự do đi lại, xua đuổi dỗ dành thổ dân huyện Quang Hoá cùng rủ nhau làm phản, thì tội ấy không còn chối cãi được nữa. Vậy Lê Khánh Trinh lập tức cách chức, Trần Nhữ Đoan giáng 2 cấp, đều chuẩn cho lưu dùng.

Ngươi là Nguyễn Văn Trọng, xuất thân là quan võ, đương lúc hữu sự, đem binh đánh dẹp, đó là phận sự. Ngày nào tờ dụ tới nơi, nếu chiểu xem hiện số binh và dõng có bao nhiêu, liệu để lại 300 tên để phòng giữ tỉnh thành còn thì mang theo khởi hành đi ngay đến Tây Ninh đánh dẹp. Lê Khánh Trinh thì triệt về tỉnh, hội cùng với Án sát Lê Quốc Trinh, quyền giữ ấn Tổng đốc quan phòng để làm việc. Còn việc bắt được cái thư của giặc, dịch ra v.v. thì xét ra, bọn Ngọc Vân, Ngọc Biện, đã mang ơn triều đình bồi đắp, phong hàm Quận chúa, Huyện quân hậu đãi đến chừng nào. Thế mà Ngọc Biện không nghĩ đến yên phận, lại chứa giữ 2 lòng, tự mang lấy lỗi vào mình, thì trị tội Ngọc Biện là đáng lắm. Còn như Ngọc Vân, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên, dời về Gia Định, cũng là muốn bảo toàn cho họ, lại gia cho phong tước như cũ, nào có giết hại gì đâu. Đó thật là triều đình làm việc gì cũng nhân nghĩa chu đáo, người có tai mắt, ai cũng nghe thấy cả. Còn như tên Yểm, bội nước, phản anh, chính là người thù của Chân Lạp, cớ gì mà họ vì nó gây biến ? Chẳng qua có 1, 2 đứa không được thoả lòng, không rõ lẽ thuận nghịch, giả dối phao tin, lừa dối dỗ dành những dân không biết gì, mưu toan quấy rối, tự rước lấy diệt vong mà thôi. Huống chi dân Thổ, dân Chàm ở Nam Ninh đối với dân Man ở Chân Lạp, cách nhau xa, dù trâu ngựa động đực cũng không thể đến được. Sao mà cũng bị mê hoặc, để mắc tội lỗi ư ? Nay nên đem cái ý ấy, viết theo chữ Man, Thổ, phái nhiều người am hiểu tiếng Thổ tiếng Chàm, đi khắp hiểu bảo, để cho họ sớm quay đầu về, đều cho tha tội. Như thế thì có thể phá tan được sự sằng bậy về lời nói phao lừa dối quyến rũ mà họ biết rõ con đường tốt, xấu, nên theo nên lánh, không phải phiền đến binh đao mà tự phục tòng vậy".

Lại dụ viện Cơ mật rằng : "Thổ phỉ ở Trấn Tây gây biến, đã phái binh dũng các đạo đến nơi chia đường đánh dẹp. Xét ra, quan quân của ta, mang súng ống, khí giới, đều là đồ sắc bén, mà giặc nhờ cậy chẳng qua là cung nỏ bắn tên thôi, không có kỹ nghệ gì khác. Vậy dụ sai Tướng quân, Tham tán và các tỉnh : Gia Định, An Giang, Định Tường, Hà Tiên, đều chi ra da trâu sống, chế thành nhiều lá chắn bằng da, như hình cái mộc, dài 2 thước, ngang trên dưới 1 thước 2 tấc. Lại lấy nhiều tổ kén, hoặc lưới rách, vải dày, kết thành nhiều lớp cho dày, chế làm áo chũi để mặc, cốt để mũi tên không bắn suốt được. Khi ra trận, lựa những binh dũng trong hàng ngũ người nào can đảm và có sức lực, sai trong mặc áo chũi ấy, ngoài mặc áo trận, hoặc tay cầm lá chắn da, dao ngắn, đi trước xông vào đánh giết, thì quân ta đã cậy có đồ vệ thân, đều hăng hái tranh nhau tiến lên trước, mà cung nỏ của giặc không còn làm gì được nữa, tức thì tan vỡ bị thua ngay. Đó cũng là một kế hay để trị quân địch vậy".

Án sát An Giang là Nguyễn Nhật Thạnh tâu nói : có viên Quản cơ ở cơ Gia hậu, thuộc tỉnh Gia Định là Trần Tri, trước đây nhân ốm về quê, nay đã khỏi bệnh, nghe tin bọn thổ phỉ quấy rối, tình nguyện đến gần đó để ra sức giúp việc. Đã xét người ấy có chút quen thạo luật quân. Nay hiện đã gọi được 1.000 lính hương dũng dồn làm 2 cơ Nghĩa dũng nhất, nhị, để cho viên ấy trông coi huấn luyện, làm thời sai phái.

Vua y cho, sai lập tức phái đi Hà Tiên, lệ theo làm việc bắt giặc.

Án sát Định Tường là Hà Thúc Giao bị ốm, xin giải chức ; vua cho Án sát Biên Hoà là Ngô Văn Thể, đổi bổ Án sát Định Tường.

Vua bảo Nội các rằng : "Trước đây bọn thổ phỉ quấy rối, Hà Thúc Giao là đại lại[1] trong 1 tỉnh, gặp việc hoang mang, không có thi thố tí gì. Nay lại lấy nê có bệnh ý toan trút bỏ trách nhiệm. Xem ra y không có tài năng gì, há nên để cho lạm dự vào hàng đại lại, hãy tạm dung cho ở trong quan trường. Vậy giáng xuống hàm chánh ngũ phẩm, theo quân thứ của thự Bố chính mới là Trương Văn Uyển sai phái".

Rồi bộ Lại tâu nói : Thúc Giao dưới tên hiện có ghi bị giáng đến 8 cấp. Bèn sai cách chức, bắt đi theo quân ra sức chuộc tội.

Sét đánh Văn miếu tỉnh Quảng Trị (ở cột cái đằng trước, chỗ vị thờ thứ 2, gian thứ nhất phía hữu miếu. Cột ấy bị xé toạc từ đầu trở xuống, dài hơn 3 thước. Tháng 3, năm Minh Mệnh thứ 14 [1833], cái cột nơi ấy cũng bị sét đánh, tỉnh thần tự thay đổi giấu, không làm tập lên). Việc đến tai vua, vua sai tỉnh thần sửa chữa lại, và làm lễ cáo tạ.

Phủ thành Tĩnh Gia ở Thanh Hoa, năm nay từ tháng 4, tháng 5 đến tháng 8, tháng 9, binh dân trong thành phần nhiều hay mắc bệnh, tỉnh thần đã tiết thứ làm lễ cúng tiễn trừ tai, không thấy chứng nghiệm gì. Tả thị lang bộ Lại là Vũ Đức Khuê đem việc ấy vào tâu tận nơi, và xin dời phủ thành đi nơi khác.

Vua nói : "Phủ Tĩnh Gia có phải là đồn Thổ Sơn không" ? Thưa : phải. Vua nói : "Thành ấy khi trước đã bói được chỗ tốt mới đắp nên, đường cái quan đi lại, người ở đông đúc thịnh vượng, vốn không lo về khí độc của núi khe. Nay lại có lời báo lạ ấy, ta rất lấy làm quái gở. Hoặc giả đời nguỵ Tây, khi xâm lấn Bắc Thành, chỗ ấy là nơi chiến trường, ở dưới có chôn nhiều xác chết, lâu ngày thành yêu ma ra thế chăng ? Bộ Công nên tư cho Thanh Hoa, sai người đào đất ở trong thành sâu độ 5, 7

(1) *Đại lại* : cũng như đại thần ở tỉnh.

thước, nếu có xương khô thì dời chôn đi chỗ khác, để người chết không còn ân hận, mà người sống được yên ổn. Còn việc dời phủ thành, công trình không phải là nhỏ, há nên lấy cái cớ nhỏ nhặt ấy mà đã vội suất lược bàn định ư ?"

Đình thần xét lại bản danh sách các án đem xét về mùa thu năm ấy, gồm hơn 430 tên phạm, trích ra làm tờ phiến[1] dâng trình lên. Vua đương khó ở, sai hoàng trưởng tử, kiêm nhiếp Tả tôn chính phủ Tôn nhân là Trường Khánh công, và các hoàng tử : Hữu tôn chính Thọ Xuân công là Miên Định ; Tả tôn nhân Ninh Thuận công là Miên Nghi ; Hữu tôn nhân Phú Bình công là Miên An phúc duyệt lại, và xét đoán cứ theo lẽ phải sở kiến của mình mà tâu lên. Bọn Thọ Xuân công là Miên Định đều nhường cho hoàng trưởng tử quyết đoán, lấy bình tình, theo lẽ phải, làm bản nói rõ duyên do tâu lên. Vua dụ bảo trước mặt : "Việc xét nghĩ nên y hay không y phải cho đúng lý, ngươi nên lấy bút son của ta, phê thay vào, cho xong việc án". Hoàng trưởng tử từ chối không dám, xin cho kê rõ vào mảnh giấy đỏ dán vào dâng trình. Vua y cho.

Rồi xuống dụ rằng : "Năm nay ta vừa đúng tuổi thọ ngũ tuần [50 tuổi] vui mừng và ơn trạch đều cho thi hành. Các điều gia ơn, đã từng tuyên bố, còn 1 việc hình ngục, cũng nên chước lượng theo mức khoan hồng, để rộng mở lòng nhân đến mọi người mà tỏ ra đức hiếu sinh rộng rãi. Vậy những tên can phạm tội tình đích thực nên xử quyết [chém] cộng là 74 tên ấy, gia ơn cho đều đình việc vòng tên ra 1 thứ[2] ; còn thì giảm cho tội chết, phát đi sung quân (55 tên phạm, cùng người tuổi già cũng gia ơn giảm cho tội chết, phát đi sung quân (1 tên), phát làm nô (1 tên), giao về dân quản thúc (3 tên) ; cùng những tên còn lưu giam đợi xét là hơn 360 người. Rồi lại cho là giam cấm còn nhiều, lại giảm tội chết phát đi sung quân cho các viên chức phạm tội là : Lê Đức Tiệm, Lê Dục Đức, Đặng Văn Nguyên, Nguyễn Huy Chiểu và các tù can tội xử tử gồm hơn 200 tên phạm".

Tỉnh Nam Định bắt được đạo trưởng Gia Tô là bọn Tạ Đức Thịnh (người Hà Nội) đem giết đi, thưởng cho người tố cáo và viên dịch đi bắt 200 quan tiền.

Lại hoãn kỳ duyệt tuyển lính ở Thanh Hoa, Nghệ An và Hà Tĩnh, đến mùa hạ sang năm mới thi hành. Tháng 6 năm nay, ba tỉnh ấy chính tới khoá duyệt tuyển, đã gia hạn cho đến tháng 11. Gần đây nhân hai tỉnh Thanh, Nghệ có báo bị thiên tai mưa lụt. Vua đương chăm lo đến dân bị khốn khó, đã nhiều phương cứu chữa, tỉnh Hà Tĩnh dẫu vô sự, lại cùng tỉnh Nghệ An hợp tuyển, nên đều cho hoãn cả.

---

(1) *Tờ phiến* : tức là tờ tâu.

(2) Những tù phạm xử tử còn giam lại đợi xét, đến mùa thu làm danh sách kê liệt ra đợi Chỉ. Nếu tên nào vua lấy bút son vòng tên, thì đem ra xử tử.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXVIII*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], mùa đông tháng 10, ngày mồng 1, làm lễ Đông hưởng. Vua nhân khó ở, sai Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công, đến Thế miếu tế thay.

Ở Hà Nội, Nam Định có khoa thi Hương. Vua sai Hữu tham tri bộ Binh kiêm Tả phó đô ngự sử viện Đô sát là Nguyễn Công Trứ, sung Chủ khảo trường Hà Nội ; thự Bố chính Quảng Bình là Nguyễn Tự, sung Phó chủ khảo. Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Quốc Hoán sung Chủ khảo trường Nam Định ; Bố chính Hà Nội là Nguyễn Công Hoán sung Phó chủ khảo. Lấy đỗ cử nhân [cả hai trường] cộng 26 người, (Trường Hà Nội 14 người : Bùi Tuấn, Trần Vỹ, Nguyễn Huy Huỳnh, Hoàng Đình Tá, Nguyễn Văn Trừng, Nguyễn Hy Nguyên, Ngô Chẩn, Ngô Thủ, Vũ Tá An, Phan Đình Dương, Hà Đức Thạc, Vũ Văn Lý, Phạm Hoàng Nghị, Cát Văn Tuỵ. Trường Nam Định 12 người : Đỗ Phát, Bùi Duy Phan, Vũ Quang Hiển, Nguyễn Văn Tố, Đỗ Huy Uyển, Đào Danh Văn, Trần Văn Hợp, Đặng Xiển, Phạm Kim Chung, Vũ Huy Duệ, Phạm Công Bồi và Đào Công Nhất. Lệ trước, trường thi Hương, sau khi treo bảng, quan trường tạm đem số mục lấy đỗ tâu lên, còn danh sách tiếp tục đệ sau. Đến bấy giờ chuẩn định : phàm công việc trường thi xong xuôi, lập tức đem danh sách cử nhân, tú tài, cùng sớ tâu đều phát đệ cả, định làm lệ mãi mãi.

Cho Tả thị lang bộ Lại là Vũ Đức Khuê, kiêm quản ấn triện viện Đô sát. Khuê tâu nói : Lệ trường thi Hương, thi Hội, có Khoa đạo 2 người giám sát việc trường,

đó là vì thịnh điển về việc thi cử rất là quan trọng, hoặc có sự gian ở ngoài pháp luật, cho nên đề phòng từ lúc còn nhỏ mọn, ngăn giữ từ lúc mới chớm phát ra, nghiêm mật như thế đó. Trước đây, Khoa đạo được sung phái, không kể nội trường, ngoại trường, đều được ngày đêm thay đổi ra vào, thậm chí sổ tên của học trò ở viên Đề điệu cũng được biết, thậm chí mỗi khi cửa trường gọi tên cho học trò vào trường, viên Khoa đạo hoặc ra đi khắp ngoài trường xem xét, cùng học trò cùng gặp nhau. Tới khi nộp quyển cũng ngồi trước ở nhà Thập đạo cầm quyển thi xem. Sau khi chấm duyệt xong ở nội trường, ở ngoại trường lấy đỗ hay đánh hỏng, không việc gì là không biết rõ. Thảng hoặc có dụng tình ở trong, há chẳng dễ làm ư ? Tức như trường thi ở Nghệ An năm trước, phát giác ra việc Khoa đạo là Trương Tăng Diễn thông đồng tác tệ, đó là việc chứng nghiệm. Vậy xin từ nay, hễ có phái Khoa đạo sung làm việc trường thi thì một người chuyên xét ở nội trường, một người chuyên xét ở ngoại trường, đều không được tự tiện ra vào. Nếu nội ngoại trường gián hoặc có xảy ra tình tệ riêng biệt gì, thì chuyên do viên củ sát tham hặc tâu lên. Còn như khi cửa trường gọi tên, viên Khoa đạo không được ra ngoài trường, cùng với quan ngoại trường đều ngồi ở nhà Thập đạo, không được tự tiện đem quyển văn của sĩ tử cầm xem ; mà sổ biên tên học trò của viên Đề điệu, cũng không được dự biết. Như thế thì dứt hẳn được mối hiềm nghi, ngăn cấm càng chu đáo, có thể giữ được không có mối tệ nữa.

Vua phê bảo rằng : "Lời tâu rất là phải, theo đó mà thi hành".

Bộ Hộ tâu nói : Một tỉnh Quảng Yên, từ trước tới giờ dạy nuôi yên rỗi gần 40 năm, sinh đẻ tất phải nhiều ra, thế mà xét sổ đinh đệ nộp năm thứ 18, so với ngạch trước thường làm, không hơn được mấy, không phải không có tình ý trốn tránh khác, nếu cứ đem sổ ấy cho tuyển duyệt, tưởng không phải là xác thực. Xin sai tỉnh thần sức cho các xã thôn, cứ dân số hiện tại, đổi làm sổ tuyển duyệt khác, kiểm xét kỹ hơn, không để cho họ giấu bớt đi. Đến như sổ địa bạ, tạm cho vẫn như cũ, về ruộng đất thực canh, nếu có lậu sót, hạn cho trong năm nay phải thú nhận nộp thuế, nếu ngoài hạn bị phát giác ra là có lậu sót, thì gia lên mức nặng trị tội.

Vua cho lời tâu là phải. Lại cho là 6 tỉnh ở men ngoài biên xứ Bắc Kỳ, làm sổ duyệt tuyển là việc mới bắt đầu. Xuống dụ sai các tỉnh thần, chuyển sức cho các viên phủ, châu, huyện, trước hãy đem chính thể của triều đình, hiểu bảo xã dân, để cho biết rõ, nhưng đều phải cứ thực mà biên báo. Về cách thức làm sổ, cũng phải thân đến chỉ bảo. Phàm các công việc cốt cho giản tiện, để sổ sách được sớm xong, dân gian không đến nỗi khó nhọc tổn phí. Lại nghiêm sức lại dịch, không được có chút nào sinh tệ, nếu kẻ nào phạm việc ấy bị tội xử tử.

Cho Đốc học tỉnh Vĩnh Long là Hồ Văn Nghĩa thăng thự Án sát tỉnh Biên Hoà. Thự phủ tỉnh Ninh Bình là Trần Văn Trung tâu nói : thuộc hạt ấy 5 xã An Lương, Chí Đạo, Phú Lãm, Gia Mô, Lỗ Sơn ở huyện Lạc An, và tổng Thạch Bi trước, nay đặt làm 7 xã : Do Nhân, Địch Giáo, Tuân Lộ, Phong Phú, Quy Mỹ, Mỹ Hoà, Phu Vinh, cộng 12 xã, đều là một dải ven núi, phía nam giáp Thanh Hoa, phía tây giáp Hưng Hoá, rừng rậm, thung lũng dài rộng, núi khe hiểm trở, bọn giặc dễ ra vào lẩn trốn, mà bảo Phù Liễn cách xa núi khe, quan binh giữ bảo không thể kiêm coi được. Nhưng xét địa thế 12 xã ấy, xã Phong Phú, ở vào quãng giữa, xin đặt thêm 1 bảo, gọi tên là bảo Phong Phú, phái 2 Suất đội và 100 biền binh ở cơ Ninh Hùng đến đấy đóng giữ. Lại huyện lỵ Lạc An đã xem được địa phận xã Vũ Lao, là chỗ đường đi lại vừa trung đội mà rất rộng cao ráo, khí lam chướng cũng nhẹ. Năm trước viên Kinh lược đã từng đặt đồn bảo ở đó. Xin nhân cái nền cũ, đặt làm huyện lỵ, đã có thể kiêm chế được các mặt, mà quan lại ở đó cũng tiện. Vua y cho làm.

Giá gạo ở Nam Định chợt cao vọt. Vua xuống dụ cho tỉnh thần đem thóc ở kho giảm giá bán ra và cho dân vay.

Các huyện thuộc hạt Sơn Tây, từ xuân tới thu, bệnh dịch lại phát, dân nhiều người bị truyền nhiễm chết (hơn 4900 người) ; đến bây giờ mới đem việc tâu lên. Vua sai phát tiền tuất, xét từng người cấp cho. Tổng đốc Nguyễn Công Hoan tâu báo chậm trễ, truyền Chỉ sức quở.

Bọn Tướng quân, Tham tán ở Trấn Tây tâu nói : các tỉnh điều động binh dũng tới, đã lần lượt chia phái đi ngăn giữ đánh dẹp, hiện còn 2.080 người. Lại có thổ biền, thổ mục đi theo 40 người, đều xin đi đánh trận. Đã thương uỷ cho Hiệp tán Cao Hữu Dực, đem hơn một nghìn binh dũng, tiến trước đến chỗ gần cạnh hạt lỵ. Khi đến chỗ Án Xuy, sông Tiền, có bọn giặc vài nghìn tên ở trong bụi rậm đánh trống reo hò. Bèn sai bọn thổ biền, thổ mục, đều đem thủ hạ tiến đi trước ; Phó quản cơ là Dương Quang Thảo, đốc đánh. Bắn súng phá vỡ 3 chiếc thuyền giặc, bắt sống 14 tên phạm, thu được khí giới của giặc, còn đều chạy tan, đã chi ra thẻ bạc thưởng công và tiền để thưởng cấp.

Lại bọn giặc ở Nghi Hoà, đánh quấy phủ lỵ, thự Tri phủ là Trương Đình Bằng đem binh giao chiến, chém được 1 thủ cấp cắt lấy tai, giặc bèn rút lui tản mát.

Lính phủ Hải Tây có người từ trong đám giặc trốn về, và thám tử phủ phái đi dò đều nói : nghe tin bọn đầu mục của giặc mưu thông với giặc Xiêm đến cứu viện. Phủ Hải Đông cũng báo có bọn giặc, thường đến trước sông phao lên rằng : "Họ cho ta là người thù, cho Xiêm là ân nhân, đợi khi có viện binh của giặc Xiêm đến,

rồi sẽ ra đánh". Xét ra, bọn thổ phỉ từ trước đến giờ hễ gặp quan binh, thì chạy trốn ngay vào rừng sâu, đủ biết chúng không có tài năng gì khác, mà chúng sở dĩ phao tiếng thông với nước Xiêm như thế, tưởng cũng là phô trương thanh thế hão huyền, để lừa dối mê hoặc thổ dân đó thôi. Duy ở Hải Tây, Hải Đông là chỗ địa đầu quan yếu, hơn nữa việc đề phòng mùa đông gần đến, đã phái thêm biền binh đến đàn áp. Đến như thổ biền là Nhâm Trật, trước đây nhân ốm, dời về ở bên cạnh hạt lỵ, nhân đêm đem gia quyến trốn đi ; mà Ốc Tâm thì ngày thường ứng chực, chưa thấy có thực trạng gì là trước mặt thì theo, sau lưng thì trái. Nhưng xét lời nói nét mặt, hình như có dáng ngờ sợ, hiện đã đem giam cấm đợi Chỉ.

Vua dụ rằng : "Bọn giặc ấy gần đây xui giục, dỗ dành bạ đâu rủ nhau tụ họp ở đấy, lấy việc ra vào rừng rậm làm đặc kế. Nay quan quân tiến đánh, dẫu chưa có một phen đánh giết to lớn, nhưng ra trận là có công, cũng đáng khen ngợi. Vậy Thống suất là Cao Hữu Dực, Đốc chiến là Trương Đình Bằng ở đạo Nghi Hoà ; cùng Cai đội cơ Định tiền là Trần Hưng, tại trận, chém được đầu giặc cắt lấy tai, đều thưởng gia quân công, kỷ lục 1 thứ. Trần Hưng lại gia cho hàm Phó quản cơ. Còn việc thám tử báo tin bọn đầu mục giặc mưu thông với giặc Xiêm, đó dẫu là lời truyền văn có một mặt, chưa đủ đáng tin. Nhưng việc thuộc về biên cương, lợi hại quan hệ không nhỏ, nên chọn lấy người nào mẫn cán cho đi thăm dò đích xác, nếu quả có giặc Xiêm cùng đến giúp sức làm bậy, thì hoả tốc làm sớ tâu lên, để phái đại thần ở Kinh thống lĩnh đại đội quan binh đi ngay. Nếu chỉ là bọn thổ phỉ quấy rối thôi thì chuyên trách cho Tướng quân, Tham tán phải đốc sức binh dũng đánh giết, không còn để sót mống nào. Nếu chần chừ chậm trễ, lâu ngày không có công trạng gì, thì cứ Tướng quân, Tham tán mà trị tội. Còn như thổ biền đại đầu mục là Ốc Tâm chuẩn cho giải về Vĩnh Long giam cấm, bắt phải uỷ cho thuộc hạ chiêu dụ thổ dân. Nếu có thể chiêu dụ được số nhiều và săn bắt được tên đầu sỏ, đầu mục của giặc nộp, lập tức khoan tha cho. Không được thế sẽ lại trị tội cũng chưa muộn.

Suất đội An Giang là Lê Văn Lễ đem binh thuyền tải gạo đến Trấn Tây. Khi về đi qua sông nhánh Thảo Khê, thuộc hạt huyện Thượng Phong, gặp giặc chặn đánh, Lễ bị thương, bèn cùng với biền binh nhảy xuống sông chạy, thuyền bị giặc cướp lấy mất. Án sát là Nguyễn Nhật Thạnh đem việc tâu lên. Vua nói : "Đương lúc đánh dẹp, như thế mà không giết, sao cho nghiêm được quân lệnh. Sai lập tức đem chém".

Thạnh lại nói : trước đây phái đạo binh của bọn Quản vệ Nguyễn Tiến Quang, đi đánh dẹp bọn thổ phỉ ở các huyện Phong Nhương và Thượng Phong, giặc đều trốn tránh. Sau khi rút quân về tỉnh, bọn giặc lại tụ họp như trước. Đường sông vì đó

ngăn trở, phàm có hộ tống ống đựng giấy tờ của trạm, lương thực của quân, phải phái nhiều binh thuyền, mới có thể đi được, mà lính ở tỉnh không có mấy, sai khiến không đủ người. Xin sắc cho Trấn Tây phái binh thuyền đến đóng giữ ở đó, cùng nhau thay phiên chuyển đệ, ngõ hầu mới được nhanh chóng.

Vua dụ rằng : "Trước đây đạo binh của Nguyễn Tiến Quang được thắng lợi, ta đã có Chỉ truyền cho sớm đem tiêu diệt hết bọn giặc còn lại, rồi lên đường thẳng tới Trấn Tây hội họp để đánh dẹp. Cớ gì lại đem rút về tỉnh để làm kế tự vệ ? Nay giặc lại làm ngạnh trở thì lỗi ở ai. Vậy tạm theo mức nhẹ giáng 2 cấp. Còn bọn thổ phỉ ở Nghi Hoà, đã bị bộ biền Lê Văn Chân và thự Tri phủ Trương Đình Bằng ở Trấn Tây đánh cho phải thua rồi, chuẩn sức cho bọn Nguyễn Tiến Quang đem quân đi nhanh tới nơi hiệp sức đánh dẹp bọn giặc ở một dải địa đầu ấy, để cho đường sá đi lại không còn trở ngại. Không được chậm trễ, đun đẩy nhau".

Lại dụ viện Cơ mật rằng : "Lê Quang Huyên trước đã có Chỉ cho quyền thự Tuần phủ Hà Tiên, nhưng phải đem binh đi đánh dẹp, lại tìm đường thẳng tới Trấn Tây. Nay tình trạng gần đây ở Trấn Tây đã hơi khá, lại có lính dõng các tỉnh đến họp đông, đã có Tướng quân, Tham tán, Bang biện, Hiệp tán, chia đường đi đánh dẹp, tưởng cũng đủ xong việc. Nhưng các thổ phỉ thuộc Hà Tiên, còn giữ hiểm ở đồn Chu Nham, núi Lộc Sơn, và một dải Quảng Biên, Khai Biên, lại có bọn giặc ra vào lan tràn, nên truyền dụ chuyên trách cho Lê Quang Huyên, hiệp cùng với viên thự Án sát mới là Trương Phúc Cương, quyền Chưởng lãnh binh mới bổ là Đoàn Quang Mật, phải khích lệ khí thế của quân lính như thế nào ? Trước hết đem bọn giặc thuộc con đường đồn Chu Nham, sớm dập tắt đi, rồi dời quân chia đi Quảng Biên, Khai Biên dẹp yên bọn giặc còn lại. Cốt sao cho san phẳng được một loạt, chớ nên chuyển đi Trấn Tây làm gì. Còn Dương Văn Phong chuẩn cho rút về An Giang, đốc suất với thự Lãnh binh mới là Nguyễn Duy Tráng, và Quản vệ ở Kinh phái ra là Hoàng Văn Quý, chia đi các huyện : Thượng Phong, Phong Nhương ở Nghi Hoà, và Hà Âm, Hà Dương ở Tĩnh Biên, tìm bắt bọn giặc, để đều có chuyên trách. Đạo nào lập được chiến công trước sẽ có hậu thưởng ; đạo nào còn nhút nhát hèn kém, tất có trách phạt nghiêm ngặt, đều nên kính cẩn tuân theo".

Viên ngoại lang là Trần Hiển Doãn, trước nhân có tang về quê ở Gia Định, vì thấy Trấn Tây có việc, tình nguyện chiêu mộ thủ hạ, đi theo bắt giặc. Tỉnh thần tâu lên bộ. Vua y cho.

Quyền thự Tổng đốc An - Hà là Dương Văn Phong tâu nói : chia phái 3 đạo biền binh, đánh dẹp bọn thổ phỉ ở núi Địa Tạng, núi Lộc, núi Lộc Tỵ và núi Tĩnh

Tượng, đã tư cho quân thứ Tĩnh Biên là Thự phủ Lê Quang Huyên tới gần đó, do nơi Giang Thành tiến đến để cùng hội nhau đánh dẹp (Huyên trước đã đánh phá ở Cốc Phủ, lại đến xứ Trà Cục dẹp trừ thổ phỉ ở Tĩnh Biên còn sót lại. Các đạo binh đánh giết bọn giặc được một số nhiều, giặc hoặc trốn vào rừng rậm, hoặc chạy đến đồn Chu Nham đóng giữ. Đạo binh của Quang Huyên cũng chém được 6 thủ cấp cắt lấy tai đem nộp. Tiếp tin báo, bọn thổ phỉ ở Tĩnh Biên, lại quấy nhiễu ở xứ Di Tham, hiện đã tư bàn với Quang Huyên chuyển quân đến, chém được tên phỉ mục là Xà Nộn Căn, còn bọn lũ tan chạy cả. Lại đạo binh của Phạm Văn Sĩ, Mai Văn Tích, cũng đã đánh phá bọn giặc, thu lại đồn trại ở 2 bên tả hữu cửa biển, giải được vây ở Quảng Biên. Duy có viên sung biện Tri huyện Vĩnh Tường là Trần Văn Trì, cùng giặc đánh nhau ở bờ phía nam Giang Thành, bị giặc giết chết.

Sớ dâng lên, vua dụ rằng : "Cứ như lời tâu thì quan binh đánh dẹp, đều được thắng lợi, tựu trung đạo binh của Lê Quang Huyên, có viên hiệu lực là Phan Lương Ký chém được 1 thủ cấp của tên phỉ mục, chuẩn cho vượt bổ làm Đội trưởng, thưởng thêm 30 quan tiền, còn thì theo lệ thưởng cấp. Các đạo binh của Dương Văn Phong phái đi, đều không chém được thủ cấp, cắt lấy tai nào, nhưng đương trường mọi người mắt cùng trông thấy, chuẩn cho xét xem, cứ giết chết được 1 tên, thưởng tiền 1 quan. Còn Trần Văn Trì bị chết ở trận, truy tặng Tri huyện, và chiếu hàm được tăng cấp ấy tiền tuất gấp hai. Đến như trong tập có trình bày : bọn Nguyễn Trung Nghĩa, Nguyễn Văn Tuân và Nguyễn Đức Huấn, ra sức chém giết bọn giặc và súng bắn trúng được vài tên, xét ra trước kia bọn ấy làm việc, khi đem quân đi thấy giặc hoang mang, nhút nhát khiếp sợ biết chừng nào, nay một mình sấn vào chỗ giặc, lại hăng hái tranh lên trước như thế, lời tâu hình như chưa nói hết sự thực. Từ nay các quản lĩnh đại viên có đem công trạng của những người hiệu lực tâu báo lên, phải nên tra xét đích xác, không được nể mặt thiên tư, hỗn tạp gian mạo, kê liệt vào trong tập, để can tội lỗi. Bọn Trung Nghĩa hãy cứ theo làm quân như cũ, đợi xét có thực trạng rõ ràng, sẽ lượng cho bổ dụng".

Thổ binh ở 2 cơ An biên nhất nhị, thuộc tỉnh An Giang, từ khi thổ biền là Chân Triết và Hàn Biện làm phản bỏ đi, thì bọn lính ấy cùng nhau lẻn trốn, trong số ấy có 19 người lại trở về trại lính. Tỉnh thần tâu xin đem chém, để răn bảo mọi người.

Vua nói : "Bọn họ ngu xuẩn không biết gì, một khi bị đầu mục lừa dối dỗ dành mà bỏ đi, nay lại quay đầu về. Nếu vội ghép vào pháp luật làm như thế, thì lại dứt con đường tự đổi mới của họ, mà kẻ đầu mục kia, lại được mượn cớ để rêu rao. Phải lập tức tha ra. Nhưng nên lấy lẽ phải trái bảo tận mặt họ để cùng báo cáo với nhau,

đều vui lòng quy thuận, khỏi bị lời nói phao làm mê hoặc. Đó cũng là một cơ mưu để giáo hoá kẻ gian ngoan, thu phục kẻ phản bạn, nếu chúng cố ý lại trốn, cũng không đáng kể".

Vua sai phát 10 ống kính thiên lý để cấp cho Trấn Tây 3 ống ; An Giang, Hà Tiên 2 ống ; Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường đều 1 ống.

Đúc 2 cỗ súng lớn Chấn hải. Sai ty có trách nhiệm theo đúng cách thức của Tây dương mà làm (1 cỗ chất bằng gang, trong lòng đường kính 2 tấc, 2 phân ; 1 cỗ chất bằng đồng, trong lòng đường kính 1 tấc 9 phân). Khi đúc xong đem thí nghiệm, đều được cứng tốt.

Vua cho là thứ súng lớn ấy dùng về thủy chiến rất đắc lực, lại sai đúc thêm 30 cỗ chất bằng đồng nữa.

Các sư ở chùa, thuật sĩ, đạo sĩ và người làm thuốc ở các tỉnh đã vâng mệnh tới Kinh. Vua sai ty có chức trách chi cấp cho tiền gạo hằng tháng. Có vị sư ở chùa Phú Yên là Nguyễn Giác Ngộ dốc lòng tu luyện, tịch cốc (không ăn cơm) gần 40 năm. Vua khen là người khổ hạnh cao phong, chuẩn cấp cho 1 đạo văn bằng tăng cương, thưởng thêm 20 lạng bạc, và quần áo vải màu nhà chùa mỗi thứ đều 5 cái, cho đi đường trạm trở về trụ trì ở chùa Bát Nhã, núi Long ; còn chùa ấy sai quan tỉnh chi các vật hạng trong kho trùng tu lại.

Đổi xây lại tỉnh thành Bắc Ninh. Bốn mặt thành, trước đây nhân mưa nhiều đổ lở, tỉnh thần xin cho giảm bớt bề cao, bề dày, đổi xây lại. Vua chuẩn cho họp hết biền binh thuộc tỉnh và mướn thêm dân phu độ 2, 3 nghìn người làm việc. Hơn một tháng xây xong, thưởng cho đốc biện, chuyên biện và binh dân kỷ lục và tiền có thứ bậc khác nhau.

Án sát Hà Nội là Lương Quốc Quang, lấy con gái hát ở trong hạt làm vợ lẽ, sợ người cáo phát ra, dâng sớ xin chịu tội, bộ Lại bàn giáng 2 cấp đổi đi. Vua cho là đã tự thú trước, gia ơn, giáng 2 cấp, được lưu lại mà người con gái đã lấy ấy, cũng cho đoàn tụ.

Các tỉnh Bắc Kỳ tâu báo : đòng sông được yên lặng. Vua dụ rằng : "Năm nay mưa lụt khác thường, chỗ nào cũng thấy nguy hiểm, dẫu quãng đê sông con gián hoặc có 1, 2 chỗ vỡ, nhưng đã đắp lấp hàn khẩu được ngay, dân không bị hại, mà đê sông lớn đều được yên lặng, thực là nhờ trời yêu mến, giúp đỡ linh thiêng của thần Hà bá ra sức, lòng ta xiết bao mừng cảm. Chuẩn cho lấy hương lụa ở kho, đem lên Sơn Tây, theo lệ sửa thêm lễ phẩm bằng lợn, tạ miếu Hà thần. Còn các tỉnh thần và phủ, huyện thân biên thuộc tỉnh, người nào có dự vào việc sang hộ đê đều thưởng cho cả".

Truy tặng hoàng nữ thứ 8 là Nhu Thuận làm Phong Hoà công chúa, thuỵ Đoan Diễm.

Cấp thêm cho các trưởng công chúa là Bình Thái, Bình Hưng, Bảo Lộc, Bảo Thuận, tiền bổng hằng năm đều 100 quan, lấy năm nay làm bắt đầu.

Tổng đốc Long - Tường là Bùi Công Huyên đem đại đội binh thuyền, tiến đến Trấn Tây để hội làm việc dẹp giặc, tờ sớ dâng lên. Vua phê bảo rằng : "Nhà ngươi hăng chí tiến đi chắc có thể thành công, cố gắng lên". Lại sai thự Lãnh binh Vĩnh Long là Lê Khoan Mạnh, lệ theo quân thứ để sai phái.

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Cách hành binh, thưởng, phạt, hiệu lệnh, rất quý phải nghiêm minh, để tướng sĩ đều biết sợ phục, mới hay có công. Nay Nam Kỳ đương có việc đánh dẹp, cốt nên thưởng phải tin đúng, phạt phải quả quyết mới có thể cổ vũ khích lệ được lòng quân. Nên truyền dụ cho bọn Tướng quân, Tham tán, Đốc phủ, Bố, Án ở Trấn Tây, An Giang, Hà Tiên, Gia Định, Định Tường biết : nếu có viên đốc quân cùng đi trận, thì từ Lãnh binh trở xuống, ai gặp giặc mà rút lui, lập tức đem chém ở trước quân, ai mạnh bạo can đảm đi lên trước, bắt được tên cừ khôi của giặc chém đầu cắt lấy tai, thì chi ra thẻ bạc, tiền thưởng cấp cho ngay trước mặt, rồi sau tâu lên."

Bọn Tướng quân, Tham tán ở Trấn Tây, đem tình hình dẹp giặc tâu nói : đạo binh của Lãnh binh Nguyễn Tiến Phúc tiến đến phủ Sơn Tĩnh, nhân vì nước sông chảy xiết, binh thuyền ngược dòng đi lên, bọn giặc chỉ ở ven bờ sông và bụi rậm trong rừng ngầm bắn ra, quân ta nhiều người bị thương bị chết, vừa đánh vừa đi, trải hơn 10 ngày, mới đến thành đất phủ ấy. Hiện đã phát thêm binh thuyền, cứ từ Vũ Công, Mỹ Lâm cho đến Sơn Tĩnh men theo con đường bờ sông, liệu cơ đánh dẹp. Lại ở phủ Hải Tây có hơn một nghìn tên thổ phỉ, chợt đến bờ bên tả sông Lật, sau thành đất phủ ấy bắn súng lớn súng nhỏ vào phủ. Đề đốc là Vũ Đức Trung, Tuyên phủ là Nguyễn Song Thanh, thân đem biền binh, cùng nhau đánh giết, chém được 4 thủ cấp cắt lấy tai tại trận, giặc lui chạy vào rừng. Nghe tin báo, đã phát giao bài thưởng công bằng bạc để chiếu cấp.

Lại như các phủ huyện ở ven sông, gần cạnh hạt lỵ, phần nhiều có bọn giặc tụ họp, đã phái binh thuyền đến địa phận sông hạt Lưu An chia đi đánh dẹp. Khi đến sông nhánh Kê Côn, giặc dựa vào rừng bắn ra, quân ta lên bờ đánh, giặc đều chạy trốn, ta bèn luôn mấy hôm đốt hết nhà ở của giặc kể có hơn nghìn nóc. Nay Tổng đốc Long - Tường là Bùi Công Huyên đến hạt hội bàn, sắp đi các địa đầu để dẹp bắt giặc. Duy lính gọi lấy ở các tỉnh, còn chưa đến đông đủ, tựu trung lại có lính hương

dũng xen vào một nửa. Xin đợi biền binh ở Kinh phái ra và các tỉnh ở Tả kỳ[1], đến đông đủ, sẽ tức thời thân đốc tiến dẹp.

Vua dụ rằng : "Bọn thổ phỉ ở Trấn Tây quấy rối đã tiết thứ cứ lời tâu báo của bọn Tướng quân, Tham tán, chỉ là khư khư giữ ở hạt lỵ, chia phái linh tinh, để đợi đại binh, chưa nghe thấy thi thố một mưu kế gì, để đánh giết bọn giặc ấy một phen rất dữ, cho sớm được thành công. Chỉ là chậm trễ, kéo dài hằng tuần, hằng tháng, để bọn giặc ngày càng lan tràn, lớn thêm tội ác. Đó là vì bọn Tướng quân, Tham tán, trước đã lỗi về không khéo vỗ yên, ngăn giữ, gây ra mối hiềm khích ; sau lại không sớm tiêu diệt đi, thành thêm ra quấy nhiễu nhiều nơi, vậy tội ấy ở ai ? Nay ở Kinh cũng đã sửa soạn đại đội quan binh, súng và khí giới tinh nhuệ, chọn phái viên đại thần làm thống lãnh, sắp đem quân đi. Nhưng ta còn nghĩ : bọn giặc ấy là bọn giặc nhỏ mọn, mà việc cầm phòng đánh dẹp, vỗ yên, lại là công việc trong bổn phận của viên đại lại [quan to đầu tỉnh] coi giữ bờ cõi. Nếu cứ phải đợi lính ở Kinh đánh thay, mà sau mới có thể bình được thì đặt bọn Tướng quân, Tham tán ở chỗ nào ? Nên còn để lại cho thể diện để tự nghĩ mà ra tài phấn đấu, bổ chữa lại cái lỗi trước. Nếu lại cứ thu tay trong tay áo, ngồi yên để xem, không có thi thố tí chút nào thì không kể là không biết tự xấu hổ, mà cũng không sợ cả phép nước nữa ư ? Xét ra bọn giặc ấy là quân ô hợp tụ họp lại, lương thực lấy vào đâu ? mà đã hơn 2 tháng, còn có thể cầm cự lâu được như thế. Cần nên sai người dò la kỹ lưỡng, hoặc ở nơi nào chúng có tích trữ cất riêng thì lập tức phái binh sấn đến đốt cháy hết, không để còn một hột, thì chúng dẫu có trốn tránh vào rừng sâu, rồi cũng đến chết đói thôi".

Vua lại cho là tiết thứ phái lính ở Kinh đi và biền binh các tỉnh Nam trực[2], Tả kỳ tới Trấn Tây bắt giặc, tính ra hành trình cũng phần nhiều kéo dài chậm trễ. Bèn sai bộ Binh truyền dụ cho thượng ty ở địa phương ven đường, hễ thấy biền binh hạng nào đi qua hạt nào, lập tức thúc giục đi cho rõ nhanh.

Quản cơ cơ Gia tiền là Lê Văn Chân, đi tuần tiễu ở phận sông hạt Nghi Hoà, vừa đến cửa sông nhánh Ma Đa thuộc Hậu Giang, thấy trại giặc bỏ không, bỏ thuyền lên bờ phóng lửa đốt, chợt có bọn giặc từ trong rừng xông ra, Chân chống cự không nổi, kịp chạy xuống thuyền, bỏ mất súng lớn súng nhỏ, biền binh có người bị giặc giết hại, có người ngã xuống nước chết. Tướng quân, Tham tán dâng án xin xử trảm giam hậu. Bộ Hình đổi lại xin xử trảm quyết. Khoa đạo viện Đô sát là bọn Nguyễn Văn Đạt, Vũ Phạm Khải phúc duyệt lại, cho Chân là tướng nhỏ, mà quân

(1) *Tả kỳ* : gồm Bình Định, Phú An, Bình Thuận và Khánh Hoà.
(2) *Nam trực* : Quảng Nam, Quảng Ngãi.

đem đi, lại lẫn cả lính hương dũng, kỷ luật chưa được quen thạo, nên mới đến nỗi hỏng việc, xin cho theo án trước. Vua nghe theo.

Vua nhân bảo bộ Hình rằng : "Trong khi hành quân, nên theo quân pháp thi hành. Nếu hết thảy làm thành án dâng lên, không những trong quân, thế khó xem xét chu đáo, mà án đệ lên, đã do bộ bàn tâu, lại đến viện Đô sát phúc duyệt lại, dãn dở chậm trễ dài ngày, kẻ có tội được lâu mới bị giết, thì sao nghiêm được pháp luật, để răn bảo đe nẹt được ư ? Vậy truyền Chỉ cho Trấn Tây và các tỉnh An Giang, Hà Tiên, Gia Định và Định Tường, gặp có sai phái biền binh đi đánh dẹp, mà có người nào phạm tội, thì đều theo tình tội nặng nhẹ mà xử, như ra trận rút lui, để lỡ việc quân, cho lập tức đem chém đầu trước quân, rồi sau mới tâu lên ; còn tình tội hơi nhẹ, nên trách phạt, cũng theo lẽ phải mà xử đoán, nhưng phát đi trước quân ra sức chuộc tội. Đợi sau khi việc yên, sẽ theo lệ mà thi hành".

Vua cho là việc bắt giặc ở Trấn Tây đã lâu chưa thấy nên công, mà việc phòng bị tiết đông đã đến, giặc Xiêm hoặc nhân lúc sơ hở đến xâm nhiễu chăng ? Sắc cho đình thần trù tính xét nghĩ có nên dự phái lính ở Kinh đến trước không ? hay đợi đến lúc báo, mới phái đi, thế nào là thoả đáng ?

Đình thần bàn cho là : bọn thổ phỉ kia quấy rối, cố nhiên không đáng lo. Nhưng tù trưởng giặc Xiêm, chỉ biết tham lợi, không rỗi nghĩ đến mưu xa, họ có giúp kẻ bạo ngược mà đến hay không, khó thể lường trước được. Nếu đợi tới kỳ tin báo, rồi mới phát binh đi, thì chi bằng khi nhàn hạ dự bị trước là hơn. Xin nên trích các hạng lính ở Kinh hiện đương tại ban, dồn làm 5 vệ, rồi chọn sai 2 viên đại thần thống suất, chọn ngày tốt cho khởi hành đi đường bộ, tưởng cũng ổn thoả.

Vua phê bảo rằng : "Cũng hợp ý ta. Bèn phái vệ Hữu nhất, vệ Hậu nhị, dinh Vũ lâm đều lấy nửa vệ, hợp làm 1 vệ, cho Quản vệ vệ Hữu nhất là Trần Ngọc Kim đứng quản suất. Vệ Hậu dinh Thần cơ, vệ Trung dinh Tiền phong, đều lấy nửa vệ, hợp làm 1 vệ, cho Quản vệ vệ Trung dinh Tiền phong là Nguyễn Nghĩa Thịnh đứng quản suất. Vệ Trung dinh Long võ, vệ Tiền dinh Hổ uy đều lấy nửa vệ, hợp làm 1 vệ, cho Quản vệ vệ Trung dinh Long võ là Trần Văn Diệp đứng quản suất. Vệ Hậu dinh Hùng nhuệ vệ tam dinh Kỳ Võ đều lấy nửa vệ, hợp làm 1 vệ, cho Quản vệ vệ Hậu dinh Hùng nhuệ là Trần Ngũ đứng quản suất. Vệ nhị Hữu bảo vệ nhị Hậu bảo đều lấy nửa vệ, hợp làm 1 vệ, cho Quản vệ vệ nhất Trung bảo là Tống Văn Biện, đứng quản suất. Lấy giờ tốt ngày 17, hành trang nhẹ nhàng tiến đóng tại Bình Định, đợi Thống suất đại viên đến nơi, đem đi Trấn Tây dẹp giặc". Lại dụ cho 2 tỉnh : "Nam, Ngãi, đều chọn ra 1 viên Quản vệ, hay Quản cơ được việc, đem 1 vệ hay 1 cơ biền binh, khí giới sắc bén đầy đủ, cũng cho đi trước đến Bình Định để đợi".

Vua sai thự Chưởng vệ Thuỷ sư Kinh kỳ là Nguyễn Văn Pháp, đứng trông coi chiếc thuyền Vân Điêu, lĩnh chở áo trận, khí giới của 5 vệ do Kinh phái đi, tải đến tỉnh Bình Định đệ giao và lĩnh chở súng đạn, thuốc súng đến Gia Định, để chuyển đưa đến Trấn Tây, dùng vào việc binh (súng điểu sang cò máy đá 1.000 khẩu ; đạn 10.000 viên ; đạn liên châu của súng lớn đại luân xa bọc sắt 200 bao ; đạn súng quá sơn 500 bao ; thuốc súng mới mua của Tây dương 500 cân ; giấy đen[1] của Tây dương 2.000 tờ). Lại cho là các hạng súng lớn dùng vào việc hàng trận rất là đắc lực. Bèn phái bọn Hộ vệ trưởng là Tôn Thất Cần ; Đội trưởng ty Cảnh tất là Trương Văn Thọ, cộng 23 người, ngồi kèm vào chiếc thuyền ấy đi đến quân thứ Trấn Tây.

Cho Tả quân Chưởng phủ là Phạm Văn Điển sung làm Kinh lược đại thần ở Trấn Tây ; Thống chế dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Tiến Lâm, sung làm Tham tán đại thần ; Biện lý bộ Hình là Đinh Văn Huy, sung làm Tá lý cơ vụ, chuyên giữ việc giấy tờ.

Và dụ rằng : "Bọn thổ phỉ ở Trấn Tây chẳng sớm thì tối sẽ thấy bại vong ngay, vốn không nên động phiền đến lính ở Kinh đi dẹp. Duy địa giới hạt ấy gần với đất giặc [tức Xiêm], nay gặp lúc phòng bị mùa đông, cũng nên dự bị trước. Đã phái 5 vệ lính ở Kinh, 2 vệ, cơ Nam, Ngãi đến đóng ở Bình Định trước ; chuẩn cho bọn ngươi từ từ đi đường trạm, đến nơi thay quản lĩnh bọn ấy tiến đi. Hôm đến Trấn Tây, nếu bọn thổ phỉ đã dẹp yên từ trước, chỉ còn 1, 2 bọn nhỏ thì chuyên do bọn Tướng quân, Tham tán liệu lý, bất tất lại phải lính Kinh ra tay khó nhọc, tạm đóng tại đó, đợi có Chỉ cho trở về. Nếu hoặc có giặc Xiêm rình chỗ sơ hở đến xâm lấn thì lập tức hiệp nhau lại cùng đánh dẹp ngăn chống, giết cho họ một phen rất dữ dội, để họ khiếp sợ lâu dài, cho yên bờ cõi ngoài biên".

Sai thự Chưởng phủ Trung quân là Tạ Quang Cự, kiêm quản ấn triện dinh Hùng nhuệ, Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm là Nguyễn Trọng Tính, kiêm quản các vệ ở dinh Kỳ võ.

Kiêm quản viện Đô sát là Vũ Đức Khuê dâng sớ nói : từ trước đến giờ, thuyền công hằng năm đi ra ngoại quốc, để diễn tập đường đi ngoài biển, nhân đem vật hạng chở lót trong thuyền, cùng với người ngoại dương đổi chác, để đủ thứ cần dùng ; và nhân đó để xem xét sự hư thực, động, tĩnh của nước người ra sao, có thể củng cố thêm việc đề phòng bờ biển nước ta, cũng là việc không đừng được. Duy cái tính của bọn Di Địch, thấy lợi là tranh nhau, không còn đoái nghĩ đến lẽ phải. Bởi thế, từ xưa đã có quốc gia, là phải nghiêm nghị cự tuyệt, không thèm cùng với

(1) Có lẽ là giấy ráp đánh súng, lau súng.

họ tính cái lợi trước mắt. Nhưng tới đời cận đại họp chợ ở ven biên giới, cùng với người di địch cùng giao thiệp, rốt cuộc về sau như nước Thổ Phồn với nhà Đường, nước Liêu, nước Hạ với nhà Tống, nhân mối lợi mà sinh chuyện, để mối lo cho ngoài cõi ven. Quá hơn nữa là Thái tổ nhà Minh, khi mới được nước, cậy có quyền lực, chế tạo ra tàu lớn, sai Trịnh Hoà vượt biển chiêu dụ các nước ngoài Di Địch, nhân đó cùng trao đổi hàng hoá. Vả lại, thích về kỹ nghệ của họ tinh xảo, hằng năm do người Di Địch đến làm việc ở trong nước. Đó là bắt đầu mở đường dẫn người Di Địch vào nước. Không những bây giờ đã có cái hận đi đánh Nhật Bản bị chết hết quân, mà suốt đời nhà Minh, thường có cái nạn giặc lùn[1]. Dần đến Mãn Châu dấy lên mà Trung Quốc thành ra Di Địch. Đó là chứng nghiệm rõ ràng về di địch không nên gần vậy.

Các nước Di Địch ở phương Tây lớn mạnh nhất, không nơi nào bằng Đại tây, Tiểu tây, chỉ lấy việc buôn bán xây dựng cho nước, nếu chỗ nào có lợi, cố sức liều chết lấy cho bằng được. Các nước nhỏ gần liền như Đồ Bà, Ô Tàu đều bị kiêm tính cả. Nước Thanh đường đường to lớn, một khi đã cho họ thông thương thì trước đã chiếm lấy Mã Cao [Áo Môn], nay lại mưu toan Đài Loan, và họp chiến thuyền, náo động cả Mân, Việt[2] đó sẽ là cái cố tật không thể trừ được của miền biển mạn đông nước Thanh. Việc ngăn giữ từ lúc mới chớm có và khi còn nhỏ, không nên không sớm tính đến vậy.

Kể ra, không chuộng của lạ, thời người xa hàng phục, đó là đường lối mà đế vương ngày xưa sở dĩ cự tuyệt bọn man di vậy. Dâng hiến đồ châu báu lạ, khắp cả 4 di, đó là đời cận thế, sở dĩ thường có mối lo về Di Địch vậy. Xét ra, hàng hoá Tây dương, thứ rất đẹp mắt người ta không gì bằng đồ pha lê. Nhưng lại là vật chóng hư hỏng, không thể dùng lâu được. Huống hồ vải vóc mua được, chứa nhiều cũng vô ích. Nếu lại công nhiên cho dân chúng dùng làm đồ mặc thường, thì có quý chuộng cái đồ hoa mỹ ấy làm gì ? Nhưng người Tây dương chỉ biết lấy lợi mà xây dựng nước, nguyên không biết cái ý của ta, tại sao lại để cho họ đến, tự cho là ta thích hoá vật của họ đã làm ra. Nếu lại nhân đó tưởng ta là béo bở, tàu tây, hàng tây chở đến liền nối nhau, thì nhân dân sợ phép, không dám cùng họ giao thông ; nếu xuất của kho để thu mua, thì tiền đâu mà mua cho xuể. Đến bấy giờ mới cự tuyệt, thì sinh oán, sẽ lấy nê vì ta mới đến để làm câu nói. Sợ hoặc có cái lo ngoài ý kiến không kịp đề phòng chăng ? Vậy nên tự ta trước đóng cửa cự tuyệt việc đi lại, để

(1) Vì người Nhật Bản lùn, nên gọi thế.

(2) *Mân* : tức là tỉnh Phúc Kiến ; Việt : tức là tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc).

cho họ coi ta như trời, không biết đâu mà lường. Túng sử họ có muốn xoay tìm cách gì với ta, thì không nhân cái gì mà mượn tiếng để nói được, tất nhiên cũng không dám đường đột mà đến. Thế thì việc đề phòng về giới hạn của ta, không cần phải mong được bền vững mà tự nhiên bền vững.

Còn muốn xét lòng của họ thực thà hay giả trá thì thuyền nước Thanh có đến buôn bán, ta lượng giảm bớt ngạch thuế cho họ, bắt họ lĩnh vật hạng của công đem đi trao đổi, thì tình trạng các nước man di, cũng có thể nhân đó mà biết rõ được.

Vua dụ rằng : "Lời tâu của ngươi, chẳng qua trông thấy việc trước mắt, là nước Hồng Mao cùng với nước Thanh gây hấn, mà quá đề phòng về sự không ngờ tới. Đó cũng là không xét tận gốc, mà chỉ tìm ở ngọn thôi. Xét ra, nhân dân nước ta ngoài việc cày ruộng trồng dâu, phần nhiều chuyên nghề nấu chế đường cát, mà đường cát là thứ đói không ăn được, rét không mặc được. Nên triều đình nghĩ trọng việc sinh sống của dân, hằng năm cứ đến thời kỳ lúa đương giáp hạt, phát tiền công cấp cho các hộ làm nghề đường, đem gạo đổi lấy đường, để dân được đủ ăn, lợi ấy không gì lớn bằng.

Đến như phái thuyền công đi thao diễn, nhân đem phẩm vật xếp lót trong thuyền, đến các nước Tây dương trao đổi lấy các thứ : súng điểu sang, thuốc súng, vải vóc, một là để đủ đồ quân nhu, một là để sung làm quốc dụng, cũng không phải là không tiện. Huống chi nước ta đất ở ven biển, đường đi biển chỗ nào hiểm chỗ nào dễ đi, về phương pháp chở thuyền, thuỷ sư không thể không thông thạo mới được. Từ trước tới giờ, trong Kinh phái đi đường biển gặp có sai phái qua lại biển lớn, sóng gió, đều chở đúng phương pháp, chuyến đi chuyến về, hết thảy đều được thanh thoả. Còn thuyền nào sai phái đi đường biển nơi gần, phần nhiều vì việc vận chở không quen, sơ suất bỡ ngỡ đi hay đậu hoang mang lầm lẫn, nhân đó mà thường thường hỏng việc. Xem thế thì việc đi đường biển, quan quân tập quen đường biển, thấy có thành hiệu, đem so với những người chưa từng am hiểu quen thạo, thì đằng nào hơn, đằng nào kém ư ?

Kể ra, ngăn giữ bọn di địch, tự có mưu chước, nếu ta đề phòng đầy đủ, thì hấn khích bởi đâu mà sinh ra được. Người nước Minh kia hằng năm cho người Di đến làm việc trong nước, cho ở chung đụng. Nên họ đến đâu là vẽ địa đồ đến đấy, phàm bờ biển nước Minh, chỗ nào hiểm trở, bằng phẳng, không đâu là không biết rõ. Suốt triều đại nhà Minh mà có cái lo giặc lùn, đều là có chỗ sơ hở, nên mới đầu cơ được. Người nước Thanh lợi về bạc thuế trước mắt, cho người Tây dương lên bờ, mở 13 cửa hàng để thông thương, rất là thất sách. Gần đây lại nhân thuốc phiện thịnh

hành, thế khó ngăn cấm, quan địa phương lại lừa dối bảo họ đem nộp hết sẽ chiếu giá trả bằng bạc ; rút lại không trả họ được chút nào, họ bị lỗ vốn nên lấy đó làm câu nói, rồi mà họp chiến thuyền làm to chuyện, cản trở các địa phương ven biển nước Thanh. Suy xét về duyên do sinh ra việc ấy, thì người Thanh cũng có tự mình gây ra vậy.

Còn như bản triều ta đối với người Tây dương : họ đến cũng không cự, họ đi cũng không theo, chỉ đối đãi coi như người Di Địch thôi. Gián hoặc có thuyền người Tây dương đến buôn bán, chỉ cho thả neo đậu ở vụng Trà Sơn, đổi chác mua bán xong xuôi, lại bắt chở thuyền đi, không hề cho lên bờ ở lâu, nhân dân sở tại, cũng không cho cùng họ trao đổi riêng. Về việc ngăn lấp từ khi mới chớm ra, đề phòng từ khi còn nhỏ mọn rất là chu đáo. Tuy nhiên họ có lòng giảo quyệt, nhưng không có chỗ sơ hở có thể rình được, thì bởi đâu mà có thể sinh lòng được ư ?

Kể ra, biết tự trị thì mạnh, có phòng bị thì không lo. Nay cửa biển Đà Nẵng ở Quảng Nam, đã đặt thêm pháo đài Phòng Hải ; cửa biển Thi Nại ở Bình Định, lại mới xây pháo đài Hổ Cơ, để giữ chỗ hiểm yếu ; còn đảo Côn Lôn ở Vĩnh Long ; đảo Phú Quốc ở Hà Tiên, đều có đặt đồn bảo chia phái lính thú tuần phòng, để răn ngừa sự lo bất ngờ. Như thế thì ta ngăn giữ bờ biển đã có cái thế đáng sợ mà không thể xâm phạm được. Việc võ bị mà chỉnh đốn, thì người ngoài trông thấy, cũng đủ tiêu tan lòng tà. Không những người Tây dương cách trở xa xôi, không dám trông thẳng vào nước ta, mà nước mạnh láng giềng tiếp giáp cõi đất, cũng không dám lại manh tâm nhòm ngó nữa. Sao lại lấy việc nhà Minh, nhà Thanh sở dĩ bị khinh lờn mà nhất khái sinh ra ngờ vực ư ? Nếu bảo là thuyền công bất tất phái đi, để cho dứt thuyền họ không đến nữa, thì ta dẫu không đi, chắc đâu là thuyền họ không đến ư ? Đã không thể chắc là thuyền họ không đến, thì ta lại sợ gì mà không đi. Lời nói ấy không đúng lý, chỉ tỏ cho người ta biết là yếu thôi. Huống chi câu nói, xin giảm thuế khóa, sai người buôn nước Thanh, lĩnh các hoá hạng, đem đến các nước Tây dương kia trao đổi để thăm dò tình hình, lại càng không thông sự lý. Kể ra, người Tây dương vẫn khoe khoang với các nước là họ khéo lái thuyền lớn vượt biển nọ sang biển kia như bay. Nay quân ta cũng biết lái chở thuyền vượt biển không kém sở trường của họ, thì đã làm cho họ chùn lòng, nhân đó mà dò xét tình trạng, mới được cả 2 đằng. Nếu chỉ uỷ cho người Thanh đi do thám, thì người Thanh đã không đủ tin, mà có nghe biết, cũng chẳng qua là nghe lỏm chuyện đầu đường xó chợ, chỉ làm cho nao lòng người, sao có thể biết rõ được tình hình thực dối của các nước di địch ư ? Tóm lại, kiến thức của ngươi tầm thường, lời tâu không nên bàn đến".

Quyền thự Tổng đốc An - Hà là Dương Văn Phong, đánh phá bọn thổ phỉ, thu lại đồn Chu Nham. Bọn giặc từ sau khi vòng vây ở Quảng Biên bị tan vỡ, đều đến đấy tụ họp, nhiều đến 3000 người. Phong bắt phá chầm rậm, bắc cầu đi, thân đốc 900 binh dũng, chia đường đều tiến. Giặc dựa chỗ hiểm chống cự lại, quân ta không tránh gươm giáo, tranh nhau lên trước luỹ, hương dũng là Nguyễn Văn Tuấn xông pha trong trận, chém được thủ cấp tên đầu sỏ giặc là Nha Tiên, bọn giặc khiếp sợ, quan binh thừa thế, hoặc lấy dao chém, hoặc lấy giáo đâm, giết chết và đâm bị thương vô kể, giặc bỏ đồn chạy tan, thu được súng và khí giới rất nhiều. Đem tin thắng trận tâu lên. Vua rất khen và vui lòng, lập tức xuống dụ chuẩn cho Dương Văn Phong được khai phục chức hàm Lang trung, vẫn quyền thự Tổng đốc ; Nguyễn Văn Tuấn có công đầu, cất bổ cho làm Cai đội, thưởng cho 300 quan tiền và một cái bài thưởng công bằng bạc ; các viên biền đi trận ấy, người rất đắc lực là Phó quản cơ Nguyễn Túc, gia quân công 1 cấp ; quyền sung Quản cơ là Trần Văn Hoằng, bổ thụ Quản cơ ; Bang biện Phó quản cơ là Nguyễn Văn Do và Suất đội Đặng Văn Dao, đều thăng thụ Phó quản cơ. Còn các Suất cơ mỗi người đều gia quân công kỷ lục 2 thứ, các Suất đội, mỗi người đều 1 thứ ; thí thự, thí sai đều cho thực thụ ; về binh dũng thưởng chung cho 2.000 quan tiền.

Lại xuống dụ : giục Thự phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyên về ngay tỉnh lỵ, nhân cái thế chẻ tre ấy, tiêu diệt những bọn giặc còn lại, rồi thẳng tới địa phương Khai Biên và Quảng Biên, hễ chỗ nào có bọn giặc lén tụ họp thì ra sức lùng bắt, tuỳ nơi cho chiêu dụ thổ dân lại về làm ăn.

Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng, đi cùng với Lãnh binh là Ngô Văn Giai, đem hơn 400 binh dũng, tiến đến Tây Ninh bắt giặc, dâng sớ tâu lên.

Vua dụ rằng : "Ở Trấn Tây bọn thổ phỉ quấy rối, gián hoặc có lan sang đến hạt bên cạnh, nên thổ dân sở tại bị chúng lừa dối dỗ dành. Gần đây, các giặc ở Hà Tiên, đã bị quan binh giết tan, mà một rẻo Trấn Tây, sức quân tưởng cũng lần lượt dẹp yên. Còn ở Tây Ninh chẳng qua nhân thấy sơ hở mà lén lút phát ra đó thôi. Nay ngươi đem quân đến nơi, nên tuỳ nghi mà điều độ, đánh dẹp vỗ về đều kiêm hành cả : ai bị giặc xua đuổi hiếp bách thì chiêu dụ cho về làm ăn, kẻ nào cứ giữ mê muội, chống lại quan quân, thì giết cho hết không để sót mống nào.

Vả lại, bọn giặc ấy, chỉ ra vào trong đám bụi rậm, mỗi khi gặp quan quân tiến đánh, thì trốn lủi như chuột, nếu không đuổi đến kỳ cùng, sao hay bắt được kẻ phạm. Chuẩn cho mướn mộ nhân dân nhìn kẻ nào du thủ, du thực, mà mạnh khoẻ can đảm, chiến đấu liều chết, độ 3 hay 5 trăm người, hậu cấp cho tiền gạo, đem theo quân thứ, hễ có đánh dẹp, sai đi trước giết giặc. Nếu bọn giặc trốn chạy, tức thì

sai đều cầm dao ngắn, mũi nhọn, xông pha các đường tắt trong rừng, theo lối chạy mà đuổi giết, thì giặc tự khắc không còn đường chạy nữa".

Bố chính tỉnh Biên Hoà là Phạm Duy Trinh tâu nói : 2 huyện Bình An và Phúc Bình thuộc tỉnh hạt, địa giới tiếp phủ Tây Ninh, tỉnh Gia Định, một dải thượng nguyên, đều là người Man ở núi rừng hẻo lánh rậm rạp. Trước đã phái thự Quản cơ cơ Hữu Biên Hoà là Trần Văn Khả, quản suất đem 200 binh dũng đến đóng đồn ở địa đầu để ngăn giữ. Nay tiếp báo có bọn người Man và người Thổ, kết hợp nhau đến hơn 500 người, đều đội khăn vải trắng từ Nam Ninh đến. Quân ta giao chiến với bọn ấy, viên Suất đội là Nguyễn Văn Thành, bị súng của giặc bắn chết tại trận, giặc cũng nhiều đứa bị thương, bèn lui chạy. Hiện đã phái thêm 500 binh dũng, thương lượng uỷ cho Phó lãnh binh là Trần Văn Tuấn lĩnh đem đi đuổi bắt.

Vua xuống dụ rằng : "Chuẩn cho trước hãy giáng Trần Văn Khả 1 cấp và bắt phải cùng với Trần Văn Tuấn liệu cơ đánh dẹp. Nguyễn Văn Thành bị chết tại trận, chiểu theo lệ mà cấp tiền tuất gấp hai".

Quyền thự Tuần phủ An - Hà là Lê Quang Huyên, từ phủ Tĩnh Biên về tỉnh, tạm thay giữ ấn, cùng với Thự đốc là Dương Văn Phong cùng thương lượng, cho là bọn thổ phỉ ở Tĩnh Biên, dẫu đã bị giết tan, mà tên đầu sỏ là Chân Triết còn chưa bị bắt, thế tất lại tụ họp nhau làm cản trở. Bọn thổ phỉ ở phủ Quảng Biên là giặc Tiên, dẫu đã bị chém đầu, nhưng bọn lũ sót lại hãy còn ẩn náu trong địa hạt. Vậy 2 phủ ấy, một nơi là giữa bụng, một nơi là địa đầu, cơ mưu đánh dẹp, không thể hoãn được. Bèn phái uỷ Quản vệ là Nguyễn Văn Do, Quản cơ là Trương Văn Tố, đem 500 binh dũng, hiệp cùng 400 binh đạo Quảng Biên, tuỳ cơ nã bắt. Quang Huyên lại đem 1200 binh dũng đến Tĩnh Biên đánh dẹp, và hội hàm dâng sớ tâu lên.

Vua phê bảo rằng : "Bàn tính phép hành binh như thế, đã hợp ý ta. Ta sẽ trông mong ngựa tới là thành công, để nhận thưởng hậu".

Quang Huyên liền theo đường núi Địa Tạng, thẳng đến Giang Thành, nghe tin bọn thổ phỉ có hơn 2000 tên, tụ họp ở núi Bà Điên, Huyên thân đốc biền binh tiến đánh, chém được 5 thủ cấp cắt lấy tai, súng bắn chết trận rất nhiều. Vua bèn thưởng gia quân công kỷ lục 2 thứ ; Suất cơ cũng đi trận ấy là bọn Phan Văn Sơ 4 người, đều thưởng 1 thứ ; biền binh thưởng chung cho 300 quan tiền. Vừa gặp thự Án sát mới là Trương Phúc Cương tới tỉnh lỵ, đặc cách chuẩn cho quyền giữ ấn Tuần phủ quan phòng để làm việc.

Án sát An Giang là Nguyễn Nhật Thạnh tâu xin trích những tù tội đồ, lưu, khổ sai ở các tỉnh phát đến, là 20 tên, tháo xiềng xích cho làm binh, đặt tên là đội

Phục thiện, tháng cấp cho tiền 1 quan, gạo 1 phương, gặp có sai phái sung làm quân tiền khu để đánh giặc. Vua y cho.

Lại khoa Chưởng ấn Cấp sự trung do Kinh phái ra là Trần Văn Triện từ tỉnh Hà Tiên về Trấn Tây, dâng sớ nói : có dò hỏi được trước đây bọn giặc ở Thượng Phong, lan tràn qua phủ Tĩnh Biên, nguyên Phủ uý là Chân Triết, tình nguyện tự đem thổ binh tiến đánh. Khi đi hắn có khóc lóc, đem cha mẹ vợ con ký thác cho Lãnh binh An Giang là Nguyễn Đức Huấn, Tri phủ Nguyễn Khắc Biểu nhờ trông nom cho, để được yên tâm đánh giặc. Khi Đức Huấn nghe tin Chân Triết lui quân, vội vàng sợ hãi bỏ chạy, Biểu cũng chạy theo, bỏ quên mất thân quyến của Chân Triết, nên nhân đó mà đi theo giặc. Chân Triết bỏ đi, bèn làm người cừ mục trong đám giặc. Từ bấy giờ trở đi bọn giặc càng quấy nhiễu thêm. Thực là bởi tự bọn Huấn không khéo xử trí, nên mới gây thành như thế.

Vua dụ rằng : "Cứ như lời tâu, thì Chân Triết nguyên có lòng ra sức dẹp giặc, chỉ vì Nguyễn Đức Huấn sợ hãi nhút nhát không có tài năng gì, lại xử trí trái lẽ, thành ra lỡ việc. Vậy tức khắc bắt Nguyễn Đức Huấn xiềng xích lại, Nguyễn Khắc Biểu cũng cách chức, đều giao cho Thự đốc Dương Văn Phong, đốc cùng với Niết ty là Nguyễn Nhật Thạnh tra xét nghị xử". Khi án xét xong, Khắc Biểu đã chết, truy thu lại bằng sắc ; còn Đức Huấn xử trảm giam hậu.

Phát ở kho ra 2 cỗ súng xung tiêu bằng đồng (lòng súng chỗ đạn phát ra đều đường kính 2 tấc, 4 phân ; lòng nạp thuốc đều đường kính 2 tấc), đạn chấn địa lôi 100 quả, tải đến pháo đài Phòng Hải ở cửa biển Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam. Sai tỉnh thần dự kết sẵn cái bè nổi làm hình dáng cái thuyền, và lấy cái phên tre làm hình dáng lá buồm. Bèn sai Quản vệ vệ Loan giá là Tôn Thất Tường ; Lang trung bộ Binh là Hồ Công Thiện, đem theo thị vệ, hộ vệ cùng đi đường trạm, đem cái bè nổi ấy, để ở trước mặt đảo Diên Chuỷ, chỗ con đường tàu thuyền ngoài biển ra vào tất phải qua đấy, châm chước định liệu tầm súng, bắn thử 3 phát súng xung tiêu, 10 phát súng hồng ; rồi lại đem cái bè nổi ấy, dời đến trong vụng chỗ tàu thuyền vẫn đậu đỗ, lại bắn thử như trước, để nghiệm xem bắn có trúng hay không, và sức súng bắn ra được mấy trượng thước, đăng ký rõ ràng trở về phúc tâu. Rồi lại phát thêm cho đạn chấn địa lôi và thuốc súng. (Mỗi cỗ súng xung tiêu : chấn địa lôi 100 quả, thuốc súng 400 phát).

Nhà dân ở Vĩnh Long bị thất hoả, cháy lan hơn 200 nóc nhà, có người bị chết cháy. Tỉnh thần là bọn Trần Tuyên, Lê Văn Khiêm, phát chẩn cho trước rồi sau mới tâu. Bộ Hộ cho là chuyên quyền tự tiện, tham hặc tâu lên. Tuyên và Khiêm đều bị giáng 2 cấp.

Trong Kinh kỳ nóng nực luôn mấy tuần, khí hậu trái hoà. Vua sai Thông chính phó sứ là Lâm Duy Nghĩa đến miếu Hội đồng ; Phan Thanh Giản đến miếu Phong bá để cầu đảo. Nhưng gió bắc chưa thấy ứng nghiệm, lại sai Tham tri Nguyễn Trung Mậu cầu đảo ở đền Thai Dương phu nhân.

Tỉnh thần Thanh Hoa tâu nói : các nơi trong thuộc hạt trước nhân mưa lụt, gạo của dân ăn mua kiếm hơi khó, tựu trung 1 huyện Mỹ Hoá, bị tai hại nặng hơn cả, không còn tư sản gì, không thể lĩnh mua được số thóc bán ra. Xin cho chiếu số dân có tên trong sổ, đều cho mỗi người vay 1 hộc, đến vụ hạ sang năm phải đem nộp trả. Vua y cho làm.

Vua nhân dụ bộ Hộ rằng : "Trước cứ các tỉnh lớn từ Nghệ An trở ra Bắc, tiết thứ tâu báo là bị gió mưa làm tai hại, tức thì đã xuống dụ sai xét theo chỗ nào bị tai hại nhẹ hay nặng mà bán thóc ra hay phát chẩn. Lại chuẩn cho số thuế phải nộp và thóc gạo còn thiếu lại, cho được nộp thay bằng tiền. Nhưng ta nghĩ nơi bị tai hại nhẹ, thì sinh lý tưởng đã tiện thư một chút, mà chỗ bị tai hại nặng, chưa chắc đã được hết thảy tươi vui nghỉ ngơi. Tình hình thực tại khó mà biết rõ. Nên truyền dụ cho đốc, phủ, bố, án ở các tỉnh : Nghệ An, Thanh Hoa, Ninh Bình, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Hưng Hóa, Bắc Ninh và Sơn Tây, đều phải để tâm xét nghiệm, đồ ăn thức dùng của dân gian quả đã có thể tiếp tế được, ngạch thuế quả đã có thể nộp thanh thoả được hay hoặc có tỏ chút gieo neo, nên phải cứu chữa, thì cứ thực tâu lên".

Ta lại nghĩ : các tỉnh hạt gặp tai hại, vì nước lụt như thế, giá gạo cao đắt, nhưng phường không được thoả chí hoặc nhân khi sơ hở lén lút phát ra. Vậy dụ cho đều xét trong hạt chỗ nào xung yếu, như phủ thành Lý Nhân, Hà Nội, cùng là nơi nào địa thế rộng xa, trộm giặc có thể lén lút tụ họp được, tức thì liệu lượng phái biền binh đến đóng giữ.

Ngày Mậu Dần, vua ngự điện Cần Chính, trăm quan dâng biểu lạy mừng. Vua trước đây nhân vì khó ở, nghỉ không ra triều mấy hôm ; đến bấy giờ yên khỏi, mới ra triều nhận lễ chúc mừng.

Xuống dụ rằng : "Gần đây nhân các hạt ở Bắc Kỳ, nước lụt ra tai, lại thổ dân ở Trấn Tây quấy rối, ta trù tính xếp đặt, đêm ngày lo lắng, lại thêm khí bất chính của nắng mùa đông, nên bị cảm nhiễm. May nhờ trời đất ban ơn, miếu xã cho phúc, nay ta đã khỏi bệnh, lành mạnh, ngày thêm khang cường. Hôm nay ra ngự điện coi chầu, các quan lớn nhỏ ai cũng hoan hô mừng rỡ. Đáng nên rộng ban ơn điển, để hợp với lòng vui. Từ hoàng tử, thân công cho đến văn võ quan viên và bọn lại dịch

binh đinh, đều thưởng lương bổng gạo và tiền có thứ bậc khác nhau. Các sinh viên học ở nhà Giám cũng thưởng 1 tháng tiền lương.

Thưởng cho trưởng công chúa và công chúa mỗi người đều 1 tháng tiền bổng.

Thưởng cho Ngự y viện Thái y là Hoàng Đức Hạ được gia 2 cấp ; Bang biện là bọn Đặng Văn Chức, cộng 13 người, mỗi người đều gia 1 cấp.

Lại sắc cho bộ Lễ sửa lễ tam sinh, chọn ngày tốt, sai quan đến miếu Tiên y tế 1 tuần. Lại sai quan chia nhau đến các đàn Giao, Xã và các miếu làm lễ cáo tạ.

Buổi đầu vua mới ra triều nhận lễ mừng, có dụ bộ Lễ rằng : "Bữa nọ nhân Bắc Kỳ có thiên tai, Trấn Tây có loạn lạc, ta nghĩ đến sự đau khổ của dân, mưu tính việc ngoài biên, thức ngủ không lúc nào ngơi ; hơn nữa vì thời khí bất chính, mới bị cảm mạo. Trên nhờ trời đất phù hộ, miếu xã ban ơn, nay đã yên khỏi, ngày thêm lành mạnh. Nghĩ nên sửa lễ tế [trời đất thần linh] để tỏ tấm lòng kính sợ cảm kích". Bèn sai chọn ngày tốt để làm lễ.

Vua ngự điện Văn Minh, bảo Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên rằng : "Viên Kinh doãn là Tôn Thất Bạch và Đặng Huy Thuật, đều là người không có kiến thức. Hôm trước ta được khoẻ mạnh ra coi chầu, các quan chúc mừng. Mình làm viên doãn ở nơi Kinh triệu phải nên họp các kỳ lão trong Kinh kỳ ở trước cửa Ngọ Môn chúc mừng, để tỏ cái tình yêu mến kính trọng. Đó dẫu là hư văn, nhưng có ngụ ý về tôn vua thân bề trên dạy bảo đạo trung hiếu, há chả tốt đẹp ư ?"

Vua cho là sang năm tới khoá lệ sang nước Thanh tiến cống hằng năm, lại gặp khánh tiết "lục tuần chính thọ" vua nhà Thanh, sai đình thần lựa cử 2 sứ bộ. Bèn cho Tả thị lang bộ Binh là Nguyễn Đình Tân, đổi bổ Tả thị lang bộ Lễ, sung làm Chánh sứ đi mừng thọ ; Hộ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Phan Tĩnh, đổi bổ Quang lộc tự Thiếu khanh, sung làm Giáp phó sứ ; Viên ngoại lang bộ Lễ là Trần Huy Phác, gia hàm Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, sung làm Ất phó sứ. Án sát Hải Dương là Hoàng Tế Mỹ, gia hàm Tả thị lang bộ Lễ, sung Chánh sứ đi tiến cống hằng năm ; Lang trung bộ Binh là Bùi Nhật Tiến, đổi bổ Thái thường tự Thiếu khanh, sung làm Giáp phó sứ ; Viên ngoại lang bộ Hộ là Trương Hảo Hợp, gia hàm Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ sung làm Ất phó sứ.

Vua thường bảo thị thần rằng : "Sứ bộ sang nước Thanh, phải có văn học ngôn ngữ, mới có thể sung tuyển được. Nếu phái người tham bỉ, thành ra bị nước họ khinh rẻ, như sứ bộ đời Tây Sơn, mua riêng thực vật, nay vẫn thành ra trò cười, việc đó đáng làm gương răn".

Bọn Khoa đạo là Đặng Quốc Lang và Vũ Phạm Khải dâng sớ nói : từ trước đến giờ, sứ bộ sang nước Thanh, thường đem vật hạng trao đổi hàng hoá của người nước

Thanh. Nước ta là nước văn hiến, vẫn được người nước Thanh trọng vọng. Nếu nhân vâng mệnh đi sứ, mà trao đổi hàng hoá, sợ người không biết, coi đó làm khinh trọng, chưa đủ tỏ là nhã quan. Xin từ nay hễ sứ bộ sang nước Thanh, có nên mua thứ gì, lấy bạc lạng mà trao đổi, còn hoá vật đem kèm đi thì thôi.

Vua nói : "Lời tâu rất không hợp lý. Kể ra, hoá vật đều bởi chỗ sản xuất mà ra, lấy thứ có đổi thứ không có, xưa nay vẫn thế, tức như các hạng : nhục quế, đậu khấu, yến oa, đều là của nước ta sản ra, mỗi khi gặp kỳ sang sứ nước Thanh, thường có đem theo ít nhiều, để trao đổi phẩm vật của nước Thanh, như : nhân sâm, thuốc men, sách vở là những thứ thanh quý để sung cho quốc dụng, không phải như người buôn bán ở hàng chợ, đổi mua tạp hoá, mưu toan cầu lợi. Từ trước đến giờ, đã thành lệ quen, có hại gì cho quốc thể đâu ? Huống chi nước Thanh, đổi thứ của mình có mà lấy thứ mình không có, tưởng cũng không phải là không thích, há có coi cái đó là khinh trọng ư ? Còn bảo là đem bạc lạng để đổi mới phải, thì thử nghĩ lấy bạc để đổi, cùng lấy vật để đổi, 2 đằng có khác nhau cái gì ? Sở kiến kém cỏi bỉ ổi, không đáng nói đến".

Hạ lệnh cho các vệ lính ở Kinh, tới kỳ tháng 11 này thay ban, chỉ lưu lại 1 ban ở đội ngũ ; còn đều cho về nghỉ ngơi.

Vua bảo bộ Binh rằng : "Vệ Tiền dinh Hùng nhuệ, binh đều quê thuộc Quảng Nam. Trước đã phái đi thay phiên ở 2 thành An Hải, Điện Hải hiệp cùng với lính tỉnh chia nhau đóng giữ. Nay nơi ấy chính là lúc vô sự, đã có 300 lính tỉnh, giữ gìn là đủ rồi. Còn vệ ấy chuẩn cho đến ngày mồng 1 tháng 11 này chiểu theo thứ tự trong ban về Kinh, thảng hoặc có thuyền của nước ngoài đến địa phận biển, nên phái thêm lính phòng giữ, thì do tỉnh đốc thúc lính đã mãn ban ở gần đấy cũng không muộn gì.

Tổng đốc Hải - An là Tôn Thất Bật tâu nói : lính mộ ở các đội Hải Dương nhất, nhị, tam, tứ thuộc tỉnh, phần nhiều trốn đi. Tựu trung nguyên có bọn can phạm phát binh sáp nhập vào là 35 người, xin cho đặt riêng làm đội Hải thiện ; còn hơn 100 người, dồn làm 2 đội Hải Dương nhất và nhị. Lại 2 đội Tuần thành nhất và nhị, hiện số chỉ còn hơn 30 người, xin cho dồn làm 1 đội. Vua y cho.

Bộ Hình tâu nói : các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương và Quảng Yên tha ra các tù phạm phát làm lính đã hết hạn 3 năm, nhưng chỉ làm danh sách để tư, ở bộ cũng không đem việc ấy tâu lên. Nay tự biết làm việc như thế không đúng, xin trình bày duyên do, tự nhận tội.

Vua nói : "Những tội phạm phát đi làm binh, bản án can trước, có kẻ tội nhẹ, có kẻ tội nặng không giống nhau, há nên viện lẽ đủ niên hạn mà nhất loạt tha ra ư ?"

Bèn sai viện Đô sát đem tội danh của các kẻ phạm ấy tra xét lại. Đã trích ra những người tình tội thuộc vào tội nặng là 47 tên (Hà Nội 19 tên, Nam Định 21 tên, Hưng Yên 7 tên). Bèn truyền Chỉ cho các tỉnh chiếu tên gọi đến họp, để vào đội ngũ, không một tên nào trốn tránh cả. Tỉnh thần, bộ thần đều được miễn nghị. Chuẩn cho hễ kẻ nào tình tội nhẹ, thì được tha về như trước ; nếu tội nặng lại quản thúc làm lính.

Thự đốc Bình - Phú là Đặng Văn Thiêm trong tập thỉnh an có nói : việc quân điền năm trước, đều đã yên cả, và không có lời dị nghị gì. Nhưng hiện nay đến kỳ làm sổ khẩn cấp, bọn hương hào lý dịch không tốt, phần nhiều mưu lợi riêng giở lối xảo trá, hoặc đem ruộng xấu sung vào của công, mà tự mình riêng chiếm ruộng màu mỡ hoặc đổi lại sổ sách, thay tên người khác, bớt số ruộng thực của mình đi, mà thêm cái số ruộng không đâu vào cho người khác ; hoặc ruộng thực nhiều hơn sổ trước, đến sau khi sung công, chỉ căn cứ vào sổ trước mà cấp, với vườn đã hiện thành, mạo sung làm của công đem cấp riêng cho người khác, mối tệ không những một thế mà thôi. Nay thường cùng kiện cáo nhau, nếu đều xét cả, thì tra khám không xuể. Xin hạn cho trong 15 hôm ai có tình tệ ấy, đều cho đến tỉnh trình bày tự thú, cùng với đơn tố cáo, tâu xin cải chính lại, để đình chỉ mối kiện cáo.

Vua dụ rằng : "Cách quân điền là để bớt chỗ nhiều thêm cho chỗ ít, lợi công cộng cho nhân dân, rất là phép hay. Nhưng đương bấy giờ, gấp làm việc công, thì ở trong ấy còn có 1, 2 chỗ sai nhầm, tưởng cũng không thể nào không được. Nay cứ như lời tâu thì lý dịch hương hào có nhiều mánh khoé thêm, bớt, tham, mạo, biến đổi, dối trá, nếu không tra xét phân biệt, thì họ làm trôi được kế gian, mà tiểu dân thế cô hèn yếu, không còn trông nhờ vào đâu được, rất không phải là ý kiến lúc mới lập pháp. Chuẩn cho ngươi đốc cùng với 2 ty Phiên, Niết báo khắp các xã thôn biết, hạn trong 1 tháng, đều tới tỉnh thú tội, thì lượng cho khoan giảm ; nếu ngoài hạn không đến thú, và thú không hết, không thực, có người giác ra, phải trị tội nặng. Nhưng căn cứ vào người đầu thú và người tố cáo, giữ công bằng mà tra xét thi hành. Cốt được thực điền, thực ngạch, công tư đều tiện. Chớ để người bần bạc bị kẻ hào phú xâm lấn lừa dối ; cũng không nên coi thường, uỷ cho bọn lại dịch được gây thêm mối tệ vào trong ấy. Việc xong cứ thực tâu xin cải chính, để làm phép nhất định, thì mối tranh giành mới yên lặng lâu dài".

Bọn Viên ngoại lang phủ Nội vụ là Nguyễn Văn Công và Trần Văn Ngạn dâng tờ phiến tâu nói : gia đình bần hàn, xin cấp cho áo mặc mùa đông. Vua bảo Nội các rằng : "Triều đình thưởng cho, đã có thường lệ, há nên cầu cạnh ban ơn. Bọn Công tự xưng là bần hàn, thì các quan ở Kinh há phải là tham ô cho nên giàu, mà bọn họ

thanh liêm cho nên nghèo ư ? Sao mà đê hèn đến thế ! Hai viên ấy đều xử phạt đánh ngay 40 roi. Bạn cùng làm việc là Viên ngoại lang Lê Nguyên Trung không chịu cùng ký tên viết chữ "đề" cũng có kiến thức, chuẩn cho thăng thự Lang trung, nhưng hộ lý ấn quan phòng phủ Nội vụ ; Nguyễn Văn Công, Trần Văn Ngạn, đều hiệp theo giúp việc, không được cùng giữ ấn quan phòng như trước".

Tham tri bộ Binh là Nguyễn Trung Mậu mới đây đến đền Thai Dương cầu đảo, nhân tiện xem đường quai bằng đá ở thành Trấn Hải, thấy Phó vệ úy vệ Trung dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Văn Thai đóng giữ ở đấy, ngày thường luyện tập quân ngũ, lại nhân lúc nhàn hạ, thúc đốc biền binh, chở đá đắp thêm vào đường quai ấy, cho được kiên cố. Khi về đem việc tâu lên.

Vua ban khen, thưởng cho Thai kỷ lục 1 thứ, và biền binh 50 quan tiền.

Tỉnh thần Vĩnh Long tâu nói : binh dân ở đảo Côn Lôn thuộc hạt ấy, số người khá nhiều (205 người), cùng với số tù phạm tiết thứ phát vãng đến (210 người), gián hoặc có người đã mãn hạn, lệ theo vào sổ dân. Xin cho trong số binh dân ấy lựa lấy 50 người, đặt làm 1 đội Thanh hải, sai phái việc công, và hằng năm sai đi lấy tổ yến đệ nộp ; còn thì cho cùng với tù phạm đã lệ thuộc vào sổ, đặt làm thôn An Hải. Duy xét ra điền thổ ở đảo không có mấy (binh dân trước đã khai khẩn thành điền là 150 mẫu, đất vườn, trồng cau hơn 8 mẫu, đất trồng khoai đậu hơn 21 mẫu. Về tù phạm, mới khẩn thành điền hơn 23 mẫu, còn thì bỏ hoang, rừng rậm có thể cày cấy được là hơn 180 mẫu), mà nơi dân ở thì cơ chỉ [dựng nền xây móng] chưa thành. Về đinh điền theo lệ nên thu thuế thế nào chưa dám khinh suất nghĩ bàn.

Vua xuống dụ : "Chuẩn cho gia ơn được thu thuế mãi mãi".

Những xã Xuân Dương, Phú Hải ở Quảng Trị, có đơn kêu nói là : có dòng cảng cũ, giáp với sông Vĩnh Định, từ khi cửa cảng bị lấp, không có nước tưới vào ruộng, về việc cày cấy phần nhiều khó khăn. Xin cho khơi đào cảng ấy để lấy nước.

Vua sai tỉnh thần đến khám xét rồi tâu lên. Tỉnh thần nói : cửa cảng ấy ở thượng lưu sông, nếu một phen khơi đào, thì lợi về các xã ấy không được mấy, mà thế nước chia rót vào, lòng sông ngày một nông lên, thuyền bè không tiện đi lại mau chóng, thành ra hại lắm.

Vua nói : "Đào sông Vĩnh Định cốt để làm lợi nghìn muôn đời không cùng, dân kia ý kiến hẹp hòi, há nên chiều theo lời xin. Duy họ đã lấy việc hại cho nghề nông để làm cớ nói, thì triều đình đâu nỡ khiết nhiên ngồi trông. Vậy chuẩn cho chiếu theo các dòng cảng cũ thuộc về địa phận các xã ấy, chỗ nào có cát lấp thì khơi cát đi, chỗ nào nông cạn thì khoi mở ra, thì ruộng lúa nhờ đó có nước tưới vào, mà nước mưa ngập cũng khơi ứ tắc. Việc làm ruộng chưa phải là không có lợi vậy."

Phó lãnh binh giữ bảo Sa Tôn ở Trấn Tây là Đoàn Văn Sách, đánh bọn thổ phỉ ở đồn Chi Trinh được thắng trận lớn. Trước đây, bọn giặc Minh, Ma, Y và Yết ở Lò Gò Vật và Bắc Tầm Bôn, tụ họp bọn giặc người Xiêm, Lạp, Lào, vài nghìn người, lại quán thông với bọn giặc ở Hải Đông để quấy rối. Phó lãnh binh đóng giữ đồn Chi Trinh là Nguyễn Công Nhàn cho là đồn Tà Sô ở xa và hiểm trở, tự rút Quản cơ Vĩnh tả là Nguyễn Văn Thuận đem quân đóng đồn về. Khi đi giữa đường chợt gặp phục binh của giặc, Thuận cùng thự Chủ sự là Nguyễn Khắc Thiệu cố sức đánh, không địch nổi, bị chết ở trận, lính phần nhiều bị thương bị chết tan vỡ cả, súng và khí giới bị giặc cướp lấy hết. Giặc thừa thắng đến bức bách đồn Chi Trinh. Nhàn nhân thấy khí thế giặc đương kiêu, bèn đêm sai hơn trăm lính tinh tráng đánh úp, chém được 4 thủ cấp giặc cắt lấy tai, đâm giết được vài mươi đứa. Giặc bèn thêm quân đóng trại vây chặt. Bốn mặt đồn, đều đắp núi đất chở súng lớn đến bắn. Lại ở 2 bên bờ sông nhánh, gần đồn, dựng 2 cái đồn lớn giao nhau lấy cọc ván chặn lấp lòng sông nhánh. Còn chỗ ngã ba về hạ lưu sông nhánh, thì chặt các cây to bỏ ngang ngăn cản, cũng đặt 1 đồn để phòng bị viện binh của ta. Nhàn ở trong đồn, quân lính chỉ còn hơn 200 người, hết sức chống giữ, đào hầm hố để tránh đạn súng lớn của giặc. Trải 24 ngày, thế rất nguy cấp. Sách phái quân đến tiếp ứng, bị ngăn trở không tiến được. Lập tức lựa trích hơn 370 biền binh, chia ngồi các thuyền chiến, thân tự đốc suất quân đi. Đến chỗ ngã ba sông nhánh đánh phá đồn giặc, thẳng tới nơi đồn sở giao nhau, trước hết sai hai toán quân lên bờ 2 bên tả hữu, tự mình do lòng sông nhánh chặt phá các cọc và ván, rồi cùng một loạt xông lên đánh bừa vào, chém được hơn 30 thủ cấp cắt lấy tai, giặc bỏ đồn chạy. Nhàn thấy quân viện đã đến, mở cửa đồn ra, đằng trước đằng sau đánh ập lại, giặc tan vỡ cả, chém được 5 thủ cấp cắt lấy tai, đốt hết đồn trại của giặc, bèn giải được vây. Sách cùng Nhàn thương lượng, cho nơi ấy đường nguy hiểm, quan báo khó thông, đóng giữ không tiện, bèn rút về đồn Sa Tôn, đắp thêm luỹ đất ở ngoài đồn để phòng bị. Sách nhân có bệnh, quay về Hải Đông, vẫn để Nhàn ở đó gồm cai quản hơn 1.000 lính, chia phái đi ngăn giữ. Bọn Tướng quân, Tham tán tiếp được tin báo thắng trận, đem việc tâu lên.

Vua rất khen ngợi dụ rằng : "Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhàn, một người thì lấy quân ít thắng quân nhiều, rồi chuyển đánh thẳng lên, giặc không dám đương nổi sức hăng hái của quân ta, giải được vây ở đồn Chi Trinh, mạnh bạo, can đảm rất là xuất sắc ; một người thì cố giữ thành trơ trọi, giặc không dám phạm, lại có thể ra quân kỳ binh, giết giặc dựng công, thực là có dũng có mưu, rất là đáng khen. Đều chuẩn cho thưởng thụ Vệ uý trật Chánh tam phẩm, nhưng đều sung làm Phó lãnh

binh. Lại thưởng cho Đoàn Văn Sách 1 đồng kim tiền Phi long hạng to, 1 cái nhẫn vàng, gia quân công 1 cấp ; Nguyễn Công Nhàn 1 đồng kim tiền Phi long hạng nhỏ, 1 cái nhẫn vàng, gia quân công 1 cấp. Bọn Quản vệ, Quản cơ theo với Đoàn Văn Sách, đều thưởng cho 1 cái nhẫn vàng, gia quân công 1 cấp, bọn Suất đội đều thưởng 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, quân công kỷ lục 2 thứ. Biền binh đi chuyến ấy thưởng chung cho 2.000 quan tiền. Bọn Quản cơ theo với Nguyễn Công Nhàn, đều thưởng 1 cái nhẫn vàng, quân công kỷ lục 2 thứ ; bọn Suất đội đều thưởng 2 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, quân công kỷ lục 1 thứ ; còn biền binh thưởng chung cho 1.000 quan tiền. Bị chết trận là Nguyễn Văn Thuận chuẩn cho truy tặng Phó vệ uý, hàm Tòng tam phẩm, Nguyễn Khắc Thiệu truy thự Chủ sự, đều chiếu theo hàm được tặng mà cấp cho tiền tuất.

Xét ra 4 mặt Hải Đông đều là giặc cả, hơn nữa, lại có bọn Xiêm, Lào giúp sức vây làm bậy, mà Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhàn, chỉ có 300 - 400 biền binh, có thể đánh phá bọn giặc nhiều đến 4.000 - 5.000 đứa, họ là tướng nhỏ còn biết hăng hái, cố gắng như thế, huống hồ các Tướng quân, Tham tán là bậc đại thần trong một địa phương lại không bằng họ thì có đáng không. Thế mà tháng trước, chỉ nghe có Cao Hữu Dực, từng đem binh đi đánh dẹp một phen thôi, còn bọn Tướng quân, Tham tán, Bang biện, từ trước đến giờ trù tính làm những việc gì ? Chưa nghe thấy dời cửa viên môn [cửa nơi đóng quân] ra một bước. Kể ra trước đây việc võ về chống chọi không đúng lẽ cố nhiên không bàn đến, nay đang lúc đánh dẹp, mà lại vẫn chậm trễ trù trừ, chỉ bo bo ngồi giữ, không nghĩ tự phải hăng hái, thì trọng trách về việc giữ bờ cõi ở đâu ? Ta rất hổ thẹn thay cho.

Tình thế hiện nay, bên trong đánh dẹp, bên ngoài ngăn giữ, rất là khẩn yếu, nên phải khích lệ tướng sĩ, chỉnh đốn quân lính như thế nào, để trước hết ở địa đầu giết tan bọn giặc, cho bọn giặc nước ngoài, không dám để ý nhòm ngó, thì bọn giặc nhỏ ở trong nơi lòng bụng, không đánh tự khắc phải yên, mới là đắc sách. Hiện nay quân sĩ đã họp đầy đủ một số lớn, phủ Hải Tây đã có Đề đốc Vũ Đức Trung ở đó cũng đủ nhờ cậy đắc lực. Nên lượng phái Quản vệ, Quản cơ người nào nhanh nhẹn tài giỏi, đem 1000 - 2000 binh, hiệp cùng với Trung để đánh dẹp, cũng có thể nên việc. Duy có phủ Hải Đông, thế giặc cậy có bọn giặc Ma và Minh, hãy còn hung hăng, nên bàn tính viên nào ở lại giữ phủ, viên nào thống lĩnh đại binh độ 3.000 - 4.000 tiến đi, cốt sao càn quét một trận cho hết bọn giặc ở nơi ấy, để cho giặc Xiêm nghe tiếng, sợ hãi không dám hành động gì, rồi liệu cắt người ở lại coi giữ, và dời quân đi các nơi ở trong phủ đó, hễ có bọn nào còn tụ họp thì lần lượt dẹp cho bằng hết, mới có thể sớm được xong việc. Nên gấp mưu tính, ta đứng ngóng tin thắng trận tâu về đó !".

Vua bảo viện Cơ mật rằng : "Trấn Tây đương có loạn, việc đánh dẹp mưu tính có quan hệ đến sự được thua lợi hại, cần phải thường đưa tin tức, để rõ tình hình ngoài biên. Nên truyền dụ cho bọn Tướng quân, Tham tán biết hễ có việc gì khẩn yếu quan hệ đến quân cơ, thì không cứ kỳ hạn, phải làm tờ sớ thượng khẩn tâu báo ngay ; còn các tình hình về sai phái, đánh dẹp vỗ yên, dò thám, chuẩn cho 5, 6 hôm 1 lần, làm tập tối khẩn tâu lên, không được chậm trễ gác bỏ".

Phủ hạt Thừa Thiên có nạn nhiều hổ. Vua nghe tin đó bảo rằng : "Tiểu dân ở gần núi, đốt than kiếm củi, kiếm ăn không lúc nào rỗi, nay bị tai ách vì hổ, chẳng hầu như phải bỏ việc ư ?" Bèn sai Đề đốc là Trần Hữu Lễ, đem vệ Võng thành và lính ở phủ ấy tìm cách vây bắt. Lại sắc cho địa phương sở tại, đặt nhiều cạm bẫy để trừ đi.

Thự Bố chính Định Tường là Trương Văn Uyển và Phó lãnh binh là Tạ Văn Linh (đi vận tải đồ vật mới về), tiến đến quân thứ ở Bông Nguyên, vừa được tin báo có bọn giặc đóng đồn ở Cần Chấp (tên đất, thuộc huyện Nam Thịnh, giáp đồn Thông Bình), bèn đốc quân chia đường tiến đánh, vừa mới dàn trận, giặc đều bỏ đồn chạy cả, đuổi theo không kịp. Bèn đem việc tâu bày lên. Và nói : đồn Thông Bình, chỉ ngăn giữ có 1 mặt thôi, mà Bông Nguyên địa giới giáp các huyện Quang Hoá, Nam Thái, là nơi bọn giặc tụ họp, khống chế nhiều chỗ. Nếu cứ đóng ở Thông Bình, có tin cáo cấp, sợ khó kiêm trông coi được cả. Hiện đã để lính ngăn giữ ở đó, mà quay về Bông Nguyên liệu cơ đánh dẹp.

Vua phê bảo rằng : "Phải nên ra quân kỳ binh để đánh lấy được, mới thấy công hiệu. Nếu nghiêm bày trận thế, thời giặc đã chạy trước rồi, còn tài nào đi khắp rừng mà đuổi tìm muông thú được. Bọn ngươi nên tính cho kỹ".

Quyền thự Tổng đốc An - Hà là Dương Văn Phong, thự Án sát Hà Tiên là Trương Phúc Cương tâu nói : được tin thám báo bọn giặc tàn ở đồn Chu Nham, núi Lộc Sơn, chạy lẻn về đóng ở địa hạt trạm Quảng Trường (nơi ấy là quãng giữa từ tỉnh lỵ đến Quảng Biên), đã phái Quản vệ là Đỗ Văn Đô, Suất cơ là Trần Văn Hoằng, quản suất đem 300 binh dũng, từ đồn Chu Nham thẳng tới Thổ Sơn (tên bảo) ; lại phi báo cho đạo binh ở Quảng Biên là Quản vệ Nguyễn Văn Do, Quản cơ Trương Văn Tố, từ Quảng Mai (tên đất), thẳng tới Quảng Trường, đằng trước đằng sau đánh giáp lại, đều được thắng lợi, đồn trại sào huyệt của giặc đều phá huỷ đốt hết. Về con đường bộ từ An Biên đến Quảng Biên, hiện đã yên tĩnh. Hiện đã sức bắt đi ngay tới Khai Biên dẹp trừ bọn giặc còn trốn.

Lại xét các sở ruộng do quân lính cày cấy ở Lam Thụ, Sa Kỳ và Thổ Sơn trong hạt, nay đã gieo mạ cấy trồng đến hơn 1.000 mẫu và ruộng của thổ dân theo giặc, lúa thóc gần chín, số lại càng nhiều. Bọn giặc còn lại ở trong rừng, hết thảy đều

trông vào đó để sinh sống. Núi vắng đêm khuya, khó giữ được bọn giặc lén lút phát ra. Đã lượng phái biền binh, một mặt chia đi lùng bắt và chặn giữ các con đường hiểm yếu ; một mặt sắm đủ đồ cắt lúa, sai thêm các đội hương dũng, lần lượt cắt gặt lúa ấy. Chắc là bọn giặc không có chỗ nương nhờ, hết đường trốn để sống. Ví dù không bó tay đến trước cửa quân chịu tội, thì cũng là quỷ chết đói ở trong rừng trong hang mà thôi. Đó cũng là một mẹo thuật không đánh mà tự tan vỡ.

Lại bọn thổ phỉ ở Tĩnh Biên, đã lâu chuyên do viên Thự phủ là Lê Quang Huyên đánh dẹp, dẫu đã nhiều lần giết phá nhưng tên đầu mục vẫn chưa bắt được. Một dải đường sông, giặc vẫn còn ra vào lẩn nấp. Nay Quang Huyên nếu theo lời dụ trước, chuyển sang Khai, Quảng là nơi việc đánh dẹp đã thư, chỉ sợ bọn giặc ở Tĩnh Biên lại tụ họp làm ngăn trở. Xin vẫn để Quang Huyên ở đó đánh dẹp, mới có thể sớm được yên lặng. Còn thần là Dương Văn Phong xin đợi viên quyền chưởng Lãnh binh Đoàn Quang Mật đến tỉnh hội bàn cơ mưu bắt giặc xong, sẽ tức thời trở về An Giang, sắm sửa binh thuyền tiến đánh bọn giặc ở Thượng Phong, Phong Nhương, việc ấy thần đã tư cho quân thứ Quang Huyên biết rồi.

Vua cho là phải. Lại bảo viện Cơ mật rằng : "Bọn thổ phỉ ở Trấn Tây lan tràn sang tỉnh Hà Tiên và các nơi Khai Biên, Quảng Biên, gần đây quan quân đánh giết luôn mấy hôm được thắng lợi. Nơi ấy dần dần được yên lặng rồi. Duy còn một dải Trấn Tây đã một tuần nay, hãy còn chậm báo tin thắng trận. Xét ra, bọn Tướng quân, Tham tán đều là đại viên ở nơi biên khổn, việc dẹp giặc là phận sự của mình. Huống chi hiện nay trong Kinh và các tỉnh từ Tả kỳ trở vào Nam, đã phái biền binh đến họp đông đủ không kém 20.000 người. Đem số binh lực ấy mà đánh giết một phen rất dữ dội thì có thể tính ngày dẹp yên được. Cớ sao lại một mực chậm trễ kéo dài đến thế ?

Nay chuẩn cho đi ngựa trạm đến truyền dụ, hạn cho thượng tuần tháng sau phải làm xong việc, còn có thể khoan tha cho tội trước mà lại ghi công sau nữa. Nếu chậm trễ kéo dài ngày, vẫn không có công trạng gì, thì còn dùng bọn Tướng quân, Tham tán để đảm nhận cái trọng trách ở nơi phong cương làm gì nữa. Đến lúc ấy ta cứ theo pháp luật mà thi hành thôi.

Lại truyền dụ cho bọn Kinh lược Phạm Văn Điển biết nếu đến Khánh Hoà hãy tạm nghỉ ngơi ở lại tỉnh lỵ, đợi có tin báo ở Trấn Tây, sẽ tiến cũng chưa muộn. Lại sai bộ Công truyền Chỉ cho chiếc thuyền Vân Điêu đi vào Nam, nhân thuận gió chở tới cửa biển Cần Huân ở Khánh Hoà, chuyển giao áo trận, khí giới cho 5 vệ binh ở Kinh phái đến, rồi đậu ở đó, đợi Chỉ".

Bộ Lại tâu nói : cứ thành Trấn Tây đã tra xét phúc tư về các lưu quan trước đây bị giặc giết chết. Tựu trung hoặc có người là Tư vụ hoặc là bát phẩm thư lại quyền

thự Tri phủ, Tri huyện, hoặc là sĩ nhân thí thự Huấn đạo, phẩm trật cao thấp không giống nhau ; lại có người chưa được thực hàm. Nay nếu chiếu phẩm gia tặng một hàm, thực là khó làm. Xin cho châm chước nghĩ định : người nào nguyên là Tư vụ, thì truy tặng Chủ sự ; nguyên là chánh bát phẩm thì truy tặng Tư vụ ; nguyên chánh cửu phẩm, thự chánh bát phẩm thì truy thụ chánh bát phẩm, nguyên Lại mục thì truy tặng Tri sự ; sĩ nhân thì truy tặng Hàn lâm Đãi chiếu. Vua y lời tâu ấy.

Bọn Tướng quân, Tham tán ở Trấn Tây tâu nói : năm nay ở hạt và các phủ thành, ruộng đồn điền có hơn 3.000 mẫu, thu thành thóc được hơn 13.000 hộc. Đã châm chước cấp cho binh đinh tù phạm hơn 280 hộc, còn bao nhiêu chứa vào kho. Nhưng xét trong hạt mỗi tháng chi về lương bổng, tiền và gạo ước tính mỗi hạng đều hơn 28.000 quan và phương. Kể từ mồng 1 tháng này đến cuối tháng 2 sang năm, tiền gạo phải chi đều mỗi thứ hơn 168.000 quan và phương. Mà ở hạt và các phủ thành hiện chứa tiền hơn 62.300 quan, thóc gạo hơn 91.300 hộc và phương. Vậy còn thiếu tiền là hơn 105.700 quan, gạo hơn 76.700 phương. Hiện đã tư đi An Giang trù liệu tiếp tục tải đến cho.

Vua nói : "Nay quan binh hội họp đông đúc, tự nên phải phái đi ngay dẹp giặc, để cho xong việc, há nên đóng binh tốn lương, ngồi đấy bỏ phí ngày tháng. Huống chi tỉnh An Giang việc bắt giặc còn chưa xong, nếu vận chở bận rộn, há chẳng lại thêm nhọc sức quân ư ? Vả thóc gạo hiện trữ, đem chi cấp trong năm nay, còn có phần thừa ; duy có tiền thì chưa được sung túc thôi. Nay chuẩn cho tỉnh An Giang chở giao cho 30.000 quan tiền ; đợi đến kỳ tháng 12, nếu bọn thổ phỉ ở Trấn Tây, đều đã dẹp xong, sẽ lập tức lượng bắt binh thuyền tải đến".

Trong Kinh kỳ có mưa. Từ khi sang đông đến giờ, khí trời nóng bức, vua đã mấy lần sai quan đến cầu đảo các đền thiêng, tuy có được mưa nhỏ vài lần, nhưng nắng mặt trời càng nóng dữ. Vua tự mình tu tỉnh hết sức, phàm đồ vật của vua vẫn dùng, đều cất bỏ hết thứ bằng vàng ngọc. Lại sai ty Tam pháp xử việc hình ngục cho được thanh thoả. Thường ở trong cung đốt hương mật đảo. Lại thiết lập đàn Tam thần[1] ở phía tây cầu Kim Thuỷ, ngoài Ngọ Môn, phái đường quan 6 bộ, mỗi bộ 1 người, dốc lòng thành kêu khấn. Rồi thì gió bấc nổi lên, mây kéo đen nghịt, mưa xuống rất to, xa gần thấm khắp.

Vua rất vui hả, lập tức cho phát hương lụa ở kho trong nội, sửa lễ tế tạ. Ngay ngày hôm ấy cho triệt đàn. Khâm phái là bọn Vũ Xuân Cẩn, đều gia ơn thưởng cho 1 cấp và 1 đồng Kim tiền Như ý hạng nhỏ, 2 cuốn sa ; còn bọn quan lại, biền binh giúp việc đều thưởng chung cho 300 quan tiền.

---

(1) *Tam thần* : tức là trời, đất, quỷ thần (*Từ nguyên*).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXIX*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840]. Mùa đông, tháng 11 ngày mồng 1 ; vua thân đến điện Phụng Tiên làm lễ cáo yết. Ngày hôm trước, vua ngự điện Văn Minh, khóc bảo với thị thần là Trương Đăng Quế rằng : "Ta trước nhân 2 lần bị cảm mạo, nằm chiêm bao thấy tiên đế ngự triều, lòng ta khôn xiết thương cảm, muốn rảo lên trước để chầu hầu, lại có ý sợ hãi không yên, không dám tiến lên. Từ đó chứng bệnh liền khỏi. Dẫu là công hiệu về dùng thuốc, nhưng cũng nhờ anh linh của tiên để ở trên trời, ngấm ngầm giúp đỡ, nên mới chóng khỏi được như thế".

Hôm ấy, làm lễ cáo yết xong, vua lại đến cung Từ Thọ lạy hầu.

Vua ngự điện Văn Minh, sai thị thần là Trương Đăng Quế đọc bài thơ ngự chế[1] và bảo rằng : "Thơ là để rèn luyện linh tính còn hơn cái sở thích khác. Nhưng việc học của đế vương khác với thư sinh, dẫu trong khi ngâm vịnh, cũng có ngụ ý làm chủ nước, yêu nuôi dân. Nếu không thế, cũng là một văn sĩ thôi, thì có quý gì ? Ta xem thơ của đế vương đời xưa, duy có Đường Văn Hoàng [Thái tông] là hơn cả. Về lời lẽ ý tứ khéo léo, đẹp đẽ, cách điệu mới mẻ lạ lùng, không phải người ta có thể theo kịp. Nhưng ở trong phần nhiều là ý vị về cảnh lâm tuyền, không phải khí tượng đế vương miếu đường, cùng tựa như bọn văn sĩ tranh lạ đua khéo thôi. Còn thơ của Càn Long đời Thanh phần nhiều ép gượng, bỉ lậu, không đáng nói đến, mà

(1) *Ngự chế* : tự vua làm ra.

người thị tụng bấy giờ, không có một ai sửa nắn lại, đến nay đọc đến, chỉ là cái trò cười. Vì thế, ta mỗi khi trước tác, đều đem bàn với bọn khanh, đó là muốn tham khảo ý kiến của nhiều người. Mà bọn khanh không có nói ý kiến gì lạ, chả biết thơ của ta, quả đã điển nhã[1] có thể truyền cho đời sau được hay không ? Người xưa làm văn không thể thêm được một chữ, không thể bớt được một chữ làm quý, như thơ cổ có câu "Tế vũ ngư nhi xuất, vi phong yến tử tà" nghĩa là : mưa lún phún, con cá bơi ra, gió hây hẩy, chim én lượn thấp". Người sau khen là tác phẩm hay hơn cả, tự ta xem ra, chữ "xuất" không bằng dùng chữ "thướng" [thướng nghĩa là lên] 2 chữ "nhi, tử" [đều là con] cũng là bổ thêm cho đủ chữ há chẳng là còn có thể bỏ bớt đi được ư ?".

Tấn phong cho hoàng tử thứ 7 là Miên Thẩn làm Nghi Hoà quận công.

Cho Lang trung bộ Hộ là Nguyễn Du làm Án sát Hải Dương.

Cho Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh rút lui viện Cơ mật, chuyên làm việc ở bộ. Thừa biện thái giám là Nguyễn Đức, đối với người ngoài nói bàn xằng bậy, phải tội cách bậc, phát ra hồ Tĩnh Tâm sung làm việc khổ sai đê tiện ; Phụng nghi thái giám là Chu Phúc Năng vì tội phụ hoạ, bị cách làm cung giám.

Quyền thự Tuần phủ Nam - Ngãi là Nguyễn Tri Phương tâu nói : số thuyền có nhiều, chia để các nơi đã lâu ngày, xin theo lệ ở Kinh, mỗi tháng phái viên biền thuộc tỉnh đi tuần tra một lần, nếu xếp để không đúng phép, hoặc để hỏng nát, tham hặc tâu lên để trị tội. Lại các thuyền nào sai phái đi việc công về hạn định cho trong 3 - 4 ngày phải kéo lên bờ, không được dùng dằng ở bến sông, cho khỏi ngấm nước bị nát mục.

Vua cho lời tâu nói là phải, sai bộ Công thông dụ các địa phương theo đó mà làm. Lại cho lời tâu ấy của Tri Phương có thể chỉnh đốn được công việc ở tỉnh, thưởng cho kỷ lục 1 thứ. Chuẩn cho từ sau trở đi 6 bộ và các nha ở Kinh, phàm chương sớ của địa phương nào mà ai hay hết lòng về việc tỉnh, trù nghĩ xác đáng, có thể thi hành được đều chiếu theo công việc lớn nhỏ, nghĩ thưởng cho cấp kỷ, để khuyến khích những người làm trọn chức vụ.

Quyền thự Tuần phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyên từ phủ Tĩnh Biên về tỉnh ; quyền chưởng Lãnh binh là Đoàn Quang Mật cũng đến tỉnh lỵ, Thự đốc là Dương Văn Phong bèn trích lấy 300 lính tỉnh, đem về An Giang, chuyển sang Nghi Hoà để dẹp giặc.

---

(1) *Điển nhã* : tức là văn có căn cứ mà không bỉ tục. (Từ nguyên).

Quang Huyên nghe thám tử báo bọn giặc ở Quảng Biên lại tụ họp ở núi Bạch Mã, lập tức cùng Quang Mật đem 700 binh dũng, đi đường thuỷ, đường bộ tiến đánh. Bọn Văn Phong và Quang Huyên đều đem việc tâu lên. Thự Án sát là Trương Phúc Cương dâng sớ riêng nói : một dải Quảng Biên, gần đây đã yên lặng. Khai Biên là đất xa xôi hẻo lánh, đã sức đạo binh của bọn Nguyễn Văn Do, Mai Văn Tích đi lùng bắt, hẹn ngày có thể báo tin thắng trận. Duy ở Tĩnh Biên bọn giặc tụ họp còn nhiều, nên do Quang Huyên tự ở lại đánh dẹp. Hiện đã cùng với Dương Văn Phong đem ý ấy 2, 3 lần bàn luận, nhưng Quang Huyên một mực lấy nê theo lời dụ (về vùng 2 phủ Nghi Hoà, Tĩnh Biên, trách thành ở Văn Phong, về vùng 2 phủ huyện : Quảng, Khai, trách thành ở Quang Huyên), mong toan tắc trách. Xét ra ở Quảng, Khai trước sau số binh phái đi đến hơn 1.000 người. Nay Quang Huyên lại đem đại đội binh thuyền tiếp tục đến đó, thế là muốn gấp sức với bọn giặc còn lại, đã sợ trốn sắp bị tiêu diệt, mà không để ý đến lũ giặc ương ngạnh, hãy còn hung hăng chưa dẹp xong. Tuy Dương Văn Phong chuyên giữ trách nhiệm đánh dẹp, nhũng nơi ấy, nhưng hiện tại tình giặc lan tràn quấy nhiễu, địa thế xa xôi cách trở, tưởng cũng khó kiêm trông coi được xuể.

Ba tờ sớ cùng dâng lên một ngày.

Vua dụ rằng : "Xem lời tâu thời Lê Quang Huyên tựa hồ có cái ý sợ khó, tránh chỗ nọ tới chỗ kia, không nghĩ đến việc nước. Chỉ chọn chỗ dễ, tự chiếm cho tiện việc ; đến như chỗ khó lại đun đẩy cho người, rất là đáng ghét. Chuẩn cách bỏ hàm Tham tri bộ Binh đã gia cho trước để làm răn. Về Dương Văn Phong thì lập tức cùng với bọn Lãnh binh Nguyễn Duy Tráng và Quản vệ Hoàng Văn Quý, đi ngay đến Tĩnh Biên đánh dẹp, nhận việc ấy làm trách nhiệm của mình. Rồi lại tới những vùng Nghi Hoà, Thượng Phong, Phong Nhương, lần lượt dẹp cho yên, không được còn chút trông ngóng, có ý đun đẩy cho người".

Tỉnh Sơn Tây săn bắt được tên giặc trốn là Hoàng Danh Hán (nguỵ xưng là Quốc sư), đem giết đi. Vua thưởng cho viên bộ biền là Quản vệ Tôn Thất Đàm kỷ lục 2 thứ, tiền 100 quan.

Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng tiến đến phủ thành Tây Ninh, về 2 mặt tiền và hữu phủ thành, địa phận rừng rú, giặc đều dựng đồn chiếm giữ, thế rất hiểm trở bền vững. Trọng bèn phái uỷ Lãnh binh là Ngô Văn Giai, quản đốc các binh dõng, chia đường đánh dẹp, giặc bỏ đồn chạy, quân ta chém được 1 thủ cấp cắt lấy tai, đốt hết trại và rào sách của giặc. Khi kiểm lại quan binh 2 đạo, phần nhiều bị thương, bị chết. Trọng đem tình trạng tâu lên, và nói : trận này sự lấy được không

bù lại sự thiệt hại, xin tự nhận lỗi về điều độ chưa khéo. Lại nói : Tiết thứ kính theo dụ chỉ, dịch ra chữ Man, để hiểu dụ khắp bọn giặc. Nhưng chúng phục thư lại, đại khái nói : trong bọn có nhiều người Xiêm, người Chàm giúp đỡ, đợi khi nào được chủ nó cả trai lẫn gái 5 người về nước mới thôi. Nếu không thế, dẫu 2, 3 năm cũng không thôi. Chúng lại nói : chỉ có đánh nhau chứ không chịu hàng phục.

Vua dụ rằng : "Nhà ngươi đi chuyến này điều độ lầm lỗi, dẫu có bị tổn hại nhiều, lỗi ấy cũng khó chối. Vậy giáng 1 cấp. Duy biền binh 2 đạo, đánh được trận ấy, cũng nên lượng gia khen thưởng về mặt đằng trước, đánh phá hơi khó, thưởng chung cho 100 quan tiền. Về mặt bên hữu thưởng chung cho 80 quan. Xét ra, bọn giặc quen lấy bụi rậm làm chỗ tựa, hễ gặp quan binh, thấy ít thì nấp bắn, mà nhiều thì lẩn trốn. Từ sau hễ gặp giặc có giáp chiến đối diện mới nên bắn súng lớn để giết được nhiều, chớ nên bắn phóng vào rừng rậm phí uổng thuốc đạn. Lại nên xét kỹ cơ nghi, ra quân kỳ binh để đánh lấy được. Như nay đến kỳ lúa chín, phái nhiều người đi lùng bắt, hễ thấy giặc tụ họp chứa để ở đâu, đều đốt hết đi, ở quãng đồng núi, hết thảy những thứ ăn được như : lúa, vừng, khoai, đậu, cũng đào lấy cho hết, thì giặc không lấy đâu mà nương nhờ để sống nữa, nếu không bị bắt, cũng đến chết đói ở rừng sâu thôi.

Đến như tờ thư của giặc, lời lẽ phần nhiều khoe khoang, chắc có tên đầu mục nào xui giục làm mê hoặc. Nên để tâm dò hỏi người Thổ, xem trong đám giặc ai là người đầu mục đứng thủ mưu, tức thời treo thưởng hậu, ai bắt chém được tên thủ mưu ấy, thưởng tiền 300 quan, tên thứ yếu phạm 200 quan ; còn những đầu mục nho nhỏ hoặc 30 hay 50 quan. Liệu châm chước mà thưởng cấp, để mọi người vui lòng làm việc, giết giặc dựng công, tự khắc việc dẹp yên được dễ vậy.

Thự Bố chính Định Tường là Trương Văn Uyển ; Phó lãnh binh là Tạ Văn Linh đem quân tới đồn Bông Nguyên, do thám thấy bọn giặc tụ họp ở địa hạt Nam Thái, đánh nhau liền mấy hôm, súng bắn trúng được nhiều tên, giặc chạy trốn vào rừng sâu, đuổi không kịp. Bèn tiến đóng ở thôn Liễu Khê, dâng sớ nói : địa đầu tỉnh hạt tiếp giáp với Gia Định, Trấn Tây, rừng rậm rất là xa rộng, lâm thời đánh dẹp, đuổi theo ở chỗ này, thì chạy trốn đến chỗ kia nã bắt rất khó. Mà binh dũng đem đi chỉ có 1.300 người, còn là số thiếu. Xin sau khi nước ngập rút lui, đường lối có thể thông đồng, nên trích thêm lính các cơ và hương dũng mỗi hạng đều đủ 1.000 người, chia đi Nam Thịnh, Nam Thái ngăn chặn giết giặc. Ở Gia Định, Trấn Tây, cũng đều phái đến 1 đạo quân, hẹn ngày hội họp đánh dẹp, thì giặc ấy tưởng cũng khó trốn khỏi lưới trời vậy.

Vua dụ rằng : "Bọn giặc tụ họp, con số chẳng qua hơn nghìn người, nếu điều độ được trúng khớp, thì chỉ dùng vài trăm quan binh, và súng lớn khí giới sắc bén, cũng đủ giết giặc, hà tất phải bắt nhiều binh dũng để thêm tổn phí khó nhọc ư ? Xét ra bọn giặc ấy dựa vào rừng làm nơi vững bền, nhưng đạo dùng binh, quý ở bày mưu lại, đánh bằng được, hoặc chặn chỗ hiểm yếu, đón giết, khiến cho không có đường trốn để sống ; hoặc đốt hết chỗ chứa lương thực, khiến cho không có chỗ trông nhờ sinh sống ; thì giặc kế cùng thế bách, còn trốn vào đâu được ư ?

Nay đã đến tháng giữa mùa đông, nước mưa tiêu hết, khí trời tạnh ấm, dễ tiến quân đi, mà hiện số quân nhiều đến 1.300 người, đủ thừa sức đánh dẹp. Chuẩn cho bọn ngươi cùng nhau trù tính cho kỹ, ra sức vây bắt, đem bọn giặc ở những nơi Nam Thịnh, Nam Thái, bắt chém cho hết sạch, chớ lấy quân ít mà tự mãn tâm. Chuyến đi này biền binh bắn trúng bọn giặc, dẫu không chém được thủ cấp, nhưng ở tại trận mọi người đều trông thấy, cũng là thực trạng, chuẩn cho xét xem : cứ bắn chết được 1 tên giặc thì thưởng tiền 2 quan".

Bọn Tướng quân, Tham tán ở Trấn Tây phái uỷ Lãnh binh là Vũ Viết Tuấn, đi cùng với Phó vệ uý, sung lĩnh Gia Định hương binh, ở Kinh phái đi là bọn Lê Kim Trợ, quản suất đem 1300 binh dũng, đến bảo Sa Tôn, hội cùng với Nguyễn Công Nhàn góp sức đề phòng đánh dẹp ; Phó vệ uý sung lĩnh An Giang hương binh là Phạm Văn Phạt quản suất đem 500 binh dũng, đến phủ Hải Đông, đều nhân tiện hộ tống quân lương để dự trữ.

Đạo binh của Tuấn tiến đến địa phận sông nhánh Sa Tôn, đồn bảo đã bị giặc vây kín, mà đường sông nhánh ấy, hết đoạn này sang đoạn khác, cây cối nằm chặn ngang, quân ta dọn phá mà đi. Khi đến Chiết Súc (tên đất) 2 bên bờ sông, giặc đã dựng rào sách, lại có 2 đồn giao nhau của giặc, trên đồn đặt nhiều súng lớn để phòng bị. Tuấn cùng Kim Trợ rấn mình đi trước quân lính, chia đường lên bờ để đánh, từ giờ Tỵ đến giờ Thân, đồn của giặc kiên cố, không thể phá được. Súng lớn súng nhỏ của giặc, 4 mặt bắn ra, đạn rơi xuống như mưa. Kim Trợ và biền binh bị chết ở trận hơn 30 người, bị thương vài trăm người. Tuấn cũng bị súng bắn trúng ngã xuống. Bèn thu quân dời về đồn cửa biển Hải Đông. Tuấn nhân bị thương rồi chết. Việc đến tai vua. Vua rất thương tiếc, truy tặng cho Tuấn làm Chưởng vệ, cấp thêm cho 40 lạng bạc và 100 quan tiền ; Kim Trợ làm Vệ uý, cấp thêm cho 30 lạng bạc. Chuẩn cho bộ Binh xét hỏi, lượng cho mỗi viên 1 người con được ấm thụ. Lại xuống dụ : gần đây quan binh đi đánh bắt giặc bị chết trận, hoặc bị thương rồi chết như : Vũ Viết Tuấn, Lê Kim Trợ, Hoàng Phúc Lợi và bọn biền binh ở Kinh phái đi, chuẩn cho địa phương sở tại đưa quan tài về Gia Định, do tỉnh thần ấy bắt thuyền hộ tống về quê chôn cất, và sửa đủ lễ phẩm bò lợn hợp tế 1 đàn.

Lại bảo bộ Lễ rằng : "Trước đây bọn thổ phỉ ở Trấn Tây gây biến, đã tiết thứ phái quan binh và tướng biền binh dũng ở các tỉnh Nam Kỳ đến nơi đánh dẹp. Hoặc có người rấn sức lên trước, hoặc có người xông pha nơi kiên cố, rấn mình vào chỗ gươm giáo ; gián hoặc có người không may bị giáo mác đâm trúng. Ta nghĩ : bọn họ đều vì triều đình ra sức, đến nỗi bỏ mình nơi chiến trường, rất là đau xót. Đã từng chiểu theo sự trạng, gia tặng cho tiền tuất, và đợi sau khi yên việc lại đặt đàn sai quan đến tế. Nay chuẩn cho dựng đàn sở trước ở ngoại thành mạn nam Kinh thành. Trên bày bài vị các tướng biền bị chết trận, biên rõ chức hàm tên họ ; dưới bày bài vị các binh dũng bị chết trận. Sửa lễ phẩm tam sinh và áo giấy tiền giấy rất nhiều, chọn ngày tốt phái 1 viên đường quan bộ Binh đến tế 1 tuần".

Lại cho là tháng trước biền binh các vệ thuộc dinh Kỳ võ và dinh Thuỷ sư hơn 180 người, đi thuyền Thanh hải tới Trấn Tây đánh giặc, bị gió trôi giạt, lâu không có tin tức. Sai chiểu lệ trận vong, cấp tiền tuất gấp hai cho gia đình nhận, lại ở bờ biển Thuận An lập đàn sai quan đến tế.

Quyền thự Tuần phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyên đến núi Bạch Mã, giặc thấy bóng gió đã chạy trốn. Huyên tiếp được tin báo : "Con đường rừng ở Lợi Nông, Đồ Mật (đều tên đất), bọn giặc còn đầy dẫy, trước đây phái đạo binh của bọn Nguyễn Văn Do đến đánh bị giặc cản trở". Huyên bèn chia binh làm 2 đạo đều tiến đánh, phá đồn giặc 2 nơi, đến thẳng phủ thành Quảng Biên, dâng sớ nói : Từ tỉnh lỵ cho đến Quảng Biên một dải đường bộ phần nhiều hiểm trở, mà bọn thổ phỉ hãy còn lẻn lút ẩn nấp như thế, chiếu với tờ tư trước của Dương Văn Phong và Trương Phúc Cương nói là con đường ấy hiện đã dẹp yên, có phần trái ngược. Xin trước hết ở 4 phía phủ thành cho đến bảo Thổ Sơn, liệu cơ dẹp cho hết, rồi sau chuyển tới Khai Biên quét hết bọn giặc còn lại.

Trương Phúc Cương cũng tâu nói : bọn thổ phỉ ở Tĩnh Biên thì Chân Triết làm đầu sỏ, mà Chân Triết là tôi tớ cũ của Phiên vương Chân cũ, làm chức An phủ đã lâu, người thổ phận nhiều tin theo. Ngày thường quan Phiên đều đối đãi bằng con mắt đặc biệt, thực là tay cừ khôi trong bọn giặc. Trước đây, Lê Quang Huyên đem quân đánh dẹp tiết thứ chém bắt gọn giặc chỉ 1, 2 đứa, thu được khí giới, chẳng qua một số ít thôi. Chưa có lần nào đem quân đến phá tan sào huyệt. Nên bọn giặc ngày thêm quấy rối. Những bọn lũ của giặc Tiên thua tan còn lại, cũng có kẻ hùa theo phụ hoạ với nhau, phải nên sớm dẹp tắt đi. Nghĩ nên khẩn cấp rút Lê Quang Huyên về, nhưng do con đường sông thuộc Tĩnh Biên tiến đánh ; mà Dương Văn Phong thì theo địa hạt Nghi Hoà đánh giết ập lại, 2 bên tả hữu đánh giáp nhau, mới có thể đắc

lực. Đến như đám giặc trốn nấp ở các khu rừng thuộc địa phận Khai, Quảng, thần xin cùng với quyền chưởng Lãnh binh là Đoàn Quang Mật thương lượng làm việc.

Hai tờ sớ cùng đều dâng lên 1 ngày. Ở lá sớ của Quang Huyên, vua chỉ phê 2 chữ : "Tri đạo" [biết rồi] ; còn lá sớ của Phúc Cương phê bảo rằng : "Ngươi một mực không có tài năng gì, chỉ biết uỷ thác cho người khác, mà lại có lòng nắm khuỷu tay để ngăn trở, thực là hèn kém". Bèn bảo viện Cơ mật rằng : "Tháng trước tờ sớ của Trương Phúc Cương tự xưng một dải Quảng Biên hiện đã yên ổn, nay sao lại còn có thổ phỉ, chẳng hầu như lừa dối ư ? Trước đã khinh suất dâng tâu, nay lại muốn rút đạo binh của Quang Huyên về, để chứng thực lời nói. Dụng tâm sao mà gian xảo thế ? Đáng nhẽ phải trị tội. Nhưng tạm nghĩ đang lúc có việc, muốn cho sau này nên người tốt, gia ơn chuẩn cho cách chức lưu nhiệm. Dương Văn Phong không có mảy may ý kiến nên hay chăng vào lá sớ trước của Phúc Cương, lại cũng đều ký tên viết chữ đề, chuẩn giáng Văn Phong 2 cấp".

Cho Án sát Vĩnh Long là Lê Văn Khiêm, thăng thự Bố chính An Giang ; Lễ khoa Chưởng ấn Cấp sự trung là Nguyễn Sĩ Đăng thăng thự Án sát Vĩnh Long.

Cho Bố chính Bắc Ninh, gia hàm Tuần phủ là Nguyễn Đăng Giai, thực thụ Tuần phủ Bắc Ninh, kiêm giữ ấn triện Bố chính, nhưng quyền giúp ấn Tổng đốc quan phòng Ninh - Thái.

Cho triệu quyền thự Tuần phủ Nam - Ngãi là Nguyễn Tri Phương về Kinh. Cho Bố chính Biên Hoà là Phạm Duy Trinh, thăng thự Tuần phủ Nam - Ngãi, kiêm giữ ấn triện Bố chính Quảng Nam ; Bố chính Phú Yên là Đỗ Huy Cảnh đổi bổ Bố chính Biên Hoà, kiêm hộ lý ấn Tuần phủ quan phòng ; Án sát Bắc Ninh là Phạm Hiển thăng thụ Bố chính Phú Yên ; Án sát Tuyên Quang là Đỗ Khắc Thư, đổi bổ Án sát Bắc Ninh ; Lang trung bộ Công là Nguyễn Đức Tân, đổi bổ Án sát Tuyên Quang.

Lãnh binh tỉnh Bình Thuận là Phạm Văn Thư vì già yếu về hưu dưỡng. Cho Phó vệ uý vệ Trung dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Văn Thai thăng thự Lãnh binh tỉnh Bình Thuận.

Phủ Nội vụ lấy nhung vải màu đỏ cánh gián chế cấp áo mặc rét cho các Quản vệ. Vua quở mắng bảo rằng : "Màu đỏ là màu sắc áo của đàn bà dùng ; từng đã truyền bảo để cấp cho người trong cung, lại còn lấy thứ ấy may cấp cho Quản vệ, thật là không được nhã quan. Đến khi sai hỏi, lại đổ là người truyền lại là "màu hoa cà" người cấp phát lại cấp màu đỏ cánh gián. Kể ra màu hoa cà và màu đỏ cánh gián, cũng là một hạng, há có lẽ thứ kia không cấp được, mà cấp thứ này thì cấp được, lời nói có phần chống chế. Đáng lẽ lấy luật "vi chế" [trái chỉ vua] xử cách

chức. Nhưng tạm hãy theo mức nhẹ, mà trừng phạt. Viên giám lâm là Lê Nguyên Trung lập tức đóng gông bêu ra ở ngoài cửa phủ Nội vụ 3 ngày ; Nguyễn Văn Công, Trần Văn Ngạn trước đã không cho hộ lý ấn quan phòng hãy tạm cho miễn nghị".

Vua sai 2 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, hỏi các hộ buôn bán trong hạt, có ai tình nguyện nộp bán gỗ cây, thì chiếu giá gạo ở chợ, phát trước cho vốn công bằng gạo mà cấp cho.

Vua cưỡi con ngựa Phúc Thông, đi xem chiếc thuyền Vân Phi mới làm. Ngựa đi không được êm, hỏi ra thì là Khinh kỵ Cai đội Vũ Văn Đê hôm trước đem ngựa ấy cưỡi tập, vì chạy nhanh quá bị đau móng chân.

Vua bảo Nội các rằng : "Ngựa của ngự dụng không ví như ngựa khác được, sao cưỡi tập lại có sự khinh suất như thế ?". Vũ Văn Đê lập tức cách chức làm lính ; Chưởng vệ, kiêm quản viện Thượng tứ là Hoàng Đăng Thận giáng 1 cấp. Cho Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm là Nguyễn Trọng Tính kiêm quản viện Thượng tứ.

Chia phái thuyền công đi ngoại quốc có việc công.

Về thuyền Thanh loan, cho Tham tri là Đào Trí Phú sung làm Chính biện ; Viên ngoại lang là Phan Hiển Đạt, sung làm Phó biện, đi Giang Lưu Ba và Tam Ba Lăng. Về thuyền Thuỵ long, cho Lang trung là Lê Văn Thu sung làm Chính biện đi Tân Gia Ba.

Vua dụ bộ Công rằng : "Trước đây thuyền công phái đi ngoại quốc, khi trở về đều đỗ lại ở cửa biển Đà Nẵng thuộc Quảng Nam, phải chuyển vận các vật hạng thêm phí một lần khó nhọc nữa. Nay cửa biển Thuận An ngày đã thêm sâu, nên truyền dụ cho phái viên 2 chiếc thuyền hiệu Thanh loan, Thuỵ long ấy biết ngày xong việc trở về, vào thẳng cửa biển Thuận An dỡ hàng, còn thuyền lại trở về đỗ ở Đà Nẵng.

Lại chuẩn định từ nay hễ quan ở Kinh được phái đi ngoại quốc, tựu trung như đi Đại tây, Tiểu tây, đường đi rất xa, thì trước khi khởi trình đều cho nghỉ việc 20 hôm ; đi Lã Tống, Giang Lưu Ba, Tam Ba Lăng, Phú Lãng Sa, đường đi hơi xa, cho nghỉ việc trước 15 hôm ; đi Tân Gia Ba và Hạ Châu, đường đi hơi gần, cho nghỉ việc trước 10 hôm, để được sửa soạn trước kỳ đi. Đến ngày xong việc công về tới nơi, thì đi nơi rất xa cho 15 hôm, nơi hơi xa cho 10 hôm, nơi hơi gần cho 5 hôm, để về ngụ sở nghỉ ngơi, hết hạn nghỉ lại làm việc như cũ.

Thự đốc Bình - Phú là Đặng Văn Thiêm tâu xin : ở địa phận cửa biển Thi Nại, đặt 1 cái đồn có thành đất, xung quanh đắp luỹ đất, trong thành đất dựng 1 nhà

quan xá, 2 nhà quân xá (đều lợp ngói) để làm chỗ cho biền binh Thuỷ vệ thuộc tỉnh đóng ở và thủ hộ thuỷ bè. Vua y cho.

Kinh phái Lại khoa Chưởng ấn là Trần Văn Triện dâng sớ nói : bọn thổ phỉ ở Trấn Tây gây biến, đã xét hỏi kỹ lưỡng, thực do ngày thường các viên Thượng ty vỗ về trị dân trái phương pháp, cùng những lưu quan như Tri phủ Hải Tây là Vũ Hành, đòi lấy bạc hối lộ của thổ mục, lại hiếp bắt con gái dân mới quy phụ sung làm gia nô, Tri huyện Trung Hà là Lê Bá Hùng cướp lấy thuỷ lợi để bán, đặt riêng đồn sở, đòi hỏi thuyền buôn phải đưa lễ vật. Và dân Kinh, lính Kinh cũng cậy thế lấn áp người Thổ, nhiễu tệ nhiều khoé, nên mới sinh chuyện.

Vua nói : "Hiện nay đương lúc đánh dẹp, nhất khái đòi gọi tra xét, tưởng cũng chưa tiện. Duy đã chỉ ra từng người từng việc, nếu bỏ đó không hỏi, thì kẻ phạm tội lấy gì để đe nẹt. Vậy Vũ Hành, Lê Bá Hùng, đều trước hết cách chức bắt giam khoá lại, giao cho bọn Doãn Uẩn, Cao Hữu Dực, tra rõ nghiêm nghĩ". Hai viên ấy sau phải phát đi Trấn Tây làm binh.

Tả tham tri bộ Binh, kiêm quản Tả phó đô ngự sử viện Đô sát là Nguyễn Công Trứ, từ trường thi Hà Nội xong việc công trở về, chuẩn cho vẫn giữ chức cũ ; Tả thị lang bộ Lại là Vũ Đức Khuê miễn cho không phải kiêm ấn triện ở viện Đô sát nữa.

Trấn Tây Tướng quân là Trương Minh Giảng, Long - Tường Tổng đốc là Bùi Công Huyên và Tham tán là Lê Văn Đức, đem đại đội binh thuyền tiến đến Hải Đông dẹp giặc. Trước đây bọn Giảng mới nghe tin ở Sa Tôn bị vây, đương thương lượng chỉnh bị binh lính đến nơi ; vừa gặp biền binh ở 3 vệ Hổ uy hữu, Tiền bảo nhị, Hữu bảo nhất ở tỉnh Bình Định đến hạt, tức thì kiểm điểm các hạng binh dũng, hiện số hơn 4.100 người. Bèn để lại 1.300 người theo Bang biện là Doãn Uẩn, Hiệp tán là Cao Hữu Dực ở lại thành coi giữ ; còn Trương Minh Giảng, Lê Văn Đức đem hơn 2.600 quân làm tiền đạo, Bùi Công Huyên đem hơn 1.200 quân làm hậu đạo, lần lượt tiến đi, rồi dâng sớ tâu lên.

Vua phê bảo rằng : "Đương mong ngựa đến là công thành, hằng ngày ta trông ngóng thiết tha lắm".

Quyền thự Tổng đốc An - Hà là Dương Văn Phong về đến An Giang, thương lượng uỷ cho Lãnh binh là Nguyễn Duy Tráng, đem 300 quân đi đến phủ hạt Tĩnh Biên phòng giữ đánh dẹp, rồi đem theo Quản vệ là Hoàng Văn Quý đi cùng, quản lĩnh hơn 700 binh dũng thẳng tiến phủ hạt Nghi Hoà. Nghe tin ở huyện Phong Nhương có bọn giặc 2.000 đứa, tụ họp ở Cổ Thành Lò Gò (con sông trước mặt thành, giặc lấy bè tre lấp ngang 3 lần, để ngăn trở đường quân ta đến, 2 bên

sông chỗ quan yếu dựng 6 nơi đồn trại và rào gỗ). Phong lập tức chia quân làm 3 đạo, sấn lên trước đánh dẹp rất dữ, chém được 10 thủ cấp cắt lấy tai, đâm chết, bắn chết vài mươi tên giặc. Giặc bèn bỏ thành chạy trốn, thu hoạch được thuyền và khí giới rất nhiều.

Tin thắng trận tâu lên. Vua khen ngợi, thưởng cho quan binh đi đánh chuyến ấy cấp, kỷ và tiền có thứ bậc khác nhau. Lại xuống dụ rằng : bọn thổ phỉ ở phủ Nghi Hoà đã bị đánh giết, duy còn lại bọn lũ điêu tàn chắc cũng không nhiều ; mà một dải ven rừng ở Tĩnh Biên, bọn giặc còn dám ra vào làm ngạnh trở. Chuẩn cho ngươi là Dương Văn Phong, liệu lượng để lại cho Hoàng Văn Quý quản lĩnh 300 - 400 biền binh chuyên ở Nghi Hoà, cũng đủ làm được việc. Còn ngươi lập tức quay về Tĩnh Biên, đốc suất cùng với Nguyễn Duy Tráng đánh dẹp, cho yên mặt ấy".

Vừa gặp Phong dâng tập thỉnh an nói : bọn thổ phỉ ở Tĩnh Biên, lúc mới tụ họp, tuy đã nhiều lần bị Thự phủ là Lê Quang Huyên đánh cho một trận ở bờ sông, nhưng các tên cừ mục chưa bắt được một tên nào ; mà sào huyệt của bọn giặc ở trong núi chưa từng bị đánh phá tan nát, nên đến nay hãy còn tụ họp lan tràn. Hiện đã uỷ cho Nguyễn Duy Tráng đem quân đến dẹp, nhưng tin báo thắng trận còn chậm. Việc bắt giặc ở Hà Tiên đã thư, duy còn bọn giặc điêu tàn lẻ tẻ ở Khai, Quảng, cũng không ngại lắm. Tưởng nên chuyên trách cho thự Án sát Trương Phúc Cương thương lượng cùng với quyền chưởng Lãnh binh là Đoàn Quang Mật, lùng bắt cũng đủ thừa sức. Còn Lê Quang Huyên hình như nên rút về Tĩnh Biên là nơi đã thắng trước, đốc cùng với Nguyễn Duy Tráng, hẹn ngày dẹp yên, để bổ thêm vào công trước. Đến như vùng Nghi Hoà, thần xin tự mình đốc thúc Quản vệ Hoàng Văn Quý đem binh dũng đi nã bắt. Nếu sớm được yên lặng, quay về hạt cũ Trấn Tây, thân đem một đại đội quan binh chia đường đánh dẹp, ngõ hầu bọn thổ phỉ ở khắp mọi nơi đều san phẳng một loạt để được chuộc lại lỗi trước.

Vua phê bác đi và dụ cho viện Cơ mật rằng : "Dương Văn Phong trước làm Tham tán ở Trấn Tây, ngày thường đã vỗ về trị yên trái lẽ, khi giặc mới dấy loạn, chỉ bo bo giữ lấy thành, chưa từng ra quân kỳ binh để đánh lấy được, mà giết giặc chuộc tội. Nay đã bổ đi nơi khác, lại bỏ chức phận, không giết giặc ở hạt mình, mà muốn giết giặc ở hạt khác. Kể ra, Tĩnh Biên cùng với Trấn Tây đều là thổ phỉ người Lạp, người Man mà thôi. Đất Tĩnh Biên không phải là nơi đất hiểm, đầu mục của giặc là bọn Chân Triết, cũng không phải là kẻ rất gian ác, mà lại sợ như cọp, thường thường lánh đi là tại sao ?

Dương Văn Phong khi mới đến lỵ sở đi qua Tĩnh Biên mà không đánh bọn giặc, vì Hà Tiên là nơi khẩn cấp hơn phải nên đánh trước. Thì trước kia vẫn là phải,

tạm không bàn đến. Khi tới Hà Tiên giết tan được đám giặc ở đồn Chu Nham, lại không đem quân về Tĩnh Biên đánh dẹp. Chỉ ngồi yên ở Hà Tiên, điểm tô công trạng. Đó là một điều tránh giặc ở Tĩnh Biên. Sau đem quân về An Giang, đi qua sông Vĩnh Tế, cũng không biết tới chỗ gần lùng bắt. Đó là 2 điều tránh giặc ở Tĩnh Biên. Trước đã xuống dụ trách phải cốt yếu dẹp cho xong giặc Tĩnh Biên, mới tha tội cho. Nay đã giết tan bọn giặc ở Thượng Phong, Phong Nhương, đáng nên theo lời dụ quay về, lại vội muốn trái lời chỉ dụ thẳng tới Trấn Tây, mà giặc ở Tĩnh Biên thì uỷ cho người khác. Đó là 3 điều tránh giặc ở Tĩnh Biên. Nếu Dương Văn Phong gần đây có chước lạ giết giặc, có phương kế hay dẹp giặc, cũng nên lần lượt dẹp yên bọn giặc ở An Giang, Hà Tiên, để dân được yên ở, cho tròn hết bổn phận. Bấy giờ tâu lên, lại đem quân đắc thắng, tiến đến Trấn Tây, giết hết bọn thổ phỉ, thì công chẳng to lắm ư ? Thì triều đình cho cao tước hậu lộc để thù lao cái công ấy. Cớ gì vội muốn như thế ? Há rằng phương pháp lối học mới, chỉ có thể giết được bọn thổ phỉ ở Trấn Tây, mà không thể giết được bọn thổ phỉ ở Tĩnh Biên, nên mới tránh đi ư ? Hay là Trấn Tây đất rộng, có thể chọn bọn thổ phỉ dễ đánh tự nhận đi đánh để lập công ; mà đem bọn thổ phỉ khó đánh ở Tĩnh Biên uỷ cho người khác để đổ lỗi cho họ. Nếu lập tâm như thế, lại là gian xảo.

Thử nghĩ Dương Văn Phong từ lúc làm tiểu lại cất nhắc đến chức ngày nay, thì ta hậu đãi biết là nhường nào, mà đương lúc có việc, không có chút đỉnh báo bổ. Làm quan thì chọn việc, đánh giặc thì chọn nơi, không đề phòng lời dị nghị, không e sợ gì quốc pháp. Ta đã xuống rõ dụ chỉ, nghiêm thiết chừng nào, lại dám có ý trái ngược, cho ta là nói đùa chăng ? Hay thanh kiếm thượng phương không sắc chăng ? Ta không rõ lòng bụng Dương Văn Phong thế nào, mà dám trình bày lời nói múa mép với ta như thế ? Vậy sao đạo dụ này phát đi khiến cho hắn tâu lại rõ ràng". Phong sợ hãi dâng sớ xin nhận tội. Vua nghĩ công thắng trận ở Cổ Thành, còn có thể thương được, nên đặc cách tha cho.

Thự Án sát Hà Tiên là Trương Phúc Cương bị tội mất chức. Vua cho Ngự sử đạo Ninh - Thái ở Kinh phái ra là Hoàng Mẫn Đạt, quyền thự Án sát Hà Tiên và quyền giữ ấn Tuần phủ quan phòng để làm việc.

Cương khi xưa cùng với Thự phủ là Lê Quang Huyên có hiềm khích. Từ khi Huyên đi Quảng Biên, Cương nhặt nhạnh những việc vụn vặt (Huyên lúc từ Tĩnh Biên về, trích để lại biền binh đóng giữ, không cấp văn bằng, nên bọn họ bỏ về An Giang), chỉ tên tham hặc ; và nói : Huyên đem binh dũng nhiều đến 1.500 người, bấy lâu dùng dằng, không từng tiến khỏi Khai Biên một bước, có phần nhát sợ. Làm luôn mấy tờ sớ tâu lên. Rồi lại tư rút đạo binh 600 người của bọn Nguyễn Văn Do, Mai Văn Tích, về tỉnh để gặt lúa. Huyên đem việc tâu lên.

Vua bảo Nội các rằng : "Trương Phúc Cương trước đã can án cách chức, ta nghĩ y là người con bề tôi cũ là Trương Phúc Dĩnh, không nỡ bỏ hẳn, lại tiết thứ cho khởi phục, đến chức hàm ngày nay. Thế mà từ khi tới lỵ đến giờ, không thi thố được một mưu kế gì. Xem bản tập tâu, tính tình đã là nóng càn, làm việc lại có phần hàm hồ. Tức như một vùng Khai, Quảng, còn chưa dẹp yên, quan binh hiện đương đánh dẹp, mà lại tư rút đạo binh ấy về, đủ thấy ghét người có công lao. Khinh suất tự ý chỉ định, nghiễm nhiên tự cho mình là Tuần phủ, không chịu để mắt đến Lê Quang Huyên. Vả lại, bới lông tìm vết, mưu muốn hãm người vào tội, nếu lập tâm như thế, rất là đáng ghét. Phúc Cương chuẩn lập tức cách không cho làm nữa, giải về Kinh để trị tội ?

Lại truyền Chỉ sức hỏi Lê Quang Huyên, tại sao lại dùng dằng chưa tiến đi, tâu lại cho rõ ràng. Nhưng chuẩn cho lùng bắt những bọn giặc còn lại ở Quảng Biên, xong việc rồi thì lập tức dời đi Khai Biên dẹp yên bọn giặc trốn, rồi lại quay về Tĩnh Biên, làm hoàn toàn nốt trách nhiệm chưa làm xong. Cương đã tới Kinh, giao xuống bộ Lại bàn tội, rồi cách chức cho theo bộ ra sức chuộc tội.

Bọn Kinh lược đại thần là Phạm Văn Điển, Tham tán là Nguyễn Tiến Lâm đến tỉnh lỵ Khánh Hoà, tiếp được thuyền Vân Điêu tải giao áo trận, khí giới, để chia cấp cho 5 vệ lính ở Kinh cầm giữ, rồi làm sớ tâu lên.

Vua sai bộ Binh xuống dụ cho tiến quân đi, còn người trông nom thuyền Vân Điêu là Nguyễn Văn Pháp thưởng gia 1 cấp và 10 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn ; các biền binh cùng đi chuyến ấy thưởng tiền 100 quan, cũng lập tức chở đi Gia Định. Lại truyền dụ cho 2 tỉnh Định - Biên, dự bắt thuyền đậu sẵn ở bến đò Biên - Long, đợi đại binh của bọn Điển đến, thì lập tức tiếp đón chở thẳng đến Trấn Tây, không được chậm trễ một giờ nào. Lại chọn ở trong viện Thái y ra, người nào chữa thuốc về nội khoa, ngoại khoa, đều mỗi khoa 2 người, đi đường trạm tới quân thứ ở Trấn Tây, để điều trị cho quan binh.

Vua nghe tin ấy, chuẩn cấp cho 40 quan tiền, để cung thuốc men. Bèn cho Lãnh binh mới bổ ở Bình Thuận là Nguyễn Văn Thai, đổi bổ làm Lãnh binh Hà Tiên, sai tức thời tới lỵ, thưởng cho 40 lạng bạc về tiền lộ phí và 3 tháng tiền bổng.

Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng, đóng quân ở Tây Ninh, phái uỷ Chánh phó lãnh binh là Ngô Văn Giai, Trần Nhữ Đoan, chia đường đánh dẹp bọn thổ phỉ ở những nơi Tham Linh, Lò Gò, chém được vài thủ cấp cắt lấy tai, thu được súng và khí giới, bọn giặc đều lẩn qua địa phận rừng Nam Ninh chạy thoát. Bố chính là bọn Lê Khánh Trinh, cứ lời báo tâu lên.

Vua dụ rằng : "Đó dẫu là thắng lợi nho nhỏ, mà bọn giặc phần nhiều trông thấy bóng đã trốn chạy, không dám chống cự ngay trước mặt, cũng là thực trạng nên ghi công. Nguyễn Văn Trọng trước đã bị giáng 2 cấp, tức thời cho khai phục ; còn biền binh thưởng chung cho 500 quan tiền. Nay chuẩn cho xét những hạt gần đấy như : Quang Hoá, Quang Phong ở Tây Ninh, hễ có bọn giặc ẩn nấp nơi nào, lần lượt tiêu diệt đi ; rồi chỉnh đốn quân ngũ, do đường bộ tiến đến Nam Ninh, dẹp yên bọn giặc tàn còn lại ; xong lại thẳng tới Trấn Tây cùng bọn Tướng quân, Tham tán hội họp đánh dẹp".

Trấn Tây Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Lê Văn Đức, tiến quân đến bờ bên tả Hồ Hải [Biển Hồ] tiếp được tờ phi báo của Hải Tây nói : người Xiêm người Man, họp bọn ước 5.000 - 6.000 người chia nhau quấy nhiễu phủ hạt ; xin thêm quân ứng viện. Bọn Giảng cùng nhau thương lượng cho là thành phủ Hải Tây, hiện có hơn 2.000 quân, đã có Đề đốc Vũ Đức Trung và các tỳ tướng, phần nhiều đắc lực có thể phòng thủ được ; duy đồn Sa Tôn ở Hải Đông, sự thế chính đương nguy cấp, nên đến nơi ấy trước. Bèn thẳng qua bờ bên hữu, chỗ cửa Liên Cảng, thấy binh thuyền của Phó lãnh binh là Đoàn Văn Sách đóng ở đó. Hỏi thì Sách nói rằng : "Trước đây nghe tin Lãnh binh Vũ Viết Tuấn làm hỏng việc, nên thay lĩnh quân của Tuấn, sắp kiếm đường tiến đem quân đi đến Sa Tôn cứu viện và đánh dẹp". Bọn Giảng tức thời trích binh dũng đem đi theo, hợp cùng với đạo binh của Đoàn Văn Sách cộng 1500 tên, uỷ cho Sách khẩn cấp đi ngay ; còn mình tạm dừng ở Liên Cảng, để làm thanh viện xa cho các đường. Đợi Tổng đốc Bùi Công Huyên đến nơi cùng nhau hội họp bàn luận. Bọn Doãn Uẩn, Cao Hữu Dực, cứ lời tư tâu lên. Lại nói phủ Hải Đông, Hải Tây, đều là khẩn cấp, hiện đã tư ngay cho các địa phương mạn trước và Kinh lược Phạm Văn Điển, Tham tán Nguyễn Tiến Lâm, chuyển sức cho biền binh các vệ, cơ, thượng khẩn tới hạt hội họp để đánh dẹp.

Vua dụ rằng : "Từ khi nghe thấy Tướng quân, Tham tán thân đem đại binh tiến đánh tới nay, ta ngày đêm mong ngóng sớm báo tin thắng trận, để thư đỡ lòng lo nghĩ khuya sớm của ta. Nay đương lúc khẩn cấp ở 2 nơi địa đầu ngoài biên, lại đóng quân không tiến, ý còn trông ngóng, mà lại mượn tiếng là làm thanh viện ở xa và thương lượng việc quân cơ, thực là nhút nhát không có tài, xem lời tâu xiết bao tức giận. Kể ra, quân đã đến, lại không đến đấy cứu viện, còn định cứu viện ở đâu ? Giặc ở trước mắt, chỉ có tiến đánh, lại còn bàn luận gì ? Đã muốn bàn luận, thì có Lê Văn Đức đó rồi, còn đợi Bùi Công Huyên làm gì ? Thế thì Lê Văn Đức đi theo chỉ để làm bạn mà thôi, thế thêm một người ấy để làm gì ? Hiện nay tình hình như thế, đáng nên chia quân dưới quyền chỉ huy : Lê Văn Đức đi đường tắt đến

Hải Tây, Trương Minh Giảng tiến ngay đến Hải Đông, một là giải vây cho Sa Tôn, một là lần lượt dẹp yên bờ cõi ngoài biên. Như nói : "Mỗi nơi bọn giặc có 5.000 - 6.000 quân", thì ở Hải Tây hiện đã có hơn 2.000 quân, nay lại tăng thêm vài nghìn nữa, thì sợ gì bọn giặc ? Hải Đông hiện có 3.000 quân, nay lại thêm 3.000 - 4.000 nữa, thì có kém gì giặc không ? Xét ra, từ trước đến giờ, quan binh đánh dẹp giặc Xiêm, thường lấy quân ít thắng số quân nhiều, mọi người đều tai nghe mắt thấy cả. Huống chi binh lực ngày nay đã tụ họp đông đúc ư ? Như cứ lời do thám, giặc Xiêm quả thực có đến cùng với đám thổ phỉ họp bọn không, thì ta tưởng giặc Xiêm có ưa gì bọn thổ phỉ, chỉ muốn bọn thổ phỉ làm nhiễu loạn biên cương của ta, làm mỏi mệt sức quân ta, bấy giờ mới xem sự được thua, để kiếm mối lợi của người đánh cá, há chịu đem quân cả nước để giúp bọn thổ phỉ mà nhận thay để chống chọi ư ? Thế tất phải phao lên là họp binh đến cứu viện, mà ở Hải Tây, Hải Đông chỉ phân phái 1.000 hoặc 500 người để làm thanh thế đó thôi. Ngoài ra, đều là quân người Man không có tài, quan binh há chẳng có thể giết tan được bọn ấy ư ? Sao lại sợ giặc đến như thế ? Há triều đình không có ai như hai ngươi, nên không thể thay được ư ?

Kể ra, hai ngươi trước đây đánh giặc dựng công, ta cũng cho là không ai bằng, nên uỷ thác cho đảm nhiệm cái trọng trách ấy. Nay xem hành động như thế, thì có tài năng gì, mà không ai sánh kịp ư ? Lại khiến cho người ta ngờ cái công trước, là nhờ người mới nên việc. Vả lại, quân pháp rất nghiêm, ngoài biên cảnh đang nguy cấp, mà đại tướng đóng quân không động đậy thì nên phải tội gì ? Đáng lẽ phải trị tội nặng, nhưng tạm nghĩ : đương lúc đánh dẹp, nên khoan dung để đái tội lập công. Vậy mỗi người đều giáng 2 cấp. Nay nên phấn chấn tinh thần như thế nào, chia quân cho đi ngay đến giải nguy cho 2 phủ, và dẹp yên bọn giặc, không đợi ta phải phái viên khác đến đánh, thì bọn ngươi còn có thể tha lỗi ghi công. Nếu chậm trễ quanh co không tiến, để hỏng sự cơ, phải đợi Phạm Văn Điển, Nguyễn Tiến Lâm đến mới bình được giặc, thì tội của lũ ngươi, phép nước khó khoan, ta chỉ có giữ quốc pháp mà làm việc thôi. Các ngươi nên kính cẩn nghe theo".

Chuẩn định : từ nay phàm trong Kinh ngoài các tỉnh, các nha môn có xét hỏi việc hình xử đoán án kiện phàm là người đàn bà phạm tội, thuộc về tội nhẹ, chỉ nên xử đánh trượng, nhưng cho đánh thay bằng roi. Còn như các tội gian, đạo, bất hiếu, các án nặng ấy, tội nên trượng đồ, trượng lưu trở lên, đều đánh bằng trượng thực, không được nhất khái lấy roi thay. Ghi đủ làm lệ".

Làm lại các tấm ván lát dưới đất ở điện Quang Minh. Bọn Quản vệ vệ Cẩm y là Đỗ Văn Sửu, Hoàng Văn Hậu, đứng trông coi thợ làm, phần nhiều vụng xấu không

được nhẫn phẳng, vua hạ lệnh đều trách phạt cả. Và xuống dụ : từ nay trở đi hễ các thợ có vào trong cung xây dựng tu bổ các vật kiện ở điện, đài, phải do bộ Công, hoặc Quản thị vệ để tâm xem xét, nếu không đúng phép, chuẩn cho lập tức nghiêm ngặt tham hặc. Nếu a dua che chở, đều bắt tội cả.

Cho Hữu tham tri bộ Binh, kiêm Tả phó đô ngự sử viện Đô sát là Nguyễn Công Trứ, thăng thự Tả đô ngự sử viện Đô sát, nhưng kiêm Hữu tham tri bộ Binh. Hữu tham tri bộ Công là Nguyễn Trung Mậu, thăng thự Thượng thư bộ Công, nhưng sung Cơ mật viện đại thần. Hữu thị lang bộ Công là Lý Văn Phức thăng thự Hữu tham tri, nhưng quyền lý công việc Thuỷ sư ở Kinh kỳ. Thông chính phó sứ, Biện lý Thương trường là Phan Thanh Giản bổ thụ Hữu thị lang bộ Binh. Lang trung bộ Hộ, biện lý việc bộ là Nguyễn Đồng Khoa, thăng thự Thông chính phó sứ, lĩnh công việc kho ở Kinh.

Đổi bổ Tham tri bộ Lễ là Phan Bá Đạt làm Tả tham tri bộ Hình, nhưng kiêm quản Quang lộc tự. Hữu tham tri bộ Lại là Tôn Thất Bạch làm Hữu tham tri bộ Lễ, nhưng kiêm nhiếp Tả tôn khanh, phủ Tôn nhân, lại kiêm lĩnh Phủ doãn Thừa Thiên

Cho Thông chính phó sứ, sung biện việc Nội các là Lâm Duy Nghĩa thăng thự Hữu thị lang bộ Lễ. Thị giảng học sĩ, tham biện việc Nội các là Lê Bá Tú thăng thự Hữu thị lang bộ Lễ, nhưng đều sung biện việc ở Nội các. Thự Thị giảng học sĩ, tham biện việc Nội các là Nguyễn Đức Chính bổ thụ Lang trung bộ Binh, biện lý việc bộ. Hàn lâm Thị độc, sung hành tẩu ở Nội các là Nguyễn Bá Nghi thăng thự Thị giảng học sĩ, tham biện việc Nội các.

Vua bảo thị thần là Trương Đăng Quế rằng : "Hà Quyền thù ứng văn chương, thực là hạng tài tử cứng và nhanh, nay tìm được người như thế, chưa dễ được số nhiều. Nguyễn Cửu Trường, cũng ở trong khoa giáp ra, ta thường bảo vào Nội các để xem tài, nhưng cũng chậm chạp lỗ độn, so với Hà Quyền không thể kịp được".

Bổ Nguyễn Hữu Diệu làm Vệ uý Tả vệ Bắc Ninh ; Phó vệ uý Thuỷ vệ Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Bật thăng bổ Vệ uý.

Tỉnh thần Thanh Hoa tâu nói : tuân theo lời dụ xét nghiệm ở thuộc hạt, từ mấy năm tới nay, nỗi đau khổ của dân chứa chất rất nhiều. Năm nay gặp mấy lần gió, lụt, trong một làng 10 nhà thì 9 nhà túng thiếu, dẫu có giảm giá bán thóc ra, mà kiếm được đồng tiền để mua lại không có mấy, nên giá gạo còn chưa giảm xuống giá phải chăng. Lại trong dân gian khí dịch lệ cũng chưa yên hẳn, xin điều trị cho.

Vua xuống dụ sai phát thêm thóc kho, người nào chưa lĩnh thóc bán ra, thì cấp cho mỗi người đều 1 hộc. Số tiền đong thóc của Nhà nước bán ra phải nộp lại và

thuế năm nay phải nộp cùng tiền thuế năm trước còn thiếu lại, và số thóc gạo cho nộp thay bằng tiền, đều hoãn đến vụ đông vụ hạ sang năm mới phải nộp. Dân xã nào dịch khí chưa rút lui thì lập tức theo dụ trước phát thuốc ra để điều trị. Lại cho các hộ buôn, hộ làm nghề được lĩnh trước tiền thóc vốn công để đi lấy gỗ nộp. Các tỉnh : Ninh Bình, Hà Nội, Bắc Ninh, và Hải Dương, tiết thứ đem tình hình hạt mình tâu lên, cũng chuẩn cho các hạng thuế phải nộp được nộp thay bằng tiền, và đều gia hạn cho hoãn lại.

Bọn Khoa đạo là Lưu Quỹ và Đặng Quốc Lang dâng sớ nói : những tỉnh Tuyên, Hưng, Cao, Lạng, Thái Nguyên và Quảng Yên, đã được bộ bàn, chuẩn cho đổi làm sổ đinh, đến sang năm sai quan đi duyệt đinh tuyển lính. Đó là muốn cho chính trị không khác nhau, phong tục đều giống nhau. Duy địa thế những hạt ấy rộng xa, núi khe hiểm trở, dân ở hạt đến tỉnh, đường đi hoặc có chỗ 8, 9 ngày, hoặc có chỗ hơn 20 ngày, chi phí về việc đi lại, sợ không tiện cho dân. Thiết tưởng sổ sách đã thành, chỗ nào dân trù, chỗ nào dân điêu háo đều đã phân biệt, tuyển quan chỉ căn cứ ở trên giấy tờ mà xét làm. Người già cả, tàn tật thêm bớt không có mấy, mà một phen sai phái, cũng là bận rộn, xin đều giao cho tỉnh thần phê phó, do bộ tra xét, đưa xuống cho thi hành. Còn việc sai quan đi duyệt tuyển tạm đình lại.

Vua dụ rằng : "Phép duyệt tuyển là để phân biệt nơi dân đông, nơi điêu háo, mà chia đều thuế khoá sai dịch. Những hạt ấy được dạy nuôi đã lâu, đổi thổ quan đặt lưu quan, dân nào cũng là dân, thì nên cùng một sự thể với các hạt khác, há nên cứ theo thổ tục mà không cho giống nhau ư ? Còn bảo là tuyển quan chỉ căn cứ trên giấy tờ mà xét làm, thì khi duyệt tuyển tự có dân ra ứng tuyển, quan trường khám xét ngay trước mặt mà chia ra từng hạng, đâu lại có lý xét làm ở trên giấy ư ? Lại bảo sổ đinh đã xong, giao cho tỉnh phê phó, rồi do bộ xét lại, thì tỉnh thần đã làm sổ, mà lại tự phê phó, thảng hoặc có sự thêm bớt ở trong, tự ý cho hơn kém, chẳng hoá ra có cái tệ chỗ chịu nặng riêng, chỗ được nhẹ riêng ư ? Mà bộ thần xét lại, căn cứ vào đâu mà xét ra được. Lời nói có phần không hiểu sự thể. Huống hồ dân các châu huyện thuộc các hạt ấy có đến tỉnh, đường sá phần nhiều trung độ vừa phải, há đều xa xôi cả ư ? Lại khi ứng tuyển, chỉ có những người mới đến tuổi, người già cả và người bệnh tật vết tích thôi, chứ không phải họp hết cả mọi người đâu, mà nhất khái cho là đi lại không tiện, xin đình việc duyệt tuyển, lại càng là mơ hồ. Duy triều đình đã làm việc gì, cốt cho quan dân đều tiện, mong tới thực hành. Tựu trung chỉ có 1 hạt Hưng Hoá, đường hơi xa hơn, nếu nhất khái gọi họp, thực cũng chưa tiện. Vậy nơi nào đến tỉnh, đường đi 3, 4 ngày trở xuống, cứ theo lệ đến tuyển ; nơi nào đường đi 5, 6 ngày trở lên, chuẩn cho quan trường tuyển trách cứ châu huyện sở tại,

giữ lòng công xét hạch. Người nào già cả thì cho là lão nhiêu, lão hạng ; người nào bệnh tật, vết tích, thì cho là nhiêu tật, tàn tật ; và hạng tráng đinh xuất trình giấy cam kết làm bằng, cũng cho trường quan kê đem lên hạng, không nên gọi đến họp. Còn như những tỉnh : Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên và Quảng Yên, không ví như tỉnh Hưng Hoá đều do quan tuyển trường duyệt tuyển ; mà quan tuyển trường thì ở Hưng Hoá lấy chức Bố hoặc Án ở Sơn Tây ; ở Tuyên Quang lấy Bố hoặc Án ở Hải Dương ; ở Thái Nguyên lấy Bố hoặc Án ở Bắc Ninh ; ở Quảng Yên lấy Bố hoặc Án ở Hà Nội, ở Cao Bằng lấy Bố hoặc Án ở Hưng Yên sung phái, bất tất phải phái quan ở Kinh ra cho xa. Còn như bọn tuỳ biện, duy mỗi trường tuyển có 1 người cai án do Kinh phái ra, còn về Cai lại thì chuẩn cho trường quan chọn lại dịch ở hạt, ai là liêm cần lấy 1, 2 người đem theo để giúp việc. Lại những tỉnh ấy, mới bắt đầu duyệt tuyển lần thứ nhất, số đinh không có mấy, thì lấy công thự ở tỉnh lỵ làm tuyển trường, không phải dựng riêng cái nhà gianh ở nơi hành cung nữa.

Ở Thương trường chi ra gạo kho, số thừa ra kể có hàng nghìn. Bọn giám thủ cứ thực tâu bày lên. Vua giao bộ Lại bàn tội xử phải giáng cách.

Vua nói : "Kho chứa thóc chi thu số nhiều, thừa ra, thiếu đi cũng không tránh khỏi. Nếu là thiếu hụt, chiếu số tang bắt tội cố nhiên là pháp luật khó khoan thứ ; còn như thừa ra, cũng nhất khái tính số tang xử tội thì bọn họ còn thi thố thế nào được. Nên theo mức nhẹ mà trách phạt là phải".

Vua ra ngự phiên chầu, bảo thị thần rằng : "Minh Thái tổ là người nghiêm minh, nhưng hay giết người. Mã hậu bị bệnh chết, thương xót không nguôi, giết hết cả y sinh, tới hôm chôn cất, gặp trời mưa sấm chớp không chôn được. Bèn vời cao tăng đến tụng kinh cầu tạnh, có ý định ngầm giết nhà sư ấy. Sư đọc bài kệ rằng :

Phiên âm :

Vũ thấp thiên thuỳ lệ,
Lôi minh địa cử ai.
Thập phương chư Bồ tát,
Tương tống Mã như lai.

Dịch nghĩa :

Mưa xuống ướt tức là trời rỏ nước mắt,
Sấm vang tức là đất lên tiếng khóc,
Các Bồ tát mười phương,
Cùng đi đưa đám bà phật Như lai họ Mã.

Thái tổ nghe bài kệ ấy không nỡ giết. May sao trời tạnh, Thái tổ cho vời nhà sư muốn thưởng cho, nhưng nhà sư sợ hãi đã trốn đi rồi.

Lại khi Thái tổ mới khởi binh, đến chơi một chùa, sư già hỏi họ tên, bèn đề bài thơ ở trên vách rằng :

Phiên âm :

Sát tận Giang Nam bách vạn binh,
Thủ trung bảo kiếm huyết do tinh.
Lão tăng bất thức anh hùng hán,
Thượng cảm kiêu kiêu vấn tính danh.

Dịch nghĩa :

Giết hết trăm vạn quân ở Giang Nam,
Trong tay cầm gươm báu, máu hãy còn tanh,
Lão tăng không biết ra là bậc anh hùng,
Còn dám giọng nói run run hỏi họ với tên.

Sau Thái tổ lên ngôi vua, cho vời nhà sư ấy để định giết, thì đã chết rồi. Nhân hỏi các sư rằng : "Bài thơ đề ở trên vách sao không thấy ?" Thưa rằng : sư già đã tự tay rửa nét chữ đi, chỉ để lại một bài kệ rằng :

Phiêm âm :

Ngự bút đề thi bất cảm lưu,
Lưu lai duy khủng quỷ thần sầu.
Cố tương pháp thuỷ khinh khinh tẩy,
Thượng hữu long quang xạ đẩu ngưu.

Dịch nghĩa :

Bài thơ đề không dám để lại,
Để lại chỉ sợ quỷ thần cũng phải âu sầu
Nên lấy nước ngành dương, nhẹ nhàng rửa hết nét chữ,
Còn có ánh sáng của thanh gươm Long tuyền soi thấu đến sao Đẩu, sao Ngưu trên trời.

Thái tổ nói : "Chưa biết có thực hay không, nhưng bọn sư cũng có thể ứng khẩu đọc ngay bài kệ, vậy tha tội cho".

Thái tổ lại nghe ở Phố Giàng có nhà họ Trịnh, mấy đời cùng ở chung với nhau một nhà, mà gia pháp rất nghiêm. Cho vời đến khen thưởng rồi cho về. Mã hậu nói rằng : "Nhà nó cùng ở với nhau hơn 2.000 người, không hề trái khác, đủ biết là hoà thuận. Thảng hoặc ngầm mưu tiếm nghịch, há chẳng dễ ư ?" Thái tổ gật đầu cho là phải, lại kíp gọi đến hỏi : "Vì cớ gì mà cùng ở với nhau được hay thế" ? Họ Trịnh đáp : "Tiểu dân cách trì gia không có thuật gì khác, chỉ duy không nghe lời nói của người đàn bà thôi". Thái tổ cười bảo rằng : "Phải đấy", rồi cho về.

Cho Lang trung bộ Lại, kiêm nhiếp Tả tá lý phủ Tôn nhân là Bùi Phụ Long bổ thụ Lang trung bộ Hộ, biện lý việc bộ ; thự Lang trung bộ Lại là Đinh Văn Minh, kiêm nhiếp Tả tá lý phủ Tôn nhân.

Đúc 15 cỗ súng "Xung tiêu" bằng đồng. (Lòng súng bắn đạn ra đường kính 5 tấc 4 phân, lòng súng để nạp thuốc đường kính 3 tấc, có 10 cỗ. Lòng súng bắn đạn ra đường kính 5 tấc, lòng súng để nạp thuốc đường kính 2 tấc 8 phân, có 5 cỗ). Lại chế 30 cái thước đo, để thí nghiệm thuốc súng đều theo cách thức của Tây dương.

Vua sai thự Tả đô ngự sử ở viện Đô sát là Nguyễn Công Trứ, sung làm Tán lý cơ vụ ở Trấn Tây, hiệp cùng với bọn Kinh lược Phạm Văn Điển, Nguyễn Tiến Lâm, đem quân đánh giặc, hễ trong quân có tâu báo mà cùng đứng tên, cho đứng ở dưới Tiến Lâm.

Trứ thấy bọn thổ phỉ ở Trấn Tây xui giục khởi loạn, việc đánh dẹp vỗ yên có nhiều ngả, tự xin đi để giúp việc, tuỳ việc chia sức khó nhọc, nên có mệnh ấy. Khi vào từ biệt trước thềm để đi. Vua dụ bảo trước mặt rằng : "Bọn Phạm Văn Điển, Nguyễn Tiến Lâm, không lo là không mạnh, chỉ lo không có mưu, mà trong quân chỉ có văn viên tứ phẩm là Đinh Văn Huy, bàn bạc việc quân, sợ hoặc chưa trúng khớp. Khanh là nho tướng, việc quân lữ vốn đã quen thạo, cốt nên cùng nhau đắn đo cơ nghi, sớm được thành công lớn để xứng với uỷ nhiệm".

Trứ nhân tâu nói : "Phong tục người Thổ dễ lừa hoặc mà khó hiểu bảo, chỉ một mực nghe thổ ty. Sở dĩ họ dấy loạn cùng một lúc tất cũng là có cớ. Hoặc bị bọn không tốt bức bách quấy nhiễu gây biến ; hoặc là đầu mục của họ là bọn Trà Long bị tội, bọn con em họ hàng sợ phải tội lây, nhân đó mà xui giục dỗ dành lừa dối những kẻ không biết gì. Triều đình vốn không nỡ lòng giết hết, nhưng chúng đã phạm tội, sợ không dám quay đầu trở về nữa. Hoặc chết đói ở rừng sâu, hoặc chạy trốn sang nước khác, đất cũ của người Lạp, Man, thành ra một khoảng đất bỏ không. Tưởng cũng hư phí từ trước tới đây bao nhiêu kế hoạch, xét ra bọn Trà Long, tội cố nhiên không thể tha giết được. Nay nhân họ theo về quy thuận mà

ghép vào pháp luật, hoặc có kẻ vin vào đấy để nỏ mồm. Xin giải bọn họ ra nơi quân thứ, sai tự tay viết thư, khuyên bảo con em họ hàng, để cùng đem thổ dân ra đầu thú. Nếu ngần ngừ trông ngóng, không chịu nói hết sự thực cũng là đã viết thư răn bảo, mà con em họ không chịu nghe theo, thì tỏ rõ là bọn họ đã bị họ hàng bọn lũ ruồng bỏ, tức thời đem chém ngay ở trước quân ; rồi chiếu những nơi mà bọn đầu mục khác của họ tụ họp đánh dẹp rõ kịch liệt để cho họ biết sợ hãi, rồi sau tùy cách vỗ về chiêu dụ cho yên họp, mới là thoả đáng.

Vua nói : "Bọn Trà Long dẫu từng làm đầu mục dân Man, nhưng từ lúc trước dân Man chưa làm phản, hoặc có thể lấy hắn là đầu mục mà khuyên bảo, để cho họ hồi tâm. Nay thì có bọn đầu mục khác cùng nhau chống cự quan quân, có dính gì đến bọn Trà Long đâu ? Nếu con em bọn Trà Long yêu mến hắn mà ra thú phục, há có lẽ bọn giặc Man đều làm phản ấy, cũng yêu mến hắn mà ra thú phục ư ? Hoặc giặc Man yên mến hắn mà ra thú phục, há có lẽ giặc Xiêm giúp quân phản nghịch, cũng yêu mến hắn mà ra thú phục ư ? Huống chi trong nước Xiêm, hãy còn bọn giặc Man ở đó, không những là không yêu mến bọn Trà Long mà thôi, lại cùng oán ghét nhau lắm. Nay đã giúp dân Man làm loạn lại theo bên cạnh mà xúi bẩy, há chịu để dân Man theo người oán ghét của nó ư ? Vả lại, ngày trước bộ Hình đã từng sai bọn kia gửi thư khuyên bảo con em, mà con em họ vẫn trốn vẫn làm phản, chưa thấy có một người nào quay đầu trở về, thì có khuyên bảo cũng vô ích, tưởng đã thấy được đại khái.

Nay đại binh đương đi đánh dẹp, đến nơi nào là phá tan sào huyệt của giặc, không bao lâu nữa cũng sẽ bình định. Tức như mọi nơi Tây Ninh, Quang Phong ở Gia Định ; Bông Nguyên, Liễu Khê ở Định Tường ; Tinh Biên, Chu Nham ở Hà Tiên ; Xà Năng, Cổ Thành ở Trấn Tây được thắng lợi nhiều, những chỗ trở ngạnh, dần đã yên lặng, có cần gì phải đợi bọn họ khuyên bảo dỗ dành đâu ? Chỉ duy 1 dải Hải Đông, Hải Tây, bọn giặc hiện còn hung hăng, nên dẹp tắt trước tiên, sau sẽ chiêu dụ vỗ về dân chúng, để cho yên nghiệp sinh sống, đó là điều cốt yếu. Ngươi đi chuyến này phải nên cố gắng đấy.

Còn như bọn Trà Long là một tên thổ biền có tội, nếu chiếu tội trước mà đem chém, thì cũng đủ rõ xử tội là chính đáng. Duy nó là kẻ ngu tối không biết gì, không nỡ vội làm nhơ nhớp dao búa đó thôi. Hà tất phải đợi thân thuộc bọn lũ nó ruồng bỏ nó, rồi sau mới giết ư ? Lời xin không chuẩn cho thi hành".

Sai Thị vệ trưởng là Trần Văn Kiếm đem 1 lá cờ đỏ thêu con rồng của ngự dụng trong khi việc quân, đi đường trạm đến ban cấp cho bọn Kinh lược để khi ra trận đốc chiến.

Sai Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh kiêm quản viện Đô sát.

Huyện hạt Bình An ở Biên Hoà, có giặc Man lấn qua, giết hại nhân dân, cướp bóc tài vật ; Phó lãnh binh là Trần Văn Tuấn đem quân đuổi bắt, giặc lại lẩn vào địa phận trong rừng trốn đi. Việc đến tai vua. Tuấn vì cầm phòng bất lực, bị giáng 1 cấp.

Vua sai viện Cơ mật truyền dụ cho bọn Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Lê Văn Đức ở Trấn Tây rằng : "Trước đây cứ lời tâu của bọn Tướng quân, Tham tán hiện đã đến Liên Cảng, rồi dừng quân không tiến, thực là không thoả bụng người. Xét ra, Sa Tôn đương lúc nguy cấp, nên đem đại binh toàn sức đi nhanh đến cứu viện và đánh dẹp, mới được sớm thành công. Lại trích giao biền binh cho Đoàn Văn Sách chỉ có 1500 người, phần nhiều lại là quân lính mới đánh nhau lần trước trở về, sao có thể đắc lực được. Há nỡ để bảo Sa Tôn trơ trọi ở ngoài bụng, mà không quan tâm đến ư ? Nghĩ tới đó khiến người ta xiết bao sốt ruột.

Nay chuẩn cho lập tức đem quân, thân đến giết tan bọn giặc, giải vây cho bảo ấy. Nếu giặc một trận bị thua tan vỡ trông bóng gió chạy trốn, thì lại dựng đồn phòng giữ như cũ. Nếu giặc hãy còn hung hăng thì rút bỏ bảo ấy, biền binh đều cho về Hải Đông, liệu cơ đánh dẹp, cũng có thể thu công trong lúc mặt trời xế bóng. Nếu bỏ bảo Sa Tôn, tuyệt nhiên không cứu viện nữa thì còn mặt mũi nào đối với các tướng sĩ ư ?

Tên đầu sỏ giặc ở Hà Tiên là Chân Triết uỷ cho bọn lũ là Thuý Sinh, Ngọc Thâm (nguyên Suất đội thổ binh ở cơ Hữu Hà Tiên) đem hơn 2.000 quân từ núi Thất Sơn đến quấy nhiễu huyện lỵ Kiên Giang, Quyền nhiếp việc huyện là Hoàng Mẫn Chính và dân người Kinh sở tại đều sợ chạy. Giặc bèn đến ở ven bờ sông nhánh Giá Đà, ngăn lấp cửa cảng. Thự phủ là Lê Quang Huyên nghe báo tức thời liệu để lại biền binh hiệp cùng lính phủ Quảng Biên để phòng giữ đánh dẹp, rồi về tỉnh làm việc. Phái Quản vệ Nguyễn Văn Do, thự Phó quản cơ Nguyễn Văn Điều, đem ngay binh thuyền chia đường thẳng tiến Giá Đà dẹp giặc. Chém được 6 thủ cấp cắt lấy tai, bắt sống được 1 tên. Giặc thua chạy vào rừng tản mát bốn phía, bèn thu lại huyện lỵ. Việc đến tai vua, thưởng cho Nguyễn Văn Do, Nguyễn Văn Điều mỗi người đều quân công kỷ lục 2 thứ và 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn ; Suất đội đi đánh chuyến ấy, mỗi người đều kỷ lục 1 thứ, ngân tiền 1 đồng ; còn binh dũng thưởng chung cho 300 quan tiền. Quang Huyên lại thân đem hơn 600 binh dũng, tiến đến tỉnh Tĩnh Biên, cùng với đạo binh An Giang hội họp đánh dẹp.

Chuẩn định : từ nay hễ ở Kinh có sửa chữa đóng mới các thuyền, thì về thuyền Sam bản, Ô, Lê và các hạng thuyền nhỏ, cho đến các việc sửa chữa tầm thường, thì do bộ Công phái thuộc viên đến xem xét. Nếu đóng thuyền vua ngự và thuyền bọc đồng, cùng các thuyền hiệu, với sửa chữa chiếc thuyền nào, cần đến sơn thếp, hoặc

bọc đồng lá, thì viện Đô sát phái viên khoa đạo đến hội cùng với bộ thuộc đứng trông coi lính và thợ làm. Lại xem xét những người thợ ở đó, hoặc có tình tệ xén bớt thiếu hụt và bộ thần làm việc có chỗ không phải, đều cho chỉ tên tham hặc.

Lại cho là trong Kinh ngoài các tỉnh hiện đóng thuyền Hải vận, hằng năm thường đủ vận tải, mà thuyền hiệu An, Tĩnh của các tỉnh đã có định ngạch, nhưng nguyên trước chế ra vừa chậm vừa nặng, chở hàng không được nhiều. Chuẩn cho từ nay về sau, nếu có khuyết ngạch chiếc nào thì đình lại không đóng nữa.

Bộ Hộ đệ danh sách kê các số thuế lệ về tiền thóc sản vật của các địa phương còn thiếu lại ở dân, từ năm Minh Mệnh thứ 19. Chuẩn cho giảm tha 5 phần 10 ; duy các tỉnh Nghệ An, An Giang, còn thiếu bạc thuế hơn 160 lạng và Bình Thuận, Quảng Trị vay thóc hơn 2000 hộc, đều tha cho hết.

Tiết Thánh thọ[1]. Vua nhân khó ở. Lễ bộ tâu nói : việc thừa hoan, phụng dưỡng ở chốn định vy [nơi bố mẹ ở], năm tháng còn dài, nên lấy sự vui thuận làm hiếu, xin nhà vua tĩnh dưỡng, ngày một khoẻ mạnh, để trên hả lòng mẫu hậu, mà càng tỏ rõ lòng hiếu của thánh thượng, vậy xin buổi sớm hôm ấy, cho trăm quan tới cung Từ Thọ làm lễ khánh hạ.

Vua nói : "Lời tâu ấy xuất ở lòng thành trung ái, ta bất đắc dĩ, nể theo lời xin ấy".

Quyền thự Tổng đốc An - Hà là Dương Văn Phong, từ Nghi Hoà trở về phủ hạt Tĩnh Biên, nghe do thám bảo bọn của tên đầu sỏ giặc là Chân Triết, còn tụ họp ở địa phận các núi Xuy Tốn và Ba Xuy làm ngăn trở (những nơi ấy đều thuộc huyện hạt Hà Dương, cùng huyện Kiên Giang cùng tiếp giáp). Bèn đốc cùng Lãnh binh là Nguyễn Duy Tráng đem hơn 700 binh dõng, do sông nhánh Hiến Cần tiến đánh xứ Xuy Tốn ; tư cho Thự phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyên tiến đánh xứ Ba Xuy ; định ngày đánh giáp công, lấy núi Nam Vi là nơi thắng địa hội binh ở đó. Đạo binh của Phong đánh phá bọn giặc ở Xuy Tốn, bắt chém hơn 20 người, phá tan sào huyệt của giặc, không thấy đạo binh của Quang Huyên đến. Đem việc ấy tâu lên.

Huyên liền tâu nói : quân đi đến núi Trà Lân, gặp giặc đón đánh, bắt sống được 1 tên đầu mục của giặc là : Môn Tri An Rặc Lục và chém được 1 thủ cấp cắt lấy tai ; còn đều tản mát trốn chạy. Lại xét núi Ba Xuy, địa thế rất hiểm, tưởng không phải 1, 2 hôm có thể đánh thắng được, thần đã báo cho Dương Văn Phong để thương lượng.

Vua dụ viện Cơ mật rằng : "Bọn thổ phỉ ở Tĩnh Biên tụ họp giữ chỗ hiểm yếu ở Xuy Tốn, Dương Văn Phong đã tư cho Huyên, mà Lê Quang Huyên sai hẹn không

(1) *Tiết thánh thọ* : ngày sinh nhật của Hoàng thái hậu.

tới, việc quan hệ quân cơ, chính là có tội. Nhưng nghĩ đám giặc ở Xuy Tốn đã bị Văn Phong giết tan, mà Quang Huyên đi chuyến này, gặp giặc ở núi Trà Lân, đánh nhau được thắng lợi, cũng được lấy công thay lỗi, tạm hãy miễn xét nghĩ. Xét ra Chân Triết là một tên rất kiệt hiệt trong đám giặc, chuẩn cho trao thêm giải thưởng, không cứ binh dân người Kinh, người Thổ và người nước Thanh, người Chàm, ai có thể bắt, giết đưa ra xét xử thì thưởng cho 500 quan tiền và bổ cho chức Đội trưởng".

Thự Bố chính Định Tường là Trương Văn Uyển, Phó lãnh binh là Tạ Văn Linh, từ Liễu Khê tiến đóng đồn ở thôn Như Đăng, nghe tin bọn thổ phỉ bắc cầu ở sông nhánh Tân Trạch để cùng tiếp viện cho nhau. Bèn sai Suất đội là Nguyễn Văn Túc, đem 60 tên lính, đi thăm địa thế. Túc thấy giặc họp ở trong rừng, coi thường tiến đi, sa cơ bị giặc giết chết, biền binh cũng có người bị thương bị chết. Giặc đem hơn nghìn người trong bọn, sấn đến ngoài đồn. Bọn Uyển cùng với phái viên đã có Chỉ cho đi quyền thự Án sát Hà Tiên là Hoàng Mẫn Đạt, đốc suất binh dũng các đạo ra đánh, đều bắn súng một loạt. Giặc nhiều đứa bị chết ngã lăn ra, bèn lui chạy. Mẫn Đạt trúng đạn bị thương, bèn thu quân về. Việc đến tai vua, Trương Văn Uyển, Tạ Văn Linh, vì điều độ trái phương pháp, đều giáng 2 cấp. Nguyễn Văn Túc, và các biền binh bị chết trận, đều theo lệ cấp tiền tuất gấp hai. Hoàng Mẫn Đạt thưởng cho 20 quan tiền, chuẩn cho vẫn ở Định Tường để điều dưỡng. Còn chức Án sát Hà Tiên, cho phái viên Lại khoa Chưởng ấn là Trần Văn Triện ở gần đó tới quyền lĩnh để làm việc.

Đạo binh của Phó lãnh binh phủ Hải Đông là Đoàn Văn Sách, đánh giải được vòng vây ở Sa Tôn. Trước đây, tên can phạm làm phản là Sa Mộc chạy sang Bắc Tầm Bôn cầu cạnh người Xiêm viện trợ. Xiêm mục là Phi Nhã Chất Tri, vì Sa Mộc tụ họp người Xiêm, người Man và bọn vô lại nước Thanh, chia nhau quấy nhiễu ở nơi biên giới. Chất Tri lại sai thuộc hạ là Phi Nhã Lạc Xa Thi Côn đem hơn vạn quân vây bảo Sa Tôn. Lại ở đường sông, đặt đồn giao nhau, để chống quân ta. Sách từ Liên Cảng tiến đến đồn sở, liệu để lại binh thuyền đắp luỹ đất để ngăn chống và làm nghi binh, rồi đi đường tắt khác lén đến đánh mạn sau giặc. Ngày đã sắp tối, giặc rút lui ra đóng ở 4 phía ngoài bảo. Sách cũng thu quân vào đồn nghỉ ngơi. Hôm sau lại thân đốc các binh dũng đem đi theo và lính ở bảo ra đánh nhau với giặc, lấy được đồn của giặc 14 nơi, chém được 190 thủ cấp cắt lấy tai, bắn chết hơn 400 tên, thu được 7 cỗ súng lớn và giáo mác khí giới rất nhiều. Nhân thế sai Quản cơ là Hoàng Văn Quang triệt bỏ đồn của giặc sửa thêm luỹ đất ở bảo. Chợt thấy bọn giặc lẩn núp, Quang bèn thúc quân đuổi theo. Sách nghe tin, cùng với người em có chân trong sổ Hoa danh [sổ ghi tên con các quan võ] còn đợi bổ là Đoàn Văn Lộc kíp tới tiếp ứng. Khi đến phận rừng, bọn giặc nhô lên 4 phía, đánh giáp công cả đằng trước

đằng sau. Sách mình bị thương nặng, Lộc đánh nhau với giặc bị chết, Quang cũng bị giặc giết chết. Viên giữ đồn là Phó lãnh binh Nguyễn Công Nhàn trông thấy thế sấn lại cứu viện và đánh giặc, giặc rút lui, Nhàn bèn đỡ Sách về bảo. Bọn Tướng quân Tham tán đem tình trạng tâu lên.

Vua phê bảo rằng : "Giải được vây ở Sa Tôn, rất thoả lòng ta. Duy có Đoàn Văn Sách bị thương, lại là để lo cho ta". Bèn xuống dụ rằng : "Tình hình bọn thổ phỉ ở con đường ấy, tiến đánh thực là gian nan trắc trở. Đoàn Văn Sách đem số quân không đầy một nghìn người, len lỏi trong rừng, mở tìm đường tắt, đánh úp quân giặc hơn một vạn, mà được thắng lợi to. Có dũng có mưu, thực là xuất sắc, duy trong lúc vội cứu Hoàng Văn Quang, không may bị phục binh của giặc bắn bị thương. Cũng là vì gấp đến cứu viện, không nên lấy một cớ nhỏ, mà làm mất cái công to. Chuẩn cho thưởng thụ Chưởng vệ, gia quân công 3 cấp, cho 1 cái bài đeo bằng vàng có 4 chữ "anh hùng chi tướng", lại thưởng thêm 1 cái nhẫn đeo tay bằng ngọc khảm mặt kim cương và một đồng tiền Phi long bằng vàng hạng lớn, với 30 lạng bạc. Những Quản vệ cơ của đạo quân đi trận ấy và những người đắc lực ở trong đám quân của Nguyễn Công Nhàn, đều thưởng cho mỗi người 1 cái nhẫn vàng đeo tay và 10 lạng bạc ; còn biền binh thưởng chung cho 2.000 quan tiền. Nguyễn Công Nhàn lấy một bọn quân trơ trọi mà giữ được bảo ấy đã bấy lâu, giặc không dám phạm ; kịp sau khi giải vây Đoàn Văn Sách gặp phục binh bắn bị thương, lại hăng hái tự mình phấn đấu giết giặc, cứu được Sách đem về bảo, đáng khen là dũng tướng. Thưởng cho 1 cái nhẫn đeo tay bằng vàng khảm mặt pha lê và một đồng kim tiền Phi long hạng nhỏ, gia quân công 1 cấp, còn biền binh ở bảo thưởng chung cho 1.000 quan tiền. Đoàn Văn Lộc ra trận bỏ mình, chuẩn cho truy tặng làm Cai đội. Còn Hoàng Văn Quang bị chết dẫu có lỗi về khinh suất nóng nẩy, nhưng còn biết phấn đấu mạnh mẽ, so với những người rút lui nhát sợ có phần khác, vẫn được chiểu lệ cấp tiền tuất gấp hai.

Xét ra, bọn Tướng quân, Tham tán thân đem đại binh đến đấy đã bao nhiêu ngày, mà chưa thấy thi thố xếp đặt gì. Nay cứ lời tâu thì lấy toán quân lẻ, phá được giặc lớn, lại do công của một mình Đoàn Văn Sách, thì Tướng quân Tham tán, tựa hồ có ý nhút nhát khiếp sợ. Nay nên đốc sức biền binh, nhân thế thắng trận ấy, trừ hết đám giặc ở Hải Đông cả đến Hải Tây nữa, để sớm nên công xong việc.

Vua sai thị vệ đem giao cho Trấn Tây kim tiền Phi long hạng lớn 5 đồng, kim tiền hạng nhỏ 30 đồng, kim tiền Bát bảo và Ngũ bảo 15 đồng, ngân tiền Phi long hạng lớn 300 đồng, nhận đem chứa lại để phòng khi ban thưởng.

Tiết Đông chí, miễn cho trăm quan không phải vào chầu tham bái, lệ ban yến cũng bãi.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHỊ KỶ - *QUYỂN CCXX*

THỰC LỤC VỀ THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], mùa đông tháng 12, đổi định lại nghi tiết ban lịch. (Lệ cũ hằng năm ngày mồng 1, tháng 12, đặt lễ chầu ở điện Thái Hoà, vua ra ngự điện ; viên Khâm thiêm giám dâng lịch xong, quan truyền Chỉ đọc Chỉ, trăm quan làm lễ nhận lịch. Đến bấy giờ đổi định : trước 1 hôm, ty có chức trách đặt 1 cái án vàng ở chính giữa trước Ngọ Môn, lại đặt 1 cái bàn vàng ở phía nam cái án vàng, đều có lọng vàng che đủ cả ; 2 bên tả hữu sân đặt 4 cái tán vàng ; đặt chỗ đứng lạy của các hoàng tử công, hoàng tử, các tước công, và quan văn võ từ tam phẩm trở xuống, đặt vị đứng lạy ở phía nam cầu Kim Thuỷ. Lại ở viện Tả đãi lậu, quan chính giữa đặt 1 cái long đình. Đến buổi sớm hôm ấy, hoàng tử công, hoàng tử, các tước công, văn võ trăm quan đều mặc triều phục theo ban đứng hầu ở ngoài cửa Ngọ Môn. Một viên Khâm thiên giám bưng hòm đựng lịch vẽ rồng đứng đợi ở ngoài ban bên tả và đặt quan lịch ở trên cái bàn vàng, rồi 1 viên bưng hòm đựng lịch vẽ rồng đặt lên trên cái long đình ở viện Tả đãi lậu, đồ nghi trượng và nhã nhạc đứng xếp hàng 2 bên tả, hữu trước sân Ngọ Môn. Lại ở phía nam cầu Kim Thuỷ, hai bên dàn bày cờ, giáo. Lại bày tán, lọng, gươm dài và 1 bộ nhã nhạc đứng đợi ở ngoài ban. Một viên Nội các mặc triều phục đứng đợi ở chái bên đông điện Cần Chính. Một viên quan truyền Chỉ cũng mặc triều phục đứng đợi ở chái bên đông lầu Ngọ Môn. Viên ở ty bộ Lễ xướng : hành tiến lịch lễ [làm lễ dâng lịch], quan quản lý ở Khâm thiên giám đem thuộc viên chiếu theo thứ tự đứng xếp hàng rồi đều quỳ

xuống. Viên ở Khâm thiên giám bưng hòm đựng lịch vẽ rồng đi rảo bước đến bên cạnh quản lý rồi quỳ xuống, trao hòm cho quan quản lý tiếp nhận, bưng giơ cao lên trán, xong rồi lại trao trả viên bưng trước đem để lên trên án vàng, rồi đi rảo ra. Từ quan quản lý trở xuống đều làm lễ 5 lạy, xong rồi, vệ Loan nghi khiêng án vàng ấy theo cửa giữa Ngọ Môn đi vào, nhã nhạc nghi trượng dẫn trước, tán, lọng giương che, quan quản lý đem thuộc viên đi theo sau. Qua cầu trung đạo chuyển sang phía đông, do cửa Nhật Tinh đến cửa Đại Cung, án vàng do cửa giữa đi vào, đến sân điện Cần Chính, đặt án vàng ở dưới thềm giữa. Một viên Nội các từ chái bên đông đi rảo đến thềm giữa, do phía bên tả đi xuống. Một viên Khâm thiên giám bưng hòm đựng lịch vẽ rồng trao cho viên Nội các tiếp nhận, rồi chuyển giao cho cung giám đệ vào trong cung.

Trước đây, cung tiến lịch vẽ rồng, qua cầu Trung Đạo, đến chỗ đường lát gạch bên tả thềm rồng, quan truyền Chỉ do chái bên đông lầu Ngọ Môn, đi rảo đến bên tả gian chính giữa đứng ngoảnh mặt về phía nam, tuyên lên rằng "có chỉ", rồi lại chuyển đứng ngoảnh mặt về phía tây. Trăm quan đứng vào ban rồi, đều quỳ xuống. Quan tuyên Chỉ lại đứng ngoảnh mặt về phía nam tuyên rằng : "Lịch năm Tân Sửu đã xong, ban cho trong Kinh và ngoài các tỉnh". Tuyên xong đi rảo ra. Trăm quan làm lễ tạ ơn, rồi chia ban. Một viên Lễ bộ, một viên Khâm thiên giám, đều mặc triều phục tới viện Tả đãi lậu, đem vệ Loan nghi khiêng long đình để hòm lịch vẽ rồng đến cửa Tiên Thọ, do cửa tả chuyển giao cho cung giám tiếp lĩnh dâng lên.

Lại một viên ở Hộ bộ, một viên ở Khâm thiên giám, đều mặc triều phục sức cho vệ Loan nghi khiêng bàn vàng để quan lịch, đến nhà Duyệt Thị, chuyển giao cho cung giám dâng vào trong đại nội. Ngày hôm ấy văn võ trăm quan đều tới viện Tả đãi lậu kính lĩnh quan lịch về phần mình ; phủ Thừa Thiên gọi họp nhân viên 6 huyện, chiếu lĩnh quan lịch của hạt mình, cấp phát cho các xã dân trong Kinh kỳ, tự sau ghi làm lệ mãi).

Bố chính Thanh Hoa là Vũ Thành Phong bị cất chức. Phong trước mắc bệnh điên, đã cho thôi việc, ở riêng nơi tĩnh mịch để điều trị, được hơn một tháng, bệnh tình càng tệ hơn, có lúc có tình trạng hung tợn như đeo gươm cầm súng, Tổng đốc là Tôn Thất Lang đem việc tâu lên. Vua chuẩn cho lập tức cách chức, sai người giữ gìn, không cho ra ngoài. Còn ấn triện Bố chính thì do Đốc thần quyền giữ làm việc.

Thự Bố chính Định Tường là Trương Văn Uyển và Phó lãnh binh là Tạ Văn Linh, đem tình hình đánh dẹp bọn thổ phỉ ở Nam Thái tâu lên và nói : bọn giặc dẫu không dám đương đầu đối địch, nhưng bạ nơi nào tụ họp ở nơi ấy, có nơi 300 - 500

tên, có nơi hơn 1.000 tên, dựa vào rừng lúc ẩn lúc hiện, quan quân tiết thứ chia đường tiến đánh, đều có đánh giết được bọn giặc, đốt cháy đồn chứa lương.

Vua nói : "Các binh dũng ở tỉnh ngươi, gần đây việc bắt giặc, chỉ được thắng lợi nho nhỏ, chưa đủ kể công. Nhưng ta nghĩ sai phái đã lâu ngày, cũng có khó nhọc, gia ơn thưởng chung cho 500 quan tiền".

Quyền thự Tuần phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyên theo lời dụ, đem việc trước đây tiến đánh Quảng Biên, chưa được sớm tiêu diệt bọn giặc, nên chưa có thể tiến đến Khai Biên, tâu lên trả lời và nhận lỗi.

Vua dụ rằng : "Ngươi tiết thứ đem quân đánh dẹp, đến đâu cũng được thắng lợi luôn. Thế mà không một phen tiêu diệt san phẳng bọn giặc tàn lẻ tẻ còn lại, đi lại chậm trễ kéo dài, chưa từng tiến khỏi Khai Biên một bước nào, để có tiếng tăm chê trách. Tội cũng khó từ, tạm giáng 2 cấp. Nay nên gắng sức phấn đấu hơn lên, hội đồng với đạo binh An Giang, bắt chém tên đầu sỏ giặc ở Tĩnh Biên là Chân Triết và các bọn lũ của giặc, cho trong cõi sớm được yên ổn. Rồi lập tức dời quân chuyển tới Khai Biên lùng bắt bọn giặc còn trốn. Xét ra, nơi ấy lệ thuộc vào triều đình đã lâu một thước đất, một người dân, đều là của triều đình cả. Huống chi chỗ ấy lại là nơi địa đầu quan yếu, há nên để ra ngoài bụng nghĩ. Nên phải hết sức đánh dẹp, nếu chậm trễ trông ngóng quanh co, thì đã có phép nước đó".

Cho Phó lãnh binh ở Trấn Tây là Nguyễn Công Nhàn thăng bổ Lãnh binh Trấn Tây, Phó vệ uý vệ Trung nhất Tả dực dinh Vũ lâm là Mai Văn Đổng, bổ thụ Phó lãnh binh ở Trấn Tây ; Phó lãnh binh ở Bình Định là Nguyễn Lương Nhàn, thăng bổ Lãnh binh ở Bình Thuận, Phó vệ uý vệ Tiền dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Văn Thanh bổ thụ Phó lãnh binh ở Bình Định.

Đổi định lệ tô ruộng ở 2 huyện Bình Chính, Minh Chính, tỉnh Quảng Bình cùng với các huyện thuộc hạt cùng giống nhau. (Lệ trước tô ruộng 2 huyện ấy, không cứ là hạng nào, mỗi mẫu thu thóc 15 thăng, tiền thập vật 1 tiền, tiền cỏ tranh và tre 30 đồng. Đến bấy giờ chuẩn cho theo như các huyện : ruộng nhất đẳng, mỗi mẫu 40 thăng thóc ; ruộng nhị đẳng 30 thăng, ruộng tam đẳng 20 thăng ; ruộng cấy vụ mùa, mỗi mẫu 10 thăng thóc và tiền thập vật 3 tiền).

Bộ Hộ tâu nói : các hạt ở Bắc Kỳ đến tháng giêng sang năm chính thuộc khoá lệ thanh tra. Duy xét ra 6 tỉnh : Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Quảng Yên, đã chuẩn cho tháng 2 năm ấy duyệt định tuyển lính, về việc thanh tra xin gia hạn cho đến tháng 5, là tiện hơn. Ngoài ra 6 tỉnh Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương và Hưng Yên, thì vẫn theo lệ chọn phái Đồng lý, nhân viên sung đi làm việc.

Vua y theo, lại sức định số nhân viên đi thanh tra làm việc ở các địa phương : (Hà Nội trước lệ 4 người, nay giảm làm 3 người ; Bình Định, Quảng Nam, Nghệ An và Thanh Hoa trước lệ mỗi hạt 3 người, nay giảm làm 2 người ; Sơn Tây, Bắc Ninh và Hải Dương, trước lệ mỗi hạt 1 người, nay thêm là 2 người ; Quảng Trị và Quảng Bình, trước lệ mỗi hạt 2 người, nay giảm làm 1 người ; Gia Định, Vĩnh Long, Nam Định, An Giang và Trấn Tây, mỗi hạt 2 người ; Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, Định Tường, Hà Tiên, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Yên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Cao Bằng mỗi hạt 1 người, đều theo lệ trước).

Thợ bạc thợ đúc ở sở Đốc công thuộc Vũ khố, phần nhiều trốn làm việc. Chuẩn cho bộ Công bàn định, nếu ai trốn chiếu theo lệ "đào binh" [lính trốn] mà bắt tội. Lại những người thợ ở 2 cục ấy hễ ai có con đẻ, em ruột đến tuổi, đều cứ theo nghề ấy cho vào sổ hạng thợ, không được vào sổ hạng dân, cũng không được đi làm ở ngạch khác. Tổng lý sở tại dám dung túng giấu giếm sẽ bị tội ; quan địa phương không xét ra cũng bị tội.

Chuẩn định : từ nay hễ trong Kinh ngoài các tỉnh, các nha môn xét hỏi việc hình, tra kết án kiện, người nào án xử tha cho về, mà dân không muốn bảo lãnh, cùng là xét ra những tên phạm nào du đãng lẻn lút trú ngụ, thì theo lệ xử tội phát đi làm binh. Còn hết thảy các người can phạm, đều theo tình tội nhẹ nặng chiếu luật khép tội. Gián hoặc có án nào đáng nghi cho thanh minh tâu lên đợi Chỉ, không được tự tiện xử phát đi làm binh.

Ngày Nhâm Tuất, vua ra ngự điện Cần Chính, trăm quan lạy mừng. Khi làm lễ xong, thưởng cho các quan có mặt ở sân rồng tiền đồng lớn nhỏ có thứ bậc khác nhau. Lại thưởng cho Ngự y là Hoàng Đức Hạ kỷ lục 1 thứ và 5 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn. Nhân viên thuộc viện [Thái y], thưởng chung cho 100 quan tiền.

Vua cho đình thần cái đệm đỡ đầu gối và bảo rằng : "Bọn ngươi thường ngày vào hầu, mỗi khi quỳ tâu có đến hơn 1, 2 khắc, dưới đầu gối há không nhức đau ư ? Ta nghĩ thương đến sự đau mỏi ấy, nên sai chế thứ đệm này cấp cho."

Vua thấy trời đông rét lạnh, cho rút biền binh đến làm việc ở công trường Hiếu Sơn về hàng ngũ.

Tỉnh thần Bình Thuận tâu nói : 11 xã thôn ở đảo Thuận Tĩnh thuộc hạt ấy trước nộp thuế riêng bằng vải trắng, mà lựa chọn lấy làm lính, bổ vào quân Thuỷ vệ, xét ra tình hình rất là quẫn bách. Vả lại nơi ấy thường có giặc Đồ Bà quấy nhiễu, xin cho đặt làm đội Tuần hải, để tự giữ lấy đất.

Vua nói : "Bọn họ ở cheo leo mãi ngoài biển, đường biển xa cách, nếu dồn bổ làm lính tỉnh, thì đi lại thay đổi, thực có điều không tiện. Vậy gia ơn đều cho rút về sổ dân, theo lệ cung nộp thuế vải. Xét ra, nơi ấy trước đã chuẩn cấp cho súng nhỏ súng lớn và khí giới, nếu gặp giặc biển lén lút phát ra, thì góp sức chống giữ, cũng đủ được ở yên, việc gì phải đặt riêng đội binh Tuần hải làm gì ?"

Dân Man ở tổng Quy Hợp, tỉnh Hà Tĩnh, xiêu tán lại trở về, xin dâng 1 thớt voi đực. Tỉnh thần đem việc tâu lên. Vua thưởng cho 200 quan tiền.

Định cách tập ngựa của viện Thượng tứ :

(- Về cách diễn tập cưỡi ngựa : cứ 3 ngày 1 lần, kể từ cửa Đông - nam ngoại thành đến cầu Gia Hội, cộng hơn 400 trượng làm mức. Mỗi ngày sớm tối 2 buổi, phát ra trên dưới 50 con ngựa công, sai binh đinh tại ban diễn tập cưỡi : trước hết tập 1 vòng đi nước tiểu, thứ đến tập 2 vòng đi nước trung, lại thứ đến tập 3 vòng đi nước đại, cốt cho quen thạo.

- Về cách diễn tập chạy ngựa múa gươm và ném xiêu ném giáo : cứ 10 ngày 1 lần, về môn cưỡi ngựa chạy múa gươm, thì 2 bên tả hữu trên đường đi trồng cây chuối cao đều 5 thước, người cưỡi ngựa chạy mau múa gươm chém đứt cây chuối làm mức.

- Về môn tập ném xiêu, ném giáo, cũng ở 2 bên tả hữu cạnh đường, kết hình người bằng rơm dựng đó, đều cách nhau 2 trượng, người cưỡi ngựa vừa chạy vừa ném xiêu, lấy tin vào hình người rơm làm mức.

- Về cách diễn tập cưỡi ngựa bắn súng ngắn và phép đánh trận : mỗi tháng 1 lần, Quản quan gọi họp đông đủ lính cưỡi ngựa ra bãi tập, mỗi người đều cầm khẩu súng ngắn ngồi ngựa, xếp hàng chữ nhất. Chiếu theo phép thao diễn súng điểu sang mà diễn tập 3 lần. Ngựa không được sợ lồng, người không được hoảng hốt, phải một loạt tề chỉnh. Lại theo lời dặn bảo bó buộc, bày ra hiệp trận, trực trận[1] nhạn trận, mỗi trận gặp nhau ở trước mặt, ở bên tả, ở bên hữu, đều ở trên ngựa nhồi thuốc súng, cho mã tải, bắn ra 2 phát, cốt sao tiếng súng bắn kêu một loạt, không được tiếng trước tiếng sau so le làm rối loạn hàng thứ. Ba trận diễn xong, Quản quan ra lệnh thu quân nghỉ ngơi. Cứ 3 tháng 1 kỳ phái văn võ đại thần đều 1 người đến giáo trường xem xét, có ai thạo thuộc thì làm bản tâu lên khen thưởng, ai còn bỡ ngỡ thì nêu ra tham hặc).

Đình thần tâu nói : "Trước đây sửa sang làm rạp, làm nhà lầu có mượn tạm vật công. Nay việc khánh chúc đã xong, về vải vóc tháo ra, còn nguyên cây, nguyên

(1) *Hiệp trận, trực trận :* chưa rõ trận bày thế nào.

tấm, cùng là cắt ra từng đoạn, còn có thể dùng được, xin cho đem nộp trả. Ngoài ra cắt xé linh tinh và hao thiếu đi, xin cho chiếu giá nộp tiền, để trọng của công trong kho".

Vua nói : "Việc khánh điển năm nay ban cho rộng khắp, là muốn cho các quan và nhân dân đều được thấm nhuần, dẫu phí vài trăm vạn, cũng không tiếc. Huống hồ vật ấy là để sung vào việc chúc thọ, sao nỡ tính toán làm gì ? Vậy từ hoàng thân, quốc thích cho đến dân thứ có làm rạp, làm lầu, mà có tạm mượn của công sung việc cần dùng, có cắt xé linh tinh, đều cho đem nộp, mà có hao hụt cũng miễn cho".

Nhân đó bảo đình thần rằng : "Gần đây có một cái án phát ra, về tên phú hộ ở Hưng Yên, xâm lấn xén bớt của dân, ta rất không vui. Xét ra, dân hộ các tỉnh bày đặt nhà lầu, nhà rạp chi phí kể có hàng nghìn hàng vạn, thế thì tiếng là ban phúc, thực là phí tổn cho dân, tự ta nghĩ cũng chẳng có ích gì. Từ nay tới khánh tiết "lục tuần" [60 tuổi], bọn ngươi nên tâu trước xin chi vật liệu ở kho ra, bày đặt làm nhà lầu, nhà rạp, độ 5, 6 nơi thôi, lễ phẩm cũng nên đơn giản, chớ chuộng xa phí hão làm gì".

Bộ Lễ dự soạn sẵn những câu ứng đối cho sứ bộ ta sang nước Thanh và tra xét ban thứ của sứ bộ nước ta đứng vào hàng nào tâu lên.

Vua nói : "Về việc ban thứ, năm trước đây bộ Lễ nước Thanh có nhầm lẫn về việc xếp đặt mà thôi, há có lệ nào sứ nước ta lại đứng hàng dưới các sứ Cao Ly, Nam Chưởng, Xiêm La và Lưu Cầu ư ? Xét ra, Cao Ly là nước văn hiến, cố nhiên không cần phải bàn ; còn như Nam Chưởng thì vẫn tiến cống ta, mà Xiêm La, Lưu Cầu đều là nước Di Địch, thế mà sứ ta lại xếp hàng dưới họ, còn có quốc thể gì nữa. Nếu lại xếp đặt như thế, thà đi ra ngoài bọn đành chịu trách phạt, chứ không nên đứng dưới các nước ấy, việc ấy rất là cốt yếu. Ngoài ra thì liệu việc mà ứng đáp, không phải ấn định sẵn".

Nguyễn Đình Tân tâu xin : ngày đến Yên Kinh, trước đệ tờ biểu mừng và nộp cống lễ, rồi đem việc ban thứ bẩm tới bộ Lễ, biện thuyết cho ra, để xem ý tứ. Nếu họ không bằng lòng, thì làm tờ biểu trình bày, đợi Chỉ vua Thanh. Vua cho là phải.

Bang biện là Doãn Uẩn và Hiệp tán Cao Hữu Dực ở Trấn Tây tâu nói : tên đầu sỏ giặc ở Quế Lâm, nguyên là Phó quản cơ Na Tiên, họp bọn hơn 700 người, đến quấy nhiễu phủ hạt Sơn Tĩnh. Bọn Tuyên phủ là Phùng Nghĩa Phương, Phó lãnh binh là Nguyễn Tiến Phúc, đem quân ở phủ đi đánh, giặc lại rút lui vào rừng ẩn nấp. Lại xứ La Kết, tiếp gần thành phủ lỵ, có bọn giặc nhân ban đêm lẻn đến, xua đuổi dân ở đó, cướp lấy tài vật. Đã phái quân qua sông đánh dẹp, giặc bèn chạy tan.

Còn thổ mục, thổ dân nguyên trước ở xứ ấy, hiện đã sai phủ viên ở Trấn Tây cho dời hết cả về gần phủ lỵ, mà đốt hết nhà cửa, không để cho bọn giặc ra vào tụ họp nữa.

Vua dụ rằng : "Con đường Sơn Tinh, lâu không có tin tức gì, nay được lời tâu, hơi yên lòng ta. Hiện nay ở Hải Đông đã có Tướng quân, Tham tán, ở Hải Tây thì có Kinh lược, Tham tán, đều thống quản đại binh tiến đến đánh dẹp, hẹn ngày có thể dẹp yên. Còn bọn giặc nhỏ ở Sơn Tinh, thế tất nhiên không phải đánh cũng tự tan vỡ thôi".

Vua dụ viện Cơ mật rằng : "Bọn thổ phỉ ở Trấn Tây quấy rối, chống cự quan quân, tội ấy cố nhiên không thể tha giết được. Nhưng ta nghĩ những kẻ đầu tiên xướng loạn, chẳng qua 1, 2 tên thổ mục, trong lòng thất vọng, tự làm sự quấy rối đó thôi. Còn các tiểu dân hèn mọn, hoặc kẻ bị oai thế hăng mãnh xua đuổi hiếp bách, mà sợ ngọn lửa hung ngược chăng ? Hoặc nó phao tin hão để doạ nạt, mà sợ bị vạ lây chăng ? Không khỏi có sự bị hiếp bách phải theo. Trước đã xuống dụ : một mặt đánh dẹp, một mặt chiêu dụ vỗ về. Mà từ trước tới nay, chưa thấy có một tên nào ra thú quay đầu về cả. Hay là dân Man, Thổ ngu xuẩn không biết gì, chẳng rõ lẽ thuận nghịch, chỉ một mực nghe theo tên đầu mục thôi. Mà tên đầu mục ấy lại bịa đặt phao lên, bảo là triều đình sẽ giết hết, làm cho náo động, để bền lòng quy phụ với mình. Hoặc là quan binh các đạo đến đâu cũng không phân biệt kẻ tốt, người xấu, hễ trong quãng đường sá rừng rậm thung lũng thấy có người Thổ trốn tránh, đều nhất khái cho là bọn giặc, liền chém đầu, cắt tai, để cầu lĩnh thưởng, khiến cho họ càng thêm ngờ sợ, không dám thò đầu ra thú là bởi cớ ấy chăng ?

Nay các nơi : Hải Đông, Hải Tây ở Trấn Tây, hiện đang có việc đánh dẹp, đợi sau khi tạm yên, do bọn Tướng quân, Tham tán trù tính. Duy những hạt : Gia Định, An Giang, Định Tường, Hà Tiên, đã lần lượt giết tan bọn giặc, đã dần dần yên lặng, thì việc chiêu dụ vỗ về, đã có cơ hội, chính nên sớm thu xếp cho đâu vào đấy. Vậy truyền dụ cho bọn : Nguyễn Văn Trọng, Dương Văn Phong, Trương Văn Uyển và Lê Quang Huyên, đều theo lời dụ trước, phái nhiều người am hiểu tiếng Man, rộng đi tuyên bảo, cho dân Man biết là triều đình đánh kẻ có tội, giúp yên dân lương thiện, chỉ giết kẻ đầu sỏ giặc thôi, còn người bị hiếp theo, không có trị tội. Phàm người Thổ không kể quân hay dân và lũ người nước Thanh, trót đã bị giặc xua đuổi bắt hiếp, nay nếu có thể bắt chém được tên đầu mục giặc, đem nộp quan thì không những khỏi tội, lại có hậu thưởng. Nếu sức bắt không nổi, cũng cho tới các quân môn và địa phương sở tại mà đầu thú, đều cho khỏi tội, là lính lại cho sung vào đội

ngũ trước, là dân đều cho lại làm nghề nghiệp cũ. Chớ nên một mực cố chấp u mê, trốn tránh rừng sâu, sau thành ma chết đói. Hoặc trong khi đánh dẹp có bắt sống được tên nào, xét ra không phải tên đầu mục trong đám giặc, thì đem ý ấy hiểu bảo, rồi tha cho về để cùng bảo nhau, sớm quay đầu lại, thì bọn thổ dân dẫu ngu tối đến đâu, há không biết lấy sống làm vui, tự nhiên cùng bảo nhau về hàng, có thể mong được xong việc, mà sau này vỗ yên mọi việc cũng dễ làm vậy".

Kinh lược đại thần là Phạm Văn Điển, Tham tán là Nguyễn Tiến Lâm, Tá lý là Đinh Văn Huy, đi đến tỉnh Gia Định, vừa tiếp được Thị vệ trưởng là Trần Văn Kiếm, mang lá cờ thêu con rồng ban cấp cho. Lập tức làm lễ nhận lĩnh ở hành cung, rồi đem biền binh cùng đi chuyến ấy chia nhau ngồi vào các thuyền thẳng tới Trấn Tây, tờ sớ tâu lên. Vua phê bảo rằng : "Quân đi nhanh chóng, đủ thấy hăng mạnh tiến lên trước, chắc một ngày gần đây, sẽ có tin báo thắng trận".

Thự Bố chính Định Tường là Trương Văn Uyển và Phó lãnh binh Tạ Văn Linh ở nơi quân thứ Như Đăng, nghe bọn giặc lại tụ họp ở thôn Xướng Ca dựng làm nhà trạn. Bèn đem quân về Bông Nguyên để phòng giữ. Vừa được tin báo ở sông nhánh Long Cốt (nơi ấy giáp hai hạt Gia Định và Trấn Tây) có giặc. Tạ Văn Linh thân đem hơn 500 binh dũng chia đường tiến đánh ; đạo binh của sung biện Phó quản cơ, cơ hữu Tường dũng là Tống Văn Lập, gặp phải phục binh, Lập cùng binh dũng bị chết hơn 20 người.

Việc đến tai vua. Vua xuống dụ quở rằng : "Lũ ngươi từ trước đến nay, chưa thấy có một phen nào đánh giết giặc, dựng được tấc công. Nay lại không xét kỹ cơ nghi, thăm rõ thế giặc, uỷ cho Tạ Văn Linh một mình chuyên coi đạo quân tiến đánh, để đến nỗi bị phục binh của giặc chặn đánh, biền binh nhiều người bị thương, bị chết, khí giới cũng bị tổn thất. Sao mà hèn kém không tài đến thế ? Trương Văn Uyển lập tức bị giáng 2 cấp, Tạ Văn Linh đi đánh chuyến ấy giáng 4 cấp, không cho lấy công khác để khấu trừ. Còn bị chết trận là Tống Văn Lập và biền binh, chiếu lệ cấp tiền tuất gấp hai.

Nay bọn ngươi nên phấn đấu gắng sức gấp thêm lên như thế nào, hạn trong năm nay, nếu có thể dẹp hết bọn thổ phỉ ở một dải Nam Thái, Nam Thịnh, mang cờ đỏ báo tin thắng trận, thì không những khoan tha cho tội trước, còn ghi chép công sau nữa. Nếu để chậm đến sang năm, còn phải phiền đến quan quân đánh dẹp, thì tất phải bắt giam trị tội".

Quyền lĩnh Tuần phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyên tâu nói : người do thám có nhặt được tờ thư của người Man xét thấy lời nói có ý trách oán Trấn Tây Tướng

quân và phái viên đo ruộng về tình tệ mua vàng, lời lẽ trong thư phần nhiều không nhã, đã dịch ra chữ Hán, đệ nộp lên bộ.

Lại phủ hạt Quảng Biên, lúa ruộng đương chín, bọn thổ phỉ còn ra vào lan tràn quấy nhiễu. Còn như vùng Khai Biên thăm dò không có bọn giặc tụ họp, hiện đã phái thêm binh dũng, hiệp cùng với Án phủ là Lê Quang Huyên, Phòng thủ uý là Phạm Văn Sỹ và đạo binh phái đi lùng bắt trước còn lưu lại, lần lượt tiến đến Khai Biên, chia đóng đồn, chỗ yếu hại, để chặn dứt sự ngấp nghé của nước ngoài.

Vua dụ viện Cơ mật rằng : "Cứ tỉnh Hà Tiên phát đệ tờ thư của người Man, tựu trung trong thư bảo là : "Tướng quân muốn lấy quận chúa làm vợ, bọn họ không bằng lòng ; lại dùng Dương Quan Thảo làm người trông nom nghe ngóng, đối với họ không từng thân tín, họ cũng phải một mực kính thuận, phàm các công việc sai khiến, đều phải nghe theo. Vì triều đình xa cách, họ bị Tướng quân ức chế đã lâu v.v...". Thế thì ngày thường bọn họ oán Tướng quân, cũng đã quá lắm. Còn việc mua vàng thì Lê Quang Huyên ở An Giang thuộc hạt khác, không có sự gì kiêng nể. Chuẩn cho lập tức tra rõ, xem người nào có cái tình tệ ấy, thì nghiêm ngặt tham hặc để trị tội, làm răn cho người khác. Xét ra, bọn thổ phỉ tính vốn ngu tối, chắc không thể lấy lời nói phải mà chiêu dụ vỗ về được, tất phải một phen càn quét lớn, mới biết sợ hãi. Còn như con đường Khai Biên, cứ như tình hình tâu báo, thì từ trước tới nay, cũng không có việc gì. Nếu vội đến chia đồn để giữ, thì việc gọi binh, vận lương, đường sá xa xôi, chưa khỏi có phần khó nhọc. Sao bằng trước hết hãy ở địa hạt Quảng Biên đốc suất, kích lệ các quân sĩ, cho sớm dẹp yên, rồi sau chuyển tới địa đầu, chiêu tập nhân dân ở đấy, tuỳ chỗ đặt phòng bị, để bền vững chốn biên cương, là ổn thoả được việc lớn. Lập tức truyền dụ để thi hành".

Quyền thự Án sát Hà Tiên là Hoàng Mẫn Đạt bị thương đã bình phục, lại từ Định Tường đến tỉnh giữ ấn làm việc. Lại khoa Chưởng ấn là Trần Văn Triện, chuẩn cho vẫn ở Trấn Tây theo sai phái.

Ấm thụ : Chủ sự là Trịnh Hoài Bảo, Tư vụ là Nguyễn Đăng Du, tình nguyện vào nhà Giám học tập. Chuẩn cho cùng một loạt với ấm sinh ở nhà Giám, cấp cho học bổng. Sau này có ai giống như thế, cũng theo đó mà thi hành.

Cho thự Vệ uý Ninh Bình là Nguyễn Văn Nghĩa đổi thự Phó vệ uý vệ Trung nhất Tả dực dinh Vũ lâm ; Phó vệ uý vệ Quảng Trị là Phạm Văn Túc, thăng thự Phó vệ uý vệ Trung dinh Hùng nhuệ ; Quản cơ cơ Trung tiệp Tiền quân là Tôn Thất Kinh, đổi bổ Phó vệ uý vệ Nhuệ võ, dinh Hổ uy ; Quản cơ cơ Tả định, Trung quân, là Ngô Văn An đổi bổ Phó vệ uý vệ Cung võ dinh Hổ uy ; Quản cơ cơ Hậu chấn, Trung quân là Nguyễn Văn Tài, đổi bổ Phó vệ uý vệ Quảng Bình.

Cho Phó vệ uý vệ Tiền dinh Thần cơ là Nguyễn Tuyên làm Phó vệ uý vệ Cẩm y, chuyên quản các đội Túc trực ; Phó vệ uý vệ Trung dinh Hổ uy là Lê Văn Dũng làm Phó vệ uý vệ Cẩm y, chuyên quản các đội Trường trực và Thường trực.

Lễ khoa Cấp sự trung là Vũ Phạm Khải dâng sớ nói : Việc chẳng gì cần trước bằng điển lễ, lễ rất trọng về tế đàn Nam Giao. Quốc triều ta tham xét các điển lễ, hằng năm lấy tháng trọng xuân [tháng 2 âm lịch], hợp tế trời đất ở Nam Giao. Sau khi tế Giao, các đàn tế chép trong điển lệ tế mới lần lượt cử hành. Đó là đã châm chước lễ phải xưa nay, thuận theo thứ tự trước sau, từ trước tới nay giữ làm thịnh điển. Nay lễ thần bàn cho là tháng 3 tạnh nắng, làm thời kỳ tế Giao, dẫn cả sách *Chu lễ* và *Hội điển* nhà Thanh cùng là lời bàn của họ Cốc Lương, là : "tháng 3 tế Giao". Nhưng xét ra truyện Cốc Lương bảo là thời kỳ tế Giao vào tháng 3 là nói về 3 lần bói như : trước hết bói ngày thượng tân [ngày tân về thượng tuần] tháng giêng không được, thì bói ngày thượng tân về tháng 2, nếu lại không được, thì bói ngày thượng tân tháng 3. Chứ không phải là nói tất phải tháng 3, mới là thời kỳ tế Giao vậy.

Đến như sách *Chu lễ* chép : ngày Đông chí tế trời ở Viên Khâu[1] đó là nhà Chu kiến Tý [lấy tháng Tý làm đầu năm], khí nhất dương[2] mới sinh. Đương khi ấy, chưa rỗi nghĩ đến việc khác, đầu tiên làm lễ tế trời, đủ tỏ lễ ấy rất lớn, rất nên làm trước. Vả lại tế ở Viên Khâu, dẫu vào ngày Đông chí, mà lễ "Kỳ cốc" [cầu được mùa] đã cử hành vào tháng mạnh xuân [tháng giêng âm lịch]. Tra ở điển lễ nhà Thanh cũng thế, vẫn chưa từng chẳng tế trời trước, về sau mới đến khắp các tế khác.

Lại xét tự điển [điển lệ cúng tế] : một gọi là đại tự, thứ gọi là trung tự, thứ nữa gọi là quần tự[3]. Thế là trước sau thứ tự đã rõ ràng minh bạch. Tuy rằng tế riêng mà ý thực có quan hệ với nhau. Nho giả đời nhà Hán là Đổng Trọng Thư có nói : "Trời là chủ của bách thần". Lễ chay sạch cúng trời chưa cử hành, mà làm lễ các quần tự trước, tưởng có ý hơi ngại. Vậy nên trước làm lễ tế Giao, rồi đến các việc tế khác là phải. Duy có tháng 2 còn rét, sợ có mưa gió bất kỳ, hoặc có trở ngại cho các nghi

---

(1) *Viên Khâu* : gò tròn, hay nền đất cao tròn đắp ra để tế trời.

(2) Tháng Tý tức là tháng 11 sau này[theo Âm lịch] tức là tháng có một khí dương mới sinh ra.

(3) Theo điển lệ cúng tế của nhà Thanh, chia làm 3 hạng tế : *đại tự* : tức là tế trời đất, đàn Xã tắc,Thái miếu, Khổng Tử. *Trung tự* : tức là cúng mặt trời, mặt trăng, tiên nông, đế vương các đời. *Quần tự* : tức là tế các miếu các đền..

tiết chăng ? Xét sách *Chu lễ*, tế trời gọi là Thái đàn[1], tế thượng đế gọi là Minh đường[2], trong sự tôn kính, gồm có ý thân gần.

Điển lễ nhà Minh nhân đó ở trên đàn làm mái che để tiện việc hành lễ. Đó là hợp Thái đàn, Minh đường làm một, cũng do ở lẽ phải mà ra. Tưởng nên châm chước mà làm, để cho trước sau có thứ tự, đã được đúng lẽ phải mà lễ nghi đối với trời cũng được chu đáo thoả đáng.

Vua dụ Nội các rằng : "Từ xưa lễ Nam Giao, vẫn không nhất định, bàn luận đã nhiều, nay cũng không đợi phải rườm lời nữa. Hãy tạm lấy một việc giản dị mà nói như tiết Hạ chí tế đất, tiết Đông chí tế trời, há chẳng phải tế đất trước mà tế trời sau ư ? Huống chi đến các tế khác. Xét ra, bản triều ta tế Giao thường bói ngày tốt, không phải chỉ định như lễ Kỳ cốc, lễ Thường vu[3] của nhà Thanh, cứ vào ngày Đông chí vậy. Lại có cứ gì tháng 2, tháng 3 đâu ? Huống chi tế Giao là đại tự, há nên thường thường thay đổi. Lời nói của Khải chưa được đạt lý, thôi không bàn đến".

Chuẩn định : từ nay trở đi, phàm các biền binh đi công sai và các thuyền đi tải các vật hạng, có gặp nạn gió bão, thì do viên coi đồn cứ chiểu lệ trước cấp phát tiền gạo cho từ Cai đội trở lên, mỗi người đều 4 quan tiền, 1 phương gạo ; Chánh đội trưởng, Đội trưởng, mỗi người đều 2 quan tiền, 1 phương gạo ; binh đinh mỗi người đều 1 quan tiền, 1 phương gạo. Duy bọn Quản toạ[4] và người cầm lái thì không được dự.

Dựng đền thờ Hải Đông quận vương, Thông Hoá quận vương và Thuận An công (ở ấp An Tân, huyện Hương Thuỷ). Trước đây vua dụ Nội các rằng : "Hải Đông quận vương là Tôn Thất Đồng, Thông Hoá quận vương là Tôn Thất Điển, đều là chú bác ta ; Thuận An công Tôn Thất Hy là anh ta. Khi xưa trong lúc khai sáng, hoặc tử tiết ở nơi cương trường, hoặc bệnh chết ở trong quân, mà tuổi đã trưởng thành, đều không có con nối. Từ trước tới đây đều chuẩn cho cúng theo vào miếu đình và thờ cúng ở đền Triển thân. Nhưng tuế thời giỗ chạp, còn chưa có người trông nom. Ta muốn dựng đền thờ riêng, chọn người trong họ Tôn thất làm thừa tự, để tỏ hậu đạo. Vậy sai bộ Lễ bàn cho thoả đáng rồi tâu lên".

---

(1) *Thái đàn :* đàn để đốt củi tế trời.

(2) *Minh đường :* nhà để tỏ bảo các việc chính giáo, đời xưa tế thần thượng đế ở đấy.

(3) *Thường vu :* tế trời.

(4) *Quản toạ :* viên quan phải đi trông coi ngồi tại thuyền ấy.

Bộ thần xin dựng 3 ngôi đền thờ riêng, do phủ Tôn nhân chọn người về họ Tôn thất mà hàng chiêu, hàng mục[1] tương đương với nhau, tâu xin lập làm thừa tự, hằng năm cấp tiền công để cung việc thờ cúng (hằng năm những tiết : xuân, thu, 2 tế, tiết trồng cây nêu, tết chính đán, tết đoan dương và ngày giỗ, mỗi đền đều cấp 136 quan). Vua nghe theo. Phủ Tôn nhân lại xin trong dòng dõi các thân phiên, chọn ai là người tốt cho làm thừa tự. Vua nói : "Người họ gần nên được thừa tự, thì người bố hãy còn, không được trích ra để lập. Nếu lấy người họ xa thì so với tình lý, cũng chưa được ổn thoả, hãy tạm đình lại. Về các đền thờ riêng ấy, tuế thời cúng giỗ, chuẩn cho phủ Tôn nhân và bộ Lễ thoả hiệp mà làm".

Đến bấy giờ bộ Công lại tâu nói : làm đền thờ riêng đến những 3 nơi, chỉ sợ kiểu cách rộng quá, người coi giữ khó chu. Sau nghìn muôn năm, đời xa tình nhạt, về việc hương khói phụng thờ, hoặc không được như trước, thành ra không phải là ý hoàng thượng kính hoà người thân. Xin chọn đất dựng 1 ngôi đền (5 gian 2 chái), gian chính giữa thờ Hải Đông quận vương ; gian thứ 2 bên tả thờ Thông Hoá quận vương ; gian thứ 2 bên hữu thờ Thuận An công, đã không trái nghĩa thờ riêng, mà lại truyền mãi đến lâu dài. Vua cho là phải.

Đổi định ngạch thuế đinh điền ở 5 tỉnh Lạng, Bình, Hưng, Tuyên và Thái Nguyên. (Lệ cũ về thuế đinh, hạng tráng mỗi người tiền thuế thân 5 quan tiền 30 đồng, tiền đầu quan 1 tiền, tiền đầu hộ 3 tiền, tiền công đi đường 1 bát gạo. Về thuế ruộng, ruộng công hạng nhất đẳng, mỗi mẫu nộp thóc 60 bát, hạng nhị đẳng 42 bát ; hạng tam đẳng 25 bát ; tiền thập vật 1 tiền, tiền khoán tiền kho 15 đồng, tiền cỏ tranh và tre 10 đồng. Ruộng tư : hạng nhất đẳng mỗi mẫu thóc 20 bát, hạng nhị đẳng 15 bát, hạng tam đẳng 10 bát ; tiền thập vật 30 đồng, tiền khoán tiền kho 8 đồng, tiền cỏ tranh và tre 10 đồng.

Nay đổi định như lệ các tỉnh lớn. Về đinh tráng mỗi người tiền thuế thân 1 quan 2 tiền, tiền đầu quan 1 tiền ; dân đinh già cả, tàn tật thì nộp một nửa. Về ruộng công : mỗi mẫu hạng nhất đẳng nộp thóc tô 120 bát, hạng nhị đẳng 84 bát, hạng tam đẳng 50 bát. Về ruộng tư : mỗi mẫu hạng nhất đẳng 40 bát, hạng nhị đẳng 30 bát, hạng tam đẳng 20 bát ; tiền thập vật đều mỗi mẫu 1 tiền 30 đồng. Về đất công : mỗi mẫu tiền thuế 6 tiền, tiền gạo cánh 1 tiền. Về đất tư : đất làm nhà, vườn, ao, đều mỗi mẫu tiền thuế 2 tiền, tiền gạo cánh 1 tiền. Còn tiền đầu hộ, công cước đi

(1) Theo sách *Chu lễ*, thiên tử có 7 miếu : miếu thờ Thái tổ ở giữa, bên tả dựng 3 miếu gọi là hàng chiêu, bên hữu dựng 3 miếu gọi là hàng mục, để thờ 6 đời, 3 miếu chiêu bên tả thờ các đời thứ 1, 3, 5 ; ba miếu mục bên hữu thờ các đời thứ 2, 4, 6.

đường và tiền cửa đình, tiền khoán tiền kho, tiền cỏ tranh và tre đều giảm cả. Còn như tiền thuế của người Minh hương, người Thanh, người Nùng, người Man, cùng là thuế đinh điền ở huyện Tam Nông thuộc Hưng Hoá, vẫn theo như lệ trước).

Trước đây vua hỏi bộ Hộ rằng : "5 tỉnh Lạng, Bình, Hưng, Tuyên và Thái Nguyên, năm nay hội họp làm sổ sách đinh điền, đã báo về bộ chưa ? Và con số tăng giảm thế nào ?" Hà Duy Phiên thưa rằng : có 1, 2 tỉnh mới báo đến, hoặc 1 tỉnh số đinh thêm hơn 2.000 người ; số ruộng thêm hơn 2.000 mẫu, các tỉnh khác tưởng cũng na ná như thế.

Vua nói : "Lấy số đinh điền 1, 2 tỉnh, đã tăng nhiều đến thế, thì con số ước lượng tăng thêm ở 5 tỉnh có đến hơn một vạn, đủ biết nhân dân ngày một đông nhiều, ruộng nương ngày một khai khẩn, đã gấp hai ngày trước rồi".

Bộ Hộ tâu nói : "Những người thợ ở các tỉnh Bắc Kỳ như : thợ bạc, thợ sơn, thợ đồng hồ, thợ đồi mồi, đều là thường thường cần đến, xin cho vẫn lưu ngạch. Còn như thợ đóng thuyền làm lò rèn, số người ở hạt nào quá nhiều lượng cho giảm bớt cùng những thợ không quan thiết cần dùng gì, thì đều bắt về vào sổ hạng dân, cùng chịu việc binh, dao. Về những thợ nên lưu lại, có năm nào phải bắt vào Kinh, hay đi làm việc tỉnh, thì tha cho thuế thân, không thì vẫn phải cung nộp theo lệ. Vua theo lời tâu.

Viên ngoại lang bộ Hộ, gia hàm Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, sung làm Ất phó sứ sang nước Thanh tiến cống hằng năm là Trương Hảo Hợp, trước đây đi việc công sang mạn đông về, có bị bồi lại tang vật chưa xong, đến bấy giờ mượn việc đi công sai, cố ý để dây dưa không đền xong. Thượng thư là Hà Duy Phiên đem việc tâu trước mặt vua, vua sai cách chức và giao cho bộ Hình phải nghiêm ngặt truy thu. Bèn cho viên Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Đặng Duy Thuật đổi bổ hàm Hàn lâm Thị độc học sĩ để thay, và đổi bổ Án sát Bình Định là Phạm Khôi làm Phủ thừa ở Thừa Thiên.

Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng cho là bọn giặc ở huyện Quang Hoá phủ Tây Ninh, đã lần lượt giết tan, đồn trại thóc gạo, đốt cháy không còn gì. Bèn liệu lượng lưu lại binh dũng phòng giữ đồn bảo ở nơi địa đầu ; còn thì đem hết đi, theo sông nhánh Xuy My ở huyện Quang Hoá tiến đi, tới hội với quan binh Định Tường, để đánh dẹp bọn giặc thổ ở Nam Thái. Mới được vài ngày, lại có bọn giặc ở Nam Thịnh đột nhiên đến Tây Ninh, chúng nhiều tới hơn 700 đứa. Tên đầu mục giặc là Đinh Tuân, cưỡi ngựa che lọng, nói dối là đến hàng. Quyền nhiếp việc phủ là Phan Khắc Thận ở trên thành, sai người thông ngôn ra tiếp chuyện. Giặc bèn

đánh trống reo hò, tiến gần bờ hào đánh vây. Thận sẵn nỏ cầm ở tay bắn trước, lính ở phủ là Phạm Văn Uý lấy súng điểu sang bắn kế tiếp luôn mấy phát trúng tên Đinh Tuân ngã xuống ngựa. Tức thời thúc binh và voi mở cửa thành ra đánh bắt được Đinh Tuân, chém bọn giặc được 1 thủ cấp, cắt lấy tai, giặc bèn tan vỡ, Tuân rồi sau chết, đem chém đầu bêu lên để răn bảo. Tỉnh thần là bọn Lê Khánh Trinh nghe báo, sức ngay cho viên đóng giữ ở Quang Phong là Quản cơ Dương Phong rút binh về giữ đồn hiệp cùng nhau ngăn đánh, rồi đem việc tâu lên.

Vua dụ rằng : "Nguyễn Văn Trọng trước kia đánh dẹp Tây Ninh, đã được yên ổn, nên có Chỉ cho thẳng tới Trấn Tây hội họp để đánh dẹp. Nay lại còn có bọn giặc ra vào, chuẩn cho ở lại trong khoảng 2 phủ Tây Ninh, Nam Ninh, đi lại đánh dẹp vỗ về, cốt được yên lặng, không phải lại đi Trấn Tây làm gì nữa. Phan Khắc Thận biết mưu phòng bị trước, lấy số quân ít thắng số giặc nhiều, cũng có thực trạng đáng khen. Vậy thưởng cho gia quân công 1 cấp, và 1 đồng Ngũ bảo kim tiền hạng nhỏ ; Phạm Văn Uý thưởng cho Đội trưởng và cấp cho 1 cái bài "thưởng công" bằng bạc ; còn biền binh thưởng chung cho 100 quan tiền.

Trấn Tây Tướng quân là Trương Minh Giảng, Long - Tường Tổng đốc là Bùi Công Huyên và Tham tán là Lê Văn Đức, cho là bọn giặc ở Sa Tôn, thế còn hung hăng. Bèn thân đốc binh thuyền tiến đến đồn sở. Thấy giặc ở ngoài ven rừng, mỗi nhóm vài trăm đứa, gặt cướp thóc lúa, lại có voi ngựa đi lại, để phô trương thanh thế. Bèn lưu Chưởng vệ là Đoàn Văn Sách giữ bảo (Sách bị thương chưa khỏi), rồi chia quân làm 3 đạo, Trương Minh Giảng đi trước. Đức thứ hai, Huyên lại thứ nữa ; mỗi đạo đều hơn 1 nghìn 2, 3 trăm quân. Phó lãnh binh là Nguyễn Công Nhàn đem 700 lính ở bảo đi trước làm quân tiền khu, từ My Súc đến cầu Tà Sà, luôn mấy ngày chuyển đi đánh phá được hơn 10 đồn sở của giặc, chém được 5 thủ cấp cắt lấy tai, bắt được 1 tên phạm, thu được súng lớn, khí giới một số rất nhiều. Giặc bèn đương đêm trốn đi. Rồi tiến đến đồn Chi Trinh, có một đám giặc vài nghìn đứa ẩn nép ở bên kia sông, quân ta đuổi theo, lại chém được 5 thủ cấp cắt lấy tai, giặc hướng về Sâm Súc là cõi giặc [Xiêm] để trốn chạy.

Bọn Giảng bèn về Sa Tôn đem tình hình làm bản tâu lên, và nói : một vùng Hải Đông, bọn thổ phỉ quấy rối, chỉ nhờ có nước Xiêm cứu viện, tự cho là đắc sách. Nay quan quân tiến đánh, phàm những súng lớn mà giặc Xiêm tư cấp cho, bị ta thu lấy được hết ; quân giặc đến cứu viện, phần nhiều bị ta giết chết, nơi đặt đồn trại hết thảy bị phá tan. Nếu không phải là mất vía chột dạ, thì sao phải trốn đi ban đêm. Nay đã đuổi ra ngoài cõi rồi, duy còn bọn giặc Man trốn nấp ở rừng sâu, chưa thể

diệt hết được. Nếu đóng quân tìm bắt đến cùng, không khỏi ngày tháng kéo dài. Vả lại, tình hình Hải Tây, cũng đang cấp thiết, hàng tháng nay tin tức không thông. Hiện đã trích ra binh dũng cùng với lính ở bảo, cộng hơn 1.400 quân, uỷ cho Nguyễn Công Nhàn cùng Đoàn Văn Sách ở lại chống giữ, ngay ngày hôm ấy đã dời quân do đường thuỷ chuyển đi đánh dẹp và cứu viện.

Vua dụ rằng : "Bọn thổ phỉ ở vùng ấy, kêu gọi các bọn lũ ở Xiêm, Lào đến cứu viện giúp nhau làm bậy, kéo đến kể có hàng vạn, chia đặt đồn luỹ nhiều sở, dựa vào rừng hiểm chống cự quan quân. Thế mà có thể nhân khi khí thế của quân lính hăng hái thẳng tiến lên trước đánh giết rất dữ, khiến cho bọn giặc sợ oai, vượt cõi trốn xa. Xem tờ tâu rất là khen ngợi hài lòng. Trương Minh Giảng, Lê Văn Đức, trước kia đóng quân ở Liên Cảng dùng dằng không tiến, bị giáng 2 cấp, chuẩn cho đều khai phục lại cả ; Bùi Công Huyên, dẫu cai quản đạo binh đi sau, cũng dự vào đi đánh chuyến ấy, gia ơn thưởng cho gia 1 cấp ; Nguyễn Công Nhàn đi tiền đạo, thưởng cho gia quân công 1 cấp và 1 đồng Phi long kim tiền hạng lớn. Vả lại, trước đây cố thủ bảo Sa Tôn, giặc không đứa nào dám làm gì, lại có thể nhân khi có cơ hội ra đánh giết giặc, lại cứu được Đoàn Văn Sách về bảo. Hùng dũng thực là đáng khen. Đặc cách cho 1 cái kim bài có 4 chữ "hùng dũng chi tướng" để nêu chiến công. Cùng đi đánh chuyến ấy : Quản vệ suất cơ là bọn Đào Quang Bằng 8 người mỗi người đều gia quân công 1 cấp ; Bang biện suất vệ suất cơ là bọn Hoàng Văn Văn 18 người mỗi người đều thưởng quân công kỷ lục 2 thứ ; ngoài ra các biền binh thưởng chung cho 3.000 quan tiền.

Xét ra nay các Tướng quân, Tham tán đã chuyển hướng đi Hải Tây đánh dẹp, nên nhân thế thắng trận, kíp đem bọn giặc ở vùng ấy và tất cả các nơi cốt yếu trong toàn hạt, lần lượt dẹp yên. Cờ hồng báo tin thắng trận, để đón lấy thượng thưởng".

Bọn Giảng đi đến Xỷ Cảng vừa gặp binh thuyền của Hữu vệ Bình Định và 2 cơ Nam, Ngãi tới đó. Bùi Công Huyên thương lượng bảo : số quân nay đã thêm nhiều, về vùng Hải Tây có đạo binh hơn 3.000 người của Giảng và Đức, đánh trống reo hò mà tới, cũng đủ dẹp tắt ; mà thổ phỉ ở Sơn Tĩnh tụ họp, từ Chế Lăng đến thành phủ, con số có hàng vạn người, đường sá thường bị ngăn trở, nên do đạo binh 1400 người của Huyên, đi riêng tới cứu viện đánh dẹp. Bàn định xong, Huyên tức thời trở về Trấn Tây, chỉnh đốn lại quân khí lương thực, tiến đi, rồi đem việc tâu lên và nói : Trận đánh ở My Súc, Chi Trinh, đạo binh của thần ở sau, nên chưa có thực trạng bắt chém được giặc rất là sợ hãi lắm.

Vua phê bảo rằng : "Chỉ nên nghĩ sự hăng hái gắng sức, lo gì không có công".

Bang biện là Doãn Uẩn và Hiệp tán là Cao Hữu Dực ở Trấn Tây tâu nói : bốn phía gần lỵ sở thành ấy, bọn giặc thường dựa vào rừng để ra vào, quan quân đến thì chạy tan, đi thì lại họp. Một dải đường sông ở phủ Nghi Hoà là con đường công văn thường đi lại, và An Giang vận chở lương thực tất phải do đó. Giặc thường lén nấp ở 2 bên bờ sông, thấy có thuyền dân, thuyền binh, ngược dòng đi lên, bèn ở trong bụi rậm, ngầm bắn súng nỏ ra. Đã phái Lãnh binh Nguyễn Văn Hoà quản suất đem 600 biền binh, đánh nhau ở sông nhánh Thuyết Nột, chém được 3 thủ cấp cắt lấy tai. Hiện đã theo lệ thưởng cấp rồi. Lại bọn giặc ở Sơn Tĩnh, mưu vây phủ thành, phủ thần xin thêm quân cứu viện đến đánh dẹp. Chính đương lúc liệu lượng trích các lính phòng thủ ở các đồn phái đi thì lại tiếp được tờ tư của Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng nói định tiến đến Nam Ninh, cùng với quan quân Định Tường hội họp để đánh dẹp bọn giặc tàn còn lại, nhưng không có đường thuỷ để thông vận chở lương thực. Xin phái binh thuyền chuyển cấp cho vài ngày lương và tiếp giáp đạo binh ấy đến thẳng thành hạt. Xin đợi đại binh của viên Kinh lược tiến đến, tức thì thương lượng trước mặt, liệu trích ra 1.000 - 2.000 quân tìm đường cho đi tiếp.

Vua dụ rằng : "Bọn giặc ở Sơn Tĩnh chẳng qua như đàn ong lũ kiến tụ họp, có làm trò gì. Tức như bọn giặc ở Hải Đông, có Xiêm, Lào cứu viện, nhiều đến hơn một vạn người mới gặp quan quân đánh nhau, một trận, còn bị thua đau, đang đêm phải trốn, huống hồ bọn khác ư ? Nay đã có Bùi Công Huyên sắp binh đến dẹp, tưởng có thể hẹn ngày thành công. Còn ở Nam Ninh, cứ như lời tâu báo của Nguyễn Văn Trọng thì chỉ còn bọn giặc tàn thôi, sớm tối sẽ thấy dẹp yên ngay. Mà hiện nay việc đánh bắt giặc ở Trấn Tây, đã dẹp yên, đại binh của viên Kinh lược, hiện lại tiếp tục đến, oai thanh đã lừng lẫy trước đủ làm cho họ khiếp sợ rồi, thì bọn giặc tàn linh tinh các nơi chắc là nghe thấy bóng gió cũng đã tan vỡ. Thế mà vội muốn trích lính ở Kinh đến 1.000 - 2.000 người để đi tiếp viện cho Nguyễn Văn Trọng, sao mà hoang mang vội vàng thế, không chuẩn y lời xin".

Sáu bộ và viện Đô sát, phúc duyệt lại bộ sách *Tiểu bình phương lược*, xét ra nhầm lẫn đến hơn 190 chữ. Tâu lên xin cho cải chính. Những viên Đổng lý và Toản tu, các người đều bị giáng phạt.

Sửa định lại lệ làm lễ ở miếu Lê Thánh Tông (Đổ thờ theo lệ ở miếu thờ đế vương các đời, cái nào chưa chế thì chế thêm, cái nào chưa đúng thì chế lại. Về lễ điển theo lệ trung tự. Các lễ như xuân thu tế và tết chính đán, lễ nào nên chi của công, cho bách hộ lĩnh về để sửa lễ, không nên toàn lĩnh cả tiền công).

Thự đốc Bình - Phú là Đặng Văn Thiêm tâu nói : lính mộ thuộc tỉnh, ở 2 đội nhất và nhị cơ Bình Định, số lính có 76 người, đội lính Pháo thủ có 23 người, đội

lính Tuần thành có 32 người, đều thuộc linh tinh, không thành cơ đội. Xin cho dồn làm 3 đội : nhất, nhị và tam cơ Bình Định ; và trích ra số giản binh còn thừa lại ở vệ hữu Bình Định là 99 người, chia làm 2 đội Pháo thủ và Tuần thành. Vua y cho làm.

Mới đặt lưu quan [quan Kinh luân chuyển lên] ở các châu Chiêu Tấn, Đà Bắc, Mai Châu thuộc tỉnh Hưng Hoá (từ trước đều đặt thổ Tri châu).

Hộ phủ Hưng Hoá là Nguỵ Khắc Tuần tâu nói : châu Ninh Biên thuộc hạt, tiếp gần nước Nam Chưởng, dân nước ấy phần nhiều sang trú ngụ ở hạt châu ấy, vào sổ chịu thuế, mà nước ấy thường phái người vượt cõi sang thu thuế lệ riêng, nhân đó cướp bóc, thường làm mối lo cho dân châu ấy. Nay nếu phái quân đi đóng thú, thì đất xa, khí độc nặng, sợ không được tiện. Xin trích các tên tù phạm tội quân, lưu và bọn được giảm cho tội chết phát đi làm binh, được hơn 50 tên, gồm với 30 người lính thổ phái đi trước, để phụ giữ châu thành.

Vua chuẩn y lời bàn của bộ Binh, sai dồn bọn tù phạm tội phát làm binh làm đội Ninh biên, chọn 1 Suất đội, 2 Đội trưởng thuộc tỉnh để cai quản.

Đổi định lệ xét công từng khoá cho người cầm lái thuyền thuộc Thuỷ sư, từ trong Kinh đến ngoài các tỉnh. Bộ Công tâu nói : Trước đây bàn định, chuẩn cho xét công từng khoá của người cầm lái thuyền, cứ 1 năm làm 1 khoá, kỳ hẹn khí ngắn quá, sợ chưa rõ được tài nghệ của người ấy giỏi hay kém. Nay xin đổi làm 3 năm 1 khoá, lấy những năm : Tý, Mão, Ngọ, Dậu làm kỳ khảo xét. Phàm trong 3 năm, sai phái đi đường biển từ 5 lần trở lên, đều được thanh thoả ; hoặc dẫu đi 2 lần, nhưng đều phái đi ngoại quốc ? Cùng là không phái đi ngoại quốc, mà chợt gặp sóng gió khác thường, thuyền đã ngả nghiêng nguy cấp, mà một mình chống đỡ lại, khi đi khi dừng đúng phép, làm cho thuyền được yên ổn, đều là hạng ưu. Phái đi 3 lần, 4 lần, đều được thanh thoả, hoặc 1 lần phái đi ngoại quốc được thanh thoả là hạng thứ. Phái đi không được thanh thoả lần nào là hạng liệt. Ở Kinh thì bộ Công cùng Đề đốc, Hiệp lý Thuỷ sư ; ở ngoài các tỉnh, thì đốc phủ, hoặc bố án, lãnh binh, hội đồng xét thực, thông tính trong 3 năm, những người hiện sung cầm lái thuyền, xét rõ công quá, chia ra từng hạng, làm danh sách đệ lên, do bộ Binh bàn định thưởng phạt. Vua y theo lời tâu ấy.

Đạo binh của quyền thự Tổng đốc An Giang là Dương Văn Phong đánh phá bọn thổ phỉ ở Hà Dương tại các địa phận núi Ba Xuy và Trà Nục, thẳng đến bờ bên tả sông Vĩnh Tế, chém được hơn 20 thủ cấp, cắt lấy tai ; trại sách và nhà cửa, chỗ chứa lương của giặc, đều bị đốt cháy hết. Lại cùng đạo binh của Thự phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyên, đánh giáp công bọn giặc Hà Âm còn lại ở bờ bên hữu sông. Giặc trông thấy bóng gió trốn chạy. Bèn ở nơi quân thứ hội họp thương lượng. Phong vẫn

ở Tĩnh Biên đánh dẹp, Huyên quay về Vĩnh Tường, Giang Thành nhân tiện tới chỗ gần cùng với viên Án sát mới là Hoàng Mẫn Đạt, mưu tính việc của tỉnh và làm tập tâu lên. Vua y cho và sai bộ Binh xét công trạng bàn định ban thưởng.

Bọn Kinh lược đại thần là Phạm Văn Điển, Tham tán là Nguyễn Tiến Lâm, Tán lý là Nguyễn Công Trứ và Tá lý là Đinh Văn Huy, tiến đến Trấn Tây. Dâng sớ nói : Binh thuyền từ huyện hạt Tân Thành thuộc An Giang tiến đi, đường qua xứ Sa An (tên đất, thuộc phủ Nghi Hoà ở Trấn Tây), có 50, 60 tên thổ phỉ ở bờ bên tả sông trông ngóng. Sai người thông ngôn ra hỏi, họ bèn hỏi rằng : "Nữ chúa còn không ?", đáp : "hiện hãy còn ở Gia Định". Họ đều lấy tay giơ lên trán nói rằng : "Nếu được nữ chúa lại trở về, xin cùng bảo nhau ra thú". Đi đến sông nhánh Thuyết Nột, bọn giặc ước độ 500 tên ở 2 bên bờ sông chặn bắn. Tức thời thân đốc quan quân lên bộ đánh giết, chém được 3 thủ cấp cắt lấy tai, bắt sống 3 tên, còn đều trốn chạy. Khi tới bến đò đồn thuỷ Trấn Tây, có hỏi về tình hình giặc, thì Bang biện là Doãn Uẩn và Hiệp tán là Cao Hữu Dực nói : trước đây bọn thổ phỉ hội họp bọn lũ, kể có hàng vạn, cùng nhau đánh vây hạt lỵ, bị biền binh giết tan. Nay còn ở đó sửa đắp đồn luỹ. Đã thương lượng cùng nhau, Phạm Văn Điển cùng với Đinh Văn Huy quản lĩnh 3 vệ, cơ, ở lại cùng với bọn Doãn Uẩn liệu cơ đánh dẹp ; còn Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Công Trứ đem 4 vệ binh tiến đến Hải Tây hội cùng Tướng quân, Tham tán bàn làm công việc bắt giặc.

Vua dụ rằng : "Quan quân mới gặp giặc lần đầu, đánh dẹp một trận, đã có thực trạng bắt chém bọn giặc, đủ sức oai thanh trước tiên. Chắc đi đến đâu tất phải thành công đến đó. Duy Phạm Văn Điển là Kinh lược đại thần, giặc lớn ở đằng trước, mà lại ở Trấn Tây, chỉ mưu toan dẹp đám giặc nhỏ, như thế có phần chưa thoả mãn lòng người. Nay chuẩn cho Phạm Văn Điển, Đinh Văn Huy lập tức đem một nửa biền binh để lại trước, đi nhanh đến quân thứ của Trương Minh Giảng, hội bàn việc quân.

Nguyễn Công Trứ lại dâng tờ sớ dán kín nói : thần từ khi tới Nam Kỳ, hỏi kỹ về tình trạng bọn thổ phỉ và xem xét hình thế núi sông, so với sự thế của tên nghịch phạm ở Bảo Lạc là Nông Văn Vân, hơi có chậm khó hơn. Là vì, xướng lên khởi nguỵ chỉ có một Văn Vân, theo giặc chỉ có một châu Bảo Lạc ; còn các thổ mục đều đem lính thổ dũng, theo quan quân ra sức. Tên đầu mục của giặc bị giết, thì công đánh giặc xong. Nay bọn thổ phỉ này không thống nhất một nơi, ở tản mát trong các chỗ : bằng phẳng, hoang vu, cây rậm, cỏ tốt, bát ngát 4 phía, phần nhiều tre xanh um tùm, nước đọng bùn lầy không thể đi lại được, không như núi cao cây lớn, có thể phá đẵn đi tắt làm đường. Nay từ An Giang đến Trấn Tây trải qua Cổ Khê thuộc huyện hạt Phong Nhương ; xứ Sa An sông nhánh Thuyết Nột thuộc phủ

hạt Nghi Hoà ; từ An Giang đến Hà Tiên, trải qua sông Hà Dương, Hà Âm bên sông Vĩnh Tế, bọn giặc đều dựng đồn trại, quân ta vận tải lương thực, phát đệ công văn, chúng bèn đón chặn bắn ra. Mà 4 bên hạt lỵ Trấn Tây, bọn giặc ngày thường hò hét đánh vây, quan quân theo gót bắt thì chạy, rồi lại tới. Chỗ nào cũng như đàn muỗi tụ, không có nơi hạ thủ. Lại nghe tên đầu mục người Xiêm là Phi Nhã Chất Tri, cùng với phủ Hải Tây cầu hoà, nhưng tựu trung thực hay giả cũng chưa thể biết. Lại nghe thám tử báo : Chất Tri sai bọn nó là giặc Cố, giặc Hiên, đi các phủ huyện câu kết với bọn thổ dân dựng đắp đồn bảo, nói phao là đem Nặc Ong Giun về lập lên để làm cớ. Bọn giặc Xiêm quen giảo quyệt dối trá, hoặc giả cách cầu hoà, để mưu toan hoãn binh, nhưng ở trong lén lút xui giục. Thổ dân dễ mê hoặc khó hiểu biết, không khỏi bị họ lừa dối, nên cùng rủ nhau theo Xiêm, một cách vững chắc không thể dứt ra nổi. Vả lại, lương thực là việc cốt yếu trong khi dùng binh. Từ Trấn Tây tải tới quân thứ, đường đi 8 ngày mới đến 1 lần, chỉ đủ nhu dùng trong 1 tháng. Nếu chợt có trở ngại, làm lỡ việc không phải là nhỏ. Thần thiết nghĩ : phải nên giết lui giặc Xiêm, rồi sau bọn thổ phỉ mới có thể lần lượt dẹp yên được. Nhưng việc quân khó ở xa mà phỏng đoán được. Xin đi đến nơi cùng với Tướng quân, Tham tán gặp mặt, để mưu tính bàn bạc. Thần trộm có thỉnh cầu như sau : việc binh cần phải có quyền biến, tuỳ cơ mà làm việc. Giặc Yểm nguyên có tội ở nước nó, mới rồi về đầu hàng, triều đình chưa nỡ giết chết. Nay xin sắc cho giải tên Yểm và thuộc hạ của nó là tên Giao đến Gia Định, sai uỷ cho tên Giao cùng với cậu của Ngọc Vân 3 người theo đến ở Gia Định ấy, trở về báo cho thổ mục và thổ dân, sớm quay đầu về, thì không những khoan tha tội trước, mà tên Yểm cũng liệu lượng ban ơn cho. Những thổ dân kia, đối với tên Giun, tên Yểm, vốn không có sự khác gì, đã may được tên Yểm trở về, tất nhiên nhiều người thuận theo. Quan quân không có mối lo trông trước ngoảnh sau nữa, tới đâu đi được nhanh chóng chuyên sức đánh dẹp, thì bọn giặc ngông cuồng kia có thể phá tan, mà công có thể sớm nên. Lại các tù phạm tội quân lưu ở các địa phương kể có đến 3.000 người, chia đi đóng các đồn, bảo nhà trạm, cũng không có việc gì làm, và bọn họ tội chưa đến chết, không phải là hạng đại hung đại ác, xin cho cùng với bọn làm binh, phát đi Trấn Tây để phòng sai phái. Sau khi yên việc, tuỳ nơi chia cho để ở, dựng thành thôn ấp, để cho khai khẩn ruộng đất. Lúc yên tĩnh thì làm ruộng, lúc có biến động thì làm lính. Khéo léo vỗ về, tưởng cũng được việc.

Vua dụ rằng : "Bọn thổ phỉ ở Trấn Tây, hễ khi quan quân tiến đánh là tự vỡ tan trốn tránh để sống. Còn việc đã lâu chưa chịu ra thú phục, chẳng qua cậy có giặc Xiêm đến cứu viện mà thôi. Nay nếu đem giặc Xiêm giết tan, thì bọn thổ phỉ không đánh cũng tự ra thú phục. Đến như tên Yểm, là kẻ có tội không nên vội buông tha.

Nếu buông tha ra mà dụ được người Thổ ra thú phục, thì tha tội cho nó ư ? Nếu không tha tội cho nó mà lại đem giam cấm nó, thì chúng mượn cớ để làm câu nói, rồi lại rủ nhau làm phản, thì lấy gì mà xử trí ư ? Lời xin không chuẩn cho thi hành. Duy các tù phạm về tội quân lưu ở các hạt, đương lúc hữu sự này, cũng nên cho đi theo quân hoặc biết ra sức dựng công, còn có thể chuộc được tội trước. Vậy chuẩn cho các đốc phủ, bố, án từ Quảng Bình trở vào Nam, đều xét các tù phạm tội quân lưu hiện phát phối đến, tên nào khoẻ mạnh thì cho tháo bỏ xiềng xích, tuỳ tiện liệu lượng bắt thuyền giải đến Gia Định, chuyển giao cho Trấn Tây, dồn thành đội ngũ, chia phái đi đánh giặc".

Đề đốc Hải Tây là Vũ Đức Trung, Tuyên phủ là Nguyễn Song Thanh, Phó lãnh binh là Tôn Thất Quý, Bang biện việc phủ là Quản cơ Triệu Văn Bảo, có tội bị mất chức. Trước đây, Xiêm mục là Phi Nhã Chất Tri đem vài vạn quân đến xâm lấn phủ thành Hải Tây. Ngoài phủ thành cách sông độ hơn 2 dặm, 4 mặt đều dựng đồn trại vây chặt, lại ở trạm Ca Âu, sông nhánh Đại Song lối quan quân tiến đến, các đường thuỷ đường bộ, đều đóng quân ngăn chặn đường cứu viện của ta. Bọn Trung mấy lần ra đánh, tự liệu nhiều ít không địch nổi, đóng chắc cửa thành tự giữ. Có một hôm giặc treo tờ thư ở ngoài thành, nói muốn giảng hoà. Bọn Trung làm thư đáp : việc ấy không dám tự chuyên, nên đợi báo đến viên Thủ hiến ở hạt chỉ bảo. Giặc bèn đặt thêm 4 đồn ở gần thành, lại đắp núi đất, chở súng lớn lên nã bắn. Đạn như lửa cháy, nhà cửa trong thành phần nhiều đốt cháy, biền binh cũng có người bị thương bị chết, đến phải đào hang ở để lánh đạn. Giặc lại cho những hương binh bị bắt được thả cho vào thành, yêu cầu phải ra mắt để nói chuyện, họ mới thôi không đánh nữa. Bọn Trung cùng nhau thương lượng rằng : việc đã cấp bách, tạm nghe hoà giải, để toàn tính mệnh quân sĩ trong 1 thành ; nhưng trước hãy uỷ cho Tôn Thất Quỳ đi. Chất Tri dự đặt nhà công quán ở bên cạnh thành. Khi Đức Trung và Song Thanh đến, cúi mình xuống lạy, Chất Tri đứng dậy không nhận, mời ngồi cùng nói chuyện, Chất Tri nói : "Quý quốc cùng với nước Xiêm, trước là nước láng giềng vẫn giao hiếu với nhau. Khi xưa Thế tổ Cao hoàng đế ở Xiêm, từng cùng với vua Xiêm tôi giao ước, 2 nước cùng giúp đỡ mãi mãi. Có chữ vàng để làm ghi, nước tôi chưa từng bội ước quên đi. Duy năm trước vì cớ nước Vạn Tượng [Ai Lao], sau lại lầm nghe cái thư của giặc Khôi, thành ra hiềm khích với nhau. Nay nếu hoà hiếu như trước, cho nước Chân Lạp, thần phục cả 2 nước, đều nghỉ việc binh, há chẳng có lợi ư ?" Bọn Trung nhận lời, từ đó thường qua lại chỗ ở của Chất Tri, họ cũng không ngăn giữ gì. Bọn Trung nhân cáo từ về Trấn Tây, để báo với Thủ hiến ở hạt. Song Thanh chợt bị ốm, Chất Tri sai sửa soạn thuyền, súng, khí giới và 600 quân ta,

với hơn 300 dân Kinh ở quanh thành, do đường thuỷ tiến đi. Lại phái 400 lính Xiêm, Lào đi hộ tống tới bến đò Xá Tân. Bọn Đức Trung, Quý, Bảo đem hơn 1.200 quân ta đem theo khí giới, do đường bộ khởi hành. Chất Tri phái viên Ba lặc [tên quan Xiêm], đem 1.000 quân, 30 thớt voi đi hộ tống đến vụng Xà Năng. Khi đi, Chất Tri gửi đệ thư Xiêm về thành hạt, nhờ chuyển tấu lên. Lại đem thứ vàng cám đưa cho bọn Trung mỗi người 1 hột, dặn là lời giao ước phải đúng như hột vàng ấy mới tốt. Bọn Trung nhận rồi đi.

Hai đạo binh của Tướng quân Trương Minh Giảng và Tham tán Lê Văn Đức từ Xỉ Cảng, chuyển qua Hồ Hải [Biển Hồ] đến bến đò Bông Long, khai phá những gỗ ngăn lấp, cho quân qua sông lên bộ. Vừa đi độ nửa giờ, xa trông thấy quân tuần do của giặc phóng ngựa tới trước hô to lên rằng : "Quan quân chớ có đánh, bọn Vũ Đức Trung, đã cùng với nước Xiêm giảng hoà, đầu mục nước Xiêm đi hộ tống đưa về, sớm tối sẽ đến". Bọn Giảng chưa tin, tức thời đánh trống vẫy quân thẳng tiến, quân tuần do của Xiêm lui chạy, phút chốc quả thấy 1 người lính Kinh tới trước quân nói rằng : "Ba lặc nghe có quan quân đến, còn giữ đạo binh của bọn Trung ở bảo Ca Âu, xin Tướng quân, Tham tán tạm trở lại, may được toàn quân quay về. Bọn Giảng nhìn nhau khôn xiết quái lạ, cho là việc ra ngoài ý định liệu. Nếu tiến nhanh đánh dẹp, thì tính mệnh hơn nghìn người thuộc đạo binh ấy, còn chưa ra khỏi vòng của giặc, tiến lui 2 đường đều khó. Trời đã gần tối, bất đắc dĩ đem quân trở lại bến đò. Hôm sau bọn Trung đến, trình bày tình trạng. Bọn Giảng làm sớ thượng khẩn tâu lên, và nói : "Chất Tri là tên đại đầu mục của nước Xiêm, nhân bọn Man phỉ cầu viện, vì đó mà đến, bọn lũ đông nhiều như thế, đồn đóng kiên cố như thế, vây sát phủ thành, rồi lại cầu hoà, đưa trả quan quân ở phủ thành, cho chí tiền lương súng lớn, khí giới, không xâm phạm một tý gì. Hoặc giả muốn làm kẻ cả để chiếm mọn trên chiều gió, không có lẽ là thế yếu cầu hoà. Huống chi xét như tin thám báo thì họ đã ngầm sai chiêu tập thổ dân, mưu dựng Nặc Ong Giun là Quốc trưởng Chân Lạp. Lời nói ấy dẫu chưa xác cứ, song họ nhiều ngón xảo quyệt, cũng là đáng ngờ. Nhưng xét ra 2 đạo binh dũng đi chuyến này, chẳng đầy 4.000, mà số hơn nghìn lính, ở Hải Tây về đã trải khốn đốn, chưa có thể cho là đắc lực được. Nay nếu tiến đi ngay, thì từ Bông Long đến phủ thành, trải 2 ngày đường mà ven rừng đều là giặc, quân ta chỉ đem được 3, 4 ngày lương ; họ thời giữ vững đồn chống cự đánh lại, lấy quân ngồi rỗi, chọi với quân đi mệt, chưa dễ một trận đánh đã phá được, phải lâu đến hàng tuần, thì quân lương không đủ cung cấp, có phần nhiều sự trở ngại. Hiện đã phái người được việc tới chỗ Chất Tri ở để biện thuyết trước, để xét xem họ có thật cầu hoà không và thăm dò tình hình hư thực của giặc, sau mới dần

dần tiến quân, liệu cơ đánh dẹp, vả lại bọn giặc ở Sa Tôn, nay đã trốn xa. Vậy đã có Hải Đông, lại có Sa Tôn, chia phái đi phí nhiều binh lực. Xin cho rút quân ở Sa Tôn trở về cả Hải Đông, cho tiện việc phòng thủ".

Tờ sớ dâng lên. Vua lấy làm lạ dụ rằng : "Nhân dân, đất cát ở Trấn Tây, lệ thuộc vào bản đồ sổ sách, đã bao năm nay. Nay bọn phỉ quấy rối, thì triều đình đem quân đánh kẻ làm phản, cùng với nước Xiêm không có can thiệp gì. Thế mà lại tự đến giúp kẻ làm bậy, lẽ đã không ngay thẳng. Huống chi tờ thư đưa đến có nói : "lập lại nước Chân Lạp, để thần phục cả 2 nước", lại muốn tự chiếm lấy tiện nghi. Lời nói ấy càng không thể nghe được. Duy có họ đã nêu trước việc giảng hoà, thì ta tạm lấy chữ hoà trả lời lại, cũng không hại gì. Cốt không để mất sự kinh doanh đại đoạn của ta là được".

Chuẩn cho Kinh lược đại thần là Phạm Văn Điển, và Trấn Tây Tướng quân là Trương Minh Giảng, viết thư đáp lại, đại lược rằng : "Nước ta cùng với nước Xiêm từ trước vốn vẫn hậu tình lân hiếu, trước sau quyết không phụ ước. Mà nước Xiêm làm nhiều điều bất nghĩa, mấy lần giúp kẻ bạo ngược, biến đổi lời minh thệ. Nay đã muốn giảng hoà, phải nên rút quân về Bắc Tầm Bôn, đều giữ bờ cõi của nhau, thì lời giảng hoà mới thành được. Quân môn chúng tôi mới dám trình bày lý do tâu xin. Nếu không thế, thì đánh nhau một trận kịch liệt, để quyết được thua". Việc này đã giao cho đình thần bàn, mọi người đều đồng ý cả, tưởng cũng có thể cho thi hành. Nên tuân theo lập tức một mặt phái người đưa thư, xem họ định liệu thế nào, một mặt sửa soạn chỉnh đốn quân ngũ, để chuẩn bị đối trận. Còn đại đội quan binh của bọn Kinh lược, Tham tán, Tán lý, lập tức đi ngay cùng với đạo binh của Tướng quân, Tham tán cùng hội họp. Lại như bọn thổ phỉ ở Hải Đông, đã dẹp yên rồi, chuẩn y lời xin, cho rút biền binh ở Sa Tôn về phủ ; nhưng liệu để lại 1.000 quân uỷ cho 1 viên giỏi giang được việc đứng quản suất để phòng giữ ; còn thì giao hết cho Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhàn, đem đi đánh dẹp. Đến như bọn Vũ Đức Trung, Nguyễn Song Thanh, có trách nhiệm giữ đất, hiện số quân hãy còn 2.000 người, chưa đến nỗi 10 phần nguy cấp, mà không biết giữ vững thành bảo, riêng cùng giặc Xiêm giao hoà, đã đáng có tội. Huống chi khi đến ra mắt tên đầu mục của Xiêm, chịu quỳ gối sụp lạy ; lại nhận vàng đưa cho. Hèn kém nhơ nhớp đến như thế, làm mất quốc thể quá lắm. Đáng nhẽ lấy quân pháp trị tội. Nhưng tạm nghĩ : toán quân trơ trọi, không có quân cứu viện, còn có thể khoan cho. Vậy gia ơn đều lập tức cách chức, theo đi trước quân ra sức để chuộc tội".

Thế rồi bọn Giảng sai người đưa thư cho Chất Tri biện thuyết bắt bẻ, việc giảng hoà chưa định, Chất Tri đã đem quân về Bắc Tầm Bôn.

Bộ Hộ dâng danh sách tổng kê nhân đinh ruộng đất, thuế lệ về năm ấy. Về nhân đinh : 970.516 người. Về ruộng đất : 4.063.892 mẫu. Về thóc thuế : 2.804.744 hộc. Về tiền thuế : 2.852.462 quan. Về vàng : 1.471 lạng có lẻ. Về bạc : 121.114 lạng.

Bộ Binh dâng danh sách tổng kê các thân, biền, binh, dịch các hạng, từ trong Kinh đến ngoài các tỉnh về năm ấy, số người cộng 212.290 người có lẻ.

Ngày Ất Hợi, vua bị ốm, ngày Giáp Thân bệnh rất kịch. Cho vời hoàng tử, các thân công và Cơ mật viện đại thần là Trương Đăng Quế vào hầu. Bèn sai Đăng Quế cầm nến đến trước giường vua nằm, dụ rằng : "Hoàng tử là Trường Khánh công lấy về ngôi thứ là hàng trưởng, lấy về đức, về tuổi, nên nối ngôi lớn. Ngươi nên hết lòng hết sức giúp rập, hễ việc gì chưa hợp lẽ, ngươi nên dẫn lời nói của ta mà can gián : Ngươi trông mặt ta, nên ghi nhớ lấy". Lại ngoảnh trông Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công, cầm lấy tay trối trăng rằng : "Trương Đăng Quế thờ ta đến nay là 21 năm, trọn đạo làm tôi, một lòng công trung, bày mưu dưới trướng, ra sức giúp việc ngoài biên, thực là một người công thần kỳ cựu của triều đình, ngươi nên đãi ngộ một cách ưu hậu, hễ nói gì phải nghe, bày mưu kế gì phải theo, ngày sau có thể được theo thờ vào nhà Thế thất"[1]

Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công khóc lạy xin vâng theo mệnh lệnh. Hôm ấy vào giờ Hợi, vua mất ở điện Quang Minh, thọ 50 tuổi, có con trai, con gái 142 người (con trai 78 người, con gái 64 người).

Hoàng trưởng tử là Trường Khánh công lên nối ngôi. Sang năm là năm Tân Sửu mùa xuân, tháng giêng, ngày Giáp Ngọ, làm lễ an tử cung [quan tài][2] ở chính điện cung Khánh Ninh.

Thiệu Trị năm thứ 1 [1841], tháng 3 ngày Kỷ Dậu, dâng tôn thuỵ là : Thể thiên xương vận, chí hiếu thuần đức, văn vũ minh đoán, sáng thuật đại thành, hậu trạch phong công, Nhân hoàng đế. Miếu hiệu là Thánh tổ.

Mùa thu, tháng 7, ngày Tân Dậu, đem án tang vào lăng ở Hiếu Sơn. Dùng lễ quan tài đi dưới đường ngầm. Gọi là Hiếu lăng.

Thiệu Trị năm thứ 3, mùa xuân tháng giêng ngày Nhâm Tý, rước thần chủ vào thờ ở nhà Thế miếu và bài vị vào thờ ở điện Phụng Tiên.

Vua là bậc tư chất thượng thành, nối ngôi sau khi đại định, cố gắng mưu tính thịnh trị, tô điểm cảnh tượng thái bình, tra cứu điển xưa, sửa làm lễ nhạc, cẩn thận

(1) *Thế thất* : tức là nhà Tôn miếu.

(2) Về quan tài của thiên tử, làm bằng gỗ tử nên gọi là tử cung.

việc cân lường, xem xét đến pháp độ, đặt khoa cử để lấy học trò, cày tịch điền để khuyên làm ruộng, cử hành việc đi tuần thú có thời để xét phong tục các địa phương, định việc sát hạch tại Kinh kỳ, để xét công quá các quan lại, giảng tập việc vũ, tường tận ở khi mùa xuân duyệt binh, xét xử việc hình, cẩn thận ở khi mùa thu xét lại. Khuôn phép rộng rãi kín đáo, phẩm tiết xếp đặt đầy đủ. Đến như nén ép quyền thế của người ở cấm cận, nghiêm ngặt răn ngừa những bọn hoạn quan ; cùng là các hoàng thân quốc thích không được can dự đến việc ngoài. Về ý đề phòng từ việc nhỏ mọn ngăn giữ từ lúc chớm nảy ra, rất là sâu xa. Ở ngôi 21 năm, chăm lo mọi công việc, thường như 1 ngày. Phàm tất cả các lời phê bảo, dụ, chỉ, chế, cáo, đều tự làm ra. Văn giáo thấm khắp cả người Man, Thổ, võ công lừng lẫy tới nước Xiêm, Lào. Đức như thánh, công như thần, không thể hình trạng kể hết được. Vả lại, khi muôn việc nhàn rỗi, để ý văn nghệ ngự chế ra : thơ 5 tập, văn 2 tập, và các tác phẩm như : *Thiên cơ dự triệu*, *Cổ khí minh văn* [Bài minh ghi vào các đồ vật cổ], đều là phát tỏ đạo huyền diệu, mà rộng mở giáo hoá chính đáng. Duy có bậc đại thánh nhân chế tác hơn hẳn hạng tầm thường, đổi hết phong tục đơn giản hủ lậu từ thời cuối Lê trở về trước, mở mang văn minh thịnh trị cho nước Đại Nam ta đến nghìn muôn đời sau. Đẹp đẽ thay ! thịnh thay !.

BẢNG SÁCH DẪN

ĐẠI NAM THỰC LỤC - CHÍNH BIÊN - ĐỆ NHỊ KỶ

A

Ai Lao : 174, 442, 710, 886
Ái Chử : 48, 51, 78
An (tên người) : 196, 792
An Biên : 840
An Biên (cơ) : 462, 617, 666, 686, 821
An Biên (phủ) : 28, 278
An Biên quận vương : 146
An Biên (ty) : 57, 90, 107, 693, 701, 720, 792
An Bình (phủ) : 373
An Bình quận công : 694, 695, 778
An Bình (tổng) : 183
An Châu : 357, 450
An Du (xã) : 697
An Dương (huyện) : 42, 298, 353, 543
An Dương (thuyền) : 400, 498, 514
An Đức (thôn) : 69
An Đức (xã) : 119, 173
An Giang : 7, 14, 15, 42, 50, 57, 62, 66, 68, 89, 102, 117, 123, 129, 140, 213, 214, 215, 224, 230, 236, 238, 240, 256, 259, 260, 265, 267, 272, 278, 280, 284, 298, 299, 306, 309, 323, 336, 339, 344, 366, 369, 370, 391, 407, 411, 425, 434, 442, 443, 446, 452, 462, 472, 488, 489, 499, 506, 507, 527, 560, 567, 590, 594, 601, 614, 616, 617, 627, 638, 641, 643, 658, 663, 664, 666, 674, 677, 686, 715, 718, 720, 722, 731, 735, 741, 744, 745, 764, 770, 772, 783, 785, 786, 787, 788, 791, 792, 793, 796, 798, 799, 800, 802, 803, 806, 812, 813, 814, 819, 820, 821, 822, 823, 825, 831, 832, 841, 844, 847, 849, 851, 853, 863, 864, 869, 870, 873, 875, 882, 883, 884, 885
An Hải (đài) : 69
An Hải (đồn) : 224
An Hải (thành) : 40, 104, 105, 147, 754, 758, 759, 760, 835
An Hải (thôn) : 837
An Hoá (huyện) : 352
An Hội (cầu) : 82, 100, 645
An Hồng (tên người) : 784, 792, 805
An Khánh công Ký : 696
An Lạc : 15, 48, 118, 122, 128, 159, 173, 174, 176, 177, 213, 214, 222, 223, 224, 228
An Lão (huyện) : 42, 353
An Lâm (ấp) : 374
An Lâm (đội) : 223
An Liêm (xã) : 313
An Lương (xã) : 492, 818

An Lý (thôn) : 68
An Man (cơ) : 409, 410, 411, 452, 547, 668, 721
An Mỹ : 122, 180, 214
An Nam (nước) : 255, 273, 276, 283, 466, 688
An Ninh (huyện) : 174
An Ninh (phủ) : 79, 90, 173, 353, 373
An Nông (trạm) : 240
An Phúc (huyện) : 428
An Sơn (huyện) : 116
An Thành (huyện) : 213, 352, 679
An Tràng (tổng) : 77
An Triều (xã) : 130
Anh Duệ : 211, 402, 465, 697, 759
Âm (đảo) : 84, 85
Ân Bi : 332
Ân Khu : 120
Ân Ôn (tướng giặc) : 237, 342
Ân Quang : 118, 119, 177
Ấn (tên người) : 196

B

Ba Lai (phủ) : 179, 260, 261, 278, 294, 320
Ba Lan (châu) : 110, 346, 435
Ba Lặc Dao : 196
Ba Lặc Đột : 196, 613, 614, 641
Ba Nguyệt (xã) : 201, 206, 697
Ba Sô : 260, 261
Ba Xuy (núi) : 864, 883
Ba Xuy (xứ) : 864
Ba Xuyên (phủ) : 35, 59, 102, 145, 215, 408, 409, 411, 451, 466, 472, 547, 607, 617, 618, 677, 686, 694, 695, 718, 720, 763, 773, 778
Bà (hòn) : 85
Bạch Câu (bãi) : 49
Bạch Câu (cửa biển) : 83
Bạch Đằng (sông) : 22, 674, 716
Bạch Đông Ôn : 802
Bạch Hà (tổng) : 679
Bạch Hổ (cầu) : 168, 504
Bạch Ngọc (mỏ vàng) : 467, 612, 677
Bạch Xuân Nguyên : 56
Bái Ân : 193
Bái Đô (tổng) : 77
Bản Lỗ (mỏ vàng) : 467, 753
Bảo An (huyện) : 67, 68, 352
Bảo Hưng (tiền) : 510
Bảo Lộc : 533, 569, 706
Bảo Lộc (trưởng công chúa) : 664, 823
Bảo Nang (mỏ vàng) : 467
Bảo Nghĩa (đồn) : 286
Bảo Thắng (đồn) : 286
Bảo Thuận : 706, 823
Bát Vân : 24, 31
Bắc Kỳ : 7, 8, 20, 26, 35, 38, 40, 63, 67, 74, 93, 107, 123, 130, 136, 137, 147, 158, 163, 164, 166, 171, 197, 198, 211, 222, 275, 279, 288, 294, 306, 324, 333, 365, 373, 375, 386, 396, 397, 421, 434, 435, 446, 449, 486, 490, 491, 493, 496, 504, 509, 510, 513, 517, 522, 528, 532, 535, 536, 540, 541, 544, 548, 561, 563, 566, 576, 578, 580, 597, 599, 616, 627, 645, 652, 661, 673, 677, 692, 705, 713, 716, 723, 732, 733, 735, 796, 807, 817, 822, 833, 834, 869, 879
Bắc Nậm (ải) : 177
Bắc Ninh : 7, 21, 26, 27, 29, 38, 39, 42, 43, 44, 57, 59, 75, 96, 99, 107, 114, 115, 117, 120, 123, 129, 135, 140, 158, 181, 190, 197, 221, 222, 230, 236, 243, 263,

274, 279, 292, 295, 296, 323, 329, 331, 336, 347, 370, 374, 386, 411, 412, 434, 442, 446, 449, 455, 456, 467, 490, 494, 496, 510, 519, 522, 548, 549, 576, 597, 600, 616, 627, 638, 642, 662, 674, 694, 724, 732, 733, 734, 735, 737, 738, 740, 741, 745, 750, 752, 797, 822, 833, 849, 857, 858, 859, 869, 870
Bắc Tầm Bôn : 39, 61, 62, 196, 266, 524, 559, 591, 592, 606, 613, 615, 636, 640, 644, 656, 668, 677, 715, 727, 838, 865, 888
Bắc Trực : 123, 137, 442, 446, 713, 741
Băng Ly Ma Cô Lý (giặc) : 106
Băng Ly Ma Ô Tôn (giặc) : 106
Bằng La (đồn) : 286
Bằng La (lộ) : 600
Bằng Lãng (xã) : 679
Bằng Mạc (mỏ sắt), (tổng) : 64
Bằng Ngang : 21, 425
Bằng Thành (mỏ vàng) : 467
Bất Căng (sách) : 52
Bế Kim Tòng : 50
Bế Văn Định : 177
Bến Nghé (sông) : 674
Bích Chàng (đê) : 21, 167, 168
Bích Hồ (tổng) : 679
Biên Hoà : 237, 245, 256, 267, 278, 286, 292, 296, 306, 323, 331, 335, 336, 339, 352, 370, 371, 378, 386, 399, 402, 413, 424, 434, 435, 442, 446, 455, 484, 488, 489, 509, 527, 537, 538, 560, 580, 590, 594, 598, 614, 616, 627, 641, 664, 674, 675, 683, 717, 722, 729, 744, 748, 749, 750, 764, 769, 785, 786, 807, 808, 814, 831, 849, 863, 870
Biện Sơn (cửa biển) : 83, 107
Biện Trang : 217
Bình An (huyện) : 183, 378, 386, 831, 863
Bình Chính (huyện) : 183, 335, 648, 869
Bình Định : 8, 13, 28, 34, 37, 38, 41, 42, 47, 48, 49, 57, 66, 75, 84, 86, 101, 115, 123, 129, 135, 145, 158, 159, 198, 213, 215, 229, 237, 243, 252, 258, 265, 275, 277, 278, 289, 290, 292, 294, 296, 306, 312, 323, 325, 331, 335, 339, 344, 352, 355, 363, 366, 370, 371, 397, 399, 404, 422, 434, 442, 443, 446, 455, 456, 474, 478, 482, 486, 489, 504, 509, 527, 534, 541, 559, 560, 568, 569, 579, 580, 589, 590, 598, 599, 600, 604, 607, 608, 611, 612, 616, 627, 636, 638, 662, 674, 716, 722, 729, 741, 742, 745, 764, 802, 810, 824, 825, 826, 829, 851, 869, 870, 879, 881, 883
Bình Hiểm (xã) : 29, 60
Bình Hoà (bảo) (xã) : 45
Bình Hưng : 706, 823
Bình Hưng (trưởng công chúa) : 664
Bình Lợi (đồn) : 378
Bình Môn : 177
Bình Nguyên (đồn) : 231
Bình Sa (trại) : 374, 600
Bình Sa (xứ) : 240
Bình Thái (công chúa) : 664, 706, 823
Bình Thuận : 8, 9, 28, 37, 38, 42, 49, 57, 64, 66, 74, 75, 86, 105, 123, 129, 135, 145, 150, 159, 198, 225, 226, 229, 230, 231, 237, 242, 245, 256, 268, 277, 278, 289, 290, 291, 292, 295, 296, 306, 324, 331, 334, 335, 336, 339, 341, 352, 355, 364, 369, 370, 383, 392, 397, 398, 424, 428, 429, 434, 442, 443, 446, 448, 455, 456, 479, 482, 486, 499, 505, 509, 527, 528, 539, 560, 562, 568, 580, 581, 590, 594, 598, 599, 602, 614, 616, 618, 622, 627, 636, 638, 644, 663, 674, 687, 698, 713,

722, 741, 744, 748, 765, 771, 780, 786, 788, 824, 849, 854, 864, 869, 870
Bình Tiêm : 179, 277, 278, 294, 325, 411, 448, 719
Bình Trì (đê) : 21
Bình Xiêm : 550, 783
Bồ Bang : 792, 793, 804, 805
Bồ Nô Mẹ Tri : 39
Bồ Tôn : 640
Bố-du-di-mô-linh (đạo trưởng) : 342
Bố Trạch (huyện) : 278, 335, 648
Bồn Đột : 227, 302, 325, 332, 727, 794
Bồn Lục : 332
Bồn Tốt : 785, 786, 788, 789
Bông Nguyên (đồn) : 224, 784, 793, 811, 840, 846, 862, 874
Bông Sơn (mỏ bạc) : 468
Bông Xuy (lạch) : 320
Bồng Doanh : 251, 600, 665
Bồng Doanh (cầu) : 590
Bồng Lai (đảo) : 251
Bột Nê : 213, 589
Bùi Bằng : 498
Bùi Công Huyên : 5, 141, 165, 227, 238, 254, 266, 272, 278, 294, 325, 508, 562, 591, 605, 666, 679, 680, 682, 691, 703, 768, 786, 806, 823, 851, 855, 880, 881, 882
Bùi Duy Phan : 816
Bùi Đạo : 125
Bùi Đình Long : 106
Bùi Đức Thể : 376, 501, 502, 503
Bùi Đức Trinh : 263
Bùi Mậu Tiên : 53, 60, 115, 121, 135, 329, 483, 490, 515, 664
Bùi Nhật Tiến : 738, 748, 834
Bùi Phụ Phong : 544, 748
Bùi Quốc Trinh : 29, 50, 79, 118, 630
Bùi Quỹ : 17, 93, 119, 133, 197, 308, 346, 404, 416, 509, 535, 590, 662, 664, 671, 689, 690, 714, 748
Bùi Thức Kiên : 747
Bùi Tuấn : 816
Bùi Văn Đạo : 123, 774
Bùi Văn Đoạt : 12, 13
Bùi Văn Đức : 49, 626
Bùi Văn Phong : 125
Bùi Văn Thị : 43
Bút Tá Bông : 5

C

Ca Âu (huyện) : 179, 568, 719, 886, 887
Ca Lâm (phủ) : 179
Ca Thê (phủ) : 108, 179
Ca Thi : 179, 238, 260, 342, 568
Cai Úc (vụng) : 381
Cái (sông) : 166, 181, 386, 426
Cam Cát : 151, 472, 680, 681
Cam Kết (huyện) : 150, 343, 469, 859
Cam Lộ (phủ) : 75, 110, 199, 210, 308, 346, 350, 419, 444, 536, 687, 694, 704, 714, 736, 743, 749, 750, 807
Cam Môn (huyện) : 151, 680, 681
Cam Xà Tích Đà : 120
Cảm Lạc (mỏ bạc) : 467
Can Lao (xã) :314
Càn Long (vua) : 188, 781, 843
Canh Chân : 19
Cảnh Dương (biển) : 36, 624
Cảnh Thịnh (tiền) : 510
Cao Bằng : 29, 42, 50, 51, 57, 72, 75, 79, 80, 90, 99, 108, 118, 123, 127, 130, 177, 197, 198, 223, 229, 230, 243, 263, 264,

279, 282, 283, 292, 309, 312, 323, 336, 353, 365, 370, 373, 385, 397, 425, 446, 449, 453, 467, 483, 490, 510, 512, 515, 517, 519, 543, 566, 571, 600, 616, 627, 630, 638, 642, 645, 675, 683, 734, 740, 741, 765, 859, 869, 870
Cao Hữu Dực : 74, 86, 87, 191, 375, 443, 444, 452, 550, 655, 728, 730, 741, 786, 802, 818, 819, 839, 851, 855, 872, 882, 884
Cao Man kỷ lược : 215
Cao Trĩ : 9, 11
Cao Văn Điệu : 499
Cao Viết Hiệp : 143
Cát Ngạn (tổng) : 679
Cát Ông (mỏ vàng) : 467
Cát Vận : 310
Cát Úc : 310
Cầm Lịch (súc) : 238
Cầm Nhân Cẩm : 450
Cầm Nhân Đôi : 450
Cầm Bá Hiển : 92
Cẩm Giàng (huyện) : 117, 279, 305
Cẩm Khê (núi) : 680
Cẩm Thạch (núi) : 266, 674
Cẩm Thuỷ (huyện) : 352, 653
Cẩm Xuyên (huyện) : 85
Cần Chấp (đồn) : 840
Cần Chế : 179
Cần Chính (điện) : 68, 162, 198, 199, 201, 208, 216, 301, 356, 362, 367, 394, 452, 482, 536, 540, 566, 606, 671, 687, 693, 702, 705, 713, 757, 838, 867, 868, 870
Cần Đa (đồn) : 254
Cần Đô : 179
Cần Giờ (cửa biển) : 22, 107, 224, 262, 399, 494, 498, 514, 538
Cần Giờ (đồn) : 63, 538, 744
Cần Lịch : 487
Cần Sư (đồn) : 615
Cần Sư (phủ) : 196
Cấp Dẫn (tổng) : 85
Cầu Huân (cửa biển) : 8
Cầu Mông (cửa biển) : 89
Cồ Đột : 161, 162
Cố (giặc) : 39, 443, 885
Cổ Công (phủ) : 163, 441
Cổ Luân (đảo) : 85
Cổ Lũng : 13, 15, 16, 17, 19, 29, 91
Cốc Phả Xuyên : 749, 750
Côn Lôn (đảo) : 176, 224, 523, 538, 624, 641, 645, 656, 658, 710, 711, 829, 837
Côn Luân (đảo) : 422
Côn Xa (núi) : 261
Công Mẫu (núi) : 675
Cù Huân (cửa biển) : 289
Cung Thế Dự : 747
Cung Trực công : 697
Cửu An (huyện) : 96, 183, 399
Cửu An (sông) : 21, 22, 26, 93, 116, 117, 149, 160, 166, 167, 168, 221, 263, 389, 395, 425, 426, 508, 555, 576, 601, 629, 639, 724, 761, 775
Cự Lạt (sách) : 15
Cửu Lợi (cầu) : 522

CH

Chàng Kế (đồn) : 196
Chàng Sơn (núi) : 337, 338, 339, 349, 380, 381, 382, 413, 418, 447, 475, 486, 492, 521, 528, 529
Châm (thôn) : 19
Châm Bốc (tên đất) : 227
Chân (giặc) : 443
Chân Châu (xã) : 381, 413

Chân Lạp : 55, 56, 177, 198, 210, 239, 321, 444, 524, 613, 668, 692, 706, 708, 710, 728, 813, 886, 887, 888
Chân Phúc (xã) : 29
Chân Tài (huyện) : 179, 411, 550, 719, 795
Chân Tài (phủ) : 261, 448
Chân Thành (huyện) : 448, 617, 718
Chân Thành (phủ) : 240, 411
Chân Triết : 792, 821, 831, 832, 848, 852, 863, 864, 865, 869
Chân Vũ (quán) : 738
Chất Tri : 196, 441, 442, 523, 592, 613, 668, 865, 885, 886, 887, 888
Châu (giặc) : 238, 484
Che (tên người) : 61, 62, 196
Chi-thu (Giê-xu) : 318
Chi Trinh (đồn) : 266, 272, 278, 293, 294, 639, 656, 677, 715, 719, 762, 838, 880, 881
Chiêm hậu (ty) : 587
Chiêm Thành : 505, 692
Chiêm Thành (tháp cổ) : 57
Chiên Đàn (bảo) : 514, 571
Chiên Đàn (nguồn) : 331, 432, 473
Chiên Đàn (núi) : 674
Chiết Giang (sông) : 116
Chiêu Tấn (châu) : 356, 379, 883
Chiêu Thái (núi) : 674
Chính An (xã) : 265, 685
Chính Đại (cửa biển) : 181
Chính thuyền (thuế) : 567
Chu Đốc : 161
Chu Đức Tuấn : 714
Chu Giang (đồn) : 214, 224, 715
Chu Mãi (biển) : 36, 624
Chu Nham (đồn) : 796, 799, 803, 820, 821, 830, 840, 853, 862
Chu Phúc Năng : 379, 844
Chu Viết Mưu : 135
Chủ (núi) : 674
Chúng Cầm (đảo) : 260, 647

D

Dao Bốc (núi) : 260
Dê-du-ni-mô (đạo trưởng) : 313, 375, 518, 519
Di (giặc) : 477, 484
Diên Chuỷ (đảo) : 832
Diên Hà (lụt) : 190
Diên Khánh công Tấn : 205, 208, 696, 702, 706
Diên Sơn (núi) : 674
Diến Điện (nước) : 592
Diễn Châu : 34, 213, 231, 257, 258, 352
Diệp (sông) : 240
Diệp Xuân Huyên : 288
Doãn Khuê : 170, 288, 328
Doãn Uẩn : 10, 13, 15, 17, 23, 24, 31, 32, 42, 43, 44, 48, 64, 65, 103, 107, 124, 169, 313, 347, 405, 438, 463, 508, 534, 607, 608, 683, 689, 690, 731, 782, 783, 785, 851, 855, 872, 882, 884
Doanh Châu (đảo) : 251
Du-minh-cô (đạo trưởng) : 328, 329, 554
Du Mộc (đồn) : 12
Du-thê (đạo trưởng) : 328, 329, 554
Dũng Kim (xã) : 650
Duy Hoán : 33, 133, 134, 362, 466
Duy Lương : 15, 33, 103, 133, 134, 294, 362, 466, 673
Duy Minh (huyện) : 67, 68, 352
Dương (đảo) : 84, 85
Dương Ba An : 14

Dương Công Bình : 288
Dương Danh Thành : 170, 288
Dương Đà (sông) : 240
Dương Đình Cẩm : 128, 177
Dương Đình Lâm : 136
Dương Đông (cửa biển) : 240
Dương Lệ : 747
Dương Liệt (xã) : 117
Dương Như Cát : 732
Dương Phong : 880
Dương Quan Thảo : 751, 752, 875
Dương Thiều : 429, 698
Dương Uy : 241
Dương Văn Chiêu : 151
Dương Văn Hiển : 747
Dương Văn Khải : 361
Dương Văn Long : 118, 119
Dương Văn Lược : 804, 810
Dương Văn Phong : 9, 78, 141, 252, 253, 259, 277, 278, 293, 294, 298, 299, 302, 305, 321, 325, 332, 334, 392, 407, 408, 439, 451, 594, 601, 668, 753, 782, 785, 786, 798, 800, 802, 803, 804, 812, 820, 821, 830, 831, 832, 840, 841, 844, 845, 848, 849, 851, 852, 853, 864, 873, 883
Dương Văn Thái : 327
Dương Văn Thuận : 507
Dưỡng Tế (sở) : 6, 634
Dy (giặc) : 237, 238

Đ

Đa Nùng (cửa biển) : 89
Đà (sông) : 450, 575, 674
Đà Bắc : 331, 356, 450, 883
Đà Cần Luật (đồn) : 698
Đà Diễn (sông) : 674
Đà Nẵng : 69, 70, 104, 105, 106, 107, 137, 145, 147, 151, 289, 302, 329, 336, 386, 494, 744, 754, 757, 758, 760, 777, 809, 829, 832, 850
Đà Nẵng (hành cung) : 68
Đại An (xã) : 45
Đại Áp (cửa biển) : 37, 374, 482
Đại Chiêm (cửa biển) : 482
Đại Cổ Luỹ (cửa biển) : 28
Đại cung (cửa) : 127, 163, 301, 367, 551, 552, 623, 624, 670, 868
Đại Đồng (đồn) : 122, 435, 679
Đại Hùng (điện) : 464
Đại Lĩnh (núi) : 674
Đại Nam : 276, 277, 474, 478, 597, 654, 890
Đại Quan (xã) : 167
Đại Tây Dương : 588, 589
Đàm Chàng : 381
Đàm Úc (vụng) : 381
Đào Công Nhất : 816
Đào Danh Văn : 816
Đào Đăng Phẩm : 747
Đào Đức Cơ : 749
Đào Kim : 409
Đào Quang Bằng : 409
Đào Trí Phú : 16, 49, 74, 92, 135, 168, 197, 208, 251, 252, 309, 318, 325, 330, 400, 525, 587, 589, 706, 718, 850
Đào Vân : 783, 784, 789
Đăng Xương (huyện) : 720
Đặng Công Thành : 41
Đặng Công Thập : 14, 41, 135, 361
Đặng Công Tuấn : 747
Đặng Đình Viên : 313, 347
Đặng Đức Thiệm : 123, 171, 339, 371, 375, 579

Đặng Hữu Chất : 609
Đặng Huy Thuật : 694, 834
Đặng Khuê : 27
Đặng Kim Giám : 8, 13, 109
Đặng Quốc Lang : 333, 688, 713, 716, 800, 834, 858
Đặng Quốc Long : 656
Đặng Quốc Lương : 334, 627, 628
Đặng Sơn (tổng) : 679
Đặng Tài Cầu : 609
Đặng Văn Bằng : 215
Đặng Văn Cáo : 24
Đặng Văn Chỉ : 60, 780, 834
Đặng Văn Chức : 780, 834
Đặng Văn Dao : 834
Đặng Văn Đinh : 79
Đặng Văn Khải : 125, 126
Đặng Văn Nguyên : 815
Đặng Văn Nho : 539
Đặng Văn Thiêm : 15, 85, 149, 172, 195, 342, 367, 379, 491, 497, 513, 516, 549, 598, 610, 669, 680, 692, 693, 746, 780, 836, 850, 882
Đặng Văn Trang : 520, 525
Đặng Xiển : 816
Đầm Da (thôn) : 72
Đâu Mâu (núi) : 674
Đậu Khấu (núi) : 266, 674, 677, 806
Đề Di (biển) : 265, 277
Để Định (huyện) : 8, 79, 90, 173, 174, 175, 176, 177, 353, 655
Địa Linh (huyện) : 286, 352, 508
Điện Bàn công Phổ : 696, 706
Điện Hải (thành) : 40, 104, 105, 147, 494, 581, 754, 758, 759, 760, 835
Điêu Doãn Long : 379
Điêu Quốc Quán : 379
Điêu Quốc Trinh : 379
Điều Nha (xã) : 167, 168
Đinh Công Thự : 154
Đinh Công Trọng : 673
Đinh Doãn Trung : 144, 353
Đinh Đạt : 376, 501
Đinh Đạt Biểu : 405
Đinh Đạt Huấn : 405
Đinh Kim Bảng : 52, 75, 76, 80
Đinh Lợi (giặc) : 270
Đinh Thế Đội (giặc) : 60, 73, 121, 155, 461, 490
Đinh Tiên Hoàng (miếu) : 235
Đinh Tuân : 879, 880
Đinh Văn An : 136, 349, 648
Đinh Văn Huy : 526, 620, 826, 861, 874, 884
Đinh Văn Lân : 37, 277, 324
Đinh Văn Minh : 861
Đinh Văn Quý : 98, 532, 544, 726
Đinh Văn Yên : 448
Đinh Viết Dụ : 583
Đinh Viết Thận : 125, 126, 288, 328
Đình Bảng (xã) : 750
Định An (đạo) : 264, 364, 375, 398, 399
Định An (đồn) : 224
Định Lập (đồn) : 452
Định Quan (đồn) : 224, 378
Định Tân (trạm) : 398, 399
Định Tường : 10, 20, 42, 57, 89, 101, 117, 120, 123, 124, 128, 135, 144, 145, 165, 172, 213, 214, 215, 224, 230, 235, 237, 240, 256, 260, 267, 278, 292, 305, 306, 323, 331, 335, 336, 339, 352, 363, 369, 370, 371, 372, 399, 402, 407, 424, 442, 446, 472, 488, 489, 499, 506, 509, 523, 527, 552, 560, 580, 590, 598, 614, 616, 627, 638, 641, 672, 675, 722, 733, 744, 764, 784, 786, 787, 792, 793, 803, 804,

806, 807, 810, 812, 813, 814, 822, 823, 825, 840, 846, 862, 865, 868, 870, 873, 874, 875, 879, 882
Định Viễn : 278
Định Viễn công Bính : 201, 208, 672, 688, 696, 702, 706
Đoàn Bá Trinh : 395
Đoàn Đức Giảng : 227, 238
Đoàn Khác : 37, 50, 100, 322, 355, 577, 612, 645, 735, 773
Đoàn Khiêm Quang : 35, 36, 61, 114, 119, 170, 171, 356, 368, 375, 469
Đoàn Kim : 34, 216, 532, 544, 726, 731, 740
Đoàn Nguyên Thống : 408
Đoàn Quang Mật : 307, 506, 812, 820, 841, 844, 849, 852
Đoàn Suất : 773
Đoàn Tụ : 30, 219, 395, 518
Đoàn Văn Bạt : 68
Đoàn Văn Lộc : 865, 866
Đoàn Văn Phú : 88, 141, 165, 196, 227, 237, 238, 239, 253, 254, 266, 272, 278, 293, 294, 299, 363, 371, 372, 407, 601, 615, 742
Đoàn Văn Sách : 123, 181, 215, 302, 656, 677, 727, 838, 839, 855, 863, 866, 880, 881, 888
Đoàn Văn Suất : 523, 532
Đoàn Văn Trường : 181
Đô Lương (tổng) : 679
Đô thành hoàng (miếu) : 203, 225, 538, 552, 567, 634, 671, 672, 689, 736
Đô Y : 227, 228, 237, 238, 239, 254, 332, 342
Đồ Bà : 84, 85, 86, 106, 240, 343, 410, 441, 592, 668, 681, 827, 870
Đỗ Cao Mại : 30, 421, 484
Đỗ Chử (tổng) : 85
Đỗ Cố : 795
Đỗ Công Huyên : 72
Đỗ Đức Tấn : 13, 135
Đỗ Huy Cảnh : 49, 369, 384, 405, 463, 602, 616, 748, 849
Đỗ Huy Lâm : 391
Đỗ Huy Uyển : 816
Đỗ Khắc Thư : 109, 387, 508, 520, 532, 655, 849
Đỗ Kim Tuấn : 355, 589
Đỗ Mậu Thưởng : 355, 587
Đỗ Phát : 816
Đỗ Quang : 308, 328, 743
Đỗ Quý : 670
Đỗ Tài : 670
Đỗ Tuấn Đại : 549
Đỗ Túc Trưng : 135
Đỗ Văn Cương : 5
Đỗ Văn Dũ : 307
Đỗ Văn Đô : 135, 840
Đỗ Văn Gia : 798, 804
Đỗ Văn Nghị : 272
Đỗ Văn Sửu : 506, 675, 856
Đỗ Viêm : 720
Đỗ Xuân Tường : 125, 126
Độc Tôn (núi) : 675
Đôn Mẫn : 697
Đôn Nhã : 232
Đốn An (xã) : 286
Đông An (cửa) : 552
Đông An (huyện) : 166, 306, 555
Đông An (xã) : 58
Đông Ba (cầu) : 100
Đông Ba (đài) : 380, 557
Đông Ba (phố) : 100, 101
Đông Chàng : 381
Đông Hội : 100, 101, 256
Đông Quang (đồn) : 286, 600
Đông Sơn (núi) : 264, 278, 352, 487

Đông Triều (huyện) : 41, 353, 543, 623
Đồng Bá Huyên : 448
Đồng Bộc (mỏ vàng) : 467
Đồng Lý (xã) : 167, 168
Đồng Tôn (xã) : 452
Đồng Văn Cương : 136
Đổng thần vương (đền) : 738
Đổng Trọng Thư : 876
Đức Thọ (phủ) : 278, 591, 680
Đường An (huyện) : 12, 21, 117, 166, 305, 552
Đường Hào (huyện) : 12, 21, 117, 160, 305, 352, 552
Đường Khê (tổng) : 679

G

Gia Định : 7, 16, 20, 34, 42, 45, 55, 57, 63, 64, 89, 94, 96, 109, 117, 120, 123, 124, 125, 129, 135, 144, 145, 147, 150, 155, 164, 172, 179, 207, 213, 215, 219, 224, 229, 236, 237, 238, 240, 245, 256, 260, 262, 267, 278, 280, 281, 288, 292, 305, 306, 310, 323, 335, 336, 339, 349, 352, 364, 369, 370, 371, 372, 378, 389, 399, 402, 404, 407, 413, 421, 422, 424, 429, 434, 441, 442, 443, 444, 446, 455, 488, 489, 506, 509, 516, 527, 534, 538, 557, 560, 572, 580, 590, 592, 598, 602, 614, 616, 622, 627, 638, 641, 644, 653, 654, 659, 662, 674, 677, 687, 698, 716, 722, 728, 732, 744, 746, 747, 749, 751, 752, 759, 761, 764, 772, 782, 784, 785, 786, 788, 792, 793, 795, 798, 800, 802, 806, 807, 808, 810, 813, 814, 820, 822, 823, 825, 826, 831, 846, 847, 854, 862, 870, 873, 874, 884, 885, 886
Gia Hội (cầu) : 100, 168, 665, 871
Gia Hội (chợ) : 100, 101
Gia Hội (phố) : 101
Gia Nguyên (mỏ vàng) : 467, 753
Gia Tô (đạo giáo) : 154, 172, 224, 233, 313, 318,342, 347, 355, 356, 361, 362, 376, 402, 441, 501, 502, 503, 513, 518, 819, 553, 554, 583, 628, 684, 758, 815
Giác Hoàng (chùa) : 464, 643
Gián (sông) : 181
Gianh (sông) : 107, 164, 674
Giang Hữu (huyện) : 719, 806
Giang Lưu Ba : 114, 213, 323, 400, 587, 588, 589, 626, 706, 850
Giao (tên người) : 161, 162, 196, 606, 641, 885
Giao Thuỷ (huyện) : 306, 314, 328, 716
Giáp Sơn (huyện) : 41, 60, 543
Giáp Văn Tân : 135, 737
Giơi (hang) : 289
Giun (giặc) : 443

H

Hà Cổ : 475, 486, 528, 529, 621, 636, 647, 678
Hà Công Đức : 23, 24, 48, 65, 75, 92
Hà Công Hồ : 23, 24
Hà Công Kim : 15, 43, 48, 52, 65, 75, 91, 92, 104
Hà Công Thái : 17
Hà Công Tư : 91

Hà Duy Phiên : 7, 11, 18, 19, 20, 29, 33, 44, 52, 60, 64, 72, 73, 79, 82, 87, 103, 110, 120, 135, 141, 168, 177, 204, 257, 258, 287, 321, 328, 333, 367, 368, 374, 378, 399, 465, 478, 541, 590, 598, 608, 609, 635, 662, 665, 676, 680, 683, 691, 712, 714, 780, 790, 834, 879
Hà Đăng Khoa : 49, 101, 124, 172
Hà Đức Thạc : 816
Hà Hoa (phủ) : 85, 257, 258, 352
Hà Lan (xã) : 328
Hà Lão (xã) : 108, 168
Hà Nội : 7, 11, 15, 17, 26, 27, 29, 31, 34, 36, 38, 42, 57, 65, 67, 68, 72, 73, 75, 76, 85, 115, 116, 123, 129, 135, 143, 149, 156, 158, 170, 171, 172, 181, 195, 197, 208, 221, 224, 229, 230, 236, 243, 258, 274, 275, 278, 288, 292, 295, 296, 304, 306, 323, 327, 329, 331, 336, 349, 352, 361, 367, 370, 374, 384, 386, 397, 425, 434. 442, 445, 446, 452, 455, 456, 459, 474, 475, 480, 504, 506, 510, 513, 516, 519, 521, 522, 527, 543, 548, 549, 559, 562, 565, 575, 578, 593, 597, 599, 616, 622, 623, 627, 638, 650, 652, 661, 662, 673, 675, 688, 716, 724, 732, 733, 734, 737, 738, 740, 748, 749, 753, 754, 762, 773, 775, 787, 797, 815, 816, 822, 833, 835, 836, 851, 858, 859, 869, 870
Hà Quảng (tổng) : 50, 223
Hà Quyền : 92, 93, 96, 124, 126, 127, 141, 177, 186, 189, 208, 265, 270, 301, 328, 344, 369, 404, 414, 428, 498, 857
Hà Sung : 295, 296
Hà Tân (đồn) : 681
Hà Thần : 130, 166, 386, 578, 822
Hà Thúc Giao : 284, 385, 402, 453, 472, 552, 616, 675, 785, 792, 805, 810, 814
Hà Thúc Lương : 20, 93, 127, 130, 160, 221, 263, 264, 312, 313, 347, 388, 425, 497, 508, 556, 616, 629, 639, 737, 761
Hà Thúc Trương : 95, 148, 173, 174, 252, 796
Hà Tiên : 8, 28, 35, 38, 42, 57, 66, 72, 74, 84, 89, 90, 95, 106, 123, 129, 135, 140, 161, 163, 179, 213, 224, 230, 236, 237, 238, 240, 243, 256, 260, 261, 262, 267, 278, 284, 292, 309, 323, 335, 336, 339, 342, 343, 344, 353, 354, 370, 378, 396, 422, 425, 440, 443, 446, 447, 469, 477, 488, 500, 505, 507, 518, 523, 527, 548, 557, 560, 568, 592, 597, 598, 601, 605, 612, 616, 617, 620, 627, 638, 643, 653, 666, 675, 681, 698, 718, 742, 748, 749, 764, 785, 787, 788, 791, 792, 793, 795, 796, 798, 799, 800, 803, 804, 806, 807, 808, 811, 812, 813, 814, 820, 822, 823, 825, 829, 830, 832, 840, 841, 844, 848, 852, 853, 854, 862, 863, 864, 865, 869, 870, 873, 874, 875, 883, 885
Hà Tĩnh : 11, 15, 20, 25, 38, 42, 57, 66, 68, 74, 75, 85, 87, 92, 115, 123, 125, 134, 143, 154, 164, 182, 185, 191, 195, 197, 220, 229, 230, 235, 241, 257, 258, 268, 270, 274, 278, 291, 292, 296, 306, 323, 326, 331, 333, 336, 342, 344, 345, 346, 349, 352, 366, 370, 375, 383, 409, 422, 428, 434, 446, 455, 456, 469, 472, 486, 492, 494, 500, 509, 518, 519, 520, 527, 528, 543, 553, 564, 567, 569, 579, 590, 616, 625, 627, 636, 638, 648, 674, 680, 681, 683, 692, 713, 716, 734, 736, 737, 738, 741, 744, 749, 754, 763, 774, 808, 815, 870, 871
Hà Trai (xứ) : 680
Hà Trung (đầm) : 114
Hà Trung (eo biển) : 322

Hà Trung (phủ) : 278, 354, 395
Hà Trung (tổng): 85
Hà Trung (xã) : 58, 652
Hà Văn Củ : 315, 332, 349, 557, 787, 796, 799, 803, 804, 812
Hà Văn Vân : 68
Hạ (núi) : 96
Hạ Châu : 63, 213, 400, 408, 497, 514, 587, 588, 606, 718, 850
Hạ Du (tổng) : 149, 231, 679
Hạ Pha (mỏ vàng) : 467, 765
Hải Bình (huyện) : 719, 751
Hải Dương : 7, 21, 26, 27, 38, 41, 42, 57, 60, 75, 111, 115, 117, 123, 129, 130, 135, 140, 158, 166, 167, 168, 172, 191, 197, 221, 222, 230, 236, 237, 243, 263, 264, 274, 279, 290, 292, 298, 304, 306, 315, 323, 327, 329, 331, 336, 352, 355, 370, 386, 413, 415, 434, 442, 446, 447, 455, 456, 459, 482, 490, 494, 495, 496, 510, 511, 515, 519, 522, 527, 532, 540, 543, 548, 549, 566, 571, 580, 597, 598, 599, 613, 616, 627, 638, 644, 652, 674, 678, 716, 724, 732, 733, 734, 735, 741, 746, 748, 749, 750, 797, 833, 834, 835, 844, 858, 859, 869, 870
Hải Đông : 39, 109, 144, 146, 165, 178, 179, 215, 227, 237, 238, 253, 254, 259, 260, 261, 266, 267, 272, 277, 278, 293, 294, 299, 302, 320, 321, 325, 332, 342, 343, 408, 409, 410, 411, 443, 465, 487, 518, 524, 533, 547, 548, 559, 560, 568, 592, 614, 639, 644, 656, 677, 698, 715, 718, 719, 727, 744, 748, 762, 783, 788, 789, 794, 806, 818, 819, 838, 839, 847, 851, 855, 856, 862, 863, 865, 866, 873, 877, 878, 880, 882, 888
Hải Tây : 39, 62, 165, 178, 179, 196, 215, 259, 261, 266, 267, 277, 278, 294, 320, 321, 325, 332, 410, 411, 443, 445, 446, 518, 523, 524, 547, 548, 550, 559, 560, 568, 606, 613, 614, 644, 656, 677, 715, 718, 719, 727, 744, 748, 751, 752, 762, 782, 783, 785, 788, 789, 794, 806, 818, 819, 823, 839, 851, 855, 856, 862, 866, 873, 881, 885, 886, 887
Hải Vân (cửa ải) : 22, 606, 624, 630, 773
Hải Vân (cửa biển) : 289
Hải Vân (đèo) : 96
Hải Vân (đồn) : 75, 625, 744
Hải Vân (hành cung) : 69, 70
Hải Vân (núi) : 69, 168, 457, 509, 674, 682
Hải Vân quan (đồn) : 744, 760
Hàm Ninh (đồn) : 240, 241
Hàm Ninh (thôn) : 240
Hàm Tế (cầu) : 233, 235, 363
Hàm Thuận (đắp thành) (phủ) : 278, 352, 428
Hàm Thuận công : 671, 695, 778
Hàn (sông) : 674
Hàn Biện : 792, 821
Hàn Hấp : 795
Hang Giơi (núi) : 289
Hát Giang (sông) : 221
Hát Hợp (sông) : 116
Hát Môn (bảo) : 600
Hát Môn (sông) : 221
Hạt Ong (mỏ vàng) : 753
Hạt Xà Bông : 463
Hạt Xà Bút : 463
Hiên (giặc) : 885
Hiếu (núi) : 680, 780, 790
Hiếu Sơn : 680, 790, 870, 889
Hoa Lâm (huyện) : 179, 720
Hoa Lâm (phủ) : 179, 568
Hoa Lâm (tổng) : 679
Hoa Phong : 310, 311, 381, 413, 448, 553, 636

Hoa Xuyên (huyện) : 85, 352
Hoả Xá : 536, 687, 704, 707, 708, 709, 710, 714
Hoài An (huyện) : 116
Hoàng Bá Bàng : 367
Hoàng Bá Nghi : 125, 126
Hoàng Bình : 515
Hoàng Công Dương : 549, 680
Hoàng Công Hiền : 783
Hoàng Công Tính : 125
Hoàng Danh Hán : 845
Hoàng Diệp : 63
Hoàng Đăng Giản : 49
Hoàng Đăng Thận : 142, 304, 307, 489, 672, 743, 768, 850
Hoàng Đình Tá : 816
Hoàng Đồng Nguyệt (giặc) : 73, 80, 104
Hoàng Đức : 120, 507
Hoàng Đức Diệm : 744
Hoàng Đức Hạ : 671, 834, 870
Hoàng Hữu Nhẫn : 439
Hoàng Lễ (tổng) : 85, 674
Hoàng Linh : 408
Hoàng Mai (tổng) : 679
Hoàng Mẫn Chính : 125, 863
Hoàng Mẫn Đạt : 628, 752, 753, 810, 853, 865,875, 884
Hoàng Mục : 562
Hoàng Nghĩa Uyển : 50
Hoàng Ngũ Phúc : 491
Hoàng Phúc Lợi : 715, 722, 762, 794, 847
Hoàng Phúc Tài : 774
Hoàng Quang Thông : 238, 261, 278, 343, 344, 557, 748
Hoàng Quang Trừng : 539, 773
Hoàng Quốc Điều : 507
Hoàng Quý Luyến : 36
Hoàng Quỳnh : 55, 63, 94, 150, 262, 267, 280, 372, 375, 404, 407, 498, 538, 539, 572, 602, 677
Hoàng Tế Mỹ : 197, 415, 746, 834
Hoàng Thu : 305, 330, 371, 372, 416, 483, 655, 748
Hoàng Trọng Từ : 124, 288, 328
Hoàng Văn Ẩn : 60, 143
Hoàng Văn Diễn : 30, 253, 255, 368, 620, 791
Hoàng Văn Đống : 687
Hoàng Văn Hậu : 37, 43, 50, 298, 307, 489, 703, 856
Hoàng Văn Hoá : 327
Hoàng Văn Lịch : 322, 486, 757
Hoàng Văn Lưu : 82
Hoàng Văn Minh : 796
Hoàng Văn Quang : 302, 865, 866
Hoàng Văn Quân (giặc) : 118
Hoàng Văn Quỳ : 804
Hoàng Văn Quý : 50, 675, 805, 812, 820, 845, 851, 852
Hoàng Văn Thận : 125
Hoàng Văn Thông : 63
Hoàng Văn Trạm : 43, 117, 181
Hoàng Văn Văn : 881
Hoàng Văn Viện : 29, 128
Hoàng Xá (xã) : 116, 599
Hoành Bồ (huyện) : 154, 349, 383, 553
Hoằng An (phủ) : 67, 68
Hoằng Đạo (phủ) : 67, 68
Hoằng Hoá (huyện) : 395
Hồ (biển) : 559, 674, 762, 855, 887
Hồ Bình : 28, 686
Hồ Bôi : 774
Hồ Công Thập : 468
Hồ Công Thiện : 526, 832
Hồ Công Hy : 90
Hồ Hải (xứ) : 762, 855, 887
Hồ Hựu : 37, 41, 70, 171, 289, 290, 362, 368, 662, 666
Hồ Mịch : 699, 794

Hồ Mịch Hạnh : 698
Hồ Ngọc Tài : 27, 191, 323, 605
Hồ Sĩ Trinh : 20
Hồ Sĩ Tuấn : 125, 747
Hồ Thích Hội : 629
Hồ Văn Cáo : 331
Hồ Văn Cầu : 623, 624
Hồ Văn Hoà : 422
Hồ Văn Khuê : 435
Hồ Văn Lưu : 445
Hồ Văn Nghĩa : 818
Hồ Văn Thập : 445, 748
Hồ Văn Trị : 747
Hồ Văn Uy : 482
Hồ Văn Yểm : 591
Hộ Thành (sông) : 100, 256, 377, 466, 486, 523, 639, 666
Hồi Xuân (động) : 41
Hồng (tên người) : 253, 342
Hồng Bảo : 694
Hồng Hy : 635
Hồng Lĩnh (núi) : 674
Hồng Mao (nước) : 318, 319, 441, 445, 497, 592, 630, 637, 707, 808, 828
Hồng Tá : 672
Hồng Thục : 635
Hung (thôn) : 24
Hùng Nhị (núi) : 674
Hùng Vương (núi) : 674
Huống (giặc) : 261
Hưng Bình (đồn) : 12
Hưng Hoá : 243, 252, 253, 261, 279, 280, 286, 292, 306, 307, 315, 321, 323, 331, 336, 353, 356, 365, 370, 373, 379, 402, 446, 450, 467, 483, 497, 510, 519, 527, 542, 543, 566, 571, 575, 607, 615, 627, 630, 645, 655, 674, 734, 740, 748, 753, 818, 858, 859, 869, 870, 879, 883
Hưng Nghiệp (núi) : 674
Hưng Nhân (huyện) : 130, 167, 168, 190, 264, 793
Hưng Thi (xã) : 60, 72, 102
Hưng Yên : 7, 15, 20, 26, 38, 42, 57, 75, 93, 108, 111, 116, 123, 127, 130, 135, 140, 143, 149, 158, 160, 166, 167, 170, 190, 191, 197, 221, 230, 236, 237, 243, 252, 263, 264, 273, 274, 278, 283, 292, 312, 313, 314, 323, 329, 336, 347, 348, 349, 352, 366, 370, 372, 386, 388, 395, 411, 425, 434, 446, 456, 459, 483, 497, 504, 508, 510, 519, 521, 522, 523, 527, 532, 543, 548, 549, 555, 556, 567, 575, 599, 600, 601, 616, 627, 629, 638, 639, 652, 658, 664, 675, 714, 724, 733, 737, 748, 761, 775, 787, 797, 835, 836, 859, 869, 800, 872
Hương (sông) : 21, 69, 460, 486, 531, 647, 674, 749
Hương Sơn (huyện) : 21, 383, 680, 681
Hương Thuỷ (huyện) (cầu) : 352, 375, 456, 739, 877
Hương Trà (huyện) : 278, 320, 333, 352, 448, 739, 768
Hướng Già : 308
Hướng Hoá (xã) : 378, 486, 528, 529, 778, 779
Hướng Nội : 110
Hữu Hộ Thành (sông) : 522, 523, 639, 666
Hữu Lân (mỏ vàng) : 467
Hữu Lũng (huyện) : 494

K

Kêu (luỹ) : 18
Kiền (hòn) : 265
Kiền Đông (sở) : 16
Kiền Thành (cung) : 549

Kiến An (phủ) : 128, 278
Kiến An công Đài : 201, 205, 208, 253, 316, 344, 503, 514, 688, 696, 702, 706
Kiến Đăng (huyện) : 128, 278, 352, 399
Kiến Giang (huyện) : 507, 718
Kiến Hoà (huyện) : 352, 399
Kiến Hưng (huyện) : 128, 399
Kiến Thuỵ (huyện) : 353, 522
Kiến Tường (phủ) : 128, 352, 694, 695, 778
Kiến Xương : 128, 306, 459, 484, 522
Kiều Khắc Hài : 747
Kiều Năng Thân : 173
Kim (tên người) : 342
Kim Bảng (huyện) : 116, 149, 775
Kim Bôi (xã) : 29
Kim Động (huyện) : 116, 179, 372, 425, 508, 521, 555, 775
Kim Hỷ (mỏ vàng) : 467
Kim Lô (sách) : 13, 23, 24
Kim Ngọc (núi) : 321
Kim Sơn (huyện) : 181, 329, 345, 366, 367, 374, 379, 399, 419, 505, 646, 734, 790
Kim Thành : 42
Kim Thuỷ (cầu) (hồ) : 537, 619, 842, 867
Kim Trường : 161, 179, 411, 448, 718
Kinh Khê : 167, 168
Kỳ Hoa (huyện) : 85, 716
Kỳ Lộ (đồn) : 231
Kỳ Thiện : 512
Kỳ Tô (huyện) : 719, 794
Kỳ võ : 7, 10, 14, 24, 101, 110, 122, 123, 142, 236, 237, 348, 424, 429, 442, 445, 478, 482, 514, 539, 560, 584, 613, 635, 672, 692, 716, 728, 743, 748, 762, 785, 810, 825, 826, 848

KH

Kha (núi) : 238
Khai Biên : 179, 238, 261, 342, 409, 411, 484, 568, 820, 830, 840, 841, 845, 848, 853, 854, 869, 875
Khai Biên (cơ) : 237, 547, 721
Khai Biên (đạo) : 254, 260, 342
Khai Biên (huyện) : 179, 718, 787, 798, 803, 804, 811
Khai Biên (phủ) : 163, 237, 238, 240, 342
Khai Quảng : 343, 477
Khai Vĩ : 475, 528, 621
Khai Vĩ (bang) : 486, 487, 528, 636, 647
Khai Vĩ (phường) : 337, 678, 778
Khải Tường (chùa) : 616
Khải Vận (núi) : 674
Khánh Hoà : 132, 201, 206, 232, 237, 253, 260, 268, 272, 278, 288, 289, 291, 292, 304, 311, 323, 331, 335, 336, 339, 366, 369, 370, 373, 397, 409, 422, 425, 434, 443, 444, 446, 448, 455, 482, 505, 507, 508, 509, 527, 541, 543, 560, 568, 569, 580, 590, 594, 598, 599, 616, 627, 630, 636, 638, 644, 664, 665, 674, 679, 713, 722, 728, 740, 741, 742, 744, 765, 766, 770, 788, 841, 854, 870
Khánh Ninh (cung) : 86, 122, 574, 889
Khâm (châu) : 314, 492, 493
Khâm định tập vận trích yếu : 403
Khâu Sầm (núi) : 675
Khiếu Nương (mỏ bạc) : 467
Khoái Châu (phủ) : 116, 278, 306, 425, 522, 629, 775
Khổng (tên người) : 237
Khung giang : 151, 463
Khương Bá Khanh : 170, 171
Khương Chính (động) : 18, 23, 52, 91
Khương Chính (quân thứ) : 31

L

La Bích (đầm) : 375
La Hàn (vụng) : 277
La Hãn (đầm) : 225
La Kết (thành) : 547, 719, 751, 752, 872
La Khánh : 13, 15, 17
La Khánh (sách) : 14
La Kiên : 332, 342, 451, 615, 668, 669, 714, 737, 738, 784, 788, 801
La Ngốc (núi) : 260
La Phù (động) : 381, 382
La Sơn (mỏ) : 467, 612, 765
La Văn Chức : 784, 805
Lác (cửa) : 593
Lạc An (huyện) : 112, 352, 734, 818
Lạc Thổ (huyện) : 19, 110, 111, 112
Lạc Xuyên : 85
Lai Triều (tổng) : 77
Lam (đảo) : 163
Lam (sông) : 22, 674
Lan Can (mỏ vàng) : 467
Lang Cải (mỏ vàng) : 467
Lang Khâm Nhạ : 185
Lang Văn Thái : 39, 48
Làng Thìn (châu) : 199, 419
Lãng Lãng (tổng) : 77
Lạng Giang (phủ) : 306, 414, 415, 494, 522, 569
Lạng Sơn : 42, 51, 57, 64, 68, 75, 79, 99, 108, 118, 123, 127, 170, 182, 197, 198, 221, 229, 230, 243, 252, 279, 283, 292, 323, 336, 353, 365, 366, 369, 370, 373, 385, 421, 446, 449, 467, 469, 480, 484, 510, 519, 539, 543, 566, 571, 579, 600, 612, 616, 627, 638, 645, 675, 691, 734, 740, 765, 775, 779, 859, 869, 870
Lão Quân (núi) : 674
Lạp man : 55
Lâm Duy Nghĩa : 31, 43, 61, 124, 127, 532, 710, 734, 738, 833, 857
Lâm La (tổng) : 679
Lâm Lũng : 23
Lâm Lự (động) : 24, 25, 39, 41, 63, 64, 780
Lâm Oai : 774
Lâm Tắc Từ : 497, 630, 631, 707, 808
Lâm Thịnh (tổng) : 679
Lâm Uy : 91
Lâm Văn Thành : 592
Lâm Vu : 615
Lê Bá Hùng : 851
Lê Bá Tú : 31, 43, 141, 143, 191, 213, 308, 356, 368, 400, 514, 587, 753, 761, 857
Lê Bỉnh Trung : 749
Lê Bồi : 234
Lê Cán : 125, 126
Lê Chân : 334, 476, 509, 774
Lê Công Bão : 749
Lê Công Tín : 219
Lê Công Vụ : 24, 48
Lê Danh Chấn : 48
Lê Danh Đề : 748
Lê Dần : 124
Lê Doãn Xuân : 124
Lê Dục Đức : 311, 349, 815
Lê Duy Hiển : 20, 30, 31, 44, 53, 60, 72, 73, 80, 103, 133, 294, 362
Lê Duy Hoán : 133, 362
Lê Duy Lương : 103, 294, 362, 673
Lê Duy Nhiên : 103
Lê Duy Phiên : 509
Lê Duy Trung : 288, 328
Lê Duy Vĩnh : 311
Lê Đại Cương : 14, 58, 120, 141, 165, 227, 238, 239, 254, 259, 298, 299, 507, 755, 844, 862

Lê Đại Hành (miếu) : 235
Lê Đạo Quảng : 499
Lê Đăng Doanh : 135, 171, 173, 188, 220, 258, 273, 287, 321, 368, 378, 386, 474, 478, 516, 535, 562, 598, 600, 610, 680, 693, 702
Lê Đăng Khiêm : 749, 807
Lê Đình Dương : 747
Lê Đoàn : 189
Lê Đức : 124
Lê Đức Hảo : 339, 381
Lê Đức Tiệm : 66, 420, 421, 511, 512, 815
Lê Giáp : 404, 620
Lê Hiếu Hữu : 135
Lê Hoàng Trinh : 630
Lê Huy Côn : 323
Lê Huy Tích : 438
Lê Hữu Bản : 144, 369, 402, 472, 499
Lê Hữu Du : 50
Lê Hữu Đức : 37, 41, 68, 253, 453, 543
Lê Hữu Ngẫu : 613
Lê Hựu : 796
Lê Hy : 233, 628
Lê Khánh Trinh : 267, 309, 347, 414, 526, 653, 732, 786, 799, 812, 813, 854, 880
Lê Khắc Nhượng : 577, 688
Lê Khiêm Quang : 5, 464, 475, 744, 771
Lê Khoan Mạnh : 128, 823
Lê Kim Trợ : 135, 489, 810, 847
Lê Kinh Tế : 143
Lê Luận : 283
Lê Mậu Hạnh : 43, 61, 394, 519, 573, 687
Lê Ngọc Thế : 314
Lê Nguyên : 213, 336
Lê Nguyên Giám : 579, 755
Lê Nguyên Huy : 796
Lê Nguyên Trung : 33, 743, 837, 850
Lê Phi Ất : 52, 91
Lê Phi Hiếu : 91
Lê Phi Thái (giặc) : 18, 52
Lê Phụ Khuê : 135, 504, 626
Lê Phụ Thạc : 291
Lê Phúc An : 52, 66
Lê Phúc Báo : 298
Lê Phúc Đức : 747
Lê Quang : 343
Lê Quang Huyên : 68, 309, 344, 507
Lê Quang Khiêm : 308, 472, 720
Lê Quang Nguyên : 277, 478, 616, 617, 663, 698, 787, 791, 792, 798, 799, 800, 804, 820, 821, 830, 831, 841, 844, 845, 848, 852, 853, 854, 863, 864, 869, 873, 874, 875, 883
Lê Quang Quảng : 135
Lê Quang Quỳnh : 27, 95
Lê Quang Tiến : 568
Lê Quảng Khải : 40
Lê Quốc Trinh : 409, 605, 640, 748, 749, 813
Lê Sách : 421, 534, 578, 682
Lê sử tục biên : 273, 628
Lê Tập : 333, 534, 611, 628, 688, 717, 749
Lê Tất Ứng : 135
Lê Thế Quán : 747
Lê Thị Tể : 745
Lê Thiện Trị : 288, 328
Lê Thuận Chiếu : 810
Lê Thúc Đôn : 124, 288
Lê Tiến Ích : 124
Lê Tiến Sương : 811
Lê Tô : 614
Lê Trọng Chính : 75
Lê Trường Danh : 191
Lê Vạn Hanh : 30
Lê Văn Bích : 302, 804, 805, 810
Lê Văn Cẩn : 747
Lê Văn Chân : 783, 811, 820, 824
Lê Văn Chấn : 363

Lê Văn Du : 81, 164, 280, 281, 282, 283, 538, 559, 694, 774
Lê Văn Diệp : 135, 315
Lê Văn Do : 281, 282, 614
Lê Văn Dũng : 282, 328, 499, 876
Lê Văn Duyệt : 164, 280, 281, 282, 283, 538, 559, 774
Lê Văn Dự : 125
Lê Văn Đạt : 124, 765
Lê Văn Đắc : 135, 812
Lê Văn Đức : 29, 40, 82, 90, 91, 116, 118, 129, 130, 155, 161, 172, 173, 174, 195, 222, 295, 312, 313, 328, 329, 343, 355, 361, 367, 375, 389, 391, 411, 428, 435, 468, 499, 520, 525, 557, 572, 590, 597, 600, 637, 662, 678, 680, 688, 712, 714, 731, 782, 783, 785, 851, 855, 863, 880, 881, 887
Lê Văn Hào : 79
Lê Văn Hạt : 136
Lê Văn Hợi : 422
Lê Văn Huyên : 272
Lê Văn Khiêm : 469, 500, 649, 803, 832, 849
Lê Văn Khoa : 61, 196
Lê Văn Kỳ : 424
Lê Văn Lễ : 819
Lê Văn Luyện : 484, 549
Lê Văn Mẫn : 45
Lê Văn Nhiêu : 468
Lê Văn Nhượng : 125
Lê Văn Phú : 43, 281, 282, 307, 394, 400, 519, 541, 590, 642, 672, 702, 714, 716
Lê Văn Quý : 740
Lê Văn Sơn : 280, 281, 282
Lê Văn Sức : 13, 37, 361
Lê Văn Tâm : 302
Lê Văn Tế : 324
Lê Văn Thạc : 395, 774
Lê Văn Thành : 124
Lê Văn Thảo : 38, 74, 82, 100, 523, 642, 691, 768
Lê Văn Thiện : 282, 656
Lê Văn Thu : 404, 587, 749, 765, 850
Lê Văn Thuỵ : 435
Lê Văn Thực : 186, 262, 344, 469
Lê Văn Trung : 237, 240, 309, 310, 354, 754
Lê Văn Tự : 135, 245
Lê Văn Xuyên : 98, 726, 740
Lê Viết Chuyên : 749
Lê Viết Thích : 749
Lê Viết Vân : 425
Lê Yên (giặc) : 48
Lệ Thuỷ (huyện) : 335, 648
Liêm Châu : 314, 492
Liêm Châu (động) : 492
Liêm Mộc : 342
Liêu (cửa biển) : 107, 181, 593
Liêu Lác (cửa biển) : 329
Liễu Đàm : 789
Liễu Đăng : 727
Liễu Khê (thôn) : 846, 862, 865
Linh Hồ (mỏ vàng) : 467, 612, 677, 728
Linh Thái (núi) : 25, 57
Lò Gò Vật (phủ) : 39, 61, 266, 446, 484, 559, 591, 606, 644, 656, 727, 838
Long An (đồn) : 198, 223
Long Cốt (đồn) : 644, 874
Long Đầu (núi) : 674
Long Khánh (huyện) : 198, 352, 378, 386, 402
Long Thành : 211, 386, 465
Long Tôn (phủ) : 237, 238, 411, 518, 719
Long Vĩnh (đầm) : 225
Long Xuyên (huyện) : 378, 718, 788
Lô (sông) : 22, 41, 575, 674
Lộ An (đồn) : 120

Lô Khê (đồn) : 286, 600
Lộc Sơn (núi) : 820, 840
Lộc Tỵ (núi) : 799, 803, 820
Lôi Âm (núi) : 674
Lôi Dương (huyện) : 14, 23, 64, 77, 78
Lôi Lạp (cửa biển) : 224, 262, 411
Lợi Nông (sông) : 21, 40, 284, 375, 456, 526, 652, 736, 848
Lợi Tế (cầu) : 504, 639, 666
Luận Khê : 64
Luận ngữ : 156, 491
Lục Đầu (sông) : 22,2, 576
Lục Giang (đồn) : 108
Lũng Điền (tổng) : 679
Lũng My : 9
Lư An (huyện) : 411, 448, 547, 718, 719, 720, 723, 794
Lư Mang : 262
Lữ Tống (nước) : 114, 323
Lương (giặc) : 435
Lương Bi : 226
Lương Bình Tổ : 337, 338
Lương Chính : 9, 11, 14, 15, 16, 17, 18, 23, 24, 32, 33, 40, 48, 63, 75, 76, 77, 80, 103, 136, 159, 331, 345, 352, 432, 653
Lương Công Trung : 13, 37
Lương Kỳ : 503, 667
Lương Mã (phố) : 99
Lương Năng (tổng) : 223, 502
Lương Quốc Quang : 308, 405, 475, 822
Lương Sơn (đạo) : 9, 11, 14, 48
Lương Sơn (động) : 48
Lương Sơn (huyện) : 678, 679
Lương Trừ (đạo) : 58, 210, 469, 649, 693, 749, 765
Lương Văn Liễu : 17, 119, 143, 270, 289, 309, 373, 421, 496, 645, 754, 758, 760
Lưu Lượng : 124
Lưu Quỹ : 333, 464, 470, 645, 858
Lý Công Đồng (giặc biển) : 290
Lý Công Tống (giặc) : 475
Lý Nhân (phủ) : 352, 522, 565, 754, 775, 833
Lý Sơn (biển) : 28
Lý Sơn (đảo) : 13
Lý Thành Hưng (tù phạm) : 8
Lý thiện (đội) : 81, 101, 635
Lý thiện (sở) : 642
Lý thiện (ty) : 39, 43, 53, 61, 211
Lý thuận (viện) : 49
Lý Ứng Lợi : 808
Lý Văn Phức : 42, 119, 143, 169, 188, 369, 400, 605, 637, 679, 693, 735, 755, 857

M

Ma (giặc) : 39, 751, 752, 839
Ma Cao : 314
Ma Cao (thành) : 329
Ma Ly (đầm) : 225
Ma Mịch : 332
Mã (sông) : 22, 24, 41, 64, 153, 674
Mã Song : 554
Mạc Thiên Tứ : 598
Mai (châu) : 357, 883
Mai (giặc) : 50, 79, 118
Mai Anh Tuấn : 747
Mai Bá Nghiễm (giặc) : 19
Mai Công Ngôn : 168, 169, 226, 258, 268, 291, 322, 326, 399, 421, 435, 489, 506, 537, 556, 589, 680
Mai Đức Trực : 152
Mai Hữu Điển : 95, 145, 408
Mai Khắc Mẫn : 575

Mai Lĩnh (xã) : 168
Mai Thế Tuấn : 125, 126
Mai Trúc Tùng : 747
Mai Văn Đạo : 174, 176, 177
Mai Văn Đổng : 237, 869
Mai Văn Hiển : 554
Mai Văn Mỹ : 125, 744
Mai Văn Phượng : 744
Mai Văn Tích : 793, 799, 803, 811, 821, 845, 853
Man (giặc) : 123, 151, 186, 354, 514, 589, 680, 862, 863, 880
Man Duy (huyện) : 23, 75, 199
Mạt Tra : 715
Mân Mạt : 789
Mẫn (tên người) : 342
Mẫn Tuệ : 504
Mậu Duệ : 467
Mậu Lộc (sách) : 63, 64
Mễ Sở : 459, 513, 514
Miên An : 45, 205, 208, 688, 695, 723, 815
Miên Bàng : 696
Miên Bật : 570, 635, 671, 688, 695, 778
Miên Cầu : 694, 695, 778
Miên Chí : 696
Miên Cung : 696, 778
Miên Cư : 635, 695, 778
Miên Dần : 694, 695, 778
Miên Dung : 696
Miên Điệu : 696
Miên Định : 201, 208, 394, 687, 695, 702, 723, 815
Miên Gia : 778
Miên Hạp : 694
Miên Hạt : 778
Miên Hoảng : 696
Miên Khách : 696
Miên Khoan : 694, 695, 778
Miên Kiều : 696
Miên Ký : 696
Miên Lang : 635, 778
Miên Lâm : 696
Miên Liêu : 696, 778
Miên Lương : 695
Miên Nghi (hoàng tử) : 68, 201, 270, 688, 702, 723, 815
Miên Ngộ : 696
Miên Ngụ : 696
Miên Ngung : 694, 695, 778
Miên Phong : 679, 694, 695, 778
Miên Phú (hoàng tử) : 16
Miên Quan : 694, 695, 778
Miên Quần : 635, 663, 671, 695, 778
Miên Sạ : 696, 778
Miên Sách : 696
Miên Sủng : 694, 695, 778
Miên Tả : 696
Miên Tăng : 696
Miên Tế : 570, 672, 695, 778
Miên Thái : 696
Miên Thanh : 694, 696, 778
Miên Thẩm (hoàng tử) : 289, 447, 584, 671, 695, 778
Miên Thân : 696
Miên Thần (hoàng tử) : 147, 203, 570, 696, 778, 844
Miên Thích : 696
Miên Thủ (hoàng tử) : 45, 148, 671, 695, 778
Miên Thực : 570, 694, 695, 778
Miên Tiệp : 696, 778
Miên Tinh : 694, 695, 778
Miên Tông (hoàng tử) : 564
Miên Tống : 696, 778
Miên Tranh : 778
Miên Triện : 696
Miên Trinh : 205, 447, 695, 778
Miên Trụ : 696

Miên Trữ : 696, 778
Miên Tú : 694
Miên Tuấn : 696, 778
Miên Túc : 695, 778
Miên Uyển : 694, 695, 778
Miên Vũ : 570, 635, 672, 695, 778
Minh (giặc) : 487, 727, 838
Minh Châu (đồn) : 452, 599
Minh Chính (huyện) : 144, 262, 335, 352, 648, 869
Minh Hương : 20, 29, 385, 389, 475, 623, 644, 808, 879, 808
Minh Liễn (đồn) : 42
Minh Mệnh chính yếu : 93, 94, 194, 378
Minh Nghĩa (huyện) : 116
Minh Nghĩa (thái trưởng công chúa) : 147, 465
Minh Thiện (nhà) : 16, 426, 611
Minh Thiện (phường) : 121
Minh Xuân : 193
Mỏ Diều (đảo) : 757, 759
Mộc Châu : 356, 450, 542
Mộc Sơn : 19
Mộc Tiết : 198, 199
Mộc Tức :260, 261, 795
Mục Mã (phố) : 99
Mường Côn Bồ Lai (phủ) : 196
Mường Dao (tức Lê Văn Khoa) : 196
Mường Vang (châu) : 419, 562, 740
My Hồng : 332, 806
Mỹ Hoá (huyện) : 354, 395, 833
Mỹ Lâm (huyện) (phủ) : 179, 253, 305, 550, 720, 723,751, 794, 806, 823
Mỹ Lương : 116, 159, 623
Mỹ Tài (huyện) : 448, 720

N

Na Bôn (châu) : 199
Na Tiên : 332, 872
Na Tiết (mỏ vàng) : 467
Nam Chàng : 381
Nam Chân (huyện) : 69, 352, 716
Nam Chưởng (nước) : 218, 261, 462, 463, 872, 833
Nam Dã (trường thao diễn) : 569
Nam Định : 7, 26, 27, 38, 42, 53, 57, 68, 75, 115, 123, 129, 135, 158, 167, 170, 171, 191, 192, 196, 197, 221, 226, 230, 234, 236, 243, 253, 264, 274, 278, 279, 284, 288, 292, 304, 313, 314, 315, 323, 327, 328, 329, 331, 336, 337, 347, 352, 356, 361, 366, 370, 373, 375, 386, 389, 396, 421, 425, 429, 434, 445, 455, 456, 459, 476, 484, 494, 497, 499, 501, 502, 504, 506, 510, 513, 514, 518, 520, 522, 527, 532, 543, 548, 549, 563, 575, 580, 581, 583, 593, 594, 598, 613, 615, 627, 629, 638, 642, 645, 658, 673, 674, 676, 684, 716, 717, 724, 732, 733, 735, 745, 748, 791, 797, 815, 816, 818, 833, 835, 836, 869, 870
Nam Đường (huyện) : 678, 679
Nam Giao (đàn) : 36, 235, 265, 268, 269, 317, 453, 547, 458, 605, 631, 632, 675, 687, 876, 877
Nam Hải Long vương (miếu) : 203, 322, 330, 333, 457, 532, 748
Nam Hoa (tổng) : 679
Nam Hưng (thuyền) : 95, 104, 106, 331, 497, 513, 630
Nam Kỳ : 7, 20, 55, 56, 58, 63, 88, 101, 102, 107, 117, 123, 136, 137, 144, 147, 150, 154, 158, 163, 172, 197, 213, 216,

240, 262, 263, 281, 282, 286, 298, 299, 324, 340, 347, 363, 364, 380, 385, 389, 391, 397, 398, 405, 408, 417, 421, 424, 434, 435, 443, 446, 449, 466, 474, 489, 510, 514, 519, 523, 535, 550, 558, 560, 577, 580, 599, 601, 602, 618, 622, 623, 627, 636, 638, 649, 652, 653, 654, 673, 683, 690, 713, 742, 747, 764, 796, 800, 823, 848, 884
Nam Ninh (phủ) : 122, 719, 727, 784, 794, 813, 831, 854, 855, 880, 882
Nam Thái (huyện) : 719, 784, 792, 793, 798
Nam Thịnh (huyện) : 719, 784, 794, 840, 846, 847, 874, 879
Nam Thọ (chợ) : 656, 657
Nam Thọ (phường) : 122
Nam Trực : 123, 137, 442, 446, 466, 741, 824
Nam Vang : 58, 161, 196, 466, 518, 719
Nam Xang (huyện) : 116, 342, 506, 562, 650, 754
Nặc Chăn : 613
Nặc Ong Giun : 62, 196
Nặc Ong Yểm : 62, 196
Nê Dữ (biển) : 337
Niêm Sơn (mỏ vàng) : 467, 612, 677
Niêm Sơn (xã) : 90
Ninh Biên (châu) : 218, 219, 286, 356, 542, 883
Ninh Biên (đồn) : 219, 261
Ninh Bình : 7, 11, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 29, 30, 33, 38, 42, 44, 52, 53, 57, 60, 64, 66, 72, 73, 75, 76, 80, 82, 87, 103, 104, 105, 108, 110, 112, 115, 120, 121, 123, 129, 135, 136, 143, 155, 172, 181, 195, 197, 208, 221, 224, 226, 278, 292, 294, 323, 329, 331, 336, 344, 345, 346, 352, 354, 366, 367, 370, 374, 379, 419, 421, 429, 434, 436, 446, 450, 455, 459, 460, 461, 465, 476, 483, 490, 500, 510, 515, 519, 520, 521, 522, 527, 548, 549, 591, 599, 615, 627, 652, 664, 675, 720, 734, 743, 744, 748, 755, 772, 790, 791, 797, 818, 833, 858, 870, 875
Ninh Giang : 153, 305, 352, 522, 646
Ninh Hải (đồn) : 494, 495, 678
Ninh Lương (đồn) : 23, 65, 77, 78
Ninh Thuận (đắp thành) : 352, 428
Ninh Thuận công Miên Nghi : 68, 201, 270, 672, 688, 695, 702, 723, 815
Nội Chiêm (xã) : 517
Nông Cống (đạo) (huyện) : 24, 25, 31, 39, 48, 77, 78
Nông Đăng Tuyển : 366
Nông Đình Khánh : 119
Nông Đồn (mỏ vàng) : 467
Nông Thuần Trung : 50
Nông Văn Sĩ (giặc) : 50, 79, 80, 118, 127, 175, 176
Nông Văn Thạc (giặc) : 79, 80, 127, 176, 655
Nông Văn Vân : 80, 118, 435, 884
Nùng Khai (đồn) : 463, 472, 589

NG

Nga Thượng (xã) : 650
Nghệ An : 7, 9, 10, 11, 15, 16, 20, 24, 25, 28, 34, 38, 39, 41, 42, 49, 54, 57, 58, 64, 75, 76, 115, 123, 124, 125, 127, 129, 135, 143, 145, 151, 154, 164, 170, 171, 182, 185, 195, 197, 199, 213, 220, 224, 229, 231, 234, 236, 257, 261, 268, 270, 274, 278, 290, 291, 292, 294, 296, 304,

306, 314, 323, 326, 327, 331, 333, 335, 336, 342, 344, 345, 346, 352, 355, 366, 370, 382, 395, 397, 422, 432, 343, 436, 446, 455, 456, 462, 463, 469, 472, 484, 500, 509, 512, 519, 523, 527, 528, 532, 536, 580, 590, 595, 598, 599, 600, 615, 616, 627, 638, 644, 645, 658, 664, 674, 676, 678, 680, 681, 692, 713, 716, 717, 734, 735, 736, 738, 743, 746, 747, 765, 766, 791, 797, 808, 815, 817, 833, 864, 870
Nghi Dương (huyện) : 42
Nghi Hoà (phủ) : 719, 783, 811, 818, 819, 820, 824, 844, 845, 848, 851, 852, 864, 882, 884, 885
Nghĩa An : 183, 278, 352, 386
Nghĩa Hưng (tổng) : 265, 414, 415, 459, 522, 679
Ngọc Bi : 179, 411, 719, 788, 806
Ngọc Biện : 210, 706, 723, 728, 751, 752, 753, 783, 795, 801, 802, 812, 813
Ngọc Dao : 146
Ngọc Giang (xã) : 222, 576
Ngọc Lặc (tổng) : 11, 77
Ngọc Lân : 19
Ngọc Liễn (mỏ vàng) : 467, 612, 677
Ngọc Luật (huyện) : 411, 448, 617, 618, 718
Ngọc Mạo (trang) : 79, 80, 91, 118, 119, 173, 176, 177
Ngọc Nguyên : 210, 706, 723, 751, 752, 753, 813
Ngọc Thâm (giặc) : 863
Ngọc Thu : 706, 723, 751, 752, 753, 795, 802, 813
Ngọc Toàn : 146, 147
Ngọc Tôn : 147
Ngọc Uyển (động) : 474
Ngọc Vân : 177, 198, 210, 392, 393, 706, 723, 728, 751, 752, 753, 795, 801, 802, 812, 813, 885
Ngô Bá Nhân : 499
Ngô Chẩn : 816
Ngô Dưỡng Cáo : 30, 93, 157, 286, 307
Ngô Dưỡng Hiệu : 796
Ngô Huy Tuấn : 66
Ngô Khắc Kiệm : 747
Ngô Kim Lân : 33, 143, 166, 167, 197, 460, 494, 748
Ngô Ngọc Triệu : 256
Ngô Sĩ Liên : 233
Ngô Tài Đắc : 14, 24, 25, 48
Ngô Thiên Tường : 803, 804
Ngô Thủ : 816
Ngô Tòng Chu : 363
Ngô Tòng Hoà : 153
Ngô Văn An : 875
Ngô Văn Cải : 59
Ngô Văn Dịch : 483
Ngô Văn Địch : 66, 125, 154, 219, 306, 450, 508, 737
Ngô Văn Định : 347
Ngô Văn Giai : 160, 348, 523, 662, 830, 845, 854
Ngô Văn Hoàng : 60
Ngô Văn Thể : 30, 371, 527, 814
Ngô Văn Trạch : 28
Ngô Viết Đức : 448
Ngũ Hành (núi) : 70, 469, 674
Ngũ Phượng (lầu) : 16, 255, 447
Nguỵ Khắc Tuần : 321, 420, 450, 542, 615, 883
Nguyễn Ân : 379
Nguyễn Bá Lực : 63
Nguyễn Bá Nghi : 109, 534, 857
Nguyễn Bá Thận : 232
Nguyễn Bá Tĩnh : 136, 396, 735

Nguyễn Bá Tuấn (đạo trưởng) : 328
Nguyễn Bật Lương : 658
Nguyễn Côn : 125, 126
Nguyễn Công Chính : 125
Nguyễn Công Dao : 98, 307
Nguyễn Công Dự : 125
Nguyễn Công Hoán : 68, 177, 369, 377, 402, 414, 420, 421, 435, 497, 541, 556, 657, 764, 816, 818
Nguyễn Công Hợp : 20
Nguyễn Công Huyên : 72
Nguyễn Công Khuyến : 418
Nguyễn Công Nhàn : 260, 288, 598, 656, 677, 715, 722, 762, 838, 839, 847, 866, 869, 880, 881, 888
Nguyễn Công Tiến : 682
Nguyễn Công Trứ : 12, 20, 101, 117, 127, 166, 171, 172, 221, 257, 258, 264, 290, 304, 337, 338, 349, 355, 356, 380, 413, 418, 435, 447, 475, 476, 486, 492, 494, 520, 521, 525, 528, 573, 577, 590, 621, 628, 636, 662, 681, 689, 690, 714, 757, 816, 851, 857, 861, 884
Nguyễn Công Tùng : 125
Nguyễn Công Vụ : 747
Nguyễn Cư Sỹ : 732
Nguyễn Cư Trinh : 482, 597, 732
Nguyễn Cửu An : 691
Nguyễn Cửu Dật : 363, 644
Nguyễn Cửu Đức : 25, 39, 41, 523
Nguyễn Cửu Khanh : 363
Nguyễn Cửu Ngọ : 266, 424
Nguyễn Cửu Tri : 691
Nguyễn Cửu Trường : 288, 328, 857
Nguyễn Danh Giáp : 244, 693
Nguyễn Danh Hiển : 148, 171
Nguyễn Danh Phương : 459
Nguyễn Danh Quán : 268, 272, 291
Nguyễn Diễn : 112, 113
Nguyễn Dĩnh : 50, 51
Nguyễn Doãn Thành : 124
Nguyễn Du : 587, 748, 844
Nguyễn Duy : 658
Nguyễn Duy Hoà : 694
Nguyễn Duy Phiên : 66
Nguyễn Duy Sĩ : 237
Nguyễn Duy Tráng : 478, 662, 802, 820, 845, 851, 852, 864
Nguyễn Đại Cận : 256
Nguyễn Đắc Khanh : 177
Nguyễn Đắc Trí : 17, 93, 135, 181, 272, 449, 472, 784, 785, 804, 805, 810, 811
Nguyễn Đắc Tuấn : 747
Nguyễn Đăng Du : 484, 875
Nguyễn Đăng Giai : 10, 14, 15, 17, 18, 23, 31, 32, 40, 43, 44, 48, 51, 64, 65, 73, 75, 79, 91, 92, 103, 107, 375, 412, 494, 569, 627, 661, 761, 849
Nguyễn Đăng Huân : 186, 187
Nguyễn Đăng Huyên : 408
Nguyễn Đăng Hựu : 484
Nguyễn Đăng Khánh : 79, 80, 99, 118, 616
Nguyễn Đăng Ngạn : 747
Nguyễn Đăng Sĩ : 612
Nguyễn Đăng Thuật : 715
Nguyễn Đăng Tuân : 150, 188, 194, 315, 773
Nguyễn Đăng Tuyển : 173
Nguyễn Đăng Uẩn : 171, 339, 369, 404, 542, 615, 743
Nguyễn Điểm (đạo trưởng) : 342
Nguyễn Đình Duệ : 479, 542
Nguyễn Đình Lập : 20, 395
Nguyễn Đình Liệu : 136
Nguyễn Đình Ngữ : 598
Nguyễn Đình Phác : 474
Nguyễn Đình Phú : 327, 749
Nguyễn Đình Phúc : 507

Nguyễn Đình Tân : 55, 170, 171, 615, 655, 676, 743, 765, 834, 872
Nguyễn Đồng Khoa : 252, 311, 368, 383, 492, 508, 528, 544, 553, 615, 636, 735, 777, 857
Nguyễn Đức : 322, 844
Nguyễn Đức Chính : 749, 857
Nguyễn Đức Hoạt : 291, 368, 508, 544, 606, 662, 743
Nguyễn Đức Hộ : 30, 256, 484, 612, 738, 765
Nguyễn Đức Huấn : 487, 731, 791, 792, 798, 821, 832
Nguyễn Đức Huyên : 439
Nguyễn Đức Hựu : 784, 804, 810
Nguyễn Đức Long : 560, 587
Nguyễn Đức Nhân : 136
Nguyễn Đức Nghiệp : 170
Nguyễn Đức Tân : 135, 714, 849
Nguyễn Đức Trí : 810
Nguyễn Đức Trinh : 267, 371, 425
Nguyễn Đức Trung : 39
Nguyễn Đức Trứ : 746
Nguyễn Gia Nghi : 145
Nguyễn Giác Ngộ : 822
Nguyễn Hanh : 530, 539, 606
Nguyễn Hảo : 774
Nguyễn Hoá : 499
Nguyễn Hoài Vĩnh : 747
Nguyễn Hoàng : 679, 755, 762, 810
Nguyễn Hoàng Đức : 120
Nguyễn Hoàng Thoả : 120
Nguyễn Hợp : 30, 68, 119, 252, 339, 375, 404, 450, 508, 615, 648, 672
Nguyễn Huy Chiểu : 52, 75, 92, 815
Nguyễn Huy Chuẩn : 110, 252, 284, 346, 404, 743
Nguyễn Huy Đàm : 50
Nguyễn Huy Hoán : 38, 74
Nguyễn Huy Hổ : 680
Nguyễn Huy Huỳnh : 816
Nguyễn Huy Tế : 747
Nguyễn Hữu An : 807, 808
Nguyễn Hữu Câu : 459
Nguyễn Hữu Chính : 520, 662
Nguyễn Hữu Diệu : 190, 857
Nguyễn Hữu Độ : 125, 126, 288
Nguyễn Hữu Khuê : 172, 191, 415, 494, 511, 512
Nguyễn Hữu Kính : 482
Nguyễn Hữu Lợi : 616
Nguyễn Hữu Thăng : 520
Nguyễn Hữu Thận : 252
Nguyễn Hữu Thường : 628
Nguyễn Hữu Tiến : 226
Nguyễn Hữu Trinh : 405, 747
Nguyễn Hữu Xuân : 51
Nguyễn Hy Nguyên : 816
Nguyễn Khả Bằng : 66
Nguyễn Khắc Biểu : 5, 792, 832
Nguyễn Khắc Điều : 125
Nguyễn Khắc Ninh : 648
Nguyễn Khắc Quy : 73
Nguyễn Khắc Thiệu : 170, 838, 839
Nguyễn Khiêm : 630
Nguyễn Khoa Bách : 717
Nguyễn Khoa Minh : 36, 60, 61, 101, 135, 148
Nguyễn Kiêm : 499
Nguyễn Kim Hoà : 584
Nguyễn Lạc Thiện : 141
Nguyễn Liêm : 329
Nguyễn Long : 143, 405, 753
Nguyễn Lợi : 136, 151
Nguyễn Lương Nhàn : 48, 100, 123, 291, 337, 348, 692, 802, 869
Nguyễn Nghị : 266, 526, 620, 690, 717, 749
Nguyễn Nghĩa Thịnh : 135, 692, 825

Nguyễn Ngọc Chân : 747
Nguyễn Ngọc Nghĩa : 429, 748
Nguyễn Nhật Thạnh : 472, 663, 770, 791, 792, 799, 800, 814, 819, 831, 832
Nguyễn Nhược Sơn : 60, 145, 197, 369, 734, 796
Nguyễn Phiên : 747
Nguyễn Phong : 125, 126
Nguyễn Quang Sán : 170, 171
Nguyễn Quảng Khải (giặc) : 176, 343, 368, 454, 520, 600, 655
Nguyễn Quốc Cẩm : 383, 616, 622, 765, 780
Nguyễn Quốc Hoan : 60, 68, 145, 159, 525, 475
Nguyễn Song Thanh : 10, 101, 141, 158, 215, 614, 748, 752, 823, 886, 888
Nguyễn Sỹ Đăng : 579, 611, 749, 849
Nguyễn Sỹ Long : 747
Nguyễn Tăng Châu : 774
Nguyễn Tăng Minh : 17, 68, 91, 143, 169, 180, 251, 258, 395, 399, 452, 556, 565, 578, 768, 787
Nguyễn Tâm Đoan : 611
Nguyễn Tân : 763
Nguyễn Thái Nguyên : 108
Nguyễn Thái Phác : 108
Nguyễn Thái Thông : 125, 126, 747
Nguyễn Thanh Oai : 747
Nguyễn Thế Đạo : 171, 384, 425, 453, 483, 512, 530, 562, 616, 707
Nguyễn Thế Trị : 285, 688, 738, 774
Nguyễn Thế Vinh : 747
Nguyễn Thị : 454, 681, 682
Nguyễn Thị Khiết : 286
Nguyễn Thị Quyên : 182
Nguyễn Thiết Thạch : 106, 195
Nguyễn Thịnh : 368, 526, 682
Nguyễn Thu : 106, 195
Nguyễn Thường Hứa : 114, 424, 514, 728, 729
Nguyễn Tiến Hội : 125
Nguyễn Tiến Lâm : 43, 169, 226, 255, 322, 399, 435, 507, 523, 578, 590, 600, 639, 643, 672, 703, 714, 716, 768, 826, 854, 855, 856, 861, 874, 884
Nguyễn Tiến Lộc : 747
Nguyễn Tiến Phó : 794
Nguyễn Tiến Phúc : 237, 254, 260, 261, 266, 722, 783, 806, 823, 872
Nguyễn Tiến Quang : 800, 819, 820
Nguyễn Tiến Song : 354, 489, 497, 560, 573, 675, 718
Nguyễn Tiến Tá : 84, 478, 773
Nguyễn Tiến Tuyên : 272
Nguyễn Tiến Vạn : 13, 14, 24, 32, 424, 692, 785
Nguyễn Tòng Chính : 309, 310
Nguyễn Trạc : 190
Nguyễn Tri Phương : 31, 96, 107, 141, 172, 191, 213, 356, 368, 394, 400, 538, 552, 589, 637, 682, 758, 809, 844, 849
Nguyễn Trị : 395
Nguyễn Trọng Tân : 27, 135, 203, 366, 368, 379
Nguyễn Trọng Thao : 499
Nguyễn Trọng Nguyên : 30, 253, 289, 370, 386, 603, 766
Nguyễn Trọng Phan : 630
Nguyễn Trọng Tính : 39, 42, 61, 241, 242, 496, 573, 716, 786, 826, 850
Nguyễn Trung Mậu : 27, 30, 177, 191, 368, 369, 460, 680, 693, 755, 782, 833, 837, 857
Nguyễn Trung Nghĩa : 148, 191, 197, 321, 339, 344, 477, 616, 653, 787, 793, 796, 799, 803, 804, 821
Nguyễn Trùng Tân : 747

Nguyễn Trực Phương : 97, 98, 307
Nguyễn Trường : 609
Nguyễn Túc : 60, 830
Nguyễn Tự : 186, 217, 334, 335, 446, 460, 488, 556, 620, 652, 653, 683, 712, 721, 816
Nguyễn Tường : 810
Nguyễn Tường Vĩnh : 124, 288
Nguyễn Tuyên : 507, 876
Nguyễn Uyên : 623
Nguyễn Văn : 30, 53, 60, 141, 172, 267, 293, 369, 498, 654, 732, 749
Nguyễn Văn An : 558
Nguyễn Văn Bách : 783
Nguyễn Văn Bảng : 680
Nguyễn Văn Bật : 857
Nguyễn Văn Biểu : 176, 343, 520, 655
Nguyễn Văn Bình : 280, 605
Nguyễn Văn Cần : 655
Nguyễn Văn Cầu : 128
Nguyễn Văn Chân : 152
Nguyễn Văn Chấn : 467, 512, 539
Nguyễn Văn Chất : 761, 762
Nguyễn Văn Chiêm : 125
Nguyễn Văn Chính : 308, 469, 508, 789
Nguyễn Văn Chức : 280
Nguyễn Văn Công : 508, 513, 732, 743, 836, 837, 850
Nguyễn Văn Của : 302
Nguyễn Văn Cúc : 28, 315, 363, 506
Nguyễn Văn Cư : 160
Nguyễn Văn Di : 731
Nguyễn Văn Diên : 72
Nguyễn Văn Diễn : 698
Nguyễn Văn Do : 106, 343, 447, 830, 831, 840, 845, 848, 853, 863
Nguyễn Văn Dục : 124, 288
Nguyễn Văn Đạc : 445
Nguyễn Văn Đạt : 193, 330, 347, 436, 824
Nguyễn Văn Điếm : 277
Nguyễn Văn Điển : 45, 253, 369, 620, 643, 693, 780
Nguyễn Văn Điện : 13
Nguyễn Văn Điệp : 135, 793, 803, 804
Nguyễn Văn Điều : 863
Nguyễn Văn Đĩnh : 125
Nguyễn Văn Đông : 136, 292
Nguyễn Văn Đức : 302
Nguyễn Văn Gia : 136, 245, 391, 663, 800
Nguyễn Văn Gián : 315
Nguyễn Văn Hào : 747
Nguyễn Văn Hoà : 722, 882
Nguyễn Văn Hội : 301
Nguyễn Văn Huấn : 611
Nguyễn Văn Hùng : 39
Nguyễn Văn Hựu : 135, 331
Nguyễn Văn Hy : 68, 272, 278, 408
Nguyễn Văn Kỳ : 10, 13, 14, 15, 78, 123, 136, 148
Nguyễn Văn Ký : 371
Nguyễn Văn Lân : 135
Nguyễn Văn Lệ : 472, 681
Nguyễn Văn Liên : 176
Nguyễn Văn Liễn : 79, 343, 368, 454, 520, 526, 569, 763
Nguyễn Văn Liễu : 90, 616
Nguyễn Văn Lộc : 609
Nguyễn Văn Lược : 82
Nguyễn Văn Lương : 745
Nguyễn Văn Lượng : 70, 126, 255, 289, 395, 616, 644
Nguyễn Văn Lực : 8
Nguyễn Văn Lưu : 60, 79
Nguyễn Văn Lý : 30, 328, 694
Nguyễn Văn Mẫn : 747
Nguyễn Văn Miêu : 12, 13
Nguyễn Văn Mưu : 124
Nguyễn Văn Mỹ : 37, 50, 143

Nguyễn Văn Nghị : 266, 774
Nguyễn Văn Nghĩa : 19, 280, 673, 875
Nguyễn Văn Ngũ : 724
Nguyễn Văn Ngữ : 413
Nguyễn Văn Nhàn : 195
Nguyễn Văn Nhân : 82
Nguyễn Văn Nhị : 30, 141, 220, 420, 421, 481, 616, 748
Nguyễn Văn Nhiên : 798, 799
Nguyễn Văn Nho : 514
Nguyễn Văn Nhũ : 592
Nguyễn Văn Nhuận : 559
Nguyễn Văn Nhượng : 291, 558, 746, 747
Nguyễn Văn Niên : 774
Nguyễn Văn Ổn : 806
Nguyễn Văn Pháp : 67, 136, 687, 735, 773, 826, 854
Nguyễn Văn Phong : 762
Nguyễn Văn Phú : 571
Nguyễn Văn Phượng : 507
Nguyễn Văn Quang : 280
Nguyễn Văn Quế : 56
Nguyễn Văn Quý : 747
Nguyễn Văn Quyền : 125
Nguyễn Văn Quỳnh : 24, 31, 315, 595
Nguyễn Văn Sán : 110, 346
Nguyễn Văn Sáng : 644
Nguyễn Văn Sĩ : 343
Nguyễn Văn Siêu : 288
Nguyễn Văn Sự : 478, 482, 616
Nguyễn Văn Tài : 317, 567, 875
Nguyễn Văn Tạo : 609
Nguyễn Văn Tập : 135, 148, 672
Nguyễn Văn Tây : 135
Nguyễn Văn Thai : 837, 849, 854
Nguyễn Văn Thanh : 277, 869
Nguyễn Văn Thành : 527, 831
Nguyễn Văn Thắng : 5, 52, 75, 92, 496, 796
Nguyễn Văn Thẩm : 558, 748
Nguyễn Văn Thị : 110
Nguyễn Văn Thiệu : 181, 182
Nguyễn Văn Thìn : 331
Nguyễn Văn Thịnh : 217, 267, 309, 347
Nguyễn Văn Thống : 79
Nguyễn Văn Thu : 164
Nguyễn Văn Thuận : 447, 838, 839
Nguyễn Văn Thuỵ : 280
Nguyễn Văn Tiến : 15, 429, 484, 498, 748
Nguyễn Văn Tiết : 792
Nguyễn Văn Tình : 253, 349, 724
Nguyễn Văn Toán : 27, 30, 79, 121, 191, 192
Nguyễn Văn Tòng : 170
Nguyễn Văn Tô : 436, 595
Nguyễn Văn Tố : 98, 400, 816
Nguyễn Văn Tôn : 13, 84
Nguyễn Văn Tồn : 729
Nguyễn Văn Trí : 272, 482
Nguyễn Văn Trị :125
Nguyễn Văn Trinh : 500
Nguyễn Văn Trọng : 94, 99, 180, 238, 256, 260, 267, 277, 293, 299, 368, 424, 498, 594, 615, 663, 713, 729, 786, 799, 812, 813, 830, 845, 854, 855, 873, 879, 880, 882
Nguyễn Văn Trung : 136, 226
Nguyễn Văn Trực : 182
Nguyễn Văn Trừng : 816
Nguyễn Văn Tuân : 469, 508, 620, 738, 749, 793, 796, 799, 803, 804, 821
Nguyễn Văn Tuấn : 445, 594, 798, 830, 831
Nguyễn Văn Túc : 190, 865
Nguyễn Văn Tùng : 288, 328
Nguyễn Văn Tuyết : 762
Nguyễn Văn Tứ : 315
Nguyễn Văn Tựu : 181
Nguyễn Văn Uẩn : 30
Nguyễn Văn Vân : 349, 562

Nguyễn Văn Vinh : 91
Nguyễn Văn Vĩnh : 123
Nguyễn Văn Vy : 613
Nguyễn Văn Xuân : 164, 165
Nguyễn Văn Xung : 440
Nguyễn Văn Xướng : 245
Nguyễn Văn Xuyên : 583
Nguyễn Vân Nghĩa : 154
Nguyễn Viết Biểu : 645
Nguyễn Viết Trung : 609
Nguyễn Vĩnh : 45, 123, 484, 537, 539, 605, 669, 748
Nguyễn Xuân : 389, 435
Nguyễn Xuân Áng : 182
Nguyễn Xuân Bảng : 288
Nguyễn Xuân Cảnh : 353
Nguyễn Xuân Quang : 140, 163, 232, 252, 483, 515, 774
Nguyệt Đức (sông) : 221, 222, 263, 674, 692
Nguyệt Thường (núi) : 674
Ngữ Hải (đảo) : 760
Ngự Bình (núi) : 21, 155, 284, 380, 537, 566, 674, 756, 797
Ngự Kiều (bến) : 531
Ngưu giang : 296

NH

Nha Suất : 332
Nha Tiên (giặc) : 477, 787, 830
Nha Trang (đồn) : 231
Nha Trang (nguyên) : 223
Nhâm Trật : 161, 162, 237, 238, 260, 261, 332, 342, 727, 796, 819
Nhâm Vu : 302, 332, 393, 668, 669, 714, 737, 751, 752, 783, 787, 801
Nhân Kỷ (trại) : 15, 17, 159
Nhân Sơn (mỏ) : 539, 577
Nhật Đức (sông) : 221
Nhật Lệ (cửa biển) : 492, 624, 625
Nhật Lệ (đồn) : 625
Nhị Hà (sông) : 22, 181, 221, 222, 223, 263, 274, 460, 486, 514, 575, 732
Nhu Khiết : 146
Nhuệ (núi) : 674
Như Lăng (tổng) : 64

O

Oan Na : 262
Ô Đỗ (đồn binh) : 441, 524
Ô Môn (huyện) : 411, 617
Ô Phụ (núi) : 333
Ô Thiệt : 440, 441, 592
Ốc Nha Lịch Y Sô : 161
Ốc Tâm : 196, 332, 727, 796, 819
Ốc Tây : 260
Ốc Tri : 342
Ông (hòn) : 84

P

Phác Lỗ (tổng) : 679
Phàm Lệ : 185
Phàm Linh : 185
Phạm Bá Nho : 48, 65, 68, 80, 104
Phạm Bá Siêu : 371
Phạm Bá Thiều : 508, 558, 749, 774

Phạm Bạch Như : 48, 320, 748
Phạm Chân : 124, 288, 328
Phạm Công Bối : 816
Phạm Công Nho : 43, 48, 51, 52, 103
Phạm Công Quán : 48
Phạm Diệu : 316, 317
Phạm Duy Trinh : 31, 157, 286, 339, 378, 402, 527, 616, 664, 675, 769, 831, 849
Phạm Dược : 173
Phạm Đình Nghị : 182
Phạm Đình Thuân : 353
Phạm Gia Chuyên : 591, 749
Phạm Gia Kỷ : 308, 642
Phạm Hề : 506
Phạm Hoàng Nghị : 816
Phạm Huy Diệu : 96, 121, 188, 221, 266, 404, 600
Phạm Hữu Nghi : 774
Phạm Hữu Tâm : 17, 47, 69, 91, 96, 161, 168, 177, 180, 204, 209, 256, 258, 268, 272, 328, 364, 368, 399, 403, 435, 452, 478, 479, 483, 556, 615, 616, 661, 664, 702, 713, 729
Phạm Khắc Trạch : 30, 262, 425, 616, 691
Phạm Khôi : 170, 171, 508, 707, 879
Phạm Kim Chung : 816
Phạm Lương Phú : 133, 159, 188, 221
Phạm Ngọc Oánh : 227, 238, 796
Phạm Ngọc Quang : 90, 237, 238, 261, 278, 309, 310, 354, 754
Phạm Phi : 135, 435, 662, 748
Phạm Phú Quảng : 349, 394, 400
Phạm Phúc Hiển : 75, 80, 104
Phạm Quỹ : 68, 600
Phạm Sĩ Ái : 453, 553, 569, 578, 605, 620, 746, 747
Phạm Thế Hiển : 43, 616
Phạm Thế Trung : 291, 307, 321, 368, 380, 394, 560, 682
Phạm Thiên Điều : 493
Phạm Thúc Hiển : 52
Phạm Thúc Liêm : 43, 48, 52, 65, 75, 91, 92
Phạm Tĩnh : 749
Phạm Trạc Như : 79
Phạm Trọng Cát : 125, 126
Phạm Trọng Huyên : 135
Phạm Truỳ : 747
Phạm Văn Biện : 532
Phạm Văn Cẩm : 670
Phạm Văn Cẩn : 292
Phạm Văn Chân : 301
Phạm Văn Cục : 288, 468, 673
Phạm Văn Duyệt : 554
Phạm Văn Đàm : 442
Phạm Văn Điển : 25, 39, 54, 143, 145, 159, 161, 180, 218, 368, 409, 435, 459, 483, 486, 492, 610, 616, 769, 826, 841, 854, 855, 856, 861, 874, 884, 888
Phạm Văn Định : 255
Phạm Văn Đống : 135
Phạm Văn Hề : 91
Phạm Văn Hoà : 343, 609
Phạm Văn Hội : 152
Phạm Văn Huy : 78, 445
Phạm Văn Khai : 79, 90, 118, 173, 176
Phạm Văn Long : 623
Phạm Văn Lợi : 354, 514, 728, 729
Phạm Văn Lý : 435, 670
Phạm Văn Nghị : 170, 288, 328, 780
Phạm Văn Phái : 135
Phạm Văn Phạt : 810, 847
Phạm Văn Phụng : 613, 748
Phạm Văn Phượng : 90
Phạm Văn Quân : 135
Phạm Văn Quyền : 792, 793
Phạm Văn Sĩ : 215, 477, 698, 787, 811, 812, 821, 875
Phạm Văn Tâm : 291

Phạm Văn Thành : 523
Phạm Văn Thông : 559, 560
Phạm Văn Thuận : 36, 37
Phạm Văn Thuyên : 151
Phạm Văn Thuyết : 87, 88
Phạm Văn Thư : 698, 748, 849
Phạm Văn Tín : 559
Phạm Văn Tòng : 774
Phạm Văn Trị : 6
Phạm Văn Túc : 875
Phạm Văn Tuyển : 124
Phạm Văn Úy : 880
Phạm Viết Huy : 376, 501, 502, 503
Phạm Vũ Phác : 484, 509
Phan Bá Đạt : 10, 28, 30, 57, 143, 191, 203, 330, 404, 477, 620, 652, 653, 712, 746, 780, 782, 791, 857
Phan Duy Vĩnh : 747
Phan Đại Tùng : 186
Phan Đăng Đệ : 30
Phan Đình Dương : 816
Phan Đình Phong : 125, 126, 747
Phan Đình Sĩ : 141
Phan Đình Tuyển : 125, 126
Phan Đình Vinh : 49, 82, 135, 722, 794
Phan Đức Chiếu : 810
Phan Hiển Đạt : 109, 350, 508, 513, 732, 850
Phan Huy Thực : 23, 109, 143, 155, 186, 191, 203, 308, 317, 322, 333, 351, 380, 465, 468, 530, 606, 609, 652, 672, 680, 712, 721, 736, 749, 780, 808
Phan Huy Vịnh : 23, 143
Phan Hữu Khải : 125, 126, 127
Phan Hữu Từ : 747
Phan Khắc Thận : 879, 880
Phan Lương Ký : 821
Phan Lý (biển) : 277
Phan Ngọc Lương : 683
Phan Phố (đầm) : 225
Phan Quang Nhiễu : 125, 126, 288
Phan Thanh Giản : 57, 71, 114, 124, 143, 169, 197, 268, 291, 308, 326, 339, 356, 469, 473, 512, 539, 577, 620, 683, 689, 690, 746, 833, 857
Phan Thành : 506
Phan Thế Vân : 564
Phan Thiên Lân : 108
Phan Thiên Phúc : 108
Phan Tiến (đầm) : 225
Phan Tĩnh : 400, 467, 587, 734, 834
Phan Trứ : 30, 515, 630
Phan Tùng : 349, 523
Phan Vành : 356
Phan Văn (đầm) : 225
Phan Văn Cẩn : 136
Phan Văn Chất : 747
Phan Văn Chĩnh : 783
Phan Văn Cửu : 49
Phan Văn Đạt : 25, 41, 136, 196
Phan Văn Đổng : 737
Phan Văn Hoà : 298
Phan Văn Hứa : 91, 478, 504
Phan Văn Khương : 571
Phan Văn Lăng : 245, 506
Phan Văn Mẫn : 136
Phan Văn Nhã : 30, 74
Phan Văn Oánh : 670
Phan Văn Sơ : 831
Phan Văn Sự : 616, 692
Phan Văn Thái : 560
Phan Văn Thể (giặc) : 449, 732
Phan Văn Thông : 728, 729
Phan Văn Thuật : 747
Phan Văn Thuý : 435, 670
Phan Văn Ty : 728, 729
Phạp (con Nặc Yểm) : 641
Phật Tích (núi) : 735, 738

Phi Nhã A Mạt : 39
Phi Nhã Chất Tri : 39, 62, 196, 332, 523, 656, 762, 865, 885, 886
Phi Nhã Sâm Phủ Vị Lạc : 196
Phiên (nước) : 162, 177, 178, 612, 649
Phiên An (thành) : 55, 56, 282, 306, 388, 389, 435, 683, 727
Phiên vương Chăn : 751, 753
Phó Nham (xã) : 149, 166
Phong Đăng (huyện) : 335, 352, 648
Phong Điền (huyện) : 352, 739
Phong Lộc (huyện) : 335, 648, 716
Phong Thanh (động) : 218
Phong Thu (đồn) : 286
Phong Thu (động) : 379
Phong Thường (mỏ vàng) : 467
Phố Cát : 76
Phổ Lợi (sông) : 331, 485, 539
Phu Văn (lầu) : 209, 308, 477, 537, 591, 619, 705
Phù Dung (huyện) : 29, 95, 166, 425, 508, 555, 664, 775
Phù Hoa : 356, 450
Phù Liệt (xã) : 117
Phù Nam (huyện) : 719, 793, 794
Phù Tang (đồn) : 50
Phú Bác (núi) : 517
Phú Bình (phủ) : 49, 279, 353
Phú Bình công Miên An : 45, 205, 208
Phú Gia (núi) : 96
Phú Gia (xã) : 683
Phú Hậu (tổng) : 679
Phú Lãng Sa (nước) : 707, 850
Phú Lương (huyện) : 445
Phú Quốc (bảo) : 523
Phú Quốc (cửa biển) : 744
Phú Quốc (đảo) : 84, 422, 648, 829
Phú Quốc (đồn) : 240, 241
Phú Quốc (sở) : 106
Phú Tài (xã) : 428
Phú Vinh (huyện) : 42, 192, 352, 739
Phú Xuyên (huyện) : 149, 342, 506, 539
Phú Yên : 28, 34, 38, 42, 49, 57, 66, 75, 86, 89, 120, 123, 129, 135, 142, 145, 158, 159, 181, 197, 198, 229, 230, 231, 237, 252, 275, 278, 291, 292, 304, 312, 315, 331, 336, 339, 366, 369, 370, 371, 384, 397, 405, 425, 434, 443, 446, 448, 455, 463, 475, 482, 505, 509, 527, 536, 560, 563, 568,, 569, 576, 580, 590, 595, 598, 599, 602, 604, 616, 627, 636, 638, 652, 674, 681, 698, 713, 741, 744, 745, 748, 771, 788, 822, 849, 870
Phủ Chân : 277, 639, 656
Phụ Ổ (núi) : 333, 538, 674
Phúc Bình (huyện) : 48, 378, 386, 537, 807, 831
Phúc Chính (huyện) : 378, 386
Phúc Điền (huyện) : 740
Phúc Hải (chùa) : 58
Phúc Khánh (đồn) : 198, 223, 224
Phúc Khánh (thôn) : 68
Phúc Lai (huyện) : 179, 568, 719
Phúc Long (phủ) : 278, 386
Phúc Long (sông) : 674
Phúc Lộc (huyện) : 116, 288
Phúc Lộc thái trưởng công chúa : 211, 465
Phúc Sơn (đồn) : 231
Phúc Sơn (mỏ bạc) : 468
Phúc Tạo (huyện) : 116
Phúc Thắng (cửa biển) : 399, 538
Phúc Thắng (đồn) : 538, 744
Phúc Thọ (đắp đê) : 279, 414
Phúc Tuy (phủ) : 121, 386
Phúc Tượng (núi) : 69, 70, 96
Phúc Vĩnh (đồn) : 224, 378
Phùng Đắc Ninh : 68, 171, 382, 484
Phùng Hữu Hoà : 662, 797

Phùng Nghĩa Phương : 872
Phùng Quảng Lợi : 636, 647
Phụng An (điện) : 17, 109
Phụng Hoá (huyện) : 19, 110, 228
Phụng Tiên (điện) : 16, 57, 109, 199, 200, 206, 273, 394, 452, 482, 511, 582, 684, 688, 843, 889
Phương Trượng (đảo) : 251

Q

Quách Công Cát (giặc) : 72
Quách Công Đề (giặc) : 72
Quách Công Độ : 111, 143
Quách Công Khoản : 19
Quách Công Kiên : 143
Quách Công Nhật : 111
Quách Công Ôn : 143
Nguyễn Công Phóng : 87
Nguyễn Công Thản : 19
Nguyễn Công Tiếp : 19, 20, 111
Quách Công Toản : 111
Quách Công Truy : 111
Quách Đình Chí : 673
Quách Tất Cần : 53
Quách Tất Công : 11, 20, 30, 44, 53, 60, 64, 66, 72, 73, 80, 103
Quách Tất Khoản : 20
Quách Tất Lĩnh (giặc) : 64
Quách Tất Tại : 20, 30, 60, 73, 80, 103
Quách Tất Tế : 53, 60, 64, 73, 121, 461, 490
Quách Tất Thúc : 66
Quách Tự Pháo : 53
Quan Canh (đài) : 86
Quan Hoá (châu) : 345, 352, 432, 653
Quan Quang (mỏ vàng) : 56, 467, 612, 677
Quan Triều (xã) : 213
Quán Triều (tổng) : 679
Quang Minh (điện) : 154, 351, 590, 856, 889
Quảng Biên : 95, 178, 179, 215, 272, 309, 321, 409, 410, 411, 443, 477, 518, 547, 548, 568, 653, 698, 718, 721, 787, 789, 792, 799, 803, 804, 811, 812, 820, 821, 830, 831, 840, 845, 848, 849, 853, 854, 863, 869, 875
Quảng Bình : 11, 22, 30, 36, 40, 41, 42, 52, 57, 75, 100, 115, 123, 129, 145, 148, 150, 164, 165, 171, 173, 216, 229, 230, 236, 243, 245, 257, 278, 288, 292, 304, 306, 315, 327, 331, 333, 335, 339, 342, 344, 352, 361, 366, 369, 370, 395, 397, 398, 404, 428, 434, 446, 448, 450, 455, 456, 463, 489, 492, 494, 508, 509, 515, 527, 532, 553, 567, 568, 580, 581, 589, 598, 599, 604, 615, 624, 625, 627, 636, 638, 639, 643, 648, 658, 672, 674, 685, 697, 705, 716, 723, 744,, 754, 774, 816, 850, 869, 870, 875, 886
Quảng Địa (châu) (xứ) : 76, 345, 653
Quảng Địa (huyện) : 77, 218, 352
Quảng Điền (huyện) : 192, 352, 739
Quảng Đông : 34, 95, 188, 290, 323, 331, 382, 408, 497, 630, 637, 707, 808, 827
Quảng Hoá (phủ) : 352, 694, 695, 778
Quảng Học (nhà) : 16, 426, 611
Quảng Nam : 36, 37, 38, 40, 41, 42, 47, 48, 57, 58, 59, 66, 68, 69, 70, 71, 75, 96, 104, 105, 112, 115, 123, 129, 134, 135, 147, 151, 169, 171, 229, 237, 240, 242, 243, 245, 253, 270, 275, 278, 288, 289,

290, 292, 294, 295, 296, 306, 322, 329, 331, 335, 336, 352, 362, 366, 368, 370, 374, 386, 397, 421, 422, 432, 434, 436, 442, 443, 444, 446, 455, 456, 463, 469, 473, 481, 482, 487, 489, 498, 509, 514, 527, 532, 533, 541, 551, 560, 561, 569, 571, 578, 580, 581, 589, 590, 598, 599, 603, 604, 611, 613, 616, 625, 627, 636, 638, 644, 645, 652, 658, 660, 674, 690, 691, 692, 705, 716, 717, 722, 731, 749, 754, 757, 761, 766, 777, 797, 810, 824, 829, 832, 835, 849, 850, 870

Quảng Ngãi : 8, 12, 13, 28, 40, 41, 42, 47, 48, 57, 58, 47, 48, 57, 59, 62, 75, 115, 123, 129, 135, 159, 171, 190, 229, 230, 237, 243, 245, 270, 275, 278, 290, 292, 294, 296, 306, 315, 331, 333, 335, 339, 354, 362, 366, 370, 397, 418, 424, 434, 436, 442, 443, 446, 455, 456, 463, 482, 489, 509, 527, 537, 539, 541, 558, 560, 569, 578, 579, 580, 589, 590, 598, 599, 604, 611, 616, 627, 636, 638, 644, 653, 669, 674, 705, 716, 722, 728, 737, 744, 748, 761, 802, 810, 857, 870

Quảng Oai (phủ) : 279, 353, 522, 664, 754

Quảng Phúc (huyện) : 45, 740

Quảng Thi (tổng) : 77

Quảng Thiện (nhà) : 426, 611

Quảng Thịnh (kho) : 725

Quảng Trạch (phủ) : 335, 352, 635, 695, 778

Quảng Trị : 11, 20, 36, 37, 41, 42, 50, 52, 57, 66, 69, 75, 95, 96, 105, 110, 115, 123, 129, 135, 171, 173, 188, 193, 199, 220, 230, 245, 252, 275, 278, 284, 285, 288, 292, 306, 308, 331, 333, 336, 339, 346, 350, 366, 370, 371, 378, 392, 404, 419, 434, 442, 444, 446, 455, 456, 463, 508, 509, 511, 527, 536, 542, 551, 562, 589, 590, 604, 615, 624, 627, 636, 638, 643, 652, 658, 669, 675, 687, 691, 697, 705, 716, 720, 723, 736, 740, 743, 744, 749, 814, 837, 850, 864, 870, 875

Quảng Trù (tổng) : 223

Quang Trung (tiền) : 510

Quảng Yên : 14, 38, 42, 57, 75, 86, 111, 123, 132, 143, 154, 197, 229, 230, 231, 243, 277, 279, 290, 292, 304, 310, 314, 331, 332, 336, 337, 338, 341, 349, 353, 355, 356, 365, 368, 370, 381, 382, 383, 418, 446, 448, 450, 452, 454, 456, 475, 482, 484, 492, 493, 494, 495, 504, 508, 519, 520, 521, 527, 528, 543, 544, 553, 566, 571, 599, 615, 616, 621, 627, 636, 639, 644, 645, 647, 663, 664, 674, 678, 716, 734, 740, 744, 748, 778, 779, 808, 817, 835, 858, 859, 869, 870

Quân Thiên (sách) : 39, 41, 63, 64

Quế Lâm (huyện) : 179, 568, 709, 719, 720, 872

Quế Phong (huyện) : 39, 352, 432, 512, 658, 808

Quy Giả (đình) : 100

Quy Hợp (đồn) : 382, 383, 472, 564, 648, 871

Quy Nghĩa : 296

Quỳ Châu (phủ) : 25, 39, 41, 49, 64, 76, 265, 352, 512, 658, 679

Quỳ Trạch (tổng) : 679

Quốc sử quán : 428

Quốc tử giám : 108, 127, 212, 291, 293, 358, 365, 366, 388, 389, 390, 391, 428, 477, 484, 505, 558, 591, 701, 712, 732, 746, 749, 773, 774, 781, 791

Quỳnh Lâm : 286, 330, 331, 679

Quỳnh Lưu (huyện) : 265, 678, 679

R

Rái (hòn) : 106

S

Sa (gò) : 240
Sa Đáp (tướng giặc) : 227, 332
Sa Đâu (đồn) : 259, 266, 332
Sa Kỳ (tấn phận) : 799, 840
Sa Mộc : 727, 751, 752, 785, 786, 787, 789, 865
Sa Ngao (sông) : 477
Sa Tây : 332
Sa Tháp : 227, 239
Sa Tôn (đồn) : 109, 254, 272, 278, 293, 294, 487, 719, 838, 847, 851, 855, 856, 863, 865, 866, 880, 881, 888
Sa Tiệp : 332
Sa Tuân : 640, 792
Sà Năng (biển) : 39, 40
Sài Quất : 149, 425
Sảm (núi) : 735
Sảng Mộc (mỏ vàng) : 467
Sâm (đồn) : 614
Sâm Súc : 293, 639, 880
Sâm Tấn (biển) : 196
Sâm Tiệp (đồn) : 592, 762
Sầm Nưa (huyện) : 199
Sỹ Nhiếp : 185, 751
Sò (bãi) : 485
Sóc Giang : 50, 600
Sô Đôn : 253
Sô Mịch (giặc) : 237, 260
Sơn Âm : 755
Sơn Bốc : 120, 165, 179, 253, 707, 708, 709
Sơn Định (phủ) : 178, 179, 215, 353, 410, 411, 443, 518
Sơn Kê : 253
Sơn Minh (huyện) : 116
Sơn Phủ : 120, 165, 179, 266, 305, 342, 411, 518, 709
Sơn Sinh : 266, 332
Sơn Tây : 7, 11, 15, 26, 27, 29, 38, 42, 44, 49, 57, 66, 73, 74, 75, 76, 82, 90, 91, 112, 115, 116, 123, 128, 129, 131, 133, 140, 154, 155, 158, 159, 166, 172, 173, 188, 197, 220, 221, 222, 230, 236, 243, 258, 263, 274, 279, 292, 313, 323, 327, 331, 335, 336, 353, 370, 371, 386, 414, 420, 421, 434, 435, 442, 444, 446, 452, 455, 456, 481, 504, 506, 508, 510, 511, 519, 522, 527, 549, 558, 571, 572, 575, 578, 591, 600, 616, 623, 626, 627, 638, 652, 657, 664, 673, 674, 732, 733, 735, 738, 740, 745, 748, 753, 754, 763, 797, 818, 822, 833, 845, 859, 869, 870
Sơn Tịnh (phủ) : 321
Sơn Trung : 179, 518, 720
Châm Nặc (súc) : 196

T

Tà La (súc) : 144
Tà Sô (đồn) : 838
Tả Trạch (hành cung) : 47
Tả Trạch (nguồn) (nguyên) : 47, 289

Tạ Chi Sinh : 493
Tạ Đức Thịnh : 815
Tạ Kim Pha : 125
Tạ Kim Vực : 124, 288
Tạ Quang Cự : 7, 11, 18, 19, 20, 29, 33, 44, 52, 60, 64, 72, 73, 79, 82, 87, 103, 110, 120, 154, 161, 180, 185, 195, 261, 265, 268, 368, 422, 435, 459, 483, 485, 492, 507, 610, 669, 680, 692, 693, 748, 762, 768, 826
Tạ Quang Trí : 623, 624
Tạ Văn Linh : 523, 840, 846, 865, 868, 874
Tạ Văn Ninh : 48
Tam Bảo (núi) : 608
Tam Dương (huyện) : 112
Tam Đảo (núi) : 675
Tam Kỳ (núi) : 60
Tam Lô (động) : 41
Tam Lô (rừng) : 23, 31, 48
Tam Nông (huyện) : 26, 27, 243, 279, 599, 655, 879
Tam Phong (núi) : 674
Tản Viên (núi) : 22, 116, 674, 738
Tản Viên sơn tôn thần : 738
Tạo Khâm Phân : 261
Tăng Cần Lăng (tên đất) : 227
Tầm Bông (đồn) : 62, 762
Tầm Bông Trắc (sông) : 62
Tầm Đôm (huyện) : 719
Tân Cát (huyện) : 680
Tân Định (huyện) : 740
Tân Lang (mỏ sắt) : 588, 626
Tây Chàng : 381
Tây dương (bạc, nước, người, thuyền, vải) : 34, 114, 132, 137, 138, 141, 154, 172, 205, 255, 295, 296, 323, 325, 399, 401, 403, 430, 441, 485, 501, 502, 503, 511, 518, 527, 544, 554, 565, 589, 593, 622, 673, 704, 705, 707, 718, 744, 753, 754, 757, 758, 777, 808, 809, 822, 826, 827, 828, 829, 861
Tây dương ký sự : 503
Tây Ninh (phủ) : 99, 120, 122, 207, 352, 378, 498, 786, 798, 799, 812, 813, 830, 831, 845, 854, 855, 862, 879, 880
Tây Sơn : 18, 33, 133, 134, 147, 233, 444, 459, 466, 485, 502, 510, 521, 644, 720, 834
Tể Ngã : 767
Tây Xuyên (huyện) : 617, 666, 718, 772
Tiên (giặc) : 152, 190, 306, 629
Tiên Hưng (phủ) : 152, 190, 306, 629
Tiên Kiều (mỏ vàng) : 517, 753
Tiên Lữ (huyện) : 166, 313, 352, 425, 508, 555, 775
Tiên Phong (động) : 218
Tiên Phong (huyện) : 116
Tiên y (miếu) : 641, 671, 834
Tiên Yên (huyện) : 154, 383, 544, 553
Tiền Giang (sông) : 440, 674, 784
Tiền Hải (huyện) : 221, 284, 362, 505
Tiền Đại Hưng : 778
Tiền Thành Đức : 487, 528, 529, 647, 778
Tiết Cốc vũ (xử thử) : 248
Tiết Đại hàn (tiểu tuyết) : 251
Tiết Đông chí : 250, 606, 631, 866, 877
Tiết Hạ chí : 93, 249, 631, 877
Tiết Kinh trập : 247
Tiết lập hạ, lập thu : 52, 248
Tiết Mang thực (tiểu thử) : 249
Tiết Thanh minh (bạch lộ) : 28, 47, 247, 287, 465, 466, 526, 670, 689
Tiết tiểu hàn (đại tuyết) : 250
Tiết tiểu mãn (đại thử) : 249
Tiết Văn Hanh : 125
Tiết vũ thuỷ, sương giáng : 246
Tiết xuân phân, thu phân : 247, 269
Tiểu Áp (cửa biển) : 374

Tiểu Áp (đồn) : 37
Tĩnh Chất : 697
Tĩnh Đà (mỏ vàng) : 467, 765
Tĩnh Gia (phủ) : 77, 257, 258, 629, 814
Tĩnh Hải (đồn) : 86, 495, 648
Tĩnh Man (đồn) : 62, 110, 346, 347, 354, 537, 669, 728
Tĩnh Phường : 672
Tĩnh Quang (chùa) : 643
Tĩnh Tâm (hồ) : 251, 252, 271, 424, 453, 470, 574, 600, 665, 797, 844
Tĩnh Tâm (lầu) : 251, 271
Tịnh Tế (cầu) : 504, 523
Tòng Hoá (phủ) : 353
Tô Đà (đầm) : 375
Tô Huệ Vân : 100
Tô Trân : 387, 556, 620, 682, 694
Tô Văn Đoài : 363
Tô Văn Tiệp : 118
Tô Văn Trung : 363
Tôn Ly : 409, 795
Tôn nhân (phủ) : 48, 146, 197, 203, 211, 235, 304, 316, 317, 336, 357, 395, 414, 417, 427, 433, 434, 464, 475, 498, 544, 555, 557, 564, 565, 584, 590, 611, 646, 647, 663, 670, 685, 694, 700, 815, 857, 861, 878
Tôn Sơn : 126, 275
Tôn Thất Bạch : 68, 102, 113, 141, 205, 225, 287, 315, 330, 333, 369, 378, 395, 449, 463, 468, 584, 590, 606, 620, 662, 680, 682, 714, 748, 834, 857
Tôn Thất Bằng : 316, 373, 452, 483, 507
Tôn Thất Bật : 9, 10, 11, 14, 15, 16, 17, 18, 23, 31, 32, 33, 51, 64, 65, 103, 107, 156, 181, 221, 262, 304, 316, 319, 388, 403, 412, 435, 449, 490, 494, 543, 552, 557, 616, 621, 623, 648, 661, 835
Tôn Thất Biểu : 316
Tôn Thất Bình : 374
Tôn Thất Cẩn : 826
Tôn Thất Cật : 415
Tôn Thất Cừ : 694, 701
Tôn Thất Cung : 135
Tôn Thất Diệu : 316
Tôn Thất Dụ : 663
Tôn Thất Dự : 291
Tôn Thất Dương : 685
Tôn Thất Đàm : 664, 845
Tôn Thất Đạm : 317
Tôn Thất Đạo : 541
Tôn Thất Điển : 877
Tôn Thất Đồng : 146, 877
Tôn Thất Đức : 541
Tôn Thất Đường : 386, 478
Tôn Thất Hạ : 710
Tôn Thất Hàm : 749
Tôn Thất Hàn : 327
Tôn Thất Hạo : 146
Tôn Thất Hiệp : 146, 226, 414, 415
Tôn Thất Hội : 316, 414, 415, 483
Tôn Thất Huy : 146, 414, 415, 626
Tôn Thất Hy : 146, 877
Tôn Thất Khải : 506, 802
Tôn Thất Khê : 316, 414, 415
Tôn Thất Khoáng : 415
Tôn Thất Kinh : 875
Tôn Thất Lang : 576, 608, 780, 868
Tôn Thất Lệ Chung : 561
Tôn Thất Loan : 456, 791
Tôn Thất Lương : 89, 197, 252, 290, 316, 334, 339, 369, 392, 406, 474, 504, 600, 707
Tôn Thất Mạch : 141
Tôn Thất Mậu : 135, 245, 355, 679, 788, 789, 811
Tôn Thất Nghị : 38, 43, 61, 212
Tôn Thất Phan : 712
Tôn Thất Phiên : 544

Tôn Thất Quán : 316
Tôn Thất Quỳ : 146, 415, 422, 445, 524, 614, 615, 752, 886
Tôn Thất Quý : 27, 415, 541, 557, 886
Tôn Thất Tạo : 304
Tôn Thất Thê : 645
Tôn Thất Thiết : 135, 557, 685
Tôn Thất Thường : 588, 589
Tôn Thất Tố : 81
Tôn Thất Trân : 763
Tôn Thất Trị : 38, 507
Tôn Thất Trúc : 38, 506
Tôn Thất Tuân : 45
Tôn Thất Tư : 136, 317, 645
Tôn Thất Tự : 135, 192, 396
Tôn Thất Tường : 212, 504, 715, 757, 758, 832
Tôn Thất Vĩnh : 48, 203, 395, 504, 561
Tôn Thọ Đức : 26, 31, 68, 86, 156, 474, 607, 622
Tôn Thọ Minh : 729
Tống Đức Hưng : 789
Tống Hồ Quyến : 569
Tống Hồ Mai : 569
Tống Hữu Đường : 616
Tống Phúc Tri : 534
Tống Phước Lương : 254, 388, 389
Tống Sơn (huyện) : 12, 345, 367, 395, 645
Tống Tinh (mỏ bạc) : 512, 539, 577
Tống Văn Biện : 825
Tống Văn Lập : 874
Tống Văn Trị : 445
Tống Viết Phúc : 153
Tống Viết Trì : 153, 301
Tú Sơn : 493
Tụ Long (mỏ đồng) : 350, 467
Tùng Hiên (giặc) : 783, 784, 789
Tuy Định : 428
Tuy Hoà (huyện) : 278, 876
Tuy Lạp (huyện) : 411, 518, 719, 792
Tuyên Định (đồn) : 90
Tuyên Quang : 31, 42, 50, 57, 68, 75, 79, 80, 90, 91, 99, 108, 118, 119, 123, 127, 128, 144, 155, 173, 175, 176, 197, 229, 230, 243, 279, 280, 283, 292, 311, 323, 336, 343, 353, 365, 368, 370, 373, 402, 446, 454, 467, 517, 519, 520, 526, 527, 532, 543, 566, 569, 571, 575, 600, 612, 616, 627, 645, 655, 674, 677, 734, 740, 749, 753, 849, 859, 869, 870
Tuyên Tĩnh (đồn) : 90, 118, 119
Tuyên Uy (đồn) : 214, 224, 784, 792, 805, 810, 811
Tư Dung (cửa biển) : 63, 744
Từ Liêm (huyện) : 452
Từ Sơn (phủ) : 279, 306, 522
Từ Sơn công Mão : 605, 696, 706
Từ Thọ (cung) : 68, 199, 200, 201, 204, 205, 699, 843, 864
Tứ Kỳ (huyện) : 304, 305, 352, 543
Tương Dương (phủ) : 146, 213, 265, 345, 352

TH

Thai Dương (đền) : 833, 837
Thạc (giặc) : 118, 128, 173, 177, 655
Thạch Bi : 19, 29, 155, 435, 450, 818
Thạch Hãn (ấp) : 22, 448
Thạch Lâm : 29, 50, 223
Thạch Lẫm (xã) : 64
Thạch Lĩnh (đồn) : 231
Thạch Môn (tên đất) : 254, 798
Thạch Thành (châu) : 76, 77, 345, 352, 653
Thạch Thất (huyện) : 116, 745

Thạch Viết : 788
Thái An (huyện) : 719
Thái Bình : 78, 134, 205, 211, 255, 307, 398, 400, 407, 459, 465, 470, 503, 505, 522, 554, 555, 561, 565, 573, 608, 657, 683, 689, 692, 710, 738, 762, 764, 889
Thái Đức (tiền) : 510
Thái Hoà (điện) : 578, 605, 619, 620, 683, 684, 699, 702, 867
Thái Hợp Lợi : 475, 621
Thái miếu : 16, 45, 67, 235, 241, 301, 394, 482, 644, 692, 876
Thái Nguyên : 42, 49, 50, 57, 68, 75, 90, 108, 118, 123, 128, 176, 177, 181, 185, 191, 197, 221, 229, 230, 231, 243, 252, 256, 262, 279, 292, 295, 296, 326, 336, 353, 365, 370, 373, 421, 445, 446, 449, 467, 468, 484, 510, 512, 519, 539, 543, 566, 571, 600, 608, 615, 627, 638, 645, 675, 686, 694, 732, 734, 740, 858, 859, 869, 870, 878, 879
Thái Thịnh (huyện) : 719, 783, 794, 806
Thái Viết Điến : 124
Thái Y (viện) : 23, 43, 107, 349, 442, 541, 565, 613, 834, 854
Thang Huy Thận : 308, 682
Thảng Úc (vụng) : 381
Thanh (nước) : 20, 40, 90, 112, 118, 137, 138, 154, 163, 176, 177, 204, 289, 291, 310, 337, 338, 341, 369, 379, 381, 397, 408, 438, 440, 441, 451, 480, 497, 503, 504, 512, 513, 517, 518, 520, 528, 534, 539, 546, 550, 586, 593, 609, 621, 622, 623, 630, 637, 642, 644, 653, 655, 668, 673, 678, 707, 732, 754, 767, 777, 778, 779, 783, 808, 809, 827, 828, 829, 834, 835, 865, 872, 873, 879
Thanh Ba : 330, 507, 508, 509, 510, 515, 523, 527, 530, 532, 541, 552, 627, 645, 652, 653, 662, 713
Thanh bình (thự) : 39, 43, 61, 164, 241, 636, 677, 712, 744
Thanh Chương (huyện) : 678, 679
Thanh Hải (cửa biển) : 744
Thanh Hoa : 7, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 19, 23, 24, 25, 31, 34, 35, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 48, 49, 51, 52, 57, 58, 60, 63, 64, 65, 68, 73, 75, 76, 77, 80, 83, 87, 91, 103, 104, 107, 108, 115, 123, 125, 129, 135, 136, 143, 145, 159, 195, 197, 199, 208, 218, 224, 229, 236, 237, 241, 257, 264, 268, 274, 289, 290, 291, 292, 294, 296, 304, 306, 311, 314, 323, 326, 327, 331, 335, 336, 337, 342, 344, 345, 346, 348, 349, 352, 354, 361, 366, 367, 369, 370, 371, 395, 396, 397, 405, 409, 419, 425, 432, 434, 446, 455, 456, 459, 464, 465, 466, 476, 479, 483, 519, 536, 563, 580, 581, 590, 598, 599, 616, 629, 638, 674, 687, 691, 734, 736, 738, 741, 748, 749, 780, 797, 814, 815, 818, 833, 857, 868, 870
Thanh Liêm (huyện) : 186, 187, 197, 321, 506, 562, 565, 621, 658, 677, 724, 742, 797, 837
Thanh Miện (huyện) : 12, 21, 117, 168, 305, 352, 543, 552
Thanh Nê (xã) : 155
Thanh Oai (huyện) : 562
Thanh Phúc (sông) : 565
Thanh Sơn (huyện) : 106, 353
Thanh thận (ty) : 97, 357
Thanh Thuỷ (huyện) : 353
Thanh Trì (huyện) : 562
Thanh Tước (thuyền) : 47, 256
Thanh Viên (tổng) : 679
Thành Phúc (bến) : 659
Thánh Duyên (chùa) : 57, 113, 736
Thao (sông) : 22, 575, 674

Thát (đảo) : 85
Thát Bái Châu (bãi) : 679
Thăng (đảo) : 85
Thân Văn Quyền : 10, 144, 155, 172
Thần Khê (huyện, lụt) : 190, 306
Thần Phù (xã) : 354, 456
Thâu Trung (huyện) : 179, 568, 719, 723, 751, 794, 806
Thế Hộc : 155
Thế Lại (cầu) : 18, 100, 384, 504
Thế miếu : 16, 17, 21, 67, 199, 301, 316, 394, 452, 468, 482, 582, 663, 692, 699, 816, 889
Thi Điện : 288, 328, 330
Thi Đình : 328
Thi Hội : 34, 126, 142, 275, 287, 330, 331, 501, 647, 816
Thi Hương : 34, 108, 124, 126, 142, 170, 171, 275, 390, 500, 501, 647, 744, 746, 772, 816
Thi Nại (cửa biển) : 107, 504, 744, 764, 765, 829, 850
Thị Đột : 641
Thị Tiếp : 751
Thiên Bản (huyện) : 716
Thiên Đức (sông) : 221, 222, 263, 576, 692
Thiên Hậu (đền) : 753
Thiên Mụ (chùa) : 611, 774
Thiên Quan (phủ) : 83, 87, 121, 224, 228, 352, 461, 490, 503
Thiên Thi (huyện) : 166, 555, 664
Thiên Thụ (lăng) : 47, 252, 287, 388, 465, 679, 755
Thiên Thụ (núi) : 287, 674
Thiên Tôn (núi) : 21, 674, 720
Thiên Trường : 278, 306, 328, 459, 522
Thiện Khuê (tôn thất) : 205, 232
Thiếp Hải (đồn) : 495
Thiều Miễn : 472
Thiều Thiển : 472
Thiều Xoang : 472
Thiệu Hoá (phủ) : 352, 561
Thiệu Phương (vườn) : 686
Thiệu Xá Ly : 355
Thọ Thắng (xã) : 31, 41, 64
Thọ Xuân công Miên Định : 201, 208, 394, 687, 695, 702, 723
Thổ Châu (đảo) : 85, 356, 383
Thổ Đỗ (tổng) : 85
Thổ Hào (tổng) : 679
Thổ Sơn (thành) : 95, 379, 814, 840, 848
Thông Đồng (sông) : 381
Thông giám tập yếu : 31
Thông Hoá (phủ) : 512, 539, 877, 878
Thông Nông (tổng) : 50, 223
Thu Bồn (sông) : 674
Thu Bồn (đồn) : 59
Thu Bồn (nguồn) : 432
Thuần Hàm (tổng) : 679
Thuần Lễ (xã) : 167
Thuần Mang (mỏ vàng) : 468
Thuần Mỹ : 459
Thuần Trung (tổng) : 50, 679
Thuận (núi) : 638, 669, 680, 692, 725
Thuận An : 336, 339
Thuận An công : 146, 465, 877, 878
Thuận An (cửa biển) : 22, 86, 104, 105, 106, 107, 113, 114, 129, 136, 137, 140, 145, 253, 270, 322, 324, 353, 366, 389, 500, 517, 525, 526, 532, 606, 624, 680, 688, 717, 736, 744, 757, 760, 773, 848, 850
Thuận An (huyện) : 96
Thuận An (phủ) : 522
Thuận An (tỉnh) : 272
Thuận An (xứ) : 225, 226
Thuận Phan (trạm) : 622
Thuận Sơn : 549, 613

Thục An Dương vương (miếu) : 738
Thuý Ba (núi) : 525, 526, 674
Thuý Hoa (đắp đê) : 322, 525
Thuý Hoa (núi) : 322, 525
Thuý Sinh (giặc) : 803
Thuý Vân (huyện) : 432, 808
Thuỷ Đường (huyện) : 353, 543
Thuỷ Vĩ (châu) : 40, 356, 497, 542
Thuỷ Xá : 707, 708, 709
Thuỵ Khê (xã) : 738
Thuỵ long (thuyền) : 323, 400, 544, 587, 589, 706, 726, 757, 850
Thuỵ Nguyên (huyện) : 522
Thuỵ Sơn (sông) : 507, 663
Thư Quang (vườn) : 86, 330, 331, 470, 574, 639, 797
Thừa Thiên : 8, 12, 27, 30, 34, 36, 50, 57, 60, 70, 72, 75, 79, 96, 100, 104, 107, 113, 115, 120, 122, 124, 125, 135, 143, 147, 168, 192, 193, 200, 203, 204, 206, 218, 223, 226, 229, 235, 236, 242, 243, 245, 277, 278, 279, 288, 289, 290, 292, 293, 305, 306, 309, 311, 324, 336, 339, 349, 352, 361, 366, 368, 374, 375, 379, 380, 387, 391, 396, 418, 421, 427, 436, 439, 448, 456, 457, 458, 463, 466, 481, 485, 496, 498, 509, 510, 511, 521, 527, 534, 539, 543, 561, 578, 589, 604, 613, 620, 624, 625, 627, 635, 636, 663, 674, 675, 682, 683, 685, 687, 688, 692, 694, 701, 705, 706, 712, 713, 737, 739, 742, 744, 745, 746, 747, 748, 756, 840, 857, 868, 870, 879
Thường Tín công Cự : 205, 294, 656, 696, 706
Thường Xuân (châu) : 63, 64, 76, 77, 136, 159, 345, 352, 432, 653
Thường Xuân (huyện) : 65
Thượng Đạo (sách) : 265
Thượng Hạ (lộ) : 286
Thượng Kết (xã) : 608, 675
Thượng Lũng (xã) : 29, 60, 73
Thượng Nguyên (huyện) : 558, 716, 717
Thượng Pha (mỏ vàng) : 467, 765
Thượng Phong (huyện) : 719, 783, 787, 791, 794, 800, 819, 820, 832, 841, 845, 853
Thượng Phúc (huyện) : 562
Thượng Uyển (vườn) : 331

TR

Trà Di (đạo) : 298
Trà Giao : 161, 162, 434
Trà Khúc (sông) : 674
Trà Long : 198, 199, 325, 332, 393, 434, 615, 640, 668, 669, 713, 714, 737, 783, 785, 787, 801, 861, 862
Trà Lô (đồn) : 332
Trà Nục (núi) : 883
Trà Sơn (đảo, núi, vụng) : 270, 302, 754, 757, 759, 760, 777, 829
Trà Vinh (huyện) : 94, 284
Trang Khiết : 697
Tràng Môn (xã) : 29
Trào (cửa biển) : 289
Trần Bá Vinh : 50, 391, 609
Trần Bưu : 405, 477, 508, 587, 717
Trần Công Bình : 747
Trần Công Chiếu : 681
Trần Công Chính : 124
Trần Danh Bảo : 74, 308
Trần Danh Bưu : 109, 369, 371, 372
Trần Doãn Hiển : 119

Trần Duy Bình : 566
Trần Duy Vỹ : 763
Trần Đại Bản : 308, 400, 587
Trần Đại Tự : 135
Trần Đại Tựu : 196
Trần Đăng Long : 653
Trần Đình Đinh : 613
Trần Hậu Lộc : 747
Trần Hiển Doãn : 38, 74, 93, 101, 140, 252, 339, 371, 375, 404, 548, 820
Trần Hợp : 506, 784, 792, 793, 811
Trần Huy Phác : 29, 50, 99, 425, 630, 834
Trần Hưng : 819
Trần Hưng Hoà : 563
Trần Hữu Di : 13, 28
Trần Hữu Lễ : 17, 18, 19, 421, 447, 506, 549, 613, 652, 682, 748, 768, 840
Trần Hữu Phúc : 237, 478
Trần Hữu Thăng : 421, 456, 528, 541, 653, 734
Trần Khắc Thiệu : 774
Trần Khoa : 379
Trần Kim : 810
Trần Kim Vỹ : 124
Trần Lê Hoán : 484
Trần Long Quang : 514
Trần Ngẫu : 135
Trần Ngọc Cẩn : 136, 349, 523, 616
Trần Ngọc Dao : 54, 55, 127, 149, 170, 171, 369, 385, 616, 675
Trần Ngọc Diễm : 125
Trần Ngọc Kim : 825
Trần Ngọc Lâm : 31, 68, 80, 99, 118, 177, 343, 373, 454, 520, 655, 734, 755
Trần Ngũ : 692, 825
Trần Nguyên Phóng : 124
Trần Nhật Vĩnh : 281
Trần Như Đoan : 499, 698, 799, 812, 854
Trần Quang Dương : 774
Trần Quang Nghĩa : 49
Trần Quang Tiến : 26, 68, 158, 234, 497, 556, 615, 676
Trần Quảng Tứ : 192, 774
Trần Quỳnh : 523
Trần Tất Đồng : 408
Trần Thành Lập : 125
Trần Thế Nho : 353
Trần Thiên Tải : 188, 609
Trần Thiện : 422, 523
Trần Tiễn Thành : 124, 288, 328
Trần Tri : 814
Trần Trọng Phan : 140
Trần Trứ : 334, 453, 664
Trần Tú Dĩnh : 109, 587, 706, 718
Trần Tuyên : 101, 235, 371, 402, 500, 648, 748, 803, 832
Trần Văn Chiến : 49
Trần Văn Chỉnh : 746
Trần Văn Chử : 539
Trần Văn Diệp : 237, 478, 825
Trần Văn Duyên : 539
Trần Văn Đa : 317
Trần Văn Đông : 609
Trần Văn Gia : 747
Trần Văn Hiệu : 266, 322
Trần Văn Hoằng : 830, 840
Trần Văn Hợp : 816
Trần Văn Hữu : 774
Trần Văn Khả : 831
Trần Văn Kiếm : 394, 862, 874
Trần Văn Lai : 9, 10, 11
Trần Văn Lập : 747
Trần Văn Luận : 72, 445
Trần Văn Năng : 388, 389
Trần Văn Ngạn : 743, 836, 837, 850
Trần Văn Ngũ : 442
Trần Văn Nguyên : 798
Trần Văn Phúc : 265

Trần Văn Phương : 136
Trần Văn Quản : 136
Trần Văn Quân : 774
Trần Văn Soạn : 616
Trần Văn Tảo : 747
Trần Văn Thanh : 799, 812
Trần Văn Thuật : 232, 233
Trần Văn Thiện : 136, 292
Trần Văn Thịnh : 578, 670
Trần Văn Thông : 148, 232, 369, 409, 656, 677, 748, 794
Trần Văn Thực : 12, 13
Trần Văn Thường : 456
Trần Văn Tình : 228
Trần Văn Trí : 50, 395, 435
Trần Văn Triện : 240, 310, 488, 620, 788, 799, 803, 804, 832, 851, 865, 875
Trần Văn Trinh : 578
Trần Văn Trung : 29, 30, 60, 73, 121, 181, 329, 379, 461, 490, 615, 743, 790, 818
Trần Văn Tuân : 51, 79, 80, 99, 118, 119, 127, 173, 174, 177
Trần Văn Tuấn : 215, 630, 748, 831, 863
Trần Văn Vân : 687
Trần Văn Vĩnh : 363
Trần Văn Vô : 136
Trần Kim Vỹ : 124
Trần Viết Xương : 588, 589
Trần Vinh : 219, 280
Trần Vũ : 523
Trần Vỹ : 816
Trấn An (huyện) : 307
Trấn Bắc (đảo) : 641
Trấn Biên (phủ) : 28, 64, 687, 694, 696, 736, 778
Trấn Bình (đài) : 100, 122, 256, 500
Trấn Định : 151, 154, 185, 186, 469, 472, 680, 681, 687, 694, 695, 704, 714, 736, 778
Trấn Hà (đồn) : 286
Trấn Hải (đài, thành) : 104, 105, 129, 136, 137, 139, 140, 203, 322, 489, 525, 578, 643, 686, 760, 837
Trấn Man (phủ) : 76, 199, 210, 345, 382, 687, 694, 704, 714, 736, 778
Trấn Ninh (phủ) : 55, 75, 82, 100, 199, 210, 261, 270, 355, 462, 543, 589, 590, 687, 694, 704, 714, 736
Trấn Phủ (ty) : 23, 267
Trấn Tây (thành) : 7
Trấn Tĩnh (phủ) : 185, 382, 543, 677, 681, 704, 736
Trấn Tĩnh quận công : 694, 695, 778
Trí Tường (sông) : 784
Triển thân (đền) : 146, 147, 211, 877
Triệu Văn Bảo : 452, 886
Trinh Ý : 697
Trình Cố (huyện) : 23, 199
Trình Hoàng : 15, 19
Trình Nho : 124
Trịnh Doanh : 459
Trịnh Hoà : 827
Trịnh Hoài Bảo : 670, 875
Trịnh Hoài Đức : 670
Trịnh Ngọc Lâm : 30, 252, 664
Trịnh Quang Khanh : 20, 68, 166, 171, 172, 264, 312, 313, 314, 356, 375, 459, 501, 533, 601
Trịnh Quốc Lâm : 484
Trịnh Sâm : 459, 471
Trịnh Tiến Thành : 113
Trịnh Tùng : 471
Trịnh Vạn (sách) : 63, 64, 92, 145
Trịnh Văn Nho : 93, 143, 171, 252, 453, 694
Trôi (sông) : 575
Trúc Sơn (núi) : 381, 382, 447
Trung Hà (huyện) : 222, 518, 719, 851

Trung Hoà (điện) : 464, 549
Trung Kiên (xã) : 683
Trưng Lai : 179
Trưng Thuỵ (huyện) : 277, 278, 294, 325, 342, 518, 719
Trương Biểu : 316, 317
Trương Cầm : 506, 799
Trương Công Mật : 48
Trương Đăng Quế : 10, 13, 14, 15, 17, 18, 23, 24, 25, 31, 32, 40, 41, 43, 44, 48, 52, 63, 64, 65, 68, 73, 75, 76, 79, 91, 92, 103, 107, 126, 135, 177, 186, 189, 193, 201, 209, 220, 254, 255, 258, 265, 287, 288, 312, 317, 321, 328, 356, 364, 367, 391, 399, 410, 411, 424, 428, 449, 452, 456, 465, 471, 480, 521, 544, 549, 565, 577, 597, 606, 609, 635, 668, 671, 676, 679, 680, 682, 685, 688, 689, 702, 736, 780, 781, 787, 790, 808, 843, 857, 889
Trương Đình Bằng : 818, 819, 820
Trương Hảo Hợp :508, 513, 732, 734, 879
Trương Minh Giảng : 14, 58, 120, 140, 161, 162, 163, 165, 177, 179, 201, 209, 215, 227, 238, 239, 254, 259, 260, 261, 266, 267, 272, 277, 278, 293, 294, 298, 299, 302, 303, 305, 312, 320, 325, 332, 343, 353, 389, 392, 408, 409, 410, 640, 644, 656, 664, 677, 686, 698, 707, 715, 718, 727, 729, 730, 741, 751, 752, 753, 762, 782, 783, 786, 802, 803, 807, 851, 855, 856, 863, 880, 881, 884, 887, 888
Trương Minh Lượng : 94
Trương Phúc Ân : 335
Trương Phúc Cương : 369, 765, 800, 820, 831, 840, 845, 848, 849, 852, 853, 854
Trương Phúc Đĩnh : 435
Trương Phúc Giao : 335
Trương Phúc Sơn : 527, 692
Trương Quốc Dụng : 13, 135, 579, 737
Trương Sùng Hy : 237, 238, 309, 310
Trương Tăng Diễn : 806, 817
Trương Tiến Sỹ: 748
Trương Văn Hổ : 44, 645
Trương Văn Thọ : 826
Trương Văn Tố : 831, 840
Trương Văn Uyển : 500, 601, 749, 777, 810, 814, 840, 846, 865, 868, 873, 874
Trường Hà Nội : 170, 171, 816
Trường Khánh công (hoàng trưởng tử) : 201, 205, 208, 255, 351, 357, 387, 414, 570, 582, 595, 663, 671, 687, 695, 702, 723, 815, 816, 889
Trường Lạc (cung) : 201
Trường Ninh (cung) : 301

U

U Nang : 381
Uông Nhật Hân : 747

V

Vạn Bờ (đồn) : 286
Vạn Ninh (châu, huyện, cửa biển) : 38, 86, 154, 381, 383, 447, 459, 492, 493, 544, 553, 639
Vạn thọ (tiết) : 67, 79, 308, 309, 496, 665
Vạn Tượng : 35, 462, 463, 472, 886
Vạn Xuân (chợ) : 377, 523
Vàng Lãng : 463

Văn Địch : 22
Văn Hy : 493
Văn Khác : 482
Văn miếu : 183, 184, 185, 306, 511, 520, 632, 751, 767, 773, 780, 781, 782, 814
Văn Minh (điện) : 140, 154, 439, 453, 557, 566, 586, 597, 618, 652, 689, 723, 757, 765, 834, 843
Văn Nhuệ : 21, 167, 599
Văn Xá (xã) : 10, 200, 205, 232, 712
Vân Đồn : 154, 381, 383, 413, 418, 447, 475, 486, 487, 527, 529, 544
Vân Tản (tổng) : 85
Vân Trai (đê) : 116, 119, 129
Vân Trai (xã) : 116
Vân Trúc (đồn) : 231
Vân Trung (đồn) : 13, 80, 90, 99, 118, 174, 176, 177, 453, 640
Vạng Thôn : 381
Về âm nhạc : 184
Về bổng lệ và cưới gả (tôn thất) : 359
Về đồ thờ : 183
Về lệ cấp tiền phúng (tôn thất) : 360
Về lệnh cấm và ưu tuất (tôn thất) : 360
Về phẩm vật để tế : 184
Về thờ phụ : 185
Về việc vào sổ đặt tên (tôn thất) : 357
Vi Văn Ái :
Vi Thị Phí : 182
Vị Lại (đồn) : 452
Vị Nê : 289
Viên Chăn (đồn) : 259, 332
Việt Nam (nước) : 255, 276, 277
Việt Thường : 276
Vĩnh Bảo (huyện) ; 304, 305, 352, 543
Vĩnh Bảo (tên thuỵ) : 142
Vĩnh Bình (huyện) : 284
Vĩnh Điện (hành cung) : 70
Vĩnh Điện (huyện) : 8, 70, 79, 173, 174, 176, 177
Vĩnh Điện (sông) : 22
Vĩnh Giang (mỏ vàng) : 467
Vĩnh Hậu (thôn) : 715
Vĩnh Lại (huyện) : 117, 304, 305, 543
Vĩnh Long : 10, 42, 57, 67, 89, 90, 94, 117, 123, 129, 135, 141, 145, 161, 165, 179, 214, 215, 229, 237, 238, 240, 256, 260, 262, 267, 278, 284, 292, 305, 306, 323, 331, 335, 336, 339, 349, 352, 363, 366, 370, 372, 385, 393, 402, 407, 424, 425, 435, 442, 443, 446, 488, 489, 500, 505, 509, 527, 538, 557, 560, 572, 580, 590, 592, 598, 601, 614, 627, 638, 641, 644, 648, 649, 653, 654, 658, 659, 675, 710, 722, 728, 742, 744, 748, 764, 774, 783, 785, 786, 793, 796, 799, 803, 807, 818, 819, 822, 823, 829, 832, 837, 849, 870
Vĩnh Tế (bảo) : 792, 798
Vĩnh Tế (sông) : 21, 240, 617, 792, 799, 853, 883, 885
Vĩnh Trị (huyện) : 278, 284
Vĩnh Trị (niên hiệu) : 233, 628
Vĩnh Yên (thôn) : 759
Võ Danh Thạc : 66, 330, 334, 347, 369, 469, 749
Võ Di Thái : 152, 301
Võ Doãn Cung : 285
Võ Đức Trung : 278
Võ Lao : 19
Võ miếu : 293, 435, 632
Võ Văn Thọ : 783
Vọng (tên người) : 313
Vọng Các : 144, 196, 197, 280, 440, 441, 442, 523, 524, 591, 613, 656, 762, 774
Vọng Vân (huyện) : 179. 568. 719
Vô-y-na-xu (đạo hiệu thứ nhất) : 313
Vu (đảo) : 85

Vu Khiêm : 668, 669, 714, 795
Vũ Công (phủ) : 719, 823
Vũ Công Độ : 515
Vũ Dĩnh : 630
Vũ Doãn Cung : 232, 268, 291, 425, 508, 543, 616, 630, 765, 770
Vũ Doãn Nguyên : 125
Vũ Doãn Thạnh : 792
Vũ Duệ Thức : 448, 720
Vũ Duy Tân : 591
Vũ Duy Thành : 747
Vũ Đăng Khoa (đạo trưởng) : 342
Vũ Đăng Trinh : 663
Vũ Đình Lượng : 92
Vũ Đình Quang : 82, 435, 504
Vũ Đĩnh : 53, 253, 339, 373, 453
Vũ Đức Dụng : 368, 526
Vũ Đức Khuê : 30, 69, 70, 124, 125, 127, 405, 508, 666, 814, 816, 826, 851
Vũ Đức Mẫn : 658
Vũ Đức Nhu : 577, 774
Vũ Đức Quyền : 68, 197, 252
Vũ Đức Trung : 227, 238, 253, 254, 272, 294, 524, 562, 614, 639, 729, 748, 786, 788, 789, 792, 795, 806, 823, 839, 855, 886, 887, 888
Vũ Hành : 395, 516, 720, 851
Vũ Huy Chúc : 73
Vũ Huy Dụng : 39, 61, 216, 405, 563
Vũ Huy Trinh : 289, 322, 486, 757
Vũ Hữu Quỳnh : 244
Vũ Khánh : 403, 483, 704
Vũ Khắc Đồng : 747
Vũ Khiêm : 409
Vũ Lao (sách) : 599
Vũ Lao (xã) : 818
Vũ Lâu : 810
Vũ Mỹ : 396, 403, 483
Vũ Nguyên Doanh : 125, 126, 747
Vũ Phạm Khải : 334, 371, 470, 476, 493, 494, 509, 548, 800, 824, 834, 876
Vũ Quang Hiển : 816
Vũ sư (miếu) : 27, 736
Vũ Tá An : 816
Vũ Thành Phong : 191, 306, 321, 351, 386, 405, 469, 648, 749, 868
Vũ Thế Trường : 49, 135, 600, 796
Vũ Thị : 363
Vũ Tiến Huy : 747
Vũ Tiết Sĩ : 323
Vũ Tính [Võ Tánh công thần] : 403, 483
Vũ Trọng Đại : 127, 149, 160, 252, 283, 527, 528, 636, 647, 648, 796
Vũ Tuấn : 508, 516, 664
Vũ Văn Cận : 43, 516, 664
Vũ Văn Chi : 523
Vũ Văn Dật : 125, 126
Vũ Văn Đẩu : 613
Vũ Văn Đê : 850
Vũ Văn Giải : 81, 114, 424, 445, 606, 672, 716, 731, 738
Vũ Văn Huân : 37, 487
Vũ Văn Khiêm : 125, 747
Vũ Văn Lân : 313, 314
Vũ Văn Lương : 135
Vũ Văn Lý : 175, 816
Vũ Văn Nguyên : 429, 662, 687
Vũ Văn Nhượng : 135
Vũ Văn Tân : 135
Vũ Văn Thạc : 30
Vũ Văn Thâu : 327
Vũ Văn Thuyên : 9, 11, 15, 17, 18
Vũ Văn Trí : 43, 213, 405, 563
Vũ Văn Trị : 747
Vũ Văn Từ : 38, 66, 74, 309, 318, 325, 435, 557
Vũ Viện : 467, 575, 682
Vũ Vĩnh : 481, 657, 763

Vũ Viết Sĩ : 191, 526, 616, 648
Vũ Viết Tuấn : 13, 37, 68, 748, 802, 847, 855
Vũ Xuân Cẩn : 13, 41, 171, 325, 407, 453, 459, 473, 521, 534, 607, 608, 653, 671, 680, 743, 842
Vương Đình Chiểu : 125, 126
Vương Hữu Quang : 79, 141, 333, 368, 386, 463, 532, 571, 615, 659, 660, 689, 690, 718
Vương Lệnh Điển : 623

X

Xa Hoàng (biển) : 12
Xa Văn Chấn : 331
Xa Văn Thang : 331
Xà Năng (đồn, vụng) : 547, 640, 785, 788, 789, 862, 887
Xà Non (giặc) : 260
Xà Nộn Căn (giặc) : 821
Xích Lam (cửa biển) : 402, 664, 717
Xiêm (người, nước) : 35, 39, 55, 56, 61, 62, 109, 144, 161, 162, 163, 177, 178, 185, 196, 197, 512, 237, 238, 239, 254, 259, 260, 261, 262, 266, 272, 277, 282, 293, 320, 325, 332, 389, 402, 435, 440, 441, 442, 443, 444, 446, 447, 461, 462, 463, 472, 477, 484, 488, 519, 523, 524, 538, 559, 589, 591, 592, 594, 607, 613, 614, 615, 639, 640, 641, 656, 668, 677, 698, 699, 715, 727, 728, 751, 762, 783, 784, 785, 786, 793, 795, 801, 812, 818, 819, 825, 826, 838, 839, 846, 855, 856, 862, 865, 872, 880, 881, 882, 886, 887, 888, 890
Xú Pha Hoạ Di : 523, 524
Xú Vu : 472
Xuân Áng (xã) : 182, 381, 448, 494
Xuân Lương (mỏ vàng) : 467
Xuân Thu : 147, 225
Xương Mại : 442, 523
Xương Thịnh (châu) : 199

Y

Y (giặc) : 293, 299, 325, 487, 533, 698, 762
Y Bích (cửa biển) : 289, 337
Y La Việt Tốt : 791
Y-na-xu (đạo trưởng) : 313, 314
Ý Dĩ (huyện) : 179, 518, 719
Yểm (giặc) : 615, 656, 668, 885
Yết (giặc) : 227, 533, 762
Yết Giả : 777

MỤC LỤC

	Trang
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXVII	5
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXVIII	26
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXIX	47
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXX	67
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXI	84
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXII	102
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXIII	124
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXIV	152
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXV	170
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXVI	191
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXVII	212
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXVIII	236
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CLXXXIX	257
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXC	276
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCI	300
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCII	315
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCIII	330
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCIV	351
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCV	377
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCVI	394
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCVII	417
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCVIII	439
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CXCIX	453
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CC	470
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCI	485
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCII	500
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCIII	516
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCIV	530

- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCV 546
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCVI 564
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCVII 582
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCVIII 612
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCIX 633
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCX 651
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXI 670
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXII 685
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXIII 712
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXIV 730
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXV 746
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXVI 767
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXVII 790
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXVIII 816
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXIX 843
- Chính biên Đệ nhị kỷ - Quyển CCXX 867

Sách dẫn 891

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại Tp. Đà Nẵng HUỲNH BÁ VÂN
Viện trưởng Viện Sử học TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Biên tập :
BÙI TUYẾT HƯƠNG – NGUYỄN HỒNG LIÊN
TRẦN THÁI HÀ – LÊ HỒNG SƠN

Biên tập kĩ thuật :
CAO LAN PHƯƠNG

Trình bày bìa :
NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in và phụ trách phần chữ Hán :
NGUYỄN ĐỨC NHUỆ – NGUYỄN HỮU TÂM

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

ĐẠI NAM THỰC LỤC - TẬP NĂM

Mã số : 7X388n6-CNĐ

In 1.000 bản, khổ 16 x 24cm, tại Công ty In Quảng Nam- 260 Hùng Vương, Tp. Tam Kỳ. Số xuất bản : 619-2006/CXB/12-1332/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2007.

ĐẠI NAM THỰC LỤC

大南實錄

50 NĂM
THÀNH LẬP
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

ĐẠI NAM THỰC LỤC

大南實錄

8 934980 643464

Giá : 159.000đ